LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 178

TÔNG CẢNH LỤC

SỐ 2016
(QUYỂN 71 →100)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2016

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 71

Hỏi: Tâm chẳng riêng khởi, gá cảnh mới sinh, vậy có chăng cậy cảnh chất khởi chẳng?

Đáp: Có, Bồ-tát Hộ pháp nói: Tâm sinh chẳng hẳn có chánh nghĩa bản chất, như sơ sở duyên duyên có không chẳng định, chẳng nhờ mượn bản chất tâm cũng được sinh cảnh của duy thức, hoặc thân tướng phần, hoặc đợi chất bên ngoài mà sinh. Đại sư Từ Ân - Khuy Cơ nói: Vì sợ lý trái duy thức, nếu thức thứ tám, thức thứ sáu có không chẳng định, tức như lúc tám thức duyên cảnh, năm thức trước và thức thứ bảy quyết định có bản chất, thức thứ tám nếu lúc duyên phù trần căn người khác và khí giới khác cùng sắc quả định, tức có bản chất, nếu duyên tự ba cảnh là, chỉ là thân biến thân duyên, tức không bản chất. Thức thứ sáu nếu lúc duyên mười tám giới hiện tại, có thể có bản chất, nếu duyên mười tám giới ở quá khứ, hoặc lúc duyên pháp không thể, lấy gì làm chất? Nên biết chỗ sáu nhập cậy bản chất có không chẳng định, nếu sắc quả định là có biến hóa, nói có biến là gá chất tức có bản chất, nói có hóa là lìa chất, hoặc có duyên khác mà khởi là, tức có nghĩa của biến, tức gá khác làm chất, tự biến ảnh tượng, như quấy nước sông làm tô lạc, biến đại địa làm vàng ròng, đây đều là có bản chất, hoặc có định lực sinh, tức có nghĩa của hóa, tức lìa chất hóa không mà chợt có, như hoa đốm hư không hóa ra lâu đài bảy báu v.v... mọi sự đây đều tự định tâm lìa chất mà hóa. Nên làm bốn câu để phân biệt bản chất tướng phần ba cảnh có không: Một là, có bản chất tướng phần là tánh cảnh thật, tức năm thức trước và ý thức minh liễu ở niệm đầu đều thiếu phần độc đầu

ý thức; hai là, có bản chất tướng phần là giả, tức độc ảnh có chất và cảnh đới chất; ba là, không chất tướng phần là giả, tức độc ảnh không chất; bốn là, không chất tướng phần là tánh cảnh thật, tức tâm vương thức thứ tám duyên ba cảnh và bản trí duyên như vậy. Lại trong biệt hành sao nói: Sở duyên duyên, nghĩa là chỗ lự xứ của tâm, nên gọi là sở duyên, chỉ cảnh sở duyên đây lai có dẫn tâm khiến sinh, là chỗ gá của tâm vậy. Lại có thuyết nói là duyên, tức sở duyên là duyên gọi là sở duyên duyên. Duyên là thể, sở duyên là dụng, sở duyên của trong sáu thức, tức duyên trì nghiệp thích vậy, nay trước lập chánh nghĩa là: Sư Cúc-đa ông chẳng giải nghĩa sở duyên duyên của Đại thừa ta, chỉ như Đại thừa ta nói: Mang tướng mình là, mang và tướng mình mỗi mỗi có hai nghĩa, nói mang có hai nghĩa là: Một là, xốc mang tức tâm năng duyên xốc thể cảnh là duyên; hai là, biến mang, tức tâm năng duyên biến khởi tướng phần mà duyên. Tướng mình cũng có hai nghĩa: Một. thể tướng gọi là tướng; hai tướng trạng gọi là tướng. Lại như ở trước xốc mang thể tướng là trí căn bản duyên chân như, là xốc mang thể tướng mà duyên, là sở duyên duyên, cho đến hai phần bên trong cùng duyên và tự chứng phần duyên kiến phần, cũng là xốc mang thể tướng gọi là sở duyên duyên, nghĩa là tâm năng duyên thân xốc mang hai phần kiến tướng bên trong vậy. Tiếp theo sau, biến nang tướng trạng, tướng có hai giải chẳng đồng. Thứ nhất Long Hưng Sao Chủ nói: Tức tâm tâm sở hữu lậu và kiến phần trí hậu đắc lúc duyên cảnh, biến tướng mà duyên, chẳng chọn lựa có chất hay không chất, đều là biến mang gọi là mang, tướng trạng gọi là tướng, là sở duyên duyên vậy. Thứ hai, Hiển U Sao nói: Lúc kiến phần tám thức duyên tướng tự thân, đều là xốc mang, nhưng tuy nhiều nói lý đây sợ chưa như vậy. Nếu vậy tức có ba lỗi: Một là, lỗi xốc mang biến mang không riêng biệt, thân xốc thể cảnh duyên gọi là xốc mang, biến khởi tướng phần mà duyên gọi là biến mang. Nay đã gọi tướng phần là xốc mang, nên biết là không riêng biệt; hai là, lỗi trái nhau xưa nay, xưa nay xốc mang là ít trái lý, nếu ở biến mang tức mới không trái, nay nói tướng phần là xốc mang, xưa trước nói là biến mang, há chẳng trái nhau?; ba là, lỗi biến mang chỉ duyên bản chất. Há tướng phần không chất chẳng phải tâm biến ư? Nay lấy lý mà suy, chỉ là tướng phần, chẳng phải luận về có chất hay không chất, đều gọi là biến mang, nếu chẳng biến tướng phần, phụ ngay thể cảnh tức gọi là xốc mang. Do đó Tam tạng Pháp sư Huyền Tráng ở thời tiền Đường đem, xốc mang để cứu nghĩa trước, nghĩa là các luận sư Đại thừa xưa trước chỉ rõ biến mang vậy. Tiếp theo y cứ luận phá nghĩa sở duyên

duyên của Tiểu thừa phân làm hai. Thứ nhất, phá các luận sư Chánh lượng bộ, luận chủ nói: "Phàm chỗ năm thức duyên nghĩa là thức năng duyên mang tướng kia khởi, và có thật thể khiến thức năng duyên gá kia mà sinh. Luận sư Chánh lượng bộ các ông nếu nói: Nghĩa sở duyên duyên chỉ có một nghĩa năng sinh thức, chẳng chấp thuận nhãn thức năng duyên mang tướng kia khởi, tức nên chẳng phải là sở duyên duyên. Đại thừa lập lượng là: Nếu nhãn thức ông sở duyên duyên là hữu pháp, nên chẳng phải nhãn thức sở duyên duyên, tông nhân là: Chỉ có một nghĩa năng sinh thức vậy, đồng dụ như nhãn thức nhân duyên. Lại trở lại Lập lượng phá rằng: Nhãn thức nhân duyên ông là hữu pháp, nên là nhãn thức sở duyên duyên, tông nhân là: Chỉ có một nghĩa năng sinh vậy, như lúc nhãn duyên sắc. Trong đây ý nói là: Các luận sư Đại thừa xưa trước chẳng nói xốc mang, tức lúc bản trí duyên chân như là sở duyên duyên, nghĩa như có lỗi. Nếu Chánh lượng bộ chẳng chấp thuận biến mang, tức lúc nhãn thức duyên sắc nghĩa sở duyên duyên chẳng thành. Tiếp theo phá các luận sư Kinh lượng bộ là: Luận chủ nói: Các luận sư Kinh lượng bộ ông đem hòa hợp giả danh bên ngoài làm sở duyên duyên là chẳng như vậy, nếu chấp thuận nhãn thức ông mang tướng sắc thô kia, nên chấp thuận làm sở duyên, cũng chẳng được gọi là duyên, vì ông chấp giả sắc không thể vậy, giống như nhãn thức sai loạn thấy vầng trăng thứ hai, kia không thật thể chẳng sinh thức, chỉ gọi là sở duyên, chẳng được gọi là duyên, hòa hợp giả sắc cũng lại như thế. Lập lượng phá là: Ông hòa hợp sắc thô là hữu pháp, thiết làm nhãn thức sở duyên chẳng phải duyên. Tông nhân là: Ông chấp là giả, không thật vậy, đồng dụ như vầng trăng thứ hai vậy. Trong luận Quán Sở Duyên Duyên có kệ tụng nói:

"Hòa hợp ở năm thức,
Bày sở duyên chẳng duyên,
Thể kia thật không vậy,
Giống như trăng thứ hai".

Kinh Lượng Bộ có chấp là: Hòa hợp sắc thô tuy tức là giả có. Năng thành mỗi mỗi cực vi là thật có đó, mỗi mỗi được làm duyên dẫn sinh năm thức, lại sao chẳng thể được? Luận chủ phá là: Hòa hợp sắc v.v... năng thành cực vi đó, giả sử chấp thuận làm duyên, lại chẳng phải sở duyên, vì nhãn thức v.v... sinh chẳng mang tướng cực vi kia vậy, như nhãn thức sinh chẳng mang tướng nhãn căn kia, nhãn v.v... năm căn đó chỉ năng sinh nhãn v.v... năm thức, nhưng nhãn v.v... năm thức tức chẳng năng duyên nhãn v.v... năm căn, đem căn làm thí dụ, lập lượng

là: Sắc v.v... ông năng tạo thành cực vi và hữu pháp, giả sở làm năm thức duyên chẳng pháp sở duyên, tông nhân là: Năm thức sinh chẳng mang tướng kia vậy, đồng dụ như năm căn. Trong luận Quán Sở Duyên Duyên có kệ tụng nói:

"Cực vi ở năm thức,
Nếu thuận chẳng sở duyên,
Tướng phần kia không vậy,
Giống như nhãn căn thảy."

Nếu các luận sư ở mười tám bộ, nghĩa đã chấp thuận mang tướng kia vậy, do đó chẳng phá. Nay chánh giả là, trong Sớ Giải nói: Nếu hữu pháp là mang tướng mình, nói hữu pháp là có hai giải: Thứ nhất, Hiển U Sao giải rằng: Hữu pháp tức pháp có thật thể, chọn lựa ở giải pháp và tướng biến kế, pháp không thể chỉ là sở duyên chẳng thành duyên. Phàm là duyên tức phải là pháp có thật thể có lực dụng năng dẫn sinh thức, tức viên thành và y tha khởi là pháp có thể. Thứ hai, Long Hưng nói: Nếu hữu pháp tức là hai tánh y tha và viên thành, vì có thể vậy, năng dẫn ở tâm gọi đó là duyên, chẳng thông với không thể. Nếu là biến kế vì không thể nên chỉ có sở duyên mà chẳng phải duyên thể, nếu là sở duyên tức thể thông có không.

Hỏi: Biến kế sở chấp đã là không thể chẳng năng sinh tâm, sao được gọi là sở duyên?

Đáp: Chỗ duyên không thể nương có thể duyên sinh, ở pháp có thể trên, vọng tăng thêm mà có, chẳng phải không duyên vậy ở trong hai giải, giải sau là chánh.

Hỏi: Giải trước có lỗi gì?

Đáp: Nếu giải trước hữu pháp là sở duyên, tuy các bậc tiên đức phần nhiều xác chứng nghĩa đó, nay được tìm nêu thì có ba lỗi: Một là, cố trái văn sớ, giả pháp nếu chẳng phải có thể, vì sao sớ chủ đem hai tánh y tha và viên thành ra làm thể trăm pháp? Vì trăm pháp thông cả giả thật vậy. Nay nói giả pháp không thể há chẳng trái nhau ư?; hai là, lỗi biến kế không riêng biệt, y tha viên thành giả pháp đã nói không thể, cùng biến kế sở chấp không thể đâu có gì riêng biệt? Trong luận nói: "Y tha và viên thành là có, biến kế là không", há chẳng tương vi ư?; ba là, lỗi hữu pháp sánh ví chẳng thành, thể sở duyên duyên. Trong luận nói: "Hữu pháp bèn nói chỉ thật". Thể tăng thượng duyên, trong luận nói là "Hữu pháp" sao là thông giả tức mạng căn v.v... há là thật ư? Nếu y cứ nay nói rõ hữu pháp, thông lấy ba cảnh là giả đó và thật, chỉ gọi là hữu pháp, đều là sở duyên duyên, ở trong tám thức, phân biệt

tánh cảnh năm thức trước và thức thứ tám là sở duyên duyên, chọn các giả pháp và biến kế sở chấp, thức thứ bảy đới chất cảnh làm sở duyên duyên, chỉ giả chẳng phải thật, và chọn lựa biến kế sở chấp. Ý thức thứ sáu duyên ở ba cảnh làm sở duyên duyên, thông ở giả thật, chỉ chọn lựa biến kế sở chấp. Lại lập lượng là: Các tướng phần giả là hữu pháp, quyết định là tâm năng biến thân sở duyên duyên. Tông nhân là: Trong môn pháp xứ có không chữ ảnh gồm vậy, đồng dụ như thật sắc quả định. Biến kế sở chẳng là dị dụ hoặc làm lượng là: Đới chất độc ảnh là hữu pháp, là thân sở duyên duyên. Tông nhân là: Sai biệt của ảnh vậy, đồng dụ như tánh cảnh.

Hỏi: Thật pháp có thể gọi là sở duyên duyên, giả pháp không thể, chẳng phải sở duyên duyên ư?

Đáp: Giả pháp có hai: Một, có thể giả, tức các giả pháp trong tánh y tha và viên thành; hai, không thể giả, tức biến kế sở chấp vậy, hoặc ngã hoặc pháp, hoa đốm hư không, sừng thỏ v.v... chỉ chọn lựa không thể, chẳng phải sở duyên duyên, chẳng chọn lựa có thể vậy.

Hỏi: Nếu biến kế sở chấp, chẳng phải là sở duyên, tại sao thức thứ sáu lúc duyên hoa đốm hư không v.v... cũng có nghĩa sở duyên duyên, há tức có thể ư?

Đáp: Chỉ trong tướng phần tự thân làm thân sở duyên duyên, chẳng phải trong hoa đốm hư không vậy. Nếu là hoa đốm hư không v.v... chỉ ở trên tướng phần vọng chấp sinh hoa giải, thể nó là không. Nếu chỗ biến tướng phần thể nó là có, được thành sở duyên duyên.

Hỏi: Có giáo nào nói đới chất độc ảnh cảnh tướng phần giả được làm sở duyên duyên chẳng?

Đáp: Giáo đó rất nhiều, phần nói về thức phân biệt biện rõ sở duyên duyên, trong sớ nói: “Tám ở bảy có bảy ở tám không, ngoài bảy chẳng tám, chỗ cậy chất vậy”. Thản như thức thứ bảy duyên kiến phần thức thứ tám, há chẳng phải đới chất cảnh làm sở duyên duyên? Cho đến trong sớ nói: “Thức thứ sáu ở năm không, ngoài năm ở kia có” cũng là chất đới cảnh, cảnh làm sở duyên duyên. Lại trong luận Duy thức nói: “Thân sở duyên duyên tất cả tâm sinh quyết định đều có, lìa chỗ lự gá bên trong hẳn chẳng năng sinh” làm chứng cực nhiều, chẳng năng phiền dẫn.

Hỏi: Nên tất cả pháp có thể đều là sở duyên duyên, vì là có pháp ư?

Đáp: Trong Sớ nói: Mang tướng mình, phải là lúc tâm năng duyên duyên chỗ duyên mang chỗ duyên tướng mình, pháp có thể đây tức là

sở duyên duyên. Ngoài ra chấp mang khởi tướng mình, tuy là hữu pháp mà chẳng làm sở duyên duyên, như lúc nhãn thức duyên cảnh chỗ mang khởi sắc, tướng mình đây là pháp có thể, tức là sở duyên duyên nhà nhãn thức. Ngoài ra chẳng mang khởi tướng mình, tuy là hữu pháp mà chẳng phải nhãn thức sở duyên duyên, nhãn thức đã vậy, các thức khác cũng vậy, mang là tướng mình mỗi mỗi có hai nghĩa, như hai nghĩa của mang là: Một, xốc mang, tức tâm năng duyên thân bám kèm thể cảnh mà duyên; hai, biến mang, tức tâm năng duyên biến khởi tướng phần mà duyên, nói tướng mình cũng có hai nghĩa: Một, tướng thể tướng; hai, tướng tướng trạng. Nếu trí không phân biệt duyên chân như là xốc mang thể tướng mà duyên là sở duyên duyên, và hai phần bên trong duyên nhau và tự chứng duyên kiến phần, là xốc mang. Nếu kiến phần tâm tâm sở hữu lậu, và trí hậu đắc vô lậu lúc khởi kiến phần duyên cảnh, tức là biến mang tướng, trạng mà duyên, là sở duyên duyên, nghĩa là nếu hữu pháp là duyên là mang tướng mình là sở duyên, đủ hai nghĩa đây gọi là nghĩa sở duyên duyên, lại chọn lựa pháp biện giải quả là, trước dẫn đại sư Từ Ân-Khuy cơ nêu là: "Duyên sinh ở ai? Ai mang tướng mình?" Trong sớ đáp là: Tâm hoặc tương ưng đây biện giải quả sở duyên duyên vậy, lấy sở duyên làm duyên, là nhân sinh được tâm tâm sở là quả, nói tâm thức là tám thức tâm vương, nói hoặc tương ưng tức là năm mươi mốt tâm sở, có khởi có chẳng khởi, chẳng định vậy, mà nói hoặc ấy tức chọn lựa chẳng lập sắc và chẳng tương ưng hành, vô vi v.v... là sở duyên duyên kia chẳng phải tâm pháp vì không duyên lự vậy.

Hỏi: Trong thân sơ sở duyên duyên, ở trong tướng phần thế nào là thật?

Đáp: Cả hai đều chẳng thật, trong duy thức cảnh (= kính) nói: "Trong tướng phần kiến phần, kiến phần chỉ thật, căn cứ trong tướng phần, chân như là thật, ngoài ra tướng thân sơ đều chẳng phải là thật". Trong Sớ nói: "Vì sơ sở duyên duyên v.v... thủ thân tướng, chẳng tức thân được, chẳng làm hành tướng là, sơ sở duyên duyên, tâm của năng duyên chẳng thân được bản chất vậy, sơ sở duyên duyên chẳng gọi là hành tướng, như năm thức trước lúc duyên năm trần, chỉ được chỗ tự thức biến tướng phần, vì tướng phần đây hẳn mang bản chất, lúuc duyên tướng phần là sơ duyên bản chất vậy, sơ sở duyên chẳng tức thân được, chẳng gọi là hành tướng, tướng phần năm thức, mỗi mỗi trong tự thức, trong y tha là giả nhiếp giả theo chân, không cảnh ngoài tâm, nên gọi là duy thức. Bản chất cảnh đó trong ở thể thức thứ tám năng biến cảnh của bản chất cũng chẳng phải thật có vậy, hai cảnh thân sơ đều chẳng

thật vậy. Phàm nghĩa sở duyên duyên là đại tiểu tuy thông mà sơ thân chẳng biện. Thân thì xốc mang bức kèm mà khởi, như kềm lấy vật, tợ mặt nhật tỏa ánh sáng, thân chiếu thân trì, thể chẳng lìa nhau. Sở thì biến mang cậy gá phụ ảnh mà khởi, duyên trạng của tợ chất, lìa thân của tướng phần, thể chẳng cùng thâu. Bên trong sinh lự gá, nếu rõ đạt như vậy, thân sơ chẳng lạm, mới biết ngoài tâm không cảnh, thấy pháp là tâm, hoặc ngu tối chẳng phân, thì tâm cảnh y nhiên vậy. Sâu cùng duyên tánh, mới mỏng tình trần, thấu đạt thấy nguồn mới rõ ý chỉ Phật; bốn tăng thượng duyên nghĩa là nếu hữu pháp có dụng thắng thế, năng ở nơi các pháp khác hoặc thuận hoặc nghịch thì thành nghĩa tăng thượng duyên, giải thích: Nếu hữu pháp cũng là có thể đây là chọn lựa sở chấp, có dụng thắng thế, nghĩa là thắng nghĩa, tức hữu vi vô vi có dụng thắng thế. Dụng đây chẳng phải là cùng như quả v.v... dụng, chỉ lực chẳng chướng, năng ở nơi các pháp khác, là chọn lựa tự thể đó, hiển bày chẳng đồng sở duyên duyên trước vậy. Hoặc thuận hoặc nghịch là, hiển bày cùng thuận nghịch đều năng làm duyên, cùng đời sau khác pháp làm duyên, chẳng phải pháp trước diệt, nghĩa là trong mười nhân trước là thuận, nhân thứ mười là nghịch, cũng là duyên đây vậy.

Hỏi: Tăng thượng duyên căn cứ thuận nghịch có lực không lực cả thảy đều mấy thứ?

Đáp: Xưa trước giải thích có bốn thứ. Phàm tăng thượng duyên là, tức chọn lựa biến kế sở chấp là pháp không thể, phải là pháp có thể, được làm tăng thượng duyên. Tức là tánh y tha và duyên thành đều là pháp có thể, làm nghĩa tăng thượng duyên. Nếu pháp không thể tức là ngã pháp v.v... toàn không thể vậy, từ vọng chấp mà sinh, chẳng phải tăng thượng duyên. Một ,thuận ,như nước đất cùng cỏ xanh v.v... thuận tăng thượng duyên, sáu ba-la-mật hạnh làm Phật quả là thuận tăng thượng duyên, hai chi thọ và thủ cùng chủng tử năm quả là thuận tăng thượng duyên; hai ,nghịch tức như sương bão cùng cỏ xanh, là nghịch tăng thượng duyên, lại như trí và hoặc là nghịch tăng thượng duyên, một niệm chánh và hoặc làm nghịch tăng thượng, bèn cùng lý hai không làm thuận tăng thượng; ba, có lực tăng thượng cũng gọi là thân tăng thượng, như năm căn pháp sinh năm thức v.v...; bốn, không lực tăng thượng, tức năm căn người này trong năm thức người kia là không lực tăng thượng, cũng gọi là sơ tăng thượng. Như lúc ngọn lửa đèn sinh thì tất cả đại địa v.v... các pháp chẳng ngại ngọn lửa sinh đây, gọi là sơ tăng thượng, chỉ lấy bên cạnh nghĩa chẳng chướng ngại gọi là tăng thượng duyên.

Hỏi: Nhân duyên và duyên khởi hai nghĩa đồng hay khác?

Đáp: Các bậc cổ đức giải thích: Nhân duyên là tùy tục sai biệt tức là tướng nhân duyên trong hiển bày, không nghĩa tự tánh, chánh là thể tục đế vậy. Duyên khởi là thuận, tánh không phân biệt tức là tương tức tương dung, hiển bày nghĩa chánh bình đẳng, thuận thế đệ nhất nghĩa đế vậy.

Hỏi: Các pháp nhiễm tịnh có nhân có duyên, nhân thân duyên sơ, thành hai nghĩa đó, nghĩa duyên đã hiển bày, lý như thế nào, rộng lược nêu bày đủ cả thảy có mấy thứ?

Đáp: Kinh luận cộng lập có sáu nhân, mười nhân. Thản như sáu nhân là: Một, năng tác nhân, trừ tự ngoài ra là các năng tác, trừ tự thể ngoài ra tất cả các pháp chẳng chướng pháp hữu vi sinh, đều gọi là năng tác nhân. Nhân là tất cả pháp hữu vi vô vi là thể, trên thể có dụng của năng tác, năng tác tức là nhân. Trì nghiệp thích: Trì tức là nhậm trì, nghiệp tức là nghiệp dụng, nhân là thể năng tác dụng, gồm dụng về thể gọi là trì nghiệp thích; hai câu hữu nhân, câu hữu qua lại làm quả tâm ở đây tùy chuyển cùng thời, mà có quả cùng nhân câu gọi là câu hữu nhân. Qua lại làm quả, có ba: Một là, bốn đại chủng qua lại làm câu hữu nhân, qua lại làm sở dụng quả; hai là, như pháp năng tướng sở tướng, năng tướng là nhân, sở tướng là quả,sở tướng là nhân, năng tướng là quả; ba là, pháp tâm tâm sở, tâm vương là nhân tâm sở là quả, tâm sở là nhân tâm vương là quả; ba, đồng loại nhân, tức nhân tợ quả, quả tợ nhân. Như tánh nhiễm trong năm uẩn, sắc uẩn năng dẫn sắc uẩn, sắc uẩn dẫn bốn uẩn khác, bốn uẩn khác dẫn sắc uẩn. Tuy tâm sắc chẳng đồng, đồng là tánh nhiễm vậy; bốn, tương ưng nhân quyết định tâm tâm sở, đồng nương tựa tức tâm vương tâm sở có đủ năm nghĩa: Một là, đồng một chỗ nương tựa căn; hai là, đồng một chỗ duyên cảnh; ba là, đồng một thời; bốn là, đồng một sự; năm là, đồng một hành tướng, đầy đủ năm nghĩa gọi là tương ưng, nhân của tương ưng, như lúc tâm sở dẫn khởi tâm vương, tâm vương là tương ưng, pháp là quả tức thắng tâm sở là nhân tức kém, y chủ thích vậy; năm, biến hành nhân, là đồng địa nhiễm nhân, tức mười một biến sử biến hành tức nhân, biến hành tức mười một biến sử là trên thể có biến hành năm bộ làm dụng của nhân, trì nghiệp thích vậy; sáu, dị thục nhân, thiện nghiệp bất thiện nghiệp hữu lậu là dị thục nhân, nhân thông thiện ác, quả chỉ vô ký, dị thục tức nhân, nhân tức thiện nghiệp và bất thiện nghiệp, là trên thể có dụng của dị thục, trì nghiệp thích vậy, Mười nhân là trong luận Du-già nói: "Trong ngũ minh, chư Phật nói phô gọi là nội minh. Thế nào là nội minh? Trong luận nói: Hiển bày chánh tướng nhân quả, đó là có mười

tám thứ nhân, phải biết kiến lập nhân không điên đảo gồm tất cả nhân, hoặc là nhiễm tạp, hoặc là thanh tịnh, hoặc là thế gian cấy gặt v.v... kia pháp vô ký chuyển. Thế nào là mười nhân? Một tùy thuyết nhân, nghĩa là tất cả pháp tên làm trước nên tưởng, tưởng làm trước nên nói là tên các pháp kia là tùy thuyết nhân; hai quán đãi nhân, quán đãi đây nên đây làm nhân vậy, ở kia sự kia hoặc cầu hoặc lấy, đây gọi kia là quán đaĩ nhân. Như quán đãi tay nên tay làm nhân vậy, có thân đãi nghiệp, quán đãi chân vậy, chân là nhân vậy có vãng lai nghiệp; ba, dắt nhân dẫn, tất cả chủng tử trong tự quả sau, gọi là nhân dắt dẫn; bốn. Nhận gồm nhận, trừ chủng tử ngoài ra các duyên gọi là nhân gồm nhân; năm, sinh khởi nhân, tức các chủng tử trong tự quả mới đầu gọi là sinh khởi nhân; sáu, dẫn phát nhân, tức chỗ chủng tử mới đầu sinh khởi quả trong chỗ chủng tử sau dắt dẫn quả, gọi là dẫn phát nhân; bảy, định dị nhân các thứ khác loại mỗi mỗi nhân duyên riêng biệt gọi là định dị nhân; tám, nhân đồng sự, từ tùy thuyết nhân đến định dị nhân, các nhân như vậy đều gồm làm một gọi là đồng sự nhân; chín, nhân trái nhau ở chỗ sinh pháp năng chướng ngại nhân gọi là nhân trái nhau; mười, bất nhân không trái nhau, nhân chướng ngại đây, hoặc khuyết hoặc lìa gọi là nhân chẳng trái nhau. Tất cả nhân đây gồm thuộc ở hai nhân: Một là, năng sinh nhân; hai là, phương tiện nhân, phải biết trong đây kéo dắt (khiêng dẫn) chủng tử sinh khởi chủng tử, gọi là năng sinh nhân, ngoài ra các nhân đều gọi là phương tiện nhân, phải biết trong đây nếu năng sinh nhân đó gọi là nhân duyên, nếu phương tiện nhân, là tăng thượng duyên, nếu đẳng vô gián duyên và sở duyên duyên, chỉ trong tất cả tâm tâm pháp mà nói. Do tất cả tâm và tâm pháp kia trước sinh chỗ mở dẫn gồm nhận vậy, chỗ duyên cảnh giới, chỗ gồm nhận vậy, mới sinh mới chuyển, cho nên phải biết, đẳng vô gián duyên và sở duyên duyên gồm nhận nhân gồm.

Hỏi: Tất cả tâm kiến lập rồi đủ nhân duyên, chỗ nhân duyên cảm hẳn có quả đó. Do đó trong kinh Pháp hoa nói: “Nhân như vậy, duyên như vậy, quả như vậy, báo như vậy” quả đó có mấy thứ? Mỗi mỗi nương tựa xứ nào mà được?

Đáp: Phàm Thánh luận chung lược có năm thứ, trong luận Duy thức nói: “Một, quả dị thục, nghĩa là chỗ pháp thiện và bất thiện hữu lậu chiêu tự tướng tục dị thục sinh vô ký”. Giải thích: Thiện hữu lậu là chọn lựa thiện vô lậu, tự tướng tục tức là chọn lựa thân khác và chẳng phải hữu tình, nếu như chỉ nói dị thục, tức báo trong sáu thức chẳng phải chân dị thục gồm, nay là tổng gồm kia nên nói là dị thục sinh. Nhưng

bản thức cũng gọi là dị thục sinh, là vô ký, nên quả vị đây hơi lớn, đến kim cang tâm, chóng thông ba thừa vô học. Một là, chân dị thục tức là thức thứ tám; hai là, dị thục sinh tức là sáu thức trước thành bản thức cũng gọi là dị thục sinh, từ tự chủng tử dị thục mà sinh khởi vậy, nếu sáu thức trước từ chân dị thục thức sinh khởi, cũng gọi là dị thục sinh, là một phần tâm tâm sở duyên cảnh, tối kém chẳng sáng lanh, chẳng luân chủng giải tâm vậy, là tánh vô ký. Dị thục có bốn: Dị thời nhi thục (khác thời mà chín). Dị nghĩa là riêng khác thuộc nhân, thục nghĩa là thành thục là quả. Nhân khác (dị) ở quá khứ, quả chín (thục) ở hiện tại, nên gọi là dị thục, dị tánh nhi thục, quá khứ tu nhân khác, nhân năm giới mười giới v.v... chỗ nghiệp chiêu báo tổng biệt trời người là quả dị thục, nếu nhân là mười nghiệp ác bất thiện, chỗ chiêu báo tổng biệt ba đường bất thiện là quả dị thục, đều là tánh vô ký. Dị loại nhi thục, tạo nghiệp loại khác thọ sinh loại khác, năm thú mỗi mỗi riêng biệt. Dị Thánh nhi thục nghĩa là dị thục quả y cứ phân biệt chủng hai chướng trên, có công dụng thú sinh sai biệt vậy, Thánh nhân đã không, trong tám thức chỉ thức thứ tá đủ ba nghĩa: Một là, chọn lựa khắp năm thức trước; hai là, tương tục chọn lựa thức thứ sáu; ba là, nghiệp chiêu chọn lựa thức thứ bảy; hai, quả đẳng lưu, đẳng nghĩa là bình đẳng lưu nghĩa là lưu loại, đẳng lưu chẳng đồng có hai: Một là, chân đẳng lưu là ba tánh thiện bất thiện và vô ký làm nhân, chỗ dẫn quả đồng loại, nên gọi là quả đẳng lưu. Như chủng tử ba tánh trong thức thứ tám, mỗi mỗi sinh quả ba tánh hiện hành, quả và nhân tánh đồng vậy, tức chủng tử tâm sinh hiện hành tâm, chủng tử sắc sinh hiện hành sắc, chủng tử hữu lậu sinh hiện hành hữu lậu, chủng tử vô lậu sinh hiện hành vô lậu, gọi là đẳng lưu, là nghĩa lưu loại vậy; hai là, giả đẳng lưu là đời trước khiến mạng kẻ khác ngắn, đời nay tự thân cũng mạng ngắn là nghiệp sát trước kia đồng loại quả vậy, nương tựa chỗ chiêu cảm tổng báo, thức thứ tám có ngắn dài, gọi là giả đẳng lưu, theo lý thật là quả tăng thượng, chỉ lấy giết hại kẻ khác khiến kẻ khác mạng ngắn, đời này tự mạng cũng ngắn, có nghĩa tương tợ nên giả gọi là đẳng lưu, thật thì thiện ác cảm quả vô ký; ba, quả tăng thượng là tăng thắng thù thượng, chỉ trừ bốn quả, ngoài ra tất cả các quả sở đắc đều là quả tăng thượng đây nên thâu gồm. Quả tăng thượng đây rất rộng, như tăng thượng duyên trong bốn duyên, tà kiến tròn năm kiến, chẳng chọn lựa là hữu lậu hay vô lậu, hữu vi hay vô vi, chỉ có quả sở đắc,chỗ trong bốn quả trước chẳng nhiếp thì đều là gom thâu trong quả tăng thượng đây, quả này có hai thứ: Một là, quả cùng lực tăng thượng, như nghĩa khí bên ngoài năng thọ dụng thuận ích; hai

là, quả chẳng cùng lực tăng thượng, như vàng lụa vợ con của người khác v.v... lại có hai thứ: Một là, thuận duyên như nhãn thức được sáng rõ; hai là, trái nghịch như gặp tướng tối tăm v.v...; bốn, quả sĩ dụng, nghĩa là các tác giả, ngoài ra các khí (vật dụng) hoàn tất các thứ sự nghiệp, gọi là quả sĩ dụng.Trong luận Du-già nói: "Một loại nương ở trong hiện pháp tùy tất cả công xảo nghiệp xứ khởi dụng sĩ phu đó là các sự sĩ nông thương cổ thư toán chiêm bốc v.v... do dụng của sĩ phu đây mà hoàn tất các quả cấy gặt tài lợi v.v... gọi là quả sĩ dụng.

Hỏi: Ở trong tám thức mỗi mỗi thức làm sao mỗi mỗi đủ bốn quả?

Đáp: Xưa trước giải thích: Như nhãn thức từ chủng sinh hiện, là quả đẳng lưu, nhãn căn là sở y nên gọi là quả tăng thượng, nhãn thức tác ý răn tâm là quả sĩ dụng, nhãn thức năng duyên thật sắc v.v... cũng gọi là quả sĩ dụng, nhãn căn là thân tướng phần của thức thứ tám nên cũng gọi là quả dị thục, nhĩ v.v... bốn thức kia cũng đều như đây. Nếu thức thứ sáu chủng sinh hiện là quả đẳng lưu, ý căn niệm trước là năng dẫn, hoặc năng dẫn năm thức trước nên gọi là quả tăng thượng. Lại năng duyên trong ngoài ba đời dụng của các cảnh v.v... gọi là quả sĩ dụng, năng tạo báo tổng biệt ở tương lai, gọi là quả dị thục căn cứ cùng dị thục làm nhân nên gọi là quả dị thục. Nếu thức thứ bảy chủng sinh hiện là quả đẳng lưu, thức thứ bảy ở niệm trước cùng làm sở y ở niệm sau, tức quả tăng thượng, năng cùng chân dị thục thức làm sở y nên gọi là quả dị thục. Nếu thức thứ tám chủng sinh hiện gọi là quả đẳng lưu, cùng thức thứ bảy làm sở y, là quả tăng thượng, năng duyên ba cảnh và trì chủng thọ huân gọi là quả sĩ dụng, đương thể là chân dị thục; năm quả ly hệ (lìa trói buộc) chỉ Thánh nhân có, chẳng phải phàm phu được. Trong các luận Du-già, Hiển Dương v.v... đều nói: "Hàng dị sinh dùng trí thế tục để diệt các phiền não, chẳng rốt ráo vậy, chẳng phải quả đây nhiếp". Trong luận Duy thức nói: "Quả ly hệ nghĩa là vô lậu đạo đoạn chướng chứng đắc pháp vô lậu vậy. Nếu lúc trí bản cùng chân như hợp, là quả ly hệ gồm, nếu lúc hậu đắc duyên chân như, là quả sĩ dụng gồm."

Hỏi: Sáu nhân năng cảm bao nhiêu quả?

Đáp: Sáu nhân gồm nương thế lực năm quả, năng tác nhân cảm quả tăng thượng, tương ưng nhân và câu hữu nhân được quả sĩ dụng. Đồng loại và biến hành hai nhân được quả đẳng lưu, dị thục nhân cảm quả dị thục, thứ năm quả ly hệ dùng trạch diệt vô vi làm thể. Thể là vô lậu năng đoạn sở chứng của đạo được gọi là quả ly hệ.

Hỏi: Hai nhân tương ưng và câu hữu có nghĩa gì khác biệt?

Đáp: Tương ưng chỉ tâm và tâm sở pháp, câu hữu tức thông sắc thông tâm, được quả sĩ dụng là duyên hai thứ nhân, mỗi mỗi ở quả sở đắc, có lực dụng của sĩ phu, danh đồng thể biệt vậy.

Hỏi: Hai nhân đồng loại biến hành có gì khác biệt?

Đáp: Đồng loại khắp ba tánh, thông cả hữu lậu và vô lậu, biến hành chỉ riêng nhiễm ô vậy. Hai thứ nhân, quả của sở đắc đều tợ ở nhân, nên gọi là quả đẳng lưu vậy. Phàm bốn duyên sáu nhân mười nhân năm quả là gồm thâu tất cả đạo của phàm Thánh, năng thành môn của giáo pháp, khuyết đó thì một pháp chẳng tìm, mê mờ đó thì trọn làm ngoại đạo. Vả lại bốn duyên là: Nhân duyên là ở môn hữu vi thân biện tự quả, vô gián duyên thì làm nghĩa của khai đạo, muôn hữu đều sinh, sở duyên thì đã lo nghĩ gá mới thành, căn cứ thân sơ mà đều lập, tăng thượng duyên thì có lực thắng thế chẳng chướng duyên khác. Sáu nhân là: Năng tác nhân thì nghiệp dụng thành kiện, câu hữu nhân thì lại qua lại đồng thời, đồng loại nhân trước sau tương tợ, tương ưng nhân thì quyết định một duyên, biến hành nhân thì đồng nhiễm loại đó. Dị thục nhân thì thành thục quả sau. Mười nhân là: tùy thuyết nhân làm môn của các pháp dẫn trước, quán đãi nhân rõ sự của hiện được tác dụng, dắt dẫn nhân thì khiến thành tự quả, gồm thọ nhân thì năng nhiếp muôn duyên, sinh khởi nhân khiến muôn loại năng sinh, dẫn phát nhân khiến các quả thành biện. Định dị nhân thì chủng loại mỗi riêng biệt. Đồng sự nhân thì thể gồm một như, nhân trái nhau năng khởi môn của chướng ngại, nhân không trái nhau là tùy thuận lý của duyên sinh. Năm quả là: Nhân sinh quả thục khác thời mà thành, đẳng lưu thì nhân quả tánh đồng lưu loại không lạm, tăng thượng thì lực dụng thù thắng năng hỗ trợ duyên khác, sĩ dụng thì chỗ công nghiệp thành năng được tài lợi. Ly hệ thì đoạn chướng chứng chân vượt các lậu buộc, tổng gồm như trên, nhân duyên báo thành năm quả, đều quy về chân dị thục trong thức thứ tám. Môn quả dị thục đây ở thời khác mà thành thục, nếu khởi một niệm thiện như đem hạt giống ngọt gieo trong ruộng béo tốt hoặc sinh một niệm ác, tợ gieo hạt giống đắng vào đất ruộng cằn cỗi, do các khoảng nhân duyên thời tiết nước đất hợp thì nảy mầm mọc lá lần lượtmà sinh hoa đơm quả kết chứa dần mà chín, chủng tử nhiễm tịnh đây, dị thục cũng vậy nếu làm nhân thiện gieo giống lạc của trời người hoặc dấy ác hạnh sinh đất xấu của bốn thú, chẳng khởi nhân thiện ác trọn không báo khổ lạc. Nếu chẳng gieo giống xấu tốt thì đâu có hoa quả sinh? Nên biết nhân quả đáp nhau thì thức biến định, như gương hiện tượng, tợ ảnh theo hình, không có ảnh nào mà chẳng theo hình, không có gương nào mà

chẳng hiện tượng. Đó thì không có làm mà chẳng thọ báo, không có quả mà chẳng đáp nhân, pháp nhĩ như vậy, chỗ đời cùng đều chỉ có chẳng làm thì nghiệp quả quyết định khó buộc, chỉ rủ tông một tâm là duyên đều chóng dứt, do đó rõ lý duy thức không chỗ dụng tâm, trọn chẳng vọng dấy nghiệp quả ba cõi, vì duy thức biến định vậy, người sợ nghiệp mới năng trú thọ, như trong Tiền định lục nói: "Xưa kia Hàn Công Hoãn đang làm trung thư, từng gọi một quan lại, quan lại đó chẳng đúng lúc mà đến, Hoãn tức giận dùng roi đánh đó, người lại nói: "Tôi riêng có sở thuộc chẳng được kịp đến". Tấn Công bảo: "Đã là kẻ lại của tể tướng mà lại thuộc người nào?" Người lại nói: "Tôi không may nên gồm thuộc âm quan". Tấn công cho là không thành thật tức giận bảo: "Đã thuộc âm ty thì ngươi có làm chủ gì?" Người lại nói: "Tôi làm chủ liều lượng thức ăn cho hàng Tam phẩm trở lên". Tấn Công nói: "Nếu vậy ngày mai ta sẽ ăn gì?" Quan lại nói: "Đây là việc kín nhiệm chẳng thể nói bày, xin ghi ở giấy qua sau đó có thể nghiệm xét". Bèn như vậy mà giữ vị lại đó, sáng sớm hôm sau Tấn công có chiếu gọi đối vừa ra mắt lại gặp dịp thái quan dâng một bát cháo bánh ngọt, vua đem một nửa ban cho Tấn công. Tấn Công ăn đó rất ngon, vua lại ban cho hết cả, xong rồi lui ra mà bụng sình, về tới tư dinh kế gọi thầy thuốc khám xem, thầy thuốc bảo: "Do thức ăn khiến ung, nên uống ít vỏ quít ngâm nước nóng, đến tối có thể uống nước ngọt, sáng mai bệnh hẳn lành". Nghĩ nhớ vị lại nói trước, Tấn công bèn gọi lại và bảo mở xem thư đó trong đó nói rõ: "Sáng mai tướng công chỉ ăn một nửa cháo bánh ngọt uống một ly nước vỏ quít nóng và một bát nước ngọt" thì đều giống như lời nói đó, Tấn công lại hỏi: "Thức ăn trong nhân gian đều có sổ sách ư?" vị lại đáp: "Hàng tam phẩm trở lên tính từng ngày, hàng ngũ phẩm trở lên kẽ có quyền thì tính từng tuần không thì tính từng tháng, hàng lục phẩm cho đến một mạng tính từng quý, còn hạng không ăn bổng lộc là tính từng năm vậy". Nên biết ăn mỗi có phần, giàu có không sai, chỗ gọi là ăn ngọc vận mặc bào gấm áo thuần, cửa trải chiếu lê hoắc, phòng vàng. Ngàn ngựa một bầu, đều nhân một niệm đầu tiên mà tạo, vết tâm vừa mới hiện quả báo khó trốn lánh, vì thiện ác ở quá khứ là nhân khổ vui ở hiện tại là quả, mảy may chẳng lạm, ai có thể khỏi đó? Như vang ứng theo tiếng, tợ bóng tùy hình, lý đây hẳn như vậy, chỉ trừ chỗ ngộ đạo và định lực bày, nếu ở trong đời huyễn ảo, sao có thể thoát đó được. Do vậy trong kinh có kệ tụng nói:

"Giả sử trăm ngàn kiếp
Chỗ nghiệp tạo chẳng mất,

Lúc nhân duyên hội ngộ
Quả báo lại tự chịu".

Vì thế trong luận Tài Mạng nói: "Kẻ nghèo không đất để cấm dùi, Dao Di thì ruộng hơn muôn khoảnh, kẻ đói không có trữ để vác đá, lý hành thì cây gọi ngàn nô". Nên trong Sử Ký nói: Tôn Thúc Ngao tướng nước Sở tận trung với nước đến lúc thân chết người con nghèo không có mảnh đất cặm dùi". Trong Hán Thư nói: "Dao Di làm quan đến chức thượng thư khanh, chẳng theo đức hạnh, chuyên việc trồng tỉa, ruộng có cả muôn khoảnh, tôi tớ ngàn người". Trong Ngụy Chí nói: "Hoa Hâm trồng ngàn gốc quít gọi là ngàn cây nô (tôi tớ)". Lại chẳng chỉ nghèo giàu chỉ thức biến định, thọ mạng cũng vậy, do chỗ tâm trước tạo nhân từ bi hay sát hại, mà nay quyết định chịu thọ quả mạng ngắn dài, chẳng phải liên câu đến hành của thiện ác đời nay. Nên nói: "Không lễ hẳn chết, Chích do sự gì mà riêng thọ? Hành thiện thì tốt, Thác bởi sự gì mà chết non?" Như Trang tử nói: "Đạo Chích theo lính chín ngàn hoành hành thiên hạ, xâm chiếm hung bạo các nước chư hầu mà được thọ khảo" trong Luận ngữ sớ nói: "Hạng Thác mới bảy tuổi đã là thầy của Khổng tử mà lại bị chết non".

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 72

Hỏi: Đối với đại sĩ đăng địa, trống trời diễn trổi pháp môn không y ấn, phá ngoại đạo tà luân, giáo chủ thuật giảng chánh đạo có nhân duyên, đã lập xứ của nhân y, phải nhờ môn của khai mở chia chẽ, vậy y cứ phải có bao nhiêu thứ?

Đáp: Nói rộng có mười lăm y xứ, nói lược có ba y, chỉ mười lăm y xứ là: Một, ngữ y xứ; hai, lãnh thọ y xứ; ba tập khí y xứ; bốn hữu nhuận y xứ; năm vô gián diệt y xứ; sáu cảnh giới y xứ; bảy căn y xứ; tám tác dụng y xứ; chín sĩ dụng y xứ; mười chân thật kiến y xứ; mười một tùy thuận y xứ; mười hai thiện công năng y xứ, mười ba hòa hợp y xứ; mười bốn chướng ngại y xứ; mười lăm chẳng chướng ngại y xứ. Trong bách hoa pháp sao có mười lăm y xứ phối cùng mười nhân: Một ngữ y xứ là, tức dùng ba thứ pháp danh tưởng làm ngữ nhân, nói là pháp, tức tất cả pháp, là có các pháp sở thuyên đây bèn năng khiến trong tâm các hữu tình khởi tưởng, tưởng tượng các pháp sở thuyên đây rồi, tiếp mới an lập danh đó. Trong an lập danh sau mới năng phát ngữ, tức ba thứ pháp danh tưởng làm trước là năng khởi, mới khởi được ngữ của sở khởi, tức ngữ y xứ lập tùy thuyết nhân; hai lãnh thọ y xứ, lãnh là lãnh nạp, thọ thông cả năm thọ, năm thọ đều lấy lãnh nạp làm tánh, tức lãnh thọ y xứ lập quán đãi nhân, quán nghĩa là đối đãi nghĩa là tạ (mượn nhờ) tức năng sở tương đối mượn nhờ để lập nhân đó; ba tập khí y xứ chỗ gọi là một chủng tử trong ngoài, chưa đến vị thuần thục, trải qua bị đượm nhuần trước đã, đây gọi là tập khí y cứ, tức y trên chủng chưa đượm nhuần đây mà lập làm nhân dắt dẫn. Vả lại chủng bên trong là như trong thức thứ tám có vô lượng chủng tử. Nếu chủng tử hữu lậu chưa bị nước ái thủ đượm nhuần trước đã, tuy chưa tiện sinh hiện hành, nhưng trên chủng đây đã có công năng, năng dẫn sinh sẽ hiện khởi hành quả, tức lấy chủng tử đây gọi là nhân dắt dẫn; bốn, hữu nhuận y xứ là chủng tử tập khí y xứ trước. Nếu từng bị đượm nhuần rồi đi, tuy chưa tiện sinh hiện hành, nhưng đã đượm nhuần xong, tức chủng tử hữu nhuận đây,

năng cùng quả hiện hành gồm sau làm y xứ, tập khí y xứ trước, ước về chủng trong ngoài chưa bị đượm nhuần, nay hữu nhuận y xứ tức ước về chủng trong ngoài bị đượm nhuần rồi đi, tức hữu nhuận y xứ lập sinh khởi nhân; năm, vô gián diệt y xứ tức tâm tâm sở pháp đẳng vô gián duyên, nghĩa là diệt tâm tâm sở trước làm duyên, duyên là công năng mở mangdẫn dắt, tức trước diệt làm duyên, năng cùng một tụ tâm tâm sở ở niệm sau làm y xứ. Tâm tâm sở niệm sau đó y tha niệm trước làm duyên xứ sinh, nên gọi là vô gián diệt y xứ, tức vô gián diệt y xứ lập nhiếp thọ nhân, một nhân đây rỗng, tự sáu thứ y xứ sau đều gồm thuộc nhân gồm nhân thọ nhân; sáu, cảnh giới y xứ, tức là tất cả cảnh sở duyên duyên làm tất cả sở duyên đây duyên cảnh năng cùng tâm tâm sở năng duyên làm y xứ khởi, xứ nên dùng tâm chẳng có khởi gá cảnh mới sinh, cũng lập nhiếp thọ nhân; bảy, căn y xứ là, tức sáu xứ bên trong đó là năm sắc căn và ý căn thành sáu, tức sáu căn đây là xứ của tâm tâm sở tám thức y cứ, vô gián diệt y xứ trước, tức lấy công năng ở niệm trước của tám thức làm y xứ, dẫn niệm sau khiến sinh, nay căn y xứ đây lấy năm sắc căn ở hiện tại và ý thức thứ bảy gọi là căn y xứ, cũng lập nhân gồm nhận; tám, tác dụng y xứ: Hỏi: Thế nào là tác dụng y xứ? Đáp: Tác dụng đây thông cả tác nghiệp và dụng cụ làm việc, tác nghiệp tức là trí công xảo của hữu tình, năng tạo điện đường hoặc tạo lập các thứ khí cụ mọi vật v.v... nói dụng cụ làm việc, tức là các thứ dụng cụ làm việc ở thế gian, như cân búa xe thuyền v.v... là dụng cụcủa chỗ thọ dụng, chỉ biết tất cả sơ trợ hiện duyên năng thành tựu các thứ sự nghiệp, đều là tác dụng y xứ đây, tức trừ bỏ chủng tử trong thức và chủng tử pháp bên ngoài, và chủng tử sinh hiện hành, hiện hành huân chủng tử, chủng tử dẫn chủng tử và thân trợ hiện duyên, chẳng phải tác dụng y xứ, xứ đây cũng lập nhiếp thọ nhân; chín sĩ dụng y xứ, tức ở trong tác dụng y xứ trước chỉ lấy dụng của tác giả sĩ phu, xứ đây cũng lập nhân gồm nhận; mười, chân thật kiến y xứ, nghĩa là tất cả kiến vô lậu chẳng hư vọng, nên gọi là chân thật, năng cùng tất cả pháp hữu vi vô lậu và pháp vô vi khác làm sở y, nên gọi là y xứ, xứ này cũng lập nhiếp thọ nhân, sáu nhân gồm nhận thứ sáu trước đây, gồm nhận thọ tức là nghĩa nhân quả tướng liên quan, chỉ trừ ngay thân nhân duyên, ngoài ra lấy tất cả sơ trợ thành nhân duyên khác gọi là nhân gồm nhận nhân. Nên trong luận Đối Pháp nói: "Như ánh sáng mặt nhật và, nước phân trong mầm lúa thóc v.v... tuy có tự chủng sinh ra nhưng tăng lực kia, gọi là nhân gồm nhận". Mười một, tùy thuận y xứ, tức tất cả sắc tâm v.v... chủng hiện đều có tùy thuận tự tánh và các pháp thắng đồng loại phẩm,

nên gọi là tùy thuận y xứ, nói tùy thuận tự tánh, tức là chọn lựa pháp khác chẳng được làm nhân y đây, như chủng tử ba tánh trong thức thứ tám, mỗi mỗi tự trong ba tánh hiện hành làm y làm nhân, nói các pháp thắng đồng loại phẩm là như pháp vô lậu tức chỉ cùng tự hữu vi vô lậu và pháp vô vi thắng phẩm làm nhân xứ, chẳng cùng pháp hữu lậu hạ phẩm yếu kém làm nhân, căn cứ trong quả vị hữu lậu cũng tự có hơn kém làm nhân quả cũng vậy, xứ đây lập dẫn phát nhân, dẫn nghĩa là dẫn khởi, phát nghĩa là phát sinh, là nhân năng dẫn khởi phát sinh quả vậy; mười hai, sai biệt công năng y xứ, nghĩa là tất cả pháp chẳng chọn lựa tự tánh tha tánh, mỗi mỗi tự có nhân quả tương xứng, gọi là sai biệt công năng, như năm giới tám giới thiện nghiệp quyết định dẫn trời người, thức thứ tám chẳng phải dẫn ba đường, vì thức thứ tám chẳng tương xứng vậy, nếu mười nghiệp bất thiện quyết định dẫn ba đường, thức thứ tán chẳng phải dẫn trời, người. Tánh thức thứ tám chẳng tương xứng làm nhân vậy, nếu pháp tự giới tức cùng tự giới làm nhân, tất cả pháp hữu lậu trong ba cõi v.v... như vậy mỗi mỗi tự có sai biệt công năng làm nhân, như ở Trường An có một trăm hai mươi ty quan chức mỗi mỗi tự có công sự làm nhân, cùng sở quản tương xứng, nếu tịnh nhân là tự chủng tử ba thừa, mỗi mỗi trong tự quả hữu vi vô vi ba thừa làm nhân, xứ đây lập định nhân khác. Định là nghĩa nhân quả tự tương xứng, chẳng cộng tha nên gọi là khác, như tăng nhân lấy trì trai giới tương xứng gọi là định, chẳng cùng người tục khác đồng bốn nghiệp nên gọi là khác tức tất cả các pháp mỗi mỗi trong nhau đều có định nhan khác; mười ba, hòa hợp y xứ là lập đồng sự nhân, từ lãnh thọ y xứ, thứ hai trước cho đến sai biệt công năng y xứ thứ mười hai tức tổng gồm sáu nhân mười một y trước làm thể hòa hợp sứ đây, nghĩa là mười một y trước mỗi mỗi ở tự chỗ được sinh trú thành được trong quả, đều có lực hòa hợp, nên gọi là hòa hợp y xứ, tức nương xứ đây lập đồng sự nhân, là quán đãi cho đến định khác sáu nhân như vậy mỗi mỗi cộng thành một sự, nên nói sáu nhân là đồng sự. Lược nêu một pháp để biện giải đó, như lúc nhãn thức sinh đợi hư không ánh sáng v.v... làm duyên lập đây làm quán đãi nhân, do đó hai chủng mới cũ vậy, như lần lượt đó được có dắt dẫn và sinh khởi nhân, tiếp lấy đẳng vô gián duyên và căn cảnh v.v... lập làm nhiếp thọ nhân, trong trước dẫn đến sau là dẫn phát nhân, do danh ngôn chủng nên có định dị nhân các pháp khác cũng vậy; mười bốn, chướng ngại y xứ, lập tương vi nhân, hoặc năng chướng trí, sáng năng chướng tối v.v... tức sáng làm nhân tối lập làm quả, tức nương xứ đây lập nhân trái nhau; mười lăm, chẳng chướng ngại y xứ nghĩa là

ở trong sự sinh trú thành được chẳng pháp chướng ngại, tức nương xứ đây lập bất nhân trái nhau. Lược nói về ba y là: Một, nhân duyên y, tức là câu hữu y, cũng là chủng tử y; hai, tăng thượng y, tức tăng thượng duyên; ba, đẳng vô gián duyên y, tức khai đạo y. Một, nhân duyên y, nghĩa là tự chủng tử, các pháp hữu vi đều gá y đây, lìa tự nhân duyên hẳn chẳng sinh vậy, nhân duyên y này là đối quả mà được tên, nhân tức là duyên, chẳng lấy nghĩa của nhân do, nhân đây là sở y của quả vậy, tức hiện hành gọi là quả, năng sinh chủng tử gọi là năng duyên. Lại nhân là nhân của quả hiện hành, duyên tức là nhân đây, có dụng của thân sinh quả hiện hành, gọi là duyên.

Hỏi: Nhân duyên y tha và nhân duyên có gì khác biệt?

Đáp: Y hẹp mà duyên rộng, nếu nhân duyên tức có ba nghĩa: Một, chủng dẫn chủng; hai, chủng sinh hiện; ba, hiện huân chủng. Nếu nhân duyên y tức chỉ lấy một nghĩa chủng sinh hiện, là chân nhân duyên y, nếu chủng sinh chủng chỉ gọi là nhân duyên chẳng được gọi là y vì nhân quả niệm khác vậy, tức niệm trước không thể chẳng phải y quyết định phải đồng thời.

Hỏi: Vậy như hiện huân chủng cũng là nhân quả đồng niệm, sao chẳng làm y?

Đáp: Hiện huân chủng tuy đồng niệm, nhưng lại khuyết nghĩa nhân trầm ẩn quả hiển hiện, cũng chẳng phải nhân duyên y, nên biết chỉ lấy nghĩa chân nhân duyên gọi là y, cả thảy phải đủ ba nghĩa mới gọi là nhân duyên y: Một, là chủ tức chủng là chủ; hai, nhân chìm ẩn quả hiển hiện, tức chọn lựa hiện huân chủng; ba là, nhân quả đồng thời tức chọn lựa chủng sinh chủng.

Hỏi: Chủng tử đây là thể nhân duyên y, lấy pháp gì làm năng y?

Đáp: Các pháp hữu vi đều gá y đây, tức tất cả pháp hữu vi nhân duyên, sắc và tâm đều phải gá tự chủng làm y có tự chủng đây nên tất cả sắc tâm hiện hành mới đều được sinh, lìa tự nhân duyên hẳn chẳng sinh vậy. Ý nói là tâm hiện nếu thân tự tâm chủng hẳn chẳng sinh sắc pháp cũng vậy; hai tăng thượng duyên y là, nếu tăng thượng duyên tức rộng, nghĩa là thông cả có không và sơ, tăng thượng nếu là y tức hẹp, chỉ lấy có lực và thân tăng thượng, vì năm sắc căn và ý căn xứ, chỉ lấy sáu xứ bên trong đây làm thể tăng thượng y, tức chọn lựa sáu xứ bên ngoài trong tâm tâm sở pháp chỉ là tăng thượng, tức chẳng được làm thể y. Lại chỉ lấy tám thức tâm vương đồng thời làm ý căn xứ, vì ý căn xứ duyên được tám thức vậy. Nếu là đẳng vô gián y tức tự làm một y, nên chẳng lấy, tức tăng thượng y đây phải đủ ba nghĩa: Một, có lực; hai,

thân; ba, bên trong, sáu xứ bên ngoài đó vì chẳng đủ ba nghĩa chỉ làm duyên chẳng phải y. Nếu pháp năng y tức các tâm tâm sở, đều gá y đây, nơi các tâm tâm sở, thức là chọn lựa sắc, chẳng tương ưng hành vô vi ba vị sau đều không tăng thượng y.

Hỏi: Tất cả tâm tâm sở pháp đó nếu lúc không sáu xứ bên trong cũng được chuyển chăng?

Đáp: Lìa câu hữu căn hẳn chẳng chuyển vậy, ý nói: Nếu lúc không căn sở y, tâm tâm sở đó quyết định chẳng được chuyển. Ba, đẳng vô gián duyên y là, đẳng vô gián duyên y tức hẹp, chỉ lấy tâm vương, tâm vương có nghĩa là chủ, nếu trong bốn duyên đẳng vô gián duyên tức rộng, thông cả tâm tâm sở, là tương ưng tâm vương niệm trước có lực năng dẫn sinh một tụ tâm tâm sở pháp ở niệm sau, gọi là đẳng vô gián. Đây là thể y, tức tâm vương niệm trước cùng tâm tâm sở niệm sau làm y.

Hỏi: Tâm pháp niệm trước đã diệt không thể sao được làm y?

Đáp: Kia lúc diệt trước đã ở thức đây làm khai đạo vậy, ý nói: Ý nói niệm trước kia lúc tâm vương sắp muốn diệt, có lực dụng đó năng dẫn khiến sinh ở niệm sau, làm công năng đây xong bèn diệt. Tức một niệm hiện tại có hành công năng sau lấy làm pháp thể chẳng phải lấy pháp không thể đã diệt ở quá khứ làm y.

Hỏi: Tâm vương niệm trước đó có lực dụng dẫn đến sau, gọi là làm y vậy, không biết lấy pháp nào làm năng y?

Đáp: Các tâm tâm sở đều gá y đây, tức tất cả tâm tâm sở pháp khởi, quyết định năng phải gá y diệt trước đây làm y mới khởi.

Hỏi: Các tâm tâm sở nếu chẳng nương tâm vương diệt trước cũng được khởi chăng?

Đáp: Lìa căn khai đạo hẳn chẳng chuyển vậy, ý nói: Tâm tâm sở nếu chẳng được tâm vương ở niệm trước làm mở ải dẫn đường, tức không nhân để được khởi.

Hỏi: Tâm pháp vơi bốn duyên sinh, cớ sao ba duyên riêng lập làm y, mà sở duyên duyên chẳng như vậy?

Đáp: Ba duyên đó có nghĩa thường nghĩa chủ vậy, cũng duyên cũng y, sở duyên duyên đều có nghĩa thường, khuyết nghĩa chủ nên chỉ làm duyên chẳng làm y. Lại chủng tử y có đủ sáu nghĩa, sáu nghĩa là: Một, sát-na diệt; hai, quả câu hữu; ba, hằng tùy chuyển, bốn, tánh quyết định, năm, đãi chúng duyên; sáu, dẫn tự quả. Một, sát-na diệt nghĩa là, thể vừa mới sinh không thời gian hẳn diệt, có công năng ưu thắng mới thành chủng tử; hai, quả câu hữu là nghĩa là cùng chỗ sinh hiện hành

quả, câu hiện hòa hợp mới thành chủng tử; ba, hằng tùy chuyển nghĩa là cần thời gian dài một loại tương tục, đến quả vị rốt ráo mới thành chủng tử; bốn, tánh quyết định nghĩa là tùy lực nhân sinh thiện ác v.v... công năng quyết định mới gọi là chủng tử; năm, đãi chúng duyên nghĩa là đây cần đợi tự các duyên hòa hợp, công năng thù thắng mới thành chủng tử; sáu, dẫn tự quả nghĩa là ở quả sắc tâm v.v... riêng biệt mỗi mỗi dẫn sinh mới thành chủng tử. Lại câu hữu y là tức sở y và năng y cùng thời mà có, y chỉ là tất cả pháp hữu vi sinh diệt, cậy nhân gá duyên mà sinh là đều gọi là làm y, y đầy đủ bốn nghĩa: Một, quyết định; hai, có cảnh; ba, làm chủ; bốn, khiến tâm tâm sở lấy tự chỗ duyên mới gọi là sở y, bốn, y đây mỗi mỗi có chỗ lựa chọn, như nghĩa thứ nhất là nếu pháp quyết định đây chánh chọn lựa đem năm thức trước cùng ý thức thứ sáu làm chẳng định y, phàm là sở y là phải quyết định có mới được. Nay lúc có thức thứ sáu chẳng quyết định có năm thức trước vậy, cũng chọn lựa đem năm sắc căn và thức thứ tám làm y cũng là chẳng định có. Như sinh ở vô sắc giới, thức thứ tám tức không sắc căn làm y. Lại chọn lựa đem bảy hiện năng huân làm chủng tử sở huân làm sinh trưởng y v.v... tức hiện thức năng huân đây có gián đoạn vậy không nghĩa quyết định.

Hỏi: Nếu có nghĩa quyết định bèn là sở y, tức như bốn đại chủng và mạng căn năm trần v.v... và chủng tử đều có nghĩa quyết định, nên là sở sở y, lúc có thức hiện hành hẳn quyết định có chủng tử ư?

Đáp: Đem nghĩa thứ hai chọn lựa có cảnh, nói có cảnh, tức có công năng chiếu cảnh duyên cảnh, trừ tâm tâm sở và năm sắc căn thức, ngoài ra các pháp đều chẳng phải có cảnh, nay bốn đại năm trần mạng căn v.v... tuy có nghĩa quyết định mà khuyết nghĩa có cảnh nên chẳng phải sở y.

Hỏi: Nếu đủ hai nghĩa tức gọi là sở y, vậy như biến hành năm số cũng đủ hai nghĩa quyết định và có cảnh, nên cùng tâm tâm sở làm sở y?

Đáp: Đem nghĩa thứ ba chọn lựa là làm chủ. Nay biến hành năm số, tuy đủ hai nghĩa khuyết nghĩa làm chủ vậy cũng chẳng phải sở y.

Hỏi: Nếu đủ ba nghĩa bèn thành sở y, vả lại như thức thứ tám hiện hành trong chủng tử bên trong thức cũng có ba nghĩa quyết định có cảnh và làm chủ, tức tám thức hiện hành v.v... đây nên cùng chủng tử làm câu hữu y chứ?

Đáp: Đem nghĩa thứ tư chọn lựa là khiến tâm tâm sở lấy tự sở duyên, tức khiến tâm tâm sở năng y duyên lấy cảnh nhà tự sở y mới

thành sở y. Nay thức hiện hành thứ tám chẳng năng khiến chủng tử lấy tự sở duyên nên chẳng phần sở y, nay chủng tử trong thức thứ tám không duyên lự, chẳng năng lấy tự sở duyên vậy. Thức thứ tám chẳng phải chủng tử sở y chỉ làm nghĩa y.

Hỏi: Không biết pháp nào đủ bốn nghĩa đây? Đủ thì được gọi là sở y chăng?

Đáp: Năm sắc căn và ý xứ, tức sáu xứ đây đủ bốn nghĩa trước đủ thì riêng được gọi là sở y.

Hỏi: Sáu xứ bên trong là câu hữu y, so với thể sáu căn nghĩa có gì riêng khác?

Đáp: Câu hữu y chỉ lấy sáu xứ hiện hành chẳng lấy chủng tử, khuyết nghĩa cảnh, nếu chỉ nói sáu căn tức thông chủng hiện. Lại câu hữu y lấy nghĩa sở y. Nếu nói sáu căn tức lấy nghĩa sinh trưởng mỗi mỗi căn cứ ưu thắng để luận. Lại nếu tâm tâm sở pháp lúc sinh lúc trú, tức đủ câu hữu y, nếu sắc pháp lúc sinh lúc trú chỉ có nhân duyên y tức được quyết định không câu hữu y, vì sắc pháp không sở duyên vậy, tự thể chẳng là pháp năng duyên vậy. Lại trong luận Du-già nói: "Ở năm thức có ba y: Một, chủng tử y; hai, câu hữu y; ba, khai đạo y."

Hỏi: Sở y có mấy lớp?

Đáp: Có bốn lớp, nghĩa là năm sắc căn, thức thứ sáu thức thứ bảy, thức thứ tám, tức năm thức mỗi mỗi y tự căn nếu ba thức sau (sáu, bảy, tám) tức thông cùng năm thức làm y.

Hỏi: Năm sắc căn thức thứ sáu, thức thứ bảy, thức thứ tám, bốn lớp sở y mỗi mỗi có dụng gì mà nói tùy khuyết một thứ tức bèn chẳng chuyển ư?

Đáp: Một đồng cảnh; hai phân biệt; ba nhiễm tịnh; bốn căn bản v.v... sở y riêng biệt nên nói đồng cảnh là, tức tự năm sắc căn vậy, như lúc nhãn căn chiếu cảnh sắc xanh, nhãn thức cũng duyên cảnh sắc xanh, vì cảnh sắc xanh đồng nên gọi là đồng cảnh, cho đến thân căn thức cũng vậy. Nói phân biệt là tức thức thứ sáu năng thức trước làm phân biệt y, lúc đồng duyên cảnh khởi phân biệt vậy. Đây là tự thể thức thứ sáu cùng năm thức làm phân biệt y. Trong luận Du-già nói: "Có phân biệt không phân biệt, đồng duyên cảnh hiện tại vậy", tức thức thứ sáu gọi là có phân biệt, năm thức trước gọi là không phân biệt. Trong kinh Giải Thâm Mật nói: "Lúc năm thức khởi, quyết định có ý thức đồng duyên cảnh". Nói nhiễm tịnh là, tức thức thứ bảy, thức thứ bảy năng cùng năm thức làm nhiễm tịnh y, thức thứ bảy nếu tại trong quả vị hữu lậu tức cùng năm thức làm nhiễm y, nếu lúc thành vô lậu tức cùng năm thức

làm tịnh y, có nhiễm tịnh y đây, năm thức trước mới chuyển, nếu không tức chẳng được sinh. Nói căn bản là tức thức thứ tám, thức thứ tám cùng năm thức trước làm căn bản y, năm thức trước là cành nhánh. Lại thức thứ tám năng trì chủng năm thức trước chủng mới sinh hiện, suy công về gốc đều từ trong thức thứ tám mà thành vậy. Thức thứ tám đây chẳng chỉ cùng năm thức trước làm căn bản y, cũng cùng muôn pháp làm căn bản, vì năng trì chủng muôn pháp vậy, ở trong quả vị nhân quả, thức thứ tám đều là căn bản, bốn lớp y đây mỗi mỗi chẳng đồng, tức tám thức đều có danh nghĩa bốn lớp sở y, chẳng đồng là như nhãn v.v... năm thức tức đồng cảnh v.v... bốn lớp sở y, mỗi mỗi có nghĩa quyết định, vả lại như nhãn thức lấy nhãn căn làm quyết định đồng cảnh y, vì quyết định cộng lấy một cảnh vậy, ngoài ra bốn cảnh và bốn căn mỗi mỗi quyết định lấy tự cảnh cũng vậy, vì thức thứ sáu làm quyết định phân biệt y, vì thức thứ bảy làm quyết định nhiễm tịnh vậy, vì thức thứ tám làm quyết định căn bản y. Lại năng y sở y, nên dùng bốn câu để phân biệt. Một, chỉ năng y chẳng phải sở y tức tâm sở pháp; hai, chỉ sở y chẳng phải năng y, tức năm sắc căn; ba, câu câu tức tâm vương thức thứ tám; bốn, câu phi tức sắc pháp bên ngoài. Lại khai đạo y là, khai là mở (lánh) vậy tức khai mở xứ sở, đạo nghĩa là dắt dẫn, dắt dẫn khiến sinh, tức tâm vương ở niệm trước lúc sắp diệt khai mở xứ sở, dẫn tâm tâm ở niệm sau khiến kia sinh khởi tức tâm tâm sở ở niệm sau gá tâm vương khai đạo ở niệm trước chỗ nương tựa mà sinh, gọi là khai đạo y, phàm xứ của nhân y thì mới đầu của nhiễm tịnh sinh ra, cảnh của quả báo, là thời của khổ lạc thành thục, thì mười nhân năm quả vì không sai, ba y bốn duyên mà chẳng phải lạm, đều là một niệm đầu tiên, trái giác hợp trần chuyển tâm năng tác hiện làm các cảnh, ba tế thức toàn nhân bất giác, sáu tướng thô trọn làm sở duyên, vào sinh tử xoay vòng lửa chưa từng tạm dứt, ở trần lao vào ngục vô gián, đâu có kỳ ra, nếu năng rõ nguyên do muôn pháp khởi đầu, rõ khoảng của một niệm đầu tiên, mới biết tự tâm ta khởi, xứ khởi không vết chỉ lúc tâm ta diệt mất, không vết thì trọn khô gốc khổ, sáu thú vì đó mà băng tiêu, chóng cạn nguồn ái. Hai tử nhân đây mà mây tan, chánh ý của hai mươi tám vị Tổ từ đây mà ngời sáng, bản hoài chư Phật ba đời nhân đây mà cởi mở.

Hỏi: Bát-nhã không tướng chẳng thọ một trần cớ sao rộng biện bốn duyên và các nhân quả?

Đáp: Phàm chánh pháp Phật nói đều từ duyên sinh, nên nói: Tâm pháp bốn duyên sinh, sắc pháp hai duyên khởi, nếu chấp chẳng theo duyên sinh, là đều chẳng phải chánh pháp, đều thuộc ngoại đạo tà kiến

tự nhiên, như một pháp của tâm, nếu không nhân duyên thứ nhất là không có nghĩa là thân sinh hiện hành quả, thì các pháp chẳng thành lập. Nếu không đẳng vô gián duyên thứ hai thì không nghĩa khai đạo dẫn sinh sau, không có tương tục, toàn thành gián đoạn. Nếu không có sở duyên duyên thứ ba, thì tâm không chỗ nghĩ ngơi, chẳng năng dắt dẩn tâm dụng, tâm không chỗ gá, là tâm cảnh đều thành đoạn diệt, nếu không tăng thượng duyên thứ tư là, tuy đủ ba duyên trước, nếu không tăng thượng tức thành chướng ngại, pháp cũng chẳng sinh, bốn duyên đày đủ mới thành tâm pháp, nếu năng rõ suốt thế gian, pháp của nhân duyên sinh ra, mới là thấy yếu chỉ của không sinh, vì tức pháp sinh mà đạt không sinh vậy, vả lại sinh pháp còn chẳng biết chánh nhân, làm sao năng rõ diệu lý không sinh? Do đó trong Hoa Nghiêm nói: "Nghĩa sâu duyên khởi, chỗ tông của Phật giáo, từ xưa các tông đức phần nhiều nói là tông của ba giáo, Nho thì tông ở ngũ thường, Đạo tông ở tự nhiên, Phật tông ở nhân duyên". Nhưng Lão tử tuy nói: "Đạo sinh một, một sinh hai, hai sinh ba, ba sinh muôn vật". Tợ có nhân duyên mà chẳng phải chánh nhân duyên. Nói Đạo sinh một là, đạo tức hư vô tự nhiên vậy. Kia lại nói: "Nhân pháp địa địa pháp thiên, thiên pháp đạo, đạo pháp tự nhiên" nghĩa là: Hư thông gọi là đạo, tức tự nhiên mà nhiên, là tuy có nhân duyên cũng thành nghĩa của tự nhiên vậy. Phật pháp tuy có trí vô sư trí tự nhiên mà là thường trú chân lý, cần gá duyên hiện thì cũng là nhân duyên vậy, nên giáo nói ba đời tu nhân khế quả, chẳng phải không nhân thiện nhân ác vậy. Trong kinh Lăng-già nói: "Bồ-tát Đại Tuệ bạch Phật: Phật nói thường chẳng nghĩ bàn, các ngoại đạo kia cũng có thường chẳng nghĩ bàn, có gì khác ư?" Phật dạy: "Các ngoại đạo kia không có thường chẳng nghĩ bàn, vì không nhân vậy. Ta nói thường chẳng nghĩ bàn là có nhân. Nhân chứng ở bên trong, đâu được đồng ư? Vậy thì chân thường cũng nhân duyên hiển bày. Trong kinh Tịnh danh nói: "Nói pháp chẳng có cũng chẳng không, vì nhân duyên nên các pháp sinh". Trong kinh Pháp Hoa nói: "Chư Phật Lưỡng Túc Tôn, biết pháp thường không tánh, Phật chủng theo duyên khởi, cho nên nói nhất thừa". Lại trong kinh nói: "Tất cả các pháp nhân duyên làm gốc". Trong luận Trung Quán nói: "Chưa từng có một pháp, chẳng từ nhân duyên sinh, cho nên tất cả pháp không gì chẳng là không" thì chân không trung đạo cũng nhân duyên vậy. Nếu vậy trong kinh Niết-bàn nói: "Ta quán các hành thảy đều vô thường, vì sao biếy ư? Vì nhân duyên vậy, nếu tất cả pháp từ duyên sinh, thì biết là vô thường, các ngoại đạo đó không có một pháp chẳng từ duyên sinh, cho nên vô

thường, thì ngoại đạo có nhân duyên vậy”. Giải thích: Đây là nói rõ ngoại đạo tại bên trong nhân duyên chấp ở tướng duyên lấy làm thường trú, cho nên phá đó mà nói vô thường vậy. Nay nói rõ giáo phân tích diệu lý nhân duyên có đủ thường và không thường, đâu được đồng ư? Huống gì là tông là từ nhiều phần nói, sở dĩ nhân duyên là sở tông, chớ nên đặt để nghi ngờ nên biết chỉ là nhất tâm, pháp môn duyên khởi, vì pháp không tự tánh, tùy chỗ tâm hiện, pháp của chỗ hiện toàn là tự tâm, trọn không bên ngoài tâm có pháp năng cùng tâm làm duyên. Do đó tướng gốc ngọn gom thâu đều quy về Tông kính, tại sao? Bên trong tức là gốc, bên ngoài tức là ngọn, vì nghĩa duy tâm thì bên trong gom thâu bên ngoài, gá cảnh sinh tâm thì ngọn cũng gom thâu bên trong. Nếu dùng pháp tánh làm gốc, pháp tánh dung thông, nguyên do duyên khởi thì một mảy trần bao hàm thân lớn, một sợi lông dung chứa cả cõi nước, nên hợp làm một duyên khởi lớn vậy. Nên biết có trí tuệ không nghe nhiều, có nghe nhiều không trí tuệ đều chẳng thấu đạt thật tướng. Văn (nghe) tuệ đầy đủ, thật thấy nguồn tâm. Lại trong kinh nói: “Nếu muốn học Bát-nhã, nên học tất cả pháp, vì sắc vô biên nên Bát-nhã vô biên”. Lại trong kinh nói: “Nếu muốn rõ đạt nhân duyên, đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên là nên phải học Bát nhã”. Trong luận Đại Trí Độ giải thích là: “Chẳng phá nghĩa của bốn duyên, chỉ phá chấp của bốn duyên, như vầng trăng của trong nước, chẳng phá chỗ thấy, chỉ phá chỗ thủ”. Nên biết chỉ có năng thủ chấp tình, thì chẳng phải huyễn mà thành pháp huyễn, nếu thành tuệ không chỗ được, thì chẳng phải huyễn còn tự chẳng sinh, chấp một tình dối, muôn pháp không lỗi, chân tánh Bát-nhã kẹt chỗ nào ư? Như trong kinh Đại Niết-bàn nói: “Bồ-tát khéo biết các duyên, Bồ-tát Ma-ha-tát chẳng thấy sắc tướng chẳng thấy sắc duyên, chẳng thấy sắc thể, chẳng thấy sắc sinh, chẳng thấy sắc diệt, chẳng thấy tướng một, chẳng thấy tướng khác, chẳng thấy người thấy, chẳng thấy tướng mạo, chẳng thấy người thọ, tại sao? Vì rõ nhân duyên vậy, như sắc tất cả pháp cũng như vậy”. Lại nghĩa mười nhân bốn duyên v.v... trước là ước về tông pháp tướng mà nói, lược nói về hành tướng, nay y cứ tông pháp tánh pháp môn tự tại vô ngại, nói rõ về thể tánh đó, căn cứ Hoa Nghiêm Pháp giới duyên khởi vô tận tông cũng có sáu nghĩa nhân môn mười nghĩa duyên khởi. Nay tạm giải thích sáu nghĩa nhân môn: Một, không có lực chẳng đãi duyên, là nghĩa sát-na diệt. Do sát-na diệt vậy, tức không tự thể là không vậy, do diệt đây nên pháp quả được sinh là có lực vậy, nhưng rụng diệt đây chẳng phải do duyên, bởi có lực nên chẳng đợi duyên;

hai, không có lực đối đãi duyên, là nghĩa câu hữu, do câu hữu nên mới có tức hiển bày là chẳng có nghĩa không vậy, câu nên năng thành có là có lực vậy, câu nên chẳng phải tán mất là đối đãi duyên vậy; ba, không không lực đãi duyên, là nghĩa đối đãi duyên, do không tự tánh nên là không vậy, nhân chẳng sinh duyên sinh nên là không lực vậy; bốn, có có lực chẳng đối đãi duyên, là nghĩa quyết định, do tự loại chẳng cải đổi nên là nghĩa có, nhưng tự chẳng cải đổi mà sinh quả vậy, quả là nghĩa có lực, nhưng chẳng cải đổi đây chẳng phải do duyên lực, nên chẳng đãi duyên; năm, có có lực đối đãi duyên, là nghĩa dẫn tự quả, do dẫn hiện tự quả là nghĩa có, tuy được thắng duyên mới sinh nhưng chẳng sinh duyên quả là nghĩa có lực, tức do đây nên là nghĩa đãi duyên; sáu, có không lực đối đãi duyên, là nghĩa hằng tùy chuyển. Do tùy tha nên không lực, cho nên đối đãi duyên chánh nhân đối duyên chỉ có ba nghĩa: Một là, nhân có lực chẳng đối đãi duyên, toàn năng sinh, chẳng xen tạp duyên lực; hai là nhân có lực đối đãi duyên, là tương tư (cùng giúp nhau) phát vậy; ba là, nhân không lực đối đãi duyên, toàn chẳng làm vậy. Dụng duyên vậy do ba nghĩa trên trong nhân mỗi mỗi có hai nghĩa có và không, hai môn mỗi mỗi chỉ ba, chỉ có sáu vậy, chẳng tăng chẳng giảm, tại sao chẳng lập câu thứ tư nghĩa không lực chẳng đối đãi duyên? Vì kia chẳng phải nghĩa nhân nên chẳng lập.

Hỏi: Trong quả có sáu nghĩa chăng?

Đáp: Trong quả chỉ có hai nghĩa có và không, nghĩa là từ tha sinh không thể nên là nghĩa không, đáp nhân nên là nghĩa có, nếu căn cứ qua lại làm nhân quả mà nói: Tức là lúc nhân tha đầy đủ sáu nghĩa đây, lúc cùng tha làm quả, tức chỉ có hai nghĩa, cho nên sáu nghĩa chỉ tại trong nhân đối. Đãi duyên là, đối đãi tăng thượng v.v... ba duyên bên ngoài nhân sự vậy. Nếu duyên khởi nghĩa bí mật đều đủ sáu nghĩa đây. Sáu nghĩa ước về thể dụng mỗi mỗi có bốn câu: Một, nói về thể có và không với bốn câu là: Một là, có, tức là nghĩa quyết định, hai là, không tức là nghĩa sát-na diệt, ba là, cũng có cũng không, tức là hợp kia dẫu tự quả và câu hữu, không hai ấy vậy, bốn là, chẳng phải có chẳng phải không, tức là hợp kia hằng tùy chuyển và đối đãi các duyên, không hai ấy vậy. Về dụng có bốn câu: Một là hợp kia hằng tùy và đối đãi các duyên không hai vậy, là chẳng tự sinh; hai là do hợp kia sát-na diệt và nghĩa quyết định không hai vậy, là chẳng tha sinh; ba là, do hợp kia câu hữu và dẫn tự quả không hai vậy, là chẳng cộng sinh; bốn là, do đủ ba câu hợp sáu nghĩa đó, nghĩa nhân mới thành vậy chẳng phải không nhân sinh vậy. Trong luận Trung Quán nói về bát bất là căn cứ ngăn

phân tích. Sáu, nghĩa là nói về bai phân tích. Bát bất căn cứ phản tình lý tự nhiên, sáu nghĩa căn cứ hiện lý tình tự mất, có tư hữu đó vậy, sáu nghĩa mở hợp là, hoặc nói về thể chỉ một, vì nhân không hai, thể vậy; hoặc nói về nghĩa phân hai, nghĩa là không và có vì không tự tánh, duyên khởi hiện tiền vậy;hoặc nói về dụng phân ba: Một là, có lực chẳng đối đãi duyên; hai là, có lực đãi duyên; ba là, không lực đối đãi duyên. Mới đầu tức toàn có lực, sau tức toàn không lực. Giữa tức cũng có lực cũng không lực. Câu thứ tư không lực chẳng đối đãi duyên, là chẳng phải nhân nên chẳng luận bàn, sáu nghĩa căn cứ tự thể duyên khởi. Sáu tướng căn cứ nghĩa môn duyên khởi, sáu nghĩa do nghĩa có và không nên có môn tương tức, do nghĩa có lực và không lực, nên môn càng vào. Do nghĩa có đối đãi duyên và chẳng đối đãi duyên nên có môn đồng thể và dị thể. Do các nghĩa môn nên được có các sự mảy lông dung chứa cõi nước v.v... nếu luận về cùng tức, cùng giữ gìn, đều nhân có lực và không lực tức hai nghĩa đây chẳng được đồng thời, nếu câu hữu lực không không lực, tức thành lỗi nhiều quả, mỗi mỗi sinh vậy, nếu đều không lực không có lực, tức thành lỗi không quả, đều chẳng sinh vậy. Trong luận nói: "Nhân chẳng sinh mà duyên sinh, duyên chẳng sinh mà nhân sinh, vì một có lực năng giữ gìn nhiều, vì nhiều không lực tức vào trong một, vì nhiều có lực năng giử gìn một, vì một không lực tức vào trong nhiều". Do đó, một trần có lực năng bao gồm cả sát hải, sát hải không lực ngầm vào trong một.

Hỏi: Có lực và không lực, nghĩa đó như thế nào?

Đáp: Nếu vì một có lực là nghĩa không không tánh, không tánh nên năng thành các pháp. Vì có nghĩa không nên tất cả pháp được thành, thì là một có lực làm chủ, nhiều không lực làm bạn. Nếu vì nhiều có lực thì không một pháp mà có tự thể năng độc lập, đều mượn nhờ các duyên đối đãi nhau mà thành, thì nhiều có lực làm chủ, một không lực làm bạn. Sở dĩ lập tướng bạn thành tự tha qua lại lập, không bạn thì chủ chẳng lập, khuyết tự thì tha chẳng thành. Lại nói về dụng do đối đãi nhau nên đủ nghĩa có lực và không lực, là cùng thâu và cùng vào; hai ,nói về thể do tác động nhau nêu đủ nghĩa có thể và không thể cho nên tức nhau và là nhau. Trong kinh có kệ tụng nói:

"Các pháp không tác dụng,
Cũng không có thể tánh,
Cho nên tất cả pháp,
Mỗi mỗi chẳng biết nhau".

Vì tha mà làm tự nên không thể tánh, vì đối đãi nhau mà thành

nên không tác dụng. Đây là nghĩa không lực, lại nhân không biết không tánh đây, mới có duyên khởi. Nếu một pháp có thể thì chẳng nhờ mượn nương nhau, nếu không nương nhau thì không có pháp. Nếu các pháp chẳng không thể không đạo không quả, đây là nghĩa có lực. Tiếp theo, mười môn duyên khởi, tức là lực của duyên khởi bởi nhau nghĩa là một và nhiều qua lại làm duyên khởi bởi nhau thành lập nên có tức nhau vào nhau v.v... đây có hai thứ: Một, nói về duyên dụng có lực và không lực, tương đãi tương y toàn thể tương thâu (đối đãi nhau, nương tựa nhau, toàn thể gồm thâu nhau) nên có tương nhập; hai, nói về duyên thể có không và chẳng không năng làm sở làm toàn thể là nhau, nên có tức nhau, hai môn tức vào đây lại có hai nghĩa: Một, khác thể trong nhau nên có vi tế ẩn hiển, nghĩa là khác thể chứa nhau là nghĩa vi tế, khác thể là nhau là nghĩa ẩn hiển; hai, đồng bên trong thể đủ đức nên có một nhiều rộng hẹp, nghĩa là đồng thể vào nhau nên có một nhiều vô ngại, đồng thể tức nhau nên có rộng hẹp vô ngại. Lại do khác, gồm đồng nên có nghĩa lưới trời Đế-thích, ở trong thời nên có nghĩa mười đời, duyên khởi không tánh nên có nghĩa tánh tướng vô ngại, cùng khuyết cùng gồm nên có nghĩa chủ bạn, nghĩa mười duyên là:

Một nghĩa là các duyên mỗi khác, trong duyên khởi lớn, các duyên trong nhau, cần phải thể dụng mỗi riêng biệt, chẳng tạp loạn nhau mới thành duyên khởi, nếu tạp loạn là mất bản duyên, pháp duyên khởi chẳng thành, đây thì các duyên mỗi mỗi tự giữ một vị. Trong kinh có kệ tụng nói:

"Trong nhiều không một tánh,
Một cũng không có nhiều".

Hai nghĩa là hỗ biến tương tư (qua lại khắp cùng giúp nhau) cần phải qua lại khắp cùng mới thành duyên khởi, như một duyên khắp cùng ứng với nhiều duyên, mỗi mỗi cùng nhiều kia toàn làm một vậy, một đây tức là nhiều cái một vậy. Đây tức từng một mỗi đủ tất cả. Trong kinh có kệ tụng nói

"Biết vì một nên nhiều,
Biết vì nhiều nên một".

Ba, nghĩa câu tồn vô ngại, phàm là một duyên, cần đủ hai nghĩa trước, vì phải trú tự một mới năng khắp cùng ứng khắp cùng, ứng nhiều duyên nhiều mới là một vậy. Vì một chẳng tự làm một, vì nhiều làm một, vì nhiều chẳng tự nhiều, vì một lần nhiều, cho nên chỉ một nhiều, một tự tại vô ngại, hoặc khắp thể toàn trú là chỉ một vậy, hoặc khắp thể khắp cùng ứng là nhiều một vậy, hoặc đều còn, hoặc đều mất, hoặc

tổng hợp, hoặc toàn lìa. Trong kinh có kệ tụng nói:

"Các pháp không sở y,
Chỉ từ hòa hợp khởi".

Ba môn đây gồm nói rõ bản pháp duyên khởi hoàn tất;

Bốn, nghĩa dị thể tương nhập, nghĩa là lực dụng pháp môn thay đổi cùng nương giữa hoa lại hình đoạt. Mỗi mỗi có nghĩa toàn lực và toàn không lực, do một có lực hẳn chẳng cùng nhiều lực chung, cho nên không có một mà chẳng giữ nhiều, do nhiều không lực hẳn chẳng cùng một không lực chung, cho nên không có nhiều mà chẳng vào một, nhiều giữ một nương cũng vậy.

Năm, nghĩa khác thể tức nhau, các duyên trong nhau, toàn thể hình đoạt có nghĩa có thể và không thể, cho nên một duyên là năng khởi, năng thành nên có thể nhiều duyên là sở khởi, sở thành nên không thể, do một có thể, hẳn chẳng được cùng nhiều có thể chung, nhiều không thể, hẳn chẳng được cùng một không thể chung, cho nên không có một của chẳng nhiều, không có nhiều của chẳng một.

Sáu nghĩa thể dụng cả hai dung hòa: Một, vì thể không chẳng dụng nên khắp thể toàn dụng, tức có nghĩa vào nhau và không tức nhau; hai, dụng không chẳng thể, nên khắp dụng toàn thể tức chỉ có nghĩa tức nhau mà không vào nhau; ba, quy dụng của thể chẳng ngại dụng, toàn thể của dụng chẳng mất thể, không ngại đều còn, cũng tức cũng nhập, tự tha đều hiện; bốn, toàn thể của dụng thể hết, toàn dụng của thể dụng mất, chẳng phải tức chẳng phải nhập viên dung một vị; năm, bốn câu trước đồng một duyên khởi vô ngại đều còn; sáu, hết năm câu trước tuyệt đãi lìa ngôn, ngầm đồng biển tánh, ba môn trên đây, ở tròn môn khác thể thứ nhất trước hiển bày nghĩa lý đã xong.

Bảy nghĩa đồng khởi vào nhau, nghĩa là chỗ một duyên trước có nhiều một, cùng một duyên kia, thể không riêng biệt, gọi là đồng thể. Lại do một duyên đây ứng với nhiều duyên, trước nói rõ vào nhau, nghĩa là một duyên có lực năng giữ nhiều một, nhiều một không lực nương một duyên kia, cho nên một năng gồm nhiều nhiều bên vào một.

Tám nghĩa đồng thể tương tức, nghĩa là chỗ một duyên trước đủ nhiều một cũng có nghĩa có thể và không tâm, cũng nên tức nhau, vì nhiều một không thể do vốn một thành nhiều tức một vậy. Do vốn một có thể năng giữ nhiều một, toàn một gồm nhiều, như một có nhiều, không đã vậy, nhiều có một, không cũng như vậy.

Chín, nghĩa cùng dung hòa vô ngại, đồng sáu câu trước thể dụng song dung. Ba môn đây ở trong môn đồng thể thứ hai trước, biện giải

nghĩa lý đã xong.

Mười, nghĩa đồng khác viên mãn, vì chín môn trước tổng hợp làm một duyên khởi lớn, nay môn nhiều thứ nghĩa đồng thời đầy đủ, do trú một khắp cùng ứng nên có môn rộng hẹp tự tại, do căn cứ thể có tức nhau căn cứ dụng có vào nhau. Do khác thể chứa nhau đầy đủ môn vi tế, do khác thể tức nhau đầy đủ môn ẩn hiển, căn cứ dụng vào nhau làm hiển, căn cứ thể tức nhau làm ẩn. Lại do khác thể vào nhau mang đồng thể vao nhau đày đủ môn lưới trời Đế thích. Do duyên khởi lớn đây tức pháp giới vô ngại có môn gá sự, hiển bày trong thời có môn mười đời, liên quan nhau cùng gồm có môn chủ bạn, môn viên mãn đây căn cứ trong ba môn để biện giải nghĩa lý hoàn tất. Trong kinh có kệ tụng nói:

"Bồ-tát khéo quán pháp duyên khởi,
Ở trong một pháp giải nhiều pháp,
Ở trong nhiều pháp giải rõ một".

Lý sự như vậy mở hợp tánh duyên dung thông, mới đạt dụng của nhất tâm vô tận. Trong Hoa Nghiêm Diễn Nghĩa giải thích: "Phàm duyên khởi là mới đầu có ba môn: Một, môn khác thể; hai, môn đồng thể; ba, môn đồng khác hợp rõ". Chỗ có thể đồng dị là vì các môn duyên khởi, bên, trong có hai nghĩa: Một là, bởi nhau nghĩa chẳng tương do, nghĩa là tự đầy đủ đức, như trong nhân chẳng đối đãi duyên; hai là nghĩa bởi nhau như đối đãi duyên v.v... vậy, trước tức là môn đồng thể, sau tức là môn khác thể. Nếu vậy sao trong môn khác thể trước nói là các duyên mỗi riêng biệt, chẳng tạp loạn nhau? Trong môn đồng thể thứ hai lại nói qua lại khắp cùng ứng, mới thành duyên khởi? Giải thích: Vì cần do mỗi mỗi khác mới được đối đãi duyên, cần do khắp cùng ứng mới tự đầy đủ đức vậy. Do đó hai môn trước mỗi mỗi sinh ba là: Một, qua lại nương giữ có lực và không lực; hai, qua lại hình đoạt có thể và không thể; ba, thể dụng cả hai dung hòa, không có trước sau. Đây tức đại ý duyên khởi. Tiếp theo thứ nhất môn khác thể là do thành tựa nhau mới mỗi mỗi có thể; hai, nghĩa qua lại khắp cùng giúp nhau, tức môn đồng thể thì đủ nhiều cái một, như mười tiền làm duyên, đương thể tự là vốn một, ứng thời của hai, mới gọi là mới đầu một lấy làm hai một, ứng ba làm ba một, cho đến ứng mười làm mười một, nên có nhiều một, nếu một duyên đây chẳng đủ nhiều một, thì vốn ứng chẳng khắp, chẳng thành duyên khởi. Đây thì từng một mỗi đủ tất cả, một đã có mười, hai, ba, bốn v.v... cũng mỗi có mười nên nói từng một mỗi đủ, như mười tiền làm thí dụ. Trong pháp pháp giới sai biệt vô tận có mỗi mỗi khắp

cùng ứng vậy, tùy từng một mỗi đủ pháp pháp giới sai biệt vậy; ba, nghĩa câu tồn vô ngại là, chỉ một và nhiều, một tự tại vô ngại, là gần rõ muốn nhiều thường nhiều, muốn một thường một, nên nói là tự tại. Một, khắp thể khắp cùng ứng; hai khắp thể toàn trú; ba câu tồn (đều còn) là đều còn trú tự và khắp cùng ứng vậy, cũng đều còn chỉ một và nhiều một vậy; bốn đều hết sạch tức do đều còn thì tương tức đoạt vậy. Trú một tức khắp cùng ứng chẳng phải trú một vậy, khắp cùng ứng tức trú một chẳng phải khắp cùng ứng vậy; năm hoặc tổng hợp, là hợp câu trước làm giải cảnh vậy; sáu, hoặc toàn lìa, toàn lìa năm trước thành hành cảnh vậy. Bốn nghĩa khác môn vào nhau đắp đổi cùng nương giữ, vì là duyên khởi một nhiều v.v... chẳng phải quyết định tánh một nhiều v.v... nghĩa là một có định tánh chẳng do ở nhiều, nhiều có định tánh chẳng do ở một, nay do một không định tánh, mượn nhờ nhiều mà khởi, nhiều không định tánh do một mà sinh vậy. Do không nghĩa của tánh bình đẳng mới thành duyên khởi, nếu có một có thể một, đây là tự tánh một, nếu có nhiều có thể nhiều, đây là định tánh nhiều, nếu là định tánh nhiều, nhiều chẳng nhân ở một, nếu là định tánh một, một chẳng nhân ở nhiều, nay do nhiều nên một, một đây chẳng tự một, nay do một nên nhiều, nhiều đây chẳng tự nhiều, nhiều đây thì không lực. Một đây chẳng tự một, một đây thì không lực, không lực tùy có lực, một nhiều qua lại thâu nên tùy một Phật hiểu tức tất cả Phật hội, tất cả Phật hiểu tức một pháp hiểu, nên một pháp hiểu đây, chẳng động mà thường khắp cùng, chẳng phân mà thường nhiều, trước sau qua lại thành, cớ sao chẳng tin? Lại nghĩa là một trước trong một trong nhiều làm bên giữ một năng gồm nhiều, một làm bên nương, một năng vào nhiều, như một trong nhiều có nương có giữ có nương là, tức nhiều trước giữ nên một thành vậy, có giữ là, tức một trước có lực làm nhiều nương vậy. Nói toàn lực là thành giữ tâm, nói không lực là thành nương trên, nói thường bao hàm nhiều tại trong mình là, một có lực làm giữ năng gồm nhiều vậy. Nói ngầm vào mình tại trong nhiều là, một không lực làm nương, bèn vào nhiều vậy. Câu tồn song (đều còn và hết sạch) là nghĩa là một gồm nhiều là câu thứ nhất, nhiều gồm một là câu thứ hai. Đều còn tức câu thứ ba, nghĩa là tức lúc một gồm một nhập, tức nhiều gồm nhiều vào vậy. Hết sạch là tức câu thứ tư, một gồm một vào, thì nhiều gồm nhiều vào vậy, bèn một gồm một vào hết nhiều gồm nhiều vào vậy, tức một gồm một vào vậy thì nhiều gồm nhiều vào hết, nên nói hết sạch, đối lại trước riêng biệt nói rõ hai câu, thì có bốn câu, cũng có thể thành sáu, năm, đều chiếu bốn trước, thành giải cảnh vậy, sáu, chóng tuyệt

năm trước thành hành cảnh vậy; năm, nghĩa dị thể tương tức là làm bên năng khởi tức có thể, làm bên sở khởi tức không thể, thế nào là pháp từ duyên sinh, là pháp tức không? Ý lấy chỗ sinh không vậy, không tức nghĩa không thể, nếu hình đoạt là, vì duyên của năng khởi, hình đoạt sở khởi, đoạt sở khởi kia khiến không thể vậy. Do một có thể chẳng được cùng nhiều có thể chung là, nghĩa là có cật nạn nói: Một đó cùng nhiều chung có (câu hữu) hai nghĩa có thể và không thể, cớ sao riêng nói một có thể ư? Nên nay giải thông là hẳn là sở khởi vậy. Nếu không như vậy là năng khởi chẳng thành, duyên khởi cũng hoại, cho nên không có một của chẳng nhiều là, một đây là nhiều vậy, không có nhiều của chẳng một là, nhiều đây là một vậy.

Hỏi: Một chẳng tức nhiều có lỗi gì?

Đáp: Có hai lỗi: Một, lỗi chẳng thành nhiều, nghĩa là đã chẳng thành nhiều, ngoài ra cũng chẳng thành nhiều vậy, như một chẳng thành mười, hai ba bốn v.v... cũng chẳng thành mười, nên không mười lỗi; hai lỗi, chẳng thành một, nghĩa là nếu một chẳng thành mười, đây tức chẳng thành một, do mười chẳng thành nên một nghĩa cũng chẳng thành, vì không ở mười là ai một vậy? Một chẳng tức nhiều, thành lỗi đã vậy. Nhiều chẳng tức một thành lỗi cũng vậy. Lại nếu trong môn duyên khởi chẳng tương tức, hai nghĩa có không tác chẳng thành lập, bèn có các lỗi tự tánh đoạn diệt v.v... đều còn và hết sạch là, đều (câu) nghĩa là chánh lúc một gồm tha đồng mình, phế mình đồng tha, tức là nhiều gồm một đồng mình, phế mình đồng một vậy. Hết sạch là vì một trong ở tha hai nghĩa tức là nhiều trong ở một hai nghĩa vậy, thì một trong ở tha hai nghĩa hết vậy, nhiều trong ở một, hai nghĩa tức là một trong ở nhiều hai nghĩa vậy, tức nhiều trong ở một hai nghĩa sạch vậy. Ý chỉ chẳng khác trước, nên tư duy đó; sáu, nghĩa thể dụng cùng dung hòa: Một, vì thể căn cứ dụng; hai, vì dụng căn cứ thể; ba, thể dụng đều còn; bốn, thể dụng đều hết, vì thể dụng giao triệt, hình đoạt đều mất tức vào đồng nguồn nên viên dụng một vị; năm, thành giải cảnh; sáu ,thành hành cảnh; bảy, nghĩa đồng thể vào nhau, môn đây tức chỉ môn thứ hai trước, vì thứ hai là môn vốn đồng thể vậy, như một vốn tự là một là vốn một, ứng hai làm hai một, ứng ba làm ba một v.v... chỉ là một cái đối tha thành nhiều, cũng như một người trông cha gọi là con, trông con gọi là cha, trông anh gọi là em, trông em gọi là anh v.v... đến một thể người mà có nhiều tên gọi, nay vốn một như một người, nhiều một như các tên gọi vậy; tám, nghĩa đồng thể tức nhau là, một có nhiều không đã vậy là ví như nhiều một có thể vậy. Do có nhiều một mới gọi là vốn vậy, là

vốn một nên nhiều một có thể, vốn một không thể vậy, nhiều một có thể nên năng gồm vốn một, vốn một không thể ngầm vào nhiều một; chín, nghĩa cùng dung hòa vô ngại là đồng môn khác thể trước vậy, tức môn thứ sáu trước, nghĩa là trong pháp đồng thể duyên khởi lực dụng giao thiệp toàn thể dung hợp, mới thành duyên khởi; mười nghĩa đồng khác viên mãn, nghĩa từ trước lại bốn môn khác thể bốn môn đồng thể, và thứ ba là đồng khác đều còn, đều chẳng vượt ngoài đồng khác hợp ở một xứ, chẳng thiên một môn nên gọi là viên mãn, nếu đầy đủ đều đủ mười huyền, có nhiều thứ nghĩa môn, có gốc có ngọn có đồng có khác, có tức có vào, bốn câu sáu câu v.v... hợp chín môn trước làm môn đồng thời vậy, vả lại như do khác thể vào nhau mang đồng thể vào nhau nên có môn lưới trời Đế-thích. Đồng thể vào nhau trong một đã bao gồm ở nhiều, lại vào khác thể nên nghĩa có lớp lớp, đồng thể vào nhau như gương đã bao hàm nhiều ảnh, lại vào khác thể, như gương của bao hàm ảnh lại vào các gương khác nên có nghĩa của lớp lớp vô tận, ngoài ra chín huyền như văn, nay kết thuộc là, do trong bổn môn thứ nhất dung hòa đồng khác, nay thì dung hòa sáu môn trước, thì ba môn trong khác thể cùng ba môn đồng thể thành tựa nhau, không khác thể đồng thể chẳng thành, không đồng thể khác thể chẳng thành nên sáu môn thành tựa nhau, sau đó bảy môn từ ba môn trước sinh, ba môn trước dung hòa nên bảy môn sau hẳn dung hòa, nên mười huyền môn một khoảng vậy, vì như môn thứ ba trước dung thông cũng có sáu câu. Một, khắp thể toàn khác đủ vào tức chung; hai hoặc khắp thể toàn đồng cũng đủ nhập tức chung; ba hoặc đủ đồng khác đều hiện, không hai thể vậy; bốn, hoặc đều chẳng phải đồng khác, vì đoạt nhau đều hết, nghĩa là đồng tức khác nên chẳng phải đồng, khác tức đồng nên chẳng phải khác; năm, hoặc đủ bốn trước, là giải cảnh vậy; sáu, hoặc tuyệt năm trước, thành hành cảnh vậy, nên căn cứ trí hiển lý, các môn chẳng đồng, bỏ trí quên môn, tất cả chẳng phải nói, nói và chẳng nói vô ngại khó nghĩ lường, chìm đồng biển quả, chỉ mất lời bỏ sót chiếu ngõ hầu huyền lấy vậy, như trên duyên khởi tổng nhân là bên ngoài do bên trong biến gốc ngọn thâu gồm nhau, bên ngoài các khí giới, bên trong thức chóng biến, quả của tăng thượng cũng nhân tự nghiệp, nên nói là bên trong biến, bên trong tức là gốc, bên ngoài tức là ngọn, vì nghĩa duy tâm thì bên trong thâu bên ngoài đem ngọn gồm gốc, nếu dùng pháp tánh làm gốc, pháp tánh dung thông, duyên khởi bởi nhau, thì một mảy trần bao hàm một thân, một sợi lông dung chứa cả cõi nước, nên hợp làm một duyên khởi lớn.

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 73

Hỏi: Phàm trong tám thức che lấp chân tập vọng, thức nào tạo nghiệp, thức nào làm nhân, thức nào làm nương thành tựu vọng chủng đó?

Đáp: Năm thức trước thủ trần, thức thứ sáu làm nhân, thức thứ bảy chấp ngã tạo nghiệp, thức thứ tám làm nương, do đó mà quả khổ sinh tử chẳng đoạn. Trong kinh Lăng-già có kệ tụng nói:

"Như dòng nước lớn hết,
Thì gợn sóng chẳng khởi,
Như vậy ý thức diệt,
Các thứ thức chẳng sinh".

Giải thích: Năm thức trước thủ trần chuyển vào thức thứ sáu, thức thứ sáu ghi nhớ pháp làm nhân, thức thứ bảy phan duyên, thức thứ sáu tạo nghiệp thiện ác được sinh tử ở vị lai, che lấp thức thứ tám chẳng được hiển hiện. Nếu năm thức trước chẳng thủ trần tức không thức thứ sáu, không thức thứ sáu nên thức thứ bảy chẳng sinh, thức thứ bảy chẳng sinh thì không nghiệp thiện ác, không nghiệp thiện ác tức không sinh tử, không sinh tử nên Như Lai Tạng tâm trong lắng thường trú, tức là hai thức thứ sáu thứ bảy diệt kiến lập thức thứ tám. Lại thức thứ tám là chỗ năm thức trrước, thức thứ sáu và thứ bảy nương tựa, cùng các thức làm nhân là, tức thức tâm thứ sáu các thức nương đó, như nước hết thì không gợn sóng. Thức thứ sáu diệt thức thứ bảy cũng chẳng sinh, nên nói một niệm gió vô minh thổi động biển chân như, gió vô minh hết sóng thức chẳng sinh, thì biển giác tánh lắng nguồn nguồn lắng giác vốn diệu.

Hỏi: Tất cả thế gian nhân quả thù đáp sinh tử chẳng tuyệt, ở trong các thức thức nào làm chủ?

Đáp: Nhân duyên sinh diệt một niệm đầu tiên thức A-lại-da làm thể, vì ý thức làm dụng, như vậy nhân quả ba đời lưu chuyển chẳng tuyệt, công tại ý thức, do nghĩa đó nên ý gọi là thức tương tục, trong luận Đại thừa Khởi Tín nói: "Lại nữa, nhân duyên sinh động là, nghĩa

là các chúng sinh y tâm ý thức chuyển, nghĩa đó thế nào? Vì ý thức A-lại-da mà có vô minh bất giác khởi năng kiến năng hiện năng thủ cảnh giới phân biệt tương tục, gọi đó là ý, ý đây lại có năm thứ tên khác: Một, gọi là nghiệp thức, nghĩa là do lực vô minh tâm bất giác động; hai gọi là chuyển thức, nghĩa là y tâm động năng kiến cảnh tướng; ba gọi, là hiện thức nghĩa là hiện tất cả tướng cảnh giới, giống như gương sáng hiện các sắc tượng, hiện thức cũng vậy, như năm cảnh đó đối đến tức hiện, không có trước sau, chẳng do công lực; bốn gọi,l à trí thức, nghĩa là phân biệt nhiễm tịnh các pháp sai biệt; năm gọi, là tương tục thức, nghĩa là hằng tác ý tương ưng chẳng đoạn, nắm giữ các nghiệp thiện ác v.v... ở quá khứ khiến không mất hoại, thành thục quả báo khổ lạc v.v... hiện tại và tương lai khiến không có trái vượt, những sự đã từng trải qua, chợt nhiên nghĩ nhớ, sự chưa từng trải vọng sinh phân biệt". Cho nên ba cõi tất cả đều lấy tâm làm tự tánh. Lìa tâm thì không cảnh giới sáu trần, tai sao? Tất cả các pháp lấy tâm làm chủ, từ vọng niệm khởi, phàm chỗ phân biệt đều phân biệt tự tâm, tâm chẳng thấy tâm, không tướng có thể được, cho nên phải biết tất cả tướng của cảnh giới thế gian, đều y vô minh vọng niệm nơi chúng sinh mà được kiến lập, như sắc tượng trong gương không thể có thể được, chỉ từ tâm hư vọng phân biệt chuyển, tâm sinh thì các thứ pháp sinh, tâm diệt thì các thứ pháp diệt nên giải thích là: Thông luận thức của năm thứ đều gọi là ý, căn cứ gốc mà nói, chỉ lấy nhãn thức, vì rất vi tế, làm gốc các thức vậy. Nghiệp thức như vậy, kiến tướng chưa phân, nhưng các Bồ-tát biết tâm vọng động, không cảnh giới trước, rõ tất cả pháp chỉ là thức lượng, bỏ chấp bên ngoài ở trước, thuận nghĩa nghiệp thức, nên gọi là nghiệp thức, tâm chẳng thấy tâm không tướng có thể được, là nói rõ nghĩa các pháp chẳng phải có, trong kinh Nhập Lăng-già có kệ tụng nói:

"Thân vốn sinh trú trì,
Nếu như sinh trong mộng,
Nên có hai thứ tâm,
Mà tâm không hai tướng,
Như dao chẳng tự cắt,
Như tay chẳng tự xúc,
Như tâm chẳng tự thấy,
Sự đó cũng như vậy".

Nếu như chỗ thấy các sự trong mộng là thật có, tức có hai tướng năng kiến sở kiến, mà trong mộng đó thật không hai pháp, các tâm trong ba cõi cũng như mộng đây, lìa bên ngoài tâm không thể phân

biệt, nên nói tất cả phân biệt tức phân biệt tự tâm, mà căn cứ tự tâm chẳng năng tự thấy, như dao và tay v.v... nên nói tâm chẳng thất tâm, đã không tha có thể thấy cũng chẳng tự năng tự thấy, sở thấy không nên năng thấy chẳng thành, hai tướng năng sở đều không chỗ được, nên nói không tướng có thể được. Lại một tâm tùy vô minh động làm năm thứ thức, nên nói ba cõi chỉ tâm chuyển vậy, tâm đây tùy huân tợ hiện tuy có các thứ, nhưng tận cùng nhân duyên đó chỉ tâm làm vậy, lìa hiện thức thì không cảnh sáu trần, trở lại nghiệp sáu trần chỉ là một tâm, nên nói lìa tâm thì không cảnh v.v...

Hỏi: Hiện có cảnh sáu trần cớ sao chỉ là tâm?

Đáp: Vì tất cả pháp đều là tâm đây tùy chỗ huân khởi lại không thể khác, nên nói là tuy tâm nghi ngờ rằng: Sao làm các pháp ư? Đáp: Do vọng niem huân nên sinh khởi các pháp, nên nói từ vọng niệm khởi cũng có thể nghi ngờ rằng: Pháp đã duy tâm sao ta không thấy, mà chỗ ta thấy chỉ là khác tâm? Giải thích: Khác tâm là vọng niệm phân biệt mà làm, nên nói vọng niệm sinh vậy. Đã cảnh duy tâm, không pháp khác bên ngoài, cho nên các thứ phân biệt đều là tự tâm, tức trần không tướng thức chẳng tự duyên, cho nên không trần thức chẳng sinh thì tâm chẳng thấy tâm vậy. Trong luận Nhiếp Đại thừa nói: “Không có pháp riêng biệt năng thủ pháp riêng biệt, năng sở đã cùng tận vậy, không tướng có thể được vậy”. Tâm sinh các thứ pháp sinh, tâm diệt các thứ pháp diệt là, như trong luận Du-già nói: “Hỏi: Các hành giả tu quán lúc thấy biến kế sở chấp không tướng, phải nói là vào tánh nào ư? Đáp: Vào tánh viên thành thật. Hỏi: Lúc vào tánh viên thành thật phải nói dứt trừ tánh nào? Đáp: dứt trừ tánh y tha khởi” do đây phải biết duy thức quán thành thì không có thức. Trong kinh Lăng-già có kệ tụng cũng nói:

“Tâm lượng của không tâm,
Ta nói là tâm lượng”

Là nghĩa đây vậy, nếu y cứ luận đây. Nếu vô minh động chân như thành duyên khởi sinh diệt, gió vô minh diệt sóng thức tức ngưng, chỉ là nhân như bình đẳng, bình đẳng vậy, cảnh giới đây là bên ngoài của tâm không thể có thể được, lại cũng tức là tâm vậy, lại là không thể, như bên ngoài gương không thể, bên trong gương lại không thể vậy, nghi ngờ rằng: Đã không thể đó, vì sao rõ ràng hiển hiện? Giải thích: Đều là trên chân tâm hư vọng hiển hiện, xứ nào có thể mà có thể được vậy? Nghi ngờ rằng: Vì sao biết hiển hiện trên tâm? Giải thích: Vì tâm sinh thì các thứ pháp sinh, vì lực vô minh tâm bất giác động năng hiện tất cả giới, thì tâm tùy huân động nên gọi là sinh vậy. Nếu không vô minh diệt

cảnh giới tùy diệt, các thú phân biệt đều diệt không còn thừa, nên nói là tâm diệt các thứ pháp diệt, đây thì nguồn tâm trở lại trong sạch nên nói: Diệt vậy rồi, tâm tùy bất giác vọng hiện các cảnh, nghiệm các cảnh chỉ là tâm không thể vậy. Lại phàm tâm là hình ở chưa hiện điềm, động tỉnh không gì chẳng ứng ở tự tâm. Như Kinh Thi nói: "Lời nguyện thì thề nguyện nghĩ vậy. Nói ta vậy nghĩa là người, hoặc nghĩ rồi thì thề". Nên biết tâm ứng ngàn dặm, giả sử có ở xa mà nghĩ là ta đều biết vậy, cho nên muôn sự duy tâm biết trước nên được xưng là tâm linh, nghĩa là đây vậy. Như ở Thái sơn có Ngô Bá Vũ cùng người em lạc mất nhau hơn hai mươi năm, cùng gặp nơi chợ nhưng chung đuổi nhau, Bá Vũ cảm thấy tâm thần xót thương, nhân hỏi bèn làm anh em.

Hỏi: Nhân duyên sinh diệt riêng lấy gì làm nhân lấy gì làm duyên mà được sinh khởi?

Đáp: Các sư xưa trước giải thích: Nhân duyên sinh diệt, thể tướng có hai: Một tâm thể A-lại-da chẳng giữ tự tánh biến làm các pháp là nhân sinh diệt. Căn bản vô minh huân động tâm thể, là duyên sinh diệt. Lại nữa vô minh trú địa các nhiễm căn bản khởi các sinh diệt nên nói là nhân, cảnh giới sáu trần năng động bảy thức gợn sóng sinh diệt, là duyên sinh diệt, y cứ hai nghĩa đây để hiển bày nhân duyên, các tướng sinh diệt tự tập mà sinh, nên nói là chúng sinh, mà không thể riêng biệt chỉ nương tâm thể nên nói là y tâm, tức là tướng tự tâm A-lại-da vậy. Lại chân vọng hòa hợp các thức duyên khởi, nên dùng bốn câu để biện giải đó: Một, vì Như Lai Tạng chỉ chẳng sinh diệt, như nước tánh ẩm ướt; hai, bảy thức chỉ sinh diệt, như gợn sóng nước; ba, thức A-lại-da cũng sinh cũng diệt, cũng chẳng sinh diệt, như biển gồm cả động tỉnh; bốn, vô minh đảo chấp chẳng phải sinh diệt chẳng phải chẳng sinh diệt, như sóng khởi mạnh, gió chẳng phải nước chẳng phải sóng.

Hỏi: Thức A-lại-da đã thông cả động tỉnh, chẳng nên chỉ tại môn sinh diệt ư?

Đáp: Làm khởi tỉnh để thành động, không riêng có thể động, cho nên tánh tỉnh tùy ở động cũng tại tròn môn sinh diệt. Chẳng phải ngay thức A-lại-da đủ động tỉnh tại trong sinh diệt đây. Cũng là Như Lai Tạng chỉ chẳng động cũng tại trong môn đây.Tại sao? Sinh diệt kia không thể riêng biệt vậy, như nước làm sóng. Lại trong luận Đại Thừa Khởi Tín nói vô minh làm nhân cảnh giới là duyên, sinh tức ba tế, tướng sáu thô, thì tùy duyên của mê muội mà chìm trong sáu thú. Thủy giác làm nhân, năm độ làm duyên của ngộ giải mà lên nhất thừa, lại nói mê thì có pháp vọng nhiễm nhiều hơn số cát sông Hằng, tức nhiễm duyên sinh mà tịnh

duyên diệt, ngộ thì có các công đức tịnh nhiều hơn số cát sông Hằng, tức tịnh duyên khởi mà nhiễm duyên mất, nhưng chỉ chỗ một tâm làm, lại không hai nguồn, nghĩa nói theo ngộ theo mê, thật không năng theo sở theo. Nên trong luận nói: "Vì tất cả pháp đều từ tâm khởi vọng niệm mà sinh, phàm chỗ phân biệt đều phân biệt tự tâm, tâm chẳng thấy tâm không tướng có thể được". Như các bậc cổ đức giải thích: Thí dụ của nước và sóng như hai môn sinh diệt và chân như. Lấy nước ẩm ướt dụ cho tâm chân như, lấy sóng động dụ cho tâm sinh diệt, sóng không khác động của ẩm ướt thì không khác sinh diệt của chân như, tức nước để biện rõ ở sóng chẳng biến tánh mà duyên khởi vậy, nước không khác ẩm ướt của động thì không có lìa chân như của sinh diệt. Tức sóng để rõ ràng nước dưới bỏ duyên mà tức chân vậy.

Hỏi: Mọi sự của nghĩ nhớ quyết định thuộc pháp nào mà sinh?

Đáp: Đại thừa nói: Pháp năng nghĩ nhớ có ba: Một tự chứng phần năng ghi nhớ kiến phần; hai, niệm trong biệt cảnh năng ghi nhớ sự đã từng trải; ba, chủng tử trong thức năng chẳng vọng sinh mà tự hiện hành. Trong Duy Thức Sớ nói : "Như cảnh chẳng từng trải qua tức chẳng năng nhớ, như sắc hiện hành từng bị kiến phần duyên là sau đó hẳn năng nhớ. Nếu chẳng từng làm tướng phần duyên, lúc sau hẳn chẳng năng ghi nhớ vậy, vì kiến phần năng duyên ở thời quá khứ và thời hiện tại chỉ duyên tướng phần, chẳng từng tự duyên tâm trước đã diệt đã quá khứ rồi, kiến phần thời nay có chỗ nào để năng tự nhớ giữ? Vì ở thời xưa trước chẳng từng trở lại duyên tự kiến phần vậy. Đã chấp thuận tâm tâm sở pháp thời nay năng tự ghi nhớ, rõ ràng do thời xưa trước có tự chứng phần duyên ở kiến phần, chứng cảnh duyên kia làm lượng quả nên nay năng nhớ.

Hỏi? Trong môn sinh diệt, trong quả vị hữu lậu, căn cứ chỗ giáo luận bàn thì có bao nhiêu thứ sinh tử?

Đáp: Lược có hai thứ: Một là, phần đoạn; hai là, biến dịch, trong luận Duy thức nói: "Một, phần đoạn sinh tử, nghĩa là các nghiệp thiện và bất thiện hữu lậu, do phiền não chướng duyên hỗ trợ thế lực, chỗ cảm ba cõi quả dị thục thô, thân mạng dài ngắn tùy lực nhân duyên có định hạn lượng, nên gọi là phần đoạn; hai, chẳng nghĩ bàn biến dịch sinh tử, nghĩa là các nghiệp có phân biệt vô lậu, do sở tri chướng duyên hỗ trợ thế lực, chỗ cảm quả dị thục vi tế thù thắng, do lực từ nguyện cải chuyển thân mạng không định hạn lượng, nên gọi là biến dịch. Định nguyện vô lậu chánh chỗ vốn cảm, diệu dụng khó lường, nên gọi là chẳng nghĩ bàn, hoặc gọi là ý sinh thân, tùy ý nguyện mà thành vậy,

như trong Khế kinh nói: Như thủ làm duyên nghiệp nhân hữu lậu tương tục hậu hữu mà sinh ba hữu. Như vậy tập địa vô minh làm duyên nghiệp nhân vô lậu, có A-la-hán, Độc giác, Bồ-tát đã được tự tại, ba thứ ý sinh thân cũng gọi là biến hóa thân. Định lực vô lậu chuyển khiến khác gốc như biến hóa vậy.

Hỏi: Trong luận nói: Sở tri chướng chẳng chướng giải thoát, không năng phát nghiệp dụng nhuận sinh, sao dụng giúp cảm khổ sinh tử?

Đáp: Thành hai lợi (tự tha) nên lại phải giúp sinh. Trong luận nói: "Tự chướng Bồ-đề lợi lạc tha vậy" nghĩa là Thanh văn Độc giác chẳng định tánh và Bồ-tát được đai nguyện tự tại đã trọn đoạn phục phiền não chướng vậy, không dung lại thọ ngay thân phần đoạn sợ phế bỏ thời gian lâu dài tu hạnh Bồ-tát, bèn dùng nguyện lực thắng định vô lậu như pháp kéo dài thọ mạng giúp nhân hiện thân, khiến thời gian dài kia cùng quả chẳng tuyệt, luôn luôn như vậy định nguyện trợ giúp, cho đến chứng đắc vô thượng Bồ-đề, kia lại sao phải sở tri chướng hỗ trợ? Đã chưa viên chứng đại bi không tướng, chẳng chấp Bồ-đề hữu tình thật có, không do phát khởi bi nguyện mạnh lợi. Lại sở tri chướng chướng đại Bồ-đề là trọn đoạn trừ, lưu thân lại trú lâu. Lại sở tri chướng là hữu lậu y, chướng này nếu không, định kia chẳng phải có nên ở thân trú có lực hỗ trợ lớn. Nếu thân lưu lại là do định nguyện hữu lậu hỗ trợ giúp là thân phần đoạn nhiếp. Nhị thừa dị sinh cảnh sở tri, nên định nguyện vô lậu hỗ trợ giúp là thân biến dịch nhiếp chẳng phải cảnh kia vậy. Do đây nên biết, biến dịch sinh tử tánh là hữu lậu, quả dị thục nhiếp ở nghiệp vô lậu là quả tăng thượng, giải thích: Bồ-tát đắc đại nguyện tự tại đã trọn đoạn phục phiền não chướng, nghĩa là hàng Bồ-tát từ bát địa trở đi tuy gá phiền não sinh tử mà thọ sinh nhưng chẳng đồng như phàm phu và hàng nhị thừa nói hiện và chủng nhuận, do khởi phiền não nghiệp thế lợi ích hữu tình, mới năng cảm quả sinh tử, phiền não nếu phục nghiệp thế bèn hết, nên phải pháp chấp hỗ trợ nguyện thọ sinh. Nên đã trọn đoạn phục không dung lại thọ ngay quả phần đoạn. Đã có ích của hai lợi (tự tha) quán biết báo phần đoạn kết thúc, sợ phế bỏ thời gian lâu dài tu Bồ-tát hạnh bèn nhập thắng định vô lậu, lực của thắng nguyện, như pháp của A-la-hán kéo dài thọ mạng, giúp nhân của thân hiện tại, tức vốn ở quá khứ cảm thân nghiệp hiện nay, khiến nghiệp kéo dài thời gian cùng quả chẳng tuyệt, đã chưa viên chứng đại bi không tướng, chẳng chấp Bồ-đề hữu tình có thật, không do phát khởi bi nguyện mạnh lợi là, đã chưa thành thật viên chứng đại bi không tướng, một vị giải thoát của bình đẳng. Nếu chẳng chấp Bồ-đề có thể cầu hữu tình có thể độ là thật

có là, không có nhân do có thể năng khởi đại bi mạnh lợi và nguyện mạnh lợi. Do đó sở tri chướng có thể cầu có thể độ, chấp làm trước mới có thể năng phát khởi nghiệp vô lậu vậy. Nói nghiệp là nhân, vì là ưu thắng vậy. Vô minh là duyên vì sơ xa vậy, chẳng phải như phiền não giúp nguyện hữu lậu, chỉ nghĩa duyên đồng, phần ít tương tợ. Lại sở tri chướng chướng đại Bồ-đề chánh chướng trí vậy, là trọn đoạn trừ sở tri chướng đây lưu thân lại trú lâu, nói đó là duyên, là chỗ đoạn duyên vậy, lại sở tri chướng đây năng làm y của tất cả hữu lậu, do có chướng đây, cùng các hành pháp chẳng thành vô lậu vậy. Chướng của sở y đây nếu không thì năng y vô lậu kia quyết định chẳng phải có, nay đã lưu thân lại trú lâu, do có sở tri chướng làm duyên, nên nói chướng đây là nơi thân trú có lực hỗ trợ lớn, nói là duyên vậy. Biến dịch sinh tử đây là Bồ-tát thành tựu bi nguyện, viên mãn Bồ-đề, nếu phần đoạn sinh tử tức là vọng tâm phàm phu tạo nên, niệm niệm đắm trước vào vòng khổ lớn không có dứt nghỉ. Như trong kinh Đại Niết-bàn nói: "Phật bảo Ca-diếp: Chúng sinh ở thế gian do điên đảo che lấp tâm, tham trước tướng sống nhàm chán hoạn già chết. Ca-diếp! Bồ-tát không như vậy, quán lúc vừa mới sinh đã thấy các thứ quá hoạn. Ca-diếp! Như có người nữ vào nhà người khác, người nữ đó dung mạo đoan chánh đẹp xinh, dùng anh lạc đẹp trang nghiêm nơi thân, người chủ nhà trông thấy bèn hỏi: "Người tên gì? Hệ thuộc ở ai?" Người nữ đáp: "Thân tôi là Công Đức Đại Thiên". Người chủ hỏi: "Nơi ngươi đi đến vì làm những gì?" Người nữ đáp: "Nơi tôi đi đến năng cho các thứ vàng bạc, lưu ly, pha lê, trân châu, san hô, hổ phách, xa cừ, mã não, voi, ngựa, xe cộ, tôi tớ v.v...". Người chủ nghe vậy tâm sinh vui mừng nhảy nhót vô lượng nói là: "Nay ta thật phước đức vậy khiến ngươi đến nơi vườn nhà ta". Liền bèn đốt hương rải hoa cúng dường cung kính lễ bái. Lại ở nơi ngoài cửa trông thấy có một người nữ, hình mạo xấu xa áo quần rách nát, lấm chỗ dơ bẩn, da dẽ nức nở, sắc đó già trắng. Thấy rồi bèn hỏi: "Ngươi tên gì, hệ thuộc nhà ai?" Người nữ đáp: "Tôi tên Hắc Ám". Người chủ đáp: "Tại sao gọi là Hắc Ám?" Người nữ đáp: "Phàm nơi chỗ tôi đến thì năng khiến nhà đó chỗ có các thứ của cải quý báu thảy đều suy hao". Người chủ nghe vậy bèn nắm dao bén mà bảo rằng: "Nếu ngươi chẳng đi khỏi đây thì ta sẽ đoạn dứt mạng ngươi". Người nữ nói: "Ông rất ngu si không có trí tuệ?. Người chủ hỏi: "Sao gọi là ngu si không trí tuệ". Người nữ đáp: "Người ở trong nhà ông là chị của ta, ta thường với thị đi ở cùng chung, nếu ông xua đuổi ta thì cũng phải xua đuổi người kia". Người chủ trở vào hỏi Công Đức Thiên: "Ở bên ngoài có một người nữ

nói là em ngươi, vậy là thật ư?” Công Đức Thiên nói: “Thật là em ta, ta và em đó đi đứng cùng chung, chưa từng tạm lìa nhau, tùy chỗ đi đến, ta thường lậm tốt, kia thường làm xấu, ta thường làm lợi ích, kia thường làm suy hao. Nếu mến ta là cũng phải mến kia, nếu cung kính ta thì cũng phải cung kính kia”. Người chủ bèn nói: “Nếu có sự tốt xấu như vậy, ta đều chẳng dùng, các ngươi nên tùy ý mà đi”. Khi ấy hai người nữ cùng dẫn nhau trở về chỗ nghỉ. Bấy giờ người chủ thấy hai người nữ đó đi rồi, tâm sinh vui mừng nhảy nhót vô lượng. Giải thích: Công Đức Thiên là, tức dụ cho sinh, Hắc Ám nữ là tức dụ cho tử, chỉ là hai pháp sinh tử ở thế gian, là gốc của các ác, là nguồn của các khổ, các bậc hiền Thánh đều chê trách, các hàng ngu si bị che lấp. Người chủ trông thấy rồi là, tâm trông nhìn nơi cảnh gọi là thấy. Tức bèn hỏi là, để giải thật của quán sinh cầu sinh, gọi là hỏi. Người nữ đáp là, nghĩa cảnh đối nơi tâm gọi là đáp, Công đức đại thiên là dụ cho sinh là xuất tướng, công đức báo chủ, đủ ánh sáng sáu thức chiếu rõ cảnh giới sáu trần, gọi là công đức thiên vậy. Hệ thuộc ở ai là, nên nói thuộc hoặc nghiệp. Ta nay phước đức là, trước tu nhân hiện nay thọ quả báo trời, gọi là đến vườn nhà ta. Lại ở bên ngoài cửa là, nghĩa chết vất bỏ thân nhà gọi là ngoài cửa. Hệ thuộc nhà ai là, duyên ứng tức chết không sở thuộc vậy. Ta tên Hắc Ám là, chết là mất tướng, tuy có năm căn mà không chỗ hay biết gọi là Hắc Ám vậy. Ta thường với em đi ở chung cùng là, tức sinh tức tử là đi ở chung, người chủ liền nói: Nếu có sự tốt xấu như vậy, ta đều chẳng dùng là, phàm đối với sinh chẳng mừng, thấy chết thì chẳng lo vậy, khi ấy người chủ thấy hai người đó đi rồi, tâm sinh vui mừng nhảy nhót vô lượng là, lúc chứng sơ địa lìa tử phần đoạn vào hoan hỷ địa, nên nói là vui mừng vô lượng vậy.

Hỏi: Chỉ có thức bên trong mà không duyên bên ngoài cớ sao lại nói sáu xứ luân hồi sinh tử tương tục?

Đáp: Trong luận Duy thức có kệ tụng nói:

“Do các nghiệp tập khí,
Hai thủ tập khí câu,
Dị thục trước đã hết,
Lại sinh dị thục khác”.

Các nghiệp nghĩa là phước nghiệp tội nghiệp và bất động nghiệp, tức hữu lậu thiện và bất thiện tư nghiệp, quyến thuộc của tư nghiệp cũng lập tên nghiệp, đồng chiêu dẫn mãn dị thục quả vậy, đây tuy mới khởi, không thời gian tức diệt, không nghĩa năng chiêu dị thục quả tương lai, mà huân bản thức khởi tự công năng, tức công năng đây nói

là tập khí, là nghiệp khí phần chỗ huân tập thành, chọn lựa từng hiện nghiệp nên gọi là tập khí, tập khí như vậy triển chuyển tương tục, đến lúc thành thục chiêu dị thục quả, đây là hiển bày quả ưu thắng tăng thượng duyên ở tương lai. Tướng kiến danh sắc tâm và tâm sở gốc ngọn thủ kia đều hai thủ gồm, sở huân kia phát thân năng sinh công năng trên bản thức kia gọi là hai thủ tập khí. Đây là hiển bày dị thục quả ở đời sau tâm và tương ưng các nhân duyên chủng kia, nghĩa là câu nghiệp chủng hai thủ chủng câu là nghĩa thân duyên sơ duyên qua lại hỗ trợ, nghiệp chiêu sinh hiển hiện, nên trong kệ tụng trước nói dị thục trước là, nghĩa là trước trước sinh nghiệp dị thục quả. Các dị thục khác là nghĩa là sau sau sinh nghiệp dị thục quả, tuy chủng hai thủ mà thọ quả không cùng mà nghiệp tập khí thọ quả có tận. Do dị thục quả tánh không riêng biệt khó chiêu. Đẳng lưu tăng thượng tánh đồng dễ cảm, do cảm sinh nghiệp v.v... chủng thục khác, dị thục quả trước lúc thọ dụng hết, sau riêng năng sinh các dị thục quả khác, do đó mà sinh tử lưu chuyển không cùng, sao phải nhờ duyên bên ngoài mới được tương tục? Ý kệ tụng đây nói là, do nghiệp hai thủ sinh tử luân hồi, đều chẳng lìa thức tâm tâm sở pháp làm tánh kia vậy. Giải thích: Đây tuy mới khởi không thời gian tức diệt, không nghĩa năng chiêu dị thục quả tương lai là, tuy hiện tại dụng không có thể của quá khứ năng chiêu chân dị thục quả ở tương lai, mà nghiệp hiện hành lúc đang tạo, huân nơi bản thức khởi công năng của tự nghiệp. Công năng tức là tập khí, tập khí dần chuyển đổi tương tục đến lúc thành thục chiêu dị thục quả. Tướng kiến danh sắc tâm và tâm sở gốc ngọn thủ kia đều hai thủ gồm lấy là: Một, tướng kiến, nghĩa là tức chấp thủ thật năng chấp thủ thật sở thủ kia gọi là hai chấp thủ; hai, chấp thủ sinh sắc, sắc là sắc uẩn, danh là bốn uẩn, tức là chấp thủ năm uẩn làm nghĩa. Trước nói trong tướng cũng thông thủ vô vi, vì là bản chất vậy, nay đây chỉ hiển bày thủ chỗ thân duyên, chẳng năng duyên được pháp bên ngoài tâm vậy. Lại biến ảnh tướng phần của vô vi cũng gọi là sở gồm, chẳng lìa tâm v.v... vậy; ba, chấp thủ tâm và sở tâm, tất cả pháp năm uẩn chẳng lìa hai thủ đây vậy; bốn, gốc ngọn, nghĩa là chấp thủ năng quả, thức thứ tám là căn bản của các dị thục, lại là tổng báo phẩm nên gọi là gốc, các thức dị thục v.v... khác là biệt báo phẩm nên gọi là ngọn, tức chấp thủ một dị thục vậy. Năm chấp thủ kia là tức bốn chấp thủ trên vậy, các chấp thủ đây đều là chỗ hai chấp thủ gồm, tức la chấp thủ của hiện hành vậy, tuy hai chấp thủ chủng thọ quả không cùng mà nghiệp tập khí thọ quả có tận là do dị thục quả tánh không riêng biệt khó chiêu, Đẳng lưu tăng thượng tánh

đồng dể cảm là, chủng tử hai thủ thọ quả không cùng là, trong luận Nhiếp Đại thừa nói: “Tập khí có tận”. Tại sao? Do dị thục quả: Một, tánh riêng biệt khác với tánh nghiệp, chẳng nhiều tướng thuận; hai, khó chiêu, nghiệp tuy chiêu được, nghĩa là hẳn đời khác quả mới thành thục vậy, nghiệp tập khí có tận, như trầm xạ cỏ uế cỏ úa hết vậy. Đẳng lưu quả và tăng thượng quả đó. Một, tánh đồng, thể tánh tướng thuận; hai ,dễ cảm, đồng thời sinh vậy, niệm đây huân rồi tức năng sinh quả vậy, chủng hai chấp thủ cảm quả. Thế nào là đẳng lưu? Thế nào là tăng thượng? Tăng thượng rỗng thoáng chỉ đẳng lưu hẳn tăng thượng, đẳng lưu nghĩa là chủng tử cùng hiện hành và tự chủng là câu sinh đồng loại nhân nên vậy. Tăng thượng xứ thể không riêng biệt, tức đẳng lưu tánh vậy. Lại là đẳng lưu quả nên tánh đồng, là tăng thượng quả nên dể cảm. Lại chủng trong hiện hành là tăng thượng, trong tự loại chủng là đẳng lưu, nghiệp chủng trong hiện và chủng kia đều khác tánh vậy, chỉ là dị thục, dị thục trước lúc thọ dụng hết, lại chẳng năng sinh các dị thục quả khác ý là do cảm sinh các nghiệp v.v... chủng tử khác thành thục vậy, ở trong thân đời nay dị thục quả trước lúc thọ dụng hết tức là thân đây ở vị lâm chung, chỗ thành thục nghiệp kia lại riêng năng sinh các quả khác kia khởi, tức lúc nghiệp trước hết, lúc quả chủng sau thành thục, dị thục quả đó lại được sinh, do đó sinh tử chẳng đoạn tuyệt vậy, do vậy nghiệp quả không đoạn sinh tử tương tục lưu chuyển không cùng, sao phải nhờ mượn duyên của bên ngoài tâm mới được sinh tử tương tục? Tương tục thức đây không có lúc đoạn. Nếu chưa xúc chạm thành quán chắc rõ tự tâm, đều đối cảnh sinh nghi ngờ, chấp có pháp trước, tất cả sinh tử đều là nghi tình, chỉ rõ duy tâm tự nhiên không lỗi, nếu nghi rắn sinh bệnh, đâu có cảnh thật ở lòng như treo cát dứt đói, chỉ là tự tâm tưởng khởi, như truyện Lạc Quảng trong Tấn Thư nói: Quảng có người khách thân cách biệt lâu chẳng đến, Quảng hỏi nguyên do, khách đó đáp: “Trước kia đang ở tòa được ban rượu, thấy trong chén có rắn, ý rất ghét đó, uống xong bèn bệnh”. Khi ấy ở sảnh thự tại Hà Nam trên vách tường có chiếc sừng, bóng sừng như hình. Ý Quảng cho rằng rắn trong chén tức ảnh bóng chiếc sừng vậy, bèn lại đặt chén rượu phía trước đó, người khách chợt nhiên ý giải, bệnh trầm kha liền dứt, Lại trong luận ở chương Tứ thực Cổ sư nghĩa môn thủ sao viết: thức ăn tư tưởng là như gặp năm đói kém, trẻ con theo mẹ đòi ăn khóc hoài chẳng nín, người mẹ bèn treo đãy cát mà dối bảo: Đây là cơm, con trông kỹ đẩy đó bảy ngày rồi đem mà ăn, sau bảy ngày người mẹ đem xuống mở xem, trẻ con trông thấy đó là cát tuyệt vọng, nhân đó mà chết, mới biết nghiệp

sinh lão bệnh tử đều là tự tâm, địa thủy hỏa phong trọn không thể riêng biệt, do vì chúng sinh đắm trước sinh tử, hàng nhị thừa nhàm sợ sinh tử, đều là chẳng rõ ngoài tâm không pháp, chỉ là chỗ cảnh lưu giữ. Lấy bỏ tuy khác, nhưng đều chẳng phải giải thoát, tại sao? Chúng sinh bị sinh tử trói buộc. Như trong kinh Lăng-già nói: "Lại nữa, Đại Tuệ! Các chúng Thanh văn sợ khổ sinh tử vọmg tưởng mà cầu Niết-bàn, chẳng biết sinh tử Niết-bàn tướng của sai biệt, tất cả đều là vọng phân, riêng có không chỗ vậy, vọng chấp các căn cảnh diệt ở vị lai lấy làm Niết-bàn. Không biết chứng cảnh giới tự biết chuyển sở y tạng thức làm đại Niết-bàn, người ngu si kia không biết quá khứ vị lai hiện tại chư Phật giảng nói đều là cảnh giới tự tâm, mà thủ cảnh bên ngoài tâm, mà thủ cảnh bên ngoài tâm, thường ở sinh tử luân chuyển chẳng tuyệt."

Hỏi: Sinh tử tương tục, do hai chi thủ và hữu ngã chấp, gọi là hai chủng tập khí hành dị thục quả, nghiệp sinh tử đó trước lại sau đó quyết định thuộc thức nào?

Đáp: Chỉ thức thứ tám là căn bản của các dị thục, nếu không thức đây sinh tử chẳng thành, do bảy chuyển thức trước có gián đoạn chẳng phải là chủ. Thức đây cũng gọi là chấp trì thức, năng trì chủng tử căn thân, nghĩa là một niệm đầu tiên có chấp thú kết sinh tương tục tức là nghĩa giới thú sinh, chấp kết thú sinh đây chẳng thông quả vị, hàng Bồ-tát từ bát địa trở lên chẳng thông chấp thú kết sinh, nay chỉ lấy nghĩa chấp trì chủng tử căn thân, nên gọi là nghĩa chấp trì, đây thông tất cả vị, đây là sinh vị đầu tiên quấy bào thai thành thể, cho đến trước lúc chết các thức đều là mê muội biến đổi rơi rụng, chỉ dị thục thức sau cùng chấp thọ thân phần, xả báo thọ xứ, lạnh xúc bèn sinh, ba thứ thọ noãn thức chẳng lìa nhau vậy, lúc lạnh xúc khởi tức là chẳng phải tình, tuy biến cũng duyên mà chẳng chấp thọ vậy, do đây làm phàm làm Thánh thường làm chỗ nương tựa, bỏ sinh thú sinh luôn làm chủ đó.

Hỏi: Sinh tử nơi nương khoảng có bao nhiêu sự?

Đáp: Sinh tử lưu chuyển chỗ rương sự có ba. Trong kinh nói: "Có ba thứ lưu chuyển: Một, xứ lưu chuyển ở ba đời, xứ do ngã phân biệt; hai, sự lưu chuyển do sáu xứ bên ngoài do ngã thủ chấp; ba, như vậy mà chuyển các nghiệp dị thục tương tục lưu chuyển."

Hỏi: Do hai thủ tập khí mà thành sinh tử, hẳn nhân công năng hiện hành mới thành tập khí. Vả lại hiện hành pháp nào huân thành sinh tử?

Đáp: Mới đầu nhân vô minh chẳng rõ phát nghiệp, tiếp theo nhân tình ái tham trước nhuận sinh, nên nói từ si có ai thì ngã bệnh sinh, vì si

ái nên niệm niệm tương tục, phải biết niệm tức là sinh tử. Trong kinh nói: "Khởi một niệm thiện, thọ nhân trời người, khởi một niệm ác thọ thân ba đường." Nên biết niệm niệm trong đêm ngày tạo thân của sinh tử vị lai, nào có cùng tận! Trong lời tự kinh An Bang Thủ Ý nói: "Trong khoảng khảy móng tay, tâm có chín trăm sáu mươi lần chuyển, trong một đêm một ngày, mười ba ức ý ý có một thân, tâm chẳng tự biết, như chủng đại kia vậy". Trong kinh Bồ-tát Xứ Thai nói: "Trong một khoảng khảy móng tay có ba mươi hai ức trăm ngàn ức, niệm niệm thành hình, hình hình đều có thức, do oai thần của Phật vào trong vi thức đó đều khiến được độ. Thức đây giáo hóa chẳng phải không thức vậy."

Hỏi: Pháp của sinh tử là có nghĩa hay là không?

Đáp: Chẳng phải có, chẳng phải không, tại sao? Nếu nói là có thì địa thủy hỏa phong trong ngoài một thân, mỗi mỗi đều là tánh không, chưa từng tụ tán. Do đó sinh của không sinh có thể nói là sinh, diệt của không diệt có thể nói là diệt. Như trong kinh Am-đề-già Nữ Sư Tử Hống Liễu Nghĩa nói: "Nếu năng rõ biết địa thủy hỏa phong bốn duyên rốt ráo chưa từng tự được có chỗ hòa hợp, mà năng tùy chỗ thích nghi đó có chỗ nói, đó là nghĩa sinh, cho đến nếu năng rõ biết địa thủy hỏa phong rốt ráo chẳng tự được có chỗ tán hoại, mà năng tùy chỗ thích nghi đó có chỗ nói, đó là nghĩa tử". Nếu nói là không vì là nhiễm tịnh chân như chẳng giữ tự tánh, bất giác theo duyên như huyễn sinh diệt, nên nói sắc thân lưu chuyển trong năm thú gọi là chúng sinh. Như nói ở trên hai thứ sinh tử của phàm Thánh, phải biết đạo trong sinh tử mới lìa đoạn thường, do đó không sinh của sinh, chân tánh trong lắng, sinh của không sinh, nghiệp quả rõ ràng, chân tánh trạm nhiên chẳng thể chấp thường, nghiệp quả rõ ràng chẳng thể chấp đoạn. Lại nữa, chư Phật xuất hiện nơi đời, còn như hoa đốm giữa hư không loạn sinh loạn diệt, huống gì chúng sinh điên đảo sinh tử, chỉ như mộng vọng tợ say cuồng, đâu là thật ư? Đại sư Dung nói: 'Tất cả phàm Thánh, ba đường trở lên, chủng trí trở xuống, đều vọng tưởng cho là có, đều là trong mộng. Như người trong mộng thấy ở địa ngục các thứ phương tiện, cầu thoát sóng sinh cay đắng, chỉ phấn chấn khiến tỉnh, tức tất cả sự đều không". Như nay đều là chỗ làm trong mộng trở lại thọ báo mộng, lại như người say cuồng, luôn tùy vật chuyển, do đó tất cả chúng sinh uống rượu vô minh, nằm năm trú địa, trải kiếp lâu dài hôn mê. Ai người có tỉnh lúc chợt được thấy tánh, như đồng say tỉnh. Như trong kinh có kệ tụng nói:

"Thí như người say mê,
Rượu tiêu sau đó tỉnh,

Được thể Phật vô thượng,
Là chân pháp thân ta”.

Lại nếu vào trong Tông kính chóng rõ thật tánh trở lại quán sát thế gian sinh tử, gọi là tướng hư dối, giống như trẻ con đùa giỡn, lại tợ kỹ nhân, nhưng tuy đổi thay ngàn sai, một tánh rõ ràng chẳng động, Như Hòa thượng Thảo Đường có kệ tụng nói:

“Đâu-suất vốn là một thân hình,
Chợt làm quan tướng chợt làm tôi,
Danh mục phục sức tuy biến đổi,
Thủy chung tớ chủ trọn không sai.”

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 74

Hỏi: Phàm sinh tử luân hồi chẳng đối đãi duyên bên ngoài, đã do thức bên trong đây tức là hữu lậu dị sinh, sinh tử tương tục, chư Phật Bồ-tát tịnh pháp tương tục, cũng lại là do thức bên trong, vậy là riêng có tướng tịnh ư?

Đáp: Tịnh pháp tương tục, nên biết cũng như vậy. Trong luận nói: "Từ vô thủy lại nương gá chủng hữu lậu vô lậu nơi bản thức, do chuyển thức v.v... luôn luôn huân phát dần dần tăng thắng, cho đến lúc cứu cánh được thành Phật, chuyển bỏ chủng thức tạp nhiễm từ xưa trước lại, chuyển được mới khởi chủng thức thanh tịnh, nhậm trì tất cả chủng tử công đức, do lực bản nguyện đến tận khoảng vị lai, khởi các diệu dụng tương tục không cùng". Do đây nên biết chỉ có thức bên trong, giải thích: Do chủng pháp nhĩ chỗ mới huân phát, do lực bản nguyện, tức Phật Thế Tôn lợi tha vô tận, chủng thức thanh tịnh đều thông hiện chủng, đều chỉ thức thứ tám năng trì chủng vậy, do đây mà từ trước đến nay nói rõ đạo lý nhiễm tịnh, nên biết các pháp tương tục chỉ có thức bên trong vậy.

Hỏi: Nhân không pháp không, diệu lý một tâm, cớ sao lại nói chỗ bốn tướng đổi thay, sinh tử tương tục, và lại như trong bốn tướng sinh tướng thì không từ trong ngoài, suy tìm chẳng thể được, trú tướng thì niệm niệm chẳng trú, tướng khác thì tuy tợ đổi thay chuyển dời mà thể chưa từng biến, tướng diệt thì pháp vốn chẳng vậy nay cũng không diệt ư?

Đáp: Bốn tướng có hai: Một, thô là căn cứ quả báo mà nói, tức sinh lão bệnh tử, đây cũng là bốn tướng; hai, tế tức sinh trú diệt, căn cứ hoặc nghiệp mà luận. Như trong luận Đại Thừa Khởi Tín giải thích: Tâm bất giác khởi gọi là sinh, năng kiến năng hiện vọng thủ cảnh giới, khởi niệm tương tục, gọi đó là trú chấp thủ kế sinh, gọi đó là khác tạo tác các nghiệp gọi đó là diệt, tuy tức bốn tướng tợ phân đều là một tâm mà chuyển". Nhưng người đời phần nhiều chấp trú tướng lấy làm hiện

thấy, nay phải suy tìm phá để hiển bày chân không, phàm có tất cả cảnh giới trú trì, đều như trong mộng, tợ có chẳng phải thật, vì tùy chỗ tâm hiện, cảnh bên ngoài vốn không, tâm cũng không sinh, niệm niệm chẳng trú. Như trong luận Đại Trí Độ nói: "Phật nói các pháp không có căn bản quyết định thật như mảy may chấp thuận chỗ có, muốn chứng minh sự đó nên nói trong mộng thọ năm món dục, thí như ý của Tu-bồ-đề là, nếu tất cả pháp rốt ráo không, không tánh chỗ có, tại sao nay hiện có mắt thấy tai nghe pháp? Vì vậy nên Phật nói thí dụ trong mộng, như người bởi lực mông nên tuy sự không có thật mà có các thứ nghe thấy, sân xứ hỷ xứ, người tỉnh thức ở bên cạnh thì không chỗ thấy. Như vậy người phàm phu bởi lực vô minh điên đảo nên vọng có chỗ thấy, Thánh nhân giác ngộ thì không chỗ thấy. Tất cả pháp hoặc hữu lậu hoặc vô lậu hoặc hữu vi hoặc vô vi đều chẳng thật, hư vọng nên có thấy nghe". Lại nói: Hiện tại đều cũng không lúc trú, nếu pháp sau thấy tướng hoại, phải biết lúc đầu mới sinh, tướng hoại đã đuổi theo, vi tế nên chẳng biết, như người mang giầy, nếu ngày đầu mới mà không có cũ, sau nên thường mới mà không nên có cũ. Nếu không cũ nên là thường, thường nên không tội không phước, không tội không phước vậy thì pháp thế tục loạn. Lại nữa tướng sinh diệt thường tùy tác pháp không có lúc trú, nếu có lúc trú thì không sinh diệt phàm thọ sinh tử là, mới đầu nhân vọng thức tạo nghiệp phân biệt, nhân đây mà có thân, nay trước suy tìm thân đây tụ tan chẳng phải có, vì thân là nghĩa tích tụ, bốn đại trong ngoài giả hòa hợp thành, vi tế suy tìm tận cùng sự không hòa hợp, vì phong hỏa thường mỗi địa thủy luôn chìm, tánh mỗi một địa mỗi không thể cố định, phong lấy động làm tánh, là gá vật mà rõ bày, chân lý chẳng đổi thay trong lắng thường lặng lẽ, hỏa lấy nhiệt làm tánh, chưa hẳn đều thiêu đốt, như hỏa ở trong thân trong mây, sao chẳng đốt nóng, địa lấy cứng chắc làm tánh, thản như đống sắt gặp nung nấu thành nước, cứng mềm chẳng định, thủy lấy ẩm ướt làm tánh, nhân quả tức khô lại lạnh đông cứng ấm nóng tan lỏng, ngưng chảy không thể, mỗi mỗi đã không, hòa hợp chẳng phải có, như một con chó không phải tánh sư tử, nhóm cả đàn chó mà cũng chẳng thành, tợ một người mù chẳng thấy nơi sáng nhóm nhiều người mù mà trọn chẳng thấy. Trong luận Bảo Tạng nói: "Lý của thanh hư rốt ráo không thân, đã biết thân là không, lại chấp ba thứ thức hơi ấm (noãn) hơi thở là thật có, năng làm sinh tử thành tựu mạng căn". Trong Thai Giáo nói: "Thân đây vô thường, quấy ba sự thọ noãn thức mà có thân, thân chỉ là giả danh, ba sự vô thường, không riêng biệt thân vậy, vào ra của hơi thở. Chấp cho là thọ mạng,

hơi thở ra mà chẳng trở lại thì thân như ngói sỏi, mạng sao có thể bảo tồn, nếu khí ấm trì thủy, nước đượm thấm nơi đất vọng cho thân đây là thường còn, hỏa từ duyên sinh, duyên tan nên hỏa diệt, thân bèn rã thối, nghiệp chấp vọng thức, từng sát-na đổi khác, cho rằng ngã thường tự tại, nghiệp nếu vừa mới đoạn, tâm tức thác sinh thân bèn tan mất". Trong kinh Đại Tập nói: "Ra khỏi bào thai, tuổi trẻ mạnh khỏe, tuổi già suy yếu đều là nghiệp giữ ba sự sinh diệt chẳng đoạn, phàm phu không rõ, vọng thủ thân tướng, bất chợt hơi khí dứt ba sự phân lìa. Lại như hơi thở ra vào tương tục trăm ngàn muôn hơi thở ra vào, trong mỗi mỗi hơi thở, thân chẳng thể được, tâm thức trong từng sát-na lần lược sinh diệt vô lượng, mỗi mỗi sát-na thân chẳng thể được, chẳng thối chẳng rã ba đại thành da thịt cốt tủy, mỗi mỗi nên nghiệm đó, thân hư giả chẳng thể được, lìa ba sự đây không riêng biệt có thân, nên biết thân mạng vốn không, sinh tử luôn lặng lẻ, phàm phu chẳng rõ uổng vào vòng khổ. Mạng như đèn tàn của trong gió từng sát-na mài diệt, thân tợ nhóm bọt của trong trần, chợt vậy tiêu tan, do đó trong kinh nói: hiểu không chẳng sinh, rõ có chẳng tử, nếu rõ có không mà không ngã, không ngã khiến ai sinh, hiểu vốn không mà chẳng sinh, chẳng sinh khiến ai tử, chỉ giữ chủng bản thức, diệu lắng chân tâm, tâm tánh tròn sáng, lắng vậy thường trú ở vị sinh, giữ vô lậu mà thường huân, đến môn Phật quả, tiếp Bồ-đề mà chẳng đoạn. Lại tâm tánh xưa nay lìa tướng sinh diệt, mà có vô minh mê tánh tự tâm, do trái tâm tánh lìa tướng vắng lặng vậy, năng sinh khởi động bốn tướng. Bốn tướng bởi lực vô minh hòa hợp vậy, năng khiến tâm thể sinh dị trú diệt. Trong kinh nói: Tức pháp thân đây, bị các phiền não lay động, qua lại sinh tử gọi là chúng sinh, trong luận Đại thừa khởi tín nói rõ: "Tâm tự tánh thanh tịnh, nhân gió vô minh động, bốn tướng lưu chuyển chỉ một tâm mộng, kẻ sĩ ở trọng mộng cho là làm trước sau, mỗi mỗi tùy trí lực cạn sâu phân phần mà tỉnh giác. Bậc đại giác biết mộng, bốn tướng chỉ một tâm tịnh, không có thể tánh có thể biện trước sau. Nên trong luận nói: Bốn tướng cùng lúc không có tự lập, sinh trú diệt một tâm mà chuyển, bốn tướng cùng có là chỗ tâm thành, lìa ngoài một tâm không tự thể riêng biệt, nên nói cùng lúc mà có không có tự lập, xưa nay bình đẳng đồng một bản giác vậy. Như trong luận Bát-nhã Đăng nói: "Sinh tử có ngằn mé chăng? Phật bảo: Rốt ráo không" sinh tử đây không ngằn mé, trước sau chẳng thể được, như trong kinh Bát-nhã nói: "Lại nữa cực dõng mảnh! Như Niết-bàn không ngằn mé, tất cả pháp cũng không ngằn mé, tai sao? Sinh tử lấy Niết-bàn làm ngằn mé, Niết-bàn lấy sinh tử làm ngằn mé. Đã chẳng

được sinh tử cũng chẳng được Niết-bàn, sinh tử và Niết-bàn đã chẳng thể được, thì tất cả pháp thảy đều không ngằn mé". Như vậy chỉ rõ bản giác nhất tâm, niệm niệm khế hợp đạo viên thường, nếu đuổi theo vô minh tán mất ý, trần trần thành vòng xoay sinh tử. Được mất tại người. Pháp không tà chánh, lấy bỏ do mình, đạo tuyệt thăng trầm, chỉ tự quán bên trong, bước theo phổ môn mà chóng vào, chỉ phải mắt chánh, giẩm một đạo mà viên thành.

Hỏi: Động thức tướng và thân tâm tánh đã chẳng phải một hay khác vậy, có thể hoại hay chẳng thể hoại? Nếu chẳng thể hoại thì rơi đọa ở thường, nếu có thể hoại thì quy về đoạn diệt ư?

Đáp: Đã chẳng phải một, mà chẳng phải là khác, tức cũng có thể hoại mà chẳng thể hoại. Trong luận Đại Thừa Khởi Tín nói: "Tất cả tướng tâm thức tức là tướng vô minh, cùng với bản giác chẳng phải một chẳng phải khác, chẳng phải có thể hoại, chẳng phải chẳng tâm hoại, như nước biển và sóng chẳng phải một chẳng phải khác, sóng nhân gió động chẳng phải tánh nước động, nếu lúc gió ngưng sóng động liền diệt, chúng sinh cũng vậy, tự tánh tâm thanh tịnh, nhân gió vô minh động khởi gợn sóng thức, ba sự như vậy đều không hình tướng, chẳng phải một chẳng phải khác, nhưng tánh tâm thanh tịnh là gốc của thức động, lúc vô minh diệt, thức động theo diệt trí tánh chẳng hoại, căn bản vô minh diệt là hợp gió diệt, tương tục tức diệt là, nghiệp thức v.v... diệt hợp tướng động diệt vậy, trí tánh chẳng hoại là tùy nhiễm bản giác trí của thần giải gọi là trí tánh, là hợp tánh ẩm ướt chẳng hoại."

Hỏi: Chủng tử sinh tử chẳng đoạn, đều nhân phát nghiệp nhuận sinh, ở trong phiền não, pháp nào phát nghiệp, pháp nào nhuận sinh?

Đáp: Phàm nghiệp tánh vốn không kết thành nhiều thứ, trước luận về hành tướng hắc bạch, sau biện về căn do phát nhuận. Nay thứ nhất hành tướng hắc bạch. Như trong kinh Đại Niết-bàn nói: "Phật bảo: Lại nữa, này thiện nam! tiếp theo phải quán nghiệp, tại sao? Người có trí phải nghĩ rằng: Thọ tưởng xúc dục tức là phiền não, là năng làm sinh nghiệp chẳng làm thọ nghiệp, cho nên người trí phải quán ở nghiệp nghiệp đó có ba thứ là thân khẩu và ý. Này thiện nam! Hai nghiệp thân khẩu cũng gọi là nghiệp, cũng gọi là nghiệp quả, ý chỉ gọi là nghiệp chẳng gọi là quả, vì nghiệp là nhân thì gọi là nghiệp. Này thiện nam! Hai nghiệp thân khẩu gọi là nghiệp bên ngoài, ý nghiệp gọi là nhân, ba thứ nghiệp đó cộng phiền não hành nên làm hai thứ nghiệp: Một là, sinh nghiệp; hai là, thọ nghiệp. Này thiện nam! Chánh nghiệp tức ý nghiệp vậy, nghiệp đây là thân khẩu nghiệp, phát trước nên gọi là ý nghiệp,

theo ý nghiệp sinh gọi là thân khẩu nghiệp, cho nên ý nghiệp được gọi là chánh, người trí quán nghiệp rồi, tiếp quán về nghiệp nhân, nghiệp nhân là tức vô minh xúc, nhân vô minh xúc chúng sinh cầu có, nhân duyên cầu có tức là ái vậy, nhân duyên ái nên tạo tác ba thứ thân khẩu ý nghiệp. Này thiện nam! Người trí quán nghiệp nhân như vậy rồi, tiếp quán về quả báo, quả báo có bốn: Một là, hắc hắc quả báo; hai là, bạch bạch quả báo; ba là, tạp tạp quả báo; bốn là, chẳng hắc chẳng bạch quả báo. Hắc hắc quả báo là lúc tạo nghiệp nhơ cấu, quả báo cũng nhơ cấu, bạch bạch quả báo là, gọi là nghiệp vô lậu". Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Trước nói vô lậu không có quả báo, cớ sao nay nói quả báo chẳng hắc chẳng bạch ư?" Phật dạy: "Này thiện nam! Nghĩa đó có hai: Một là, cũng quả cũng báo; hai là, chỉ quả chẳng báo, hắc hắc quả báo cũng gọi là quả, cũng gọi là báo, nhân hắc sinh nên được gọi là quả. Năng tác nhân nên lại gọi là báo, tịnh tạp cũng vậy, vô lậu quả là nên chẳng gọi là quả, chẳng làm nhân khác, chẳng gọi là báo". Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật: "Bạch Đức Thế Tôn! Nghiệp vô lậu đó là chẳng phải hắc pháp, bởi nhân duyên gì chẳng gọi là bạch?" Phật dạy: "Này thiện nam! Không có báo nên chẳng gọi là bạch, vì đối trị hắc, nên gọi là bạch, nay ta mới nói thọ quả báo là, gọi là hắc bạch. Nghiệp vô lậu đó chẳng thọ báo nên chẳng gọi là bạch mà gọi là tịch tịnh". Nên biết nghiệp chẳng thể tác tạo, quả chẳng thể trốn lánh. Như trong kinh có kệ tụng nói:

"Chẳng không chẳng trong biển,
Chẳng vào khoảng núi đá,
Không có chốn phương sở,
Thoát đó chẳng thọ nghiệp".

Chỉ trừ chẳng tác tạo thì không quả, đắc đạo thì nghiệp mất, như khí hư chiên-đà-la tạo ác nghiệp mà được sinh lên trời, Ương-quật-ma-la tạo tội nghịch mà được quả giải thoát. Vậy biết từ khi thọ thân đến nay không ai chẳng tác tạo nghiệp, giả sử đời này chẳng tạo mà quá khứ đã từng làm, chỉ ngộ tông đây, không gì chẳng giải thoát. Lấy gì giải thoát? Nếu vào Tông kính, nhân pháp đều không, nhân không thì chẳng thấy có người năng tác nghiệp, pháp không thì chẳng thấy xứ sở thọ quả, chỉ vì vọng chấp nhân pháp mà tạo nghiệp, chẳng vượt ngoài tâm cảnh mà chịu thọ ương, chỉ tâm cảnh đều mất, tức ngay đó giải thoát. Nên biết tất cả các pháp thiện ác không có tướng cố định do tâm xoay chuyển, nắm giữ tùy duyên, như trong kinh Đại Niết-bàn nói: "Phật dạy: Này thiện nam! Nếu nói các nghiệp quyết định được

báo là, thì chẳng được có tu tập phạm hạnh giải thoát Niết-bàn, phải biết người đó chẳng phải đệ tử ta, là quyến thuộc của ma. Nếu nói các nghiệp có quyết định và chẳng quyết định, có quyết định là hiện báo, sinh báo, hậu báo chẳng quyết định là duyên hợp thì thọ, chẳng hợp thì chẳng thọ, vì nghĩa đó nên có phạm hạnh, giải thoát Niết-bàn, phải biết người đó thật đệ tử ta, chẳng phải quyến thuộc của ma, cho đến, thí như hai người đều cùng đi vào đường hiểm, một người mắt sáng, một người mù chột, người mắt sáng thì đi thẳng qua không bị hoạn nạn, người mù chột thì rơi lạc hầm hố hiểm nạn". Nên biết được mắt của tông kính là trọn chẳng đọa hiểm của ba hữu, vùi dập hầm hố của năm dục, tự nhiên thẳng qua không nghi ngờ, thường ở giác địa. Tiếp theo biện về căn do phát nhuận là, nếu phân biệt phiền não chánh phát nghiệp, câu sinh vô minh trợ phát nghiệp. Phát nghĩa là động tác, nghiệp nghĩa là chiêu cảm, câu sinh năng nhuận sinh, phân biệt năng tác nghiệp, chiêu sinh lỗi nặng, câu sinh năng nhuận sinh lỗi nhẹ. Nếu phân biệt phát nghiệp trời người, tức câu sinh trợ phát, vì nghiệp trời người khó phát, cần phải nhờ mượn câu sinh hỗ trợ. Nếu phân biệt phát nghiệp ba đường xấu ác là chẳng nhờ mượn câu sinh trợ phát, vì phân biệt mảnh liệt sắc bén vậy, chẳng cần phải hỗ trợ phát.

Hỏi: Câu sinh phân biệt hai thứ có gì khác biệt?

Đáp: Xưa trước giải thích chánh ý kinh luận, tức phân biệt là thô, câu sinh là tế. Trong luận Duy thức nói: "Câu sinh ngã chấp từ thời vô thủy lại huân tập lực bên trong thường cùng thân câu, chẳng đợi tà giáo và tà phân biệt, mặc tình chuyển nên gọi là câu sinh". Trong luận Thập Địa nói: "Xa tùy hiện hành, chẳng duyên tác ý, từ vô thủy đến nay mặc tình mà có, chẳng nhờ mượn tác ý, phân biệt tầm tứ, như trẻ con trông thấy mẹ sinh vui mừng, là câu sinh tham, thấy người khác gạo khóc, là câu sinh sân, tức chẳng nhờ mượn duyên riêng biệt phân biệt tầm tứ cầu, tự nhậm vận khởi" nên biết câu sinh là tế. Trong luận Duy thức nói: "Phân biệt ngã chấp cũng do duyên hiện bên ngoài đời mới khởi, chẳng phải cùng thân câu, cần phải đợi tà giáo tà sư và tà phân biệt, sau đó mới khởi". Lại ba duyên đây, hai duyên trước là thô, thứ ba tự tư duy là tế. Trong kinh nói: "Lực duyên đoạn căn lành lúc địa ngục tương tục" tức tự tà tư duy là lực nhân, ngoài ra hai kia là lực duyên. Do đó trong kinh Thủ-lăng-nghiêm nói: "Phật bảo: A-nan! Tất cả chúng sinh luân hồi trong thế gian, do hai kiến điên đảo phân biệt vọng ngay đó phát sinh ngay nghiệp luân chuyển, thế nào là hai kiến? Một là, chúng sinh biệt nghiệp vọng kiến; hai là, chúng sinh đồng phận vọng kiến. Sao gọi

là biệt nghiệp vọng thức? A-nan! Như người thế gian mắt có màng đỏ, ban đêm thấy ánh đèn riêng có ảnh vòng tròn năm sắc trùng điệp. Ý ông nghĩ thế nào? Ánh đèn ban đêm có chỗ hiện vòng tròn sáng là thật sắc đèn hay sắc đang thấy? A-nan! Đây nếu là sắc đèn thì người chẳng có màng sao chẳng đồng thấy, mà ảnh vòng tròn đây, chỉ là quán của màng, nếu là sắc thấy, thấy đã thành sắc, thì người mắt màng kia thấy ảnh vòng tròn, gọi đó là gì? Lại nữa, A-nan! Nếu ảnh vòng tròn đây lìa đèn riêng có thì hợp người bên cạnh nhìn màn che, phàm lỗ mắt có ảnh vòng tròn ra, lìa thấy riêng có, nên chẳng phải mắt trông nhìn. Cớ sao người mắt màng mắt thấy ảnh vòng tròn? Cho nên phải biết, sắc thật tại đèn, bệnh thấy làm ảnh, ảnh thấy đều màng, thấy màng chẳng phải bệnh, trọn chẳng nên nói là đèn hay là thấy, ở trong đó có chẳng phải đèn chẳng phải thấy, như vầng trăng thứ hai, chẳng phải thể chẳng phải ảnh, tại sao? Quán của thứ hai, do dụi tạo thành, các người có trí chẳng nên nói dụi đây vốn là hình chẳng phải hình, lìa thấy chẳng thấy. Đây cũng như vậy, chỗ mắt màng thành, nay muốn gọi gì là đèn là thấy? Huống gì phân biệt chẳng phải đèn chẳng phải thấy, thế nào gọi là đồng phận vọng kiến? A-nan! Diêm-phù-đề đây, trừ nước biển lớn khoảng giữa đất bằng có ba ngàn châu, châu lớn chánh giữa. Đông tây bao quát lượng nước lớn, phàm có hai ngàn ba trăm, ngoài ra châu nhỏ tại trong các biển, khoảng đó hoặc có vài ba trăm nước, hoặc một hoặc hai, đến ba mươi bốn mươi năm mươi. A-nan! Trong đây nếu lại có một châu nhỏ chỉ có hai nước, chỉ người một nước đồng cảm ác duyên, thì châu nhỏ kia chúng sinh nước đó thấy khắp tất cả đều là cảnh giới chẳng tốt lành. Hoặc thấy hai ngày hoặc thấy hai tháng. Trong đó cho đến xúm xít đến bội quyết sao chổi bay nhảy mang theo cầu vồng, các thứ tướng xấu ác, chỉ nước đó thấy, chúng sinh nước kia vốn chỗ chẳng thấy, cũng lại chẳng nghe. A-nan! Nay ta vì ông lấy hai sự này tiến thối hợp rõ. A-nan! Như chúng sinh kia bởi biệt nghiệp vọng kiến, trông nhìn trong ánh sáng đèn chỗ hiện ảnh vòng tròn, tuy hiện tợ cảnh, trọn thấy kia là chỗ mắt màng thành, màng tức là thấy nhọc, chẳng phải chỗ sắc tạo, nhưng thấy màng là trọn không lỗi thấy, thí như ông ngày nay dùng mắt trông thấy núi sông cõi nước và các chúng sinh, đều là chỗ thấy bệnh từ vô thủy thành. Thấy và duyên thấy tợ hiện cảnh trước, không chỗ ngã giác minh kiến duyên màng, giác kiến tức là màng, bản giác minh tâm đây chẳng phải màng, chỗ giác giác màng, giác chẳng phải trong màng. Đây thật kiến kiến, thế nào lại gọi là giác văn tri kiến? Cho nên nay ông thấy ta và ông cùng mười loại chúng sinh ở các

thế gian đều tức là thấy màng, chẳng phải thấy màng là thấy chân tinh kia, tánh chẳng phải màng, nên gọi là kiến. A-nan! Như chúng sinh kia đồng phận vọng kiến, ví vọng kiến kia một người biệt nghiệp, một người bệnh mắt đồng một nước kia, thấy ảnh vòng tròn kia chỗ màng vọng sinh. Chúng đây chỗ đồng phận hiện chẳng tốt lành, đồng trong nghiệp thấy, chỗ chướng ác khởi, đều là chỗ kiến vọng từ vô thủy sinh. Thí như trong ba ngàn châu ở Diêm-phù-đề, gồm bốn biển lớn, thế giới Ta-bà, và khắp đến mười phương các nước hữu lậu và các chúng sinh, đồng là giác minh vô lậu diệu tâm, kiến văn giác tri hư vọng bệnh duyên hòa hợp vọng sinh, hòa hợp vọng tử, nếu năng xa lìa các duyên hòa hợp và chẳng hòa hợp thì lại diệt trừ các nhân sinh tử, viên mãn Bồ-đề, tánh chẳng tạm diệt, bản tâm thanh tịnh bản giác thường trú". Trong Lăng-nghiêm Kinh Sớ giải thích: "Biện nghiệp vọng kiến là phân biệt phiền não vậy, đồng phận vọng kiến là câu sinh vô minh vậy, ban đêm thấy ánh sáng đèn, năm lớp ảnh vòng tròn là dụ cho năm kiến vậy, uẩn dụ cho đèn sáng, năm kiến đây khởi ở trên uẩn, vọng sinh suy lường đó là tánh biến kế, tình có lý không, sắc thật tại đèn, thấy bệnh làm ảnh là, tánh y tha uẩn duyên khởi chẳng không, nên nói sắc thật tại đèn, ngã kiến thể không, từ vọng tâm khởi, nên nói thấy bệnh làm ảnh, ảnh thấy đều màng là, năng chấp sở chấp phân biệt lầm hoặc vậy. Thấy màng chẳng phải bệnh là, lúc chánh chứng chân rõ biết, khắp cùng chấp thoát thể toàn không, nên nói thấy màng chẳng phải bệnh, phân biệt mê hoặc mất đồng một chân tánh lìa năng sở thủ, nên nói trọn chẳng nên nói là đèn là thấy và chẳng phải đèn chẳng phải thấy, tức giải thích từ trước lại thấy lúc của thấy, thấy chẳng phải thấy, như vầng trăng thứ hai chẳng phải thể chẳng phải ảnh là, xưa nay không vầng trăng lấy gì làm hình, hình đã chẳng lập, chẳng phải hình cũng không, phải quấy một tướng, năng sở đều mất. Nên nói huống gì phân biệt chẳng phải đèn chẳng phải thấy, nhưng thấy màng là trọn không lỗi thấy là, nếu biết màng tức là mắc bệnh, trọn chẳng chấp ảnh lấy làm thật có, nên không lỗi thấy, thấy và duyên thấy tợ hiện cảnh trước là, đều là vọng khởi chẳng phải cảnh thật có, kiến phần tướng phần đều chẳng lìa tâm, huống gì biến kế chỉ ảnh không chất, đây là giải thích vọng kiến vậy. Vốn ngã giác minh, chỗ thấy duyên màng, là bản nguyên chân giác vậy, vì chân năng giác vọng, rõ vọng kiến kia và chỗ duyên đều là màng vậy, giác kiến tức màng, bản giác minh tâm, duyên giác chẳng phải màng là, kết hai giác chân vọng trước vậy, vọng kiến tức là ở màng, năng giác chân tâm chẳng phải ở màng. Chỗ giác giác màng là, điệp vọng giác năng sở đều màng vậy,

giác chẳng phải trong quàng là, điệp chân giác chẳng phải quàng vậy, hai kiến chân vọng đây đều lìa năng kiến, sở kiến, nên nói thật kiến đây kiến, vì lúc chứng chân không hai kiến đây vậy. Năng kiến sở kiến đã chẳng an lập, cớ sao gọi giác văn tri kiến, cho nên nay ông thấy ta và ông cùng mười loại chúng sinh ở các thế gian, đều tức thấy màng, chẳng phải thấy màng là, thấy chân tinh kia, tánh chẳng phải màng là, nên chẳng gọi là kiến là, tại sao chân kiến chẳng gọi là kiến? Vì không bệnh màng vậy, chỉ do thấy bệnh, phân năng lập sở, bèn thấy thế gian tự tha khác tướng, nên nói đều thấy tức màng, nói chẳng phải thấy màng là, chân kiến chẳng phải là màng, vì chân không kiến tướng có thể lập nên chẳng gọi là màng. Đã chẳng gọi là màng cũng chẳng gọi là kiến, chánh rõ ý của lìa kiến, vì vậy có kiến tức vọng, biến kế tình sinh, như người mắt màng thấy ảnh vòng tròn của đèn ban đêm, không kiến tức chân, trí viên thành hiện, như người mắt sáng thấy trong sạch của hư không. Lại nếu biệt nghiệp vọng kiến, như tăng thượng ác nghiệp thành thục sinh thân biến làm rắn hổ v.v... đây chẳng động tổng báo tự thọ biệt báo, chỉ tự nghiệp thức biến, chẳng đồng nghiệp là, tức chẳng thấy như ảnh vòng tròn trên đèn, chỉ là quán của màng, nếu chẳng phải người bệnh màng thì chẳng đồng thấy, nếu đồng phận vọng kiến, như đồng tạo nghiệp địa ngục A-ty, đồng chịu thọ tổng báo đồng khổ vô gián. Nếu chẳng đồng ác nghiệp đó là, tức chẳng thấy, như chỉ người một nước đồng cảm ác duyên, đồng thấy tất cả cảnh giới chẳng tốt lành. Nếu chúng sinh nước kia chẳng đồng ác duyên đó là, thì vốn chỗ chẳng thấy, cũng lại chẳng nghe, nên biết duyên khổ duyên lạc tổng báo biệt báo, nhân duyên hòa hợp ngay đó sinh ra, nhân duyên lìa tan ngay đó diệt hết, chưa từng có một pháp chẳng phải ra tâm ta ư? Nên trong kinh nói: Nếu năng xa lìa các duyên hòa hợp thì thấy bản tâm thanh tịnh thường trú, lại nếu phân biệt phiền não, thì nhân thô tà tư mới khởi, câu sinh vô minh thì tế tự mặc tình mà thường sinh, tuy văn từ phân thô tế, nhưng đều đồng vị thức, như biệt nghiệp vọng kiến là, nhân mắt màng mà thấy ánh sáng vòng tròn trên đèn, tợ người của đồng phận vọng kiến, nhân chướng ác mà thấy tai quái trong nước, tuy phân cảnh mà đồng diệt, đều là vọng tâm có thể nghiệm. Trong chúng sinh giới, phàm có tất cả mọi sự thấy nghe đều như ảnh màng của một người biệt nghiệp, chẳng tốt lành của nhiều người đồng phận. Nếu năng biết ảnh đèn là chỗ mắt màng thành, biết cảnh tai ương là chướng ác khởi, thì lớp lớp ánh sáng trên đèn tự mất, hai mặt trời trong bầu trời chợt mất, như chẳng động một tâm, môn duyên đều vắng bặt, thì bệnh của thấy nghe hòa hợp,

phân biệt toàn tiêu, tai ương của căn bản sinh tử câu sinh trọn tuyệt.

Hỏi: Bên trong của ba đường xấu ác lại đủ phân biệt và câu sinh ư?

Đáp: Bồ-tát Hộ Pháp nói: "Bên trong ba đường xấu ác đều là phân biệt, mà chẳng phát nghiệp, như loài khỉ vượn, chỗ có phiền não đều là cường mạnh câu sinh, mà chẳng phải phân biệt. Giả sử tạo nghiệp chỉ là biệt báo, nếu có phân biệt tạo tổng báo là tức trọn không kỳ hạn ra khỏi."

Hỏi: Đã có chủng tử phân biệt sao chẳng tạo tổng báo?

Đáp: Vì khuyết chủ bạn vậy, hiện hành là chủ, chủng tử trợ phát là bạn.

Hỏi: Nếu nói ba đường cấu ác chẳng tạo nghiệp, vậy sao như quỷ Đại lực đánh đầu tôn giả Xá-lợi-phất mà bèn vào địa ngục, chim anh vũ nghe pháp tứ đế mà được sinh lên trời?

Đáp: Các thứ tạo nghiệp báo v.v... đây là nghiệp đây có lực năng hỗ trợ tổng báo xưa trước, tổng báo bị hỗ trợ rồi, bèn năng tùy nghiệp thế đọa xuống đất hay thăng lên trời. Lại các bậc cổ đức có hỏi rằng: Trong nhân thú thiên thú quyết định báo phát nghiệp chẳng? Đáp: Trong loài người ở bắc châu chẳng tạo hai báo tổng biệt, nghiệp gì không phân biệt tướng, còn lại ba châu tức phát nghiệp, và ở châu này người si chẳng phát nghiệp.

Hỏi: trước nói ba đường xấu ác không phân biệt, cớ sao biết cha mẹ v.v... như từ ô (quạ hiền lành) trở lại mớm thức ăn, chó mèo biết người, biết người giận hay vui v.v...?

Đáp: Đây chẳng phải là phân biệt phiền não, kia mặc tình phân biệt, chẳng phải phiền não phân biệt.

Hỏi: Vô minh phát nghiệp có bao nhiêu thứ vô minh?

Đáp: Có bốn thứ: Một, tùy miên; hai, triền vô minh; ba, tương ưng, bốn bất cộng, pháp dị sinh bên ngoài đủ bốn, pháp dị sinh bên trong trừ bất cộng vô minh, vào tín vị tâm thứ bảy và trong gia hạnh vị gọi là pháp bên trong. Thập tín tâm thứ bảy tở về trước có thối, và trong tư lương vị gọi là pháp bên ngoài. Nếu bên trong pháp khác danh chóng ngộ tức tạo nghiệp, chậm ngộ chẳng tạo, trong chóng ngộ bi tăng tạo, trí tăng chẳng tạo. Trong quả vị thập địa từ bát địa trở đi, quyết định chẳng phát nghiệp, lầm hoặc thể không vậy, từ thất địa trở về trước, hoặc gọi là Thánh nhân, dùng vô lậu minh làm duyên mà chẳng phát nghiệp, giả sử có câu sinh chỉ là hỗ trợ nguyện nhuận sinh mà thôi. Lại nói: Hàng thất địa trở về trước, lúc câu sinh khởi cũng tạo biệt báo thiện nghiệp.

Hỏi: Thánh nhân bởi nhân gì mà chẳng tạo nghiệp tổng báo?

Đáp: Vì không phân biệt phiền não vậy, vì vô lậu minh làm duyên vậy, trái nghịch sinh tử vậy, chỉ vì câu sinh đượm nhuần nghiệp tổng báo xưa cũ, thọ chịu phần đoạn sinh tử ở trong loài người, trừ người ở bắc châu, tu quán không ngã, không phân biệt chẳng năng tạo nghiệp, trong đây trừ hạng rất ngu muội. Trên trời chỉ trừ trời Vô tưởng, vì không tâm nên chẳng tạo nghiệp. Bốn thứ vô minh đều năng phát nghiệp, tùy miên là chủng tử, ba thứ còn lại là hiện hành.

Hỏi: Vô minh phát nghiệp tham ái nhuận sinh, ở trong phiền não có bao nhiêu pháp năng nhuận?

Đáp: Xưa trước giải thích: Tức thức v.v... năm chi chủng tử, cần nhờ mượn tham v.v... phiền não đượm nhuần bón rót mới được sinh ra. Nếu câu sinh hoặc nghiệp là tức sáu câu sinh, mười phân biệt và hai mươi tùy phiền não, ở trong ba mươi sáu thứ phiền não đây. Một pháp tham chỉ chánh trung chánh nhuận, ngoài ra năm câu sinh tức chánh trung trợ nhuận, nếu mười phân biệt tự trợ trung trợ nhuận, lại phân bốn câu để liệu chọn lựa. Một hữu là, tham ái mà năng nhuận sinh, thức thứ sáu là ái vậy, năm thức trước chẳng cường thịnh, nên chỉ là kiêm chi gồm, chánh chỉ thức thứ sáu; hai hữu là tham ái chẳng năng nhuận sinh, tức thức thứ bảy tuy có tham ái, vì duyên bên trong nên chẳng kịp trong sở tri chướng; ba hữu là, chi sinh mà tham ái nhuận, tức chi sinh trong tất cả phàm phu vậy; bốn hữu là, chi sinh chẳng phải tham ái nhuận, là Bồ-tát thân sau cùng, Đại thừa nói là hóa hiện vậy hoặc là chi sinh trong thân biến dịch.

Hỏi: Tâm là nhân của khởi hoặc, thân là gốc của tạo nghiệp. Vậy thân có khoảng bao nhiêu thứ hữu và thân vào năng tạo nghiệp?

Đáp: Thân gồm bốn hữu: Một, sinh hữu tức sau trung hữu mà trước bản hữu, chánh lúc kết sinh tương tục, sát-na năm uẩn khởi gọi là sinh hữu; hai, bản hữu, tức sau sinh hữu mà trước bản hữu, ở khoảng giữa đó, chỗ có năm uẩn đều gọi là bản hữu, vì là vốn gồm chỗ báo nghiệp chiêu vậy. Trong luận Câu-xá có kệ tụng nói:

"Bản hữu là trước tử,
Ở sau sát-na sinh".

Ba, tử hữu tức là sau bản hữu mà trước trung hữu, sắp chết chánh chết, lúc các uẩn diệt gọi là tử hữu; bốn, trung hữu tức sau tử hữu mà trước sinh hữu, có ở khoảng giữa đó nên gọi là trung hữu. Trong luận Câu-xá có kệ tụng nói:

"Trong hai hữu sinh tử,

Năm uẩn là trung hữu”

Tức hai hữu sinh tử, thân chẳng năng phát nghiệp, vì không tâm vậy, nếu hai hữu trung bản thân tức năng phát nghiệp.

Hỏi: Ở trong hữu thân xứ trung hữu trú đến lúc muốn thủ sinh hành tướng thế nào?

Đáp: Chuẩn cứ hai mươi bốn bất tương ưng hành, trung hữu thế tốc một pháp, ở thế tốc trung hữu sĩ dụng thế tốc, xưa trước giải thích: Sĩ dụng thế tốc là, như thân trung hữu đến xứ đáng thọ sau nhanh chóng, gọi là sĩ dụng thế tốc. Nói trung là đối trước sau gọi là hữu, thì hữu thân tình thức đó, là thân hữu tình năm thú đây, ở khoảng giữa hai hình sau tử hữu mà trước sinh hữu, nên gọi là trung hữu, cũng lấy dị thục ngũ ấm làm thể, làm đồng thân bản hữu là nghiệp chiêu vậy. Thân trung hữu đó tiện như đáng sinh thân bản hữu hình trạng như người, trung hữu tợ người v.v... năm thú cũng vậy. Chỉ như trẻ con năm sáu tuổi, hình lượng nó tuy nhỏ, nhưng các căn mảnh liệt sắc bén, như thân bản hữu năng tác các sự nghiệp, ở nơi cha mẹ khởi tưởng điên đảo mà sinh thương ghét, thân trung hữu đây chỉ đồng loại và thiên nhãn thanh tịnh trông thấym ở trong trung hữu chỉ ăn mùi hương, tại lúc trung hữu trú, trong chẳng thiện chẳng ác đó là khách tánh, tại vị trung hữu rất chậm thọ sinh chẳng quá bốn mươi chín ngày, phân hạn đây không có duyên nào chẳng hội, nếu cực thiện hay cực ác, trong hữu lậu chẳng kể xa gần, chỉ trong một sát-na bèn đến thọ sinh, khởi tâm điên đảo hướng đến cảnh dục, tức thức thứ tán kết sinh môn, ở trong thai sinh và noãn sinh, trung hữu thấy cha mẹ hòa hợp, sinh tử điên đảo mà bèn thọ sinh. Nếu trong thấp sinh và hóa sinh, trung hữu do lực gồm trước nên chẳng chọn lựa xa gần, nhiễm trước xứng tình, nay nhiễm hương xứ bèn tức thọ sinh.

Hỏi: Đồng loại mắt thấy thân trung hữu, vậy mắt trung hữu năng thấy thân bản hữu chẳng?

Đáp: Cũng có thấy thân bản hữu. Trong luận Du-già nói: “Hoặc là chỉ thấy nam, hoặc chỉ thấy nữ, như vậy dần gần xứ sở của kia, dần dần chẳng thấy cha mẹ ở xứ khác, chỉ thấy căn môn nam nữ”. Lại nếu là trung hữu bạc phước, sẽ sinh trong nhà hạ tiện bần cùng, kia ở lúc chết và vào thai, bèn nghe các thứ âm thanh lẫn lộn hay chẳng đáng ý. Nếu trung hữu phước đức sẽ sinh vào nhà phú quý kia, ở lúc đó tự nhiên nghe âm thanh hay tốt đáng vừa ý, cho đến cảnh hương vị xúc cũng có tầng bậc.

Hỏi: Trung hữu ở vị cuối cùng đều khởi ái thọ sinh chăng?

Đáp: Ở vị trung hữu, thức thứ sáu trước khởi ái nhuận sinh. Nếu

chấp thủ kết sinh tức chỉ thức thứ tám, nếu nam trung hữu thì duyên mẹ khởi ái sinh ở dục tâm, nữ trung hữu thì duyên cha khởi ái sinh ở dục tâm. Do khởi hai thứ ái tâm đây rồi, bèn làm thân mình cùng cảnh khổ ái hợp, chỗ tiết bất tịnh chảy đến thai tạng nhận làm kỷ hữu, sau đó bèn sinh vui thích, tâm đây sinh rồi, thân trung hữu bèn mất, thọ thân sinh hữu. Trong kinh Bảo Tích nói: “Thân trung hữu kia lúc vào thai mẹ, tâm sinh điên đảo, làm tâm tà giải, sinh tưởng rét lạnh, tưởng gió mưa lớn, tưởng mây mốc, làm các tưởng đây rồi, tùy nghiệp hơn kém, lai khởi mười thứ tâm hư vọng: Một, ta vào trong vườn nhà; hai, ta lên lầu gác; ba, ta lên điện đường; bốn, ta lên sàng tòa, năm, ta vào am tranh; sáu, ta vào nhà lá; bảy, ta vào lùm cỏ; tám, ta vào giữa rừng; chín, ta vào lỗ tường vách; mười, ta vào giữa bờ rào, nghĩ tưởng rồi đó bèn vào bào thai mẹ.”

Hỏi: Thân trung hữu làm nhan sắc thế nào?

Đáp: Trong luận Du-già nói: “Tạo ác nghiệp là trung hữu như ánh sáng hắc nhu, hoặc ban đêm râm tối, tạo thiện nghiệp là trung hữu như ánh sáng bạch y hoặc ban đêm tạnh sáng”. Trong kinh Bảo Tích nói: “Địa ngục trung hữu như đốt xong gốc cây, bàng sinh trung hữu như khói, ngạ quỷ trung hữu như nước, người trời trung hữu như ánh sáng bạch y”.

Hỏi: Như nhân sinh thân biến làm rắn hổ v.v... có thân trung hữu khởi chẳng?

Đáp: Đại sư Từ Ân - Khuy Cơ nói không thân trung hữu, vì chẳng cải chuyển tổng báo vậy, chỉ là thuận hiện chuyển biệt báo. Nếu tổng báo thức thứ tám tức chẳng chuyển, vì như trong địa ngục muôn tử ngàn sinh, cũng không trung hữu vì chẳng chuyển tổng báo vậy.

Hỏi: Như đem con đỉa trong nước ra phơi khô thành bột rồi, sau lại đặt vào trong nước mỗi mỗi mảy trần đều tức thành đỉa, vậy có trung hữu chăng?

Đáp: Đây chỉ là một loại hữu tình đồng nghiệp, hợp gá đây làm tăng thượng duyên mà thọ sinh, tức chẳng̀ biến làm nhiều trùng, nếu chẳng vậy là phạm lỗi hữu tình giới tăng.

Hỏi: Vua bình đẳng thay thân trung hữu chăng?

Đáp: Chẳng thấy.

Hỏi: Lại như có người bị minh ty đuổi bắt cũng có thấy đó là thân gì?

Đáp: Đây chỉ là thân bản hữu gồm, có nói: vì người ấy có nghiệp, chỉ ở trên tâm tự thức vọng thấy quỷ vua Diêm-la. Nguyên do v.v... là

trên độc ảnh cảnh tự biến khởi, lìa thức không thấy. Do đó trong luận Duy thức có kệ tụng nói:

"Cảnh tùy nghiệp thức chuyển,
Cho nên nói duy tâm".

Nên biết thức là nguồn của thiện ác, tâm là gốc của khổ lạc, người đời chỉ biết tìm dòng theo ngọn, mất gốc mê nguồn, luyện hạnh và nhọc mãn ba kỳ, trái chân dần xa, tích công mà luống qua trọn kiếp, cách đạo còn thừa, vì vậy Thánh nhân đắc quả, gặp đây mà cam xưng tuyệt phần. Đại sĩ ra giả, đối đây mà chưa được chứng chân, đâu sánh kiểu loạn đường tà, ngầm đầu ngoại đạo, vườn đen ngạo lại, hoảng hốt cuồng sinh, mà chẳng hy vọng tin thọ ư? Nên biết Tông kính khó tin, ngộ là hy kỳ, chẳng chỉ được tông, gồm năng đạt sâu nhân quả, nên nói tin sâu Đại thừa chẳng phỉ báng nhân quả, vì vậy tất cả hàm thức, chỉ và tự tâm tạo nhân thiện ác, chiêu quả khổ lạc, hoặc lúc ở trung hữu, tạo nhân thiện nương ánh sáng của bạch tịnh, khởi nhân ác thấy sắc của đen tối, hoặc ngày ở bên bào thai, nhóm tập bạch nghiệp là lên trên lầu điện, tạo hắc nghiệp là lao vào trong cỏ gai, đến lúc ra đời làm người, y chánh cũng phân hơn kém, nếu có phước tướng mạo đĩnh yến cằm rồng, thọ vinh nhà hoa phòng vàng. Nếu kém đức là, hình hiện năm chỗ lồi lõm chột nhỏ, ở nơi vò hủ, cửa sổ, cửa chiếu xấu tệ có thể gọi là gió hòa âm vang thuận, hình thẳng bóng ngay, nhân quả đồng thời, duyên hội chẳng mất, thì nên quán tánh pháp giới, tất cả chỉ tâm tạo. Trong luận Nội Đức nói: "Tiểu thừa lấy y báo làm nghiệp có, Đại thừa lấy muôn cảnh làm thức tạo, tùy huyễn nghiệp mà bày đến trời đất, theo vọng tâm mà hiện đến đất cỏ. Nếu mắt màng thấy ở hoa đốm hư không, sánh như ngủ mộng hiện sinh lão đó. Nếu ngộ đó ở tâm nghiệp thì chỉ nghe ở Phật đạo.

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 75

Hỏi: Phàm hai báo tổng biệt chướng ở trong tám thức quyết định thuộc thức nào?

Đáp: Xưa trước giải thích: Tổng báo chỉ thuộc thức thứ tám, vì thức thứ tám là đầu tiên sinh khởi, trước đó bảy thức sắc tâm v.v... đều y tha thức thứ tám mới sinh, tức thức thứ tám năng thông sắc tâm v.v... bảy thức trước, vì làm sở y nên được gọi là tổng báo, biệt báo chỉ tại sáu thức trước thọ báo mỗi mỗi riêng biệt chẳng đồng nên gọi là biệt báo. Nếu tổng báo quyết định chẳng thông đời nay thuận hiện, thọ chỉ là thuận sinh đời sau thọ, nếu biệt báo tức chẳng định, thông đời nay đời sau đều thọ chẳng ngăn ngại.

Hỏi: Thức thứ bảy sao chẳng làm báo chướng?

Đáp: Chẳng phải là nghiệp lấy bỏ không báo chướng. Lại nếu có báo chướng mà không nghiệp chướng, tức thức thứ tám, nếu đủ có hai chướng nghiệp báo, tức sáu thức trước. Nếu hai chướng nghiệp báo đều không, tức thức thứ bảy. Lại nếu chỉ có biệt báo chướng không tổng báo chướng là, tức sáu thức trước, nếu chỉ có tổng báo chướng không biệt báo chướng là tức thức thứ tám.

Hỏi: Chúng sinh tạo hai nghiệp sinh tử nhiễm tịnh, thọ hai báo khổ lạc, đều từ tâm khởi, thì lìa tâm không thể, ở trong tám thức quyết định là tâm nào?

Đáp: Xưa nay có hai giải thích: Một, các sư xưa trước giải là, tâm thức thứ sáu, do tâm thức phân biệt tạo nghiệp thọ báo, báo khởi do tâm, nên biết không có thật chúng sinh vậy, vì tâm tịnh nên chúng sinh tịnh, không có riêng biệt tịnh, tâm dơ nên chúng sinh dơ, không có riêng biệt dơ, vì dơ tịnh đều do tâm được, chúng sinh chỉ là danh vậy; hai, Hòa Thượng Thần khải giải là, tâm là thức thứ tám, do bên trong thức trì chủng tử nhiễm tịnh, chủng tử gặp duyên tức năng chiêu hai quả khổ lạc, quả khởi do tâm, nên biết không chúng sinh vậy. Nếu các sư kia trước lấy thức thứ sáu làm tâm dơ tịnh, là sáu thức đây cùng mười một

thiện tương ưng năng thọ thiện nghiệp trời người, cùng căn tùy tương ưng, năng tạo ác nghiệp ba đường. Tổng biệt nghiệp đây thành năng chiêu hai báo khổ lạc ở tương lai, nên nói nhiễm tịnh do tâm vậy. Đây là căn cứ tạo nghiệp là tâm, Hòa thượng Thần Khải lấy thức thứ tám làm tâm là, đây là tổng báo là chủ, chân dị thục thức. Trong thức năng hàm tàng chủng tử thiện và bất thiện, nhưng trong nhân thức thể chỉ là tánh vô phú vô ký, là hàm tàng nghiệp chủng nhiễm tịnh vậy. Lại nói trì chủng tử nhiễm tịnh là, tức ba chủng tử tập nhiễm. Một, phiền não nhiễm tịnh, tức là thấy tu phiền não; hai, nghiệp tạp nhiễm, tức tất cả tổng báo nghiệp thiện và bất thiện; ba, quả tạp nhiễm tức tổng báo dị thục quả ở ba cõi, tịnh cũng có ba: Một, thế gian tịnh tức là phục hoặc đạo vậy; hai, xuất thế gian tịnh nghĩa là vô lậu; ba, sở đoạn quả thanh tịnh tức sở chứng từ trước đến đây đều là thức thứ tám hàm tàng nghiệp vậy. Các sư xưa trước về tâm năng huân tạo nghiệp gọi là tâm. Hòa thượng Thần Khải căn cứ sở huân năng trì chủng gọi là tâm. Lại các sư xưa trước căn cứ duyên lự để giải tâm. Hòa thượng Thần Khải căn cứ tập khởi để giải tâm, giải thích: Hai giải đây mỗi mỗi đưa ra một đường, trước lấy năng huân năng tạo làm tâm. Nếu không năng huân sở huân không dụng thì chỉ chân chẳng lập, đơn vọng chẳng thành, chân vọng hòa hợp mới có sự đó. Lại nếu không năng tạo sở tạo cũng chẳng thành, nhân năng lập sở vậy. Trong kinh nói: Tất cả duy tâm tạo, sau căn cứ sở huân năng trì làm tâm. Sở huân làm gốc, nếu không sở huân năng huân cũng không dụng. Lại nếu không năng huân chủng tử, tức chủng tử thiện ác tán mất, lấy gì thọ quả báo khổ lạc ở vị lai. Như có vật không thể thạnh vậy, tức phải tán mất, thì giải sau là ưu thắng, vì là căn bản trong các thức vậy, giải trước cũng chẳng mất, là cành ngọn cây, nay nếu lấy cả hai, chánh lý mới tròn, gốc ngọn giúp nhau, năng sở hòa hợp, chẳng phải một chẳng phải khác, mới lập vị của thế gian nhiễm tịnh, nên biết sinh tử do thức tâm, không chúng sinh có thể được, thăng giáng thuộc nhân duyên, không thật ngã có thể được.

Hỏi: Nghiệp của hai báo tổng biệt làm sao phân biệt?

Đáp: Như trì ngũ giới chiêu được thân người là nghiệp tổng báo, do trong nhân có sân phẫn v.v... ở tổng báo người mà có đẹp xấu gọi là nghiệp biệt báo. Trong luận Duy thức cũng nói là dẫn mãn nghiệp. Năng chiêu thức thứ tám, dẫn thục dị quả, nên gọi là dẫn nghiệp, năng chiêu thức thứ sáu, chọn lựa dị thục quả gọi là mãn nghiệp. Trong luận Câu-xá cũng nói: “Một nghiệp dẫn một sinh, nhiều nghiệp năng viên mãn” giống như vẽ hình tượng, trước tiên đồ sơ hình trạng sau đó dùng

các màu sắc tô vào, nhưng dẫn nghiệp đó là tư của năng tạo, cần phải thức thứ sáu là chỗ khởi. Nếu mãn nghiệp đó là tư của năng tạo, từ năm thức khởi nhưng năm thức không chấp chẳng năng phát nhuận, nên chẳng phải mê lý, không suy đạt nên chẳng năng tạo nghiệp, tuy tạo mãn nghiệp cũng chẳng phải tự năng, chỉ do ý dẫn mới năng tác vậy. Do đó trong kinh Hải long Vương nói: "Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Hải long vương: Kỳ thay thế gian, làm bao nhiêu duyên, tâm hành chẳng đồng, tội phước mỗi khác, Vì vậy cho nên chỗ sinh khác biệt. Long vương! Ông nên quán sát hội chúng và cả biển lớn, bao nhiêu chủng tử sắc nhan mạo chẳng đồng, các hình mạo đó đều do tâm họa. Lại tâm không sắc mà chẳng thể thấy, tất cả các pháp luống dối như vậy, nhân hoặc dấy tướng, đều không có chủ, tùy chỗ tạo tác mỗi mỗi tự nhận thọ đó. Thí như họa sư vốn không tạo tượng các pháp như vậy, mà chẳng thể nghĩ bàn, tự nhiên như tướng huyễn hóa, đều tâm tạo tác nên". Trong kinh Ôn Thất nói: "Phật bảo: Quán ba cõi kia trời người phẩm loại cao thấp ngắn dài phước đức nhiều ít, đều do đời trước dụng tâm chẳng đồng, do đó chỗ thọ nhân mỗi mỗi khác nhau chẳng đồng". Trong luận Bát-nhã Đăng nói: "Như trong A-tùy-đàm có kệ tụng nói:

"Tự hộ thân khẩu tư,
Và gồm tha kia là,
Từ pháp làm chủng tử,
Năng được quả nay mai".

Nói tư nghĩa là năng tự điều phục xa lìa các phi pháp, cùng tâm đây tương ưng tư, nên gọi là tư, nghĩa tha nghĩa là bố thí ái ngữ cứu hộ khiếp sợ, dùng các pháp ấy mà năng gồm tha, nên gọi là gồm tha, từ nghĩa là tâm, tâm tức gọi là pháp, cũng là chủng tử, chủng tử cũng gọi là nhân, làm nhân ai ư? Đó là nhân của quả, đó là những quả gì? Nghĩa là quả của hiện tại và vị lai, cớ sao gọi tâm là chủng tử ư? Vì là năng khởi thân khẩu nghiệp vậy, nên gọi là chủng tử. Lại như trong luận có kệ tụng:

"Như mầm móng tương tục,
Mà từ chủng tử sinh,
Do đó mà sinh quả,
Lìa chủng không tương tục".

Giải thích: Đây nghĩa là từ mầm sinh cành cho đến nhánh lá hoa quả v.v... mỗi mỗi có tướng của nó, chủng tử (hạt giống) tuy diệt mà do khởi tương tục dần chuyển đến quả, nếu lìa chủng tử thì mầm móng tương tục không lưu chuyển, vì vậy nên nghĩa đó nói: cớ sao luận có kệ

tụng nói:

"Chủng tử có tương tục,
Từ tương tục có quả,
Trước chủng mà sau quả,
Chẳng đoạn cũng chẳng thường".

Giải thích: Cớ sao chẳng đoạn? Nghĩa là có chủng tử tương tục trú vậy. Cớ sao chẳng thường? Nghĩa là mầm nẩy rồi chủng tử hoại vậy, pháp bên trong cũng vậy. Như trong luận có kệ tụng nói

"Như vậy từ sở tâm,
Tâm pháp tương tục khởi,
Từ đó mà khởi quả,
Lìa tâm không tương tục".

Giải thích: Đây nghĩa là tâm từ, nếu chẳng tâm từ thì gọi là nghiệp, tâm đây tuy diệt mà tương tục khởi, tương tục qủa đây khởi, nghĩa là ái chẳng phải ái có thọ tướng vậy. Nếu lìa tâm là quả chẳng khởi, nay đang nói tương tục pháp nghĩa đó thế nào? Nên trong luận có kệ tụng nói:

"Từ tâm có tương tục,
Từ tương tục có quả,
Nên nghiệp tại trước quả,
Chẳng đoạn cũng chẳng thường".

Giải thích: Thế nào là chẳng đoạn? Nghĩa là tương tục năng khởi quả vậy. Thế nào là chẳng thường? Chẳng trú đến sát-na thứ hai vậy, vì thế biết ba nghiệp khó phòng ngăn nên phải miên mật gìn giữ, ý là nhóm khộ̉ , miệng là bào thai họa, chỉ đóng cửa và giữ bến mới đoạn tương tục, như trong kinh Chánh Pháp Niệm Xứ nói: "Địa ngục kia địa thấy người Diêm-la khổ thiết dùng kệ trách rằng:

Tâm chẳng thể điều ngự,
Quá hơn lửa dữ lớn,
Đi nhanh chẳng thể điều,
Dẫn người đến địa ngục,
Tâm thứ nhất khó điều,
Lửa đây quá hơn lửa,
Khó điều đi nhanh chóng,
Địa ngục trong địa ngục,
Nếu người tâm tự tại,
Thì đi nơi địa ngục,
Nếu người năng chế tâm,
Thì chẳng thọ khổ não,

Dục là lửa thứ nhất,
Si là tối thứ nhất,
Sân là oán thứ nhất,
Ba đây nắm thế gian,
Ông lúc trước tạo ác,
Tự tâm tư duy tạo,
Ông vốn si tâm tạo,
Nay thọ ác báo đây,
Tâm ham trộm vật người,
Trộm hành phụ nữ khác,
Thường giết hại chúng sinh,
Chỗ dối của tự tâm,
Nghiệp tự tại như vậy,
Đem ông đến xứ này,
Là ông vốn ác nghiệp,
Cớ sao ông gào khóc?"

Lại có kệ tụng nói:

"Tạo ác chẳng mất hoại,
Tất cả ác có báo,
Ác đều từ tạo được,
Nhân tâm nên có tạo,
Do tâm nên tạo ác.
Do có tâm quả báo,
Tất cả đều tâm tạo,
Tất cả đều nhân tâm,
Tâm năng dối chúng sinh,
Tương lai đến xứ ác,
Địa ngục đây xứ ác,
Rất là xứ ác khổ".

Như văn kinh trên đây là ác tâm chiêu quả khổ. Nếu thiện tâm chiêu quả lạc là. Lại nói: "Lại nữa, Tỳ-kheo biết nghiệp quả báo, quán xứ chỗ ở của trời man trì cho đến địa điều nhu đó, giống như sinh tô, trời người lúc đi tùy chân lên xuống như Đâu-la-miên, mỗi mỗi trú xứ chân bước theo bằng, cũng thêm nói trước mỗi mỗi cây báu tỏa ra ánh sáng diệu sắc. Ánh sáng đó như ánh sáng mặt nhật vui thích. Cây vàng sắc diệu hoa lá thường tươi không có héo rụng, chỗ thiện nghiệp sinh không thể dụ nói, giới lực tự tại, chỗ thiện nghiệp được như ấn in vật, thiên tử như vậy đùa vui vườn rừng, men hồ hoa sen, tự nghiệp thọ báo có

thượng trung hạ thọ vui đùa lớn, tự nghiệp thân tướng ánh sáng đáng ưa, sắc thanh hương vị xúc v.v... đều xứng tình vui thích, thân không bệnh não, không có đói khát, thường buông lung năm dục, chưa từng nhàm đủ, phần nhiều khởi ái dục, tâm chẳng sung mãn. Nếu trời nghĩ nhớ tùy chỗ nghĩ đều được, kẻ khác chẳng thể phá, tự tại vô ngại, tâm thường hoan hỷ, tùy nghĩ năng đến, hóa thân tùy tâm lớn nhỏ mặc ý, rộng lớn nhẹ mềm, trong khoảng nháy mắt năng đi đến trăm ngàn do tuần, không chút cực nhọc, như gió lướt giữa hư không, không chỗ chướng ngại, trời cũng như vậy, không có nhọc cực, thân trời Oai đức từ tâm mà sinh, nhẹ sạch không dơ, tất cả hành xứ như ý sắc sáng, thiên tử thiên nữ hoan hỷ dạo vui". Giải thích: Nhưng tuy thiện ác do tâm, khổ lạc chẳng đồng, đó là trước nói rõ nhân quả. Biết một niệm không sai, nếu luận đến trong của chí đạo đều chẳng phải giải thoát. Như trong kinh nói: "Trời Ca-lưu-túc cưỡi điện vàng Diêm-phù-đàn vào rừng thiên hý, rừng đó nhu nhuyến, âm thanh các giống chim hòa hợp hay đẹp, thiên tử vào rồi, chim hót tiếng trời. Trời đồng nghiệp sinh, vì trời là thiện nghiệp vậy, bèn nói kệ rằng:

"Nếu có người năng làm,
Thiện nghiệp của ái lạc,
Nghiệp quả báo người ấy,
Thành tựu rất đoan nghiêm,
Đã được thọ lạc trời.
Nếu chẳng hành buông lung,
Từ lạc được lạc xứ,
Kia hẳn đến Niết-bàn.
Tất cả lạc vô thường,
Ắt hẳn cuối cùng hết,
Chớ thọ lạc trời đây,
Lấy làm tự vui thú.
Lạc trời đây vô thường,
Thọ hết hẳn thối mất,
Đã biết pháp đây rồi,
Thường cầu đạo Niết-bàn,
Tất cả pháp đều cao,
Là cũng sẽ bị đọa,
Hòa hợp hẳn có lìa,
Có mạng đều sẽ chết".

Lại nói: "Tỳ-kheo như vậy dùng văn tuệ quán lạc trời rồi, mà nói

kệ tụng rằng:

Năm căn thường ái lạc,
Cảnh dục chỗ dối hoặc,
Lửa dục chưa từng có,
Khoảnh khắc nghe nhàm chán,
Mỗi mỗi các cảnh giới,
Xứ xứ thấy thiên nữ,
Tất cả cảnh giới thắng,
Lửa dục cháy hừng hực,
Hoặc hợp hoặc lìa tan,
Hoặc nói hoặc nghĩ nhớ,
Vì nhân duyên thiên tử,
Lửa nổi đốt người trời,
Lửa pháp hòa hợp có,
Chẳng hợp thì chẳng sinh,
Hoặc hợp hoặc chẳng hợp,
Lửa dục thường cháy dữ,
Nhân duyên hòa hợp vậy,
Lửa xa thì chẳng vậy.
Lửa dục không xa gần,
Thường đốt ái chúng sinh,
Vì lực củi ý tưởng,
Chỗ nghĩ nhớ tà khiến,
Dầu ái trút lửa dục,
Đốt cháy người ngu si".

Vì vậy đã biết khổ lạc do tâm, sự chẳng phần cứu cánh, nên phải đoạn tưởng củi khô dầu ái, dứt nghĩ gió ngưng lửa dục, phòng chế đất ý, luôn thuận chân như, viên mãn Bồ-đề, quả diệu thường lạc. Nên trong kinh có kệ tụng nói:

"Nếu người tâm chánh thiện,
Thường thuận pháp quán sát,
Chẳng làm chỗ lỗi khiến,
Như mặt nhật trừ tối".

Lại trong kinh nói: "Thà làm tâm bắt chước, chẳng bắt chước ở tâm. Nếu bắt chước tâm, thì tùy sáu thú mà chẳng trở lại. Làm tâm bắt chước thì ngầm một đạo mà thường trở về, như Canh Tang Tử nói: "Tâm bình chánh chẳng bị chỗ bên ngoài dẫn dụ", gọi là trong trẻo mà năng lâu thì sáng, sáng mà năng lâu thì hư, hư thì đạo toàn mà ở đó. Do

vậy trong kinh A-sai-mạt nói: “Thường chánh tâm đó chẳng chuộng học khác, phàm tâm thường chánh trực vốn tự hư huyền, đạo toàn là tâm tâm toàn là đạo”. Vì chẳng đạt nên tùy tâm tư lự, bị duyên bên ngoài móc kéo, kết buộc bên trong khiến loạn, mới khiến chỉ phải về một, chẳng chuộng chẳng học khác, hư minh tự hiện xứng với trở lại gốc vậy. Mở bày như vậy có thể gọi là nắm tay hành nhân chẳng đến biển Tát-bà-nhã, bảo trọng chẳng cô lẽ vậy. Nếu người tin thọ có thể gọi là chẳng động trần lao chóng thành chánh giác.

Hỏi: Thức sinh ở thân, thân nương ở thức, các căn hoại gọi là thức chuyển đổi lìa, bỏ thân cũ đây, riêng thọ chất khác, thức của đi lại tướng trạng như thế nào? Ý chỉ ấy khó rõ, khắp thế gian đều lầm hoặc, như vật báu ở kho tàng chẳng có ai biết.

Đáp: Lý đây miên mật căn cứ giáo có thể biết. Trong kinh Hiển Thức nói: “Phật bảo: Hiền Hộ! Vận chuyển đổi diệt qua lại của thức, giống như gió lớn không sắc không hình, chẳng thể hiển hiện mà năng phát động muôn vật, bày các hình trạng, hoặc lay động cây rừng xô bẻ rách nát phát ra âm thanh lớn, hoặc làm lạnh làm nóng xúc chạm thân chúng sinh làm khổ làm lạc, gió không tay chân mặt mũi hình dung, cũng không các sắc đen trắng đỏ vàng. Hiền Hộ! Thức giới cũng vậy, không sắc không hình không ánh sáng hiển hiện, vì nhân duyên nên hiển bày các thứ công dụng khác biệt, phải biết thọ giác pháp giới cũng lại như vậy, không sắc không hình, vì nhân duyên nên hiển phát công dụng. Hiền Hộ! Chúng sinh chết đây thọ giác pháp giới thức đều bỏ lìa thân, thức vận thọ giác pháp giới thọ thân khác là, thí như gió lớn thổi các hoa đẹp, hoa trú tại đây mà hương thơm lan tỏa khắp xa. thể Gió chẳng lấy mùi hương của hoa đẹp, hương thể thể gió và cả thân căn đều không hình sắc, mà nếu chẳng phải lực gió thì mùi hương chẳng tỏa đến xa. Hiền Hộ! Chúng sinh thân chết thức trì thọ giác pháp giới đem đến nơi khác sinh, nhân cha mẹ duyên mà thức gá đó, thọ giác pháp giới năng tùy ở thức cũng lại như vậy. Như từ lực hoa ưu thắng mà mũi có ngửi, từ lực ngửi ưu thắng mà được cảnh hương. Lại như từ lực gió thân ưu thắng được gió sắc xúc, nhân lực gió ưu thắng mùi hương được đến xa, như vậy từ thức có thọ, từ thọ có giác, từ giác có pháp, bèn năng rõ biết thiện và bất thiện, cho đến chuyển đổi thân của thức, như ảnh tượng của mặt hiện ở nơi gương, như đường vân của ấn hiển hiện nơi bàn. Thí như mặt nhật ló dạng, nơi ánh sáng tỏa chiếu đến thí các thứ tối tăm đều trừ, mặt nhật lặng ẩn ánh sáng lu mờ, thì tối tăm bèn trở lại như cũ. Tối tăm không hình chất, chẳng phải thường hay không thường đều

năng được xứ đó. Thức cũng như vậy, không chất không hình, nhân thọ tưởng hiển bày, thức nói thân, như tối tăm không thể, trông nhìn chẳng thấy, chẳng thể cầm nắm. Như mẹ mang thai con, chẳng năng tự biết là nam hay nữ, sắc đen vàng trắng, căn đủ hay chẳng đủ tay chân tai mắt loại cùng chẳng loại, uống ăn cay nóng vật thô, con đó bèn rộng rõ biết thống khổ, chúng sinh đi lại co duỗi, trông nhìn nói cười chuyển vận mang vác làm các sự nghiệp, thức tướng hiển bày đủ, mà chẳng thể biết ở đâu, dừng ở trong thân, chẳng biết tướng trạng đó. Hiền Hộ! Tự tánh của thức vào khắp các xứ chẳng bị chỗ các xứ làm nhiễm ô, sáu căn sáu cảnh năm phiền não ấm, thức khắp ở đó mà chẳng bị đó nhiễm. Do đó mà hiển bày sự dụng của thức. Hiền Hộ! Thí như cơ quan cây gỗ buộc nắm một chỗ làm các thứ nghiệp hoặc đi chạy nhảy nhót, hoặc nhảy ném múa vui, ý ông nghĩ sao? Chỗ cơ quan làm là lực của ai? Hiến Hộ bạch Phật: Trí tuệ thiển cạn, chẳng phải chỗ có thể rõ? Phật bảo: Hiền Hộ! Phải biết đều là lực của tác nghiệp, tác nghiệp không hình, chỉ trí vận vậy, như vậy cơ quan của thân dùng lực của thức làm các sự nghiệp. Tiên thông, Càn-thác-bà, rồng, thần, người, trời, A-tu-la v.v... các thứ thú nghiệp thảy đều nương đó, thức năng sinh thân như thợ làm cơ quan, thức không hình chất, trì khắp pháp giới, trí lực đầy đủ, cho đến năng biết sự của túc mạng. Nên biết thức tánh là một, không trú không hình chỉ tùy trí mà rõ bày, theo niệm mà chuyển, ấm đây vừa mới diệt, ấm kia bèn sinh, như đường vân ấn hiện ở nơi bùn, tợ ảnh tượng mặt đưa đến nơi gương. Đến nơi vào thai ở trứng gá chất hiện sinh, đi lại không dấu vết ẩn hiện chẳng phải ngại ngăn, như châu nhả chiếu, tợ mặt nhật truyền ánh sáng, lửa ra từ trong cây gỗ, chủng sinh trên đất, thể nó là một dụng ra ngàn sai. Môn một thức đây cũng lại như vậy, nhân niệm lực phân mười hai loại khác biệt của chủng, tùy nghiệp quả biến vô lượng hình chất của sinh tử". Lại trong kinh Đại Thừa Đồng Tánh nói: "Vua Tỳ-tỳ-sa-na Lăng-già thưa: Bạch Đức Thế Tôn! Thần thức chúng sinh,là tương đương mấy đại? Là làm sắc gì? Phật bảo: Lăng-già vương! Thần đức chúng sinh vô biên đại không sắc không tướng chẳng thể thấy, không ngại không hình không định xứ, chẳng thể nói. Tỳ-tỳ-sa-na thưa: Bạch Đức Thế Tôn! Thức tướng như vậy, không có biên đại, không sắc không tướng chẳng thể thấy, không ngại không hình không định xứ, chẳng thể nói là, đâu chẳng phải đoạn tuyệt ư? Phật bảo: Lăng-già vương! Nay ta hỏi, tùy ý ông đáp, ta sẽ vì ông nói. Lăng-già vương! Thí như đại vương tại trong cung điện hoặc trên lầu cao, lúc tâm nữ vây quanh an lạc ngồi, vận mặc các thứ y phục và các anh lạc. Lúc ấy nơi

vườn rừng lớn cây a-thâu-ca, các thứ hoa tạp trang nghiêm xinh đẹp, vườn tại nơi có gió dịu nhẹ, hoặc gió lớn mạng, thổi rừng vườn kia, cây a-thâu-ca mùi hương các hoa bay tỏa đến nơi chỗ vua, vua nghe đó chăng? Tỳ-tỳ-sa-na thưa: Bạch Đức Thế Tôn! Con nghe mùi hương đó, Phật bảo: Lăng-già vương! Ông nghe hương đó, phân biệt biết được chăng? Vua thưa: Bạch Đức Thế Tôn! Con có thể biết được, Phật bảo: Lăng-già Vương! Mùi hương hoa ấy, ông nói là biết được, vậy thấy nó lớn hay nhỏ ư? Quyết định làm sắc gì ư? Lăng-già Vương nói: Chẳng thể được. Bạch Đức Thế Tôn! Tại sao? Tướng mùi hương đó không sắc không hiện không ngại không tướng không định xứ, chẳng thể nói. Cho nên chẳng thấy hình sắc lớn nhỏ. Phật bảo: Lăng-già Vương! Ý ông thế nào? Nếu chẳng thấy mùi hương kia lớn nhỏ, chẳng phải đoạn tuyệt tướng ư? Tỳ -sa-na thưa: Không vậy, Thế Tôn! Tại sao? Nếu các tướng đây là đoạn tướng là không người được nghe. Phật bảo: Đúng vậy! Đúng vậy! Lăng-già Vương, thức tướng cũng vậy, nên thấy như vậy. Lăng-già Vương! Nếu thức đoạn tướng thì không sinh tử mà có thể biết. Như vậy, Lăng-già Vương! Thức tướng thanh tịnh, chỉ là bởi vô minh tham ái, các khách trần phiền não, tập khí nghiệp v.v... che ngại. Lăng-già Vương! Thí như cõi hư không thanh tịnh, chỉ có bốn thứ khách trần làm nhiễm ô. Những gì là bốn? Đó là khói mây bụi sương, Lăng-già Vương! Thức tướng như vậy, vốn thanh tịnh, nên không ngằn mé, không thể nắm bắt không có sắc nhiễm, chỉ là chỗ che nhiễm bởi các khách trần phiền não. Tại sao như vậy? Lăng-già Vương! Nếu lúc chánh quán, chẳng được chúng sinh, không ngã không chúng sinh, không thọ mạng, không chứa nuôi, không nhân, không số chúng, không người biết, không người hay, không người biết, không người thọ, không người nghe cho đến không sắc, thọ, tưởng, hành, thức v.v...

Hỏi: Cảnh sắc của bên ngoài nhân thức phân biệt nên gọi là Duy thức, chỉ như trong mộng không cảnh Duy thức, cớ sao trong mộng thức thấy các thứ?

Đáp: Trong kinh Hiển Thức nói: "Phật bảo: Hiền Hộ! Sắc có hai thứ: Một, bên trong; Hai, bên ngoài. Bên trong, đó là nhãn thức. Nhãn thì là bên ngoài, cho đến thân thức là bên trong, thân thì bên ngoài. Hiền Hộ! Như người vừa mới sinh đã mù, mộng thấy sắc đẹp tay chân mặt mắt hình dung xinh đẹp, bèn ở trong mộng, sinh rất vui thích, đến lúc ngủ tỉnh giấc rồi, mờ tối không chỗ thấy. Cho đến, người vừa mới sinh đã nhìn đó chưa từng thấy vật, cớ sao trong mộng mà năng thấy sắc? Hiền Hộ thưa: Bạch Đức Thế Tôn! Cúi xin chỉ bày đó. Phật bảo:

Hiền Hộ! Mộng thấy, thấy là chỗ nhãn bên trong, là tuệ phân biệt, chẳng phải mắt thịt thấy, chỗ mắt thịt đó, vì niệm lực nên người mù trong mộng khoảnh khắc mà hiện. Lại vì niệm lực tỉnh thức mà nhớ đó. Sắc bên trong của thức cũng lại như vậy, nên ở chỗ thấy chỉ thức, nghe ngửi nếm xúc cũng vậy. Thấy có cảnh giới chỉ là niệm tuệ phân biệt. Nếu lìa niệm tuệ phân biệt, quyết định không có tướng mảy may cảnh trần trước.

Hỏi: Thức tánh không hình đến cực vi tế, cớ sao năng nắm giữ thân lớn, lại giữ chất nhỏ?

Đáp: Thức tánh vi diệu chẳng thể nghĩ bàn. Vì tùy nghiệp vậy, thì đẹp xấu tự phân, vì không hình vậy, thì lớn nhỏ đều đồng. Trong kinh Hiển Thức nói: "Phật bảo: Đại Dược! Như gió lớn không chất không hình, ở nơi hang sâu, hoặc trong các hốc hẻm, nó trông ra mạnh bạo, hoặc xô ngã núi Tu-di vỡ vụn làm bụi trần, gió lớn vi diệu không chất không hình. Thức cũng như vậy, diệu không hình sắc, thân lớn thân nhỏ thảy đều năng trì, hoặc thọ thân muỗi, hoặc thọ thân voi, cho đến như hạt Ni-cù-đà chủng tử rất vi tế sinh cây bà sà to lớn cành nhánh trăm ngàn. Ý ông nghĩ sao? Hạt (tử) và cây đó lớn nhỏ đồng loại chăng? Đại Dược thưa! Bạch Thế Tôn! Hạt và cây đó lớn nhỏ khác biệt nhau, như lỗ rỗng trong cọng sen sánh với hư không giới. Phật bảo: Như vậy, Đại Tuệ! Cây ở trong hạt tìm không thể được, nếu chẳng nhân hạt, thì cây chẳng sinh. Hạt Ni-cù-đà vi tế năng sinh cây lớn. Thúc vi tế năng sinh thân lớn, ở trong thức tìm cầu thân, thân chẳng thể được, nếu trừ ở thức thì thân không có". Lại trong kinh Tỳ-da-sà Vấn nói: "Phật bảo: Lại nữa, Đại Tiên! Thức đây vi tế không sắc không chất, chẳng phải là có thể thấy thức, chẳng phải có sắc, chẳng phải sắc xanh v.v... trong sắc không căn thức. Nếu lìa căn thì không cảnh giới. Hoặc trong tâm người kinh động khiếp sợ, hoặc nghi nghĩ, tất cả như vậy đều là lực thức".

Hỏi: Sáu thú thăng trầm đều chỉ là thức, mới sinh vào thú của thiện ác, tướng đó như thế nào?

Đáp: Tùy chỗ phước giúp quả báo chẳng đồng, thắng phước giúp thức thì cảnh lớn, kém phước giúp thức thì căn nhỏ. Trong kinh Hiển Thức nói: "Đại Dược lại thưa: Bạch Đức Thế Tôn! Chúng sinh xả bỏ thân, làm sao sinh trong các trời, cho đến làm sao sinh trong địa ngục v.v...? Phật bảo: Đại Dược! Chúng sinh lúc lâm chung. Do phước nghiệp tư (giúp), bỏ nhìn của gốc được nhìn thiên diệu, dùng nhìn thiên diệu, thấy trời lục dục, và vườn Hoan hỷ, vườn Tạp hoa v.v... cho đến như ngủ mà chẳng ngủ, an ổn xả bỏ thọ mạng, lúc sắp xả bỏ thọ mạng, trời cha trời mẹ đồng ở một

chỗ, trong tay trời mẹ tự nhiên có hoa trổ ra, trời mẹ thấy hoa ngoảnh lại nói cùng trời cha: "Rất là phước tốt! Thắng quả hiếm có, trời nay phải biết vui của con lành, thời gian sắp đến chẳng lâu". Trời mẹ bèn dùng hai tay giỡn múa hoa đó. Lúc giỡn múa hoa, mạng bèn chung tận. Thức không tướng xả bỏ các căn, trì các cảnh nghiệp, vất bỏ các cõi, giữ các việc cõi, biến đổi quả báo, giống như cưỡi ngựa, bỏ một cưỡi một, như mặt nhật thích dẫn ánh sáng, như cây gỗ sinh lửa, lại như bóng trăng hiện ở nước lắng trong. Thức giúp thiện nghiệp biến đổi báo trời như mạch gió chuyển dời nhanh chóng gá bên trong hoa, trời cha trời mẹ đồng ngồi nhìn đó, cam lồ gió dục thổi hoa bảy ngày, ngọc báu trang nghiêm thân sáng động rực rỡ, Thiên đồng sáng sạch hiện ở tay trời mẹ. Đại Dược thưa: Bạch Đức Thế Tôn! Thức không hình vì sao nhờ mượn lực nhân duyên mà sinh có hình, vì sao có hình dừng bên trong nhân duyên? Phật bảo: Đại Dược! Như cây gỗ hòa hợp xúc chạm nhau sinh lửa, lửa đây, trong cây gỗ chẳng thể được, nếu trừ bỏ cây gỗ cũng chẳng được lửa. Nhân duyên hòa hợp mà sinh, nhân duyên chẳng đủ tức lửa chẳng sinh. Ở trong cây gỗ v.v... tìm sắc tướng lửa, biết không thể thấy, nhưng đều thấy lửa từ cây gỗ ra. Như vậy, Đại Dược! Thức gá nhờ cha mẹ nhân duyên hòa hợp sinh có thân hình, trong có thân hình tìm câu thức chẳng được, lìa thân có hình cũng không có thức. Đại Dược! Như lửa chưa phát ra, tướng lửa chẳng hiện, cũng không noãn xúc, các tướng đều không. Như vậy, Đại Dược! Nếu thân chưa có, thức thọ tưởng hành thảy đều chẳng hiện. Đại Dược! Như thấy ánh sáng mặt nhật chiếu diệu, mà các phàm phu chẳng thấy thể mặt nhật là đen gay trắng, vàng trắng hay vàng đỏ, đều chẳng thể biết, chỉ vì chiếu sáng ánh sáng hiện ẩn xoay vần các sự tác dụng mà biết có mặt nhật. Thức cũng như vậy, do các tác dụng mà biết có thức. Đại Dược thưa: Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là thức tác? Phật bảo: Đại Dược! Thọ biết tưởng hành, tư lo khổ não, đó là tác dụng của thức. Lại có thiện nghiệp và bất thiện nghiệp huân làm chủng tác dụng hiển hiện thức.

Đại Dược thưa: Bạch Đức Thế Tôn! Cớ sao thức lìa nơi thân bèn chóng thọ thân? Thức xả bỏ thân cũ, thân mới mới chưa thọ, ngay thời gian đó, thức làm tướng gì? Phật bảo: Đại Dược! Như có trượng phu vai rộng khỏe mạnh mặc áo giáp đội mũ trụ bền chắc, cưỡi ngựa đi nhanh như gió để vào trong trận, dáo mác giao nhau, tâm loạn rơi khỏi ngựa, do thế võ cứng mạnh nên trở lại liền nhảy lên. Thức xả bỏ nơi thân nhanh chóng liền thọ thân cũng lại như vậy. Lại như người khiếp nhược thấy địch kinh sợ cưỡi ngựa chạy lui. Thức giúp thiện nghiệp thấy trời

cha trời mẹ đồng ngồi một tòa, chóng gá sinh kia cũng lại như vậy.

Đại Dược! Như ông hỏi thức bỏ thân cũ, thân mới chưa thọ, ngay lúc ấy, thức làm tướng gì? Đại Dược! Thí như ảnh người hiện ở trong nước, không chất có thể thủ, tay chân mặt mắt và các hình trạng cùng người không khác. Mà thể chất sự nghiệp trong ảnh đều không, không lạnh không nóng, không cùng các xúc, cũng không nhọc kém nhục đoàn các đại, không tiếng nói phô không lời khổ lạc. Thức bỏ thân cũ, thân mới chưa thọ, tướng cũng như vậy, là giúp quả thiện sinh các trời đó. Đại Dược thưa: Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là thức sinh địa ngục? Phật bảo: Đại Dược! Người tạo ác nghiệp vào nơi địa ngục, ông phải lóng nghe. Đại Dược! Trong đây, chúng sinh tích chứa bất thiện căn, đến lúc mạng chung, khởi ý nghĩ rằng: "Nay thân ta đây chết bỏ cha mẹ ân ái thân thích rất là đau khổ", thấy các địa ngục và thấy thân mình ứng hợp vào đó, thấy chân phía trên, đầu lộn xuống dưới. Lại thấy một xứ đất thuần toàn huyết, thấy huyết đó rồi, tâm có mến đắm vị, duyên tâm đắm vị bèn sinh vào địa ngục, nước ác rả thối, dơ uế nhân lực thức gá trong đó. Thí như phẩn uế, xứ dơ, sữa dơ, rượu dơ, các dơ nhân có trùng sinh trong đó, kẻ vào địa ngục gá vật dơ mà sinh cũng lại như vậy". Trong luận Bát-nhã Đăng nói: "Nói từ tử hữu tương tục đến lúc sinh hữu, như trao kinh, như truyền đăng, như đi in dấu, như gương ảnh tượng hiện, như tiếng vang giữa hư không, như ảnh vầng trăng mặt nhật trong nước, như hạt giống sinh mầm, như người thấy vật chua trong miệng sinh nước dãi. Như vậy, hậu ấm lúc tương tục khởi, không có trung ấm qua lại, truyền đây đến kia, cho nên người trí phải hiểu như vậy". Nên biết thức gá nghiệp hiện, cảnh theo tâm sinh, núi dao bén nhọn ai người rèn luyện? Hoa ngậm nước đức chẳng phải kia mở bày. Biện quả biết nhân, thấy ngọn biết gốc. Nên nói! Tâm năng làm Phật, tâm làm chúng sinh, tâm làm thiên đường, tâm tạo địa ngục. Tâm khác thì ngàn sai tranh khởi. Tâm bình thì pháp giới thản nhiên, tâm phàm thì ba độc trói buộc, tâm Thánh thì sáu thông tự tại, tâm không thì một đạo thanh tịnh, tâm có thì muôn cảnh tung hoành. Như hang cốc ứng tiếng nói hùng mà vang mạnh, tợ gương soi tượng hình cong mà ảnh lõm, để biết muôn hạnh do tâm, tất cả tại ngã, bên trong hư bên ngoài trọn chẳng thật, bên ngoài tế bên trong trọn chẳng thô. Nhân thiện trọn gặp duyên thiện, hành ác khó tránh khỏi cảnh ác, giẫm đạp ráng mây mà uống cam lồ chẳng phải chỗ kẻ khác trao, nằm ngồi trên khói lửa mà ăn huyết nồng đều tự mình năng làm, chẳng phải chỗ của trời sinh, chẳng phải chỗ của đất ra, chỉ tại một niệm đầu tiên, khiến đây thăng trầm, muốn bên

ngoài an hòa, chỉ nên bên trong yên tĩnh. Tâm rỗng cảnh lặng, niệm khởi pháp sinh, nước đục sông mờ, đầm trong trăng sáng, cốt yếu của tu hành chẳng phải vượt ngoài nơi đây. Có thể gọi là môn của các diệu. Phủ của các linh, gốc của thăng giáng, nguồn của họa phước, chỉ chánh tự tâm, sao nghi cảnh riêng biệt. Vì vậy, lìa hành tội hành phước hành chẳng động của chúng sinh, trọn không có quả báo khổ lạc ba cõi. Nếu lìa chúng sinh thấy nghe hay biết, đâu có cảnh giới ấm xứ giới v.v... Như trong kinh Đại Bát-nhã nói: "Phật dạy: Hoặc mộng hoặc tỉnh, cần phải ở trong pháp thấy nghe hay biết có giác tuệ chuyển, do đó mà khởi nhiễm, hoặc lại khởi tịnh, nếu không pháp thấy nghe hay biết thì không giác tuệ chuyển cũng không nhiễm tịnh". Nên biết mộng tỉnh chỉ thức, nhiễm tịnh do tâm, là chỗ chính của tiền hiền hậu học, là đồng chỉ của ngàn kinh vạn luận. Như trong kinh Lăng-già có kệ tụng nói:

"Chúng sinh và bình thảy
Các thứ các hình tướng
Trong ngoài tuy chẳng đồng
Tất cả từ tâm khởi."

Chỉ một niệm chẳng sinh, là các duyên tự đoạn. Nên nói: Một niệm tâm chẳng sinh, sáu căn đều không lỗi. Lại nói: Một tâm chẳng sinh, muôn pháp không lỗi. Như nay nhàm sinh chán già tùy nghĩ tùy tạo, bỏ vọng bỏ thân, nghiệp quả luôn mới. Nếu năng rõ sinh không sinh, biết vọng không vọng, một niệm tâm lắng muôn lo nghĩ đều tiêu. Như nói: Sợ ảnh sợ sệt càng chạy càng cực, ngồi yên bóng râm vết diệt ảnh mất. Vậy biết ngộ tâm tức dừng lại không thuật khác. Như Tổ Sư nói: "Tất cả do tâm, tà chánh tại mình, chẳng nghĩ một vật, tức là bản tâm, người trí năng biết lại không hành khác". Do đó, Đức Bản Sư nói: Việc đây chỉ ta năng biết!"

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 76

Hỏi: Phàm, luận một kỳ chân vọng sinh tử, căn cứ sự mà nói lại có thủy chung chăng?

Đáp: Trong Đệ nhất nghĩa, còn không sinh tử, sao có thủy chung? Vì thuận trong môn thế đế, tùy chúng sinh thấy mà vọng nói sinh tử. Như các bậc Cổ đức nói: "Chân vọng theo nhau khó cùng trước sau", là giải thích: Nếu nói trước vọng sau chân, chân thì có thủy. Còn nếu cho là trước chân sau vọng, vọng do đâu sinh? Nếu vọng nương chân khởi, thì chân cũng chẳng phải chân. Nếu vọng thể tức chân thì vọng cũng không thủy, vì phá thủy khởi nên lập vô thủy mà nói. Thủy đã chẳng còn, chung từ đâu lập? Không chung không thủy, đâu có trung gian. Nên trong luận Trung Quán nói: "Chỗ nói của Đại Thánh, Bản tế chẳng thể được, sinh tử không có thủy, cũng lại không có chung, nếu không có thủy chung, trung gian làm sao có." Cho nên ở trong đây, trước sau vọng cũng không, chân vọng đều mất mới nói chân vọng, chân vọng giao triệt, sao định thủy chung.

Hỏi: Như nói ở trên, sinh tử ác nghiệp vô lượng vô biên, vừa mới rõ tâm đây được tất cả đồng thời giải thoát chăng?

Đáp: Thật có lý đó, toàn tại nơi người, nếu chướng mỏng ngăn nhẹ rõ ngay vào thẳng. Duyên sau cơ chín chóng ngộ chóng tu, như gương sạch sáng sinh, mây tan trăng tỏ, hoặc cấu dày tập nặng quán kém tâm nổi, tuy tin hiểu một tâm, hạnh môn khó lập, có tám lớp dơ của vọng tưởng như lưới dày rừng rậm, đủ sáu cửa trói buộc, như băng cứng keo sơn, nếu chẳng phải sức lực lớn mạnh, sao có thể giải phân. Như trong luận Địa Trì nói: "Vọng tưởng có tám thứ: Một, tự tánh vọng tưởng, tức chấp sắc v.v... các pháp mỗi có tự thể; Hai, sai biệt vọng tưởng, tức chấp sắc v.v... có thể thấy chẳng thể thấy. Đối và không đối sắc sai biệt; Ba, gồm nhân tích tụ vọng tưởng, tức ở trong ấm, chấp ngã chúng sinh, ở trong quân, rừng v.v... khởi định chấp thật. Một phân biệt đây tức trước chấp nhân, sau chấp ở pháp; Bốn, ngã kiến vọng tưởng,

không ngã chấp là ngã vậy; Năm, ngã sở vọng tưởng, tức chấp ngã dụng; Sáu, có niệm vọng tưởng tức duyên cảnh tịnh khả ái phân biệt; Bảy, chẳng niệm vọng tưởng, tức duyên cảnh bất tịnh đáng ghét phân biệt; Tám, câu tương vi (cùng trái nghịch nhau) vọng tưởng, tức duyên cảnh trung dung phân biệt". Căn cứ ở các kinh luận nói có sáu thứ ràng buộc (trói buộc). Trước luận về hai thứ phược ở tâm cảnh là: Một, ràng buộc tương ưng phược; Hai, ràng buộc sở duyên ràng buộc. Phiền não và tâm tâm sở khởi. Tâm gá ở tâm vương, tâm sở nhiễm tâm, gọi là ràng buộc tương ưng phược. Tâm tâm sở pháp đều năng duyên cảnh, cảnh chẳng lìa trói buộc, gọi là ràng buộc sở duyên phược. Tiếp nói về bốn thứ ràng buộc trong ba cõi: Một, tham; Hai, sân; Ba, kiến thủ; Bốn, giới thủ. Tham sân hai phược chẳng khiến chúng sinh ra khỏi cõi Dục, các Luận gia nêu thí dụ như lính giữ ngục. Kiến thủ giới thủ hai ràng buộc, chẳng khiến hữu tình ra khỏi cõi Sắc và cõi Vô sắc. Tại sao? Kiến thủ chấp liệt làm thắng, chấp phi tưởng, phi phi tưởng xứ và trời vô tưởng, chấp là giải thoát Niết-bàn, gọi là kiến thủ, giới thủ là chẳng phải nhân chấp là nhân. Chấp định phi tưởng, định không tưởng và giới là nhân sinh lên trời, là nhân giải thoát, gọi là giới cấm thủ. Do hai ràng buộc này khiến các hữu tình chẳng được cõi Sắc và cõi Vô sắc. Vọng tưởng ràng buộc như trên, trừ hàng thượng căn chóng tu ngoài ra tức phải ước ở lực của địa vị hiện quán. Như trong kinh nói rõ: Hiện quán có sáu hiện, đó là: Hiện tiền quán nghĩa là quán sát tức chân lý thường hiện tại trước, Diệu trí luân năng quán sát, chẳng khiến gián đoạn, mặc tình tương ưng. Trong luận Du-già nói: "Một, Tư hiện quán, nghĩa là thượng phẩm tư tuệ dẫn sinh noãn v.v... trong đạo bốn gia hạnh quán sát các pháp, gọi là hiện quán; Hai, Tín hiện quán, nghĩa là duyên Tam bảo, tịnh tín thế gian và xuất thế gian, đây trợ hiện quán khiến chẳng thối chuyển, lập tên hiện quán; Ba, Giới hiện quán, nghĩa là đạo cộng vô lậu giới năng trừ phá giới cấu khiến quán tăng rõ sáng, cũng gọi là hiện quán; Bốn, Trí đế hiện quán, nghĩa là hai trí chánh thể và hậu đắc duyên chân tục là hai đế chân tục vậy; Năm, Hiện quán, nghĩa là trí đế quán sau, quán các duyên an lập trí thế gian và xuất thế gian; Sáu, cứu cánh hiện quán, nghĩa là tận không sinh v.v... trí quả vị cứu cánh." Xưa trước giải thích: Tư hiện quán ở trước là chỗ nghĩ lường gia hạnh có trí tuệ, chỉ năng phục chưa năng đoạn vậy. Từ hàng sơ địa trở lên, tín giới trí đế và ngay vị biên hiện quán, tức đoạn, địa sau tức phục, chỉ một quán cứu cánh chẳng phải phục chẳng phải đoạn. Đoạn đây có hai: Một, cộng tướng đoạn; Hai, tự tướng đoạn. Nếu lúc đoạn hoặc chứng lý,

làm không hành tướng và không (vô) ngã hành tướng, tức gọi là cộng tướng. Vì không và không ngã gần thông bốn đế, nên gọi là cộng tướng đoạn. Nếu lúc đoạn hoặc chứng lý, làm hành tướng chân như tịch diệt chẳng thông các đế, chỉ tại Diệt đế, gọi là tự tướng đoạn. Lại có ba thứ đoạn: Một, tự tánh đoạn, như đèn phá tối, lúc trí tuệ khởi phiền não ám chướng tự tánh ứng đoạn; Hai, chẳng sinh đoạn, nghĩa là lúc đắc pháp không của sơ địa, năng khiến quả khổ ba đường ác đạo trọn chẳng có sinh. Chủng tử ở trong loài người, không căn. Hai hình, ở Bắc châu, trời vô tưởng v.v... chẳng sinh quả sau, gọi là chẳng sinh đoạn vậy, ở Bắc châu, trời Vô tưởng v.v... chẳng sinh quả sau, gọi là chẳng sinh đoạn vậy; Ba, duyên phược đoạn là, chỉ đoạn hoặc của trong tâm, ở cảnh trần bên ngoài chẳng khởi tham sân. Ở cảnh tuy duyên mà chẳng nhiễm trước, gọi là Duyên phược đoạn vậy. Ở trong ba đoạn thì hai đoạn tự tánh và chẳng sinh mặc tình năng đoạn, đều do một đoạn duyên phược năng khiến nhân quả ở ba cõi chẳng sinh. Lại, xưa trước giải thích: Trí chướng có ba môn đó: Một, trí chướng, chỗ gọi là tâm của phân biệt có không; Hai, thể chướng, nghĩa là giải của quán chẳng có chẳng phải không lập mình năng, nên gọi là thể chướng; Ba, trị tưởng, nghĩa là hợp tuệ như chánh trong vọng thức, nương địa đây có ba đó. Mới đầu, từ địa thứ nhất đến địa thứ tư, cho đến địa thứ bảy đoạn trừ, địa thứ tư thứ năm thứ sáu, đoạn trừ tâm phân biệt thủ hữu, nghĩa là giải pháp mạn thân tịnh mạn v.v... lúc vào địa thứ bảy, đoạn trừ tâm phân biệt thủ không, từ địa thứ tám trở lên, đoạn trừ thể chướng. Địa thứ bảy trước tuy trừ tâm phân biệt có không, còn thấy tâm mình lấy làm năng quán. Như làm sở quán. Sở quán như đó chẳng tức tâm năng, tâm quán chẳng tức tâm như. Như riêng biệt nên ngoài tâm cầu pháp, nên có công dụng, ngoài pháp lập tâm nên có thể chướng. Lúc từ địa thứ bảy vào địa thứ tám phá bỏ chướng đây, quán sát ngoài như xưa nay vốn không tâm, ngoài tâm không như, ngoài như không tâm, tâm chẳng khác như. Ngoài tâm không như, như chẳng khác tâm. Nên tâm năng như hết sạch đồng pháp giới rộng lớn chẳng động, vì chẳng khác vậy, ngoài tự tìm cầu nên bỏ công dụng, chẳng lại ngoài như kiến lập thần trí nên diệt thể chướng, thể chướng diệt nên gọi là không chướng tưởng. Thứ ba trị tưởng đến Phật mới diệt. Nên vào địa thứ tám tuy không chướng tưởng mà có trị tưởng, hành địa thứ tám không sinh nhẫn thể chuyển chuyển tịch diệt, khiến trị tưởng kia vận vận tự mất, đến Phật mới tận cùng. Nên biết môn cảnh tuy không phải được không tâm khế hợp chẳng thể miệng tuy nói không mà hành tại trong có, cảnh trí tương ưng năng sở ngầm hợp, mới năng

cởi ràng buộc tùy thuận không sinh vậy. Vừa mới sinh thủ trước bèn thành ma nghiệp, như trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Phật tử! Vị Đại Bồ-tát có mười thứ ma, những gì là mười? Đó là: Uẩn ma, sinh các thủ vậy. Phiền não ma, luôn tạp nhiễm vậy. Nghiệp ma, năng chướng ngại vậy. Tâm ma, khởi cao mạn vậy. Tử ma, bỏ sinh xứ vậy. Thiên ma, tự kiêu ngạo phóng túng vậy. Thiện căn ma, luôn chấp thủ vậy. Tam-muội ma, đắm vị lâu vậy, Thiện tri thức ma, khởi đắm trước tâm vậy. Bồ-đề pháp trí ma, chẳng nguyện xa lìa vậy. Đó là mười, vị Đại Bồ-tát phải dùng phương tiện chóng cầu xa lìa". Trong sớ giải thích: Một, uẩn ma, là thân làm đạo khí, thể cùng Phật đồng, đâu tức là ma? Tên của uẩn ma đặc biệt do thủ trước. Chín loại ma sau cũng như vậy đều lấy câu sau, giải thành nghĩa ma. Vậy biết, dùng tâm phân biệt muôn pháp đều là ma, đâu chỉ mười thứ đây, nên nêu Bồ-đề pháp trí dùng ưu thắng so sánh kém liệt, chẳng dùng tâm phân biệt, tất cả đều Phật, đâu xả bỏ ma giới mà cầu Phật giới ư? Nhưng bốn thứ ma là căn cứ ngay thể mà nói, còn mười ma phần nhiều ước về chấp thủ. Mười tiêu biểu vô tận vậy. Pháp Bồ-đề tức là sở chứng. Trí là năng chứng, năng sở ngầm hợp nên gọi là Bồ-đề. Nếu chẳng xả bỏ thấy của phân biệt Bồ-đề tức là ma vậy. Nếu vào Tông Kính, phân biệt tự mất. Đã không tâm của năng chứng cũng không lý của sở chứng. Lại, trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Không có ít pháp làm chỗ trí vào, cũng không có ít trí mà vào nơi pháp." Vì vậy cưỡi mũi tên một trí bắn phá các quân ma, khua dao một tuệ chém chặt các lưới nghi ngờ. Đây mới là lực của Tông Kính, ngoài ra sao nói ư? Nếu chẳng ngộ tự tâm chưa đạt yếu chỉ đây, tuy tu trí tuệ chẳng vào viên thường, giả sử luyện hạnh môn chỉ tăng thêm ngã mạn, vì chưa đạt pháp môn nhất tế (một khoảng vậy), chỉ sinh phân biệt trưởng vô minh. Như trong kinh nói: "Nếu phân biệt là pháp Thanh văn là pháp Duyên giác là pháp Bồ-tát là pháp chư Phật, đây gọi là tịnh, đây gọi là bất tịnh, đây gọi là đạo, đây gọi là chẳng phải đạo. Đó gọi là Bồ-tát kiêu mạn." Nếu vào Tông Kính, trí hành đều thành, núi ngã mạn đổ, sông tham si cạn, tình hơn kém hết, nghiệp sai biệt mất. Như trong Lộng châu ngâm nói: "Tiêu sáu giặc chừ, nát bốn ma, xô núi ngã chừ, cạn sông ái. Long nữ núi Linh gần dâng Phật, trẻ nghèo trong áo uổng sa-đà".

Hỏi: Năm ấm một pháp tức vọng tức chân, đã làm môn của trần lao sinh tử, lại thành đạo của xuất thế Bồ-đề. Nay lại suy tìm vọng sinh tử không từ đâu, trong kinh nói, ấm đây vừa mới diệt, ấm kia bèn sinh. Đã Duy thức không nhân, ấm trước diệt, ấm sau thế nào được sinh?

Đáp: Năm ấm tánh không chẳng phải thường, tương tục chẳng

đoạn, chẳng thường chẳng đoạn tức là chánh nhân. Như trong Hoa Nghiêm Sớ nói: Năm ấm tương tục tức là chánh nhân, cũng gọi là sinh nhân. Nói chánh nhân là nghĩa Trung đạo, Trung đạo tức là Phật tánh, nghĩa là hiện tại ấm diệt trung ấm, ấm sinh là hiện tại ấm, trọn chẳng biến làm trung ấm năm ấm, nên hiện ấm chẳng phải thường, như chủng sinh mầm chủng chẳng đến mầm, tuy chẳng đến mầm mà năng sinh mầm, hiện tại ấm đây tuy chẳng đến sau mà năng sinh sau, thì hiện ấm chẳng phải đoạn. Mà trung ấm năm ấm cũng chẳng phải tự sinh, chẳng từ nơi khác lại. Nhân hiện năm ấm sinh trung ấm ấm, đây thì hậu ấm chẳng phải không nhân, nên hậu ấm chẳng phải thường, đã năng tiếp tục trước nên hậu ấm chẳng phải đoạn. Chẳng phải đoạn chẳng phải thường là nghĩa trung đạo, tánh chánh nhân vậy. Lại y cứ Thai giáo, lược có chín thứ năm ấm, đều không tự thể chỉ theo tâm sinh. Do đó trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng nói:

"Tất cả chúng sinh giới
Đều tại trong ba đời
Ba đời các chúng sinh
Đều trú trong năm ấm
Các uẩn nghiệp là gốc
Các nghiệp tâm là gốc
Tâm pháp giống như huyễn
Thế gian cũng như vậy".

Chín thứ năm ấm là: Sắc tâm một thời kỳ gọi là quả báo năm ấm, bình đẳng tưởng thọ là vô ký năm ấm, khởi kiến khởi ái là hai thứ dơ uế năm ấm, động nghiệp thân miệng là hai thứ thiện ác năm ấm, biến hóa hiện bày là công xảo năm ấm. Người năm căn lành là phương tiện năm ấm, chứng đắc bốn quả là vô lậu năm ấm. Các thứ như vậy vốn từ tâm ra. Trong kinh Chánh Pháp Niệm nói: "Như tay thợ vẽ họa ra năm sắc đen xanh đỏ vàng trắng trắng trắng. Tay họa vẽ thí như tâm. Sắc đen thí như địa ngục, sắc xanh thí như quỷ, sắc đỏ thí như súc sinh, sắc vàng thí như A-tu-la, sắc trắng thí như người, sắc trắng trắng thí như trời". Sáu thứ ấm đây dừng ngang bên trong giới. Nếu y cứ theo kinh Hoa Nghiêm nói: "Tâm như người thợ vẽ, vẽ các thứ năm ấm. Bên trong giới bên ngoài giới tất cả trong thế gian không gì chẳng từ tâm tạo, sắc tâm thế gian còn chẳng phải cùng tận, huống gì xuất thế gian mà phàm tâm biết được. Phàm mắt màng còn chẳng thấy gần, sao được thấy xa càng sinh nhiều kiếp, chẳng thấy một góc bên trong giới huống gì ngằn mé bên ngoài giới ư? Giống như nai khát đuổi theo bóng nước (dương diệm)

chó điên cắn sấm chớp, đâu có lý được. Do đó, Bồ-tát Long Thọ phá năm ấm một khác đồng thời trước sau đều như lửa huyễn vang hóa đều chẳng thể được, sao lại chấp ở vương sở đồng thời khác thời ư? Nhưng tất cả ấm nhập bên trong bên ngoài giới đều do tâm khởi. Phật dạy các Tỳ-kheo: Một pháp gồm tất cả pháp chỗ gọi là tâm là như trong luận có kệ tụng nói:

"Tất cả trong thế gian
Chỉ có danh và sắc
Nếu muốn như thật quán
Chỉ nên quán danh sắc."

Tâm là gốc hoặc, nghĩa đó như vậy. Trong Phụ Hành Ký nói: "Nếu bày thể cảnh chẳng nghĩ bàn, quán tâm là đủ, vì tâm khắp cùng nên gồm các pháp khác. Lại chẳng phải chỉ tâm gồm tất cả mà cũng là tất cả nhiếp tâm. Nên trong Tứ niệm xứ quán nói: Chẳng phải chỉ Duy thức, cũng là duy sắc duy thanh v.v... nay từ hẹp của rộng chánh bày thể cảnh. Ấm giới nhập ba thứ đều có thể làm cảnh vì rộng thoát khó chỉ bày nên từ chỉ đích lược hai thứ giới nhập, căn cứ ấm như bỏ gậy mà cậy thước, lược bốn ấm từ thức như bỏ thước cậy tấc, vì do chỗ giới nhập gồm rộng nhiều, ấm chỉ hữu vi. Bên trong của hữu vi, nghĩa bao gồm tâm sắc, bỏ sắc còn tâm. Tên tâm lại hợp tâm và tâm sở. Nay tạm quán tâm vương vất bỏ tâm sở thì ba khoa một niệm tâm mười giới như vậy, một giới năm ấm như thước, chỉ tại thức tâm như tấc. Nếu đạt tâm đủ tất cả pháp rồi, mới năng độ vào tất cả sắc tâm, như mỗi mỗi thước không gì chẳng phải là tấc. Nên biết hoặc chân đế hoặc tục đế, hoặc hữu vi hoặc vô vi, một cõi một trần không gì chẳng phải là tâm vậy. Nay Tông Kính bao gồm then chốt cốt yếu đó, bởi vì đây vậy. Nay chỉ quán thức ấm, thức ấm là tâm ấy vậy. Đã từ tâm sinh, chẳng phải không chẳng phải có, chẳng sinh chẳng diệt, không trú không y, ở trong môn sinh tử nghiệp quả chẳng thể nghĩ bàn, vì tướng nhân duyên hòa hợp tợ tương tục, như có chủ tể các thú qua lại. Chí lý cùng đó rốt ráo không thể. Như nam châm hút sắt, gương sáng hiện hình, đây đều pháp nhĩ, đâu có tình ư? Trong luận Bát-nhã Giả Danh nói: "Các uẩn tuần hoàn thọ các thú khác gọi là thủ, trong đó không người năng thủ các thú, bỏ ở hiện uẩn mà thọ hậu uẩn, như bỏ áo cũ mà mặc áo mới. Nhưng y cứ theo Tục đế thí như nhân chất mà hiện ở tượng, chất chẳng đến tượng mà có tượng hiện, do uẩn trước nên uẩn sau tiếp tục sinh, trước chẳng đến sau mà sau tương tục. Cho nên Bồ-tát không thủ là tưởng." Trong kinh Đại Niết-bàn nói: "Như ấn sáp đóng dấu ở bùn ấn và bùn hợp, ấn

diệt đường vân thành, đường vân chẳng phải từ bùn ra, chẳng xứ khác lại vì ấn nhân duyên mà thành tựu đường vân đó, kinh hợp thí dụ là hiện tại ấm diệt trung ấm ấm sinh, là hiện tại ấm trọn chẳng biến làm trung ấm năm ấm, cũng chẳng phải tự sinh, chẳng từ nơi khác lại. Nhân hiện ấm nên sinh Trung ấm ấm. Thí dụ hợp là, như ấn in bùn, ấn diệt đường vân thành. Tên tuy không sai mà thời tiết nổi khác, cho nên ta nói Trung ấm năm ấm chẳng phải mắt thịt thấy, chỗ thiên nhãn thấy vậy." Giải thích: Hiện ấm như ấn, xứ trung ấm sinh, nghĩa nó như bùn, hiện tại ấm diệt gọi là ấn hoại, trung ấm ấm khởi gọi là đường văn thành. Ở đây lại lấy trung ấm làm ấn, nghiệp bức thọ trai gọi là nhiễm bùn, trung ấm ấm diệt gọi là ấn hoại, vị lai (hậu) ấm ấm khởi gọi là đường văn thành. Nghiệp chủng chưa đoạn, đường văn lại làm ấn, ấn lại làm đường văn, tướng đường vân ấn thành chẳng thể cùng tận vậy. Sinh tử chẳng đoạn pháp thí dụ có thể biết. Lại như ngọn đèn, ngọn trước dẫn ngọn sau, ngọn sau tiếp tục ngọn trước, tương tục chẳng đoạn tợ thường tợ một. Phàm phu chẳng thấu đạt hoặc chấp sinh tử là thường, chẳng biết ngọn đèn trước không thể, nhân ngọn sau tiếp tục khởi, ngọn sau không thể, cậy ngọn trước dẫn sinh, ngọn ngọn đều hư tự tánh tịch diệt, một niệm tâm đây cũng lại như vậy, mới mới sinh diệt tục tục luân hồi cho đến một niệm chẳng trú giống như ngọn đèn, chẳng tinh tế quán sát, chấp sinh diệt đây là thường là một, lại chẳng rõ ngọn trước vừa mới diệt, ngọn sau tiếp tục sinh, niệm niệm tương tục chưa từng tam diệt. Hoặc chấp sinh tử là đoạn. Nếu thấu đạt sâu xa về lý nhân duyên, tự nhiên chẳng lạc vào đoạn thường. Tại sao? Vì nhân duyên không tánh, chẳng thể được nên chẳng phải thường, vì không tánh nhân duyên tương tục nên chẳng phải đoạn. Lại năm ấm đây chỉ là một pháp, nếu chấp thành đoạn thường là phàm phu kiến, nếu phá bẻ thành không, là người Tạng giáo. Nếu rõ ấm không tánh, thể đây thành không, là người Thông giáo. Nếu ngộ năm ấm đây chẳng không, đầy đủ Phật pháp, tu trí đoạn hoặc lần lượt sinh khởi, là Bồ-tát Biệt giáo. Nếu rõ đây tức chân, lại không pháp riêng biệt, niệm niệm vô minh đủ mười pháp giới, tức Bồ-tát Viên giáo. Như kẻ bạc vận thấy vàng thành rắn, người phước sâu dày vốc đá là vật báu. Pháp không cao thấp mà người tự thăng trầm vậy. Chỉ chẳng tạo nghiệp giàu nghèo trọn không quả báo hơn kém. Như trong luận Đại Trí Độ có kệ tụng nói:

"Nghiệp đời trước tự tạo
Chuyển làm các thứ hình
Hư không chẳng chịu hại

Không nghiệp cũng như vậy".

Hỏi: Sinh tử tương tục do các tập khí, có bao nhiêu thứ tập khí năng thành luân chuyển?

Đáp: Xưa trước giải thích: Tự thể tập khí gồm có ba nghĩa: Tập khí ladị sinh với chủng tử mà thể đồng. Tập khí tức căn cứ lúc huân tập mà luận, chủng tử tức đối hiện hành mà gọi, đều có ba nghĩa: Một, chủng tử gọi là tập khí, khi nghĩa là khí phần, tập nghĩa là huân tập. Do hiện hành kia hướng thượng được khí phần đây vậy; Hai, hiện hành cũng gọi là tập khí, nghĩa là đều do chủng tử năng sinh hiện hành, là khí phần của nhà chủng tử; Ba, tập khí gọi là tập khí như giấy trong hương mà có khí phần. Trong luận Duy Thức nói: "Mà huân bản thức khởi tự công năng", tức công năng đây gọi là tập khí, công năng là nghĩa tập khí, thể tức chủng tử, lược có ba thứ tập khí: Một, danh ngôn tập khí; Hai, ngã chấp tập khí; Ba, chi hữu tập khí. Thứ nhất, danh ngôn tập khí, nghĩa là pháp hữu vi mỗi riêng biệt thân chủng. Danh ngôn có hai: Một là, biểu nghĩa danh ngôn, tức nghĩa năng phân tích, âm thanh sai biệt; Hai là, hiển cảnh danh ngôn, tức năng rõ cảnh tâm tâm sở pháp, tùy chỗ hai danh ngôn huân thành chủng, làm pháp hữu vi mỗi mỗi riêng biệt nhân duyên. Thứ hai, ngã chấp tập khí, nghĩa là hư vọng chấp chủng ngã và ngã sở, chấp ngã có hai: Một là, câu sinh ngã chấp, tức chỗ tu đoạn chấp ngã ngã sở; Hai là, phân biệt ngã chấp, tức chỗ thấy đoạn chấp ngã ngã sở, tùy chỗ hai ngã chấp huân thành chủng. Nay các hữu tình v.v... tự tha sai biệt. Thứ ba, chi hữu tập khí, nghĩa là chiêu nghiệp chủng dị thục ở ba cõi, chi hữu có hai: Một là, hữu lậu thiện, nghĩa là năng chiêu nghiệp quả khả ái; Hai là, các bất thiện tức là năng chiêu nghiệp quả chẳng phải ái, tuy chỗ hai chi hữu huân thành chủng khiến dị thục quả thiện ác thú riêng biệt. Nên biết ngã chấp và chi hữu tập khí ở quả sai biệt là tăng thượng duyên. Trước nói sinh tử nhân nghiệp tập khí là, nên biết tức là chi hữu tập khí. Hai thủ tập khí, nên biết tức là hai thứ tập khí ngã chấp và danh ngôn. Thủ ngã ngã sở, và thủ danh ngôn mà huân thành nên đều gọi tên là thủ. Giải thích: Biểu nghĩa danh ngôn là, chỉ thức thứ sáu, năng duyên danh đó năng phát danh đó, ngoài ra đều chẳng duyên, cũng chẳng năng phát, tức chỉ nghĩa phân tích, sai biệt của âm thanh, chọn lựa chẳng phải âm thanh phân bày, kia chẳng phải danh ngôn vậy. Danh chỉ vô ký, nhưng danh là co duỗi sai biệt trên thanh (tiếng). Chỉ tánh vô ký chẳng năng huân thành các chủng sắc tâm v.v... nhưng nhân danh nên tâm tùy danh đó biến tợ pháp năm uẩn ba tánh v.v... mà huân thành các thứ chủng, nhân danh khởi chủng, gọi

là danh ngôn chủng. Tất cả huân chủng đều do tâm tâm sở, tâm tâm sở chủng có nhân và duyên bên ngoài, có chẳng nương tựa bên ngoài, chẳng nương tựa bên ngoài gọi là hiển cảnh danh ngôn, nếu nương tựa bên ngoài, gọi là biểu nghĩa danh ngôn. Phân hai riêng biệt nhưng danh tự thể chẳng năng huân chủng, hiển cảnh danh ngôn, tức là năng rõ cảnh tâm tâm sở pháp, tức là tất cả tâm kiến phần v.v... Bảy thức, chẳng phải tướng phần, tâm chẳng năng hiển cảnh vậy. Vì thế, phần đoạn sinh tử từ chánh sử có, tức là phàm phu. Nếu biến dịch sinh tử từ tập khí sinh, tức là hàng Nhị thừa. Tuy đoạn chánh sử mà chẳng đoạn tập khí, ở trong đây có hai: Một, phiền não tập khí; Hai, nghiệp tập khí. Phiền não tập khí là như Nan-đà có dục tập, xưa trước vài đời thân làm quốc vương tập gần năm dục vậy. Xá-lợi-phất có sân tập vì xưa trước vài đời từng thọ thân bọ cạp, Tất-lăng-già-bà-sa có mạn tập vì xưa trước vài đời thân là Đại Bà-la-môn, học rộng nhiều tài ngã mạn khinh vật. Cho đến Tỳ-kheo Bàn Đặc có si v.v... các tập khác. Nghiệp tập khí là như Tỳ-kheo Ngưu hạ xưa trước làm thân trâu ở giữa khoảng rừng rong chạy chạm trúng di khí (sót bỏ) nên sách áo ca sa. Vì nhân duyên đó tuy đắc đạo quả nhưng do nghiệp tập khí nên khiến như vậy. Lại như Ca-diếp nghe tiếng đàn cầm tức đứng dậymúa, A-nan thường ham thích ca ngâm, đều vì xưa trước từng làm người chơi nhạc, vì còn thừa lại của nghiệp tập, nên hoặc phiền não dư tập là duyên biến dịch, có nghiệp dư tập là nhân biến dịch, cảm biến dịch sinh tử tức là quả báo. Hạng người Nhị thừa chưa được một tâm ba điểm Niết-bàn của Như Lai, ở quả vị hữu học, tuy kiến hoặc tư hoặc hết cả, chỗ có không biết đều là dư tập của vô minh, cũng gọi là vô minh trú địa, cũng gọi là chướng của sở tri, cũng gọi là Trần sa vô tri. Lại, Bồ-tát nói về hóa môn, có mười thứ tập khí. Trong kinh Hoa Nghiêm, phẩm Lìa thế gian nói: "Phật tử, vị Đại Bồ-tát có mười thứ tập khí. Những gì là mười? Đó là Bồ-đề tâm tập khí, thiện căn tập khí, giáo hóa chúng sinh tập khí, thấy Phật tập khí, nói thế giới thanh tịnh thọ sinh tập khí. Hạnh tập khí, nguyện tập khí, Ba-la-mật tập khí, tư duy bình đẳng pháp tập khí, các thứ cảnh giới sai biệt tập khí. Đó là mười, nếu các Bồ-tát an trú pháp đây thì trọn xa lìa tất cả phiền não tập khí, đắc đại trí tập khí của Như Lai, chẳng phải tập khí trí". Nên biết hai nghiệp nhiễm tịnh, hai môn thăng trầm đều từ huân tập mà sinh, chẳng phải không nhân mà được. Nên phải chuyên cần tu Bạch nghiệp tịnh pháp luôn luôn huân niệm niệm niệm công phu tự thành diệu quả. Do đó trong tám thức tạng ở mỗi mỗi chúng sinh mỗi mỗi đủ chủng tử mười pháp giới. Vốn tự đầy đủ, chẳng phải từ mới sinh, tuy thường huân

bên trong mà phải nhờ mượn duyên bên ngoài huân phát. Nếu nghe mười ác huân phát chủng tử ba đường xấu ác. Nếu nghe giới thiện huân phát chủng tử trời người. Nếu nghe Tứ đế thập nhị nhân duyên huân phát chủng tử Nhị thừa. Nếu nghe Lục độ huân phát chủng tử Bồ-tát, nếu nghe Nhất thừa huân phát chủng tử chư Phật, mỗi mỗi tùy xứ tập khí nồng hậu phát trước, như nay nhiều tập chủng tử ba đường xấu ác, trời người còn ít, huống gì Phật thừa, nhưng lúc địa ngục giới hiện hành, chủng tử Phật cũng chẳng mất, chỉ là chuyển sang xa khác. Như nay đã ở tại trời người, cần phải nỗ lực, thường thân gần tri thức, vui thích nghe nhất thừa, trong ngoài cùng giúp huân, một đời thủ xong. Nên Đức Phật răn dạy La-hầu-la với kệ tụng rằng:

Mười phương vô lượng các chúng sinh
Niệm niệm đã chứng quả thiện thệ
Kia đã trượng phu ta cũng vậy
Sao được tự khinh mà thối khuất".

Hỏi: Sinh tử Niết-bàn khổ lạc báo ứng, lấy gì làm nhân?

Đáp: Như Lai tạng làm nhân.

Hỏi: Như Lai tạng là vô lậu thường trú, chẳng phải pháp của sát-na sinh diệt, cớ sao cùng sinh diệt làm nhân?

Đáp: Tất cả dị sinh nhân nên mê, mê không tự thể. Trong kinh Lăng-già nói: "Phật dạy: Đại Tuệ! Bảy thức chẳng lưu chuyển chẳng thọ khổ lạc, chẳng phải nhân Niết-bàn. Đại Tuệ! Như Lai tạng là thọ khổ lạc cùng nhân câu, hoặc sinh hoặc diệt". Xưa trước giải thích: Bảy thức niệm niệm sinh diệt chẳng năng qua lại sáu đường, nên gọi là chẳng lưu chuyển, vì niệm niệm diệt nên chẳng biết khổ lạc, chẳng cùng Niết-bàn làm nhân. Lại, bảy thức theo duyên vốn không tự tánh. Còn chẳng năng làm gốc của sinh tử khổ lạc, đâu lại cùng Niết-bàn làm nhân. Rõ ràng Như Lai tạng thường khiến các thức biết khổ lạc, nếu bảy thức không Như Lai tạng, tự thể niệm niệm diệt chẳng biết khổ lạc, nương Như Lai tạng nên biết khổ lạc, gọi là Như Lai tạng thọ khổ lạc. Như Lai tạng thể chẳng thọ khổ lạc vậy. Nói cùng nhân câu là, Như Lai tạng cùng bảy thức sinh tử khổ lạc nhân câu niệm niệm sinh diệt vậy. Lại nói: Bảy thức niệm niệm sinh diệt không thường, đang khởi tức liền rụng mất, làm sao lưu chuyển. Tự thể không thành nên chẳng thọ khổ lạc. Đã chẳng phải nhiễm y cũng chẳng phải vô lậu Niết-bàn y vậy, Như Lai tạng đó chân thường khắp cùng mà tại sáu đường, mê đây năng khiến tùy duyên thành sự thọ khổ lạc, cùng bảy thức câu, gọi là cùng nhân câu, chẳng giữ tự tánh mà thành vậy. Bảy thức nương đây mà

được sinh diệt, gọi là hoặc sinh hoặc diệt. Đây nói rõ Như Lai tạng tức là chân như tùy duyên nên thọ khổ lạc. Lại giải thích: vì gốc hại ngọn khiến ngọn không nên không thể lưu chuyển. Chỉ Như Lai tạng thọ khổ lạc là, ngọn hại gốc nên chẳng giữ tự tánh, thể của thanh tịnh tự nhiên thành có. Nếu thuận nhau thì như hòa của nước sữa thường luôn chung bình. Nếu trái nhau thì như thù của cha mẹ chẳng cùng chung trời. Lại, trên còn có nghĩa của chẳng còn, trên hết sạch có nghĩa chẳng hết sạch. Nếu chỉ hết sạch không chẳng hết sạch thì sắc không đều mất không thể tức là nhau là nhau vì chẳng hết sạch vậy. Tuy tức là nhau mà sắc không rõ ràng. Nếu chỉ còn không chẳng còn thì sắc không mỗi mỗi có định tánh chẳng được tương tức. Do có chẳng còn nên tuy rõ ràng mà được tương tức. Như trong luận Đại Thừa Khởi Tín nói hai môn chân như sinh diệt vô ngại. Chỉ là một tâm là kết quy luận Đại Thừa Khởi Tín nương pháp một tâm mà lập hai môn, nên phải đầy đủ hai nghĩa mới gọi đủ phần Duy thức.

Hỏi: Duy thức, thức thứ chín cũng nói sở duyên y đó có hai thứ đó là: Một, trì chủng tử, nghĩa là thức thứ tám; Hai, mê ngộ y, nghĩa là tức chân như. Cớ sao nói phô, nhưng y sinh diệt tám thức chỉ có tâm cảnh y trì ư?

Đáp: Kia tuy nói mê ngộ y, chẳng phải tức tâm cảnh trì chủng, vì chân như chẳng biến, chẳng tùy nơi tâm biến muôn cảnh vậy, chỉ là sở mê, lúc sau trở lại tịnh, chẳng phải là nhiếp tương tức chân như vậy, chỉ là sở ngộ. Nay là tâm cảnh y trì, tức là chân vọng chẳng phải có hai thể, nên nói là một tâm. Căn cứ nghĩa chẳng đồng phân thành hai nghĩa, nói hai môn riêng biệt. Nên trong luận nói: “Nhưng hai môn đây đều mỗi mỗi tổng gồm tất cả pháp. Vì hai môn đây chẳng lìa nhau vậy”. Do đó, trong kinh Lăng Nghiêm nói: “Sinh diệt khứ lai vốn Như Lai tạng”. Như người đời nay chỉ tin có sinh diệt, chẳng tin có Như Lai tạng, chẳng biết sáng tác có tên không thể. Như Lai tạng có tên có thể, chỉ có thể từ thật chẳng thể cậy hư. Cậy hư thì là chỗ vọng chấp thích nghi, từ thật thì chỗ Phật ấn khả.

Hỏi: Phàm, luận tâm bao hàm giáo pháp, thế nào là pháp môn một tâm bốn đế?

Đáp: Pháp môn bốn đế, ngang cùng dọc suốt, pháp không gì chẳng đủ, giáo không gì chẳng cùng. Nay nói về Thai giáo một tâm đủ vô tác bốn đế là, trong một niệm tâm đủ khổ mười giới, gọi là Khổ đế. Đầy đủ hoặc mười giới, gọi là Tập đế, khổ tức Niết-bàn, gọi là Diệt đế. Hoặc tức Bồ-đề gọi là Đạo đế. Đây chỉ luận một tâm bốn đế. Lại bốn giáo

bốn thứ bốn đế, tạng giáo sinh diệt bốn đế, Thông giáo không sinh bốn đế. Biệt giáo vô lượng bốn đế, Viên giáo vô tác bốn đế. Nay chỉ luận về Viên giáo vô tác bốn đế. Trong luận Chỉ Quán nói: "Pháp tánh cùng tất cả pháp không hai không riêng khác". Phàm pháp còn vậy huống gì Nhị thừa ư? Lìa phàm pháp lại cầu thật tướng thì như trốn lánh không đây mà đến xứ kia cầu không, tức phàm pháp là thật pháp, chẳng phải xả bỏ phàm hướng đến Thánh. Trong kinh nói: "Sinh tử tức Niết-bàn, một sắc một hương đều là Trung đạo, tức vô tác bốn đế. Lại trong Huyền Nghĩa nói: "Vì mê lý nên Bồ-đề là phiền não gọi là Tập đế. Niết-bàn là sinh tử gọi là khổ đế. Vì năng giải thoát nên phiền não tức Bồ-đề gọi là Đạo đế, sinh tử tức Niết-bàn gọi là Diệt đế, tức sự mà trung, không nghĩ không niệm, không ai tạo tác, nên gọi là vô tác, cũng gọi là một thật đế." Một thật đế là không hư vọng không điên đảo, thường lạc ngã tịnh v.v... cho nên gọi là vô tác bốn Thanh đế. Trong kinh Pháp Hoa có kệ tụng nói:

"Lại dùng phương tiện khác
Giúp bày Đệ nhất nghĩa".

Lại nói: "Chỉ một sự thật đây", tức là vô tác một thật đế vậy. Vì tánh của chân như là thật của tự tâm, gọi là một thật đế, niệm niệm viên thành, đâu là sở tác, gọi là vô tác bốn đế. Do đó tám ngàn vị Thanh văn ở trên hội Pháp Hoa thấy Như Lai tánh, như thu gom đông tàng, không có sở tác, vì đạt thấu gốc nên pháp nhĩ như đây, nếu chưa thấy tánh người chẳng thể an nhiên, khoanh tay bắt chước vô tác không tu, chỉ cần nước đến rảnh thành tự nhiên mặc tình. Nên lại chỉ rõ một tâm tự nhiên vô tác, chẳng phải là cưỡng làm. Nên nói ấm nhập đều như không khổ có thể bỏ, vô minh trần lao tức là Bồ-đề, không tập có thể đoạn. Biên tà đều trung chánh, không đạo có thể tu, sinh tử tức Niết-bàn, không diệt có thể chứng, không chỗ không tập nên không thế gian, không đạo không diệt nên không xuất thế gian, thuần một thật tướng. Ngoài thật tướng không pháp riêng biệt. Lại trong kinh Văn Thù Đạo Hạnh nói: "Phật bảo: Văn-thù Sư-lợi! Nếu thấy tất cả các pháp không khởi, tức giải khổ đế. Nếu thấy tất cả pháp không trú, tức năng đoạn tập. Nếu thấy tất cả các pháp rốt ráo Niết-bàn, tức năng chứng diệt, Văn-thù Sư-lợi! Nếu thấy tất cả các pháp không tự thể, tức là tu đạo".

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 77

Hỏi: Phàm, một niệm tâm vô minh, khuấy động biển chân như thành mười hai duyên khởi, làm căn do sinh tử. Nếu rõ đó là sóng biển Phật trí tan, nếu mê đó là dòng xoáy của sông sinh tử. Vậy thế nào là thành Phật trí, thế nào thành sinh tử?

Đáp: Phật trí của Thiên chân vốn có, sinh tử của vọng duyên thể không, tuy có hai tên mà chỉ là một nghĩa, chỉ nghĩa là chẳng rõ Đệ nhất nghĩa đế, gọi là vô minh, nhân chỗ mù tối của chẳng rõ mà thành các khổ của hoặc nghiệp. Rõ thật tánh của vô minh, thành diệu tâm của Niết-bàn. Nếu mê là hoặc nghiệp thì thành ba đạo: Một, vô minh ái thủ là phiền não đạo; Hai, hành và hữu là nghiệp đạo; Ba, thức danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, sinh, lão, tử là khổ đạo. Nếu ngộ là ba nhân Phật tánh: Một, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, sinh, lão, tử bảy chi này là Thánh nhân Phật tánh; Hai, vô minh, ái, thủ ba chi này là liễu nhân Phật tánh; Ba, hành, hữu hai chi này là duyên nhân Phật tánh. Các nghĩa như vậy sai biệt chẳng đồng, chỉ là một tâm mê thành nhiều thứ. Tuy thành nhiều thứ mà chẳng lìa một tâm. Trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Phật tử! Vị Đại Bồ-tát đây lại nghĩ rằng: "Chỗ có trong ba cõi chỉ là một tâm, Đức Như Lai ở đây phân biệt diễn nói có mười hai chi, đều y một tâm như vậy mà lập. Tại sao? Tùy sự tham dục cùng tâm cộng sinh, tâm là thức, sự là hành, ở hành mê hoặc gọi là vô minh, cùng vô minh và tâm cộng sinh, gọi là danh sắc. Danh sắc tăng trưởng là sáu xứ, sáu xứ ba phần hợp làm xúc, xúc cộng sinh là thọ. Thọ không chán đủ là ái, ái gồm chẳng xả bỏ là thủ, các chi hữu kia sinh là hữu, chỗ hữu khởi gọi là sinh, sinh thành thục là lão, lão hoại là tử". Trong kinh Đại Tập nói: "Mười hai nhân duyên, một người một niệm đều là đầy đủ, chỉ tùy một cảnh, một niệm khởi ở, không gì chẳng đầy đủ. Vả lại như nhãn thấy sắc, chẳng rõ, gọi là vô minh, sinh ái ố (thương ghét) gọi là hành. Trong đó tâm ý gọi là thức. Sắc và thức hành gọi là danh sắc. Sáu thứ sinh tham gọi là Lục nhập. Sắc cùng nhãn tác đối gọi là xúc, lãnh nạp gọi là thọ, ở

sắc triền miên gọi là ái, tưởng sắc tướng gọi là thủ, niệm sắc tâm khởi gọi là hữu, tâm sinh gọi là sinh, tâm diệt gọi là tử, cho đến ý tư pháp cũng lại như thế, một ngày một đêm phàm khởi bao nhiêu niệm, niệm niệm dệt thành bỗng nhiên mười hai nhân duyên, toàn là Như Lai tạng tâm Đệ nhất nghĩa, mê ngộ thăng trầm trọn chẳng thể được". Trong Phụ Hành Ký nói: "Mười hai nhân duyên là ở trong các kinh Hoa Nghiêm Đại Tập v.v... đều nói một niệm tâm đầy đủ. Phàm, các kinh Đại thừa nói một niệm là, ý đều như vậy. Nếu chẳng vậy thì làm sao khắp cùng thâu tất cả các pháp". Trong luận Chỉ Quán cũng nói: "Duyên sinh chánh một niệm tâm." Trong luận Thập Nhị Môn nói: "Hỏi: Là tại một tâm hay tại tâm khác?" Ý trong luận hỏi là tại một niệm tâm ở một người hay nhiều người ư? Như vậy một niệm hay khác niệm đều được. Nhiều người hay một người ở nay một niệm đều là đầy đủ, chỗ khởi tâm của nhiều người hay một người đều chẳng vượt ngoài trăm giới. Trăm giới là nhiều, một niệm là một, một nhiều tức là nhau chẳng phải một chẳng phải nhiều. Trong kinh Đại Phẩm nói rõ: Tất cả các pháp đều hướng đến nhân duyên, trăm giới nhân duyên chẳng vượt ngoài một niệm, cho nên gọi là hướng đến chẳng quá, nên được gọi là một niệm đầy đủ. Pháp sư Viễn nói: Vô minh Duyên hành là, có bốn vô minh: Một, mê lý vô minh, nghĩa thông thủy chung; Hai, phát nghiệp vô minh, tại nơi trước hành; Ba, phú nghiệp vô minh. Đây tại sau hành mà trước thức; Bốn, thọ sinh vô minh, cùng thức đồng thời, hoặc tại sau thức, trông chủng tử ở quá khứ, tâm thức ở tại sau thức, trông kết sinh thức cùng thức đồng thời. Lại các pháp trong ngoài đều đủ nhân duyên. Như trong kinh Đạo Cán nói: "Bấy giờ, Di-lặc nói với Xá-lợi-phất rằng: Đức Thế Tôn thường nói thấy mười hai nhân duyên tức là thấy pháp, thấy pháp tức là thấy Phật, cho đến có nhân có duyên, đó gọi là pháp nhân duyên. Đây là Đức Phật lược nói tướng nhân duyên, vì nhân đây năng sinh là quả, Đức Như Lai xuất hiện nói đời là pháp nhân duyên sinh, Đức Như Lai chẳng xuất hiện nơi đời cũng là pháp nhân duyên sinh, tánh tướng thường trú không các phiền não cứu cánh như thật, chẳng phải chẳng như thật, là pháp chân thật. Lìa pháp điên đảo. Lại nữa, pháp mười hai nhân duyên từ hai thứ sinh, Thế nào là hai? Một là nhân, hai là quả. Pháp nhân duyên sinh lại có hai thứ: Có nhân duyên bên trong, có nhân duyên bên ngoài. Pháp nhân duyên bên ngoài từ đâu mà sinh? Như tợ chủng tử năng sinh ở mầm, từ mầm sinh lá, từ lá sinh tiết (mắt), từ tiết sinh cành, từ cành sinh nụ, từ nụ sinh hoa, từ hoa sinh quả, không chủng tử nên không mầm, cho đến không có hoa quả có chủng tử nên mầm sinh, cho

đến có hoa nên quả sinh, mà chủng tử chẳng khởi nghĩ ta năng sinh mầm, mầm cũng chẳng khởi nghĩ ta từ chủng tử sinh, cho đến hoa cũng chẳng khởi nghĩ ta năng sinh thật. Thật cũng chẳng khởi nghĩ ta từ hoa sinh, mà thật chủng tử năng sinh mầm. Như vậy gọi là pháp nhân duyên bên ngoài. Thế nào gọi là pháp duyên sinh bên ngoài? Chỗ gọi là địa, thủy, hỏa, phong không thời. Địa chủng kiên trì, thủy chủng ẩm đượm, hỏa chủng thành thục, phong chủng phát khởi, không chủng chẳng làm chướng ngại, lại giả mượn nơi thời tiết khí hòa biến. Sáu duyên như vậy đầy đủ bên sinh. Nếu sáu duyên chẳng đầy đủ thì vật chẳng sinh. Địa, thủy, hỏa, phong không thời sáu duyên điều hòa chẳng tăng giảm thì vật được sinh. Địa cũng chẳng nói ta năng trì, thủy cũng chẳng nói ta năng nhuận, hỏa cũng chẳng nói ta năng thục, phong cũng chẳng nói ta năng phát khởi. Không cũng chẳng nói ta chẳng làm chướng ngại, thời cũng chẳng nói ta năng khiến sinh. Chủng cũng chẳng nói ta từ sáu duyên mà được sinh mầm, mầm cũng chẳng nói ta từ số duyên ấy sinh. Tuy chẳng khởi nghĩ từ số duyên ấy sinh, mà thật từ các duyên hòa hợp nên được sinh. Mầm cũng chẳng từ tự sinh, cũng chẳng từ tha sinh, cũng chẳng từ tự tha hợp sinh, cũng chẳng từ trời tự tại sinh, chủng chẳng từ thời mới sinh, cũng chẳng từ bản tánh sinh, cũng chẳng từ không nhân sinh, cho nên gọi là pháp sinh thứ lớp, pháp duyên sinh bên ngoài như vậy, vì năm sự nên phải biết chẳng đoạn cũng chẳng thường, cũng chẳng từ đây đến kia. Như mầm ít, quả thì lắm nhiều, tương tợ tương tục chẳng sinh vật khác. Cớ sao chẳng đoạn? Từ chủng mầm rễ nhành lần lượt tương tục nên chẳng đoạn. Cớ sao chẳng phải thường? Mầm nhánh hoa quả mỗi tự riêng biệt nên chẳng phải thường, cũng chẳng phải chủng diệt mà sau đó mầm sinh, cũng chẳng phải chẳng diệt mà mầm bèn sinh. Vì pháp nhân duyên mầm khởi chủng rụng mất, lần lượt sinh nên chẳng phải thường, chúng mầm mỗi mỗi khác nhau nên chẳng đây đến kia, chủng ít quả nhiều nên phải biết chẳng phải một, gọi là chủng ít quả nhiều, như chủng chẳng sinh khác quả nên gọi là tương tợ tương tục. Vì năm thứ duyên bên ngoài đây mà các pháp được sinh. Pháp nhân duyên bên trong có hai thứ sinh. Thế nào là nhân? Từ vô minh cho đến già chết, vô minh diệt thì hành diệt, cho đến sinh diệt nên lão tử. Nhân vô minh nên có hành, cho đến nhân có sinh nên có già chết diệt, vô minh chẳng nói ta năng sinh hành, hành cũng chẳng nói ta từ vô minh sinh, cho đến già chết cũng chẳng nói ta từ vô minh sinh, mà thật có vô minh thì có hành, có sinh thì có già chết. Đó gọi là pháp nhân bên trong lần lượt sinh. Thế nào gọi là pháp duyên sinh bên trong? Chỗ gọi là sáu

giới: Địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới. Sao gọi là Địa? Nghĩa kiên trì (bền chắc gìn giữ) gọi là địa giới, sao gọi là thủy? Nghĩa là năng đượm nhuần tẩm gọi là thủy giới. Sao gọi là hỏa? Năng thành thục, gọi là hỏa giới. Sao gọi là phong? Hơi thở năng vào ra, gọi là phong giới. Sao gọi là không? Năng không chướng ngại, gọi là không giới. Sao gọi là thức? Bốn ấm năm thức, cũng gọi là danh, cũng gọi là thức, các pháp như vậy hòa hợp gọi là thân, tâm hữu lậu gọi là thức, bốn ấm như vậy làm năm tình, căn gọi là sắc, sáu duyên như vậy v.v... gọi là thân. Nếu sáu duyên khởi đầy đủ không tổn giảm, thì bèn thành nhân. Duyên đó nếu giảm thì thân chẳng thành. Địa cũng không nghĩ ta năng kiên trì, thủy cũng không nghĩ ta năng ướt đượm, hỏa cũng không nghĩ ta năng thành thục, phong cũng không nghĩ ta năng hơi thở ra vào, không cũng chẳng nghĩ ta năng không chướng ngại, thức cũng chẳng nghĩ ta năng sinh trưởng, thân cũng chẳng nghĩ ta từ số duyên ấy sinh. Nếu không sáu duyên đây thân cũng chẳng sinh. Địa cũng không ngã không nhân không chúng sinh không thọ mạng, chẳng phải nam chẳng phải nữ, chẳng phải chẳng phải nam chẳng phải chẳng phải nữ, chẳng phải đây chẳng phải kia. Thủy, hỏa, phong v.v... cho đến thức cũng đều không ngã không chúng sinh không thọ mạng, cho đến cũng chẳng phải đây chẳng phải kia. Sao gọi là vô minh? Vô minh là, ở trong sáu giới sinh trưởng một, tưởng tụ tưởng thường tưởng chẳng động tưởng chẳng hoại. Bên trong sinh tưởng lạc tưởng chúng sinh tưởng thọ mạng tưởng nhân tưởng ngã, tưởng ngã sở, sinh các thứ tưởng lắm nhiều như vậy, đó gọi là vô minh. Trong năm tình như vậy sinh tưởng tham dục sân nhuế, hành cũng như vậy. Tùy đắm trước tất cả pháp giả danh, gọi là thức. Bốn ấm là danh, sắc ấm là sắc, là danh sắc, danh sắc tăng trưởng sinh Lục nhập. Lục nhập tăng trưởng sinh xúc, xúc tăng trưởng sinh thọ, thọ tăng trưởng sinh ái, ái tăng trưởng sinh thủ, thủ tăng trưởng sinh hữu. Hữu tăng trưởng nên năng sinh hậu ấm là sinh. Sinh tăng trưởng biến gọi là lão. Thọ ấm bại hoại nên gọi là tử, năng sinh tật diệt nên gọi là ưu bi khổ não. Năm tình trái nghịch hại, gọi là thân khổ, ý chẳng hòa thích gọi là tưởng khổ, cho đến như mặt nguyệt tỏa sáng giữa trời, cách đất ba mươi hai ngàn do-tuần, trước chảy phía dưới trăng sáng ở trên, huyền tượng tuy một ảnh hiện các dòng nước mà thể trăng chẳng xuống chất nước chẳng lên. Như vậy, Xá-lợi-phất! Chúng sinh chẳng từ đời này đến đời sau, chẳng từ đời sau lại đến ở đây, nhưng có nghiệp quả nhân duyên báo ứng chẳng thể tổn giảm. Vì vậy, như trăng chẳng động, ảnh hiện các dòng, thức loại chẳng hành thân phân sáu thú, tuy không

tác giả mà nghiệp quả rõ ràng. Chỉ theo duyên sinh chẳng trái pháp nhĩ. Lại, kinh Hữu Đức nữ Sở Vấn Đại Thừa nói: "Bấy giờ, Hữu Đức Bà-la-môn nữ thưa: Bạch Đức Thế Tôn! Nói là vô minh, là có ở bên trong hay có bên ngoài ư? Đức Phật dạy: Chẳng phải vậy, Hữu Đức nữ thưa: Bạch Đức Thế Tôn! Nếu ở bên trong bên ngoài không có vô minh, cớ sao được có vô minh duyên hành." Lại nữa, Bạch Thế Tôn! Có pháp ở đời khác mà lại đến đời này không? Đức Phật dạy: Không như vậy, Hữu Đức nữ lại thưa: Bạch Đức Thế Tôn! Hành tướng vô minh là thật có ư? Đức Phật dạy: Chẳng như vậy. Tự tánh vô minh từ nơi hư vọng phân biệt mà sinh, chẳng phải chân thật sinh, từ điên đảo sinh, chẳng phải như lý sinh. Hữu Đức nữ lại thưa: bạch Đức Thế Tôn! Nếu như vậy thì không vô minh, cớ sao được có các hành sinh khởi ở trong sinh tử chịu thọ các khổ báo? Bạch Đức Thế Tôn! Như cây không rễ thì không các vật cành lá hoa quả v.v... vô minh như vậy không tự tánh nên hành v.v... sinh khởi quyết định chẳng thể được. Phật dạy: Này Hữu Đức nữ! Tất cả các pháp đều rốt ráo không, phàm ngu mê đảo chẳng nghe nghĩa không, giả sử nghe đó mà không trí nên chẳng rõ. Do đây tạo đủ các thứ các nghiệp. Đã có các nghiệp, thì các Hữu sinh, ở trong các Hữu, chịu thọ đủ các khổ. Đệ nhất nghĩa đế không có các nghiệp, cũng không các Hữu mà từ nghiệp sinh. Lại vì các pháp thứ lắm sự khổ não. Hữu Đức nữ! Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác tùy thuận thế gian rộng vì chúng sinh giảng nói các pháp, muốn khiến ngộ hiểu Đệ nhất nghĩa vậy. Hữu Đức nữ! Đệ nhất nghĩa là, cũng tùy thế gian mà lập danh tự. Tại sao? Ở trong thật nghĩa, năng giác sở giác tất cả thảy đều chẳng thể được vậy. Hữu Đức nữ! Thí như chư Phật hóa làm ở người, chỗ hóa người đây lại hóa làm các thứ các vật. Chỗ hóa người đó hư dối chẳng thật, vật của chỗ hóa cũng không thật sự. Đây cũng như vậy, chỗ tạo các nghiệp hư dối chẳng thật, từ nghiệp có sinh cũng không thật sự. Cho nên chỉ rõ yếu chỉ của Duy tâm tự nhiên muôn pháp thường hư. Tùy có thấy nghe, đều thuận đạo của không sinh, phàm liên quan động tác đều quy về môn của không được.

Hỏi: Mười hai chi đây, cớ sao gọi là duyên sinh, lại gọi là duyên khởi?

Đáp: Không có chủ tể tác giả thọ giả, không tự tác dụng, không được tự tại, có rồi tan diệt, chỉ chỗ pháp hiển bày, năng nhuận sở nhuận đọa lạc pháp tương tục, gọi là duyên sinh. Trong luận nói: "Do phiền não trói buộc, đến trong các thú, luôn luôn sinh tử, nên gọi là duyên khởi". Lại ở nhân gọi là duyên khởi, ở quả gọi là duyên sinh.

Hỏi: Một niệm vô minh tâm khởi mười hai chi, là tự sinh hay tha sinh hay cộng sinh hay không nhân sinh?

Đáp: Duyên khởi rất sâu mầu, chẳng phải bốn câu có thể đo lường. Rõ thì một tâm ngầm lặng, mê thì sáu đường luân hồi, chẳng phải vọng, chẳng phải chân, chẳng thường chẳng đoạn. Nếu nói là vọng, vọng chẳng thể được. Nếu nói là chân, lại năng lưu chuyển. Nếu nói là đoạn, tương tục luôn sinh. Nếu nói là thường, niệm niệm khởi diệt. Do đó từ tâm sinh vậy. Sinh không năng sinh, không có định tánh. Trong luận Phật Tánh nói: "Lại nữa, tất cả các pháp không có tự tánh. Tại sao? Nương nhân duyên sinh vậy. Thí như lửa y tha mà sinh, lìa củi tức chẳng thể thấy, cũng như lửa đom đóm, nếu lửa có tự tánh thì nên lìa củi không trung tự nhiên." Trong luận Tạp Tập nói: "Các pháp duyên khởi tuy sát-na thì thành diệt, mà trú có thể được, tuy không tác dụng duyên mà có công năng duyên có thể được, tuy lìa hữu tình mà hữu tình có thể được, tuy không tác giả mà các nghiệp quả chẳng hoại có thể được, cho nên sâu mầu, nghiệp quả chẳng thể hoại là, tuy bên trong không tác giả mà có tác nghiệp thọ quả dị thục. Lại, các pháp duyên khởi có sai biệt, nghĩa là đợi các duyên sinh nên chẳng phải tự tác, tuy có các duyên mà không chủng tử chẳng sinh nên chẳng phải tha tác. Kia cùng chung không tác dụng nên chẳng phải cộng tác, chủng tử và các duyên đều có công năng nên chẳng phải không nhân tác. Nói như trên là ước về môn thế tục duyên khởi. Nếu như thật nói còn chẳng thấy một pháp là duyên hay chẳng phải duyên, huống gì là mười hai. Tôn giả Trạm Nhiên nói: Chẳng thấy sắc tướng là chi hành diệt, chẳng thấy sắc duyên là vô minh diệt, chẳng thấy sắc thể là thức danh sắc lục nhập xúc thọ diệt. Chẳng thấy sắc sinh là ái thủ hữu sinh diệt, chẳng thấy sắc diệt là lão tử diệt. Chẳng thấy một tướng là chẳng thấy mười hai nhân duyên không, chẳng thấy người thấy là chẳng thấy nhân duyên giả, chân tục đều mất, hai đế đều sạch, cũng chẳng thấy trung. Thông đạt rõ biết nhân duyên như vậy, nếu vì đây liệt bày thấy muôn pháp cũng lại như vậy.

Hỏi: Muôn cảnh vô minh và pháp tánh một tâm là một hay là hai, nếu là một thì không nên phân hai tên nhiễm tịnh. Nếu là hai cớ sao trong giáo nói vô minh tức pháp tánh?

Đáp: Thể một là chân, tên hai là giả. Pháp, nhân tình lập chân, dùng trí rõ tình, trí tự phân chân, vốn chẳng động chẳng thể định đồng, chẳng hoại thế tục đế, chẳng thể định dị chẳng mất chân đế. Nên trong kinh Niết-bàn nói: "Minh và vô minh, người ngu phân làm hai, người trí rõ thấu, tánh nó không hai. Tánh của không hai tức là thật tánh." Các

bậc Cổ đức căn cứ mười pháp giới giải thích: Người ngu là ngu của chín giới, người ngu thủ tướng thấy tất cả pháp. Pháp tánh tùy tâm thủ tướng đó đều là vô minh, như hang cốc lạnh ngàn năm băng cứng chưa từng làm nước vậy. Người trí là trí của Phật giới, viên quán hành nhân khai mở mắt Phật thấy đồng Phật xưa trước vậy, chỗ mắt tròn thấy vô minh vốn nguyên là pháp tánh thanh tịnh, như thái dương thường chiếu nước biển chưa từng làm băng vậy. Băng nước một tánh, tùy duyên phân hai. Một chẳng giữ tự tánh luôn tự tùy duyên, tuy là tùy duyên mà chẳng hoại tự tánh, so với pháp tánh vô minh cũng sao định một, cũng sao định khác, thì chẳng tùy sự mà mất thể, chẳng phải cộng chẳng phải phân, chẳng giữ tánh nên mặc duyên cũng đồng cũng riêng biệt.

Hỏi: Nhân mới đầu của ba cõi, nguyên thủy của bốn loài, chẳng cùng gốc ngọn đó, không biện hết căn do. Trang tử chỉ đó là tự nhiên, Chu Khổng gọi đó là hỗn độn. Xứ khởi đầu tiên làm sao chỉ bày?

Đáp: Muốn biết căn do chân thật về thân độ của hữu tình, không gì trước ngã tâm, lại không pháp nào khác. Nghĩa là tâm pháp từng sát-na theo tự loại tương tục, giới thời từ vô thủy triển chuyển lưu lại, chẳng đoạn chẳng thường, cậy duyên cậy đối, chẳng phải khí chẳng phải bẩm, chỉ thức chỉ tâm. Trong Triệu Luận Sao nói: “Trang tử nói: “Không tên đầu tiên của trời đất, có tên là mẹ của muôn vật”. Nếu theo ý Phật giáo thì vì Như Lai tạng tánh chuyển biến làm thức tạng, từ thức tạng biến ra tất cả chủng tử căn thân khí thế gian, suy tìm hóa đó, vốn tức Như Lai tạng tánh làm vật đầu tiên vậy, không sinh vô thủy là tánh của vật vậy. Sinh thủy chẳng năng động ở tánh tức pháp tánh vậy”. Trong luận Quân Thánh của Thẩm Ước ở thời Nam Tề nói: “Vậy thì trời đất này đến nay do một niệm vậy”. Đại sư Dung hỏi: Ba cõi bốn loài lấy gì làm đạo bản? Lấy gì làm pháp dụng? Đáp: Hư không là đạo bản, sum-la là pháp dụng.

Hỏi: Ở trong ai làm tạo tác?

Đáp: Trong đây thật không tạo tác. Tánh pháp giới tự nhiên sinh. Trong kinh Kim Cang Tam-muội nói: “Pháp thiện và bất thiện từ tâm hóa sinh. Có thể gọi là cửa của tổng trì, thâu tóm của muôn pháp vậy. Ánh sáng chưa phát ở còn không tên đó, lúc niệm dục sinh tợ phân ảnh đó. Mới đầu nhân cương giác dần khởi rõ biết, kiến tướng mới phân, tâm cảnh chóng hiện. Trong kinh Thủ-lăng-nghiêm nói: “Đều là giác minh minh liễu biết tánh, nhân liễu phát tướng, từ vọng kiến sinh, núi sông đất liền các tướng hữu vi, lần lượt chuyển đổi. Nhân hư vọng đây, cuối chẳng lại đầu”.

Giải thích: Đây đều đầu tiên nhân mê một pháp giới nên bất giác niệm khởi, niệm khởi tức là động tướng. Động tướng tức là nghiệp thức thứ nhất, chưa phân năng sở là lỗi của giác minh vậy. Từ đây biến làm năng duyên chuyển thành liễu tướng, tức minh liễu biết tánh, là kiến phần chuyển thức thứ hai. Sau đó, nhân kiến phần mà sinh tướng phần, tức nhân liễu pháp tướng là tướng phần thứ ba. Hiện thức năng sở vừa mới phân đều thành hư vọng. Tại sao? Kiến phần sinh ở mắt màng, tướng phần hiện ở huyễn hình, từ đó kín đối căn trần, chắc sinh tình chấp từ đây cách khỏi tánh chân,phân ra trạm (lắng),viên (tròn)ở trong chấp nhận tri giác, làm thân của hữu thức, ở ngoài lìa chấp tưởng lắng, thành cõi nước của vô tình, bèn khiến hình ảnh của trong gương diệt mà lại sinh, núi sông trong mộng cuối mà lại đầu, chỉ vì cội nguồn biển tánh chẳng từ năng sở mà sinh, lắng vậy tròn sáng chiếu mà thường lặng lẽ, chỉ vì chúng sinh trái nghịch tánh chẳng rõ, trái gốc tròn sáng, chấp có chỗ sáng, thành vọng kiến. Nhân sáng lập cảnh của sở quán, nhân sở khởi tâm của năng quán, năng sở cùng sinh, tâm cảnh đối đãi, tùy duyên mất tánh chỗ trở lại nguồn mới đầu, chẳng hay chẳng biết vì trải qua số kiếp như bụi trần. Do đó, trong kinh nói: "Giác chẳng phải chỗ sáng, nhân sáng lập sở, sở đã vọng lập sinh vọng năng của ông, trong không đồng khác, hừng hực thành dị. Khác chỗ khác kia nhân khác lập đồng, đồng khác phát minh, nhân đây lại lập không đồng không dị, như vậy quấy loạn đối đãi nhau sinh nhọc, nhọc lâu phát trần, tự tướng hỗn tục. Do đó dẫn khởi trần lao phiền não, khởi làm thế giới, tĩnh thành hư không. Hư không là đồng, thế giới là khác, kia không đồng khác, thật pháp hữu vi, giác minh không mờ tối, đối đãi nhau thành lay động, nên có phong luân gìn giữ thế giới, nhân không sinh lay động, bền chắc sáng lập ngại. Vàng báu kia là, minh giác lập bền chắc nên có kim luân bảo trì cõi nước, kiên giác báu thành lay động sáng phong ra. Phong kim xác nhau nên có ánh sáng lửa, làm tánh biến hóa. Báu sáng đượm nhuần nung nấu trên ánh sáng lửa, nên có thủy luân, bao hàm mười phương giới, hỏa lên thủy xuống, giao nhau phát lập bền chắc, ẩm ướt làm biển lớn, khô ráo làm châu đãn (bãi cát), vì nghĩa đó, nên trong biển lớn ánh sáng lửa thường khởi, trong bãi cát kia, sông suối thường trút đổ. Nước thế yếu, lửa kết thành núi cao. Cho nên đá núi đập nhau thì thành bốc cháy, dung hòa thì thành nước. Đất thế kém nước rút làm cây cỏ, cho nên rừng chầm gặp thiêu đốt thành đất đất bụi, nhân thắt chặt thành nước, giao vọng phát sinh đắp đổi nhau làm chủng, vì nhân duyên đó thế giới tương tục". Xưa trước giải thích: Giác minh không mờ tối đối

đãi nhau thành lay động là, do mới đầu vọng giác ảnh, minh chẳng rõ, bèn thành không mờ tối, như chướng sáng sinh tối hai tướng cùng hình. Giác minh tức là tướng động, không mờ tối tức là tướng tĩnh, một sáng một tối, một động một tĩnh, sát-na cùng thành, như gió khơi động sóng đối đãi nhau chẳng dứt, ở bên trong mới đầu khởi tức gọi là lay động, ở bên ngoài tức thành thế giới phong luân. Không mờ tối tức là hư không, đã không hình tướng, chẳng gọi là thế giới. Nhân không sinh lay động, bền chắc sáng lập ngại là, địa tướng vậy. Nhân không khác sáng đối đãi nhau thành lay động. Lay động năng bền chắc sáng để thành ở ngại. Như Thai gặp gió tức thành cứng ngại, cũng là nghĩa chấp sáng sinh ngại, ở bên trong tức là giác minh bền chắc chấp, ở bên ngoài tức thành vàng báu, nên nói vàng báu kia là minh giác lập bền chắc, nên biết tánh báu nhân giác minh mà có, cho nên các báu đều có ánh sáng, Tiểu thừa chỉ biết nghiệp cảm, mà chẳng biết là nhân chủng gì, bền chắc giác báu thành lay động sáng phong ra, phong kim xát nhau nên có ánh sáng lửa làm tánh biến hóa là, bền chắc chấp giác tánh tức thành ở báu, chỗ lay động sáng tức ra ở phong, động tĩnh chẳng dứt tức là phong kim xát nhau, ở bên ngoài tức thành ánh sáng lửa năng thành thục muôn vật, nên nói là tánh biến hóa. Báu sáng sinh đượm nhuần nung nấu trên ánh sáng lửa nên có thủy luân bao hàm mười phương giới, là thể tánh của báu sáng có ánh sáng đượm nhuần, là lửa nóng nung nấu nước bèn chảy ra. Lại, giác minh sinh ái, ái tức là đượm nhuần, ở bên trong tức là ái minh, ở bên ngoài tức thành báu nhuần nung nấu trên tánh hỏa dung hòa ái thành thủy. Tất cả nghiệp chủng chẳng phải ái tức chẳng thành, tất cả thế gian chẳng phải nước tức chẳng gồm. Nên tánh bốn đại qua lại nhân nhờ thể chẳng lìa nhau, đồng chỗ một vọng tâm biến khởi, nên biết hoa đốm giữa hư không chẳng lìa tâm vậy. Lại, vọng tánh chẳng luôn, trước sau biến đổi khác, chỗ cảm tướng bên ngoài hơn kém chẳng đồng. Ái tâm nhiều tức thành biển lớn, chấp tâm nhiều tức thành châu đãn, phong tánh sinh mạn, hỏa tánh sinh sân, ở sắc khởi ái nước chảy trong bãi, trái nghịch ái sinh sân lửa nổi trong biển. Mạn tăng ái kém kết làm núi cao, ái tăng mạn nhẹ rút làm cỏ cây. Sân ái mạn ba thứ qua lại đượm tràn khác loại thành hình, cỏ cây núi sông ngàn sai muyôn phẩm, trước từ vọng tưởng kết thành bốn đại, từ bốn đại tánh ái mạn đượm sinh, lìa tâm hữu tình là không thể khác, giao vọng phát sinh đắp đổi cùng làm chủng. Lại nói: Tôn giả Phú-lâu-na bạch Phật: Bạch Đức Thế Tôn! Nếu là thế gian tất cả căn trần ấm xứ giới v.v... đều là Như Lai tạng bản nhiên thanh tịnh, cớ sao chợt sinh núi sông đất liền v.v...

các tướng hữu vi? Lần lượt chuyển đổi cuối cùng mà trở lại đầu. Lại nghi ngờ rằng: Nếu Diệu giác bản Diệu giác minh đây cùng tâm Như Lai chẳng tăng chẳng giảm không tướng trạng, chợt nhiên sinh ra núi sông đất liền các tướng hữu vi. Như Lai nay đắc diệu không minh giác, núi sông đất liền hữu vi tập lậu đâu hợp lại sinh? Phật dạy: Phú-lâu-na. Như điều ông nói, bản nhiên thanh tịnh, cớ sao chợt sinh núi sông đất liền? Ông thường chẳng nghe Như Lai tuyên nói tánh giác Diệu minh bản giác minh diệu ư? Phú-lâu-na thưa: Bạch Đức Thế Tôn! Con đã từng nghe Đức Như Lai tuyên nói nghĩa đó. Phật dạy: Ông xưng giác minh là lại tánh minh xưng danh là giác, là giác chẳng minh xưng là minh giác, Phú-lâu-na thưa: Bạch Đức Thế Tôn! Nếu chẳng minh đây gọi là giác thì không chỗ minh. Phật dạy: Nếu không chỗ minh thì không minh giác, có sở chẳng phải giác, không sở chẳng phải minh, không minh lại chẳng phải giác lắng minh tánh. Tánh giác hẳn minh vọng làm minh giác. Giác chẳng phải sở minh, nhân minh lập sở, sở đã vọng lập, sinh vọng năng của ông, trong không đồng khác hừng hực thành khác. khác sở khác kia, nhân khác lập đồng. Đồng bị phát minh, nhân đây lại lập không đồng không khác như vậy quấy loại đối đãi nhau sinh nhọc, nhọc lâu phát bụi trần, tự tướng hỗn đục, do vậy dẫn khởi trần lao phiền não, khởi làm thế giới tĩnh thành hư không, hư không là đồng, thế giới là khác, kia không đồng khác thật pháp hữu vi". Giải thích: Nghĩa hai giác đây ý chỉ sâu mầu khó rõ, nếu muốn chỉ bày phải phân đen trắng. Đại khái kinh luận có hai thứ giác: Một, tánh giác; Hai, bản giác. Lại có hai thứ Bát-nhã: Một, bản giác Bát-nhã; Hai, thủy giác Bát-nhã. Lại có hai thứ tâm: Một, tự tánh tâm thanh tịnh; Hai, lìa cấu tâm thanh tịnh. Lại có hai thứ chân như: Một, tại triền chân như; Hai, xuất triền chân như. Như bốn thứ đây danh tùy nghĩa khác, thể tức thường đồng. Nay, tất cả chúng sinh chỉ có tánh giác thanh tịnh. Bản giác, tự tánh tâm thanh tịnh, tại triền chân như v.v... ở trong Bản nhiên thanh tịnh vọng chợt sinh nơi núi sông đất liền. Vì tại triền chưa lìa chướng vậy. Chưa được xuất triền chân như v.v... nếu mười phương chư Phật hai giác đều tròn, đã đủ xuất triền chân như v.v... không có vọng tưởng trần lao, trọn hợp với Bản nhiên thanh tịnh thì chẳng lại sinh núi sông đất liền các tướng hữu vi v.v... như vàng ra khỏi quặng trọn chẳng nhiễm ở bụi bùn, như cây gỗ thành tro đâu có sinh lại cành lá, theo hai giác đây rồi thông suốt nghi tình. Tánh giác diệu minh là, tự tánh tâm thanh tịnh, tức Như Lai tạng tánh, tại triền chân như v.v... bản tánh thanh tịnh chẳng bị phiền não nhiễm ô gọi là tánh giác. Trong kinh nói: Phật bảo A-nan và cả đại

chúng: Các ông phải biết thế giới hữu lậu mười hai loại sinh Bản giác diệu minh giác viên tâm thể, cùng mười phương Phật không hai không khác, do ông vọng tưởng mê lý làm lỗi, si ái phát sinh, sinh phát khắp cùng mê nên có tánh không, hóa mê chẳng dứt có thế giới sinh, thì mười phương vi trần cõi nước đây chẳng phải vô lậu, đều là mê ngoan vọng tưởng an lập. Phải biết hư không sinh bên trong tâm ông, giống như tảng mây điểm trong bầu trời trong sạch, huống gì các thế giới tại hư không ư? Trong các ông một người phát chân trở lại mới đầu thì mười phương hư không đây thảy đều tiêu mất, làm sao giữa hư không chỗ có cõi nước mà chẳng chấn nát". Dùng kinh văn đây để rõ, tức biết phàm Thánh vốn đồng giác của Diệu minh đây. Bản giác Diệu Minh là xuất triền chân như v.v... từ trí không phân biệt giác hết vọng niệm từ vô thủy, gọi là cứu cánh giác, thủy giác tức là bản giác, giác của ngộ bản nên được tên bản giác. Trong luận nói: Ở môn chân như gọi là tánh giác, ở môn sinh diệt gọi là bản giác. Do mê tánh giác đây mà có vọng niệm. Vọng niệm nếu hết mà lập bản giác. Vì tánh giác chẳng từ năng sở mà sinh, chẳng phải nhờ mượn tu chứng mà khởi. Vốn tự diệu mà thường minh, nên gọi là tánh giác diệu minh. Vì thủy giác Bát-nhã minh diệu của tánh giác, nên gọi là Bản giác minh diệu. Lại, tánh của chân như, tánh tự rõ vậy, thì tánh giác diệu minh. Trí của thủy giác, rõ bản tánh vậy thì bản giác minh diệu. Lại trong luận Ma-ha-diễn nói có bốn thứ giác: Một, Bản giác thanh tịnh; Hai, Bản giác nhiễm tịnh; Ba, Thủy giác thanh tịnh; Bốn, Thủy giác nhiễm tịnh. Nếu luận về sự của bản thủy tối sánh thì đều nương giác của nhiễm tịnh mà được tên. Nếu thanh tịnh nguồn giác thì ngu trí đều tuyệt, chẳng phải chỗ được của mê ngộ, há năng phân tích văn nghĩa." Trong kinh Đức Phật thường nói chân như là mê ngộ nương tựa, nên như muôn tượng nương hư không. Hư không không chỗ nương tựa. Do đó Mãn từ tử lãnh ngộ nói: con thường nghe Phật tuyên nói nghĩa này. Nghĩa hai giác đây cũng đồng như chỗ luận Đại Thừa Khởi Tín lập một tâm phân hai môn chân như và sinh diệt. Vì bản tánh thanh tịnh là nghĩa tánh giác, chỉ lấy bản giác trong tánh, như tánh lửa trong cây gỗ chưa đủ nhân duyên có mà không dùng, chẳng phải ngộ rồi mà lại khởi mê. Lúc mới đầu ngộ lập hiệu của bản giác, ngộ bản giác rồi, không trở lại mê, chư Phật trở lại làm phàm phu là điều không thể có. Phật hỏi: Ông xưng giác minh là lại giác tánh tự minh gọi là giác minh hay, là đại giác thể chẳng minh? Năng giác ở minh. Ý Phú-lâu-na hẳn có chỗ minh xứng tình, là sở giác đó. Nếu không minh của sở giác, thì không hiệu của giác minh. Chỉ có thể xưng

giác mà không sở minh, nên nói thì không sở minh. Ý Đức Phật là tánh giác thể tánh tự minh, chẳng nhân năng giác sở minh mới xưng là giác minh. Trong luận Đại Thừa Khởi Tín nói: "Chân như tự thể có nghĩa đại trí tuệ quang minh. Nghĩa chiếu khắp pháp giới v.v... chỉ duyên mê một pháp giới, cưỡng phân năng sở nên thành ở vọng". Nếu cần nhân sở minh mới xưng là giác minh, đây là nhân tha mà lập, chẳng phải tự tánh giác, nên nói có sở chẳng phải giác, như duyên trần phân biệt mà có vọng tâm, lìa trần thì không có thể, chẳng thể đem tâm của đoạn diệt để làm chân giác xưa nay vậy. Nếu đem pháp của không thể làm cứu cánh là, như trong kinh nói: Pháp thân thì đồng lông rùa sừng thỏ, đó ai tu chứng vô sinh pháp nhẫn. Lại giải thích: Nếu đem chẳng minh gọi là giác, thì không sở giác. Nên biết giác thể vốn không tướng minh. Phật chứng chân tế thật chẳng thấy minh. Nếu thấy ở minh tức là sở minh. Đã lập sở minh, bèn có năng giác. Chỉ trừ minh của năng sở mới xưng là diệu minh. Minh của diệu đây là minh của chẳng minh. Chẳng đồng sở minh nhân minh khởi chiếu. Nên trong luận Bát-nhã Vô Tri nói: "Cật nạn: Không của Thánh trí và không của hoặc trí đều không sinh diệt. Vì sao khác đó ư? Đáp: Không của Thánh trí và vô tri (không biết), không của hoặc trí là tri vô (biết không), không đó tuy đồng. Sở dĩ không mà khác vậy. Tại sao? Phàm, Thánh tâm rỗng lắng không biết có thể không, có thể gọi là vô tri, chẳng phải gọi là tri vô. Hoặc trí có biết nên có biết có thể không, có thể gọi là tri vô. Chẳng phải gọi là vô tri vậy". Nên Bát-nhã vô tri là không chỗ chẳng biết. Vô tri là, không biết của năng sở, không chỗ chẳng biết là chân như tự tánh có nghĩa chiếu khắp pháp giới. Lại, Thánh nhân chỉ có tâm của không tâm, thấy của không thấy, chẳng đồng phàm phu có tâm có thấy, đều là tướng phân biệt năng sở mà sinh vậy. Trong kinh Niết-bàn nói: "Chẳng thể thấy rõ rõ thấy". Trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng nói:

"Không thấy tức là thấy,
Năng thấy tất cả pháp
Ở pháp nếu có thấy
Đây thì không chỗ thấy."

Lại nói: "Bồ-tát đều thấy các pháp mà không chỗ thấy. Biết khắp tất cả mà không chỗ biết, thì Bát-nhã ba-la-mật-đa vô tri mà không chỗ chẳng biết vậy". Chỉ chẳng lạc vào biết của có không, thấy của năng sở, chẳng phải là đều không thấy biết vậy. Chư Phật đều đủ năm mắt ba trí bốn biện sáu thông, ba đế lý viên một tâm đầy đủ. Nếu chẳng thấy không và chẳng không chẳng phải không chẳng phải chẳng không, mới

cùng thật tướng tương ưng vậy. Nên trong kinh Lăng-già nói: "Mỗi một tướng tương ưng xa lìa lỗi các thấy là, nếu ở các thường thường cùng thật tướng tương ưng, tự nhiên xa lìa các lỗi, hợp với Đệ nhất nghĩa, chân tâm thanh tịnh sáng rõ thấu suốt mà không niệm đắm trước, tức sự tức như, chỉ tâm thẳng tiến, tức chỗ chư Phật biết chỉ thật tướng vậy. Lìa đây lập thấy đều thành các lỗi, không chỗ chẳng phải sáng là, nếu thể của năng sở cần nhân sở minh là, nếu không minh của sở giác, thì thể của năng giác bèn chẳng phải là minh. Nên nói không chỗ chẳng phải minh. Nên biết giác đó cùng với minh qua lại giả lập, vốn không tự thể, đâu thành tự tánh giác của viên minh ư. Vô minh lại chẳng phải giác lắng minh tánh là, hiển bày vọng giác thể không dụng của lắng minh. Nếu nói chỉ giác ở minh, sao phải giác thể tự minh? Thì tự tánh chẳng phải minh, bèn không dụng của giác lắng. Nên nói vô minh lại chẳng phải giác lắng minh tánh. Tánh giác hẳn minh vọng làm minh giác là, giải thích vọng giác gá tướng của thân vậy. Tại sao được biết vọng giác mới đầu khởi có giác minh, chỉ duyên tánh giác hẳn có chân minh. Do đó, vọng giác gá tánh minh đây mà khởi ảnh giác của minh chấp minh của ảnh tượng, khởi giác của phan duyên, mê chân nhận ảnh kiến phần tướng phần, từ đây mà sinh hiệu của minh giác, giác chẳng phải sở minh, nhân minh lập sở là, phàm, giác của một chân, thể tánh tuy minh mà chẳng phân năng sở nên giác chẳng phải sở minh. Do ảnh minh khởi giác năng sở đây nhân, nên nói là nhân minh lập sở, sở đã vọng lập sinh vọng năng của ông. Trong không đồng khác, hừng hực thành khác là, đây thì nguyên nhân giác minh khởi chiếu sinh sở, sở lập chiếu tánh bèn mất, thì là thức tinh nguyên minh năng sinh các duyên. Duyên chỗ sót lại là, mới là chỉ tùy tướng của năng duyên che lấp chân tánh Duy thức, một hướng năng sở cùng sinh, như gió động nước gợn sóng tương tục, tánh của lắng yên ẩn mà chẳng hiện, từ đây mê vọng sinh tánh của hư không. Lại nhân hư không thành lập hình của thế giới, ở chân không một tâm rốt ráo trong không đồng khác, hừng hực kiến lập thành các pháp khác của cứu cánh, đều nhân tình tưởng nhiễu loạn, nhọc phát trần của thế gian, mê vọng hôn trầm dẫn khởi giới của hư không, phân thế giới sai biệt làm khác, lập hư không thanh tịnh làm đồng, ở trong thức phân biệt, lại lập không đồng không khác, đều là pháp của hữu vi, đều thành duyên của sinh diệt, chưa suốt cội nguồn, trọn là hý luận.

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 78

Hỏi: Phàm nói một giác tất cả giác, cớ sao trong giáo phân nhiều thứ đó?

Đáp: Giác thể là một, tùy dụng phân nhiều. Dụng có cạn sâu, giác không trước sau. Như trong kinh Anh Lạc nói: "Diệu giác mới xưng tịch chiếu, Đẳng giác chiếu tịch". Lại, giác có ba nghĩa: Một, giác sát, như ngủ mộng tỉnh, cũng như người cảnh giác giặc, giặc không thể làm. Vọng tức là giặc vậy; Hai, giác chiếu, tức chiếu lý sự vậy, cũng như hoa sen mở chiếu thấy tự tâm một chân pháp giới có hằng sa tánh đức, như thắng nghĩa đó giác các pháp vậy; Ba, Diệu giác, tức hai giác trên lìa giác và sở giác nên làm diệu vậy. Chẳng phải lại riêng biệt giác. Nên trong kinh nói: "Không có Phật Niết-bàn, xa lìa giác sở giác". Lại, giác tánh không giác tức trí căn bản, giác tướng rõ ràng tức trí hậu đắc.

Hỏi: Đã nói chân như một tâm, xưa nay chẳng đổi khác, cớ sao mà có chúng sinh tương tục?

Đáp: Bình đẳng chân pháp giới, không Phật không chúng sinh tùy nơi duyên nhiễm tịnh bèn thành mười pháp giới. Vì chân như tùy duyên chẳng giữ tự tánh, chỉ vì chúng sinh chẳng tự biết tánh của không tánh vậy. Chỉ tùy nhiếp duyên thành phàm, tùy tịnh duyên thành Thánh. Như hang cốc hư rỗng âm vang mặc tình duyên chỗ phát. Lại như thái hư chợt mây nổi, tợ gương chợt bụi dính, cầu một niệm khởi ở mới đầu trọn không thể được, nên gọi là vô thủy vô minh. Trong kinh Thủ-lăng-nghiêm nói: "Phật bảo: A-nan! Sao gọi là chúng sinh điên đảo? A-nan! Do tánh minh tâm tánh minh nên vậy. Nhân minh phát tánh, tánh vọng thấy sinh, từ rốt ráo không thành rốt ráo có. Có và chỗ có đây chẳng phải nhân và chỗ nhân, tưởng trú và chỗ trú trọn không căn bản. Bản đây không trú kiến lập thế giới và các chúng sinh. Mê gốc viên minh là sinh hư vọng. Vọng tánh không thể chẳng phải có, chỗ nương tựa sắp muốn lại chân, muốn chân rồi chẳng phải chân tánh chân như. Chẳng phải chân cầu lại rõ thành chẳng phải tướng, chẳng phải sinh chẳng

phải trú chẳng phải tâm chẳng phải pháp dần chuyển phát sinh sinh lực, phát minh huân để thành nghiệp. Đồng nghiệp cùng cảm, nhân có cảm nghiệp cùng diệt cùng sinh, do vậy nên có chúng sinh điên đảo.” Xưa trước giải thích: Nhân minh phát tánh tánh vọng thấy sinh, nhân gá tánh minh biến ảnh mà khởi. Gá ảnh mà sinh, từ hư chấp có, nên nói từ rốt ráo không thành rốt ráo có tức là nghiệp tướng vậy, có và chỗ có đây chẳng phải nhân và sở nhân là chuyển tướng vậy. Nghiệp tướng là năng có, chuyển tướng sở có. Năng sở đã phân hai tướng đây có. Nên nói tướng có và chỗ có tức chuyển tướng đây năng hành hiện hình mà lập, nhân trước mà khởi, dẫn sau mà sinh, dần chuyển nhân nhau, gọi là chẳng phải nhân và chỗ nhân, tức hiện tướng đây năng dẫn cảnh giới sáu trần. Hiện tướng là năng trú, sáu trần là sở trú. Nên nói tướng trú và chỗ trú, vốn không trú đây lấy lập thế giới là hiện tướng từ chỗ vọng lập, vốn không chỗ nương tựa. Hiện tướng đây lấy thành gốc của thế giới. Nên nói vốn không trú đây lấy lập thế giới, từ gốc không trú lập tất cả pháp. Không trú, tức là vô minh, vô minh không nhân nên không trú. Ba tướng đây đều là vô thủy một niệm vọng tâm gọi chung là vô minh. Mê gốc viên minh là sinh hư vọng, vọng tánh không thể chẳng phải có chỗ nương tựa. Sắp muốn lại chân, muốn chân rồi chẳng phải chân tánh chân như. Chẳng phải chân cầu lại chuyển thành chẳng phải tướng, chẳng phải sinh chẳng phải trú chẳng phải tâm chẳng phải pháp là, mới đầu là nghiệp tướng tức là tâm của vọng giác thể tức hư vọng. Vọng đây mới đầu khởi lại không nhân đầu tiên, gọi là chẳng phải có chỗ nương tựa, sắp muốn lại chân, muốn chân rồi chẳng phải buông bỏ chuyển tướng, tức ảnh tượng trên chân tương tợ chân chẳng phải chân vọng giác chấp đây là chân, tức niệm mới đầu gọi là động, động hẳn có tĩnh. Tĩnh lại tợ chân hình động lập tĩnh, chẳng phải chân chẳng động, nên nói muốn chân rồi chẳng phải chân tánh chân như. Vốn chẳng nhân động mà lập ở tĩnh. Nên nói chẳng phải chân cầu lại rõ thành chẳng phải tướng buông bỏ hiện tướng. Từ hiện tướng đây biến khởi tất cả cảnh giới, chẳng phải tướng hiện tướng chẳng phải sinh hiện sinh chẳng phải trú hiện trú, chẳng phải tâm hiện tâm chẳng phải pháp hiện pháp, buông bỏ lần lượt là mới đầu từ hai tướng tối sáng cùng hình mà sinh ở sắc, tức là kết tối thành sắc hình hiển bày sắc vậy, nhân sắc tức có căn trần lưu ngại gọi đó là trú. Nhân có căn trần tức có thức năng phân biệt gọi đó là tâm, trông nhìn ảnh tượng trần đây làm thức cảnh giới gọi đó là pháp. Các thứ đây dần chuyển nhân nhau mà có, trở lại hiển bày tướng chân như không tối sáng, không tướng hình nên chẳng phải tướng,

không khởi diệt nên chẳng phải sinh, không lưu ngại nên chẳng phải trú, không duyên lự nên chẳng phải tâm, lìa ảnh tượng trần nên chẳng phải pháp. Lại giải thích: Hoặc trước nêu ba tướng nhân nhau mà có để nêu bày thứ lớp, ba tướng sau hợp buông bỏ đều nói ba tướng hư vọng, thể tức vô minh lại không sở nhân, nên nói chẳng phải có chổ nương tức ba tướng đây ảnh chân mà khởi, tợ chân chẳng phải chân, chấp ảnh làm thật. Nên nói sắp muốn lại chân, ảnh đã chẳng thật, nên nói muốn chân rồi chẳng phải rõ thành chẳng phải tướng. Dưới đối vọng nói chân để lập danh hiệu. Đã nương vọng hiển bày chân đế lập danh hiệu, nên biết kiến lập địa vị từ đây mà có. Nếu chẳng nhân vọng nói chân cũng không danh tự địa vị có thể nói. Nên biết ba cõi pháp có đều chỗ nắn thành vốn không đầu mối, từ vô thủy vọng tập dần chuyển tương truyền, mãi đến nay đây thành đường vết đó. Như mới đầu một người nắn ra một sự, người sau tin nhận dần chuyển truyền nhau thì một người truyền dối muôn người truyền thật, từ mê tích chứa mê suốt số kiếp như bụi trần. Nếu biết một niệm mới đầu khởi ở chẳng chân, tức chóng ngộ quấy trước đường lớn bằng phẳng, không các sự khác. Như nói chỉ biết ngày nay phải, sao lo năm xưa quấy? Là biết hữu tình và vô tình rốt ráo nguồn đầu tiên đó đều chẳng vượt ngoài bản tế một tâm như trong luận Pháp Tánh nói: "Hỏi: Bản tế có thể được nghe chăng? Đáp: Lý diệu khó quán nên có thuyết của chẳng biết. Chỉ vi hiếm thấy nên phát hỏi của Tràng Anh". Có vị trời tên là Tràng Anh, hỏi điều Văn-thù Sư-lợi nói: Bản tế nghĩa là gì ư? Văn-thù đáp: Nguồn của chúng sinh, gọi là Bản tế. Lại hỏi: Nguồn của chúng sinh là nghĩa gì? Đáp: Gốc của sinh tử là nguồn chúng sinh. Lại hỏi: Ở kia sao gọi là gốc sinh tử. Đáp: Gốc của hư không là nguồn sinh tử. Khi ấy Tràng Anh ôm Huyền Âm mà thôi hỏi, mới ngộ gốc của chẳng trú. Nếu vậy thì đầu tiên của nhân duyên có thể nghe mà chẳng thể rõ, có thể còn mà chẳng thể luận.

Hỏi: Hư không có gốc chăng?

Đáp: Không.

Hỏi: Nếu không có gốc, cớ sao nói gốc của hư không là nguồn sinh tử?

Đáp: Đây còn là gốc của Bản tế vậy. Thì ở hư không không gốc làm tông của các gốc. Hóa bày không hóa, làm phủ của muôn hóa vậy. Lại, phàm cũng là tâm, Thánh cũng là tâm, sở dĩ tập xứ dưới chẳng năng tự dẫn thì đắm chìm trần lao vậy. Nếu đem tâm gá sự thì hẹp kém, nếu đem tâm theo tâm thì rộng lớn. Phàm, người đời phần nhiều bên ngoài trọng sự đó mà bên trong hiểu tâm đó, cho nên chỗ làm đều chẳng phải

cứu cánh, do vì chổ kèm ty (thấp hèn) nên vậy, như con nhặng của trâu đấu bay cùng cực chỉ trăm bước, nếu gá đuôi chim loan thì một vỗ cánh xa đến muôn dặm, chẳng phải công của cánh đó gá nhanh chóng vậy, cũng như cỏ ở đầu vách tường, âm thanh của trong rừng đều năng đến cao xa là, ưu thắng của chỗ gá vậy. Như vào Tông Kính mỗi mỗi gá ở tự tâm thì sợi lông suốt cả biển lớn, mảy trần bao hàm cả mười phương, há chẳng phải sâu rộng ư?

Hỏi: Trong ngoài Duy thức, tâm cảnh đều không, cớ sao trong giáo lại lập tướng bên ngoài?

Đáp: Nhân rõ tướng không mới bàn nói Duy thức, nếu chấp có tướng thì nghĩa Duy thức chẳng thành, nếu chấp không tướng thì lý chân không chẳng hiển. Vì không tướng tức tướng mới đạt chân không, tướng tức không tướng mới rõ Duy thức. Do đó, trong luận Nhiếp Đại Thừa nói: "Đạo lý Duy thức phải có rõ ba tướng: Một, thông đạt duy lượng, trần bên ngoài thật không chỗ có vậy; Hai, thông đạt duy hai, tướng và kiến chỉ thức vậy; Ba, thông đạt các thứ sắc sinh", chỉ có các thứ tướng mạo mà không thể vậy. Vì vậy, trong luận Nhiếp Đại Thừa nói: "Tất cả tướng có hai thứ đó là hiện trú và sở lập, chỗ tán tâm duyên sáu trần gọi là hiện trú. Chỗ định tâm duyên cốt khóa v.v... là sở lập". Lại nữa, tợ trần hiển hiện gọi là tướng, nghĩa là cảnh sở duyên. Tở thức hiển hiện gọi là kiến, nghĩa là thức năng duyên. Hai pháp đây: một là nhân, hai là quả. Lại, một là sở y, hai là năng y. Là biết nhân bên trong khởi niệm tưởng tượng tư duy thì bên ngoài hiện tướng mạo đó. Niệm nếu chẳng khởi, tướng chẳng hiện tiền, vì nhân bên trong sinh bên ngoài vậy, gồm ngọn về gốc toàn cảnh là tâm. Tại sao? Nếu tâm chẳng khởi, cảnh vốn không vậy, tất cả cảnh giới chỉ tâm vọng động.

Hỏi: Căn cứ thế gian vọng kiến quyết định là thức nào?

Đáp: Chỗ chúng sinh thấy tức là loạn thức. Trong luận Trung biên phân biệt nói: "Nghĩa là tất cả thế gian chỉ duy loạn thức. Loạn thức đây cớ sao gọi là hư vọng? Do cảnh chẳng thật, do thể tán loạn. Lại nếu chấp trọn không loạn thức, thì trói buộc và giải thoát đều chẳng thành tựu, tức khởi tà kiến, đánh tan tịnh và bất tịnh phẩm. Nên biết nhân mê được ngộ, chẳng phải không nguyên do, từ phàm vào Thánh bởi có duyên do. Như ảnh tượng bày nói gương sáng, nhân vọng thức thành chân trí.

Hỏi: Chỗ thấy trong định, sắc quả định và định tâm tự nhiên, chẳng phải duyên sắc hiện tại bên ngoài, lại chẳng phải nhớ giữ cảnh quá khứ, có thể nghiệm là Duy tâm. Người chưa đắc định đều là tán ý chỗ thấy

sắc bên ngoài làm sao chứng tự tâm đó?

Đáp: Bên trong định, bên ngoài định, tỉnh loạn tuy khác, sắc của chỗ thấy đều chỉ tự thức, vì cảnh bên ngoài không thể, theo duyên mà sinh. Tánh sinh vốn không, không tướng có thể được. Trong luận Duy Thức nói: “Như chỗ thấy trong định của người quán hạnh, cảnh giới sắc tướng là chỗ thức hiển hiện, quyết định không cảnh giới”. Các sắc tướng xanh v.v... đây là định cảnh chẳng phải chỗ thức nhớ giữ (ức trì). Thức nhớ giữ có nhiễm ô, khởi hiện tiền đây, chỗ thấy phân minh thanh tịnh, thì yếu chỉ của Duy thức ở đây càng hiện rõ. Như mặt y tựa gương thì chỉ có tự mặt, ngoài ra không ảnh riêng khác. Tại sao? Các pháp hòa hợp đạo lý chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể thấy pháp mà khiến được thấy tâm định cũng vậy. Tâm định có hai phần: Một phần tợ thức, một phần tợ trần, hai thứ đây thật chỉ là thức. Nếu thức nhớ giữ là sắc ở quá khứ, sắc trong định đây, nếu tại năm thức tán tâm, có thể nói là duyên trần bên ngoài ở hiện tại khởi. Nếu tán ý thức duyên trần ở quá khứ khởi, nếu tại trong quán hẳn chẳng được duyên sắc bên ngoài làm cảnh, sắc tại hiện tiền, lại chẳng phải duyên cảnh ở quá khứ. Phải biết chỗ tâm tịnh duyên sắc tức thấy tự tâm chẳng thấy cảnh riêng khác. Vì sắc trong định sánh sắc ngoài định, nên biết cũng không cảnh riêng biệt. Vậy biết một tâm tức muôn pháp, muôn pháp tức một tâm. Tại sao? Và một tâm chẳng động khắp thể là muôn pháp vậy. Như trong Khởi Tín Sao Thích Sớ nói: Khắp thể, nghĩa là chân như khắp thể thành sinh diệt, sinh diệt không tánh tức là chân như. Chưa từng có chân như ở chẳng sinh diệt, chưa từng có sinh diệt ở chẳng chân như. Lại nói: Chẳng đồng không là, linh nhiên giác tri, giác tri tức là nghĩa thần giải. Âm dương chẳng lường, gọi đó là thần, giải tức là trí, trí tức là tri. Tri tức một tâm vậy, nên lấy tri làm thể tâm. Do đó, Tổ sư nói: “Trên thể không tịch tự có bản trí năng trí”. Đại ý là: Ở trong tất cả pháp nhiễm tịnh có thể của chân thật, rõ ràng sai biệt, gọi đó là tâm.

Hỏi: Các cảnh giới bên ngoài, để xứng thức bên trong tợ sắc hiển hiện, chỉ là Duy thức, cớ sao chẳng tùy thức biến khác?

Đáp: Nếu chấp sắc bên ngoài thật trú, tức là ở trong không sắc thấy sắc, vọng sinh điên đảo, như nắn mắt tự sinh hai tướng, đâu là chân thật. Trong luận Nhiếp Đại Thừa nói: “Hỏi: Nếu không phân biệt sắc trần chỉ là bản thức, cớ sao hiển hiện tợ sắc v.v...? Cớ sao tương tục bền trú trước sau tương tợ? Nếu là chỗ thức biến khác làm, thì nên chợt khởi chợt diệt, cải chuyển chẳng định, cớ sao một sắc ở trong nhiều thời tương tục trú lâu? Nên biết nên có sắc riêng biệt. Đáp: Do vì điên đảo,

điên đảo là căn bản phiền não, do thức biến khác, khởi các phân biệt. Tánh y tha và tánh phân biệt tương ưng, tức là điên đảo là xứ phiền não nương dừng. Điên đảo phiền não lại là thức biến khác xứ chỗ nương dừng. Nên không nghĩa qua lại làm nương dừng thì thức không biến khác. Ở trong chẳng phải vật phân biệt làm vật, chẳng nên có điên đảo đây. Nếu không phiền não, đâu có Thánh đạo, nên nghĩa đây cũng chẳng thành, cho nên phải tin lìa thức không pháp riêng biệt.

Hỏi: Tâm bên trong phân biệt xưng là thức, sắc bên ngoài chẳng phân biệt, thế nào là thức?

Đáp: Năng kiến sở kiến đều là loạn thức, không chấp bên trong có sắc vốn tự hư. Trong luận Nhiếp Đại Thừa nói: "Loạn thức là, không chấp bên trong có gọi là loạn. Trong mười một thức, thế v.v... sáu thức tùy một thức, chỉ hai phần: Một phần biến dị thành tướng sắc v.v... một phần biến dị thành kiến v.v... chẳng vượt ngoài hai đây. Thức tánh năng phân biệt thì thành kiến, chẳng năng phân biệt thì thành tướng". Như trong kinh Vô Sở Hữu Bồ-tát nói: "Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Vô Sở Hữu rằng: "Ông phải vì các Bồ-tát đây nói sự năm ấm tụ hòa hợp thân". Bồ-tát Vô Sở Hữu thưa: "Bạch Đức Thế Tôn! Như chỗ con thấy, như Phật sắc không, con sắc cũng vậy. Như Phật sắc chúng sinh sắc tất cả cây rừng cỏ thuốc sắc cũng vậy. Như tất cả cây rừng cỏ thuốc sắc, thì tất cả giới kia hòa hợp tụ sắc cũng vậy, chỗ có không sắc và sắc con sắc Như Lai, sắc tất cả chúng sinh, sắc tất cả cây rừng cỏ thuốc v.v... Sắc tất cả giới hòa hợp tụ, không có hai tướng, chẳng phải pháp chẳng phải chẳng phải pháp. Các người thiếu trí ở trong không sắc, hoặc khởi tưởng là hy vọng muốn vào pháp đây, hành ở trong không sắc khởi tưởng hành. Lược nói cho đến trong thọ tưởng hành thức, làm như chỗ sắc làm như vậy. Như thức hư không, thức con cũng vậy. Như thức kia, thức Như Lai cũng vậy. Như thức tất cả chúng sinh thức kia, thức tất cả chúng sinh cũng vậy. Như thức tất cả chúng sinh, thức kia, thức tất cả cây rừng cỏ thuốc cũng vậy. Thức chân hư không, thức Như Lai và thức con thức tất cả chúng sinh, thức tất cả cây rừng cỏ thuốc cũng vậy. Tất cả hòa hợp, thức không hai tướng, chẳng thể biết chẳng thể phân biệt, chẳng sinh vô đẳng đẳng".

Hỏi: Đã xưng chỉ có thức, sao được lập danh sắc?

Đáp: Tất cả danh đều là nghĩa khách, trong danh không pháp, trong pháp không danh, danh chẳng đáng pháp, pháp chẳng đáng danh. Trong kinh nói: "Là tự tánh không sinh không diệt không nhiễm không tịnh. Sắc đây không chỗ có là không tướng, nếu có sinh tức có nhiễm,

nếu có diệt tức có tịnh. Do không bốn nghĩa đây, nên sắc không tất cả riêng biệt. Trong kinh nói: Do giả lập danh khách tùy nói các tướng. Trong luận Nhiếp Đại Thừa nói: "Tất cả pháp lấy thức làm tướng, chân như làm thể". Lại nói: Tất cả tướng có hai thứ: Một, hiển hiện bên ngoài như; Hai, hiển hiện bên trong như. Bên ngoài như là tướng, bên trong như là tư duy. Nên biết một thể hiện hai, trong ngoài hai phần, thì tâm chẳng phải trong ngoài. Trong ngoài là tâm. Lại, năng sở cùng thành, tâm cảnh gồm thu. Hai mà chẳng hai, thường ngầm nguồn chân của một vị. Chẳng hai mà hai, luôn phân tướng hư của tâm cảnh.

Hỏi: Tâm niệm niệm diệt sát-na tướng, thân bên trong sắc bên ngoài cũng sát-na diệt ư?

Đáp: Trong ngoài các sắc chỉ tâm chấp thọ, cũng tùy tâm niệm niệm sát-na diệt. Bên ngoài tâm lại không một pháp có thể làm thường trú có thể làm sinh diệt. Trong luận Tạp Tập nói: "Như tâm tâm pháp là sát-na tướng, phải biết sắc v.v... cũng sát-na tướng. Có tám nghĩa đó: Một, do tâm chấp thọ, nghĩa là sắc v.v... thân, do sát-na tâm niệm, niệm chấp thọ nên sát-na diệt v.v...; Hai, an nguy như tâm, nghĩa là sắc v.v... thân luôn cùng thức câu, thức nếu bỏ lìa tức bèn rã hoại; Ba, tùy tâm chuyển biến, nghĩa là thế gian hiện thấy tâm tại các vị khổ lạc tham sân v.v... thân tùy biến chuyển. Tùy sát-na tâm mà chuyển biến nên thân niệm niệm diệt; Bốn, là tâm sở y, nghĩa là thế gian cộng biết tâm nương dừng có căn thân, như lửa nương củi, như mầm nương hạt giống v.v... cho nên thân đây là sát-na tâm nương dừng nên cũng sát-na diệt; Năm, tâm tăng thượng sinh, nghĩa là tất cả sắc trong ngoài đều chỗ tâm tăng thượng mà sinh. Nhân năng sinh sát-na diệt nên quả sở sinh cũng sát-na diệt; Sáu tâm tự tại chuyển, nghĩa là nếu chứng đắc tâm thắng oai đức, ở nơi tất cả sắc, như chỗ đó muốn tự tại chuyển biến, do tùy sát-na năng biến thắng giải chuyển biến sinh nên sắc v.v... sát-na sinh. Đạo lý diệt thành tựu; Bảy, ở quả vị sau cùng biến hoại có thể được, nghĩa là các sắc v.v... mới đầu lìa tự tánh niệm niệm biến hoại ở vị sau cùng chợt nhiên biến hoại chẳng ứng đạo lý, nhưng đây có thể được. Nên biết sắc v.v... từ mới đầu trở lại niệm niệm biến hoại, tự loại tương tục, dần tăng làm nhân, năng dẫn tướng thô sau cùng biến hoại. Cho nên sắc v.v... niệm niệm sinh diệt; Tám, sinh rồi chẳng đợi duyên tự nhiên hoại diệt. Nghĩa là tất cả pháp từ duyên sinh rồi chẳng đợi duyên hoại tự nhiên hoại diệt. Nên biết tất cả pháp có thể diệt hoại mới đầu vừa sinh rồi tức bèn hoại diệt. Cho nên nghĩa các pháp sát-na thành. Trong luận Đại Trí Độ nói: "Nếu các pháp thật có chớ nên vì tâm thức, nên biết có tướng,

nếu vì tâm thức nên biết có thì là chẳng phải có, như địa tướng bền chắc, thì thân căn thân thức biết nên có, nếu không thân căn thân thức thì biết không tướng bền chắc. Lại nhân hòa hợp sinh nên không, chỉ tâm nên không, là biết sắc bên trong sắc bên ngoài đều thức kiến lập, tùy tâm có không thật không tự thể.

Hỏi: Luận chỉ có tâm bên trong thật không cảnh bên ngoài. Như tu nghiệp thập thiện hưởng thọ lạc thiên đường, tạo tội ngũ nghịch chịu khổ địa ngục, lên trời Đao-lợi thì năm dục vui mắt, đọa ngục nê-lê thì muôn khổ nát thân, vui mắt có việc phụng linh bay liệng, chim loan làm hoan lạc, nát thân thì có hiểm họa rắn sắt chó đồng làm bức não. Rõ biết chẳng phải chỉ tâm bên trong cảnh bên ngoài vậy?

Đáp: Tướng của thiên đường địa ngục khổ lạc, đều là ảnh quả báo nghiệp nơi tự tâm. Đã do tâm tạo tác làm nhân trở lại do tự tâm nhận chịu làm quả. Nên trong kinh nói: Chưa có tự làm tha chịu. Nay tạm căn cứ địa ngục giới thọ khổ để chứng rõ duy tâm, trong mười pháp giới kể ra đều như vậy. Trong luận Duy Thức nói: "Hỏi: Thế nào là bốn đại biến chuyển? Bốn đại kia các thứ biến chuyển, động tay chân v.v... và miệng nói phô, khiến người thọ tội sinh kinh sợ. Như có hai con dê từ hai bên lại cùng giết hại, chúng sinh ở địa ngục kia thấy có các núi hoặc lại hoặc đi giết hại chúng sinh, vì nghĩa đó nên chẳng được nói là chỉ có tâm bên trong không có cảnh bên ngoài? Đáp: Có kệ tụng nói:

"Nếu nghiệp chúng sinh
Bốn đại như vậy biến
Tại sao chẳng nương nghiệp
Tâm chuyển biến như vậy".

Vừa rồi ông nói nghiệp người tội kia, bốn đại bên ngoài v.v... chuyển biến như vậy, cớ sao chẳng nói nương lực tội nghiệp chúng sinh kia nên tự tâm thức bên trong chuyển biến như vậy? Lại có kệ tụng nói:

"Nghiệp huân ở pháp khác
Quả cớ sao khác xứ
Thiện ác luân ở tâm
Cớ sao lìa tâm nói?"

Nên kệ tụng nói:

"Nghiệp huân ở pháp khác
Quả cớ sao khác xứ là".

Đây là nghĩa gì? Chúng sinh chịu khổ trong địa ngục kia, chỗ có tội nghiệp nương bản tâm tạo, trở lại tại trong tâm chẳng lìa nói tâm. Vì

nghĩa đó, nên ác nghiệp huân tâm, trở lại ứng trong tâm chịu quả báo khổ. Tại sao? Vì nghiệp thiện ác huân ở tâm thức, mà chẳng huân bốn đại v.v... bên ngoài kia, vì trong bốn đại không chỗ huân sự. Cớ sao hư vọng phân biệt nói phô bốn đại chuyển biến ở trong bốn đại chịu quả báo khổ? Cho nên, kệ tụng nói:

"Thiện ác huân ở tâm
Cớ sao lìa tâm nói".

Như trong kinh Vô Tận Ý Bồ-tát nói: "Chỗ Bồ-tát làm tinh tấn thường cùng thân miệng ý tương ưng. Tuy thân miệng tinh tấn đều do ở tâm, tâm làm tăng thượng. Cớ sao Bồ-tát tâm tinh tấn? Chỗ gọi là tâm thủy tâm chung. Thế nào là tâm thủy? Là mới phát tâm vậy. Thế nào là tâm chung? Tâm Bồ-đề tịch diệt vậy. Vậy biết khởi hết đều tâm, đầu cuối đều vậy, chẳng phải chỉ tịnh nghiệp, muôn sự đều vậy, chẳng vượt ngoài một tâm viên mãn giác đạo. Lại như dầu hết đèn tắt. Nghiệp sạch khổ mất, nếu quyết định có cảnh bên ngoài khả quan, chẳng phải chỗ bên trong cảm, chỉ hợp với thời gian dài chịu khổ, không kỳ hạnh giải thoát. Đã có thời gian thôi nghỉ, phải biết là không thật, có thể nghiệm tâm sinh là pháp sinh tâm diệt là pháp diệt vậy. Do đó, tất cả chúng sinh từ vô thủy đến nay, tạo nhân hư vọng thọ quả hư vọng, đều từ tình kết, chỉ theo tưởng sinh. Do đó trong kinh Thủ-lăng-nghiêm nói: "Bấy giờ, Tôn giả A-nan và cả đại chúng, cho đến mà bạch Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Nếu Diệu minh chân tịnh đây, diệu tâm xưa nay tròn khắp, như vậy cho đến đại địa cây cỏ xuẩn động hàm linh vốn nguyên chân như, tức là Như Lai thành của chân thể Phật chân thật. Cớ sao lại có các đường địa ngục ngạ quỉ súc sinh A-tu-la người trời v.v...? Bạch Đức Thế Tôn! Các đường ấy là xưa nay tự có, hay bởi chúng sinh vọng tập sinh khởi? Bạch Đức Thế Tôn! Như Tỳ-kheo Ni Bảo Liên Hương trì giới Bồ-tát, riêng hành sự dâm dục, vọng nói hành dâm chẳng phải trộm chẳng phải giết, không có nghiệp báo. Nói lời đó rồi, trước tiên nơi nữ căn phát sinh lửa dữ, sau khắp các tiết lửa dữ thiêu đốt, đọa vào địa ngục vô gián. Vua Tỳ-lưu-ly, Tỳ-kheo Thiện Tinh. Vua Tỳ-lưu-ly giết diệt dòng tộc Cù-đàm, Tỳ-kheo Thiện Tinh vọng nói tất cả pháp không, thân đang sống mà bị vùi lấp vào địa ngục A-tỳ, các địa ngục đây là có định xứ, hay tự nhiên bởi các người kia phát nghiệp mỗi mỗi riêng thọ? Cúi mong Thế Tôn dũ lòng từ bi chỉ bày cho hàng ngu tối, khiến tất cả các chúng sinh trì giới nghe nghĩa quyết định, hoan hỷ kính vâng cẩn thận trong sạch không phạm". Phật dạy: "A-nan! Lành thay câu hỏi này! Khiến các chúng sinh chẳng vào tà kiến, ông nay lắng nghe, ta

sẽ vì ông nói. A-nan! Tất cả chúng sinh thật vốn thanh tịnh, nhân vọng kiến kia có vọng tập sinh. Nhân đây phân mở phần bên trong phần bên ngoài. A-nan! Phần bên trong tức là bên trong chúng sinh phần, nhân các ái nhiễm phát khởi vọng tình, tình chất chứa chẳng thôi, năng sinh nước ái, cho nên tâm chúng sinh nhớ thức ăn ngon trong miệng chảy nước dãi, tâm nhớ người trước, hoặc thân hoặc hận, trong mắt ngấn đầy lệ, tâm tham cầu của báu, phát nước dãi ái khắp thân sáng nhuận, tâm đắm trước hành dâm, hai căn nam nữ tự nhiên chảy nước. A-nan! Các ái tuy riêng biệt lưu kết là đồng, nhuần ướt chẳng lên tự nhiên theo xuống, đó gọi là phần bên trong. A-nan! Phần bên ngoài, tức là ngoài chúng sinh phần, nhân các khát ngưỡng phát minh tưởng dối, tưởng tích chứa chẳng thôi, năng sinh khí ưu thắng. Cho nên tâm chúng sinh nghiêm trì giới cấm, khắp thân nhẹ sạch, tâm trì chú ấn, liếc trông hùng nghị, tâm muốn sinh lên trời, mộng tưởng bay nổi. Tâm ở cõi Phật cảnh Thánh ngầm hiện, phụng sự Thiện tri thức, tự khinh thân mạng. A-nan! Các tưởng tuy riêng biệt mà nhẹ nổi là đồng, bay động chẳng chìm tự nhiên siêu vượt, đây gọi là phần bên ngoài". Nên biết nhân tình dính đắm năng thành nước ái, tẩm thấm chẳng thôi tự nhiên thành rơi xuống, vì đất tình u ẩn nên làm phần bên trong. Vì dấy niệm duyên trần, thủ ảnh tượng gọi là tướng, vận động tán loạn nên gọi là phần bên ngoài, tất cả cảnh giới chẳng phải tưởng chẳng sinh. Nên trong kinh nói: Tất cả các cõi nước chỉ tưởng duy trì. Đó gọi là Bồ-tát mới phát tâm. Lại, trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng nói:

"Các Phật tử dõng mãnh
Tùy thuận vào diệu pháp
Khéo quán tất cả tưởng
Lưới buộc ở thế gian
Các tưởng như dương diệm
Khiến chúng sinh đảo giải
Bồ-tát khéo biết tưởng
Bỏ lìa tất cả đảo
Chúng sinh mỗi riêng khác
Hình loại chẳng một thứ
Rõ thấu đều là tưởng
Tất cả không chân thật
Mười phương các chúng sinh
Đều bởi tưởng che lấp
Nếu bỏ điên đảo kiến

Thì diệt tưởng thế gian
Thế gian như dương diệm
Vì tưởng có sai biệt
Biết đời trú ở tưởng
Xa lìa ba điên đảo
Thí như lúc nóng đốt
Đời thấy cho là nước
Nước thật không chỗ có
Người trí chẳng nên cầu
Chúng sinh cũng như vậy
Thế thú đều không có
Như lửa trú ở tướng
Không ngại cảnh giới tâm
Nếu lìa nơi các tưởng
Cũng lìa các hý luận
Kẻ ngu si đắm tưởng
Đều khiến được giải thoát
Xa lìa tâm kiêu mạn
Trừ diệt tưởng thế gian
Trú khắp xứ vô tận
Là Bồ-tát phương tiện".

Lại nói: Thí như có người sắp mạng chung, thấy tùy chỗ nghiệp họ thọ báo tưởng hành ác nghiệp, thấy ở địa ngục ngạ quỉ súc sinh, chỗ có tất cả các cảnh giới khổ, hoặc thấy ngục tốt tay cầm binh trượng, hoặc sân hoặc mắng trì nắm dẫn đi, cũng nghe âm thanh gào khóc bi thán, hoặc thấy sông tro, hoặc thấy vạc sôi, hoặc thấy núi dao, hoặc thấy cây kiếm, các thức bức bách chịu các khổ não, người tạo nghiệp thiện, tức thấy tất cả cung điện các trời, vô lượng chúng trời, các thể nữ trời, các thứ y phục, đầy đủ trang nghiêm, cung điện vườn rừng đều là xinh đẹp. Thân tuy chưa chết, mà do nghiệp lực thấy sự như vậy. Trong luận Đại Trí Độ nói: "Như thành Càn-thát-bà chẳng phải thành, tâm người tưởng làm thành, phàm phu cũng như vậy, chẳng phải thân tưởng làm thân, chẳng phải tâm tưởng làm tâm. Nên biết địa ngục thiên đường vốn không định xứ, thân còn chưa đến đã hiện tự tâm, cảnh chẳng hiện tiền chỉ tâm vọng thấy. Có thể nghiệm cảnh của khổ lạc, vốn không từ đâu ra, sự của thiện ác chỉ tự vời lại, không là không, chẳng phải vọng sinh vọng tử. Như Đại sư Đạt-ma nói: "Do mình thấy nên chẳng đắc đạo". Mình tức là ngã vậy. Nếu không ngã là gặp vật chẳng phải quấy, phải

là ngã tự phải, mà vật chẳng phải phải vậy. Quấy là ngã tự quấy mà vật chẳng phải quấy vậy. Nếu vào Tông Kính, ngã pháp đều không, tâm cảnh tự mất, phải quấy đều tịch, thần tánh độc lập, đối đãi không từ đâu. Đó đều ngộ bản mà thành, chẳng phải nhân học mà được. Như các bậc Tiên đức nói: "Cảnh tự hư chẳng phải sợ, trọn sáng sớm soi chiếu trông nhìn vốn không đối, giả sử nắm giữ thân phù huyễn, mặc tình đều không lưới thân ý". Lại người xưa có kệ tụng nói: "an thần sạch phải quấy, hiện thân nước An lạc". Do đó trong luận nói: "Cảnh trí rỗng rang, gọi là cõi Phật". Lại như có người học hỏi Hòa thượng Bách Trượng: "Đối tất cả cảnh, làm sao được tâm như gỗ đá?" Đáp: "Tất cả pháp vốn chẳng tự nói phải quấy dơ sạch, cũng không tâm trói buộc người, chỉ người tự hư vọng chấp trước làm, bao nhiêu thứ giải khởi, bao nhiêu thứ thấy sinh bao nhiêu thứ sợ mến, chỉ rõ các pháp chẳng tự sinh, đều từ tự mình điên đảo thủ tướng mà có. Biết tâm và cảnh vốn chẳng đảo ngược nhau, ngay đó giải thoát, mỗi mỗi các pháp mỗi mỗi các tâm, ngay đó tịch diệt, ngay đó đạo tràng. Lại tánh của vốn có, chẳng thể gọi đặt, xưa nay chẳng phải phàm chẳng phải Thánh, chẳng phải ngu chẳng phải trí, chẳng phải dơ chẳng phải sạch, cũng chẳng phải không, có thiện ác và các nhiễm pháp tương ưng gọi là chúng sinh giới, cùng các tịnh pháp tương ưng gọi là trời người Nhị thừa. Nếu tâm dơ sạch hết, chẳng trú trói buộc giải thoát, không tất cả tâm lượng hữu vi, vô vi, trói, thoát v.v... ở nơi sinh tử, tâm đó tự tại, rốt ráo chẳng cùng các trần lao huyễn hóa uẩn giới sinh tử các nhập hòa hợp, chóng nhiên chẳng trú, tất cả chẳng móc buộc, khứ lai vô ngại, qua lại sinh tử như cửa mở tương tợ.

Hỏi: Địa ngục đã là chẳng phải tình, cớ sao động tác?

Đáp: Là chỗ nghiệp lực chẳng thể nghĩ bàn của hữu tình cảm nên, khiến chúng sinh thọ tội tự thấy có sự như vậy. Như thành kiếp phong tuy là vô tình cũng năng thành kiếp, tợ đá nam châm đâu có thức tưởng cũng khiến sắt chuyển dời, giả sử chúng sinh luân hồi sáu thú thiện ác thăng trầm, thật không chủ tể, nhân pháp đều không. Do đó, các bậc Tiên Đức nói: "Qua lại không ngằn mé, động tỉnh một nguồn, bao hàm các diệu mà có thừa, vượt nói nghĩ mà chóng ra". Đó chỉ là pháp giới ư? Nên biết nên vào một khoảng bên trong của pháp giới, có gì sai biệt. Năng sở ngầm hợp, cánh trí đồng như, đâu có thể lại có một pháp làm động làm tĩnh, tùy chuyển của nghiệp thức ư? Nếu chưa vào pháp giới, chẳng ngộ tông đây, chỉ có một pháp đáng tình, đều là nghiệp thức của tự, lìa bên ngoài của thức, quyết định không pháp.

Hỏi: Phàm chỗ hành xử đều là tự tâm, cớ sao sát sinh mà bị tội

sát?

Đáp: Đều là y ở tự tâm phân biệt, cưỡng chấp nhân của thiện ác, vọng thọ quả của khổ lạc. Nếu rốt ráo thể của ba luân, năng sát sở sát vốn không. Do đó Văn-thù múa kiếm nơi Cù-đàm, Ương-quật cầm dao nơi Thích-ca, trọn chẳng thấy sinh thấy sát, chấp tự chấp tha vọng thọ luân hồi đáp lại tội báo. Trong luận Duy Thức nói: "Hỏi: Nếu ba cõi kia chỉ là tâm bên trong, không có thân miệng cảnh bên ngoài. Cớ sao các thợ săn mổ giết hại heo dê v.v... bị tội sát sinh ư? Có kệ tụng nói:

"Tử nương ở tâm khác
Cũng có nương tự tâm
Nương các thứ nhân duyên
Phá mất thức tự tâm".

Giải thích: Như người nương quỷ Tỳ-xá-xà v.v... cho nên mất tâm, hoặc nương tự tâm cho nên mất tâm, hoặc có nhớ nghĩ các sự ái và chẳng ái cho nên mất tâm. Hoặc có mộng thấy quỷ đấm mất tâm. Hoặc có Thánh nhân thần thông chuyển biến người trước mất tâm. Như có vị Tỳ-kheo ban đêm giẫm đạp vỏ bí, cho là mình giết ểnh ương, lúc chết vào đường ác. Nên nói chết nương nơi tâm khác, tâm khác cũng có nương tự tâm là, vì nương tiên nhân sân tâm, sân Tỳ-ma-chất-đa-la A-tu-la vương nên giết các chúng sinh khác. Đây nương tâm khác, tâm chúng sinh khác hư vọng phân biệt, mạng căn rụng diệt, vì thân mạng kia tương tục đoạn tuyệt. Nên biết như vậy. Có kệ tụng nói:

"Kinh nói Đàn-noa-ca
Nước Ca-lăng-ma-đăng
Tiên nhân sân nên không
Cho nên tâm nghiệp nặng".

Hỏi: Nương tiên nhân sân tâm, nương tiên nhân quỷ giết hại chúng sinh ba nước như vậy, chẳng phải nương tiên nhân sân tâm mà chết ư?

Đáp: Đức Phật hỏi Ni-càn-tử: Chúng sinh ở ba nước Ma-đăng-già v.v... ông đã từng nghe cớ sao mà chết, là thân nghiệp sát? Hay ý nghiệp sát ư? Ni-càn-tử đáp: Cù-đàm! Xưa trước tôi từng nghe tiên nhân sân tâm vì ý nghiệp giết hại chúng sinh ấy vậy. Đức Phật bảo: Vậy là thành nghĩa của ta. Ba cõi Duy tâm, không nghiệp thân miệng. Tại sao? Như người đời nói giặc đốt núi rừng tụ lạc thành ấp, mà chẳng nói lửa đốt. Nghĩa đây cũng vậy, chỉ nương tâm mà nghiệp thiện ác đó được thành. Nên kệ tụng nói:

"Các pháp tâm là gốc
Các pháp tâm là thắng

Lìa tâm không các pháp
Chỉ tâm tên thân miệng".

Trong luận Thành Thật nói: "Nếu lìa tâm có nghiệp chẳng phải chúng sinh cũng nên có tội phước, như gió xô đổ núi não hại chúng sinh, gió nên có tội. Nếu thổi hương hoa lại rơi nơi chùa tháp cũng nên có phước, đó thì chẳng thể, nên biết lìa tâm không tội phước vậy". Lấy văn luận đây để chứng minh, tội phước y cứ tâm, không nghiệp thân miệng. Nghiệp thân miệng là, chỉ có danh tự, thật là ý nghiệp, tên thân miệng nói. Trong Hoa Nghiêm Hội Ý nói: "Phàm có thấy tự thấy tha, đều là mê tâm tự hiện. Tại sao? Như thấy kẻ khác nắm dao giết mình. Phải biết tha tự đều từ tự sinh. Vì lìa tự thấy tâm không tự tha vậy. Chẳng phải chỉ tự tha là tâm vọng hiện, tức chỗ cầm dao gậy, cũng là tự tâm. Tại sao? Ngoài tâm, không dao gậy thật kia vậy. Thấy chỗ cầm nắm là chỉ sáu trần. Do chẳng biết tự tâm hiện thấy sát hại, tức khiếp sợ chẳng an. Nếu rõ chỉ là tự tâm, giả sử sát hại, ai lo ai sợ, chỉ do vọng tâm sinh nên các thứ có, vọng tâm diệt nên các thứ không. Đã biết chỉ tâm vọng hiện, tâm chẳng thấy tâm, tức vật ngã đều mất, lo mừng đều tịch. Lại như việc sát trong mộng cũng lại như thế, như nói thế gian luôn như mộng, chẳng thể được có không. Trong kinh Mật Nghiêm nói: "Cảnh giới trong ngoài chỗ của tâm hành, đều chỉ là thức hoặc loạn mà hiện. Trong đây, không ngã cũng không ngã sở, năng hại sở hại và các vật hại, tất cả đều là cảnh giới ý thức, nương thức A-lại-da phân biệt như vậy". Lại các sư xưa trước hỏi: Nếu chỗ thấy đều là tự tướng phần, cớ sao giết tự tướng phần mà bị oán báo? Đáp: Tuy quán người khác phù trần căn là tự tướng phần, nhưng ở người khác là thân tướng phần, có chấp thọ vậy. Như lầm giết người khác, tức đoạn mạng căn, tức có tội ở tự tức sơ tướng phần.

Hỏi: Trong kinh nói tất cả các pháp như mộng, để chứng Duy thức, cớ sao sự hư trong mộng, sự thật trong tỉnh, quả báo chẳng đồng, pháp dụ chẳng ngang, làm sao dẫn chứng?

Đáp: Chỗ nêu bày thí dụ so sánh đều vì người chẳng tin, giả mượn đây phát minh. Do đó trí chẳng khó dụ, chỉ cầu thấy đạo chứng hợp tự tâm, đâu cần kiểm phân tích của phương tiện, chấp lý của viên thường. Mộng đây dụ một pháp chứng nghiệm rất thân. Trong luận Duy Thức đáp cật nạn của ngoại đạo là: Ông nói trong mộng chỗ thấy ăn uống đói no dao gậy thuốc độc, mọi sự như vậy thảy đều không dụng, lúc tỉnh thức chỗ thấy mọi sự như vậy thảy đều có dụng. Nghĩa đây chẳng như vậy, có kệ tụng nói:

"Như trong mộng không nữ
Động thân tiết bất tịnh".

Như mộng giao hợp lậu tiết bất tịnh, chúng sinh như vậy từ đời vô thủy lại hư vọng thọ dụng sắc hương vị v.v... các cảnh giới bên ngoài đều cũng như vậy, thật không mà thành. Lại hỏi: Nếu trong mộng không cảnh, tỉnh thức cũng như vậy, cớ sao trong mộng trong tỉnh hành pháp thiện ác, ái và chẳng ái, quả báo chẳng đồng? Đáp: Chỉ có tâm bên trong không có cảnh giới bên ngoài, vì mộng tỉnh tâm sai biệt chẳng đồng, cho nên chẳng nương tựa cảnh bên ngoài thành tựu nghiệp thiện và bất thiện. Vì là tại vị mộng tâm do ngủ say hoại thế lực suy kém, tâm yếu chẳng năng thành nghiệp thiện ác, tâm thức tỉnh chẳng như vậy, nên chỗ hành tạo sẽ thọ dị thục, hơn kém chẳng đồng chẳng phải do cảnh bên ngoài. Giả sử chỗ thọ quả báo khổ lạc thật trong tỉnh thức cũng không tác giả thọ giả, đều như huyễn mộng. Lại, trong luận nói: "Thùy miên (ngủ say) mê muội qua loa làm tánh" là, trong sớ nói: " mê muội chọn lựa tại định, qua loa riêng biệt lúc tỉnh thức". Trong Nghĩa Thiên Sao nói: "Mê muội chọn lựa tại định là vì thùy miên đây, tuy là chuyên chú một loại cảnh vi tế, cùng định chẳng đồng, định, ý thức thủ cảnh minh liễu vậy đây là mờ tối. Qua loa riêng biệt lúc tỉnh thức là, lúc tỉnh thức kia tâm rất sáng lẹ, đủ năng duyên ở cảnh của sáu trần, thì lúc tỉnh thức, tâm tâm sở duyên cảnh thoáng rộng vậy. Vị thùy miên đây, tâm tâm sở chẳng sáng lẹ, nên chỉ duyên một cảnh pháp trần, thủ cảnh ít vậy, gọi là qua loa". Trong kinh Đại Bảo Tích có kệ tụng nói:

"Các pháp tự tánh chẳng thể được
Như mộng hành dục thảy đều dối
Chỉ tùy tưởng khởi chẳng thật có
Pháp của Thế Tôn cũng như vậy".

Vì tất cả pháp niệm niệm chẳng trú, niệm niệm sinh diệt, niệm niệm chẳng thể được, niệm niệm không tự tánh. Chỗ mộng tỉnh thọ ưu hỷ khổ lạc, tuy ngắn dài chẳng đồng, quả báo có khác, nhưng đều từ thức biến, đều nhân tưởng thành. Đạo lý suy tìm đến cùng không gì chẳng bình đẳng, đều là sáng tối, chỗ thức hành cảnh giới, trong tỉnh thức là minh liễu ý thức, trong mộng là ý thức trong mộng. Mộng tỉnh tuy khác nhưng đều chẳng ra ngoài ý. Nên trong kinh nói: "Tỉnh thức thì tưởng tâm, ngủ say là các mộng. Nếu không mộng thì các cảnh giới chẳng hiện, không tưởng thì muôn pháp chẳng thành. Vì tùy ý sinh hình, theo tưởng lập pháp vậy". Nếu có vào pháp môn như mộng đây, thì thân chứng duy tâm, chóng thành Phật trí, năng mãn đạo Bồ-đề, rộng

dấy môn pháp lợi như bài tụng trong kinh Hoa Nghiêm: Bồ tát rõ pháp thế gian tất cả đều như mộng, chẳng xứ chẳng không xứ, thể tánh luôn tịch diệt, các pháp không phân biệt, như mộng chẳng khác tâm. Ba đời các thế gian, tất cả đều như vậy, mộng thể không sinh diệt, cũng không có phương sở. Ba cõi đều như vậy. Thấy là tâm giải thoát, mộng chẳng tại thế gian, chẳng tại chẳng thế gian. Hai đây chẳng phân biệt. Được vào ở nhẫn địa. Thí như thấy trong mộng, các thứ các khác tướng, thế gian cũng như vậy, cùng mộng không sai biệt. Kẻ trú ở mộng định, rõ đời đều như mộng, chẳng đồng chẳng phải khác, chẳng một chẳng các thứ, chúng sinh các nghiệp sát, tạp nhiễm và thanh tịnh, như vậy đều rõ biết, cùng mộng đều bình đẳng, Bồ-tát hành chỗ hành, cùng với các nguyện lớn, rõ ràng đều như mộng, cùng đời cũng không khác, rõ đời đều không tịch, chẳng hoại ở thế pháp, thí như chỗ mộng thấy, ngắn dài các sắc thảy. Đó là như mộng nhẫn, nhân đây rõ thế pháp, chóng thành trí vô ngại, rộng độ các quần sinh. Tu hành hạnh như vậy, sinh ra giải rộng lớn, khéo biết các pháp tánh, nói pháp tâm không đắm". Trong luận Thành Duy Thức Bảo Sinh nói: "Như mộng có tổn dụng, tuy không cảnh bên ngoài, lý cũng được thành, như ở trong mộng nam nữ giao nhau, mỗi do tự căn lại qua lại xúc chạm, tuy không cảnh bên ngoài xúc, mà có tác dụng thành hiện tiết bất tịnh, chỉ là thức tưởng tự cùng hợp hội làm động tác đó, đây đã như vậy ở khác cũng vậy. Ác độc dao binh sương bão thương hại, tuy không cảnh bên ngoài, chỉ nương thức đó, có độc dao v.v... lý nào chẳng thành. Cho đến nếu mộng thấy ăn thức ăn độc v.v... ứng thành thân bệnh, đây cũng do Duy thức đó có dụng, giống như ở cảnh mà có định thuộc, trở lại đáp sau dùng dứt nghi trước. Hoặc lại có lúc, thấy độc v.v... đó tuy không cảnh thật mà có tác dụng. Do thấy chẳng bị chỗ nọc độc của rắn, nhưng có nghi độc, năng khiến muộn tuyệt, đổ mồ hôi, tâm mê như gặp phải nọc độc rắn, cũng như trong mộng do chú thiên v.v... lực tăng thượng nên bèn khiến ăn no, khí lực đủ mạnh, lại có nghe ư? Vì cầu con nối dõi, phụng sự người ẩn trong rừng, mộng thấy có người cùng làm giao tập, bèn được con đó, làm sao được biết ở trong mộng kia bị độc v.v... làm thương tổn là chẳng phải có, sau khi thức, chẳng trông thấy vậy. Nay chỗ luận đây lại đồng loại kia, ở lúc hiện thức tỉnh đem làm sự thật, thấy thuốc độc v.v... chấp là chẳng phải nhầm, lúc chân trí giác, bèn chẳng thấy vậy, đồng trong mộng kia, thể chẳng phải là thật, nhưng ở trong mộng chấp thuận thật sắc v.v... kia cũng được đây chẳng phải chỗ việc ái, độc v.v... quả dụng bèn thành thật có. Nếu nói không là chỉ có độc tướng v.v... dụng

không. Đây nói hình trạng độc bèn thành trái lại, chấp thuận tướng độc v.v... hẳn thành vô ích, ở trên thức đó, thuốc thể không vậy, cho nên định biết, thật không cảnh bên ngoài, chỉ ở giác tâm sinh tác dụng đó, giống như ở mộng, tỉnh cũng đồng vậy, đây là chân thành xứng khế đạo lý. Giải thích: Như trong mộng thật không nọc độc rắn, thức tâm vừa mới biến, sợ cảnh khua vậy, như đồng nọc độc rắn. Nếu trong tỉnh thức thật bị nọc độc rắn nghi tâm chẳng sinh cũng chẳng bị hại. Gần đây nghe trong thế gian có người đi đường bị rắn độc đốt nọc vào cẳng chân, người đó tự thấy là bị cây thung xốc nhằm, đi hơn ba mươi dặm, độc cũng chẳng phát, chợt gặp người cấm chế rắn, chỉ mà bảo: Ông bị rắn độc đốt rồi, vừa mới nghe lời nói đó, tâm nghi chóng khởi, độc phát bèn chết. Nếu chấp ngoài tâm thật có cảnh của rắn độc, lúc tâm chưa sinh, độc sao chẳng phát? Nếu biết ngoài tâm không cảnh, rắn độc chẳng năng hại người, lúc tâm độc khởi, tự năng thành hại. Vì vậy, cảnh không tâm có, cảnh bèn hiện tiền. Cảnh có tâm không cảnh trọn chẳng hiện. Ví như tất cả pháp đều cũng như vậy, có thể nghiệm Duy tâm, thành tựu Tông Kính. Như trong giáo, Phật mật ý nói như huyễn v.v... đều có mười dục, ở trong mộng dụ chỗ ngộ chẳng đồng, tùy trí cạn sâu tạm ước năm thứ: Phàm phu thế gian giải là, chỉ biết phù sinh ngắn ngủi như mộng chẳng lâu dài; Hai, Thanh văn chứng xứ, chỉ rõ tâm mộng sinh diệt vô thường khổ không vô ngã; Ba, Tiểu Bồ-tát ngộ mộng chẳng thật triệt để chỉ không; Bốn, Đại Bồ-tát đạt mộng Duy tâm, chẳng phải không chẳng phải có. Chỗ thấy trong mộng nên chẳng phải không, sau khi thức tỉnh vắng bặt nên chẳng phải có; Năm, Tổ Phật viên chứng pháp giới, như ngay lúc mộng, chỉ một niệm tâm ngủ hiện bày thiện ác trăm ngàn cảnh giới. Huống gì mù quáng lúc một niệm tâm khởi, đủ mười thứ pháp giới, nhân quả lớp lớp vô tận, rành rành chẳng phải phân, như trong kinh Pháp Hoa nói mộng vào đồng luân vương, thành Phật độ sinh trải qua vô lượng kiếp. Trong kinh Hoa Nghiêm nói Đồng tử Thiện Tài lên lầu gác, ở một niệm tâm của mộng định bằng khoảng thời gian sát-na mà đều thấy việc Phật ba đời chẳng thể nghĩ bàn. Như xưa trước có bài thơ nói:

“Khoảnh khắc trên gối trong mộng xuân
Dạo khắp Giang nam vài ngàn dặm”.

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 79

Hỏi: Phàm, ngoài tâm không pháp, ngoài pháp không tâm, rõ biết như vậy thì chân thiện tri thức, diệu lý một tâm viên chứng không nghi, cớ sao nghe thiện ác tri thức bên ngoài nghe nhận?

Đáp: Đều là nhân duyên tăng thượng, hòa hợp hư vọng phân biệt mà thành kia đây, tình sinh không có chân thật. Trong luận Duy Thức nói: "Hỏi: Cớ sao gặp thiện tri thức nghe nói thiện pháp, gặp ác tri thức nghe nói ác pháp. Nếu không tất cả bên ngoài cảnh bên ngoài là, kia làm sao nói? Nếu chẳng nói, làm sao được nghe? Nếu chẳng nghe là, đây cớ sao thành? Có kệ tụng đáp:

"Đắp đổi tăng thượng nhân
Kia đây tâm duyên hợp".

Vì tất cả chúng sinh hư vọng phân biệt tư duy nghĩ nhớ, kia nói ta nghe, mà thật không có cảnh giới trước kia, là vì nếu chấp trong ngoài thì tâm cảnh đối trị, còn chưa vào nơi cửa tín huống gì xưng là nghe pháp. Trong kinh Trì Tâm Phạm Thiên Sở Vấn nói: "Nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý, không chảy nghe, mới gọi là nghe kinh." Đó có nhiễm ô ở các nhập là, thì không chỗ nghe, bèn tại nơi sắc. Trong kinh Kim Cang Tràng Đà-la-ni nói: "Các pháp có không, đó gọi là phát minh nhất tự Đà-la-ni, nếu năng tin hiểu như vậy, thì nghe là không nghe không đắc, tâm cảnh chẳng hai, mới nghe kinh Phật giảng nói". Có thể gọi là chân nghe, gặp thiện tri thức nếu duyên tâm nghe pháp pháp đây cũng duyên, chẳng phải được pháp tánh, thì tùy cảnh giới chảy theo nhân duyên chuyển, đều vì chẳng rõ tự pháp, bèn khiến duyên trong ngoài phân. Như trong kinh nói: Phật nói, tùy xứ có kinh đó thì là có Phật, nếu ta trú nơi đời cũng không khác. Nên biết Phật của tự tâm không xứ nào chẳng khắp, sao luận trước sau còn mất ư? Nếu tùy cảnh khác thì sinh diệt vô thường, thấy Phật khác thì ẩn hiển không hằng, tụng kinh khác thì âm thanh gián đoạn. Nên Tổ sư nói: "Bên ngoài cầu Phật có tướng, cùng ông chẳng tương tợ". Hòa thượng Chí Công nói: "Mỗi ngày tụng

ngàn quyển, trên giấy thấy kinh mà chẳng biết". Lại, các bậc Tiên đức nói: "Hơi thở ra chẳng nương duyên bên ngoài, hơi thở vào chẳng nương ấm giới mà trú, thường chuyển đọc kinh như vậy, chẳng phải chỉ trăm ngàn muôn quyển, sao như ngộ chân thiện tri thức đây, niệm niệm hiện tiền, tự chuyển đọc vô tận tạng kinh, mạnh mẽ luôn diễn.

Hỏi: Nếu tâm hư cảnh tịch, lý thật không sai, hiện đối căn trần sự tướng trái phản, làm sao rõ triệt cảnh trí nhất như?

Đáp: Một thời kỳ căn cảnh, tục có chân không rốt ráo tự tha đều không chỗ được. Lại nếu định chấp chân có tục không thì thành hai phỉ báng tăng giảm, chỉ hai đế đều hội tròn rõ một tâm. Như trong luận Phật Tánh nói: "Cật nạn: Nếu các pháp không thật tánh là, tức cùng các lượng trái nhau, thì năng sở tập chẳng thể được. Ta hiện nghe tiếng, tai đối nhau, do đó được nghe, nên biết chẳng không? Giải thích: Nghĩa đó chẳng phải vậy. Tại sao? Năng sở đó và tự tánh chứng lượng đều chẳng thể được, tự tánh chẳng thành. Nếu một tánh chẳng thành, là nhiều tánh làm sao thành? Lại, ông nói chứng lượng làm sao thành là, nay ta lập chứng lượng hiển bày rõ hai không. Các pháp không nên tự tánh chẳng thể được, như thấy huyễn sự huyễn vật là, chỗ chứng lượng thấy chẳng như thật có. Các pháp cũng vậy, chẳng như chỗ thấy mà có chỗ thấy, do chứng chẳng thật nên chẳng có, do chứng thật nên chẳng không. Do chứng không nên nghĩa không được thành, vì chứng lượng nên giả có chẳng mất. Lại nói: Tánh tướng y tha là, năng chấp sở chấp tăng ích, lại tổn giảm, do giải tánh đây vậy, chấp đây chẳng sinh, nếu thấy chân là có thì là tăng ích, gọi là thường kiến, nếu thấy tục quyết định không, thì là tổn giảm, gọi là đoạn kiến, chỉ có tợ trần thức, nên riêng không năng sở, không năng sở nên không tăng ích chấp. Do có tợ trần thức nên không tổn giảm chấp. Nếu biết trần bên ngoài là thức mà tợ hiển hiện thì chẳng phải không, rõ tướng bên ngoài vốn hư, như chỗ huyễn làm, thì chẳng phải có, chẳng phải không thì chẳng hoại tục đế, chẳng phải có thì chẳng ẩn chân đế. Vì vậy, chân tục dung tức mà thường khác, không có cùng hiện mà luôn đồng, mới vượt tình của hý luận, mới hợp chỉ của một tâm. Như trong kinh Ma-ha Bát-nhã nói: "Lúc nói phẩm Bát-nhã Ba-la-mật, Đức Phật tại giữa bốn chúng trời người rồng quỷ thần, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già v.v... ở trước đại chúng mà hiện thần túc biến hóa, tất cả đại chúng đều thấy Đức Phật A-sơ, chúng Tỳ-kheo tăng vây quanh mà giảng pháp. Cho đến, khi ấy Đức Phật thâu thần túc, tất cả đại chúng chẳng còn lại thấy Đức Phật A-sơ, hạng người Thanh văn, Bồ-tát Ma-ha-tát và cõi nước đó, chẳng cùng nhãn tác đối. Tại

sao? Vì Phật thâu nhiếp thần túc vậy. Bấy giờ, Phật bảo A-nan: Như vậy, A-nan! Tất cả pháp chẳng cùng nhãn tác đối, pháp pháp chẳng thấy nhau, pháp pháp chẳng biết nhau. Như vậy, A-nan! Như Đức Phật A-sơ, đệ tử Bồ-tát cõi nước chẳng cùng nhãn tác đối. Như vậy, A-nan! Tất cả pháp chẳng cùng nhãn tác đối, pháp pháp chẳng biết nhau, pháp pháp chẳng thấy nhau. Tại sao? Tất cả pháp không biết không thấy, không tác không động, chẳng thể nắm bắt, chẳng thể nghĩ bàn. Như người huyễn, không thọ không giác không chân thật. Bồ-tát Ma-ha-tát hành như vậy là hành Bát-nhã Ba-la-mật".

Giải thích: Nếu hành Bát-nhã là, rõ thẳng trí tánh một tâm, rõ sắc không hình, chẳng phải cảnh giới nhãn, cho đến thấu đạt pháp thể tịch, chẳng phải chỗ ý biết, chỉ là tùy tâm tạm hiện trở lại tùy tâm diệt, nên nói tất cả pháp không biết không thấy. Trong luận Đại Trí Độ nói: "Tướng chẳng năng biết không tướng, thí như dao tuy bén mà chẳng năng phá không, không tướng chẳng năng biết tướng là, có người nói: Trí tuệ bên trong không định tướng, pháp sở duyên bên ngoài có định tướng, tâm tùy duyên mà sinh, cho nên nói không tướng chẳng nên biết tướng, thí như không dao tuy có vật không dao có thể bổ". Vậy biết, nếu tâm có cảnh không cũng chẳng biết thấy, nếu tâm không cảnh có cũng chẳng biết thấy. Nếu tâm cảnh đều có mỗi mỗi không tự tánh, mỗi mỗi đã chẳng biết, hợp đâu thành thấy. Nếu tâm cảnh đều không cũng chẳng biết thấy. Có còn chẳng biết, không sao thành thấy? Thì tâm cảnh đều không, muôn hữu đều lắng, như vậy thì còn không mười pháp ngầm hợp cùng thuận, sao có căn cảnh đối đãi mà làm trái nhau đó ư? Như tất cả cảnh sai biệt thuận nghịch, đều là lượng của một tâm, không có chướng ngại cũng không giải thoát. Thí như nước chẳng rửa nước, lửa chẳng diệt lửa. Tại sao? Vì một thể nên chẳng lấn diệt nhau. Nếu có pháp khác mới thành đối trị. Như ngày nay trước chỉ được yếu chỉ tự hợp chân như. Nên trong kinh nói: Pháp tùy ở như, không chỗ tùy vậy, nếu có chỗ tùy thì có riêng biệt của năng tùy. Đã không chỗ tùy cũng không năng tùy, nên là ngoài pháp không như. Ngoài như không pháp. Do đó trong kinh nói: Như lý tác ý, đối với tất cả pháp bình đẳng tương ưng, vậy thì đầy đủ tất cả Phật pháp. Trong Hoa Nghiêm Sớ nói: Lấy như làm Phật thì không cảnh nào chẳng phải như. Trong kinh Đại Phẩm đáp Thường Đề rằng: Các pháp như tức là Phật. Trong kinh Kim Cang nói: "Như Lai là, tức các pháp nghĩa như". Đã lấy như làm Phật, tất cả pháp đều là như vậy, pháp nào chẳng phải Phật ư? Nếu tin một như, khai ngộ pháp như vậy, sinh quyết định giải, vào môn vô ngại. Như

trong luận Hoa Nghiêm nói: “Kinh nói: Này thiện nam! Ta được tự tại, lực quyết định giải, tin nhãn thanh tịnh trí sáng chiếu diệu, quán khắp pháp giới lìa tất cả chướng, khéo léo quán sát, mắt sáng suốt khắp đủ hạnh thanh tịnh, đến khắp mười phương các cõi nước Phật, cung kính cúng dường tất cả chư Phật”. Đây rõ nêu bản quả pháp khiến phàm tin vui tu hành, từ mới phát tâm tu hành, tập quen Thập địa công phu xong, mới nương kịp thời đầu bản dạng quả pháp đây vậy, tranh luận lấy thời trong pháp giới chẳng đổi chuyển trí chẳng khác từ bi, chẳng khác nguyện hạnh, chỗ thành tựu của chẳng khác, vì ở pháp giới, tu hành trong đại trí không ngắn dài vậy, chẳng như tình giải có tu hành, chẳng làm thời phần ngắn dài tu học, nên phải khéo quán thể dụng pháp giới, chớ như tình đời làm một sát-na chấp làm ba A-tăng-kỳ chấp như trong pháp giới đều không ngắn dài xa gần, vì giải hạnh đây như pháp tu hành, ở các cảnh giới khéo chiếu sinh diệt, khiến sai chấp hết mà thành đại dụng của trí, ở tự tâm cảnh chớ phóng lãng gồm giữ, chỉ biết phóng đãng mặc tình thản nhiên, tập đó quán chiếu chấp hết trí hiện, sinh diệt tự không, nghiệp đó tự trắng, hợp cảnh giới Phật, đồng tâm Như Lai, Phật thấy tự hợp chẳng do cầm bắt, lan tỏa làm trị riêng khiến tâm cuồng hoặc. Chỉ tự rõ tâm cảnh, thấy dung chấp, nghiệp bèn rụng, thấy mất chấp rụng, tất cả muôn pháp vốn tự không ung nhọt, trí cảnh sáng rỡ gọi là nước Phật, không phiền cưỡng sinh kiến chấp trọn tự đắm chìm, tự làm tự khổ chẳng phải kẻ khác năng cùng.

Hỏi: Nếu căn cứ cảnh bên ngoài thấy nghe, thì sắc chẳng đến nhãn, nhãn chẳng đến sắc, có thể nói là Duy tâm không tướng có thể được chỉ như lúc ăn uống, căn cảnh vào nhau, nếu nói không tướng, chẳng thể lấy tâm hợp tâm ư?

Đáp: Sáu căn sáu cảnh tuy là lìa hợp chẳng đồng, đều Duy thức biến vị tánh vốn không, nếu chẳng phải thức thì ai biết mặn lạt? Các sư xưa trước nói: Chỉ hợp tướng phần, bản chất tự tại.

Hỏi: Như hợp xong, chất cũng mất là thế nào?

Đáp: Năng tùy đã mất, sở tùy cũng diệt, cũng như hai mươi người cộng một gốc cây, một người chặt phá cây, mười chín người sở tùy cũng diệt. Lại, trong Duy Thức Nghĩa Chương giải thích: Cộng quả đồng tại một xứ, chẳng chướng ngại nhau.

Hỏi: Vả lại như một cây hữu tình cộng biến, mà lúc một hữu tình chặt dùng, là dụng tự biến hay gần dụng tha? Nếu chỉ là tự, tức các người khác biến nên còn chẳng mất, sao cây chẳng thấy? Nếu cũng dụng tha, sao gọi là Duy thức?

Đáp: Có nói cây v.v... đã là cộng tướng chủng sinh, đều cùng tùy thuận, qua lại tăng ích. Một hữu tình kia tự sở biến là, sở duyên thân dụng tha sở biến cùng tự sở biến cùng tự sở biến làm tăng thượng duyên, cũng sở duyên dụng tất cả trông nhau, tự làm sở thuận, tha làm năng thuận, do sở thuận không năng thuận cũng diệt. Do đây, cây mất nhưng Duy thức cũng thành.

Hỏi: Lấy gì được biết qua lại tăng ích?

Đáp: Trong luận Đối Pháp nói: Hữu tình cộng nghiệp làm tăng thượng duyên.

Hỏi: Đã chỉ duy tâm không có muôn pháp, vậy mọi sự sai biệt trước mắt, từ đâu kiến lập?

Đáp: Muôn pháp chỉ danh, thật không thể tướng, nhân danh lập tướng, tướng trạng vốn không. Nhân tướng bày danh, danh tự vốn lặng lẽ, chỉ tướng kiến lập danh tướng đều dối, ngược lại tận cùng nguồn tưởng cũng chỉ danh tự. Đã không tưởng thể, phân biệt thành không, nên biết muôn pháp ra từ không danh, muôn danh sinh từ không tướng, danh chẳng đáng tướng, tướng chẳng đáng danh. Đây kia không nương, muôn pháp tại đâu? Danh của tương đãi đã lắng, tưởng của phân biệt chợt không, cảnh của như huyễn ngầm chân, tình của sở chấp hợp giác. Trong kinh Mật Nghiêm có kệ tụng nói:

“Thế gian các thứ pháp
Tất cả chỉ có danh
Chỉ chỗ tưởng an lập
Lìa danh không nghĩa khác”.

Lại có kệ tụng nói:

“Năng biết các thức khởi
Không có chỗ biết pháp
Chỗ biết chỉ là danh
Thế pháp đều như vậy
Dùng danh phân biệt pháp
Pháp chẳng xứng ở danh
Các pháp tánh như vậy
Chẳng trú ở phân biệt
Vì pháp chỉ danh vậy
Tưởng tức không có thể
Tưởng không danh cũng không
Xứ nào có phân biệt
Nếu được không phân biệt

Thân tâm luôn tĩnh lắng
Như nước lửa đốt rồi
Rốt ráo chẳng sinh lại".

Lại có kệ tụng khác nói:

"Như thấy gốc là người
Thấy người lấy làm gốc
Người gốc hai phân biệt
Chỉ có ở danh tự
Trong các đại hòa hợp
Phân biệt lấy làm sắc
Nếu lìa nói các đại
Sắc tánh tức không có".

Hỏi: Nếu lấy Duy thức làm tông, thì thế gian và xuất thế gian chỉ là một thức, muôn pháp đều quyết định không ư?

Đáp: Vì Duy thức vậy, thì có thế tục đế, có thế tục thì có thức tợ trần, huyễn tướng chẳng không, vì không thật chẳng thể được nên xưng không vậy, chẳng thể khởi chân rắn, ruồi muỗi, quyết định đoạn kiến của không, như trong kinh Mật Nghiêm có kệ tụng nói:

"Bình thảy các cảnh giới
Đều lấy tâm làm thể
Chẳng bình tợ bình biện
Cho nên nói là không
Thế gian chỗ có sắc
Cung điện các trời thảy
Đều là A-lại-da
Biến khác mà được thấy
Chỗ thân chúng sinh có
Từ đầu đến tay chân
Chóng sinh và dần chậm
Đều là A-lại-da
Tập khí trược ở tâm
Phàm ngu chẳng năng rõ
Tánh đây chẳng phải có
Cũng lại chẳng phải không
Như người dùng các vật
Đập phá ở bình thảy
Vật thể nếu là không
Tức không năng sở phá

Thí như Tu di lượng
Ngã kiến chưa là ác
Kiêu mạn mà đắm không
Ác đây quá hơn kia".

Lại trong kinh nói: "Thà có thể chấp có như núi Tu-di, chẳng thể chấp không như hạt cải". Trong kinh Đại Bát Niết-bàn nói: "Giải thoát, gọi là chẳng không không, không không gọi là không chỗ có, không chỗ có tức là chỗ chấp giải thoát của ngoại đạo Ni-càn-tử v.v... mà Ni-càn-tử đó không thật giải thoát, nên gọi là không không, chân giải thoát, thì chẳng như vậy, nên chẳng không không. Chẳng không không là, tức chân giải thoát, chân giải thoát là, tức là Như Lai. Lại, giải thoát là, gọi là chẳng không, như bình nước rượu lạc tô mật v.v... tuy lúc không nước rượu tô lạc mật, còn có được gọi là bình nước v.v... bình v.v... như vậy chẳng thể nói không và cả chẳng không. Nếu nói không, thì chẳng được có sắc hương vị xúc. Nếu nói chẳng không mà lại không thật có nước rượu v.v... giải thoát cũng vậy, chẳng thể nói sắc và cả chẳng phải sắc, chẳng thể nói không và cả chẳng không. Nếu nói không thì chẳng được có thường lạc ngã tịnh, nếu nói chẳng không thì ai thọ thường lạc ngã tịnh? Vì nghĩa đó nên chẳng thể nói không và cả chẳng không. Không, nghĩa là không hai mươi lăm hữu và các phiền não, tất cả khổ, tất cả tướng, tất cả hành (pháp) hữu vi. Như bình không lạc v.v... thì gọi là không, chẳng không, nghĩa là chân thật, thiện sắc, thường lạc ngã tịnh, chẳng động chẳng biến, giống như bình sắc, hương, vị, xúc kia nên gọi là chẳng không. Cho nên giải thoát dụ như bình kia. Bình kia gặp duyên thì có phá hoại, giải thoát thì chẳng như vậy, chẳng thể phá hoại, chẳng thể phá hoại tức là chân giải thoát, chân giải thoát tức là Như Lai".

Hỏi: Trong kinh nói: Năm ấm tức thế gian là, một ấm gọi là sắc, bốn ấm gọi là tâm, cớ sao nói các thứ thế gian trong ngoài đều từ tâm ra?

Đáp: Các thứ năm ấm đều từ tâm khởi, từ tâm hiện tướng, gọi đó là sắc. Trong kinh có kệ tụng nói:

"Tất cả trong thế gian
Chỉ có danh và sắc
Nếu muốn như thật quán
Chỉ nên quán danh sắc".

Sắc tức gồm hết cõi nước vô tình, danh tức gần hết thế gian hữu thức. Năm ấm tức là thế gian. Nếu rõ năm ấm đều không, thì là xuất thế gian. Vậy biết thế gian và xuất thế gian đều từ tâm khởi. Tại sao? Nếu

ý địa khởi tâm tham sân, trông xem năm ấm ở ba đường xấu ác, chúng sinh tội khổ phát hiện, ý địa tu giới thiện tâm trông nhìn năm ấm trời người, chúng sinh thọ lạc phát hiện, ý địa chứng nhân không, trông xem năm ấm vô lậu, chúng sinh chân Thánh phát hiện, ý địa tâm lập hoằng thệ, trông nhìn năm ấm từ bi, chúng sinh Đại sĩ phát hiện, ý địa tâm vận bình đẳng, trông nhìn năm ấm thường trú, chúng sinh tôn cực phát hiện. Nay sở dĩ bỏ bốn ấm trước, chỉ quán thức ấm, như chặt cây trừ rễ, cứu bệnh được huyệt, thì mầm khổ của sinh tử trọn tuyệt, trầm kha của phiền não chẳng sinh. Lại như gió của Tỳ-lam cuốn các nghi ngờ mà sạch hết, như lửa của kiếp thiêu quét chấp mà không sót thừa. Do đó, tất cả thế gian xứ của phàm Thánh đồng ở, không gì chẳng đều là tự tâm, ngộ nhập như vậy, gọi là chân trú A-lan-nhã chánh xứ tu hành, chẳng phải luận ẩn của Đại Tiểu, chẳng đọa lạc quán của ồn lắng. Do đó các bậc Cổ đức nói: "Ở chúng chẳng thấy ồn náo, riêng tự cũng không rỗng lắng". Tại sao chẳng thấy ồn lắng? Vì chỉ rõ một tâm vậy. Như trong kinh Đại Thừa Bản Sinh Tâm Địa Quán nói: "Bấy giờ, Đức Phật bảo Bồ-tát Di-lặc rằng: "Này thiện nam các ông! Đang tu học là, chỉ có một đức, là người nên trú xứ A-lan-nhã cầu đạo Vô thượng. Thế nào là một? Nghĩa là quán tất cả cội nguồn phiền não tức là tự tâm. Rõ đạt pháp đây kham năng trú ở xứ A-lan-nhã. Tại sao như vậy? Thí như chó điên bị người đuổi đánh, chỉ đuổi theo sỏi đá mà chẳng đuổi theo người, trong đời sau trú A-lan-nhã, người mới phát tâm cũng là như vậy. Nếu thấy sắc, thanh, hương, vị, xúc pháp, tâm đó nhiễm đắm, người đó chẳng biết căn bản phiền não, chẳng biết năm cảnh từ tự tâm sinh, tức đây gọi là chưa năng khéo trú xứ A-lan-nhã, vì nhân duyên đó vui trú tĩnh lặng cầu đạo Vô thượng. Tất cả các Đại Bồ-tát, nếu lúc năm cảnh dục hiện tiền, quán sát tự tâm, nên khởi ý nghĩ "Ta từ vô thủy mãi đến ngày nay. Luân hồi trong sáu thú không kỳ hạng ra khỏi, đều tự vọng tâm mà sinh mê đảo, ở nơi cảnh năm dục tham ái nhiễm đắm". Bồ-tát như vậy, gọi là kham trú xứ A-lan-nhã". Vậy biết chẳng ngộ tự tâm, luống nương hang cốc xa tránh ồn náo cầu tĩnh lắng, người xưa nói khắp trong đời chưa có phương đó. Nếu chóng rõ tự tâm, là chân A-lan-nhã, cho đến ánh sáng chiếu khắp muôn đức đều tròn. Nếu chẳng tự rõ thì luân hồi các thú. Như trong Đốn Chứng Tỳ-lô-giá-na Pháp Thân Tự Luận Du-già Nghi Quỹ giải thích: Quán pháp thân Như Lai là, trước quán phát khởi hạnh nguyện vi diệu của Bồ-tát Phổ Hiền, lại nên dùng Tam mật gia trì thân tâm thì năng vào biển đại trí tuệ của Bồ-tát Văn-thù Sư- lợi. Nhưng tu hành, đầu tiên ở xứ không nhàn, thâu niệm an tâm, nhắm mắt thẳng

mình kiết-già mà ngồi, vận tâm duyên khắp vô biên biển nước, quán chắc ba đời hết thảy các Đức Như Lai, khắp ở trước mỗi mỗi Đức Phật Bồ-tát, ân cần cung kính lễ bái nhiễu quanh, lại dùng các thứ cúng cụ như mây biển phụng dâng hết thảy Thánh chúng như vậy, cúng dường khắp cùng rộng lớn xong, lại nên quán tự tâm, tâm vốn chẳng sinh, tự tánh thành tựu, ánh sáng chiếu khắp giống như hư không. Lại nên khởi sầu bi niệm xót thương chúng sinh, chẳng ngộ tự tâm luân hồi các thú, ta phải hóa khắp cứu giúp khiến đó khai ngộ, đều không có thừa. Lại nên quán sát tự tâm, tâm các chúng sinh và tâm chư Phật vốn không có khác, bình đẳng một tướng thành Đại Bồ-đề tâm, sáng suốt thanh tịnh rỗng rang khắp cùng, tròn sáng nghiêm khiết thành vầng trăng lớn, lượng đồng hư không không có ngằn mé". Nên biết tâm không ngằn mé, giống như hư không, đâu còn trước sau. Như trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng nói:

"Tâm trú ở thế gian
Thế gian trú ở tâm
Ở đây chẳng vọng khởi
Hai chẳng hai phân biệt".

Cho nên nói một nói hai là thế gian nói phô, lập phải lập quấy, riêng ý địa phân biệt. Nếu chóng ngộ tự tâm, thẳng vào Tông Kính, còn chẳng thấy không phân biệt, đâu đặc biệt sinh phân biệt ư? Như trong kinh có kệ tụng nói:

"Rõ biết chẳng một hai
Chẳng nhiễm cũng chẳng tịnh
Cũng lại không tạp loạn
Đều từ tự tâm khởi".

Chẳng chỉ thế pháp hành xử cho đến tác dụng của các Thánh khởi hết căn do đều chẳng vượt ngoài Tông Kính. Nên trong kinh có kệ tụng nói:

"Coi biển vô biên diệu trang nghiêm
Ở trong một trần thảy đều vào
Sức thần thông chư Phật như vậy
Tất cả đều do nghiệp tánh khởi".

Như diệu chỉ đây là pháp môn hiện chứng, chỉ mới sinh tin đây còn có thể rỗng rang, huống gì lúc chứng nhập, tự đoạn các hoặc khác. Lời mất tượng tuyệt, thức diệt tình tiêu, nên Tổ sư nói: "Chỉ chứng mới biết khó thể lường". Trong luận Đại Thừa Khởi Tín nói: "Chứng phát tâm là từ tịnh tâm địa cho đến Bồ-tát cứu cánh địa. Chứng cảnh giới nào? Đó là chân như, vì chuyển thức kia nói là cảnh giới, mà chứng đây

là không có cảnh giới, chỉ trí chân như, gọi là pháp thân.

Hỏi: Trong ngoài Duy thức là lý bình đẳng, cớ sao thân độ chẳng đồng, thân bên trong có giác (hay), cảnh bên ngoài không tin (biết)?

Đáp: Thế giới thân độ, pháp nhĩ như vậy, chẳng thể chấp một chấp khác, tự tánh tình kiến. Nếu nói pháp nhĩ là, tức pháp như vậy hoặc nói pháp tánh là, nếu là pháp tánh tức lấy bản thức Như Lai tạng thân làm chỗ nương giữ, luôn chóng biến khởi các khí giới bên ngoài, chẳng vượt ngoài hai đây: Một, pháp ứng như vậy; Hai, tạng thức biến khởi. Lại, nghiệp lực chúng sinh cũng là muôn hạnh của Bồ-tát làm nhân v.v... chỗ hiện thế giới đều là tướng phần tạng thức, trung bình của tướng phần làm khí bên ngoài, mà chẳng chấp thọ một nửa làm thân bên trong, chấp làm tự tánh sinh giác thọ vậy. Như Lai Tạng thức duyên gì như vậy? Pháp như vậy, hạnh nghiệp dẫn vậy. Trên đây tuy phân chấp thọ, và chẳng chấp thọ, hai nghĩa đều không tự tánh. Toàn lấy Phật pháp giới như như một chân tâm làm thể, phải biết nương tức chánh, chánh tức nương, chẳng vượt ngoài chân tánh một tâm. Vả lại, tánh không gì chẳng bao gồm, hữu tình vô tình có giác không giác, đều tánh tự tâm làm thể, tùy duyên phát hiện, ứng xử mới biết, như thế gian đặt để sinh từ đường, có chánh đức và dân, luôn luôn có người thương yêu qua đời, nghỉ vì lập nhà thờ, bên trong đắp họa hình tượng, bốn mùa cúng dâng, người đó ngay trong ngày cúng tế thì nhân hơi rượu mà no bụng, cũng như đinh lan là người chí hiếu khắc cây gỗ làm hình tượng mẹ sớm tối cung kính cúng dường, hình sắc vui vẻ ấm áp. Vả lại, đất gỗ chẳng biến, chỉ tâm cảm vậy.

Hỏi: Lập thức mới thành nghĩa Duy thức, cớ sao cảnh thức đều bỏ trừ?

Đáp: Trong luận Hiển Thức nói: “Lập Duy thức là một, luôn trừ bỏ gương lưu lại tâm, rốt ráo làm luận trừ bỏ cảnh là muốn không tâm. Đó là ý chánh”. Cho nên cảnh thức đều sạch hết tức là thật tánh, thật tánh tức là thức A-ma-la. Do đó mà luận Duy thức cũng gọi là luận phá sắc tâm. Trong luận Phật Tánh nói: “Trong kinh Đức Phật lấy huyễn sư làm thí dụ. Phật bảo Ca-diếp: Thí như huyễn sư làm vật huyễn, chỗ làm cọp huyễn v.v... trở lại ăn huyễn sư. Ca-diếp! Như vậy, Tỳ-kheo quán hạnh, tùy quán một cảnh giới hiển hiện chỉ không, nên thật không chỗ có. Hư không chân thật, làm sao năng được lìa hai biên đây? Do nương ý thức sinh trí Duy thức. Trí Duy thức là tức trí thể không trần. Trí Duy thức nếu thành thì năng trở lại diệt tự bản ý thức. Tại sao? Vì trần không thể nên ý thức chẳng sinh, ý thức chẳng sinh nên Duy thức tự diệt, nên

ý thức như huyễn sư, Trí Duy thức như cọp huyễn. Vì ý thức năng sinh Duy thức vậy. Duy thức quán thành trở lại năng diệt ý thức. Tại sao? Do trần v.v... không nên ý thức chẳng sinh. Thí như cọp huyễn trở lại ăn huyễn sư". Như Pháp sư Đề-bà nói kệ tụng rằng:

"Ý thức ba có gốc
Thức trần là do đó
Nếu thấy trần không thể
Có chủng tự nhiên diệt".

Trong kinh Nhập Lăng-già nói: "Chỉ chẳng thủ các cảnh gọi là thức diệt, kỳ thật chẳng diệt thức. Tại sao? Vì cảnh vốn không, từ thức biến vậy, vì thức không thể, chẳng phải diệt vậy". Vì vậy, thức tâm không thể, tùy cảnh có không, thấy không sinh không, thấy sắc sinh sắc, sự lại tức khởi, sự đi trở lại không. Như Pháp sư Truyền Áo nói: "Chỗ vọng niệm duyên, nơi bỏ sắc có thì chẳng thấy không, chỉ thấy ở sắc, ở xứ sắc không thì thấy có không, duyên có thời không thời cũng vậy. Duyên có thời thì thấy có tâm sinh, thấy không tâm diệt, duyên không thời thì thấy không tâm sinh, thấy có tâm diệt, đây đều là cảnh của chỗ vọng niệm duyên". Lại trên sự không sự, vốn toàn là tâm, niệm khởi trần sinh, niệm lắng trần diệt. Như trong luận Đại Thừa Khởi Tín nói: "Vì tất cả sắc pháp xưa nay là tâm. Thật không sắc bên ngoài". Nhưng đã không sắc bên ngoài, cũng không không bên ngoài, không còn là không, sắc sao năng có? Trong luận nói: "Nếu không sắc thì không tướng của hư không". Trong Sớ thích nói: "Vốn vì đãi sắc làm không, nay đã duy tâm không sắc, sao được lại có ở không vậy". Nên biết muôn pháp đều đối đãi nhau mà có. Nếu vào Tông Kính tự nhiên các pháp tuyệt đối đãi trở về gốc chân tâm. Nên trong luận nói: "Chỗ gọi là tất cả cảnh giới, chỉ tâm vọng khởi. Nếu tâm lìa vọng động, thì tất cả cảnh giới diệt, chỉ một chân tâm, không chỗ chẳng cùng khắp."

Hỏi: Người đời phần nhiều chấp hữu tình động tác có thức, vô tình chẳng động tác không thức. Vậy như cây hướng dương, cây hoắc hướng theo mặt nhật mà chuyển, lá chuối nghe sấm mà sinh, quýt được thây mà tươi tốt, sắt nhân đá mà di động. Lại như men phát rượu giấm, lửa đốt núi rừng. Tất cả đây đều là vô tình, cớ sao tác động?

Đáp: Hữu tình vô tình mỗi mỗi có hai nghĩa. Nếu hữu tình sinh tử: Một là, chỗ nghiệp lực chúng sinh làm; Hai là, pháp giới tánh tự nhiên sinh. Nếu vô tình chuyển động: Một là, khác pháp tánh tự vậy; Hai là, pháp làm. Như trong kinh Đại Niết-bàn nói: "Phật bảo Bồ-tát Sư Tử Hống: Này thiện nam! Ông nói chúng sinh đều có Phật tánh đắc A-nậu-

đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề như đá nam châm. Lành thay! Lành thay! Vì có Phật tánh lực nhân duyên nên đắc A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề. Nếu nói chẳng cần phải tu chánh đạo là, nghĩa đây chẳng như vậy. Này thiện nam! Thí như có người đi đến nói đồng trống, khát thiếu gặp giếng, giếng đó rất sâu, tuy chẳng thấy nước mà đang biết hẳn có. Người đó dùng phương tiện tìm kiếm cái lọ sợi dây kéo múc lấy thì thấy. Phật tánh cũng vậy. Tất cả chúng sinh tuy đều có đó, nhưng cần phải tu tập Thánh đạo vô lậu, sau đó được thấy. Cho đến, thí như chúng sinh tạo tác các nghiệp hoặc thiện hoặc ác, chẳng phải trong chẳng phải ngoài. Nghiệp tánh như vậy chẳng phải có chẳng phải không, cũng lại chẳng phải vốn không mà nay có, chẳng phải không nhân mà ra, chẳng phải đây làm đây thọ, kia làm kia thọ, không làm không thọ, thời tiết hòa hợp mà được quả báo. Chúng sinh Phật tánh cũng lại như vậy, cũng lại chẳng phải vốn không mà nay có, chẳng phải trong chẳng phải ngoài, chẳng phải có chẳng phải không, chẳng phải đây chẳng phải kia, chẳng phải xứ khác lại, chẳng phải không nhân duyên, cũng chẳng phải tất cả chúng sinh chẳng thấy, có các Bồ-tát, thời tiết nhân duyên hòa hợp được thấy. Thời tiết, tức chỗ gọi là Đại Bồ-tát ở quả vị Thập trú tu Tám Thánh đạo, đối với chúng sinh được cúng dường bình đẳng. Bấy giờ được thấy, chẳng gọi là làm. Này thiện nam! Ông nói đá nam châm, nghĩa đó chẳng phải vậy. Tại sao? Đá (thạch) chẳng hút sắt. Tại sao như vậy? Vì không tâm nghiệp vậy. Này thiện nam! Pháp khác có nên pháp khác sinh ra, pháp khác không nên pháp khác diệt hoại, không có làm là không có hoại. Này thiện nam! Giống như lửa dữ chẳng năng thiêu đốt củi, lửa phát ra củi hoại, gọi là thiêu đốt củi. Này thiện nam! Thí như cây quỳ cây hoắc tùy hướng mặt nhật mà chuyển, cây quỳ cây hoắc như vậy cũng không, tâm kính không thức không nghiệp, khác pháp tánh vậy mà tự xoay chuyển. Này thiện nam! Như cây ba tiêu (chuối) nhân sấm sét mà tăng trưởng, cây đó không tai không tâm ý thức, khác pháp có nên khác pháp tăng trưởng, khác pháp không nên khác pháp hoại diệt. Này thiện nam! Như cây A-thúc-ca, người nữ xúc chạm, hoa vì đó mà nở, cây đó không tâm cũng không giác xúc, khác pháp có nên khác pháp sinh ra, khác pháp không nên khác pháp diệt hoại. Này thiện nam! Như cây quýt được thây thì quả tốt nhiều, cây quýt như vậy không tâm không xúc, khác pháp có nên khác pháp tốt nhiều, khác pháp không nên khác pháp hoại diệt. Này thiện nam! Như cây A-thúc-ca, người nữ xúc chạm, hoa vì đó mà nở, cây đó không tâm cũng không giác xúc, khác pháp có nên khác pháp sinh ra, khác pháp không nên

khác pháp diệt hoại. Này thiện nam! Như cây quýt được thây thì quả tốt nhiều, cây quýt như vậy không tâm không xúc, khác pháp có nên khác pháp tốt nhiều, khác pháp không nên khác pháp hoại diệt. Này thiện nam! Như cây An thạch lựu do bụi phấn cốt gạch nên quả thật tốt nhiều. Cây an thạch lựu cũng không tâm xúc, khác pháp có nên khác pháp sinh ra, khác pháp không nên khác pháp hoại diệt. Này thiện nam! Đá nam châm hút sắt cũng lại như vậy, khác pháp có nên khác pháp sinh ra, khác pháp không nên khác pháp hoại diệt, chúng sinh Phật tánh cũng lại như vậy, chẳng năng hút được A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề. Này thiện nam! Vô minh chẳng năng hút lấy các hạnh, hạnh cũng chẳng năng hút lấy thức vậy, cũng được gọi là vô minh duyên hành, hành duyên thức. Có Phật hay không Phật pháp giới vẫn thường trú, nên biết pháp pháp không tâm, trần trần vốn lắng, lắng mà thường dụng, dụng mà thường lắng, pháp không tâm mà tùy duyên thành hoại, người không tâm hành lưu chuyển, như cây chuối nghe sấm, rau quỳ rau hoắc hướng theo mặt nhật, vô minh chẳng thủ các hành, các hành chẳng hút thức tâm, thì pháp pháp chẳng đến nhau, pháp pháp chẳng biết nhau, pháp pháp chẳng đối đãi nhau, pháp pháp chẳng chờ nhau, đều tánh tự như vậy, pháp như vậy vậy. Vì vậy, trong kinh Kim Cang Tam-muội nói: "Tâm chẳng sinh cảnh, cảnh chẳng sinh tâm. Tại sao? Phàm chỗ thấy cảnh chỉ chỗ thấy tâm", tức chẳng đến nhau vậy. Trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng nói:

"Các pháp không tác dụng
Cũng không có thể tánh
Cho nên tất cả kia
Mỗi mỗi chẳng biết nhau".

Tức chẳng biết nhau vậy. Trong kinh Duy-ma nói: "Tất cả pháp sinh diệt chẳng trú như huyễn như điện chớp, các pháp chẳng đối đãi nhau, cho đến một niệm chẳng trú", tức chẳng đối đãi nhau vậy. Trong luận Bảo Tạng nói: "Lửa chẳng đợi mặt nhật mà nóng, gió chẳng đợi vầng nguyệt mà mát, đá chắc để nơi nước, trống trời dạo ánh sáng, tối sáng tự vậy, khô ướt đồng phương, vật còn chẳng nhờ nhau, đâu huống gì đạo ư?" Tức chẳng nhờ nhau vậy. Như lửa lấy nóng làm tánh, gió lấy mát làm tánh, đâu nhờ mượn duyên khác ư? Trống trời, tức là mặt nhật vậy, thường dạo ánh sáng chiếu khắp bốn thiên hạ. Mặt nhật xuất hiện tức sáng, mặt nhật lặn ẩn tức tối, đều là pháp nhĩ chẳng liên quan tạo tác. Đá chắc để nơi nước là, đá tuy để nơi nước mà nước chẳng vào đá, tuy đồng một xứ, đá tự khô mà nước tự ướt. Vậy biết pháp pháp nên

tông, trần trần tuyệt đối đãi, thì chẳng phải nhân duyên cũng chẳng phải tự nhiên vậy.

Hỏi: Đã chỉ một chân tâm, cớ sao trong giáo lại nói các pháp như huyễn?

Đáp: Rõ cảnh là tâm, muôn pháp sao có. Vì nương tâm mà khởi, không có thể cố định, đều như huyễn hóa, rốt ráo tịch diệt. Trong kinh Đại Bảo Tích nói: "Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo huyễn sư rằng: "Tất cả chúng sinh và các dụng cụ đều là huyễn hóa. Nghĩa là do nơi chỗ huyễn của nghiệp vậy. Các chúng Tỳ-kheo cũng là như huyễn hóa, nghĩa là do nơi chỗ huyễn của pháp vậy. Thân ta cũng huyễn, chỗ huyễn của trí vậy. Ba ngàn đại thiên tất cả thế giới cũng đều là huyễn, chỗ huyễn của tất cả chúng sinh cộng vậy. Phàm chỗ có pháp, không gì chẳng phải là huyễn, chỗ huyễn của nhân duyên phẩm vậy". Lại trong Giáo gồm nói rõ mười dụ: Như huyễn, như hóa, như mộng, như ảnh v.v... Đây là mật ý của chư Phật, phá chúng sinh chấp tướng thế gian là thật mà khởi thường kiến. Thế gian cộng biết các pháp huyễn mộng v.v... là không, thì chẳng tin nhân pháp tâm cảnh v.v... như huyễn mộng cũng không. Do đó đem chỗ hư của tin phá chỗ thật của tin, khiến thật của chỗ tin đồng dối của chỗ tin, sau đó mới chóng ngộ chân tông khắp tất cả xứ, trong tâm ngoài tâm, quyết định không có thật pháp kiến lập. Trong luận Đại Trang Nghiêm nói: "Ta xưa từng nghe có một huyễn sư, có tâm tin ưa đến núi Kỳ-xà vì chúng Tăng thiết hội cúng dường xong rồi, huyễn ảo cây Thi-đà-la làm một người nữ đoan chánh kỳ đặc, tại trước đại chúng ôm lấy nữ đó mà hôn hít đó, cùng làm việc dục. Khi ấy các Tỳ-kheo thấy sự đó rồi, thảy đều ghét giận mà bảo rằng: "Đây là người không biết xấu hổ làm điều xấu xa, nếu biết như vậy là chẳng nhận cúng dường đó". Khi ấy huyễn sư đó đã hành dục rồi, nghe các Tỳ-kheo chê mắng hiềm trách, liền bèn dùng dao chê róc nữ đó, phân giải chi tiết, khoét mắt xẻo mũi, các thứ khổ độc mà giết nữ đó. Các Tỳ-kheo lại thấy sự ấy càng gấp bội phẫn giận, bảo là: "Chúng tôi nếu biết ngay ông là như vậy, thì thà uống thuốc độc chứ chẳng nhận thọ cúng dường đó". Cho đến khi ấy huyễn sư liền nắm cây Thi-đà-la để chỉ bày cùng Tăng chúng, chấp tay thưa: "Việc vừa rồi tôi làm tức là cây này đây. Ở trong cây ấy có gì là dục là sát? Vì muốn an thân chúng tăng nên thiết bày thức ăn cúng dường đó. Vì muốn an tâm chúng Tăng nên làm việc huyễn đó. Kính mong chư vị Tỳ-kheo lắng nghe lời tôi nói! Há chẳng nghe trong kinh giáo, Đức Phật giảng nói tất cả các pháp giống như huyễn hóa. Nay tôi vì muốn thành lời nói đó nên làm việc huyễn vừa

rồi. Như thân huyễn đây không thọ không mạng, huyễn sư của thức vận chuyển các cơ quan khiến đó trông nhìn cúi ngửa liếc ngó bước đi tới dừng, hoặc nói hoặc cười. Do sự này đây nên sâu sắc nhận biết thân đây thật là không ngã". Trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng nói:

"Thế gian các thứ pháp
Tất cả đều như huyễn
Nếu như vậy như vậy
Tâm đó không chỗ động
Các nghiệp từ tâm sinh
Nên nói tâm như huyễn
Nếu lìa phân biệt đây
Diệt hết các hữu thú
Thí như huyễn sư khéo
Hiện khắp các sắc tượng
Nhọc khiến chúng tham lạc
Rốt ráo không chỗ được
Thế gian cũng như vậy
Tất cả đều như huyễn
Không tánh cũng không sinh
Bày hiện có các thứ
Độ thoát các chúng sinh
Khiến biết pháp như huyễn
Chúng sinh chẳng khác huyễn
Rõ huyễn không chúng sinh
Chúng sinh và cõi nước
Ba đời chỗ có pháp
Thảy đều vậy không khác
Tất cả đều như huyễn
Huyễn làm hình nam nữ
Và voi ngựa trâu dê
Phòng nhà ao suối thảy
Vườn rừng và hoa quả
Huyễn vật không hay biết
Cũng không có trú xứ
Rốt ráo tướng vắng lặng
Chỉ tùy phân biệt hiện
Bồ-tát năng như vậy
Thấy khắp các thế gian

Có không tất cả pháp
Rõ thấu đều như huyễn
Chúng sinh và cõi nước
Chỗ các nghiệp tạo tác
Vào nói khoảng như huyễn
Ở kia không nương đắm
Được khéo léo như vậy
Vắng lặng không hý luận
Trú nơi địa vô ngại
Hiện đủ oai lực lớn".

Lại trong phẩm Nhập Pháp Giới nói: "Bấy giờ, Đồng tử đồng nữ nói cùng Đồng tử Thiện Tài rằng: "Này thiện nam! Chúng tôi chứng đắc giải thoát của Bồ-tát, gọi là huyễn trú. Đắc giải thoát này nên thấy khắp tất cả thế giới đều là huyễn trú, chỗ nhân duyên sinh, nên tất cả chúng sinh đều huyễn trú, chỗ phiền não nghiệp khởi, nên tất cả thế gian đều huyễn trú, do vô minh hữu ái v.v... dần chuyển duyên sinh, nên tất cả pháp đều huyễn trú. Ta thấy các thứ chỗ huyễn duyên sinh, nên tất cả ba đời đều huyễn trú. Ta thấy điên đảo chỗ trí sinh, nên tất cả chúng sinh sinh diệt lão tử ưu bi khổ não đều huyễn trú, chỗ hư vọng phân biệt sinh, nên tất cả cõi nước đều huyễn trú. Tưởng điên đảo tâm điên đảo thấy điên đảo, chỗ vô minh biện, nên tất cả Thanh văn, Bích-chi-phật đều huyễn trú. Trí đoạn chỗ phân biệt thành, nên tất cả Bồ-tát đều huyễn trú. Năng tự điều phục giáo hóa chúng sinh, chỗ các hạnh nguyện thành, nên tất cả chúng hội Bồ-tát biến hóa điều phục các chỗ hành xử đều huyễn trú. Nguyện trú chỗ huyễn thành vậy. Này thiện nam! Huyễn cảnh tự tánh chẳng thể nghĩ bàn". Trong kinh Đại Tập có kệ tụng nói:

"Pháp giới Như Lai không sai biệt
Vì hạng độn căn nói sai biệt
Tuyên nói các pháp là vô lượng
Như Đại huyễn sư bày chúng sinh".

Trong Thanh Lương Sớ nói: "Như huyễn nhẫn là, như một khăn huyễn làm một voi". Trong kinh Lăng-già nói: "Trí chẳng được có không, mà khởi tâm đại bi". Do rõ thể không chẳng hoại huyễn tướng sai biệt, nên như voi sinh tức thành voi tử. Hai đối đây nên thành bốn câu, nghĩa là hai đây không hai nên chẳng phải khác, không chẳng hai nên chẳng phải một, chẳng phải một tức chẳng phải khác nên chẳng phải chẳng phải một, chẳng phải khác tức chẳng phải một nên chẳng

phải chẳng phải khác, cũng tuyệt song chiếu nên chẳng phải cũng một cũng khác. Nếu đem hai nghĩa khăn trên đối hai nghĩa voi trên, để biện rõ chẳng phải một khác, lược có mười câu: Một, lấy nghĩa khăn trên thành voi đối nghĩa voi trên sai biệt, hợp làm một khoảng, gọi là chẳng khác, đây là lấy gốc tùy ngọn. Căn cứ ngọn nói rõ chẳng khác. Trong kinh nói: "Pháp thân lưu chuyển trong năm đường, gọi là chúng sinh". Như Lai tạng thọ khổ lạc cùng nhân câu hoặc sinh hoặc diệt v.v...; Hai, lấy nghĩa khăn trên trú tự vị cùng nghĩa voi trên thể không hợp làm một khoảng, gọi là chẳng khác. Đây là lấy ngọn về gốc, căn cứ gốc nói rõ chẳng khác. Trong kinh nói: "Tất cả chúng sinh tức như". Chẳng trở lại diệt v.v...; Ba, lấy gốc của chỗ gồm ngọn về cùng với ngọn của chỗ gồm gốc theo, hai đây cùng chứa, không ngại chẳng khác. Đây là gốc ngọn bình đẳng làm chẳng khác, vì văn hai kinh trên chẳng lìa nhau vậy; Bốn lấy chỗ ngọn của gồm về gốc cũng cùng với chỗ gốc của gồm tùy ngọn, hai đây đoạt nhau, nên gọi là chẳng khác. Đây là gốc ngọn đều hết sạch, rõ ràng chẳng khác. Vì chân vọng bình đẳng khác chẳng thể được. Lại, bốn môn sau nói rõ về chẳng phải một, nghĩa là: Năm, lấy nghĩa khăn trú tự vị cùng nghĩa vọi trên sai biệt. Hai đây gốc ngọn trái ngược nhau, nên gọi là chẳng phải một. Trong kinh Lăng-già nói: "Như Lai Tạng chẳng trú trong A-lại-da, cho nên bảy thức có sinh diệt". Như Lai tạng là chẳng sinh diệt là nghĩa đây vậy; Sáu, nghĩa khăn trên thành voi, cùng nghĩa voi trên thể không. Hai đây gốc ngọn trái ngược nhau hại lẫn nhau nên chẳng phải một. Trong kinh Thắng Man nói: "Bảy thức chẳng lưu chuyển, chẳng thọ khổ lạc, chẳng phải nhân Niết-bàn, chỉ Như Lai tạng thọ khổ lạc v.v..."; Bảy, vì trước trái người nhau sau hại lẫn nhau, hai nghĩa riêng biệt nên gọi là chẳng phải một. Nghĩa là trái ngược nhau thì mỗi mỗi trái bỏ nhau, cách nhau xa vời. Hại lẫn nhau thì cùng nhau đối địch thân gần ăn hại lẫn nhau, cho nên xa gần chẳng phải một. Vì văn kinh trước chẳng xen tạp nhau vậy; Tám, vì cùng cực hại lẫn nhau đều hết sạch mà chẳng sạch cùng với cùng cực trái ngược nhau đều còn mà chẳng còn, nghĩa chẳng còn chẳng hết sạch là chẳng phải một. Đây là thành hoại chẳng phải một, vì bảy thức tức không mà là có. Chân như tức ẩn mà là hiển vậy; Chín, bốn chẳng phải một và bốn chẳng phải khác mà cũng chẳng phải một, vì nghĩa chẳng tạp. Lại, trái nghịch nhau là còn, hại lẫn nhau là hết sạch, nhưng trên còn có nghĩa của chẳng còn, trên hết sạch có nghĩa của chẳng hết sạch. Nếu chỉ hết sạch không chẳng hết sạch, thì sắc không đều mất không thể tương tức, vì chẳng toàn hết sạch, tuy tương tức mà sắc không rành rẽ. Nếu chỉ còn mà

không chẳng còn, thì sắc không mỗi mỗi có định tánh chẳng được tương tức, do có chẳng còn. Tuy rành rẽ mà được tương tức, vì thể hư dối. Mười, nhưng cũng chẳng khác, vì lý thông khắp vậy, pháp không hai. Nếu lấy nên chẳng khác thủ các môn rất cùng hòa hợp, nếu lấy môn chẳng phải một thủ các môn rất cùng nghịch hại, rất trái nghịch mà rất thuận là pháp không chướng ngại. Lại giải thích: Riêng biệt nói rõ nghĩa lý, ở trong đây có hai: Trước thành có không, sau thành bốn câu. Nói có không là vì trong ba tánh mỗi mỗi có hai nghĩa, đều có không. Viên thành hai là: một, tánh có; hai, tướng không. Y tha hai là: một, duyên có; hai, tướng không. Biến kế hai là: Một, tình có; hai, lý không. Nay trước trong khăn tức hai nghĩa viên thành, thuật ngựa đều là hai nghĩa y tha. Mà thuật là nhân của năng thành, gá chân mà khởi nên dụng có thể không. Dụng có tức là duyên có, thể không tức là tánh không, ba ngựa là quả của sở thành, tướng có thật không. Tướng có tức là duyên có, thật không tức là tánh không, bốn rõ ràng y tha và viên thành chẳng lìa tức sự đồng chân. Sinh dụ ở sự, tử dụ ở chân, sự hết sạch lý hiển bày nên sinh không tử có vì vô ngại. Có ra sở nhân đó tức sự lý vô ngại. Năm, bên trong căn cứ tình có vì vọng kiến phần biết vậy, căn cứ lý thì không vì là vọng kế hẳn chẳng phải có. Sở dĩ huyễn dụ nói rộng có không là, vì chỗ hoặc tình đối có không đều lỗi. Lý không tính lường mê hoặc, có không đều chân. Vậy biết huyễn dụ các pháp chẳng phải thật chẳng phải dối, chẳng phải không chẳng phải có. Nếu không ở có chẳng thành ở không, nếu không ở không chẳng thành ở có. Có không giao triệt muôn hóa đều dung. Lại, trong năm, mỗi mỗi có bốn câu hiển bày thành bốn câu là ở trong đó có hai. Trước là một lớp bốn câu, sau là lớp lớp bốn câu. Nay, trước lại có hai. Một là chánh hiển bày; Hai là chọn lựa chẳng phải. Trở lại trước là: Thứ nhất: Tánh có tướng không, có bốn: Một, có, là chân tánh có; Hai, không, là không các ta; Ba, cũng có cũng không, nghĩa môn khác; Bốn, chẳng phải có chẳng phải không. Qua lại dung hòa chiếm đoạt vậy. Thứ hai: Dụng có thể không, có bốn: Một, có, là mê chân có dụng; Hai, không, nương chân không thể; Ba, cũng có cũng không, thể dụng chẳng hoại vậy; Bốn, chẳng phải có chẳng phải không, dụng của không thể nên chẳng phải có thể của tức dụng nên chẳng phải không. Thứ ba, tướng có thật không có bốn: Một, có, sự tướng hiện bày; Hai, không duyên (viên) thành không thật; Ba, đều còn, không tánh chẳng ngại duyên thành duyên thành chẳng ngại không tánh; Bốn, đều chẳng phải: Duyên thành tức không tánh nên chẳng phải có, không tánh tức duyên thành nên chẳng phải không. Thứ tự sinh tức là không tử tức là có có

bốn: Một, chân tánh hiển bày; Hai, y tha tứ không tánh vậy; Ba, tánh tướng đều nói; Bốn, tánh tướng tức đoạt. Thứ năm, tình có lý không có bốn: Một, biến kế vọng tình năng chiêu sinh tử vậy; Hai, tức lý mà cầu chẳng thể được; Ba, cốt yếu do lý không pháp tức tình có, nếu không tình chẳng chẳng hiển bày lý không; Bốn, tình có tức lý không, lý không tức tình có vậy. Bốn câu trên đây đều là đủ đức, vì xứng chân. Chẳng đồng tình kế tính định chấp bốn câu thành phỉ báng, đều không của tức có mới làm không của đủ đức, có của tức không, mới làm có của đủ đức. Lại, không của cùng tận có, có của cùng tận không mới làm đủ đức. Lại, bốn câu đều chiếu thành giải thoát. Bốn câu đều hết sạch thành hạnh cảnh, đều là lời mất nghĩ hết mới là đủ đức. Vì vậy, người xưa nói: Vu Sơn trên đài gá mây mưa mà đi lại. Thư cô bên nước cậy suối chảy mà tới lui. Nên biết thân bọt bóng chẳng phải có, tâm của như huyễn vốn không, đâu có dục tình mà thành thật sự. Lại, Trang Chu thấu đạt thể hư như huyễn, thấy tự thân là con bướm, và trong mộng tự thấy thân mình dạo ven trời, vì thế phàm phu mù lòa không mắt tuệ, vọng thủ bụi trần ở trước, các tướng nam nữ v.v... như pháp như huyễn, chỉ dối tròng mắt đều không thật sự, đều là nghiệp thức tâm động, khởi thấy hiện tướng ý thức phân biệt cưỡng lập ngã nhân tự tha sai biệt, nếu năng nhận biết huyễn mới ngộ trước chẳng phải, trọn chẳng ở không mà dấy tạo tác. Lại, huyễn pháp đây nhiều người lầm giải, chấp tất cả pháp như huyễn như hóa, bèn làm thấy của có không. Như ngoại đạo Phương Quảng lập không vô làm tông, chẳng biết thật nghĩa vậy. Trong luận Hoa Nghiêm nói: "Rõ pháp như huyễn là pháp kiên cố". Nói kiên cố là, tức là nghĩa thường trú, đâu có thể làm giải của không không. Nên nước như huyễn đây tức chân, huyễn chẳng thể được. Huyễn của không huyễn, gọi là huyễn pháp. Thấy của tuyệt thấy, mới gọi là thấy huyễn.

Hỏi: Các pháp chẳng chân, mỗi mỗi không tự tánh, sát-na biến khác nên gọi là huyễn, thân Phật thường trú đâu xưng huyễn ư?

Đáp: Chư Phật lược có hai thân: Một, thân chân thật; Hai, thân phương tiện. Vì chúng sinh có chẳng thấy thân chân thật của Như Lai, nên hiện bày thân phương tiện khiến vào chân thật. Nếu lúc ngộ nhập tức thân phương tiện là thể thường trú, rõ huyễn chẳng thể được vậy, như Ương-quật-ma-la là Đức Phật Nhất Thiết Thế Gian Nhạo Kiến Thượng Đại Tinh Tấn ở cõi nước nhất thiết bảo trang nghiêm, dùng sức bản nguyện vào môn lưới huyễn, hiện vết đồng phàm bày hạnh giết hại, sau gặp Phật ngộ đạo nghiệp ác chóng tiêu, khiến tất cả chúng sinh biết được đạo thì nghiệp mất, chẳng sinh tà chấp, đều khiến ngưỡng mộ

Phật pháp khó lường chẳng thể nghĩ bàn có oai lực lớn. Do đó, trong kinh Ương-quật-ma-la có kệ tụng nói:

"Chỗ Như Lai biến hóa
Chúng sinh đều chẳng biết
Chỗ Như Lai làm huyễn
Vua của trong các huyễn
Thân lớn thân phương tiện
Đó thì là Như Lai".

Hỏi: Tất cả pháp như huyễn cớ sao có cấu tịnh năng sở đối trị?

Đáp: Chỉ vì như huyễn nên cấu tịnh chẳng tịnh, do tâm xoay chuyển, pháp phàm Thánh sinh vậy. Trong kinh Tư Ích nói: "Pháp cấu nói tịnh là thấy thật tánh cấu vậy. Pháp tịnh nói cấu là tham trước tướng tịnh vậy". Lại, trong Đại Trang Nghiêm Kinh Luận nói: "Hỏi: Nếu các pháp đồng như huyễn, vì nghĩa gì mà một là năng làm và một là sở làm? Đáp bằng kệ tụng:

"Thí như cường vua huyễn
Khiến vua huyễn khác lùi
Pháp thanh tịnh như vậy
Năng khiến pháp huyễn hết".

Giải thích: Pháp tịnh năng trị kia cũng như vua huyễn, do năng đối trị pháp nhiễm được tăng thượng vậy. Pháp huyễn sở trị kia cũng như huyễn vua, do ở cảnh giới được tăng thượng vậy. Như vậy, pháp thanh tịnh năng khiến các pháp nhiễm hết là như lực cường vua huyễn kia năng khiến các vua huyễn khác thối lùi, vì pháp nhiễm tịnh mỗi mỗi có lực tăng thượng tùy cảnh tự tại chuyển, nên xưng là vua. Vì vậy, trong kinh Viên Giác nói: "Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Phổ Nhãn rằng: "Này thiện nam! Hàng Bồ-tát tân học và chúng sinh ở đời sau muốn cầu giác tánh viên tịnh của Như Lai, phải nên chánh niệm xa lìa các pháp huyễn, trước nương hạnh Xa-ma-tha của Đức Như Lai, kiên trì giới cấm, an ổn đồ chúng, yên tọa nơi tịnh thất luôn khởi ý niệm: Nay thân ta đây bốn đại hòa hợp, chỗ gọi là tóc lông răng móng da thịt gân cốt tủy não cấu sắc đều quy thuộc địa, nước mắt đàm dãi máu mủ tinh khí đại tiểu tiện lợi đều quy thuộc thủy. Hơi khí ấm quy thuộc hỏa, động chuyển quy thuộc phong, bốn đại mỗi lìa nhau, nay đây vọng thân đang tại xứ nào? Tức biết thân đây rốt ráo không thể, hòa hợp làm tướng thật đồng huyễn hóa, bốn duyên giả hợp vọng có sáu căn, sáu căn bốn đại trong ngoài hợp thành, vọng có duyên khí ở trong tích tụ, tợ có duyên tướng giả gọi là tâm. Này thiện nam! Tâm hư vọng đây nếu không sáu

trần thì chẳng năng có, bốn đại phân giải không trần có thể được, duyên trần ở trong mỗi mỗi quy về tán diệt, rốt ráo không có duyên tâm có thể thấy. Này thiện nam! Các chúng sinh kia thân huyễn diệt nên tâm huyễn cũng diệt, tâm huyễn diệt nên trần huyễn cũng diệt, trần huyễn diệt nên diệt huyễn cũng diệt. Diệt huyễn diệt nên chẳng phải huyễn chẳng diệt, thí như lau gương dơ hết sáng hiện. Này thiện nam! Phải biết thân tâm đều là cấu huyễn, tướng cấu trọn diệt mười phương thanh tịnh. Này thiện nam! Thí như ngọc báu ma-ni thanh tịnh ánh ngời nơi năm sắc tùy phương mỗi hiện, các người ngu si thấy ngọc báu ma-ni có năm sắc. Này thiện nam! Viên giác tánh tịnh hiện nơi thân tâm tùy loại mỗi ứng, người ngu si kia nói Viên giác tịnh thật có như vậy, tự tướng thân tâm cũng lại như vậy. Do đây, chẳng năng xa lìa huyễn hóa". Giải thích: Trong châu báu không có sắc màu của năm phương, nhân chỗ ánh sáng ánh ngời. Trong tánh không có thân của năm thú tùy nghiệp mà hiện, người mê mờ châu ngọc, chấp trong châu ngọc thật có sắc. Người mê mờ tánh, nhận thân hư ở bên trong tánh. Pháp dụ rõ ràng, chân ngụy có thể nghiệm vậy.

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 80

Hỏi: Phàm, vào Tông Kính làm sao rõ tất cả pháp như hóa?

Đáp: Vì muôn pháp không thể, danh tướng vốn không, không mà nhận có, gọi đó là hóa. Trong kinh Hoa Nghiêm phẩm Thập Nhẫn nói: "Phật Tử! Thế nào là vị Đại Bồ-tát nhẫn như hóa? Phật tử! Vị Đại Bồ-tát đây biết tất cả thế gian thảy đều như hóa, chỗ gọi là tất cả chúng sinh ý nghiệp hóa, chỗ giác tưởng khởi vậy, tất cả thế gian chỗ các hành hóa phân biệt khởi vậy. Tất cả điên đảo khổ lạc hóa là chỗ vọng thủ khởi vậy. Tất cả thế gian pháp chẳng thật hóa là chỗ ngôn thuyết hiện vậy. Tất cả phiền não phân biệt hóa, là chỗ niệm tưởng khởi vậy. Lại có thanh tịnh điều phục hóa, chỗ không phân biệt hiện vậy, ở ba đời chẳng chuyển hó, không sinh bình đẳng vậy. Bồ-tát nguyện lực hóa, tu hành rộng lớn vậy, Như Lai đại bi hóa, phương tiện hiện bày vậy, chuyển pháp luân phương tiện hóa, là chỗ trí tuệ vô úy biện tài nói vậy. Bồ-tát rõ biết thế gian xuất thế gian hóa như vậy. Hiện chứng biết, biết rộng lớn, biết vô biên, biết như sự, biết tự tại, biết chân thật, chẳng phải chỗ thấy hư vọng năng lay động, tùy chỗ thế gian hành cũng chẳng hoại mất. Thí như hóa chẳng từ tâm khởi, chẳng từ tâm pháp khởi, chẳng từ nghiệp khởi, chẳng thọ quả báo, chẳng phải thế gian sinh, chẳng phải thế gian diệt. Chẳng thể tùy theo, chẳng thể quấy xúc, chẳng phải trú lâu, chẳng phải trú khoảnh khắc, chẳng phải hành thế gian, chẳng hải lìa thế gian, chẳng chuyên ràng buộc một phương, chẳng thuộc khắp các phương, chẳng phải có lượng không lượng, chẳng nhàm chẳng dứt, chẳng phải chẳng nhàm dứt, chẳng phải phàm chẳng phải Thánh, chẳng phải nhiễm chẳng phải tịnh, chẳng phải sinh chẳng phải tử, chẳng phải trí chẳng phải ngu, chẳng phải thấy chẳng phải chẳng thấy, chẳng phải nương thế gian, chẳng phải vào pháp giới, chẳng phải sáng suốt chẳng phải chậm lụt, chẳng phải thủ, chẳng phải chẳng thủ, chẳng phải sinh tử chẳng phải Niết-bàn, chẳng phải có chẳng phải không, có Bồ-tát phương tiện khéo léo như vậy, hành ở thế gian tu đạo Bồ-tát, rõ biết thế

pháp, phân thân hóa đến, chẳng đắm thế gian, chẳng thủ tự thân không chỗ phân biệt, chẳng trú thế gian chẳng lìa thế gian, chẳng trú nơi pháp chẳng lìa nơi pháp. Vì bản nguyện nên chẳng xả bỏ một chúng sinh giới, chẳng điều phục ít chúng sinh giới, chẳng phân biệt pháp, chẳng phải chẳng phân biệt. Biết tánh các pháp không đi không lại, tuy không chỗ có mà khắp đầy Phật pháp rõ pháp như hóa chẳng phải có chẳng phải không. Phật tử! Vị Đại Bồ-tát an trú như vậy, lúc nhẫn như hóa, đều năng đầy đủ đạo của tất cả chư Phật Bồ-đề, lợi ích chúng sinh. Đó gọi là nhẫn như hóa thứ chín của vị Đại Bồ-tát". Nên biết pháp thiện và bất thiện từ tâm hóa sinh, dùng nhân của không làm thọ quả của chợt có. Nên Lục Tổ nói: "Tư duy ác pháp tức hóa làm địa ngục, tư duy thiện pháp tức hóa làm thiên đường, độc hại hóa làm súc sinh, từ bi hóa làm Bồ-tát, cho đến đều là tự tánh biến hóa". Trong luận Đại Trí Độ nói: "Hỏi: Nếu tất cả pháp đều không, như hóa, cớ sao có các thứ nói pháp sai biệt? Đáp: Như chỗ Phật hóa và chỗ các người khác hóa tuy chẳng thật mà có các thứ hình tượng riêng khác, chỗ thấy các thứ trong mộng cũng như vậy. Người thấy sự tốt xấu trong mộng, có sinh vui mừng, có sinh khiếp sợ, như ảnh tượng trong gương tuy không thật sự mà tùy hình gốc nên ảnh tượng có xấu đẹp. Các pháp cũng như vậy, tuy không mà mỗi mỗi có nhân duyên. Như Phật nói trong đây, ở trong hóa pháp đó, có Thanh văn biến hóa, có Bích-chi-phật biến hóa, có Bồ-tát biến hóa, có Phật biến hóa, có phiền não biến hóa, có nghiệp biến hóa". Lại nói: Như hóa là hóa chủ, không định vật, chỉ do tâm sinh bèn có chỗ làm đều không có thật. Thân người cũng như vậy, vốn không chỗ nhân, chỉ từ tâm đời trước sinh thân đời này, đều không có thật. Vì vật nên các pháp như hóa.

Hỏi: Chẳng nên nói biến hóa sự không, cớ sao biến hóa tâm cũng từ tu định được? Từ tâm đây làm các thứ biến hóa, hoặc nhân hoặc pháp là hóa có nhân được quả cớ sao không?

Đáp: Như Đức Phật nói: Quán không sinh từ có sinh được thoát, nương vô vi từ hữu vi được thoát, tuy quán pháp không sinh không mà có thể làm nhân duyên, vô vi cũng vậy, biến hóa tuy không cũng năng sinh tâm nhân duyên. Lại nữa, không chẳng vì chẳng thấy là không. Vì không thật dụng đó nên nói không, vì vậy nên nói các pháp như hóa. Nên biết tất cả các pháp từ tâm sinh đều như huyễn hóa, tuy huyễn hóa chẳng thật, cũng có thể làm nhân duyên của thiện ác thọ báo ứng của thăng trầm, không thể sinh ở đoạn kiến, chỉ rõ thể hư chớ sinh lấy bỏ.

Hỏi: Phàm, pháp có tướng đều từ biến hóa, tâm không hình tướng

cớ sao hóa hiện?

Đáp: Tâm vốn là hóa, lý chẳng nghĩ bàn, từ tâm hiện tâm như hóa khởi hóa. Trong luận Phật Địa nói: “Tâm hóa chỉ hai: Một, tự thân tương ưng, nghĩa là từ trên tâm hóa hiện các thứ tâm và tâm pháp ảnh tượng sai biệt; Hai, tha thân tương ưng, nghĩa là khiến tha tâm cũng hiện các thứ tâm và tâm pháp ảnh tượng sai biệt. Đây đều là tướng phần tợ kiến phần hiện, có nghĩa định lực năng khiến tự tâm giải chẳng phải phân pháp, gọi là hóa tự tâm, qua lại giúp hữu tình khiến hàng ngu muội giải pháp sâu mầu, khiến hàng thất niệm được chánh nghĩ nhớ, gọi là hóa tha tâm. Nhưng tâm không hóa, vì không hình chất. Như trong luận nói: Tâm không hình nên chẳng thể biến hóa. Lại nói: Pháp thân không tâm tâm pháp, đây là căn cứ hàng Nhị thừa và các chúng sinh khác định lực mà nói. Định lực của kia yếu kém, chẳng năng hóa hiện pháp không hình không chất, chư Phật Bồ-tát định chẳng thể nghĩ bàn đều năng hóa hiện, nếu chẳng như vậy, cớ sao Đức Như Lai hiện tham sân v.v... cớ sao Thanh văn và loài bàng sinh v.v... biết tâm Như Lai? Cớ sao trong kinh nói hóa vô lượng loại đều khiến có tâm? Cớ sao luận đây nói các hóa ý nghiệp, cớ sao trong kinh nói tâm y tha, chỉ các hóa sắc đồng thật sắc dụng. Hóa căn và tâm chỉ có tướng hiện, chẳng đồng thật dụng. Lại, căn cứ loại dưới nên nói như vậy. Nếu vậy cớ sao chẳng hóa chẳng phải tình khiến tâm tướng hiện. Nếu tâm tướng hiện thì gọi là hữu tình, chẳng phải chẳng phải tình gồm. Cho nên hóa tâm chỉ nói hai thứ: Một, tự thân; Hai, tha thân hóa v.v...

Hỏi: Pháp một tâm đây, lý không khác vết, ước về cơ đối pháp giáo có nhiều môn, ở trong một pháp danh tự sai biệt, hoặc gọi là Phật tánh, hoặc xưng là Như Lai tạng, cớ sao thành nghĩa tạng, cớ sao gọi là Phật tánh?

Đáp: Như Lai tạng là tâm chân thức, là trong chân tâm có đầy đủ Hằng sa diệu Phật pháp, như trong vọng tâm có đầy đủ hằng sa nhiễm pháp, là tâm và pháp đồng một thể tánh, nên gọi là Như Lai tạng, tức tất cả chúng sinh có Như Lai tạng năng làm nhân Phật, gọi là có Phật tánh, như ngủ trong tâm có tánh giác ngộ. Như trong đá vàng có tánh vàng, trong đá trắng có tánh bạc, trong tất cả pháp thế gian như vậy đều có tánh Niết-bàn, tánh đây tức là chúng sinh tự thật, nên gọi là ngã, ngã tức Phật tánh, ẩn thì gọi là Như Lai tạng, hiển thì gọi là pháp thân.

Hỏi: Nếu chúng sinh tự thật gọi là Phật tánh, giác ngộ tánh đây nên gọi là Phật. Chỉ rõ một tánh tức khế hợp cội nguồn. Cớ sao trong giáo hoặc nói hai ba đến hàm thứ v.v... Phật tánh chẳng đồng?

Đáp: Trong kinh Đại Niết-bàn nói: "Chánh nhân Phật tánh là tâm chúng sinh vậy". Lại nói: Phật tánh, chẳng gọi là một pháp, chẳng gọi là mười pháp. Chẳng gọi là trăm pháp, chẳng gọi là ngàn pháp, chẳng gọi là muôn pháp. Lúc chưa đắc Bồ-đề, tất cả thiện ác vô ký, đều gọi là Phật tánh. Nên biết lúc chưa đắc Bồ-đề, tất cả các pháp còn chẳng phải danh số, đâu huống gì tỏ ngộ mà nói hai ba. Nhưng tuy mở hợp, một tánh không sai, căn cứ gốc ngọn nhân quả mà phân nhiều thứ. Trong luận Phật Tánh nói: "Phật tánh có ba thứ: Đó là ba nhân ba thứ Phật tánh. Ba nhân là: Một, ứng đắc nhân; Hai, gia hạnh nhân; Ba, viên mãn nhân. Ba nhân đây, nhân thứ nhất thì lấy vô vi như lý làm thể, hai nhân sau thì lấy hữu vi nguyện hạnh làm thể. Ba thứ Phật tánh là, trong ứng đắc nhân có đủ ba tánh: Một, tánh trú tự tánh; Hai, tánh dẫn ra; Ba, tánh đến đắc quả. Ba tánh đây lại thành ba tạng: Một, tạng sở gồm; hai, tạng ẩn che; Ba, tạng năng gồm. Sở gồm làm tạng là Đức Phật nói căn cứ trú tự tánh như như, tất cả chúng sinh và Như Lai tạng. Nói Như là, có hai nghĩa: Một, trí như như; Hai, cảnh như như, đều chẳng đảo nên gọi là như như. Nói Lai là, căn cứ từ tự tánh lại, lại đến đến được, đó gọi là Như Lai. Nên Như Lai tánh tuy nhân gọi là ứng đắc, mà quả gọi là chí đắc. Thể đó chẳng hai, chỉ do trong đục có khác. Lúc tại nhân là trái nghịch hai không nên khởi vô minh mà làm chỗ phiền não xen tạp nên gọi là nhiễm đục, tuy chưa tức hiển, hẳn sẽ có thể hiện, nên gọi là ưng đắc. Nếu lúc đến quả cùng hai không hợp, không trở lại hoặc lụy, phiền não chẳng nhiễm, gọi là thanh tịnh. Quả đã hiển hiện nên gọi là chí đắc. Nói tạng là, tất cả chúng sinh đều tại trong trí Như Lai, nên gọi là tạng, vì trí như như xứng cảnh như như vậy. Tất cả chúng sinh quyết định không có ra cảnh Như Lai là, đều là chỗ của Như Lai gồm giữ, nên gọi là sở tạng. Chúng sinh là Như Lai tạng; Hai, ẩn che làm tạng là, Như Lai tự ẩn chẳng hiện, nên gọi là tạng. Nói Như Lai là có hai nghĩa: Một, nghĩa hiện như chẳng điên đảo. Do vọng tưởng nên gọi là điên đảo, chẳng vọng tưởng nên gọi là như; Hai, nghĩa hiện thường trú. Tánh như đây từ tánh tự trú tánh lại đến đến lược, như thể chẳng biến khác, nên là nghĩa thường trú. Tánh Như Lai trước lúc trú đạo là phiền não ẩn che, chúng sinh chẳng thấy nên gọi là tạng; Ba, năng gồm làm tạng là, nghĩa là quả địa tất cả công đức nhiều hơn số cát sông Hằng trú Như Lai lúc ứng đắc tánh, gồm đó đã hết. Nếu lúc chí quả mới nói đắc tánh là, tánh đây bèn là vô thường. Tại sao? Chẳng phải như nay được nên biết là vốn có, cho nên nói thường, tuy nói ba nhân Phật tánh, chỉ là một tánh. Tại sao? Chánh nhân là vốn có, vì chúng sinh bấg giác nên

bị khách trần lấp che. Như vàng trong quặng thể vàng chẳng hiện, cần nhờ công đó mới thành dụng vàng. Chánh nhân Phật tánh đây cũng lại như vậy, tại thiền chẳng hiện ở trong quặng phiền não, phải trước nhờ trí tuệ liễu nhân biết có khai phát, tiếp theo nhờ duyên nhân phương tiện hỗ trợ hiển bày mới thành đại dụng. Duyên dụng tuy phân, thể luôn một vị, chẳng động chúng sinh tánh mà thành Phật tánh vậy. Vì lý của trú tự tánh tại phàm mà tức chân, vì sự của tánh dẫn ra vậy, thành quả bà chẳng hư. Vì văn của ứng đắc, ở nhiễm mà sao mất, vì đạo của chí đắc, chứng thành mà không nghi ngờ. Lại nhân tự tánh có nên năng dẫn ra, ứng đắc chí của khắc chứng chẳng phải hư, như trong kinh Đại Niết-bàn nói: "Nhất-xiển-đề v.v... quyết định sẽ đắc thành A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề. Này thiện nam! Thí như có người trong nhà có sữa lạc. Có người hỏi: Ông có tô ư? Đáp: Tôi có. Lạc thật chẳng phải tô, vì khéo phương tiện, quyết định sẽ được, nên nói có tô. Chúng sinh cũng như vậy, thảy đều có tâm. Phàm, có tâm là quyết định sẽ được thành A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề, vì nghĩa đó nên ta thường nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh". Lại trong các kinh luận thông nói rõ bốn thứ Phật tánh: Một, nhân tánh, tức nhiễm tịnh duyên khởi; Hai, nhân nhân tánh, tức bên trong huân phát tâm; Ba, quả tánh, tức thủy giác đã viên; Bốn, quả quả tánh, tức bản giác đã hiển. Lại, thứ nhất, tùy duyên ẩn hiển. Thứ hai nêu khởi tịnh dụng, thứ ba nhiễm hết tịnh viên, thứ tư trở lại nguyên hiển thật. Lại, thứ nhất tự tánh trú tánh tức chánh nhân, thứ hai dẫn ra Phật tánh tức liễu nhân, thứ ba và tư đều là chí đắc quả tánh, tức nhân duyên. Lại, thứ nhất và hai lý trí trong nhân, thứ ba và tư lý trí trong quả. Nhân quả tuy khác mà trí chẳng khác lý, khế đồng không hai, chỉ một tâm chuyển, tuyệt tướng lìa ngôn, không gì chẳng bao dung, nên gọi là Phật tánh. Lại trong Niết-bàn sớ nói: "Niết-bàn chánh tánh có năm: Một, chánh tánh chẳng phải nhân, nhân chẳng phải quả, chẳng phải quả quả; Hai, nhân tánh, mười hai nhân duyên; Ba, nhân nhân tánh, chỗ mười hai nhân duyên sinh trí tuệ; Bốn, quả tánh, Tam-miệu Tam-bồ-đề; Năm, quả quả tánh, Đại Niết-bàn, tuy là phân biệt mà chỉ là một pháp". Lại, xưa trước giải thích có ba thứ tánh: Một, lý tánh, nghĩa là chân như; Hai, hạnh tánh, nghĩa là chủng tử vô lậu; Ba, ẩn mật tánh, tức là trù của trần lao. Ba tánh ẩn hiển tuy phân, một thể phàm Thánh cộng có. Lại ước về thường trú tùy duyên mà phân hai thứ Phật tánh: Một nghĩa thường trú. Trong kinh nói: Thuốc đó vị gốc để ở trong núi, như Bồ-tát Thường Bất Khinh kính bốn chúng v.v... vì Phật tánh đây lẫn lộn phiền não mà chẳng ô, hiển Bồ-đề mà chẳng tịnh, vì

thường trú chẳng biến vậy. Do đó, Bồ-tát chẳng dám khinh một chúng sinh nhỏ, vì Phật tánh chẳng hoại vậy; Hai, nghĩa tùy duyên. Trong kinh nói tùy chỗ lưu chuyển đó thành các thứ vị. Như Bồ-tát thường thảm xót thương bốn chúng v.v... vì chân tâm chẳng giữ tự tánh, khắp thể tùy duyên mà làm nhân pháp. Trong kinh nói: Pháp thân lưu chuyển trong năm đường, gọi là chúng sinh, vì chúng sinh tùy duyên mất tánh, chẳng hay chẳng biết, do đó Bồ-tát thường sinh buồn thảm. Lại, chúng sinh Phật tánh đều có hai nghĩa: Một, sở y Phật tánh, như hai nghĩa trên: một là thường trú, hai là tùy duyên; Hai, năng ty tạp nhiễm: Thứ nhất duyên thành tợ nghĩa có, thứ hai không tánh tức nghĩa không. Do nhiễm pháp có tức nghĩa không vậy, sở y Phật tánh thường thanh tịnh chẳng biến vậy, do nhiễm pháp có tợ nghĩa đó vậy, sở y Phật tánh tùy duyên thành nhiễm vậy. Nên biết vì chúng sinh không tánh tức không vậy. Tại phàm chẳng phàm, vì pháp thân tùy duyên vậy, ở Thánh chẳng phải Thánh. Lại, vì chúng sinh duyên thành tợ có nên Thánh chẳng là phàm. Về pháp thân thường trú chẳng biến nên phàm chẳng là Thánh, thì chân tục một khoảng, nhiễm tịnh luôn phân, phàm Thánh hai đường, chúng sinh và Phật không khác, dung thông như vậy mới rõ một tâm Phật tánh. Các bậc Cổ đức hỏi: Tất cả chúng sinh Phật tánh thường trú, là hiện tại, hay tương lai? Đáp: Ba đời đều thường.

Hỏi: Nếu hiện tại thường là chúng sinh tức Phật ư?

Đáp: Như con trong bào thai, há chẳng đồng dòng họ cha? Nếu hỏi cha dòng họ gì, sao trách già trẻ. Lại, Phật tánh chẳng phải tương lai hay hiện tại là, chỉ thấy lý đây, chẳng thể suy cầu phải tu đạo mới được, chẳng thể nói hiện tại, chỉ thấy lý đây thì nói về lý không sai, tu đạo mới được thì tùy sự chẳng lạm. Lại trong kinh Niết-bàn nói rõ sáu người mù sờ voi mỗi mỗi nói khác nhau, tuy nói chẳng chắc thật, cũng chẳng lìa voi. Như mỗi mỗi chấp năm ấm là không đại v.v... sáu pháp là Phật tánh, tuy nói chẳng nhằm mà cũng chẳng lìa sáu pháp, như bên trong của đầu chân, đã không có voi chẳng thể tức vậy. Bên ngoài của đầu chân cũng không riêng biệt voi chẳng thể lìa vậy. Chẳng phải tức chẳng phải lìa, chẳng phải trong chẳng phải ngoài, mà được nói là voi. Chúng sinh Phật tánh cũng lại như vậy. Chẳng phải tức sáu pháp, chẳng phải lìa sáu pháp, chẳng phải trong chẳng phải ngoài nên gọi là Trung đạo, gọi là Phật tánh. Nếu thủ sáu pháp làm Phật tánh là, Phật tánh của nhiều người mù. Nếu lìa sáu pháp làm Phật tánh là, như chỉ hư không làm Phật tánh. Như chỗ các Bà-la-môn phỉ báng làm chỗ tiên dự hại. Thủ chẳng tức chẳng lìa trung đạo làm Phật tánh là như chỗ Đại vương

tôi trí thấy Phật tánh. Trong kinh Thập Địa nói: "Trong thân chúng sinh có Kim cang Phật tánh, giống như Nhật luân. Phật là giác. Người có giác của linh tri. Nay, Đệ nhất nghĩa không cùng đó làm tánh nên gọi là Phật tánh, chẳng phải tình không giác, chỉ trì tự thể được xưng là pháp. Nay chân tánh cùng đó làm pháp, nên gọi là pháp tánh, nên nói: Giả nói năng sở mà thật không sai, cớ sao không sai? Đồng một tánh vậy, các thứ sách vở bên ngoài cũng nói Thiên địa muôn vật đồng vâng nhận nguyên khí của âm dương vậy.

Hỏi: Phàm nói Phật tánh, cảnh trí đều thâu, nên nói Bồ-đề Bồ-đề đoạn đều gọi là Bồ-đề. Nói trí và trí xứ đều gọi là Bát-nhã, cớ sao trong giáo nói: Tại trong số hữu tình xưng là Phật tánh, tại trong số vô tình xưng là pháp tánh?

Đáp: Ở tâm gọi là Phật tánh, ở cảnh gọi là pháp tánh, theo duyên tuy riêng biệt năng sở tợ phân, căn cứ tánh thì vốn đồng, một thể không khác. Như bình chứa đựng đề hồ, tùy các đồ vật mà chẳng đồng, như nước phân sông biển, tùy theo dòng chảy mà được tên gọi. Một vị chân tâm cũng lại như vậy, phàm Thánh cảnh trí một khoảng không sai. Do đó trong kinh Pháp Vương nói: "Tất cả chúng sinh một tâm Phật tánh bình đẳng, vì đồng các pháp vậy. Chỉ vì chân tâm chẳng giữ tự tánh, tùy duyên chuyển động, ở xứ chuyển động lập tên khác đó". Các bậc Cổ đức nói: Thí như châu ngọc xoay hướng đến vầng nguyệt thì ra nước, xoay hướng về mặt nhật thì ra lửa, một châu ngọc chưa từng khác, mà được tên của nước lửa. Vì thể châu ngọc là một, năng ứng hai duyên. Vả lại, như lúc vầng nguyệt làm duyên nước trong vầng nguyệt chưa từng không tánh lửa, lúc mặt nhật làm duyên lửa, trong mặt nhật chưa từng không tánh nước? Tại sao? Hai tánh cùng ngầm vậy. Chỉ duyên nước lửa sự có hơn kém, nên khiến hai tánh ngầm núp chẳng hiện, mỗi mỗi theo tự thể mà được tên nước hay lửa, chẳng phải toàn không tánh. Chân như một tâm cũng lại như vậy, tại trong hữu tình gọi là Phật tánh, tại trong vô tình gọi là pháp tánh. Một như chưa từng khác, mà được tên của pháp Phật. Vì chân như thể một, năng ứng hai duyên. Vả lại như hữu tình lúc chánh làm Phật duyên, hữu tình chưa từng không pháp tánh. Vô tình chánh lúc làm pháp duyên, vô tình chưa từng không Phật tánh. Tại sao? Hai tánh cùng ngầm vậy. Chỉ như sắc tâm sự có hơn kém mà hai tánh ngầm núp chẳng hiện, mỗi mỗi theo tự thể mà được tên pháp hay Phật. Chẳng phải toàn không tánh. Trong Thanh Lương Ký nói: "Pháp tánh tức là Phật tánh, nên trong kinh nói biết tất cả pháp tức tâm tự tánh. Nếu lấy tâm tánh làm Phật tánh là, không pháp nào chẳng

phải là tâm tánh, thì chẳng cách trong ngoài, mà thể chẳng phải trong ngoài, trong ngoài thuộc tướng. Tánh chẳng tướng đồng, sao có trong ngoài, nhưng mê một tánh mà biến thành, ngoài ngoài, đã Duy tâm, sao có chẳng phải Phật? Chỗ biến không thật nên nói tường vách nói không Phật tánh. Vì tánh nói tướng, không gì chẳng phải tánh vậy. Như khói thân lửa, khói tức là lửa mà khói un lửa, nương tánh khởi tướng, tướng che mờ tánh, mà tướng tức tánh. Như nước thành sóng, sóng tức là nước, cảnh nhân tâm biến, cảnh chẳng khác tâm. Tâm nếu có tánh, cảnh sao chẳng phải có. Huống gì tâm và cảnh đều tức chân tánh, chân tánh chẳng hai, tâm cảnh đâu trái. Nếu vì tánh từ tướng chẳng ngại trong ngoài, nếu vì cảnh bên ngoài mà ví ở tâm, khiến kẻ có hay biết, tu hành làm Phật, tức là pháp của ngoại đạo tà kiến, nên phải thường chiếu, chẳng tức chẳng lìa, chẳng một chẳng khác, không chỗ lầm hoặc vậy. Nên biết Phật tánh chẳng phải trong chẳng phải ngoài, tùy vật mê ngộ, cưỡng nói thăng trầm. Lại, nay vì ngại vọng chấp, tất cả hữu tình vô tình có nghĩa Phật tánh, căn cứ chấp nghĩa đây tự có cạn sâu. Một, nghĩa là tinh thần hóa làm đất cây vàng đá, kiêu cánh mang hòn để thành ở con, tình biến chẳng phải tình, chẳng phải tình biến tình. Đó là tà kiến, chẳng khác ngoại đạo với chúng sinh chấp sinh cây cỏ có mạng nên chẳng thể vậy. Nếu nói không tình đồng một tánh thì ít gần tông cũng phải được ý. Kia vốn lập ý căn cứ ở chân như tự thể khắp cùng vậy, tánh của chân như không có hai vậy. Như trong kinh Niết-bàn nói: “Đệ nhất nghĩa không là Phật tánh vậy, trong tất cả pháp có tánh an lạc gồm cảnh theo tâm, không gì chẳng phải là tâm, sắc tánh trí tánh thể không hai vậy.” Những đoạn văn như vậy ở trong các kinh có đủ. Nay cho là đây giải thích thái tức thái quá, mất tình không tình hoại nơi tánh tướng. Nếu vì Đệ nhất nghĩa không của Niết-bàn gần thông tâm cảnh. Niết-bàn há có thể chọn lựa ở ngói sỏi nói không tánh ư? Nay hiển bày ngay chánh nghĩa, nghĩa là tánh và tướng chẳng phải một chẳng phải khác, tình và chẳng phải tình cũng chẳng phải một hay khác. Nên phải giải thích là vì tánh từ duyên thì tình và chẳng phải tình khác. Một là như Niết-bàn chọn lựa bỏ vách tường ngói sỏi v.v... vậy. Hai là, không hay chẳng hay là bên trong của chân tánh không tâm cảnh vậy. Ba là, không gì chẳng phải giác ngộ, vì không tình tánh dung giác tánh vậy. Nên trong luận Đại Thừa Khởi Tín nói: “Hỏi: Nếu pháp thân chư Phật lìa nơi sắc tướng, cớ sao năng hiện các thứ sắc tướng? Đáp: Tức pháp thân đây là sắc thể vậy, năng hiện ở sắc, chỗ gọi là từ xưa đến nay sắc tâm chẳng hai, vì sắc tánh tức trí vậy. Sắc thể không hình, nói là trí thân, vì trí tánh tức sắc vậy, nói

là pháp thân khắp tất cả xứ”. Nay lấy nghĩa của hai tánh tương tức qua lại dung hòa mà nói vậy. Trong Bách Môn Nghĩa Hải nói: “Nghĩa là giác trần và tất cả pháp theo duyên không tánh, gọi là Phật tánh”. Trong kinh nói: Ba đời Phật chủng lấy không tánh làm tánh, tất cả xứ tùy rõ không tánh tức làm Phật tánh, chẳng vì hữu tình nên có chẳng vì vô tình nên không. Nay riêng nói về hữu tình là, khắp trong đời khuyên người làm đồ vật, thường ở nơi một sợi lông một mảy may, rõ thấy tất cả lý sự, không gì chẳng phải là Như Lai tánh, là khai mở Như Lai tánh khởi công đức, gọi là Phật tánh. Vậy biết sáu đường bốn loài núi sông đất liền, tình và chẳng phải tình đều đồng một tánh. Như Đức Thế Tôn sau cùng duỗi bày, nên cùng tận trở lại nguyên phẩm ba là bảo đó. Lại, trong kinh nói: “Bấy giờ Đức Thế Tôn nghịch thuận như vậy vào các thiền rồi, bảo khắp đại chúng: Ta dùng Bát-nhã thậm thâm quán khắp ba cõi tất cả sáu đường, các núi biển lớn đất liền hàm sinh. Ba cõi như vậy tánh căn bản lìa, rốt ráo tịch diệt, tướng đồng hư không, không danh không thức, trọn đoạn các hữu, xưa nay bình đẳng không tướng cao thấp, không thấy không nghe, không hay không biết, không thể trói buộc không thể giải thoát, không chúng sinh không thọ mạng, chẳng sinh chẳng khởi chẳng tận chẳng diệt, chẳng phải thế gian chẳng phải chẳng phải thế gian. Niết-bàn sinh tử đều không thể được. Hai khoảng bình đẳng, đồng các pháp vậy, nhàn cư lắng trú không chỗ hành xử, rốt ráo an đặt hẳn chẳng thể được, từ pháp không trú, pháp tánh thi vi, đoạn tất cả tướng, không một chỗ có, pháp tướng như vậy, biết được đó gọi là người xuất thế. Sự ấy không biết gọi là đầu mối sinh tử. Trong đại chúng, các ông nên đoạn vô minh, diệt đầu mối sinh tử”. Lại báo đại chúng: Ta dùng Ma-ha Bát-nhã quán khắp ba cõi hữu tình vô tình tất cả nhân pháp thảy đều rốt ráo không trình bày, không giải thoát, không chủ không nương, chẳng thể gồm giữ, chẳng vượt ngoài ba cõi, chẳng vào các hữu, xưa nay thanh tịnh, không dơ không phiền não, cùng đồng hư không, chẳng bình đẳng chẳng phải chẳng bình đẳng, hết các động niệm, tâm tư tưởng dứt, pháp tướng như vậy, gọi là Đại Niết-bàn, chân thật thấy pháp đây gọi là giải thoát. Phàm phu chẳng biết, gọi là vô minh”. Nói lời ấy rồi, lại vào siêu thiền, từ sơ thiền ra cho đến vào định diệt tận, từ định diệt tận ra cho đến vào sơ thiền, như vậy thuận nghịch vào siêu thiền rồi, lại bảo đại chúng: “Nay ta dùng Phật nhãn quán khắp ba cõi tất cả các pháp vô minh bản tế tánh vốn giải thoát, ở mười phương cầu trọn chẳng thể được, căn bản không vậy. Sở nhân cành lá thảy đều giải thoát, vô minh giải thoát vậy, cho đến già chết đều được

giải thoát. Vì nhân duyên đó, nay ta an trú tịch diệt quang gọi là Đại Niết-bàn”. Như trên chân thật là văn của đấng cha từ tâm Bi rộng lớn chẳng thể nghĩ bàn ba lần tuyên bảo đại chúng. Hoặc có người tình cờ gặp giáo đây, có thể chẻ xương làm bút, lột da làm giấy, chích máu làm mực mà biên chép đó, chẳng thể khoảnh khắc tạm quên sát-na mất chiếu. Vả lại như trong đoạn văn thứ nhất nói: Quán khắp ba cõi tất cả sáu đường, các núi biển lớn đất liền hàm sinh, ba cõi như vậy, tánh căn bản lìa, rốt ráo tịch diệt. Đoạn văn thứ hai nói: Quán khắp ba cõi hữu tình vô tình tất cả muôn pháp thảy đều rốt ráo. Đoạn văn thứ ba nói: Quán khắp ba cõi tất cả các pháp, vô minh bản tánh vốn giải thoát. Vì vậy trong khắp pháp giới trong khắp mười phương hoặc có tình hoặc không tình hoặc có tánh hoặc không tánh, núi sông đất liền cỏ cây người vật, chẳng tại ba cõi chẳng vượt ngoài ba cõi, chẳng tùy sinh tử chẳng trú Niết-bàn, đều đồng chân như diệu tánh một tâm, tin hiểu như vậy chóng vào Nhất thừa. Lại không văn từ nào bí mật năng vượt ngoài ý chỉ đây. Lìa đây có nói đều là quyền bày, dẫn dụ để huề đều về Tông Kính.

Hỏi: Đã nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, cớ sao trong kinh Niết-bàn nói hoặc có Phật tánh người xiển-đề người có thiện căn không đồng?

Đáp: Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Trong kinh căn cứ thiện ác vô ký lý quả v.v... qua lại nói có không. Trong Tiến Phước Sớ nói: Nay chuẩn cứ theo kinh nói rõ Phật tánh lược có năm thứ: Đó là thiện, bất thiện, vô ký và lý quả v.v... Nay nói Nhất-xiển-đề người có thiện căn không là, đây là bất thiện Phật tánh vậy. Nhưng người thiện căn có hai thứ đó: Một là, người thiện căn lìa dục, lìa dục đoạn tất cả bất thiện vậy. Hai là, hàng Ngũ trú trở lên, Ngũ trú trở lên không tánh bất thiện. Hai hạng người ấy đều không tánh bất thiện. Người thiện căn có người xiển-đề không? Đây là thiện Phật tánh vậy, xiển-đề đoạn tất cả thiện nên nói là không vậy. Hai người đều có là, lý và vô ký vậy. Hai người đều không là, đều không quả tánh vậy. Trong kinh Niết-bàn nói: “Như Lai Phật tánh thì có hai thứ: Một là có, hai là không. Có tức chỗ gọi là ba mươi hai tướng cho đến vô lượng Tam-muội, đó gọi là có, không tức chỗ gọi là Như Lai ở quá khứ và vị lai các nghiệp nhân thiện bất thiện vô ký quả báo phiền não, năm ấm mười hai nhân duyên, đó gọi là không. Cho đến xiển-đề Phật tánh cũng vậy”. Vậy thì trên từ nơi Phật dưới đến xiển-đề đều có hai tánh có không, chẳng phải toàn không tánh. Vậy biết chỉ căn cứ ba tánh và quả mà luận bàn có không, nếu nói

lý tánh còn không phàm Thánh đâu nói có không, thì căn cứ lý không chẳng đủ. Do đó, Pháp sư Đạo Sinh nói: "Phàm, bẩm chất nhị nghi (trời đất) đều là Niết-bàn chánh nhân, xiển-đề cũng loại hàm sinh, cớ sao riêng không Phật tánh?" Bởi vì kinh đó độ chưa hết vậy, nên Pháp sư Đạo Sinh nhẫn chết mười năm, để chứng ý chỉ đó, mãi đến lúc phần sau của kinh Niết-bàn truyền đến, quả thật còn có văn đó, bèn ngồi trên tòa sư tử nhân đó bèn thị tịch.

Hỏi: Như trên quyết định nói tất cả chúng sinh có Phật tánh, chúng sinh đã đầy đủ, cớ sao chẳng khỏi trầm luân?

Đáp: Chúng sinh tuy đủ chánh nhân mà không duyên liễu. Do đó, trong kinh Viên giác nói: "Chưa ra khỏi luân hồi mà biện rõ Viên giác, thì tánh Viên giác kia tức đồng lưu chuyển. Nếu khỏi luân hồi thì điều ấy không thể có". Nên các bậc tiên đức có kệ tụng nói:

"Viên thành chìm biển thức
Lưu chuyển như bèo trôi".

Là vì chân như Bản giác chẳng giữ tự tánh. Vì không tánh nên chỉ tùy duyên chuyển. Như nói pháp thân lưu chuyển trong năm đường nên gọi là chúng sinh, phải nên dùng phương tiện khéo léo khai phát đó, dùng trí chiếu hỗ trợ đó. Bởi vì duyên liễu lúc rõ thấy mới trốn vượt cảnh trói buộc. Như trong Khởi Tín Sao nói: Vả lại, phàm chân đó và vọng, đều nương chỗ nói của một pháp giới tâm. Bởi vì tâm đây có thể có dụng. Thể của tức dụng thì mênh mông không tịch, dụng của tức thể thì rõ ràng hay biết". Vì từ thời vô thỉ đến nay mê nên ở xứ của không tịch, rõ ràng căn thân trần cảnh, ở xứ của rõ biết thì rối ren phân biệt duyên niệm. Nên trong Triệu Luận nói: "Pháp thân ẩn bên trong của vô hình, chân trí ẩn bên trong của duyên lự. Nhưng vô hình duyên niệm đó xưa nay thể không, không tịch hay biết xưa nay chẳng biến, chân của chẳng biến xưa nay tùy duyên vọng của thể không xưa nay thành sự, chẳng phải nhân tạo tác pháp nhĩ như đây, thân tâm chúng sinh hiện nay như đây, tức căn cứ nghĩa đây để rõ nghĩa tướng của duyên nhiếp tịnh vậy. Trong kinh Đại Niết-bàn nói: "Phật bảo: Này thiện nam! Như lời ông nói, nếu Nhất-xiển-đề có Phật tánh cớ sao chẳng ngăn tội của địa ngục? Này thiện nam! Trong Nhất-xiển-đề không có Phật tánh. Này thiện nam! Thí như có vị vua nghe âm thanh không hầu, âm thanh đó thanh diệu, tâm sinh đắm trước, mừng vui mến nghĩ, tình chẳng bỏ lìa, bảo Đại thần rằng: Âm thanh vi diệu như vậy từ xứ nào ra? Đại thần đáp: Âm thanh vi diệu đó từ không hầu ra. Vua lại bảo: Đem âm thanh đó lại đây. Khi đó, Đại thần đem không hầu đến đặt trước vua mà nói:

Đại vương nên biết đây là âm thanh đó. Vua bảo: Không hầu phát ra âm thanh, phát ra âm thanh mà âm thanh không hầu cũng chẳng ra. Khi ấy vua bèn bứt đứt dây không hầu, âm thanh cũng chẳng phát ra, lấy da gỗ đó thảy đều xé nát tìm kiếm âm thanh đó, trọn chẳng thể được. Khi ấy vua sân giận bảo Đại thần: Cớ sao nói hư dối vậy? Đại thần thưa: Phàm, lấy âm thanh pháp chẳng như vậy, nên dùng các duyên phương tiện khéo léo âm thanh mới phát ra. Chúng sinh Phật tánh cũng lại như vậy, không có trú xứ, dùng phương tiện khéo léo nên có thể thấy, vì có thể thấy nên đắc A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề. Hạng Nhất-xiển-đề chẳng thấy Phật tánh, làm sao có thể ngăn ngừa tội ba đường xấu ác? Này thiện nam! Nếu Nhất-xiển-đề tin có Phật tánh, phải biết người đó chẳng đến ba đường xấu ác, đó cũng chẳng gọi là Nhất-xiển-đề vậy. Vì chẳng tự tin có Phật tánh nên tức đọa ba đường xấu ác, nên gọi là Nhất-xiển-đề". Vậy biết tất cả chúng sinh tuy có chánh nhân. Chẳng được trọn duyên nên uổng chìm trong sinh tử, vì chẳng biết nên cam xưng là hạ phàm, vì chẳng nghe nên chẳng thân gần bạn lành, thường mê mất trí, đâu có liễu nhân, luôn tập ác duyên, sao thành gốc thiện. Nay vì người chưa nghe rộng sưu tìm bí tạng, phát khởi tín tâm. Vì hạng người chưa nghe chỉ ngay nguồn tâm rõ ràng không kẹt. Vì đã nghe là trí tuệ khai phát, muôn thiện vốn luân, vì đã nghe là một hướng giữ gìn lý hạnh thành tựu, có lợi ích sâu xa ấy, đâu nhàm chán văn nhiều, mong khắp các hàng hậu hiền, rộng duỗi truyền trao.

Hỏi: Phật tánh nếu quyết định có không, tức thành kiến của đoạn thường, làm sao thể hội lý hợp chánh nhân?

Đáp: Chẳng phải một chẳng phải khác, năng khế hợp môn Nhất thừa. Cũng có cũng không, chẳng phỉ báng tánh của ba chân. Như trong kinh Đại Niết-bàn nói: "Phật dạy: Này thiện nam! Nếu có người nói tất cả chúng sinh quyết định có Phật tánh, thường lạc ngã tịnh chẳng làm chẳng sinh, do nhân duyên phiền não nên chẳng thể thấy. Nên biết người đó phỉ báng Phật, Pháp, Tăng. Nếu có người nói: Tất cả chúng sinh đều không Phật tánh, giống như sừng thỏ từ phương tiện sinh, vốn không nay có, đã có trở lại không, phải biết người đó phỉ báng Phật Pháp tăng. Nếu có người nói chúng sinh chẳng phải có như hư không, chẳng phải không như sừng thỏ. Tại sao? Hư không thường vậy, cho nên được nói cũng có cũng không, có phá sừng thỏ không phá hư không. Người nói như vậy chẳng phỉ báng Tam bảo.

Hỏi: Giáo nói lý của một tâm Phật tánh, có nhân duyên gì được thiện lợi gì?

Đáp: Phật nhãn quán sát chắc thật, chánh lý chẳng sai nhầm, nếu người quyết định tin thọ thì trừ năm thứ lỗi lầm, mà sinh năm thứ công đức. Như trong luận Phật Tánh nói: "Đức Như Lai vì trừ năm thứ lỗi lầm, phát sinh năm thứ công đức, nên nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh". Trừ năm thứ lỗi lầm là: Một, vì khiến chúng sinh lìa tâm hạ liệt vậy. Có các chúng sinh chưa nghe Phật nói có lý Phật tánh, chẳng biết tự ấm hẳn sẽ có được nghĩa Phật. Nên ở thân đây khởi tưởng hạ liệt, chẳng năng phát tâm Bồ-đề. Hai, vì người lìa mạn hạ phẩm. Nếu có người từng nghe Phật nói chúng sinh có Phật tánh, nhân đó mà phát tâm, đã phát tâm rồi, bèn cho là ta có Phật tánh nên năng phát tâm, và sinh ý tưởng khinh mạn, cho là người khác chẳng năng. Vì phá chấp đó nên Đức Phật nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Ba, vì lìa hư vọng chấp, nếu người có mạn tâm đây, thì đối với như lý như lượng chánh trí chẳng phải được sinh hiển bày, nên khởi hư vọng. Hư vọng là lỗi lầm chúng sinh. Lỗi lầm có hai: Một là, vốn không; Hai là, khách. Vốn không là, như trong như lý vốn không nhân ngã mà làm chấp nhân ngã, chấp đây vốn không cho đến, nên biết năng chấp đều thành hư vọng. Do chỗ chấp đây khởi vô minh các nghiệp quả chấp đều là hư vọng, không thọ giả tác giả mà ở trong chấp có hư vọng, nên nói vốn không. Khách là, các pháp hữu vi đều niệm niệm diệt, không nghĩa dừng trú, thì mắng năng và sở mắng cả hai chỗ không có. Chỉ sát-na đầu làm cũ, sát-na kế tiếp làm khách, năng mắng sở mắng khởi mà tức rơi rụng. Vậy thì sát-na đầu là oán, sát-na kế tiếp thì chẳng phải oán. Vì ở trong khách làm chấp cũ, chấp đó chẳng thật nên gọi là hư vọng. Nếu khởi chấp dó thì chánh trí chẳng sinh. Vì trừ chấp đó nên nói Phật tánh, Phật tánh, tức là nhân không pháp không chỗ hiển bày chân như, do chân như nên không năng mắng sở mắng, thông đạt lý đây lìa chấp hư vọng; Bốn, vì trừ dèm pha phỉ báng pháp chân thật. Mọi sự lỗi lầm của tất cả chúng sinh đều là hai không. Do giải không đây nên chỗ khởi công đức trí tuệ thanh tịnh đó gọi là chân thật. Nói dèm pha phỉ báng là, nếu chẳng nói Phật tánh thì chẳng rõ không, bèn chấp thật có, trái nghịch phỉ báng chân như, công đức tịnh trí đều chẳng thành tựu; Năm, lìa ngã chấp. Nếu chẳng thấy lỗi lầm hư vọng và công đức chân thật, ở trong chúng sinh chẳng khởi đại bi, do nghe Phật nói Phật tánh nên biết hư vọng lỗi lầm và công đức chân thật, thì ở trong chúng sinh khởi tâm đại bi, không có đây kia nên trừ ngã chấp. Vì nhân duyên năm nghĩa đây, mà Đức Phật nói Phật tánh có năm thứ công đức: Một, khởi tâm chánh cần; Hai, sinh ý cung kính; Ba, sinh Bát-nhã; Bốn, sinh xà-na; Năm, sinh đại bi. Do năm công

đức năng lật lại năm lỗi lầm. Do chánh cần nên lật lại tâm hạ liệt, do cung kính nên lật lại ý khinh mạn, do Bát-nhã nên lật lại vọng tưởng chấp, do sinh Xà-na trí thế tục năng sở hiển bày thật trí và các công đức nên lật lại phỉ báng chân pháp. Do tâm đại bi từ niệm bình đẳng, nên lật lại ngã chấp, cho đến, do Bát-nhã nên chẳng xả bỏ Niết-bàn, do đại bi nên chẳng xả bỏ sinh tử, do Bát-nhã nên thành tựu Phật pháp, do đại bi nên thành tựu chúng sinh. Vì vậy, nếu rõ tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, tự nhiên chẳng phỉ báng chẳng khinh mạn, chẳng lỗi lầm, chẳng trái nghịch. Tại sao? Vì chúng sinh diệu nên đều chẳng thể nghĩ bàn. Như Đức Phật tại trong Trúc Lâm nói pháp, trao chim bồ câu trắng tên gọi kiếp, nước ghi của tám tướng. Các Đại Bồ-tát v.v... thảy đều tỏ bày sám hối, đều nói: Nếu trí chưa bằng Đức Như Lai, chúng ta từ nay về sau chẳng dám cân lường báu với chúng sinh. Hòa thượng Kiên nói: Ta thấy chim quạ già tại trên sinh bàn xoay đầu chuyển não, bèn toàn thể thấy pháp thân nó. Lại có vị quan thế tục vào chùa cùng Hòa thượng bàng Sơn lên chánh điện, hỏi: Chim sẻ nhỏ này có Phật tánh chăng? Hòa thượng đáp: có. Lại hỏi: Đã có Phật tánh vì sao đến trên đầu Phật ư? Hòa thượng bảo: Nó sao chẳng đến trên đầu chim dao ư?

Hỏi: Phật tánh ở trong năm mắt, mắt nào năng thấy?

Đáp: Trong kinh Niết-bàn nói: “Mắt Phật thấy đó mà được sáng rõ, vì mắt Phật thấy tất cả mọi sự đẹp xấu sai biệt v.v... thảy đều chẳng động, là thấy tánh vậy”. Trong kinh Duy-ma nói: “Khéo năng phân biệt tướng các pháp ở Đệ nhất nghĩa mà chẳng động”. Đây là tâm soi xét vô ngại làm mắt chẳng phải lấy chỗ căn trần đối đãi, vì là mắt thịt thấy thô, mắt trời thấy tế, mắt tuệ rõ không, mắt pháp biện rành có, mắt Phật quán chẳng hai tướng, lý của một thật. Trong kinh Hoa Nghiêm phẩm Lìa thế gian nói mười mắt, đó là: Mắt thịt thấy tất cả sắc, mắt trời thấy tâm tất cả chúng sinh, mắt tuệ thấy các pháp căn cảnh giới của tất cả chúng sinh, mắt pháp thấy thật tướng tất cả pháp, mặt Phật thấy mười lực của Như Lai, mắt trí thấy các pháp, mắt quang minh thấy ánh sáng Phật, mắt ra khỏi sinh tử thấy Niết-bàn, mắt vô ngại chỗ thấy không chướng ngại, mắt Nhất thiết trí thấy môn khắp pháp giới. Lại chỗ mắt tuệ thấy, không pháp có thể thấy, nên gọi là thấy, thấy pháp không nên gọi là mắt tuệ, chẳng phải riêng, mắt tuệ năng thấy, năm mắt đều hiện, năm mắt như vậy chiếu như ngàn mặt nhật, ở trong của mười phương không xứ chẳng thấy, ở tất cả xứ địa bằng phẳng như bàn tay, không các dơ xấu, nếu có thể thấy tức là sinh mù. Tại sao? Không chỗ thấy vậy, phải biết không không, sắc không đều khiển trừ. Lại thấy tất cả

trần toàn là mắt, lại chẳng thể thấy, nghe tất cả âm thanh toàn là tai chẳng đổi lại nghe. Do đó nói, tất cả âm thanh là âm thanh Phật, tất cả sắc là sắc Phật. Lại nói: Lìa bên ngoài của tâm lại không một pháp, giả sử thấy trong ngoài chỉ là chỗ thấy của tự tâm không riêng biệt trong ngoài. Đây không lỗi vậy. Cho đến nếu lúc rõ trần, trần toàn là biết vậy, trọn chẳng vì biết biết ở trần tức có chỗ biết vậy, nếu biết ở không biết chẳng khác biết vậy. Nay trần tức biết chẳng trở lại vì biết và chẳng biết biết ở không biết, chỉ không biết của năng biết, chẳng phải không biết vậy, đây mới hiển bày không biết vậy. Trong kinh nói: "Hiển hiện tất cả pháp, mỗi mỗi chẳng biết nhau, thấy cũng như vậy". Lại, nghe là Viên giáo nói rõ ngã, ngã tức là nghe vậy. Năng nghe sở nghe đều pháp giới vậy. Nên khiến bên ngoài ngã lại không riêng biệt nghe. Vì vậy, hoặc thấy hoặc nghe hoặc biết hoặc hay, đều một tâm vậy. Trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Chỗ thấy chẳng thể thấy, chỗ biết chẳng thể biết, một tâm chẳng nghĩ bàn".

Hỏi: Năm mắt phàm Thánh đều có, thì chúng sinh đủ mắt Phật, Như Lai có mắt thịt, cớ sao chỉ mắt Phật năng quán? Bồ-tát Thập Trú v.v... chẳng thấy Phật tánh.

Đáp: Vì Bồ-tát Thập Trú có hành có trú, do đó chẳng rõ ràng thấy, nếu lúc thấy tánh rõ ràng chứng thật, chẳng thấy bên ngoài mình lại có Bồ-đề có thể hành có thể trú, vì quả vị Thập Trú duyên quán chưa cùng tận vậy, tâm có chỗ ở. Tâm có chỗ ở nên có chỗ chẳng ở, cho nên chẳng năng thấy tất cả pháp, đến quả vị Phật dứt duyên, chân tâm bình đẳng không xứ chẳng ở, không đâu chẳng ở nên không có một pháp ở bên ngoài tâm cũng không một tâm ở bên ngoài pháp. Tâm và pháp giới đồng thể chiếu sáng, nên hay biết tất cả. Lại, tâm tánh đây là nghĩa rõ biết chân thật, nghĩa chiếu khắp pháp giới. Vì vốn có là sở chiếu, vì mắt sạch trí sáng là năng chiếu. Như trong kinh Niết-bàn nói: "Thấy tánh mắt thịt tức gọi là mắt Phật." Trong kinh Đại Niết-bàn nói rõ có hai thứ thấy Phật tánh: Một, tướng mạo thấy, Hai, rõ ràng thấy. Tướng mạo thấy, nghĩa là Bồ-tát đăng địa với quyền trí phương tiện thức biến tợ không, gọi là tướng mạo thấy. Rõ ràng thấy, nghĩa là Bồ-tát Địa thượng chánh trí căn bản thân chứng chân lý chẳng biến tướng duyên, gọi là rõ ràng thấy, hiện lượng được.

Hỏi: Đã nói mắt Phật năng quán Phật tánh, cớ sao trong giáo lại nói Ta dùng năm mắt chẳng thấy. Ba tụ chúng sinh cuồng ngu không mắt mà nói thấy ư?

Đáp: Nếu căn cứ thật tướng thể tánh khắp cùng pháp giới, vì thật

tướng không tướng vậy thì chẳng thể thấy. Nếu luận về chiếu dụng tướng khắp cùng pháp giới. Vì tướng của không tướng cũng có thể được thấy. Lại, năm mắt viên chiếu, lý của Ba đế, các cảnh phân minh, tuy nói soi suốt chưa hẳn là có, tuy nói chẳng thấy chưa hẳn là không, đó mới là tướng của không tướng, quán của chẳng quán, phải biết trong tướng không tướng, chỉ chớ trong tướng quán không quán, chỉ chớ quán thể muôn vật mà tự hư, đồng thanh tịnh của một Đạo, đâu đồng chấp thật tùy trần là năng sở kiến của đoạn thường ư?

Hỏi: Phàm, mắt Phật đều là viên tu viên chứng mới đủ, Bồ-tát Thập Trú còn chưa phân minh. Cớ sao phàm phu vô minh phiền não còn chưa được mắt trời mà vì sao được đồng mắt Phật?

Đáp: Năm mắt của Như Lai, chúng sinh đều đủ chẳng phải đợi chứng Thánh mới có. Trong kinh Niết-bàn nói: "Nếu người học Đại thừa, tuy là mắt thịt mà gọi là mắt Phật. Hàng Nhị thừa tuy đủ mắt trời mà chẳng gọi là mắt Phật". Lại nói thấy tánh Như Lai tức là mắt thịt mà rõ mắt Phật, vì trí chiếu làm mắt vậy. Thai giáo căn cứ có năm phẩm trong vị thứ nhất, dùng tâm phàm phu đồng chỗ biết của Phật, dụng chỗ mắt chúng sinh bằng Như Lai thấy. Nếu luận về tối sáng cạn sâu tức lạc về tu chứng, nay luận ngay thấy tánh tức không trước sau. Do đó, trong kinh Ương-quật-ma-la có kệ tụng nói:

"Nói là nhãn căn kia,
Ở các Như Lai thường,
Đầy đủ không giảm tu,
Rõ ràng rành rẽ thấy".

Trong luận Chỉ Quán giải thích: Kia là chín pháp giới nhãn căn vậy. Ở Như Lai thường là, chín giới tự cho là mỗi mỗi chẳng phải chân. Như Lai quán đó tức Phật pháp giới không hai không riêng biệt. Không giảm tu là, quán các mắt tức là mắt Phật. Một tâm ba đế viên nhân đầy đủ không có khuyết giảm vậy. Rõ ràng rành rẽ thấy là, chiếu thật là rõ ràng (liễu liễu) chiếu quyền là rành rẽ (phân minh), trong ba trí một tâm năm mắt đầy đủ viên chiếu, gọi là rõ ràng thấy Phật tánh vậy. Thấy là luận về viên chứng, tu là luận về viên nhân. Lại, đầy đủ tu là quán ở nhãn căn, xả bỏ lậu hai biên, gọi là đàn, nhãn căn chẳng là chỗ hai biên thương tổn, gọi là thi. Nhãn căn tịch diệt chẳng là chỗ hai biên động, gọi là Sằn-đề, nhãn căn và thức tự nhiên chảy vào biển Tát-bà-nhã, gọi là tinh tấn. Thật tánh nhãn căn gọi là Thượng định. Vì nhất thiết trí chiếu nhãn trung đạo, gọi là trí tuệ, là vì nhãn căn đầy đủ không giảm tu, không giảm nên rõ ràng rành rẽ, thấy nhãn pháp giới cho đến ý căn

kia, ở các Đức Như Lai thường đầy đủ, không giảm tu rõ ràng rành rẽ thấy ở mỗi mỗi căn, tức không tức giả tức trung, ba quán một tâm gọi là không giảm tu. Chứng tuệ nhãn pháp giới, được trong mắt Phật một tâm, gọi là rõ ràng thấy, đều như nói ở trên. Căn đã như đây trần cũng như vậy, tất cả các pháp cũng lại như vậy. Đó là viên giáo điều phục các căn đầy đủ sáu độ. Đây thì cứu cánh điều phục, cứu cánh đầy đủ, trợ Đạo như vậy trợ đạo cứu cánh, phải biết sáu độ khắp cùng năng đều phục tất cả các căn. Lại, nếu luận về sai biệt, thì các trời là báo được, hàng Nhị thừa là tu được. Tông môn ta đây chẳng phải báo chẳng phải tu, là phát được. Năm mắt vì vốn tròn đầy đặn, nếu người ngộ Phật thừa, tuy có đủ tánh phiền não, nhưng năng biết tạng bí mật của Như Lai, tức mắt thịt gọi là mắt Phật. Hạng người Nhị thừa tuy chứng diệt tu đạo đầy đủ lậu tận thông, tức mắt trời mà là mắt mờ. Do đó, Hòa thượng Chí Công nói: "Đại sĩ mắt thịt viên thông, Nhị thừa mắt trời có màng." Đại sư Đạo Dung nói: "Chẳng thủ mắt trời v.v... năm thông mà tạo nghiệp ngoại đạo, chỉ thủ phàm phu vào lý vậy."

Tông Kính Lục quyển 80 hết.

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 81

Hỏi: Phàm, chân như một tâm bình đẳng pháp giới, chúng sinh chẳng rõ, vọng chịu trầm luân. Nay ngộ tông đây muốn vào quả vị Viên giác, ở trong môn sáu độ muôn hạnh trang nghiêm, dùng pháp gì trợ đạo giữ gìn chóng được thành tựu?

Đáp: Nếu luận về trang nghiêm, không gì chẳng là hai nghiệp phước và trí. Ở trong môn sáu Ba-la-mật, năm môn trước là nghiệp phước đức, một Bát-nhã sau là nghiệp trí tuệ. Trong năm nghiệp phước tức trước chỉ một môn thiền định rất là quan trọng. Trước đã nói rõ nay đây thuật lại. Chỗ biên tập một môn thiền định ở Tông Kính đây chỉ căn cứ Tông mà nói, ở trong các định mà xưng là Đệ nhất, gọi là Vương Tam-muội, gồm thâu các môn, bao quát nguồn hạnh trùm đội biển trí, cũng gọi là định không tâm, cùng đạo tương ưng vậy, cũng gọi là định chẳng nghĩ bàn, tình trí tuyệt đãi vậy, cũng gọi là chân như Tam-muội, muôn Hạnh căn bản vậy, cũng gọi là Nhất Hạnh Tam-muội, một niệm pháp giới vậy, cũng gọi là Kim Cang Tam-muội, thường chẳng khuynh động vậy, cũng gọi là Pháp Tánh Tam-muội, luôn không biến đổi vậy. Biển trí sáng của chư Phật vô lượng quán hạnh đều từ đây sinh, nếu chẳng rõ lý đây, tức chẳng phải trí Phật vậy. Vì trí Phật đây chứng bản lý đó, lý thì chẳng đợi chiếu mà tự rõ, trí thì hẳn giúp lý mà thành chiếu. Nếu bản giác tánh trí tánh tự rõ vậy, vì tánh trí bình đẳng rõ bản tánh vậy, nên biết lý không hưng phế, tịch chiếu linh tri, hoằng đó tại người, giác có trước sau, người có chiếu phần, công do lý phát, mất lý thì mất chiếu, cần phải thấy lý đây mới thành Phật vậy. Lý đây tức là một tâm, bao gồm vạn hữu, chóng ngộ chóng tu lại không tiệm thứ, vì chưa rõ chẳng nào là ở pháp một tâm phân ra nhiều môn, nghĩa diễn như số cát sông Hằng, cho đến vô tận. Nên trong kinh Pháp Hoa có kệ tụng nói:

"Trí nhỏ ưa pháp nhỏ,
Chẳng tự tin làm Phật
Cho nên dùng phương tiện,

Phân biệt nói các quả."

Vì vậy, tín tâm là Phật, hiếm có gặp cơ đó, là bản hoài của chư Phật xuất hiện nơi đời, là chánh ý của Tổ sư từ Tây vức lại. Từ xưa các bậc Tiên đức một nghe, tức tâm là lời của Phật. Căn nghi ngờ chóng hết, hoặc muốn truyền đèn sau nối tiếp, bèn ngồi đạo tràng. Hoặc vui thích vắng bặt dạo tâm trú nơi Lan-nhã sâu. Hoặc người chướng dày tin mỏng chỉ nghĩ hướng bên ngoài rong cầu, tùy ý người khác, tợ học trò của chim oanh vũ, nhờ mượn mắt kia như quyến thuộc của nước mẹ, mới sinh chẳng tin bèn khởi tâm phỉ báng. Nay thì dẫn tộng tìm khắp, vạch tầm nhỏ nhiệm rút lấy tinh yếu, chỗ mong chứng thành, hàng hậu học quyết định không nghi ngờ. Chóng ngộ tự tâm, khuôn phép diệu thành Phật. Nếu luận về pháp lợi, công đức vô biên, hư không có thể lường, yếu chỉ đây khó tận. Do đó, trong Thai Giáo nói: "Nếu người muốn được tất cả Phật pháp tướng tốt oai nghi, âm thanh nói pháp, mười phương không khiếp sợ là, phải hành Nhất Hạnh Tam-muội đây. Cần chuyên hành trì chẳng biếng lười thì năng được vào, như châu ma-ni tùy mài tùy sáng, chứng công đức chẳng thể nghĩ bàn". Nhất Hạnh Tam-muội là, buộc duyên pháp giới. Một niệm pháp giới, tin tất cả pháp đều là Phật pháp, không trước không sau, không bờ khoảng, trú chỗ Phật trú như chư Phật trú an ở pháp giới tịch diệt trong tạng bí mật, thì lý không gì chẳng viên, sự không gì chẳng đủ, nên xưng là bí mật, cũng gọi là tổng trì, rốt ráo chỉ về tự tha đều lợi. Tại sao đều lợi? Vì bình đẳng vậy. Tại sao bình đẳng? Vì không Tịnh độ vậy. Như trong kinh Nhập Phật Cảnh Giới có kệ tụng nói:

"Vào các định không tướng,
Thấy các pháp tịch tĩnh,
Thường vào bình đẳng vậy,
Kính lễ không chỗ quán."

Lại, tất cả pháp có sự có lý, đủ thể đủ dụng, chẳng thể thiên chấp, trái viên thừa đây. Vì định tự tánh là lý, dụng dẫn phát định là sự, nhân sự hiển bày lý thì lý rõ ràng, nhân lý thành sự, sự mới tròn đủ. Vì lý của tánh thật, sự của tướng hư, thể dụng hoàn toàn giao nhau, ẩn hiển đồng thời, vô ngại song hành năng khế hợp Tông kính. Nếu chỉ tu sự, quyết định chỉ tập thế tục thiền. Tuy nói tu hành còn sinh ác quán vì chẳng chế ý địa chưa đoạn nguồn đó, nhiều kiếp luyện mài, trái ngược chìm đắm đường khổ. Do đó, trong kinh Đại Niết-bàn nói: "Tất cả phàm phu tuy gìn giữ thân tâm, còn có sinh nơi ba thứ ác giác". Ba ác giác là: Dục giác, nhuế giác và hại giác. Vì tham dục nên tức sinh sân nhuế, nhân

sân nhuế nên bèn hành tổn hại. Phàm, tu hành hướng đến đạo vốn là ra khỏi bùn sình của năm dục, vụt cầu lợi dưỡng danh văn như đạp đất của rắn hổ. Phàm người tu thiền định hộ niệm, còn bị giác quán duyên bên ngoài phá hoại, huống gì người ngang dọc buông lung, nên biết đêm ngày thường bị lửa dục phiền não thiêu đốt. Giặc oán giác quán xâm hại. Vì vậy, Uất-đầu-lam-phất dùng trí thế tục khuất phục đất hoặc, gìn giữ định phi tưởng, đủ năm thần thông. Bấy giờ vua kính trọng, mời vào cung cúng dường. Vua nhân ra đi tuần, bảo ái nữ y như nghi cũ trước cúng dường Uất-đầu-lam-phất. Vương nữ trân kính, tiếp chân lễ bái, Uất-đầu-lam-phất xúc chạm tay thân nữ, nhân đó khởi tham bèn sinh dục giác, bèn mất thần thông, ăn cơm xong rồi, tính bày kế khác, nói với Vương nữ rằng: “Lúc ta đi lại đều cưỡi thần thông, người trong nước nghĩ kính chẳng do đâu thấy ta. Nay ta ăn xong, ý muốn đi bộ trở về khiến mọi người trong nước đều được thấy ta”. Vương nữ cho là thật đưa tiễn ra cửa các. Đi bộ về núi, đã mất thần thông tình hoài buồn bã, bèn ngồi ngay giữa rừng chầm, khiết tịnh ý chí an trú tọa thiền giữa rừng, chim hót ồn ào, náo loạn thời gian lâu mà chẳng được định. Uất-đầu-lam-phất bèn chuyển dời đến bên bờ ao, an bài tọa thiền, trong ao cá lội quậy om sòm, thiền tư lại chẳng được định. Nhân đó khởi sân bèn sinh nhuế giác, bèn phát nguyện ác, nguyện ta đời sau làm thân thủy lại (Rái cá) mang lông, trên cây thì hại chim vào nước thì ăn cá, báo oán cá chim, thề chẳng tạm bỏ, nhân đó bèn khởi hại giác, trước sau lại dời đổi khác xứ, chuyên chí tập thiền, lâu mới được định, y như trước chứng đắc phi tưởng Tam-muội. Sau khi mạng chung, sinh lên trời phi tưởng, thuận sinh thọ nghiệp tám muôn đại kiếp, thọ dị thục quả, tám muôn kiếp mãn thuận thọ nghiệp sau đáp nguyện ác trước, sinh ở cõi Dục làm thân thủy lại, cũng gọi là thân chồn bay, nếu đến nơi nào, dưới nước hay trên đất giữa không không, tất cả các vật mạng thảy đều ăn hết. Nên trong kinh nói: “Tuy đoạn phiền não, sinh ở phi tưởng vẫn còn trở lại đọa trong ba đường xấu ác”. Tức nghĩa đây vậy. Nên phải trước vào Tông Kính thấu đạt một tâm căn bản muôn hạnh, sau đó, phước trí trang nghiêm thì chẳng uổng công trình, trọn không thối chuyển. Được yếu chỉ đây thì đại trí tròn sáng. Được sự đó thì đại dụng thành tựu, như Sư tử phấn tấn thành tựu pháp giới chúng sinh, như voi chúa xoay quanh mở phát mười phương hàm thức. Nên trong luận Hoa Nghiêm nói: “Sư tử phấn tấn Tam-muội là, ở mười phương thế giới, khắp đồng tất cả chúng sinh tưởng niệm. Tác dụng mà thành thục đó, đại dụng mà không làm, là nghĩa phấn tấn. Phàm, vào Tông Kính muôn sự tròn đây.

Ngoài kính, (gương) lại không một pháp có thể được. Như trong kinh Di Giáo nói: "Cho nên các ông phải khéo chế tâm, chế tâm một chỗ không sự gì chẳng xong. Nếu chẳng chế tâm thì điều đó không thể có." Một niệm mới khởi sinh tử như khói, giá thuyền bè năm ấm sáu nhập, kết hang hốc của mười hai chủng loại, như từ trong một vọng niệm kết thành mười hai loại, căn trần đối nhau, phát thức tạo nghiệp. Nhân lúc sắc có tình thấy sinh tưởng, ở hai pháp tình tưởng đây, mỗi mỗi sinh bốn tướng, từ tình trên sinh: Một, có sắc. Hai, không sắc. Ba, chẳng phải có sắc. Bốn chẳng phải không sắc. Từ tưởng trên sinh: Một, có tưởng; hai, không tưởng, ba chẳng phải có tưởng; bốn chẳng phải không tưởng. Thai nhân tình có, trứng là tưởng sinh, tình tưởng hợp là thấp sinh, tình tưởng là là hóa thiện. Tình trên không sắc thì là không tan tiêu chìm, tưởng trên không tưởng thì là đất gỗ gốc cây. Hai đây tuy thuộc vô tình, nhưng đều từ thức biến, nếu một niệm chẳng sinh thì các loại điều tuyệt. Do đó, trong Tín Tâm Minh nói: "Nếu tâm chẳng khác, muôn pháp một như, nếu mắt chẳng ngủ các mộng tự trừ." Lại, trong kinh nói: "Thí như động mắt năng lay nước lắng", vì mắt nhọc quán nước, thấy nước có động, mắt nếu chẳng máy thì nước ao chẳng lay. Vọng kiến nếu trừ, cũng không tướng của cỏ cây thành hoại. Nếu khắp mắt thấy sắc do có sắc ấm, khắp thân thọ khổ lạc, do có thọ ấm, khắp tâm tức loạn do có tưởng ấm, khắp mắt thấy sánh diệt, do có hành ấm, tinh minh lắng chẳng lay ở tức thức ấm. Lại, nếu vì khắp thân châm chích đều biết chẳng kẹt phân biệt thì là thức ấm, nếu lần lượt phân biệt thì các thức ấm khác. Nên biết một niệm vừa mới khởi năm ấm đều sinh, thức nhỏ nhiệm chưa mất, sáu trần chẳng diệt. Nếu nghĩa của Duy thức, đèn thường chiếu thì vọng do đâu sinh, trí của một tâm, gương luôn sáng, yếu chỉ trọn chẳng mờ.

Hỏi: Bốn hoằng mười độ đều có thể phát hạnh, cớ sao phải nương một tâm đầy đủ đạo của Bồ-đề?

Đáp: Nếu chẳng nương một tâm, người cầu Đại thừa, nghi tình chưa đoạn, các bậc Cổ đức nói: "Cầu Đại thừa là chỗ nghi có hai. Phàm pháp Đại thừa, thể là một hay là nhiều, nếu đó là một tức không pháp khác, không pháp khác tức không có chúng sinh, Bồ-tát vì ai phát hoằng thệ nguyện? Nếu nhiều pháp tức chẳng phải một thể, chẳng phải một thể nên vật ngã mỗi riêng biệt, làm sao được khởi đồng thể Đại Bi. Do đó, nghi hoặc chẳng năng phát tâm, nay vì dứt trừ hai nghi đây, lập pháp một tâm, mở hai thứ môn chân như sinh diệt thể dụng. Lập pháp một tâm là, dứt trừ nghi đầu tiên kia, rõ pháp đại thừa chỉ có một tâm. Bên

ngoài của một tâm lại không pháp riêng biệt, chỉ có vô minh mê tự một tâm, khởi các gợn sóng lưu chuyển sáu đường, tuy khởi gợn sóng của sáu đường, chẳng vượt ngoài biển của một tâm. Bởi vì một tâm động làm sáu đường, nên được phát nguyện của hoằng thệ, sáu đường chẳng vượt ngoài một tâm, nên năng khởi đồng thể đại bi. Như vậy nương nơi một tâm năng dứt trừ hai nghi, được phát đại tâm đầy đủ Phật đạo. Trong Hoa Nghiêm Diễn Nghĩa Ký nói: "Như Lai pháp thân quán là trước quán phát khởi hạnh nguyện vi diệu của Bồ-tát Phổ Hiền, lại nên dùng Tam mật gia trì thân tâm thì năng vào biển Đại trí tuệ của Bồ-tát Văn-thù Sư-lợi. Nhưng tu hành đầu tiên ở nơi không nhàn, nhiếp niệm an tâm, nhắm mắt thân ngay kiết-già mà ngồi, vận tâm duyên khắp vô biên cõi nước, quán chắc ba đời tất cả Như Lai, khắp ở trước mỗi mỗi Phật Bồ-tát, ân cần cung kính lễ bái đi nhiễu, lại dùng các thứ cúng cụ như mây biển, phụng hiến tất cả Thánh chúng như vậy, cúng dường rộng lớn rồi, lại nên quán tự tâm. Tâm vốn chẳng sinh, tự tánh thành tựu, ánh sáng chiếu khắp giống như hư không. Lại nên khởi bi niệm sâu sắc xót thương chúng sinh chẳng ngộ tự tâm luân hồi các thú, ta phải hóa khắp cứu tế, khiến nó khai ngộ hết không có thừa. Lại nên quán sát tự tâm, tâm các chúng sinh và tâm chư Phật vốn không có khác, bình đẳng một tướng thành Bồ-đề, sáng suốt thanh tịnh rỗng rang khắp cùng, tròn sáng ngời sạch thành Đại nguyệt luân, lượng đồng hư không không có ngằn mé, đó vì thế giới nhiễm tịnh pháp môn đại tiểu, cho đến sáu độ muôn hạnh đều từ tâm phàm Thánh hiện. Nên trong kinh nói: "Bồ-tát Ma-ha-tát dùng tâm lìa cấu, hiện thấy vô vi chân như pháp giới, dùng tâm tự tại hiện sinh ba cõi, vì giáo hóa các chúng sinh kia vậy". Lại trong kinh nói: "Nương tự tâm nhiễm hư vọng, chúng sinh nhiễm, nương tự tánh tâm thanh tịnh, chúng sinh tịnh". Trong kinh Các Pháp Không Hành nói: "Tuy tán thán phát tâm Bồ-đề, mà biết tâm tánh tức là Bồ-đề, tuy tán thán kinh Đại thừa, mà biết tất cả các pháp đều là Đại tướng, tuy nói Đạo Bồ-tát mà chẳng phân biệt A-la-hán, Bích-chi-phật và chư Phật, tuy tán thán bố thí mà thông đạt bố thí tướng bình đẳng, tuy tán thán trì giới, mà rõ biết các pháp đồng là giới tánh, tuy tán thán nhẫn nhục, mà rõ biết các pháp đồng là giới tánh, tuy tán thán nhẫn nhục, mà rõ biết tướng các pháp không sinh không diệt vô tận. Tuy tán thán tinh tấn mà biết tướng các pháp chẳng phát chẳng hành. Tuy tán thán các thứ thiền định mà biết tướng tất cả pháp thường định. Tuy tán thán các thứ trí tuệ mà rõ biết thật tánh của trí tuệ, tuy nói lỗi lầm của tham dục, mà chẳng thấy pháp có thể tham trước, tuy nói lỗi lầm của

sân nhuế mà chẳng thấy pháp có thể sân, tuy nói lỗi lầm của sân nhuế mà chẳng thấy pháp có thể sân, tuy nói lỗi lầm của ngu si mà biết các pháp không si không ngại, tuy chỉ bày khổ của chúng sinh đọa ba đường xấu ác khiếp sợ, mà chẳng được tướng của địa ngục ngạ quỉ súc sinh. Các Bồ-tát như vậy tuy tùy chỗ năng tin hiểu của chúng sinh, dùng sức phương tiện mà vì nói pháp, mà tự tin hiểu pháp của một tướng, nên biết ngoài tâm không pháp, ở Đệ nhất nghĩa mà chẳng động. Vì người chưa tin, dùng sức phương tiện tuy nói các thứ đạo, kỳ thật là một thừa. Do đó, trong Bát-nhã nói tất cả pháp đều Ma-ha-diễn không gì chẳng vận chuyển. Trong kinh Tư Ích nói rõ hiểu các pháp là Bồ-tát hành khắp, trong kinh Hoa Nghiêm phẩm Nhập Pháp Giới nói chẳng động Kỳ viên, trong kinh Tịnh Danh nói: Một niệm biết tất cả pháp là đạo tràng, nên biết một pháp đủ khắp, không sự nào chẳng gồm, có thể gọi là viên mãn Bồ-đề thành tựu Phật đạo, cho đến tọa thiền thấy cảnh các ma sự khởi, chỉ rõ một tâm, cảnh giới tự diệt, có thể gọi là diệu thuật giáng ma, linh phương trị hoặc, chẳng phải dùng tâm thần an nhiên vào đạo. Trong luận Đại Thừa Khởi Tín nói: “Tu hành chỉ là trú nơi tịch tĩnh kiết-già mà ngồi, ngay thân chánh ý chẳng nương hơi thở, chẳng nương hình sắc, chẳng nương hư không, chẳng nương địa, thủy, hỏa, phong cho đến chẳng nương thấy hay biết, tất cả phân biệt tưởng niệm đều trừ, cũng dứt trừ tưởng. Vì tất cả pháp chẳng sinh chẳng diệt đều không tướng vậy. Tâm trước nương cảnh vì xả ở cảnh, ý sau nương tâm, lại xả nơi tâm, vì tâm rong ruổi cảnh bên ngoài gồm trú tâm bên trong. Sau lại khởi tâm chẳng thủ tướng tâm, vì lìa chân như chẳng thể được vậy. Cho đến ma sự hiện tiền, nghĩ tất cả kia đều là tư duy, sát-na tức diệt, xa lìa các tướng, vào chân như Tam-muội, tướng tâm đã lìa, chân tướng cũng tận. Trong luận Ma-ha-diễn giải thích rằng: “Hoặc chân hoặc ngụy chỉ tự vọng tâm hiện lượng cảnh giới không có thật đó, không chỗ đắm trước vậy. Lại, hoặc chân hoặc ngụy đều một chân như đều một pháp thân không có riêng khác, chẳng đoạn trừ vậy. Vì vậy, chỉ rõ một tâm chẳng quên chánh niệm, tất cả cảnh giới tự nhiên tiêu diệt, có thể gọi là ứng niệm đoạn trừ, đâu nhọc công hạnh. Đây mới thật là yếu chỉ của Tổ sư từ Tây vức lại, là Chánh tông của chư Phật, viên tin viên tu chẳng đồng quyền tiệm, ngay đó được lực. Như Sư tử đến người, một dùi bèn thành, giống như vật báu của vua có thể gọi là đồng ban cho xe lớn cao rộng, đều cùng Như Lai bình đẳng diệt độ, đâu đồng chỗ nghèo bần vui thích pháp, thừa của hạ liệt ấy ư! Nếu có người chẳng tin chánh nghĩa Tông Kính đây, trái lại đọa lạc tư tưởng tà tư, theo giả chấp quyền mà

mê chân thật, như vàng đổi thau, phụng đá đổi gà rừng. Như ngu mù đây lỗi tại không mắt, như xưa có người cưỡi ngựa eo đeo dải vàng, thấy người cưỡi lừa thắt dây lưng lừa, bèn liền hỏi: Trong chợ vật gì là quý? Người kia đáp: Thắt dây lưng lừa điều rất quý, người ấy liền đổi đó. Hoặc vì sắc thanh mà bỏ chánh pháp, đó giống như vậy.

Hỏi: Đã một tâm viên mãn giác đạo, cớ sao lại phát các tâm Bồ-đề v.v... Nếu có năng phát thì có sở chứng. Năng sở đã thành thì nghĩa của chỉ một tức rơi đọa.

Đáp: Phàm, nói phát, tức không chỗ phát, trọn chẳng lìa tâm mà có Bồ-đề, lìa Bồ-đề mà có tâm. Trong kinh Đại Bảo Tích nói: "Tâm trong Bồ-đề chẳng thể được, Bồ-đề trong tâm cũng chẳng thể được. Lìa Bồ-đề, tâm chẳng thể được, lìa tâm, Bồ-đề cũng chẳng thể được. Cho đến nếu nói có thấy Bồ-đề mà thủ chứng đó, phải biết hạng đó tức là người tăng thượng mạn. Nếu năng tin hiểu như vậy, mới là người của chân phát tâm Bồ-đề". Trong kinh Bát-nhã nói: "Nếu Bồ-tát biết tâm tánh tức là Bồ-đề mà năng phát khởi tâm Đại Bồ-đề, đó gọi là Bồ-tát". Lại, Bồ-tát vô sở phát nói: Biết tất cả pháp đều không chỗ phát mà phát tâm Bồ-đề. Nhưng nơi chỗ chứng chân như, ngoài như không trí, năng phát diệu trí, ngoài trí không như, đều chiếu đều ngăn, chẳng còn chẳng sạch, chẳng hại mà hai, lý trí tơ phân. Hai mà chẳng hai, năng sở đều lắng, thì là một tâm Bồ-đề gốc của muôn hạnh, đã năng thông đạt pháp nhĩ lợi nha, vận đại bi của đồng thể, đâu có năng sở, vì phương tiện của không được, ai lập tự tha. Trong luận Chỉ Quán nói: "Phát tâm Bồ-đề chân chánh, đã nhận biết sâu xa cảnh chẳng nghĩ bàn, biết một khổ tất cả khổ, tự buồn thương khổ xưa trước khởi hoặc đam mê rượu sắc thanh thô tệ, buông lung thân miệng ý tạo nghiệp bất thiện, xoay vần đường ác, vòng quanh nhiệt não, thân khổ tâm khổ mà tự hủy thương, mà nay lại dùng lưới ái tự buộc, chỗ đèn si hại, trăm ngàn muôn kiếp, đâu gì thống khổ thay, giả sử muốn bỏ ba đường xấu ác vui thích năm giới mười thiện, tướng tâm tu phước, như chợ đổi chác càng tăng thêm tội, tợ cá vào miệng nơm, phù du đến trong đèn, tính cuồng sáng tà càng mê càng xa, khát lại uống muối, tóc rồng trói thân vào nước chuyển đau, da trâu buộc mình hướng mặt nhật càng chắc, mù vào rừng gai, rơi vực nước xoáy, nắm mũi nhọn ôm đuốc lửa, thống khổ nào có thể nói, đuôi hổ đầu rắn, sợ sao run tiếc, tự chỉ như vậy, thương tha cũng vậy, giả sử khiến đường nguy hiểm trở lại ra oán nước, trải qua đủ thứ đắng cay, chết đi mà sống lại, qua nơi thôn nghèo, làm thuê mướn một ngày, đêm ngủ nơi chòi tranh, chẳng chịu tiến tới trước, vui thích làm việc hèn,

chẳng tin chẳng biết, đáng thương đáng lạ, tư duy kia ta, nghẹn đau tự tha, liền khởi đại bi phát hai thệ nguyện chúng sinh vô biên thệ nguyện độ, phiền não vô tận thệ nguyện đoạn, tuy biết chúng sinh như hư không, thệ độ chúng sinh của như hư không, tuy biết phiền não không chỗ có, thể đoạn phiền não của không chỗ có. Tuy biết chúng sinh số rất nhiều, mà độ chúng sinh của nhiều nhiều, tuy biết phiền não không biên đáy, mà đoạn phiền não của không đáy, tuy biết chúng sinh như như Phật như mà độ chúng sinh của như Phật như, tuy biết phiền não như thật tướng mà đoạn phiền não của như thật tướng. Tại sao? Nếu chỉ nhổ khổ nhân nhổ khổ quả, thệ nguyện đây tạp độc, nên phải quán không, nếu thiên quán không thì chẳng thấy chúng sinh có thể độ, đó gọi là đắm trước không. Chỗ chư Phật chẳng hóa nếu thiên thấy chúng sinh có thể độ tức rơi đọa ái kiến đại bi, chẳng phải đạo giải thoát, nay thì chẳng phải độc chẳng phải ngụy, nên gọi là chân, chẳng phải không biên chẳng phải có biên, nên gọi là chánh, như chim bay giữa hư không, trọn chẳng trú giữa hư không, tuy chẳng trú giữa hư không, dấu vết chẳng thể tìm, tuy không mà độ, cho nên thể cùng hư không cộng đấu, nên nói phát tâm Bồ-đề chân chánh, tức ý đây vậy. Lại biết tâm chẳng nghĩ bàn, một tâm lạc, tất cả tâm lạc. Ta và chúng sinh xưa trước tuy cầu lạc, chẳng biết nhân lạc, như nắm ngói sỏi mà cho là châu như ý, vọng chỉ ánh sáng đom đóm mà gọi là nhật nguyệt. Nay mới bắt đầu hiểu, nên khởi đại bi, phát hai thệ nguyện, đó là: Pháp môn vô lượng thệ nguyện biết, Phật đạo Vô thượng thệ nguyện thành. Tuy biết pháp môn trọn vắng lặng như hư không, thệ nguyện tu hành trọn vắng lặng như hư không, tuy biết Bồ-đề không chỗ có, ta trong không chỗ có nên cầu đó, tuy biết pháp môn như hư không không chỗ có, thề họa vẽ trang nghiêm hư không, tuy biết Phật đạo chẳng phải thành chỗ thành, như trong hư không đồng cây khiến được hoa được quả, tuy biết pháp môn và Phật quả, chẳng phải tu chẳng phải chẳng tu, mà tu chẳng phải chứng chẳng phải đắc, vì không chỗ chứng đắc mà chứng mà đắc, đó gọi là chẳng phải ngụy chẳng phải độc, gọi là chân, chẳng phải không, chẳng phải kiến ái, gọi là chánh. Thệ nguyện từ bi như vậy, cùng cảnh trí chẳng thể nghĩ bàn, chẳng phải trước chẳng phải sau đồng thời đều khởi. Từ bi tức trí tuệ, trí tuệ tức từ bi, không duyên không niệm, che khắp tất cả, mặc tình nhổ khổ, tự nhiên ban vui, chẳng đồng độc hại, chẳng đồng chỉ không, chẳng đồng ái kiến, đó gọi là nghĩa phát tâm Bồ-đề chân chánh.

Hỏi: Trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng nói:

“Thiền định trì tâm thường một duyên

Trí tuệ rõ cảnh đồng Tam-muội.
Làm sao ngộ nhập một tâm năng
Khiến căn cảnh đều thành Tam-muội?".

Đáp: Trong ngoài tất cả cảnh giới đều từ chân như một tâm mà khởi, chân như chẳng động nên xưng là Tam-muội Vương, vì thống ngự tất cả muôn hạnh muôn pháp nên được xưng là vương, không có một pháp nào chẳng từ một tâm chân như Tam-muội mà khởi, đây là căn bản của tất cả Tam-muội. Rõ căn bản đây thì từ chỗ bản hiện, niệm niệm trần trần đều thành Tam-muội, vì gốc ngọn không khác vậy. Trong kinh Đại Bảo Tích có kệ tụng nói: "Như dùi cây ra lửa, cần nhờ lực các duyên, nếu duyên chẳng hòa hợp, lửa trọn chẳng được sinh, là tiếng chẳng vui ý, rốt ráo không chỗ có. Biết tiếng tánh không vậy, sân cũng chẳng lại sinh, sân chẳng tại nơi tiếng, cũng chẳng trú trong thân. Nhân duyên hòa hợp khởi, lìa duyên trọn chẳng sinh, như nhân duyên lửa thảy, hòa hợp sinh tô lạc, sân tự tánh không khởi, nhân nói sự thô ác. Người ngu chẳng năng rõ, nhiệt não tự thiêu đốt, nên phải biết như vậy, rốt ráo không chỗ có, sâu tánh vốn vắng lặng, chỉ có ở giả danh, sân nhuế tức thật tế, vì nương chân như khởi, rõ biết như pháp giới, đó là sân Tam-muội". Lại có kệ tụng khác nói: "Thân hại Dạ-xoa đó, từ nơi tự tâm khởi, trong đó không có thật, vọng sinh ở khiếp sợ, cũng không có tâm sợ, mà sinh ở khiếp sợ, quán pháp chẳng phải thật, không tướng không chỗ được, không không xứ vắng lặng. Hiện thân Dạ-xoa đây, biết hư vọng như vậy, là Dạ-xoa Tam-muội". Như Dạ-xoa một thân ở ngoài tướng phần rất thô ác, khiến người khiếp sợ, một môn của sân là căn bản phiền não, rất năng phiền loạn. Hai pháp trong ngoài đây còn thành Tam-muội, nêu một ví như các thứ khác, có thể là gương rùa, ngoài đó ra tất cả tâm gương tức không gì chẳng phải là Tam-muội vậy. Trong kinh Lăng-già nói: "Phật bảo: Đại Tuệ! Thế nào là Tam-muội Lạc chánh thọ ý sinh thân? Nghĩa là thứ ba thứ tư thứ năm địa Tam-muội lạc chánh thọ. Nên các thứ tự tâm vắng lặng an trú biển tâm, khởi sóng thức tướng chẳng sinh diệt tự tâm hiện cảnh giới tánh chẳng phải tánh, đó gọi là Tam-muội lạc chánh thọ ý sinh thân". Nên biết rõ cảnh tức tâm, tại không một vật, hội ở gốc lặng tức biển tâm thường an, phân biệt chẳng khởi tức là chánh thọ. Vì vậy, không vật có thể nạp, gọi là chánh thọ, không cảnh có thể động, gọi là chánh định. Trong kinh Thủ-lăng-nghiêm Tam-muội nói: "Hỏi: Hiện ý Thiên tử! Bồ-tát phải tu pháp gì đắc Tam-muội đó? Thiên tử đáp: Muốn đắc Tam-muội phải hành phàm pháp, nếu phàm pháp chẳng hợp chẳng tan, đó gọi là

tu hành Lăng Nghiêm Tam-muội. Lại hỏi: Trong pháp chư Phật có hợp tan ư? Thiên tử đáp: Phàm pháp còn không hợp tan, huống gì là Phật pháp. Làm sao tu tập? Nếu thấy pháp phàm pháp Phật chẳng hai, đó gọi là tu tập". Vì vậy, rõ một tâm, thành môn của hiện, thì không tu mà tu, đạt muôn pháp, thể của đầy đủ, là chẳng tập mà tập, ra vào không ngằn mé, tâm cảnh một như, tức ở trong tất cả pháp sai biệt, niệm niệm vào, niệm niệm khởi vậy. Nên trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Phật tử! Vị Đại Bồ-tát vào Tam-muội tất cả chúng sinh thân sai biệt. Ở Tam-muội đây, thân bên trong vào thên bên ngoài khởi, thân bên ngoài vào thân bên trong khởi. Đồng thân vào khác thân khởi, khác thân vào đồng thân khởi, cho đến nhãn xứ nhĩ xứ khởi. Nhĩ xứ vào nhãn xứ khởi, tỷ xứ vào thiệt xứ khởi, thiệt xứ vào tỷ xứ khởi, thân xứ vào ý xứ khởi, ý xứ vào thân xứ khởi, tự xứ vào tha xứ khởi, tha xứ vào tự xự khởi, trong một vi trần vào vô số thế giới trong vi trần khởi. Vô số thế giới trong vi trần vào trong một vi trần khởi. Chẳng chỉ căn cảnh đều thành Tam-muội mà muôn pháp đều làm trí môn, nhân ánh sáng của Tông Kính đây, có thể gọi là rất thiện rất mỹ. Tại sao? Thể bao hàm rỗng lặng chẳng thể tán thán đẹp xinh đó. Lý tuyệt thấy nghe, chẳng thể viết lỗi đó, khỏi đây trở xuống đều rơi đọa hình sinh thì khó trốn khỏi hủy báng hay tán thán vậy. Như người xưa nói: Phàm, đại đạo hỗn loạn vậy không hình lặng lẽ không tiếng, nhìn đó chẳng thấy, nghe đó chẳng nghe, chẳng phải có thể dùng ảnh hưởng biết, chẳng được dùng khen chê xưng vậy. Khỏi đây trở đi thì sự chẳng đều đẹp, danh chẳng đều thạnh vậy. Tuy lớn của trời đất, sáng của ba thứ ánh sáng, trí của Thánh hiền, còn chưa khỏi bởi khen chê vậy. Nên trời có tượng của nứt nẻ, đất có hình của xé rách, nhật nguyệt có biến của nhật Thực nguyệt Thực, năm sao có yêu của sao chổi, Nghiêu có chê cũng chẳng từ, Thuấn có báng của dối cha. Thang có khen của thả vua, Vũ Vương có dèm của giết chủ. Tề Hoàn có mất của tham dâm, Tấn Văn có tiếng của chẳng tôi. Y Doãn có vết của không vua, Quản Trọng có tên giảo hoạt với bề trên. Vì phàm, linh của Nhị nghi thất diệu chẳng năng không khuyết trần. Thánh như Nghiêu Thuấn Thang Vũ, chẳng năng khỏi hiềm ghét phỉ báng. Hiền như Hoàn Văn Y Quản, chẳng năng dứt trừ mảy may lỗi lầm. Do đây mà quán sát trong vũ trụ hàng dung tục sao năng tự khỏi oán báng, mà không hối hận vậy. Nếu dùng tâm trí thông linh thành hóa của vô vi thì muôn lụy chẳng năng liên can vậy.

Hỏi: Chỉ thú một tâm bởi là tổng môn, pháp nghĩa khó rõ rộng phải lễ bái. Vật thế nào là pháp, thế nào là nghĩa?

Đáp: Pháp vốn không sai, tùy nghĩa có riêng biệt, từ pháp sinh nghĩa sai biệt khó rõ, nhân nghĩa hiển bày pháp một tâm dễ rõ. Thiền nguyên tập dùng so sánh giải thích hai môn pháp nghĩa, như vàng thật tùy duyên thợ v.v... làm ra vật vòng xuyến v.v... tánh vàng hẳn chẳng biến làm đồng sắt, vàng tức là pháp, chẳng biến tùy duyên là nghĩa. Giả sử có người hỏi vật gì chẳng biến, vật gì tùy duyên. Chỉ khiến đáp là vàng vậy, để dụ một tạng kinh luận nghĩa lý chỉ là nói tâm, tâm tức là pháp, tất cả là nghĩa. Nên trong luận nói: "Nói pháp là tức tâm chúng sinh." Trong kinh nói: "Vô lượng nghĩa là từ một pháp sinh, nhưng vô lượng nghĩa bao gồm chỉ hai thứ: Một chẳng biến, hai tùy duyên". Các kinh chỉ nói tâm đây tùy duyên mê ngộ mà thành tựu dơ sạch phàm Thánh v.v... cũng chỉ nói tâm đây lúc dơ sạch v.v... vốn là chẳng biến thường tự tịch diệt, chân thật như như v.v... giả sử có người hỏi: Pháp nào chẳng biến, pháp nào tùy duyên? Chỉ nên đáp là tâm vậy, chẳng biến là tánh, tùy duyên là tướng. Phải biết tánh tướng đều là nghĩa một tâm trên. Nay hai tông tánh tướng qua lại chẳng phải là bởi vì chẳng biết chân tâm. Mỗi lúc nghe chữ tâm, liền cho là, chỉ là tám thức. Chẳng biết tám thức chỉ là nghĩa của chân tâm tùy duyên. Nên Bồ-tát Mã Minh lấy một tâm làm pháp, lấy hai môn chân như sinh diệt làm nghĩa. Trong luận nói: Nương ở tâm đây hiển bày nghĩa Ma-ha-diễn, tâm chân như là thể, tâm sinh diệt là tướng dụng, chỉ nói tâm đây chẳng hư vọng nên gọi là chân, chẳng biến đổi nên gọi là như, chẳng giữ tự tánh nên tùy duyên, vì tùy duyên nên thành vô lượng nghĩa. Lại do chẳng biến nên mới đầu năng tùy duyên, do tùy duyên, nên mới năng chẳng biến. Tại sao? Nghĩa là nếu biến tự thể, lấy gì tùy duyên. Như không nước sao năng thành gợn sóng, nên biết một tâm chẳng động, nghĩa khắp cùng Hằng sa, tuy khắp cùng Hằng sa mà đều là nghĩa của một tâm.

Hỏi: Muốn tịnh cõi đó là phải tịnh tâm đó, thì ngoài tâm có cõi nước sao thành tự tịnh?

Đáp: Pháp thân cùng cực, cõi Thường tịch quang, lìa thân không cõi nước, lìa cõi nước không thân. Y báo là tướng của tâm, chánh báo là thể của tâm, thể tướng vô ngại, y chánh vốn đồng, do dó nhiếp cảnh về tâm, trong quán chân không thì nhiếp tướng về thể, hiển bày ra pháp thân, từ tâm hiện cảnh, trong quán diệu hữu thì nương thể khởi dụng, tu thành báo thân. Nếu trong quán tâm cảnh bí mật viên dung, thì tâm cảnh giao tham y chánh vô ngại. Tâm đó là tâm vô ngại, chư Phật chứng đó để thành pháp thân. Cảnh đó là cảnh vô ngại. Chư Phật chứng đó để thành Tịnh độ. Trong Tịnh Danh Sớ nói: Quán tâm giải thích bốn

thứ cảnh giới: Một, cảnh nhân duyên; Hai, cảnh không; Ba, cảnh giả; Bốn, cảnh Trung đạo. Cảnh là chỗ tâm nương trú, tức là cõi trên, chúng sinh là Phật bảo Tỳ-kheo các ông ngày đêm thường sinh vô lượng trăm ngàn chúng sinh, nay nhân duyên tâm nhiều cảnh cũng nhiều, tâm ít cảnh cũng ít. Quán tâm chiếu ít cảnh tức là cõi nước nhỏ, quán tâm chiếu nhiều cảnh cũng là nhiều cõi nước, quán nhân duyên cảnh như vậy tức là hóa chúng sinh, hoặc điều cảnh ác mà ngộ tức là cõi uế và trí tuệ Phật, hoặc quán cảnh thiện mà ngộ tức là cõi tịnh vào trí tuệ Phật, khởi căn Bồ-tát là, tùy chỗ quán trần của thiện ác, rõ biết trần đây tức là tất cả pháp, pháp đây xưa nay rốt ráo thường tịch. Cảnh của thường tịch phát ở chân trí. Chỗ chân trí nương cõi Phật tức cõi Thường tịch quang vậy. Lại nữa, hành nhân quán bốn cảnh đó, chẳng phải là tham trước cảnh giới, chỉ hóa phục tâm sở phiền não chúng sinh. Dụng bốn tâm đây mà khởi thệ nguyện. Nguyện pháp giới chúng sinh đều được như ta hóa tâm sở đây đều khiến thanh tịnh, tức là cõi tịnh an lập hữu vi duyên nhóm tập chúng sinh vậy. Hành nhân phải biết tất cả Bồ-tát làm sạch cõi nước Phật căn bản từ đây mà khởi, cây của hợp ôm khởi ở mảy mún. Lại, Thánh phàm đồng ở chung một cõi Diệu, chỗ chân tục nương chỉ một pháp thân. Sở nương chẳng hai, năng nương tự khác. Sở đã chẳng khác, năng cũng sao riêng biệt, từ vô thủy vọng tập cho là y chánh khác, nếu năng tất cả đều dung, đâu có thân cõi riêng thấy, như quán tâm đây thật chân Tịnh độ là chân liễu nghĩa. Nếu lìa đây là phần nhiều chấp văn theo ngữ sinh kiến. Trong Nghĩa Hải nói: “Mảy lông bụi trần cõi nước là y, thân Phật trí tuệ quang minh là chánh”. Nay trần đây là trí Phật hiện, khắp thể toàn là Phật trí, cho nên trong ánh sáng thấy cõi Phật v.v... Lại, cõi nước mảy trần v.v... toàn lấy Phật pháp giới như như làm thể mảy trần. Cho nên trong mảy trần hiện tất cả Phật sự, phải biết y tức chánh, chánh tức y. Cho đến một sự một pháp một sợi lông một mảy trần mỗi mỗi đều hợp ý chánh của thật như vậy, nên biết muôn tượng buộc lại, nhấc lên thì đồng loạt vậy.

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 82

Hỏi: Phàm, cớ sao một tâm mà thành chỉ quán?

Đáp: Pháp tánh tịch nhiên gọi là chỉ, tịch mà thường chiếu gọi là quán, chẳng phải năng sở quán chỉ là một pháp. Như Thai giáo tổng luận hai thứ chỉ quán: Một, chỉ quán đối đãi nhau; hai, chỉ quán dứt đối đãi, trước thì vụn độ, sau thì khéo độ. Chỉ quán đối đãi nhau có ba chỉ ba quán. Ba chỉ là: Một, nghĩa chỉ tức; hai, nghĩa đình chỉ; ba, nghĩa chẳng chỉ chỉ. Ba quán là: Một, nghĩa Quán xuyên; hai nghĩa Quán đạt; ba, nghĩa chẳng Quán quán. Tuyệt đãi chỉ quán là có ba chỉ ba quán. Ba chỉ là: Một, thể chân chỉ; hai, phương tiện tùy duyên chỉ; ba, tức Nhị biên phân biệt chỉ. Ba quán là: Một, từ giả vào không gọi là hai đế quán; hai là từ không vào giả gọi là bình đẳng quán; ba, hái quán làm tôn tượng đạo được vào Trung đạo, song chiếu hai đế, tâm tâm tịch diệt, tự nhiên chảy vào biển Tát-bà-nhã, gọi là Trung đạo đệ nhất nghĩa đế quán. Nay chỗ Tông Kính nói rõ, chỉ luận về yếu chỉ của một tâm viên đốn. Tướng viên đốn chỉ quán là dùng chỉ duyên ở đế thì một đế mà ba đế, dùng đế buộc ở chỉ thì mười chỉ mà ba chỉ. Thí như ba tướng tại một niệm tâm, tuy một niệm tâm mà có ba tướng. Chỉ đế cũng như vậy, pháp của sở chỉ tuy một mà ba. Tâm của năng chỉ tuy ba mà một vậy, vì quán quán ở cảnh thì một cảnh mà ba cảnh, vì cảnh phát ở quán thì một quán mà ba quán, như ba mắt trên mặt Ma-hê-thủ-la, tuy là ba mắt mà là một mặt. Quán đảnh cũng như vậy, quán ba tức một, phát một thì ba chẳng thể nghĩ bàn, chẳng quyền chẳng thật, chẳng hơn chẳng kém, chẳng trước chẳng sau, chẳng cùng chẳng riêng, chẳng lớn chẳng nhỏ. Nên trong luận Trung Quán nói: "Chỗ nhân duyên sinh pháp, tức không tức giả tức trung". Lại như trong kinh Kim Cang Bát-nhã nói: "Thí như người có mắt, ánh sáng mặt nhật tỏa chiếu, thấy các thứ sắc. Nếu mắt riêng thấy thì chẳng nên phải có mặt nhật. Nếu không sắc, tuy có mặt nhật, mắt cũng không chỗ thấy. Ba pháp như vậy chẳng khác thời, chẳng lìa nhau. Mắt dụ ở chỉ, mặt nhật dụ ở quán. Cảnh dụ ở sắc, ba pháp như

vậy chẳng trước chẳng sau, một lúc luận ba, luận một trong ba, cũng lại như vậy. Nếu thấy ý đây, tức hiểu giáo viên đốn, tướng chỉ quán vậy. Sao chỉ ba một một ba, bao gồm các nghĩa trước đều tại một tâm. Tướng đó thế nào? Thể vô minh điên đảo tức là chân của thật tướng, gọi là thể chân chỉ. Như thật tướng đây khắp cùng tất cả xứ, tùy duyên trải cảnh, an tâm chẳng động, gọi là tùy duyên phương tiện chỉ, sinh tử Niết-bàn tịnh tánh thôi dứt, gọi là tức nhị biên (bứt hai bên) chỉ. Thể tất cả các giả thảy đều là không, không tức thật tướng, gọi là vào không quán, lúc đạt không dây, quán ngầm Trung đạo, năng biết thế gian sinh diệt pháp tướng như thật mà thấy, gọi là vào giả quán. Như không tuệ đây tức là Trung đạo, không hai không riêng biệt, gọi là Trung đạo quán. Lúc của thể chân, năm trú bàn đá cát sỏi một niệm ngừng dứt, gọi là nghĩa chỉ tức. Tâm duyên Trung đạo vào tuệ chân thật, gọi là nghĩa đình chỉ. Tánh của thật tướng, tức nghĩa chẳng phải chỉ chẳng phải chẳng chỉ. Lại, một niệm đây năng xuyên suốt năm trú thấu đạt thật tướng. Thật tướng chẳng phải quán cũng chẳng phải chẳng quán. Như các nghĩa đây v.v... chỉ tại trong một niệm tâm, chẳng động chân tế mà có các thứ sai biệt. Trong kinh nói: Khéo hay phân biệt tướng các pháp, ở Đệ nhất nghĩa mà chẳng động, tuy nhiều danh tự, bởi là một pháp của Bát-nhã, Phật nói các thứ danh, các danh đều viên, các nghĩa cũng viên, đối đãi nhau, dứt đối đãi, đối thể chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể nghĩ bàn nên không có chướng ngại, không có chướng ngại nên đầy đủ không giảm, là giáo tướng viên đốn, hiển bày thể chỉ quán vậy. Lại, ba chỉ ba quán là nhân, chỗ được ba trí ba mắt là quả. Ba trí là: Nhất thiết trí, đạo chủng trí và Nhất thiết chủng trí. Ba mắt là: Mắt tuệ mắt pháp và mắt Phật. Nếu một tâm mắt trí là, mắt tức là trí, trí tức là mắt, mắt nên luận thấy, trí nên luận biết. Biết tức là thấy, thấy tức là biết, mắt Phật đủ năm mắt, trí Phật đủ ba trí. Vương Tam-muội, tất cả Tam-muội đều vào trong đó. Định Thủ-lăng-nghiêm gồm tất cả định. Đức Như Lai tuy đủ năm mắt, thật chẳng phân bày, chỉ căn cứ ở một mắt đủ có năm dụng năng chiếu năm cảnh. Sở dĩ như vậy là mắt Phật cũng năng chiếu sắc thô, như chỗ người thấy, cũng quá chỗ người thấy, gọi là mắt thịt, cũng năng chiếu sắc tế, như chỗ trời thấy cũng quá chỗ trời thấy gọi là mắt trời, thấu đạt sắc không thô tế, như chỗ hàng Nhị thừa thấy gọi là mắt tuệ, chiếu đạt giả danh chẳng sai nhầm, như chỗ Bồ-tát thấy gọi là mắt pháp, ở trong các pháp đều thấy thật tướng, gọi là mắt Phật. Phải biết mắt Phật viên chiếu không bỏ sót, nên trong kinh nói: “Năm mắt đầy đủ thành Bồ-đề, trọn cùng ba cõi làm cha mẹ”. Mà riêng xưng là mắt

Phật là như các dòng đổ chảy vào biển, mất danh tự gốc, chẳng phải không bốn dụng vậy. Trí Phật chiếu không, như chỗ hàng Nhị thừa thấy gọi là Nhất thiết trí. Trí Phật chiếu giả, như chỗ Bồ-tát thấy, gọi là Đạo chủng trí. Trí Phật chiếu không giả trung đều thấy thật tướng, gọi là Nhất thiết chủng trí, nên nói ba trí được trong một tâm. Nên biết một tâm, chỗ ba chỉ thành ba mắt, thấy ba đế chẳng thể nghĩ bàn. Thấy đây từ chỉ được, nên nhận tên mắt. Chỗ một tâm ba quán ba trí, biết ba cảnh chẳng nghĩ bàn. Trí đây từ quán được, nên nhận tên trí, cảnh đó cùng đế trái phải khác vậy, thấy đó cùng biết, nhãn mục các xưng, chẳng nên riêng biệt nói, tuy làm ba khuyết của ba chỉ ba quán, thật là một pháp chẳng nghĩ bàn vậy. Lại nói: Khéo hay an tâm là, dùng A-nan chỉ an ở pháp tánh, vô minh si hoặc vốn là pháp tánh, vì si mê nên pháp tánh biến làm vô minh, như ngủ lại biến tâm có các thứ mộng, tuy điên đảo khởi diệt như xoay vòng lửa, chẳng tin điên đảo khởi diệt. Chỉ tin tâm đây chỉ là pháp tánh, khởi là pháp tánh khởi, diệt là pháp tánh diệt, thể thật đó chẳng khởi diệt, vọng cho là khởi diệt. Vì pháp tánh buộc pháp tánh, vì pháp tánh niệm pháp tánh, thường pháp tánh không lúc nào chẳng là pháp tánh. Thể đạt đã thành, chẳng được vọng tưởng, cũng chẳng được pháp tánh, trở lại nguồn gốc pháp giới đều vắng lặng, đó gọi là chỉ. Quán là, quán sát tâm của vô minh v.v... ở pháp tánh xưa nay đều không. Thí như kiếp tận trở xuống v.v... tất cả vọng tưởng thiện ác đều như hư không, không hai không riêng biệt. Lại như kiếp tận từ đất lên đến sơ thiền, hừng hực không đâu chẳng là lửa. Như tướng của chỗ Bồ-tát Hư Không Tạng hiện tất cả đều không, như chỗ Đức Như Lai Hải Tuệ hiện tất cả đều nước, chỗ giới ấy niệm khởi niệm niệm là không đâu chẳng là tức không, không cũng chẳng thể được, như lửa cây năng khiến củi cháy cũng là tự cháy. Pháp giới rỗng sáng đều là Đại minh, gọi đó là quán, chỗ chỉ nói chỉ là, còn chẳng được pháp tánh, huống gì vọng tưởng, chỗ nói là quán là, còn chẳng được không, huống gì có pháp thì có không đều vắng lặng, nhiễm tịnh song dung mới thành cứu cánh một tâm chỉ quán vậy. Lại, chỉ quán dứt đối đãi là, dứt các đối đãi ngang dọc, dứt các nghĩ bàn, tuyệt các giáo quán, thảy đều chẳng sinh, nên gọi là chỉ. Chỉ cũng chẳng thể được, quán ngầm như cảnh, cảnh đã tịch diệt thanh tịnh, còn không thanh tịnh, sao được có quán. Người đời ước các thứ ngôn ngữ giải thích nghĩa dứt tuyệt đối đãi, trọn chẳng được tuyệt, nếu được ý quên lời, tâm hành cũng đoạn, tùy trí diệu ngộ, lại không phân biệt, duyên lý phân biệt, đều gọi là đối đãi, chân tuệ khai phát dứt tuyệt các đối đãi đây, tuyệt tức là dứt, các pháp chẳng đối đãi

nhau, cho đến một niệm chẳng trú, tức ý đây vậy. Trong Phụ Hành Ký nói: "Nếu môn không sinh ngàn muôn lớp lớp chỉ là một tâm "là, vì người muốn quán chỉ tâm khó xác đáng nên nhân bày chánh ý đó, gọi là một tâm. Đây tức chánh nói rõ môn của một tâm không sinh, cho đến đã ở niệm niệm chỉ quán hiện tiền, căn cứ tâm niệm đây, gọi là chúng sinh. Tại sao? Vì gần nhóm từ trước lại hoặc ngang hoặc dọc đã vào một tâm. Phàm, một niệm khởi chẳng lìa nơi ngã, ngã tức chúng sinh, thấu đạt niệm niệm tâm, mà vắng lặng mà chiếu. Vắng lặng nên gọi là chỉ, chiếu nên gọi là quán, một tâm đã vậy các tâm cũng vậy. Chỉ quán là nhân, mắt trí là quán, trong mỗi mỗi niệm không gì chẳng phải chỉ quán mắt trí vậy. Như ba một trên, nếu ba có thể ba, bèn thành sai biệt. Có một có thể một, bèn thành không sai. Nếu sai thì mất không sai, nếu không sai thì mất sai, mở một làm ba thì mất một, hợp ba làm một thì mất ba. Nay rõ ràng chẳng như vậy. Xưa trước ba như là nay một, nay một như là xưa trước ba mở ba chẳng mất một, hợp một chẳng mất ba, tức là sai tức không sai, không sai tức sai, nếu được ý đây, vốn có nay không ba đời có pháp, điều ấy không thể có. Cũng nên so sánh là, vốn không nay có, ba đời có pháp, nay có điều đó, vô thường chẳng phải vô thường, cảnh trí chẳng phải cảnh trí, nhân quả chẳng phải nhân quả, sánh ví đều như vậy, xưa trước ba như nay một, nay một như xưa trước ba là, tức là chẳng động, tánh của chúng sinh năng thành tánh của chư Phật, cũng là từ thật mở quyền, họp quyền về thật, cũng là nhân quả đồng thời mê ngộ một khoảng, nên nói chỗ các ông hành là đạo của Bồ-tát, tất cả chúng sinh tức là tướng Niết-bàn. Lại nói: Một tâm ba quán, ba quán một tâm. Nếu ba quán một tâm tức căn cứ dọc mà nói, một tâm ba quán tức căn cứ ngang mà nói. Nay chẳng phải dọc nên chẳng một, chẳng phải ngang nên chẳng ba. Ba một một ba chỉ là nghĩa chân tâm trên, chẳng thể định chấp là một hay là ba, giải của chẳng phải ba hay chẳng phải một, vì tông chẳng phải số lượng, đạo dứt lời lẽ vậy.

Hỏi: Trong kinh nói: Tất cả người vô ngại, một đạo ra sinh tử. Cớ sao lập nhiều thứ quán môn, hành tướng sai biệt ư?

Đáp: Sở quán là một, năng quán tự khác, chư Phật tùy theo căn cơ, mất bày khéo léo. Lại, pháp là tâm thể, quán là tâm dụng. Tự tâm khởi dụng trở lại chiếu tự thể, như bật đèn sinh ngọn lửa sáng trở lại chiếu đèn, tợ châu ngọc nhả ánh sáng, trở lại soi chiếu thể châu ngọc. Như trong kinh Hoa Nghiêm nói Đồng tử Thiện Tài tham kiến Trưởng giả Di-già, thấy suốt mười phương cõi Phật. Hiển bày định đây là quán

của Duy tâm. Biết chúng sinh giới vô lượng vô biên đều là tâm hiện, nên rõ tùy tâm niệm Phật chư Phật hiện tiền, vì duy tâm quán khắp gần muôn hữu. Vì vậy Tôn giả Trạm Nhiên nói: "Bậc thượng căn chỉ quán một", đó là quán cảnh chẳng thể nghĩ bàn, cảnh là sở quán, quán là năng quán, sở quán là ấm giới nhập chẳng vượt ngoài sắc tâm. Sắc từ tâm tạo, toàn thể là tâm, năng tạo đây đầy đủ các pháp. Chúng sinh lý đủ, chư Phật đã thành, thành đó và lý không gì chẳng là tánh v.v... có kệ tụng nói:

"Tất cả tâm trong mỗi mỗi tâm
Tất cả trần trong mỗi mỗi trần
Tất cả trần trong mỗi mỗi tâm
Tất cả tâm trong mỗi mỗi trần
Tất cả cõi trong mỗi mỗi trần
Tất cả cõi trần cũng như vậy
Các pháp các trần các cõi thân
Thể đó đều là không tự tánh
Không tánh xưa nay tùy vật biến
Sở dĩ vào nhau sự luôn phân
Nên thân tâm ta cõi trần khắp
Chư Phật chúng sinh cũng như vậy
Mỗi mỗi thân cõi thể luôn đồng
Nào phòng tâm Phật chúng sinh khác
Khác nên phân biệt duyên nhiễm tịnh
Duyên thể vốn không không chẳng không.
Ba đế ba quán ba chẳng ba
Ba một một ba không chỗ cậy.
Đế quán tên riêng thể lại đồng
Cho nên năng sở hai chẳng hai,
Lúc quán như vậy là quán tâm tánh
Tùy duyên chẳng biến nên gọi là tánh
Chẳng biến tùy duyên nên gọi là tâm
Nên diệu cảnh đây là gốc các pháp
Nên diệu quán đây là nguồn các hành.

Bậc thượng căn một lần quán ngang dọc gồm khâu, bèn biết không tướng, các tướng rõ ràng. Nếu hạng trung hạ căn chẳng lưu lại quán đây, thì tùy có sai biệt, giáo phân nhiều thứ, tuy nói các thứ đạo, kỳ thật là Phật thừa. Phật thừa chẳng động các thứ tùy tâm, như châu ngọc pha lê tùy cảnh trần trước mà biến các sắc. Nếu là kim cang báu

đặt giữa ngày mà không định hình.

Hỏi: Tự tánh tâm thanh tịnh vốn không cấu nhiễm, cớ sao nói nghĩa của đoạn hoặc?

Đáp: Có hai thứ tâm: Một, tự tánh tâm thanh tịnh; Hai, lìa cấu tâm thanh tịnh. Vì tự tánh tâm tuy vốn thanh tịnh, vì khách trần chẳng nhiễm mà nhiễm, tu các đối trị được thành lìa cấu, chưa hẳn có cấu có thể lìa, vì tự tánh lìa vậy. Đây tức chẳng đoạn mà đoạn, chẳng phải có năng đoạn mà không sở đoạn. Đây là nghĩa viên đoạn hoặc. Như các Sư xưa trước nói: Tịnh độ đoạn hoặc là cần phải tánh tướng vô ngại. Do năng đoạn không tánh mới là năng đoạn, sở đoạn vốn không mới thành tựu sở đoạn. Nếu quyết định có thì đọa lạc ở thường, chẳng thể đoạn vậy, nếu quyết định không thì lạc vào đoạn, mất Thánh trí vậy. Trong luận Trung Quán có kệ tụng nói:

"Năng nói là nhân duyên
Khéo diệt các hý luận".

Vụng độ là chẳng khéo diệt, khéo độ là khéo diệt. Khéo diệt là chẳng đoạn đoạn, chẳng khéo diệt là định đoạn vậy. Lại, trí chướng có ba môn đó: Một, trí chướng chỗ gọi là tâm của phân biệt có không; Hai, thể chướng nghĩa là giải của quán chẳng phải có chẳng phải không, lập mình năng biết nên gọi là thể chướng; Ba, trị tưởng, nghĩa là hợp trong vọng thức như chánh tuệ. Nếu địa thứ tư thứ năm thứ sáu đoạn trừ tâm của phân biệt thủ có lúc vào địa thứ bảy đoạn trừ tâm của phân biệt thủ không. Từ địa thứ tám trở lên đoạn trừ thể chướng, địa thứ bảy trước tuy trừ tâm phân biệt có không, mà còn thấy tâm mình lấy làm năng quán, như là sở quán, sở quán như đó chẳng tức tâm, tâm của năng quán chẳng tức như, tâm như riêng biệt nên bên ngoài tâm cầu pháp, nên có công dụng, bên ngoài pháp lập tâm nên có thể chướng. Lúc từ địa thứ bảy vào địa thứ tám. Phá bỏ chướng đây quán sát bên ngoài như xưa nay không tâm, bên ngoài tâm không như. Bên ngoài như không tâm, tâm chẳng khác như. Bên ngoài tâm không như, như chẳng khác tâm, nên năng như tâm hết sạch đồng pháp giới rộng lớn chẳng động. Vì chẳng khác vậy, dứt tìm cầu bên ngoài nên xả bỏ công dụng, chẳng lại bên ngoài như kiến lập thần trí, nên diệt thể chướng ngại. Thể chướng diệt nên gọi là không chướng tưởng, thứ ba trị tưởng, đến quả vị Phật mới diệt, nên vào địa thứ tám tuy không chướng tưởng mà có trị tưởng, từ địa thứ tám trở lên, thể vô sinh nhẫn chuyển chuyển tịch diệt, khiến trị tưởng kia vận vận tự mất, đến quả vị Phật mới cùng, nay đây chưa tận. Lại, nếu nương Đốn giáo, tất cả phiền não xưa nay tự lìa, chẳng thể

nói tức và chẳng tức. Như trong kinh Pháp Giới Thể Tánh nói: "Phật bảo: Văn-thù Sư-lợi! Ông nương giáo pháp nào mà phát tâm Bồ-đề? Văn-thù Sư-lợi thưa: Giáo phát con thấy tâm. Tại sao? Khoảng con thấy tức là Bồ-đề vậy". Nếu Hoa Nghiêm Viên giáo thì tất cả phiền não chẳng thể nói thể tánh đó, chỉ ước về dụng đó tức rộng lớn sâu mầu. Do đó chướng pháp một tức tất cả đầy đủ chủ bạn, nên chẳng chướng hoặc cũng như vậy, cho nên chẳng phân khiến tập chủng hiện, chỉ như pháp giới một được tất cả được, cho nên phiền não cũng một tức tất cả tức vậy. Trong phẩm Phổ Hiền nói rõ một chướng tất cả chướng, kinh nói: "Dùng mắt Phổ Hiền thấy tất cả chúng sinh đều đã rốt ráo vậy". Nên biết chỉ rõ chân tâm, không hoặc có thể đoạn, gián đoạn có các tập khác, trở lại dùng một tâm Phật biết thấy mà làm đó, chẳng vào tông đây đều thành quyền tiệm, dùng đây mà sám tội thì tội nào chẳng tiêu, trừ ba độc căn như lật lại đại địa. Dùng đây mà phát hạnh nào mà chẳng thành, suốt nguồn mười địa, tợ cùng đáy biển, dạo đi mạnh mẽ như Sư tử chúa, tự tại bay liệng như chim kim sí".

Hỏi: Chỉ một tâm vào khoảng bình đẳng, cớ sao người học chứng có sai khác?

Đáp: Đây, ở trí năng chứng thấy có cạn sâu, hướng pháp vô vi tự sinh sai biệt. Trong Niết-bàn Sớ nói: "Phật tánh như đạo thế gian, có người chưa hành, có người muốn hành, có người đang hành và có người đã hành, tuy có chưa hành v.v... chẳng đồng, mà chẳng thể nói đạo có hai. Phật tánh cũng vậy. Có người chưa thấy, muốn thấy, đang thấy, đã thấy, tuy thấy chẳng đồng, mà lý không có hai, chư Phật đồng một pháp giới thì lý không hai, là một trần không gì chẳng là pháp giới, thì sự chẳng mảy may sai, đây tức là chỗ chứng chỉ một. Nến năng chứng khác là, như Tạng giáo Thông giáo, chỉ thấy không mà chẳng thấy chẳng không, như tầm mộng được ngủ. Nếu là Biệt giáo Viên giáo thấy chẳng không, lý Trung đạo, như tầm mộng được tâm. Lại, Biệt môn còn chấp giáo đạo lần lượt sinh khởi, nếu Viên thừa là rõ ngay tâm tánh, tức nay đầy đủ. Lại Tạng và Thông lấy diệt tâm làm cực quả, chóng trái viên thừa. Thai Giáo nói: Sáu thức là duyên nhân chủng, thiện ác đều là sáu thức khởi. Bảy thức là Liễu nhân chủng, mê hoặc đó cùng giải đều thức thứ bảy. Thức thứ tám là Thánh nhân chủng, không thức thứ tám thì không sinh tử Niết-bàn. Nếu ba thứ đây chẳng phải chủng loại Phật, thì ngoài đây xứ nào lại có pháp của viên đốn? Hai thừa đoạn kết, kết hết bèn không nhân của Phật tuệ, chẳng năng thành Nhất thiết chủng trí, mất liễu nhân chủng vậy. Nếu trừ ác có thiện, ác hết thì chẳng năng sinh tất

cả thiện, đâu có duyên nhân chủng. Nếu lìa sinh tử vào vô dư Niết-bàn. Diệt thân chẳng thọ sinh là, đâu có chánh nhân chủng. Do đó, trong kinh Viên Giác nói: "Bồ-tát Thanh Tịnh Tuệ bạch Phật" Bạch Đức Thế Tôn! Nguyện vì tất cả đại chúng đến nghe pháp mà trùng tuyên giác tánh viên mãn của đấng pháp vương. Tất cả chúng sinh và các Bồ-tát, sở chứng sở đắc của Đức Như Lai Thế Tôn cớ sao sai biệt? Cho đến Đức Phật dạy: Này thiện nam! Viên giác tự tánh chẳng phải tánh tánh có, theo các tánh khởi không thủ không chứng, ở trong thật tướng, thật không Bồ-tát và các chúng sinh. Tại sao? Bồ-tát chúng sinh đều là huyễn hóa, huyễn hóa diệt nên không thủ chứng. Thí như nhãn căn chẳng tự thấy nhãn, tánh tự bình đẳng không bình đẳng là, chúng sinh mê đảo chưa năng trừ diệt, tất cả huyễn hóa ở diệt chưa diệt vọng trong công dụng, bèn hiển bày sai biệt. Nếu được Như Lai tịch diệt tùy thuận, thật không tịch diệt và tịch diệt đó. Này thiện nam! Tất cả chúng sinh từ vô thủy đến nay, do vọng tưởng ngã và ái ngã đó, chẳng từng tự biết niệm niệm sinh diệt, nên khởi thương ghét đắm trước năm dục, nếu gặp bạn lành dạy khiến khai ngộ, giác tánh viên tịnh phát minh khởi diệt tức biết sinh đây tánh tự nhọc lự. Nếu lại có người nhọc lo nghĩ trọn đoạn, được pháp giới tịnh, tức tịnh giải kia là tự chướng ngại, nên ở Viên giác mà chẳng tự tại, đó gọi là phàm phu tùy thuận giác tánh. Này thiện nam! Tất cả Bồ-tát thấy hiểu là ngại, tuy đoạn hiểu ngại còn trú tri giác, giác ngại là ngại mà chẳng tự tại. Đây gọi là Bồ-tát chưa vào địa là tùy thuận giác tánh. Này thiện nam! Có chiếu có giác đều gọi là chướng ngại. Cho nên Bồ-tát thường giác chẳng trú, chiếu và chiếu đó đồng thời tịch diệt. Thí như có người tự chặt đầu họ, đầu đã đứt rồi, nên không năng chặt đó, thì vì ngại tâm tự diệt các ngại, ngại đã đoạn diệt, không diệt ngại đó. Tu-đa-la giáo như ngón tay chỉ mặt trăng, nếu thấy mặt trăng rồi, rõ biết chỗ chỉ rốt ráo chẳng phải mặt trăng. Tất cả các thứ nói phô của các Đức Như Lai mở bày Bồ-tát cũng lại như vậy. Đây gọi là Bồ-tát đã vào địa là tùy thuận giác tánh. Này thiện nam! Tất cả chướng ngại là cứu cánh giác được niệm mất niệm không gì chẳng giải thoát, thành pháp phá pháp đều gọi là Niết-bàn, trí tuệ ngu si thông làm Bát-nhã. Bồ-tát ngoại đạo chỗ thành tựu pháp, đồng là Bồ-đề, vô minh chân như không khác cảnh giới, các giới định tuệ và dâm nộ si đều là phạm hạnh, chúng sinh cõi nước đồng một pháp tánh. Địa ngục thiên đường đều là Tịnh độ, có tánh không tánh đều thành Phật đạo, tất cả phiền não rốt ráo giải thoát, biển pháp giới tuệ chiếu rõ các tướng, giống như hư không. Đây gọi là Như Lai tùy thuận giác tánh. Này thiện nam! Chỉ các Bồ-tát và

chúng sinh đời sau ở tất cả thời chẳng khởi vọng niệm, ở các vọng tâm cũng chẳng dứt diệt, trú cảnh vọng tưởng chẳng thêm rõ biết, ở không rõ biết chẳng biện chân thật. Các chúng sinh ấy nghe pháp môn đó tin hiểu thọ trì chẳng sinh kinh sợ, đó thì gọi là tùy thuận giác tánh". Giải thích: Ở tất cả thời chẳng khởi vọng niệm là, niệm tuy tức không chẳng thể nên khởi, hoặc xuyến tập mà sinh, hoặc tiếp tục mà khởi, hoặc giác niệm trước quấy, riêng sinh niệm sau hối cải, tất cả đều là bệnh, chỉ một lúc của ngồi, tâm trong ngoài chẳng sinh, tức là định chân như. Giả sử có khác cảnh dẫn sinh, chỉ rõ chánh niệm. Chánh niệm là, tức Bản pháp một tâm, tâm cảnh đều hư, trọn không chỗ được, ở các vọng tâm cũng chẳng dứt diệt là, tức suy tầm niệm đầu tiên chẳng thấy xứ khởi, sao phải đoạn diệt. Chẳng thấy xứ khởi đó gọi là chân diệt. Trú cảnh vọng tưởng chẳng thêm rõ biết là, vọng tưởng các cảnh trong ngoài đều không, sao phải cưỡng sinh phân biệt, thì chẳng thủ chẳng xả, diệu định tương ưng. Ở không rõ biết chẳng biện chân thật là, cũng chẳng trú không phân biệt. Chẳng phải thật chẳng phải hư, tâm không chỗ cậy, thì được chánh tông của gốc, trở lại diệu tánh của nguồn vậy.

Hỏi: Tất cả chúng sinh đều đồng pháp tánh, nên trong kinh Tư Ích nói: "Chúng sinh như tức là lậu tận giải thoát như". Cớ sao các trú chẳng đủ tánh khởi công đức ư?

Đáp: Tánh có hai thứ: Một, nghĩa chủng tánh, nhân chỗ khởi vậy; Hai, nghĩa pháp tánh, hoặc chân hoặc ứng đều tánh đây vậy. Nếu là pháp tánh, Thánh phàm đều đồng, nếu là chủng tánh, phải muôn thiện huân tu. Vì tịnh đoạt nhiễm, tánh mới khởi vậy. Vọng tuy tức tánh mà chẳng thuận tánh vậy. Trong Thanh Lương Ký nói: "Nghĩa Như Lai xuất hiện, cũng gọi là duyên khởi, cũng gọi là tánh khởi. Nếu tám tướng trông nhìn duyên xuất hiện nên gọi là duyên khởi. Nghĩa là do nghiệp cảm của chúng sinh, Đức Như Lai đại bi mà xuất hiện, tám tướng thành đạo từ pháp tánh nên gọi là tánh khởi. Nay vì từ duyên không tánh, duyên khởi tức gọi là tánh khởi. Lại, tịnh duyên khởi thường thuận ở tánh cũng gọi là tánh khởi. Nên nói: Ứng tuy từ duyên mà chẳng trái nghịch tánh vậy, tức không gì chẳng từ pháp giới đây mà lưu xuất, tức môn tướng thành rõ tánh thành ở duyên. Nên tánh khởi đây tự có hai nghĩa: Một từ duyên không tánh mà làm tánh khởi; Hai, pháp tánh tùy duyên nên gọi là tánh khởi, không gì chẳng trở lại chứng pháp thân đây vậy. Đây là duyên khởi năng thành tánh khởi, tức là môn tướng thành vậy. Vì tịnh đoạt nhiễm tánh tức khởi. Vậy là, rõ môn tương đoạt, cũng là thông phòng ngại. Nghĩa là có lời hỏi rằng: Tánh khởi chỉ tịnh duyên khởi tức là tánh

khởi. Nên vì đây thông, nghĩa là khởi có hai: Một là nhiễm, hai là tịnh. Tịnh nghĩa là Như Lai Đại Bi, Bồ-tát muôn hạnh v.v... Nhiễm nghĩa là chúng sinh hoặc nghiệp v.v... Nếu vì nhiễm đoạt tịnh thì thuộc chúng sinh, nên chỉ duyên khởi. Nay vì tịnh đoạt nhiễm, chỉ thuộc chư Phật, nên gọi là tánh khởi, cho đến muôn pháp xuất bày đều là duyên khởi trong chân tánh. Do đó Bồ-tát phàm có hành xử đều thuận pháp tánh. Chúng sinh vì căn bản vô minh chưa tận, ngã chấp tình kiến chưa mất, chỗ có hành xử đều trái pháp tánh, chỉ thành hành của hữu vi sinh diệt, chẳng thành môn tánh khởi công đức. Như trong luận Đại Thừa Khởi Tín nói: "Bồ-tát đây biết pháp tánh lìa tướng xan tham, là thanh tịnh thí độ, tùy thuận tu hành Đàn Ba-la-mật. Biết pháp tánh lìa tướng cảnh năm dục không phá giới, là thanh tịnh giới độ, tùy thuận tu hành Thi Ba-la-mật. Biết pháp tánh không có khổ não lìa tướng sân hại là thanh tịnh nhẫnđộ, tùy thuận tu hành Sằng-đề Ba-la-mật. Biết pháp tánh lìa tướng thân tâm không có giải đãi là thanh tịnh tấn độ, tùy thuận tu hành Tỳ-lê-da Ba-la-mật. Biết pháp tánh không động không loạn, là thanh tịnh thiền độ, tùy thuận tu hành Thiền-na Ba-la-mật. Biết pháp tánh lìa các si ám là thanh tịnh tuệ độ, tùy thuận tu hành Bát-nhã Ba-la-mật". Nên biết chỗ Bồ-tát tu một độ một hạnh đều thuận chân như lý của một tâm pháp tánh. Chẳng phải là ở bên ngoài tự tánh riêng có chỗ tu, vì tùy thuận tâm tánh vậy. Chỗ có công đức đều như tánh khởi, vô tận vô vi chẳng thủ chẳng xả, chỗ phàm phu tạo xan tham cho đến si ám, đều là trái chân nghịch tánh khởi tâm ngã kiến, do đó chẳng tùy tánh khởi thành công đức vô lậu. Giả sử có vọng tu đều ở bên ngoài tự tâm riêng có chỗ được, đều thành ngoại đạo Thiên ma hữu vi sinh diệt. Vì chẳng thuận chân như, trái nghịch pháp tánh vậy. Lại, vì tu hiển bày tánh, vì tánh thành tu. Nếu không tánh thì tu cũng chẳng thành, nếu không tu thì tánh cũng chẳng hiển bày. Như các bậc Cổ đức nói: Vốn có như vàng thật, tu sinh như nghiêm cụ. Do nghiêm cụ mới hiển bày đức vàng, nghiêm cụ không thể toàn quấy vàng thành. Dụ hiển bày hai đức là, như tu sinh tại nhân, dần hiển bày vốn có, tại quả viên mãn vốn có. Chẳng phải lý vốn có có tiệm có viên. Như vầng trăng mới mọc sáng tuy dần tròn mà thường mang vòng tròn vầng trăng, vì vòng tròn vầng trăng thường tại vậy, nên vầng trăng đêm rằm khắp đầy trong mồng một mồng hai mồng ba v.v... thì biết mãn quả khắp tự nhân vị, cũng khiến sau sau thường đủ trước trước, trước trước thường đủ sau sau. Vì đêm mồng một có vầng trăng đêm mồng hai cho đến vầng trăng đêm rằm. Vì vầng trăng đêm rằm tức vầng trăng đêm mồng một vậy. Pháp hợp có thể biết, do đây nên nói:

Tu sinh vốn có, vì lúc mời đầu viên trước đã viên vậy, vốn có tu sinh vì lúc mới đầu sinh cũng đã viên vậy. Vốn có tu sinh vì lúc mới đầu sinh cũng đã viên vậy, quên nghĩ nhớ đó. Nếu chẳng năng nghĩ đó như vậy mà mất lợi lớn. Như gã cùng tử ở nơi kho lẫm của mình mà cho là vật người khác. Hoặc giữ áo chân mà đi xin ăn, hoặc giữ kho vàng mà làm kẻ nghèo hèn, đều vì chẳng biết báu của tự tâm, khiến nên tình huống đó vậy. Lại, như trong kinh Thủ-lăng-nghiêm nói: "Phật dạy: Tất cả chúng sinh từ vô thỉ đến nay, mê mình làm vật, mất nơi bản tâm làm chỗ vật chuyển. Nên ở trong đó quán lớn quán nhỏ. Nếu năng chuyển vật thì đồng Như Lai, thân tâm tròn sáng chẳng động đạo tràng, ở đầu một sợi lông khắp cùng, năng bao hàm nhận nạp cõi nước mười phương". Phàm, nói chuyển vật là vật hư chẳng phải chuyển, chỉ chuyển tự tâm, vì tất cả pháp đều từ phân biệt sinh, nhân tưởng mà thành, tùy niệm mà đến. Do đó, trong kinh Kim Cang Tam-muội có kệ tụng nói:

"Pháp từ phân biệt sinh
Lại từ phân biệt diệt
Diệt các pháp phân biệt
Là pháp chẳng sinh diệt".

Nên biết tất cả các pháp đều từ thức phân biệt sinh, nếu năng ngộ rõ thức phân biệt không thì biết các pháp tịch diệt. Hoặc sinh hoặc diệt đều là phân biệt, phân biệt nếu mất, pháp chẳng phải sinh diệt. Cũng như trong kinh Pháp Hoa nói ba biến đất ruộng chỉ là biến tâm, chẳng phải biến đất vậy. Trong Thủ-lăng-nghiêm Kinh Sao nói: Nếu năng chuyển vật tức đồng Như Lai là, bên ngoài tâm không vật, vật tức là tâm, chỉ tâm lìa phân biệt là chánh trí. Chánh trí tức là Bát-nhã, khắp cùng pháp giới không có chướng ngại, cho nên cõi nước phương Tây, nước chim cây rừng thảy đều nói pháp. Xứ của nói pháp, tức tâm như như. Do đó Như Lai mỗi mỗi căn môn khắp cùng bụi trần cõi nước cho đến đầu mảy lông mà nói diệu pháp. Như nay chỉ được lìa niệm, bèn đồng Như Lai chân thật thấy biết. Xưa kia có vị Thiền sư tu đạo ở núi Vô Vi huyện Miên Trúc thuộc đất Thục. Bấy giờ có hơn ba trăm nhà thiết trai đều thỉnh mời, Hòa thượng đều do tâm lìa phân biệt, tức ứng cơ vô ngại.

Hỏi: Pháp giới các cơ, dùng trí gì chứng, đều vào bình đẳng một tâm, cứu cánh tạng của Như Lai?

Đáp: Nói theo luận Phật tánh, có năm thứ Như Lai Tạng. Luận Thích Ma-ha-diễn, nêu bày mười thứ Như Lai Tạng. Như luận Phật Tánh nói: "Tạng có năm thứ: Một, Như Lai Tạng, tại triền bao hàm quả

pháp vậy; Hai, tự tánh thanh tịnh tạng, tại triền chẳng nhiễm; Ba, pháp thân tạng. Quả vị làm chỗ công đức nương tựa; Bốn, xuất thế gian thượng thượng tạng, xuất triền vượt quá hàng Nhị thừa, Bồ-tát; Năm, pháp giới tạng, thông nhân suốt quả, bên ngoài giữ tất cả nhiễm tịnh nên gọi là pháp giới, bên trong bao hàm tất cả Hằng sa tánh đức, nên gọi là tạng. Tiếp theo luận Thích Ma-ha-diễn nói: "Như Lai Tạng có mười thứ, ở trong Khế kinh mỗi riêng biệt nói vậy. Một, Đại Tổng Trì Như Lai tạng, gồm hết tất cả Như Lai vậy. Trong kinh Chư Phật Vô Tận Tạng nói là: "Phật bảo: Văn-thù Sư-lợi! Có Như Lai Tạng tên là Đại Bảo vô tận thù thắng viên mãn Đà-la-ni, gồm hết các tạng, không chỗ nào chẳng thông, không chỗ nào chẳng đáng, viên mãn viên mãn, bình đẳng bình đẳng, tất cả chỗ có các Như Lai tạng, không có lấy đây chẳng phải là căn bản. Tại sao? Như Lai tạng đây là Như Lai tạng Vương Như Lai tạng chủ, Như Lai tạng thiên. Như Lai tạng địa. Vì nghĩa đó nên gọi là Đại Bảo vô tận thù thắng viên mãn Đà-la-ni Như Lai tạng vậy". Văn kinh đây nói rõ nghĩa gì? Chỗ gọi là hiển bày Đà-la-ni tạng, chỗ nương tựa tổng tướng. Trong các khế kinh khác các Như Lai tạng năng nương Như Lai tạng vậy. Vì nghĩa gì mà gọi là Như Lai Tạng? Đó là gồm giữ vậy; Hai, xa chuyển xa ràng buộc Như Lai tạng, một thanh một mãn vậy. Trong kinh Thật Tế nói rằng: "Phật tử! Như Lai tạng là chỉ có giác đó, chỉ có như như, lìa nhân lưu chuyển, lìa biết ràng buộc lo nghĩ, mỗi mỗi bạch bạch, cho nên gọi là tạng của Như Lai vậy". Văn kinh đây nói nghĩa gì? Chỗ gọi là hiển bày chân như một tâm, không có nhân hoặc không có nhân giác, không có quả hoặc, không có quả giác, một chân một như, chỉ có thể Như Lai tịnh diệu vậy, vì nghĩa gì mà gọi là Như Lai tạng? Mỗi mỗi không tạp nhiễm vậy; Ba, cùng hành cùng tướng Như Lai tạng, cùng lựa lưu chuyển pháp thân Như Lai khiến che giấu (phú tàng) vậy. Trong kinh Lăng-già nói rằng: "Như Lai tạng là, làm nhân thiện và bất thiện thọ khổ lạc, cùng nhân câu hoặc sinh hoặc diệt, giống như con hát vậy". Văn kinh đây nói nghĩa gì? Chỗ gọi là hiển bày sinh diệt một tâm ở hoặc cùng lực ở giác cùng lực, xuất hiện pháp của sinh tử Niết-bàn, thí như chẳng phải huyễn nhân huyễn ở các việc huyễn, tùy chỗ ứng đó cùng lực dụng vậy. Vì nghĩa gì mà gọi là Như Lai tạng? Nghĩa là khiến che lấp vậy; Bốn, chân như chân như Như Lai tạng, chỉ có như vậy. Trong kinh Chân Tu nói rằng: "Như lý như lý Như Lai tạng, chẳng phải kiến lập chẳng phải phỉ báng, chẳng phải thường chẳng phải vô thường, chẳng phải chỗ chứng đắc của chánh thể trí, cũng chẳng phải chỗ duyên cảnh giới của ý ý thức. Tại sao? Chỉ có lý lý, không kia kia

vậy". Văn kinh đây nói nghĩa gì? Chỗ gọi là hiển bày tánh chân như lý trong môn chân như, chỉ lý tự lý, chẳng phải trí tự lý vậy. Vì nghĩa gì mà nói là Như Lai tạng? Đó là không tha vậy; Năm, sinh diệt chân như Như Lai tạng, chẳng sinh chẳng diệt, bị nhiễm của sinh diệt vậy. Trong kinh Lăng-già nói rằng: "Đại Tuệ! Phàm phu ngu si, chẳng hau chẳng biết chấp trước các pháp, từng sát-na chẳng trú, đọa nơi tà kiến mà nói là "pháp của vô lậu cũng là sát-na chẳng trú", phá chân như Như Lai tạng kia vậy. Lại nữa, Đại Tuệ, Kim Cang Như Lai Tạng Như Lai chứng pháp. Nếu từng sát-na chẳng trú là, tất cả Thánh nhân chẳng thành Thánh nhân vậy". Văn kinh đây nói rõ nghĩa gì? Chỗ gọi là hiển bày tánh chân như lý trong môn sinh diệt, xa lìa tướng của vô thường, pháp của chẳng sinh chẳng diệt vậy. Vì nghĩa gì mà gọi là Như Lai tạng? Đó là bị nhiễm vậy; Sáu, không Như Lai tạng. Tất cả gọi là không, che giấu Như Lai tạng vậy. Trong kinh Thắng Man nói rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Không Như Lai tạng, hoặc lìa hoặc khác tất cả phiền não tạng vậy". Văn kinh đây nói nghĩa gì? Chỗ gọi là hiển bày tất cả nhiễm pháp ẩn che tự tướng bản giác vô lượng tánh công đức trong môn sinh diệt vậy. Vì nghĩa gì vậy? Tất cả nhiễm pháp đều gọi là không, chỗ gọi là tất cả nhiễm pháp huyễn hóa, sai biệt thể tướng không thật, tác dụng chẳng phải chân, nên gọi là không, mà năng ẩn che Như Lai pháp thân thật đức chân thể, cho nên gọi là tạng của Như Lai, từ năng giấu nhiễm lập tên đó vậy. Bảy, chẳng không Như Lai tạng, tất cả chẳng không bị không nhiễm vậy. Trong kinh Thắng Man nói rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Chẳng không Như Lai tạng quá hằng sa, chẳng lìa chẳng thoát chẳng khác chẳng nghĩ bàn Phật pháp vậy". Văn kinh đây nói nghĩa gì? Chỗ gọi là hiển bày tự tướng bản giác trong môn sinh diệt, có đủ các thứ công đức quá hơn hằng sa, bị chỗ nhiễm của tất cả nhiễm pháp quá hơn hằng sa. Vì nghĩa gì vậy? Tất cả tịnh pháp đều gọi là chẳng không, chỗ gọi là tất cả tịnh pháp thật tác dụng thắng diệu trong tự thể, xa lìa hư giả siêu vượt xảo ngụy, nên gọi là chẳng không, bị che lấp của nhiễm, gọi là Như Lai tạng, ở lúc xuất hiện, gọi là pháp thân, ở lúc ẩn che, gọi là Như Lai tạng, nên từ chỗ tịnh lập tên đó vậy. Tám, năng gồm Như Lai tạng, tự tánh tâm thanh tịnh trong vô minh tạng năng gồm tất cả các công đức vậy. Trong kinh Bất Tăng Bất Giảm nói rằng: "Như Lai tạng bản tế tương ưng thể và pháp thanh tịnh. Pháp đây như thật chẳng hư vọng, chẳng lìa chẳng thoát, trí pháp chẳng nghĩ bàn, từ bản tế vô thủy đến nay có thanh tịnh tương ưng pháp thể đây vậy". Văn kinh đây nói nghĩa gì? Chỗ gọi là hiển bày tự tánh tâm thanh tịnh của tất cả chúng

sinh, từ vô thủy đến nay đầy đủ ba trí viên mãn bốn đức, không chỗ khuyết mất vậy. Vì nghĩa gì mà gọi là Như Lai tạng? Do tâm điên đảo chẳng biết chẳng hay vậy, từ năng tịnh lập tên đó vậy; Chín, sở gồm Như Lai tạng, tất cả nhiễm pháp vô minh địa tạng. Đã là ra khỏi viên mãn giác là làm chỗ nhiếp vậy. Trong kinh Bất Tăng Bất Giảm nói rằng: "Như Lai bản tế chẳng tương ưng thể và phiền não ràng buộc, chẳng phải pháp thanh tịnh, Bản tế đây lìa thoát chẳng tương ưng phiền não ràng buộc chẳng pháp thanh tịnh, chỉ có chỗ của trí Bồ-đề Như Lai năng đoạn vậy". Văn kinh đây nói nghĩa gì? Chỗ gọi là hiển bày thủy giác mãn Phật, đoạn tất cả chướng, đủ tất cả trí. Trí sáng là ngoài, chướng tối là trong, tất cả nhiễm pháp là chỗ trí gồm giữ vậy. Vì nghĩa gì mà gọi là Như Lai tạng? Đó là gồm giữ vậy. Mười, Như Lai Tạng ẩn che, pháp thân Như Lai, chỗ phiền não che ẩn giấu mất vậy. Trong kinh Bất Tăng Bất Giảm nói rằng: "Như Lai tạng ở vị lai tế bình đẳng luôn kịp có pháp, tức là tất cả các pháp căn bản, đủ tất cả pháp đầy tất cả pháp, ở trong thế pháp chẳng lìa chẳng thoát vậy". Văn kinh đây nói rõ nghĩa gì? Chỗ gọi là hiển bày nhiều một tâm thể đồng nơi pháp giới, khắp nơi ba khoảng, đầy đủ viên mãn các pháp nhiễm tịnh, không chỗ nào chẳng thông không chỗ nào chẳng đến vậy. Lại nữa, hiển bày tự tánh tịnh tâm trong môn tùy duyên, ở trong nhiễm pháp ẩn giấu chìm mất, pháp thân Như Lai chưa xuất hiện vậy. Đó gọi là mười, nay lấy pháp giới tạng thứ năm trong luận Phật tánh, và Đại Tổng Trì Như Lai tạng thứ nhất trong luận Thích Ma-ha-diễn, nghĩa đó rộng thông gồm khắp tất cả, vì trí thật tướng sẽ năng chứng nhập, như muôn sao xoay về Bắc đẩu, tợ biển nhóm hợp các dòng, giống như thái hư không không một mảy trần nào mà chẳng vào. Nếu trong Tông Kính thì không một pháp nào mà chẳng quy về, chỗ thừa của các Thánh, đồng chứng của chư Phật. Ngoài ra, các tạng tùy duyên nhiễm tịnh mà thành hai môn chân như và sinh diệt, công đức lỗi lầm ẩn hiển đối trị vậy, vì chẳng sai mà sai, chẳng giữ tự tánh vậy. Vì sai mà chẳng sai, chẳng mất tự tánh vậy, thì tổng biệt đồng nguồn, gốc ngọn một khoảng. Như trong luận Cứu Cánh Nhất Thừa Bảo Tánh có kệ tụng nói:

"Pháp thân khắp không sai
Đều thật có Phật tánh
Cho nên nói chúng sinh
Thường có Như Lai tạng".

Kệ tụng đây nói nghĩa gì? Có ba thứ nghĩa, cho nên Đức Như Lai nói tất cả thời tất cả chúng sinh có Như Lai tạng, những gì là ba? Một,

pháp thân Như Lai khắp cùng nơi tâm thức tất cả chúng sinh. Kệ tụng nói pháp thân khắp vậy; Hai, thể của chân như, tất cả chúng sinh bình đẳng không sai biệt, kệ tụng nói không sai vậy; Ba, tất cả chúng sinh thảy đều đồng có Phật tánh chân như, kệ tụng nói đều thật có Phật tánh vậy.

Hỏi: Trí năng chứng và tạng sở chứng là đồng hay khác?

Đáp: Căn cứ ở môn phân biệt cũng đồng cũng khác, nếu ngầm hợp một vị thì không khác của cảnh trí. Nếu nói dụng tức đồng mà khác. Cảnh chẳng năng chiếu, trí có chiếu vậy. Nói tịch tức khác mà đồng. Cảnh trí không khác vị vậy, đồng nên không tâm ở đây kia, quên tâm khế hợp vậy. Khác nên chẳng mất ở chiếu công, trí khác gỗ đá vậy. Vì vậy, nguồn của cảnh trí chẳng phải lìa chẳng phải hợp. Hợp thì cảnh trí đều hoại, lìa thì cảnh trí trái nhau, không cảnh mà chẳng thành trí, vì lìa pháp không có nhân vậy, không trí mà chẳng thành cảnh, vì lìa nhân không có pháp vậy. Do đó, cảnh trí thường vắng lặng, tuy chiếu cảnh mà không duyên, vắng lặng chẳng mất chiếu, tuy không vắng lặng mà luôn dụng. Đây thì trí chiếu cảnh cũng chiếu, cảnh lặng trí cũng lặng, lặng chiếu phân hai mà một vị, cảnh trí dung tức mà rõ ràng. Nếu một hai tình sinh thì trái với chân lý, hoặc làm thấy của hữu tình vô tình, tự phần nghĩ của kia đây. Hoặc chấp tâm có dụng không dụng, chỉ rơi lạc lưới của đoạn thường, đều là chẳng rõ thật tánh của muôn pháp, chân tông của một đạo. Nếu thấu suốt văn đây, các tình chóng phá.

Hỏi: Ba cõi năm thú tức chỉ một tâm, cớ sao có mê ngộ chẳng đồng, Thánh phàm thăng giáng?

Đáp: Chỉ vì phân tâm nên mê, nhân tâm nên ngộ, lại nhân ngộ thành Thánh, nhân mê làm phàm, Thánh phàm chỉ nhân mê ngộ mà có tên. Tên cũng vốn không, chỉ có chân tâm, lắng yên chẳng động. Chỉ ở trên một chân tâm vọng chấp nhân ngã pháp ngã, do đó tợ mê. Lại nhân rõ nhân không pháp không, do đó tợ ngộ. Các bậc Cổ đức nói: "Giác chẳng phải thủy chung, vì mê nên chấp ngã, vì ngộ nên thấy tánh. Như trong tối mê gốc cây cho là quỷ, đến sáng gốc cây có quỷ không. Mê gốc cây làm quỷ, thấy gốc cây chẳng phải mới có, rõ quỷ vốn không, ngộ quỷ chẳng phải mới đầu không, đã chỉ được gốc cây chẳng được quỷ đó. Nên biết quỷ chẳng mới không, gốc cây chẳng phải mới có, không lấy bỏ vậy. Đã hai niệm chẳng sinh tức là thật quán. Tại sao? Niệm hết tâm lắng, không sinh hiện vậy, như nói nước lắng được báu thật v.v... Lại, phàm có chỗ thấy tất cả hoặc thấy tự thấy tha, đều là mê tâm tự hiện, như mê Đông làm Tây, phương thật chẳng chuyển.

Vì người mê Tây chẳng lìa người ngộ Đông, chỉ vì người mê mê nên chẳng thấy người ngộ Đông. Nếu đến lúc ngộ, Tây toàn là Đông vậy, nên biết mê thường tại ngộ, chúng sinh chẳng lìa Phật. Trong kinh nói: "Chúng sinh giới tức Phật giới", Phật giới tức chúng sinh giới, vì vì mê nên mù si, đối mắt chẳng biết thấy, rất tự buồn thương thay!" Nên biết, nương phương nên mê, phương vị chẳng động. Nhân giác nên đượm vị, giác thể chẳng phải chuyển dời, thì mê không chỗ mê, ngộ không chỗ ngộ, mê thì lấy chân làm vọng, ngộ thì lấy vọng làm chân như ban đêm thấy gốc cây là người, ban ngày thấy người là gốc cây, một vật chưa từng khác, hai thấy từ thành sai. Đã biết mê ngộ là không thì chân vọng làm sao có.

Hỏi: Nếu không mê ngộ Bồ-đề một tâm, cớ sao đoạn hoặc chứng quả chậm nhanh chẳng đồng?

Đáp: Tuy rõ một tâm gốc ngọn bình đẳng. Vì vọng tập chủng tử sai biệt trong chúng sinh giới chẳng huân mà huân. Từ vô thủy bền chắc nên cuối cùng khó trừ, đến quả vị Thập địa còn có sắc tâm hai tập. Nếu chẳng dõng mãnh tinh tấn niệm niệm thường cùng Phật thấy biết mà làm đó, không do đâu được tịnh. Như trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù Sư-lợi hỏi Bồ-tát Cần Thủ rằng: Phật Tử! Đức Phật dạy là một, chúng sinh được thấy, cớ sao chẳng tức đều đoạn tất cả các phiền não phược mà được lìa khỏi? Nhưng sắc uẩn thọ uẩn tưởng uẩn hành uẩn thức uẩn cõi Dục cõi Sắc cõi Vô sắc vô minh tham ái đó không có sai biệt. Vậy thì Phật dạy ở các chúng sinh, hoặc có lợi ích, hoặc không lợi ích ư? Khi ấy Bồ-tát Cần Thủ nói bài kệ tụng mà đáp rằng:

"Phật tử khéo lắng nghe
Nay tôi như thật đáp
Hoặc có chóng giải thoát
Hoặc có khó lìa khỏi
Nếu muốn cầu trừ diệt
Vô lượng các lỗi ác
Phải ở trong Phật pháp
Dõng mãnh thường tinh tấn
Thí như nhóm lửa nhỏ
Củi ướt chóng khiến diệt
Ở trong pháp Phật dạy
Kẻ biếng lười cũng vậy
Như cọ sát cầu lửa

Chưa ra mà tạm nghỉ
Thế lửa theo ngưng diệt
Kẻ biếng lười cũng vậy
Như người giữ Nhật châu
Chẳng dùng vật tiếp ảnh
Lửa trọn chẳng thể được
Kẻ biếng lười cũng vậy
Thí như mặt nhật chiếu
Trẻ con nhắm bít mắt
Lạ nói sao chẳng thấy
Kẻ biếng lười cũng vậy
Như người không tay chân
Muốn dùng tên cỏ gai
Bắn khắp phá đại địa
Kẻ biếng lười cũng vậy
Như người dùng mảy lông
Mà lấy nước biển lớn
Muốn khiến khô cạn hết
Kẻ biếng lười cũng vậy
Lại như kiếp lửa nổi
Muốn dùng ít nước diệt
Ở trong pháp Phật dạy
Kẻ biếng lười cũng vậy
Như có thấy hư không
Ngồi yên chẳng lay động
Mà nói nhảy nhót khắp
Kẻ biếng lười cũng vậy".

Giải thích: Như cọ sát cầu lửa chưa ra mà tạm nghỉ, thế lửa tùy ngưng diệt, kẻ biếng lười cũng vậy là, phải dùng trí tuệ mài rót nơi một cảnh, dùng dây phương tiện khéo léo xoay chuyển, tâm trí không trú bốn nghi không gián đoạn thì Thánh đạo có thể sinh, liếc đó khởi tâm tạm thời quên chiếu, đều gọi là dứt nghỉ vậy. Do đó, trong kinh Đại Bảo Tích nói: "Thí như buộc dải lụa trên đầu, lửa đến thiêu đốt dải lụa, không rảnh mà cứu lửa, vì cứu thật lý gấp vậy". Sách khuyên học bên ngoài còn nói: "Khinh thước ngọc mà trọng tấc bóng" huống gì học Bát-nhã cầu pháp ra khỏi sinh tử, đâu có thể tạm quên ư?

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 83

Hỏi: Phàm, chân tâm là vua của chữ một, mẹ của Bát-nhã, cớ sao luận nói chư Phật thường nương hai đế nói pháp?

Đáp: Nếu căn cứ chánh tông, tuyệt đường tâm trí, nếu lìa hai đế đoạn môn phương tiện. Vì chân tâm là pháp tự chứng, có văn tự nào, phàm giáo năng phân tích không gì chẳng phải là giả danh, nên nói nương hai đế mà nói pháp. Trong kinh Kim Cang Tam-muội có kệ tụng nói:

"Chỗ nhân duyên sinh nghĩa
Là nghĩa diệt chẳng sinh
Diệt các nghĩa sinh diệt
Là nghĩa sinh chẳng diệt".

Trong luận Thích nói: Nghĩa bốn câu này có Tổng biệt. Biệt thì nói rõ nghĩa hai môn, tổng thì hiển bày pháp một tâm. Bên trong của một tâm hai môn như vậy, tất cả các pháp không chỗ chẳng gồm. Hai trước dung tục làm chân hiển bày nghĩa bình đẳng. Hai sau dung chân làm tục hiển bày muôn sai biệt. Tổng quát mà nói đó, là chân tục không hai mà chẳng giữ một. Do không hai nên là một tâm, chẳng giữ một nên khắp thể làm hai. Lại chân tục không hai, pháp của một thật, chỗ chư Phật quy về gọi là Như Lai tạng, rõ ràng vô lượng pháp và tất cả hạnh không gì chẳng quy vào trong Như Lai tạng, chỗ vô biên giáo pháp phân tích giải thích nghĩa tướng lại không khởi khác, chỉ nghĩa một thật. Nói thật là, tánh của tự tâm. Trừ ngoài đây ra đều là hư huyễn. Trong luận Đại Trí Độ nói: "Trừ ngoài một thật tướng, tất cả đều thành ma sự". Trong kinh Pháp Hoa nói: "Chỉ một sự thật đây, hai khác chẳng phải chân". Phàm, đại ý các kinh luận đều là hiển bày Tông phá chấp, riêng nêu tâm tánh. Nếu thông đạt tất cả các pháp tức tự tánh tâm, ngoài tâm không pháp, tánh không gì chẳng bao gồm, giống như hư không khắp tất cả xứ, tất cả xứ, thì tất cả pháp không gì chẳng là thật tướng, nên biết các nghĩa chỉ một niệm tâm. Một lý ứng tất cả danh, vì ngoài lý

không danh vậy. Tất cả danh tức một lý, vì ngoài danh không lý vậy, thì là không chân danh của danh, không chân lý của lý, vì vậy một tâm hai đế, thể dụng khắp đủ. Vốn căn cứ ở chân để luận tục, từ một khởi nhiều, trở lại căn cứ ở tục để luận chân, từ nhiều hội một. Như châu ngọc như ý, châu ngọc để dụ chân, dụng để thí tục, tức châu là dụng, tức dụng là châu, chẳng hai mà hai, phân chân tục vậy. Trong luận Đại Thừa Khởi Tín nói rõ hai môn một tâm. Môn tâm chân như, là thể, vì tất cả pháp không sinh không diệt, xưa nay vắng lặng, chỉ là một tâm, như vậy gọi là môn tâm chân như. Trong kinh Lăng-già nói: "Tịch diệt, gọi là một tâm". Môn tâm sinh diệt, là dụng. Thể một tâm đây có bản giác, mà tùy vô minh động làm sinh diệt, nên ở môn đây tánh của Như Lai ẩn mà chẳng hiển, gọi là Như Lai tạng. Trong kinh Lăng-già nói: "Một tâm, gọi là Như Lai tạng". Lại nói: "Như Lai tạng, là nhân thiện và bất thiện". Hai môn đây căn cứ về thể dụng phân hai. Nếu dùng dụng của toàn thể, dụng chẳng lìa thể, thể của toàn dụng, thể chẳng lìa dụng trở lại niệm nghĩ một đó. Ví một tâm nhiễm tịnh, tánh đó không hai. Hai môn chân vọng chẳng được có khác, nên gọi là một, không hai xứ đây thật trong các pháp, chẳng đồng hư không, tánh tự thần giải, nên gọi là tâm. Đã không có hai, sao được có một? Một không chỗ có, căn cứ ai nói tâm? Đạo lý như vậy lìa lời tuyệt lo nghĩ, chẳng biết lấy gì nói đó, cưỡng làm một tâm vậy.

Hỏi: Trong luận Ma-ha-diễn nói: "Một tức là tâm, tâm tức là một, không một riêng tâm không tâm riêng một, tất cả các pháp bình đẳng một vị. Một tướng không tướng, làm một thứ biển ánh sáng tâm địa". Cớ sao lại nói tướng đồng khác ư?

Đáp: Hoặc đồng hoặc khác, đều một tâm làm, như biển trào vọt ngàn gợn sóng, ngàn gợn sóng tức biển. Vì chúng sinh tánh sai biệt nên chẳng thể đồng chủng. Và Như Lai tánh bình đẳng nên chẳng năng khác chủng. Chúng sinh tuy sai biệt chẳng năng tự khác. Như Lai tuy bình đẳng mà chẳng năng tự đồng, chẳng năng tự khác nên tức khác không khác vậy. Chẳng năng tự đồng nên tức đồng chẳng phải đồng vậy. Trong luận Ma-ha-diễn nói: "Tướng đồng là, tất cả các pháp chỉ một chân như, khác là, chỉ một chân như làm tất cả pháp. Trong luận Kim Cang Tam-muội nói: "Bình đẳng một vị, chỗ Thánh nhân chẳng năng khác vậy. Có chung có riêng, chỗ Thánh nhân chẳng năng đồng vậy". Chẳng đồng là, tức đồng ở khác, chẳng năng khác là, tức khác ở đồng. Lại, chẳng thể nói khác nên có thể được nói là đồng. Chẳng thể nói đồng nên có thể được nói là khác. Nói và chẳng nói không hai

không riêng biệt vậy. Lại nói: Nương giáo sâu mầu như nói lấy nghĩa là, có hai thứ lỗi: Một, nghe chỗ Phật nói động tĩnh không hai cho là mỗi mỗi thật một tâm, do đó bác bỏ không đạo lý hai đế; Hai, nghe chỗ Phật nói không có hai môn, chấp có hai pháp mà không một thật, do đó phỉ báng Trung đạo không hai. Lại nói: Một tâm như vậy, thông làm chỗ của tất cả các pháp nhiễm tịnh nương tựa, tức là các pháp căn bản. Xưa nay tỉnh môn. Hằng sa công đức không chỗ nào chẳng đủ, nghĩa là tất cả là môn tùy duyên động, hằng sa nhiễm pháp không gì chẳng đủ. Nhưng khắp nhiễm pháp vì trông tâm thể chẳng năng thông khắp. Do đó trong kinh nói: Hoặc lìa hoặc thoát hoặc khắp tâm thể, trông các tịnh pháp, không chỗ nào chẳng khắp. Nên trong kinh nói: Ở trong thế pháp chẳng lìa chẳng thoát, gồm rõ một tâm, thông với đông tĩnh, làm chỗ nhiễm tịnh nương. Biệt hiển bày môn động, chỗ nhiễm pháp nương. Biệt hiển bày môn tĩnh, chỗ tịnh pháp nương. Cũng như luận Đại Thừa Khởi Tín ở nơi một tâm lập hai môn chân như và sinh diệt, hoặc cuộn hoặc buông, hoặc chung hoặc riêng, đều là thể dụng của một tâm. Như ánh sáng của nhật nguyệt, tợ gợn sóng của sông hồ, chân tâm không cậy chẳng lạc lời lẽ ý nghĩ, chỉ căn cứ thế đế trong môn tùy duyên phân hai nghĩa đó. Vì chân tâm chẳng giữ tự tánh nên tùy duyên thành khác, tức thành môn khác. Vì lúc tùy duyên chẳng mất tự tánh nên tùy duyên chẳng biến, tức thành môn đồng, tùy lập đồng khác mà thường ngầm một khoảng. Xưa trước giải thích: Một chân tâm chẳng phải một chẳng phải khác là, chân tâm toàn thể động vậy. Tâm và sinh diệt chẳng phải khác mà luôn chẳng biến chân tánh vậy. Cùng sinh diệt chẳng một. Trước nói rõ môn chẳng khác có ba nghĩa: Một, gốc từ ngọn nói chẳng khác là, trong kinh nói Như Lai tạng là nhân thiện và bất thiện, năng khắp cùng tạo tất cả thú sinh. Lại, trong kinh nói: Phật tánh tùy chuyển thành vị riêng biệt; Hai, gồm ngọn đồng gốc, nói rõ chẳng khác là, trong kinh nói: "Chúng sinh tức như vậy". Lại nói: "Mười hai nhân duyên tức Phật tánh". Trong Địa Luận nói: "Ba cõi chỉ tâm là, Đệ nhất nghĩa đế vậy". Trước tức gốc của ngọn, gốc không riêng gốc, chỉ có sinh diệt, lại không pháp riêng biệt có thể cùng khác. Sau tức ngọn của gốc, ngọn không riêng biệt ngọn, nên chỉ có chẳng sinh diệt, cũng không pháp riêng biệt có thể cùng khác; Ba, gốc ngọn bình đẳng nói rõ chẳng khác. Trong kinh có kệ tụng nói:

"Như Lai tạng sâu mầu
Mà cùng bảy thức câu".

Lại, trong luận nói: "Chỉ chân chẳng lập, đơn vọng chẳng thành".

Đây là hiển bày gốc ngọn dung thông, khoảng hạng chẳng phân, nên nói chẳng khác vậy. Tiếp theo nói về môn chẳng một là: Trong đây chẳng phải thẳng chẳng trái chẳng khác để rõ chẳng một, cũng là do chẳng khác nên thành ở chẳng một. Tại sao? Nếu lúc Như Lai tạng tùy duyên làm sinh diệt mất tự chẳng sinh diệt là, tức chẳng được có sinh diệt vậy. Như nước mất tánh ướt thì chẳng năng thành sóng lớn nhỏ. Cho nên do chẳng sinh diệt được có sinh diệt, cho nên tức chẳng khác nên chẳng một vậy. Trong luận Đại Thừa Khởi Tín nói rõ Như Lai tạng cùng sinh diệt hòa hợp chẳng phải một chẳng phải khác mà thành biện rõ thế gian và xuất thế gian mọi sự nhiễm tịnh v.v...

Hỏi: Trong luận nói: Tướng đồng là tất cả các pháp chỉ một chân như. Tướng khác là chỉ một chân như làm tất cả pháp. Hai nghĩa đồng dị đây lại là pháp nhĩ tự làm, lại là chỗ nhân người đặt ư?

Đáp: Pháp tánh chẳng động, đâu có văn của đồng dị, cải biến từ tâm tự khởi thấy của một nhiều. Như trong luận Đại Thừa Khởi Tín nói: "Lại nữa, giác và bất giác có hai thứ tướng: Một, tướng đồng; hai, tướng khác. Nói tướng đồng là như các thứ sành sứ đều đồng tánh tướng vi trần. vô lậu vô minh các thứ nghiệp huyễn như vậy đều đồng tánh tướng chân như. Nên trong kinh giáo nói nương nơi nghĩa đây mà nói tất cả chúng sinh xưa nay thường trú vào nơi pháp của Niết-bàn Bồ-đề, chẳng phải có thể tu tướng, chẳng phải có thể tác tướng, rốt ráo không được, cũng không sắc tướng có thể thấy. Mà có thấy sắc tướng là, chỉ là tùy chỗ nhiễm nghiệp huyễn làm, chẳng phải là tánh của trí sắc chẳng không. Vì trí tướng không thể thấy vậy. Nói tướng khác là, như các thứ sành sứ mỗi mỗi chẳng đồng, vô lậu vô minh như vậy dùng tánh nhiễm huyễn sai biệt mà nghiệp nhiễm huyễn sai biệt vậy". Trong Luận Thích nói: "Tức trong văn đây có hai môn: Một, môn tướng đồng; Hai, môn tướng khác. Vì nói rõ nghĩa gì mà kiến lập môn tướng đồng? Vì muốn hiểu biết tất cả các pháp chỉ một chân như, không pháp nào khác nên đáng môn chân như. Vì nói rõ nghĩa gì mà kiến lập môn tướng khác? Vì muốn hiển bày chỉ một chân như làm tất cả pháp. Danh tướng mỗi riêng biệt, nghĩa dụng chẳng đồng nên đáng môn sinh diệt. Nương ở kinh giáo nào mà kiến lập ư? Đó là kinh Văn-thù Sư-lợi Đáp Thứ Nhất. Trong kinh đó đang nói gì ư? Trong kinh đó nói là: "Đức Phật hỏi: "Văn-thù Sư-lợi! Bấy lâu nay ông chưa từng tạm nghỉ dạo khắp các cõi trong mười phương thấy sự gì khác? Văn-thù Sư-lợi đáp: Bấy lâu nay con chẳng thấy sự gì khác, chỉ thấy vi trần. Đức Phật lại hỏi: Trong trăm năm ông sống ở Luân gia chẳng thấy tướng các thứ sành sứ ư? Văn-thù

Sư-lợi đáp: Con chỉ thấy trần, chẳng thấy đồ sành sứ. Đức Phật lại hỏi: Ông thật chẳng thấy địa, thủy, hỏa, phong, núi, sông, cây rừng v.v... các thứ tướng ư? Văn-thù Sư-lợi đáp: Con thật chẳng thấy các tướng như vậy, chỉ thấy vi trần. Như vậy, như vậy Đức Thế Tôn hỏi xong, Văn-thú đáp. Đến số một trăm, Đức Phật lại hỏi: Văn Thù! Thấy vi trần ư? Văn-thù Sư-lợi đáp: Bấy lâu nay con chẳng thấy vi trần. Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo Văn-thù Sư-lợi rằng: Lành thay! Lành thay! Ông là Đại sĩ, năng giác một tướng, năng giác một tướng tức pháp không tướng. Văn-thù Sư-lợi! Ông một nhân giả chẳng phải giác như vậy nương môn một tướng, tất cả chúng sinh xưa nay thường trú vào nơi pháp của Niết-bàn Bồ-đề, chẳng phải có thể tu tướng, chẳng phải có thể tác tướng, rốt ráo không được, cũng không sắc tướng có thể thấy, mà có thấy sắc tướng đó, chỉ là tùy chỗ nhiễm nghiệp huyễn làm, chẳng phải là tánh của trí sắc chẳng không. Vì trí tướng không thể thấy vậy". Môn Tướng khác là, trong kinh đó nói rằng: "Phật bảo: Thân Tử! Ông thấy cõi đây, là tâm gì thấy? Thân Tử đáp: Con thấy cõi đây núi sông cây rừng cát sỏi đất đá, nhật nguyệt cung điện vườn nhà v.v... các thứ tướng, mỗi mỗi hình tướng danh tự sai biệt chẳng đồng. Đức Phật bảo: Lực trí tuệ của ông hạ liệt hẹp nhỏ, tâm có cao thấp, thấy khác như vậy, chỉ một mình ông chẳng phải thấy như vậy. Tất cả chúng sinh cũng như vậy, cho đến các pháp cũng như vậy. Chân vọng qua lại huân đối đãi nhau, công đức tai họa hình tướng danh tự mỗi mỗi sai biệt, tùy chỗ tâm phàm phu mà kinh luận danh tướng, có mà chẳng phải thật, đều như huyễn hóa.

Hỏi: Một tâm khai mở hai môn chân như sinh diệt, có nguyên do gì?

Đáp: Rất có công năng, rất hợp lý sự. Một tâm là khởi tin của Đại thừa. Hai môn là phá chấp của tà kiến. Căn cứ môn chân như, tin diệu lý quyết định, căn cứ môn sinh diệt, tin nghiệp dụng chẳng mất. Có thể gọi là lý sự viên thông, chân tục không kẹt. Trong luận Thích Ma-ha-diễn nói: "Môn tâm chân như có mười thứ tên: Một, gọi là môn Như Lai tạng, không tạp loạn vậy; Hai, gọi là môn bình đẳng chẳng hai, không sai biệt vậy; Ba, gọi là môn một đạo thanh tịnh, không rẻ khác vậy; Bốn, gọi là môn chẳng khởi chẳng động, lìa tác nghiệp vậy; Năm, gọi là môn không đoạn không ràng buộc, không làm chướng vậy; Sáu là môn không đến không đi, không trên dưới vậy; Bảy, gọi là môn xuất thế gian, không bốn tướng vậy; Tám, gọi là môn tịch diệt tịch tĩnh, không qua lại vậy; Chín, gọi là môn Đại Tổng tướng, không biệt tướng vậy; Mười, gọi là môn chân như, không hư ngụy vậy. Đó gọi là mười,

mười tên như vậy tổng gồm tất cả danh tự pháp môn nghĩa lý bình đẳng pháp tạng của chư Phật. Môn sinh diệt có mười thứ tên: Một, gọi là môn tạng thức, gồm giữ tất cả pháp nhiễm tịnh vậy; Hai, gọi là môn Như Lai tạng. Che giấu pháp thân Như Lai vậy; Ba, gọi là môn khởi động, tương tục tác nghiệp vậy; Bốn, gọi là môn có đoạn có ràng buộc, có tri chướng vậy; Năm, gọi là môn có đến có đi, có trên dưới vậy; Sáu, gọi là môn nhiều tướng phân khác, pháp của nhiễm tịnh quá hằng sa vậy; Bảy gọi là môn thế gian, bốn tướng cùng chuyển vậy; Tám, gọi là môn lưu chuyển hoàn diệt, đầy đủ sinh tử và Niết-bàn vậy; Chín, gọi là môn đối đãi nhau cùng thành, không pháp tự thành vậy; Mười, gọi là môn sinh diệt, bày tướng vô thường vậy. Mười tên như vậy, tổng gồm tất cả pháp tạng của chư Phật các thứ danh tự pháp môn sai biệt". Lại, phàm chân như là tuy tại môn chẳng khởi chẳng động, chẳng phải là ngưng đong chẳng động, lặng vậy lìa duyên. Đây lạc vào tĩnh trần sinh ở đoạn kiến, đó là tùy duyên hợp lặng lẽ, căn cứ pháp rõ chân. Vì vậy không tánh nhân duyên, lý sự một khoảng, nhân duyên không tánh, ẩn hiển đồng thời. Như trong Nghĩa Hải nói: "Vào chân như là, nghĩa là trần tùy tâm xoay chuyển, các thứ nghĩa vị thành nhân duyên lớn. Tuy có các thứ mà không sinh diệt, tuy chẳng sinh diệt mà luôn chẳng ngại tất cả tùy duyên". Nay không sinh diệt là chẳng biến, chẳng ngại tất cả là tùy duyên, tùy duyên chẳng biến là nghĩa chân như.

Hỏi: Trước nói tất cả chúng sinh đều có Bản giác thường huân vô minh thành tịnh dụng đó. Đây, diệu dụng chân như, môn chư Phật hóa là tại trong môn chân như hay trong môn sinh diệt?

Đáp: Đây là bản giác chân như trong môn sinh diệt nên có nghĩa huân, trong môn chân như thì không nghĩa này. Do bản giác đây bên trong huân bất giác, khiến thành nhàm cầu trái ngược dòng thuận chân. Nên nói là dụng vậy. Trong kinh Niết-bàn nói: Người xiển-đề do lực Phật tánh ở vị lai nên trở lại sinh căn lành". Lực Phật tánh tức là lực huân bên trong bản giác, thành tịnh dụng đó. Cho đến tám tướng thành đạo. Hạnh vị mười địa, đều căn cứ ở môn thế đế gồm thâu.

Hỏi: Trước lập một tâm hai môn chân như sinh diệt, lại là từ môn nào vào chóng được thành tựu?

Đáp: Chỉ từ môn sinh diệt vào thẳng đến đạo tràng, chẳng động trần lao mà thành Chánh giác. Trong luận Đại Thừa Khởi Tín nói: "Lại nữa, vì khiến chúng sinh từ môn tâm sinh diệt vào môn chân như. Nên khiến quán tướng sắc v.v... đều chẳng thành tựu. Cớ sao chẳng thành tựu? Nghĩa là phân chẻ sắc thô dần đến vi trần. Lại dùng phương phân

chẻ vi trần đây, cho nên hoặc thô hoặc tế tất cả các sắc chỉ là vọng tâm phân biệt ảnh tượng, thật không chỗ có, suy tầm ở các uẩn khác dần đến sát-na tướng riêng biệt chẳng phải một. Pháp vô vi cũng lại như vậy, lìa nơi pháp giới trọn không thể được. Mười phương tất cả các pháp như vậy, nên biết đều vậy, giống như người mê cho rằng: Đông là Tây, mà phương thật chẳng chuyển, chúng sinh cũng vậy. Bởi vô minh mê nên cho rằng: Tâm là động mà thật chẳng động. Nếu biết động tâm tức chẳng sinh diệt, tức được vào nơi môn chân như. Như trên, nghĩa của hai đế, chẳng thể một hướng làm một giải, cũng chẳng thể một hướng làm hai giải. Do đó, trong kinh Nhân Vương, phẩm Nhị Đế nói: "Bấy giờ vua Ba-tư-nặc bạch Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Trong Thắng nghĩa đế có Thế tục đế chăng? Nếu nói không, thì trí chẳng nên hai, nếu nói có, thì trí chẳng nên một. Nghĩa của một hai, sự đó thế nào? Đức Phật dạy: Đại vương! Ở thời quá khứ trong pháp của Phật Long Quang Vương, ông đã hỏi nghĩa này, nay ta không nói, nay ông không nghe, không nói không nghe, đó tức gọi là nghĩa một nghĩa hai. Nay ông lắng nghe, ta sẽ vì ông nói. Khi ấy, Đức Thế Tôn liền nói kệ tụng rằng:

"Không tướng thắng nghĩa đế
Thể chẳng tự tha làm
Nhân duyên như huyễn có
Cũng chẳng tự tha làm
Pháp tánh vốn không tánh
Thắng nghĩa đế không như
Các hữu huyễn có pháp
Ba giả tập giả có
Không không đế thật không
Tịch diệt thắng nghĩa không
Các pháp nhân duyên có
Có không nghĩa như vậy
Có không vốn tự hai.
Thí như trâu hai sừng
Chiếu giải thấy không hai
Hai đế thường chẳng tức
Giải tâm thấy không hai
Cầu hai chẳng thể được
Chẳng là hai đế một
Một cũng chẳng thể được
Ở giải thường tự một

Ở đế thường tự hai
Rõ thấu một hai đây
Thật vào Thắng nghĩa đế
Thế đế huyễn hóa khởi
Thí như hoa hư không
Như ảnh như lông xoay
Nhân duyên nên huyễn có
Huyễn hóa thấy huyễn hóa
Ngu phu gọi huyễn đế
Huyễn sư thấy huyễn pháp
Đế huyễn thảy đều không
Nếu rõ pháp như vậy
Tức giải nghĩa một hai
Khắp ở tất cả pháp
Nên quán sát như vậy".

Nên trong kinh Niết-bàn so sánh hai con chim cùng bay, sinh tử cùng thường và vô thường, Niết-bàn cũng vậy. Tại thấp tại cao cùng bay cùng dừng, tức sự mà lý, tức lý mà sự. Hai đế tức trung, trung tức hai đế, chẳng phải hai trung mà hai trung, vậy thì nghĩa cùng bay thành. Hai chim là, tức chim uyên ương, cùng bay cùng dừng, cùng bay tức sánh với cả hai chiếu, cùng dừng tức sánh với cả hai song ngăn. Cũng là thể dụng lý sự chẳng tức chẳng lìa.

Hỏi: Chân đế, cớ sao chẳng xưng là Đệ nhất nghĩa đế?

Đáp: Chân chỉ đối tục mà được tên, chưa phải là Trung đạo. Lại, thông rõ tất cả pháp không ngã, chỉ là chân phân tích chưa tận cùng thật tánh, chẳng thông chân tục. Như Trung đạo Đệ nhất nghĩa đế là, chẳng phải lìa hai biên mà xưng trung, tức là thật tánh của tất cả pháp, thông khắp Thánh phàm, tình và chẳng phải tình, nên xưng là Đệ nhất, cũng gọi là vô đẳng (không gì bằng). Vì không pháp nào có thể vượt qua nên xưng là Đệ nhất. Vì không pháp nào có thể sánh bằng nên xưng là vô đẳng. Đây chẳng phải căn cứ hơn kém mà nói, vì tất cả pháp tức chân như một tâm vậy. Do đó, trong luận Đại Thừa Khởi Tín nói: Nói là pháp, nghĩa là tâm chúng sinh". Xưa trước giải thích: Các pháp đã không nên duy tâm vậy, như muôn ảnh tượng vốn không, chỉ là một gương.

Hỏi: Diệu minh chân tâm khắp tất cả xứ, cớ sao trong kinh Niết-bàn nói Phật tánh trừ nơi ngói sỏi ư?

Đáp: Năng sở chẳng đồng, chẳng thể chấp một, tâm cảnh một vị, chẳng thể xưng khác. Nếu vì tánh theo duyên thì tình chẳng phải tình

khác. Vì tánh cũng khác. Nếu sạch hết duyên theo tánh, thì chẳng phải giác chẳng giác. Nếu hai tánh qua lại dung hòa, thì không gì chẳng phải là giác ngộ. Trong kinh Hoa Nghiêm nói: “Chân như không phần ít chẳng phải giác ngộ”, thì chân như khắp tất cả xứ của hữu tình và vô tình. Nếu không phần ít chẳng phải giác ngộ là, há vô tình chẳng phải Phật tánh ư? Lại ý kinh nói chỉ trừ chấp ngói sỏi, kiến của vô tình, chẳng phải trừ Phật tánh, thì tánh không đâu chẳng có, lượng vượt hư không, sao có thể trừ ư? Lại, các bậc Cổ đức nói: “Giác tánh là lý, giác liễu thuộc sự, như trong vô tình chỉ có giác tánh mà không giác liễu, như trong nước chỉ có tánh lửa mà không lửa chiếu. Nay nói tánh là chỉ y cứ lý gốc, ai luận cành ngọn. Lại, giác trí duyên lự gọi là tình, tự tánh chẳng đổi gọi là tánh, người ngu mê tánh sinh tình nên cảnh trí chẳng một. Bậc trí rõ tình thành tánh, nên vật ngã không hai.

Hỏi: Muôn pháp tuy tâm, thành chứng chẳng phải một. Trong kinh Nhập Lăng-già có kệ tụng nói:

“Ba cõi pháp cao thấp
Ta nói tức là tâm,
Lìa nơi các tâm pháp
Lại không có thể được”.

Nếu bốn góc trên dưới, thảy đều là tự tâm thì đi đứng ngồi nằm nương đâu mà trú? Nếu không chỗ y báo ở thì chánh báo làm sao thành lập?

Đáp: Thân của có thức, cõi của không tình, đều là bốn đại trong ngoài, thảy đều không thể. Vả lại như đại địa chỉ nương phong luân, chỗ các vi thành vốn không tự tánh, chỉ là tâm hữu tình biến, lại không khác lý, an tường động dừng đều tại trong tâm, tợ chim bay giữa hư không, chẳng lìa không giới, như cá ngầm trong nước, đâu vượt nguồn nước. Trong kinh Nhập Lăng-già có kệ tụng nói:

“Nếu tất cả Duy tâm
Thế gian xứ nào trú
Khứ lai nương pháp nào
Làm sao thấy trong đất
Như chim trong hư không
Nương tâm gió mà đi
Chẳng trú chẳng quán sát
Ở trên đất mà đi
Các chúng sinh như vậy
Nương gió phân biệt động

Trong tự tâm đi lại
Như chim bay giữa không
Thấy là tư sinh khí
Phật nói tâm như vậy.”

Nên biết cất chân đặt bước chẳng lìa tự tâm. Như chim nếu lìa hư không thì lấy gì bay liệng? Cá nếu lìa nước, đâu được bơi lặn. Do đó, ở Tây vức, Tổ sư Di-già-ca hỏi Bà-tu-mật rằng: “Từ phương nào mà lại? Rồi lại đến nơi nào? Đáp: Tự từ tâm lại, muốn đi không xứ. Lại ở xứ đây, Hòa thượng Ngũ Duệ, lúc lâm chung bỏ ăn uống ba ngày mà các tịch, có người học hỏi: Thầy đi xứ nào? Đáp: Không xứ đi. Người học lại hỏi: Sao không thấy? Đáp: Chẳng phải chỗ mắt thấy. Nên trong kinh Đại Tập nói: “Phật dạy: Tức trong bốn đại, tìm cầu Bồ-đề, chẳng tìm cầu xứ khác, lúc cầu chẳng thấy các vật”. Chẳng thấy, tức là không xứ, không xứ tức không trú, không trú tức là tánh của tất cả các pháp. Tất cả các pháp nếu không tánh, tức là thật tướng. Thật tướng là chẳng phải thường chẳng phải đoạn, gọi là trật tự rốt ráo. Trong kinh Kim Cang Tam-muội nói: “Bồ-tát Vô Trú nói: Tôn giả! Tôi từ không gốc lại, nay đến chỗ không gốc”. Phật dạy: Gốc ông chẳng từ, nay lại cũng chẳng chỗ đến. Ông được gốc lợi chẳng thể nghĩ bàn. Cho đến, sắc không xứ sở, thanh tịnh không tên chẳng vào ở trong. Chiếu không xứ sở, thanh tịnh không thấy, chẳng ra ở ngoài. Tâm không xứ sở, thanh tịnh Vô thượng, không có khởi ở, thanh tịnh không động, không có duyên riêng, tánh đều không tịch, cho đến như tâm vương kia vốn không trú xứ. Tâm của phàm phu vọng phân biệt thấy. Thể của như như, vốn chẳng có không, tướng của có không, thấy chỉ tâm thức. Cớ sao không gốc, vì không trú vậy. Có gốc thì có trú, không trú thì không gốc, rõ biết chúng sinh nghiệp thú khứ lai. Tịnh giới các Thánh động dừng. Lại là tâm lại, đi là tâm đi, động là tâm động, dừng là tâm dừng. Rốt ráo không có đến đi động dừng mà có thể được, chẳng lìa pháp giới, thì chưa có một pháp chẳng phải chỗ tâm nêu. Vì vậy Bồ-tát Văn-thù Sư-lợi giáo hóa Đồng tử Thiện Tài, hiện Đài quán đầy trong ba ngàn thế giới. Thiện Tài quán đó, chợt nhiên chẳng hiện, thế giới đều không. Hỏi: Thế giới là xứ của đến đi ư? Văn-thù Sư-lợi đáp: Từ xứ đến đến tức về đi đi, tức là đến trong pháp giới thanh tịnh, tức đi về trong pháp giới thanh tịnh”. Nên biết chỗ các pháp sinh chỉ do tâm hiện. Sinh diệt đến đi đều Như Lai tạng. Đó mới là cùng vết thấu gốc thấy pháp rõ tông vậy. Lại như Pháp vương tử Lưu Ly Quang nói: “Tôi nhớ xưa trước, trải qua số kiếp như cát sông Hằng, có Đức Phật ra đời hiệu là Vô Lượng Thanh, chỉ bày

Bồ-tát Bản giác diệu minh, quán thế giới đây và thân chúng sinh đều là chỗ phong lực vọng duyên chuyển. Lúc ấy tôi quán giới an lập. Quán lúc giới động, quán thân động dừng, quán tâm động niệm, các động không hai, đồng không sai biệt, khi ấy tôi hiểu rõ các động tánh đây, lại không chỗ từ, đi không chỗ đến. Mười phương vi trần chúng sinh điên đảo đồng một hư vọng, như vậy cho đến trong ba ngàn đại thiên thế giới chỗ có chúng sinh, như trong một đồ vật chứa trữ cả trăm ve muỗi kêu loạn ty tỷ, ở trong phân tấc phát động cuồng náo. Cho đến tôi dùng quán sát phong lực không nương tựa, ngộ tâm Bồ-đề vào Tam-ma-địa, hợp mười phương Phật truyền một diệu tâm, đó là đệ nhất". Nên biết các động không hai chỉ một vọng phong, phong nhờ các duyên vốn không nương ở. Nếu năng đế quán phong lực không nương tựa, nhờ ngộ chỉ tâm chẳng động, thì Bản Giác Diệu Minh luôn chiếu pháp giới, nên nói mười phương chư Phật truyền một diệu tâm đây vậy. Phong lực đã không nương tựa, muôn pháp đều không chủ, lại từ duyên có, đi theo huyễn không, chỉ tâm Bản giác vốn không sinh diệt. Do đó, trong kinh Pháp Hoa nói: "Chỉ nói một thừa chỉ bày ở đây". Trong kinh Bát-nhã chỉ nói không hai giao phó ở đây, trong kinh Niết-bàn nói Phật tánh bình đẳng rộng dụ ở đây. Trong kinh Hoa Nghiêm nói pháp giới vô tận hiển hiện ở đây. Vô biên diệu chỉ đều quy về Tông Kính vậy.

Hỏi: Trong kinh Lăng-già nói: Phật nói tâm là tông. Đã lập một tâm làm tông, cớ sao lại nói không tâm là đạo?

Đáp: Tâm làm tông là tâm chân thật, tâm đây chẳng phải có không. Không trú không nương chẳng sinh chẳng diệt, có Phật không Phật, tánh tướng vẫn thường trú, là tánh của tất cả muôn vật, giống như thể hư không, chẳng phải tất cả mà năng hiện tất cả. Chỉ vì chúng sinh chẳng rõ chân tâm thường trú đây, vì chân tâm không tánh, Bất giác mà khởi tâm của vọng thức, bèn bỏ sót chân tâm diệu tánh đây, theo vọng luân hồi, ở trong rốt ráo đồng thành rốt ráo khác, một hướng chấp vọng tâm đây năng duyên trần theo vật, trái đạo nghịch chân, thì là khiến dứt vọng tâm duyên lự đó. Nếu chẳng khởi vọng tâm thì năng thuận đạo. Do đó, nói không tâm là đạo, cũng nói là ngầm tâm hợp đạo. Lại, tức tâm không tâm thường thuận Bản giác, chưa hẳn diệt tâm thủ chứng, tức thành trái đạo. Nhưng tuy tức tâm không tâm lại chẳng thể được, nên khởi vọng thức đây, tâm đối cảnh mà sinh, không thể có thể được, như sóng trên biển tùy gió mà dứt hay tiếp tục. Vọng phong cảnh giới chẳng khởi phân biệt, sóng thức chẳng sinh. Trong kinh Mật Nghiêm nói: "Tất cả các thế gian, thí như lúc nóng đốt, vì các tướng chẳng thật,

không mà vọng phân biệt, giác nhân sở giác sinh, sở giác nương năng giác, lìa một thì không hai. Thí như sáng và ảnh, không tâm cũng không cảnh. Lượng và chỗ lượng sự, chỉ nương ở một tâm, như vậy mà phân biệt. Pháp năng biết sở biết, chỉ nương tâm vọng chấp, nếu rõ không sở biết, thì năng biết chẳng có". Không sở biết thì là không cảnh, không năng biết thì là không tâm, vọng tâm huyễn cảnh đã không, một đạo chân tâm tự hiện. Nên biết chỉ tâm chẳng khởi, muôn pháp không sinh, mới có khởi tâm tức thành trú đấm. Như trong kinh Đại Pháp Cự Đà-la-ni nói: "Phật dạy: Tất cả trú tức là chẳng phải trú, chỉ là tư tưởng dời lại lần lượt tương tục nên có sinh vậy. Cho đến nếu chánh tư duy, tất cả đều là không trú trú". Nên biết tất cả muôn pháp đều từ nghĩ tưởng sinh, phàm có tư duy đều là tà tư duy, nếu không tư duy tức là chánh tư duy. Nên nói: Nếu chánh tư duy tất cả đều là không trú trú, không trú trú là căn bản của muôn pháp.

Hỏi: Nếu nói tâm đồng cảnh không, trọn chẳng thể được là, như nay giới nhĩ tâm khởi, quả báo chẳng phải hư, một niệm tâm thiện xa thềm Phật quả, một niệm tưởng ác nhiều kiếp chịu ương, đâu đồng tiền trần sắc bên ngoài, tánh là vô ký nương tâm giả có, thể rốt ráo không, nếu duyên niệm tâm tức nên là có chứ?

Đáp: Một niệm tâm đây cũng chẳng riêng khởi, y tha giả có trong ngoài đều không, một niệm đây liếc khởi giác liễu tâm của năng sở biết. Như A-nan vọng chấp bảy xứ đó. Đức Thế Tôn mỗi mỗi đều dẹp phá không chỗ có, nhưng nhân xứ của nương tựa, chẳng quá bảy đây, người đời đồng chấp huân tập bền chắc. Nếu chẳng phải đấng Đại Thánh tử tế suy tầm, thì tình kiến không do đâu có thể thoát. Bảy xứ đây đã phá thì tất cả đều không. Có thể vì tức hiện nay biết không nhọc lại chấp. Như trong kinh Thủ-lăng-nghiêm nói: "Phật bảo: A-nan! Như chỗ ông nói chỗ chân ái lạc nhân ở tâm mắt, nếu chẳng thức biết tâm mắt tại đâu thì chẳng năng được giáng phục trần lao. Thí như quốc vương bị giặc xâm lăng, dẫn phát binh lính dẹp trừ, binh lính đó cần phải rõ biết giặc ở nơi nào vậy, khiến ông lưu chuyển là lỗi bởi tâm mắt. Nay ta hỏi ông chỉ tâm và mắt nay hiện ở đâu? A-nan thưa: Bạch Đức Thế Tôn! Tất cả thế gian mười thứ dị sinh đồng đem thức tâm ở tại trong thân, giả như quán mắt sen xanh của Đức Như Lai cũng tại mặt Phật. Nay con quán bốn trần phù căn đây chỉ tại mặt con, như vậy nhận biết tâm thật ở trong thân. Phật bảo: A-nan! Nay ông hiện ngồi trong giảng đường cùng Như Lai, quán rừng Kỳ-đà, nay tại nơi nào? Bạch Đức Thế Tôn! Đại trùng các giảng đường thanh tịnh đây tại vườn Cấp Cô Độc. Nay

rừng Kỳ-đà thật tại ngoài giảng đường. A-nan! Nay ông ở trong giảng đường, trước tiên thấy nơi nào? Bạch Đức Thế Tôn! Con ở trong giảng đường, trước tiên thấy Như Lai, tiếp đến quán khắp đại chúng, như vậy tiếp trong bên ngoài mới thấy vườn rừng. A-nan! Ông trông nhìn vườn rừng, nhân gì mà được thấy? Bạch Đức Thế Tôn! Đại giảng đường đây các cửa mở thoáng, nên con tại trong giảng đường mà được trông thấy xa. Cho đến, Phật bảo A-nan! Như điều ông nói thân tại trong giảng đường nhân các cửa mở thoáng mà xa trông thấy vườn rừng, cũng có chúng sinh tại trong giảng đường đây chẳng thấy Như Lai mà thấy ngoài giảng đường. A-nan thưa: Bạch Đức Thế Tôn! Tại trong giảng đường chẳng thấy Như Lai mà năng thấy suối rừng, điều ấy không thể có. A-nan! Nay ông cũng vậy, tâm linh của ông tất cả sáng rõ, nếu ông hiện tiền chỗ sáng rõ tâm thật tại trong thân, khi ấy trước nên rõ biết trong thân. Lại có chúng sinh trước thấy trong thân, sau quán vật ngoài, giả sử chẳng năng thấy tim gan tỳ vị móng sinh tóc dài gân chuyển mạch động, thật hợp sáng rõ, tại sao chẳng thấy? Hẳn chẳng biết bên trong, cớ sao biết bên ngoài? Cho nên phải biết ông nói tâm của hay rõ năng biết trú tại trong thân điều ấy không có. A-nan cúi đầu mà bạch Phật rằng: Con nghe pháp âm của Đức Như Lai như vậy, ngộ biết tâm con thật ở ngoài thân, tại sao? Thí như đèn đốt sáng trong phòng, đèn hẳn năng trước chiếu trong phòng, từ cửa phòng đó sau đến khoảng sân, tất cả chúng sinh chẳng thấy trong thân riêng thấy ngoài thân cũng như đèn sáng ở tại ngoài phòng chẳng năng chiếu phòng, nghĩa đó hẳn rõ, không chỗ lầm hoặc, đồng Phật liễu nghĩa được không vọng ư? Phật bảo: A-nan! Các Tỳ-kheo đây vừa rồi theo ta đến thành Thất-la-phiệt tuần tự khất thực rồi về rừng Kỳ-đà. Ta đã thọ trai, ông quán trong chúng Tỳ-kheo một người lúc ăn, các người khác được no chăng? A-nan thưa: Không vậy, Bạch Đức Thế Tôn! Tại sao? Các Tỳ-kheo đó tuy A-la-hán nhưng thân mạng chẳng đồng, làm sao một người ăn mà năng khiến cả chúng được no. Phật bảo: A-nan! Nếu tâm ông hay rõ năng biết thật tại ngoài thân, thân tâm ngoài nhau, tự chẳng liên can, thì chỗ tâm biết, thân chẳng năng hay. Hay tại khoảng thân, tâm chẳng năng biết. "Nay ta chỉ ông tay đâu-la-miên, lúc mắt ông thấy, tâm phân biệt chăng? A-nan thưa: Đúng vậy, bạch Đức Thế Tôn! Phật bảo: A-nan! Nếu cùng biết là cớ sao tại ngoài? Cho nên phải biết ông nói tâm hay rõ năng biết trú tại ngoài thân, điều ấy không có. A-nan thưa: Bạch Đức Thế Tôn! Như lời Phật dạy chẳng thấy trong nên chẳng trú trong thân, thân tâm cùng biết, chẳng lìa nhau nên chẳng tại ngoài thân, nay con tư duy biết

tại một xứ. Đức Phật hỏi: Xứ đó nay ở đâu? A-nan thưa: Tâm rõ biết đây đã chẳng biết trong mà năng biết ngoài như suy nghĩ ngầm núp trong căn. Thí như có người lấy chén lưu ly chụp hai mắt nó, tuy có vật chụp mà chẳng lưu ngại, căn kia tùy thấy tùy liền phân biệt. Nhưng tâm hay rõ năng biết của con chẳng thấy trong là vì tại căn vậy. Phân minh trông nhìn ngoài là ngầm trong căn vậy. Phật dạy: A-nan! Như điều ông nói: Ngầm trong căn là giống như lưu ly, người kia đang dùng lưu ly chụp mắt đang thấy núi sông, vậy có thấy lưu ly chăng? A-nan thưa: Như vậy, bạch Đức Thế Tôn! Người ấy đang dùng lưu ly chụp mắt, thật thấy lưu ly. Phật dạy: A-nan! Nếu tâm ông đồng với lưu ly chụp là đang thấy núi sông, sao chẳng thấy mắt? Nếu thấy mắt là, mắt tức đồng cảnh chẳng được thành tùy, nếu chẳng năng thấy, cớ sao nói phô? Tâm rõ biết đây ngầm tại trung căn như lưu ly hợp, cho nên phải biết ông nói tâm hay rõ năng biết ngầm núp trong căn như lưu ly chụp. Điều ấy không có, A-nan thưa: Bạch Đức Thế Tôn! Nay con lại tư duy, thân phủ tạng của chúng sinh tại trong, khiếu huyệt ở ngoài, có tàng thì tối, có khiếu (lỗ) thì sáng, nay con đối Phật, mở mắt thấy sáng gọi là thấy ngoài, nhắm mắt thấy tối, gọi là thấy trong. Nghĩa ấy thế nào? Phật dạy: A-nan! Lúc ông đang nhắm mắt thấy tối, cảnh giới tối đó, có cùng căn đối hay chẳng đối ư? Nếu cùng căn đối thì tối tại trước mắt, làm sao thành trong. Nếu thành ở trong thì ở trong phòng tối không có nhật nguyệt và đèn, trong phòng tối đó đều là tim ruột ông, nếu chẳng đối làm sao thành thấy? Nếu lìa ngoài thấy trong chỗ đối thành, nhắm mắt thấy tối gọi là trong thân, mở mắt thấy sáng sao chẳng thấy mặt? Nếu chẳng thấy mặt thì trong đối chẳng thành. Thấy mặt nếu thành tâm rõ biết đây cùng với nhãn căn là tại hư không, sao thành tại trong. Nếu tại hư không, tự chẳng phải thể ông. Tức nên nay nghĩa thấy mặt ông cũng là thân ông. Mắt ông đã biết thân hợp chẳng phải hay, hẳn ông chấp lời nói thân mắt hai hay nên có hai biết, tức thân ông nên thành hai Phật. Cho nên phải biết, ông nói thấy tối gọi là thấy trong, điều ấy không có. A-nan thưa: Con thường nghe Phật chỉ dạy bốn chúng, do tâm sinh nên các thứ pháp sinh, do pháp sinh nên các thứ tâm sinh, nay con tư duy tức tư duy thể thật tâm tánh con, tùy chỗ xứ hợp thì tâm tùy có, cũng chẳng phải ba xứ trong ngoài và khoảng giữa. Phật dạy: A-nan! Nay ông nói là do pháp sinh nên các thứ tâm sinh, tùy chỗ xứ hợp thì tâm tùy có là, tâm không thể thì không chỗ hợp. Nếu không có thể mà năng hợp thì mười chín giới nhân bảy trần hợp, nghĩa ấy không như vậy. Nếu có thể là như ông dùng tay tự kéo thể đó, chỗ ông biết tâm là bên trong ra hay bên ngoài vào?

Nếu bên trong ra, trở lại thấy trong thân, nếu từ ngoài vào, trước nên thấy mặt. A-nan thưa: Thấy là mắt đó, tâm biết chẳng phải mắt là thấy chẳng phải nghĩa. Phật dạy: Nếu mắt năng thấy, ông tại trong phòng cửa năng thấy chăng? Thì các người đã chết vẫn còn có mắt, nên đều thấy vật. Nếu thất vật thì sao gọi là chết? A-nan! Lại như tâm hay rõ năng biết của ông nếu hẳn có thể thì là một thể hay có nhiều thể? Nay tại thân ông là khắp cùng thể hay chẳng khắp cùng thể? Nếu một thể thì lúc ông dùng tay kéo một chi, bốn chi nên hay, nếu đều hay là kéo nên không tại đâu. Nếu kéo có chỗ thì một thể ông tự chẳng năng thành, nếu nhiều thể thì thành nhiều người. Thế nào là ông, nếu khắp cùng thể là đồng chỗ kéo trước, nếu chẳng khắp cùng là, ông đang xúc chạm đầu cũng xúc chạm chân đó. Đầu có chỗ hay chân nên không biết. Nay ông chẳng như vậy, cho nên phải biết, tùy chỗ xứ hợp thì tâm tùy có, điều ấy không có. A-nan thưa: Bạch Đức Thế Tôn! Con cũng nghe Phật và các vị Pháp vương tử như Văn-thù Sư-lợi v.v... lúc bàn nói về thật tướng. Đức Thế Tôn cũng nói tâm chẳng tại trong cũng chẳng tại ngoài. Như con tư duy, trong không chỗ thấy ngoài chẳng cùng biết. Trong không biết nên tại trong chẳng thành, thân tâm cùng biết thì tại ngoài chẳng phải nghĩa, nay cùng biết nên lại trong không thấy, thì đang tại khoảng giữa. Phật dạy: Ông nói khoảng giữa, khoảng giữa hẳn chẳng mê, chẳng phải không chỗ có. Nay ông tìm khoảng giữa, khoảng giữa tại đâu? Tại xứ nào? Tại thân nào? Nếu tại thân là tại một bên chẳng phải khoảng giữa, tại khoảng giữa là đồng với trong. Nếu tại xứ là có chỗ phô bày hay không chỗ phô bày, không phô bày tức đồng không, phô bày thì không định. Tại sao? Như người dùng phô bày, lúc phô bày làm khoảng giữa, Đông nhìn thành Tây, Nam quán là Bắc, phô bày thể đã lẫn lộn, tâm nên tạp loạn. A-nan thưa: Chỗ con nói khoảng giữa chẳng phải hai xứ đây. Như Thế Tôn nó: Nhãn sắc làm duyên sinh nói nhãn thức, nhãn có phân biệt, sắc trần không biết, thức sinh trong đó thì tâm có. Phật dạy: Tâm ông nếu tại khoảng giữa của căn trần, thì tâm thể đây lại gồm cả hai hay chẳng gồm cả hai? Nếu gồm cả hai, thì vật thể tạp loạn, vật chẳng phải thể biết, thành đối địch hai lập, làm sao là khoảng giữa, nên gồm cả hai chẳng thành, chẳng phải biết chẳng biết, tức không thể tánh, khoảng giữa làm sao cùng? Cho nên phải biết, đang tại khoảng giữa, điều ấy không có. A-nan thưa: Bạch Đức Thế Tôn! Xưa trước kia con thấy Đức Phật cùng bốn Đại đệ tử Mục-kiền-liên, Tu-bồ-đề, Phú-lâu-na và Xá-lợi-phất cùng chuyển pháp luân, thường nói tâm tánh hay biết phân biệt đã chẳng tại trong cũng chẳng tại ngoài, chẳng tại khoảng

giữa, đều không chỗ tại, tất cả không đắm trước, gọi đó là tâm. Thì con không đắm trước gọi là tâm ư? Phật dạy: A-nan! Ông nói tâm tánh hay biết phân biệt đều không chỗ tại là, thế gian hư không nước đất bay đi, chỗ các vật tượng gọi là tất cả. Ông chẳng đắm trước là tại hay không? Không thì đồng với lông rùa sừng thỏ, cớ sao chẳng đắm trước? Có chẳng đắm trước là chẳng thể gọi là không, không cùng thì không, chẳng phải không thì cùng, cùng thì chẳng tại, cớ sao không đắm trước. Cho nên phải biết tất cả không đắm trước, gọi là tâm hay biết, điều ấy không có". Như chỗ suy tìm trên, tức nay trong thân sinh diệt vọng tâm không vậy, chỗ hiện lượng biết rõ ràng không lầm hoặc, có thể gọi là chóng ngộ chân tâm, rõ ngay không sinh vậy.

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 84

Phàm, vọng tâm hư giả, các Thánh đồng tìm tòi ra, chấp đây bền chắc nên phải dẫn đủ. Lại căn cứ ở các kinh luận nói giả có ba thứ: Một, nhận thành giả, nhân cảnh trước đổi mới là sinh tâm; Hai, tương tục giả, mới đầu tâm nhân cảnh sao khởi phân biệt niệm niệm tương tục cho đến thành sự; Ba, đối đãi nhau giả, như đối đãi hư không không sinh nói tâm có sinh, lại chấp ở có tâm đối đãi ở không tâm, như ngắn đối đãi dài, tợ gần đối đãi xa. Ba đây chẳng phải thật nên xưng là giả, do đó khác với tướng qua lại không, như trong luận Trung quán có kệ tụng nói:

"Trong khác không khác tướng
Trong chẳng khác cũng không
Vì không có khác tướng
Thì không đây kia khác
Như dài cùng ngắn khác
Trong dài không tướng ngắn".

Dài không thể đối nên không có dài, trong ngắn không tướng dài, ngắn không thể đối nên không có ngắn, trong dài không tướng dài. Ngắn không thể đối nên không có ngắn, trong ngắn không tướng ngắn. Dài không thể đối nên không có dài, đã không ngắn dài sao nói khác ư? Lại, trong Bách Luận nói: "Nếu thật có tướng dài, nếu trong dài có, nếu trong ngắn có, nếu trong cọng có, là đều chẳng thể được. Tại sao? Trong dài không tướng dài, vì nhân tha vậy, nhân ngắn làm dài vậy. Trong ngắn cũng không tướng dài, tánh trái nhau vậy. Nếu trong ngắn có dài, chẳng gọi là ngắn, trong cộng cũng không dài, cả hai đều lỗi vậy, tướng dài đã không, tướng ngắn cũng vậy, nếu không ngắn dài, cớ sao đối đãi nhau? Nên ngăn ngừa khác mà nói chẳng khác, chẳng phải là có không khác, hai đây tuyệt do khế hợp tánh. Nếu căn cứ hiển bày cả hai là, nghĩa là trước chỉ hiển bày thật thì chỉ tánh mà chẳng phải khác, nay tánh tướng đều đủ, nên nói hiển bày cả hai, nghĩa là do thể một nên chẳng phải khác tướng, sai biệt nên chẳng phải chẳng khác. Đây nêu cả

hai là vì hiển bày cả hai chẳng phải. Đó mới là chẳng phải một chẳng phải khác mà một mà khác, ngăn chiếu vô ngại tánh tướng dung thông, tánh tướng đã vậy, muôn pháp cũng vậy. Nếu dùng tâm đầu tiên phá ba giải đây, thì một niệm không sinh được vào không quán. Phàm, không quán, là căn bản của tất cả quán, từ đây tiếp vào giả quán, nhân chẳng được giả mà vào không, lại chẳng được không mà vào giả, vì chẳng phải không chẳng phải giả, sau đó vào trung quán, cho đến tuyệt quán, do đó chỉ quán rộng phá, bốn câu nghiệm mà chẳng được, ngang dọc suy tầm mà không sinh, tánh tướng đều không, danh tự cũng lặng lẽ. Nếu một niệm tâm khởi tức đủ ba giả. Đang quán một niệm tâm đây, nếu tâm tự sinh là, niệm trước làm căn niệm sau làm thức, là từ căn sinh tâm hay từ thức sinh tâm? Nếu căn năng sinh thức, là căn có thức nên sinh thức, hay căn không thức nên sinh thức? Nếu căn có thức thì căn và thức đều đồng. Lại không năng sinh sở sinh căn, nếu không thức mà năng sinh thức, các thứ không thức, vật chẳng năng sinh thức. Căn đã không thức, sao năng sinh thức. Căn tuy không thức mà có thức tánh nên năng sinh thức đó. Thức tánh đây là có hay là không? Có rồi thì thức đều tại nơi căn, sao gọi là Tánh? Căn không thức tánh chẳng năng sinh thức. Lại, thức tánh và thức là một hay là khác? Nếu một tánh tức là thức, không năng không sở. Nếu khác thì trở lại tha sinh, chẳng phải tâm tự sinh. Nếu nói tâm chẳng tự sinh trần lại phát tâm nên có tâm sinh. Dẫn trong kinh nói là: Là duyên tư sinh, không duyên tư chẳng sinh. Nếu vậy, trần tại ngoài ý lại phát thức trong thì tâm do tha sinh. Nay suy tìm trần đây là tâm đó nên sinh tâm, hay chẳng phải tâm nên sinh tâm? Trần nếu là tâm thì chẳng gọi là trần, cũng chẳng phải là ngoài ý, thì đồng tự sinh. Lại hai tâm đều đồng thì không năng sở. Trần nếu chẳng phải tâm, sao năng sinh tâm. Như trước phá, nếu trong Trần không có sinh tánh, cho nên sinh tâm. Tánh đây là có hay là không? Tánh nếu là có tánh và trần đều cũng không, năng sở nếu không, không chẳng năng sinh. Nếu căn trần hợp nên có tâm sinh là, căn trần mỗi mỗi có tâm nên hợp sinh tâm, hay mỗi mỗi không tâm nên hợp sinh. Tâm nếu mỗi mỗi có, có hợp thì hai tâm tùy tại trong tha tánh, nếu mỗi mỗi không, hợp thời cũng không. Lại, căn trần mỗi mỗi có tâm tánh hợp thì tâm sinh là, đang kiểm tánh đây là có hay là không. Như trước phá, nếu căn trần mỗi mỗi lìa mà có tâm là, đó là không nhân duyên sinh, là có lìa đây hay không lìa đây, nếu có lìa đây trở lại theo duyên sinh. Sao gọi là lìa? Nếu không lìa đây, không sao năng sinh, nếu nói lìa đây có sinh tánh, là có hay là không? Nếu tánh là có trở lại theo duyên sinh chẳng

gọi là lìa. Nếu tánh là không, không sao năng sinh. Bốn câu như vậy suy tìm cầu biết tâm rốt ráo chẳng sinh. Đó gọi là từ giả vào không quán. Nếu chẳng ngộ là chuyển vào tương tục giả phá đó. Tại sao? Tuy nhân thành giả, bốn phá chẳng được tâm sinh. Hiện nay thấy tâm niệm niệm sinh diệt tương tục chẳng đoạn, sao gọi là chẳng sinh? Niệm niệm đây là đang niệm trước diệt niệm sau sinh, hay niệm trước chẳng diệt niệm sau sinh, hay niệm trước cũng diệt cũng chẳng diệt niệm sau sinh, hay niệm trước chẳng phải diệt chẳng phải chẳng diệt sau sinh? Nếu niệm trước chẳng diệt niệm sau sinh, đây thì niệm tự sinh niệm, hai sinh cùng đều cũng không năng sở. Nếu niệm trước có sinh tánh sinh ở niệm sau, tánh đây là có hay là không? Có thì chẳng phải tánh, không thì chẳng sinh, như trước phá. Nếu niệm trước diệt niệm sau sinh là, trước chẳng diệt sinh gọi là tự tánh. Nay do diệt sinh chẳng diệt, trông diệt đâu phải là tha tánh? Trong tha tánh diệt có sinh nên sinh hay không sinh nên sinh? Có sinh là sinh, sinh diệt trái nhau, cho đến sinh sinh, sao gọi là diệt sinh? Nếu diệt không sinh, không sao năng sinh, nếu diệt có sinh tánh tánh phá như trước. Nếu niệm trước cũng diệt cũng chẳng diệt niệm sau sinh là, nếu diệt rồi thuộc diệt, nếu chẳng diệt rồi thuộc chẳng diệt, nếu chẳng diệt hợp diệt năng sinh, tức là cộng sinh, cộng tự trái nhau, trái nhau sao năng sinh? Lại, nếu mỗi có sinh tức có hai lỗi, mỗi mỗi không sinh, hợp cũng chẳng sinh. Nếu trong diệt chẳng diệt có sinh tánh là, là có hay là không? Nếu tánh quyết định có, sao gọi là diệt chẳng diệt? Nếu tánh quyết định không, cũng sao gọi là diệt chẳng diệt? Nếu tánh quyết định không, cũng sao gọi là diệt chẳng diệt? Đây chẳng khỏi lỗi của đoạn thường trở lại đọa lạc cộng lỗi. Nếu niệm trước chẳng phải diệt chẳng phải chẳng diệt mà niệm sau sinh là, là có chẳng phải diệt chẳng phải chẳng diệt đây hay không chẳng phải diệt chẳng phải chẳng diệt đây? Nếu có là chẳng phải không nhân. Nếu không, không nhân chẳng năng sinh. Nếu không nhân có sinh tánh, tánh đây tức nhân, sao gọi là là không nhân? Nếu không, không chẳng năng sinh. Bốn câu như vậy suy tìm tương tục giả, cầu tâm chẳng được, không bốn thật tánh, chỉ có danh tự tâm. Tự đó chẳng trú trong ngoài, khoảng giữa hai, chẳng thường tự có, tương tục không tánh, tức là thế đế phá tánh, gọi là tánh không, tương tục không danh, tức chân đế phá giả, gọi là tướng không, tánh tướng đều không, cho đến làm mười tám không. Nếu chẳng được vào là, do chấp có tâm đối đãi ở không tâm, tương đãi mê hoặc khởi, đây khác với trước. Nhân thành giả thủ hai pháp căn trần hòa hợp làm nhân, tương tục giả bền chắc thủ ý căn trước sau làm tương tục,

bền chắc trong sinh diệt, đây là riêng biệt diệt. Riêng biệt diệt thì hẹp. Nay đối đãi nhau đãi nơi thông diệt, nghĩa đây thì rộng. Thông diệt như ba vô vi, tuy chẳng cùng là diệt mà được là không sinh, đối đãi hư không không sinh mà nói tâm sinh, tức là đối đãi nhau giả. Nay kiểm tâm đây là đối đãi không sinh tâm sinh hay đối đãi có tâm sinh, hay đối đãi cũng có sinh cũng không sinh mà tâm sinh, hay đối đãi chẳng phải sinh chẳng phải không sinh mà tâm sinh? Nếu đối đãi không sinh mà sinh tâm, là có không sinh đây hay không không sinh đây? Nếu có sinh có thể đối đãi trở lại là đối đãi có, sao gọi là đối đãi không? Có có đối đãi nhau tức là tự sinh, nếu không không sinh đây, không chỗ nào đối đãi? Nếu chỉ đãi không không đây mà sinh tâm là, tất cả không không cũng nên sinh tâm, không trông ở có, không tức là tha sinh. Lại, không sinh tuy không mà có sinh tánh đãi tánh đây nên mà biết có tâm, tánh đây là đã sinh hay là chưa sinh? Nếu đã sinh, sinh tức là ở sinh, sao gọi là tánh? Tánh nếu chưa sinh, chưa sinh sao năng sinh, nếu đối đãi sinh mà tâm sinh là, sinh trở lại đối đãi sinh, dài nên đãi dài. Đã không nghĩa đây sao đối đãi tâm sinh? Nếu đối đãi sinh không sinh nên có tâm sinh, như đối đãi ngắn được có ở dài, đây rơi đọa hai lỗi. Mỗi có thì hai sinh đều, mỗi không sinh toàn chẳng thể được như trước phá. Nếu đối đãi chẳng phải sinh chẳng phải không sinh mà có tâm sinh là, trong luận nói: "Từ nhân duyên sinh còn chẳng thể được huống gì không nhân duyên". Lại, không nhân đây là có hay là không? Nếu có trở lại là đối đãi có. Nếu không trở lại là đối đãi không, sao gọi là không nhân? Nếu nói là có tánh, tánh là có hay không? Tánh nếu là có, là sinh chẳng phải sinh. Nếu sinh rồi là sinh, sao gọi là tánh. Nếu không sinh, cớ sao năng sinh. Bốn câu như vậy suy tìm đối đãi nhau giả cầu tâm chẳng được, chẳng khởi tánh thật, chỉ có danh tự. Sinh của danh tự sinh thì không sinh. Lại nữa, trong tánh tướng tìm cầu ấm nhập giới chẳng thể được, tức là pháp không. Tánh tướng tìm cầu nhân ngã thấy biết chẳng thể được, gọi là chúng sinh không cho đến mười tám không v.v... Trong Phụ Hành Ký giải thích: Nhân thành giả, đầu tiên phá trong tự sinh là: Niệm trước là căn niệm sau là thức là, căn không riêng biệt thể, trở lại chỉ ý không gián đoạn diệt làm thể, căn gọi là năng sinh, do ý trước diệt sinh ý thức sau. Nên trong luận Câu-xá nói: Do tức thân sáu thức không gián đoạn diệt làm ý. Thân là thể vậy, lúc không gián đoạn diệt là thể ý căn. Lúc ấy năm thức cũng nương ý không gián đoạn diệt để làm thân duyên, dùng năm sắc căn để làm sơ duyên, mà sinh năm thức. Lúc năm thức không gián đoạn phân biệt sinh tức gọi là ý thức. Nay văn đây, ý chẳng

là năm thức, là thức thứ sáu duyên ở có thấy lấy làm pháp trần, tức gọi là thức, tức lấy thức đây đối căn nghiên cứu mong cầu, nên nói căn là có thức nên sinh thức hay căn là không thức nên sinh thức? Trong luận Đại Trí Độ nói: "Hỏi: Niệm trước nếu diệt, sao năng sinh sau? Đáp: Có hai nghĩa: Một, niệm niệm diệt; hai; niệm niệm sinh, có hai nghĩa đây nên diệt được sinh. Sợ sinh đoạn kiến, cho nên phải lập". Nay vì phá vậy cho nên phải mong cầu sinh diệt tuy khác, căn đó và thức đều là tự tâm, từ căn từ thức đều thuộc tự tánh. Ở trong tự tánh, căn thức qua lại mong cầu, cầu chẳng thể được. Lại, tâm đó và thức đều đối ở trần, để lập tên tâm cho đến, căn nếu có thức thì có hai ngăn ngại, đó là căn thức đều và năng sở đều thì có sinh sinh lỗi của vô cùng. Nếu không năng sở, nghĩa sinh chẳng thành, sao gọi là sinh. Lại không gián đoạn diệt mới gọi là sinh thức. Căn nếu có thức, sinh diệt trái nhau, nên đều có lỗi. Căn nếu không thức tức thuộc loại không thức năng sinh thức vậy. Lại mong cầu có thức tánh, đây là trung phá, có trở lại đồng có, cũng thành đều sinh, không trở lại đồng không, đồng vô tình sinh. Lại thức tánh làm một khác mong cầu. Nếu một là, phàm nói tánh là sau mới năng sinh, thức cùng tánh một nên không năng sở. Nếu khác là, nếu khác thức thì đồng cảnh bên ngoài, cảnh năng sinh thức tức đồng tha, cớ sao chấp tự? Tiếp phá tha tánh là, tuy nói tâm chẳng tự sinh, do có trần bên ngoài mà lại phát tâm, trần trông ở căn, trần gọi là tha, trước mong cầu tâm đó thì có ba trở ngại. Một, trần chẳng phải tâm trở ngại, thì tâm chẳng gọi là trần; Hai, trần chẳng phải ý, bên ngoài đồng tự sinh trở ngại; Ba, đều sinh trở ngại, trần nếu chẳng phải tâm dung chấp thuận trần sinh, trần nếu là tâm trở lại thành tâm xứ sinh tâm, tức gọi là đều sinh. Hạt giống nếu sinh mầm thì có năng sở. Hạt giống trở lại sinh hạt giống thì hạt giống đều sinh, sao có năng sở. Trần nếu chẳng phải tâm thì cùng trong căn trước không nghĩa thức. Đồng tánh ý cũng như vậy, nên nói như trước phá. Trần có thức tánh, so sánh trước có thể biết, phá cộng sinh là, đọa tự tha tánh gọi là cộng sinh. Nay phá, nếu tự tha mỗi mỗi không sinh, hòa hợp cũng không. Như hai hạt cát không, dầu hòa hợp cũng không, phá không nhân chẳng sinh cũng vậy, kết thành tánh tướng hai không là, chỉ không tánh chấp, gọi là tánh không. Tánh đã phá rồi chỉ có sắc tâm tướng của trong ngoài, đã chẳng trú ở không trong bốn câu nên tướng cũng chẳng phải được, gọi là tướng không. Nói chẳng tại trong ngoài và khoảng giữa là, trong chỉ là nhân, ngoài chỉ là duyên, khoảng giữa là cộng. Thường tự có là, chỉ là không nhân, không chấp đây nên tức không bốn tánh. Hai không đây, tuy nói trước sau, ý chẳng

khác thời. Lại dùng hai đế kết thành hai không, nếu có tánh chấp thế đế mà chẳng phải đế, phá tánh chấp rồi mới gọi là thế đế. Nên nói thế đế phá tánh. Tánh chấp phá rồi chỉ có danh tự. Danh đó là giả, giả tức là tướng, là không tướng nên quán ở pháp tánh. Quán lý chứng chân, gọi là chân đế phá tướng, không chẳng phải trước sau, hai đế đồng thời, là biện rõ tánh tướng trước sau mà nói vậy. Lại có bốn vận động tâm: Một, chưa vận; Hai, muốn vận động; Ba, chánh vận động; Bốn, vận động rồi. Phó Đại sĩ có kệ tụng nói:

"Riêng tự hỏi ta
Trong tâm đắm chỗ nào
Tầm kiểm bốn vận động đều không sinh
Muôn mối vạn lụy sao năng buộc".

Giải thích: Chưa khởi, muốn khởi, tâm của hai vận động thuộc vị lai. Vị lai xứ nào có tâm? Tâm của chánh khởi một tận thuộc hiện tại, hiện tại chẳng trú, xứ nào có tâm? Lại thuộc lúc sinh, nhân chưa sinh đã sinh lập lúc sinh, chưa sinh đã sinh đã không sinh, lúc sinh cũng không sinh, như đã đi chưa đi lúc đi đều không pháp đi. Như chỗ luận Trung Quán phá, tâm của khởi rồi một vận thuộc quá khứ, quá khứ đã rơi rụng, xứ nào có tâm? Do đó trong kinh Kim Cang nói: "Quá khứ tâm chẳng thể được, vị lai tâm chẳng thể được, hiện tại tâm chẳng thể được". Ba khoảng đều không, một tâm sao có? Do đó, nương tâm của căn bản còn chẳng có, năng nương cành ngọn tất cả muôn pháp sao là thật ư? Nên nói ngàn mối muôn lụy sao năng buộc. Nên biết chỉ rõ một niệm không, các trần tự nhiên phá, chỗ nương tựa đã chẳng có, năng nương tựa sao được sinh, như nguồn hết dòng khổ, rễ nguy lá rụng. Do đó, A-nan chấp bảy xứ mà không căn cứ nên biết tà pháp khó phù trợ, Nhị tổ ngay đó cầu mà chẳng sinh, có thể nghiệm giải không mới ngộ. Tổ Phật đại ước chỉ chỉ tông đây, đã chẳng được tâm của năng khởi, cũng chẳng được cảnh của sở khởi, tâm chẳng thể được, nên tức ngã tan, cảnh chẳng thể được nên tức pháp mất. Nếu năng nhân pháp đều không, tức hiển bày diệu lý một tâm, chỉ vì tâm trần đối nhau muôn pháp ngang dọc, cảnh trí một như ngàn sai chóng lắng. Như vậy mới năng thông ngộ bản giác linh trí chân tâm, không trú không nương khắp cùng pháp giới. Trong luận Quảng Bách nói: "Trong kinh nói không có chút ít pháp tự tánh có thể được, chỉ có năng tạo, năng tạo tức là tâm và tâm pháp". Lại nói: Ba cõi duy tâm, các kinh như vậy, số đó nhiều vô lượng, do đó các pháp chỉ thức lý thành, đâu chẳng quyết định chấp tất cả pháp thật chỉ có thức đó cũng thành điên đảo, cảnh tức không, thức làm sao có? Trong kinh

nói Duy thức là, vì khiến quán thức xả bỏ trần bên ngoài kia. Đã xả bỏ trần bên ngoài thì vọng tâm tùy theo dứt. Vọng tâm dứt nên chứng hợp Trung đạo. Nên trong kinh có kệ tụng nói:

"Chưa đạt cảnh Duy tâm
Khởi các thứ phân biệt
Đạt cảnh Duy tâm rồi
Thì phân biệt chẳng sinh
Nếu biết cảnh Duy tâm
Bèn bỏ tướng trần ngoài
Từ đây dứt phân biệt
Ngộ chân không bình đẳng".

Trong luận Hiển Thức nói: "Hỏi: Cảnh thức đều khiển trừ, chỗ thức nào thành? Đáp: Cảnh thức đều hết sạch, tức là thật tánh. Thật tánh tức thức Am-ma-la". Trong kinh Duy-ma nói: "Bồ-tát Hoa Nghiêm nói: Từ ngã khởi hai làm hai, thấy ngã thật tướng là chẳng khởi hai pháp. Nếu chẳng trú hai pháp thì không có thức, không chỗ thức là, là vì pháp môn chẳng hai". Nên biết thấy có hai pháp cho đến mảy may đều thuộc thức. Cảnh thức đều mất mới vào lý của chân không. Do đó, Luận sư Trí Quang lập thuyết căn bên trong. Pháp tướng Đại thừa thì cảnh không tâm có, đạo lý Duy thức, chưa năng toàn vào chân không bình đẳng. Vì hàng thượng căn nói không tướng Đại thừa, biện rõ tâm cảnh đều không bình đẳng một vị, là chân liễu nghĩa. Vì vậy, nhân Duy thức vào môn chân không cứu cánh. Lìa đây mà riêng cầu thì chẳng phải chân giải thoát. Trong Duy Thức Sao nói: "Hỏi: Tâm bên trong là Duy thức, là chân thật có hay chẳng chân thật có? Đáp: Trong luận nói: Các tâm tâm sở (tiền trần) y tha khởi (nhân) cũng như việc huyễn dụ) chẳng phải chân thật có".

Hỏi: Nếu vậy, tâm cảnh đều không sai biệt, cớ sao lại nói chỉ có thức ư?

Đáp: Vì dứt trừ tâm tâm sở của ngoại đạo v.v... chấp bên ngoài thật có cảnh, nên giả nói chỉ có thức, chẳng phải Duy thức nói bèn có thật. Trong luận Duy Thức nói: "Vì khiển trừ vọng chấp tâm tâm sở bên ngoài thật có cảnh nên nói chỉ có thức", nếu chấp Duy thức chân thật có là như chấp cảnh bên ngoài, cũng là pháp chấp, nếu pháp chấp chẳng sinh tức vào chân không vậy.

Hỏi: Căn cứ lý Duy thức, nhân pháp đều không tức nay thọ dụng là vật gì?

Đáp: Chỗ pháp thọ dụng chỉ là sáu trần, do nhân duyên nên sinh,

nhân duyên nên diệt, quyết định trong không nhân năng thọ, ngoài không trần có thể dụng. Trong luận Thập Bát Không nói: "Không bên ngoài là, cũng gọi là sở thọ không. Lìa ngoài sáu trần nhập không riêng pháp là có thể thọ. Nếu chỗ thọ chỗ dụng của các chúng sinh, đó chỉ là sáu trần. Trong đã không nhân năng thọ, ngoài cũng không pháp có thể thọ, tức nhân pháp đều không, Duy thức không cảnh, nên gọi là không bên ngoài. Vì không cảnh nên cũng không có thức, tức là không bên trong, cho đến mười tám không".

Hỏi: Nhân pháp đều không, thức lại chẳng lập, tức nay thấy nghe từ đâu mà có?

Đáp: Tất cả tiền trần chỗ hiện các pháp, đều tùy niệm mà đến, đều đối tưởng mà sinh, niệm dứt cảnh không, ý hư pháp tịch. Nên trong kinh nói: "Tưởng diệt nhàn tỉnh, thức dừng vô vi". Lại, trong kinh nói: "Tất cả chư Phật, tất cả các pháp từ ý sinh hình". Lại, trong kinh nói: "Các pháp chẳng bền chắc, chỉ lập tại nơi niệm. Vì hiểu thấy không là, tất cả không tưởng niệm". Nên biết thấy nghe chỉ là duyên khởi. Thấy rốt ráo không, như thế huyễn hành xử, tợ hoa đốm hư không khởi diệt. Nên nói: Thấy nghe như huyễn mờ. Ba cõi như hoa không". Vả lại, như nhãn căn đủ năm duyên được thấy, nhưng năng thấy đây chỉ là năm duyên, không thấy là vậy, nên nói đủ năm duyên phát thức năng thấy là, chưa biết duyên nào định năng sinh thức. Nếu nói mỗi mỗi chẳng sinh, hòa hợp nên năng sinh thấy là, tức như năm người mù hòa hợp nên thành một thấy, nhiều người mù tức chẳng thấy, hòa hợp làm sao sinh. Nên biết chẳng phải riêng biệt thức sinh. Chỉ có thấy tức là các duyên, do đó gọi là duyên khởi vậy. Nên trong kinh nói: "Mắt chẳng tự thấy, thuộc các nhân duyên, duyên chẳng phải thấy tánh, mắt tức là không". Nhãn căn đã vậy, các căn khác cũng vậy. Chỉ khởi chỉ duyên khởi diệt chỉ duyên diệt, khởi diệt chỉ là duyên nhân pháp đều vắng lặng. Nếu rõ nhân không pháp đây tức chứng viên lý, nên nói nếu thấy pháp nhân duyên, đó gọi là thấy Phật.

Hỏi: Trong phàm phu giới lấy bỏ phân biệt, nghịch thuận liên quan niệm nghĩ, vui chán đầy lòng, thường buộc sáu trần lấy làm ngăn ngại, làm sao được căn cảnh dung thông tất cả như ý ư?

Đáp: Chỉ thấy pháp tánh chứng Đại Niết-bàn còn không một pháp có thể thông, đâu có các pháp trở ngại, thì thường như ý. Lúc không có chẳng như ý, là như trong kinh Niết-bàn nói: "Nay nói Niết-bàn như ý là, tất cả khổ lạc thiện ác không gì chẳng phải lý, nên gọi là như ý". Giải thích không gì chẳng phải lý là, đều là lý một tâm chân như vậy, vì

khổ lạc là tâm thọ, thiện ác từ tâm sinh, thì không ngoài chỗ trú nghịch chỗ ngăn ngại của trần. Nếu rõ một tâm, đâu chẳng phải như ý. Nếu có một pháp xứng đáng tình thì thành tranh cãi. Trong kinh Lăng-già có kệ tụng nói:

"Cho đến có chỗ lập
Tất cả đều thác loạn
Nếu thấy chỉ tự tâm
Thì là không trái cãi".

Do vì lúc mê, nhân theo pháp, sau khi ngộ, pháp do nhân.

Vả lại như châu ngọc ma-ni là sắc pháp vô tình, còn năng vô tư mưa báu cung cấp khắp cùng các tình nên gọi là như ý, huống gì Linh đài diệu tánh há chẳng năng ư? Chỉ quy về một tâm, được đại vô ngại, nên nói chuyển biến đất trời tự tại ngang dọc.

Hỏi: Trong luận nói chỉ là một tâm nên gọi là chân như, chân thì không ngụy, như thì chẳng biến, diệu sắc trong lắng của chẳng không. Cớ sao trong kinh lại nói: Tâm không thì tất cả pháp không?

Đáp: Phàm, nói không là nói thế gian tất cả vọng tâm nhiễm pháp là không. Vì biến kế tình chấp không đạo lý vậy. Nếu chân tâm Phật pháp xuất thế thì chẳng không, vì có đạo lý vậy. Trong luận Đại Thừa Khởi Tín nói: "Chân như có hai: Một, như thật không, vì năng cứu cánh hiển bày thật vậy; Hai, như thật chẳng không, vì có tự thể đầy đủ tánh công đức vô lậu vậy". Nói không là từ xưa đến nay nhiễm pháp chẳng tương ưng vậy. Nghĩa là lìa tướng của tất cả pháp sai biệt, vì không tâm niệm hư vọng vậy. Phải biết tự tánh chân như chẳng phải tướng có không một khác v.v... cho đến gồm nói, nương tất cả chúng sinh vì có vọng tâm niệm niệm phân biệt đều chẳng tương ưng nên nói là không. Nếu lìa vọng tâm thật không thể không vậy. Nói chẳng không là, đã hiển bày pháp thể không không vọng vậy, tức là chân tâm thường hằng chẳng biến, tịnh pháp đầy đủ, thì gọi là chẳng không. Trong Thanh Lương Ký giải thích: Chẳng cùng vọng hợp thì gọi là không tánh, đủ muôn đức tức gọi là chẳng không". Cho đến Thích Văn mới nói: Nếu lìa vọng tâm thật không thể không, thì hiển bày không tạng nhân vọng mà hiển bày, mà chẳng không tạng cần phải do lật lại nhiễm mới hiển bày chẳng không. Nên nói vì hiển bày pháp thể không không vọng vậy, tức là chân tâm v.v... Như vốn có Đàn đức (Đức bố thí) nay là xan tham, vốn có Thi đức (Đức trì giới) nay tùy năm dục, vốn có tịch định nay là loạn tưởng, vốn có Đại trí nay là ngu si, thì là xan (keo kiệt) ẩn tàng nơi thí, cho đến ngu si nói tuệ. Nên trong luận nói: "Vì biết pháp

tánh không xan tham nên tùy thuận tu hành Đàn Ba-la-mật v.v...” Muôn hạnh cũng như vậy. Nên trong luận nói: Vốn có nghĩa chân thật thức biết, nếu tâm có động tức chẳng phải chân thức biết”. Rõ ràng động của vọng tâm ẩn tàng nơi chân biết đó. Vì vậy, không của tức vọng ẩn tàng muôn đức của chẳng không. Nên trong kinh có kệ tụng nói:

“Biết vọng vốn tự thân
Thấy Phật thì thanh tịnh.”

Nên trong luận nói: “Vì năng rốt ráo hiển bày thật nên gọi là không”, nên biết không tạng năng ẩn tàng chẳng không. Năng tạng đã không thì hiển bày tạng của chẳng không, xưa nay đầy đủ vậy. Thứ nữa, trên tự tánh tâm không vọng là không, tùy chỗ không đó tức là đức chẳng không. Như không không xan lận tức hiển bày có đàn (bố thí) không, không vọng động hiển bày có tánh không, cho nên không tạng ẩn tàng chẳng không vậy. Nên biết tất cả chúng sinh bản giác Phật trí vốn tự tròn đủ, chỉ vì vọng che lấp mà chẳng tự biết, nếu rõ vọng không, chân giác chóng hiện, như mây tan trăng tỏ, bụi sạch gương sáng. Lúc của thấy tánh nên gọi là phát được, chẳng phải là tu thành, ngày ba thân tròn đầy cũng gọi là muôn hạnh dẫn ra, chẳng từ ngoài lại, đều căn cứ ở một tâm vốn có đầy đủ. Nên biết không của chẳng không, thể bao hàm muôn đức, có của chẳng có lý hợp với viên tông, không có cùng thành không các chướng ngại. Nếu lìa có của không thì có là thường, nếu lìa không của có thì không thành đoạn. Nay có không đều hành chẳng trái một ý chỉ. Vì vậy, trí năng đạt có tuệ năng quán không. Nếu đạt có mà chẳng biết không thì mất mắt tuệ. Quán không mà chẳng xét có thì mất tâm trí. Bồ-tát chẳng tận hữu vi chẳng trú vô vi. Tận hữu thì trí nghiệp chẳng thành, trí không thì tuệ tâm chẳng sáng. Nên trong Nghĩa Hải nói: “Nếu không khác với có, tức sạch chẳng gọi là sạch vì mê không vậy. Nếu có khác với không, tức nhiễm chẳng gọi là nhiễm vì chấp có vậy”. Nay có tức toàn không mới gọi là nhiễm phần, không tức toàn có mới gọi là sạch phần. Do không có vô ngại, nhiễm tịnh tự tại vậy. Nếu không tức có, có tức không, cho đến tất cả pháp đều qua lại tức vậy. Đã qua lại tức thì rốt ráo không các pháp một khác không có v.v... phát hiện ở bên ngoài tâm. Giả sử có phát hiện đều là tướng phần của tự tâm, chẳng đồng với phàm tiểu chẳng biết lấy mà chấp có, bỏ mà chìm không. Nếu vào môn một tâm Trung đạo đây, năng thành đạo muôn hạnh phương tiện. Như trong kinh Đại Trang Nghiêm Pháp Môn nói: “Bồ-tát Văn-thù Sư-lợi nói: Phương tiện có hai thứ: Một, chẳng xả bỏ sinh tử; Hai, chẳng trú Niết-bàn. Lại có hai thứ: Một, không môn; Hai

ác kiến môn. Lại có hai thứ: Một, vô tướng môn; Hai, tướng giác quán môn. Lại có hai thứ: Một, vô nguyện môn; Hai, nguyện sinh môn. Lại có hai thứ: Một, vô tác môn; Hai, chủng thiện căn hạnh môn. Lại có hai thứ: Một, vô sinh môn; Hai, thị sinh môn". Vậy nên ngộ tông thì nghịch thuận đồng quy, đạt thể thì thiện ác đều hóa.

Hỏi: Trong luận nói: Nói trí và trí xứ đều gọi là Bát-nhã. Trí xứ tức là cảnh, làm sao thành Bát-nhã?

Đáp: Bát-nhã có hai thứ: Một, chân thật thường trú Bát-nhã. Hai quán chiếu có dụng Bát-nhã. Nếu chân thật Bát-nhã, tánh khắp cùng tất cả xứ, tịch mà thường chiếu, chỉ một chân tâm chẳng phân năng sở, tức chẳng đồng thế gian ngoan cảnh lấy làm sở chiếu, cũng chẳng đồng vọng tâm thiên tiểu lấy làm sở chiếu. Lại cũng chẳng đồng giả lập lấy làm sở chiếu. Nay thì một thể ngầm thông tâm tâm qua lại chiếu, vì không cảnh giới bên ngoài tâm, cũng không tâm bên ngoài cảnh. Vì tâm là cảnh tâm, cảnh là tâm cảnh vậy. Dung hòa thông suốt như vậy há chẳng phải Bát-nhã ư? Do đó nói: Sắc vô biên nên Bát-nhã vô biên. Nên biết lìa sắc không tâm, lìa tâm không sắc. Như trong kinh Bát-nhã nói: "Lại nữa, dõng mãnh! Vị Đại Bồ-tát nên hành như vậy, sắc chẳng phải chỗ duyên. Tại sao? Tất cả pháp không chỗ duyên, không có pháp nhỏ có thể thủ vậy, kia nếu là có thể thủ, đây thì là chỗ duyên. Như vậy, dõng mãnh! Chẳng phải sắc hành sắc cho đến chẳng phải thức hành thức. Dõng mãnh tất cả pháp chẳng hành, nên chẳng phải sắc thấy, cũng chẳng phải thức thấy, cho đến chẳng phải thức biết, cũng chẳng phải có thể thấy. Nếu sắc đến thức chẳng phải biết chẳng phải thấy, đó gọi là Bát-nhã Ba-la-mật". Lại, trong kinh Văn-thù Bát-nhã nói: "Bồ-tát Văn-thù Sư-lợi bạch Đức Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Lúc tu Bát-nhã Ba-la-mật chẳng thấy pháp là nên trú hay chẳng nên trú, cũng chẳng thấy cảnh giới là tướng có thể lấy bỏ. Tại sao? Như các Đức Như Lai chẳng thấy tất cả pháp tướng cảnh giới vậy, cho đến chẳng thấy cảnh giới chư Phật, huống gì là thủ tướng cảnh giới Thanh văn Duyên giác phàm phu, chẳng thủ tướng nghĩ bàn, cũng chẳng thủ tướng chẳng nghĩ bàn, chẳng thấy các pháp có bao nhiêu tướng, tự chứng không pháp chẳng thể nghĩ bàn. Vị Đại Bồ-tát như vậy đều đã cúng dường vô lượng trăm ngàn muôn ức chư Phật, gieo trồng căn lành, mới năng ở nơi Bát-nhã Ba-la-mật sâu mầu mà chẳng kinh chẳng sợ". Lại nói: "Lúc tu Bát-nhã Ba-la-mật, chẳng thấy tướng phàm phu, chẳng thấy tướng Phật pháp, chẳng thấy các pháp có tướng quyết định, đó là tu Bát-nhã Ba-la-mật.

Hỏi: Thế gian và xuất thế gian chỉ là một tâm, cớ sao lại phân chân vọng và trong ngoài ư?

Đáp: Chân vọng trong ngoài chỉ căn cừ văn tự thế gian biết. Do đó, tâm chẳng phải trong ngoài, trong ngoài là tâm, thể chẳng phải chân vọng, chẳng phải không nguyên do. Trong kinh Tấn Thú Đại Thừa Phương Tiện nói: "Nghĩa tâm là có hai thứ tướng: Một, tướng tâm bên trong; Hai, tướng tâm bên ngoài. Tướng tâm bên trong lại có hai: Một là chân, hai là vọng. Nói chân, nghĩa là Bản tướng tâm thể như như chẳng khác, thanh tịnh tròn đầy không chướng không ngại, vi mật khó thấy, vì khắp tất cả xứ, thường hằng chẳng hoại kiến lập sinh trưởng tất cả pháp vậy. Nói vọng, nghĩa là khởi niệm phân biệt hay biết duyên lự nhớ tưởng v.v... mọi sự, tuy là tương tục năng sinh tất cả các thứ cảnh giới, mà bên trong hư ngụy không có chân thật chẳng thể thấy vậy. Nói tướng bên ngoài tâm, nghĩa là tất cả các pháp các thứ cảnh giới, tùy có chỗ niệm cảnh giới hiện tiền, nên biết có tâm bên trong và tâm bên trong sai biệt. Như vậy, phải biết vọng tưởng bên trong làm nhân làm thể, vọng tưởng bên ngoài làm quả làm dụng. Y cứ các nghĩa như đây, cho nên ta nói tất cả các pháp đều gọi là tâm. Lại, phải nên biết tướng bên ngoài tâm là như chỗ mộng thấy các thứ cảnh giới chỉ tâm tưởng làm không thật sự bên ngoài, tất cả cảnh giới đều cũng như vậy. Vì đều nương vô minh chỗ thức mộng thấy vọng tưởng làm vậy. Lại nữa nên biết tâm bên trong niệm niệm chẳng trú, chỗ thấy chỗ duyên tất cả cảnh giới cũng tùy tâm niệm niệm chẳng trú. Nói tâm sinh nên các thứ pháp sinh, tâm diệt nên các thứ pháp diệt, mà tướng sinh diệt chỉ có danh tự thật chẳng thể được. Vì tâm chẳng trú ở cảnh giới, cảnh giới cũng chẳng đến nơi tâm, như ảnh tượng trong gương không đến không đi, cho nên tất cả pháp cầu sinh diệt định tướng, trọn chẳng thể được. Nói tất cả pháp rốt ráo không thể, xưa nay thường không thật chẳng sinh diệt, như vậy tất cả pháp thật chẳng sinh diệt là, thì không tướng của tất cả cảnh giới sai biệt, vắng lặng một vị, gọi là chân như Đệ nhất nghĩa đế, tự tánh tâm thanh tịnh. Tự tánh tâm thanh tịnh ấy trong lắng viên mãn, vì không tướng phân biệt vậy, không tướng phân biệt là, ở tất cả xứ không chỗ chẳng có, không chỗ chẳng có là, vì năng nương giữ kiến lập tất cả pháp vậy. Do đó, trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng nói:

"Như vàng và sắc vàng
Tánh nói không sai biệt
Pháp chẳng pháp cũng vậy
Thể tánh không có khác".

Lại nói: "Cõi bình đẳng chẳng trái chúng sinh bình đẳng, chúng sinh bình đẳng chẳng trái cõi bình đẳng, tất cả chúng sinh bình đẳng chẳng trái tất cả pháp bình đẳng, tất cả pháp bình đẳng chẳng trái tất cả chúng sinh bình đẳng. Khoảng lìa dục bình đẳng chẳng trái tất cả chúng sinh an trú bình đẳng, tất cả chúng sinh an trú bình đẳng chẳng trái khoảng lìa dục bình đẳng, quá khứ chẳng trái vị lai, vị lai chẳng trái quá khứ, quá khứ vị lai chẳng trái hiện tại, hiện tại chẳng trái quá khứ vị lai. Thế bình đẳng chẳng trái Phật bình đẳng, Phật bình đẳng chẳng trái thế bình đẳng. Bồ-tát hạnh chẳng trái Nhất thiết trí, Nhất thiết trí chẳng trái Bồ-tát hạnh".

Giải thích: Cõi và chúng sinh cớ sao bình đẳng? Vì mỗi mỗi không thể nên đều chẳng thành tựu. Nếu tự loại trông nhau, như cõi trông cõi bình đẳng. Nếu khác loại trông nhau như cõi trông chúng sinh bình đẳng. Vì lý của một không tánh, cho đến tâm cảnh tự tha đồng dị cao thấp, mười phương thế giới thảy đều bình đẳng. Lại, sự sự không trái, lý lý không trái là, lược có ba nhân: Một, pháp tánh dung hòa thông suốt; Hai, duyên khởi tướng do môn. Hai đây tức nghĩa sự sự vô ngại; Ba nói thẳng đồng một duyên ghi nhớ thông sự thông lý, như quán một chiếc lá rơi, biết thiên hạ mùa thu đồng một mùa thu vậy. Do sự của chẳng loại, tánh của chẳng biến, đều đồng một duyên khởi vậy. Lý lý không trái, cũng có hai môn: Một, cõi không tánh, tức chúng sinh không tánh; Hai, lý đồng vậy, vì không thể tức, cũng không thể trái.

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 85

Hỏi: Phàm, xưng một tâm không cảnh giới bên ngoài, cớ sao trong kinh Hoa Nghiêm Phẩm Phật Địa nói: Sơ địa thấy trăm Phật, cho đến địa địa tăng rộng thấy nhiều Phật?

Đáp: Chỗ thấy ít nhiều đều từ niệm sinh, tâm hẹp thấy ít Phật. Tâm rộng soi nhiều hình, buông cuộn do tâm, mở hợp tại ngã. Lìa tâm ra, bên ngoài thật không chỗ được. Trong kinh Đại Tập nói: "Kiều-trần-như lại nghĩ tưởng rằng: "Ta phải làm sao được thấy chư Phật". Bấy giờ tùy chỗ quán phương diện đó đều được thấy Phật, nhiều quán thấy nhiều, ít quán thấy ít. Quán rồi lại nghĩ: Chư Phật Thế Tôn không chỗ đâu lại, đi không chỗ đến. Ta quán ba cõi là tâm, tâm đó nhân thân, ta tùy quán giác, muốn nhiều thấy nhiều muốn ít thấy ít. Chư Phật Như Lai tức là tâm ta. Tại sao? Tùy tâm thấy vậy, tâm tức thân ta, thân tức là hư không. Ta nhân giác quán thấy vô lượng Phật. Ta dùng giác tâm thấy Phật biết Phật, tâm chẳng thấy tâm, tâm chẳng biết tâm, ta quán pháp giới tánh không bền chắc, tất cả các pháp đều từ giác quán nhân duyên mà sinh, cho nên pháp tánh tức là hư không, tánh của hư không cũng lại như không. Ta nhân tâm đó thấy xanh vàng đỏ trắng tạp sắc hư không. Làm thần biến rồi chỗ thấy như gió, không có chân thật, thì gọi là Cộng phàm phu như thật Đà-la-ni." Lại nói: "Lại nữa, Hiền Hộ! Như người trai tráng mạnh khỏe dung mạo đoan nghiêm, muốn quán thân mình đẹp xấu thế nào, bèn dùng đồ vật đựng đầy dầu trong vò, hoặc dùng nước sạch, hoặc dùng thủy tinh, hoặc nắm gương sáng, dùng bốn vật đó quán nhìn mặt mình ảnh tượng đẹp xấu hiển hiện phân minh. Hiền Hộ! Ý ông thế nào? Chỗ thấy ảnh tượng kia lúc ở nước, dầu, thủy tinh, gương sáng bốn xứ đây hay là trước đã có ư? Đáp: Chẳng phải vậy. Hỏi: Là vốn không ư? Đáp: Chẳng phải vậy. Hỏi: Là tại trong ư? Đáp: Chẳng như vậy. Hỏi: Là đâu tại ngoài ư? Đáp: Chẳng như vậy. Bạch Đức Thế Tôn! Chỉ dầu, nước thủy tinh gương các vật trong sáng không đục không cặn, hình đó tại trước thì ảnh kia tùy hiện. Mà hiện ảnh tượng kia chẳng

từ bốn vật đó ra, cũng chẳng các xứ khác lại, chẳng phải người tạo tác, phải biết ảnh tượng kia không từ chỗ đâu lại cũng không chỗ đi, không sinh không diệt không có chỗ trú.” Khi Hiền Hộ trả lời như vậy rồi, Đức Phật dạy: Hiền Hộ! Đúng vậy! Đúng vậy! Như lời ông nói, các vật thanh tịnh, sắc kia tỏa sáng ảnh tượng tự hiện, chẳng dùng nhiều công. Bồ-tát cũng vậy, tất cả tâm thiện tư duy thấy các Đức Như Lai, thấy rồi tức trú, trú rồi hỏi nghĩa, giải thích vui mừng bèn lại tư duy. Nay Phật đây là từ xứ nào lại, và thân ta đây từ xứ nào ra? Quán các Đức Như Lai kia trọn không xứ lại và không xứ đi, thân ta cũng vậy, vốn không ra đến, đâu có xoay vần. Người kia lại nên tư duy như là nay ba cõi đây chỉ là tâm có. Tại sao? Từ tâm niệm kia trở lại tự thấy tâm, nay ta từ tâm thấy Phật, tâm ta là Phật, tâm ta làm Phật, tâm tâm là Như Lai, tâm ta là thân ta. Tâm ta thấy Phật, tâm chẳng biết tâm. Tâm chẳng thấy tâm, tâm có tưởng niệm thì thành sinh tử, tâm không tưởng niệm tức là Niết-bàn. Các pháp chẳng chân, tư tưởng duyên khởi, chỗ nghĩ tưởng đã lắng, năng tưởng cũng không. Hiền Hộ! Các vị Bồ-tát v.v... nhân Tam-muội đây chứng Đại Bồ-đề.” Trong kinh luận Thủ-lăng-nghiêm nói: “Tùy tâm chúng sinh ứng chỗ biết lượng”. Xưa trước giải thích: Tùy căn chúng sinh thuần thục xứ tức hiện, chỗ biết lượng tức là cảnh sai biệt của chúng sinh, tức biết trong một pháp trần đồng đẳng pháp giới là lân hư trần không tự tánh. Tự tánh là hư không, hư không tức là chân không, chân không tức là bản giác, nên biết Như Lai ở trong một lỗ chân lông vì vô lượng chúng sinh, thường giảng diệu pháp, tức biết lỗ chân lông vi trần cũng chẳng vượt ngoài ta, chỉ giải hiểu được một pháp vi trần tức tính đếm được đồng khắp pháp giới vi trần, cho nên Đức Như Lai năng biết số giọt nước trong bốn biển lớn, đại địa, tu-di đều biết cân lượng, đều do quán một thân đây, ở trên một thân quán một sợi lông tóc đều biết không tự tánh, chỉ ở trong một lỗ chân lông quán thật không có tự tánh, một lỗ chân lông cũng chẳng thể được cũng chẳng thể được ở khắp pháp giới, trí biết tất cả vậy. Do đó, trong Tín Tâm Minh nói: “Một tức tất cả, tất cả tức một, nếu năng như vậy, lo nghĩ nào chẳng xong”. Nếu năng rõ suốt như vậy, một trần một sợi lông, không có tự tánh, chỉ chỗ tâm hiện, thì biết tất cả các pháp hẳn là không thể riêng biệt. Vì theo trần chấp thấy tất cả chúng sinh, một pháp chẳng thông các trần tự kẹt. Trong luận Hoa Nghiêm nói: “Dùng thật mà luận bàn sơ phát tâm trú như nước của một giọt, vào trong biển nước đều đồng thể biển, các loại cá rồng kho báu đều tại trong đó. Vì giáo hóa các chúng sinh, lưới giáo bủa giăng phương pháp chẳng thể chẳng đủ, dùng danh ngôn tre

lụa trước ghi chép tức tợ như nghĩa trước sau sinh. Thể đạo là phải rõ soi như cầm gương báu đến khắp muôn tượng. Lại có kệ tụng nói:

"Vô hàng trí tuệ thành Phật đức
Phật dùng trí bi thành mười địa
Trở lại đem mười địa thành các vị
Trước sau năm vị môn gia hạnh
Chẳng lìa mười địa trí bi khởi
Cho nên mười địa mới phát tâm
Phát tâm tức vào trí mười địa
Tuy nhiên năm vị phương tiện khác
Chỉ vì thành thục trí mười địa
Giống như chim chóng bay giữa không
Chẳng bỏ du hành không chỗ đến
Cũng như cá rồng dạo trong nước
Chẳng bỏ thường dạo chẳng lìa nước
Năm vị như vậy hành sai biệt
Chẳng phế sai biệt chẳng lìa trí
Chỗ có ngày tháng năm sai biệt
Vì thí pháp ẩn không riêng khác
Trí thể chẳng thành cũng chẳng hoại
Vì rõ các vị trừ tập khí
Rõ tật không tập bi hạnh thành
Năm hạnh thường cùng trí vô tác.

Hỏi: Nếu ngoài tâm không pháp chỉ là một tâm, ở ngoài thì không nghiệp quả thiện ác báo ứng khổ lạc, sao thành Phật pháp lật lại đọa các tà?

Đáp: Nếu rõ một tâm có thấy không thấy tuyệt, cảnh trí đều lắng khế hợp tánh không kia, căn trần đều mất trong ngoài giải thoát, cũng thường chiếu trong ngoài thoát nơi không biết, không còn chẳng còn, vọng từ đâu khởi, chỗ hiện các cảnh giới khổ lạc bên ngoài như ảnh tượng trong gương. Vì tự tâm là gương sáng, trở lại chiếu nghiệp ảnh của tự. Các bậc Cổ đức nói: "Dùng Như Lai tạng tánh mà làm gương sáng, tùy nghiệp duyên chất hiện ảnh tượng quả. Phàm, nghiệp thông cả tánh tướng, nghĩa là nghiệp thể đây dùng pháp của không tánh mà làm tánh đó, dùng tướng của nghiệp quả chẳng mất mà làm tánh đó, do không tánh nên thành nghiệp quả, do chẳng hoại tướng mới hiểu biết chân không. Tại sao? Nếu có tánh thì nghiệp thiện ác quyết định chẳng thể cải đổi, không có quả báo khổ lạc. Nên hoại nghiệp tướng

thì thành đoạn diệt, vì tất cả nhân quả từ tự tâm sinh, ngoài tâm thật không nghiệp tâm có thể được, vì nghiệp không tự tánh chỉ do tâm khởi, do đó như ảnh như huyễn không có định tướng. Lại, vì nghiệp không tự tánh nên chẳng lạc có, lại chẳng hoại nghiệp quả nên chẳng đọa không, chẳng phải có chẳng phải không thì lý trong một tâm vậy.

Hỏi: Tuy tâm tức là nghiệp, nghiệp tức là tâm, đã từ tâm sinh trở lại từ tâm bẩm thọ, làm sao hiện nay tiêu nghiệp báo hư vọng đó?

Đáp: Chỉ rõ vô tác tự nhiên nghiệp không, do đó nói nếu rõ vô tác ác nghiệp một đời thành Phật. Lại nói: Tuy có tác nghiệp mà không tác giả, tức là giáo bí mật của Như Lai vậy. Lại, phàm tác nghiệp đều là tự tâm, tính ngang pháp bên ngoài trở lại tự đối trị, vọng thủ thành nghiệp. Nếu rõ tâm chẳng thủ cảnh chẳng tự sinh, không pháp kéo tình làm sao thành nghiệp. Trong Nghĩa Hải nói: Trừ nghiệp báo là vì trần chẳng rõ tự tâm làm bên ngoài tâm có pháp tức sinh thương ghét, từ nghiệp tham thành báo, nhưng nghiệp báo đây do tâm mê trần vọng chấp mà sinh chỉ tợ có hiển hiện đều không chân thật. Mê là vì tướng phần có chỗ từ xưa đến nay, mà lại sinh là mê, nay rõ tướng trần không thể là ngộ, mê vốn không xưa nay, ngộ cũng không chỗ đi. Tại sao? Vì vọng tâm có gốc không thể vậy. Như nói về dây rắn vốn không từ đâu lại cũng không chỗ đi. Tại sao? Nói về rắn, vọng tâm tính ngang làm có, vốn không thể vậy. Nếu tính chấp có xứ lại xứ đi trở lại là mê, rõ không đi lại là ngộ. Ngộ đó và mê đối đãi nhau an lập, chẳng phải là trước có tịnh tâm sau mới có vô minh, đây chẳng phải hai vật, chẳng thể hai giải, chỉ rõ vọng tức là tịnh tâm, trọn không trước tịnh tâm mà sau có vô minh, nên biết mê ngộ chỉ là một tâm, như tay úp ngửa chỉ là một tay, thấu đạt sâu xa như vậy thì nghiệp ảnh tự tiêu. Như trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Bấy giờ Bồ-tát Văn-thù Sư-lợi hỏi Bồ-tát Đức Thủ rằng: Phật tử! Tất cả chúng sinh v.v... có bốn đại không ngã không ngã sở, cớ sao mà có thọ khổ thọ lạc đoan chánh xấu xa trong đẹp ngoài đẹp thọ ít thọ nhiều, hoặc thọ hiện báo, hoặc thọ hậu báo, nhưng trong pháp giới không đẹp không xấu? Khi ấy Bồ-tát Đức Thủ dùng kệ tụng đáp:

"Tùy chỗ có hành nghiệp
Quả báo sinh như vậy
Tác giả không chỗ có
Chỗ của chư Phật nói
Thí như gương sáng sạch
Tùy chỗ đối chất đó
Hiện tượng mỗi chẳng đồng

Nghiệp tánh cũng như vậy
Lại như xảo huyễn sư
Ở nơi ngã tư đường
Bày hiện các sắc tướng
Nghiệp tánh cũng như vậy
Như cơ quan người gỗ
Năng phát các thứ tiếng
Kia không ngã chẳng ngã
Nghiệp tánh cũng như vậy
Cũng như các loại chim
Từ vỏ mà được ra
Âm thanh mỗi chẳng đồng
Nghiệp tánh cũng như vậy
Thí như trong thai tạng
Các căn đều thành tựu
Thể tướng không xứ lại
Nghiệp tánh cũng như vậy
Lại như tại địa ngục
Các thứ vị khổ thảy
Kia hẳn không chỗ từ
Nghiệp tánh cũng như vậy
Thí như Chuyển luân vương
Thành tựu bảy báu thắng
Xứ lại chẳng thể được
Nghiệp tánh cũng như vậy
Lại như các thế giới
Chỗ hỏa đại thiêu đốt
Lửa đây không xứ lại
Nghiệp tánh cũng như vậy”.

Trong kinh Tịnh Nghiệp Chướng nói: “Quán tất cả pháp tức là Phật pháp thì là tịnh các nghiệp chướng”. Như có người học hỏi Hòa thượng An Quốc: “Nếu lúc chưa ngộ, nghiệp duyên thiện ác là có chăng?” Đáp: “Chẳng phải có”. Dụ như ban đêm mộng người ác kia đuổi, hoặc Phạm vương Đế-thích, cho là có, chợt nhiên thức dậy, vắng lặng không sự, tin biết ba cõi vốn không chỉ là một tâm. Lại có người hỏi Hòa thượng Đại Châu rằng: “Làm sao biết nghiệp hết?” Đáp: “Hiện tiền tâm thông đời trước đời sau, Phật trước Phật sau muôn pháp đồng thời”. Trong kinh nói: “Một niệm biết tất cả pháp là đạo tràng, thành tựu Nhất thiết

trí vậy". Vậy biết từ chỗ tâm sinh đều không chân thật, như tâm mộng chẳng thật, sự mộng cũng hư. Thế gian cộng biết có thể tin thọ sâu mầu, vì là nghiệp của thiện ác lý đều tánh không, chẳng hoại duyên sinh luôn ngầm diệu chỉ. Lập lượng là: Chánh nghiệp là pháp hữu, định tức có tức không nên là tông. Nhân là: Tức duyên thành tức không tánh. Đồng dụ là: Như huyễn huyễn pháp thuật v.v... sinh, tức có chẳng ngại hư, chánh nghiệp từ duyên sinh, không có chẳng trở ngại nhau. Nên biết muôn pháp từ biến kế tình sinh, chỉ có hư danh đều không thật nghĩa. Như trong kinh Thủ-lăng-nghiêm nói: "Diệu giác trong lắng khắp cùng pháp giới, ngậm nhả mười hư sao có phương sở, theo nghiệp phát hiện thế gian không biết, hoặc làm nhân duyên và tánh tự nhiên, đều là thức tâm phân biệt tính lường, chỉ có nói phô đều không thật nghĩa". Ngậm nhả mười hư là ngậm tức một chân chẳng động tại trong Như Lai tạng, nhả tức nương vọng phân biệt mới tùy xứ phát hiện, chỉ có xứ của mảy trần phát hiện đều là tự tâm sinh, từ phân biệt có, nếu biết xứ phát hư vọng thì chóng ngộ chân không, chân không hiện tiền đâu còn nói phô.

Hỏi: Chân tâm chẳng động, ba khoảng chẳng biến đổi, cớ sao nói tâm lưu chuyển, lại nói nghĩa tuyệt lưu chuyển?

Đáp: Chỗ nói tùy lưu và nghịch lưu đều căn cứ tâm của chúng sinh duyên lo nghĩ, vọng xưng là lưu chuyển, thể nó thường vắng lặng, chỉ chẳng thấy xứ một niệm khởi, tức là chẳng lưu, chưa hẳn có niệm có thể đoạn. Trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Văn-thù Sư-lợi nói: "Làm sao đoạn lưu chuyển, vì ở quá khứ tâm chẳng khởi, ở vị lai thức chẳng hành, hiện tại ý chẳng động, chẳng trú chẳng tư duy, chẳng giác chẳng phân biệt. Nên biết lấy cảnh đối cảnh đem tâm trị tâm, chó đuổi theo cục đất mà càng nhiều, người lánh bóng mà nhọc khổ, nếu năng biết thân là ảnh, bỏ khối đất đến người thì ảnh diệt vết ngầm an nhiên giẫm bước, nên biết muôn động đều lay đều thành ma nghiệp, nếu biết tâm chẳng động thì chẳng theo dòng, mới vào trong của Tông Kính, trọn vượt ma huyễn, tự nhiên tâm trí tịch diệt, các thấy tiêu mất. Như trong kinh Đại Hư Không Tạng Bồ-tát Sở Vấn nói: "Bồ-tát Sơn Tướng Kích Vương nói: Thí như nơi có lỗ hổng, gió vào trong đó lay động nơi vật có tướng qua lại. Bồ-tát cũng vậy, nếu tâm có khoảng hổng thì tâm lay động. Vì lay động vậy thì ma được tiện, cho nên Bồ-tát gìn giữ nói tâm chẳng khiến có khoảng hổng, nếu tâm không khoảng hổng thì các tướng viên mãn, vì tướng viên mãn vậy thì không tánh viên mãn, đó là pháp môn Bồ-tát vượt ma. Cho đến, Bồ-tát Văn-thù Sư-lợi nói: Nhân giả! Như lời các vị nói đều là cảnh ma tại sao? Định nghĩa văn tự đều là ma

nghiệp, cho đến Phật nói còn là ma nghiệp, không có nói thô, lìa các văn tự, ma không năng làm. Nếu không khái niệm tức không ngã kiến và văn tự kiến. Vì không ngã thì ở các pháp không có tổn ích. Vào như vậy thì vượt cảnh ma, đó là pháp môn Bồ-tát vượt ma." Trong kinh Đại Thừa Thiên Bát Đại Giáo Vương nói: "Phật dạy: Các thiên ma huyễn hoặc các thứ tướng mạo chướng tâm mất Thánh đạo của người tu học, cho đến khiến thấy tất cả huyễn tướng mọi sự sinh tử trước sau, các tướng thiện ác, ma làm huyễn hoặc chẳng liên quan chánh trí. Chỉ chỗ tâm biến chớ thủ duyên bên ngoài. Hành nhân tu học hẳn chẳng được ở cảnh giới mộng và hiện trước mắt, thủ tướng chấp trước, động chuyển tâm người, khủng bố hãi sợ thì bị chỗ chướng ngại của Thiên ma quỷ thần. Hành nhân chánh kiến phải thường quán tâm tánh chắc chắn, thấy tánh tịch tĩnh, tâm tánh không vật, là tướng chớ thủ thì không cảnh giới vọng tưởng nhân duyên, cho nên hành nhân cần hành tinh tấn, thật chớ thối chuyển giải đãi biếng lười, thì được chóng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề". Trong luận Đại Trí Độ nói: "Trừ thật tướng các pháp đều là Bồ-tát ma sự, nếu chứng Bát-nhã năng khế hợp thật tướng tức vượt qua ma sự". Đây là nói về sự lúc chứng thật tướng, đang lúc thân chứng như người uống nước, chẳng thể chỉ nói mà không chứng, nếu chỉ nói vượt qua ma mà chẳng lìa cảnh ma, nếu vượt qua ma giới, nói chứng đều tuyệt. Vậy biết hẳn không cảnh ma chỉ từ tâm khởi. Tại sao? Nếu bên trong tâm ưa vui sinh tử thì thân làm Thiên ma. Tâm bên trong đắm trước tà kiến, thì thân làm ngoại đạo, cho đến bên ngoài tâm thấy pháp, ngoài lý riêng cầu đều thành ngoại đạo.

Hỏi: Phàm Thánh một tâm đồng chủng tánh đó, chủng tánh không khác, cớ sao chỗ thọ nhân quả chẳng đồng, báo ứng có riêng biệt?

Đáp: Tuy tự nghiệp mỗi thọ vọng có thăng trầm, mà duyên tánh không sinh, trọn không thể được. Trong kinh Chư Pháp Vô Hành nói: "Phật bảo: Văn-thù Sư-lợi! Tất cả chúng sinh tâm đó đều một. Đó gọi là chủng tánh, chủng tánh tức nghĩa căn bản, căn bản thường một mà chúng sinh vọng khởi tự tha sai biệt Thánh phàm cao thấp, tuy khởi sai biệt, một thể chẳng động. Vì tánh sai biệt chẳng phải có vậy, chỉ là vọng khởi không thật thể vậy. Do đó trong kinh nói: "Phật dạy: Văn-thù Sư-lợi! Tất cả chúng sinh đều không có tâm duyên, tánh chẳng thể được vậy. Đó gọi là chủng tánh. Lại, tất cả cảnh giới thiện ác đều là ánh sáng tâm, tất cả thọ dụng hơn kém đều là quả tâm." Trong luận Đại Trang Nghiêm có kệ tụng nói:

"Các thứ tâm sáng khởi

Các thứ tướng như vậy
Thể sáng chẳng thể vậy
Chẳng được pháp kia thật”.

Các thứ tâm sáng, tức là các thứ sự tướng, hoặc khác lúc khởi, đó là sáng tham sân v.v... hoặc đồng lúc khởi, đó là sáng tham sân v.v... hoặc đồng lúc khởi, đó là sáng tín tấn v.v... nhiễm vị tâm số tịnh vị tâm số như vậy chỉ có ánh sáng mà không thể sáng, cho nên Đức Thế Tôn chẳng nói kia là pháp của chân thật. Lại nói: Các hành sát-na tăng trưởng, là như Phật nói tâm đem thế gian đi, tâm kéo thế gian lại. Do tâm tự tại thế gian tùy chuyển. Thức duyên danh sắc đây nói cũng vậy. Nên biết các hành là quả tâm. Lại, Tùy tịnh là, tịnh là tâm người thiền định, người kia các hành tùy tịnh tâm chuyển. Tỳ-kheo tu thiền, đầy đủ thần thông, tâm được tự tại, nếu muốn khiến gỗ làm vàng thì được tùy ý, nên biết các pháp hành đều là quả tâm. Lại, tùy sinh là, như chúng sinh tạo tội, có thể được vật bên ngoài tất cả thấp kém, chúng sinh tạo phước có thể được vật bên ngoài tốt đẹp, nên biết các hành đều là quả tâm, phải biết tất cả muôn pháp, đã lấy tâm làm nhân cũng lấy tâm làm quả, tuy nhiên sạch dơ hiển hiện chẳng đồng, ở trong gương tâm, như ánh sáng như bóng ảnh, trọn chẳng thể được.

Hỏi: Vào môn Duy thức quán tất cả cảnh tự nhiên không tướng, sao dụng lại nói phá tướng hiển lý, lại nói bỏ có quán không. Nếu có tông của sở phá thì lập lý của năng không. Đã còn không pháp trở lại thành nhân của có tướng, nếu giữ quán môn, đâu hợp đạo của vô vi? Đáp: Phàm nói phá tướng là chưa vào Duy thức bỏ vọng chấp đó, tuy nói phá tướng, thật không chỗ phá, đã không có của chỗ phá, cũng không không của năng phá. Tình chấp nếu tiêu, có không đều lắng, tiền trần không định, phá lập tùy tâm, vọng của mê chân chẳng sinh, chân của đối vọng cũng tuyệt. Trong luận Đại Trí Độ nói: “Các thứ thủ tướng đều là hư vọng, như châu pha lê tùy sắc trước biến tự không định sắc, các pháp cũng như vậy, không có định tướng, tùy tâm làm khác, hoặc tưởng thường vô thường v.v... như vì tâm sân thấy người này là tệ, nếu tâm sân dứt, tự tâm dâm dục sinh thấy người này trở lại là tốt. Nếu vì tâm kiêu mạn sinh thấy người này là ty tiện, nghe họ có đức trở lại sinh tâm kính. Các thứ như vậy có lý, mà thương ghét không lý, mà thương ghét đều là hư vọng nghĩ tưởng, nếu trừ hư dối cũng không không tướng không tướng tướng không tác tướng. Không chỗ phá nên còn chẳng tông lý của không tướng đâu còn môn của phá lập, vì thành hoại lấy bỏ đều tự tâm vậy. Nếu rõ ngay tâm tự nhiên tuyệt quán. Như trong kinh Lăng-

già có kệ tụng nói:

"Tất cả không Niết-bàn
Không có Niết-bàn Phật
Không có Phật Niết-bàn
Xa lìa giác chỗ giác
Hoặc có hoặc không có
Hai đó thảy đều lìa
Mâu-ni tịch tĩnh quán
Đó thì xa lìa sinh
Đó gọi là chẳng thủ
Đời nay đời sau sạch".

Có hai nửa bài kệ, Đại Vân giải rằng: Một kệ đầu rõ nay một như, nghĩa là đây căn cứ vô nguyện quán để hiển bày viên thành, không Niết-bàn Phật nên không nguyện vậy. Câu đầu nghĩa là trong tất cả các pháp sắc tâm v.v... không được Niết-bàn. Vì tất cả pháp vốn là như, nếu được Niết-bàn là đoạn thường kiến. Diệt pháp là đoạn, chứng đắc là thường. Câu kế tiếp, đã không Niết-bàn cớ sao có Phật, nên trong kinh nói thấy đoạn phiền não mà được thành Phật, đây thì gọi là phá hoại Phật pháp, vì phiền não và Phật tánh tịch tĩnh vậy. Trong câu thứ tư, chỗ giác như nên không có Niết-bàn, năng giác như nên không có Phật được, lìa giác và chỗ giác hỗn loạn đồng một như.

Hỏi: Thấy ngghe hay biết chẳng vượt ngoài tâm lượng tục đế chân đế không được không sinh, lại vượt ngoài tâm lượng chăng?

Đáp: Phàm lượng là tâm năng duyên, chỉ có đối tục nói chân, nhận dối lập thật. Bài xích sai biệt luận bàn bình đẳng, dứt trừ khác tướng, kiến lập như như, đều là đối đãi được, gọi là phá chấp thiết giáo, nếu năng chân tạo đều phải bỏ, có không đều tiêu, rõ biên tức trung, không biên có thể lìa, đạt trung tức biên, không trung có thể còn. Trí của năng chứng đã mất, lý của sở chứng cũng lắng mới vượt tâm lượng, vào môn tuyệt đối đãi. Nếu có được không được có sinh không sinh, đều chẳng vượt ngoài tâm lượng. Trong kinh Lăng-già có kệ tụng nói:

"Lìa tất cả các thấy
Và lìa tưởng chỗ tưởng
Không được cũng không sinh
Ta nói là tâm lượng
Chẳng tánh chẳng chẳng tánh
Tánh chẳng tánh đều lìa
Gọi kia tâm giải thoát

Ta nói là tâm lượng
Như như vì khoảng không
Niết-bàn và pháp giới
Các thứ ý sinh thân
Ta nói là tâm lượng”.

Do đó, trong kinh Niết-bàn nói: “Nếu có một pháp vượt qua Niết-bàn là, ta cũng có như huyễn như hóa. Vì Niết-bàn không tướng nếu thủ ở tướng tức tự tâm hiện lượng, chẳng phải chân Niết-bàn vậy. Phật nói rằng: Giả sử có một Đức Phật vượt qua Niết-bàn, hướng đến chỗ được tâm, cũng thành tâm lượng, chỗ tự tâm biến đều là huyễn hóa”. Nên biết tợ hình nói vết, liếc qua sinh diệu giải, đều là chỗ tâm lượng gom thâu. Chưa có một pháp chẳng liên quan với tâm vậy. Nếu năng ngộ tâm không tâm, rõ cảnh không cảnh, lý lượng đều tiêu, có thể vào Tông Kính.

Hỏi: Phàm luận tâm lượng chẳng vượt ngoài thấy nghe, nếu căn cứ thấy nghe thì còn là tiền cảnh, cớ sao thành nghĩa của Duy tâm?

Đáp: Đây là tâm của không tâm, lượng chẳng phải có thật thể.

Hỏi: Nếu không thật thể, cớ sao kiến lập tất cả các pháp?

Đáp: Chỉ do không thể không tánh mới thành vạn hữu, chỗ vạn hữu khởi chẳng lìa chân không. Nếu nói có tánh thì một pháp chẳng thành, thì không chẳng tự không, đâu năng dung sắc. Nếu sắc chẳng tự sắc nói năng hợp không. Trong luận Ma-ha-diễn nói: “Tất cả các pháp chỉ tâm xoay chuyển ngoài ra không pháp khác” là như vậy, tâm pháp cũng chẳng thể được. Trong kinh Lăng-già nói: “Tâm lượng của không tâm, Ta nói là tâm lượng”. Do câu của tâm chẳng thể được mà lập nghĩa của đại không. Do câu tâm lượng của không tâm mà thành nghĩa của huyễn sai biệt. Do nghĩa của đại không, các pháp được thành. Do nghĩa huyễn sai biệt, không lý được hiển bày.

Hỏi: Vọng năng che chân thành sinh tử, chân năng đoạt vọng, thuận hiện Niết-bàn, chân vọng nếu lìa, qua lại chẳng sinh khởi, chân vọng nếu hợp, hai đế chẳng thành, làm sao hội thông diệu lý một tâm?

Đáp: Một tâm hai đế, chỗ giáo lý quy về, mở tức mê chân, hợp tức hoại tục. Tại sao? Tướng tùy chân khởi, tức tướng mà có thể biện rõ nguồn chân, giác nhân vọng sinh. Nhân vọng mà năng biết giác thể. Không vọng thì giác chẳng tự lập, không chân thì tướng không chỗ nương. Chân vọng cũng hòa, nhiễm tịnh thành sự, chỉ chân chẳng lập, không vọng mà đối, ai năng lập chân, riêng lẻ vọng chẳng thành, không chân mà cậy sao nói vọng. Chân vọng mỗi không tự thể. Danh

tướng vốn đồng một nguồn. Vậy thì hai đế luôn phân, một vị thường còn, tạng tánh chẳng động, duyên khởi muôn sai. Nên biết thật không một pháp mà có tự thể độc lập, đều từ hai pháp chân vọng hòa hợp mà khởi. Như trong luận Đại Thừa Khởi Tín nói: "Chẳng sinh chẳng diệt cùng sinh diệt hòa hợp, chẳng phải một chẳng phải khác, gọi là thức A-lại-da, biến khởi căn thân khí thế gian v.v..." Trong luận Thích Ma-ha-diễn nói: "Nhân duyên sinh diệt có hai: Một, chẳng tương ưng nhân duyên sinh diệt; Hai, tương ưng nhân duyên sinh diệt". Luận nói: Hiện kính thức thể, cảnh giới sáu trần, như lần lượt đó, vì ba thứ kia tương ưng nhiễm pháp, năng làm nhân duyên cho nên nói phô thô trọng, môn nhân duyên của sinh diệt. Trong thể hiện thức lại có nghĩa duyên, nên thẩm xét tư duy. Lại nữa, có hai lớp nhân duyên: Một, gốc khắp cùng nhân duyên. Hai ngọn khắp cùng nhân duyên. Nói gốc khắp cùng là nêu gốc vô minh và tâm bản giác trông ở sáu trần tương ưng, có nghĩa nhân duyên. Nói ngọn khắp cùng là, nêu nghiệp chuyển hiện tướng trông ở ba tương ưng, có nghĩa nhân duyên vậy. Lại nữa, lại có hai thứ nhân duyên: Một, nhân duyên trên dưới; hai, nhân duyên hạ thượng. Nói trên dưới là, vô minh làm thủy, quả báo làm chung, trên dưới cùng lực chẳng vượt số đó làm nhân duyên vậy. Nói hạ thượng là, quả báo làm thủy, vô minh làm chung. Hạ thượng cùng cực chẳng vượt số đó lầm nhân duyên vậy. Lại nữa, tất cả pháp hữu vi sinh diệt, sát-na chẳng trú, không nhân không duyên. Lại nữa, pháp của nhân duyên không mà không chủ, kỳ thật tự tánh chẳng thể được vậy. Lại nữa, pháp chẳng thể được chẳng thể được cũng chẳng thể được vậy. Lại nữa, nhân duyên sinh diệt là chỗ gọi là tâm ý ý thức của chúng sinh chuyển vậy. Văn đây vì nói rõ nghĩa gì? Đó là muốn hiển bày sai biệt của sở y và năng y vậy. Thế nào là sở y? Đó là tâm bản giác. Thế nào là năng y? Đó tức là chúng sinh, nói chúng sinh là đúng pháp gì ư? Đó là ý ý thức. Tại sao ý và ý thức gọi là chúng sinh? Ý và ý thức tất cả các nhiễm hợp thành mà sinh, nên gọi là chúng sinh, mà không riêng biệt tự thể, chỉ nương tâm làm thể, cho nên nói là nương tâm mà chuyển. Lại nói: Tướng của vô minh chẳng lìa giác tánh, chẳng phải có thể hoại, chẳng phải chẳng thể hoại, giống như biển lớn tướng gió tướng nước chẳng bỏ lìa nhau là. Biển lớn dụ cho thức A-lại-da. Nước dụ cho tâm bản giác, gió dụ cho căn bản vô minh. Bất giác năng khởi động chuyển thức của lo nghĩ tri, như sóng kia vậy. Sóng động là dụ cho hý luận thức biến chuyển vô thường. Tướng nước tướng gió chẳng bỏ lìa nhau là, dụ cho chân tâm giúp nhau đều hành hợp chuyển, nghĩa là tâm bản giác chẳng khởi vậy,

đang nhờ lực của vô minh mới được mà khởi, căn bản vô minh chẳng tự chuyển vậy, cần phải nhân lực của chân tâm mới được mà chuyển, như nước chẳng tự làm sóng, phải nhân lực gió, gió chẳng tự hiện động cần phải nhờ ở lực nước mới được hiện tướng động. Trong kinh nói: "Trong biển lớn phiền não, có viên mãn Như Lai, tuyên nói lý của thật tướng thường trú, trong thật tánh bản giác, có chúng sinh vô minh khởi vô lượng vô biên gợn sóng phiền não, như trong kinh nói: "Phật bảo đại chúng: "Thủy giác Bát-nhã là từ địa vị có đủ thứ trói buộc dần dần ra khỏi, cho đến Kim cang viên mãn mới hành phát đạo cứu cánh chóng đoạn căn bản vô minh trú địa. Mặt nhật tuệ giác tròn chiếu, không chỗ chẳng khắp cùng. Bản giác Bát-nhã là từ tánh thanh tịnh dần dần xa lìa, cho đến mới đầu tin, phát trí cứu cánh đoạn diệt tướng phần vào biển vô minh tùy duyên chuyển động. Khi ấy đại chúng nghe sự này rồi rõ biết các pháp một tướng một thể, cũng không một tướng cũng không một thể. Mà các pháp tánh cũng thật tướng, cũng là thường trú, cũng là quyết định, cũng là thật có.

Hỏi: Bản giác và thủy giác, từ đâu mà lập sinh?

Đáp: Bản giác là nhân thủy mà được sinh, thủy giác từ bản mà lập. Như trong Khởi Tín Sao nói: "Chưa xét rõ thủy giác từ đâu mà sinh, vì chỗ bản đối nên đây nói vậy. Nguyên Thủy giác đó là chỗ bản sinh dần mới mà có, nên gọi là thủy, chiếu ngược lại thể đó, xưa nay có đó. Địch đối ở thủy nên gọi là bản. Nếu không thủy đó, chỗ nào đối đãi ư? Như mẹ sinh con, đối con xưng mẹ. Cho đến hỏi: Thủy giác bản giác đã khác, nhân gì không hai? Lại đã đồng bản giác, nhân gì gọi là thủy?

Đáp: Tức bản giác mới đầu hiển bày tướng dụng, gọi là thủy giác. Tướng dụng chẳng phải riêng biệt bên ngoài lại nên được dung đồng một thể. Lại, nếu chẳng phải tướng dụng của khắp thể giác, tức chẳng phải thủy giác, vì ngoài tâm không có pháp vậy. Nếu không như vậy, chỉ gọi là tương tợ giác, cũng gọi là tùy phần giác. Vậy biết trực đãi hợp đồng bản thể mới được gọi là chân thủy giác vậy. Đã hợp nói bản, thủy tức chẳng phải thủy, đã không nói thủy tức không nói bản. Danh của bản thủy đã mất, chỉ có thể gọi là giác vậy". Như giải thích trên, nếu vào Tông Kính mới là giác của cứu cánh, chưa vào Tông Kính chỉ xưng là tương tợ giác vậy. Đây tuy xưng giác, mới là bất giác. Nên trong luận nói: "Lại vì giác nguồn tâm nên gọi là cứu cánh giác", chẳng giác nguồn tâm nên chẳng phải cứu cánh giác, tức nghĩa đó vậy.

Hỏi: Trên nói chân tâm không sinh, vọng niệm khởi diệt, làm sao hội vọng về chân vào đạo của một thừa bình đẳng?

Đáp: Vọng nguyên không thể, vốn tự toàn chân, sao phải lại hội. Nay gọi là người của tình kiến vọng chấp, dẫn trí của Phật tổ khéo léo thấu suốt nguồn tâm, sưu tìm phân tích của kinh luận vi tế thấu cùng biển tánh, khiến chóng thông tình trần, bèn thành chân giác. Như trong luận Thích Ma-ha-diễn nói: "Một tâm chân như thể đại thông ở năm người, bình đẳng bình đẳng không sai biệt vậy, cớ sao gọi là năm thứ người giả? Một phàm phu, hai Thanh văn, ba Duyên giác, bốn Bồ-tát, năm Như Lai. Đó gọi là năm. Năm tên như vậy, người tự là năm, chân tự chỉ một. Tại sao như vậy? Chân như tự thể không có tăng giảm, cũng không lớn nhỏ, cũng không có không, cũng không trung biên cũng không đi lại, từ xưa đến nay một tự thành một. Đồng tự làm đồng, nhàm khác bỏ riêng, chỉ một chân như. Cho nên trong kinh các pháp chân như một tướng Tam-muội nói rằng: "Thí dụ Kim cang làm tượng năm thú, năm người bình đẳng cũng lại như thế". Ở trong các người không có tăng giảm, nên trong luận Đại Thừa Khởi Tín nói: "Tâm chân như là, tức một pháp giới đại tổng tướng pháp môn thể, vì tướng bản tánh tâm chẳng sinh chẳng diệt, tất cả các pháp đều do vọng niệm mà có sai biệt. Nếu lìa vọng niệm thì không tướng của cảnh giới sai biệt". Xưa trước giải thích: Hiện thấy các pháp sai biệt biến chuyển, cớ sao nói là tánh không sai biệt? Giải thích: Tướng sai biệt là, chỗ biến kế vọng tình của ông làm, xưa nay không thật, như nương mắt bệnh vọng thấy hoa đốm hư không, nên nói đều nương vọng niệm mà có sai biệt. Người nghi ngờ lại nói: Cớ sao được biết nương vọng niệm sinh?

Giải thích: Vì các Thánh nhân lìa vọng niệm vậy, đều là cảnh đó, tức nghiệm cảnh đây quyết định từ vọng sinh. Lại nếu cảnh đây quyết định chẳng phải vọng, quyết định là thật có là Thánh nhân chẳng thấy, nên là mê đảo. Phàm phu đã thấy nên là giác ngộ như chẳng thấy hoa đốm hư không là mắt bệnh, trở lại kết chuẩn cứ đó, nên nếu lìa ở niệm tức không sai biệt vậy, chỗ chấp vốn không, nên chân tâm chẳng động. Do đây tất cả các pháp đều tức là chân như. Đó thì hội tụ vọng hiển bày chân có thể tuyệt dứt nghi ngờ vậy. Như trong kinh Thủ-lăng-nghiêm nói: "Phật dạy: A-nan! Ta chẳng phải bảo ông chấp là chẳng phải tâm, chỉ ông ở tâm vi tế vò xoa, nếu lìa tiền trần có tánh phân biệt, tức chân tâm ông, nếu tánh phân biệt lìa trần không thể, đó thì tiền trần phân biệt sự ảnh". Người xưa có bài tụng chọn lựa vàng rằng: "Ông chẳng thấy nước đẹp lắng trong ra vàng ròng. Đuổi sóng theo sóng trọn bị chìm, có may được gặp người khéo xét, bươi cát nhặt kỹ tạm biết âm. Nhân đây bèn nhờ ân Hoàng thượng, thẳng vào trong lầu quỳnh tráp báu, một

luyện một ánh sáng chiếu diệu, một xoay trên tay một xoay trông, vì đây cát bụi đều báu diệu, nên dụ chúng sinh tâm giác chiếu, chúng sinh vô thủy chìm ba cõi, xưa nay trôi nổi bị cảnh xâm. Đối trần vừa tợ tuệ chân như. Lìa cảnh nguyên không tâm chiếu thể, mê tức một chân gọi hai thể, chỉ vì tâm quần sinh chẳng chiếu, nếu năng đối cảnh thường chân chiếu, tùy trần lìa cảnh một loại tâm, ngày nay Như Lai trừ phân biệt, ý xua tâm chúng sinh vọng tập. Chỉ trừ vọng tập còn thủy chung. Chân chiếu nào vọng chẳng chân tâm".

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 86

Hỏi: Phàm, xác định một tâm, ngoài tâm không pháp, chỗ Thánh giáo ấn lý sự viên dung, chỉ như trong kinh Hoa Nghiêm phẩm Phương tiện nói rõ mười giới mười như, tánh tướng nhân duyên quả báo gốc ngọn, trước sau chẳng lạm, hành tướng chẳng phải hư. Nay chỉ nói một tâm, làm sao hợp giáo?

Đáp: Một tâm tức là thật tướng các pháp, cũng là thật tánh các pháp. Nhưng các pháp tức là thật tướng, thật tướng tức các pháp từ chỗ tâm hiện, tánh tướng toàn đồng. Nương gốc duỗi vết, lý sự chẳng phải khác. Như các gợn sóng động mà thể nước thường bày. Vì nước đoạt sóng, sóng không đâu chẳng tận, tuy các pháp tợ khởi mà tâm tánh luôn hiện, vì tâm gồm thâu pháp, pháp không gì chẳng không. Trong kinh Đại Phẩm nói: "Chẳng thấy một pháp vượt ngoài pháp tánh." Lại nói: "Tất cả pháp hướng thú sắc là hướng thú chẳng qua". Như trong Thai Giáo giải thích kinh Pháp Hoa nói về pháp của mười pháp giới mười như nhân quả, tất cả chỉ tâm tạo là, tức tướng như vậy tánh như vậy, thể như vậy, lực như vậy, tác như vậy, nhân như vậy, duyên như vậy, quả như vậy, báo như vậy, gốc ngọn rốt ráo v.v... như vậy. Tướng như vậy là phàm tướng vì y cứ bên ngoài soi xét mà có thể phân biệt. Trong Thích Luận nói: "Dễ biết nên gọi là tướng, như nước lửa tướng khác nhau thì dễ có thể biết. Như sắc mặt người đầy đủ các tốt lành chăng? Soi xét tướng bên ngoài tức biết bên trong đó, xưa kia Tôn, Lưu tướng hiển, Tào công tướng ẩn, tướng là cất tiếng khóc lớn, bốn biển ba phần trăm họ trà độc, nếu nói có tướng, tối là chẳng biết, nếu nói không tướng bói thì giải suốt, phải tùy thiện tướng là, tin bên ngoài mặt người đủ tất cả tướng vậy. Tâm cũng như vậy, đủ tất cả tướng, tướng chúng sinh ẩn, tướng Di-lặc hiện. Đức Như Lai khéo biết nên xa gần đều ghi nhớ. Chẳng khéo quán là chẳng tin tâm đủ tất cả tướng, phải tùy một thật quán là tin tâm đủ tất cả tướng vậy. Tánh như vậy là, vì căn cứ bên trong chẳng cải đổi, gọi là tánh. Lại tánh gọi là tánh phần, nghĩa của

chủng loại, phân phần mà chẳng đồng, mỗi mỗi chẳng thể cải đổi. Như lửa lấy nhiệt làm tánh, nước lấy ẩm ướt làm tánh v.v... chẳng cải đổi căn cứ lý, chủng loại căn cứ sự. Lại, tánh là thật tánh. Thật tánh tức là lý tánh, cực thật không lỗi, tức tên khác của một tâm Phật tánh vậy. Lại, trong kinh Vô Hành nói: "Xưng tánh chẳng động là, tức nghĩa chẳng cải đổi". Nay nói rõ tánh bên trong chẳng thể cải đổi, như tánh lửa trong tre, tuy chẳng thể thấy nhưng chẳng được nói là không, người lửa vỏ khô khắp cùng đốt cháy tất cả. Tâm cũng như vậy, đủ tất cả tánh năm ấm, tuy chẳng thể thấy mà chẳng được nói không, dùng mắt trí quán đủ tất cả tánh. Thể như vậy là, thể là nghĩa chủ chất, mười pháp giới ấm nhập đây, đều dụng sắc tâm làm thể chất. Lực như vậy là, nghĩa kham làm như Vương Lực Sĩ ngàn muôn kỷ năng. Bệnh nên gọi là không bệnh lành có dụng, tâm cũng như vậy, có đủ mười lực của Như Lai. Bệnh phiền não nên chẳng năng vận động, như thật quán sát đó đủ tất cả lực. Tác như vậy vận động là nghĩa kiến lập, nếu lìa tâm là không chỗ làm, nên biết tâm đủ tất cả tác. Nhân như vậy là, chiêu quả làm nhân, cũng gọi là nghiệp, mười pháp giới nghiệp khởi tự nơi tâm. Chỉ khiến có tâm, các nghiệp đầy đủ, nếu không ở tâm tức không các nghiệp vì tất cả nghiệp thiện ác Thánh phàm v.v... chỉ tâm tạo vậy. Duyên như vậy là, duyên gọi là duyên do trợ nghiệp đều là nghĩa duyên, vô minh, ái v.v... năng đượm nhuần nơi nghiệp, tức tâm làm duyên, lìa tâm duyên chẳng khởi. Quả như vậy đạt được là quả, nếu tự tâm tạo thiện đạt được quả lạc, nếu tự tâm tạo ác, đạt được quả khổ. Báo như vậy, thù đáp nhân là báo, một niệm tâm chánh diệu báo thù đáp nhau, một niệm tâm tà, quả kém ngầm hiện, gió hòa vang thuận, hình ngay bóng thẳng thì tà chánh tại tâm, được mất do ngã, tướng làm gốc báo làm ngọn, gốc ngọn đều vào duyên sinh, duyên sinh nên không, thì không v.v... vậy. Tướng chỉ có chữ, báo chỉ có chữ, đều giả khái niệm, thì giả v.v... vậy. Lại tướng tức không tướng, không tướng mà tướng, chẳng phải tướng, chẳng phải không tướng, báo cũng vậy, mỗi mỗi đều vào khoảng như thật, thì trung v.v... Nếu ba đường xấu ác dùng tiêu biểu khổ làm tướng, quyết định ác làm tánh, xô bẻ sắc tâm làm thể, lên dao vào vạc làm lực, khởi mười bất thiện làm tác, nghiệp ác hữu lậu làm nhân, ái thủ v.v... làm duyên, ác tập quả làm quả, ba ác thú làm báo, gốc ngọn đều si làm v.v... cho đến Bồ-tát Phật là nhân duyên làm tướng, liễu nhân làm tánh. Chánh nhân làm thể, tứ hoằng làm lực, sáu độ muôn hạnh làm tác, trí tuệ trang nghiêm làm nhân, phước đức trang nghiêm làm duyên, Tam-bồ-đề làm quả, Đại Niết-bàn làm báo, gốc ngọn đều trí làm dẫn trước làm v.v...

nên biết mười giới mười như nhân duyên thiện ác, quả báo phàm Thánh đều là một tâm, duyên luận pháp riêng biệt, đó mới là Từ phụ của phát tâm Bồ-đề cứu cánh, là Đạo sư đưa qua đồng trống hư vọng sinh tử là bến bờ của chuyển phàm vào Thánh, là đường tắt của hội tụ tục về chân vậy. Thí như nhạc trời, tùy niệm của chúng sinh mà phát ra các thứ âm thanh, cũng như châu ma-ni tùy chỗ ý mong cầu mà mưa các thứ báu, tâm đây vô tận, mang chứa pháp nào cùng, sắc pháp còn vậy, chân linh đâu kém.

Hỏi: Phàm Thánh đã đồng một tâm, cớ sao Thánh nhân thành Nhất thiết chủng trí, phàm phu riêng việc chẳng biết ư?

Đáp: Chỉ vì phàm phu trái giác hợp trần, bị trần ngăn ngại, mê chân theo vọng, bị vọng cản ngăn. Do đó trong giáo dèm chê đó là sống mù, chẳng mở mắt trí, cười trách đó là tục điếc, đâu đạt thật nghe, tự tâm và tha tâm cả hai đều chẳng rõ, sao có thể bác thông muôn loại thành Nhất thiết chủng trí ư? Như trong kinh Thủ Hộ Quốc Giới Chủ Đà-la-ni nói: "Phật dạy: Này thiện nam! Nếu các Phật tử muốn được thành A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề, nếu muốn khéo hay biết tự tâm, cho đến trước nên phát khởi tâm đại từ bi, khắp vì chúng sinh quy y Tam bảo, thọ giới Bồ-tát v.v..." Vì vậy, tự tâm khó biết chớ năng khéo xét, chẳng vào Tông Kính sao năng chiếu sáng, nếu rõ tự tâm tức năng chóng phát tâm Bồ-đề. Do vậy, tâm đó miên mật người đời chẳng năng biết. Người xưa có thiên Tâm Ẩn nói là: "Lớn của trời đất, có thể dùng sao chương trình lường vậy, động của ba thứ ánh sáng, có thể dùng sao khuê bày tỏ đó vậy. Tiếng của sấm sét, có thể dùng chuông trống truyền vậy, biến của gió mưa có thể dùng âm luật biết vậy. Nên có tượng có thể thấy, chẳng năng núp lượng đó, có ánh sáng có thể thấy, chẳng năng ẩn vết đó. Có tiếng có thể nghe, chẳng năng giấu vang đó, có sắc có thể xét, chẳng năng diệt tánh đó. Vì, phàm trời đất âm dương khó rõ, còn có thể dùng thuật số đo lường mà tai mắt biết, đến nơi tâm người thì khác với đó vậy. Tâm ở bên trong, tình núp bên trong, chẳng thể dùng toán số mà lượng vậy. Tâm của người phàm, hiểm ở núi sông, khó biết ở trời, trời có xuân hạ thu đông, kỳ hạng của sớm tối. Người là dáng hậu tình sâu chẳng thể mà biết vậy, có tâm cứng mà sắc mềm, dung mạo quả quyết mà chất yếu, ý mạnh mà hành mạn (phóng túng, tánh tức giận mà sự thong thả, giả trang sức ở ngoài để che tình đó, mừng mà hẳn vui, giận mà hẳn ghét, cười chưa hẳn vui sướng, khóc chưa hẳn đau buồn. Tạng đó tình ẩn, hành chưa dễ lường vậy. Tha tâm còn chẳng thể lường, cảnh ngoài thì sao năng biết. Nên trong luận Đại

Thừa Khởi Tín nói: "Chúng sinh vì nương nhiễm tâm năng kiến năng hiện, vọng thỉ cảnh giới mê tánh bình đẳng vậy. Vì tất cả pháp thường lắng không có tướng khởi, vô minh bất giác vọng cùng pháp trái nghịch vậy, chẳng năng được tùy thuận thế gian tất cả cảnh giới các thứ biết vậy, cho nên ngoài tâm không pháp ngoài pháp không tâm, chỉ rõ một tâm, các trần tự hội, khởi tâm trái pháp tức trái pháp thể, đã cũng pháp trái nghịch thì chẳng thông đạt, nếu năng thuận tánh pháp giới hợp tâm chân như thì Bát-nhã vô vi không chỗ chẳng biết vậy.

Hỏi: Nếu rõ một tâm, sao dùng rộng biết các pháp?

Đáp: Một tâm là tổng, các pháp là biệt, biêt tuy từ tổng nhưng sự khởi ngàn sai, nếu chẳng tử tế thông rõ, ngăn chiếu đều vận thì lý đơn sự lẽ, chẳng vào viên thông. Trong kinh Duy-ma nói: "Khéo hay phân biệt tướng các pháp, ở Đệ nhất nghĩa mà chẳng động". Trong Thai Giáo nói: Ở các pháp môn biển giáo văn nghĩa phải rõ chẳng phải chữ chẳng phải chẳng phải chữ, song chiếu chữ chẳng phải chữ, chẳng thể nói, chẳng phải chẳng thể nói, chẳng thể thấy, chẳng phải chẳng thể thấy, chỗ nào chọn lựa, chỗ nào chẳng chọn lựa, chỗ nào nhiếp, chỗ nào chẳng nhiếp, chỗ nào bỏ, chỗ nào chẳng bỏ, phải thì đều phải, quấy thì đều quấy, năng ở sắc mực thông đạt tất cả quấy, ở tất cả quấy thông đạt tất cả phải. Thông đạt tất cả quấy, chẳng phải quấy là tất cả pháp tà tất cả pháp chánh, như trùng ăn gỗ chẳng biết chỗ về, tợ chim nói không, sao biết chỉ thú.

Hỏi: Một sắc một hương không gì chẳng là Trung đạo, lấy gì làm Trung đạo?

Đáp: Tạm căn cứ bốn câu phân biệt của các sư xưa trước. Như trong Trung Luận Huyền Xu nói: "Hỏi: Ông lấy chẳng sinh chẳng diệt làm Trung đạo, có Trung đạo đây chăng? Nếu có Trung đạo đây thì chẳng gọi là Trung đạo. Nếu không Trung đạo đây cũng gọi là Trung, cả hai đều chẳng thể được sao gọi là Trung đạo? Đáp: Có bốn nghĩa: Một, có Trung đạo đây. Tại sao? Vốn đem Trung đạo phá thiên lệch, sao được không Trung đạo? Vì có nghĩa không, nên các pháp được thành. Nếu không nghĩa không, thì tất cả chẳng thành. Không tức là Trung đạo vậy; Hai, không Trung đạo đây. Tại sao? Vì phá bệnh thiên lệch, cho nên nói Trung, bệnh thiên lệch đã mất, thuốc trung phải bỏ. Nếu có Trung đạo trung trở lại là bệnh; Ba, cũng có Trung đạo cũng không Trung đạo. Tại sao? Chí lý hư còn, nên gọi là cũng có, không hình không tướng nên gọi là cũng không. Như trong kinh Niết-bàn nói: "Trong ngoài hợp nên gọi là Trung đạo"; Bốn, chẳng phải có Trung đạo chẳng phải không Trung

đạo. Tại sao? Đã nói Trung đạo, sao được là có? Đã nói Trung đạo, sao được là không? Đây là một qua mà nói vậy, nếu trở lại luận thì chẳng phải bốn câu. Đó là tuyệt đường ngôn ngữ, dứt chỗ tâm hành.

Hỏi: Nếu vậy cớ sao thủ định?

Đáp: Nếu là có chấp thì không chỗ chẳng ngại, nếu là không chấp thì không chỗ chẳng thông. Như trong luận Đại Trí Độ nói: "Nếu người thấy Bát-nhã thì gọi là bị trói buộc, nếu chẳng thấy Bát-nhã cũng gọi là bị trói buộc. Nếu người thấy Bát-nhã thì gọi là giải thoát, nếu chẳng thấy Bát-nhã thì gọi là giải thoát. Trung đạo tức thật tướng là có vậy, Trung đạo tức tánh không là không vậy, cũng gọi là giả danh, cũng có cũng không vậy, cũng gọi là Trung đạo, chẳng phải có chẳng phải không vậy". Nên biết không chấp thì bốn câu đều phải. Như trong kinh Niết-bàn nói: "Có duyên uống độc sống, không duyên uống độc chết, có uống cam lồ tổn thương mạng mà chết sớm, hoặc có uống cam lồ mà thọ mạng được lâu dài" là nghĩa đây vậy.

Hỏi: Là trung tức là đạo, hay lìa trung tức có đạo? Là đạo tức là trung hay lìa đạo tức có trung?

Đáp: Như Trung phẩm nhân kia, đây thì là trung mà chẳng phải đạo. Như nhân đạo Tam thừa kia, đây tức là đạo mà chẳng phải trung, như Bồ-tát đạo kia, đây tức cũng Trung cũng đạo. Như đạo ngoại đạo kia, đây tức chẳng phải trung lại chẳng phải đạo. Nay nói Trung đạo, tức là Bồ-tát đạo, lìa trung không riêng đạo, lìa đạo không riêng trung, tức lấy đạo làm trung, tức lấy trung làm đạo. Nghĩa trung đây tức là một tâm. Đạo tức là tâm, tâm tức là đạo, vì chân tâm khắp cùng tất cả xứ vậy. Do đó, nói một sắc một hương không gì chẳng là Trung đạo. Trước biện về chỗ thấy chẳng đồng, nên luận được mất. Nếu vào Tông Kính thì hết sạch đồng bình đẳng. Ba thừa năm tánh hoặc trong hoặc ngoài không gì chẳng phải là một tâm Trung đạo vậy. Lại, Trung đạo là vì một chân tâm chẳng trú hai biên có không, nên gọi là Trung đạo. Nếu nói có đó, tất cả chẳng thể tìm, nếu nói không đó, tánh chẳng thể đổi. Do đó, Bồ-tát dùng hành khế lý quán tất cả pháp, song ngăn song chiếu song mất song lưu. Thai giáo nói rõ song mất chánh vào thường ngầm Trung đạo, không tâm mất chiếu, mặc tình lặng biết. Song mất tức mất không mất giả, nên gọi là tịch (lặng), chánh vào chỉ là vào trung, nên gọi là chiếu, vừa mất vừa chiếu, nên gọi là song lưu, ngăn lưu căn cứ trí dụng, mất chiếu căn cứ trí thể. Không tâm thích trí thể, trí thể thành tựu, chẳng phải tác ý niệm niệm quên chiếu mà thường mặc tình. Vừa lặng lẽ vừa biết, lặng lẽ tức là mất, biết tức là chiếu. Lại, năng sở đều

lặng lẽ nên gọi là song mất, môn lý rõ ràng, xưng làm chánh nhập, chánh vào thì lý không gì chẳng khế, song mất thì tướng không gì chẳng lặng, đó tức là chẳng trú không có, ngăn chiếu phân minh chẳng trệ hai biên, mới thành chánh vào. Trong Triệu Luận nói: "Có tâm là, các thứ ấy vậy, không tâm là thái hư ấy vậy. Các thứ ở nơi vọng niệm, thái hư tuyệt nơi linh chiếu, chẳng thể để ở vọng tưởng. Tuyệt linh chiếu mà nói Thánh tâm ư? Nên phải ngăn chiếu không trệ, thể dụng tự tại, mới thành môn của lý hạnh". Trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Bồ-tát trụ là chẳng nghĩ bàn, ở trung nghĩ bàn chẳng thể tận. Trú là địa chẳng thể nghĩ bàn, tư và chẳng phải tư đều tịch diệt, nếu chỉ ngăn cảnh nghĩ bàn là, thì phàm Thánh tuyệt phần, nên chẳng phải chỉ ngăn thường tâm, cũng nên dung thường tâm. Vậy thì ở Trung nghĩ bàn chẳng thể tận, ngăn dung không hai, thì tư và chẳng phải tư thể đều tịch diệt, mới gọi là chân chẳng nghĩ bàn vậy. Vậy thì ngăn chiếu không kẹt, lý sự chẳng khuyết, tức ngăn mà chiếu vậy. Song chẳng phải tức là song hành, tức chiếu mà ngăn vậy. Song hành tức là song dứt trừ, chẳng hoại gốc mà thường ngọn, muôn hạnh lẫn lộn, chẳng hoại ngọn mà thường gốc, một tâm luôn lặng lẽ. Do đó, sắc trần thể lặng lẽ, hương giới tánh không, chấp làm biên tà của nó không, đạt thành trung lý Duy thức. Pháp pháp đều tròn biển nguyện, trần trần đều đủ hạnh môn, ứng niệm mà sáu độ đều thành, mục kích mà chân tâm cùng khắp. Như trong kinh vô tận ý Bồ-tát nói: "Cõi nước Như Lai Phổ Hiền, các Bồ-tát kia đang lúc thấy Phật, sau đó năng phân biệt các nghĩa thâm diệu, đầy đủ thành tựu sáu Ba-la-mật. Tại sao? Nếu chẳng thủ sắc tướng tức là đầy đủ Đàn Ba-la-mật, nếu trừ sắc tướng tức là đầy đủ Thi Ba-la-mật, nếu quán sắc tận, tức là đầy đủ Sằng-đề Ba-la-mật. Nếu thấy sắc tịch diệt tức là đầy đủ Tỳ-lê-da Ba-la-mật. Nếu chẳng hành sắc tướng tức là đầy đủ thiền Ba-la-mật. Nếu chẳng hý luận sắc tướng tức là đầy đủ Bát-nhã Ba-la-mật. Các Bồ-tát đó tức lúc quán Phật, sau đó đầy đủ sáu Ba-la-mật như vậy được vô sinh nhẫn.

Hỏi: Môn Duy thức đây, với người chưa rõ dùng phương tiện gì mà vì chỉ dạy?

Đáp: Người mới giác, trước dùng sánh biết sau phải tin nghiệm. Trong luận Nhiếp Đại Thừa nói: "Tất cả thời xứ đều chỉ có thức, có đó chưa được chân trí giác là ở trong Duy thức làm sao sánh biết? Do Thánh giáo và chánh lý, như Thánh giáo nói ba cõi như vậy đều chỉ có tâm. Lý hiển bày là, như ở trong tâm định tùy chỗ quán thấy các máu ứ xanh v.v... chỗ thấy ảnh tượng tất cả không riêng máu ứ xanh v.v...

mọi sự, chỉ thấy tự tâm. Lại nói: Chủng bên ngoài làm duyên bên trong, pháp chủng tử bên ngoài đều là chủng sinh cả, thọ dụng nghiệp huân chủng tử, nương chỗ lực A-lại-da biến hiện. Cho nên chủng bên ngoài lìa bên trong không riêng có chủng. Như có kệ tụng nói:

"Trời đất gió hư không
Bờ ao mới biển lớn
Đều chân chỗ trong làm
Nghĩa ngoài đều chẳng có".

Lại có kệ tụng khác nói:

"Thánh giáo và chánh lý
Mỗi riêng có công năng
Là sinh ở tin tuệ
Không một chẳng thành vậy".

Vì vậy, thức sinh thức đây gọi là tướng phần, biết tướng đây chỉ là tâm bên trong biến, nghĩa bên ngoài chẳng thành vậy. Như có kệ tụng nói:

"Ở một thân đoan nghiêm dâm nữ
Xuất gia đắm dục và chó đói
Ngửi thây xương đẹp ăn uống ngon
Ba thứ phân biệt mỗi chẳng đồng".

Vì tiền trần không tướng quyết định, chỉ tâm tự phân xấu đẹp. Nếu pháp bên ngoài là thật, cớ sao mỗi tùy tự thấy chẳng đồng? Vì vậy sánh biết chỉ tâm tự hiện chẳng phải cảnh giới khác. Các bậc Cổ đức nói: "Bồ-tát từ lúc mới chánh tin bắt đầu phát tâm, tức quán tự tánh bản thức thể của nhân quả duyên khởi, được thành chánh tín. Nên trong luận Nhiếp Đại Thừa nói: "Được bản thức kia nói Bồ-tát mới khởi, nên trước quán các pháp như thật nhân duyên", là nghĩa đây vậy. Như thật là, không gì chẳng phải một tâm, ngoài ra đều là hư vọng. Nếu có kẻ mạnh dẫn vào thẳng, người chóng ngộ viên tin, tức lúc mới phát tâm, bèn thành Chánh giác, chẳng động vị của trần lao, ngồi khắp tất cả đạo tràng. Chẳng phải dời môn của chỗ tập, dạo khắp cõi nước mười phương. Vì thế, trong kinh Pháp Hoa có kệ tụng nói:

"Được thừa như vậy
Khiến các con thấy
Ngày đêm kiếp số
Thường được dạo chơi
Cùng các Bồ-tát
Và chúng Thanh văn

Thừa đây thừa báu
Thẳng đến đạo tràng
Vì nhân duyên đó
Khắp cầu mười phương
Lại không thừa khác
Trừ Phật phương tiện
Nếu năng nương thật
Tu hành quả mãn
Chẳng lìa một niệm".

Như Hoàn Nguyên Quán nói: "Cuộn buông vô ngại, ẩn hiển đồng thời, một khoảng tuyệt thủy chung đó, ra vào mất ở trong ngoài. Tâm mới đầu chánh giác, nhiếp nhiều đời ở sát-na, mười tín đạo tròn một niệm gồm nói Phật địa, tức không sinh hiển bày mà huyễn có lập. Hai tướng hết sạch mà hai sự còn, gồm pháp giới mà gồm một trần, giở một thân mà mười thân hiện".

Hỏi: Đã lấy Thánh giáo chánh lý sánh biết, đã sinh thắng giải muốn vào Thánh vị, duyên cảnh giới nào thân chứng tu hành.

Đáp: Chỉ có nhân không pháp không tức vào quán đây. Nhân pháp vì sao thành không? Vì chỉ có ý ngôn phân biệt, nên trong luận Nhiếp Đại Thừa nói: "Từ nguyện lạc vị cho đến cứu cánh vị, nếu muốn vào Duy thức quán tu gia hạnh, duyên cảnh giới gì? Duyên ý ngôn phân biệt làm cảnh. Lìa đây không riêng có cảnh bên ngoài. Tại sao? Ý ngôn phân biệt đây tợ văn tự nói phô và nghĩa hiển hiện, chỉ có ý ngôn phân biệt, không riêng có danh ngôn. Bồ-tát năng thông đạt gọi là không chỗ có thì lìa trần tà chấp bên ngoài. Lại, nghĩa đây nương danh ngôn chỉ ý ngôn phân biệt. Trước vì dứt trừ danh, từ đây trở xuống nương danh dứt trừ nghĩa. Nghĩa là, tức chỗ sáu thức duyên cảnh lìa sinh không riêng cảnh đây. Danh ngôn đã chỉ nương phân biệt vậy. Nghĩa cũng không riêng có thể. Bồ-tát thông đạt nghĩa không chỗ có, cũng lìa trần tà chấp Bát-nhã ba-la-mật-đa. Lại, danh nghĩa đây tự tánh sai biệt, chỉ giả nói là lượng. Trước đã dứt trừ danh nghĩa. Danh nghĩa đã không tự tánh và sai biệt, làm sao có thể lập. Nếu lìa giả nói không riêng có danh nghĩa tự tánh và danh nghĩa sai biệt. Do chứng thấy hai pháp đây chẳng thể được, nên gọi là thông đạt. Trong Lục Hạnh Pháp, Thiền sư Trí Chỉnh nói: "Bồ-tát Đại thừa chóng ngộ, năng quán Duy thức không không bên ngoài" là nghĩa là quán tướng không chỉ là không giải, tâm làm không giải, không tướng không bên ngoài ấy vậy. Hàng đại căn biết Duy thức thì diệt không giải lìa các duyên quán. Nên trong luận Đại Trí Độ nói:

"Bồ-tát lúc hành Bát-nhã Ba-la-mật, quán khắp các pháp đều không, không cũng là không, diệt các quán được Bát-nhã Ba-la-mật". Lấy văn đây để chứng minh không tướng không bên ngoài đại căn quán trí thì chứng không, không nghĩa là pháp không. Không có đều là vọng thấy, đều là đương thời ý phân biệt làm. Như tâm người khởi thì chỉ thấy người, tâm vi trần khởi thì chỉ thấy vi trần, lúc tâm không khởi thì chỉ thấy không. Cho nên không có đều là tâm làm, nên các phàm Thánh thấy cảnh chẳng đồng, đều là đang lúc ý ngôn có khác. Vì vậy, thế đế mỗi mỗi chỉ có thức, giác không biên bên ngoài, thì gọi là chân đế. Vì hai đế đó chẳng lìa nhau vậy, tức lấy không sinh bên ngoài làm chân đế. Cho nên nếu năng quán thấy Duy thức, tức biết không bên ngoài thì cũng đạt chân. Lúc đạt chân đây, thì không giải bên ngoài, bèn dứt trừ tục đế tâm của dối chấp. Nên trong luận Nhiếp Đại Thừa nói: "Biết trần không chỗ có, thông đạt chân, biết chỉ có thức, thông đạt tục. Nếu chẳng thông đạt tục, không do đâu năng được thấy chân, vì lìa tục không chân vậy. Nếu chẳng thông đạt chân, không do đâu dứt trừ tục, vì tục không riêng biệt thể vậy. Do đó, thông đạt chân tục do năng giải lý Duy thức vậy". Dùng năm đây để chứng minh quán Duy thức là, tức đạt hai đế, năng dứt trừ vọng tâm, tuy là căn cứ thật Duy thức không cảnh, xứng tình thì có phàm Thánh lớn nhỏ. Nghĩa là nếu thấy trần, ý cho là người, như ý ngôn đây thì là phàm phu. Nếu quán thân đây, ý cho là trần, như ý ngôn đây thì là Nhị thừa. Nếu quán tế trần, ý cho là thể không, như ý ngôn đây thì là tiểu Bồ-tát. Nếu quán không có biết đều là ý ngôn tức là Đại Bồ-tát thừa. Nên các chúng sinh tuy đều Duy thức, ý ngôn chẳng đồng nên phàm Thánh mỗi khác. Nên người đối đãi căn biết Duy thức là luôn quán tự tâm ý ngôn làm cảnh. Lúc mới quán đây tuy chưa thành Thánh, phân biết ý ngôn thì là Bồ-tát. Nên trong luận Nhiếp Đại Thừa nói: "Mới đầu tu quán thì là phàm phu Bồ-tát. Các thứ đây năng quán pháp không sâu mầu, tức cũng từng trải qua từng trải qua Tiểu thừa quán lại, chẳng phải là chẳng hiểu chúng sinh không ngã". Một qua tức năng chóng thấy pháp không, nên trong luận Nhiếp Đại Thừa nói: "Nếu được pháp không ngã hẳn trước được nhân không ngã". Nên biết học đại cốt yếu trước từ tiểu, tuy là từ tiểu nhanh chậm riêng biệt, nghĩa là quán sinh không chấp làm cùng cực, sau quán tướng không, tiến học gọi là chậm, nếu có tập lâu, biết tiểu chẳng phải cùng cực, tức giải không không gọi là chóng ngộ, tuy biết ngoài tâm không cảnh, nhưng lúc vào quán cũng từ trần khởi. Vì sắc trần đó chỉ Phật chẳng thấy, vì Phật thường chứng Duy thức không cảnh, vọng tưởng hết vậy, chẳng thấy

trần bên ngoài vậy. Luận kia nói: Như Lai thường chẳng xuất quán nên vắng lặng. Nếu Đại Bồ-tát lúc vào chân quán thì biết Duy thức cũng chẳng thấy trần vậy. Luận kia nói: Bồ-tát nếu vào quán không phân biệt, tất cả trần chẳng hiển hiện. Dùng văn đây chứng minh nên biết Đại Thánh lúc vào chân quán đều chẳng thấy sắc. Ngoài ra, Thánh phàm chớ hỏi lớn nhỏ. Chưa vào không quán thì đều thấy trần, hàng đại căn xuất quán tuy vọng thấy trần, nếu lúc vào quán thì biết Duy thức, vì tự biết đó vọng làm trần giải, không trần có thể phá, bèn chứng Duy tâm, nếu năng quán Trung rõ biết Duy tâm, sau tuy xuất quán vọng thấy tự tha, lúc sau đó lại tư duy biết tự vọng thấy, chẳng đồng phàm tiểu định chấp có bên ngoài, cho đến quán không còn thấy năng sở, nên luận kia nói: Bồ-tát dùng trí hậu đắc không phân biệt quán tướng nhân quả đây, nhưng không điên đảo, chẳng chấp có trần bên ngoài căn bên trong, chỉ thức là thật có pháp, nên biết hàng đại căn một chứng Duy tâm, sau đó tuy xuất quán chẳng chấp có bên ngoài. Nếu lúc quán tự tâm vọng thấy cảnh thì biết chúng sinh mỗi mỗi chỉ có thức. Nên Đại Bồ-tát cho đến Phật lại thường biết chúng sinh tâm vọng thấy nghĩa là biết chúng sinh hoặc làm danh giải. Danh thì là phàm ý ngôn phân biệt, tình nghĩa là tợ danh tự bên ngoài hiển hiện, lý là tâm làm, là tướng tự tâm, hoặc làm chỗ dưới sinh nói pháp giải, pháp nghĩa thì là ý ngôn phân biệt, tình nghĩa là có pháp nghĩa bên ngoài hiển hiện. Lý thật pháp nghĩa cũng là tướng tâm. Nên luận kia nói: Mười hai bộ loại kinh đó gọi là giáo, chỗ mười hai bộ loại kinh phân tích đó gọi là lý, tướng tâm tợ đây giáo hiển hiện. Dùng văn đây chứng minh, cảnh giới chỗ duyên thảy đều tâm làm, gọi là tướng tâm, chỉ tướng tâm đây cũng gọi là ảnh tâm, cũng gọi là thức tướng và cảnh giới thức. Chủng các phàm tiểu nghĩa là cùng tâm khác. Lý không riêng biệt thể, thật chỉ một thức. Nên luận kia nói: Duy thức chẳng vượt ngoài hai pháp: Một tướng thức; hai kiến thức, tợ trần hiển hiện gọi là tướng, nghĩa là cảnh sở duyên, tợ thức hiển hiện gọi là kiến, nghĩa là thức năng duyên, định tâm cũng vậy. Hiển hiện tợ trần, nghĩa là khác định tâm, một phần tợ thức, một phần tợ trần. Hai đây thật chỉ là thức. Dùng văn đây chứng minh, cảnh giới tướng thức tức tâm không riêng biệt, chỉ tình vọng thấy. Vì đó chỉ là vọng niệm làm vậy, tức đây là tướng thức cũng gọi là tướng kết, nên luận kia nói: Kết có hai thứ: Một, tướng kết; Hai, thô trọng kết. Tướng kết khó giải, thô trọng kết khó diệt. Tâm phân biệt trần gọi là tướng kết. Do phân biệt đây khởi các hoặc dục sân v.v... gọi là thô trọng kết. Nếu được trí không phân biệt tức giải tướng kết. Tướng kết chẳng khởi, thô

trọng tức tùy diệt. Dùng văn đây chứng minh, cảnh là tướng kết, phàm tiểu mê chấp, gọi là khó giải, cho nên các pháp danh đó và nghĩa đều là tâm làm, phàm tiểu chẳng biết, lý thật chỗ vô thủy duyên danh nghĩa, thường là phàm phu ý ngôn phân biệt, nên luận kia nói: Phàm phu từ gốc lại, ý ngôn phân biệt có hai thứ: Một tợ danh, hai tợ nghĩa. Danh nghĩa nhiếp tất cả pháp đều hết. Danh nghĩa đây chỉ là chỗ ý ngôn phân biệt làm, lìa đây không riêng có các pháp khác. Dùng văn đây chứng minh, nên biết phàm phu vọng thấy cảnh giới hoặc danh hoặc nghĩa đều là ngay lúc ý ngôn phân biệt, như ăn lang đãng, vọng thấy lửa kim, căn cứ vọng tình kia ý cho là thật, chẳng biết vọng thấy cho là có lửa bên ngoài, căn cứ thật chỉ là ý làm lửa giải. Lửa thì chỉ là ý ngôn phân biệt, cho là có danh lửa. Danh là ý ngôn cho là có sự lửa, sự là ý ngôn chúng sinh vọng thấy tự tâm tha thân địa, thủy, hỏa, phong v.v... đều cũng tợ kia. Tuy là căn cứ thật nghĩa chỉ thức không ngoài khác, căn cứ phàm vọng tình cho là có năng sở. Nên luận kia nói: Nghĩa Duy thức chẳng mất, cũng chẳng không có nghĩa năng thủ sở thủ, tuy là căn cứ tình cho là có trong ngoài, lý chỉ một tâm, không riêng có trần thể, nêu luận kia nói: Chỗ thức biến khác tuy có trong ngoài sự tướng chẳng đồng, thật chỉ một thức, không có thể trần v.v... riêng biệt. Nên biết tự tha sự tướng trong ngoài chỉ là một tâm chuyển biến vọng giải, nên các Đại Thánh biết sinh vọng thấy, tự luôn chẳng thấy, phàm chỗ thấy cảnh là như người chẳng ăn lang đãng, chỉ thấy người khác vọng thấy lửa kim, tự chẳng thấy sự lửa trong không, Phật biết Duy thức. Sự đó tợ đây, nên chẳng đồng phàm vọng thấy cảnh giới, vì sinh vọng thấy vốn không trần bên ngoài, cho nên Như Lai luôn chẳng thấy sắc, chỉ phàm là Thánh có thấy chẳng thấy, chỉ chân khác vọng chớ chẳng Duy thức. Phàm Duy thức ngay là vọng tâm vậy. Trong luận Duy thức có kệ tụng nói:

"Duy thức không cảnh giới
Không trần hư vọng thấy".

Nếu Phật Duy thức chỉ có chân tâm, nên trong luận Nhiếp Đại Thừa nói; "Chư Phật Như Lai hành xứ chỉ có chân thức, ngoài ra không thức nào khác. Dùng văn đây chứng minh, Phật không thức vậy, nên chẳng đồng phàm vọng thấy cảnh bên ngoài, vì thật Duy thức vốn không bên ngoài vậy, nghiệp chẳng đồng là, một chất khác thấy, như người thấy nước, quỷ thấy là lửa, cá cho là nơi ở, trời lấy làm đất. Lại như Xá-lợi-phất vọng thấy cõi uế, Bồ-tát Loa Kế tức đây thấy tịnh. Nếu khiến thật có nước lửa uế tịnh, đồng xứ phòng ngại nhau chẳng được hòa hợp, vì mỗi vọng thấy bằng không bên ngoài vậy nhiều tâm cộng

xứ được làm giải riêng. Nếu các chúng sinh đồng nghiệp là, vọng thấy thì đồng lại không giải riêng, đồng nghiệp đây là thay đổi nhau làm nhân. Vọng tưởng thấy nghe chỉ tâm duyên hợp, nên trong luận Duy Thức nói: "Tất cả chúng sinh hư vọng phân biệt tư duy nhớ nghĩ kia nói ta nghe, nương người trước kia nói là ý thức, người ở đây nghe là ý thức, khởi tâm như vậy, kia nói ta nghe, mà thật không có cảnh giới trước kia. Kệ tụng đó nói đắp đổi cộng tăng thượng nhân tâm kia đây duyên hợp. Dùng văn đây chứng minh, nghiệp tương do là đắp đổi hỗ tương làm nhân, mỗi vọng thấy nghe, vì sáu đường đó đều tâm duyên hợp. Ba cõi thì là Duy tâm chuyển làm, nên trong kinh Thập Địa nói: "Ba cõi hư vọng chỉ một tâm làm". Luận tự giải thích rằng: Một tâm làm là, Duy tâm chuyển vậy, nên biết ba cõi đồng thấy riêng thấy đều là tự tâm chuyển biến giải khác. Đồng thấy nghe là, tuy tâm duyên hợp, tâm không hình tướng luôn chẳng phải trong ngoài. Nếu cho là ngoài tâm có tha tâm là, thì là vọng giải, thật không thức bên ngoài. Nên trong luận Duy Thức nói: "Mà thật không có thức bên ngoài có thể thủ". Cho đến hàng Nhị thừa biết tha tâm là, cho rằng có thức bên ngoài, cũng bèn là vọng. Nên luận kia nói: Hư vọng phân biệt tâm đây biết tâm kia, tâm kia biết tâm đây. Dùng văn đây chứng minh, thật không thức bên ngoài, ngay là phàm tiểu vọng làm giải bên ngoài. Nên luận kia nói: Trí tha tâm là chẳng như thật biết. Tại sao? Vì tự tâm bên trong hư vọng phân biệt lấy làm tha tâm. Chẳng năng rõ biết. Hỏi: Nếu nói phàm tiểu làm giải tha tâm, cớ sao được cùng tha tâm tương ưng? Giải thích: Do trước phương tiện tưởng làm tha giải, tợ tha giải nên được cùng tương ưng. Phàm tiểu chẳng biết tự làm tha giải, bèn cho rằng nay ta biết tâm người khác, tuy làm tha giải được cùng tương ưng, nghĩa là có năng sở, còn chẳng phải thât biết, nên luận kia nói: Trí tha tâm thế gian là, ở hai pháp kia chẳng như thật biết, vì kia năng thủ có thể thủ cảnh giới hư vọng phân biệt vậy. Dùng các văn đây v.v... chứng minh không thức bên ngoài, nên làm giải bên ngoài đều chẳng phải thật biết. Nếu quán tâm thức vốn không hình tướng, chẳng phải kia chẳng phải đây không lại không đi, chẳng nương giải bên ngoài, lúc dứt phân biệt thì là thật biết tất cả sinh tâm. Nên trong luận Đại Trí Độ nói: "Nếu tất cả chúng sinh tâm tâm số pháp tánh thật có chẳng hư dối là, Phật chẳng năng biết tâm tâm số pháp của tất cả chúng sinh. Vì tất cả chúng sinh tâm tâm số pháp tánh thật hư dối không đến không đi, nên Phật năng biết tâm tâm số pháp của tất cả chúng sinh. Thí như Tỳ-kheo tham cầu chẳng được cúng dường, không chỗ tham cầu thì không chỗ thiếu ngắn, ngoài tâm

như vậy. Nếu phân biệt thủ tướng thì chẳng được thật pháp. Vì chẳng được thật pháp nên chẳng năng thông đạt biết tâm tâm số pháp của tất cả chúng sinh. Nếu chẳng thủ tướng, không chỗ phân biệt thì được thật pháp, nên năng thông đạt biết tâm tâm số pháp của tất cả chúng sinh không chỗ trở ngại". Dùng văn đây chứng minh tâm không đi lại, Phật biết không bên ngoài xứng thật năng biết, chẳng đồng phàm tiểu. Trí tha tâm là hướng duyên bên ngoài còn tạp vọng thức. Nên trong luận Duy Thức có kệ tụng nói:

"Tha tâm biết ở cảnh
Chẳng như thật hay biết
Vì chẳng lìa thức cảnh
Chỉ Phật như thật biết".

Dùng văn đây chứng minh, Phật biết Duy thức tự làm tha giải, không bên ngoài có thể thủ, vì biết tự tâm làm các tâm giải, trọn đoạn tâm hướng bên ngoài phân biệt. Trong kinh Nhập Lăng-già nói; "Như thật biết tất cả các pháp chỉ là tự tâm, cho nên chẳng sinh tâm phân biệt". Dùng văn đây chứng minh, Phật biết tha tâm tức là tự tâm, lìa phân biệt bên ngoài, chỉ duyên tự tâm, ý ngôn làm cảnh, vì các chúng sinh tâm thức vô biên, mỗi mỗi giải khác sai biệt khó lường, Phật lìa niệm bên ngoài, một tâm biết khắp, như nước chẳng động môn ảnh tượng hiện ở trong. Một tâm Phật đây lúc biết các tâm, một làm nhiều giải, nhiều tức là một như một nước kia chiếu khắp muôn ảnh tượng, tuy tức một nước mà cùng muôn tượng bên ngoài nước tương ưng. Phật tâm cũng vậy, chiếu khắp tha tâm, tuy là một tâm làm các tâm giải mà cùng tất cả tha tâm tương ưng, do tu học lâu Duy thức quán thành, nên lìa niệm bên ngoài mới năng biết khắp. Nên trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng nói:

"Ma-hê-thủ-la trí tự tại,
Long vương biển lớn lúc phun mưa
Đều năng phân biệt số giọt đó
Ở trong một niệm đều rõ ràng
Vô lượng ức kiếp siêng tu học
Được trí Bồ-đề Vô thượng đó
Cớ sao thường ở trong một niệm
Chẳng biết tâm tất cả chúng sinh?"

Nên biết chư Phật niệm niệm biết khắp, đây tức là Phật ý ngôn phân biệt, tuy lúc biết Thế đế mỗi duy thức, riêng biết các tâm là Phật phân biệt, căn cứ luôn tự giác chỉ tự ý ngôn, lìa niệm bên ngoài là

không phân biệt. Nên các bậc Đại trí quán Duy thức là, lúc duyên tự ý ngôn biết Thế đế, tức cũng đạt chân, lìa phân biệt bên ngoài. Cho nên Đại thừa từ phàm đến Phật, đều quán tự tâm ý ngôn làm cảnh, thì biết bên ngoài tâm không riêng có tha tâm. Tâm phàm Thánh v.v... tuy chẳng phải trong ngoài nhưng có nhân duyên làm tha biến là, như trong kinh Duy-ma nói: "Tức thời Thiên nữ dùng lực thần thông biến Xá-lợi-phất khiến như Thiên nữ, Thiên nữ tự hóa thân như Xá-lợi-phất". Biến Xá-lợi-phất đây khiến tâm khác thấy, chẳng phải có riêng thân cải hình đổi chất, trong tâm chúng sinh tu thắng hạnh, thì trong có không vọng thấy nghiệp Phật, do có thắng nghiệp cảm thần lực Phật, khiến tâm biến khác tợ thấy tha thân. Nên trong luận Nhiếp Đại Thừa nói: "Ở tha trong địa vị tu hành, do lực tự tại bản nguyện của Phật, nên thức kia tợ chúng sinh biến khác hiển hiện, nên gọi là biến hóa thân". Dùng văn đây chứng minh, Đức Như Lai hóa thân như Thích-ca v.v... đều là phàm tiểu tự tâm biến làm. Vì vọng thấy Phật thành đạo giáo hóa chúng sinh, sau lại vọng thấy Như Lai diệt độ, vòng thấy đây là do Phật biến, nên luận kia nói: Bồ-đề Niết-bàn là hai, chỉ biến khác tha tâm, khiến tha làm hai. Thể thật chẳng có. Dùng văn đây chứng minh, Phật biến tha tâm khiến vọng thấy Phật, ngoài tâm không Phật. Căn cứ các pháp phàm tiểu chẳng biết vọng thấy, cho là bên ngoài có Phật lại độ chúng sinh, nên trong kinh có kệ tụng nói:

"Phật chẳng được Phật đạo
Cũng chẳng độ chúng sinh
Chúng sinh cưỡng phân biệt
Làm Phật độ chúng sinh".

Nên trong luận Nhiếp Đại Thừa nói: "Do thức hành nhân quán làm tăng thượng duyên, nên thức các người khác biến khác như hành nhân quán, nguyện lực hiển hiện. Nên biết định không trần bên ngoài chỉ có bản thức. Dùng văn đây chứng minh, thấy Thánh giáo hóa là đều do Phật lực làm tăng thượng duyên. Nên luận kia nói: Bồ-tát hạnh cạt cợt muốn làm sự lợi ích chúng sinh, ở hiện tại trước phát nguyện xong tức vào chân quán, chỉ do lực bản nguyện tùy chỗ muốn làm tất cả đều thành. Nếu Thanh văn v.v... được cửu định tự tại, nhân định tự tại đây được sáu thông tự tại, ở trong một vật, tùy lực nguyện lạc mỗi năng biến khác làm vô lượng chúng. Nếu các trần thật có tự tánh, sự đây thì chẳng được thành. Dùng văn đây chứng minh, vốn không cảnh bên ngoài, Thánh lực khiến tha không thấy hóa bên trong, vì đều vọng thấy, không cảnh bên ngoài vậy. Nếu nhiều Thánh nhân đồng xứ biến vật,

mỗi mỗi tùy ý thành cũng chẳng ngại nhau, nên luận kia nói: Ở trong một vật hoặc nhiều hành nhân quán, riêng nguyện đồng năng biến khác một cảnh. Biến khác đây được thành. Tại sao được thành? Tùy ý kia thành, nên thật không cảnh bên ngoài, chỉ có thức vậy, nên mỗi mỗi tùy ý kia được thành. Dùng văn đây chứng minh, ở trong một xứ nhiều Thánh biến hóa, tùy ý mỗi riêng biệt, khiến các chúng sinh thấy cảnh mỗi riêng khác. Hòa mà chẳng đồng, tham mà chẳng loạn, nghĩa đây rất sâu mầu, hàng đại căn mới biết. Nên từ Phật trở lại đều quán Duy thức, nên luận kia nói: Từ nguyện lạc vị cho đến cứu cánh vị, thông gọi là Duy thức quán. Dùng văn đây chứng minh, Đại thừa vào đạo đồng quán Duy thức, dần sáng đến Phật, nói quán Duy thức nguyện lạc vị là, nghĩa là theo thầy bạn nghe nói Duy thức tức năng giải hiểu, tâm sinh nguyện lạc. Do có nguyện lạc, lúc học tư lương tức là người Đại thừa nguyện lạc vị. Nên luận kia nói: Các Bồ-tát chỉ do Đức nghe tất cả pháp chỉ có thức, nương giáo đây tùy nghe khởi tâm tin vui, ở trong lý tất cả pháp Duy thức, ý ngôn phân biệt sinh, do nguyện lạc ý ngôn phân biệt đây nên nói Bồ-tát đã vào Duy thức quán, làm biết như vậy, gọi là vào Duy thức nguyện lạc vị. Dùng văn đây chứng minh, học quán Duy thức tức là Bồ-tát đại căn vào đạo. Từ trước đến đây tổng nói Đại Tiểu vào đạo cạn sâu tuy riêng biệt nhưng đều chỉ tu tuệ, dùng tuệ đó quán là thể chánh đạo, nếu chẳng tu quán thì các hạnh khác đều quấy. Đây nói rõ tuệ quán là vào đạo thể, như nói ở trước, nếu rõ tất cả cảnh giới, chỉ là ý ngôn phân biệt, thì ý không chỗ nghĩ, miệng không chỗ nói, phan duyên đã dứt, danh tướng tức không, diệu minh chân tâm từ đây vạch bày, nên được dứt đường trần lao khô sông sinh tử, niệm niệm ngầm chân, tâm tâm hợp đạo. Do đó trong kinh Kim Cang Tam-muội nói: “Phật dạy: Pháp thiện và bất thiện từ tâm hóa sinh, tất cả cảnh giới ý ngôn phân biệt, chế đó một xứ các duyên đoạn diệt. Tại sao? Một gốc chẳng khởi, ba dụng chẳng làm trú ở như lý, cửa sáu đường dứt.

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 87

Phàm, môn của vào đạo, chạm đường đều là chọn lựa cốt yếu, phân biệt không vượt ngoài bốn môn. Nay căn cứ bốn giáo của Thiên thai là Tạng, Thông, Biệt, Viên mỗi mỗi có bốn môn vào đạo. Bốn môn của ba giáo trước rộng ở thuyết kia, nay dẫn bốn môn của Viên giáo, kham đáng vào đạo: Một, môn có; Hai, môn không. Ba, môn cũng có cũng không. Bốn môn chẳng phải có chẳng phải không. Trong luận Chỉ Quán nói: Bốn môn của Viên giáo diệu lý chóng nói, khác với hai giáo Tạng Thông trước, viên dung vô ngại, khác với Biệt giáo rõ ràng riêng biệt, nếu môn đó có tức giả, cậy ở có lấy làm nói đầu mối, mà môn có đây cũng tức ba môn một môn vô lượng môn, vô lượng môn một môn, chẳng phải một chẳng phải bốn mà nói một bốn, đây là tướng Viên môn vậy. Nếu có là môn, tức có của sinh tử, là có của thật tướng, tất cả pháp thú hướng có, có tức pháp giới, vượt ngoài pháp giới không pháp có thể luận. Sinh tử tức Niết-bàn, Niết-bàn tức sinh tử, không hai không riêng biệt, nêu có làm môn đầu tiên thật đủ tất cả pháp viên thông vô ngại, đó gọi là môn có. Ba, môn kia cũng vậy, môn đây vi diệu chẳng thể nghĩ bàn, đâu đồng như Tạng Thông dụng độ mà chỉ không. Biệt giáo chẳng dung mà cách biệt. Lại bốn môn của Viên giáo đều diệu không thô. Nếu môn có pháp giới gồm tất cả pháp so sánh lại ba môn, môn không tức là pháp giới gồm tất cả pháp, so sánh lại ba môn, hai môn kia cũng vậy, pháp tướng bình đẳng không có hơn kém nếu vậy, không khác của bốn môn chỉ nhân thuận căn cơ đến duyên bốn thuyết như bốn ngón tay chỉ một vầng trăng. Trăng một ngón tay bốn. Lại như Tạng Thông Biệt Viên bốn giáo, như bốn điểm giữa không trung, tuy bốn điểm tợ riêng biệt mà chẳng vượt ngoài một không, tuy bốn ngón tay chẳng đồng mà chỉ một vầng trăng. Một, môn có là, quán kiến tư giả, tức là pháp giới đầy đủ Phật pháp. Lại các pháp tức là pháp tánh nhân duyên, cho đến Đệ nhất nghĩa cũng là nhân duyên. Trong Đại Kinh nói: “Nhân diệt vô minh tức được đốt sáng đèn Tam-bồ-đề”. Đó gọi là môn

có; Hai, môn không là, quán huyễn hóa kiến tư và tất cả pháp, chẳng tại nhân chẳng thuộc duyên. Ta và Niết-bàn là hai đều không, chỉ có không bệnh, không bệnh cũng không, đây tức ba đế đều không vậy; Ba, môn cũng có cũng không, huyễn hóa kiến tư tuy không chân thật, phân biệt giả danh thì chẳng thể hết, như trong một vi trần có đại thiên quyển kinh, ở Đệ nhất nghĩa mà chẳng động, khéo năng phân biệt tướng các pháp, cũng như đại địa. Một năng sinh các thứ mầm, trong không danh tướng giả nói danh tướng, cho đến Phật cũng chỉ có danh tự. Đó là môn cũng không cũng có; Bốn, môn chẳng phải có chẳng phải không, quán huyễn hóa kiến tư tức là pháp tánh, pháp tánh chẳng thể nghĩ bàn, chẳng phải thế tục nên chẳng phải có, chẳng phải xuất thế tục nên chẳng phải không, một sắc một hương không gì chẳng phải là trung đạo, một trung tất cả trung, Tỳ-lô-giá-na khắp tất cả xứ, đâu có kiến tư mà không phải thật pháp. Đó gọi là môn chẳng phải có chẳng phải không, cớ sao? Một môn tức là ba môn, một môn còn là tất cả pháp, sao chỉ ba ư. Tại sao như vậy? Quán chỗ nhân duyên sinh pháp, là môn thứ nhất, tất cả đều là môn thứ nhất, môn thứ nhất tức không, một không tất cả không, tức là môn thứ hai. Môn thứ nhất đây tức giả, một giả tất cả giả tức là môn thứ ba. Môn thứ nhất đây tức trung, một trung tất cả trung, tức là môn thứ tư, môn thứ nhất tức là ba môn, ba môn tức là một môn, chỉ nêu một môn làm danh, tuy có bốn danh, mà lý không cách biệt, tức là bốn môn của Viên giáo. Chánh là chỗ dụng của nay vậy. Nếu vậy sao dùng các thứ phân biệt từ trước lại. Chỉ phàm tình ám độn chẳng nói chẳng biết, trước dẫn dụ khai mở đó, sau vào chánh đạo. Như trong kinh Pháp Hoa nói: "Tuy nói các thứ đạo, kỳ thật là một thừa". Nếu được ý đây trọn ngày phân biệt không chỗ phân biệt. Niết-bàn gọi là lại có một hạnh là Như Lai hạnh, Pháp Hoa gọi là bỏ ngay phương tiện chỉ nói đạo Vô thượng. Đại phẩm gọi là Nhất thiết chủng trí biết tất cả pháp, Tịnh Danh gọi là rừng Chiêm-bặc chẳng ngửi các mùi hương khác, Hoa Nghiêm xưng là pháp giới, tức là ý bốn môn đây vậy, nên biết nếu rõ một, tu hành nhân quả tròn đầy, giống như đất, nơi muôn vật sinh ra vậy, giống như biển, chỗ các báu nhóm tụ vậy, giống như xe năng chuyên chở vậy, giống như thành khéo phò hộ vậy, cho nên trong kinh Đại Niết-bàn nói: "Phật dạy: Ta vì Tu-đạt mà giảng nói: Trưởng giả! Tâm là thành chủ. Trưởng giả! Nếu chẳng hộ tâm, thì chẳng hộ thân miệng". Lại, trong kinh Hoa Nghiêm, phẩm Nhập Pháp Giới nói: "Mắt báu thần chủ thành quyến thuộc vây quanh, ở trong hư không mà hiện thân đó, các thứ diệu vật dùng làm nghiêm sức, tay cầm vô

lượng các hoa sắc báu, để tung rải nơi Đồng tử Thiện Tài, mà nói: Này thiện nam! Nên thủ hộ thành tâm, nghĩa là chẳng tham tất cả cảnh giới sinh tử, nên trong nghiêm thành tâm, nghĩa là chuyên ý thú cầu mười lực của Như Lai, nên tịnh trị thành tâm, nghĩa là rốt ráo đoạn trừ xan tật siểm cuống, nên trong mát thành tâm, nghĩa là tư duy thật tánh tất cả các pháp, nên tăng trưởng thành tâm, nghĩa là hoàn tất tất cả pháp của trợ đạo, nên nghiêm sức thành tâm, nghĩa là tạo lập cung điện các thiền giải thoát. Nên chiếu diệu thành tâm, nghĩa là vào khắp tất cả đạo tràng của chư Phật nghe thọ pháp Bát-nhã Ba-la-mật. Nên tăng ích thành tâm, nghĩa là gồm khắp tất cả đạo phương tiện của chư Phật, nên kiên cố thành tâm, nghĩa là luôn siêng tu tập hạnh nguyện Phổ Hiền, nên phòng hộ thành tâm, nghĩa là thường chuyên ngự chống bạn ác quân ma. Nên rỗng suốt thành tâm, nghĩa là mở dẫn tất cả ánh sáng trí Phật. Nên khéo bù đắp thành tâm, nghĩa là nghe thọ tất cả giáo pháp Phật nói. Nên phù trợ thành tâm, nghĩa là tin sâu biển công đức của tất cả chư Phật, nên rộng lớn thành tâm, nghĩa là đại từ khắp đến tất cả thế gian, nên khéo che chở thành tâm, nghĩa là nhóm tập các thiện pháp che chở trên đó, nên thoáng rộng thành tâm, nghĩa là đại bi xót thương tất cả chúng sinh, nên mở thông thành tâm, nghĩa là đều xả chỗ có tùy ứng cấp thí, nên mật hộ thành tâm, nghĩa là phòng ngăn các ác dục chẳng khiến được vào. Nên nghiêm túc thành tâm, nghĩa là đuổi các ác pháp chẳng khiến nó trú. Nên quyết định thành tâm, nghĩa là nhóm tập tất cả trí pháp của trợ đạo, luôn không lùi chuyển, nên an lập thành tâm, nghĩa là chánh niệm ba đời tất cả Như Lai chỗ có cảnh giới, nên sáng suốt thành tâm, nghĩa là rõ thấu chánh pháp luân của tất cả chư Phật trong Tu-đa-la chỗ có pháp môn các thứ duyên khởi. Nên bộ phận thành tâm, nghĩa là hiển bày khắp tất cả chúng sinh khiến đều thấy đạo Tát-bà-nhã. Nên trú trì thành tâm, nghĩa là phát các biển Đại nguyện của tất cả Như Lai. Nên giàu sang thành tâm, nghĩa là nhóm tập tất cả tụ phước đức lớn khắp cùng pháp giới. Nên khiến thành tâm sáng rõ, nghĩa là biết khắp chúng sinh các pháp căn dục v.v... nên khiến thành tâm tự tại, nghĩa là gồm khắp mười phương pháp giới. Nên khiến thành tâm thanh tịnh, nghĩa là chánh niệm tất cả chư Phật Như Lai. Nên biết tự tánh thành tâm, nghĩa là biết tất cả pháp đều không có tánh. Nên biết thành tâm như huyễn, nghĩa là dùng Nhất thiết trí rõ tánh các pháp. Phật tử! Vị Đại Bồ-tát nếu năng tịnh tu thành tâm như vậy thì năng tích tập tất cả thiện pháp. Giải thích: Phàm, Thánh là năng phòng ngừa giặc bên ngoài, hộ nước an dân, bền chắc cứng mạnh tức không các hoạn,

huống gì thành tâm phải hộ mật giữ cửa ải, không khiến các duyên ma giặc sáu trần bên ngoài xâm vào, kết phiền não gian thần bên tù, rộng đủ sự trang nghiêm, bèn được bốn cửa không kẹt, một đường thường thông, lực địch cả đại thiên, oai tỏa khắp pháp giới, có thể dùng để vỗ về dẫn dắt kẻ yếu mất, gồm hóa không sót, nhiếp phục ngoại ma trọn bền chắc nền tảng chân thật vậy. Trong Hoa Nghiêm Sớ nói: "Thành có ba nghĩa: Một, phòng giặc bên ngoài; Hai, nuôi dưỡng mọi người; Ba, mở cửa dẫn gồm". Nay nói thành pháp, thông giáo lý hạnh quả, hạnh khế lý giáo, thì không gì chẳng đều nghiêm vậy, mỗi mỗi có ba nghĩa, nghĩa là rõ tánh không của thành tâm thì các hoặc chẳng vào, thấy hằng sa tánh đức thì muôn hạnh bèn tăng, đạo không gì chẳng thông thì tự tha dẫn gồm bèn năng khế hợp quả, tuyệt trăm quấy để thành giải thoát, dưỡng các đức để toàn pháp thân, mở Bát-nhã mà không gì chẳng thông vậy, mới hiển bày thành giáo không quấy, nuôi dưỡng chỗ phân tích yếu chỉ, câu câu thông thần có nhiều nghĩa đó vậy. Trong Tịnh Danh có nói: "Phật pháp như thành năng vì hành nhân phòng quấy cản địch, nên gọi là thành, nếu hộ Phật pháp tức là hộ thành". Lại, pháp ấm giới nhập tức không. Lý của tức không gọi là Niết-bàn, chúng sinh là vương mà chủng tánh đầy đủ hằng sa Phật pháp, như người vật trong thành vậy. Lập tất cả chúng sinh tức Đại Niết-bàn, tức tướng Bồ-đề. Chỉ diệu lý đây, ngoài ra là chỗ muốn hoại của Thiên ma ngoại đạo, bên trong là chỗ xâm lấn thông biệt kiến tư, Bồ-tát vì hộ chúng sinh vốn có thành của Niết-bàn, chẳng khiến vọng khởi các ái kiến vậy.

Hỏi: Báu lớn Thánh nhân gọi là vị, nếu không vị thứ tức là Thiên ma ngoại đạo, đã có tin vào phải nhờ mài luyện ở trong môn sơ tâm phương tiện, chứng giải Duy thức, căn cứ chỗ phân của giáo có mấy vị thứ?

Đáp: Có môn năm vị, căn cứ trong luận Duy thức nói: "Đầy đủ hai chủng tánh của Đại thừa, lược ở năm vị, dần dần ngộ vào: Một, bản tánh trú chủng tánh, nghĩa là từ vô thủy lại, nương gá bản thức chỗ pháp nhĩ được pháp nhân vô lậu; Hai, tập chỗ thành chủng tánh, nghĩa là nghe pháp giới đẳng lưu pháp, chỗ đã nghe thành v.v... chỗ huân tập thành, cần đủ Đại thừa hai chủng tánh đây mới năng dần dần ngộ vào Duy thức. Cho đến, cớ sao dần dần ngộ vào Duy thức? Nghĩa là các Bồ-tát đối với tánh tướng của thức trong tư lương vị, năng tin hiểu sâu chắc, tại gia hạnh vị năng dần khuất phục trừ bỏ sở thủ năng thủ dẫn phát chân kiến, tại thông đạt vị, như thật thông đạt. Trong tu tập vị, như chỗ thấy lý, luôn luôn tu tập khuất phục đoạn các chướng khác. Đến

cứu cánh vị, ra khỏi chướng tròn sáng, năng cùng tận vị lai giáo hóa các loại hữu tình, lại khiến ngộ vào tánh tướng Duy thức. Sao gọi là ngộ vào năm vị Duy thức? Một, tư lương vị, có kệ tụng nói:

"Cho đến chưa khởi thức
Cầu trú Duy thức tánh
Ở hai thủ tùy miên
Còn chưa năng phục diệt".

Trong luận nói: Từ phát tâm Bồ-đề sâu chắc, cho đến chưa khởi thuận quyết trạch phần, cầu trú Duy thức chân thắng nghĩa tánh, tể đây đều là tư lương vị gồm thuộc, vì thú hướng vô lượng Chánh Đẳng Bồ-đề, tu tập các thứ thắng tư lương vậy. Vì hữu tình nên siêng cầu giải thoát. Do đây cũng gọi là thuận giải thoát phần. Vị đây, Bồ-tát nương nhân bạn lành tác ý tư lương bốn thắng lực, đối với nghĩa Duy thức tuy tin hiểu sâu, mà chưa năng rõ năng sở thủ không, phần nhiều trí ngoài cửa tu Bồ-tát hạnh, nên ở hai thủ chỗ dẫn tùy miên, còn chưa có công lực năng phục diệt, niệm kia chưa chẳng khởi, hai thủ hiện hành. Hai thủ đây nói hiển bày hai thủ, thủ chấp thủ năng thủ sở thủ tánh. Hai thủ tập khí gọi là tùy miên kia, tùy theo hữu tình miên phục tàng thức, hoặc tùy tăng quá nên gọi là tùy miên, tức là chỗ biết chủng phiền não chướng, phiền não chướng nghĩa là chấp biến kế chỗ chấp thật ngã, Tát-ca-da-kiến mà làm thượng thủ, một trăm hai mươi tám căn bản phiền não và đẳng lưu các tùy phiền não kia, đây đều nhiễu não thân tâm hữu tình, năng chướng Niết-bàn, gọi là phiền não chướng. Sở tri chướng, nghĩa là chấp biến kế chỗ chấp thật pháp, Tát-ca-da-kiến mà làm thượng thủ, kiến nghi vô minh ái nhuế mạn v.v... che lấp cảnh chỗ biết, không tánh điên đảo, năng chướng Bồ-đề, gọi là sở tri chướng. Cho đến Bồ-tát trú trong tư lương vị đây. Hai thô hiện hành tuy có phục đó, mà ở tế và hai tùy miên, bởi lực chỉ quán nhỏ kém chưa năng phục diệt. Vị đây chưa chứng Duy thức chân như, nương lực thắng giải tu các thắng hạnh, nên biết cũng là giải hạnh địa gồm thuộc, cho đến chỗ tu thắng hạnh, nghĩa là phước và trí v.v... Giải thích: Bản tánh trú chủng tánh là, chưa nghe chánh pháp, chỉ chủng vô lậu từ vô thủy tự thành, chẳng từng huân tập khiến nó tăng trưởng gọi là bản chủng tánh. Tánh là thể vậy, tánh là loại vậy, nghĩa là bản tánh thành trú Bồ-tát đây, chủng tử tánh loại sai biệt, chẳng do nay có gọi là bản tánh trú chủng tánh. Bồ-tát Địa nói: Vô thủy pháp nhĩ sáu xứ thù thắng, gọi là bản tánh trú chủng tánh. Tập khổ thành chủng tánh là nghe pháp đây đã qua khiến chủng cũ vô lậu tăng trưởng luôn tập chủng tánh. Bồ-tát Địa nói: Nghe mười hai phần giáo pháp giới đẳng

lưu bình đẳng mà lưu. Lại, pháp giới tánh thiện thuận ác nghịch đủ các công đức, đây cũng như vậy, nên gọi là đẳng lưu. Nương nhân bạn lành, tác ý tư lương bốn thắng lực, là bốn lực trên, trong luận Nhiếp Đại Thừa nói: "Đại thừa trong năng ngộ vào, nghe nhiều huân tập tương tục, đây là nhân lực. Đã được phụng sự vô lượng chư Phật xuất hiện nơi đời tức lực bạn lành. Đã được một hướng quyết định thắng giải, chẳng phải chỗ các bạn ác năng lay động, gọi là lực tác ý, đã khéo tích tập các căn lành v.v... gọi là lực tư lương. Tùy miên, nghĩa là theo đuổi hữu tình thường tại sinh tử, miên phục tạng thức, chẳng hiện xứ khác, nên gọi là tùy miên. Hoặc tùy tăng quá nên gọi là tùy miên, theo đuổi hữu tình, tăng nhiều lỗi lầm vậy, gọi là tùy miên. Tại sao? Miên là nghĩa tăng thêm, như người ngủ say, miên tức là đượm nhiều, nên lỗi lầm tăng là nghĩa tùy miên, tức chủng hai chướng vậy; Hai, gia hạnh vị, có kệ tụng nói:

"Hiện tiền lập ít vật
Gọi là Duy thức tánh
Vì có chỗ được vậy
Chẳng thật trú Duy thức".

Trong luận nói: Bồ-tát trước ở mới đầu vô số kiếp, khéo đầy đủ phước đức trí tuệ tư lương, thuận giải thoát phần đã viên mãn rồi, là vào kiến đạo, trú Duy thức tánh, lại tu gia hạnh phục trừ hai thủ, đó là pháp noãn, đảnh, nhẫn, thế đệ nhất. Bốn đây gọi chung là thuận quyết trạch phần, thuận thú chân thật quyết trạch phần vậy, cho đến Bồ-tát trong bốn gia hạnh đây, còn ở hiện tiền an lập ít vật, đó là Duy thức chân thắng nghĩa tánh. Vì hai tướng không và có kia chưa trừ tướng mang (đới), quán tâm có chỗ được vậy, chẳng phải thật an trú chân Duy thức lý. Tướng kia diệt rồi mới thật an trú, nương nghĩa như vậy, nên có kệ tụng nói:

"Bồ-tát ở định vị
Quán ảnh chỉ là tâm
Nghĩa tưởng đã diệt trừ
Xét quán chỉ tự tưởng
Trú tự tâm như vậy
Biết chỗ thủ chẳng có
Vì năng thủ cũng không
Xúc sau không chỗ được.

Cho đến gia hạnh vị đây chưa dứt trừ tưởng ràng buộc, nơi ràng buộc thô trọng phược cũng chưa năng đoạn, chỉ năng khuất phục trừ bỏ hai thủ phân biệt, trái nghịch kiến đạo vậy, ở câu sinh đó và hai tùy

miên, tâm hữu lậu quán có chỗ được vậy, chưa toàn khuất phục trừ bỏ, toàn chưa năng diệt, cho đến vị đây cũng là giải hạnh địa gồm thuộc, chưa chứng Duy thức chân thắng nghĩa vậy. Giải thích: Bốn gọi chung là thuận quyết trạch phần là, thì gọi là chân thật quyết trạch phần. Quyết trạch là trí, tức trạch pháp, quyết chọn nghi phẩm do dự kia. Chọn lựa kiến phẩm chẳng chọn kia. Phần, là nghĩa chi nhân, tức trạch pháp giác chi. Hiện tiền lập ít vật là. Tâm trên biến như, gọi là ít phần, đây chẳng phải không tướng nên gọi là mang (đới) tướng. Nếu lúc chứng chân, tướng đây bèn diệt, tướng tức là chỗ không chấp tướng; Ba, thông đạt vị, có kệ tụng nói:

"Nếu lúc ở chỗ duyên
Trí đều không chỗ được
Khi ấy trú Duy thức
Lìa tướng hai thủ vậy".

Trong luận nói: Nếu lúc Bồ-tát ở chỗ cảnh khác, trí không phân biệt đều không chỗ được, chẳng thủ các thứ tướng hý luận vậy. Khi ấy mới gọi là thật trú Duy thức chân thắng nghĩa tánh, tức chứng trí chân như cùng chân như bình đẳng bình đẳng, đều lìa tướng năng thủ sở thủ vậy. Tướng năng thủ sở thủ đều là phân biệt, có chỗ được, tâm hý luận hiện vậy. Cho đến trí đây tuy có kiến phần mà không phân biệt nói chẳng phải năng thủ, chẳng phải thủ toàn không, tuy không tướng phần mà có thể nói Đới đây như tướng khởi, chẳng lìa như vậy. Như lúc tự chứng phần duyên kiến phần chẳng biến mà duyên, đây cũng nên vậy. Biến mà duyên, bèn chẳng phải thân chứng, như trí hậu đắc, nên có phân biệt. Nên phải chấp thuận đây có kiến không tướng, gia hạnh không gián đoạn lúc trí đây sinh, thể hội chân như, gọi là thông đạt vị. Mới đầu chiếu lý, nên cũng gọi là kiến đạo, cho đến trước chân kiến đạo chứng Duy thức tánh, sau tướng kiến đạo chứng Duy thức tướng, trong hai đây, trước ưu thắng nên kệ tụng thiên nói. Trước chân kiến đạo trí căn bản gồm thuộc, sau tướng kiến đạo, trí hậu đắc gồm thuộc. Các trí hậu đắc có hai phần ư? Cho đến trí đây hiện thân cõi nước v.v... vì các hữu tình nói chánh pháp vậy, nếu chẳng biến hiện tợ sắc thanh v.v... sao có các sự hiện thân nói pháp v.v... chuyển sắc uẩn nương sắc chẳng hiện là, chuyển bốn uẩn nương nên không thọ v.v... Lại, nếu trí đây chẳng biến tợ cảnh, lìa pháp tự thể, nêu chẳng phải chỗ duyên. Lúc duyên sắc v.v... nên duyên thanh v.v... Lại duyên không pháp v.v... nên không sở duyên duyên. Thể kia chẳng phải thật, không thắng dụng vậy, do đây, hai phần hậu đắc đều có. Giải thích: Nếu trí đây chẳng biến tợ

cảnh, lìa pháp tự thể nên chẳng phải sở duyên là, đã không tướng phần, tâm của tự tha, tha thân cõi nước v.v... Lìa pháp của thể tự mình, chẳng dính ảnh tượng, nên chẳng phải sở duyên duyên, thân ngay chẳng biến kia làm tướng vậy, chẳng đồng chân như. Chân như tức là tự thể trí vậy.

Hỏi: Nếu vậy, chân như nên chẳng phải sở duyên duyên, vì không tợ cảnh tướng?

Đáp: Chẳng phải vậy, tướng của dính như khởi vậy. Lìa pháp tự thể, đã không ảnh tượng, chẳng thể nói dính tướng kia khởi, làm sao nói có sở duyên duyên? Kia đều lìa tự thể vậy. Đã chẳng dính tướng khởi gọi là sở duyên. Lúc duyên sắc v.v... nên duyên thanh v.v... duyên sắc v.v... trí chẳng dính tướng sắc v.v... vậy. Lại duyên không pháp v.v... nên không sở duyên duyên là, chẳng biến, là không tướng, là chỗ kiến duyên vậy, vì không tướng phần, chiếu ngay ở không, không chẳng phải có thể, nghĩa sở duyên duyên làm sao được thành. Do đây nên biết, Phật cũng chẳng năng thân duyên ở không, văn đây lý chứng vậy. Bốn, tu tập vị, có kệ tụng nói:

"Không được chẳng nghĩ bàn
Là trí xuất thế gian
Xả hai thô trọng vậy
Bèn chứng được chuyển y".

Trong luận nói: "Niết-bàn từ trước kiến đạo khởi rồi, vì đoạn trừ chướng, chứng đắc chuyển y, lại luôn tu tập trí không phân biệt. Trí đây xa lìa sở thủ năng thủ, nên nói không được và chẳng nghĩ bàn, hoặc lìa hý luận nói là không được. Diệu dụng khó lường gọi là chẳng nghĩ bàn là xuất thế gian, trí không phân biệt. Đoạn thế gian nên gọi là xuất thế gian. Hai thủ tùy miên là gốc thế gian, chỉ đây năng đoạn riêng được tên xuất. Hoặc xuất thế gọi là nương hai nghĩa lập, nghĩa là thể vô lậu và chứng chân như. Trí đây đủ hai thứ nghĩa đó vậy, riêng được gọi là xuất thế, ngoài ra các trí khác chẳng như vậy, tức trí không phân biệt trong mười địa. Luôn tu đây nên xả bỏ hai thô trọng, chủng tử hai chướng lập danh tánh thô trọng, không kham nhậm, trái ngược tế nhẹ vậy, khiến kia trọn diệt nên gọi là xả bỏ, đây năng xả bỏ hai thô trọng kia vậy, bèn năng chứng đắc chuyển y rộng lớn, y nghĩa là sở y, tức y tha khởi. Cùng pháp nhiễm tịnh làm sở y vậy. Nhiễm, nghĩa là hư vọng Biến kế sở chấp. Tịnh nghĩa là chân thật, tánh viên thành thật. Chuyển nghĩa là hai phần chuyển xả chuyển được, do luôn tu tập trí không phân biệt đoạn hai chướng thô trọng trong bản thức, năng chuyển xả bỏ Biến

kế sở chấp trên y tha khởi và năng chuyển được tánh viên thành thật trong y tha khởi. Do chuyển phiền não được Đại Niết-bàn, chuyển sở tri chướng chứng Vô thượng giác, thành lập Duy thức, ý vì hữu tình chứng được hai quả chuyển y như vậy. Hoặc y tức là sở y của Duy thức chân như sinh tử Niết-bàn. Phàm ngu điên đảo mê chân như đây, nên từ vô thủy đến nay chịu khổ sinh tử. Thánh giả lìa điên đảo ngộ chân như đây bèn đắc Niết-bàn cứu cánh an lạc. Do luôn tu tập trí không phân biệt, đoạn hai chướng thô trọng trong bản thức, nên năng chuyển diệt y như sinh tử và năng chuyển chứng y như Niết-bàn, đây tức chân như lìa tánh tạp nhiễm. Như tuy tánh tịnh mà tướng tạp nhiễm, nên lúc lìa tạp nhiễm giả nói mới tịnh, tức mới tịnh đây nói là chuyển y, trong vị tu tập đoạn chướng chứng được, tuy ở vị đây cũng được Bồ-đề, mà chẳng phải chỗ ý bài kệ tụng trong đây hiển bày. Ý kệ tụng chỉ hiển bày chuyển Duy thức tánh, hàng Nhị thừa mãn vị gọi là giải thoát thân. Tại Đại Mâu-ni gọi là pháp thân vậy. Thế nào chứng đắc hai thứ chuyển y? Nghĩa là trong mười địa, tu mười thắng hạnh, đoạn mười thứ chướng chứng mười chân như. Hai thứ chuyển y do đây mà chứng đắc; Năm, cứu cánh vị, có kệ tụng nói:

"Đây tức vô lậu giới
Chẳng nghĩ bàn Thiện thường
An lạc giải thoát thân
Tên pháp Đại Mâu-ni".

Trong luận nói: Chỗ tu tập vị trước đắc chuyển y trước tức là tướng cứu cánh vị. Đây gọi là quả hai chuyển y trước, tức là cứu cánh vô lậu giới gồm thuộc, các lậu trọn hết, chẳng phải lậu tùy tăng, tánh tịnh tròn sáng, nên gọi là vô lậu. Giới, nghĩa là tạng, trong đây ngậm chứa vô biên đại công đức hiếm có. Hoặc là nghĩa nhân, năng sinh mọi sự lợi lạc ở năm thừa thế gian và xuất thế gian. Trong Trang Nghiêm Kinh Luận nói: Bốn gia hạnh vị với kệ tụng là:

"Bấy giờ Bồ-tát đây
Lần lượt được tịnh tâm
Chỉ thấy ý ngôn vậy
Chẳng thấy tất cả nghĩa".

Giải thích: Bồ-tát đây mới đầu được định tâm, lìa nơi ý ngôn, chẳng thấy tự tướng tổng tướng tất cả các nghĩa, chỉ thấy ý ngôn. Thấy đây tức là Bồ-tát noãn vị, vị đây gọi là sáng. Như trong kinh Phật Hỏi Hà nói: Sáng, sáng đây gọi là thấy pháp nhẫn. Và kệ tụng nói:

"Là lớn pháp sáng vậy

Kiên cố tinh tấn vậy
Pháp sáng tăng trưởng rồi
Thông đạt duy tâm trí".

Giải thích: Bồ-tát trong đây là tăng trưởng pháp sáng vậy, khởi kiên cố tinh tấn, trú là pháp sáng, thông đạt Duy tâm. Thông đạt đây là Bồ-tát Đảnh Vị. Kệ tụng nói:

"Các nghĩa đều là sáng
Do vì thấy Duy thức
Được đoạn chỗ chấp đoạn
Thì là trú ở nhẫn".

Giải thích: Trong đây, Bồ-tát nếu thấy các nghĩa đều là tâm sáng, chẳng phải ngoài tâm sáng riêng có thấy khác, khi ấy được chỗ chấp loạn diệt. Thấy đây tức là Bồ-tát nhẫn vị. Kệ tụng nói:

"Chỗ chấp loạn tuy đoạn
Phải còn trừ năng chấp
Đoạn đây lại chóng chứng
Vô gián Tam-ma-địa".

Giải thích: Trong đây Bồ-tát vì đoạn năng chấp loạn nên lại chóng chứng vô gián Tam-ma-địa.

Hỏi: Có nghĩa gì mà Tam-ma-địa đây gọi là vô gián?

Đáp: Do lúc năng chấp loạn diệt, khi ấy vào vô gián, nên nhận tên đó. Vào vô gián đây tức là Bồ-tát Thế gian đệ nhất pháp vị, cho đến năm vị. Thứ nhất, tư lương vị, mới học Duy thức là lúc mới đầu của phát tâm phần phát tâm thứ nhất, nương chỉ Đại Bồ-đề mà phát tâm vậy. Bồ-tát sinh có bốn nghĩa: Một, Chủng tử thắng, vì tâm bình đẳng làm chủng tử vậy; Hai, Sinh mẫu thắng, vì Bát-nhã Ba-la-mật làm sinh mẫu (mẹ sinh ra) vậy; Ba, Thai tạng thắng, vì hai tại phước trí trú trì làm thai tạng vậy; Bốn, Nhũ mẫu (vú nuôi) thắng, vì đại bi trưởng dưỡng làm Nhũ mẫu vậy. Thứ hai, Thông đạt vị, có kệ tụng nói:

"Đã biết tánh nghĩa loại
Khéo trú chỉ tâm sáng
Vì hiện thấy pháp giới
Giải thoát ở hai tướng".

Trong luận nói: Vị đây do giải tất cả nghĩa, chỉ là ý ngôn làm tánh, thì rõ tất cả các nghĩa đều là tâm sáng, khi ấy Bồ-tát, gọi là khéo trú Duy thức, từ sau hiện thấy pháp giới kia, rõ thấu chỗ có hai tướng, tức giải thoát năng chấp sở chấp. Thứ ba, Kiến đạo vị, có kệ tụng nói:

"Ngoài tâm không có vật

Vật không tâm cũng không
Do vì giải hai không
Khéo trú chân phẩm”.

Trong luận nói: Vị đây như hiện thấy pháp giới kia vậy, giải ngoài tâm không có vật sở thủ. Vật sở thủ không nên cũng không tâm năng thủ, do lìa hai tướng năng thủ sở thủ, nên biết khéo trú tự tánh pháp giới. Thứ tư: Tu hành vị, có kệ tụng nói:

“Lực trí không phân biệt
Luôn bình đẳng khắp hành
Vì hoại lỗi tụ thể
Như thuốc năng trừ độc”.

Trong luận nói: Vị đây, Bồ-tát vào Đệ nhất nghĩa trí chuyển y rồi, vì trí không phân biệt luôn bình đẳng làm và khắp cùng xứ hành. Tại sao? Vì hoại tánh y chỉ y tha, huân tập rậm rạp lỗi lầm tụ tướng. Trí lực đây thí như thuốc A-già-đà, năng trừ tất cả các độc. Thứ năm, cứu cánh vị, có kệ tụng nói:

“Duyên Phật khéo thành pháp
Tâm căn an pháp giới
Giải niệm chỉ phân biệt
Chóng cùng biển công đức”.

Trong luận nói: Duyên Phật khéo thành pháp là, các Bồ-tát ở nơi Phật khép thành lập trong tất cả diệu pháp làm tổng tụ duyên vậy.

Hỏi: Thế nào là Tổng tụ duyên?

Đáp: Tâm căn an pháp giới, cho nên tâm đây gọi là căn, sau đây khởi quán, như quán sự trước xứ xứ niệm chuyển, giải biết các niệm chỉ là phân biệt chẳng phải thật có vậy. Biết như vậy rồi, chóng tận cùng biển công đức, tức biển công đức Phật quả năng chóng đến cùng bờ kia. Nên trong luận Nhiếp Đại Thừa có kệ tụng nói:

“Phước đức trí tuệ hai tư lương
Bồ-tát khéo đủ không ngằn mé
Ở pháp tư lương khéo quyết rồi
Nên rõ nghĩa thú chỉ ngôn loại
Nếu biết các nghĩa chỉ là ngôn
Tức trú tợ lý duy tâm kia
Bèn năng hiện chứng thân pháp giới
Cho nên hai tướng đều dứt trừ
Thể biết lìa tâm không riêng vật
Do đây tức hội tâm chẳng có

Bậc trí rõ thấu hai đều không
Đồng trú hai không châm pháp giới
Bậc tuệ lực trí không phân biệt
Khắp cùng bình đẳng thường thuận hành
Diệt tụ lỗi lầm nương vướng vít
Như thuốc tốt lành tiêu các độc.
Phật nói diệu pháp khéo thành lập
An tuệ đều căn trong pháp giới
Rõ biết niệm thú chỉ phân biệt".
Dõng mãnh nhanh về bờ biển đức.

Giải thích: Lại có kinh Hiện Quán Già-tha như, luận Trang Nghiêm nói: Trong đây khó giải, ở đây hiển bày hai tư lương phước đức và trí tuệ Bồ-tát khéo đầy đủ không ngằn mé là, tư lương có hai thứ: Một, phước đức tư lương; Hai, trí tuệ tư lương, nghĩa là thí v.v...; Ba, Ba-la-mật là phước đức tư lương, thứ sáu Bát-nhã Ba-la-mật-đa là trí tuệ tư lương, tinh tấn Ba-la-mật-đa, hai tư lương gồm thuộc. Tại sao? Nếu là trí tuệ mà hành tinh tấn là trí tuệ tư lương. Nếu là phước đức mà hành tinh tấn là phước đức tư lương. Như vậy, tĩnh lự Ba-la-mật-đa cũng thông hai thứ, nếu duyên vô lượng mà tu tĩnh lự là phước đức tư lương, ngoài ra là trí tuệ tư lương. Tư lương như vậy, là có của ai? Nghĩa là các Bồ-tát lớn xa khó độ gọi là không ngằn mé, không ngằn như vậy nói chẳng phải không có ngằn, chỉ vì nhiều nên được xưng là không ngằn. Đây cũng như vậy, ở pháp tư lương khéo quyết định rồi là, cần do sau định tư duy các pháp, mới khéo quyết định, chẳng phải chỗ khác năng. Nên rõ nghĩa thú chỉ ngôn loại là, nghĩa là rõ biết các nghĩa chỉ ý ngôn làm nhân, nếu biết các nghĩa chỉ là ngôn tức trú tợ lý Duy tâm kia, nghĩa là nếu rõ biết tợ nghĩa hiển hiện chỉ là ý ngôn tức trú tợ nghĩa chánh lý Duy tâm. Bèn năng hiện chứng chân pháp giới, cho nên hai tướng đều trừ bỏ là, nghĩa là từ đây về sau hiện chứng chân như, trọn lìa hai tướng năng thủ sở thủ, như vào hiện chứng tiếp đáng hiển bày. Thể biết lìa tâm không riêng biệt, do đây tức hội tâm chẳng phải có là, thể biết lìa tâm không phải sở duyên, kia không có vậy, tức hội tâm năng duyên cũng chẳng phải có. Bậc trí thấu rõ hai đều không là, nghĩa là các Bồ-tát thấu rõ hai đây thảy đều là không, đồng trú không chân pháp giới là, nghĩa là bình đẳng trú lìa nghĩa lìa tâm pháp giới chân thật. Bậc tuệ lực trí không phân biệt là, nghĩa là các Bồ-tát chỗ có thế lực của trí không phân biệt, khắp cùng bình đẳng thường thuận hành là, ở trong bình đẳng tùy thuận mà hành. Quán tất cả các pháp trong kinh v.v... giống như hư không tánh bình

đẳng vậy. Các pháp trong ngoài đều quán như vậy, nên gọi là khắp cùng thường hằng, diệt tụ lỗi lầm nương vướng vít như thuốc tốt tiêu các độc là, diệt nghĩa là diệt trừ, nương là sở y tức nhân pháp tạp nhiễm trong sở y rất khó vậy, như hang có vướng vít khó vào, tụ lỗi lầm làm, pháp tạp nhiễm huân tập tự tánh. Phật nói diệu pháp khéo thành lập, an tuệ đều trong căn pháp giới, nghĩa là do Phật dạy khéo an tuệ đó, vất bỏ trong chân như và năng duyên trong tâm căn bản kia. Tâm căn bản, nghĩa là duyên chỗ Như Lai có chánh giáo, tổng làm một tướng, nên biết tức là tâm không phân biệt. Rõ biết niệm thú chỉ phân biệt là, nghĩa là an trú tâm căn bản kia rồi, vì nói chánh giáo, do trí hậu đắc niệm các nghĩa thú. Biết niệm thú đây chỉ là phân biệt. Dõng mãnh nhanh về bờ biển đức là, nghĩa là các Bồ-tát do trí không phân biệt mà trí hậu đắc phương tiện khéo léo nên chóng hướng đến bờ biển công đức Phật quả. Năm bài kệ tụng như vậy, nghĩa tổng lược là, kệ tụng thứ nhất hiển bày tư lương đạo, nửa phần trước kệ tụng thứ hai hiển bày gia hạnh đạo, nửa phần sau là kệ tụng thứ ba hiển bày kiến đạo, kệ tụng thứ tư hiển bày tu đạo, kệ tụng thứ năm hiển bày cứu cánh đạo. Trong kinh Kim Cang Tam-muội nói: "Bồ-tát Đại Lực nói: Thế nào là hai nhập chẳng sinh ở tâm? Tâm vốn chẳng sinh cớ sao có nhập? Phật dạy: Hai nhập là: Một, lý nhập; Hai, hành nhập. Lý nhập là tin sâu chúng sinh chẳng khác chân tánh, chẳng một chẳng cộng, chỉ vì chỗ che chướng của khách trần, chẳng đi chẳng lại, ngưng trú giác quán, quán chắc Phật tánh chẳng có chẳng không, không ta không người, phàm Thánh chẳng hai, tâm địa Kim cang bền trú chẳng dời, vắng lặng vô vi không có phân biệt. Đó gọi là lý nhập. Hành nhập là, tâm chẳng nghiêng tựa, ảnh không chuyển đổi, nơi xứ chỗ có, lắng niệm không cầu, gió lay chẳng động giống như đại địa, lìa bỏ tâm ngã cứu độ chúng sinh, không sinh không tướng chẳng lấy chẳng bỏ. Tâm Bồ-tát không ra vào, tâm không ra vào, vào chẳng vào vậy, nên gọi là vào, Bồ-tát vào pháp như vậy, pháp tướng chẳng không, pháp của chẳng không, pháp chẳng hư bỏ. Tại sao? Pháp của chẳng không đầy đủ công đức, chẳng phải tâm chẳng phải ảnh, pháp như thế thanh tịnh". Lại nói: "Phật dạy: Từ tâm xiển-đề cho đến Như Lai, thật tướng Như Lai trú ở năm vị: Một, tín vị, tin trong thân đây, chủng tử chân như bị vọng che mờ, bỏ lìa vọng tâm, tịnh tâm trong sạch, biết các cảnh giới, ý ngôn phân biệt; Hai, tư vị, tư là quán các cảnh giới chỉ là ý ngôn, ý ngôn phân biệt, tùy ý hiển hiện, chỗ thấy cảnh giới chẳng phải bản thức ta, biết bản thức đây chẳng phải pháp chẳng phải nghĩa, chẳng phải sở thủ chẳng phải năng thủ; Ba, tu vị, tu là thường

khởi, năng khởi sở khởi đồng thời vậy, trước dùng trí dẫn, bài dẹp các chướng nạn, ra khỏi che lấp trói buộc; Bốn, hành vị hành là lìa các hành địa tâm không lấy bỏ, cực tịnh căn lợi chẳng động, như quyết định thật tánh, Đại Bát Niết-bàn chỉ tánh không đại; Năm, xả vị, xả là chẳng trú tánh không chánh trí chuyển đổi, đại bi tướng như, tướng chẳng trú như, Tam-miệu Tam-bồ-đề, tâm rỗng chẳng chứng, tâm không ngằn mé, chẳng thấy xứ sở, cho đến Như Lai. Này thiện nam! Năm vị một giác, từ bản lợi vào, nếu hóa độ chúng sinh từ bản xứ đó". Như trên, các kinh luận nói bốn gia hạnh vị, Duy thức năm vị v.v... của chư Phật Bồ-tát, đều từ một tâm, phân cạn sâu đó, từ gốc khởi ngọn, tợ hiện tâm mới đầu, nhân ngọn hiển bày gốc lại quy về nguyên địa. Do đó, trong kinh nói: "Năm vị một giác từ bản lợi vào, nếu hóa độ chúng sinh từ bản xứ đó". Các vị như trên chỉ là một tâm, nhân trí có cạn sâu, chứng phân trước sau, ở trong hành bố tợ có thềm bậc, như Khác Sớ nói: "Kinh Thủ-lăng-nghiêm ở trên một niệm lập sáu mươi vị, như ảnh tượng trong châu ngọc, vật loại tuy nhiều, châu ngọc toàn là một, trong một bao hàm các tượng, các tượng trở lại vào trong một châu, như trong sáu mươi vị, mỗi mỗi vị bao hàm sáu mươi vị, vả lại như vị vị toàn là tâm chứng, một tâm năng sinh nhiều tâm, nhiều tâm trở lại vào một tâm, tâm tâm hỗ tương bao hàm nào có chướng ngại".

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 88

Hỏi: Phàm chứng lý Duy thức mà lên Phật quả, từ mới đầu tư lương vị cho đến cứu cánh vị, có bao nhiêu trí mà được thành tựu?

Đáp: Chỉ một trí không phân biệt, ước về trước sau có ba thứ: Một, gia hạnh không phân biệt, nghĩa là trí tầm tư v.v... tức là đạo nhân; Hai trí không phân biệt, tức là đạo chánh thể; Ba trí sau không phân biệt, tức là trí xuất quán, nghĩa là đạo quả.

Hỏi: Ba trí đây, hành tướng như thế nào?

Đáp: Trong luận Nhiếp Đại Thừa nói: Trí không phân biệt, tự tánh nên biết lìa năm thứ tướng: Một, lìa chẳng phải tư duy; Hai, lìa chẳng phải giác quán địa; Ba, lìa định diệt tưởng thọ, vắng lặng; Bốn, lìa tự tánh sắc; Năm, ở nghĩa chân thật, lìa phân biệt khác. Trí đây nếu do lìa tư duy nên gọi là trí không phân biệt. Ngủ say phóng dật say cuồng đồng lìa tư duy, nên được trí đây ư? Nếu do quá giác quán địa, nên gọi là trí không phân biệt, từ hai định trở lên đã qua giác quán, nên được trí đây. Nếu y theo hai nghĩa trên, phàm phu nên được trí đây, là xứ năng lìa tâm và tâm pháp nên nói là trí không phân biệt, nghĩa là định tưởng thọ diệt v.v... nếu người tại trong vị đây được trí không phân biệt, đây thì chẳng thành trí. Tại sao? Ở vị định diệt v.v... không tâm và tâm pháp vậy, nếu nói như tự tánh sắc, tự tánh trí cũng như đây, như sắc độn không biết, trí đây nên độn không biết, nếu ở nghĩa chân thật do đã phân biệt hiển hiện, là phân biệt nên thành trí không phân biệt. Tại sao? Vì phân biệt đây năng phân biệt nghĩa chân thật, nghĩa là nghĩa đây chân thật, nếu trí là năm tướng duyên nghĩa chân thật khởi, như nhãn thức chẳng lấy phân biệt làm tánh, đó gọi là trí không phân biệt. Trí không phân biệt ở trong các hạnh rất là thượng thủ. Lại có kệ tụng hiển bày là:

"Tự tánh các Bồ-tát
Chỗ năm thứ tướng lìa
Tánh trí không phân biệt

Ở chân không phân biệt".

Bồ-tát lấy trí không phân biệt làm thể. Tín không phân biệt cùng Bồ-tát chẳng khác, tự tánh trí không phân biệt tức là tự tánh Bồ-tát, do ở chân không phân biệt vậy. Lìa năm tướng được tên không phân biệt. Lại ba trí gồm dùng thí dụ để hiển bày, kệ tụng nói: "Như năm cầu thọ trần, như năm chánh thọ trần, như chẳng năm thọ trần, ba trí thí như vậy". Giải thích: Thí như người tại năm mắt v.v... trong năm thức cầu thấy năm trần, hoặc duyên thật hoặc duyên hư, ý thức và năm thức cách nhau khởi vậy. Gia hạnh trí không phân biệt cũng vậy. Hoặc chứng một phần là thật, hoặc chẳng chứng là hư. Thí như người chánh tại trong năm thức, được cảnh chân thật không phân biệt không nói phô. Thí như người tại trong ý thức, chỉ duyên chỗ thọ trần trước, gọi là duyên cảnh hư, có phân biệt có nói phô. Trí sau không phân biệt cũng vậy, duyên cảnh hư có phân biệt có nói phô. Lại có kệ tụng nói: "Như người mới mở mắt, gọi là trí gia hạnh, như người chánh nhắm mắt, là trí không phân biệt, tức kia lại mở mắt, trí hậu đắc cũng vậy, nên biết như hư không, là trí không phân biệt, ở trong hiện sắc tượng, trí hậu đắc cũng vậy".

Hỏi: Thí không phân biệt đây từ đâu mà thành?

Đáp: Rõ tất cả danh nghĩa không chỗ có, nên năng thành trí không phân biệt. Trong luận Nhiếp Đại Thừa có kệ tụng nói:

"Quỷ súc người trời thảy
Mỗi tùy chỗ đó ứng
Tất cả ý có khác
Nên biết nghĩa chẳng thành
Quá khứ thảy và mộng
Và hai ảnh tượng khác
Không có làm phan duyên
Nhưng phan duyên kia thành".

Giải thích: Nếu nghĩa thành ở cảnh, không trí không phân biệt. Tri đây nếu chẳng có, Phật quả không thể được, ở trong một vật, mỗi tùy ý đó thấy có sai biệt, cho nên phải biết nghĩa không chỗ có vậy, thì sở thủ v.v... kia đã chẳng thành tựu. Nếu vậy, nghĩa không chỗ có thì thức nên chẳng duyên cảnh mà sinh? Đáp: Cũng có thức chẳng duyên cảnh mà sinh, như mộng và quá khứ vị lai v.v... không thật phan duyên tức tự phan duyên, như cảnh tượng và cảnh định, nghĩa là tự tâm làm cảnh mà phan duyên. Nếu nghĩa có tự tánh làm cảnh, thì không trí không phân biệt, trí đây nếu có, có Phật quả có thể được.

Hỏi: Ở trong Tông Kính đầu tiên tin vào có bao nhiêu vị?

Đáp: Nếu người viên tín mới đầu có năm phẩm vị. Thai giáo căn cứ kinh Pháp Hoa phẩm phân biệt công đức, y cứ Viên giáo lập năm phẩm vị: Phẩm vị thứ nhất mới đầu phát tâm một niệm tin hiểu. Phẩm vị thứ hai thêm đọc tụng, phẩm vị thứ ba thêm nói pháp. Phẩm vị thứ tư kiêm hành sáu độ, phẩm vị thứ năm chánh hành sáu độ, từ phẩm vị thứ nhất phải nương xứ tĩnh lặng kiến lập đạo tràng, ở trong sáu thời hây bốn Tam-muội, sám tội sáu căn, tu tập năm hối, năm hối là: Một, sám hội, phá tội nghiệp ác lớn. Hai, khuyến thỉnh, phá tội phỉ báng pháp. Ba, tùy hỷ, phá tội tật đố. Bốn, hồi hướng, phá tội các hữu. Năm, phát nguyện, thuận không nguyện không tướng, chỗ có công đức chẳng thể hạn lượng, thí như toán số tính lường cũng chẳng thể nói, nếu năng siêng hành năm hối phương tiện hỗ trợ mở quán môn, một tâm ba đế chợt nhiên mở sáng, như đến gương sạch rõ khắp các sắc, trong một tâm niệm Viên giải thành tựu, chẳng thêm công lực mặc tình phân minh, chánh tín kiên cố, không thể dời động, đây gọi là tâm tin sâu tùy hỷ, tức phẩm thứ nhất đệ tử vị vậy. Trong phẩm Phân Biệt Công Đức nói: "Nếu có nghe thọ mạng lâu dài của Phật mà hiểu nghĩa thú đó, người ấy có được công đức không thể hạn lượng, năng khởi tuệ Vô thượng của Như Lai, cho đến nếu nghe kinh đây mà chẳng hủy báng, khởi tâm tùy hỷ, phải biết đó đã là tướng tin hiểu sâu chắc", tức văn phẩm thứ nhất. Dùng viên giải quán tâm, tu hành năm hối lại thêm đọc tụng, khéo nói diệu nghĩa, cùng tâm tương hội, như mở giúp lửa, lúc đó tâm quán càng sáng, gọi là phẩm vị thứ hai vậy. Trong kinh nói: "Huống gì là người đọc tụng thọ trì, người đó thì là đầu đội Đức Như Lai". Lại dùng tăng phẩm tín tâm tu hành năm hối lại thêm nói pháp, chuyển giải hiểu bên trong đó, dẫn dắt lợi ích người trước, vì rộng cứu tế nên hóa công quy về mình, tâm lại một chuyển, gấp bội hơn trước, gọi là phẩm vị thứ ba vậy. Trong kinh nói: "Nếu có thọ trì đọc tụng, vì người khác nói, hoặc tự chép hoặc bảo người chép, cúng dường kinh quyển, chẳng cần phải xây dựng chùa tháp và tạo lập tăng phường cúng dường chúng tăng". Lại dùng tâm tăng tấn tu hành năm hối kiêm tu sáu độ, bởi lực phước đức nên gấp bội trợ quán tâm, lại một lớp tiến sâu, gọi là phẩm vị thứ tư. Trong kinh nói: "Huống lại có người năng trì kinh đây, kiêm hành sáu độ, công đức đó rất ưu thắng vô lượng vô biên, thí như hư không Đông, Tây, Nam, Bắc bốn góc trên dưới vô lượng vô biên, công đức người đó cũng lại như vậy, vô lượng vô biên, chóng đến Nhất thiết chủng trí". Lại dùng tâm đây tu hành năm hối, chánh tu sáu độ, tự hành dạy người, sự lý đầy đủ tâm quán vô ngại, chuyển thắng hơn trước,

chẳng thể thí dụ, gọi là phẩm vị thứ năm vậy. Trong kinh nói: "Lại vì người khác, dùng các thứ nhân duyên, tùy nghĩa giải nói kinh Pháp Hoa đây, lại năng trì giới thanh tịnh, cùng người nhu hòa đồng ở, nhẫn nhục không sân chánh niệm bền chắc, thường quý ngồi thiền, được các định sâu, tinh tấn dõng mãnh, gồm các pháp lành, lợi căn trí tuệ, khéo hay hỏi đáp, cho đến phải biết người như vậy đã hướng đến đạo tràng, gồm A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề, ngồi dưới đạo thọ". Mới đầu từ phẩm vị thứ nhất sau cùng đến sơ trú, một đời có thể tu một có thể chứng, chẳng đợi phẩm vị lên địa thứ bảy mới tu tập, nào rỗi hoan hỷ mới đầu vào hai dòng, chỗ giáo trước dùng cao vị đó là thuyết của phương tiện, Viên giáo vị thấp là thuyết của chân thật. Trong kinh Pháp Hoa nói: "Các việc như vậy là tu phương tiện, chư Phật cũng vậy, nay đang vì ông nói sự rất thật". Tức ý đây vậy. Lại căn cứ bốn giáo Tạng, Thông, Biệt, Viên luận bàn vị cao để nói hơn kém. Như Viên giáo viên tu đến hạnh thứ hai trong mười hạnh, bèn cùng ngang bằng quả vị Diệu giác ở Biệt giáo. Nếu lên hạnh thứ ba chỗ có trí đoạn, người khác chẳng biết tên đó, huống gì là biết pháp đó. Đại thừa Biệt giáo phân tích giải thích Trung đạo Phật tánh, lý của chẳng không còn cách biệt đây, huống gì là tạng thông chỉ không, quả của hôi đoạn. Nếu theo Viên giáo từ hạnh thứ ba cho đến mười hướng mười địa Đẳng giác Diệu giác, chỗ có trí đoạn đều chẳng phải cảnh giới. Biệt giáo chỉ biết đến hạnh thứ mười, trong hạnh thứ hai chỉ đoạn vô minh làm cực quả của nhà mình, chẳng biết là nhân thấp kém của nhà khác. Thí như dựng gạch đá làm nền, dùng vàng báu nghiêm sức ở trên, đâu như từ nền đến đảnh đều chất lớp vàng Kim cang, chẳng chỉ vị cao có khác, cũng là báu chẳng phải báu riêng biệt. Cho đến ước về môn đoạn hoặc, luận về đoạn và chẳng đoạn là Biệt giáo chỉ nói đoạn mà chẳng luận chẳng đoạn. Viên giáo có đủ hai nghĩa. Nếu giáo rõ đoạn, chứng đạo chẳng đoạn, thí như Tiểu thừa luận chứng chân, chẳng luận đoạn và chẳng đoạn, nay cũng như vậy. Nếu quán chẳng nghĩ bàn là bên trong chẳng thấy có phiền não có thể đoạn, tánh phiền não chẳng chướng Bồ-đề, Bồ-đề chẳng chướng phiền não. Phiền não tức Bồ-đề tức phiền não. Nên trong kinh Tịnh Danh nói: "Đức Phật vì người tăng thượng mạn nói đoạn dâm nộ si gọi là giải thoát, không tăng thượng mạn là tánh dâm nộ si tức giải thoát. Sáu căn sáu trần mà không hạng ngại, chỉ trong mắt thấy sắc, cũng trong mắt vào ba môn giải thoát. Trong kinh Hoa Nghiêm nói rõ mười mắt cho đến sáu căn đều rõ sáng trong một trần, đủ tám tướng thành đạo chuyển pháp luân chúng sinh của mười phương ba đời chư Phật, đều

chẳng đoạn mà rõ ràng. Lại năm phẩm vị đồng ngũ đình tâm quán của Tiểu thừa. Nay năm phẩm vị, dùng bốn hoằng thệ nguyện, bốn thứ Tam-muội, để nói rõ ngũ đình tâm. Bốn hoằng thệ nguyện rõ bốn thứ đình tâm. Bốn thứ Tam-muội rõ đình tâm thứ năm. Bốn hoằng thệ nguyện là: Một, chưa độ khiến độ. Hai chưa giải khiến giải thoát. Ba chưa an khiến an. Bốn chưa diệt khiến diệt. Bốn thứ Tam-muội là: Một thường đi, hai thường ngồi, ba, nửa đi nửa ngồi, bốn, chẳng phải đi chẳng phải ngồi. Vả lại bốn hoằng thệ nguyện rõ bốn thứ đình tâm là, sinh tử khổ đế tức là Niết-bàn không hai không riêng biệt, đây tức tin sự thuận lý. Tim là mẹ công đức của các đạo. Đây là thệ nguyện thứ nhất, chưa độ khổ đế khiến độ khổ đế, là phẩm vị tin lý đình tâm thứ nhất, phiền não tức bình đẳng không hai không riêng biệt, là vì chưa giải tập đế khiến giải tập đế là phẩm vị đọc tụng giải nói đình tâm thứ hai, tức là đại bi cứu khổ cùng hai thệ nguyện trước. Chưa an Đạo đế khiến an Đạo đế, tức là dùng từ không keo lận mà vì nói pháp, tức phẩm vị nói pháp đình tâm thứ ba. Chưa vào Diệt đế, khiến vào Diệt đế, tức là kiêm hành sáu độ. Sáu độ xử quyết bờ sinh tử đây, tức đình tâm thứ tư. Đại từ ban vui, dấy hai thệ nguyện đây. Bốn thứ Tam-muội rõ đình tâm thứ năm là, bốn Tam-muội đây đều tu niệm Phật phá tội chướng đạo, tự có người quán hơi thở giác quán chẳng ngừng, hoặc niệm Phật, hoặc xưng danh, tức phá giác quán điềm nhiên tâm định. Nên trong kinh nói: "Nếu có chúng sinh tâm nhiều tham dục, thường niệm Quán Âm tức bèn được lìa", phá căn bản vô minh. Lại nói: Một niệm biết tất cả pháp là đạo tràng, đều là pháp môn niệm Phật vậy, tức thường hành Tam-muội chư Phật dừng lập. Hiện tiền thấy pháp giới Phật vậy. Thường ngồi Tam-muội là buộc duyên pháp giới một niệm pháp giới mà niệm Phật vậy, nửa đi nửa ngồi Tam-muội là tư duy thật pháp của chư Phật. Trong kinh Pháp Hoa nói: "Sẽ thành tựu bốn pháp là chư Phật hộ niệm". Đây nói hành nhân tâm mới đầu. Nếu người hành đạo là, thường ưa ngồi thiền quán tâm không tâm pháp chẳng trú pháp gọi là đại sám hối. Chẳng phải đi chẳng phải ngồi Tam-muội là, đi đứng ngồi nằm nói nín v.v... đều là Ma-ha-diễn, vì chẳng thể được vậy. Nếu trong ba tạng dùng sự quán duyên sự, nghĩa là quán hơi thở, quán từ bi quán bất tịnh, quán giới phân biệt quán niệm Phật năm đình tâm v.v... Nay vị của năm phẩm trong Viên giáo, dùng lý quán duyên lý. Sinh tử tức Niết-bàn, phiền não tức Bồ-đề. Sinh mạng là mạng hơi thở của chúng sinh, Niết-bàn là mạng hơi thở của pháp thân, tuy chẳng thể tính đến mà có thể tán động. Sáng lặng đối với hơi thở vậy. Phiền não là dơ xấu của dưới đáy. Bồ-đề là tịnh lý

của tôn cực, đối trước hiển bày sau vậy. Dùng văn tự giải thoát đối bất tịnh đình tâm vậy. Nếu Đại bi thệ nguyện cứu vớt khổ nhân quả là, nếu có ngã sở còn chẳng tự ra khỏi, huống gì cứu vớt khổ kẻ khác, nghĩa là không ngã sở vậy. Do đó, phát tâm đại bi tự cứu vớt, cứu vớt kẻ khác. Nếu đại từ thệ nguyện ban vui nhân quả là. Nếu ở mười hai duyên khởi vô minh si ái, còn tự không vui, huống gì ban vui kẻ khác. Nay tự không si nên năng ban vui chi kẻ khác vậy. Nếu Tiểu thừa niệm sinh thân ứng Phật tướng tốt, nay niệm tướng tốt pháp thân, sự lý trọn khác. Cho đến, Phật ở Tạng giáo ngang vị tâm mười tín ở Viên giáo, vì đồng trừ bốn trú phiền não trong giới vậy. Mười tín tuy cùng Phật trong bạ tạng đồng trừ ngang bằng phiền não trong giới, mà mười tín lại viên phục căn bản vô minh ở ngoài giới. Tạng giáo còn chưa nhận biết trú địa vô minh, làm sao xưng phục? Phật trong ba tạng còn xưng là kém, huống gì Nhị thừa ư? Do đó nói đồng trừ bốn trú, xứ đây là ngang bằng, nếu phục vô minh, ba tạng tức kém, Phật còn là kém. Hàng Nhị thừa có thể biết, nay lược nói rõ vị của viên tín mới vào, năm mươi hai vị đó, trí đoạn hành tướng, rộng tại kia nói rõ, nên biết viên tín chóng tu cùng tiệm chứng quyền cơ, công hạnh mài luyện, ngày kiếp cùng gấp bội. Vào Tông Kính đây công đức vô biên. Vì vậy Tổ sư nói: Tức tâm đó là nhanh chóng, phát tâm hành là chậm trễ. Nên Thái giáo nói: Đại cơ gõ Phật thệ cỏ nhẫn nhục, viên ứng chóng nói thề ra đề hồ. Lại đốn giáo đầu tiên mới vào nội phàm, bèn gọi là nhũ, gọi là nhũ là ý chẳng tại nhạt, vì mới đầu vậy, gốc vậy. Như trâu mới sinh, huyết biến làm sữa, thuần tịnh tại thân, nếu trâu con bú, trâu liền ra sữa, Phật cũng như vậy, mới đầu ngồi đạo tràng, mới thành Chánh giác, sữa vô minh v.v... chuyển biến làm minh tám muôn pháp tạng, mười hai bộ loại kinh giáo, đầy đủ tại pháp thân. Hàng đại căn trâu con trước cảm được sữa, sữa làm đầu tiên của các vị. Thệ chóng tại đầu của các giáo, nên lấy Hoa Nghiêm làm nhũ vậy. Như trong kinh Đại Niết-bàn nói: "Núi Tuyết có loại cỏ tên là Phì-nị, nếu trâu ăn đó, thuần được đề hồ, không có sắc màu xanh vàng đỏ trắng đen, vỏ xác cỏ nhân duyên thì có khác của sắc vị. Là các chúng sinh vì nghiệp nhân duyên minh và vô minh nên sinh hai tướng. Nếu vô minh chuyển thì biến làm minh. Tất cả các pháp thiện và bất thiện v.v... cũng là như vậy". Không có hai tưởng thì giáo của Pháp Hoa một thừa làm đề hộ vậy. Trong luận Hoa Nghiêm nói: "Đại ý một thừa chánh tông của kinh Hoa Nghiêm đây, chỉ lúc thức diệt, mất tình trần chóng tuyệt chỉ cảnh chân trí một niệm thì năm vị đều sáng, là toàn đem Phật quả để làm nhân vậy, giả sử phàm phu sống ở đời trăm năm cho đến nhiều

kiếp mà ở tự thấy, chẳng thấy trong khoảnh khắc, có thể chuyển đổi chẳng thấy sẽ thành Phật chăng? Thấy rồi thành Phật, chẳng thấy hiện thành Phật. Quả vị của mười trú, pháp đã như vậy, lại có chúng sinh nào chẳng thành Phật ư? Lại có chúng sinh nào mà thành Chánh giác? Kinh Hoa Nghiêm đây là gốc, môn pháp giới. Tất cả chư Phật vốn trú nơi vườn nhà lớn, tất cả Phật tử rốt ráo chỗ quy về hóa thân quyền thừa đều ở bên ngoài đó. Nếu có vào là một vào toàn chân, trong vị đây Bồ-tát mới phát tâm trú thấy đạo, trú thấy biết của Phật, vào thấy biết của Phật, cùng với Như Lai đồng tướng thân tâm trí tánh, nên chóng ấn hành tướng năm vị đều tại trong đó, như cầm gương sáng soi quá khứ chúng sắc. Kinh pháp môn pháp đây hợp, chỗ có tán thán nói như vậy, nên biết như vậy, nên tin hiểu như vậy, là pháp môn pháp giới tròn đầy, không thủy chung ở trong một niệm, năm thắng tối sáng lớp lớp vô tận bên trong của một mảy may. Cảnh Phật cảnh chúng sinh vô biên sắc tướng, một thành tất cả thành, một hoại tất cả hoại. Lại, kinh Hoa Nghiêm tức dùng pháp giới Phổ môn, pháp môn thấy khắp, cảnh Như Lai tạng thân Tam-muội, lưới Nhân-đà-la trang nghiêm biển pháp giới xoay vần lớp lớp diệu trí một thời đồng được, là một chứng tất cả chứng, một đoạn tất cả đoạn vậy, tức bên trong của tự thân có cõi nước trang nghiêm của mười phương chư Phật. Bên trong của Phật thân tức cảnh của bên trong tự thân, lớp lớp ẩn hiện mười phương thế giới, pháp hợp như đây, giống như các dòng chảy về nơi biển lớn, tuy chưa vào biển, đượm tánh không sai, nếu vào biển lớn, đều đồng vị mặn. Tất cả chúng sinh cũng là như vậy, mê đó và ngộ tuy là có khác. Xưa nay biển Phật nguyên vốn chẳng ra.

Hỏi: Chân như tịch diệt, vốn không khác của thứ lớp, pháp giới hư huyền đâu có riêng biệt của thềm bậc, cớ sao trên thể một chân mà phân tên của năm vị mười địa?

Đáp: Nếu dùng chân tánh Duy thức thì tánh dung tất cả còn chẳng chỉ một, huống gì phân nhiều. Dùng môn của giải hành chứng nhập, thì không gì chẳng cạn sâu, như thái hư không vốn không sai khác, lúc tuổi nhỏ quán chỉ chẳng xa, sau to lớn thì thấy vô biên, chẳng phải hư không kia có ngắn dài, chỉ là mắt đó tự sáng tối. Lại như châu ma-ni báu lớn ở nơi quặng tuy sạch, mà không thợ giỏi khéo sửa thì sao có thể thành đồ dùng. Như núi Tô-mê-lô, tuy là nơi các báu nhóm tụ, nếu không nhật luân xoay chiếu thì lấy gì ra ánh sáng. Lại như đưa tay chỉ vẽ giữa hư không là số lượng của không số lượng, như tâm lượng pháp giới là cạn sâu của chẳng phải cạn sâu. Như trong luận Hoa Nghiêm nói: Bồ-tát sơ

địa, nhiều trăm pháp minh môn, vương hóa nhiều trăm Phật thế giới. Bồ-tát địa thứ hai nhiều ngàn pháp minh môn, vương hóa nhiều ngàn thế giới Phật là, chẳng đồng quyền giáo thật có phân hạng, như số pháp trước qua lại suốt vào. Lại như người đưa tay họa vẽ hư không làm trăm ngàn số vi trần, lại dùng tay xóa đó khiến hết, nhưng trong hư không kia không có tăng giảm. Vì tình lượng nên thấy hư không kia rõ có tăng giảm. Kinh đây cũng vậy, chỗ có Bồ-tát an lập các địa, pháp môn tăng giảm cũng lại như vậy. Vì thành các hữu tình nên khiến tấn tu, nếu là bao quát đều bình không có tâm tấn vậy, phàm phu không có tâm của răn tu, phát tâm tu đến chẳng tu, mới biết muôn pháp không tu vậy, mà thật dạy Bồ-tát một được tất cả được, là xứng trong pháp thể không trước sau vậy. Giống như lưới trời Đế-thích ánh sáng qua lại xen lẫn vào nhau không khoảng trước sau. Cũng như trăm ngàn gương báu đồng soi chiếu một diệu tượng, ảnh tượng trong mỗi mỗi gương vào nhau, sắc tượng đều bình. Như trong quả vị Phật, các Bồ-tát là từ tánh khởi pháp thân, trí căn bản là mở đầu chứng tâm bên trong của mười vị, chỗ có pháp môn cảnh giới thảy đều nương gốc vì thể dung thông thâu thảy đều suốt vậy, trở lại vì tánh ngang bằng tức thời ngang bằng vậy. Lại có các pháp khác chẳng ngang bằng là điều không thể vậy. Lại nói: Bồ-tát mười trú trở lại, chỗ hành đều là trợ đạo chẳng phải là chánh vị, nên ý muốn sáng hành, chỗ hành là, đó là trợ đạo, không trú không hành mặc chân tự thể, gọi đó là chánh quảvậy. Nếu dùng tâm mới phát trú, vì pháp tánh không tướng, trí căn bản chẳng lìa thể của không tác dụng, hành các môn hạnh, Bồ-tát cùng Phật nhân quả xưa nay thể ngang bằng, nếu chọn lựa Phật quả không tác không tu, Bồ-tát chánh gia hạnh trở lại đều gọi là trợ đạo, vì động tĩnh không ngại, chánh trợ vốn là pháp môn chẳng khác một, mặt mắt chẳng thể chẳng chọn lựa, thể dụng viên tịch, chánh trợ toàn đồng. Đây tức môn toàn biệt toàn đồng. Trở lại vì lớp huyền môn, tư duy đó chẳng thể giải hiểu, nghe chỗ pháp chưa nghe, nghe đó chẳng nghi, cảnh giới toàn biệt toàn đồng khó giải hiểu. Phật và phàm phu, mỗi tự riêng có, là nghĩa toàn biệt. Nên hai thấy luôn còn. Nếu toàn đồng nên bèn thành kẹt tịch. Đạo lý viên dung sự lý chẳng ngại. Nếu là pháp môn toàn phân hai tướng là pháp phàm phu. Toàn hợp một thể, là pháp Nhị thừa, chỉ vì lý sự tự tại. Đạo đó ở trong, lưu tâm diệt đó, đây cũng chẳng thể, vì tâm còn đó, đây cũng chẳng thể, hành môn trợ đạo đây cùng quả đức chánh trí, môn của vô tác, thể hợp không hai. Quỹ tắc trong sự chẳng thể chẳng phân, vì thể dụng đó chẳng thể một hướng toàn biệt, vì toàn đồng làm toàn biệt, vì toàn biệt làm

toàn đồng, chẳng thể toàn biệt không toàn đồng, chẳng thể toàn đồng không toàn biệt. Như mê hai môn đồng biệt đây tức trí chẳng tự tại. Lại trong kinh nói: Trí vào ba đời thảy đều bình đẳng là rõ trí năng tùy tục nói vào ba đời, tức tục thể vốn chân nên nói bình đẳng, vì môn chung riêng đồng dị thành hoại nghĩa sáu tướng bao gồm tức chung mà toàn riêng, tức riêng mà toàn chung, tức đồng mà đều khác, tức khác mà luôn đồng, tức thành mà đều hoại, tức hoại mà đều thành. Đều chẳng phải tình buộc một khác, câu chẳng câu, có không chẳng phải có không, thường vô thường, sinh diệt v.v... các tướng vậy. Như vậy đều là lý trí thể dụng y chánh của Như Lai đều tự tại vậy. Vì tự thể không niệm lực đại trí chiếu đó có thể thấy. Vì vậy, nếu người thượng thượng căn chóng rõ tâm không, vào chân Duy thức tánh, hiện hành các tập khác, chủng tử đều mất, thì dụng nào lại lập địa vị. Chỉ vì hàng căn trung hạ, hoặc có duyên tin, hoặc có chánh tin, hoặc có giải ngộ, hoặc có chứng ngộ, căn cơ chẳng đều, kiến giải chẳng đồng, ở trong vọng công dụng phân cạn sâu đó. Tuy tức rõ biết tin vào Duy thức tâm cảnh đều không, vì tưởng niệm nhỏ nhiệm chẳng hết, chưa được toàn trừ, phần phần mài luyện, ở trong thăng tấn nên có địa vị sai biệt. Vì căn trần năm ấm vi tế khó mất, nếu được thức ấm hết, mới được địa vị, trọn không chỗ được cứu cánh viên thành, như lưu ly sạch bên trong ngậm bảo nguyệt. Như trong kinh Thủ-lăng-nghiêm nói: “Phật bảo A-nan và đại chúng: Các ông phải biết thế giới hữu lậu mười hai loại chúng sinh, bản giác diệu minh giác viên tâm thể, cùng mười phương Phật không hai không khác, do ông vọng tưởng mê lý làm lỗi, si ái phát sinh, sinh phát mê khắp nên có không tánh, hóa mê chẳng dứt có thế giới sinh thì mười phương cõi nước vi trần đây chẳng phải vô lậu, đều là mê ngoan vọng tưởng an lập. Phải biết hư không sinh trong tâm ông, giống như mảnh mây điểm giữa trời trong, huống gì các thế giới tại hư không ư? Trong các ông, một người phát chân trở về nguồn thì mười phương hư không đây thảy đều tiêu sạch. Cớ sao trong hư không chỗ có cõi nước mà chẳng chấn động rách nát”. Tiếp trong văn Tiêu Năm Ấm nói: “Năm ấm đây vốn trùng diệt sinh khởi. Sinh nhân thức mà có, diệt từ sắc trừ, lý thì chóng ngộ, thừa ngộ đều tiêu, sự chẳng phải chóng trừ, nhân thứ lớp hết”. Văn Tiêu Sắc Ấm nói: “Phật dạy: A-nan! Phải biết ông ngồi nói đạo tràng tiêu rụng các niệm. Niệm đó nếu hết, thì các lìa niệm tất cả tinh minh, động tỉnh chẳng dời, nhớ quên như một. Đang trú xứ đây vào Tam-ma-đề, như người mắt sáng ở nơi rất tối tăm, tinh tánh diệu tịnh, tâm chưa phát sáng, đây thì gọi là bởi cõi Sắc ấm, nếu mắt sáng tỏa, mười phương mở

suốt, không còn tối tăm, gọi là sắc ấm hết, thì người đó năng siêu vượt kiếp trược, quán nguyên do đó bền chắc vọng tưởng lấy làm gốc đó". Văn Tận Thọ Ấm nói: "Phật dạy: A-nan! Người thiện nam kia tu trong Tam-ma-đề Xa-ma-tha sắc ấm hết làm, thấy tâm chư Phật như trong gương sáng hiển hiện ảnh tượng đó, nếu có chỗ được mà chưa năng dụng, giống như người bị bóng đè tay chân rõ ràng, thấy nghe chẳng lầm, tâm xúc khách tà mà chẳng năng động. Đây thì gọi là bờ cõi Thọ ấm. Nếu hết bị bóng đè, tâm đó lìa thân, trở lại nhìn mặt đó, đi đứng tự do không có ngăn ngại, gọi là Thọ ấm hết, thì người đó năng siêu vượt kiến trược. Quán nguyên do đó, rỗng sáng vọng tưởng lấy làm gốc đó". Văn Tận Tưởng Ấm nói: "Phật dạy: A-nan! Người thiện nam kia tu Tam-ma-đề thọ ấm hết là, tuy chưa lậu tận, tâm lìa hình đó, như chim xổ lồng, đã năng thành tựu, từ trên thân phàm trải qua sáu mươi Thánh vị của Bồ-tát, được ý sinh thân tùy qua vô ngại. Thí như có người ngủ say trên giường mê nói, người đó tuy là không chỗ riêng biết, nhưng lời nói đã thành âm vận rõ ràng, khiến người chẳng ngủ đều hiểu lời đó. Đây thì gọi là bờ cõi tưởng ấm. Nếu động niệm hết, phù tưởng tiêu trừ, ở tâm giác minh như dứt bụi dơ, một lớp sinh tử đuôi đầu viên chiếu, gọi là Tưởng ấm hết, thì người đây năng siêu vượt phiền não trược, quán nguyên do đó, dung thông vọng tưởng lấy làm gốc đó". Văn Tận Hành Ấm nói: "Phật dạy: A-nan! Người thiện nam kia tu Tam-ma-đề tưởng ấm hết là, người đó bình thường mộng tưởng tiêu diệt, ngủ thức luôn một, giác minh rỗng lặng giống như trời trong, không còn thô trọng ảnh sự tiến trần, quán các thế gian núi sông đất liền, như gương soi sáng, đến không chỗ điểm đi không dấu vết, luống thọ chiếu ứng, rõ không bày tập, chỉ một tinh chân, căn nguyên sinh diệt từ đây vạch bày, thấy khắp mười phương mười hai loại chúng sinh, rốt cùng hết các loại đó, tuy chưa thông rành đầu mỗi mỗi mạng đó, thấy nền tảng đồng sinh, như ngựa đồng hoang lấp lánh trong nhiễu, là căn trần nổi rốt ráo chốt huyệt. Đây thì gọi là bờ cõi hành ấm. Nếu trong nhiễu đây nguyên tánh lấp lánh, tánh lâu vốn lắng, một lắng nguyên tập, như gợn sóng dứt hóa làm nước lắng, gọi là Hành ấm hết, thì người này năng siêu vượt chúng sinh trược, quán nguyên do đó, u ẩn vọng tưởng lấy làm gốc đó". Văn Tận Thức Ấm nói: "Phật dạy: A-nan! Người thiện nam kia tu Tam-ma-đề hành ấm hết là, tánh các thế gian, tối trong nhiễu động động phân sinh có chợt nhiên đổ nát, chìm lưới tế then chốt Bổ-đặc-già-la, thù đáp nghiệp mạch sâu cảm ứng cách tuyệt, ở trời Niết-bàn sắp rất rõ ngộ, như lúc gà gáy, trông nhìn phương Đông đã có tinh sắc. Sáu căn rỗng

lặng, không còn rong ruổi, trong ngoài lặng sáng, vào không chỗ vào, thấu đạt mười phương, nguyên do thọ mạng mười hai chủng loại. Quán do chấp nguyên các loại chẳng vời, ở mười phương cõi đã được đồng đó, tinh sắc chẳng chìm, phát hiện sâu xa bí mật, đây thì gọi là bờ cõi Thức ấm, nếu ở các vời đã được trong đồng mà sạch sáu môn, hợp mở thành tựu, thấy nghe thông chung quanh, qua lại dụng thanh tịnh, mười phương thế giới cùng với thân tâm, như cẩn lưu ly trong ngoài sáng suốt, gọi là thức ấm hết. Thì người này năng siêu vượt mạng trược, quán nguyên do đó võng tượng hư vô điên đảo vọng tưởng lấy làm gốc đó. Cho đến, thức ấm nếu hết, thì ông hiện tiền các căn qua lại dụng, từ trong qua lại dụng năng vào Bồ-tát Kim Cang Càn Tuệ, tròn sáng tinh tâm ở trong phát hóa, như lưu ly sạch trong chứa bảo nguyệt. Như vậy mới vượt mười tín mười trú, mười hạnh, mười hồi hướng, bốn gia hạnh tâm, chỗ Bồ-tát Kim Cang, mười địa, Đẳng giác tròn sáng, vào nơi biển Diệu trang nghiêm của Như Lai, tròn đầy Bồ-đề, về không chỗ được.

Hỏi: Đã luận tâm mới đầu vào đạo, sao dụng rộng ghi lục hạnh vị mười địa?

Đáp: Nếu luận đạo đó hẳn có quả đó, nếu không hạnh, vị tức là thiên ma ngoại đạo, chỗ kinh luận nói vi tế khó biết. Thai giáo có văn của lục tức. Nhân vương đủ vị của năm nhẫn, sợ đọa thượng mạn chấp giải thoát hiểu chẳng tu, đều là chỗ thuyên của các Thánh xưa trước, chẳng dám không ghi chép, chẳng phải là thao lạm tự lập khác mối, chỉ mong các bậc hậu hiền nguyện tuân theo chế trước.

Hỏi: Công đức Phật địa đều đủ bỗng nhiên pháp thành tựu viên mãn?

Đáp: Thành tựu năm pháp đủ gồm tất cả công đức Phật Địa. Nên trong luận Phật Địa nói: "Một, pháp giới thanh tịnh là tất cả tự thể chân thật của Như Lai từ thời vô thủy đến nay tự tánh thanh tịnh, đầy đủ các thứ công đức tánh tướng quá mười phương giới cức số vi trần, không sinh không diệt giống như hư không, khắp tất cả hữu tình bình đẳng cùng có, cùng tất cả pháp chẳng một chẳng khác, chẳng phải có chẳng phải không, lìa tất cả tướng, tất cả phân biệt, tất cả danh ngôn đều chẳng năng được, chỉ là chỗ chứng của Thánh trí thanh tịnh. Hai không vô ngại chỗ hiểu biết chân như. Với tự tánh đó, các Thánh phần chứng, chư Phật viên chứng; Hai, Đại viên kính trí là năng hiện sinh tất cả cảnh giới, ảnh tượng các trí, tất cả thân và cõi nước chỗ ảnh tượng nương, nắm giữ tất cả công đức Phật Địa, cùng suốt ngằn mé vị lai không có đoạn tận; Ba, Bình đẳng tánh trí, nghĩa là quán tự tha tất cả bình đẳng,

kiến lập Phật Địa, không trú Niết-bàn; Bốn, Diệu quán sát trí, nghĩa là ở tất cả cảnh giới sai biệt thường quán vô ngại, ở chúng hội lớn năng hiện tất cả tác dụng tự tại, đoạn tất cả nghi, mưa pháp vũ lớn; Năm, Thành sở tác trí nghĩa là năng khắp cùng tất cả thế giới, tùy chỗ ứng hóa, thành thục hữu tình". Giải thích: Pháp giới thanh tịnh là, thì không thức cấu tịnh, một tâm chân như, tức chánh tông đây Thánh phàm cộng có. Một pháp giới đây là thể của bốn trí. Bốn trí thì dụng của một thể, vì chư Phật hiện chứng chúng sinh chẳng biết. Vì chẳng biết nên chấp làm tên của tám thức. Vì hiện chứng nên năng thành tướng của bốn trí, nếu mê muội đó thì tám thức khởi hiệu của chấp tàng, bảy thức được tên của nhiễm ô, sáu thức khởi tình biến kế, năm thức biến cảnh của căn trần. Nếu rõ đó, thì Lại-da thành thể của Viên kính, trì môn của công đức, Mạt-na là nguyên của bình đẳng, một tánh của tự tha, thức thứ sáu khởi diệu của quán sát, chuyên xe của chánh pháp, năm thức trước dấy công của sở tác, duỗi vết của ứng hóa, đó thì một tâm chẳng phải động, thức trí tự phân, chẳng chuyển thể đó, chỉ chuyển sinh đó. Chẳng phân lý đó mà phân sự đó.

Hỏi: Ở trong năm pháp, một pháp giới thanh tịnh là, tức là tự tánh thanh tịnh, thể của tròn sáng, từ xưa đến nay tánh tự đầy đủ, chẳng phải chỗ sinh của sinh nhân, chỉ chỗ liễu của liễu nhân. Đây thì chẳng luận tâm cảnh. Bốn trí đó v.v... hành tướng chẳng đồng, ở lúc diệu dụng mỗi mỗi duyên cảnh nào?

Đáp: Trong luận Duy Thức nói: "Viên cảnh trí tương ưng tâm phẩm, có nghĩa chỉ duyên chân như làm cảnh, là trí không phân biệt, chẳng phải trí hậu đắc, chỗ hành tướng duyên chẳng thể biết vậy". Trong luận Trang Nghiêm nói: "Đại viên kính trí ở tất cả cảnh chẳng ngu mê vậy. Lại, đây quyết định duyên chủng vô lậu và các ảnh tượng của thân cõi nước v.v... hành duyên vi tế nói chẳng thể biết. Như thức A-lại-da cũng duyên tục, duyên chân như vậy, là trí không phân biệt. Duyên các cảnh khác nên trí hậu đắc gồm thuộc. Thể nó là một, tùy dụng phân hai. Rõ tục do chứng chân nên nói là hậu đắc. Bình đẳng tánh trí, tương ưng tâm phẩm, có nghĩa chỉ duyên tịnh thức thứ tám, như nhiễm thức thứ bảy duyên tạng thức vậy, có nghĩa chỉ duyên chân như làm cảnh. Trong luận Trang Nghiêm nói: Duyên các hữu tình tự tha bình đẳng, tùy tha thắng giải hiện vô biên ảnh tượng Phật vậy. Do đó, phẩm đây thông duyên chân tục, chỗ hai trí nhiếp, ở lý không trái nghịch. Diệu quan sát trí tương ưng tâm phẩm, duyên tất cả pháp tự tướng cộng tướng đều không chướng ngại, chỗ hai trí gồm thuộc. Thành sở tác trí tương

ưng tâm phẩm, có nghĩa chỉ duyên năm thứ hiện cảnh. Trong luận Trang Nghiêm nói: Như Lai năm căn mỗi mỗi đều ở năm cảnh chuyển vậy". Có nghĩa phẩm đây cũng năng duyên khắp các pháp ba đời, chẳng trái chánh lý. Trong kinh Phật Địa nói: Thành sở tác trí khởi làm ba nghiệp các sự biến hóa, quyết trạch tâm hành sai biệt của hữu tình, nghĩa lãnh thọ ở quá khứ vị lai và hiện tại. Nếu không duyên khắp thì không năng như đây vậy, lại trí hậu đắc gồm thuộc. Bốn tâm phẩm đây tuy đều khắp cùng năng duyên tất cả pháp, mà dụng có khác. Nghĩa là, Kính trí phẩm, hiện tướng thọ dụng thân Tịnh độ: Gìn giữ chủng vô lậu. Bình đẳng trí phẩm, hiện tướng tha thọ dụng thân Tịnh độ. Thành sở tác trí phẩm năng hiện tướng biến hóa thân và độ. Quán sát trí phẩm quán sát công năng là lỗi lầm của tự tha, mưa pháp vũ lớn, phá các pháp lưới nghi, lợi lạc hữu tình, các môn sai biệt như thế có nhiều thứ.

Hỏi: Thành sở tác trí cùng thức thứ sáu tương ưng khởi ở hóa dụng, cùng tánh quán sát trí có gì sai biệt?

Đáp: Trong luận Duy Thức nói: "Quán sát trí quán tự tướng cộng tướng các pháp. Sở tác trí đây chỉ khởi hóa nên có sai biệt, hai trí phẩm đây nên chẳng đều sinh. Một loại hai thức chẳng cùng khởi vậy. Đồng thể dụng phân, câu cũng chẳng phải lỗi mất, hoặc cùng tịnh thức thứ bảy tương ưng, nương nhãn căn v.v... duyên sắc cảnh v.v... là tác dụng sai biệt của ban sắc trí. Nghĩa là tịnh thức bảy khởi tướng tha thọ dụng thân độ là bình đẳng phẩm gồm thuộc, khởi biến hóa là thành sự gồm thuộc.

Hỏi: Nói pháp hữu vi đều uẩn xứ gồm. Như Lai thuần pháp vô lậu, lại đủ uẩn xứ giới chăng?

Đáp: Trong luận Duy Thức nói: Kinh xứ xứ nói chuyển uẩn vô thường, hoạch được uẩn thường, giới xứ cũng vậy. Sao nói Như Lai chẳng phải uẩn xứ giới? Nên nói chẳng phải, là mật ý nói. Lại trong thân Phật, mười tám giới v.v... thảy đều đầy đủ mà thuần vô lậu. Quả chuyển y đây lại chẳng nghĩ bàn, vượt qua đường tầm tư nói bàn vậy, vi diệu sâu mầu tự chứng bên trong vậy.

Hỏi: Trí đây là thấy biết của Phật, không thầy tự vậy, sao mượn nhân duyên xưng dương mở bày?

Đáp: Trí đây tuy chẳng ước ở duyên sinh mà theo duyên hiển bày, nếu chấp không nhân đều thành ngoại đạo. Như các sư xưa trước nói: Phật pháp tuy có trí không thầy, trí tự nhiên mà là chân lý thường trú, cần nhờ duyên để hiển bày thì cũng là nhân duyên vậy. Trong kinh Pháp Hoa nói: "Phật chủng theo duyên khởi". Trong kinh Lăng-già nói:

"Đại Tuệ thưa: Bạch Đức Thế Tôn! Phật nói thường chẳng nghĩ bàn. Các ngoại đạo kia cũng có thường chẳng nghĩ bàn. Vậy có gì khác? Phật dạy: Các ngoại đạo kia không có thường chẳng nghĩ bàn, vì không nhân vậy. Ta nói thường chẳng nghĩ bàn có nhân. Nhân ở bên trong chứng, đâu được đồng ư?" Vậy thì chân thường cũng nhân duyên khởi. Nên biết không có một pháp nào chẳng từ tâm mà sinh. Đạo của ba thừa đều là chứng bên trong. Nếu ngoài tâm lập nghĩa, mặc tình nói u huyền đều thành ngoại đạo. Lại nếu vào Duy thức trí, tuy chẳng chấp cảnh trước, chẳng đồng ngu tối không thấy không biết, tuy chiếu cảnh hư, mất trí còn đó. Trong luận Kim Cang Bát-nhã có kệ tụng nói:

"Tuy chẳng thấy các pháp
Chẳng phải không mắt liễu cảnh".

Do đó, trong Vĩnh Gia Tập nói: "Phàm, cảnh chẳng phải trí mà chẳng rõ, trí chẳng phải cảnh mà chẳng sinh. Trí sinh thì rõ cảnh mà sinh, cảnh rõ thì trí sinh mà rõ. Trí sinh mà rõ, rõ không chỗ rõ, rõ cảnh mà sinh, sinh không năng sinh. Tuy trí mà chẳng phải có, rõ không chỗ rõ, tuy cảnh mà chẳng phải không, không tức chẳng không. Có tức chẳng phải có, có không song chiếu, diệu ngộ thâm trầm, như lửa được củi càng thêm cháy mạnh. Củi dụ cho nhiều cảnh của phát trí, lửa dụ cho diệu trí của rõ cảnh". Bài Từ đó nói: "Đạt tánh không mà chẳng buộc, tuy duyên giả mà không đắm, cảnh của có không song chiếu, tâm của Trung quán trải rơi". Lại có kệ tụng nói: "Nếu trí rõ ở cảnh, tức là trí cảnh không, như mắt hết không hoa, là hết mắt không hoa. Nếu trí rõ ở trí, tức là trí không trí. Như mắt hết mắt không, là hết mắt không mắt. Trí tuy rõ cảnh không, và cả rõ trí không, chẳng không rõ cảnh trí. Cảnh không, trí còn có. Rõ cảnh trí không trí, không cảnh trí chẳng có, như mắt hết không hoa, và cả hết mắt không, chẳng không hết không mắt. Hoa không mắt còn có. Hết hoa mắt không mắt, không hoa mắt chẳng hết.

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 89

Hỏi: Chư Phật chỉ một pháp thân, cớ sao nói ba thân sai biệt?

Đáp: Căn cứ dụng phân ba, thể đó thường một. Trong luận Duy Thức nói: "Pháp thân như vậy, có ba tướng riêng biệt: Một, tự tánh thân, nghĩa là các Đức Như Lai pháp giới chân tịnh, thọ dụng biến hóa bình đẳng sở y, lìa tướng vắng lặng, tuyệt các hý luận, đầy đủ công đức chân thường không có ngằn mé, là chân tánh bình đẳng của tất cả pháp, tức tự tánh đây cũng gọi là pháp thân, chỗ pháp đại công đức nương dừng vậy; Hai, thọ dụng thân. Đây có hai thứ: Một là tự thọ dụng, nghĩa là các Đức Như Lai tu tập vô lượng tư lương phước tuệ, chỗ khởi vô biên công đức chân thật, và cực viên tịch thường khắp cùng sắc thân, tương tục trạm nhiên, suốt khoảng vị lai, luôn tự thọ dụng pháp lạc rộng lớn. Hai là, tha thọ dụng, nghĩa là các Đức Như Lai do trí bình đẳng bày hiện thân công đức tịnh diệu, ở cõi thuần tịnh, vì chúng Bồ-tát trú ở mười địa, hiện thần thông lớn, chuyển chánh pháp luân, quyết dứt lưới nghi, khiến kia thọ dụng pháp lạc Đại thừa. Ba, biến hóa thân, nghĩa là các Đức Như Lai do trí thành sự, biến hiện vô lượng tùy loại hóa thân, ở cõi Tịnh uế, vì chúng Bồ-tát chưa đăng địa và hàng Nhị thừa dị sinh, xứng căn cơ kia mà hiện thần thông nói pháp, khiến mỗi mỗi đều được các sự lợi lạc. Vì vậy chuyển diệt ba tâm được ba thân: Một là, tâm căn bản, tức thức thứ tám chuyển được pháp thân. Hai là, tâm y bản, tức thức thứ bảy chuyển được báo thân. Ba là, tâm khởi sự, tức sáu thức trước chuyển được hóa thân. Lại, một là, đoạn đức, đoạn tất cả phiền não, tức pháp thân; hai là, trí đức, gồm bốn trí làm báo thân; ba là, ân đức, ân xót thương nuôi dưỡng tất cả hữu tình là hóa thân, thì tám giải sáu thông từ một tâm mà khởi, ba thân bốn trí chỗ tám thức thành, trọn không một lý một hạnh mà từ ngoài lại, đều từ tự thức hành xử, một tâm mà chuyển, cho đến một thân vô lượng thân. Như trong kinh Hoa Nghiêm nói: Vô lượng thân mây lớp lớp vô tận, đều từ tánh khởi, vô ngại tròn chứa. Lại, các bậc Cổ đức hỏi: Phàm, pháp thân là pháp là nghĩa quỹ trì, quỹ

nghĩa là quỹ tắc, khiến vật sinh giải tức pháp thân, năng khiến ba căn bốn trí mà sinh giải vậy. Trì nghĩa là nắm giữ, chẳng bỏ tự tánh, nghĩa là giữ gìn thể của pháp thân ngưng đọng, chẳng bỏ tự thể của vô vi vậy. Vả lại như trí căn bản, chánh lúc chứng như, chẳng làm như giải, năng sở ngầm hợp một thể, như ánh sáng mặt nhật cũng hư không hợp chẳng phân đây kia, là không phân biệt, làm sao được rõ quỹ giải. Nếu có nghĩa quỹ giải tức có phân biệt. Nếu có phân biệt tức cùng trí hậu đắc nào khác biệt? Đáp: Phàm, luận về phân biệt, có ba thứ đó: Một, tùy niệm phân biệt, sát-na niệm sau tiếp tục ở niệm trước. Hai kế độ phân biệt, tức khắp cùng kế độ. Ba, tự tánh phân biệt, mặc tình duyên cảnh chẳng dính danh ngôn. Nay bản trí chứng như, chỉ không tùy niệm phân biệt và tính lường phân biệt, gọi là không phân biệt, nhưng chẳng ngăn ngại có tự tánh phân biệt, như người uống nước tuy không nói phô, nhưng lạnh nóng tự biết, nên biết cũng có nghĩa quỹ.

Hỏi: Biến hóa thân cùng tha thọ dụng thân là tâm chân thật hay là tâm biến hóa?

Đáp: Hai thân đây là hóa, nhưng hóa chẳng lìa chân. Trong luận Duy thức nói: "Hai thân đây tuy không tâm chân thật và tâm sở, mà có hóa hiện tâm tâm sở pháp. Vô thượng giác giả, thần lực khó nghĩ, nên năng hóa hiện pháp không hình chất. Nếu chẳng vậy thì làm sao Như Lai hiện tham sân v.v... lâu đã đoạn vậy. Cớ sao Thanh văn và bàng sinh v.v... biết tâm Như Lai? Tâm thật của Như Lai, các hàng Đẳng giác Bồ-tát còn chẳng biết vậy. Do đây mà trong kinh nói: "Hóa vô lượng loại đều khiến có tâm". Lại nói: Thành sở tác trí của Đức Như Lai hóa làm ba nghiệp. Lại nói: Biến hóa có tâm y tha. Thật tâm y tha tướng phần hiện vậy, cho đến, tự tánh pháp thân, chỉ có thường, lạc, ngã, tịnh chân thật, lìa các tạp nhiễm, chỗ các thiện nương, công đức vô vi không sắc tâm v.v... tướng dụng sai biệt, tự thọ dụng thân đủ vô lượng thứ diệu sắc tâm v.v... công đức chân thật. Nếu tha thọ dụng và biến hóa thân chỉ đủ lợi lạc tợ sắc tâm v.v... tha dụng hóa Tịnh độ công đức. Vì vậy Như Lai diệu thể pháp thân thanh tịnh chẳng đi chẳng lại như ánh như tượng, như nhật nguyệt của bốn Thiên vương hiển hiện trong nước trong sạch chẳng ra chẳng vào, tợ cung điện của Kiều-thi-ca hiện trong đất lưu ly chẳng phải có chẳng phải không. Trong luận Niết-bàn Vô Danh nói: "Pháp thân không tượng dùng hình ứng vật. Bát-nhã vô tri đối duyên mà chiếu. Muôn cơ chóng đến mà chẳng nhiễu thần đó, ngàn vạn khác đối mà chẳng can lự đó. Động như mây đi, dừng tợ thần cốc, đâu có tâm ở kia đây, tình buộc ở động tĩnh đó ư? Đã không tâm ở động tĩnh

cũng không tượng ở đi lại. Đi lại chẳng vì tượng vậy, không đồ vật nào mà chẳng hình. Động tĩnh chẳng vì tâm vậy, không cảm nào mà chẳng ứng, nhưng mà tâm sinh ở có tâm, tượng ra ở có tượng. Tượng chẳng phải ngã ra vậy, vàng đá chảy mà chẳng chảy, tâm chẳng phải ngã sinh vậy. Sử dụng thường ngày mà chẳng chuyên cần, rối ren tự kia, ở ta sao làm. Do đó, trí khắp muôn vật mà chẳng nhọc, hình đầy tám cực mà không hoạn, thêm chẳng thể đầy, bớt chẳng thể khuyết. Sao lại trong bệnh cùi hủi mà được thọ cực song thọ, thiên quan linh kiệt thể đều đốt cháy nó ư? Vì vậy chư Phật chẳng ra đời cũng chẳng vào Niết-bàn, vốn ngộ chân tâm thành đạo, chân tâm không hình, đâu có ra vào ư? Chỉ tùy chúng sinh có tâm cơ thục, cảm thấy thân của báo hóa, chỗ có thấy nghe đều là ảnh tượng của trong tâm chúng sinh. Nên nói tâm sinh ở có tâm, tượng ra ở có tượng, thì chư Phật không tâm không thân đâu có nhọc lo nghĩ mệt tai họa ấy thay! Lại, Pháp sư Lễ thuật về nghĩa ba thân là: "Pháp thân giống như tánh của hư không, mây ùn tức che, sương tan tức sáng, tánh đó vốn thường vậy. Báo thân như mặt nhật giữa không, sáng rực vậy, lên cao càng sáng tỏa lớn, thể đó luôn còn vậy. Hóa thân như ảnh của soi nước, dừng trong tức hiện, chảy đục tức mờ, ẩn hiện chẳng luôn, qua lại chẳng định". Phàm, hóa Phật là đâu ai khác ư? Dụng của báo thân viên ứng. Báo thân là gì ư? Thể của chỗ bi trí thành vậy. Bi lấy cứu tế rộng khắp làm lý. Trí dùng thiện quyền làm nghiệp. Do đó, nhân thời giáng vết tùy vật hiện thân. Thân vết là dụng. Bi trí là thể, thể là gốc đó, dụng là ngọn đó, nương thể dấy dụng, gồm ngọn về gốc, muốn cầu khác đó, lý có thể vậy ư? Báo thân tức hóa vậy. Hóa thân tức pháp vậy, Hòa thượng tức pháp lý vi tế vậy, trở lại cậy ảnh dụ mà thuật vậy. Phàm, ảnh mặt nhật của trong nước chẳng từ ngoài lại chẳng từ trong ra, chẳng đây chẳng kia chẳng khác chẳng một, chẳng không tướng trạng đó, chẳng có hình chất đó, chợt nhiên mà còn chợt nhiên mà mất. Tượng sáng rõ mà động tánh linh mà yên lặng. Chấp thật là vì vọng, biết vọng là rõ thật, mặt nhật là nghĩa gì vậy? Mặt nhật nếu từ ngoài lại là, ngoài nước sao còn ư? Nếu từ trong ra, trong nước trước có ư? Nếu nói tại đây là, ở kia chẳng thấy ư? Nếu nói tại kia là, ở đây chẳng thấy ư? Nếu nói là khác là, một thấy có hai ư? Nếu nói là một là, hai thấy đâu một ư? Nếu nói là không là, ở thấy có thể mất ư? Nếu nói là có là, cầu thể từng được ư? Gọi đó sinh, sinh không từ chỗ nào, gọi đó diệt diệt không chỗ đi, chẳng sinh vậy, chẳng diệt vậy. Tánh tướng vắng lặng, tuyệt lối tâm ngôn, đó có thể gọi là thấy thật tánh của nước ảnh vậy, thấy tánh của ảnh là có thể thấy thật tánh hóa thân. Thấy tánh của hóa là, tức chứng

thể của pháp thân vậy. Tịnh Danh nói: Phật thân tức pháp thân vậy. Lại quán thân thật tướng, quán Phật cũng vậy, Bát-nhã nói: Nếu thấy các tướng chẳng phải tưởng tức thấy Như Lai. Lại, lìa tất cả tướng tức gọi là chư Phật. Vì vậy cất bước đặt chân, đạo tràng xúc xứ mà vô tận, mở mắt nhắm mắt, chư Phật hiện tiền mà chẳng diệt. Như trên nói, một thể ba thân, lý sự cùng thành thể dụng giao triệt, chẳng ra chẳng ở ẩn hiển đồng thời, đều là chánh nghĩa bản tông một tâm. Vì vậy, một thân nhiều thân đều là pháp giới, chỗ ngộ một Phật tức pháp giới vô ngại. Lý của tức sự toàn tại trong nhiều, chỗ hiện mới là sự của tức lý, toàn ở trong một. Lại, thành hoại một khoảng, duyên khởi đồng thời. Như lúc mới đầu tạo các tượng báu, mười năm tượng thành, trăm năm tượng hoại. Lúc của mới đầu được một báu, mười năm tượng thành trăm năm tượng hoại, đều tại lúc của được bán duyên khởi. Vì trăm năm chẳng đi, hiện tại chẳng trú. Trong duyên các báu, không thể thành hoại, để rõ trí từ muôn hạnh. Các Ba-la-mật ba mươi bảy phẩm trợ đạo, trong các thiện pháp, để thành thân Như Lai. Nhưng trong mỗi mỗi duyên, không ngã không tác giả, không thể thành hoại, mới gọi là Chánh giác.

Hỏi: Pháp thân chư Phật trong lắng sáng sạch, cớ sao khởi tướng của sáu căn?

Đáp: Một, vì tức tướng rõ chân, đâu trái đại dụng. Hai, vì lợi tha thắng nghiệp chẳng đoạn hóa môn. Như trong luận Bảo Tánh nói: “Nương tự lợi lợi tha, thành tựu nghĩa nghiệp vậy”. Nên có kệ tụng nói:

“Vô lậu và khắp đến
Chẳng diệt pháp cùng hằng
Trong mát chẳng biến khác
Chẳng lùi xứ vắng lặng
Thân chư Phật Như Lai
Như hư không không tướng
Diệu sắc thường trong lắng
Sáu căn rất sáng sạch
Mắt Phật thấy các sắc
Tai nghe tất cả tiếng
Ý biết tất cả pháp
Trừ các hành vướng vít
Phật lìa tướng hư không”.

Lại có kệ tụng nói:

“Như hư không không tướng

Mà hiện tướng sắc thảy
Pháp thân cũng như vậy
Đầy đủ tướng sáu căn".

Lại có kệ tụng nói:

"Như Lai thân ảnh gương
Mà chẳng lìa bản thể
Giống như tất cả sắc
Chẳng lìa nơi hư không".

Như trong kinh Pháp Hoa nói rõ sáu căn thanh tịnh, mắt thấy tất cả sắc, tai nghe tất cả tiếng, mũi ngửi tất cả hương, lưỡi rõ tất cả vị, thân hiện tất cả cảnh, ý biết tất cả pháp v.v...

Hỏi: Nếu chúng sinh có thể độ thì chư Phật giới tăng, chúng sinh giới giảm. Nếu chẳng thể độ, có các hạnh nguyện thảy đều luống mất, làm sao thông hiểu, đoạn tà kiến đó?

Đáp: Trong kinh nói: Tất cả phàm phu ngu si chẳng như thật biết một pháp giới, chẳng như thật thấy một pháp giới, nên khởi tâm tà kiến làm chúng sinh giới tăng chúng sinh giới giảm. Sở dĩ như vậy, chỉ vì chẳng như thật rõ tâm một pháp giới nên thấy tăng giảm". Lại trong kinh nói: "Định tướng chúng sinh chẳng thể được vậy". Lại trong kinh nói: "Chúng sinh giới không tánh vậy, chúng sinh giới vô biên vậy". Các bậc Cổ đức nói: Nói tóm lại, chúng sinh giới như hư không, giả sử vô lượng thần thông ưu thắng, mỗi mỗi ở vô lượng kiếp hành nơi hư không, tìm cầu ngằn mé hư không, trọn chẳng thể tận, chẳng phải vì chẳng tận, chẳng gọi là dạo đi, chẳng phải vì dạo đi, khiến được ngằn mé đó. Phải biết, trong đây đạo lý Phật độ chúng sinh cũng vậy, chẳng phải vì sẽ được khiến đó có rốt cùng, chẳng phải vì không rốt cùng nói có không được. Cho nên, nếu cật nạn tất cả chúng sinh đều sẽ thành Phật, vậy thì chúng sinh tuy nhiều, hẳn có nghi ngờ của rốt cùng tận, không gì chẳng thông. Trong luận Đại Thừa Khởi Tín nói rõ: Nghiệp tướng chẳng nghĩ bàn, thì cảnh giới chư Phật, tại sao chẳng nghĩ bàn? Vì chẳng phải một chẳng phải khác, chẳng có chẳng không, chẳng phải nói nghĩ có thể định, chỗ tình giải lường biết vậy, xưng là nghiệp tướng của chẳng nghĩ bàn, nghiệp tướng của chẳng nghĩ bàn đây là, cùng các chúng sinh làm cảnh giới sáu căn vậy. Trong luận Bảo Tánh nói: "Thân chư Phật Như Lai như hư không không tướng. Vì thắng trí là làm cảnh giới sáu căn, hiện bày sắc vi diệu, hiện ra âm thanh diệu khiến ngửi hương giới của Phật cùng vị diệu pháp của Phật, bèn giác Tam-muội xúc, khiến biết pháp sâu mầu thường hóa chúng sinh, là dụng của chân

như, nên nói là nghiệp chẳng nghĩ bàn vậy". Bản giác dụng đây cùng tâm chúng sinh xưa nay không hai, chỉ bất giác theo dòng. Dụng liền chẳng hiện, dụng thì ở trong tâm kia, xứng căn hiển hiện, mà chẳng tác ý ta hiện sai biệt, nên nói tùy căn tự nhiên tương ưng thấy không gì chẳng ích, là tướng của bản giác tùy nhiễm. Do đó Bồ-tát năng hành chẳng phải đạo mà thông đạt chánh đạo, nếu vào môn Tông Kính, đạo của cứu cánh, thì nhiễm tịnh do tâm, không chẳng phải không chánh, nếu vào môn phương tiện, đạo của phân biệt, thì Bồ-tát với lực đại bi nên thường hành vô ngại. Nên các bậc Cổ đức có hỏi: Hành của chẳng phải đạo là nghiệp phiền não, Bồ-tát nên đoạn, cớ sao hành đó? Đáp: Có ba nghĩa: Một, môn tiệm xả, dừng ác hành thiện; Hai, môn xả tướng, thiện ác đều lìa; Ba, môn tùy tướng lợi ích, nhiễm tịnh đều hành. Môn thứ ba đây lại có ba ý: Một, căn cứ về hành, tự hành tu tịnh, hóa tha tùy nhiễm. Hai, căn cứ về nhân, hóa phàm đồng nhiễm hóa Thánh đồng tịnh. Ba, căn cứ về pháp, tùy pháp thế gian. Hẳn phải hiện nhiễm, tu pháp Bồ-tát, hẳn phải tu tịnh. Lại hỏi: Bồ-tát hành chẳng phải đạo, tu đạo nào? Đáp: Đạo có ba thứ: Một, chứng đạo, nghĩa là hai không chân như, chánh thể trí chứng. Hai, trợ đạo, duyên tu vạn hạnh, trơ hiển bày chân lý. Ba, chẳng trú đạo, tức là bi trí chẳng trú sinh tử chẳng trú Niết-bàn. Do đó Bồ-tát bày hành hiện đồng sự đó, là muốn đồng ác dừng ác, đồng thiện tấn thiện. Nếu sơ khác đó giáo hóa tức khó, nên phải hành chẳng phải đạo mà độ thoát đó, đều khiến ngộ vào đồng thể chân tâm vậy. Do đó, trong kinh Lăng-già nói: "Xuất thế gian thượng thượng Ba-la-mật là, như thật năng biết chỉ là tự tâm hư vọng phân biệt thấy cảnh giới bên ngoài. Bấy giờ thật biết chỉ là tự tâm, thấy pháp trong ngoài chẳng hư vọng phân biệt, chẳng thủ sắc tướng tự tâm trong ngoài vậy. Vị Đại Bồ-tát như thật năng biết tất cả pháp nên hành Đàn Ba-la-mật, vì khiến tất cả chúng sinh được vui vô úy an ẩn vậy. Cho đến Bồ-tát như thật quán sát tướng của tự tâm phân biệt, chẳng thấy phân biệt, chẳng đọa hai biên, nương như thật tu hành, chuyển thân chẳng thấy một pháp sinh, chẳng thấy một pháp diệt. Hạnh tự thân chứng Thánh bên trong tu hành là Bồ-tát Bát-nhã Ba-la-mật". Trong Hoàn Nguyên Quán nói: "Trí thân ánh hiện các duyên quán là, nghĩa là trí thể chỉ một năng soi xét các duyên duyên tướng vốn không, trí thể tịch chiếu, tướng các duyên hết. Như như riêng còn, nghĩa là pháp của hữu vi không gì chẳng đều hợp chân tánh. Nên biết chân tâm khắp tất cả xứ, không duyên nào chẳng đủ, không pháp nào chẳng tùy. Do đó trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Thân Phật đủ cùng nơi pháp giới, hiện khắp tất cả trước

chúng sinh, tùy duyên cảm đến khắp đủ cả, mà thường ngồi tòa Bồ-đề đây”. Trong luận Đại Trí Độ nói: “Như mặt nhật tỏa chiếu thiên hạ, chẳng hay khiến cao thành thấp thấp thành cao, chỉ hiển hiện mà thôi. Phật cũng như vậy, ở nơi các pháp không chỗ làm vậy”. Trong kinh nói: “Thân Phật vô vi, chẳng đọa trong các số”.

Hỏi: Thật tướng một tâm phước trí đồng như, cớ sao phân thân Phật là chân hóa hư thật, có hơn kém của cúng dường ruộng phước?

Đáp: Phật chẳng phải chân hóa, chân hóa tùy tâm. Tâm chân thì chân phước vô biên, tâm giả thì giả báo có hạng. Như ác tâm làm thân Phật ra máu. Báo thân Phật thật có thì máu từ tâm sinh. Nếu tâm kính muốn thấy Phật hóa thân, thì Phật từ tâm hiện. Nên biết ẩn hiển tại ta, thân Phật vô vi. Hơn kém duy tâm ruộng phước bình đẳng. Như trong luận Đại Trí Độ nói: “Hỏi: Phật, nếu không phân biệt là, cúng dường chân Phật cho đến vô dư Niết-bàn, phước hẳn vô tận, cúng dường hóa Phật cũng vậy chăng? Đáp: Cúng dường hóa Phật chân Phật, phước đó không khác. Tại sao? Phật được thật tướng các pháp nên, cúng dường phước vô tận, hóa Phật cũng chẳng lìa thật tướng vậy. Nếu người cúng dường, tâm năng chẳng khác, phước đó cũng đồng. Lại nói: Hóa Phật không công đức mười lực v.v... cớ sao cùng đồng chân Phật? Đáp: Các công đức mười lực v.v... đều vào thật tướng các pháp. Nếu mười lực v.v... lìa các pháp thật tướng, thì chẳng phải Phật pháp, sa đọa điên đảo tà kiến. Lại hỏi: Nếu vậy, trong hóa thân quyết định có các pháp thật tướng, cớ sao nói tâm ác làm thân Phật ra máu, mắc tội nghịch, chẳng nói là hóa Phật? Đáp: Trong kinh chỉ nói: Tâm ác làm thân Phật ra máu, chẳng biện chân hóa. Nếu cúng dường hóa Phật đầy đủ phước, thì ác tâm hủy báng cũng mắc tội nghịch người ác định cho rằng Hóa Phật là chân mà tâm ác làm ra máu, máu ra là bèn mắc tội nghịch. Nên biết tùy tâm dối thật, Phật không định hình, trong lý thật tướng, tội phước đều lặng.

Hỏi: Báo hóa đã đồng thật tướng, cớ sao trong giáo nói Phật thọ lượng có ngắn dài đó?

Đáp: Một tâm chân như, tánh vô tận vậy, tức là thọ lượng của mười phương chư Phật. Vì vậy, mảnh núi giọt biển còn có thể so sánh, không giới địa trần còn có thể biết số. Huống gì Như Lai thường, lạc, ngã, tịnh pháp thân tuệ mạng, đâu cùng ngằn mé ư? Nên nói pháp tánh thọ là, chẳng phải đắc mạng căn cũng không liền trì, cưỡng chỉ chẳng đổi chẳng biến, gọi đó là mạng. Mạng đây chẳng phải lượng dài, cũng chẳng phải lượng ngắn, không dài ngắn, cưỡng chỉ pháp giới đồng lượng

hư không, đây tức thân của chẳng phải thân, thọ của không thọ, lượng của chẳng lượng vậy. Nên trong kinh Kim Quang Minh có kệ tụng nói:

"Tất cả các nước có thể biết bao nhiêu giọt
Không ai có thể tính thọ lượng của Thích Tôn
Các núi Tu-di có thể biết cân lượng
Không ai có thể lường thọ mạng của thích tôn
Tất cả đại địa có thể biết số bụi trần
Không ai có thể đếm được thọ mạng của Thích Tôn
Hư không phần giới còn có thể cùng tận ngằn mé
Không ai có thể tính được thọ mạng của Thích Tôn".

Trong Pháp Hoa Sớ Thích phẩm Như Lai Thọ Lượng nói: "Thọ (thọ mạng) là thọ (thọ nhận) vậy, nếu pháp thân chân như chẳng cách các pháp, nên gọi là thọ. Nếu báo thân, cảnh biết tương ưng, nên gọi là thọ. Nếu ứng thân, một kỳ báo được trăm năm chẳng đoạn, nên gọi là thọ. Pháp thân Như Lai lấy như lý làm mạng. Báo thân Như Lai lấy trí tuệ làm mạng. Ứng thân Như Lai lấy đồng duyên lý làm mạng. Pháp thân Như Lai như lý mạng là, có Phật không Phật tánh tướng thường vậy, chẳng luận tương ưng cùng tương tục, cũng không có lượng và không lượng. Trong kinh nói: "Chẳng phải như, chẳng phải khác, chẳng phải hư chẳng phải thật". Bởi là phân tích lượng pháp thân như lý mạng vậy. Phân tích lượng báo thân Như Lai. Vì trí như như khế cảnh như như. Cảnh phát trí làm báo, trí ngầm cảnh làm thọ, cảnh đã vô lượng vô biên thường trú chẳng diệt. Trí cũng như vậy, hộp lớn nắp lớn. Trong kinh có kệ tụng nói:

"Trí lực ta như vậy
Chỗ lâu tu nghiệp được
Tuệ quang chiếu vô lượng
Thọ mạng vô số kiếp".

Đây là giải thích lượng báo thân Như Lai tuệ mạng vậy. Giải thích lượng ứng thân là, ứng thân đồng duyên, duyên dài đồng dài duyên, ngắn đồng ngắn, rối ren tự kia, ở ta vô vi". Trong kinh nói: "Luôn luôn hiện sinh, luôn luôn hiện diệt, hoặc là tự nói danh tự chẳng đồng, niên kỷ lớn nhỏ". Đây là giải thích lượng ứng Phật đồng duyên mạng vậy. Trong Vô Sinh Nghĩa nói: "Tánh tự vậy là, tức là pháp tánh không, không tức Bồ-đề, nay sinh thân mạng từ sinh ý trong tham thủ ở quá khứ. Đã là pháp tánh không, phải biết thân mạng đời nay, cũng tức mạng từ trong pháp tánh không ra. Pháp tánh đã không, chỗ sinh thân mạng cũng trở lại pháp tánh không đi. Nên trong kinh Niết-bàn nói:

"Như tám sông lớn và các sông nhỏ đều chảy vào biển lớn. Như vậy, tất cả trong loài người trên trời, đất và hư không thọ mạng sông lớn thảy đều chảy vào trong biển Như Lai thọ mạng. Lại như ao A-nậu-đạt sinh ra bốn sông lớn. Như Lai cũng vậy, ra tất cả mạng, mạng đã từ như ra, trở lại như đi, sáu căn cũng như vậy, từ như ra, trở lại như đi. Nếu tin như trên nói về Như Lai thọ lượng, thì Phật thân gần so sánh công đức, thí như có người trong vô lượng kiếp hành năm pháp Ba-la-mật, chẳng bằng dùng chánh trí Bát-nhã phát tâm tin trong một niệm, so với công đức trước thì gấp bội trăm ngàn muôn lần". Nên trong kinh Pháp Hoa có kệ tụng nói:

"Người đó ở trăm ngàn
Muôn ức vô số kiếp
Tu hành các công đức
Như nói rõ ở trên
Có thiện nam tín nữ
Nghe ta nói thọ mạng
Cho đến một niệm tin
Phước đây nhiều hơn kia".

Hỏi: Đã lập một tâm, thân của chánh báo, phải có một tâm cõi của y báo. Thân đã đủ ba, cõi có mấy thứ?

Đáp: Tùy nghĩa phân riêng, tướng cũng nhiều thứ. Trong kinh Hoa Nghiêm nói đủ mười cõi, hoặc một hai ba, mở hợp chẳng định. Theo Thai giáo nói cõi nước Phật có bốn: Một, cõi nước nhiễm tịnh, phàm Thánh đồng ở. Hai, cõi nước hữu dư, phương tiện người ở. Ba, cõi nước quả báo, thuần pháp thân Bồ-tát ở, tức cõi lưới Nhân-đà-la không chướng ngại. Bốn, cõi Thường tịch quang, tức chỗ diệu giác ở. Lại, các kinh luận chung biện có năm, xưa trước giải thích: Một, cõi pháp tánh, chân như làm thể. Hoặc trong năm pháp lấy pháp giới thanh tịnh làm thể, chân như cùng pháp giới, trong môn tổng tướng tức chẳng khác, trong môn biệt tướng tức có khác. Nhân như khắp cùng tất cả nhân quả, bao gồm thông tức rộng, pháp giới thanh tịnh tức hẹp. Chỉ quả vị vậy; Hai, cõi Thật báo, lực vô úy v.v... tất cả công đức vô lậu, năm ấm lấy làm thể tánh, gồm tướng về tánh, lấy chân như làm thể. Nhân tu muôn hạnh. Quả khởi đáp nhân, chỗ chiêu cảm của quả báo chân thật, gọi là cõi Thật báo. Ở trong Phật tự thọ dụng thân dùng bốn trí làm thân, chỗ nương tựa công đức mười lực bốn vô sở úy, lấy đó làm cõi; Ba, cõi Sắc tướng nhiếp cảnh từ tâm tự lợi, trí hậu đắc làm thể, tịnh thức tự tại tối cực làm tướng. Thức thứ tám vô cấu gọi là tịnh thức, chỗ biến của trong

Đại viên kính trí và trí hậu đắc. Gồm tướng về tánh cũng lấy chân như làm thể. Nếu căn cứ tướng riêng, bốn trần làm thể; Bốn, cõi tha thọ dụng, gồm cảnh tự tâm lợi tha, trí hậu đắc làm thể, nhiếp tướng và tánh, lấy chân như làm thể, nếu ước về tướng riêng bốn trần làm thể. Năm, cõi biến hóa. Bồ-tát biến hóa cõi hữu lậu là đồng như trước. Gồm cảnh từ tầm bản thức làm thể. Vô lậu là, đồng như trước. Tự lợi, trí hậu đắc làm thể, Phật cũng đồng thể đây, căn cứ tánh chân như làm thể, tướng riêng bốn trần làm thể. Nhưng cõi biến là, nếu trong thức thứ tám từ chủng tử biến sinh. Bốn trần năm trần hiện hành là, gọi là nhân duyên biến. Phật chỉ vô lậu. Bồ-tát hữu lậu thông tịnh uế. Nếu chỗ thức thứ sáu thức thứ bảy biến là, mỗi phân biệt biến. Phật chỉ vô lậu, cõi báo cõi hóa hoặc thông tịnh uế. Nếu thức thứ bảy trong vị hữu lậu, chỉ bên trong duyên kiến phần thức thứ tám, chẳng năng biến cõi. Nếu thức thứ sáu thứ bảy vô lậu trong trí hậu đắc, năng biến đó là, chỉ thông ảnh, chẳng thể thọ dụng. Vì chẳng từ chủng sinh vậy. Chỉ có thể hiện tướng của tịnh uế giáo hóa chúng sinh. Các thân và cõi trên nói tổng thể thì đều lấy pháp giới một tâm Như Lai tạng tánh làm thể, vì pháp nhĩ vậy, ước về Biệt thể thì như chỗ biện giải trên.

Hỏi: Cõi tịnh cõi uế, là tương đương đồng thể khác thấy hay tương đương biệt thể khác thấy? Là tương đương thể không vọng thấy, hay tương đương thể có vọng thấy?

Đáp: Chẳng phải đồng chẳng phải khác, chẳng có chẳng không, chỉ tùy tự tâm, nhân chỗ nghiệp hiện. Pháp sư An nói: Cõi tịnh cõi uế, nên dùng bốn câu để phân biệt, một chất chẳng thành, tịnh uế đầy khuyết, khác chất chẳng thành, một lý đều bình, không chất chẳng thành, duyên khởi vạn hình, có chất chẳng thành, tìm người tức ngầm. Nên trong kinh Lăng-già có kệ tụng nói:

“Chẳng biết Duy tâm hiện
Cho nên phân hai thấy
Như thật chỉ biết tâm
Phân biệt tức chẳng sinh”.

Trong kinh Mật Nghiêm có kệ tụng nói:

“Tâm đó có hai tánh
Như gương ngậm muôn tượng
Cũng như nước hiện trăng
Mắt màng thấy vòng lông
Vòng lông châu anh lạc
Đây đều không chỗ có

Chỉ từ bệnh mắt màng
Nếu đây mà hiển hiện
Bình áo đều tự biết
Chúng sinh cũng như vậy
Hư vọng chấp ngã nhân
Chẳng biết luận chấp thủ
Chúng sinh và bình thảy
Các thứ mọi hình tướng
Trong ngoài tuy chẳng đồng
Tất cả từ tâm khởi
Nương ở thức Lại-da
Tất cả các chủng tử
Tâm như cảnh giới hiện
Cho nên nói thế gian
Thế gian chẳng tác giả
Nghiệp vì vi trần làm
Chỉ là A-lại-da
Biến hiện tợ ở cảnh".

Trong Thanh Lương Ký nói: Trên đây bốn câu phân biệt cõi tịnh cõi uế là một hướng ngăn ngừa lỗi thầm, thật thì tức khác tức đồng tức có tức không, nếu qua lại hình đoạt thì một khác mà hai mất, có không đều tịch. Nếu viên dung vô ngại thì tức một tức nhiều tức không tức có. Có là không có, không là có không. Nhiều là nhiều của tức một, một là một của tức nhiều. Có không tức tự lý vô ngại. Một nhiều gồm sự sự vô ngại, do đây lớp lớp vậy. Cõi Hoa Nghiêm tạng mỗi mỗi trần đều thấy pháp giới. Lại y chánh không hai, bốn câu xen lẫn dung hòa. Một, thân Phật tức cõi là, thể Phật tức là cõi pháp tánh, phế bỏ tha theo mình, thể Phật hư rỗng vậy. Ngoài cõi không Phật, pháp tánh không hai vậy; Hai, cõi tức thân Phật là, thể cõi tức là pháp tánh thân vậy. Phế bỏ mình theo tha, thể cõi hư rỗng vậy. Ngoài Phật không pháp tánh không hai vậy. Do tánh không hai, lấy tánh dung tướng nên thân cõi tương tức; Ba, đều cùng là, nghĩa là có thân có cõi, chẳng hoại tướng vậy, nếu không thân cõi, không thể tương tức vậy; Bốn, hết sạch là, nghĩa là Phật tức cõi, nên chẳng phải Phật, cõi tức Phật nên chẳng phải cõi, vì qua lại đoạt vậy.

Hỏi: Thân cõi đã tổng chỉ một tâm, thể của pháp giới. Thế nào là hành tướng của tự tha mỗi thọ dụng thân cõi?

Đáp: Một thể tuy đồng, chẳng ngăn ngại qua lại khắp cùng, trong

đồng có khác, tự vào ở tha. Trong khác có đồng, tha khắp ở tự, các bậc Cổ đức có hỏi: Tự thọ dụng thân cõi mỗi mỗi vô biên, thân cõi chư Phật chẳng chướng ngại nhau, hành tướng như thế nào? Đáp: Như nước sữa một xứ thể đó không riêng biệt, ngỗng chúa uống đó chỉ được sữa mà chẳng được nước đó. Chợt thấy sắp cho rằng nước sữa là một, nếu uống rồi tức biết có khác. Lại như các đèn sáng đồng để trong một phòng, tự sắc chẳng thể phân, nếu luận về thể sáng, vốn là mỗi riêng biệt. Tự thọ dụng thân tuy hợp một xứ, vốn là mỗi mỗi có khác, đều tự thọ dụng pháp lạc, thì mỗi mỗi đều đủ tám thức vậy. Do đó được qua lại khắp cùng chẳng phải đồng một thể không khác, chẳng phải một chẳng phải khác có thể biện rõ thân Phật.

Hỏi: Đã là chân như, sao phân thân cõi ư?

Đáp: Căn cứ nghĩa mà lập đó. Ở trong chân như lấy tánh thành muôn đức làm thân, lấy lý của không làm cõi. Căn cứ nghĩa tức riêng biệt thể chẳng lìa nhau. Lại, trong chân lý đủ bốn đức. Hai đức thường tịnh là cõi, hai đức ngã lạc là thân, nên nói cõi ta đây thanh tịnh mà ông chẳng thấy, thì chân thân bao hàm muôn pháp làm cõi vậy, nếu ngoài tâm thủ cõi, thấy tướng mê chân, thành dơ cấu của vọng tưởng, nên gọi là uế. Nếu thấy tâm tánh thì gọi là tịnh. Vì vậy, một pháp chẳng động, khác thấy thường sinh, mê có làm trần lao, ngộ không thành cõi Phật, chẳng phải dời Diệu hỷ, chẳng phải biến Ta-bà, cũng chẳng phải chỗ thần lực làm, pháp tánh nào từng chuyển biến, giống như kẻ mắt màng đồng ở, mỗi mỗi quán tóc ruồi vòng lông, chỗ thấy sai biệt, như chấp cảnh giới bên ngoài đều là vọng tâm. Như trong kinh nói: "Thí như nay mắt thấy núi sông, đều là bệnh thấy từ vô thủy'.

Hỏi: Ngoài tâm không pháp, ngoài đạo không tâm, cớ sao chư Phật tự xưng ra đời đắc đạo, rộng nói giáo môn?

Đáp: Chỉ vì chúng sinh chẳng rõ Duy tâm, vọng sinh cảnh bên ngoài, vì chẳng thật vậy. Do đó chư Phật ra đời, nếu có một pháp là thật, thì chư Phật trọn chẳng ra đời. Do đó, nói giáo môn phương tiện, chẳng vì người biết mà nói, chỉ vì người chưa biết, phá chấp trừ nghi, tợ hình ngôn giáo, nếu chấp mất nghi tiêu, thì không đạo có thể được. Không pháp có thể nói. Trong kinh Tư Ích nói: "Phật dạy: Lúc ta ngồi đạo tràng chỉ được chỗ điên đảo khởi phiền não rốt ráo không tánh, vì không chỗ được nên được, vì không chỗ biết nên biết. Lại, Phạm thiên Tư Ích hỏi Bồ-tát Văn-thù Sư-lợi rằng: Đắc pháp gì nên gọi là đắc đạo? Văn-thù Sư-lợi đáp: Nếu pháp chẳng tự sinh chẳng kia sinh, cũng chẳng các duyên sinh, từ xưa đến nay thường không có sinh. Đắc pháp đó nên

gọi là đắc đạo. Lại hỏi: Nếu pháp chẳng sinh, là đắc chỗ nào? Đáp: Nếu biết pháp chẳng sinh tức gọi là đắc. Cho nên Đức Phật nói nếu thấy các pháp hữu vi chẳng sinh tướng, tức vào chánh vị. Lại hỏi: Thế nào là chánh vị? Đáp: Ngã và Niết-bàn v.v... chẳng làm hai, đó gọi là chánh vị". Phàm, chánh vị là, tức tự chân tâm, vào trong vị đây các thấy tự hết sạch, vào cảnh giới Phật. Trong kinh nói: Như Lai, không nên dùng sắc thấy, chẳng nên dùng pháp thấy, chẳng nên dùng tướng thấy, chẳng nên dùng tốt đẹp thấy, chẳng nên dùng pháp tánh thấy. Trong kinh Đại Tập nói: "Bấy giờ trong chúng hội có một Thiên tử tên là Thắng Ý nói cùng Bồ-tát Bất Khả Thuyết rằng: Này thiện nam! Nếu tất cả pháp chẳng thể nói là chúng sinh làm sao mà được nói phô? Bồ-tát Bất Khả Thuyết nói: Này thiện nam! Ông sao biết âm vang có nói phô chăng? Thắng Ý nói: Này thiện nam! Âm vang là từ nhân duyên mà có. Bồ-tát Bất Khả Thuyết hỏi: Này thiện nam! Nhân của âm vang đó là định tại trong hay định tại ngoài? Thắng Ý đáp: Này thiện nam! Nhân như vậy là chẳng định tại trong chẳng định tại ngoài. Bồ-tát Bất Khả Thuyết nói: Này Thiên tử! Tất cả chúng sinh cưỡng làm hai tưởng mà có chỗ nói. Tánh của các pháp thật chẳng thể nói. Thắng ý nói: Này thiện nam! Nếu chẳng thể nói cớ sao Đức Như Lai tuyên nói tám muôn bốn ngàn pháp tụ, khiến các Thanh văn thọ trì đọc tụng? Bồ-tát Bất Khả Thuyết nói: Này Thiên tử! Đức Như Lai thành tựu thật không chỗ nói. Không chỗ nói, tức là Như Lai. Này Thiên tử! Ông biết những gì là Như Lai ư? Há chẳng phải là sắc, thọ, tưởng, hành, thức là Như Lai ư? Há chẳng nói Phật là quá khứ vị lai hiện tại, hữu vi vô vi, ấm giới các nhập, chỗ ba cõi nhiếp là nhân là quả là hòa hợp ư? Hoặc tưởng chẳng phải tưởng, cũng tưởng chẳng phải tưởng, chẳng phải tưởng chẳng phải chẳng phải tưởng ư? Không như vậy. Này thiện nam! Thiên tử! Nếu như vậy v.v... đều chẳng phải Như Lai, làm sao có thể nói? Nếu chẳng thể nói thì cớ sao mà nói Đức Như Lai thành tựu diễn nói tám muôn bốn ngàn pháp tụ. Cho nên tám muôn bốn ngàn pháp tụ thật chẳng thể nói. Thanh văn nhận giữ cũng chẳng thể nói, chẳng thể nói tức là chánh nghĩa. Nếu không nói tức là chân thật". Trong kinh Lăng-già nói: "Ta chỉ nói vô thủy hư ngụy vọng tưởng tập khí, các thứ ác là nhân của ba cõi, chẳng năng hay biết tự tâm hiện lượng, mà sinh vọng thức phan duyên tánh bên ngoài". Đó thì chỉ rõ cảnh bên ngoài tự tâm không tánh. Vì chẳng rõ tâm lượng, vì bất giác tâm lượng nên vọng thủ duyên bên ngoài. Nếu biết tâm tức là đạo, tâm tức là pháp, đâu ở ngoài tâm có pháp có thể nói ư? Do đó, trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng nói:

"Chư Phật chẳng nói pháp
Phật ở đâu có nói
Chỉ tùy tự tâm đó
Là nói pháp như vậy".

Trong luận Quảng Bách nói: "Có các hạnh nguyện, tùy thuận thế tục, chỗ thấy chỗ nghe, cưỡng giả khái niệm. Trong lý thắng nghĩa, hai đều chẳng hứa. Tất cả phân biệt, hý luận tuyệt vậy, chẳng phải Như Lai, có pháp đáng nói, cũng không có pháp, có chút ít được".

Hỏi: Nếu vậy, tinh tấn thì là luống mất, nên bỏ Thánh giáo cam lồ của Đức Như Lai ư?

Đáp: Vì muốn dùng phương tiện trừ đảo kiến chấp, định nghĩa hai sự đều không có lỗi.

Hỏi: Đã nói tất cả chỗ thấy năng thấy đều không chỗ có, tại sao không lỗi?

Đáp: Tuy không chỗ thấy năng thấy chân thật, mà các ngu phu điên đảo cho là có, vì trừ thấy tăng thượng mạn kia, nên tùy thuận thế gian khái niệm không lỗi. Nếu năng tùy Thánh giáo đây mà tu hành, tùy tục nói là thật đệ tử Phật. Thế tục ngu phu tùy tự tâm biến cảnh tướng điên đảo mà khởi thấy tâm, Phật chẳng phải cảnh đó, ở kia vô dụng. Cho đến cho rằng Phật Thế Tôn xưa trước trong chân vị vì muốn lợi lạc tất cả hữu tình phát khởi vô biên hạnh nguyện công dụng, do đây chứng được tuệ không phân biệt, nhân tuệ lực đây phát khởi vô lượng lợi lạc hữu tình tác dụng vô tận, các loại hữu tình dùng chỗ hạnh nguyện của Phật được diệu tuệ làm tăng thượng duyên, tự tâm phát hiện năng thuận thế gian sinh đạo tối thắng và thuận thượng duyên, lại vốn thệ nguyện cũng chẳng phải điên đảo vì năng rõ biết thật nghĩa các pháp, ở tất cả pháp không chỗ chấp trước, năng làm diệu quả Vô thượng sinh nhân, tuy là phát tâm khởi các thắng hạnh cầu quả Vô thượng lợi lạc hữu tình, nhưng tợ huyễn sư khởi các việc huyễn đều không chỗ chấp, nên chẳng phải điên đảo. Lại các bậc Cổ đức có hỏi: Chúng sinh tức Phật tâm chúng sinh, chúng sinh tâm Phật tự giáo hóa Phật tâm chúng sinh, cớ sao nói phô lực bi nguyện Phật? Đáp: Tức chân tâm đây là bi nguyện của Phật, nghĩa là đồng thể đại bi, và tự thể nguyện không chướng ngại v.v... tức tánh khởi Đại dụng vậy. Lại, chúng sinh là tức là các tạp tạp tâm thức niệm niệm khởi diệt, nên gọi là chúng sinh. Trong kinh nói: "Phật dạy Tỳ-kheo, các ông ngày đêm thường sinh vô lượng trăm ngàn chúng sinh. Nếu năng dùng trí chiếu chẳng khởi niệm của tương tục tức là độ chúng sinh". Lại rõ niệm tức không, không có xứ khởi tức là độ

tận vô lượng trăm ngàn chúng sinh, chẳng thấy có một chúng sinh mà được diệt độ là, Thai giáo nói: Vô minh là cha, tham ái là mẹ, sáu căn là nam, sáu trần là nữ, thức làm mai mối sinh ra vô lượng phiền não làm con cháu. Nên trong kinh nói: "Có niệm tức sinh tử, không niệm tức Nê-hoàn".

Hỏi: Nếu như trên nói thành Phật độ sinh chẳng lìa một niệm, chư Phật vì sao lại phát nguyện độ chúng sinh khác?

Đáp: Tuy phát nguyện độ sinh, đều khiến bắt chước chân tu cứu cánh đây, đồng chỉ về một niệm đây. Do đó trước phát thệ nguyện độ hết tất cả chúng sinh, mới thành chánh giác, thì niệm hết tâm lắng, trời chân riêng sáng, tức nghĩa thành Phật vậy. Phật trước đã tự độ như vậy xong, sau đó chuyển bày người khác, tức là từ của chân thật. Lìa đây phát khởi bi, đều thành vọng tưởng. Như Xá-lợi-phất hỏi Am-đề-già nữ sao chẳng chuyển thân nữ"? Bèn nói kệ tụng mà đáp rằng: "Tự nam sinh ta nữ, nhọc sinh vọng tưởng bi". Thì là chẳng rõ tự là chẳng phải nam, lầm nhận tưởng của chúng sinh, tức mới chấp sinh kẻ khác là nữ, luống dấy tình của ta người, ở trong một chân mà vọng lập tự tha, hướng trong đồng thể mà cưỡng phân ái kiến, như các sư xưa trước nói: Có hai nghĩa môn đều không thể đo lường: Một, khế không, như tánh không tịch diệt nên không thể đo lường . Hai, khế chẳng không, đồng một pháp tánh, pháp tánh bình đẳng, nên không thể đo lường. Nên trong kinh Kim Cang Tam-muội nói: "Nếu hóa chúng sinh, không sinh ở hóa, chẳng sinh ở hóa, hóa đó lớn thay!". Lại, trong kinh Đại Hư Tạng Bồ-tát Sở Vấn, có kệ tụng nói:

"Giống như ở huyễn sư, hại nhiều chúng huyễn hóa, thật không có chỗ hại, chỗ độ cũng như vậy, huyễn hóa và hữu tình, pháp chư Phật cũng vậy, nếu ngộ đồng một tánh, không tự tánh là tánh". Do đó, các bậc Tiên đức nói: Bồ-tát từ địa thứ tám trở lên được vô sinh nhẫn, ở ngoài Hằng hà sa thế giới có chúng sinh cầu cứu, Bồ-tát đều chẳng khởi niệm, chúng sinh tự nhiên thấy Bồ-tát đến trước đó cùng đó nói pháp, bốn sự cúng dường. Bồ-tát được trí như vậy. Do vậy, tâm lượng của không tâm nên ta nói là tâm lượng, cũng là lượng của không lượng vậy.

Hỏi: Trong kinh Đại Niết-bàn nói: "Pháp của giải thoát cũng chẳng phải Niết-bàn, thân của Như Lai, cũng chẳng phải Niết-bàn, Ma-ha Bát-nhã cũng chẳng phải Niết-bàn". Vậy thế nào là chánh nghĩa Niết-bàn?

Đáp: Muốn biết chánh nghĩa Niết-bàn, tức ngã chân như tâm tánh.

Nên trong kinh có kệ tụng nói:

"Như tánh không sinh Phật ra đời
Như tánh không diệt Phật Niết-bàn
Ngôn từ thí dụ thảy đều đoạn
Tất cả nghĩa thành không cùng thảy".

Vì vậy, chẳng phải tức ba pháp, chẳng phải lìa ba pháp, chẳng dọc chẳng ngang, chẳng cùng chẳng riêng, đâu có thể nói một nói ba mà chỉ diệu đạo ư? Trong Thanh Lương Ký giải thích: "Pháp thân là sở chứng, Bát-nhã là năng chứng, giải thoát là lìa chướng". Lại, thân Phật là tức là pháp tánh, có nghĩa thân Phật, làm hai sở y vậy. Có nghĩa trí tuệ, quang minh chiếu khắp pháp giới vậy. Có nghĩa giải thoát, tánh lìa tất cả chướng vậy. Ba đây cũng chẳng lìa nhau. Nay ba đều chẳng nghĩ bàn sao có thể dọc, đều chẳng nghĩ bàn, sao có thể ngang, đều chẳng nghĩ bàn, sao có thể cùng. Đều chẳng nghĩ bàn, sao có thể riêng. Ý nói tức một mà ba, tức ba mà một, chẳng phải ba chẳng phải một, song chiếu ba một, sao có thể làm nghĩ một ba v.v... vậy. Trong Triệu Luận nói: "Đạo của Bồ-đề chẳng thể Bồ-tát, cao mà không gì trên, rộng mà không cùng cực, thẩm mà không dưới, sâu chẳng thể lường, lớn bao cả đất trời, nhỏ vào không ngăn cách, nên gọi đó là đạo". Lại, trong luận Niết-bàn Vô Danh nói: "Phàm đạo của Niết-bàn, vắng lặng rỗng thoáng, không thể dùng hình mà gọi được, vi diệu không tướng, chẳng thể dùng có tâm biết. Vượt các thứ có để cao sâu, lượng thái hư mà trọn lâu dài, theo đó mà chẳng được tăm dạng đó, nghinh đón đó mà không ngắm thấy đầu đó, sáu thú chẳng thể gồm sinh đó, lực mang vác không vì hóa thể đó, mênh mông hốt hoảng như còn như đi, năm mắt chẳng trông thấy dung đó, hai nghe chẳng nghe âm vang đó, mờ mờ sâu xa ai thấy ai hiểu, lan tỏa không chỗ nào chẳng có, mà riêng dắt kéo ở ngoài của có không. Nhưng mà nói đó là mất chân đó. Biết đó trở lại ngu đó. Có đó là trái với tánh đó, không đó là thương tổn thân đó. Cho đến, thế nào? Gốc đó có cảnh thì năm ấm trọn diệt, tìm đó không quê hương mà u linh chẳng hết, thuyết linh chẳng hết thì bao quát một lặng yên. Năm ấm trọn diệt thì muôn lụy đều trừ. Muôn lụy đều trừ nên cùng đạo thông đồng, bao quát một lặng yên nên thần mà không công, thần mà không công nên chí công thường còn. Cùng đạo thông đồng nên rỗng không mà chẳng đổi, rỗng không xung mà chẳng đổi chẳng thể là có, chí công thường còn chẳng thể là không. Nhưng mà có không tuyệt ở bên trong, xưng gọi là chìm ở bên ngoài, chỗ của thấy nghe chẳng kịp, chỗ của bốn không mờ tối, lặng lẽ vậy mà thường, đạm bạc vậy mà khoan, chín dòng chen về

ở đó, các Thánh ngầm hội ở đó. Đó là cảnh hiếm thường, quê rất lạ, mà muốn lấy có không để đề bảng, nêu phương vức đó mà nói thần đạo đó cũng chẳng xa vời ư!" Vì vậy tâm đạo nêu đơn, thần không phương sở, đâu tại điềm vết của nó không, ảnh vang của nghe thấy? Do đó trong kinh Bát-nhã Ba-la-mật nói: "Văn-thù Sư-lợi! Nên biết như vậy, tất cả pháp kia chẳng khởi chẳng diệt, gọi là Như Lai". Lại, trong kinh Phạm Vương Vấn nói: "Trong Đệ nhất nghĩa, Phật chẳng ra đời, cũng chẳng Niết-bàn, từ xưa đến nay không khởi diệt vậy". Trong luận Bát-nhã Đăng có kệ tụng nói:

"Chẳng nên bỏ sinh tử
Chẳng nên lập Niết-bàn
Sinh tử và Niết-bàn
Không hai không phân biệt".

Cho đến như trong kinh Bát-nhã Ba-la-mật nói: "Phật bảo Bồ-tát Cực Dõng Mãnh rằng: Này thiện nam! Sắc không buộc không thoát, thọ tưởng hành thức không buộc không thoát. Nếu từ sắc đến thức không buộc không thoát, đó gọi là Bát-nhã Ba-la-mật". Lại như trong kinh Phạm Vương Sở Vấn nói: "Phật dạy! Phạm vương! Ta chẳng được sinh tử, chẳng được Niết-bàn. Tại sao? Nói sinh tử, đó chỉ là Như Lai giả định nghĩa, mà không một người ở trong đó lưu chuyển. Nói Niết-bàn cũng là giả định nghĩa, mà không một người Bát Niết-bàn đó".

Hỏi: Tông kính duy tâm, sao phân đầu mối ư?

Đáp: Đầu cuối là nghĩa của thuật tâm. Dụng căn cứ trong môn hành bố, tướng tuy rõ ràng, thể thường dung tức. Trong Khởi Tín Sao có hỏi: Căn cứ luận chỉ đó, mới đầu là một tâm, sau cũng một tâm, đầu sau đâu có gì riêng biệt? Đáp: Một tâm của mới đầu, tâm đang năng khởi, một tâm của sau, tâm đang chỗ về, tuy trước sau thể đồng, nhưng mà thủy chung nghĩa khác. Do vậy, hành bố các môn rõ ràng. Lại nói: Chỉ vì vốn là một tâm lìa danh tuyệt tướng, mặc mê ngộ đó muôn pháp tùy sinh. Sinh pháp vốn không, chỉ là một thể. Tông Kính cũng vậy, là nghĩa dụng rộng trước sau chẳng đồng, nhưng là trước sau của một tâm, một tâm của trước sau vậy. Do vì lýsự bình đẳng. Tại sao? Chẳng phải mới đầu thì không lấy gì để lập sau, mới đầu đồng ở sau. Chẳng phải ban thì không lấy gì để lập mới đầu, sau đồng ở mới đầu. Lại, lý từ sự hiển, lý đồng ở sự. Sự nhân lý thành, sự đồng ở lý. Nên nói: Muôn pháp tuy khác mà chẳng năng tự khác vậy. Huống gì trong Tông Kính, một còn chẳng năng một, huống gì khác ư? Vì vậy, trong luận Đại Thừa Khởi Tín nói: "Tất cả các pháp bình đẳng bình đẳng". Sao Thích nói có

hai: “Một, nghĩa là chân tánh ở trong tất cả pháp bình đẳng như gương trong tượng. Hai, tức các pháp vốn không nên bình đẳng như tượng trong gương”.

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 90

Hỏi: Phàm, như trên nói thì Niết-bàn chẳng phải có. Trong kinh nói: "Giả sử có một pháp vượt quá Niết-bàn, ta cũng nói như huyễn như mộng". Tức người hậu học luống nhọc kính mộ ư?

Đáp: Lời nói đó phá chấp trước, chẳng phải hoại pháp tánh. Như Hòa thượng Quán nói: Cật nạn tất cả pháp như huyễn là, vọng pháp duyên sinh có thể chấp thuận như huyễn. Niết-bàn chân thật lại chẳng từ duyên, làm sao đồng huyễn. Nên trong Điệp thích có hai ý: Một, nói rõ tuy chân mà cũng từ duyên, tuy chẳng phải duyên sinh mà là duyên hiển cũng không không tánh; Hai, nói rõ Niết-bàn chẳng phải huyễn vì phá tâm đắm trước Niết-bàn, nói như huyễn vậy. Vậy thì phá Niết-bàn trong tâm, cũng hiển bày Niết-bàn thể tức chân mà thành diệu hữu. Nên biết bốn thứ Niết-bàn trước sau đều có. Do đó, trong luận Duy Thức nói: "Một, tự tánh xưa nay thanh tịnh Niết-bàn, nghĩa là tất cả pháp tướng lý chân như, tuy có khách trần mà bản tánh tịnh, đủ vô số lượng công đức vi diệu, không sinh không diệt, lặng như hư không, tất cả hữu tình bình đẳng cũng có, cùng tất cả pháp chẳng một chẳng khác, lìa tất cả tướng, tất cả phân biệt, tuyệt lối tầm tư dứt đường ngôn ngữ. Chỉ chân Thánh tự chứng bên trong, tánh đó vốn tịch, nên gọi là Niết-bàn; Hai, hữu dư y Niết-bàn, nghĩa là tức chân như ra phiền não, tuy có khổ tinh tế nương tựa chưa diệt, mà chướng trọn diệt, nên gọi là Niết-bàn; Ba, vô dư y Niết-bàn, nghĩa là tức chân như ra khổ sinh tử. Phiền não đã tận, các nương khác cũng diệt, các khổ trọn diệt, nên gọi là Niết-bàn; Bốn, vô trú xứ Niết-bàn, nghĩa là tức chân như ra sở tri chướng, chỗ đại bi Bát-nhã thường phụ giúp. Do đó, chẳng trú sinh tử Niết-bàn, lợi lạc hữu tình tận cùng ngằn mé tương lai, dụng mà thường vắng lặng, gọi là Niết-bàn".

Hỏi: Nói pháp thân là, tâm làm thân của nhà pháp. Thân là nghĩa tích tụ, tích tập hàm tàng tất cả muôn pháp, nên gọi là tâm, tức dụng gì lại lập hai pháp Bát-nhã và giải thoát?

Đáp: Pháp thân tức là người, người phải có linh trí, nên gọi là Bát-nhã, nếu được Bát-nhã chiếu thì hiển hiện lui sụt. Nên trong kinh nói: "Ẩn gọi là Như Lai tạng, hiển gọi là pháp thân". Lại, nếu được Bát-nhã thì tất cả xứ không đắm trước, chẳng bị cảnh buộc tức là giải thoát. Nếu hiển bày pháp thân được giải thoát, công toàn do Bát-nhã, chẳng phải chỉ hai pháp đây, tất cả muôn hạnh đều do Bát-nhã lập. Nên năm độ như kẻ mù. Bát-nhã như người dẫn dắt. Nếu bố thí mà không Bát-nhã, chỉ được vinh hạnh một đời, sau nhận chịu ương trái khác, nếu trì giới mà không Bát-nhã tạm sinh lên cõi Dục, trở lại đọa trong địa ngục Nê-lê. Nếu nhẫn nhục mà không Bát-nhã, quả báo được hình đoan chánh mà chẳng chứng nhẫn tịch diệt. Nếu tinh tấn mà không Bát-nhã, nhọc dấy công sinh diệt mà chẳng hướng đến biển chân thường. Nếu thiền định mà không Bát-nhã, chỉ hành thiền cõi Sắc mà chẳng vào định Kim cang. Nếu muôn thiện mà không Bát-nhã, không đó thành nhân hữu lậu, chẳng khế hợp với quả vô vi. Nên biết Bát-nhã là bậc thầy dẫn lối trong đường hiểm nạn, là đuốc sáng trong nhà mê tối, là mái chèo trí trong biển sinh tử, là thuốc tốt trong bệnh phiền não, là gió lớn của thổi nát núi tà, là tướng mạnh phá quân ma, là mặt nhật chói sáng chiếu đường u tối, là sấm rền cảnh tỉnh thức mê, là chìa khóa vàng mở tung ngu mù, là cam lồ rưới thấm khát ái, là dao tuệ cắt đứt lưới si, là châu báu cung cấp cho người bần khổ. Bát-nhã nếu chẳng sáng, muôn hạnh hư bày. Tổ sư nói: Chẳng nhận biết huyền chỉ, luống nhọc niệm tỉnh, chẳng thể sát-na quên chiếu, thô mất vậy trái nhau, vì ba pháp đây chẳng dọc chẳng ngang chẳng một chẳng khác, năng thành bí tạng Niết-bàn. Như trong kinh Đại Niết-bàn nói: "Phật dạy: Ta nay phải khiến tất cả chúng sinh và cả bốn bộ chúng con ta thảy đều an trú trong Bí mật tạng. Ta cũng lại phải an trú trong đó, vào nơi Niết-bàn. Thế nào gọi là tạng của Bí mật? Giống như ba điểm của chữ nhất, nếu đều thì chẳng thành kia, trung cũng chẳng thành kia, như ba mắt trên mặt Ma-hê-thủ-la, mới được thành ba điểm của chữ kia. Nếu ràng buộc cũng chẳng được thành. Ta cũng như vậy, pháp của giải thoát cũng chẳng phải Niết-bàn, thân của Như Lai cũng chẳng phải Niết-bàn. Ma-ha Bát-nhã cũng chẳng phải Niết-bàn, ba pháp mỗi khác cũng chẳng phải Niết-bàn. Ta nay an trú ba pháp như vậy, vì chúng sinh nên gọi là vào Niết-bàn". Do đó nói: Pháp thân thường tròn chủng trí, giải thoát đủ tất cả, đều là Phật pháp không có hơn kém, nên chẳng dọc, ba đức cùng ngầm đồng một pháp giới, ra ngoài pháp giới xứ nào riêng có pháp, nên chẳng ngang, năng kiến lập các thứ nên chẳng một, đồng về Đệ nhất nghĩa nên chẳng

khác. Tuy ba mà một, tuy một mà ba. Một thì hoại ở ba đế, khác thì mê ở một thật. Tại cảnh thì ba đế viên dung, tại tâm thì ba quán đều vận, tại nhân thì ba đạo tương tục, tại quả thì ba đức tròn khắp, gốc ngọn cùng thâu như vậy mới vào tạng của Đại Niết-bàn Bí Mật. Các bậc Cổ đức nói: Ba đức đây chẳng lìa một như, đức dụng phân khác, chiếu của tức tịch là Bát-nhã, tịch của tức chiếu là giải thoát. Thể của tịch chiếu là pháp thân, như một viên châu tròn sáng sạch. Sáng tức Bát-nhã, sạch tức giải thoát. Tròn thể pháp thân, căn cứ dụng chẳng đồng, thể chẳng lìa nhau, nên ba pháp đây chẳng tung chẳng hoành chẳng dọc chẳng ngang, như mắt của trời, như chữ nhất của đời, gọi là Bí Mật Tạng, là Đại Niết-bàn. Lại, Thai giáo loại thông ba quỹ pháp: Một, Chân tánh quỹ. Hai, Quán chiếu quỹ. Ba, giúp quỹ thành, tức là ba đức. Vì Chân tánh quỹ là thể một thừa, đây là pháp thân, tất cả chúng sinh đều một thừa vậy. Vì Quán chiếu quỹ là Bát-nhã, chỉ điểm chân tánh vắng lặng mà thường chiếu, bèn là quán chiếu Đệ nhất nghĩa không. Vì Tư quỹ giúp thành là giải thoát, chỉ điểm chân tánh pháp giới, hàm tàng các hành vô lượng các thiện, tức Như Lai tạng. Ba pháp chẳng một chẳng khác, như điểm trong châm như ý luận sáng bàn báu, sáng báu chẳng cùng châu một chẳng cùng châu khác, chẳng dọc chẳng ngang, ba pháp cũng như vậy. Nay lại rộng loại thông mười thứ ba pháp: Một, ba đạo. Hai, ba thức. Ba, ba Phật tánh. Bốn, ba Bát-nhã. Năm, ba Bồ-đề. Sáu, ba Đại thừa. Bảy, ba thân. Tám, ba Niết-bàn. Chín, ba báu. Mười, ba đức. Mười thứ ba pháp đây thông thâu tất cả các pháp nhân quả Thánh phàm. Nay dẫn trong Kim Quang Huyền Nghĩa Quán Tâm rộng giải thích mười thứ ba pháp là, trong kinh Tịnh Danh nói: "Giải thoát của chư Phật, phải cầu trong tâm hành của chúng sinh, nếu chẳng quán tự tâm, chẳng phải trí phần của mình, chẳng năng mở phát kho báu tự thân". Nay muốn luận trân báu của phàm phu địa, tức nghe tu, nên rõ quán tâm giải thích vậy. Một, Quán tâm rõ ba đạo (đường) là: Một là, phiền não đạo, tức ba chi vô minh ở quá khứ và ái thủ ở hiện tại. Hai là, nghiệp đạo, tức hai chi hành ở quá khứ và hữu ở hiện tại. Ba là, khổ đạo, tức bảy chi thức danh sắc lục nhập xúc thọ ở hiện tại và sinh tử ưu bi khổ não ở vị lai. Nay quán tâm vương tức khổ đạo, quán tuệ tâm sở tức phiền não đạo, quán các tâm sở khác tức nghiệp đạo. Trong kinh Tịnh Danh nói: "Quán thân thật tướng, quán Phật cũng vậy" là, như đầu v.v... sáu phần mỗi mỗi là thân, đây tức nhiều thân. Nếu riêng có một thân, thì điều ấy không có, mỗi mỗi chẳng phải thân, hợp thời cũng không. Nếu dầu v.v... sáu phần cầu thân chẳng phải được. Hiện tại

chẳng trú nên chẳng thể được, quá khứ nhân diệt cũng chẳng thể được, vị lai chưa đến cũng chẳng thể được, ngang dọc như vậy tìm cầu thân rốt cùng chẳng thể được thì là không, không cũng chẳng thể được, cũng có cũng không cũng chẳng thể được, chẳng phải có chẳng phải không cũng chẳng thể được, chỉ có danh tự, danh tự là thân, danh tự như vậy chẳng tại trong, chẳng phải trong bốn ấm vậy, chẳng tại ngoài, chẳng phải trong sắc ấm vậy, chẳng tại khoảng giữa, chẳng phải sắc tâm hợp vậy, cũng chẳng thường tự có, chẳng phải lìa sắc tâm vậy. Phải biết, danh không được công của vật. Vật không ứng thật của danh, giả thật đã không, danh vật sao có. Quán thân như đây là quán thật tướng. Quán thân là giả danh, giả danh đã như đây, quán sắc thọ tưởng hành thức cũng như vậy, tức là khổ đạo quán vậy. Quán phiền não đạo là, phiền não và nghiệp đều là thân nhân nay tạm lấy phiền não làm thân nhân mà quán vậy. Trong kinh Tịnh Danh nói: “Chẳng hoại thân nhân mà tùy một tướng” là, nên làm bốn câu để phân biệt. Thân ai nhân quả đều hoại, thân ai nhân quả đều chẳng hoại, ai hoại quả chẳng hoại nhân, ai hoại nhân chẳng hoại quả. Thế nào là thân quả? Là chỗ cha mẹ sinh đầu v.v... sáu phần vậy. Thế nào là thân nhân? Tham sân si thân miệng ý nghiệp v.v... vậy. Nay tạm bỏ ba nghiệp, quán bốn quả tham nhuế si v.v... vì trí quán vô thường khổ không phá tham nhuế si. Chủng tử đoạn, gọi là hoại thân nhân, chẳng thọ hậu hữu gọi là hoại nhân quả. Các hàng phàm tục ăn ngon mặc đẹp nuôi lớn năm ấm, buông tâm thả tánh phóng túng tham sân, tự não não tha, một thân chết hoại lại thọ một thân, nhân quả tương tục không có ngằn mé, đó gọi là nhân quả đều chẳng hoại. Như phạm luật vua giao phó Chiên-đà-la, như oán đối tự hại thể đó, thân đã rã hoại, bốn ấm cũng hết, đó là hoại quả. Tham nhuế si thân nhân chuyển lại mạnh mẽ càng chìm đắm sinh tử không kỳ hạn được thoát, đó là hoại quả chẳng hoại nhân, vì trí quán vô thường đoạn năm phần dưới nhân trói buộc, năm phần dưới quả thân còn chưa hết, đó gọi là hoại thân nhân chẳng hoại thân quả. Bốn câu như vậy, còn hoại chẳng đồng, đều chẳng tùy một tướng. Mà tùy một tướng là, chỗ gọi là tu Đại thừa quán, quán một niệm tâm tham sân si. Tâm là tự khởi hay đối trần khởi, hay căn trần cộng khởi, hay lìa căn trần khởi? Đều không nghĩa đây. Chẳng phải tự chẳng phải tha chẳng phải cộng chẳng phải không nhân, cũng chẳng phải niệm trước diệt nên khởi. Chẳng phải sinh, chẳng phải chẳng phải sinh, cũng chẳng phải diệt chẳng phải chẳng phải diệt, ngang dọc như vậy, tìm cầu tâm chẳng khá được. Tâm còn không gốc, chỗ nào luận hoại. Đó gọi là chẳng hoại thân nhân mà

tùy một tướng. Quán nghiệp đạo là, như trong kinh Tịnh Danh nói: "Cất bước đặt chân không gì chẳng phải là đạo tràng, đầy đủ tất cả Phật pháp vậy". Quán lúc cất bước, đó nghiệp cất. Nếu nghiệp cất chẳng liên quan là, nghiệp là cất chẳng liên quan ở nghiệp, mỗi mỗi đã chẳng cất, hợp cũng không cất, hợp đã không cất, lìa nào được cất, cất bước đã không đặt chân cũng không. Quán đi đã không, đứng ngồi nằm nói phô nắm làm cũng là như vậy, đó là quán nghiệp đạo thật tướng; Hai, Quán tâm rõ ba thức là, để quán một niệm tức không tức giả tức trung, tức là quán tâm thức ở ba thức. Tại sao? Ý thức gá duyên phát ý, vốn không thức đó, duyên chỗ nào phát. Lại, trong duyên là có thức hay không thức? Nếu có thức duyên tức là thức, sao gọi là duyên, nếu không thức sao năng phát thức, nếu ý duyên hợp phát, cả hai đều không vậy. Hợp chẳng năng phát lìa cũng chẳng thể. Phải biết thức đây chẳng tại một xứ, tùy các duyên sinh. Pháp tùy duyên sinh, ta nói tức là không, ở trong không đây giả làm phân biệt là ác thức hay là thiện thức, là chẳng phải ác chẳng phải thiện thức, các thứ suy lường, cưỡng cho là chẳng phải. Thức nếu định không chẳng thể làm giả. Thức nếu định giả chẳng thể làm không. Phải biết, không chẳng phải không, giả chẳng phải giả, chẳng phải không chẳng phải giả, song mất hai biên, chánh hiển Trung đạo, một niệm trong thức ba quán đầy đủ, thức ở ba thức cũng chẳng được ba quán. Nên trong kinh Tịnh Danh nói: "Chẳng quán sắc, chẳng quán sắc như, chẳng quán sắc tánh, cho đến chẳng quán thức chẳng quán thức như chẳng quán thức tánh, tuy chẳng được thức chẳng được thức như, chẳng được thức tánh, song chiếu thức thưc như thức tánh, rõ ràng không lạm. Vì chiếu thức tánh nên là thức Am-ma-la, chiếu thức như nên là thức A-lại-da, cũng chiếu cũng diệt nên là thức A-đà-na. Đó gọi là quán ba thức trong tâm; Ba, Quán tâm rõ ba Phật tánh là: Một là chánh nhân Phật tánh, Phật gọi là giác, tánh gọi là bất giác, tức là chẳng phải thường chẳng phải vô thường, như kho vàng trong đất, chỗ thiên ma ngoại đạo chẳng thể hoại. Hai là liễu nhân Phật tánh, giác trí chẳng phải thường chẳng phải vô thường, trí và lý tương ưng, như người khéo biết kho vàng, trí đây chẳng thể phá hoại. Ba là nhân duyên Phật tánh, tất cả chẳng phải thường chẳng phải vô thường, công đức thiện căn hỗ giúp hay biết mở bày chánh tánh, như cày bừa trừ cỏ đào bới ra kho vàng, quán tâm tức trung là chánh nhân Phật tánh, tức không là liễu nhân Phật tánh, tức giả là duyên nhân Phật tánh. Lại nữa, Phật là giác trí, tánh là lý cực. Năng dùng giác trí chiếu lý cực đó, trí cảnh tương xưng, hợp mà nói đó gọi là Phật tánh, nay quán tâm năm ấm xứng thật tướng năm ấm,

gọi là chánh nhân Phật tánh, quán giả danh thật tướng, gọi là liễu nhân Phật tánh, quán các tâm sở xứng thật tướng tâm sở, gọi là duyên nhân Phật tánh. Nên trong kinh nói: "Phật tánh là, chẳng tức sáu pháp, chẳng lìa sáu pháp" là nghĩa đây vậy; Bốn, Quán tâm rõ ba Bát-nhã là, một là thật tướng Bát-nhã, chẳng phải vắng lặng chẳng phải chiếu tức Nhất thiết chủng trí. Hai là, quán chiếu Bát-nhã, chẳng phải chiếu mà chiếu tức Nhất thiết trí. Ba là, phương tiện Bát-nhã tức chẳng phải vắng lặng mà vắng lặng, tức đạo chủng trí, quán một niệm tâm tức không tức giả tức trung, tức là ba Bát-nhã. Tại sao? Một niệm tâm tất cả tâm, tất cả tâm một niệm tâm, chẳng phải một chẳng phải tất cả. Một niệm tâm tất cả tâm là, từ tâm sinh tâm, tạp tạp nhiều nhiều, gió lớn ngự dòng nhanh chẳng được làm dụ, ngày đêm thường sinh vô lượng trăm ngàn muôn ức chúng sinh, sáu đường xoay chuyển mười hai móc xích, từ tối vào tối, tối không ngần mé, đều là lỗi của tâm vậy, nên nói một niệm tâm tất cả tâm. Đây là nơi hết chỗ mê của phàm phu. Tất cả tâm một tâm là, nếu năng biết lỗi sinh nhàm chán đều tự giữ gìn ra, như ở đời chỉ đóm lửa nhỏ thiêu đốt đống củi lớn, đặt một viên châu nhỏ lắng trong biển lớn. Năng quán tâm không, từ chỗ tâm sinh tất cả tâm. Không đâu chẳng tức không, nên nói tất cả tâm một tâm. Một tâm như đây mới là nơi hết chỗ mê của hàng Nhị thừa, chẳng phải đạo cứu cánh đều mất cả hai biên vậy. Phiền não chẳng phải một chẳng phải tất cả. Trong Đại Kinh nói: "Nương trí chớ nương thức", thức chỉ cầu lạc, thức phàm phu cầu vọng lạc, thức hàng Nhị thừa cầu Niết-bàn lạc, cho nên cả hai đều mất, chẳng thể nương tựa. Trí thì cầu lý, quán như vậy là, tức là một tâm ba trí. Tức không là quán chiếu Bát-nhã, Nhất thiết trí. Tức giả là phương tiện Bát-nhã, đạo chủng trí. Tức trung là thật tướng Bát-nhã, Nhất thiết chủng trí, là ba trí trong một tâm được, tức không tức giả tức trung, không trước không sau chẳng chung chẳng riêng, vi diệu sâu mầu rất đáng nương tựa, đó là quán tâm ba Bát-nhã; Năm, Quán tâm rõ ba Bồ-đề: Một là, thân tánh Bồ-đề lấy lý làm đạo, hai là, thật trí Bồ-đề lấy trí tuệ làm đạo, ba là, phương tiện Bồ-đề lấy thiện xảo hòa hợp làm đạo. Nay quán tâm của một niệm tức không tức giả tức trung là ba tâm Bồ-đề. Tại sao? Một tâm tất cả tâm, giao xen rối loạn như tơ như cát như tằm như ngài, làm khổ làm não, nếu biết tức không chân đế tâm Bồ-đề, độ chúng sinh của tâm sở dối loạn, thông ngưng bít của bốn trú. Nếu tức giả phát tâm Bồ-đề là, không tuy khỏi vọng loạn, trong kinh nói: Không loại ý chúng sinh mà mắt trí rất mù tối, lại là ba hầm hố vô vi, là chim oán Đại thừa, chưa đủ Phật pháp, chẳng nên diệt thọ mà thủ chứng? Nếu biết tức giả

tục đế tâm Bồ-đề, độ chúng sinh của tâm sở trầm không, thông ngưng bít của trần sa, phân biệt có thể được chăng? Lúc phân biệt nên phân biệt thuốc bệnh, phân biệt hòa hợp, chẳng trú vô vi, nên nói tức giả phát tâm Bồ-đề, không là phù tâm đối trị, giả là trầm tâm đối trị, do bệnh nên có thuốc, thuốc còn là lành bệnh. Bệnh hết thuốc ngưng, cả hai nên xả bỏ, chẳng phải không chẳng phải giả đều mất hai biên, tức phát Trung đạo Đệ nhất nghĩa đế tâm Bồ-đề, độ chúng sinh của tâm sở hai biên, thông ngưng bớt của vô minh, vì chẳng trú pháp trú ở Trung đạo, nên nói tức trung, lúc nói như ba lần lượt quán thì chẳng vậy, trong một tâm đủ ba tâm Bồ-đề vậy; Sáu, Quán tâm rõ ba Đại thừa: Một là, Lý thừa, lý tánh hư thông nhậm vận mang đội các pháp vậy. Hai là, Tùy thừa, trí tùy ở cảnh như nắp tùy hộp. Ba là, Đắc thừa, nếu đắc quả nên tự giải thoát, nên đắc cơ nên khiến tha giải thoát, quán tâm của một niệm tức không tức giả tức trung ba Đại thừa. Tại sao? Tuy quán một niệm tâm mà thật có bốn vận, tâm đây xoay chuyển chẳng thôi, chỗ gọi là chưa niệm, muốn niệm chánh niệm niệm rồi, từ chưa niệm vận động đến muốn niệm, từ muốn niệm vận động đến chánh niệm, từ chánh niệm vận động đến niệm rồi, lại trở lại khởi vận động vận động vô cùng, chẳng biết dừng nghỉ, như nhắm mắt tại thuyền chẳng biết nhanh đó, quán một niệm vận động tâm tức không tức giả tức trung, mỗi mỗi vận động tâm cũng lại như vậy, từ tâm đến tâm, không đâu chẳng tức không tức giả tức trung, vậy thì từ ba đế vận đến ba đế, không lúc nào chẳng ba đế, nếu tùy bốn vận động vận vào sinh tử, nếu tùy bốn vận động vận vào Niết-bàn, quán của tức không, thừa nói tùy thừa vận động đến chân đế, quán của tức giả, thừa nơi đắc thừa vận đến tục đế, quán của đức trung, thừa nơi lý thừa vận động đến trung đế. Ba thừa tức một thừa, thừa đó vi diệu Đệ nhất quán trí, chỗ Phổ Hiền Đại nhân thừa vậy; Bảy, Quán tâm rõ ba thân, chỗ gọi là lý pháp tụ gọi là pháp thân, trí pháp tụ gọi là báo thân, công đức pháp tụ gọi là ứng thân. Để quán một niệm tâm tức không tức giả tức trung, tức là ba thân. Tại sao? Trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng nói:

“Tâm như người thợ vẽ
Tạo các thứ năm ấm”.

Nếu tâm duyên phá giới sự tức thân địa ngục, duyên không hổ thẹn kiêu mạn tức thân súc sinh, duyên siểm nịnh quanh co tham lận tức thân ngạ quỉ, duyên tật đố dối trá cạnh tranh, tức thân Tu-la, duyên năm giới phòng ngăn năm ác tức thân người, duyên mười thiện phòng ngăn mười ác, duyên thiền định phòng ngăn tán loạn tức thân trời, duyên vô

thường khổ không vô tướng nguyện tức thân Thanh văn, duyên pháp mười hai nhân duyên tức thân Duyên giác, duyên từ bi lục độ tức thân Bồ-tát, chuyên chân như thật tướng tức thân Phật, lên khó xuống dễ, phần nhiều duyên các thân ác. Nên biết các thân đều do tâm tạo. Thí như đại địa năng sinh các thứ mầm, nếu quán năm thọ ấm thấu suốt không không chỗ có, từ chỗ tâm sinh tất cả các thân, đều không không chỗ có, như lật úp đại địa cỏ cây nghiêng đổ hết, nên nói tức không. Nếu tức không là, trọn chìm đắm đoạn diệt, còn chẳng năng ở một không tâm năng khởi một thân, làm sao năng được dạo chơi năm đường để hiện thân đó, chẳng năng đáng dùng thân Phật được độ thoát mà vì hiện thân Phật, đáng dùng bốn chúng ba thừa trời rồng tám bộ các thứ thân được độ thoát, thảy đều thị hiện đồng sự nghiệp đó, là lỗi đây vậy, nên nói tức giả. Tức giả đồng thân sáu đường, quán thân như vậy đọa ở hai biên, chẳng phải khéo quán thân, khéo quán thân là, như trong Đại Kinh nói: "Chẳng được thân, chẳng được thân tướng, cho đến rốt ráo thanh tịnh", là nghĩa đây vậy, nên nói tức trung. Nói tức trung là, tức là pháp thân, tức không là tức là báo thân, tức giả là tức là ứng thân; Tám, Quán tâm rõ ba Niết-bàn: một là tánh tịnh, hai là viên tịnh, ba là phương tiện tịnh, chẳng sinh chẳng diệt gọi là Niết-bàn, các pháp thật tướng chẳng thể nhiễm chẳng thể tịnh, chẳng nhiễm tức chẳng sinh, chẳng tịnh tức chẳng diệt, chẳng sinh chẳng diệt gọi là tánh tịnh Niết-bàn, ta nhân khế lý, mê hoặc rốt ráo chẳng sinh, trí tuệ rốt ráo chẳng diệt, chẳng sinh chẳng diệt gọi là viên tịnh Niết-bàn. Lặng lẽ mà thường chiếu, cơ cảm tức sinh, sinh đây chẳng phải sinh, duyên rơi rụng tức diệt. Diệt đây chẳng phải diệt, chẳng sinh chẳng diệt, gọi là phương tiện tịnh Niết-bàn. Để quán tâm tánh xưa nay tịch diệt chẳng nhiễm chẳng tịnh, nhiễm nên gọi là sinh, tịnh nên gọi là diệt, sinh diệt chẳng năng hủy nên thường, chẳng năng nhiễm nên tịnh, chẳng năng ngại nên ngã, chẳng năng thọ nên lạc, đó là tánh tịnh Niết-bàn, nếu vọng niệm tâm khởi, đều dùng chánh quán quán đó, khiến chánh quán đây cùng pháp tánh tương ưng. Vọng niệm chẳng năng hủy chẳng năng nhiễm, chẳng năng ngại chẳng năng thọ là, gọi là viên tịnh Niết-bàn. Vì vô duyên từ không sinh thị sinh, vì đồng thể bi, không diệt hiện diệt, tất cả cảnh giới sinh diệt, ngoại đạo thiên ma chẳng năng hủy chẳng năng nhiễm chẳng năng ngại chẳng năng thọ là, phương tiện tịnh Niết-bàn; Chín, Quán tâm rõ ba báu, là Phật Pháp Tăng là ba, đáng tôn đáng trọng là báu (bảo), chí lý có thể tôn gọi là pháp bảo, trí của giác lý, có thể tôn gọi là Phật bảo, Tỳ-lô-giá-na khắp tất cả xứ, tức sự mà lý, hòa đây có thể tôn gọi là Tăng bảo. Để quán tâm

của một niệm tức không tức giả tức trung là ba báu. Lý của ba đế bất giác nên là pháp bảo, trí của ba đế năng giác nên là Phật bảo. Ba đế ba trí tương ưng hòa hợp nên là Tăng bảo, không đế trí chẳng phát, không trí đế chẳng hiển. Trí chẳng hòa, chẳng năng đại dụng lợi ích chúng sinh. Hai thứ đều đáng tôn đáng trọng cho nên đều xưng là bảo; Mười, Quán tâm rõ ba đức. Những gì là ba? Thế nào là đức? Đó là pháp thân, Bát-nhã và giải thoát là ba. Thường lạc ngã tịnh là đức. Một là pháp thân, pháp gọi là đáng khuôn phép (khả quỹ), chư Phật khuôn phép đó mà được thành Phật, nên trong kinh nói:

"Thầy của chư Phật đó là pháp". Thân là tụ, một pháp đủ tất cả pháp, có không khuyết giảm nên gọi là thân. Trong kinh nói: "Thân ta là chân thiện tri thức của tất cả chúng sinh". Bát-nhã là rõ biết các pháp tụ tán, chẳng phải tụ chẳng phải tán, tức là rõ biết pháp của ba đế, giải thoát là, ở nơi các pháp không nhiễm không trú, ba pháp đây đều đủ bốn đức của thường lạc ngã tịnh. Chắc thật quán tâm của một niệm, tức không tức giả tức trung. Tức không là một không tất cả không, không có giả không có trung mà chẳng không, không không có tích tụ mà gọi là tạng, tạng đủ tất cả nên gọi đó là đức. Tức giả nên một giả tất cả giả, không có không không có trung mà chẳng giả, giả gồm các pháp cũng gọi là tạng, tạng đủ tất cả nên gọi là đức. Tức trung nên một trung tất cả trung, không có không không có giả mà chẳng trung, trung gồm tất cả cũng gọi là tạng, tạng đủ tất cả nên xưng đó là đức, chẳng thể nghĩ bàn chẳng dọc chẳng ngang chẳng chung chẳng riêng. Chư Phật tức trung làm thể nên gọi là pháp thân, dùng tức không làm mạng nên gọi là Bát-nhã, dùng tức giả làm lực nên gọi là giải thoát, mỗi mỗi đều thường lạc ngã tịnh không có khuyết giảm, nên xưng là ba đức, mỗi mỗi đều là pháp giới nhiều chỗ hàm tàng nên xưng là bí tạng. Nên trong kinh Tịnh Danh nói: "Giải thoát của chư Phật phải tìm cầu ở trong tâm hành của chúng sinh". Phải biết tâm ta cũng vậy, tâm chúng sinh cũng vậy. Ta và kia đã vậy chư Phật cũng vậy, tâm Phật và chúng sinh là ba không sai biệt. Mười thứ ba số (pháp) trên cũng một chẳng phải một, chẳng phải một chẳng phải chẳng phải một. Ba pháp chẳng nghĩ bàn vậy. Thủy chung chỉ là một thứ ba pháp. Tại phàm là ba đạo, nếu vào Thánh phàm ba đức. Ngoài ra căn cứ lý trí hành giải v.v... thành các thứ ba pháp, lấy làm quyến thuộc, rốt ráo chẳng động chúng sinh nhân địa ba đạo, thành mãn chư Phật quả địa ba đức, gốc ngọn cùng còn nhân quả đồng thời. Vì diệu lý bản hữu nên gọi là ba tánh, diệu lý chẳng hư nên gọi là ba đế. Mê diệu lý đây nên gọi là ba chướng. Đã có ba đời

luân chuyển phan duyên chẳng dứt, nên gọi là mười hai nhân duyên đầy đủ ba khổ. Nếu muốn trở lại cội nguồn, thấu rõ ba chướng ngày nay, tức là ba tánh xưa nay, nên gọi là ba quán. Diệu lý hiển hiện nên gọi là ba đức. Lại quỹ tắc hành nhân gọi là ba pháp, chỗ chiếu là ba đế, chỗ phát là ba quán, quán thành là ba trí, dạy kẻ khác gọi là ba ngữ, trở về tông gọi là ba thú, được ý loại đây tất cả đều thành pháp môn. Nay lại dùng ba quỹ (khuôn phép) loại thông ba đạo (đường) trong nhân: Một là, khổ đạo; hai là, phiền não đạo; ba là, nghiệp đạo. Khổ đạo tức chân tánh. Trong kinh nói: "Tướng thế gian thường trú", há chẳng tức sinh tử kia mà là pháp thân ư? Phiền não đạo tức quán chiếu quỹ (khuôn phép) quán chiếu vốn chiếu hoặc, không hoặc thì không chiếu, tất cả pháp không là vậy. Quỹ giúp thành tức nghiệp đạo, ác là giúp của thiện, không ác cũng không thiện, trong Kinh Thư nói: "Người thiện là của người bất thiện, người bất thiện là trò của người thiện". Trong kinh nói: "Chúng ta niệm Phật nên đều đang nhẫn là sự. Ác chẳng lại thêm hại, chẳng được dùng niệm. Do đó nói thiện tri thức là Đề-bà-đạt-đa vậy". Lại nói: Khổ tức pháp thân, chẳng phải hiển hiện nên gọi là pháp thân. Tham nhuế si tức Bát-nhã, chẳng phải năng rõ nên gọi là Bát-nhã, không chỗ có thể chiếu, tánh tự rõ suốt nghiệp hành trói buộc nên gọi là giải thoát, chẳng phải đoạn trói buộc mà thoát, cũng không thể chúng ta buộc, cũng không năng buộc nên gọi là giải thoát. Lại, các bậc tiên đức nói: Nên nói Phật địa hết chướng lụy nên xưng là giải thoát. Thật tánh thể sắc tức thân Như Lai. Chủng trí tròn sáng là Đại Bát-nhã, ba sự tức ngã, xứ nào tung hoành. Ngã tức ba sự, nếu làm thành riêng, an trú như vậy là Đại Niết-bàn bởi vì tất cả chư Phật tức một sắc tâm. Tâm là năng biến, sắc là sở biến, sở biến tức tướng thấy, năng biến tức tự chứng. Thể đã không riêng, gì lại dọc ngang. Ngay do chẳng rõ tâm duyên sinh hai vọng tưởng, tướng trói buộc thô trọng bèn thành ngăn ngại, mê chấp sắc tướng là chỗ thân ta, chỗ thân ta sinh thật do si ám, si ám che lấp nên thấy chết thấy sống, sống chết cùng trôi nổi, tâm cũng lưu chuyển, khổ của lưu chuyển vốn tại thân tâm, nếu năng rõ tâm và cảnh thì vọng tưởng chẳng sinh, tướng buộc đã trừ, thô trọng cũng dứt, trọn tuyệt ngăn ngại bèn thành tựu giải thoát. Thông đạt sắc tướng đều tạng tánh hiện, không còn ngã sở tức thân Như Lai. Chiếu A-đà-na xứ vi tế sâu mầu. Si ám chẳng che là Ma-ha Bát-nhã, ngộ bản tánh đây xưa nay chẳng sinh, thể dụng không cùng rốt sau cũng chẳng diệt. Lại, ba đức là, có đạo tánh trước được, đạo phần giữa được, đạo cứu cánh sau được. Nếu tánh được là, như kinh Duy-ma nói: "Chúng sinh như Di-lặc như. Một

như không hai như, tánh đây được pháp thân, tất cả chúng sinh tức tướng Bồ-đề, chẳng thể lại được. Tánh đây được Bát-nhã. Tất cả chúng sinh tức tướng Niết-bàn, chẳng thể lại được, tánh đây được giải thoát". Đây là căn cứ đạo viên tánh trước được, đạo viên phần giữa được, tức từ quả vị mười trú đến Đẳng giác, năm mươi mốt quả vị viên tu trí đoạn v.v... đạo viên cứu cánh sau được, tức nghĩa quả trên, đã rõ tánh được, phải đủ trải qua hai đức sau, dùng năm nhẫn sáu tức để chọn lựa sai lạm đó, thẳng đến quả vị Diệu giác cứu cánh viên mãn. Như vào trong lục đây, mắt trí sáng sạch, viên tu viên giải song chiếu song ngăn, hai chim đều bay chẳng rơi thiên kiến, một nghĩa chẳng động phân biệt rõ vậy. Như gương treo cao nơi nhà không tâm rỗng chiếu, muôn tượng soi đó chẳng kén xấu đẹp, vì tuyệt tỉnh tâm của thường và vô thường, chiếu viên lý của thường và vô thường, ngăn chiếu không kẹt, phá lập đồng thời, tức chẳng phải thường chẳng phải vô thường mà thường mà vô thường. Thường và vô thường chỉ luận thật tánh, tánh của mỗi mỗi tánh gồm vô biên. Trong kinh Tịnh Danh nói: "Rốt ráo chẳng sinh chẳng diệt là nghĩa vô thường". Đại sư Tuệ Viễn nói: "Cùng lý thật tướng gọi là hết ý, thể lặng lẽ vô vi gọi là chẳng sinh diệt, chẳng sinh diệt đây là tánh chân thật của vô thường kia vậy, gọi là nghĩa vô thường". Pháp sư Tăng Triệu nói: "Rốt ráo là từ của quyết định

Pháp quán của Tiểu thừa lấy sinh diệt làm nghĩa vô thường. Bậc Đại thừa lấy sinh diệt làm nghĩa vô thường. Vô thường danh đồng mà sâu mầu khác tuyệt. Đạo đó rỗng rang, vi tế nên phải chỗ của thường tình năng lường, khéo được yếu chỉ đây, chỉ có tịnh danh ư? Khiểu trừ thường nên gọi là vô thường, chẳng phải nghĩa là có vô thường, vô thường và thường đều không vậy. Nói rốt ráo chẳng sinh chẳng diệt là nghĩa vô thường. Lại, chẳng phải thường là tánh suốt vậy, chẳng phải vô thường là tướng suốt tánh vậy. Như trong kinh Am-ma-la-già nữ nói: "Sinh diệt cùng chẳng sinh diệt". Giao lạc mà giải thích, trong kinh đáp Văn-thù Sư-lợi nói: "Nếu biết các pháp rốt ráo sinh diệt biến dịch không định tướng như huyễn, mà năng tùy chỗ thích nghi đó, có chỗ nói là. Đó là nghĩa thường. Vì các pháp sinh chẳng tự được sinh, diệt chẳng tự được diệt vậy. Thế nào là vô thường? Nghĩa là nếu biết các pháp rốt ráo chẳng sinh chẳng diệt, tùy tướng như vậy mà năng tùy chỗ thích nghi đó mà có chể nói, là nghĩa vô thường, vì các pháp tự tại biến đổi không định. Rõ chẳng tự được tùy, biết nói như vậy là nghĩa thường vậy".

Giải thích: Ý đây chánh hiển bày tánh tướng giao triệt, hai nghĩa

cùng thành, tướng sinh diệt hết, vô thường tức thường vậy. Chẳng sinh chẳng diệt là nghĩa vô thường, tùy duyên biến đổi, thường tức vô thường, thì sinh diệt là nghĩa thường vậy. Lại, tánh tức tướng nên chẳng sinh chẳng diệt là nghĩa vô thường, tướng tức tánh nên sinh diệt là nghĩa thường. Qua lại đoạt thì cả hai đều chẳng phải. Qua lại thành tựu thì cả hai đều lập. Khoảng giữa sinh thọ vào Niết-bàn, tức ý đây vậy. Thường vô thường đã vậy. Ngã, lạc, tịnh v.v... Cho đến tất cả các pháp đều vậy. Đã xứ xứ mà vào đại Niết-bàn, chẳng phải riêng dưới song lâm. Nếu chẳng rõ yếu chỉ đây, đều lạc biên tà, tức trần trần mà đều thành sinh tử, đâu chỉ trong Diêm-phù-đề. Nếu vào Tông kính tức tất cả pháp thú hướng vô thường, vô thường gồm pháp không sót, nghĩa lý vô tận mới chân vô thường, gồm thâu các nghĩa để làm toàn thể đồng nhau.

Hỏi: Niết-bàn ba đức, chân như một tâm, trong nhân quả trên thâu hết vô biên nghĩa lý. Đâu chỉ mười thứ ba pháp. Cho đến vô tận pháp môn, dứt hóa ngưng thần rốt ráo ý chỉ quy về pháp nào?

Đáp: Chung riêng ý chỉ quy về, trở lại tức ý chỉ quy về bí tạng ba đức, như chỉ quán ý chỉ quy về là, trong kinh Đại Niết-bàn nói: "An đặt các con trong tạng bí mật, ta cũng chẳng vào, tự trú trong đó". Đó gọi là tướng chung ý chỉ quy về. Tướng riêng là thân có ba thứ: Một, sắc thân. Hai, pháp môn thân. Ba, thật tướng thân. Nếu dứt hóa luận quy về là, sắc thân quy về giải thoát, pháp môn thân quy về Bát-nhã, thật tướng thân quy về pháp thân. Lại nữa, ba pháp chẳng phải ba, chẳng phải một chẳng thể nghĩ bàn. Tại sao như vậy? Nếu cho rằng pháp thân chân pháp thân là chẳng phải pháp thân vậy. Phải biết pháp thân cũng thân chẳng phải thân, chẳng phải thân chẳng phải thân trú. Trong kinh Thủ-lăng-nghiêm nói: "Các thứ thị hiện làm các sắc tượng nên gọi là thân, chỗ làm xong rồi, về nơi giải thoát. Trí tuệ chiếu rõ các sắc chẳng phải sắc, nên gọi là chẳng phải thân, chỗ làm xong rồi về nơi Bát-nhã. Thân của thật tướng chẳng phải thân của sắc tượng. Chẳng phải thân của pháp môn. Cho nên chẳng phải thân chẳng phải chẳng phải thân. Chỗ làm xong rồi về nơi pháp thân. Thấu đạt ba thân đây không tướng một khác, đó gọi là về. Nói ba thân đây không tướng một khác, đó gọi là chỉ, đủ vào bí tạng nên gọi là ý chỉ quy về. Phải biết Bát-nhã cũng biết, chẳng phải biết, chẳng phải biết, chẳng phải chẳng biết. Đạo chủng trí Bát-nhã biết khắp ở tục nên gọi là biết. Chỗ làm xong rồi quy về nơi giải thoát. Nhất thiết trí Bát-nhã biết khắp ở chân nên gọi là chẳng phải biết, chỗ làm xong về nơi Bát-nhã. Nếu nhất thiết chủng trí Bát-nhã biết khắp ở trung, nên gọi là chẳng phải biết chẳng phải chẳng biết, chỗ làm

xong rồi về nơi pháp thân, thấu đạt ba Bát-nhã không tướng một khác, đó gọi là quy về, nói ba Bát-nhã không tướng một khác, gọi là ý chỉ, đều vào bí tạng gọi là ý chỉ quy về, phải biết giải thoát, cũng thoát chẳng phải thoát, chẳng phải thoát chẳng phải chẳng phải thoát, phương tiện tịnh giải thoát điều phục chúng sinh, chẳng là chỗ nhiễm gọi là thoát, chỗ làm xong rồi về nơi giải thoát. Viên tịnh giải thoát chẳng thấy tướng chúng sinh và giải thoát, nên gọi là chẳng giải thoát, chỗ làm xong rồi quy về nơi Bát-nhã. Tánh tịnh giải thoát thì chẳng phải thoát chẳng phải chẳng phải thoát, chỗ làm xong rồi về nơi pháp thân. Hoặc đạt hoặc nói ba thoát như đây chẳng phải tướng một khác, đều vào bí tạng, nên gọi là ý chỉ quy về, nên biết các thứ tướng các thứ nói các thứ thần lực mỗi mỗi đều vào trong bí tạng. Những gì là ý chỉ quy về. Ý chỉ quy về xứ nào, gì là ý chỉ quy về? Tuyệt đường ngôn ngữ dứt lối tâm hành, trọn lắng như không, đó gọi là ý chỉ quy về. Nên biết năng hóa sở hóa vô tận pháp môn, chưa có một pháp nào chẳng ý chỉ quy về tông kính. Vì vậy, Thiền sư Phổ Trí nói: “Phật đạo đều nhân pháp nào thành, ngộ tâm không có thể mêng mông chẳng rõ, chớ sợ lạc không chìm đoạn kiến, muôn pháp đều từ xứ đây sinh”.

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 91

Hỏi: Đạo của phàm Thánh đồng một pháp thân, đây kia đều mất, vật ngã đều tuyệt, thì bên trong tâm không được, bên ngoài thân không thừa, làm sao khởi thân của ứng hóa, gồm các cơ nghi?

Đáp: Chỉ vì chúng sinh chẳng rõ tự tha, chỉ tâm bày sinh đây kia, nếu tự thấu đạt chân không thì chư Phật trọn chẳng ra đời, Bồ-tát cũng không công phu. Các bậc cổ đức có hỏi: nếu nói tự tha đều là tự tâm hiện, lìa tâm không thật ngã nhân là chư phật cũng thấy có chúng sinh, đâu có thể có vọng tâm chưa hết ư? Đáp: Chư Phật thấy có chúng sinh đều là duyên sinh huyễn có. Chẳng biết cho là thật có ngã. Do đó tạo nghiệp thọ báo uổng có luân hồi. Đây do không thật ngã cảm chư Phật từ bi. Nếu Phật có ngã chẳng phải là vọng có là, chư Phật cớ sao vọng cứu chúng sinh, vì ngã thật có thì chẳng thể cứu vậy. Nay cứu là, định biết không ngã, vọng chấp có vậy. Nên biết chúng sinh chẳng lìa Phật quả, mê chẳng hay biết. Trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng nói:

"Thân Phật chẳng phải hóa,
Cũng chẳng phải chẳng hóa,
Ở trong pháp không hóa,
Bày có hình biến hóa".

Xưa trước giải thích: Đây thì nương thân khởi hóa, chân hóa mỗi có hai nghĩa. Trong chân có hai là: Một, nghĩa chẳng biến, tuy hóa mà thường lặng yên, thì thân Phật chẳng phải hóa vậy. Hai, nghĩa tùy duyên, nghĩa là chẳng giữ tự tánh, không lúc nào chẳng hiện, thì cũng là chẳng phải chẳng phải hóa vậy. Trong Hóa có hai là: Một, nghĩa không thể tức không, nghĩa là quấy duyên không tánh là ở trong pháp không hóa vậy. Hai, nghĩa tùy duyên huyễn có, thì bày có hình biến hóa vậy. Vì tùy duyên huyễn có chẳng khác chẳng khác chẳng biến thể không, cho nên hóa lẫn lộn vậy, chừa từng chẳng lặn, chân tánh lặng yên chưa từng chẳng hóa, nếu chẳng đạt lý đây, tự còn chưa độ, sao năng hóa tha? Lại, vì vô duyên từ như đá hút sắt, đâu phân hóa của năng sở. Vì

đồng thể bi giống như hư không, ai thấy thân của tự tha, nên các bậc tiên đức nói: "Cùng nguồn chớ hai chấp vết nhiều mối". Nghĩa là nếu căn cứ gốc để xét nguồn thì ngàn đường không khác vết. Nếu mênh mông của ba sông đều nguồn ra từ núi Dân vậy, là cùng nguồn chớ hai chấp vết nhiều mối thì căn cứ ngọn để thích hợp gốc, chẳng biết nhiều mối là ứng vết vậy. Nên trong phẩm Quang Minh Giác có kệ tụng nói:

"Một thân là vô lượng,
Vô lượng lại là một,
Rõ biết các thế gian,
Hiện hình khắp tất cả,
Thân đây không chỗ tùy,
Cũng không thể tích tụ,
Vì chúng sinh phân biệt,
Thấy Phật các thứ thân".

Tức nghĩa đây vậy. Chỉ là một pháp thân, nghĩa phân hai ba bốn năm cho đến mười thân. Vả lại như nói năm thân là, trong Duy-ma sớ Thích của Duệ công nói: "Chỗ gọi là pháp tánh sinh thân, cũng gọi là công đức pháp thân, biến hóa pháp thân, thật tướng pháp thân, hư không pháp thân". Rõ ràng mà biện giải đó là một pháp thân vậy. Tại sao? Nói sinh đó thì pháp tánh của gốc, nên gọi là pháp tánh sinh thân. Suy tìm nhân đó thì là chỗ công đức thành, nên nói là công đức pháp thân, căn cứ ứng đó thì không cảm nào chẳng hình, thì là biến hóa pháp thân, xứng đại đó thì cùng khắp hư không. Thể gọi là hư không pháp thân, nói diệu đó thì không tướng vô vi nên gọi là thật tướng pháp thân, nên biết một thể chẳng động gọi là theo duyên phân vậy, nên nói đồng thời khác xứ quyết là nhiều thân, mà là một thân toàn hiện nên chẳng phải nhiều vậy. Đó như một vầng trăng trong một sát-na mà trăm sông đều hiện, đều tức một tức nhiều. Như Bồ-tát Trí Tràng có kệ tụng nói: "Thí như trăng tròn sạch, hiện khắp tất cả nước, ảnh tượng tuy vô lượng, vốn trăng chưa từng hai". Là đây vậy. Lại trong kinh có kệ tụng nói:

"Pháp thân Như Lai diệu thanh tịnh,
Tất cả ba cõi không sánh bằng.
Vì xuất thế gian bày ngôn ngữ,
Tánh đó chẳng có cũng chẳng không,
Tuy không chỗ nương không chẳng đến,
Tuy không chẳng lại mà chẳng đi,
Như giữa hư không vạch mộng thấy,
Nên đối Phật thể quán như vậy".

Do chẳng phải chân chẳng phải ứng chẳng phải một chẳng phải nhiều vậy. Chẳng thể làm tư duy chân ứng một nhiều v.v... Nên trong phẩm Quang Minh Giác có kệ tụng nói:

"Thân Phật không sinh vượt hý luận,
Chẳng phải pháp uẩn xứ sai biệt".

Nên khó nghĩ lường vậy, lại nói đều là thân của tự tha cùng làm, hóa của năng sở cùng thành, tự tha cùng làm là, như trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Bồ-tát đây năng tùy chỗ vui thích của tâm chúng sinh, năng lấy tự thân làm thân Duyên giác, thân Bồ-tát, thân Như Lai, thân pháp, thân trí, thân hư không, đây tức tự làm tha vậy. Lại tùy chỗ vui thích của tâm chúng sinh, năng lấy thân chúng sinh làm tự thân, tức tha làm tự vậy". Năng sở cùng thành là, nếu không có của sở hóa, thì không vết của năng hóa. Lại nếu, không thân của sở ứng, cũng không sự của năng cảm, tự tha năng sở chẳng phải một chẳng phải khác. Do bởi nhau duyên khởi thành mật chỉ đây. Nhưng duyên khởi do bởi nhau là, đều là tự tâm làm duyên, trọn không pháp ngoài tâm năng cùng tâm làm duyên. Do đó các bậc cổ đức nói:"Mười phương chư Phật đều bản sư ta Hải ấn chóng hiện". Vả lại, trong kinh Pháp Hoa nói phân thân có nhiều cõi tịnh, Như Lai sao chẳng chỉ cõi tịnh của mình, mà khiến đến nơi cõi Đức Di-đà, Diệu-hỷ? Tư duy đó nên biết nói các Phật Hiền Thủ Phật Di-đà v.v.. đều là bản sư vậy. Đâu có gì quái lạ ư? Nói Hiền Thủ là, tức trong phẩm Thọ Lượng nói trải qua trăm ngàn a-tăng-kỳ cõi nước, sau cùng 1 Như Lai của thế giới Thắng liên hoa vậy. Trong kinh có kệ tụng nói:

"Hoặc thấy cõi Liên hoa thắng diệu,
Hiền Thủ Như Lai trú trong đó".

Nếu đây chẳng phải tán thán bản sư thì nói Như Lai khác cõi nước khác, là dụng gì? Vả lại, như trong tổng trì giáo cũng nói ba mươi bảy tôn, đều là chỗ một Phật Già-na hiện. Nghĩa là Tỳ-lô-già-na Như Lai tâm bên trong chứng tự thọ dụng thành ở năm trí, từ bốn trí lưu xuất bổn Như Lai, nghĩa là đại viên kính trí lưu suất A-sơ Như Lai ở phương Đông, bình đẳng tánh trí lưu xuất Bảo Sinh Như Lai ở phương Nam. Diệu quán sát trí lưu xuất Vô Lượng Thọ Như Lai ở phương Tây. Thành sở tác trí lưu xuất Bất Không Thành Tựu Như Lai ở phương Bắc. Pháp giới thanh tịnh trí tức tự làmTỳ-lô-già-na Như Lai.

Lại hỏi: Nếu y cứ nghĩa đây, đâu chẳng trái ý thú bình đẳng. Nếu nói tức ta là, nương ở y thú bình đẳng mà nói chẳng phải tức thân ta, tại sao đều nói là bản sư?

Đáp: Nói bình đẳng mới là một nghĩa, duy thức còn nói trong tất cả chúng sinh có thuộc nhiều Phật, nhiều Phật cọng hóa lấy làm một Phật. Nếu thuộc một Phật, Phật năng thị hiện lấy làm nhiều thân, mười phương Như Lai mỗi mỗi đều vậy. Nay chánh một Phật năng làm nhiều thân, nương đây mà tán thán bản sư vậy. Trong kinh Hoa Nghiêm phẩm Cảnh giới chẳng nghĩ bàn có kệ tụng nói:

"Trí Phật thông đạt sạch vô ngại,
Sát-na rõ khắp pháp ba đời,
Đều từ tâm thức nhân duyên hiện,
Sinh diệt vô thường không tự tánh.
Ở trong một cõi thành Chánh giác,
Tất cả xứ cõi đều cũng vậy,
Tất cả vào mỗi mỗi cũng vậy,
Tùy tâm chúng sinh mà hiện bày".

Trong kinh Đại Thừa Thiên Bát Đại Giáo Vương nói: "Tất cả chư Phật giáo hóa phương tiện pháp trí như vậy, ta đều nhóm tập tại trong một tâm. Đồng như kim cang Bồ-đề Thánh tánh Ma-ni-địa vậy". Trong kinh Kim Quang Minh Tối Thắng Vương nói: "Thí như nhật nguyệt không có phân biệt, cũng như gương nước không có phân biệt, ánh sáng cũng không phân biệt. Ba thứ hòa hợp được có ảnh sinh. Pháp như như, như như trí như vậy cũng không phân biệt. Vì nguyện tự tại vậy. Chúng sinh có cảm hiện ứng hóa thân, như ảnh nhật nguyệt hòa hợp xuất hiện. Như Lai là không đi không lại, nên nói đến ứng các cơ mà chẳng đi, luôn về tịch diệt mà chẳng lại. Tại sao? Nương thể khởi dụng nên mà đi, vì dụng của tức thể nên chẳng đi. Ứng cơ hiện tiền hợp là lại, vì ứng chẳng lìa thể như ảnh của trăng nên chẳng lại. Lại đến ứng hợp nên chẳng đi, ứng không tướng ứng nên chẳng đi, luôn về tịch diệt hợp là lại, diệt chẳng thể được nên chẳng lại, cho đến tất cả các pháp đều không lại đi. Như trong kinh có kệ tụng nói:

"Tất cả pháp không lại,
Cho nên không có sinh,
Nhưng ở pháp không sinh,
Trong hiện khởi bi hóa".

Do đó trong luận Đại Trượng Phu nói: "Bồ-tát tư duy tất cả chúng sinh, năng vì ta làm nghiệp đoan nghiêm, chẳng khiến một chúng sinh làm ý đoan nghiêm. Bồ-tát tư duy thế này, nói lợi tha là cầu tướng của người khác, đều chẳng thể được, đều như tự mình". Lại nói: "Bồ-tát tư duy: Khiến ta bi giống như hư không, tất cả núi sông cây cối chim bay

thú chạy đều nương hư không mà trú. Tất cả chúng sinh tất cả thời đều vào trong bi ta. Đó thì dùng đại bi của đồng thể, chúng sinh nào mà chẳng độ. Khởi đại tuệ của bình đẳng, đạo nào mà chẳng thành". Như trong luận Hoa Nghiêm nói: "Vô tận công đức tạng hồi hướng là, vị đây rõ thiền cùng trí ngầm trí cùng bi hợp, vì vô tận hư không là một đạo tràng, vì vô tận chư Phật, mà khắp cùng pháp giới, hóa vô tận chúng sinh đều thành thân Phật trong ngoài cùng mất, thủy chung đều hết, biết khắp các pháp, chẳng hoại không tâm". Trong phẩm vô tận công đức tạng nói: "Trong một lỗ chân lông thấy a-tăng-kỳ chư Phật xuất hiện nơi đời được vào pháp Vô tận tạng". Là nơi rõ tâm vốn không, lớn nhỏ buộc hết, thân là ảnh trí, cõi nước cũng vậy, trí sạch ảnh sáng, lớn nhỏ cùng vào dụ như cảnh giới lưới nhân-đà-la". Ấy vậy, trong kinh nói: "Dùng lực trí Phật quán tất cả pháp đều vào một pháp" là, nói rõ tất cả muôn cảnh tuy nhiều nhưng điều một tâm mà khởi. Tâm mất cảnh diệt, muôn cảnh điều hư, như các ảnh trong nước sạch vậy. Nước mất ảnh diệt, đây là căn cứ có thành không mà nói. Lại, lấy cảnh căn cứ trí sinh, trí hư cảnh huyễn, nhiều tướng cùng vào chẳng lìa một hư, huyễn chẳng khác hư, hư chẳng khác huyễn, huyễn hư không hai, một khác đều hư. Đây là căn cứ trí huyễn hư, môn tự tại vô ngại mà nói, đây đây đều mượn pháp so sánh mà nói. Như thật chỗ biết chỉ mất tư duy là trí hội hợp. Thí đó hội hợp mới có thể dùng, mà thường chân chẳng hoặc tâm cảnh, vì đại nguyện lực tùy trí huyễn sinh v.v.. số thân chúng sinh, như ứng nhiếp hóa viên gọi là vô tận công đức tạng. Lại nói: Bồ-tát Pháp vân địa tùy tâm niệm lực, rộng lớn vi tế tự tha cùng vào, một nhiều lớn nhỏ cùng xen. Thần thông tức dụng tự tại đều tùy chỗ tự tâm niệm thành vậy. Thời người địa ngục súc sinh ngạ quỷ quả báo thiện ác v.v.. một nương tâm tạo. Như Bồ-tát mười địa đây dùng pháp thân vô tác lực của đại trí, tùy chỗ tâm niệm, khắp cùng mười phương một thời tự tại thảy đều thấy biết. Vì trí Phổ Quang Minh làm thể, là trí thể không nương tựa, xứng tánh khắp cùng khắp giới, vì trí không tánh đại dụng tùy niệm, vì trí chẳng quên mất tùy niệm điều thành, vì trí đủ tổng biệt, tổng biệt đồng khác thành hoại đều làm, vì trí tự tại rộng hẹp lớn nhỏ, hóa thông vô ngại, vì cùng tất cả chúng sinh đồng thể trí, năng biến tất cả cảnh giới chúng sinh, thuần làm cõi của tịnh độ, vì tự tha không hai trí, một thân mà làm nhiều thân, nhiều thân mà làm một thân, vì pháp thân không lớn nhỏ trí của lìa lượng năng dùng một lỗ chân lông rộng bao dung cõi Phật. Vì trí đồng hư không vô biên vô phương mà một niệm hiện sinh khắp mười phương mà không đi lại, vì thí như âm vang ứng đối hiện

v.v.. chúng sinh ứng hình, vì là đầy đủ viên mãn trí phước đức mà luôn ở cõi diệu, thường cùng tất cả chúng sinh đồng ở, nếu chẳng phải lực gia trì của bậc Thánh, thì chúng sinh chẳng thấy.

Lại hỏi: Thế nào là thấy Phật ra đời?

Đáp: Phải thấy tự thân, không thân không tâm, không ra không mất, không trong không ngoài, chẳng động chẳng lặng, không nghi không cầu. Thế gian và thế xuất gian đều không trú xứ. Không tâm sở pháp, không tâm tâm pháp, tâm pháp không nương tánh không đầu cuối, vì trí không nương trú nói pháp như vậy. Giáo hóa chúng sinh điều khiến ngộ vào, đó gọi là thấy Phật ra đời, như trong phẩm Quang minh giác, Văn-thù-sư-lợi có kệ tụng nói: "Thế và xuất thế thấy, tất cả điều siêu vượt, mà năng khéo biết pháp, sẽ thành sáng chói lớn. Nếu ở Nhất thiết trí, phát sinh tâm hồi hướng, thấy tâm sinh không chỗ sinh, sẽ được danh xưng lớn, chúng sinh không chỗ sinh, cũng là không có hoại, nếu được biết như vậy, sẽ thành đạo Vô thượng". Lại, trong kinh Đại Thừa Đại Tập nói: "Phật dạy: Hiền Hộ! Như lửa chưa sinh, hoặc lúc có người nói là ta ở ngày nay ánh sáng diệt là lửa. Hiền Hộ! Ý ông nghĩ sao? Người kia nói vậy là thành thật chăng? Hiền Hộ thưa: không vậy, bạch Đức Thế Tôn. Đức Phật dạy: Hiền Hộ! Các pháp như vậy từ xưa đến nay rốt ráo không được, cớ sao ở nay mà nói như vậy. Ta năng vương biết tất cả các pháp, ta năng thấu rõ tất cả các pháp, ta năng giác ngộ tất cả các pháp, ta năng độ thoát tất cả chúng sinh ở trong sinh tử. Đó chẳng phải lời nói chân chánh. Tại sao như vậy? Trong pháp giới kia vốn không các pháp cũng không chúng sinh, cớ sao nói độ? Chỉ trong thế tục đế, nhân duyên độ vậy". Nên biết ngoài tâm không pháp, chỗ nào được ư? Thân Phật vô vi chỉ tùy duyên hiện. Như trong Triệu Luận nói: "Phóng Quang nói: Phật như hư không không đi không lại ứng duyên mà hiện không có phương sở. Nhưng mà Thánh nhân ở tại thiên hạ vậy. Lặng lẽ hư vô không tranh không chấp, dẫn dắt mà chẳng phải trước, cảm mà ứng sau, thí như âm vang của hang sâu, ảnh tượng của gương sáng, đối đó chẳng biết đó chỗ nào lại, tùy đó không hay đó đi về đâu, chợt vậy mà có chợt vậy mà mất, động mà hơn tình, ẩn mà không rõ, ra tối vào tâm biến hóa vô thường, đó là xứng vậy. Nhân ứng mà làm hiển vết là sinh, dứt vết là diệt, sinh gọi là hữu dư, diệt gọi là vô dư, nhưng mà xưng của có không (hữu vô) vốn ở không danh. Đạo của không danh, ở đâu chẳng danh, vì vậy Thánh nhân ở vuông thì vuông ở tròn thì tròn, ở trời thì trời, ở người thì người. Phàm, năng trời năng người, đâu là chỗ của trời người năng ư? Quả vì chẳng phải trời chẳng

phải người nên năng trời năng người vậy. Do đó, gương sáng không hình năng hiện muôn hình. Thánh nhân không tâm năng ứng muôn tâm ẩn chẳng giấu sáng, hiển chẳng hiện vết. Nên trong luận nói: "Thánh nhân lặng lẽ sợ không điềm, ẩn hiển đồng thời, còn chẳng là có, mất chẳng là không, tại sao? Phật dạy: Ta không sinh chẳng sinh, tuy sinh chẳng sinh, không hình chẳng hình, tuy hình chẳng hình.

Hỏi: Pháp thân Như Lai tức tánh chân tâm, báo thân Như Lai nương thân mà khởi, nếu hóa thân Như Lai thì có tâm chăng?

Đáp: Nếu căn cứ thể cũng chẳng lìa, căn cứ sự tức phân, như trong kinh Giải Thâm Mật nói: "Bồ-tát Mạn-thù-thất-lợi lại bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Hóa thân Như Lai phải nói là có tâm hay không tâm ư? Phật dạy Mạn-thù-thất-lợi rằng: Này thiện nam! Chẳng phải là có tâm cũng chẳng phải là không tâm, tại sao? Không tự y tâm có y tha tâm vậy".

Hỏi: Trong kinh nói: Bồ-tát mở đóng tất cả cửa ác thú. Phàm tất cả chúng sinh tùy nghiệp tự tâm mỗi thọ khổ báo. Do đó trong kinh có kệ tụng nói:

"Giả sử trăm nghìn kiếp,
Nghiệp chỗ làm chẳng mất,
Lúc nhân duyên hội ngộ,
Quả báo lại tự thọ."

Tại sao Bồ-tát năng đóng tất cả cửa ác thú?

Đáp: Chỉ căn cứ tự tâm thường mở cửa sáu thức, nào từng tạm đóng, ngày đêm so sánh, duyên tưởng tất cả mọi sự bất thiện khắp các cảnh giới, niệm niệm luôn tạo sinh tử địa ngục. Trong kinh nói: "Tập khởi tâm tưởng gọi là địa ngục". Nếu năng quản tự tâm thức tánh không chỗ có tức là mở cửa thiện thú. Nếu chẳng khởi tâm tưởng, tức là đóng cửa ác thú. Nếu được trí tự tại hiện tiền, tức hiện thân sinh năm đường, vào các cõi địa ngục ngạ quỷ súc sinh v.v.. cứu khổ chúng sinh, nên trong Thiền môn lập vô niệm làm tông, lấy làm yếu học, nên trong kinh có kệ tụng nói:

"Chuyên niệm ở vô niệm,
Phật pháp chẳng khó được".

Sao gọi là chẳng khó được? Vì không niệm vậy, muôn cảnh chẳng sinh, ngay đó giải thoát, nếu có niệm khởi, chẳng phải riêng mở cửa của ác thú, mà hai mươi lăm hữu một thời đều hiện. Nên biết muôn chất đều từ niệm khác, mười hai loại dọc ngang, ngàn sai đều theo tướng sinh, tám muôn cửa đua khởi, như trong Tín Tâm Minh nói: "Mắt nếu chẳng

ngủ, các mộng tự trừ, tâm nếu chẳng khác, muôn pháp một như". Vì các pháp không thể từ tự tâm sinh, tâm nếu chẳng sinh, cảnh bên ngoài thường lặng. Nên nói: "Vì thế Thánh nhân nương chân tâm tùy thuận thì không kẹt nào mà chẳng thông, xét một khí để quán hóa, nên chỗ gặp mà thuận vừa. Không kẹt nào chẳng thông, nên năng hỗn tạp đến cùng, thuần chỗ gặp mà thuận vừa thì xúc vật mà một". Như đây thì muôn tượng tuy khác, mà chẳng năng tự khác. Nên biết tượng chẳng phải chân tượng, tượng chẳng phải chân tượng thì tuy tượng mà chẳng phải tượng. Nhưng mà vật ngã đồng căn, phải quấy một khí. Ngầm vi u ẩn, bèn chẳng phải chỗ tận của các tình, nên biết nương một tâm mà giẫm trải thì qua đâu mà chẳng phải là chân như. Bẩm một khí mà hóa hành thì vật nào mà chẳng thuận, như Trang tử nói: "Trời đất một khí mà năng muôn hóa". Lão tử nói: "Trời được một để trong, đất được một để sáng, thần được một để linh, muôn vật được một để sống. Nên Thánh nhân dùng một chân tâm mà quán muôn cảnh thì chỗ gặp mà thuân vừa, xúc vật mà ngầm một vậy". Vậy biết các pháp không thể. Duyên giả cùng nương, tợ có sai khác chẳng năng tự khác. Tại sao? Dài không tướng dài, vả lại chẳng tự nói ta dài, ngắn không tướng ngắn cũng tự chẳng nói ta ngắn. Đều là tùy niệm đo lường phân biệt biến kế chấp trước tình sinh, thì biết muôn vật vốn hư, tức tượng mà không tượng vậy.

Hỏi: Nói như trên, chúng sinh tự tâm tự tạo nghiệp tự thọ khổ báo. Cớ sao lại nói chịu khổ thay cho tất cả chúng sinh?

Đáp: Căn cứ các bậc cổ đức giải thích. Chịu khổ thay có bảy ý: một, khởi bi ý lạc, sự chưa hẳn năng. Hai, tu các khổ hạnh năng cùng vật làm tăng thượng duyên tức gọi là chịu khổ thay. Ba, lưu hoặc nhuận sinh thọ có thân khổ, vì vật nói pháp khiến chẳng tạo ác, nhân tan quả mất tức gọi chịu khổ thay. Bốn, nếu thấy chúng sinh tạo nghiệp vô gián, phải chịu khổ lớn, dùng phương tiện vô uý cần phải đoạn mạng tự đọa vào địa ngục khiến kia được thoát. Năm, do mới phát tâm thương ở nơi ác đạo, cho đến gặp thời đói khác, thân làm cả lớn, nên gọi là chịu thay. Sáu, nguyện lớn cùng khổ đều đồng chân tánh, nay lấy nguyện lớn của tức chân, ngầm đến khổ của đức chân. Bảy, pháp giới là thân tự tha không khác. Chúng sinh chịu khổ tức làm Bồ-tát, mới đầu chỉ ý lạc, tiếp hai là duyên, tiếp hai nữa là thật thay, hai sau là lý quán, nhưng căn cứ có duyên mới năng chịu thay vậy. Trong Hoàn Nguyên Quán nói: Đức chịu thay khắp chúng sinh mà thọ khổ, nghĩa là Bồ-tát tu các pháp hạnh chẳng vì tự thân, chỉ muốn rộng lợi ích quần sinh sáu thân bình đẳng, khiến các đoạn ác tu đủ muôn hạnh, chúng chứng Bồ-đề. Lại là lúc Bồ-

tát vốn hành đạo Bồ-tát, đại bi đại nguyện lấy thân làm chất, ở nơi ba ác thủ cứu chuộc tất cả chúng sinh thọ khổ, cốt yếu khiến được an lạc, tân cùng ngăn mé vị lai, tâm không lui sụt. Chẳng ở nơi chúng sinh có tâm hy vọng báo ân chỉ chừng bằng mảy lông tóc. Trong kinh nói: "Mây bi rộng lớn khắp tất cả, bỏ thân vô lượng cõi bụi trần, dùng biển kiếp xưa tu các hạnh, khiến thế giới đây không cấu dơ". Nghĩa là chúng sinh vọng chấp niệm niệm biến đổi, gọi đó là khổ, Bồ-tát dạy khiến rõ uẩn rỗng lặng tự tánh vốn không, nên nói lìa khổ.

Hỏi: Chúng sinh vô biên nghiệp khổ cũng vô biên, làm sao Bồ-tát mà năng chịu thay?

Đáp: Bồ-tát thay thế chúng sinh chịu khổ là do lực phương tiện đại bi vậy. Chỉ vì chúng sinh vọng chấp chẳng rõ nghiệp thể, từ vọng mà sinh, không do đâu ra khỏi khổ. Bồ-tát dạy khiến tu hành hai môn chỉ quán, tâm không thay đổi, nhân mất quả tan, không do đâu sinh, chỉ khiến vào ba đường xấu ác, thì gọi là thay thế chúng sinh thọ khổ vậy. Vì vậy, khổ của ba cõi sinh tử, đều là chúng sinh vọng thọ. Vì chẳng rõ căn trần không tánh, gốc ngọn thường không, ở trong rốt ráo không, chấp thành có của cứu cánh. Nhân đây tham thủ kết nghiệp thọ sinh, ở vô lượng kiếp lại chịu khổ luân hồi, vô minh che đậy chẳng tỉnh chẳng biết, Bồ-tát do đó duỗi tâm đại bi xót thương điên đảo, nói thuốc pháp của tánh không, phá căn bệnh của tình có, thì đạt khổ không sinh, chẳng tạo nghiệp ác, biết các thọ qua lại khởi năng phá năng mê hoặc, khổ của vọng thọ đã không, lạc của đối trị sự tuyệt. Do đó, các bậc tiên đức nói: "Khổ là lạc, lạc là khổ, chỉ cái tu hành đoạn cửa nẻo, cũng không khổ cũng không lạc, xưa nay tự tánh buộc ràng, do đây diệu ngộ vào muôn một khoảng, bèn được nhân pháp đều không, chẳng bị chỗ tâm cảnh buộc, ngay đó giải thoát, trọn ra khỏi nguồn khổ, há chẳng phải chịu khổ thay ư?" Lại trong kinh nói: "Nói pháp là đại thần biến, năng khiến tức phàm thành Thánh, biến họa làm lành, ở trong địa ngục vòng lửa, nhảy vọt lên trên đài sen cõi tịnh", đâu chẳng phải thần biến ư?

Hỏi: Tất cả cảnh giới nhân tâm phân biệt, nếu có phân biệt tức thuộc vô minh, nên nói không tâm phân biệt, tất cả pháp chánh, có tâm phân biệt tất cả pháp tà, chư Phật Như Lai đã đoạn vô minh không có tướng tâm, làm sao năng biết cảnh của chân tục sai biệt gọi là Nhất thiết chủng trí?

Đáp: Vì pháp không tự thể, tức phân biệt không phân biệt vì thể chẳng ngại duyên nên không phân biệt. Như trong luận Đại Thừa Khởi Tín nói: "Tự thể hiển chiếu nên gọi là giác". Nghĩa là có cật nạn rằng

nếu không thể không phân biệt sao năng hiện khắp tâm hành chúng sinh? Nên đáp là: Tự thể hiển hiện như châu có ánh sáng tự chiếu thể châu, thể châu dụ tâm, sáng dụ trí. Thể tánh của tâm tức tánh các pháp, lúc chiếu các pháp là tự chiếu vậy. Nên trong luận văn nói rất rõ ràng. Nhưng trong luận, có hỏi: Hư không vô biên nên thế giới vô biên, thế giới vô biên nên chúng sinh vô biên, chúng sinh vô biên nên tâm hành sai biệt cũng vô biên. Cảnh giới như vậy chẳng thể phân tề khó biết khó hiểu. Nếu vô minh đoạn không có tâm tưởng, làm sao năng rõ, gọi là nhất thiết chủng trí? Đáp: Tất cả cảnh giới xưa nay một tâm, lìa ở tưởng niệm, vì chúng sinh vọng thấy nên tâm có phân tề. Vì vọng khởi tưởng niệm chẳng xứng pháp tánh, nên năng quyết rõ, chư Phật, Như Lai lìa nơi thấy tưởng, không khổ chẳng khắp cùng tâm chân thật vậy. Tức là tánh của các pháp tự thể hiển chiếu tất cả vọng pháp, có đại trí dụng vô lượng phương tiện, tùy chỗ các chúng sinh đáng được giải hiểu đều năng chỉ bày các thứ pháp nghĩa, cho nên được gọi là nhất thiết chủng trí.

Giải thích: Tâm chân thật thì là tánh của các pháp, Phật tâm lìa tưởng, thể một nguồn tâm, lìa vọng tưởng nên gọi là tâm chân thật, thể một tâm nêu là tánh các pháp. Vậy thì Phật tâm là thể của các vọng pháp, tất cả vọng pháp đều là tướng một tâm Phật. Tướng hiện ở tự thể, tự thể chiếu tướng đó, rõ biết như vậy, có gì là khó? Nên năng tự thể hiển chiếu tất cả vọng pháp, đó gọi là nguyên do của không chỗ thấy nên không chỗ chẳng thấy vậy. Trong Sao nói: "Vì bên trong mê chân lý bên ngoài thức thấy trần nên ở cảnh của như lượng chẳng năng tùy thuận các thứ biết vậy. Như người động mắt, đất trời nghiêng xoay, nên chẳng năng như thật biết vậy". Vậy biết biển tâm sáng ngừng muôn vật đều soi. Đầm lặng sóng nổi các cảnh đều mờ.

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 92

Hỏi: Phàm căn cứ trong môn thế tục đế, phàm Thánh cách tuyệt, phàm phu bên ngoài tâm lập pháp vọng chấp thấy nghe. Thánh nhân đã rõ một tâm, cớ sao đồng phàm thấy biết?

Đáp: Thánh tuy thấy biết thường rõ vật hư, như đồng huyễn sinh không có chấp trước, như trong kinh Đại Niết-bàn nói: "Bồ-tát Ca-diếp thưa: Bạch Đức Thế Tôn! Nếu vì nhân tưởng của phiền não đây sinh ra đảo tưởng, tất cả Thánh nhân thật có đảo tưởng, mà không phiền não, nghĩa đó thế nào? Phật dạy: Này thiện nam! Thế nào Thánh nhân mà có đảo tưởng? Bồ-tát Ca-diếp thưa: Bạch Đức Thế Tôn! Tất cả Thánh nhân từ trâu khởi tưởng trâu cũng nói là trâu, từ ngựa khởi tưởng ngựa cũng nói là ngựa. Nam nữ lớn nhỏ vườn nhà xe cộ đi lại cũng vậy, cho nên đảo tưởng. Này thiện nam! Tất cả phàm phu có hai thứ tưởng: Một, tưởng thế gian lưu hành. Hai, tưởng đắm trước. Tất cả Thánh nhân tuy có tưởng thế gian lưu hành bố tưởng mà không có tưởng đắm trước. Tất cả phàm phu ác giác quán nên ở tưởng thế gian lưu hành sinh ra tưởng đắm trước. Cho nên, phàm phu gọi là tưởng điên đảo, Thánh nhân tuy biết nhưng chẳng gọi là tưởng điên đảo ". Lại, vì cảnh giới tự không, nào phải hoại tướng. Vì tâm linh tự chiếu đâu mượn duyên sinh, chẳng đồng phàm phu năng sở tình chấp thấy biết. Nên trong Triệu Luận nói: Phàm có chỗ biết thì có chỗ chẳng biết, vì Thánh tâm không biết nên không chỗ chẳng biết. Biết của chẳng biết mới gọi là biết tất cả". Nên trong kinh nói: "Thánh nhân hư rỗng tâm đó mà thật chiếu đó, trọn ngày biết mà chưa từng biết vậy. Như nước đứng, ảnh soi, đâu lập tâm của năng sở thì cảnh trí đều không, nào có tưởng của hay biết", trong kinh Lăng-già nói: "Phật bảo: Đại Tuệ! Vì thế gian do mê hoặc làm rối loạn kia, các Thánh cũng hiện mà chẳng phải điên đảo, Đại Tuệ! Như mùa xuân, vòng lửa xoay, rủ tóc, thành Càn-thác-bà, huyễn mộng, gương ảnh, là thế gian điên đảo chẳng phải minh trí vậy, nhưng chẳng phải chẳng hiện". Giải thích: Bảy dụ trên là rõ cảnh tức một mà thấy

có khác, nhưng Thánh nhân dùng cảnh của hoặc loạn kia. Một đồng phàm hiện sắc v.v... các trần, vì Thánh nhân không niệm đắm trước nên đối mặt chẳng phải điên đảo, nhưng Thánh nhân chẳng phải chẳng thấy pháp hoặc loạn kia, lúc thấy chánh đồng trăng dưới nước ảnh trong gương, Bồ-tát Long Thọ nói: ánh sáng mặt nhật dính bụi trần, gió nhẹ thổi đó bay trong đồng trống gọi đó là diệm. Ngu phu trông thấy cho đó là ngựa hoang, người khát thấy cho đó là nước chảy. Nghiệp báo cũng vậy, phiền não ánh sáng mặt nhật nóng đốt các hành thành bụi trần, gió tà nghĩ nhớ ở trong đồng hoang sinh tử thổi đó khiến chuyển, vọng thấy là người là quỷ là nam là nữ, khát ái nhiễm trước đắm dính không thôi, chẳng gần Thánh pháp thì không do đâu nhận biết được. Phàm, lửa, mặt nhật sáng tỏa bên ngoài, nước gương soi chiếu bên trong, ánh sáng tại trên là ảnh, ánh sáng tại dưới là tượng, tượng do sáng truyền mà tượng hiện ở nước. Hình do mặt nhật soi mà ánh sáng cách làm ảnh. Hai vật tuy dối mà chỗ đối đải dối có, dối có tuy không mà cuồng hoặc thấy đó, thấy đó do chẳng cuồng thì hình cùng ảnh một, tượng cùng hình đồng. Pháp thế gian cũng vậy, chỗ các duyên khởi, có của khởi cùng duyên của sở khởi đều là không, vật không một khác vậy. Mà người vì gió bệnh điên đảo hư vọng nên chẳng đáng thấy mà thấy chẳng đáng nghe mà nghe, nếu được sáng của đại tuệ thì gió cuồng tâm dứt, không thấy đâu vậy. Lại, Bát-nhã vô tri là, chẳng đồng với gỗ đá, chẳng phải có biết là đồng với tình tưởng. Các bậc cổ đức nói: “Phật thấy vô ngã chẳng phải không biết, chỉ là chẳng biết biết chẳng thấy thấy, vì biết chẳng biết biết vậy, tức không tâm mà không biết, thấy là chẳng thấy thấy vậy, không sắc mà chẳng thấy. Không sắc mà chẳng thấy nên do chẳng thấy thấy vậy. Không tâm mà chẳng biết nên do chẳng biết biết vậy. Như trong kinh Tịnh Danh nói: “Chỗ thấy sắc và mù đồng nhau”. Là, Sùng Phước sớ giải rằng: Thí như năm ngón tay bôi xoa hư không, hư không không tượng hiện. Chẳng vì hư không không tượng hiện bèn nói tay chẳng bôi xoa hư không. Đâu vì năm ngón tay bôi thoa hư không, bèn nói muốn khiến trong hư không tượng hiện. Sự cũng chẳng phải vậy, chẳng phòng ngại mạch mẻ bôi thoa hư không, trong hư không nguyên không tượng hiện. Đâu vì nhãn căn thấy sắc bèn khiến như mù, đâu vì nhãn căn như mù mà bèn đều không chỗ thấy, chẳng ngăn ngại mắt đầy đủ thấy sắc, sắc vốn tự tánh không. Tuy nhiên, lúc thấy sắc nguyên là cùng mù không khác, chỉ dứt tự tâm phân biệt, chẳng phải trừ pháp vậy, pháp vốn tự không, không chỗ trừ vậy. Lại, chỗ nghe tiếng và âm vang đồng nhau là, đâu là chẳng nghe, chỉ tất cả âm thanh đều như vang

trong hang cốc, không chấp thọ phân biệt vậy. Do đó mắt đầy đủ thấy sắc, tai đây đủ nghe tiếng, chẳng tùy chẳng hoại, rõ chánh tánh của sắc và tiếng vậy. Tại sao? Nếu tùy môn của sắc và tiếng tức đọa vào chấp của phàm phu, phân biệt tướng xấu đẹp, đắm sâu thương ghét. Lãnh thọ âm thanh của tán dương hay hủy báng, vọng sinh thích chán. Nếu hoại tướng của sắc và tiếng, tức đồng tâm của Tiểu thừa, thì có ba lỗi: Một, sắc v.v... tánh không thể hoại vậy. Nếu hoại phương không chẳng phải vốn không vậy. Hai, do không tức chân đồng pháp tánh vậy. Nếu hoại phương chân, sự tại ngoài lý vậy. Ba, do tức không chẳng đợi hoại vậy, hoại thì đoạn diệt. Vì vậy Như Lai năm mắt chiếu suốt không sót, đâu đồng phàm phu sinh mù, nhị thừa chột mắt đều không thấy hư? Chỉ chẳng tùy chẳng hoại lìa biên tà của hai kiến, chẳng phải có chẳng phải không, khế hợp trung lý của một tâm, thì gặp duyên không ngại, xúc cảnh không sinh vậy. Vì thế, muôn vật vốn dối từ tâm thấy thật, nhân tưởng niệm mà chấp không chấp có, đọa vào cửa hỗn loạn mê hoặc. Vì chấp trước mà thành huyễn thành cuồng, thọ báo của tạp nhiễm, nếu năng phản chiếu duy tâm, đại trí soi cùng nguồn chân thật tướng, thì huyễn mộng chóng tỉnh, ảnh tượng đều lặng. Sau đó dùng tướng chẳng hai suốt thấy mười phương, dùng môn một tâm gồm thâu muôn vị, thì thấy không chỗ thấy các tướng xen lẫn trời, nghe không chỗ nghe các âm thanh dựng nổi đất. Rõ đạt như vậy, tâm hư cảnh không, thì vào môn đại tổng trì, tiếp nối chủng tánh Phật thừa. Trong kinh Lăng-già nói: "Giác tự tâm, tánh ngoài hiện lượng chẳng phải tánh, chẳng tướng vọng tưởng khởi chủng tánh Phật thừa. Nếu mê pháp bên ngoài lấy tâm thủ tâm thì thành môn nghiệp huyễn, tiếp tục chủng tánh chúng sinh. Huyễn pháp từ đâu lập". Nên biết tất cả các pháp nhiễm tịnh đều từ chấp thủ sinh. Vì vậy nói chấp thủ ngã là dơ, chẳng chấp thủ ngã là tịnh. Nếu không tâm của năng thủ sở thủ, cũng không pháp của huyễn chẳng phải huyễn. Chẳng phải huyễn thật pháp còn chẳng sinh, huyễn khởi vết dối cậy đâu kiến lập, lại như ngoài tâm thấy pháp đều thành đối đãi nhau. Vì không thể không lực duyên giả nương nhau vậy. Do đó, trong kinh Lăng-già có kệ tụng nói:

"Vì có nên có không,
Vì không nên có có,
Nếu không chẳng nên thọ,
Nếu có chẳng nên tưởng".

Nếu mở phương tiện hoặc nói có trị không, nói không phá có tức không chỗ trở ngại. Như trong luận Thập Địa Tỳ-bà-sa có kệ tụng

nói:

"Nếu dụng có và không,
Cũng ngăn cũng nên nghe,
Tuy nói tâm chẳng đắm,
Thì là không có lỗi".

Nếu căn cứ chánh tông thì có không đều sạch hết. Nên trong luận Đại Trí Độ nói: "Phật có chẳng nói không, không chẳng nói có, chỉ nói các pháp thật tướng, thí như ánh sáng mặt nhật chẳng làm cao thấp, bình đẳng một chiếu, Phật cũng như vậy, chẳng phải khiến có làm không, chẳng phải khiến không làm có". Vậy biết nếu mê đại chỉ thì thấy có không. Như trong luận Niết-bàn nói: "Không danh là số của có không. Thật vì pháp không gì chẳng bao gồm. Lý không gì chẳng thâu tóm. Nhưng chỗ thâu tóm suốt đo lá, tục đế vậy". Trong kinh nói: "Chân đế là gì? Đạo Niết-bàn là tục đế sao? pháp có không là gì? Có là có ở không, không là không ở có. Có không do đó xưng có, không có do đó xưng không, nhưng mà có sinh ở không, không sinh ở có, lìa có không không, lìa không không có. Có không cùng sinh, đó như cao thấp cùng nghiêng, có cao hẳn có thấp, có thấp hẳn có cao vậy. Nhưng mà có không tuy khác, đều chưa khởi ở có. Đây là nguyên do hình của ngôn tượng, lý do sinh của phải quấy, đâu đủ để thâu tóm, u cực mà phỏng thần đạo đó ư? Vì vậy, luận xưng ra khỏi có không, bởi vì số của có không chỉ ở trong của sáu cảnh. Trong của sáu cảnh chẳng phải vườn nhà của Niết-bàn vậy, mượn ra khỏi để dứt trừ đó vậy. Hầu mong dòng của đạo phản phất nơi đường mờ tối, gá hình tuyệt cõi, được ý quên lời, thể đó chẳng phải có chẳng phải không vậy. Đâu nói ngoài của có không riêng có diệu đạo mà có thể xưng ư? Trong kinh nói: Ba vô vi là, bởi là quần sinh rối nhiễu sinh ở thần tai họa hoạn. Oán trách của thuần tai họa. Không gì trước ở có, tuyệt xưng của có không gì trước ở không. Nên mượn không để rõ chẳng phải có đó. Rõ chẳng phải có đó chẳng phải gọi là không vậy. Có danh là, luận chỉ nói Niết-bàn đã chẳng ra khỏi có không, lại chẳng tại có không, chẳng tại có không thì chẳng thể ở có không được đó vậy. Chẳng ra khỏi có không thì chẳng lìa có không cầu đó vậy. Cầu đó không chỗ bèn nên đều không, nhưng lại chẳng không đạo đó. Đạo đó chẳng không thì đường mờ tối có thể tìm, do đó ngàn Thánh đồng vết chưa từng luống dối trở lại ấy vậy. Đạo đó đã còn mà chẳng ra chẳng tại, hẳn có khác yếu chỉ, có thể được nghe ư? Không danh là, phàm nói do danh khởi. Danh vì tướng sinh. Tướng nhân có thể tướng, không tướng không danh, không danh không nói, không

nói không nghe. Trong kinh nói: "Niết-bàn chẳng phải pháp chẳng phải chẳng phải pháp. Không nghe không nói chẳng phải thể tâm biết. Ta làm sao dám nói đó, mà ông muốn nghe nó ư? Tuy nhiên, Thiện Cát có nói: Nếu chúng năng dùng không tâm mà thọ. Không nghe mà nghe, ta sẽ dùng không lời mà nói đó". Ngõ hầu thuật đạo đó cũng có thể dùng ngôn từ vậy. Tịnh Danh nói: "Chẳng lìa phiền não mà được Niết-bàn". Thiên Nữ nói: "Chẳng ra cõi ma mà vào cõi Phật". Nhưng mà Huyền đạo ở tại Diệu ngộ. Diệu ngộ ở tại tức chân. Tức chân đều có không đều quán, có không đều quán thì đây kia chẳng hai. Do đó trời đất cùng ta đồng căn, muôn vật cùng ta một thể, đền ta thì chẳng phải lại có không, khác ta thì trái ở hội thông. Vì vậy, chẳng ra chẳng tại mà đạo còn ở khoảng đó vậy. Tại sao? Phàm, chí nhân rỗng tâm ngầm chiếu lý không gì chẳng thâu tóm, ôm hoài sáu hợp trong cõi lòng mà linh xét có thừa, gương muôn tượng ở tấc vuông mà thần đó thường hư rỗng, chế năng chọn huyền căn cũng chưa đầu tiên, tức các động lấy tỉnh tâm điềm đạm sâu lắng diệu khế tự nhiên, do đó, ở có chẳng có, ở không chẳng không. Ở không chẳng không nên chẳng không ở không, ở có chẳng có nên chẳng có ở có. Nên năng chẳng ra có không mà chẳng tại có không ấy vậy. Nhưng mà pháp không tướng của có không. Thánh không biết của có không. Thánh không biết của có không thì không tâm ở trong pháp không tướng có không thì không số ở ngoài, ở ngoài không số ở trong không tâm, đây kia tịch diệt, vật ngã ngầm một, sợ vậy không điềm, mới gọi là Niết-bàn. Niết-bàn nếu đo lường đạt tuyệt, đâu chấp nhận mong cầu đó ở trong của có không, lại có thể thành đó ở ngoài của có không ư? Giải thích: Huyền đạo ở tại Diệu ngộ, Diệu ngộ tại ở tức chân là, phàm đạo của u huyền không danh không tướng, tình của cạn gần biết chẳng kịp, ý của thô phù giải khó lường, chỉ ngay lúc của Diệu ngộ, mới tỉnh xét ý chỉ đó, được ý chỉ đó nên thật chẳng nghĩ bàn. Tâm cảnh dung thông như đồng thần biến, chỉ pháp giới ở trong lòng bàn tay, thâu muôn tượng ở trước mắt, như gương soi chiếu hư không bao hàm một thời bình hiện, đã không trước sau cũng tuyệt khoảng giữa. Diệu chỉ sáng rõ, ngôn tư tuyệt vậy. Có thể gọi là diệu ngộ, có thể gọi là tức chân, thì có không đều quán, đây kia chẳng hai, chẳng ra chẳng tại. Đạo đó tại đây ư?

Hỏi: Cảnh giới sáu trần chỉ nương vọng niệm mà có sai biệt. Nếu người không niệm, lại thấy tất cả cảnh giới chăng?

Đáp: Vọng niệm chấp có, tiền trần khởi thật hiểu biết, diệu tánh chẳng thông, bèn thành sai biệt, nếu người không niệm chẳng phải là

lìa niệm, chỉ là tức niệm không niệm. Niệm không khác tướng, tuy có thấy nghe đều như huyễn hóa. Lại, một niệm chóng viên, thường thấy mười pháp giới muôn pháp lý của Trung đạo. Các bậc Cổ đức có hỏi: Nếu nói niệm chỉ không niệm, đâu được toàn chẳng nghe chẳng thấy thanh sắc người vật v.v... ư? Đáp: Chỉ nghe thấy, vì nghe thấy tức chẳng nghe thấy vậy. Tại sao? Vì chỉ nghe thấy các pháp thanh sắc v.v... tức là các thức nhãn nhĩ v.v... thấy nghe vậy. Biết sắc thanh của vật v.v... tự là ý thức phân biệt vậy, những nhãn thức v.v... thấy nghe tánh không riêng biệt, chỉ xứng các pháp sắc v.v... được lại không khác duyên vậy. Ý thức vọng có, rõ biết không thể, chỗ biết như huyễn vậy, nên nói chỗ thấy sắc cùng mù đồng nhau. Lại quán các pháp sắc thanh v.v... kia từ duyên sinh, duyên không tác giả, tự tánh chẳng có, nên chẳng phải người vật v.v... vậy. Lại, người vật v.v... do danh tướng khởi. Danh tướng chẳng phải kia tức vọng trừ vậy, tức đây chỉ do thấy nghe v.v... nên tức không niệm, chẳng phải nghĩa là người mù điếc một niệm không niệm vậy. Như nói nghec chẳng nghe thấy chẳng thấy v.v... ấy vậy. Nên trong kinh nói: Thường cầu không niệm thật tướng trí tuệ v.v... ấy vậy. Lại chỉ căn cứ duyên khởi gọi là thấy cầu duyên thấy thật chẳng sinh. Thấy đây mới gọi là chân thấy. Tại sao? Thấy của không thấy chiếu pháp giới vậy. Do đó, trong luận Bảo Tạng nói: "Không mắt không tai gọi đó là lìa, có thấy có nghe gọi đó là vi, không ngã không tạo gọi đó là lìa, có thông có đạt gọi đó là". Lại, lìa là Niết-bàn, vi là Bát-nhã, Bát-nhã nên chóng phát đại dụng, Niết-bàn nên tịch diệt không thừa, không thừa nên phiền não trọn hết. Đại dụng nên Thánh hóa vô cùng. Nếu người chẳng đạt lìa vì , tuy khổ hạnh đầu- đà xa lìa cảnh trần đoạn tham nhuế si, pháp nhẫn thành tựu trải qua vô lượng số kiếp trọn chẳng vào chân thật. Tại sao? Nương tựa chỗ hành nên tâm có chỗ được, chẳng lìa các thấy điên đảo mộng tưởng ác giác. Nếu có người hiểu rõ lìa vi là, tuy gần có tập khí vọng tưởng và thấy phiền não, luôn luôn rõ biết nghĩa của lìa vi, thì người này chẳng bao lâu tức vào đạo Vô thượng chân thật vậy. Tại sao? Rõ chánh kiến căn bản vậy.

Giải thích: Lìa vi là thể dụng của muôn pháp vậy. Lìa tức là thể. Trong kinh nói: "Tự tánh kia nên cũng gọi là tự tánh không vậy". Đây mới là không danh không tướng chẳng phải thấy chẳng phải nghe, thông thể của Thánh phàm, là nguồn của chân tục. Trong kinh Tư Ích nói: "Biết lìa, gọi là pháp, tức chỗ về của chư Phật chỗ gọi là pháp vậy". Vi tức là dụng, có thấy có nghe năng thông năng đạt, vì vi là diệu vậy, ở trong không thấy có thấy, ở trong không nghe có nghe, đó mới là pháp

chẳng nghĩ bàn. Vi diệu khó biết, chỉ Phật năng rõ. Trong kinh Tư Ích nói: "Biết pháp gọi là Phật. Lìa vi chẳng hai, thể dụng hòa dung, gọi đó là tăng, thì một thể Tam bảo thường hiện ở thế gian, có Phật không Phật tánh tướng thường trú, tức gốc của chánh kiến môn của chân thật vậy". Nên Thánh nhân chiếu thể là không, căn cứ dụng là có, có đây chẳng có, tức có để biện ở không, ngay không chẳng phải không, tức không để biện ở có. Có mà chẳng có là diệu hữu, không mà chẳng không là chân không. Nên chân không là thể của Niết-bàn. Như thái hư chẳng tạp ở năm sắc, tợ gương sáng chẳng hợp ở muôn tượng, nên xưng là lìa vậy. Diệu hữu là dụng của Bát-nhã, ở trong pháp chẳng hai hiện diệu thần thông, hướng đến trong môn vô tác phát Phật sự lớn, nên xưng là vi. Do vì phàm phu chẳng đạt lìa vi, nên thường bị chỗ kết bên trong trói buộc, chỗ trần bên ngoài trùm nhốt. Ngoại đạo tức chấp làm đoạn thường. Hàng Nhị thừa bèn chứng làm sinh diệt. Nếu chẳng vào trong Tông Kính, khó rốt ráo diệu chỉ của lìa vi vậy.

Hỏi: Vô minh trái nghịch lý, tự tánh sai biệt, sự đó có thể vậy, còn Bản giác tịnh pháp, cớ sao lại nói hằng sa công đức sai biệt ư?

Đáp: Do đối trị nhiễm pháp sai biệt kia nên thành thủy giác muôn đức sai biệt vậy. Trong luận Đại Thừa Khởi Tín nói: "Đối nghiệp thức v.v... sai biệt nhiễm pháp nên nói bản giác hằng sa tánh đức". Nhiễm tịnh như vậy đều là chân như tùy duyên hiển hiện tợ mà không thể, nhiễm pháp còn không, tịnh pháp sao có. Trong kinh Tịnh Danh nói: "Thấy thật tánh dơ, tức không tướng sạch". Lại, chỗ nói là sạch, tức đối dơ mà được tên, nhân khách trần phiền não chẳng nhiễm mà nhiễm dơ uế chân tánh, gọi đó là dơ, nhân thủy giác Bát-nhã chẳng sạch mà sạch khai ngộ bản tâm, gọi đó là sạch. Vì vậy, chân như một tâm lặng yên chẳng động, danh nghĩa tuy khách, dơ sạch vốn không. Tổ Sư nói: Tánh vốn thanh tịnh, tịnh không tướng tịnh, mới thấy tâm ta. Trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng nói:

"Nếu có biết Như Lai
Thể tướng không chỗ có
Tu tập được sáng rõ
Là người chóng làm Phật".

Nên trong kinh nói: "Tất cả chúng sinh từ vô thủy đến nay thường vào Niết-bàn, Bồ-đề chẳng phải có thể tu, tướng chẳng phải có thể sinh tướng. Rốt ráo không được, không có sắc tướng mà có thể được thấy. Thấy sắc tướng là, phải biết đều là tùy dụng nhiễm huyễn, chẳng phải là tướng của trí sắc chẳng không. Vì trí tướng chẳng thể được vậy." Giải

thích: Tùy dụng nhiễm huyễn là, pháp không lưu vậy. Nhiễm huyễn tánh tự sai biệt là, pháp vô minh vậy, vì vô minh kia mê lý bình đẳng, cho nên tánh đó tự sai biệt. Các pháp không lưu thuận tánh không bình đẳng. Luận tánh đó tức không sai biệt, chỉ tùy tướng nhiễm pháp sai biệt nên nói không lưu có sai biệt vậy. Lại, nếu năng quán tâm tánh, pháp nhĩ hiển tánh khởi công đức, là vô tận pháp môn, chẳng phải luận sai biệt. Như trong kinh Vô Tận Ý Bồ-tát nói: "Thế nào là Bồ-tát quán tâm niệm xứ? Cho đến nay ta phải chuyên tu tập trang nghiêm chẳng lìa tâm tánh. Thế nào là tâm tánh? Thế nào là trang nghiêm? Tâm tánh là giống như huyễn hóa, không chủ không làm không có thi vi. Trang nghiêm là chỗ làm bố thí đều đem hồi hướng nghiêm tịnh cõi Phật. Cho đến dùng một niệm trí, thành A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề. Xá-lợi-phất! Đó gọi là Bồ-tát chánh tâm niệm xứ mà chẳng thể tận". Giải thích: Tâm tuy tánh không, năng thành muôn hạnh. Rõ đó thì chóng viên chánh giác, tu đó mà rộng đủ trang nghiêm. Nên nói thể tánh tuy không năng thành pháp tắc. Lại nói: Vìcó nghĩa không nên tất cả pháp được thành. Nếu lìa môn chân không đây không có một pháp kiến lập, thì Bồ-tát Hạnh phế bỏ, Phật đạo chẳng thành tựu. Như chẳng nương phong luân thế giới rơi hoại.

Hỏi: Tất cả chúng sinh từ vô thủy chủng tử vô minh bền chắc hiện hành sâu dày, làm sao một niệm mà được chóng trừ?

Đáp: Căn tùy kết sử, thể tánh vốn không, ngu phu chẳng rõ tự sinh trói buộc. Nếu rõ Phật thấy biết khai ngộ bản tâm, thì có trần cảnh nào mà năng chướng ngại ư? Trong kinh Đại Bảo Tích nói: "Phật dạy: Thí như đèn đốt sáng thì tất cả tối tăm đều tự không có, không từ chỗ nào lại, đi không chỗ đến, chẳng phải từ phương Đông lại, đi cũng chẳng đến, phương Nam Tây Bắc bốn góc trên dưới, chẳng từ kia lại, đi cũng chẳng đến, mà ánh sáng đèn đây không có ý niệm ta năng diệt tối. Chỉ nhân pháp đèn sáng tự không tối. Sáng tối đều không, không làm không thủ. Như vậy, Ca-diếp! Thật trí tuệ sinh không trí bèn diệt. Trí và không trí hai tướng đều không, không làm không thủ. Ca-diếp! Thí như phòng nhà tối tăm ngàn năm chưa từng thấy sáng, nếu lúc đốt đèn, ý ông nghĩ thế nào? Tối tăm đâu có nghĩ trở đây lâu đâu muốn đi ư? Không vậy, bạch Đức Thế Tôn! Nếu lúc đốt đèn, tối tăm đó không lực, mà chẳng muốn đi hẳn phải diệt mất. Đúng vậy, Ca-diếp! Trăm ngàn muôn kiếp lâu tập kết nghiệp, dùng một thật quán tức đều tiêu diệt. Đèn sáng đó là trí tuệ Thánh, tối tăm đó là các kết nghiệp vậy. Chỗ nói được thật quán, tức là Duy tâm chân như thật quán, lìa ngoài đó ra đều thành hư huyễn,

nên gọi là cảnh giới một thật, cũng gọi là thật tướng thật địa thật tế thật pháp, cho đến gọi là Phật thấy biết, trí tuệ Thánh v.v... Dùng pháp một tâm đây trị bệnh phiền não, như bệnh nhiệt được đổ mồ hôi, không gì chẳng nên tay làm. Đạo của xuất yếu chỉ tại đây ư? Như trong luận Đại Trí Độ nói: "Bấy giờ Bồ-tát chiếu rõ đạo Bồ-tát, tâm đó an ổn tự nghĩ ta chỉ đoạn chấp tâm trước, đạo tự nhiên đến. Biết sự dó rồi, nghĩ niệm chúng sinh đắm sâu thế gian mà rốt ráo không, cũng không không tánh, không có trú xứ, chúng sinh khó thể tin thọ. Vì khiến chúng sinh tin thọ pháp đó nên học tất cả pháp. Tu hành sinh khởi là pháp phương tiện độ chúng sinh. Quán chỗ tâm hành chúng sinh khởi biết ưa pháp gì nghĩ sự gì, chí nguyện ở đâu? Lúc quán đều biết chỗ chúng sinh đắm ở, đều là hư dối điên đảo nghĩ tướng phân biệt nên đắm trước có không căn bản thật sự. Khi ấy Bồ-tát rất hoan hỷ nghĩ rằng: Chúng sinh dễ độ vậy! Tại sao? Chỗ chúng sinh đắm trước đều là hư dối không thật. Thí như người có một đứa con ưa thích vui đùa nơi dơ bẩn, nhóm đất làm lúa thóc, dùng cây cỏ làm chim thú mà sinh vui thích đắm trước. Nếu người đoạt phá thì sân nhuế gào khóc. Người cha đã biết, đứa con này tuy ưa thích đắm trước, mà việc này dễ lìa, nhỏ tuy vậy, nhưng lớn sẽ tự thôi. Tại sao? Vật này chẳng chân vậy. Bồ-tát cũng như vậy, quán chúng sinh mến thấm thân dơ bất tịnh và năm món dục, là vô thường, các thứ nhân khổ, biết là chúng sinh được tín v.v... năm căn lành, lúc thành tựu tức năng lìa bỏ. Như chỗ trẻ nhỏ ham ưa đắm trước, thật là chân vật, tuy tuổi đến trăm năm đắm trước đó càng sâu, chẳng thể xả bỏ được. Nếu chỗ chúng sinh đắm trước, vật là thật có, tuy được tín v.v... năm căn, nhưng đắm trước đó chuyển sâu cũng chẳng năng lìa. Vì các pháp đều không hư dối, nên lúc được vô lậu mắt trí tuệ thanh tịnh tức năng xa lìa chỗ đắm trước, rất tự hổ thẹn. Thí như chỗ người bệnh cuồng làm điều phi pháp, sau khi tỉnh ngộ xấu hổ không dám ló mặt. Bồ-tát biết chúng sinh dễ độ rồi, an trú trong Bát-nhã, dùng sức phương tiện giáo hóa chúng sinh". Vì vậy, trong kinh Như Lai Mật Tạng nói: "Nếu người cha làm Duyên giác mà hại trộm vật Tam bảo, người mẹ làm La-hán mà dơ uế, với sự chẳng thật mà phỉ báng Phật, nói lời hai lưỡi vang cả Thánh hiền, nói lời thô ác mắng rủa Thánh nhân, hoại loạn kẻ cầu pháp. Trong năm tội nghịch, nghiệp đầu tiên là sân, tham đoạt vật người trì giới, si của biên kiến, là mười ác. Nếu năng biết Như Lai nói pháp nhân duyên không ngã nhân chúng sinh thọ mạng, không sinh không diệt không nhiễm không đắm, bản tánh thanh tịnh. Lại ở nơi tất cả pháp, biết bản tánh thanh tịnh hiểu biết tin vào là, ta chẳng nói người đó chẳng hướng

đến quả địa ngục và các đường ác. Tại sao? Pháp không tích tụ, pháp không tập não, tất cả pháp chẳng sinh chẳng trú, nhân duyên hòa hợp mà được sinh khởi, khởi rồi lại diệt. Nếu tâm sinh rồi diệt, tất cả kết sử cũng sinh rồi diệt. Hiểu giải như vậy, không xứ phạm, nếu có phạm có trú, điều ấy không có". Thai Giáo giải thích: Kinh đây nêu đủ bốn tâm Bồ-đề. Nếu biết Như Lai nói pháp nhân duyên, tức chỉ tâm Bồ-đề của tạng giáo thứ nhất. Nếu không sinh không diệt, tức chỉ tâm Bồ-đề của Thông giáo thứ hai. Nếu bản tánh thanh tịnh tức chỉ tâm Bồ-đề của Biệt giáo thứ ba. Nếu ở tất cả pháp biết tánh thanh tịnh, tức chỉ tâm Bồ-đề Viên giáo thứ tư, tâm Bồ-đề thứ nhất đã năng trừ lớp lớp mười ác, huống gì tâm Bồ-đề thứ hai thứ ba thứ tư ư? Hành giả nghe công đức thắng diệu đây, sẽ tự mừng vui. Như lan ở xứ tối kia được ánh sáng chiên-đàn. Nên biết thấy Phật tội diệt, như tội khiên sâu nặng của vua A-xà-thế, đắc đạo nghiệp mất, như trọng tội của Ương-quật-ma-la, chỉ rõ không nhân không ngả, duyên sinh tánh không. Không ngã thì không người năng thọ tội. Tánh không thì không pháp chỗ thọ tội. Nhân pháp đều lặng lẻ tội cấu sao sinh. Vì tâm sinh tội sinh tâm diệt tội diệt vậy. Nếu năng tin vào, chắc rõ tròn sáng như vậy, giống như rừng của lan kia lan tỏa mùi hương của chiên-đàn, tợ phòng nhà của tích chứa tối tăm, ánh sáng của diệu quế đốt hết. Năng ngộ tâm đây công lực vô lượng, mới vào Tông Kính, biển nghiệp chóng khô, như gió thổi mây, tợ nước nóng rưới tuyết, như đèn phá tối, tợ lửa đốt củi. Như trong kinh Mật Nghiêm có kệ tụng nói:

"Như lửa đốt bụi lớn
Phút chốc thành tro tàn
Lửa trí đốt củi nghiệp
Phải biết cũng như vậy
Lại như đèn phá tối
Một niệm sạch không thừa
Các nghiệp tập tối tăm
Huân tụ từ vô thủy
Đèn trí mâu-ni khởi
Sát-na đều chóng diệt".

Do đó, trong kinh Đại Niết-bàn nói: "Lúc có trí tuệ thì không phiền não". Nên nói, phàm khỏi nghiệp ác ba đường, cần phải lìa hai tướng có không, chứng giải một tâm mới được giải thoát vậy. Vậy, biết mê từ tâm mê khởi, ngộ trở lại tự tâm ngộ, mê ngộ không tánh chỉ nhậm duyên phát. Như trong luận Hoa Nghiêm có hỏi: Tất cả chúng

sinh vốn có trí chẳng động, cớ sao chẳng ứng chân thường, cớ sao tùy nhiễm? Đáp: Tất cả chúng sinh vì trí đây mà sinh ba cõi là, vì trí không tánh chẳng năng tự biết là trí chẳng phải trí. Thiện ác khổ lạc v.v... các pháp. Vì trí thể không tánh, chỉ tùy duyên hiện. Như vang vọng trong hư không ứng vật thành âm thanh. Trí của không tánh chỉ ứng duyên phân biệt. Vì phân biệt nên si ái tùy khởi, nhân si ái nên tức bệnh ngã sở sinh. Có ngã sở nên nghiệp chấp tự tha bèn khởi, nhân chấp thủ nên gọi là Mạt-na, chấp thủ chẳng đoạn gọi đó là thức. Nhân chủng tử thức sinh tử tương tục. Vì sinh tử nên các khổ vô lượng. Vì khổ vô lượng mới cầu đạo của chẳng khổ, người mê chẳng biết khổ, chẳng năng phát tâm, người biết khổ cầu chân trở lại là bản trí. Hiểu khổ duyên nên mới năng biết khổ, chẳng hiểu khổ duyên chẳng năng biết khổ. Nên biết khổ duyên nên mới phát tâm cầu đạo Vô thượng. Có chủng tánh Bồ-tát vì đời trước đã biết khổ. Phát chủng tin hiểu mạnh là tuy thọ quả lạc trời người cũng năng phát tâm cầu đạo Vô thượng. Cho nên nhân trí tùy mê, nhân trí tùy ngộ, cho nên như người nhân đất mà té nhân đất mà dậy, chánh lúc tùy mê gọi đó là thức, chánh lúc tùy ngộ, gọi đó là trí, tại trói buộc gọi là thức, tại giác ngộ gọi là trí. Thức đó và trí vốn không tự có tên, chỉ tùy mê ngộ mà lập tên đó. Nếu tìm thủy chung, như trong hư không tìm vết, như trong ảnh cầu người, như trong thân cầu ngã, nương trú chỗ có, trọn chẳng thể được vậy, nên mới ngắn dài tướng của xứ sở vậy. Như đây, vô minh và trí không có thủy chung, nếu lúc được Bồ-đề vô minh chẳng diệt. Tại sao? Vì vốn không nên không có diệt, nếu lúc tùy vô minh, trí chẳng động cũng chẳng diệt. Vì vốn không, nên cũng không diệt, chỉ là tùy chỗ sắc thanh hương thủ duyên, gọi đó là vô minh, chỉ là duyên biết khổ mà phát tâm, gọi đó là trí, chỉ tùy duyên gọi đó là có. Nên thể vốn không vậy. Như âm vang giữa hư không, tư duy đó chẳng thể thấy. Vì vậy, nếu vào Tông Kính, nghĩa thành Phật tròn, lên xuống tùy duyên, biết chúng sinh không nghĩa trọn đắm chìm. Thánh nhân chẳng cách biệt, rõ văn từ của chư Phật có đồng thể.

Hỏi: Như trên nói một tâm, biển các pháp môn, đó là pháp tự hành quyền thật hay là pháp hóa tha quyền thật?

Đáp: Nếu nói tùy tự ý tự hành quyền thật, thì chỉ nói môn một tâm. Nếu tùy tha ý hóa tha quyền thật rộng mở tám muôn pháp. Nay chỉ nói tự hành quyền thật, gốc ngọn về tông. Trong Thai Giáo nói: Nếu chỗ trong tâm Phật quán mười giới mười như đều tướng Vô thượng. Chỉ là pháp giới một Phật. Như biển bao gồm các dòng, ngàn xe cùng một vết, đây tức tự hành quyền thật. Nếu tùy tha ý v.v... thì có chín pháp giới

ngàn như, tức là hóa tha quyền thật. Tùy tha thì mở tùy tự thì hợp, ngang dọc chiếu khắp, mở hợp tự tại, tuy mở vô lượng, vô lượng mà một, tuy hợp làm một một mà vô lượng, tuy vô lượng một mà chẳng phải một chẳng phải vô lượng, tuy chẳng phải một chẳng phải vô lượng mà một mà vô lượng.

Hỏi: Hai môn tự tha quyền thật đây ở trong chánh lý quyết định ư?

Đáp: Chỉ môn tùy tha không có quyết định. Trong kinh nói: "Không có định pháp nên gọi là A-nậu Bồ-đề, nếu chấp một môn, đều thành ngoại đạo, hoặc định một tướng tức thành thiên ma". Vì vậy tất cả pháp quyền tất cả pháp thật, tất cả pháp cũng quyền cũng thật, tất cả pháp chẳng phải quyền chẳng phải thật. Trong Thai Giáo nói: Nếu tất cả pháp quyền, chỗ nào chẳng phá? Như Lai chỗ có nói còn đều là quyền huống gì là nhân sư. Nếu tất cả pháp đều thật là, chỗ nào chẳng phá? Chỉ một sự đây thật, chỉ một đạo cứu cánh, sao được lắm nhiều đạo cứu cánh ư? Nếu tất cả pháp cũng quyền cũng thật, lại chỗ nào chẳng phá? Tất cả đều có quyền có thật, chẳng được một hướng quyền một hướng thật. Nếu tất cả pháp chẳng phải quyền chẳng phải thật, lại chỗ nào chẳng phá? Sao được lẫn lộn cưỡng sinh kiến lập? Các bậc Cổ đức nói: Tức thật mà quyền thì có mà chẳng có, tức quyền mà thật, thì không mà chẳng không. Nếu song ngăn quyền thật tức có không đều chẳng phải. Nếu song chiếu quyền thật thì có không đều phải. Nếu chẳng phải ngăn chẳng phải chiếu, thì phải quấy đều quấy, mà ngăn mà chiếu thì phải quấy đều phải. Nếu phải quấy đều phải, trọn ngày quấy mà chẳng quấy, nếu phải quấy đều quấy, trọn ngày phải mà chẳng phải. Nếu phải mà chẳng phải thì là quấy chẳng phải quấy của quấy. Nếu quấy mà chẳng quấy thì chẳng phải phải là phải của phải. Vậy thì tâm bao gồm sắc, chưa sắc suốt nguồn tâm, sắc tâm một như, sao quấy sao phải nên biết ngoài tâm có pháp thì phải quấy đua tranh sinh, ngoài pháp không tâm thì lấy bỏ đều mất.

Hỏi: Tông Kính Lục đây gồm thuộc giáo nào?

Đáp: Chân Duy thức tánh, lý không thiên viên, căn cứ thấy chẳng đồng, lược phân năm giáo: Một, Tiểu thừa giáo, chỉ nói sáu thức, chẳng biết thức Lại-da thứ tám. Hai, Sơ giáo nói có Lại-da sinh diệt, cũng chẳng nói có Như Lai tạng. Ba, Chung giáo, có Như Lai tạng sinh diệt và chẳng sinh diệt hòa hợp làm thức A-lại-da. Bốn, Đốn giáo đều không các thức sáu bảy tám, vì một tâm chân thật từ xưa đến nay không có động niệm, thể dụng không hai cho nên không có vọng pháp có thể

hiển. Năm, một thừa Viên giáo, nói trí của Phổ Hiền tròn sáng, không nói Duy thức thứ lớp. Lại nói: Phật tử! Ba cõi hư ngụy chỉ một tâm làm, cũng gồm vào vậy. Tông đây thì chỗ Viên giáo gồm thuộc, là chỗ Như Lai nói: Căn bản của pháp môn. Vì Như Lai nương tâm đây, thành Phật nên tâm đây được làm nghĩa căn bản Như Lai, không có một pháp nào chẳng gồm thâu, không một lý nào chẳng đủ, như gương sáng chiếu vật sao có sát thừa. Nếu bảo ấn vân thành, bèn không trước sau.

Hỏi: Phàm lập đạo của năm thừa đều vận chuyển có tâm, nếu cảnh thức đều mất thì không thừa có thể nói, nay căn cứ phương tiện, thừa lý chẳng không, Tông đây cứu cánh thuộc thừa nào gồm?

Đáp: Ở trong các thừa, thuộc một thừa gồm cũng nói là thừa của tối thượng, vượt quá đảnh các pháp vậy, cũng gọi là thừa chẳng nghĩ bàn, chẳng phải tình thức so lường vậy. Nay nói một thừa, tức một tâm vậy, lấy vận động làm nghĩa, nếu phan duyên thủ cảnh thì vận động vào môn sáu thú, nếu vọng tưởng chẳng sinh thì vận đến địa một thật. Trong kinh Lăng-già nói: "Thế nào là được một thừa Đạo giác? Đó là gồm và sở gồm vọng tưởng như thật ở chẳng sinh vọng tưởng, đó gọi là một thừa giác". Đây thì rõ sinh tử vọng tức Niết-bàn chân, chứng ngộ một tâm, lại không chỗ thú mới chẳng giác mà giác, xưng là Đại giác, chẳng lại mà lại, gọi là Như Lai. Do vì tình trần đã trừ, nhân thừa tức là chân đế, tâm vết chưa mất, còn chẳng phải cứu cánh. Tại sao? Có tâm phân biệt, tất cả đều tà, không ý phan duyên muôn đường tự chán. Vì vậy, thừa của không thừa là một thừa, giáo của không giáo là chân giáo, cất bước mà bèn lên bảo sở, mở lời mà tức khế hợp không sinh. Nếu chưa năng muôn cảnh đều quán, một pháp chóng ngộ, bèn là giáo mở tám giáo, thừa ra năm thừa, thì Bảo sở xa vời đâu chỉ năm trăm, không sinh đường vợi nào chỉ ba kỳ. Luận về vị thì trời đất cách tuyệt, so sánh công thì ngày kiếp gấp bội, tuy lên Thánh vị vẫn còn là người tuyệt phần, trải kiếp luyện mài, chỉ được xưng giả danh, nếu đạt yếu chỉ đây, vào thắng không nghi ngờ, đang mê tâm mà thấy ngộ tâm, toàn thành giác đạo, tức thế trí mà thành chân trí, chẳng đổi mảy may, có thể gọi là hư minh tự chiếu, chẳng nhọc tâm lực vậy.

Hỏi: Đã có năng thuyết hẳn đối sở có, Tông Kính đây tương đương các có nào?

Đáp: Đáng thượng thượng cơ. Nếu đã đạt là nhờ yếu chỉ Phật mà ấn khả. Nếu chưa vào là nhờ giáo lý mà phát minh. Lại, nếu là người của viên thông, chẳng đợi phải thuật, tự giác Thánh trí không nói không bày, diệu tánh chân như không được không nghe. Nếu là kẻ ám muội,

phải nhờ hỗ trợ thành, nhân giáo lý mà chiếu tâm, tức lời lẽ phân tích mà rõ đạo. Nếu Tông rõ thì giáo dứt, đạo hiển thì lời không, đối đãi chân tâm, cảnh trí đều mất vậy. Như vậy thì mới vào Tông Kính sâu đạt huyền môn, chân năng nghe Phật nói kinh, thân đàm diệu chỉ, có thể gọi là được tánh của các pháp, thấu suốt nguồn một tâm. Như trong kinh Thủ-lăng-nghiêm nói: "A-nan nhờ Phật xót thương cứu vớt, hối hận khóc than, xoa tay thưa bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Con tuy nương diệu âm như vậy của Phật, ngộ tâm diệu minh vốn chỗ tâm địa tròn đầy thường trú. Mà con ngộ Phật hiện nói Pháp Âm, hiện lấy duyên tâm chỗ đáng chiêm ngưỡng, luống nhọc được tâm đây, chưa dám nhận làm tâm địa xưa nay, xin Phật xót thương tuyên bày viên âm, nhổ rễ nghi ngờ nơi con để về đạo Vô thượng! Phật dạy: A-nan! Các ông còn lấy duyên tâm nghe pháp, pháp đây cũng duyên, chẳng phải được pháp tánh. Như người dùng tay chỉ mặt trăng cho người, người kia nhân tay, đáng nên nhìn mặt trăng. Nếu là dùng tay mà cho là thể mặt trăng, thì người ấy chẳng chỉ mất mặt trăng mà cũng mất tay đó. Tại sao? Do vì vươn tay làm trăng sáng vậy. Đâu chỉ mất tay mà cũng chẳng nhận biết sáng đó là tối. Tại sao? Tức vì lấy thể tay làm tánh trăng sáng. Sáng tối hai tánh không chỗ rõ vậy. Ông cũng như vậy, nếu lấy phân biệt pháp âm ta nói để làm tâm ông là, tâm đây tự nên lìa âm phân biệt, có tánh phân biệt. Thí như có khách lữ dừng ngủ nơi đình, tạm dừng rồi bèn đi, trọn chẳng thường trú. Mà người trông coi đình trọn không chỗ đi, gọi là chủ đình. Đây cũng như vậy, nếu chân tâm ông thì không chỗ đi. Tại sao Lìa âm thanh, không tánh phân biệt. Đó thì đâu chỉ âm thanh phân biệt tâm phẩm dung mạo ta lìa các sắc tướng, không tánh phân biệt, như vậy cho đến phân biệt đều không chẳng phải sắc chẳng phải không. Câu-xá-lợi v.v... mờ tối làm tối thật, lìa các sắc duyên không tánh phân biệt, thì tâm tánh ông mỗi có chỗ trở về. Thế nào là chủ? Giải thích: A-nan: nói mà con ngộ Phật hien nói Pháp âm, hiện dùng duyên tâm chỗ đáng chiêm ngưỡng, luống nhọc được tâm đây chưa dám nhận tâm địa xưa nay là, A-nan: còn nhận duyên tâm nghe âm thanh Phật nói pháp lấy làm chân tâm thường trú, chấp thủ yếu chỉ nhất định của phật. Phật dạy:Nếu chấp tâm nhân duyên nghe là chỉ được pháp nhân duyên, vì pháp từ tình biến, cảnh theo tâm sinh vậy. Lại, định duyên âm thanh Phật là tự tâm là, nếu lúc âm thanh nói pháp dứt thì tâm phân biệt nên diệt. Tâm đây như khách chẳng thường trú vậy. Thời nay phần nhiều mê tự tánh vốn nghe, chỉ tùy nghe của năng sở, một hướng theo âm thanh kẻ khác lưu chuyển. Âm thanh đây là pháp chỗ tối nhân duyên

mà sinh, chẳng phải chân thật có. Chỉ nhân âm thanh mà lập danh tự, nhân danh tự mà có phân bày. Nếu xoay lại vốn nghe thì thoát cảnh của thanh trần, cảnh của chỗ thoát đã hư. Danh của năng thoát sao lập, thì năng thoát sở thoát đều không. Vì mạnh nhớ nghe nhiều là ngằn mé của thức tưởng. Vốn chẳng phải thật vậy. Nếu nhân nghe thấy tánh, thì nghe nhiều có công của hỗ trợ hiển, nếu trái tánh theo thì chứa nghe thành lỗi lầm tà tư. Nên Bồ-tát văn- thù có kệ tụng nói:

"Nay cõi Ta-bà đây, thanh luận được tuyên rõ, chúng sinh mê vốn nghe, theo tiếng nên lưu chuyển. A-nan buôn thả mạnh nhớ, chẳng khỏi lạc tà tư. Đâu chẳng tùy chỗ đắm, xoay chảy được không vọng. A-nan ông lắng nghe, ta nương oai lực Phật, tuyên nói Kim Cang Vương, như huyễn chẳng nghĩ bàn, Phật Mẫu Chân Tam-muội. Ông nghe vô số Phật, tất cả môn Bí mật, dục lậu chẳng trừ trước, chứa nghe thành lỗi lầm, đem nghe trì Phật Phật, sao chẳng tự nghe nghe, nghe chẳng tự nhiên sinh. Nhân tiếng có danh tự, xoay nghe cùng tiếng thoát, năng thoát muốn tên ai. Một căn trở lại nguồn, sáu căn thành giải thoát, thấy nghe như huyễn mờ, ba cõi tợ không hoa, nghe lại căn mờ trừ, trần tiêu giác viên tịnh". Nên biết Nhĩ căn trở về cội nguồn, sáu căn đều tịch diệt, vì sáu căn đồng một tâm vậy. Tại sao? Tại mắt gọi là thấy, tại tai gọi là nghe, nếu lúc gồm dụng về căn, thấy nghe như huyễn che mờ, nếu lúc gồm cảnh về tâm, ba cõi tợ hoa đốm hư không, thì che mờ diệt trần tiêu, giác viên tâm tịnh. Giải hiểu như vậy là nhân tay mà thấy trăng nương giáo mà rõ tông ấy vậy. Nếu chấp tay là trăng, mê tâm theo văn là, như trong kinh nói, như người dùng tay chỉ mặt trăng cho người, người kia nhân tay đáng nên nhìn mặt trăng. Nếu lại nhìn tay mà cho là thể mặt trăng, thì người ấy đâu chỉ mất mặt trăng mà cũng mất tay đó. Phàm ba thừa mười hai phần giáo như tay chỉ mặt trăng. Nếu năng thấy trăng rõ biết chỗ chỉ, như nhân giáo rõ tâm, từ ngôn thấy tánh, thì biết ngôn giáo như tay, tâm tánh như trăng, ngộ ngay đạo là trọn chẳng kẹt ngôn. Người thật thấy trăng là chẳng còn tay. Hoặc lúc xem kinh nghe pháp, chẳng mỗi mỗi tiêu về tự mình, chỉ theo văn cú danh thân mà chuyển, tức là nhìn tay mà cho là thể mặt trăng. Người ấy đâu chỉ chẳng thấy tự tánh, cũng chẳng biện rõ giáo văn. Tay và trăng cả hai đều mê, giáo quán đều mất. Nên trong kinh nói: Người ấy đâu chỉ mất mặt trăng mà cũng mất tay đó. Lại, đã mất tay đó, chẳng phải chỉ chẳng rõ chân vọng của tự tâm mà cũng chẳng nhận biết ngăn bày của giáo, nhầm loạn đảo điên, chẳng biện phương góc, như chim nói không như chuột nói tức, tợ hình âm hưởng đâu hợp chánh tông. Nên trong kinh

nói, đâu chỉ mất tay mà cũng chẳng nhận biết sáng đó và tối. Tại sao? Tức lấy thể tay làm tánh trăng sáng. Sáng tối hai tánh không chỗ rõ vậy. Vì vậy, trong Chứng Đạo Ca nói: "Tôi từ tuổi trẻ đến nay tích chứa học hỏi, cũng từng bàn sớ tìm kinh luận, phân biệt danh tướng chẳng biết nghỉ, vào biển đếm cát luống tự khổ, tức bị Như Lai nhọc mắng chê. Đếm châu báu người đâu ích gì, từ đó lại ngơ ngác rõ hư hành, nhiều năm uổng làm khách gió bụi, chủng tánh tà nhầm hiểu biết, chẳng đạt chế viên của Như Lai. Hai thừa tinh tấn chớ nói tâm, ngoại đạo thông minh không trí tuệ, cũng ngu si cũng lẩn thẩn, không trên nắm tay sinh thật hiểu, chấp tay là trăng nhọc thi công, trong pháp căn cảnh không nấn lạ, chẳng thấy một pháp tức Như Lai, mới được gọi là quán tự tại". Cho nên nếu tâm chân thật chẳng theo tiếng kẻ khác mà khởi phân biệt, lặng yên thường chiếu, tánh tự rõ vậy. Như người trông coi đình đều không chỗ đi. Vì sao? Lìa sắc lìa thanh không tánh phân biệt, đây phải lúc được yếu chỉ thân thấy tánh, mới biết lìa các duyên thanh sắc, tánh tự thường trú chẳng gá tiền trần chỗ khởi thấy biết, thì ngộ từ vô thủy đến nay đều là chấp tiếng làm nghe mà sinh điên đảo. Nên Bồ-tát Văn -thù có kệ tụng nói:

"Ông xoay ngược cơ nghe
Lại nghe nghe tự tánh
Tánh thành đạo Vô thượng
Viên thông thật như vậy".

Nếu chẳng phải sắc chẳng phải không đều không phân biệt. Người chẳng thấy tánh đến lúc này toàn quy về đoạn diệt, bèn đồng ngoại đạo Câu-xá-ly v.v... mắt mình chẳng mở mờ tối làm tối thật, vì mờ mịt tối tăm không biết lấy làm chỉ cực, từ đây lại lập hai mươi lăm đế, mê tâm chân thật thành chủng ngoại đạo. Hoặc có Thiền tông chẳng được yếu chỉ là pháp học khởi không thấy người, phần nhiều phủi bỏ tâm cảnh đều không, chấp không phân biệt, lấy cuồng giải si mù làm chí đạo, nhưng chẳng phải lìa nhân duyên để cầu pháp tánh, diệt vọng tâm thủ chân tâm, đối với người tăng thượng mạn là chẳng phải sấm đồng nên phải luyện riêng, như trong kinh nói: "Lìa duyên các pháp không tánh phân biệt thì tánh ông mỗi mỗi có chỗ trở về. Thế nào là chủ? A-nan thưa: Nếu tâm tánh con mỗi có chỗ trở về, thì Như Lai nói vốn tâm diệu minh cớ sao không trở về? Cúi mong xót thương vì con mà giảng nói. Phật dạy: A-nan! Như ông thấy ta, kiến tinh minh nguyên. Thấy đây tuy chẳng phải diệu tinh minh tâm, như vầng trăng thứ hai chẳng phải là ảnh trăng. Ông nên lắng nghe, nay ta sẽ vì ông mà chỉ bày không chỗ

trở về. A-nan! Như Đại giảng đường đây mở rộng suốt ở hướng Đông, lúc mặt nhật có dạng thì có ánh sáng, giữa đêm đen, trăng bị mây sương mờ tối thì lại mờ tối, lỗ hổng của cửa thông cửa sổ thì lại thấy thông, giữa khoảng đường nhà thì lại thấy bít. Xứ của phân biệt thì lại thấy duyên, bên trong của rỗng hư khắp là không tánh, tượng tích chứa bụi thì đầy bụi mờ, lắng mưa rút khí lại nhìn thấy trong sạch. A-nan! Ông xem khắp các tướng biến hóa đây, nay ta mỗi mỗi trở lại xứ nhân chỗ gốc. Thế nào là nhân gốc? A-nan! Các thứ biến hóa đây, sáng trở lại mặt nhật. Tại sao? Không mặt nhật thì chẳng sáng, sáng nhân thuộc mặt nhật, cho nên trở lại mặt nhật. Tối trở lại trăng mờ, thông trở lại cửa tường, bít trở lại tường nhà, duyên trở lại phân biệt. Rỗng hư trở lại không, tích chứa bụi trở lại bụi trần, trong sáng trở lại mưa tạnh. Thì các thế gian tất cả chỗ có, chẳng vượt ngoài các loại đây. Ông thấy tám thứ kiến tinh minh tánh, đang muốn ai trở về ư? Tại sao? Nếu trở về sáng thì lúc chẳng sáng, lại không thấy tối, tuy sáng tối v.v... các thứ sai biệt, mà thấy không sai biệt. Các thứ có thể trở lại là tự nhiên chẳng phải ông. Chẳng ông trở lại là chẳng phải ôngthì là ai? Thì biết tâm ông vốn diệu sáng sạch. Ông tự mê muội mất gốc chịu xoay quanh, ở trong sinh tử thường bị nổi chìm, cho nên Như Lai gọi là đáng xót thương”. Nên biết tất cả chúng sinh tức nay kiến tinh minh tâm định chân vọng, mê mờ đó thì thô, sáng rõ đó thì diệu, chỉ ở tám thứ chẳng trở lại trong rõ ràng thấy tánh thường trú, cớ sao tùy cảnh lưu chuyển mất vốn chân thường, tròn chìm vòng khổ thường trôi biển chết. Đại Thánh xót thương chẳng phải, chẳng phải chẳng kinh than! A-nan bày khởi tâm nghi ngờ, nhờ phá tình chấp, Đức Thích-ca vi tế diễn nói chỉ thẳng nguồn giác, có thể gọi là chẳng đổi thân phàm chóng thành Thánh thể, hiện ở sinh diệt hiển ra viên thường. Tông Kính trước sau văn từ nói rõ, mỗi mỗi toàn chứng ở đây. Lại có Hòa thượng Mã Tổ ở Giang Tây hỏi Tòa chủ Lượng rằng: “Tích chứa kinh gì làm sự nghiệp? Đáp: Thường giảng ba mươi sáu bộ kinh luận. Hòa thượng hỏi: Chánh lúc giảng lấy gì giảng? Đáp: Đem tâm giảng. Hòa thượng bảo: Tâm như người thợ, ý như nghề hòa theo, làm sao giảng giải kinh khác? Đáp: Chẳng thể là hư không giảng? Hòa thượng bảo: lại là hư không giảng được. Tòa Chủ Lượng ngay lời nói đó mà đại ngộ, bèn xuống thềm lễ bái, kinh sợ tự toát đổ mồ hôi. Hòa thượng bảo: Sư độn căn này, dùng lễ bái làm gì? Tòa Chủ Lượng liền trở về chùa nói cùng học chúng rằng: “Sự nghiệp học hỏi một đời tôi, gần cho là trong thiên hạ không có ai địch nổi, ngày nay bị bậc Lão túc ở chùa Khai Nguyên khạc nhổ sạch hết. Tôi đã thời gian dài đều là lừa

dối các ông". Bèn giải tán học chúng, đi thẳng vào Tây Sơn không lưu lại tin tức. Lại như có học sỉ hỏi Hòa thượng Mã Tổ: Như nước không gân cốt, mà lúc năng thắng thuyền muôn hộc thì thế nào? Hòa thượng đáp: Ta ở đây nước cũng không thuyền cũng không gì là gân cốt? Lại có người học hỏi Hòa thượng Long Đàm: Từ lâu nghe tiếng Long Đàm, đến lúc lại đây, vì sao Long cũng không thấy đàm cũng không thấy? Hòa thượng đáp: lại là ông thân đến Long Đàm (đầm rồng) vậy. Lại có tục Quan Tục Vương Thường thị hỏi Hòa thượng Tiên Động Sơn: Trong năm mươi hai quả vị Bồ-tát, làm sao chẳng thấy Diệu giác Bồ-tát? Hòa thượng đáp: Tức là Thường Thị thân thấy đó. Do đó, Đại sư Trí Giả một đời hoằng giáo, tuy rộng mở bày mà chỉ hiển chánh tông. Như trong luận Chỉ Quán nói: "Cứu cánh chỉ về xứ nào? Tuyệt đường ngôn ngữ bặt chỗ tâm hành, trọn lắng như hư không". Lại, trong luận Quán Tâm nói: "Lại vì thương nghĩ học trò một nhà, tùy theo nhiều năm khán tâm, hơi lâu bèn chẳng nghiên xét hỏi tâm. Vì vậy chẳng nhiễm pháp bên trong mà đắm trước văn tự bên ngoài, thường ghi chú mà chạy rong, mang kinh luận mà dạo quanh. Sao chẳng tuyệt lời bỏ văn, phá một bụi trần đọc ngàn quyển kinh? Nếu năng nghe pháp giảng kinh đề tông hỏi đáp như trên, mới hợp với ý tổ, xứng với tâm Phật, như gặp cơ đây, có thể về Tông Kính".

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 93

Hỏi: Tông Kính Lục là pháp môn thật tướng, nếu tin thì được phước gì? Nếu hủy báng thì mắc tội gì?

Đáp: Môn thật tướng một tâm đây, yếu chỉ của Bát-nhã sâu mầu, ở trong những người khó tin, hoặc có kẻ tin thì pháp lợi vô tận chỉ Phật mới năng biết. Nếu có người hủy báng là tội hủy báng Bát-nhã lớn chẳng gì bằng. Hiện đời chịu ương thân đang sống mà vùi lấp nơi địa ngục. Có thọ báo gì lớn như vậy, vì Bát-nhã là mẹ của tất cả phàm Thánh thế gian và xuất thế gian, giống như đại địa, không vật nào chẳng từ đất sinh. Nếu phỉ báng đó thì phỉ báng tất cả Phật địa công đức Tam bảo. Như trong mười pháp giới tất cả chúng sinh hoặc lên hoặc xuống hoặc ngu hoặc trí, không ai chẳng đều từ trong Bát-nhã lại. Nếu chẳng được oai quang của Bát-nhã, thật không một mảy trần có thể lập. Như trong kinh Bát-nhã nói: “Muốn tôn quý tự tại, cho đến muốn được Bồ-đề, phải học Bát-nhã”. Lại nói: “Nếu muốn được sáu căn đầy đủ, phải học Bát-nhã”. Cho đến ngạ quỷ súc sinh cũng cần đầy đủ. Vì ngạ quỉ súc sinh đây đều từ học Bát-nhã lại. Nên biết chẳng tin Tông Kính điều ấy không thể có. Như trong kinh Chư Pháp Vô Hành nói: “Bấy giờ Bồ-tát Văn thù- Sư -lợi nói: “Bạch Đức Thế Tôn! Sau khi Đức Như Lai Sư Tử Hống Cổ Âm Vương diệt độ. Bấy giờ có Bồ-tát Tỳ-kheo tên là Hỷ Căn, lúc làm Pháp sư, chất trực đoan chánh, chẳng hoại oai nghi chẳng bỏ thế pháp, chúng sinh thời ấy khắp đều là lợi căn, vui ưa nghe luận sâu. Pháp sư Hỷ Căn đó ở trước mọi người chẳng tán thán ít muốn biết đủ, xúc xứ tế hạnh, chỉ dạy mọi người các pháp thật tướng. Chỗ gọi là tánh tất cả pháp tức là tánh tham dục, tánh tham dục tức là tánh các pháp, tánh sân nhuế tức là tánh các pháp, tánh ngu si tánh tức các pháp. Pháp sư Hỷ Căn dùng phương tiện đó giáo hóa chúng sinh, chỗ chúng sinh hành đều là một tướng, mỗi mỗi chẳng cùng phải quấy, đạo của sở hành, tâm không sân si. Vì không nhân duyên sân si nên chậm được pháp nhân, ở trong Phật pháp quyết định chẳng hoại. Bạch Đức Thế Tôn! Bấy giờ lại

có vị Tỳ-kheo Pháp sư hành đạo Bồ-tát tên là Thắng Ý, Tỳ-kheo Thắng Ý đó hộ trì giới cấm, được tứ thiền tứ định vô sắc, hành mười hai hạnh đầu-đà. Bạch Đức Thế Tôn! Tỳ-kheo Thắng Ý đó có các đệ tử. Tâm họ khinh động muốn thấy lỗi người khác. Bạch Đức Thế Tôn! Sau đó một thời gian, Bồ-tát Thắng Ý vào nơi tụ lạc khất thực, nhầm đến nơi nhà đệ tử của Tỳ-kheo Hỷ Căn, gặp ông cư sĩ chủ nhà, bèn đến chỗ đó bày tòa mà ngồi, vì ông cư sĩ mà tán thán ít muốn biết đủ các tế hạnh, nói lỗi lời nói không lợi ích, tán thán người xa lìa chúng đông ưa riêng tu hành. Lại ở trước ông cư sĩ nói lỗi của Pháp sư Hỷ Căn: đó là Tỳ-kheo chẳng thật, đem đạo tà kiến chỉ dạy chúng sinh, là người tạp hành. Nói dâm dục không chướng ngại, sân nhuế không chướng ngại, ngu si không chướng ngại, tất cả các pháp đều không chướng ngại. Khi đó ông cư sĩ lợi căn được vô sinh pháp nhẫn, liền nói cùng Tỳ-kheo Thắng Ý rằng: Đại Đức biết tham dục là pháp gì ư? Tỳ-kheo Thắng Ý đáp: Ta biết tham dục là phiền não. Ông cư sĩ lại hỏi: Đại Đức! Phiền não đó là tại trong hay tại ngoài? Tỳ-kheo Thắng Ý đáp: Chẳng tại trong, chẳng tại ngoài. Ông cư sĩ lại hỏi: Đại Đức! Nếu tham dục chẳng tại trong chẳng tại ngoài, chẳng tại Đông, Tây, Nam, Bắc bốn góc trên dưới mười phương, tức là không sinh. Nếu không sinh, cớ sao nói hoặc dơ hoặc sạch? Khi ấy, Tỳ-kheo Thắng Ý sân nhuế chẳng vui, từ chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi, mà nói rằng: Đây là Tỳ-kheo Hỷ Căn dùng pháp vọng ngữ dối hoặc nhiều người, người này vì chẳng học pháp môn vào âm thanh nên nghe âm thanh Phật thì mừng, nghe âm thanh ngoại đạo thì sân, ở nơi âm thanh Phạm hạnh thì mừng, ở nơi âm thanh không phải Phạm hạnh thì sân, vì chẳng học pháp môn vào âm thanh vậy”. Cho đến, bấy giờ Bồ-tát Hỷ Căn ở trước chúng Tăng nói kệ tụng rằng:

“Tham dục là Niết-bàn
Sân nhuế cũng như vậy
Như trong ba sự đây
Có vô lượng Phật đạo.
Nếu có người phân biệt
Tham dục sân nhuế si
Là người cách xa Phật
Thí như trời và đất
Bồ-đề và tham dục
Là một mà chẳng hai
Đều vào một pháp môn
Bình đẳng không có khác

Phàm phu nghe khiếp sợ
Cách Phật đạo rất xa
Tham dục chẳng sinh diệt
Chẳng năng khiến tâm não
Nếu người có ngã tâm
Và cả có được thấy
Người đó là tham dục
Sắp vào nơi địa ngục
Thật tánh của tham dục
Tức là tánh Phật pháp.
Thật tánh của Phật pháp
Cũng là tánh tham dục
Là hai pháp một tướng
Chỗ gọi là không tướng
Nếu năng biết như vậy
Là dẫn dắt thế gian
nếu có người phân biệt
Là trì giới hủy giới
Do trì giới luống dối
Khinh miệt nơi người khác
Là người không Bồ-đề
Cũng không có Phật pháp
Chỉ tự lập an trú
Chỉ trong chỗ được thấy
Nếu trú xứ không nhàn
Tự quý mà khinh người
Còn chẳng được sinh trời
Huống gì ở Bồ-đề
Đều do đắm không nhàn
Trú ở tà kiến vậy
Tà kiến và Bồ-đề
Đều đồng không có khác
Chỉ vì danh tự số
Nói phô nên riêng khác
Nếu người thông đạt vậy
Thì là gần Bồ-đề
Phân biệt phiền não dơ
Tức là đắm thấy sạch

Không Bồ-đề Phật pháp
Trú trong có được thấy
Nếu tham đắm Phật pháp
Thì là xa Phật pháp.
Tham không ngại pháp vậy
Thì lại chịu khổ não
Nếu người không phân biệt
Tham dục sân nhuế si
Vì vào ba tánh độc
Thì là thấy Bồ-đề
Thấy người gần Phật đạo
Chóng được vô sinh nhẫn
Nếu thấy pháp hữu vi
Cùng pháp vô vi khác
Là người trọn chẳng được
Hiểu nơi pháp hữu vi
Nếu biết hai tánh đồng
Hẳn quý trong loài người
Phật chẳng thấy Bồ-đề
Cũng chẳng thấy Phật pháp
Vì chẳng đắm các pháp
Hàng ma thành Phật đạo
Nếu muốn độ chúng sinh
Chớ phân biệt tánh đó
Tất cả các chúng sinh
Đều đồng ở Niết-bàn
Nếu năng thấy như vậy
Thì là được thành Phật
Tâm đó chẳng nhàn tĩnh
Mà hiện tướng nhàn tĩnh
Là ở trong trời người
Thì là làm giặc lớn
Người đó không Bồ-đề
Cũng không có Phật pháp
Nếu phát nguyện như vậy
Ta sẽ được làm Phật
Các phàm phu như vậy
Chỗ lực vô minh dẫn

Phật pháp rất thanh tịnh
Dụ đó như hư không
Trong đây không thể thủ
Cũng không có đáng bỏ
Phật chẳng được Phật đạo
Cũng chẳng độ chúng sinh
Phàm phu mạnh phân biệt
Làm Phật độ chúng sinh
Là người ở Phật pháp
Thì cách biệt rất xa
Nếu thấy chúng sinh khổ
Thì là chịu khổ đó
Chúng sinh không chúng sinh
Mà nói có chúng sinh
Trú trong tướng chúng sinh
Thì không có Bồ-đề
Nếu người thấy chúng sinh
Là rốt ráo giải thoát
Không có dâm nhuế si
Biết là làm tướng đời
Nếu người thấy chúng sinh
Chẳng thấy chẳng chúng sinh
Chẳng được Phật pháp thật
Phật đồng tánh chúng sinh
Nếu năng biết như vậy
Thì là tướng thế gian".

Cho đến, lúc nói các kệ pháp như vậy, có ba muôn Thiên tử được vô sinh pháp nhẫn, một vạn tám ngàn người được lậu tận giải thoát. Và lúc đó, đất nứt rách, Tỳ-kheo Thắng Ý đọa vào địa ngục lớn. Do vì nhân duyên tội nghiệp chướng nên trải qua trăm ngàn muôn ức na-do-tha kiếp, ở địa ngục lớn, chịu các khổ độc, từ địa ngục ra, lại trải qua bảy mươi bốn vạn đời thường bị phỉ báng, trải qua nhiều trăm ngàn kiếp cho đến chẳng nghe danh tự của Phật pháp. Từ đó về sau, lại được gặp Phật, xuất gia học đạo mà không chí vui thích, ở trong sáu mươi hai muôn đời, thường bỏ đạo trở lại tục, cũng vì tội báo nghiệp chướng dư thừa nên qua bao nhiêu trăm ngàn đời, các căn ám độn. Bạch Đức Thế Tôn!! Pháp sư Hỷ Căn thời bấy giờ, tức nay từ đây về phương Đông trải qua mười muôn ức cõi Phật, có cõi nước tên là Bảo Trang Nghiêm, trong đó

có vị đắc A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề, hiệu là Thắng Quang Minh Oai Đức Vương Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri, nay hiện tại đó. Còn Tỳ-kheo Thắng Ý, là thân con đây vậy. Bạch Đức Thế Tôn! Lúc con chưa vào môn pháp tướng như vậy, chịu khổ phân biệt khổ điên đảo khổ như vậy. Cho nên người muốn phát tâm Bồ-tát, phát tâm Tiểu thừa, chẳng muốn khởi tội nghiệp chướng như vậy, chẳng muốn chịu khổ não như vậy là chẳng nên chống nghịch Phật pháp, không có xứ sở có thể sinh sân si". Phật bảo: Văn-thù Sư-lợi! Ông nghe các kệ tụng đó được những lợi ích gì? Bạch Đức Thế Tôn! Con hết tội nghiệp chướng rồi, do nhân duyên nghe các kệ tụng đó, mà tại chỗ sinh được lợi căn trí tuệ, được pháp nhẫn sâu, khéo nói pháp mầu. Văn-thù Sư-lợi! Do lực ái mà năng nhớ được tội nghiệp nhân duyên trong vô lượng A-tăng-kỳ kiếp như vậy? Bạch Đức Thế Tôn! Các Bồ-tát có chỗ nghĩ nhớ, có chỗ nói, có chỗ tư duy, đều là thần lực của Phật. Tại sao như vậy? Vì tất cả các pháp đều từ Phật ra". Nên biết nếu chẳng tin chỗ nói lý của thật tướng trong Tông Kính, thì như Tỳ-kheo Thắng Ý chết hồn chịu khổ lớn của đất nức. Nếu có tin nói như vậy thì như Văn-thù Sư-lợi trí tuệ diệu biện pháp sâu mầu. Tin hủy giao báo nhân quả không sai, xin khuyên khắp cùng các bậc hậu hiền nên tin thọ sâu, nếu tin Bát-nhã phước lớn đủ như văn trước đã nói, nay thuật về tội ở các phương v.v... lược nêu dẫn để chứng minh, như trong kinh Đại Bát-nhã nói rộng về tội phỉ báng pháp, nghĩa là ở phương đây đọa vào địa ngục A-tỳ, cõi này kiếp hoại, tội còn chưa hết thì chuyển dời đến trong địa ngục A-tỳ ở phương khác, phương khác đó lại trải qua kiếp hoại, tội cũng chưa hết, lại dời đến phương khác nữa, như vậy xoay quanh trải khắp mười phương, ở mười phương mới trải qua kiếp tận trở lại sinh trong địa ngục A-tỳ ở cõi đây, ngàn Đức Phật ra đời cứu đó còn khó. Nếu muốn nói thân của kẻ đó chịu, thì người nghe hẳn ói máu nóng mà chết vậy. Tôn giả Thiện Hiện cầu thỉnh nói thân thọ chịu đó, Đức Phật trọn chẳng nói. Cho đến trong kinh Hoa Nghiêm nói Địa ngục Thiên tử, kinh Pháp Hoa nói chẳng khinh bốn chúng, đều là chẳng tin hẳn đọa vào địa ngục A-tỳ. Nếu có người nghe nên phải kinh sợ, lấy làm xét răn hiểu khắp quần mông, tiếp theo nói về quả báo hiện thọ của tin và hủy báng. Thứ nhất, nói về tin. Ở thời Tiền Đường có Sa-môn Thích Tuệ Tuyền người dòng họ Đổng quê ở Tương Dương, xuất gia từ nhỏ, nghe học Tam luận, mới đầu đến chùa Quang Phước, ở trên đảnh núi, việc dẫn lấy nước rất là khổ nhọc. Sau đó, muốn đến chùa khác. Ban đêm thấy có thần nhân thân lớn một trượng mặc áo bào tía đến đảnh lễ Sa-môn Tuệ Tuyền mà nói là: "Cúi

xin trú nơi đây mà thường giảng kinh Đại Thừa, chớ vì Tiểu thừa làm lo lắng. Tiểu thừa đó là như ở nơi núi cao không nước chẳng thể làm lợi người. Kinh Đại Thừa giống như biển lớn, tự ở núi đây có nhiều Đức Phật ra đời, một người đọc tụng nói kinh Đại Thừa, năng khiến tại chỗ ở có các thứ trân báu phát sáng, quyến thuộc phồn vinh ưu thắng, nếu có Tiểu thừa thì các sự trước đó đều mất, cúi mong hoằng trì, chớ phụ chỗ mong cầu! Pháp sư cần nước, việc đó dễ vậy. Đến ngày mồng tám tháng sau nhất định có được, tự đến Kiến Nam núi Từ Mẫu ở đó có suối lớn xin một Long vương đi vậy". Nói xong bèn biến mất. Vừa đến đêm mồng bảy tháng sau, gió lớn thổi mạnh từ phía Tây nam lại, sấm sét chấn động mưa trút đổ, chỉ thấy một dòng suối trong thơm mát mà đẹp, hợp với lòng chúng mong. Đến lúc Sa-môn Tuệ Tuyền thị tịch, suối rồng bèn dần khô cạn. Tin đó, ích lợi đại loại như vậy. Thứ hai, nói về Hủy. Trong kinh Phật Tạng nói: "Ở đời vị lai sẽ có Tỳ-kheo chẳng tu thân giới tâm tuệ, người đó khinh cười Như Lai giảng nói pháp rốt ráo khôngdo Như Lai giảng nói, hoặc có người nghe nói không, tức sẽ kinh sợ, các người đó thật đáng xót thương, hẳn đến thẳng địa ngục không có người cứu". Ở thời Tiền Đường, có Sa-môn Thích Tuệ Thiếu, người dòng họ Trang, xuất gia từ nhỏ, chuyên tu Tiểu thừa, ở chùa Báo Thiện tại Tương Dương, Long Tuyền dưới tòa Triết công khai giảng Tam Luận, Sa-môn Tuệ Thiếu sinh tâm bất nhẫn nói là "Tam luận nói về không, người giảng đắm trước pháp không". Nói xong, lưỡi le dài ba thước, mắt, tai, mũi đều chảy máu, suốt bảy ngày chẳng nói năng gì được. Có Luật sư Phục, nghe Sa-môn Tuệ Thiếu bị kéo lưỡi như vậy, bèn bảo rằng: "Ông là người quá si mê, một lời phỉ báng tội quá năm nghịch, có thể tin Đại thừa mới được khỏi đó vậy". Mới bảo đốt hương phát nguyện sám hối lời nói trước, lưỡi dần thâu vào, Sa-môn Tuệ Thiếu bèn đến nơi Triết công phát tâm thệ nguyện dứt vết, chỉ nghe Đại thừa. Về sau, đến ở chùa Thần Túc tại Hương Sơn, chân chẳng bước ra khỏi ngạch cửa, thường chuyên tập học Đại thừa, có lúc giảng các kinh Hoa Nghiêm v. v... dùng đó để tỏ bày sám tạ, thường ở trong chúng tăng nói lỗi lầm xưa trước đó, riêng ở một phòng thường ngồi thường niệm. Ngày mồng 03 tháng 04 năm Trinh Quán thứ mười một (637) thời Tiền Đường, Sa-môn Tuệ Thiếu đang tọa thiền nơi rừng tùng phía sau chùa, thấy có ba người đi lại, hình mạo rất kỳ lạ, lễ bái xin thọ giới Bồ-tát xong, nói là: "Thiền sư là người Đại lợi căn, nếu chẳng đổi tâm tin pháp Đại thừa, dẫu ngàn Đức Phật đã ra đời, Thiền sư vẫn còn tại địa ngục". Lại xưa trước, có người phỉ báng Đại thừa, lúc lâm chung phát ra tiếng trâu rống, thì biết

quả báo rõ ràng như vậy hẳn quả báo sao mất. Trên đây đều là chướng ngại sâu chẳng tin, hoặc trí cạn nhầm truyền. Y cứ văn khởi kiến chấp sẽ thành báng pháp, như kinh Văn-thù Sư-lợi Tuần Hành nói: Văn-thù Sư-lợi nói: "Đại Đức Xá-lợi-phất! Nếu người nói Như Lai ở quá khứ vị lai và hiện tại có nương tựa hay chẳng nương tựa. Người như vậy là phỉ báng Như Lai. Tại sao? Chân như không niệm cũng không chỗ niệm, chân như chẳng lui sụt, chân như không tướng". Nay, Đại ý của Tông Kính, văn từ chỗ ghi chép, hoặc là Tổ hoặc là giáo, chỉ có một chữ một câu, hoặc lý hoặc sự hoặc trí hoặc hành, thảy đều hồi hướng chỉ về một tâm chân như. Tại sao? Thật tánh của tâm, gọi là chân như, tánh lấy chẳng cải đổi làm nghĩa, chân do không ngụy mà được tên. Như thì chẳng biến chẳng khác. Vì tâm tánh đây khắp cùng viên dung, ngang khắp mười phương, dọc suốt ba khoảng, đến tất cả thời xứ chưa từng gián đoạn. Phàm có mãi ném căn lành thảy đều hồi hướng, niệm niệm hợp với thể của chân như. Thể không gì chẳng lắng tịch, mỗi mỗi thuận với dụng của chân như. Dụng nào có khuyết. Do đó chỉ khế hợp một như là tự bao hàm các đức. Như trong kinh Hoa Nghiêm nói: Chân như dùng hồi hướng có một trăm câu, trong mỗi mỗi câu không gì chẳng đồng chỉ đều là thành tựu một môn diệu tâm. Như trong kinh nói: "Phật tử! Vị Đại Bồ-tát đây chánh niệm thấu rõ tâm đó bền trú, xa lìa mê hoặc chuyên ý tu hành, thân tâm chẳng động, thành nghiệp chẳng hoại, thú hướng đến Nhất thiết trí trọn chẳng thối chuyển, chí cầu Đại thừa, dõng mãnh không sợ, gieo trồng các gốc đức, an khắp thế gian, sinh căn thiện thắng, tu pháp bạch tịnh, đại bi tăng trưởng tâm báu thành tiện. Cho đến, thí như chân như khắp tất cả xứ không có ngằn mé, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, khắp tất cả xứ không có ngằn mé. Thí như chân như chân thật là tánh, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy rõ tất cả pháp chân thật là tánh, thí như chân như luôn giữ bản tánh không có cải biến, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, giữ bản tánh đó thủy chung chẳng đổi. Thí như chân như lấy tất cả pháp không tánh làm tánh, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, rõ tất cả pháp không tánh làm tánh. Thí như chân như không tướng làm tướng, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, rõ tất cả pháp không tướng làm tướng. Thí như chân như nếu có được là trọn không thối chuyển, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, nếu có chỗ được ở các Phật pháp trọn chẳng thối chuyển. Thí như chân như là xứ sở hành của tất cả chư Phật, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy là xứ của tất cả Như Lai sở hành. Thí như chân như lìa tướng cảnh giới mà làm cảnh giới, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, lìa tướng

cảnh giới mà làm pháp giới viên mãn của chư Phật ba đời. Thí như chân như năng có an lập, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy đều năng an lập tất cả chúng sinh. Thí như chân như tánh thường tùy thuận, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, tận kiếp vị lai tùy thuận chẳng đoạn. Thí như chân như không thể lường đo, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, đồng như hư không giới tận cùng tâm chúng sinh không thể lường đo. Thí như chân như sung mãn tất cả, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, trong một sát-na khắp cùng pháp giới. Thí như chân như thường trú vô tận, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy rốt ráo vô tận. Thí như chân như không có sánh đối, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, năng viên mãn khắp tất cả Phật pháp không có sánh đối. Thí như chân như thể tánh kiên cố, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, thể tánh kiên cố, chẳng phải chỗ của các hoặc não năng trở ngại. Thí như chân như, chẳng thể phá hoại, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, tất cả chúng sinh chẳng năng tổn hoại. Thí như chân như chiếu sáng làm thể, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, lấy chiếu sáng khắp mà làm tánh đó. Thí như chân như không chỗ chẳng có, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, ở tất cả xứ không chỗ chẳng có. Thí như chân như khắp tất cả thời, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy khắp tất cả thời. Thí như chân như tánh thường thanh tịnh, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy trú ở thế gian mà thể thanh tịnh. Thí như chân như ở pháp vô ngại, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, hành khắp tất cả mà không chỗ ngại. Thí như chân như là mắt các pháp, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, năng vì tất cả chúng sinh làm mắt. Thí như chân như tánh không nhọc mệt, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, tu tất cả các hạnh Bồ-tát luôn không nhọc mệt. Thí như chân như thể tánh lặng sâu, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy tánh ấy rất sâu. Thí như chân như không có một vật, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, rõ biết tánh đó không có một vật. Thí như chân như tánh chẳng phải xuất hiện, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, thể đó vi diệu khó thể được thấy. Thí như chân như lìa các dơ uế che mờ, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, mắt tuệ thanh tịnh lìa các si che mờ. Thí như chân như tánh không cùng đồng, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, thành tựu tất cả các hạnh Bồ-tát tối thượng không gì đồng. Thí như chân như thể tánh tịch tĩnh, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy khéo năng tùy thuận pháp tịch tĩnh. Thí như chân như không có căn bản, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, khéo vào tất cả không căn bản. Thí như chân như thể tánh vô biên, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, tịnh (làm trong sạch) các chúng sinh số đó vô biên.

Thí như chân như thể tánh không đắm trước, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, rốt ráo xa lìa tất cả các đắm trước. Thí như chân như không có chướng ngại, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, trừ diệt tất cả thế gian chướng ngại. Thí như chân như chẳng phải chỗ thế gian hành, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, chẳng phải chỗ của các thế gian năng hành. Thí như chân như thể tánh không trú, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, tất cả sinh tử đều chẳng phải chỗ trú. Thí như chân như, tánh không chỗ làm, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, tất cả chỗ làm đều về lìa bỏ. Thí như chân như thể tánh an trú, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, an trú chân thật. Thí như chân như cùng tất cả pháp mà cộng tương ưng, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy cùng các Bồ-tát lắng nghe tu tập mà cộng tương ưng. Thí như chân như trong tất cả pháp, tánh thường bình đẳng, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, ở các thế gian tu hạnh bình đẳng. Thí như chân như chẳng lìa các pháp, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, cùng tận vị lai chẳng bỏ thế gian. Thí như chân như trong tất cả pháp rốt ráo vô tận, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, ở các chúng sinh hồi hướng vô tận. Thí như chân như cùng tất cả pháp không có trái nhau, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, chẳng trái ba đời tất cả Phật pháp. Thí như chân như gồm khắp các pháp căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, đều gồm tất cả căn lành chúng sinh. Thí như chân như cùng tất cả pháp đồng thể tánh đó, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, cùng chư Phật ba đời đồng một thể tánh. Thí như chân như cùng tất cả pháp chẳng lìa bỏ nhau, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, nhiếp trì tất cả pháp thế gian và xuất thế gian. Thí như chân như không gì có thể sáng lòa che, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, tất cả thế gian không gì có thể sáng lòa che. Thí như chân như chẳng thể lay động, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, tất cả ma nghiệp chẳng năng lay động. Thí như chân như tánh không dơ đục, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy tu hạnh Bồ-tát không có dơ đục. Thí như chân như không có biến đổi, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, nghĩ thương chúng sinh, tâm không biến đổi. Thí như chân như chẳng thể cùng tận, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, chẳng phải chỗ các pháp thế gian năng cùng tận. Thí như chân như tánh thường giác ngộ, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, năng giác ngộ khắp tất cả các pháp. Thí như chân như chẳng thể hoại mất, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, ở các chúng sinh khởi chí nguyện ưu thắng, trọn không hoại mất. Thí như chân như năng chiếu sáng lớn, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, dùng ánh sáng trí lớn chiếu các thế gian. Thí như chân như chẳng thể

nói phô, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, chỗ tất cả nói phô chẳng thể bày nói. Thí như chân như gìn giữ thế gian căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, năng gìn giữ tất cả hạnh Bồ-tát. Thí như chân như tùy thế gian nói phô, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy tùy thuận tất cả trí tuệ nói phô. Thí như chân như khắp tất cả pháp, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy khắp ở mười phương tất cả cõi Phật hiện thần thông lớn thành đẳng Chánh giác. Thí như chân như không có phân biệt, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, ở các thế gian không chỗ phân biệt. Thí như chân như khắp tất cả thân, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, khắp mười phương cõi trong vô lượng thân. Thí như chân như thể tánh không sinh, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, phương tiện hiện sinh mà không chỗ sinh. Thí như chân như không chỗ chẳng có, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, trong khắp cõi nước chư Phật mười phương ba đời, hiện khắp thần thông mà không đâu chẳng có. Thí như chân như khắp có ở đêm, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, ở tất cả đêm phóng ánh sáng lớn làm mọi Phật sự. Thí như chân như khắp tất cả ngày, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, đều khiến tất cả chúng sinh ở ngày thấy Phật thần biến diễn nói pháp luận thối chuyển, lìa dơ thanh tịnh không không lầm lỗi. Thí như chân như khắp ở nửa tháng cho đến một tháng, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, ở các thế gian thứ tự thời tiết được phương tiện lành, ở trong một niệm biết tất cả thời. Thí như chân như khắp ở một năm, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, trú vô lượng kiếp rõ ràng thành thục tất cả căn lành đều khiến viên mãn. Thí như chân như khắp kiếp thành hoại, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, trú tất cả kiếp thanh tịnh không nhiễm, giáo hóa chúng sinh đều khiến thanh tịnh. Thí như chân như cùng tận vị lai, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy tận cùng vị lai, tu các diệu hạnh Bồ-tát thanh tịnh, thành mãn đại nguyện không có thối chuyển. Thí như chân như trú khắp ba đời, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, khiến các chúng sinh ở một sát-na thấy ba đời Phật chưa từng một niệm mà có lìa bỏ. Thí như chân như khắp tất cả xứ, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, vượt ra ba cõi hành khắp tất cả đều được tự tại. Thí như chân như trú pháp có không, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, rõ thấu tất cả pháp của có không rốt ráo thanh tịnh. Thí như chân như thể tánh thanh tịnh, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, năng dùng phương tiện tập trợ đạo pháp sạch sửa tất cả các hạnh Bồ-tát. Thí như chân như thể tánh sáng sạch, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, khiến các Bồ-tát đều được tâm Tam-muội sáng sạch. Thí như chân như thể tánh không dơ, căn lành hồi

hướng cũng lại như vậy, xa lìa các dơ, đầy đủ tất cả các ý thanh tịnh. Thí như chân như không ngã ngã sở, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, dùng tâm không ngả ngã sở thanh tịnh sung mãn cõi nước chư Phật mười phương. Thí như chân như thể tánh bình đẳng, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, đạt được bình đẳng trí Nhất thiết trí, chiếu rõ các pháp, lìa các si che mờ. Thí như chân như vượt các số lượng, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, cùng vượt số lượng Nhất thiết trí, nương đại lực pháp tạng mà đồng dừng trú, phát tỏa mây pháp rộng lớn khắp mười phương tất cả thế giới. Thí như chân như bình đẳng an trú, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy phát sinh tất cả các hạnh Bồ-tát, bình đẳng trú ở đạo Nhất thiết trí. Thí như chân như trú khắp tất cả các chúng sinh giới, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, đủ khắp vô ngại Nhất thiết chủng trí, ở chúng sinh giới đều hiện ở trước. Thí như chân như không có phân biệt trú khắp tất cả trong trí âm thanh, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, đầy đủ tất cả các trí ngôn âm, năng thị hiện khắp các thứ ngôn âm mở bày chúng sinh. Thí như chân như trọn lìa thế gian, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, gồm khắp chúng sinh ra khỏi thế gian. Thí như chân như thể tánh rộng lớn, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, đều năng thọ trì Phật pháp rộng lớn ở quá khứ vị lai và trong hiện tại, luôn chẳng quên mất siêng tu tất cả các hạnh Bồ-tát. Thí như chân như không có ngừng nghỉ, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, vì muốn an đặt tất cả chúng sinh ở Địa đại trí, ở tất cả kiếp tu hạnh Bồ-tát không có ngừng nghỉ. Thí như chân như thể tánh rộng lớn khắp tất cả pháp, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, tịnh niệm vô ngại gồm khắp tất cả pháp môn rộng lớn. Thí như chân như gồm khắp các phẩm, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, chứng đắc trí của vô lượng phẩm loại, tu các diệu hạnh chân thật của Bồ-tát. Thí như chân như không chỗ chấp thủ, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, ở tất cả pháp đều không chỗ chấp thủ, trừ diệt tất cả thế gian thủ trước, khiến khắp thanh tịnh. Thí như chân như thể tánh chẳng động, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, an trú hạnh nguyện viên mãn của Phổ Hiền rốt ráo chẳng động. Thí như chân như là cảnh giới Phật, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, khiến các chúng sinh đầy đủ tất cả cảnh giới trí tuệ, diệt cảnh phiền não đều khiến thanh tịnh. Thí như chân như không gì năng chế phục, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, chẳng bị tất cả chỗ của tà luận ngoại đạo sự nghiệp các ma chế phục. Thí như chân như chẳng phải có thể tu chẳng phải chẳng thể tu, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, lìa bỏ tất cả vọng tưởng thủ trước, ở tu và chẳng tu, không có phân biệt. Thí như

chân như không có lùi bỏ, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, thường thấy chư Phật phát tâm Bồ-đề, Đại thể trang nghiêm trọn không lùi bỏ. Thí như chân như gồm khắp tất cả ngôn âm của thế gian, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, năng được tất cả ngôn âm sai biệt thần thông trí tuệ phát đủ tất cả các thứ ngôn từ. Thí như chân như ở tất cả pháp không chỗ mong cầu, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, khiến các chúng sinh nương thừa Phổ Hiền mà xa lìa nơi tất cả pháp không chỗ tham cầu. Thí như chân như trú tất cả địa, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, khiến tất cả chúng sinh xả bỏ thế gian địa trú trí tuệ địa, dùng hạnh Phổ Hiền mà tự trang nghiêm. Thí như chân như không có đoạn tuyệt, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, ở tất cả pháp được không chỗ sợ, tùy từng loại âm xứ xứ diễn nói không có đoạn tuyệt, thí như chân như lìa bỏ các lậu, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, khiến tất cả chúng sinh thành tựu pháp trí, rõ thấu nơi pháp viên mãn Bồ-đề công đức vô lậu. Thí như chân như không có chút ít pháp mà năng hoại loạn, khiến phần ít đó chẳng phải là giác ngộ, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, khiến khắp khai ngộ tất cả các pháp, tâm đó vô lượng khắp cùng pháp giới. Thí như chân như quá khứ chẳng phải khởi đầu, vị lai chẳng phải chưa hiện tại chẳng phải khác, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, vì tất cả chúng sinh mới mới luôn khởi tâm nguyện Bồ-đề, khiến khắp thanh tịnh trọn lìa sinh tử. Thí như chân như ở trong ba đời không chỗ phân biệt, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, hiện tại niệm niệm thường giác ngộ, quá khứ vị lai thảy đều thanh tịnh. Thí như chân như thành tựu tất cả chư Phật Bồ-tát, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, phát khởi tất cả đại nguyện phương tiện, thanh tịnh chư Phật trí tuệ rộng lớn. Thí như chân như rốt ráo thanh tịnh, chẳng cùng tất cả các phiền não câu, căn lành hồi hướng cũng lại như vậy, năng diệt tất cả phiền não chúng sinh, viên mãn tất cả trí tuệ thanh tịnh". Giải thích: Vậy biết trong trăm câu, trong mỗi mỗi nghĩa không một chữ nào chẳng căn cứ ở tâm mà nói, không một hạnh nào mà chẳng từ tánh khởi, có thể gọi là chân gồm ngọn hạnh, không mỗi hạnh mà chẳng phải chân. Hạnh suốt nguồn chân, không mỗi chân nào mà chẳng phải hạnh, như vậy thì lý sự đủ khắp, tâm cảnh dung thông, chẳng phải đắm trước có vì ngưng không, khỏi kẹt chân mà nhiễm tục, năng khiến chúng sinh chánh tín. Bước bước thành môn nhân của Bồ-đề, hiển thẳng chân tu, niệm niệm mãn biển quả của chư Phật, do đó ghi đủ cả trăm câu, toàn văn rộng lớn, cứu cánh chứng minh diệu chỉ của Tông Kính. Nay thì khuyên khắp các học sĩ ở mười phương, tất cả các hàng hậu hiền, chỉ mong đạo giàu

người nghèo, tình mỏng đức dày, lấy pháp làm bạn, lấy trí làm trước dùng từ tu thân, lợi vật là việc chính, làm chủ pháp thí, chẳng lẫn tiếc gia phong. Không kể chẳng từ đâu, có nghi đều giải quyết, thì giẫm bước theo hành xứ của Phật, khỏi cô phụ bản tâm, diệu hạnh luôn mới. Chí đạo như hiện có. Do đó, trong Chứng Đạo Ca nói: "Cùng Thích tử miệng xưng bần, thật là thân bần đạo chẳng bần. Bần thì thân thường mặc áo vải. Đạo thì tâm giấu trân vô giá. Trân vô giá dùng vô tận, lợi vật đáng thời chẳng keo lận. Ba thân bốn trí viên trong thể. Tám giải sáu thông đất tâm nhiễm". Đó thì lấy pháp giới làm thân hư không làm lượng. Tình mất lấy bỏ, thấy hết tự tha. Lấy tâm vật làm tâm, môn nào chẳng thuận, lấy ý kia làm ý, pháp nào năng trái. Vào trong Tông Kính pháp nhĩ như vậy. Nên trong Kinh Thư nói: "Lấy tai nghe của triệu người, lấy mắt thấy của bốn biển, lấy thân mình biết thân người, lấy tâm mình biết tâm người. Thánh nhân tâm vô thường lấy trăm họ làm tâm". Lại nói: "Gồm mình theo người muôn sự tiêu hòa, gồm người theo mình mọi sự tranh khởi". Thì trong ngoài chỉ về chứng minh vô tận.

Hỏi: Tin thọ và hủy báng pháp Tông Kính đây, tội phước sao trọng vậy?

Đáp: Đây là cha của các hiền, là mẹ của chư Phật, muôn thiện do đây mà sinh. Tin thọ hay hủy báng, đâu chẳng nhận quả báo trọng ư? Do đó, trong kinh Pháp Hoa nói: "Lại như Đại Phạm Thiên Vương là cha của tất cả chúng sinh, kinh đây cũng lại như vậy, là cha của tất cả Hiền Thánh các bậc hữu học vô học và người phát tâm Bồ-tát". Trong Khởi Tín Sao nói: "Nếu phỉ báng pháp đây, vì tự hại sâu cũng hại người khác, đoạn tuyệt tất cả chủng của Tam bảo. Tất cả Như Lai đều nương pháp đây mà được Niết-bàn, tất cả Bồ-tát nhân đây tu hành mà được vào Phật trí".

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 94

CHƯƠNG III: DẪN CHỨNG

Phàm nêu đặt Tông Kính, đại chỉ đã rõ ràng, trước tuy hỏi đáp quyết nghi, còn lo ngại khó tin. Những bậc Thượng căn vừa mới xem qua chóng vào môn Tổng trì, còn hàng trung hạ tuy quán vẫn còn rơi lạc đất hồ nghi. Nay lại vì người tín lực chưa sâu, mảy may nghi ngờ chưa đoạn, nên lại nêu dẫn các kinh Đại thừa gồm một trăm hai mươi bản, lời của chư Tổ cũng một trăm hai mươi bản, sánh các HiềnThánh biên tập gồm sáu mươi bản, cả thảy lời huyền của ba trăm bản, bao quát chân phân tích của một Phật thừa. Có thể gọi là nêu một chữ mà nhiếp vô biên biển giáo, lập một lý mà thâu vô tận chân phân tích mỗi mỗi nêu tông, đồng soi khắp của Long cung, lớp lớp dẫn chứng tợ thân văn nơi thứu lãnh, khuyên khắp mọi người ngủ mây đứng tuyết, ngồi tham tri thức, bèn khiến các bậc cứu lý tham huyền đều vào viên tông, tầm tòng lâm của Cổ Phật, như gần ánh mặt nhật, giẫm cửa cõi của Tổ sư, Đại giác sáng ngời, tức mắt thịt mà viên thông mắt Phật, nghi tình thông suốt, đang phàm tâm mà hiển hiện chân tâm, có thể gọi là hiện biết, chỉ pháp giới nơi lòng bàn tay, khiến đồng thân chứng, tham diệu chỉ trong cõi lòng.

Trong kinh Đại Bát-nhã nói: "Tất cả Như Lai đồng tại một xứ, tự tánh thanh tịnh, vô lậu giới gồm". Lại nói: "Ba đời chư Phật trú mười phương cõi, vì các hữu tình tuyên nói chánh pháp, không đâu chẳng đều lấy bản tánh mà làm mắt Phật, lìa bản tánh không không phương tiện riêng khác". Giải thích: Bản tánh không là, tức là tự tánh tâm thanh tịnh. Bản tánh tức tự tánh không, tức nghĩa thanh tịnh. Tâm đây thì phàm Thánh vốn có, xưa nay thường vậy. Chúng sinh chẳng biết, chư Phật nhân đây chỉ trao, hàm linh hiện đủ, Tổ sư lấy đây cùng truyền, nên nói lìa đây riêng không phương tiện khác.

Trong kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm có kệ tụng nói:

"Chỗ ngôn từ nói pháp
Trí nhỏ vọng phân biệt
Cho nên sinh chướng ngại
Chẳng rõ ở tự tâm
Chẳng năng rõ tự tâm
Làm sao biết chánh đạo
Kia do điên đảo tưởng
Tăng trưởng tất cả ác".

Trong kinh Đại Niết-bàn nói: "Tin ở đạo của hai đế một thừa, lại không có thú khác, đó là chúng sinh chóng được giải thoát". Lại nói: "Đạo tuy không sắc tượng có thể thấy, cân lường có thể biết, mà thật có dụng. Này thiện nam! Như tâm chúng sinh tuy chẳng phải sắc, chẳng phải dài chẳng phải ngắn, chẳng phải thô chẳng phải tế, chẳng phải buộc chẳng phải thoát, chẳng phải là pháp thấy mà cũng là có".

Trong kinh Đại Bảo Tích nói: "Tất cả pháp hư vọng như mộng, vì chỉ niệm vậy". Lại nói: "Tự làm cù lao, tự làm xứ về. Pháp là cù lao, pháp là xứ về, không riêng có cù lao, không riêng có xứ về". Giải thích: Trong luận Đại Thừa Khởi Tín nói: "Nói pháp đó, tức là tâm chúng sinh". Nên biết chỗ hướng là tâm, đâu có xứ về, trú tự cảnh giới không riêng có phương sở.

Trong kinh Pháp Hoa có kệ tụng nói:

"Lại là chẳng hành
Pháp thượng trung hạ
Hữu vi vô vi
Pháp thật chẳng thật
Cũng chẳng phân biệt
Là nam hay nữ
Chẳng được các pháp
Chẳng biết chẳng thấy
Thì gọi đó là
Hành cứ Bồ-tát
Tất cả các pháp
Không không chỗ có
Không có thường trú
Cũng không khởi diệt
Đó là bậc trí
Chỗ thường thân cận
Đảo điên phân biệt

Các pháp có không
Là thật chẳng thật
Là sinh chẳng sinh
Tại nơi nhàn xứ
Tu nhiếp tâm đó
An trú chẳng động
Như núi Tu-di
Quán tất cả pháp
Đều không chỗ có
Giống như hư không
Không có bền chắc
chẳng sinh chẳng xuất
Chẳng động chẳng thối
Thường trú một tướng
Gọi là cận xứ".

Giải thích: Nếu vào môn một tâm một tướng, còn là pháp của không thường trú, đâu có duyên của khởi diệt, tự nhiên chẳng động như núi, tâm an như biển, có thể gọi là hành xứ của Bồ-tát, chỗ ở của chư Phật vậy. Nên trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng nói:

"Pháp tánh như hư không
Chư Phật trú trong đó".

Trong kinh Đại Tập nói: "Thế nào là Bồ-tát tu tâm niệm xứ? Quán tâm tánh đó, chẳng thấy trong vào tâm, chẳng thấy ngoài vào tâm, chẳng thấy trong ngoài vào tâm, chẳng thấy tâm trong ấm chẳng thấy tâm trong giới. Đã chẳng thấy tâm rồi, phát khởi tư duy: "Tâm duyên như vậy là khác hay chẳng khác? Nếu tâm khác duyên, thì trong một lúc nên có hai tâm. Nếu tâm tức duyên, thì chẳng nên lại năng quán ở tự tâm, giống như đầu ngón tay chẳng năng tự xúc, tâm cũng như vậy". Quán như vậy rồi thấy tâm không trú, vô thường biến khác chỗ duyên ở diệt". Lại nói: "Chẳng thấy một pháp, tướng mạo một pháp ánh sáng một pháp, nếu thấy như vậy, đó gọi là chánh kiến của Phật pháp".

Trong kinh Viên Giác nói: "Một thời nọ, Đức Bà-già-bà vào nơi Thần thông đại quang minh tạng Tam-muội chánh thọ, tất cả Như Lai sáng nghiêm trú trì, là các chúng sinh thanh tịnh giác địa, thân tâm tịch diệt. Bình đẳng bản tế, viên mãn mười phương chẳng hai tùy thuận, ở cảnh chẳnghai, hiện các cõi tịnh". Lại nói: "Này thiện nam! Tất cả chúng sinh các thứ huyễn hóa, đều sinh Như Lai Viên giác diệu tâm, giống như hoa đốm giữa hư không từ hư không mà có. Hoa huyễn tuy

diệt mà hư không tánh chẳng hoại. Chúng sinh huyễn tâm trở lại nương huyễn diệt, các pháp huyễn diệt hết giác tâm chẳng động, nương huyễn nói giác cũng gọi là huyễn, nếu nói có giác là do chưa lìa huyễn, nói không giác là cũng như vậy, cho nên huyễn diệt, gọi là chẳng động. Này thiện nam! Tất cả Bồ-tát và chúng sinh ở đời sau, nên phải xa lìa tất cả huyễn hóa cảnh giới hư vọng. Do bền chắc gìn giữ tâm xa lìa vậy. Tâm như huyễn cũng lại xa lìa, xa lìa là huyễn cũng lại xa lìa, lìa xa lìa huyễn, cũng lại xa lìa, được không chỗ lìa tức trừ các huyễn. Thí như dùi lửa hai cây nhân nhau, lửa cháy cây hết, tro bay khói diệt, dùng huyễn tu huyễn cũng lại như vậy, các huyễn tuy hết, chẳng vào đoạn diệt. Này thiện nam! Biết huyễn tức lìa chẳng làm phương tiện, lìa huyễn tức giác, cũng không tiệm thứ. Tất cả Bồ-tát và chúng sinh trong đời sau nương đây tu hành, như vậy mới năng xa lìa các huyễn". Giải thích: Biết huyễn tức lìa chẳng làm phương tiện là, vì huyễn không tướng cố định, tự tánh thường lìa. Lìa tức không vậy, tức tất cả muôn pháp phàm Thánh dơ sạch đều đồng huyễn như không, nào lại dụng phương tiện mà cầu lìa? Lìa huyễn tức giác cũng không tiệm thứ là, ngay lúc của lìa toàn thành Đại gia, tức lìa tức giác một chiếu bình đẳng, đã không trước sau, đâu có tiệm thứ ư?

Trong kinh Mật Nghiêm có kệ tụng nói:

"Tất cả các thế gian
Thí như lúc nóng đốt
Vì các tướng chẳng thật
Không mà vọng phân biệt
Giác nhân chỗ giác sinh
Chỗ giác nương năng giác
Lìa một thì không hai
Thí như sáng và ảnh
Không tâm cũng không cảnh
Lượng và chỗ lượng sự
Chỉ nương ở một tâm
Như vậy mà phân biệt
Pháp năng biết sở biết
Nương tâm mà vọng chấp
Nếu rõ sở biết không
Thì năng biết chẳng có
Tâm là tự tánh pháp
Và chỗ khát của người

Vào ở trong tám địa
Mà kia được thanh tịnh
Chín địa hành thiền định
Mười địa mở giác lớn
Nước pháp rượi đảnh đó
Mà thành chỗ đời quý
Pháp thân không có tận
Cảnh giới của chư Phật
Rốt ráo như hư không,
Tâm thức cũng như vậy”.

Lại nói: “Bấy giờ Bồ-tát Kim Cang Tạng nói cùng đại chúng rằng: Này các nhân giả! Thức A-lại-da từ vô thủy lại, vì hý luận huân tập chỗ các nghiệp buộc luân hồi chẳng thôi, như biển nhân gió mà nổi sóng các thức, luôn sinh luôn diệt, chẳng đoạn chẳng thường, mà các chúng sinh chẳng tự hay biết, tùy ở tự thức hiện các cảnh giới. Nếu tự rõ biết như lửa đốt củi tức đều dứt diệt vào vị vô lậu, gọi là Thánh nhân”.

Trong kinh Lăng-già nói: “Đệ nhất nghĩa đế là, chỉ duy là tâm, các thứ tướng bên ngoài thảy đều không có, các hàng ngu phu chấp trước ác kiến khi dối tự tha, chẳng năng rõ thấy tất cả các pháp, như thật trú xứ. Đại Tuệ! Tất cả các pháp như thật là, nghĩa là năng rõ đạt chỉ chỗ tâm hiện”.

Trong kinh Thủ-lăng-nghiêm nói: “Phật bảo Văn- thù- Sư- lợi và cả đại chúng: Mười phương Như Lai và Đại Bồ-tát ở trong tự trú Tam-ma-địa đó, thấy và duyên thấy đều tướng chỗ tưởng, như hoa đốm hư không vốn không chỗ có. Thấy đây và duyên nguyên là Bồ-đề diệu tịnh minh thể, cớ sao ở trong có phải và chẳng phải phải? Văn Thù! Nay ta hỏi ông, như ông là văn-thù, lại có văn-thù là văn-thù hay không văn -thù? Như vậy, bạch Đức Thế Tôn, con thật là văn-thù, không phải văn -thù. Tại sao? Nếu có phải là, thì hai văn- thù, nhưng ngày nay con chẳng phải văn -thù. Ở trong thật không phải chẳng phải hai tướng. Phật dạy: Kiến diệu minh đây cùng các Không trần cũng là như vậy, vốn là Diệu minh vô thượng Bồ-đề tịnh viên chân tâm, vọng làm sắc không và cùng thấy nghe, như vầng trăng thứ hai. gì là phải trăng? gì là chẳng phải trăng? Văn-thù, chỉ một vầng trăng chân thật, khoảng giữa tự khôngcó phải trăng chẳng phải trăng. Do đó, ông nay quán thấy và trần, các thứ phát minh gọi là vọng tưởng, chẳng năng ở trong ra phải vì chẳng phải phải do là tinh chân Diệu giác minh tánh vậy, năng khiến ông đưa ra ngón tay chẳng phải ngón tay”.

Trong kinh Tứ Thập Nhị Chương nói: "Xuất gia làm Sa-môn, đoạn dục dứt ái, thấu rõ nguồn tự tâm, đạt lý gốc của Phật, ngộ pháp vô vi, trong không chỗ được, ngoài không chỗ cầu, tâm chẳng hệ thuộc đạo, cũng chẳng kết buộc nghiệp. Vô niệm vô tác, chẳng phải tu chẳng phải chứng, chẳng trải qua các quả vị mà tự sùng cao. Đó gọi là đạo". Lại nói: "Phật dạy quán trời đất niệm chẳng phải thường, quán thế giới niệm chẳng phải thường, thấy Linh giác Bồ-đề, tâm nhận biết như vậy, được đạo nhanh chóng vậy".

Trong kinh Kim Cang Tam-muội nói: "Phật dạy: Tâm của chúng sinh như vậy, thật không cảnh riêng biệt. Tại sao? Tâm vốn tịnh vậy. Lý không dơ uế vậy, vì nhiễm trần, gọi là ba cõi, tâm của ba cõi gọi là cảnh riêng biệt. Cảnh đó hư vọng từ tâm hóa sinh. Tâm nếu không vọng tức không cảnh riêng biệt. Bồ-tát Đại Lực nói: Tâm nếu tại tịnh, các cảnh chẳng sinh, tâm đây lúc tịnh, đáng không ba cõi. Phật dạy: Đúng vậy! Bồ-tát tâm chẳng sinh cảnh, cảnh chẳng sinh tâm. Tại sao? Chỗ thấy các cảnh chỉ là chỗ thấy tâm. Tâm chẳng huyễn hóa thì không chỗ thấy.

Trong kinh Đại Phương quảng Nhập Như Lai Trí Đức Bất Tư Nghì nói: "Thảy đều liễu đạt các pháp thật tướng tự tánh bình đẳng giống như hư không". Lại nói: "Ở trong một pháp rõ tất cả pháp, trí không phân biệt thường hiện tại trước". Giải thích: Một pháp, tức là tự tâm, tâm đây là tánh của các pháp bình đẳng, ở trong tự tánh rõ tất cả pháp, có gì phân biệt?

Trong kinh Bất Tăng Bất Giảm nói: "Nghĩa thậm thâm, tức Đệ nhất nghĩa đế, Đệ nhất nghĩa đế, tức chúng sinh giới. Chúng sinh giới là, tức Như Lai Tạng. Như Lai Tạng là, tức pháp thân". Giải thích: Phàm, tâm là môn của các pháp Tổng trì(nắm giữ chung), là tánh của vạn hữu chân thật, nên xưng là Đệ nhất nghĩa đế, tạp tập tâm niệm nên gọi là chúng sinh, là giới của tâm tức chúng sinh giới. Từ tánh chân như khởi, gọi là Như Lai, không chỗ khuyết giảm, mới đặt là tạng. Năng tích tụ Hằng sa công đức nên gọi là pháp thân. Cho nên trong kinh Nhân Vương nói: "Một niệm đầu tiên đầy đủ tám muôn bốn ngàn Ba-la-mật".

Trong kinh Tập Phước Đức Tam-muội nói: "Như lưu ly đồ vật báu tùy chỗ đang ở chẳng mất tự tánh. Như vậy, nếu có Bồ-tát trú Tam-muội đó, tuy là tại gia đang nói, người đó gọi là xuất gia, năng chẳng mất thể tánh pháp giới đó". Giải thích: Là vì ngộ tâm mới năng đắc đạo, thấy tánh đó gọi là xuất gia. Nếu thấy tánh thì tại gia là xuất gia, nếu chẳng thấy tánh thì xuất gia là tại gia. Nên A-nan trước lúc chưa thấy

tánh, tự sám hối là "con thân tuy xuất gia mà tâm chẳng vào đạo".

Trong kinh Phật Địa nói: "Phải biết pháp giới thanh tịnh là, thí như hư không, tuy khắp các sắc trong tất cả tướng, mà chẳng thể nói có các thứ tướng, thể chỉ một vị. Như vậy, Như Lai pháp giới thanh tịnh, tuy là khắp đến các thứ tướng loại chỗ biết cảnh giới mà chẳng thể nói có các thứ tướng, thể chỉ một vị". Giải thích: Pháp giới thanh tịnh là, tức pháp giới của một tâm không tạp, vì pháp làm giới, đâu có biên bờ, thì trong tất cả sắc đều có tánh hư không, huống gì trong tất cả pháp đều có tánh an lạc. Vì ẩn che tánh đây nên tùy chỗ biết cảnh, ứng tình lượng đó mà hiện các thứ cảnh giới. Nếu do hư không sáng tức có hư không hiện, nếu do sắc sáng tức có sắc hiện, phỉ tùy xứ phát sáng tức tùy xứ hiện, chỗ hiện các thứ đều là vọng tâm sinh, tướng chẳng thể được, chỉ một vị chân tâm lặng yên chẳng động.

Trong kinh Bất Không Quyên Sách nói: "Trì chân ngôn là, đem tâm đặt tâm quán tự tâm, ở tất cả chư Phật Như Lai rộng lớn sinh ra thù thắng tôn diệu".

Trong kinh Bồ-tát Địa nói: "Mê Thánh đạo là chẳng biết lý đạo từ tự tâm sinh, chỉ thường khổ thân vì cầu giải thoát, như chó đuổi theo khối đất chẳng biết tìm gốc". Do đó trong luận Đại Trang Nghiêm giải thích: Thí như sư tử lúc bị đánh bắn mà sư tử kia tìm đuổi lại người, thí như chó si bị người đánh ném, bèn đuổi theo sỏi đá, chẳng biết tìm gốc. Nói sư tử là dụ cho người trí tuệ hiểu cầu gốc đó mà diệt phiền não. Như chó si là, tức ngoại đạo dùng năm thứ lửa hơ thân, chẳng biết gốc tâm.

Trong kinh Pháp Tập nói: "Năng biết tất cả chỉ là một tâm, gọi là tâm tự tại, ở trong lòng bàn tay đó ra các thứ trân báu, cũng như hư không mà làm kho lẫm, gọi là vật tự tại. Tất cả thân miệng ý nghiệp, lấy trí làm gốc, gọi là trí tự tại". Lại nói: "Bồ-tát Quán Thế Âm thưa: Bạch Đức Thế Tôn! Bồ-tát thọ trì một pháp, tất cả pháp chư Phật tự nhiên như tại trong lòng bàn tay. Tại sao? Chỗ một pháp đó gọi là đại bi". Giải thích: Đây là đồng thể đại bi. Bi đây tánh khắp tất cả chúng sinh giới vậy, năng một cơn mưa đượm thấp khắp tất cả lan, ngãi đều tươi tốt, một niệm đều thâu, tà chánh đều tế độ.

Trong kinh Đại Quán Đảnh nói: "Tỳ-kheo thiền tư (thiền quán và tư duy) không tưởng niệm khác, chỉ giữ một pháp, sau đó thấy chân". Giải thích: Một pháp là tông, các trần không nương nhờ, tha duyên tự tuyệt, diệu tánh hiển hiện. Chí đang về một mà trí nào chẳng sáng, tìm dòng được nguồn mà nghi nào chẳng tan, yếu chỉ toát yếu, đây chẳng gì lớn hơn vậy.

Trong kinh Bảo Vân nói: "Tất cả các pháp, tâm là thượng thủ. Nếu biết ở tâm thì năng biết được tất cả các pháp".

Trong kinh Ban- chu Tam-muội có kệ tụng nói:

"Chư Phật từ tâm được giải thoát
Tâm là không dơ gọi thanh tịnh
Năm đường bạch đẹp chẳng thọ nhiễm
Có hiểu được đây thành đạo lớn".

Giải thích: Năm đường do tâm, tâm thể thường tịnh, tuy khắp cùng năm đường, chẳng thọ sắc kia, thì chìm trong năm thú mà chẳng đọa, ở một tướng mà chẳng thăng, mở pháp giới mà chẳng khắp, vào vi trần mà chẳng phải thiếu. Vì chân như một tâm, bản tánh thanh tịnh, không tăng không giảm vậy. Vì một pháp đây năng thâu tất cả, tợ nước của một giọt lạm thương cùng nước bốn biển tánh đượm không sai. Như hư không của trong hạt cải, đồng mười phương hư không bao dung chẳng phải riêng khác. Nên nói trời phải một để trong đất phải được một để sáng, muôn vật phải một để sống, nay được một mà Đạo thành. Lại nói: Thánh nhân nắm một làm thức thiên hạ, tức Tông Kính đây làm pháp thức của Thiền môn vậy.

Trong kinh Đại Phương Đẳng Đà-la-ni nói: "Xá-lợi-phất hỏi văn - thù rằng: "Thọ ký (nhận sự dự ghi) phải ở đâu cầu? Văn-thù Sư-lợi đáp: Phải cầu ở trong tánh như như". Giải thích: Tánh như như tức là tánh chân tâm của tất cả chúng sinh.

Trong kinh Tư Ích nói: Chúng sinh như tức là lậu tận giải thoát như, vì tất cả pháp đều vào nơi như không có thể tánh, tức là chư Phật giải thoát, cầu ở trong tâm hành chúng sinh".

Trong kinh Nhân Quả có kệ tụng nói:

"Tất cả tạo thiện ác
Đều từ tâm tưởng sinh
Cho nên chân xuất gia
Đều lấy tâm làm gốc".

Trong kinh Đại Pháp Cự Đà-la-ni nói: "Phật bảo: Tỳ-xá-khư! Sắc tướng như vậy chẳng thể mắt thấy, phải biết kia là cảnh giới tâm thức, chỉ chỗ ý biết, cho nên không thể dùng mắt thấy. Tỳ-xá-khư! Tất cả chúng sinh chỗ có tâm ý chẳng thể nói phô, chỉ trí Phật biết".

Trong kinh Tượng Pháp Quyết Nghi nói: "Ngày nay ngồi trong vô lượng số chúng, mỗi mỗi thấy chẳng đồng. Hoặc thấy Như Lai vào Niết-bàn, hoặc thấy Như Lai trú đời một kiếp, hoặc giảm một kiếp, hoặc vô lượng kiếp, hoặc thấy Như Lai thân cao trượng sáu, hoặc thấy thân

nhỏ hoặc thấy thân lớn, hoặc thấy báo thân biển thế giới Liên hoa tạng, làm trăm ngàn ức Phật Thích-ca Mâu-ni, nói pháp môn tâm địa. Hoặc thấy pháp thân đồng như hư không không có phân biệt. Không tướng vô ngại. Khắp đồng pháp giới, hoặc thấy xứ đây núi rừng cây đất cát đá, hoặc thấy bảy báu, hoặc thấy xứ đây là xứ của ba đời chư Phật sở hành, hoặc thấy xứ đây tức là pháp cảnh giới chân thật của chư Phật chẳng thể nghĩ bàn". Giải thích: Phải biết, Phật không định hình, tùy thức mà tự phân thô diệu, cảnh không khác tướng, nhân tâm mà không thấy ngắn dài, có thể gọi là pháp môn hiện chứng, lý quy về Tông Kính.

Trong kinh Như Lai hưng hiển có kệ tụng nói:

"Chỗ hành tánh chư Phật
Tất cả các chúng sinh
Đều tại trong tâm tánh
Tướng ngang tướng đồng tướng".

Trong kinh Hiện Bảo Tạng nói: "Bồ-tát hỏi Văn-thù Sư- lợi: Bởi nhân duyên gì mà tất cả các pháp đều là Phật pháp? Văn-thù đáp: Như chỗ trí Phật giác. Lại hỏi: Như chỗ trí Phật nào giác? Cho đến, đáp: Giải hiểu tự tâm như vậy".

Trong kinh Tu Hành Tư Phần nói: Tất cả các pháp thể tướng vi tế, thảy đều không tịch. Người phàm phu vì tự phân biệt sinh các cảnh giới. Trong tự phân biệt lại tự trói buộc, cho đến chưa rõ tự tánh của tâm, phân chia vậy chấp thuận thời, như tại trong mộng vọng đắm các cảnh. Lại nên quán sát tất cả ba cõi, thảy đều là không không chẳng ngại không".

Trong kinh Nhập Lăng-già có kệ tụng nói:

"Khi ấy thần lực Phật
Lại hóa làm núi thành
Cao lớn trăm ngàn tướng
Nghiêm sức đối với Tu-di.
Vô lượng ức vườn hoa
Đều là các rừng báu
Hương khí rộng lan tỏa
Thơm ngát chưa từng nghe
Trong mỗi mỗi núi báu
Đều hiện bày thân Phật
Cũng có La-bà-na
Dạ-xoa các chúng trú
Mười phương cõi nước Phật

Và ở thân chư Phật
Phật tử Dạ-xoa vương
Đều nhóm lại núi kia
Mà thành Lăng-già đây
Chỗ có các chúng thảy,
Thảy đều thấy tự thân
Nào trong hóa Lăng-già
Thần lực Như Lai làm
Cũng đồng Lăng-già kia
Các núi và vườn rừng
Báu trang nghiêm cũng vậy
Phật trong mỗi mỗi núi
Đều có Đại Tuệ hỏi
Như Lai đều vì nói
Chỗ chứng pháp trong thân
Ra trăm ngàn diệu thanh
Nói kinh pháp đây rồi
Phật và các Phật tử
Tất cả ẩn chẳng hiện.

La-bà-na, Dạ-xoa, bỗng nhiên thấy tự thân, tại cung điện của mình, lại chẳng thấy vật khác, mà phát khởi tư duy: Thấy vừa rồi ai làm, nói pháp đó là ai, là ai mà nghe pháp. Chỗ ta thấy pháp gì mà có các sự đây, cõi nước các Phật không, và thân các Như Lai, như các việc diệu đây, nay đều đi xứ nào, hay là chỗ mộng nhớ, hay là chỗ huyễn làm, hay là thật thành ấp, là thành Càn-thát-bà, hay là mờ vọng thấy, hay là Dương diệm khởi, là mộng thạch nữ sinh, là ta thấy vòng lửa, là thấy khói vòng lửa, chỗ ta thấy thế nào. Lại tự tư duy sâu, các pháp thể như vậy, chỉ cảnh giới tự tâm, trong tâm năng chứng biết, mà các phàm phu thảy, chỗ vô minh chướng lấp, tâm hư vọng phân biệt, mà chẳng năng hay biết, năng thấy và sở thấy, tất cả chẳng thể được, năng nói và sở nói, như vậy thảy cũng không. Phật pháp thể chân thật, chẳng có cũng chẳng không, pháp tướng luôn như vậy, chỉ tự tâm phân biệt, như thấy vật là thật, người kia chẳng thấy Phật, chẳng trú tâm phân biệt, cũng chẳng năng thấy Phật, chẳng thấy có các hành, như vậy gọi là Phật, nếu năng thấy như vậy, người ấy thấy Như Lai. Bậc trí quán như vậy, tất cả các cảnh giới, chuyển thân được diệu thân, tức là Phật Bồ-tát".

Trong kinh Hư Không Bồ-tát có kệ tụng nói:

"Tất cả các pháp tướng

Chân thật không thể biết
Nếu người trú các ấm
Sáu căn đều che bít".

Giải thích: Phải biết các pháp đều chân, không thấy không biết, vừa mới có biết thấy tức lạc vào thức ấm, thì một tâm chẳng thông, sáu căn tối bít, trọn chẳng năng thấy thấy của không thấy, biết biết của không biết. Nếu có thấy của thấy thì chẳng thấy tất cả, nếu không biết của biết thì không chỗ chẳng biết. Do đó, trong kinh Hiền Hộ nói: "Nếu lúc Bồ-tát quán tứ niệm xứ, không pháp có thể thấy, không tiếng có thể nghe, không nghe thấy thì không có pháp có thể phân biệt, cũng không có pháp có thể tư duy được, mà cũng chẳng phải mù điếc, chỉ là các pháp không thể thấy vậy, vì chỉ một chân tâm, ngoài thấy không pháp".

Trong kinh Bảo Tích nói: "Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Phạm Chí Diệu Âm rằng: "Nay ông cớ sao mắt chẳng tạm bỏ, cho đến không tướng quán nói ta ư? Này thiện nam! Có một pháp nào gọi là Phật ư? Có một vật nào gọi là danh ư? Giải thích: Phải biết danh thể đều không, diệu chỉ có đó. Vì vậy, tuyệt quán mới thấy Như Lai. Quán của có không đều là hư vọng. Chẳng vào Tông Kính, đâu biện rõ chân Phật ư?

Trong kinh Thập Trú Đoạn Kết nói: "Tất cả các pháp thường tự tồn tại, chúng sinh chẳng đạt mà dấy phát trang nghiêm, pháp pháp tự sinh pháp pháp tự diệt, pháp pháp chẳng sinh, pháp pháp chẳng diệt, tánh chẳng chuyển dời, đó là đạo của Bồ-tát Đại sĩ, chẳng phải chỗ phàm tục kịp vậy". Giải thích: Tất cả các pháp thường tự tồn tại là, chân tâm chẳng biến đổi, tánh tướng luôn như, chúng sinh chẳng đạt mà dấy phát trang nghiêm là, vì ngoại đạo chấp đoạn kiến, Tiểu thừa vô thường, Bồ-tát vì đối trị phàm tiểu, nên chẳng tận hữu vi, thường tu phước nghiệp. Chẳng trú vô vi vào sâu vực trí, trang nghiêm rộng lớn bủa mây muôn hạnh, niệm niệm viên mãn mười Ba-la-mật, nhổ bỏ cây cong ngoại đạo đoạn thường, ra khỏi rừng rậm tà kiến, cứu vớt thân lùn bé của tiểu quả thiên chân lên đáy hầm của giải thoát. Do đó trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Địa Viễn Hành thứ bảy, đang tu mười thứ phương tiện từ đạo thù thắng. Chỗ gọi là tuy khéo tu không không tướng không nguyện Tam-muội, mà từ bi chẳng bỏ chúng sinh, tuy được pháp bình đẳng của chư Phật mà vui ưa thường cúng dường Phật. Tuy vào môn quán không trí mà riêng tu tập phước đức, tuy xa lìa ba cõi, mà trang nghiêm ba cõi, tuy rốt ráo tịch diệt các đuốc phiền não mà năng vì chúng sinh khởi diệt lửa phiền não tham sân si, tuy biết các pháp như

huyễn như mộng như ảnh như vang như ánh lửa như hóa như trăng trong nước, như tượng trong gương, tự tánh không hai mà tùy tâm tạo nghiệp vô lượng sai biệt. Tuy biết tất cả cõi nước giống như hư không mà năng dùng diệu hạnh thanh tịnh trang nghiêm cõi Phật, tuy biết thối thất chư Phật bản tánh không thân, mà dùng tướng tốt trang nghiêm thân đó, tuy biết âm thanh chư Phật, tánh không tịch diệt chẳng thể nói thô, mà năng tùy tất cả chúng sinh phát ra các thứ âm thanh thanh tịnh sai biệt. Tuy tùy chư Phật rõ biết ba đời chỉ là một niệm, mà tuy chúng sinh ý giải phân biệt, dùng các thứ tướng các thứ thời các thứ kiếp số mà tu hành". Giải thích: Trong kinh nói tuy khéo tu không không tướng không nguyện Tam-muội là, đối trị phàm phu đắm trước có, theo thấy của vui ưa. Mà từ bi chẳng bỏ chúng sinh là đối trị hàng Nhị thừa đắm không, sợ thấy của khổ. Các câu sau đều đồng nghĩa như đây giải thích. Nên nói: Thanh văn sợ khổ, Duyên giác không bi, đều mất hạnh hai lợi (tự tha) của Bồ-tát.

Trong kinh Tu Chân Thiên Tử nói: "Tu Chân Thiên tử hỏi văn-thù Sư-lợi: "Bồ-tát chẳng từ ba môn thoát mà tu đạo ư? Văn-thù Sư-lợi đáp: Này Thiên tử! Chẳng thể từ không mà thành đạo, cũng chẳng thể từ không tướng mà thành đạo, cũng chẳng thể ở không nguyện mà thành đạo. Tại sao? Như vậy? Ở trong đó không tâm ý thức, niệm cũng không động vậy. Có tâm ý thức niệm niệm động là mới thành đạo đó vậy". Giải thích: Nếu thủ ba môn giải thoát làm chứng là, tức chìm đắm biển thật tế, trái với nguồn linh giác, bỏ tánh theo không, sao thành tựu đại đạo? Nếu rõ ngay thần hiểu tự tánh, niệm niệm Bồ-đề quả mãn, chẳng đọa lạc tà không của đoạn kiến, đâu giẫm vào thật có của thường kiến, ngay đó khởi ý đại dụng hiện tiền, không được không nương chẳng phải lấy chẳng phải bỏ. Từ chân khởi hành, thể dụng cùng thâu, vì hành khế chân cuộn buông một khoảng. Có thể gọi là tâm tâm hợp đạo, niệm niệm ngầm chân vậy. Nên trong Hoàn Nguyên Quán nói: "Dụng thì sóng vọt biển trào, toàn thân thể để vận hành. Thể thì gương sạch nước lắng, khắp tùy duyên mà hội tịch. Đó thì chẳng lìa dụng của thể. Dụng là sóng vọt, chẳng lìa thể của dụng, thể thì trong lặng, thể tuy trong lặng mà thường tại muôn duyên. Dụng tuy sóng vọt mà luôn ngầm một khoảng.

Trong kinh Đại Phương Quảng Sư Tử Hống nói: "Phật bảo Bồ-tát Điện Man rằng: Này thiện nam! Pháp chỉ một chứ, chỗ gọi là không chữ, vốn không nói phô, chỗ nào nói phô? Này thiện nam! Phải biết không nói là chân nói. Khi ấy Bồ-tát Tịnh Thân nương oai thần của Phật

mà thưa: Bạch Đức Thế Tôn! Nếu không chỗ nói đó là chân nói là câm nín chẳng nói đều nên là nói pháp. Phật dạy: Đúng vậy! Đúng vậy, này thiện nam! Như điều ông nói chẳng phải chỉ câm nín là nói pháp, chẳng câm nín cũng đều nói pháp, mà chẳng biết pháp. Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là tất cả chúng sinh nói pháp mà chẳng biết pháp? Này thiện nam! Như người vừa mới sinh đã mù, ở trong ánh sáng mặt nhật mà chẳng thấy mặt nhật, người bên cạnh vì nói, do âm thanh đó nên mới biết có mặt nhật. Nói pháp như vậy đều vào pháp giới. Pháp giới không chữ, lìa tánh các chữ, chẳng phải các chúng sinh mà năng tuyên biện".

Giải thích: Xét biết người chưa đạt tông, nương thông thấy hiểu, tùy người khác nói chuyển vọng có chỗ nói, như người mù kia chẳng thấy ánh sáng mặt nhật, nghe tiếng người bên cạnh nói, đâu cùng thể mặt nhật, nếu mắt mở thân thấy, tức biết vốn không danh tự nói khô, nên biết có nói là tổn thương yếu chỉ, chẳng thấu đạt pháp giới. Do đó, trong kinh nói: Các pháp như vậy đều vào pháp giới. Pháp giới không chữ, lìa tánh các chữ, nếu năng thấu đạt một chữ Duy tâm pháp giới, tự nhiên tuyệt đường ngôn ngữ. Pháp nhĩ hiểu biết tình mất. Đâu là không biện rõ, trí chẳng năng cùng ư? Như trong Triệu Luận nói: "Thích-ca đóng thất ở Ma-kiệt, Tịnh Danh ngậm miệng ở Tỳ-da, Tu-bồ-đề xướng không nói để hiển bày đạo, Thích Phạm tuyệt nghe mà mưa hoa". Đó thì lý làm thần ngự, miệng vì đó nín, đâu gọi là không biện, biện chỗ chẳng năng nói vậy.

Trong kinh Phổ Siêu Tam-muội, phẩm Quyết Hồ Nghi nói: "Khi ấy, vua A-xà-thế thưa: Cúi mong Nhu Thủ giải thích điều tôi hồ nghi! Nhu Thủ đáp: Chỗ Đại vương nghi ngờ là chỗ chư Phật đông nhiều như số cát sông Hằng cũng chẳng năng giải quyết. Khi đó, vua tự xét không cứu hộ được, bèn từ giường mà rơi xuống, như đốn chặt cây lớn gãy ngã nơi đất. Đại Ca-diếp bảo: Đại vương tự nên an, chớ lo sợ, chớ lấy làm sợ. Tại sao như vậy? Nhu Thủ là người Đồng chân mặc áo giáp Đại trí, thiện quyền phương tiện mà nói lời đó, có thể thư thả mà hỏi. Khi đó, vua liền đứng dậy hỏi Nhu Thủ rằng: Vừa rồi nói chư Phật đông nhiều như số cát sông Hằng chẳng năng vì tôi mà giải quyết hồ nghi ư? Nhu Thủ bảo: Ý vua nghĩ thế nào? Giả như có người mà tự nói là ta dùng bụi trần mờ mịt tro khói mây mốc làm ô nhiễm hư không, sao có thể làm chăng ư? Vua đáp: Chẳng năng ô nhiễm. Nhu Thủ lại hỏi: Giả sử khiến Đại vương lấy hư không đây tẩy đó khiến sạch, có thể làm chăng? Đáp: Chẳng năng sạch. Nhu Thủ bảo: Vì vậy, vừa rồi là nói phô chư Phật Như Lai số nhiều như cát sông Hằng v.v... chỗ chẳng năng giải quyết vậy".

Giải thích: Tất cả chúng sinh chẳng rõ tự tánh tâm thanh tịnh nên vọng sinh dơ sạch mê ngộ tự chìm mất, bèn ở trong không nghi,mà khởi nghi, ở trong không quyết định mà cầu quyết. Nếu năng thật rõ, chợt nhiên ý tiêu, tức thấy tất cả các pháp nhiễm tịnh đều đồng tánh hư không. Đã đạt tánh hư không chẳng thể nhiễm tịnh mới ngộ bản tâm chưa từng mê ngộ. Giả sử có nói lý của không sinh không được, đều là một kỳ hạng tùy nghi phương tiện. Nếu vào Tông Kính, diệu chỉ rõ ràng, còn không nghi và không nghi, sao ôm trong lòng quyết và chẳng quyết ư?

Trong kinh Nguyệt Đăng Tam-muội có kệ tụng nói:

“Thí như có đồng nữ
Đêm ngủ mộng sinh con
Sinh mừng chết buồn thương
Các pháp cũng như vậy
Như người uống rượu say
Thấy đất đều xoay chuyển
Kỳ thật chưa từng động
Các pháp cũng như vậy
Như trăng hư không sạch
Ảnh hiện ở ao trong
Chẳng hình trăng vào nước
Các pháp cũng như vậy
Như người tự đẹp mừng
Nắm gương mà soi mặt
Gương tượng chẳng thể được
Các pháp cũng như vậy
Như người nơi hang núi
Ca khóc nói cười vang
Nghe tiếng chẳng thể được
Các pháp cũng như vậy”.

Giải thích: Cuồng say thấy nghe, sự nào chân thật, cảnh giới mê mộng buồn mừng đều dối. Hình của trong gương nhân chỗ nào khởi? Vang của trong hang khởi từ đâu lại. Do đó, trong kinh Nhập Lăng-già nói: “Phật bảo vua Lăng-già: Thí như có người ở trong gương nước tự thấy ảnh tượng họ, ở trong đèn trăng tự thấy ảnh họ, ở trong hang núi tự nghe âm vang họ, bèn sinh phân biệt mà khởi thủ trước. Đây cũng như vậy, pháp và chẳng phải pháp chỉ là phân biệt. Do phân biệt nên chẳng năng lìa bỏ, chỉ là thường trú tất cả hư vọng, chẳng được tịch diệt. Tịch diệt là chỗ gọi là một tâm, một tâm là tối thắng Tam-muội, từ đây năng

sinh tự chứng Thánh trí. Lấy Như Lai tạng mà làm cảnh giới.

Trong kinh Pháp Vương nói: "Ở trong các pháp, nếu nói cao thấp tức gọi là nói tà, miệng đó sẽ vở, lưỡi đó sẽ rách. Tại sao? Tất cả chúng sinh tâm dơ đồng một dơ, tâm sạch đồng một sạch, chúng sinh nếu bệnh đồng một bệnh, chúng sinh cần thuốc nên phải một thuốc, nếu nói nhiều pháp, tức gọi là điên đảo, tại sao? Vì vọng phân biệt chia chẻ pháp thiện ác phá tất cả pháp vậy, tùy cơ nói pháp, đoạn Phật đạo vậy". Giải thích: Đồng một bệnh phải một thuốc là, vì một tâm làm bệnh, trở lại lấy một tâm làm thuốc, vì tâm sinh thì pháp sinh, tâm diệt thì pháp diệt vậy. Nếu nói nhiều pháp tức gọi là điên đảo là, nếu chắc thật tự tâm còn chẳng được một, huống gì nói nhiều, vì thấy pháp ngoài tâm tức thành điên đảo, như tâm cuồng thấy quỷ, mắt bệnh sinh hoa, trong không chấp có, đâu thành chân chánh. Tùy có nói pháp, đoạn Phật đạo vậy là, chấp có cơ trước sớm trái đại chỉ bèn nói nhiều pháp thật hoại chánh tông. Như trong kinh Pháp Hoa nói: "Nếu có người rất mến thích pháp cũng chẳng vì nói nhiều". Vì tâm pháp sâu mầu, chẳng phải nhiều chẳng phải ít. Đã chẳng thể nói nhiều, cũng chẳng được nói ít, vì chẳng phải nhiều nên chẳng tăng, vì chẳng ít nên chẳng giảm. Vì chẳng tăng nên chẳng sinh, vì chẳng giảm nên chẳng diệt. Nên trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng nói:

"Tất cả pháp chẳng sinh
Tất cả pháp chẳng diệt
Nếu năng hiểu như vậy
Chư Phật thường hiện tiền".

Lại, Bồ-tát Dược Vương nói: "Ta bỏ hai tay hẳn được thân của Phật sắc vàng". Hai tay tức hai pháp đoạn thường, nếu xả bỏ kiến sinh diệt đoạn thường, thì tâm Phật hiện tiền chóng thành Phật thể, nên nói hẳn được thân của Phật sắc vàng.

Trong kinh Vô Nhai Tế Tổng Trì nói: "Khoảnh khắc của một niệm năng biết ba đời tất cả các pháp thảy đều bình đẳng, không gì chẳng thông đạt. Người đó trọn không hành khác cũng không niệm khác." Giải thích: Kinh Vô Nhai Tế Tổng Trì là, dùng tên nêu tông, nghĩa là chân tâm không ngằn mé, nắm giữ chung muôn pháp, gồm về một thể, nên nói là bình đẳng, người thông đạt như vậy trọn không hành khác vì biết ngoài tâm không pháp có thể làm sai biệt vậy. Cũng không niệm khác là, trong tâm không pháp có thể khởi tư duy. Do đó, trong kinh Hoa Nghiêm, phẩm Thập Hồi Hướng nói: "Lúc vị Đại Bồ-tát hồi hướng như vậy, mắt trọn chẳng thấy cõi Phật chẳng sạch, cũng chẳng thấy tướng

chúng sinh khác, vì tâm cảnh một như vậy".

Trong kinh Bất Thối Chuyển Pháp Luân nói: "Khéo biết tất cả chúng sinh không tướng đều đồng pháp giới, chẳng phải thấy chẳng phải chẳng thấy. Tại sao? Pháp giới tức là tâm giới của tất cả chúng sinh, đó gọi là tin hành".

Trong kinh Trì Thế nói: "Ba cõi chỉ đều là thức là tâm ý thức, cũng không hình không phương, chẳng tại bên trong pháp, chẳng tại bên ngoài pháp, phàm phu là chỗ hư vọng tương ưng trói buộc, ở trong thức ấm tham trước ở ngã hoặc ngã sở."

Trong kinh Anh Lạc nói: "Phật dạy: Nay ta có mười bốn ức đại chúng, dùng miệng Kim cang nói nghĩa quyết định. Phật tử! Xưa trước nói pháp hội ta có một ức tám ngàn Đại sĩ vô cấu, tức ở pháp hội đạt một nguồn tánh, chóng giác không hai, tất cả các pháp đều một tướng hợp, từ pháp hội ra mỗi mỗi đến khắp mười phương giảng nói Anh Lạc đây". Lại nói: "Hành từ tâm được, tâm tịnh đạo thành".

Trong kinh Tư Ích nói: "Thánh nhân không chỗ đoạn, phàm phu không chỗ sinh, là hai chẳng ra tướng của pháp tánh bình đẳng". Giải thích: Vì phàm phu mê chấp ngoài tâm có pháp vọng thấy pháp sinh, nếu Thánh nhân thấy rõ ngoài tâm không pháp, không pháp có thể sinh, rõ phàm không sinh tức Thánh không đoạn thì là vào pháp môn một tâm chẳng hai, nên nói chẳng ra ngoài tướng của pháp tánh bình đẳng. Vì không có một pháp nào vượt ngoài pháp tánh vậy. Như trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng nói:

"Pháp tánh ở khắp tất cả xứ
Tất cả chúng sinh và cõi nước
Ba đời đều ở không có thừa
Cũng không hình tướng mà đáng được".

Trong kinh Thắng Tích Bồ-tát Sở Giải Chư Pháp nói: "Pháp chỉ một chữ, chỗ gọi là không chữ, vốn không nói phô, phải biết không nói đó là chân nói". Giải thích: Tâm là vua trong một chữ nhiếp hết biển giáo của vô biên, tâm là mẹ trí của chư Phật, diễn ra chân phân tích của vô tận, nếu năng phát minh quyết định tin vào, thì Như Lai thường chẳng nói pháp, đó gọi là đầy đủ nghe nhiều, cũng là nghĩa thú của nghe ít hiểu nhiều, tức yếu chỉ đây vậy. Nên trong Niết-bàn sớ nói: "Nghĩa của Niết-bàn mênh mông vô tận, muốn giơ một lên mà muốn che khắp ,tiếp mỗi chỉ vị mặn mà nói biển", tức một tâm vậy.

Trong kinh Pháp cú có kệ tụng nói:

"Sum-la và muôn tượng

Chỗ ấn của một pháp
Thế nào trong một pháp
Mà thấy có các thứ”.

Lại nói: “Tuy tụng ngàn chương câu nghĩa chẳng chánh, chẳng như một cốt yếu nghe có thể diệt ý”. Giải thích: Tuy tụng ngàn chương là chỉ theo âm thanh chẳng biết chánh nghĩa, chẳng như một cốt yếu là, nếu rõ một tâm là cốt yếu của muôn pháp, đạt tông thì dứt ý, ý dứt thì cảnh không, vì muôn pháp thường hư tùy ý sinh hình vậy.

Trong kinh Bất Tư Nghì Quang Bồ-tát có kệ tụng nói:

“Tất cả chẳng như pháp
Đồng trú ở trong như
Hiểu rõ biết đó rồi
Không lỗi không công đức”.

Giải thích: Tất cả chẳng như pháp là, tức là ngoài tâm biến kế vọng chấp pháp của không thể. Nếu rõ vọng không thật, thì tất cả các pháp đồng trú trong một tâm như. Rõ biết như vậy thì rõ ngoài không pháp có thể đối đãi, nhiễm tịnh đều không vậy. Lại thêm, trong kinh Tư Ích nói: “Chỗ Bồ-tát giáo hóa chúng sinh không có công đức vì không chổ đối vậy”. Nhân có lỗi hoạn mới hiển bày công đức, vì chân tâm khắp tất cả xứ vậy. Lại không một pháp có thể làm lỗi hoạn cũng không năng trị công đức. Cả hai đều chẳng lập, nên nói là không lỗi không công đức.

Trong kinh Chư Pháp Vô Hành nói: “Thiên tử Thiện Trú hỏi văn Thù -Sư lợi rằng: “Nếu có người lại cầu xuất gia, phải đáp thế nào? văn -thù Sư -lợi bảo: Nếu chẳng phát tâm xuất gia, phải dạy ông chân pháp xuất gia. Tại sao? Nếu cầu xuất gia là cầu báo ba cõi và cả năm dục ở vị lai v.v... kia chẳng thấy tâm nên chẳng chứng pháp tâm vô vi nên chẳng phát tâm”. Giải thích: Nếu chứng tự tâm tức vào lý của vô vi, nếu là lý của vô vi, thì không tâm có thể phát, đó là chân phát tâm là chân xuất gia.

Trong kinh Pháp Hoa Tam-muội Quán nói: “Chỗ gọi là mười phương ba đời chúng sinh, hoặc lớn hoặc nhỏ cho đến một xưng Nam mô Phật là đều sẽ làm Phật, chỉ một Đại thừa không hai không ba, tất cả các pháp một tướng một môn, chỗ gọi là không sinh diệt, rốt ráo không tướng. Chỉ có Đại thừa đây, không có hai vậy. Tập học quán như vậy là năm dục tự đoạn, năm cái tự trừ, căm căn tăng trưởng tức được thiền định”. Giải thích: Một xưng Nam -mô Phật đều sẽ làm Phật là, như pháp giới hàm sinh ba thừa năm tánh năng quy mạng một tâm thì không gì

chẳng thành Phật. Vì lìa tự tâm một tướng một môn, ngoài ra không có pháp nào có thể làm trở về nương tựa, không hai không ba, rốt ráo viên tịch, quán như vậy là năm dục tự đoạn, vì cảnh sáu trần tùy vọng niệm niệm có, không niệm thì không cảnh, cần gì phải đoạn. Nên năng chẳng đoạn năm dục mà tịnh các căn, các căn đã tịnh năm cái tự trừ, năm căn năm lực tự nhiên tăng trưởng, chẳng chỉ tức được thiền định, cho đến sáu độ muôn hạnh thảy đều thành tựu. Như trong kinh Kim Cang Tam-muội nói: "Không tâm chẳng động đủ sáu Ba-la-mật, tâm không thì tất cả đều không". Nên nói chỉ có một Đại thừa, không có hai vậy.

Trong kinh Tạp Tạng nói: "Làm thiện thì phước theo, tạo ác thì họa đuổi, vang đó ứng tiếng thiện ác như âm, chẳng phải chỗ trời rồng quỷ thần trao, chẳng phải chỗ cha ông trước làm. Tạo đó là tâm, thành đó là thân miệng vậy. Đức Phật nói kệ tụng rằng: "Tâm là gốc pháp, tâm tên tâm khiến, trong tâm niệm ác tức nói tức hành, tội khổ tự tin, xe nghiêng ở vết. Tâm là gốc pháp, tâm tên tâm khiến, trong tâm niệm thiện, tức nói tức làm, phước lạc tự tìm, như ảnh theo hình.

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 95

Trong kinh Thắng Thiên Vương Bát-nhã nói: "Ba đời Như Lai đồng tại một xứ, tự tánh thanh tịnh pháp giới vô lậu, hoặc một hoặc khác chẳng thể nghĩ bàn, trí tuệ thần lực đồng một pháp giới, Bát-nhã phương tiện hai cùng bình đẳng". Giải thích: Đồng tại một xứ tự tánh thanh tịnh là, tất cả phàm Thánh đều lấy không chỗ trú mà trú tự tánh tâm thanh tịnh một xứ của Bí mật tạng. Hoặc một hoặc khác chẳng thể nghĩ bàn là, vì báo thân là tướng của cõi diệu, vào nhau giúp nhau, nên nói là hoặc khác, vì pháp thân là tánh của tự thể, cùng khắp tương tức nên nói là hoặc một, như hạt cải, bình, đèn, nhà đồng khác khó lường, nên nói là chẳng nghĩ bàn, Bát-nhã phương tiện hai cùng bình đẳng là, chư Phật dùng Bát-nhã phương tiện, thường phụ giúp nhau. Tại sao? Vì Bát-nhã Quán không, chẳng trú sinh tử, vì phương tiện giẫm có, chẳng trú Niết-bàn. Vì chẳng trú sinh tử nên mắt trí thường sáng, vì chẳng trú Niết-bàn nên tâm bi luôn tiếp nối. Bi trí thể đồng, nên gọi là bình đẳng.

Trong kinh Tối Thắng Vương nói: "Lìa trí không phân biệt là không trí thắng, lìa cảnh như như không cảnh giới thắng". Giải thích: Tất cả cảnh giới đều là ý ngôn phân biệt, thì không cảnh Duy thức, nếu rõ thức không, chỉ một chân tâm, thành trí không phân biệt. Đây là trí của không gì bằng, thuyết của Đệ nhất. Đâu có trí khác lại năng vượt quá đó. Tánh chân như một tâm đây là chỗ nương tựa của muôn pháp. Lìa ngoài đây thì xứ nào riêng có mảy trần năng làm nêu chỉ? Nếu lìa cảnh trí một tâm đây hoặc có chỗ thấy đều là mắt lòa tâm cuồng chẳng thấy chân thật. Do đó, trong kinh Như Lai Bất Tư Nghì Cảnh Giới nói: "Như nhiều người mù đồng ở một xứ, thấy mỗi sai biệt, chẳng ngại lẫn nhau, đều do mắt mù lòa chẳng thấy chánh sắc, chúng sinh cũng vậy, sắc tánh vô ngại, tâm duyên khác vậy, che nơi chánh thấy chẳng rõ chân thật".

Trong kinh Thiền Yếu nói: "Bồ-tát Khí Chư Uẩn bạch Đức Phật

rằng: Bạch Thế Tôn! Thiền môn bí yếu là có một môn hay là nhiều môn? Nếu có nhiều thì pháp có hai. Nếu là một, cớ sao chứa nhận vô lượng vô biên chúng sinh mà chẳng chật hẹp? Phật dạy: Này thiện nam! Môn thiền yếu đây, chẳng phải là một, cũng chẳng phải là nhiều số. Tất cả chúng sinh tánh đồng hư không. Tuy đồng hư không mà mỗi ở thân tâm tự có thiền môn, thật chẳng cộng tu. Tại sao? Ngậm miệng chẳng nói, ngầm hợp ở lý, miệng là thiền môn, nhiếp mắt phân biệt, hỗn hợp không khác, mắt là thiền môn, chỗ tai nghe tiếng, rõ biết hư vọng, rốt ráo tịch diệt giống như người điếc, tai là thiền môn cho đến thân ý cũng lại như vậy. Này thiện nam! Nhiếp các trần lao vào môn chẳng hai, rỗng suốt thanh hư, trong lắng ngưng lặng". Giải thích: Tâm là thiền môn, thân là tuệ tu, thiền năng suốt lặng lẽ, tuệ năng khởi chiếu. Lặng chiếu không sai mới vào bình đẳng. Như trong Vĩnh Gia Tập nói: "Do Xa-ma-tha nên tuy lặng mà thường chiếu. Do Tỳ-bà-xà-na nên tuy chiếu mà thường lặng. Do Ưu-tất-xoa nên chẳng phải chiếu mà chẳng phải lặng. Chiếu mà thường lặng nên nói tục mà tức chân, tịch mà thường chiếu nên nói chân mà tức tục, chẳng phải tịch mà chẳng phải chiếu nên ngậm miệng ở Tỳ-da". Nên biết, nếu rõ niệm vốn chẳng khởi, thường tại ngang giữ, chẳng xét cảnh nhân niệm sinh, chợt ngộ chân tâm cũng động. Do đó, trong kinh Viên Giác nói: "Mây dừng trăng trôi, thuyền đi bờ dời". Chẳng biết mây của vọng tưởng tự bay, trăng chân sao động, đâu ngộ thuyền của phan duyên thường trôi, bờ giác chẳng phải dời. Như trong lời tựa Viên Giác Sớ nói: Tâm vốn là Phật, do niệm khởi mà nổi chìm, bờ thật chẳng dời, nhân thuyền đi mà chợt chạy".

Trong kinh Đại Thọ Khẩn-na-la Vương Sở Vấn nói: "Bấy giờ Bồ-tát Thiên Quan hỏi Đại Thọ Khẩn-na-la Vương rằng: "Trong đàn cầm như vậy, diệu kệ từ đâu mà ra? Đáp: Này thiện nam! Từ trong âm thanh các chúng sinh ra. Lại hỏi: Âm thanh các chúng sinh từ đâu mà ra? Đáp: Này thiện nam! Âm thanh chúng sinh từ hư không ra. Cho đến, phải biết âm thanh đó tức tánh hư không, nghe rồi bèn diệt, nếu đó diệt rồi đồng tánh hư không trú. Cho nên các pháp hoặc nói hay chẳng nói đồng tánh hư không, cho nên phải biết chẳng xả bỏ khoảng hư không. Như âm thanh phân các pháp cũng vậy. Cho đến, lại vì âm thanh gọi là nói phô, nhưng âm thanh đó không có trú xứ, nếu không trú xứ thì không bền thật, thì gọi là thật. Nếu đó là thật thì chẳng thể hoại. Nếu chẳng thể hoại thì không có khởi, nếu không có khởi thì không có diệt, nếu không có diệt gọi là thanh tịnh. Nếu là thanh tịnh thì gọi là bạch tịnh, nếu là bạch tịnh thì là không dơ, nếu là không dơ thì là ánh sáng, nếu là

ánh sáng thì là tâm tánh, nếu là tâm tánh thì là vượt qua nếu là vượt qua thì là vượt qua các tướng, nếu vượt qua các tướng thì là chánh vị. Nếu Bồ-tát tại chánh vị, thì gọi là được vô sinh pháp nhẫn". Giải thích: Vào chánh vị một tâm thì cứu cánh chỉ về, chỉ bày sau cùng, lời cùng lý cực lại không qua đó vậy.

Trong kinh Đại Phương Đẳng Tu-đa-la Vương nói: "Bấy giờ Đức Thế Tôn nói cùng vua Tần-bà-sa rằng: "Hành thức diệt rồi, thức mới đầu tiếp sinh, hoặc sinh trong cõi trời, hoặc sinh trong loài người, hoặc sinh địa ngục, hoặc sinh súc sinh, hoặc sinh ngạ quỉ. Đại vương! Vì thức mới đầu chẳng đoạn, tự tâm tương tục, ứng xử thọ báo mà sinh cộng trung. Đại vương! Quán các sinh diệt, lại có một pháp từ đời này đến đời vị lai. Đại vương! Hành thức như vậy lúc chung gọi đó là diệt. Thức mới đầu lúc khởi, gọi đó là sinh. Đại vương! Hành thức lúc diệt, đi không chỗ đến. Thức mới đầu lúc sinh, không từ đâu lại. Tại sao? Thức tánh lìa vậy. Đại vương! Hành thức hành thức không, lúc diệt nghiệp diệt không. Thức mới đầu thức mới đầu không, lúc sinh nghiệp sinh không, quán các nghiệp quả cũng chẳng mất hoại. Đại vương! Phải biết, vì thức mới đầu tâm tương tục chẳng đoạn mà thọ quả báo".

Trong kinh Hoa Thủ nói: "Phật dạy: Lại nữa, Kiên Ý! Bồ-tát do khéo tu tập một tướng Phật, nên tùy ý tự tại muốn thấy chư Phật đều năng hiện tiền. Kiên Ý! Thí như Tỳ-kheo tâm được tự tại, quán tất cả nhập, thủ tướng sắc xanh năng được tin hiểu, tất cả thế giới đều một tướng xanh. Chỗ người đó duyên chỉ một sắc xanh, quán pháp trong ngoài đều một sắc xanh, ở trong duyên đó được lực tự tại vậy. Kiên Ý! Bồ-tát cũng lại như vậy, tùy chỗ nghe danh tự chư Phật đó tại thế giới nào, tức thủ tướng Phật và thế giới, đều duyên hiện tiền. Bồ-tát khéo tu tập duyên niệm Phật đây nên quán các thế giới thảy đều làm Phật. Thường khéo tu tập quán lực đó nên bèn năng rõ thấu tất cả các duyên đều là một duyên, nghĩa là duyên Phật hiện tại, đó gọi là môn một tướng Tam-muội".

Trong kinh Phật Thăng Đao-lợi Thiên Vị Mẫu Thuyết nói: "Phật bảo: Thiên tử Nguyệt Thị! Sao gọi là Bồ-tát hiểu rõ tất cả giống như hư không? Ba cõi đó là chỗ làm của tâm, chẳng chấp tâm đó không có sắc tượng, cũng không thể quán, không có xứ sở, không có dạy khiến, giống như huyễn hóa, nhân gốc tâm đó mà cầu các pháp, thì chẳng thể được, nếu do ở tâm chẳng cầu nơi tâm thì không chỗ được. Tâm chẳng thể đợi, vì chẳng được tâm, tất cả các pháp cũng chẳng thể được, các pháp thì không có pháp, không hình loại, tưởng cũng không có ảnh, mà

không chỗ có và cùng thật đế cũng không chỗ thấy, không chỗ thấy là, ở tất cả pháp tâm không chỗ vào, biết tất cả pháp không chỗ thành tựu cũng không chỗ sinh thí như hư không".

Trong kinh Bồ-tát Niệm Phật Tam-muội nói: "Tâm như Kim cang, căn lành xuyên suốt tất cả pháp vậy. Tâm như áo Ca-lân-đề mềm mại, căn lành năng tạo nghiệp vậy. Tâm như biển lớn, căn lành gồm các nhóm giới vậy. Tâm như đá bằng, căn lành trú trì tất cả sự nghiệp vậy, tâm như núi chúa, căn lành phát sinh tất cả thiện pháp vậy. Tâm như đại địa, căn lành mang giữ sự nghiệp chúng sinh vậy".

Trong kinh Diễn Đạo Tục nghiệp nói: "Phật dạy: Trưởng giả! Trí tuệ có bốn sự: Một, giải hiểu ở thân không, bốn đại hợp thành tan hoại vốn không tên chủ. Hai, sinh ba cõi đó đều chỗ tâm làm, tâm như huyễn hóa, tựa lập các hình. Ba, rõ biết năm ấm vốn không xứ sở, tùy chỗ đó đắm trước nhân mà có tình đây. Bốn, hiểu mười hai duyên vốn không cội nguồn, nhân đối mà hiện. Đó là bốn, Đức Phật nhân đó nói kệ tụng rằng: "Đều rõ thân đó không, bốn đại mà hợp thành, tan diệt không xứ sở, từ tâm mà được sinh. Năm ấm vốn không căn, chỗ đắm lấy làm tên, mười hai duyên không mối, rõ đây đến Đại an".

Trong kinh Thiện Dạ nói: "Phật dạy: Pháp của quá khứ, không nên nghĩ tìm, pháp của vị lai không nên mong cầu, pháp của hiện tại không nên trú đắm. Nếu năng sở như vậy, thì giải thoát ngay đây". Giải thích: Đây là duyên cảnh của ba đời, là thức tương tục, nếu người tâm ban đầu chưa được một niệm chẳng sinh, hoặc niệm trước chợt khởi, chỉ niệm sau chớ tiếp tục, cũng dần tương ưng. Nếu muốn chóng tiêu, quán ngay một niệm, lúc sinh chẳng được khởi ở tự nhiên khoảng trước sau dứt, ngay đó rỗng lặng, như trong kinh Kim Cang Bát-nhã nói: "Tâm quá khứ chẳng thể được, tâm vị lai chẳng thể được, tâm hiện tại chẳng thể được". Vì không được nên tự chẳng tương tục.

Trong kinh Nhập Nhất Thiết Phật Cảnh Giới nói: "Phật dạy: Nếu được tu hành pháp chánh niệm là, kia không một pháp chẳng phải là Phật pháp. Tại sao? Vì giác ngộ tất cả pháp không vậy. Cho đến, văn -thù Sư- lợi! Nói tu hành chánh niệm là chẳng thủ chẳng xả, tức gọi là chánh niệm, chẳng quán chẳng khác, gọi là hành, chẳng đắm chẳng buộc chẳng thoát, gọi là hành,. Chẳng đi chẳng lại, gọi là hành, văn -thù Sư- lợi! Chánh niệm hành là, xứ kia không hành không lợi không quả không chứng. Tại sao? Văn-thù Sư- lợi! Tâm tự tánh thanh tịnh vậy. Tâm kia khách trần phiền não nhiễm, mà tự tánh tâm thanh tịnh chẳng nhiễm, tức thể không nhiễm. Chẳng nhiễm là, xứ kia không pháp đối trị

vậy. Dùng pháp gì đối trị năng diệt phiền não đây. Tại sao? Thanh tịnh kia chẳng phải tịnh tức là vốn tịnh. Nếu vốn tịnh là, tức là chẳng sinh, nếu chẳng sinh là, kia tức chẳng nhiễm. Nếu chẳng nhiễm là, kia chẳng pháp lìa nhiễm là, kia diệt tất cả nhiễm, dùng pháp gì diệt tất cả nhiễm? Kia chẳng sinh. Nếu chẳng sinh tức là Bồ-đề, Bồ-đề, gọi là bình đẳng. Bình đẳng gọi là chân như, chân như gọi là chẳng khác. Chẳng khác gọi là như thật, trú tất cả pháp hữu vi vô vi". Giải thích: Chỉ rõ không sinh tức vào bình đẳng, nói bình đẳng là tánh của tất cả hữu vi vô vi như thật, thấy tánh đây vậy, vì nghĩa không trú trú trong tất cả pháp. Nếu chẳng đạt thấu tất cả pháp là tánh của một tâm cho nên bình đẳng không sinh. Tại nhiễm lìa nhiễm đều là chỗ phiền não nhiễm. Nếu rõ các pháp không sinh thì tất cả hữu vi vô vi đều là đạo Bồ-đề, nơi nào nhiễm?

Trong kinh Hải Long Vương nói: "Phật bảo: Long vương! Vô tận tạng tổng trì đó, nói công đức vô lượng, vào tuệ vô cực, nhóm tập hạnh Bồ-tát, cho đến nghiêm tịnh đạo tràng, kiến lập Phật pháp. Đó gọi là tạng tổng trì của vô tận, đó có số của văn tự danh hiệu, và pháp các số dạo nơi chánh pháp, đều lại về tạng của vô tận đây, làm chung giữ vậy. Bồ-tát vào đây, ở các văn tự không chỗ phân biệt, các pháp thanh bạch chẳng hoại vốn tịnh vậy. Cho đến, do chung giữ đó, ở trong đời sau là lìa cấu, xứ chỗ tổng trì lưu bố, đều là chỗ kiến lập của Như Lai. Tám muôn bốn ngàn pháp tạng là môn chung giữ đầu vậy. Tám muôn bốn ngàn hạnh đều lại về nơi chung giữ. Tám muôn bốn ngàn Tam-muội đều từ chung giữ. Tám muôn bốn ngàn tạng của chung giữ vô tận, chung giữ là cội nguồn". Giải thích: Vì tất cả chúng sinh tự tánh thanh tịnh là môn của các pháp chung giữ. Từ chỗ tâm sinh, dụng chẳng mất thể, nên gọi là chẳng hoại vốn tịnh, ngọn chẳng lìa gốc, nên nói đều là chỗ kiến lập của Như Lai, muôn pháp được sinh ra, nên nói là tạng của vô tận, địa của phàm Thánh, nên gọi là cội nguồn.

Trong kinh Đại Phương Quảng Như Lai Bí Mật Tạng nói: "Bấy giờ, Đại đức A-nan bạch Đức Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Bồ-tát Vô Lượng Chí Trang Nghiêm´ tự dùng thân cúng dường Như Lai, thì phải dùng thân nào để giác đạo Bồ-đề?" Khi đó, các Bồ-tát v.v... ở trong Hoa thất hỏi A-nan rằng: "Ý ông nghĩ thế nào? Có thể dùng thân giác ở Bồ-đề ư? A-nan! Chớ quán như vậy, phải dùng thân tâm giác ở Bồ-đề". A-nan nói: "Này các Thiện trượng phu! Nếu chẳng phải thân tâm giác nơi Bồ-đề, phải dùng những gì mà giác Bồ-đề?" Các Bồ-tát bảo: "Đại đức A-nan! Thật tánh của thân là thật tánh Bồ-đề, thật tánh Bồ-đề là thật tánh tâm, thật tánh của tâm tức là thật tánh của tất cả

pháp, giác là thật tánh tất cả pháp, nên gọi là Giác Bồ-đề".

Trong kinh Kiên Cố Nữ nói: "Kiên Cố Nữ nói: "Lại nữa, Xá-lợi-phất! Nói A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề là, tôi chẳng thấy pháp kia là A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề". Xá-lợi-phất nói: "Nếu chẳng thấy có pháp gọi là A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề là, người làm sao phát tâm Bồ-đề? Muốn giác Bồ-đề?" Kiên Cố Nữ đáp: "Muốn khiến chúng sinh hành tà đạo trú chánh đạo nên tôi phát tâm A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề". Cho đến, Phật dạy: "Lành thay! Lành thay! Năng biết như vậy, tương lai sẽ đắc A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề". Kiên Cố Nữ thưa: "Bạch Đức Thế Tôn! Không có thấy pháp như vậy chẳng đắc Bồ-đề, cho nên nay con hẳn định sẽ đắc A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề". Phật bảo: "Em gái ngươi ở đời vị lai giáo hóa chúng sinh ư?" Kiên Cố Nữ thưa: "Bạch Đức Thế Tôn! Không có thấy pháp như vậy chẳng giáo hóa`, cho nên nay con hẳn định giáo hóa chúng sinh". Phật bảo: "Ngươi ở đời sau làm Đại đạo sư ư?" Kiên Cố Nữ thưa: "Bạch Đức Thế Tôn! Không có thấy pháp như vậy chẳng làm Đạo sư, cho nên nay con hẳn định sẽ được làm Đại đạo sư". Giải thích: Nếu có thấy như vậy chỉ tâm một pháp. Vào trong Tông Kính, Pháp Nhĩ thường làm chủ của tất cả giáo hóa, thầy của mười phương Đại đạo. Vì tự được gốc vậy, năng gồm khắp tất cả pháp của cành ngọn, đều trở về nơi đất gốc một tâm, nên quyết định không nghi vậy, như gồm sóng về nước, hội sắc về không, có gì nghi ư?

Trong kinh Đại Trang Nghiêm Pháp Môn nói: "Phật dạy: Lại nữa, Trưởng giả tử! Thanh tịnh phan duyên phương tiện hành Bồ-tát ở trong tất cả tâm pháp chúng sinh hẳn có Bồ-đề. Tại sao? Nếu tâm kia không sắc, lìa sắc phân biệt, thể tánh như huyễn đây kia trong ngoài chẳng tương tục, đó gọi là Bồ-đề. Lại nữa, Trưởng giả tử! Bồ-tát chẳng nên giác ở các sự khác, chỉ giác tự tâm. Tại sao? Giác tự tâm là, tức giác tất cả tâm chúng sinh vậy. Nếu tự tâm thanh tịnh, tức là tâm tất cả chúng sinh thanh tịnh vậy. Như tự tâm thể tánh, tức là tâm thể tánh tất cả chúng sinh. Như tự tâm lìa dơ tức là tâm tất cả chúng sinh lìa dơ, như tự tâm lìa tham tức tâm tất cả chúng sinh lìa tham, như tự tâm lìa sân, tức tâm tất cả chúng sinh lìa sân. Như tự tâm lìa si tức tâm tất cả chúng sinh lìa si. Như tự tâm lìa si tức tâm tất cả chúng sinh lìa si. Như tự tâm lìa phiền não tức tâm tất cả chúng sinh lìa phiền não, khởi giác như vậy, gọi là Nhất thiết trí hiểu biết". Giải thích: Nếu rõ một tâm, biết khắp tất cả. Phàm, tất cả là tất cả của một vậy, gọi là Nhất thiết trí hiểu biết. Nếu mỗi tùy tướng hiểu thì chẳng được gọi là Nhất thiết trí hiểu biết,

vì chẳng giác tự tánh các pháp vậy. Do đó, trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng nói:

“Tất cả pháp thế gian
Chỉ lấy tâm làm chủ
Tùy hiểu chấp các tướng
Điên đảo chẳng như thật”.

Trong kinh Đại Thừa Bản Sinh Tâm Địa Quán nói: “Bấy giờ, Bồ-tát Văn- thù- Sư lợi bạch Đức Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Như lời Phật dạy quá khứ đã diệt, vị lai chưa đến. Hiện tại chẳng trú, chỗ có tất cả các pháp trong ba đời, bản tánh đều không. Tâm Bồ-đề kia sao gọi là phát? Lành thay Thế Tôn! Nguyện vì giải nói, đoạn các lưới nghi, khiến hướng thú Bồ-đề”. Phật bảo Văn-thù Sư-lợi: “Này thiện nam! Trong các tâm pháp khởi các tà kiến. Vì muốn đoạn trừ sáu mươi hai kiến và các thứ kiến, nên tâm tâm sở pháp, ta nói là không. Các kiến như vậy không nơi nương tựa. Thí như rừng rậm cây cối um tùm tươi tốt. Sư tử, voi trắng, hổ, lang, thú dữ ngầm ở trong đó, phát độc hại người rồi chóng tuyệt vết đi. Bấy giờ có người trí dùng lửa đốt rừng. Nhân rừng trống không, nên các thú dữ lớn không còn sót thừa. Tâm không kiến diệt cũng lại như vậy. Cho đến, Này thiện nam! Do nhân duyên đó uống được thuốc không, trừ tà kiến rồi, tự giác ngộ tâm năng phát Bồ-đề. Giác ngộ tâm đây tức là tâm Bồ-đề không có hai tướng. Này thiện nam! Tự giác ngộ tâm có bốn thứ nghĩa, những gì là bốn? Nghĩa là các phàm phu có hai thứ tâm, chư Phật Bồ-tát có hai thứ tâm. Này thiện nam! Hai tâm phàm phu, tưởng đó thế nào? Một, nhãn thức cho đến ý thức đồng duyên tự cảnh, gọi là tâm tự ngộ. Hai, lìa nơi năm căn, tâm tâm sở pháp hòa hợp duyên cảnh, gọi là tâm tự ngộ. Này thiện nam! Hai tâm Hiền Thánh, tướng đó thế nào? Một, Quán lý trí chân thật. Hai, quán tất cả cảnh trí. Này thiện nam! Bốn thứ như vậy, gọi là tâm tự ngộ”. Giải thích: Hai tâm phàm phu là: Một, cảm căn cảnh đồng duyên. Đây thì hòa hợp mà sinh tự thể có không phàm phu chấp thật, nên nói là không. Hai, tâm lìa căn cảnh, tức là chân tâm chẳng theo duyên sinh. Nếu rõ tâm đây tức chân phát đạo Bồ-đề. Hai tâm Hiền Thánh là: Một, tâm lý trí, tức Đệ nhất nghĩa đế, không có cả hai đều mất, tánh tướng đều lặng lẽ. Hai, tâm cảnh trí, tức tùy duyên tục đế, chân tục song chiếu, sự lý tướng hàm. Nếu vào trong Tông Kính, gồm cả bốn tâm Thánh phàm trước, hoặc vào môn giúp nhau tư, hoặc Thánh hoặc phàm suốt cùng vô ngại, hoặc vào môn thương xót nhau, hoặc một hoặc nhiều, ngầm đồng biển tánh.

Trong kinh Thành Cụ Quang Minh Định Ý nói: "Sao gọi là rộng một tâm? Đó là hiếu sự cha mẹ thì một tâm đó, tôn kính thầy bạn mà một tâm đó, đoạn ái xa tục mà một tâm đó, vào ba mươi bảy phẩm mà một tâm đó, không nhàn vắng lặng mà một tâm đó. Tại chúng phiền loạn mà một tâm đó, muốn nhiều tranh nhiều làm nhiều não nhiều, ở các xứ ấy mà một tâm đó, mọi sự khen chê lợi mất, ở đó chẳng lay động mà một tâm đó. Vào thiền quán hơi thở, bỏ sáu trần y tựa tịnh mà một tâm đó, thân tự năng hành, lại dạy người khác, đây gọi là rộng một tâm vậy".

Trong kinh Văn- thù Sư -lợi Vấn có kệ tụng nói:

"Nếu thấy có một pháp
Pháp khác đều nên thấy
Vì một pháp không vậy
Tất cả pháp cũng không".

Giải thích: Tâm có thì pháp có, tâm không thì pháp không, muôn pháp một tâm tông, không có đều không tựa, nếu một ví cho tất cả đều về Tông Kính.

Trong kinh Đại Thừa Thiên Bát Đại Giáo Vương nói: "Bồ-tát Mạn-thù-thất-lợi trước Thế Tôn và cả đại chúng mà nói: Nếu có tất cả Bồ-tát và tất cả hữu tình chúng sinh, chí cầu Bồ-đề Vô thượng, tu trì chân thật Phật kim cang Thánh tánh Tam-ma-địa tất cả pháp là, tất cả pháp tức là tâm tất cả hữu tình ấy vậy. Vì tâm hữu tình chúng sinh địa pháp tạng có chủng tánh phiền não, chủng tánh phiền não thì là tánh Bồ-đề là, tâm hữu tình ở bản tánh chân tịnh, không không chỗ được, cho nên tâm hữu tình là tâm đại viên cảnh trí ở đó vậy.

Trong kinh Ma-ha-diễn Bảo Nghiêm nói: "Thí như họa sư làm tượng quỷ thần, tức tự kinh sợ. Như vậy, Ca-diếp! Các người phàm phu tự tạo các pháp sắc, thanh, hương, vị, mịn trơn, luân chuyển sinh tử, chẳng biết pháp đó cũng lại như vậy".

Trong kinh Văn- thù Sám Quá nói: "Văn-thù Sư-lợi nói: Nhân dân hành gốc các đức là, chí tánh mỗi riêng khác, khiến vào tuệ ánh sáng gồm nắm, đó có các trời, tất cả nhân dân sầu ưu khổ não. Vì trừ các hoạn họa đều vào diệu của ánh sáng gồm nắm, tất cả các luận văn tự bản tế, vào ở diệu của ánh sáng gồm nắm, chỗ tất cả các hành các tưởng ứng đều vào diệu của ánh sáng gồm nắm, khiến đặt để phổ môn các căn chuyển xoay, khiến vào môn của tổng trì quang minh, tất cả trang nghiêm thanh tịnh các thứ nghiêm sức, khiến vào môn của tổng trì Quang minh, cho đến trú ở một sự thấy khắp mọi sự, trú ở mọi sự đều

thấy một sự, thì đem một sự vào tất cả sự, đem tất cả sự vào nơi một sự, thì lấy một nghĩa dạy răn khai hóa tất cả các nghĩa, lấy tất cả nghĩa hưng phát một nghĩa, đem không nhân duyên vào nơi các duyên, hóa ở các duyên vào nơi không duyên, đem pháp không sự vào nơi chúng sinh, tánh hành mỗi khác, theo đó cùng hành mà dạy răn đó". Giải thích: Phàm muốn hết sạch dị tánh nhổ trọn khổ huân dung hòa các hành môn thanh tịnh nghiêm sức là, đều khiến vào môn của một tâm gồm nắm, đượm ánh chiếu diệu của quang minh Tông Kính nên năng trú một sự thấy nhiều sự, đem một thành nhiều, dùng các nghĩa mà phát một nghĩa, thể dụng lan tràn, một nhiều tự tại.

Tông Kính Quán Phật Tam-muội Hải nói: "Lại nữa, A-nan! Thí như có người nghèo hèn phước mỏng nương tựa nơi các người giàu sang phú quý để bảo tồn tánh mạng. Bấy giờ có Vương tử đi dạo, mang theo bình báu, trong bình báu có ấn của vua, khi ấy gặp vậy, người nghèo hèn dối trá đến thân gần, được bình báu của vua, mang giữ trốn chạy. Vương tử biết rồi, sai sáu lính lớn cưỡi sáu voi đen, tay cầm kiếm bén nhanh chóng đuổi theo, Khi đó, người nghèo hèn giữ bình chạy vào trong đầm nơi đồng hoang trống cỏ rậm, thấy trong đầm đồng hoang trống có nhiều rắn độc khắp bốn phía nhả độc hút người giữ bình đó. Khi ấy người nghèo hèn kinh sợ tuông chạy khắp Đông Tây, rắn cũng đuổi theo, không nơi trốn lánh. Ở trong đầm trống thấy có một cây lớn, tươi tốt sầm uất rất vừa ý, nên đầu đội bình báu men cây mà lên. Đã lên trên cây rồi, sáu lính cưỡi ngựa nhanh như gió sau đó cũng đến. Người nghèo hèn thấy rồi, bèn nuốt ấn báu của vua, bình giữ trên đầu lại dùng tay che đi, sinh lòng tham tiếc nên chẳng nhẫn trông nhìn đó. Khi ấy sáu voi đen dùng vòi quấn cây, khiến cây đổ ngã, người nghèo hèn rơi xuống đất, thân thể nát hoại, chỉ ấn vàng tại bình báu hiện sáng. Các rắn độc thấy ánh sáng chạy tán bốn phía. Phật bảo: A-nan! Trú niệm Phật, tâm ấn chẳng hoại cũng lại như vậy". Giải thích: Phàm, Quán Phật Tam-muội là, chắc rõ tự tâm, gọi là Quán Phật, đã biết tâm rồi, chẳng bị cảnh loạn, lặng yên thường định gọi là Tam-muội. Có người nghèo hèn phước mỏng là, có người. Có tức có hai mươi lăm hữu, người tức tất cả chúng sinh, vì không pháp tài nên gọi là nghèo hèn, chẳng ngộ tâm Phật nên gọi là phước mỏng, nương các người giàu sang phú quý là, tức chư Phật Bồ-tát, để bảo tồn tánh mạng là, tức nương môn Quán Phật Tam-muội được thấy tự tánh để thành tuệ mạng. Cho đến, người nghèo hèn rơi xuống đất là, tức ở thân phàm phu, đạt thấu nhân không pháp không chứng hội một tâm, trú đất chân như. Thân thể nát

hoại là, đã suốt tánh của Duy thức, thân kiến tự mất, chỉ ấn vàng còn, tức là ngộ tâm thường trú. Do đó, Hòa thượng Nhất Bát nói: "Trần lao diệt sạch chân như còn, một hạt châu sáng tròn vô giá". Bình báu hiện sáng là, tức trí Bát-nhã chiếu. Các rắn độc thấy ánh sáng chạy tán bốn phía, tức thân của bốn đại, rắn phiền não ba độc, trí rõ tức không gọi là chạy tán. Trú niệm Phật, tâm ấn chẳng hoại, cũng lại như vậy là, vì không niệm trí thấy chân giác tánh, nên nói trú niệm Phật là các trần chẳng động, một thể chẳng dời, gọi là tâm ấn luôn trú pháp vị cứu cánh tịch diệt, gọi là chẳng hoại. Sánh như chỉ ấn vàng còn, nên gọi là cũng lại như vậy. Do đó, trong luận Đại Thừa Khởi Tín nói: "Được thấy tâm tánh, gọi là cứu cánh giác", tức ý chỉ đây vậy.

Trong kinh Thủ-lăng-nghiêm Tam-muội nói: "Bấy giờ, Phật bảo Thiên tử Hiện Ý: "Ông có thể hiện bày hần một phân ít bản sự Thủ-lăng-nghiêm Tam-muội chăng?" Thiên tử Hiện Ý nói cùng Kiên Ý rằng: "Nhân giả! Muốn thấy Chút ít thế lực của Thủ-lăng-nghiêm Tam-muội chăng?" Kiên Ý đáp: "Thiên tử! Nguyện muốn được thấy!" Thiên tử Hiện Ý khéo đắc lực Thủ-lăng-nghiêm Tam-muội liền hiện biến, khiến chúng hội đều làm Chuyển luân Thánh vương, có ba mươi hai tướng mà tự trang nghiêm, và các quyến thuộc bảy báu theo cùng. Cho đến, lại hiện thân lực khiến khắp chúng hội đều như thân Phật Thích-ca Mâu-ni tướng tốt oai nghi, mỗi mỗi có quyến thuộc Tỳ-kheo vây quanh". Giải thích: Thiên tử tên Hiện Ý là, vì tất cả pháp từ ý sinh. Hình nhân chỗ tâm hiện, nên gọi là Hiện Ý. Vậy biết tự tâm như huyễn không có định nghi, chỗ thấy sai khác tùy tâm sinh diệt, nếu năng biết huyễn không thật tức thấy chân tánh. Vì được chân tánh mới năng khắp cùng pháp giới, bày pháp môn như huyễn, hiện khắp sắc thân, dẫn chúng sinh huyễn đồng về thật địa.

Trong kinh Chuyển Hữu có kệ tụng nói:

"Nếu là chân thật nói
Thì mắt chẳng thấy sắc
Ý chẳng biết thức pháp
Đây là tối bí mật".

Giải thích: Vào tạng của một tâm bí mật đây thì năng sở đều mất, chẳng cùng sáu trần tác đối, nên nói mắt chẳng thấy sắc v.v...

Trong kinh Đại Pháp Cổ nói: "Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, vô lượng tướng tốt trang nghiêm chiếu sáng. Vì tánh kia nên tất cả chúng sinh được Bát- niết-bàn". Giải thích: Phải biết tất cả chúng sinh đều có Phật tánh chánh nhân, dùng muôn hạnh trang nghiêm làm dẫn ra

tánh. Cho đến nhân viên mãn là đến được quả tánh. Rốt ráo thành tựu đạo của một tâm thường, lạc, ngã, tịnh.

Trong kinh Bảo Đảnh nói: "Phật dạy: Ca-diếp! Thí như có người khiếp sợ hư không, đấm ngực kêu rống mà nói là: "Bạn lành! Các ông hãy vì tôi mà trừ hư không đây, trừ hư không đây đi". Ca-diếp! Ý ông nghĩ sao? Hư không đây là có thể trừ chăng? Ca-diếp thưa: Chẳng thể, bạch Đức Thế Tôn! Phật dạy: Ca-diếp! Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn khiếp sợ tánh không như vậy. Ta nói người đó mất tâm cuồng loạn. Tại sao như vậy? Ca-diếp! Tất cả các pháp đều nói không phương tiện. Nếu sợ không đây, cớ sao chẳng sợ tất cả các pháp. Nếu tiếc các pháp cớ sao chẳng tiếc không đây". Trong luận Phật Tánh có hỏi: Kinh đây là hiển bày nghĩa gì? Đáp: Là hiển bày bản tánh tất cả các pháp chẳng phải có nên nói là pháp không, chẳng liên quan pháp diệt, sau đó được không, nên ở tánh không chẳng nên sinh sợ. Giải thích: Tất cả các pháp đều là nói không phương tiện là, phàm có chỗ nói đều là hiển bày không. Do đó, không thì tất cả pháp, pháp thì tất cả không, chẳng phải trước có mà sau không, thà về đoạn diệt, đâu trước không mà sau có chẳng lạc vô thường. Vì vậy, tánh vốn thường không, không có không gián đoạn. Thể ứng các có, có tự rườn rà. Năng vào tông đây, nghe các pháp không, tâm rất hoan hỷ, chẳng rõ nghĩa đây, nghe các pháp không, tâm rất khiếp sợ. Vì chẳng rõ pháp không, trái nghịch cảnh hiện lượng, chấp làm giải hiểu bên ngoài. Nghe nói yếu chỉ của Duy tâm, sợ lạc vào môn không kiến. Tâm cảnh đều mê bèn sinh khiếp sợ.

Trong kinh Độ Nhất Thiết Phật Cảnh Giới nói: "Phật dạy: Văn-Thù Sư -lợi! Bồ-đề là không tướng không duyên. Thế nào là không tướng, thế nào là không duyên? Chẳng được nhãn thức là không tướng, chẳng thấy sắc là không duyên, chẳng được Nhĩ thức là không tướng, chẳng nghe âm thanh là không duyên. Cho đến, ý pháp cũng như vậy". Giải thích: Không tướng thì không tâm của năng duyên, không duyên thì không cảnh của sở duyên, năng sở đều mất chân tâm tự hiện.

Trong kinh Văn -thù Sư- lợi Hành có kệ tụng nói:

"Pháp quá khứ vị lai
Chỉ nói không chân thật
Kia nếu ở thật xứ
Một tướng không sai biệt".

Giải thích: Nếu nói pháp có trong ba đời đều là ngôn ngữ thế đế. Nếu rõ xứ của một tâm chân thật, một đạo tự không sai biệt. Đâu là chỗ lời bàn bạc, đâu là chỗ ý duyên ư?

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 96

Trong kinh Bồ-tát Xứ Thai nói: "Thí như nguồn suối bờ ao, năm sông, dòng thuyền, mỗi mỗi có tên nó, đều về nơi biển, bèn không tên gốc. Cũng như núi Tu-di đứng cao vót khó động. Các giống chim sắc tạp đến nương ở núi đều đồng một sắc, bèn không sắc gốc. Vị Đại Bồ-tát giáo hóa chúng sinh làm sạch cõi Phật cũng lại như vậy. Chỗ tâm thức chúng sinh nghĩ nhờ chẳng đồng. Bao nhiêu tư tưởng năng khiến tất cả đến môn giải thoát. Tưởng định ý diệt bèn không nghĩ nhớ (niệm) gốc, đồng một giải thoát".

Trong kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo nói: "Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Long vương rằng: Tất cả chúng sinh tâm tưởng khác nhau nên tạo nghiệp cũng khác, do đó mà có các thú luân chuyển. Long vương! Ông trông xem chúng hội đây và trong biển lớn, hình sắc chủng loại mỗi mỗi riêng biệt đó chăng? Tất cả như vậy, không gì chẳng phải do tâm tạo nên. Cho đến, lại quán các Đại Bồ-tát diệu sắc nghiêm tịnh tất cả đều do phước đức tu tập thiện nghiệp mà sinh. Lại, các trời rồng tám bộ chúng v.v... oai thế lớn lao, cũng nhân phước đức thiện nghiệp sinh ra. Nay trong biển lớn, chỗ có chúng sinh, hình sắc thô xấu hoặc lớn hoặc nhỏ, đều do các thứ tưởng niệm ở tự tâm mà tạo các nghiệp bất thiện trên thân miệng ý, cho nên tùy nghiệp, mỗi tự thọ báo".

Trong kinh Tịch Chiếu Thần Biến Tam-ma-địa nói: "Phật dạy: Hiền Hộ! Tịch Chiếu Thần Biến Tam-ma-địa, nghĩa là tất cả pháp tánh trí bình đẳng, tất cả nói phô chẳng hiện hành trí. Cho đến, ngộ vào tâm trí, ở tự tánh tâm năng tùy giác trí. Ở trong dẫn, chẳng dẫn và dẫn phát thành trí thiện xảo".

Trong kinh Sư Tử Trang Nghiêm Vương Bồ-tát Thỉnh Vấn nói: "Phật dạy: Một pháp như vậy tùy tâm biến hiện, tức năng đầy đủ sáu Ba-la-mật, phải nên nói rộng giáo hóa chúng sinh, làm lợi ích lớn cho đến thành Phật".

Trong kinh Hiền Kiếp Định Ý nói: "Nếu có Bồ-tát bình đẳng

Tam-muội các căn đầy đủ, Thánh tuệ thành tựu, đó gọi là một tâm". Lại nói: "Tại thiền định đó, chẳng đắm trong ngoài, cũng không khoảng giữa, đó gọi là một tâm".

Trong kinh Xá-lợi-phất Đà-la-ni nói: "Chỉ tu một tâm niệm Phật, chẳng dùng sắc thấy Như Lai, chẳng dùng tướng, chẳng dùng đẹp, chẳng dùng giới định tuệ giải thoát giải thoát tri kiến, chẳng dùng sinh, chẳng dùng nhà, chẳng dùng họ, chẳng dùng quyến thuộc, cho đến chẳng phải tự làm chẳng phải tha làm. Nếu năng như vậy, gọi là niệm Phật".

Trong kinh Thương Chủ Thiên Tử Sở Vấn nói: "Thiên tử thương Chủ hỏi: "Văn- thù Sư -lợi! Thế nào là Bồ-tát năng thanh tịnh tâm?" Đáp: "Thiên tử! Nếu biết các tâm đều là một tâm, Bồ-tát như vậy, gọi là được tịnh tâm".

Trong kinh Đại Thừa Lưu Chuyển Chư Hữu có kệ tụng nói:

"Các pháp chỉ giả danh
Chỉ nương danh tự lập
Lìa nơi lời năng thuyên
Sở thuyên chẳng thể được".

Giải thích: Phải biết, pháp chỉ có danh, nhân danh lập pháp. Lại, danh nhân nơi lời nói, lời nói nhân giác quán, giác quán tâm chẳng khởi, năng sở thảy đều không.

Trong kinh Hoằng Đạo Quảng Hiển Định Ý nói: "Phật dạy: Lại nữa, chỗ của ba sự tâm sinh, đó là, các pháp vô thường từ tâm đó sinh. Các pháp đều khổ cũng do tâm sinh. Các pháp vô ngã cũng từ tâm sinh. Cho đến, năng một tâm đó, biết tâm chúng sinh, thuận hành hóa đó, thì là lực tâm".

Trong kinh A-hàm có kệ tụng nói:

"Ngã cùng ta làm thân
Chẳng cùng tha làm thân
Trí là khéo điều ngã
Thì được sinh thiện thú".

Giải thích: Sở dĩ nói: Trời đất chí thân không gì qua tâm, có thể gọi là vào đạo chân yếu diệu môn tu hành, nếu khéo điều phục đó, tức chóng lên quả lớn. Do đó, trong kinh Bát-nhã nói: "Điều tâm làm thiện thay, điều tâm chiêu quả lạc".

Trong kinh Tạp Tạng có kệ tụng nói:

"Tâm năng dẫn thế gian
Tâm năng nhiếp thọ khắp
Tâm một pháp như vậy

Đều tự tại tùy hành".

Trong kinh Văn-thù Sư-lợi Vấn Pháp Thân nói: "Như nói nhà báu ma-ni có bốn góc, từ một góc nhìn, đều thấy các góc không chỗ khuyết giảm. Cho nên thấy các pháp bản tế". Giải thích: Nếu rõ bản tế một tâm thì pháp nào chẳng thông? Vì các pháp từ chỗ tâm sinh, đều đồng một khoảng, trú trong khoảng đây mỗi mỗi viên mãn, mở mắt đều phải, đâu đợi ý tư duy trí chẳng năng biết, nói chẳng năng kịp. Nên nói kho báu Kim cang không chỗ khuyết giảm.

Trong kinh Tượng dịch có kệ tụng nói:

"Các thứ huyễn không thật
Người phàm phu thấy khác
Trong đó không có khác
Tất cả đồng một tướng".

Trong kinh Lão Mỗ nói: "Mắt thấy sắc đẹp tức là ý, ý tức là sắc. Hai đó đều là không, không chỗ có, sinh diệt cũng như vậy".

Trong kinh Vô Sở Hy Vọng nói: "Bấy giờ, Xá-lợi-phất biết chỗ niệm của tâm chúng hội, liền nói với Tỳ-kheo đây rằng: "Nhân giả! Cớ sao phát lời nói đó? Thân của tôi v.v... từ nay trở đi không có Phật Thế Tôn. Nhân từ dị học ra làm Sa-môn". Khi ấy, vị Tỳ-kheo đáp cùng Xá-lợi-phất rằng: Tôi từ nay kính thờ sáu thầy, tất cả chỗ về là một tướng vậy, chẳng dựa sáu nhập, vì vậy chẳng thấy bao nhiêu thứ thầy, chẳng tưởng Sa-môn xuất gia vậy". Giải thích: Dựa sáu nhập mà làm sai vọng phân tà chánh, về một tướng mà làm gốc. Ta kia đều mất. Giải hiểu như vậy, có thể gọi là chân xuất gia vậy.

Trong kinh Tịch Điều Âm Sở Vấn nói: "Thiên tử Tịch Điều Âm nói: "Văn- thù Sư -lợi! Những gì như cùng dơ sạch đồng đẳng?" Văn-Thù Sư- lợi đáp: "Không, không tướng, không nguyện như. Tại sao như vậy? Niết-bàn không vậy. Thiên tử! Như không trong đồ gốm và không trong đồ báu không hai không riêng khác. Như vậy, Thiên tử! Dơ không sạch không, đều đồng một không, không hai không riêng khác". Giải thích: Đồ vật chứa đựng tuy chẳng đồng, không vốn không hình, dơ sạch tuy khác tánh nào từng khác. Rõ như vậy là vào môn không tướng, chóng ngộ chân không, chẳng lạc tu chứng.

Trong kinh Nguyệt Tạng có kệ tụng nói:

"*Các pháp không có hai*
Đạo sư bỏ thương ghét
Một đạo như hư không
Đây là cảnh giới Phật".

Lại có kệ tụng khác nói:

"Chẳng phân biệt các pháp
Chẳng thấy có chúng sinh
Các pháp chỉ một tướng
Được thấy cảnh giới Phật".

Trong kinh Phật Ngữ nói: "Phật dạy: Nếu có xứ nói, là Ma vương nói, là ma thấy nói, chẳng gọi là Phật nói. Này thiện nam! Nếu không tất cả các xứ nói, đó gọi là Phật nói". Giải thích: Không tất cả các xứ nói là, tức không pháp của sở chứng, cũng không trí của năng chứng. Đã không có pháp, đâu có nói ư? Chỉ rõ Duy tâm tự nhiên không nói, không nói là chân nói. Nên nói không pháp có thể nói, đó gọi là nói pháp, nếu đắm trước xứ sở, nếu có chỗ nói, hẳn trái với bản tông, chẳng thấy pháp tánh. Như nói "Báo hóa chẳng phải chân Phật, cũng chẳng phải nói pháp".

Trong kinh Tạp Tạng có kệ tụng nói:

"Như đời có lương y
Dùng diệu dược cứu bệnh
Chư Phật cũng như vậy
Vì vật nói Duy tâm".

Trong kinh Đại Thừa Lý Thú có kệ tụng nói:

"Tất cả pháp hữu vi
Như thành Càn-thát-bà
Chúng sinh vọng tâm thủ
Tuy hiện chẳng thật có
Các pháp chẳng nhân sinh
Cũng chẳng không nhân sinh
Hư vọng phân biệt có
Cho nên nói duy tâm
Vô minh vọng tưởng thấy
Mà là nhân sắc tướng
Tạng thức làm chỗ nương
Tùy duyên hiện các tượng
Như vậy mắt có màng
Vọng thấy hoa hư không
Tập khí nhiễu đục tâm
Từ đó ba cõi hiện
Nhãn thức nương Lại-da
Năng hiện các thứ sắc

Thí như tượng trong gương
Phân biệt chẳng tại ngoài
Chỗ thấy đều tự tại
Chẳng thường cũng chẳng đoạn
Chỗ thức Lại-da biến
Năng hiện ở thế gian
Pháp tánh đều bình đẳng
Chỗ tất cả pháp nương
Tạng thức luôn chẳng đoạn
Mạt-na chấp làm ngã
Tập khởi gọi là tâm
Tánh nghĩ lường gọi ý
Liễu biệt nghĩa là thức
Cho nên nói duy tâm
Các cảnh giới ngoài tâm
Vọng thấy lông xoay hoa
Chỗ chấp thật đều không
Đều là thức tâm biến
Sắc đủ sắc công đức
Đều nương thức Lại-da
Phàm ngu vọng phân biệt
Cho là chân thật có
Ngủ mê và say mờ
Đi đứng và ngồi nằm
Tạo nghiệp và sĩ dụng
Đều nương tạng thức khởi
Hữu tình khí thế gian
Chẳng do tự tại làm
Cũng chẳng thần ngã tạo
Chẳng thế tình vi trần
Như tánh lửa trong cây
Tuy có chưa năng đốt
Nhân dùi mới sinh lửa
Do đây phá các tối
dần chuyển cùng làm nhân
Lại-da làm nương ở
Các thức vì kia sinh
Năng khởi lậu vô lậu

Như biển gặp duyên gió
Khởi các thứ gợn sóng
Hiện tiền tác dụng chuyển
Không có lúc gián đoạn
Biển tạng thức cũng vậy
Cảnh giới chỗ gió động
Luôn khởi sóng các thức
Không gián đoạn cũng vậy
Như lạc chưa khuấy động
Tô đó người chẳng thấy
Thi công đã chẳng thôi
Đề hồ mới đáng được
Lại-da vọng huân tập
Ẩn che Như Lai tạng
Lúc tu tập thuần thục
Chánh trí mới rõ ràng
Các thức tùy duyên chuyển
Chẳng thấy tâm bản giác
Trí tự giác hiện tiền
Chân tâm thường chẳng động".

Trong kinh Bảo Vũ nói: "Bồ-tát làm sao hành tâm niệm xứ? Này thiện nam! Bồ-tát phát khởi tư duy "Tâm thật vô thường chấp trước làm thường. Thật là khổ đó chấp đó làm lạc, vốn không có ngã chấp trước làm ngã, xưa nay bất tịnh chấp trước làm tịnh, tâm đó khinh động chẳng lúc tạm dừng, do vì chẳng dừng nên ở các tạp nhiễm năng làm căn bản, hoại diệt đường thiện, mở cửa ác thú, sinh trưởng ba độc cũng tùy phiền não v.v... làm nhân duyên đó, làm chủ làm dẫn, lại năng tích tập nghiệp tịnh và bất tịnh, nhanh chóng lưu chuyển như vòng lửa xoay, cũng như ngựa chạy, như lửa thiêu đốt, như nước tăng trưởng, biết khắp các cảnh, như vẽ sắc trời, Bồ-tát lúc quán sát tâm như vậy bèn được tự tại, được tự tại rồi, ở trong các pháp cũng không quái ngại. Đó gọi là Bồ-tát hành tâm niệm xứ.""

Trong kinh Trì Địa nói: "Phật dạy: Trì địa! Thế nào gọi là vị Đại Bồ-tát tu tâm quán tâm? Vị Đại Bồ-tát quán tướng tâm sinh trụ dị diệt, lúc quán như vậy, khởi niệm là tâm đây không chỗ lại,đi không chỗ đến, chỉ thức duyên tướng nên sinh, không có bản thể, không một định pháp có thể được. Tâm đây không lại không đi, không trú khác có thể được. Tâm đây chẳng phải quá khứ vị lai hiện tại, tâm đây thức duyên

nên từ nhớ nghĩ khởi. Tâm đây chẳng tại trong chẳng tại ngoài chẳng tạo khoảng giữa của hai. Tâm đây không một tướng sinh khởi. Tâm đây không tánh không định, không có chủ sinh, không có chủ khiến sinh, khởi tạp nghiệp nên nói là tâm, bởi thức tạp duyên nên nói là tâm, niệm niệm sinh diệt tương tục chẳng đoạn nên nói là tâm. Chỉ khiến chúng sinh thông đạt tướng tâm duyên vậy. Trong tâm không tướng tâm, tâm đây từ xưa đến nay chẳng sinh chẳng khởi, tánh thường thanh tịnh, bởi khách trần phiền não nhiễm nên có phân biệt. Tâm chẳng biết tâm cũng chẳng thấy tâm. Tại sao? Tâm đây tánh không, không nên bản thể không chỗ có, tâm đây không có một định pháp, định pháp chẳng thể được vậy. Tâm đây không pháp, hoặc hợp hoặc tan. Tâm đây khoảng trước chẳng thể được, khoảng sau chẳng thể được, khoảng giữa chẳng thể được. Tâm đây không hình không năng thấy là tâm chẳng tự thấy, chẳng biết tự tánh, chỉ phàm phu điên đảo tương ưng. Vì hư vọng duyên thức tướng nên khởi. Tâm đây không không ngã không ngã sở, vô thường chẳng bền chắc, không tướng chẳng biến khác, tư duy như vậy, được tu tâm niệm xứ. Khi ấy người đó chẳng phân biệt là tâm hay chẳng phải tâm, chỉ khéo biết tâm không tướng sinh, thông đạt tâm đó không tánh sinh. Tại sao? Tâm không tánh quyết định, cũng không tướng quyết định. Bậc trí thông đạt tâm đó không sinh không tướng. Khi ấy như thật quán tướng tâm tập diệt mất, lúc quán như vậy, lúc quán như vậy chẳng được tâm hoặc tướng tập hoặc tướng diệt mất, lại chẳng phân biệt tâm diệt hay chẳng diệt, mà năng được tướng tâm chân thanh tịnh. Các Bồ-tát do tâm thanh tịnh đó mà khách trần chẳng năng não loạn. Tại sao? Các Bồ-tát thấy biết tướng tâm thanh tịnh, cũng biết tâm chúng sinh thanh tịnh, phát khởi niệm tâm dơ nên chúng sinh dơ, tâm tịnh nên chúng sinh tịnh, lúc tư duy như vậy, chẳng được tướng tâm dơ, chẳng được tướng tâm tịnh, chỉ biết tâm đó tướng thường thanh tịnh. Trì Địa! Các vị Bồ-tát tu tâm quán tâm như vậy”.

Trong kinh Bảo Võng có kệ tụng nói:

“Khắp cùng các cõi Phật
Cảnh giới của Pháp vương
Đức Thích-ca Thế Tôn
Chỗ một lông sáng chiếu”.

Giải thích: Như vô lượng vô biên các cõi Phật chẳng vượt ngoài tâm địa đầu một sợi lông, do trí rõ thấu suốt nên nói là chỗ sáng chiếu.

Trong kinh Thập Thú nói: Kim Cang Tạng Bồ-tát! Bồ-tát đó ở nơi ba ngàn đại thiên thế giới chỗ có chúng sinh đồng một lúc vấn nạn,

dùng vô lượng vô biên âm thanh sai biệt vấn nạn. Bồ-tát đó ở trong một niệm thảy đều nhận hết vấn nạn như vậy, chỉ dùng một thứ âm thanh trả lời khiến kia mở hiểu". Giải thích: Chỉ dùng một thứ âm thanh trả lời khiến kia đều mở hiểu là muôn pháp từ tâm, nghi ngờ nào chẳng mở tan, nương chỗ tâm chỉ bày, pháp nào chẳng dung, có thể gọi là được tinh hoa của Phật pháp mở mắt sáng của trời người.

Trong kinh Quảng Bác Nghiêm Tịnh có kệ tụng nói:

"Tự tại dẫn dắt đời
Chẳng thể nói mà nói
Ở trong không làm kết
Tức không mà mở đó".

Giải thích: Tâm có tức kết, tâm không tức mở. Nếu không nơi tâm, không kết không mở. Nên trong kinh Thủ-lăng-nghiêm nói: "Phật dạy: A-nan! Khăn hoa báu đây ông biết, khăn đây nguyên chỉ một dãi, lúc ta gút sáu gút gọi là có sáu kết. Ông xem xét kỹ, khăn thể là đồng nhân kết có khác, ý ông nghĩ sao? Gút thứ nhất kết thành gọi là thứ nhất. Như vậy cho đến thứ sáu kết sinh. Nay ta muốn đem kết thứ sáu gọi thành thứ nhất được chăng? Không vậy, bạch Đức Thế Tôn! Sáu kết nếu còn thì tên thứ sáu đây trọn chẳng phải là thứ nhất. Giả sử con trái qua một đời đều biện rõ đó, làm sao khiến sáu kết loạn tên. Phật dạy: Sáu kết chẳng đồng, phải nhìn lại gốc, nhân chỗ một khăn tạo khiến tạp loạn đó trọn chẳng được thành. Như ông sáu căn cũng lại như vậy, trong cứu cánh đồng sinh rốt ráo khác. Phật bảo: A-nan! Ông hẳn ghét sáu kết đây chẳng thành, ưa muốn một thành. Vậy làm sao được? A-nan thưa: Kết đây nếu còn là chẳng phải mũi nhọn khởi, ở trong tự sinh, kết đây chẳng phải kia kết kia chẳng phải đây. Ngay nay nghĩa nếu giải trừ tất cả. Kết nếu chẳng sinh thì không đây kia. Còn chẳng được gọi là một, sáu làm sao thành? Phật dạy: Sáu mở một mất cũng lại như vậy, do ông từ vô thủy tâm tánh cùng loạn, thấy biết vọng phát, phát vọng chẳng dứt, nhọc thấy phát trần, như tròng mắt nhọc thì có hoa cuồng, tròng mắt trong sáng không nhân loạn khởi. Tất cả thế giới núi sông đất liền, sinh tử Niết-bàn, đều tức tướng hoa cuồng nhọc điên đảo, A-nan thưa: Nhọc đây đồng kết làm sao mở trừ? Đức Như Lai đưa tay đem chỗ khăn kết riêng kéo phía bên phải. Hỏi A-nan rằng: Như vậy, khai mở chăng? Không vậy, bạch Đức Thế Tôn! Đức Phật xoay lại đưa tay riêng kéo phía bên trái, và hỏi A-nan: Như vậy, phải mở chăng? Không vậy, bạch Đức Thế Tôn! Phật bảo: A-nan! Nay ta dùng tay hai bên trái phải mỗi đều kéo trọn chẳng năng mở. Ông thử bày phương tiện làm

sao mở thành? A-nan thưa: Bạch Đức Thế Tôn! Phải ở nơi tìm kết mở tức phân tán. Phật bảo A-nan: Đúng vậy! Đúng vậy! Nếu muốn trừ kết, phải ngay tim kết”. Giải thích: Hai bên riêng kéo, sánh như hai kiến có không, phải ngay tim kết, tức chánh rõ Trung đạo. Do vì mê mờ chân không mà tình có không khởi, chấp căn trần mà nghĩa một sáu sinh. Chắc rõ tự tâm mở buộc đều hết sạch. Nên biết dơ tịnh mở buộc đều từ tự tâm. Vì tâm dơ nên thấy dơ, tâm sạch nên thấy sạch, tâm buộc nên thấy buộc, tâm mở nên thấy mở, nếu không nơi tâm, sao dơ sao sạch? Như trong kinh Thủ-lăng-nghiêm Tam-muội nói: “Bấy giờ trong chúng hội có một vị Bồ-tát tên là ma giới hành bất ô, hiện đến nơi cung ma nói với ác ma rằng: Ngươi há chẳng nghe Đức Phật nói Thủ-lăng-nghiêm Tam-muội. Vô lượng chúng sinh đều phát tâm A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề, ra khỏi cảnh giới của ngươi, cũng đều sẽ trở lại độ thoát những người đang còn ra khỏi cảnh giới của ngươi”. Ma liền nói: “Tôi nghe danh tự Phật nói Thủ-lăng-nghiêm Tam-muội, vì bị năm phược (trói buộc) nên chẳng năng đến được, đó là hai tay hai chân và cổ”. Bồ-tát lại hỏi ác ma rằng: “Ai trói buộc ngươi?” Ma đáp: “Tôi vừa phát tâm muốn đến hoại loạn người nghe thọ Thủ-lăng-nghiêm Tam-muội, liền bị năm trói buộc. Tôi lại vừa nghĩ chư Phật Bồ-tát có oai đức lớn, khó thể hoại loạn, nếu tôi đi đến, hoặc sẽ tự hoại, chẳng như tự trú ở trong điện đây, khởi niệm đó rồi, liền ở năm trói buộc mà được giải thoát”. Bồ-tát bảo: “Như vậy, tất cả phàm phu nhớ tưởng, phân biệt điên đảo thủ tướng, cho nên có buộc. Động niệm hý luận, cho nên có buộc, thấy nghe hay biết cho nên có buộc. Trong đây thật không ai buộc ai mở. Tại sao như vậy? Các pháp không buộc, vốn giải thoát vậy. Các pháp không mở, vốn không buộc vậy. Tướng thường giải thoát, không có ngu si. Đức Như Lai dùng pháp môn đây mà nói pháp. Nếu có chúng sinh được biết nghĩa đây, muốn cầu giải thoát, chuyên tâm tinh tấn, thì ở các buộc mà được giải thoát”.

Trong kinh Bảo Khiếp nói: “Văn -thù Sư -lợi bảo Đại Đức Xá-lợi-phất rằng: “Như Hằng sa kiếp, hỏa tai hung dữ, trọn chẳng thiêu đốt hư không. Như vậy, Xá-lợi-phất! Mỗi mỗi chúng sinh trong vô số kiếp tạo tội nghịch, nghiệp của bất thiện, nhưng tâm tánh đó trọn chẳng thể dơ’.

Trong kinh Đại Hư Không Tạng Bồ-tát Sở Vấn có kệ tụng nói:

“Hư không lìa sinh diệt
Pháp giới không khứ lai
Các sắc hiện ở không

Các pháp nương tâm trú.
Không không sắc chẳng sắc
Tâm tánh cũng như vậy
Hư không chỉ giả danh
Tâm ý thức như vậy".

Trong kinh am-đề-già Nữ có kệ tụng nói:

"Ta tuy ở trong thất
Tên như hiện trước mắt
Nhân xưng A-la-hán
Thường theo chẳng năng thấy".

Giải thích: Nên biết niệm niệm Thích-ca ra đời, bước bước Di-lặc hạ sinh, vì chỗ tự nghiệp ngăn ngại nên đối mặt mà chẳng thấy, hàng mười địa còn cách vỏ lưới mỏng, hàng Nhị thừa có thể biết.

Trong kinh Thủ Hộ Quốc Chủ Đà-la-ni nói: "Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Nhất Thiết Tự Tại Vương rằng: "Tam-muội sâu mầu đây lấy tâm Bồ-đề mà làm nhân đó, dùng đại từ bi mà làm căn bản, phương tiện tu tập Bồ-đề Vô thượng để làm cứu cánh. Này thiện nam! Trong đây, những gì gọi là Bồ-đề? Này thiện nam! Muốn biết Bồ-đề phải rõ tự tâm, nếu rõ tự tâm tức rõ Bồ-đề. Tại sao? Tâm và Bồ-đề là tướng của chân thật. Rốt ráo tìm cầu, đều chẳng thể được, đồng như hư không, nên tướng Bồ-đề tức tướng hư không. Cho nên Bồ-đề không tướng sở chứng, không tướng năng chứng, cũng không tướng của năng sở khế hợp. Tại sao? Bồ-đề rốt ráo không các tướng vậy. Này thiện nam! Vì tất cả pháp tức tướng hư không, cho nên Bồ-đề rốt ráo không tướng". Bấy giờ, Bồ-tát Nhất Thiết Tự Tại Vương lại bạch Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Nếu Bồ-đề đây đồng như hư không, thể Nhất thiết trí phải cầu ở đâu? Làm sao chứng đắc Bồ-đề hiện tiền? Trí Nhất thiết trí sẽ sinh thế nào?" Phật bảo Bồ-tát Nhất Thiết Pháp Tự Tại Vương rằng: "Này thiện nam! Thể Nhất thiết trí phải cầu ở tâm. Trí Nhất thiết trí và cả Bồ-đề từ tâm mà sinh. Tại sao? Thật tánh của tâm vốn thanh tịnh vậy." Này thiện nam! Tất cả các Đức Như Lai nói tướng tâm đây, chẳng phải xanh chẳng phải vàng, chẳng phải đỏ chẳng phải trắng, chẳng phải hồng chẳng phải tía, cũng chẳng phải kim sắc, chẳng phải dài chẳng phải ngắn, chẳng phải tròn chẳng phải vuông, chẳng phải sáng chẳng phải tối, chẳng phải nam chẳng phải nữ, cũng lại chẳng phải cũng nam cũng nữ. Này thiện nam! Tâm đây chẳng phải tánh cõi Dục, chẳng phải tánh cõi Sắc, chẳng phải tánh cõi Vô sắc, chẳng phải trời rồng, chẳng phải Dạ-xoa, chẳng phải Càn-thát-bà, chẳng phải A-tu-la,

chẳng phải Ca-lâu-la, chẳng phải Khẩn-na-la, chẳng phải Ma-hầu-la-già, nhân phi nhân v.v... tất cả đồng loại. Này thiện nam! Tâm đây chẳng phải trú ở mắt, cũng chẳng trú ở tai, mũi, lưỡi, thân, ý, ở trong ba đời cũng chẳng thể thấy. Tại sao? Tâm đây đồng với tướng hư không vậy. Vì nghĩa đó nên xa lìa tất cả thô tế phân biệt. Tại sao? Tánh hư không đây tức là tánh tâm vậy. Như tánh tâm đó tức tánh Bồ-đề. Như tánh Bồ-đề tức tánh Đà-la-ni. Này thiện nam! Cho nên tâm đây tánh hư không Bồ-đề Đà-la-ni, không hai không hai phần không riêng khác, không đoạn. Tất cả như vậy đều lấy đại từ đại bi mà làm căn bản, chỗ của phương tiện Ba-la-mật gồṃ . Này thiện nam! Cho nên phải biết, nay ta ở trong đại chúng các Bồ-tát đây, nói pháp như vậy, làm sạch tâm Bồ-đề rộng lớn vậy, là khiến tất cả rõ tự tâm vậy. Cho nên, Nhất Thiết Pháp Tự Tại Vương! Nếu có người thiện nam gã tín nữ nào muốn biết tánh Bồ-đề chân thật là, phải rõ tự tâm, như tánh tâm đó tức tánh Bồ-đề. Làm sao mà năng rõ biết tánh tâm? Nghĩa là tánh tâm đây ở tất cả tướng, hoặc hình hoặc hiển, cho đến hoặc năm ấm, hoặc sáu nhập, hoặc mười hai xứ, hoặc mười tám giới, các pháp như vậy v.v... quán sát tìm cầu trọn chẳng thể được. Này thiện nam! Nếu các Bồ-tát rõ biết như vậy tức được thành tựu môn đệ nhất thanh tịnh quang minh. Trú môn này rồi mặc tình được Trí nhất thiết trí cảnh giới chư Phật thậm thâm Tam-muội chẳng thể nghĩ bàn đây”.

Trong kinh Văn-thù Bát-nhã nói: “Phật hỏi: Văn- thù Sư -lợi! Ông đã cúng dường bao nhiêu chỗ chư Phật? Văn-thù Sư-lợi đáp: Con và chư Phật, tướng như huyễn hóa, chẳng thấy cúng dường và thọ nhận. Phật hỏi: Văn-Thù Sư-lợi! Nay ông có thể chẳng trú Phật thừa ư? Văn -thù Sư -lợi đáp: như con tư duy chẳng thấy một pháp, sao đáng được trú ở Phật thừa. Phật bảo: Văn -thù Sư -lợi! Ông chẳng được Phật thừa ư? Văn -thù Sư -lợi đáp: Như Phật thừa chỉ có danh tự, chẳng phải có thể được cũng chẳng thể được, con làm sao được. Phật hỏi: Văn-thù Sư -lợi! Ông được trí vô ngại ư? Văn-thù Sư -lợi đáp: Con tức vô ngại, làm sao lấy vô ngại mà được vô ngại. Phật hỏi: Ông ngồi đạo tràng ư? Văn-thù Sư- lợi đáp: Tất cả Như Lai chẳng ngồi đạo tràng, nay con làm sao riêng ngồi đạo tràng. Tại sao? Hiện thấy các pháp trú thật tế vậy”. Giải thích: Nếu rõ một tâm thật tế thì tất cả không chỗ được, ở trong không chỗ được nên năng hoàn tất vô biên Phật sự. Ở trong mỗi sự đều chẳng trái với thật tế vậy. Nếu giải hiểu như vậy chưa hẳn là chẳng ngồi đạo tràng, là ngồi đạo tràng, lúc đang ngồi đạo tràng là chẳng ngồi đạo tràng vậy. Tại sao? Đạo tràng v.v... chẳng vượt ngoài thật tế.

Trong kinh Đại Phẩm nói: "Nếu trú tất cả pháp, là chẳng trú Bát-nhã Ba-la-mật, chẳng trú tất cả pháp mới trú Bát-nhã Ba-la-mật". Giải thích: Nếu trú pháp thì chẳng thấy Bát-nhã, nếu trú Bát-nhã thì chẳng thấy pháp, vì pháp có tướng, Bát-nhã không tướng. Tướng có không trái nghịch nên vậy. Lại, chẳng phải lìa pháp có tướng mà riêng lập Bát-nhã không tướng. Vì tướng tức không tướng, toàn là Bát-nhã vậy. Trong kinh nói sắc vô biên nên Bát-nhã vô biên. Lại nói: Nếu học Bát-nhã nên học tất cả pháp. Tại sao? Phàm Bát-nhã là nghĩa không trú, khởi tâm tức là trú đắm. Nếu chẳng trú tất cả pháp tức là Bát-nhã, nên nói nếu học Bát-nhã nên học tất cả pháp. Giả sử trú Bát-nhã cũng thành ngu tối, chỉ tất cả xứ đều không trú, thì không gì chẳng phải là Bát-nhã.

Trong kinh Kim Cang Tràng Đà-la-ni nói: "Văn-thù bạch Phật: Bạch Đức Thế Tôn! Như có một pháp, Bồ-tát hành rồi năng vào tất cả các pháp môn Đà-la-ni chăng? Phật dạy: Có pháp môn một chữ, Bồ-tát được rồi, năng nói pháp môn ngàn muôn chữ. Pháp môn một chữ đây cũng chẳng thể nói hết các pháp rồi trở lại nhiếp vào pháp môn một chữ".

Trong kinh Chuyển Nữ Thân nói: "Nếu ở các pháp chẳng thấy sai biệt, thì là hẳn năng thành tựu chúng sinh". Lại hỏi: "Nếu biết các pháp đều tướng giải thoát, thì gọi là cứu cánh giải thoát". Giải thích: Chấp tâm làm cảnh, chạm mắt trần lao. Biết cảnh là tâm, không gì chẳng phải giải thoát. Do đó, hàng Nhị thừa chỉ chứng nhân không, chỉ lìa nhân ngã hư vọng, gọi là giải thoát, chưa được pháp không, giải thoát tất cả, vì chẳng nhận biết tâm vậy. Như trong kinh Lăng-già có kệ tụng nói: "Pháp không pháp thể, mà nói chỉ là tâm, chẳng thấy ở tự tâm, mà khởi ở phân biệt".

Trong kinh Xuất Diệu nói: "Thân mặc áo giáp giới, tâm không kiếm tuệ, thì chẳng năng đánh hoại nguồn gốc kết sử. Nên biết nếu chẳng quán tâm diệu tuệ thành tựu thì chẳng năng đoạn căn bản vô minh". Do đó, trong kinh Thủ-lăng-nghiêm nói: "Trì phạm chỉ là buộc thân, chẳng phải thân thì không chỗ buộc. Nguyên chẳng phải khắp tất cả, làm sao được viên thông".

Trong kinh Chánh Pháp Hoa nói: "Đệ nhất đại đạo không có hai chánh". Giải thích: Chí phải về một, chỗ chính của muôn pháp, như nước không hai vua, nhà không hai thủ. Nếu lìa đây riêng có chỗ mong cầu thì thành hai đạo. Như trong kinh Bồ-tát Hành Phương Tiện nói: "Phàm cầu pháp, gọi là chẳng cầu tất cả các pháp". Lại nói: "Nếu có chỗ cầu thì chẳng năng sư tử hống, nếu không chỗ cầu năng Sư Tử

Hống”. Giải thích: Trong kinh Niết-bàn nói: “Sư Tử Hống là quyết định nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh”, nếu biết tự tâm Phật tánh đầy đủ, thì ngoài tánh đâu có pháp mà có thể cầu ư?

Trong kinh Na -tiên nói: “Vua hỏi Na -tiên: Những gì là một tâm đó ư? Na- tiên đáp: Các thiện riêng có một tâm tối đệ nhất. Một tâm đó là, các thiện đều tùy ở đó. Na- tiên tiếp nói: Thí như thềm cấp tầng lầu phải có chỗ tựa. Các thiện đạo đều dính ở một tâm”.

Trong kinh Tạp Tạng nói: “Diêm vương thí dâng y báu cho Bồ-tát Văn -thù Sư -lợi, Bồ-tát Văn -thù Sư- lợi ở trên tòa bỗng nhiên ẩn thân chẳng thấy. Như vậy dần chuyển thí dâng các Bồ-tát Thanh văn, cũng lại như vậy. Cho đến tự mặc cũng chẳng thấy thân. Nhân đó, ngộ đạo”.

Giải thích: Phàm nguyên do của Phật tổ khởi giáo, không gì chẳng đều là phá hai chấp thân tâm. Nên trong kinh Kim Cang nói: “Phật nói chẳng phải thân, đó gọi là thân lớn”. Trong luận Bảo Tạng nói: “Lý của thanh hư rốt ráo không thân, tâm cũng như vậy. Nếu năng ngộ ngay thân tâm tự tha đều chẳng thể được, ngoài tâm không pháp, muôn cảnh đều không”, tức đồng chỗ Diêm vương ngộ vậy.

Trong kinh Vô Lượng Nghĩa nói: “Phật bảo Bồ-tát Đại Trang Nghiêm: “Có một pháp môn năng khiến Bồ-tát chóng được Bồ-đề”. “Bạch Đức Thế Tôn! Một pháp môn đó danh hiệu là gì? Nghĩa đó thế nào?” “Này thiện nam! Một pháp môn đó tên là Vô lượng nghĩa. Bồ-tát muốn được tu học vô lượng nghĩa là nên phải quán sát tất cả các pháp từ xưa đến nay tánh tướng không lặng, không lớn không nhỏ không sinh không diệt, chẳng phải trú chẳng phải động, chẳng tiền chẳng thối, giống như hư không không có hai pháp mà các chúng sinh hư vọng tính ngang là đây là kia là được là mất”. Giải thích: Một pháp môn đó tên là Vô lượng nghĩa là, tức là môn một tâm năng sinh vô lượng nghĩa, vì chẳng giữ tự tánh, tùy duyên thành các pháp. Ngay lúc tùy duyên cũng chẳng mất tự tánh. Vì chúng sinh chẳng rõ nên chỉ tùy duyên của khởi động, chẳng thấy tánh của tịch diệt, nên ở các pháp hoành kề có không đây kia được mất.

Trong kinh Như Lai Thị Giáo Thắng Quân Vương nói: “Đại vương phải biết. Thí như người nam hoặc các người nữ, ở trong mộng đó, chỗ tâm mộng thấy vườn rừng đáng ưa, núi hang đáng ưa, nước Ấp và các loại khác đáng ưa, mộng kia tỉnh rồi, chỗ thấy đều không. Như vậy, Đại vương! Vận nước thân mạng hư ngụy vô thường, tất cả đều như chỗ thấy trong mộng”. Nên biết cảnh giới trong mộng, cảnh giới lúc thức, chỉ chỗ

tâm thấy không là có khác. Người đời chỉ tin cảnh mộng là hư, thí như chấp cảnh vẽ là thật, vì vậy Đấng Đại Giác xót thương nói bày so sánh dẫn biết. Đem chỗ hư của tin phá chỗ thật của tin, khiến chỗ thật của tin đồng chỗ hư của tin, chóng ngộ pháp không đồng vào Tông kính.

Trong kinh Nhập Pháp Giới Thể Tánh nói: "Bấy giờ Trưởng lão Xá-lợi-phất từ tự trú xứ ra đến nơi trú xứ của Đồng tử Văn -thù Sư -lợi. Đến rồi, chẳng thấy Văn- thù Sư -lợi, bèn đến chỗ Phật. Đến rồi trú riêng bên ngoài cửa .Khi ấy Đức Thế Tôn bảo Đồng tử Văn -thù Sư -lợi rằng: "Văn- thù Sư -lợi! Tỳ-kheo Xá-lợi-phất nay đang tại ngoài cửa, vì muốn nghe pháp, ông nên khiến vào". Văn- thù Sư- lợi thưa: "Bạch Đức Thế Tôn! Như khoảng (tế) Xá-lợi-phất kia, như khoảng pháp giới. Thế Tôn! Hai khoảng đó đâu có tại trong đâu có tại ngoài, như hai khoảng giữa ư?" Phật dạy: "Chẳng như vậy". Văn -thù Sư -lợi thưa: "Bạch Đức Thế Tôn! Nói thật tế (khoảng thật) là, cũng chẳng phải thật tế. Tế như vậy chẳng phải tế, không trong không ngoài, chẳng lại chẳng đi. Bạch Đức Thế Tôn! Khoảng (tế) Trưởng lão Xá-lợi-phất tức là thật tế. Xá-lợi-phất giới tức là pháp giới, bạch Đức Thế Tôn! Nhưng pháp giới đây không ra không vào chẳng lại chẳng đi, Trưởng lão Xá-lợi-phất đó từ xứ nào lại? Sẽ vào nơi nào?" Phật dạy: "Văn-thù Sư -lợi! Như ta tại trong cùng các Thanh văn nói luận, ông tại ở ngoài mà chẳng nghe được, ý ông há chẳng sinh tưởng lo não ư?" Văn- thù Sư -lợi đáp: "Chẳng vậy, bạch Đức Thế Tôn! Tại sao? Thế Tôn! Phàm chỗ nói pháp chẳng lìa pháp giới, Như Lai nói pháp tức là pháp giới. Pháp giới tức là Như Lai giới. Nói pháp giới như pháp giới, nói pháp giới không hai không riêng khác. Chỗ có gọi đó nói đó, như đây v.v... đều chẳng lìa pháp giới. Bạch Đức Thế Tôn! Vì nghĩa đó nên con chẳng lo phiền. Bạch Đức Thế Tôn! Như con trong Hằng hà sa kiếp chẳng đến nơi chỗ Thế Tôn nói pháp, lúc con chẳng sinh ưa thích cũng không lo phiền. Tại sao? Nếu có hai là, tức sinh ưu não, pháp giới không hai nên không lo phiền". Giải thích: Do vì trong ngoài không khoảng, chân tục một nguồn. Vào trong Tông kính, Hân thích chẳng đầy một lòng ân, trú không hai xứ, thương ghét chẳng phải treo nơi ruộng tình. Nên biết chẳng đi chẳng lại, thấy Phật chẳng phải chuyển dời ở đương niệm, chẳng phải gần, chẳng phải xa, nghe pháp đâu vượt qua đầu mảy lông, được tâm Văn- thù mới biết pháp nhĩ, khởi kiến chúng sinh tự cách tinh trần. Trong kinh Thâm Mật Giải Thoát nói: "Chư Phật Như Lai khéo giác chỗ giác, lìa nơi hai hành đến xứ không tướng, hành hạnh chư Phật, được tất cả bình đẳng của Như Lai, đến cứ chỗ của không chướng ngại, năng đến tất cả pháp luân

chẳng thối lùi, năng đến cảnh giới chẳng thể hàng phục, thể chẳng thể nghĩ bàn, năng đến tất cả ba đời bình đẳng, khắp đến tất cả thân các thế giới, đến nơi các pháp, xứ của không nghi ngờ, năng đến tất cả trí hành cứu cánh, đều năng đến nơi pháp trí cảnh giới không nghi ngờ, được các thân tất cả không phân biệt, năng đáp tất cả Bồ-tát trí hỏi, năng đến bờ kia của không hai hành, năng đến xứ của chư Phật không có trí phân biệt giải thoát, năng đến cảnh giới vô biên vô trung Tam-muội, rộng lớn như pháp giới, cứu cánh như hư không, tận cùng khoảng vị lai". Giải thích: Phàm, thân đến xứ của các pháp không nghi ngờ, ngộ tâm mới biết, chóng chiếu môn của muôn cảnh không tướng, thấy tánh mới rõ, đó mới là hành xứ của Như Lai, chỗ biết của Đại giác, nên nói rộng lớn như pháp giới, cứu cánh như hư không, không thủy không chung, cùng tận khoảng vị lai.

Trong kinh Kim Cang Vương Bồ-tát Bí Mật Niệm Tụng Nghi Quỹ nói: "Vững thân ngồi thẳng phát khởi tư duy tất cả các pháp từ tự tâm khởi, từ xưa đến nay đều không chỗ có".

Trong kinh Di-lặc Thành Phật có kệ tụng nói:

"Lâu nghĩ chúng sinh khổ
Muốn cứu không do thoát
Ngày nay chứng Bồ-đề
Chợt nhiên không chỗ có".

Giải thích: Tâm thức niệm niệm phan duyên trói buộc cảnh trần chẳng được tự tại, tức là chúng sinh khổ, nếu rõ cảnh không không buộc, nội kết không sinh, chứng hiểu một tâm, căn trần đều lặng, tức vào pháp giới tánh không, chứng Bồ-đề không tướng. Do đó, trong kinh Pháp Hoa Tam-muội nói: "Không đắm không chỗ nương, không lụy tâm tịch diệt, bản tánh như hư không, gọi là đạo Vô thượng". Lại trong kinh Pháp Hoa nói: "Chư Phật ở đây đắc A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề, chư Phật ở đây chuyển đại pháp luân, chư Phật ở đây mà nhập Niết-bàn". Do đó, tám tướng thành đạo của chư Phật. Bốn gồm độ sinh của Bồ-tát, tự lợi lợi tha thảy đều ở trong bản tánh không mà thành đạt.

Trong kinh Tạp Tạng nói: "Thí như hai cây cùng cọ xát thì tự sinh lửa, trở lại thiêu đốt cây đó, lửa chẳng từ gió ra, chẳng từ nước ra, chẳng từ đất ra. Bốn ma đó cũng lại như vậy, đều từ tâm sinh chẳng từ bên ngoài lại. Thí như họa sĩ làm các hình tượng tùy tay lớn nhỏ. Tuy nhân duyên hợp có màu có bảng có bút mà họa sĩchẳng vẽ thì chẳng năng thành tượng. Bốn ma như vậy, tâm đã kiên cố bèn không chỗ khởi". Giải thích: Do vì một tâm chẳng động, pháp chẳng hiện tiền, như Họa

sư chẳng vẽ, tạm không hình tượng vậy, chẳng động một tâm có công đức lớn. Như trong kinh Pháp Cú nói: "Phật dạy: Này thiện nam! Thiện tri thức là có công đức lớn, năng khiến các ông ở trong các thứ trần lao, tham dục sân nhuế ngu si Tỳ-kheo năm cái năm dục mà kiến lập Phật pháp, chẳng khởi một tâm có công đức lớn. Thí như có người giữ chắc thuyền bè vượt qua biển lớn, chẳng động thân tâm mà đến bờ kia".

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 97

Phàm, Phật dạy đã rõ, tiếp phải nên nêu bày ý Tổ. Thấu đạt Phật thừa là đều cùng liễu nghĩa tương ưng. Như trong kinh Pháp Hoa nói: "Như người đó có chỗ tư duy tính lường nói phò, đều là Phật pháp, không gì chẳng chân thật, cũng là chỗ trong kinh chư Phật xưa trước nói".

Thứ nhất: Đức Phật Tỳ-bà-thi có kệ tụng nói:

"Thân từ trong không tướng thọ sinh
Giống như huyễn ra các hình tượng
Người huyễn tâm thức xưa nay không
Tội phước đều không không chỗ trú".

Thứ hai Đức Phật Thi Khí có kệ tụng nói:

"Khởi các thiện pháp vốn là huyễn
Tạo các nghiệp ác cũng là huyễn
Thân như bọt nước tâm như gió
Huyễn ra không căn không thật tánh".

Thứ ba: Đức Phật Tỳ-xá-phù có kệ tụng nói:

"Nương mượn bốn đại lấy làm thân
Tâm vốn không sinh nhân cảnh có
Cảnh trước nếu không tâm cũng không
Tội phước như huyễn khởi cũng diệt".

Thứ tư: Đức Phật Câu-lưu-tôn có kệ tụng nói:

"Thấy thân không thật là Phật thấy
Rõ tâm như huyễn là Phật rõ
Rõ được thân tâm tánh vốn không
Người đó cùng Phật nào khác biệt".

Thứ năm, Đức Phật Câu-na-hàm Mâu-ni có kệ tụng nói:

"Phật chẳng thấy thân biết là Phật
Nếu thật có biết riêng không Phật
Người trí năng biết tội tánh không

Thản nhiên chẳng sợ ở sinh tử".

Thứ sáu: Đức Phật Ca-diếp có kệ tụng nói:

"Tất cả chúng sinh tánh thanh tịnh
Từ xưa không sinh không thể diệt
Tức thân tâm đây như huyễn sinh
Ở trong huyễn hóa không tội phước".

Thứ bảy: Đức Phật Thích-ca Mâu-ni có kệ tụng nói:

"Huyễn hóa không nhân cũng không sinh
Đều tức tự nhiên thấy như vậy
Các pháp thảy đều tự hóa sinh
Huyễn hóa không sinh không chỗ sợ".

Lại bảo cùng Ma-ha-ca-diếp: "Ta có pháp nhãn thanh tịnh Niết-bàn Diệu tâm, thật tướng không tướng chánh pháp vi diệu, nay giao phó cho ông, chớ khiến đoạn tuyệt, nghe ta nói kệ tụng:

"Pháp vốn pháp không pháp
Pháp không pháp cũng không
Nay giao phó không pháp
Pháp pháp nào từng pháp".

Ở Tây Vức, Tổ thứ nhất Ma-ha-ca-diếp truyền pháp có kệ tụng nói:

"Pháp pháp pháp xưa nay
Không pháp không chẳng pháp
Ở trong một pháp nào
Có pháp có chẳng pháp".

Tổ thứ hai, A-nan truyền pháp có kệ tụng nói:

"Xưa nay trao có pháp
Trao rồi nói không pháp
Mỗi mỗi phải tự ngộ,
Ngộ rõ không pháp không".

Tổ thứ ba, Thương-na-hòa-tu truyền pháp có kệ tụng nói:

"Chẳng pháp cũng chẳng tâm
Không tâm cũng không pháp
Lúc nói tâm pháp đó
Là pháp chẳng tâm pháp".

Tổ thứ tư, Ưu-ba-cúc-đa truyền pháp có kệ tụng nói:

"Tâm tự tâm xưa nay
Bản tâm chẳng có pháp

Có pháp có bản tâm
Chẳng tâm chẳng bản pháp”.

Tổ thứ năm, Đề-đa-ca, cũng gọi là Hương Chúng, mới đầu đến nơi Ưu-ba-cúc-đa cầu xin xuất gia, Tôn giả hỏi: “Tâm ông xuất gia hay thân ông xuất gia?” Hương Chúng đáp: “Con lại xuất gia chẳng phải vì thân tâm mà cầu lợi ích”. Tôn giả hỏi: “Chẳng là thân tâm, thì ai xuất gia?” Hương Chúng đáp: “Phàm, xuất gia là không ngã, không ngã tức tâm chẳng sinh diệt, tâm chẳng sinh diệt tức là thường, đã là thường nên Phật cũng thường, tâm không hình tướng, thể đó cũng vậy.” Tôn giả bảo: “Ông sẽ đại ngộ tâm tự sáng suốt, nương trong Phật pháp độ vô số chúng”. Về sau truyền pháp có kệ tụng nói:

“Thông đạt tâm bản pháp
Không pháp không chẳng pháp
Ngộ rõ đồng chưa ngộ
Không tâm được không pháp.”

Thứ sáu, Tổ Di-già-ca truyền pháp có kệ tụng nói:

“Không tâm không thể được
Nói được chẳng là pháp
Nếu rõ tâm chẳng tâm
Mới hiểu tâm tâm pháp”.

Tổ thứ bảy, Bà-tu-mật truyền pháp có kệ tụng nói:

“Tâm đồng hư không giới
Bày đồng pháp hư không
Lúc chứng được hư không
Pháp không phải không quấy”.

Tổ thứ tám, Phật Đà-nan-đề truyền pháp có kệ tụng nói:

“Hư không không trong ngoài
Tâm pháp cũng như vậy
Nếu rõ suốt hư không
Là đạt lý chân như ”.

Tổ thứ chín, Tôn giả Phục-đà-mật-đa, hỏi Tôn giả Phật Đà-nan-đề bằng kệ tụng nói:

“Cha mẹ chẳng thân ta
Ai là người rất thân
Chư Phật chẳng đạo ta
Ai là đạo tối ưu?”

Tôn giả Phật Đà-nan-đề nói kệ tụng đáp:

“Ông nói cùng tâm thân

Cha mẹ chẳng thể sinh
Ông hành cùng đạo hợp
Tâm chư Phật tức vậy.
Ngoài cầu Phật có tướng
Cùng ông chẳng tương tợ
Muốn biết bản tâm ông
Chẳng hợp cũng chẳng lìa".

Nhân đó mà ngộ đạo, về sau truyền pháp có kệ tụng nói:

"Chân lý vốn không danh
Nhân danh hiển chân lý
Thọ được pháp chân thật
Chẳng chân cũng chẳng ngụy".

Tổ thứ mười, Tôn giả Hiếp, truyền pháp có kệ tụng nói:

"Chân thể tự nhiên chân
nhân chân nói có lý
Lãnh được pháp chân thật
Không đi cũng không dừng".

Tổ thứ mười một, Phú-na-dạ-xa. Lúc Tôn giả Hiếp đang ở dưới gốc cây, đưa tay chỉ đất nơi gốc cây mà bảo đại chúng rằng: "Đất đây nếu biến làm vàng ròng, thì sẽ có bậc Thánh vào hội đây". Nói xong chưa bao lâu, bèn biến thành vàng ròng. Tôn giả đưa tay lên mà thấy một người đang đứng trước chúng hội, Tôn giả hỏi: "Ông từ đâu lại?" Phú-na-dạ-xa đáp: "Tâm tôi chẳng phải đến". tôn giả hỏi: "Trú ở đâu nào?" Phú-na-dạ-xa đáp: "Tâm tôi chẳng phải dừng". Tôn giả hỏi: "Ông chẳng định ư?. Phú-na-dạ-xa đáp: "Chư Phật cũng vậy! ;Tôn giả: Ong chằng phải chư phật:Dạ xa:chư phật cũng chẳng phải". lúc ấy, Phú-na-dạ-xa nói kệ tụng tán thán rằng: "Thầy ngồi đất vàng ròng, thường nói nghĩa chân thật, xoay ánh sáng soi con, khiến vào Tam-ma-địa". Về sau, truyền pháp có kệ tụng nói:

"Mê ngộ như ẩn hiển
Tối sáng chẳng lìa nhau
Nay trao pháp ẩn hiển,
Chẳng một cũng chẳng hai".

Tổ thứ mười hai, Tôn giả Mã Minh, truyền pháp có kệ tụng nói:

"Ẩn hiển tức Bản pháp
Tối sáng nguyên chẳng hai
Nay trao pháp ngộ rõ
Chẳng lấy cũng chẳng bỏ".

Tổ thứ mười ba, Tôn giả Tỳ-la truyền pháp có kệ tụng nói:

"Pháp chẳng ẩn chẳng hiển
Nói là khoảng chân thật
Ngộ pháp ẩn hiển đây
Chẳng ngu cũng chẳng trí".

Tổ thứ mười bốn, Tôn giả Long Thọ hành hóa đến Nam Ấn Độ, người nước đó phần nhiều tu phước nghiệp chẳng hiểu Phật lý, chỉ làm việc nhỏ, chẳng đủ đại trí, đến lúc cầu Phật tánh mà nói: "Bố thí ta cầu phước nghiệp, chẳng phải hiểu Phật tánh, ông hiểu Phật tánh, hãy vì tôi nói". Tôn giả bảo: "Các ông muốn học đạo trước phải trừ ngã mạn, sinh tâm cung kính mới được Phật tánh". Mọi người hỏi: "Phật tánh lớn hay nhỏ?" Tôn giả đáp: Chẳng phải chỗ các ông biết, chẳng phải nói lớn nhỏ, nếu nói lớn nhỏ, tức là lớn nhỏ, chẳng phải Phật tánh vậy". Chúng kia nói: "Tôi muốn bỏ việc nhỏ, về nơi biển lớn". Tôn giả bèn vì giảng nói pháp, đối trước đại chúng mà hiện tướng khác lạ, thân như vầng nguyệt, đang ở trên tòa chỉ nghe nói pháp chẳng thấy hình đó. Ở trong chúng kia có một Trưởng giả tên là Đề-bà hỏi mọi người rằng: "Nhận biết điềm này chăng?" Chúng kia đáp: "Nếu chẳng là bậc Đại Thánh, ai năng nhận biết". Khi ấy, Đề-bà do tâm căn xưa trước thanh tịnh thấy tướng đó, im lặng khế hợp. Mới bảo cùng mọi người rằng: "Thầy hiện nghĩa của Phật tánh, chẳng phải thân thầy là không tướng Tam-muội. Hình như trăng tròn là nghĩa của Phật tánh vậy". Nói chưa xong, Tôn giả bèn hiện lại nguyên thân ngồi trên tòa mà nói kệ tụng rằng:

"Thân hiện tướng vầng nguyệt,
Để bày thể chư Phật,
Nói pháp không hình đó
Dụng biện chẳng thanh sắc".

Về sau, truyền pháp có kệ tụng nói:

"Làm rõ pháp ẩn hiển,
Mới nói lý giải thoát,
Nói pháp tâm chẳng chứng
Không sân cũng không mừng".

Tổ thứ mười lăm, Tôn giả Ca-na-đề-bà truyền pháp có kệ tụng nói:

"Vốn đối người truyền pháp
Vì nói lý giải thoát
Nói pháp thật không chứng
Không thủy cũng không chung".

Tổ thứ mười sáu, Tôn giả La-hầu-la truyền pháp có kệ tụng nói:

"Nơi pháp thật không chứng
Chẳng lấy cũng chẳng lìa
Pháp chẳng tướng có không
Trong ngoài làm sao khởi".

Tổ thứ mười bảy, Tôn giả Tăng-già-nan-đề truyền pháp có kệ tụng nói:

"Tâm địa vốn không sinh
Nhân chủng theo duyên khởi
Duyên chủng chẳng ngại nhau
Hoa quả cũng như vậy".

Tổ thứ mười tám, Già-da-xá-đa, mới đầu nhân tổ thứ mười bảy Tăng-già-nan-đề đến nơi nhà, chợt thấy một trẻ nhỏ tay nắm gương đồng mà đến bên cạnh, Tôn giả hỏi: "Con bao nhiêu tuổi?" Đứa trẻ đáp: "Con đáng trăm tuổi". Khi ấy Tôn giả thấy đáp trăm tuổi, lại hỏi rằng: "Con thật là không biết, trông rất bé nhỏ vậy mà nói trăm tuổi, chẳng phải lý đó vậy". Đứa trẻ nói: "Con chẳng hiểu lý, chánh đáng trăm tuổi". Tôn giả hỏi: " căn cơ lành của con ư?" Đứa trẻ đáp: "Phật có kệ tụng nói:

"Nếu người sống trăm năm,
Chẳng hiểu cơ chư Phật,
Chưa bằng sống một ngày,
Mà được quyết rõ đó".

Khi ấy, Tôn giả rất kính mến, biết đó là bậc Thánh, lại nêu hỏi rằng: "Con nắm gương đó, ý ví thế nào?". Đứa trẻ dùng kệ tụng đáp:

"Chư Phật gương tròn lớn,
Trong ngoài không vết mờ,
Hai người đồng được thấy,
Tâm mắt đều tương tợ".

Song thân thấy đứa trẻ kỳ lạ, bèn cho xuất gia, Tôn giả bèn dẫn theo hành hóa, đến một chùa cổ mà cho thọ giới và đặt tên là Già-da-xá-đa. Ở trên điện đó có chiếc linh đồng bị gió lay động vang tiếng, Tôn giả bèn hỏi: "Kia là gió kêu hay linh kêu hay đồng kêu?". Già-da-xá-đa đáp: "tâm con kêu vậy, chẳng phải gió hay đồng linh". Tôn giả bảo: "Chẳng phải gió hay đồng, linh vậy tâm ông là ai?" Già-da-xá-đa đáp: "Cả hai đều tĩnh lặng, chẳng phải Tam-muội ư?" Tôn giả bảo: "Lành thay! Chân Tỳ-kheo, khéo hội lý chư Phật, khéo nói các pháp yếu, khéo biết nghĩa chân thật". Lại bảo: "Nay ta đem pháp nhãn tạng đây giao

phó cho ông. Ông hãy nghe ta nói kệ tụng mà hoằng hóa đó”. Kệ tụng nói: “Tâm địa vốn không sinh, nhân chủng theo duyên khởi. Duyên chủng chẳng ngại nhau, hoa quả cũng như vậy”. Về sau, Tôn giả Già-da-xá-đa truyền pháp cho Cưu-ma-la-đa có kệ tụng nói:

“Có giống có đất tâm
Nhân duyên năng nẩy mầm
Nơi duyên chẳng ngại nhau
Sẽ sinh sinh chẳng sinh”.

Tổ thứ mười chín, Tôn giả Cưu-ma-la-đa truyền pháp có kệ tụng nói:

“Tánh trên vốn không sinh
Vì đối người cầu nói
Nơi pháp đã không được
Sao ôm quyết chẳng quyết”.

Tổ thứ hai mươi, Tôn giả Xà-dạ-đa truyền pháp có kệ tụng nói:

“Mở lời hợp không sinh
Đồng nói tánh pháp giới
Nếu năng hiểu như vậy
Thông đạt sự lý xong”.

Tổ thứ hai mươi mốt, Tôn giả Bà-tu-bàn-đầu truyền pháp có kệ tụng nói:

“Bọt huyễn đồng vô ngại
Vì sao chẳng rõ ngộ
Đạt pháp tại trong đó
Chẳng nay cũng chẳng xưa”.

Tổ thứ hai mươi hai, Tôn giả Ma-noa-la truyền pháp cho Tôn giả Hạc-lặc xong rồi liền từ chỗ ngồi đứng dậy vọt thân bay lên hư không hóa hiện mười tám thứ thần biến xong, bèn trở lại chỗ ngồi cũ, đưa tay chỉ xuống đất hóa làm dòng suối mà nói kệ tụng rằng:

“Đất tâm suối thanh tịnh
Rồng đượm thấm tất cả
Từ đất mà vọt ra
Khắp đầy khoảng mười phương”.

Lại truyền pháp có kệ tụng nói:

“Tâm theo muôn cảnh chuyển
Chuyển ở thật năng sâu
Tùy dòng nhận được tánh
Không mừng cũng không lo”.

Tổ thứ hai mươi ba, Tôn giả Hạc-lặc truyền pháp xong, tức từ chỗ ngồi vọt thân bay lên giữa hư không làm mười tám thứ biến hóa rồi bèn trở lại chỗ ngồi, im lặng mà thị tịch. Khi ấy đại chúng muốn phân chia xá-lợi mới tự tạo dựng tháp để tôn thờ. Đến khi trà tỳ xong. Khi đó, Tôn giả hiện thân nói kệ tụng rằng:

"Một pháp tất cả pháp
Tất cả một pháp nhiếp
Thân ta chẳng có không
Sao phân tất cả tháp".

Lại, lúc truyền pháp có kệ tụng nói:

"Lúc nhận được tâm tánh
Đáng nói chẳng nghĩ bàn
Rõ ràng không chỗ được
Lúc được chẳng nói biết".

Tổ thứ hai mươi bốn, Tôn giả Sư Tử truyền pháp có kệ tụng nói:

"Ngay lúc nói thấy biết
Thấy biết đều là tâm,
Ngay tâm tức thấy biết
Thấy biết nay đây".

Tổ thứ hai mươi lăm, Tôn giả Bà-xá-đa truyền pháp có kệ tụng nói:

"Thánh nhân nói thấy biết
Ngay cảnh không phải quấy
Nay ta ngộ chân tánh
Không đạo cũng không lý".

Tổ thứ hai mươi sáu, Tôn giả Bất-như-mật-đa truyền pháp có kệ tụng nói:

"Chân tánh kho đất tâm
Không đầu cũng không đuôi
Ứng cơ mà hóa vật
Phương tiện gọi là trí".

Tổ thứ hai mươi bảy, Tôn giả Bát-nhã-đa-la truyền pháp có kệ tụng nói:

"Đất tâm sinh các giống
Nhân sự lại nhân lý
Quả đầy Bồ-đề viên
Hoa nở thế giới dậy".

Ở Tây Vức, có Tôn giả Ba-la-đề giáo hóa vua Dị Kiến, hiện sức

thần thông cưỡi mây bay đến trước điện vua. Khi ấy vua hỏi người cưỡi mây: "Ngươi là tà hay ngươi là chánh ư?" Tôn giả Ba-la-đề đáp: "Tôi chẳng phải tà chánh mà lại chánh tà, Đại vương nếu chánh, tôi không tà chánh". Vua lại hỏi: "Thế nào là Phật?" Ba-la-đề đáp: "Thấy tánh là Phật". Vua hỏi: "Sư thấy tánh ư?" Ba-la-đề đáp: "Tôi thấy tánh Phật". Vua hỏi: "Tánh tại xứ nào?" Ba-la-đề đáp: "Tánh tại tác dụng". Vua hỏi: "Đó là tác dụng nào mà nay chẳng thấy?" Ba-la-đề đáp: "Nay hiện tác dụng, vua tự chẳng nhận biết". Vua hỏi: "Chỗ sư đã thấy sao có tác dụng, ngay nơi chỗ ta mà có đó chăng?" Ba-la-đề đáp: "Nếu vua tác dụng hiện tiền đều phải, nếu vua chẳng dùng thể cũng khó thấy". Vua hỏi: "Nếu đang dụng ,có mấy xứ xuất hiện?" Ba-la-đề đáp: "Nếu lúc ra dụng, sẽ có tám đó". Và bèn vọt đúng thẳng trên mây đứng, dùng kệ tụng mà bảo rằng:

"Tại bào thai gọi là thân,
Ở đời gọi là người
Tại mắt gọi là thấy
Tại tai gọi là nghe.
Tại mũi rõ hơi thở
Tại miệng là đàm luận
Tại tay là nắm bắt
Tại chân là chuyển chạy.
Hiện khắp đều gần pháp giới,
Thâu gồm chẳng vượt ngoài mảy trần.
Thức giả biết là Phật tánh,
Kẻ chẳng biết gọi là linh hồn".

Ở Trung Hoa, tổ thứ nhất Bồ-đề Đạt-ma-đa la, là con thứ ba của vua nước xứ Nam Ấn Độ, thường khéo giỏi lý luận, tâm nghĩ chúng sinh mà chẳng biết Phật, lại tự than rằng: "Ở đời pháp có hình mà dễ rõ đó, chỉ pháp tâm Phật khó có kẻ hiểu!". Bấy giờ Tôn giả Bát-nhã-đa-la đến nước đó, được vua ban tặng viên châu báu, viên châu đó sáng rỡ khác lạ. Tôn giả thấy rồi, bèn lấy viên châu mà thử hỏi: "Châu báu đây có ánh sáng lớn năng chiếu nơi vật. Lại có viên châu nào hơn viên châu này chăng?" Tôn giả Bồ-đề Đa-la đáp: "Đây là báu thế gian chưa có gì hơn. Trong các thứ ánh sáng, thì ánh sáng trí là thượng diệu. Đây là ánh sáng ở thế gian chưa có gì hơn, trong các thứ ánh sáng, ánh sáng của tâm là Đệ nhất. Viên châu đây chỗ có ánh sáng chẳng năng tự chiếu, cần nhờ trí ánh sáng trí biện bác ở đây, đã biện đây rồi tức biết là châu, đã biết là châu, tức rõ báu đó, nếu rõ báu đó, báu chẳng tự báu, nếu

biện châu đó, châu chẳng tự châu. Châu chẳng tự châu cần nhờ châu trí mà biện bác rõ châu thế gian. Báu chẳng tự báu là cần nhờ pháp báu để rõ báu thế tục. Nhưng mà sư có đạo đó, báu đó đã hiện, chúng sinh có đạo, tâm báu cũng vậy". Tôn giả lấy đó làm lạ, nhân xuất gia mà ngộ đạo, bèn đến hoằng hóa tại Trung Hoa. Bảo Chí nhận biết đây là Thánh nhân Quán Âm truyền tâm ấn của Phật. Tôn giả thuật về pháp môn An tâm là: "Lúc mê người theo pháp, lúc hiểu pháp theo người. Hiểu thì thức gồm sắc, mê thì sắc gồm thức, chỉ có tâm phân biệt so sánh, tự tâm hiện lượng là thảy đều như mộng, nếu thức tâm tịch diệt không một xứ động niệm, đó gọi là Chánh giác". Hỏi: "Thế nào là tự tâm hiện?" Đáp: "Thấy tất cả pháp có. Có tự chẳng có, tự tâm chấp làm có, thấy tất cả pháp không, không tực không, tự tâm chấp làm không, cho đến tất cả pháp cũng như vậy, đều là tự tâm chấp làm có, tự tâm chấp làm không. Lại, nếu người tạo tất cả tội, tự thấy pháp vương của mình tức được giải thoát. Nếu từ trên sự được giải thoát là khí lực mạnh mẽ. Từ trong sự thấy pháp` tức xứ xứ chẳng mất niệm, từ văn tự mà hiểu là khí lực yếu kém. Tức sự tức pháp là sâu xa theo ông các thứ vận làm, nhảy nhót nghiêng ngã đều chẳng ra khỏi pháp giới, cũng chẳng vào pháp giới, nếu đem giới vào giới tức là người si, phàm có hành xử trọn chẳng vượt ngoài pháp giới tâm. Tại sao? Tâm thể là pháp giới vậy". Hỏi: "Người thế gian các thứ học vấn, cớ sao chẳng được đạo?" Đáp: "Do thấy mình nên chẳng được đạo. Mình là ngã vậy. Bậc chí nhân, gặp khổ chẳng buồn, gặp lạc chẳng mừng, do chẳng thấy mình vậy. Do đó, chẳng biết khổ lạc là do mất mình nên được đến hư vô. Mình tự còn mất, vật có pháp gì mà chẳng mất". Hỏi: "Các pháp đã không, vậy ai tu đạo?" Đáp: "Có ai tu đạo hay không ai tu đạo, tức chẳng tu đạo. Ai cũng là ngã vậy. Nếu không ngã là gặp vật chẳng sinh phải quấy. Phải là ngã tự phải, mà vật chẳng phải phải vậy. Quấy là ta tự quấy mà vật chẳng phải quấy vậy. Tức tâm không tâm, đó là thông đạt Phật đạo, tức vật chẳng khởi thấy, gọi là đạt đạo, gặp vật đạt ngay biết cội nguồn đó, người đây mắt tuệ mở. Bậc trí là bỏ mặc vật chẳng bỏ mặc mình, tức không lấy bỏ nghịch thuận, kẻ ngu mặc mình chẳng bỏ mặc vật, tức có lấy bỏ nghịch thuận, chẳng thấy tất cả vật gọi là thấy đạo, chẳng hành một vật gọi là hành đạo, tức tất cả xứ không, xứ tức là pháp xứ, tức làm xứ không làm, pháp không làm tức thấy Phật. Nếu lúc thấy tướng thì tất cả xứ thấy quỷ, chấp thủ tướng nên đọa địa ngục, quán pháp nên được giải thoát, nếu thấy nghĩ tưởng phân biệt, tức chịu các sự vạc sôi lò đỏ, hiện thấy tướng sinh tử, nếu thấy tánh pháp giới tức tánh Niết-bàn,

không nghĩ tưởng phân biệt tức là tánh pháp giới. Tâm chẳng phải sắc nên chẳng phải có, dụng mà chẳng phế bỏ nên chẳng phải không. Lại, dụng mà thường không nên chẳng phải có, không mà thường dụng nên chẳng phải không". Về sau truyền pháp có kệ tụng nói: "Ta vốn đến xứ này, truyền pháp cứu mê tình, một hoa nở năm cánh, kết quả tự nhiên thành".

Tổ thứ hai, Đại sư Trí Khả, nói: "Phàm phu cho rằng xưa khác nay, cho rằng nay khác xưa. Lại lìa bốn đại là có pháp thân, lúc hiểu tức năm ấm nay tâm là viên tịnh Niết-bàn, tâm đây đầy đủ muôn hạnh. Chánh xứng Đại Tông". Lúc truyền pháp có kệ tụng nói:

"Xưa nay duyên có đất,
Nhân đất giống hoa sinh.
Xưa nay không có giống,
Hoa cũng chẳng năng sinh".

Tổ thứ ba, Đại sư Tăng Xán truyền pháp có kệ tụng nói:

"Hoa giống tuy nhân đất,
Từ đất giống hoa sinh,
Nếu không người gieo giống,
Hoa giống đều không sinh".

Tổ thứ tư, Đại sư Đạo Tín nói: "Phàm muốn biết tâm định là ngay lúc ngồi biết tâm ngồi, biết tâm có vọng khởi, biết tâm không vọng khởi, biết tâm không trong ngoài, lý đều về tâm, tâm đã thanh tịnh, tịnh tức bản tánh, trong ngoài chỉ một tâm, là tướng trí tuệ, rõ ràng không động tâm gọi là tự tánh định". Lại chỉ dạy cho Đại sư Dung rằng: "Trăm ngàn diệu môn đồng về tấc vuông, Hằng sa công đức đều tại nguồn tâm. Tất cả môn định, tất cả môn tuệ, tất cả môn hành, thảy đều đầy đủ, thần thông diệu dụng đều tại tâm ông". Lúc truyền pháp có kệ tụng nói:

"Hoa giống có tánh sinh
Nhân đất hoa sinh sinh
Duyên lớn cùng tánh hợp
Sẽ sinh sinh chẳng sinh".

Tổ thứ năm, Đại sư Hoằng Nhẫn nói: "Muốn biết pháp yếu, tâm là căn bản của mười hai bộ kinh, chỉ có pháp một thừa. Một thừa là một tâm vậy. Chỉ giữ một tâm tức môn tâm chân như, tất cả pháp hành chẳng vượt ngoài tự tâm, chỉ tâm tự biết tâm không hình sắc. Các Tổ chỉ là đem tâm truyền tâm. Thấu đạt là ấn khả, lại không pháp riêng khác". Lại nói: "Tất cả do tâm, tà chánh tại mình, chẳng nghĩ một vật, tức là

bản tâm, chỉ trí năng biết, không hành riêng biệt". Lúc truyền pháp có kệ tụng nói:

"Hữu tình lại gieo giống
Nhân đất quả lại sinh
Không tình đã không giống
Không tánh cũng không sinh".

Tổ thứ sáu, Đại sư Tuệ Năng nói: "Các ông tự tâm là Phật, lại chớ hồ nghi, ngoài tâm` không một pháp mà năng kiến lập, đều là tự tâm sinh muôn thứ pháp. Trong kinh nói: "Tâm sinh các thứ pháp sinh". Pháp đó không hai, tâm đó cũng vậy, đạo đó thanh tịnh không có các tướng. Các ông chớ quán tịnh và không tâm đó. Tâm đây không hai, không thể lấy bỏ, đi đứng nằm ngồi đều ngay một tâm, tức là cõi tịnh, nương lời ta nói quyết định đắc Bồ-đề". Lúc truyền pháp có kệ tụng nói:

"Đất tâm ngậm muôn giống
Mưa khắp thảy đều sinh
Chóng ngộ hoa tình rồi
Quả Bồ-đề tự thành".

Đại sư Hoài Nhượng nói: "Tất cả muôn pháp đều từ tâm sinh, nếu đạt đất tâm, chỗ làm vô ngại. Nay ông tâm đây tức là Phật vậy. Tổ sư Đạt-ma từ Tây Vức lại chỉ truyền pháp của một tâm, ba cõi duy tâm, sum-là muôn tượng, chỗ ấn của một pháp. Phàm chỗ thấy sắc đều là tự tâm, tâm chẳng tự tâm, nhân sắc nên tâm. Ông có thể cùng lúc tức sự tức lý đều không chỗ ngại. Đạo quả Bồ-đề cũng lại như vậy, từ chỗ tâm sinh tức gọi là sắc. Biết sắc không nên sinh tức chẳng sinh". Đại sư Mã Tổ hỏi: "Làm sao dụng ý hợp thiền định không tướng Tam-muội?" Đại sư đáp: "Nếu ông học pháp môn tâm địa, tợ như gieo giống, ta nói pháp yếu thí như mưa đượm. Ông duyên hợp nên sẽ thấy ở đạo". Đại sư Mã Tổ lại hỏi: "Hòa thượng nói thấy đạo. Đạo chẳng phải sắc làm sao năng thấy?" Đại sư đáp: "Đất tâm mắt pháp năng thấy nơi đạo, không tướng Tam-muội cũng lại như vậy". Đại sư Mã Tổ hỏi: "Có thành hoại ư?" Đại sư đáp: "Nếu khế hợp đạo đây, không thủy không chung, chẳng thành chẳng hoại, chẳng tụ chẳng tan chẳng dài chẳng ngắn, chẳng tỉnh chẳng loạn chẳng gấp gáp chẳng chậm rãi. Nếu hiểu như vậy, sẽ gọi là đạo. Ông nhận sự chỉ bày của ta, hãy lắng nghe ta nói kệ tụng: "Đất tâm ngậm các giống, gặp đượm thảy nẩy mầm, hoa Tam-muội không tướng, sao hoại lại sao thành?"

Hòa thượng Tư ở Cát Châu nói: "Tức nay nói phô tức là tâm ông,

tâm đây là Phật, là thật tướng pháp thân Phật. Trong kinh nói: "Có ba A-tăng-kỳ trăm ngàn danh hiệu, tùy thế giới theo xứ lập danh, như tùy sắc châu ma-ni, chạm xanh tức xanh, chạm vàng tức vàng. Sắc báu gốc như tay chẳng tự xúc chạm, dao chẳng tự cắt, gương chẳng tự chiếu, tùy xứ của chỗ tượng hiện mỗi mỗi chẳng đồng được tên hơn kém chẳng đồng. Tâm đây thọ ngang hư không, nếu vào môn Tam-muội, không gì chẳng là Tam-muội. Nếu vào môn không tướng, đều là không tướng. Tùy xứ của lập danh đều được tông môn, nói phô khóc cười co duỗi cúi ngửa, mỗi mỗi tùy chỗ biển tánh phát nên được tên tông. Phật của tướng tốt là Phật nhân quả, tức gia dụng của Phật thật tướng. Trong kinh nói: "Ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp đều từ tâm tưởng sinh". Cũng nói là: "Ánh lửa nhà pháp tánh", cũng nói là "Công huân của pháp tánh". Tùy tâm đó tịnh tức cõi Phật tịnh. Các niệm nếu sinh, tùy niệm được quả, ứng vật mà hiện, gọi đó là Như Lai. Tùy ứng mà đi nên không chỗ cầu, trong tất cả thời không có một pháp có thể được. Tự là được pháp, chẳng vì được là được. Do đó, pháp chẳng biết pháp, pháp chẳng nghe pháp, bình đẳng tức Phật, Phật tức bình đẳng, chẳng vì bình đẳng lại hành bình đẳng. Nên nói riêng một không nửa, lúc mê mê ở ngộ, lúc ngộ ngộ ở mê. Mê trở lại tự mê, ngộ trở lại tự ngộ, không có một pháp nào chẳng từ tâm sinh, không có một pháp nào chẳng từ tâm diệt. Vì vậy, mê ngộ đều tại một tâm, nên nói một mảy trần ngậm cả pháp giới. Chẳng phải tâm chẳng phải Phật là chân làm bản tánh quá các số lượng. Chẳng phải Thánh không biện rành, chỗ biện rành chẳng thể nói, không Phật có thể làm, không đạo có thể tu. Trong kinh luận nói: "Nếu biết Như Lai thường chẳng nói pháp, đó gọi là đầy đủ đa văn". Tức thấy tự tâm đầy đủ đa văn. Nên cỏ cây có Phật tánh đều là một tâm, cơm ăn làm Phật sự, áo mặc làm Phật sự vậy.

Hòa thượng An ở Tung sơn. Xưa kia Hòa thượng Nhượng và Thiền sư Thản Nhiên ở Ngọc Tuyền tại Kinh châu tập học Luật bộ, hai người cùng nói với nhau: "Tôi nghe Thiền tông là Phật thừa tối thượng, sao hẳn hạn cục ở tông tiểu đây đành mất lý đại". Bèn mới vân du tham học nơi các bậc tiên tri, đến nơi Hòa thượng Tông ở Tung sơn, hỏi: "Thế nào là ý chỉ của Tổ sư từ Tây vức lại?" Hòa thượng bảo: "Sao chẳng hỏi ý chỉ của chính nhà mình mà hỏi ý chỉ riêng người khác làm gì?" Hỏi: "Thế nào là ý chỉ Thản Nhiên?" Hòa thượng bảo: "Ông phải gấn liền làm lụng xử dụng". Hỏi: "Thế nào gấn liền làm lụng xử dụng? Cúi xin chỉ bày". Hòa thượng đưa mắt trông nhìn đó. Hai người ngày đó đại ngộ.

Tam Tạng Pháp sư Quật-đa nhân đến huyện Định Tương tại Thái Nguyên, ngang qua thôn ấp thấy đệ tử của Đại sư Tú đang kết cỏ làm am riêng ngồi quán tâm. Sư hỏi: "Làm gì vậy?" Đáp (quán sát) "tĩnh". Sư hỏi: "Khán là người nào? Tĩnh là vật gì?" Vị Tăng không trả lời mà lại hỏi: "Lý này thế nào xin Sư chỉ bày?" Sư bảo: "Sao chẳng tự khán, sao chẳng tự tĩnh?" Sư thấy căn tánh vị đó chậm chạp, mới hỏi: "Thầy của ông là ai?" Đáp: "Hòa thượng Tú". Sư hỏi: "Thầy ông chỉ dạy pháp này, hay riêng có ý chỉ gì?" Đáp: "Chỉ dạy tôi khán tỉnh". Sư bảo: "Pháp hành tập của ngoại đạo hạ liệt ở Tây vức, xứ nay lại lấy làm Thiền tông vậy, sao người lầm lớn!" Vị Tăng đó hỏi: "Sư là ai?" Sư đáp: "Lục Tổ". Lại bảo: "Chánh pháp khó nghe, sao ngươi chẳng đến trong kia?" Vị tăng đó nghe sư chỉ dạy như vậy, bèn đến Tào Khê, kính lễ ra mắt Lục tổ, trình bày sự việc trên. Tổ bảo: "Thật như lời nói của Quật-đa, ông sao chẳng tự khán, chẳng tự tĩnh thì kêu ai tĩnh ông". Ngay lời nói ấy, vì tăng đó bèn đại ngộ.

Hòa thượng Trí Sách đi đến đất Bắc, gặp thiền sư Trí Hoàng đệ tử của Ngũ Tổ hai mươi năm tu định tại đó. Hòa thượng nói: Ở nơi đây làm gì?" Trí Hoàng đáp: "Nhập định". Hòa thượng hỏi: "Nhập định là có tâm nhập hay không tâm nhập? Nếu có tâm nhập, tức tất cả hữu tình thảy đều có tâm, cũng phãi được định. Nếu nói không tâm nhập thì tất cả vô tình cũng phải được định". Trí Hoàng đáp: "Ngay lúc tôi nhập định chẳng thấy tâm của có không". Hòa thượng bảo: "Nếu chẳng thấy tâm của có không tức thì thường định, chẳng nên lại có xuất nhập". Trí Hoàng không trả lời trở lại hỏi: "Thầy của ông là ai?" Hòa thượng đáp: "Lục tổ". Hỏi: "Thầy ông dùng pháp gì để làm thiền định?" Hòa thượng đáp: "trong lắng tròn lặng, thể dụng như như, năm ấm vốn không, sáu trần chẳng phải có. Chẳng ra chẳng vào, chẳng định chẳng loạn, Thiền tánh không trú, lìa trú thiền tịch, thiền tánh không sinh, lìa sinh tưởng thiền, tâm như hư không cũng không lượng của hư không". Trí Hoàng nghe nói như vậy, nhưng chưa dứt tâm nghi ngờ, bèn chống tích theo hướng Nam thẳng đến Tào Khê, đảnh lễ ra mắt Lục Tổ. Tổ cũng nói như trên. Trí Hoàng ngay đó bèn đại ngộ.

Hòa thượng Tư ở Nam Nhạc nói: "Nếu nói học là trước phải thông tâm, tâm nếu được thông, tất cả các pháp một lúc đều thông. Nghe nói tịnh, chẳng sinh tịnh niệm, tức là vốn tự tịnh. Nghe nói không, chẳng thủ không, thí như chim bay giữa hư không, nếu trú giữa hư không, hẳn có hoạ rơi rớt. Không trú là vốn tự tánh thể vắng lặng, mà sinh tâm đó là chiếu dụng, tức lặng là tự tánh định, tức chiếu là tự tánh tuệ. Tức định

là thể tuệ, tức tuệ là dụng định. Lìa định không riêng tuệ, lìa tuệ không riêng định, lúc của tức định tức là tuệ, lúc của tức tuệ tức là định. Lúc của tức định không có định, lúc của tức tuệ không có tuệ. Tại sao? Tánh tự như vậy. Như đèn sáng tuy có hai tên mà thể đó chẳng riêng biệt, tức bèn là sáng, tức sáng là đèn, lìa đèn không riêng sáng, lìa sáng không riêng đèn, tức đèn là thể sáng, tức sáng là dụng của đèn, tức định tuệ song tu chẳng lìa bỏ nhau".

Đại sư Dung ở Ngưu Đầu làm luận Tuyệt Quán, có hỏi: "Thế nào là tâm?" Đáp: "Chỗ sáu căn quán thảy đều là tâm". Hỏi: "Tâm làm sao?" Đáp: "Tâm tịch diệt". Hỏi: "Những gì làm thể?" Đáp: "Tâm làm thể". Hỏi: "Những gì làm tông?" Đáp: "Tâm làm tông". Hỏi: "Những gì làm gốc?" Đáp: "Tâm làm gốc". Hỏi: "Nếu vậy là định tuệ song dạo?" Đáp: "Tâm tánh tịch diệt là định, thường hiểu tịch diệt là tuệ". Hỏi: "Những gì là trí?" Đáp: "Cảnh khởi hiểu là trí". Hỏi: "Những gì là cảnh?" Đáp: "Tâm tánh tự thân là cảnh". Hỏi: "Thế nào là buông?" Đáp: "Chiếu dụng là buông". Hỏi: "Thế nào là cuộn?" Đáp: "Tâm tịch diệt không đến đi là cuộn. Buông thì dạo khắp pháp giới, cuộn thì định vết khó tìm". Hỏi: "Thế nào là cảnh giới?" Đáp: "Bày bên ngoài chẳng thể được, gọi là pháp giới".

Thiền sư Pháp Chiếu nói: "Trong kinh nói: "Ba A-tăng-kỳ trăm ngàn danh hiệu đều là tên khác của Như Lai, tức riêng xưng của chân như vậy". Lại, trong kinh nói: "Muôn pháp chẳng vượt ngoài một tâm". Nghĩa đây là vậy. Phàm, buộc từ tâm buộc, mở từ tâm mở. Buộc mở từ tâm, chẳng liên quan sự khác. Thuật của xuất yếu chỉ có quán tâm. Cho đến, nếu nêu môn một tâm, tất cả chỉ một tâm. Nếu một pháp chẳng phải tâm thì là ngoài tâm có. Ai năng tại ngoài tâm chế cấm một điều đó".

Thiền sư Phạm nói: "Nếu biết tất cả pháp đều là pháp tức được giải thoát, mắt là pháp, sắc là pháp. Trong kinh nói: "Chẳng thấy pháp trở lại cùng pháp làm trói buộc, cũng chẳng thấy pháp trở lại cùng pháp làm giải thoát".

Thiền sư Tạng nói: "Ở tất cả pháp không chỗ được là, tức tâm là đạo, mắt chẳng được tất cả sắc, tai chẳng được tất cả tiếng".

Thiền sư Duyên nói: "Thí như trong nhà có một tảng đá lớn, bình thường ngồi nằm, hoặc vẽ tượng Phật, tâm khởi hiểu Phật, sợ tội chẳng dám ngồi, đều là ý thức, đầu ngọn bút họa làm, tự lo tự sợ, trong đá thật không tội phước".

Thiền sư An nói: "ngay tâm là đạo. Tại sao? ngay niệm ngay

dụng, lại chẳng quán không, cũng chẳng cầu phương tiện. Trong kinh nói: "ngay Nhìn chẳng thấy ngay, nghĩ chẳng tư duy, ngay thọ chẳng hành ngay, nói chẳng phiền".

Thiền sư Giác nói: "Nếu ngộ tâm không chỗ tùy thuộc tức được vết đạo, mắt thấy tất cả sắc, mắt chẳng thuộc tất cả sắc là tự tánh giải thoát. Trong kinh nói: "Tất cả pháp chẳng thuộc nhau vậy", tâm và tất cả pháp mỗi chẳng biết nhau".

Ni Viên Tịch nói: "Tất cả pháp chỉ tâm không đối đãi tức tự tánh giải thoát. Trong kinh nói: "Tất cả pháp chẳng cùng mắt đối đãi. Tại sao? Pháp chẳng thấy sắc, sắc chẳng biết pháp".

Thiền sư Nghiêu nói: "Rõ tâm biết tánh, tự thể luôn chân, chỗ duyên niệm xứ không gì chẳng là Phật pháp".

Thiền sư Lãng nói: "Phàm có chỗ thấy, đều tự tâm hiện. Đạo tợ vật gì mà muốn tu đó? Phiền não tợ vật gì mà muốn đoạn đó?"

Thiền sư Điều nói: "Tất cả duyên bên ngoài, gọi là tướng không định, phải quấy sinh diệt mỗi do tự tâm. Nếu tự tâm chẳng tâm, ai ghét phải quấy? Năng sở đều không tức các pháp luôn tịch".

Thiền sư Tuệ Từ nói: "Phàm, pháp tánh là đại đạo vậy. Pháp là pháp thân, tánh là giác tánh, tức tánh tự nhiên của chúng sinh vậy. Vì thế, Kim Cang Bát-nhã như nhóm lửa lớn, Tam-muội cháy rực các lụy chớ vào. Nên xưng trên trời dưới trời chỉ ta là tôn quý".

Thiền sư Tuệ Mãn nói: "Chư Phật nói tâm, khiến biết tướng tâm là pháp hư vọng. Nay là thêm tướng tâm rất trái ý Phật. Lại thêm luận bàn rất ngược ly lớn. Thường mang theo bốn quyển kinh Lăng-già để làm tâm yếu, tùy nói tùy hành".

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 98

Hòa thượng Chí Công có kệ tụng nói:

"Chóng ngộ nguồn tâm mở kho báu,
Ẩn hiển vết linh hiện tướng chân.
Riêng đi riêng ngồi thường cao vọi,
Trăm ức hóa thân không số lượng.
Dù khiến bít lấp khắp hư không,
Lúc nhìn chẳng thấy tướng bụi trần.
Đáng cười vật không không sánh ví,
Miệng nhả minh châu sáng chói ngời.
Tầm thường thấy nói chẳng nghĩ bàn,
Một lời nêu tông mở lời đáng".

Cư sĩ Bàng Uẩn có kệ tụng nói:

"Muôn pháp từ tâm khởi,
Tâm sinh muôn pháp sinh.
Sinh sinh chẳng rõ có,
đến đi uổng luống hành.
Giữ lời người tu đạo,
Không sinh có chẳng sinh.
Như năng đạt lý đây,
Chẳng động thoát hầm sâu".

Hàn Sơn tử có bài thơ nói:

"Nam nhi đại trượng phu
Việc làm chớ cẩu thả
Đi thẳng tâm sắc đá
Lấy thẳng đường Bồ-đề.
Đường tà chớ lấy đi
Đi đó hẳn đắng cay
Chẳng cần cầu Phật quả
Biết lấy tâm vương chủ."

Hòa thượng Lại Toản có bài ca rằng:

"Chớ dối cầu chân Phật
Chân Phật chẳng thể thấy
Diệu tánh và Linh đài
Nào từng chịu huân luyện.
Tâm là tâm không việc
Mặt là mặt nàng sinh
Kiếp đá có thể lay
Trong đó không biến đổi".

Lại nói: "Ta có một lời dứt lo nghĩ quên duyên, khéo nói chẳng được chỉ dùng tâm truyền. Lại có một lời không quá thẳng cùng, nhỏ như mảy may lớn không phương sở, vốn tự viên thành chẳng nhọc máy dệt".

Hòa thượng Đằng Đằng có bài ca nói:

"Tu đạo đạo không thể tu,
Hỏi pháp pháp không thể hỏi
Người mê chẳng ngộ sắc không
Bậc Đạt vốn không nghịch thuận.
Tám muôn bốn ngàn pháp môn
Chí lý chẳng qua tấc vuông
Phiền não chánh là Bồ-đề
Hoa sạch sinh trong bùn phẩn
Thức thủ thành ấp nhà mình
Chớ dối dạo châu quận khác."

Cao tăng Thích Pháp Hỷ đến sắp thị tịch dạy đại chúng rằng: "Ba cõi hư vọng chỉ là một tâm". Xong, ngồi trang nghiêm mà tịch.

Cao tăng Thích Linh Nhuận nói: "Bỏ xả trần tà chấp bên ngoài, được ý ngôn phân biệt, bỏ Duy thức tưởng, được chân pháp giới, quán trước không tướng bỏ tướng trần bên ngoài, quán sau không sinh, bỏ Duy thức tưởng". Lại, từng cùng đạo bạn lên núi dạo quán, lửa hoang bốn phía cháy bừng, mọi người đều tuông chạy, chỉ mình sư đi bình an như thường, nói với các người đi theo rằng: "Ngoài tâm không lửa, lửa thật tự tâm. Nghĩa là lửa có thể lánh trốn, không do đâu khỏi lửa". Lúc lửa đến nơi, linh nhuận điềm nhiên tự gom thâu.

Cao tăng Thích Pháp không vào ở sâu trong Đài Sơn, thường có tiếng trong trẻo gọi rằng: "Không thiền như vậy chẳng phải một". Từ đó về sau, pháp không biết đó là cảnh giới tự tâm, dùng pháp đuổi trừ bèn mới an tỉnh. Mới đầu dùng thiền tu tập. Về sau là đối ngại, bèn học

Đại thừa lìa tướng, theo chỗ học đó, đều đem để dạy răn, lấy pháp làm thân, lấy pháp làm bạn.

Cao tăng Thích Tĩnh Mại lúc sắp thị tịch bảo: "Tâm chẳng phải bên ngoài đạo, hành tại trước lời nói". Nói xong ngồi yên thị tịch.

Cao tăng Thích Thông Đạt Nhân dùng cây đánh khối đất, khối đất vỡ tan hình tiêu, thấy sự biến đổi đó, chợt nhiên đại ngộ dấu vết tâm.

Cao tăng Thích Chuyển Minh Phàm có người học mới thưa hỏi, đều dùng một pháp Duy tâm bình đẳng giữ chí mà kính phụng đó.

Cao tăng Thích Đạo Anh vào nước nằm tuyết mà không khổ lạnh, tùy sự như vậy, dùng pháp mà đối đó, buông nắm tự tại chẳng lấy làm khó. Do vì yếu chỉ của Duy thức suốt hiểu ruột gan, chất của sự bên ngoài đâu được ngại ư? Đang lúc giảng luận Đại thừa Khởi Tín đến đoạn môn chân như an nhiên mà nhập định.

Cao tăng Thích Đạo Thế nói: "Chuyên cần dõng mãnh sám hối là, tuy biết nương lý, phải biết tâm vọng động xa lìa cảnh trước. Trong kinh nói: "Thí như ngàn cân hoa bông chẳng bằng một lượng vàng thật" dụ cho năng quán tâm mạnh tức diệt tội mạnh".

Thiền sư Phục-đà nói: "Nhờ giáo rõ tông, tin sâu hàm sinh đồng một chân tánh, phàm Thánh một đường, trú bền chẳng dời, chẳng tùy giáo khác, cùng đạo ngầm hợp vắng lặng vô vi, gọi là lý nhập".

Cao tăng Thích Trí Thông nói: "Nếu là tìm gần Đại thừa tu chánh quán là, quán xét bản tế của vi trần, chấp thuận đầu tiên của một niệm, bèn có thể gai gốc lan tỏa âm của vô thường, chim vượn nói pháp rất sâu mầu, mười phương cõi tịnh chưa hẳn vượt qua đây vậy".

Cao tăng Thích Đàm Tọai từng nói: "Ba cõi hư vọng chỉ là một tâm, đuổi tìm cảnh bên ngoài, chưa ngộ khó dứt".

Cao tăng Hòa thượng giải thoát y cứ kinh Hoa Nghiêm khởi quán Phật Quang, giữa đêm thanh trăng tỏa, trong ánh sáng bỗng thấy hóa Phật, nói kệ tụng rằng:

"Pháp chư Phật bí mật sâu mầu,
Nhiều kiếp tu hành nay mới được.
Nếu người mở rõ pháp môn đây,
Tất cả chư Phật đều tùy hỷ."

Hòa thượng giải thoát mới lễ bái hỏi: "Pháp môn này làm sao chỉ bày cho người". Hóa Phật bèn ẩn thân chẳng hiện, trong hư không vang kệ tụng đáp rằng:

"Trí phương tiện làm đèn
Chiếu thấy cảnh giới tâm

Muốn biết pháp chân thật
Tất cả không chỗ thấy".

Hòa thượng Thái Nguyên nói: "Phàm muốn phát tâm vào đạo, trước phải nhận biết tự bản tâm. Nếu chẳng nhận biết tự bản tâm, như chó đuổi theo khối đất, chẳng phải sư tử chúa vậy. Thiện tri thức chỉ ngay tâm là, tức nay nói phô là tâm ngươi, cử động hành xử là ai? Trừ ngoài đây ra, là không riêng có tâm. Nếu nói là riêng có, tức như Diễn -nhã tìm đầu. Trong kinh nói: "Tâm tin thanh tịnh tức sinh thật tướng". Lại cũng trong kinh nói: "không nương là mẹ Phật, Phật từ không xứ sinh".

Hòa thượng Thiên Hoàng nói: "Chỉ thân tâm nay tức là tánh, thân tâm chẳng thể được tức ba cõi chẳng thể được. Cho đến, có tánh không tánh đều chẳng thể được, không Phật không chúng sinh, không thầy không đệ tử, không tâm ba cõi tất cả đều không. Nói tóm lại, trong ngoài ba cõi, dưới đến các loài trùng kiến quẩy động, đều tại trong một trần, kia đây đều đồng, mỗi mỗi đều như vậy, mỗi mỗi chẳng ngăn ngại nhau, tất cả pháp môn, ngàn ban muôn thứ, chỉ rõ thấy tánh, không sự gì khác".

Hòa thượng Hưng Thiện nói: "Từ trước đến nay, Phật tổ truyền nhau pháp của một tâm, đem tâm ấn tâm, chẳng truyền pháp nào khác. Sơ tổ chỉ một lời để nói thẳng. Thí như Rồng phun nước đến bến, bến tràn đến sông, cho đến biển lớn, Rồng là nguồn của nước, để biết người học từ nay về sau truyền nhau pháp một tâm đều là nói giản yếu, mà gọi là lúc tâm chẳng được riêng tìm Phật. Đang lúc Phật chẳng được lại cầu tâm. Vì vậy, nếu người tin tự tâm là Phật. Người đây có nói phô gì đều năng chuyển pháp luân. Nếu người chẳng tin tự tâm là phật, người ấy nếu có nói phô gì đều là phỉ báng Phương Đẳng Đại Thừa. Do đó, trong kinh nói: "Ngoài tánh được Bồ-đề, thí như ép cát mà tìm dầu, chẳng là chánh nhân của dầu". Thiền sư Ngung có hỏi: "Trong kinh Niết-bàn nói chúng sinh tức Phật tánh, Phật tánh tức chúng sinh, chỉ vì khác thời mà có tịnh và bất tịnh. Vậy chưa rõ, thứ chẳng phải tình cũng là chúng sinh chăng?" Đáp: "Trong kinh nói: Văn- thù hỏi kim sắc nữ. Thân người có năm ấm mười hai nhập mười tám giới ư? Nữ đáp: Như thân tôi có năm ấm mười hai nhập mười tám giới". Lại trong kinh Phạm Võng nói: Tất cả địa thủy là thân trước của ta, tất cả Hỏa Phong là bản thể ta". Lại, hai thân y chánh hỗ tương nương nhau mà lập. Trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Tất cả pháp không tướng thì là chân thể Phật". Trong kinh nói rõ nếu chấp tâm của Linh Trí là thường sắc là bại hoại vô thường v.v... là kiến

đoạn thường của ngoại đạo vậy. Trong kinh Hoa Nghiêm nói chúng sinh giới tức Phật giới, Phật giới tức pháp sinh giới, ngoài pháp giới không riêng pháp gì khác. Cho đến muôn pháp tuy khác mà thể đó thường đồng. Nếu chẳng mê ở chỗ đồng. Thể dụng thường không có hai, yếu chỉ của không hai là bến cửa cốt yếu của xuất thế, một niệm tương ưng chẳng cách phàm thành Thánh vậy".

Hòa thượng Ngọa Luân nói: "Rõ tâm tánh đó lặng như hư không, xưa nay chẳng sinh đó cũng chẳng diệt, đâu cầnthâu đè, chỉ biết tâm khởi, tức phải hướng bên trong soi chiếu nguồn tâm, không có căn bản tức không xứ sinh, không sinh xứ nên tâm tức lặng lẽ không tướng vô vi."

Hòa thượng Nam Tuyền nói: "Phật Nhiên Đăng nói rõ vậy, nếu chỗ tâm tưởng tư duy sinh ra các pháp, hư giả hợp tập, kia đều không thật. Tại sao? Tâm còn không có, vậy nơi nào sinh ra? Nếu Thủ các pháp giống như phân biệt hư không. Như người lấy tiếng an đặt trong hộp. Cũng như thổi lưới muốn khiến đầy hơi,", lại nói: "Như nay chỉ hội Lý của một Như, ngay đó tu hành". Lại nói: "Chỉ hội vô lượng kiếp lại, tánh chẳng biến, tức là tu hành."

Hòa thượng Vô Nghiệp ở Phần Châu mới đầu hỏi Mã Tổ: "Chí lý của ba thừa, thô cũng nghiên cứu tận cùng, còn thường nghe Thiền sư nói tức tâm là Phật, thật chưa thể rõ, cúi xin vì chỉ bày!" Mã Tổ nói: "Tức ông chẳng rõ tâm tức là lại không vật riêng khác. Lúc chẳng rõ là mê, lúc rõ là ngộ, cũng như tay làm nắm, nắm làm tay vậy". Hòa thượng lại hỏi: "Thế nào là Tổ sư từ Tây vức lại mật truyền tâm ấn?" Mã Tổ nói: "Đại đức làm ồn náo, tạm đi đi, lúc khác đến vậy". Hòa thượng bước chân vừa ra ngạch cửa, Mã Tổ gọi: "Đại đức! Hòa thượng xoay đầu lại, Mã Tổ hỏi: "là gì vậy?" Ngay đó, Hòa thượng đại ngộ. Lúc chỉ dạy đồ chúng, Hòa thượng nói: "Tổ sư đến xứ này quán sát chúng sinh có căn tánh Đại thừa, chỉ truyền tâm ấn, ấn các ông mê tình. Được đó là, tức chẳng kể phàm đó cùng Thánh, ngu đó cùng trí. Hư nhiều chẳng bằng thật ít. Bậc đại trượng phu chẳng như ngay đó dứt hết, chóng dứt muôn duyên, cắt dòng sinh tử, chóng ra hiểu cách thường, Linh quang riêng chiếu, vật loại chẳng ràng buộc, vời vợi rõ ràng ba cõi riêng bước, sao hẳn thân cao trượng sáu, pháp y tử ma ánh ngời, cổ đeo tròn sáng, tướng lưỡi rộng dài, nếu dùng sắc thấy ta, người đó hành tà đạo, giả sử có quyến thuộc trang nghiêm chẳng cầu mà tự đến, núi sông đất liền chẳng ngại mắt sáng, một nghe ngàn ngộ, được Đại Tổng Trì". Lại đến lúc sắp tịch, bảo đại chúng rằng: "Tánh thấy nghe hay biết của

các ông cùng hư không đồng thọ, giống như Kim cang chẳng thể ngại hoại, tất cả các pháp như ảnh như vang, không có thật đó. Trong kinh nói chỉ một việc đây thật, hai khác chẳng phải chân". Nói xong bèn an nhiên mà tịch.

Đại sư Chân Giác nói: "Phàm, tâm tánh linh thông, nguồn của động tĩnh chẳng hai, chân như tuyệt lự, niệm của duyên tính lường chẳng phải khác. Lầm hoặc thì rối ren rong ruổi, cùng đó thì chỉ một tịch. Linh Nguyên chẳng tướng trạng, soi xét đó thì là ngàn sai, ngài sai chẳng đồng, danh của mắt pháp tự lập, một tịch chẳng phải khác. Hiệu của mắt tuệ mới còn, lý lượng đều tiêu, công của mắt Phật tròn bày. Vì vậy, ba đế một cảnh, lý của pháp thân luôn thanh. Ba trí một tâm, sáng của Bát-nhã thường chiếu. Cảnh Trí ngầm hợp, ứng của giải thoát tùy cơ chẳng phải dọc chẳng phải ngang. Đạo của viên y huyền hội, nên biết ba đức diệu tánh uyển vậy không trái, một tâm sâu rộng khó nghĩ lường, sao xuất yếu mà chẳng phải đường. Vì vậy, tức tâm làm đạo, có thể gọi là tìm dòng mà được nguồn vậy".

Hòa thượng Thần Tú nói: "Tất cả chẳng phải tình, vì là tâm v.v... đồng hiện. Nhiễm tịnh tùy tâm, có chuyển biến vậy, không có tánh nào khác cần nương duyên. Nghĩa là pháp của duyên sinh đều không tự tánh, không có chẳng cùng, tức hữu tình ngay lúc có, chẳng phải tình hẳn không, tha tức tự. Tại sao? Tha không tánh lấy tự làm, tức hữu tình tu chứng là chẳng phải tình tu chứng vậy. Trong kinh nói: "Thân đó khắp cùng đồng chân pháp giới". Đã đồng pháp giới, chẳng phải tình môn không toàn là Phật. Lại, chẳng phải tình chánh lúc có, hữu tình hẳn không, tự tức tha vậy. Tại sao? Tự không tánh lấy tha làm, tức chẳng phải tình không tu không chứng là hữu tình không tu không chứng. Đồng tử Thiện Tài lúc quán lầu các khắp cùng pháp giới, hữu tình môn không toàn một các. Trong kinh nói: "Chúng sinh chẳng trái tất cả cõi, cõi chẳng trái tất cả chúng sinh, tuy nói có không đồng thời phân tướng tại đó."

Đại sư Mạng ở thời nhà Tùy có bộ luận Dung Tâm nói: "Viên cơ đối giáo, không giáo chẳng viên. Lý tâm liên quan sự, không sự chẳng phải lý. Không sự chẳng phải lý sao loạn mà chẳng phải định. Không loạn chẳng định thì định loạn đều mất, không sự chẳng phải lý, nên sự lý đều tuyệt, cho đến tuy lìa hai biên, chẳng phải có biên mà có thể lìa, nói mất bốn câu, thật không câu mà có thể mất. Xứ đây sâu mầu, dung tâm có thể hội. Nếu dùng tâm dung tâm chẳng phải tâm dung hòa. Tâm thường như thật, chỗ nào dung hòa. Thật chẳng lập tâm nói tâm dung

hòa”.

Thiền sư Trí Đạt có kệ tụng Tâm Cảnh nói: “Cảnh lập tâm bèn có, tâm không cảnh chẳng sinh, nếu đem tâm buộc cảnh, tâm cảnh thảy đều mù. Cảnh tâm mỗi tự tại, tâm cảnh tánh luôn thanh ,ngộ cảnh tâm không khởi. Mê tâm cảnh cùng hành. Nếu mê tâm làm cảnh, tâm cảnh loạn tung hoành, ngộ cảnh tâm vốn tịnh. Biết tâm cảnh vốn thanh, biết tâm không cảnh tánh. Rõ cảnh tâm không hình. Cảnh hư tâm vắng lặng, tâm chiếu cảnh lặng trong”.

Hòa thượng Cam Tuyền nói: “Phàm muốn phát tâm vào đạo, trước phải nhận biết tự bản tánh. Tâm là gốc của muôn pháp chúng sinh. Tông của Phật Tổ mười hai bộ loại kinh giáo. Tuy tức quán đó chẳng thấy hình đó. Ứng dụng tự tại, chỗ làm vô ngại. Suốt thấu phân minh rõ ràng không khác. Nếu chưa nhận biết là lấy tin làm đầu. Tin là tin vật gì? Tin tâm là Phật, từ vô thủy vô minh luân hồi sinh tử. Bốn loài sáu đường thọ các thứ hình, chỉ vì chẳng dám nhận tự tâm là Phật. Nếu năng nhận biết tự tâm, ngoài tâm không riêng có Phật, ngoài Phật không riêng có tâm. Cho đến cử động hành xử lại là ai? Trừ ngoài tâm đây là không riêng có tâm. Nếu nói riêng có là, các ông tức là Diễn-nhã-đạt-đa, đem đầu tìm đầu cũng lại như vậy. Ngàn kinh muôn luận chỉ duyên chẳng nhận biết tự tâm. Nếu rõ tự tâm xưa nay là Phật là tất cả chỉ giả danh, huống gì ở ba cõi, thì gương sáng có thể soi mặc, Đại thừa có thể dùng ấn tâm”. Lại nói: “Cầu kinh tìm Phật, chẳng như đem lý khám tâm, nếu khám được tự tâm vốn tự thanh tịnh chẳng phải chùi sánh, vốn tự có đó, chẳng nhân kinh mà được, sao lại được biết. Trong kinh nói: “Tu-đa-la giáo như ngón tay chỉ mặt trăng”. Nếu là thấy trăng rõ biết chỗ chỉ. Nếu năng giải hiểu như vậy là một niệm tương ưng, tức gọi là Phật”.

Đại sư Phổ Ngạn nói: “Đại đạo rỗng thoáng chỉ một chân tâm, thiện ác chớ tư duy, thần thanh tịnh vật bày, lại có gì lo”.

Hòa thượng Quy Sơn nói: “Trong ngoài các pháp đều biết chẳng thật, từ tâm hóa sinh đều là giả danh, mặc tình pháp tánh kia khắp cùng chớ đoạn chớ tiếp nối”.

Hòa thượng Lâm Tế nói: “Như các người nay cùng Thánh xưa trước có gì riêng biệt. Ông lại khuyết thiếu gì ư? Sáu đạo thần quang chưa từng gián tuyệt, nếu năng như vậy chỉ là người một đời vô sự. Muốn được cùng Phật tổ chẳng riêng biệt, chỉ chớ hướng ngoài rong cầu. Ông một niệmsáng thanh tịnh là pháp thân Phật trong phòng nhà ông. Ông một niệm sáng không phân biệt là báo thân Phật trong phòng

nhà ông. Ông một niệm ánh sáng sai biệt là hóa thân Phật trong phòng nhà ông. Ba thứ thân đây tức là người nghe pháp trước mắt ngày nay. Ba thứ đây là danh ngôn, rõ biết là bóng sáng. Đại đức lại muốn nhận biết kẻ lấy đùa bóng sáng là cội nguồn chư Phật, là tất cả con đường đi về nhà. Bốn đại sáu căn và hư không của ông chẳng hiểu nghe pháp nói pháp là vật gì? Rành rẽ riêng sáng chẳng phãi thân hình đoạn, là cái hiểu nói pháp nghe pháp, do đó nói với ông nói, hướng đến trong ruộng thân năm ấm có chân nhân không vị. Rõ ràng hiển bày không mảy tóc chấp thuận ngăn cách, sao chẳng nhận biết lấy? Đại đức! Tâm pháp không hình thông suốt mười phương, tại mắt gọi là thấy, tại tai gọi là nghe, vốn là một tinh minh phân thành sáu hòa hợp. Tâm nếu chẳng sinh tùy xứ giải thoát".

Hòa thượng Quán Khê có kệ tụng nói:

"Trong núi năm ấm nhà Phật xưa
Tỳ-lô đêm ngày tỏa viên quang
Trong đó nếu rõ chẳng đồng khác
Tức là Hoa Nghiêm khắp mười phương".

Hòa thượng Thạch Đầu nói: "Như tâm thể ông lìa đoạn lìa thường, tánh chẳng phải dơ sạch trong lắng viên mãn, phàm Thánh ngang đồng, ứng dụng vô phương, ba cõi sáu đường chỉ tự tâm hiện. Nước trăng gương tượng có sinh diệt ư? Ông năng biết đó không chỗ chẳng đủ, chỗ các Thánh dùng giáng linh duỗi khuôn phép rộng thuật lời giả, bởi muốn hiển bày pháp thân vắng lặng khiến về căn vậy".

Hòa thượng Hoàng Nghiệt nói: "Tổ sư Đạt-ma từ Tây Vức lại chỉ truyền pháp một tâm, ngay đó chỉ tâm tất cả chúng sinh xưa nay là Phật. Chẳng nhờ tu hành, chỉ khiến nhận biết lấy tự tâm thấy tự bản tánh, chớ riêng cầu pháp. Tại sao? Nhận biết tự tâm tức Như. Nay nói phô là tâm ông. Nếu chẳng nói phô, lại chẳng tác dụng, tâm thể giống như hư không, tương tợ thật không tướng mạo, cũng không phương sở, cũng chẳng một mực là không, chỉ là có mà chẳng thấy". Lại nói: "Chỉ ngộ một tâm, là không chút ít pháp có thể được. Đây tức chân Phật, Phật cùng chúng sinh một tâm, lại không có khác, chẳng như ngay lời nói tự nhận lấy bản pháp, pháp đây tức tâm, ngoài tâm không pháp, tâm đây tức pháp, ngoài pháp không tâm".

Hòa thượng Đan Hà nói: "Các ông bảo hộ một linh hàm chẳng bằng các ông tạo tác được, chẳng bằngè các ông ghi nhớ xa vời được. Địa vị tôi đây, không Phật không Niết-bàn, cũng không đạo có thể tu, cũng không pháp có thể chứng. Đạo chẳng thuộc có không, lại tu pháp nào,

chỉ ánh sáng đây nơi nơi chốn chốn là đại đạo”.

Hòa thượng Thủy Lạo nói: “Nếu nói một pháp, mười phương chư Phật gom thâu vào trong một pháp, trăm ngàn diệu môn tại trên đầu một sợi lông, ngàn Thánh đồng vết quyết định không sai, chiếu khắp mười phương giống như gương sáng. Đất tâm nếu sáng tất cả vật thảy đều khám phá, từ xưa đến nay lấy tâm truyền tâm. Bản tâm tức là pháp”.

Hòa thượng Ngưỡng Sơn nói: “Chóng ngộ tự tâm không tướng giống như hư không, nương căn phát sáng tức bản tâm đủ hằng sa diệu dụng, không riêng chỗ trì, không riêng an lập, tức bản địa tức bản thổ”.

Hòa thượng Đại Điên nói: “Năm trước, Lão tăng gặp Hòa thượng Thạch Đầu, hỏi: “Cái gì là tâm ông?” Đáp: “Nói phô là tâm”. Bị sư quát mắng đuổi ra. Qua hôm sau trở lại hỏi: “Ngày trước đã chẳng là tâm, trừ ngoài đây ra, vậy gì là tâm?” Sư đáp: “Trừ bỏ nhướng mày động mắt, ngoài tất cả mọi sự, đem ngay tâm lại”. Đáp: “Không tâm có thể lại”. Sư bảo: “Ông trước lại có tâm, sao được nói không tâm? Không tâm đều đồng phỉ báng ta”. Ngay lời nói đó bèn đại ngộ liền đáp rằng: “Đã khiến con trừ bỏ nhướng mày động mắt tất cả mọi sự, Hòa thượng cũng phải trừ bỏ đó”. Sư bảo: “Ta trừ bỏ rồi!” Đáp rằng: “Đem trình Hòa thượng đã xong”. Sư bảo: “Ông đã trình ta, tâm như thế nào?” Đáp: “Chẳng khác Hòa thượng”. Sư bảo: “Chẳng liên quan gì việc ông?” Đáp: “Vốn không vật”. Sư bảo: “Ông cũng không vật”. Đáp: “Đã không vật tức chân vật”. Sư bảo: “Chân vật chẳng thể được, ý chỉ tâm hiện lượng nơi ông như đây vậy, phải khéo hộ trì”.

Hòa thượng Tam Bình có kệ tụng nói:

“Tức thấy nghe đây chẳng thấy nghe,
Không sắc thanh gì trình với anh,
Trong đây nếu rõ trọn vô sự,
Thể dụng không ngại phân chẳng phân”.

Lại có kệ tụng khác nói:

“Thấy nghe hay biết vốn chẳng nhân,
Đương thể hư huyền dứt vọng chân,
Thấy tướng chẳng sinh nghiệp si ái,
Suốt thông toàn là Thích-ca thân.”

Hòa thượng An Quốc nói: “Trong kinh nói: “Nên không chỗ trú mà sinh khởi tâm kia”. Không chỗ trú là chẳng trú sắc chẳng trú thanh, chẳng trú mê, chẳng trú ngộ, chẳng trú thể, chẳng trú dụng. Mà sinh khởi tâm kia là, tức là tất cả xứ mà hiển bày một tâm. Nếu trú thiện sinh

tâm tức là thiện hiện, nếu trú ác sinh tâm tức là ác hiện. Bản tâmtức ẩn mất, nếu không chỗ trú, mười phương thế giới chỉ là một tâm. Tin biết gió phướng chẳng động là tâm động". Có vị Đàn Việt hỏi: "Hòa thượng là Nam Tông hay Bắc Tông?" Đáp: "Ta chẳng phải Nam Tông hay Bắc Tông, tâm là tông". Lại hỏi: "Hòa thượng từng xem giáo ư?" Đáp: "Ta chẳng từng xem giáo. Nếu nhận biết tâm, tất cả giáo khán xong". Có người học hỏi: "Thế nào gọi là nhận biết tâm thấy tánh?" Đáp: "Dụ như đêm ngủ mộng thấy đẹp xấu, nếu biết thân tại trên giường ngủ yên toàn không vui buồn, tức là nhận biết tâm thấy tánh. Như nay có người nghe làm Phật bèn mừng, nghe vào địa ngục tức lo, chẳng đạt tâm Phật an ngủ trên giường Bồ-đề, vọng sinh mừng lo".

Hòa thượng Quy Tông nói: "Tức tâm là Phật, triệt để chỉ tánh, núi sông đại địa, chỗ một pháp ấn, là thần chú lớn, chân thật chẳng hư, là cội nguồn của chư Phật, là căn cốt của Bồ-đề. Phật là thế nào? Tức là đang nói nay vậy, không riêng người nào khác. Trong kinh nói: "Thí như một sắc, tùy chúng sinh thấy mà được các thứ tên. Tất cả pháp chỉ là một pháp, tùy xứ mà được tên".

Hòa thượng Đại bi nói: "Năng biết tự tâm tánh bao hàm ở muôn pháp trọn chẳng riêng cầu, niệm niệm công phu vào nơi thật tướng. Nếu chẳng thấy nghĩa đó, dẫu cần khổ nhiều kiếp cũng không công phu".

Hòa thượng Thảo Đường nói: "Phàm lưới trời Đế-thích chưa giăng, ngàn châu anh lạc sao thấy? Lưới rộng chợt tung, muôn mắt tự mở. Tâm Phật cả hai chiếu là quán, tâm Phật cả hai mất là chỉ. Định tuệ đã quân bình, cũng tâm nào mà chẳng Phật, Phật nào mà chẳng tâm. Tâm Phật đã vậy thì muôn cảnh muôn duyên không gì chẳng phải Tam-muội."

Hòa thượng Tuệ Hải Bách Trượng nhân đánh lửa chỉ bày cho Linh hựu ở Quy Sơn nhân đó mà chóng ngộ, Hòa thượng Tuệ Hải bảo: "Đây tạm thời là đường rẽ. Trong kinh nói: "Muốn thấy Phật tánh, phải quán nhân duyên thời tiết". Thời tiết đã đến như mê chợt ngộ, tợ quên chợt nhớ. mới tỉnh xưa nói đạo cũ, mình vật chẳng từ kẻ khác được, cho nên Tổ Sư nói: "Ngộ rồi đồng chưa ngộ, không tâm được không pháp, chỉ là không hư vọng, tâm Thánh phàm đồng đẳng". Tâm pháp xưa nay nguyên tự đầy đủ là ông nay đã vậy, khéo tự hộ trì." Lại trong quảng ngữ có nói: "Hỏi: "Thấy chăng?" Đáp: "Thấy". Hỏi: "Thấy gì?" Đáp: "Thấy không hai."" Đã nói không hai chẳng dùng thấy thấy nơi thấy. Nếu thấy lại thấy là thấy trước phải hay thấy sau phải? Trong kinh nói: "Lúc của thấy thấy, thấy chẳng phải thấy". Do đó nói, chẳng hành pháp thấy chẳng hành pháp nghe, chẳng hành pháp giác, chư Phật chóng

cùng thọ ký". Lại nói: "Tự tâm là Phật, chiếu dụng thuộc Bồ-tát. Tự tâm là chủ tể, chiếu dụng thuộc khách. Như sóng nói nước, chiếu vạn hữu để hiển công. Nếu năng lặng chiếu chẳng còn huyền chỉ, tự nhiên suốt ở xưa nay. Như nói thần không công chiếu, chí công thường còn". Lại nói: "Như nay muốn được chợt ngộ giải ngay, chỉ nhân pháp đều sạch đều tuyệt đều không".

Hòa thượng Bàn Sơn nói: "Đại đạo không giữa, ai là trước sau? Không trung tuyệt vết, sao dụng lường đó? Không đã như vậy, đạo đâu nói ư? Trăng tâm lẽ tròn, sáng suốt muôn tượng. Ánh sáng chẳng phải chiếu cảnh, cảnh cũng chẳng phải còn. Ánh sáng và cảnh đều mất, lại là vật gì? Thí như rút kiếm huơ giữa không trung chớ luận chạm nó hay chẳng chạm Đó chính là không luân(bầu hư không) không có vết, kiếm nhọn chẳng phải khuyết. Nếu năng như vậy tâm, tâm không biết, toàn người tức Phật, toàn Phật tức người, người Phật không khác mới là đạo vậy".

Hòa thượng Đại Mai, mới đầu hỏi Mã Tổ: "Thế nào là Phật?" Đáp: "Tức tâm ông vậy". Hỏi: "Thế nào là pháp?" Đáp: "Cũng tâm ông vậy". Hỏi: "Tổ không ý ư?" Đáp: "Ông chỉ nhận biết lấy tự tâm, không pháp nào chẳng đủ". Về sau đến trú mai sơn, chỉ dạy đại chúng rằng: "Các ông nên phải mỗi tự rõ tâm thấu gốc, chớ theo ngọn đó. Chỉ được gốc đó thì ngọn đó tự đến. Các ông muốn được gốc đó, chỉ nhận biết lấy tâm ông. Tâm đây nguyên là căn bản của tất cả pháp thế gian và xuất thế gian, chỉ tâm chẳng kèm tất cả thiện ác mà sinh, tức biết muôn pháp vốn tự như như". Bấy giờ có người học hỏi: "Ngoài tâm không riêng có pháp ư?" Đáp: "Tổ Phật là tâm ông sinh vậy, tâm là gốc của muôn pháp, đâu riêng có pháp qua tâm ư?" Giải thích: Như Lục Tổ nói: "Thiện ác đều chớ nghĩ lường, tự nhiên được vào tâm thể, tong lắng thường lặng lẽ diệu dụng vô cùng". Vì chư Phật là ngằn mé cực thiện, chúng sinh là ngằn mé cực ác. Vì thiện ác gồm thâu hết tất cả pháp, nên nói nếu chẳng nghĩ lường, toàn về tâm thể, chỉ có pháp của mảy may đều là tư tưởng tâm sinh. Như Hàn Sơn Tử có bài tụng:

"Muôn cớ đều sạch vết,
Mới thấy người xưa nay".

Một chữ sạch đó chưa hẳn phải sạch, vì ngoài tâm vốn không một pháp, chỗ thấy chỉ là tâm, như hang cốc ứng tự tiếng, gương tả tượng ta. Chỉ nghĩa là chúng sinh chẳng đạt cổ động máy tâm, lập tiền trần sai biệt, như hoa đốm khởi diệt giữa hư không, dệt vô biên vọng tưởng, tợ lửa nước tuông vọt, chẳng là cội nguồn một tâm nên khiến sạch tuyệt,

nếu vào tâm thể, tuy nói trong lắng mà chẳng rơi vào đoạn diệt, tự nhiên từ thể khởi dụng, khắp cùng hằng sa. Lại, Hòa thượng Đại Mai nói: "Pháp môn tâm đây, diệu lý chân như chẳng tăng chẳng giảm các thứ phương tiện khéo năng ứng dụng, phải biết đều là tánh đây xưa nay đầy đủ chẳng sinh chẳng diệt, năng biết tất cả tác dụng của cả ba đời. Do đó nói: Ta quán lâu xa như hiện ngày nay thường tại trong đó kinh hành và ngồi nằm".

Hòa thượng Nham Đầu nói: "Có không ở trong ba cõi chỉ tự mình biết, lại không các sự khác, chỉ nhận biết mặt mắt xưa nay của tự mình, gọi là thần không nương đất mênh mông. Nếu nói riêng có pháp có Tổ, lừa ông đến đáy, chỉ hướng nhìn trong tấc vuông. Xa vời rõ sáng, chỉ không muốn không nương bèn được khơi thông".

Hòa thượng Cao Thành có bài ca nói: "Tâm không tướng năng vận sáng, ứng tiếng ứng sắc tùy phương chiếu, tuy tại phương mà chẳng tại phương, mặc tình cao thấp đều năng diệu, tìm không đầu lại không đuôi. Lửa sáng xoay vần từ đâu khởi, chỉ là như nay toàn là tâm. Tâm dụng rõ tâm tâm lại vậy, chẳng ở phương xứ nào tìm. Vận dụng không vết lại không tích. Biết lấy như nay rõ tìm người, trọn ngày chớ lừa riêng cầu đích, chuyên tâm học gần tòng lâm chớ đem mắt bệnh nhận hoa châm, nơi giáo vốn cùng lý không tướng. Rộng độc xưa nay chẳng biết tâm biết lấy tâm rõ lấy cảnh. Biết tâm rõ cảnh sông thiền lắng, nếu năng rõ cảnh bèn biết tâm, muôn pháp đều như ảnh Thát-bà".

Hòa thượng Thiên Khoảnh nói: "Tất cả chúng sinh lừa la voi ngựa rết sên, mười ác năm nghịch vô minh vọng niệm tham sân, các pháp chẳng rõ, đều từ trong Như Lai Tạng hiển hiện, xưa nay là Phật, chỉ vì chúng sinh từ vô thủy kiếp đến nay liếc khởi một niệm, từ đó trôi chảy mãi đến ngày nay. Do đó, Đức Phật ra đời khiến diệt ý căn, tuyệt các phân biệt, một niệm tương ưng bèn vượt Chánh giác, đâu cần dạy kẻ khác biết nhiều hiểu nhiều nhiễu loạn thân tâm. Do đó Bồ-đề quang minh chẳng được phát hiện. Nay ông chỉ năng tuyệt được thấy nghe hay biết, ở trên vật cảnh, chớ sinh phân biệt, tùy thời mặc áo ăn cơm, tâm bình thường là đạo, pháp đây rất khó: "Có người học hỏi: "Hòa thượng đến đêm không có đèn thì thế nào? Đáp: Người ngộ đạo thường soi sáng hiện tiền có gì là đêm ngày". Hỏi: "Sao chẳng thấy Hòa thượng soi sáng?" Đáp: "Định đem mắt gì để thấy?" Người học nói: "Người đời đồng đem mắt hiện tại thấy". Hòa thượng khảy móng tay bảo: "Khổ thay! Tất cả chúng sinh căn trần xen nhau từ vô thủy lại, nhận giặc làm con, mãi đến ngày nay thường bị gông cùm, ông đem mắt ý thức phân

biệt định cầu Phật đạo, tức là trái bỏ bản tâm, theo niệm lưu chuyển, người như vậy tuy đối mặt mà xa một trời một vực?.

Hòa thượng Duy Chánh nói: "Thánh xưa Thánh nay lý đó ngang bằng vậy, mặt nhật ngày xưa, mặt nhật ngày nay, chiếu chẳng hai mới, gió ngày xưa, gió ngày nay, lay không hai động, nước của một giọt đượm vậy, nước của biển lớn đượm vậy". Lại có bài tụng nói:

"Một niệm được tâm
Chóng vượt ba cõi
Thấy không chỗ thấy
Tham sân nát hoại".

Hòa thượng Trung ở núi Ngưu Đầu, có người hỏi: "Phàm, vào đạo là dụng tâm thế nào?" Đáp: "Tất cả các pháp vốn tự chẳng sinh nay thì không diệt. Ông chỉ để mặc tâm tự tại chẳng cần cấm ngăn ngay thấy ngay nghe. Ngay đến ngay đi, cần đi thì đi cân ở thì ở, đây tức là chân đạo. Trong kinh nói: "Duyên khởi là đạo tràng", biết như thật vậy". Lại hỏi: "Muốn khiến tu đạo, làm phương tiện gì mà được giải thoát?" Đáp: "Người cầu Phật, chẳng làm phương tiện, chóng rõ nguồn tâm, sáng thấy pháp tánh, tức tâm là Phật, chẳng phải vọng chẳng phải chân vậy. Trong kinh nói: "Chánh bỏ ngay phương tiện, chỉ nói đạo Vô thượng". Lại hỏi: "Diệu pháp chân như lý trí sâu mầu, những người biết cạn làm sao được thấy?" Đáp: "Ông chớ phỉ báng Phật, Phật chẳng nói như vậy. Tất cả các pháp chẳng phải sâu chẳng phải cạn, ông tự chẳng thấy, cho là sâu mầu. Nếu là lúc thấy chạm mắt thảy đều vi diệu sao, lấy suy cao, Bồ-tát riêng lập Thánh nhân. Vả lại như Sinh công (Đạo Sinh) nói: "Chẳng phải nói là trí sâu. Vật sâu ở trí vậy", từ ngữ đây thương tổn chẳng kịp vậy. Ông chớ chọn lựa pháp, chớ còn tâm lấy bỏ, nên nói pháp không có so sánh, không có đối đãi nhau vậy. Phàm kinh là lấy thân tâm làm nghĩa. Trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Thân là Tạng chánh pháp, tâm là đèn vô ngại, chiếu rõ các pháp không, gọi là độ chúng sinh".

Hòa thượng Giáp Sơn nói: "Trước mắt không pháp, ý tại trước mắt, chẳng là pháp trước mắt, chẳng phải chỗ đến của tai mắt".

Hòa thượng Đại An nói: "Tự trong mỗi thân các người có báu lớn vô giá, từ cửa mắt tỏa sáng chiếu phá núi sông đại địa, cửa tai tỏa sáng, lãnh nhận tất cả âm thanh thiện ác. Sáu cửa đêm ngày thường tỏa ánh sáng, cũng gọi là phóng quang Tam-muội. Các người tự chẳng nhận biết trong thân bốn đại, trong ngoài giữ, chẳng cho nghiêng lệch hai cẳng chân ngã, gánh hai gánh lớn đã qua cầu khỉ, cũng chẳng cho kia

ngãxuống đất. lại là gì? Các ông nếu tìm mảy tóc tức chẳng thể thấy. Nên Chí Công nói: "Trong ngoài tìm kiếm đều không, trên cảnh hành xử trọn có nhiều".

Hòa thượng Trường Sa có kệ tụng nói:

"Rất sâu mầu rất sâu mầu,
Pháp giới thân người bèn là tâm
Mê là mê tâm làm các cõi
Lúc ngộ cõi biển là chân tâm.
Thân giới hai trần vốn thật tướng
Rành rẽ thấu đây gọi tri âm".

Lại, có người học hỏi: "Khắp pháp giới, tâm thức chúng sinh đầu tiên từ đâu mà có?" Hòa thượng dùng kệ tụng đáp:

"Đất tánh sinh tâm vương
Tâm là thầy muôn pháp
Tâm diệt tâm thầy diệt
Mới được khế như như".

Hòa thượng Long Nha nói: "Phàm nói tu đạo là, đây là ngôn từ khuyến dụ, lời nói tiếp dẫn, từ xưa đến nay không pháp ban cho người, chỉ là tiếp nối các thứ phương tiện là nói ra ý chỉ khiến nhận biết tự tâm, rốt ráo không pháp có thể được, không đạo có thể tu. Nên nói đạo Bồ-đề tự nhiên. Nay nói pháp là tên của khuôn giữ, đạo là thể tánh chúng sinh, chưa có thế giới sớm có tánh đây, lúc thế giới hoại, tánh đây chẳng diệt, gọi là tánh của Tùy lưu, thường không biến khác. Động tĩnh và hư không đồng đẳng, gọi là tướng thế gian thường trú, cũng gọi là Đệ nhất nghĩa không, cũng gọi là bản tế, cũng gọi là tâm vương, cũng gọi là chân như giải thoát, cũng gọi là Bồ-tát Niết-bàn, trăm ngàn hiệu khác đều là giả danh, tuy có nhiều danh mà không nhiều thể, hội nhiều danh mà đồng một thể, hội muôn nghĩa mà về một tâm. Nếu nhận biết bản tâm nhà mình, gọi là về căn được chỉ. Thí như người muốn được các dòng nước, chỉ đến trong biển lớn mà cầu. Muốn biết tướng của muôn pháp, chỉ hướng trong tâm mà khế hội. Hội được huyền lý, khắp thể toàn chân. Muôn tượng sum-la, chỗ một pháp nhiễm".

Hòa thượng Đức Sơn nói: "Nếu có một bụi trần một pháp có thể được, cùng ông chấp lấy sinh hiểu, đều lạc vào Thiên ma ngoại đạo. Chỉ là cái linh không, còn không mảy trần có thể được, xứ xứ thanh tịnh, ánh sáng suốt đạt, trong ngoài sáng suốt. Nên nói: Ông chớ mến Thánh, Thánh là tên không, là không riêng có pháp, chỉ là cái linh không sáng rực, vô ngại tự tại, chẳng là trang nghiêm tu chứng được, từ Phật đến tổ

đều truyền pháp đây, mà chẳng lìa xa”.

Hòa thượng Phật Quật đệ tử Ngưu Đầu nói: “Nếu người chẳng tin một văn Văn -thù nói, mười phương Văn-thù đồng lúc nói, một Phật Niết-bàn, tất cả chư Phật Niết-bàn. Tại sao? Vì chưa đạt sắc căn bản vậy”. Hỏi: “Rõ sắc tánh không chỗ có là gốc ư?” Đáp: “Đây là Trú Quán mà nói, chẳng phải là tức sự mà thấy căn bản. Nếu tức sự thấy là chỉ thân ông sinh lão bệnh và vô minh dâm nộ là sắc căn bản, ngoài sự không lý vậy. Nên nếu rõ một sắc căn bản tức khắp mười phương sắc đồng, gọi là một nói tất cả nói, một Niết-bàn tất cả Niết-bàn, nên biết sắc thể không tánh, tánh không gì bao gồm”. Lại nói: “Tuy đồng phàm phu mà chẳng phải phàm phu, chẳng được phàm phu, chẳng hoại phàm phu. Nghĩa là riêng có thù thắng tại ngoài tâm, tức rơi lạc lưới ma. Nay ta tự quán thân tâm thật tướng làm Phật, tức là thấy mười phương chư Phật đồng hành đồng chứng xứ”. Hỏi: “Thân Phật vô lậu, giới định huân tu, năm âm chẳng buộc chẳng thoát, thì chẳng dám nghi ngờ. Vả lại như trong kinh Đại Phẩm nói: “Chúng sinh thân năm ấm bất thiện cũng chẳng buộc chẳng thoát”, rất khiến người nghi ngờ, xin vì giải nói?” Đáp: “Nếu hướng bên ngoài chúng sinh năm ấm riêng có chư Phật giải thoát. Điều ấy không thể có, chỉ rõ tự tánh chúng sinh, từ xưa đến nay không có một pháp có thể được, ai buộc ai thoát? Sao được lại có khác của buộc thoát”. Hỏi: “Trong kinh nói: “Chúng sinh và Phật bình đẳng không có buộc thoát”, sao được sáu đường chúng sinh chìm đắm chẳng được giải thoát?” Đáp: “Chúng sinh chẳng rõ sắc tâm thanh tịnh, vọng tưởng điên đảo, chẳng được giải thoát. Nếu biết nhân pháp thường không, trong đó thật không buộc thoát.” Hỏi: “Làm sao quán hành sám hối, lâm chung khỏi bị nghiệp kéo dắt?” Đáp: “Ông phải tin sâu xứ chỗ hành chỗ nói của chư Phật, cùng xứ chỗ hành chỗ nói của ta ngày nay không riêng khác. Cho đến thành Phật còn chẳng được tướng Niết-bàn. Huống gì tội phước vọng nghiệp khoảng giữa mà có thể được. Đây là chân thật chánh biết chánh thấy. Chân thật tu hành chân thật sám hối, chỉ lúc đi đứng ngồi nằm chẳng mất quán đây, đến lúc lâm chung tự nhiên chẳng mất chánh niệm”.

Hòa thượng Vân Cư đệ tử Phật Quật, có soạn thuật thiên Tâm Cảnh Bất Nhị, nói: “Thế gian xuất thế gian đều chẳng vượt ngoài tự một niệm vọng tâm. Mà có niệm vừa khởi tức muôn tượng phân chia, một niệm cùng bèn thành tâm cảnh. Nếu chẳng phải tâm cảnh, sao được có niệm có thể thấy. Đã có niệm của chỗ thấy, lại có tâm của năng thấy, sắp biết niệm tức là cảnh, thấy tức là tâm. Niệm của chỗ thấy bèn

thành sắc uẩn. Tâm của năng thấy bèn thành bốn uẩn. Trong kinh nói: "Năm uẩn là thế gian, một niệm đủ năm uẩn". Trong mỗi mỗi uẩn đều đủ năm uẩn nên được một chẳng ngại nhiều, nhiều chẳng ngại một. Do đó tâm cảnh giao thông hỗ tương làm bạn chủ. Trong kinh nói: "Cảnh trí qua lại xen vào lớp lớp vô tận, tức là một trần bao hàm pháp giới, mỗi mỗi pháp đều khắp cùng vậy. Quán tự một niệm động, tức Hằng sa thế giới một lúc cùng chấn động. Quán tự một niệm thường định, tức sáu đường chúng sinh thảy đều thường định. Nếu thật rõ thể của một niệm, tức Hằng sa thế giới thường hiện tự tâm, do mê một niệm tức cảnh trí sao vượt".

Hòa thượng Đại Châu nói: "Tâm tánh không hình tức là pháp thân vi diệu, tâm tánh thể không tức là thân hư không vô biên. Bày hành trang nghiêm tức là công đức pháp thân, pháp thân đây là gốc của muôn hóa tùy xứ lập danh, trí dụng vô tận, là kho tàng vô tận". Hỏi: "Thế nào là pháp thân?" Đáp: "Tâm năng sinh Hằng sa muôn pháp nên gọi là thân của nhà pháp". Trong kinh nói: "Một niệm tâm trong trần, diễn ra Hằng sa kệ, người lúc ấy chẳng biết". Hỏi: "Chân pháp huyễn pháp mỗi mỗi có chủng tánh ư?" Đáp: "Phật pháp không chủng ứng vật mà hiện. Nếu tâm chân là tất cả đều chân, nếu có một pháp chẳng chân, thì nghĩa chân đó chẳng tròn. Nếu huyễn tâm là tất cả đều huyễn. Nếu có một pháp chẳng huyễn, thì huyễn pháp có định. Nếu tâm không là tất cả đều không. Nếu có một pháp chẳng không, thì nghĩa không chẳng tròn. Lúc mê người theo pháp. Ngộ bỏ pháp do người. Sum-la muôn tượng đến không mà cực, trăm sông các dòng đến biển mà cực. Tất cả Hiền Thánh đến Phật mà cực. Mười hai bộ loại kinh giáo, năm bộ Tỳ-ni, bốn bộ luận Vi-đà đến tâm mà cực. Tâm là nơi Tổng trì nguồn của muôn pháp, cũng là tạng đại trí tuệ, không trú Niết-bàn, trăm ngàn danh hiệu đều là tên khác của tâm".

Hòa thượng Tiên ở Động sơn có bài Tâm Đan Quyết nói: "Tôi có thuốc tên Tâm đan, trong lò phiền não luyện nhiều năm. Biết y chẳng biến sắc trong thai, ánh sáng chiếu sáng rỡ khắp đại thiên, mở mắt pháp thấy tướng đẹp, năng biến Thánh phàm khoảng sát-na, cần biết chân giả thành công dụng, trong tất cả thời rèn luyện xem. Không hình trạng chớ vuông tròn, trong lời không vật lời trong vật. Có tâm dụng tức trái chân dụng, không ý an thiền không chẳng thiền, cũng không diệt cũng không khởi, sum-la muôn tượng đều khiến sai. Chẳng luận châu thổ chỉ đem lại, vào trong lò đây không chẳng phải. Không một ý là ý tôi, không một trí là trí tôi, không một vị không chẳng khác, sắc chẳng biến

chuyển khó rõ rành, lại không một vật ở trong hiện, chớ đem một vật chế phục khác, chứng hợp chân không chớ luyện rèn”.

Hòa thượng Tiên ở Tào Sơn nói: “Phật xưa tâm tường vách ngói gạch đó, cũng gọi là đất tánh, cũng xưng thể toàn công, cũng nói pháp không tình giải thoát. Nếu biết trong đó được xứ không biện, mười phương cõi nước núi sông tường đá gạch ngói hư không cùng chẳng phải không, có tình không tình cây cỏ rừng chầm, thông làm một thân, gọi là được dự ghi, cũng gọi là pháp môn một chữ, cũng gọi là pháp môn Tổng trì, cũng gọi là một bụi trần một niệm, cũng gọi là làm đồng vết. Nếu là đất tánh chẳng biết có, chư Phật ngàn ban dụ chẳng được, muôn thứ sánh chẳng thành ngàn Thánh, muôn Thánh đều từ trong đó ra, từ đó lại chẳng biến khác, nên gọi là mười phương Bạt-già-phạm, môn một lối Niết-bàn.”

Hòa thượng Linh Biện nói: “Phàm, một tâm chẳng nghĩ bàn, diệu nghĩa không định tướng, ứng thời mà dụng chẳng thể định chấp. Trong kinh nói: “Tất cả Thánh hiền đều lấy pháp vô vi mà có sai biệt, dụng sai biệt tùy xứ mà được tên, rốt ráo chẳng lìa tự tâm. Tâm đây năng hoại tất cả năng thành tất cả. Nên nói tất cả pháp đều là Phật pháp. Tâm làm trời tâm làm người, tâm làm quỷ thần, súc sinh địa ngục đều chỗ tâm làm, đẹp xấu đều do tâm, cần sinh cũng được cần chẳng sinh cũng được, tức là nghĩa vô ngại, chỉ nay tất cả hành xử đi đứng nằm ngồi tức là tướng tâm, tướng tâm không tướng nên gọi là thật tướng. Thể không biến động, cũng gọi là Như Lai. Như là chẳng biến chẳng khác, trong không hiện có, trong có hiện không, cũng gọi là thần biến, cũng gọi là thần thông, đều là dụng của một tâm, tùy xứ sai biệt tức nhiều nghĩa. Trong một giải vô lượng, trong vô lượng giải một. Rõ kia qua lại sinh khởi, sẽ thành không chỗ khác. Lại, Đông phương vào chánh định, Tây phương từ định ra, nếu rõ ngoài tâm không pháp, tất cả chỉ tâm, tức không một pháp đáng tình. Không có tốt xấu phải quấy, tức chẳng sợ sinh tử. Tất cả xứ đều là giải thoát, nên nói sẽ thành không chỗ sợ. Giả sử ngoài tâm có tất cả cảnh pháp cũng từ tự tâm vọng tưởng nhân duyên mà sinh, không có tự tánh, thể đó vốn không như huyễn như hóa”.

Hòa thượng Tiên ở Vân Cư nói: “Phật pháp có gì lắm sự, hành được tức phải, chỉ biết tâm là Phật, chớ buồn rầu lời Phật chẳng giải hiểu, muốn được việc như vậy, phải người như vậy. Nếu là người như vậy thì buồn sầu cái gì? Nếu nói việc như vậy tức chẳng khó, từ các bậc Tiên đức thuần chân thật, xưa nay vốn không xảo khéo. Giả sử có người hỏi: Thế nào là đạo? Hoặc có lúc đáp ngói gạch cây, làm gì đều trọng.

Vốn vì người ấy căn bản dưới chân có thật lực, tức là người chẳng nghĩ bàn, vốc đất thành vàng, nếu không được việc như vậy, giả sử nói được nhúm hoa nhúm gấm tương tợ, nói ngay ta phóng quang động đất, thế gian không gì quá đây, đều nói tức xong. Mọi người cả cõi đều chẳng tin nhận, nguyên vì dưới chân người đó rỗng hư không lực".

Giải thích: Hòa thượng Vân Cư là bậc Tông sư ngoài vật, bảy đời làm thiện tri thức cõi này, đạo đức cao vợi biển trí rộng sâu, đủ đại từ bi, đồ chúng thường đông nhiều cả ngàn người. Dạy bảo đồ chúng nói chỉ biết tâm là vật chớ buồn rầu Phật chẳng phải ngữ là vì người học thời nay, một hướng tìm cầu bên ngoài chỉ học ngôn ngữ của Đại thừa, chẳng năng trở lại gốc bên trong tự quán tâm, rõ thấy Phật của Thiên chân. Nếu rõ tâm Phật đây, tức trí tự nhiên trí vô sư hiện tiền, nào phiền cầu học bên ngoài. Như nói từ cửa vào là chẳng phải báu, lại nói từ trời giáng xuống tức bần cùng, từ đất vọt lên tức phú quý. Nếu từ đất tâm vọt ra trí báu, nào có cùng tận. Nên nói tạng của vô tận, chỉ như được tâm chân thật, gốc rẽ dưới chân xét kỹ, tự nhiên mở lời đều cùng thật tướng tương ưng, mở lời cứu người sinh tử, biến phàm làm Thánh, nắm sỏi thành vàng. Nói có cũng được nói không cũng được. Câu câu đều thành ngôn giáo. Nếu là trong tâm chưa chắc thật, viên tín chưa thành tựu, không nhận hư dối chỉ thành tự dối, ngay như biện thuyết ngang dọc chỉ thêm cuồng tuệ, giả sử hoặc nói được hoa trời rơi xuống, đá gật đầu, nếu việc chẳng chân đều thành yêu huyễn. Do đó, Chí Công thấy pháp sức Vân Quang giảng kinh Pháp Hoa, cảm hoa trời rơi xuống, nói "đó là nghĩa của rệp cắn là lời thật của Tiên Thánh". Thật đáng dùng làm khuôn thước cho hàng hậu học, có thể khắc cốt, có thể ghi vào dải áo, nay khắp tìm bày rất có ý vậy.

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 99

Phàm, chế luận giải thích kinh nương bày ý Phật, hoặc là bậc Đại sĩ pháp thân duỗi vết hỗ trợ hóa môn, hoặc là bậc cao nhân đắc chỉ căn cứ giáo hoằng đạo pháp thí, cho đến nghĩa sớ chương sao, minh quyết, tán tự v.v... cùng Tông Kính tương ưng, đều phải dẫn chứng. Dò vì, chúng sinh ngôn luận đều là chỗ lưu của pháp giới, ngoại đạo kinh sách đều là chỗ nói của chư Phật.

Trong luận Đại Trí Độ nói: "Luận pháp vào trong tâm Phật, chỉ một tịch diệt, một môn Tam-muội gồm vô lượng Tam-muội, như kéo áo chỉ một góc mà cả áo đều được. Cũng như chúa ông mật thì các ông khác đều gồm". Lại có kệ tụng nói:

"Phật pháp tướng tuy không
Cũng là chẳng đoạn diệt
Tuy sinh cũng chẳng thường
Các hành nghiệp chẳng mất.
Các pháp như lá chuối
Tất cả từ tâm sinh
Nếu biết pháp không thật,
Là tâm cũng lại không".

Trong luận Tỳ-bà-sa nói: "Trưởng giả Thiện Giác nói sách Tứ Vi-đà là: "Như người tâm sinh mà chẳng khởi, như người tâm khởi mà chẳng diệt, tâm khởi mà khởi, tâm diệt mà diệt". Lại nói: "Nếu lìa tâm mới phát ban đầu thì chẳng thành đạo Vô thượng. Do đó nói tất cả công đức đều tại tâm mới đầu".

Trong luận Nhiếp Đại Thừa nói: "Hỏi: Tại sao thức đây thủ thức đây làm cảnh? Đáp: Không có pháp năng thủ đắc pháp khác, tuy chẳng năng thủ thức đây, biến sinh hiển hiện như bụi trần, thí như nương mặt thấy mặt cho là ta thấy ảnh. Ảnh đây hiển hiện tương tợ khác mặt."

Trong luận Hiển Dương nói: "Do lực sở y sở duyên mà được kiến lập. Do lực sở y là, nghĩa là lập nhãn thức cho đến ý thức. Do lực sở

duyên là, nghĩa là lập sắc thức cho đến pháp thức, thức xanh thức vàng, cho đến thức khổ thức lạc".

Trong luận Phát Bồ-đề tâm nói: "Quá khứ đã diệt, vị lai chưa đến, hiện tại chẳng trú, tuy quán tâm tâm sở pháp sinh diệt tán hoại như vậy mà thường chẳng bỏ tu tập căn lành trợ pháp Bồ-đề. Đó gọi là phương tiện ba đời của Bồ-tát".

Trong luận Đại Thừa A-tỳ-đạt-ma Tạp Tập nói: "Như các pháp trong kinh v.v... như lý tác ý phát Tam-ma-địa, nương tựa định tâm tư duy chỗ thấy ảnh tượng trong định, quán ảnh tượng đây chẳng khác định tâm, nương ảnh tượng đây xả bỏ cảnh tưởng bên ngoài, chỉ định quán sát ảnh tượng tư tưởng. Bấy giờ Bồ-tát rõ biết các pháp chỉ tự tâm vậy. Bên trong trú tâm đó, biết biết tất cả chủng chỗ thủ cảnh giới đều không chỗ có. Do chỗ thủ không nên tất cả năng thủ cũng chẳng phải chân thật, nên tiếp phải biết năng thủ chẳng phải có, tiếp lại ở bên trong xa lìa chỗ được hai thứ tự tánh chứng không chỗ được. Nương đạo lý này mà Đức Phật Bạt-già-phạm khéo diệu tuyên nói kệ tụng rằng:

"Bồ-tát nương tỉnh xứ
Quán chỗ tâm hiện ảnh
Xa lìa trần tưởng ngoài
Chỉ định quán tự tưởng
Như vậy trong an tâm
Biết chỗ thủ chẳng có
Tiếp quán năng thủ không
Sau xúc hai không được".

Y, nghĩa là chuyển y, xa lìa tất cả thô trọng được chuyển y thanh tịnh, nên trong luận Thập Nhị Môn có kệ tụng nói:

"Chỗ các duyên sinh pháp
Đó tức không tự tánh
Nếu là không tự tánh
Tại sao có pháp đó".

Giải thích: Nên biết muôn pháp từ chỗ tâm sinh đều không tự tánh. Tâm của sở y còn không, tâm của năng y sao có.

Trong luận Nhập Đại thừa nói: "Nếu lìa chúng sinh thì không có được đạo Bồ-đề, từ chúng sinh giới sinh ra tất cả Bồ-đề chư Phật. Như Tôn giả Long Thọ có kệ tụng nói:

"Chẳng từ hư không có
Cũng chẳng đất giống sinh
Chỉ từ trong phiền não

Mà chứng đắc Bồ-đề".

Nên biết từ tâm chứng đạo chẳng nhờ duyên khác, năng thành trí của vô sư tự nhiên".

Trong luận Câu-xá nói: "Chỗ mắt hiện thấy gọi là chỗ thấy, từ kẻ khác truyền nghe gọi là chỗ nghe, tự vận động tâm mình các chỗ tư duy tạo dựng gọi là chỗ giác (hay). Tự chỗ bên trong thọ và chỗ tự chứng, gọi là chỗ biết".

Trong luận Phật Địa nói: "Hiện thấy hư không tuy cùng các thứ sắc tướng tương ưng, mà không các sắc các thứ tướng vậy. Như khói sương cộng tương ưng. Có lúc thấy hư không có các thứ tướng, là do lực hư vọng phân biệt vậy, chỉ thấy khởi v.v... các thứ tướng chẳng phải thấy hư không, vì tánh hư vọng chẳng thể thấy vậy. Cho đến tâm tịnh thì pháp giới lìa danh ngôn, nên tất cả danh ngôn đều dụng chỗ phân biệt khởi làm cảnh. Nhưng các giáo pháp cũng chẳng luống mất, là chứng pháp giới nhân dần chuyển vậy. Như thấy chữ viết hiểu chỗ nói nghĩa. Do pháp giáo đây là chỗ lưu của chư Như Lai Đại Bi năng chuyển đổi nói, lìa nghĩa nói phô, như dùng các sắc màu họa vẽ hư không rất là hiếm có, nếu dùng nói phô nói lìa nghĩa nói lại quá so với kia".

Trong luận Bát-nhã nói: "Tu-bồ-đề nói: "Như Lai không nói gì", nghĩa đây như thế nào? Không có một pháp chỉ riêng Như Lai nói các Phật khác chẳng nói, nghĩa là Phật dạy chỉ là truyền thuật giáo của Phật xưa trước, chẳng phải tự chế làm". Giải thích: Nên biết pháp đây, chư Phật quá khứ đã nói, Phật nay hiện nói, chư Phật ở tương lai sẽ nói. Do đó, lúc một Đức Phật nói, mười phương chư Phật đồng chứng. Cho đến các pháp trí tuệ cõi nước chân tục v.v... tánh Thánh phàm v.v... đều đồng không hai. Vì chỉ cộng một tâm vậy, trọn không khác yếu chỉ. Như trong kinh Hoa Nghiêm phẩm Phật Bất Tư Nghì nói: "Phật tử! Chư Phật Thế Tôn có mười thứ không hai, hành pháp tự tại. Những gì là mười? Đó là: Tất cả chư Phật đều năng khéo nói ngôn từ thọ ký, quyết định không hai. Tất cả chư Phật đều năng tùy thuận tâm niệm chúng sinh khiến đó ý mãn, quyết định không hai. Tất cả chư Phật đều năng hiện giác các pháp diễn nói nghĩa đó, quyết định không hai. Tất cả chư Phật đều năng đầy đủ trí tuệ của chư Phật ở quá khứ, vị lai và hiện tại, quyết định không hai. Tất cả chư Phật đều biết tất cả sát-na trong ba đời tức một sát-na, quyết định không hai. Tất cả chư Phật đều biết tất cả cõi Phật trong ba đời vào một cõi Phật, quyết định không hai. Tất cả chư Phật đều biết tất cả chư Phật ba đời và chỗ Phật đó giáo hóa tất cả chúng sinh thể tánh bình đẳng, quyết định không hai. Tất cả chư Phật

đều rõ biết pháp thế gian và pháp chư Phật tánh không sai biệt quyết định không hai. Tất cả chư Phật đều rõ biết tất cả chư Phật trong ba đời chỗ có căn lành đồng một căn lành, quyết định không hai. Đó là mười". Lại, trong Tín Tâm Minh nói: "Cầu khẩn tương ưng, chỉ nói chẳng hai, có thể thành tin kiên cố trọn đoạn mảy may nghi ngờ", thì văn của Tông Kính sáng truyền bất hủ vậy.

Trong luận Quảng Bách nói: "Giác tuệ v.v... các tâm tâm pháp chẳng phải tùy các pháp thật có chuyển biến, chỉ tùy xuyên suốt thành thục chủng tử và chỗ tâm hiện thế lực các duyên, biến sinh các thứ cảnh giới sai biệt. Các ngoại đạo v.v... tùy tự tâm đó biến sinh các thứ tánh tướng các pháp. Nếu tánh tướng pháp là thật có là đâu có thể tùy tâm chuyển biến như vậy. Các người có trí chẳng nên chấp thuận chỗ kia chấp hiện tại thật pháp có sinh vì hẳn chẳng từ hai đời quá khứ và vị lai lại không thứ ba có thể theo sinh. Diệt hẳn tùy sinh. Sinh đã chẳng phải có, diệt cũng định không, cho đến ba đời hành đều đối đãi nhau lập, như ngắn dài v.v... sao có thật tánh?". Lại có kệ tụng nói:

"Trong nhãn không sắc thức
Trong thức không sắc nhãn
Trong sắc hai đều không
Sao năng khiến thấy không?"

Y tha khởi tánh tức là tâm tâm pháp, lúc theo duyên khởi biến tợ các thứ tràn tướng danh v.v... Nên biết có tâm tâm pháp, chỉ không chỗ chấp các trần bên ngoài tâm. Làm sao định biết? Các pháp Duy thức vậy. Phật bảo Thiện Hiện: Không mảy lông lượng vật thật có thể nương.

Trong luận Bảo Tạng nói: "Phàm, bên trong của trời đất, khoảng giữa của vũ trụ, trong đó có một báu bí mật tại Hình Sơn, biết vật linh chiếu trong ngoài không vậy, lặng lẻ khó thấy. Đó gọi là huyền huyền, khéo ra ngoài bảng tử vi, dụng tại khoảng hư vô, giáo hóa rõ thật chẳng động, riêng mà không song. Tiếng phát ra diệu hưởng, sắc nhả mặt hoa dung, cùng quán không chỗ cậy, gọi là không không. Chỉ lưu tiếng đó chẳng thấy hình đó. Chỉ lưu công đó, chẳng thấy dung đó, sâu hiển sáng chiếu, vật lý huyền thông. Sum-la ấn báu muôn tượng chân tông. Cho đến báu đó rực rực rỡ rỡ sáng chiếu mười phương, ẩn lặng không vật viên ứng rõ ràng, ứng tiếng ứng sắc, ứng âm ứng dương, vật lạ không căn, diệu dụng thường còn, ghé mắt chẳng thấy nghiêng tai chẳng nghe. Gốc đó ngầm vậy, hóa đó hình vậy, làm đó Thánh vậy, dụng đó linh vậy. Có thể gọi là chân tịnh của đại đạo. Tinh đó rất linh. Nhân của

vạn hữu, ngưng động thường trú, cùng đạo đồng luân. Nên trong kinh nói: "Tùy tâm đó tịnh tức cõi Phật tịnh. mặt dụng sum-la, tên đó là Thánh".

Trong luận Thích Ma-ha-diễn nói: "Tất cả các pháp chỉ một tâm lượng, không pháp ngoài tâm, vì không pháp ngoài tâm nên đâu một tâm pháp cùng mười tâm pháp làm sự chướng ngại, cũng một tâm pháp cùng một tâm pháp làmsự giải thoát. Không có giải thoát, không có chướng ngại, pháp của một tâm. Một tức là tâm, tâm tức là một, không một riêng tâm, không tâm riêng một. Tất cả các pháp bình đẳng một vị, một tướng không tướng, làm một thứ ánh sáng, biển của đất tâm".

Trong luận Bảo Sinh có kệ tụng nói:

"Mỉm cười dẹp phục các ma quân
Trí sáng rõ biết trừ các dục
Ở Đại thừa đây năng khéo trú
Biết sâu nguồn ái chỉ tự tâm".

Trong luận Bảo Tánh có kệ tụng nói:

"Như không khắp tất cả
Mà không không phân biệt
Tự tánh tâm không dơ
Cũng khắp không phân biệt".

Trong luận Kim Cang Tam-muội nói: "Tất cả tướng xưa nay không gốc, vốn không gốc xứ, rỗng lặng không sinh. Nếu tâm không sinh tức vào rỗng lặng, đất tâm rỗng lặng tức được tâm không. Này thiện nam! Tâm của không tướng không tâm không ngã, tất cả pháp tướng cũng lại như vậy là, tất cả tâm tướng chủng tử làm gốc, cầu chủng gốc đây trọn không chỗ được, nếu là hiện tại thì cùng quả đi cùng, không gốc ngọn khác, như trâu hai sừng. Nếu đã quá khứ thì không tác nhân, không thể tánh vậy, giống như sừng thỏ. Đạo lý như vậy, xưa nay pháp như thế nên nói xưa nay không gốc. Lại tâm sinh diệt sinh là nương gốc xứ, gốc xứ đã không thì chẳng được sinh. Phải biết tâm tướng xưa nay không sinh, nên nói rỗng lặng không sinh, chỗ vào không tịch tức là một tâm. Tất cả chỗ nương gọi đó là đất, nên nói tức vào đất tâm của không tịch".

Trong luận Phân Biệt Công Đức nói: "Sa-môn Hữu Luận hành các thiền quán, hoặc tại gò mả hoặc dưới gốc cây, lúc ở gò mả thì quán thây chết, ban đêm thấy ngạ quỉ đánh một thây chết. Sa-môn hỏi: "Cớ sao đánh thây chết đây vậy?" Đáp: "Thây chết đây làm ta khốn khổ như vậy, cho nên đánh đó". Sa-môn hỏi: "Cớ sao chẳng đánh tâm ngươi mà đánh thây chết đây đâu có ích gì?" Chốc lát sau lại có vị trời dùng hoa

Mạn-đà-la cõi trời tung rải nơi thây thối. Sa-môn hỏi: “Cớ sao tung rải thây thối đây vậy?” Đáp: “Do thây chết đây mà ta được sinh lên trời. Thây chết đây tức là bạn lành của ta nên ta lại rải hoa để báo ân xưa trước” Sa-môn hỏi: “Cớ sao không rải hoa trong tâm ông mà rải thây chết thối đây? Phàm, gốc của làm thiện ác đều chỗ tâm làm, mà bỏ gốc cầu ngọn ư?”

Trong luận Tư Ích nói: “Chẳng thấy tất cả các pháp là tướng Bồ-đề, chẳng chứng một pháp mà chứng các pháp, cho nên nói là ứng chánh biến tri (rõ biết khắp cùng đúng đắn)”.

Trong luận Kim Cang nói: “Trong giáo thí như tinh tú vì chỗ mặt nhật ánh ngời nên có mà chẳng hiện, năng thấy tâm pháp cũng lại như vậy”. Giải thích: Đây có hai giải: Một, nếu mê tâm, như mặt nhật chói sáng mắt lóa vào phòng chẳng thấy tự vật. Như chỗ bị cảnh đổi, chẳng thấy tự tâm cũng lại như vậy; Hai, nếu do ngộ cảnh là tâm, thì muôn pháp như tinh tú, một tâm như ánh sáng mặt nhật, lúc tâm sáng rực khắp cùng thì không pháp nào có thể phô bày”.

Trong luận Pháp Tánh nói: “Thầm nghe đó, các bậc Tiên giác nói: Thể không vào tịch chẳng gì trước so với thấy pháp, tìm cũng nguồn pháp, không gì diệu so với được tánh. Được tánh thì chiếu gốc, chiếu gốc thì đạt tự nhiên, đạt tự nhiên thấy duyên khởi, thấy duyên khởi là thấy pháp đây vậy, sắp tận cùng nguồn đó hẳn còn cốt yếu đó. Cốt yếu mà tại dụng là chỉ tâm pháp đó ư? Tâm pháp là phách sáng của thần minh là đan dự của tinh thức là vận chuyển đó vậy; lan tỏa nơi muôn hạnh làcảm vật đó vậy; hội thông các so, Bao gồm mà nói thì không đâu chẳng có”.

Trong luận Hiển Tánh nói: “Một niệm thấy tánh là, thấy tánh là bản thể của Thánh phàm, khắp cùng tất cả mà chẳng là chỗ của tất cả khuynh động. Tại nhiễm chẳng nhiễm mà năng biến nhiễm, tại tịnh chẳng tịnh mà năng tịnh, tánh đó chẳng tại tất cả pháp mà năng khắp tất cả pháp. Nếu quán một pháp tức chẳng thấy tánh, nếu chẳng quán một pháp cũng chẳng thấy tánh tánh đó chẳng tại quán chẳng tại chẳng quán, lúc ở trong thân chúng sinh thấy tâm tánh, tất cả chúng sinh thảy đều thấy ở trong một vi trần, lúc thấy tánh tất cả vi trần thảy đều thấy, vì tánh khắp cùng Thánh phàm thiện ác vậy. Phàm ở suốt Thánh ở, Thánh ở suốt phàm ở. Thiện ác suốt nhau, bản tánh tự vậy. Vì tất cả pháp đều chẳng được thủ đều chẳng được xả. Tánh tướng tự vậy tự tánh tịnh vậy, trọn ngày nói trọn chẳng được một nói, trọn ngày nghe chẳng được một nghe, trọn ngày thấy chẳng được một thấy, trọn ngày biết chẳng được

một biết, đều phải chỗ an lập của phàm Thánh, cho nên trong kinh nói: Nếu ra đời hay chẳng ra đời, pháp đây thường vậy”.

Trong luận Hiển Tông nói: “Diệu chỉ thiền môn một thừa ta đây, lấy không niệm làm tông, không trú làm gốc, chân không làm thể, diệu hữu làm dụng. Phàm, chân như không niệm, chẳng phải niệm tưởng năng biết, thật tướng không sinh, há sắc tâm năng thấy. Chân như không niệm, niệm là tức niệm chân như. Thật tướng không sinh, sinh là tức sinh thật tướng. Không trú mà trú, thường trú mà trú, thường trú Niết-bàn, không hành mà hành năng vượt bờ kia. Như như chẳng động, động dụng vô cùng, niệm niệm chẳng cầu thường cầu không niệm. Dụng mà thường không, không mà thường dụng. Dụng mà chẳng có tức là chân không, không mà chẳng không, bèn thành diệu hữu. Diệu hữu tức Ma-ha Bát-nhã, chân không tức thanh tịnh Niết-bàn. Bát-nhã không thấy năng thấy Niết-bàn. Niết-bàn không sinh năng sinh Bát-nhã. Các Tổ ở Tây Thiên cùng truyền tâm của không trú, đồng nói thấy biết của Như Lai”.

Trong luận Hiển Chánh nói: “Hỏi: Muốn hiểu nghĩa gì gọi là Hiển Chánh? Đáp: Muốn hiểu rõ cội nguồn của chúng sinh tâm thể không sinh thanh tịnh, tức là chánh tánh của chư Phật. Tại sao như vậy? Tất cả các pháp, tâm là gốc đó, nhưng tâm tánh đó đều không chỗ nương. Thể tự viên dung chẳng ngại muôn pháp. Tuy ứng hiện muôn pháp mà tánh tự thường chân, không trú không nương chẳng thể lấy bỏ. Trong kinh Thắng Thiên Vương nói: “Tâm tánh thanh tịnh là gốc các pháp. Tự tánh không gốc, hư vọng phiền não đều từ tà niệm điên đảo mà sinh. Phải biết tâm đây tức là Đệ nhất nghĩa đế tối thắng thanh tịnh. Tất cả chư Phật chứng biết chỗ về”. Hỏi: Định dùng pháp gì làm tâm thể? Đáp: Chẳng nên cầu định thể của tâm. Tại sao? Tâm chẳng phải chỗ duyên, vì không không tướng, cũng gọi là chẳng phải năng sở, tuyệt dứt đối đãi nhau vậy. Thể chẳng thể nhiễm, vì tánh thường tịnh, chẳng phải hợp chẳng phải tan vì, tự tánh lìa, chẳng ngại duyên khởi vì, tánh rỗng dung hòa vậy. Chẳng thể nói bày vì, danh tự không. Các pháp hư tịnh vì, duyên lìa nhau, linh chiếu chẳng kiệt, dụng vô tận vậy. Quả báo chẳng đồng vì, tác nghiệp khác, nhân quả rõ ràng,vì chẳng đoạn tuyệt, cũng chẳng phải chân thật vì, nghiệp tánh như huyễn. Lại chẳng đoạn tuyệt vì, hiện hàng xử, cũng chẳng thể thủ vì, rốt ráo không, các pháp bình đẳng vì, một tướng như, cảnh trí không sai vì lìa phân biệt, muôn pháp tức không vì, tánh không sinh. Vì vậy, tất cả phân biệt chẳng lìa tự tâm, tất cả các cảnh chẳng lìa danh tướng. Nếu rõ muôn pháp chẳng rõ tự

tâm, phân biệt không do đâu năng tuyệt. Cho đến, trong kinh Lăng-già nói: "Nếu tâm kia diệt tận. Không thừa và thừa đó, không có thừa an lập. Ta nói là một thừa". Tâm kia tức là chỗ thủ tướng được tâm vậy. Một thừa là tức lìa tướng thanh tịnh không sinh tâm vậy. Tâm đây đều năng bao hàm vận tải tất cả các pháp, nên gọi là một thừa".

Trong Pháp Uyển châu Lâm nói: "Phàm, ngăn dòng đó, chẳng bằng bít nguồn đó, hất nước nóng đó chưa bằng dập lửa đó. Tại sao? Nguồn sinh ra nước, nguồn chưa bít thì nước chẳng cùng, lửa bốc nước nóng, lửa chưa dập, nước nóng sao dứt, nên có khách của bít nguồn chẳng ngăn dòng mà tự cạn, người dập lửa, chẳng hất nước nóng mà tự dừng. Nên biết tâm là nguồn, cảnh là dòng. Chẳng xét nguồn bản tâm, chỉ theo các pháp chuyển. Ý như lửa, sự như nước nóng. Chẳng thể tự đốt ý, chỉ theo cảnh giới trôi. Đó đều mất gốc mê nguồn tùy dòng theo ngọn. Nếu năng chóng rõ đất ý, suốt ngay nguồn tâm, chẳng cầu thoát ở các trần, chẳng trói buộc nơi một pháp, có thể gọi là cứu ngọn gặp gốc, tìm dòng được nguồn vậy. Bèn là không công mà tự xong, không làm mà tự thành, hiển bày một tâm đây, muôn pháp như gương".

Trong luận Duy Tâm nói: "Phàm luận về tâm tánh là, nếu riêng nói mỗi mỗi chúng sinh và Phật đều lấy pháp giới làm thân, mỗi mỗi trong bào thai Ma-gia cũng như vậy, rộng hẹp đều đồng chẳng phòng ngại nhau. Nếu gần nói mỗi mỗi chúng sinh và Phật đồng tại trong bào thai, mười phương các Đức Như Lai đồng cộng một pháp thân, qua lại ẩn qua lại hiển, qua lại còn qua lại đoạt, lớp lớp qua lại hiện đều là pháp giới chẳng nghĩ bàn. Lúc nói chẳng tăng lúc chẳng nói chẳng giảm, biển tánh như vậy, đâu có thể nói là tận hay chẳng tận ư?

Trong Lục Diệu Môn nói: "Đây là người đại căn khéo biết pháp yếu, chẳng do thứ lớp, huyền chiếu nguồn của các pháp, chỗ gọi là tâm chúng sinh vậy. Tất cả pháp do tâm mà khởi, nếu năng phản chiếu tâm tánh chẳng được nguồn tâm, tức biết muôn pháp đều không căn bản".

Trong Đốn giáo Ngũ Vị môn nói: "Thứ nhất, thức tâm, nói là tâm, thấy là tâm, nghe là tâm, hay là tâm biết là tâm, đây là ngộ thứ nhất, mỗi mỗi năng biết, như chấp thuận nhiều tâm đều là một tâm, một tâm năng khắp tất cả xứ. Thứ hai, biết thân đồng vô tình, thân chẳng biết ốm đau xấu đẹp, tất cả đều là tâm chẳng liên can việc thân. Tâm năng làm người súc vật, tâm năng làm cá chim. Thứ ba, phá thân bốn đại. Thân tức là không, không tức là không sinh, không không trong ngoài và khoảng giữa, lìa tất cả tướng. Thứ tư, phá năm ấm, sắc ấm nếu có bốn ấm chẳng hư. Sắc ấm nếu không bốn ấm sao có. Thứ năm, thấy

tánh thành Phật, trong lắng thường trú".

Trong lời tựa kinh Thập Trú nói: "Vì linh chiếu nên gồn gọi là một tâm, do chỗ duyên nên gồn gọi là một pháp. Nếu phàm nói tùy số biến thì mênh mông không ngằn mé, gồn do pháp tâm thì chưa mới đầu chẳng phải hai".

Trong lời tựa luận Thập Nhị Môn nói: "Luận đó là, muốn lấy cùng nguồn tâm đó, tâm chí lý đó vậy. Nếu một lý đó chẳng tận, thì các thứ khác rối ren có lầm hoặc trái nghịch của thú. Một nguồn đó chẳng cùng thì các đường hoang sơ có khác vết của tận cùng. Khác tận cùng đó chẳng thường, trái thú đó chẳng sạch, là nỗi lo buồn của bậc Đại sĩ vậy.

Trong lời tựa luận Bát-nhã Đăng nói: "Mới đầu, phàm muôn vật chẳng phải có một tâm như huyễn, tâm như huyễn nên tuy động mà luôn lặng. Vật chẳng phải có nên tuy khởi mà không sinh. Vì vậy các Thánh nhân nói tâm như huyễn, soi xét vật chẳng phải có. Rõ vật chẳng phải có thì vật vật tánh không, biết tâm không tâm, thì tâm tâm thể lặng. Những bậc Đạt quán được hội quy đó mà quên chỗ cậy đó, do vậy, phân biệt hý luận chẳng đợi khiến xua mà tự trừ. Môn quán không được, chẳng nhờ tu mà đã vào. Mênh mông thay chẳng ra chẳng tại, chẳng trú chẳng nương ấy vậy".

Trong luận Hoa Nghiêm nói: "Giống như biển lớn có đức thanh tịnh mà năng hiển bảy núi vàng v.v... biển tâm chúng sinh ảnh hiện sáu đường bốn loài, phân minh hiển hiện núi sông đất liền sắc không tối sáng v.v...".

Trong luận Duyên Sinh nói: "Vốn là một tâm, tích chứa làm ba cõi. Phàm thì mê mà khởi vọng, Thánh thì ngộ vì thông chân".

Trong Pháp môn Đà-la-ni Tam-muội có kệ tụng nói:

"Trong các pháp đó, cao giống như núi Tu-di.
Trong các pháp đó, biển chỗ dòng cộng về.
Trong các pháp đó, sáng giống như trăng trong muôn sao.
Trong các pháp đó, đèn năng phá tối vô biên.
Trong các pháp đó, đất đội chuyển khắp mười phương.
Trong các pháp, mẹ sinh ra các giống Phật g".

Trong Pháp Hoa Diễn Bí nói: "Sự lý viên dung là, tức các thứ sự xứng lý mà khắp cùng. Dùng lý chân như làm lò lớn, dung hòa muôn sự làm đúc lớn, nước sắt đầy tràn không khác tướng vậy. Nếu mở quyền hiện thật tất cả duy tâm là, cũng trước dung hòa làm gốc, sự sự vô ngại vậy, lớp lớp giao ánh, như khổ báo địa ngục thân mỗi tự khắp cùng, khó

nghĩ diệu sự vốn tự như đây, Phật Phật tự giác, chúng sinh chẳng biết, nay giải hiểu biết đây tức tâm chúng sinh là trí Phật vậy, tức sự huyền diệu vào tâm thành tựu quán."

Trong Pháp Hoa Huyền Tán Sớ nói: "Như trong kinh nói một thời là, tức là thời Duy thức. Hai hạng nói nghe ở trên tâm thức, biến làm tướng trạng ba thời mà khởi, thật là hiện tại. Tùy tâm phân hạng biến làm ngắn dài, đầu mối sự việc trọn xong, gọi chung là một thời, như chỗ mộng thấy cho là có nhiều đời, giác vị duy tâm đều không cảnh thật. Nghe là tâm biến, ba thời cũng vậy, chỉ chỗ ý duyên là chẳng tương ưng hành uẩn chỗ pháp giới pháp xứ gồm. Đây nói một thời, một thì chẳng nhất định căn cứ sát-na, hai thì chẳng nhát định căn cứ tương tục, ba thì chẳng nhất định căn cứ bốn thời sáu thời tám thời mười hai thời v.v... Bốn thì chẳng nhất định căn cứ số năm thời tiết sau khi thành đạo, gọi là một thời, chỉ là người nghe căn thuần thục cảm Phật mà nói. Người nói từ bi ứng có mà bàn. Sự thấy nghe xong đều gọi là một thời. Chẳng nhất định căn cứ sát-na v.v... là hạng nghe pháp căn khí hoặc ám độn, thời nói tuy ngắn mà thời nghe hiểu dài. Hoặc thời người nói dài người nghe cũng lâu, ở một sát-na còn chưa năng giải hiểu, nên chẳng phải sát-na cũng chẳng nhất định căn cứ tương tục, như người năng nói được Đà-la-ni, nói nghĩa một chữ, tất cả đều rõ. Hoặc người năng nghe được tai ý tịnh, lúc nghe một chữ tất cả đều hiểu, nên chẳng phải tương tục. Do người nghe ở một hội căn cơ có lợi có độn, nên Như Lai dùng thần lực hoặc kéo một niệm ngắn làm kiếp dài, hoặc thúc nhiều kiếp làm niệm ngắn, cũng chẳng định vậy. Gồm căn cứ nói và nghe rốt ráo gọi là thời. Cũng chẳng nhất định căn cứ bốn thời sáu thời tám thời mười hai thời là, một mặt nhật một mặt nguyệt chiếu bốn thiên hạ, dài ngắn ấm lạnh gần xa đêm ngày các phương chẳng định, luôn hai thiên hạ đồng khởi dụng vậy. Lại trừ trở xuống, các trời trên v.v... không bốn thời là tám thời đây v.v... trải qua phỏng định các phương trên đất lưu thông. Nếu nói bốn thời v.v... lưu hành chẳng khắp cùng vậy, cũng chẳng nhất định căn cứ số năm thời tiết sau khi thành đạo là, chỗ các hàng Thánh phàm ba thừa thấy báo thân hóa thân của Phật số năm ngắn dài, sau khi thành đạo trở lại xa gần mỗi chẳng đồng vậy". Giải thích: Như trên nói chẳng nhất định định căn cứ thời sát-na và thời tương tục cùng bốn thời sáu thời tám thời mười hai thời v.v... và căn cứ số năm thời tiết sau khi thành đạo, gọi là một thời là, vì ngắn dài chẳng định, trước sau không bằng cứ, chỉ nói một thời của Duy tâm, có thể làm định lượng, không các lỗi lầm, sự lý tương đương. Đã mất tình của bỏ lấy, lại dứt kiến của

đoạn thường. Chẳng chỉ một thời làm Duy thức giải hiểu, thật là muôn nghĩa đều về một tâm, thì xứng đáng giáo tông, hợp sâu mật chỉ, năng mở chánh kiến trọn diệt các nghi ngờ, do đó trong kinh nói: "Tất cả các pháp lấy thật tế làm định lượng". Lại nói: "Chỉ lấy Đại thừa mà vì giải nói, khiến được Nhất thiết chủng trí". Nên biết chỉ nói đại không lỗi. Phàm, nói Đại thừa là, tức là thừa của một tâm. Thừa là nghĩa vận tải. Nếu luận về vận tải đâu qua tâm ư? Lại phàm, người chẳng biết tâm, nghe pháp xem kinh chỉ tùy theo danh tướng, chẳng được yếu chỉ của kinh. Như Tăng Nhai nói: "Nay nghe kinh nói mỗi câu cùng tâm tương ưng". Lại, Sa-môn Thích Pháp Thông nhân nghe Pháp sư Tuệ Mẫn nói pháp, được tự nơi tâm mênh mông không lụy. Cho đến thấy tất cả cảnh cũng lại như vậy. Nếu chẳng quán tâm đều tùy vật chuyển. Cho nên, trong pháp Đại thừa vào đạo An tâm nói: Nếu lấy có phải làm phải, có chỗ chẳng phải, nếu lấy không phải làm phải, thì không chỗ chẳng phải. Một môn trí tuệ vào trăm ngàn môn trí tuệ. Thấy cột trụ làm hiểu là cột trụ, được tướng cột trụ chẳng hiểu cột trụ. Quán tâm là cột trụ, pháp không tướng cột trụ, cho nên thấy cột trụ tức được pháp cột trụ". Tất cả hình sắc cũng lại như vậy, cho nên trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng nói:

"Tất cả pháp thế gian
Chỉ lấy tâm làm chủ
Tùy giải lấy các tướng
Điên đảo chẳng như thật".

Lại, người xưa nói: "Sáu đường quẩn mông từ cửa đây ra, trải trăm ngàn kiếp mà chẳng trở lại. Tất cả thống khổ thay". Vậy biết, nhân tâm được đạo như ra hẳn do cửa, chỗ nào nghi ngờ ư?

Trong Bách Pháp Sao nói: "Đại thừa, tất cả đều là chỗ tâm biến, nên lìa ngoài tâm là không có pháp, tức muôn ban tạo tác đều chẳng lìa tâm, ngàn thứ mở lời đâu vượt ngoài tâm."

Trong lời tựa Pháp Giới Quán nói: "Pháp giới là bản thể của thân tâm tất cả chúng sinh vậy. Từ xưa đến nay linh minh rỗng suốt rộng lớn rỗng lặng, chỉ cảnh của một chân mà thôi, không có hình mạo mà sum-la đại thiên không có ngằn mé mà bao hàm vạn hữu. Ngời sáng ở khoảng của tâm mắt, mà tướng có thể thấy, rực rỡ ở trong sắc trần mà lý chẳng thể phân. Chẳng phải mắt tuệ thấu triệt pháp, trí sáng của lìa niệm, chẳng năng thấy tự tâm linh thông như đây vậy. Từ đó, xứng tánh pháp giới, nói kinh Hoa Nghiêm, khiến tất cả chúng sinh tự ở trong thân được thấy trí tuệ rộng lớn của Như Lai, mà chứng pháp giới vậy. Cho

đến ở đầu một sợi lông nơi thân Phật thì khắp tất cả bao hàm tất cả vậy. Thế giới vậy, chúng sinh vậy, trần trần vậy. Pháp pháp vậy, niệm niệm vậy, không có một pháp nào định có tự thể mà độc lập đó".

Trong truyện Đề-bà nói: "Bồ-tát Đề-bà là người biết rộng xét sâu, biện tài tuyệt luân. Tên lớn Thiên Trúc được các nước tôn xưng, chỗ thẹn lấy làm chỗ chẳng tận là, chỉ vì người chẳng tin đó nói làm lo buồn. Trong nước đó có Đại thiên thần nghiệm tượng bằng vàng ròng ngồi cao hai tượng, gọi là Đại tự tại thiên, mọi người có cầu nguyện gì, năng khiến hiện đời đều như ý. Đề-bà đến miếu xin vào bái kiến, người chủ miếu nói: "Tượng trời chí thần, người có được thấy chẳng dám nhìn thẳng, lại khiến người sau khi mất giữ trăm ngày. Ông chỉ đến cửa cầu nguyện đâu cần phải thấy ư?" Đề-bà nói: "Nếu Thần hẳn năng như chỗ ông nói, mới chính khiến ta thấy đó, nếu chẳng như vậy, đâu phải là chỗ ta muốn thấy ư?" Người thời bấy giờ lấy làm lạ chí khí đó, phục minh chánh đó, cùng theo vào miếu cả mấy ngàn vạn người. Đề-bà đã vào rồi, tượng trời lay động, trố mắt tức giận trông nhìn đó. Đề-bà hỏi: "Thiên thần thì thần vậy, sao lại nhỏ vậy? Phải dùng tinh linh cảm người, trí đức khuất phục vật, mà mượn vàng ròng làm mắt, dùng nhiều pha lê làm người hoa mắt, chẳng phải chỗ ta mong vậy". Bèn bước lên thềm đục mắt đó ra. Khi ấy mọi người cùng xem thấy, có ý nghi ngờ, Đại tự tại thiên sao lại bị một Bà-la-môn nhỏ bé làm khốn khổ, há không danh quá thật đó, lý khuất từ đó ư?" Đề-bà hiểu mọi người, bèn nói: "Thần minh xa lớn, nên lấy việc gần mà thử ta, ta được tâm đó, nên lên đống vàng lấy ra pha lê, khiến các người biết, thần chẳng gá chất, tinh chẳng gá hình. Ta đã chẳng khinh mạn, thần cũng chẳng nhục vậy". Nói xong bèn đi ra, bèn ngay đêm đó tìm cầu các thứ cúng dâng đầy đủ, sáng sớm hôm sau đem kính dâng nơi miếu thần. Đề-bà tên trước đã trọng, thêm dùng trí xen vào. Thần khế hợp chỗ đó phát lời, chỗ tiếng đến kịp, không gì chẳng hưởng ứng. Trong một đêm mà các cúng cụ tinh soạn các vật hẳn đủ đầy. Đại tự tại thiên xuyên suốt một hình thịt cao cả bốn trương, mắt trái khô lõm mà lại chỗ ngồi, trông nhìn qua các thứ cúng cụ, ngợi ca chưa từng có, mừng đức lực đó năng có chỗ khiến nên vậy, mà nói cùng Đề-bà rằng: "Ông được tâm ta, mọi người được hình ta, ông dùng tâm cúng, người dùng chất cúng. Biết mà kính ta là ông, sợ mà dối ta là người, điều ông dâng cúng thật là tận thiện tận mỹ vậy, chỉ không chỗ ta cần đến. Ông năng đem thấy mà ban cho là chân thượng thí vậy". Đề-bà nói: "Thần soi xét tâm ta, chỉ bảo là ta vâng làm." Thần bảo: "Chỗ ta thiếu là mắt trái. Nếu người có thể ban

cho ta bèn có thể móc ra đó”. Đề-bà nói: “Kính vâng như lệnh trời”. Bèn dùng tay trái móc mắt ra trao cho đó. Bởi do thần lực nên ra mà chẳng sống, Đề-bà móc đó chẳng thôi, từ sáng sớm đến trọn ngày móc mắt ra cả vạn lần. Thiên thần ngợi ca: “Lành thay! Ma- nạp! Chân thật thượng thí vậy. Muốn cầu nguyện gì hẳn như ý ông”. Đề-bà nói: “Ta bẩm sáng ở tâm chẳng nhờ bên ngoài vậy. Chỉ hận dằng dặc các hàng ngu muội chẳng biết tin nhận lời ta, thần ban mong nguyện của ta là khiến lời ta nói chẳng dối bày. Chỉ đó là sự cầu xin, ngoài ra không cần gì cả”. Thần nói: “Hẳn như chỗ khó khăn(?)”, khi ấy Đề-bà bèn lui mà đến chùa xuất gia, xuống tóc đắp mặc pháp phục, dạo khắp xiển dương giáo hóa đến nơi đô thành của nước lớn Thiên Trúc, ở giữa ngã tư đường trải bày tòa cao, tạo Tam luận mà nói rằng: “Trong tất cả các Thánh, Phật Thánh rất là Đệ nhất. Trong tất cả các pháp, pháp Phật là đệ nhất, trong tất cả chúng cứu đời, chúng tăng của Phật là Đệ nhất. Các bậc luận sĩ ở khắp tám phương, nếu có ai năng phá hoại lời nói này. Ta sẽ chém đầu để tạ cái vụng về đó. Tại sao như vậy? Lập lý chẳng sáng, đó là ngu si. Đầu của ngu si chẳng phải chỗ ta cầu. Nên chém để tạ vụng về đó, rất chẳng tiếc vậy”. Các bậc luận sĩ ở khắp tám phương đã nghe nói vậy rồi, mỗi cùng nhau kéo đến, mà lập lời thề rằng: “Chúng ta chẳng bằng thì cũng sẽ chém đầu. Đầu ngu si cũng là chỗ chẳng tiếc”. Đề-bà bảo: “Pháp của ta tu là nhân đức ban sống cho muôn vật. Nếu ai chẳng bằng, thì các ông cứ xuống tóc để làm đệ tử, chẳng phải chém đầu vậy”. Lập ách yếu đó rồi, mỗi tự soạn thuật danh lý, lập luận vô phương mà cùng đối đáp. Hạng trí cạn tình gần, thì chỉ mới một lời bèn khuất. Hạng trí sâu tình xa, cùng cực đến hai ngày thì từ lý đều hết, tức đều xuống tóc. Như vậy, ngày ngày nhà vua cung cấp y bát, trọn ba tháng, Đề-bà độ hơn mười muôn người”. Giải thích: Bẩm minh tại tâm chẳng nhờ bên ngoài là, xét như nói đây, đến đâu chẳng theo, nên năng đức trọng minh thần, soi xét mắt của Đại tự tại thiên giáo hóa hòa hợp ý người, độ tâm của vạn ngoại đạo. Có thể gọi là lương y cứu đời, diệu thuật độ người. Nếu chẳng được yếu chỉ đây, bi nguyện sao thành. Tự lợi lợi tha ý tận cùng ở đây vậy.

Trong Vô Lượng Thọ Phật Sớ của Thiên Thai nói: “Căn cứ một chữ mà nói là, trong Thích Luận nói: “Chỗ hành như chỗ nói, chỗ nói tức là giáo. Như tức là lý, hành tức là hạnh. Phật tức là pháp thân, quán tức là Bát-nhã, Vô Lượng Thọ tức là giải thoát”. Phải biết tức một đạt ba, tức ba đạt một, trong một hiểu vô lượng, trong vô lượng hiểu một. Ở trên một chữ đạt vô lượng nghĩa, huống gì các chữ, huống gì một đề,

huống gì một kinh, huống gì tất cả kinh ư? Nên trong kinh nói: "Nếu nghe danh tự đầu đề, chỗ được công đức chẳng thể hạng lượng." Nếu chẳng giải hiểu như trên thì sao được vô lượng công đức ư? Giải thích: Nếu chẳng về một tâm giải hiểu, thì sao được công đức vô hạng, vì vô lượng công đức tức một tâm đầy đủ. Nếu lìa chỗ tâm thấy là đều chẳng viên mãn, đều thành tà đảo, giả sử đầy đủ hạnh môn cũng đều thành phần hạng.

Trong Khởi Tín Sớ nói: "Phàm, chân tâm rỗng lặng, tuyệt ngôn tượng ở lưới nơm, rỗng không yên lặng hiếm hoi. Mất cảnh trí ở năng sở, chẳng phải sinh chẳng phải diệt. Chỗ của bốn tướng chẳng đổi thay, không khứ không lai, ba khoảng chẳng năng chuyển đổi, chỉ lấy không trú làm tánh, tùy phái phân rẽ, theo mê ngộ mà lên xuống, mặc nhân duyên mà khởi diệt, tuy rườm nhiều khua động mà chưa từng động ở nguồn tâm, lặng soi hư ngưng chưa từng trái nơi nghiệp quả. Nên khiến chẳng biến tánh mà duyên khởi, nhiễm tịnh luôn phân, chẳng bỏ duyên mà tức chân phàm Thánh nhất trí. Đó giống như sóng không khác động của nước. Nên tức nước mà biện ở sóng, nước không khác ẩm ướt của động nên tức sóng để rõ ở nước. Đó thì động tĩnh giao triệt. Chân tục song dung, sinh tử Niết-bàn. Di Tề đồng suốt".

Trong An Lạc Tập nói: "Hỏi: Nhân gì lực của một niệm năng đoạn tất cả các chướng? Đáp: Như trong kinh nói: "Thí như có người, dùng gân Sư tử để làm dây đàn cầm, âm thanh đó một lúc tấu lên thì tất cả các dây đàn khác thảy đều dứt. Nếu người hành niệm Phật Tam-muội trong tâm Bồ-đề thì tất cả phiền não tất cả các chướng thảy đều đoạn diệt, cũng như có người vắt lấy tất cả các thứ sữa trâu dê lừa ngựa đặt trong một đồ vật. Nếu đem một giọt sữa Sư tử để vào đó xuyên suốt qua thẳng không khó, tất cả các thứ sữa kia thảy đều phá hoại biến làm nước trong. Nếu người chỉ năng hành niệm Phật Tam-muội trong tâm Bồ-đề tất cả ác ma các chướng thẳng suốt qua không khó".

Trong ghi chú của luận Bảo Tạng nói: "Thật đây chẳng phải kia, thật kia chẳng phải đây. Vết chân dấu vân giữa không kỳ đặc hiện vì, phá đây kia. Các pháp như huyễn sánh như vết chim dấu vân giữa không đều từ tâm sinh kỳ đặc hiện". Lại nói: "Ánh sáng vượt quá nhật nguyệt, đức vượt thái thanh, muôn vật không làm, tất cả không tên, chuyển biến đất trời tự tại tung hoành là, muôn vật chẳng năng tự lập, người là làm tên, đều tự tâm khởi chuyển biến trời đất, rõ tất cả duy tâm thì muôn pháp không lụy thần minh đó, tức chỗ hướng tự do, tức tự tại ngang dọc".

Trong Niết-bàn Sớ của Thiên Thai nói: "Phiền não và thân một thời là, trừ một thời của chỗ chấp kia. Nếu là chỗ giải hiểu nói một thời là, đây là trước sau một một thời, một thời mà trước sau, chỉ ở trong nghĩa một thời nói có trước sau, tức phiền não là trước, thân thuộc ở sau. Tại sao? Nhân quả không hai, sắc tâm thể một. Ba đạo ba đức một niệm không trái, năm ấm năm thoát, lý sát-na đồng. Quý ở phá chấp rồi rõ tánh đồng không, không không trước sau, như đốt và sáng một thời có, cốt yếu nhân đốt có sáng, phiền não và thân cũng vậy, nên biết trước sau một tâm một tâm trước sau. Giải hiểu như vậy là có gì sai biệt? Chỉ sợ ngoài tâm thủ pháp mà tự khác vậy".

Trong Nhiếp Cảnh Quy Tâm Chân Không Quán của Hòa thượng Đỗ Thuận nói: "Nghĩa là ba cõi chỗ có pháp, chỉ là một tâm, ngoài tâm là không một pháp có thể được, nên nói là Quy tâm. Nghĩa là tất cả phân biệt chỉ do tự tâm, từng không cảnh ngoài tâm năng cùng tâm làm duyên. Tại sao? Do tâm chẳng khởi, cảnh bên ngoài vốn không. Nên trong luận nói: "Do nương Duy thức nên cảnh vốn không thể, nghĩa chân không thành vậy. Vì trần không có vậy. Bản thức tức chẳng sinh, do đây mới biết do tâm hiện cảnh, do cảnh hiển tâm. Tâm chẳng đến cảnh, cảnh chẳng vào tâm. Thường khởi quán đây trí tuệ sâu mầu".

Trong lời tựa luận Duy Thức nói: "Lìa cảnh của tâm khắc chìm, tức trần của thức tại đây, mang tên của số chợt hiển, xưng của Duy thức hình tượng hiện rõ. Nên được yếu chỉ của một tâm thì trọn truyền mà chẳng cùng tận. Đèn của tam thức luôn đốt sáng mà vô tận".

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 100

Pháp sư Nghĩa Tướng ở Đông Quốc, giải thích kinh Hoa Nghiêm nói: "Phải biết một bộ kinh Hoa Nghiêm đây, tuy bảy xứ chín hội, mà chỉ tại phẩm Thập Địa. Tại sao như vậy? Vì pháp căn bản gồm hết vậy. Tuy tại mười địa chẳng đồng, mà chỉ tại địa thứ nhất. Tại sao? Chẳng khởi một địa gồm khắp công đức các địa vậy. Trong một địa tuy nhiều phần chẳng đồng mà chỉ tại một niệm. Tại sao? Ba đời chín đời tức một niệm vậy, tất cả tức một vậy. Như một niệm, nhiều niệm cũng vậy. Một tức là tất cả, một niệm tức nhiều niệm. Pháp Đà-la-ni chủ bạn cùng thành. Một tức là chủ, tất cả là bạn. Tùy nêu một pháp, đều gồm tất cả, cho đến một văn một câu đều gồm tất cả. Tại sao? Nếu không đây, kia vì chẳng thành pháp Đà-la-ni vì, pháp như vậy. Trong kinh nói: "Như Lai ở trong một lời nói phô diễn ra vô biên biển Khế kinh".

Pháp sư Phục Lễ nói: "Quán nghiệp nghĩa là, phàm nghiệp nhân tâm khởi, tâm làm nghiệp dụng, nghiệp dẫn tâm mà thọ hình, tâm tùy nghiệp mà tạo cảnh. Nhưng mà, nhân nghiệp thọ thân, thân trở lại tạo nghiệp. Từ tâm tạo cảnh, cảnh lại sinh tâm, như cảnh tùy hình mà cong thẳng, như vang theo tiếng mà lớn nhỏ vậy."

Pháp sư Tuệ Tập có kệ tụng nói:

"Sáng khắp mới học đạo, vô biên thế giới động, xoay trời lại chuyển đất, cùng vào một chân lông".

Pháp sư Hoằng Duyên nói: "Nếu người chấp ngoài tâm chúng sinh riêng có vô tình, Phật tánh chẳng khắp cùng, đều trái với nghĩa Như Lai Tạng khắp cùng pháp giới". Trong luận Duy Thức nói: "Căn thân khí thế gian tức là tướng phần A-lại-da, tướng phần chẳng lìa kiến phần". Lại nói: "Nếu thời ở chỗ duyên, trí đều không chỗ được. Do lìa tướng hai thủ, chân thật trú Duy thức, như thức thứ sáu duyên tâm hiện tại chỉ một sát-na. Ai làm năng sở giả sử duyên ba đời cũng tâm hiện tại vọng phân năng sở. Nếu được y đây, ba cõi Duy tâm, pháp giới một tướng cũng vì chẳng vừa".

Pháp sư Thần Khải nói: "Một niệm tịnh tâm nhỏ nhiệm như hạt cải, sum-la vạn tượng giống như Tu-di. Muôn tượng tuy là lắm nhiều, cốt yếu từ một tâm biến khởi, lìa ngoài tâm rốt ráo không pháp. Vậy thì nhiếp tướng từ tâm nói là trong núi Tu-di ở hạt cải vậy".

Pháp sư Nguyên Khang nói: "Nói rõ ngộ nhập là, Đức Như Lai nói tám muôn bốn ngàn pháp, chỗ nói về chí lý là không khác đạo. Trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Một đạo ra sinh tử". Kinh Niết-bàn nói: "Một đạo thanh tịnh". Kinh Đại Phẩm nói: "một tướng không tướng". Kinh Tịnh Danh nói: "Pháp môn chẳng hai". Trong luận nói: "Tự biết chẳng tùy tha, tịch diệt không hý luận, không khác không phân biệt. Đó gọi là thật tướng."

Đại sư Trí Giả gửi thư đến vua Trần Tuyên Đế (Trần Húc 569-583) nói: "Phàm, pháp của học đạo, hẳn trước phải nhận biết căn nguyên, cầu đạo do tâm, lại phải nhận biết thể tánh của tâm. Phân minh không lầm hoặc. Công nghiệp có thể thành. Một rõ ngàn sáng, một mê muôn hoặc. Tâm không hình tướng trong ngoài chẳng ở, cảnh khởi tâm sinh, cảnh mất tâm diệt. Sắc lớn tâm rộng, sắc nhỏ tâm bé. Cho đến biết tâm rỗng lặng, tức vào pháp môn rỗng lặng. Biết tâm không trói buộc tức nào pháp môn giải thoát. Biết tâm không tướng, tức vào pháp môn không tướng. Rõ tâm không tâm tức vào pháp môn chân như. Nếu năng biết tâm như vậy là, tức vào pháp môn trí tuệ".

Trong lời tựa Viên Giác Sớ của Bùi Hưu nói: "Phàm, thuộc của huyết khí hẳn có biết. Phàm có biết hẳn đồng thể, chỗ gọi là chân tịnh minh diệu hư triệt linh thông cao vợi mà riêng còn đó vậy. Bản nguyên của chúng sinh nên gọi là đất tâm, chỗ được của chư Phật nên gọi là Bồ-đề, giao triệt dung hòa thâu gồm nên gọi pháp giới. Vắng lặng thường lạc nên gọi là Niết-bàn. Chẳng dơ chẳng lậu nên gọi là thanh tịnh, chẳng dối chẳng biến nên gọi là chân như, lìa lỗi tuyệt quấy nên gọi là Phật tánh, hộ thiện ngăn ác nên gọi là chung giữ, ẩn giấu chứa gôm nên gọi là Như Lai Tạng, siêu việt huyền mật, nên gọi là nước Mật nghiêm, gồm các đức mà lớn khắp cùng, nung các mờ tối mà riêng chiếu nên gọi là Viên giác, kỳ thật đều một tâm vậy. Trái đó thì phàm thuận, đó thì Thánh, mê đó thì sinh tử bắt đầu, ngộ đó thì luân hồi chấm dứt. Thân gần mà cầu đó thì định tuệ chỉ quán, suy mà rộng đó thì sáu độ muôn hạnh. Dẫn mà làm trí, sau đó làm chánh trí, nương mà làm nhân, sau đó làm chánh nhân, kỳ thật đều một pháp vậy. Trọn ngày Viên giác mà chưa từng Viên giác là phàm phu vậy. Muốn chứng Viên giác mà chưa cùng cực Viên giác là Bồ-tát vậy. Trú trì Viên giác mà đầy đủ Viên giác là Như Lai vậy. Lìa

Viên giác không sáu đường. Bỏ Viên giác không ba thừa, chẳng phải Viên giác không Như Lai. Sạch Viên giác không chân pháp, kỳ thật đều một đạo vậy. Chỗ chứng của ba đời chư Phật, bởi chứng đây vậy. Đức Như Lai vì việc lớn mà xuất hiện,bởi vì sự đây vậy. Ba tạng mười hai bộ kinh giáo, tất cả Tu-đa-la, bởi phân tích đây vậy".

Giải thích: Một pháp của tâm gọi là Phổ pháp (pháp rộng khắp). Muốn chiếu tâm đây nên phải mắt rộng khắp rỗng chiếu lặng chiếu linh tri, chẳng phải thiên tiểu mà có thể cùng tận, vì viên mãn mà năng giác, nên gọi là Viên giác, đây là căn cứ năng chứng. Diệu tánh chân như tịch diệt vô vi, đầy đủ khắp cùng không có khuyết giảm nên gọi là Viên giác. Đây là căn cứ sở chứng vậy, năng sở ngầm hợp tuy là một tâm, một tâm đây năng làm tánh của tất cả muôn pháp, lại năng hiện tướng của ba thừa sáu đường. gồm tướng về tánh không từng khác vết, thì thế gian và xuất thế gian lên xuống tuy khác, phàm có các thứ hành xử không gì chẳng đều là đây vậy. Lìa đây thì trên không Tam bảo một thừa dưới không bốn loài chín đường."

Trong Đài Sơn Thích Cái Lăng-già kinh Quyết nói: "Đại chỉ của Phật pháp, nêu lời quan trọng chẳng vượt ngoài tâm làm Đại chỉ, chỗ gọi là kinh Lăng-già lấy tâm làm chánh tông, nên nói: "Phật nói tông làm tông. Không nên làm pháp môn". Chỗ gọi là tâm, nghĩa là Phật nói tâm. Chỗ gọi là tông, nghĩa là tâm thật ở. Lại nói: "Mê thì muôn hoặc lụy tâm, hiểu thì chân chiếu pháp giới. Mê thì sinh tử rối ren. Hiểu thì Niết-bàn thường vắng lặng". Mê hiểu tuy khác, không gì chẳng đều là một tâm ẩn hiển."

Tam Tạng Pháp sư nói: "chúng sinh là cõi Phật Bồ-tát nghiệm sáu thứ đây tức rốt ráo quả xứ, mà lầm hoặc là trọn ngày làm mê hiểu."

Tam Tạng Pháp sư Bạt-đà nói: "Lý tâm là tâm chẳng phải ngoài lý. Lý chẳng phải ngoài tâm. Tâm tức là lý, lý tức là tâm. Tâm lý bình đẳng gọi đó là lý, lý chiếu năng sáng, gọi đó là tâm giác. Tâm lý bình đẳng, gọi đó là Phật tâm. Hội thật tánh là chẳng thấy sinh tử Niết-bàn có riêng khác. Phàm Thánh không khác, cảnh trí một như. Lý sự đều dung, chân tục đều quán, viên thông vô ngại, gọi là tu đại đạo."

Sa-môn Thích Đạo Thế nói: "Bốn thiền không tượng, ba đạt đều không, ngàn Phật khác vết, một trí tâm đồng."

Hòa thượng Trừng Quán trong Sớ Giải Kinh Hoa Nghiêm nói: "Từ trước đến nay các môn cho đến vô tận, chẳng lìa một tâm, một tâm tức pháp giới. Nên trong luận Đại Thừa Khởi Tín nói: "Chỗ gọi là pháp, nghĩa là tâm chúng sinh". Tâm thể tức đại. Bản trí của tâm tức Phương

quảng. Quán tâm khởi hành tức Hoa Nghiêm, giác ngộ tánh tướng của tâm tức là Phật, giác chẳng phải từ ngoài lại, toàn đồng chỗ giác vậy. Lý trí chẳng khác, lý trí hình đoạt cả hai đều mất, lặng chiếu thì niệm niệm đều là biển tánh Hoa Nghiêm, thì vật ngã đều như sạch đồng bình đẳng, vì chưa rõ là khiến rõ tự tâm. Nếu biết xúc vật đều tâm mới rõ tâm tánh. Nên trong phẩm Phạm Hạnh nói: "Biết tất cả pháp tức tự tánh tâm, thành tựu thân tuệ, chẳng do tha ngộ". Nhưng nay các người học pháp, phần nhiều bỏ bên trong mà tìm cầu bên ngoài, những người tập thiền, thích mất duyên mà bên trong chiếu, đều là thiên chấp, đều kẹt hai biên. Đã tâm cảnh như như thì bình đẳng vô ngại. Xưa trước từng mưa ánh ngời mặt gương, soi một chén đèn, đặt một tôn dung mà lớp lớp ánh sáng giao xen. Phật Phật vô tận, thấy phàm là tâm cảnh qua lại chiếu, bản trí đều vào, trong tâm ngộ cảnh của vô tận, trên cảnh rõ tâm khó nghĩ lường. Tâm cảnh lớp lớp, trí chiếu tại đây. Lại, tức tâm rõ Phật của cảnh giới, tức cảnh thấy Như Lai của Duy tâm, tâm Phật lớp lớp mà một tánh bản giác, đều lấy đó chẳng thể được, thì tâm cảnh cả hai đều mất, chiếu đó chẳng thể cùng, thì lý trí giao triệt. Tâm cảnh đã vậy, cảnh cảnh trông nhau. Tâm tâm qua lại nghiên xét, muôn hóa rối loạn đều nhất trí. Chỉ chứng tương ưng gọi là Hoa Nghiêm Phật vậy". Giải thích: người thời nay chỉ giải thích tức tâm tức Phật, tâm đó làm Phật. Chẳng biết tức cảnh tức Phật, cảnh đó làm Phật. Nay nói rõ lấy như làm Phật. Tâm cảnh đều như, tâm như tức Phật, cảnh như sao chẳng phải. Lại, tâm có tánh tâm, tâm năng làm Phật, cảnh có tánh tâm, sao chẳng làm Phật. Dùng tâm thâu cảnh thì trong tâm thấy Phật, là Phật của cảnh giới. Dùng cảnh thâu tâm thì trong cảnh thấy Phật, là Như Lai của Duy tâm.

Trong Hoa Nghiêm Cẩm Quan nói: "Quán Tâm giải thích kinh Đại Phương Quảng Hoa Nghiêm là, nếu căn cứ giáo phân tích nghĩa thì có nhiều môn. Nếu chẳng gồm về một tâm ở ta sao can dự. Phàm, nói Đại là, tức là thể tâm, thể tâm vô biên nên gọi là đại. Phương là tướng Tâm, tướng đủ pháp của đức tướng, nên gọi là Phương. Quảng là dụng tâm. Tâm có dụng của xứng thể. Phật là quả tâm, nơi tâm giải thoát gọi là Phật. Hoa là nhân tâm, chỗ tâm dẫn hành, lấy hoa để dụ đó. Nghiêm là công tâm, tâm năng khéo léo nghiêm sức, gọi đó là nghiêm, kinh là giáo tâm, tâm khởi danh ngôn phân tích hiển lý đây, nên gọi là kinh. Nhưng một chữ tâm tuy chẳng phải tất cả, năng làm tất cả. Quán là dùng trong ba đại có đủ bốn pháp giới đối bốn giới kia nên thành bốn quán. Pháp vốn như vậy nên nương pháp mà quán. Nếu nương đây mà

ngộ giải thì niệm niệm tức là pháp giới Hoa Nghiêm, niệm niệm tức là pháp giới Tỳ-lô-giá-na vậy."

Trong Triệu Luận ghi chú nói: "Gần mà chẳng thể biết là, đó chỉ tánh vật ấy ư?"

Trong Thượng Thư nói: "Trời sinh muôn vật chỉ người là linh. Hữu tình vô tình là muôn vật vậy. Linh là tánh của tâm, cũng là tánh của muôn vật, tức tánh không của vật, mục kích mà chẳng phải xa, tuy gần mà thấy vậy. Nên trong luận nói: "Xa chẳng thể thấy, như vết chim giữa không trung, gần chẳng thể thấy, như thuốc của trong mắt. Xa dụ cho ba A-tăng-kỳ đến Đạo, gần tức chân mà chẳng thấy vậy."

Dẫn chứng như trên, giáo của tổ chi ly mở bày, có thể lấy làm trọn diệt mảy may nghi ngờ, trọn thành tin lớn như Thần châu trong lòng bàn tay. Ấn báu ở tâm, chư phật thường hiện trước mắt, pháp giới chẳng lìa ngay lời nói. Vì vậy, từ mới đầu nêu Tông, ở một tâm diễn nói ra vô lượng danh nghĩa, vô lượng danh nghĩa chẳng vượt ngoài lý trí. Chẳng phải lý thì chẳng trí, nên ngoài lý không trí. Chẳng phải trí thì chẳng lý, nên ngoài trí không lý cũng gồm trí theo lý, ngoài thể không dụng, gồm dụng về thể, thể tánh tự lìa, nên thể tức chẳng phải thể, tức tất cả pháp như tánh hư không. Tánh hư không cũng không, rất háo tịch diệt, diệt đó cũng diệt, chẳng biết lấy gì để nói vậy, cưỡng gọi đó là chân tâm vô tận, nay trở lại gồm biển nghĩa vô lượng đều về một câu, cho đến không câu, một chữ một chấm cuộn buông tự tại chẳng động một tâm, rốt ráo chỉ về nói nghĩ tuyệt vậy. Lại, đây mới là bên trong chứng chân tánh tự tâm, tuyệt đối đãi không nương, pháp môn bình đẳng. Như trong Hoa Nghiêm Sớ Sao nói: "Ngộ tất cả pháp tự tánh bình đẳng là vào nơi tánh của các pháp chân thật". Nghĩa là trong tánh chân thật không tướng sai biệt, không các thứ tướng không vô lượng tướng. Muôn pháp một như, đâu có chẳng bình đẳng, tánh chân thật đây nương đâu mà lập. Lại tiếp nói về pháp chứng không nương tựa. Chỗ gọi là chẳng nương ở sắc chẳng nương ở không. Nếu muôn pháp nương không, không không chỗ nương. Nay muôn pháp nương chân, chân không chỗ nương, tức pháp môn không nương ấn nên bỏ lìa thế gian. Thế gian tức có các thứ sai biệt. Đây thì tánh còn chẳng lập, huống gì ở tướng, cũng chẳng nương không lập sắc, cũng chẳng nương sắc lập không, cũng không khác không chẳng khác, không tức không chẳng tức, thấy đây tức tuyệt cưỡng gọi chứng bên trong vậy.

Hỏi: Như trên giải thích dẫn chứng đều là lời của Phật Tổ, cớ sao chẳng tự nói?

Đáp: Nếu tôi tự nói, thì tất cả đều mịt mờ, không chỉ bến bờ, thì đâu có xứ của bày hỏi. Giả sử giáo của Phật tổ, đều là tùy ý kẻ khác mà nói, uyển chuyển thuận thời cơ. Vì vậy, Đức Thế Tôn nói: "Pháp của chư Phật trong ba đời nói, trong suốt bốn mươi chín năm, ta chẳng thêm một chữ". Lại, trong kinh nói: "Phật trước đã nói, Phật sau tùy thuận, nếu năng thấu rõ như vậy, thì biết Phật nói là tự nói, tự nói là Phật nói". Nên Đức Bản Sư nói: "Tất cả kinh sách ngoại đạo đều là Phật nói, chẳng phải ngoại đạo nói: "Lại nói: Đức Thích-ca Như Lai nói, Đề-bà-đạt-đa nói, không hai không riêng khác". Nếu chẳng tin ở đây, chẳng rõ đều thành hai thấy, thường quẩn quanh phân biệt, tưởng của phàm Thánh,luôn sinh lấy bỏ, tình của tự tha. Như muốn tiếp nối tông ta thì điều ấy không thể có.

Hỏi: Ở trước, trong chương nêu Tông đã nói rộng yếu chỉ của Duy tâm, cớ sao trong mười pho quyển quyển quanh co nói lại?

Đáp: Đây là môn của Bí yếu, pháp của khó tin, chuyển sâu chuyển tế, khó hiểu khó biết, đều ôm hoài nghi tình, mãi ở địa lầm hoặc. Phàm, nghi ngờ là, ở các đế lý do dự làm tánh, năng chướng thiện phẩm làm nghiệp vậy. Nghi ngờ có nhiều thứ, lược nói đủ ba: Một là, nghi tự, nghĩa là mình chẳng năng vào lý; Hai là, nghi Thầy, nghĩa là kia chẳng năng khéo dạy; Ba, nghi pháp, là ở chỗ học là khiến lìa khỏi hay chẳng lìa khỏi. So sánh như người có bệnh, nghi mình nghi thầy thuốc nghi thuốc, thì bệnh trọn chẳng lành. Nếu có đủ ba nghi ngờ trên thì trọn chẳng năng quyết định tin vào. Nay, chỗ Tông Kính ghi chép đều là ngay thẳng, bỏ phương tiện, chỉ nói đạo Vô thượng. Tùy nghe một pháp, đều hợp viên tông, thật có thể dùng làm đoạn nghi ngờ sâu thành tin lớn. Như trong Thanh Lương Ký nói: "Nghĩa là nghe không chớ nghi đoạn, là không của tức sự, chẳng phải đoạn diệt vậy. Nghe có chớ nghi thường, chẳng phải định tánh có mà theo duyên có vậy. Nghe cả hai phải, chớ nghi hai phần, chỉ cả hai chiếu hai đế không hai thể vậy. Nghe cả hai quấy chớ nghi không căn cứ, vì chỉ ngăn lỗi, khiến chẳng đắm trước vậy. Lại, nghe không chớ nghi có, là không của tức có vậy, nghe có chớ nghi không, là có của tức không vậy, nghe cả hai phải chớ nghi cả hai quấy, là tức chẳng phải có không làm có không vậy. Nghe cả hai quấy chớ nghi cả hai phải, là tức có không mới là chẳng phải có không vậy. Vậy biết chắc rõ một tâm thì các nghi ngờ chóng đoạn, thì có chẳng năng có, không chẳng năng không, phàm chẳng năng phàm, Thánh chẳng năng Thánh, đâu chỗ lầm hoặc của ngôn ngữ phải quấy ở thế gian ư? Như trong kinh Phật Tạng nói: "Phật bảo: Xá-lợi-phất! Núi

chúa Tu-di là cao lớn chăng?" "Cao lớn. Bạch Đức Thế Tôn!" "Xá-lợi-phất! Trong bốn thiên hạ, đá lớn mưa khắp đều như núi Tu-di. Có người dùng tay hứng lấy đá đó, không để sót rơi chỉ bằng hạt cải. Ý ông nghĩ sao? Có phải hiếm có chăng?" "Hiếm có. Bạch Đức Thế Tôn!" "Xá-lợi-phất! Tất cả các pháp Như Lai giảng nói, không sinh không diệt, không tướng vô vi, khiến người tin hiểu gấp bội hiếm có. Xá-lợi-phất! Thí như có người đem tất cả chúng sinh, đặt nơi tay trái, tay phải tiếp nâng núi sông cây cỏ cả ba ngàn thế giới, đều năng khiến tất cả chúng sinh đó, đồng tâm vui ưa, ý họ chẳng khác, ý ông thế nào? Là hiếm có chăng?" "Hiếm có. Bạch Đức Thế Tôn!" "Xá-lợi-phất! Tất cả giáo pháp Như Lai giảng nói, không sinh không diệt, không tướng vô vi, khiến người tin hiểu, gấp bội hiếm có". Chỗ văn từ Tông Kính đây sở dĩ trước sau nêu dẫn rộng là, chỉ vì tâm đây sâu thẳm nên khó tin, bí mật nên khó biết. Cho đến Bồ-tát Đại Trí còn phải nhờ sự gia bị của Phật lực, huống gì hàng kém cạn mà năng biết đó ư? Như trong kinh Bảo Vũ nói: "Phật dạy: Cớ sao Bồ-tát tin sâu ý nghiệp bí mật của Như Lai? Nếu các Bồ-tát nghe ở bí mật của ý Như Lai, cho là chỗ Như Lai có ý vui thích pháp nghĩa, nương dừng nơi tâm, nương tâm mà trú. Tất cả Bồ-tát Thanh văn Duyên giác và các hữu tình không năng biết là chỉ trừ chỗ gia trì của Như Lai". Vì vậy, tuy trước sau dẫn chứng văn rộng nghĩa nhiều, thì trong mỗi lời nói mà lợi ích căn cơ, trong mỗi nghe mà kinh sợ mới tai mắt. Sao nhàm chán nói nhiều mà khởi tâm khinh mạn đây! Do đó, Đức Bản Sư nói: "Đi đứng ngồi nằm thường nói Diệu pháp". Lại nói: "Ta từ đêm đắc đạo cho đến đêm nhập Niết-bàn, khoảng giữa hai đêm đó thường nói Bát-nhã", do vì căn cơ lắm nhiều sinh thục tin có sâu cạn, nghe trước huân mà chưa kiên chắc, nghe sau luân mà mới vào. Như trong luận Đại Trí Độ nói: "Thí như lấy cây lấy quả, chín thì rơi trước, nếu chưa chín lại phải lay sau. Lại như bắt cá mẻ lưới trước chưa hết, mẻ lưới sau mới được". Lại nói: "Lại nữa, tướng Bát-nhã Ba-la-mật đó sâu mầu khó hiểu khó biết. Phật biết tâm chúng sinh căn có lợi độn. Độn căn thì ít trí nên vì họ mà nói lại. Còn lợi căn thì nói một lần nói hai lần bèn ngộ. Chẳng phải các thú nói: Thí như ngựa hay chỉ đánh một roi bèn chạy, ngựa hèn phải đánh nhiều roi mới đi. Bởi các thứ nhân duyên như vậy v.v... nên trong kinh nói lại nhiều lần không lỗi".

Hỏi: Từ trước đến đây luôn nói là Bát-nhã Ba-la-mật nhân duyên sâu mầu, nay cớ sao nói lại nhiều lần?

Đáp: Xứ xứ nói sâu mầu, có nhiều chỗ lợi ích. Phàm người chẳng biết thì cho là nói lại nhiều lần. Thí như vua nước lớn chưa có đích tử

(con cả), cầu đảo Thần kỳ qua nhiều năm mà không ứng. Lúc vua đi khỏi, thì phu nhân sinh được con trai, sai người báo tin đến vua là phu nhân hạ sinh con trai. Vua nghe, vui mừng mà chẳng đáp, cho đến cả mười lần thưa báo, kẻ sứ tâu vua: "Điều tấu thưa vừa rồi, Đại vương chẳng nghe ư?" Vua đáp: "Ta nghe đó chứ, lâu nay ước nguyện đã mãn nên mừng, trong tâm vui sướng muốn nghe chẳng thôi vậy", bèn bảo quan có trách nhiệm ban cho người đó trăm muôn lượng vàng". Một lời nói mà mười muôn lượng. Vua nghe kẻ sứ nói, trong mỗi mỗi lời có lợi ích, chẳng phải là nói lại nhiều lần. Người chẳng biết cho là nhiều lần, xứ xứ nói sâu mầu cũng lại như vậy. Phật và Bồ-tát Tu-bồ-đề biết có lợi ích, Tu-bồ-đề nghe Phật nói Bát-nhã sâu mầu, chẳng năng được tận đáy, chuyển giác sâu mầu. Nghe là xứ xứ nghe sâu mầu, được lợi ích thiền định trí tuệ v.v... người phàm phu cho là nói nhiều lần. Vả lại như vua nghe ở một lần nói có nhiều lợi ích nên ban cho mười muôn lượng vàng. Đây là thêm căn sinh tử thành ở thức lạc. Nay nghe Tông Kính, trong mỗi mỗi quyển trong mỗi mỗi lời văn, lớp lớp xướng đạo, mỗi mỗi nêu tông, thêm lớn căn Bồ-đề, thành nơi pháp lạc, khắp đại địa làm vàng ròng, chưa đáp đền một chữ, xin chớ sinh lười chán ở từng nghe, khiến người đã đạt càng chắc tâm tin, khiến người chưa vào chóng phát tuệ nghe.

Hỏi: Môn Tông Kính đây trở lại thọ học tập ư?

Đáp: Học thì chẳng không, lược có hai nghĩa: Một, nếu luận về Đại tông, căn bản chánh trí chẳng từ tâm học, chẳng phải tại ý tư. Tròn sáng rõ biết chẳng nhân tâm nghĩ nhớ. Nên trong Thai Giáo nói: "Tay chẳng nắm quyển thường đọc là kinh, miệng không mở lời tụng khắp các điển. Phật chẳng nói pháp, luôn nghe Phạm âm. Tâm chẳng tư duy chiếu khắp pháp giới. Với luận đây, hàng thượng thượng căn khí nghe mà chóng ngộ ngay lúc thân gần tự chứng; Hai, nếu chưa tỉnh xét đạt, cũng có lực của trợ phát, công của ấn khả, hoặc căn cơ tư duy chậm xoay lại, cho đến hàng trung căn hạ phẩm, và học môn trí sai biệt, phải nương minh sư để biện rõ chánh tà. Trước do nghe hiểu tin vào, sao do không tư duy khế đồng, phải được vật vật viên thông, sự sự không kẹt mới là gặp duyên, đối cảnh chẳng mất chỉ mê tông. Nên nói hội muôn vật làm tự mình là, đó chỉ Thánh nhân ư? Lại, nếu căn cứ đại cương, nên phải tự tỉnh xét, giả sử có tương tợ, cũng chỉ tự biết. Như có người học hỏi ở bậc Tiên đức rằng: Thế nào là Thật? Đáp: Có ba A-tăng-kỳ trăm ngàn danh hiệu, chỉ giả khái niệm, thật tướng không tướng như hư không, phải tự trở lại ngộ. Hỏi: Sau ngộ lại có pháp gì? Đáp: Chỉ cái xứ

ngộ là pháp, theo duyên phát sáng trở lại được tự lý. Hỏi: Tánh đây có thể trở lại chỉ bày cho người khiến thấy chăng? Đáp: Trở lại bày giáo lớn, tự tỉnh xét đạt tức được, chẳng phải sự của mắt thấy tai nghe ý biết. Cái tánh chân tinh diệu minh đây chẳng đồng như thái hư gỗ đá, trời sinh linh diệu chẳng thể nghĩ bàn, tức tự tánh Phật, Pháp, Tăng. Nếu chẳng ngộ, tìm cầm muốn thấy, một mảy may cũng chẳng thể được, chỉ lìa trần xấu đẹp trước tức là bản tâm của nhà mình. Nếu mảy may chẳng tận cùng Phật đạo là, điều đó không thể có. Hỏi: Thấy sắc chỉ thấy sắc, thế nào là thấy tâm? Đáp: Tức tư tư đó là ai thấy sắc? Hỏi: Há chẳng phải đương cảnh toàn là chẳng nên lại cầu thấy? Đáp: Tự nghĩ lường nhìn phải đó cùng chẳng phải, chớ hỏi người khác. Nếu ngay đó thấy là chẳng mưu đạt, Phật pháp chỉ tại tấc vuông, ngoài tâm đoạn vết hành, chỉ một tâm một trí tuệ, lìa thủ ái trong ngoài và khoảng giữa, ba khoảng lý huyền, bèn vào đạo vô vi. Hỏi: Ngộ tâm nào là đạo? Đáp: Ngộ tâm không tâm tức là đạo. Hỏi: Xin vì chỉ bày? Đáp: Chỉ bày xong rồi vậy, mà ngươi chẳng tự thấy. Hỏi: Vật gì dạy người học thấy? Đáp: Giáo lớn ngay đó thấy vậy chẳng là vật. Lại có bậc Tiên đức hỏi: Tức nay thấy vật gì? Đáp: Thấy bản tâm. Hỏi: Thấy và bản tâm là riêng khác hay chẳng riêng khác? Đáp: Chẳng riêng khác, trên thể chân như tự có chiếu dụng, vì rõ nên được gọi là thấy. Vì chẳng động nên được gọi là tâm. Lại, tự tánh thanh tịnh nên gọi là chiếu, thường thấy tự tánh gọi là dụng. Nên biết tâm đây hiển lộ trước mắt, sao phải hỏi đáp. Đâu nhờ suy đến cùng, tức môn viên mãn, là thành biện pháp.

Lại như có người học hỏi Quốc sư Trung: Hòa thượng! Thế nào là tâm giải thoát? Đáp: Tâm giải thoát xưa nay tự có, nhìn đó chẳng thấy, lắng đó chẳng nghe, nắm đó chẳng được. Chúng sinh sử dụng thường ngày mà chẳng biết, đó là tâm vậy. Đây mới chỉ ngay mục kích đạo còn, xưa nay thường vậy, Thánh phàm cùng có. Phàm chỗ ghi chép của Tông Kính đều là Phật nói, giả sử có Bồ-tát chế làm, Pháp sư giải thích, cũng là đạt ý Phật nói thuận chỗ Phật nói, vì chúng sinh cõi này đều do văn tuệ mà vào Tam-ma-địa, nên phải dùng âm thanh để làm Phật sự, hiển bày chánh nghĩa, phát trừ tà chấp. Chẳng phải nói chẳng thông. Đây có hai nghĩa: Một, căn cứ môn rốt ráo thì thật chẳng thể nói. Như trong luận Đại Thừa Khởi Tín nói: Tất cả các pháp từ xưa đến nay, lìa tướng nói phô, lìa tướng văn tự, lìa tướng tâm duyên.” Lại nói: “Lại nữa, cứu cánh lìa vọng chấp là, phải biết nhiễm pháp tịnh pháp thảy đều tương đối đãi nhau, không có tự tướng có thể nói, cho nên tất cả pháp từ xưa đến nay chẳng phải sắc chẳng phải tâm, chẳng phải trí

chẳng phải thức chẳng phải có chẳng phải không, rốt ráo tướng không thể nói, mà có nói phô là phải biết Như Lai dùng phương tiện khéo léo, mượn dùng nói phô để dẫn dắt chúng sinh, được chỉ thú đây là đều lìa niệm về nơi chân như, vì niệm tất cả pháp khiến tâm sinh diệt, chẳng vào thật trí vậy". Đây là dẫn dắt tất cả người mới đầu phát tâm Bồ-đề. Vả lại, khiến tự lợi lý hành thành tựu về nơi thật trí, cứu cánh chỉ về Tông Kính vậy. Hai, căn cứ môn phương tiện, là lợi tha hành, nên nói Đức Như Lai dùng phương tiện khéo léo, mượn dùng nói phô để dẫn dắt chúng sinh. Lại chẳng thể một hướng chấp mở lời là quấy, khởi niệm là lỗi. Tại sao? Vì tức lời không lời, tức niệm không niệm. Vậy biết lời lời khế đạo, niệm niệm về Tông, nếu môn phân biệt chẳng không hai thuyết, nếu môn rốt ráo thì nói nghĩ tuyệt vậy.

Hỏi: Như trên, lập yếu chỉ của một tâm, năng gồm vô lượng pháp môn, dung thông tất cả. Tâm đây là năng bao hàm tất cả pháp, năng sinh tất cả pháp. Vậy là tự sinh hay tha sinh hay cộng sinh hay không nhân sinh?

Đáp: Tâm đây chẳng dọc chẳng ngang, chẳng phải tha chẳng phải tự. Tại sao? Nếu nói tâm bao hàm tất cả pháp, tức là hoành. Nếu nói tâm sinh tất cả pháp tức là dọc. Nếu nói tự sinh, tâm chẳng sinh tâm. Nếu nói tha sinh, đã chẳng tự làm sao có tha, nếu nói cộng sinh, tự tha đã không lấy gì làm cộng, nếu nói không nhân sinh, có nhân còn chẳng sinh, huống gì không nhân ư?

Hỏi: Tâm chẳng phải bốn tánh, cớ sao trong giáo nói ý căn sinh ý thức. Tâm như người thợ vẽ, không gì chẳng từ tâm tạo, thì là tự sinh. Lại nói: Tâm chẳng cô khởi, hẳn nhờ duyên mà khởi, có duyên giúp sinh, không duyên tư chẳng sinh thì là tha sinh. Lại nói: Chỗ gọi là sáu xúc nhân duyên sinh sáu thọ được tất cả pháp thì là cộng sinh. Lại nói: Mười hai nhân duyên chẳng phải Phật trời người làm, tánh tự vậy thì không nhân sinh, đã thuộc văn giáo cớ sao thành lỗi?

Đáp: Chư Phật tùy duyên sai biệt, rũ vì các có sinh thiện phá ác khiến vào lý Đệ nhất nghĩa, đều là bốn tất-đàn phương tiện quyền thi, tay không lừa dối trẻ con, dẫn dụ độ tất cả.

Hỏi: Đã chẳng phải dọc ngang, chẳng rơi lạc bốn tánh thì tất cả pháp là tâm, tâm là tất cả pháp chăng?

Đáp: Đó thì thành hai.

Hỏi: Như vậy thì tất cả chẳng lập đều chẳng phải ư?

Đáp: Chẳng phải cũng thành hai. Như Văn-thù nói: Con thật Văn-thù, không phải Văn- thù, nếu có phải là thì hai Văn- thù, nhưng ngày

nay con chẳng phải không Văn- thù, trong đó thật không hai tướng phải quấy”.

Hỏi: Đã không hai tướng, tông một phải chăng?

Đáp: Phải quấy đã trái đại chỉ, một hai trở lại trái với viên tông.

Hỏi: Thế nào được khế hợp yếu chỉ đây?

Đáp: Cảnh trí đều mất, cớ sao nói khuynh hướng.

Hỏi: Như vậy thì tuyệt đường nói nghĩ, bặt lối tâm hành ư?

Đáp: Đây cũng cưỡng nói, tùy ý kẻ khác mà chuyển, tuy muốn ẩn hình mà chưa mất vết.

Hỏi: Thế nào là được hình vết đều mất?

Đáp: Vốn không điểm vết, cớ sao muốn mất.

Hỏi: Như vậy thì như người uống nước lạnh nóng tự biết.

Phải lúc đại ngộ mới hợp yếu chỉ đây ư?

Đáp: Trong môn ta đây cũng không đạo lý mê ngộ, hợp cùng chẳng hợp, buông tay tự ông không một vật, luống nhọc khổ nói số cả ngàn ban. Sự đây muôn thứ so sánh chẳng thành, ngàn Thánh định chẳng được, đại địa chuyển chẳng dậy. Hư không bao trùm chẳng dung chẳng phải người đại khí thì không do đâu gánh vác, như các bậc cổ đức nói: “Khắp mười phương thế giới tìm một người làm bạn chẳng được”. Lại nói: “Chỉ có một người thừa kế Tổ vị, trọn không người thứ hai. Nếu chưa thân đến luống nhọc thần tư, ngay như nói huyền đó lại huyền, trong diệu càng diệu, nếu dùng phương tiện ở trong môn xưng dương, hỗ trợ người khác tin vào một thời nương tựa tán thán, tức chẳng vậy. Nếu ở trên phần tự mình lúc của thân chiếu chuyên làm nói huyền nói diệu, khởi một niệm giải thù thắng chẳng thể nghĩ bàn, đều lạc vào ma giới. Do đó trong kinh Viên Giác “Hư ngụy phù tâm, nhiều các khéo thấy chẳng năng thành tựu Viên giác”. Lại các bậc Tiên đức có kệ tụng nói:

“Được đó chẳng được thiên ma được
Huyền đó lại huyền ngoại đạo huyền
Bỏ ngay cha mẹ trong thôn cỏ
Nhận lá vàng khác làm tiền vàng.
Đầu sào trăm trượng mau buông tay,
Chẳng phải nhìn sau lại nhìn trước.”

Như nay chỉ tợ lời vết văn vẻ lúc sinh, đều là chấp môn phương tiện, mê đạo chân thật, đều là nhận lá vàng khác kêu làm tiền vàng. Nếu lúc đại ngộ, tợ đầu sào trăm trượng buông thân lại không phải trông nhìn trước sau. Trong Tông Kính đây, là xứ của tất cả phàm Thánh xả

bỏ thân mạng, chẳng vào Tông Kính đều chẳng phải rốt ráo.

Hỏi: Rốt ráo thế nào?

Đáp: Cũng không rốt ráo.

Hỏi: Trước nói chẳng vào tông đây, đều chẳng phải rốt ráo. Đây lại cớ sao gọi là không rốt ráo?

Đáp: Trước đối với người tăng thượng mạn, chưa được làm được, nhận hư vọng là, chân thật, chấp điên đảo làm viên thường, vì phá tình trần nên quyền xưng rốt ráo. Nay luận về thấy tánh, đâu nói hư thật ư?

Hỏi: Về sau của thông minh đây làm sao giẫm xéo?

Đáp: Dạy ai giẫm xéo?

Hỏi: Chẳng thành đoạn diệt chăng?

Đáp: Còn chẳng được thường trú, làm sao đoạn diệt.

Đáp: Xin nói một lời sau cùng!

Đáp: giáo hóa người.

Hỏi: Huyễn sĩ hang cốc vọng vang?

Đáp: Tiếng suối, muốn đạt tông chỉ tôi, trâu bùn đi trên nước.

Hỏi: Ghi chép đây bao quát sơ lược vi tế lý sự tròn sáng. Với người mộ đạo được giúp ích gì?

Đáp: Nếu trong Đệ nhất thì không lợi không công đức, căn cứ trong môn thế tục, tợ có ở khen ngợi, gồm có hai đường năng giúp hàng người mới học: Một, vì người chưa tin khiến thành tin chánh, gồm về một tâm, chẳng mong cầu bên ngoài; Hai, vì người đã tin, hỗ trợ thành quán lực, lý hành kiên cố chóng chủng Bồ-đề. Bước bước mà chẳng kẹt công trình bảo sở, niệm niệm mà chảy vào biển Tát-bà-nhã, tợ cưỡi xe rộng lớn, lập phường chí bảo, như ngồi thuyền bền chắc để lên bờ giác ngộ.

Hỏi: Tập Tông Kính đây có công đức gì?

Đáp: Đây là pháp môn đại oai đức chẳng thể nghĩ bàn, chỉ có thấy nghe rất được thiện lợi, như một mảy trần rơi nơi bờ sườn của Tung nhạc đã mang bước mây giọt sương rơi nơi gợn sóng của biển cả bèn đồng đượm nhuần rộng. Có thể gọi là tiếp nối ngay chủng của Bồ-đề, toàn sinh ở nhà của chư Phật. Huống gì tin hiểu thọ trì chánh niệm quán sát, vì người bày diễn truyền bố thi hành, căn cứ môn thiện lợi, không pháp tỷ dụ, công đức vô tận, chẳng phải chủng trí mà năng cân lường, lợi lạc sao cùng, quá thái hư mà chẳng biết ngằn mé, dùng trân báu đầy cả hư không cúng dường hằng sa Như Lai, giáo hóa mười phương chúng sinh đều lên quả vị Bích-chi-phật. Như chưa hoằng tuyên yếu chỉ đây khai diễn tông này, lấy đây so sánh chẳng năng trù lường. Có thể gọi là gieo

hạt giống Phật nơi trong thân ruộng chúng sinh, nẩy mầm chánh pháp ở trong bùn dục phiền não. Sau đó, hoa bảy báu nở, quả Bồ-đề thành, triển chuyển cùng sinh đến không ngằn mé. Như trong Hoa Nghiêm Thám Huyền Ký nói: "Ở trong Di pháp, thấy nghe tin hướng pháp vô tận đây, thành chủng tử Kim cang, hẳn sẽ được viên dung pháp khắp cùng, như trong kinh nói: Thí dụ nuốt uống Kim cang, thí dụ đóm lửa nhỏ thiêu đốt rộng lớn. Lại như Thiên tử Đâu-suất từ địa ngục ra được quả mười địa không sinh nhẫn. Triển chuyển lợi ích chẳng thể cùng tận, đều do xưa trước nghe pháp đây làm nhân gốc vậy. Có kệ tụng nói:

"Tuy tại rơi biển lớn
Và trong lửa kiếp tận
Quyết định tin không nghi
Hẳn được nghe kinh đây".

Trong luận Đại Trí Độ nói: "Thọ trì Bát-nhã, so sánh công đức, ở đó trì biên chánh nghĩ nhớ tối thắng. Nay như chư Phật xót thương chúng sinh nên vì giải nghĩa đó khiến dễ hiểu, thắng tự hành chánh nghĩ nhờ. Khi đó, Phật muốn phân biệt rộng về phước đức nên nói phô. Nếu có người suốt đời cúng dường mười phương chư Phật, chẳng bằng vì người khác giải nói nghĩa Bát-nhã. Trong đây nói nhân duyên ưu thắng, ba đời chư Phật đều học Bát-nhã thành đạo Vô thượng, cho đến giáo hóa mọi người trong hằng sa thế giới, khiến được đạo Thanh văn, Bích-chi-phật. Chẳng như vì người khác mà diễn nói nghĩa Bát-nhã Ba-la-mật. Nói nhân duyên trong đây là các Hiền Thánh đều từ Bát-nhã Ba-la-mật ra. Như trong kinh Thủ-lăng-nghiêm nói: "Phật dạy: A-nan! Nếu lại có người khắp cùng mười phương chỗ có hư không đều đầy khắp các thứ bảy báu mà đem cúng dường chư Phật số nhiều như vi trần, thừa sự cúng dường, tâm không luống qua. Ý ông nghĩ sao? Người đó do nhân duyên cúng thí Phật đây được phước ít hay nhiều? A-nan thưa: Hư không vô tận, trân báu vô biên. Xưa trước có chúng sinh cúng thí Phật chỉ bảy tiền, mà sau khi xả bỏ thân mạng còn được ngôi vị Chuyển luân vương. Huống gì hư không đã cùng cõi Phật đầy khắp, đều thí trân báu, suốt cùng kiếp nghĩ bàn còn chẳng năng kịp, phước đó làm sao lại có ngằn mé? Phật dạy: A-nan! Chư Phật Như Lai nói không hư vọng. Nếu lại có người thân tạo đủ bốn lớp mười Ba-la-di, chỉ trong nháy mắt tức trải qua phương này phương khác đến địa ngục A-tỳ. Cho đến cùng tận mười phương không gian, không đâu chẳng trải qua. Năng dùng một niệm đem pháp môn này ở trong đời sau mở bày cho người chưa học. Tội chướng người đó ứng niệm bèn tiêu diệt, biến chỗ nhân

chịu khổ địa ngục đó thành nước An Lạc, được phước vượt quá người cúng thí nói trước kia gấp bội trăm lần ngàn lần ngàn muôn ức lần. Như vậy cho đến toán số thí dụ chỗ chẳng năng kịp. Do đó tán thán hoằng dương kinh điển đây thiện lợi vô biên". Nghĩa là kinh Thủ-lăng-nghiêm lấy Như Lai tạng tâm làm tông. Như Lai tạng tức là thức A-lại-da thứ tám. Trong kinh Mật Nghiêm có kệ tụng nói:

"Như Lai tạng thanh tịnh
Thế gian A-lại-da
Như vàng cùng vòng tay
Triển chuyển không sai biệt."

Vì như Phật rõ đó thành tạng thanh tịnh, dị sinh chấp đó làm A-lại-da. Như vàng thật, tùy duyên của tay thợ lò lửa, mà nêu tên khác của vòng tay, làm huyễn tướng của lớn nhỏ. Thể vàng chẳng động, danh tướng vọng bày. Thí như chân tâm tùy duyên của chúng sinh nhiễm tịnh mà Thành tên khác của Thánh phàm, hiện huyễn tướng của lên xuống, tâm tánh chẳng động, danh tướng vốn không, nhận giả danh mà hai kiến chợt phân, ngộ chân thể mà một tâm viên chứng. Mê ngộ tức ở ngay lời nói, pháp dụ rõ tại trước mắt, mê mờ đó thì nhiều kiếp mà lãng tu. Thấu đạt đó thì đương thể mà ngưng lặng. Trong kinh Pháp Hoa nói: "Sau khi ta diệt độ, năng riêng vì một người mà giải nói kinh Pháp Hoa, cho đến chỉ một câu, phải biết người đó là kẻ sứ của Như Lai, chỗ Như Lai sai khiến, làm việc của Như Lai, huống gì ở trong đại chúng mà rộng vì mọi người nói". Riêng vì một người là riêng (Thiết) là tư vậy. Nếu đất tư chỉ vì một người nói một câu đây, người đây từ trong một tâm chân như sai đến làm kẻ sứ. Bảo cùngcác hàng dị sinh, rõ ngay lý của một như tức là hành sự trong chân như. Vì chân như vô biên đến tất cả xứ vậy, thì chỗ được pháp lợi cũng tùy tánh của chân như vô lượng vô tận. Lại nói: "Phải biết người ấy cùng Như Lai chung ở, được Như Lai dùng tay xoa đầu đó. Cho đến vào nhà Như Lai, mặc áo Như Lai, ngồi tòa Như Lai". Tóm lại mà nói: Người trì kinh này trong bốn oai nghi cất chân đặt bước đều chẳng lìa một tâm chân như, hành xứ của chư Phật vậy.

Trong kinh Ương-quật-ma-la nói: "Nếu người ở quá khứ từng gặp chư Phật, cúng dường phụng sự nghe Như Lai tạng, ở trong khoảng khảy móng tay tạm được nghe thọ, duyên thiện nghiệp đó, các căn thuần thục, sinh nói thù thắng giàu sang tự tại, chúng sinh đó nay còn thuần thục, sinh nói thù thắng giàu sang tự tại, do xưa trước kia từng gặp chư Phật, tạm được lắng nghe Như Lai Tạng vậy. Cho đến, Phật dạy: Ương-quật-ma-la! Chẳng phải Như Lai làm việc khó đệ nhất, lại còn có việc khó.

Ương-quật-ma-la! Thí như có kẻ sĩ phu mang vác núi chúa Tu-di và đại địa biển lớn trải trăm ngàn năm. Đó là đại lực khó đệ nhất ư? Ương-quật-ma-la thưa: Bạch Đức Thế Tôn! Cảnh giới của Như Lai là chẳng phải chỗ các Thanh văn Duyên giác kia kịp. Phật bảo: Ương-quật-ma-la! Kia chẳng phải đại lực chẳng phải là rất khó, nếu đem mảy bụi biển lớn làm trăm ức phần, trăm ngàn ức kiếp mang một mảy trần đó đi, cho đến đem hết, còn lại như dấu chân trâu, lại năng mang vác núi chúa Tu-di, sông biển đại địa trải trăm ngàn kiếp, mà người kia chẳng năng ở nơi chánh pháp trú đời với thời gian hơn tám mươi năm, diễn nói tạng của Như Lai thường hằng chẳng biến, chỉ Bồ-tát là bậc tài hùng của trong loài người, năng nói tạng của Như Lai thường hằng chẳng biến, hộ trì chánh pháp, ta nói người ấy là rất khó thứ nhất". Lại trong kinh Pháp Hoa phẩm Hiện Bảo Tháp nói: "Nếu hứng núi Tu-di ném đặt nơi phương khác qua vô số cõi Phật, cũng chưa lấy làm khó, nếu dùng một ngón chân đụng cả cõi Đại thiên ném xa đến nước khác cũng chưa lấy làm khó." Lại nói: "Giả sử có người tay nắm hư không, dùng mà dạo đi cũng chưa lấy làm khó." Lại nói: "Giả sử gặp kiếp thiêu, gánh mang các cỏ khô vào lửa chẳng bị cháy chưa lấy làm khó. Sau khi ta diệt độ, nếu thọ trì kinh này, vì người mà giải nói, đó mới thật là khó." Nên biết tát cạn biển chuyển dời núi, chẳng phải lực của vô vi. Giả sử đạp hư không, giẫm bước nước, đều là thông của hữu lậu, sao bằng mở tâm chư Phật, diễn bày Như Lai Tạng, tiếp nối hạt giống Bồ-đề vào môn một thừa, năng gá Thánh thai thành con Phật thật. Tại sao? Nghĩa là được gốc vậy, như từ nguồn ra nước nhân sữa được tô.

Lại, như trong kinh Ương-quật-ma-la nói: "Lại nữa, Văn -thù Sư -lợi! Như biết sữa có tô nên mới bèn xét cầu, mà chẳng xét nước, vì không tô vậy. Như vậy, Văn -thù Sư -lợi! Chúng sinh biết có Như Lai tạng nên tinh tấn trì giới tịnh tu phạm hạnh. Lại nữa, Văn- thù Sư- lợi! Như biết núi có vàng nên đục núi tìm vàng mà chẳng đục cây vì không vàng vậy. Như vậy, Văn -thù Sư- lợi! Chúng sinh biết có Như Lai tạng nên tinh tấn trì giới tịnh tu phạm hạnh, nói ta hẳn sẽ được thành Phật đạo. Lại nữa, Văn- thù Sư -lợi! Nếu không Như Lai tạng là không tu phạm hạnh, như trọn kiếp xét nước trọn chẳng được tô". Nên biết vào trong Tông Kính thấy tánh Như Lai, đạo quả Bồ-đề ứng niệm đều thành, như thuyền xuống, tợ lửa được. Nếu trái với Tông kinh chẳng nhận biết tự tâm, giả sử phước trí đều tu trọn chẳng thành tựu, như cầu sữa mà xét nước, lìa núi mà đục vàng, dẫu trải qua ba A-tăng-kỳ đâu có lý được. Như chỗ ghi chép của Tông Kính văn từ trước sau đều là chỗ năm mắt

của chư Phật quán, chỗ năm lời nói, không một lời nào mà chẳng chân thật, chẳng phải một nghĩ mà chẳng tròn, có thể đợi các vị Hậu hiền quyết định tin vào.

Như trong kinh Nguyệt Thượng có kệ tụng nói:

“Giả động núi Tu-di ngã đất,
Trú xứ Tu-la thảy đều diệt,
Biển lớn khô cạn trăng trời rơi,
Như Lai trọn chẳng nói lời vọng.
Giả sử mười phương chúng đồng tâm,
Hoặc lửa thành nước nước thành lửa,
Vô lượng công đức rất quý lớn,
Lợi ích chúng sinh không nói khác.
Đại địa hư không thành hỗn độn,
Trăm cõi đồng vào trong hạt cải,
Võng lưới dùng buộc gió mạnh được,
Như Lai trọn chẳng có nói vọng.”

Lấy thành thật đây có thể truyền trì khắp cùng, công đức vô biên, nói nghĩ chẳng kịp. Do đó, trong luận Duy Thức có kệ tụng nói:

“Làm luận Duy Thức đây
Chỗ ta chẳng nghĩ lường
Cảnh giới chư Phật diệu
Phước đức thí quần sinh”.

Đại chỉ luận đây, chẳng phải chỗ nghĩ lường của tình thức hay biết, mới là cảnh giới tuyệt diệu chẳng thể nghĩ bàn của đấng đại giác. Do đây mà hoằng dương, phước đức vô tận chẳng thể nghĩ bàn, đều dùng thí khắp tất cả pháp giới vô lượng hàm sinh đồng vào tông đây, đều chứng quả Phật.

Pháp sư Tạng chủ sớ Hoa Nghiêm phát nguyện với kệ tụng:

“Thệ nguyện thấy nghe tu tập đây
Viên dung vô ngại pháp Phổ Hiền
Cho đến mất mạng trọn chẳng lìa
Cùng tận vị lai nguyện tương ưng
Do căn lánh đây đồng pháp tánh
Khắp nhuần vô tận chúng sinh giới
Một niệm nhiều kiếp tu hành khắp
Đều thành Bồ-đề Phật Vô thượng”.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 178

VẠN THIỆN ĐỒNG QUY TẬP

SỐ 2017
(QUYỂN THƯỢNG - TRUNG & HẠ)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2017

VẠN THIỆN ĐỒNG QUY TẬP

Triều Phụng Lang Thủ Ty Nông Thiếu Khanh,
Chí Sĩ Khinh Xa Đô úy huyện Trường xuân Khai Quốc
Nam Thực Ba, được ban 300 hộ, Thẩm Chấn soạn.

Luận về sự mênh mông của bốn biển, nếu không hợp trăm dòng thì chẳng làm sao đầy được, muốn bước lên quả vị tôn quý của hàng Thập Địa mà chẳng tích lũy điều lành thì chẳng đủ sức. Vì vậy nó sâu xa không thể nghĩ lường là do tích chứa, dung nạp lâu ngày. Bậc Thánh không thể biết được là bởi tu siêng năng tinh cần. Huống chi bậc chiệu giác hạ lời huyền thông lập giáo, nếu hướng về điều thiện chỉ một sợi lông có thể biết bậc ấy đã vượt ra khỏi tam giới nhất định tỏ rõ chân thuyên, ngợi khen nẻo giác. Luôn mài dũa thì được thuần thục. Xét cùng nghĩa lý mà gắn gởi, nhưng mà chẳng có Thánh cũng không có phàm. Có mê, có ngộ. Muốn bước sâu vào vực Thánh, phải sữa gấp phàm tâm, chẳng phải một việc mà có thể hun đúc nên, ắt phải do luyện tập nhiều môn. Hoặc giáo khôn khúc diệu, mà nêu đạo hay ở Phật Lủng, hoặc thiền lý sâu mầu mà trình bày lời khen mát mẻ ở suối tào không thể chấp không mà là có, không thể trái thật mà không theo, phải thích hợp quyền nghi nương vào thật tưởng, quyền thật đã rõ, hư không có thể còn cho nên người thông đạt chuyển vật để tâm sáng, có thể nói là diệu dụng. Người mê căn cứ văn tự mà ngần ngại đối với giáo pháp đâu thể gọi là thông suốt ư ? Hoặc gắn vác linh Long, hoặc chặt luận hở, hoặc chí thành chiêm lễ tôn nhan, hoặc đi quanh tịnh thất, hoặc miệng đọc tôn danh, hoặc tâm quán cảnh tịnh độ, hoặc cúng dường Bồ-tát, không trọng giàu khinh nghèo, hoặc bố thí, trì giới, không thêm tốt mà bớt xấu, sự nếu bằng nhau, lợi cũng tốt đẹp. Hể nương luận nương

thiền, phải trợ giúp phước đức; tạo hình đúc tượng ắt phải nhờ nơi làm nhiều. Đừng cho rằng có bậc tiền của mình, tức tâm là Phật, từ phàm vượt lên Thánh, chưa có vị Thích-ca nào không tu; Từ vọng vào chân chưa có vị đạt Ma nào không chứng. Trong đường cả của người chẳng phải đường khác của Phật, thường quý tinh tấn, đừng theo sự đãi, sơ sài. Trọng thời gian dù trong chớp mắt, nghiên tấm căn nguyên của đại đạo. Sao đến trấn nguy nga? Tam Thừa phế bỏ thời khó vào môn từ nhẫn. Không có sự thương xót bản thân mình, thời không có việc lành bỏ người khác ắt cầu toàn đức, mới có thể làm tỏ mối ngờ. Tâm chẳng phải phi tâm, pháp chẳng phải phi pháp, phải ở trong việc tâm truyền tâm mới được chứng nhận, pháp truyền pháp từ thầy trò, chẳng gắn chặt với điều thiện, giống Bồ-đề nên trồng, cõi an dưỡng nên tu. Tỏ rõ thời sinh lên cõi Đâu-suất, mê muội thời chìm xuống địa ngục. Lời như bùn lầy, chẳng có nước mà thuyền đi được; tánh như hơi thây chẳng dùng đò mà qua sông được Thánh hiền xưa nay đều nhờ nơi tâm. Thời xưa thuở nay, đâu từng có pháp khác?

Than ôi! Pháp còn hay mất, tâm không hay chẳng không. Không tu mà không có gì không tu, chân tu cũng dứt bặt, không trụ mà không có gì không trụ, chân trụ cũng mất. Thương thay quần sinh chưa một tánh này, vốn không có thiện, ác, bị ngoại cảnh làm thay đổi, nếu không sửa đổi, sao cái đúng cửa? Có thể dứt trừ nó như giúp đỡ diệu thiện, thời có thể gọi là chỗ quay về đúng đắn. Cho nên những lời cặn kẽ của bậc tiền triết cốt để cho kẻ hậu còn nương đó mà học, rồi tìm tòi khắp trong giáo mục để dẫn dụ người mê.

Trí Giác Thiền Sư tánh ngộ cơ viên, tài ba lỗi lạc, nhiều đời đã tích tập, phù hợp với các pháp: Đời nay lưu thông, cùng khế hợp với chư Phật. Nghĩ về người khác cũng như nghĩ về mình, quán tâm người cũng như tâm mình. Từng soạn 3 quyển: thượng trung hạ "Vạn Thiện Đồng Quy Tập". Để khuyên tất cả những người hữu duyên vậy. Hoặc những bậc danh tăng thạc đức, hoặc những thiện nam thiện nữ tài cao hạnh cả, chỉ những người một mực cung kính và hết sức siêng năng, thì không quý cũng không tiện, đây là món lương dược của việc lợi sinh. Mở ra then chốt để cầu Phật. Những lời pháp này thảy bao gồm các kinh các luận. Làm thước đo đầu tiên cho kẻ chưa thay chưa biết. Dẫn dắt tất cả, cẩn mật tu trì, mãi mãi là sự cân nhắc của Phạm Hoa, là khuôn mẫu của tông môn.

Hôm nay tạng chủ Trí Như ở viện Pháp Tuệ, thành kính giúp đỡ cho người nhân tánh, đích thân họ thực hiện Thánh đạo, thấy bậc hiền

mà hiền giống mình, thấy việc thiện mà thiện giống mình. Tổng kết lại luận được soạn ra của Ngài Trí Minh, làm khuôn mẫu cho đời sau, phước lợi láng sâu dày, phương tiện không ít. Mà lại trút hết túi giấy. Vội rút ra những tiện ti, bắt đầu đầu đề xướng long trọng, còn chiêu mộ bậc cao minh hỗ trợ. Thẳng duyên đã hội tụ, sự việc này ắt sẽ thực hành, nhờ khắc bản để thành biên tập, quý ở sự tu thân song cũng lãnh chức trong coi việc chùa, sẽ mãi mãi tốt đẹp. Nhầm gói vào kể phi tài, như chấn tánh muội suốt lời mầu, mở than chốt, bên nhận lời cầu thỉnh, khó chối từ, cùng trình bày lại giềng mối, dâu dám tránh khỏi sự chê trách. Lúc bấy giờ vào thời Thánh Tống Hi Minh Năm thứ 5 tháng 7 nhuận mồng 7.

SỐ 2017

VẠN THIỆN ĐỒNG QUY TẬP

Trí Giác Thiền Sư Diên Thọ ở chùa Vĩnh Minh Tuệ & Hàng Châu thuật.

QUYỂN THƯỢNG

Nói đến chỗ quy tụ các điều thiện đều lấy thật tướng làm tông, như sự bao trùm của hư không, như sự sản sinh của đất, thế nên chỉ khi nào khế hợp nhứt như thì tự bao hàm các đức. Nhưng không đông mé chân, vạn hạnh thường hưng khởi, không hoại duyên sinh, pháp giới thường hiện, tịch không ngại dụng tục không thái chân, bữu vô đều quán, một bè bình đẳng. Thế nên vạn pháp do tâm, cần phải thực hành sông các độ, không thể giữ mối ngu mà ngồi suông để trệ chân tu. Nếu muốn vạn hạnh đều hưng khởi, rút cuộc phải nương vào sự lý. Lý sự vô ngại, ở trong đạo ấy bên được lợi ích cả hai mà lòng bị đồng thể tròn đủ, bao trùm trước sau, để thành vạn vô tận.

Nếu luận về lý sự, ý chí thâm sâu khó sáng, suy xét một cách tỉ mỉ, chẳng giống chẳng khác. Đó là lý của thật tánh, là sự của hư tướng, lực dụng thông suốt nhau, co duỗi đồng thời để biết khắp mà không sai khác. Sự nhờ lý mà được lập, không ẩn lý mà thành sự; Lý thành sự mà được hiển bày, không họai sự mà hiển lý, nương tựa lẫn nhau mà mỗi thứ được thành lập, thâu nhiếp lẫn nhau mà cả hai đều không ẩn hiện mà cùng khởi, không ngăn ngại mà cùng biểu hiện tương phi, tương đọat mà chẳng phải, chẳng phải không; tương tức tương thành thì chẳng phải thường cũng không phải đoạn.

Nếu lìa sự mà tìm cái lý là rơi vào cái ngu của Thanh văn, nếu lìa lý mà hành sự thì giống với cái chấp của phàm phu. Nên biết rằng hễ lìa lý là không có sự, toàn nước là sông. Lìa sự thì không có lý, toàn sông là nước. Lý tức chẳng phải sự động kinh không giống, sự tức chẳng phải lý, năng sở đều khác, chẳng phải sự chẳng phải lý chân tục đều, vừa có lý vừa có sự hai đế thường lập. Song chiếu tức giả, rõ ràng là huyền

tồn, song giá tức không, mẫm nhiên mộng tịch, phi không phi giả, trung đạo thường tỏ, không động nhân duyên đâu khuyết lý thể cho nên Bồ-tát dùng vô sở đắt để làm phương tiện. Vào hữu mà không trái không nương thật tế mà khởi hóa môn, thực hành chân mà không ngại tục, luôn đốt trí để ánh đèn tâm được sáng rõ. Mây phủ của từ, sóng nhấp nhô trên biển. Bên được đồng trần vô ngại, tự tại tùy duyên, tất cả việc làm đều là Phật sự. Cho nên "kinh Bát-nhã" nói "nhất tâm đầy đủ vạn hạnh". Kinh Hoa Nghiêm nói trưởng giới giải thoát bảo thiện tài rằng: "Nếu ta muốn thấy thế giới an lạc của Phật, tùy ý liền thất, nhẫn đến thất được mười phương chư Phật đều do tâm mình." Thiện Nam tử? Nên biết Bồ-tát tu phát của Chư Phật, tịnh cõi nước Phật, chứa nhóm các hạnh thắng diệu, điều phục chúng sinh phát thệ nguyện lớn, thực hành những điều đó đều do tâm mình. Thế nên Thiện Nam tử: phải dùng thiện phát để ủng hộ tâm mình, phải dùng nước pháp để tưới tẩm tâm mình, phải ở trong pháp giới tịnh thị tâm mình, phải dùng tinh tấn để kiên cố tâm mình, phải dùng trí tuệ để soi sáng tâm mình, phải dùng sức tự tại để khai phát tâm mình, phải dùng tâm bình đẳng của Phật để làm rộng lớn tâm mình, phải dùng mười lực của Phật để soi xét tâm mình.

Cổ đức giải rằng: Tâm bao vạn pháp cho rằng trái chỉ nhất niệm quán tưởng Phật do nơi tâm mình, vạn hạnh của Bồ-tát, thể dụng của Phật quả cũng không lìa tâm mình là thứ bỏ lỗi của vọng chấp, gọi hữu kể rằng: vạn pháp do tâm mặc theo nó là Phật, dong ruổi theo vạn pháp há chẳng lao nhọc ư. Nay nói, mặc dù tâm chính là Phật nhưng lâu nay bị bụi trần che mờ, cho nên dùng muôn hạnh để tiến tu cho tâm được tỏa rõ. Chỉ nói vạn hạnh do tâm, không nói không tu là phải. Lại nữa, vạn pháp tức tâm, tu làm gì để ngại tâm?

Hỏi: Tổ sư nói: "Thiện ác đều chẳng thể suy lường, tự nhiên nhập vào tâm thể."

Kinh Niết-bàn nói: "Các hành vô thường, là pháp sinh diệt." Tại sao khuyên tu để trái với ý tổ?

Đáp: Ý tổ y cứ nơi tông, dạy để phá chấp. Như đốn giáo của Thiền tông bặt tướng lìa duyên, không có đều mất, thể dụng đều tịch. Như ý chỉ viên diệu trong kinh Hoa Nghiêm, cụ đức đồng thời, lý hạnh đều phô bày bố trí cùng tương trợ nhau. Đó chính là Văn-thù dùng lý để ấn chứng hạn nghĩa sai biệt không thiếu; Phổ Hiền dùng hạnh để tráng nghiêm lý, môn căn bản chẳng phế bỏ góc ngọn đồng thời. Phàm Thánh đồng nguồn không hoại tục mà nêu chân, không ngại chân màlập tục, đầy đủ trí nhãn mà không chìm vào sinh tử, vận lòng từ mà không trệ Niết-bàn.

Lấy hữu của tam giới làm dụng của Bồ-đề; ở trong biển phiền não mà không bến Niết-bàn.

Vạn Thiện là tư tưởng đi vào nẻo Thánh của Bồ-tát, các hạnh là thềm thang trợ đạo của chư Phật. Nếu có mắt mà không có chân, đâu đi đến ao thanh lương được. Được thật mà quên quyền, sao vượt lên vực tự tại? Thế nên phương tiện Bát-nhã thường hỗ trợ cho nhau: chân không diệu hữu, luôn luôn cùng hành trí.

Pháp Hoa nói: Hội 3 thừa về một, vạn thiện thảy hướng Bồ-đề.

"Đại phẩm" tất cả không hai, vạn thiện đều quay về chủng trí. Cho nên kinh Hoa Nghiêm nói: "Viễn chinh địa thứ 7, phải tu mười món phương tiện tuệ thù thắng đạo. Dù thiện, tu 3 món Tam-muội không, vô tướng vô nguyện.

Mà không thương xót không bỏ chúng sinh dù được pháp bình đẳng của chư Phật, mà thường ưa thích cúng dường chu Phật, tuy nhập vào môn trí không quán mà xuyên năng tu tập phước đức. Tuy xa lìa ở cõi mà làm đẹp ở cõi. Tuy rốt cuộc (lắng đọng) diệt tất lửa phiền não màgiúp tất cả chúng sinh diệt tất cảlửa phiền não tham sân si. Tuy biết các pháp như huyền như mộng, như bóng như vang, như chóp như hóa, như trăng trong nước, như bóng trong gương, tự tánh không hai, mà tùy tâm tạo nghiệp, không lường khác biệt. Tuy biết tất cả côi nước như hư không mà hay làm thanh tịnh diệu hạnh trang nghiêm Phật độ. Tuy biết bốn tánh trong pháp thân chư Phật là không thân mà dùng tướnghảo trong nghiêm thân ấy. Tuy biết âm thanh của chư Phật tánh vắng lặng tịch diệt, không thể nói năng mà khéo tùy chúng sinh phát ra các thứ tiếng tâm thanh tịnh sai khác. Mặc dù tùy theo chư Phật hiểu biết ở đời chỉ là một niệm, mà tùy theo ý chúng sinh giải thích rõ ràng, dùng mọi tướng, mọi thời vô số kiếp để tu các hạnh"

Kinh Duy Ma nói: "Bồ-tát tuy thực hành nơi không mà các cội đức, là hạnh Bồ-tát. Tuy hành vô tướng mà độ chúng sinh là hạnh Bồ-tát. Tuy hành vô tác mà hiện thọ thân là hạnh Bồ-tát. Tuy hành vô khởi mà khởi tất cả các hạnh lành là hạnh Bồ-tát"

Cổ Đức hỏi: Vạn hạnh tóm thâu chỉ là vô niệm, nay thấy có thiện

Đáp: Ở đây có ly niệm mà cầu vô niệm có ác nguyện được nguyện mất, khổ nhọc thân tâm, há đặng đạo ư? Vẫn chưa được chân vô niệm, nữa là niệm vô niệm mà không trở ngại? Vả lại vô niệm chỉ là một trong hạnh, đâu biết nhứt niệm đốn viên? Như những gì đã nêu trên ý Phật rõ ràng, đâu được bụng rỗng tâm cao, được chút ít cho là đủ ư? Tựa

như ếch chê lượng biển, đom đóm chê ánh mặt trời?

Hỏi: Đứt hẳn không nương tựa, cảnh trí đều không, đây là chỗ quay về của Phật Tổ, là con đương then chốt của Thánh hiền. Nếu luận có làm tâm cảnh rõ ràng, nương đâu chỉ dạy, trình bày rộng vạn thiện

Đáp: Một đời thuyết giáo của chư Phật Như Lai thì từ xưa đến nay chia tông thật nhiều, nhưng khái quát yếu chỉ của kinh, không ngoài ở tông.

1. Tướng tông
2. Không tông
3. Tánh tông

Như tướng tông nói nhiều về phải, không tông nói nhiều về trái. Tánh tông chỉ luận về trực chỉ đồng ý với Tào khê kiến tánh thành Phật. Như nay không luận về thấy tánh chẳng biết chánh tông nhiều người phải chấp lậy sự trái, phải tranh cãi rầm rộ, đều không hiểu được mật ý của Tổ, chỉ trôi theo ngôn thuyết. Như trong giáo điển co chỗ cho là phải đó là y tánh mà nói tướng, hoặc cho là trái đó là phá tướng để hiển tánh. Chỉ có một môn tánh tông, hiển rõ trực chỉ, không luận phải trái.

Như ngày nay phần đông chú trọng về việc phi tâm phi Phật, chẳng lý chẳng sự, dứt bặt lời nói cho là huyền diệu, không biết đó chỉ là ngăn lời để trị bệnh. Chấp vào phương tiện này cho là tiêu đích, lại không tin lời dạy để biểu thị trực chỉ chóng rớt thực địa, mê muội lại chân tâm. Như người ngu ở nước Sở nhận gà là phượng, giống như trẻ nhỏ nhìn ngắm cỏ Xuân cho cục đá là hạt châu, chỉ mặc cho hình thức thiển cận, không khám phá sâu ý mầu, mê không phương tiện, đâu biết được chỗ quay về chân thật ư?

Hỏi: Tam thừa giáo điển của chư Phật chỉ có một vị giải thoát, cớ sao nói nhiều về khởi sinh diệt ở thế gian, dùng tâm liền mất, không thuận chân như, đông niệm liền trái, trái với pháp thể?

Đáp: Nếu luận về một tướng một vị, thì đây chính là tam thừa quyền giáo. Ước theo lý mà nói, tức là do mọi nhân duyên mà thành họa hoạn. Người nay tu tập chỉ hiển viên tông, mỗi một duyên khởi đều là pháp giới thật đức, không thành không hoại, nhẫn đến thực hanh cá món thần biến, đều là pháp như vậy. Cho nên chẳng nương thần lực thì tạm được như trên, mới có một pháp duyên sinh thảy đều do tánhkhởi công đức.Kinh Hoa Nghiêm nói: "Trong biển thế gian hoa tạng này, không hỏi những chỗ hoặc sông hay nút, nhẫn đến cây cối, bụi trần, mỗi mỗi thảy đều gọi là pháp giới chân như, có đủ công đức vô biên"

Hỏi: Kinh nói: "Chỉ kể phàm phu tham đắm việc nay"

Lại nói: "Vin vào tường phàm phu tùy nghi nói pháp cho họ nghe." Nếu đạt được cội lý vạn hạnh đều được viên mãn, cần gì sự tích mà tạo tác ư?

Đáp: Văn này là phá tham trước chấp thủ chẳng liên hệ gì với nhân duyên sự tướng.

Kinh Tịnh Danh nói: "Chỉ trừ bệnh cho họ chứ không bỏ pháp."

Kinh Kim Cang Tam-muội nói: Có 2 nhập:

1. Lý nhập

2. Hành nhập

Dùng lý để dắt dẫn hạnh, dùng hành để viên mãn lý. Lại nữa Bồ-đề là từ hạnh mà nhập vào vô hạnh. Vì hạnh là chuyên nơi tất cả thiện pháp. Vô hạnh là không được các thiện pháp. Đâu thể rơi vào lý mà thiếu hạnh, chấp hạnh mà thiếu lý.

Tổ sư Mã Minh nói: "Đại Thừa Khởi Tín Luận" nói về Tín thành tựu, phát tâm có 3 loại:

1. Trực tâm, bởi nó là pháp chánh niệm chân như.

2. Thâm tâm, ưa thích nhóm tất cả các hạnh lành.

3. Đại bi tâm, muốn nhổ sạch gốc khổ cho các chúng sinh.

Luận: (hỏi) ở trên nói về một tướng pháp giới, thể Phật không hai, tại sao không chỉ niệm chân như mà lại tìm cần hoc hạnh của các pháp lành?

Luận: (đáp) Thí như hạt châu ma lớp, thể chánh trong sạch, mà do cấu nế của khoáng chất làm dơ, nếu người chỉ niệm bảo tánh, không dùng phương tiện để tôi luyện nó thì không bao giờ được sáng sạch. Bởi lẽ pháp chân như của chúng sinh thể tánh không sạch và có vô số phiền não làm nhơ bẩn, nếu người chỉ niệm chân như không dùng phương tiện để huân tu thì cũng không thể nào được thanh tịnh. Tu khắp các hạnh để đối trị vô lương cấu bẩn. Như người tu tập tất cả thiện phát thì tự nhiên thuận với pháp chân như cho nên lược nên 4 thứ phương tiện.

1. Hành căn bản phương tiện nghĩa là quán tất cả các pháp tự tánh không sạch, lìa vọng kiến không trụ sinh tử. Quán nhân duyên hòa hợp của tất cả pháp nghiệp quả không mất khỏi lòng thương xót, tu các phước đức, nhiếp hóa chúng sinh không trụ Niết-bàn, vì tùy thuộc pháp tánh nên không trụ.

2. Năng chỉ phương tiện, đó là hổ thẹn sám hối, khéo dừng tất cả pháp ác để nó không tăng trưởng. Vì tùy thuận pháp tánh nên xa lìa các lầm lỗi.

3. Phát khởi thiện căn thêm lớn phương tiện. Đó là xuyên thực

hành cúng dường lễ bái Tam bảo, khen ngợi tùy hỷ, khuyến khỉnh chư Phật. Vì ái mô kinh trong Tam bảo nên tâm được thuần hậu, niền tin được tăng trưởng thì trí mới có thể cầu đạo vô thượng. Lại nữa, nhờ sức Tam bảo gia hộ nên có thể giải trừ nghiệp chướng, căn lành không thổi chuyển. Vì thuận pháp tướng nên chia lìa được chướng si mê.

4. Đại nguyên phương tiện bình đẳng. Nghĩa là phát nguyện trọn đời vị lai hóa độ tất cả chúng sinh khiến cho họ sạch hết và làm cho họ rốt ráo vào vô dư Niết-bàn. Vì thuận theo pháp tánh nên không đoạn tuyệt. Pháp tánh rộng lớn biến khắc tất cả chúng sinh, bình đẳng không hai, không phân bi thứ, cứu cánh vắng lặng.

Đại Sư Ngưu Đầu Đung hỏi: Các pháp rốt ráo là không, vậy có 6 độ muôn hạnh của Bồ-tát không ?

Đáp: Dây là tâm thất có 2 của hàng Tam Thừa. Nếu quán tâm vốn không tức là thật tuệ, tức là thấy pháp thân chân thật, pháp thân không trụ ở cái không này.

Bởi có vận dụng sự hiểu biết tức là có phương tiện tuệ. Phương tiện tuệ cũng không thể chính là thật tuệ, không bao giờ lìa nhau, hạo trước tuệ sau đều do hai tuệ phát khởi. Cho nên nói: "Trí độ là mẹ Bồ-tát, phương tiện đó là cha, tất cả chúng là người dẫn đường, thảy đều do đây sinh"

Bậc tiên đức hỏi rằng: Tức tâm là Phật cần gì tu hành?

Đáp: Chính vì như vậy nên mới tu hành. Như sắt không phải vàng dù trải qua thời gian mài luyện cũng không thành công dụng của vàng.

Hiền Thủ Quốc Sư nói: Nay ở thân Ba-la-mật của Phật nhẫn đến lợi lợi.v.v... của Bồ-tát đều nương vào tự pháp dung chuyển mà thực hành. Ngay trong tâm chúng sinh có chân như thể đại ngày nay tu hành dẫn đến pháp thân; Do trong tâm có chân như tưởng đại, hôm nay tu hành dẫn ra báo thân; Do trong tâm có chân như pháp tánh, vốn không xan tham, ngày nay tu hành, thuận pháp tánh không xan tham, đưa đến đàn Ba la mật. Nên biết 3 kỳ tu đạo, không hiểu ngoài tâm được một pháp hành, một hạnh. Vì cớ sao? Chỉ là tâm mình dẫn ra hạnh thanh tịnh mà tu hành. Cho nên biết ma ni chìm dưới bùn, không thể mưa báu, gương xưa dính nhiều bụi đâu có thể nhìn thấy người? Tuy tâm tính toàn sáng, xưa nay đầy đủ, nếu không nhớ các điều kiện hiển phát thì vạn hạnh bị mai một, phương tiện dẫn ra thành được diệu dụng thì mãi mãi bị khách trần che lấp, cứ trầm luân trong biển thức, thành vọng sinh tử, làm chướng ngại Bồ-đề thanh tịnh. Vì thế lời Tổ rõ ràng, lý sự tương tức không thể y cứ theo thiên lật mà chìm vào tà kiên

Hỏi:Thiện dù thắng ác, khởi niệm liền trái chân như, ước theo đạo mà nói đều chẳng phải giải thoát, cần gì khuyến rộng để ngăn thệ việc tu hành? Đã là nhân duyên thì quả ngăn ngại với đạo.

Đáp: Thế và xuất thế đếu lấy việc thiện làm gốc, ban đầu nhận nơi thiện mà được vào, sau đó mượn thiện mà trợ đạo. Đừng là con thuyền vượt biển sinh tử, là con đường bước vào thành Niết-bàn, là nền tảng làm thời người, là tường vách để làm Phật Tổ, ở trong cõi trần hay ra khơi trần cũng không thể tạm bỏ, lo đều thiện mà không có lỗi? Hoằng hóa nơi con người. Nếu tham trước thì quả sinh vào cõi trời hữu lậu; không chấp trước vào địa vị vô vi. Sử dụng tâm nhỏ bé thì rơi vào địa vị Tiểu thừa; Phát khởi ý rộng lớn thì thăng lên thềm bực của Bồ-tát; nhẫn đến cứu cánh viên tư, trọn thành Phật quả. Vì biết không có cửa thương thiện có thể làm nhân ngăn ngại, thảy đều do con người thực hành, tự thành lỗi được mất.

Cho nên kinh Hoa Nghiêm nói: mười nghiệp bất thiện là nhân thọ tronh sinh địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, mười nghiệp thiện thọ sinh là nhân trong cõi thiên cho đến hữu đỉnh xứ. Lại nữa thượng phẩm thập thiện nghiệp đạo này lấy trí tuệ tu tập bởi tâm yếu, tâm sợ hãi ở cõi, thiếu đại bó, từ người khác được nghe mà hiểu biết thành Thanh văn thừa. Lại nữa thượng thẩm thập thiện nghiệp đạo này tu tập thanh tịnh, không nghe người khác dạy bảo mà tự giác ngộ, nhưng vì phương tiện đại bi không đầy đủ, hiểu thấu pháp nhân duyên thành độc giáo thừa. Lại nữa thượng thẩm thiện nghiệp đạo này tu trị thanh tịnh, do tâm rộng lớn đầy đủ lòng thương xót nhiếp hết phương tiện, khởi phát đại nguyên không bỏ chúng sinh, khắp cầu trí lớn của chư Phật, bởi trong nghiêm các cõi của Bồ-tát, tịnh tu tất cả các độ, Thánh tựu hạnh rộng lớn của Bồ-tát. Lại nữa thượng thẩm thập thiện nghiệp đạo này, tất cả các thứ thanh tịnh cho đến chứng thập lực, tứ vô uy, tất cả pháp Phật đều được thành tựu. Thế nên ta đây cùng hành thập thiện, khiến cho tất cả được đầy đủ thanh tịnh cho đến cả Bồ-tát chứa nhóm căn lành như vậy, thành tựu thiện căn, táng trưởng thiện căn, tư duy thiện căn, buộc niệm thiện căn, phân biệt thiện căn, ưa thích thiện căn, tu tập thiện căn, an trụ thiện căn, Bồ-tát Ma-ha-tát như vậy mà chứa nhóm thiện căn rồi, do những cănlành này mà đạt được y như quả. Tu Bồ-tát hạnh, ở trong mỗi niệm thấy vô số Phật, chỗ cảnh ứng như vậy, thừa sự cúng dường.

Lại nói: “Tuy không làm gì, mà thường trụ trong căn lành.” Lại nói: “Tuy biết các pháp không có chỗ nương nhưng nói nương theo pháp lành để được xa lìa”.

Đại Trí Độ Luận nói: Phật dạy: “Vào thời quá khứ ta cũng đừng làm người ác, trùng nhỏ nhờ chứa nhóm căn lành, mới được làm Phật.”

Lại nữa như trong 18 pháp bất cọng có ham muốn không giảm, Phật biết ân của thiện pháp thường ưa muốn tích lũy các pháp lành, cho nên nói dục vô giảm; Tu tập các pháp lành, không nhàm chán, cho nên gọi dục vô giảm; Như có một Tỳ-kheo lớn tuổi mù mắt, tự may y tăng già lê, bảo mọi người rằng: “Người nào thích làm phước hãy xỏ kim dùng tôi?” Lúc ấy, Phật hiện thân ra trước ông nói: “Ta là người thích làm phước không biết nhàm chán, ông hãy đưa kim đây.”

Phi Niên Tỳ-kheo ấy thấy ánh sáng của Phật, còn biết giọng nói của Phật, bạch Phật rằng: Biển công đức vô lượng của Phật đều tận cả- biên tế, cớ sao không chán đủ “Phật bảo Tỳ-kheo.” Công đức quả báo sâu xa, không ai biết ân phần như ta, tuy ta có phước ấy tận cùng bờ mé nhưng ta nhờ tâm ham muốn không nhàm chán ấy mà được làm Phật. Thế nên nay vẫn không nghĩ, mặc dù không có công đức có thể được mà lòng ham muốn của ta cũng không dừng nghĩ. Chư Thiên, người đời tỉnh ngộ, Phật đối với công đức còn không chán đủ huống chi người khác? Phật nói pháp cho Tỳ-kheo ấy nghe, bấy giờ nhục thân liền sáng, thành tựu tuệ nhãn. Lại nữa, Phật nói “Nếu không thành tựu chúng sinh, tịnh cõi nước Phật không thể thành đạo vô thượng. Vì cớsao? Nhân duyên không đủ thì không thể thành Phật. Nhân duyên ấy là tất cả thiện pháp, từ lúc mới phát tâm thực hành làm bala mật cho đến 18 pháp bất cọng, ở trong đó thực hành pháp này, không nhớ tưởng phân biệt”

Hỏi: Luận về pháp thân của Như Lai trạm thiên thanh tịnh, tất cả chúng sinh chỉ vì khách trần che lấp không được hiện tiền. Như nay chỉ cần dừng các phan duyên, lắng đọng nước trong trẻo, có đâu như chúng sinh hướng động rong ruổi, trái nghịch chân tu, chỉ lao công nhọc sức.

Đáp: Vô tâm tịch biện, đây là nhân; Phước đức trong nghiêm phải theo duyên khởi. Hai nhân đều đầy đủ, Phật thể mới thành những điều nay đều ghi chép đủ trong các kinh điển Đại Thừa. Kinh Tịnh Danh nói: Thân Phật tức là pháp thân vậy. Từ vô lượng công đức trí tuệ sinh ra, do Từ, Bi, Hỷ, Xả sinh ra, do bố thí, trì giới, nhẫn nhục nhu hòa, siêng năng tinh tấn, thiền định giải thoát Tam-muội, đa văn trí huệ sinh ra cho đến đã đoạn tất cả pháp ác, tích chứa tất cả pháp lành sinh ra thân Như Lai. Lại nói: “Vì đầy đủ phước đức, không trụ vô vi, do đó trí tuệ không đoạn hữu vi, do đại tử đại bi không trụ vô vi, do đầy đủ bổn nguyện không đoạn hữu vi.” Đây chính là tự trái với viên thuyên, không vâng theo lời Phật. Dường như kéo buộc trong Niết-bàn, sắp chìm trong hầm-

giải thoát, trồng hoa sen trên cao nguyên, gieo trái ngọt nơi không giới, muốn cầu hoa trái Bồ-đề, đâu sản sinh ra được. Cho nên nói người vào chánh vị vô vi sinh trong pháp Phật, cho đến không thể xuống biển lớn, không thể tìm được châu báu vô giá. Như vậy không thể vào biển rộng phiền não thì không thể được bán nhứt thiết trí.

Hỏi: Nhập pháp lấy vô đắc làm môn, hành đạo lấy vô vi làm người dẫn đường. Nếu khỏi các điều kiện sinh tâm có đắc thì thứ nhứt là trái với thanh tông, thứ hai là thiếu thật hạnh.

Đáp: Do vô đắc nên không có gì để đắc. Do vô vi nên không có gì để làm ở trong không làm đâu sinh ra làm. Vô đắc đâu ở ngoài đắc, đã không hòan toàn khác biệt, vi và vô vi cũng chẳng giống phần nào. Ai nói một, hai mà giống hay khác, không ngại ngàn sai khác. Nếu mê hơi hai môn đồng biệt liền rơi vào hai chấp đoạn thường. Cho nên, Phẩm ly thế gian của kinh Hoa Nghiêm nói: "Biết tất cả các pháp có tướng là không có tướng, tưởng là vô tưởng, không phân biệt là không phân biệt; chẳng có là có, không làm là làm, làm là không làm; không nói là nói, nói là không nói, không thể nghĩ bàn. Nên biết tâm đồng với Bồ-đề, Bồ-đề đồng với tâm, tâm và Bồ-đề đồng với chúng sinh, cũng không chúng sinh điên đảo, tưởng điên đảo, kiến điên đảo, không thể nghĩ bàn. Ở trong mỗi niệm vào diệt tận định, đoạn sạch cái lậu mà không chứng thực tế, cũng không đoạn hết hữu lậu thiên cân. Tuy tất cả pháp vô lậu mà biết lậu sạch, cũng biết lậu tốt.Tuy biết Phật pháp là thế gian pháp thế gian pháp là Phật pháp, mà không ở trong thế gian Phật pháp mà phân biệt thế gian pháp, không ở trong thế gian pháp mà phân biệt Phật pháp. Tất cả các pháp đều nhập vào pháp giới. Vì không có chỗ vào nên biết tất cả pháp không hai không khác, không thể nghĩ bàn"

Hỏi: Tất cả chúng sinh ai chưa được giải thoát, đều nhận lầm nó là giả danh, đuổi theo luân hồi. Trong kinh Lăng Nghiêm chỉ khiến cho nó lặng trong mọi vọng tưởng hư giả sinh diệt, trở lại nguồn giác được nguồn sáng, giác không có tánh sinh diệt là tâm nhân địa sau đó tu chứng quả địa viên thành. Cớ sao cứ đuổi theo giả danh này. Luận tỉ mỉ về điều thiện kia, tăng thêm hư vọng, đâu lợi ích gì cho sơ tâm?

Đáp: Danh tự tánh không, đều là thật tướng chỉ theo duyên mà khởichứ không rơi vào có không. Kinh Pháp Cú nói: Phật bảo Bảo Minh Bồ-tát: "Ông hãy quán sát tên gọi của Đức Phật này nếu là có, nói thức ăn cho người, lẽ ra họ được no đủ. Nếu danh tự là không thì Đức Định Quang Như Lai không truyền cho ta và ký cho ông. Nếu không cóngười thọ ký thời ta, không được làm Phật. Nên biết văn tự có chữ nghĩa, lâu

nay đã như vậy. Vì ta cũng như vậy thì nó đủ hiển bày tánh không của danh tự các pháp, không ở trong có không.” Kinh Hoa Nghiêm nói: “Thí như các pháp không phân biệt tự tánh, không phân biệt âm thanh mà không bỉ tự tánh, không diệt danh tự. Bồ-tát cũng giống như vậy không bỏ việc làm, tùy thuận thế gian mà thực hành, mà ở trong 2 thứ này mà không chấp trước”. Đó chính là không động thực tế, kiến lập hạnh môn, không họai giả danh mà viên tống tự tánh.

Hỏi: Cớ sao không mặc tình thong dong vô tâm hợp đạo? Cần gì vạn hạnh để làm động cửa tâm?

Đáp: Cổ Đức làm tỏ Phật quả có ba:

1. Quên lời dứt hành động, chỉ nói pháp thân vô tác quả.
2. Từ hạnh tu dần dần, vị viên mãn tam kỳ quả.
3. Từ sơ lý ký tự tại viên dung quả.

Đây là việc làm của bậc thượng thượng căn, viên tu viên chứng. Tuy một niệm liền đủ mà không ngại thực hành vạn hạnh. Tuy thực hành vạn hạnh mà không lìa một niệm. Nếu vong tình ngầm hợp, mỗi thứ là một niệm, nhanh chậm vì căn cơ, pháp không trước sau.

Hỏi: Chạm mắt là Bồ-đề, dở chân đều là đạo, cần gì phải tập siêng sự tướng đạo tràng? Làm nhọc mệt thân tâm. Đâu phải đều là diệu chỉ?

Đáp: Đạo tràng có hai:

1. Lý Đạo tràng.
2. Sự đạo tràng.

Lý đạo tràng là biến khắp trần sa cõi nước, Sự đạo tràng là tĩnh địa nghiêm sức. Song nhờ sự hiển lý, nương lý mà thành sự. Sự bao hàm lý thì sự thảy đều la lý, lý thật ứng chuyên, lý không ngại sự, cho nên ngay hỏi sự rõ lý, phải nhờ trang nghiêm; từ tuc vào chuyên chỉ nương nơi sự kiến lập. Làm gốc của quy kinh, làm cửa của việc sách phát nhìn tưởng mà trang nghiêm tâm, tự tha mà được lợi ích.

Chi quán nói: Viên giáo sơ tâm, lý quán tuy thật, pháp nhẫn chưa thành, cần phải ở nơi tĩnh địa xây dựng trang nghiêm đạo tràng, đêm ngày 6 thời tu hành 5 sám, sám tội 6 căn, nhập quán hạnh tức, thừa giỏi đều cần kíp, lý sự không thiếu sót, chư Phật gia hộ, chớp minh đến Phật, thẳng đến sơ trụ, một đời có hể bước đến.

Thượng đô nghi nói: Luận về quy mạng Tam bảo, phải chỉ phương hướng để lập tướng, trụ tâm giữ cánh. Không rõ vô tưởng ly niệm vậy. Phật biết rõ hàng phàm phu, buộc tâm vẫn còn chưa được, huống chi là lìa tưởng ư? Như người bình thường không có phép thuât ở trong hư

không xây cất nhà cửa vậy. Nương ba pháp quán như bảo tượng vậy... cần phải không nghi. Phật nói "Sau khi ta diệt độ, ai hay quán tướng cũng không khác ta." Đại trí độ luận nói: "Bồ-tát chỉ lấy 3 việc không nhàm chán:

1. Cúng dường Phật không chán.
2. Nghe pháp không chán.
3. Cung cấp cho chúng tăng không chán.

Thiên thai trí giả nói:

Ở đời có kẻ không hành, chấp đó thành sơ không, không khế hợp với kinh điển, nghe pháp quán tấm năng, mà có lời nạn vấn: Nếu quán tâm là pháp thân thì lẽ ra xúc xử bình đẳng, cớ sao khỏi lòng cung kính kinh tượng, giấy gỗ sinh tâm khinh lớn. Bởi cung kính và xem thường khác nhau, thì chẳng phải bình đẳng. Vì chẳng phải bình đẳng, nên nghĩa pháp thân không thành.

Đáp: Ta từ địa vị phàm phu mà quân tướng như vậy . Vì muốn mở rõ thật tướng này nên cung kính kinh tượng khiến cho tuệ không bị trói buộc, dạy cho vô lượng người treo thiện bỏ ác, để phương tiện không bị ràng buộc, há không giống ông sao? Cho đến rộng pháp hội, xây dựng đàn nghi, gắng sức gia trì, nghiên sức việc thù thắng kia, đạo tràng liền được biện chứng, chư Phật gia hộ thêm oai lực, cũng được lòng thương xót bậc đại Thánh, chỉ dạy nghi tắc. Hoặc thấy tướng hoa thơm, giới đức càng thanh tịnh; hoặc thấy thân của Phổ Hiền, nguồn tội thảy được chút sạch. Nhân đây mà pháp sự được đầy đủ. Phật đạo hưng thịnh, hiện ra đây để cảm thông, có chỗ quay về nương tựa. Vì thế phải nương theo bậc Thánh, sự trùng hợp thanh điển, không thể bịa đặt, sinh ra trong lòng, hiển họai thiện đức, lại đọa vào lòng tà, phố có trệ không.

Hỏi: "Kinh Kim Cương Bát-nhã nói: Nếu dùng sắc để thấy ta, dùng âm thanh cầu ta, người này hành tà đạo, không thể thấy được Như Lai." Cớ sao đặt tướng nêu hình mà xưng là tội sự?

Đáp: Ngưng duyên bặt sự, đây là phá tướng tông; luận thẳng để rõ lý, tức là đại thừa thỉ giáo. Chưa đạt hữu vô càng hành, thể dụng giao nhau. Nếu ước vào niên môn vô ngại, tánh tướng dung thông, chỉ nêu 1 vi trần mà bao trùm cả thế giới. Kinh Hoa Nghiêm nói: "Thanh Tịnh từ môn sát trần số cùng sinh một tướng vi diệu của Như Lai, mỗi mỗi tướng cũng giống như vậy, do đó mà người nhìn thấy không nhàm chán". Kinh Pháp Hoa nói: Đối với pháp Phật, ông chứng đặng nhứt thiết trí, ra lực đầy đủ 32 tướng cho đến chân thật diệt. Kinh Đại Niết-bàn nói: "Phi sắc là Thanh văn, duyên giác giải thoát; Sắc là chu Phật Như Lai giải

thoát.” Đâu giống với cảnh ngoan ngại hòanh chấp của hàng phàm phu cho là sắc thật, chất khôi đoạn thiên chứng của nhị thừa mà gọi là chân hình? Đó là sở đối của 6 căn đều thấy Như Lai; Vạn tượng đều quán, pháp giới tròn sáng. Đâu đợi tiêu diệt hình ảnh mới thành huyền thư ư?

Hỏi: Tức tâm là Phật, cần gì cầu bên ngoài? Nếu nhận trần khác, pháp bên trong liền ẩn.

Đáp: Pháp môn của chư Phật cũng không hướng một bề, đâu có sự dung nhiếp gồm tự lực, tha lực, tự tướng, cọng tướng bao hàm nghĩa của 6 tướng. Tuy theo duyên mà tợ phân, ước theo tánh mà thường hợp. Cảnh thiện do tâm, cảnh đức do tâm, đều nhiếp về cả, tha tức là tự. Cổ Đức nói: “Nếu chấp tâmlà hai, ngăn lời không nói hai. Vì ngoài tâm không có trần khác; nếu chấp là một, ngăn cho nói là một. Vì mọi pháp đều do duyên sinh.” Kinh Tịnh danh nói: “Đã kiến lập oai thần của chư Phật”. Trí Giả Đại Sư nói: “Người một bề quán vô sinh, chỉ tin tâm mình lợi ích không tin sự gia hộ của Phật bên ngoài. Kinh nói: Chẳng phải trong hẳng phải ngoài, mà là trong và ngoài. Vì là trong nên chư Phật giải thoát, cầu trong tâm hành. Vì là ngoài nên chư Phật vô niệm, cớ sao không tin có lợi ích bên ngoài ư ?

Luận về đạo nhân duyên, môn tiến tu đều do các nhân duyên tạo thành, không độc lập riêng lẽ. Nếu tự lực dồi dào thì không cần nhờ duyên khác, nếu tự lực chưa kham cần phải nương thế khác giống như người đời ở trong khó khăn nếu mình không đủ sức thoát khỏi cần phải nhờ sức của người khác cứu giúp. Lại nữa, như khiêng vác đồ nặng, sức mình không vác nỗi, cần phải nhờ sức của người khác mới có thể chuyển nỗi. Chỉ có thật đức bên trong, không bao giờ ngại người ngoài. Lại nữa, nếu chấp nội lực cho là tự tánh. Nếu nói ngoại lực tức thành tha tánh. Nếu bảo có cảm hợp nhau tức thành cọng tánh; nếu nói chẳng phải nhân chẳng phải duyên tức không phải nhân tánh, đều vướng vào ngăn trệ, chưa vào viên thành. Nếu hiểu rõ chân tâm, tức không chỗ trụ.

Hỏi: Kinh nói: Quán thân thật tướng, quán Phật cũng vậy, một niệm không sinh thiên chân liền sáng. Sao xướng danh hiệu Phật khác, tụng các kinh điển, luân hồi cao thấp, tiền hậu sinh diệt. Đã chướng ngại thiên định, đâu chạy theo âm thanh, nước động châu chìm. Đâu thể ngầm hợp?

Đáp: Nghe là nhà của các nghĩa, nói là nhà cửa của sự giải thoát, tất cả đều nghe được tiếng ấy là pháp giới. Kinh nói: Trong mỗi một

pháp đều bao hàm tất cả pháp. Cho nên biết trong một nhôn âm, không ngoài bao la, đầy đủ mười cõi, tam đế viên dung. Cớ sao trọng đây khinh kia, lìa tướng cầu chân? Không thấu suốt nguồn động tịnh, bên mất lời mặc ngữ. Cho nên kinh nói: Một niệm vừa khởi không có tính ban đầu, đó là được niệm thật. Đâu cần dứt niệm bật tiếng mới ngầm hợp với thật tướng. Vì thế trong môn tranh nghiêm không thiếu vạn hạnh; trong biển chân như, không bỏ mảy may.

Vả lại, nếu niệm theo thời khóa, tuân thủ theo danh hiệu, dạy bảo có lời, xướng một tiếng mà tội diệt trần na, đủ mười niệm mà hình hiện lên cõi tịnh, cứu vớt hiểm nạn, giải trừ oan trái, chẳng những một kỳ tạm nhổ khổ nương nhân duyên này, trọn đời trú vào biển giác. Cho nên kinh nói: “Nếu người tâm toán loạn, vào trong tháp miếu Phật, vừa xưng Nam Mô Phật, đều đã thành Phật đạo.” Lại nữa kinh nói: “Người thọ trì danh hiệu Phật, được tất cả chư Phật hộ niệm.” Kinh Bảo Tích nói: “Niệm lớn hiệu Phật, quân ma thoái lui.” Kinh Văn-thù Bát-nhã nói: “Chúng sinh ngu độn, quán không hiểu nỗi, chỉ dạy họ giữa niệm liên tục, tự được vãng sinh cõi Phật.”

Trí Độ Luận nói: “Thí như có người mới sinh ra đời đi được 1000 dặm, đi 1000 năm, trong đó dùng 7 báu đầy đủ đem cúng dường Phật, không bằng trong đời ác sau có người xuống một tiếng Phật, phước đức người này gấp bội người kia.” Kinh Đại Phẩm nói: “Nếu người tán tâm niệm Phật, cho đến diệt hết khổ, phước ấy không mất.”

Kinh Tăng Nhất Hàm nói: “Đem tất cả sự cúng dường cho tất cả chúng sinh trong toàn cõi Diêm-phù, công đức vô lượng. Nếu có chúng sinh khởi tâm lành kiên tục niệm danh hiệu Phật, như một ruộng sữa của trâu mào, công đức có được vượt hẳn người trên, không thể tính kể, không thể suy lường. Kinh Hoa Nghiêm nói: “Trụ vào tâm tự tại mà niệm Phật, tùy theo tâm mình mà có được sự ưa thích, bởi tất cả các đức Phật đều hiện hình trong đó.”

Hòa Thượng Phi Tích lớn tiếng niệm Phật. Luận Bảo Vương Tam-muội nói: “Người tắm nơi biển rộng cũng không dùng nước trăm sông; người niệm danh hiệu Phật ắt sẽ thành Tam-muội. Cũng giống như viên châu sáng rơi xuống ao nước đục ắt sẽ trong xanh; Niệm Phật rơi vào tâm loạn, tâm loạn ấy ắt sẽ là Phật. Sau đã khế hợp, tâm phật đều mất. Cả hai mất tức định vậy. Cả hai chiếu soi là thực vậy; Định tuệ đã đều thì tâm nào chẳng phải là Phật? Phật nào chẳng phải là tâm; Tâm Phật rõ ràng thì vạn cảnh nhân duyên thảy đều là Tam-muội vậy”. Ai còn bị họa hoạn, khởi tâm động niệm, lớn tiếng niệm Phật? Cho nên kinh

Nghiệp Báo Sai Biệt nói: Niệm Phật lớn tiếng, được tụng kinh điển có ra công đức.

1. Có thể bài trừ hôn trầm.
2. Thiên ma kính sợ.
3. Tống biến khắp mười phương.
4. Tam đồ dứt khổ.
5. Tướng bên ngoài không xâm nhập.
6. Khiến tâm không tán loạn.
7. Dũng mãnh tin tấn.
8. Chư Phật hoan hỷ.
9. Tam-muội hiện tiền.
10. Sinh vào tịnh độ.

Quần Nghi Luận nói.

Hỏi: Danh tự tánh tông, không thể giảng nói các pháp, dạy người chỉ một bề xưng danh hiệu Phật khác gì nói ăn mà vẫn còn đói chú ư?

Đáp: Nếu nói danh tự vô dụng, không thể giảng nói pháp thể, cũng phải hô lửa nước đến. Cho nên biết môn lưới không phải rỗng không, nhờ đó mà được cá, thỏ.

Cho nên khiến cho Phạm Vương cầu thỉnh phật chuyển bánh xe pháp đại tánh tùy căn cơ hoàng tuyên diệu chỉ, thiên nhân phàm Thánh đều bẩm thọ lời chán, ngũ đạo chúng sinh đều tuâm theo lời di huấn, nghe tiếng đọc tụng, lợi ích sâu rộng, xưng niệm hiệu Phật vãng sinh tịnh độ, cũng không được cho rằng danh tự là hư giả, không có người giảng nói thôi.

Luận nói:

Hỏi: Do đâu một lực niệm Phật có khả năng diệt trừ tất cả nghiệp chướng?

Đáp: Như một làn hương chiên đàn có thể biến khắp 40 do tuần rừng y lan đều thơm. Lại nữa, thí như có người dùng gân sư tử để làm dây đàn, âm thanh đó vừa tấu lên thì tất cả đàn khác đều đứt hết. Nếu người ở trong tâm Bồ-đề niệm Tam-muội, tất cả phiền não, tất cả chướng ngại đều dứt sạch. Kinh Đại Tập nói: "Hoặc một ngày đêm hoặc 7 ngày đêm, không làm việc khác, trong tâm niệm Phật, niệm ít thấy ít, niệm nhiều thấy nhiều.

Lại nữa, kinh Bát-nhã nói:

"Văn-thù hỏi Phật:

- Làm sao sớm đặng Tam-miệu Tam-bồ-đề?

Phật bảo:

Có một hạnh Tam-muội, người muốn vào một hạnh Tam-muội cần phải ở chỗ vắng vẻ dẹp sạch loạn ý, không giữ tướng mạo, chuyên niệm một Phật, chỉ xướng tên gọi, hướng về chỗ của Phật, ngồi ngay thẳng. Có thể ở trong một đức Phật tương tục niệm, ở ngay trong niệm này có thể thấy được chư Phật thời quá khứ, hiện tại, vị lai, đêm ngày thường nói, trí tuệ biện tài không bao giờ dứt."

Hãy biết đấy là oai lực chư Phật khó nghĩ huyền không khó lường, như đá hút sắt, như nước chảy vào sông. Căn lực thiện từ, thấy việc như vậy, chí tâm quay về, linh cảm rõ ràng.

Hỏi: Những gì có tướng đều là hư vọng. Nhưng thấy cảnh đẹp chấp lấy nó thì thành ma. Cớ sao chấp tướng khởi tâm mà cầu thầm cảm ư?

Đáp: Tu hành gắng chí, cảnh Thánh mới rõ, chuyên lành đã hiện, pháp xưa nay là thế. Cho nên sắp chứng thập địa, tướng cũng hiện tiền, thế nên hết sức cố gắng tăng thêm oai lực, đạo cao ma Thánh, có người tọa thiền nhập vào chỗ vi tế, mà biến tướng lạ, có người tụng đọc chí thành tam thấy điều lành. Nhưng hòan toàn do tâm. Thấy chỗ không thấy. Nếu vin lấy nó thì ngoài tâm có cảnh liền thành ma sự; nếu bỏ nó thì bác bỏ công năng của việc thiện, không có cửa để tu vào.

Luận Ma-ha nói: "Hoặc chân hoặc ngụy chỉ do tâm vọng của mình, cảnh giới hiện lượng, không có gì là thật, không có gì để đắm trước." Lại nữa, nếu chân hay ngụy cũng là chân như, đều 4 pháp thân khôn g có sai khác. Vì không đoạn trừ.

Trí luận nói: "Không bỏ nó là trong các pháp sức đều có sức trợ đạo. Không thọ là vì thậtcác tướng rốt cuộc không có gì để được."

Thiên Thai giáo nói: Người nghi, nói đại thừa bình đẳng, tướng nào để luận? Nay nói không phải vậy, chỉ do bình đẳng vì gương sạch. Các nghiệp hiện hình. Bây giờ nghiên cứu sâu chỉ quán, tâm dần dần sáng sạch, soi rõ các việc thiện ác, như gương được lau chùi, vạn tương tự hiện. Đấy là biết không có mà có, vô tánh duyên sinh; có mà không có, duyên sinh vô tánh. Thường ngẫm hợp với thực tế, trung đạo rõ ràng, yên vui không sinh, phân biệt tình đoạn, hư hòai tịnh lự, cớ sao bị mê hoặc bởi được mất ư. Lại nữa, nếu phúng tụng kinh điển, thọ thì đại thừa, công đức sâu xa, quả báo mầu nhiệm. Như kinh Phật đã đích thân thử nghiệm. Thí như một người tham vấn Văn-thù, giáo hóa người trong 4 cõi đều đến nhứt sinh bổ xứ, so sánh công đức không bằng đem hương hoa cúng dường các điển kinh Phương Đẳng, được hạ đẳng bảo.

Lại nữa, A-nan nghị Thẩm Bảy Phật hiện thân chứng minh, thật

có việc này. Còn nữa, như thuyết tu hành, được thượng đẳng bảo; thọ trì đọc bảo, được trung đẳng bảo; hương hoa cúng dường, được hạ đẳng bảo.

Kinh Pháp Hoa nói: “Cúng dường 400 ngàn tức hàng ký thế giới chúng sinh, đến khi đạt đạo A-la-hán sạch hết hữu lậu vào sâu trong thiền đình đều được tự tại, đủ bát giải thoát, không bằng một người thứ 50 nghe một bài kệ kinh Pháp Hoa tùy hỷ công đức, trăm ngàn muôn ức phần cũng không bằng một. Vả lại kinh nói: Nếu chỗ người đọc tụng kinh, chỗ đất ấy đều thành kim cương, chỉ vì mắt thịt chúng sinh không thể thấy được thôi.”

Nam Sơn Cảm Thông truyện nói: “Trong kim tháp của thất Phật có con dấu bạc, nếu người tụng kinh đại thừa, con dấu ấy liền khắc vào miệng người đi, khiến không bao giờ quên kinh Phổ Hiền quán nói: Nếu bảy chúng phạm giới, người muốn trong chốc lát diệt trừ được sinh tử trong trăm ngàn vạn ức a-tăng-kỳ kiếp nhẫn đến muốn được Văn-thù, Dược Vương, các Bồ-tát lớn cần hương hoa đứng giữa hư không đưa cho phải tu kinh Pháp Hoa này. Đọc tụng kinh đại thừa nghĩ nhớ việc đại thừa, khiến cho không tuệ này tương ứng với tâm”

Kinh Đại Bát-nhã nói: “Không có loài thú ác nào ở trong hang sâu vắng lặng mà chọn chỗ ở.” Cái gọi là cái nghe pháp, đêm ngày 6 thời siêng năng đọc tụng, tiếng lìa cao thấp, tâm không duyên ngoại cảnh duyên tâm trì niệm.

Kinh Hiền Ngu nói: “Hành giả muốn thành Phật đạo, nên ưa kinh pháp đọc tụng diễn thuyết, chư Thiên long thần đều đến nghe, lãnh thọ, nữa là người xuất gia? Người xuất gia cho dù đi trên đường đọc tụng kinh, nói kệ. Thường có chư Thiên theo họ để nghe. Vì thế phải siêng năng tụng kinh thuyết pháp.”

Những điều nêu trên đều là lời vàng chân thật, chẳng phải là lời của tâm vọng hư dối. Thế nên người chí tâm đọc tụng, chứng nghiệp giống như thật, luôn được do phương chư Phật. Thích-ca Văn Phật thầm rủ lòng thương xót gia hộ, khen ngợi lành thay, nắm tay xoa đầu lấy y trùm cho, nhiếp thọ phó chức, tùy hỷ oai lực, nhẫn đến được thần nương thọ trì, thiên tiên ủng hộ, kim cương theo phò.Thích phạm rãi hoa, thành tựu nhân phước đồng với cõi hư không pháp giới. So sánh công đức còn trội hơn nhận bố thí của hằng sa bảy báu, cho đến chất phàm bình thường, nhục thân không hoại, lưỡi biến thành màu sen hồng miệng vọt ra mùi thơm tử đòn, nghe được câu mà được vào Bồ-đề; tụng nữa kệ mà công đức ngang bằng bậc đại giác. Biên chép kinh điển, quả báo thọ ở

trời cõi Dục; cung cấp cho người thọ trì, phước trôi chư Phật, có thể gọi là sức oai đức của pháp không thể nghĩ bàn. Muôn điều lành ngàn điều linh hiển, nhân đây mà được cảm ứng. Tam hiền thập Thánh sinh ra từ đây. Thấu cổ thâu kim, từ trần đến Thánh 3 nghiệp cúng dường, thập chủng thọ trì, bẩm hết lời chân, truyền trí không dứt, nay tại sao khởi tâm hủy báng mà đoạn việc chuyển bánh xe pháp.

Hỏi: Trong kinh chỉ khen ngợi như thuyết tu hành, hiểu sâu nghĩa thú, siêng cầu vô niệm, mặc khế huyền căn, cớ sao khuyến tu khởi rộng xướng tụng?

Đáp: Nếu ước theo bậc thượng thượng viên căn, đại cơ thuần thực, không có các chướng ngại đốn, liễu đốn tu. Nếu vọng niệm không sinh thì cần gì trợ đạo?

Phần nhiều tư tưởng nhỏ nhiệm, cõi Phật thì không hiện. Cho nên bài tựa kinh "An Ban Thủ ý" nói: "Trong khoảnh khắc tâm chuyển 960 lần. Một ngày một đêm 30 ức niệm. Ý có mặt toàn thân, tâm không tự biết, giống như bẻ bàn phu vậy." Thế nên biết tinh thần chướng ngại, vẹn tịnh tốt đẹp. Nếu chẳng có vạn thiện giúp cho khai mở, sức mình sợ bị vướng lại.

Lại nữa, nếu luận về pháp nghiệp, trong biến hành môn, vạn hạnh trong nghiệm không bỏ pháp nào, vì các pháp đều trợ đạo, tỏ rõ đại Bồ-đề, đầy đủ mười món thọ trì cũng không có gì ngằn ngại. Cho nên kinh Pháp Hoa nói: "Bấy giờ, ngàn thế gian vi trần số Bồ-tát Ma-ha-tát từ đấy vọt ra, đều ở trước Phật một lãnh chấp tay, chiên ngưỡng tôn nhan, mà bạch Phật rằng. Thế Tôn! Chúng con ở lúc sau Phật diệt độ rộng nói kinh này. Tại sao như vậy? Chúng con muốn mình được đại pháp chân tịnh, thọ trì, đọc tụng, giảng nói, viết sách mà cúng dường Phật. Thế nên biết rằng Bồ-tát chẳng những giúp cho người khác giải thoát, còn tự mình phát nguyện thọ trì, nữa là kể sơ tâm không chịu vâng lời.

Nhưng trước hết cầu tin hểu ngộ nhập, sau đó như lời dạy mà tu hành, miệng giảng tâm nghĩ tưởng, giúp mở chánh tuệ. Nếu chưa thâu tột tông chỉ vẫn phải tuân theo lời văn, tuy chưa sáng tỏa nhưng cũng hiện được cội lành. Oai lực của Bát-nhã nhầm hỗ trợ trước sau, ở trong chánh pháp phát một mảy tâm, đều là nhân ban đầu trọn không luống bỏ.

Hỏi: Muốn chân thật trì kinh, phải niệm thật tướng, đã quên năng sở, ai là người tụng? Nếu nói việc làm của tâm khẩu, cầu tìm nó thì không bao giờ được suy cho cùnglý ở môn nào?

Đáp:Tuy quán năng niệm và sở tụng đều không, không ấy chẳng

phải đoạn không; không ngại nơi nặng tụng và sở trì là có, có ấy chẳng phải thật có, không phải không cùng không phải có. Đúng lẽ rõ ràng, chấp không thì rơi vào tà không, đăm có thì hành thiên giả. Đó chính là nhứt tâm tam quán, tam quán nhứt tâm, tức một mà 3 tướng bất đồng, tức 3 mà một thể không khác. Chẳng hợp chẳng tan không tụng không hành. Còn mật chẳng buộc, phải trái đâu cong?

Thường khế hợp với 3 đế tổng hợp nhứt thừa, lục độ vạn hạnh, đều quay về thật tướng.

Lại nữa, cái khó của việc tụng niệm có khi chướng ngại thiền định, bởi một pháp thiền định là cội gốc của tứ biện lục không, là nhân cải phàm thành Thánh. Nhiếp niệm một lát, được xưng thượng thiện. Cho nên phải biết rõ hơi thở tâm trầm. Kinh nói: Nếu người thiền mà bị buồn ngũ, phải đứng dậy đi kinh hành niệm Phật hoặc chí thành sám hối để trừ nghiệp nặng, sách tấn thân tâm, không được chấp chặc một môn lấy cứu cánh. Cho nên Từ Mẫn Tam Tạng nói: “Lời Phật đã dạy, người đang thiền định giữ tâm một chỗ niệm niệm liên tục, lìa khỏi hồn trần, trạo cử, giữ tâm bình thường. Nếu sự ngủ nghĩ che chướng cần phải gắng sức niệm Phật tụng kinh, lễ bái kinh hành, giảng kinh thuyết pháp, không bỏ luống vạn hạnh, hạnh nghiệp đã tu, hồi hướng về Tây phương Cực lạc. Nếu người theo tu tập thiền định như vậy. Thời thiền định của Phật hợp với chư Thánh, là mắt thịt của chúng sinh được chư Phật ấn nhã. Tất cả chư Phật vốn không sai khác, đều nương theo nhứt như, thành tối chánh, cũng gọi là niệm Phật là nhân Bồ-đề, đâu được vọng sinh tà kiến? Cho nên, thực hành Tam-muội của tông Thiên Thai. Tiễu thừa đủ 5 quán đối trị, cũng có các loại Tam-muội như thường hành, bán hành v. v...

Không bao giờ thiên chấp về tọa thiền. Kinh Kim Cang Tam Muuội nói: “Không động thời không thiền, thiền lìa ý tưởng khởi thiền.” Kinh Pháp Cú nói: “Nếu học các Tam-muội, là động chứ không phải là thiền. Tâm sinh theo cảnh giới cái gì gọi là thiền?” Luận Khởi Tín nói: “Nếu người duyên tu chỉ thì tâm chìm lắng, hoặc sinh biến nhác, không thích làm việc lành, xa lìa đại bi cho đến mọi lúc, mọi nơi có các việc thiện tùy theo khả năng mình mà làm, không bỏ tu học, tâm luôn siêng năng, ngoài lúc đong ngời, duyên mêng về chỉ. Còn những lúc khác phải xem xét việc nào nên làm, việc nào không nên làm. Hoặc đi, đứng, nằm, ngồi đều phải thực hành đủ 2 pháp chỉ quán.” Đó là khéo thấu hiểu, định, tán đều được vào đạo; nếu phát sinh sự trở ngại đi, ngồi cũng trở thành lỗi.

Pháp Hoa sám của ngài đều phải thực hành đủ 2 pháp chỉ quán.” Đó là khéo thấu hiểu, định, tán đều được vào đạo; nếu phát sinh sự trở ngại đi, ngồi cũng trở thành lỗi.

Pháp Hoa sám của ngài Phương Nam nói: “Tu tập các phap thiền định, được Tam-muội của chư Phật, 6 căn tánh thanh tịnh. Bồ-tát học “Pháp Hoa” đầy đủ 2 món hạnh:

1. Hữu tướng hạnh.

2. Vô tướng hạnh.

Vô tướng an lạc hạnh là thiền định sâu xa mầu nhiệm, quán sát căn của lục tình. Hữu tướng an lạc hạnh (nương theo phẩm khuyến phát này), tán tâm tụng Pháp Hoa, không thâm nhập thiền Tam-muội ngồi, đứng, đi nhất tâm, niệm văn tự “Pháp Hoa” người thực hành nếu được thành tựu thân Phổ Hiền. Đó chính là điều mà Trí giả tu Pháp Hoa sám, tụng đến phẩm “Dược vương đốt thân” nói: “Là chân thật tinh tấn, là chân pháp cúng dường Như Lai.” Đốn ngộ ý chỉ liên sơn như cùng ngồi một tọa, nhân đến trì thầm thần chú, linh hiển rõ ràng, được chánh ngăn tà, hàng ma trừ ngoại đạo. Ngăn trừ được chướng cả của hồn trầm, diệt được binh trầm kha của nhiều kiếp, hiện thần thông không thể nghĩ lường, hiện cảm ứng khó nghĩ bàn. Hỗ trợ đại nghiệp của mình, diệt trừ tai ương còn sót lại của kể khác. Mong nhờ pháp lực khó nghĩ lường, bèn đạt đến chỗ an nhiên nhập đạo. Đó chứng là do niệm Phật củ achứng Tam-muội, hoặc do tu thiền mà mở cửa trí tuệ, hoặc chuyên tụng kinh mà thấy pháp thân, hoặc chỉ kinh hành mà chướng Thánh đạo, nhưng chỉ lấy việc đắc đạo làm vừa ý, thì không bao giờ đạt được một môn định, chỉ nhờ sức chí thành nhứt ý chẳng tin lời sáo rỗng.

Hỏi: Kinh hành lễ bái, chưa đủ gọi là chân tu, tổ lập, cho nên “Trí Độ Luận” nói: “Tu Bồ-đề ở trong hang đá liễu ngộ được pháp không, được lễ Phật trước.” Kinh Tứ Nhập Nhị Chương nói: “Tâm đạo nếu hành thì dùng gì để hành đạo?” Thấu suốt ý chỉ, cớ sao chẳng trái?

Đáp: Nếu lúc kinh hành lễ bái khôngsanh tâm tha thiết, đã không quán tuệ, lại không ròng rặc, tuy thân ở trong đạo tràng mà tâm duyên ở chỗ khác, chấp tướng hữu vi, mê mờ tánh không của mình, khởi tâm có mình làm, sinh các thứ ngã mạn, không hiểu mình người bình đẳng, năng sở rỗng không,

Đại Sư Nam Tuyền nói: Pháp thân thanh tịnh vi diệu, đủ 32 tướng, những là không cho phép phân chia tâm lượng. Nếu không được tâm ấy thời tất cả hành xử, nhẫn đến chấp tay trong chốc lát đều là chánh nhân. Vạn thiện cũng đồng với vô lậu, mới được tự tại.

Hòa Thượng Bách Trượng nói: “Hành đạo lễ bái, từ bi ý xả, là việc chính của diệu môn này, tỏ rõ nương theo lời tuyên nhắc của Phật, nhưng không cho phép dính mắc.”

Pháp Hoa sám nói: Có hai thứ tu.

1. Tu trong sự, nếu lễ đạo, niệm Phật hành đạo, thảy đều nhứt tâm. Không phân tâm tán ý.

2. Tu trong lý, tâm đã tạo tác, tâm tánh không hai, quán thấy tất cả đều là tâm này, không được tâm tướng.

Kinh Quán Phổ Hiền nói: “Nếu có người đêm ngày 6 thời lễ lạy mười phương Phật, tụng kinh đại thừa nhớ nghĩ đến pháp, không sầu mầu đệ nhất nghĩa, ở trong khoảng khắc, diệt trừ được mọi sinh tử trong trăm ngàn ức atăng kỳ kiếp. Người thực hành pháp này chính là Phật tử, sinh ra từ chư Phật, mười phương chư Phật và các vị Bồ-tát lam hòa thượng của họ, người này gọi là người đầy đủ Bồ-tát giới không cần yết ma tự nhiên thành tựu, đóng nhận tất cả nhân thiên cúng dường.” Hơn nửa thực hành một pháp, xem trọng về trời Tây, nhiều trăm ngàn vòng, vừa thi hành một bái. Kinh nói: “Một ngày một đêm hành đạo, chí tâm đền đáp 4 ân, những người như vậy, mau được đắc đạo.”

Kinh Công Đức Nhiễu Pháp nói: “Siêng năng mạnh mẽ, bền bĩ không họai, sớm thành tựu những việc đã làm, đây là do nhiễu pháp bên phải. Được màu sắc vàng tía, thân tướng hảo trang nghiêm, hiện làm thầy trời người, đều này do nhiễu pháp bên phải.”

Hoa Nghiêm sám nói: “Hành đạo dần dần qua vô biên thế giới, mỗi một đạo tràng đều thấy thân ta.” Nam Sơn Hành đạo nghi nói: “Luận về việc hành đạo lấy chướng sạch làm kỳ, không định hạn ngày nào. Nếu luận về chướng tận, Phật địa liền mất, tâm rỡ rỡ như đầu sáng, hình ngều ngệu như đầu trượng.” Nghi nói: Nếu trước đây chưa bao giờ hành đạo, nghiệp chướng không do đâu mà hiện. Kinh nói: “Chúng sanh như đứa con mù của tỷ phú, tuy có vô số của báu nhưng không thấy được.” Nay dụng công hành đạo, cấu trừ thì tâm tịnh, như người nhận mắt được sáng, như nước lặng gương sáng thời mọi hình ảnh điều hiện, cũng như mặt trời chiếu hỏa châu, liền hiện ra từ lửa.

Hỏi: Thật tướng các pháp, không có các tướng thiện ác, sao nói có hiện ư?

Đáp: Tuy không ngã, không tao tác, không tạo thọ, những nghiệp thiện ác không mất. Các pháp vô tướng có khả năng hiện ra tướng. Hành giả hành đạo, không nghĩ hữu tướng, không nghĩ vô tướng, như mỗi niệm thàng công, tướng ấy tự hiện tự hiện. Giống như lọ nước ở

trong nhà kín, tuy không có tâm phân biệt các cảnh tự hiện.

Hỏi: Lúc tướng hiện, làm sao biện biệt được thật giả? Cớ sao phân biệt mà thành lấy bỏ ư?

Đáp: Nếu thủ cũng như thủ hư không; nếu xả cũng như xả hư không.

Hỏi: Có người từ lâu không chứng được đều ấy, tại sao?

Đáp: "Tâm chúng sinh như gương gương nhỏ bóng không hiện."

Hỏi: Luận nói: "Hành đạo niệm Phật, ngồi niệm Phật, công đức như thế nào?

Đáp:Thí như giương buồn ngược gió, vẫn nói là qua được; Vả lại nếu giương buồn thuận dòng, lướt nhanh có thể biết. Ngồi niệm một lời, đến nỗi tội trong 80 kiếp trước đều tan trừ, công đức thành niệm đâu biết được lượng của nó ư?

Cho nên kệ nói: Kinh hành 500 vòng, niệm Phật 1000 tiếng, luôn thực hành như vậy, Tây Phương Phật tự thành." Nếu lễ bái thời khuất phục vô minh, càng nương cõi giác, hết lòng thành kính, như cây đổ núi sạt. Kinh Nghiệp Báo Sai biệt nói: "Lễ Phật một lạy từ chỗ đứng của mình đến bờ mé kim cương, một trần, một ngồi chuyển luân vương, được mười món công đức:

1. Được sắc nhân vi diệu.
2. Nói ra người tin.
3. Ở trong chúng không sợ.
4. Chư Phật hộ niệm.
5. Có cai nghi lớn.
6. Mọi người gần gũi.
7. Chư Thiên yêu kính.
8. Đủ phước báo lớn.
9. Chết được văng sinh.
10. Mau chứng Niết-bàn."

Tam Tạng Nặc Na nói: Phát trí thành tịnh lễ là bởi thông đạt cảnh giới Phật, tuệ tâm sáng suốt, rõ biết pháp giới vốn không ngán ngại, do ta từ vô thỉ thuận theo phàm tục, phi hữu hữ tưởng, phi ngại ngại tưởng.

Nay hiểu được tâm mình rỗng lặng vô ngại, cho nên thực hành lễ Phật, tùy hiện lượng của tâm. Lễ một Đức Phật tức lễ tất cả Phật. Lễ tất cả Phật tức lễ một Phật. Vì pháp thân Phật thể dụng dung thông, cho nên lễ một lạy, biến khắp pháp giới. Cũng vậy đem vô số hoa cúng dường ví đồng như vậy. Tứ sinh lục đạo, đều muốn làm Phật. Văn-thù

nói: Vì tâm không sinh diệt nên lễ kính không chỗ quán. Nội hành bình đẳng, ngoại thuận tu kính, nội ngoại ngầm hợp, gọi là bình đẳng lễ.

Pháp Hoa sám nói: Lúc đang lễ bái, tuy không được năng lễ sở lễ, nhưng ảnh hiện khắp pháp giới, đều lấy thân mình lễ bái trước từng vị Phật. Lược trình bày lời dạy của Tổ, lý sự rõ ràng, không thể diệt ý Phật mà hủy lời vàng, theo thiên kiến mà tổn thương viên chỉ.

Hỏi: Văn-thù nói: "Vì tâm đồng hư không nên lễ kính vô sở quán. Kinh điển thậm thâm, không nghe không thọ trì." Tại sao chấp tướng cho là lễ Phật, đuổi theo văn bảo là tụng kinh, trái với lời tha thiết của đại sĩ, mất ý chỉ sâu mầu của chư Phật?

Đáp: Ở đây tuy ước theo lý mà trình bày, nhưng không có sự nào mà không rõ, từ sự mà thực hành, lạai không cólý nào không tròn, lý sự cùng thành mãi rõ ý này. Nỗi tâm đồng hư không, kính lễ vô sở quán, đây là phá kiến chấp về năng sở. Vì sao? Tâm đồng hư không, không thấy mình lễ, không có đối tượng được lễ thì không có gì để lễ; không thọ trì thì thời chẳng có văn tự để nhớ. Trì kinh như vậy, chính là sự ở trong lý, ở đây là lúc đang lễ mà không lễ, đang trì mà không trì. Như vậy khi lễ, chẳng đối với một Phật hai Phật, tâm đồng với hư không, thân biến với pháp giới.

Người không nghe thọ trì, không nghe thì không có pháp nghĩa để quán không thọ trì thời không có văn tự để nhớ thọ trì như vậy, có gì gián đoạn? Cũng do người nói không bày tỏ nên người nghe không được, nhưng ước về lý, chẳng ai ngoài sự, tức là sự ở trong lý. Đây chính là ý đang lúc lễ mà không lễ, đang lúc trì mà không trì, không thể nương lời mà không nương nghĩa và phát khởi kiến châp đoạn diệt thiên thô ư?

Hỏi: Pháp môn lục niệm, mười loại quán tướng, tuy gọi là trợ đạo, dong theo tưởng duyên theo trần, vừa khỏi liền trái chân, làm sao tịnh niệm?

Đáp: Một pháp vô niệm là tin chỉ của các hạnh; vi tế đếu mất, chỉ có Phật năng tịnh. Cho nên kinh nói: "Tam hiền thập Thánh ở trong quả báo, chỉ một mình Phật ở trong tịnh. Huống chi ở trong địa vị phàm phu lại là sơ tâm. Nếu không có pháp môn hỗ trợ đạo, chánh đạo không thể hiển lộ mà không có nhân duyên. Vả lại phép lục niệm, có khả năng tiêu trừ ma huyễn, tăng trưởng công đức, nâng đỡ thiên căn. Pháp môn thập quán, khéo lìa tham trước, lắng trong niệm đục, ngầm hợp nguồn chân, đều nhập vào mới then chốt của đạo, trọn khuôn phép thâm diệu của việc tu thiền, giống như gậy có sức chống hiển nạn, như công lao

thuyền vượt sang bờ, sức đủ công trọn, thuyền gậy đều bỏ.

Hỏi: Kinh Thủ Lăng Nghiêm nói: "Trì phạm chỉ thúc hiển thân, không có thân thời chẳng có gì để thúc. Kinh Pháp Cú nói: "Tánh giới như hư không, người đi làm mê loạn." Sao khổ công chấp chặt sự tướng, cột niệm bộc thân? Sao không phóng khoáng tung hoành, hành đạo hư rỗng?

Đáp: Ý này phá tình chấp, chẳng trừ giới đức. Nếu thấy mình trì người phạm khởi tâm chê bai, hủy báng giới để ngăn lỗi, do ngăn mà tăng lỗi. Như loại người này, mê lầm điên đảo.

Kinh Tịnh Danh nói: "Chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải cấu hạnh là Bồ-tát hạnh." Cho nên không chấp hai bên trì phạm, là chân chánh trì giới.

Kinh Đại Bát-nhã nói: "Tỳ-kheo trì giới, không lên cõi trời, Tỳ-kheo phá giới không địa ngục, vì cớ sao? Vì trong pháp giới không có trì phạm." Y này cũng để phá chấp trước, tỏ rõ các pháp không sự lýđều hành trì, thân tâm cùng Thánh tịnh.

Lại nữa, nếu luận về thong dong tự tại, chỉ có một mình Phật là trì giới thanh tịnh, những người còn lại đều là phá giới.

Đới nghiệp vãng sinh vẫn còn bị nghiệp lôi kéo, hiện hành há trốn khỏi duyên ràng buộc ư. Ba nghiệp khó được, phóng dật gốc sâu, giống như ngựa say không có móc câu, vượn si được gặp, cây nhảy nhót tung tăng, chim sống bị nhốt. Nếu không có bản định, hương giới, đuốc tuệ, thì không do đâu chiếu soi. Đó là lấy sự bẩm thọ giới Bồ-tát làm thầy, vâng theo lời sách tấn của Phật, tuy phạm tội nhỏ, do luôn ôm lòng lo sợ, cẩn thận giữ gìn như không phạm. Khinh trọng đều giữ, dứt sự có hiềm ở đời, sợ họ sinh nghi ngờ phỉ báng. Luận về giới là nền tảng của muôn điều kiện, bước ra nhất định phải từ nhà; nếu không có giới này, công đức của các điều thiện đều không sinh được. Kinh Hoa Nghiêm nói: "Giới có khả năng khai mở tâm Bồ-đề, học là siêng tu công đức, đối với giới và học đều thuận hành, được sự khen ngợi của các Đức Phật"

Tát-già Ni-kiền Tử kinh nói: "Nếu không trì giới cho dù làm thân giả con ghẻ lác cũng không được nữa là đóng được công đức pháp thân?" Kinh Nguyệt Đăng Tam-muội nói: "Tuy có sắc tộc và đa văn, nếu không có giới trí đâu khác gì cầm thú. Tuy ở địa vị hà tiện, dốt nát, nhưng khéo trì giới gọi là thắng sĩ (Bồ-tát)."

Trí Luận nói: "Nếu người vức bỏ giới này, tuy khổ hạnh trong ăn hoa quả, làm thuốc cũng không khác cầm thú. Nếu có người tuy ở nhà

cao cửa rộng, ăn ngon mặc đẹp, mà khéo giữ giới này, được sinh vào chỗ tôn quý và được đắc quả. Lại nữa, đối bịnh kịch liệt, giới là thuốc hay. Trong sự kinh hoàng, giới là vật bảo hộ, chết trong tối tăm, giới là đèn sáng. Ở trong đường ác, giới là cầu đò. Chết trong biển nước, giới là thuyền bè.”

Như thời mặc thế này trong tông môn đại thừa phần đông khinh rõ giới luật, gọi là giữ gì một chút hạnh thời mất đối với giới là cần kíp. Cho nên kinh Đại Niết-bàn nói: “Lúc Phật sắp Niết-bàn, luận đến dự trợ giúp của Luật thì thừa giới đều quan trọng, cho nên gọi kinh này là chuộc lại sự quý báu của mạng đang sống. Vì sao. Nếu không có lời dạy này, chỉ chấp vào miệng nói giải thoát, trọn không tu hành, thì thừa giới đều mất.” Cho nên kinh nói: “Thì ta không thanh tịnh, Tam-muội không hiện tiền”, từ định pháp tuệ, nhờ sự hiển lý, nếu thiếu thiền định, tuệ do đâu thành. Thế nên biết nhân giới sinh định, nhân định phát tuệ, cho nên nói chuộc lại sự quý trọng của mạng đang sống. Cớ sao diệt thọ mạng của Phật, hủy phá hạnh luật nghi, làm thấy chết trong biển Tăng-già. Làm cây độc giữa rừng trưởng giả. Các bậc Thánh quở trách, chư Thiên chê hiềm, thiện thần xa lánh, ác quỷ chà quét dấu chân, ở trong nước của quốc vương mà sinh làm thân giặc, ở trong lòng Diêm La, chết làm ngục tốt. Những người có trí hãy nên suy nghĩ lấy nhé.

Hỏi: Không tức tội tánh, nghiệp vốn là chân như, chấp tướng thời tăng thêm lỗi, sám hối làm gì?

Đáp: Như đường phiền não, lý lẽ phải thích hợp, hai nẻo khổ nghiệp, phải thực hành sự sám, xả thân quy mạng, khóc lóc khẩn thiết, cảm được oai lực của chư Phật, căn lành được phát khởi giống như ao sen được mặt trời căng phô màu rực rỡ, như gương bụi được lau chùi sáng rỡ. Ở chướng trừ Phật và 12 nhân duyên, diệt tất các tội tiêu trừ xà ngũ ấm rỗng không.

Kinh Tối Thắng Vương nói: “Người cầu nhứt thiện trí, tịnh trí, bất tư nghí trí, Tam-miệu Tam-bồ-đề chánh biến tri cũng phải sám hối, diệt trừ nghiệp chướng. Vì cớ sao. Vì tất cả nghiệp pháp đều do nhân sinh.” Lại nữa kinh nói tâm trước khởi tội như mây che hư không, tâm sau diệt tội như ngọn đuốc phá tan bóng tối. Phải biết đuốc tắt thời tối hiện lại, phải luôn luôn đốt ngọn đuốc sám hối. Kinh Di-lặc Sở Vấn Bổn Nguyện nói: Bồ-tát Di-lặc khéo thực hiện hạnh phương tiện trong cõi an lạc nên đạt đến đạo vô thượng chánh đẳng đêm ngày 6 thời y báo chánh báo đều thúc liễm thân tâm, quỳ xuống đất hướng về mười phương nói kệ rằng: “Con sám hối tất cả tội, khuyến giúp các đức lành, quy mạng

lễ chư Phật, khiến được tuệ vô lượng." Kinh Đại Tập nói: "Trong một ngày có thể giặt sạch y dơ một trăm năm, cũng vậy nghiệp ác đã nhân trong 100 kiếp, nhờ oai lực của Phật pháp khéo tư duy, có thể trong một giờ, một ngày có thể diệt sạch hết. Lại nữa kinh nói: "Trong các phước sám hối là hơn hết, vì diệt trừ được chướng nặng, vì được điều thiện lớn." Luận nói: "Bồ-tát sám hối, chứa lòng thương xót đầy mắt, huống chi ta không mong bậc đại Thánh lập ra pháp tha thứ này, ôm tối chịu chết, nhiều kiếp chịu tai ương."

Luận Bà Sa nói: "Trong nhứt thời nếu có người đối trước mười phương chư Phật, thay thế tất cả chúng sinh tu hành 5 pháp sám công đức ấy nếu có hình tướng, có thể đo lường được thời 3000 đại thiên thế giới chứa không hết."

Cao Tăng truyện nói: "Đàm Vinh ở trong đạo tràng sám hối, thấy thất Phật bảo rằng: "Tội ông đã diệt ở trong hiền kiếp, hiệu là Phổ Minh" Đại Tư Thiền Sư hành phương đẳng sám, mộng thấy 49 vị phạm Tăng, cố gắng trì giới, cầm khổ gia công, thấu rõ 3 đời." Trí giả đại sư ở trong Tô Sơn tu pháp Hoa sám, chúng triền đã lam biện.

Sa-môn Đạo Siêu ở trong đạo tràng tu pháp sám hối, cười một mình và nói "Châu báu vô giá, nay ta được rồi." Đông đô anh pháp sư giảng kinh Hoa Nghiêm vào đạo tràng của Thiện Đạo, bèn được du lý Tam-muội, buồn thương khóc lóc than rằng: "Tự hận nhiều năm luống phí thời gian, làm lao nhọc thân tâm thôi!." Cao Tăng Tuệ Thành học hết 3 tạng bị Tuệ Thiền Sư quở rằng: "Học vấn cả đời của ông, chỉ làm hơ tay ta cũng chưa đủ ấm hoang phí công phu." Hiện vào đạo tràng Quán Âm, hiểu biết được ngôn ngữ Tam-muội của chúng sinh.

Kinh nói: Người đêm ngày thực hành pháp trên, như đem 7 báu cúng dường cho Phật, so với công đức sám hối thời đó thua xa.

Kinh nói: "Không thể sinh ý tưởng khó gặp, nay sinh vào đời mặc pháp, chỉ thấy hình để lại, đoan nghiêm thân tướng, khóc lóc đau thương nước mắt đầm đìa, như vào từ đường không thây cha nghiêm." Cho nên Thiền Sư Tuệ Tư thực hành phương đẳng sám mà thấy rõ được ở đời. Cao Tăng Đàm Vinh vào đạo tràng mà thân chứng mười hiệu, Trí giả chứng Triền Đà-la-ni biện. Đạo Siêu được vô giá bảo châu, những việc này đều do gởi thân mình vào pháp môn sám hối, vâng theo lời Phật, cảm ứng sâu xa, bước nhanh lên bực Thánh. Thế nên sám hối là vượt thẳng đến Đẳng giáo cho rằng vị này cần có một phần vô minh giống như làng khói nhỏ nên cần phải tẩy sạch. Lại nữa pháp thân Bồ-tát vẫn gắng sám hối, nữa là thân bị nghiệp trói buộc màkhông có trọng cấu ư.

Cho nên trong 18 pháp bất cọng, 3 nghiệp thanh tịnh chỉ có một mình Phật. Nam Nhạc Đại Sư nói: Sám hối 6 căn gọi là hữu tướng an lạc hạnh; quán thẳng pháp không gọi là cô tướng an lạc hạnh. Khi chứng được hiệu quả cả hai hạnh đều bỏ."

Hỏi: Kết nghiệp là giải thoát chân nguyên, tội cấu không trụ ba đời, sao không liễu ngộ vô sinh mà diệt nguy, trôi theo hữu tác để nhọc công ư?

Đáp: Luận về tội tánh không có thể nghiệp đạo do duyên, không nhiễm mà nhiễm, thói quen xấu chẳng phải không; nhiễm mà không nhiễm, xưa nay thường thanh tịnh. Tánh của nghiệp như vậy, bỏ sự chấp thủ càng khó. Tất cả chúng sinh nghiệp trong 3 đời, chân tuệ không phát, bị hai chướng trói buộc, diệu định không thành, bị ngũ cái che lấp. Chỉ có viện thừa Phật chỉ, phải ở chỗ vắng vẽ, trang nghiêm xây dựng đạo tràng, hết sức thành khẩn thay thế khắp các chúng sinh mà siêng tu sám pháp, trong thời chỉ nương sức mình, ngoài htì toàn mong sức gia hộ của Phật, được vậy thời chướng sạch trí sáng, mây tan trăng hiện, đó chính là chẳng phải không chẳng phải ngoài, năng hối rõ sám đều không, vừa trong mà là vừa ngoài, tánh tội giá tội rõ ràng. Cho nên Bồ-tát đều tuân theo lời dạy tột cùng ấy, bảo sám hối trước mà không nói vào qúa khứ. Vả lại Bồ-tát đăng địa vào chánh vị vẫn còn tẩy cấu trừ bẩn, một kẻ hở tán tâm, lại bàn suông mà chấp tay.

Hỏi: Kinh Tịnh Danh nói: "Tội tánh không ở trong, không ở ngoài, không ở khoảng giữa." Há là luống dối ư? Sao chấp chặt không tin, hủy bóng bánh xe chánh pháp? Chấp có tạo ra gốc tội, thật là biết thêm hạnh cho họ?

Đáp: Lời Phật quá chính xác, lý sự rõ ràng, hay nhổ sạch gốc nghi sâu dày, khéo khỏi mở trọng hoặc. Nếu người tin sâu một nghe ngàn ngộ, thực hành đúng theo lời dạy. Lỗi trước đã quét sạch lỗi sau không hình dạng, từng bước quán chiếu, niệm niệm không khác, đây là do nghiệp đời trước nhẹ mỏng, căn lành sâu dày thừa giới đều xem trọng, lý hạnh theo sau. Đây là nhờ thấu hiểu giáo môn, thực hành đúng lời Phật dạy, đây cần sự sám lỗi tự không sinh? Giả như chướng nặng cấu dày, trí nhẹ đức mỏng. Chỉ niệm không về tất cả tánh tội không ở trong, ngoài chặn giữa, quán 3 nghiệp hiện hành của mình, hòan toàn không có trong pháp căn trần, như nói ăn ngon mà chẳng bao giờ dứt đói. Tựa như nghĩ đến thuốc hay, mà đâu trị được bệnh? Nếu bảo rằng chỉ tìm cầu lời Phật mà tội được tiêu trừ, thì mọi nghiệp chướng trói buộc con người lẽ ra cũng dễ cởi bỏ, cớ sao nhiều kiếp sinh tử như quấn vòng lửa

ư. Vì biết biển nghiệp mênh mong, chẳng có thuyền Bát-nhã thì không thể qua sông được, núi chướng khó leo. Chẳng phải trí tuệ kim cương thì khó lay chuyển, đến khi thâm tâm nhứt như, lý sự đều sử dụng mới làm héo gốc khổ (hạt giống khổ mới héo được) vĩnh viễn dứt khỏi nhứt guốc nghiệp. Cho nên Tổ sư nói: "Đem tâm hư không, hợp với lý hư không, cũng không lường hư không, mới được báo không đáp lại. Lại nữa giáo nói:Ý thanh tịnh như hư không, đây là có hai nghĩa:

1. Lìa thủ hư vọng, như hư không lặng lẽ kia không có mây che.

2. Xúc cảnh không ngăn trệ, như hư không sáng sủa kia không sinh chướng ngại.

Tâm cảnh đã rỗng rang, tội cấu do đâu sinh? Nếu có thể được như vậy gọi là y theo lời dạy. Vẫn không thấy được không tội thời đâu có gì là tội ư?

Lại nữa tánh tội vốn trong sạch, là thể tánh tịnh; khế lý không nhờ duyên, là phương tiện tịnh, hiểu rõ thể tánh tịnh, nhờ thể tánh tịnh mà được phương tiện tịnh. Phương tiện tịnh là nhờ sức huân tu: Thể tánh là nhứt niệm viên chiếu. Bổn mạc tương ứng, trong ngoài lại hổ trợ. Cho nên lý sự phải hổ trợ nhau mới được 2 thới tịnh ấy; Chánh trợ đều sám hối, chứng được một tâm này. Giả sử chỉ niệm lời suông, đúng là trái với giác pháp hủy báng không tin, chẳng phải đấy thì không ai ư?

Tứ phần Sao của Tổ Nam Sơn, hỏi: Có người nói tội và không tội tìm không thể được gọi là giới, vậy là sao?

Sao: Đáp: Chẳng phải cho rằng tà kiến thô tâm là vô tội. Nếu thâm nhập các tướng hành không Tam-muội, do quán tuệ nhân, nói tội là không thể được; nếu cái thấy của nhục nhãn thì không thấy gì trâu dê. Người đọc tụng đại thừa, đâu đủ làm chứng cứ. Đó là lý quán thổ đế, sự hành phải hỗ trợ. Như gió đẩy thuyền đi mau đến nơi; giống như thêm sáp trợ lửa càng thêm sáng tỏ. Đâu giống với việc giữ lời suông, hòan toàn không khắc chứng? Dối người lừa mình, rốt cuộc rơi vào ngục atỳ; xả thân thọ thân, thân vướng vào lưới nghiệp.

Hỏi: Duy tâm tịnh độ, biến khắp mười phương, sao được nương náu vào đài sen, gởi hình nơi an dưỡng mà khởi niệm lấy bỏ, đâu đạt môn niệm sinh ư? Ưa chán tình sinh, đâu được bình đẳng?

Đáp: Duy tâm tịnh độ là hiểu được thì tâm mới sinh. Kinh Như Lai Bất Khả Tư nghĩ cảnh giới nói: "Ba đời tất cả chư Phật đều không có gì khác chỉ nương vào tâm mình. Bồ-tát nếu có thể hiểu biết chư Phật và tất cả pháp cùng chỉ tâm này, đắc tùy thuận nhẫn, hoặc chứng rơ địa. Xả thân này rồi sinh liền vồ thế giới Diệu Hỷ hoặc sinh vào tịnh độ của

Phật Di Đà.” Cho nên biết tâm mới sinh chỉ là tâm tịnh độ, chấp cảnh chỉ địa vào cảnh sở duyên. Đã hiểu tâm cảnh không sai khác, mới biết ngoài tâm không có pháp. Lại nữa, môn bình đẳng nghĩa vô sinh, tuy tôn kính giáo pháp sinh lòng tin, ngại gì sức mình chưa đủ, quán sát cạn cợt tâm thô phù, cảnh mạng nghiệp dày, phải sinh vào cõi Phật để nhờ thắng duyên, sức nhẫn dễ thành, sớm thành đạo Bồ-tát. Khởi Tính luận nói: “Chúng sinh mới học pháp này, muốn cầu chánh tín, tâm họ khiếp nhược, do ở trong thế giới Ta-bà này. Sợ mình không thể thường gặp chư Phật, đích thân cúng dường, sợ rằng tín tâm khó thành tựu, ý muốn thói lui. Nên biết Như Lai có phương tiện thù thắng nhiếp hỗ tín tâm, nghĩa là do duyên ý niệm Phật nhân duyên, tùy nguyện được sinh vào cõi Phật phương kia, thường thấy được Phật, lìa hẳn ác đạo. Như kinh nói, nếu người chuyên nghĩ đến Phật A di Đà ở thế giới Cực lạc những căn lành đã tu đều hồi hướng nguyện cầu sinh về thế giới kia, liền được vãng sinh do thường thấy Phật không bao giờ thối lui. Nếu quán pháp thân chân như của Phật Di Đà, thường khuyên tu tập, rốt cuộc được sinh về đó, do trụ trong chánh định”

Vãng sinh luận nói: Người dạo chơi trong cửa địa ngục, sinh vào cõi nước kia, được vô sinh nhẫn rồi, trở lại cõi sinh tử, giáo hóa địa ngục, cứu khổ chúng sinh, vì nhân duyên này cầu sinh tịnh độ.

Thập Nghi Luận nói: “Người trí sáng suốt cầu sinh tịnh độ, hiểu được thể của sinh vốn không thể được, tức chân vô sinh, đây gọi là tâm tịnh, tức Phật độ tịnh. Người ngu bị cái sinh ấy trói buộc, nghe sinh liền hiểu nghe vô sinh thì không tin hiểu, không biết sinh tức vô sinh, vô sinh tức sinh không hiểu thấu lý này, hoàng hành tướng thị phi, đây là người tà kiến hủy bóng pháp vậy.”

Quán Nghi Luận hỏi rằng: “Cõi nước của chư Phật cũng đều rỗng không, quán chúng sinh như đợi thứ năm đâu được chấp trước hữu tướng, bỏ đây sinh kia?

Đáp: Chư Phật thuyết pháp, không lìa hai đế, lấy chân nhiếp tục, không tục càng không chân; lấy tục để hội chân vạn pháp rõ ràng. Kinh nói: Thành tựu tất cả pháp, mà lìa tướng các pháp là các pháp đế vậy; lìa các pháp là đệ nhất nghĩa đế vô tướng vậy. Lại nữa kinh nói: Tuy biết cõi nước của chư Phật, và chúng sinh là rỗng không, thường tu hạnh tịnh độ, giáo hóa các chúng sinh. Ông chỉ thấy lời dạy về thuyết viên thành thật tánh vô tướng. Văn phá biến kế sở chấp rốt cuộc rỗng không, không tin lời dạy nương y kha khởi tánh nhân duyên chính là người không tin nhân quả nói đến sự đoạn diệt của các pháp. Ma Ha

Diễn nói: Bồ-tát không rời chư Phật mà nói rằng: Tôi ở trong nhân địa gặp ác tri thức, phỉ báng Bát-nhã, đọa vào ác đọa, trải qua vô lượng kiếp, tuy chưa được ra khỏi, lại có một nương thiện tri thức, bảo tu niệm Phật Tam-muội, lúc đó liền có thể dẹp trừ hết các chướng mới được giải thoát, vì có lợi ích lớn như vậy nên không muốn rời Phật. Cho nên bài kệ kinh Hoa Nghiêm nói: "Thà ở trong vô lượng kiếp, chịu đủ các thứ khổ, quyết không rời Như Lai, không thấy sức tự tại".

Hỏi: Một đời tạo ác, tích lũy nhân sâu, làm sao lúc lâm chung niệm ra tiếng là trừ liền được ?

Đáp: Kinh Na Tiên nói: "Quốc Vương hỏi ngài Na Tiên rằng: Người đời làm ác đến 100 tuổi, lúc lâm chung niệm Phật, chết rồi sinh tây phương ta không tin lời này."

Ngài Na Tiên nói: Như cầm trăm cây gậy và đá lớn để vào thuyền, nhờ thuyền nên vật không chìm; con người tuy có gốc ác, nhứt thời niệm Phật không vào địa ngục. Mà hòn đá nhỏ chìm đi, như người làm ác, không biết niệm Phật, liền rơi vào địa ngục."

Lại nữa, Trí Luận nói: Lúc sắp chết một xíu tâm làm sao có thể thắng việc làm của cả đời?

Đáp: Tâm này tuy ở trong thời gian gấp rút, mà lực tâm mãnh liệt, như lửa như thuốc độc, tuy là ít có thể làm việc lớn. Tâm này lúc sắp chết, nhờ sức quyết định mạnh mẽ vượt hơn sức nghiệp trăm tuổi; tâm cận tử này gọi là đại tâm, và những việc cần kiếp của các căn, như người vào quân trận không tiếc mạng sống gọi là dũng mãnh.

Cho nên biết thiện ác không nhất định nhân duyên thể vốn không, dấu vết có chìm nỗi, sự phân hơn kim. Vàng thiệt một lượng giá trị hơn khối hoa trăm lượng: Một chút ánh sáng của bó đuốc thiêu đốt trăm vạn thước hoa cả.

Hỏi: Ngoài tâm không có pháp, Phật không đến đi, sao có chuyện thấy vật và ngưỡng?

Đáp: Chỉ một tâm niệm Phật, chỉ một tâm quán bao hàm cả muôn pháp. Đã hiểu cảnh do tâm, hiểu rõ tâm tức Phật, cho nên tùy theo điều mình mà nghĩ cái gì cũng là Phật.

Kinh Bát Chu Tam-muội nói: "Như người mộng thấy 7 báu, thân thuộc vui vẻ, thức dậy nghĩ hoài không biết ở đâu." Niệm Phật cũng vậy, thí dụ này chỉ do tâm nghĩ ngợi, tức là có mà như không, cho nên không đến đi. Như huyễn tâm thật. Thì tâm Phật đều mất, cái nào cũng là tướng huyễn, thời không họai tâm Phật. Không có vô ngại, tức không đến đi, thấy khắp không ngại, thấy tức không thấy, thường khế hợp với

trung đạo. Đây chính là Phật thật không đến tâm cũng không đi, cảm ứng đạo giao, chỉ tâm không thấy. Như chúng sinh làm ác, cảnh tướng địa ngục, hay làm việc não hại, nên 4 nghĩa đều thành.

Bốn nghĩa là: Như trong địa ngục cũng có thời định, xứ định, thân bất định, tác dụng bất định, đều là duy thức, tâm ác nghiệp của tội nhân hiện ra, hòan toàn không ngoài tâm cả đúng là những việc chó đồng rắn sắt. Tất cả những việc ở đời cũng giống như vậy. Song cõi nước của Phật Lê giá Na không hẹn cuộc bởi Đông Tây, nếu hiểu rõ ràng đúng đắn thời nghiệp tập nhiều kiếp đều đoạn mất, lý lương đều đầy đủ, đích thân chúng vô sinh, thần Thánh đã bước qua, ở trong địa vị bất thôi, không chán khổ sinh tử, vào đường để giáo hóa chúng sinh.

Nếu tín tâm mới đủ sức nhẫn chưn tròn, muốn cứu khổ trần luân, thật khó cứu nỗi. Không có thuyền mà cứu người chìm, cánh yếu mà bay cao. Bệnh trầm kha mà muốn bỏ thuốc hay, còn ở trong địu mà muốn lìa xa từ mẫu, lâu ngày bị rơi lạc nhất định chết không còn gì nghi. Chỉ được sự an vui hãm kỷ chứ chưa có phận lợi tha, cho nên "Trí Luận" nói: Thí như anh nhi, nếu không gần gũi cha mẹ hoặc bị các nạn lọt giếng rơi hầm, nước lửa, thiếu sửa mà chết; phải luôn luôn ở bên cha mẹ, nuôi nấng lớn khôn mới có thể nối dựng tổ tông. Bồ-tát mới phát tâm phần đông là nguyện sinh về tịnh độ, gần gũi chư Phật, thêm lớn pháp thân, mới có thể kế thừa sự nghiệp của Đức Phật, mười phương hỗ trợ, bởi có lợi ích này cho nên phần đông là nguyện vãng sinh.

Vả lại căn cứ theo các kinh nói: Người sinh vào cõi an dưỡng, nhân duyên mạnh mẽ cõi nước thù thắng phước đủ sống lâu, hóa thân trong hoa sen, đích thân Phật đón tiếp và bước lên địa vị của Bồ-tát, sinh liền vào nhà Như Lai, mãi mãi ở trong cửa vượt bực, trọn được thọ ký Bồ-đề. Thân đầy đủ diệu tướng quang minh, bước vào cội báo đài hương, hiến cúng mười phương, đâu thống suốt Tam-muội? Chính tai luôn nghe pháp đại thừa, sai kiên đều là người bổ tứ thân thuộc. Niệm niệm rỗng rang, tâm tâm tĩnh lặng chấp phiền não tiêu diệt, suối ái dục khô cạn vẫn không có con ác thú, thì đâu có việc luân hồi?

An Quốc Sao nói:

Ý nói Cực lạc gồm 24 thứ vui:

1. Lan can ngăn che.
2. Lưới võng báu trên hư không.
3. Bóng càng che mắt con đường lớn.
4. Tắm gội trong ao bảy báu.
5. Sóng lăn tăn trong vắt ở ao bát thủy.

6. Thấy cát vàng dưới ao.
7. Bờ thềm sáng rỡ.
8. Lầu đài vượt cả hư không
9. Bốn hoa sen thơm
10. Vàng ròng làm đất
11. Bát âm thường tấu lên
12. Đêm ngày mưa hoa
13. Sớm hơn sách tấn
14. Nghiêm trì diệu hoa
15. Cúng dường Phật phương khác
16. Kinh hành quốc độ mình ở
17. Các con dóm hợp đàn với nhau.
18. Sáu thời nghe pháp
19. Nghĩ nhớ Tam bảo
20. Không có 3 đường ác
21. Có biến hóa Phật
22. Cây giao động lưới vàng
23. Ngàn cõi nước đồng nghe
24. Thanh văn pháp tâm.

Quần Nghi Luận nói:

Cõi Tây Phương có 30 món lợi ích:

1. Thọ dụng cõi nước thanh tịnh
2. Được pháp lạc lớn
3. Thân cận đức Phật
4. Dạo khắp mười phương cúng dường Phật
5. Được nghe thọ ký chỗ Phật ở
6. Phước tuệ tư lương được tròn đủ
7. Mau chứng vô thượng Bồ-đề
8. Các Bồ-tát cùng câu hội một chỗ
9. Mãi mãi không hề lui sụt
10. Vô lượng hạnh nguyện niệm niệm tăng tiến
11. Anh vũ, xá lợi diễn nói pháp âm
12. Gió mát lay nhánh cây như trỗi các nhạc
13. Nước ma ni róc rách chẳng như nói các khổ không.
14. Âm thanh các thứ nhạc trỗi lên diệu âm
15. 48 nguyện dứt hẳn tam đồ
16. Thân màu vàng ròng
17. Thân không dơ xấu

18. Đầy đủ ngũ không
19. Thường ở chỗ vắng lặng
20. Không có các thứ bất thiện
21. Sống mãi không chết
22. Y thực tự nhiên
23. Chỉ thọ các thú vui
24. 32 tướng tốt
25. Thân luôn phóng hào quang
26. Không có Tiểu thừa
27. Lìa bát nạn
28. Không có người nữ thạt
29. Được 3 pháp nhẫn
30. Được thân ma-la-diên.

Như tiên lượt thuận vô biên lợi ích của pháp, cảnh Thánh chẳng phải rõng không lời chân chẳng mạo nhận, sao để sông ái cuốn phàm, chìm đắm không lo: Ở trong nhà lửa thiêu đốt không biết sợ. Dệt Lưới si dày kín, dạo trí mõng làm sao dứt được, trồng cội nghi sâu sức phàm tục đâu nhỡ trực? Đành phải cam lòng chịu. Cầu cho người gặp tai họa lấy làm thích chẳng phải cõi nước thanh tịnh, lại thanh luyến cõi đáng sợ. Như thiêu thân lao vào lửa. Tự ở trong chỗ đầy tai ương, như chim lồng cá chậu. Lại cho là khoái lạc. Cho nên biết Phật lực không bằng nghiệp lực. Nhân tà có vào nhân chánh, khi còn chưa thoát khỏi thân nghiệp vẫn bị quanh quẫng trong ba chướng. Đã không thích hóa sinh đài sen, phải lãnh chịu thân trong báo thai. Nếu thọ nhục thân toàn thân là khổ, đã trầm luân trong ba cõi, đâu tránh khỏi luân hồi? Nay ở trong tám thứ khổ, lược nêu hai thứ khổ sinh tử.

1. Sinh khổ: Nhận lãnh tinh cha huyết mẹ làm thân, ở trong bào thai 42 biến mà thành huyễn chất. Trên ăn các thứ dơ uế dưới sông hầm hối, uống lạnh giống như sông băng, ăn nóng vào giống như than hồng, uyển chuyển mê muội, không thể nói hết. Cho đến khi sinh, vô số khổ não, sảy tay rơi xuống đất, như lột da trôi sông, bứt bách khó chịu, như rùa sống bị lột nai, ngặm oan nuốt hận, khổ não thân mẫu, vừa chạm phải gió nóng, duyên khổ liền quyên. Trẻ nhỏ si thẫn nước lửa hoạnh vong; Sinh ra thành người, tạo việc làm nuôi thân, ruộng nghiệp đã chính, nước ái thêm đầy, vô minh phát sinh. Mầm khổ lớn rằng, gắn liền 7 thức lỗ lòng của chỗ, như quấn vòng lửa. Tuần hòan chẳng thôi.

2. Tử khổ: Gió đạo xẻ thay, hỏa đại đốt thân, tiếng hư ảo làm run sợ. Hồn siêu phách tán, vô số khổ cùng sinh, nghiệp ác hiện liền, u uất

ngàn sầu, sợ hải muôn thứ cho đến khi mạng dứt khí tuyệt, lặng lẽ ra đi một mình, đường tối mịt mờ, nẻo vắng mênh mang. Cùng với xưa có oán thù gì, đối đải sổ sàng, kêu trời khẩn đất, cầu cứu không cửa, tùy theo nghiệm nặng nhẹ mà trãi qua các đường, hoặc sinh lại địa ngục, hoặc thức ấm thọ thân quỷ, chịu đói khát mà nhiều kiếp kêu la. Chịu tội khổ mà khắp thân đốt tan, chưa ra khỏi 25 cõi thì nghiệp thiện ác chưa mất, đuổi theo thân chịu quả báo, chưa từng xót mất, biển sinh tử mênh mông, nẻo nghiệp báo khó tường. Thanh văn vẫn còn mê muội khi thoát khỏi hai mẹ, Bồ-tát còn mê mờ, bởi cách ấm, huống chi hàm phàm phu tột bực còn bị sinh tử trói buộc, đâu không bị roi da sinh khổ đánh đặp, mà tử lôi kéo ư:

Cho nên kinh Mục Liên Sở vẫn nói: "Phật bảo Mục Liên; Thúy như trăm sông chảy hoài có hoa cỏ nỗi trôitrước không đóai sau đóai, sau không đóai trước đều gặp tại biển cả. Thế gian cũng vậy, tuy có người giàu sang quý trọng, an vui thỏai mái, như chẳng ai tránh được sinh lão bệnh tử. Chỉ do không trôi kinh Phật, đời sau làm người càng thêm bị kịch, không thể sinh vào côi nước chư Phật. Thế nên ta nói côi nước của Phật Di Đà dễ vãng sinh, dễ vịn lấy, mà mọi người không thể tu hành để sinh sang đó, trái lại phụng sự 96 phái tà đạo, ta nói kẽ ấy là người không có mắt, là người không tai."

Kinh Đại Tập Nguyệt Tạng nói: Ta ở trong thời mạt pháp, ức ức chúng sinh khởi hạnh tu đạo. Mạt pháp hiện nay, hiện là ngũ trược ác thế, chỉ có một pháp môn tịnh độ có thể thông cả 8 đường. Nên biết tự thực hành khó được kết quả, có tha lực thì dễ thành, như kẻ yếu nhứt mượn sức luân vương, dạo đi khắp thiên hạ, thân phàm nhờ vào công của thuốc trên, mà vượt khỏi Ba Đảo. Thật là con đường dễ thực hành sớm được tương ứng. Ngài thương sót dặn dò, phải noi gương xưa.

Hỏi: Bàng Cư Sĩ nói: "Cõi Phật đã nói trên cách thế gian này mười vạn dặm, biển cả mênh mông vô bờ động thời hắc phong liền khởi. người qua đó tuy ngàn vạn nhưng kẻ đến nơi chẳng được mấy người, chợt gặp người xưa, không ở trong nhân duyên. Làm sao hiểu thấu mà chứng được vãng sinh?

Đáp: Nếu trình bày tông chỉ để xét cội gốc, vẫn không nói có Phật có cõi nước, đâu có ai là đạt không đạt ư. Cho nên thiên chân tự đủ không can hệ gì đến nhân duyên, chẳng động tơ hào, thường khế hợp thể chơn thật. Nếu ước về sự luận, chẳng hoàn toàn bằng nhau, chín phẩm vãn sinh, thương hạ đều đạt đến, hoặc dạo chơi ở cõi nước, thấy ứng thân của Phật, hoặc sinh vào quốc độ thấy thân thiệt của Phật

hoặc một đêm mà đăng lên thượng địa, hoặc trải qua nhiều kiếp mà mới chứng Tiểu thừa hoặc độn căn, lợi căn hoặc nhứt tâm hoặc tán ý hoặc ngộ mau chậm, căn cơ không đồng hoặc hoa nở sớm muộn, thời hạn có khác. Xưa nay đều ghi chép, phàm Thánh cùng sinh, hạnh tướng rõ ràng, rõ ràng chứng nghiệm tại mắt, cho nên Đức Thích-ca đích thân thọ ký Văn-thù đời sau sinh vào cõi Phật Di Đà, ở địa vị sơ địa.

Đại kinh nói: "Bồ-tát Di-lặc hỏi Phật; con chưa biết cõi này có bao nhiêu Bồ-tát bất thối sinh sang cõi nước kia? Phật nói:thế giới Ta-bà này có 67 ức Bồ-tát bất thối được vãng sinh "

Trí giả đại sư suốt đời tu pháp môn Tây phương Cực lạc, ngài dạt được phước trí nhị nghiệm, thảy điều hồi hướng. Khi sắp mất bảo môn nhân tướng tên thập lục quán, rồi chấp tay tán rằng: "48 nguyện trang nghiêm tịnh độ, đài hương công báo dễ đến không có ai tướng xe lửa hiện ra người nhứt niệm sám hối vẫn được vãn sinh, huống chi suất giới định tuệ huân tu hành đạo không bao giờ luống uổng, tiếng phạm âm của Phật không bao giờ gạt người."

Kinh Xưng Tán Tịnh độ nói: "Mười phương chư Phật biện tướng lưỡi rộng dài che trùm khắp đại thiên." Chứng đắc vãng sinh, há là điều hư cấu ư ?

Hỏi: Kinh Duy Ma nói: "Thành tựu 8 pháp ở trong thế giới này thực hành không biết mệt mỏi, sinh vào tịnh độ. Những gì là 8? làm lợi chúng sinh mà không cầu quả báo:thay thế tất cả chúng sinh chịu mọi thứ khổ; công đức đã làm được thí hết cho chúng sinh, tâm bình đẳng với chúng sinh, khiêm hạ không ngại, đồi với các Bồ-tát thấy như thấy Phật; những kinh điển chưa nghe khi được nghe không nghi ngờ;không trái nhau với chúng Thanh văn; không tật đố với người cúng dường không tự cao mà ở trong đó điều phục tâm mình, thường xét lỗi mình, không phê bình sở đoản người khác, luôn luôn dùng nhất tâm cầu các công đức".Tại sao hạnh ít thiện nhỏ mà được vãng sinh ?

Đáp: lý hẳn đầy đủ ở đây thuộc bậc lợi căn. Tám pháp không tỳ vết, thành tựu thượng phẩm. Nếu ở bậc trung hạ chỉ đủ một pháp, quyết chí không thay đổi, cùng được hạ phẩm.

Hỏi: Quán kinh nói:thập lục quán môn đều nhiếp tâm tu định, quán tướng hảo Phật, rõ ràng viên minh, mới bước lên cõi tịnh, làm sao tán tâm mà vãng sinh được ư ?

Đáp: Văn kinh 9 phẩm, vốn có cao thấp, đều bao hàm thượng hạ, không ngoài 2 tâm:

1. Định tâm: Như tu định tu quán, thượng phẩm vãng sinh.

2. Chuyên tâm chỉ niệm danh hiệu huấn tu các điều thiện, hối hướng phát nguyện được phẩm cuối cùng, nhưng phải trọn đời quy mạng, siêng tu tâm báo, trong lúc nằm ngồi thường quay mặt về hướng tây, khi hành đạo lễ kinh lúc niệm Phật phát nguyện, tha thiết chí thành không có các niệm khác như gặp hình phạt ở trong tù ngục, oán tặc bức bách, nước lửa vây khốn, hết lòng cầu cứu nguyên thoát vòng khổ, mau chóng vô sinh độ khắp chúng sinh, hiệp long Tam bảo, thệ báo 4 ân chí thành như vậy ắt không hư dối hoặc ngôn hành bất xưng, tín lực nhẹ mỏng không có tâm niệm liên tục, có ý luôn luôn gián đoạn, cậy đó mà biếng nhác lân chung mang vãng sinh, chỉ bị nghiệp chướng ngăn che, sợ khó gặp được niệm tri thức gió lửa bức bách chánh niệm không thành. Vì cớ sao ? như nhân bây giờ lâm chung là quả, phải tạo nhân thật thì quả không hư. Thanh hòa thì vãng thuận hình ngay thì bóng thẳng nếu muốn lúc lâm chung lo niệm thành tựu thí phải chuẩn bị sẵn đo cầu, tích lũy công đức hối hướng lúc này bốn niệm niệm không thiếu, thì không lo nghĩ gì.

Luận về hai hướng thiện ác hai quả khổ vui đều do ba nghiệp tạo ra, bốn duyên tạo thành 6 nhân sinh khởi năm quả nhiếp về nếu một niệm tâm sanh tà dâm tất đó liền thành nghiệp địa ngục xan tham không bố thí thành nghiệp ngạ quỷ; ngu si tăm tối là nghiệp súc sinh; ngã mạn cống cao thành nghiệp tu la; giữ chặt năm giới thành nghiệp nhân; siêng tu thập thiện thành nghiệp thiên nhân. Chứng ngộ nhân không thành quả thanh văn biết nhân chuyên thì tánh hồi thành quả chuyên giác, tu đủ sáu độ thành Bồ-tát đạo tình thương bình đẳng tức là Phật quả nếu tâm tịnh thì đài hương cội báu, hóa sinh cõi tịnh: Tâm nhiễm thì hiện hầm hố gò nổng, thọ sinh cõi nhơ uế. Đều là qủa tương xứng, khéo cảm được duyên tăng thượng. Đó chính là nguồn tâm mình càng không có thể khác.

Kinh Duy Ma nói: "Muốn đắc tịnh độ, phải tịnh tâm mình, tùy theo tâm mình tịnh thì cõi Phật tịnh." Lại nữa kinh nói: "Vì tâm nhơ nên chúng sinh nhơ; Vì tâm tịnh nên chúng sinh tịnh."

Kinh Hoa Nghiêm nói: "Thí như tâm vương bảo, tùy tâm thấy các sắc, vì các tâm thanh tịnh, được thấy cõi nước tịnh".

Kinh Đại Tập nói: "Muốn tịnh cõi nước của ông, phải tịnh tâm ông đã." Nên biết tất cả đều quay về tâm, vạn pháp do ta. Muốn được quả tịnh, phải hành nhân tịnh như tánh chất nước chảy xuống, tánh chất lửa bốc lên. Lẽ đời như vậy còn gì đáng nghi ư?

■

VẠN THIỆN ĐỒNG QUY TẬP

QUYỂN TRUNG

Luận về tánh khởi Bồ-đề, chân như vạn hạnh, suốt ngày làm mà không làm, tuy không thực hành mà thực hành khắp hết. Nếu nói có làm tức giống với ma sự; hoặc chấp không làm là rơi vào đoạn diệt. Cho nên biết ngoài tam mình không kiến lập pháp khác. Mười thêm đầy đủ, bốn cõi thâu trọn hết, tuy bao quát cả nhưng không họai tướng trong ngoài, đều xứng với pháp giới, đâu ngại có không? Ở trong không đầy đủ tuệ phương tiện, không chấp nơi có. Trong có có cả hạnh thù thắng, không rơi vào không. Do đó sự tức là lý hạnh được vô ngại; lý tức là sự, hạnh thuận chân như. Tướng dụng không thiếu, Thổ tánh là đây.

Luận về hóa tha diệu hạnh, không ngoài mười độ, tứ nhiếp: Lợi mình chân tu, trước phải thực hành đạo thất giác chi và bát chánh. Nhiếp 4 niệm quay về chân thật hoàn toàn; Cả Tứ cần không ra ngoài một tâm, nghiêm tịnh Ngũ căn, thành tựu Ngũ lực. Nếu luận về bố thí thì trong ngoài đều xả; Nói về trì giới thì đại tiểu đều hành trì; Tinh tấn thời thân tâm cũng hành trì; Nhẫn nhục thời sinh pháp đều đủ; Bất nhã thời cảnh trí không hai; Thiền định thì động tĩnh đều bình đẳng; phương tiện đều chiếu khắp trần lao; phát nguyện thời biến khắp pháp giới; cụ lực thời tình thông Phật lực; liễu tri thời chúng trí viên thành; ái ngữ tùy thuận cơ nghi; đồng sự thời có khả năng tùy theo hành nghiệp; Vận từ thì cán căn cứu hết, thuyết pháp thời lợi độn cùng thu nhiếp; thất giáo thời hôn trần, trạo cử chẳng sinh; bát chánh thời tà kiến điên đảo chẳng khởi. Nhẫn đến tu đủ diệu hạnh của 3 thứ chắc, đầy đủ pháp Thánh tánh tài, ngộ thiền hạnh, khế hợp với lý tự nhiên; Tu phạm hạnh thời đoạn được gốc của tập nghiệp. Hiện bệnh hạnh thời nghĩ ngôi trong hóa thành của Thanh văn; hiện nhi hạnh là để dẫn dắt phàm phu vào thiên giới. Trãi qua con đường 5 vị Bồ-đề, vào Thánh tam đức Niết-bàn, luyện 3 nghiệp mà thành ba luân, lìa ba thọ mà thành ba niệm. Từ ba quán huân phát, quả đủ ngũ nhãn viên minh, mới có thể du hý thần thông, ra vào trăm ngàn Tam-muội cõi nước Phật dạo bước trên vô ngại đao tràng. Rồi

sau đó ứng hiện khắp các nơi, hiện tướng vi diệu của mười thân, chiếu khắp pháp giới đốt đèn sáng tứ trí. Cảm ưng đạo giao, tùy theo căn tính của họ; không động nước mình, dấu vết thích hợp với vuông tròn. Hễ có thấy nghe, đều có thể được lợi ích.... Từ họ đến ta là sao? Ở đây đều được sự huân tu của các việc thiện, thành tựu sự giáo hóa lớn lao của việc không nhân duyên này. Hoàn Nguyên Quán nói: "Dụng thời sáng vọt lên mặt biển, tròn chân thể để vận hành; Thổ thì gương sạch nước trong, hoàn toàn tùy duyên mà hội tịch."

Tăng Triệu nói: "Thâu nhiếp môn hạnh, thời lấy quyền trí làm chủ; Trồng cội đức thời lấy lục độ làm căn bản; Cứu giúp, ban ân thời lấy từ bi làm đâu; Luận về tông cực thời lấy bất nhị làm lời. Những ý này đều là bổn của bất khả tư nghi vậy. Đến như việc mượn tòa của Phật Đăng Vương, xin cảm ở cõi Hương Tích, thất chứa cả tượng trời, tay ấn cõi nước đại thiên đều là tích của bất khả tư nghi vậy. Song cửa huyền thâm tuy mở nhưng Thánh ứng bất đồng. Chẳng phải bổn không mà bày ra vết tích, chẳng phải tích không để hiện bổn, bổn tích tuy khác mà không thể nghĩ bàn là giống như vậy.

Hỏi: Thân là gốc đạo, trói buộc là nhân giải thoát, cớ sao phải đốt tay thiêu thân, trái với đạo mà tu đạo?

Trong Cao Tăng truyện, trong luật Tiểu thừa, chê bai rõ ràng, cái gì là Thánh điển?

Đáp:Vong thân mất mạng, là pháp báo ân thầm hợp đại thừa, khế hợp với chánh giáo.

Kinh "Phạm Võng" đại thừa nói: Nếu Phật tử muốn thực hành tâm hiếu trước hết học oai nghi, kinh luật của đại thừa, mở rộng vị giải nghĩa, thấy hàng tân học Bồ-tát từ trăm ngàn dặm đến cầu kinh luật đại thừa, phải nói đúng pháp về các khổ hạnh, như đốt thân, cánh tay, ngón tay. Nếu không đốt thân, cánh tay, ngón tay cúng dường chư Phật, thời chẳng phải là Bồ-tát xuất gia, cho đến những loài hổ đói, chó sói, sư tử, tất cả ngạ quỷ thảy đều xả thân thịt, tay chân mà cúng dường, rồi mới lần lượt họ nói chánh pháp, khiến tâm họ khai mở. Nếu không như vậy, phạm khinh cấu tội."

Kinh Thủ Lăng Nghiêm nói: "Phật bảo A-nan, như sau khi ta diệt độ, nếu có Tỳ-kheo quyết định tu tam ma đề, có thể ở trước hình tượng của Đức Như Lai, thân đốt một ngọn đuốc, đốt một lóng tay, và trong thân bốc ra một làn hương. Ta nói người này túc trái từ vô thỉ nay nhất thời trả hết. Vĩnh viễn từ bỏ thế gian, mãi mãi thoát khỏi cái lậu. Tuy chưa sáng liền con đường giác ngộ vô thượng, nhưng người này đối với

chánh pháp đã có tâm quyết định. Nếu không như vậy, xả thân chút xíu, dẫu Thánh vô vi, ắt sinh lại làm người. Trả nghiệp báo đời trước của mình, như Ta ăn lúa ngựa, chánh đẳng không khác.”

Cho nên Tiểu Thừa chấp tướng, chế mà không khai, đại giáo viên thông. Vốn không có pháp nhứt định.

Bồ-tát Thiện giới kinh nói: Giới Thanh văn cần lúp, giới Bồ-tát hoãn trì, giới Thanh văn đóng lại, giới Bồ-tát mở ra.

Hơn nữa, kinh nói: “Thanh văn trì giới là Bồ-tát phá giới.” Đây là nghĩa này vậy.

Nếu y vào kinh liễu nghĩa, chư Phật hoan hỷ hứa khả; chấp vào tùy nghi thuyết, chúng Thánh than thở, chỉ có thể tán thán đại y viên, tự tha đều lợi ích. Đâu thể chấp quyền mà trệ tiểu, bổn tích cùng mê ư?

Hỏi: Ngũ nhiệt đốt thân, lao xuống vực, nhảy vào lửa; 96 thứ, ngài Thánh đồng trách. May mắn có chánh khoa cớ sao rơi vào vết tà?

Đáp: Trí Độ luận nói: Phật pháp có hai đường:

1. Cứu cánh không đạo.

2. Phân biệt tốt xấu.

Như cứu cánh không đạo: Phàm phu như tức lậu tận giải thoát như. Như Lai ngữ tức đề Bà Đạt Đa ngữ. Không hai không khác, một dòng một nguồn. Đó chính là tâm địa ngục khởi Diệu giác, cảnh Phật quả hiện địa ngục. Nếu bỏ tà hướng chánh, tà chánh đều sai, lìa ác chấp thiện, thiện ác đều mất. Còn đạo phân biệt tốt xấu: Tri ngu không giống, chân tục rành mạch, ngọc đá phảo phân, vàng thau có thể biện biệt. Vả lại tứ trong hạnh môn, trong vị thăng giáng, tự có nhân quả tá chánh, tông đồ trong ngoài, thiện khéo phân biệt hơn kim, không nên hùa theo. Hơn nữa Văn trong lời dạy chỉ thẳng khen chê, chấp tức thành trệ, hiểu rõ thì mọi thứ thông suốt. Dùng Tứ tất đàn để đối trị, phải quyết định đấn đo. Nếu nói tổng quát thì đại ni liền thành chân chánh. Chư Phật quở nhầm: Nếu nói cả hai đều trái, thì Dược Vương mắc tội điên đảo, Chư Phật khen sai. Đó là khởi tà thành việc làm vô ích. Phế chánh thì đoạn cửa phương tiện, phải hiểu rõ khai giá, đâu không bỏ thủ ư ?

Di thân của ngoại nhân nội giáo có 2 ý:

Nội giáo có 2:

1. Hiểu rõ tánh không của mình và người, không có 2 chấp ngã pháp, không thấy cảnh sở cúng, cũng không thấy tam năng nhiêu ích.

2. Chỉ cúng dường Tam bảo, tận lòng báo đáp bốn ân, để hổ trợ cho vô thượng Bồ-đề, không nóng cầu quả báo nhân thiên.

Ngoại đạo có 2:

1. Thân kiến không mất, tăng thêm ngã mạn, mê mờ trí nhãn vô tác, khởi tâm hữu đắc.

2. Chỉ tham lam tiếng tăm hiện đại, chỉ mưu toan phước lợi đời sau, hoặc mong cầu làm chủ dòng sát lợi, hoặc cầu sinh lên cõi Quảng Quả.

Cho nên Thiên Thai giáo thích "phẩm Dược Vương Đốt Thân" nói: Cảnh trí không hai, năng sở đều mất. Dùng pháp quán bất nhị mà quán cảnh không hai, thành hạnh không hai, thế hội cái không không hai, lúc khởi quán. Bởi lám cho thế giới thấy nghe được lợi ích nên gọi là thừa thừa. Sở dĩ lao mình xuống vực mà không rước lấy giòm siểm của ngoại đạo nhảy vào lửa mà không bị sợ chê trách của nội chúng là bởi trong có lý quán, ngoài hiểu đươc tâm mình. Đạo cơ Đốc luận rằng, hành nói có sự khắp phục, tâm chánh thì việc làm chánh, trí tà thì sự tà. Hạnh không thể bỏ, trí không thể mất, kẻ hậu học không mất pháp lợi. Kinh Văn-thù vấn: "Bồ-tát xả thân phải trái không nhớ, chỉ được phước đức, bởi thân phiền nãođã diệt nên được thân thanh tịnh. Thí như y dơ, phải đêm giặc giũ phơi khô thỉ trở kại như cũ." Nếu được viên chỉ, quyết đóan sáng suốt, xin xét văn này để làm gương Quy.

Hỏi: Trụ tướng bố thí, thành quả vô thường, thêm lớn tâm hữu ư, trái đạo vô vi, lý quán thế nào mà phước rỗng không? Cho nên kinh nói: "Phật dạy: Phi ngã mà có thể thuận lý." Cớ sao chấp chặt sự duyên trần mà không quán tâm đạt đạo?

Đáp: Nếu ước về quán tâm, để mắt vào cũng vậy; độ nói đạt đạo thì dở chân đều có lỗi; vạn hạnh của Bồ-tát đều khởi lên, tứ nhiếp trùm khắp, không thể chấp không mà hại có, giữ một mà nghi nhiều. Không thể y cứ vào tông vào lời chỉ giáo, nhận diệu nhận huyền, thức tưởng thực hành, âm đạo tạo tác, phải tùy cơ mà chiếu che, mặc tình theo trí mà co duỗi. Kinh Hoa Nghiêm nói: "Thọ nhứt phi dư, bị ma bắt giữ." Thế nên bỏ hai bên hướng về giữa trở thành tà kiến.

Ở trong hai môn không có mà không ra ngoài cũng không ở trong đó, hai đế chân tục không dính không rời, động tĩnh đâu trái? Viên dung vô ngại.

Phần nhiều chư Phật Bồ-tát tu pháp môn tinh tấn, có chánh có trợ, có thật có quyền. Lý sự đều tu, thừa giới đều thiết yếu, bi trí song vận trong ngoài trợ nhau. Nếu quyết lập một tông, đó là giống ma vương, thành cái ngu của ngã kiến.

Cho nên kinh Đại Tập nói: "Có hai nhập ngay vào duyên không, gọi là tuệ hành hạnh, đợi sự kiêm tu, gọi là hành hạnh. Bồ-tát luận có

hai (đường) đạo.

1. Phương tiện đạo - biết các thiện pháp.

2. Trí tuệ đạo - không được các pháp.

Lại nữa, kinh nói có hai như: Như ở trong nhân mà không nhân, như như trong quả mà không cấu. Lại có hai tâm: Tự tánh tâm tịnh tâm, nghĩa của bổn hữu; Ly cấu tâm thanh tâm là nghĩa của cứu cánh Khởi Tín luận nói: lập hai tướng:

1. Đồng tướng, bình đẳng tánh nghĩa.

2. Di tướng, huyễn sai biệt nghĩa.

Thiên Thai giác nói có 2 thứ thiện hiểu thấu năng sở không, gọi là chỉ thiện.

Hỏi: Pháp yếu của Phật Tổ chỉ lập một thừa. Hoặc nói mười phương chư Phật, tất cả người không ngại chỉ một đường ra khỏi sinh tử. Tại sao trình bày rộng những thứ khác nhau, lập hai pháp môn hoặc loạn chánh tông, khởi các thứ tà kiến?

Đáp: Pháp môn của chư Phật, tuy thành một loại, theo dụng chia làm hai nhưng thể nó luôn giống nhau. Như một tâm pháp chia ra hai môn chân như và sinh diệt. Đấy là môn đạo nhị đế nhứt thừa. Xưa nay mãi như vậy, không có tăng giảm, đó là tông biệt cùng hiển, gốc ngọn nương nhau, không có tổng thì chẳng sinh biệt, không có biệt thì chẳng thành tổng; Không có gốc thì lấy gì nên ngọn, không có ngọn thì không lấy gì hiển gốc. Cho nên biết mọi cánh khó tung bay, một bánh chẳng thể vận chuyển. Chỉ có chân thì không thể lập, một mình vọng thì không thể thành. Ước theo thể, thì khác mà không khác; theo dụng thì không khác mà khác. Một, hai không ngại nhau, mới chứng nhập môn bất nhị; Không và có không trái nhau, mới bước vào cảnh chân không.

Hỏi: Sự thì phân vị sai biệt, lý chỉ một vị trạm nhiên, tánh tướng bất đồng, sao nói vô ngại.

Đáp: Sự của năng y, nhờ lý mà thành; Lý của sở y, tùy theo sự mà hiện. Như ngàn làn sóng mà không ngại một giọt, giống như vô số khí cụ mà chẳng trở ngại một chút vàng. Thể dụng thâu nhiếp nhau, co duỗi cùng bờ. Nếu ước về viên chỉ, không chỉ lý sự tương tức, muốn lý lý tương tức cũng được, sự sự tương tức cũng được, lý sự bất tức cũng được. Cho nên nói tùy duyên tự tại vô ngại pháp môn. Vả lại, hóa môn của chư Phật, một pháp bố thí là đừng đầu trong thật độ, là hạnh đầu trong muôn hạnh, là nhân trước hết của việc nhập đạo, là khuôn phép quan trọng trong việc nhiếp hóa chúng sinh.

Đại Luận nói: "Bố thí là tụng báu, thường tùy thuận theo người;

Bố thí là phá khổ, có thể đem lại niềm vui cho người. Bố thí là người khéo điều phục vì khai mở thiên đạo; bố thí là nhà tốt, che chở những người thiện bố thí là an ổn khi sắp mất tâm không sợ hãi bố thí là tướng hiền có thể giúp tất cả, bố thí là nhóm thiện, khéo phá các giặc khổ; bố thí là đại tướng có khả năng hàng phục địch xan tham bố thí là tịnh đạo là đường đi của hiền Thánh; bố thí là pháp môn chứa nhóm phước đức thiện. Bố thí có thể được cả quả phước lạc; Bố thí là duyên ban đầu của Niết-bàn, là pháp yếu để vào trong chúng hiền, là ngôn phủ của sự khen ngợi tán tụng, là công đức khó lường ở trong chúng, là gầm nhà của tâm không hối hận, là cội gốc của pháp lành đạo hạnh, là nơi quy tụ các món hoan lạc, là ruộng phước phú quý an ổn, là sự trợ giúp để được đạo Niết-bàn."

Lục Hạnh Tập nói: Nếu lúc bố thí cho người thường, khởi tâm xem thường thành tội hạnh, khởi tâm xung kính được phước hạnh. Nếu lúc cúng cho hàn nhị thừa, chỉ quán trần động chuyển. Khi cúng cho Bồ-tát nhỏ, nhớ rằng thể của sắc là không. Khi cúng cho đại Bồ-tát lớn biết được tâm vọng kiến. Như Phật, gọi là bậc chứng chỉ có tâm, lìa niệm thường định. Đó đủ biết chỉ có một môn bố thí mà 6 hạnh thành khác nhau, đâu thể giống đúc một lúc bao trùm hết ư?

Cũng có những việc nội thí, ngoại thí, lý đàn sự đàn, thể dụng trợ nhau, bổn măc đều hiển. Căn cứ theo lý thì chìm vào đoạn, chấp sự thì rơi vào thường, lý sự dung không, mới vượt khỏi hai họa đó. Hơn nữa Thánh chỉ của chư Phật, so sánh trong môn bố thí, lấy bố thí là trước tiên, đặt nặng về nội thí. Cho nên kinh Pháp Hoa nói: "Nếu có người phát tâm, muốn chứng quả vị Phật, có thể đốt cánh tay, ngón tay cho đến một ngón chân để cúng dường tháp Phật hơn cả người quốc thành, vợ con và 3000 đại thiên quốc độ, rừng núi, sông ngòi, các đồ quý báu mà cúng dường Phật."

Trí Độ Luận nói: "Nếu người xả thân cúng dường công đức ấy thù thắng hơn đem đồ quý báu ở cõi Diêm-phù. Thì biết rằng lẽ ấy bị khẩu khinh ngôn dễ thuật, toàn thân quý trọng khó ngưỡng, khuynh động. Bảo mạng tình thâm, sinh lòng tha thiết, đắc ngay thể vắng lặng của tam luân, còn bị giáo thông thu nhiếp nữa là thủ xả tình sinh, đâu được gọi là tình thí ư ? Vả lại pháp môn bố thí của viên giác biến khắp pháp giới, có sự nào mà không đủ, có lý nào mà không đầy? Bồ-tát chiếu tỏ lý mà không bỏ sự, giám soi sự mà không tổn hại lý, hoàng hóa nơi con người, đây trệ nơi pháp. Nếu lìa lý mà có sự, sự thành cái ngu của định tánh; nếu lìa sự mà có lý, lý thành cái chấp của đoạn diệt. Nếu chấp sự

mà mê lý thì mắc quả báo trong luân hồi. Nếu hiểu lý mà đặng sự thì quả được rốt ráo.

Cho nên kinh Pháp Hoa nói: "Lại thấy Bồ-tát, đầu mắt thân thể, ưa vui thí cho, cầu trí tuệ Phật." Nếu cho rằng xả thân là sai thì sao thành tuệ Phật." Cho nên biết một mảy thiện hướng quả rộng sâu, thì độ môn này trình bày nhân mà chẳng phế bỏ, như lúc Phật Thích-ca xả thân, mỗi độ đều chứng pháp môn, hoặc được như thuận nhẫn, hoặc vô sinh pháp nhẫn v.v... Đa số những việc Bồ-tát làm đều hoàn toàn vô ngã, vô tánh, bước vào sự để thấy lý, gặp cảnh để thấy không, không giống phàm phu tạo tội phước vậy, không hiểu nhân quả thiện ác vốn vô tánh, đó là mê nơi sự mà chấp thủ tánh, mãi ràng buộc trong 3 cõi.

Hỏi: Kinh nói: "Lấy 3 hằng hà xả thân mạng bố thí không bằng thọ trì 4 câu kệ." Cho nên biết công của Bát-nhã sâu dày, môn bố thí sức yếu, đâu được trái tông vượt lý, tổn lực hao thần. Có thể nói rằng mong ngộ mà gặp mê, cầu thăng mà lại đọa vậy?

Đáp: Được lý thì vạn hạnh mới thành, biết được tông thì ngàn đường không trở ngại, không thể bỏ kia mà lấy đây, chấp phải mà bác bỏ trái. Phải bước vào cửa vô ngại, nhập vào đạo biến thành. Đó là chư Phật quá khứ, Đức Bổn Sư Thích-ca từ vô lượng kiến đến nay đã bỏ vô số thân mạng, vì cầu pháp mà không róc thân đục tủy, hoặc vì lòng thương mà thí cho chim cáp, hổ đói. Bất Nhã luận nói: Như Lai trong vô lượn g kiếp xả bỏ thân mạng tài sản, để giữ gìn chánh pháp, chánh pháp không có bờ mó, là nhân vô cùng, được quả vô cùng, quả chính là 3 thân vậy, cho đến những vị Bồ-tát, cao tăng ở Trung Quốc, Ấn Độ từ xưa đến nay, bỏ thân rất nhiều, đều vâng theo lời dạy của Như Lai, trọn noi theo di phong của Dược Sư.

Cao Tăng truyện nói: Hạc pháp sự vào Nam Sơn, tự khoét thịt nơi thân trải trên phiến đá, móc ruột vắt lên cây, ôm tim mà chết. Bó Viết lạ khắc trên đá: "Nguyện bỏ thân này rồi, sớm khiến cho thân được tự tại, pháp thân được tự tại rời, ở trong các cõi tùy theo chỗ làm lợi ích, giữ gìn chánh pháp, cứu độ chúng sinh, lại nghiệp ứng tận, có thực hành pháp nào cũng vậy, 3 cõi đều vô thường giờ giết không tự tại, sát người và giết mình, trọn ở chỗ như vậy, chỗ người Trí không thích, nghiệp hết ở hôm nay."

Lại nửa Tăng Nhai Bồ-tát thiếu thân nói: "Thay thế mọi nỗi khổ cho chúng sinh." Trước đốt tay mình. Mọi người hỏi: "Bồ-tát tự thiệu tội của chúng sinh chín mùi, mỗi người tự chịu khổ, cớ sao phải thay thế."

Ngài đáp: Giống như đốt tay, một niệm căn lành, liền có thể diệt

hết khổ ha chẳng phải thay thế ư?"

Lại bảo đại chúng rằng: "Sau khi ta diệt độ, ai ưa thích cúng dường người bệnh? Có thể duy lường về người đó, phần đông là do chư Phật Bồ-tát nương phương tiện ứng hóa, nếu chẳng phải là người đại tâm bình đẳng, đâu thể cung kính? Đây là thật hạnh vậy. Môn Thiền Sư của Tông Thiền Thai cả đời đọc kinh Pháp Hoa, cảm đến thần hiện thân, chánh định kinh chú văn tự, sau đó đốt thân cúng dường kinh Pháp Hoa.

Tịnh Biện Thiền Sư là đệ tử ngài Trí giả, thiêu thân trước Hối Đường, cúng dường Phổ Hiền Bồ-tát. Song thọ truyền đại sĩ muốn đốt thân cứu khổ cho chúng sinh. Những môn nhân trước sau có 18 vị thay thế Thầy mình đốt thân, cầu xn Thầy ở thế gian cứu vớt chúng sinh. Truyện ký giảng rộng, ở đây không thể nêu hết được.

Nếu nói cảnh giới của chư Thánh thì hiện ra Thánh có lỗi dối gặt phàm phu, phàm không tức là phần của Thánh. Giáo võng đặt ra lấy lệ, phương tiện thì không, vốn là nó trước dẫn sau, để phám phu thật chứng, giả như thị hiện quyền thí cũng dạy người sao bắt chước. Không thể đem tà kiến điên đảo, lừa người thi hành, đại Thánh chân từ không bao giờ hư cuống. Đó chính là 8 vạn pháp môn đều là giải thoát, một niệm nhỏ đều hướng về chân như. Vốn có sơ tâm, hậu tâm sinh nhẫn, pháp nhẫn vị tất, phải đem cái cao mà che thấp, lấy thâp để xúc phạm cao, phải biết lúc thiện, tự lượng sức mình, đừng nên phê bình việc hay dở của người khác, gượng lập phải trái, gọi là mầm họa, tự rước lấy nghiệp. Như Bồ-tát được nhẫn, tuy chứng hai món không sinh không, pháp không, vì để lợi người, vứt bỏ cấu xan tham, còn thiêu đốt tay như Bồ-tát, Dược Vương, Tăng Nhai. Nếu người chưa có đủ, sức nhẫn dù biết dùng ngọn lửa trí tuệ đốt rụt củi phiền não, liễu đạt nhị không, không sinh thân kiến, họ hoặc hiện hành chương trong, chưa được tương ưng, khởi tâm dũng mãnh, sử dụng hạnh chân thật, báo ân cúng Phật, hành từ thế khổ, muốn được môn trợ đạo. Không khởi lòng mong cầu, nếu không luống dối thời việc không luống uổng, qua loa hoặc trí nhãn chưa sáng, còn sinh ngã châp, chỉ cầu nhân quả lý chí không bền chắc, bắt trước tổ tiên. Không ở trong hạn này, không bị cuộc ở đây.

Căn cơ chúng sinh khác nhau, sở chuộng cũng khác, cho nên kinh nói: Phật bảo: Nếu chúng sinh nhờ hư vọng mà đươc độ, ta cũng dùng vọng ngữ." Đấy là biết trước sự việc có nhiều chước khéo, lý quay về một nguồn, đều là điều mà bậc đại từ khéo hiện phương tiện, hoặc nhờ xả bỏ thân mạng mà đốn nhập pháp nhỡn, hoặc nhứt tâm thềin định

mà hoát nhiên ngộ vô sinh, hoặc liểu rõ cội gốc thanh tịnh mà chứng môn thật tướng, hoặc thực hành bất tịnh quán mà đạt đạo viễn ly, hoặc ở trong phòng bảy báu mà bước lên Thánh quả, hoặc ở trong nghĩa địa dưới gốc cây mà hướng về Niết-bàn. Đó là môn trần, sa độ, vào đó thì đều giải thoát; Vô biên giáo vâng, liễu tức về chân. Bậc đại Thánh nói ra không bao giờ dối luống. Thí như đi đường xa lấy việc đến nơi làm kỳ vọng, không chấp giữa đường mà luận khó dễ. Cho nên biết thuốc không tán hết, trời không tạnh hoài, cần phải đổi dùng lúc thì hoàn (viên), tán (nhuyễn) âm dương cùng trợ giúp, thì các bệnh cùng khỏi, vạn vật đều xanh tươi, đều là quyền thí,, thật không có pháp nhứt định, tùy theo chỗ ưa thích của họ mà tạm dùng phương tiện cho thích hợp. Chỉ lấy việc chứng đạo làm tâm, không trọn lựa vào môn thô tế.

Nếu sinh tâm dấn trước trong môn. Viên giáo thứ 4 thì vẫn còn bị môn đầu của tạng giới ngự trị. Cho nên môn bố thí mà Bồ-tát thực hành như người bị nhốt nhân lỗ mà chui ra được, giống như bệnh nặng mà được thuyên giảm, chẳng phải quán không mà nhổ được căn bệnh của tam độc, chẳng phải thực hành vô mà vượt khỏi tam giới.

Sách nói: Được chim là nhờ một mắt lưới, không thể lấy một mắt lưới cho là lưới, người trị nước là nhớ công của một người, không thể cho rằng một người là đất nước.

Do vậy đầy đủ các hạnh, Vạn Thiện đều tu, một hạnh quay về nguồn thì ngàn môn tự chánh. Kinh nói 12 nhân duyên là một pháp, nhờ quán tử đẳng mà được bốn món Bồ-đề, nếu chỉ chấp người thượng thượng căn thì kể trung hạ kể như tuyệt phần. Cho nên hoằng truyền một nữa pháp mà có công hoàn thành đầy đủ, đến Bảo sở là nhờ lực của hóa thành. Đâu thể bỏ đây mà lấy kia ư . Chấp thật mà chê quyền, bỏ hẳn cơ duyên, diệt phương tiện của Phật. Cho nên nói từ thật mà phân thành quyền; khai quyền hiển thật, thật là quyền thật. Nếu không rõ hai môn quyền thật thì trí không được tự tại.

Đại Luận nói: Các thứ nhân duyên của chúng sinh được độ khác nhau, có người nhờ thiện định mà được độ, có người nhờ trí giỏi thuyết pháp mà được độ, có người nhờ ánh sáng chiếu vào thân mà được độ. Thí như thành có nhiều cổng mà chỗ ra vào thì khác nhau? Người đã nói về công năng sâu xa của Bát-nhã, Bát-nhã chứa Thánh hàm hiền, chứa đựng linh diệu. Nêu tiêu biểu thì nó làm tôn làm đầu, là thứ chỉ đạo là thứ nương tựa; Bao hàm là xúc cảnh là gồm cả hư không, chẳng cái nào không phải là Bát-nhã. Cho nên kinh nói: “Vì sắc vô biên nên Bát-nhã vô biên.”

Triệu luận nói: "Tam độc thứ đảo, đều là thanh tịnh, sao chỉ tôn trọng tịnh của Bát-nhã ư ?." Nay tại sao thủ nhã mà muốn trốn không lánh ảnh ư . Mật ý của chư Phật, khó lường thuyên chỉ, đưa nắm tay không để dụ trẻ, dẫn dụ đối với mọi người mà không nhứt định pháp nào cho nên gọi là đại Bồ-đề. Không biết Bát-nhã có công năng phá chấp trước, khen ngợi siêng trong lời dạy lại tùy thuộc lời àm sinh kiến giải, đó là nương vào phương hướng mà mê. Cho nên Bát-nhã có thể dẫn dắt vạn hạnh, nếu không có vạn hạnh, Bát-nhã đặt ra làm gì. Lại như ăn chay mà uống mặn, thất vị thành bệnh, luôn ôm giữ cái không mà chấp đoạn, mất trí thành lỗi.

Đế Thích nghĩ rằng: "Nếu như Bát-nhã là pháp rốt ráo thì thành quả chỉ cần thực hành Bát-nhã, đâu cần pháp khác."

Phật đáp: Lục độ Ba-la-mật của Bồ-tát, lấy Bát-nhã Ba-la-mật làm pháp hòa hợp vô sở đắc, đây chính là Bát-nhã Ba-la-mật. Nếu chỉ hành Bát-nhã không thực hành pháp khác thì công đức không đủ, không đẹp không tốt. Thí như người ngu, không biết ăn cơm có đủ món, cho rằng muối là vị chủ yếu trong các vị, bàn ăn toàn là muối, thất vị đền nỗi thành bệnh hoạn. Hành giả cũng vậy, vì muốn trừ tâm chấp trước, chỉ thực hành Bát-nhã, ngược lại rơi vào tà kiến, không thể tăng tiến thiện pháp. Nếu thực hành chung với 5 Ba-la-mật kia thì công đức mới đủ, nghĩa vị đều hòa thích hợp."

Kinh Lăng Nghiêm Sơn Đảnh nói: Bồ-tát mau chứng đạo có 2:

1. Phương tiện đạo có thể làm nhân duyên.

2. Bát-nhã đạo có thể đến tịch diệt.

Thế nên có Bát-nhã mà không có phương tiện sẽ chìm vào hầm vô vi, có phương tiện mà không có Bát-nhã bị mắc vào lưới huyền hóa. Để hai vùng ấy không bị nương mắc, nhứt đạo không thiếu quyền thật đều thực hành, chánh tông mới biểu lộ. Trụ mà không có gì để trụ, là lý do Phật sự gồm tu, đắc mà không chấp có đắc đó là lý do trí tâm luôn vắng lặng

Hỏi: Lời dạy chỉ khiến cho ta quán tâm vô ngã, liễu ngộ gốc vô sinh. Tánh không thể đạt, thân kiến đâu còn? Mà tưởng dục vọng vẫn phải xả ư?

Đáp: Trong lý chẳng phải có, thiên sự chẳng phải không, theo duyên huyền sinh, dù không ai làm, thiện ác không có tánh nhưng nghiệp quả rõ ràng. Từ đời vô thỉ, mất vô số thân chỉ tiếp tục sinh mà mãi hẳng lợi ích gì rồi chết đi. Nay bỏ hình hài của cha mẹ, đâu là thân mình ư. Nếu một niệm tu trọn các thiện tâmvi diệu như giới định tuệ mới chánh thân mình,

nay cái bỏ rồi là duyên sinh vậy. Nhưng ở trong sự còn làm lợi ích mà chết, huống chi đang lúc vô minh phiền não, bị 3 chướng và nhị tử ràng buộc, sao lời nói suông. Ai sẽ tin thọ. Do đó Phật pháp quý ở chỗ hành trì, không chấp chỉ nói suông, như trùng ăn gỗ, ngẫu nhiên thành văn, như chim hót suông, hoàn toàn chẳng có nghĩa gì. Phiền não không giảm, ngã mạn lại tăng, đó là ác thủ, tà không, chẳng phải người khéo trong đạt chánh pháp, phải đích thân thấy được lẽ thật, thì lời nói và việc làm mới hợp nhau. Chỉ buông lời nói càn theo tâm thô, đâu quán sát tỉ mỉ hành vi nhỏ nhiệm?

Cổ đức nói: "Làm thì giữ trăm ngàn thước, nói chỉ giữ một hoặc nữa tấc."

Lại nữa kinh nói: Lời tuy nói suông mà hành thời ở trong có. Kinh Bảo Tích nói: Phật bảo: Nếu người không tu hành được Bồ-đề thì âm thanh, lời nói cũng sẽ chứng được vô thượng Bồ-đề. Nói như vầy: Ta sẽ làm Phật! Ta sẽ làm Phật ! Vì nói lời này nên vô số chúng sinh cũng sẽ trở thành Thánh giác. Cho nên biết thực hành trước khi nói, đạo chẳng phải ở ngoài tâm.

Vả lại kinh nói: "Phật dạy: Người học pháp ta, chỉ khi nào chứng mới được." Đó chính là đều ác to lớn mà không bằng điều kiện nhỏ, khối hư giả không bằng một chút chân thật. Nhưng người có khả năng thực hành, không bỏ tâm nhỏ. Dẫu người nói suông chỉ nêu ý lớn. Nếu chưa khế hợp với dụng của chân như, thực hành theo pháp tánh, chỉ được tâm ngã mạn, tự chuốc lấy lỗi hư cuống. Đó chính là "nhân vương" trình bày địa vị của 5 nhẫn, Trí giả có đủ văn lục tức hạnh vi rõ ràng, đâu thể dùng bừa bãi được? Sao không nhập vào bình đẳng quán, khởi tâm tùy hỷ, tích lũy các căn lành, thành giống đại bi.

Kinh nói: "Đốt một ngón tay, thấp một nén hương, vẫn diệt trừ tội lỗi trong nhiều kiếp; hoặc rải một đóa hoa, tạm xưng một câu thật, rốt cuộc cũng được quả vị cứu cánh."

Kinh Lăng Nghiêm nói: "Bồ-tát đồng sự vẫn làm kể gian tham trộm cắp, đồ tể, dâm nữ quả phụ. Không thứ nào không làm."

Nghĩa vô sinh cho rằng: Người lìa tướng không trụ hành, không trụ Niết-bàn, có thể phổ hiện sắc thân; ở trong hữu vị, có thể làm người hèn, người sang, người phàm, người Thánh mà thực hành đạo nhân nghĩa, thương xót cứu giúp mười phương, trọn đời vị lai.

Lại nói: Ở địa vị phàm mà tu hạnh Thánh, ở trong quả vị mà thực hành nhân phàm, chưa đủ Phật pháp, cũng không diệt thọ mà thủ chứng vậy. Nói rằng chân là tục chân, tục là chân tục, chấp là thành trần lao,

thông suốt là thật sự. Vào pháp tánh Tam-muội, không có pháp nào đáng chê, chứng vô biên định môn, không pháp nào đáng sợ. Hơn thua đã mất, thủ xả đều trái, không nên làm chướng Bồ-đề của người, diệt gốc thiện của mình.

Lại nữa, cho dù liễu ngộ chẳng có thân, thấu suốt thật tướng, không mất kẹt tâm lành, quyết định không còn nghi. Tuy biết tất cả pháp hữu như dấu chim trên hư không. Vẫn còn phải từng địa quan sát đối trị, mà tập khi vẫn chưa hết huống, chi chấp chặt cái ngu của tứ đảo, chìm sâu vào trong lưới tà. Bảo vệ thân dơ bẩn này tha hồ tham dâm, bị nhốt trong lưới huyền, bị say đắm bởi sắc tình, chìm đắm trong sinh tử, trôi nỗi trong biển khổ đấy ư ? Cho nên đông Đại giác tha thiết, ra sức bài bác, chỗ các Thánh bỏ thân, không lúc nào không bị các vị quở trách, giống như lấy thuốc độc mà đổi đề hồ, như đem gạch đá mà đổi trâm bảo. Cho nên kinh Bảo Tích nói: Quán thân có 40 thứ hỏa hoạn, hoặc nói địa ngục tham dục luôn bị phiền não trói buộc giam giữ, hầm hôi thối cứ bị con trùng ăn rĩa, như đi vào nhà xí có năm thứ bất tịnh, như túi lủng mà chín lỗ thường chảy, như rắn độc tham sân khỏi nào hại làm thương tổn tuệ mạng. La sát ngu si chấp ngã kiến mà ăn nuốt trí thân, giống như giặc ác mà cả thế giới này ai cũng ghét, như loài chó chết mà các bậc hiền ai cũng bỏ, không bền chắc như chuối ba tiêu, như bọt nước, vô thường như ánh lửa bóng đèn xẹt, tuy bưng cơm, rót nước mà trái lại thành oán thù, luôn luôn chăm non mà không biết báo ân. Rộng hẹp chẳng phải một, khó có thể nói hết. Nếu không biết xét kỷ lỗi sâu dày này, rồi cứ tạo mãi ác nghiệp, mê mờ cho rằng đó là đúng mà không biết tiến tu, thì tri hành đều thiết sót, lý sự đều mất. Cần phải nhàm chán tai họa, khổ công đối trị, biết lỗi thì lửa tục dần tắt, liễu được cội thì nguồn tự hiện. Cho nên kinh Pháp Hoa nói: Giống như bị nhà lửa tam giới thiêu đốt, làm sao có thể hiểu được trí tuệ Phật"

Hỏi: Thân tuy hư giả, bị các họa trói buộc, song nhờ thần huyễn này mà có thể thành đạo quả.

Kinh nói: Không vào biển cả phiền não, không tìm được báo châu vô giá. Nếu xả bỏ rồi thì e rằng sẽ hối hận về sau.

Đáp: Hễ có sinh thì tất có diệt, có tướng đều hư vọng. Nếu đối trước Tam bảo hết lòng quy hướng, khởi một tâm xả bỏ, còn hơn thế gian sinh luống diết uổng thì có thể nhờ thân vô thường mà được thân kim cang, đem thân không bền chắc mà đổi thân bền chắc. Hai đường lấy bỏ, phải nương vào trí chiếu.

Hỏi: An tâm vào đạo phải thuận chân không, khởi hạnh độ sinh,

toàn nương thế đế. Nhưng hiếu pháp chánh thể hiện biện chánh tông, cớ sao chê thật mà tựa hư, làm mất gốc mà theo ngọn, làm hữu vi nhiễu loạn, tạo tác làm rối bời hoảng loạn nguồn chân, mờ đục nước tâm? Trong địa nhất nghĩa, chân cũng không lập; Pháp giới bình đẳng không có Phật và chúng sinh. Trong môn lục đế không bỏ pháp nào, khởi tâm có làm thâu vào môn Phật sự. Đó là chư Phật thường nương vào nhị đệ để thuyết pháp, nếu không được thế đế, không được đệ nhất nghĩa đế. Duy Thức luận nói: Báo không hai đế là ác chấp thủ không, chư Phật nói người đó không thể trí. Kinh Kim Cương nói: Người phát tâm Bồ-đề, đối với các pháp không nói tướng đoạn diệt."

Hiền Thủ Quốc Sư nói: "Chân không không ngoại duyên khỏi nghiện quả, thế nên cao thấp rõ ràng."

Kim Cang Tam-muội Luận nói: "Chân tục không hai, mà cũng không thủ một. Do vì không hai nên đó là nhất tâm; Vì không thủ một nên toàn thể là hai."

Kinh Hoa Nghiên nói: "Thí như hư không, ở trong mười phương, nếu bỏ xưa nay thì không thể tìm cầu được, nhưng thảy đều là hơi không. Bồ-tát y đó mà quán sát tất cả các pháp đều không thể được, song mọi thứ đều là tất cả pháp, như thật không khác, không mất cái đã làm, hiện tu hành khắp các hạnh Bồ-tát, không bỏ đại nguyện đều phục chúng sinh, chuyển bánh xe chánh pháp không ngại nhân quả."

Lại nữa: "Bồ-tát lớn hiểu thấu tất cả thân mình cho đến chúng sinh xưa nay vắng lặng, không sợ không hãi, và siêng tu phước đức không biết nhàn chán. Tuy biết tất cả các pháp khôngn có tạo tác, mà cũng không bỏ tướng riêng của nó. Tuy ở trong các cảnh giới hằng lìa tham dục, mà luôn ưa thích chiêm ngưỡng tôn sùng sắc thân của chư Phật, tuy biết không do người khác ngộ nhập các pháp, mà gieo phương tiện để cầu nhứt thiết trí; tuy biết cõi nước của chư Phật đều hư không; mà luôn thích trang nghiêm tất cả cõi Phật, tuy thường quan sát không nhân không ngã mà giáo hóa chúng sinh không biết mệt mỏi, tuy ở trong pháp giới mà xưa nay không động, dùng sức thần thông mà biến hóa các loại, tuy đã thành tựu nhứt thiết trí rồi mà không ngừng tu hạnh Bồ-tát; tuy biết các pháp không thể nói năng mà chuyển bánh xe tịnh pháp khiến chúng sinh được an vui; tuy có khả năng thực hiện quyền lực của chư Phật mà không chán bỏ thân của Bồ-tát; Tuy hiện vào đại Niết-bàn mà thị hiện thọ sinh khắp nơi khắp chốn. Nếu có thể thực hành được cả hai pháp quyền thực như vậy thì đó là việc của Phật? Thế nên nếu bác bỏ bài trừ nhân tức là không kiến ngoại đạo, dứt thể tuyệt dụng

đó là hàng Thanh văn hướng đến tịch diệt."

Nếu lập chánh tông thì pháp nào chẳng phải là tông. Đã luận về pháp tánh thì vật nào chẳng phải là tánh? Từ mê mà nó phá chấp, tạm đồng phải trái; từ ngộ mà hiện đồng thật không có thủ xả. Nay đều đã luận không giống với sự tưởng mà hàng phàm phu đã chấp, mà chẳng phải là sự ngưỡng về giả mà lìa chân của Bồ-tát trong 3 tạng và chỉ không nơi diệt tướng của hàng Thanh văn trong tôn giáo. Nếu lìa cái có của không thì liền vọng cái nhân của sắc, nếu lìa cái không của có thì quy về quả đoạn diệt. Nay ngay nơi tánh tức là tánh của tướng. Cho nên không ngại ràng buộc khởi; tướng tức là tướng của tánh cho nên không thiếu trạm nhiên. Cảnh là cảnh bất tư nghĩ, không là cái không của đệ nhứt nghĩa. Co duỗi đồng thời. Tức không mà thường có, còn mất không hoại, tức có mà không. Cho nên trong Thiên Thai giáo nói: Như gương, có ảnh, gạch gói thì không hiện, ở trong đó đủ các tướng, chỉ có không là không có, pháp thân tịnh vị diệu, đủ 32 tướng tốt. Thanh Lương Quốc Sư nói: "Phàm Thánh đan xen ngay nơi tâm phàm mà thấy được tâm Phật; Lý sự đều tu, nương bổn trí mà cầu Phật trí." Cổ Đức giải thích rằng: Người thất ý của Thiền tông chấp lý mê sự, nói rằng tánh chẳng đầy đủ, đâu cần nương pháp khác để tìm cầu. Nhưng phải vong tình thật thì Phật mới tự hiện. Bọn học pháp chấp sự mê lý, đâu cần chăm chăm tu tập quán lý? Hợp nó lại cả hai đều đẹp, lìa nó ra cả hai đều tổn thương. Lý sự gồm tu để hiển bày viên diệu. Ngưng tâm dứt ý gọi là lý hành, khởi công nghĩ có gọi là sự hành, y bổn trí là bổn giác trí, đây là nhân Trí, cái rỗng suốt không mê mờ gọi là trí, thành tiền lý hành, vong tiền hiển lý. Cầu Phật trí tức là trí giải thoát không chướng ngại, đây là quả trí, ước theo viên minh quyết đoán là trí, thành tiền sự hành. Vì khởi hạnh thành quả. Đây chính vì thể tánh giống nhau, cho nên nương theo đó; Vì tướng dụng khác nhau cho nên tìm nó. Chỉ cầu tướng dụng không cầu thể tánh, trước hết là vong tình lý hành tức là trừ bỏ duyên khởi nhiễm, để làm rõ thể tánh; Khởi công sự hành, tức là phát duyên khởi tịnh, để Thánh tướng dụng.

Tông Vô Tướng nói: Như trên đã nói, tướng dụng cũng vậy, chỉ nương vào bổn trí thì tình mất, mà tướng dụng tự hiện. Vì gốc đầy đủ. Đâu cần đặc biệt khởi ra sự hạnh. Viên Tông nói; Tánh duyên vốn đủ, khí tình mất, chỉ trừ tướng dụng trong phần nhiễm, tự rõ chân thể. Nếu không có sự hành, nó khởi tướng dụng của phần tịnh, không do đâu được sinh. Như trong vàng tuy có kim khí, trừ bỏ khoáng chất thì có thể hiện ra vàng, nếu không thi công tạo tác, không do đâu sinh ra đồ dùng.

Há phải do vàng sinh ra khoáng chất thôi, không tạo, không tác tự nhiên thành đồ dùng? Nếu vong tình thì không nhờ sự hành, Phật bảo phải tu đủ hết, há không lao nhọc đối với sự đời ư. Đó là hàng bát địa đã ly niệm rồi, Phật khuyên mới khi ta khởi sự hành, biết do ly niệm không được. Cho nên Văn nói rằng: "Pháp tánh chân thường lìa tâm niệm, nhị thừa ở trong đâu cũng có thể đuợc, bởi không lấy đâu làm Thế Tôn, chỉ lấy cái thậm thâm vô ngại trí, bởi thất khuyết đều là sự hành. Đó là quả Phật phải đầy đủ tánh tướng, nhân hành ắt phải tu cả hai sự lý. Y bổn trí, như được vàng, tu lý hành, như trừ bỏ khoáng chất; tu sự hành, như tạo tác; Cầu Phật trí như thành đồ dùng. Từ Mẫn Tam Tạng Lục nói: "Nếu bảo rằng Thế Tôn nói các pháp hữu vi, nhất định như hoa đốm hư không, không có vật nào gọi là hư vọng, hư vọng không hình tướng, chẳng phải thân giải thoát. Tại sao Thế Tôn khuyên hàng đệ tử tu nhân vi diệu của lục độ vạn hạnh, rõ chứng quả Bồ-đề Niết-bàn? Đâu có người trí nào khen thành càn Thát bà chắc thật cao siêu, đẹp đẻ, lại khuyên mọi người lấy thỏ làm chiếc than để leo lên ư. Bởi do lý này nên mặc dù là phàm phu phát tâm Bồ-đề, hành hạnh Bồ-tát, tuy nhiên tu tập hữu lậu là thật là chánh, có thân thể hư vọng chẳng như lông rùa không phải không có vật nào, nói là hư vọng, đều là nương vào duyên khác mà sinh ra huyển có, không giống không mà vọng chấp. Nếu người hiểu được như vậy, thường hành nơi tướng, tướng không ngại được, sớm được giải thoát, chấp chặt mê tình, đối với giáo pháp không thông hiểu. Tuy cầu lý tướng, thường bị tướng cân thúc, không phải giải thoát."

Lại nói: Nếu hạnh ba đời chư Phật chấp là vọng tưởng, đâu cần nhờ tu học mới được giải thoát? Chẳng nhờ hạnh Phật đã tôn sùng cái khác, đều là hạnh của ngoại đạo. Cổ Đức nói: Nếu một bồ chấp tay tự giữ an ổn, không hành nhân nghĩa, đạo liền thiếu sự trang nghiêm, nhều kiếp cũng không thành. Nhưng thật tế không một thọ mảy trần, Phật sự không bỏ pháp nào.

Kinh Nguyên Quán nói: "Chân bao quán cả ngọn vọng, hạnh nào cũng phải tu; vọng thấu triệt cả nguồn chân, không tướng nào không vắng lặng." Lại nói: "Tánh của chân như, pháp ấy xưa nay tùy duyên vạn pháp đều hưng khởi, pháp nhĩ quy về tánh." Bàn kệ truyền pháp của Tổ Sư nói: "Tâm địa tùy thời nói, Bồ-đề cũng an ninh. Sự lý đều vô ngại, sẽ sinh tức không sinh", cho nên biết chân không thủ tánh, thuận theo sự vắng lặng thì vạn hữu đều hưng khởi, do không mất thể, mặc tình động khởi mà một mảy không thường vắng lặng.

Hỏi: Kinh Tư Ích nói: "Người vào chánh vị, không từ địa thứ nhất

đến địa thứ mười."

Kinh Lăng Nghiêm nói: "Tịch diệt chân như, đâu có thứ lớp?

Cổ Đức nói: Thà để vĩnh kiếp trầm luân chứ không bao giờ cầu sự giải thoát của chư Thánh." Lại nói: "Mặc cho ông có ngàn Thánh hiện, tôi có Thiên chân Phật." Cớ sao nạn mắt đở sinh ra hoa gượng phân hạnh vị ?

Đáp: Nếu tâm ngầm hợp với tánh Phật, lý bao hàm cả nguồn chân, đâu nhờ duyên khác, vẫn còn quên mình? Nếu phân biệt theo trí, ở trong không có thứ lớp mà lập thứ lớp. Tuy giống như có cao thấp, nhưng bổn vị chẳng động. Bởi Thánh như là hàng rất quý báu nên gọi là vị. Nếu không có hạnh vị đó chính là Thiên ma ngoại đạo. Nếu ước theo môn viên dung, thì thuận với pháp giới tánh, vốn tự thanh tịnh. Nếu ước theo hành bố môn tùy theo tướng để, trước sau cạn sâu. Nay viên dung không ngại hành bố, chóng thành các hạnh, bởi một địa tức tất cả địa. Như hành bố không ngại viên dung, thành tựu khắp các hạnh, bởi tăng thêm công đức các vị. Điểm không luân vị, thường ở trung đạo, không có mà có, thứ lớp rõ ràng, có mà không có? "Tịch nhiên vắng lặng. Cho nên kinh Bát-nhã nói: "Tu Bồ-đề hỏi Phật: Nếu các pháp rốt cuộc không có gì cớ sao nói một địa cho đến mười địa? Phật bảo: Vì các pháp rốt cuộc không có gì, nên có địa thứ nhất đến địa thứ mười của Bồ-tát. Nếu các pháp có tánh quyết định thì không có một đại đến mười địa." Đó là 37 phẩm cửa mà Bồ-tát bước vào, 52 vị là con đường cổ Phật tu hành. Từ chỗ sơ niệm đến nhất niệm viên tu, nhẫn đến 18 pháp bất cộng, thúc liễm ba nghiệp, cứu cánh thanh tịnh.

Hỏi: Chân nguyên tự tánh, vốn tự viên viên hành, đâu nhờ tu hành, thực hành rộng rãi? Kinh nói thấy khổ đoạn tập, chứng diệt tu đạo, gọi lá lý luận. Nếu khởi vọng tu hành làm sao khế được nguồn cội.

Đáp: Khởi Tín Luận nói: Vì có tâm vọng tưởng, có thể biết danh nghĩa, là nói chân giác." Cũng nhờ nội huân chân như, khiến cho tâm vô mình này lại có dụng tịnh. Lại nhờ lực nói năng của chư Phật trong ngoài hổ trợ mà khiến cho tâm vọng này tin thân mình có tánh chân như, có thể khởi các phương tiện, tu các món đối trị. Ở đây ai có thể tu hành chính là tin mình có chân như, do chưa chứng chân, nên không gọi là vô lậu; Vọng niệm nếu tịnh, chân tánh tự hiện. Lại nữa, tuy tu vô tánh nhưng không ngại chân tu từ vọng hiển chân, nhờ thức mà thành thí, giống như bóng bình, có thể hiện ra khi gương sáng, nếu không có bụi trần, Phật đạo không lập. Cổ Đức nói: Hai pháp chân vọng đều là nhứt tâm. Vọng buộc lại thì chân thành. Vì không khác vọng: Chân theo

vọng hiện, vì không khác chân. Lại ngoài cơn có vọng. Vì sự không có chỗ nương. Lại nữa, nếu kiếp bốn tịnh là sự tánh si; nếu nhờ bên ngoài mà tu, đó là tha tánh si. Nếu trong ngoài tương trợ đó là hai tánh cùng si. Nếu gốc ngọn đều dứt bỏ đó là vô nhân Bi.

Trương Giả luận rằng: Nếu một laọi đều bằng nhau, thì vô tâm tri đạo. Cần phải sách tấn để tu, cho đến vô tu, mới biết vạn pháp đền vô tu. Kinh Bảo Tích nói: Nếu người tu không đúng, thì mèo thỏ đều thành Phật, bởi do tu không đúng."

Thiên Thai giáo nói: Thực hành có thể thành trì, hành đủ thì trí tròn, trí có thể hiển lý, lý cùng tột thì trí vắng lặng. Đạo cùng hổ trợ nhau hưng phế chẳng phải không. Nhờ quyền mq hiển thật, thật lập thì quyền mất. Từ vọng mà rõ hơn, chân thành thì vọng mất quyền, vọng đã lặng, chân thật cũng không, chẳng vọng chẳng quyền, đâu chân đâu vọng. Ngưu Đầu Dung Đại Sư nói: "Nếu bảo do tu sinh ra, thì tạo tác chẳng phải thật, nếu nói vốn có thì vạn hạnh đều hư dối.

Hỏi: Tất cả phàm phu đều ở trong định đâu còn nhập quán sở tức, không dây mà tự trói mình ư.

Đáp: Như pháp tánh Tam-muội thì người nào lại không đủ? Nếu luận về chỗ cứu cánh của môn thiền định chỉ có Phật mới đầy đủ. Hàng Bồ-tát Đẳng giác vẫn còn chưa đủ biết, hàng phàm phu tán tâm đâu có suy lường khắp được ư. Cho nên Văn-thù nói: Thí như người học bắn từ thô đến tế, rồi sau đó những phát bắn ra đều trúng. Tôi cũng như vậy, mới học Tam-muội chuyên chú vào một cảnh, sau đó nhập vào vô tâm Tam-muội, mới ở trong tất cả thời thường tương ứng với định. Cho nên bất tịnh giả quán, sở tức diệu môn, là vào bến cam lồ, ra đường sinh tử. Cho nên Long Thọ Tổ Sư nói: Trong pháp là lớn nhất. Bởi do lực mà vào sinh tử; nhờ định lực mà thoát sinh tử." Kinh chánh pháp niệm nói: "Cứu mạng tứ thiên hạ không bằng đoạn tâm chánh niệm trong chừng bữa ăn." Đó là chân như tại triền, hôn mê tán loạn đều đủ, chân như xuất triều, định tuệ nói sáng. Tổng biệt thông suốt, trước sau rõ ràng. Sao khen lý đúng, đạu chê trách sự sai?

Hỏi: Sự nghiệp lớn của Bồ-tát là lấy việc nhiếp hóa làm đầu, cớ sao sống một mình trên núi vắng, ở sâu trong lan nhã? Đã trái với bổn nguyện, đâu thành lợi người?

Đáp: Bổn nguyện của Bồ-tát là độ tha. Thế nên trước hết là tu giới định buộc ở chỗ vắng vẻ, thiền quán dễ thành thiểu dục đầu đà, có thể vào tháng đạo. Kinh Pháp Hoa nói: "Lại thấy Bồ-tát dũng mãnh tinh tấn, ở trong rừng sâu, tư duy Phật đạo."

Hỏi: Nghe nhiều học rộng, tu học ghi nhớ tuân theo nghĩa nghiên cứu văn, thấy tánh được chăng?

Đáp: Nếu nương theo lời mà sinh kiến giải nhờ văn mà hiểu được, chấp lời mà quên ý, đuổi theo ngôn giáo mà mê tâm, không phân biệt ngón tay và mặt trăng, thì khó thấy tánh. Nếu nhâ lời nói àm ngộ đạo, nhờ giáo pháp mà hiểu được tông, chắc chắn chứng nhập viên thuyên, tìm tòi lũy ý, Phật tức là đa văn mà thành bảo tạng, học nhiều để làm hiển trí. Từ phàm vào Thánh, đều nhân nơi sức huyền học: Ở trong nguy hiểm mà được an lạc. Thảy nhờ công của diệu trí. Lời nói là thềm thnag để nhập vào đạo, giáo thuyết là nẩy mực của việc hiện biệt chánh tà.

Kinh Hoa Nghiên nói: "Muốn độ chúng sinh, khiến trụ vào Niết-bàn, không lìa vô, chướng ngại giải thoát trí. Vô chướng ngại giải thoát trí không lìa tất cả pháp như Phật giáo, tất cả pháp như Phật giáo không lìa vô hạnh vô sinh hạnh tuệ quang. Vô hạnh vô sinh hạnh tuệ quang không lìa thiền thiện xảo quyết định quán sát trí, thiền thiện xảo quyết định quán sát trí không lìa thiện xảo đa văn. Bồ-tát quán sát hiểu biết rõ như vậy rồi, siêng cầu tu pháp gấp mấy lần đối với chánh pháp, đêm ngày chỉ nguyện nghe phát thuyết phát, vui theo pháp và nương tựa tùy hỷ pháp hiểu biết pháp. Thuận pháp mà được pháp, trụ trong pháp mà thực hành pháp. Bồ-tát siêng cầu Phật pháp như vậy, những của cải quý báu xan tham không tiếc nuối, không thấy vật nào có được mà đáng trọng, chỉ khéo đối với Phật pháp sanh ý tưởng khó gặp gỡ."

Kinh Pháp Hoa nói: Nếu người có căn tánh lanh lợi, thông minh, sáng suốt, học rộng hiểu nhiều, mới có thể nói cho họ nghe."

Luận nói: Có trí tuệ mà không có đa văn, thì không biết thật tướng. Thí như ở trong khoảng tối mênh mông có mắt mà cũng không thấy được gì. Đa văn mà không có trí tuệ cũng không biết thật tướng, thí như ở chỗ sáng sủa, có đèn mà không có mắt. Đa văn lại có trí tuệ họ sẽ lãnh thọ được những gì lời mình nói ra. Không học không trí tuệ đấy gọi là thân người mà như thân trâu. Cho nên 2 phẩm viên giáo, cho phép vị đọc tụng, ở trong vị bất thối, nghe pháp mới không nhàm chán. Nghe có lực của trợ quán, học được công của chủng trí, không thể làm mắt của trâu dê. Chẳng biện khuôn khổ phạm vi, tâm ở chỗ Tam-muội, không phân biệt đậu lúa.

Hỏi: Linh tri sáng suốt, diệu tánh bằng đủ, đâu cần nhờ sự tìm tòi, cầu khắp các vị tri thức?

Đáp: Tất cả chúng sinh, trong ngộ sinh mê, trong chân, khởi vọng, chỉ vì bất giác, phải nhờ khai mở. Kinh Pháp Hoa nói: "Phật đã từng gần

gũi trăm ngàn vạn ức vô số Phật, thực hành trọn đạo pháp của chư Phật, dũng mãnh tinh tấn, đáng gọi là nghe khắp.”

Lại nói: Thiện trí thức là nhân duyên lớn, có thể nói là người khiến cho ta thấy được Phật, phát tâm vô thượng Bồ-đề.

Kinh Hoa Nghiêm nói: Thí như đồ quý ở trong bóng tối, không có đèn thì không thấy được, Phật pháp không có ai nói, tuy có trí cũng không hiểu được.”

Lại nói: Không cần của báu ở đầy trong 3 ngàn đại thế giới mà chỉ mong muốn ưa nghe một câu Phật pháp chưa được nghe

Lại nói: “Tuy biết các pháp không do người khác mà được ngộ, mà luôn luôn tôn kính các thiện tri thức.”

Khởi Tín Luận nói: Pháp của chư Phật, có nhân có duyên, nhân duyên đầy đủ, mới được thành biệt tài. Như tánh lửa trong gỗ, là nhân chính trong lửa, nếu không có người biết, không nhờ phương tiện, có thể tự đốt người không có chỗ này. Chúng sinh cũng vậy, tuy có sức chánh nhân huân tập, nếu không gặp chư Phật, Bồ-tát thiện tri thức v.v... lấy đó làm duyên, có thể tự đoạn, phiền não, vào Niết-bàn thì không có chỗ này.”

Kinh Pháp Cú nói: Như giấy gói đồ thơm, vải buộc cá. Phật bảo các Tỳ-kheo: Vật nào bản thân nó cũng sạch, tất cả do nhân duyên khiến nó tạo tội hay phước, gần bực hiền minh thì đạo nghĩa tăng trưởng, làm bạn kẻ ngu tối thì tai họa kéo về, giống như giấy vải gần đồ thơm thì nó thơm lây, buộc cá thành hôi thối, nhiễm dần thành thói quen, luôn không không tự giác.

Tụng nói: Kẻ ngu tiếp xúc với người, như gần đồ thúi, làm điều sai quấy dần thành mê, không biết nó thành ác. Bậc hiền gần gũi người như thân cận đồ thơm, tăng thêm trí thành hiền lành, hành vi được thanh khiết.”

Kinh Thủ Lăng Nghiêm nói: “Phật bảo; Tất cả những điên đảo của hết hảy chúng sinh từ xưa đến nay, nghiệp chúng tự nhiên, như ác xoa tập. Những người tu hành không thể thành tựu vô thượng Bồ-đề, dẫn đến sông được Thanh văn, Duyên giác và thanh ngoại đạo chư Thiên ma vương cùng quuyến thuộc của ma. Những người đó đều do khơng biết hai thứ căn bản, tu tập sai lầm, giống như nấu cát mà muốn thành cơm thơm, cơm ngon, dẫu trải qua ngàn kiếp cũng không bao giờ thành được. Từ đó mà biết rằng, sơ tâm cần gần gũi bạn đạo để phân biệt tà chánh, mới hợp với chân tu. Hoặc bước vào môn phương tiện, càng gấp bội nếu được viên chỉ, không uổng công lao, thẳng đến đạo

tràng, mãi mãi không còn nghi hối. Đến lúc sinh ra liền được ngộ chứng vô sư tự nhiên, chắc chắn không do người khác mà được.

Hỏi: Thuyết pháp cho người nghe, tuy thành việc lớn, chưa bằng cực địa, sơ tổn tự hạnh. Đăng địa Bồ-tát vẫn còn bị Phật quở, phàm phu chưa chứng làm sao khai ?

Đáp: Phẩm đầu của tông thiên thai tức là phàm phu, nếu tin nhập vào viên môn cũng có thể thuyết pháp. Vì tâm phàm phu đồng với sở tri của Phật, bởi cái thấy được từ mắt sinh ra bằng cái thấy được của Phật. So sánh trong kinh Bát-nhã, phước do tánh ức niệm trong kinh Bát-nhã. Không bằng rộng vì thời người khéo nói thí dụ, khiến cho người đối diện dễ hểu Bát-nhã, phước ấy thù thắng hơn. Kinh nói: Chân giới của người ấy tuy yếu ớt nhưng khéo thuyết pháp làm lợi ích nhiều người, nếu có người cúng dường người này cũng như cúng dường Phật."

Kinh Vi Tăng Hữu nói; Thuyết pháp có hai nhân duyên lớn:

1. Khai hóa nhân thiên, vì phước vô lượng.

2. Vì báo đáp công ân họ cúng thức ăn. Đâu được không nói; Vả lại tài thí như đèn, chỉ đủ sàng một căn phòng nhỏ; pháp thí như mặt trời chiếu sáng khắp thiên hạ.

Kinh Đại Thương Quảng Tổng Trì nói: Phật bảo: Thiện nam tử ! sau khi Như Lai diệt độ, nếu có pháp sự, khéo tùy theo hcổ ưa thích, vì người nói pháp, có thể khiến cho người đại thừa học hạnh Bồ-tát và đại chứng có người phát một chút xíu tâm ưa thích, nhẫ đến người tạm rơi một giọt nước mắt, nên biết đều do thần lực của Phật."

Song kiến giải sáng suốt ngầm khế hợp với tam Phật, tuy là vì người khác nhưng công đức quay về mình. Đã có thể trợ đạo, lại báo ân Phật, không màng danh tiếng, quả là một mảy kông bỏ phí. Cho đến truyền trì pháp bảo, giảng xướng đại thừa, tạo luận giải thích kinh, sáng tác văn chương, giải nghĩa kinh, nhổ gốc nghi bất tín, soi ánh trí tuệ cho người ngu dốt, xây dựng bức tường chánh pháp, tiếp nối thọ mạng của Phật. Hoặc lãnh lấy kinh Tây độ, cầu pháp phương xa; hoặc phiên dịch Đại Thừa, gọt giũa văn cho thật hay; hoặc rộng tu các kinh chú, thí khắp và thọ trì, mở cửa pháp thí, nối tiếp ngọn đèn của Tổ. Hay đem cam lồ rưới vào tâm khô héo; khéo sử dụng kim bài để chống đỡ đôi mắt si mù. Kinh nói:Giả sử đầu đội trải qua ngàn kiếp, thân làm sáng tỏa khắp tam thiên, nếu không truyền pháp độ chúng sinh, nhất định không thể báo được ân Phật."

Hỏi: Sao không tu một pháp đốn ngộ, vạn hạnh tự tròn, mà quanh quẩn trong con nhỏ, vất vả với một chút thiện ư? Thiền tông chủ trương

nhứt niệm không sinh, nhứt Trần không hiện, như hanh nhau đuổi bất khỏi lửa hoặc tu huyễn không bao giờ đạt được lý.

Đáp: Chư Phật biết huyễn, mới có thể độ chúng sinh huyễn; Bồ-tát tỏ rõ không, thế nên kiến lập từ không. Kinh Niết-bàn nói: Phật bảo: tất cả các pháp đều là huyễn tướng, Như Lai ở trong tướng huyễn đó dùng sắc phương tiện mà không có nhiễm đắm. Vì cớ sao? Lệ thường của chư Phật."

Trung Luận nói: Vì có nghĩa không tất cả cá pháp được thành tựu." Thế nên nhanh thì như hạt giống đã bao lại, chậm thì như mầm đã nảy hết. Lại nữa như thấy lầu chín tầng, thì có thể thấy liền, cần phải cất bước thì mới lên đó được. Hiểu liền tâm tánh, thì ngay nơi tâm là Phật, vô tánh không đủ thì phảichứa nhóm công đức, tu khắp vnạ hạnh. Lại như lau gương, một lược lau hết, sáng sạch dần dần. Vạn hạnh đốn tu, ngộ thì dần thù thắng, đây gọi là viên tiệm, chẳng phải tiệm viên, cũng là một vĩ trong vô vị (không vị), hạnh trong vô vị.

Thế nên thấu triệt nhân quả, từ chỗ bí ẩn đến chỗ rõ rệt, đều phải thương sức thiện căn, mới có thể tự lợi lợi tha. Cho nên đài 9 tầng, thành được là nhờ uy đất đầu tiên, lộ trình ngàn đặm nhờ bước ban đầu, nước chảy cuồn cuộn là xuất phát từ dòng nước suối, rừng cây rậm rạp là bắt nguồn từ ngọn nhỏ, bóng tối chẳng phản đối ánh sáng ban đầu. Cho nên một cầu đã nhập thần thức trải qua nhiều thức không hư luống, một mảy thiện nhập tâm, vạn đời khó quên.

Kinh Niết-bàn nói: "Phật bảo: Tu một tâm lành, phá trăm thứ tội ác, như một chút kim cương, có thể pháp tan núi tu di; cũng như đốn lửa, có thể thui đốt tất cả, như một chút thuốc độc có thể làm tổn hại chúng sinh, một mảy thiên cũng vậy, có thể phá trừ ác lớn."

Kinh Nhựt Ma Ni Bảo nói: Phật bảo Bồ-tát Ca Diếp: Ta thấy chúng sinh, tùy còn mấy vạn ức kiếp ở trong dục ái bị tội che lấp, nếu nghe kinh Phật, vừa quay đầu nghĩ điều lành, tội liền tiêu sạch."

Đại Trí độ luận nói: Lúc Như Lai thành đạo, quán thấy thế gian có mười vị tiếu (mỉm cười). Có khi nhân nhỏ mà quá lớn, duyên nhỏ mà báo rộng. Như cầu Phật đạo, mà khen ngợi một câu kệ, xưng một câu Nam Mô Phật, đốt một nén nhanh, thảy được thành Phật, nữa nghe biết các pháp thật tướng không sinh không diệt mà thực hành nhân duyên, nghiệp cũng không mất. Vì lẽ đó ta mới cười.

Cổ Đức hỏi: Ngài Đạt Na không nói nhân duyên công đức cho Vua Lương Võ Đế nghe. Tại sao không nói vậy? Bồ-tát bỏ quốc thành, lập tháp miếu, há là đặt ra cho có vị ư?

Đáp: Đại Sư nói như vậy, không hoại phước đức nhân quả. Võ đế không thông đạt được công đức hữu vi mà có sự hạn chế, không thông được sự không nghĩ bàn của phước vô tướng phá tham chấp của ông ta; nếu không còn tham chấp rốt cuộc là vô vi Bồ-tát cũng làm luân vương. Cũng như phước báo nhân duyên rõ ràng thì có thể nói là không sao? Nếu người đạt lý, chỗ ấy lượng bằng với pháp giới, không có cũng tốt; nếu không đạt lý, liền có quả báo, luân hồi hữu vi, không nên tham trước.

Trung Quốc Sư nói: Chư Phật Bồ-tát đều đủ phước trí nhị nghiêm. Đâu phải báo không nhân quả, vì ngại sự lý, suốt ngày làm mà không trái với không làm vậy.

Sinh Pháp Sư hỏi: Sao nói chấp tay trong chốc lát, thảy đều là nhân Phật?

Đáp: Tất cả các pháp đều không có tánh nhất định, mà tùy duyên để thích hợp. Nếu lấy tham làm duyên chính là thích ứng với quả báo trời người; nếu lấy việc hồi hướng Bồ-đề làm duyên bèn thành quả báo của Phật quả. Chân như còn không giữ tự tánh huống chi một chút thiện này ư?

Lại nói lý của muôn điều thiện đồng với vô lậu, nếu vạn thiện có sẵn đều nhớ lý phát khởi, lý đã không khác, thiện đâu bao hàm 2 gốc? Như Lai tàng tánh là nhân của vạn thiện, cũng gọi là chánh nhân, đích thân sinh là muôn đều thiện. Thiên Thai giáo nói: Nếu xem thường một điều thiện nhỏ thì không thành Phật, là diệt giống Phật ở đời.” Lại nói: thiện cơ có 2:

1. Cảm hoa báo của nhân thiên.
2. Cảm quả báo của Phật đạo.

Như vậy Phật nhãn chiếu trọn vạn thiện của chúng sinh, rốt ráo được Phật quả, đó là ý chính của việc lớn xuất thế.

Kinh Khê tôn giả nói:

Một mảy thiện đều hướng về Bồ-đề như nắm dao cầm đuốc, phải nắm được phần chui, cán của nó. Nếu chấp tâm tướng như cầm mũi dao ôm lửa?

Kinh Pháp Hoa nói: Nói về việc tán tâm niệm Phật, khẽ giọng khen ngợi, lấy tay út vẽ tượng, nhóm cát xây tháp, dần chứa công đức, đều thành Phật đạo.”

Kinh Đại Bi nói: Phật bảo A-nan. Nếu có chúng sinh ở cửa phật- vừa phát tín tâm, trồng một chút căn lành không bao giờ bại vong. Giả sử trăm ngàn kiếp xa xưa, họ trồng một cội lành, nhất định thành Niết-

bàn. Như một giọt nước, rớt vào biển cả, tuy trải qua nhiều kiếp lâu xa, không bao giờ khuyết giảm. Chính vì vậy mà bậc đại Thánh tùy thuận căn cỏ mà cảm ứng, lớn nhỏ không mất, nối trước tiếp sau, nửa đầy đâu phế bỏ? Hoặc tán thán nhỏ mà dẫn vế sâu xa, hoặc trách nữa mà sợ trệ sơ môn, lá vàng đâu phải vàng thật? Tay không đâu có thật? Đều là ý khen chê, tạm dùng ân để dụ dẫn. Mà người không đạt giáo chỉ, chỉ chấp ngôn từ của phương tiện, cùng nhau thị phí, xác định thủ xả, hoặc chấp nhớ mà trệ lớn, trái ngược với bổn tông; hoặc y lớn mà ngại nhỏ, thì thiếu đi tuệ phương tiện.

Tuy nhiên sự rộng lớn của tông, ý lớn đâu tỏ? Chỉ nói chê trách nhỏ, nhỏ thì thực hành không mất. Vận ý thì nương cây vào không giả, thốt ra đời thì vượt quá phần đầu. Đoạn bánh xe chấp pháp, chê bai đại Bát nhã. Tội lỗi sâu dày, chẳng vượt qua điều này. Nhiều kiếp sau hết? Mãi chìm trong vô gián.

Kinh Tinh Danh nói: Không có phương tiện tuệ trói, có phương tiện tuệ giải, không có tuệ phương tiện trói, có tuệ phương tiện tuệ giải. Đâu thể chấp quyền mà chê thật, tổn hại có mà ruồng bỏ không? Chỉ có thể hoằng truyền cả hai thứ Đại Tiểu, không có điều sử dụng, nhứt tâm tam quán, thì không có lỗi vậy. Đó là thuận pháp thể thì mảy may không lập, thuận trí dụng thì đại nghiệp mãi hứng khởi. Thể không lìa dụng, nên tịch mà thường chiếu; dụng không lìa thể, nên chiếu mà thường tịch, đó là thường thể, thường dụng, thường chiếu, thường tịch. Nếu hội nhập vào chỉ quy hướng về tông, thì thể dụng đều lìa, đâu có chiếu, đâu có tịch? Sao căn cứ vào thể mà phá dụng, chấp tánh mà hoại duyên? Lý sự không dung nhau, chân tục thành ngăn cách thì không thể bị không còn vận hành vô duyên thì chẳng thành tựu. Thiện ác đã không đồng quán.

Lại nữa, bậc tiên đức nói: Luận về thiện tri thức, tuy thấy rõ Phật tánh bằng nhau với Phật, nếu luận về công của họ chứ bằng các Thánh phải từ tâm nay từ từ huân tu." Lại nữa, cổ đức nói: Tào Tử ở Tỳ-kheo mắc lỗi lại, tuy không đạt lý vẫn có hạnh môn. Thời nay nhiều người có học, mà mất cả hai việc, cho nên biết thấy tánh chưa vững, chỉ là thuận lời mà được thông suốt, cho đến lúc kiểm lại thì chánh trợ đều mất. Đó là đều mà tiên Thánh không bao giờ lãng phí, vỗ ngực sờ tâm, đâu có dễ dàng vậy ư? Đó là lục tức xen lạm, thập địa biện công, nếu nhận liền thì đâu có cái nào phàm, đâu có cái nào Thánh? Nếu luận lực cố thì phàm Thánh cách nhau trời vực. Lại nữa nếu luận về lý ấy thì sợ địa liền đầy đủ tất cả địa; nếu luận về hạnh của nó thời địa sau gấp bội lần

địa trước. Giống như vừa lên bát địa, một niệm lợi sinh, địa dưới nhiều kiếp không sánh bằng.

Hỏi: Thiện ác cùng nguồn, phải trái một ý, cớ sao bỏ ác tôn thiện mà trái với pháp tánh ư?

Đáp: Nếu cho rằng có tánh thiện tánh ác phàm phu không đổi. Chư Phật không đoạn tánh ác, hay hiện thân địa ngục; xiển đề không đoạn tánh thiện, thường đủ để Phật quả. Nếu cho rằng tu thiện tu ác ngay nơi sự liền khác, nhân quả không đồng, trí ngu khác biệt. Tu một niệm thiện, sớm lên bờ giáo; khởi một niệm ác mãi chìm đường khổ. Nếu cho rằng cì tánh theo duyên, tuy giống mà khác; nếu dứt duyên mà theo tánh tuy khác mà giống. Cho nên kinh Thiền Môn Mật yếu chép: Phật dạy: Thiện ác nghiệp duyên, vốn không có khác, chì vẫn không khác, cả hai không cùng dừng."

Kinh Hoa Nghiêm nói: Như tướng và vô tướng, sinh tử và Niết-bàn, phân biệt mỗi loại khác nhau, trí và vô trí cũng như vậy." Nên biết giáo chỉ như tấm gương, đâu nghi ngờ gì nữa?

Hỏi: Nếu không tu tánh, thì 2 đường thiện ác trái với lòng thương bình đẳng, mất đức biến hành.

Đáp: Tự hành phải lìa, ước theo pháp tức không, hóa tha đẳng quán, ở nơi người đâu có khác? Đó là hàng sơ tâm tự lợi, thì tổn mất hai oai đã trình bày, rốt ráo lợi tha, thì thiện ác đồng hóa. Như đi ban đêm đi trên đường hiểm, do người ác cần đuốc, đâu có thể vì người ác mà không theo ánh sáng họ soi? Bồ-tát được ánh sáng Bát-nhã, không bao giờ bị người ác. Kinh Hoa Nghiêm nói: Người bỏ tánh ác, xa hẳn kẻ lười biếng, khinh mạn loạn ý, chán ghét ác tuệ, đó là việc ma." Thiên Thai giáo nói: "Ác là do thiện hổ trợ, không ác cũng không thiện."

Kinh Pháp Hoa nói: "Ác quỷ nhập thần ông, mắng chưởi hủy nhục tôi, vì chúng tôi niệm Phật, đều phải nhận việc này." Ác không thêm vào, dụng niệm không được, dụng niệm do ác thêm vào.

Lại nữa, ở chỗ Phật oai âm vương chúng chấp pháp nghe lời thường Bất khinh mắng chưởi đánh đập, bởi do ác nghiệp, trở lại Ngài Bất khinh, được Ngài giáo hóa, đều được bất thối. Lại nữa Đề Bà Đạt Đa là thiện tri thức. Đâu có phá nào đáng bỏ ư?

Hỏi: Không có duyên thì không gượng giáo hóa căn cơ chín mùi thì tự tương ứng, nếu người ngu ác không tin, làm sao dẫn dụ?

Đáp: Bỏ ngu theo trí, lý trái với bình đẳng bỏ ác theo thiện, phế bỏ đồng thể bi. Chúng sinh vốn diệu, không thể độ lượng, bổng gặp nhân duyên, cơ pháp không định, giả sử chưa được độ, cũng sẽ được độ. Từ

đây suy ra, cần phải hóa độ bình đẳng.

Hỏi: Nếu tu các môn thiện, phải khởi tâm ưa thích. Hai món khổ yêu ghét có thể làm chướng tịch Bồ-đề; Thủ xả hai tinh chấp, đâu thành vô ngại giải thoát?

Đáp: Kinh Niết-bàn nói: Tất cả chúng sinh có hai thứ ái:

1. Thiện ái.

2. Bất thiện ái.

Bất thiện ái: Chỉ có người ngu cầu nó;

Thiện pháp ái thì các Bồ-tát cầu nó.

Kinh Hoa Nghiêm nói: Đã nói chí rộng lớn, muốn được cội gốc các pháp, phải khởi lòng mong cầu thù thắng, chí cầu vô thượng giáo. "Lại nói: Đoạn sư ưa thích thiện pháp, đó là việc ma của Bồ-tát." Bởi nó là điều kiện trước tiên để nhập đạo, dục là gốc của đạo, cho đến địa vị tột cùng, pháp ái phải quên, vị thứ rõ ràng. Trước sau không lẫn lộn.

Hỏi: Kinh Niết-bàn nói: Tuy bản thân nó tự không, cũng do Bồ-tát tu không mà thấy được không. Lại nữa Bồ-tát Sư Tử Hống nói: Thưa Thế Tôn: Năm ấm của chúng sinh rỗng không thì ai là người có thọ giáo tu? "Phật bảo: Này thiện nam tử ! Tất cả chúng sinh đều có niệm tâm, tuệ tâm, phát tâm, cầu tinh tấn tâm, trói tâm, định tâm, các pháp như vậy, tuy niệm niệm diệt. Vì dường như giống nhau, tương tục không đoạn, cho nên gọi là tu đạo, nhẫn đến như đèn, tuy niệm niệm diệt, mà có ánh sáng phá trừ u ám, các pháp như niệm v.v... cũng giống như vậy. Như chúng sinh ăn, tuy niệm niệm diệt, cũng có thể khiến cho người đói, khát mà được no đủ. Thí như loại thuốc tốt, cũng có thể làm khỏi bệnh. Ánh sáng mặt trời, mặt trăng, tuy niệm niệm diệt, cũng có thể làm cho cây cỏ lớn thêm. Thiện nam tử ! ông nói niệm niệm diệt làm sao tăng trưởng."

Hỏi: Phước đức của những đều thiện độ làm, rốt cuộc quay về đâu? Nếu nói tự độ lại đồng với tâm nhị thừa. Nếu nói độ tha tức là lập ra tướng chúng sinh.

Đáp: Phước đức mà Bồ-tát đã tạo được, đều vì muốn thành tựu chúng sinh. Không có viên dung, tự tha không ngăn trệ. Quán thế gian như huyễn, đâu có trái với môn thật tướng? Độ sinh cũng giống như không. Đâu có thiếu đạo phương tiện?

Kinh Bát-nhã nói: "Bồ-tát thành tựu hai pháp, ma không thể phá hoại:

1. Quán thấy các pháp không

2. Không bỏ tất cả chúng sinh.

Luận giải thích: Vì nhờ mặt trời, mặt trăng làm nhân duyên nên vạn kiếp đều thuận sinh. Chỉ có mặt trăng mà không có mặt trời vạn vật đều hư ẩm; Chỉ có mặt trời mà không có mặt trăng vạn vật đều thiêu rụi. Nhờ mặt trời mặt trăng hòa hợp nên vạn vật thành tựu. Bồ-tát cũng vậy, có 2 con đường:

1. Thương xót.

2. Không.

Phật nói hai việc ấy phải dùng cả, tuy quán thấy các pháp là không, mà không bỏ chúng sinh; tuy thương xót chúng sinh mà không bỏ tất cả không. Quán tất cả pháp là không thật, vì không cũng là không thật, không chấp không, thế nên không ngại gì đến lòng thường xót chúng sinh; mặc dù thương xót chúng sinh, cũng không đắm nhiễm chúng sinh, cũng không chấp tướng chúng sinh. Chỉ thương xót chúng sinh, dắt dẫn họ chứng nhập pháp không."

Hỏi: Kinh nói: Phật không đắc đạo, cũng không độ sinh. Nếu thấy chúng sinh khổ, cũng như mình chịu khổ. Sao nói tu tập phước đức và độ chúng sinh ư.

Đáp: Ước theo chân tức là không, thuận theo tục là có.

Luận nói: "Phật trả lời Tu Bồ-đề: Nếu tất cả chúng sinh ai cũng biết tự tánh của các pháp là không thật thì Bồ-tát không pháp tâm Bồ-đề vô thượng, cũng không ở trong lục đạo cứu vớt chúng sinh. Vì sao vậy? Vì chúng sinh tự biết tự tánh các pháp không thật thì chẳng có gì để độ. Thí như không bệnh thì không cần thuốc, không có bóng tối thì không cần đèn. Nay chúng sinh thiệt không biết tự tướng của các pháp không thật. Cho nên theo tâm chấp tướng sinh ra sự đắm trước, vì đắm nên nhiễm. Vì nhiễm nên trôi vào năm dục, vì thuận theo ngũ dục nên bị tham dục chê lấp; vì nhân duyên tham dục, dẫn dụ tạo nghiệp sinh tử, không biết cùng tận." Thế nên biết nhân phàm mà lập Thánh, phàm Thánh đều không thật; từ ác mà được thiện, thiện ác không có thật tánh, vì không thật tánh nên vạn thiện hằng khởi. Bởi do tất cả đều không thật, nhứt chân thường tịch.

Hỏi: Thế giới của chúng sinh như hai đầu bàn tay, nếu thật thấy có độ thì đâu khác gì mà trăng đáy nước và bắt bóng trong gương, xóa dấu chân chim và trồng chuối ba tiêu? Chưa cứu xét rốt ráo lấy cái gì làm chúng sinh mà khởi tâm cứu độ ư?

Đáp: Nói đến chúng sinh chính là thân mình đêm ngày ra khỏi vô lương tâm vọng tưởng. Kinh Đại Tập nói: "Tâm ông lúc nào cũng khởi vô lượng trăm ngàn chúng sinh."

Kinh Tịnh Độ Tam-muội nói: “Một niệm thọ một thân, niệm thuận thì sinh thân trên trời và ở cõi đời, niệm ác thì lãnh thọ thân 3 đường ác. Trăm niệm thọ trăm thân, ngàn niệm thọ ngàn thân. Một ngày một đêm trồng cội sinh tử, đời sau lãnh thọ 8 ức 5000000 thân của loài tạp. Cho đến ở trong trăm năm, thân thể xương, da, lông của những đời sau biến khắp cõi nước đại thiên. Ở trong cõi nước đều có khắp. Nếu một niệm không sinh, thản nhiên trở lại cội nguồn. Cho nên nói độ chúng sinh vọng, hiểu được niệm tức không, không có cổ khởi. Lại nói không thấy có chúng sinh để độ. Cũng nói độ khắp tất cả chúng sinh mới thành chánh giáo, chính là ý này vậy.

Kinh Hoa Nghiêm nói: “Thân là chánh pháp tạng, tâm là vĩ ngại đăng, chiếu soi các pháp không, gọi là độ chúng sinh.” Chính là hạnh của mình đã lập, còn nói để chỉ cho người dạy họ quán tâm họ, lại nương đây mà học, đó là tình thương chân thật, đó là rốt ráo độ vậy.

Luận về từ địa vị phàm phu đến địa vị Thánh nhân, môn của vạn thiện, trước pháp tâm Bồ-đề là điều quan trọng nhất, là bước đầu của các hạnh, là nấc thang đầu để bước vào đạo bao trùm trước sau, không được tạm bỏ. Kinh Phạm vòng nói: Nếu Phật tử thường khởi tâm đại bi, nhẫn đến thấy mọi loài súc sinh trâu, dê, chó ngựa, phải nghĩ miệng nói rằng. Người là súc sinh phát tâm Bồ-đề, và Bồ-tát vào tất cả chỗ như núi rừng ao hồ, đều làm cho tất cả chúng sinh phát tâm Bồ-đề. Nếu Bồ-tát không phát tâm giáo hóa chúng sinh thì phạm khinh cấu tội.”

Kinh Hoa Nghiêm nói: Muốn thấy mười phương tất cả chư Phật, muốn thực hành vô lượng công đức tạng, muốn diệt trừ mọi khổ não cho chúng sinh, cần phải mau mau phát tâm Bồ-đề.”

Lại nói: Tâm Bồ-đề giống như hạt giống, vì có khả năng sản sinh pháp của tất cả các chư Phật. Tâm của Bồ-đề giống như ruộng tốt, vì có thể làm lớn thêm pháp trong sạch của chúng sinh; Tâm Bồ-đề giống như đại địa, ví có thể gìn giữ tất cả các vật ở thế gian; Tâm Bồ-đề giống như nước sạch vì có thể rửa sạch tất cả dơ bẩn phiền não; Tâm Bồ-đề giống như gió lớn vì tỏa khắp thê gian không bị chương ngại; Tâm Bồ-đề giống như lửa mạnh vì có thể đốt rụi các thứ kiến chấp.

Hỏi: Lý chính của Bồ-đề, tánh nó sẵn tròn đầy, đều nhờ pháp tâm mà hỏi vọng niệm.

Đáp: Kinh Bát-nhã nói: Nếu Bồ-tát biết tâm tánh là Bồ-đề, mà phát khởi tâm đại Bồ-đề gọi là Bồ-tát.”

Ngài Thượng Thủ Bồ-tát nói: Ta ở trong chỗ vô sở cầu mà cầu nó, lại kông có gì để phát.

Bồ-tát nói, biết tất cả pháp đều hkông phát khởi mà phát tâm Bồ-đề. Vậy thì đối với chân như đã chứng, ngoài như thì không có trí, có thể phát diệu trí, ngoài trí thì không có như, cùng chiếu cùng ngăn, không còn không mất. Không phải hai mà là hai, năng sở đều vắng lặng, kế đến là vị mạng Tam bảo là ngôi phước điều vô thượng, khởi tâm bền chắc, có niền tin không hoại, xa lìa 5 thứ sợ hãi, thành tựu 3 thứ Bồ-đề. Nhân duyên đều tiên là nhiếp tất cả thiện pháp.

Kinh Đại Báo Ân nói: "Như vua A-xà-thế tuy có tội nghịch, lẽ ra địa ngục atỳ, nhờ tâm thành hướng Phật nên diệt được tội ở địa ngục, đó gọi là sức cứu hộ của Tam bảo vậy. Lại nữa ở trong rừng núi hoang vắng sợ sệt, nhờ công đức niệm Phật mà sợ hãi liền tiêu diệt, thế nên phải quay về nương tựa Tam bảo, sẽ được giúp đỡ chứ không hư dối.

Cổ Đức nói: "Núi có ngọc thì cỏ cây được đượm nhuần, sông có rồng thời nước không cạn, ở chỗ có Tam bảo căn lành tăng trưởng, gọi đó là kực cứu hộ của Tam bảo vậy. Kinh Pháp Cú nói: Đế Thích mạng vào trong thai lừa mẹ, nhờ quy uy Tam bảo, buộc dây giải đi, nó phá hoại đồ dùng bị chủ đánh nhằm, bị thương cái thai, thần thức ấy trở lại sinh làm thân chư thiện, Phật nói kệ cho ông nghe, hiểu được sự thay đổi của tội phước, thấu được lẽ hưng suy, noi theo hạnh vắng lặng, đặng đạo Tu Đà Hoàn.

Bản Hoạnh Tử kinh nói: Bấy giờ quốc vương có nạn, gọi là Ba kim Ly bạch Phật rằng: Nước tôi bé nhỏ mà năm nào cũng bị giặc ngũ cốc càng đất đỏ, bệnh tật hoành hành, nhân dân khốn khổ, Ta cứ bất an, pháp tạng sâu rộng không được tu hành. Chỉ mong mỏi được xót thương, ban pháp yếu cho ta.

Phật bảo vua rằng: Nếu người muốn diệt trừ phiền não chướng, phải khóet dây hạnh từ 108 mấc, thường lần theo đó, hết lòng không cho tán loạn. Xưng Nam Mô Phật Đá Nam Mô Đạt Ma, Nam Mô Tăng già, biến sẽ đoạn 108 kết nghiệp, được quả vô thượng. Vua nghe vậy nên rất vui mừng nói: Con sẽ phụng hành: Phật bảo vua rằng: Có Tỳ-kheo sa đấu, tụng danh hiệu Tam bảo, trải qua mười năm, đặng được quả Tư Đà Hàm, lần lượt tu hành, nay ở trong pháp giới Phổ Hương, làm Bích Chi Phật."

Vua nghe vậy rồi, càng cố gắng tu hơn."

Hỏi: Chí công nói: "Khổ thay ! Thương thay! Oan uổng trái lại Phật thật tạo tượng, hương hoa cúng dường, cầu phước mà không tránh khỏi gậy gộc của lục tặc, ý này thế nào, để khế hợp với lời ngày nay".

Đáp: Đây là ý người xưa muốn phá chấp của hành phàm phu

không biết mình có Phật, cứ hướng ra bên ngoài tìm cầu, trụ tương mê chân, phân biệt cảnh khác, không vì trợ đạo, chỉ cầu cửa phước, giống như bắn tên lên hư không, như người vào chỗ tối, rốt cuộc chút lấy sinh diệt, đâu vượt khỏi tâm trần? Nếu hiểu được chỉ do tâm thì tất cả những gì đã thấy đều là kiến phần của tâm, không bao giờ chấp là cái đến từ bên ngoài. Song không hoại nhân duyên, sự lý vô ngại.

Cho nên Thần Giai hòa thượng nói: Duyên sinh tánh không, không bỏ đại bi, quán Như Lai tịch lặng, không mất sự kính dưỡng. Bàn về thật tướng, không hoại giả danh; luận về sai biệt, không phá bình đẳng. Kinh Hoa Nghiêm nói: Bồ-tát bát địa thân chướng vô sinh pháp nhẫn, vào vô công dụng đạo, ngộ được tất cả pháp như tính của hư không cho đến Niết-bàn, tâm còn không hiện tiền, vừa mới thấy vô lượng Phật hăng hái cúng dường.

Kinh Hiền Ngu nói: Có vị trưởng giả ở nước Xá Vệ Sinh được người con trai, ngay lúc trời mưa hoa bảy báu, nhân đó đặt tên con là Bảo Thiên, sau đó được gặp Phật rồi xuất gia đắc đạo. Phật nói: Lúc Phật Tỳ Bà Thi xuất hiện ở đời có một người nghèo, tuy trong lòng sinh tâm hoan hỷ, nhưng không có vật để cúng dường, ông nắm một hòn đá trắng mà nghĩ là châu đem phân chia cho chúng Tăng, bây giờ chính là Thiên Bảo Tỳ-kheo vậy. Nhẫn đến lãnh thọ vô lượng phước, y thực tự nhiên, nay gặp ta ở đời, đặng chứng đạo quả.

Lại nữa chân giác đại sư nói: Tin sâu chánh pháp, siêng tu lục độ, tán tụng Đại Thừa, hành đạo lễ bái, hóa thơm vị ngon, núi rừng sông biển, đất trống đồng bằng, của cải ví như trần ở thế gian như ở trên thảy đem cúng dường, tích góp công đức hồi hướng giúp đỡ cho hạt Bồ-đề. Vì biết rằng đó là phá sở chấp ngoài tâm của phàm phu, hoặc hám lợi mà cúng dường, sân tâm mà trì giới, kiêu mạn làm phước, vì muốn hơn người mà bố thí, không có tâm tha thiết, chẳng có ý rộng lớn. Nếu thực hành như vậy, khó được tịnh nghiệp. Không thể lần hội Thánh ý, đoạn phàm tình của mình, khởi tâm đoạn diệt, là diệt giống Bồ-đề.

Kinh Thủ Lăng Nghiêm nói: “Nếu ở trong định ấy, các thiện nam tử thấy sắc ấm tiêu diệt thọ âm rõ ràng, tự cho mình đã đủ, bổng có manh mối, đại ngã mạn khởi, như vậy nhẫn đến mạn và quá mạn. Mạn quá mạn, tăng thượng mạn, ty liệt mạn, cùng khởi một loạt. Trong tâm còn xem thường mười phương Như Lai, huống nữa là hàng Duyên giác Thanh văn ở địa vị thấp? Đây gọi là thấy thù thắng, không có trí tuệ tự cứu, ngộ thì hết lỗi, chẳng phải là Thánh chứng. Hoặc làm Thánh giải, liền có một phần đại ngã mạn nhập vào tạng phủ ông. Không lễ miếu

tháp, phá hủy linh tượng, bảo đàn việt rằng: Đây là vàng, đồng, hoặc là gỗ, đất, kinh là lá cây, hoặc là điệp hoa. Thân thể chân thường, không cung kính thân mình mà lại tôn sùng gỗ đá, thật là điên đảo. Những người có niềm tin sâu xa, từ đó phá vỡ, chôn vùi trong đất, nghi ngờ chúng sinh, đọa ngục vô gián, mất chánh thọ, sẽ mất vòng trầm luân." Nhưng khi thao tác không chấp trước thứ gì, hoan hỷ an vui, hết lòng chí thành, hồi hướng về vô thượng Bồ-đề, bố thí khắp chúng sinh trong pháp giới, thì một mảy thiện cũng là nhân tròn đủ, không bao giờ rơi vào quả báo nhân thiên.

Lại nữa, pháp nghiệp sâu rộng, phàm Thánh đều hổ trợ. Phước là cội gốc của an lạc, trí là cánh cửa ra sự giải thoát, nên 2 đường này không thể tạm bỏ, là lối chính của việc thành Phật, đúng là nhân sâu mầu của việc bạt trừ gốc khổ. Cầu khẩn vô thượng bảo vương thập phương từ phụ là chỗ nhóm hợp phước lớn đủ thân công đức, vẫn còn đích thân làm lễ tháp cốt của đại chúng, tự xỏ kim cho đệ tử, huống nữa là thân hình phàm tục, phước mỏng đức cạn, Xiển đề không tin, công cao ngã mạn, hổ thẹn làm việc luôn hèn, liền bỏ những điều thiện nhỏ? Kinh Tượng Pháp Quyết Nghi nói: Phật bảo: Nếu lại có người thấy người khác tu phước và giúp đỡ người nghèo khó, chê bai họ rằng: "kẻ tà mạng này tìm cầu danh lợi, người xuất gia đâu có làm việc bố thí? Chỉ tu thiền định, trí tuệ, đâu làm những việc bận rộn vô ích đó?."

Người nghĩ như vậy, là quyến thuộc của ma, kẻ đó sau khi chết rồi đọa vào địa ngục, nhiều kiếp chịu khổ; khi ra khỏi địa ngục đọa vào loài quỷ đói; ở trong 500 thân đọa trong loài chó; khi ra khỏi loài chó ở trong 500 đời, thường sanh vào hạng nghèo cùng hạ tiện, chịu vô số khổ. Vì cớ sao? Do trong tiền kiếp thấy người khác bố thí không sinh lòng ưa thích."

Luận nói: Phước đức là cội gốc của Bồ-tát ma ha tát, có thể mãn nguyện, được tất cả Thánh nhân khen ngợi, không bọ người trí chê trách, ở trong hành xớ của người trí không bị họ xa lánh. Bởi nhân duyên phước đức này làm nhân vương, chuyển luân Thánh Vương, Thiên Vương, A-la-hán, Bích Chi Phật, Chư Phật Thế Tôn. Đại Từ Đại Bi, Thập lực, tứ vô sở úy, nhứt thiết chủng trí, tự tại vô ngại, đều sinh ra từ phước đức.

Lại nói: Tu Bồ-đề hỏi: Vì trong tột cùng của hư không, không có phước và phi phước, tại sao phải lấy phước đức mà tặng?."

Phật đáp: "Vì trong thế đế có phước nên được." Tu Bồ-đề vì chấp không của chúng sinh nên hỏi:

Phật vì không chấp có nên đáp: Nghĩa là siêng năng tu phước còn không thể được há huống không tu phước đức. Nếu đạo nhân đến một tụ lạc thọ(thức ăn) xin ăn từ một nhà đến một nhà, khất thực không được, thấy một con chó đói nằm, lấy gậy đánh nó nói:Người là súc sinh vô trí, ta đầy đủ nhân duyên, từng nhà xin ăn cùng không được, huống chi loài chó nằm đây mà mong cầu ư?."

Cho dến dùng đèn báu, đuốc thơm luôn thắp sáng cúng Phật, luôn làm tăng trưởng ngọn lửa trí tuệ, luôn chiếu sáng pháp thân, nhờ chánh quả tròn, hạnh nghiệp thành tựu. Cho nên bọn giặc gạt tàn lửa, mà thiên nhãn sáng mãi; phần nữ nhân đó hiến cây đuốc nhỏ, Phật từ xa thọ ký.

Kinh Hoa Nghiêm nói: Lại nữa, phóng ánh sáng tên là tiêu diệt, ánh sáng ấy che lấp tất cả ánh sáng của chư Thiên, không thứ ám chướng nào không tiêu trừ, làm lợi ích cho khắp chúng sinh, ánh sáng này giac ngộ tất cả chúng sinh, khiến mọi người cầm đèn sáng đến cúng dường Phật, vì đêm đèn cúng dường, cho nên được thành ngọn đèn vô thượng trong thế gian.

Nhưng các thứ đèn dầu và đèn tô, cũng vậy, tất cả các ngọn đuốc sáng các thứ hương, thuốc quý, đèn thượng hạng, cúng dường những thứ đó mà được hà quang này.

Kinh Phổ Quảng nói: Đốt đèn cúng dương, soi sáng chỗ tối tăm. Chúng sinh đau khổ mong mõi được thứ ánh sáng này, được cùng thấy nhau, nhờ phước đức này, cứu giúp chúng sinh ấy thảy đều ngừng ngớt.

Kinh Công Đức Thí Đèn nói: Nếu người đốt đèn sáng trong tháp miếu rồi, sau khi chết đi thấy 4 loại ánh sáng:

1. Khi lâm chung thấy vầng mặt trời tròn sáng hiện ra.
2. Thấy vầng mặt trăng trong vắt tròn hiện ra.
3. Thấy chỗ ở chư Thiên và ngồi một chỗ.
4. Thấy ở chỗ Như Lai chánh Biến Trí ngồi cội Bồ-đề và sắp được Bồ-đề, tự thấy thân mình tôn trọng Như Lai, chắp tay cung kính mà đứng.

Hoặc rải hoa cúng dường, trong trí đạo tràng, làm trọn nhân duyên Bồ-đề, hạnh chính của việc thành Phật.

Kinh Pháp Hoa nói: Nếu người tâm tán loạn, dẫn đến dùng một đóa hoa, cúng dường nơi tượng vẽ, dần thấy vô số Phật."

Kinh Đại Tư Duy nói: Nếu không rải hoa cúng Phật, tuy được vãng sinh, mà chánh, y báo không đủ." Kinh Hiền Ngu nói: Trong nước Xá Vệ có một trưởng giả giàu có sinh được một đứa con trai, mặt mũi

khôi ngô, trời mưa các loại hoa, liền đặt tên là Hoa Thiên. Cho đến khi xuất gia đắc quả A-la-hán.

Ngài A-nan bạch Phật nói: Hoa Thiên nhờ phước gì mà được như vậy? Phật bảo: "Thời quá khứ có Phật, hiệu Tỳ Bà Thi, có một người nghèo gặp chư Tăng thì rất vui mừng, liền ở nơi sông suối vắng vẽ tìm hái các loài hoa dại, để dãi khắp đại chúng. Nay chính là Hoa Thiên Tỳ-kheo vậy. Công đức rải hoa trong 91 kiếp thân tướng trang nghiêm, trong lòng có điều gì cần liền được như ý". Kinh nói: Nếu đêm một đóa hoa rải giữa hư không, cúng dường mười phương Phật, dẫn đến hết khổ, phước ấy vô tận."

Luận nói: A-la-hán ức nhĩ thuở xưa đem một đóa hoa cúng dường tháp Phật, lãnh thọ an lạc trong loài người, trời 91 kiếp, phước lực còn lại đặng quả A-la-hán."

Hoặc đốt hương, bôi hương thơm trang nghiêm Phật sự, đốt một nén mà mong cầu diệu quả, vì tô quét tháp cũ mà thân tỏa mùi thơm chiên đàn. Xưa kia khi Phật còn tại thế, có vị trưởng giả gọi là Chiên Đàn Hương, xưa kia từng đêm bùn thơm chét lại tháp cũ, từ đó đến nay trải qua 91 kiếp, các lỗ chân lông khắp thân đều tỏa ra mùi chiên đàn, từ miệng Ngài phát ra mùi hoa Ưu Bát. Hoặc treo phướng trên tháp miếu, dựng bảo cái để tiêu biểu cho Thánh nghi, tuy nhờ duyên bên ngoài được phước mà duy chỉ thành quả bên trong. Cho nên lúc Phật ở ngoài đời có một người tên Bà Đa Ca, thời quá khứ từng làm một chiếc phướng dàitreo trên tháp của Phật Tỳ Bà Thi, từ đó đến nay trải qua 91 kiếp, ở cõi đời này luôn có một chiếc phướng lớn che chở cho ông, lãnh thọ phước an lạc, sau đó xuất gia và đắc đạo.

Lại nữa kinh nói: Nếu người treo phướng, gió thổ lay một lần thời một địa vị chuyển Luân Vương; cho đến tan rã thành vi trần là một vị tiểu vương.

Kinh Bách Duyên nói: Có Trưởng giả Bảo Cái vào thời quá khứ từng đêm một viê châu ma ni đậ trên đỉnh tháp thờ Xá lợi của Phật Tỳ Bà Thi, từ đó đến nay trải qua 91 kiếp, ở trong thế gian luôn có Bảo Cái tự nhiên, che trên đầu Ngài, cho đến gặp Phật xuất gia, cũng thành quả Phật.

Hoặc khen ngợi công đức của Phật, tán thán Đại Thừa, vô biên quả báo tốt đẹp, nhân thù thắng lớn nhất. Khen một câu kệ, có công năng vượt khỏi kiếp khổ mà thành Phật. Tụng một lời mà được quả báo tướng lưỡi diệu âm. Kinh Quán Phật Tam-muội nói:Vào thời quá khứ lâu xa vô lượng kiếp, có một vị Phật hiện ra thế gian hiệu là Bảo Oai

Đức Thượng Vương. Lúc bấy giờ có một vị Tỳ-kheo đi cùng 9 người đệ tử đến chỗ tháp Phật, lễ bái tượng Phật. Thấy một bảo tượng, sáng rỡ trang nghiêm trong đẹp mắt, lễ rồi nhìn thật kỹ, nói kệ khen ngợi. Sau đó mạng chung, sẽ được sinh về cõi nước ở phương đông của Đức Phật Bảo Oai Đức Thượng Vương, bỗng chợt hóa sinh vào hoa sen lớn. Từ đó đến nay luôn được gặp Phật, được niệm Phật Tam-muội Phật thọ ký cho Ngài, đều được thành Phật ở trong mười phương."

Kinh Pháp Hoa nói: Thí như hoa Ưu Đàm, mọi người ai cũng thích, trời người thật hiếm có (thời thời) trổ một lần. Người nghe lâu lắm pháp sinh vui mừng khen ngợi, nhẫn đến phát một lời, chính là cúng dường, mười phương 3 đời chư Phật, người này Phật hiếm có, hơn cả hoa Ưu Đàm."

Kinh Hoa Nghiêm nói: "Phóng ánh sáng gọi là diệu âm, ánh sáng này làm khai ngộ các Bồ-tát, có thể khiến cho âm thanh trong 3 cõi, người nghe nó đều là tiếng nói của Như Lai. Nhờ lớn tiếng khen ngợi Phật, và cúng dường các món âm nhạc như chuông linh, khiến cho khắp thế gian này nghe được âm thanh Phật, cho nên đặng ánh sáng này."

Cho đến ngân nga xướng tụng, ca ngợi phạm âm vi diệu, tiếng chúc tụng của Bà Đà thuở xưa trải ra âm hưởng thấu đền trời Tình Cư, Thích Tôn nhập định, tiếng cầm ca chấn động đến Thạch Thất. Quán thấy vườn rừng lầu gác, vào pháp môn của pháp giới âm thanh ngôn ngữ, thành Phật sự của Phật tông.

Kinh Tỳ Ni Mẫu nói: Phật bảo chư Tỳ-kheo: Cho phép các ông tán tụng, tụng là lời của ngôn ngữ. Luật Thập Tụng nói: Vì chư Thêin Nghe lời tán tụng ấy rồi sinh tâm vui thích, hoặc trổi nhạc ca múa, tiếng loa, tiếng bạt, tiếng tiêu, tiếng thiều, phát ra làm cho người thành tâm ưa vui mà cúng dường các thứ.

Kinh Pháp Hoa nói: Nếu dạy người trổi nhạc, đánh trống, thổi sừng ốc, tiêu, địch, cầm không hầu, tỳ bà chụp, chã động những thứ vi diệu như vậy, trọn đem cúng dường, hoặc dùng tâm hoan hỷ, ca tụng oai đức của Phật, nhẫn đến một tiếng nhỏ, đều đã thành Phật đạo?

Hoặc khuyến thỉnh chư Phật sơ chuyển pháp luân, không vào Niết-bàn, thương xót cứu chúng sinh.

Trí Luận nói: Hỏi: Lệ thường của Bồ-tát, 6 thời khuyến thỉnh, mười phương chư Phật, có thể khuyến thỉnh chư Phật trước mặt cũng được?

Đáp: Như khởi lòng thương xót nghĩ đến chúng sinh, khiến cho họ được an lạc, chúng sinh tuy không được gì, người niệm được phước

lớn. Thỉnh Phật thuyết giáp cũng giống như vậy. Vả lại, tuy chúng sinh gặp mặt để thỉnh Phật nhưng Phật luôn thấy tâm họ, cũng nghe lời cầu thỉnh của họ.”

Hoặc tùy hỷ khen ngợi điều thiện trợ giúp thặng duyên của người như thấy người bán hương ở gần nhiễm khói hương, tuy không đích thân làm nhưng cũng được căn lành giống họ.

Luận nói: Có người làm công đức, người thấy sinh tâm tùy hỷ, khen ngợi là tốt lắm, ở trong thế giới vô thường, bị si ám che lấp, có thể mở rộng lòng ra tạo nên phước đức này. Bồ-tát chỉ lấy tâm tùy hỷ mà vượt trội, người của hành nhị thừa, huống nữa là tự mình làm.

Lại nữa, Bồ-tát ngày đêm luôn làm ba việc:

1. Lễ mười phương Phật, sám hối tội ba đời
2. Tùy hỷ công đức đã làm của mười phương ba đời chư Phật.
3. Khuyến thỉnh chư Phật sơ chuyển pháp luân và ở lâu trong thế gian.

Thực hành ba việc này, công đức vô lượng, chuyển xoay đến gần Thánh Phật. Nếu làm các điều thiện, đều hồi hướng hết thì thành tựu Bồ-đề, tránh lọt vào đường sinh tử. Như âm thanh nhỏ lọt vào ống thì dẫn tiếng đi đi xa; giống như giọt nước rơi xuống sông liền đồng với biển cả. Vì một chút thiện mà đạt đến quả cùng tột, vận dụng chút ý mà thành đại tâm.

Hoặc phát đại nguyện là nhân của vạn hạnh, có thể tăng thêm lòng thương xót không đoạn giống Phật, việc lớn đã làm xong, việc đã làm trọn, thànhđạo lợi sinh đều nhờ thệ nguyện sâu rộng. Thế nhưng có hạnh mà không phát nguyện thì hạnh ấy ắt lẽ loi; có nguyện mà không có hạnh thì nguyện ấy ắt hư luống; hạnh nguyện theo nhau, mình người đều lợi.

Kinh Hoa Nghiem nói: Không phát đại nguyện, bị ma dẫn dắt ở chỗ an ổn vắng lặng, đaọn trừ phiền não, bị ma dắt dẫn, vĩnh viễn đoạn sinh tử, bị ma dắt dẫn, bỏ hạnh Bồ-tát, bị ma dắt dẫn, không giáo hóa chúng sinh, bị ma dắt dẫn.”

Trí Luận nói: Làm phước mà không mong cầu, không tạo dựng, nguyện làm người dẫn đường có thể thành tựu đạo. Thí như người nung vàng tùy theo ý của người thợ chứ vàng không nhất định. Bồ-tát cũng vậy, nguyện tu tịnh độ, sau đó đặng y sở nguyện. Vì thế nên biết nhờ nguyện được quả. “Lại nói: Nếu có thể vứa phát tâm nói rằng: Tôi nguyện đời sau làm Phật, diệt trừ tất cả khổ cho chúng sinh.” Tuy chưa đoạn phiền não, chưa thực hành việc khó, nhưng vì tâm khẩu trùng hợp,

nên vượt hơn mọi chúng sinh khác."

Đại Trang Nghiêm Luận nói: Việc lớn trong cõi Phật, chỉ thực hành công đức thì không thể thành tựu, phải nhờ nguyện lực. Như con trâu tuy có sức kéo xe nhưng phải nhờ người dẫn dắt nó mới đến nơi được. Tịnh cõi nước Phật phải nhờ nguyện dẫn dắt mới thành tựu. Vì nhờ nguyện lực, phước đức tăng trưởng, không mất không hoại, vì luôn thấy Phật. Hoặc sửa đổi mới lại, tạo dựng hình tượng, xây cất những chùa chiền, làm trang nghiêm đất phước.

Kinh Pháp Hoa nói: Nếu như người vì Phật, xây dựng các hình tượng, chạm trổ thành các tướng đều đã thành đạo. Hoặc dùng 7 báu làm thau, đồng bạch đồng đỏ, chất nhôm cùng chì kẽm, sắt gỗ cùng với bùn, hoặc dùng keo sơn vải, nghiêm sức làm tượng Phật, những người được như thế, đều đã thành Phật đạo. Vẽ vời làm tượng Phật, trăm tướng phước trang nghiêm, tự làm hoặc dạy người, đều đã thành Phật đạo.

Kinh tạo hình tượng Phật nói: "Vua Ưu điền đi đến chỗ Phật, bạch Phật rằng: "Thưa Thế Tôn ! Nếu sau khi Phật diệt độ, lúc đó có chúng sinh muốn làm tượng Phật, sẽ được phước gì?

Phật bảo vua rằng: Nếu có người tạo hình tượng Phật, phước đức vô lượng, không thể tính kể, người thời đều hưởng các món khoái lạc, thân thể thường được sắc vàng sáng chói. Nếu sinh vào loài người, thường sinh bậc đế vương, đại thần, trưởng giả, con nhà hiền thiện. Nhẫn đến nếu tam đế vương là bậc rất mực tôn quý trong hàng vua; hoặc làm chuyển Luân Thánh Vương, làm vua trong tứ thiên hạ.

Bảy báu tự nhiên, đầy đủ cả ngàn con. Cho đến sinh lên trời, làm thiên chủ trong lục dục; như sinh vào hàng phạm thiên, làm ma trời Đại phạm. Sau đó được sinh vào cõi nước của Phật Di Đà, làm Bồ-tát lớn, sau sẽ thành Phật, vào đường Niết-bàn. Nếu đời sau có người, làm hình tượng Phật, được phước như vậy. Kinh Hoa Thủ nói: Phật bảo Xá Lợi Phật: Bồ-tát có bốn pháp, bao giờ mới chuyển nơi vô thượng Bồ-đề. Những gì là bốn.

1. Nếu thấy pháp miếu hư sụp, phải gia công sữa chữa, hoặc lấy bùn nhẫn, đến một viên gạch.

2. Nếu ở ngã tư đường, chỗ nhiều người cùng thấy, xây tháp đắp tượng vì muốn tạo duyên cho người niệm Phật làm phước lành.

3. Nếu thấy hai bộ Tỳ-kheo tranh tụng, khuyến cầu phương tiện, khiến cho họ được hoà hợp.

4. Nếu thấy Phật pháp sắp chết khéo đọc tụng thuyết pháp cho dù một bài kệ khiến nó không chiết mất, vì hộ trợ chánh pháp, cúng dường,

kính trọng pháp sư, một lòng hộ pháp, không tiếc thân mạng.

Bồ-tát nếu ai thành tựu được bốn pháp như trên, đời đời sẽ làm Chuyển luân Thánh vương được thân mạnh khoẻ như thân, bỏ tứ thiên hạ mà xuất gia tu hành, có thể tuỳ ý tu tứ phạm hạnh, mạng chúng sinh lên cõi trời, làm đại phạm vương, nhẫn đến cứu cánh thành vô thượng đạo, thế nên con Di Hầu tạo tháp đá để vui chơi còn được sinh thiên, người hái củi lầm xướng một tiếng Phật vẫn còn được độ, hướng gì đói thành há không có phước thù thắng ư ? Hoặc hưng sùng bảo tháp, hoặc đúc hồng chung, nhẫn đến lớn như ngón tay cái. Phước sinh lên thiên giới, hoặc tạm gõ một tiếng, đường tối đều ngừng khổ. Kinh Vô Thượng Y nói:

"Phật bảo A-nan: Như ở trong cung của trời Đế Thích có Đại Phi Các, gọi tên là Thường Quang Điện, vô số món báu, mỗi loại đều có 8 vạn 4 ngàn thứ. Nếu có thiện nam tin nữ tạo lập điện Thường Thắng Bảo như vậy, trăm ngàn câu cho thí và tứ phương chúng tăng. Nếu lại có người, sau khi Như Lai nhập diệt, lấy Xá Lợi như giới tử đại tạo tháp như amala tử đại cở sát như châm đại, lộ bàn như cức diệp đại, tạo hình tượng Phật như mạch tử đại, những công đức này hơn công đức đã nói ở trước, trăm phần không bằng một, ngàn vain ức phần nhẫn đến a-tăng-kỳ số phần không bằng một. Vì cớ sao? Vì Như Lai có vô lượng công đức vậy."

Kinh Niết-bàn nói: "khéo giữ gìn vật của Phật và tăng, lau quét đất Phật, a tăng, tạo tháp như ngón tay cái, thường sinh tâm hoan hỷ, cũng sinh vào cỏi nước bất động."

Đây chính là cõi Tịnh Độ Thường Quang không bị tam tai làm lay động. Hoặc biên chép đại tạng, khai mở chân thuyên; hoặc khắc đá mạ vàng, lột da chích máu, khiến cho người thấy nghe tuỳ hỷ, mười thứ truyền thông, hệ báo tứ ân, tuân theo lời khuyên của đấng đại từ. Đó là Phật trí tán thán mà không kịp, phước báo cõi trời mà không cùng tận, công bằng với bậc Thiên Thệ, làm sứ giả của Như Lai.

Kinh Pháp Hoa nói: Nếu người được nghe kinh pháp Hoa này, hoặc tự viết, hoặc bảo người viết, công đức có được đem trí tuệ của Phật tính kể không hết, không thể cùng tận công đức ấy.

Hoặc hưng sùng Tam bảo. Gió từ quạt khắp, hoặc nơi cửa tường hào, oai lực ngoại hộ, bèn khiến cho chánh pháp trụ lâu ở đời, Phật đạo mãi hưng thịnh. Ngoại cảm thì mưa hoà gió thuận, nước nhà an ninh thái bình; nội báo thì đạo tăng cấu diệt, nhân quả viên mãn. Có thể tuân theo ân phó chúc, không mất lời thọ ký quả Bồ-đề.

Hoặc cởi sự trói buộc, hoặc cho người đi xuất gia; hoặc rộng độ Tăng ni, nối thạnh dòng Phật mở đường xuất ly, thực hiện moan tiếp dẫn, so sánh thắng duyên, khen ngợi các kinh điển.

Kinh xuất gia công đức nói:

Nếu cho người Nam, Nữ, nô tỳ, nhân dân xuất gia, công đức vô lượng.”

Kinh Bổn Duyên nói: “dù một này một đêm xuất gia, 20 kiếp không đọc ba đường ác.”

Luật Tăng Kỳ nói: Người xuất gia tu phạm hạnh một ngày một đêm lìa sáu trăm sáu ngàn sáu mươi kiếp khổ ở tam đồ. Cho dù trong lúc say cạo tóc, trong lúc vui đùa mà đắp y, trong khoảng thời gian ti hào đó, sẽ mong có ngày đặng đạo quả. Nữa là cắt ái từ thân, đầy đủ chánh duyên, thành Bồ-tát Tăng, phước đâu có bờ mé. Hoặc vì pháp quen thân, dứt tuyệt tà sư, dựng cờ chánh pháp, đoạt lưới ma chướng. Mặt trời trí tuệ ngời sáng chiếu soi ngôi nhà vô minh, mây từ che khắp khu rừng phiền não, khiến cho người tin tà đạo hướng về cửa tam giải thoát làm cho người tà kiến xé tan lưới bất đảo. Hoặc làm việc lớn khác để trợ phát Bồ-đề, làm chuyên tăng thượng, là người bạn không mời thỉnh.

Kinh Niết-bàn nói: Kẻ giúp người khác phát tâm Bồ-đề cho phép phá 5 giới, nên biết tổn mình lợi người là hạnh của Bồ-tát.

Hoặc thiết trai cúng dường chúng tăng hổ trợ việc tu hành, mở cửa đại thờ, lập hội vô già. Đó là vì giảm một muỗng cơm mà 7 lần sinh biên trời. Bố thí một nắm gạo mà hiện đời lên ngôi vua. Hoặc xây dựng phòng kinh thiền that, hoặc cho hoa quả vườn rừng, cung cấp những đồ cần dùng để giúp cho đạo nghiệp. Thuở xưa Chi Biện An Thiền đạo bạn, lấy nhạc trời tự nhiên, ngày cho tụng kinh sa-di, được tổng trì đệ nhất.

Kinh Đại Báo Ân nói: “nếu dùng bữa ăn sâu chuổi anh laic cho nhười, loại bỏ tâm sân, do nhân duyên này, đạt được hai tướng:

1. Sắc vàng.

2. Luôn tươi sáng chói.

Nhẫn đến quét tháp tô trét đất, giúp đở chúng tăng, khởi tâm cung kính, tha thiết với sự nghiệp của mình, phát một chút tâm lành, thành duyên thanh tịnh vô biên.

Kinh Bồ-tát Bổn Hạnh nói: “Thuở xưa lúc Phật còn ở đời, có vị La Hán Bà Da Kiệt Lê quát sát nhân địa của mình đã từng rưới quét tháp cổ của Phật Định Quang, chặt phát cỏ cây. Làm cho sạch sẽ rồi hết sức

vui mừng, nhiễu tháp 8 vòng, làm lễ rồi ra về. Sau khi mạng chung, sinh vào cõi trời Quang âm, trọn tuổi thọ ở trời, nhẫn đến trăm lần, trở lại làm chuyển luân Thánh Vương. Tướng mạ trang nghiêm, ai thấy cũng thích, lúc muốn đi thì đường xá tự sạch sẽ, trãi 90 kiếp dù sinh thiên hay sống trong nhân gian đều giàu sang, vinh hiển, vô cùng khoái lạc. Nay thân cuối cùng được gặp Phật Thích Ca, bỏ sự giàu sang mà xuất gia, đắc quả La Hán. Nếu người nào đối với Tam bảo làm một chút thiện bằng mảy lông cọng tóc, khi sinh ra ở đâu cũng lãnh thọ quả báo rộng lớn, không có ngằm mé."

Kinh Chánh Pháp Niệm nói: Nếu có chúng sinh cúng dường chúng tăng bằng tâm thanh tịnh, quét tháp Phật, khi mạng chúng sinh vào cỏi trời ý lạc thân không phải bằng máu thịt cũng không dơ uế. Mùi thơm lan khắp 100 tuần, thân ngài sạch sẽ, giống như gương sáng.

Phó Pháp Huyện nói:" Có vị Tỳ-kheo hiệu là Cầu Đa, quán thấy không có phước, không thể đắc đạo, dạy bảo họ cúng tăng bèn được chứng La Hán quả. Lại có vị La Hán hiệu là Kỳ Dạ Đa, đủ tam minh lục thông, quán thấy đời trước mình đã từng làm thân chó, chưa từng có được bữa ăn no, luôn bị đói khát, mà luôn đích thân tự gắp thức ăn chín cung cấp cho chúng tăng."

Kinh Đại Báo Ân nói: "Quán sát nghĩa thậm thâm của các pháp ưa tu pháp lành, phụng dường cha mẹ, những người có đức như thầy Tổ Hoà Thượng. Nếu đi trên đường tháp Phật, phòng tăng chọn bỏ những ngòi đá, gai góc và đồ dơ dáy. Do nhân duyên này, trong 32 tướng được tướng mỗi mỗi sợi lông xoay về hướng phải. Nhẫn đến nuôi bệnh, tắm rửa cho chúng tăng bị bệnh, hoặc đào giếng xây hầm cầu, trợ giúp những khi hiểm nạn nguy cấp, lúc cứu giúp được đầy đủ cũng là tâm của Đại Bồ-tát, thành hạnh bất khả tư nghì. Lợi tha đã xong, đắc quả lại sâu xa, hoặc luôn thọ thân biến cố bất hoại, hoặc được tướng hảo thanh tịnh, hoặc vãng sinh về cõi cam bồ Phật quốc, hoặc chóng được thân nhẹ nhàng, tự tại, đều là nhân thù thắng của 32 tướng, quả vô diệu của 80 món đẹp. Kinh Đại Phương Tiện Phật Bát Ân nói: "Ba nghiệp thanh tịnh, xem bệnh cho thuốc, phá trừ ngã mạn, ăn uống biết đủ nhờ nhân duyên này mà trong 32 tướng được tướng đều đặn.

Kinh Phước Điền nói: "Phật Bảo Thiên Đế, thuở xưa ở nước Ba La Nại xây dựng nhà xí, do công đức này đời đời thanh tịnh, nhiều kiếp hành đạo, dơ dáy không dính vào, sắc vàng sáng chói, trần cấu không dính, thức ăn tự tiêu hoá không có các bệnh tự tiện lợi"

Kinh Bách Duyên nói: "Tỳ-kheo Tôn Đà Lợi vào thời quá khứ

làm một vị trưởng giả, vì đem đủ các thứ nước thơm cho các chúng tăng tắm rửa, lại lấy những đồ trân quý bỏ vào nước, nay khi được sinh ra, trong nhà tự nhiên có một dòng suối, nước thơm mát lạnh, đầy đủ đồ quý báu hiện trong đó, thân tướng khôi ngô, sau đó xuất gia đắc đạo."

Kinh Hiền Ngu nói: "Thuở xưa có 500 khách buôn vào biển tìm châu, thỉnh một vị ưu bà tắc ngũ giới, để làm người dẫn đường, Thần biển vốc nước mà hỏi rằng: Nước trong vốc tay này nhiều? Hay nước trong biển nhiều? Hiền Giả đáp: Nước trong vốc tay nhiều. Nước trong biển tuy nhiều, nhưng khi kiếp sắp tận ắt sẽ khô cạn. Nếu lại có người có thể lấy một vóc nước cúng dường Tam bảo, hoặc phụng dưởng cha mẹ, hoặc giúp đỡ người nghèo khó, hoặc cho chim muôn uống, công đức này, muôn kiếp không hết. Từ câu nói này biết được nước trong biển ít hơn nước trong vóc tay."

Thần biển hoan hỷ bèn đem châu báu tặng cho Hiền Giả. Vì biết tất cả vạn vật đủ ứng thời mà cứu giúp cho họ được lợi ích, nếu họ không cần mà tuy nhiều nhưng chẳng lợi ích gì.

Kinh nói: "Nếu trồng cây trong vườn, xây giếng nhà xí, cầu đồ, phước mà người này đã làm, đêm ngày luôn tăng thưởng."

Cao Tăng nói: Đạo An Pháp Sư cảm được lời của Thánh Tăng bảo rằng: Hạnh giải của ông hơn người, chỉ vì phước ít, hay tắm cho chúng tăng thì sẽ nguyện ắt đủ." Hoặc san bằng gò hầm, mở mang đường xá, hoặc đóng tàu bè, lắp ráp cầu đò, hoặc ở nơi đường quan trong xây dựng đình đài, hoặc bến đường trồng cây ăn quả, giúp sự lỡ đường cho người qua lại, chuẩn bị cho bước đường của người và vật.

Trong lục độ môn, chỉ phát khởi sau rộng, trong 8 phước điền, tâm thương xót cứu giúp cùng khắp. Nhân của một niệm lành có thể cảm hai thứ báo:

1. Hoa báo, lãnh thọ sự thoái lạc của trời người.
2. Quả báo, chứng nguồn chân của Phật tổ.

Hoặc cho ăn cho uống, bệnh thời cho thuốc men, chỗ ở, quần áo, tất cả vật cần dùng làm an lạc loài hữu tình, là gia nghiệp của chủ Phật, vỗ về, an ủi những kẻ yếu đuối, là lệ thường của bật đại sĩ, giả sử cho một trái thọ phước lạc trong 90 kiếp, chia một phần ăn được tài sản gấp ngàn lần.

Kinh nói: Cho thức ăn được 5 thứ lợi ích:

1. Thí mạng.
2. Thí sắc.
3. Thí lực.

4. Thí an.

5. Thí.

Trí Độ Luận nói: "Quỹ thần được người cho một bữa ăn, thì nó hoá ra gấp ngàn vạn lần."

Kinh Hoa Nghiêm nói: "Phóng ánh sáng gọi là an ổn, ánh sáng này chiếu soi đến người bệnh tật, thì khiến cho họ diệt trừ mọi thứ khổ đau, thảy được niềm vui của thiền định. Cho một thang thuốc hay để chữa bệnh nan y, được báu trang nghiêm thân thể, tô, dầu sữa mật ăn, uống no nê, nhờ vậy mà được ánh sáng này.

Hoặc ban cho sự không sợ hãi, khéo dàn xếp sự tranh cãi, thương sót người coi cút, cứu giúp kẻ hoạn nạn, phước thọ bằng phạm thiên, hạnh ngang bằng bậc Đại Giác, nhân to thời quả lớn, đức sâu thì quả dày.

Kinh Hoa Nghiêm nói: "Ánh sáng gọi là vô úy, ánh sáng này chiếu đến người sợ hãi, phi nhân ôm giữ các thứ độc hại, tất cả đều khiến họ diệt trừ. Có thể ban sự bình yean cho chúng sinh, gặp người não hại cũng khuyên họ dừng, cứu giúp kẻ hiểm nạn cô đơn nghèo cùng, nhờ vậy mà được ánh sáng này."

Lại nữa, từ bi hỷ xã các món lợi ích, cứu nghèo giúp khổ, rũ lòng thương nhớ và cho súc sinh ăn một nắm, đều là Phật nghiệp, nhân từ vô duyên.

Kinh Pháp cú nói:

Thực hành từ bi có 11 thứ lợi ích.

Phật nói rằng:

Thực hành nhân từ
Từ bi cứu giúp
Có mười một thứ vinh dự
Phước luôn theo thân
Thức ngủ an ổn
Trời hộ người thương
Không độc không bệnh
Không chết vì nước lửa
Sống được lợi ích
Chết sinh trời phạm thiên
Đó là mười một.

Cho nên Kinh nói: Tất cả những căn lành có sẵn có của chư Phật, Bồ-tát, Duyên Giác, Thanh Văn, từ bi là căn bản.

Tỳ Sa Luận nói: Nếu người tu hạnh từ, lửa không đốt được, dao

không chém được, nước không cuốn được, người không giết được. Người sở dĩ được như vậy bởi tâm từ nhất định là pháp bất hại. Có oai lực lớn, chư thiên ủng hộ, người muốn hại cũng không hại được.””

Kinh Thượng Pháp Quyết Nghi nói: Phật bảo: nếu người ở trong a-tăng-kỳ kiếp đem thân cúng dường mười phương chư Phật cùng chư Bồ-tát và chúng Thánh Văn, không bằng người bố thí cho chúng sinh một bữa ăn, phước ấy hơn phước của người kia gấp trăm ngàn vạn vô lượng vô biên lần.

Trương Phu Luận nói: “Thương sót giúp một người, công đức như đại địa, vì mình thí tất cả, được quả như hạt cải, cứu một người hiểm nạn, hơn người thí tất cả, các ngôi sao tuy sáng nhưng không bằng mặt trăng.”

Kinh Hoa Nghiêm nói: Bồ-tát cho dù thí cho chúng sinh một bữa ăn một năm, một hạt, đều nguyện như vầy: đời sau khiến cho những loài này bỏ đường súc sinh. Lợi ích an lạc, cuối cùng giải thoát qua hẳn biển khổ, diệt hẳn khổ thọ, dứt hẳn ấm khổ, đoạn hẳn giác khổ, tụ khổ, và các xứ khổ, nguyện cho chúng sinh kia, đều được xả ly. Bồ-tát chuyên tâm buộc ý nơi tất cả chúng sinh như vậy, lấy căn lành ấy làm trên hết, vì họ hồi hướng về nhứt thiết chủng trí.

Kinh Đại Niết-bàn nói: “Thời quá khứ Phật chỉ tu một hạnh từ, trải qua các kiếp số bảy lần thành hoạn, không sinh lại cõi này. Khi thế giới hoại sinh vào cõi trời Quan Âm; khi thế giới thành lên vào trời phạm thiên cõi trời Đại Phạm. 36 lần làm trời Đế Thích, vô lượng trăm ngàn đời chuyển luân Thánh Vương, cho đến lúc thành Phật.”

Lại nữa, sư tử hiện ra ngón tay. Voi say lể dưới chân, như mẹ hiền gặp con, kẻ mù được sáng mắt, thành biến thành lưu ly, đá tung lên hư không. Thích nữ bị ung nhọt, Điều Đạt bệnh bout đều là nhờ đức Bổn Sư nhiều kiếp huân tu căn lành có thể khiến cho người khổ thấy được việc như vậy. Nay đã kể thừa, vâng theo dấu xưa, cho đến phóng sinh cứu mạng, khởi lòng thương sót và dứt hết sự sát hại. Bỏ hết tai vạ của việc vướng, mở hết lồng, mõm, nói tiếp thọ mạng của biển, thực hành nhân của mạng. Bèn được trọn hình nơi sông nước, ngừng các thứ khổ bị rơi vào lưới mắt câu, bay, lượn tuỳ ý, thoát khỏi nỗi lo của nạn cháy rừng, cạn nước, thoát hầm sai sử, tránh bào thai mới, tổ không có trứng củ, mỡ tan trong chảo vạc, thịt nhừ trong dao thớt.

Kinh Phạm Võng nói: “Nếu Phật tử vì lòng thương sót, làm việc phóng sinh, vì tất cả người nam là cha ta, tất cả người nữ là mẹ ta, đời đời ta đều sinh ra từ nơi ấy, cho nên chúng sinh trong lục đạo đều là

cha mẹ của ta, mà người giết nó để ăn là người giết cha mẹ mình, cũng là giết thân củ của mình.” Cho nên biết loài hữu tình hay vô tình đều không được giết hại.

Kinh Hoa Nghiêm nói: “Này Phật Tử! Bồ-tát ma ha tát làm đại quốc vương ở trong pháp tự tại, ban hành khắp viêc giữ gìn thân mạng, khiến họ trừ sát nghiệp. Thành ấp tụ lạc trong Diêm-phù Đề, tất cả đồ tể đều ra lệnh cấm đoán, tất cả những sinh vật không chân, hai chân nhiều chân, đều ban cho sự không sợ hãi, không có tâm dối lừa cướp đoạt, Tu khắp tất cả các hạnh, thương sót đến muôn vật, không làm tổn não, phát tâm quý báu, làm an ổn chúng sinh. Ở chỗ chủ Phật, đặt niềm vui thật sâu, thường tự an trụ trong 3 môn hình giới, cũng khiến cho chúng sinh được an trụ như vậy. Bồ-tát lớn dạy cho chúng sinh trụ vào 5 giới, đoạn hẳn nghiệp sát đem thiện căn này hồi hướng rằng, nguyện cho tất cả chúng sinh phát tâm Bồ-đề, đầy đủ trí tuệ, giữ gìn chắc mạng sống, không có cùng tận. Nhẫn đến thấy chúng sinh, tâm ôm lòng tàn nhẫn, làm tổn hại người vật, của cãi, khiến họ bị thiếu thốn chịu hkác thứ khổ sở, thấy việc ấy rời khỏi lòng thong sót mà cứu giúp họ. Khiến cho tất cả nhân dân trong cõi Diêm-phù này được bỏ nghiệp này.”

Kinh Niết-bàn nói: “Ai ai cũng mến tiếc thân mạng, loài nào cũng sợ dao gậy, suy bụng mình để làm thí dụ, chớ giết chớ bảo giết.”

Xưa có vị thiền tăng Đặn Ân Phong, lúc chưa xuất gia từng bắn một con khỉ, rơi xuống đất và chết. Trong khoảnh khắc mẹ con khỉ, cũng rơi xuống đất và chết. Nhân việc đó mà mổ bụng nó ra, thấy ruột gan của nó đứt từng đoạn, ông liền bỏ nghề săn bắn, nhân việc này mà xuất gia. Vì thế nên biết thân người thể thứ, thọ quả báo có nhiều thứ sai khác, lưới ái căn tình, đều giống nhau không khác. Cho nên như hổ lạc rừng, phải rơi vào bụng lửa, giết chim để làm kinh động cầm thú, bèn ném thân vào trong án trắc. Đến như ông Dương nuôi chim nhưng đâu có ý mong được vòng ngọc. Họ khổng thả rùa vốn không có tình nơi ngọc ấn. Mạng đã không có lớn nhỏ thì tôi đâu có cách hiền ngu. Ba nghiệp tạo tác phải hết sức cẩn thận, lỡ làm tổn thương, lở giết chết còn phải trả báo vô tình, cố tạo cố tác thì đâu tránh khỏi lưới nghiệp? Hoặc thọ giới một ngày, hoặc thọ bát quan trai, hoặc không ăn mặn hoặc dứt hẳn thứ cay nồng, khôn gặp cõi tam tai, có thể vượt lên khỏi cõi lục dục. Đã làm chuyên sống lâu, lại chưa nhóm hạt giống đại từ. Kinh nói: Thuở xưa có Ca La Việt thiết lập đàn tràng lớn thỉnh Phật và tăng, lúc ấy có một người bán rượu, ở trọ tại nhà người chủ. Rộng khuyên ông nghe kinh trì trai. Đến tối mới trở về người vợ hỏi ông: “Tôi từ sáng tới

giờ không ăn, đợi ông tới giờ.” Rồi phá trai giới của chồng, phước trì trai có phân nữa còn sinh lên cõi trời, bảy đời ở tại cõi trần lúc nào thức ăn đồ mặc cũng đầy đủ. Trì trai một ngày được long trong sáu mươi vạn tuổi tự nhiên. Lại có 5 phước: một là ít bệnh, hai là thân tâm an ổn, ba là ít dâm dục, bốn là ít ngủ nghỉ, năm là sau khi mạng chung thần thức sinh lên cõi trời, thường biết túc mạng.

Hoặc ôm lòng hổ thẹn, thường sinh tâm vui mừng, biết tỏ lòng tri ân, hằng khởi ý đáp đền.

Kinh Tạp A Hàm nói: “Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có hai tịnh pháp có thể ủng hộ thế gian. Những gì là hai. Đó là tàm quý giả sử người thế gian không có hai tịnh pháp này, người đời cũng không biết mình có mối quan hệ giữa cha mẹ. Anh em, chị em, vợ con, tôn thân, sư trưởng, cao thấp, điên đảo hỗn loạn, như cõi súc sinh.

Liền nói Kệ rằng: Thế gian nếu không có hai loại tàm quý vượt trái đạo thanh tịnh, hưởng sinh lão bệnh tử.

Thế gian nếu thành tựu hai loại pháp tàm quý thì thêm lớn đạo thanh tịnh, đóng chặt cửa sinh tử. Hoặc chuộc tội thay hình phạt, liều mình cứu người, hoặc cởi mở lao ngục, ân xá hình phạt, hoặc chiều theo ý khách, kêu gọi bãi bỏ thuế dân, hoặc ngừng đặt quan phòng, bỏ các thuế buôn, hoặc cứu giúp người bệnh nghèo, an ủi kẻ không nương tựa. Thường đề tâm thương yêu tha thứ thường đem lòng quan tâm chăm sóc. Khi tỉnh cũng như lúc mê không bao giờ quên lòng thương xót, cho đến loài bò, bay máy cựa cũng cho chở khắp cả.

Kinh Hoa Nghiêm nói: Này Phật Tử: Bồ-tát lớn thấy ngục tù, năm cõi bị trói buộc, chịu các khổ độc, bao vây bức bách, đem vào cõi tử, muốn đoạt mạng mình, nhẫn đến tự bỏ thân mạng, chịu các khổ nhọc. Bồ-tát bấy giờ nói với chủ ngục rằng: Tôi nguyện xả thân để thế mạng cho người ấy, những tội như vậy để tôi thế cho. Nếu người kia tuỳ ý làm theo, giả sử tội kia dù trãi qua bao nhiêu a tăng kỳ tôi cũng chịu hết, để cho kẻ đó được thoát nạn. Nếu ta thấy người sắp bị giết hại, không bỏ thân mạng cứu chuộc khổ kia, thì không gọi là trụ tâm Bồ-tát. Vì cớ sao? Tôi vì cứu hộ tất cả các chúng sinh mà phát tâm Bồ-đề nhất thiết trí.

Chánh Pháp Niệm nói: Xây một ngôi chùa không bằng cứu một mạng người, đinh chính một bản linh so sánh các phước đức không bằng tâm từ thương xót tất cả loài côn trùng, có tình thức, phước này thù thắng hơn.

Hoặc tận trung báo hiếu, giúp nước hộ nhà, thực hành gió khiêm

cung nhường nhịn, thực hiện đạo ôn hoà cung kính, kính dưỡng cha mẹ, được phước điền đệ nhất, thừa sự tôn hiền, mở tịnh lộ để sinh thiên.

Kinh Hiền Ngu nói: Phật bảo A-nan: "Người xuất gia tại gia, tâm từ hiếu phụng dưỡng cha mẹ, tính kể công đức ấy, thù thắng khó lường. Tại vì sao? Ta nhớ lại thời quá khứ, từ tâm hiếu thuận phụng dưỡng cha mẹ, nhẫn đến sóc thịt cứu nguy cho cha mẹ trong lúc hiểm nguy. Nhờ công đức ấy, trên là vua trời, dưới làm Thánh vương, nhẫn đến làm Phật, bậc tôn kính của 3 cõi, đều do phước này."

Hoặc xưng dương công đức ấy, mở cửa toàn thiện, hoặc tán thán danh tiếng của nó, phát khởi con đường toàn hiền, thành cái đẹp của con người trợ giúp tâm dũng mãnh, vui theo dự vẽ vang của người cùng khởi làm việc tốt, gọt sạch hết gai nhọn tật đố, dập tắt ngọn gió độc phẫn hận, khởi tâm tứ vô lượng, nhiếp vật cùng về với mình, thực hành hạnh an lạc để lợi ích hữu tình.

Vì thế chủ Bồ-tát đều muốn trở lại biển khổ sóng dữ, làm những việc không lợi ích, hao tốn công sức, chỉ nuôi lớn mầm nghiệp, truy xét lại lỗi xưa, chóng tu Phật đạo, mặc giáp tinh tấn, phát tâm kim cương, làm hết mọi điều thiện, rộng khởi việc lợi, vào Tam-muội thế gian, hiện thần thông công xảo, hoà quang đồng trần hạnh sấu dụng kín, dập lửa vô mình, bẻ cờ kiêu mạn, chiều chuộng cơ ngơi, vui hoà để chị bảo, ái ngữ nhiếp thọ, đoái nhìn bằng ánh mắt từ khai tỏ sự tối tăm, an ủi kẻ lo sợ, giương ánh mặt trời để soi thế gian, đốt ngọn đuốt để phá tan bóng tối, đặt ra từng lớp cửa ngục, rót dầu vào nhà lửa hực cháy, nguyện đã cầu xong, như hạt châu như ý, nhổ gốc rễ của bệnh tật, còn cho thuốc thiện kiến, làm khô nước ái dục mà thành biển từ bi, làm nát lịm khổ luân mà thành trí luân. Biến bờ nghèo khó thành bến phước đức, chuyển cõi sinh tử thành đạo Bồ-đề. Trong pháp của chư Phật, không gì mà không làm, trong cõi chúng sinh không gì mà không giúp, như sự chở che của đất, như sự nâng đở của cầu, như sự lội kéo của gió, như sự thấm nhuần của nước, như sự nóng ấm của lửa, như sự sản sinh của mùa xuân, như sự dung nạp của hư không, như sự che mát của mây trời, bèn khiến cho người nghe tên thoát được khổ, dẫm lên bóng mà an lạc, xúc chạm hào quang, mà thân dơ được sạch sẽ, nhớ nghĩ đến thì tâm vượn được điều phục, đều là chỗ nhỏ nhiệm đến chỗ tỏ rõ, chứa dần thiện cảm, hạnh mãn công niên, thành tựu đại sư. Cớ sao lại phá con đường thiện nghiệp, mở cửa ác thú, thành tựu việc ma, đoạn giết giống Phật?

■

VẠN THIỆN ĐỒNG QUY TẬP

QUYỂN HẠ

Luận về nhứt vạn đốn viên, ba đức thảy đồng đủ, chưa có một pháp nào vượt khỏi nguồn tâm, nếu tu vạn hạnh cũng từ chân pháp giới mà thành tựu. Hoặc đối trị tập khí mà dùng tri kiến Phật để đoạn, thành quả mình đã làm ấy không thành, đâu ngại chiệu hạnh đoạn mà không đoạn, há ngại với với viên tu ư? Cảnh hết sức trái ngược còn làm chỗ dựa để phát khởi tri thức, đức tốt, thiện đẹp, đâu phải con đường tiến vào đạo ư?

Hỏi: Sao không tỏ ngay bờ chính, vì bổn lập thì đạo sinh. Nếu thực rộng hạnh môn, sợ rằng sinh ra sự ngăn trệ.

Đáp: Lý là gốc của đạo, hạnh là dấu vết của đạo. Nhân gốc thấy dấu không có gốc thì dấu vết đâu tìm được. Nhờ dấu vết mà rõ được gốc, không có dấu vết, gốc đâu có đứng riêng được. Cho nên nói bổn tích tuy khác nhưng trọn không nghĩ bàn vậy. Thế nên biết rằng trước hết làm rõ tông chỉ của mình, rồi mới tiến bước trên đường đạo. Nếu cứ đuổi theo ngọn quả là có sự chướng ngại. Kinh nói: Chẳng phải không tỏ được chân như mà có thể thành được hạnh ấy, giống như những chuyện huyền ảo, dường như có mà không thật.” Vả lại, người mà căn cơ viên mãn thọ lãnh một cách nhanh chóng, thì dù cho chiếu che cũng không ngại, ngay nơi giá mà chiếu, cho nên cả hai đều trái chính là hai hạnh, ngay nơi chiếu mà giá nên vừa 2 hạnh mà chính là cả hai trừ bỏ, không hoại bổn mà luôn luôn là mạc, vạn hạnh rõ ràng, không hoại mạc mà luôn là bổn, nhứt tâm thường tịch.

Hỏi: Kinh Pháp Cú nói: “Nếu có thể để tâm không khởi, tinh tấn không có ngằn mé.” Vì cớ sao lập sự khởi tâm để trái với đạo vô tác ư?

Đáp: ngay nơi tâm mà vô tâm, sự không ngại lý, làm mà không làm, tánh không ngại duyên. Cho nên Huyền Thủ Quốc Sư nói: “Duyên khởi thể tịch, khởi mà cứ không khởi, đạt thể tuỳ duyên, không khởi mà hằng khởi.”

Kinh Đại Tập nói: “Phật bảo: Tinh Tấn có 2 loại:

1. Mới phát tinh tấn.

2. Trọn thành tinh tấn.

Bồ-tát bắt đầu từ phát tinh tấn để tu tất cả pháp lành, đem trọn thành tinh tấn, để phân biệt tất cả pháp, không được tự tánh.”

Kinh Kim Quang Minh nói: tuy được quả Phật, song không ngừng tinh tấn, cho nên ở trong chúng còn đem thân lễ xác thịt huống chi những bậc thấp còn lại, đứng thẳng chắp tay mà được ư? Cho nên trong 18 pháp bất cọng tinh tấn không giảm.

Đại Luân nói: “Bồ-tát biết tất cả tinh tấn đều là hư vọng, mà luôn thành tựu không thối lui, đó gọi là chân thật tinh tấn.”

Hỏi: Tất cả pháp không thật đều tôn sùng vô tướng, cớ sao trình bày các món thiện, khởi tâm hữu tướng?

Đáp: Vì các pháp rốt cuộc là không có thật, nên có vạn thiện để thực hành. Nếu các pháp có tánh nhất định thì tất cả các pháp không lập.

Cho nên Kinh Bát-nhã nói: “Nếu các pháp thật có thời không có đạo có quả.”

Kinh Pháp Cú nói: “Bồ-tát ở trong rốt ráo không, hiển nhiên kiến lập.”

Kinh Kim Cang Tam-muội nói: “Nếu nói pháp có một, tướng này như mao luân, như ánh nước mê mờ điên đảo, vì nó là các thứ hư vọng.” Nếu thấy nơi pháp không, pháp này đồng hư không, điên đảo như kẻ mù không thấy, nói pháp như lông rùa”

Lại nữa, Kinh nói: “Thà huỷ báng như núi tu di, chứ đừng chê không như hạt cải.”

Luận nói: trong các pháp thật tướng, quyết định tướng không thể được, cho nên gọi vô sở đắc, chẳng phải không có phước đức trí tuệ thêm lớn thiện căn.

Lại nói: “Người tà kiến phá các kiến cho không, người quán không biết các chân không, không phá không hoại.

Thí như người điền xá, không bao giờ biết muối, thấy người giàu sang, lấy muối nêm vào các loại rau thịt mà ăn, Ông hỏi: “Cớ sao làm như vậy?.” Người kia đáp: “Muối này có thể tạo cho các món ăn ngon thêm”

Người này liền nghĩ: “Muối này có thể khiến các món ăn ngon thêm, chắc hẳn vị nó rất nhiều.” Bèn múc đồng thìa muối bỏ vào miệng ăn, chất mặn làm hư miệng, rồi hỏi lại rằng “Tại sao ông nói muối có

thể làm cho thức ăn thêm ngon?."

Người kia đáp: "Ông ngu ơi! Điều này phải biết so đo một chút, cho thêm vào khiến cho món ăn ngon chứ tôi có nói ăn toàn là muối đâu."

Người vô trí nghe không giải thoát môn, không thực hành các công đức, chỉ muốn đắc không, đây là tà kiến, đoạn các căn lành.

Đại Sư Tuệ Viễn ở Lô Sơn giải thích Kinh Niết-bàn có đoạn hỏi: "Nếu không được gì, tại sao phải làm thiện." Phật đáp: Biết các chúng sinh, hiện có Phật Tánh, ắt có nhân quả như đứa trẻ trong thai, nhất định sinh ra không bao lâu, đương nhiên phải tu thiện.

Lại hỏi: Tôi nay, không biết chỗ thú nhập, làm sao làm thiện?

Phật bảo: có Như Lai tạng, có thể hướng vào, phải tu các nghiệp lành.

Hoằng Minh Tập nói: Hoặc có người chấp chặc nơi không rời, sinh ra đoạn kiến, nói ra miệng dường như giống mà thực hành ở nơi tâm thì khác. Chánh Pháp lấy không để trừ lòng tham ái của mình. Bậc Đại Sĩ thể hội pháp không mà tăng tưởng công đức, kẻ tiểu nhân nói không mà thục lui đối với điều thiện. Bởi vì phản dụng chánh ngôn để sinh ra tà chấp. Không quán không để trừ mối tuệ luỵ, chỉ chấp không mà phế bỏ điều thiện. Lại nữa các pháp thiện ác đồng với không vô tướng, mà thiện, pháp là trợ đạo, ác pháp sinh ra chương ngại. Nên biết tánh Phật của vạn pháp đồng với nhất như vậy, trong pháp ngàn duyên nó không có sự ngăn ngại nên có không có muốn thứ sai khác. Cho nên Kinh nói: Tin sâu nhân quả, không huỷ báng đại thừa, nhân quả ba đời, Phật không dối gạt. Khuyên răng mười phương, nghe ắt không nghi, mà cho rằng, thiện ác đều không, không tổn ích ư?

Hễ pháp nhân sáng tỏ, thì không pháp nào không rõ ràng: tướng lưỡi rộng dài thì không pháp nào không thật. Nó đã chia ra thành có thì một mãy là muôn ngàn, nó đồng với không thì vạn điều cũng là một. Ngăn sự nãy sinh ra đoạn thường thì trừ luôn hai bệnh không có. Chẳng phải thành ắt không lành, thuận với đạo rốt cuộc là điềm lành, đừng bảo không tin, vì rõ ràng như ban ngày. Cho nên trung luận nói: "Chu Phật nói pháp là không có vì để trừ bệnh chấp có, nếu lại chấp không là chỗ chư Phật không hoá độ. Kinh Kim Can Tam-muội nói: "nếu lìa không mà chấp có, phá có mà thủ không, đây là cái không giả tạo, chứ chẳng phải là chân không." Nay tuy lìa có mà không giữ không, như thế thì được các pháp chân không. Cho nên "Triệu Luận" nói: nếu lấy có làm có, thì lấy không làm không, có đã không có thì không cũng như vậy."

Không giữ không để quán các pháp thì có thể gọi là thấy thật tánh của pháp vậy. Đâu được lấy không hại có, lấy có hại không, trái với nguồn của một vị Thánh cấu của nhị kiến. Đây đều là y nơi, lời nói mà đánh mất nghĩa, bỏ rơi trí mà lưu giử tình. Tuy nói là phá chấp có, chưa đạt nguồn có, gọi chấp không chứ chẳng cùng tột ý không. Nay biện sơ về điều này, để triệt tiêu tà tuệ.

Hễ nói có là có của không có, không là không của không không, chẳng đoạn không. Nếu quyết định là có, chẳng phải là huyễn có, mà không sinh khởi trở ngại. Nếu rỗng tuếch mà đồng với hư không, thì không có chiệu dụng. Cho nên theo duyên mà có, là không của vô tánh. Không của vô tánh, không mà không ngại có. Có là do duyên, có mà không ngại không. Có nhờ không lập, thành do trí thì vạn pháp cuồn cuộn, không từ có mà sinh, khởi điệu tuệ mà nhất chân rồng lặng. Đâu giống với chấp chỉ không mà sinh đoạn kiến, thì biển phước tiêu sạch, nương vào thật có mà khởi tâm hằng hữu thì núi ngã mạn cao chất ngất. Vì thế Phật nói không thật, vì không vô minh mà thành phước nghiệp, phá biến kế mà liễu viên thành. Người ngu nói không liền sinh ra cái hiểu sai lầm, mà huỷ bán ý Phật, tăng thêm cái thấy, không mà duyệt nhân thiện. Lại đoạn duyệt không, thì không thiện không ác, không nhân không quả. Đệ nhất nghĩa không thì có nghiệp có báo, không thấy người làm.

Hỏi: Sao không thâm nhập vô sinh, tự nhiên hợp đạo, nhiều lỗi hữu vi đâu ích gì cho sơ tâm?

Đáp: Nhân nơi thế từ mà vào chân từ, từ sinh nhẫn mà có pháp nhẫn. Học thì chia ra trước sau, vị đâu có lẫn lộn. Lại nữa, sinh tức là vô sinh, đâu vượt khỏi cảnh giới của tánh không? Không làm tức làm đâu thoát khỏi nguồn thật tướng. Chỉ thủ xã tình vong, tức chân tục lý kiến. Cho nên Kinh nói: “Bồ-tát không diệt sạch hữu vi, không ở trong vô vi.” Ngài Tăng Triệu nói: “Hữu vi tuy giả, nhưng bỏ nó thì việc lớn không thành, vô vi tuy thật nhưng trụ vào đó thì tuệ tâm không sáng.”

Kinh Hoa Nghiêm nói: Hiểu rõ thân Như Lai chẳng như hư không, vì vô lượng diệu pháp, và tất cả công đức đã được viên mãn.

Kinh Đại Tập nói: “Xã bỏ đại bi mà quán chúng sinh, đấy là ma nghiệp, chán bỏ công đức hữu vi đấy là ma nghiệp.”

Hỏi: Tánh đức vô lậu vốn tự đầy đủ, đâu nhờ sự tu bên ngoài mà khuyết giảm thiện bên trong?

Đáp: có sẳn hai đức tu tánh, hai duyên trong ngoài, như tánh đức vốn đủ, như trong cây có lửa, không thành sự dụng, phải nhờ tu đức nếu

gặp nhân duyên mới có thể hiển hiện. Đó là nhờ tu mà hiển tánh, nhờ tánh mà tu được, nếu bản chất là vô tánh thì tu cũng không thành. Tu, tánh không hai, hoà hợp mới đủ. Lại nữa, trong các bổn giác, thường huân Thánh chủng, ngoài nương thiện duyên, giúp mở tri giác. Có trong mà thiếu ngoài, thì Bồ-đề không tròn.

Kinh Hoa Nghiêm nói: Vì pháp như vậy, có sẳn nhân bên trong, vì thần lực của Phật, có sự gia hộ của duyên bên ngoài. Do đó, nếu tu vạn thiện, thì thuận pháp tánh, để gọt sạch dơ bẩn, tánh đức mới khởi. Phàm phu tuy đủ, do tạo ác mà trái với tánh, nên bổn tánh không hiển lộ, không thành diệu dụng.

Hỏi: Vong duyên đốn nhập, giác điển có lời văn, sao nay cho là trái, làm đuổi theo pháp nhân duyên?

Đáp: Một môn đốn giáo cũng là do bậc thượng căn lãnh thọ, vong duyên thì ý tịnh, quả là như thật tu hành. Nay nó bao hàm hết, vì người chấp pháp mà sinh biên kiến, một sự, không rõ viên tông, chỉ chia chẻ vọng tình, đâu trừ giáo đạo? Chỉ cần thấy một pháp của Phật, tự có ngũ đẳng dạy người:

1. Tiểu thừa nhân, thấy thân Phật tức là thân sinh ra từ cha mẹ, tâm là từ bên ngoài đến, có tướng hảo rỏ ràng, sự huên tập ý thức, có điều phân biệt, không biết nghĩa duy thức, cho nên thấy từ bên ngoài đến.

2. Đại Thừa sơ giáo thấy Phật chỉ là hiện hoá, chẳng có tướng hảo, nhưng kỳ thật thể không chẳng có gì, cho nên nói nếu người dùng 32 tướng thấy Như Lai, chuyển luân Thánh Vương tức là Như Lai.

3. Đại thừa chung giáo, thấy tướng hảo sáng ngời, của Phật mỗi mỗi tướng đồng với chân tánh, thân tức phi thân, lý sự không ngại.

4. Đốn giáo, thấy Phật không có sự khác nhau giữa đầu đuôi, thì đâu có sự sai biệt giữa hiện ứng, cũng không có tướng hảo để lập. Vì tất cả phân biệt chẳng phải là chân lý, lìa chân niệm này gọi là thấy Phật.

5. Nhứt thừa viên giáo, thấy Phật tức lìa chân niệm này, chẳng những không sinh lý của tướng kia, mà chính là không ngại muôn điều hưng thịnh, đầy đủ y chánh, bao trùm sự lý, nhân pháp đều trên, tỏ 1 việc khắp đến mười phương, tất cả thế giới đều đồng thời hiển hiện giống như đế võng.

Lại nữa, một môn duyên khởi nếu là đốn giáo, không nói duyên khởi tức là sự tướng, khiến chân lý không hiện, phải do tướng tận mới là thật tánh, nếu nói duyên khởi như mắt nhậm thấy hoa đốm hư không. Nếu là viên giáo pháp giới, khởi thì chắc chắn một nhiều điều dung

nhiếp lẫn nhau, có lực, vô lực mới được thành lập, một nhiều không ngại, nhiếp vào đồng thời, gọi là vào đại duyên khởi.

Như năm môn trên, đều là nhập lộ, vẫn không trách tiểu, sợ phế bỏ môn phương tiện, cớ sao bài xích viên để ngăn ngại thật đức. Thiên Thai Giáo nói: Như pháp sư đại thừa không hoằng truyền giáo pháp Tiểu thừa, thì mất phương tiện của Phật. Chỉ vì bậc cổ đức giả lập lời để bài xích hữu biên cũng chỉ vì muốn phá trừ chấp trước, ngày nay chỉ bắt chước theo lời nói, chẳng biết ý chỉ của họ. Hơn nữa chưa nhập vào đốn môn, chỉ vọng danh huỷ, báng đã mắt lỗi thái quá thật đáng sót thay.

Cho nên phần Viên Giáo, phẩm Ly Thế gian trong kinh Hoa Nghiêm nói: Này Phật Tử: Bồ-tát lớn lại nghĩ như vầy: A nậu Đa La tam niệu tam bồ đề lấy tâm làm gốc, nếu tâm thanh tịnh thì có thể viên mãn tất cả thiện căn, đối với Bồ-đề của Phật ắt được tự tại muốn thành A nậu đa la miệu tam Bồ-đề tuỳ ý liền thành. Nếu muốn đoạn trừ mọi duyên thủ, trụ hoàn toàn trong đạo, tôi cũng có thể làm được, nhà tôi không đoạn là vì muốn cứu cánh Phật Bồ-đề cũng không chứng liền vô thượng Bồ-đề. Vì cớ sao? Vì mãn bổn nguyện, trọn tất cả thế giới hạnh, Bồ-tát hạnh để giáo hoá chúng sinh. Đó là tâm thể nguyện như kim cương đại thừa." Bởi trôi theo duyên mà trái tánh, chứa tạp nhiễm mà thành phàm phu, lìa duyên để cầu cứng, chìm vào thiên không mà trở thành nhỏ bé. Duyên tánh vô ngại, tức đại Bồ-đề. Không đoạn môn trần lao, mà có thể thành giống vô vi, không đắm vào biển, thật tế mà có thể tuỳ theo sóng hữu tác. Chân tục rỗng rang, hữu, vô không ngại, có thể gọi thật hành phi đạo mà thông đạt chánh đạo, ngay nơi chế pháp mà đầy đủ Phật pháp.

Hỏi: Vạn thiện oai nghi, Thanh văn thực hành thiếu sót, đè nén cỏ cây, đâu xứng đại tâm? Sao thành viên đốn.

Đáp: Hàng sơ học của tam thừa hiếu thấu pháp, cho nên Kinh Pháp Hoa nói: "Nếu có Tỳ-kheo thật đắc quả A-la-hán, mà không tin pháp này, thì không có chuyện đó." Lại nói: Những việc các ông làm, là đạo Bồ-tát, dần dần tu học, ắt sẽ thành Phật." Đều là giữa đường thủ chứng khởi tâm trụ trước, những người đó bị Phật quở trách, khuyến khích họ phát khởi hạnh nguyện. Còn người của nhị thừa đều lên Thánh vị, vượt khỏi phiền não của 9 địa, đoạn thân nghiệp của tam giới, cùng ngồi toà giải thoát, đã đủ tuệ thần thông, đâu sánh với hàng phàm phu đầy dẫy sự trói buộc trong thế giới bao la này, chỉ toàn y thông, hoàn toàn không tu chứng? Cho nên Đại sư Chân Giác nói: Nhị Thừa lỗi gì, mà không muốn tu? Trong giáo pháp hoặc chê hoặc khen, khen chê đồng thời,

phàm phu không hiểu, do dự sợ bị quở trách, đâu biết kiến ái vẫn còn, cách Tiểu thừa thật xa. Tuy còn nói tu đạo hoặc sử chưa đoạn trừ, chẳng những thân khẩu chưa ngay ngắn mà tâm cũng còn cong méo, kiến sinh từ ý, giải trái chân thuyên, Thánh giáo không nương theo, minh sư chưa từng lãnh thọ, căn duyên cũng chẳng phải do đời trước tạo nên, kiến giải chưa đủ để sinh ra sự hiểu biết, mà hay thể trí biện thông, suốt ngày bàn luận về nó bấy giờ bị vướng mắc theo lời kinh hiểu méo mó theo tâm riêng, buông theo tà thuyết, để mê hoặc người ngu, phế bỏ nhân quả và bài trừ tội phước. Thuận tình thì hớn hở vui vẻ, nghịch ý thì buồn sầu bực tức. Cảm thái của ba loại cảm thọ này hẳn nhiên như vậy, xứng vị là bạn Bồ-tát, tránh khỏi lỗi sơ thiên, lại quanh quẩn trong kẻ hở của người có lỗi. Không tu pháp đại thừa mà lại chê bai hàng tiểu học, lỡ miệng không nhứt thời, hoạn nạn huỷ báng

Mãi chịu khổ báo trong ba đường. Sách nói: "Người xưa ngay khi nói cũng sinh lòng lo sợ, phát ra lời nói rồi cũng thấy không yên."

Lại nói: "Ngăn nước sôi chẳng bằng rút củi, dứt lỗi không bằng đừng nói." Vả lại Kinh nói: Tâm tán loạn hữu lậu của hàng phàm phu, một lần xưng nam mô Phật, nhẫn đến hơi cúi đầu, do nhân duyên này vẫn thành Phật đạo, huống chi tâm Thánh vô lậu, của hàng nhị thừa, vĩnh viễn đoạn trừ thâm sâu, đích thân chứng trí tuệ nhân không, các hạnh đã tu tập mà không đăng chánh vị ư?

Hỏi: Công của có công đều rơi vào bại hoại, công của vô công là công tột bực thường còn. Cớ sao lại bỏ mất ý bất thiên mà làm theo hạnh hữu tác?

Đáp: Triệu Luân nói: "Công lao của thế tôn truyền lại muôn đời mà mãi trường tồn, đạo thông suốt vạn kiếp, và mãi mãi như cũ." Kinh nói: "Kiếp tam tai kéo dài mà vẫn hạnh nghiệp trạm nhiên, nay là chứng tin vậy. Cho nên biết rằng điều thiện một mãy dù là hữu vi cũng là trợ Bồ-đề mà không rơi mất. Mặt cho đại kiếp hoả tranh khởi, cũng không bao giờ đốt được hư không, dẫu cho sóng sinh tử vô biên, cũng không thể nào làm đấm chìm điều thiện chân thật.

Hỏi: các pháp vốn không thể, vì do duyên huyễn sinh, các duyên không còn nương tựa trở lại từ pháp khởi, duyên pháp vốn không tánh, rốt cuộc đều là hư, không chủ không nhân, không sinh không duyệt. Tại sao lại bàn về sự tướng vô thường, lại còn nói về quả báo hư vong ư ?

Đáp: Vì chân tâm không thủ tự tánh, theo duyên àm thành có, dẫu giống như có mà không thật, chính là thể không thành sự, giống như bóng cây tuy rỗng không, nhưng có công năng che mát, còn giống với

hôn mộng không thật song cũng sinh tâm vui buồn.

Tuy không có người tạo tác, nhưng không mất quả báo nhân duyên.

Cho nên Kinh "Tịnh Danh" nói: "không có ta không người làm và người thọ nhận nhưng nghiệp thiện ác cũng không mất." Lại trong giáo pháp nói về không. Vì không thể được, vì không có tánh thật, không phải là cái không của đoạn diệt, tại sao lại khởi tâm như lông rùa rừng thỏ, sinh kiến chấp chân rắn hương muối.

Hỏi: Sơ Tâm vào đạo, lời nói và việc làm phải phù hợp nhau, vạn điều thiện trợ huân, điều là ý này Quả địa rốt ráo, việc lớn đã xong, cảnh trí rỗng rang, cần gì các điều kiện ư ?

Đáp: Đạt Quả Vị Phật, cứu cánh vô vi, nếu không có vô biên hạnh môn, 8 tướng thành đạo, điều là hạnh phổ hiền, sau khi Phật thâu nhiếp lại, mặc tình như vậy, tận đời vị lai.

Kinh Duy Ma nói: "Tuy đạt Phật đạo, chuyển bánh xe pháp, vào Niết-bàn, mà không bỏ đạo Bồ-tát, là hạnh Bồ-tát."

Kinh Hoa Nghiêm nói: "Biết rõ pháp giới không có ngằn mé, một tướng hay không tướng của các pháp, đều là nói cứu cánh pháp giới không bỏ đạo Bồ-tát. Tuy biết pháp giới không có bờ mé mà biết các tướng có tướng khác nhau, khởi tâm đại bi, độ các chúng sinh, trọn đời vị lai không biết mỏi mệt, đấy chính gọi là Bồ-tát Phổ hiền."

Hỏi: Năm độ như kẽ mù, Bát-nhã như người dẫn đường, nay tại sao tán thán riêng có hạnh, rộng bàn về những điều thiện.?

Đáp: Những điều thiện mà nay đã bàn luận, chỉ vì thành tựu Bát-nhã. Cho nên trong

Hoặc quở trách hữu vi, chỉ để phá trừ tham chấp của họ. Nếu như thủ xã không sinh, thì tất cả không ngại. Nếu chưa sáng tỏ đối với Bát-nhã, thề lấy vạn hạnh làm trợ duyên.

Kinh Pháp Hoa nói: Phật danh đồn khắp mười phương, rộng lợi ích chúng sinh, tất cả đủ căn lành, để trợ tâm vô thượng.

Kinh Hoa Nghiêm nói: Thí như tất cả pháp, do các duyên sanh khởi, thấy Phật cũng như vậy, thảy nhờ các thiện nghiệp. Nếu đã hiểu công dụng Bát-nhã, thì các hạnh là món trang sức.

Kinh Hoa Nghiêm nói: Xe ấy cao rộng, trang hoàng các báu, cho đến nhiều tôi tớ theo hầu cận. Cho nên nói Vạn thiện đồng quy tập, lìa Bát-nhã ra càng không có pháp nào, như các dòng đổ vào biển cả, đều cùng một vị, các loài chim tụ tập núi Diệu Cao lại không có màu sắc khác.

Hoặc không chứng bát nhã, chỉ tu pháp hữu vi thì chỉ thành nhân sinh tử, đâu được quả Niết-bàn.

Nếu bố thí mà không có trí tuệ, thì chỉ được vinh hiển một đời, đời sau phải chịu tác trái oan khiên. Nếu trì giới mà không có trí tuệ thì tạm sinh lên cõi trên của dục giới, còn rơi vào địa ngục. Nếu nhẫn nhục mà không có trí tuệ, được phước báo thân hình đoan chánh không chứng nhẫn tịch diệt. Nếu tinh tấn mà không có trí tuệ, chỉ khởi công sinh diệt không hướng vào biển chân thường. Nếu thiền định mà không có trí hụê, chỉ hành thiền sắc giới, không nhập định kim cang. Nếu vạn thiện mà không có Bát-nhã là người thầy dẫn đường trong con đường hiểm ác, là đuốc sáng trong căn nhà mê tối, là con thuyền Bát-nhã trong biển sinh tử, là vị thuốc hay trong bệnh phiền não, là ngọn gió lớn đập nát núi tà, là vị tướng giỏi phá tan ma quân, là mặt trời rực sáng chiếu soi đường tối, là tiếng sấm làm tỉnh cơn mê, là chiếc kim bề mở mắt người ngu tối, là giọt cam lồ làm tiêu nước khát ái, là chiếc kiếm tuệ cắt lưới si mê, là viên bảo châu cho người nghèo thiếu. Nếu trí tuệ không sáng, thì cạn thiện cũng huống uổng. Tổ Sư nói: “Không biết huyền dù chỉ lao nhọc tịnh niệm.” Không thể quên chiếu trong sát ma, trái nhau trong chốc lát, nhẫn đến ở trong quả vị cứu cánh thành Phật, định tuệ luật trang nghiêm, dùng đây độ chúng sinh, cho nên Phật nói: “Ta ở trong một đêm thường nói Bát-nhã.

Hỏi: Các pháp tịch duyệt tưởng, không thể dùng lời diễn nói, sao không chỉ thẳng vào việc ấy mà đề cập rộng đến nhân duyên, phát khởi sự vấn đáp?

Đáp: Kinh Lăng Nghiêm nói: “Phật bảo đại tuệ: Nếu không nói tất cả pháp, thì giáo pháp sẽ hoại diệt, giáo pháp hoại thì không có chủ Phật, duyên giác Thanh văn, nếu không có vị này thì ai nói cho ai? Thế nên đại tuệ: Bồ-tát lớn nên chấp trước nơi ngôn thuyết, phải tuỳ nghi phương tiện, rộng nói các pháp. Nên biết tổng trì không có văn tự làm sáng tỏ tổng trì, lìa lý không có thuyết lìa thuyết không có lý. Vì chân tánh biến khắc cả, bất khả thuyết không khác khả thuyết, vì do tu theo vô tánh, khả thuyết không khác bất khả thuyết. Nếu nói tứ thật tánh và tự tướng của các pháp đều bất khả thuyết, nếu nương tứ tất đàn và cọng tướng các pháp điều là khả thuyết, đó là chư Phật thường nương nhị đế để thuyết pháp, nhưng đạt ý chỉ viên dung thì nói (thuyết) không có lỗi. Lại nữa, tánh khi lìa lời không thể nói, nhưng nhờ ngôn thuyết mới hiểu được bất khả thuyết.

Nếu luận về thực hành nguồn đạo, nới thạch dòng Phật, trước

hết phải nói Bát-nhã để biện chân tâm. Bát-nhã chính là thầy của vạn thiện, mẹ của ngàn Thánh, chân tâm là gốc của quần sinh, là nguồn của các pháp. Nếu Bát-nhã chưa thông thì chân tâm do đó bị mê muội, cần phải quy mạng một thể Tam bảo, sám hối tội cấy trong 3 đời. Dùng giới luật để kìm điểm lỗi phòng sai, dùng thiền định để nhiếp trừ hôn loạn, thân cận bạn lành, tán tụng đại thừa, tu tập vạn thiện, học rộng nghe nhiều, giúp chân tánh hiển hiện, thẳng đến Bồ-đề, chướng sạch thì diệu định tự sáng, tuệ bát thì chân tâm rạng rỡ. Đã có thể tự lợi lại khẩn thiết với điều chưa nghe, rộng làm nhân phước, thực hành đủ các độ, kế thừa sự nghiệp nhà Phật, dựng cờ đại pháp. Rót một vị mưa pháp, để xoá sạch các trần hoặc đốt ngọn neon trí vô tác, để chiếu soi nơi tăm tối. Đây là công đức vạn thiện trước sau đều khởi, ở trong giáo pháp của chư Phật, thông thường như vậy. Cho nên Kinh Hoa Nghiêm nói: "Bồ-tát lớn không làm những việc bức não chúng sinh, chỉ nói những chuyện làm lợi ích chúng sinh"

Kinh Pháp Hoa nói: "nếu người thọ trì đọc tụng kinh này, vì người khác nói hoặc tự viết hoặc dạy người viết. Lại còn xây tháp dựng phòng tăng cúng dường khen ngợi chúng Thánh văn tăng, cũng dùng trăm ngàn muôn ức cách tán thán để tán thán công đức của Bồ-tát. Lại vì người khác gieo trồng các thứ nhân duyên, tuỳ căn cơ giải nói Kinh Pháp Hoa này. Lại có thể ở chung với người trì giới thanh tịnh và nhu hoà, nhẫn nhục không sân chí niệm bean vững, thường quý ngồi thiền, đắc được định sâu mầu, tinh tấn dũng mãnh, nhiếp các pháp lành, trí tuệ lanh lợi, khéo trả lời sự vấn nan. Nhẫn đến người này hoặc ngồi hay đứng hoặc đi, ở trong đây phải xây tháp, tất cả thời người đều phải cúng dường như cúng dường tháp Phật.

Lược nói pháp thiện có 4 thứ:

1. Tự Tánh thiện: không có tham, sân si mà đồng với ba thiện căn.

2. Tương ưng thiện: khi tâm lành khởi, tâm vương tâm sở cùng khởi theo một lúc.

3. Phát khởi thiện, phát thêm ngữ nghiệp, biểu lộ điều đã tư duy trong tâm.

4. Đệ nhất nghĩa thiện, thể tánh thanh tịnh.

Lại lược có 2 loại:

1. Lý thiện tức đệ nhất nghĩa.

2. Sự thiện tức lục độ vạn hạnh.

Ngày nay phần nhiều căn cứ trên lý thiện, nếu là lý thiện thì xiển

đề cũng có, sao không thành Phật.

Thế nên cần phải thực hành sự thiện, để trang nghiêm lý thiện, nhóm phước đức đức lớn, mới thành diệu thân, như khoáng chất có vàng, như núi chứa ngọc, như đá ẩn lửa, như đất sinh suối, chưa gặp nhân duyên, không được giúp đở, dù nó vốn có sẳn song có cũng đồng không, ba nhân của chúng sinh cũng giống như vậy. Hễ nói có tâm chánh nhân đều đủ, chưa đắc duyên tỏ, pháp thân không thành. Liễu nhân trí tuệ trang nghiêm, chánh giải quán sát, vì nhờ phước đức trang nghiêm, diệu hạnh trợ phát. Đầy đủ ở nhân mười hiệu sáng chói, tự lợi lợi tha, lý tột cùng ở đây, cho nên Kinh Hoa Nghiêm nói: Ta dùng tướng nghiêm thân, ánh sáng chiếu thế gian, tất cả chúng tôn kính, vì thuyết ấn thật tướng. Còn người đức mỏng phước cạn không thể cam nhậm pháp này.

Thiện căn khó phát, nghiệp ác khó trừ.

Kinh Niết-bàn nói: Thí như khắc vẽ trên đá, hoa văn của đó còn mãi, vẽ trên nước thì mất liền, sức không còn lâu. Sân như vẻ trên đá, cội gốc của các căn lành như việc vẽ trên nước, vì thế tâm này khó điều phục được. Cho nên biết việc thiện dễ quên, thân người khó được, không thể theo nhân, phút chốc qua đời khác.

Kinh Đề Vị nói: “Thí như có một người ở trên núi tu di thả cọng chỉ xuống, một người đứng dưới cầm kim đưa lên, ở giữa có một trận gió mãnh liệt, thổi bay cọng chỉ, thật khó xâu vào lỗ kim. Thân người khó được hơn cả điều này.”

Lại nữa, Kinh Bồ-tát Xữ Thai nói: Rùa mà gặp bông cây nỗi, đời đời cũng có thể gặp được, con người hễ mất mạng căn, trãi ức kiếp khó có thể gặp được. Nước biển mênh mông, bát ngát, 336 dặm, bỏ một cây kim xuống đáy biển, tìm lại còn có thể được. Lại nói: Ta từ vô số kiếp, qua lại trong đường sinh tử, xã thân rồi lại thọ thân, không rời bào thai. Kể lại những chỗ ta đã đi qua, chỉ nhớ một thứ mà không nhớ thứ khác, thuần làm một thân chó trắng, xương chất cả ức núi Tu Di. Lấy kim đâm vào địa chủng chỗ nào cũng gặp thân ta, huống chi là thân chó khác, số ấy không thể tính kể. Vì ta nhiếp tâm mình, không tham trước phóng dật. Thế nên tạm được thân người, ở trong 12 thời, không thể chốc lát quên đi điều thiện, sát ma tăng trưởng điều ác, như vậy mà còn khó được đâu dễ dàng ư ?

Vả lại vô thường mau chóng, niệm niệm đổi dời, đá lửa gió đến, thê ba tàn chiếu, bóng hoa ảnh điện, không đủ để thí dụ.

Kinh Pháp Cú nói: “Phật bảo Phạm Chí: Đời có bốn việc, không

thể lâu được"

1. Có thường ắt vô thường.

2. Giàu sang ắt bần tiện (nghèo hèn).

3. Hội họp ắt chia tay.

4. Mạnh khoẻ ắt sẽ chết.

Lại nữa Kinh nói: Chẳng phải ở trong không trung, trong biển, chẳng phải vào trong núi đá, không có nơi chốn, thoát khỏi nó mà không chịu chết.

Như điều đã nói trên, vạn đức muôn thiện, Bồ-đề làm tư lương, chỉ trừ hai pháp, có thể thành chướng ngại:

Một là bất tín.

Hai là sân nhuế.

Không tin thì chướng chưa hành thiện sắp làm thiện. Sân nhuế diệt rồi hành thiện, đang hành thiện. Vì không tin, giống như giống hư, vĩnh viễn đoạn thiện căn hư hoại chánh tông, tăng trưởng tà kiến. Vì sân nhuế, nên thiêu đốt ngăn ngại Bồ-đề, mở cửa ác thú, đóng bít đường vào nhân thiên. Lại nữa không sân do từ khởi, tin sâu xa do trí mà thành, kiếm trí vừa bươi lên gốc nghi liền đoạn, mây từ vừa thấm lửa sân liền tiêu. Thế nên nhờ nhân trí mà vượt qua bờ khổ hải, nhờ tín mà vào cửa Bồ-đề, nhờ từ mà ở trong nhà đại giác, nhờ nhẫn mà khoát áo như lai.

Kinh Hoa Nghiêm nói: Tín là mẹ của cội nguồn công đức, nuôi lớn mọi pháp lành. Tín có thể làm tăng trưởng công đức trí, tín có thể đạt đến địa vị Phật, tín khiến cho các căn thanh tịnh, sáng suốt lanh lợi, sức tín kiên cố không thể phá hoại, tín có thể diệt hẳn gốc phiền não, tín hay hướng thẳng vào công đức của Phật, Tín là công đức không hoại hạt giống, tín có thể làm lớn thêm cội Bồ-đề, tín có thể làm tăng ích trí tối thắng. Tín có thể thị hiện tất cả Phật."

Kinh Đại Trang Nghiêm Pháp Môn nói: "Người sân hận có thể diệt trừ thiện nghiệp đã làm trong trăm ngàn kiếp."

Kinh Hoa Nghiêm nói: "Bồ-tát khởi một niệm sân, có thể phát sinh trăm vạn cửa chướng ngại."

Kinh nói: Nó là giặc cướp công đức, không thứ nào hơn sân nhuế" Lại nữa, Đất ý khởi sân, đại đạo oán tặc."

Hỏi: Phàm tu vạn thiện, đều trợ giúp cho Bồ-đề, cớ sao có sự ngăn trợ không thành? Lại làm sao chóng được viên thành?

Đáp: Vì phóng giãi đãi, nên không thành, nhờ dũng mãnh tinh tấn nên sớm được.

Kinh Thí Dụ nói: "Có một Tỳ-kheo, ăn no vào thất, đóng cửa

nằm ngủ, yên thân khoái lạc, nhưng 7 ngày sau, khi mạng sắp hết, Phật thương sót ngài, mà bảo rằng: Vào thời Phật Duy Vệ ông được xuất gia, không tụng kinh giới, ăn no lại ngủ, khi mạng chung sinh vào loài trưng ngô công, sống 3 vạn tuổi thì thọ hết, lại làm (trùng) ốc trai, làm mọt trong thân cây, mỗi thân chịu 5 vạn tuổi. Bốn phẩm trùng này sinh trong tăm tối, yêu thân tiếc mạng, thích sống chỗ tối tăm, và xem đó là nhà, không thích ánh sáng, một khi ngủ trăm năm mới thức, ở triền miên trong lưới tội, không cầu ra khỏi. Đời nay tội hết, được làm Sa-môn, tại sao ngủ nghỉ không biết nhàm đủ? Tỳ-kheo nghe rồi, xấu hổ tự trách, ngũ cái biến trừ, thành A-la-hán".

Kinh Đại Bảo Tích nói: Phật bảo: Thí như lấy một chỉ lụa buộc lên đầu, lửa cháy đến dải lụa, không rồi để cứu lửa. Vì cớ sao? Rốt cuộc thật lý cần kíp, ở trên đây mỗi mỗi tự thân, phải tỏ giáo hạnh, đâu giám tạo thêm thứ lớp, bèn có sự càn gỡ?

Nguyện tuân theo lời tha thiết, không trái lẽ rốt ráo.

Hỏi: Từ bi vạn thiện, sâu xa như Phật, lời tổ dạy có người khen kẻ chê, cho nên sinh nghi. Ở trên tuy nói rộng, nhưng vẫn còn ôm mối ngờ khác, chưa thẫm thấu chỗ quay về rót ráo trong ý chỉ của Phật, lại monog cầu kim chỉ nam, trừ hẳn sự tích trệ.

Đáp: Tổ lập ra lời răng bảo, Phật lưu lại dấu tích, chỉ vì muốn phá biến, kế sở chấp, không làm tổn hoại đến pháp môn duyên khởi. Biến kế tánh là tình có mà lý không, như nhìn sợi dây tưởng con rắn, thấy cây trơ trụi tưởng là quỷ, nó không có mà hoạnh chấp có, lột xát toàn không, y tha tánh là nhân duyên nếu tuỳ theo tịnh duyên thì được quả Thánh, nếu theo duyên nhiễm thì làm phàm phu. Đó là tuỳ duyên vô tánh nên gọi là viên thành.

Kinh Pháp Hoa nói: "Chư Phật lưỡng túc tôn, biết pháp thường vô tánh, giống Phật từ duyên khởi, thế nên nói nhứt thừa."

Luận nói: "Nếu thấy pháp nhân duyên thì gọi là thấy Phật." Cho nên biết không có một không hợp cả lý sự, chưa có một pháp nào chẳng phải là Phật thừa. Tất cả chỉ vì không hiểu được nguyên sơ của vạn pháp, tự tánh của một trần, rồi sinh tình chấp, trệ tướng mê danh, vọng phân mình người, gương sinh ly hợp, đến nỗi khiến cho lý sự, nước lửa tranh nhau sinh ra, mỗi thứ căn cứ nhị biên, không thành một vị. Tự che lấp nhãn kiến, châu sáng có vết. Do tâm chấp quán, vạn thiện sinh bẩn.

Tánh dâm, nộ, si, tà kiến phi đạo, vẫn là môn giải thoát, tôn sùng Tam bảo, làm các việc thiện lợi người, há thành việc chướng ngại? Đó

là thông đạt nó thì ngói đá là vàng, chấp nó thì diệu dược thành chất độc. Cho nên Kinh nói: hư vọng là lời thật, vì trừ tà chấp, thuật ngữ là hư vọng, vì sinh ngũ kiến. Chỉ trừ khử tình chấp, hành trọn con đường huyền, thông, lưới, kiến chấp đã xé rách, chỉ còn một chân tâm, bụi trần nếu tiêu thì không phải thứ gì Phật quốc. Cho nên Kinh Đại Bát-nhã nói: "Phật bảo: Ta bảo các pháp không có gì để chấp ấy Bất Nhã Ba La Mật Đa. Vì chúng ta ở trong ấy không có gì để chấp, lại có thể ở đạt được thân sắc vàng rồng thường chiếu sáng."

Nếu muốn không có lỗi, chỉ cần lý sự viên dung, hạnh nguyện theo nhau, bi trí gồm đủ. Cho nên Luân Hoa Nghiêm nói: Tu riêng lý thì trệ vào tịch lăng, thiên tu trí thì không có lòng thương xót, thương hướng tu về lòng bi, thì tập nhiễm càng tăng, chỉ phát nguyện thì tình hữu vi khởi phát. Cho nên Bồ-tát nhờ pháp viên dung nên không lấy không bỏ."

Thiền Sư Khuê Phong nói: Thầy trò truyền trao, phải biết thuốc bịnh. Thừa hành phương tiện trên cũng phải khai thị bổn tánh trước, mới khiến họ nương tánh mà tu thiền. Khó ngộ tánh bởi phần nhiều là do đấp tướng. Cho nên muốn hiển tánh, trước tiên phải phá chấp, phá chấp phương tiện, cần phải phàm thành điều bặt dứt, công, nghiệp đều dứt sạch, khiến tâm không còn gì để chấp, mới có thể tu thiền, hàng hậu học kiến thức nông cạn, bèn chấp lời này là đạo cứu cánh. Lại nữa, lấy môn tu tập, vì phần đông người buông lung, sâu này rộng nói về điều ưa ghét, chê bai tham sân chỉnh ý để nhập đạo. Người sau nghe vậy, lại mê nơi dụng của bổn giáo, liền một bề chấp tướng, mắc kẹt nơi giáo, trái nghịch với tông. Lại nữa, người học thiển cận, hoặc chỉ biết ly cấu thanh tịnh, lìa chướng được giải thoát, cho nên chế thiền môn tức tâm là Phật, hoặc chỉ biết tự tánh thanh tịnh, tánh tịnh, giải thoát, cho nên xem thường giáo tướng tri luật, toạ thiền, điều phục...

Không biết thảy đều nhờ đốn ngộ tư tánh thanh tịnh, tánh tịnh giải thoát, tiệm tu khiến đăng viên mãn thanh tịnh cứu cánh giải thoát, hoặc thân hoặc tâm, không có sự ngăn trệ. Lại nói, không tông chỉ vì mê nơi giá thuyên, chẳng phàm chẳng Thánh, tất cả không thể đặng bằng, tánh hữu giá hữu biểu. Người thời nay đều cho rằng giá ngôn là sâu mầu, biểu ngôn là thiển cận, nên chỉ chú trọng nơi chuyện phi tâm phi Phật. Bởi vì cho từ giá, phi là vi diệu, không muốn thân chứng pháp thể của mình nên mới như vậy.

Những điều đã kể trên, lời Tổ dạy rõ ràng, nên vì chẳng phải để phá chấp kia tướng lìa tánh mà sinh thường kiến, tánh lìa tướng mà

thành đoạn diệt. Hoặc có người tán thán, đấy chính vì họ hiểu tướng tức là tánh, dụng không lìa thể, tánh tức là thể của tướng. Như muốn khen ngợi tánh chính là tán thán tướng, nếu muốn chê bai tướng chính là chê tánh vậy. Cớ sao vọng khởi tâm thủ xả mà sinh nhị kiến? Nếu vào một cõi pháp môn thì khen chê đều ngừng.

Hỏi: Như ý trên hỏi chỉ căn cứ vào thời nay, đa phần thủ chấp lý thông, ít người học theo sư, điều gọi là huyền học, ly vật siêu trần. Quả Phật vẫn còn chê mà không chịu tu, một mảy thiện đâu chỉ tôn sùng mà phải làm ? Chưa thẩm xét việc của bậc thượng cổ rốt cũng như vậy, cầu xin quyết nghi thêm, để tránh việc rơi vào lưới tà.

Đáp: Bậc Thánh hiền thời xưa, chí lớn tâm thuần, tột cùng nơi lý mà thời khắc không quên, đi lên mà thần linh chuẩn đón trước, sớm tối như vào sâu ra cạn, khắc chứng như đốt châm cứu đầu, trọng điều thật chứ không trọng điều hư, quý nơi thực hành chứ không quý lời nói, đề cập đến có mà không tụ nơi có, hành không mà không chứng không, từ việc thiện nhỏ mà chứa công to lớn, nhờ nhân nhỏ mà đặt được quả lớn. Đời nay thì kiếp học thời ngoa, chí nhả mà căn độn, ngã mạng cấu nặng, giải đãi chướng sâu, một hạnh không thành, trăm lỗi thường tập, thừa giới đều mất, lý sự cuồng vong, rơi vào hầm vô tư, ngồi trong ngục hắc ám, không đạt ý tức sự là lý, huống niệm lời phá chấp trừ bệnh. Người trí thật bi ai người ngu bắt chước, đã thành dấu vết, chống đoạt càng khó.

Đấy là trích dẫn thâm tâm của Phật tổ, trình bày đủ đại ý của kinh luận, mong chừa chấp cũ, sữa đổi lỗi xưa, cùng nhau bước theo dấu chân xưa của bậc hiền Thánh, đồng bẩm thọ lời khuyên của như lai, không thiếu bổn chí, khỏi phụ tứ âm cùng bước vào môn giải thoát, cùng xiển dương con đường ly xanh, thành sự nghiệp của chủ Phật, mãn đại Bồ-đề. Đóng đường tà mà mở nẻo chánh. Giữ chặt tín căn mà nhổ sạch gai nghi, dự bị thuyền trí Ba-la-mật, nương vào bè từ đại Bát-nhã, vượt khỏi bến khổ củatam hữu, vào biển nguyện của khổ huyền bước qua khỏi phiêu trần của Pháp giới, dừng lại nơi đại thành của Niết-bàn, qua lại cõi trần lao, dạo khắp nơi ngũ thú, không ngừng không nghĩ, chẳng trước chẳng sau, vị lai cùng mà không cùng, hư không tận mà không tận, ngưỡng mong Phật nhãn, chứng lời thành thật này, khắp vì quần sinh, kính cẩn thuật lại bộ này.

Hỏi: Bậc thượng thượng căn đốn ngộ tự tâm có còn nương vạn thiện để trợ đạo huân tu không?

Đáp: Thiền Sư Khuê Phong có 4 câu khoa giản:

1. Tiệm tu đốn ngộ, như chặt cây phải từng nhát rìu, một lúc đổ ngã liền.

2. Đốn tu tiệm ngộ, như người học bắn, người lanh trí thì từng mũi tên, chú ý ngắm thẳng ngay đích. Người chậm lụt thì lâu lâu mới trúng.

3. Tiệm tu tiệm ngộ, như leo lên đài 9 tầng, từng bước lên cao dần, thấy họ xa dần.

4. Đốn ngộ đốn tu, như nhuộm một mảnh vải, thì muôn sợi đồng thành màu. Bốn câu trên phần nhiều ước theo chứng ngộ. Chỉ đốn ngộ tiệm tu, đây là ước theo biểu ngộ, như mặt trời vừa xuất hiện thì sương mù dần tiêu tan.

Kinh Hoa nghiêm nói: "Lúc mới phát hiện, liền thành chánh giác, rồi mới đăng địa, thứ lớp tu chứng"

Nếu chưa ngộ mà tu, chẳng phải chân tu vậy. Chỉ có sự đốn ngộ tiệm tu này, đã hợp với Phật thừa, không trái viên chỉ. Như đốn ngộ đốn tu, cũng nhiều đời dần tu, đời nay liền thành thục, người đang ở đây, tự nghiệm trong lúc này, nếu lời nói đúng với việc làm, việc đã làm xứng như lời đã nói, lượng cùng cõi pháp giới, tâm hợp với lý hư không, bát phong không động, ba thứ cảm thọ tịch nhiên, chúng tử hiện hành đều tiên, căn, tuỳ đều sạch. Nếu ước theo tự lợi thì đây cần vạn thiện huân tu? Không bịnh đâu cần thuốc men ? nếu tính theo lợi tha cũng không thể phế bỏ, nếu không tự làm sao khuyên người khác. Cho nên Kinh nói: "Nếu tự tri giới, khuyên người khác thì theo, nếu mình ngồi thiền khuyên người khác cũng ngồi" Trí Luận nói: "Như ông lão trăm tuổi ca múa là muốn dạy cho đứa trẻ. Trước muốn dắt dẫn, sau khiến họ vào tuệ Phật"

Nếu như hiện hành chưa đoạn phiền não, tập khí lại sau dày, chạm mắt sinh tình, chạm trần thành ngại, tuy hiểu nghĩa vô sinh, song đức ấy chưa đầy đủ, không thể chấp rằng tôi đã ngộ rồi. Phiền não tánh không, nếu khởi tâm tu, lại bị điên đảo. Vậy thì tánh phiền não dẫu không có thể khiến chịu nghiệp, nghiệp quả vô tánh, cũng làm nhân khổ, đau khổ tuy không, tại sao khó (nhẫn) chịu. Nếu gặp bịnh nặng, bịnh cũng toàn không, đâu cần bác sĩ, chạy vạy thuốc thang? Cho nên biết ngôn hành trái nhau, hư thật có thể nghiệm, chỉ lường căn lực, không thể tự (trễ nãi) lừa dối, xét ý phòng lỗi, phải hết sức cẩn thận.

Hỏi: Lão tử cũng diễn nói hạnh môn, trọng ni rộng khuyến khích làm thiện, cớ sao chuyên tán thán Phật giáo mà khen ngợi duy mỹ ư ?

Đáp: Lão Tử thì dứt Thánh bỏ trí, ôm giữ một lối mềm nhũn, lấy

thanh hư đạm bạc làm chủ, ưa thiện ghét ác làm giáo, báo ứng ở trong một đời, giữ gìn chỉ một thân mạng đấy là nói gần trong cõi này, chẳng phải bàn xa về cảnh tượng ngoài, nghĩa trái với đạo kiêm tế, mà không có ân huệ, lợi ích vậy. Trọng ni thì hành trung lập hiếu, xiển đức xướng nhân, chỉ phô trương thiện của thế gian, chưa thể quên lời thần giải. Nên chẳng phải là bậc đại giáo. Đó là trọng ni trả lời Lý Lộ rằng: Sống và việc người ông còn chưa biết, chết cùng với quỷ thần, đâu phải việc tôi biết? Hai thuyết trên, đều chưa thoát khỏi thoái đời, còn vướng bận trong lưới trần, đâu thể thông suốt được tông thâm sâu của pháp giới, vận dụng hạnh vô diệu vô biên ư ?

Hỏi: Hạnh của Phật vô thượng, các bậc hiền triết đã tôn trọng, hai giáo nho Đạo đã hết sức kính phục, cớ sao trong đời sau lại huỷ báng không tin vậy ?

Đáp: Nho Đạo Tiên Tông đều là Bồ-tát, biểu thị sự khen ngợi, đồng khen Phật thừa. Lão Tử nói: "Thầy ta là Phật giác ngộ tất cả dân."

Tây Thăng Kinh nói: "Thầy ta du hoá ở Tây Trúc, khéo vào Niết-bàn. Phu Tử nói: Thầy của họ Lão gọi là Thích-ca Văn."

Liệt Tử nói: Thương Thái Tể Hi hỏi khổng tử rằng: (Phụ Tử là Thánh nhân ư ?). khổng tử đáp: Khổng Khâu biết rộng nhớ nhiều chứ chẳng phải Thánh đâu."

Lại hỏi: Tam Vương là Thánh nhân ư ? đáp: "Tam Vương khéo dùng kẻ trí dũng, chẳng phải Thánh nhân." Lại hỏi: "Ngũ Đế là Thánh nhân ư ?" Đáp: Ngũ Đế khéo dùng nhân nghĩa, cũng chẳng phải điều khâu biết.

Lại nữa: Tam Hoàng là Thánh nhân ư?

Đáp: Tam Hoàng khéo tùy thời cơ, cũng chẳng phải điều khâu biết. Thái Tể Hy ngạc nhiên nói: Vậy thì ai là Thánh nhân. Phu Tử hau mặt nói rằng: Khổng khâu nghe nói ở Tây Phương cá bậc Thánh không trị mà không loạn, không nói mà tự tin, không hóa mà tự hành, bình dị đối với dân không thể gọi tên!

Ngô Thư nói: Ngộ chủ Tôn Quyền hỏi Thượng Thư lệnh Hám Trạch rằng: Lão Tử Khổng Khâu có thể so sánh với Phật được không?

Hám Trạch nói: "Nếu đem hai nhà Khổng Lão so sánh với Phật pháp ở phương xa, thì xa vậy. Cho nên nói là Khổng Lão thiết lập giáo pháp, theo pháp trời chế dụng, không dám trái trời; chư Phật thiết lập giáo pháp, chư thiên phụng hành, không dám trái Phật. Từ đây mà nói, quả thật chẳng so sánh được! Ngô Chủ hết sức vui mừng (dùng) mời

Hám Trạch làm Thầy dạy cho Thái Tử.

Kinh Khởi Pháp giới nói: “Phật bảo ta sai hai vị Thánh sang trung hoa giáo hóa; một là Lão Tử tức là Bồ-tát Ca Diếp; hai là Khổng Tử tức là Nho Đồng Bồ-tát.” Biết rõ điều đó từ xưa đến nay, những người lợi ích nơi thế gian, đều là Bồ-tát thầm giáo hóa. Chỉ bậc đại sĩ mới biết, chẳng phải kẻ phàm tình có thể hướng được. Lại khiến cho kẻ bận tiện nghe khởi tâm hủy báng chư khói, đều không hiểu bổn tông, vọng sinh ngu chấp. Người thờ Lão Tử thì phi phù đồ ấn() luyện đa nung vàng, lập bày rượu thịt để tế lễ. Người vào cửa Khổng, chí trái với sự thuận pháp, ý còn phù hoa, dong ruổi theo tài cuồng của oanh vũ, bắt chước mọn tài của nhền nhện. Những điều này đều trái ngược với tiên đức, tự mất bổn tông. Người này không chê bai đâu hiển lộ sự sâu xa của nó. Kẻ hạ sĩ không cười sao thành đạo ấy? Thế nên pháp Phật như biển, không thể bao quát; lý cùng tột hư không, cửa nào không vào?

Các bậc tiên triết ngầm lãnh hội, ngàn vị Thánh đều quy tụ, chân tục cùng hành từ, trí ngu cùng chiếu soi. Khai mở cho tục đế thì khuyên thần phải trung với vua, khuyên con phải hiếu với cha mẹ, khuyên tổ quốc phải thiệu long, khuyên gia đình phải hòa hợp, hoằng thiện để bày niềm vui của Thiên đường. Nêu ra lỗi để thị hiện khổ ở địa ngục, không chê khen ngợi một chữ, đâu dừng lại ở ngũ hình mà làm giới cấm? Phô bày chân đế thì phải trái đều bật dứt năng sở đều không, thâu muôn đều lành nhứt chân, hõi ba thừa quay về viên cực, chẳng phải chỗ nhị đế sánh cùng thì há bách gia có thể sánh kịp ư?

Hỏi: Đạo thảy ở nơi đây, chân tánh chẳng rời, có Phật không Phật, tánh tướng thường trụ, đây chính là nhứt thể Tam bảo thường trụ ở thế gian đâu cần gỗ vàng khắp tượng, trúc bạch viết kinh, thế phát xuất gia cho là Tam bảo?

Đáp: Bậc thiện căn hiểu thâm sâu, đâu nhờ bày ra; bậc trung hạ độn cỏ, phải nương sự phát, không thấy chánh tướng, chỉ nhiễm tà tông. Ví như ở đất nước này khi tượng giáo chưa đến, chỉ có ngaọi đạo thạnh hành. Chẳng biết chân ngụy, chẳng biện được linh tung, Phục Tự Hán Minh mộng hiện thân vàng, Ngô đế hiện tướng lành xá lợi, về sau quốc vương trưởng giả mới biết cửa để quy kinh triết sĩ minh nhân chóng hiểu nơi an nghĩ. Thế mới biết nhờ tích mà hiển lộ bổn, tướng có thể thông chân, nhờ môn được cá, lý sự vô ngại. Đó chính là Mộc mẫu biến sắc, tượng vàng tỏa hào quang, đạo nhờ người hoằng, vật do tình cảm. Có khả năng sinh giống tịnh, kính trọng từ nơi tượng mà khai mở tâm; không kết tín duyên thì dù gặp chân nghi cũng không thấy. Đó chính là

do mê nó thì bổn mạc đều mất, hiểu ngộ nó thì chân giả đều thông. Nếu nghiệm kỹ văn này, thì đâu sinh tâm thủ xả? Hoặc cúng dường rộng rãi, hết sức chí thành, ý nghiệp công sâu, tu nhân sức lớn, đó chính là cô gái nghèo dâng nước trái cây lọc mà quả vị lên đến Bích Chi, Đồng Tử vào Thổ xa mà phước thọ Luân Vương.

Hỏi: Nhân duyên nghĩa không, tự tha vô tánh Niết-bàn sinh tử, một thể không khác. Tại sao hành từ, nhiếp hóa rộng khắp.

Đáp: Tuy nhân pháp vốn không, ta người rỗng tịch, mà chúng sinh mê như mộng, sở đắc đều không biết gì, Bồ-tát khởi lòng thương xót, mà thị hiện chân thật.

Kinh Đại Bát-nhã nói: Phật bảo Thiện Hiện: Phải biết hữu tình tuy tự tánh không, xa lìa các tướng, mà có sự tạp nhiễm, thanh tịnh có thể được. Khởi Tín Luận nói: "Tuy niệm tự tánh của các pháp không sinh, mà lại nghĩ nhân duyên hòa hợp với nghiệp thiện ác, các bảo khổ vui, không mất không hoại. Tuy nghĩ đến nhân duyên thiện ác nghiệp báo, mà cũng niệm tánh không thể được. Đó là quán duyên khởi mà không trụ Niết-bàn, liễu tánh không mà không trụ sanh tử."

Hỏi: 96 phái ngoại đạo ở Tây Thiên, mỗi phái đều lập pháp môn để tu hành, hết sức khổ luyện, việc nào cũng là thiện nghiệp, cớ sao bái tận còn phải trở lại luân hồi, không được giải thoát?

Đáp: Chưa đạt được lý chính vô sinh, tuy tu sinh diệt hữu sinh, khởi tâm tham trước, mang lòng hy vọng, lấy khổ bỏ khổ, từ mê nhóm mê, chìm nổi ngổn ngang, luân hồi chưa dứt, dụ như chứng sa, đủ để biết vậy.

Hỏi: Đâu chỉ ngoại đạo tu thiện không được giải thoát, nương theo giáo lý nội điển tu hành cũng có người không đắc đạo, tại sao vậy?

Đáp: Tất cả cũng vì chấp ngã, nên không đoạn kết tập được, là cho rằng ta làm, theo cảnh mà ta trụ trước (dính mắc) vào nhân quả. Nếu hiểu hai lý vô ngã, chứng phải được nhất tâm bất động trần lao thì ngay nơi đây được giải thoát.

Hỏi: Khi chánh tác, sao nói liễu vô ngã?

Đáp: Khi sở tác, theo duyên mà khởi, vì có thực hành, mà không có chư tổ, âm thanh đã phát ra gống như chuông reo trong gió, tùy cơ chuyển động, chỉ giống như người gỗ. Chỉ làm theo nghiệp lực, mà không có ngã tánh có thể được. Bốn đại hợp tan, sinh diệt tự nhiên, cho đến 6 nẻo thọ sinh cũng giông như vậy, thật không có người có thể đến đi.

Kinh Hoa Nghiêm nói: Như người mộc cơ quan, có thể phát ra các

tiếng, họ không có ngã, nghiệp tánh cũng như vậy.

Luận nói: Vì nhân duyên nên sinh thiên, vì nhân duyên nên đọa địa ngục. Nếu nói là ta chứ chẳng phải nhân duyên thì làm ác tại sao không sinh thiên mà lại đọa địa ngục ư?

Tôi đâu yêu thích chịu khổ trong địa ngục kia? Tôi đã làm ác mà không thọ vui, cho nên biết thiện ác cảm báo chỉ là nhân duyên, chẳng phải là ta vậy. Mà chúng sinh ở trong vô ngã vô tác vọng nhầm ta làm, gượng cho là chỉ của mình, không biết là do thức tạo ra, quyết định không có người làm, ngoại đạo đều gọi chấp tác thảy là hữu thần ngã. Nếu vô thần ngã thì ai là người làm ?

Trí Luận phá rằng: Tam là thức tướng, nên tự có thể khiến tâm không nương thần, như tánh lửa có khả năng thiêu đốt vạn vật mà không cần người."

Duy Thức Luận nói: "Những sở chấp thật có ngã thể, là có sự tư duy ? Hay không có tư duy? Nếu có duy tư lẽ ra nó phải vô thường, vì chẳng phải bất cứ lúc nào cũng duy tư; còn không duy tư nó như hư không, không thể làm việc được, cũng không thành quả báo, nên lý chấp ngã không thành. Từ đây mà biết, nhất định không có thật ngã, chỉ có các thức. Từ vô thi đến nay, diệt trước sinh sau, nhân quả tương tục, do luân tập hư vọng, tợ ngã tướng hiện. Người ngu ở trong vọng chấp là ngã." Lại nếu là vô ngã tức là vô tánh, tánh chính là thể, thể là nghĩa chủ thể. Hễ có một pháp đều từ các duyên tạo thành, thật không có bản thể, vì vô thể nên không thật. Thế mà chúng sinh ở trong tánh không chấp là thật có, trong thì bị ngã ràng buộc, ngoài thì bị trần lôi kéo, cho nên người tu hành không ra ngoài tâm cảnh, nhẫn đến đắc quả, không lìa sở nhân, thăng giáng tuy khác, vẫn luôn bị trói buộc trong các cõi, cùng là cao thấp, trước sau vẫn quẩn quanh trong luân hồi, sinh ra các hoạn nạn, ngã là căn bản của nó.

Hỏi: Vạn pháp đã vô thể xưa nay, vốn không cớ sao lại có tạo lập các pháp?

Đáp: Chỉ là vô không thể tánh mà từ duyên sinh. Nếu có tự thể, thì không nhờ duyên sinh; đã không do duyên sinh thì vạn pháp quyết định có thể. Nếu lập tướng cố định thì thành lỗi chấp thường, thiện ác không thể sửa đổi, nhân quả trở thành thác loạn. Làm ác phải sinh Thiên, làm Thiên phải trầm luân, vì không có nhân vậy. Làm thiện lẽ ra không có phước, làm ác lẽ ra không có tội, vì không có quả báo. Thế nên vạn pháp không thể cũng không nhứt định, chỉ theo nhân duyên mà hiện khởi. Vì nhân duyên nên vô tánh, các pháp đều vô thật. Vì vô tánh nên

nhân duyên kiến lập các pháp. Cho nên kinh Hoa Nghiêm nói Bồ-tát ở trong vô tự tánh mà tạo dựng tất cả vô Phật sự. Đó là nhờ không màlập có, có không tự danh. Từ có biện không, không hông tự thể.

Hỏi: Hiện thấy các pháp phát sinh, sao nói vô sinh.

Đáp: Ngay lúc sinh mà không sinh, bởi nó vô tánh. Nếu nói có sinh, lại là tự sinh? Là tha sinh? Là cọng sinh? Hay là vô nhân sinh? Nếu nói tự sinh, thí như thân mình, nếu chẳng có cha mẹ làm sao snah được? Cho nên nói thân này là di thể của cha mẹ, lấy nghiệp quá khứ làm nội nhân, nương thể cha mẹ làm ngoại duyên, do nhân duyên nội ngoại hòa hợp mà có, thì chẳng phải tự sinh. Hoặc do ta tha sinh, nếu không có túc nghiệp làm tự nhân, thì không bao giờ gả thai, tất cả đều do nghiệp của mình mà có, thí như bên ngoài có đủ đất nước, mà không có hạt giống thì chắc chắn không thể sinh được. Nếu là cọng sinh thì nhân nhờ duyên mà thành, đâu có dụng của từ thể? Duyên từ nhân khởi mà không có công năng hổ trợ bên ngoàithì nhân duyên đều không thì hòa hợp làm sao có? Như một hạt cát mà không có dầu, hòa các hạt ấy lại cũng thành không có; một người mù mà không thấy thì tụ hợp các người mò lại cũng đâu thấy gì? Nếu không có nhân mà sinh, chính là gái đá sinh con, lông rùa làm chổi, có nhân cũng như không, không nhân thì làm sao có?

Hơn nữa, từ chỗ có nhân mà lập vô nhân, có nhân cũng không thật, thì vô nhân cũng tuyệt phần. Chỉ hiểu rõ hai câu tự tha vô sinh thì bốn câu cũng phá. Đã không có tự tha thì lấy ai làm hòa hợp? Cho đến không nhân có bốn câu tự nhiên tịch lặng. Thế nên biết sinh của vô sinh, tướng huyễn như vậy; vô sinh của sinh, chân tánh vắng lặng. Cho nên kinh Kim Cang Tam-muội nói: “Nghĩa nhân duyên sở sinh, nghĩa này diệt chẳng sinh. Diệt các nghĩa sinh diệt, nghĩa này sinh chẳng diệt.”

Hỏi: Tất cả các pháp đã không tánh không sinh, cớ sao chúng sinh chấp trước cảnh duyên làm chịu thật báo?

Đáp: Chỉ vì không hiểu vô tánh, mê chấp là thật có, cho nên chịu quả báo thật. Nếu đạt được tánh không thì không sinh tham trước. Đã không tắm trước mặc ý mà làm, không trụ vào nhân ấy, không bao giờ chịu quả. Cho nên kinh nói: “Tâm sinh các pháp sinh.” Lại nói: Tất cà do tâm tạo. Nếu tâm không khởi, ngoại cảnh thườnghư, liễu ngộ tánh không của cảnh, tâm ấy tự lặng. Tâm vọng đã lặng, sao sinh tướng huyễn? Tâm cảnh đều thầm ẩn, tự nhiên hợp đạo. Kinh Hoa Nghiêm nói: “Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, tâm ý các tình căn, tất cả không vô tánh, vọng tâm phân biệt có.” Lại nữa, “Tất cả pháp ở đời, chỉ lấy tâm làm

chủ, tùy giải thủ các tướng, điên đảo chẳng như thật”

Hỏi: Đã chịu thật báo, sao nói tất cả không?

Đáp: Rõ ràng nói rằng chúng sinh tự vọng nhận là thật, chư tánh ấy thường không, tuy thọ khổ vui, tình sinh yêu ghét, nhân pháp đều không, hoàn toàn không có gì được, giống như mộng thấy tốt xấu, ôm tông ưa chán đến khi tỉnh giấc bổng nhiên chẳng có việc gì, tỉnh rồi thấy chẳng có gì, trong mộng thì có đủ, đã huân tập nhân điên đảo, thì phải nhận quả hư vọng.

Hỏi: Tâm vọng cảnh giả, từ xưa nó đã vốn không? Hay bắt đầu hôm nay mới không?

Đáp: Tâm cảnh vốn không.

Hỏi: Đã là vốn không, tại sao chúng sinh không được giải thoát?

Đáp: Xưa nay không trói buộc thì có gì gọi là giải thoát? Chỉ vì không thông được bổn vô, nên vọng sinh nay có. Do sức huân tập từ đời vô thỉ, không nay không biết chuyển biến theo nghiệp, tuy đang bị nghiệp dẫn dắt tánh ấy hằng thanh tịnh.

Hỏi: Làm sao được rốt ráo thanh tịnh?

Đáp: Ý này có hai nghĩa: một là hiểu được tánh bởi vô, đắc tự tại thanh tịnh; hai là tịnh ấy vọng nhiễm, đắc ly cấu thanh tịnh. Bởi tánh đã tịnh, vọng niệm không sinh, hai là chướng đều tiêu tan luân khuyếch triệt, khế hợp với bổn nguyện chủng tử, hiện hành đều vắng lặng.

Hỏi: Đạo Phật hưng thịnh khắp nơi, phàm Thánh đồng bẩm thọ, tại sao hưng suy không nhất định, mà có người đọa lạc ư?

Đáp: Vạn vật có sự đổi thay mà Tam bảo thường trụ, lặng lẽ bất động, cảm thông mà giáo hóa, chẳng phải vừa sinh ra trong cung vua thì không chết mãi nơi song thọ. Nếu chúng sinh phước mỏng, thì thật sự bóng tiêu; nếu quốc độ có duyên sâu thì phạm vương sát lợi tụ hội, người bây giờ tự sinh tâm được mất không có phép tắc mà không có hưng suy. Cho nên kinh Pháp Hoa nói: “Chúng sinh thấy kiếp tận, lúc bị lửa lớn thiêu đốt, cõi này của ta được an ổn, trời người luôn đông đủ.”

Hỏi: Đã tán thán các điều thiện, báo ưng chẳng hư dối, tại sao có người khổ nhọc tìm cầu, toàn không khắp chứng?

Đáp: Người tu thiện, tự có hai thứ lợi ích ẩn hiển.

Pháp Hoa Huyền Nghĩa: Tứ cu khoa giản.

1. Minh cơ minh ứng, như quá khứ tu ba nghiệp, hiện tại chưa vận hành nơi thân khẩu, nương vào sức thiện thời quá khứ, đạy gọi là minh cơ. Tuy không thấy linh ứng, mà âm thầm được lợi ích cho pháp thân, không thấy không nghe, chẳng hay chẳng biết, đây gọi là ngầm lợi ích.

Ứng thân phải là hiển ứng, pháp thân phải là minh (ngầm) ứng.

2. Minh cơ hiển ích: Quá khứ gieo thiện mà minh cơ đã thành, lại được gặp Phật nghe pháp, hiện tiền được lợi ích, đây gọi là hiển ích. Nếu Phật vừa ra đời, là người đầu tiên được độ, hiện tại làm sao biết tu hành? Chư Phật soi tỏa căn cơ đời trước của họ rồi đích thân đến độ họ.

3. Hiển cơ hiển ích: Hiện tại thân khẩu tinh tấn không lười mõi, có thể cảm hiện thiện, lễ sám nơi đạo tràng có thể cảm được tiềm lành.

4. Hiển cơ minh ích: Như người tuy một đời siêng năng, hiện tại tích lũy nhiều việc thiện, mà không hiển cảm ngầm có lợi ích. Nếu hiểu được 4 câu tất cả những việc cúi đầu, chấp tay phước không luống bỏ, trọn ngày không cảm, trọn ngày không hối.

Hỏi: Có người cả đời làm thiện, hiện tại mắc ác báo; người trọn ngày tạo ác, hiện tại gặp điều tốt lành là sao?

Đáp: Nghiệp thông 3 đời, sống chín không nhứt định; lại thông cả 3 báo, dày mỏng lẫn nhau. Tổ Cưu Ma Ha Đa thứ 19 ở Tây Thiên nói: "đời trước tu công đức, và đến quá nữa công phu vì có một chút phá hoại bèn hồi tâm tu các hạnh. Do tội nghiệp ít hơn công đức, trước khi chết cũng lãnh thọ phước đức. Đang lúc thọ phước an lạc đời này, tâm dường được an lạc, các suy não chợt giáng xuống, gia đình nhà tôi dần bị phá sản, vì kế thừa nghiệp ác đời trước kia, liên tục đến bây giờ chẳng phải đời này tu phước, mà chuốt lấy ác báo này.

Lại nói: Đời trước làm việc ác, tội ấy hơn công phân nữa, bỗng gặp một người trí, dạy cho tu phước đức. Phước đức tuy tu rồi, song thiện ấy chưa đến, công đức ít hơn tội, chết rồi sinh vào nhà nghèo khó. Tâm không tín kính Phật, không cũng trọng Tam bảo, như vậy quá nữa rồi, nhà ấy dần giàu có, của cải nảy sinh nhiều vì thừa kế nghiệp lành đời trước, liên tục đền hôm nay chẳng phải đời này làm ác, mà chiêu cảm thiện báo này. Luận nói: Nay tôi bệnh khổ, đều do quá khứ; đời này tu phước báo ở đời sau. Nếu thấy người ưa thích sống lâu, thiết giúp đỡ kẻ bần cùng, có thể tin lời này, không sinh tà kiến. Nếu không hiểu đời này, ưu não thất ký, chỉ luống công mất kế, thiện ác không hiện ra ngoài. Như khi tu thiện, một lòng không thối lui, không gián đoạn, quả phước mãi tươi sáng, chỉ sợ tự sanh chướng ngại. Những bậc hiền sĩ và thông đạt, mới hiểu được ý này thôi.

Hỏi: Ác có thể che thiện, thì khi họa khởi phước nghiêng đổ. Thiện có thể bài trừ ác, thì chướng tiêu và đạo hiện. Cớ sao lại có người từ khi sinh ra đã chứa nhóm điều thiện lại mắc tai ương? Và khi Lương

Vũ Đế bị nỗi loạn, ông quy uy Tam bảo, mà cả triều đều bị khốn đốn, hoàn toàn không có sự linh ứng là sao vậy? Cả thế giới đều nghi, xin Ngài quyết nghi cho.

Đáp: Trước đã nói rõ nghiệp thông ba đời, sự việc đã rõ ràng. Nay quyết nghi lại trong ấy có ba nghĩa:

1/ Là chư Phật Bồ-tát thị hiện báo độ và tùy thiện thế gian, hòa vào sự khổ vui của họ, thiên biến vạn hóa, nhọc nhằn dẫn dắt họ.

Có người đang sống yên ổn bỗng gặp tại nạn, bởi vật đi đến chỗ tột cùng thì quay lại, có người đang sống cuôc sống vinh hoa chợt gặp chuyện hư xấu hiện ra thịnh thời ắt có suy. Khiến người ta ưa đắm vinh hoa ngộ được thế gian vô thường, cảnh tỉnh người ủy quyền biết cuộc đời này có hạn dần dần tiêu trừ tham cấu, tẩy sạch tình trần, hiện chánh hiện tà, hoặc nghịch hoặc thuận, đây là thuật bí mật của việc thần hóa. Chẳng phải kẻ tiểu phàm có thể biết đươc.

2/ Thiện ác không nhứt định, quả báo theo duyên; nghiệp lực khó lường, sức không thể ngăn lại được. Cho nên kinh Niết-bàn nói: Nghiệp có 3 thứ báo:

1. Hiện báo, hiện đời làm thiện ác, hiện đời chịu khổ vui.

2. Sinh báo, đời này tạo nghiệp, đời sao thọ báo.

3. Hậu báo, đời này tạo nghiệp, trải qua trăm ngàn đời mới lãnh thọ quả báo.

Kinh nói: Có nghiệp hiện khổ có báo khổ, có nghiệp hiện khổ có báo vui, có nghiệp hiện vui có báo vui, có nghiệp hiện vui có báo khổ.

Hoặc dư phước chưa hết, điều ác không gia vào liền; hoặc túc ương vẫn còn mà duyên lành lại phát. Lại nữa nếu thiện nhiều ác ít, thì trước thọ vui mà sau này chịu khổ, thì phước hết họa sinh. Hoặc thiện ít ác nhiều, thì trước chịu khổ mà sau thọ vui, tai nạn tiêu trừ và hỷ lạc vân tập. Những đều này hoàn toàn do nghiệp chín mùi của hậu báo, đời này sức thiện khó bài trừ. Đoạn tập chứng Thánh vẫn còn túc trái, như Tỳ-kheo Sư Tử, một vị thiền sư mà còn như vậy huống chi phám phu bộ ngjiệp lực ràng buộc, đâu tránh khỏi họa hoạn này?

3/ Hoặc thiện căn sâu dày, sức tu kiên cố, quyết chí không nghi thệ hơn đá vàng, thì hiện tại thọ khinh báo, có thể đoạn được lỗi lầm nhiều kiếp. Cho nên kinh nói: Đời này làm ác ít thiện nhiều, thì tranh đi bảo nặng ở địa ngục và hiện đời được nhẹ nhàng, có người làm thiện ít mà ác nhiều thỉ chẳng quả hiện tại nhẹ mà nặng về địa ngục. Nhẫn đến người tu thiện hoàn toàn, thì hiện đời tạm thời chịu khổ nhưngdiệt được món khổ trong trăm vạn kiếp. Ở địa ngục. Thế nên Bồ-tát phát hiện

rằng. Nguyện được thân này để đền trả, kông vào ác đạo chịu khổ.” Người làm ác, tuy hiện đời an lạc, song quả ấn trong ngục A tỳ, nhiều kiếp bị thiêu đốt, chịu khổ không gián đoạn. Lại nữa, người tu hành sắp ra khỏi luân hồi, khi lâm chung khỏi chịu khổ, là do ác nghiệp từ vô thỉ, trở lại một lát rồi dứt sạch. Như Đường Tam Tạng pháp sư, chín đời làm tăng, phước đức trí tuệ, thường xưng tụng là bậc nhất, hoằng truyền Thánh giáo rộng khắp, diễn dải Phật thừa, lợi ích vô biên, công lao to lớn khó có thể lường được. Cho đến khi sắp thác hóa, nằm trong phòng bệnh, vị tăng nuôi bệnh là thiền sư Minh Tạng thấy có hai người, mỗi vị cao một trượng, cùng cầm bông sen trắng đến trước pháp sư nói rằng: “Thầy từ xưa đến nay có một số ác nghiệp làm tổn não chúng sanh trong các cõi, vì thế mà nay có chút bệnh, song đều được tiêu trừ, hãy sinh lòng vui vẽ.” Pháp sư ngoáy nhìn chắp tay, rồi quay nằm sang hướng phải. Đệ tử hỏi ngài:”Hòa thượng chắc chắn sinh vào nội viện của Di-lặc không? Đáp: Được sinh, nói xong, hơi thở yếu dần, an nhiên ra đi. Nếu biết nghĩa của ba ý trên mới là người biết nhân biết quả. Hoặc giả mê mờ lời nay thì trọn đời nghi ngờ hủy báng.

Hỏi: Tu thiện lẽ ra đã thuần, cớ sao còn tạo ác? Ác đã tạo rồi sao dùng thiện làm gì? Nếu thiện ác đều làm, e rằng luống uổng công sức.

Đáp: Nếu Bồ Tát suất gia không có các thứ chướng ngại, phải tu toàn điều thiện, thẳng đến Bồ-đề. Còn Bồ Tát tại gia bị ràng buộc bởi sự nghiệp, chưa được thuần tịnh, chỉ thực hành thiện đạo để đối trị. Nghiệp khó đổi liền, ác chẳng đoạn hết, dần dần chứa nhóm công đức để hướng vào Bồ-đề. Nếu lại chứa ác mà không chịu tu, thời ác không bao giờ hết, phải làm việc lành, để tẩy trừ nhân ác.

Kinh thí dụ nói: “Xưa kia có vị quốc vương, ra ngoài săn bắn rồi trở về, đi ngang qua chùa nhiều tháp, làm lễ các vị Sa-môn, quần thần ai cũng cười ông. Vua liền hiểu ra bảo chúng thần rằng “Có thỏi vàng trong chảo, trong chảo tràn nước sôi, nhúng tay vào lấy vàng được không?

Đáp: Không được.

Vua nói: Lấy nước thật lạnh đổ vào đó rồi lấy được không?

Quần thần tâu rằng: Lấy được.

Vua nói: Ta hành vương sự, những việc săn bắn như nước sôi, đốt hương thắp đèn, nhiều tháp như đem nước lạnh đổ vào nước sôi.” Hễ làm Vua thì có những việc thiện ác, tại sao chỉ có ác mà không làm thiện ư ?

Hỏi: Bồ-tát tại gia cũng cho phép tu thuần thiện chăng?

Đáp: Nếu chí gắng tâm vững, hoàn toàn quy mạng, như nai mắc lưới, như lửa đốt dầu, chỉ tìm cửa để thoát khỏi, không đoái hoài gì đến việc đời, từ xưa đến nay cũng nhiều việc như vậy.

Kinh thí dụ nói: "Thuở xưa có vị quốc vương rất thích đạo đức, cứ đi nhiều tháp cả trăm vòng chưa ngừng, Vua nước láng giềng cất binh sang đánh, muốn đoạt nước của ông. Quần thần xung quanh hết sức sợ hãi, liền tâu vua rằng: Ngưng việc nhiều tháp lại để chống thả giặc cả." Vua nói: Cứ để chúng đem binh đến, ta không dừng lại đâu. "Tâm ý vua vẫn như cũ, nhiều tháp chưa xong mà binh chạy toán loạn hết." Hễ người có một tâm chí vững chãi, không việc gì không xong. Bởi vậy, sông núi không binh mà chỉ cảm nơi lòng người, chỉ có lòng hướng đến thì không chỗ nào không đến. Cho dù vào ao lạng để bắt cá, vào rừng cóng để măng, nên chẳng phải là sức thần mà do chí khí làm việc vậy.

Hỏi: Nếu rộng tu vạn thiện, cũng thực hành từ bi, chỉ bẩm thọ chân thuyên, có hại với thế đế, thì ở trong nước loạn để trị nước đó, ở trong nhà hư thì sửa trong nhà đó, tuy gọi là lợi người nhưng chưa toàn mỹ.

Đáp: Những điều thiện trong pháp Phật thấm nhuần tất cả, sức giúp đỡ những kẻ còn người mất, đạo bao hàm cả chân tục. Ở trong nước nào có nhiều điều kiện thì nước ấy thành quốc bá, ở nhà nào có làm thiện thì nhà ấy được sung túc, lợi ích đã đạt được thật tu lớn. Cho môn sách (thư) nói: Nhà chứa ác ắt phải có tai ương", lại nói: Làm thiện thì trăm ngàn điềm lành lúc đến, làm ác thí trăm thứ tai ương giáng xuống.

Tống điển Văn Đế vào niên hiệu nguyên gia hỏi Hà Thị Trung rằng: "Phạm Thái, Tạ Linh Vận rằng: Lục kinh vốn là giùp đời, nếu tìm tánh linh chân yếu thì lấy kinh Phật làm kim chỉ nam. Nếu cõi nước của ta đây được Phật pháp thuần hóa thì ta ngồi yên trên ngôi vậy. "Thị trung nói rằng: Hễ ngôi làng có một trăm hộ, mười người trí ngủ giới thì mười người hiền lành chất phát. Ấp có 1000 hộ mà 100 người tu thập thiện thì một trăm người nhu hòa, thuần hậu.

Truyền những âm hưởng biến khắp vũ trụ, gộp ngàn vạn hội vì người nhân từ có cả trăm vạn. Thể lành được một việc thiện thì bỏ đi được một biệc ác; bỏ đi một điều ác thì dứt một hình phạt. Một hình phạt giúp ở một gia đình, vạn hình phạt giúp ở một nước, bệ hạ gọi đó là ngồi yên trên thái bình rộng.

Bởi vì pháp giới bao la, biến khắp hư không, một việc thiện đã làm, không có việc bất lợi kéo đến thì đó chính là phép tắc chính yếu

của việc lập thân, giác hóa, giúp nước giữ nhà. Nếu lấy đó để lập thân thì không thân nào không lập; lấy đây để giúp nước thì không nước nào không giúp được. Gần thì được phước nhân thiên, xa thì bước vào ngôi vị Phật.

Hỏi: Vạn thiện đã tu lấy gì làm căn bản?

Đáp: Tất cả lý sự, lấy tâm làm gốc. Ước theo lý, kinh nói: "Quán tất cả pháp tức tự tánh của tâm, thành tựu tuệ thân, không ngộ từ người khác." Tâm như người thợ vẽ, có thể vẽ được cảnh đời, 5 uẩn đều sinh từ đây, không pháp nào không tạo." Đây chính là lấy tâm thực quán tâm duyên lự làm căn bản. Tâm chân thật là thể, tâm duyên lự làm dụng, dụng tức là tâm sinh diệt môn, thể tức là tâm chân như môn. Thể dụng chia làm 2 song chỉ là một tâm dụng tức là thể, vì dụng không lìa thể, thể tức là dụng, thể không lìa dụng. Đóng mở tuy khác, song chân tánh bất động, tâm có khả năng làm Phật, tâm có thể làm chúng sinh. tâm làm thiên đường, tâm tạo địa ngục, tâm sai muôn hình vạn tượng tranh nhau khởi phát, tâm bình thì thế giới bằng phẳng, tâm phàm thì tam độc trói buộc, tâm Thánh thì tự tại trong lục đạo, tâm không thì một bề thanh tịnh tâm có thì vạn cành tung hoành. Như trong hang dối tiếng, nói to thì âm lớn, như gương soi bóng, hình cong thì bóng tà.

Vì vạn hạnh từ nơi tâm, tất cả tại ngả, trong hư dối thì ngoài không bao giờ thật, trong nhỏ bé thì ngoài không bao giờ lớn, nhân lành thì rút cuộc gặp chuyện lành, làm ác khó tránh cảnh ác. Lượn trên mây mà uồng cam lồ, chẳng phải người khác trao chọn, nằm trong khói lửa mà ăn máu mủ, đèu do mình làm chẳng phải do trời sinh đất sản, chỉ tại ở niệm đầu trên đến nỗi trầm luôn như vậy, muốn bên ngoài được an hòa thì bên trong phải định tĩnh, tâm lắng thì cảnh tịnh, niệm khởi thì pháp sinh, nước đục thì sóng ngầu, đầm trong thì trăng tỏ, điểm cốt yếu của sự tu hành, chẳnh ngoài điều này, có thể gọi là cửa của chúng diệu, nhà của quần linh, cội gốc của sự thăng trầm, nguồn của tội phước chỉ làm ngay thẳng tâm mình, sao nghi cảnh khác?

Kinh nói: Làm thiện thì phước theo làm ác thì họ kéo đến, như vang ửng tiếng, thiện ác như âm thanh, chẳng phải thiền long quỷ thần trao cho. Chẳng phải tổ tiên cháu chắc làm ra. Cái tạo ra nó chỉ là tâm, cái tâm ra nó là thân khẩu vị. Phật nói kệ rằng: Tâm là gốc của pháp, tâm tôn tâm sử, trong tâm nghĩ ác, rồi nói rồi làm, tội khổ tự theo, như xe lăn theo bánh. Tâm là gốc các pháp, tâm tôn tâm sử, trong tâm nghĩ thiện bèn nói bèn làm, phước lạc theo sau, như bóng theo hình.

Kinh Hoa Nghiêm nói: "Bồ-tát Trí Thủ hỏi:Bồ-tát Văn-thù rằng:

Làm sao để khỏi mắc lỗi 3 nghiệp, nhẫn đến là đến là thương là vô thượng, làm đẳng là vô đẳng v.v... Văn-thù Sư Lợi đáp: Này Phật tử! Nếu Bồ-tát khéo dụng tâm mình thì được tất cả công đức thù thắng vi diệu.

Kinh Mật Nghiêm nói: "Như đất không phân biệt, mọi vật nương đó để sinh, tăng thức cũng như vậy, các cảnh nương thức ở. Như người dùng tay mình trở lại xoa thân mình, cũng như voi dùng vòi hút nước tự tắm rửa, lại giống như các bé con, ngậm tay vào miệng. Như vậy trong tâm mình, hiện cảnh rồi tự duyên theo cảnh giới của tâm này biến khắp 3 cõi. Người tu quán hạnh lâu ngày có thể thông đạt các thế gian trong ngoài, tất cả chỉ do tâm hiện. Từ đây mà nói, đâu chỉ dừng lại gốc của vạn thiện, cho đến hữu tình vô tình, cảnh giới phàm tánh, vạn tượng trong hư không, đều lấy tâm làm gốc. Cũng nói: Lấy vô chủ làm gốc, gốc lập thì đạo sinh, đó chính là điều này vậy.

Hỏi: Nguồn của vạn hạnh, lấy tâm làm gốc, trong môn thợ đạo, pháp nào là thước tiên.

Đáp: Lấy tâm ngay thẳng chân thật của mình làm gốc, từ bi nhiếp hóa làm đạo. Vì nó ngay thẳng, nên quả không cong vậy hạnh thuận chân như:

Vì tâm từ bi nên không rơi vào tử thừa, công bằng bậc đại giác. Vì 2 môn này đầy đủ tự lợi, lợi tha.

Hỏi: Trước tiên biết rõ chánh tông biến hành trợ đạo, nay trong vạn hạnh môn, để tiêu trừ nghi trệ, chưa xét lũy thì lấy gì làm tông chỉ?

Đáp: Phật pháp vốn không có ý nhứt định, chỉ thì căn cơ vào chỗ thấy rõ tâm tánh, tạm gọi là Tông.

Hỏi: Dùng phương tiện gì để được ngộ nhập?

Đáp: Có cửa phương tiện, cần phả tự nhập.

Hỏi: Sao không chỉ bày?

Đáp: Thấy tánh không nơi chốn, lấy gì chỉ thị? Quả là chẳng phải cảnh giới thấy nghe hiểu biết.

Hỏi: Đã không thể chỉ thị thì lúc thấy rõ là thấy việc gì?

Đáp: Thấy vô vật.

Hỏi: Không có vật làm sao thấy được?

Đáp: Không có vật thì không thấy, thấy không vật là thấy đúng, thấy có tức là bị trần kéo.

Hỏi: Thế thì như trong giáo pháp, tại sao Phật cũng nói thấy?

Đáp: Phật tùy theo pháp thế gian, thấy ngay trong cái không thấy,

chẳng giống hàng phàm phu chấp có thấy thật. Nói chung, kiến tánh chẳng thuộc có không, trạm nhiên thường tịch.

Hỏi: Rốt cuộc như thế nào?

Đáp: Phải đích thân xét nét.

Hỏi: Ở trước nói ngoài tâm không có pháp tại sao nói có thấy liền bị trần kéo?

Đáp: Tất cả cảnh sắc đều là đệ bát thứ đạt được từ tướng phần hiện lượng. Thật không có pháp bên ngoài, khi mắt thấy sắc, chưa snah phân biệt, trong sát na chuyển nhập, hiêu rõ ý thức, phận biệt hiện tượng, làm cái hiểu bên ngoài, bèn chấp thành trần cảnh.

Hỏi: Cảng này làm sao biết nó đã hiện?

Đáp: Trần hiện ra từ thức, nội thức biến khởi, thì hiện ra cảnh tự trần, như trong gương thấy mặt mũi mình, chẳng hiện bóng khác. Duy Thức luận nói: "Nội thức chuyển tự ngoại cảnh, phân biệt ngã pháp, vì sức huân tập, khi các thức sinh, biến thành ngã phá của mình. Tướng nãg pháp này tuy ở (trong thức) thức bên trong, nhưng do phân biệt thì dường như cảnh bên ngoài hiện. Các loài hữu tình từ xưa đến nay do đây chấp làm thật ngã, thật pháp như việc chuyển mộng, vì sức chuyển mông tâm giống như mọi cảnh tướng bên ngoài hiện, nội thức biến ra tự ngã tự pháp, tuy có mà không thật."

Kinh nói: Do tâm mình chấp trước, tâm dường như bị cảnh ngoài chuyển, thấy nó không có thật nên gọi là duy tâm." Ý này do ước theo sự mà luận, nói là thức biến. Nếu hiểu sâu chân như, thời tất cả pháp xưa nay không động, chính tự tánh của tâm cũng không cần biến.

Hỏi: Trần và thức này từ đâu mà lập?

Đáp: Nghĩa là từ danh ngôn huân tập chủng tử, mà được kiến lập. Thật không có thể, mà tự có nghĩa, tướng mạo hiển hiện, như những vật huyễn, từ tên mà lập pháp, nhân pháp mà lập danh, trong danh không có pháp, trong pháp không có danh, vô thể cường hình thành, hữu tưởng đồng vắng lặng.

Hỏi: Thức này đã không lập thì lấy thức nào làm tông?

Đáp: Các thức rốt ráo cũng không có chỗ nương tựa, luận theo cực quyền, chỉ một chân tánh. Thức loạn này vì cảnh lôi kéo nên lập, cnảh tiêu thức trừ, năng sở đều mất, chỉ còn một chân thức tức là thật tánh. Tam Võ Tánh Luân nói: "Trước lấy loạn thức xưa đuổi ngoại cảnh, kê đến lấy A-ma-la thức đuổi loạn thức, rốt ráo chỉ còn một tịnh thức."

Hỏi: Lý sự vô ngại, vạn sự viên tu, giác nào để tôn, đế nào để nhiếp?

Đáp: Pháp tánh dung thông, tùy duyên tự tại, tùy nêu một pháp, thâu tịch vạn hạnh, tức là sở tông của Hoa Nghiêm sở nhiếp của viên giáo. Như lục độ vạn hạnh, thành Phật độ sinh, tuy chuyên khỏi tịnh song đều nhiếp thâu vào thế đế. Nếu phát sáng bổn tông, hiểu cùng tột biển quả, thì lý trí đều mất, ngôn tâm tuyệt nẻo.

Hỏi: Tập này đã trình bày, gồm những danh mục nào?

Đáp: Nếu chỉ giả danh thì số đến hằng sa. Nay nói tóm lược, thì gọi chung là "Vạn Thiện Đồng Quy". mở rộng nghĩa là:

1/ Lý sự vô ngại.

2/ Quyền thật song hành.

3/ Nhị đế đều trình bày.

4/ Tánh tướng dung tức.

5/ Thể dụng tự tại.

6/ Không có tương thành.

7/ Chánh thợ kiêm tu.

8/ Đồng chị một mé.

9/ Tu Thánh không hại.

10/ Nhân quả không khác.

Hỏi: Danh do nghĩa lập, nghĩa giả, danh thật, giả danh đã lập nghĩa ấy làm sao trình bày?

Đáp: Thứ nhất, lý sự vô ngại: Lý là vô vi, sự là hữu vi, trọn ngày làm mà chưa từng có làm, trọn ngày không làm mà chưa từng không làm. Làm và không làm chẳng giống chẳng khác, cùng nguồn pháp tánh, đồng cõi hư không. Nếu nói là một thì sinh nhâm vương nói: "Công đức hữu vi và vô vi vủa chư Bồ-tát thảy đều thành tựu." Nếu chỉ là một thì không nên nói có hai thứ công đức. Nếu nói là khác thì kinh Bát-nhã nói: Không được lìa hữu vi mà nói vô vi, không được lìa vô vi mà nói hữu vi. Đó chính là lý sự tương tức, chẳng đoạn chẳng thường, khởi diệt đồng thời, vô ngại cùng hiện.

Thứ hai, quyền thật song hành: Thật là chân tế, quyền là hóa môn. Từ chân tế mà khởi hóa độ, ngoài thật không có quuyền; nhân sự tích mà được cội gốc, ngoài quyền không có thật. Luân thần hợp với toàn ý chỉ, vô ngại song hành giá chiếu đồng thời, lý lương đều hiện.

Thứ ba, nhị đế cùng trình bày! Chư Phật thương y theo nhị đế thuyết pháp. Vì cớ sao? Vì tục là chân thuyên, liễu ngộ tục là vô tánh, tức là chân tánh, cho nên nói: "Nếu không được tục đế, không được đệ nhứt nghĩa." Cho nên chân không cần lập mà thường hiện, tục không cần trừ mà nó tự không. Hai đế cùng tồn tại, giống như sống nước hễ

nước cạn thì sóng ngừng, sóng nước đồng thời, sóng tột nguồn nước, động ẩm một bờ.

Thứ tư, tánh tương chung tức:

Kinh Vô Lượng nghĩa nói: "Vô Lượng nghĩa là từ một pháp sinh" pháp đã nói tức là chân tâm. Từ một chân tâm mà đủ hai nghĩa tùy chuyên bất biến, bất biến là tánh, tùy chuyên là tướng. Tánh là thể của tướng, tướng là dụng của tánh, vì không hiểu nguồn cội, nên vọng sinh tránh luận. Nếu nay hủy tướng là không hiểu dụng của tâm, hủy bỏ tánh thì không biết thể của tâm. Nếu có thể dung thông, thì thủ xả đều dứt.

Thứ năm, thể dụng tự tại: thể tức là lý của pháp tánh, dụng là sự của trí ứng. Nêu toàn dụng của thể, dụng tức không giống, nếu toàn thể của dụng, thể tức chẳng khác. Dụng của thể mà không ngại dụng, là thể của dụng mà không mất thể, cho nên một vị (song) hai phần, tự tại vô ngại.

Thứ sáu, không có tướng thành: Hễ luận về tất cả vạn pháp, vốn không có tướng nhất định, cùng hoại, tương nhiếp tương trợ, nhân không mà lập có, vì chuyên sinh tánh không, giả có thành không, vì vô tánh chuyên khởi. Nhân nghĩa hiển biệt, theo cái thấy mà thành sai khác, mê nó thì vạn rộng bất đồng, ngộ nó thì tam thừa không khác. Vì sao? Vì nếu giả sử có một pháp thì hàng Tiểu thừa thấy thật sắc, hàng sơ giáo thấy là huyễn có, chung giáo thì thấy sắc, không vô ngại. Vì không ấy không giữ tự tánh, tùy chuyên mà thành các cõi. Đốn giáo thấy tất cả sắc pháp đều là chân tánh, viên giáo thấy vô tận pháp giới này. Nếu chung thông được nó thì liền thành chân không diệu hữu, có, có thể hiển bày vạn đức, không, có thể thành tất cả.

Thứ bảy, kiêm tu chánh trợ: Chánh là chủ trợ là bạn. Nhờ bạn mà chủ thành không có trợ thì chánh không bao giờ trọn vẹn; từ chủ được bạn không có chánh thì trợ không do đâu lập. Đó chính là ý chủ vạn tương thành, chánh trợ gồm đủ, cũng là chỉ quán song vận, ẩn hiển cùng chưng trong ngoài lại giúp nhau, giới thừa đều cần.

Thứ tám, đồng trị một bờ: Đồng thì căn cứ theo lý bất biến, độ thì ước theo sự tùy duyên. Vì bất biến nên mới có thể tùy duyên; vì tùy duyên cho nên bất biến. Chỉ vì sự không khác mà thành khác, môn bất đồng mà lập đồng. Nếu là khác thì hoại ở khác nên mất thể. Nếu đồng thì không thành đồng, vì không dùng cho nên giống không giống mà khác. Khác không khác mà giống, chấp mỗi thứ bèn rơi vào đoạn thường, dung thông cả hai thì thành Phật pháp. Cho nên kinh nói: "Lạ thay Thế Tôn! Ở trong pháp vô dị mà nói các pháp dị.

Thứ chín, tu tánh không hai: Cái vốn có gọi là tánh chẳng phải do quán mà thành, nay hiển lộ gọi là tu, nhờ trí mà hiện ra. Do tu mà hiển được tánh bổn hữu, nhờ tánh mà phát khởi sự tu của ngày nay, toàn tánh thành tu, toàn tu thành tánh, tu, tánh không hai nhân duyên tự phân.

Thứ mười, nhân quả không khác: Nhân từ quả khởi, quả tròn thì mới thành nhân, quả đuổi đi thì nhân sinh ra. Nhân tròn thì có thể lập quả. Sự phân trước sau, lý thì cùng một lúc, cùng giúp đỡ lẫn nhau, nghiệp dụng không mất.

Hỏi: Tập này đã trình bày, phải theo những căn cứ nào? Được những lợi ích nào?

Đáp: Gồm cả tự lợi, lợi tha, đốn trộn cùng thâu. Tự lợi là viên môn của trợ đạo, huyền kinh của việc tu hành. Lợi tha là mặt trời tỏ rạng của việc thệ chân, là lương y của nhị kiến. Đốn hành: Không Thái với môn tánh khởi, có thể thành hạnh pháp giới; tiệm trếm là khởi phế bỏ lời dạy phương tiện, trọn quay về thừa cứu cánh. Nếu người tin điều ấy thì vâng lời Phật dạy, nếu người chê bai nó thì huỷ bán ý Phật. Tin hay nghe đều có quả báo, nhân quả rõ ràng. Trình bày tóm tắt một trần của biển giáo phát, thí khắp chúng sinh trong pháp giới, nguyện hoằng chánh đạo, để báo ân Phật.

Tụng rằng:

Bồ-đề không phát mà phát
Phật đạo không cầu mà cầu
Điệu dụng không hành mà hành
Chân trí không làm mà làm
Khởi từ ngộ được đồng thể
Hành bi thâm nhập vô chuyên
Không có gì xả mà hành thí
Không có gì giữ mà đủ giới
Tu tiến hiểu không có gì khởi
Họa nhẫn đạt không có gì hại
Trí tuệ ngộ cảnh vô sinh
Thiền định biết tâm không thụ
Thấy không thân mà đủ tướng
Chứng vô thuyết mà bàn thuyên.
Xây dựng đạo trăng trăng đáy nước,
Trăng nghiêm pháp giới tánh không
Bày khắp đồ cúng huyễn hóa
Cúng dường như lai hình, bóng

Sám hối tôi tánh vốn không
Khuyên thỉnh pháp thông thường thụ
Hồi hướng chọn vô sở đắc
Phước tùy hỷ đồng với chân như
Tán thán ta người huyễn giả,
Phát nguyện năng sở bình đẳng
Lễ bái ảnh hiện pháp hộ
Hành đạo rão bước hư không
Đốt hương khéo đạt vô sinh
Tụng kinh không sâu thật tướng.
Rãi hoa hiển các vô chấp
Đàn chỉ để hiện bỏ trần
Thí là độ môn của hang tiếng
Tụ tập không hoavạn hạnh
Thâm nhập biển tánh chuyên sinh
Thường dạo pháp môn huyễn hóa.
Thể đoạn trần lao vô nhiễm,
Nguyện sinh trung tâm tịnh độ
Thực hành thực tế lý địa
Ra vào quán môn vô đắc.
Hàng phục cảnh tượng ma quân
Trong mộng rộng làm Phật sự
Độ khắp chúng sinh như huyễn
Đồng chứng Bồ-đề tịch diệt.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 178

VĨNH MINH TRÍ GIÁC THIỀN SƯ DUY TÂM QUÁN

SỐ 2018

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2018

VĨNH MINH TRÍ GIÁC THIỀN SƯ DUY TÂM QUÁN

Phàm người rõ tâm, chẳng phải biện về chân vọng có không, há chẳng phải là thuật lại văn ngôn cú nghĩa sao? Nhưng chúng Thánh ca vịnh, nêu triết giảng lượng, chẳng phải không rõ ràng, vì là vật vậy.

Do đó mà thiên đồ dị thuyết, tuy thân thuận theo cơ nghi đều quy về một pháp mà thôi. Cho nên kinh Bát Nhã duy chỉ nói không hai. Pháp Hoa chỉ nói Nhất thừa, kinh Tư Ích thì bình đẳng như như, Hoa Nghiêm thì thuần chân pháp giới. Viên Giác thì kiến lập tất cả. Hoa Nghiêm bao hàm cả mười phương. Đại Tập thì nhiễm tịnh dung thông, Bảo Tích thì bao hàm trần miễn, Niết-bàn thì bao hàm an bí tạng. Tịnh danh thì đâu cũng là đạo tràng. Thống nhiếp bao dung không điều gì mà không tận, không lý nào mà không quy. Thế nên một pháp mà cả ngàn tên, ứng duyên mà lập hiệu, không thể mang phương tiện mà nói. Mê tùy theo sự mà lập danh, cho là chúng sinh phi chân, chư Phật là thật. Nếu ngộ một pháp thì vạn pháp viên thông, nhiều kiếp ngưng trệ. Cần nên hạ quyết tâm tiêu trừ, thì diệu nghĩa vô biên nhất thời liền thông đạt. Thâm triệt tận nguồn pháp, thấu tận căn cơ của chư Phật, tơ hào đều bất động, dù không dời đổi mà chu du nơi diệu giới, biến khắp đạo tràng. Vì sao cõi Phật lại không lên, vì sao pháp hội mà không bước. Không có một tướng mà lại phi thật tướng, không một nhân mà phi nhân viên nhân, pháp hằng diệu của Như Lai, rõ ràng ngay trước mắt, phương pháp rõ ràng như nắm trong tay. Sông núi cao thấp, cùng chuyển pháp luân. Lông rồng nhỏ lớn, phổ hiện sắc thân Tam-muội. Ngồi một chỗ mà mười phương đều hiện, diễn một âm mà diệu giới cùng nghe. Đàm huyền hiển diệu mà không hoại phàm luân, thiên biến dạng hóa mà

chưa lìa chân tế, cùng nhất thời thành đạo với ba đời chư Phật, đồng đến Niết-bàn. Tập pháp cổ ở nơi ma cung. Đành pháp nơi thành tà. Trong nghịch mà tự thuận chỗ cương mà thành nhu, lên chỗ cao mà không gặp nguy hiểm, chỗ đầy đủ mà không tràn. Có thể gọi là ở nơi thẳng mà tuyệt học, đến nơi cội nguồn vô vi sâu xa, nhập vào huyền môn vi diệu, du đến cảnh giới nhất thật, không một pháp bổn hữu, không một pháp bắt đầu thành. Trong chỗ tận cùng, trước sau đều bình đẳng. Đến đi dị đồng, vạn cảnh cùng quán, thấy rõ Tam bảo thường hiện nơi Quốc độ, không đốt phạm âm mà hằng nghe tuệ quang, thường chiếu nơi đại tịch.

Tam-muội này Kim quang định năm xưa nay đều rõ ràng, Thánh phàm đồng đẳng như một giọt nước mà nhuận tánh đầy tràn không khác, như hạt cải ở chỗ không v.v... dung nạp cả thái hư, chẳng phải có biệt tính mà vượt ra nhiều kiếp, tu nơi một trần mà chẳng hợp, ly tán mà chẳng phân, hòa quang mà không quần hợp, đồng trần mà không nhiễm, siêu xuất mà không lìa, minh hợp mà không quy. Nuôi dưỡng phàm Thánh mà không có chất tượng nào có thể quán. Hưng kiến pháp giới mà không lập danh tự. Nương vào cây cỏ xưa nay biến khắp, thường chiếu thì thường hiện, thiết vi không thể che được ánh sánh tỏa diệu đó. Vô trụ mà vô y, trần lao không thể thay được bản tánh đó. Phi thuần phi tạp vạn pháp không thể ẩn được tánh chân đó. Dù không nghe mà thanh âm vẫn vang dội. Rõ ràng vô tướng mà hình tượng đầy trời. Tướng nhập mà vạn cảnh thiên sai, tướng tức là Sum-la cùng một vị không từ sự là mất thể, phi cộng mà phi nhân, không thủ tánh mà nhậm duyên, cũng đồng mà cũng cũng khác, đó là tướng tức tánh. Cho nên không ngại kiến lập, tức sự của lý, nên không che lấp chân thường. Vì là hữu của không há làm hại sự phồn hưng, lấy động của tịnh mà không thiếu sự thâm tịnh. Nói một thì lớn nhỏ đều nhập. Nói khác thì cao thấp đều bình. Nói có thì lý thể tịch nhiên, nói không thì sự dụng không phế. Tuy khởi mà thường diệt thế bao hàm cả hư không, tuy tịch mà pháp giới vẫn hằng xuất hiện. Tuy động mà thường trú, vạn hóa mà không dời. Nhiệm ẩn mà thường hưng khởi, nhất thể cùng tùy ứng. Không giải mà huyễn tướng hòa hợp, không thật mà chân tánh thậm nhiên, không thành mà dị chất cùng tỏa sáng, không hoại mà các duyên cùng tuyệt. Cảnh tuy hiện mà tánh không hiện, trí tuy chiếu mà công không chiếu tịch dụng chẳng sai mà năng sở không ngăn, trang đồng với tịch cảnh, vạn tượng mà không thể trốn hình, tánh như trừng không, chúng tướng mà không lìa thể, vì thường trụ nơi tạng mà tác biến thông ngôn. Sâu xa

kiên cố mà hằng tùy vật hóa, phân khởi rõ ràng mà chân như bất động. Thân nam không thân nữ, đông nhập vàp phương tây mà khởi, thường tồn mà chánh triệt, nơi bận rộn mà hằng thư thả. Đầy khắp mà không đến, cùng biến mà không thường tại. Nêu nhất trần mà có cả vô biên. Quốc độ chỉ một niệm mà xưa nay vô tận. Nơi một tướng mà chẳng thăng, tức tịnh mà tùy nhiễm. Cùng năm cõi mà không đọa, xứ trược hằng thanh tịnh. Ngoài không vọng điều gì khác, trong nhìn mà không tích tụ, chán mắt mà không thấy, đầy tai mà không nghe, đầy lòng mà không biết. Biến lượng mà phi giác, vốn thành mà chẳng có. Nay hiện ra mà chẳng phải mới, không mài mà tỏ sáng, không dũa tự tịnh. Có thể gọi là thường trụ diệu thể. Linh quang chẳng trệ chí đức vang xa, thần tánh độc lập. Chúng diệu quần linh, mà phổ hội làm vua của vạn pháp. Tam thừa ngũ tánh mà lại quy về. Mẹ của ngàn Thánh độc tôn độc quý. Không so sánh không trù lượng, thật là nguồn đại đạo, là chân pháp yếu, dấu tích không định. Nhiệm theo vật tánh mà vuông tròn, diệu ứng mà không tùy. Trục cơ tình mà ẩn hiển, do cuối bổn tánh mà biểu tượng nơi gốc, thể dụng hằng hưng khởi, chân thành tục mà tục lập chân. Phàm Thánh cùng tỏa chiếu, đây hiển với kia mà kia phân ở đây, chủ khách cùng tham khảo, chúng sinh thành Phật mà Phật độ sinh. Nhân quả cùng triệt, cảnh không có tự tánh mà tha tự thành, tâm không có tự tánh mà tự thành tha. Lý không thành tựu mà một tức nhiều. Sự không thành tựu mà nhiều tức một tướng tuy hư mà ngầm nơi nhất thể, tánh tuy thật mà thường ở vạn duyên. tuy hiển lộ mà khó tình cầu, nhậm siêu tuyệt mà vô phương đại dụng. Huyễn cảnh tung hoành từ một tánh mà rõ chân. Tịch diệt linh không dựa vào sum-ma mà hiển tướng, đế trí cùng phát, nhiễm tịnh cùng huân, tùy theo hữu lực vô lực mà ra vào vô tận, trục duyên thành duyên mà mệt mỏi thư thả không định. Tương nhiếp thì mảy trần không hiện, tương trợ thì vạn cảnh cùng sinh. Đến như quá trình của trăng nước, đi như mây huyễn chợt tan, Động tịnh vô ngại mà thiệp nhập vào hư dụng. Cùng đoạt cùng tồn mà linh thông chẳng lường. Không xuất không tồn tại mà diện tánh vô phương. Biển trí mênh mông đều bao nạp mà không sót một hạt cải. Linh châu tỏ sáng không nơi nào không chiếu, như chân kim tùy theo dị khí mà phân hình. Thiên sai không ngại, như nước mạnh tạo thành sóng, mà hiển tướng nhất thể không thiếu. Cùng phải cùng trái, cũng tà mà cũng chánh, cũng phải mà cũng trái, không có mà thị hiện thành có. Tợ như mộng, không thành mà tợ như thành, như huyễn trụ, y vào nguồn không mà khởi tận pháp pháp không biết, tùy biển hóa mà hưng vong. Duyên

duyên tuyệt đãi, dù lên ngũ nhạc mà không cao, vào sông rạch mà không sâu. Tam độc tứ đảo mà phi phàm tám giải lục thông mà phi Thánh. Thảy đều trụ nơi chân như tịch diệt. Tận nhập vô sinh mà bất nhị. Thí ở trong đại giải thoát, trùng trùng vô tận, hiển hiện trong bất tư nghì mênh mông khó tận. Há có thể lập trước sau mà định khi vực. Vì sao lại sùng chân xích vọng, nhàm dị mà thích đồng. Muốn hoại thân huyễn hóa, không biết niệm là Thích-ca xuất thế, thiệp thiệp là Di-lặc bất sinh. Do phân biệt mà hiện tâm Văn Thù. Từ động dừng mà vận hạnh Phổ Hiền, môn môn đều khai cam lộ, vi vi đều là đề hồ, không ra khỏi cội Bồ-đề, mà trường xứ tạng nơi Liên Hoa. Thoáng soi mà không trần nào không thấu, đâu cần phải diệu biện phu diễn, không ai đợi mà hiển thị thần thông, động chỉ thường gặp, tối sáng không lìa chẳng phải xưa thạnh mà nay suy, há vì quên ngu mà trí hiện, nói im cùng hợp, sau trước ngầm thông. Sơ tổ nào phải từ phương Tây đến, thất Phật đâu thường xuất thế. Vì tâm không thì thiên địa đều hư tịch. Tâm có thì Quốc độ đều rõ ràng. Niệm khởi thì núi gò dao động. Niệm mặc thì sông nước yên hòa. Căn cơ cao mà nói nói cùng liễu nghĩa. Chí triệt thì niệm niệm hư huyền. Khí rộng mà pháp pháp chi viên, lượng lớn mà trần trần không bờ cõi. Ý đất thanh mà thế giới tận. Nước tâm trược mà cảnh tượng tối. Nêu một mà toàn thâu, thản nhiên bình đẳng. Đầy đủ như thế, tuy tại chánh quán, vạn pháp vốn chỉ do người chân như bao hàm chúng đức, vô niệm mà thù công đầy đủ. Vô tác mà diệu hạnh đều viên. Không vận mà thành linh trí. Pháp nhĩ vô cầu mà tự đắc, diệu tánh thiên chân mới biết. Lý trí viên dung không ngoài đại đạo. Tuyệt nhất trần mà độc lập vì sao các tướng rõ ràng mà thanh xứ đều toàn nghe thấy ngoài không pháp, há là huyền hoặc. Như vi biển đủ cả trăm sông, dụ như sắc tu-di nuốt cả bầy chim. Không có một tên nào không khuyết trương danh hiệu Như Lai, không có một vật nào không xiển hình giá-na, cùng diệu tướng vô biên. Chim kêu vượn hú, đều luận đàm pháp viên âm bất nhị, si ai thành chân nguyên giải thoát. Tham sân vận đại dụng Bồ-đề. Vọng tưởng mạnh thì Niết-bàn hiện. Trần lao khởi mà Phật đạo thành. Từ thể thí mà làm báo hóa, chưa từng không tịch tịnh, tùy duyên mà hiển hiện ra pháp thân cùng tận pháp giới, thật là sở duy của giáo pháp, bẩm thọ Thánh hiền. Thật tế của quần sinh là căn do của vạn vật, đại cương của chánh hóa, là bổn ý xuất thế là chánh giáo Tam thừa, là yếu bộ nhập đạo, là linh nguyên Bát-nhã là hang huyệt Niết-bàn. Bởi lẽ nếu mong cầu diệu lý huyền cao, là cuồng tuệ lao thần si thiền càng thân trói buộc. Thật là ngôn tư tuyệt lộ, phân biệt ý cùng.

Như vậy nên thức trí càng rõ ràng. Thần Thánh càng tỏ sáng. Không hữu càng rộng mở, căn trần khai phát, như nhìn thấy cõi tịnh thiên, không có pháp môn nào mà không hiện, không lý nào mà không rõ. Há động đến thần tình, ao xuân mà ẩn sâu chân bảo, chẳng cần lao tâm lực, nước đó mà có được huyền châu. Quán diệu giới trước mắt, chỉ đại thiên ở nơi bản thân, thâu quần sinh nơi bàn tay, nạp vạn loại trong tâm não. Thi nhất cộng mà thành tựu đại định Lăng Nghiêm. Không nêu một chữ, mà thấy hết chân kinh trước mắt. Đốn dụng nghĩa tứ cú, tuyệt lộ cả bách phi. Dọc ngang cả mười phương ba cõi, vì nhất tổng trì hiệu là đại tự tại. Thiền quang rộng mở y đức cao ngời, phiền não dứt sạch, sinh tử cũng không còn, sông ái khô cạn mà núi tình mạn cũng băng lỡ tiêu diêu ngoại vật mà vô đắc vô cầu. Hư không bao la, nhật nguyệt dần tỏ rạng. Nhưng về sau thì nhật nguyệt càng du hý, bi trí đều vận. Việc cứu thế như huyễn, độ sinh đồng như hư không, nói có mà không trái với không. Lý chân mà không phá tục, như trời đất đeo ngang, như nhật nguyệt cùng tu. Thị hiện Thánh phàm, vào sinh ra tử, trí ấn thật tướng, kiến tại pháp tràng, đạo tác một loại quang minh, làm bến bờ cho vạn đồ, làm cho tro lạnh thành lửa nóng, đốt thiêu tất cả, vĩnh viễn ra khỏi biển khổ làm bậc minh đạo cho chúng mê đồ, lần lửa ngăn chiêu, tùy trí thư thả nhọc mệt. Tuy vô trí mà vạn pháp đều viên thông. Tuy không thấy mà tất cả đều tỏa hiện. Nhưng khế hợp chỉ thể này vốn là tự nhiên. Như mùa xuân cây cỏ nảy mầm, dốn hiện mười thân, hưng khởi tứ trí, cũng như ý tràng, như đại bảo trụ. Pháp tài phong phú, lợi vật làm sao cùng, cho nên gọi là rừng cây công đức, bèn tự xưng là tạng vô tận, lẽ nào lại không tỏa chiếu, đêm tối không ánh đèn ư?

Vì sao khởi tâm hạn lượng mà suy xét, chỗ sâu cạn của thái hư. Định ra biên cương của pháp giới, khiến cho tình sinh phân biệt mà không vượt qua cảnh trần, hướng trên cảnh chân như mà cổ động tâm cơ, trong biển tịch diệt mà sóng thức dậy tràn. Không quản sự tồn kiến hướng vách mà trộm quang, lập ra trí năng sở, khởi giải thắng liệt lấy văn mà định chỉ, dùng lời mà phân tông. Há lại thâu nạp mười phương hư không trong lỗ chân lông, một sát-na hiện ra thế giới ức Phật mỗi mỗi thân biết hiện khắp cả cõi, mỗi cõi bao hàm vô biên thân, nương vào cổ xe cao lớn mà mang đi cả kinh quyển Đại thiên. Bước lên pháp tòa của Đăng Vương, ăn cơm hương tích, mặc thượng y Ca-diếp vào nhà Thích-ca. Trong khoảnh khắc sinh ra nhiều đời khắp cả thế giới. Bụng nuốt phong luân miệng thổi kiếp lửa. Biến gò núi thành đất báo, dời tịnh độ về cõi uế. Trong lỗ chân lông phóng ra vô lượng hào quang, một

lời mà diễn cả biển giáo tư nghì. Đây bèn thường phân theo quần sinh, cùng làm bạn với chúng Thánh, không có pháp nào mà không rõ ràng. Người có tâm đều như thế, chẳng phải dựa vào lực biến thông. Không từ nhân tu chứng, đức lượng đầy đủ trong vi trần. Một hương một vị, đồng với diệt tận định môn. Loài côn trùng vi tế, không muội nơi linh tri tịch chiếu, như vậy đâu thể cho mình tâm chí hẹp hòi mà khuất phục dù có thần châu mà lại làm kẻ xin ăn, giữ kho vàng mà chịu nghèo hèn, làm cô phụ tánh linh, mai một gia bảo. Hoặc xa lìa mà bảo trì thiên chánh, hoặc tuyệt phần mà cam chịu trần lao. Không nhận trần lao, hoặc nhân vọng mà theo tà tông. Hoặc chấp quyền mà lao tu tiệm hạnh. Hoặc cho quả vị cao mà suy đến cực Thánh. Hoặc tích đức đầy trong ba tăng kỳ. Không biết toàn thể hiện tiền, còn mong cầu diệu ngộ. Há biết từ xưa vốn đầy đủ, vẫn đợi công thành, không nhập vào viên thường, cuối cùng thành luân chuyển. Chỉ vì mê muội nơi Thánh đức mà vọng biện chân tông, bỏ giác theo trần, bỏ gốc lấy ngọn. Mang ma chướng hữu vô, vào rừng tà nhất nhị, cắt bỏ chân như phân la pháp tánh. Y vào trần sinh diệt mà tùy cảnh hữu vô, chấp đoạn mê thường theo duyên rồi bỏ tánh, lầm theo trí giác rồi điên đảo tu hành. Hoặc hòa thần dưỡng khí mà bảo thủ tự nhiên. Hoặc chất suy hình mà làm chí đạo. Hoặc chấp vào không mà mạo lập hiền cảnh. Hoặc cầu tịnh lự mà theo vọng trần, hoặc dựa vào cảnh duyên mà ôm giữ tướng. Hoặc làm mất linh nguyên chân chiếu. Hoặc làm tổn chánh nhân Phật pháp, hoặc tuyệt thức ngưng thần thọ báo ở nơi đất vô tình. Hoặc ngưng tâm tuyệt sắc, trụ quả ở nơi trời Bát nạn. Hoặc chấp có mà giữ thành khô. Hoặc bát không mà đồng với sừng thỏ. Hoặc tuyết thấy mà ở nhà tối. Hoặc lập chiếu sáng mà còn sở tri. Hoặc nhân hữu giác là hình của chân Phật, hoặc vô tri đồng với cây cỏ. Hoặc chấp vọng mà đồng với quả cứu cánh. Hoặc giữ ngu si vô phân biệt mà làm đại đạo. Hoặc thấy không, bài thiện ác, mà làm chân tu, hoặc hiểu tánh ngoan không bất tư nghì, hoặc thể hội chân thiện, lấy diệu sắc làm thật có, hoặc trầm cơ tuyệt tưởng đồng với thời hữu lậu. Hoặc tư duy giác quán rơi vào nơi tình lượng. Hoặc vọng tánh không cùng mà ba đầu ngầm hiểu. Hoặc mê muội nơi huyễn thể lập tông không vô, hoặc nhận ảnh làm chân. Hoặc chấp vọng mà cầu thật. Hoặc cho tánh thấy nghe là vật sống. Hoặc chỉ cảnh huyễn hóa mà làm vô tình. Hoặc khởi ý mà trái với tịch tri. Hoặc đoạn niệm mà thiếu vật dụng, hoặc mê nơi công đức tánh, mà khởi thấy sắc tâm. Hoặc căn cứ vào cứu cánh không mà tâm sinh đoạn diệt. Hoặc chấp đại lý mà đốn bỏ trang nghiêm. Hoặc mê theo tiệm thuyết mà nhất hướng tạo tác. Hoặc căn cứ vào thể tùy duyên

mà kiên trì ngã chấp. Hoặc định vào nhân pháp mà rơi vào vô nhân. Hoặc chấp cảnh trí hòa hợp mà cùng thấy. Hoặc chấp tâm cảnh hỗn tạp, loạn pháp năng sở. Hoặc chấp phân biệt chân tục, buộc ngu chướng trí. Hoặc giữ nhất như mà đọa vào thường. Hoặc định ra bốn tướng rơi vào trầm đoạn. Hoặc chấp vo tu mà bỏ Thánh vị. Hoặc nói có chứng mà trái với thiên chân hoặc chấp vào y chánh mà luân hồi đọa thế. Hoặc nhàm sinh tử mà táng chân giải thoát. Hoặc mê chân không mà sùng nhân chấp quả. Hoặc muội chân tế. Hoặc vui Phật chán ma. Hoặc chấp tùy nghi sở thuyết, mà giữ lời làm chân. Hoặc làm mất âm thanh thật tướng, mà ly ngôn cầu mặc. Hoặc sùng giáo thừa, mà hủy định tự tánh. Hoặc hoằng thiền quán mà bỏ nghĩa thuyên. Hoặc khởi trí giải thù thắng mà cắt thịt làm thương tổn. Hoặc trụ nơi bổn tánh thanh tịnh, mà chấp thuốc thành bịnh. Hoặc tìm văn dò nghĩa mà uống nước khách. Hoặc thủ tịnh cư nhàn, mà ngồi ở pháp trần. Hoặc khởi có mà đắc tâm, đàm luận Đại thừa vô tướng. Hoặc khởi thân tâm tinh tấn mà chấp hữu vô, hoặc giữ nhậm chân vô sự mà trầm nơi tuệ phược. Hoặc chuyên buộc niệm cần tư mà mất nơi chánh thọ. Hoặc duyên vào vô ngại tự tại, mà buông xả tu hành. Hoặc tùy mà dựa vào bổn tánh không. Không chấp triền cái, mà càng vọng trừ đoạn. Hoặc bảo trọng mà sinh pháp ái. Hoặc khinh mạn mà hủy Phật nhân, hoặc tiến cầu mà trái bổn tâm. Hoặc thoái đọa mà thành phóng dật. Hoặc nói chứng tương trái mà thiếu thật địa. Hoặc nói chứng tương trái mà trái với thật địa. Hoặc thủ tịch mà trụ không làm mất tánh đại bi. Hoặc chấp ngã kiến mà muội nhân không. Hoặc mê hiện lượng mà giữ chặt pháp chấp. Hoặc hiểu mà không tin càng sinh tà kiến. Hoặc tin mà không hiểu càng dài vô minh. Hoặc nói người phải pháp trái. Hoặc cho cảnh sâu mà trí cạn. Không thủ chấp mà mê pháp tánh. Hoặc xả mà trái với tức chân. Hoặc lìa mà trái chân. Hoặc tức mà quên quả. Hoặc phi mà báng thật. Hoặc phải mà báng quyền. Hoặc ác vô minh mà trái với bất động trí môn. Hoặc ghét dị cảnh mà hoại pháp tánh Tam-muội. Hoặc căn cứ vào đồng lý mà khởi tăng thượng mạn. Hoặc thiếu biệt tướng mà phá phương tiện môn. Hoặc lấy Bồ-đề mà báng chánh pháp luân. Hoặc phi chúng sinh mà hủy chân thể Phật. Hoặc chấp bổn trí mà phi quyền tuệ. Hoặc mê chánh tông mà chấp hóa môn. Hoặc bảo tồn chánh mà làm mất ý phương tiện. Hoặc hạnh nguyện không tròn mà mai một hạt giống Phật. Hoặc hành tác vô tác tri Bồ-đề hữu vô. Hoặc chấp tâm vô trước mà học tương tợ Bát-nhã. Hoặc thú cầu tịch tướng mà mê tánh cấu thật. Hoặc trụ vào chánh vị mà mất tự bổn không. Hoặc lập tướng vô quán mà che lấp mất chân như. Hoặc

khởi tâm liễu tri mà trái với pháp tánh. Hoặc giữ vào chân thuyên mà sinh ngữ kiến. Hoặc thuần theo viên lý mà khởi chấp tâm, uống đề hồ mà thành khí độc.

Trên đã lược nêu một trăm hai mươi loại kiến giải tà tông, đều là mê tông biến chỉ. Tất cả đều không thể dùng pháp tánh dung thông, hòa hợp nhất chỉ. Tận mê nơi phương tiện mà trầm mịch nơi sông tà. Chướng ở nơi bổn tâm không nhập vào trung đạo. Ôm lòng trói buộc nơi thủ xả. Đem pháp không mà làm cảnh ái chấp, phản chân trí mà tưởng ngại tình. Điên đảo nơi gió bát phong, khó ra khởi tứ biên, không biết trí lý tức là sinh tử. Vọng mê nơi bổn đạo. Bồ-đề từ đó mà hợp giác. Rõ thường trụ biết nước không lìa băng, linh trí thường tồn mà diệu dụng vô tận, vì sao bỏ tưởng niệm mà cầu tịch tịnh, đoạn tưởng niệm mà cầu tịch tịnh, đoạn phiền não mà chứng chân như, vọng làm vọng tu tự khó tự dễ. Vả lại tánh linh giác, vốn chẳng phải là bí mật. Tạng giáo của Như Lai thật không có che lấp. Cho nên biết lý viên thường không thiếu, căn cơ tín giải khó mà đầy đủ.

Chưa đạt được bổn tâm, vọng thức phù trầm duyên tâm xảo ngụy. Biến kế sở chấp hiện tợ như ngoại ma, người chấp giây cho là rắn mà sinh thấy không, thật không biết vạn pháp là vô thể, tất cả là vô danh. Từ ý hiện hình, nhân lời nói mà lập hiệu, ý từ tưởng mà khởi lời nói theo niệm mà ra. Tưởng niệm đều là hư, gốc ngọn đều phi hữu. Vì Tam giới, vạn vật hữu vô đều không. Tà chánh đồng luân, thiện ác đồng yếu chỉ. Hoàn toàn bỏ đại nghĩa chẳng trái với nguồn gốc ban đầu. Ở trong vô tâm mà vọng lập vị đồng, chính nơi nhất thể mà cưỡng phân ly hợp. Tự tha vừa lập, nghịch thuận liền tùy sinh, gây ra đầu mối tranh chấp, bắt đầu kết hoặc nghiệp. Trái tâm hành hóa người chấp chặt huyễn vật. Năng sở song tịch, sự lý đều không. Đã tạo ra hoặc nhân, không đâu không là quả huyễn. Muốn biết diệu lý, duy ở tại quán tâm. Một niệm nghiệp hằng sa mà năng tiêu. Một ngọn đèn sáng sáng tỏa cả ngàn năm tăm tối. Tự nhiên không lập danh tướng, giải hoặc tịch nhiên, há có vật nên tình, vạn cảnh cùng tác tối. Thủ xả đều mất, phải trái đốn dung. Tăm tối chợt tan, khoát nhiên thanh tịnh, không đâu chẳng phải là bất tư nghì giải thoát, tận cùng là đạo tràng đại tịch diệt, thấy nghe đều quên, thân tâm không nương tựa, tùy duyên dưỡng tánh, theo chỗ mà tự tiêu, như sóng đánh vào thuyền huyễn.

Nay khuyên chư hậu hiền, nên chỉ đi theo con đường này. Nếu nghe mà không tin, còn kết nhân Phật chủng. Học mà chưa thành, vân tăng phước nhân thiên.

DUY TÂM QUYẾT CỦA VĨNH MINH TRÍ GIÁC THIỀN SƯ - PHỤ ĐỊNH TUỆ TƯƠNG TƯ CA

Trong tổ giáo tông có hai môn. Mười độ vạn hạnh xưng là tôn. Tên đầu tiên là chỉ quán trợ tân học, sau thành định tuệ Bồ-đề căn. Duy nhất pháp mà tợ cùng phân. Pháp tánh tịch nhiên thể là chân chỉ. Tịch mà thường chiếu còn diệu quán. Định là cha, tuệ là mẹ, mang thai nhà cửa ngàn Thánh, tăng trưởng căn lực dưỡng Thánh thai. Niệm niệm ra đời thành Phật tổ. Định làm tướng tuệ làm tướng. Năng chúc tâm vương thành vô thượng, làm cho quần sinh chứng đạo môn. Cũng là đạo Bồ-đề cổ Phật. Định như nguyệt quang chiếu đạo tà. Có thể chuyển đèn trí phân minh. Huân nhuần mầm đạo trừ ái kết. Tuệ như mặt trời phá nhà tối vô minh, khiến cho thần ngu phu tà kiến. Tận thành Bát-nhã Ba-la-mật thiểu thời mặc sát-na tịnh dần dần tiến tu thành chánh định. Chư Thánh so lường công không nhiều. Trọn thấy diệu Thánh nơi đài linh. Tợ như mới vừa nghe pháp. Năng huân thức tạng khởi giác chủng. Một niệm hồi quang chánh trí khai khoảng khắc thành Phật pháp. Như thế lực thiền định bất tư nghì.

Biến phàm thành Thánh lúc sát-na vô biên sinh tử căn.

Do đoạn hang huyệt trần lao nhiều kiếp. Giòng nước tâm định ý châu ánh sáng che khắp vạn trượng ngàn đường. Quyết khai mắt sáng không tùy vết ba cõi, nguyên không một pháp câu. Giặc giác quán ứng thời khắc. Bịnh phan duyên tinh điều nhiên, tẩu niệm cấu hề rửa hoặc trần Hiển pháp thân hề, kiên tuệ mạng như đoạn núi như dừng biển. Trong trời đất trọn không thay đổi. Đóm tợ lưu ly hàm trăng báo. Điều nhiên không dựa mà không đợi. Tuệ Bát-nhã chẳng thể lường, tự nhiên tỏa hiện tâm quang, dẫn đạo theo cửa vạn hạnh. Trong tất cả thời xưng pháp vương tát biển khổ, đạp núi tà. Mây vọng nguyện tận phiến thời gian, bần nữ trong nhà vàng chợt hiện tráng sĩ trên cổ đeo vòng châu chặt si mê không còn dòng đục. Uy mãnh đại hùng càng vô tận, làm cho giường sắt cột đồng tan. Lại khiến ma oán nghiệp quả tiêu và tranh tụng thành hiếu nghĩa, phổ hiện quần sinh trí chư Phật. Bên tà ác tuệ tận triều tông.

Muỗi kiến côn trùng đều được thọ ký. Thiên tu định đốn âm, vật tỏa hề chánh mạng. Như đem chánh tuệ chiếu thiền na, vạn pháp tự nhiên rõ như gương. Biến tu tuệ thuần dương vật khô thành ngưng trệ.

Cần dựa diệu định trợ quán môn. Như trăng tỏa sáng trừ tăm tối,

khuyên chúng học chớ nên tu. Từ đây một thể không hai lối, tợ thú hai chân bay giữa trời. Như xe hai bánh nương trăm trâu, tức hướng phàm đồ lên giác ngạn. Nơi biển nghiệp thiếu thuyền từ. Hoặc sự định chế một nơi không xong. Hoặc lý định, hoặc lý định duy nên thẳng tới quán, tâm tánh. Hoặc sự quán nói rõ các pháp tướng sinh ra trù toán. Hoặc lý quán đốn liễu không một pháp nào mà không có bờ kia. Định tức tuệ mà phi nhất phi nhị phi tâm kế. Tuệ tức định không đồng không khác, tuyệt cả quán nghe. Hoặc song vận tức tịch mà chiếu thông chân huân. Hoặc cùng tận phi định phi tuệ siêu lên thường chuẩn. Một trần nhập định các trần cùng khởi. trong môn Bát-nhã thành ra pháp nhĩ. Tam-muội trong thân đồng tử, thân lão nhân phân đàm về chân quỹ, nếu quán một cảnh thì vạn cảnh đều đồng, gần thì trần, xa thí Quốc độ đều thông cả, trên đường chân như luận về sinh tử, biển vô minh viễn nói viên tông, nhãn căn có thể làm Phật sự. Sắc trần nhập đinh thì hương trần khởi. Tâm cảnh thì đồng với cái thấy. Ai nói không tin sóng nguyên mà nước phi tịch phi chiếu tuyệt hết ngôn từ suy tưởng. Mà tịch mà chiếu không gì sánh. Quyền thật song hành mà xiển dương chánh đạo, thể dụng lại bao hàm cả diệu chỉ. Xin khuyên chư vị chớ hư bỏ tháng ngày qua mau, tán loạn đều nhân nơi khuyết định môn. Kẻ ngu vì thiếu chân trí. Lời chân thật phải nhập vào tai. Thiên kinh vạn luận đồng với tiêu ký. Định tuệ toàn tu không thể quên. Một niệm đốn quy về đất chân giác. Định cần tu tập tuệ cần lắng nghe, chớ để cho một điểm linh đài mê muội, dần thành tựu tôn bảo, học định di hầu sinh về thiên giới, người nữ vừa nghĩ nhập đạo thì tư lợi, lợi tha nhân quả đều đầy đủ. Nếu trừ định tuệ, nếu trừ thì không thể luận.

CẢNH THẾ
(Cảnh tỉnh đời)

Phàm không thể nhập bổn đạo, không trầm tịch sinh tử, không rơi vào chỗ sinh tử của thai; noãn, thấp, hóa, các loại phi trần làm mất thân người, như đất nơi đại địa. Được thân người như hạt bui nơi móng tay. Trong thân người sinh ra nơi tiện nhân và nơi trung quốc. Hoặc thọ nữ nhân, nếu là nam tử trăm, thứ bịnh tật. Như đầy đủ mười tướng trượng phu. Chỉ sở nhiều đời sinh trong ngũ trược, lấy nhục thân làm mạng, một báo oán như lửa đá gió đèn, che mất ánh sáng mà thôi. Ở trong cõi người được thọ mạng, được phú quý thì vạn người không được một. Trong đó thì đầy sự tai họa bịnh hoạn khổ não. Nếu có chút sự vui thì cũng lo sợ phiêu trầm. Lo sinh xứ, lo già bịnh, lo chết mất thần linh. Người có vinh hiển thì kiêu sa, có nhục bại thì thất ý. Có vui động đến tình địa, có khổ thì thông não tinh thần... cho đến khi trời nóng thì bức não thân thể, lạnh thì phiền muộn không thôi, đói khát sợ hãi làm não hại ý chí. Thuận thì yêu thích, nghịch thì oán ghét. Thân thì ràng buộc sơ thì oán ghét, hại thì tổn thể buồn thì hại ruột... cho đến gặp cảnh sinh tâm, tùy tình mà động niệm. Dù tốt dù xấu lòng không mong cầu, đều là nhân kéo dài nghiệp trầm luân làm táng tận đạo khổ.

Như nay không đắc sát-na tại thế, cần nuôi dưỡng nhân từ, hành thiện tu tâm trừ quấy bỏ ác.

Sách nói: Làm thiện có trăm điều lành, làm ác sinh ra tai ương đều là các loại nhân duyên nghịch thuận ở thế gian. Không thọ thân tâm vọng khổ đều như thế. Không biết Tam giới duy là nhất tâm. Vì năm thức trước và thức tám đều là hiện lượng sở đắc. Ngoài pháp không tâm, lấy thức thứ sáu mà rõ ý thức, so lường tính toán mà thành ngoại cảnh, là do tưởng sinh tùy niệm mà đến. Như không tưởng niệm vạn pháp là vô hình, cho nên kinh nói:

- Tưởng diệt thì tịnh thức dừng. Lại nói: Các pháp không kiên cố, duy lập ở nơi niệm.

Khéo giải kiến, không là tất cả vô tưởng niệm. Nếu rõ yếu chỉ nhất tâm ngoài tâm không có một pháp nào để bàn, há lại có thị phi yêu ghét.

Bài tụng nói:

- Chưa đạt cảnh duy tâm.
Khởi chủng chủng phân biệt.
Đạt cảnh duy tâm rồi.

Phân biệt liền không sinh.
Đã rõ cảnh duy tâm.
Liền bỏ tướng ngoại trần.
Từ đây dứt phân biệt.
Ngộ bình đẳng chân không.

Cho nên luận Khởi Tín nói: Tất cả cảnh giới do tâm vọng động. Tâm nếu không khởi thì tất cả cảnh giới đều diệt. Duy một chân tâm mà biến tất cả xứ. Cho nên Tam giới là hư ngụy, duy tâm tạo tác, lìa tâm tức không cảnh giới lục trần. Cho đến tất cả phân biệt, tức là do tự tâm phân biệt, tâm không thấy tâm, không có tướng có thể đắc. Tiên đức nói: Ngoài tâm có pháp, sinh tử luận hồi. Ngoài không có pháp, xa lìa sinh tử vĩnh viễn. Kinh nói: Các pháp sinh ra là do duy thức sở hiện.

Luận nói: Tam giới không có pháp khác, chỉ do tâm tạo ra. Đã tin vào một tâm, cần khế hợp thiền định. Như kinh nói: Như giáo hóa chúng sinh khắc Tam thiện đại thiên này làm thiện, không bằng nhất tâm tịnh niệm nhập pháp môn nhất tướng trong, khoảng bữa ăn, như hiểu rõ tự tâm, tương ưng với định tuệ này, thì bất động trước trần lao, Tiểu thừa chánh giác.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 178

CHÂN TÂM TRỰC THUYẾT & DẠY NGƯỜI SƠ TÂM HỌC PHẬT

SỐ 2019

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2019A

CHÂN TÂM TRỰC THUYẾT

Có người hỏi Tổ sư: đạo mầu nhiệm có thể biết định chăng? Đáp: Thuở xưa không nói đó sau! Đạo không thuộc cái biết, không thuộc cái (vô tri) chẳng biết, biết là vọng tưởng chẳng biết là không chấp trước. Nếu chân thật hiểu đạt được chổ không nghi ngờ, cũng như hư không bao la rộng lớn, há có thể giữ cho là phải quấy sao!

Có người hỏi thế thì chư Tổ xuất thế không làm lợi ích gì cho chúng sinh chăng? Đáp Phật Tổ thế chẳng có pháp để trao cho người, chỉ cần chúng sinh tự thấy bản tánh. Kinh Hoa nghiêm chép: biết tất cả pháp tức tự tánh của tâm, thành tựu huệ thân chẳng phải nhờ người khác mà ngộ được, vì thế Phật tổ chẳng dạy rằng, người chấp nê nơi văn tự, điều cốt yếu thôi dứt thấy được bản tâm của mình do đó, người (nhập môn) vào cửa ngài Đức Sơn liền đánh, tổ Lâm Tế liền hét, đã là dò xét thái quá, sao lại lập ngôn ngữ ư!

Hỏi: Thuở xưa nghe ngựa hí bỗng nhiên khởi phát lòng tin, ngài Lục tổ diễn nói Đàn kinh, ngài Huỳnh Mai truyền Bát-nhã, đều là phương pháp tiệm thứ cho người, há riêng không có phương tiện đối với pháp có thể được sao? Đáp trên đảnh Diệu cao xưa nay không chấp nhận lời bàn bạc, đầu ngọn núi thứ hai chư Tổ dừng như cho hội thoại, trên đầu ngọn núi thứ hai dám cầu mong sự chỉ bày phương tiện đại khái chăng! Đáng thay đấy là ngôn ngữ. Ngài vì đại đạo mầu nhiệm rộng lớn chẳng có chẳng không chân tâm vi diệu sâu kín bặt dứt suy nghĩ bàn luận, cho nên bất đầu từ cửa kia mà vào. Mặc dù xem xét được năm ngàn tạng giáo chẳng lấy đó cho là nhiều thấu suốt được chân tâm, chỉ phát ra một lời, nghĩ gì so sánh đã thành pháp dư thừa rối rắm rồi. Nay chẳng tiếc để mất một chút kính cẩn viết vài chương phát minh chân tâm để làm nền tản dần dần vào đạo, bèn ghi bài tựa.

KHẮC BẢN LẠI BÀI TỰA: CHÂN TÂM TRỰC THUYẾT

Luận về chân tâm trực thuyết, chư Phật trao tay tổ tổ truyền nhau lại chẳng có pháp riêng. Tâm là cội nguồn của mọi người là giác tánh của chư Phật, tất cả muôn pháp đều ở trong nhất tâm, tám muôn bốn ngàn pháp môn từ tâm này lưu xuất ra ngộ tâm này thời pháp Thánh dụng thấy nhau, mê tâm này thì sinh tử không bờ mé, tâm theo sự chuyển, sự theo lý hiển bày, sự lý dung thông gọi là trực thuyết. Nay thầy Tỳ kheo ở trong rừng được thanh tịnh ban đêm sinh tâm vui mừng gặp được văn này, bèn phát tâm khắc bản lại để lưu truyền. Vâng lệnh tôi làm bài tựa để ở đầu quyển, với tài mọn lời nói thô hèn học vấn kẽm cỏi của tôi, chẳng đủ để phát minh thâm ý đó. Đại khái đặt bài tựa "Trực thuyết chân tâm" để làm nền tảng xin xem nội dung văn bản.

Kẻ hậu hạ viết bài tựa nhân ngày Tết Đoan Ngọ tháng năm năm Kỷ Sửu niên hiệu Thành Hoá.

CHÂN TÂM CHÁNH TÍN.

Kinh Hoa Nghiêm dạy: tin là gốc của đạo là mẹ của tất cả công đức, nuôi lớn các thiện căn. Theo Duy Thức thì lòng tin như viên minh châu làm trong nước và có thể làm cho nước dơ đục thành trong sạch, nên biết muôn việc thiện đều phát sinh được dẫn đầu bằng niềm tin, vì thế trong kinh Phật lời mở đầu của các bộ kinh đều để câu "Như thị ngã văn" gọi là phát sinh lòng tin. Hoặc nói chữ tín bên tổ môn, chữ tín bên giáo môn có gì khác đâu, nhưng có nhiều cách không đồng. Giáo môn dạy người trời tin nhân quả, có người ưa thích phước báo an vui tin thập thiện là nhân mầu nhiệm, được sinh cõi trời người là quả an vui. Có người thích sự không tịch tin nhân duyên sinh diệt là chánh nhân, khổ tập diệt đạo là Thánh quả. Có người thích quả vị Phật tin ba a-tăng-kỳ kiếp, lục độ là nhân đại thừa, Bồ đề Niết bàn là chánh quả.

Bên Tổ môn thì chánh tín không giống như những điều đã nói ở trên, không tin tất cả đếu thật có là nhân quả, chỉ cần tin bản thân mình xưa nay là Phật, tự tánh thiên chân mọi người đều có đủ, diệu quả Niết bàn ai ai cũng được thành tựu viên mãn, chẳng nhờ vả tìm cầu từ cái khác, xưa nay vốn tự đầy đủ. Tam Tổ dạy: trọn đồng như hư không không thiếu không dư, bởi do thủ xả nên chẳng như. Theo ngài Chí công thì thân vô tướng ở trong thân hữu tướng, con đường vô sinh ở trên con đường vô minh. Theo ngài Vĩnh Gia thì thật tánh của vô minh tức thật tánh, huyễn hoá không thân tức pháp thân, vì thế biết chúng sinh xưa nay là Phật, đã sinh chánh tín cần phải hiểu được điều này Ngài

Ngài Vĩnh Minh dạy: tin mà không hiểu thì vô minh tăng trưởng, hiểu mà không tin thì tăng trưởng tà kiến, biết sự tin hiểu giúp nhau thì mau được vào đạo.

Hỏi ban đầu phát khởi lòng tin chưa có thể nhập đạo thì có lợi ích gì không? Theo Luận khởi tín thì nếu người nghe pháp này rồi mà không sinh tâm sợ sệt, phải biết rằng người này nhất định nối dõi dòng Phật, chắc chắn được chư Phật thọ ký. Giả sử có người có thể giáo hoá chúng sinh đầy trong ba ngàn đại thiên thế giới dạy họ tu thập thiện, chẳng bằng người trong khoảng một niệm mà suy nghĩ đúng pháp này, công đức ấy vượt trội hơn công đức đã nói ở trước chẳng phải có thể nào dùng thí dụ nói được. Theo kinh Bát-nhã thì người nào nhẫn đến một niệm sinh lòng tin thanh tịnh thì Đức Như Lai đều biết đều thấy, các chúng sinh đó được vô lượng phước đức như thế. Nên biết muốn đi đường dài ngàn dặm bước đầu tiên phải đi đúng hướng, bước đầu tiên nếu lệch hướng thì ngàn dặm điều đi lầm đường. Vào nước vô vi trước tiên phải có lòng tin đúng đắn, lòng tin ban đầu đã mất thì muôn điều thiện đều lùi sụt. Cho nên Tổ sư dạy: sai lầm một hào ly thì cách xa như trời- đất, đó là lý nầy vậy.

TÊN KHÁC CỦA CHÂN TÂM.

Có người hỏi đã phát sinh lòng tin chân chánh, chưa biết sao gọi là chân tâm? Đáp lìa vọng gọi là chân linh giám gọi là tâm. Trong kinh Lăng Nghiêm chép phát tâm này hoặc nói chỉ gọi là chân tâm có tên riêng khác chăng? Phật Tổ dạy đặt tên không đồng. Vả lại Phật dạy trong Bồ-tát giới gọi là "Tâm địa" và phát sinh muôn pháp lành, theo kinh Bồ- nhã gọi là "Bồ đề", vì làm thể cho giác, theo kinh Hoa Nghiêm lập tên "Pháp giới" vì giao triệt dung nhiếp, theo kinh Kim cang gọi là "Như Lai" vì không từ đâu đến, kinh Bát-nhã gọi là "Niết bàn" vì là chỗ quy về của chư Thánh, kinh Kim Quang Minh gọi là "Như Lai" vì nó chân thường bất biến, kinh Tịnh danh gọi là "Pháp thân" vì là chỗ nương dựa của báo thân, hoá thân. Theo khởi tín luận gọi là "chân như" vì nó không sinh không diệt, kinh Niết bàn gọi là Phật tánh vì nó là bổn thể của ba thân (pháp thân, báo thân, ứng hoá thân). Trong viên giác gọi "tổng trì" vì lưu phát ra công đức, theo kinh Thắng man gọi là "Như lai tạng" vì nó che đậy hàm chứa, kinh Liễu nghĩa gọi là "Viên giác" vì phá tối tăm riêng chiếu soi. Do đó Thọ thiền sư duy tâm quyết dạy chúng một pháp ngàn tên ứng duyên lập hiệu, có chép đầy đủ trong các kinh không thể dẫn chứng ra hết được.

Theo lời Phật dạy đã biết, còn Tổ sao dạy là "Như" và môn đồ của Tổ sư ngăn dứt danh ngôn. Tên không đặt tại sao có nhiều tên, vì tuỳ theo căn cơ cảm ứng tên kia cũng nhiều. Có lúc gọi là "Tự kỷ" vì nó là bản tánh của chúng sinh, có khi gọi là "chánh nhãn" vì soi xét pháp hữu tướng, có lúc còn gọi là "diệu tâm" vì nó hư linh tịch chiếu, có lúc gọi là "chư chân ông" vì từ xưa đến nay có công năng gánh vát, có khi gọi là một ngàn bát không đáy vì tuỳ chỗ nơi mà sinh lờ né, có lúc gọi là cây đàn cầm không dây và âm vang phát ra đến ngày nay, có khi gọi là ngọn đèn vô tận vì chiếu phá mê tình, có lúc gọi là cây không có gốc vì gốc cành vững chắc, có lúc gọi là cây gươm rất bén vì nó cắt dứt căn trần, có lúc gọi nước vô vi vì biển chuyển hoá mé sông được trong, có lúc gọi là ma ni châu, vì nó cứu giúp làm lợi ích cho kẻ bần cùng. Có lúc gọi là không phải (chìa khoá) then chốt vì đáng bít cửa lục tình, nhẫn đến còn có tên là trâu đất, ngựa gỗ, tâm nguyên, tâm ấn, tâm cảnh (gương) tâm nguyệt, tâm châu, nhiều tên khác không thể nghi chép đầy đủ. Nếu liễu đạt được chân tâm thì các tên gọi đều hiểu, mêm muội chân tâm này thì các tên gọi đều bị ngưng trệ. Cho nên đối với chân tâm rất cần thiết nên phải kỹ lưỡng.

DIỆU THỂ CỦA CHÂN TÂM.

Hỏi: đã biết danh tự của chân tâm còn diệu thể của nó thì như thế nào? Theo lành phóng quang Bát-nhã thì Bát-nhã không có tướng sở hữu chẳng có tướng sinh diệt, theo luận Khởi Tín là tự thể của chân như thì tất cả phàm phu Thanh văn, Duyên giác Bồ-tát chư Phật không có tăng giảm mé trước sinh mé sau diệt rốt ráo thường hằng, từ xưa đến nay tánh tự đầy đủ tất cả công đức. Căn cứ vào kinh luận này thì chân tâm bản thể siêu xuất nhân quả thông suốt xưa nay, chẳng lập phàm Thánh không có các sự đối đãi, như hư không trải khắp tất cả chỗ, diệu thể ngưng tịch tuyệt dứt các hý luận, không sinh không diệt chẳng có chẳng không, không động không lay chuyển trạm nhiên thường trụ gọi là ông chủ ngày xưa, gọi là người trước thời Phật Oai âm, lại gọi bản thân mình từ kiếp không trở về trước (chỉ bản lai diện mục Phật tại tâm). Trọn một bình đẳng không có một mảy may tỳ vết, tất cả sơn hà đại địa có cây rừng rậm sâm la vạn tượng, các pháp nhiễm tịnh đều lưu xuất ra từ đó.

Theo kinh Viên giác dạy: Này Thiện nam tử đấng pháp vương Vô Thượng có Đại đà-la-ni môn tên là Viên giác lưu xuất ra tất cả chân như thanh tịnh, Bồ-đề, Niết bàn, Ba-la-mật dạy bảo trao truyền cho Bồ-tát.

Ngài Khuê phong dạy tâm ấy vắng lặng chuyên nhứt, rõ ràng sáng suốt, chẳng đến chẳng đi thông suốt ba đời, không ở trong không ở ngoài xuyên suốt mười phương, chẳng sinh chẳng diệt. Há bốn núi có thể hịa được, lìa tánh ly tướng năm sắc đâu thể làm mờ mắt được. Vì thế, trong Duy tâm quyết của ngài Vĩnh minh dạy: Tâm này tánh thể sáng suốt mầu nhiệm thể hội cùng khắp là vua của muôn pháp, ba thừa năm tánh đồng quy về, là mẹ của ngàn bậc Thánh độc tôn độc quý chẳng có gì sánh kịp. Thật là cội gốc của Đại đạo là chân pháp yếu, tin thì ba đời Bồ-tát đồng học nào có học tâm này, chư Phật ba đời đồng chứng nào có chứng tâm này. Diễn nói hiển bày một đại tạng giáo nào có hiển bày tâm này, tất cả chúng sinh mê vọng nào có mê tâm này, tất cả người tu hành được khai ngộ đâu có ngộ tâm này, tất cả chư tổ truyền nhau nào có truyền tâm này, nạp tăng trong thiên hạ tham vấn nào có tham tâm này. Liễu đạt được tâm này đâu đâu cũng đều đúng mọi vật tràn hiển bày, mê tâm này thì chốn chốn điên đảo niệm niệm cuồng si Thể hội được điều này là Phật tánh vốn có của tất cả chúng sinh, chính là cội nguồn phát sinh của tất cả thế giới. Cho nên Đức Thế Tôn ở non Linh Thứu lâu ngày, ngài Thiện Hiện nghiễm nhiên quên lời, tổ Đạt Ma nhìn vách nơi, Thiếu thất, cư sĩ Tỳ Da ngậm miệng, thảy đều phát minh được diệu thể tâm này. Dó đó, người mới vào môn đình của tổ, điều cốt yếu phải biết tâm thể này là trước tiên.

SỰ DIỆU DỤNG CỦA CHÂN TÂM.

Đã biết diệu thể còn thế nào gọi là diệu dụng? Cổ nhân nói gió thổi tâm lay động, mây bay tánh khởi trần, nếu rõ việc hôm nay mê mờ lại con người xưa nay chính là diệu thể khởi dụng. Chân tâm diệu thể xưa nay bất động, yên tĩnh chân thường, trên cái chân thể có diệu dụng hiện tiền, chẳng ngăn ngại theo dòng được mầu nhiệm. Vì thế, Tổ sư có bài tụng.

"Tâm tuỳ muôn cảnh chuyển.
Chỗ chuyển thật u huyền.
Tuỳ dòng nhận được tánh.
Không mừng cũng chẳng lo."

Cho nên trong tất cả thời động dụng thi vi, đi đông đến tây ăn cơm mặc áo, cầm muỗng co duỗi nhìn phải liếc trái đều là diệu dụng chân tâm hiện tiền. Phàm phu mê muội điên đảo trong lúc mặc áo chỉ khởi hiểu là mặc áo, lúc ăn cơm chỉ hiểu ăn cơm, tất cả sự nghiệp chỉ chuyển theo nhau. Do đó, ở trong nhật dụng mà không hay ở trước mắt

mà không biết, như là người ở dưới thức tánh động dụng thi vi mà chưa từng mê muội. Vì thế tổ sư nói:

" Ở trong thai gọi là thần.
Ở thế gian gọi là người.
Ở mắt gọi là quán chiếu.
Ở tai là nghe âm thanh.
Ở mũi thì ngửi mùi thơm.
Ở miệng gọi là nói bàn.
Ở nơi tay thì cầm nắm.
Ở nơi chân đi chạy".

Hiện khắp như nhiều bao gồm pháp giới lại thâu nhiếp trong một vi trần, biết đó là Phật tánh, người không biết gọi là linh hồn. Sở dĩ đưa ra các công án "Đạo Ngô Vũ hốt" "Thạch củng niêm cung" "Bí ma kình xoa" "Câu chi thụ chỉ" "Hân châu đả địa" "Vân Nham sư tử" chẳng phải không phát minh ra đại dụng này. nếu trong nhựt dụng không mê muội, tự nhiên tung hoành vô ngại.

THỂ DỤNG CHÂN TÂM CÓ ĐỒNG DỊ.

Diệu dụng của chân tâm chưa xét là đồng hay dị? Xét về tướng thì chẳng phải đồng, xét theo tánh thì chẳng khác, cho nên thể dụng này chẳng phải một chẳng phải khác. Làm sao biết được như vậy? Thử bàn về đều ấy. Diệu thể bất động tuyệt các đối đãi lìa tất cả tướng, chẳng phải liểu đạt tánh khế tướng, không có gì so sánh lý kia được, diệu dụng tuỳ duyên ứng với muôn loại. Vọng lập tướng hư vọng dừng như có hình trạng, xét điều này hữu tướng vô tướng nên chẳng phải một. Lại dụng từ thể phát khởi nhưng dụng không lìa thể, thể hay phát dụng mà thể chẳng rời dụng, xét về điều này thì lý không rời nhau nên chẳng phải khác. Như nước lấy tánh ướt lâm thể vì thể không lay động, sóng lấy động làm tướng vì nhờ gió mà nổi sóng. Tánh nước tướng sóng động cùng không động nên chẳng phải một, song ngoài sóng không có nước ngoài nước không có sóng, tánh ước là đồng nên chẳng khác. Thể dụng đồng khác như các thí dụng trên có thể biết.

CHÂN TÂM Ở TRONG MÊ.

Thể dụng của chân tâm mọi người đều có, tại sao nói Thánh phàm không đồng? Chân tâm của Thánh phàm vốn đồng nhau, nhưng phàm phu với vọng tâm nhân vật mất đi tự tánh thanh tịnh bị những việc này làm ngăn trở, vì thế chân tâm không được hiện tiền, như trong tối bóng

cây im xuống dòng suối có mà không biết. Cho nên trong kinh chép: Này thiện nam tử! Thí như hạt châu báu ma ni trong sáng chiếu ra năm màu tuy nơi đều hiện, những người ngu si thấy ma ni thật có năm màu. Này thiện nam tử! Tịnh tánh viên giác hiện nơi thân tâm tuỳ loại đều ứng, với người ngu si cho rằng tánh viên giác thanh tịnh thật có thân tâm như vậy, tự tánh cũng lại như thế.

Triệu luận cho rằng vũ trụ trong càn khôn có một vật báu hình ngọn núi ẩn kính trong đó, đây chính là chân tâm tại triền. Theo Ngài Từ Ân dạy thì pháp thân bổn hữu chư Phật đồng nhau, phàm phu bị vọng tình che lấp có mà chẳng biết, ở trong phiền não trói buộc được cái tôn Như Lai tạng. Ngài Bùi Công nói trọn ngày viên giác mà chưa từng viên giác ấy là phàm phu. Vì thế biết chân tâm tuy ở trong trần lao mà chẳng bị trần lao làm nhiễm ô, như bạch ngọc bỏ vào bùn mà màu sắc nó không thay đổi.

DỨT VỌNG LÀ CHÂN TÂM.

Chân tâm bị vọng tưởng thì là phàm phu, làm cách nào để ra khỏi vọng Thánh? Theo xưa thì vọng tâm không có chỗ nơi tức Bồ đề, sinh tử Niết bàn vốn bình đẳng. Trong kinh dạy huyễn thân của chúng sinh đó diệt thì huyễn tâm cũng diệt, huyễn tâm diệt nên huyễn trần cũng diệt, huyễn trần đã diệt nên cái diệt huyễn cũng diệt, huyễn diệt diệt rồi nên nên cái chẳng phải huyễn không diệt, thì như lau gương bụi cấu hết thì ánh sánh hiện. Ngài Vĩnh gia cũng dạy tâm là căn pháp là trần, cả hai cũng như vết dơ trên gương, khi vết dơ hết thì ánh sáng mới hiển bày, tâm pháp đều vọng tánh tức chân, đây chính là ra khỏi vọng mà thành chân. Theo Trang Sinh thì tâm gặp nóng bốc lửa, gặp lạnh thì đóng băng, mau chong trong khoảng cúi ngước, lại bao trùm ngoài bốn biển, ở ao vực yên tĩnh, động kia cách xa như trời duy có tâm người chăng! Đây là Ngài Trang Sinh trước tiên nói tâm phàm phu không thể trị phục như thế, chưa xem xét theo tông môn thì dùng pháp gì để trị vọng tâm? Đáp dùng pháp vô tâm để trị vọng tâm, nếu có người vô tâm thì đồng với cỏ cây, nói về vô tâm xin cho một thí dụ. Nay nói về tâm chẳng phải thể vô tâm gọi là vô tâm, hể trong tâm không có vật gọi là vô tâm, như nói cái bình không, trong bình không có vật thì gọi là bình không, chẳng phải thể của bình không có gọi là bình không.

Tổ sư dạy: ông chỉ đối với tâm vô sư, đối với sự vô tâm thì tự nhiên rỗng rang mà sáng suốt vắng lặng mà lại mầu nhiệm, đó là ý chỉ của tâm. Căn cứ vào đây thì lấy cái không có vọng tâm chẳng phải không có

chân tâm diệu dụng, xưa nay chư Tổ dạy phương pháp công phu vô tâm đều chẳng giống nhau. Nay nói chung đại nghĩa lược có mười loại.

1. Xét biết là lúc công phu bình thường tuyệt niệm đề phòng niệm khởi, một niệm vừa sinh liền cùng giác phá, vọng niệm phá giác biết thì niệm sau không sinh, giức trí này cũng chẳng cần dùng, vọng giác đều vọng gọi là vô tâm. Nên Tổ sư dạy không sợ niệm khởi chỉ sợ giác (biết) chậm, lại có bài kệ chẳng cần cầu chân chỉ cần dứt chấp, đây là công phu dứt vọng.

2. Thôi dứt là lúc công phu không nghĩ hiện không nghĩ ác, tâm khởi liền dứt gặp duyên liền dừng. Cổ nhân dạy.? Lư hương trong miếu xưa ngay đó đoạn tuyệt được không còn mảy may ràng buộc xa lìa sự phân biệt, ngu ngơ như người ngu si mới có một chút phần tương ưng. Đây là công phu thôi dứt vọng tâm.

3. Dứt tâm còn cảnh là lúc công phu, đối với tất cả vọng niệm đều dứt, chẳng quan tâm cảnh bên ngoài chỉ tự dứt tâm, vọng niệm đã dứt lo gì có canh, tức là pháp môn cứu người xưa đoạt nhân không đoạt cảnh. Vì thế có câu ngạn ngữ: nơi ấy có cỏ thơm mọc đầy khắp thành mà lại không có (người xưa) cố nhân.

Theo Lung Công thì tự minh vô tâm đối với muôn vật, nào có ngại muôn vật thường vây quanh, đây là dứt tâm tồn cảnh công phu dứt vọng.

4. Dứt cảnh tồn tâm là lúc công phu lấy tất cả các cảnh trong ngoài đều quán thành không tịch, chỉ còn nhứt tâm lẻ loi đập lập. Sở dĩ người xưa nói chẳng làm bạn với muôn pháp, không cùng các trần đối đãi, nếu tâm đắm trước cảnh thì tâm tức vọng. Nay đã không có cảnh thì vọng nào có, chính là chân tâm riêng chiếu soi chẳng ngăn ngại nơi đạo, tức cổ nhân đoạt cảnh không đoạt người, cho nên có câu ngạn ngữ hoa trong vườn đã tàn mà ngựa xe vẫn còn chen chúc. Lại có câu "Ba ngàn kiếm khách nay ở đâu, độc kế Trang chu định thái bình, đây là dứt cảnh tồn tâm công phu dứt vọng.

5. Dứt cảnh dứt tâm là khi công phu trước tiên ngoại cảnh phải vắng lặng, kế đến diệt nội tâm, tâm cảnh trong ngoài đã vắng lặng, cuối cùng vọng từ đâu mà có. Nên ngài Quán Khê nói mười phương không có vách ngăn rơi vào bốn hướng cũng chẳng có cửa, sạch làu làu đỏ chói chói, tức Tổ sư đoạt pháp môn cả hai tâm, cảnh. Nên có câu ngạn ngữ mây bay nước chảy qua rồi tịch nhiên trời đất rổng không. Lại nói người trâu đều không thấy chính là lúc trăng sáng, đây là cách dứt tâm dứt cảnh công phu dứt vọng.

6. Tồn cảnh tồn tâm là lúc công phu tâm trụ tâm vị cảnh trụ cảnh vị, có lúc tâm cảnh đối nhau, thì tâm không chấp cảnh, cảnh chẳng tới tâm đều không đến nhau, tự nhiên vọng niệm không sinh vì đối với đạo vô ngại. Theo lành gọi là pháp trụ pháp vị tướng thế gian thường trụ, tức tổ sư Nhân cảnh đều không đoạt pháp môn. Nên có câu ngạn ngữ ? Lại nói trong núi ngàn muôn đoá hoa du tử không biết lối về, đây là công phu diệt vọng tồn cảnh tồn tâm.

7. Toàn thể trong ngoài là lúc công phu đối với sơn hà đại địa mặt trời và mặt trăng ngôi sao trong thân căn ngoài khí thế gian, tất cả các pháp đồng một thể chân tâm, trạm nhiên rỗng rang sáng suốt, không khác nhau một mảy may, đại thiên sa giới đã thành một khối, lại ở chỗ nào vọng tâm đến được. Cho nên ngài Triệu pháp sư dạy trời đất cùng ta đồng căn, muôn vật cùng ta đồng thể, đây là công phu diệt vọng trong ngoài toàn thể.

8. Trong ngoài toàn dụng là lúc công phu đem tất cả các pháp thân tâm ở trong và khí giới bên ngoài và hết thảy sự động dụng thi vi 1001 C đều khởi quán diệu dụng hiện tiền, tất cả đều là diệu dụng trì vọng tâm hướng đến chỗ nào mà an ở!

Ngài Vĩnh Gia dạy chúng thật tánh vô minh tức phật tánh huyễn hóa không thân tức pháp thân, theo ngài chí công trong mười hai thời có bài ca là thường ngày diễn nói, căn cơ cuồng loạn trong ẩn thân đạo nhân, ngồi nằm không biết gốc là đạo, chỉ cái gì vội chịu khổ vui. Đây là công phu dứt vọng trong ngoài toàn dụng.

9. Tức thể tức dụng là lúc công phu mặc dù thần khế hớp chân thể một vị vắng lặng, mà trong đó nội ẩn chứa sự vắng lặng của dụng tức thể nên ngài Vĩnh Gia nói:

Sáng suốt vọng tưởng giấy
Vắng lặng sáng suốt phải
Vô ký vắng lặng quấy.

Trong sự vắng lạng đã không dung chứa vô ký, trong sự sáng suốt không có dụng loạn tưởng, tất cả vọng tâm làm sao sinh khởi được. Đây là công phu diệt vọng ngay nơi thể là dụng.

10. Thấu suốt ra ngoài ngoài thể dụng là lúc công phu chẳng phân biệt trong ngoài, cũng không biện đông, tây, nam, bắc, đem bốn phương tám hướng chỉ khởi một niệm là đại giải thoát môn viên đà đà địa. Không phân biệt thể dụng, không có mẩy phần thấm qua, toàn thân đã thành một khối thì vọng tưởng kia ở chỗ nào khởi lên được. Cổ nhân dạy toàn thân không có vết khâu rạn nứt trên dưới thay đổi thành khối tròn

xoe. Đây chính là công phu diệt vọng thâu rõ ra ngoài thể dụng.

Trên đây đã kể mười loại công phu, thập pháp môn thì không cần cận dụng toàn bộ, chỉ cần thực hành công phu được một môn thì công phu đã thành tựu. Vọng tưởng tự diệt chân tâm ngay nơi đó hiển hiện, tùy theo căn cơ và thói quen nhiều đời từng có duyên với pháp nào thì nên tu tập theo cách đó. Công phu này chính là công vô công dụng, chẳng phải công sức có tâm. Vì đây là pháp môn thôi dứt vọng tâm khẩn yếu nhất, chỉ có văn nói nhiều, kia văn viết không nhiều.

CHÂN TÂM TRONG BỐN OAI NGHI

Đoạn văn trước nói dứt vọng chưa xét nhưng chỉ ngồi thiền tu tập cũng chung cho cả oai nghi đi, đứng... hay sao? Theo kinh luận phần nhiều cách tu tập tọa thiền vì dễ thành công, cũng chung cho cả oai nghi đi, đứng... vì lâu dần sẽ thành thuận thục. Theo khởi tín luận nếu tu chỉ quán trụ tâm chỗ vắng lặng ngồi ngay thẳng chánh niệm, không nương hơi thở, chẳng dựa vào hình sắc, không y nơi hư không, chẳng nương đất, nước, gió, lửa, cho đến không nương vào sự thấy nghe hay biết. Tất tả các vọng tưởng tùy niệm đều trừ, cũng trừ bỏ luôn cái trừ tưởng, do tất cả pháp xưa nay không có tưởng, niệm niệm không sinh niệm niệm không phật, 1002 a cũng không được theo tâm bên ngoài nghĩ nhớ cảnh giới rồi sau mới dùng tâm trừ tâm. Nếu tâm rong ruổi tán loạn liền phải thau lại trụ ở chánh niệm, chánh niệm đó phải biết chỉ ở trong tâm không có ở ngoài cảnh giới, vả lại tâm này cũng không có tự tướng, niệm niệm bất khả đắc. Hoặc từ trạng thái ngồi đứng dạy đi tới trước hoặc dừng lại có hoạt động làm việc, đối với tất cả thời thường nghĩ phương tiện tùy thuận quán sát, lâu ngày thành thói quen thuần thục thì tâm được an trụ nhờ tâm an trụ nên dần dần mạnh mẽ lanh lợi, tùy thuận đắc nhập chân như tam muội, càng hành phục được phiền não tin tâm tăng trưởng mau thành tựu ngôi vị bất thối. Chỉ trừ người nghi hoặc không tin chê bai tội nặng nghiệp chướng ngã mạn giãi đãi, những người như thế không thtể vào được. Căn cứ vào những điều này thì thông cho cả bốn oai nghi.

Theo kinh Viên Giác thì trước thì trước tiên phải nương vào đức Như Lai thực hành Xa-ma-tha, kiên trì cấm giới an ở trong chúng nhập thất tọa thiền đây là bước đầu tu tập. Ngài Vĩnh Gia dạy chúng đi cũng thiền ngồi cũng thiền, nói nén động tĩnh thể an nhiên xét theo đây cũng chung cả bốn oai nghi. Luận chung thì công sức tọa thiền còn không thể dứt tâm, huống chi đi, đứng... đâu có thể nhập đạo ư! Nếu người

dụng công được thuần thục thì ngàn vị Thánh kinh sợ không xuất hiện, muôn loại yêu ma không dám quay đầu, huống chi trong các oai nghi đi, đứng, ngồi mà không có công phu. Như người muốn báo hận người khác đến trong lúc đi, đứng, ngồi, nằm, ăn, uống động dụng trong tất cả thời không thể nào quên được, muốn thương mến người khác cũng như vậy. Vả lại trong tâm có chuyện thương ghét còn có tâm dung chứa được, nay công phu là việc vô tâm, tại sao lại nghi ngờ trong bốn oai nghi không được hiện tiền? Chỉ sợ rằng chẳng tin thực hành, hoặc làm hoặc tin thì trong oai nghi đạo chắc chắn không mất.

CHÂN TÂM HIỆN TIỀN

Có người hỏi:

Dứt vọng tâm thì chân tâm được hiện tiền, thế thì thể dụng của chân tâm nay ở chỗ nào?

Đáp: Diệu thể của chân tâm ở khắp tất cả chỗ. Ngài Vĩnh Gia dạy: Chẳng lìa đương xứ thường vắng lặng, tìm kiếm liền biết ông không thấy. Theo kinh thì vì tánh như hư không, và thường bất động, vì trong Như Lai tạngk hông sinh diệt. Ngoại đạo pháp nhãn dạy: Khắp nơi là đường Bồ-đề, chốn chốn rừng công đức, đây tức là chỗ của thể. Chân tâm diệu dụng tùy cảm hiện như tiếng vang trong háng núi. Ngài pháp Đăng xưa ứng không đọa lạc rõ ràng ở trước mắt ().

Cho nên Ngụy Phủ Nguyên Hoa nghiêm chép: Phật pháp ở chỗ nhật dụng, ở nơi bốn oai nghi đi đứng ngồi nằm, ở nơi nói bàn hỏi thăm nhau, mơi tạo tác thi vị cử động niệm, lại không phải vậy. Do đó, biết thể thời ở khắp tất cả, đều có thể khởi dụng bất định chứ chẳng phải không có diệu dụng, người tu tâm muốn vào biển vô vi, vượt qua bể sinh tử, chớ mê mờ thể dụng của chân tâm hiện tiền.

CHÂN TÂM RA KHỎI SINH TỬ

Hỏi: Từng nghe có người kiến tánh xuất ly sinh tử, nhưng thuở xưa chư tổ là người kiến tánh đều có sinh có tử. Hiện nay thấy nhưng người tu hành ở thế gian đều có việc sinh tử, tại sao nói ra khỏi sinh tử?

Đáp: Sinh tử vốn không thật có vọng chấp cho là có, như người nhậm mắt thấy hoa đốm trong hư không thì người đỏ mắt chẳng tin, linh đỏ mắt nếu không có thì hoa đốm trong hư không tự diệt, mới tin là không có hoa đốm. Nhưng bệnh hoa mắt chưa diệt thì hoa đốm, kia cũng rổng không, chỉ có người bệnh vọng chấp cho là hoa đốm, nó chẳng có thật thể. Như người nhận lầm sinh tử có thật, nếu có người không sinh

tử bảo rằng: Vốn không có sinh tử, người kia một khi dứt vọng tưởng thì sinh tử tự trừ, mới biết sinh tử xưa nay không thật có, nhưng lúc chưa dứt được sinh tử thì sinh tử cũng chẳng thật có, do vì nhận thức sai lầm nên cho sinh tử là thật có.

Trong kinh dạy: Này thiện nam tử! Tát cả chúng sinh từ vô thỉ đến nay có nhiều thứ điên đảo cũng như người dễ lầm chỗ thay đổi của bốn phương, vọng nhận bốn đại làm tự thân tướng, trần duyên bóng dáng sáu trần làm tự tâm tướng. Thì như bệnh nhậm mắt kia thấy hoa đốm trong hư không, nhẫn đến như các hoa đốm diệt trong hư không, thể nói nhất định có chỗ diệt. Vì sao? Vì không có chỗ sinh khởi. Tất cả chúng sinh ở trong vô sinh thấy có sinh diệt, vì vậy mới gọi là luân hồi trong sinh tử.

Căn cứ vào kinh văn này tin hiểu biết rõ Viên Giác chân tâm vốn không có sinh tử. Nay biết không có sinh tử mà chẳng thể thoát khỏi sinh tử, vì công phu chưa đến nơi đến chốn. Cho nên trong giáo lý có dạy: Am-bà-nữ hỏi ngài Văn-thù biết rõ pháp sinh là không sinh tại sao còn bị lưu chuyển trong sinh tử?

Ngài Văn-thù trả lời:

Vì sức công phu ấy chưa rốt ráo.

Sau đó có người tiến vào chỗ ngài sơn chủ hỏi Tu Sơn chủ:

Biết rõ pháp sinh là không sinh tại sao lại còn bị lưu chuyển trong sinh tử?

Ngài Tu đáp: Măng cuối cùng thành tre, như nay lấy cật để làm gì, sở dĩ biết không có sinh tử nhưng không bằng thể hội được cái không sinh tử. Thể hội được điều không sinh tử chẳng bằng khế ngộ điều không sinh tử, khế ngộ không sinh tử chẳng bằng sử dụng được cái không sinh tử. Người thời nay còn chẳng biết cái không sinh tử, 1002c huống chi thể hội cái không sinh tử khế ngộ cái không sinh tử và dụng được cái không sinh tử ư! Vì vậy, người nhận sinh tử chẳng tin pháp không sinh tử, cũng không nên chăng?

CHÂN TÂM CHÁNH TRỢ

Như đoạn kinh văn trước dạy dứt vọng tưởng thì chân tâm hiện tiền, vả lại như lúc chưa dứt vọng, chi cần hết vọng là công phu vô tâm, lại có phương pháp gì khác có thể đối trị các vọng tượng được?

Đáp: Có chánh, trợ không đồng, dùng vô tâm dứt vọng là chánh, nhờ tu tập các việc thiện là trợ giúp. Thí như gương sáng bị bụi trần che mờ, mặc dù dùng sức của cánh tay lau chùi, cần phải có diệu (thuốc

hay) chà mài thì ánh sáng mới xuất hiện. Bụi cấu là phiền não, sức của cánh tay là công phu vô tâm, thuốc hay để kì cọ là các điều kiện, gương sáng là chân tâm.

Theo đuổi tính luận tin thành tựu phát tâm là phát những tâm gì? Đại khái có ba loại:

1. Trực tâm: Vì nghĩ đúng pháp chân như.
2. Thâm tâm: Vì tu tập tất cả điều thiện.
3. Đại bi tâm: Vì muốn cứu giúp cái khổ cho tất cả chúng sinh.

Hỏi: Đoạn văn trên nói một tướng đồng cả pháp giới, phật thể không hai, tại sao không nghĩ đến chân như, lại nhờ cậy cầu học các điều thiện?

Đáp: Thí như thể tánh của hạt đại ma ni báu sáng sạch lại không có cấu dơ của quặng. Nếu người tuy nghĩ nhớ bảo tánh nhưng không dùng phương tiện nhiều lần mài dũa đối trị thì cuối cùng chẳng sạch được, do vì lượng cấu dơ ở khắp tất cả pháp. Tu tất cả hạnh thiện, pháp chân như thể tánh rỗng rang sáng sạch như thế mà có vô lượng phiền não làm nhiễm dơ. Nếu người tuy nghĩ nhớ chân như mà không dùng phương tiện huân tập cũng không sạch được, vì vô số cấu dơ trùm tất cả pháp khắp, tu hết thảy hạnh thiện dùng để đối trị. Nếu người tu hạnh tất cả pháp thiện thì tự nhiên quy thuận về pháp chân như.

Theo những điều đã luận bàn này thì dùng thôi dứt vọng tâm làm chánh, tu các pháp lành là trợ giúp. Nếu lúc tu các pháp thiện mà tương ưng với vô tâm thì không nên chấp trước nhân quả, nếu chấp nhân qua liền rơi vào quả báo nhân thiên phàm phu, khó chứng được chân như thì không giải thoát sinh tử. Nếu tương ưng với tâm chính là (thuật) phương pháp để chứng nhân như nghệ thuật khéo thoát sinh tử. Đồng thời được phước đức vô lượng. Kinh Kim Cang Bát-nhã chép đức phật dạy ngài Tu bồ-đề nếu Bồ-tát không chấp tướng bố thí thì phước đức ấy không thể suy lường. Nay thấy có người tham học ở thế gian vừa mới biết xưa nay có phật tánh bèn ỷ vào tánh thiên chân chẳng chịu tu tập các điều thiện không chỉ đối với chân tâm không liễu đạt mà còn cũng chính là trở thành giãi đãi 1003 a thì đường ác còn không thể tránh khỏi, huống chi thoát sinh tử. Thấy điều này sai lầm lớn.

CÔNG ĐỨC CHÂN TÂM

Hữu tâm tu nhân thì công đức ấy không nghi ngờ, còn vô tâm tu nhân thì công đức từ đâu đến?

Đáp: Hữu tâm tu nhân được cái có làm quả, còn vô tâm làm nhân

thì hiển bày tánh công đức. Các công đức này xưa nay vốn tự đầy đủ nhưng bị vọng tưởng che lấp không hiển bày rõ, nay đã diệt trừ vọng thì công đức hiện tiền. Vì vậy ngài Vĩnh Gia dạy tánh viên giác ở trong ba thân bốn trí, tám pháp giải thoát, sáu phép thần thông tâm địa ẩn khả chính là trong thể tuệ đầy đủ tánh công đức.

Xưa có bài tụng:

Nếu người ngồi tĩnh lặng
Trong khoảng một sát na
Vượt trội hơn xây tạo
Hằng sa tháp bảy báu
Tháp báu cuối cùng hóa bụi trần
Một niệm tịnh tâm thành chánh giác.

Nên biết công đức vô tâm đối với hữu tâm như vậy.

Hòa thượng Thủy Sạo ở Hồng Châu đến tham vấn ngài Mã Tổ: Như thế nào là đại ý tổ sư từ Ấn Độ sang? Sư bị Mã Tổ đạp cho một đạp ngã nhào, ngay đó hốt nhiên phát ngộ đứng dậy vỗ tay, cười lớn kỳ lạ! Kỳ lạ! Trăm ngàn tam muội vô lượng diệu nghĩa, chỉ hướng đến trên đầu một sợ lông công đức biết được căn nguyên, rồi sư bèn lạy tạ lui ra, bét theo lời nói này thì công đức không từ bên ngoài đến, vốn tự đầy đủ. Ngài Tứ tổ bảo Thiền sư Lại dung: phàm trăm ngàn pháp môn đồng quy về trong gang tấc, hằng sa công đức đều ở nơi nguồn tâm. Tất cả giới môn định môn và tuệ môn thần thông biến hóa, đều tự đầy đủ không lìa tâm ông, theo lời tồ sư dạy công đức vô tâm rất nhiều. Nhưng người ưa thích công đức sự tướng thì đối với công đức vô tâm bản thân không sinh lòng tin.

CÔNG PHU CHỨNG NGHIỆM CHÂN TÂM

Chân tâm hiện tiền làm sao biết được chân tâm thành thục không bị chướng ngại? Người học đạo khi đã được chân tâm hiện tiền, nhưng tập khí chưa trừ, nếu gặp cảnh thuần thục có lúc cũng thất niệm, như chăn trâu tuy đã điều phục được và dắt trâu đến nơi nào tùy ý mình nhưng còn chưa dám buông dây mũi, ắt phải giữ tâm điều phục bước chân cho ổn thỏa gặp lúc dẫm vào ruộng lúa không làm hại đến lúa mạ, lúc ấy mới buông tay. Đến chỗ này thì bước đi được tiện lợi không cần dùng người chăn và dây mũi, tự nhiên không làm tổn hại đến lúc mạ nữa. Như đạo nhân sau khi đắc được chân tâm, trước tiên phải dụng công giữ gìn nuôi dưỡng, có đại lực dụng mới có thể lợi sinh nếu lúc chứng nghiệm được tâm này, trước tiên phải đem cảnh ưa thích lúc bình

sinh luôn luôn tưởng ở trước mặt, của như trước khởi tâm thương ghét thì đạo tâm chưa thuần thục. 1003 b Nếu không sinh tâm thương ghét là đạo tâm đã thuần thục, mặc dù đã thuần thục như vậy cũng chưa phải tự nhiên chẳng khởi tâm tắng ái. Còn phải nghiệm lại tâm nếu lúc gặp cảnh tắng ái, đặc biệt khởi tâm thương ghét chấp lấy tượng thương ghét, nếu tâm không khởi đó là tâm không ngăn ngại, như con trâu trắng sờ sờ không làm hại lúa mạ.

Xưa có người trách phật mắn tổ là tương ưng với tâm này, nay thấy họ vừa vào tông môn, chưa biết đạo gần xa liền học cách chê phật mắn tỗ, là kẻ chấp sai lầm lắm.

CHÂN TÂM VÔ TRI

Chân tâm cùng vọng tâm lúc đối cảnh, làm sao phân biệt được chân vọng? Vọng tâm đối cảnh có biết, mà cái biết đó đối với cảnh thuận nghịch khởi tâm tham sân, còn đối cảnh bình thường sinh tâm si, đối với các cảnh trên đã khởi lên ba độc tham sân, si, đủ thấy là vọng tâm rồi.

Tổ sư dạy: Thuận nghịch tranh nhau là bệnh tâm. Nếu chân tâm không biết mà biết là tâm bình đẳng tự nhiên chiếu khắp, cho nên khác cỏ cây, không sinh thương ghét nên khác với vọng tâm, tức đối cảnh rổng sinh sánh suốt chẳng ghét chẳng thương, vò chân tâm vô tri mà tri (biết).

Theo Triệu Luận bàn về tâm Thánh vi diệu vô tướng không thể cho là có, dụng càng động chẳng thể cho là không, cho đến chẳng phải có nên biết mà chẳng biết, chẳng phải không nên không biết mà lại biết. Do đó vô tri tức tri, không thể dùng ngôn ngữ khác so sánh tâm Thánh nhân. Còn vọng tâm ở nơi có chấp có ở nơi không chấp không, thưởng ở hai bên không biết trung đạo.

Ngài Vĩnh Gia dạy: Bỏ vọng tâm chấp chân lý, tâm thủ xả thành dối trá, người học không rõ dụng tu hành thì càng ngày thành ra nhận giặc làm con. Nếu là chân tâm ở nơi có không mà rơi vào có không vì thường ở nơi trung đạo.

Tổ sư dạy: Không theo duyên có chớ trụ không nhẫn trọn một bình đẳng bặt dứt tự nhiên cùng tột. Theo triệu luận do vì Thánh nhân ở nơi có mà chẳng có, ở nơi không mà chẳng phải không tuy không chấp có không nhưng chẳng bỏ cái có, không. Do vậy hào quang chiếu khắp trần lao bao trùm trong năm đường, tịch nhân mà đến, e ngại như vậy mà đến, điềm đạm không làm mà không phải không làm. Đây là

nói Thánh nhân duỗi tay vì người ra vào khắp năm đường tiếp dẫn giáo hóa chúng sinh. Mặc dù qua lại mà không có tướng qua lại, vọng tâm thì chẳng được như thế, cho nên nhân tâm, vọng tâm không giống nhau. Lại nữa, chân tâm chính là tâm bình đẳng thường, vọng tâm chính là tâm không bình thường. Thế nào là tâm không bình thường? 1003c Mọi người đều có đủ một tánh linh quang sáng suốt, vắng lặng như hư khong trùm khắp tất cả chỗ, đối với việc thế tục mượn tên là lý tánh, với vọng thức tạm gọi chân tâm, không có một mảy may phân biệt, gặp duyên chẳng mê mờ, một niệm thủ xả chạm vật đều trùm khắp, chẳng thay đổi theo muôn cảnh trần. Giả sử theo dòng được vi diệu không lìa đương xứ mà vắng lặng, tìm kiếm liền biết y chẳng thấy chính là chân tâm.

Tại sao gọi là tâm không bình thường? Cảnh có Thánh và phàm, cảnh có nhiễm và tịnh, cảnh có đoạn và thường, cảnh có lý và sự, cảnh có sinh có diệt, cảnh có động có tĩnh, cảnh đến có đi, cảnh có tốt có xấu, cảnh có thiện có ác, cảnh có nhân có quả, bàn sơ qua thì có ngàn muôn sai khác, nay nói nêu mười cặp đều gọi là cảnh không bình thường ở đoạn trước, vì vậy gọi là vọng tâm không bình thường. Chân tâm vốn đầy đủ không theo cánh bất thường mà sinh khởi nhiều thứ sai khác. Cho nên gọi là chân tâm bình thường.

Chân tâm bình thường không có các nhân khác, ngặc vì phật dạy nhân quả thiện ác báo ứng là sao? Vì vọng tâm theo đủ thứ cảnh mà không rõ được các cảnh bèn khởi lên nhiều tâm, nên phật dạy nhiều pháp phân quả, để đối trị hàng phục các vọng tâm phải lập nhân quả. Nếu chân tâm này không theo các cảnh, do đó không khởi các tâm, thì phật sẽ không nói các pháp làm nào có nhân quả. Chân tâm bình thường không sinh chăng? Có lúc chân tâm xuất (ứng) dụng mà chẳng sinh khởi theo cảnh, nhưng diệu du hý mà không mê muội nhân quả.

CHÂN TÂM SỞ VÃNG

Người chưa liễu đạt được chân tâm, do mê chân tâm cho nên tạo nhân thiện ác, nhờ tạo nhân thiện nên sinh trong đường thiện, vì gây nhân ác phải vào đường ác, theo nghiệp thọ sinh lý đó chẳng còn nghi ngờ gì nữa. Nếu người liễu đạt chân tâm dứt hết vọng tình, khế chứng chân tâm không có nhân thiện ác thì một thân sau nương gá vào chỗ nào? Chớ cho rằng có chỗ nương gá vượt qua chỗ không nương gá. Lại toan cho là không nương gá đồng như những kẻ bơ vơ ở thế gian hoặc giống cô hồn vô chủ trong đường ngạ quỷ, đặc biệt vì câu hỏi này cầu có chỗ nương gá, liễu đạt được tánh thì không như thế, vì tất cả chúng sinh mê

giác tánh, niệm ái vọng tình kết nghiệp làm nhân, 1004 a sinh trong sáu đường chịu quả báo thiện ác. Giả sử như nghiệp ở cõi trời làm nhân chỉ được quả sinh thiên, ngoài trừ chỗ sinh thích hợp còn lại đều không được thọ dụng, các đường thọ sinh đều như vậy. Vì đã theo nghiệp của mình sinh chỗ thích hợp thú vui, còn sinh chỗ không thích hợp thì chẳng vui, lấy chỗ nương cho người káhc. Do đó, vó vọng tình thì có vọng nhân, có nhân hư vọng thì có quả dối trá, có quả hư vọng thì có sư nương gá, có nương gá thì phân biệt kia đây, phân biệt kia đây thì có điều đáng ưa và không đáng ưa.

Nay đã liễu đạt được chân tâm, khế hợp tánh giác không sinh diệt phát khởi diệu dụng không sinh không diệt, còn diệu dụng tùy duyên dường như có sinh diệt. Song từ thể sang dụng, dụng tức là thể, nào đáng có cái sinh diệt, người liễu đạt liền chứng chân thể, cái sinh diệt đó nào có can dự gì chứ! Như nước lấy tánh ướt làm thể và sóng làm dụng, vì tánh ướt vốn không sinh diệt tánh ướt thì riêng chẳng có sóng, sóng cũng không sinh diệt.

Cho nên cổ nhân nói: “Hết” cả đại địa là sa môn một đôi chánh nhãn, “tận” là chỗ an thân lập mạng cảu người ngộ lý. Đã liễu đạt chân tâm thì bốn loài sáu đường đồng thời tiêu mất, sân hà đại địa đều là chân tâm. Không thể lìa ngoài chân tâm này riêng có chỗ nương gá, đã không có vọng nhân ba cõi nương gá chỗ nào? Ắt hẳn chẳng có kia đây đã không có kia đây thì làm sao có việc đáng ưa và chẳng đáng ưa, tức mười phương thế giới chỉ có tâm, toàn thân thọ dụng không có sự nương gá khác. Lại trong môn thị ôn tháo thượng thư hỏi ngài Khuê phong: Người ngộ lý một thời kỳ tiển thọ đã hết mạng chung thác sinh vào chỗ nào?

Ngài Khuê Phong đáp: Tất cả chúng sinh đều có đầy đủ giác tánh linh minh chẳng khác phật. Nếu có thể ngộ được tánh này tức là pháp thân, vốn tự không sinh nào có nương gá, tánh kinh minh không mê muội rõ ràng thường biết, không từ đâu đến cũng chẳng đi về đâu. Chỉ lấy hư không làm tự thể chớ nhận sắc thân, lấy kinh tri làm tự tâm, chớ nhận vọng niệm. Vọng niệm nếu khởi đều chẳng theo, thì lúc sắc mạng chung tự nhiên nghiệp không thể ràng buộc. Tuy có thân trung ấm mà hoàn toàn được tự do, thiên thượng nhân gian tùy ý gá sinh. Đây là chân tâm trước thân đến sau!

SỐ 2019B

DẠY NGƯỜI SƠ TÂM HỌC PHẬT

Người mới phát tâm học phật cần phải xa lìa bạn ác thân cận bạn tốt, thọ năm giới mười giới... biết rành khai giá, trì, phạm. Chỉ y kim khẩu lời phật dạy, chớ thuận theo lời nói vọng tầm thường, đã xuất gia thì phải nhập nhờ sự giúp đỡ của tăng thân, thường nghĩ nhớ điều như hòa khéo thuận theo không được có tâm ngã mạn cống cao. Người lớn hơn xưng là anh (chị) người nhỏ hơn gọi là em (đệ), thản như có sự tranh cãi thì phải nói lời hòa hợp giữa hai bên, chỉ dùng tâm từ nói với nhau không được nói lời độc ác làm tổn thương người. Nếu có người khinh khi lăng nhục bạn đồng tu luận bàn chuyện thị phi, những điều này đối với người xuất gia hoàn toàn chẳng có lợi ích gì. Cái họa của tài sắc còn hơn rắn độc tự mình phải tĩnh xét bản thân biết là điều quấy thường phải xa lìa, không có duyên sự thì không được vào phòng hoặc chùa của người khac, phải ở chỗ vắng vẻ không được gượng biết việc người khác. Không đủ sáu ngày thì không được giặt dũ áo trong (áo lót), khi xúc miệng rửa mặt không được khạc nhổ lớn tiếng, khi đi càng phải theo thứ tự không được chen lấn làm mất trật tự, đi kinh hành theo thứ lớp không được đánh đàng xa vung tay bay vạt áo, nói năng phải từ tốn không được cười giỡn nói lớn tiếng. Không có việc quan trọng thì không được ra khỏi cổng chùa, có người bệnh phải đem tâm từ để chăm sóc, thấy khác đến phải vui vẻ đón tiếp, gặp những vị tôn túc trưởng lão phải cung kính đứng sang một bên.

Bàn đạo phải có đầy đủ sự tri túc tiết độ suy xét lời nói, khi ăn uống không được khua đũa bát có tiếng động, cần phải an tường không được liếc ngó hai bên cũng không được ưa thích món ngon chê món dở, khi ăn phải im lặng không nói chuyện, phải phòng hộ tạp niệm, cần biết thọ thực chỉ chữa bệnh khô gầy và vì thành đạo nghiệp. Phải niệm Bát-nhã tâm kinh, quán tam luân thanh tịnh không trái đạo dụng, khi phó phần tu sữa phải siêng năng sớm tối hành trì tự mình nên trên quý không giãi đãi. Biết chúng đang hành trì nhẹ nhàng không được nói

chuyện làm lộn xộn, khen ngợi chúc nguyện cần tụng văn quán nghĩa, không được chỉ theo âm thinh, giọng đọc phải đều đặn, chiêm ngưỡng đãnh lễ không được duyên theo cảnh khác. Phải biết bản thân có tội chướng cũng như núi, biển và nên biết lý sám sự sám có thể làm tiêu trừ tội chướng. Quán xét vẹn kẽ về năng lễ sở lễ đều từ chân tánh duyên khởi tin chắc cảm ứng không luống dối ảnh hưởng theo nhau. Ở trong chúng đồng liêu phải bảo vệ nhau không tranh luận phải truyền trao giữ gìn, dè dặt chớ luận việc hơn thua, tụ hội nói chuyện nhảm nhí, cẩn thận không mang giày dép lộn của người khác 1004c, ngồi nằm theo thứ tự. Khi nói chuyện với khách không được bày lỗi xấu của chúng, chỉ khen ngợi phật sự ở chùa viện, không được đến nhà kho, phòng người khác thấy nghe việc tào lao tự mình lại sinh tâm nghi hoặc, không có việc cần thiết thì đường nên đến các chỗ châu huyện giao du với người đời làm họ ghét tật đố đánh mất đạo tình.

Giả sử có việc quan trọng cần ra ngoài phải thưa với vị trụ trì và người quản chúng để họ biết nơi mình đến. Nếu vào nhà người thế tục phải giữ gìn chánh niệm, cẩn thận chớ thấy sắc nghe tiếng buông lung theo tâm tà vậy. Huống chi các việc như mặc áo cười giỡn nói chuyện tàm phào, uống rượu phi thời, dối làm việc cho là không chướng ngại rất trái với giới luật phật chế. Còn đối với người hiền lành sinh tâm nghi ngờ thù hiềm đâu phải là người có trí tuệ, đến ở đền đường chớ đồng đi với sa di cẩn thận đối với việc người qua lại, thấy cái tốt xấu của người khác chớ nói, không tham câu văn tự, không nên ngũ nghỉ quá độ làm tán tâm phan duyên. Nếu gặp chí bày sư thăng tòa thuyết pháp cần thiết không được đối với pháp và tác tưởng khó khăn gian nan rồi sinh tâm lui sụt, hoặc khởi tưởng nghe thống suốt sinh tâm dể dãi, cần phải có tâm rổng rang lắng nghe, chắc chắn có lúc căn cơ phát ngộ. Không được theo học ngôn ngữ chỉ chấp lời biện luận, điều gọi là rắn uống nước thành chất độc, bò uống nước thành sữa, người trí tuệ học thành Bồ-đề người ngu học thành sinh tử. Không được đối chủ trương pháp người sinh tư tưởng khinh thường, nhân đó đối với đạo có chướng ngại, không thể tiến ta rất nên cẩn thận.

Luận như tội người đi đêm tối, người cần đuốc đáng đường, hoặc do người ác nên không nhận ánh sáng rơi rớt xuống hầm hố. Nghe pháp theo thứ lớp như làm cho miếng váng mỏng dần, cần phải lắng tai mắt nghe pháp âm mầu nhiệm, phải nghiêm ngặc với tình trần mà khen ngợi chỗ thâm sâu vi diệu. Sau khi xuống giảng đường phải ngồi im lặng quán chiếu, như có chỗ nghi ngờ thì phải rộng hỏi bậc tiên giác đã

biết. Tối sợ sệt sáng ra khỏi han không được buông lung bỏ qua mảy may như sợi tơ cọng tóc, như thế mới có có khả năng phát lòng tin chân chánh. Lấy đạo làm hoài bão, từ vô thỉ tập khí có thói quen ái dục sân khuể, gu si ràng buộc tâm ý, tâm hàng phục lại sinh khởi như người sốt rét cách ngày.

Trong tất cả thời phải dùng thẳng sức gia hạnh phương tiện trí tuệ thống thiết tự mình mới ngăn chặn giữ gìn được, đâu thể nhàn rổi du lịch bàn lời dối trá rổng tuếch không có căn cứ làm hết ngày, muốn trọng mong tâm tông mà câu ra khỏi đường sinh tử sao! Chỉ nên chí tiết độ trách cứ bản thân không được giãi đãi, biết điều sai phải thay đổi làm lành sám hối sửa đổi thành điều hòa nhẹ nhàng siêng năng tu hành thì sức quán chiếu càng sâu, mài dũa thì hạnh môn cành thanh tịnh, phát khởi tướng khó gặp đạo nghiệp thường mới mẽ, trong lòng thường vui mừng hoàn toàn không có tâm lui sụt. Lâu ngày như vậy tự nhiên trí tuệ tròn sáng thấy được tâm tánh mình, dùng tâm bi trí như huyễn trở lại độ chúng sinh, làm đại phước điền cho nhân thiên, cần thiết phải nên cố gắng.

1005a Lão nạp ở núi Tào Khuê Hải Đông nhằm tháng mùa đồng năm Ất sửa niên hiệu Thái Hòa, kẻ biết chậm chạp kính ghi.

THIỀN SƯ CHÁNH NGƯNG Ở NGAI SƠN CHỈ DẠY PHÁP NGỮ CHO NGỮ CHO MÔNG SƠN

Sư thấy Mông Sơn đến lễ, trước tiên tự hỏi ngã này lại tin được sao. Sơn trả lời:

Nếu tin không được thì chẳng đến đây.

Sư: Mười phần tự tin được lại cần phải trì giới, trì giới dễ được linh nghiệm, nếu không có giới hạnh như xây nhà lầu trong hư không, lại trì giới gì?

Sơn: Thấy trì năm giới.

Sư: Sau này chỉ khán chữ vô, chẳng cần suy lường tinh toán không được khởi tưởng hiểu biết thể hội có hay không vả lại chớ xem các loại kinh giáo ngữ lục, chỉ thường đề khởi một chữ "Vô", trong mười hai thời đối với bốn oai nghi, cần phải sáng suốt tĩnh táo như mèo bắt chuột như gà ấp trứng không để gián đoạn. Lúc chưa được thấu triệt phải như con chuột cắn quan tài dường như không thể đổi dời, khi đó lại quất roi vào khởi nghi rằng: Tất cả chúng sinh đều có phật tánh.

Ngài Triệu Châu rất thân đạo vô ý sinh cái gì? Đã có lúc nghi ngờ thầm thầm đề khởi chữ "Vô" hồi quan tự kỷ, chỉ một chữ "Vô" này phải

biết được tự kỷ, phải biết được Triệu Châu phải nắm bắt chỗ hư hoại thất bại của phật tổ và chỗ người đời ghét chê chỉ tin lời nói ta đứng như vậy, thoạt nhiên ngay đó làm đi! Quyết định có lúc phát minh quyết đoán không sai lầm...

PHÁP NGỮ VỀ HÀNH KHƯỚC CỦA TỔNG TỬ TRỤ TRÌ SÙNG TẠNG ĐÔNG SƠN

Phàm phu hành khước phải lấy đạo này làm hoài bảo, không thể thọ nhận sự cúng dường hiện tại cho là thành tựu rồi an nhân qua ngày, phải đem hai chữ "sinh tử" dán chặt lên trán. Trong mười thời sạch da mặt đánh cho hiểu mới được, nếu chỉ theo phe kết bè đảng luống qua thời gian thì có lúc con cháu Diêm-la đến tính tiền cơm, chẳng phải đạo thì ta chẳng nói với ông điều này, giả sử công phu cần phải tính từng ngày kiểm điểm từng giờ, tự mình phải chuyển hóa đến canh hai thì khán thoại đầu trong đó là chỗ không đắc lực, trong đó là chỗ đánh mất, trong đó là chỗ không đánh mất nếu như đây thì hãy làm đi! Nhất định đến lúc nào đó thì đến nhà. Có người thường hay bàn về đạo mà kinh không xem phật không lạy, vừa mới lên bồ đoàn liền ngũ gục, cho đến ngủ xay vả lại suy nghĩ mơ màng loạn tưởng vừa rời khởi thiền sàn liền nói chuyện tạp nhạp với người. Nếu bàn luận đạo như vậy thì đến khi đức phật Di Lặc ra đời cũng chưa có thời gian hạ thủ triệt để, cần phải mạnh mẻ tinh thần thư thái đề khởi một chữ "vô".

Ngày và đêm ba thời cùng người khác trọn mắt nhìn, không thể ngồi trong chỗ vô sự, càng không nên chấp ngồi chết trên bồ đoàn, cần phải linh hoạt, e rằng lúc tạp niệm lăn xăn khởi lên ngàn vạn thứ, không nên cùng trố mắt nhìn nó càng chuyển hóa mau gấp có nhiều người ở trong chỗ này không biết tấn khối thoát khỏi không bị rơi xuống thành phong thành điên đảo phá hoại một đời, phải hướng đến chỗ phân vân khởi nhẹ nhân bùng xuống một vật, chuyển thân xuống đất một vòng, lại lên giường mở mắt bắt chéo hai tay lưng thẳng y trước đề khởi liền cảm thấy mát mẻ, giống như một chảo nước sôi vừa rưới xuống một khối băng tan thành nước. Hể công phu được như thế lâu ngày chày tháng có lúc về đến nhà. Công phu chưa nắm chắc trong tuy chớ sinh khởi phiền não, e mà phiền não nhập tâm, nếu sức tĩnh giác không nên sinh vui mừng sợ con ma vui mừng nhập tâm, nhiều thứ bệnh không thể nói hết được. E rằng ở trong chúng có vị lão thành huynh đệ biện về đạo thì ngàn vạn lần thường thường nên thỉnh ích nếu không có thì nên đem công phu lời dạy của tổ sư xem qua một lần dường như đích thân mình

vậy, thời nay khó được người tu đạo như thế. Ngàn muôn lần hướng tới trước trong mong ông mau mau đập bể thùng sơn trở về vì ta mà lau chùi! Chí thành dặn dò, chí thành dặn dò!

HÒA THƯỢNG MÔNG SƠN DẠY CHÚNG

Nếu có người đến đây đồng cam chịu sự vắng vẻ cô liêu, bỏ duyên đời này trừ đi chấp trước điên đảo, chân thật là đại sư sinh tử, chịu thuận theo quy cũ trong am viện, cắt đứt việc người tùy duyên thọ dụng, trừ canh ba ngoài ra không chấp nhận ngủ nghỉ, không cho xuất hành đi ra ngoài, không nhận dự trai tăng, chưa có phát minh thì không cho xem đọc, chẳng phải công giới thình không cho xem kinh, hạ thủ công phu ba năm đáng pháp, nếu không kiến tánh thông tôn chỉ thì sơn tăng này thay ông vào địa ngục.

HẬU BẠT

Luận về tâm là tổng tướng của muôn pháp ở thế gian và xuất thế gian, muôn pháp tức là biệt tướng của tâm, song cái biệt đó có năm:

1. Nhục đoàn tâm (trái tim) hình trạng giống búp chuối sống trong sắc thân, thuộc loài vô tình.

2. Tâm duyên tự tướng trạng như đám cháy hoang chợt sinh chợt, diệt thuộc vọng tưởng.

3. Tập khởi tâm tướng trạng như hạt cỏ bị chôn vùi trọng rộng thức thuộc tập khí.

4. Tâm lại gia như ruộng tốt nhận hạt giống không nhàm chán thuộc vô minh.

5. Tâm chân như tướng trạng đồng như hư không, rộng lớn thấu suốt phép giới thuộc tịch chiếu.

Năm loại tâm kể trên bốn loại đầu là vọng niệm, niệm sinh diệt một cái sau là chân. Ba đời nhứt như, nếu không lựa chọn rõ ràng, còn e nhân vọng là chân, đánh mất điều đó chẳng phải là chuyện nhỏ. Cho nên dẫn kinh phật lời tổ đặt câu hỏi biện luận giải thích kẹn kẻ khai thi nguồn gốc mê vọng, trình bày ngọn nguồn tu chứng, theo thứ tự có mười sáu chương, ban đầu là chánh tin cuối cùng là chỗ vãng sinh càng rõ đường tắt chân tâm, nên gọi là trực thuyết.

Tôi mượn được cuốn sách này kính cẩn hơn mười mấy năm sớm tôi xem dùng làm bí yếu của tinh thần. Một hôm ra chỉ bày chúng có tín thiện sẽ cảm mến tiết am, cư sĩ trần phổ tang vui vẻ thích bố thí ưa bố thí ấn hành để lưu truyền ngõ hầu cho người tu tâm xem coi, cảm ngộ

được sự mầu nhiệm của chân tâm, bèn trình bày ra lời "Trực thuyết" để làm lời bạt.

Tỳ-kheo mông đường ở đại thiên giới viết nào ngày mồng tám Thánh chạp năm Đinh Mão thứ mười hai niện hiệu chánh thống.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 178

BÍ QUYẾT TU TÂM CỦA THIỀN SƯ PHỔ CHIẾU TẠI HÀN QUỐC

SỐ 2020

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2020

BÍ QUYẾT TU TÂM CỦA THIỀN SƯ PHỔ CHIẾU TẠI HÀN QUỐC

Ba cõi nhiệt não cũng như nhà lửa, mà chúng sanh nỡ bằng lòng cam chịu cái khổ lâu dài trong đó, muốn ra khỏi luân hồi không có chi bằng cầu thành Phật. Nếu muốn cầu Phật, Phật tức là tâm, tâm nào có xa tìm kiếm không rời khỏi thân, sắc thân là giả tạm có sanh có diệt, chân tâm như hư không chẳng đoạn thường chẳng biến hoại. Trăm hình hài khi tan rã phân tán đều trở về trạng thái nước gió, chỉ một vật ở Trường lô trùm khắp cả trời đất. Than ôi! Người thời nay mê muội đã lâu, không biết tự tâm là chân Phật, chẳng rõ tự tánh là chân pháp. Muốn cầu pháp mà đi xa tìm chư Thánh, muốn cầu Phật mà chẳng quán chiếu tâm mình, nếu nói ngoài tâm có Phật, ngoài tánh có pháp, cố chấp tình này mà muốn cầu Phật đạo, dầu trải qua số kiếp vi trần đốt thân, chặt tay, chẻ xương, rút tủy chích máu viết kinh, ngồi hoài chẳng nằm mỗi ngày ăn một bữa. Thậm chí chuyên đọc tụng (1006) kinh giáo đại tạng Nhất thừa, tu nhiều hạnh khổ, cũng như nấu cát thành cơm, chỉ càng thêm lao nhọc bản thân.

Ông nên biết tự tâm có hằng sa pháp môn vô lượng diệu nghĩa không cầu mà được, cho nên Đức Thế Tôn dạy: Quán khắp tất cả chúng sanh có đủ trí tuệ đức tướng Như Lai, đồng thời tất cả chúng sanh có nhiều thân hình huyễn hóa đều sanh Viên giác diệu tâm Như Lai. Nên biết lìa ngoài tâm này không có Phật nào có thể thành, các Đức Như Lai thời Tỳ-kheo chỉ là người minh tâm, hiện tại chư Hiền Thánh cũng là người tu tâm, vị lai người tu học phải nương pháp như thế. Tha thiết nguyện xin những người tu đạo chớ tìm cầu bên ngoài, tâm tánh không

bị nhiễm ô vốn tự viên thành, hễ lìa vọng duyên tức như như thật.

Hỏi: Nếu nói Phật tánh hiện tại có trong thân này, đã ở trong thân không rời phàm phu, tại sao nay ta chẳng thấy Phật tánh, lại bị tiêu tan mà bảo khai ngộ? Đáp: Ở trong thân ông, ông tự chẳng thấy. Trong mười hai thời ông biết đói, biết khát biết lạnh biết nóng, hoặc sân hoặc mừng, cuối cùng là vật gì! Vả lại sắc thân là do bốn duyên đất, nước, gió, lửa nhóm họp, xúc chất ngu ngơ đó mà lại vô tình đâu có thể thấy nghe hay biết. Cái mà thấy nghe hay biết chắc chắn là Phật tánh của ông. Vì thế ngài Lâm Tế bảo: Bốn đại không hiểu biết thuyết pháp nghe pháp, hư không chẳng hiểu thuyết pháp nghe pháp, chỉ có một vật sáng sờ sờ trước mắt ông chẳng có hình thể chẳng có đoạn khúc, mới hiểu thuyết pháp nghe pháp. Cho rằng vật chẳng có hình đoạn là pháp âm của chư Phật, cũng là tâm xưa nay của ông. Thì Phật tánh hiện tại trong thân ông đâu nhờ tìm cầu bên ngoài.

Nếu ông không tin được nêu nhân duyên vào đạo của bậc Thánh xưa kia để trừ nghi ngờ cho ông, ông phải tin chắc. Thuở xưa vua Dị Kiến hỏi Tôn giả Bà-la thế nào là Phật?

- Tôn giả trả lời: Kiến tánh là Phật
- Vua hỏi: Sư kiến tánh chưa?
- Đáp: Ta thấy Phật tánh
- Là có dụng ý gì mà nay chẳng thấy?
- Nay tăng thượng thấy tác dụng ý mà bản thân vua chẳng thấy
- Ta có chăng?
- Nếu Đại vương có dụng ý không có chẳng đúng. Hoặc vua chẳng dụng thể cũng khó bày.
- Nếu lúc dương dụng thì xuất hiện mấy chỗ?
- Nếu lúc xuất hiện sẽ có tám chỗ.
- Hãy nói cho ta nghe tám chỗ xuất hiện đó?
- Ở tại trong thai gọi là thân, ở đời gọi người, tại mắt gọi là thấy, tại tai gọi nghe, tại mũi thì có mùi thơm, tại lưỡi đàm luận tại tay cầm nắm, tại chân đi chạy. Khi hiện bao trùm khắp cả hằng sa giới nhưng lúc thâu nhiếp lại trong một vi trần, người biết là Phật tánh, người không biết gọi là tinh tấn.

Sau khi vua nghe xong trong tâm hồn khai ngộ.

Có vị Tăng hỏi Hòa thượng Quy Tông như thế nào là Phật?

- Nay ta sẽ nói đạo cho ông e rằng ông không tin.
- Hòa thượng nói lời chân thật đâu dám không tin.
- Tức là ông đó.

- Thế nào là bảo nhậm?

- Đồng như mắt nhậm thấy hoa đốm trên hư không chạy loạn xạ rơi xuống.

- Khi rơi xuống có tỉnh ngộ chăng?

- Nãy giờ đã nêu ra nhân duyên nhập đạo của bậc Cổ Thánh, rõ ràng đơn giản chẳng ngăn ngại sức tỉnh ngộ. Nhờ công án này hoặc có chỗ tin hiểu, tức cùng Cổ Thánh nắm tay nhau đồng đi.

- Hỏi: Ông nói kiến tánh, nếu chân kiến tánh tức là Thánh nhân, ứng hiện thần thông biến hóa cùng người có khác, tại sao những kẻ tu tâm thời nay chẳng có người nào phát hiện thần thông biến hóa?

- Đáp: Ông không được phát ra lời nói khinh thường cuồng loạn, chẳng phân tà chánh là người mê muội điên đảo. Người học đạo thời nay miệng bàn chân lý, tâm sanh lui sụt trở lại đọa vào tội lỗi không phân biệt đều là do những điều nghi ngờ của ông. Học đạo mà không biết trước sau, nói lý mà chẳng phân gốc ngọn, đó gọi là tà kiến không gọi tu học, không chỉ tự mình sai lầm mà cũng làm cho người khác sai lầm theo, những điều đó không đáng cẩn thận sao!

Có nhiều pháp môn vào đạo, cốt yếu không ra ngoài hai môn đốn ngộ - tiệm tu mà thôi. Mặc dù nói đốn ngộ là mau mà tu là người căn cơ tối thượng mới được vào, cũng như truy tìm quá khứ, đã là nhiều đời nương nơi ngộ mà tu dần dần huân tập cho đến đời nay, nghe liền phát ngộ nhất thời đốn vượt đã xong. Thật ra mà luận bàn thì cũng là căn cơ trước ngộ sau tu, thế thì hai môn đốn, tiệm này là vết xe của ngàn bậc Thánh. Thời từ xưa nay chư Thánh chẳng vị nào mà không phải là trước ngộ sau tu nhờ tu mới chứng. Còn thần thông cho đến là y ngộ mà tu từ huân tập sẽ phát hiện, chớ cho rằng lúc ngộ liền phát hiện ngay.

Như trong kinh chép: Về lý nơi đó đốn ngộ nương ngộ đều tiêu nghiệp chẳng phải đốn trừ nhờ thứ lớp mới hết. Cho nên ngài Khuê Phong hiểu rõ ràng sâu sắc nghĩa trước ngộ sau tu. Ví như biết băng tuyết trong ao hoàn toàn là từ nước nhờ hơi nóng mặt trời tan ra thành nước, cũng như ngộ phàm phu tức Phật, nhờ pháp lực huân tu, băng tiêu thì dòng nước chảy thấm nhuần mới hiển lộ công năng tưới tẩm, vọng hết thì tâm thông suốt, ứng hiện diệu dụng hào quang thần thông. Những sự kiện thần thông biến hóa như đã kể trên, chẳng phải một ngày có thể thành tựu, chính là dần dần huân tu mới phát thần thông hiện sự biến hóa. Huống chi được thần thông trên sự đối với người thấu đạt trên phần sự vẫn là việc của yêu quái, cũng là sự bên ngọn ngành của bậc Thánh. Mặc dù có khi hiện mà không thể có yếu dụng, thời nay

bọn ngu si mê muội vọng cho rằng khi một niệm ngộ ngay nơi đó tùy ý hiện vô lượng diệu dụng thần thông biến hóa. Nếu khởi lên kiến giải như vậy thì chẳng biết trước sau, cũng không phân biệt được gốc ngọn. Đã không biết trước sau gốc ngọn muốn cầu Phật đạo, như đem cây gỗ vuông dựng đứng vào trong lỗ tròn, há chẳng phải là việc sai lầm lớn sao!

Đã không biết phương tiện, do đó tác tường vách đá cheo leo, bản thân sanh tâm lui sụt đoạn mất chủng tánh Phật không làm thì không nhiều. Đã tự mình chưa rõ cũng chưa tin người khác, đã có chỗ giải ngộ, thấy người khác không đắc thần thông bèn sanh tâm khinh mạng khi hiền cuồng Thánh thật đáng đau lòng thay.

Hỏi: Ông nói hai môn đốn ngộ tiệm tu là vết xe của ngàn bậc Thánh, ngộ đã đốn ngộ tại sao phải nhờ tiệm tu. Tu nếu là tiệm tu sao gọi là đốn ngộ, xin Ngài nói lại rõ ràng hai nghĩa đốn, tiệm để dứt tuyệt nghi ngờ? Đáp: Đốn ngộ là phàm phu lúc mê lấy bốn đại làm thân vọng tưởng làm tâm, chẳng biết tự tánh là chân pháp thân, chẳng biết tự mình như hư không biết là chân Phật, ngoài tâm đi lang thang tìm Phật, bỗng nhiên gặp thiện tri thức chỉ cho ông con đường vào, một niệm hồi quan thấy bản tánh của mình. Mà tánh địa này vốn không có phiền não, vô lậu trí tánh vốn tự đầy đủ, ngay đó cùng chư Phật không sai khác một mảy may vì vậy mới gọi là đốn ngộ.

Chữ tiệm tu, đốn ngộ thì bản tánh cùng Phật không khác, tập khí từ vô thỉ khó đốn trừ ngay nên y ngộ mà tu, dần dần công huân thành trưởng dưỡng Thánh thai, lâu ngày thành Thánh do vậy nói là tiệm tu. Ví như đứa trẻ ngày mới sanh ra đời đầy đủ các căn giống mọi người không khác, nhưng sức lực chưa sung mãn, phải qua nhiều năm tháng bắt đầu mới thành người.

Hỏi: Tạp phương tiện gì mà một niệm hồi quang liền ngộ tự tánh?

Đáp: Chỉ tự tâm nào có đạo phương tiện gì, nếu tác phương tiện lại cầu giải ngộ thể hội, tỉ như có người chẳng thấy con mắt của mình rồi cho là không có mắt lại muốn đi tìm kiếm để thấy. Đã là con mắt mình tại sao lại thấy, nếu biết không mất tức là thấy mắt, càng chẳng có tâm tìm thấy, đâu có tưởng không thấy. Tự mình rỗng suốt cái biết cũng như vậy, đã là tự tâm đâu cần tìm hiểu. Nếu muốn tìm hiểu liền hiểu mà chẳng đắc, hễ biết không hiểu ngay đó kiến tánh. Hỏi: Người căn cơ bậc thượng thượng nghe liền dễ hiểu, còn người căn cơ bậc hạ trung không đâu chẳng nghi ngờ, lại nói phương tiện làm cho người mê

tiến vào? Đạo không lệ thuộc biết hay chẳng biết, để trừ tâm nghi của ông lại đem mê đối đãi ngộ, ông lắng nghe ta nói. Các pháp như mộng cũng như huyễn hóa, cho nên (1007) vọng niệm vốn vắng lặng, trần cảnh vốn rỗng không. Chỗ của các pháp đều rỗng suốt như hư không thời biết không mê mờ tối tăm, liền biết tâm này vắng lặng rỗng suốt là bản lai diện mục của ông. Cũng là pháp ấn thầm truyền cho nhau trong ba đời chư Phật nhiều đời Tổ sư và các bậc thiện tri thức trong thiên hạ. Nếu ngộ được tâm này chân thật gọi là chẳng bước qua giai cấp thềm bậc mà tiến thẳng lên địa vị Phật, mỗi bước vượt ra khỏi ba cõi, trở về nhà đốn tuyệt nghi ngờ, bèn làm thầy trời người, bi trí giúp nhau đầy đủ tự lợi lợi tha, có thể nhận lãnh sự cúng dường của trời người, một người có thể tiêu xài muôn lượng vàng. Nếu ông là một người đại trượng phu chân thật như thế thì một đời có thể làm xong công việc (giải quyết xong sanh tử).

Hỏi: Căn cứ vào phần trên của ông sao biết được tâm vắng lặng rỗng suốt? Đáp: Nay ngươi hỏi ta là tâm biết vắng lặng rỗng rang, tại sao không phản chiếu mà vẫn còn tìm kiếm bên ngoài. Nay ta căn cứ phần thượng của ông chỉ thẳng bản tâm để cho ngươi liền tỉnh ngộ, ngươi phải tịnh tâm lắng nghe ta nói: Từ sáng đến chiều trong mười hai thời hoặc thấy hoặc nghe hoặc cười hoặc nói hoặc giận hoặc mừng, hoặc phải hoặc giấy, nhiều công việc vận chuyển. Vả lại đạo cứu cánh ai là người có thể vận chuyển làm việc đó! Nếu nói sắc thân vận chuyển, tại sao có người trong một niệm mạng chung cũng chưa hư hoại tan rã, tức mắt chẳng tự thấy được, tai không thể nghe, mũi chẳng ngửi mùi vị được, lưỡi không thể bàn luận, thân chẳng lay động, tay không thể cầm nắm chân không thể đi lại được. Biết cái có thể thấy nghe động tác chắc chắn là bản tâm của ông, chứ không phải là sắc thân của ông. Huống chi là sắc thân bốn đại tánh không này, cũng như hình ảnh trong gương, mặt trăng dưới nước. Đâu có thể rõ ràng thường biết sáng suốt không mê muội, cảm ứng liền thông suốt cả hằng sa diệu dụng. Cho nên nói: Thần thông và diệu dụng là gánh nước, bửa củi, vả lại nhập lý có nhiều cách, chỉ ông một môn để trở về nguồn. Ông lại nghe tiếng quạ kêu chim khách hát thế nào?

- Đáp: Dạ có nguyện hạnh.

- Ông nghe lại tánh nghe của ông lại có nhiều tiếng nữa.

- Vào được trong đây thì tất cả tiếng, tất cả phân biệt đều không thể được.

- Kỳ thay! Kỳ thay! Đây là pháp môn Quán Âm nhập lý. Ta lại

hỏi ngươi, ngươi nói được vào trong đây tất cả tiếng tất cả phân biệt đều không thể được, đã bất khả đắc đương lúc ấy chẳng phải hư không là gì?

- Xưa nay chẳng phải rỗng rang sáng suốt không mê muội.

- Làm gì mà sanh thể chẳng phải rỗng suốt.

- Cũng chẳng có tướng mạo nào mà không thể bì kịp.

- Đây là thọ mạng của chư Phật chư Tổ càng chớ có nghi ngờ. Đã không có tướng mạo lại có lớn nhỏ sao? Đã không có lớn nhỏ lại có bờ mé sao. Vì không có bờ mé nên không có trong ngoài, chẳng có trong ngoài nên không xa gần, không gần xa nên chẳng có kia đây, không có kia đây thì chẳng đến đi, không đến đi thì không có sanh tử, không có sanh tử thì không có xưa nay, không có xưa nay thì không có mê ngộ. Không có mê ngộ thì không có phàm Thánh. Không có phàm Thánh thì không có nhiễm tịnh, không có nhiễm tịnh thì không có thị phi, không có thị phi thì tất cả danh ngôn đều bất khả đắc. Nói chung đã không có tất cả căn cảnh tất cả vọng niệm như thế, cho đến nhiều loại tướng mạo nhiều thứ danh ngôn đều bất khả đắc. Đây há chẳng phải xưa nay vắng lặng, xưa nay không một vật, song chỗ ở của các pháp đều như hư không rỗng suốt biết chẳng mê muội, chẳng đồng tánh vô tình. Tự thần giải ngộ đây là tâm thể thanh tịnh không tịch hư tri của ông, mà tâm thanh tịnh không tịch này là tâm thanh tịnh sáng suốt thù thắng của ba đời chư Phật, cũng là giác tánh bổn nguyên của chúng sanh. Người ngộ được điều này nên giữ gìn, ngồi nhất như mà bất động giải thoát. Người nào mê tánh này thì đi ngược vào sáu đường mà chịu luân hồi nhiều kiếp. Người mê nhất tâm vào sáu đường là đi là động, người ngộ pháp giới mà lại nhất tâm là đến là tĩnh. Tuy mê ngộ có sai khác mà chính cội gốc thì đồng.

Sở dĩ nói pháp nghĩa là tâm chúng sanh, mà tâm không tịch này ở Thánh không tăng ở phàm không giảm. Tại Thánh trí mà chẳng soi sáng, ẩn vào tâm phàm mà không mê mờ. Đã không tăng nơi Thánh lại chẳng giảm nơi phàm thì Phật tổ đâu khác gì con người? Sở dĩ khác với người vì có thể tự giữ gìn tâm niệm mà thôi.

Nếu ông tin được và nghi tình đốn dứt, thì xuất chí của bậc trượng phu, phát kiến giải chân chánh. Nơi mà chính thân thường bị mê muội đó tự đến tự chịu thời là chỗ giải ngộ tu tâm cho người, lại chẳng có giai cấp thứ lớp gọi là đốn. Như nói trong nhân tin khế hợp với quả đức của chư Phật không sai một hào ly, mới thành chữ tín. Hỏi: Đã ngộ lý này lại chẳng có giai cấp, cần gì nhờ tu dần dần huân tập từ từ mới thành?

Đáp: Nghĩa ngộ sau tiệm tu đoạn trước đã nói rõ ràng rồi, còn nghi tình chưa giải thích, không sao sẽ nói lại nhưng ông phải tịnh tâm lắng nghe! Lắng nghe! Phàm phu từ vô thỉ và trải qua nhiều đại kiếp đến ngày nay, lưu chuyển trong năm đường sanh thì đến chết thì đi, chấp chặt ngã tướng vọng tưởng điên đảo, tập khí chủng tử vô minh từ lâu đã thành tánh. Mặc dù đến đời nay đốn ngộ tự tánh xưa nay vắng lặng cùng Phật không khác, mà thói quen cũ thuở xưa khó đoạn trừ ngay được. Cho nên gặp cảnh thuận nghịch liền mừng giận, thị phi đầy dẫy khởi diệt khách trần phiền não cũng như trước chẳng khác nhau. Nếu không dùng công lực của Bát-nhã thì đâu có thể đối trị vô minh, đạt đến đại Niết-bàn (chỗ nghỉ ngơi hoàn toàn). Như nói đốn ngộ tuy đồng Phật mà tập khí nhiều đời còn sâu dày, gió dừng mà sóng còn đập, lý biện niệm vẫn còn xâm nhập.

Ngài Quả Thiền sư nói: Thường thường những người lợi căn chẳng phí sức nhiều để đánh phát việc này, liền sanh tâm dễ dàng càng chẳng cần tu trị. Lâu ngày chày tháng y như xưa lưu chảy lang thang chưa ra khỏi luân hồi, thời đâu có thể lấy một kỳ đã ngộ liền để đó sau mới tu ư! Vì vậy sau khi ngộ phải phản chiếu quán sát thường xuyên, vọng niệm chợt khởi cũng không theo nó. Làm cho nó tổn giảm lại tổn mất cho đến lúc chẳng còn cách nào để phát khởi được mới là cứu cánh, thiện tri thức trong thiên hạ sau khi ngộ còn phải đi chăn trâu. Tuy có người sau tu nhưng đã đốn ngộ trước, vọng niệm vốn không tâm tánh vốn thanh tịnh, đối với ác đoạn, đoạn mà không đoạn, với thiện tu, tu mà chẳng tu, đấy chính là tu chân đoạn vậy. Thế thì tuy tu đầy đủ muôn hạnh chỉ dùng vô niệm làm tôn.

Ngài Khuê Phong xét chung nghĩa trước ngộ sau tu, tánh đốn ngộ đây vốn không có phiền não, là trí tánh vô lậu, vốn tự đầy đủ chẳng khác gì Phật. Y nơi đây mà tu gọi là thiền tối thượng thừa, cũng gọi là Như Lai thanh tịnh thiền. Nếu có thể niệm niệm tu tập, tự nhiên dần dần đắc trăm ngàn tam-muội, là môn hạ của Đạt-ma lần lượt truyền nhau là loại thiền này đây. Thời nghĩa đốn ngộ tiệm tu, như chiếc xe có hai bánh thiếu một bánh không thể nào chạy được. Hoặc có người chẳng biết tánh thiện ác vốn không, ngồi vững chắc bất động để đè nén thân tâm, cũng như lấy đá đè cỏ cho là tu tâm, là sai lầm lớn. Cho nên tâm nghe tiếng là tâm đoạn hoặc, tâm năng đoạn là giặc, chỉ nên quán sát kỹ sát - đạo - dâm - vọng từ tánh khởi khởi tức không khởi, ngay chỗ đó liền được vắng lặng đâu cần đoạn nữa. Sở dĩ có câu: "Không sợ niệm khởi chỉ sợ giác chậm", niệm khởi tức là giác, tức không có giác, nên

người ngộ phần thượng mặc dù có khách trần phiền não đều thành đề hồ. Chỉ soi chiếu hoặc nghiệp không có cội gốc, như hoa đốm giữa hư không ba cõi như gió cuốn trôi khói, sáu trần huyễn hóa như nước sôi làm tan băng tuyết. Nếu có thể niệm niệm tu tập như vậy, không quên chiếu cố định tuệ quân bình, thì thương ghét tự nhiên giảm dần, bi trí tự nhiên tăng trưởng sáng suốt, khi phiền não hết thì sanh tử dứt tuyệt.

Nếu hằng đoạn hoặc vi tế lưu chú thì viên giác đại trí tồn tại độc lập sáng rỡ, liền thị hiện ngàn trăm ức hóa vào trong mười phương cõi nước, cảm ứng đến căn cơ cũng như mặt trăng (1008) xuất hiện trên chín tầng mây mà bóng nó phân ra muôn dòng nước, ứng dụng vô cùng độ chúng sanh có duyên, an vui chẳng lo buồn gọi là Đại Giác Thế Tôn.

Hỏi: trong môn sau tu nghĩa định tuệ quân bình thật ra chưa hiểu rõ ràng, xin Ngài dũ lòng từ bi chỉ dạy khai mở chỗ mê dẫn dắt vào môn giải thoát? Đáp: Nếu thiết lập nghĩa pháp để nhập lý, thì ngàn pháp môn chẳng có pháp nào mà không phải là định tuệ. Lấy cương yếu đó thì chỉ có hai nghĩa thể dụng trên tự tánh, đoạn trước đã nói không tịch hư tri rồi, định là thể tuệ là dụng. Tức dụng của thể nên tuệ không rời định, tức thể của dụng nên định không lìa tuệ, định thời có tuệ nên vắng lặng mà thường biết, tuệ thì có định nên biết mà thường vắng lặng.

Ngài Tào Khê dạy: Tâm địa không tán loạn là tự tánh định, tâm địa chẳng si mê là tự tánh tuệ. Nếu ngộ được sự nhậm vận tịch tri ngăn chiếu không hai như thế thời là môn đốn ngộ, đó gọi song tu định tuệ. Hoặc nói trước tiên dùng vắng lặng đối trị duyên lự, sau dùng sáng suốt tri hôn trầm. Trước sau đối trị đều điều phục hôn trầm tán loạn để nhập vào tịch tĩnh là môn tiệm thứ, cho căn cơ kém cỏi tu hành. Mặc dù chiếu soi, vắng lặng quân bình mà chưa tránh khỏi chấp tịch tĩnh làm hạnh, thì đâu có phải là người khác liễu sự chẳng lìa bổn tịch bổn tri nhậm vận song tu. Cho nên ngài Tào Khê bảo tự ngộ tu hành chẳng ở nơi vắng lặng, nếu tịch tĩnh trước sau tức là người mê, thì người thấu đạt phần trên nghĩa định tuệ quân bình. Không rơi vào công dụng vốn tự vô vi, càng không có đặc biệt chấp vào địa phương thời tiết. Lúc thấy sắc nghe tiếng chỉ là cái gì? Khi mặc áo cơm chỉ là cái gì? Lúc đại tiểu tiện là ai? Lúc nói chuyện tiếp khách chỉ là ai? Cho đến đi đứng ngồi nằm, hoặc nói, hoặc nín, hoặc mừng hoặc giận. Trong tất cả thời nhất nhất như thế cũng như thuyền trống lướt song lên cao xuống thấp, như dòng nước uốn mình chảy vào khúc quanh co, eo ngóc ngách của núi thẳng vào trong tâm tâm chẳng biết. Hôm nay bừng bừng nhậm vận, ngày mai mặc tình hừng hực tùy thuận các duyên không chướng không ngại, với thiện với

ác chẳng đoạn chẳng tu. Chất phác ngay thẳng không dối trá thấy nghe tầm thường, thời dứt tuyệt một trần mà tác đối. Nào có nhọc công quét sạch, chẳng có một niệm nào sanh tình, không nhờ sức vọng duyên, nhưng nghiệp chướng sâu dày, tập khí nặng nề sức quán kém tâm thô phù. Lực của vô minh mạnh sức Bát-nhã yếu, đối với cảnh giới thiện ác chưa tránh khỏi bị động tĩnh xen nhau mời gọi. Tâm chẳng điềm đạm, chẳng phải không có vọng duyên quét sạch, công phu, như nói rằng sáu căn nhiếp cảnh tâm không theo duyên gọi đó là định. Tâm cảnh đều vắng lặng soi chiếu không có hoặc nghiệp gọi đó tuệ.

Tuy theo tướng môn định tuệ, căn cơ kém cỏi tu hành môn tiệm, trong môn đối trị chẳng thể không có được. Hoặc trạo cử xí thạnh thì trước tiên dùng môn định xứng lý nhiếp tâm tán loạn, không theo duyên khế hợp với bổn tịch. Hoặc hôn trầm quá nhiều thì kế đến phải dùng môn tuệ chọn pháp quán không, chiếu soi không có mê hoặc khế hợp vớn bổn tri. Dùng định trị loạn tưởng, dùng tuệ trị vô ký, tướng động tĩnh quên đối trị công cuối cùng, thì đối cảnh mà niệm niệm trở về tông, gặp duyên mà tâm tâm khế đạo, nhậm vận song tu mới là người vô sự. Nếu được như thế thì chân thật có thể gọi là định tuệ quân bình rõ ràng thấy Phật pháp tánh.

Hỏi: Căn cứ vào lời phán xét của ông thì nghĩa định tuệ quân bình trong môn ngộ sau tu có hai loại: Một là tự tánh định tuệ, hai là tùy tướng định tuệ. Tự tánh môn thì gọi là nhậm vận tịch tri vốn tự vô vi, tuyệt một trần mà tác đối. Nào có nhọc công quét sạch, chẳng có một niệm sanh tình, không nhờ sức vọng duyên, đây là môn đốn ngộ, người đó không rời tự tánh định tuệ quân bình. Tùy tướng môn thì gọi là xứng lý nhiếp tâm tán loạn chọn pháp quán không, đều điều phục hôn trầm tán loạn để nhập vào vô vi, phát xuất vào môn tiệm dành cho người căn cơ kém cỏi thực hành, vì hai môn định tuệ không đâu chẳng nghi ngờ. Nếu nói một người thực hành thì trước tiên y tự tánh môn định tuệ song tu, rồi sau lại dùng công của tùy tướng môn để đối trị. Hay là trước phải y tùy tướng môn đều điều phục hôn trầm tán loạn rồi sau mới nhập vào tự tánh môn?

Nếu trước y tự tánh định tuệ thì nhậm vận tịch tri càng không có công năng đối trị, đâu cần lại phải lấy định tuệ tùy tướng môn? Như đem viên ngọc trong sáng mà chạm trổ điêu khắc hoa văn làm tán mất đức thể. Nếu trước dùng tùy tướng môn định tuệ đối trị công phu thành tựu, rồi sau mới tiến vào tự tánh môn. Thì rõ ràng là trong tiệm môn căn cơ hạ liệt trước ngộ dần dần huân tu, đâu thể gọi là môn đốn ngộ.

Người ấy trước ngộ sau tu dụng công vô công, hoặc đồng thời không có trước sau, thì hai môn định tuệ đốn tiệm có khác nhau. Như thế nào là nhất thời cùng thực hành, thì môn đốn ngộ cái gì y tự tánh môn nhậm vận quên công năng. Môn tiệm tu căn cơ kém cỏi hướng đến tùy tướng môn nhọc công đối trị, căn cơ của hai môn đốn tiệm không đồng nhau, hơn kém rõ ràng.

Tại sao trong môn trước ngộ sau tu đều giải thích hai loại, xin Ngài làm cho con được thông suốt thể hội để dứt tuyệt nghi tình? Đáp: Đã giải thích rõ ràng rồi, ông tự sanh nghi ngờ, tùy theo lời nói sanh kiến giải càng sanh nghi hoặc. Được ý thì quên lời đừng lao nhọc gì mà đến nỗi phải cật vấn.

Nếu căn cứ vào hai môn đều phán xét sở hạnh, thì người tu tự tánh định tuệ. Đây là môn đốn tụng công vô công, đồng thời vận hành song tịch tự tu tự tánh tự thành Phật đạo.

Người tu tùy tướng môn định tuệ, đây là chưa ngộ trước môn tiệm căn cơ hạ liệt dùng công đối trị, tâm tâm đoạn hoặc lấy sự vắng lặng làm hạnh. Mà sở hành đốn tiệm của hai môn này đều khác nhau không thể xen lộn. Nhưng trong môn ngộ sau tu gồm luận bàn đối trị trong tùy tướng môn, chẳng phải hoàn toàn lấy căn cơ tiệm thứ để thực hành. Lấy phương tiện đó giả lập nói nương vào đời trước mà thôi, tại sao đối với môn đốn này cũng có người căn cơ thù thắng, cũng có người căn cơ hạ liệt, không thể một ví dụ phán xét hành lý đó.

Nếu phiền não mỏng dần thì thân tâm nhẹ nhàng, với thiện lìa thiện, với ác lìa ác, bất động trước bát phong suy tịch nhiên thọ thân trong ba cõi. Y tự tánh định tuệ nhậm vận song tu, tánh thiên chân không tạo tác động tĩnh thường thiền, thành tự lý tự nhiên. Nghĩa là đâu có nhờ tùy tướng môn đối trị, không có bịnh thì chẳng cần tìm thuốc. Mặc dù đốn ngộ trước mà phiền não còn sâu dày, tập khí nhiều lớp kiên cố, đối cảnh niệm niệm sanh tình, gặp duyên mà tâm tâm tác đối. Được người khác chỉ cách diệt trừ hôn trầm tán loạn giết chết sự mê muội trở lại được vắng lặng mà thường biết rõ ràng, Tức nhờ định tuệ tùy tướng môn, không quên đối trị đều điều phục hôn trầm tán loạn để nhập vào vô vi, tức việc nên làm.

Tuy nhờ công phu đối trị mà tập khí tạm điều phục, vì do trước đốn ngộ tâm tánh vốn thanh tịnh, phiền não vốn không, tức không rơi vào môn tiệm tu của người căn cơ kém cỏi nhiễm ô. Tại sao tu phải ngộ trước, thì mặc dù dụng công không quên niệm niệm huân tu, chấp trước rồi sanh nghi ngờ chưa có thể không ngăn ngại. Như có một vật làm

chướng ngại trong lòng, tướng bất an thường hiện ra ngoài hành động cử chỉ, nếu được đối trị lâu ngày chày tháng công phu sẽ được thuần thục, thì thân tâm khách trần khế hợp dường như được nhẹ nhàng. Dẫu đã được khinh an nhưng cội gốc nghi chưa đoạn hết, như đá đè cỏ cũng như ở trong cõi sanh tử mà chẳng được tự tại. Vì vậy nói tu ngộ trước thì chẳng phải chân tu, người ngộ phần thượng tuy có phương tiện đối trị, niệm niệm không nghi ngờ thì không rơi vào nhiễm ô, lâu ngày chày tháng tự nhiên được khế hợp.

Tánh thiên chân diệu tánh nhậm vận vắng lặng mà thường biết, niệm niệm phan duyên tất cả cảnh, tâm tâm hằng đoạn các phiền não. Không rời tự tánh định tuệ quân bình, thành tựu Vô thượng Bồ-đề, cùng trước dường như trội hơn cảng chẳng sai khác. Thế thì tùy tướng môn định tuệ tuy cho người có căn cơ chậm lụt thực hành, nhưng đối với người ngộ phần thượng có thể gọi là một viện sắc thành vàng rồng. Nếu biết như thế, thì đâu nên đem định huệ hai môn mà có hai hoại kiến chấp nghi ngờ (1009) trước sau thứ lớp! Xin những người tu đạo hãy nghiền ngẫm kỹ lời nói này chớ có hồ nghi mà tự sanh tâm lui sụt.

Nếu người có đủ chí trượng phu thì cầu Vô thượng Bồ-đề, xả bỏ điều này thì lấy gì để thành tựu chứ! Tha thiết xin chớ chấp văn tự! Ngay đó phải hiểu nghĩa mỗi mỗi trở về nương tựa bản thân để khế hợp với bổn tông, thì trí vô sư tự nhiên hiện tiền, lý thiên chân rõ ràng không mê mờ, thành tựu tuệ thân chẳng do người khác mà ngộ được. Nhưng ý chỉ mầu nhiệm này tuy cho những người thượng căn, nếu như không gieo trồng chủng trí Bát-nhã và có căn khí Đại thừa đời trước, thì không thể nào một niệm mà sanh chánh tín được, đâu thể bỏ qua luống uổng không tin sao!

Cũng chính là chê bai phỉ báng trở lại chiêu lấy tội địa ngục vô gián. Có một thầy Tỳ-kheo mặc dù không tin nhận một lời kinh song đối với tai nghe tạm thời kết duyên nhưng công đức ấy không thể xứng lượng được.

Theo Duy tâm quyết thì nghe mà không tin còn kết được nhân hạt giống Phật, học mà không thành cũng có lợi ích được phước ở cõi trời người, chẳng mất chánh nhân thành Phật. Huống chi nghe rồi tin nhận tu học thành tựu giữ gìn ghi nhớ không quên, công đức ấy đâu thể suy lường. Theo nghiệp quá khứ bị luân hồi chẳng biết bao nhiêu ngàn kiếp, men theo sự tối tăm vào địa ngục vô gián chịu nhiều thứ khổ cực. Lại chẳng biết chịu cái khổ ấy bao lâu rồi mới muốn cầu Phật đạo, không gặp bạn hiền thì nhiều kiếp trầm luân, tối tăm mê muội không biết, nên

tạo các nghiệp ác.

Hoặc lúc nào đó có một suy nghĩ bất chợt kêu lớn lên một tiếng thật lớn "Chôi ôi!" rồi có thể buông bỏ tất cả tỉnh lại nhận chịu tai ương thuở xưa. Lại chẳng biết ai đã khiến cho ta nay gặp "người" sanh làm hư không cho muôn vật, không mê muội trên con đường chân tu. Thật đáng gọi là như rùa mù gặp bọng cây, hạt cải để đầu cây kim, điều đó thật là vui mừng và may mắn, sao chẳng phải là đạo thù thắng ư!

Nếu nay ta tự sanh tâm lui sụt, hoặc sanh tâm giải đãi mà thường thường trông mong về đời sau, trong phút chốc mất thân mạng đọa vào đường ác. Lúc chịu các khổ đau đớn, dẫu cho có muốn xin nghe một câu Phật pháp tin hiểu thọ trì vì mong tránh khỏi sự chua cay ấy, nào có thể được ư! Đến khi bị lâm nguy rồi mới hối hận nào có ích gì! Xin những người tu đạo! Chó sanh tâm buông lung, chớ có sanh tâm đắm trước tham dục, như cứu lửa cháy đầu chớ quên soi chiếu lại mình. Vô thường mau chóng như sương buổi sáng, mạng căn như ánh năng mặt trời ngã về phía Tây. Hôm nay tuy còn nhưng ngày mai khó mà bảo đảm, tha thiết để ý! Cẩn thận giữ gìn!

Vả lại, nhờ điều thiện hữu lậu ở thế gian cũng có thể tránh khỏi được cái khổ luân hồi trong ba đường. Ở trên cõi trời hay trong loài người được quả báo thù thắng, hưởng thọ các điều an vui. Huống chi pháp môn thậm thâm tối thượng thừa này! Tạm thời sanh tín tâm đã thành công đức. Không thể đem thí dụ mà so sánh và nói hết được một phần nhỏ công đức ấy.

Theo kinh dạy nếu người đem bảy báu trong thế gian đầy cả tam thiên đại thiên, để bố thí cúng dường cho chúng sanh ở thế giới ấy đều được đầy đủ. Lại giáo hóa tất cả chúng sanh tại thế giới đó đều đắc từ quả, công đức ấy vô lượng vô biên. Nhưng không bằng công đức suy nghĩ đúng pháp này trong khoảng một bữa ăn. Nên biết ta đem công đức của pháp môn tôn quý nhất này để so sánh với các công đức khác thì chẳng bằng.

Cho nên trong kinh dạy một niệm tâm thanh tịnh là đạo tràng, còn hơn là xây dựng hằng hà sa số tháp bằng bảy thứ báu. Tháp báu cuối cùng cũng bị hư hoại tan rã sẽ trở về với cát bụi, nhưng một niệm tịnh tâm thành Chánh giác. Xin những vị tu tạo tha thiết để y nghiền ngẫm kỹ lời nói này! Thiết yếu phải để ý!

Đời này không độ được thân này lại đợi đến đời nào mới độ, nếu ngày nay không tu thì muôn kiếp sai lầm. Hoặc đời nay gắng tu hạnh khó tu, dần dần được công hạnh khó khăn, tự mình tiến lên. Than ôi!

Người thời nay gặp cổ tiệc vua mà không dám ăn, bịnh gặp thuốc hay mà không chịu uống. Không chịu nói ta cần gì? Ta sẽ ra sao? Ta chưa đến nỗi gì đâu!

Hơn nữa việc hữu lậu ở thế gian, tướng trạng của nó có thể thấy được, công dụng của nó có chiêm nghiệm được. Người nào làm được một việc thì khen ngợi người đó ít có. Tâm tông của ta đây chẳng có hình thể có thể xem, không có tướng trạng có thể thấy, "ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt". Vì thế thiên ma Ba-tuần ngoại đạo hủy báng chê bai là "vô môn", chủ thiên Phạm vương Đế Thích xưng tán chẳng thể nghĩ bàn. Huống chi phàm phu trí hiểu biết cạn cợt mà có thể lại phớt lơ. Thương thay cho những kẻ trí thức kém cỏi như ếch ngồi đáy giếng, mà đâu biết được sự rộng lớn của biển cả. Dã can đâu thể nào có tiếng rống như sư tử. Cho nên biết trong đời mạt pháp nghe được pháp môn này, sanh trưởng ít có tin hiểu thọ trì.

Đã ở trong vô lượng kiếp phụng thờ chư Phật, gieo trồng các căn lành, kết chặt chánh nhân Bát-nhã và căn tánh tối thượng.

Theo kinh Kim Cang thì với chương cú này, người nào sanh tín tâm, phải biết người đó đã trồng nhiều căn lành ở chỗ vô lượng chư Phật. Lại dạy rằng: Vì nói cho người phát tâm Đại thừa, vì nói cho người phát tâm tối thượng thừa. Nguyện xin chư vị cầu đạo! Chớ sanh tâm khiếp nhược, hãy phát tâm dũng mãnh. Nhân lành từ kiếp trước chưa thể biết được. Nếu không tin pháp môn thù thắng này, mà lại đành bị vọng tưởng hạ liệt sanh tư tưởng khó khăn cản trở.

Đời nay không tu, thì dẫu có quyết đoán được căn lành đời trước, càng thêm khó khăn lần lượt xa cách. Nay đã đến "bảo sở" chẳng lẽ đi tay không trở về, một khi mất thân người, muôn kiếp khó gặp lại. Xin phải dè dặt! Há người có trí biết bảo sở rồi mà không tìm cách đến lấy, ngược lại chê đường xa rồi oán trách số kiếp nghèo khốn. Nếu muốn được của báu thì phải buông bỏ đãy da!

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 178

THIỀN TÔNG QUYẾT NGHI TẬP

SỐ 2021

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2021

THIỀN TÔNG QUYẾT NGHI TẬP

Sa-môn Trí Triệt ở đất Tây Thục soạn thuật

NGUYÊN TRẠM LƯU THANH MÔN

Luận về pháp không tự sanh khởi, có từ duyên sanh, muốn cùng tột nguồn mê phải khai mở hoặc vi tế. Năm xưa, đi qua ngày nay cũng lập bày lại, học giả thấy nghe từ chỗ đơn giản ấy. Lúc tôi xuất gia tuổi muộn, đạo tâm rất tinh tấn vững chắc, chẳng nghĩ đến sự nguy hiểm mất mạng, chuyên tâm tiến thẳng tới trước. Dẫu cho có gặp ma gặp nạn thì tâm niệm này cũng chẳng quên.

Giả sử gặp nhục gặp vinh nhất tâm không lay chuyển, vì thế gọi là kẻ ngu ngơ là người cố chấp. Nếu không có tâm gan cứng như sắc tiến lên phía trước thì đâu thể lãnh hội được việc như vậy, mặc dù nhiều năm ở trong chốn ngũ dục, cũng giống như dạo xem vườn cảnh. Trần lao tích tụ thế sự lăng săng, xúc chạm cảnh trần tâm vô vi thường e sợ, điều đắc đưa tới không mừng vui, ứng dụng vô phương, mất đi nào có lo gì hiện tiền không có chỗ nơi.

Ban đầu tôi ở trong học đường, trãi qua nhiều việc gian nan vi tế suy cho cùng chẳng nhiễm sâu tới chí hướng. Tuổi trẻ sức mạnh làm việc không nệ hà như người tầm thường, dũng mãnh công phu cứu cánh khó làm. Đạo bạn tình chỉ bảo nhau, cùng chia xẻ giải quuyết nhiều nguyên nhân vấn để. Đạo ở nơi người hoằng dương, chứ chẳng luận tăng sĩ hay thế tục.

MÔN TINH TẤN LÌA TRẦN LAO

Năm hai mươi sáu tuổi Trí Trệt gặp duyên lành, được thọ giới, trì trai, chuyên tâm niệm thật. Đến năm ba mươi mốt tuổi xa lìa nhà cửa

làm du tăng đi tham thiền thỉnh ích. Sư Vân Phong Hòa thượng dạy cho câu thoại đầu "Vạn pháp quy nhất quy hà xứ, và bảo tham đi".

Sư bèn kết bạn với Quang Huynh, cả hai cùng đi men theo con đường khúc khuỷu quanh co đến am chủ Hà Đường ở phủ Quỳ và dừng chân núi ẩn cư nơi chốn vắng vẻ. Tự tới trước tượng Phật đốt hương lập lời thệ nguyện lập hạnh giới hạn trong ba năm kiên quyết thệ rằng: Nếu con lười biếng muốn cầu sự ngồi nằm, lấy đó để an thân, lưng dính giường chiếu thì bị đọa vào đại ngục Vô gián vĩnh viễn không có thời hạn để ra khỏi đó.

Bắt đầu từ hôm đó ngày đêm Sư thong thả đi giáp vòng rồi bắt đầu lại từ đầu, trừ hai thời cơm cháo mới ngồi, ngoài ra lúc uống các loại trà nước cũng chẳng dừng chân. Đạo bạn thí chủ có ai đến thăm hỏi nhau, cũng không giao tiếp nói chuyện, nói năng giảm thiểu, chỉ để cử câu thoại đầu: Vạn pháp duy nhất, nhất qua hà xứ. Hoàn toàn chú tâm vào một chữ nhất, dùng nghi tình rất tha thiết, có lúc đắc lực quang đảng như thanh thiên bạch nhựt, dường như chẳng có một điểm mây nào che khuất cả. Chỉ thường biết một chữ Nhất nghi tình ở trong tâm linh hoạt nhanh nhẹn, như viên minh châu lăn tròn trên mâm tung hoành tự do chẳng bị chướng ngại. Đến đây dường như chẳng biết có thân đi trên đất, cũng chẳng hay có các việc động tĩnh lạnh nóng ở thế gian, các việc co duỗi cúi ngước đại tiện tiểu tiện, đều không có tâm so sánh phân biệt. Chỉ theo nghi tình tin vào bước chân mà đi, lúc ăn cháo ăn cơm, tin vào bàn tay cầm muỗng buông hoặc nắm. Lại chẳng nếm biết trong thức ăn có các mùi vị cay chua mặn lạc, đến chỗ này mời biết tâm niệm thanh tịnh liên tục không gián đoạn. Công phu được chế phục một chỗ.

Tôi nêu việc này, hoặc có người chưa hạ thủ công phu, còn nghi ngờ chưa tin, thì tạm mượn hai ví dụ nhỏ để dối nói. Thì như ở đời có người thanh niên chợt phát khởi một cơn thịnh xông thẳng vào bắt lấy vị thủ lĩnh trong trận có trăm vạn quân lính, người đó vì muốn đắc thắng thu hết công lực chẳng nghĩ đến sự nguy hiểm ảnh hưởng đến tính mạng. Một cơn tức giận xong thẳng tới trước càng không có tâm thối chí, ý nghĩa của ví dụ đó, cùng với người học đạo cũng như vậy. Lại như chúng ta muốn cầu đạo nhiệm mầu vô thượng dùng để báo đáp bốn âm sâu nặng, mượn nhờ thân thể của cha mẹ sanh ra. Hoặc đốt một nén hương, một ngón tay, một cánh tay, vừa biết đau đớn liền rời vào đệ như niệm, nói hai ví dụ này chỉ muốn người học tin chắc việc này, không được hồ nghi. Công phu tu hành đến nơi chốn mới có chỗ tương ưng, lấy chủ trương này cũng giống như việc hạ thủ công phu được đắc lực.

MÔN LÙI BƯỚC RỒI LẠI TIẾN LÊN PHÍA TRƯỚC

Đây là nêu có lúc không được đắc lực, trên một chữ nhất này nghi tình lại nghi rồi lại mất, không rơi vào hôn trầm thì cũng liền quy về sự tán loạn. Nếu dùng sức để nghi càng không đắc lực, lui sụt càng thụt lùi, một chữ thối (lui) này rất nhiều người không biết. Cho nên nêu một thí dụ nhỏ để làm sáng tỏ việc này, thẳng như có người bàn cùng ở thế gian, nghe nói cách xa ngoài vạn dặm nơi ấy có trân báu rất nhiều. Bèn đi đến đó tìm lấy, hoặc đi được một ngày hay hai ngàn dặm thậm chí đi được năm ngàn dặm, mà sanh tâm thối lui muốn trở về chẳng muốn đi tiếp, tâm lui sụt thôi thúc không dứt. Thình lình tự than trách rằng: Nếu ta quay về quá uổng phí công lao từ trước đến nay, hơn nữa phải mãi mãi chịu cảnh đói rét nghèo cùng khốn khổ. Lại suy nghĩ của báu này ai ai cũng có phần, tại sao ta phải tự bỏ chứ, nghĩ như vậy bèn khởi ý chí vững chắc lại tiến thẳng tới trước, chẳng sợ mệt nhọc bất kể lạnh nóng, thẳng đến bảo sở chỗ châu báu được giàu có nhiều của cải lợi ích an ủi. Quyến thuộc đông đúc, thế sự đều như vậy. Lập thí dụ tấn thối này đều là chủ trương hạ thủ công phu mà chưa tới chỗ đọc đắc lực, khiến cho họ trở lại được đắc lực: Thật ra chỉ sợ người học đời sau, đi được nữa đường mà bỏ phế, cho nên lặp lại việc này để khuyên gắng khích lệ thêm.

MÔN LUI SỤT SỤT - SÁCH TẤN

Đây nêu việc thối tâm và không đắc lực phân thành hai thuyết, người học bất đắc phải tham một thí dụ. Sau đây nói rõ lại chữ “thối” (Lui sụt) này, để người học biết được. Thối là thối tâm Bồ-đề, tâm thối chí sợ đường dài xa, lui sụt tâm tinh tấn, Phật không muốn dạy, đạo chẳng muốn tu, không muốn gặp Thiện tri thức, đạo bạn chẳng ưa thân cận, chẳng thích tham câu thoại đầu, chỉ ưa tán dốc được tự tại, hoặc có lúc thường hay khởi niệm lui sụt này, hoặc là dụng tâm quá độ, hoặc nghiệp chướng đời trước sâu dày còn căn lành thì kém mỏng. Thường thường hướng đến trước tượng chư Phật, Bồ-tát, năm vốc sát đất đốt một ngón tay hay một nén hương phát lộ tội khiên từ đời trước, cầu ai sám hối. Dũng mãnh tham khởi câu thoại đầu, niệm này như nước nóng tưới lên băng tan hết chẳng còn xót một niệm tinh thần học giả phải hết. Lúc nào tôi gặp nệm lui sụt này phát khởi, liền đất hương phát lồ sám hối, cầu xin Đức Phật thương xót giúp đỡ bên cử câu thoại đầu, thò niệm này ngay đó hiền tiêu diệt. Đây là việc đã chứng nghiệm rồi, cho nên chép ra đây để sách tấn người hậu học.

GIẢI ĐÃI - GẮNG SIÊNG NĂNG

Đây nói người không đắc lực, hoặc trên câu thoại đầu không nghi, hoặc là câu thoại đầu cử không đề khởi, hoặc trầm hoặc bỗng, hoặc theo thinh sắc, hoặc theo phan duyên, hoặc ưa ngủ nghỉ, đều là giải đãi biếng nhác buông lung thân tâm. Đối với việc sanh tử dụng tâm không tha thiết, tùy chỗ ưa đắm, vì vậy không đắc lực. Hai loại kinh này, lúc tôi công phu chưa thuần thục thường hay hiện khởi, chỉ nên hứng đến câu thoại đầu quyết tâm khởi nghi tình. Cũng chẳng nên dùng tâm phân biệt phải quấy rồi tìm cách xua đuổi trừ bỏ một khi nghi tình đã khởi thì niệm này liền tiêu, những điều đã nói trên đây đều chẳng phải một việc của người học được ngắn gọn rõ ràng dứt khoát và rành mạch, chẳng có một chút tâm niệm nào khác. Nên đem việc từ đời trước đã biết, điều học đã biết, ghi nhớ lời chư Phật, chư Tổ dạy, những thuyết của bách gia chư tử. Với đây gạt bỏ hoàn toàn sạch hết, ngay đó đắc thành một khối kín như bưng con kiến cũng không lọt. Quét sạch tình phàm Thánh, đến đây tham cứu một câu thoại đầu, hoặc trong câu thoại đầu tham một chữ vô, hoặc đề cử câu vạn pháp quy nhất, nhất quy hà xứ. Một vai nhận lãnh gánh vác gắng sức tiến thẳng tới trước, chớ có quay đầu lại, đi thẳng về nhà ngồi yên ổn, mới là an vui với thời tiết vậy.

CHẤP NGẠI QUYẾT NGHI MÔN

Hai tắc ngữ trên đây đều rút ra của Hòa thượng Triệu Châu, chốn Tùng Lâm có nhiều tắc. Mỗi khi gặp đồng đạo không chấp có, chấp đoạn, chấp thừng. Người chấp không bị ngài Triệu Châu nói không vì cạn pháp vốn không, bản tánh không tại sao nghi có. Người chấp có cho rằng ngài Triệu Châu nói không, chỉ cáo có nói là không, trong cái không tức cái có lại nào có nghi chăng! Người chấp đoạn nghĩ ngài Triệu Châu nói không, muốn pháp có đều rỗng không, không có một pháp nào đáng thủ chứng hà tất phải nghi ư có! Người chất thường cho rằng ngài Triệu Châu nói không và chân tánh thường còn tịch nhiên bất động nào có dụng mà đắm trước điều nghi chứ! Ôi! Chỗ thấy thiên lệch cạn cột vì thế mới có lỗi này. Nếu chủ trương như thế thì chẳng cần dùng nghi tình để đắc vô thượng Bồ-đề, trừ thiên sanh ngài Di-lặc tự nhiên Đức Thích-ca mới đắc. Thí như người nghệ thuật thay giỏi ở thế gian, không có một người thợ nào trong công việc chưa có chỗ không nghi ngờ mà thành sự nghiệp được. Một chữ nghi này bèn là tư tưởng dụng tâm mưu toan, thể giống nhau mà tên sai khác. Như trên hội Tăng nghiêm có hai mươi lăm vị viên thông mỗi vị đều có sở nghi mới có sở

chứng. Việc này chẳng cần chú thích tỉ mỉ trong chúng cùng ta biết.

THẤT THÁNH CỨU TÁNH MÔN

Đây là nói người đề cử tham chữ vô, người học thấy lời nói của bậc Tôn Túc xưa kia, đem chữ vô này dán trước con mắt. Con mắt tức là chữ vô, chữ vô tức là con mắt, chỉ như thế mà khân đi, người học mới lãnh hội dưới chữ vô. Tiến tới lâu dài liên tục lên giường ngồi ngay thẳng chăm chú giữ lấy cái đầu, nghiến chặc răng, mở to hai mắt mà khán chữ vô này. Nhỏ thì nhỏ như hạt bạc vi trần, lớn thì lớn như trời đất, hoặc ẩn hoặc hiện ghi điều này cho chắc chắn, ngay đó công phu đắc lực.

Lại nghe người học cho rằng sư khai phát, có vị tăng hỏi ngài Triệu Châu con chó có Phật tánh không.

Ngài Triệu Châu đáp: Không.

Sư bèn dạy người đề khởi chữ vô này. Người học tin đến nỗi liền từ đấy đi cũng khán chữ vô ngồi cũng vô, mặc áo ăn cơm vũng vô, trong tất cả thời đều vô. Hoặc chậm hoặc nhanh, chậm thì trong tất cả thời không niệm tự niệm, niệm được chữ vô này linh hoặc nhẹ nhàng. Hoặc lúc niệm gấp (nhanh), dạy niệm hết một hơi thở rồi mới dừng, giáp vòng rồi lại từ đầu, cũng niệm như thế lấy đó làm công phu thuần thục.

Tôi thường nghe người học phát ra lời nói như vậy, vì thật sự chỉ sợ người sau hiểu lầm, bèn lập hai thì dụ nhỏ để hàng thức giả trường tận. Hiểu rõ cách niệm chậm này dùng như khế hợp vì trên tấm váng quàng hạt đậu mặc tình nó lăng không thể nào ràng buộc ngăn cản được. Thấu suốt pháp niệm gấp cũng giống như lên lầu trống phát ra tiềng đồng thời thông, tiếng dứt lại có một tràng ngân nào có thêm gì chăng? Như trước khác chữ vô và niệm chữ vô, hai cách công phu này, trong tứ chúng dụng tâm rất nhiều. Như đây nói ra dường như một câu chuyện nói chơi, thật đáng tiếc thay!

Hoặc có người tham câu thoại đầu vạn pháp quy nhất, nhất quy hà xứ, theo đó tìm về nguồn chắc chắn sẽ khởi chỗ nghi tập tức loạn thuyết chi ly. Hoặc có người trên chữ hà xứ khởi nghi tình, hoặc giả cho rằng trên chữ nhất khởi quy, hoặc cả hai câu đều niệm, hoặc chỉ niệm câu sau. Mỗi người học phải tự chủ trương một con đường mà không thay đổi, chẳng có thể hiểu nỗi!

TRIỆT ĐỂ CÙNG NGUỒN

Tự hổ thẹn ở trong học đường, mà chưa được thăng đường nhập

thất, môn đầu hộ lý thú chỉ kín nhìn trộm mà thôi. Thí như vương gia nắm quyền hành và các vật trân châu của báu khác, vốn chẳng phải người khác có được, một phen có thể phân biệt rõ các việc chân ngụy giàu nghèo sanh hèn nặng nhẹ... Quyến thuộc của vua có như cầu xin ngài bèn tùy ý cấp cho họ tiêu dùng không thiên lệnh. Vô thượng diệu bảo của Phật tổ, chẳng phải điều trôi được, công phu thứ lớp tà chánh cạn sâu sơ lược để biết. Xin nguyện cùng bạn đồng đạo quyết trạch nghi tình này, chắc chắn không dối gạt nhau.

Có vị Tăng hỏi ngài Triệu Châu, con cho lại có Phật tánh chăng? Triệu Châu trả lời không. Vị tăng lại hỏi: Loài hàm linh cử động đều có Phật tánh tại sao con chó không có Phật tánh? Ngài Triệu Châu cũng đáp không, vị Tăng này ngay nơi đó dường như hiểu bị lão già này mở miệng chửi cho một trận đau đớn. Ngài Triệu Châu đành bị bịt miệng không nói để tránh, khiến cho lời nói này, suốt đời rơi vào nghi tình. Bèn đem ba trăm sáu mươi lóng đót tám mươi tư ngàn lỗ chân lông, một phen in vào hơi thở không thông, một tay khéo lại cho dừng trụ.

Ngài Triệu Châu bảo: Phật dạy loài hàm linh cử động đểu có Phật tánh, Hòa thượng tại sao nói con chó không có Phật tánh, thật ý sao nói không. Vị tăng có đến đây nghi tình trầm trọng, đi cũng nghi tại sao nói không, ngồi cũng nghi tại sao nói không, mặc áo ăn cơm cũng nghi tại sao nói không, động tĩnh nóng lạnh cũng nghi tại sao nói không, khổ vui nghịch thuận cũng nghi tại sao nói không. Ngày đêm mười hai thời chẳng có một khoảng khắc nào tạm dứt, chỉ riêng không giận ngài Triệu Châu nói con chó không có Phật tánh. Trực tiếp muốn hướng đến chữ vô nắm lấy phần thưa ngài Triệu Châu, bị người ghét bỏ mới bắt đầu thôi dứt.

Sau đây chính là nói chỗ người học dụng nghi tình, cần phải cẩn thận nắm chắc ý. Nếu lúc dụng nghi trước tiên phải phát tâm phẩn nộ, nghi ngài Triệu Châu tại sao nói không? Tâm phẩn nộ này (Chú thích rõ ràng hoặc trong tâm không phát ra tiếng chỗ tức giận. Hoặc phát ra tiếng mà miệng ngậm mũi bịt âm dường như phục hổ. Như người chịu nhục có nghi mà không quyết, đều có âm thinh không tức giận này). Hoặc phát ra tiếng hay không ra tiếng, người học tự lấy phương tiện, một chữ nghi này chỉ riêng nghi ngài Triệu Châu tại sao nói không, không phải khán ngài Triệu Châu không, chẳng phải niệm ngài Triệu Châu không. Người học thời nay đa số là khán chữ vô này, niệm chữ vô này, thật đáng thương! Người học đến đây tỉnh táo chắc phải khán vị tăng kia đương lúc đó có nghi tình, lại hỏi loài hàm linh mày động

đều có Phật tánh, tại sao con chó không có Phật tánh. Câu hỏi này nghi thấu đến xương tủy, vị tăng cầu chết chẳng muốn sống, bức bách bị lão Triệu Châu và trong tim gan ói ra chữ vô. Muốn thau lại chẳng được, vị tăng cầu chết, chết không được, từ khởi thỉ đến nay nghi mà không phải giải quyết được. Cho nên điều người trước nghi tức là điều người thời nay nghi, điều người thời nay nghi tức là nghi đấm trước lời ngài Triệu Châu nói. Bất chợt khối nghi nổ bùng một tiếng, cái thấy thấu suốt bên kia tiêu dứt đi, đây nói thôi đi, vì nói nhiều cách đạo càng xa.

CHỈ BỔN HOÀN CHÂN MÔN

Đoạn văn này nêu vị tăng hỏi ngài Triệu Châu câu thoại đầu Vạn pháp quy nhất, nhất quy hà xứ. Ngài Triệu Châu đáp ta ở Thanh Châu làm việc nhận lãnh cái áo vải thô nặng bảy cân, điều nghi của vị tăng này không giống với cái nghĩa của vị tăng kia rổng không khiến đầu lưỡi ngài Triệu Châu khai mở nói cái việc một lần nuốt sạch chiếc áo bảy cân. Ý này như thế nào bởi cho rằng xứng cái đuôi không tươi nên không mua xưa nay trong chốn Tùng Lâm phần đông cử câu thoại đầu Vạn pháp quy nhất, nhất quy hà xứ.

Mật pháp này tôi chấn ruộng gọi là phá, song sau hội quy về một chỗ, khiến cho người học dể giải dể hiểu. Theo kinh Pháp Hoa chép: Chỉ có một sự thật này, ngoài ra có hai chẳng phải chân. Một pháp này chính là bổn nguyện của chúng sanh, là diệu đạo của chư Phật, cũng là mẹ của môn pháp, là tôn quý của chư Thánh. Người mê thì luân hồi không dứt, người ngộ thì liễu sanh thoát tử, lại nêu câu thoại đầu Vạn pháp quy nhất, nhất quy hà xứ. Lúc dụng nghi chỉ nghi một pháp này (trong đây chú thích người học dể thâm nhập). Nhất tức là tâm (Tâm đây là tâm linh tri, chẳng phải tâm phân biệt, tâm bằng xương thịt). Tâm tức là nhất, nhất là vua của chư Thánh, nên gọi là tâm vương.

Tại sao tôi phân tích tỉ mỉ như vậy, e rằng người học lúc ban đầu vào đạo, thỉnh ích sư mà không từng khai thuyết được nghi tình rõ ràng, người học lại chẳng hiểu thứ lớp để thưa hỏi. Lại không gặp bạn tốt thiện hữu cuối cùng mặc dù nghe có thiện hữu tri thức, lại không thể thân cận quyết trạch thân tâm. Chấp về cái thấy của mình bị mai mọt tuổi bình sanh, thật đáng thương! Cho nên tôi chỉ muốn người học hướng đến một chữ nhất này mà khởi nghi tình, ban đầu nêu Vạn pháp quy nhất, nhất quy hà xứ, hoặc nêu ba, năm chữ thứ tự tùy ý buông thau, song sau muôn pháp quy nhất. Ít nêu chỉ ở chữ nhất khởi nghi tình, người nghi nghi nhất quy y hà xứ này, ba chữ "Quy hà xứ" là khảo cứu chữ nhất đây hoàn toàn

hướng về chỗ nào để an thân lập mạng. Ba chữ này không nghi nghi ở trên chữ nhất, sợ trên chữ nhất nghi tinh không khởi, lại nêu rốt ráo nhất quy y hà xứ (một trở về chỗ nào?). lúc đề cử câu thoại đầu hoặc phát ra tiếng hay không ra tiếng đều được, nhưng không được quá gấp, lại không được quá chậm. Như đánh chuông tiếng ngân dài, tiếng đánh đều đặm thì hòa thuận, chỉ quý trọng trên câu thoại đầu là nghi tình, chỗ đắc lực hay không đắc lực giữ lấy dụng cộng cho tha thiết. Không thể tin người nói, chẳng cần mở miệng để cử câu thoại đầu, hoặc tin lời nói này ngậm miệng duyên theo tiếng, sau chắc chắn có bệnh hoạn.

THUẬN THEO HƠI THỞ KHỞI BỆNH

Đâu nêu ra chỗ thỉnh ích của người học không rõ ràng, sau mắc bệnh tổn thương thân tâm. Chính thân tôi thấy huynh đệ im lặng không nói, sau này đa số bị bệnh ói ra máu, dò hỏi lý do, họ bảo thiện trí thứ không dạy mở miệng để cử câu thoại đầu. Tôi xót xa nói với họ bệnh này chính làm khí lực tổn thương nơi tim (tâm). Tim là chủ máu huyết, tâm (tim) không thể làm chủ thí khí huyết vận hành lộn xộn, cần phải cho rằng lẽ ra hơi thở dứt, mạch máu lưu thông bốn đại an hòa đạo thời hưng thành đầy đủ. Trộm nói thí dụ nhỏ, như ở đời có người đánh mất của báu quý trọng sáng tìm chiều tìm, hoặc im lặng suy nghĩ, hoặc mở miệng dò hỏi, hoặc tự đau xót tự than thở, hoặc gặp ai chỉ nhìn, hoặc trong nhìn mà được. Như vậy suy cho cùng sự lý mở miệng ngậm miệng nói nín động tĩnh sao nghi ngờ!

Lại cùng người đọc xét kỹ cội nguồn căn bệnh này hoặc ăn no gánh nặng, hoặc lên núi leo bộ, nêu đại khái bốn chỗ này. Ban đầu nơi bốn chỗ này khởi bệnh thở hổn hển ngặt thở. Như không mở miệng phát ra tiếng lúc để cử câu thoại đầu, hơi thở ứ đọng trong bụng làm tổn thương thân tâm tự mình tạo chướng ngại, vọng cho là bệnh do ngồi thiền. Mà không oan ức sao!

BẬC THƯỢNG CĂN LỢI KHÍ

Đây nêu ba hạng Thiện tri thức, nhập môn đều có di kiến nói không đồng. Hoặc từ kinh giáo có người ngộ hoặc đời trước có người nhờ sức Bát-nhã chẳng tham thiền mà ngộ, hoặc có người tinh tấn công phu tham thiền chưa bao lâu mà ngộ. Ba bậc Thiện tri thức này, chắc chắn không khai phát cho người ơ sơ chỗ công phu vi tế. Nếu đề xướng tới tôn thừa thì tiếp dẫn bậc thượng thượng căn khí thời có thể được, còn căn cơ bậc hạ trung khó tiếp độ. Cho nên bậc cổ đức dạy, người học đạo

không đủ pháp nhãn, phải đủ con mắt tham phương, ngài trọng ni có nói nhìn thấy họ cho nên quna sát nguyên nhân và chỗ an nhàn của họ. Do đó chúng ta hành khước, phải đủ tham phương chánh nhãn.

MÔN THIỀN LÂM TĨNH TỰ

Đây là nêu kỷ cương tọa thiền chốn tùng lâm một tiết tịch, xưa nay Phật pháp trường tồn tùng lâm hưng thạnh, thiên long ưng họ thì chủ quy y tôn sùng thọ dụng hiện thành thường trụ đầy đủ sung túc xứ xứ nhập chúng an vui tọa thiền, người người mến đạo tinh tấn tu hành. Chúng tăng đông hơn ba trăm, năm trăm vị hoặc một ngàn, hai ngàn chúng, hai bên Đông Tây quán lý chấp sự theo hàng lối, trong ngoài nhất như tâm phổ khắp như đất. Sự sự như nhân biết quả, người người thấy đạo sáng tâm, ba đức sáu vị đềukhông thấy sót, tứ sự bảy sáu đều đầy đủ. Cho nên trong tăng đường Bồ-tát học Bát-nhã.

Ngoài hai thời cơm cháo còn chuyện tâm nơi đạo, người thượng căn lợi khí không rời chỗ ngồi riêng của mình nghiên cứu nhất thừa. Ngày đêm tĩnh tĩnh nghiêm trì chánh quán, sau này mỗi người có phát minh lớn thành đại pháp khí thâu nhân kết quả, vào Tùng Lâm làm đại tông tượng, khai mở lò lớn rèn luyện cho người học.

Chỗ tạo làm công phu trước tiên nêu một loại thượng sàn, cai nghi việc làm tại chỗ tinh thành, cần phải ngồi kiết già ngay ngắn mắt nhìn thẳng sống mũi ngang rốn hai hàm răng chạm khít nhau giữ đầu cho vững. Đợi khi hơi thở đã ổn định thì đề cử câu thoại đầu.

Có vị tăng hỏi ngài Triệu Châu: Con chó có Phật tánh chăng? Ngài Triệu Châu đáp: Không, chẳng cần động khẩu Phật động lưỡi im lặng tham cứu lấy ngộ làm kỳ hạn. Đây là dạng nghi thức tọa thiền trong chốn tùng lâm, đại chúng cần nên biết.

U CỨ CHÁNH PHÁI MÔN

Đoạn này nói về mạch chánh tông. Sau khi ngài Huỳnh Mai thị tịch, ngài Bách Trượng cho xây dựng Tùng Lâm, sắp về trước. Hoặc ba người, năm người ở trong núi hay dưới gốc cây dùng dao xới đất lấy lửa từ cây, công phu không có thời gian cắt móng tay, chăm chú nơi đạo chú nơi đạo niệm niệm không quên. Trong đó người người thành đại pháp khí, đời sau mỗi vị làm chủ một phương thuyết pháp lợi sanh. Người tham học rất đông, do đó tổ Bá Trượng Đại Trí Thiền sư mới bắt đầu xây dựng Tùng Lâm. Đây là nêu các vị Tiền bối Tổ sư ở ẩn trong núi tu hành siêng năng chịu lao nhọc hạ thủ công phu, đại chúng nên biết.

KỲ VIÊN CHÚNG THÁNH MÔN

Đây gọi là pháp ban đầu phát xuất từ nguồn bình đẳng, Đức Thế Tôn của chúng ta ở tại Kỳ Viên cùng mười hai ngàn vị Tỳ-kheo, vì muốn giáo hóa thí chủ nên hành hạnh khất thực. Để phá tâm tham lam nên khỏi đọa vào ba đường ác, trong bát được thức ăn phân làm ba phần:

Một phần thí cho các loại ngạ quỷ, chim thú và các loại cá nghêu sò, ốc, hến... dưới nước.

Một phần thí cho người ăn xin nghèo khó.

Một phần nuôi thân để hành đạo cầu Phật quả Bồ-đề vô thượng. Trí bát ra khỏi vườn đều đắp ba y và giữ chánh quán, khi đi nhìn thẳng tới phía trước sáu tất, mắt không liếc ngó hai bên, cử chân cất bước phải an tường buộc buộc niệm nhìn thẳng.

Vì vậy, Đức Thế Tôn tùy xứ trải qua mùa Đông hay mùa Hạ, đại chúng đều nhập tam muội từ tâm này, đây là điều đại chúng cũng nên biết. Ba loại pháp môn này không ra ngoài nhất tâm, Phật tổ tùy thời cơ phương tiện hành đạo, người học không nên chấp khư khư vào một loại bán chặt vào đó mà xao lãng. Đối với ba pháp môn này tôi đều phê phán, khiến cho từ chúng hậu học không chấp nê bị mê nơi tư hoặc.

GIÁC NGỘ HUYỀN TÔN MÔN

Nếu luận về việc này chẳng ở nơi ngồi ngay không nói, chẳng tại cày ruộng nấu cơm, chẳng ở chỗ đắp y trì bát. Vả lại đạo rốt ráo ở chỗ nào? Giây lâu lại hỏi là chỗ nào lại là cái gì? Người học đối với lý này phải thể hội không được buông, mỗi người phải tham câu thoại đầu này y như trước đã để cử đã nghi, chẳng cần phải thuật lại. Chỉ cần trên câu thoại đầu thể hội và làm một cách linh hoạt, không nên ngưng trệ nơi một chỗ. Thậm chí lúc đi đứng ngồi nằm mặc áo ăn cơm chẻ củi gánh nước đại tiểu tiện lợi nói nín động tĩnh co duỗi cuối ngước tiếp đãi khách khứa khổ vui nghịch thuận đạo ở trong đó. Cần phải có phương tiện mới được, hiểu người hạ thủ công phu triệt để.

Thí như người có thói quen đá bóng thường thường trái bóng chạm vào đầu đầu liền tết, chạm vàp vai vai liền đỡ lên, chạm vào khủy tay khủy tay liền tung lên, chạm vào bàn tay bèn búng quả bóng lên, chạm vào đầu gối đầu gối liền hứng lấy cho bóng vọt lên, chạm vào bàn chân chân liền đá bỗng lên. Bị khiễng chân bèn chuyển sang một chân đá vượt qua cung thành thẳng lên cõi trời tam thập tam, mười tám cõi Phạm thiên, Tứ không thiên giáp vòng rồi quay lại từ ban đầu. Chẳng

có một chỗ nào có thể thau lấy, chẳng một chỗ nào có thể dính mắc, tại sao? bởi vì đều nhờ nó hoạt bát nhanh nhẹn. Cho nên ba cõi thau lấy nó không được, không có tâm nào ràng buộc được nó, có diệu dụng như vậy, tự tại đây như vậy, an lạc như vậy. Huống chi ba cõi bắt lấy ràng buộc nó cũng chẳng được tận mười phương hư không cõi nước như vi trần cũng không câu phược nó. Xưa nay được tánh không ngăn ngại, và lại người học nói nó là quả cầu. Hay nó là người đá cầu? Hiểu gì! Hiểu gì! Thôi đi! Nếu gặp ngài A-dật-đa chính thân được thọ ký.

Lập một thí dụ này người học ngộ được chăng? Luận về đức tin hay không tin đều lưu xuất từ tâm ông, tin hay không tin như gương chiếu gương, tâm gương đều quên lo gì niệm vắng mười huyền. Ngàn kinh vạn luận, dẫn dụ người học quy về thập tín. Với lòng tin chân thật sẽ có phần thành Phật, hạnh giải tương ưng, nước đàm lắng trong thì trăng hiện. Tín tánh tự tâm tin tâm tự tánh, tánh bổn tự tâm, tâm tánh như như tự tin tự kính.

QUY NGUYÊN THẬT TẾ MÔN

Những điều đã nói trên đây chẳng phải bổn ý của tôi, suy cho cùng Thánh điển tập hợp biên sao thành văn đều nêu xưa nghiệm nay sâu thật. Cho nên phần đông thấy người học trong bốn chúng, dụng tâm sai khác kiến thức thiên khô, không phân tà chánh, khó biện thị phi. Ôi! Sanh gặp thời vận cách thành thời xa, chẳng rõ trước mắt muôn duyên sai khác, vì vậy chỉ luận về người hạ thủ công phu. Tuy tham thoại đầu phần nhiều không đồng, nhưng với chỗ khởi nghi không dụng hai tâm. Tất cả câu thoại đầu quyết phải khởi nghi, bậc cổ đức dạy: Không nghi chẳng ngộ, đoạn văn trước không nói sao? chưa có một người nào không nghi mà thành sự, phải đầy đủ chánh trí chánh kiến, chớ rơi vào trong hang chồn (dã hồ) làm mai một đời. Tại sao chỉ có một đời, trăm ngàn vạn đời hạt giống Bồ-đề chẳng nẩy mần nổi. Tôi đều ở nơi học đường không nở thấy nghe, trong hai ngã sẽ quyết nghi biện hoặc, tyrước đã đem những lời dạy sách tấn chúng, thí dụ cơ duyên của chư Phật chư tổ có chép trong ngữ lục và kinh giáo một ngàn không trăm mười ba. Đồng thời ghi rõ ràng chỗ công phu đắc lực của tôi để bốn chúng hậu học, đến như dưới một lời nói tâm địa khai thông, trong mỗi câu tánh thiên xán lạn. Đến đây mới không phụ chí nguyện tham học thuở bình sanh.

Hoặc giả tâm địa không khai mở tánh thiên chân chẳng sáng, mỗi mỗi đều cột chặt đầu dây giống như vẽ mèo chợt ngạc nhiên đứng dậy đi. Bỗng nhiên gặp lại bạn thân chỉ cho nhân phía trước, một niệm tương

ưng muôn lượng vàng cũng tiêu. Đúng lúc ấy, các khổ trong ba đường đồng chứng Bồ-đề bốn ân sâu nặng đồng thời được trả xong. Người trí thông suốt và kẻ kém hèn đồng học may mắn được chăm sóc dìu dắt nhau, Thệ nguyện đời sau, ở mọi nơi đồng làm bạo pháp:

Cội nguồn hiếu kính sự lý viên dung
Thể dụng song thu giúp đỡ giáo hóa
Song thọ dạy bảo đại chúng tuân hành
Pháp môn sám hối hạnh nguyện Bồ-đề
Nhớ xưa xuất trần nhờ thầy dạy răn
Lại trị giải đãi dừng cảnh dứt mê
Sự lý viên dung hiếu kính có nguồn.

Trên đây nêu ra thời gian thứ lớp động tĩnh về công phu quán câu thoại đầu, cho kẻ sơ cơ nhập đạo, trình bày đầy đủ tất cả cách ứng xử cử chỉ để tứ chúng được yên ổn thuận hòa. Sau đây là luận bàn căn bản trước sau nguồn gốc lâu xa cho người học.

Sao gọi là căn bản ? Dùng năm giới làm căn bản.

Sao gọi là trước sau? Lấy sự lâu dài nhưng tâm không biến đổi đó là trước sau.

Sao gọi là cội gốc? Cần biết kiếp không lấy sự việc kưa kia làm nguồn gốc.

Sao không gọi là rơi rớt? Nên biết một sư kiện lớn này rơi đọa vào chỗ nào thời là mãi mãi.

Người học đã rõ biết được một đại sư sanh tử này có cội gốc có y cứ, thì chắc phải giữ cững năm giới, tinh tấn tu hành mười điều thiện. Ý không song ruổi bên ngoài, tâm bị bấn loạn, động tĩnh hay bận rộn hoặc nhàn rổi tâm thuần nhất chánh niệm. Mới có phần tương ứng với công phu.

Bốn chúng là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. (còn gọi là thanh tín nam, thanh tín nữ). Đoạn trước nêu hai hàng tại gia, đầu tiên lấy sự hiếu thuận cha mẹ kính trọng lục thân quyến thuộc nội ngoại. Với bà con hàng xóm láng giềng phải biết tôn ty giàu nghèo, khiêm nhường nhân từ, trên dưới hòa kính. Đây là hiếu tử thuận tình cha mẹ. Hai việc hiếu thuận này người thế gian cho là lời nói thường tình, nhưng họ chẳng biết lý của nó rất ưu việt và sâu rộng.

Nói sơ lược về chữ hiếu cung cấp tứ sự sao gọi là tứ sự? Tức là uống ăn, y phục, ngoại cụ, thuốc men, kính thương hầu hạ nuôi dưỡng đấy là hiếu. Còn thuận là tùy theo sắc diện của cha mẹ, chìu theo nhựng điều mong muốn hiện tại của cha mẹ, làm những việc không trái ý cha

mẹ. Nếu có tâm hiếu thuận như vậy, trên dưới hòa kính thì cha mẹ sẽ được tâm bất động. Đây là con đường thiện hiếu kính ở thế gian, với lý thiên luân đâu có khác thường ư! Lại có thể trì trai, giữ giới, niệm Phật, tham thiền, muốn cầu đại thừa liễu thoát sanh tử. Như thế mới chính là đại hiếu đại thiện xuất thế gian, bốn ân đều báo đáp cả, ba cõi đồng cứu giúp, nào có lo gì mà không báo đáp được cho cha mẹ một đời (dưới đây chu thích rõ về tướng của năm giới phối hợp với ngũ thường và xen nhau dùng).

Năm giới:

1. Không sát sanh, cho nên gọi là nhân.
2. Không ăn trộm, cho nên gọi là nghĩa.
3. Không tà dâm, cho nên gọi là lễ.
4. Không uống rượu, cho nên gọi là trí.
5. Không vọng ngữ, cho nên gọi là tín.

Bốn chúng muốn niệm Phật tham thiền đối với năm giới này quyết phải giữ gìn vững chắc. Sẽ nói rõ lại giới tà dâm, trong giáo pháp dạy hai chúng tại gia không thể giữ hoàn toàn, chỉ dừng một giới tà dâm, vì tùy thuận tu hành.

Kinh Lăng-nghiêm chép những người thế gian không cầu thường trụ, chưa có thể xả bỏ sự ân ái thê thiếp được đối với việc tà dâm tâm không buông lung phóng đảng phải lắng đọng đời sống thanh bạch, thì sau khi mạng chung được sang về cõi Tứ thiên vương thiên. Nếu có thể giữ được toàn vẹn không trái phạm, tinh tấn niệm Phật lúc lâm chung chắc chắn được vãng sanh về cõi nước Cực lạc và hóa sanh trong hoa sen quyết định không có nghi ngờ gì nữa.

Giới dâm dục này hai chúng xuất gia chẳng có ai dám trái phạm, người xuất gia thoát trần lìa trần tục, đầu tròn áo vuông nhập Thánh siêu phàm gọi là Tăng bảo. Bảo (báu) như viên ngọc báu Ma-ni trong sáng sạch đẹp, khiến cho mắt người nào nhìn thấy thì được nhãn căn thanh tịnh, tai nghe thì nhĩ căn được thanh tịnh, lưỡi ném thì thiệt căn được thanh tịnh, thân súc chạm thì thân tâm căn được thanh tịnh.

Tăng là ruộng phước, hoặc lại có người khen ngợi bố thí được phước vô lượng. Thí như một thửa ruộng tất gieo vào hạt giống so với đất được lợi ích muôn lần, cho nên gọi là ruộng phước tất của chúng sanh. Sở sĩ người xuất gia học đạo tâm động niệm tức gọi là phá giới, có việc tà dâm.

Năm giới dừng sát sanh làm đầu, ngũ thường lấy nhân làm đầu, cho nên không sát sanh có thể gọi là lòng nhân. Nhân là từ bi là nhẫn

nhục là bát ái, ưa thích sống ghét giết. Cho nên có câu Thấy nó sống không nỡ thấy nó chết, nghe tiếng nó kêu chẳng nỡ ăn thịt nó. Cho nên người quân tử tránh xa lìa việc bếp núc, đây là răn dạy lòng nhân nghĩa là nghi lễ, bình đẳng, đại đẳng, đại dụng việc hợp nghi đáng phải làm thi nên thi hành. Vật dùng phù hợp đáng lấy thì nên lấy mà sài, việc phi nghĩa không nên làm của phi nghĩa chẳng nên lấy. Vì vậy, người quân tử thấy được nhiều nghĩa nên suy nghĩa. Lúc Phu Tử đi đường không nhặc của rơi, Tứ nói: Của bất nghĩa mà giàu có, vả lại phú quý đối với ta như mây nổi. Đây chính là dạy răn về lòng nghĩa Lễ là trung là noi theo là đại thể Gia Ngữ có kể thuở xưa nước Lỗ có người đàn ông chỉ ở một mình, có người góa phụ láng giềng cũng một mình ở một nhà. Đêm nọ trời bỗng dưng mưa to gió to lớn, nhà người đàn bà góa phụ kia bị sụp đổ bèn chạy sang nhà ông ta xin ở nhờ qua đêm người nước Lỗ bèn đóng cửa không cho vào. Bà góa phụ trách móc: Sao ông không có lòng nhân mà chẳng chứa tôi ư? Người họ Lỗ bảo: Ta nghe người nam nữ cách nhau sáu đến mười tuổi không được ở chung, nay cô và ta đều còn trẻ, do vậy không thể chấp nhận cho cô ở nhờ.

Người góa phụ nói:

Sao ông chẳng bằng cây liễu rũ ban ân xuống một cách tự nhiên.

Người hộ Lỗ:

Cây liễu ban ân hệ thì có thể được, còn ta cố nhiên không thể được. Ta đâu thể nào đem cái không thể được của ta mà học cái có thể được của cây liễu rũ xuống để ban ân huệ.

Khổng Tử nghe nói vậy khen rằng:

Lành thay! Người muốn học sự ban ân huệ như cây liễu rũ, chưa có ai giống như người này, điều gọi là đâu có việc tà dâm ư! Đây là răn dạy về lễ.

Trí là trí tuệ là sáng suốt là cao vượt. Sự hiểu biết sáng chói như mặt trời. Nếu người có sự hiểu biết cũng như có mặt trời ở trên bầu trời, sự hiểu biết chiếu xuống điều bình an như mặt trời nên gọi là trí. Trí tuệ như mặt trời trênhư không không bị có tối tấm không như ánh sáng ngọn đèn. Do vì uống rượu nên chân tánh mờ mịt tán loạn, thì tâm trí tuệ không sáng suốt. Đám mây mù che hư không thời mặt trời trí tuệ không chiếu sáng. Cho nên trong kinh dạy. Người uống rượu phạm ba mươi sáu lỗi mất hết công đức, vì vậy trong cách ghi rượu cáo chế giới cũng nghiêm. Hy hòa say xưa trong men rượu làm nhục thân bại đức, vì thế vua võ ghét rượu ngon mà ưa thích nghe lời nói tốt.

Lương Vũ Đế trong bốn mươi sáu năm không ăn ngũ tân uống

rượu, tự bảo: Không uống rượu thị chẳng bị chứng vì hôn mê. Khổng Tử dạy không bị ngục tửu đều dừng dứt. Đây chính là răn dì về trí.

Tín là lòng thành thật là điều chân chánh quan trọng. Thuở xưa, có hai vị hiền sỉ họ Phạm và họ Thương họ ở cách xa nhau đường đi mất ngàn dặm nhưng họ hẹn nữa năm gặp nhau vào ngày 15 tháng 9 hằng năm. Hiền sĩ họ Trương ở Khê Thiêm chuẩn bị đầy đủ để đợi bạn, thời gian họ cùng đến, người quân tử có lời nói thành tín, cho nên không bao giờ nói dối. Đây chính là răn dè lòng tin.

Răn dè về ngũ thường đối trị cái thiện ở đời, thuận với lẽ trời mà thực hành giữ gìn thì mất đi sẽ vào con đường thiên. Nếu hơi có lỗi thì mất thân bại đức, không gặp con đường thiện và xứng dương danh tiếng ở đời sau. Huống chi trong giáo pháp của ta bốn chúng niệm Phật tham thiền, muốn cầu vô thượng diệu đạo, đấy chình là việc đại thiện đại nhân duyên xuất thế gian. Vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi đến bờ Niết-bàn được an lạc lớn, mà không tuân thủ năm giới này, điều ấy không thể được.

THỂ DỤNG SONG TU GIÚP NHAU GIÁO HÓA

Bài này nói rõ công đức của mười điều thiện. Mười điều thiện và mười điều ác vốn đồng nhau, nhưng đều tùy theo sự yên nhiễm tịnh mà có ra cái tên sai khác này. Như tật úp ngữa bàn tay, một thể xen nhau dùng ở nơi người buông ra hoặc thau vào. Buông ra (phóng đảng) là mười điều ác, thau vào là mười điều lành. Mười điều ác gồm có thân ba khẩu bốn ý ba. Thân làm ba điều ác là sát đạo, dâm bốn điều ác do miệng gây ra là vọng sân si. Dừng không làm mười điều ác này thì gọi là thập thiện đạo, năm giới là thể mà thập thiện là dụng một ngàn không trăm mười bốn. Thí như con người đều có thân thể thì chắc chắn phải dụng chi tiết, thân thể mà không có chi tiết thì bản thân sao làm việc được, còn chi tiết không có thể thời chân tay sẽ nương tựa vào đâu. Chân tay y thể mà phát dụng muôn đầu mối an lập thế giới, việc ấy rõ ràng chẳng còn nghi ngờ gì nữa.

Người học phải lấy năm giới làm thể, thập thiện làm dụng, thể dụng song hành mới thành Phật sư. Giả sử, cả thế gian mọi người đều chuyên giữ gìn năm giới, tinh tấn tu hành mười điều thiện, thì các việc làm sự nghiệp kinh doanh sinh lý cẩn thận nơi thân tiết dụng hiếu dưỡng cha mẹ. Điều đó cảm thấu đến chư Thiên, bát bộ giáng thân xuống cõi Diêm-phù-đề ủng hộ người phàm thế. Mưa hòa gió thuận lúa thóc được mùa, thiên hạ thái bình nhân dân an lạc. Nay đem điều thiện lợi này chú

nguyện cho thượng Thánh minh đế chủ xem bốn biển là nhà, coi muôn dân như con, khắp nơi đều có kỷ cương làm chấn động mạnh các nước đến quy phục. Danh đức vang khắp mười phương thảy đều thuận theo, không thi hành hình phạt ngục tù dẫn đến sự thái bình. Phước thọ không bờ mé, núi sông nối liền một mối. Cành vàng duyên dáng đối xứng tỏa sáng lá ngọc, mãi mãi bay lan rộng đến vua Nghiêu, mặt trời sáng lâu dài như thời vua Thuấn.

NƠI SONG LÂM DI CHÚC DẠY BẢO ĐẠI CHÚNG TUÂN THỦ NƯƠNG VÀO GIỚI LUẬT

Kinh dạy: Năm giới không giữ gìn thì dứt tuyệt con đường nhân thiên, ngũ giới là đầu tiên của các giới là sơ khởi của muôn điều thiện. Theo như trong giáo lý thì khi xây dựng cung điện nhà cửa trước tiên phải xây dựng nền mong cho thật vững chắc, luống xây trên không cuối cùng chẳng thành tựu.

Thuở xưa, Đức Thế Tôn ở trong rừng cây Song Lâm muốn nhập Niết-bàn. Ngài dạy chư Thiên nhân đại chúng: "Sau khi ta diệt độ, các ngươi phải nương Ba-la-đề-mộc-xoa, là vị thầy lớn của các ngươi, ba la đề mộc xoa tức là giới này. Vả lại lúc ấy Đức Thế Tôn hội cả chư Thiên nhân đại chúng tuyên nói thọ trì giới này, ngày nay chúng ta không có phần đó sao? giới này chư Phật trao cho chư tổ nhận và cư tở truyền nhau cho đến ngày nay. Người học đã muốn niệm Phật tham thiền nghiên cứu rõ Đại sư, quyết phải tuân thủ giới này, thiết yếu không nên cho có một bọn tà sư hay kẻ tà kiến nào, cho rằng nói dối, uống rượu, ăn thịt chẳng ngại quả vị Bồ-đề, hành dâm dục không chướng Niết-bàn. Những hạng người này luống làm các loài Sa-lát ở trong địa ngục và là quyến thuộc của các ma, chẳng phải đệ tử Phật. Ăn trộm pháp môn nói dối là Bát-nhã, phá hoại tâm lành của người, dám dứt tuyệt tuệ mạng Phật, người này phải đọa vào địa ngục vô gián, mãi mãi không có thời kỳ nào ra được".

Bốn chúng học giả đã pháp môn chân chánh, phải đầy đủ kiến giải chân chánh. Cho nên, trong kinh dạy: Thân người khó được chánh pháp khó gặp, nay may mắn dược làm thân người, gặp được chánh pháp. Nếu thấy có người tà kiến như thế, sức của tôi làm sao nêu hết được việc này, chỉ sợ nhất là người mới vào đạo, chưa có lòng tin hoàn toàn chân chánh. Hoặc có khi lấy tà pháp nói là chánh, chánh pháp nói là tà, sao đoạn trước chép ra sau, ghi đoạn sau để ra đoạn trước, lời nói không có căn cứ nhất định khiến cho người học nghe lời nói điên cuồng này

không biết không hay buông lung thân tâm, như dầu đổ vào mì không phân biệt được. Sai lầm một đời chẳng phải một đời mà trăm kiếp ngàn đời làm con của ma, thật đáng thương thay! Những bọn người này tôi đã từng thấy rồi.

Họ bèn ngậm miệng cắn răng không nói có thể thi thố, chỉ được khoang tay ngược lại đi ngàn dặm. Tại sao bảo rằng đến đây không có người, chỗ vào cửa, không có người có chỗ mở miệng còn nói tại sao như vậy, tà không can gì đến chánh. Há không nghe bậc cổ đức dạy: thủ đoạn của ông có hết như cái không biện biệt của ta vô cùng, thật đúng như lời nói ấy. Đoạn văn trước nói năm giới, để phòng tà dứt ác nên gọi là giới.

PHÁP MÔN SÁM HỐI, HẠNH NGUYỆN BỒ-ĐỀ

Người học Phật trong mười hai thời phải hướng đến trước tượng chư Phật Bồ-đề, năm vóc sát đất đốt sát đất đốt một ngón tay hay một nén hương phát lời sám hối. Từ nay về sau xin Tam Bảo chứng minh lòng thành sám hối của con, đến chỗ đó xưng hai chữ pháp danh, có chúng đông thì thêm chữ đẳng (chúng con). Nhờ vào nghi thức quỳ gối chấp tay thỉnh rằng.

Quy y tất cả chư Phật trong mười phương tận hư không giới cõi nước như vi trần.

Quy y tất cả tôn Pháp trong mười phương hết cõi nước như vi trần cả cõi hư không.

Quy y tất cả Hiền Thánh tăng trong cõi nước như vi trần tận cõi hư không.

Cúi xin Tam Bảo xả lòng từ bi xin ban bố đến chứng minh lòng thành sám hối. Con từ vô thỉ đến ngày hôm nay, nghiệp chướng nhiều đời tội. Nặng nhiều kiếp. Ba độc vô minh mười ác chướng nặng, đã tạo vô lượng vô biên tội ác không thể nói! Không thể nói càng không thể nói. Con từ ngày hôm nay gội rửa tâm sạch sẽ, càng kính đối trước tướng chư Phật chư Bồ-tát, đại từ bi phụ linh cảm quan thế Âm Bồ-tát, năm vóc sát đất phát lồ sám hối Mật niệm quy y diệt được hằng sa tội chướng.

Cúi xin chư Phật, chư đại Bồ-tát dùng thiên nhãn từ xa nhìn thiên nhĩ ở xa nghe, dùng tha tâm thông mau đến gia bị cho chúng con tu hành có thứ lớp tấn đạo không có ma chứng. Nhờ trí Bát-nhã sớm được sáng suốt, và tâm Bồ-đề mà không bị lui sụt. Sáu căn thanh tịnh muôn lụy đều tiêu, một niệm vô vi mười phương quét sạch, vượt ra ba cõi, sớm lớn

đạo trong giải thoát ra khỏi bốn loài, mau đến bờ Bồ-đề. Giả sử đời này chúng con duyên mỏng đạo nghiệp chưa thành, tuổi thọ không lâu vô thường chợt đến, nguyện nương nhờ sức Bát-nhã hiện tiền được chánh niệm tâm không bị điên đảo. Tùy nguyện được vãng sanh về cõi nước chư Phật, đích thân được đảnh lễ chư Phật Bồ-tát và được dạy dỗ.

Nương nguyện lực tu hành trở lại thế giới Ta-bà, được sanh vào nhà trưởng giả giàu có tu thập thiện sống nơi trungtâm văn hóa Phật giáo phát triển làm thân người nam không quên túc mạng đời trước. Cúi xin cha mẹ với con không có tâm luyến ái chiếu cố bỏ nhà xuất gia, đồng chân nhập đạo tuổi nhỏ tài năng trội hẳn mọi người. Sớm gặp được minh sư tham thiền học đạo, thông suốt giáo lý giải thích ý nghĩa kính điển, chỉ nghiên cứu điều chí lý tinh vi Đại thừa. Hoặc dưới một lời nói thấu rõ được nhân nhiều đời, trong một câu thấy triệt quả nhiều kiếp, rõ ràng ràng ấn báo đủ giúp đỡ ba cõi, pháp giới hữu tình đồng viên mãn hạt giống trí tuệ. Cúi xin chư Phật đại Bồ-tát ở khắp mười phương chứng minh cho con. Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật.

Bèn trình bày chỗ quê hèn để chỉ dạy kẻ sơ cơ, ngưỡng mong bậc cao minh chỉ lỗi cho kẻ hậu học. Thẹn vì lời rườm rà lý vụng về này, xin bỏ câu lộn xộn sắp xếp cho được thông suốt. Ngôn từ ý nghĩa trái nhau, thành thật trông mông gạt bỏ chính chính lại. Những điều thấy nghe tùy hỷ đều lên thuyền từ Bát-nhã, xứng tán kêu gọi dẫn dắt cùng chứng ngôi vị bồ-đề.

NHỚ THUỞ XƯA XUẤT TRẦN NHỜ HUYNH NGƯỜI ANH DẠY BẢO

Ngài Trí Triệt tự Nguyên Thống vào năm Ất Hợi còn tại gia. Đến tháng năm năm Canh Thìn thì đi tu, vào ngày múng tám tháng chạp được xuất gia làm tăng, Sư thỉnh hỏi lạy Hòa thượng Vân Phong làm thầy.

Ngày Sư đi tu được người anh kế là cư sĩ Lê Thập ân cần dặn dò Công đức xuất gia chẳng phải nhân duyên nhỏ, là bậc nhập Thánh siêu phàm nối tiếp tuệ mạng Phật. Đây là việc làm của người đại trượng phu phải tự cố gắng, nay bỏ cha mẹ xa lìa anh em, từ biệt vợ con vứt bỏ gia nghiệp, đấy là điều có thể nhẫn. Ông không nghe bậc đức cổ dạy: Một đứa con xuất gia dòng họ đời được sanh thiên. Lời nói này chắc chắn có thật, điều này đã có thật, thấy trước mắt bao nhiêu người xuất gia sự tu hành của họ chủ dừng việc làm, điều mong muốn hy vọng cửu tộc được sanh lên cõi trời, thì chắc chắn không thể được, Ông đã xuất gia cần

phải lập chí, đừng giống như Ông tăng bình thường ý rong ruổi đông tây tham chạy theo danh không theo lợi. Chớ có tranh nhân ngã biện luận phải quấy, không nên ỷ mình hay giỏi nói điều tốt xấu của người. Bị đánh đập phải nhịn chịu, bị phun nước bọt vào mặt thì chớ có lau chùi, lúc nghỉ không được buông lung ngủ nghỉ, chớ có tham cầu ăn uống một ngàn không trăm mười lăm thế sự nhiều thứ không thể nói hết, ra khỏi nhà là một bước tối sơ, giở chân cất bước nhớ giữ câu thoại đầu. Đi đứng, ngồi nằm nếu lìa câu thoại đầu thì cô phụ có tội với quốc vương thổ địa đã che chở và cho ta các thức ăn uống - y phục. Ngọa cụ thuốc men. Nếu quên mất câu thoại đầu thì cô phụ thí chủ đã cung cấp tứ sự, giữ nguyên câu thoại đầu này sống cùng sống chết đồng chết, phát chí nguyện lớn, ngay nơi đó chủ yếu liễu ngộ được một Đại sư nhân duyên, mới không phụ chí xuất gia tham thiền học đạo của ông.

Sở dĩ trong kinh có dạy: Báo đáp bốn ân cứu giúp ba cõi, lo gì không báo đáp được ân cha mẹ đời này và dòng họ chín đời. Đã ở trong ba cõi thì vui ít khổ nhiều, thảng như có chỗ nhập môn được an lạc, thì quyết phải chuyển hòa quay về dạy bảo quyến thuộc. Sư Trí Triệt dạ vâng nhận lãnh lời dạy bước ra cửa vài bước, cư sĩ lại vẫy tay dặn: Nhất quy hà xứ, sư quay đầu đứng chấp tay ách xa khoảng mười bước lễ tạ thầm ghi nhận rồi ra đi. Sư khắc cốt ghi tâm những lời dạy đó cho đến ngày nay, chẳng dám quên. Dặn dò thế sự cảnh sách công phu, từng giờ theo thứ lớp suy xét tỉnh táo thì có chỗ tỏ ngộ. Vì lời nói vụng về chép cho đầy đủ thì quá nhiều lại rườm rà, lược ghi đại khái mấy dòng vào cuối cuốn sách.

LẠI DỪNG TRỪ BỎ SỰ BIẾNG NHÁC DỪNG CẢNH NHÂN DUYÊN DỨT MÊ TÌNH

Trên đây nói một mùa an cư, chính là ngày Đức Như Lai giải chế, trong thời gian trong tăng phòng trò chuyện ban đêm. Do trong tăng đường có lời than thở thủ tòa chậm chạp là kẻ độn căn làm tổn hại đến người học. Họ bảo rằng: Thời gian gần đây tôn ti trật tự bị đảo lộn tâm người thay đổi, Phật pháp rời rạc chốn Tùng Lâm bị phế bỏ, bậc Thiện tri thức ẩn tích chẳng xuất hiện. Hiện tại bốn chung người học Bát-nhã, muốn cầu danh tri chánh kiến chỉ bày con đường vắn tắt niệm Phật tham thiền, đó là điều không thể được. Chính họ nói với tôi rằng: Tại sao Hòa thượng không đem những thời khóa và cảnh giới trong lúc công phu đắc lực ngày trước, và những danh lời sách tấn dặn dò của người anh lúc sư rời nhà đi xuất gia, tất ghi lại tất cả để dạy có kẻ sơ cơ. Người nào đọc

xem qua chắc chắn càng thêm tinh tấn, đó là điều may mắn.

Tôi bảo: Xưa bậc Tôn Túc dạy chúng về pháp ngữ rất nhiều, vẫn còn có người tin không nổi. Lúc tôi xuất gia tuổi muộn hạnh giải còn yếu kém, luống vào cửa không đối với giáo pháp nào có lợi ích gì. Mặc dụ ở trong pháp môn để tâm lâu ngày chỗ tật cùng của chí lý còn chưa có mục đích tôn chỉ tự thẹn với lời nói thô sơ đạo đức kém mỏng. Việc này đâu dám nương vào đó để làm thủ tòa lại nói rằng người học thời nay có vị ưa đa văn, có người căn tánh mau chậm, xem pháp ngữ cảnh sách của các vị Thiện tri thức thuở xưa đã có sức học Bát-nhã của các bậc tôn túc tiền bối đều nói sức Bát-nhã của các vị Thiện tri thức thuở xưa đã có căn cơ sâu dày này phục hồi trở lại. Mới vừa vào pháp môn không dụng công nhiều, một lần nghe ngàn lần ngộ, chúng ta là kẻ căn cơ cạn cợt đầu làm được việc này nỏi. Ngày nay chúng ta lại gieo một vài hạt giống Bát-nhã, đợi đến đời sau, văn rõ ràng thấy nói rất nhiều điều như vậy, đáng thương tự sanh tâm lui sụt.

Nếu đem chỗ mà nhiệm sâu kín về việc công phu ngày xưa của Hòa thượng chép lại từ đầu dường như cũng được một thiên, khiến cho người thây nghe quyết định phát sanh lòng tin. Chắc chắn sẽ nương vào sự dụng công như thế, sự tinh tấn như thế, và sự cứu cánh như thế. Giả sử trong bốn chúng ở đời sau mỗi người đều có phát minh lớn liễu thoát sanh tử, ân đó không lớn sao! Tuy nhiên làm thủ tòa là tâm tha thiết của học giả, tôi tin chưa dám lãnh trách nhiệm. Đến ngày thứ hai sau bữa tiểu thực buổi xong tôi đến chỗ Hòa thượng phương trượng học đạo lúc xưa thăm hỏi Hòa thượng cùng tôi là bạn đạo đã mười bảy năm, nhân lúc nói và đàm luận đưa ra câu chuyện thủ tòa độn căn.

Hòa thượng cũng nói: Phật pháp đúng lúc đang ở vào mé điên loạn nguy hiểm, việc phải làm chuẩn mực cho ngươi mới vào đạo học theo.

Tôi trả lời: Tự mình cứu minh không xong đâu có thể cứu người, lời dạy trong kinh rõ ràng. Tự mình không tinh tấn muốn khuyên người tinh tấn, không có lẽ đó.

Hòa thượng lại nói trong kinh cũng dạy:

Tự mình chưa ngộ người là bồ-tát phát tâm. Sách nho xưa nay cũng có dạy nguy (ngã) mà không giữ gìn nghiên đổ mà không chống đỡ, ngồi đó mà xem sự thắng bại đâu thể chịu được. Nghe Hòa thượng nói tôi từ chối không được rồi, bèn trở về đến Sơn phòng mở toan sáu cửa để lộ đảnh môn buông thả dạo chơi không ràng buộc không câu nệ, lấy dây rông ruổi tâm nhảy nhót như con khỉ, buột kỷ lý lên rong ruổi

như con ngựa, mặc tình cho nó đến đi không ngăn ngại. Từ đó luôn luôn vui vẻ hoạt bát, đối với việc này không chịu an nhàn, bèn đem hành lý ngày xưa trình bày rõ ràng, cũng như dây rắn nương vào tàng một khi đã được vượt lên thì càng vươn lên thêm. Vả lại cùng người học lâm náo nhiệt tán loạn một phen hổ thẹn chính mắt thấy chuyện bàn quang, ngược lại từ chỗ đất bằng nổi sống gió, nắm lấy tay chân của người học đánh dạy bảy lần ngang và lần dọc không cho có chỗ sai lầm đến đây không tránh khỏi cùng họ chỉnh đến an định cái mới mẻ, chắc chắn ngay chỗ đó lại dạy thật kỷ phải buông bỏ đi. Vả lại đạo đức nay việc đáng sự thật, tại sao lại giao phó cho người học, lo sợ nắm chắc đượng sự ngay đó. Mỗi mỗi phải nỗ lực nhận lấy ghi nhớ, ghi nhớ câu Vạn pháp quy nhất, nhất quy hà xứ. Từ đó, sáng sớm đến chiều tối ngược lại từ chiều đến sáng, lên đơn xuống đất vào phòng ra cửa động tĩnh bận rộn rãnh rỗi, cần phải nắm chắc câu thoại đầu miên mật nghi không gián đoạn, phương tiện tùy ý phát ra tiếng hau im lặng hoặc đến chỗ lễ Phật thì buông cả câu thoại đâu chí thành sám hối phát nguyện, nguyện cuối cùng đến chỗ Ba-la-mật, rồi tùy theo đó để cử câu thoại đầu tiếp tục hoặc ở nơi tụnh kinh cũng nguyện rốt ráo đến bờ Ba-la-mật, những công việc nhỏ hoặc thường tự mình nê kiểm điểm. Lại cùng với người học cho rằng những sự việc và cảnh vật trong lúc tham thiền, chẳng phải một ngòi bút một cái lưỡi khó có thể diễn tả hết được.

Nói tóm lại luận về chỗ duyên khởi của cảnh đều do tâm sanh ra, nếu tâm không sanh thì cảnh từ đâu mà có. Cho nên trong kinh chép rằng: Tất cả biển nghiệp chướng đều từ vọng tưởng phát sanh, vàn ói phàm những vật có hình tướng đều là hư vọng. Lại dạy tất cả cảnh giới cuối cùng không thể nắm bắt, đa số thấy người học cho cảnh giới là thật có trong tâm vui mừng. Hoặc nói cảnh giới hư vọng không thật, liền sanh phiền não, sau đây sẽ nói rõ hai chữ cảnh giới đều từ hôn trầm tán loạn mà sanh khởi. Hôn trầm do tâm giãi đãi mà có, tán loạn nhân vì tâm buông lung mà phát sanh. Tâm biếng nhác là cội gốc của hồn trầm, tâm buông lung là căn nguyên của sự tán loạn. Cho nên hôn trầm thì cảnh sai khác, tán loạn thì thể không giống nhau, đều theo tâm vọng tưởng trong khoảng khắc trăm lần biến đổi. Nếu tâm không khởi thì ranh đua như thế nào? Giả sử người học Phật có hai thứ tâm này phát sanh, liền đứng dạy cho tinh thần tỉnh táo, làm cho thân tâm thư giản thỏa mái, theo đó để cử câu thoại đầu khởi nghi tình lớn, niệm này tức khắc liền tiêu tan.

Hoặc có người không tin lời nói này, thì lại dẫn thêm năm mươi

loại ma ở trong Kinh Lăng Nghiêm để làm chứng là chuyện có thật há không nghe Đức Thế Tôn dạy ngài A-nan năm mươi loại ma này đều do vọng tưởng năm uẩn sắc thọ tưởng thành thức cọng thành khách trần che lấp, chủ nhân nếu mê thì khách được dịp tiện lợi phát sanh. Đến đây trong lúc ngồi thiền phải đoạn dứt con đường phàm Thánh cùng người học quét sạch dấu vết, vả lại đạo đó là chủ, câu thoại đầu Vạn pháp quy nhất, nhất quy hà xứ đó là khác ông tạm cử tâm thì khác trần đã khởi trước, đến khi tâm này không còn hai cái dụng rốt ráo chẳng phải một hoặc có người tham chữ vô, hoặc có người tham chữ Bản lai diện mục, hoặc có người tham cứu câu niệm Phật. công án tuy khác nhau nhưng cuối mối nghi giống nhau.

Trong kinh pháp chép: Trở về nguồn tánh không hai nhưng phương tiện có nhiều môn, ở đây học đem gốc mà tham câu thoại đầu, tự mình phải trân trọng tự mình phải bảo vệ dũng mãnh xua đuổi chen lấn đẩy nó đi đến khi không ăn chỗ để chen vào thì trời đất hòa cùng thân vượt qua thẳng đến lên đỉnh ngọn núi của ngài Cô Phong ở kết am tranh chửi Phật mắng tổ. Đến đây làm hạt giống trong ruộng đất, đem cảnh giới Phật làm cảnh giới ma để nói cũng được, đem cảnh giới của ma nòi cảnh giới của Phật cũng được. Cho nên đạo là nghịch hạnh mà thuận giáo hóa, quỷ thần chẳng thể bì kịp với căn cơ của họ; giả như chưa được như các ngài thì rất kỵ! Tối kỵ!

(1016) Muốn được như vậy mà không chiêu lấy nghiệp báo ở địa ngục vô quán, thì chớ chê bai chánh pháp của Đức Như Lai. Người học ngàn muôn lần phải cẩn thận kỷ càng. Nếu trong lúc công phu hơi có chỗ đắc nhập, thể hội được cái đó linh hoạt sáng suốt thường hiện ra trước mắt, cảm xúc không bị chánh niệm không bị tán loạn phóng đảng. Vả lại không thể nhận lấy đắm trước, giả sử chấp nhận đắm trước như vậy thì cái ấy do thần thức biến ra ảnh tượng cho là việc chắc thật. ngược lại bị nó dẫn vào cái chấp tình thức, thế là tâm ngã mạng cống cao không còn tiến tới trước được, bèn há to miệng đối bàn ruông về Bát-nhã, liền nói Phật cũng chỉ như thế, tổ cũng chỉ như thế.

Lại dẫn trong kinh là pháp bình đẳng một phen ấn chứng được ấn định rõ ràng, còn nói ngộ không câu chấp tiểu tiết. Chỗ này chẳng có giới nào có thể thanh trì, không có giới nào có thể phá được, cho đó là cảnh giới Đại thừa. Chẳng hai chẳng biết đã bi sa vào làm quyến thuộc trong gia đình của ma, tự mình sai lầm cho người, há không đau lòng sao.

Kinh dạy: Người như vậy dẫu có nhiều trí tuệ thiền định chắc chắn

đoạ lạc vào đường ma, thượng phẩm là ma chúa, trung phẩm là dân ma, hạ phẩm là con gái của ma. Người học rất tối kỵ không nên lấy cái chỗ được chút ít cho là đủ, cẩn thận! Cẩn thận! Bốn chúng hậu học nếu có ai phát minh, xin xem trong thiền yếu của lão Hòa thượng Cao Phong có Hòa thượng Tuyết Nham hỏi lão Hòa thượng làm chủ cái gì? Đến câu hỏi thứ ba liền nên kỷ lưỡng làm say đến cùng. Chỗ này nếu qua không được thì xét dưới đầu mây nhận ra chỗ nghi của lão Hòa thượng, chúng cũng nghi như vậy (chỗ này không cần chú thích lại vì trong hujyền văn tịnh độ cũng đã ghi). Công phu đến đây cần chớ phải giữ gìn, vì vậy nói rằng tùy duyên tiêu nghiệp cũ, càng chớ tạo tội mới. Thảng như Dương Hòa mùa xuân lại về thì vạng loại đều sanh ttrưởng đều được giúp đỡ nhờ có ân trời đất đắt công ấy không lãng phí.

Trên đây đã nói nhưng việc trong khi hành trì công phu, trộm lấy những lời dạy trong kinh, ngữ lục điều cất yếu làm chứng cứ cho người học. Việc này vốn chẳng phải của tôi có. Riêng tôi sự tham thiền chỉ bằng như con sứa trong biển dám liền bạn đồng đạo nắm tay cùng đi nghiên cứu lấy ra con đường sinh hoạt tron cuộc sống, hơi có chỗ không tương ưng, chắc chắn không phóng quá. Cho nên Tử Cống cùng đạo chân chánh ngược là không tiếc khẩu nghiệp phần thượng thúc bách khiến cho tiến tới trước càng không cho trì hoãn. Nếu người tín tâm cạn cợt thật là khó chung sống, lại cần bình luận đến việc chặt cây tìm gốc có chỗ không đến được của bậc lão Hòa thượng tiền lớn. Tại sao cho không lấy lời ngăn cản con làm điều lầm lỗi, nên gia đạo gặp sự suy vi. Vì thế tôi là tục là tăng phần nhiều giữ gìn khí bất bình, mỗi khi gặp người làm hoặc giải thích rõ không hợp đạo lý. Ngay đó cùng họ phân tích thảo luận rõ ràng đến khi thỏa mãn không còn hoài nghi. Đến như trên phần của bản thân thì công phu rơi vào chỗ bơ vơ mờ mịt đạo lực chưa toàn vẹn, bất giác thời gian bỗng chốc qua mau tướng già bệnh thôi thúc, mới tự mình đấm trước việc bận rộn qua đi ngày chết đến gần. Ôi! Chỉ nghiên cứu cùng tột lý mầu phát minh bản tánh sáng suốt thệ làm bạn ở đời sau.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 178

THIỀN LÂM BẢO HUẤN

SỐ 2022

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2022

THIỀN LÂM BẢO HUẤN

Sa-môn Tịnh Thiện, vùng Đông ngô trùng lập.

Hòa thượng Minh Giáo Tung nói: "Tôn chẳng gì tôn bằng đạo, đẹp không gì đẹp bằng đức. Người có đạo đức tuy là kẻ thất phu cũng không phải là cùng, kẻ không có đạo đức, tuy là đấng vương giả cũng không là thông. Bá Di, Thúc Tề xưa kia là người chết đói, đời nay, nếu người ta lấy đó để so sánh thì mọi người đều mừng. Kiệt, Trụ, U, Lệ xưa kia là đấng nhân chủ, đời nay, nếu người ta lấy đó để so sánh thì mọi người đều giận. Thế nên, người học giả chỉ lo phần đạo đức của mình không trọn vẹn, chứ đừng lo thế vị không đến với mình."

Ngài Minh Giáo nói: "Sự học của Thánh hiền, cố nhiên chẳng phải một ngày mà đủ, ngày chẳng đủ thì kế đến đêm, rồi chứa góp hàng tháng hàng năm tự nhiên sẽ thành tựu. Nên nói: "Học để tu tập, học để biện minh." Câu nói này có nghĩa là, nếu học mà không biện vấn thì không do đâu mà phát minh. Đời nay ít có những người học thường nêu ra câu hỏi để vấn biện với người như vậy không biết đem cái gì để giúp ích cho tánh địa, trở thành cái lợi ích đổi mới mỗi ngày như vậy ư !"

Ngài Minh Giáo nói: "Thái Sử Công đọc sách Mạnh Tử tới chỗ Lương Tuệ Vương hỏi thầy Mạnh Tử, đem gì để lợi ích cho nước tôi, bất giác để sách xuống mà thở dài. Than ôi! Lợi là cái mầm mống của loạn, nên ngài Phu Tử ít nói đến lợi để đề phòng cái gốc, vì gốc là mầm mống phát sinh. Người tôn quý, kẻ bần tiện đối với cái tệ hám lợi thì đều giống nhau. Ôi! Người ở chỗ công, nếu lấy lợi không công bằng, thời làm rối loạn pháp luật, kẻ ở chỗ riêng, nếu lấy lợi bằng cách lừa bịp, thời làm rối loạn sự việc. Sự việc rối loạn thời nhân sự bất bình, pháp

luật rối loạn thời nhân dân chẳng phục. Gây ra mối họa xung đột rồi cùng nhau đấu tranh, chẳng đoái hoài đến cảnh chết chóc cũng vì thế mà phát sinh. Đó chẳng phải cũng vì lợi mà trở thành cái mầm mống rối loạn đấy vậy ư? Như các bậc Thánh hiền xưa thì lại cảnh giới, bỏ cái lợi tôn điều nhân nghĩa mà người đời sau lại cậy mối lợi để dối trá lẫn nhau, làm tổn thương đến phong tục, bại hoại đến thanh giáo không có giới hạn, lại còn công nhiên noi theo con đường tranh danh đoạt lợi để đi, mà muốn phong tục tốt trong thiên hạ không phai không mờ há lại được vậy ư!"

Ngài Minh Giáo nói: "Phàm con người làm điều ác, có điều ác hữu hình, có điều ác vô hình. Phần ác vô hình là việc hại người, phần ác hữu hình là việc giết người. Cái ác giết người thì nhỏ, cái ác hại người thì lớn. Sở dĩ trong tiệc yến ẩm có chất độc của loài chim chậm, trong chỗ cười đùa có ẩn chứa các loại giáo mác, trong nhà sâu kín có loài hổ báo, trong ngõ hẽm bên có rợ Nhung, Địch. Nếu tự mình không phải là Thánh hiền, không tận giệt khi nó hãy chưa manh nha, không phòng ngừa bằng lễ, pháp, thời cái hại đó không thể lường được."

Ngài Minh Giáo nói: "Hòa thượng Đại Giác Liên khi ở chùa Dục vương. Nhân có hai ông Tăng tranh cãi nhau về phần phẩm vật, vị chủ sự không thể quyết đoán được. Hòa thượng Đại Giác liền gọi đến mắng rằng: "Trước ông Bao Công làm tài phán ở đất Khai phong, có người dân tự đến trình bày: "Có người đem số bạc một trăm lạng gởi tôi rồi mất, nay tôi đem số bạc đó trả lại cho người con của ông ta, nhưng người đó không chịu nhận, vậy mong ông cho gọi người đó để trả lại hộ." Ông rất kinh dị, liền cho gọi người con đó nói rõ sự việc, nhưng người đó cố từ và nói: "Ngày còn sinh thời, cha tôi không hề có bạc riêng để gởi người khác. Hai người cố nhường nhau mãi, ông bất đắc dĩ phải đem số bạc cúng vào chùa, làm việc phúc thiện để truy tiến cho người mất. Ta mục kích thấy việc đó. Kìa như, trong chốn trần lao, cũng còn hay khinh tài trọng nghĩa như vậy, huống hồ các người là đệ tử Phật lại chẳng biết liêm sỉ hay sao? Hòa thượng liền y pháp của tùng lâm đuổi hai vị Tăng ra khỏi chùa."

Hòa thượng Đại Giác Liên, lần đầu tiên du hành đến Lư sơn, Thiền sư Viên Thông Nột thoạt thấy, liền đem đại khí để kỳ vọng ở người. Hoặc có kẻ nói: "Ngài căn cứ vào đâu mà biết?" Thiền sư Nột đáp: Người ấy trung chính không nghiêng ngả, động tĩnh tôn nghiêm, lại thêm vào đó phần đạo học, làm việc thẳng thắn, nói năng giản dị mà nghĩa lý sâu sắc. Phàm con người có bẩm chất như thế, ít có ai mà

chẳng thành đại khí."

Năm đầu niên hiệu Hoằng Hựu thời vua Nhân Tổ vua phái khiển sứ giả đem chiếu thư, triệu Thiền sư Viên Thông Nột trụ trì Hiếu từ đại già lam. Thiền sư Nột cáo tật không trở dậy, phái Hòa thượng Đại Giác tiếp nhận chiếu biểu. Có người nói: "Thánh Thiên tử sùng chuộng đạo đức, ân gội khắp suối rừng, ngài tại sao lại cố từ?" Thiền sư Nột đáp: "Ta lạm nhập vào hàng Tăng, sự thấy nghe chưa thông suốt, may mắn được an phận ở dưới rừng, ăn rau uống nước lã, tuy là việc Phật Tổ cũng còn chỗ chẳng làm được, huống hồ làm việc khác vậy ư." Tiên triết có nói: "Dưới chỗ đại danh khó thể ở lâu được." Ta từ thuở bình sinh, thực hành kế tri túc, tự mình không bận vào đường danh lợi. Nếu đã chán trong nơi tâm thì ngày nào mà chả đủ. Nên Đông Pha thường nói: "Biết an thời vinh hiển, biết đủ thời giàu sang." Vậy nên lánh được danh thì toàn tiết, trước và sau toàn thiện: đó là những điểm sở đắc ở Viên Thông vậy.

Hòa thượng Viên Thông Nột nói: "Tánh mệnh của người què nhờ vào gậy, mất gậy thì ngã. Tánh mệnh của kẻ qua đò nương vào thuyền, mất thuyền thì đắm. Phàm người ở chốn tùng lâm, tự mình không duy trì lấy đạo đức ở nội tâm, lại nương cậy vào quyền thế ở bên ngoài, một khi cái thế đó mất đi đều không thể tránh khỏi cái họa khuynh đảo."

Thiền sư Viên Thông Nột nói: "Ngày xưa Thiền sư Bách Trượng Đại Trí kiến lập tùng lâm, đặt ra quy củ muốn cứu vãn cái tệ bất chánh đời Tượng Quý. Nào ngờ đâu, người học ở đời Tượng Quý, lại trộm quy củ để phá hoại tùng lâm của Bách Trượng. Người đời thượng cổ, tuy nằm hang ở lỗ, nhưng ai nấy đều tự đặt mình trong luật lệ. Người đại trí trở về sau, tuy thênh thang trong nhà cao cửa rộng, nhưng ai nấy đều tự bỏ mất mẫu mực. Cho nên nói: "An nguy ở đức vậy, hưng vong ở số vậy. Nếu nương vào đức thì hà tất phải dựng ra tùng lâm, nếu bằng vào số thời thì cần gì dùng đến quy củ."

Thiền sư Viên Thông bảo Đại Giác rằng: "Bậc Thánh xưa kia trị tâm ở lúc chưa manh nha, ngừa tình ở lúc chưa rối loạn. Vì lẽ dự bị thời không có lo sợ. Sở dĩ làm của cửa ải, điểm mõ canh để ngừa bạo khách mà cần phải dự bị. Vậy nên, việc gì có dự bị trước khi thực hiện thời dễ, cẩu thả thời khó. Hiền triết thời xưa kia, vì chung nhân lo lắng nên không có cái hoạn nạn bất ngờ. Chính thực là nghĩa ấy vậy."

Hòa thượng Đại Giác Liên nói: "Ngọc chẳng giũa thời không thành đồ dùng, người chẳng học thời không biết đạo lý. Nay sở dĩ biết được xưa, sau sở dĩ biết được trước. Điều thiện thì đáng được bắt chước,

điều ác thì lấy đó làm răn. Các bậc tiền bối nối tiếp nhau lập thân dương danh ở đương thời, ít có ai chẳng nương vào học vấn mà thành tựu."

Hòa thượng Đại Giác nói: "Cái lý của diệu đạo, Thánh nhân thường ngụ ở Dịch. Đời nhà Chu suy, thời pháp của tiên vương hoại, lễ nghĩa mất. Sau đó những kỳ ngôn dị thuật đua nhau xuất hiện mà phong tục loạn. Kịp đến lúc đạo của Thích-ca ta du nhập Trung thổ, thuần đem Đệ nhất nghĩa đế để dạy đời, trước sau thuyết giáo đều lấy Từ bi để tiếp hóa quần sinh, đó cũng chỉ là tùy theo ở thời thế vậy. Từ lúc có sinh dân trở lại, tính thuần phác chưa tan, thời cái giáo của Tam hoàng giản dị mà tố phác, đó là mùa Xuân vậy. Đến lúc tâm tình mỗi ngày một mỏng, cái giáo của Ngũ Đế tường tận mà văn vẻ, đó là mùa Hạ. Thời cùng thế khác nhau, tình cũng theo đó mà ngày một thay đổi, nên cái giáo của Tam vương mật mà nghiêm, đó là mùa Thu. Các bài Cáo, Thệ của Thương, Chu xưa kia, người học ở đời sau cũng còn chẳng hiểu, thế nhưng dân đương thời nghe theo mà không trái. Nếu đem so sánh thời biết cái phong tục giữa xưa và nay như thế nào rồi vậy! Cho đến đời nhà Tần, nhà Hán, thời cái tệ đó thật quá sâu rộng, đến nỗi người trong thiên hạ có chỗ chẳng còn muốn nghe. Bởi thế Đức Phật Như Lai ta suy xét sự kiện ấy mà dạy cho cái lý tánh mệnh, đó là mùa Đông vậy. Trời có bốn mùa tuần hoàn để sinh thành vạn vật, Thánh nhân đặt ra giáo lý, phù trì lẫn cho nhau để hóa thành thiên hạ, cũng chỉ bởi thế thôi. Nhưng cái gì đã đến chỗ cùng cực, thời không thể tránh khỏi được cái tệ thoái trào, cái tệ đó chính là dấu vết vậy. Cho nên lại cần có những bậc Hiền Thánh xuất hiện ở đời để cứu cái tệ đó. Từ nhà Tần nhà Hán trở lại, trải qua hàng ngàn năm, phong tục bời bời ngày càng phai lạt. Giáo lý của Thánh nhân thì phân liệt rồi đua nhau thiết lập, chê trách lẫn nhau, không thể nào trở lại được cái đạo lớn mênh mang, thực đáng tiếc vậy."

Hòa thượng Đại Giác nói: "Ôi! Người làm chủ ở một phương muốn thực hành cái chỗ sở đắc để lợi người, thời trước hết phải nên khắc kỷ, khoan dung với người, để tâm đến hết thảy. Vậy sau coi vàng lụa như phân đất, thời được bốn chúng tôn sùng và quy thuận."

Đại Giác nói: "Bậc tiền bối có tư chất thông minh, không có cái lo sợ phần an nguy. Như hai sự việc của Thiền sư Thông chùa Thạch môn, Thuấn lão phu chùa Thê hiền cũng lấy đó làm răn vậy. Vẫn biết định nghiệp của kiếp người rất khó mà biện minh, nhưng xét kỹ ở nguyên nhân thời sao lại không biết được cái lỗi cẩu thả chẳng suy nghĩ đấy ư? Vậy nên có câu: "Cái họa hoạn nó ẩn náu ở chỗ vi tế, rồi bộc phát ra

từ cái chỗ bất cẩn của con người. Lấy đó mà suy xét thời càng phải nên cẩn thận sợ hãi.”

Hòa thượng Vân Cư Thuấn tên chữ là Lão Phu, ngày còn trụ trì chùa Thê hiền ở Lư sơn, vì có mối tư oán với quan Quận thú Hòe Đô, nên bị cưỡng bách phải hoàn tục. Sau đó, ngài tới kinh đô thăm Hòa thượng Đại Giác, khi đến đất Sơn dương, bị tuyết làm ngăn trở, nên phải ở trọ một lữ quán. Vào một buổi chiều, có một người khách đem theo hai người hầu phá con đường tuyết mà tới, chợt thấy Lão Phu như là người quen biết cũ. Rồi ông khách thay áo tới trước thi lễ. Lão Phu liền hỏi nguyên do. Người khách đáp: “Tôi trước thường theo hầu thầy ở Đổng sơn, tên là Cán Bộc Tống Vinh ở Hán dương.” Người khách cùng với Lão Phu cùng nhau kể chuyện cũ tới khuya. Sáng hôm sau người khách lại làm cơm thết đãi, tặng Lão Phu năm lạng bạc, còn gọi một người hầu tới. Rồi người khách nói: “Đứa trẻ này thường hay lui tới chốn kinh thành, biết tất cả những đoạn đường gian nan nguy hiểm, nay cho đi đưa đường, xin thầy an tâm chớ có lo ngại.” Vì thế mà lão phu tới được chốn kinh thành. Xét như vậy, thì cái lợi ích về chỗ quen biết xưa kia của hai người thật là thắm thiết.

Đại Giác nói: “Thuấn Lão Phu phú tánh thì giản dị và trung thực, không biết mọi việc quyền hành hóa thực. Hằng ngày có định khóa, từng không thay đổi thời khắc nào, tuy là những việc thắp đèn quét đất cũng đều tự mình làm lấy. Ngài thường nói: “Cổ nhân có điều răn dạy: “Một ngày chẳng làm thời một ngày chẳng ăn.” Vậy ta là người thế nào vậy?” Ta tuy tuổi đã già, nhưng chí đó cần phải bền chắc. Hoặc có người nói: “Tại sao không sai khiến người thân cận.” Lão Phu nói: “Bạt thiệp nóng lạnh, đứng ngồi bất thường, nên chẳng muốn phiền nhọc họ.”

Thuấn lão phu nói: “Truyền trì đạo pháp, quý nhất ở chỗ chân thật với hết thảy. Phân biệt điều tà chánh, gạt bỏ mọi vọng tình, đó là cái thật trị tâm. Biết nhân quả rõ tội phúc, đó là cái thật giữ gìn tiết tháo. Hoằng đạo đức, tiếp thập phương lui tới, đó là cái thật của Trụ trì. Lượng tài năng, giao phó việc, đó là cái thật dùng người. Xét ngôn và hành, quyết định nên hay không nên, đó là cái thật cầu hiền. Nếu không giữ lòng thành thật, chỉ chuộng lừa dối hư danh, đối với đạo lý thời chẳng có lợi ích gì. Vì thế nên, sự giữ tiết tháo của con người, cần nhất ở chỗ thành thật. Nếu cứ giữ một mực như thế không biến đổi, thì dẫu rằng việc nguy hiểm đến đâu cũng có thể vượt qua được.”

Thuấn lão phu bảo Viễn Lục Công ở núi Phù sơn: “Nếu muốn

nghiên cứu đạo vô thượng vi diệu, thì khi cùng cần phải bền, khi già cần phải gắng, không nên noi theo thế tục, đua chen thanh lợi để bỏ mất đức lớn. Ôi! Ngọc quý tiêu biểu ở chỗ nhuận khiết, nên dù màu son tía cũng chẳng hay phai được chất. Tùng cội tiêu biểu ở chỗ cực rét, nên dù sương tuyết cũng chẳng hay mất tiết tháo. Thế nên biết, tiết nghĩa là điều lớn trong thiên hạ. Duy cái chỗ tiết tháo của ông đáng chuộng nên ông cần phải tự cường. Cổ nhân nói: "Một cánh chim liệng vút trên cao thật chẳng dễ bì, làn gió mạnh xé tung bầu trời thật không sánh kịp. Nên ta cần phải như thế vậy."

Hòa thượng Phù Sơn Viễn nói: "Cổ nhân tìm thầy chọn bạn, sớm tối không dám lười biếng, đến những việc như thổi cơm giã gạo cũng vẫn âm thầm chịu đựng, chưa từng tỏ vẻ e ngại vất vả. Ta khi ở Diệp huyện đã từng trải những công việc đó. Nhưng có một điều, nếu tâm mình đoái đến lợi hại, so sánh hơn thua, thời y nhiên sao đọa vào lỗi lầm không hợp với đạo lý. Vậy, nếu thân đã bất chánh thì sao hay học đạo được ư."

Viễn Công nói: "Ôi! Trong khoảng trời đất, thật có những việc sinh trưởng rất dễ dàng, nếu thời tiết có một ngày ấm mà mười ngày rét, thời cũng không thể nào hay sinh được. Diệu đạo vô thượng tỏ rõ ngay trong tâm trước mắt, vì thế nên không phải là điều khó thấy. Chỉ cần nơi bền chắc của chí, chỗ tận lực của hành, thì ngay lúc đứng hay ngồi cũng hay tới được. Giả hoặc, một ngày thì tin rồi mười ngày lại ngờ vực, sớm thì siêng mà chiều lại chán nản, há phải chỉ những việc ngay trước mắt khó thấy, mà ta sợ suốt đời còn trái với diệu đạo vậy."

Viễn Công nói: "Cái yếu vụ của trụ thì trước hết phải xét phần thủ xả. Chỗ cùng cực của thủ xả định ở bên trong thời cái mầm mống an nguy định ở bên ngoài. An chẳng phải cái an ở một ngày, nguy chẳng phải cái nguy ở một ngày, mà nó đều chứa góp dần dần, nên không thể không xét nét cẩn thận. Nếu lấy đạo đức trụ trì thì tích phần đạo đức, lấy lễ nghĩa trụ trì thì tích phần lễ nghĩa. Láy bóc lột trụ trì thì tích phần oán hận. Tích oán hận thời trong ngoài lìa tan, tích lễ nghĩa thời trong ngoài hòa vui, tích đạo đức thời trong ngoài cảm phục. Vì thế, nên thấm nhuần đạo đức lễ nghĩa thời trong ngoài vui vẻ, bóc lột oán hận cùng cực thời trong ngoài đau thương. Ôi! Cái cảm của vui buồn, tất sẽ ứng với họa phúc vậy."

Viễn Công nói: "Trụ trì có ba điểm cần thiết là "Nhân", "Minh" và "Dũng". Nhân nghĩa là thực hành đạo đức, phát triển việc giáo hóa, an trên dưới, làm đẹp lòng người đi kẻ lại. Minh là giữ lễ nghĩa, biết

an nguy, xét hiền ngu, biện phải trái. Dùng nghĩa là phải quả cảm với công việc, trừ kẻ gian, bỏ kẻ nịnh. Nhân mà không có minh, như người có ruộng chẳng cày. Minh mà không có dũng, như có lúa non chẳng làm cỏ. Dũng mà chẳng có nhân, cũng như chỉ biết cắt cỏ mà chẳng biết gieo hạt giống. Ba điểm thiết yếu như trên mà đầy đủ, thời chốn tùng lâm hưng thịnh, thiếu một thời suy, thiếu hai thời nguy, thiếu tất cả thời cái đạo của trụ thì tất hỏng vậy."

Viễn Công nói: "Người trí kẻ ngu, người hiền kẻ bất tiếu, cũng như nước với lửa không thể cùng chung một đồ vật, như lạnh với nóng không thể đến cùng một thời. Nếu chia chẻ cho rõ ràng, kẻ trí hiền sĩ thì thuần ý đoan hậu, lấy đạo đức nhân nghĩa làm mưu kế, phát ra một lời nói, hay làm một công việc, chỉ sợ chẳng hợp với nhân tình, chẳng thông với lý của sự vật. Kẻ bất tiếu thì gian hiểm, dối trá, nịnh bợ, cậy mình khoe hay, ham danh trục lợi, chẳng đoái tới hết thảy. Nếu chốn Thiền lâm được người hiền thời lấy đạo đức làm bản vị tu hành, lấy cương kỹ làm mẫu mực, pháp tịch cũng do đó mà thành. Nếu không may gặp kẻ bất tiếu, thì chỉ làm cho rối quần, loạn chúng, gây cho trong ngoài không yên, dầu là đại trí lễ pháp, cũng không thể đem ra thi thố được. Người trí kẻ ngu, người hiền kẻ bất tiếu, hơn kém là như thế, nên cần phải lựa chọn cẩn thận."

Viễn Công nói: "Người trụ trì ở ngôi trên, phải nên khiêm cung tiếp kẻ dưới. Người chấp sự ở dưới cũng phải tận tình để phụng sự trên. Trên dưới đã hòa, thời cái đạo của trụ trì thông vậy. Người ở địa vị trên mà kiêu cứ tự tôn, kẻ chấp sự ở dưới lại lười biếng, khinh nhờn tự sơ, cái tình trên dưới chẳng ăn nhịp với nhau thời cái đạo của trụ trì tất bế tắc. Cổ nhân trụ trì, khi nhàn hạ vô sự, thường cùng với học đồ thung dung nghị luận, trong bất cứ một vấn đề gì. Bởi thế, một lời nói bàn, hay nửa câu giao hóa, đều được ghi chép vào truyện ký, để ngày nay lấy đó mà cân nhắc, là bởi cớ gì? Một là muốn khiến tình trên dưới thông hiểu lẫn nhau để đạo khỏi bị che lấp, hai là dự biết được tài năng tính nết của mỗi học đồ nên hay không để thích hợp với chỗ tiến thoái của họ, được như thế thì trên dưới tự nhiên hòa kính gần xa đều quy phục. Tùng lâm được hưng thịnh, cũng bởi lẽ đó vậy."

Viễn Công bảo Đạo Ngô Chân rằng: "Người học chưa thấu được đạo, chỉ khoe khoang chỗ thấy nghe nông cạn, giong ruổi chỗ hiểu biết máy móc, đem đầu lưỡi để biện tranh thắng, cũng chẳng khác gì như nhà xí lại sơn vẽ màu son, chỉ làm cho tăng thêm mùi xú uế thôi vậy."

Viễn Công bảo Diễn Thủ Tọa rằng: "Tâm là chủ một thân, làm

gốc cho muôn hạnh. Tâm chẳng diệu ngộ thời vọng tình tự sinh, vọng tình đã sinh thời thấy lý không tỏ rõ, thấy lý chẳng tỏ rõ thì phải lầm lẫn rối loạn. Sở dĩ muốn trị tâm cần phải mong cầu diệu ngộ. Ngộ thời thân hòa, khí tĩnh, dung mạo đáng kính, sắc diện trang nghiêm, vọng tưởng tán loạn đều dong làm chân tâm. Trị tâm như thế thời tâm tự linh diệu, sau đó mới đem ra chỉ đạo cho kẻ mê lầm, thời ai lại chẳng theo chỗ giáo hóa."

Hòa thượng Ngũ Tổ Diễn nói: "Thời nay chốn tùng lâm, những kẻ học đạo, thanh danh không được lẫy lừng, nên không được chỗ tin cậy của mọi người. Vì lẽ phạm hạnh không thanh bạch, con người không xứng đáng. Ví hoặc chỉ muốn mong cầu lợi dưỡng cùng tiếng khen, khoe khoang bề ngoài, liền bị người thức giả chê cười. Nên cái yếu diện bị che lấp, dù rằng có đạo đức như Phật Tổ, cũng bị người đời ngờ vực mà chẳng tin theo. Lũ ngươi một ngày kia nếu có trụ trì một tự viện nào, nên phải lấy đó làm gương mà tự gắng tiến."

Diễn Tổ nói: "Sư ông khi mới ở Dương kỳ, nhà gianh cũ nát chỉ đủ che mưa gió. Chợt một buổi chiều, tuyết rơi đầy giường, ngủ nghỉ không yên chỗ. Có một nột tử thành kính phát nguyện tu bổ. Sư ông khước từ và nói: "Đức phật ta có dạy, đương lúc kiếp giảm này, ngàn cao hang sâu, biến đổi bất thường, tự mình sao thỏa mãn được chỗ xứng ý. Lũ ngươi, người xuất gia học đạo, buông tay chân chưa ổn đã ngoài bốn năm mươi tuổi rồi, đâu lại có thì giờ nhàn rỗi để sửa sang nhà cửa lộng lẫy vậy ư!" Cuối cùng, Sư ông không ưng thuận, ngày hôm sau thăng tòa nói: "Dương Kỳ tạm trú nếp nhà xiêu, đầy giường tuyết phủ tựa chân châu, co gối rụt đầu nằm nhớ nghĩ, dưới cây người trước ngủ không lều."

Diễn Tổ nói: "Người nột tử giữ tâm thành phụng giới luật, ngày đêm thường nhớ nghĩ, sớm tối thực hành theo. Thực hành không vượt nghĩ, nghĩ không vượt thực hành. Có ở trước tất thành ở sau. Như người cày ruộng có bờ thì lỗi đó ít vậy."

Diễn Tổ nói: "Tùng lâm là nơi hun đúc Thánh hiền, nơi dưỡng dục tài khí, nơi phát xuất sự giáo hóa. Tuy là chỗ quần cư loại tụ, nhưng việc thống lĩnh để tề chỉnh thì đều có sư thừa. Đời nay các nơi không tuân thủ pháp độ của Tiên Thánh, phần nhiều thiên tình yêu ghét, lấy mình làm cách vật, còn biết lấy gì để kẻ nối nghiệp sau bắt chước."

Diễn Tổ nói: "Truyền đạo lợi sinh, cần ở chỗ lựa chọn được người, mà biết người lại là một việc rất khó, đến ngay như bậc Thánh triết cũng còn lấy đó làm lo. Nghe lời nói của người nhưng chưa bảo chứng

được hành vi, tìm biết được hành vi lại sợ bỏ sót mất tài năng của họ. Nếu trước đây không phải là người mà mình đã từng giao du, tường tận được mọi nguồn, khám phá được chí hành của họ, hiểu rõ được khí năng của họ, rồi sau cùng còn biết được cả chỗ giữ đạo cùng là chỗ ẩn tàng cái diệu dụng của họ. Còn những kẻ chỉ mua danh trang sức hình thức bề ngoài, thì phần ngụy tạo đó vẫn không thể dung thứ được, dù là chỗ kín đáo đến đâu cũng thấy được uyên nguyên. Ôi! Cái lý của xét rõ nghe tường, cố nhiên không phải công việc của một sớm một chiều hay làm nổi. Sở dĩ, Nam Nhạc Nhượng sau khi thấy Đại Giám, còn đích thân chấp tác thị giả mười lăm thu. Khi Mã Tổ thấy Nam Nhạc Nhượng, cũng còn theo hầu hơn mười năm. Thế nên biết, sự trao truyền thụ mệnh của Tiên Thánh, quả thật không vội vã thiển cận ở chỗ truyền tri. Cũng như một chậu nước truyền qua một chậu nước, mới hay nối tiếp được hồng quy. Còn như việc đương gia chủng thảo lại cần phải suy nghiệm cái lý xét kỹ nghe tường này có đâu lại dung cho kẻ sảo ngôn lệnh sắc, hẹp hòi phỉnh nịnh mà được sung tuyển vào chức đó vậy thay.”

Diễn Tổ nói: “Việc lớn của trụ trì cần ở “Tuệ” và “Đức”, phải đầy đủ cả hai phương diện, không thể bỏ thiếu một. Có ân huệ mà không có đạo đức thời người chẳng kính, có đức mà không có ân thời người chẳng nhớ. Nếu biết làm ân tất cả sự mong nhớ, lại thêm có đức để cùng giúp lẫn nhau, thời cái ân đã tỏa ra, tất đủ để an trên dưới, dụ dẫn bốn phương. Nếu thấy đức là đáng kính, lại thêm vào đó ân để giúp lẫn nhau, thời cái đức sẵn có đủ để nối dõi bậc tiên giác, chỉ đạo kẻ ngu mê. Cho nên người khéo trụ trì phải nuôi đức để làm ân huệ, tuyên ân huệ để giữ đạo đức. Đức mà hay nuôi thời chẳng khuất, ân mà hay làm thời có ân. Bởi thế, đức và ơn cùng súc tích, ân và đức cùng thực hành với nhau, như thế thời đức chẳng cần phải tu, mà được sự kính mến ngang với Phật Tổ, ân chẳng cần thực thi mà được nhớ như là cha mẹ. Vậy nên, những kẻ có chí với đạo khắp chốn hồ hải, ai là chẳng quy tụ. Người trụ trì truyền đạo đức, phục hưng giáo hóa, nếu chẳng rõ điều cốt yếu này, thời không thể thi thố trọn vẹn được.”

Diễn Tổ từ Hải Hội dời về Đông sơn, Thái Bình Phật Giám và Long Môn Phật Nhãn, hai ngài cùng đến Đông sơn yết kiến, Tổ cho tập họp các vị chủ sự kỳ cựu và chuẩn bị đầy đủ trà nước cho cuộc dạ thoại. Tổ hỏi Phật Giám: “Ở Thư châu được mùa không?” Trả lời: “Được mùa.” Tổ hỏi: “Ở Thái bình được mùa không?” Thưa rằng: “Được mùa.” Tổ hỏi: “Các trang trại cùng nhau thu lúa được nhiều ít ra sao?” Phật Giám tính toán suy nghĩ. Tổ nghiêm sắc mặt lớn tiếng nói: “Ông lạm dụng làm chủ

một ngôi chùa, thì công việc bất cứ là lớn hay nhỏ đều phải để tâm cho cùng hết. Sự kế toán hàng năm trong chốn thường trụ là việc tối quan hệ đến đại chúng mà ông còn chẳng biết, nữa là những các việc nhỏ nhặt khác thì biết sao đặng. Người chấp sự trong chốn sơn môn cần phải biết nhân biết quả, phải như việc Sư ông giúp đỡ Từ Minh Tổ Sư vậy. Ông sao chẳng nghĩ đến của cải của thường trụ nặng như núi hay sao.” Tuy Diễn Tổ nói ra chỉ là những cơ biện tầm thường nhưng ý nghĩa lại rất cao xa sắc bén mà Phật Giám đã giữ lễ của người đệ tử, nên sự ứng đối khoan thai mới đưa đến như thế vậy. Cổ nhân có nói: “Thầy nghiêm thì cái đạo của học vấn sau mới tôn. Nên con cháu môn đệ của Đông Sơn, xuất hiện nhiều người hiền đức siêu việt, thật là nguồn đã xa mà dòng lại dài vậy.”

Diễn Tổ thấy một nột tử ai là người có tiết nghĩa, có thể lập thân được, ở trong chốn trượng đường dù họ có nghiêm nghị khuôn phép Tổ cũng không hề ban lời khen thưởng hay sắc mặt yêu thương, mà Tổ chỉ xét đến những kẻ thiên tà xiểm nịnh những chỗ làm hèn mạt không thể dạy bảo được của họ lại tăng lời trìu mến trọng hậu hơn. Người đời đều không thể lường được việc này. Ôi! Đó chính là chỗ thủ xả của Tổ đã sẵn có đường lối vậy.

Diễn Tổ nói: “Cổ nhân thích nghe cái lỗi lầm của mình, mừng chỗ mình đã làm được điều thiện, thường bao dung kẻ hãm hại mình, hậu đãi kẻ ẩn chứa điều ác với mình. Khiêm nhượng để chơi với bạn, siêng năng để giúp đỡ chúng, chẳng lấy chỗ được mất mà sinh hai lòng, nên ánh sáng rực rỡ chiếu vở khắp cả xưa và nay vậy.”

Diễn Tổ bảo Phật Giám rằng: “Cái yếu của trụ trì, phần cư xử đối với chúng quý ở đầy đặn, đối với mình cần ở chỗ giản ước, các việc lặt vặt khác đều chớ nên quan tâm. Dùng người cần phải cẩn thận nói thành thật, lời nói cần phải lựa chọn thận trọng. Lời nói thận trọng thời người chủ tự tôn, xét người thành thật thời tâm của mọi người tự cảm. Tôn thời chẳng phải nghiêm nghị mà chúng phục, cảm thời chẳng cần ra lệnh mà việc thành. Như thế thời tự nhiên kẻ hiền người ngu đều thông suốt trong lòng, kẻ lớn người nhỏ đều phấn khởi hết sức. Còn như việc đem thế lực để duy trì, lấy quát mắng để bức bách, làm cho họ phải tuân theo một cách bất đắc dĩ, nếu đem ví với trên thì xa cách nhau gấp muôn lần vậy.”

Diễn Tổ bảo Quách Công Phụ rằng: “Tính tình của con người bất thường, biến đổi từng ngày Phật pháp tự cổ lai, tuy có lúc thịnh lúc suy, nhưng cái lý thịnh suy đó, cũng đều do sự giáo hóa gây nên. Xưa kia

Giang Tây và Nam nhạc, việc hoằng hóa của các Tổ, thì đem thuần phong để quạt mát, đem thanh tịnh để tiết chế, đem đạo đức để trang bị, đem lễ nghĩa để dạy bảo, khiến cho người học thu thập được phần lợi ích ở chỗ thấy, chỗ nghe, mà lấp được tà ác, tuyệt được thị dục, quên được lợi dưỡng. Thế nên, hàng ngày họ gần điều hay xa điều lỗi, đạo được thành tựu, đức được đầy đủ mà không tự biết. Con người đời nay không kịp người đời xưa thật quá xa vậy. Nếu muốn tham cứu đạo mầu này, nên phải bền chí chớ thay đổi, lấy chỗ liễu ngộ làm kỳ hạn, rồi sau những điều họa hoạn hay được mất mới đổ tại tạo vật. Nếu điều đó không thể tránh khỏi thì cũng chẳng nên can dự vào phần lo lắng cho đạo chẳng thành mà lại chẳng làm vậy ư? Hễ có một mảy may mối lo sợ manh nha nơi nội tâm, thời chẳng những riêng đời này chẳng liễu ngộ, mà đến ngàn đời vạn kiếp sau cũng không có cái thời cơ thành tựu được."

Công Phụ từ Đương Đồ qua sông, tới thăm Hòa thượng Bạch Vân Đoan ở Hải Hội. Bạch Vân hỏi: "Trâu của ông đã thuần chưa?" Ông đáp: "Thuần rồi." Bạch Vân liền quát mắng, ông khoanh tay đứng. Bạch Vân nói: "Thuần rồi, thuần rồi! Việc này cũng giống như Nam Tuyền và Đại Quy không khác." Rồi tặng bài kệ rằng: "Trâu lại trong núi, đủ nước đủ cỏ, trâu ra khỏi núi, húc Đông húc Tây." Lại nói: "Bậc thượng đại nhân dạy ba trăm học trò, khá biết lễ vậy."

Bạch Vân bảo Công Phụ rằng: Xưa kia Thúy Nham Chân Điểm Hung, say đắm mùi thiền quán, thích đem bàn bạc ngoài đầu lưỡi, chửi mắng mọi người ở các phương, chưa cho người nào là vừa ý mình, mà Đại pháp thật ra chưa được tinh tường. Vào một ngày, Kim Loan thị giả thấy vậy mỉm cười và nói: "Sư huynh tham thiền tuy nhiều, mà chẳng liễu ngộ, đúng là si thiền vậy."

Bạch Vân nói: "Sự thịnh suy của đạo đâu phải là lẽ thường, mà đều tại chỗ người hoằng đạo vậy. Nên có câu: "Gìn giữ thời còn, buông bỏ thời mất." Nhưng không phải đạo bỏ người, mà chỉ vì người bỏ đạo vậy. Người đời xưa ở nơi núi rừng, ẩn dật chốn triều thị, chẳng màng chi danh lợi, chẳng hoặc bởi thanh sắc, tiếng trong sạch mới hay chấn động một thời, cái đẹp mới lưu lại muôn thuở, lẽ đâu người đời xưa làm được mà người đời nay lại không thể làm được như vậy ư! Đó chỉ là do chỗ giáo hóa chưa chín mùi, chỗ làm đạo không hết sức vậy. Hoặc có kẻ bảo rằng: "Người thời xưa thì thuần phác nên hay giáo hóa, còn người đời nay thì phù bạc nên không thể dạy bảo." Nói như thế chính là lời cổ hoặc quần chúng thật không đủ tin cậy."

Bạch Vân bảo Vô Vi Tử rằng: "Nếu nói mà chẳng làm, thà rằng đừng nói, làm mà chẳng nói, thà rằng đừng làm. Phát ngôn phải lo đến hậu quả của nó, làm việc phải xét ở chỗ che đậy của nó. Bởi thế, bậc tiên triết cẩn thận ở lời nói, lựa chọn ở việc làm. Phát ngôn chẳng những để hiển đạo lý, mà còn đem mở bảo cho người học chưa ngộ. Làm việc không phải chỉ để hay riêng cho mình, mà còn đem dạy bảo cho người học chưa thành đạt. Vậy nên phát ngôn có pháp tắc, lập hành có lễ nghĩa, nên mỗi khi nói ra chẳng gặp vạ, mỗi khi làm việc chẳng bị nhục. Đã nói ra thời là kinh, làm việc thời là pháp. Cho nên nói rằng: "Nói và làm là then chốt của người quân tử, là gốc lớn của việc sửa mình", động đến trời đất, cảm đến quỷ thần, thật đáng kính vậy."

Bạch Vân bảo Diễn Tổ rằng: Trí năng của bậc Thiền, phần nhiều chỉ thấy những việc đã rồi, chẳng hay thấy được việc chưa tới. Chỉ quán định tuệ thì phòng ngừa ở lúc trước của sự việc chưa tới, tác chỉ nhậm diệt thì biết được sau của sự việc đã rồi. Cho nên, chỗ dùng của tác chỉ nhậm diệt thời dễ thấy, chỗ làm của chỉ quán định tuệ thời khó biết. Duy cổ nhân có chí ở đạo, đoạn tuyệt mối niệm khi chưa manh nha. Tuy có chỉ quán định tuệ, tác chỉ nhậm diệt, cũng đều là bàn về gốc ngọn vậy. Sở dĩ nói rằng: "Nếu có một mảy may nào nói tới gốc ngọn đều là tự dối mình, đó là chỗ thấy triệt để của cổ nhân chẳng bao giờ tự dối mình vậy."

Bạch Vân nói: "Phần nhiều thấy những nột tử chưa từng trải kịp đến cái kế xa và lớn ta sợ chốn tùng lâm sẽ suy vi từ đây. Dương Kỳ tiên sư thường nói: "Trên dưới muốn lẫn tránh cho an nhàn, đó là mối đại hoạn cho chốn thiền môn." Ta trước kia ẩn náu ở thư viện Quy tông, duyệt xem kinh sử, chẳng những chỉ vài trăm lần qua mắt, mà xem đến nỗi kinh sách đó cũ nát tới cùng cực. Nhưng mỗi khi mở quyển tất nhiên lại cùng thu hoạch được nhiều ý mới lạ, như vậy thì sự học chẳng phụ người như thế vậy."

Bạch Vân lúc đầu ở chùa Thừa thiên thuộc Cửu giang, sau dời về chùa Viên thông, tuổi đời còn rất nhỏ. Khi bấy giờ Hối Đường ở Bảo Phong, bảo Nguyệt Công Hối rằng: "Tân Viên Thông là người thấu triệt được kiến nguyên, thực chẳng hổ là pháp tự của Dương Kỳ, chỉ tiếc là ra ứng cơ quá sớm nên chẳng phải là phúc của tùng lâm." Công Hối, nhân hỏi về nguyên cớ. Hối Đường nói: "Cái mỹ khí của công danh, tạo vật đều tiếc, chẳng để trọn vẹn cho con người, nếu người cố tâm muốn có nó, thì trời tất nhiên sẽ cướp đi." Cuối cùng Bạch Vân mất ở chùa Hải hội, thuộc Thư Châu vừa vặn năm mươi sáu tuổi. Người thức giả

thường bảo rằng: "Hối Đường chẳng những chỉ biết về thời cơ mà còn biết tới chỗ vi tế nữa, quả thật là một triết nhân vậy."

Hòa thượng Hối Đường Tâm tham thiền với Nguyệt Công Hối ở Bảo phong. Công Hối thông hiểu triệt để tông chỉ kinh Lăng Nghiêm một cách trác tuyệt vô song. Hối Đường mỗi khi nghe được một câu một chữ, như là người được viên ngọc báu vui mừng khôn xiết. Trong đám nột tử, có người bàn lén về việc này, Hối Công nghe biết và nói: "Học chỗ sở trường của người, sửa chỗ sở đoản của ta, ta có nề hà chi vậy." Anh Thiệu Võ nói: "Sự học đạo của Hối Đường sư huynh, đã được các nột tử chốn tùng lâm lấy làm tông chỉ, thế mà còn lấy chỗ tôn đức tự thắng làm vui, lấy điều chưa thấy chưa nghe làm xấu hổ, khiến cho tùng lâm tự rộng mà lại hẹp ở con người, để có chỗ, làm khuôn phép, thì đâu phải là bổ ích nhỏ vậy."

Hối Đường nói: "Cái yếu của trụ trì là phải đặt kế hoạch xa và lớn, tỉnh lược những công việc gần và nhỏ. Công việc gì chưa quyết đoán được, nên đem thỉnh vãn các bậc lão thành. Nếu vẫn còn ngờ vực, lại tới hỏi ở hàng thức giả. Ví hoặc cũng vẫn chưa hết chỗ quyết nghi, thì cũng chẳng đến nỗi quá tệ vậy. Giả hoặc người chủ, thích buông theo tư tâm, chuyên trách việc thủ xả theo ý muốn của mình, nhất đán gặp mưu kế của kẻ tiểu nhân, tội đó sẽ quy về ai! Cho nên nói: "Mưu lược cần phải có sự tham gia của số đông người, quyết đoán công việc, cần phải ở ý kiến của một người. Mưu lược cần phải sự góp ý ở nhiều người, để xét rõ phần cùng cực của lợi hại, quyết đoán cần phải ở chính mình, mới có thể định rõ điều phải trái trong chốn tùng lâm."

Hối Đường không nhận lời mời phó hội của Quy Sơn. Trần Oách Trung ở Diên Bình, gởi thư khuyên rằng: "Cổ nhân xưa kia, nếu mỗi khi ngôi trụ trì khuyết chức, thì tuyển người hữu đức để bổ xung. Người nhậm chức vụ này, tất nhiên phải đem cái đạo ấy để giác ngộ cho người ấy, tuyệt nhiên không vì thế lực thanh lợi làm biến đổi. Người học ngày nay chưa thấu tỏ đại đạo, lại đua theo học dị học, trôi vào ngả danh tướng, liền bị dao động bởi thanh sắc, kẻ hiền người ngu lẫn lộn, không phân biệt rõ ràng. Chính vì thế, nên các bậc lão thành, khi động lòng trắc ẩn thì cần phải lấy đạo để tự nhậm, ngăn cản trăm con sông để xoay chuyển lại những ngọn cuồng ba cũng không khó. Trái lại, nếu lui bước để tìm sự tĩnh mịch, chú trọng chốn an nhàn, lấy việc hay riêng thân mình làm sở thích, thì quả thật chẳng phải nơi tùng lâm kỳ vọng ở ngài vậy."

Một bữa Hối Đường thấy Hoàng Long có sắc mặt chẳng vui, nhân

thế mới hỏi duyên cớ. Hoàng Long nói: “Chưa tìm được người giám thu. Hối Đường bèn tiến cử Cảm Phó Tự.” Hoàng Long nói: “Cảm còn thô bạo, sợ bị kẻ tiểu nhân mưu hại.” Hối Đường nói: “Hóa Thị Giả là người liêm can.” Hoàng Long bảo: “Hóa tuy liêm cẩn nhưng lại không bằng Tú Tạng Chủ, có lượng mà trung thành.” Linh Nguyên thường hỏi Hối Đường rằng: “Hoàng Long dùng một người giám thu, tại sao lại lo lắng như thế.” Hối Đường nói: “Có nước có nhà ai chẳng lấy việc đó làm gốc, chẳng những Hoàng Long làm như thế, mà các bậc Tiên Thánh cũng từng cảnh giới việc này.”

Hối Đường bảo Chu Cấp Sự Thế Anh rằng: “Ta khi mới nhập đạo, thường mắc cái tính tự thị. Sau khi gặp Hoàng Long Tiên sư, ta mới xét lại những sự việc thông dụng hàng ngày, thì mâu thuẫn với đạo lý quá nhiều, liền tận lực làm việc trong ba năm, chẳng quản ngại khi trời rét dữ hay nắng gắt, cũng vững chí không dời đổi, rồi sau mới được tới chỗ sự lý viên dung, nên bây giờ tất cả những cử động như ho hắng hay chuyển động tay chân cũng đều hợp với ý của Tổ sư từ Tây Trúc lại”.

Chu Thế Anh hỏi Hối Đường rằng: “Người quân tử chẳng may phạm điều lẫm lỗi nhỏ, mà có người nghe biết hay thấy thì họ đều chỉ trích không ngớt; kẻ tiểu nhân trọn ngày làm điều ác, mà chẳng hề bị người chỉ trích, đó là cớ sao vậy?” Hối Đường nói: “Đức của người quân tử ví như ngọc tốt, nếu có vết ở bên trong tất phải hiện ở bên ngoài, nên người ta dễ thấy và cho đó là điềm lạ, không thể không chỉ trích được, còn như kẻ tiểu nhân, căn cứ vào chỗ làm hàng ngày của họ, thì có đầy rẫy điều tội lỗi, làm sao lại có thể dùng lời mà diễn tả được nữa vậy.”

Hối Đường nói: “Cái đạo của Thánh nhân, cũng như trời đất nuôi muôn vật, nên đạo không chỗ nào là không đầy đủ. Cái đạo của chúng nhân, ví như sông lớn sông nhỏ, sông Hoài sông Tế, như núi gò suối hang, như côn trùng cây cỏ, đều chỉ hết cái lượng của chúng mà thôi. Chúng đâu có biết, ngoài phạm vi của chúng ra, đạo vẫn bao trùm khắp nơi chốn vậy. Ôi! Đạo há đâu lại có hai ngã vậy ư! Đó chỉ là do chỗ biết có nông sâu, nên mới thành ra có lớn có nhỏ.”

Hối Đường nói: “Bỏ lâu không thể thành công mau chóng, điều tệ tích chứa không thể trừ bỏ ngay, chơi bời thong thả không thể mến tiếc lâu dài, tình người chẳng hay thỏa đáng tốt đẹp, họa hoạn không thể dễ dàng trôi qua. Ôi! Làm bậc Thiện tri thức đạt được năm việc này, thời có thể thiệp thế mà không buồn phiền vậy.”

Hối Đường nói: “Bậc tiên sư khi tiến lúc ngưng, đều trang nghiêm trịnh trọng, người đời thấy thế đều cung kính sợ hãi. Kẻ nột tử, nhân khi

có việc xin đi đâu, ngài phần nhiều quở trách không ưng thuận. Nhưng khi nghe thấy xin phép về thăm hỏi cha mẹ già, thì khí sắc vui vẻ của ngài hiện ngay nơi nét mặt, rất vui vẻ mà chấp thuận ngay. Ngài yêu thương người hiếu kính đến như thế."

Hối Đường nói: "Hoàng Long tiên sư, xưa kia cùng với Hòa thượng Vân Phong Duyệt, ngồi hạ ở Kinh Nam Phượng Lâm. Duyệt là người thích biện luận, có một ngày tạo ra cảnh huyên náo với nột tử. Tiên sư vẫn lặng lẽ xem kinh, coi như mình không hề nghe biết. Sau đó, Duyệt tới đầu án kinh của tiên sư, quắc mắt mà trách rằng: "Ông ở chỗ này học tập cái độ lượng của bậc Thiện tri thức vậy ư?" Tiên sư cúi đầu bái tạ, rồi lại xem kinh như cũ."

Hòa thượng Hoàng Long Nam nói: "Ta trước kia cùng Văn Duyệt vân du ở Hồ Nam, thấy kẻ nột tử mang lung đi hành cước." Duyệt kinh dị, nhăn mặt chau mày mà mắng rằng: "Vật trong nơi khuê cáp ở chính trong nhà mình mà chẳng chịu bỏ đi, lại phiền lụy đến phần gánh của người khác, thật quả là quá mệt nhọc vậy."

Hoàng Long nói: "Trụ trì cần ở chỗ được lòng chúng. Được lòng chúng là ở chỗ thấy tình." Đức Phật nói: "Tình người làm ruộng phúc cho đời, đạo lý đều từ đó mà sinh ra." Cho nên, sự bĩ thái của thời, tổn ích của việc, tất nương vào tình người. Tình người có thông tắc, nên bĩ thái phát sinh. Sự việc có hậu bạc, nên tổn ích phải đến. Duy Thánh nhân hay suốt được cái tình của thiên hạ, nên những quẻ riêng biệt trong kinh Dịch có chia ra: Càn ở dưới khôn ở trên thời nói rằng thái, càn ở trên khôn ở dưới, thời nói rằng bĩ. Theo Tượng truyện của Dịch: Tổn ở trên ích ở dưới, thời nói rằng ích, tổn ở dưới ích ở trên, thời nói rằng tổn. Ôi! Càn là trời, khôn là đất, trời ở dưới mà đất ở trên, thời ngôi vị đó trái ngược, mà lại bảo đó là thái, là vì lẽ trên dưới giao hòa với nhau vậy. Chủ ở trên mà khách ở dưới, thì nghĩa đó là thuận, mà trái lại bảo đó là bĩ, là vì lẽ trên dưới, chẳng giao hòa với nhau vậy. Bởi lẽ trời đất chẳng giao hòa với nhau, nên mọi vật chẳng được sự nuôi nấng, lòng người chẳng giao cảm với nhau, nên muôn việc chẳng hòa, cái nghĩa tổn ích cũng bởi thế mà ra. Ôi! Người ở địa vị trên, thời tự biết mình phải tiết ước, mà phải rộng rãi với kẻ dưới, thì người dưới tất vui vẻ mà cung phụng người trên, há chẳng bảo đó là ích vậy ư! Ở ngôi trên mà khinh miệt kẻ dưới, lại tự mình phóng túng, thời người dưới tất oán mà trái lệnh trên há chẳng bảo đó là tổn vậy ư! Cho nên trên dưới giao hòa thời thái, chẳng giao hòa thời bĩ. Tự tổn mình thì ích người, tự ích mình thì tổn người. Sự được hay mất của tình người, đâu có dễ dàng

vậy, Tiên Thánh thường ví người là con thuyền, tình là nước, nước hay chở được thuyền, nhưng nước cũng hay lật được thuyền, thuận với nước thời thuyền nổi, trái với nước thời thuyền chìm. Vậy nên, người trụ trì nếu được lòng người thời hưng thịnh, mất lòng người thời suy vi. Được hoàn toàn thì hoàn toàn thịnh, mất hoàn toàn thì hoàn toàn suy. Thế nên cùng làm điều thiện thì phúc nhiều, cùng làm điều ác thời vạ lắm. Thiện ác cùng một loại, luân chuyển như đầu mối chuỗi hạt châu. Thịnh suy theo pháp tắc tuần hành tỏ rõ như xem mặt trời vậy. Đó là nguyên quy cho đời này qua đời khác phải noi theo."

Hoàng Long bảo Kinh Công rằng: "Phàm để tâm vào công việc chỗ mình làm, thường cần phải mở rộng con đường thẳng trước mắt, khiến cho hết thảy mọi người đều đi được, đó mới là cách dụng tâm của đại nhân. Bằng như con đường lại nguy hiểm chẳng thông, chẳng những khiến người ta chẳng hay đi được, mà chính ngay cả tự mình, cũng không có nơi đặt chân vậy."

Hoàng Long nói: "Ôi! Người ta nói năng lúc lặng thinh, khi cử động lúc an tĩnh, tự mình phải, trên chẳng dối trời, ngoài không dối người, trong chẳng dối lòng, đó mới bảo là được vậy. Tuy nhiên, cũng còn phải nên khuyên răn và thận trọng cả ở chỗ một mình hay nơi vắng kín, quả thật không một mảy may dối trá, như thế mới bảo đó là được vậy."

Hoàng Long nói: "Ôi! Cái chức của Trưởng lão là cái khí cụ của đạo đức, bậc Tiên Thánh kiến tạo tùng lâm, đặt ra kỷ cương, lập ra danh vị, tuyển chọn người nột tử có đạo đức để gánh vác chức đó. Nên chức vụ của Trưởng lão có trách nhiệm là phải thực hành phần đạo đức của mình, chẳng phải chỉ lạm dụng cái tên đó vậy. Từ Minh tiên sư thường nói: "Cùng với người giữ gìn đạo tuy cùng chết già trong nơi gò lạch, nhưng chẳng bằng người hành đạo lãnh chúng chốn tùng lâm." Há chẳng phải là người khéo giữ cái chức Trưởng lão, thời đạo đức của Phật Tổ còn được tồn tại đó sao."

Hoàng Long bảo ẩn sĩ Phan Diên Chi rằng: "Cái học của Thánh hiền, không có thể thành tựu ngay được mà cần phải tích lũy. Cái yếu của tích lũy, duy ở chỗ chuyên và cần, trừ khử lòng thị hiếu, thực hành không biết mỏi, vậy sau mới mở mang rộng rãi ra, thì có thể hết được cái diệu trong thiên hạ".

Phan Diên Chi nghe biết Hoàng Long là người đạo pháp nghiêm mật, nhân đến hỏi về yếu lĩnh đó. Hoàng Long nói: "Cha nghiêm thời con kính. Quy huấn ở ngày nay là mô phạm cho ngày sau. Ví như san

đất, chỗ cao thì đào cho thấp, chỗ trũng thì lấp cho bằng. Kẻ kia muốn lên núi cao ngàn nhận ta cũng theo họ đi cùng, khốn khổ đến cùng cực ở nơi vực thẳm, ta cùng đi tới với họ. Khi tài đã cùng, vọng đã hết, thời kẻ kia tự nghỉ vậy.” Lại nói rằng: “Có nuôi có dưỡng, nên vạn vật sở dĩ sinh trưởng ở mùa Xuân mùa Hạ, có sương có tuyết, nên vạn vật thành thục ở mùa Thu mùa Đông.” Ta muốn đừng nói có thể được vậy ư.

Hoàng Long trong trượng thất có ba lời then chốt gọi là “Tam quan ngữ”. Kẻ nột tử ít người khế hợp được cơ đó, hoặc có thù đối, chỉ nhắm mắt ngồi ngay, không quyết đoán khả phủ được. Diên Chi luôn luôn nghiền ngẫm Quan ngữ đó, Hoàng Long nói: “Người đã qua cửa ải rồi thì vung cánh tay mà đi, nếu còn theo người giữ cửa để hỏi khả phú, thì đó là người chưa thấu được quan ngữ vậy.”

Hoàng Long nói: “Đạo như núi, càng lên lại càng cao, như đất, càng đi lại càng xa. Người học nông cạn chỉ hết cái sức của họ mà ngưng vậy. Duy người có chí với đạo, mới hay cùng được chỗ cao xa đó. Ngoài ra, thì ai sánh kịp được như thế vậy.”

Hoàng Long nói: “Trời đất, mặt trời, mặt trăng ở thời xưa, cũng như trời đất, mặt trời, mặt trăng ở thời nay. Tính tình vạn vật ở thời xưa, cũng như tính tình vạn vật ở thời nay. Trời đất, mặt trời, mặt trăng thì cố định không đổi: Tính tình của muôn vật cũng cố định không biến. Tại sao lại riêng có đạo đức biến đổi được vậy ư! Đáng buồn cho người chưa đến được đạo, chỉ chán cũ vui mới, bỏ cái này lấy cái kia, cũng giống như người đi về đất Việt, chẳng đi về phía Nam mà đi về phía Bắc, đó bảo là khác người vậy. Như thế, chỉ luống nhọc lòng họ, khổ thân họ, chí của họ càng siêng, nhưng cái đạo đó lại càng xa vậy.”

Hoàng Long bảo Anh Thiệu Võ rằng: “Chí con người phải quy về một, phải giữ cho bền lâu chớ đổi dời, thì một ngày kia tất biết được chỗ quy thú của diệu đạo. Giả hoặc kẻ đó tâm còn đắm vào tốt xấu, tình còn buông vào tà vậy, thì dẫu có chí khí như cổ nhân, ta sợ trọn đời cũng chẳng được thấy đạo vậy.”

Hòa thượng Bảo Phong Anh nói: “Các bậc lão túc khắp nơi, có những niêm đề, công án để phê phán về lời nói của các bậc tiên giác, đó chẳng qua cũng như người bưng đất đắp núi Thái sơn, vúc nước tưới bể Đông hải. Song các ngài há lại cậy vào đó để làm cao sâu vậy ư! Căn cứ vào chí của mình thì đó là ích, nhưng lại chẳng tự biết, đó chẳng phải là thỏa đáng vậy.”

Anh Thiệu Võ thường thấy người học buông lung, chẳng sợ nhân quả. Liền than thở hoài và nói: “Đời người như quán trọ, ở thời tùy

duyên, đi thời mất vậy, chỗ sở đắc của họ có được là bao. Lũ các ngươi chẳng biết liêm sỉ, can phạm danh phận, nhơ nhuốc tôn giáo, đến nỗi như thế. Chí người đại trượng phu, là ở chỗ khôi phục hoằng dương cái đạo của Phật Tổ dẫn dụ kẻ hậu lai. Không nên chuyên chú vào lòng ham muốn riêng mình, không kiêng sợ điều gì, gây cái vạ cho một đời, tạo cái ương cho muôn kiếp. Dù có phải chịu cái khổ ở tam đồ địa ngục cũng chưa phải là khổ, mà hướng dưới tấm ca sa mất mất thân người mới thật là khổ vậy."

Anh Thiệu Võ bảo Hối Đường rằng: "Phàm gọi là Thiện tri thức giúp đỡ sự tuyên dương hoằng hóa của Phật Tổ, khiến kẻ nột tử hồi tâm hướng đạo, thay đổi phong tục, cố nhiên không phải là người thiển bạc mà họ có thể hay làm được. Tỷ-khưu thời mạt pháp, phần nhiều chẳng tu đạo đức. Ít có tiết nghĩa, lại thường chen gót tới lui, van xin sự thương xót, truy cầu thanh lợi trước cửa quyền thế. Nhất đán nghiệp đầy phúc hết, thời trời người chán ghét, gây vết dơ cho chính tông, làm hệ lụy cho thầy bạn, thật là đáng buồn vậy." Hối Đường gật đầu.

Anh Thiệu Võ bảo Phan Diên Chi rằng: "Người học giả thời xưa chuyên sửa tâm (gốc), người học giả thời nay lại sửa tích (ngọn). Song tâm với tích thì cách xa nhau một trời một vực vậy."

Anh Thiệu Võ bảo Hòa thượng Chân Tịnh Văn rằng: "Vật gì lớn nhanh, tất phải gẫy non, công nghiệp chóng thành, tất nhiên dễ hoại. Chẳng suy tính cái kế lâu dài, chỉ gây dựng cái công nghiệp vội thành, đều chẳng phải là chỗ nương vào kế xa và lớn. Ôi! Trời đất thì thiêng liêng rất mực, cũng còn cứ năm năm lại có hai năm nhuận, thì cái công của trời đất mới thành, cái hóa của trời đất mới đủ, huống chi chỗ nhiệm màu của đại đạo, há lại vội vàng hấp tấp, mà hay thành biện được vậy ư? Điều thiết yếu là chỗ góp công chứa đức. Cho nên nói rằng: "Việc muốn tốc thành thời chẳng đạt, việc làm kỹ lưỡng thời chẳng mất. Sự thành quả của vẻ đẹp là ở nhiều công phu, liền có cái mưu chung thân." Thánh nhân nói: "Đem lòng tin để giữ, gắng gỏi để làm, đem lòng trung thành để tới, thời việc tuy lớn nhưng tất phải xong."

Xưa Triết Thị Giả, ngồi thiền thâu đêm không ngủ. Thường lấy cây tròn làm gối, nếu hơi ngủ thời gối chuyển, rồi lại thức dậy, ngồi nguyên như cũ, coi làm thường lệ. Hoặc có người bảo: "Đó là việc dùng tâm thái quá." Triết đáp: "Ta đối với trí tuệ thì duyên phận vốn mong manh, nếu chẳng khắc khổ gắng chí, sợ bị vọng tập lôi kéo. Huống hồ, đời là mộng huyễn không thực, sao được coi đó là kế lâu dài. Ta trước ở Tương tây, mục đích thấy người noi theo như thế, nên trong chốn tùng

lâm, ai cũng phục cái danh đó, kính cái đức đó mà đều khen."

Hòa thượng Chân Tịnh Văn tham thiền ở Hoàng Long đã lâu ngày, lúc đầu, đã nói: "Không xuất hiện trước quần chúng." Nhưng sau đó đã nhận lời mời của Đồng Sơn. Trên đường đi qua Tây Sơn, có tới thăm Hòa thượng Hương Thành Thuận. Thuận nói bỡn rằng: "Gia Cát xưa kia ẩn am tranh, lời mời khẩn khoản xuất núi xanh, tùng hoa lại được màu xuân sắc, gốc ở thâm nham vẫn nở cành." Chân Tịnh bái tạ rồi lui.

Chân Tịnh cử Quảng Đạo Giả trụ trì chùa Ngũ phong. Dư luận cho rằng, Quảng là người vụng về, không có tài ứng thế. Kịp tới lúc Quảng trụ trì, thì tinh tiến để sửa mình, khoan hồng để xét chúng. Chưa bao lâu mà hàng trăm việc đình trệ đều được tiến hành. Kẻ nột tử đi lại tấp nập, náo nhiệt tuyên truyền. Chân Tịnh nghe biết thế và nói: "Người học sao lại khen chê dễ dàng quá vậy?" Ta mỗi khi thấy chốn tùng lâm, có người bàn lén rằng: "Vị Trưởng lão này thì hành đạo an chúng, vị Trưởng lão này chẳng lạm dụng của thường trụ, cùng với chúng cùng chịu cam khổ." Ôi! Xưng là bậc Thiện tri thức, làm chủ một ngôi chùa, hành đạo an chúng, chẳng lạm dụng của thường trụ cùng với chúng cùng chịu cam khổ cố nhiên là việc phải làm, lại còn gì để phải nói hơn nữa. Như kẻ sĩ đại phu làm quan, vì nước an dân, liền nói rằng: "Ta không nhận của hối lộ, chẳng sách nhiễu dân." Vậy việc không nhận hối lộ, không sách nhiễu dân, đâu phải là ngoài phận sự vậy ư.

Chân Tình ở chùa Quy tông. Hàng năm có các hóa chủ lại dâng mục lục những đồ vật cúng dường, trong đó có vải lụa rất nhiều. Chân Tịnh thấy thế, cau mày mà than rằng: "Đây là tâm huyết của lòng tin, ta hổ thẹn không có đức, đem gì để đền bù xứng đáng."

Chân Tịnh nói: "Tỳ-kheo thời Mạt pháp, ít người có tiết nghĩa. Mỗi khi thấy họ bàn cao luận rộng và tự nói: "Người chẳng ai kịp mình." Tới khi chịu cái ơn của một bữa ăn, thời họ lại cho cái lúc trước kia khác, nhưng sau lại phụ họa theo, trước thì khen đấy rồi sau lại chê đấy. Còn tìm được người, phải thì nói rằng phải, trái thì nói rằng trái, trung chính mà chẳng che đậy quả thật hiếm vậy."

Chân Tịnh nói: "Cái pháp của Tỳ-kheo, thụ dụng chẳng nên phong phú và mãn túc. Khi quá phong mãn tất nhiên phải tràn đầy. Cái việc xứng ý chẳng nên đa mưu, nếu đa mưu thì việc hỏng trọn vẹn. Cái gì có thành, tất nhiên có hoại. Ta thấy Hoàng Long tiên sư, ra ứng thế bốn mươi năm, khi nói khi lặng, lúc động lúc tĩnh, chưa từng lấy sắc mặc, đem lễ mạo, hoặc văn tài, để lao lung kẻ nột tử đương thời, mà chỉ đem chỗ thấy biết xác đáng, noi theo chỗ thật, xét theo chỗ chân, để biết

nguyên do ủy khúc của thành bại. Sự thận trọng của ngài như thế, thật là đạt được cái thể tài của cổ nhân, mọi nơi ít có ai sánh bằng, nên ngày nay tới chúng, đều lấy đó làm pháp tắc."

Chân Tịnh ở chùa Bảo ninh thuộc Kiến khang. Có Thư Vương cúng trai và thấn vật như lụa là... Nhân hỏi Tăng thị giả: "Đây là vật gì?" Thị Tăng nói: "Dùng để may ca-sa". Chân Tịnh chỉ vào tấm áo Già-lê mình đang mặc bằng vải thô và nói: "Ta mặc áo tầm thường như thế này, mà cũng chẳng tránh được sự phê phán của người đời, nữa là lại dùng tơ lụa vậy ư." Ngài liền ra lệnh đưa cho người coi kho đem bán lấy tiền cung chúng. Ngài chẳng chuộng về hình thức phục sức là như thế vậy.

Chân Tịnh bảo Thư Vương rằng: "Chỗ dùng hàng ngày là căn cứ ở sức làm việc, nếu một khi có điều gì trái thời phải ngăn đi bằng được, không nên vì khó dễ mà thay đổi ý chí. Nếu đem việc khó ngày hôm nay mà quay đầu đi chẳng đoái hoài đến, thời sao biết cái khó ở ngày khác lại chẳng khó hơn ở ngày hôm nay vậy ư."

Chân Tịnh, khi nghe biết có một đạo sĩ nào ở một địa phương thiên hóa thì ngài thương tiếc đến rơi lệ. Lúc đó Trạm Đường làm thị giả, bèn hỏi: "Vạn vật sinh trong khoảng trời đất, một khi hình chất đã thành, thì phải khô chết tàn lụi, tựa hồ như không thể tránh khỏi được, vậy vì lẽ khổ đau gì mà tự ngài phải đau lòng đến thế?" Chân Tịnh nói: "Sự hưng thịnh của pháp môn, đều nhờ vào người có đức mà hưng thịnh, nay thì đều mất vậy. Sự suy vi của tùng lâm, phải lấy đó làm chiêm nghiệm."

Hòa thượng Trạm Đường Chuấn, lúc đầu tham thiền ở Chân Tịnh, thường thắp đèn trong trướng đọc kinh sách. Chân Tịnh liền mắng rằng: "Điểm chính của người học là ở chỗ trị tâm. Nếu học dẫu nhiều mà tâm chẳng sửa trị, thì ví có học nhiều cũng chẳng có ích gì. Hơn nữa, lại còn có rất nhiều các môn học khác của hàng trăm nhà khác nhau, nhiều như núi cao như bể sâu. Vậy ông dù có học hết được tất cả, nhưng đó chỉ là sự việc bỏ gốc theo ngọn, đem cái hèn dùng vào chỗ quý, sợ nó ngăn ngại mất đạo nghiệp. Vậy nên phải chấm dứt mọi duyên, để cầu diệt ngộ. Nếu ở một ngày khác ông xem các môn học ấy, thì dễ dàng cũng như người chỉ việc đẩy chốt cửa mà vào, chẳng gặp chi khó khăn vậy." Trạm Đường tức thời dẹp bỏ chỗ mình đang tập, rồi chuyên tu thuyền quán. Ở một ngày, ông nghe thấy kẻ nột tử đọc biểu, xuất sư của Gia Cát Lượng Khổng Minh, bừng vậy khai ngộ, gỡ hết được mọi chỗ ngưng trệ, có biện tài vô ngại, trong hàng lưu bối ít ai hay vượt được ông.

Trạm Đường nói: "Người có đạo đức thì vui với chúng, người

không có đạo đức thì vui ở mình. Cái vui cùng với chúng thời lâu dài, cái vui ở riêng mình thời dễ mất. Ngày nay, người xưng là trụ trì, phần nhiều lấy sự ưa ghét để xét chúng, nên chúng nhân đều uất ức. Tìm cái ưa đó để biết chỗ ghét, tìm cái ghét để biết chỗ ưa đó thì ít vậy.” Cho nên nói: “Cùng chúng cùng dự phần lo hay vui, cùng dự phần ưa hay ghét là nghĩa vậy. Đã có nghĩa thời thiên hạ ai mà chẳng phục.”

Trạm Đường nói: “Đạo là chính và quyền của xưa và nay. Người khéo hoằng đạo, cần ở chỗ biến thông. Người chẳng biết biến thông, cứ câu nệ vào văn, chấp vào giác, trệ ở tướng, khốn ở tình, thì đó đều là người không đạt được quyền biến. Vị Tăng hỏi Triệu Châu: “Vạn pháp quy về nhất, nhất quy về chốn nào?” Triệu Châu nói: “Ta ở Thanh Châu làm một chiếc áo lót bằng vải, nặng bảy cân.” Nghĩa là, cổ nhân nếu chẳng đạt được quyền biến, thì sao hay thù đáp được như thế đó. Thánh nhân nói: “Hang sâu thẳm thì vô tư, nên phát được âm ưởng ấy, chuông lớn vì chịu được sà ngang, nên khi đánh mới ứng được âm thanh ấy.” Thế nên biết, bậc thượng sĩ khắp nơi, dùng chỗ trái lẽ thường mà vẫn hợp đạo. Chẳng giữ một chiều mà không ứng biến vậy.”

Trạm Đường nói: “Người học tìm bạn, phải nên tìm người đáng làm bậc thầy, luôn luôn mang lòng tôn kính, nếu làm việc gì cũng nên lấy đó mà bắt chước, bạn như thế mới mong có ích. Hoặc giả, trí thức của họ cách xa với ta, cũng có thể y theo vào đó mà làm bạn, để cảnh sách chỗ của ta chưa theo kịp. Vạn nhất, họ cùng với ta ngang nhau, thời chẳng bằng không có là hơn vậy.”

Trạm Đường nói: Đương lúc Tổ đình thu vãn, trong chốn tùng lâm những người không làm chuyện bôn tẩu ồn ào, quả thật là rất khó có được. Xưa Chân Như trụ trì chùa Trí hải, thường nói: “Khi ta trụ trì chùa Đạo ngô ở Tương tây, chúng tuy không nhiều, nhưng cũng còn có vài bậc Trưởng lão, noi theo cái đạo ấy. Từ khi ta từ chùa Đại quy trở lại chùa Trí hải, thì số Tăng chúng thường thường rất đông đảo không bao giờ con số dưới chín trăm người, nhưng không có được lấy năm bảy người, lãnh hội được chỗ nói đạo của ta. Bởi thế ta biết, chọn được người hiền không phải cứ ở nơi đông chúng vậy.”

Trạm Đường nói: “Duy chỗ lý lịch và hành vi của con người, ta không thể đem một lời cật vấn hay một câu trả lời mà hay biết hết được. Vì lẽ, ngoài miệng lưỡi của họ tuy biện bạch lanh lợi, nhưng hoặc việc làm của họ chưa có thể tin được. Kẻ nói năng tuy vụn về, nhưng đối với lý của họ hoặc có thể là không cùng. Tuy lời của họ cùng, nhưng sợ cái lý của họ chưa cùng. Hay phục về miệng lưỡi của họ, nhưng sợ chưa

phục cái tâm của họ. Duy cái khó biết người, Thánh nhân cũng còn cho đó là việc đáng lo. Huống hồ kẻ nột tử gần đây, chỗ thông minh của họ thì không thông suốt được vật tình, chỗ thấy nghe nhiều của họ, cũng chỉ như nhìn qua lỗ hổng. Đối với chúng thì trái với ý muốn, đối với đạo thì trái với đường lối. Cùng sùng chuộng nhau ở chỗ dối, cùng che đậy nhau ở chỗ trá. Khiến cho cái đạo của Phật Tổ bời bời mà càng ngày càng mỏng manh, thực không thể cứu vãn được.”

Trạm Đường bảo Diệu Hỷ rằng: “Tỳ-kheo thời Tượng quý, bề ngoài phần nhiều chạy theo vật chất, bên trong chẳng minh được tâm tính, ví có hoằng dương đạo pháp, đều chẳng phải là cứu cánh. Bởi lẽ vì nương vào chỗ thấp kém mà khiến đến như thế. Cũng ví như con nhặng (ve) trâu, bay chỉ được vài bước, nhưng nếu nương vào đuôi con ngựa ký thì nó có khả năng lướt gió đuổi ngày. Đó là lẽ hơn của sự nương cậy vậy. Thế nên người học, ở ắt phải chọn nơi, chơi tất phải tìm bạn, liền hay dứt được tà vạy, gần được chỗ trung chính, và nghe được chính ngôn. Xưa kia Hòa thượng Phúc Nghiêm Nhã chỉ yêu chuộng phần tiêu biểu cao vút của mỗi Chân Như Triết, nhưng chưa biết chỗ Triết nương tựa vào người nào. Nhân một ngày thấy Triết cùng Đại Ninh Khoan, Tưởng Sơn Nguyên, Thúy Nham Chân cùng đi với nhau. Nhã vui mừng khôn xiết, liền thung dung bảo Triết rằng: Chư Đại sĩ là những bậc long tượng trong pháp môn, ông được đi theo với các ngài du hành, ngày khác sẽ chống giữ cái suy đồi của đạo ta, làm rực rỡ chỗ lợi tế của Tổ giáo, thật không cần ở chỗ di chúc nhiều của ta vậy.”

Trạm Đường bảo Diệu Hỷ rằng: “Người tham thiền cần phải có tri thức cao xa, chí khí vượt mức, lời nói và việc làm phải giữ lòng tin với người, chớ có theo thế lợi mà cẩu thả làm càn. Như thế tự nhiên chẳng bị mô tả bởi bè bạn, chẳng bị cao thấp bởi nơi chốn vậy”.

Trạm Đường nói: “Ta trước cùng với Linh Nguyên cùng thị giả Hối Đường ở chùa Chương giang. Linh Nguyên một ngày cùng với hai ông Tăng vào thành mãi tối mới trở về. Hối Đường thấy thế liền hỏi: “Ngày hôm nay đi đâu?” Linh Nguyên nói: “Vừa đi chùa Đại ninh trở về”. Trong lúc đó Tử Tâm ở bên cạnh lớn tiếng mắng rằng: “Tham thiền cần ở chỗ thoát sinh tử, phát ngôn cần phải thành thật, ông anh sao lại được vọng ngữ.” Linh Nguyên đỏ mặt chẳng dám đáp lại. Từ đó trở về sau, không dám vào thành quách và cũng không phát ngôn bừa bãi nữa. Nên ta biết, Linh Nguyên và Tử Tâm đều là đồ dùng tốt vậy.”

Trạm Đường nói: “Linh Nguyên thích xem kinh sử, ăn xong chưa từng nghỉ ngơi một chút nào, vội đọc kinh sử cho tới khi thuộc lòng mới

thôi. Hối Đường thấy thế liền trách mắng. Linh Nguyên nói: "Tôi từng nghe dùng sức nhiều thì thư công cũng xa." Nên Hoàng Thái Sử Lỗ Trực nói: "Ông anh hiếu học, như đói thích ăn, như khát thích uống, coi lợi dưỡng phồn hoa như phân rác." Đó có lẽ là chỗ tự nhiên của tâm thành thật nên mới được như thế."

Hòa thượng Linh Nguyên Thành trụ trì chùa Thái bình ở Thư châu, thường thấy Phật Nhãn khi làm chúng rất chu đáo tế mật, chẳng phạm việc lầm lỗi. Nhân hỏi cái yếu chỉ đó. Phật Nhãn nói: Dùng việc thà mất ở chỗ khoan, chớ nên mất ở chỗ cấp. Thà mất ở chỗ lược, chớ nên mất ở chỗ tường. Cấp thời chẳng thể cứu được, tường thời không thể dung được. Nên phải giữ nó ở phần trung đạo, dùng cách khoan thai chậm chạp để đối xử với mọi công việc. Có như thế, ngõ hầu mới làm cái pháp tắc cho cách "tới chúng làm việc vậy".

Linh Nguyên bảo Hòa thượng Trường Linh Trác rằng: "Làm việc đạo, cố nhiên tự nó cũng cô thời. Xưa kia Từ Minh, khi tham học ở đất Kinh, Sở, phải ngậm ngùi những điều sỉ nhục, nhẫn những việc nhơ nhuốc, có kẻ thấy thế coi thường ngài. Từ Minh chỉ mỉm cười mà thôi. Nhân có người hỏi về nguyên cớ. Ngài đáp: "Ngọc Liên thành cùng ngõa lịch cùng lẫn với nhau, cố nhiên ta biết chẳng thể hơn được vậy." Kịp sau khi thấy Thần Đỉnh thì Từ Minh được tiếng khen khắp chốn tùng lâm, làm nổi bật cái đạo của Lâm Tế. Than ôi! Đạo cũng phải cùng với thời vậy, người ta sao có thể miễn cưỡng được vậy ư."

Linh Nguyên bảo Hoàng Thái Sử rằng: "Cổ nhân nói: "Gắp lửa để vào đống củi khô mà ngủ ở trên đó, lửa khi chưa cháy tới, dĩ nhiên còn lấy làm yên." Đó chính là lời dụ về cái cơ an nguy, cái lý sinh tử, sáng tỏ như ban ngày, chẳng sót đường tơ kẽ tóc. Ôi! Con người khi ở lúc bình thường ít ai biết lấy việc họa hoạn của sinh tử làm lo lắng. Nhất đán, nếu sự việc bất trắc xảy ra, lúc ấy mới nhanh chân xốc cánh tay mà cứu đấy, kết cục cũng chẳng hay cứu được vậy."

Linh Nguyên bảo Phật Giám rằng: "Phàm tiếp được thư của Đông Sơn sư huynh, chưa từng bao giờ nói tới chuyện thế đế, duy khắn đáu về việc quên mình hoằng đạo để dìu dắt kẻ lại sau mà thôi. Gần đây còn nhận được thư thấy chép rằng: "Các nơi đại hạn mất mùa, ta vốn chẳng lo, chỉ lo người trong thiền gia không mắt." Hiện nay ngồi hạ tất cả có hơn một trăm người. Trong chốn trượng đường, ta nhắc tới câu "Cẩu tử không có Phật tính", mà không có một người nào lãnh hội được, đó có thể mới là mối lo vậy. Lời nói ấy thật là chí lý. Mối lo này mà đem so sánh với lo cho công việc trong tự viện chẳng được chu đáo, sợ sự hiểm

trách của quan nha, lo phần thanh danh chẳng được lừng lẫy, lo trong tông đồ quyến thuộc chẳng được thịnh đạt, thì quả thật là xa cách nhau một trời một vực vậy. Mỗi khi ta nghĩ đến những lời đúng lẽ thật đó, nay đâu còn được nghe thấy nữa. Con cháu ta muốn nối dõi sự nghiệp của ta, thời phải tận lực làm hưng thịnh gia phong, phải an úy chỗ mong muốn của tông tộc, đó là điều ta tha thiết kỳ vọng."

Linh Nguyên nói: "Cối xay đá mài ta chẳng nhận thấy chỗ tổn của nó, mà có lúc hết. Trồng cây vun tưới, ta chẳng thấy chỗ ích của nó, mà có lúc lớn. Tích đức làm mãi, chẳng biết đó là thiện, nhưng có lúc đắc dụng. Bỏ nghĩa trái đạo, chẳng biết đó là ác, nhưng có lúc phải mất. Người học nếu nương vào cái kế thành thục của kết quả mà bền chí noi theo, thì có thể thành đạt được đại khí, lừng lẫy được tiếng thơm. Đó là con đường bất di bất dịch của xưa và nay."

Linh Nguyên bảo Hòa thượng Cổ rằng: "Họa phúc cùng dựa nhau, tốt xấu cùng lãnh vực. Duy con người tự vời lấy, sao lại chẳng suy nghĩ. Hoặc chỉ nương vào chỗ mừng giận của mình mà hẹp ở chỗ khoan dung nhẫn nại, hoặc là tự tâm xa xỉ hoang phí mà theo chỗ mong muốn của người, đều chẳng phải là cái việc khẩn cấp của người trụ trì. Đó quả thật là mầm móng của dông dỡ, là nền móng của họa hoạn vậy."

Linh Nguyên bảo Y Xuyên. Tiên sinh rằng: "Họa hay sinh phúc, phúc hay sinh họa. Họa hay sinh phúc là vì ngoại duyên tuy gặp tai ách, nhưng vẫn tha thiết nghĩ đến chốn an vui, thâm khắc ý mong cầu đạo lý, bèn hay run sợ kính cẩn, do thế nên phúc mới sinh. Phúc sinh ra họa là do ngoại duyên tuy sống an lành, nhưng vì lại phóng túng xa hoa, ham muốn dông dỡ, lười biếng ngày càng nhiều, rồi trở nên khinh nhờn lừa gạt, do thế nên họa mới sinh ra. Thánh nhân nói: "Nếu gặp người gian nan thì chí người đó thành, nếu không có gian nan, thì thân người đó mất. Được tức là đầu mối của mất, mất tức là nguyên lý của được." Thế nên biết, có phúc thời không nên kiêu hãnh, đã được thời không nên mong mỏi hoài. Lúc đang yên ở phúc phải lo tới khi mắc họa, thời cái phúc đó mới có thể giữ được bền. Lúc được mà lo đến khi bị mất, thời cái được đó tất nhiên đến. Cho nên người quân tử lúc yên chẳng quên lúc nguy, lúc trị chẳng quên lúc loạn là thế vậy."

Linh Nguyên bảo Y Xuyên tiên sinh rằng: "Ôi! Có người ghét cái dấu chân mà sợ cái bóng của mình, rồi giật lùi mà chạy, song chạy càng gấp, thì dấu càng nhiều mà bóng lại càng nhanh, chẳng bằng tới chỗ bóng rợp mà ngừng lại, thời bóng chẳng tự diệt mà dấu cũng tuyệt vậy. Việc dùng thường ngày mà rõ được như thế thời có thể an tọa mà

tiến được đạo này vậy.”

Linh Nguyên nói: “Phàm ngôi trụ trì, nếu người ta ra gánh vác mà vượt quá cái khả năng của mình thì ít hay được trọn vẹn. Vì lẽ, phúc đức nông cạn, độ lượng hẹp hòi, thấy nghe vụng về, lại chẳng hay theo điều thiện làm việc nghĩa, để tự rộng cái đức độ mà đưa đến thế vậy.”

Linh Nguyên nghe biết Giác Phạm phải giam ngoài lĩnh hải, bèn than rằng: “Lan trồng giữa đường, tất nhiên không thể xanh tốt thường xuyên được. Quế sinh trong hang núi âm u, chỉ quanh năm là tễ thuốc kinh niên. Xưa nay những người có tài năng trí tuệ, họ phải táng thân mệnh rất nhiều, chỉ vì sự phỉ báng gièm pha của người đời mà mắc họa. Tìm những người cố công cùng với đời chìm nổi, mà hay bảo toàn được thân mạng cũng rất ít. Cho nên, Thánh nhân nói: “Người thông minh sáng suốt ở đương thời, lại hay gần kề với cái chết, là vì họ thích nghị luận về người. Người biện bác cao rộng, mà hay nguy đến thân, là vì họ hay bới cái xấu của người.” Giác Phạm chính cũng ở trường hợp đó vậy.”

Linh Nguyên bảo Giác Phạm rằng: “Ta nghe khi ngài ở Nam Trung, nghiên cứu Kinh Lăng Nghiêm, đặc biệt lại thêm phần chú thích. Đó thật chẳng phải là chỗ mong muốn của kẻ hèn này. Vì lẽ, cái học của văn tự, không hay thông suốt được cái tính nguyên của người đương thời, còn để kẻ hậu học ngăn mất con mắt tuệ của tiên Phật. Vì sự trở ngại y vào chỗ giải thích của người, mà lấp mất cái cửa tự ngộ. Nhờ phần khẩu thiệt thời họ có thể hơn được kẻ thiển học, nhưng phần mở rộng thần cơ thời trọn khó chứng được cực diệu. Cho nên chỗ thực hành và hiểu biết thì so le nhau quá xa, mà chỗ thấy nghe thường ngày lại càng thêm lờ mờ vậy.”

Linh Nguyên nói: “Người học khi động khi tĩnh không thể xem xét kỹ lưỡng, nói và làm không thể không kê cứu tinh tường. Người nói ít chưa ắt đã là kẻ ngu, kẻ lợi khẩu chưa ắt đã là trí. Người quê mùa chất phác chưa hẳn đã là trái lý, kẻ vâng thuận chưa ắt đã là trung thực. Nên người Thiện tri thức chẳng lấy lời mà biết hết được tình người, chẳng lấy ý để tuyển chọn người học. Ôi! Kẻ nột tử trong chốn hồ hải, ai lại chẳng muốn cầu đạo, nhưng ở trong số đó, những người biết rõ thấy lý, thì trong ngàn người không được một. Trong đó, những người tu thân, gắng gỏi thực hành, tu họp sự học, tài bồi cây đức, nếu không tốn công phu trong ba mươi năm trời, thời sao hay đến được. Nếu chợt gặp một việc quá sai lầm thì chốn tùng lâm sẽ bỏ họ, trọn đời không thể lập thân được. Ôi! Ngọc châu Diệu thặng, không thể không có dấu,

ngọc Bịch Liên thành sao tránh được không vết. Phàm là loài hữu tình, làm thế nào mà tránh khỏi lầm lỗi. Phu Tử là Thánh nhân, cũng còn năm mươi năm học Dịch không phải là lời nói thái quá. Khế kinh thời nói: "Chẳng sợ vọng niệm khởi, chỉ sợ giác ngộ chậm." Huống hồ, từ bậc Thánh hiền trở xuống, ai lại không có lỗi lầm vậy thay. Nếu có bậc Thiện tri thức muốn uốn nắn, thời phẩm vật chẳng bỏ sót vậy. Cho nên nói: "Người thợ khéo, tùy theo chỗ sử dụng mà làm bánh xe hay càng xe, thì phần cong phần thẳng của gỗ không uổng phí. Người khéo cưỡi ngựa, biết thích nghi với con đường nguy hiểm hay dễ dàng, nên không mất cái tính của ngựa nô ngựa ký. Vật đã như thế, người cũng nên thế vậy. Nếu tiến thoái theo cái tình yêu ghét, ly hợp liên hệ ở chốn đồng hay dị thế là do nơi bỏ dây mực mà cắt đường cong, thẳng, bỏ cân lường mà so sánh nặng nhẹ, dẫu nói rằng tinh vi, nhưng sao tránh khỏi lầm lẫn vậy."

Linh Nguyên nói: "Người khéo trụ trì, lấy tâm chúng nhân làm tâm, chưa từng theo ý riêng tâm mình. Lấy tai mắt chúng nhân làm tai mắt, chưa từng ỷ vào tai mắt của riêng mình. Như thế liền hay thông được cái chí của chúng nhân, hết được cái tình của chúng nhân. Ôi! Khi dùng cái tâm của chúng nhân làm tâm, thời sự yêu ghét của ta là yêu ghét của chúng nhân, nên chỗ yêu không lỗi, chỗ ghét chẳng lầm. Sao lại ỷ lại dùng chỗ tâm phúc riêng của mình mà cam chịu điều xiểm nịnh đó vậy thay. Khi đã dùng tai mắt của chúng nhân làm tai mắt, thời cái thông minh của chúng nhân, đều là cái thông minh của ta, nên soi sáng được khắp nơi, nghe suốt được mọi chốn. Sao lại dùng chỗ ỷ thác vào tai mắt riêng của mình, mà phải mắc vào chỗ che lấp đó vậy thay. Ôi! Việc bày rãi nơi nơi tâm phúc, nhờ cậy nơi tai mắt, duy có kẻ hiền đạt, mới chuyên tìm cái lỗi của mình, cùng với chúng cùng một ý muốn không thiên tư, nên tâm chúng nhân ai mà chẳng quy thuận. Sở dĩ đạo đức nhân nghĩa được lưu bố gần xa, là phải làm như thế vậy. Cái lý của kẻ ngụ người bất tiếu, thì chuyên tìm cái lỗi của người, cùng trái với ý muốn của chúng, đắm chìm vào chỗ thiên tư, nên tâm chúng nhân ai mà chẳng xa lánh. Sở dĩ tiếng xấu hạnh hiểm độc nó truyền bá sâu rộng, mà đưa đến như thế vậy. Thế nên biết, người trụ trì cùng chung với ý muốn của chúng, thì bảo đó là người hiền triết. Cùng trái với ý muốn của chúng thì bảo đó là hạng thấp hèn. Đại để cái ý bày rãi tâm phúc, nương cậy vào tai mắt có khác nhau, mà thiện ác thành bại cũng phản nhau như thế. Đó chính là cái tâm tìm lỗi có khác nhau, cái đạo dùng người chẳng cùng nhau mà thôi vậy."

Linh Nguyên nói: “Gần đây, người nhậm chức Trưởng lão, đắm vào hai thứ duyên, nên phần nhiều kiến thức trí tuệ chẳng minh, bị hai thứ gió nó lôi cuốn làm mất pháp thể. Một là ứng với nghịch duyên nên đụng, chạm nhiều với suy phong. Hai là ứng với thuận duyên nên đụng chạm nhiều với lợi phong. Một khi đã bị hai thứ gió đó làm lay động thì sự mừng giận giao nhau ở tâm, sắc uất hận hiện trên nơi mặt, nên đến nỗi pháp môn bị chuốc nhục, kẻ hiền đạt bị chê hiềm. Duy người trí giả mới hay chuyển nó làm cái phương tiện nhiếp hóa, để dạy cái đẹp cái tốt cho kẻ hậu lai. Như Hòa thượng Lang Gia đi Tô châu thăm Phạm Hy Văn, nhân thế nhận được của tín thí cúng dường hơn ngàn quan tiền, ngài liền bí mật khiến người đi tính Tăng số ở các chùa trong thành, rồi đều chia tiền đều tới các vị Tăng ở các chùa đó. Cũng ngày hôm ấy, ngài cho đặt tiệc chay cúng dường chúng Tăng và đàn-việt, và cũng chính là ngày để từ giã Phạm Công, nhưng rồi ngay vào lúc tảng sáng ngày đó thì ngài đã đáp thuyền đi sớm, mãi tới lúc trời sáng, mọi người mới biết ngài đã đi, có người chạy theo ngài đến mãi Thường Châu mới được gặp, được ngài thuyết pháp cho nghe mới chịu quay về. Chỉ đơn cử một việc làm của một bậc Trưởng lão như thế, mà khiến tất cả kẻ đạo người tục ở khắp Cô Tô đều khởi lòng tin tưởng, tăng tiến mầm đạo. Đó chính là nghĩa phương tiện chuyển nhiếp hóa. Ôi! Đem việc này mà so sánh với những người chỉ lạm dụng vào ngôi vị, đắm chìm vào lợi dưỡng, để mưu đồ cho riêng thân mình, thì thật xa cách như trời vực vậy”.

Văn Chính Công bảo Lang Gia rằng: “Năm ngoái đến đây, ta muốn có được người ở trong chốn thiền lâm. Để cùng người đó có thể cùng nói chuyện. Ta từng hỏi một viên quan lại: “Có các vị Tăng tốt trong các sơn môn không?” Viên quan lại nói: “Có hai vị Tăng là Hy và Mậu ở chùa Bắc tự và Thụy quang được gọi là tốt vậy.” Ta lại hỏi: “Ngoài ra, còn trong các tôn Thiền và Luật khác lại không có ai nữa vậy ư?” Quan lại thưa: “Nhà Nho thì tôn về sĩ hạnh, hàng Tăng thì bàn về đức nghiệp. Như hai vị Tăng Hy và Mậu đã từng ba mươi năm trời chân không bước ra khỏi cổng chỉ mặc áo vải thô sơ, không màng chi đến thanh danh lợi dưỡng. Nên người từng chuộng cái tiết tháo đó mà kính trọng như bậc thầy. Nếu như đăng tòa thuyết pháp, đại Phật tuyên giáo hóa, thì cơ biện tự tại còn như gọi là bậc Thiện tri thức, thì chẳng phải kẻ hèn ngu dại này hay hiểu được.” Tới một ngày nhàn hạ, ta đã tới thăm hai bậc thượng nhân Hy và Mậu, được coi các hạnh thanh bạch của các ngài, nhất nhất đúng lời viên quan lại đã nói. Ta bất giác và nhớ

lại, đất Tô Tú cũ này, được mệnh danh là nơi có phong tục tốt đẹp, nay xem quan lại già nua này mà còn hay phân biệt được chỗ ưu liệt giữa quân tử và tiểu nhân, nữa là người thức giả vậy ư? Lang Gia nói: "Nếu như chỗ viên quan lại nói, thì thật là lời bàn cao quý, xin ghi lại đây để bảo cho những người chưa được nghe biết."

Linh Nguyên nói: "Hòa thượng Chung Sơn Nguyên, bình sinh không giao thiệp với công khanh, không ham danh lợi, lấy chỗ khiêm để tự sử, lấy đạo để tự vui. Kẻ Sĩ đại phu lúc đầu khuyên ngài nên ra ứng thế. Hòa thượng Nguyên nói: "Nếu có phần ruộng tốt, lo gì thành quả muộn, chỉ sợ thiếu tài năng mà thôi." Kinh Công nghe thế liền nói: "Thấy sắc mặt người mà bay liệng đi rồi sau mới tìm chỗ đậu?" Nguyên Công ứng ở trường hợp này vậy."

Linh Nguyên nói: "Tiên triết nói rằng: Học đạo tới chỗ ngộ là khó, đã ngộ rồi mà giữ được lại là khó, đã giữ được mà thực hành theo cũng lại là khó. Nay đương lúc thực hành đạo thì cái khó lại hơn cả khi ngộ đạo và giữ đạo. Vì lẽ ngộ đạo và giữ đạo thì chỉ tinh tiến và kiên trì, gắng gỏi ở chỗ hết sức mình mà thôi. Duy việc thực hành đạo thì tất phải bằng đẳng ở nơi tâm, thề chết để quên mình đem lợi ích cho người làm nhiệm vụ. Nếu tâm chẳng bằng đẳng, lời thề không vững chắc thì tổn và ích bị đảo ngược, liền sa ngã vào a sư của thế tục đó là điều đáng nên sợ hãi."

Linh Nguyên nói: Sư huynh chùa Đông sơn, có thiên tư đặc biệt khi nói lúc lặng thinh đều giữ trung độ. Tuy chỉ nói những câu chuyện tầm thường, nhưng có lý do rất xác đáng. Người các nơi muốn bắt chước sư huynh, nhưng nếu chẳng dối trá thời vụng về, trọn chẳng hay kịp được. Tìm ngay cả trong những con người xưa cũng không thể có được. Tuy vậy, nhưng sư huynh vẫn khiêm nhượng, để dạy đời rất tha thiết, chẳng khác gì như đói được ăn, khát được uống. Và thường nói: "Ta không có các ông Pháp Ninh và Khắc Cần thì thật là kẻ tội nhân trong pháp môn vậy."

Đạo học và hạnh nghĩa của Linh Nguyên thì thuần thành hậu đức, có phong độ của Cổ nhân, trọng nơi yên tĩnh và ít nói, rất được kẻ sĩ phu đại tôn kính. Ngài thường nói: "Chỗ khinh hốt (không lưu tâm) của mọi người là ở chỗ cẩn thận của Thánh nhân, huống chi người làm chủ một tùng lâm thay Phật tuyên hóa, nếu chẳng phải là bậc hành giải tương ứng, đâu hay lại làm được như vậy ư! Điều cốt yếu là phải tự kiểm trách từng giờ từng phút, chớ để cho thanh danh lợi dưỡng nó manh nha nơi tâm. Hoặc giả Pháp lệnh có chỗ chưa được người tin, kẻ nột tử có chỗ

chưa quy phục, thì phải thoái lui để tư duy và tu đức, chờ đợi ở ngày mai. Ta chưa từng thấy người giữ mình chính đính mà chốn tùng lâm lại chẳng thịnh trị. Chính chỗ bảo rằng, xem cái hình dáng của người có đức, mà có thể khiến tiêu tan được cái ý nghĩ của người, thật là nghĩa đó vậy.”

Linh Nguyên bảo Viên Ngộ rằng: “Kẻ nột tử tuy có cái tư chất thấy đạo, nếu họ chẳng súc tích nuôi dưỡng, một khi đem ra dùng, tất nhiên không thể tránh khỏi nhiều thô bạo, như vậy chẳng những vô bổ cho giáo môn, mà còn chuốc lấy họa nhục nữa.”

Viên Ngộ Thiền sư nói: “Người học đạo cần giữ lòng tin, gây niềm tin ở chỗ thành. Giữ lòng thành ở trong, vậy sau mới khiến chúng không nghi hoặc. Giữ lòng tin ở mình, mới có thể dạy người không dối trá. Duy tin cùng với thành hai bên hỗ trợ nhau, mới đưa đến chỗ không lỗi lầm. Thế nên biết, nếu thành mà bất nhất thời tâm chẳng hay giữ, tín mà bất nhất thời nói chẳng hay làm. Cổ nhân nói: “Áo mặc cơm ăn còn thể bỏ đi được, nhưng thành và tín thì không thể để cho mất.” Duy bậc Thiện tri thức đáng đem thành tín để dạy người. Vả lại, tâm đã chẳng có thành thật, việc đã chẳng giữ lòng tin, thì sao gọi được là bậc Thiện tri thức vậy ư! Kinh Dịch nói: “Duy cái chí thành của thiên hạ mới hay hết được cái tính đó, hay hết được cái tính đó, mới hay hết được cái tính của con người.” Nếu tự mình đã chẳng hay hết ở mình, mà muốn mong hết ở người, thời chúng tất khinh nhờn mà chẳng theo. Tự mình đã chẳng thành thật ở trước, mà nói rằng thành thật ở sau, chúng tất ngờ mà chẳng tin. Chính là nghĩa, cạo tóc nên cạo sát da, cắt móng nên cắt sát thịt. Bởi thế nếu thành chẳng chí thiết thời vật chẳng cảm, tổn chẳng đến thời ích chẳng tới. Đúng là “thành” và “tín” không thể giây phút cách xa mình thật rõ ràng vậy.”

Viên Ngộ nói: “Con người ai không có lỗi, lỗi mà biết hối cải, thời tất cả chẳng gì lớn hơn vậy. Từ thượng cổ đều nhận nếu biết cải quá là người hiền, chẳng lấy việc không có lỗi làm người tốt. Cho nên, việc làm của con người có quá nhiều sự sai lầm. Bậc thượng trí kẻ hạ ngu, đều không thể tránh khỏi điều đó được. Duy có người trí hay đổi lỗi để sửa lại nết hay, còn kẻ ngu phần nhiều lại trang sức để che đậy lỗi lầm. Đổi lỗi để sửa lại nết hay thời đức đó ngày một mới, nên gọi là quân tử. Trang sức để che đậy chỗ sai lầm, thời ác đó ngày càng dầy, nên bảo đó là tiểu nhân. Bởi thế, thấy việc nghĩa mà lại dời bỏ, đó là cái nạn thường tình, thấy điều thiện vui theo, là chỗ chuộng của người hiền đức. Vậy mong ông hãy cùng quên đi ở ngoài lời nói là hơn vậy.”

Viên Ngộ nói: "Tiên sư nói: "Bậc trưởng lão có đạo đức thì cảm được người, có thế lực thì phục được người. Cũng ví như chim Loan chim Phượng tung bay, trăm loài chim đều yêu mến, loài hổ loài lang cất bước, trăm loài thú đều khiếp sợ. Tuy chỗ cảm phục đó là một nhưng về phẩm loại của chúng thì khác nhau như trời cao vực thẳm."

Viện Ngộ bảo Long Tạng Chủ rằng: "Người muốn sửa trị tùng lâm mà chẳng lo việc được tình người, thì chốn tùng lâm không thể sửa trị được. Muốn được tình người mà chẳng lo việc tiếp dẫn kẻ dưới, thời tình người không thể thu được. Chuyên cần tiếp kẻ dưới mà chẳng biện biệt được người hiền kẻ bất tiếu, thời kẻ dưới không thể tiếp được. Lo việc biện diệt người hiền kẻ bất tiếu, nếu lại ghét kẻ hay nói lỗi, ưa kẻ thuận mình, thời không thể phân biệt được người hiền kẻ bất tiếu. Duy kẻ sĩ hiền đạt thì chẳng ghét kẻ hay nói lỗi, chẳng ưa kẻ thường thuận theo mình, mà chỉ lấy cái đạo lý để nói theo, nên không những thu được tình người mà chốn tùng lâm cũng sửa trị như vậy."

Viên Ngộ nói: "Người trụ trì lấy chỗ hiểu biết của chúng làm chỗ hiểu biết của mình. Thường sợ chẳng suốt được tình của mỗi vật. Chẳng hiểu được lý của mỗi việc. Phải luôn luôn lo lắng tìm nhận những điều hay, hỏi cho xác đáng những điều phải trái của nghĩa lý ở bất cứ những việc lớn hay nhỏ. Nếu đúng với lý thì dẫu có hao phí lớn lao mà phải làm theo cũng chẳng tổn hại gì. Nếu là trái với sự việc thì dầu là chỗ dùng sức rất nhỏ để trừ bỏ đi thì đâu có trở ngại chi. Bởi lẽ, nhỏ là cái đầu mối của lớn dần, thầm kín là mầm móng của sáng tỏ. Vậy nên, người hiền thì cẩn thận ngay từ lúc ban đầu, Thánh nhân giữ gìn ở điều răn cấm. Dòng nước tuy nhỏ, nhưng nếu chẳng ngăn chặn thời sẽ biến ruộng dâu thành biển cả, ngọn lửa tuy nhỏ, nhưng nếu chẳng dập tắt, tất sẽ cháy cả vùng đồng ruộng. Nước chảy lửa cháy đã thịnh, tai họa đã thành, thì dầu muốn cứu vãn cũng không sao kịp được. Cổ nhân nói: "Chẳng giữ gìn hạnh nhỏ, tất lụy đến đức lớn", chính là nghĩa thế vậy."

Viên Ngộ bảo Nguyên Bá Đại rằng: "Phàm gọi là chức Trưởng lão, thay Phật tuyên dương giáo hóa, thường phải nghĩ tới việc lợi ích tế độ làm lòng. Nếu khi thực hành công việc đó mà không khoe khoang thời chỗ phổ cập mở rộng, nơi tế độ mới đông. Song le, nếu vạn nhất có cái tâm khoe khoang tài năng của mình thời cái niềm kiêu hãnh cấy lên, mà cái tâm bất tiếu cũng hiện ra vậy."

Viên Ngộ bảo Diệu Hỷ rằng: "Đại phàm lúc động hay tĩnh đều phải giữ gìn trước sau. Vì thế nếu làm được điều tốt tất nhiên việc tốt

sẽ thành tựu, điều tốt đã có ở trước tất nhiên phải có ở sau, giữ gìn sau cũng như trước thời sự việc không thất bại. Người xưa nói: "Tiếc vậy thay! Áo chưa thành mà lại chuyển làm xiêm, đường trường một trăm dặm mới đi được chín mươi dặm đã ngưng. Đó đều là câu than tiếc cho những sự việc chỉ có ở trước mà không có ở sau. Cho nên nói rằng: "Đều có ở trước mà ít có ở sau." Xưa kia Hối Đường lão thúc nói: "Hòa thượng Hoang Nghiệt Thắng cũng là một nột tử kỳ tài, nhưng lại bị sai lầm ở lúc tuổi già. Như vậy nếu chỉ xem người ở phần trước sao được bảo đó là người hiền."

Viên Ngộ Thiền sư bảo Phật Giám rằng: "Sư ông chùa Bạch vân, mỗi khi hành động cất nhắc một việc gì, cũng đều khảo xét những hành động của cổ nhân xưa. Sư ông thường nói: "Sự việc mà chẳng khảo xét của tiền nhân thì bảo đó là chẳng đúng phép." Ta chỉ vì ghi nhiều được lời nói và việc làm của cổ nhân mà đạt thành được chí khí. Nhưng, ta không phải là đặt biệt hiếu cổ, mà chỉ vì người đời nay chẳng đủ pháp quy để ta bắt chước. Tiên sư thường nói: "Sư ông vì chấp cổ nên chẳng biết thay đổi theo thời." Sư ông nói: "Thay đổi thói cũ, biến đổi đạo thường, chính là mối đại họa của người đời nay." Đó là điều mà ta trọn chẳng làm vậy."

Hòa thượng Phật Giám Cần từ chùa Thái bình dời về chùa Trí hải, quan Quận Thú Tằng Công Nguyên Lễ hỏi: "Ai là người có thể kế vị ngôi trụ trì." Phật Giám đề cử Bính Thủ Tọa. Ông muốn được một lần yết kiến. Phật Giám nói: "Bính là người cương chính, xa lánh với đời không ham thị hiếu, nay thỉnh làm trụ trì, cũng sợ người chẳng thuận theo, có lẽ đâu lại chịu tự động tới vậy ư." Nhưng Tằng Công cố ý thỉnh Bính Thủ Tọa. Bính nói: "Đó chính là nghĩa trình thân Trưởng lão vậy." Đoạn ngài trốn vào núi Tư không. Ông đoái bảo Phật Giám rằng: "Biết con chẳng ai rõ bằng cha." Thế rồi liền truyền lệnh cho chư sơn cố thỉnh, vạn bất đắc dĩ ngài phải ứng mệnh.

Phật Giám bảo Tuân Phật Đăng rằng: "Kẻ sĩ cao thượng chẳng lấy danh vị làm vinh. Con người đạt lý chẳng vì chỗ ức tỏa mà khốn cùng. Còn như kẻ mang ân mà dốc hết sức lực, thấy lợi mà dốc hết lòng thành, đều là những việc làm của hạng người trung lưu trở xuống."

Phật Giám bảo Bính Thủ Tọa rằng: "Phàm gọi là Trưởng lão, phải nên đừng ham thích bất cứ một vật gì. Nếu một khi đã ham thích một vật gì thời bị giặc ngoại vật nó làm trở ngại. Ham thị dục thời tâm tham ái sinh. Ham lợi dưỡng thời niệm bôn tẩu cạnh tranh dấy. Ham thuận theo thời kẻ tiểu nhân a dua họp. Ham thắng phụ thời núi nhân ngã cao. Ham

vơ vét của dân thời tiếng ta oán phát khởi. Tóm lại mà xét cho cùng đều không ngoài ở một cái tâm. Tâm chẳng sinh thời muôn pháp tự nhiên hết. Chỗ sở đắc thường ngày đừng nên vượt qua điều răng dạy này. Ông phải gắng sức làm khuôn phép chánh đáng cho kẻ hậu học."

Phật Giám nói: "Tiên sư rất tiết kiệm. Một túi đựng bát, một đôi giày vải, có hàng trăm mụn khâu, hàng ngàn miếng vá, cũng chẳng nỡ vất bỏ. Ngài thường nói: "Hai thứ vật này ta cùng đem theo từ khi mới bước chân ra khỏi cửa, tới nay đã gần năm mươi năm rồi, sao nay nỡ vất bỏ giữa đường." Ngộ Thượng tọa, chùa Tuyền nam có gởi biếu chiếc áo vải lông và nói: "Chiếc áo này được từ nơi hải ngoại, mùa Đông mặc vào thì ấm, mùa Hạ mặc vào lại mát." Tiên sư nói: "Lão Tăng khi rét đã có than củi, chăn giấy, khi nóng lại có thông reo nước suối. Nay tích trữ vật này để làm chi." Cuối cùng ngài khước từ không chịu nhận chiếc áo đó."

Phật Giám nói: "Tiên sư khi nghe biết Chân Tịnh thiên hóa, liền thiết bài vị đặt đồ cúng, thương khóc quá ư là nghi lễ. Than rằng: "Con người như thế thật là khó kiếm được. Vì đã thấy được chỗ căn để của đạo, lại không vướng mắc ở cành và lá, rất tiếc người đã mắc quá sớm. Nhưng vẫn chưa được nghe có người nối tiếp đạo ấy, tùng lâm ở đất Giang Tây sẽ trở nên tịch liêu từ đây vậy."

Phật Giám nói: "Tiên sư nói: "Sư ông chùa Bạch vân, thường ngày tâm hồn rất phóng khoáng thông suốt, không có sự ngăn cách trong ngoài. Thấy việc nghĩa có thể làm được thời hăng hái rấn thân trước. Hay dẫn dắt những người hiền đức tài năng, không ưa thích kẻ phụ họa tạm bợ kết giao cẩu thả. Duy một chiếc chõng nhỏ ngồi tiêu diêu tự tại trọn ngày. Thường bảo Ngưng Thị Giả rằng: "Giữ đạo an phận nghèo là bản phận của kẻ nột tử. Nếu con người vì lẽ cùng, đạt, được, mất mà bỏ mất chỗ giữ đạo thời chưa có thể nói được đạo vậy."

Phật Giám nói: "Nếu chẳng lo vì đạo thời tâm tiết tháo chẳng cao xa. Xủ thân thường nhàn rỗi thời chí dùng việc chẳng to lớn. Cổ nhân vì từng trải những việc gian nan, từng nếm những mùi hiểm trở, vậy sau mới được hưởng chung thân an nhàn. Vì lẽ, việc khó thời chí khí sắc bén, khắc khổ thời lo nghĩ sâu xa. Rồi mới hay chuyển họa hoạn làm phúc, chuyển sự vật làm đạo. Phần nhiều thấy người học, vì theo đuổi sự vật mà quên mất đạo, trái chỗ sáng mà đi vào chỗ tối. Bởi thế liền trang sức chỗ bất tài của mình, lấy đó làm trí mà dối người. Cưỡng chế chỗ chẳng kịp của người mà khinh người, lấy đó làm cao. Làm như vậy để dối người mà chẳng biết đâu có thể dối trá được bậc tiên giác, đem

như vậy để che đậy người mà chẳng biết đâu có thể che đậy được phần công luận. Cho nên, nếu người tự gắn cho mình là tri giả, thì người cho đó là kẻ ngu, kẻ tự cho mình là cao thì người lại cho đó là thấp. Duy người hiền thì không làm như thế. Vì lẽ, chỗ tản mất của sự việc thì không cùng, bờ bến của tài năng thì có hạn. Nếu muốn đem cái trí tuệ có hạn mà bao chùm sự việc không cùng, thời phần hiểu biết có chỗ thiên lệch, thần khí có chỗ khốn quẫn. Vậy nên đối với đại đạo tất sẽ bị ngăn cách vậy."

Phật Giám bảo Hòa thượng Long Nha Tài rằng: Muốn thay đổi cái tệ của tiểu nhân, không thể bỏ ngay một lúc được. Nên phải nương vào từng việc nào đó mà thay đổi, để kẻ tiểu nhân chẳng ngờ vực, thời mọi người không oán hận. Ta thường nói: "Người trụ trì có ba bí quyết: Một là thấy rõ sự việc; hai là hay thực hành theo; ba là quả cảm quyết đoán. Ba điều này mà để thiếu một, thời thấy sự việc không được rõ ràng, lại bị kẻ tiểu nhân khinh nhờn, tất ngôi trụ trì sẽ không được chỉnh đốn vậy."

Phật Giám nói: "Phàm làm chủ một ngôi chùa, quý ở chỗ noi chi tiết tháo, làm hạnh thanh tịnh. Giữ lòng tin lớn để tiếp đãi bốn phương nột tử. Nếu có một mảy may ý nghĩa hẹp hòi lệch lạc tự dối mình mà không chịu bỏ, tuy có đạo đức như cổ nhân, thời người học cũng ngờ mà chẳng tin vậy."

Phật Giám nói: "Đệ tử của Phật Nhãn, duy có Cao Am là người cương trực, thẳng thắn, chẳng gần với thế thái nhân tình, làm người không thị hiếu, làm việc không thảng thốt có đủ viện chứng, thanh tịnh, trang nghiêm cung cẩn, trước cũng như sau đều lấy danh tiết để tự lập, có tác phong của cổ nhân. Kẻ nột tử ở thời nay ít ai sánh kịp".

Hòa thượng Phật Nhãn Viễn nói: "Cái dáng dấp tới chúng tất phải nghiêm nghị như ngày nhàn hạ, lời nói tiếp tân khách phải trang trọng như lúc riêng một mình. Đối với mọi người trong chốn thiền lâm, mỗi khi phát ngôn, làm việc, trù biện, thi hành tất phải tính toán suy nghĩ trước rồi sau mới thực hành, chớ có hấp tấp làm càn. Hoặc có việc tự mình không thể dự biết và quyết đoán được, phải nên thỉnh vấn ở hàng kỳ cựu, hỏi ý kiến ở bậc tiên hiền, để rộng phần thấy nghe, bổ khuyết cho việc làm chưa thể tỏ rõ, ở chỗ chưa thể hiểu biết. Có đâu lại chỉ phô bày khí thế hão huyền, khoe khoang hành vi dối trá, để phơi bày cái chân tướng xấu xa của chính mình. Nếu một hạnh đã bị bỏng ở trước, thời trăm điều hay không thể tới được mà còn bị che lấp ở sau vậy."

Phật Nhãn nói: "Con người sinh trong khoảng trời đất, bẩm cái

khí của âm dương mà thành hình. Nếu tự mình không phải là bậc ứng chân nương vào sức từ bi hạnh nguyện mà xuất hiện ở thế gian, thì cái tâm danh lợi và dục vọng tựa hồ như không thể gột bỏ được. Duy Thánh nhân biết con người chẳng thể trừ khử được cái danh lợi dục vọng, nên trước hết phải lấy đạo đức để uốn nắn cái tâm đó cho chính, vậy sau mới lấy nhân, nghĩa, lễ, trí mà giáo hóa để đề phòng, rèn luyện trong ngày qua tháng lại, khiến cho cái tâm lợi dục đó không thắng được đạo đức vậy."

Phật Nhãn nói: "Người học không nên câu nệ ở văn tự ngôn ngữ. Bởi lẽ văn tự ngôn ngữ là phần y tha tác giải nhờ vào sách vở mà hiểu nên ngăn che mất cửa tự ngộ, vì nó chỉ tiêu biểu được trạng thái của tiếng nói. Xưa kia Đạt Quan Dĩnh lúc mới gặp Hòa thượng Thạch Môn Thông, trong nơi thiền thất ông hay rong ruổi phần biện luận ngoài đầu lưỡi. Hòa thượng Thông nói: "Chỗ nói năng của ông, chỉ là lời lẽ trên giấy, nếu xét tinh vi về phần tâm của ông, thời vẫn chưa thấy được áo diệu." Nếu khi đã diệu ngộ thời siêu việt hết thảy, chẳng nương vào ngôn ngữ, chẳng vướng vào danh cú. Cũng như sư tử vương một khi đã gầm thét lên, thời trăm loài thú đều phải giật mình kinh hãi. Nếu quay trở lại xem cái học về văn tự mà so sánh thì sao có thể ví được mười với trăm, ngàn với vạn vậy ư."

Phật Nhãn bảo Cao Am rằng: "Bách Trượng Thanh Quy", đại khái để tiêu chính kiểm tà, làm khuôn cho vật, chỉnh tề đại chúng, cũng đều nương vào thời mà chế ngự cái tình của người sau. Ôi cái tình của con người cũng như nước, quy củ và lễ pháp là bờ đê để đề phòng. Bờ đê không vững chắc, tất nhiên phải đưa đến chỗ vỡ lở. Tình của con người nếu chẳng chế ngự thời rông rỡ rối loạn. Cho nên muốn trừ tình bỏ vọng, cấm ác ngăn tà, thời không thể một thời khắc dời bỏ quy củ. Song le, quy củ và lễ pháp đâu hay đề phòng hết được cái tình của con người. Đó chẳng qua chỉ là cái thềm bậc giúp con người vào đạo vậy. Việc lập ra quy củ thì tỏ rõ như mặt trời mặt trăng, để người nhìn vào chẳng mê muội, thênh thang như con đường rộng lớn, để người đi chẳng nghi hoặc. Bậc Tiên Thánh kiến lập ra quy củ dẫu khác nhau, nhưng mục đích về nguồn chỉ là một. Chốn tùng lâm thời gần đây, có nơi tận lực noi theo quy củ, có nơi lại chặt lấy quy củ, có nơi khinh miệt cả quy củ. Đó đều là trái với đạo bỏ mất lý, rông rỡ tâm tình, theo đuổi điều ác mà đưa đến như thế. Sao lại chẳng nghĩ, bậc Tiên Thánh muốn cứu cái tệ ở đời mạt pháp, cấm tâm tình phóng dật, lấp cái đầu mối thị dục, tuyệt con đường tà tích, vì thế nên mới kiến lập ra quy củ vậy."

Phật Nhãn bảo Cao Am rằng: "Tuy những người thấy được đầu lông nhỏ ở mùa Thu, nhưng lại không thể nhìn thấy lông my của chính mình. Tuy nhắc được sức nặng ngàn quân, nhưng lại không thể tự nhắc nỗi thân mình. Cũng như người học chỉ sáng suốt ở chỗ trách người mà lại mờ mịt ở phần tha thứ lỗi mình, thật chẳng sai khác chút nào vậy."

Hòa thượng Cao Am Ngộ nói: "Ta lúc mới du hành tới chùa Tổ sơn, thấy Phật Giám tiểu xam, ngài bảo: "Tham dục và hờn giận còn tệ hơn là quân giặc thù nghịch, nên cần phải đem trí tuệ để đối địch với chúng. Trí tuệ cũng như trước. Nếu nước chẳng dùng thời nó đọng lại, đã đọng lại thời không lưu thông, không lưu thông thời trí tuệ cũng chẳng đem ra dùng gì được. Còn như tham dục và hờn giận thì phải làm như thế nào?" Ta khi ấy tuổi tuy còn nhỏ, nhưng thâm tâm cũng biết đó là bậc Thiện tri thức, do đó liền cầu ngài xin làm đệ tử."

Cao Am nói: "Điểm giữ gìn của người học là ở chỗ trung chính. Dù có bị hàng trăm lần đổ gãy mà vẫn điềm nhiên không lo lắng. Nếu hoặc giả kẻ ấy hướng vào chỗ thiên tà, sớm tối chỉ bo bo mưu kế vị lợi, ta sợ rằng: "Cái thân hình to lớn chững chạc ấy sẽ không có chỗ đặt chân trong khoảng trời đất vậy."

Cao Am nói: "Đạo đức nhân nghĩa không phải để dàng riêng cho cổ nhân, mà người đời nay cũng vẫn có phần. Nhưng vì trí thức của họ chẳng sáng tỏ, học vấn của họ chẳng sâu rộng, căn khí không thanh tịnh, chí khí lại hẹp kém, thực hành thì bất lực, lại bị thanh sắc nó di chuyển, nên họ chẳng tự giác được đó vậy. Bởi lẽ, nếu họ chỉ nương vào vọng tưởng tình niệm, tích tụ ngày một đặc dày, nay đem trừ khử ngay một lúc tất không phải dễ. Vì thế nên họ chẳng tới được cái địa vị của cổ nhân."

Cao Am nghe biết Thành Khô Mộc trụ trì chùa Kim sơn, thụ dụng quá xa xỉ, liền than thở giờ lâu rồi nói: "Cái pháp của Tỳ-kheo, quý ở chỗ thanh kiệm, đâu nên hoang phí như thế, để khiến lũ hậu sinh tập theo thói quen xa hoa đó, tăng thêm cái tâm mong cầu không chán, sao được không hổ thẹn với cổ nhân vậy ư."

Cao Am nói: "Đại thể của người trụ trì phải lấy tùng lâm làm nhà. Khu biệt nên phải thích nghi, trao phó nên phải hợp căn cơ lớn nhỏ. Cất nhắc đều can hệ ở lý an nguy, được mất đều liên can đến nguồn giáo hóa. Làm người mô phạm đâu phải dễ dàng. Chưa từng thấy người trụ trì phóng túng mà hay khiến được sự phục tùng của các nột tử, chưa từng thấy khuôn pháp thối nát mà muốn ngăn cấm được tật kiêu mạn trong chốn tùng lâm. Xưa kia Thiền sư Kham chùa Dục vương cách chức vị

Thủ tọa, Thiền sư Vĩ chùa Ngưỡng sơn xuất viện Thị tăng các trường hợp này còn ghi chép trong văn điển, đủ để làm khuôn mẫu. Người đời nay thường đều thuận theo tư dục, pháp hủy tan nát cái quy củ thằng mặc của Bách Trượng. Lười biếng lại thích ngủ trưa phần nhiều thiếu sót cả phần tham hội lễ pháp. Hoặc có người lại rông rỡ tham lam không kiêng sợ, hoặc lại nương theo lợi dưỡng mà đưa đến việc tranh cãi, ngay cả đến những chuyện ti tiện, hẹp hòi, nhơ nhuốc, hiểm ác cũng chẳng có từ. Than ôi! Như thế mà mong muốn cho pháp môn hưng thịnh, tôn giáo phát triển đâu thể được vậy ư."

Cao Am khi ở chùa Vân cư, thường thấy các nột tử trong chốn Thiền thất, có người chẳng hợp với cơ của họ, liền nắm tay áo, nghiêm sắc mặc mắng rằng: "Cha mẹ nuôi dưỡng thân các ngươi, thầy bạn gây thành chí các ngươi. Các ngươi không phải lo lắng về bức bách của đói rét, không phải gánh vác về công việc lao khổ của chinh chiến phu phen. Ở nơi đây, nếu chẳng bền chí xác thực tinh tiến để thành biện đạo nghiệp, thời ngày kia còn mặt mũi nào nhìn thấy cha mẹ thầy bạn vậy ư." Kẻ nột tử nghe lời nói đó, có người bất giác rơi lệ mãi không thôi. Hiệu lệnh của người thật nghiêm chỉnh như thế đó.

Cao Am ở chùa Vân cư, mỗi khi nghe thấy kẻ nột tử có bệnh, di chuyển tới nhà Diên Thọ, ngài thân tới hỏi han an ủi, coi như chính mình. Ngài thường sớm tối trông nom săn sóc, dĩ chí tự tay sắc thuốc nấu cơm, nếu chẳng nếm trước thời không cho người bệnh ăn. Hoặc gặp khí trời hơi rét, thời vỗ vào lưng họ mà nói: "Áo mặc chẳng đơn chiếc vậy ư?" Hoặc gặp thời tiết nóng bức, thì quan sát sắc mặt họ và nói: "Có nóng nực quá chăng?" Bất hạnh mà không thể cứu sống được thời chẳng hỏi bệnh nhân có của riêng hay không, hết thảy chỉ dùng của thường trụ để làm lễ tông táng. Vị Trị sự nếu hoặc có lời ta thán, thì Cao Am quở mắng nói: "Xưa kia Bách Trượng vì những người bệnh già mà lập ra thường trụ, còn người sẽ không bệnh không chết hay sao." Thức giả khắp bốn phương cho Cao Am là người cao quý. Kịp tới lúc lui gót chùa Vân cư về chùa Thiên thai, nột tử cùng theo ngài có tất cả năm mươi người. Hoặc giả có người không thể đi theo ngài được, đều phải rơi lệ từ biệt. Đó chính là do cái đức của con người mà cảm phục được lòng người như vậy.

Cao Am khi thôi ở chùa Vân cư, Viên Ngộ muốn sửa lại am Ngọa long của Phật ấn làm nơi nghỉ ngơi tĩnh dưỡng. Cao Am nói: "Người trong chốn thiền lâm, nếu đã có cái vui đạo nghĩa, thì cần chi đến hình hài bề ngoài. Ta nay đã đến tuổi tòng tâm, chính cũng như sao Trường

Canh và Hiểu nguyệt, bóng sáng còn được bao lâu. Lều đống ở núi Tây, suối rừng quen thuộc đều là những nơi chốn ta vui về tuổi già, hà tất phải có chỗ riêng cho mình rồi sau mới có thể vui vậy ư?" Chưa được bao lâu ngài chống gậy qua chùa Thiên thai, sau mất ở núi Hoa đính.

Cao Am nói: "Người nột tử không có hiền hay ngu, mà chỉ căn cứ vào chỗ uốn nắn của bậc Thiện tri thức để họ biết tôn sùng đức nghiệp, đem chỗ từng thí nghiệm để họ phát huy khí năng, đem chỗ tưởng lệ khuyến khích để họ tôn trọng lời nói, đem chỗ ưu ái để họ bảo toàn tiết tháo, cứ tích góp như thế qua năm này tháng khác, thì tất nhiên thanh danh và thể chất của họ cũng sẽ đều được phong phú. Bởi lẽ, con người ai nấy đều hàm chứa cái tính thiêng liêng, duy ở chỗ siêng năng dẫn dụ mà tới được. Ví như viên ngọc còn nằm trong quặng, nếu đem quẳng đi thì nó là sỏi đá, nếu đem mài dũa thì nó thành ngọc Khuê Chương. Cũng như chỗ bắt nguồn của nước, nếu nguồn bị úng tắc ứ đọng thời thành sình lầy, nếu đem khơi thông cho sâu tất thành sông hào ngòi lạch. Liền biết, trong đời Tượng quý này chẳng những chỉ bỏ sót mất người hiền chẳng cùng, mà ngay đến con đường dưỡng dục khuyến tưởng cũng có chỗ chưa đến được vậy. Ngay cả lúc đương thời chốn tùng lâm cả thịnh cũng đều là những nhân tài bị bỏ rơi ở đời Tượng quý này. Nên con người ở thời mạt pháp thời gọi là ngu, ở thời hưng thịnh gọi là trí. Cho nên nói: "Con người đều hàm chứa cái tính thiêng liêng, duy ở chỗ siêng năng dẫn dụ mà tới được". Thế nên biết, tài năng của người học cũng theo thời mà lên hay xuống. Nếu khi thích thời nó sẽ đến, khen thưởng thời nó được tôn sùng, đè nén thời nó phải suy, chê trách thời nó sẽ tuyệt diệt. Đó là lý do của lẽ tiêu diệt hay tăng trưởng về đạo đức cũng như tài năng của người học đạo vậy."

Cao Am nói: "Việc lớn của giáo hóa không gì lớn bằng đạo đức nhân nghĩa. Người trụ trì tôn đạo đức thời người học đạo sùng chuộng cung kính, thực hành lễ nghĩa thời người học hổ thẹn về tham muốn cạnh tranh. Nếu một khi người trụ trì tỏ vẻ ở dáng mặt khinh nhờn, thời người học có cái tệ lấn át thô bạo. Người trụ trì lộ vẻ tránh luận mà biến đổi sắc mặt, thời người học có cái vạ đấu tránh. Bậc tiên Thánh biết ở lúc chưa xảy ra, nên mới tuyển lựa kẻ sĩ minh triết làm chủ chốn tùng lâm, khiến cho mọi người đầy đủ phần quan chiêm, chẳng cần phải dạy bảo mà vẫn theo chỗ giáo hóa. Nên, đương thời ngài Thạch Đầu, Mã Tổ đạo hóa thịnh hành, thì các bậc anh kiệt đua nhau xuất hiện. Các cử chỉ như uy nghi nhu hòa, nghiêm trang kính cẩn, phát ngôn ra lệnh, chớp mắt dương lông mày, đều có thể lấy đấy làm mô phạm cho đời sau, nên

mới làm như thế vậy.”

Cao Am nói: “Tiên sư thường nói: Đi hành cước khi bước ra khỏi cửa, đến những các tự viện nhỏ, phần nhiều gặp những việc không như ý. Nhân khi nghĩ đến việc pháp Nhãn tham thiền ở Địa tạng, Minh giáo yết kiến Thần Đỉnh liền chẳng thấy vướng bận phiền não nữa vậy.”

Cao Am là người đoan nghiêm cương trực ở cả trong tâm cũng như hình thức bề ngoài, phong cách lẫm liệt, động tĩnh không quên lễ pháp. Ngày còn ở trong chúng thường thấy có việc gì xâm hại, ngài cũng chẳng để ý tới. Trọn đời chỉ lấy chỗ giản ước để tự xử. Trong chốn thiền thất chẳng bao giờ ngài hứa khả. Không có lý do chánh đáng, nếu hơi có điều gì chẳng cùng khế hợp, tất nhiên ngài nghiêm sắc mặt và nói thẳng để ngăn cản, nên trong đám nột tử ai nấy đều tin phục. Ngài thường nói: “Ta là người học đạo không hơn người, nhưng bình sinh làm việc không để hổ thẹn với lương tâm.”

Cao Am ở chùa Vân cư, thấy nột tử có kẻ nào hay soi bói cái lỗi xấu bí ẩn của người, ngài liền thung dung bảo họ rằng: “Sự việc chẳng nên như thế. Người trong chốn thiền lâm, phải lấy tu đạo làm việc cấp bách, lấy hòa hoãn làm đích sửa mình. Đâu lại buông lung ở lòng yêu ghét, để phá hoại chỗ tiến thoái của người”. Ngài dạy cặn kẽ như thế đó. Cao Am lúc đầu không vâng mệnh trụ trì chùa Vân cư. Phật Nhãn có gửi thư khuyên rằng: “Chùa Vân cư là danh lam bậc nhất ở Giang Tả, nơi có thể an chúng hành đạo vậy ngài không nên khiêm nhượng mà cố từ.” Cao Am nói: “Từ khi có tùng lâm trở lại đây, người học đạo bị cái danh mục ấy, nó làm bại hoại mất tiết nghĩa của con người không phải là ít.” Phật Giám nghe thấy thế liền nói: “Chỗ đi và chỗ tới của Cao Am, người nột tử ít ai sánh kịp.”

Văn khuyên nhủ an ủi các lão bệnh Tăng của Cao Am có chép: “Bần đạo thường xem Tạng giáo, xét kỹ ý Phật, không cho phép các Tỳ-kheo ngồi hưởng thụ những món ăn mà họ không dự phần công lao, để họ sinh tâm lười biếng, dấy kiến nhân ngã. Nên cứ mỗi buổi sáng, Phật và các đệ tử mang bát đi khất thực, chẳng lựa chọn nhà sang hèn, không phân biệt kẻ cao thấp, để khiến cho mọi người đều được phúc bằng đẳng như nhau. Mãi về sau này mới có cái tên gọi là thường trụ là cốt vì các lão bệnh Tỳ-kheo không thể đi khất thực được mới lập ra, thật sự không phải là những người trẻ khỏe được dự phần ăn dùng trong đó. Kể từ khi Đức Phật diệt độ trở về sau, trong thời chính pháp các Tỳ-kheo vẫn còn theo lề lối khất thực như trước, nhưng từ thời Tượng quý trở lại đây, khắp chốn tùng lâm tại Trung Quốc, tuy chưa bỏ hẳn

hạnh khất thực, nhưng chỉ suy cử những người có đầy đủ tài đức ra thực hiện việc đó. Về sau, những lợi dưỡng đã xin được, lại tích góp lại làm của chiêu đề để cúng dường đại chúng, rồi dần dần bỏ mất cái quy luật khất thực hằng ngày. Nay nghe thấy một số ít các chùa, người trụ trì lại chẳng biết đến nhân quả, chẳng cúng dường lão Tăng, trái ngược với ý Phật, thương tổn đến pháp môn. Nếu chẳng trụ ở tự viện thì các lão Tăng sẽ an trụ ở đâu? Sao họ không nghĩ lại, của cải của thường trụ vốn dĩ vì ai mà đặt ra. Nên phải xét, dùng tâm như thế nào để hợp với tâm Phật, làm hạnh như thế nào để họp với hạnh Phật. Xưa kia, ngày đức Phật còn tại thế, hoặc có ngày ngài không tới dự thỉnh trai ở nhà đàn-việt, giam mình nơi tịnh xá, thì ngài đi khắp các Tăng phòng, thăm hỏi người bệnh già, nhất nhất đều an ủi, nhất nhất đều chu biện, lại còn khuyên bảo các Tỳ-kheo nên cung kính lẫn nhau, tùy thuận những phương tiện, để gạt bỏ mọi hiềm thù sân hận. Đó là cái khuôn phép mẫu mực của đấng Điều Ngự Sư thống lý tất cả đại chúng vậy. Người thời nay, lại phóng túng tiêu dùng của thường trụ, tư cấp cho miệng lưỡi xác thân, giap kết với kẻ quyền quý, làm cách tuyệt người già và người bệnh. Thậm chí lại còn lấy của cải của Tăng chúng giấu làm của riêng mình. Tâm Phật và hạnh Phật không còn được lấy một vậy. Thật thương thay! Bi đát thay! Cổ đức nói: “Lão Tăng là tiêu bảng của sơn môn.” Chốn Thiền môn đời nay, trong số Tăng sĩ hàng một trăm người, không có lấy một người là bậc lão thành. Già mà không được thu nạp, càng thấy rõ rằng sống lâu là vô bổ, chi bằng chết non còn hơn. Vậy tôi mong các Tăng sĩ trong chốn tùng lâm đương thời, hãy tuân theo lời Phật, nối dõi ngôi Tổ, nuôi dưỡng an ủi người già người bệnh, tùy theo tài vật của thường trụ có hay không mà cung cấp cho thích nghi, đừng để cho kẻ ngu muội chuyên quyền làm tiêu diệt quy củ giáo pháp, mà vời lấy cái quả báo chết non ở đời sau. Rất tha thiết mong các hàng Tăng sĩ nhận xét thêm cho kỹ.”

Hòa thượng Giác Phạm đề vào cổng chùa Linh nguyên rằng: “Linh Nguyên lúc đầu không nguyện ra đời hoằng đạo, chí nguyện đó vững chắc như bờ đê kiên cố. Trương Vô Tận lúc ấy phụng sứ mạng đang làm quan đất Giang tây thường thường đến chùa mời ngài ra ứng thế, nhưng ngài không ưng thuận. Thời gian sau tự nhiên ngài thay đổi ý kiến và nói: “Chốn Thiền lâm suy vi, người hoằng pháp tuy nhiều, nhưng phần nhiều lại mượn cớ trốn tránh trách nhiệm để hưởng an nhàn, nếu ta không gấp ra tay chống đỡ, thì nó sẽ đổ nát chỉ trong gang tấc vậy.” Bởi thế nên ngài mới khai pháp ở chùa Thái bình đất Hoài Thượng. Khi

bấy giờ ta (Giác Phạm) đông du tới cửa chùa đó, thấy chốn tùng lâm đã được chấn chỉnh, tông phong cũng được hưng thịnh, mà ngờ rằng như thời hưng thịnh của Bách Trượng vẫn còn không suy giảm. Sau đó mười lăm năm ta lại thấy tấm bảng đó trong nơi trượng thất của Phùng Nguyên, đọc xong rồi, bỗng nhiên ta sửng sốt như thấy vẻ đạo cốt của Linh Nguyên vậy. Hơn thế nữa, Sơn Cốc còn đem bảng này viết bằng lối chữ vuông thật lớn, trong đó có thêm lời kích lệ rằng: "Than ôi! Nếu khiến những người trong thiên hạ làm hạnh pháp thí, mà đều tuân theo lời của Linh Nguyên để trụ trì, thời lo gì Tổ đạo chẳng hưng thịnh vậy thay!" Truyện có chép: "Người hay hoằng truyền đạo, không phải đạo hay hoằng truyền người." Linh Nguyên đã ứng dụng được điều này."

Trong Biện Nịnh thiên của Hòa thượng Quy Vân Bản chép: "Bản Triều có Phú Trịnh Công Bật hỏi đạo ở Thiền sư Đầu Tử Ngung, viết thư đi lại bằng những bài kê tụng, gồm mười bốn trang giấy, được khắc vào bia đá ở hai bên tả hữu hành lang chùa Hồng phúc thuộc Thai Châu, để được thấy rõ ràng chỗ trang nghiêm rực rỡ về chủ pháp của tiền bối, và nhận thấy sự tin đạo sâu xa của hàng vương công quý nhân. Trịnh Quốc Công là một trọng thần của xã tắc tới lúc tuổi già còn biết xu hướng tin đạo như thế, thì Thiền sư Ngung phải có tư tưởng đặc sắc hơn người. Quốc Công tự bảo rằng chính ông đã được chỗ dạy bảo cảnh sách của Thiền sư Ngung mà phát sinh liễu ngộ. Trong đám sĩ phu thâm tín Phật đạo, hay quên cả tuổi tác thế vị, phát khởi tâm tinh tiến mạnh mẽ, chỉ mong đạt tới chỗ chứng ngộ triệt để rồi sau mới thôi. Như Dương Đại Niên Thị Lang, Lý Hòa Văn Đô Úy được gặp Quảng Tuệ Liễn, Thạch Môn Thông và Từ Minh chư đại lão. Những các cơ duyên như kích dương thù xướng còn thấy chép nhan nhản trong các Thiền thư. Như Dương Vô Vi thì tham thiền nơi Bạch Vân Đoan, Trương Vô Tận nơi ngài Đâu Xuất Duyệt đều từ chỗ gõ cửa đánh xênh mà đưa tới phần chứng ngộ triệt để được gốc nguồn. Chẳng phải chỉ những như thế mà thôi. Thời cận đại lại có Trương Vô Cấu Thị Lang, Lý Hán Lão Tham chánh, Lã Cư Nhân học sĩ, đều hỏi đạo ở Diệu Hỷ Lão nhân. Khi đăng đường lúc nhập thất đều bảo là những bạn đạo xuất trần. Hành động yêu ghét thuận nghịch, manh như chớp giựt sấm vang, không câu nệ chỗ kiêng kỵ của thế gian, khiến người thấy phải khép nép lo sợ mà chẳng lường được bờ bến. Song le, những người hiền sĩ quân tử là cốt cùng nhau tìm đến không nhàn tịch mịch, ngưng tâm nơi thiền tích để phát huy cái phần chân tâm sẵn có của mình mà thôi. Người đời sau đã chẳng bắt chước được cái khuôn phép mẫu mực của tiên đức lại chuyên

việc ron ngót nịnh bợ để mong cầu tiến thân hiển đạt. Phàm người lấy chức vị trụ trì để dương lên làm bậc Trưởng lão, thì thường thường viết tên trên thư thiếp để xưng mình là Tăng trong môn hạ. Cung phụng người thí chủ trước kia lấy đó làm ân phủ, rồi đem của thường trụ Tăng đùm bọc nịnh bợ hiến dâng, làm trò cười cho kẻ thức giả mà vẫn điềm nhiên chẳng biết hổ. Than ôi! Sa môn Thích tử của đạo ta, một bình một bát như mây chạy chim bay, không lo sợ phần đói rét bức bách, chẳng luyến ái về con cái, tơ lụa ngọc ngà, mà lại muốn khom lưng uốn mình, rón rén run sợ để tự chuốc lấy sự việc ti tiện nhục nhã như thế vậy ư! Người được gọi là ân phủ (ân hậu sâu dày), chỉ là điểm xuất phát phần riêng biệt của một mình mình, không chỗ y cứ, nhưng vì một người càn bậy tầm thường xướng xuất việc đó ở trước, nên trăm kẻ càn bậy tầm thường lại phụ họa theo ở sau, rồi phỏng theo mà tranh nhau cung phụng lại họ, thì quả thật là việc thấp hèn nhỏ mọn vậy. Người làm cho phong giáo suy đồi chẳng gì tệ hại hơn bằng kẻ nịnh bợ. Quả thật chỗ tiêm nhiễm gian tà dối trá, tuy là đoan nhân chính sĩ, nếu một khi đã bị nó xâm nhập, thời tất phải hãm mình vào chỗ bất nghĩa, thất đức mà không thể cứu được. Thật đáng thương thay! Tỳ-kheo phá pháp, bị mà khí ám ảnh, nói láo nói sằng tự đắc, giả hiện thân tướng người trí thức nhận đại lão chốn thiền lâm bảo đó là sư thừa, nịnh người sang trọng ở giữa đường bảo đó là tông thuộc, tỏ thái độ cung kính chẳng đợi mời, mở đầu mối phá hoại nơi chánh pháp. Người bạch y để ngồi ngạo nghễ trên giường, còn mình lại quỳ lạy dưới đất, bẻ cong điều cấm chế của Đức Phật, làm nhuốc nhơ thậm tệ tới tông phong. Sự suy đồi của đạo ta đến như thế là cùng cực vậy. Than ôi! Trời ghi quỷ chép những tội trạng, đáng muôn phần chết làm thế nào mà chuộc lại được. Đó chẳng phải đều từ tội trạng của con người nịnh bợ mà ra vậy ư? Luận Nguyên Giáo của Thiền sư Minh Giáo Tung chép: “Bậc cao Tăng thời xưa, khi yết kiến Thiên tử cũng còn chẳng chịu lễ bày tôi. Dự thảo chế thư thời gọi rằng quốc sĩ, rằng vương sự. Tăng Viễn ở Chung Sơn, khi xe loan nhà vua tới cửa, vẫn ngồi trên giường không nghinh tiếp. Tuê Viễn ở Hổ Khê, lúc Thiên tử tới đất Tầm Dương có chiếu mời, cũng chẳng chịu ra khỏi núi.” Đương thời đó, sự đãi người như thế, tôn đức như vậy, nên cái đạo của Thánh nhân được hưng thịnh. Đời sau, những người hâm mộ cao Tăng thì khi giao thiệp với công khanh đại phu, còn không được đối đãi với phần lễ nghi của hạ sĩ. Xét phần xuất xứ của họ, đã chẳng bằng chỗ tự đắc của người thường, đâu được như thái độ yết kiến Thiên tử của Tăng Viễn vậy ư? Đâu được như thái độ tự tại của Tuệ Viễn vậy

ư? Như vậy mà mong đạo của ta hưng thịnh, sự tu của chúng ta tiến đạt, đâu có thể được vậy ư? Cũng vì thế mà ta không thể không rơi lệ. Niên hiệu Thuần Hy năm Đinh Sửu, ta thôi công việc chùa Hiển Ẩn, ngụ tại một làng xóm nhỏ tại Tây Sơn đất Bình Điền, nhân chỗ mắt thấy ta nghe ở những ngày gần đây, nhận xét thấy những sự việc phần nhiều là giả trá, làm suy tàn mất thói xưa. Lời nói của ta chẳng đủ để cân nhắc nặng nhẹ liền vội viết ra đây để tự cảnh sách mình."

Hòa thượng Viên Cực Sầm làm bài Bạt rằng: "Đời Phật cách xa, chính tông đam bạc, phong hạnh phai mờ, đến chỗ cùng cực. Bậc tiền bối thì tàn tạ, kẻ hậu sinh chưa nghe tên. Khuôn phép sẵn có của tùng lâm, gần tới lúc hoàn toàn sụp đổ. Ví có người đứng ra phù lại trái lại làm người nô bộc. Nay xem thiên Biện Nịnh của Thiền sư Bản núi Sơ sơn, lời thì xa mà ý lại rộng, thật là thâm thiết rõ ràng, rất có thể là những liều thuốc hay để chữa bệnh hiểm nghèo. Nhưng những kẻ bình thường xằng bậy tri thức kém cỏi đen tối chìm đắm trong lãnh vực tà nịnh thì tất lấy vị đề hồ làm độc dược vậy.

Thư của Hòa thượng Đông Sơn Không trả lời Dư Tài Mậu hỏi mượn tiền rằng: "Trước đây, hân hạnh được ông hạ cố rất nồng hậu. Sau thời gian cách biệt lại tiếp được tuệ thư, tôi tự rất lấy làm hổ thẹn. Tôi vốn là người an phận nơi núi rừng, cùng với đời xa cách, Tài Mậu hình như đã biết rõ. Nay tôi tuy làm ngôi Trưởng lão trong chốn phương trượng, cũng chỉ là Thượng tọa Không như ngày xưa không khác. Vì của cải thường trụ có hay không, nhất nhất đều giao phó cho người chủ sự, sổ chi thu xuất nhập cũng đều chẳng hề để mắt tới, chẳng chứa chấp áo bát không dùng của thường trụ, chẳng theo lời mời ở bên ngoài, không cầu cạnh ở ngoại viện, chỉ tùy theo duyên mà ở, chẳng hề tính kế ngày mai. Tài Mậu đã lấy chỗ đạo tình quen biết cũ mà nhắc tới, thế nên cùng nhau hãy cùng quên "vật" và "ngã" để cùng vui ở đạo. Nay thấy trong thư gửi tới, ông cậy tôi mượn chút tiền, không biết ông muốn mượn tiền đó, là tiền ở nơi thường trụ hay ở Thượng tọa Không vậy ư? Nếu xuất tiền ở nơi Không này, thì Không cũng chẳng có gì, nếu từ nơi thường trụ thì là lạm dụng của riêng của thường trụ. Một khi đã lạm dụng của thường trụ dùng vào việc riêng thời phạm tội ăn trộm. Lẽ đâu bậc Thiện tri thức mà lại trộm dùng của thường trụ vậy ư? Ông đã dự định vào chốn Đế hương (Kinh đô) để tìm việc tốt, thì không nên làm những việc như thế ở nơi tự viện. Ông là người đất Mân, chỗ thấy chỗ biết của ông đều là chỗ thấy biết về Trưởng lão của đất Mân. Vì, khi một Trưởng lão đó trụ trì một tự viện nào, thì trộm cắp của thường trụ làm của riêng

mình, hoặc dùng để kết bạn với quý nhân, hoặc dùng tư cấp người thế tục, hoặc dùng để tiếp đãi người mình quen biết, mà chẳng nghĩ những của cải đó là của thập phương thường trụ chiêu đề Tăng. Đời nay những loài mang lông đeo sừng để đền bù những món nợ trước đó, phần nhiều là những bọn người ấy vậy. Đức Phật đã nói rõ, thật đáng run sợ! Những năm gần đây, tự viện tịnh xá bị tàn phế. Tăng đồ thì vắng vẻ, đều là lỗi ở bọn ấy mà ra. Vậy xin ông chớ để tôi nằm trong hàng ngũ của bọn ấy. Quả thật ông thấy thế mà tin lời nói của tôi, thời dù chùa khác có nhận lời hứa cho ông mượn tiền, ông cũng nên chối từ mà đừng nhận, nếu không, thời trên đường hành trình tới kinh đô của ông, chưa thể lường được, lời nói tuy trái lại, chẳng biết ý ông thế nào? Thời tiết giá lạnh, ông nên giữ gìn ngọc thể trên bước đường dài."

Hòa thượng Triết Ông Diễm nói: "Bức thư này quả thật là một bức thư xá tội trước điện Diêm Lão Tử (Diêm Vương). Các bậc đạo nhãn ở khắp nơi hiện nay, chẳng biết các ngài sẽ nghĩ như thế nào? Nếu các ngài quả quyết giữ gìn được như lời nói trong thư này, thời một ngày kia tức có nhiều sức lực. Triết Ông thường lấy sự việc trong thư này để nhắc nhở ở người. Xán Ẩn Sơn cũng nói: "Tiền bạc thóc lúa của thường trụ, ngoại trừ việc cung chúng ra, còn nếu ai lấy đó đem dùng vào việc riêng tư, cũng như người dùng chất độc loài chim chậm. Người trụ trì cũng như người coi việc xuất nhập của cải của thường trụ, nếu họ hơi có tâm tham đắm cắt xén của cải đó, tất nhiên khắp mình da thịt sẽ bị lở loét thối nát. Trong Luật bộ đã chép rõ ràng như vậy." Cổ nhân đem tiền tới người thủ kho mua gừng để sắc thuốc, việc này còn có minh chứng. Người đời nay ngồi chễm chệ nơi phương trượng, chẳng những chỉ vơ vét những vật trong chén bát của chúng nhân để thỏa thích bụng miệng, mà còn dùng để truy tùy cho phần riêng mình, phù phiếm thuận theo tình người. Tệ hơn nữa, họ còn cắt xén của thường trụ để sưu tầm mua bán những đồ vật trân kỳ, để quảng bá nhân tình, mong sao được thuyên chuyển tới một ngôi chùa lớn. Những con người như thế ta sợ rằng Thiết Diện Diêm Lão Tử kế toán làm sao hết được tội lỗi của họ vậy."

Hòa thượng Tuyết Đường Hạnh trụ trì chùa Tiến phúc. Một hôm hỏi một vị Tăng vừa mới tới: "Ông từ đâu lại?" Vị Tăng thưa: "Từ Phúc châu lại." Tuyết Đường nói: "Trên quãng đường đi, ông có thấy bậc Trưởng lão nào tốt chăng? Vị Tăng thưa: "Đoạn đường qua Tín Châu, có Hòa thượng Bản trụ trì chùa Bắc sơn. Tuy tôi chưa từng lễ bái chào hỏi, nhưng biết được đó là bậc Trưởng lão tốt?" Tuyết Đường nói: "Tại

sao biết được đó là bậc Trưởng lão tốt?" Vị Tăng thưa: "Khi vào chùa tôi thấy đường lối rộng rãi, hai bên hành lang đều được tu chỉnh giải vũ, điện đường hương đăng không gián đoạn, sớm tối chuông trống phân minh, hai thời cháo cơm tinh khiết, Tăng hàng tiếp người có lễ độ. Vì thế nên biết đó là bậc Trưởng lão tốt." Tuyết Đường mỉm cười nói: "Hòa thượng Bản vốn là người hiền nhưng ông cũng là người có mắt tinh đời". Tuyết Đường liền đem lời nói này trình bày với quan Quận Thú Ngô Công Phó Bằng: "Theo chỗ bàn luận của vị Tăng ấy, sự việc cũng giống như Phạm Diêm Linh tiến cử Trương Hy Nhan, và chỗ hiền đức của các hạ cũng không kém gì Trương Trung Định Công. Nay lão Tăng tuổi đã già, xin nhờ Quận Thú thỉnh Hòa thượng Bản về trụ trì thay thế, ngõ hầu làm những việc hưng thịnh cho thiền lâm." Ngô Công rất mừng. Ngay ngày hôm ấy Hòa thượng Bản dời về chùa Tiến phúc."

Tuyết Đường nói: "Sức kiên cố của bờ đê dài ngàn dặm, nhưng bị nước làm vỡ vì một ổ kiến. Vẻ đẹp tuyệt vời của Ngọc bích trắng tinh, nhưng bị bỏ rơi chỉ vì một vết nhơ. Diệu đạo vô thượng, chẳng những chỉ như bờ đê kiên cố, ngọc Bích trong trắng, mà tham dục sân hận chẳng phải chỉ như ổ kiến vết nhơ. Vậy nên người học đạo chỉ cần chí hướng đoan cẩn, hành đạo tinh tiến, giữ đạo kiên xác, tu thân hoàn mỹ, rồi sau mới có thể đem ra để lợi mình lợi người được."

Tuyết Đường nói: Khi ta ở chùa Long môn. Binh Thiết Diện ở chùa Thái bình. Có người nói với ta: Bính đi hành cước xa làng chưa bao lâu, nghe biết nơi thầy thụ nghiệp bị cháy vào một buổi chiều, thiêu trụi hết cả đồ vật. Bính nhận được thư liền quăng xuống đất và nói: "Chỉ làm loan ý người ta vậy."

Tuyết Đường bảo Hòa thượng Hối Âm Quang: "Ta tới tuổi nhược quán, Kiến Độc cư sĩ dạy ta rằng: "Trong tâm không có chủ đích thì không lập được thân, bề ngoài không chính đính thì không làm được việc. Cần phải trọn đời noi theo lời nói này thì sự nghiệp của hiền Thánh tất sẽ được đầy đủ." Ta giữ gìn lời nói đó, khi còn ở tại gia dùng để sửa mình, khi đã đi xuất gia dùng để học đạo. Dĩ chi khi xuất thân tới chúng, ta cũng xem đó như là quả cân để định nặng nhẹ, như quy cũ để nặn thành đồ vuông tròn, nếu mà đem bỏ đi thì mọi việc sẽ mất tiêu chuẩn vậy."

Tuyết Đường nói: "Cao Am tới chúng tất nói: "Ở trong chúng nên biết người có tri thức." Ta nhân hỏi nguyên cớ đó. Cao Am nói: "Ông chẳng thấy Quy Sơn nói: "Động tĩnh phải bắt chước bậc thượng lưu, chớ

nông nổi theo bọn hèn kém." Bình sinh ở trong chúng mà không bị chìm đắm trong đám hạ ngu, đều là những người xuất thân từ ở lời nói này. Trong nơi trù nhân quảng chúng, kẻ hèn thì nhiều, người trí lại ít. Tập theo kẻ hèn kém thì dễ, thân với người thức giả thì khó. Nếu quả thật, tự mình hay phấn chí ở trong đó, cũng chẳng khác chi như một người địch lại muôn người, tất cái thói tập theo hèn kém kia phải kiệt sức, mà trở thành người siêu việt tuyệt trác vậy." Ta trọn đời tuân theo lời đó nên mới tới được chỗ không phụ cái chí người xuất gia."

Tuyết Đường bảo Thả Am: "Làm việc gì cũng phải cân nhắc nặng nhẹ, phát ngôn cần phải suy nghĩ trước sau, cốt sao cho hợp với trung đạo chớ để thiên lệch. Nếu dùng việc hấp tấp vội vàng, thì việc đó ít hay thành tựu, vì khiến có thành tựu chăng nữa, cũng chẳng được vẹn toàn. Ta ở trong chúng, thấy đầy đủ những việc tổn ích, duy chỉ người có đức, đem lòng khoan dung để khuất phục người, thường mong kẻ hậu lai, những người có chí lực phải xét đó mà làm theo, mới là điều ích lợi tốt đẹp." Linh Nguyên nói: "Phàm con người ở lúc bình thường soi vào nội tâm, thì phần nhiều thấy tâm sáng suốt tỏ rõ, kịp tới khi giao thiệp với sự việc ở bên ngoài, thì tâm thường hay bị ngang trái hỗn độn, làm mất pháp thể. Vậy nên biết, nếu ai muốn nghĩ tới nhiệm vụ nối dõi Phật Tổ, mở bảo dắt dẫn hậu côn, không thể không thường tự kiểm trách."

Hòa thượng Ứng Am Hoa trụ trì chùa Minh quả. Tuyết Đường chưa từng một ngày nào chẳng qua thăm. Hoặc có kẻ bàn lén về việc này. Tuyết Đường nói: "Hoa Điệt là người chẳng thích lợi, chẳng cầu danh, chẳng trước khen sau chê, chẳng a dung cẩu hợp, chẳng nịnh sắc xảo ngôn. Hơn nữa lại là người thấu đạo tỏ rõ, cách đi đứng khoan thai, trong hàng nột tử khó có ai được thế, nên ta rất kính trọng."

Tuyết Đường nói: "Người học mà khi thắng chí là tiểu nhân, chí thắng khí là đoan nhân chính sĩ, khí với chí ngang nhau là hiền Thánh đắc đạo. Người cứng cỏi chẳng chịu tuân theo quy củ và lời can gián, đó là bị khí nó sai khiến. Kẻ sĩ đoan chính, dẫu có cưỡng bách làm điều bất thiện, thì dẫu chết cũng chẳng hai lòng, đó là chí nó đưa đến như thế vậy."

Tuyết Đường nói: "Cao Am khi trụ trì chùa Vân cư, Phổ Vân Viên làm Thủ tọa. Nhất Tài Tăng làm Thư ký. Bạch Dương Thuận làm Tang chủ. Thông Ô Đầu làm Tri khách. Hiền Chân Mục làm Duy na. Hoa Điệt làm chức Phó tự. Dụng Điệt làm chức Giám tự. Đều là những vị gồm đủ đức nghiệp. Dụng Điệt là người luôn luôn thanh liêm kiêm ước, không thắp đèn dầu của thường trụ. Hoa Điệt thấy thế nói bỡn

rằng: "Một ngày kia, ông làm Trưởng lão, cần phải là người có hổng mũi ngay thẳng mới được, đâu có thể lấy việc nhỏ này làm chỗ sở đắc vậy ư?" Dung Điệt không đáp lại. Dung Điệt tuy tiết kiệm đối với bản thân, nhưng đối xử với người rất hậu, tiếp đãi thu nạp hàng nột tử từ bốn phương lại không tỏ lộ dáng điệu mệt nhọc. Một hôm Cao Am thấy vậy liền nói: "Chỗ dụng tâm của Giám tự thực khó ai có được. Nhưng cần phải soi xét tới công việc của thường trụ, cho để cho sơ khoáng thất thố." Dung Điệt thưa: "Ở phần tôi có chỗ sơ sót cũng chỉ là phần lỗi nhỏ, còn ở phần Hòa thượng phải tôn người hiền đãi kẻ sĩ, độ lượng lớn hàm chứa như bể cả, tâm bao dung như núi cao, chẳng hỏi đến việc nhỏ bé, thực là người có đức lớn!" Cao Am mỉm cười. Vì thế, nên có tên là "Dung Đại Oản trong chốn tùng lâm".

Tuyết Đường nói: "Người học đạo khi chưa biết phương hướng của đạo, cần phải tìm thầy bạn để tham hỏi. Bậc Thiện tri thức không thể đem đạo giáo hóa đơn độc, mà phải nhờ người học đạo giúp đỡ phù trì. Bởi thế, làm chủ ngôi chùa tất có những bậc thầy đạo đức, lập thành pháp hội tất có những nột tử hiền trí. Đó cũng giống như hổ gầm gió mạnh, rồng cuộn mây bay. Xưa kia Mã Tổ đất Giang tây nhờ có Bách Trượng Nam Tuyền mà hiển được đại cơ đại dụng. Thật là ngàn năm một lần trùng hợp, luân thuyết không còn ngờ. Phất phới như lông hồng gặp gió, cuồn cuộn như cá lớn về khơi. Đều là cái thế tự nhiên vậy. Rồi đến kiến lập được công huân của tùng lâm, tăng phần rực rỡ của Phật Tổ. Tiên sư trụ trì chùa Long môn, nhân một buổi chiều bảo tôi: "Ta không có đức nghiệp nên không hay quy nạp sâu rộng được các hàng nột tử khắp nơi hồ hải, thật đáng hổ thẹn với lão Tăng chùa Đông sơn." Ngài nói xong rồi buồn rầu rơi lệ. Tôi thường nghĩ lại việc đó mà suy đến ngày nay những người làm bậc thầy khuôn mẫu cho đời đem so sánh với cổ nhân thì xa cách nhau gấp muôn lần vậy."

Tuyết Đường nói: "Khi ta ở chùa Long môn, Linh Nguyên ở chùa Thái bình. Linh Nguyên bị quan Hữu tư đem điều vô lý sách nhiễu liền viết thư gửi về tiên sư có nói: "Nếu đem tâm ngay thẳng để làm việc đạo, hầu như không thể thi thố được, còn nếu đem tâm cong queo để trụ trì thì quả thật không phải chí hướng của tôi. Nên, chẳng bằng tôi phóng ý trong khoảng núi hang trùng điệp, ngày ăn thóc cỏ vực, để độ quãng đời sống còn thừa lại, sao cứ khư khư giữ việc như thế này vậy ư?" Thư gởi đi không đầy mười hai ngày thì nhận được lệnh của Hoàng Long. Linh Nguyên liền vui vẻ trở về đất Giang tây."

Tuyết Đường nói: "Linh Nguyên thích đem sự vật so sánh với các

nột tử rằng: "Cố nhân có nói: "Ví như người thợ tượng, làm tượng bằng đất hay bằng gỗ. Người thợ làm tượng gỗ, thì trước hết phải làm tai và mũi lớn, miệng, mắt nhỏ. Nếu hoặc có người chê trách, thì tai, mũi lớn có thể làm cho nhỏ, miệng mắt nhỏ có thể làm cho lớn. Người làm tượng đất, thì tai, mũi trước hết phải để nhỏ, miệng, mắt phải để lớn. Nếu hoặc có người chê trách thì tai, mũi nhỏ có thể làm cho lớn, miệng, mắt lớn có thể làm cho nhỏ." Ôi! Lời nói này tuy là tầm thường, nhưng có thể lấy để dụ cho những việc lớn. Người học đạo, một khi sự việc nó tới, mà biết lựa chọn việc đó nên làm hay bỏ, cần phải trải qua ba lần suy nghĩ, mới có thể cho đó là người trung hậu được."

Tuyết Đường nói: "Vạn Am đưa Cao Am qua chùa Thiên thai, lúc trở về nói với ta rằng: Có Đức Quán Thủ Tọa ở ẩn dật trong núi Cảnh tinh đã ba mươi năm trời, không hề bước chân ra khỏi núi. Quan Quận thú, Long Học Cảnh Công, đặc biệt ưu ái, muốn đón ngài về chùa Thụy nham, Đức Quán viết bài kệ từ chối:

"Ba mươi năm trọn lánh trần ai
Bỗng được quan sai sứ lại mời
Việc vụn nhân gian đừng đổi chác
Đời nhàn rừng núi cuộc đời tôi".

Cảnh Công lại sai sứ đến lần thứ hai, nhưng ngài vẫn cố từ Cảnh Công than: "Đó là dòng của Ẩn Sơn ngày nay vậy." Vạn Am nói: "Chùa Thiên thai có bậc lão Tăng, ghi lại được lời nói của Đức Quán Thủ Tọa rằng: "Chẳng liễu được gốc đạo chìm đắm bể sinh tử. Xúc cảnh liền sinh tâm, tùy tình động niệm dấy. Tâm ý như hồ lang xiểm nịnh lừa dối người. Cậy thế lực a tòng, theo danh và trục lợi. Bỏ chân theo đuổi vọng, trái giác hợp với trần. Đều là những việc mà người tu đạo nơi rừng núi, trọn chẳng bao giờ làm." Ta nói: "Đức Quán cũng là một anh tài trong hàng Tăng."

Tuyết Đường sinh trưởng trong gia đình giàu sang, mà không có thái độ kiêu căng, sống nếp sống thanh nhã, chẳng ham chuộng vật chất. Khi ở núi Ô cư, có một nột tử dâng ngài tấm gương sắt. Tuyết Đường nói: "Nước trong nơi khe suối, có thể soi rõ được cả lông tóc, tích trữ vật này để làm chi." Đoạn ngài khước từ không nhận.

Tuyết Đường là người nhân từ trung thứ, tôn bậc hiền đức kính kẻ tài năng. Những lời đùa cười thô tục ít khi buột ra khỏi miệng. Tánh không nghiêm khắc, cũng không giận dữ. Ngay cả lúc đi lại cũng rất mực ngay thẳng tinh khiết. Ngài thường nói: "Sự học đạo của cổ nhân, đối với ngoại vật thản nhiên không còn gì ham muốn. Dĩ chí còn quên

cả thế vị, bỏ cả thanh sắc tựa như những việc chẳng thể gắng sức trừ bỏ được mà hay bỏ một cách dễ dàng. Người học đạo ngày nay, thì làm tất cả tài nghệ, chẳng nề hà việc chi, đó là tại cớ gì vậy? Chỉ vì chí chẳng bền, việc không chuyên nhất, mà có làm việc gì chăng nữa cũng chỉ là tắc trách thôi vậy."

Tuyết Đường nói: "Tử Tâm trụ trì chùa Vân nham. Trong chốn trượng đường, ngày hay có tính nóng giận chửi mắng. Các hàng nột tử vì thế, đều nhìn về phía trời xa thẳm mà lần lượt ra đi. Phương Thị giả nói: "Ôi! Bậc Thiện tri thức, thực hành đạo của Phật Tổ làm hiệu lệnh cho nhân thiên nên phải coi người học như con đỏ. Nay ngài lại chẳng rủ lòng lo lắng thương hại, ban bố ân tuệ, nuôi nấng vỗ về, dùng lời dạy bảo trung hòa, tại sao lại coi họ như cừu thù, thấy thời mắng nhiếc, đâu có phải là chỗ dụng tâm của bậc Thiện tri thức vậy ư?" Tử Tâm liền cầm chiếc gậy đang chống đuổi Phương Thị giả và nói: "Chỗ thấy nghe hiểu biết của ông như thế, ngày kia tất sẽ xu nịnh sùng chuộng kẻ thế vị, don ngót kẻ hào quyền, bán rẻ cả Phật Pháp, lừa dối đám ngu hèn. Vì ta không nỡ thấy những việc như thế nên ta nặng lời kích động, để họ gắng chí, nào có ý gì khác đâu. Ta chỉ muốn họ biết hổ thẹn để sửa lỗi, ghi tạc vào tâm khảm đừng quên, mong một ngày kia trở nên người tốt vậy."

Hòa thượng Tử Tâm Tân nói: "Tú Viên Thông thường nói: "Tự mình không chân chính mà muốn người ta chân chính, đó là thất đức. Tự mình chẳng cung kính, mà muốn được sự cung kính ở người, đó là trái lễ. Ôi! Làm bậc Thiện tri thức mà thất đức trái lễ, thì đem gì làm khuôn mẫu cho người sau."

Tử Tâm bảo Trần Oánh Trung: "Người cầu đại đạo, trước hết tự mình phải chính tâm, nếu hơi vướng chút hờn giận thời tâm chẳng được chính, hơi có chút thị dục thời tâm chẳng được chính. Nhưng nếu tự mình không phải là Thánh hiền ứng thế, sao tránh khỏi được tâm không yêu ghét mừng giận được, mà chỉ cần ngăn chặn chúng trước khi phát khởi, để khỏi phương hại mất chính tâm, thế là được vậy."

Tử Tâm nói: "Tiết kiệm và buông xuôi mọi duyên là con đường tất vào đạo. Phần nhiều thấy những người học đạo ngày nay, trong tâm thì hậm hực, ngoài miệng thì tấm tức, ai cũng muốn nối gót người xưa. Nhưng xét tới chỗ tiết kiệm và phóng há mọi duyên thì trong muôn phần không được một. Cũng giống như con cái nhà thứ tục, không chịu đọc sách mà lại muốn làm quan, dẫu là đứa trẻ nít cũng biết đó là việc không thể làm được."

Tử Tâm bảo Trạm Đường: "Người học đạo, nếu người nào có tài trí trung tín, tiết nghĩa, thì đó là hạng người ở trên. Còn người tuy tài năng không cao, nhưng lại cẩn thận và có độ lượng thì đó là hạng người ở bậc giữa. Còn hoặc có hạng người tâm mang thói tà xem xét mong ngóng dư luận thiên hạ, tùy theo thời thế mà thay đổi thì đó quả thật là kẻ tiểu nhân. Nếu đem hạng người đó mà đặt ở địa vị cao, thì tất nhiên họ sẽ làm bại hoại tùng lâm, mà làm nhơ nhuốc chốn pháp môn vậy."

Tử Tâm bảo Thảo Đường: "Phàm là chức trụ trì, phát ngôn làm việc cần ở thành và tín. Lời nói thành tín thì chỗ cảm rất sâu xa. Lời nói không thành tín thì chỗ cảm ắt nông cạn. Lời nói không thành thực, làm việc không tin cẩn, dù rằng là người dân thường sống nếp sống bình thản cũng còn không nỡ làm, vì họ sợ người ta thấy sự lừa dối của mình với hương đảng, nữa là người chủ tùng lâm, thay Phật Tổ tuyên dương giáo hóa. Mà khi nói năng nay lúc làm việc, nếu không có thành và tín, thì kẻ nột tử khắp chốn hải hồ, ai là người theo với mình vậy."

Tử Tâm nói: "Người cầu lợi không thể cùng với đạo, người cầu đạo không thể cùng với lợi. Người xưa không phải không thể làm kiêm cả lợi và đạo, bởi lẽ, cái thế đó không thể cho phép làm như thế vậy. Vì khiến nếu thực hành được cả lợi và đạo, thì những kẻ buôn đứng, bán ngồi, buôn thịt, bán rượu, hay những kẻ buôn thúng bán mẹt nơi hang cùng ngõ hẻm cũng đều có thể làm được, hà tất phải cần đến cổ nhân phải bỏ giàu sang, quên công danh, nguội tâm, lắng trí, trong nơi rừng suối, uống nước lã ăn quả cây cho đến trọn đời vậy ư? Tất có người cho rằng lợi và đạo đều cùng làm chung cả với nhau được mà vẫn không ngang trái chướng ngại lẫn nhau, thì cũng ví như người mang chén rượu bị dò mà tưới vào vạc than hồng, tất nhiên không thể giúp ích được gì vậy."

Tử Tâm nói: "Hối Đường tiên sư xưa kia du hành tới đất Đông ngô, thấy Viên Chiếu nhận lời mời tới khai pháp chùa Tịnh từ. Các hàng Tăng tục ở Tô Châu và Hàng Châu tranh nhau mời thỉnh ngài không ngớt. Một bên nói: "Đây là thầy của chúng tôi, các ngươi sao lại tới cướp đoạt." Một bên nói: "Hiện nay là thầy của chúng tôi, không phải của các ngườ đâu vậy."

Tử Tâm trụ trì chùa Thúy nham, nghe biết Giác Phạm bị đày nơi hải ngoại, trên đường qua đất Nam Xương, ngài liền đón về trong chùa tiếp đãi nhiều ngày, còn đem hậu lễ đưa tiễn tới bến đò. Hoặc có người nói: "Tử Tâm là người mừng giận bất thường." Tử Tâm nói: "Giác Phạm là một người nột tử có đức, chỉ vì trước đây ta cực lực nói thẳng là

muốn trừ khử cái tính róc rách hay soi bói lỗi người của ông, nay cũng vì thế mà ông mắc phải hoạnh nghịch, âu đó cũng là số phận. Ta chỉ thấy tình đạo nghĩa ngày thường ở tùng lâm mà đối xử vậy.” Thức giả bảo: “Tử Tâm là người không có tâm riêng tư nên mới biểu lộ cử chỉ như thế.”

Tử Tâm bảo Thảo Đường, Hối Đường nói Đức khoan hậu của con người bẩm nơi thiên tính mà được. Nên cưỡng lại thiên tính mà đem khoan hậu làm cho mạnh, tất nhiên cái mạnh đó chẳng lâu dài. Một khi cái mạnh không lâu dài, thì tất bị khinh khi bởi kẻ tiểu nhân. Song, tà, chính, thiện, ác cũng do nơi thiên tính mà có, đều không thể làm cho đổi dời, duy tính trung dung của con người thì thay đổi lên xuống được dễ dàng, mới có thể căn cứ theo đó mà giáo hóa.

Hòa thượng Thảo Đường Thanh nói: “Ngọn lửa cháy lan nơi đồng nội phát sinh bởi một đóm lửa nhỏ bé, thế nước vỡ núi, tích chứa bởi những giọt nước nhỏ ly ti. Ôi! Giọt nước tuy nhỏ, chỉ một nắm đất có thể lấp ngay được, nhưng tới lúc thế đã mạnh, thì nó làm trôi cả gỗ đá, san phẳng gò đống. Ngọn lửa tuy nhỏ, chỉ một gáo nước có thể dập tắt, nhưng tới lúc thế đã mạnh, thời nó thiêu hủy cả đô ấp, đốt cháy cả núi rừng. Như vậy, nếu đem so sánh với nước ái dục, với lửa sân hận, đâu có khác chi vậy. Con người thời xưa, họ trị tâm phải đề phòng cái niệm đó từ khi chưa phát sinh, cái tính đó từ khi chưa bột khởi. Thế nên dùng sức chỉ tốn rất ít, mà thu được cái công lại rất lớn. Kịp tới lúc tình và tính cùng nhau rối loạn, yêu và ghét cùng nhau công kích thì đối với mình tự hại cả cuộc đời, đối với người lại hại cả người đó, quả thật là mối nguy ngập, không tài nào cứu vãn được nữa vậy.”

Thảo Đường nói: “Người trụ trì không cần gì khác, mà chỉ cần ở chỗ xét rõ tình người, biết khắp trên dưới. Ôi! Nếu biết xét rõ được tình người thời trong ngoài hòa thuận, biết suốt trên dưới thời trăm việc hợp lý. Do đó mà chức trụ trì được an định. Nếu không hay xét kỹ được tình người, tình người dưới không thông với người trên, trên dưới ngang trái nhau, tất trăm việc sẽ mâu thuẩn. Do thế mà chức trụ trì bị lung lay. Hoặc giả, người làm chủ lại tự cậy có tư chất thông minh, hay chấp thiện kiến, không suốt vật tình. Bỏ lời bàn của công chúng mà trọng quyền riêng mình, bỏ công luận mà làm theo ân tuệ riêng tư. Khiến cho con đường tiến thiện dần dần bị hẹp lại, lề lối nhậm chúng ngày càng nhỏ dần. Bỏ cả điều mình chưa thấy chưa nghe, an phận chỗ tập quen chỗ che lấp, thế mà muốn ngôi trụ trì được ngự trị lâu dài, được truyền bá xa rộng thì chẳng khác gì như người đi giật lùi, mà mong tới trước,

trọn không thể được vậy."

Thảo Đường nói: "Người học đạo lập thân, cần phải chính đáng, đừng để cho người ta bàn trộm về di luận. Nếu một khi đã vướng vào di luận, thời trọn đời không thể lập thân được. Xưa kia Bình Thị giả chùa Thái dương, là người được trong tùng lâm suy trọng về phần đạo học. Nhưng vì tâm xử sự của ông bất chính, bị hàng thức giả chê trách, rồi đến suốt đời bị hẩm hiu vất vả, tới đến khi chết cũng không có đất trở về. Song le, đâu có phải chỉ riêng người học đạo mà thôi, người làm chủ cả một phương, càng phải nên lấy đó làm gương mà kinh sợ."

Thảo Đường bảo Hòa thượng Như: "Tiên Sư Hối Đường nói: Trong chỗ trù nhân quảng chúng, người hiền và kẻ bất tiếu nối gót nhau. Bởi cửa giáo hóa rộng lớn, không dung thứ ai là kẻ thân người sơ ở trong đó, chỉ cốt ở điểm gia công lựa chọn kỹ càng. Nếu là người có tài đức hợp với chỗ mong muốn của mọi người, thì không đem chỗ giận riêng mình mà xa cách họ. Nếu là người kiến thức tầm thường, mọi người ai nấy đều ghét, thì cũng không thể lấy chỗ yêu riêng mình mà thân với họ. Làm như thế thời người hiền tự họ có cơ hội tiến, kẻ bất tiếu tự họ phải lùi, chốn tùng lâm tất được an định. Nếu người làm chủ tùng lâm lại thích theo tâm riêng của mình, chuyên chỗ mừng giận của mình, mà ngăn cản sự tiến thoái của người, thì người hiền phải bịt miệng im lặng, kẻ bất tiếu đua nhau tiến lên, làm cho kỷ cương rối loạn, chốn tùng lâm tất hỏng vậy. Hai điều trên đây là đại thể của người trụ trì, nếu hay thành thật xét kỹ mà noi theo, thì người ở gần tất đẹp lòng, người nơi xa phải truyền tụng, lo gì kẻ nột tử khắp nơi không hâm mộ mà chẳng lại vậy ư?"

Thảo Đường bảo Không Thủ tọa: "Từ khi có tùng lâm trở lại, nếu nói về được nhiều môn đồ nhất, thì không ai bằng Thạch Đầu Mã Tổ, Tuyết Phong, Vân Môn, và gần đây duy có hai đại lão Hoàng Long và Ngũ Tổ, quả thật là những vị hay thu thập được các hàng nột tử anh tuấn ở bốn phương. Các ngài tùy theo khí độ của họ có nông sâu, y vào tài năng tính chất của họ có được hay không để phát huy mà dùng vào việc. Đó cũng ví như người cưỡi ngựa cổ xe lại được kéo bởi bốn con ngựa tuấn, giong ruổi bởi sâu giây cương, thúc đẩy bởi roi vọt, ngăn cản chúng không cho quay đầu nhìn trở lại, như thế thời muốn đi đến bất cứ nơi chốn nào mà chẳng đạt tới được vậy thay."

Thảo Đường nói: "Người trụ trì không cần gì hơn, mà chỉ cần răn giữ cẩn thận ở cái tệ nghe thiên lệch và tự chuyên. Đừng nên tự chủ ở lời nói vào tai trước tiên, thì lời xiểm nịnh của kẻ tiểu nhân, lời gièm

pha của kẻ đón thời theo ý, không thể làm mê hoặc được. Bởi lẽ, tình của chúng nhân thì bất nhất, lời bàn chí công lại khó thấy, nên phải thấu triệt những điều lợi hại, xét kỹ việc phải trái, rồi sau mới thực hành theo, như thế mới là được vậy."

Thảo Đường bảo Sơn Đường: "Việc trong thiên hạ, nếu chưa rõ được phải trái, thì phải nên cẩn thận. Một khi điều phải trái đã rõ, phải lấy lý để quyết đoán. Duy đem đạo lý quyết đoán, để chỗ quyết đoán đó không còn ngờ vực. Nếu làm như vậy, thì kẻ gian nịnh không thể mê hoặc được, kẻ gàn bướng không thể lay chuyển được."

Hòa thượng Sơn Đường Chấn, lúc đầu từ khước mệnh lệnh trụ trì chùa Tào sơn. Quan Quận Thú gởi thư khuyên can. Sơn Đường viết thư từ chối: "Ví khiến có cơm ngon đồ ăn béo mà làm người nột tử tham danh, thì chẳng bằng mặc áo cỏ ăn trái cây làm người ẩn thân nơi hang núi còn hơn."

Sơn Đường nói: "Loài rắn loài hổ, tuy chúng không phải là kẻ thù của chim cú, chim diều hâu, nhưng chúng thấy rắn hổ ở đâu, thì đều bay thêu kêu la. Đó là tại sao? Vì chúng đều có ý nghĩ khác nhau. Loài trâu, loài heo, tuy chúng không phải là nơi dừng chân của chim yến, chim sáo, nhưng chúng thấy trâu, heo ở đâu, thì đều bay cưỡi ở trên lưng. Đó là tại sao? Vì chúng đều không có tâm nghĩ khác nhau. Xưa kia Triệu Châu đến thăm một am chủ, gặp lúc ông mang cơm xuất sinh tới chỗ cho chim ăn. Triệu Châu nói: Con quạ thấy người thì làm sao nó lại bay? Am chủ mờ mịt không rõ lý do, liền hỏi lại Triệu Châu lời vừa hỏi. Triệu Châu trả lời: "Vì ta hãy còn tâm sát sinh." Thế nên nó ngờ vực ở người, và người cũng ngờ vực ở nó. Nếu người mà quên ở vật, thì vật cũng quên ở người. Sở dĩ cổ nhân xưa cùng làm bạn với hổ rắn, là vì các ngài đã khéo đạt được cái lý đó vậy. Lão Bàng nói: "Trâu sắt chẳng sợ sư tử gầm, giống hệt người gỗ thấy chim hoa." Lời nói này quả thật chí lý."

Sơn Đường nói: "Phương pháp trị người, thi ân không nên quá mức độ, quá mức độ thời người kiêu. Gia uy không nên quá nghiêm khắc, quá nghiêm khắc thời người oán. Muốn thi ân mà người không kiêu, gia uy mà người không oán, tất nhiên phải thi ân ở kẻ có công chứ không nên thi ân bừa bãi, gia uy ở kẻ có tội, mà không nên lẫn ở kẻ không tội lỗi. Thế nên thi ân tuy hậu mà người không có kiêu, gia uy tuy nghiêm mà người không có oán. Nếu, công hoặc không xứng mà thưởng họ quá trọng hậu, tội không đáng trách mà phạt họ rất nặng nề, như vậy, liền khiến kẻ tiểu nhân sinh ra kiêu căng và oán hận vậy."

Sơn Đường nói: “Đạo của Phật Tổ, chẳng qua giữ được ở mức trung, vượt quá mức trung thì thiên tà. Việc trong thiên hạ không nên hết ý, hết ý thời phát sinh họa hoạn. Con người xưa và nay, vì không tiết chế, không cẩn thận, nên đưa đến nguy vong rất nhiều. Song le, người ở đời, ai là người không có lỗi vậy ư? Duy kẻ hiền đạt, biết sửa đổi điều lỗi không tiếc, mới gọi là tốt vậy.”

Sơn Đường cùng với Hàn Thượng Thư Tử Thương, Vạn Am, Nhan Thủ Tọa, Hiền Chân Mục, tị nạn ở am Vân Môn. Hàn Công nhân hỏi Vạn Am: “Gần đây tôi được nghe tin ngài bị binh lại của Lý Thành bắt giữ, vậy ngài giải thoát được bằng cách gì?” Vạn Am đáp: “Mới đây tôi bị bắt trói, bị đói rét suốt ngày, tự nghĩ mình tất sẽ bị chết, ngẫu nhiên gặp trận mưa tuyết lớn, vùi lấp cả nhà cửa, vách nhà giam bỗng sụp đỗ, nên đêm đó may mắn tẩu thoát được tất cả hơn trăm người.” Hàn Công nói: “Chính lúc bị bắt, ngài phải xử chí ra sao?” Vạn Am không đáp. Hàn công lại gạn hỏi. Vạn Am đáp: “Việc đó cần gì phải nói: Chúng ta là người học đạo, lấy nghĩa làm chất, duy có chết là cùng, việc chi phải lo sợ.” Hàn Công gật đầu. Nhân thế, biết sự thiệp thế của tiền bối, đối với sinh tử họa hoạn, đều có phương pháp xử đoán vậy.”

Sơn Đường thôi ở chùa Bách trượng, bảo Hàn Tử Thương: “Chỗ tiến của người xưa thì có đức có mệnh, nên đợi ba lần thỉnh rồi mới đi, chỉ một lần cáo từ thì lui gót. Chỗ tiến của người thời nay, thì duy cậy ở thế và lực. Người biết tiến thoái thích thời, mà không bỏ mất điểm chính yếu, đó là người hiền đạt.”

Sơn Đường bảo Dã Am: “Người trụ trì cần phải để tâm, làm việc phải công chính, không nên cho ở mình là phải, ở người là trái, thời sự yêu ghét dị đồng không để ở nơi tâm. Mà khi bạo mạn gian tà chật hẹp cũng không thể từ đâu xen vào được.”

Sơn Đường nói: “Lý Thương Lão thường nói: “Diệu hỷ là người có đại khí, độ lượng cô đọng sâu xa, tiết nghĩa hơn người, hiếu học không biết mỏi. Ngài cùng với Lão phu cùng tới Bảo Phong, và ở đây gần bốn năm năm trời, cứ trong khoảng mười ngày mà không gặp nhau, tất ngài khiến người tới thăm hỏi. Lão phu bất hạnh cả nhà bị bệnh phù thũng. Diệu Hỷ tới tận nhà chăm nom chăm sóc, tự ngài sắc thuốc nấu cơm, cư xử như nghi lễ đệ tử đối với bậc phụ huynh không khác. Khi ngài trở về chùa, Nguyên Thủ tọa quở trách ngài, nhưng ngài chỉ vâng vâng dạ dạ, kính nghe lời thầy dạy bảo. Thức giả thấy thế, biết Diệt Hỷ là người có đại khí.” Trạm Đường thường nói: “Cao thị giả (Diệu Hỷ) là người tái lai (ứng thế), sơn Tăng rất tiếc không được gặp.” Khi Trạm

Đường viên tịch, Diệu Hỷ đi bộ đường xa ngàn dặm, hai chân bị xưng lên như tổ kén, tìm đến Vô Tận Cư sĩ ở đất Chử Cung, nhờ làm bài Minh khắc vào tháp của ngài Trạm Đường. Quãng đời sáng chói cuối cùng của Trạm Đường là nhờ sức của Diệu Hỷ vậy."

Hòa thượng Diệu Hỷ Cảo nói: "Trạm Đường mỗi khi nhận được thư thiếp của tiền hiền, ngài thường đốt hương rồi mới mở đọc hoặc còn khắc các thư thiếp đó vào đá để lưu lại và nói: "Đức lớn danh thơm của Tiên Thánh, nỡ nào lại để bỏ mất." Ngài là người thanh nhã và cao thượng như thế, nên khi mất đi không có lấy được mười lạng vạng, mà duy chỉ có sách vở và bút tích của các bậc hiền triết đời Đường, đời Tống, chứa đầy hai rương làm bằng tre. Các hàng nột tử khắp nơi tranh cạnh nhau cùng xướng họa những mặc tích đó, rồi đem bán có giá được tới hơn ngàn quan tiền để giúp thêm vào lễ trà tỳ ngài."

Diệu Hỷ nói: "Phật Tánh ở chùa Đại quy, nhân có hành giả trong chùa cùng với người làm ruộng địa phương cùng đánh lộn. Phật Tánh muốn trừng trị hành giả, Tổ Siêu Nhiên nhân thế bèn nói: "Nếu tha người làm ruộng, đánh đập nhục mạ kẻ hành giả, thì chẳng phải chỉ những mất danh phận kẻ trên người dưới, mà còn sợ kẻ tiểu nhân nương vào cơ hội đó mà khinh nhờn, vậy ngài không nên làm việc đó." Phật Tánh không nghe theo. Chưa bao lâu, quả nhiên có người làm ruộng giết mất vị Tri sự."

Diệu Hỷ nói: "Tổ Siêu Nhiên trụ trì chùa Ngưỡng sơn, nhân có người làm ruộng ăn trộm lúa của thường trụ. Siêu Nhiên vẫn thường ghét tính tham lam của người làm ruộng đó, nên ý ngài muốn đuổi đi. Ngài liền khiến hành giả coi kho làm tờ cung trạng về người làm ruộng kia. Nhưng ý người hành giả lại muốn bảo toàn người làm ruộng, vì xét biết được ý của Siêu Nhiên, nên hành giả bắt ép người làm ruộng cung khai tờ trạng không dính bám đến việc trộm cắp đó, đã thế lại khiến người đó kêu là om xòm, không chịu cung khai sự thật. Siêu nhiên giận người hành giả chuyên quyền. Sau hai người quyết ý chỉ xin chịu phạt tội đánh đòn mà thôi. Bởi lẽ, Siêu Nhiên không biết được âm mưu của hành giả bày đặt. Than ôi! Kẻ tiểu nhân giảo hoạt đến như thế là cùng."

Diệu Hỷ nói: "Yêu, ghét, khác, cùng là thường tình của con người, duy bậc hiền đạt cao minh mới không bị chúng lay chuyển. Xưa kia Viên Ngộ ở chùa Vân cư. Cao Am lui về nhà Đông đường. Có người ưa Viên Ngộ thì ghét Cao Am, có người cùng với Cao Am lại khác với Viên Ngộ. Vì thế chốn tùng lâm sinh ra rối bời, nên chia thành hai đảng

Viên Ngộ và Cao Am. Trộm nghĩ, hai bậc Đại sĩ đều là những vị có tên tuổi lừng lẫy trên đời, không thể bọn thường lưu có thể so sánh kịp. Nhưng rất tiếc, các ngài lại bị mê hoặc ở chỗ nhẹ tin lời xiểm nịnh, nó làm mờ mịt trí óc thông minh, đáng làm trò cười cho các hàng thức giả. Thế nên, ta nên đem lưu phái của Lượng Toa Chủ và Ẩn Sơn để làm kẻ sĩ cao thượng."

Diệu Hỷ nói: "Cổ nhân thấy điều thiện thời làm, thấy có lỗi thời đổi. Sửa đức nghiệp noi chính hạnh, nghĩ sao tránh khỏi lỗi lầm. Lo chẳng gì lớn hơn ở chỗ không biết được điều xấu của mình. Đẹp chẳng gì tốt hơn ở chỗ thích được nghe điều lỗi của mình. Song, đâu có phải tài trí của cổ nhân không đầy đủ, kiến thức của cổ nhân không sáng suốt lại làm như thế vậy ư? Quả thật, cổ nhân chỉ muốn cho những người ở sau này có tính tự rộng mình mà lại hẹp ở người phải lấy đó làm điều răn vậy. Ôi! Chỗ quảng đại của tùng lâm, nơi quy tụ chúng nhân trong bốn biển, không phải là việc ở một người có thể biết hết được, mà phải cần đến tai mắt tâm tư của những người tả hữu phù trì, mới suốt hết được nghĩa lý, mới phù hợp được nhân tình. Nếu, hoặc giả có người chỉ biết tự trọng ở ngôi tôn, chỉ cẩn thận ở việc nhỏ, lại khinh hốt đại thể, chẳng biết đến người hiền, chẳng xét tới kẻ ngu, việc làm trái không chịu nổi, việc làm phải lại không theo, buông y làm càn, không chút kiêng sợ. Thì đó thật là cái nền tảng của họa hại sao được không sợ hãi? Hoặc giả bên tả bên hữu mình không có người để hỏi han, cũng còn phải bắt chước khuôn phép của bậc Tiên Thánh, đâu có thể như thành trì kiên cố, binh sĩ gan lì, không có thể nương từ ở một nơi nào mà xâm nhập được vậy ư? Nếu làm như vậy thì không có thể bảo rằng: "Nhận nước trăm sông để tạo thành biển cả" được".

Diệu Hỷ nói: "Tùng lâm ở các nơi, nếu muốn suy cử bậc Trưởng lão, nên phải suy cử người biết giữ đạo, tính khí điềm đạm, không ham thanh lợi. Một khi đã suy cử được những người như thế, thí chí tiết các vị đó càng bền, không thể đưa đến chỗ phá hoại thường trụ mà thành tựu được tùng lâm, và cũng là những vị chủ pháp để cứu vãn cái tệ hại của ngày nay. Còn những người chỉ dối trá gian nịnh, giảo hoạt, không biết hổ thẹn, chuyên việc ve vãn, cung phụng kẻ thế vị, giao du với kẻ quyền quý, thì sao có thể suy cử hạng người như thế được."

Diệu Hỷ bảo Siêu Nhiên cư sĩ: "Công luận trong thiên hạ không thể bỏ được. Ví khiến bưng bít công luận thì còn chi gọi là công luận. Sở dĩ chốn tùng lâm suy cử một kẻ sĩ có đạo đức, thì người ta nghe thấy tất mừng rỡ tán thưởng. Hoặc giả, nếu suy cử một người không đích đáng,

thì chúng nhân chắc lo lắng ta thán. Thực ra, không có chi khác mà chỉ ở chỗ thực hành theo công luận hay không thực hành theo đó thôi. Than ôi! Nếu dùng việc này để chiêm nghiệm, ta có thể lấy đó mà biết được sự thịnh suy của tùng lâm vậy."

Diệu Hỷ nói: "Tiết kiệm và buông xuôi mọi duyên là nền tảng tu thân, yếu lĩnh vào đạo. Xem lại lịch đại cổ nhân, thì ít ai là không tiết kiệm và buông suôi mọi duyên. Những năm gần đây, lại thấy có các nột tử tới đất Kinh, Sở mua chăn nệm, qua xứ Triết Hữu tìm lụa là. Thật đáng là hổ thẹn với cổ nhân vậy."

Diệu Hỷ nói: "Cổ đức Trụ trì, không tự mình coi sóc các việc trong thường trụ, mà hết thảy công việc đó đều giao cho chức Tri sự trông nom. Gần đây, người làm trụ trì, tự cậy vào tài lực có thừa của mình, công việc bất cứ là lớn hay nhỏ đều quy tụ về nơi phương trượng, còn chức Tri sự chỉ là hư danh mà thôi. Ôi! Nếu đem tư chất thông minh của một người muốn nắm giữ hết mọi việc trong tự viện, mà khiến kẻ tiểu nhân không che đậy được, khiến kỷ cương không rối loạn, lại hợp với lời bàn chí công, thật cũng khó khăn lắm vậy".

Diệu Hỷ nói: "Dương cực thời âm sinh, âm cực thời dương sinh, thịnh suy nương lẫn nhau, đó là khí số tự nhiên của trời đất. Duy quẻ: "Phong được hanh thông là thích đáng, với mặt trời giữa trưa." Nên nói: "Mặt trời giữa trưa thời sẽ xế bóng, mặt trăng tròn đầy thời sẽ thiếu vơi. Sự đầy vơi của trời đất, cũng còn cùng theo với "thời" mà tan biến hay trưởng thành, huống hồ là con người vậy ư?" Sở dĩ cổ nhân đương lúc huyết khí tráng thịnh, thì lo lắng bóng sáng dễ trôi qua, nên sớm tối thường lo lắng sợ hãi giữ gìn điều răn cấm càng cẩn thận. Không dám buông thả tâm tình, không dám chạy theo thị dục, chỉ chuyên chú việc cầu đạo, mới hay bảo toàn được tiếng thơm của mình. Ôi! Nếu lại rông rỡ theo dục vọng, để phá nát thời gian, buông lung tâm tình để hao phí ngày tháng, tới lúc không thể cứu vãn được, mới hấp tấp vội vàng mà đuổi theo nó thì đã muộn rồi. Nên "thời" thì khó được mà lại dễ mất là nghĩa thế vậy."

Diệu Hỷ nói: "Cổ nhân trước hết lựa chọn người đạo đức, rồi sau mới tìm đến người có tài để suy tiến. Đương thời nếu không phải là lương khí mà đặt mình ở trước chúng nhân thì phần nhiều họ bị khinh khi bởi chỗ mắt thấy tai nghe của người. Do đó có nột tử tự nghĩ phải mài dũa danh tiết để tự lập. Gần đây, thấy chốn tùng lâm thì điêu tàn, người học đạo lại không đoái đến đạo đức, ít tiết nghĩa, không liêm sỉ chê người thuần thành chất phác là quê mùa, khen kẻ khoe khoang tự

đắc là tuấn mẫn. Thế nên những kẽ văn học kiến thức thông minh, chỉ dùng chỗ thiệp liệp trong sách vở để giúp phần biện luận ngoài miệng lưỡi. Ngày qua tháng lại, vì thấm nhuần cái thói hèn ấy, nên một khi nói đến cái đạo của Thánh nhân thì họ mờ mịt như người quay mặt vào tường không khác. Bọn người như thế thật không thể cứu vãn được."

Diệu Hỷ nói: "Xưa kia Hối Đường làm bảng ghi tên các vị lịch đại trụ trì chùa Hoàng long trên bia đá rằng: "Người học đạo đời xưa, nhà ở đã có hang núi, thức ăn đã có quả cây, áo mặc dùng bằng da, các ngài không bận tâm ở thanh lợi, không ghi tên nơi quan phủ. Từ các đời Ngụy, Tấn, Tề, Lương, Tùy, Đường trở lại đây, mới lập ra chùa viện, làm nơi tu tập học đồ cho khắp bốn phương. Lựa chọn người hiền làm khuôn phép cho kẻ bất tiếu, khiến người trí chỉ bảo cho kẻ mê. Bởi thế nên mới lập ra khách và chủ, mới chia ra trên và dưới vậy. Ôi! Chúng nhân trong bốn biển, quy tụ trong một tùng lâm, người đảm trách nhiệm trong nơi đó quả thật cũng rất khó chu toàn được mọi công việc. Tuy thế, nhưng tóm lại điều cần thiết là ở chỗ tóm tắt phần đại cương, bỏ bớt phần tiểu tiết, việc gấp rút nên làm trước, việc thư thả sẽ làm sau, không vì kế riêng tư chuyên chú vào việc lợi người. Công việc tuy đơn giản như vậy, nhưng nếu đem so sánh với những kẻ chỉ miệt mài nghĩ đến mưu kế riêng tư của một thân mình, thì thật xa cách nhau một trời một vực vậy. Nay Hoàng Long lấy tên các vị lịch đại trụ trì khắc vào bia đá, để khiến cho những người lại sau được thấy, mà biết rõ các vị đó ai là người có đạo đức, ai là người có nhân nghĩa, ai là người có công tâm với chúng, và ai là người chỉ mưu lợi cho riêng mình. Than ôi! Thật đáng run sợ vậy."

Trương Thị Lang Tử Thiều bảo Diệu Hỷ: "Ôi! Chức Thủ tọa chốn tùng lâm, là ngôi vị tuyển hiền (lựa chọn người hiền). Ngày nay các nơi lại không hỏi chi người hiền hay kẻ bất tiếu, y theo thói thường, lấy ngôi vị đó làm đường lối cầu may, làm mất cả ý nghĩa về chức vị ngôi chủ pháp. Song le, ở đời Tượng Quý rất khó tìm được người theo đúng với cương vị đó, nhưng nếu lựa chọn người có hành vi hơi khá, có tài đức tạm đủ, biết liêm sĩ tiết nghĩa, suy cử vào ngôi vị đó, mà đem so sánh với bọn người gian hiểm cũng còn khá hơn nhiều vậy."

Diệu Hỷ bảo Tử Thiều: "Đời gần đây, người chủ pháp thì không ai được như là Chân Như Triết, giúp đỡ tùng lâm, chẳng ai bằng Dương Kỳ. Có người bàn luận rằng: "Từ minh là người chân thật, nhưng làm việc thì hay sơ suất không kiêng sợ tránh né chi cả. Dù thế, nhưng Dương Kỳ vẫn quên mình để kính thờ ngài, chỉ sợ công việc không chu

toàn, chỉ lo mọi sự không trọn vẹn. Tuy phải xông vào chỗ rét buốt, rấn thân nơi nóng bức, nhưng chưa từng tỏ vẻ e ngại lười biếng. Bắt đầu từ khi ở chùa Nam nguyên, cuối cùng đến chùa Hưng hóa, tất cả gần ba mươi năm trời, ngài đều nắm giữ tất cả cương luật, cho đến hết đời Từ Minh mới thôi. Như ngài Chân Như Triết thì, từ lúc bắt đầu mang khăn gói đi hành cước, cho tới khi ứng thế lãnh chúng, lúc nào cũng vị pháp quên mình, như người đói được ăn, khát được uống dù gặp lúc cấp bách vội vàng, ngài cũng không hề biến sắc, không nói vội vàng. Mùa Hạ không mở cửa sổ, mùa Đông không gần bếp lửa, nghỉ trong một căn phòng vắng vẻ, bụi phủ đầy án. Ngài thường nói: "Kẻ nột tử nếu trong tâm không có kiến thức cao minh xa rộng, bên ngoài thiếu thầy nghiêm bạn tốt, thì ít có người thành được đại khí." Cho nên đương thời cứng cỏi như Phu Thiết Cước, quật cường như Tú Viên Thông mà các ngài cũng đều kính phục như gió lướt trên cỏ. Than ôi! Hai bậc đại lão này, quả thật là tấm gương soi nghiêm cho hàng nột tử ngàn đời sau vậy."

Tử Thiều cùng Diệu Hỷ, Vạn Am ba người đều đến thăm hỏi Bản Thủ tọa ở một phòng nơi trượng đường. Diệu Hỷ nói: "Người trong chốn thiền lâm, thân có mạnh khỏe, sau mới có thể học đạo được". Vạn Am bảo thẳng rằng: "Nếu người muốn học đạo, tất nhiên, không nên đoái tưởng đến thân mình". Diệu Hỷ nói: "Giả thử đặt ông là người bệnh như thế này có lẽ ông lại chẳng hóa điên hay sao?" Tử Thiều tuy trọng lời nói của Diệu Hỷ, nhưng vẫn thích lời nói của Vạn Am là chính đáng.

Tử Thiều hỏi Diệu Hỷ: "Thời nay, các nơi trụ trì cần phải thực hiện điều gì trước?" Diệu Hỷ nói: "An định Tăng chúng, bất quá chỉ cần tiền và gạo mà thôi." Lúc đó có Vạn Am cũng ngồi tại đó liền bảo: "Không phải thế, trụ trì cần phải kế toán của cải thu được của thường trụ. Nếu biết cắt bớt những món chi tiêu lãng phí, chỉ dùng vào việc hợp đạo thì tiền và gạo chẳng thiếu chi, đâu phải là việc đáng lo ngại. Song le, việc của người trụ trì hiện nay chỉ cần có được các hàng nột tử giữ đạo là việc cần thiết trước. Giả sử, người trụ trì có mưu trí tích chứa được lương thực ăn trong mười năm, mà dưới tòa mình không có người nột tử giữ đạo, thì đúng như lời Tiên Thánh đã nói: "Ngồi ăn uổng phí của tín thí, ngửa mặt hổ thẹn với Long Thiên, thì trụ trì có bổ ích gì vậy". Tử Thiều nói: "Thủ tọa rất xác đáng." Diệu Hỷ quay lại bảo Vạn Am: "Tất cả mọi việc đều giống như ý ông chăng?" Vạn Am lặng thinh lui gót."

Hòa thượng Vạn Am Nhan nói: "Diệu Hỷ tiên sư lúc mới ở chùa Kính Sơn nhân một buổi dạ xam, bàn luận đến công việc ở các nơi, và

tôn chỉ tông Tào Động rất sôi nổi. Ngày hôm sau Âm Thủ tọa bảo tiên sư rằng: "Ôi! Việc ra đời độ sinh, vốn không phải là việc nhỏ. Ông nếu muốn phù trì chấn hưng tôn giáo, nên phải tùy thời để cứu vãn tệ hại, bất tất phải lấy việc vui trước mắt. Ngay như hôm qua Hòa thượng làm vị Tăng bàn luận công việc các nơi cũng còn không thể nói hồ đồ được, nữa là hôm nay lên tòa Bảo Hoa Vương, xưng là Thiện tri thức vậy ư?" Tiên sư nói: "Đêm qua chỉ là sự bàn luận nhất thời mà thôi". Thủ tọa nói: "Cái học của Thánh hiền vốn ở thiên tính, đâu có thể khinh xuất được vậy?" Tiên sư cúi đầu tạ lễ. Thủ tọa còn nói mãi không thôi. Vạn Am nói: "Tiên sư khi bị đày ở đất Hành Dương. Hiền thị giả chép lời bá cáo bị đày đó, yết thị trước Tăng đường, các nột tử nghe biết ai nấy đều đau khổ như người mất cha mẹ, khóc lóc thảm ăn ngủ không yên. Âm Thủ tọa tới trước phòng chúng Tăng biện bạch rõ về việc đó rằng: "Họa hoạn của người ta, không thể ai tránh khỏi, ví khiến bình sinh. Diệu Hỷ giống đàn bà con gái, chịu đựng ở địa vị thấp kém, ngậm miệng làm thinh không nói, cố nhiên sẽ không xảy ra sự việc như ngày nay. Huống hồ chỗ phải làm của tiên sư, lại không phải là ở chỗ đó. Vậy các ông khóc lóc làm chi cho tự đau khổ. Xưa kia Từ Minh, Lang Gia, Cốc Tuyền và Đại Ngu kết bạn, cùng tới tham học ngài Phần Dương, gặp lúc triều đình đem quân đóng khắp miền Tây Bắc để tảo thanh giặc giã, các ngài phải đổi áo lẫn vào đám quân lính mà đi. Nay từ Kinh Sơn đến Hành Dương cách nhau không xa, đường lối không gián đoạn, núi sông không hiểm trở nếu chúng Tăng muốn đến yết kiến Diệu Hỷ thì có khó khăn gì?" Vì thế mà cả chúng đều im lặng. Ngày hôm sau chúng Tăng cùng nối gót nhau đi tới thăm ngài Diệu Hỷ."

Vạn Am nói: "Khi Diệu Hỷ tiên sư lại phải đày đến huyện Mai Dương, trong hàng nột tử có người bàn lén về việc đó. Âm Thủ tọa nói: "Đại phàm bình luận về người, nên ở trong chỗ có lỗi lầm, mà tìm ra chỗ không có lỗi, há nên ở trong chỗ không có lỗi lầm mà tìm ra chỗ có lỗi. Ôi! Nếu không xét được tâm của người, mà nghi ngờ về dấu vết đó, thì đem cái gì để an ủi công luận chốn tùng lâm. Vả lại tài khí và đạo đức của Diệu Hỷ, phát xuất ở thiên tính, lập thân và làm việc chỉ theo nghĩa khí, độ lượng lại hơn người. Nay tạo vật ức chế ngài, tất phải có đường lối vậy." Như thế, biết đâu, đó chẳng là cái phúc của pháp môn ở thời khác vậy ư?" Những người được nghe lời trình bày thế rồi, từ đó trở đi không còn ai nghị luận nữa."

Âm Thủ tọa bảo Vạn Am: "Ôi! Gọi là bậc Thiện tri thức nên phải gột rửa tâm mình, lấy tâm chí công chí chính để tiếp nhận nột tử khắp

bốn phương. Trong số đó, nếu có người giữ đạo đức nhân nghĩa, thì dù là thù nghịch hiềm khích với mình, tất cũng nên tiến cử người ấy. Nhưng nếu trong số đó, hoặc có kẻ gian tà hiểm bạc, thì mặc dù người đó có ân tuệ riêng với mình, cũng tất phải xa lánh họ. Khiến cho người tới sau, để biết những điều mình cần phải giữ, để cùng một lòng, cùng tu đức. Được như thế thì tùng lâm an vậy."

Âm Thủ tọa bảo Vạn Am: "Phàm người trụ trì, ai chẳng muốn gây dựng tùng lâm. Nhưng ít người hay chấn hưng được tông phong. Vì lẽ, người trụ trì quên mất đạo đức, bỏ cả nhân nghĩa, phá hoại pháp độ, noi theo ý riêng mình, mà đưa đến như thế. Nếu người hay thành thật nghĩ đến cảnh điêu tàn của pháp môn thì nên phải chính đính ở chính mình, nhún nhường với người, tuyển chọn người hiền để giúp đỡ, tưởng lệ người túc đức. Xa lánh kẻ tiểu nhân, tiết kiệm nơi bản thân, gia đức tuệ với người, vậy sau, việc tuyển dụng người giữ gìn công việc hay thị giả, phải tìm những người gần gặn bậc lão thành, xa lánh kẻ xiểm nịnh, quý trọng ở chỗ họ không gây điều chê trách xấu ác, không gây mầm loạn bè đảng thiên tư. Được như thế thì có thể sánh với Mã Tổ, Bách Trượng kịp với Lâm Tế, Đức Sơn."

Âm Thủ tọa nói: "Thánh nhân xưa kia lấy việc không có tai họa làm lo sợ, nên nói: "Trời há lại bỏ kẻ chẳng hiền này vậy ư?" Phạm Văn Tử cũng nói: "Duy có bậc Thánh nhân mới có thể không có điều lo âu ở trong tâm cũng như ngoài thân. Tự mình không phải là Thánh nhân, bề ngoài tuy có vẻ được yên ổn, nhưng trong lại lo buồn". Những bậc hiền đạt xưa nay, biết điều đó không thể tránh khỏi, nên thường phải cẩn thận ở ngay lúc ban đầu để tự đề phòng. Thế nên, đời người nếu hơi có chút lo âu khổ nhọc, chưa hẳn không phải là cái phúc của trọn đời. Bởi lẽ, họa hoạn báng nhục tuy là vua Nghiêu, vua Thuấn cũng không thể tránh được, huống hồ là người khác vậy ư!"

Vạn Am Hòa thượng nói: "Gần đây ta thấy chốn tùng lâm, tuyệt nhiên không có kẻ sĩ lão thành. Có nơi, có từ ba trăm đến năm trăm người, thì duy có một người làm chủ, còn nhiều người làm bạn, rồi nương vào ngôi vị Pháp vương, cũng đánh trùy vẫy phất, dối trá lẫn nhau, ví có nói bàn lại không hợp với kinh sách. Đó là tùng lâm không có các bậc lão thành. Ôi! Ra đời lợi sinh, thay Phật tuyên dương giáo hóa, nếu không phải là người minh tâm đạt bản, làm và hiểu cùng ăn khớp nhau, thì đâu dám kham đang việc đó. Ví như có người vọng xưng là Đế vương thì chắc chắn tự họ phải chuốc lấy tội tru diệt, huống chi lại ngôi Pháp vương, như thế nào là dám trộm xưng càn bậy được sao?

Than ôi! Cách thời Phật càng xa, những người thuộc loại “Thủy Lạo Hạc” lại mặc sức tung hoành, khiến cho cửa giáo hóa của Tiên Thánh ngày một đi tới chỗ đắm chìm, ta muốn không nói có thể được vậy ư? Nay đương lúc Vạn Am Nhan này nhàn rỗi công việc, nên điều trần một vài sự kiện thương phong bại giáo, nó làm hại cho đạo pháp rất nhiều, để lưu bá trong chốn tùng lâm, khiến cho những kẻ hậu sinh vãn tiến, biết được rằng, những bậc tiền bối lúc nào cũng luôn luôn lo sợ, về nhiệm vụ đem tâm bảo vệ Phật pháp, như người đi trên lớp băng mỏng, chạy trên đống gươm giáo, chứ không phải là người tham cầu danh lợi vậy. Ai khen ta hoặc chê ta, ta đều không chối cãi.”

Vạn Am nói: “Cổ nhân, nếu mỗi khi lên thượng đường, trước hết đề ra cương yếu của đại pháp, rồi tham vấn đại chúng, để người học đạo lui tới thỉnh cầu pháp lợi, tùy theo chỗ hỏi và trả lời, mà hình thành phương thức vấn đáp ngộ đạo. Người đời nay lại giả tạo bốn câu thơ lạc vận, gọi đó là “điếu thoại” (lời giả tạo không phải chân truyền), chỉ một người xuất hiện đột ngột đại chúng, cao ngâm một bài cổ thi, gọi đó là “ma trận” (trận mắng giả tạo về cách thức truyền thừa của cổ nhân), thật là thấp kém lố lăng, đáng đau đáng buồn vậy! Các bậc tiền bối xưa kia thì luôn luôn nghĩ tới việc lớn của sinh tử đối trước chúng nhân để quyết đoán chỗ nghi ngờ. Một khi đã phát minh được chân lý, thì chưa bao giờ khởi ra tâm sinh diệt nữa vậy.”

Vạn Am nói: “Ôi! Nếu có bậc tôn túc đầy đủ uy danh đức hạnh tới thăm tự viện, thì chủ nhân phải thăng tòa, dùng lời nói khiêm tốn cung kính giới thiệu và cảm tạ, phải khuất thân ở ngôi cao, lui về tòa thấp để tăng phần kính trọng. Khi đã giới thiệu xong, chủ nhân xuống tòa, cùng với các hàng Thủ tọa và đại chúng đều cùng ra đảnh lễ và cầu thỉnh vị tôn túc ấy thăng tòa, hầu mong được nghe lãnh pháp yếu. Thời gian gần đây, ta thấy nhiều nơi tự viện, cũng làm ra vẻ ham chuộng phần đức hạnh bậc tôn túc, bằng cách đem những công án của cổ nhân, đối trước chúng nhân để phê phán, gọi đó là cách thí nghiệm kiến thức ở người. Ta thiết tưởng, không nên manh nha làm thử thách hơn thua như thế. Bậc Tiền Thánh vị pháp quên tình, chỉ muốn cùng nhau xây dựng việc truyền pháp giáo hóa, nên mới đặt ra phương thức thù xướng lẫn nhau, mong cho giáo pháp được tồn tại ở thế gian lâu dài, chứ không hề có dung chứa tâm sinh diệt, mà gây ra ác niệm ấy vậy! Lễ cần phải lấy nhún nhường làm chủ, nên cần suy nghĩ kỹ lưỡng.”

Vạn Am nói: “Gần đây thấy các Sĩ Đại phu, Giám ty hay Quận thú vào núi để tìm xem có chốn nào khả dĩ hỏi đạo. Thế rồi, ngày hôm

sau liền sai người hầu tới trình bậc Trưởng lão: "Ngày hôm nay đặc biệt xin ngài vì mỗ quan thăng tòa thuyết pháp." Ấy, chỉ một sự việc này, cũng nên phải suy nghĩ rất nhiều rồi hãy thực hiện theo. Bởi lẽ, cổ lai trong sách vở tuy có chép về việc các Sĩ Đại phu tới tự viện, nhưng các vị này đều vì mục đích tìm hỏi đạo bậc trí thức mà tới. Người trụ trì nhân chỗ tham vấn xong sẽ trình bày đại khái về ý nghĩa ngoại hộ giáo môn, về ý nghĩa làm rạng rỡ nơi tuyền thạch (tùng lâm). Nếu các Sĩ Đại phu đó đã là người bạn đạo trong nhà thiền thì chỉ nói vài ba câu chuyện trong nhà để họ sinh lòng chính tín. Cũng như Quách Công Phụ, Dương Thứ Công hỏi đạo ngài Bạch Vân, Tô Đông Pha, Hoàng Thái Sử, yết kiến ngài Phật Ấn là những người mến đạo mà lại cả, chứ đâu có phải là nương vào địa vị đặc biệt mà làm sằng để người thức giả chê cười."

Vạn Am nói: "Cổ nhân nhập thất trước hết là tập Tăng treo bảng báo cho đại chúng biết, rồi sau những người vì đại sự sinh tử vui mừng cùng tới để mong cầu quyết trạch (quyết trạch thâm áo, chứng ngộ chân nguyên). Phần nhiều thấy các nơi ngày nay, khi nhập thất thì không cứ là người già người bệnh, hết thảy đều khiến họ phải nộp giáng khoản (một khoản lệ vật để tỏ lòng chí thành chí kính, nếu không nộp tất nhiên không được nhập thất). Ôi! Hữu sạ tự nhiên hương, hà tất vị chủ pháp phải dùng đến danh nghĩa giới hạn công cộng để xua đuổi họ, ấy cũng nhân vì thế mà sinh ra biết bao chuyện rắc rối, khiến cho chủ khách bất an. Người chủ pháp phải nên nghĩ kỹ về vấn đề này."

Vạn Am nói: "Từ Sơ Tổ (Đạt Ma) chùa Thiếu lâm, trao truyền tâm ấn thì gồm cả y và pháp, nhưng đến đời Lục Tổ (Tuệ Năng), ngưng việc truyền y, mà chỉ lấy phần hành giải tương ứng để nối dõi gia nghiệp, tiếp sáng ngôi Tổ, con cháu ngày càng phồn thịnh. Thế nên, kế tiếp ngài Đại Giám (Lục Tổ) có Thạch Đầu, Mã Tổ đều là những cháu đích tôn, thật ứng với huyền sấm của Bát Nhã Đa La: "Cần nhờ vào cẳng chân của con cháu để đi", là nghĩa thế vậy. Những huyền ngôn diệu ngữ của hai vị Đại sĩ trên được lưu bá khắp trong thiên hạ, những người ngầm hợp được mật chứng ấy thường thường thấy xuất hiện khá nhiều. Vì pháp tu đạo của thầy đã nhiều, mà người học đạo lại không chuyên theo cùng một pháp môn nhất định. Thế nên, nguồn dòng của Tào Khê chia thành năm phái. Tuy là đồ dùng vuông tròn có khác, nhưng thể của nước cũng vẫn chỉ là một. Ai nấy đều y cứ vào tiếng hay của phái mình mà tận lực duy trì truyền bá. Bình thường tuy nói ra một lời, hay đưa ra một lệnh, cũng đều là những khuôn pháp mẫu mực cho người học đạo. Làm cho chốn tùng lâm được hưng thịnh không phải chỉ những có thế

mà thôi. Bởi thế, nên lại có sự thù xướng lẫn nhau để diễn nghĩa vi tế, mở chỗ u huyền, hoặc nén xuống, hoặc nâng lên để giúp đỡ cho pháp hóa. Những lời nói vô vị như nấu võ cây làm canh, thổi đinh sắt làm cơm, để kẻ hậu bối gặm nhấm, gọi đó là niêm cổ. Tuy những lời niêm cổ này có bắt đầu từ thời ngài Phần Dương, nhưng đến thời Tuyết Đậu lại mở rộng lời nói đó, hiển rõ ý chỉ đó, làm cho nghĩa lý rộng mênh mang như biển cả không bờ. Thế rồi, những tác giả ở sau lại bắt chước ngài Tuyết Đậu để trứ tác không hề đoái hoài chi đến phần đạo đức mà chỉ chuyên dùng lời văn cao kỳ bóng bẩy hoa mỹ làm đẹp, khiến cho kẻ sinh sau tiến muộn không thể thấy được ý chỉ vẹn toàn thuần phác hồn nhiên của cổ nhân. Than ôi! Ta đi thăm các chốn tùng lâm, và yết kiến các bậc tiền bối, nếu không phải là Ngữ lục của cổ nhân thì không xem, không phải là hiệu lệnh của Bách Trượng thì không làm. Đó không phải là ta đặc biệt hiếu cổ mà chỉ vì người đời nay, không đủ làm khuôn phép để ta theo đó vậy. Ta mong tất cả những bậc thông nhân Đại sĩ nên hiểu ý của ta ở ngoài lời nói.”

Cao Am nói: “Gần đây thấy các nột tử hay chấp thiên kiến, không thông vật tình, nhẹ dạ tin sằng khó quay lại đường chính, ưa người nịnh mình, thuận thì khen, trái thì chê. Ví khiến có hiểu biết được một câu hay nữa câu chăng nửa, lại bị những ác tập ấy nó che lấp, cho đến khi bạc đầu mà cũng không thành đạt được thì nhiều vậy.”

Vạn Am nói: “Tùng lâm đã đến lúc các tà thuyết bột khởi mạnh mẽ. Họ nói: “Giới luật không cần giữ, định tuệ bất tất phải tập, đạo đức cũng chẳng cần tu, thị dục hà tất phải bỏ”. Rồi họ lại viện lý lẽ trong kinh Duy Ma Cật, kinh Viên Giác để dẫn chứng, tán thán tham, sân, si, sát, đạo, dâm làm phạm hạnh. Than ôi! Những lời nói ấy, đâu phải chỉ gây mối nguy hại ở ngày nay cho tùng lâm, mà còn là mối nguy hại muôn đời cho pháp môn vậy. Vả lại, kẻ phàm phu mờ mịt dày đặc, tham, sân, si, ái dục, nhân ngã vô minh, niệm niệm nương theo trần duyên, cũng như vạc nước sôi, cần phải nương vào cách chi để làm cho nó được trong mát. Do đó, bậc Tiên Thánh ắt phải nghĩ ra điều có lợi ích lớn để đối phó với việc ấy, nên mới đặt ra Giới, Định, Tuệ ba học để ngăn ngừa, ngõ hầu mới có thể chuyển vọng thành chân được. Ngày nay, kẻ sinh sau tiến muộn, không giữ giới luật, không tập định tuệ, không tu đạo đức, chuyên đem chỗ học rộng nói giỏi để lay động kẻ ngu muội, muốn dắt dẫn họ trở lại cũng chẳng được. Ta chắc chắn rằng, những lời nói ấy là mối nguy hại cho muôn đời. Duy những bậc cao sĩ chính nhân hành cước, cần phải đem biện minh rõ việc đại sự sinh tử, giữ gìn lòng

thành tín, để không bị lôi kéo bởi bọn ấy. Rồi họ liền nói: "Lời nói ấy không thể tin được, cũng tựa như phân độc của loài chim chậm, nước uống của loài rắn độc, thì không nên nghe thấy hay trông, huống hồ lại ăn uống thứ đó vậy ư?" Chính đó là những lời giết người không còn ngờ vực gì nữa. Kẻ thức giả phải xa lánh họ là lẽ tất nhiên."

Vạn Am nói: "Đệ tử của Thảo Đường, duy có Sơn Đường là người có tác phong của cổ nhân. Ngày ngài ở chùa Hoàng long, vị Trị sự mỗi khi có việc công cộng của đại chúng, trước hết phải đầy đủ uy nghi, tới nhà phương trượng nhận lãnh chỉ thị rõ ràng, và sau đó mới chỉnh bị nghi lễ trà thang, trước sau không thay đổi. Nhân có Thượng tọa Tri Ân, sửa mình phúc để cầu siêu độ cho mẹ chẳng may đánh rớt hai đồng tiền, đã hai ngày không tìm thấy, nhân lúc Thánh Tăng Tài thị giả quét nhà bắt được, liền treo bảng thập di (bảng báo nhặt được của rơi) để thông tri cho cả chúng đều biết. Ấy, bởi lẽ người chủ pháp thanh tịnh thì trên làm dưới bắt chước vậy".

Vạn Am đem vấn đề tiết kiệm làm đề tài nói chuyện cho tất cả Tăng tục trong buổi tiểu xam. Trong hàng nột tử có người bàn lén về việc này. Vạn am nghe biết và nói: "Buổi sáng ăn cao lương mỹ vị, buổi chiều chán cơm hẩm canh thô, đó là thường tình của con người. Lũ các ông đã nghĩ đến sinh tử sự đại, mà cùng nhau tìm đến bến tịch mịch, nên phải nghĩ tới đại nghiệp chưa làm xong, cách thời Phật đã xa, há đâu lại sớm tối chỉ nghĩ đến việc tham lam về ăn uống vậy ư?"

Vạn Am thiên tính nhân hậu, xử mình liêm ước, ngài nói ra những câu nói tầm thường, lời tuy ít nhưng nghĩa lý đầy đủ, học rộng nhớ kỹ, hỏi tới cùng đạo lý, không vì chỗ cẩu thả mà theo càn. Khi cùng bàn luận về chuyện xưa nay với người, thì tựa như chính thân mình có hiện diện trong thời gian đó, khiến cho người nghe hiểu được rõ ràng, tựa như chính mắt họ được nhìn thấy. Kẻ nột tử thường nói: "Tuy tham học quanh năm, nhưng chỗ thâu lượm được không bằng một ngày được nghe thầy đàm luận."

Vạn Am bảo Biện Thủ tọa: "Viên Ngộ Sư ông có nói: Các Tăng sĩ thời nay ít người có tiết nghĩa liêm sỉ, họ thường bị kẻ sĩ đại phu khinh rẻ bạc đãi. Các ông ở một ngày kia, ví hoặc nếu không tránh khỏi những việc làm bị người khinh khi như loài sâu bọ ấy, thì phải luôn luôn làm đúng theo thẳng mặc quy củ, chớ chạy theo thế lợi, chớ nịnh theo nhân tình, cần phải gánh vác hết thảy cái trách nhiệm của họa hoạn sinh tử, đó tức là không cần phải ra khỏi ma giới mà vào được Phật giới vậy."

Biện Thủ tọa ra ứng thế, trụ trì chùa Thê hiền ở Lư sơn. Ngài

thường mang theo một chiếc gậy trúc, xuyên vào đó đôi giày cỏ vác trên vai, khi qua chùa Đông lâm đất Cửu giang. Hòa thượng Hỗn Dong thấy thế mắng rằng: "Sư là mô phạm của người đời, cử chỉ của ông như thế, chẳng những tự khinh mình, mà còn thất lễ đối với chủ nhân. Biện Thủ tọa cười và nói: "Con người lấy sự thích ý làm vui, ta có lỗi gì vậy." Rồi ngài liền cầm bút viết bài kệ để lại rồi đi như sau:

"Chớ bảo Thê Hiền cùng,
Thân cùng đạo chẳng cùng,
Giầy cỏ nanh như hổ,
Gậy chống mạnh tựa rồng.
Khát uống Tào Khê thủy.
Đói ăn lật cức bồng.
Kẻ đầu đồng trán sắt,
Đều trong núi ta cùng."

Hỗn Dong xem xong bài kệ trên, có vẻ tự thẹn.

Biện Công bảo Hỗn Dong rằng: "Rồng giả không thể làm được mưa, bánh vẽ sao hay đỡ được đói. Người nột tử bên trong nếu không có thực đức, bề ngoài lại cậy vài hoa mỹ khéo léo, cũng như chiếc thuyền mục nát đem sơn phết mầu đỏ, khiến người bù nhìn lèo lái, đặt ở trên đất liền, thì tin rằng có thể coi được. Nhưng nếu một ngày nào đó, chiếc thuyền ấy đem thả xuống sông hồ, bạt thiệp với sóng gió thì thật là nguy hiểm vậy."

Biện Công nói: "Đã gọi là bậc Trưởng lão, thay Phật tuyên dương giáo hóa cần chỗ tự mình phải tinh khiết, tới chúng làm việc phải hết lòng thành, đâu có thể chọn phần lợi hại để tự phân tán tâm mình, ở chỗ làm của tôi thì tất nhiên phải như thế. Còn như nếu công việc ấy có thành tựu hay không thành tựu thì dù Tiên Thánh cũng không hay quyết định được. Ta làm sao có thể cẩu thả được vậy."

Biện Công nói: "Phật Trí trụ trì chùa Tây thiền, các nột tử làm việc ai nấy đều cần phải chỉnh tề, duy có Thủy Am, phú tính thì đạm bạc hồn nhiên, đối với bản thân, ăn mặc rất sơ sài, ngang nhiên ở trong chỗ đông người, không một chút e dè lo nghĩ. Phật Trí nhân thấy thế mắng rằng: "Sao ông lại ăn mặc lôi thôi như thế?" Thủy Am thưa: "Tôi không phải không thích thụ dụng đồ hoa mỹ, nhưng chỉ vì nghèo nên không thể may sắm được đầy đủ. Nếu có tiền, tôi cũng muốn may một đôi áo bằng lông loài thú, để cùng tham dự trong các kỳ hội họp (xã hỏa). Nhưng đã là nghèo, thì quả thật không thể làm cách nào được." Phật Trí nghe thấy thế, liền cười, và xem ý không thể cưỡng ép Thủy

Am, ngài liền bỏ qua."

Hòa thượng Phật Trí Dụ nói: "Con tuấn mã chạy nhanh như vũ bão mà không dám buông chân tự tại, vì nó bị chế ngự bởi hàm thiếc, dây cương. Kẻ tiểu nhân cường bạo ngang tàng, mà không dám buông ý tung hoành, vì hắn bị chế ngự bởi hình pháp. Ý thức lưu lãng của con người, mà không dám buông theo trần duyên, vì nó bị ngăn cản bởi sức giác yếu. Than ôi! Người học đạo mà không có sức giác yếu, cũng như con tuấn mã không có hàm thiếc và dây cương. Còn kẻ tiểu nhân nếu không có hình pháp thì đem gì để dứt bỏ tham dục, đối trị vọng tưởng."

Phật Trí bảo Thủy Am: "Thực thể của trụ trì có bốn điều: "Đạo đức, Ngôn hành, Nhân nghĩa và Lễ pháp. Đạo đức và ngôn hành là gốc của sự giáo hóa, nhân nghĩa và lễ pháp là ngọn của sự giáo hóa. Không có gốc thì chẳng hay đứng được, không có ngọn thời chẳng hay thành được. Bậc Tiên Thánh thấy người học đạo không hay tự trị được, nên mới kiến lập tùng lâm để họ có chỗ an trụ, suy cử người trụ trì để thống lĩnh họ, nhưng vì cái tôn của tùng lâm không phải là vì trụ trì, cơm ăn, áo mặc, đồ dùng, thuốc thang đầy đủ, không phải là vì người học đạo, mà đều là vì cái đạo của Phật Tổ. Bởi thế, người khéo trụ trì trước hết phải tôn đạo đức, giữ ngôn hành, người khéo học đạo, tất nhiên phải giữ nhân nghĩa tuân lễ pháp. Cho nên, nếu trụ trì không có người học đạo thì không thể thành lập. Trụ trì và người học đạo cũng như thân mình và cánh tay, đầu và chân, lớn nhỏ phải thích ứng mà không trái nhau mới có thể cùng nương vào nhau mà làm việc. Nên nói: "Người học đạo thì bảo thủ tùng lâm, tùng lâm thì giữ gìn đạo đức." Người trụ trì nếu không có đạo đức, thì tùng lâm hầu như tàn phế vậy."

Hòa thượng Thủy Am Nhất nói: "Kinh Dịch nói: "Người quân tử nghĩ tới tai họa nên phải dự bị đề phòng." Thế nên người xưa, luôn luôn nghĩ tới cái đại hoạn sinh tử, mà phải đem đạo để phòng ngừa, nên sự nghiệp mới lớn lao, tiếng thơm mới xa rộng. Còn người đời nay lại bảo cầu đạo là vu khoát, cầu lợi là thiết đáng. Do thế họ ganh đua nhau tập thói phù hoa, tính kế vụn vặt, chỉ cầu mong những việc trước mắt, hoài bảo những kế cẩu thả, ngay đến cả việc trù liệu kế hoạch cho một năm cũng chẳng chịu làm, nữa là lo đến việc lớn sinh tử. Vì thế, người học đạo ngày càng quê hèn, chốn tùng lâm ngày càng hoang phế, kỷ cương ngày càng trụy lạc. Sở dĩ tùng lâm đi đến chỗ nghiêng ngửa đổ nát hầu không thể cứu được. Than ôi! Ta phải lấy đó làm gương soi chung vậy."

Thủy Am nói: “Xưa kia tôi đi hành cước tới chùa Vân cư, thấy Cao Am nói trong buổi dạ sam: Chí đạo là con đường thẳng tắp cách xa tình người, nên phải thành tâm chính ý, chớ chuộng kiểu sức thiên tà. Kiểu sức thì gần trá nịnh, thiên tà thì không trung chính, đều không hợp với chí đạo. Tôi trộm nghĩ lời nói của Cao Am rất gần chân lý, nên khắc vào tâm khảm làm theo. Mãi tới khi được yết kiến Phật Trí Tiên Sư, tôi mới bỗng nhiên đại triệt ngộ, vì thế mà không phụ cái chí bình sinh hành cước của tôi.”

Thủy Am nói: “Cách trụ trì của Nguyệt Đường, ở nơi nào Ngài cũng lấy việc hành đạo làm nhiệm vụ của mình, không cần người hóa chủ, không chuộng đồ cúng dường. Sự ăn uống mỗi năm chỉ tùy theo nơi thường trụ có bao nhiêu dùng vậy. Kẻ nột tử có chí muốn sung vào việc khất thực hóa đạo, Ngài đều từ khước. Hoặc có kẻ nói: “Phật răn các Tỳ-kheo trì bát khất thực để nuôi thân mệnh, sao Ngài lại chống đối chẳng cho. Nguyệt Đường nói: “Khi Đức Phật còn tại thế thì được, nhưng ngày nay làm hạnh đó tất sẽ có người ham lợi mà đưa đến chỗ tự bán cả thân mình.” Nhân thế tôi nghĩ ngài Nguyệt Đường, Ngài phòng ngừa tội lỗi từ lúc còn nhỏ nhiệm ngăn chặn không cho chúng lớn dần, thật là thấm thiết rõ ràng. Những lời nói xứng thực đó nay còn văng vẳng bên tai. Ngày nay đem lời nói ấy mà quan sát, há lại chỉ có sự tự bán mình mà thôi đâu.”

Thủy Am bảo quan Thị lang Vưu Diên Chí: “Xưa kia các Ngài Đại Ngu, Từ Minh, Cốc Tuyền, và Lang Gia cùng kết bạn tham học ở Ngài Phần Dương. Nơi đây là vùng đất thuộc Hà Đông, quá đỗi rét lạnh mọi người đều ghê sợ. Duy có Từ Minh có chí hướng với đạo, sớm tối tu hành không lười biếng, ban đêm ngồi thiền, mỗi khi buồn ngủ, ngài lấy chiếc dùi tự đâm vào mình mà than: “Cổ nhân vì sinh tử sự đại nên không ăn không ngủ, ta đây là người thế nào mà lại buông lung biếng nhác để lúc sống thì vô ích với đời, khi chết không một tiếng vang để lại, như thế là tự bỏ mình vậy.” Nhân một ngày ngài Từ Minh tới cáo biệt, Phần Dương than rằng: Nay Sở Viên đi đạo của ta trở về Đông vậy.”

Thủy Am nói: “Cổ đức trụ trì, dấn mình để hành đạo, chưa từng tự mình phóng túng cẩu thả. Xưa kia phần Dương thường than thở: “Đời Tượng quý mỏng manh bội bạc người học đạo khó giáo hóa.” Từ Minh nói: “Việc đó rất dễ, chỉ là người chủ pháp không khéo dạy bảo mà thôi.” Phần Dương nói: “Người đời xưa thuần thành cũng còn phải hai ba mươi năm trời mới thành biện được.” Từ Minh nói: “Đó không phải

là lời bàn về Thánh triết, người khéo đi tới đạo là công lao của cả ngàn ngày." Hoặc có người bảo lời nói của Từ Minh là quái đản không nghe theo. Nhân vì đất Phần Dương quá lạnh nên bãi buổi dạ sam, bỗng có một Tỳ-kheo lạ bảo Phần Dương: "Trong pháp hội có sáu bậc Đại sĩ tại sao không ra đời thuyết pháp." Sau quả nhiên chưa tới ba năm, đã có sáu vị thành đạo, nên ngài Phần Dương thường có bài tụng rằng:

"Hồ Tăng dung tích trượng
Thỉnh pháp tới Phần Dương
Khuyên ta nói Pháp bảo
Sáu người liễu đạo vàng."

Hòa thượng Đầu Tử Thanh khi vẽ tượng Thủy Am có xin ngài Thủy Am làm bài tán đề vào bức tranh như sau:

Thanh thiền nối pháp,
Cao vút vô sông.
Ngày ăn một bữa,
Tối chẳng ngả lưng.
Thâm nhập thiền định
Hơi thở chẳng vương.
Tên vang chín bệ,
Tuyển đức bàn thiền.
Long nhan vui đẹp,
Ban bố lụa vàng.
Ba lần từ chối,
Vua càng tán dương.
Đáng bậc chân đạo
Cây cỏ vui mừng.
Truyền lậu chất ta,
Đốt hương khấn nguyền.
Quả thật rõ ràng:
Màu xanh sinh bởi màu lam,
Màu xanh lại đậm hơn lam bội phần.

Thủy Am nói: "Phật Trí Tiên Sư nói: "Đông Sơn Diễn Tổ thường bảo Cảnh Long Học: "Sơn Tăng có Viên Ngộ cũng như cá có nương, chim có cánh." Nên Thừa Tướng Tử Nham cư sĩ tán rằng: "Thầy trò cùng tương đắc ý hợp, thật ít gặp ở thời nay, cũng giữ phần thủy chung như một, không ai có thể làm ngăn cách được". Tử Nham cư sĩ thật là người biết suy luận vậy. Gần đây thấy bậc tôn túc ở khắp nơi, đem tâm thuật để ràng buộc kẻ nột tử, người nột tử lấy thế lợi để tôn thờ bậc tôn

túc. Chủ khách giao với nhau bằng lợi, trên dưới khinh nhờn dối trá lẫn nhau, như thế hỏi làm sao chốn pháp môn được hưng đạt, nơi tùng lâm được thịnh vượng vậy ư.”

Thủy Am nói: “Nếu đem lời nói để lay chuyển lòng người, chỉ cần ở chỗ chân thiết. Lời nói không chân thiết, chỗ cảm động tất sẽ ít, và ai là người chịu thống khắc ở đáy lòng. Xưa kia Bạch Vân sư Tổ, đưa sư ông trụ trì chùa Tứ diện đinh ninh dặn dò: “Tổ đạo tan nát, nguy như xếp trứng, chớ nên buông lung phóng túng, uổng phí quang âm, hoại mất trí đức. Phải nên có độ lượng khoan dung, cung chúng lợi người. Giữ gìn được như thế tức là báo ân Phật Tổ.” Đương thời những người nghe biết lời nói ấy ai nấy đều cảm động. Ông (Đầu Tử) từ trước tới nay được mời vào chốn cung đình giảng đạo, quả thật là điều may mắn cho pháp môn, cần phải nhún mình tôn đạo lấy việc lợi tế làm lòng, không nên cậy mình khoe khoang, phải theo chỗ khiêm nhượng nhu hòa kính úy của bậc tiên triết để giữ mình cho toàn đức, đừng lấy thế vị làm vinh thì tiếng trong sạch mới có thể vang dội một thời, vẻ tốt đẹp mới có thể lưu thơm muôn thuở. Ta lo bóng sáng chẳng còn dài lâu, không còn được gặp lại ông lần nữa, nên đem những lời tha thiết để dặn dò.”

Thủy Am khi còn ít tuổi cũng đã tỏ ra lỗi lạc có chí lớn chuộng khí tiết, không thích phù hoa xa xỉ, không noi theo sự việc nhỏ nhặt, lòng dạ rộng rãi, dấn thân làm việc nghĩa, tuy họa hại bày ngay trước mắt cũng không thấy sắc mặt biến đổi. Ngài trụ trì với tám ngôi chùa tại khắp bốn quận huyện, đến nơi nào Ngài cũng chỉ khắn đáu tha thiết đem tâm hành đạo và kiến lập làm nhiệm vụ. Niên Hiệu Thuần Hy năm thứ năm, Ngài lui gót về trụ trì chùa Tịnh từ đất Tây hồ có làm bài kệ rằng:

“Sáu năm quét dọn cảnh chùa chiền
Ngói sáu biến thành Thích Phạm Thiên
Quả phúc viên thành nay để lại,
Gió rung gậy tích khắp muôn phương.”

Quan dân ở đây cố thỉnh ngài lưu lại nhưng không được. Ngài ra đi trên một con thuyền nhỏ đến chùa Thiên ninh huyện Tú thủy, chẳng được bao lâu bị bệnh rồi thị tịch.

Hòa thượng Nguyệt Đường Sương nói: “Xưa kia Thiền sư Đại Trí, lo Tỳ-kheo đời mạt pháp kiêu mạn lười biếng, nên đặc biệt chế định quy củ để ngăn ngừa, tùy theo khả năng mà đặt ra từng chức vụ cho mỗi người coi sóc. Vị chủ ở nhà Phương trượng, chúng Tăng ở chốn Tăng đường, chia thành mười chức vụ đứng đầu. Người đứng đầu thì nghiêm túc như quan phủ, nắm phần đại cương ở trên, kẻ ở dưới thì sửa sang

trông coi các việc, khiến cho trên dưới cùng nối tiếp nhau, như thân sai khiến cánh tay, cánh tay sai khiến ngón tay, ai nấy đều tuân theo mệnh lệnh làm công việc. Bởi thế, bậc tiền bối cung kính noi theo, khắn đáu phụng hành, khiến cho di phong của Tiên Thánh chưa tuyệt diệt. Gần đây thấy chốn tùng lâm suy đồi, người học đạo quý trọng chỗ tài ba, khinh miệt sự giữ gìn tiết nghĩa, ưa chuộng vẻ phù hoa, khinh bạc niềm chân thật, ngày qua tháng lại, dần dần đưa đến chỗ suy vi. Lúc đầu thì họ trốn tránh an phận một thời, kịp tới lúc huân tập đã lâu thì lại bảo đó là ý đương nhiên, chứ không bảo đó là phi nghĩa, chẳng bảo đó là phi lý. Người ở trên thì hồi hộp lo sợ kẻ dưới, kẻ ở dưới lại dương mắt nhìn lại người trên. Lúc bình thường thì buông lời ngọt ngào khuất thân giữ lễ để cùng xu nịnh làm đẹp lòng lẫn nhau, nhưng được ít lâu thời lại đem lang tâm quỷ kế để chém giết lẫn nhau. Nếu kẻ thắng đó là người hiền, kẻ bại hóa ra người ngu, không còn để ý đến tôn ty trật tự, lý lẽ phải trái. Kẻ kia đã làm thế, người này bắt chước theo, kẻ dưới nói thế nào người trên cũng làm thế, người trước làm thế nào người sau cũng noi theo làm vậy. Than ôi! Nếu không phải là bậc Hiền Thánh nương theo nguyện lực xuất hiện chứa góp công nghiệp hàng trăm năm, thì sao có thể lay chuyển nổi cái tệ hại kiên cố kia, bằng không thì không thể thay đổi được.”

Nguyệt Đường trụ trì chùa Tịnh từ rất lâu. Hoặc có người nói: “Sự hành đạo của Hòa thượng đã nhiều năm, nay trong đám môn hạ của ngài chưa nghe thấy có người đệ tử nào xuất chúng, như vậy há lại không cô phụ môn phái của Diệu Trạm tiên sư vậy ư?” Nguyệt Đường không trả lời. Ngày khác họ lại nói với ngài. Nguyệt Đường nói: “Ngươi không nghe thấy người đời xưa trồng hạt dưa mà yêu nó quá mức, đến nỗi những ngày nắng gắt ở mùa Hạ mà cũng cố tưới ngay lúc giữa trưa, thì dưa chẳng những không tươi tốt được mà lại úa nát. Tại sao? Bởi lẽ, người mến trồng dưa, không phải là không siêng, nhưng vì tưới nó không đúng thời, nên dưa kia hóa thành úa nát. Các bậc Lão túc ở các nơi cung ứng đề bạt kẻ nột tử, lại không xem đạo nghiệp sung thực và tài khí rộng xa của họ, mà chỉ muốn họ chóng nên người, nhưng xét tới đạo đức của họ thì nhơ bẩn, xét tới ngôn hạnh của họ thì trái ngang, như bảo họ là công chính thì chính họ là kẻ tà nịnh. Những việc như thế có lẽ cũng vì yêu họ quá mức vậy chăng? Như thế cũng chẳng khác gì kẻ tưới dưa ở giữa buổi trưa nắng. Ta vì sợ hãi kẻ thức giả chê cười, nên không dám giao phó công việc trọng đại cho họ.”

Nguyệt Đường nói: “Hoàng Long khi ở chùa Tích thúy, nhân vì

bệnh ba tháng không ra khỏi nhà Phương trượng. Chân Tịnh lấy làm lo lắng suốt đêm khấn nguyện cầu đảo, dĩ chí đốt hương trên đỉnh đầu, thắp đèn trên cánh tay, ngửa mong thần lực âm trợ. Hoàng Long nghe biết việc đó liền trách rằng: "Lẽ sống chết là phần cố nhiên của ta, ông là người tham thiền mà không đạt được lý đó sao?" Chân Tịnh thong thả thưa: "Tùng lâm có thể không có Khắc Văn (Chân Tịnh), chứ không thể không có Hòa thượng." Kẻ thức giả bảo Chân Tịnh là kẻ kính thầy trọng pháp một cách chân thành đến thế, tất sẽ thành người đại khí sau này."

Nguyệt Đường nói: "Hoàng Thái Sử Lỗ Trực thường nói: "Thiền sư Hoàng Long Nam là bậc khí lượng sâu dày, không bị sự vật lay chuyển, bình sinh không ưa trang sức, môn hạ đệ tử có người suốt đời cũng không trông thấy ngài có nét mặt mừng giận. Tuy là những kẻ hầu hạ sai khiến, ngài đều lấy tâm thành thật để đối đãi. Thế nên ngài chẳng động tới thanh khí, mà làm hưng thịnh được đạo của Từ Minh. Như vậy không phải là không lo lắng mà thành đạt được."

Nguyệt Đường nói: "Niên hiệu Kiền Viêm ngày mồng 3 tháng 3 năm Kỷ Dậu. Chung Tương làm phản ở Phong Dương. Thiền sư Văn Thù Đạo mắc nạn ở dịp này. Thế giặc thì rất mạnh, đồ chúng của ngài đều bỏ chạy. Thiền sư nói: "Tai vạ có thể tránh được ư?" Ngài cương quyết ở lại nhà Phương trượng rồi sau bị quân giặc sát hại Vô Cấu cư sĩ làm bài bạt trong tập Pháp ngữ của ngài rằng: "Ôi! Ham sống sợ chết là thường tình của con người duy có bậc chí nhân hiểu cái lẽ đó là bất sinh, nên tuy có sinh ra mà không ham thích thân mình, đạt được lẽ sinh tử là bất diệt, nên tuy chết mà không có sợ hãi. Cho nên, khi tới lúc tử sinh hoạn nạn mà không thay đổi được những điều mình vẫn giữ. Thiền sư là bậc chí nhân vậy. Nếu đem phần đạo đức tiết nghĩa của Thiền sư cũng đủ để giáo hóa tùng lâm làm khuôn mẫu cho hậu thế. Thiền sư tên là Chính Đạo, người đất Đan Lăng thuộc Mỵ Châu, Pháp tự của ngài Phật Giám."

Hòa thượng Tâm Văn Bí nói: "Kẻ nột tử nhân vì tham thiền mà đến nỗi mắc bệnh quá nhiều. Có người bị bệnh ở tai mắt, chỉ lấy dương mày, trừng mắt ghé tai, gật đầu làm thiền. Có người mắt bệnh ở miệng và lưỡi, chỉ vì lấy lời nói điên đảo, quát mắng loạn xạ làm thiền. Có người mắt bệnh ở tay chân, chỉ vì lấy việc tiến trước lùi sau, chỉ Đông trỏ Tây làm thiền. Có người bệnh ở tâm phúc chỉ vì lấy việc tới chỗ cùng tận huyền diệu vượt ngoài tình kiến làm thiền. Cứ thật mà bàn thì tất cả đó đều là bệnh. Duy có bậc tông sư đã nhận chân được bản lai

diện mục mới xét được rõ căn cơ vi tế, khi mục kích đã biết được chỗ lãnh hội hay chưa lãnh hội của họ. Khi nhập môn đã phân biệt được chỗ đến đích hay chưa đến đích của họ. Rồi sau đó ngài mới dùng một chiếc dùi một móc nhọn, lột trần chỗ khuất tất nhỏ nhiệm, phá tan nơi ngưng trệ, nghiệm xét chỗ chân giả của họ, mà không giữ chịt ở một chiều, để làm mờ mất chỗ biến thông, khiến cho họ bước tới được cảnh an lạc vô sự rồi sau mới thôi."

Tâm Văn nói: "Cổ nhân nói: Cái tốt gấp ngàn người gọi là Anh, cái mạnh gấp muôn người gọi là Kiệt, kẻ nột tử có trí tuệ hạnh kiểm tiếng khen lừng lẫy trong chốn tùng lâm, người đó há không phải là Anh Kiệt sao? Kẻ nột tử nếu hay siêng năng tham cứu, bỏ hư lấy thực, để thích ứng với chỗ dùng của nó, thì tự viện không cứ lớn hay nhỏ, chúng bất luận nhiều hay ít, đều theo đó mà giáo hóa được vậy. Xưa kia ngài Phong Huyệt đến chùa Bạch đinh, Dược Sơn đến chùa Ngưu lạn, Thường Công đến núi Đại mai, Từ Minh đến đất Kinh sở, đường thời đó, những kẻ ngù ngờ, đều chỉ chuộng địa vị và dung mạo để tìm hiểu mà khi thấy các ngài, tất nhiên họ phải đem tâm chê bai. Nhưng một ngày kia các vị ấy ngồi vào chiếu Pháp Tịch, bước lên tòa sư tọa, có hàng vạn người vây quanh, làm rực rỡ ánh quang minh của Phật Tổ trong đời mạt pháp, thì khi đó trong chốn tùng lâm ai ai cũng phục tùng ví như gió lướt trên cỏ vậy. Huống hồ, các bậc tiền bối đều sẵn có tài năng hoàn vỹ, chí khí anh kiệt, các ngài cũng còn phải ấp ủ ở lúc chưa gặp thời cơ, phải ngậm đắng nuốt cay, ngụp lặn cùng với làn sóng đời mà chìm nổi đó thôi, đâu có phải là các ngài kém tài xuất chúng vậy. Than ôi! Người đời xưa cũng như đời nay, người này cũng như người kia, nếu phải đợi các ngài Dược Sơn, Phong Huyệt làm thầy thì ngàn năm mới gặp một lần được. Nếu phải đợi các ngài Đại Mai, Từ Minh mà làm bạn thì hàng trăm năm mới có một vị ra đời. Bởi lẽ, sự việc có từ ở chỗ vi tế đến rõ rệt, công lao có từ chỗ góp nhỏ mà thành lớn, chưa từng thấy ai không học mà thành tài, không tu mà thành đạt. Nếu hiểu được lý này thì họ có thể tìm được thầy chọn được bạn, học được đạo, tu được đức, và cũng có thể thi thố được bất cứ việc gì trong thiên hạ. Cổ nhân nói: "Biết người thật là khó, Thánh nhân còn lo, huống là người khác vậy ư?"

Tâm Văn nói: "Đạo của Giáo ngoại biệt truyền rất giản dị rất thiết yếu. Lúc ban đầu ngoài thuyết đó ra không có thuyết gì khác, nên các bậc tiền bối thực hành đạo đó không chút ngờ vực, giữ gìn đạo đức đó không chi thay đổi. Nhưng vào khoảng niên hiệu Thiên Hỷ, có

ngài Tuyết Đậu lại dùng tài biện bác, đem ý đẹp để biến đổi thuyết đó mà khéo léo tìm thêm ý mới và tiếp nối thêm tư tưởng của Phần Dương, làm thành những bài "Tụng cổ" lung lạc người học đạo đương thời, nên tông phong do đó mà một lần bị biến đổi. Kịp tới khoảng niên hiệu Tuyên Chính. Ngài Viên Ngộ lại đưa ra ý riêng của mình, tách rời "Tụng cổ" mà làm thành "Bích Nham Tập". Thời đó lại có những bậc lão thành hoàn toàn thuần túy hơn cả cổ nhân, như các ngài Ninh Đạo, Tử Tâm, Linh Nguyên, Phật Giám, cũng đều không thể kéo lại được thuyết đó. Bởi thế những kẻ tân tiến hậu sinh, quý trọng những từ ngữ đó, sớm tụng tối tập, bảo đó là học thuyết chí đạo, chẳng có một ai biết đó là trái. Đau đớn thay! Tâm thuật của người học đạo bị bại hoại vậy. Tới năm đầu niên hiệu Thiệu Hưng, có ngài Phật Nhật vào đất Mân, thấy người học đạo ham đắm Bích Nham Tập mà không sao kéo họ trở lại lối cũ được, ngày qua tháng lại dần dần trở nên tệ hại, ngài liền đem đập nát ván in của Bích Nham Tập cực lực bài bác học thuyết đó. Dĩ chí, ngài còn mở chỗ mê mờ, cứu kẻ đắm đuối, nên ngài cắt bỏ chỗ phiền toái, gạt bỏ ý rườm rà, tồi tà hiển chính, bỗng nhiên cái đạo của giáo ngoại biệt truyền lại được chấn hưng trở lại. Lúc này kẻ nột tử mới hơi biết Bích Nham Tập kia là trái, nên không ái mộ nữa. Nếu ngài Phật Nhật không phải là bậc cao minh thấy xa nhìn rộng nương theo sức bi nguyện, cứu tệ thời mạt pháp thì chốn tùng lâm đã xảy ra những việc rất đáng ghê sợ."

Hòa thượng Chuyết Am Phật Chiếu Quang, lúc đầu tham thiền ngài Tuyết Đường ở chùa Tiến phúc, có thầy tướng bất chợt thấy ngài, đoán biết ngài là bậc đại khí, liền bảo với Tuyết Đường: "Trong đại chúng có Thượng tọa Quang, đỉnh đầu vuông thẳng, trán rộng mép đầy, bảy nơi cân đối, ngày kia ắt phải là thầy của Đế Vương." Năm đầu niên hiệu Thuần Hy đời vua Hiếu Tôn, ngài được triệu vào kinh hỏi đạo, ứng đối hợp ý nhà vua, được vua lưu lại Nội Quán Đường bảy ngày đêm đãi ngộ rất ưu ái đặc biệt, vượt qua lễ nghi thông thường từ trước tới nay, và ban cho tên hiệu là Phật Chiếu, tiếng của ngài lúc đó được bay khắp thiên hạ.

Chuyết Am bảo Thừa tướng Ngu Doãn Văn: "Đại đạo bằng đẳng, vốn không phân biệt kẻ ngu người trí, ví như Y Doãn, Lã Vọng là người cày ruộng câu cá mà làm thầy Đế Vương, đâu có thể lấy trí ngu giai cấp mà hay phỏng theo được. Tuy vậy, nhưng nếu không phải là bực Đại trượng phu thì đâu có thể dự vào đạo lớn đó được."

Chuyết Am nói: "Toàn Dã Am thường nói: "Thiền sư Hoàng Long

Nam là người khoan hậu trung tín, cung nghiêm mà từ ái, độ lượng sâu xa, học rộng nghe nhiều. Thường cùng với Vân Phong Duyệt đi vân du tới đất Hồ tương. Nhân một hôm hai người tránh mưa dưới gốc cây, Vân Phong Duyệt ngồi xổm, Hoàng Long Nam ngồi xếp bằng bằng, cùng đối diện nhau. Thiền sư Duyệt quắc mắt nhìn Thiền sư Nam nói: "Diệu đạo của Phật Tổ không phải là mô dạng tiêu cực như thần Thổ địa trong cổ miếu của một thôn nhỏ chỉ có ba nóc nhà." Thiền sư Nam nghe rồi chỉ cúi đầu tạ lễ và lại ngồi nghiêm chỉnh hơn. Vì vậy Hoàng Thái Sử Lỗ Trực khen rằng "Thiền sư Nam luôn luôn giữ lễ cung kính trong lúc động cũng như tĩnh, thật là vị chủ chốn tùng lâm."

Chuyết Am nói: "Nếu muốn dấn thân tới đại chúng, cần phải dùng đến trí tuệ, muốn bỏ vọng trừ tình cần phải dùng đến giác ngộ. Nếu khi đã trái giác hợp trần thì chân tâm bị lu mờ. Khi không phân trí ngu thì công việc phải rối loạn."

Chuyết Am nói: "Phật Giám trụ trì chùa Thái bình, Cao Am sung chức Duy-na, Cao Am tuổi tuy còn nhỏ, nhưng chí khí anh hào, coi rẻ chư phương tôn túc, ít có người vừa ý mình. Một hôm đánh kiền trùy thụ trai, Cao Am trông thấy thị giả mang một món thức ăn riêng để trước mâm Phật Giám. Cao Am liền ra trước Tăng đường nói lớn: "Nơi đây có năm trăm Tăng chúng mang danh bậc Thiện tri thức lại làm cái việc như thế, còn lấy gì làm mô phạm cho kẻ hậu học: "Phật Giám coi như không nghe thấy, Cao Am vội xuống nhà hỏi đâu đuôi, mới biết rõ món thức ăn đó là rau thủy tê (rau ngổ). Vì lẽ Phật Giám vốn có bệnh đau lá lách, không dùng được dầu. Cao Am có vẻ hổ thẹn, tới trước Phương trượng đường xin cáo lui chức Duy-na. Phật Giám nói: "Duy-na nói rất xác đáng, vì Tuệ Cần nay có bệnh nên mới làm thế. Ta thường nghe Thánh nhân nói: "Lấy lý để thông suốt mọi chướng ngại. Món ăn ta dùng đã không hơn chúng, thì không còn chi ngờ vực nữa. Duy-na là người có chí khí thông minh xa vời, ngày sau sẽ là trụ thạch của tông môn. Ta mong rằng ông chớ nên thắc mắc vì việc nhỏ mọn này mà cứ giữ chức Duy-na như cũ." Đến khi Phật Giám dời trụ trì chùa Trí hải, thì Cao Am cũng qua ở chùa Long môn, sau Cao Am được nối pháp ngài Phật Nhãn."

Chuyết Am nói: "Đại phàm cùng với các quan viên luận đạo thù tạc thi thố, nên phải cắt bỏ chỗ hiểu biết rườm rà, chớ để họ thấu suốt vào tận tâm can mà phải đưa ngay ra một vấn đề đan thuần hướng thượng rõ ràng. Diệu Hỷ tiên sư thường nói: Khi cùng với kẻ đại phu tương kiến, họ có hỏi liền đáp ngay, không hỏi thì không nên và hơn thế nữa, lại cần phải biết họ là người cùng một chí hướng vì đạo mới được."

Lời nói đó rất bổ ích cho thời nay và không phương hại đến đại thể của trụ trì "Cần nên suy nghĩ kỹ".

Chuyết Am nói: "Vùng đất tốt khéo nuôi được thực vật, người chủ nhân khéo gây được hiền sĩ. Người nay xưng là trụ trì, phần nhiều không lấy tâm đại chúng làm tâm mình, mà chỉ vội vã theo ý muốn riêng tư, không thích nghe lời hay, ưa che đậy lỗi xấu, buông lung làm theo tà hạnh. Luống chỉ thỏa mãn cái ý nhất thời rồi lại bị những kẻ tiểu nhân nhằm vào chỗ ưa ghét đó mà bắt chước theo, thì cái đạo của trụ trì há lại không nguy vong vậy ư?"

Chuyết Am bảo Dã Am: "Thừa Tướng Tử Nham Cư sĩ nói: "Diệu Hỷ tiên sư bình sinh lúc nào cũng lấy đạo đức tiết nghĩa dũng cảm làm đầu, chỉ ưng thân mà không ưng sơ, ưng gần mà không ưng bức bách, ưng giết mà không ưng nhục. Chốn ở không xa hoa, ăn uống không nồng hậu. Tới lúc sinh tử họa hoạn cũng coi đó như không. Thật đúng như truyện Can Tương, Mạc Da khó cùng tranh phong với nhau được, những đãn hiềm vì lo có thương tổn lầm lỗi vậy." Về sau quả đúng như lời của Tử Nham đã nói."

Chuyết Am nói: "Dã Am khi làm trụ trì, thông suốt được trước sau của tình người, hiểu rõ được đại thể của tùng lâm. Ngài thường bảo với ta rằng: "Người làm chủ một phương, cần phải lựa chọn kẻ nột tử có trí hạnh, để cùng giúp đỡ, cũng như tóc có lược chải và mặt có gương soi, thì hay dở tốt xấu không thể nào giấu được. Cũng như Từ Minh có Dương Kỳ, Mã Tổ được Bách Trượng, chẳng khác gì nước hòa với nước, không có chi là phương hại nhau vậy."

Chuyết Am nói: "Người học đạo đời mạt pháp chỉ học phần ngọn, hấp thụ phần ngoài da, quý trọng phần tai nghe, khinh rẻ nơi mắt thấy, rut cục không thể cứu mình được chỗ cao xa nhiệm mầu của đạo. Nên có câu: Núi càng cao thì trong đó có tích lũy, chồng chất nhiều hang xanh trùng điệp, động sâu đá lạ. Biển càng sâu thì trong đó có hàm chứa bốn bể, chín nguồn. Nếu muốn nghiên cứu đại đạo cần phải cùng tận hết chỗ cao chỗ sâu đó, vậy sau mới có thể lấy đó mà chiếu sáng chỗ u huyền vi diệu và ứng biến không cùng."

Chuyết Am bảo Vưu Thị Lang: "Ý của Thánh hiền thì hàm súc hòa hoãn mà lý sáng tỏ, thung dung nhàn nhã mà sự rõ ràng, chỗ dùng việc không mong chóng thành, mà hứa hẹn ở lý chí lâu bền, công việc không mong quyết tiến mà hứa hẹn ở hy vọng công việc thành tựu. Dùng điều đó để tìm ý của Thánh hiền, cho nên người học đạo có thể giữ gìn điều đó suốt cả muôn đời mà không lầm lỗi, chính là nghĩa thế

vậy."

Thị Lang Vưu Công nói: "Các bậc Tổ sư trở về trước, vốn không có lập chức trụ trì. Nhưng sau đó vì sự bức bách ứng thế hành đạo nên bất đắc dĩ mà phải đặt ra. Tuy vậy nhưng chỗ ở của Ngài thì lợp bằng cỏ lá đủ để che mưa gió, ăn thì chỉ dùng cơm gạo thô để đỡ đói khát. Thật là vất vả tiều tụy, có vẻ như không kham nổi sự lo âu, thế mà vương công đại nhân tới, mong được yết kiến các ngài mà cũng không được gặp. Cho nên chỗ kiến lập việc gì của các ngài đều là những sự tài cán lỗi lạc, kinh thiên động địa. Người đời sau lại không thế, thênh thang ở nhà cao cửa rộng, ăn cơm ngon, mặc áo đẹp, muốn sai khiến việc chi chỉ cần nhếch mép trỏ tay. Bởi thế bọn ma Ba tuần mới hay dương dương tự đắc, rung động tâm can, nhộn nhịp trước cửa quyền quý, vẫy đuôi xin ban bố tình thương. Tệ hơn nữa chúng còn dùng chước khéo để chiếm lấy, cậy quyền hành để cướp đoạt, giống như kẻ cắp vàng giữa ban ngày, không biết đến thế gian này cũng còn có luật nhân quả. Lá thư này của Diệu Hỷ, chẳng những chỉ gửi riêng cho chùa Bắc sơn, mà trong đó ngài còn nhắc tới hết tất cả những tập khí của các người trụ trì của chư phương từ trước dẫn lại không sót một mảy may, ví như người uống nước Thượng Chi của Thương Công, thông suốt được gan ruột con người. Nếu ai hay tin theo và thực hành lời dặn này thì hà tất phải cầu đến Phật Pháp ở nơi nào khác nữa."

Thị Lang Vưu Công nói với Chuyết Am: "Xưa kia, Diệu Hỷ là người trung hưng đạo pháp của Lâm Tế, giữa lúc cảnh tượng điêu tàn, thế mà ngài rất chuộng sự nhún nhường, thanh thản, chưa từng theo đuổi về sự tranh biện đấu lý. Bình sinh ngài không xu phụ kẻ quyền thế, không màng lợi dưỡng. Ngài thường nói: "Mọi việc không thể buông lòng túng ý mà làm được, không thể xa hoa bừa bãi mà giữ được. Bởi lẽ có việc thì có lợi cho thời mà cũng ích cho vật, nhưng cũng có việc chỉ có lỗi lầm mà không có công lao. Nếu ta cứ phóng túng sự việc ở chỗ túng ý xa hoa thì không thể thành tựu được." Kẻ bất tiếu này nhớ mãi lời nói ấy và lấy đó làm điều răn trọn đời. Lão sư trước kia đã được gặp chúa thượng, và được lưu lại nghỉ ở Quán Đường, thật là cái may cho Phật Pháp. Tôi tha thiết mong mỏi ngài không quên tâm bi nguyện, để con đường tiến thiện được khai minh, con đường gánh vác việc chúng càng rộng lớn, ngõ hầu đề phòng kẻ hậu sinh vãn bối không mưu cầu học tập những việc thiển cận mà đều ấp ủ mưu đồ những việc cao xa, thì đó há không phải là việc lợi tế cho tùng lâm vậy ư?"

Hòa thượng Mật Am Kiệt nói: "Chốn tùng lâm hưng hay suy đều

lệ thuộc ở lễ pháp. Người học đạo tốt hay xấu đều do ở tập tục. Cổ nhân ở hang lỗ, uống nước suối, ăn trái cây, nếu đem những việc đó mà ứng dụng cho thời nay thì không thể được. Người đời nay mặc áo đẹp, ăn cơm gạo tám, dùng thức ăn ngon, nếu đem những việc đó mà áp dụng cho thời xưa cũng không thể được. Vậy chẳng có chi là khác lạ đâu? Chỉ do tập quen hay không tập quen đó thôi. Ôi! Sự thấy biết của con người từ buổi sớm đến buổi chiều cho đó là việc thường, tất nhiên họ sẽ bảo những công việc trong thiên hạ, chính đều như thế cả. Nhưng nhất đán họ phải xê dịch từ chỗ này qua chỗ khác thấy mọi sự vật đổi thay, thì chẳng những họ chỉ sinh thêm nghi ngờ mà còn không tin, và còn sợ họ cũng chẳng làm theo là khác. Nếu dùng việc đó quan sát sự việc, nên ta biết tình con người vì an định ở chỗ tập theo thói quen, mà sợ hãi những sự việc chưa thấy biết. Đó cũng là thường tình có chi là quái gở."

Mật Am bảo Ngộ Thủ tọa: "Trong chốn tùng lâm, duy có người đất Triết giang, phần nhiều khinh bạc hèn yếu, ít ai tự lập. Ông tuy cũng là người đất Triết Giang, nhưng có tài khí rộng lớn, lượng độ bao dung, chí hướng ngay thực, thêm vào đó kiến thức lại vững vàng, tương lai ông ra sao chưa tiện nói nhưng ông phải nên tự kín đáo, chớ để lộ khuê dác, bửa hình vuông hợp lại làm ngói, giữ gìn đúng trung đạo. Ông chớ vì thế lợi mà khuất phục mảy may. Làm được như thế tức là ở ngay cõi trần lao này mà vẫn làm Phật sự vậy."

Mật Am nói: "Ứng Am tiên sư thường nói: "Người hiền kẻ bất tiếu tương phản nhau nên cần phải lựa chọn. Người hiền giữ đạo đức nhân nghĩa để lập thân, kẻ bất tiếu ham thế lợi trá nịnh để dụng sự. Người hiền khi đắc chí tất làm theo chỗ đã học của mình, kẻ bất tiếu ở ngôi vị nào cũng chỉ chiếm cứ riêng tư. Ghét kẻ hiền, ghen người tài, ham thị dục cầu lợi dưỡng, làm bất cứ một việc gì họ cũng chẳng từ nan. Thế nên được người hiền thì tùng lâm hưng thịnh, dùng kẻ bất tiếu thì tùng lâm suy vi. Nếu trong tùng lâm có một kẻ bất tiếu xen vào tất nhiên nơi đó không thể an tĩnh được."

Mật Am nói: "Trụ trì có ba việc chớ nên làm: Việc nhiều chớ nên sợ, không việc chớ bày đặt, phải trái chớ nên biện. Người trụ trì một khi đã thấu suốt được ba điều này thì không bị ngoại vật làm mê hoặc."

Mật Am nói: "Kẻ nột tử làm theo những lời lệch lạc gian tà, vốn có những dấu vết không hay, trong chốn tùng lâm ai nấy đều biết rõ, thì người ấy chưa đủ để lo. Duy có người mà chúng nhân ai cũng cho là hiền mà trong tâm họ lại mang điều bất tiếu, người đó mới thực đáng lo vậy."

Mật Am nói với Thủy Am: “Con người có lúc bị hủy nhục, nên phải thuận theo chịu đựng, há lại nông nổi nghe lời người ta nói, vội trình bày bừa bãi chỗ quản kiến của mình. Đại để kẻ phỉnh nịnh có nhiều loại, gian dối có nhiều cách. Kẻ mang tâm dối trá bất bình thì thích buông thả tư tâm, kẻ tạo mối nghi ngờ ghen ghét thì hay bỏ bẵng công nghị. Bởi lẽ, chỗ xu thượng của bọn đó thì chật hẹp gò bó, chỗ thấy nghe của họ thì mờ tối thiển cận, nhưng mà chúng vẫn đem chỗ tự khác lạ của họ làm bất quần (mọi người không bằng), lấy chỗ ngăn ngừa công luận của họ làm xuất chúng (hơn tất cả mọi người). Nhưng khi ta đã biết chỗ dùng việc của ta là hoàn toàn phải, mà sự hủy báng lẽ cố nhiên là tự ở kẻ khác, thì ít lâu sau việc đó tự nó sẽ rõ ràng, không cần phải biện bạch, và cũng bất tất phải chủ trương lẽ phải ở ta mà bới móc đụng chạm đến người khác. Được như thế thì người đó khả dĩ làm người trong chốn tùng lâm được.”

Hòa thượng Tự Đắc Huy nói: “Đại phàm kẻ nột tử, lòng thành thật mà hướng về đường chính, tuy là kẻ ngu si cũng có thể dùng được việc, tâm xiểm nịnh lại theo đường lối tà, tuy là kẻ trí tuệ chung quy cũng chỉ làm hại đạo. Đại để những người trong chốn tùng lâm, nếu mang lòng bất chính, tuy là kẻ có tài năng nhưng kết cục cũng vẫn không thể lập thân được.”

Thiền sư Đại Trí đặc biệt chế ra Thanh Quy, cốt để cứu giúp cái tệ hại bất chính của các Tỳ-kheo đời mạt pháp. Bởi thế các bậc tiền hiền noi theo và truyền thừa, răm rắp làm theo, có giáo hóa, có điều lý, có trước sau. Từ cuối niên hiệu Thiệu Hưng trở về sau, trong các chốn tùng lâm còn có các bậc lão thành, vẫn giữ được khuôn mẫu phép tắc, không dám giây phút nào gạt bỏ những quy điều. Nhưng những năm gần đây, trong chốn tùng lâm mất hết cương kỷ đầu mối, cương chẳng ra cương, kỷ chẳng ra kỷ. Tuy có giữ được cương kỷ chăng nữa, nhưng cũng chẳng được đúng đắn như xưa. Cho nên nói: “Nhấc một giềng lưới thì mọi mắt lưới đều mở rộng, hư một cơ hội thì muôn việc đều hỏng.” Hầu như, cương kỷ không được chấn chỉnh thì tùng lâm không được hưng thịnh. Duy có cổ nhân, mới xét gốc để chính ngọn nên các ngài chỉ lo pháp độ không được nghiêm chỉnh, không lo người học đạo không có nơi để tu, mà nơi chốn đó chính phải là nơi chốn công cộng. Nay những người làm chủ ở các nơi, đều lấy việc tư lẫn vào việc công, lấy phần ngọn để chỉnh phần gốc. Người trên chỉ vụ lợi không nghĩ tới đạo, kẻ dưới lại cướp lợi không đoái đến nghĩa. Trên dưới rối bời, khách chủ hỗn loạn, làm sao các nột tử có thể quay về đường chính mà làm hưng thịnh tùng

lâm được vậy ư?”

Tự Đắc nói: “Ngọc quý khi còn nằm trong quặng nào khác chi sỏi đá, ngựa Ký khi chưa rong ruổi đường trường thì lẫn cùng với ngựa Nô, ngựa Đài (ngựa hèn). Tới khi bửa quặng đá để mài giũa viên ngọc, rong ruổi đường trường để thử con ngựa Ký, thì phân biệt ngay ngọc đá và ngựa Nô, ngựa Ký rất rõ ràng. Ôi! Kẻ nột tử hiền đức, khi chưa dùng đến thì họ lẫn lộn ở đám đông người, làm sao mà biện biệt được. Vậy nên, điều cốt yếu là các bậc cao minh phải đem công luận cất nhắc họ, đem họ ra làm các chức vụ, để chiêm nghiệm tài năng trách nhiệm công việc thì khác xa hẳn với bọn tầm thường vậy.”

Hòa thượng Hoặc Am Thể, khi mới tới tham thiền ngài Thử Am Nguyên Bá Đại ở chùa Hộ quốc núi Thiên thai. Nhân khi lên pháp đường, Hoặc Am đem bài tụng “Bàng Mã tuyển Phật” ra để hỏi. Khi nhắc đến câu: “Đây là tuyển Phật tràng”. Ngài Thử Am quát lên một tiếng lớn, Hoặc Am nhân thế mà đại ngộ, liền trích bài tụng đầu cơ rằng:

Suy lường thấu triệt thấy tiêu đề.
Tuyển Phật tràng thi quyết một bề.
Ngọn bút tung hoành mưa gió cuốn.
Thám Hoa chức ấy chẳng ham mê.

Rồi ngay sau đó, ngài ẩn tích ở núi Thiên thai. Quan Thừa Tướng Tiền Công mến ngài là danh nhân muốn thỉnh ngài về trụ trì chùa Chiêu đề ở Thiên Phong và khuyên ra ứng thế. Hoặc Am nghe biết, ngài nói: “Tôi không biết việc treo đầu dê bán thịt chó.” Ngài liền trốn đi ngay đêm hôm ấy.

Năm đầu niên hiệu Càn Đạo, Hạt Đường trụ trì chùa Quốc thanh, nhân một hôm thấy Hoặc Am làm bài tán khắc vào chân tượng ngài Viễn Thông rằng:

“Không y bản phận, não loạn chúng sinh.
Ngắm đấy nhìn đấy, có mắt như manh.
Trường An trăng gió xưa nay tỏ,
Sờ vách mà đi kẻ lữ hành.”

Hạt Đường vừa kinh ngạc vừa mừng và nói: “Đâu biết Thử Am có đứa trẻ này.” Ngài liền đi tìm kiếm khắp nơi, cuối cùng gặp Hoặc Am ở đất Giang tâm, liền thỉnh sung vào ngôi vị thứ nhất đám đông người.

Năm đầu niên hiệu Càn Đạo, Hoặc Am bỗng nhiên tới thăm Hạt Đường ở chùa Hổ khâu. Kẻ đạo người tục đất Cô Tô, nghe biết phong cách cao quý của Hoặc Am, liền nô nức tới thăm và thỉnh ngài trụ trì

chùa Giác báo ở trong thành. Hoặc Am nhận lời và nói: “Thử Am tiên sư trước khi tịch, ngài có dặn ta, ngày sau này nếu gặp chùa Lão thọ thì ở, nay hình như hợp với sấm ký.” Ngài liền vui vẻ ứng mệnh. Bởi lẽ chùa Giác báo xưa kia có tên là “Lão Thọ Am”.

Hoặc Am sau khi đã trụ trì chùa Giác báo, nhân có thí chủ thỉnh ngài tiểu sam (thuyết pháp). Ngài nói: “Đạo vẫn thường trụ vẳng lặng mà không biến đổi, sự có cũ mới tốt xấu nên có biến thiên. Xưa kia các Tổ Giang Tây, Nam Nhạc đều thường chiêm nghiệm lời của cổ nhân làm bài học, để xem xét sự việc nên làm, giữ đúng mức trung đạo, cốt hợp với lòng người, lấy liễu ngộ làm pháp tắc. Vậy nên phong cách thuần phác của ngài vẫn siêu việt cho đến tận đời nay vẫn chưa mất. Nếu đem ước vào môn hạ của nột tăng đây, thì những người tuy đã tiến được ở phần đầu của câu nói, đó chỉ là những kẻ làm khuất phục tông phong ta, những người tuy hiểu rõ được phần cuối của câu nói, thì đó cũng chỉ là những kẻ chôn chìm Phật Tổ. Tuy thế, nhưng ai đi được tới chỗ cùng tận của bến nước, thì khi đó cũng có thể ngồi an tĩnh để thưởng thức mây bay.” Bởi thế, tăng tục rất mừng rỡ được nghe, và quy tụ với ngài đông như họp chợ.

Hoặc Am đã nhận lãnh chức trụ trì, kẻ sĩ thứ quy tụ về với ngài rất đông. Các nột tử đưa tin này đến ngài Hạt Đường chùa Hổ khâu. Ngài thấy vậy liền nói đùa:

“Gã kì ương ngạnh tựa sơn man
Víu thứ thiền mù chạy dọc ngang
Đánh phách gõ xênh ra vẻ lạ,
Bảo ban một bọn dã hồ tinh.”

Hoặc Am sau khi nghe biết chuyện, cũng viết bài kệ đáp lại:

“Sơn man ương ngạnh ghét mà chi,
Lãnh chúng khuông đồ mới trụ trì.
Cán chổi ngược chiều như việt cách,
“Thiện mù vịn lấy chữa tăng si.”

Hạt Đường chỉ cười mà thôi.

Hoặc Am bảo Thị Lang Tằng Công Đãi: “Yếu chỉ của sự học đạo, cũng như quả cân để định vật nặng nhẹ, chỉ cần giữ nó cho thăng bằng. Nếu có nghiêng nặng về một bên nào đó có thể được chăng? Đẩy về phía trước hoặc dịch về phía sau là bị nghiêng về một bên rồi. Người hiểu rõ được nghĩa này mới có thể học đạo được.”

Hoặc Am nói: “Đạo đức tức là gốc của tùng lâm, nột tử là gốc của đạo đức. Người trụ trì chán ghét và bỏ rơi nột tử tức là quên mất đạo

đức. Nếu đã quên mất đạo đức thì còn đem gì để sửa sang việc giáo hóa, chỉnh đốn chốn tùng lâm, dụ dẫn kẻ tới học. Cổ nhân xét gốc để chính ngọn, nên chỉ lo không học hành được phần đạo đức, chứ không lo mất nơi chốn của tùng lâm. Cho nên nói: "Tùng lâm giữ gìn nột tử, nột tử giữ gìn đạo đức." Người trụ trì mà không có đạo đức, thì chốn tùng lâm phải hoang phế vậy."

Hoặc Am nói: "Ôi! Làm sao bậc Thiện tri thức, điều cốt yếu là ở chỗ người biết hiền, không phải ở chỗ tự mình là người hiền. Cho nên kẻ hại người hiền là kẻ ngu, che đậy người hiền là kẻ tối, ghét người hiền là kẻ dở. Gây được cái vinh hiển cho thân mình, không bằng gây cái tiếng thơm một đời. Được tiếng thơm một đời không bằng gây được một kẻ nột tử có hiền đức để kẻ hậu học có thầy, chốn tùng lâm có chủ vậy."

Hoặc Am dời về trụ trì chùa Tiêu sơn được ba năm, đến ngày mồng bốn tháng tám, niên hiệu Thuần Hy năm thứ sáu, trước khi nhuốm bệnh, ngài liền viết một lá thư và gởi kèm theo một nghiên mực tới cáo biệt quan quận thú Thị Lang Tằng Công Đãi và vào nửa đêm hôm đó ngài thị tịch. Tằng Công Đãi có làm bài kệ truy điệu ngài như sau:

"Gió Tây phơi phới chiếc giày bay,
Chẳng một vật dung túi vải này.
Để lại nghiên sành thêm nhớ tiếc,
Hư không bút tả dễ ai hay."

Hòa thượng Hạt Đường Viễn bảo Hoặc Am: "Tài khí của con người tự nó có lớn nhỏ, thực không thể do nơi giáo hóa. Cho nên, giấy nhỏ không thể gói được vật lớn, dây ngắn đâu múc được nước nơi giếng sâu. Chim cú mèo tìm ăn ở ban đêm, mắt nó có thể thấy được con bọ chét, xét được sợi lông tơ ở mùa thu. Nhưng về ban ngày, dù nó có dương mắt lên cũng không trông thấy được vật lớn như gò núi. Vì lẽ chúng đã có sự an bài phân định riêng biệt. Xưa kia Tĩnh Nam Đường truyền bá đạo pháp của phái Đông Sơn, ngài là người thông minh đĩnh ngộ, u áo thâm huyền, thấu đáo khúc triết. Nhưng tới khi ra ứng thế trụ trì, ngài đến bất cứ nơi nào cũng không thể làm cho nơi đó chấn hưng được. Một hôm Thiền sư Viên Ngộ trở về đất Thục, cùng đi với Hòa thượng Phạm, có ghé thăm chùa Đại tùy, các ngài thấy Tĩnh Nam Đường là người hốt lược không cẩn thận, phàm trăm việc trong chốn tùng lâm đều bỏ bê. Tuy vậy mà tiên sư không có một lời hỏi han khuyên nhủ. Khi về tới giữa đường Hòa thượng Phạm nói: "Tĩnh Nam Đường cùng với ngài là bạn đạo cùng tham học với nhau, sao ngài không ngỏ một lời mở bảo

dắt dẫn.” Tiên sư nói: “Ứng thế lãnh chúng, điều cần yếu là pháp lệnh làm đầu. Thực hành pháp lệnh là do trí tuệ tài năng. Tài năng và không có tài năng là tố phận của mỗi người, đâu có thể giáo hóa được vậy.” Hòa thượng Phạm gật đầu.

Hạt Đường nói: “Kẻ sĩ học đạo, cần phải chính tâm làm đầu, vậy sau mới có thể chính mình và chính sự vật. Tâm đã chính thì an định được vạn vật. Ta chưa hề nghe thấy tâm đã trị mà thân lại loạn. Giáo pháp của Phật Tổ do từ bên trong mà kịp đến bên ngoài, từ gần đến xa. Mê hoặc thanh sắc ở bên ngoài là bệnh của tứ chi, vọng tình phát khởi ở trong là bệnh của tâm phúc. Ta chưa bao giờ thấy tâm đã chính mà không hay giáo hóa được người. Bởi lẽ, lấy nhất tâm làm cỗi gốc, vạn vật làm cành lá, nếu cỗi gốc khỏe chắc thì cành lá tốt tươi, cỗi gốc khô gầy cành lá tất héo gãy. Người khéo học đạo, trước hết phải trị nơi nội tâm để chống lại ngoại vật, đừng có tham ngoại vật để hại nội tâm. Cho nên muốn dẫn đạo được vật điều cần thiết là ở chỗ tâm thanh tịnh. Muốn chính người tất nhiên trước phải chính mình. Nếu tâm đã chính, mình đã lập mà vạn vật không theo chỗ giáo hóa của mình, thì việc đó chưa từng có vậy.”

Hòa thượng Giản Đường Cơ, trụ trì chùa Quản sơn huyện Bà dương đã gần hai mươi năm. Ngài chỉ ăn cơm gạo nếp, canh rau lê, dường như tuyệt ý nghĩ về đường vinh đạt. Một hôm ngài xuống núi, bên đường đi, nghe thấy tiếng khóc ai oán thảm thiết. Ngài động lòng trắc ẩn, liền tìm tới hỏi đầu đuôi sự việc, mới biết rõ, đó là một gia đình bị bệnh thương hàn, vừa chết mất hai người, nhưng vì nhà quá nghèo, nên không có tiền sắm đồ tẩm liệm. Ngài vội tới chợ mua áo quan để mai táng cho họ. Người trong làng thấy thế ái nấy đều cảm thán nghĩa cử của ngài không ngớt. Quan Thị Lang Lý Công Thung Niên, nói với các sĩ đại phu rằng: “Làng tôi có Giản Đường Cơ lão sư là người nột tử có đạo, lại thêm lòng nhân tuệ từ ái với mọi người, chùa Quản sơn đâu phải là nơi cư trụ lâu dài của ngài vậy ư?” Ông liền họp quan Khu Mật Uông Minh Viễn cùng các quan Tuần Phủ các quận để trình bày sự việc về quan quận thú đất Cửu giang là Lâm Công Thúc Đạt, để đón ngài về trụ trì chùa Viên thông, vì chùa này còn vắng ngôi chủ pháp, ngài Giản Đường nghe biết và thuận mệnh nói: “Đạo của ta sẽ được thực hành vậy.” Rồi ngài vui vẻ chống gậy tới nhậm chức trụ trì. Khi thăng tòa thuyết pháp ngài nói:

“Viên Thông chẳng mở thuốc trường sinh,
Chỉ bán đầu mèo chết lại tanh.

Vất ấy đâu hay suy tính được,
Nuốt rồi mình mẩy nhẹ tênh tênh.”

Tất cả hai hàng Tăng tục nghe thấy thế ai nấy đều kinh dị. Pháp tịch của ngài nhân thế mà vang dội khắp nơi.

Giản Đường nói: “Người xưa tu thân trị tâm thì cùng với người cùng chung cái đạo đó. Dấy việc lập nghiệp thì cùng với người cùng chung cái công đó. Khi đạo đã thành, công đã hiển thì cùng với người cùng chung cái danh đó. Vậy nên đạo không có gì là chẳng sáng, công không có gì là chẳng thành, danh không có gì là chẳng vinh. Người đời nay thì không thế, họ chỉ chuyên cái đạo vị kỷ, chỉ sợ người ta hơn mình. Họ không biết theo điều thiện làm việc nghĩa để tự rộng. Chỉ chuyên đưa cái công về mình, không muốn người khác dự phần vào đó. Họ lại không biết dùng người hiền cùng kẻ tài năng để tự lớn mình. Vì thế, nên đạo không tránh khỏi sự che lấp, công không tránh khỏi sự tổn hại, danh không tránh khỏi sự nhục nhã. Đó là ba điều phân cách giữa người học đạo xưa và nay vậy.”

Giản Đường nói: “Người học đạo cũng như trồng cây. Cây vừa tốt mà đã chặt, chỉ để cung cấp làm củi. Cây sắp lớn mà đã chặt, chỉ có thể cung cấp làm rui mè. Cây hơi lớn mà đã chặt, chỉ có thể sung làm kèo cột. Cây đã già và lớn mới chặt thì có thể dùng làm xà nóc. Như vậy, há chẳng phải là dùng công xa rộng thì lợi đó cũng lớn vậy ư? Sở dĩ người xưa chỉ duy ở cái đạo đó cố nhiên là rộng lớn mà không chật hẹp, cái chí đó xa vời mà không thiển cận, coi lời nói đó cao thượng mà không thấp hèn. Tuy có lúc gặp phải thời thế dở dang, gặp lúc đói rét khốn cùng, hay dù phải vong thân nơi rừng núi, nhưng cái di phong dư liệt đó, cũng vẫn còn rạng rỡ suốt hàng trăm năm sau, người ta cũng vẫn còn lấy đó làm pháp tắc mà truyền trì. Trước đây, giả sử những người xưa chỉ coi đạo một cách chật hẹp để cầu chỗ tạm dung, chỉ lập chí một cách thiển cận để cầu hợp, phát ngôn một cách ty tiện để chuộng quyền thế, thì sự lợi ích đó chỉ vinh đạt ở một mình mình, đâu còn có ân tuệ thấm nhuần phổ cập tới tận đời sau được”.

Tháng Tư niên Hiệu Thuần Hy năm thứ 5 Giản Đường từ Cảnh Tinh Nham núi Thiên thai lại trở lại chùa Ẩn tĩnh. Quan cấp sử Ngô Công Phất đang ẩn dật đi dưỡng tuổi già ở Hưu Hưu Đường liền họa theo vần thơ của Đào Uyên Minh gồm mười ba thiên để tiễn chân Giản Đường như sau:

1. Từ khi bạn núi rừng,
Tôi cùng đời cách xa.

Nhờ có Thiện tri thức
Đôi lúc tới thăm nhà.
Thân tôi, nói chuyện đạo,
Mến tôi, học Phật-đà.
Khi quay về trên núi,
Tôi cũng tiễn chân qua.
Thầy cho tôi thưởng thức,
Cơm rau vị đậm đà.
Thoát khỏi lụy trần tục,
Muốn ở núi ngâm nga.
Núi này cao cao ngất,
Vượt cả Sơn Hải Đồ
Nhưng sánh cao đức thầy
Núi này còn kém xa.

2. Tôi sinh trong hang núi,
Bốn mặt cao chênh vênh
Có núi gọi Cảnh Tinh,
Muốn đến đã mấy lần.
Núi ấy thật kỳ tuyệt,
Mọi núi nhỏ quanh mình.
Lại có thầy làm chủ,
Nhị Diệu khó tả tranh.

3. Nhà tôi hồ trên núi,
Nhìn ra toàn núi rừng.
So cảnh đẹp của thầy,
Bên tôi khó sánh cùng.
Mây tỏa xa ngàn dặm
Suối biếc chảy không ngừng
Tôi tuy vừa mới tới,
Ngũ Hồ cảnh sao bằng.

4. Bảy mươi lăm tuổi lẻ,
Tàn dương treo ngọn cây,
Ví rằng thân chưa mất,
Cũng chẳng được bao ngày.
Còn mong ở rừng núi,

Cùng thầy hưởng dư quang.
Cô vân vụt biến mất,
Gần xa thấy bàn hoàng.

5. Yêu núi là số phận,
Nợ tục cũng đáng thương.
Xưa coi Đương Đồ Quận,
Núi Ẩn tỉnh đâu tường.
Khen thầy nay đi lại,
Lòng tôi thấy ngỡ ngàng
Mong đừng đi lâu lắm,
Về thăm tôi năm tàn.

6. Tâm thầy như tro lạnh,
Hình vóc tựa cây kho.
Nột tử đều quy tụ,
Tựa vang dội hư vô.
Đoái tới thân trần cấu,
Nước đề hồ gội trong.
Xin thầy nêu đèn Phật,
Ví tôi rọi sáng lòng.

7. Lơ thơ cây trên núi,
Vào hạ bóng rợp trời.
Bao năm nơi lau sậy,
Tùng lâm nay sáng ngời.
Tôi mới cùng nột tử,
Cùng nghe tiếng hải trào.
Đời người nhiều tụ tán,
Ly biệt trạnh lòng đau.

8. Tôi cùng thầy đi lại,
Năm tháng tuy chưa lâu.
Coi như hai đại lão,
Phong lưu rất một màu.
Thầy ngồi yên trên núi,
Tôi góp gạo lo âu.
Giá thầy về đây sớm,

Vui này đậm mà sâu.

9. Kẻ học thiền nhộn nhịp,
Khom lưng chạy ngược xuôi.
Nói toàn chuyện cát đằng,
Cậy ý si tuyệt vời.
Tìm bậc tôn đạo đức,
Như thầy được mấy người.
Nguyện truyền người thượng thăng,
Phái Lâm Tế sáng ngời.

10. Làng ta nhiều Tăng đồ,
Mông mênh như mây bể
Đại Cơ mất đã lâu,
Tiểu cơ còn tại thế.
Nhưng còn lại Nhất Sầm
Hai vị tìm đâu dễ.
Đường đường hai lão thiền,
Người mong trong bốn bể.

11. Xưa không chức trụ trì,
Mà chỉ truyền pháp chỉ.
Ai ngộ đức sắc không,
Liền vượt đường sinh tử.
Tăng hèn mờ bản lai,
Hà biết Tây quy lý.
Mua thiếp ngồi giường thiền,
Phật pháp cậy đâu nhỉ.

12. Trong Tăng có cao Tăng,
Sĩ cũng có cao sĩ.
Tôi tuy chẳng là cao,
Tâm thô biết chế chỉ.
Thầy là người trong ấy
Làm cao Tăng phải nghĩ.
May thay tôi cùng thầy,
Đều làm người hương lý.

13. Thầy ngồi cùng Hòa thượng,
Tôi cùng cực tú tài.
Tâm nhẫn đều đã triệt,
Già rồi trở lại thôi.
Nay thầy tuy tạm biệt,
Suối, đá cũng bồi hồi.
Ứng duyên xong trở lại,
Thầy đâu nỡ bỏ tôi."

Quan cấp sự Ngô Công nói với Giản Đường: "Cổ nhân nguội lòng hết trí ở trong chỗ ngàn núi muôn hang, uống nước suối ăn trái cây, như tuyệt ý về công danh. Nhất đán nhận được chiếu chỉ của nhà vua, các ngài liền che ánh sáng giấu hình tích trong những công việc hèn hạ như kiếm củi giã gạo... Vì không có ý nghĩa về vinh đạt ở buổi đầu, nhưng ngẫu nhiên được liệt vào ngôi truyền đăng. Vì thế, được địa vị ở chỗ vô tâm thì cái đạo đó lớn, đức đó rộng. Nếu tính toán ở chỗ có mong cầu thì danh đó thấp, chí đó hẹp. Duy có thầy là người độ lượng xa rộng, nối gót được cổ nhân, nên ngài mới hay kiên tâm trụ trì chùa Quản sơn tới mười bảy năm trường, mà trở thành bậc lương khí trong chốn tùng lâm. Các hàng nột tử ngày nay, trong tâm thì không có giữ gìn, bề ngoài lại đua danh trục lợi, ít có mưu xa, không có đại thể. Cho nên họ không hay giúp đỡ được tôn giáo, và dĩ nhiên không theo kịp với thầy rất xa vậy."

Giản Đường nói: "Thường tình của con người, ít có ai là không bị mê hoặc lầm lỗi. Đại để có những việc như bị che lấp ở chỗ cả tin, bị cản trở ở chỗ ngờ vực, bị hốt lược ở chỗ khinh thị, bị trầm nịch ở chỗ ham đắm. Lòng tin đã thiên lệch, nghe lời nói không xét định sự thật, nên có lời nói quá đáng. Ngờ vực đã nhiều, lời nói tuy đúng sự thật mà cũng chẳng chịu nghe, nên có cái lỗi mất sự thật ở chỗ nghe. Khinh thị người thì bỏ mất những việc quan trọng. Ham đắm vào sự việc thì cố giữ những con người đáng bỏ. Đó đều là những việc do chỗ phóng túng theo lòng riêng của mình, không xét đến đạo lý, quên mất cái đạo của Phật Tổ, mất mất thiện tâm đối với tùng lâm. Cho nên, chỗ khinh thị của thường tình là chỗ trọng của Thánh nhân. Cổ nhân nói: "Kẻ mưu xa phải nghiệm việc gần trước, người chuộng việc lớn, phải cẩn thận ở chỗ vi tế làm đầu." Phàm bất cứ việc chi cần phải đem ra xem cho rộng mà xét chỗ dùng ở trong đó, chứ không phải ở chỗ chuộng cao xa mà thích lạ vậy."

Giản Đường là người thanh bạch sáng suốt, bình thản công bằng, có từ tâm ân tuệ tới mọi người. Kẻ nột tử nào hơi có chút lỗi lầm, ngài

đều che giấu bảo hộ khuyên răn, để mong trở thành người có đức. Ngài thường nói: "Người ta ai mà không có lỗi, nhưng cần ở chỗ biết sửa đổi là tốt". Ngày ngài trụ trì chùa Quản sơn ở Bà dương, gặp buổi trời quá rét, mưa tuyết liên miên suốt ngày, cháo cơm không có, mà ngài vẫn coi như không hề nghe biết gì. Nên lúc đó có bài tụng rằng:

"Bếp lò nguội ngắt khách ngồi không,
Tuyết tựa hoang Dương rụng năm cùng.
Áo vá chùm đầu chân thanh củi,
Biết đâu thân ở chốn tịch không."

Bình sinh, ngài lấy đạo làm sở thích, không chạy theo vinh hoa danh lợi. Ngày nhận lời mời tới trụ trì chùa Viên thông ở Lư sơn, chỉ chống gậy tre đi dép cỏ mà tới. Những người thấy thế, ai nấy đều tỏ vẻ cung kính vui mừng. Quan quận thú đất Cửu giang là Lâm Công Thúc Đạt khi thấy ngài cũng nói: "Đây là người trụ cột trong Phật Pháp." Do đó tên ngài được trọng vọng khắp bốn phương. Chỗ đi hay tới của ngài thật đúng được như thể cách của tiền bối. Khi ngài mất, dù là những người hầu hạ sai khiến cũng đều thương tiếc ngài mà rơi lệ.

Quan Thị Lang Trương Công Hiếu Tường gởi thư nói với Diễn Trưởng lão chùa Phong kiều rằng: "Các Tổ xưa kia, không có việc trụ trì. Khai tràng nhận môn đồ là một việc cưỡng bách bất đắc dĩ. Trong thời tượng pháp suy vi, đã phát sinh ra những thuyết thư: Các Tăng sĩ đưa đồ châu báu hối lộ quan liêu để mua bán chùa viện. Những việc này từ trước tới nay, tại nơi chùa Phong kiều của ngài đây cũng thường xảy ra. Nơi xuất xứ của ngài ai ai cũng đều biết. Nhưng còn việc tương ứng đồng thời, con hát mẹ khen hay, để không ai chịu cố gắng hết sức mình, mà chỉ là những người có duyên thời ở, hết duyên thì đi. Nếu ngài để những ngài buôn bán Phật pháp như thế ở trong chốn ấy, thì chỉ là gây cho họ cái nghiệp địa ngục mà thôi. Vậy chẳng bằng chia tay nhau là tốt hơn vậy."

Hòa thượng Từ Thu Thâm nói với Hòa thượng Kinh Sơn Nột: "Trong hai ba mươi năm trở lại đây, chốn thiền môn trở nên tiêu điều vắng vẻ, đến nỗi tôi không muốn ngó nhìn tới. Bậc Trưởng lão ở các nơi thì bôn Nam tẩu Bắc, số đó có không biết bao nhiêu mà kể. Việc chia môn rẽ phái cũng đầy rẫy khắp nơi, đâu đâu cũng đều thế. Duy có sư huynh là không động thần tình, ngồi hưởng an nhà, thực khác xa với kẻ hèn mọn hàng ngày vậy. Đáng kính thay, đáng khen thay! Ở vào nhân duyên trường hợp ấy, nếu tự mình không phải là người đạo đức đầy đủ, hành giải tương ưng thì đâu có thể làm được. Tôi rất mong sư huynh

gắng sức, dụ dẫn hậu côn, khiến cho nguồn Tào Khê đang khô cạn mà trở lại tràn đầy, cây giác ngộ điêu tàn mà trở nên xanh tốt. Tôi thành thật khẩn đẩu kỳ vọng ở sư huynh rất nhiều vậy."

Hòa thượng Linh Chi Chiếu nói: "Gièm pha và chê bai cùng nghĩa vậy ư hay khác nghĩa vậy ư?" Đáp: "Gièm pha tất phải nhờ vào chê bai mà thành. Vì lẽ, có kẻ chỉ có chê bai mà không có gièm pha, chưa có kẻ có gièm mà lại không chê bai. Ôi! Nơi phát xuất của sự gièm pha đầu mối là từ chỗ ghen ghét, sau trở thành tâm tin tưởng mỏng manh. Kẻ làm việc ấy tức là kẻ tiểu nhân, xiểm nịnh. Người đời xưa, có kẻ dốc lòng trung để giúp vua, hết lòng hiếu để thờ cha mẹ, mang điều nghĩa để kết bạn bè. Tuy có chỗ tương đắc giữa vua tôi, chỗ tương ái giữa cha con, chỗ tương thân giữa bạn bè. Nhưng một ngày nào đó nếu bị người ngoài gièm pha thì có thể lại sinh ra những sự việc nhìn nhau bằng hờn giận, sinh ẩu đả lẫn nhau, xua đuổi ly gián nhau, đưa đến chỗ coi nhau như quân thù hằn. Những việc này tuy ở ngay địa vị Thánh hiền xưa cũng khó thể tránh được. Song, những việc đó, có việc lúc mới xảy ra không thể biện minh được, nhưng mãi tới sau khi chết rồi mới sáng tỏ. Cũng có những việc sau khi chết rồi mà vẫn chưa biện minh và cho đến trọn cả những đời sau mà vẫn không thể làm cho sáng tỏ được. Những việc như thế rất nhiều không thể kể xiết được. Thầy Tử Du nói: "Bầy tôi thờ vua mà can gián nhiều, ấy là nguyên nhân đem lại sự nhục nhã. Bạn bè mà khuyên can nhau nhiều, nhân thế cũng đem lại sự xa nhau." Lời nói trên đây cốt để răn người đời tránh xa lời gièm pha thôi vậy. Ôi! Gièm pha cùng với chê bai, không thể không xét cho kỹ. Và như kinh sử cũng đã chép những điều đó rõ ràng. Người học giả xem đến những chỗ ấy, ai cũng biết nó là trái, thường thường chính thân mình cũng tự giam hãm ở miệng lưỡi kẻ gièm pha, uất ức đến chết mà không thể tự làm sáng tỏ được. Người như thế tất sẽ giận nhưng người chấp nhận lời gièm pha là họ không biết xem xét, nên bị kẻ gièm pha nó xiểm nịnh ton hót! Dĩ chí có những bọn tiểu nhân đến trước mặt mình mà lại nói lời gièm pha ở những người khác thì mình lại nghe lời nói ấy cho là phải, như thế sao có thể bảo là người thông minh được ư? Vì lẽ, kẻ giỏi nói lời gièm pha, thì họ rất khéo léo, họ tranh đấu biện bạch, họ đón hợp ý người, họ ngăn che sự thật, khiến cho người nghe mịt mờ, như bị quỷ ếm, làm cho người ta đến suốt đời cũng không thể xét rõ được. Ngài Khổng Tử nói: "Lời gièm pha cũng như nước thấm nhuần, lời tố giác cũng như da cảm thụ". Nói về sự thấm nhuần, nghĩa là nó lặng lẽ từ từ tới không để cho người ta dự đoán mà biết. Tuy Tăng Sâm là người con chí hiếu, thế

nhưng người mẹ vẫn ngờ là con mình giết người. Tuy ở quán chợ đông người không phải là rừng rậm, mà người ta vẫn ngờ là trong chợ có hổ. Vì khiến có những người họ không tin những việc như thế, thì đáng gọi họ là minh đạo quân tử vậy. Tôi vốn dĩ lấy sự ngu muội lười biếng, không thích xiểm nịnh xu phụ, để lừa dối làm đẹp lòng người, nên tôi bị nhiều người sàm báng. Tôi nghe biết chuyện đó, nhưng tôi trộm nghĩ rằng: Lời nói kẻ kia hẳn là đúng chăng? Nếu là đúng thì ta nên đổi lỗi sửa sai và như vậy người kia là thầy ta. Lời nói của kẻ hẳn là trái chăng? Nếu quả là trái thì cho kẻ kia chỉ là nói những lời nói không đâu mà thôi. Sao có thể hay làm nhơ được tâm tôi. Bởi thế tai tôi tuy có nghe mà miệng tôi chưa từng biện minh. Còn những kẻ sĩ, quân tử xét được hay không xét được là do ở tài năng trí thức của họ sáng suốt đó vậy. Tôi cần gì phải giãi bày phải trái để mong cầu người ta biết rõ. Song nếu họ không biết được, thì mãi về sau này họ mới rõ được vậy ư? Hay ở đời sau mà sau họ mới rõ được vậy ư? Hay mãi đời này qua đời khác mà họ cũng vẫn chẳng rõ được rõ vậy ư? Văn Trung Tử nói: "Đem gì để tất được sàm báng?" Đáp rằng: "Không cần biện minh." Tôi rất ưa chuộng lời nói đó vậy."

Hòa thượng Lại Am Khu nói: "Người học đạo phải lấy chỗ liễu ngộ làm kỳ hạn, phải tìm bậc chân Thiện tri thức để quyết trạch việc liễu ngộ ấy. Nếu tình kiến còn vướng vít như đầu sợi tơ chưa gột hết, tức vẫn còn là cái cỗi gốc của sinh tử. Khi tình kiến đã gột hết rồi, nên phải xét đến nguyên do chỗ hết tình kiến đó. Cũng như người ở trong nhà, thì những việc ở trong nhà, bất cứ điều gì đều phải hiểu rõ. Ngài Quy Sơn nói: "Người thời nay, tuy theo cơ duyên đã chứng được một niệm đốn ngộ tự lý, nhưng vẫn còn vướng vô thủy tập khí chưa thể gột hết được, còn nên phải dạy cho họ trừ sạch hiện nghiệp lưu thức, đó tức là tu vậy. Nếu không làm như thế thì không có lối đi nào khác để cho họ xu hướng". Quy Sơn là bậc Cổ Phật, nên mới có thể thốt ra những lời nói ấy, giả hoặc nếu người ta không làm theo như thế, tới khi mắt sáng rơi xuống đất (chết), tất không thể nào tránh khỏi tay chân run rẩy quờ quạng như con cua rớt vào vạc nước sôi vậy."

Lại Am nói: "Trong luật nói: Tăng vật có bốn thứ:

1. Thường trụ thường trụ.
2. Thập phương thường trụ.
3. Hiện tiền thường trụ.
4. Thập phương hiện tiền thường trụ.

Đã là vật của thường trụ thì không được xâm phạm vào một mảy

may, vì tội ấy rất nặng. Bậc tiên Thánh hậu Thánh cũng đều đinh ninh khuyên răn. Thường thường những người nghe biết, nhưng vị tất đã hay tin. Và người đã tin cũng vị tất chịu làm theo. Sơn Tăng này hoặc đi ra ngoài, hoặc ở trong chùa, lúc nào cũng ghi lời răn ấy trong tâm khảm. Tuy thế còn sợ có chỗ chưa tới được, nên thuật bài kệ để tự cảnh rằng:

"Mười phương Tăng vật nặng như sơn,
Muôn kiếp ngàn đời dễ trả đền.
Lời Phật nói ra mà chẳng giữ,
Ngày kia ngục sắt chớ kêu oan.
Thân người khó được phải suy lường,
Thú vật sinh vô kiếp số trường.
Hạt gạo tham chi cho khổ cực.
Đền bù mất cả nửa năm lương."

Lại Am nói: "Kinh Niết-bàn chép: "Nếu có người nào nghe người nói kinh Đại Niết-bàn một câu hay một chữ, mà người đó không khởi ra tường chữ, không khởi ra tướng của câu, không khởi ra tướng nghe, không khởi ra tướng Phật, không khởi ra tướng nói, những người như thế, gọi là "Vô tướng tướng". "Đạt-ma Đại sư vượt biển tới Đông đô, ngài không lập ra văn tự, đó làm sáng tỏ ý chỉ của Vô tướng, chứ không phải ngài tự đặt ra ý mới, hay lập riêng pháp môn nào khác. Đời gần đây, những người học đạo không liễu ngộ được ý đó, nên họ bảo rằng Thiền tôn là một pháp môn riêng biệt. Người lấy môn Thiền làm tôn thì lại chê môn "Giáo". Người lấy môn giáo làm tôn lại chê môn Thiền. Như vậy liền trở thành học thuyết của hai nhà, rồi trở nên tranh chấp chê bai lẫn nhau, kéo dài liên miên mãi không dứt. Ôi! Do nơi nghe hiểu nông cạn mà đưa đến như thế thì quả thật không phải là ngu cũng tức là cuồng, thật đáng thở dài mà than trách vậy."

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 178

TRUY MÔN CẢNH HUẤN

SỐ 2023
(QUYỂN 1 → 10)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2023

LỜI TỰA KHẮC LẠI BỘ TRUY MÔN CẢNH HUẤN

Một tánh tròn sáng mọi người sẵn có, dứt bỏ vọng niệm, thoát khỏi luân hồi. Cho nên đức Như Lai lòng thượng rộng giúp, cứu vớt kẻ đắm đuối nơi sông mê, bày ra nhiều sa-môn phương tiện khác nhau để họ sửa đổi những hành vi dở xấu, hầu trở về tánh cũ. Nhưng nhất định phải là bậc Chí giả mới đạt đến được, còn kẻ Khí giả là sao? Vì không thể dùng Chí để cai quản Khí nên thường bị chìm sâu trong chỗ lỗi lầm mà không biết trở lại. Bởi thế, các bậc (có căn khí) Đại thừa Bồ-tát, nương theo bản nguyện độ sinh mà xoay bánh xe pháp không ngừng, đem chánh pháp nhãn tạng ra độ đời. Đôi khi vì những kẻ hung hăng mà dùng roi vọt, lúc nóng giận phải đánh quát, có khi không dằn được thì nổi trận lôi đình, chẳng qua là muốn nung nấu, hun đúc, cất nhắc cho hành giả thấu suốt được chân lý, cho đến hoặc dùng pháp ngữ, mở buổi Tiểu tham, bày lời dạy chúng, viết văn răn nhắc, nói lời chỉ dạy, lập bài Châm minh để khích lệ hành giả. Có khi phải dùng roi vọt để mở mang, hoặc lấy lời khen thưởng để tiến cử hoặc dùng sự hóa đạo để dắt dẫn.

Ôi! Nguyện hoằng pháp sâu nặng, thương chúng sinh tình sâu. Vì thế bộ Truy Môn Cảnh Huấn này, gom nhặt những lời dạy của các bậc tiên triết mà viết thành sách, thiết tưởng công lao ấy đâu có luống uổng! Sách này ví như vầng mặt trời chói lọi giữa bầu trời, khiến mọi người đều cảm nhận được ánh sáng ấy. Còn những ai bị màng mọng che mờ đôi mắt, quấy sinh đều ngờ vực trong lòng, đó là tự họ sai lầm phủ nhận những lời công luận của đấng Kim Luân Thế Chúa; phủ nhận những bài kệ tán của các bậc Tiên triết Nho tông. Hoặc giả họ cho rằng chân lý

phải là trực chỉ đơn truyền, quét sạch văn tự, hễ chỗ nào có lập lời dạy là trái với tông chỉ. Nếu ai còn quan niệm sai lầm như thế thì tôi xin nói với họ rằng: Cơ thần nhanh nhẹn như điện chớp, lửa đá, thường giết hại hoặc buông bắt, không hề trải qua công dụng. Đó là pháp môn để đối trị với người thượng căn chứ những người bậc trung và hạ không thể ghé mắt. Các vị hãy nhớ cho rằng trong pháp giới ở kinh Hoa Nghiêm có dạy: rốt cuộc cũng lấy cái sự sự vô ngại pháp giới không bỏ một pháp cũng rất thích hợp, há cho rằng: Lý ngộ thì một việc mà tu thì vô cùng. Nói lên pháp môn phương tiện để thích nghi với mọi căn cơ, người ứng dụng tất nhiên phải y cứ theo khuôn phép đó.

Niên hiệu Gia Hòa có người ở Cẩn Thiền đem sách này ra khắc bản lưu hành, muốn giúp cho mọi người do lời nói mà thấy được việc làm; do việc làm mà thấy được chân lý; Từ chân lý mà thấy được tâm mình; do tâm mình mà thấy được bản tánh, để trở lại bản tánh sẵn có tự nhiên của trời phú.

Vả chăng, do ngón tay mà thấy được mặt trăng, cũng do khi đã thấy được mặt trăng thì hãy quên đi ngón tay. Ngón tay và mặt trăng cũng phải quên đi và phải quên luôn cái quên kia nữa. Cùng xuất xứ một chỗ chỉ khác tên gọi mà thôi. Đây chính là lời nói thừa của việc sự lý dung hợp nhau có không dứt đối đãi; Tâm, Phật và chúng sinh ba pháp không khác nhau. Đã được như thế, thì sao còn có lời răn dạy này? Thì sao còn có lời răn dạy này?

Sa-môn Không Cốc hiệu Cảnh Long ở núi Thanh Bình, đất Vũ Lâm soạn lời tựa này vào ngày mồng một tháng ba mùa Xuân năm Canh Dần, nhằm niên hiệu Thành Hóa năm thứ sáu.

SA MÔN THÍCH THÂN THÂN Ở CHÙA BẢO QUANG - NÚI LÃM - KÍNH THUẬT

Sách này gọi là Truy Môn Cảnh Huấn, đây là một tác phẩm do công phu sâu xa nhiều đời của các bậc Cao tăng chân Tổ khác nhau biên soạn. Nội dung toàn sách nói lên sức học sâu rộng. Với lời lẽ ngắn gọn, câu văn giản dị mà nghĩa lý thì cùng khắp, có đủ kiến thức của bậc Đại Chánh nhãn, vì lòng thiết tha ăn dạy chúng, đưa về cội nguồn. Thiền sư Trí Húc nói, bộ sách này đã thất lạc tên người biên tập, chỉ biết vào niên hiệu Gia Hòa có Ngài Cấn Thiền khắc bản lưu hành vào niên hiệu Thành Hóa năm thứ sáu, đời Minh, nhằm tháng ba mùa Xuân năm Canh Dần, Sa-môn Không Cốc hiệu Cảnh Long ở núi Thanh Bình, đất Vũ Lâm soạn lời tựa. Sách Truy Môn Cảnh Huấn này ở nước Việt

ta chưa được truyền bá, có phải các Điều Chương vi tế còn đợi các bậc Thiện tri thức có con mắt nhìn suốt mới dạy bảo được chăng. Nay có ngài Hải Kiên ở xã Tử Dương, huyện Thượng Phúc, phủ Thường Tín, tỉnh Sơn Nam là người đã vâng mệnh vua, ở hầu nơi nội đàn được ban chức Tăng phò; lại là đồng tử xuất gia, về nương với Tuệ Giác Sa-môn Thượng Chánh Tông là Thiền sư Thích Lăng Lăng. Sau khi khai sơn chốn Tổ xong, Ngài liền phó chúc cho đệ tử về trụ trì chùa Linh Sơn Bảo ở phường An Xá, huyện Thọ Xương, phủ Phụng Thiên, Kinh đô, tiếp tục việc tu bổ mở mang và xây thêm nhà Đại am để phụng thờ các Tổ. Đến năm Tân Mão, tôi được bổn sư chỉ dạy, bảo khắc bản bộ Truy Môn Cảnh Huấn này để Pháp bảo lưu thông vô tận, tôi liền vâng mệnh làm việc này. Bởi thế mới gắng công tìm kiếm bản xưa để tiện việc tra cứu. May gặp được bạn hữu ở núi Lãm là người đã lâu tìm chân lý ở chùa Bảo Khánh nên mới được thỉnh vấn ở ngài Thịnh Sư. Được các vị Tôn Đức ở chùa Ba Sao tin khen lòng tốt mà tặng cho tập sách này. Được sách trong tay lòng mừng khôn xiết, xin nguyện dùng tâm vô ngại ra gánh vác việc khắc bản, nhờ thần linh giúp đỡ, lại được kẻ tàng người tục, kẻ quan người dân chung sức làm việc ấn hành Pháp thí lưu thông. Ngõ hầu cho đời sau xem thấu đến trí tuệ lợi sinh và hiểu được tâm tư ẩn chứa của các bậc Cao nhân Thượng sĩ. Các Ngài đã ứng sắc tướng nơi Niết-bàn, hiển Pháp thân luôn thường trụ. Cho dù có các cơ duyên phải đánh hét học trò, cũng đều là muốn mở bày gan ruột của các Ngài buông tay trên dốc thẳm, chỉ Tán thư ở Huyền Nhai, ngộ Huyền cơ nơi Khiết thóc. Gọt mài đào thải sạch hết không còn, để tóm thâu một lý về Thiền tông, rộng độ ngàn loài nơi đàn tín. Vì thế, khi mười quyển biên tập hoàn thành, rất được năm nhà kính trọng.

Và mãi đến nhiều đời về sau, nhờ đây mà con cháu hiểu được tâm lý của bậc Hiền Triết thuở xưa, hầu gánh vác những di văn ẩn chứa, rộng mở các hoài bão, đạt thức ăn bốn lợi, hoàn toàn nhờ vào sách này lưu danh chép rộng. Mong sao cho túc duyên khắp xa để lưu truyền, nhiều kiếp chu toàn nơi Pháp bảo.

Ngày Cốc Vũ, mùa hạ năm Ất Mùi, triều Lê Cảnh Hưng, năm thứ 36.

TRUY MÔN CẢNH HUẤN

QUYỂN 1

THIỀN SƯ QUY SƠN ĐẠI VIÊN RĂN NHẮC

Nghiệp ràng buộc nên thọ thân, chưa khỏi hệ lụy của thân, nhận di thể của cha mẹ, nhờ các duyên mà chung thành, tuy là bốn đại giữ gìn nhau nhưng thường chống trái nhau. Vô thường, già bệnh không hẹn với người, sớm còn tối mất, giây lát đã qua đời khác. Thí như sương xuân mới sớm, chợt có rồi không, cây bờ miệng giếng đâu được lâu dài, miệng niệm mau chóng, trong khoảng sát-na, thở ra không thở vào tức là đời sau, sao lại an nhiên để cho thời gian luống qua. Không dâng thức ngon ngọt cho mẹ cha, vốn chia lìa sáu thân, không thể an nước trị dân, việc nhà xả bỏ không ai kế thừa. Xa lìa hàng xóm, cạo tóc theo thầy, trong siêng công phu khắc niệm, ngoài mở rộng đức không tranh cãi, xa hẳn trần thế, mong ngày ra khỏi.

Vì sao mới vừa thọ giới liền xưng mình là Tỳ-kheo, đàn-việt dâng cúng, ăn dùng của thường trụ, không nghĩ từ đâu đem đến, cho rằng đúng pháp phải như thế. Ăn rồi chụm đầu tán gẫu, chỉ nói chuyện tạp thế gian. Cho nên, một bề chạy theo cái vui, không biết vui là nhân khổ, nhiều kiếp theo trần, không hề tỉnh lại, thời giờ luống qua, năm tháng dần dà, thọ dụng dồi dào, cúng dường nồng hậu, trải qua nhiều năm không nghĩ lìa bỏ, chứa nhóm càng nhiều, giữ gìn thân huyễn. Bậc Đạo sư có dạy, khuyên răn Tỳ-kheo, tiến đạo nghiêm thân, ba thứ thường không đủ, con người thường tham luyến ba thứ này không thôi, ngày qua tháng lại chợt đã bạc đầu. Kẻ hậu học chưa nghe chỉ thú, phải nên thưa hỏi bậc tiên tri, e cho sự nghiệp xuất gia chỉ là cơm áo. Phật trước chế luật là mở sáng cho người, phép tắc oai nghi trong sạch như băng tuyết, chỉ trì tác pháp bó buộc sơ tâm, điều chương nhỏ nhiệm sửa đổi các lỗi lầm. Nơi giảng tỳ-ni chưa từng đến học thì liễu nghĩa thượng thừa làm sao phân biệt? Đáng tiếc một đời trôi qua luống uổng, về sau hối hận không kịp. Giáo lý chưa từng để lòng, đạo huyền không do đâu

khế ngộ. Đến lúc tuổi cao hạ lớn, bụng rỗng tâm cao, không chịu gần gũi bạn lành, chỉ biết cao ngạo, chưa hiểu pháp luật, hoàn toàn không thúc liễm, hoặc lớn tiếng la lối, nói năng vô độ, không kính Thượng Trung Hạ tọa, chẳng khác Bà-la-môn nhóm họp, khua chén bát rổn rảng, ăn xong dậy trước, trái với phép tắc, hoàn toàn không có tăng thể, đi đứng thô tháo làm động tâm niệm người, không còn mảy may phép tắc, chút chút oai nghi, lấy gì chỉ dạy con em, người học sao chẳng biết bắt chước ai. Vừa bị nhắc nhở, liền nói mình là vị tăng ở núi nên chưa nghe lời Phật dạy hành trì, một bề tâm còn thô tháo. Sự thấy biết như thế là do sơ tâm lười biếng, lần lựa qua ngày, mặc tình nhân gian, nên thành quê kệch. Bất giác già nua lụm cụm, gặp việc không giải quyết được, người học sau thưa hỏi chẳng biết lấy gì chỉ dạy, dù có chỉ dạy cũng không hợp với kinh điển, nếu bị coi thường liền trách nhỏ mà vô lễ, tâm tức giận bùng lên, lời nói lấn át người.

Một khi nằm trên giường bệnh, các khổ vây quanh ép ngặt, sớm chiều suy nghĩ, trong tâm bàng hoàng, đường trước mịt mờ, chưa biết về đâu. Bấy giờ mới biết hối lỗi, đến lúc khát mới đào giếng thì đâu kịp, tiếc rằng mình không chuẩn bị tu hành từ trước, tuổi già quá nhiều lầm lỗi, lúc sắp qua đời thì tâm bất loạn, kinh hoàng sợ hãi, lồng mở chim bay, thức tâm theo nghiệp, như người thiếu nợ, chủ nợ nào mạnh thì lôi được. Tơ lòng nhiều mối, chỗ nào nặng thì nghiêng về. Quỷ vô thường giết người, niệm niệm không dừng, mạng sống không thể kéo dài, thời gian không thể chờ đợi được, trời người ba cõi đều chưa thoát khỏi, thọ thân như thế chẳng kể kiếp số. Cảm thương than thở, rất đỗi thương thay, đâu thể im lặng, nên răn nhắc nhau. Chỉ tiếc là cùng sinh vào cuối thời tượng pháp, thời kỳ cách Phật đã xa, Phật pháp hoang sơ, người thường biếng nhác. Lược trình bày chỗ thấy nhỏ hẹp của mình để dắt dẫn kẻ hậu lai, nếu không đáng vất bỏ thì thật khó thay đổi.

Xuất gia là cất bước về phương trời cao vượt, thân tâm khác tục, nối tiếp làm hưng thạnh hạt giống của bậc Thánh, nhiếp phục ma quân, để đáp bốn ân, cứu giúp ba cõi. Nếu không như thế thì chỉ lạm vào hàng ngũ Tăng chúng, lời nói hành vi thô tục, luống dùng của tín thí. Nhiều năm mà việc làm một bước cũng không dời, hoảng hốt một đời, lấy gì nương cậy, huống chi đường đường tăng tướng, dung mạo dễ nhìn, đều do đời trước có gieo trồng gốc lành nên chiêu cảm quả báo tốt đẹp như thế này, sao lại an nhiên khoanh tay, không quý thời giờ, sự nghiệp không siêng năng, công quả không do đâu thành tựu. Há có thể một đời luống qua, sự nghiệp đời tương lai cũng không chỗ nương tựa. Từ giã

cha mẹ quyết chí xuất gia, ý muốn vượt đến phương trời nào kia, sớm tối suy nghĩ, đâu thể kéo dài qua buổi. Tâm mong làm rường cột của Phật pháp, để làm gương soi cho đời sau, thường được như thế còn chưa thể có chút phần tương ưng. Lời nói ra phải hợp với kinh điển, bàn luận phải y cứ vào sách xưa. Hình dung đỉnh đặc, ý khí cao nhàn. Đi xa phải nhờ bạn lành, thường làm trong sạch tai mắt mình. Trong cuộc sống cần phải chọn bạn để thường được nghe những điều chưa nghe, cho nên nói: người sinh ra ta là cha mẹ, còn người thành tựu cho ta là bạn lành. Gần gũi người lành như đi trong sương móc, tuy không ướt áo nhưng dần dần thấm nhuần. Gần gũi người ác làm tăng thêm ác tri kiến, sớm tối làm ác, quả báo ngay trước mắt, về sau đắm chìm. Hễ mất thân người thì muôn kiếp khó được lại, lời nói thật thì khó nghe, há không ghi khắc vào tâm hay sao? Phải rửa tâm gội đức, mai danh ẩn tích, tôi luyện tinh thần, dứt bặt ồn náo.

Nếu muốn tham thiền học đạo, vượt qua cửa phương tiện, tâm khế hợp bến huyền, nghiên cứu căn cơ mầu nhiệm, quyết dọn pháp sâu kín, khơi ngộ nguồn chân, thưa hỏi bậc tiên tri, gần gũi bạn lành. Tông này khó được chỗ nhiệm mầu của nó, phải dè dặt dụng tâm cẩn thận. Khi đã đốn ngộ được chánh nhân thì chính là thềm thang để ra khỏi trần lao. Đó là phá ba cõi, hai mươi lăm hữu, các pháp trong ngoài đều biết không thật. Từ tâm biến khởi đều là giả danh, không cần đem tâm trở về, chỉ cần tình không phụ vật, vật đâu ngại người. Nhậm vận pháp tánh cùng khắp, không dứt không nối. Nghe tiếng thấy sắc là việc bình thường, bên kia bên này ứng dụng không thiếu. Oai nghi như thế thật không uổng mặc pháp phục, cũng là đền đáp bốn ân, cứu giúp ba cõi, đời đời nếu không lui sụt, thềm Phật chắc chắn bước lên, làm người khách qua lại trong ba cõi, sống chết đều làm phép tắc cho người. Cho nên pháp học này là nhiệm mầu nhất, cao siêu nhất, chỉ cần tâm khẳng định, hẳn không lừa dối nhau. Nếu có bậc trung lưu chưa thể đốn siêu thì nên để tâm vào giáo pháp, ôn tầm kinh Phật, nghiên cứu nghĩa lý, truyền bá phô bày, dắt dẫn hậu lai, đền ân đức Phật. Thời gian cũng chẳng luống uổng, cần phải lấy đó mà giữ gìn, trong mọi cử chỉ oai nghi đều là pháp khí trong tăng. Há không thấy dây sắn leo trên cây tùng mà vượt cao ngàn tầm, nương gá vào nhân tốt mới có lợi ích rộng lớn. Tha thiết tu hành trai giới, chớ xem thường mà vượt qua. Đời đời kiếp kiếp nhân quả tốt đẹp. Không thể lơ láo qua ngày, lần lựa qua buổi. Phải tiếc thời giờ, nếu không cầu tiến lên thì luống tiêu của tín thí mười phương. Cũng là cô phụ bốn ân, chứa nhóm càng sâu, tâm trần dễ lấp, gặp việc không

giải quyết được, bị người xem thường. Người xưa nói: Kia đã là trượng phu thì ta đây cũng như vậy, không nên tự xem thường mình mà lui sụt. Nếu không như thế thì xuất gia luống uổng, lơ láo một đời, không được lợi ích gì. Vậy mong khởi chí mạnh mẽ, mở ra hoài bão đặc biệt, trong mọi việc làm đều nhìn các bậc thượng lưu khác, chớ theo những kẻ dung tục tầm thường. Đời nay cần phải quyết định, lo liệu không do người khác, dứt ý quên duyên, không xúc đối với các trần, tâm không cảnh lặng, chỉ vì trệ ngại lâu ngày không thông. Xem kỹ văn này thường răn nhắc. Gượng làm chủ tể, chớ theo nhân tình, nghiệp quả kéo lôi thật khó trốn tránh. Âm thanh hòa khí tiếng thuận, hình thẳng thì bóng ngay, nhân quả rõ ràng, há không lo sợ hay sao? Cho nên kinh nói: Dù trăm ngàn kiếp, nghiệp đã gieo không mất, khi nhân duyên gặp nhau thì phải chịu quả báo. Cho nên biết trong ba cõi hình phạt trói buộc giết người, hãy cố gắng siêng tu, chớ để ngày tháng luống qua. Biết rõ tội lỗi nên mới khuyên nhau hành trì, nguyện trăm kiếp ngàn đời nơi nào cũng đồng là bạn pháp. Bèn làm bài minh rằng:

Thân huyễn nhà mộng, vẫy sắc trong không
Mé trước vô cùng, mé sau đâu biết.
Sống đây chết kia, lên xuống mệt nhọc
Chưa khỏi ba luân, lúc nào thôi dứt
Tham luyến thế gian, ấm duyên thành chất
Từ sinh đến già, chẳng được điều gì
Vô minh căn bản do đây mê hoặc
Nên tiếc thời giờ, sát-na chẳng lường
Đời này qua suông, đời sau bít lấp
Từ mê đến mê, đều do sáu giặc
Sáu đường qua lại, ba cõi xuống lên
Sớm hỏi minh sư, gần gũi cao đức
Quyết chọn thân tâm, loại bỏ gai gốc
Thế gian phù hư, duyên đâu ép ngặt
Nghiên cứu pháp lý, ngộ là phép tắc
Tâm cảnh đều quên, chớ ghi chớ nhớ
Sáu căn an nhiên, đi đứng vắng lặng
Một tâm không sinh, muôn pháp đều dứt.

BÀI VĂN TÔN TĂNG CỦA THIỀN SƯ MINH GIÁO TUNG

Kinh dạy phải tôn trọng Chư Tăng, vì sao? Vì tăng là người lấy Phật làm tánh, lấy Như Lai làm nhà, lấy pháp giới làm thân, lấy trí tuệ

làm mạng sống, lấy thiền duyệt làm thức ăn. Cho nên không cậy vào thế tục, không làm việc thế gian, không trau chuốt hình hài, không ham sống, không sợ chết, không đắm mê năm vị. Chư Tăng ngừa thân có Giới, nhiếp tâm có định, biện minh có Tuệ. Nói về công năng giữ giới của chư Tăng là để sạch trong ba hoặc, suốt đời không ô nhiễm. Nói về định, thì suy nghĩ chân chánh, thần minh suốt ngày không loạn, nói về tuệ là sùng đức, rõ mê lầm, tất nhiên như thế. Dùng (giới) này tu (sửa thân) gọi là nhân; nhờ (đức) này mà thành gọi là quả. Chư Tăng đối với mọi loài thường có tâm từ bi, có đại thệ, đại tuệ. Từ là thường muốn an muôn vật; Bi là muốn cứu vớt các khổ; Thệ là thệ cùng với người trong thiên hạ thấy được lý chân đế; Tuệ là ban rải tình thương đến chúng sinh bằng chánh pháp. Thần mà thông nên trời đất không thể che. Mật mà hạnh nên quỷ thần không thể lường. Chư Tăng giảng nói Phật pháp lời lẽ không đuối lý, chư Tăng hộ trì chánh pháp, hăng hái không đoái nghĩ tới thân mình. Nhẫn được những điều người đời không thể nhẫn, làm được những việc người đời không thể làm. Chư Tăng nuôi mạng chân chánh bằng cách khất thực để sống, nhưng không vì thế mà hổ thẹn. Chư Tăng không tranh đua với đời, vì thế người đời nên nhẫn nhục mà không nên khinh khi. Chư Tăng không biết oán thù vì thế người đời nên hòa đồng, mà không nên tổn hại. Chư Tăng dùng thật tướng mà đối đãi với muôn loài, cho đến dùng hạnh để tu thân. Cho nên, (chư Tăng) đối với (người) trong thiên hạ luôn hòa thuận và được khắp thiên hạ cung kính. Lời nói của chư Tăng không gian dối nên rất có uy tín. Chư Tăng tu pháp vô ngã nên được mọi người kính nhường một cách thành thật. Có uy đáng răn bảo cho người, có Nghi đáng làm phép tắc cho người, được người trời ngưỡng vọng vẻ trang nghiêm đáng sợ, năng ban phúc lành cho người đời, năng dắt dìu người thế tục. Chư Tăng quên hình hài đem thân thí cho cầm thú mà không hối tiếc. Chư Tăng đọc tụng (kinh điển), dấn mình xông lướt nắng mưa mà chẳng bỏ mất thời khóa, theo Phật pháp thực hành, đi khắp nhân gian xóm làng, xem công danh như tiếng vang trong hang trống, nhìn lợi lộc như hạt bụi bay, coi vật sắc như tia nắng mùa xuân, săn sóc người bệnh tật nghèo khổ, cùng đi chung với kẻ ô hợp trên xe kiệu mà chẳng bị thấp hèn. Dùng đạo lý mà cư xử dù là ở chốn núi sâu hang cùng. Lấy cỏ cây làm áo (mặc), dùng rau trái (để) nuôi thân mà vẫn an nhiên tự đắc. Không thể dùng danh lợi khuyến dụ, không thể dùng quyền thế khuất phục, không làm dân của vua chúa, chư hầu mà chẳng phải là cao. Chư Tăng sống đời sống độc lập, dùng đạo pháp làm sẽ sống cao cả của mình. Tuy chỉ có

hình và bóng đối nhau mà chẳng thấy cô đơn. Chư Tăng ở chung với đại chúng đông vầy, lấy Phật pháp làm quyến thuộc, họp người trong bốn biển lại sống chung mà vẫn không bị lộn xộn. Chư Tăng là bậc tham học chân chánh, dù là ba tạng mười hai bộ hay các sách vở của trăm nhà dị đạo, chẳng môn nào không hiểu biết. Ngôn ngữ dù khác phương, phong tục dù khác lạ, nhưng chẳng điều gì không thông suốt. Nói theo phương pháp của người trước thì có văn có chương, hành theo Trung đạo thì chẳng chấp có chấp không. Chỗ tuyệt học của Chư Tăng là lìa niệm thanh tịnh, thuần chân nhất như, không còn có chỗ phân biệt. Chư Tăng là người rất cao quý, có tâm hồn rộng lớn, đức hạnh đầy đủ, đạo học cao vời, chư Tăng là bậc Hiền, nhưng chẳng phải là bậc Hiền của người đời thường gọi. Chư Tăng là bậc Thánh nhưng chẳng phải là bậc Thánh của người đời thường xưng. Chư Tăng chính là Thánh hiền của đạo xuất thế sao siêu, chư Tăng là như thế, chẳng đáng tôn trọng sao!

PHÁP SƯ CÔ SƠN TRÍ VIÊN DẠY HỌC TRÒ

Than ôi! Đại pháp suy tàn, cách Phật càng xa. Kẻ mặc áo pháp tuy đông, nhưng người nghĩ đến đạo thì rất ít, cứ mãi tranh đua theo thanh danh, thế lợi, tự cho là giỏi. Nhìn sự lưu thông của Phật pháp là trò đùa, làm cho pháp môn bị chìm mất. Lưới giáo pháp sắp rách, thật chỉ biết trông chờ vào hậu côn có khả năng gánh vác đạo pháp mà thôi!

Các trò phải phát tâm rộng lớn như hư không mà thỉnh pháp, giữ thân trong sạch như băng tuyết mà nương thầy, gần thì hy vọng ở việc lập thân dương danh, xa thì ước mong bỏ phàm thành Thánh. Phát huy trở lại đời Tượng pháp, nếu không phải các trò thì là ai? Cho nên các trò phải tu sửa thân tâm và làm theo lời nói, thận trọng lúc cuối cùng như lúc đầu. Các trò phải siêng năng học tập, phải cẩn thận khi hành tàng. Tránh bạn ác như tránh cọp sói, gần bạn lành như gần cha mẹ, thờ thầy quên mình, hết lễ vì pháp. Có điều tốt đừng tự khoe, lỡ phạm lỗi mau sửa đổi, giữ điều nhân nghĩa, vững bền không lay chuyển, ở cảnh nghèo khó mà vẫn an vui vô tư. Tự nhiên lần xa các họa, càng gần các phúc. Đâu nên gà vào hình tướng mà hỏi mạng, nịnh nọt mong tìm phát đại vinh hoa, cũng không chọn lựa ngày giờ, cầu qua khỏi thời vận xấu khó. Đây là kiến thức sâu xa của thầy Sa-môn, cũng thật là vọng tình của kẻ tục tử. Cho nên thấy người hiền mà làm sao cho bằng họ làm điều nhân chẳng phải nhường thầy, mến hạnh cầu pháp của Tuyết Sơn, học theo chí cả của đồng tử Thiên Tài tìm thầy. Danh lợi không đủ sức chuyển lay hoài bão, sinh tử cũng không đáng để nghĩ lo. Ví như được

công thành danh toại, (sự toại), thì chắc chắn phải từ gần đến xa. Không khoe danh mà danh tự hiển bày. Chẳng vời chúng mà chúng tự tìm đến. Trí tuệ đầy đủ để soi sáng mê lầm, từ biết rộng sâu để nhiếp thâu quần chúng? Gặp lúc cùng thì riêng tu cho chính mình, gặp lúc đạt thì dùng nhiều lành giáo hóa thiên hạ. Khiến cho chân phong sắp dứt được chấn hưng trở lại, đuốc tuệ đã tắt lại được thắp sáng, như thế mới đáng gọi là bậc Đại trượng phu, mới đáng gọi là sứ giả Như Lai. Đâu nên thân ở trong trường giảng, mà vết lẫn chỗ hèn, ở chốn nhơ xấu thì không có cách ngăn, đối với hạnh giải thì không thấy đáng sợ, cho đến chứa lâu thành tánh, tự diệt thân mình, mới tu thì bảo là mến bậc Hiền này, tu lâu rồi thì thấy bị chìm trong hạng xấu, những kẻ như thế thật đáng thương thay! Kinh Thi chép: "Nếu chẳng có trước, thì ít được có sau". Là nói ý trên đây. Người căn khí bậc trung trở lên thì chẳng răn dè ư?

Hay lại bày đặt giới tuệ chia tông, đại tiểu khác học, tất cả đều từ trong tâm Phật tuôn ra, ý muốn giữ pháp giới để cùng về. Bởi người sau chưa hiểu mối to, nhân đó mà chấp theo chỗ y cứ. Người học kinh luận thì cho người học giới là vật bỏ, người ở Luật tông thì cho kinh luận là luống nương. Người học pháp Đại thừa thì chê bỏ Tiểu thừa, kẻ nghe pháp Tiểu thừa thì khinh chê Đại pháp, chỉ thấy theo một phía của thầy mình khen riêng, liền chấp vào đó mà công kích phải quấy lẫn nhau. Đâu biết ý Phật thường dung thông các pháp. Nếu người đạt ngộ mà chưa thấu suốt kia đây, thì lẽ ra phải giúp đỡ lẫn nhau, cùng thuần thục cơ duyên. Giống như muôn dòng về nguồn, đều chảy ra biển, trăm quan coi việc đều nói hết lòng với vua, chưa thấy ai giữ một nhánh mà toan lấp các dòng, coi việc tư mà muốn phế việc công. Đấng Pháp vương dũ lòng từ giáo hóa, gồm nhiếp hết chúng sinh mỗi pháp đều có người coi giữ. Người theo Tiểu luật như chức quan Thượng thư (coi việc Lễ hình). Người theo Đại thừa như quan Tể tướng, người làm phước như chức quan Công bộ (kinh tế), người trước tác (soạn bài Châm, bài Quy) như chức quan Ngự sử. Ở quốc gia thì có hàng trăm quan, đều lo làm việc, giống như trong Phật giáo của chúng ta có nhiều tông phái cũng cùng nhau giảng thuyết. Ai hiểu rõ ý chỉ này thì đâu chấp là dị đoan. Nên phải lượng tài năng của mình mà rộng truyền phu diễn. Người bản tánh thông minh thì học rộng là tốt, người kiến thức cạn cợt thì chuyên môn là được. Nếu được như vậy tuy mỗi người truyền bá tông phong riêng mà đều chung thạnh. Từ bi cứu giúp cùng khắp, đồng về biển cả hòa hợp.

Như thế thật là kim chỉ nam cho đường tối, là cái mõ của giáo

môn. Ở địa vị thật tưởng không thẹn đức thì thẳng lên quả Phật chắc chắn chẳng nghi. Các trò không nên khoe khoang tri kiến hẹp hòi, gầy dựng tâm cống cao ngã mạn, xem thường các bậc Tiên giác, lừa dối kẻ hậu sinh. Cho dù nói là có nghe giáo tìm thầy đi nữa, cũng chưa thể bù đắp được tội lỗi đâu!

Lời nói của tôi có đúng hay chăng, thì các trò hãy suy nghĩ đi.

KHUYẾN HỌC BÀI THƯỢNG (VÀ LỜI TỰA)

Người căn tánh bực trung biết chuyên tâm vào việc học, lại có người lười biếng việc học, nên tôi (Trung Dung Tử) mới làm bài khuyến học này.

Ôi! Học không thể có phút giây nào được lười biếng. Đạo không thể có phút giây nào xa lìa được. Vì đạo học mà hiểu rõ thì học có thể lười biếng được sao, lãnh vực của Thành Hiền cũng từ Đạo mà có thì Đạo có thể xa lìa được chăng? Cho nên cái học của người thường nếu không lười biếng thì sẽ đến được bậc Hiền, cái học của người Hiền mà không lười biếng thì sẽ đến được bậc Thánh. Như sức học của thầy Nhiễm Cầu có thể bằng thầy Nhan Uyên mà không theo bằng thầy Nhan là vì nửa chừng sinh tâm lười biếng. Cho nên Nhiễm Cầu thưa với Đức Khổng tử rằng: “Chẳng phải con chẳng ham thích đạo của thầy, chỉ vì còn chẳng dư sức theo đuổi”. Khổng Tử bảo rằng: “Kẻ chẳng đủ sức, đi giữa đường rồi bỏ, còn trò bây giờ lại tự mình giới hạn lấy mình, chẳng chịu tiến tới chứ đâu phải chẳng đủ sức” (Thiên Ung dã, bài thứ 10).

Sức học của thầy Nhan Uyên có thể bằng Đức Khổng Tử mà không bằng bậc Thánh sư, là vì thầy ấy đoán mạng chết non. Nếu ông không chết non thì biết đâu thầy lại bằng Đức Trọng Ni. Vì thầy không lười biếng đối với việc học, cho nên nói: Có thầy họ Nhan hiếu học nhưng chẳng may mạng ngắn chết non. Bây giờ thì không còn ai nữa!

- Có người hỏi: Bậc Thánh mà còn học sao?

- Trung Dung nói: Sao người lại nói như thế? Phàm dân với người Hiền còn biết học thì bậc Thánh há lười biếng đối với việc học ư! Kìa, tánh cương của Trời vẫn còn học tánh nhu của đất, cho nên trời không xâm phạm bốn mùa. Tánh nhu của đất vẫn học tánh cương của trời. Cho nên Đất sinh ra vàng đá. Tính phát sinh của khí dương mà cũng phải học cái đức tính túc sát của khí âm, nên không làm cỏ cây bị chết. Tánh túc sát của khí âm vẫn phải học tánh phát sinh ở khí dương, cho nên rau má, lúa tẻ mới sống được. Nói về trời, đất, khí âm, khí dương mà còn phải

học giao tiếp lẫn nhau không lười biếng. Cho nên, mới tạo thành muôn vật được. Trời không học tánh nhu thì không lấy gì để che. Đất không học tánh cương thì không do đâu để chở. Khí dương không học khí âm thì chẳng lấy gì để mở, khí âm không học khí dương thì không do đâu để đóng. Sự học của bậc Thánh không khác, nên bắt chước trời đất, âm dương mà thực hành. Bốn cái học này không lười biếng thì bậc Thánh đâu có lười biếng. Nghe đến đây thì người hỏi liền đứng dậy chắp tay thưa rằng: Tôi là người ngu hèn may gặp được thầy giúp trị thấy được chỗ ngu tối của mình, vậy xin thầy từ bi nói cho tôi nghe về cái học của bậc Thánh.

Trung Dung Tử nói: Ngươi hãy ngồi xuống đây, ta sẽ nói cho người nghe. Trong kinh há chẳng chép: “Kẻ cuồng nếu nghĩ thì sẽ nên bậc Thánh, bậc Thánh nếu không nghĩ thì sẽ thành kẻ cuồng. Vì thế, bậc Thánh vội vàng gấp rút chẳng hề không nghĩ đến chánh đạo để học, vậy Phu Tử là bậc Thánh tài năng vượt chúng, trí tuệ hơn người, từ khi có loài người đến nay chưa từng có ai bằng được Phu Tử, thế mà khi Khổng Tử vào nhà Thái miếu thấy mỗi việc mỗi hỏi, đó là Ngài học với người ở nhà Thái miếu. Khổng Tử nói trong ba người cùng đi với mình, thì trong đó hẳn có người làm thầy mình, nên chọn điều hay của người đó mà theo, đó là Ngài học với người cùng đi đường. Khổng Tử đến đất Châu thì đến hỏi lễ với Lão Tử, đó là Ngài học với quan Trụ sử. Như thế há nói là Thánh Trọng Ni không bằng người ở nhà Thái miếu, người cùng đi dường và quan Trụ sử hay sao? Vì bậc Thánh sợ người đời chẳng chịu nghĩ đến chánh đạo nên Ngài học đó, thì như kẻ cuồng ngôn cũng biết được thế nào rồi. Cho nên nói rằng: “Hẳn có người trung tín như Khổng Khâu, nhưng không có người hiếu học như Khổng Khâu.

- Người học lại nói: Bậc Thánh là người khi sinh ra đã biết rồi thì cần gì phải học nữa?

- Trung Dung Tử đáp: Biết mà vẫn học là bậc Thánh, còn phải do học mới biết là người thường, chẳng có người nào không từ học mà biết. Khổng Tử nói: “Người Quân Tử chẳng thể không học”. Thầy Tử Lộ nói: núi Nam có loại trúc chẳng cần uốn mà tự nó vẫn thẳng, nếu chặt nó dùng để làm tên thì bắn thủng được da con tê. Lấy đây mà suy ra thì có trường hợp không cần phải học. Khổng Tử nói: Vót cây quát để làm mũi tên, nhọn mà vẫn cứ mài, thì khi bắn nó vào đích, sẽ cắm sâu hơn, Thầy Tử Lộ lại vái Đức Khổng tử mà thưa rằng: Con xin kính nhận lời thầy dạy.

Ôi! Cái học của bậc Thánh đâu không vót mũi tên cho thêm nhọn,

sắc mà lại mài để khiến cho đi sâu vào đạo, há người sinh ra đã biết thản nhiên mà không học ư!

KHUYẾN HỌC BÀI HẠ

Nói về Thánh hiền còn phải chuyên chú vào việc học, nên từ (địa vị) Thánh hiền trở xuống đâu ai không học mà thành người được?

Học cũng như việc cơm ăn, áo mặc vậy. Loài người có chia ra bậc Thánh, bậc Hiền và kẻ thứ dân. Tuy ba bậc có khác nhưng lúc đói đòi ăn, lúc khát đòi uống, khi lạnh đòi mặc cũng chẳng khác nhau thì việc học đâu có khác nhau. Chỉ có cầm thú, đất đai, cây cỏ thì không phải học thôi. Ôi! Kẻ ngu ham thích ăn uống không nhàm chán, dấn thân tìm kiếm tài lợi không biết nghỉ, đến khi học tập thì có người sớm học tối lười, có người mùa xuân học, mùa đông lười. Nếu chỉ ham thích uống ăn, đam mê tài lợi không biết mệt mỏi, thì sao chẳng lo làm nên bậc học rộng, không nghĩ trở nên trang Quân tử ư?

Hỏi rằng: Trên đời có những kẻ quá ngu, đến nỗi không phân biệt được sự khác nhau giữa đậu và lúa mì, không hiểu được hơi lạnh và hơi nóng thay đổi ra sao, những người như thế mà bảo là học được ư? Há có thể dạy được ư?

Thưa rằng: Những kẻ quá ngu đó là do không dạy bảo, không học tập mà ra. Nếu có thầy tận tâm dạy dỗ không biết mỏi, kẻ ngu (đó) có lòng chăm học không lười biếng thì lãnh vực của Thánh hiền họ cũng sẽ bước lên được, lo gì việc không phân biệt giữa đậu với lúa mì? Vả lại kẻ ngu khi khát vẫn biết uống, lúc đói vẫn biết ăn, trời lạnh vẫn biết mặc, họ biết được ba việc này thì đã khác với cỏ cây rồi, sao bảo rằng họ không học được, không dạy được. Những kẻ quá ngu trong một ngày há lại không thể nhớ nổi một lời nói sao? Nếu cứ chứa góp từ một ngày đến một tháng thì sẽ nhớ được ba mươi lời rồi, và chứa góp từ một tháng đến một năm thì sẽ ghi nhớ được ba trăm sáu mươi lời? Mà chứa góp nhiều năm nối nhau không lười biếng thì cũng sẽ trở thành người học rộng. Lại nữa, sau mỗi ngày lấy một điều tốt nhỏ mà học làm theo, chứa góp từ một ngày đến một tháng thì mình đã làm được ba mươi điều tốt rồi, chứa góp từ một tháng đến một năm thì mình làm được ba trăm sáu mươi điều tốt rồi, mà chứa góp nhiều năm nối nhau không lười biếng, thì chẳng tới bực Quân tử hay sao? Vì ngu là tiểu nhân, mà không thay đổi, là do họ không học.

Trung Dung Tử bùi ngùi than rằng: Ta thường thấy có người hổ thẹn vì trí không bằng người, tài mình không thông minh bằng người mà

bỏ học tập, chứ chưa thấy có ai hổ thẹn vì ăn uống chẳng nhiều bằng người mà bỏ việc ăn uống bao giờ. Bỏ ăn uống thì hại mạng sống của mình, sao lại hổ thẹn ở việc ăn uống không nhiều ư! Bỏ việc học tập thì đồng với cầm thú, đất đai, cây cỏ thì sao phải hổ thẹn vì tài trí chẳng bằng người ư! Nếu hổ thẹn vì tài trí không bằng người mà không học thì cũng không nên hổ thẹn vì ăn uống không bằng người mà bỏ ăn uống. Lấy đây mà xét thì đâu chẳng lầm to vậy.

Trung Dung Tử nói: Ta cũng là người rất ngu dốt; thường so sánh tài trí của mình thì thấy không theo kịp người khác rất xa. Nhưng vì hiểu rằng việc ăn uống đối với ta không thể bỏ được, nên đối với việc học tập không bao giờ dám bỏ dở. Năm ta bốn mươi bốn tuổi tuy gặp lúc thân thể bị bệnh tật hoành hành rất nguy hiểm, nhưng tay cũng không hề dám rời sách vở, vì bị đồng hóa với đất cây cầm thú. Ta không dám mong cầu đạt tới lãnh vực của bậc Thánh, cũng chẳng dám cầu tới bậc Văn đạt. Dù có lúc cũng dạo quanh trong sân nhà hay rong chơi ngoài đồng cỏ để dưỡng tinh thần, mắt nhìn lòng nghĩ nhưng cũng không hề dám bỏ việc học tập.

Bởi lên núi thì nghĩ học vấn cao như núi, đến gần nước thì nghĩ học vấn trong như nước, ngồi trên đá thì nghĩ học vấn chắc như đá, nhìn cây thông thì nghĩ học vấn xanh tươi như cây thông, ngắm trăng thì nghĩ học vấn sáng suốt như vầng trăng, muôn cảnh bao la trước mắt đều có cái sở trường của nó, cho nên ta đều có thầy để học. Đối với muôn cánh không biết nói năng mà ta còn học được thì huống chi là người biết nói năng, cho dù muôn lời ác đi nữa cũng phải có một lời (lành), ta trông theo điều lành đó để học tập thì ai dám nói là không đúng ư!

Trung Dung Tử nói: Đời có những việc tìm cầu mà không đạt được, lại có những việc tìm cầu mà đạt được. Tìm cầu mà không đạt được là lợi lộc, còn tìm cầu mà được là đạo đức. Kẻ tiểu nhân đối với lợi lộc, tuy muôn việc tìm cầu mà muôn việc không được thì họ càng tìm cầu dữ dội hơn. Người quân tử đối với Đạo tìm cầu chắc chắn được, mà trông lên đường đi thì có tâm run sợ, tự nghĩ sợ sức mình không đủ. Đây là tội của kẻ tiểu nhân cầu lợi.

Đức Khổng Ni nói: Điều nhân cao xa, nếu ta muốn điều nhân, điều nhân đó sẽ đến, câu nói này có nghĩa là hễ quyết chí tìm cầu thì sẽ đạt được.

VÂN PHÁP SƯ CHÙA CẢNH ĐỨC Ở CÔ TÔ KHUYÊN HỌC MƯỜI MÔN VÀ LỜI TỰA

Ngọc không giũa không thành đồ tốt, người không học không biết đạo lý. Vân tôi năm mươi lăm tuổi thì dốc chí vào việc học, dần dà qua tuổi, phút chốc đã già, năm tháng chất chồng mới biết sơ chỉ thú. Lại than thuở trước, sao để mất y chỉ này, giờ đây tuổi tác như mặt trời đã xế qua cành dâu, sợ học không kịp nữa. Do đó mà kể ra mười môn để giúp đỡ kẻ hậu côn, nên phải chuyên chú học tập thì mới thành công và giúp việc hoằng giáo lại được hiển bày.

I- KHÔNG TU HỌC, KHÔNG THỂ THÀNH

Kinh Niết-bàn chép: Hễ người có tâm đều sẽ thành Phật. Vì sao! Vì tất cả chúng sinh đều có tâm Phật. tánh này rỗng suốt linh minh, vắng lặng thường hằng, nếu bảo có thì nó vốn không hình không tên nên chẳng thấy được, còn nếu bảo là không thì sao Thánh hiền đều nhờ đây mà linh giác? Do chúng sinh từ đời vô thỉ vì một niệm bất giác tự mê lầm, nên bị phiền não ngăn che, bỏ mất bản thể sáng suốt này, làm sinh ra các duyên ràng buộc, luống phải rơi vào sáu đường. Bởi thế bậc Đại giác Thế Tôn vì lòng từ bi xót thương chúng sinh bị mê mờ nên mới lập ra ba pháp học vô lậu là Giới, Định, Tuệ. Đạo lý này rộng lớn, chỉ rõ cho chúng sinh thấy rằng: vốn từ bản thể chân như thanh tịnh, nhưng vì một niệm bất giác mà khởi lên vọng tưởng nên có luân hồi sinh tử. Vì thế, Đức Như Lai lập ra nhiều pháp môn làm khuôn mẫu cho chúng sinh tu tập, là để giúp dứt vọng về chân. Nếu tin nhận lời Phật, thuận theo thầy học thì đó chính là nương thuyền từ mau vượt qua bể khổ, là thềm thang để bước lên chánh đạo, ai ra khỏi ba cõi mà không từ cửa ngõ, nào chẳng do đạo này?

II- KHÔNG BẺ GÃY, THÌ KHÔNG THỂ HỌC

Thuyết văn chép: Ta thí xả thân ta. Kinh Hoa Nghiêm chép: Kẻ phàm phu không có trí tuệ thường chấp đắm vào thân. Kinh Pháp Hoa cũng chép: Ngã mạn tự khoe cao, tâm dua nịnh không thật chúng sinh do kiến chấp của bản ngã, sinh tâm kiêu mạn cống cao, chẳng biết hổ thẹn mình không có trí tuệ, càn quấy cho mình là cao quý, thấy điều lành không thuận theo, không nhận sự dạy bảo của sư trưởng, với người hiền không gần gũi nên cách đạo rất xa. Cho nên, người muốn cầu pháp, phải bẻ gãy tâm ngã mạn, trắng trong lặng lẽ để suy nghĩ đạo lý, cúi mình thấp lễ, kính thờ bậc trưởng thượng, tôn sư trọng đạo, người

hiền đức thì nghĩ sao cho bằng họ. Như Ngài Cưu-ma-la-thập khi mới xuất gia theo học pháp Tiểu thừa, đến đảnh lễ Tôn giả Bàn-Đầu-Đạt-Đa mà cầu pháp, đó là người bậc dưới kính người bậc trên, hành động này gọi là kính trọng bậc tôn túc. Sau này, Tôn giả Bàn-đầu-đạt-đa theo học pháp Đại thừa, đảnh lễ trở lại Ngài Cưu-ma-la-thập để cầu học, đây là người bậc trên kính người bậc dưới, hành động này gọi là tôn kính người Hiền. Cho nên sách Chu Dịch chép: Khiêm Cung là gốc của đạo đức. Kinh Thư chép: Người chẳng khoe mình nên thiên hạ chẳng tranh công với người. Thầy Yến Tử nói đến người chức tước càng cao thì ý phải càng hạ thấp, quan vị càng lớn thì tâm phải càng nhỏ lại, bổng lộc càng hậu thì hạnh thí xả càng phải rộng. Thầy Tử Hã nói: Kính mà không mất, cung mà có lễ, trong bốn biển đều là anh em.

III- KHÔNG CHỌN THẦY, THÌ KHÔNG ĐƯỢC PHÁP.

Loài chim khi sắp đậu sẽ chọn chốn rừng xanh, con người khi cầu học, phải lựa bậc Minh sư. Vì bậc Minh sư chính là người làm khuôn phép cho đời. Khuôn không thành khuôn, phép không ra phép, từ xưa đến nay có rất nhiều.

Người đáng làm khuôn phép, ở đời chỉ có hai hạng người:

1- Người có trí tuệ rộng lớn thấu suốt hạnh nghiệp bền vững, cũng như đèn sáng trong phòng kín mà ánh sáng vẫn thấu qua kẽ hở.

2- Người tuy hiểu biết rỗng thấu suốt, nhưng việc làm còn dấu vết, cũng như người phạm tội cầm đèn sáng soi đường tối cho người khác. Hai bậc cao tọa này đều có đủ phép tắc, đáng làm khuôn phép cho người đời. Còn kẻ đức hạnh bị kém thiếu hay chạy theo thời thế danh vọng thấp hèn, cúi luồn nương dựa, trọn đời cứ chạy theo cảnh trần.

Đời Đông Tân có An Pháp sư, xuất gia năm mười hai tuổi, hình dáng An đen đúa xấu xí nên bị thầy xem thường, và giao cho An công việc ngoài đồng áng. An phải làm lụng vất vả suốt ba năm mới cầu được thầy chỉ dạy. Khi được thầy trao đổi ý kinh, An phải mang kinh ra đồng nhân lúc nghỉ mới xem được. Đến chiều về chùa thì phải trả lại cho thầy, thế mà ý kinh an đã ngầm làu. Bấy giờ, vị thầy kinh ngạc, liền cho An cạo tóc cho thọ giới cụ túc, và cho đi du học. An liền đến đạo tràng của Tôn giả Phật-đồ-trừng xin tham học. Phật-đồ-trừng vừa nhìn thấy liền lấy làm lạ khen rằng: Lạ thay cậu bé này, đúng thật là con ngựa giỏi. Nếu không gặp được bậc Thanh Nhãn thì khốn, phải bị đóng vào xe thồ rồi, trừ Bá Nhạc ra thì đâu thể thấy được cái đẹp của con tuấn mã đi ngàn dặm này. Cho nên người xuất gia phải cẩn thận chọn

lựa kỹ càng. Nếu xét thấy vị thầy có khả năng giúp mình trưởng thành thì mới sữa đủ lễ tư bẩm làm đệ tử mà theo học.

Vì thế, Tổ Nam Sơn có nói: người chân thật xuất gia vì sợ bốn oán nhiều khổ, vì chán ba cõi là vô thường, nên giã từ sáu thân thương mến, bỏ đi năm dục đắm sâu, như thế mới thật gọi là xuất gia chân thật và mới có thể tiếp nối bậc tiên giác làm hưng thịnh ngôi Tam bảo, độ thoát bốn loài, lợi ích sâu rộng, công đức chẳng thể lường được.

Thời gian gần đây, chân giáo bị lún kém, gió tuệ đã ngừng thổi. Ngoài thế tục thì có tâm khinh mạn, trong nhà đạo thì phi pháp. Do thầy không có tâm răn bảo, trò thì thiếu chí vâng làm, cả hai rời bỏ nhau, vọng chạy theo cảnh quấy. Suy tàn như thế mà muốn cho đạo pháp được sáng rực thì đâu có thể được vậy.

IV- KHÔNG TỤNG TẬP, THÌ KHÔNG THỂ NHỚ

Ghi chép những lời hay để trì tụng, Tôn giả Ca-diếp và A-nan giữ gìn đầy đủ được tám muôn bốn ngàn pháp tạng, cho nên các bậc cao Đức ở Tây Vực cũng như Đông Hạ khi độ người xuất gia tuổi nhỏ học tập, đều dạy việc trì tụng làm trước, như ngài Phật-đồ-trừng trong một ngày tụng được mấy trăm muôn lời kinh Phật. Ngài Phật-đà-bạt-đà, Hán dịch là Giác Hiền cùng vài người bạn đồng học lấy sự trì tụng làm chính nghiệp. Công phu trì tụng của người khác phải đến một tháng mới xong, thì Giác Hiền chỉ cần một ngày là nhớ được, nên thầy Ngài khen rằng: "Sức học của Giác Hiền chỉ trong một ngày (thôi) mà có thể bằng được ba mươi người". Còn những kẻ ngu tối há trong một ngày lại không nhớ được một lời hay sao? Nếu cứ lấy tháng này nối tháng (lấy tháng) nối năm, chứa góp công phu thì (tất nhiên) sẽ rộng lớn, chồng chất thời khóa hẳn cũng sâu xa, Đạo pháp từ chỗ ít nhỏ mà sinh thì lo gì không có chỗ lập thân.

V- KHÔNG HỌC VIẾT, KHÔNG NHỜ ĐÂU ĐỂ TRUYỀN BÁ.

Viết là như, nghĩa là kể lại việc đúng như ý người. Giữ những chuyện hiện đời không cho quên mất, nên phải viết chép để lưu truyền đến đời sau, nên viết thành sách, có như thế mới giúp cho giáo phong không bị diệt mất, đạo pháp mãi mãi bay thơm. Cho nên kinh luật của họ Thích khi kết tập được viết trên lá bối. Thi thư của Khổng Tử lúc san định được viết vào thẻ trúc. Nếu ta không học viết thì việc học sẽ khó thành. Nghĩ lại tài hùng biện vô ngại của Đại Sư Trí Giả, thì chỉ có ích cho căn cơ đương thời mà thôi, nếu việc mở mang truyền bá mà không

có sức cầm bút của Ngài Chương An, thì làm sao ngày nay còn lưu lại được.

Cho nên, có bậc cao đức ở nước Kế-tân là Tôn giả Bàn-đầu-đạt-đa, từ sáng đến trưa tay viết bài kệ, từ trưa tới chiều miệng đọc ngàn câu kinh, xong y theo Thánh ý, viết sao cho danh tự ngay thẳng mới thôi, chứ đừng bắt chước theo thế gian mà khổ công luyện tập, nét thảo nát lệ tinh xảo.

VI- KHÔNG HỌC THƠ, THÌ KHÔNG CÓ LỜI.

Nói ra lời lành, thì ngoài ngàn dặm cũng ứng theo. Thi, là lời văn tỏ ý khen chê, ngữ thanh đúng với niềm luật, như thi Quốc Phong thì đơn hậu, thi Nhã Tụng thì ôn nhu, văn tài hoa mỹ, ngữ khí thanh các, lời lẽ dồi dào, ý tứ tươi đẹp. Tập lâu thì bàn nói sẽ hay, vừa đọc thì luôn ra lời đẹp, kia xưng Tứ Hải Tập Tạc Xỉ, đây đối lại di thiên Thích Đạo An. Thời ấy có ông Nguyễn Chiêm người đất Trần Lưu cười nhạo rằng: Triều đại Tấn đang lúc hưng thịnh khắp thiên hạ ai ai cũng hưởng giàu sang sao các ông sa môn không để râu tóc, bỏ ca sa, cởi áo đạo mà mặc lụa, gấm cho sướng thân?

Ngài Hiếu Long nghe được việc ấy liền trả lời rằng: chúng tôi, những người phát nguyện hiến mình vì đạo, giữ lấy một pháp là để thần khí được tiêu dao, chỉ có đạo vắng lặng mới là chí thành tuyệt đối. Những việc cạo râu tóc, hủy dung mạo, đổi y phục biến hình hài, tuy người đời cho đó là nhục, nhưng chúng tôi vất bỏ vinh hoa vì không để tâm trong cảnh giàu sang nên càng được giàu sang, không để tâm ở việc cầu đủ mà vẫn được đầy đủ.

Ôi! Các bậc tôn đức này trong khí phách có chứa hương vị chi lan nên lời nói mới thoáng ra phong thái cao đẹp như thế. Tuy không gần với kẻ dung tục mà vẫn tiếp xúc được với bậc thanh tài. Phật pháp đã trông cậy vào các bậc vua quan, nên sự mở mang đạo pháp phải tập thêm thi phú (văn chương). Ngài Chi Tuần đem thơ dâng lên cửa khuyết, ngài Đạo Lâm ẩn dật chốn Đông Sơn. Nếu các Ngài chẳng phải là bậc tài cao đức trọng thì đâu cảm được (bậc) Thân vương kính phục thế kia. Phải bỏ đi những lời cuồng giản, vì đó chỉ là những lời hư dối mà thôi.

VII- KHÔNG XEM RỘNG, THÌ KHÔNG CHỖ Y CỨ

Cao Tăng Truyện chép: Nếu không học rộng thì lời nói sẽ không có chỗ y cứ. Nên biết những việc luống dối xưa nay phải hiểu danh

nghĩa của tiếng Hoa, tiếng Phạm. Dạo khắp biển giáo ba tạng, chơi trong rừng lời sáu kinh. Có như thế thì lời mới không vọng bàn, nói mới có điển cứ. Cho nên Tập Tạc Xỉ khen ngợi Pháp sư Đạo An rằng: Sư Đạo An là người trong lòng thì thành thật, bên ngoài thì nhiều chỗ rộng bước. Sách vở trong đạo ngoài đời đều đã xem qua, toán số âm dương thảy đều thông hiểu, nghĩa mầu kinh Phật là chỗ làu thông thường dạo chơi. Thời Hoàng Đế Chân Tông cho vời quan Thị Độc họ Lý đến uống rượu. Lúc ấy, Trọng Xung liền đứng lên cố từ chối rằng: Thưa Quan Gia suốt thần khí. Lúc đó, Hoàng Thượng bèn hỏi: Vì sao khanh gọi Trẫm là Quan Gia.

Trọng Dung thưa rằng: Tâu Hoàng Thượng! Thần có nhớ trong luận Tưởng Tế Vạn Cơ có chép: Tam Hoàng là Quan của Thiên hạ, Ngũ Đế là Gia của Thiên hạ. Bệ hạ gồm cả đạo đức của Tam Hoàng và Ngũ Đế nên thần gọi là Quan Gia. Vua nghe xong vui mừng nói: Thật đúng với câu vua tôi ngàn năm một thuở gặp nhau. Lời nói lưu loát của Trọng Dung là do học vấn chất chứa trong mình và nhớ nhiều lời của người trước nên không bị vướng lụy vào thân.

VIII- KHÔNG TRẢI VIỆC, THÌ KHÔNG THỂ BIẾT

Khổng Tử nói: Ta không phải là bậc Thánh, chẳng qua vì ta có nhiều kinh nghiệm trong việc làm đó thôi. Khi Khổng Tử đi qua nhà Thái Miếu thường gặp việc, đó là ngài muốn răn nhắc những kẻ không lo tính để chẳng mất pháp độ. La-hán tuy là bậc Thánh mà khi thấy muối đỏ cũng không biết. Đông Phương Sóc tuy là bậc Hiền mà gặp kiếp tro cũng chẳng rõ. Đó là do hễ thấy thì nhiều hiểu biết, còn chưa thấy thì mờ mịt vậy thôi. Hậu chúa đời Lý có một bức tranh vẽ con trâu. Ban ngày thì thấy con trâu đứng ở ngoài chuồng, ban đêm thì thấy nó về đứng ở trong chuồng. Ông ta dâng bức tranh đó lên vua Thái Tông. Vua liền đem treo ở Hậu Uyển (sau vườn để các quan cùng xem). Nhưng không một ai biết được vì sao như thế! Chỉ có vị Tăng lục tên Tán Ninh tâu với vua rằng: ở đất Nam uy khi mực nước biển cạn xuống thì bãi cát lộ ra, người dân bèn nhặt trai, trong thịt của con trai có những giọt nước mắt, hòa hai thứ này thành màu để vẽ hình thì nét vẽ ban ngày sẽ ẩn mất, ban đêm sẽ hiện ra, lại ở núi ốc Tiêu, khi có những cơn gió lốc thổi bạt vào đá, chợt có đá rơi xuống bờ biển, hứng được những giọt nước này hòa lại làm màu để vẽ hình thì ban ngày nét vẽ sẽ hiện ra, ban đêm sẽ ẩn mất. Lúc ấy các học sĩ đều cho lời nói của vị Tăng lục là không y cứ, Tăng lục Tán Ninh tâu vua rằng: Thưa truyện này có chép trong bộ

Trương khiên Hải ngoại dị ký. Thời gian sau Đỗ Hạo xem trong Tam Quân thơ mục quả nhiên thấy sách Lục triều bản cũ có chép chuyện này. Đây là do tài học rộng nhớ dai nên gặp việc có chỗ ứng dụng.

IX- KHÔNG TÌM BẠN, KHÔNG NHỜ ĐÂU MÀ THÀNH

Sinh thân ta là do cha mẹ, nên thân ta là nhờ bạn lành. Cho nên người Quân tử tìm bè bạn để cùng nhau giảng dạy học tập. Lấy văn để họp bạn, lấy bạn để giúp lòng nhân. Phẩm tháo của người vật bàn bạc đều khác nhau. Ví như viên ngọc đã cắt lại giũa, đã giồi lại mài. Ông Lưu Hiếu Tiêu nói: gây dệt điều nhân nghĩa, trau dồi việc đạo đức, cùng vui niềm vui của bạn, cùng xót cảnh đổ vỡ của bạn. Gởi chung thần thức dưới linh đài để lại dấu vết trong chốn giang hồ. Mưa gió dập vùi mà không ngừng ngọng tiếng, tuyết sương lất phất mà chẳng phai sắc mầu. Đó chính là bản chất giao du của bậc hiền đạt, trải muôn đời mới được một lần hội ngộ. Đời Đông Tấn, lúc Pháp sư Đạo An chưa thọ giới. Một hôm trên đường tham học, An dừng chân tại một quán trọ, gặp được sa-di Tăng Quang cũng nghỉ ở đấy. Hai người bèn cùng nhau trò chuyện và bày tỏ chí nguyện của mình. Trong câu chuyện hàn huyên làm cho tinh thần hai người hăng hái, có sự tương đắc, lúc chia tay nói rằng: Sau này nếu chúng ta trưởng thành xin đừng quên chốn này. Thời gian sau, Tăng Quang học thông kinh luận ẩn cư ở núi Phi Long. Đạo An sau cũng tìm đến núi ấy, hai người gặp nhau vui mừng khôn xiết, vì nhớ lời hứa năm xưa nên mới theo dấu tìm nhau. Do đó hai người bèn cùng nhau mở văn rót ý và tỏ ngộ được rất nhiều chân lý mới lạ. Đạo An nói: Cách nghĩa của người xưa, An tôi thấy đối với chân lý có nhiều chỗ khác nhau, ở (đạo) sư huynh thấy thế nào? Tăng Quang đáp: chúng ta hãy nên phân tích hạnh tiêu dao chứ sao lại để cho những lời phải quấy xúc phạm đến bậc Tiên Đạt. Đạo An nói: Hoàng Hóa tán dương lý giáo, nên làm cho người đời tin nhận, trống pháp đua vang, thì đâu có trước sau. Khi ấy, có vị tăng tên Đạo Hộ cũng ẩn cư tại núi Phi Long bèn bảo những người chung quanh rằng: chúng ta là những người ở chốn vắng lặng lánh xa trần tục, tuy muốn giúp lòng an trụ trong Đại Pháp, nhưng đâu nên riêng bước mãi trong sơn môn, khiến cho bánh xe chánh pháp phải ngừng quay. Tuy nhiên cũng phải tùy năng lực từng người mà hóa đạo khắp nơi để đền ơn Đức Phật. Lúc ấy, An và Quang cùng thưa với Đạo Hộ rằng: Lời thầy dạy rất đúng, chúng con xin vâng theo. Sau đó cả hai đều xuống núi đi hoằng hóa Phật pháp.

X- KHÔNG QUÁN TÂM, THÌ KHÔNG THỂ THÔNG SUỐT.

Kinh Duy-ma chép: Pháp giải thoát của chư Phật, phải nương vào tâm hạnh của chúng sinh mà tìm. Vì sao? Vì trong kinh Hoa Nghiêm đời Tấn dịch có chép: Tâm như người thợ vẽ, tạo các thứ năm ấm, trong tất cả thế gian, thảy đều từ tâm đạo. Như Tâm, Phật cũng vậy, như Phật, chúng sinh cũng vậy. Tâm Phật và chúng sinh, ba pháp không sai khác. Bởi tâm là mẹ của chư Phật và chúng sinh. Tâm cũng chính là nguồn cội của y báo và chánh báo. Cho nên, kinh Lăng-nghiêm chép: Các pháp sinh ra chỉ do tâm hiện, tất cả nhân quả cho đến thế giới nhiều như cát bụi cũng từ tâm mà Thánh thể. Nếu nói tâm là có thì cũng ví như tiếng đàn không hầu, đi tìm thì không thấy. Còn muốn nói tâm là không thì cũng giống như tiếng đàn không hầu, khảy đấy cũng vang tiếng, chẳng có mà chẳng không, mầu nhiệm là ở trong đó! Cho nên kinh Ban-Chu Tam-muội chép: chư Phật từ tâm mà được giải thoát, tâm là gì? Tâm là tên gọi bản thể vô cấu thanh tịnh trong năm đường mà vẫn tốt đẹp như băng trong, không bị sắc trần hoen ố, hiểu được tâm này thì đại đạo mới thành.

Noi theo mười môn này mà trên làm dưới học, nếu không biếng nhác, thẳng tiến tới cùng thì giáo pháp của Đức Phật mới có thể giữ gìn lâu dài mãi đến đời sau. Nếu nói lời này không đúng thì đạo tổ sẽ tan mất.

Tôi mong các vị lớp sau, xem đây mà răn nhắc.

NGHI NGỒI THIỀN CỦA THIỀN SƯ PHẬT TÂM TÀI Ở THƯỢNG PHONG

Nói về ngồi thiền, Nghĩa là phải vững tâm thẳng ý, sạch vóc trống lòng, xếp chân gài bàn, thu nhìn chỗ nghe, tỉnh táo không mờ, lìa hẳn hôn trầm trạo cử, buông bỏ những việc đã qua, tận tình vất bỏ. Hướng về nơi định tĩnh, quán kỹ nghĩ ngay. Phải biết ngồi đó mà tâm mà phản chiếu cũng là tâm, phải hiểu những việc có, không, giữa, bên, trong, ngoài đều là Tâm. Tâm này trống mà vẫn biết, lặng mà thường soi. Tròn sáng làu làu, không rơi vào chấp thường, chấp đoạn. Thiêng tỏ rỡ rỡ, lựa chọn chẳng luống dối. Nay thấy các nhà học Phật, ra sức ngồi mà không ngộ, bệnh do đây nương chấp, tình nương theo tà lệch, lầm trái với chánh nhân, luống theo chỉ tác (chỉ thiện, tác ác). Lỗi lầm của việc không tỏ ngộ là do đây. Nếu cũng thu nhiếp một niệm, thầm hợp lý Vô sinh thì gương trí sẽ sáng bừng, hoa lòng liền bung nở. Vô biên chấp trước ngay đó tiêu tan. Nhiều kiếp không tỏ, trong một lúc bỗng

hiện ra. Như người quên chợt nhớ, như người bệnh liền lành. Trong lòng sinh vui mừng vì tự biết sẽ được thành Phật. Liền hiểu ngoài tâm vốn không có Phật nào khác. Sau đó phải thuận theo sự tỏ ngộ mà tu thêm, nhân tu mà chứng đắc. Nguồn cội chứng ngộ là ba thứ (ngộ, tu, chứng) không khác nhau. Đó gọi là nhất giải, nhất hạnh tam muội, cũng gọi là vô công dụng đạo. Ấy là có thể chuyển hóa muôn vật mà vẫn không lìa căn trần, tín thủ niêm lai, phân chia chủ bạn lẫn nhau. Mắt trong nhìn trời đất, xưa nay lại hiện bày, nhìn vào bản thể của máy thần tự nhiên thấy in hợp. Cho nên Cư sĩ Duy-ma-cật nói: "không cần dấy lên định vắng lặng mà vẫn hiện các oai nghi. Đó là yến tọa (ngồi yên)". Cho nên biết, hễ nước lắng thì trăng hiện, gương sạch thì sáng tròn. Người học đạo, ngồi thiền là quan trọng. Nếu không như thế thì đường tu sẽ lăn lóc, chìm đắm trong bốn loài. Buốt mũi đau lòng khó mà tự nín lặng. Tôi tạm, viết đại khái để giúp các vị phát triển nguồn chân. Nếu thật chẳng bỏ đường tu thì chúng ta cùng nhau tham khế.

NGHI NGỒI THIỀN CỦA THIỀN SƯ TỪ GIÁC TÔNG TRÁCH Ở TRƯƠNG LÔ

Người học (pháp) Bát-nhã của Bồ-tát trước phải khởi tâm đại bi, phát thệ nguyện rộng lớn, phải chuyên tu pháp tam-muội, thệ độ chúng sinh, không riêng mình cầu giải thoát. Như thế là buông bỏ được duyên, thôi dứt muôn việc, thân tâm như một, động tĩnh không xen (hở), lường việc ăn uống không nhiều không ít, điều hòa việc ngủ nghỉ chẳng bớt chẳng thêm. Khi muốn ngồi thiền phải tìm nơi yên tĩnh, trải nệm để ngồi, nới rộng giải áo, sửa oai nghi ngay ngắn, sau đó mới ngồi kiết-già. Trước lấy bàn chân phải để lên đùi vế trái, lấy bàn chân trái để lên đùi vế phải. Hoặc ngồi bàn già cũng được. Nếu ngồi bàn già thì chỉ lấy bàn chân trái gác lên đùi vế phải mà thôi. Kế đến lấy bàn tay phải đặt lên bàn chân trái, bàn tay trái đặt lên bàn tay phải. Xem ngón cái của hai bàn tay chú đầu vào nhau. Rồi từ từ cất mình về phía trước, lại xoay trở qua hai bên. Phương pháp này gọi là chánh thân đoan tọa. Không được nghiêng qua ngả lại, cúi trước ngửa sau, đỉnh đầu và xương sống phải đứng thẳng với các khớp xương chống đỡ lẫn nhau, giống như ngọn tháp. Cũng không được ép thân thái quá khiến hơi thở dồn dập không yên. Cốt phải cho tai và vai đối thẳng nhau, sống mũi và đơn điền đối nhau thẳng, lưỡi thì dán sát lên vòm hầu, môi và răng sát vào nhau. Mắt phải hơi mở để khỏi bị hôn trầm. Nếu đạt được thiền định thì năng lực ấy rất tốt. Xưa có vị cao tăng tu thiền định ngồi thường mở mắt. Vị tăng

này đến thưa hỏi Thiền sư Viên Thông ở chùa Pháp Vân, Thông Thiền sư cũng trách những người ngồi thiền mà nhắm mắt. Ngài cho rằng cách ngồi như thế khác nào như núi đen hang quỷ. Vì có ý chỉ sâu xa như thế, nên người thông đạt phải hiểu biết. Khi thân tướng đã an định, hơi thở đã điều hòa, sau đó mới buông thả trong lòng tất cả ý niệm, thiện ác đều không được suy nghĩ so lường, niệm khởi tức giác và giác đó cũng phải bỏ. Lâu ngày quên duyên, tự sẽ thành một khối. Đây chính là yếu thuật của phép ngồi thiền.

Thiết tưởng, ngồi thiền là pháp môn đem lại sự an vui, mà có người ngồi lâu đến nỗi sinh bệnh. Vì họ vận dụng tâm không đúng. Nếu khéo dùng được ý này thì tự nhiên bốn đại nhẹ nhàng, tinh thần sảng khoái, chánh niệm rõ ràng, nuôi tinh thần bằng pháp vị, lặng lẽ trong sạch yên vui. Nếu những người đã phát minh được trí tuệ, thì có thể nói là như rồng gặp nước, hổ dựa vào non. Nếu người chưa được phát minh, thì cũng như người nhờ gió thổi lửa, không nhọc phải dùng sức nhiều. Nhưng phải vững lòng, không phân biệt, thì chắc chắn chẳng lừa dối nhau. Nhưng đạo cao thì ma thịnh, nghịch và thuận thường có muôn mối, chỉ khi chánh niệm hiện tiền thì tất cả mọi duyên mới không thể làm trở ngại. Như kinh Lăng-nghiêm, Thiên Thai chỉ quán, Khuê Phong Tu Chứng Nghi đều có nói về những việc ma chướng phải dự bị trước để không lầm, người ngồi thiền chẳng thể không biết. Nếu khi muốn xuất định phải từ từ động thân, nhẹ nhàng xuất định, không được vôi vàng. Sau khi xuất định, trong bất cứ lúc nào cũng phải thường nương vào phương tiện mà hộ trì định lực, giống như việc giữ gìn trẻ thơ. Như thế thì định lực mới dễ thành. Nói về thiền định này, là việc rất gấp, nếu chẳng an thiền tĩnh sự thì đến khi gặp việc chạm duyên sẽ bị mờ mịt không thông. Cho nên mò châu phải chờ lúc sóng lặn, còn khi nước động mà tìm thì việc lấy ngọc sẽ phải khó khăn. Nếu nước định lắng trong thì tâm châu tự hiện. Cho nên kinh Viên Giác chép: “Trí tuệ vô ngại thanh tịnh đều nương vào thiền định mà sinh”. Kinh Pháp Hoa cũng chép “Ở chỗ vắng lặng tu nhiếp tâm mình, an trụ bất động như núi Tu-di”. Cho nên thế biết việc vượt phàm lên Thánh phải nhờ vào tĩnh duyên, ngồi thác hay đứng mất phải nương vào định lực. Một đời làm xong còn e là lần lữa, huống chi là dời bỏ, thì sẽ lấy gì để chống chỏi với nghiệp ma. Cho nên người xưa nói “Nếu không có sức định vững vàng thì đành chịu nép mình trước cửa chết, nhắm mắt về không thì rõ ràng bị trôi lăn. Mong các bạn thiền nên đọc kỹ văn này để làm lợi minh, lợi người, cùng thành chánh giác.

VĂN KHUYÊN THAM THIỀN

Ôi! Giải phải viên giải, lại nhờ vào bậc Tông Sư có mặt sáng. Tu phải viên tu, gởi gắm các bạn đạo trong tùng lâm. Nếu kẻ sơ tâm phước mỏng, người bất thiện nương gần thì kiến giải sẽ khô khan, tu hành sinh biếng nhác. Hoặc suy cao cảnh Thánh, cô phụ tánh linh của mình, đâu biết rằng thần thông đức tướng là từ kẻ bất tín phàm phu mà ngộ đạo, hoặc tự cậy vào bản tính thiên chân mà bác không nhân quả, chỉ một bề theo lòng mình suy diễn, không nương vào địa vị tu hành. Vì thế (mà) Pháp sư hiếu cạn (cợt) không thông giáo nhãn, Thiền khách trống lòng, chẳng quý hạnh môn. Đây chính là cái tội thiên khô.

Hoặc có kẻ khắp mình dập nát, đầy mặt gió bụi, ba ngàn tế hạnh toàn không, tám muôn oai nghi đều thiếu. Hoặc có kẻ giúp nhân sự, lo liệu môn đồ. Thân dạo chơi thị thành, lòng nhiễm thói quê kệch. Cho nên thường tăng chốn núi đồng chưa khỏi kẻ nông phu bỡn cợt. Thích tử nơi phố chợ lại bị kẻ Nho sĩ dèm chê, đây là cái tội biếng nhác, sao không lìa nhà phiền não, lại cắt lưới trần lao hút gió mát mà thăm nơi thần tiên, dò lời hay mà tìm kiếm tri kỷ, lắng thần tổ vực, dứt ý tông thừa. Buồng vắng nhà không, vén áo mà ngồi thiền. Nước biếc non xanh, chống gậy tích mà kinh hành. Nếu chợt có một ngày tâm quang thấu suốt, ngưng trệ tiêu tan như băng, ngay đó sẽ rõ ràng, đâu mê mờ cực quả, ba A-tăng-kỳ xưa nay đầy đủ. Muôn hạnh nhơn hoa đâu ngại tông thuyết gồm thông, như mặt trời chói lọi cõi hư không. Thân tâm đều lặng. Như lưu ly chứa đựng ánh sáng của trăng báu, có thể gọi là có bồng mọc trong gai gốc, chẳng uốn mà tự thẳng, các dòng chảy về biển cả, đều gọi là ao trời. Lại xét lỗi trước, mới biết là lầm lớn. Lời ngay trái tai, dám mong ghi lòng thì đời này kiếp khác cũng làm bạn pháp.

VĂN TỰ RĂN

Thần tâm rỗng chiếu, bậc Thánh im lặng là tông, đã mở ra ba gian, nên noi theo bốn thật. Việc liên quan với lời Thánh, lý đúng với kinh vàng, lý hợp mới năng giúp đỡ giáo thừa, làm sáng tỏ đạo tổ. Mình người cùng lợi, công chẳng uổng làm. Nếu trộm bàn công sự của triều đình, lén nói việc quan liêu của quận huyện. Bàn cõi nước hay dở, luận phong tục tốt xấu, cho đến việc nhỏ công thương hay rỗi bàn chuyện nơi chợ giếng, chốn biên thùy giặc cướp, nơi đô thị chiến tranh, văn chương kỹ nghệ, của cải áo cơm. Tự cậy mình là hay, giấu việc tốt của người, bước móc tỳ vết, vạch xem lỗi lầm. Đã trái với phước nghiệp, nào có ích cho đạo tâm. Những lời xằng bậy như thế, đều có hại cho thật đức ngồi

hao của tín thí, ngửa mặt thẹn với trời rồng, tội trước đầy bụng, họa sau ngập đầu. Chúng sinh bị lửa khổ bốn bên đều cháy, đâu nên an nhiên ngồi bàn chuyện vô nghĩa.

■

TRUY MÔN CẢNH HUẤN

QUYỂN 2

BÀI MINH NGỒI TIHỀN CỦA THIỀN SƯ PHẬT NHÃN VIỄN Ở CHÙA LONG MÔN

Tâm quang rỗng chiếu
Thể bặt thiên viên
Sóng vàng lượn lượn
Động tĩnh hằng thiền
Niệm khởi niệm diệt
Chẳng cần thôi dứt
Nhậm vận cuồn cuộn
Đâu từng khởi diệt
Khởi diệt vắng lặng
Hiện Đại Ca-diếp
Ngồi nằm kinh hành
Chưa từng xen nghỉ
Thiền nào chẳng ngồi
Ngồi nào chẳng thiền
Rõ được như thế
Mới gọi ngồi thiền
Ngồi thiền là ai?
Thiền là cái gì?
Mà muốn ngồi đó
Đem Phật tìm Phật
Phật chẳng cần tìm
Càng tìm càng sai
Ngồi không quán ngã
Thiền chẳng thuật ngoài
Sơ tâm rối loạn
Chưa khỏi đổi thay

Vì thế nhiều phương
Dạy hắn quán tĩnh
Ngồi thẳng thu thần
Mới thì lộn xộn
Lâu sẽ lặng yên
Rảnh rang sáu cửa
Sáu cửa hơi nghỉ
Ở trong phân biệt
Phân biệt vừa sinh
Đã thành sinh diệt
Sinh diệt đổi thay
Từ tâm mình hiện
Hãy đem tâm mình
Quán lại một lượt
Một lại không hai
Viên Quang trùm đảnh
Lửa thiêng bừng chói
Tâm tâm vô ngại
Ngang gồm dọc khắp
Sinh tử dứt hẳn
Một viên hoàn đan
Điểm vàng thành nước
Thân tâm khách trần
Thấu lọt không cửa
Mê ngộ hãy nói
Thuận nghịch chớ bàn
Nghĩ suy ngày trước
Lặng ngồi kiếm tìm
Dù vậy chẳng khác
Cũng rất bừa bãi
Phút chốc Thánh phàm
Không người tin được
Khắp đất bận rộn
Rất phải dè dặt
Như con không hiểu
Ngồi thẳng nghĩ suy
Một ngày làm tới
Cúi mong cúi mong

BA BÀI TỰ TỈNH XÉT

I- Mạng sống thân này
Bóng câu qua cửa
Đâu rảnh buông tình
Vọng làm nhiều việc
Đã vun giống Phật
Phải nối phong môn
Xét kỹ Tiên - Tông
Là tiêu cách nào.

II- Đạo nghiệp chưa xong
Cách Phật thời xa
Thầy hay bạn tốt
Thật chẳng nên bỏ
Tự sinh cố gắng
Nghĩ báo ân Phật
Suy mình tự biết
Đại tâm đừng lùi.

III-Báo duyên hư huyễn
Không thể gượng làm
Trần thế là bao
Tùy nhà nhiều ít
Khổ vui thuận nghịch
Đạo ở trong đấy
Động tĩnh lạnh ấm
Tự thẹn tự hối.

BÀI MINH NGỒI THIỀN CỦA THIỀN SƯ ĐẠI NGHĨA Ở ĐẤT NGA ĐỒ

Nói đến những người tham thiền học đạo thì chính họ, phải chọn lấy một pháp tối thượng (chứ) đừng nên ngồi mà mong cầu đạt đến chỗ (được) quên thân và nguội tâm. Vì đó là một chứng bệnh nan y rất nặng, phải mau xét tìm tới chỗ nguồn sâu. Đạo này từ xưa đến nay được truyền khắp trong thiên hạ. Phải ngồi thẳng, vững vàng như núi Thái, lồng lộng chẳng cốt giữ không nhàn. Phải đề khởi lợi thổi, lông và cần phải mổ xẻ thắng nghĩa thứ nhứt của Tổ Tây lai rằng trợn mắt giương mày lên lật ngược trở lại xem rõ là ai. Lại cũng như bắt giữ kẻ giặc phải

tìm cho được của báu, đừng sợ kẻ giặc chôn giấu chỗ sâu. Người có trí thường (sẽ) tìm được trong sát-na, kẻ vô trí phải tìm mất nhiều năm, nhưng vẫn không thấy bóng. Đáng trách cho những kẻ cứ ngồi lờ đờ như thây ma trải qua ngàn năm muôn kiếp cũng chỉ như thế. Nếu đem hạng người này để gánh vác Thiền tông, thì họ chỉ làm cho gia phong "niêm hoa vi tiếu" hư hoại mà thôi! Những người này ngồi chết dưới núi đen mặt đất thênh thanh làm sao cấm. Nếu là kẻ có tròng mắt bằng đồng sắt, thì phải tay nắm lấy tim mình năng tự phán phải đạt đến chỗ chứng ngộ làm kỳ hạn, hét gầm lên một tiếng rống sư tử.

Người há không thấy (sao) có kẻ mài gạch để làm gương soi, vậy có dùng được chăng? Xe chạy là do có chỗ thúc giục lôi kéo, lại há không thấy trước núi, núi trong xanh muôn trượng im im lặng lặng bặt không tiếng, một mai năm rồng lại quấy rối, thì sông chuyển động thật muôn trùng. Ví như (có người) tĩnh tọa mà không dụng công thì lúc nào mới thi đỗ, ngộ tâm không. Phải mau ra tay (mở mắt nhìn xa thấy rộng) làm bậc cao nhãn, gồm lấy đời này bảo cho xong). Nếu (lại) còn nín lặng buông thả như kẻ ngu, biết người chưa hiểu làm công phu, phủi dũi tinh thần để ý nhìn, không hình không bóng ngộ chẳng khó. Đó thật là sự đã dụng ý đến mười phần. Bậc (đấng) trượng phu mạnh mẽ phải nên ghi nhớ, xin đừng nghe người nói là chẳng cần tham cứu. Bậc Thánh xưa tỏ rõ làm chỉ nam. Tuy nhiên ruộng vườn gác rộng cũ xưa, một khi đã đi qua rồi, mà muốn chuộc lại được chăng? Phải biết ngồi thiền là Bất động tôn, gió thổi có rạp thảy đều nói, mà nay bổn bế trong suốt như mặt gương thứ gì ta đều nghe, dài ngắn vuông tròn chỉ mình biết. Xưa này mảy may chưa từng dời đổi. Nếu hỏi ngồi thiền để nên việc gì thì cứ nhìn mặt trời sớm mọc ở Đông, đêm lặng về Tây thì sẽ rõ.

LỜI DẠY CHÚNG CỦA THIỀN SƯ ĐÔNG LÂM HỖN DUNG Ở VÔ SƠN

Lánh muôn xe tôn vinh, chịu đói lạnh sáu năm, không rời khỏi tòa Cỏ, thành bậc Đẳng Chánh Giác, hóa độ vô lượng chúng hữu tình. Đây là phong thái xuất gia của bậc Hoàng Diện Lão Gia. Thế mà kẻ hậu bối quên mất cội rễ, lại vì việc tham cầu ăn mặc mà vào chùa, không cày ruộng, không dệt vải, thấy được lợi dưỡng là dễ, không thờ vua chúa, cha mẹ, miễn việc đi lính, được an nhàn, giả danh mục, trộm thế duyên, lấy việc đấu tranh làm Phật sự, già không biết hối hận chết sẽ làm cây nấm mọc trong vườn. Thật đáng thương thay!

Các vị đi xuất gia thì phải nghĩ sao cho bằng được bậc Thảo tọa thuở trước, phải tự đỉnh việc lui sụt về sau mới được.

BÀI TỰA SÁCH TỰ CẢNH LỤC CỦA PHÁP SƯ TÍN Ở CHÙA LẠM CỐC

Tôi đã chín tuổi xuất gia, đến nay đã hơn sáu mươi tuổi rồi. Đến như xênh xoang (thong thả) nơi nhà rông, cố bước chốn thềm thơm, thể an dịu dàng thân ở chỗ rỗi rảnh, khi bóng tình quang chưa sáng tỏ thì cỗ ngon mười lợi đã sẵn bày, lúc vầng nhật soi chiếu giữa ngày thì cơm quý ba đức đều dọn đủ, không hề biết sự vất vả của việc gặt hái cấy cày, nào có hay sự nhọc nhằn của việc nổi lửa nấu cơm, nuôi lớn thân cao sáu thước đều là mạng sống trăm năm, là do ai nuôi dưỡng? Đó là do nguyên lực của Đức Bổn sư chúng ta. Tôi ước tính trong vòng năm mươi năm mà nói thì cơm ăn nước uống lúc sớm trưa phí tổn hơn ba trăm thạc gạo (1 thạc gạo = 10 hộc), thuốc men quần áo khi lạnh nóng phí tổn hơn hai mươi vạn bạc.

Đã vậy mà được ở nhà cao cửa rộng, thềm ngọc cột son, đủ thứ xe cộ tôi tớ đông vầy, lắm loại ghế bàn, giường nệm màn đẹp, sự phí tổn cũng khó mà lường được.

Lại có kẻ bị vô minh ám khỏi, tà kiến sinh khởi một cách ngang trái, lạm dùng nhiều của phi pháp ăn uống trái thời, chỗ tiêu phí kia cũng khó mà lường được. Tất cả của cải có ra đều từ công sức của người khác, giúp cho ta tiêu dùng. Lên được ngôi vị cao tăng, đâu có kẻ đồng niên mà sánh với khổ vui! Nên biết giáo pháp của Bậc Đại Từ cao tột, nguyên lực của Đấng Đại Bi sâu xa huống chi lại được đức Thập hiệu Điều ngự nhận ta làm đệ tử, che chở tám bộ trời rồng, v.v... kỉnh ta làm thầy để phụng sự, ngôi hoàng vương tuy quý cũng không dám dùng lễ vua tôi để đối xử với ta, sự cao quý ấy khá biết. Bậc từ thân tuy trọng cũng dám đem nghĩa cha con để gần gũi ta, thì sự tôn vinh ấy khá biết. Kìa như, dẫy đầy trong bốn họ (sĩ, nông, công, thương) mênh mông khắp chín châu, nhà nào mà không phải là kho lẫm của ta, người nào chẳng phải đệ tử ta. Vì thế khi mang bát đi khất thực, hễ vào nhà nào thì được mọi người đều bớt bữa ăn để dâng cho ta, khi chống gậy lên đường du hóa, thì người người đều khép nép, dung nghi tỏ vẻ cung kính. Người xưa khi được cho một bữa ăn còn canh cánh mang ơn trong lòng, đoái hoài một lời dạy còn biết liều thân để báo đáp. Huống chi từ đầu đến gót mỗi tứh đều nhớ Đức Như Lai nuôi dưỡng, từ sống đến chết

thảy đều nương phúc ấm của Như Lai. Dù cho chẳng gặp Phật pháp, không được xuất gia thì phải ngày đêm xông lướt gió sương, sớm hôm nhọc nhằn, vườn ruộng chạy ngược chạy xuôi muôn mối, giục giã ngàn mưu. Áo rách tả tơi có lúc cũng không đủ để che thân, cơm hẩm cỏ rau lắm khi cũng không đủ để no miệng. Thì rảnh rỗi đâu mà cau mày trợn mắt trong nhà cao, chống gậy rảnh rang nơi sân rộng, lê gót luận bàn Phật lý, thênh thang mặc áo cợt đùa, tránh lạnh nóng chọn ngọt ngon, la mắng kẻ tiểu đồng phục dịch, vời tìm người hầu hạ làm việc, buông ngựa ý đế hại đàn, thả tâm đi níu nhánh.

Nhưng vì mây ba chướng bủa cao lưới, mười triền ràng buộc, si ái nối lòng, cuồng ngu hại não, tự hối tự trách, trong nháy mắt đã sang đời khác, thật đáng buồn hận! Trải qua một tuần sóc (15 ngày) thì biến khác. Hoặc lại lên điện Phật làm lễ, xấu hổ trước tôn nghi mà gào khóc. Hay là đối pháp mở văn, thẹn thùng trước Thánh giáo mà rơi lệ. Hoặc lại mặc áo mầu, ăn huyết nhục, khổ nhọc để tự tâm, bỏ tài sản xa bạn bè, khổ cực nhưng rốt cục cũng không thể lật đổ được núi ngã mạn, dập tắt được lửa ham muốn, bỏ sắc thanh thơ tệ khơi tra khảo nơi vạc sôi, há không đau xót sao? Há không đau xót sao? Vì thế ngài Thường - Thảm, ngài Thường Đề rất lấy làm chua xót nhưng vẫn không cứu được. Ngài không Tạng, ngài Đại Tạng muốn tiếp cứu nhưng vẫn vô phương hóa độ. Ta hãy trở lại tìm ở mình, đi kinh hành tự xét, hình dung tai mắt chẳng bớt ở hạng tầm thường. Thức lặng thần trong xen lẫn trong người danh tiếng. Phước báu gì mà được sinh nơi trung quốc, gốc lành nào mà được dự vào hàng ngũ xuất gia! Tội báo gì mà phạm nhiều giới luật, lỗi lầm gì mà ngang bướng khó độ? Cho nên quanh quẩn ngày đêm mãi than thở đến giữa khuya nhưng vẫn không biết phương pháp cứu vớt cho họ, vẫn chưa rõ diệu thuật để bỏ lỗi cho họ. Nhưng thuở ấu thơ nhờ cha hiền dạy dỗ nên sớm được thấm nhuần giáo lý của Phật-đà, và nghe lời di ngôn của trưởng giả, thường thưa hỏi lời cao luận của danh tăng. Vì thế, kẻ sĩ tam tư phải mượn dây đàn để giúp đỡ người, khách cửu tích phải lấy châm minh làm lời răn. Nên mới tìm rõ nhiều đời, mở xem nhiều sách, kiếm người đồng bệnh, hỏi khách bến mê, do đó mới có kẻ khinh miệt lời Thánh, xem dễ nghiệp lụy, buông lung không hổ thẹn, ương ngạnh không phép tắc. Nên soạn ra bài răn để khuyên, đều là góp nhặt để biên chép thôi! Nói chọn mười khoa, chia làm ba quyển để hôm sớm ngắm xem, ngõ hầu có chỗ bổ ích trong muôn một.

Nếu là ngồi thành long báo, đứng nghiệm thân rắn, trâu nhỏ lệ bò lên bờ núi, ngựa hý vang chạy nhanh điện nhiễu chùa. Hoặc phải chịu

gậy đánh vào thân khắp mình lửa đốt. Hoặc giáo mác đâm chém, máu tuôn xối xả. Hoặc lưỡi mòn mày rụng, hoặc mất trí phát cuồng. Hoặc làm kẻ tôi tớ phục dịch, vào rừng đốn củi vất vả nuôi thân. Gởi thần thức nơi vườn cây, cắt thịt mình để đền ơn thí chủ. Gá dấu vết nơi song cửa, khắp thân chịu (hình) phạt, bị người phỉ báng, xưa không thấy thì nay thấy, trước không hay thì nay hay, kêu trời gào đất cũng chẳng thể với tới, đập gan đấm mật cũng không thể theo kịp. Đương lúc ấy dù cha mẹ có trăm thân cũng không chuộc được, họ hàng khắp bốn phía cũng không cứu được, của cải có chất đống cũng luống bày chung quanh, có vỗ ngực cũng nào giúp được gì, ngoảnh nhìn lại chỗ vui sướng là ở đâu ư? Hướng về bè bạn bà con làm sao nương tựa được?

Than ôi! Sáng mới làm kẻ thịnh đức, oai phong ban lệnh chốn nhà dài mà chiều đã là kẻ thương tử gào khóc nơi u khuất! Chẳng những người này riêng có mà nghĩ đến thân ta, có lẽ cũng phải chịu thế chăng.

Ví như trăm năm mà một phen được gặp gỡ, hổ thẹn ăn năn làm sao xiết kể! Chẳng lẽ không thương xót ư? Há chẳng sợ hãi hay sao? Cho nên chép kỹ đầu đuôi, đủ giúp kia đây góp nhặt viết lời văn vào giải áo, hầu mang công chiến thắng vẻ vang. Nếu có những lời (lời dạy thanh tao) của bậc danh hiền, hay những việc thù tích (dấu vết đặc thù) của bậc triết nhân, cùng đạo hóa hạnh suy, thời sự hay dở, cũng phụ chép vào để gởi lời (ghi lại việc chung). Người xưa nói: “Trăm năm bóng đã qua, ngàn năm tâm vẫn ở”, thật mong (trăm) ngàn năm sau hiểu được lòng tôi là ở đây.

BÀI VĂN NÓI VỀ VIỆC LÀM HỌ THÍCH KHÓ

Thủ tọa Hy nhan tự là Thánh Đồ là người tánh tình ngay thẳng quả quyết thông hiểu hết (các) học thuật trong ngoài, thường dùng phong thái danh tiết tự giữ mình. Sau khi (đi) hóa duyên khắp nơi Ngài về ẩn cư ở Cố lô, chẳng hề bước chân đến nhà thế tục. Thường đóng cửa ngồi thiền, nếu không phải là bậc hạnh nghị cao khiết thì không kết bạn. Các hàng danh công quý nhân phần đem các chùa mời Ngài nhưng Ngài vẫn kiến quyết không đáp. Lúc ấy, có một đồng tử tên Tham Kỷ muốn xin (được) xuất gia làm tăng, ở hầu hạ gần bên: Thủ tọa Nhan biết đồng tử (kia) không phải là người pháp khí; Ngài liền làm ra văn thích nạn này để từ chối rằng: Hiểu con không ai hiểu bằng cha, biết cha không ai biết bằng con. Như Tham Kỷ của ta đây làm tăng. Bởi vì xuất gia làm tăng đâu phải là việc nhỏ? Nói đến người xuất gia không phải vì mong cầu

nhàn rỗi, không phải vì việc no ấm, không phải vì cầu danh lợi nhỏ mọn mà vì cầu thoát khỏi sinh tử, vì hóa độ chúng sinh, vì dứt trừ phiền não, ra khỏi biển ba cõi, tiếp nối tuệ mạng của Phật dạy.

Thời nay, cách Phật đã xa, Phật pháp quá suy tàn, ngươi dám càn quấy mong làm tăng ư! Kinh Bảo Lương chép: Nếu Tỳ-kheo không tu pháp tỳ-kheo thì cõi đại thiên này sẽ không có chỗ để nhổ bọt. Trong Thông Tuệ Lục chép: làm tăng mà không biết mười khoa thì dù có thờ Phật trăm năm cũng chỉ uổng phí công lao mà thôi! Thế thì làm tăng chẳng khó hay sao? Lấy đó mà xét (thì) nếu ta xen lộn vào hàng tăng, thì rất có lỗi với Phật. Huống chi ngươi lại muốn làm tăng ư!

Nhưng người xuất gia làm tăng nếu không thông suốt ba thừa (tạng) và mười hai phần giáo, và đạo lý của Chu Công Khổng Tử, không rõ lý nhân quả, không đạt ngộ tánh linh của mình, không biết việc cấy gặt vất vả, không nghĩ của tín thì là khó tiêu, buông lung ăn thịt uống rượu, phá trai phạm giới, đi buôn ngồi bán, gian lận cờ bạc, dòm ngó viện xá, xe dù qua lại, chỉ biết phụng dưỡng cho thân mình mà thôi thì thử hỏi Phật Pháp sẽ ra sao? Thương ôi! Có thân sáu thước mà không trí tuệ, Phật gọi đó là si tăng, có lưỡi ba tấc mà không biết nói Pháp, Phật gọi đó là Á Dương tăng (thầy dê câm), giống tăng mà không phải tăng, dường tục mà không phải tục, Phật gọi đó là Điểu Thử Tăng (thầy chim chuột) cũng gọi đó là Thốc cư sĩ (cư sĩ trọc). Kinh Lăng-nghiêm chép: Thế nào gọi là kẻ giặc trong Phật pháp? Là những kẻ mượn y phục của ta, buôn bán Như Lai, gây ra các nghiệp ác. Những kẻ đó không phải là thuyền bè cứu đời mà chính là hạt giống nơi địa ngục.

Dù cho sinh nhằm thời Phật Di-lặc ra đời đi nữa nhưng thân đã bị giam cầm, chịu trăm ngàn hình phạt đau đớn trong núi sắt Thiết Vi rồi, chẳng phải một sớm một chiều. Nếu nay cho người làm tăng thì hoặc trăm, hoặc ngàn, cho đến ngàn muôn phương kế cũng chỉ là bóng dáng bên ngoài mà thôi. Dù có bàn đến bên trong cũng nào có được thay! Cho nên có câu nói rằng: Cánh thì cánh chim chi, mà hót thì hót tiếng chim phượng, chỉ là hòn đá lăn lóc chứ không phải là viên ngọc quý, là cỏ đai tốt, cỏ ngải xanh (chứ) chẳng phải là cỏ nhẫn trên núi Tuyết. Nước nhà độ tăng vốn là mong cầu ruộng phước cho mọi người, mà nay lại đòi lấy sưu thuế, coi tăng như dân thường. Không như thế, sao lại khiến đồ chúng của ta không đáng để quý chuộng trọng đãi. Như các bậc như Dục Vương Liễn, Vĩnh An Tung, Long Tỉnh Tịnh, Linh Chi Chiếu ngày trước, các Ngài ít ỏi như là một mảnh da rách của con cáo nhưng còn quý hơn da của ngàn con dê thì sao đáng để bàn nói ư? Than

ôi! Cặn dơ trong biển Phật chưa có bao giờ quá lắm như ngày nay! Nên nói vời người trí, chớ bàn với kẻ khôn (sách Sử Cổ chép) da dưới nách con cáo mềm mại tìm khó được, người cắt làm nách.

LỜI RĂN CÁC TIỂU SƯ CỦA XỨNG PHÁP CHỦ CAO TĂNG ĐỜI LƯƠNG

Cõi trần thế không bền chắc, kiếp phù sinh chẳng lâu dài. Khi bóng thời gian ta sắp lụi tàn, thì tuổi tác của các ngươi đã dần cao. Thế nên, đừng để thế lợi làm mất thân này, đừng đem hư danh mà tạm cầu bã lợi. Chớ khinh rẽ điều nhân nghĩa, đừng ghen ghét bậc thiện tài. Đừng ức chế kẻ không có tội, chôn vùi người có đạo đức. Chớ sao lãng việc công trong đại chúng, đừng biếng nhác (thời khóa) tu trì. Đừng đắm mê ngủ nghỉ, chớ gượng biết việc người. Chớ bụng trống lòng cao, đừng làm lợi riêng cho mình. Đừng cậy sức mạnh mà hiếp đáp người yếu, chớ vì lợi mình mà tổn hại người khác. Đừng cho mình là bậc trưởng thượng mà khinh mạn người lớp sau, cũng đừng cậy tuổi trẻ tài cao mà khi dối bậc lão túc, chớ cho mình là bậc tài hoa mà coi rẻ người chung quanh, đừng cậy vào ý khí cao mà không nhường nhịn người. Đừng vì kẻ bất thiện mà cố chấp không chịu gần gũi, cũng đừng tự cho mình là người lành mà từ khước kẻ tấng ác. Đừng vì một chút công năng mà vội cho mình là đúng, đừng cậy mình có chút kiến giải mà nói người là sai. Chớ cho mình là khách mà khinh mạn chủ nhân, cũng đừng cậy mình là chủ coi nhẹ lữ khách. Đừng vì công việc mà bỏ mất giềng mối, đừng để ngang trái với đại chúng mà phá hoại phép tắc. Đừng để lòng kiêu căng nổi dậy mà dèm chê ngờ việc kẻ khác, chớ nên xuyên tạc tìm vạch lỗi người khéo xoay dụng về ý (hợp) với Phật pháp. Hãy ở trong cảnh trần lụy vấn vương mà dứt khoát từ bỏ tình ái đam mê, ca-sa một khi rời khỏi thân người rồi thì thật là khổ. Trong Nại-lặc (địa ngục) phải chịu các dị báo (đáng) gọi là nhẫn chịu, huống chi cứ mãi lặng khoanh tay vô vi an nhiên nhàn rỗi, không chịu tiến tu, dạo bước nơi đất vàng, ngồi trong nhà đẹp, chân không hề để lấm bùn, tay chẳng bao giờ (dính) nước thì áo mặc cơm ăn của đàn tín đâu dễ tiêu (được)? Và cạo đầu cho tròn, mặc áo cho đẹp, để làm việc gì? Cũng có người biết lẽ cương nhu, xúc cảnh theo duyên thích hợp, tiến thoái ứng dụng đều dung thông. Đáng đi thì đi, nên dừng thì dừng, trong ánh mắt trong xanh không hề vẩn đục, luôn luôn phản tính từng giờ, thì dù ngày ăn ngàn vàng cũng tiêu được. Tôi dùng muôn lời cặn kẽ, đắng miệng ngọt lời, nếu các người y theo

lời tôi mà thực hành thì có lẽ đời sau còn gặp nhau, bằng không theo lời tôi để cất bước, thì tính đến kiếp nào mới có chỗ xuất đầu ra?

Xin hãy trân trọng! Xin hãy trân trọng.

HỮU NHAI NINH TĂNG LỤC KHUYÊN THÔNG NGOẠI HỌC

Ôi! Học không chán rộng, nếu còn có điều không thông hiểu thì thật là kém thiếu với người đời. Tôn giáo của chúng ta chân lý rất cao xa, dùng pháp Ba thừa mà chuyên chở nhưng có khi bị ma chướng xâm lấn nên hẳn bị ngăn ngại. Phương (diệu) thuật ngăn đón chẳng gì bằng biết được tình hình của kẻ địch. Nói đến tình hình của kẻ địch thì ở Thiên-trúc có bộ Vi-đà, ở Đông Hạ có năm kinh bốn sách, cho nên trong tịnh xá Kỳ-hoàn có xây viện để bốn bộ Vi-đà, kẻ ngoại đạo cho bốn bộ sách ấy là chân lý cao tột của tông phái họ, lại có các thư viện trong khắp cõi đại thiên này, tất cả văn thư đều nhóm họp trong đó, Đức Phật đều cho phép đọc, vì để hàng phục kẻ ngoại đạo, nhưng không được làm theo kiến giải của họ, các bậc cổ đức cao Tăng ở phương đây nhiếp phục được các tông phái khác, tất cả đều nhờ tài học rộng, thí như đối với người Di địch, ngôn ngữ (của họ ta) không thông, cách ăn uống (của họ) khác nhau, thì làm sao thấu hiểu được ý chí của họ, thông suốt được phong tục của họ? Phải có người hiểu được ngôn ngữ của nước Hồ mới dễ lập (được) sự thuần hóa. Cho nên, Tập Tạc Xỉ nhờ ngài Đạo An dùng lời khôi hài mà nhiếp phục bọn Tông Lôi, nhờ ngài Tuệ Viễn dùng thơ lễ mà dẫn dụ; Quyền Vô Nhị nhờ ngài Phục Lễ dùng tài (lời) biện hoặc mà uốn nắn, Lục Hồng Tiệm nhờ ngài Kiểu Nhiên dùng Thi Hứa mà kết giao. Các Tổ Sư trên đây khi nhiếp phục người đều không dùng một phương thuật gì khác, các Ngài chỉ nhờ thông hiểu ngoại học mà thôi. Huống chi hai giáo Nho Đạo nghĩa lý sâu xa. Đối với hàng Thích tử đã tinh thông nội điển, thì lo gì không suốt hết, để mở rộng điều thấy nghe, không bị ngưng trị ở một chỗ.

BÀI MINH KHẮC BÊN CẠNH CHỖ NGỒI CỦA THIỀN SƯ CHI ĐỘN - ĐỜI TẤN

Phải chịu khó, phải chịu khó. Chí Đạo nếu không chăm chỉ tu trì, thì đâu những chìm đọng nơi bến mê, mà luống phải tan mất tánh khôn thiêng mầu lạ. Sống lênh đênh trong ba cõi, thác mù mờ mãi xích xiềng. Phiền lao rối rắm bên ngoài tăm tối, rong ruổi bên trong. Dấn thân tới chỗ đói khát, xa xăm quên hết mỏi mệt. Than ôi! Một đời người chẳng qua chỉ là giọt nước đầu ghềnh mà thôi. Thân ta nào phải là của ta, nào

có ra gì. Chỉ có người thấu đạt mới nghĩ đến đạo đức, hiểu được trong lúc an nhàn phải có sự nguy biến. Cho nên họ thường ưa thích chỗ vắng lặng, chú ý mọi cử động, phủi sạch hệ lụy, tham cứu suy nghĩ, kính giữ giới cấm, thường đọc tụng lời dạy nhiệm mầu của Phật Tổ. Noi lòng theo thần đạo, gắng chí tu pháp vô vi, xa lìa ba chướng, trị tan sáu giặc, trống không năm ấm, rỗng ruốt bốn chi, chẳng chỉ mà dụ chỉ, bặt dứt mà chẳng lìa. Khi quả Diệu Giác đã hiện bày, hiểu biết nhiệm mầu. Dần già mặc ngoại cảnh, cho muôn vật đổ xô, qua bên đây thì phải trở lại bên kia mà thôi. Đừng nghĩ cũng đừng bàn.

BÀI I

Ông đã đi xuất gia, lìa hẳn cha mẹ, cạo tóc xem thường hình hài, áo pháp khoác trên mình. Ngày giã từ thân thuộc cha lệ tuôn rơi, cắt lìa tình ái trọng đạo, ý vượt khỏi trời xanh. Nên vâng giữ chí này, kinh đạo phải hiểu rõ. Sao nỡ để vô tâm, bám víu vào thanh sắc, rong ruổi suốt đêm ngày. Kinh nghiệp không thành tựu, đức hạnh ngày tiêu mòn, nhơ nhuốc chứa đầy bụng, thầy bạn thêm tủi hổ, phàm tục lại khinh khi. Người xuất gia như thế, luống tự chuốc nhơ danh. Đời nay nên cố gắng, phải tự chuyên tinh.

Lời dạy bảo môn nhân rằng:

Xin cám ơn các đệ tử! Xuất gia là đạo rất nặng nề, rất khó khăn, không được tự khinh, không được cho là dễ dàng. Cái gọi là nặng nề là đeo mang đạo đức, gánh vác nhân nghĩa, vâng giữ tịnh giới, đến chết mới thôi. Cái gọi là khó khăn, là dứt thế lìa tục, cắt bỏ hẳn ân ái, thay tình đổi tánh, khác hẳn mọi người, làm điều mà người không làm được, cắt bỏ điều mà người không thể cắt bỏ, nhẫn khổ chịu nhục, xem thường thân mạng, gọi là khó khăn, đó là bậc đạo nhân. Đạo nhân là dắt dẫn người, việc làm đáng noi gương, lời nói đáng bắt chước. Mặc pháp phục xuất gia, mọi hành động đều là phép tắc, không tham lam, không tranh chấp, không chê dèm, không che giấu, học vấn cao xa, chí mong đạt đến con đường huyền diệu, đó là danh xứng với tham vị tam tôn. Ra Hiền vào Thánh, gội trừ linh hồn, cho nên được lòng quân chủ, không mong quả báo, cha mẹ không mong giúp sức, người ở khắp thế gian đều quy nhiếp. Tổn giảm của vợ con, cung phụng y phục thức ăn, khom mình cúi ngước, không nề mệt nhọc. Vì chí hạnh thanh tịnh, thông với thần minh, đạm bạc trong sạch, rất đáng quý trọng. Tự được vào dòng đạo pháp cao siêu. Người mới học chưa thể nhận được phép tắc, theo tà bỏ chánh, quên chỗ chân thật. Cho thông minh chút ít là trí,

cho cung kính qua loa là đủ, ăn no suốt ngày không hề dụng tâm, nhìn trở lại mình thật cũng đáng buồn. Chấp rằng xuất gia nay đã lâu năm, nhưng kinh nghiệp chưa thông, văn tự không rõ, luống qua một đời, cũng chưa thành danh, việc như thế không đáng để suy nghĩ hay sao? Kỳ hạn vô thường, chẳng sớm thì chiều, ba đường khổ đau, không mạnh không yếu. Vì nghĩa thầy trò sâu xa nên mới chỉ bày, có thể làm lời răn mãi mãi cho các hữu tình.

BÀI II

Ông đã xuất gia, bỏ tục giã từ vua, nên phải tự siêng chăm, chí vượt khỏi mây xanh. Tài sắc chẳng đoái hoài, không làm bạn với đời. Vàng ngọc không quý trọng, chỉ có đạo là chân thật. Buộc mình giữ khí tiết, cam khổ vui cảnh nghèo. Tiến đức tự độ mình, lại hay độ tha nhân. Sao lại đổi nếp sống, rong ruổi theo gió bụi. Ngồi chưa nóng chiếu đã rảo việc khắp Tây Đông, nặng như việc giao dịch, huyện quan luôn hối thúc. Kinh đạo chẳng làu thông, giới đức không trọn vẹn. Bè bạn thường chơi đùa, đồng học đều xa lánh, người xuất gia như vậy luống bỏ mất tuổi đời. Đời nay, phải cố gắng, nên thương xót lấy mình.

BÀI III

Ông đã xuất gia, xa cách người tộc họ, không thân không sơ, thanh tịnh vô dục. Hay cũng không vui mừng, dở cũng chẳng suy nghĩ. Siêu nhiên tự tại, khoát nhiên lìa thế tục. Chí trụ lý nhiệm mầu, phép chân giữ thành thật. Đắc độ rộng cứu vớt, khắp nơi nhờ phúc lộc. Sao nỡ vô tâm, đắm nhiễm vẩn đục, luống tranh giành hay dở, tốt xấu vẫn hơn thua, tranh lợi dưỡng với đời, nào khác kẻ tôi tớ. Kinh đạo chẳng hiểu rõ, đức hạnh không đầy đủ. Người xuất gia như vậy, luống tự chuốc hủy nhục, đời nay vì khuyên dạy, nên phải tự sửa đổi.

BÀI IV

Ông đã xuất gia, gọi là Đạo nhân. Chẳng kính thờ cha mẹ, không làm tôi vua quan. Khắp trời đều cung phụng, kính sợ như thần linh, dốc lòng thành lễ bái. Bất luận là giàu nghèo vì chuộng hạnh thanh tu, tự lợi và lợi tha, cắt bớt phần của mình, một hột nặng bảy cân. Sao lại sinh biếng nhác, không trả ân sâu kia, buông lung dựa thế tục, thân ý phải não phiền, không giới ăn của thế, chết vào núi Thái Sơn, sắt nóng làm thức ăn, đồng chảy rót vào miệng. Đau khổ như thế đó. Kinh Pháp Cư dạy rõ, đời nay nên cố gắng, phải sửa đổi tự tâm.

BÀI V

Ông đã đi xuất gia, được gọi là Tức tâm, nhơ xấu không đắm nhiễm, chỉ lấy đạo làm trọng. Chí tham học trong sạch, như ngọc sáng băng trong. Phải tu kinh giới, để cứu giúp tinh thần, chúng sinh nhờ nương tựa, và độ những người thân. Sao nỡ lại vô tâm, theo tục lụy nổi chìm, buông thả thân bốn đại, bỏ mặc năm căn trần. Đạo đức ngày cạn mỏng, việc đời ngày càng sâu. Người xuất gia như vậy, bị đồng hóa với đời. Đời nay phải răn giữ, may mắn được khai thần.

BÀI VI

Ông đã đi xuất gia, lánh đời bỏ hình hài, nên phải gắng tình ý, phù hợp với Nê-hoàn, vì sao lại nhiễu động, không mến cảnh thanh nhàn, làm kinh đạo hao tổn. Luôn bận rộn việc đời, không sống theo đạo thanh bạch, lại bước vào bùn lầy. Mạng căn như bóng chớp, chỉ trong khoảng sát-na. Địa ngục nỗi đau khổ, bút mực khó tả xiết. Đời nay phải giục giấng, nên kính trọng kinh điển.

BÀI VII

Ông đã xuất gia, không nên tự khoan dung. Hình dáng tuy khô khan, nhưng đức hạnh dễ nhìn. Y phục tuy to xấu, ngồi đứng dáng trang nghiêm, uống ăn dù đạm bạc, lời nói đáng để lòng. Hạ về chịu nóng bực, Đông đến nhẫn rét buốt. Hãy tự giữ khí tiết, không uống nước suối trộm. Của dâng không hợp lễ, chân chẳng bước ra nhận. Trong tĩnh thất ẩn tu, như đối trước Thế Tôn. Học lực tuy không nhiều, đáng sánh với Hiền Thánh. Người xuất gia như vậy, đủ đền đáp cha mẹ, họ hàng người tri thức, tất cả đều nhờ ân. Nay vì người răn dạy nên phải tự siêng chăm.

BÀI VIII

Ông đã đi xuất gia, tâm tánh có tối sáng, học vấn không nhiều ít, cốt ở chỗ ròng tu. Bậc Thượng sĩ ngồi thiền, người trung căn đọc tụng, kẻ hạ căn làm việc, trông coi việc chùa tháp. Đâu nên để suốt ngày, không làm được việc gì. Lập thân không hiển đức, đáng nói luống một đời. Ngày nay bảo ban người, phải tự vững lòng dạ.

BÀI IX

Ông đã đi xuất gia, lìa hẳn đấng sinh thành. Lấy đạo pháp sửa tánh, áo thế tục lìa thân. Ngày giã từ thân thuộc, lòng buồn vui lẫn lộn.

Xa hẳn chốn tục lụy, vượt khỏi (chốn) bụi hồng trần. Nên tu học kinh đạo, giữ mình sống theo chân. Vì sao lại vô tâm, đắm nhiễm nhân thế tục. Kinh đạo đã cạn mỏng, đức hạnh không mảy may. Lời nói không đáng quý, giới đức chẳng được trọng. Thầy bạn thêm bận lòng, sân hận ngày càng thêm. Người xuất gia như vậy, tổn pháp nhuốc nhơ thân. Hãy nên suy nghĩ kỹ, làm tốt cho thân sau.

BÀI RĂN NÓI VỀ XUẤT GIA CỦA PHÁP SƯ TỪ ÂN- ĐỜI ĐƯỜNG

Bỏ nhà xuất gia là để làm gì? Cúi đầu đảnh lễ đấng Không Vương, mong ra khỏi nhà phiền não. Nhờ Ba Sư bảy chứng quyết định hóa độ lúc ban đầu, cạo tóc nhuộm áo, phát lời thề rộng lớn độ sinh. Dứt tham sân, trừ tật xấu, trong mười hai thời luôn luôn cẩn thận giữ gìn ba nghiệp, nên mài chân tánh như hư không. Tự nhiên sẽ đẩy lui được ma quân ngoài trận chiến. Phải siêng năng học tập và tham cần thưa hỏi các bậc Sư tượng, hãy trao đổi những người cùng chí hướng, vì họ có khả năng làm chỗ nương cậy cho mình. Đừng bảo lòng dạ rối rắm như chông gai để rồi buông thả cho bóng thời gian trăm năm qua mất. Phải nối gót theo bậc Tiên Hiền, học tập theo Tiên Thánh, đều nhờ vào ba pháp: Văn tuệ, Tư tuệ, Tu tuệ mà được chứng ngộ, khi đi đứng, lúc nằm ngồi, phải giữ gìn ba nghiệp, tinh chuyên mỗi niệm không sai sót thì mới được hợp nhau. Chân kinh mười hai bộ của Phật dù nói dọc hay nói ngang nhưng cũng đều chỉ rõ nẽo Bồ-đề mà thôi. Nếu ta không học tập, không lắng nghe, không thực hành theo đó, thì hỏi đến ngày nào tâm mới khai ngộ, phải mau cứu vớt như cứu lửa cháy đầu, đừng đợi sang năm và nhiều năm sau, hễ một hơi thở ra không thở vào là đã qua đời khác. Ai dám bảo đảm thân này là thân bền chắc? Không nuôi tằm mà có áo mặc, không làm ruộng mà có cơm ăn, người thợ dệt, kẻ nông phu phải gắng sức làm lụng đến đổ mồ hôi máu, vì muốn cho ta thành đạo nghiệp nên đem lại cúng thí, mà đạo nghiệp của ta chưa thành thì làm sao tiêu được? Bùi ngùi thương công cha sinh, chạnh lòng nghĩ ân mẹ dưỡng, nuốt đắng nhả ngọt, khổ cực biết dường nào, dời khô đến ướt, nuôi nấng cho con nên người, ý muốn cho ta tiếp nối môn phong, kế thừa tiên tổ.

Vậy mà, một sớm đành giã từ thân tộc, tìm lối xuất gia, mẹ cha đã tám, chín mươi tuổi mà không có người nương tựa. Nếu ta không cố gắng tu trì để được siêu phàm lên Thánh, cứ mãi lần lữa, thì rất là sai lầm. Y ruộng phước, bát hàng rồng, thọ dụng một đời cầu giải thoát. Nếu vì lợi nhỏ để lòng vương thì bờ Niết-bàn kia làm sao đến được mấy

người. Thiện nam! Ông phải biết: khó được gặp gỡ như đời này, đã gặp Phật pháp đi xuất gia mặc áo vải to, duyên may ấy cũng như rùa mù gặp được bộng cây nổi. Bậc đại trượng phu phải mạnh mẽ, gắng giữ thân tâm, đừng dễ dãi, ví được sức mạnh nguyện giúp nhau thì quyết chắc trong hội Long Hoa sẽ được Phật thọ ký.

LỜI KÝ Ở NHÀ TỈNH HÀNH - CHÙA PHÁP LUÂN NÚI NAM NHẠC DO CƯ SĨ SIÊU NHIÊN TRIỆU LINH CĂNG SOẠN

Tôi từng cho rằng: trong các thứ khổ, chỉ có bệnh khổ là nặng hơn hết, và trong các việc làm phúc chỉ có việc chăm sóc người bệnh là quý hơn hết. Cho nên, người xưa cho người bị bệnh là Thiện tri thức và khuyên người lấy việc nuôi người bệnh làm ruộng phước. Bởi thế tùng lâm vì người già bệnh mà sắp đặt mọi tiện nghi. Nay tùng lâm nhóm chúng tu học, hễ có người bệnh thì dạy dời người bệnh qua nhà Tỉnh hành, không phải chỉ TU TỈNH CÁI HÀNH để hết bệnh mà còn muốn cho người bệnh trong lúc đêm thâu canh vắng với ngọn bạch lạp phản chiếu trong lòng mà để tâm cứu xét đến vấn đề lớn của kiếp sống con người. Như vậy há bảo là luống uổng hay sao?

Đã đặt ra chức Tri Đường để trông coi thuốc thang cơm cháo, lại răn chốn thường trụ phải lo chu cấp vật dụng để đủ dùng. Đây là quy chế muôn đời của Tiên Phật.

Thế mà, thời nay không còn được duy trì như thế nữa. Nhà thì đặt tên là Tiên Thọ, quê hèn không chịu sửa đổi, người bệnh thì không xét lại lỗi ở mình, người nuôi bệnh thì làm việc trái phép tắc, thuốc thang thì bốc càn bốc bậy, khiến căn bệnh trở nên nguy kịch, đến đỗi có người phải chịu đau yếu thảm thương, không về được chốn tham đường, vì những kẻ lơ là làm mất đi ý nghĩa cao quý, mệnh danh là xây nhà nuôi bệnh! Chức Tri Đường chỉ có danh xưng mà không có thật nghĩa. Hoặc có người cùng đường ốm nặng mà chốn thường trụ cứ mãi lo (việc) cần kíp cho việc tiêu dùng hàng ngày, không còn đặc biệt vỗ về chăm sóc cho người bệnh lại mất đi ý nghĩa cao đẹp của Tôn Giả Ưu-ba-ly trông nom người già bệnh nữa. Do đó mà người bệnh rên rỉ đau nhức, căn bệnh ngày càng thêm nặng (đó là) lỗi (của) người kia đây chứ chẳng phải là lỗi của Đức Như Lai. Vì có người quen đến thăm bệnh cứ đều là chòm xóm quen xưa, vì tâm đã không khắp nên việc xảy ra có sai sót.

Nay ở chùa Pháp Luân, khi có người bệnh thì đổi ra nằm một phòng mới, phải cắt người thật lòng. Bởi cắt (người) có bổn phận thì

việc trông nom người bệnh mới được tốt đẹp thành tựu, vì thế bất luận là ai, chỉ có người bệnh phải nên tịnh dưỡng như thế nào, nghĩa là chính mình phải xét nghĩ đến lỗi lầm. Đời có những người học thức, có khả năng đạt được lý này. Bổn phận của các nạp tăng là phải cắt đứt mọi cơ duyên, phải ngay lúc đau đầu nóng trán, xét tột đến cội nguồn của sự dao động; trong lúc kêu rên đau khổ, chỉ cần nắm lấy cái tâm suốt đau ấy, xét nghĩ cho kỹ ai là người thọ bệnh? Người đã không thấy thì bệnh từ đâu đến? Người và bệnh đều mất thì là vật gì? Thẳng suốt thấy được rõ ràng chính (là) lúc người bệnh sắp khỏi.

BÀI MINH TỨC TÂM CỦA SA MÔN PHÁP SƯ VÔ DANH Ở VỊ TÂN, ĐỜI CHU

Trong pháp giới có ngọc báu Như ý ở nơi người, đã cất lâu trong thân, khắc sâu vào ngực rằng, người xưa thu nhiếp tâm ý. Hãy răn dè, hãy răn dè! Đừng lo nhiều, đừng biết nhiều! Biết nhiều thì việc nhiều, chẳng bằng dứt ý. Lo nhiều thì mất nhiều chẳng bằng giữ một. Lo nhiều thì chí tán, biết nhiều thì tâm loạn. Tâm loạn sinh não, trí tán ngăn đạo, chớ bảo nào hại, khổ kia càng mãi. Đừng bảo nào sợ, họa kia vạc sôi. Giọt nước không ngừng bốn biển sắp tràn. Mảy bụi chẳng chùi năm non sắp thành. Giữ ngọn ở gốc, dù nhỏ chẳng khinh. Bít cả bảy lỗ, đóng ngăn sáu căn. Không ngắm nhìn sắc, chẳng lắng nghe thanh, nghe thanh tai điếc, thấy sắc mắt mù. Một văn một nghề, muỗi nhỏ trong hư không. Một kỹ một năng, đèn dưới mặt trời. Anh hiền tài nghề ấy là ngu tệ. Buông bỏ thật thà, đắm đuối đẹp nhảm. Ý ngựa dễ rong, tâm vượn khó buộc, thần đã nhọc mệt, hình hẳn mòn hao, lối tà trọn mê, đường tu hằng chấp. Anh hiền tài năng, ấy rằng tăm tối, chê vụng khen khéo, âm đức chẳng lớn. Danh đầy hạnh mỏng, ngôi mau cao đổ, kéo đuối nhọc co (thụ hưởng thật nhiều vật chất khó mà từ bỏ) chỗ dùng không thường. Trong chứa mong khoe, ngoài thêm oán ghét. Hoặc bàn ngoài miệng, hoặc viết trong tay. Muốn người khen trọng, cùng hở chỗ xấu. Phàm phu cho tốt, Hiền Thánh nói dở. Ngắm vui tạm thời, buồn lo hoài mãi. Sợ bóng sợ dấu, càng chạy càng mắc. Vững ngồi bóng mát, mất dấu bóng chìm. Nhàm sinh chán già, hễ nghĩ liền tạo. Nếu diệt tâm tưởng, sinh tử mãi bặt, không tử, không sinh, vô tướng, vô danh. Một đạo rỗng lặng, muôn vật đều bằng. Nào hơn, nào kém, nào nặng, nào nhẹ, nào sang, nào hèn, nào vinh, nào nhục. Thẹn trong trời lặng, mặt trời liền tỏ. Yên như đồi núi vững tựa thành vàng. Kính mong hiền triết đạo này lợi ích.

LỜI QUY GIỚI CỦA HÒA THƯỢNG ĐỘNG SƠN

Sa-môn Thích tử phải lấy hạnh cao thượng làm tông. Đã dứt vướng vin với trần cảnh nên tùy phận mà ăn mặc cho đạm bạc, cắt tình mẹ cha ân nặng, bỏ đạo vui tôi lễ nghi, cạo tóc nhuộm áo, giữ khăn (đãy lọc nước) ôm bát, đi vào nẻo tắt, ra khỏi trần lao, bước lên thềm bậc tiến vào cảnh Thánh, tinh sạch như sương, trắng trong như tuyết. Rồng thần kính sợ, quỷ mị quy hàng. Chuyên tâm dụng ý tu hành để đền đáp ân sâu của Phật, đối với công cha mẹ sinh thân khó nhọc mới đáp đền và thấm nhuần lợi ích bốn ân. Đâu cho kết gá môn đồ, theo bè bạn việc gìn nghiên bút, rong ruổi văn chương chăm chăm theo bã lợi danh, bám bám vương mang bụi trần. Không nghĩ đến giới luật, phá bỏ các oai nghi, cậy một đời dễ dãi trôi qua mà phải bị đắng cay muôn kiếp. Nếu bắt chước tập quen như thế, thật uổng xưng là Thích tử sa-môn.

BÀI THƠ VIẾT VÀO GIẢI ÁO CỦA TUÂN THỨC SÁM CHỦ- CHÙA TỪ VÂN

Tri bạch! Ông phải biết: Những việc làm hàng ngày, nếu có hại đến pháp lành thì phải lánh xa. Những đường lối diệt ác càng phải dụng công. Miệng không tự khoe khoang, lòng không tự dối trá. Chớ giữ tâm mục nát bên trong, đừng giả bày hình dáng thiền tương bên ngoài. Muốn người khen ngợi, chứa lợi riêng mình. Đầu mối giết đầu nhân nghĩa là nền móng giam hảm điều tai họa. Tự cậy đức mình ắt có nhiều chê. Tự khoe điều hay sẽ chuốc nhiều quấy. Quyến thuộc nhóm họp, ông phải lánh xa. Lợi dưỡng mảy may (nhỏ nhen) ông nên kiêng sợ. Trong lúc tự làm phải lựa chọn suy nghĩ. Ngoài phép răn ác, phép nào là nên. Hương thơm một nén, sen hồng vài cành. Miệng đừng thôi tụng, ý chớ nghĩ khác. Ngồi thiền lạy Phật, phép này đừng thiếu. Ăn mặc vừa đủ, chí cả chớ dời. Văn chương bút mực tạo đời, như lời Phật dạy phải răn. Nói người hay dở, như pháp kiêng dè. Dù tiếp khách bạn, miệng chớ lắm lời. Thường sợ bóng sáng chớ để hao thời. Xác thân giả tạm chẳng hẹn dài lâu. Hoa sen cõi tịnh, là chỗ thật về, khiến ngày lẫn đêm, siêng năng tu hành.

VĂN PHÁT NGUYỆN

Nguyện thân này của con, được an ổn học đạo, xa lìa các chướng duyên. Chánh pháp không ma nạn, cõi nước được giàu vui, thường ở chốn thanh nhàn, ưa riêng nơi vắng lặng. Áo vá với cơm rau, tùy phận vừa biết đủ. Thường nghĩ sợ của thí, như chống chọi giặc mạnh, luôn xa

lánh quyến thuộc, như xa lánh kẻ thù, thường giữ gìn thiền tuệ như giữ gìn châu báu. Luôn bỏ các pháp ác, như bỏ bệnh tệ hại. Pháp y cùng gậy tích là binh pháp chống ma, giường dây với lò hương là dụng cụ điều hòa giúp tiến tu đạo nghiệp. Ngoài những món này ra không hề tham đắm gì nữa. Tập tục thường sinh khởi, nguyện không gần nó. Ham dục và danh lợi, chẳng phải đệ tử ta. Khen chê như tiếng dội, hang trống gió qua tai. An nhẫn với nghịch thuận, chí trọn nơi đạo nghiệp.

BÀI MINH KHẮC BÊN CHỖ NGỒI CỦA THIỀN SƯ KHUÊ PHONG TÔNG MẬT.

Sáng dậy nên làm việc, xét lời trọn ít lỗi. Thân an siêng giới định, việc lỗi chẳng dạo chơi. Người quấy chẳng nên bàn, lỗi mình nên tự sửa. Trăm năm đã có chừng, việc đời thuở nào thôi cạo tóc vào tăng số, phải sánh với thượng lưu. Làm càn theo đời đổi, chí tự chuộng rộn ràng. Bốn ân nặng như núi, mảy may vẫn chưa đền. Hớn hở ở nhà cao, mài miệt toan cầu gì? Sống chết trong hơi thở, sinh diệt như bọt nước. Đừng để mất áo vuông, đổi thành nhân A-tỳ.

LỜI THỊ CHÚNG CỦA THIỀN SƯ BẠCH DƯƠNG THUẬN

Duyên nhiễm dễ đến, đạo nghiệp khó thành, không rõ trước mắt, muôn duyên khác nhau, chỉ thấy gió cảnh mênh mông điêu tàn, lửa tâm thiêu cháy khoảng rừng công đức. Lửa lòng hừng hực cháy đỏ, thiêu rụi hạt giống Bồ-đề. Nếu đạo niệm đồng với tình niệm thì xưa nay đã thành Phật. Vì đại chúng như vì chính mình, kia đây làm xong mọi việc, không thấy người sai mình đúng, tự nhiên trên kính dưới cung, Phật pháp thường hiện tiền, phiền não sáu trần giải thoát.

LỜI RĂN CỦA THIỀN SƯ TRI GIÁC DIÊN THỌ CHÙA VĨNH MINH

Cửa học đạo, không có gì kỳ đặc, chỉ cần gội sạch căn trần, buông bỏ hạt giống, nghiệp thức từ vô lượng kiếp đến nay mà thôi! Các ông hãy nên diệt hết tình niệm, bặt dứt vọng duyên. Đối với tất cả cảnh giới ái dục trong đời giữ tâm in tuồng như gỗ đá. Dù cho mắt đạo chưa tỏ, tự nhiên cũng thành tựu được tịnh thân. Nếu gặp được bậc Đạo sư chân chính, thì phải giữ tâm siêng chăm (mà) học tập. Vì dù tham mà chưa suốt, học mà chưa thành, nhưng một khi đã nghe qua tai rồi, thì mãi mãi kết thành hạt giống đạo pháp ở tương lai. Đời đời không rơi vào đường

ác, kiếp kiếp chẳng bị mất thân người. Vừa mới sinh ra đã được gặp Phật pháp, một nghe ngàn ngộ. Các ngươi phải tin rằng bậc chân thiện tri thức là nhân duyên rất lớn trong cõi người, vì các bậc ấy có khả năng giáo hóa chúng sinh, giúp cho người đời thấy được Phật tánh.

Than ôi! Đời mạt pháp có những kẻ cuồng nói Nhất thừa. Họ chỉ học những lý thuyết suông, chứ hoàn toàn không thật hiểu, việc làm thì có, miệng thì nói không. Tự thân chưa tránh khỏi nghiệp lực kéo lôi lại đi dạy người, dạy người bác vô nhân quả. Họ bèn nói ăn thịt, uống rượu chẳng ngại đạo Bồ-đề, trộm cắp, hành dâm không ngăn trí bát-nhã. Những kẻ ấy sống thì bị phép vua tra khảo, chết phải chịu giam hãm chốn A-tỳ. Chịu trả nghiệp ở địa ngục hết rồi, lại đọa vào loài súc sinh, ngạ quỷ, trăm ngàn muôn kiếp không có ngày ra khỏi. Trừ phi một niệm biết xoay trở lại thì tức khắc sẽ xoay tà thành chánh. Nếu không biết tự sám hối, tự độ tự tu thì dù chư Phật có ra đời cũng không thể cứu họ được. Nếu cắt bỏ tim gan mà giống như gỗ đá thì mới nên ăn thịt. Nếu uống rượu giống như uống đồ phẩn tiểu thì mới nên uống rượu. Nếu thấy trai gái xin đẹp giống như thấy thây chết thì mới nên trộm cắp. Dù (cho) ông có luyện được tâm mình đến địa vị vô phân biệt như thế đi nữa thì lẽ ra cũng chưa nên thuận theo ý ông, mà phải đợi cho chứng được vô lượng Thánh thân rồi mới nên làm những việc nghịch thuận của thế gian. Bậc Thánh hiền xưa hành động nào có tâm gì khác đâu! Chỉ vì tăng ni đời mạt pháp, ít ai chịu giữ giới cấm cũng vì sợ những kẻ phá giới ấy lừa dối người đời làm cho họ lui mất đạo tâm, cho nên Thánh hiền các ngài phải rộng làm việc ngăn ngừa, các ngài giảng nói ngàn kinh, trình bày muôn luận cũng đều không ngoài mục đích ấy, cho nên người học đạo nếu không bỏ dâm thì sẽ dứt mất tất cả hạt giống thanh tịnh. Nếu không bỏ rượu thì sẽ dứt mất tất cả hạt giống trí tuệ. Nếu không bỏ trộm cắp thì sẽ dứt mất tất cả hạt giống phước đức. Nếu không bỏ ăn thịt thì sẽ dứt mất tất cả hạt giống từ bi. Chư Phật khắp ba đời cùng lời giảng bày Thiền tông trong thiên hạ chung giọng giảng nói. Thế thì tại sao kẻ hậu học lại xem thường mà chẳng chịu nghe theo. Tự hủy mất chánh nhân lại thực hành theo ma nói, chỉ vì xông ướp nghiệp chủng lâu đời, sinh ra gặp nhằm thầy tà bạn dữ. Sức thiện dễ mòn, rễ ác khó nhổ. Há không thấy bậc Thánh xưa dạy rằng: Thấy một việc ma như bị muôn mũi tên xuyên vào tim, nghe một tiếng ma như bị ngàn dùi nhọn đâm vào tai. Mau phải xa lìa, không được thấy nghe. Đều tự xét lòng mình, không nên dễ dãi.

TÁM CỬA TRÀN ĐẦY HƯƠNG VỊ GIẢI THOÁT CỦA PHẬT

Lạy Phật là sao? Nghĩa là kính trọng công đức của Phật. Niệm Phật là sao? Nghĩa là cảm niệm ân sâu của Phật. Trì giới là sao? Nghĩa là hành trì theo hạnh của Phật. Xem kinh là sao? Nghĩa là tỏ rõ chân lý của Phật. Ngồi thiền là sao? Nghĩa là đạt đến cảnh giới Phật. Tham thiền là sao? Nghĩa là hợp nhất với tâm Phật. Đắc ngộ là sao? Nghĩa là chứng được đạo quả của Phật. nói pháp là sao? Nghĩa là tròn đầy được ý nguyện của Phật. Trên lý thật tế, thì không chấp nhận một mảy bụi. Trong cửa Phật sự thì không bỏ một pháp. Nhưng tám việc này cũng như bốn phương, bốn góc, thiếu một cũng không được. Thánh trước Thánh sau đường lối ấy chỉ một mà thôi, sáu pháp ba-la-mật cũng phải gồm tu như thế, mới được phước tuệ lưỡng toàn. Lục Tổ nói: người chấp không vẫn còn vướng mắc ở một góc. Cho nên Tổ Đạt-ma nói rằng không lập văn tự, chỉ cần thấy tánh thành Phật chính là ý này. Dù vậy, đối với kẻ còn mê vẫn phải nương vào văn tự mới được. Nếu chê bai kinh Phật thì tội chướng sẽ sâu nặng biết dường nào! Như thế chẳng lẽ không răn dè ư?

BÀI VĂN NÓI VỀ CHÍNH DANH TỲ-KHEO CỦA LUẬT SƯ ĐẠI TRÍ CHIÊU

Tiếng Phạm là Bí-sô, Hán dịch là Khất sĩ, nghĩa là bên trong thì xin giáo pháp của chư Phật để trị tâm, bên ngoài thì xin cơm của đàn-việt để nuôi thân, cha mẹ là bậc chí thân, cũng phải giã từ trước nhất. Tóc râu là cái mà người đời quý trọng cũng phải cạo bỏ hết. Giàu sang bảy báu tràn đầy, cũng vất bỏ đồng như cỏ rác. Tôn quý quyền uy nhất phẩm mà cũng xem đó khác gì mây khói, nhàm chán thân vô thường, xét cùng (tột) đến gốc rễ. Muốn cho chí khí thanh cao, thì phải dẹp thân giả tạm. Cầm tích trượng giống như cầm cây lê khô, mang bình bát nào khác mang chén mẻ, vai khoác cà-sa xem như mặc áo rách. Tay mang túi đãy xem đồng như túi rách. Phải trong sạch nuôi mạng sống, giữ mình thấm nhuần trong tám Thánh đạo. Kiệm ước (dè sẻn) để tu thân thì được dự vào hạnh tứ y. Chín châu bốn biển đều là chỗ dựa nương. Dưới cội bên gò tất cả là nơi nghỉ ngơi. Vin cỡi cái gọng xe Ba thừa mà bước vào dấu vết của chư Phật. Vâng lời Thánh giáo mà không trái mới thật là đệ tử Như Lai, gặp gỡ duyên đời mà tâm trí không thay đổi, mới thật là bậc đại trượng phu. Được vậy mới đánh lui được ma quân mới xé rách được lưới trần. Dù có nhận lãnh muôn lượng vàng cũng người dâng cúng, thì tin rằng cũng tiêu được và xứng đáng làm ruộng phước

cho bốn loài, chắc hẳn chẳng phải luống dối. Vậy ý nghĩa của danh từ Khất sĩ, có phải nói về việc đó chăng?

BÀI MINH VỀ DUYÊN

Vì báo ân xa, bỏ Nho theo Phật. Dũa mài thói cũ, gột sạch duyên đời. Cắt đứt các dòng, vách thẳng muôn trượng. Văn chương bút nghiên, đều đem đốt bỏ, phong hoa tuyết nguyệt, chẳng nhọc ca ngâm, rượu thịt sắc tài, chẳng còn ngoái đầu, danh lợi vinh hoa, nào có để mắt. Bọ hèn càn dở, chánh pháp ngập chìm. Tuy rằng xả tục, thói tục chẳng thừa. Đều nói xa trần, duyên trần chẳng dứt. Mới gần chợ búa, muốn làm xà-lê. Chưa vào tùng lâm, muốn xưng Trưởng lão tránh nước (chết đuối) vào lửa (chết thiêu) đâu biết mù si. Bước lùi mà mong tới thật là điên đảo. Áo Nho tâm Phật đời chẳng thiếu người. Áo Phật tâm Nho nhan nhãn trước mắt. Luật ngừa thô bạo, Thiền dứt duyên vọng, xét kỹ khổ không, thường nghĩ nhàm lìa. Thầy tà bạn dữ, sợ như sói, cọp. Thầy hay bạn lành thương như cha mẹ. Thấp lòng như đất, nín miệng như ngu. Xô dẹp ngã nhân, mòn dừng ý khí. Ngồi yên nhà vắng, tụng niệm qua thời, nghĩ đến Lạc Bang, một lòng chờ mãn. Nếu được như thế, ta còn lo chi, nếu chẳng như vậy, người nên suy tính.

BÀI MINH KHẮC BÊN CHỖ NGỒI

Bốn thế chẳng siêng năng, trăm việc không thiếu hụt, ngồi yên mà thọ dụng, nào hiểu từ đâu đến. Chỉ nuôi dưỡng thân nhơ, ít làm việc phước lành. Dù có tâm hổ thẹn, vẫn sợ khó tiêu. Huống chi ở học đường, lạm xen nghe dạy bảo, vạch tìm người hay dở, phá phép tắc của người. Mượn gá duyên bên ngoài, lánh xa phép đại chúng. Khinh chê bậc tiên giác, lừa bịp kẻ hậu sinh. Dòm ngó điều lợi danh, cấu kết phe thêm đông. Nếu không bị bệnh dữ, thì cũng có dư ương, luống hao phí tinh thần, rốt cuộc không thành tựu. Lên xuống cũng do mình, thiện ác nào khác cửa. Phúc đi thì họa đến, dù ăn năn nào kịp. Lời này chẳng dối gạt, mọi người hãy nghĩ suy.

LỜI BẠT VỀ QUY THẰNG

Học chúng! Hãy nghe lời ta nói: Mẹ cha sinh thân này, lẽ phải nên hầu hạ, nuôi nấng lúc tuổi già. Sư trưởng nhận độ mình, đúng lý phải gần gũi, kính vâng lời dạy bảo, lại xa cách làng xóm, gởi thân chốn trường giảng. Cho nên phải nương gần người nhân đức, chọn lấy

điều tốt lành. Dựng chí lập thân, thưa hỏi đừng bỏ mất thời giờ, gìn giữ chớ lìa nửa bước. Nếu để theo con ngựa chứng vô minh, buông lung con vượn hoang nghiệp thức mặc tình, thấy điều lành không bắt chước, làm việc ác chẳng hổ thẹn. Hoặc bị người quở trách trị phạt đuổi đi. Đâu chẳng cô phụ hệ lụy đến cha mẹ, tủi nhục thầy bạn khuyên răn nhắc nhở. Lạm xen vào hàng tịnh chúng, uổng tâm người thí cúng dâng, hiệu là vô tàm nhân, gặp việc chẳng vừa ý. Hãy y luật mà xem xét, lược bày các điều chương. Người đến học đồng vâng theo, giúp chánh pháp tồn tại lâu dài.

■

TRUY MÔN CẢNH HUẤN

QUYỂN 3

LỜI KÝ NƠI NHÀ TĂNG THIỀN VIỆN VĨNH AN Ở PHỦ CHÂU DO CƯ SĨ VÔ TẬN SOẠN

Người học đạo ngày xưa chôn tâm vùi chí vào chốn sâu hang thẳm. Các ngài đào hang làm nhà ở, bện cỏ làm áo mặc, vốc nước suối mà uống, nấu trái lê mà ăn, cùng cọp beo làm bạn, kết thân với vượn khỉ, một khi mắt tuệ của các Ngài đã mở rồi, thì bất đắc dĩ thanh danh ngào ngạt bay xa, răn thái độ bày chấp chốn thì những người cùng chí (khổ hạnh) không ngại đường xa ngàn dặm, họ cũng mang lương khô quảy dép đến theo học. Dù bậc đạo nhân có từ chối không nhận, nhưng họ vẫn ở lại giúp đỡ công việc kiếm củi, hái rau, giã gạo nấu cơm, quét rác dọn dẹp, nhổ cỏ trồng rau, làm người hầu hạ sai khiến. Cho nên khổ nhọc mà vẫn tinh nhất, lâu ngày chầy tháng cũng không thấy mệt nhọc, mong thầy thương xót ban cho một lời dạy bảo lợi ích, nhờ đó mà vượt khỏi bến bờ sinh tử. Bậc Cổ Đức ngày xưa là thế, chứ nào có mọi thứ như ngày nay, gọi là cung thất điện đường đẹp đẽ, giường chỗng hoa cụ an nhàn, chăn màng ấm êm, nệm chiếu mát mẻ, song cửa rực rỡ. Khăn (mâm) bóng sạch, ăn uống đầy đủ, tiền bạc dư dã, các vật dụng không thiếu, những việc mong cầu đều được.

Ôi! Các bậc Cổ đức, tôi thật thiếu duyên nên không được tham kiến. Nay nhân nhà Tăng của thiền viện Vĩnh An mới xây xong, tôi được mời đến phát biểu vài lời tóm tắt.

Vào tháng 11 mùa Đông, niên hiệu Nguyên Hựu năm thứ sáu, khi tôi đến nhậm chức ở quận đất Lâm Xuyên, nghe vị lão tăng trụ trì thiền viện Vĩnh An bị bệnh rồi qua đời, học trò của Đâu-suất Tùng Duyệt là Liễu Thường lên kế thừa. Sư Liễu Thường mới lên tòa nói pháp, lúc ấy có vị Cư sĩ họ Trần nghe được lời pháp yếu thoáng qua tai ông sinh tâm rất vui thích, thưa với Liễu Thường rằng: Nãy giờ, tôi lắng nghe thầy giảng thật là những điều mới lạ trước đây tôi chưa từng được nghe. Nhận thấy ngay trong pháp hội có các tịnh lữ nhóm họp quá đông

mà nhà Tăng thì chật hẹp thì làm sao tiếp đãi hết mọi người. Nay tôi nguyện xuất một trăm vạn đồng tiền, vì đại chúng mà xây cất nhà tăng. Thế là công việc trùng tu bắt đầu, qua đến năm sau thì nhà tăng được hoàn thành, cao lớn rộng rãi, vượt hơn cả tăng đường ở xứ Giang Hữu. Liễu Thường sai người đến nhờ tôi viết bài văn, tôi gặp được Thường ở trên núi và kịp đến đây. May sao đoạn cuối bài văn đã viết xong, tôi bảo người sứ về nói với Thường, hãy đánh trống giọng chuông nhóm đại chúng lại, thưa ý kiến của tôi với đại chúng rằng: Các thầy Tỳ-kheo, nay nhà tăng đây đã được hoàn thành có thể ngồi, nằm kinh hành, như vậy là thỏa được lòng mong ước của các thầy rồi. Các vị hãy ở trong nhà này mà trì giới yên nghỉ, xa lìa hết các mộng tưởng. Thì ngay lúc ấy Tổ Bách Trượng chính là các vị, các vị chính là Bách Trượng. Nếu không được như thế, mà cứ mãi mê ngủ nghỉ, như vậy là rắn độc còn núp trong tâm, mờ mịt không biết, giữa ban ngày mà tối om như vào trong hang kín. Các vị hãy ở trong đây mà ngồi kiết già tĩnh tọa, sâu vào thiền định. Ngay lúc ấy các vị chính là Tôn giả Không Sinh rồi. Nếu không được như thế, thì chẳng khác nào như con khỉ bị nhốt trong lồng củi, nhìn quả lật, quả tra ở bên ngoài mà tạp tưởng lăng xăng, ngồi hóa thành loài khác. Các vị hãy ở trong đây mà mở kinh đọc tụng, cứu xét Thánh ý. Từ Tiệm giáo mà bước vào Đốn giáo, từ Đốn giáo mà bước vào Viên giáo. Ngay lúc ấy ba tạng kinh điển chính là các vị, các vị chính là ba tạng kinh điển. Nếu không được như thế thì chẳng khác nào như con chim mùa xuân líu lo giữa ban ngày, như con dế mùa thu gáy vang lúc ban đêm, bị sức gió đưa đẩy mà không hề có ý vị. Các vị hãy ở đây mà xem lời nói của người xưa, một nghe ngàn ngộ, vào trong hồng trần mà xoay bánh xe đại pháp. Thì lúc ấy các Tổ chính là các vị, các vị chính là các tổ. Nếu không được như thế thì chẳng khác nào như chó gặm xương khô, cú mèo mổ chuột chết, ngậm mỏ mím môi một cách vô ích, chỉ làm tăng thêm lửa đói khát mà thôi, cho nên các vị phải phân tích rõ đâu là dơ, sạch, trình bày lý nhân quả phải xét kỹ tình tưởng, cảm nhận thế nào là khổ vui. Chẳng lẽ cứ để cho thân này phải trôi nổi đắm đuối trong ba cõi cho đến đời sau ư!

Thế thì người xây cất ngôi nhà này có tổn mà cũng có ích, người ở trong nhà này có lợi mà cũng có hại.

Các vị Tỳ-kheo nên biết rằng: Nếu công hạnh của các (thầy) được như các Bồ-tát thì các vị có thể cắt nhục kế của Phật Tỳ-lô, chặt tay Bồ-tát Quán Âm, móc mắt Bồ-tát Văn-thù, bỏ ống chân của Bồ-tát Phổ Hiền, đập nát tòa ngồi của ông Duy-ma, đốt y Tổ Ca-diếp, thọ nhân như

thế là đem vàng ròng làm ngói gạch, lấy bạc nén đổi thành tường vách, các vị cũng có thể ở được, huống chi là một nhà tăng này, khuyên răn, cố gắng, lời tôi nói không luống dối! Liễu Thường tham học với Duyệt Lão hơn mười năm, thì tỏ được việc lớn rốt sau. Bởi người xưa có câu rằng: "Đó là cây kiếm Kim Cương Bảo Vương".

Ngày mùng 10 tháng 12 niên hiệu Nguyên Hựu năm thứ 7, viết lời ký này lúc đêm tuyết rơi ngập lò ở Xích ô Quán, Quận Nam Khương.

ĐẠI SƯ THIỀN NGUYỆT ĐẠI ẨN QUY GIÁM

Tại trần muốn xuất trần
Thế nào để xử thân
Thấy thiện nên cố gắng
Nghe ác chớ nương gần
Dù ở trong nhà tối
Giống như khi tiếp khách
Vui tình nuôi tâm tánh
Gặp nguy giữ thanh bần
Như ngu, chẳng phải ngu
Tu nhân được rõ nhân
Khiêm nhường làm cội gốc
Cống cao chớ kết thân
Ít ra ngoài là quý
Ít nói mới là ngọc
Tu học không bỏ ngày,
Thường tu để biết mới
Vinh nhục chẳng động lòng
Phải quấy đừng han hỏi
Thường tự trách chính mình
Đừng đổ lỗi người khác.

LUẬN CHUNG VỀ TAM GIÁO CỦA HỮU NHAI NINH TĂNG LỤC

Có người hỏi: Lược xem trong Tăng sử để tìm việc đầu mối, là vì sao?

Đáp: Vì muốn làm hưng thạnh Phật giáo, khiến cho chánh pháp được tồn tại lâu dài.

Hỏi: Hiện nay vua kính Phật giáo, chuộng đạo Tiên, thực hành đường lối của Nho giáo, đất nước đang hưởng cảnh thái bình. Như thế là

đã trung hưng rồi, năng lực của giới Tỳ-kheo làm sao xoay chuyển được mà nói là trung hưng Phật giáo?

Đáp: Chính là lúc Thiên Tử trọng đạo nên tôi muốn thêm việc trung hưng Phật giáo đó. Vì nếu kẻ Thích Tử không biết Phật pháp, không chịu tu hành không siêng học Phật khoa, không thấu rõ được bản tâm duyên khởi thì đâu thể giúp bậc Đế Vương làm việc trung hưng Phật giáo được.

Lại hỏi: Ông có sức gì mà làm cho chánh pháp được tồn tại lâu dài?

Đáp: Đức Phật có dạy: Nếu Tỳ-kheo hiểu biết Phật pháp, hiểu rành giới luật, giữ gìn nhiếp thọ lời Phật dạy, thì sẽ khiến cho chánh pháp không dứt mất.

Lại hỏi: Các bậc Tôn sư đã rộng làm việc soạn thuật rồi, nào phải đợi đến thầy mới làm việc này đâu.

Đáp: Người xưa soạn thuật nếu dùng thì chẳng bằng, đâu chẳng biết Tam giáo xoay vần, đến cuối thì trở lại đầu. Cho nên một người ở địa vị cao mà vẫn không sợ sụp đổ. Vì có một người vốn kính phụng lo việc trung hưng Tam giáo; có Tam giáo vốn giúp chân lý cho một người. Vả lại nói về đạo Nho, từ bậc Tam Vương trở xuống thì có Tuyên Vương là người biết áp dụng Tam giáo vào việc trị hóa rất thích hợp. Còn đạo Tiên trước đời Ngũ đế thì đã thầm hợp với đường lối của Lão tử. Trước đây, Mã Sử bước lên Đạo giáo (tiên) trên Cửu Lưu, Ban Liêu viết sách (thư) lỗi lạc trong đạo Nho, là quán quân làm sách vở đầu tiên.

Tử Trường muốn trở lại bản tánh ban đầu mà quay về chỗ thuần hậu của con người, là sùng chuộng đế đạo. Mạnh Kiên nghĩ gốc ở điều chân nên nói theo điều nghĩa là hành theo vương đạo. Từ đời Hạ, Thương, Chu đến nay đã gồm hơn mấy trăm ngàn năm. Nếu dùng Hoàng Lão mà cai trị thì cũng như bệnh nguy kịch mà chậm cho uống thuốc. Vì nhân nghĩa ở đây còn kém, nên lễ hình sinh, vượt khỏi lễ nghĩa, sẽ dẫm qua hình lục thì ngay cả nhà Nho họ cũng phải khoanh tay, đứng nhìn mà thôi. Môn phong của họ thích phô bày diệu dụng cùng khắp mọi nơi, dùng Từ bi thay đổi kẻ bạo ác, lấy hỷ xả thay đổi kẻ san tham, dùng tâm bình đẳng thay đổi kẻ oán, người thân, dùng lòng nhẫn nhục thay đổi lòng sân hận. Biết rõ thân người tuy chết nhưng tâm mình thì bất diệt. Biết rõ chỗ đi đến mà thọ nghiệp gá sinh. Dùng thiên đường ban thưởng cho người lành, có địa ngục để hình phạt kẻ ác. Ví như khuôn nặn đất, như mẫu đúc khuôn, hễ khuôn lệch mà đúc vật vào thì chắc chắn sẽ thành đồ méo vẹo.

Ngược lại, nếu khuôn tốt đúng mẫu mà truyền hình thì chắc hẳn

được tốt đẹp. Việc chẳng cần miệng bàn, người đều mắt thấy. Vì thế bậc Đế Vương kính phụng, quần chúng quy tâm. Như gió lướt qua cỏ thì cỏ bị nhóm lại mà ngã rạp, có thể rộng dựa đạo Lão nhờ cả đạo Nho. Thành trí còn đợi ở Tam Giáo. Vì nước mà chung noi theo các Thánh. Thành tựu cho thiên hạ mà gắng gỏi, vì trọn ngày mà đau đầu, đối với người mà chế ngự muôn vật. Ví như cánh tay sai khiến bàn tay, như bàn tay vận chuyển ngón tay. Hoặc bắt hoặc thả chiều nào mà chẳng tốt! Nếu được như thế thì Tam Giáo chính là vật báu chung một nhà, muôn pháp là vua của một nhà. Mà đã xem như một nhà thì không nên có tâm nghiêng lệch ưa ghét, phát sinh cạnh tranh, đã cạnh tranh thì sẽ nguy hại đến đạo pháp. Mình ở trong đó thì tự nhiên sẽ gặp bất an và kéo nguy đến cả Tam Giáo, chẳng gì bằng không sinh tâm nghiêng lệch (chung sức hành đạo như cùng đi một chiếc bè). Tam Giáo đã hòa hợp thì cố nhiên chánh pháp được tồn tại lâu dài.

Hãy xem Tần Thỉ Hoàng đốt sách, chôn học trò, việc tàn bạo này sinh ra Lý Tư. Hậu Ngụy giết chóc, Sa-môn, việc này do Khấu Khiêm Chi, Thôi Hạo, Chu Vũ phế bỏ hai đạo Phật và Lão, việc làm này để khoe tài thông minh của mình, bởi triều đình không có người chân chánh nên mới xảy ra như thế. Đường Vũ Tông đập phá chùa am tượng Phật, đạo sĩ Triệu Quy chân suất lãnh ông Lưu Huyền Tĩnh chung sức che dèm, phỉ báng. Lý Chu Mai ngấm ngầm giúp sức, bốn ông này sự báo ứng của họ về sau rất mau chóng.

Kính khuyên chúng ta cùng nhau nhắc nhở ngăn ngừa, đừng để mắc vào tội lỗi. Bậc Đế Vương nếu không có lòng rộng rãi thì giáo pháp từ đâu mà lập, huống chi đạo lưu giữ báu, nên trước họ không vì thiên hạ, thì Sa môn ngại gì đem thịnh lễ để hòa với họ. Nên hành động hợp với lời Phật dạy; tất cả kính tin. Tin Lão quân là bậc Tiên Thánh; tin Khổng Tử là bậc Tiên sư, ngoài hai vị Thánh này ra, đâu ai có khả năng hiển dương Thánh giáo, đều cùng thực hành để vua đến được địa vị như Phục Hy Hoàng Đế thuở xưa. Nếu nói trái đây thì khác nào như đứa con vô lại (kẻ bất lương) vô cớ bỗng dưng sinh việc đấu tranh, làm hệ lụy đến cha mẹ mình, phá hao gia sản phải chịu hình phạt giam cầm. Cho nên, phá tổn con đường lớn của Tam giáo, là từ một lỗi nhỏ lúc nhất thời mà ra. Nhưng dù có nhật thực, nguyệt thực đi nữa cũng nào tổn hại đến ánh sáng được. Ngươi há không thấy lửa Tần đốt sách của trăm nhà, nhưng bậc Thánh đã biết trước nên cất giấu sách vở trong vách tường; chôn học trò cho diệt hết nhà Nho, thì có hai họ Dương và Mã nối nhau sinh (quý tử). Đâu từng không cùng loài cắn nhau ư? Lương Vũ

bỏ đạo (Lão) thì Hậu Ngụy lại chấn hưng. Tháo Bạt giết tăng đồ thì con cháu của ông ấy chấn hưng trở lại. Hậu Chu hủy diệt hai giáo, thì Tùy Khiên khôi phục trở lại. Vũ Tông vây hãm Thích môn, đi chưa trở gót thì con ông ấy là Tuyên Tông trùng hưng hơn mười lần. Nghiêng bàn tay đâu thể diệt hết loài hung dữ, giương quả đấm không thể chống chọi với mảnh thú hổ tê, huống chi làm tăng mà chẳng bằng Đạo An!

Đạo an cùng với Tập Tạc Xỉ giao du, đó là kính chuộng đạo Nho. Làm tăng há chẳng bằng Tuệ Viễn, Tuệ Viễn đưa Lục Tu Tĩnh qua cầu Hổ khê, đó là quý trọng đạo Lão. Trong tăng sĩ hẳn cũng có người trách tôi. Nhưng tôi nghĩ rằng mình đã trọng người, thì người lại khinh mình hay sao? Xin hãy tin theo đường lối của Đạo An và Tuệ Viễn mà làm việc. Các bậc cao tăng ấy xứng đáng làm pháp tắc cho bọn ta noi theo. Kinh chép: chặt cây, chặt cây, phép đó không xa (rìu đốn cây làm cán búa, cán búa dùng để đốn lại cây). Thầy mạnh nói: “Thiên thời không bằng địa lợi, địa lợi không bằng nhân hòa, chính là nói việc trên đây.

PHÁP TRUYỀN THIỀN QUÁN

Thiền pháp bắt đầu từ đời Tần Pháp sư Tăng Duệ Từ Quan Trung xuất ra Thiền Kinh. Nội dung lời văn chỉ rõ đường lối để rõ tâm thấy tánh. Nhưng văn kinh ấy trước lập ra phương tốt, nhưng chưa phù hợp với mọi căn cơ người tu. Há chẳng nghe vị lương y muốn trị lành căn bệnh, trước soạn ra sách thuốc (rồi sau đó mới y theo đó mà gia giảm tùy cơ). Huống chi là đại giáo đã mở bày, các vị tài giỏi trong thiền môn mạnh ai nấy chia khoa thuyết giảng. Người chú sớ thì khoe bày lời nghĩa của mình; người nhân khoa thì tự mãn ưa thích theo quan điểm của mình. Hoặc cầm phất trần phe phẩy, hoặc rung gậy tích khua vang, chỉ chuộng thời cơ ứng biến của mình mà mở lối bẻ nhọn. Chỉ xét lý luận đanh thép của mình, quên hết kinh điển mà không cần ra khỏi. Viễn Công ở đất Giang Biểu buồn thương vì Thiền pháp chưa mở bày, do đó phải khổ nhọc mong cầu mới lo được. Tổ Sư Bồ-đề Đạt-ma xem cơ duyên ở cõi này nhắm vào một thời rối loạn mà tuyên bố rằng: không lập văn tự là để bẻ lại những kẻ chấp nệ vào câu văn, ngưng đọng vào dấu vết, và chỉ thẳng tâm người tà để sáng tỏ đốn ngộ được lý vô sinh. Vì để đối trị với căn cơ cao tột, nghĩa lý tròn đầy. Nên không khỏi những người tiệm tu càng thêm chê bai chỉ trích. Người truyền Thiền pháp thì Đức Đạt-ma là Thỉ Tổ, nối nhau thẳng xuống được sáu đời trao y, chi phái dọc ngang truyền bá ra khắp chốn, không thể kể xiết. Như trong truyện Tào Khê Bảo Lâm có nói. Sách này trong phần tiêu đầu của Đạo Pháp sư dưới

câu "Chỉ thẳng tâm người" thì lược bỏ đi. Nay y theo bản xưa nên thêm vào.

LỜI KÝ NƠI NHÀ CHỌN PHẬT Ở THIỀN VIỆN BẢO PHONG, ĐẤT HỒNG CHÂU

Do Thừa tướng Trương Thương Anh soạn.

Niên hiệu Sùng Ninh, vua Tống Trung Tông xuống chiếu ban cho hiệu tháp của Mã Tổ là Từ Ứng, thụy hiệu là Tổ Ấn, và sắc cho chùa ấy mỗi năm độ một vị tăng để lo việc nhang đèn. Vị lão tăng trụ trì chùa là Phước Thâm cất lầu Thiên Thư ngay phía sau nhà Tổ, tiếp theo gác ấy làm một tòa nhà và đặt tên bằng hai chữ Tuyển Phật. Sư liền sai học trò đến nhờ tôi làm lời ký. Tôi đã từ chối nhiều lần, mà kẻ sứ giả cứ nài thỉnh mãi không thôi. Bất đắc dĩ tôi mới nhận lời và bảo với vị ấy rằng, người xưa có nói: người được thi chọn làm Phật là chỉ có trên mặt danh ngôn mà thôi. Nay Sư đặt tên cho nhà là chọn Phật và tôi lại làm lời ký chẳng phải không đáng ư! Vì nghĩ thương sự siêng năng của thầy nên tôi mới nhận soạn lời ký đó!

Nói về chọn là sao? Nghĩa là lựa chọn. (Tuy nhiên lựa chọn phải biết rõ đối tượng ra sao) có bỏ; có lấy; có hơn; có kém. Nên bày ra có khoa cử để chọn lấy người tài. Sở dĩ Tiên Vương (Trương Tông) để lại di tích làm công cụ nhắc thức người tu học, chứ không phải là chọn người làm Phật. Ví phỏng Phật mà có thể thi chọn thì lấy ở sáu căn hay lấy ở sáu trần? Hay lấy ở sáu thức? Nếu lấy ở ba cái sáu này thì tất cả phàm phu đều có thể làm Phật được. Còn nếu bỏ ba cái sáu này thì vô lượng Phật pháp ai tu ai chứng đây?

Thi chọn lấy ở bốn đế hay ở sáu độ, bảy giác, tám chánh, chín định, mười vô úy cho đến mười tám pháp bất cộng, ba mươi bảy phẩm trợ đạo ư? Nếu lấy thì thi chọn có Pháp hay là lấy bốn đế, sáu độ cho đến ba mươi bảy phẩm trợ đạo? Nếu bỏ thì thi chọn không có pháp. Tất cả cái bỏ, cái lấy, cái có, cái không, mù mờ như tơ vương trong lòng, bừng dấy như đưa vào lồng ngực. Ở chỗ này trong tạng tu-đa-la tạng, hoặc gọi là hai chướng, hoặc gọi là bốn bệnh, hoặc gọi là bất liễu nghĩa, hoặc gọi là các pháp hý luận, hoặc gọi là tà kiến biến kế, hoặc gọi là vi tế lưu chú, nếu chọn lấy thì là phi Phật rồi. Mà bỏ đi cũng là phi Phật, còn không bỏ không lấy cũng là phi Phật. Thế thì quả Phật có thể thi chọn được ư? Các học trò nói rằng: lý luận của Tiên sinh là bàn về Tương tông, còn lý luận của thầy tôi là bàn về Thiền tông!

Người cùng với tôi thi chọn chỉ mong đạt đến địa vị tâm không mà thôi. Ví như người đệ tử đến nhà chọn Phật phải có lời giải đáp. Có lúc chỉ bày bằng những lời huyền yếu, có lúc chỉ bày bằng bốn câu phân biệt, có lúc chỉ bày bằng tam-muội Pháp cảnh, có lúc chỉ bày bằng nhân duyên mắt đạo, có lúc chỉ bày bằng một con đường hướng thượng, có lúc chỉ bày bằng một câu rốt sau, có lúc chỉ bày bằng đương đầu, có lúc chỉ bày bằng lời bình thật. Hoặc giương mày trợn mắt, hoặc giơ phất gõ bàn, hoặc vẽ tướng vòng tròn, hoặc vạch xuống một nét, hoặc vỗ tay, hoặc nhảy nhót (tất cả hành động này của các Tổ không ngoài mục đích là để) khế hợp với căn cơ của chúng ta, khế hợp với căn cơ của mình là biết rõ tâm không của mình, mà biết rõ tâm không của mình thì quả Phật có thể thi chọn.

Tôi liền nói: Đức Thế Tôn đưa cành hoa lên, Tôn giả Ca-diếp mỉm cười. Chánh pháp nhãn tạng bắt đầu truyền thừa từ đây. Nhưng nhiều đời về sau, các bậc Tông sư chỉ bày sao lại nêu ra nhiều mối rối bời như vậy. Tôi sợ trong Thiền giáo của họ Thích vì đó mà suy đồi chăng! Lão tăng Phước Thâm là người đất Hà Đông cam chịu ăn cơm hẩm, quen với sự vất vả và từ lâu đã tu học với Ngài Chân Tỉnh ở đất Quán Tây có được bản tánh cứng rắn, vị ấy có khả năng mở rộng Thiền giáo này.

Bởi Thiền giáo của họ Thích nếu đứng nhìn hình trướng, thì dường như để lại hình tướng khô héo, lặng lẽ âm thầm nguội lạnh suy tư. Nhưng mật hạnh giới định bên trong của các vị ấy thì ngay cả Quỷ Thần cũng không nhìn thấy được, diệu dụng từ biết của các vị ấy Thanh Phàm u hiển cũng đều kính ngưỡng, gần gũi mà sao ứng với căn cơ. Nếu không thì năm chúng sẽ mất đi bạn lữ nên bất đắc dĩ mới nói. Nếu không thì sáu đường mất đi bờ cõi. Sinh tử đổi dời là điều mà mọi người sợ hãi, nhưng ta chưa từng có sinh thì làm sao có tử, vậy đâu có gì đáng sợ. Đối với cảnh có lợi hại thì con người mới chọn, ta chưa hề có lợi, thì nào có hại đâu mà chọn lựa làm chi. Ôi! Được như thế, thì chẳng những không ở ngoài mà trong lòng cũng tự không, chẳng những không ở sự, mà lý cũng tự không; chẳng những không đối với tướng mà đối với tánh cũng tự không; chẳng những không đối với cảnh không, mà tâm không cũng tự không. Đã không thì bằng, đã bằng thí lớn, đã lớn thì tròn, đã tròn thì mầu, mà đã mầu thì là Phật rồi. Chao ôi! Tôi đem nghĩa này hy vọng ở nơi thầy, mong Thầy ưa thích mà đừng xem thường!

BÀI MINH NÓI VỀ TÍN TÂM CỦA TAM TỔ THIỀN SƯ GIÁM TRÍ

Chí đạo không khó tìm
Chỉ do mình lựa chọn
Chỉ không tâm ưa ghét
Bỗng mất tâm sáng ngời
Mảy mai có khác nhau,
Xa như trời với đất
Muốn được niệm hiện tiền
Chẳng để lòng xuôi ngược
Xuôi ngược chống trái nhau
Ấy gọi là tâm bệnh
Nếu không biết huyền chỉ
Luống nhọc lắng tâm niệm
Tròn (đồng) Thái hư
Không thiếu cũng không dư
Bởi vì có lấy bỏ
Nên chẳng được như như
Không theo duyên chấp có
Đừng trụ vào không nhẫn
Một thứ phẳng lặng lòng
Rõ ràng tự tiêu hết
Chỉ động quy về chỉ
Chỉ thì càng thêm động
Vì ngưng đọng hai bên
Thà biết ròng một thứ
Một mối nếu không thông
Hai chốn phải mất công
Đuổi có chìm trong có
Theo không trái với không
Nói nhiều lo nghĩ nhiều
Xoay vần chẳng tương ưng
Bặt nói, dứt lo nghĩ
Không chỗ nào chẳng thông
Về gốc được ý chỉ
Theo chiếu thì mất tông.
Khoảnh khắc soi trở lại
Vượt hơn không ở trước

Không trước đều chuyển biến
Đều do vọng kiến sinh
Chẳng cần phải cầu chân
Chỉ nên dứt vọng kiến
Hai kiến đều chẳng trụ
Cẩn thận chớ tìm cầu
Vừa có phải và quấy
Lăng xăng mất tâm tánh
Hai do một mà có
Một cũng chẳng nên giữ
Nếu nhất tâm bất sinh
Muôn pháp không có lỗi
Không lỗi cũng không pháp
Không sinh cũng không tâm
Tâm hay theo cảnh Phật
Cảnh theo tâm mà chìm
Cảnh là do năng cảnh
Năng là do cảnh năng
Muốn biết rõ hai đoạn
Vốn là từ một không
Một không đồng hai cảnh
Đều bao trùm muôn tượng
Chẳng thấy dáng tinh thô
Thì đâu có nghiêng lệch
Đạo đạo thể bao la
Chẳng dễ cũng chẳng khó
Kẻ tiểu kiến hồ nghi
Xoay mau và xoay chậm
Chấp đó sẽ mất chừng
Sẽ rơi vào đường tà
Buông thả theo tự nhiên
Thể tánh không đi ở
Mặc cho tánh hợp đạo
Tiêu diệt dứt phiền não
Buộc niệm trái lý chân
Hôn trầm cũng mê ảo
Không tốt sẽ nhọc thần
Cần gì phải thân sơ

Muốn giữ lấy một pháp
Đừng nhàm chán sáu trần
Sáu trần không nhàm chán
Liền đồng về Chánh Giác
Người trí thì Vô Vi
Kẻ ngu thường tự buộc
Pháp vốn chẳng pháp khác
Quấy từ mình ưa chấp
Đem tâm mà dụng tâm
Há chẳng phải lầm to
Mê sinh ra tịch, loạn
Ngộ chẳng có tốt xấu
Tất cả và hai bên
Bởi từ tâm suy tính
Mộng huyễn hoa trong không
Nhọc gì theo đuổi bắt
Được mất và phải quấy
Nhất thời đều buông bỏ
Mắt nếu không mê ngủ
Các mộng tự tiêu trừ
Nếu tâm không nghĩ khác
Muôn pháp đều nhất như
Nhất như thể nhiệm mầu
Bỗng nhiên quên hết duyên
Muôn pháp đều quán xét
Về lại chỗ tự nhiên
Tiêu tan mất nguyên do
Không nên sinh so sánh
Chỉ động mà không động
Động chỉ mà vô chỉ
Hai thứ đã chẳng thành
Thì một làm sao có
Rót ráo và cùng cực
Không còn pháp tắc nào.
Khế hợp tâm bình đẳng
Việc làm đều dứt bặt
Hồ nghi đều trừ sạch
Chánh tín và điều trực

Tất cả không vướng mắc
Cũng không nên ghi nhớ
Rỗng sáng tự tỏ rõ
Chẳng nhọc đến tâm lực
Chẳng phải chỗ nghĩ lường
Thức tình khó cân nhắc
Chân như pháp giới tánh
Không người cũng không ta
Cốt phải là hợp nhau
Chỉ nói pháp không hai
Không hai đầu đồng nhau
Đâu không cùng bao dung
Bậc Trí giả mười phương
Đều vào nguồn cội này
Tông này chẳng ngắn dài
Một niếm dài muôn năm
Vô tại và bất tại
Mười phương liền hiện tiền
Cực nhỏ là cực lớn
Quên bặt mọi cảnh giới
Cực lớn là cực nhỏ
Không thấy có bên ngoài
Có đó tức là không
Không kia tức là có
Nếu chẳng được như thế
Thì hẳn không cần giữ
Một tức là tất cả
Tất cả tức là một
Nếu làm được như thế
Thì lo gì chẳng xong
Tín tâm vốn chẳng hai
Chẳng hai là tín tâm
Bặt dứt đường nói năng
Chẳng xưa, nay vị lai.

BA PHÁP HỌC GIỚI ĐỊNH TUỆ

Từ Trì Ký chép: Tất cả Phật pháp không ngoài ba pháp học. Do tâm chúng sinh mê bị lầm nên vừa nghĩ là đã kết thành nghiệp. Do

nghiệp cảm báo nên phải trôi lăn trong sinh tử khôn cùng. Muốn thoát khỏi quả khổ, thì phải dứt bỏ nhân khổ, cho nên trước dùng giới để đối trị với nghiệp; kế lấy Định tuệ để lắng yên vọng hoặc. Nhưng nghiệp lại có chia ra nghiệp Thiện và nghiệp Ác. Cho nên phải dùng hai hạnh Chỉ trì, tác trì để giữ gìn nhau. Vọng hoặc làm mờ loạn, nên dùng hai pháp định tuệ để đối phá. Ví như bệnh nhờ uống thuốc mà lành; cơ nhờ vào giáo mà tu. Vậy sau nghiệp hết hoặc trừ, tính (mất) quên tánh thiện. Giáo môn tuy rộng nhưng đâu vượt hơn đây.

- Giải thích pháp bốn y: Pháp này là do kiến thức của các Tổ quy tâm rốt ráo về duy Liễu Nghĩa)

I- Y pháp bất y nhân là sao?

- Nhân là chỉ có tình, pháp chính là khuôn mẫu, tánh không lý chánh (tánh không suốt cả lớn nhỏ). Thể lìa phi vọng. Ngay lúc dùng pháp này là y vào Chánh pháp này (Kinh Niết-bàn chép y pháp là sao? Tức là y vào chánh pháp. Bất y nhân là sao? Tức là không y vào Thanh Văn, Duyên Giác). Nếu nương vào Thánh lượng, an tâm làm việc, biết rõ là phi tánh không, nương giữ tâm này để làm đường lối hành đạo. Một phần nhàm chán, rõ nghịch với sự có phần an tâm như thế, gọi là tu thẳng đến pháp tánh chân đạo.

II- Y nghĩa bất y ngữ là sao?

Ngữ là lời nói, chỉ là cái phương tiện để mở đường. Nghĩa là đạt lý, chính là đường lối để hóa vật (hóa cũng như biến). Đã được chứng ngộ, bặt nghỉ ngăn lời. Chánh pháp còn phải bỏ huống chi là phi pháp. Cho nên trong khế kinh có thí dụ về chuyện bỏ bè, người nghĩ đến lời bàn để mặt thấy (Trang Tử nói: mắt thấy thì đạo còn) đâu không dùng lời nói để nêu ý, khi được ý phải quên lời. Dụ như nương theo ngón tay để nhìn thấy mặt trăng. Nói mặt trăng dụ cho diệu chỉ, không nên không hiểu (trên đây là phát minh về nghĩa mượn lời để rõ nghĩa, khi đã thấy nghĩa thì phải bỏ lời). Nay nói là được nghĩa, nghĩa chính là lời nói. Người chân thật hành quán là y theo lời nói, thường pháp là y theo nghĩa lý. Nghĩa là lời nói theo nghĩa vẫn là lời tụng kinh xứng lý (trên đây là nói được nghĩa phải quên lời, nhưng vẫn phải dứt bỏ nghĩa không có).

III- Y trí bất y thức là sao?

Thức là thức hiện hành, theo phần của trần mà thấy. Mắt thấy sắc, tai nghe tiếng đam mê không giác, đồng với loài trâu dê chung làm với kẻ tà phàm (trên đây là nói sáu thức vọng niệm, người và súc sinh cùng nương, nên có trôi đọa. Dưới đây y vào trí Phật là quán Duy thức.

Nay lược bỏ dần sẽ rõ). Đại Thánh bày giáo (chỉ dạy) trần cảnh là tự tâm biến hiện. Thế mà kẻ ngu chẳng chấp trần cảnh là bên ngoài của thức. Dắt dìu dạy bảo mà vẫn không tự buông bỏ. Nên biết ngừng trệ là chỉ về phàm thức, đảo khiển là thuộc về Thánh tâm. Kẻ ngu mê mờ che phủ, thường đắm trong ba đảo. Người mạnh phải gắng xuyên suốt, động niệm liền biết, biết nếu điên đảo thì khó trong suốt gọi là y thức. Biết dùng thức phải xoay lại gọi là theo phần trí. Gắng công như thế, dần dần thêm lớn tỏ rõ. Sau thấy cảnh trần mới biết là chẳng từ bên ngoài đến. Cảnh không ngoài tâm là tướng của tự tâm, thì nào có ngu mê mà sinh tâm ưa ghét. Suy nghĩ, lựa chọn không thôi thì tuệ giải sẽ khác trâu dê.

IV- Y kinh liễu nghĩa, bất y kinh bất liễu nghĩa kinh sao?

Hai kinh này đều là Thánh ngôn lượng, người nhập đạo, phải tìm hiểu trước thì không ngăn lấp nào mà không thông, mọi nghi ngờ đều được hiểu. Nhưng vì tánh thức của chúng sinh có sâu có cạn, tối sáng khác nhau. Đến bậc Đại Thánh còn phải tùy theo tình mà nói riêng. Nhưng đều dựa trên Chí đạo, chỉ là tự tâm. Cho nên kinh chép: Các pháp lên xuống trong ba cõi ta nói chỉ là từ tâm biến hiện. Đây là ngay thế giới y báo để rõ tâm. Lại nói: Như Như và chân tế; Niết-bàn và pháp giới, các thứ ý sinh thân Phật nói là duy tâm lượng. Đây là dựa vào pháp xuất thế thể để rõ tâm. Cuối cùng cũng về chỗ thật, rốt cuộc cũng đến nguồn chân. Theo dòng mà cảm đến, trở về tông Liễu nghĩa.

GIỚI CHỈ CÓ PHẬT CHẾ NGƯỜI KHÁC KHÔNG ĐƯỢC CHẾ

Bộ Hành Tông chép: Trong cõi đại thiên, Phật là bậc Pháp vương, luật là lời dạy của Phật. Chỉ có Phật mới được chế lập, ngoài Phật thì chỉ nên làm theo. Bởi vì Đức Như Lai hạnh quả tròn đầy, thấu suốt hết nghiệp tánh nặng nhẹ của chúng sinh. Từ bậc Đẳng giác trở xuống cũng không có khả năng làm việc ấy, huống chi các tiểu Thánh khác mà dám nghĩ bàn ư! Cũng như việc ban hiệu lệnh thưởng phạt trong quốc gia, phải do vua đặt ra. Nếu để kẻ bầy tôi lấn vượt, thì người dân sẽ mất lòng tin, việc nước mất nhà tan sẽ không còn xa. Trong Phật pháp cũng thế, nếu cho người khác nói, thì chúng sinh sẽ không kính phục, chánh pháp không tồn tại lâu dài.

TÓM LƯỢC CÁC VĂN ĐỂ KHEN NGỢI GIỚI PHÁP

Trong bộ Từ Trì dẫn lời trong bộ Tiêu Tông chép: Giới là bậc đại sư của các thầy, vì có thể làm khuôn phép cho loài người. Lại nói: Giới

như chân của người đời, vì có thể đi đến mọi nơi. Lại nói: Giới là đất bằng, năng sinh thành nuôi lớn muôn vật. Giới là cột đá để xây (dựng) lầu đạo phẩm; là chỗ nương tựa của Thánh đạo. Giới là thành quách của thiền định; là chỗ y cứ của pháp Định tuệ, cho đến như ao nước, như gương soi, như anh lạc, như đỉnh đầu, như bình bát. Lại trong luận Trí Độ chép: Giới như vật báu, như mạng sống, như thuyền bè, như cánh chim, v.v... tìm xem các bộ thì biết được tầm quan trọng của giới. Lại trong thiên trụ, trước dạy rõ phải kính giữ giới pháp nêu đủ tám thí dụ: như con nhỏ của vua, như ánh sáng mặt trăng, như hạt Châu như ý, như con một của vua, như tròng mắt của người, như lương thực giúp người nghèo, như nước giàu đẹp của vua, như thuốc hay cho người bệnh. Lại nữa, lời tựa giới kinh chép: Giới như biển không bờ, như của báu cầu mong không thỏa mãn. Trong giới bản Luật Tăng-kỳ chép: Giới như dây trói loài khỉ vượn, như dây cương cột ngựa. Người muốn xem rộng thì đọc trong các kinh, luật, văn này không nhọc dẫn nữa. Bởi giới đức cao rộng nên không một vật nào có thể thí dụ hết được, khắp đưa ra các việc, đều gom về một mối, chứ không thể giống hoàn toàn.

KHI CÒN PHẬT TẠI THẾ CHỈ MỞ RỘNG GIỚI PHÁP

Cho nên trong Thiên tụ chép: Khi Đức Thế Tôn còn ở đời, Ngài thấu suốt hết căn cơ của muôn loài. Hễ có làm điều gì, Phật đều lấy oai nghi làm chính.

Lại nữa, Kinh tạng thì người khác cũng được nói, chỉ có Luật tạng phải từ miệng vàng của Đức Như Lai nói, hàng Bồ-tát Đại quyền chỉ biết vâng hành, huống gì các tiểu Thánh khác đâu dám đặt lời!

Lại nữa, các kinh tạng khi giảng nói thì có thời hạn nhất định, còn Luật tạng thì thông suốt trước sau. Bộ Nghĩa Sao chép: Trước từ vườn Nai, sau đến rừng Hạc, theo cơ người mà chế giới luật mới có muôn sai khác. Vì có đủ ba ý này nên phần nhiều khác với các kinh, lời Phật riêng hoằng, nghĩ không mê muội.

TRÌNH BÀY SỰ RỘNG HẸP CỦA GIỚI TƯỚNG TĂNG NI BỘ SỰ- SAO CHÉP

- Hỏi: Trong Luật, tăng nêu hai trăm năm mươi giới, giới bổn có nói đủ. Còn Ni thì có năm trăm giới, lời này hư hay thật? (Nói có năm trăm giới là chép ra ở Luật Trí Độ. Nhưng so với Luật tạng thì khác nhau, nên đưa ra lời nói để quyết định).

- Đáp: Về hai bộ giới của tăng - ni kể ra số lượng nhất định là chỉ

về phần tóm tắt mà nói. Nên các bộ luật đều nói số chung chung, chứ không hẳn là y vào số lượng. Còn bàn về giới thể thì chỉ có một giới Vô tác mà thôi. Nếu y cứ vào cảnh để rõ tướng thì nhiều như cát bụi. Vả lại chỉ ra hai trăm năm mươi giới là để chỉ ra đây để làm đường tắt của pháp Trì Phạm. Trong luật chép Ni bộ có 348 giới nên được chỉ ra đây để làm chỗ ngăn ngừa, nay y cứ theo Luận Trí Độ chép: Ni bộ thọ giới pháp, lược thì có năm trăm giới, còn rộng thì có tám muôn. Bên Tăng thì lược có hai trăm năm mươi giới, còn rộng cũng đồng với luật nghi của ni.

Ý NGHĨA CỦA VIỆC ĐỘ NI:

Bộ Nghiệp Sớ chép: cơ duyên phát tâm của người nữ. Trong luật ghi: Dì của Phật là bà Đại Ái Đạo cùng với năm trăm người nữ xin Phật xuất gia, nhàm chán sinh tử, cầu Phật xuất gia, vì người nữ không thể đem lại lợi ích cho việc hóa đạo sâu xa, nên Phật từ chối không chấp nhận. Sau Bà về thành Xá-Vệ bèn tự cạo tóc, mặc y, đứng dựa bên tăng phòng mong được nghe nhận giới. Bấy giờ, Tôn giả A-nan vì bà mà ba lần thưa thỉnh. Phật liền trao cho pháp Bát Kính, dạy phải giữ trọn theo đây mà làm, liền cảm được giới Cụ túc. Lời ký chép: Người nữ bản tính yếu hèn, người đời ít kính tin. Cho nên không có khả năng đem lại lợi ích cho việc hoằng hóa, mà lại còn làm hủy nhục giáo môn. Chánh pháp cũng từ đó mà giảm đi năm trăm năm. Bởi thế Phật không chấp nhận. Bà Ái Đạo cùng nhóm người nữ liền trở vào thành tự cạo tóc, đến tịnh xá Kỳ-Hoàn đứng dựa bên cửa buồng khóc. Lúc ấy, Tôn giả A-nan thay lời thưa thỉnh lên Phật. Phật khiến truyền lời dạy ai có thể làm theo pháp Bát Kỉnh thì cho xuất gia. Bà Ái Đạo cùng nhóm người nữ nghe lời Phật dạy liền phát nguyện xin thọ giới cụ túc. Bộ Văn Sớ lại chép: Ni phải đối trước chúng hai mươi vị mà thọ giới là sao? Là nói báo thân người nữ, lầm sâu trí cạn, ưa sinh tông ngã mạn, biếng nhác, nếu muốn thọ giới Cụ túc phải đối trước Tăng - Ni mỗi bên mười vị cầu thọ, thì mới phát được tâm nguyện cao siêu. Trong Luật lại chép: nếu y theo xứ Thần Châu từ đời Tống về trước, tra xét trong Tăng sử thì chỉ đối trước một chúng Ni mà thọ (nghĩa là theo bên một chúng Đại tăng thọ giới). Nhưng trong các luật, khi thọ pháp Bát Kỉnh thì chỉ riêng cho Bà Đại Ái Đạo. Còn năm trăm vị ni thì đối trước mười vị Tăng và một vị Hòa thượng Ni mà thọ giới. Cho nên Thánh giả Cầu-na-bạt-ma nói: Nếu không có đủ hai chúng, chỉ đối trước một chúng mà thọ như trường hợp của bà Ái Đạo cũng được. Vì sao? Vì bàn về bốn pháp, ở tiền phương

tiện (hòa tăng) chưa có giới thể nên được thành. Còn y cứ trong tăng khi Yết-ma xong mới cảm được giới pháp. Sau này, Tôn giả Thiết-sách-la ở nước Sư Tử v.v... mười một vị bắt chước theo thông lệ của đời Tống, mới đối trước hai bộ Tăng - Ni mà thọ giới.

PHÁP BÁT KỈNH CỦA NI

Thiên Ni chúng trong bộ Hành sự sao chép: Luật Thiện Kiến ghi: Đức Phật lúc đầu không cho độ người nữ xuất gia, vì như thế sẽ làm cho chánh pháp giảm mất năm trăm năm. Sau vì nói ra pháp Bát Kính mới cho phép người nữ xuất gia. Nếu chỗ nào Ni chúng không y theo lời dạy thực hành pháp Bát Kính thì nơi đó chánh pháp sẽ hoại diệt. Bộ Hội Chánh ghi rằng: Sau khi Phật Thành Đạo mười bốn năm, dì của Phật xin xuất gia, Phật không chấp thuận. Sau, Tôn giả A-nan vì bà mà bày tỏ ân nghĩa và ba lần thưa thỉnh. Đức Phật bèn dạy Tôn giả Khánh Hỷ truyền pháp Bát Kinh và đến nói với họ, nếu ai thực hành thì cho phép họ xuất gia. Ni chúng liền thưa: Xin suốt đời thọ trì.

Pháp Bát Kỉnh gồm:

1. Tỳ-kheo-ni dù đã trăm tuổi hạ, nhưng khi thấy vị tỳ-kheo tăng mới thọ giới cũng phải đứng dậy tiếp rước, lạy chào, thăm hỏi, mời ngồi.

2. Tỳ-kheo-ni không được quở mắng Tỳ-kheo tăng.

3. Không được nêu tội Tỳ-kheo Tăng và nói lỗi lầm của Tỳ-kheo tăng, Tỳ-kheo tăng được nói lỗi của Ni.

4. Thức-xoa-ma-na đã học giới xong phải theo chúng Tăng mà cầu thọ đại giới.

5. Ni phạm Tăng tàn phải nửa tháng ở trong hai bộ Tăng thực hành pháp ý hỷ.

6. Ni trong nửa tháng, nên đến trong chúng Tăng cầu thầy Giáo thọ.

7. Không được ở chỗ không có Tỳ-kheo tăng mà kiết hạ an cư.

8. Hạ rồi, nên đến trong tăng cầu người để làm pháp tự tứ.

Như tám pháp này, nên phải tôn trọng cung kính khen ngợi, giữ gìn suốt đời không được trái.

XUẤT GIA SIÊU THẾ

Bộ Nghiệp Sớ chép: y cứ theo chiều ngang trong các cõi, thì phàm phu không dễ gì lìa được ô nhiễm. Cho nên Đức Như Lai lập ra pháp xuất gia để người học đạo ưa thích chỗ thong thả yên lặng mà tu niệm. Nếu còn khởi tâm tham đắm, rốt cuộc sẽ trở thành nghiệp buộc. Lại

dẫn ra nhiều phương tiện nhưng chỉ có một con đường này mà thôi. Như Kinh Hoa Thủ chép: Có bốn pháp chuyển thân, tức là ở Tỳ-kheo Thiện Lai hóa sinh trong hoa sen, hiện đời được tăng tuổi thọ:

1. Tự mình ưa thich đời sống Phạm hạnh của người xuất gia, cũng khuyên bảo người khác ưa thích hạnh xuất gia.

2. Cầu pháp không nhàm chán, cũng khuyên bảo người khác siêng cầu.

3. Tự thực hành pháp hòa nhẫn, cũng khuyên bảo người khác thực hành theo.

4. Tập tu mọi phương tiện phát ra lời đại nguyện sâu rộng.

Lại trong Kinh Xuất Gia Công Đức chép: Nếu cho người xuất gia thọ giới, thì được công đức vô biên, ví như có người phát tâm cúng dường các bậc A-la-hán đầy trong cõi Tứ thiên hạ suốt một trăm năm nhưng không bằng công đức của người vì đạo Niết-bàn trong một ngày đêm cầu xuất gia thọ giới. Ấy là nói việc bố thí phước tuy nhiều nhưng sẽ có ngày hưởng hết, vì đó là phúc báo hữu vi, còn ràng buộc trong cõi dục, người vì pháp mà xuất gia chẳng phải là việc làm trong ba cõi, cho nên nói là được công đức hơn người bố thí trước. Kinh lại chép: Dù cho xây tháp bảy báu cao đến cõi trời Đao-lợi nhưng phúc báo đó cũng kém hơn công đức của người xuất gia. Một khi phát tâm ưa thích hạnh xuất gia, công đức dù chưa kể được, nhưng do chứa ít thành nhiều, nên nói rằng cao hơn tháp bảy báu kia.

NĂM ĐỨC CỦA SA DI:

Bộ Hành Sự Sao dẫn lời trong kinh Phước Điền chép:

1. Phát tâm xuất gia vì lòng đeo mang đạo.
2. Hủy hình hài tốt vì thích hợp với áo pháp.
3. Lìa bỏ thân mạng vì tôn kính đạo.
4. Lìa hẳn thân ái vì không thân sơ.
5. Chí cầu Đại thừa vì muốn độ người.

Lời Ký chép: Năm đức này là phần quan trọng của người xuất gia, năm chúng đều phải vâng làm, chứ chẳng (phải) chỉ riêng (cho) tiểu chúng. Suốt đời làm theo, không phải chỉ có lúc mới thọ giới. Lại trong bộ Nghiệp Sớ chép: Năm đức này trước sau chung cho năm chúng xuất gia hành trí, mới được lãnh thọ những vật thực của đàn-việt cúng dường, và mới xứng đáng là khuôn phép cho trời người. Cho nên dạy người xuất gia tụng trì, không nên xem nhẹ việc lãnh lấy giới thể (khi thọ) và chỉ (phải suốt đời) thuận theo (phục tùng) bề ngoài.

Ý NGHĨA CỦA BA Y

Bộ Hành Sự Sao dẫn lời trong luận Tát-Bà-Đa ghi: vì muốn thị hiện pháp chưa từng có, trong tất cả chín mươi sáu thứ ngoại đạo không có danh từ ba y này, lại để khác với y phục của ngoại đạo. Nói về sự phân biệt công đức, vì để hộ thân trong ba thời nên dạy sắm ba y. Mùa đông thì mặc y chín điều, mùa hạ thì mặc y năm điều, mùa xuân thì mặc y bảy điều; cũng vì để ngăn các loại muỗi mòng (nên dạy mặc ba y). Luận Trí Độ chép: Đệ tử của chư Phật thực hành theo lý Trung đạo nên mặc ba y. Vì ngoại đạo thì lõa hình không biết hổ thẹn, còn người tại gia thì rất nhiều y phục. Luật Thập Tụng chép: Vì để khác với ngoại đạo. Đức Phật bèn cầm dao cắt rọc dạy may thành điều tướng. Nên biết đây là y phục của người tu hành biết hổ thẹn. Kinh Tạp A-hàm chép: người tu pháp bốn tâm vô lượng đều cạo râu tóc, mặc ba pháp y. Đây chính là hình tướng người xuất gia. Y cứ vào nghĩa này mà đặt tên là y phục của người tu hạnh Từ Bi. Kinh Hoa Nghiêm chép: Người mặc Ca-sa phải buông bỏ ba độc phiền não, v.v... Luật Tứ Phần chép: Người còn ôm giữ các kiết sử không nên mặc Ca-sa. Luận Tát-Bà-Đa có dẫn năm ý nghĩa về việc chế ra ba y:

1. Mặc hai y không thể ngăn gió lạnh, mặc ba y ngăn được gió lạnh.
2. Hai y không thể sinh tâm hổ thẹn.
3. Hai y không được vào xóm.
4. Cho đến đi đường không thể sinh pháp lành.
5. Oai nghi không thanh tịnh.

Cho nên dạy chứa ba y thì có đủ các nghĩa trên.

Luật Tăng-kỳ chép: Ba y là sao? Là cờ nêu của Sa-môn Hiền Thánh. Còn Bình bát là đồ ứng lượng của người xuất gia, chứ không phải là độ dùng của thế tục. Nên giữ gìn ba y và bình bát, đó là việc làm của những người ít muốn, ít việc v.v... Đương Tông Ngoại bộ phần nhiều là khí hậu lạnh nên chế ra ba y. Luật Tứ Phần lại chép: Các Như Lai ba đời đều mặc y cắt rọc như thế. Bộ Nghiệp Sớ chép: Như trong Đại Luật ghi: Đức Như Lai vì các Tỳ-kheo chứa để không biết đủ, cho nên lúc đầu hôm Ngài mặc một y, cho đến gần sáng Ngài mặc ba y. Sáng ra, Đức Phật nhân đó đầu tiên dạy pháp mặc ba y.

TRÍCH DẪN TRÌNH BÀY CÔNG NĂNG CỦA CA-SA

Luật lại dẫn trong kinh Đại Bi chép: Hễ người nào tánh là Sa-môn, ô nhiễm hạnh Sa-môn, mà hình tướng là Sa môn đắp mặc Ca-sa.

Ở chỗ Phật Di-lặc cho đến ở chỗ Phật Lâu-Chí vào kiếp hiền cũng được nhập Niết-bàn không sót. Kinh Bi Hoa chép: Đức Như Lai ở chỗ Phật bảo Tạng phát nguyện: nguyện khi con thành Phật, Ca-sa của con có năm thứ công đức:

1. Nếu có người vào trong pháp của con lỡ phạm tội trọng, tà kiến, v.v... mà đối trước bốn chung mặc Ca Sa khởi lên một niệm tâm cung kính trân trọng, thì chắc chắn ở trong ba thừa sẽ được thọ ký.

2. Nếu có Trời, Rồng, Người, Quỷ nào khởi chút tâm cung kính người mặc Ca-sa thì sẽ được quả Ba thừa không lui sụt.

3. Nếu có Quỷ thần hay người nào được Ca-sa cho đến chừng khoảng bốn tấc, thì sẽ được các đồ ăn uống đầy đủ.

4. Nếu có chúng sinh nào chống trái nhau, mà nghĩ đến năng lực của pháp y Ca-sa, thì liền được sinh tâm Từ Bi vui mừng.

5. Nếu có người ở trong quân trận, giữ một mảnh Ca-sa nhỏ, mà cung kính tôn trọng thì thường chiến thắng người khác.

Bạch Đức Thế Tôn, nếu Ca-sa của con không có được năm năng lực cao quý này, thì đó là con tự dối chư Phật mười phương.

Bộ Tế Duyên dẫn kinh Hiền Ngu chép: Phật bảo A-nan: về thuở xưa cách nay vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, ở châu Diêm-phù-đề phía Nam, trong một khu rừng có con Sư tử tên Kiên Thệ, thân thuần một mầu vàng, sáng chói óng ánh. Lúc ấy, có một gã thợ săn làm thầy Sa-môn cạo tóc mặc Ca-sa bên trong giấu cung tên. Sư tử nhìn thấy gã thợ săn, tưởng là vị Sa môn liền đi đến phủ phục chung quanh. Lúc ấy gã thợ săn giương cung bắn tên độc vào mình sư tử. Sư tử tức giận muốn vồ hai gã thợ săn ngay nhưng vì thấy gã thợ săn mặc Ca-sa, nên nó nghĩ rằng: Người này không bao lâu sẽ được giải thoát. Vì sao? Vì y hoại sắc này là tướng nêu của bậc Thánh ba đời. Nếu ta quyết tâm hại họ, là khởi tâm ác hướng về Hiền Thánh ba đời.

ĐẠI GIÁO CẤM HẲN VIỆC DÙNG TƠ TẰM VÀ DA THÚ

Bộ Hành Sự Sao dẫn lời trong Kinh Ương-Quật chép: Tơ tằm và da thú nếu xoay vần mua đem lại lìa khỏi tay người giết, dâng cúng cho người trì giới, thì không nên nhận, đây là pháp của Tỳ-kheo. Nếu nhận lấy mặc dù không gọi là phá giới, nhưng hành động đó trái với lòng từ bi tế vật của Đức Phật. Kinh Niết-bàn chép: da thú, dép da, y kiêu-sa-da các thứ y phục này đều không nên mua sắm, chứa để. Đây là ý chính của kinh, luật dạy. Bởi thế, đời nay có một phương thiền chúng đều mặc y bằng bố gai, đâu không phải là thuận theo lời Phật dạy.

Lời Ký chép: Về trước trong luật dạy, chỉ dựa vào nhà nuôi tằm kéo tơ, trong Đại giáo ghi dù có xoay vần mua đem lại cúng, cũng không cho thọ dụng, thế mới biết hạnh Thanh Văn thấp kém, chỉ nhận lấy là tránh được việc trái phạm. Nhưng Bồ-tát lòng từ sâu rộng, xét kỹ từ chỗ đem đến, tuy đã lìa khỏi tay người giết, nhưng đều từ việc sát sinh mà ra. Chân đạp (tọa cụ), thân mặc (ba y) đều thấm nhuần thêm phần nghiệp giết một cách gián tiếp. Việc làm này vốn chẳng phải là việc mà các bậc Đại sĩ chấp nhận, há Tỳ-kheo nên làm! Xin hãy khảo sát trong Văn kinh khuyến hóa những ai có chút lòng kính tín, rộng bày việc lợi hại cho họ rõ. Thấy trong Nghi Chương phục chép. Dù lìa khỏi tay người giết, là không từ nơi nhà nuôi tằm, không nhận mặc đồ tơ tằm là đúng pháp, hai thừa Đại Tiểu đều vâng làm. Người nhận dùng sẽ trái với lòng từ bi thương vật; trái với Đại thừa mà thuận với Tiểu thừa thì cũng không đúng. Vì Tiểu thừa từ Đại thừa mà ra, về mặt giới tuy là thuận, nhưng y cứ theo nghĩa thì lại trái.

Nên biết trì giới thì phải hành từ, mới là hợp với Thánh chỉ. Nếu buông tình thọ dụng, thì hoàn toàn trái với đạo nghi.

Cho nên Nghi chương phục lại chép: Từ lời nói trái với lòng từ bi, rốt cuộc sẽ là lời dạy dứt hẳn. Y cứ vào đây mà bàn, thì kinh luật đều trình bày lời dạy rất thấm thiết. Kế đến lại dẫn lời trong Kinh Niết-bàn là lời nhắn nhủ sau cùng.

Lời văn trong chánh giáo dạy phải dứt hẳn; vì sao còn dùng dằng ngờ vực.

NÊU RA VIỆC HIỆN TẠI ĐỂ BÁC BỎ HÀNH ĐỘNG CÀN QUẤY

Lời Ký chép: y cứ vào Cao Tăng truyện kể: Hai vị Thiền sư là Nam Nhạc và Đạo Hưu suốt đời không mặc tơ lụa, y phục chỉ toàn bằng vải bố, gai thô. Cho nên Luật Sư Đạo Tuyên ở núi Chung Nam nói: Phật pháp truyền sang Đông Đô được sáu trăm năm, chỉ có hạnh từ của Ngài Hoành Nhạc ở đây thật đáng cho chúng ta khen ngợi. Những kẻ thiền giảng đời nay tự cho mình là người tu hạnh Đại thừa không câu nệ sự tướng. Suốt ngày cứ lụa là tranh tốt, xanh đỏ đua tươi. Buông tình theo thói tham lam, trái với Thánh giáo. Đâu chẳng nghe Ngài Hoằnh Nhạc suốt ngày chỉ mặc vải bố để ngăn sương gió, Tổ Thiên Thai hơn bốn mươi năm chỉ khoác một chiếc áo vá. Ngài Vĩnh Gia đình ăn thức ăn không từ nơi lưỡi cày cuốc, mặc áo không phải là thứ vải dệt từ miệng tằm. Còn Đại Sư Kinh Khê thì để nguyên tấm bố mà mặc, suốt ngày

chỉ nương nghỉ trên một chõng tre. Vì các bậc Cao tăng đây là những người đã hiểu sâu lý Đại thừa, nên mới ưa chuộng khổ hạnh. Kính xin các trang hậu học nhìn xem Tổ Đức, chớ nhiễm thói tà. Nên vâng theo lời Phật dạy để sửa mình, như thế mới thật là đệ tử Phật.

CHỈ BÀY THỂ TÀI Y ĐỂ BIẾT ĐÚNG SAI

Bộ Nghiệp sớ chép: Chẳng những kẻ đem tâm gian dối dính dáng đến sự tham nhiễm mà những người vì lợi buôn bán giáo pháp, làm các việc như lạy Phật, tụng kinh hay nhịn ăn để có được của cải, tất cả cái đó có được đều gọi là vật tà mạng, thật trái với lời Phật dạy. Nên Phật không cho nhận của ấy. Như trong Khế kinh chép: Có một vị Tỳ-kheo mang y Phấn tảo xuống sông giặt, các vị trời liền múc nước ấy đem về tắm gội mà không chê là nhơ bẩn. Khi ấy, có ngoại đạo đem tấm áo lông đẹp đến giặt, các vị trời từ xa trông thấy liền vội ngăn rằng: Không được làm bẩn nước sông này, vì do tà mạng mà có được, nên ngay nơi thể của món đồ đã là bất định. Vì thế mà các vị trời ngăn không cho giặt. Dùng văn này để chứng minh, dù có tìm cầu mà tâm được thanh tịnh thì cái thể tài ấy cũng hợp pháp. Còn các thứ như lụa, nhiễu, gâm thêu đều không nên dùng. Người đời phần nhiều dùng hàng lụa làm y phục, do thể của nó từ việc giết hại sinh linh mà có, nên người xuất gia riêng phải ngăn ngừa không được mặc. Từ trước đến nay cácác Hồ tăng ở năm xứ Thiên-trúc đều không may Ca-sa bằng tơ lụa. Tôi có hỏi các vị ấy họ đều đáp rằng: vì y là pháp phục của người tu phạm hạnh thực hành pháp bốn tâm vô lương. Vả lại, biết rõ tơ lụa kia có ra là từ việc sát sinh mà vẫn cố mặc, theo nghĩa là không hợp. Bởi pháp y vải bố là thuận với đường lối hành từ tế vật của Phật, còn gấm mầu thêu sẽ làm cho người lòe mắt động tâm thần; hơn nữa, năm mầu xanh, vàng, đỏ tía xinh tươi là những thứ khiến cho người tục khởi lòng tham, cho nên đều bỏ đi không dùng. Bộ Từ Trì Ký chép: Trong Cảm Thông truyện ghi: Khi Phật pháp truyền sang phương Đông khoảng sáu, bảy trăm năm, thấy các vị Luật sư ở hai phương Nam, Bắc không hề có ý này. Họ đâu khồng dùng tơ lụa từ việc sát sinh để may làm y phục từ bi, vì sao chỉ có mình Ngài lại đưa ra ý này. Tổ Nam Sơn đáp: Tôi đọc trong Luận Trí Độ thấy ghi rằng Phật mặc y Tăng-già-lê bằng vải thô, cho nên lòng hằng ôm ấp hạnh từ này, và thệ nguyện với lòng không trái với hạnh Từ của Phật. Vả lại tôi xem thấy phần sau của Luật tạng có chép: Có người dâng cúng Phật chiếc y và tấm ngọa cụ bằng tơ tầm, mặc dù đã may thành y rồi nhưng Phật từ chối, quyến định không nhận (bằm chặt

xé bỏ). Do đây tôi càng thêm kính ngưỡng. Lại nói còn trường hợp thấy các vị Phạn tăng từ phương Tây đến đều mặc y bằng tơ lụa, xin hỏi Ngài việc ấy ra sao? Tổ trả lời rằng: Chư Tăng ở năm xứ Thiên-trúc đều không mặc y bằng tơ tằm (nhưng người mà các vị trông thấy đó là Sa-môn ngoại đạo chứ không phải là Sa-môn Thích Tử). Do đó, tôi nghĩ sẽ soạn Nghi Chương Phục, v.v... Trong Nghĩa tịnh Tam Tạng Nội Pháp Truyện có chê trách những người xuất gia mặc y tơ tằm. Vì họ học theo Tiểu thừa thuộc phái Nhất Thiết hữu bộ, nên đa số thiên chấp tông Đại thừa Liễu nghĩa này, là pháp mà họ chẳng thể hiểu được.

DẠY PHÁP KÍNH GIỮ BA Y, BÌNH BÁT VÀ TỌA CỤ

Bộ Hành Sự sao chép: Luật Thập Tụng dạy giữ gìn ba y như giữ da trên thân, quý bình bát như quý tròng mắt, cho đến nói rằng: Đi đến nơi nào Y Bát đều phải mang theo, trong lòng không còn đoái hoài vật chi khác, cũng như chim bay. Nên không mang ba y mà đi vào xóm làng hoặc chỗ ở của người thế tục thì phạm tội. Luật Tăng-kỳ cũng chép: ba y một bát là vật tùy thân mà người Tỳ-kheo thường phải mang theo bên mình nếu có ai trái phạm sẽ bị đuổi ra khỏi giới kết tội, trừ khi bị bệnh. Nên kính giữ ba y, khởi ý tưởng như Tháp. Luật Ngũ Phần ghi: Kính giữ ba y như da mỏng, thường phải mang theo mình như chim, bay thường mang theo hai cánh. Luật Tứ phần chép: Đi phải biết thời, trái thời thì không đi, có đi đến đâu cũng phải mang theo y bát, cũng như chim bay đôi cánh thường mang theo. Trong các bộ luật đều dạy ba y phải mang theo mình. Đời nay chỉ giữ không cho cách đêm, như thế là không hợp Phật dạy. Lời Ký chép: đời nay ít có người giữ được không để cho cách đêm, huống chi thường mang theo mình! Lại có người suốt đời thân không mặc pháp y, cho nên biết rằng, đời mạt pháp giữ được không để cách đêm cũng là quý lắm rồi. Chỉ vì bên trong họ không có lòng tin thanh tịnh, mạn pháp khinh y nên đến đổi như thế! Nếu thật là người xuất gia, xin hãy vâng theo lời Phật dạy. Bộ Nghiệp Sớ chép: vì sao Y Bát phải thường mang theo mình? Vì người xuất gia lấy việc hư hoài (giữ lòng không vướng mắc, rỗng rang như hư không) làm gốc, không có chỗ trụ trước. Hễ nơi nào có ích thì dừng. Cho nên dạy phải luôn mang theo bên mình. Nếu cho để lại bất cứ một y nào thì lại tăng thêm thói khác, đối với Đạo phần kia, từng không hề có tâm nghĩ chọn, nên có lý do ấy.

CHỈ RÕ BẢN DUYÊN KHAI CHẾ

Bộ Tư Trì Ký chép: mặc y để chéo góc rũ xuống như vòi con voi thì phạm vào trăm pháp Chúng học. Giới mặc y xốc xếch về văn chú rất rõ ràng. Thời nay mặc để thòng xuống cả gang tay, há không biết mỗi bước đều trái với uy nghi, phạm tội cát-la. Nay y cứ vào lời chỉ bày của trời người ghi chú trong cảm thông truyện rằng: Phàm việc gì đều trải qua bốn lần Đức Phật mới chế giới, người đời phần nhiều mê chấp, nên tóm tắt đại ý để diễn ra cho rõ. Truyện chép: Lúc đầu, khi Đức Phật mới độ năm anh em ông Kiều-trần-như và ngay lúc độ huynh đệ ông Ca-diếp, Phật đều dạy Ca-sa để trên cánh tay trái. Vì thế Phật dạy góc chéo y để trên tay phải cho khác thế tục (đây là lần dạy thứ nhất). Về sau, đồ chúng theo Phật xuất gia ngày càng đông, các Tỳ-kheo trẻ tuổi có dáng dấp khôi ngô, khi vào thành khất thực, nhiều người nữ ưa thích. Do đó, nên Phật dạy góc chéo y, vắt lên vai cho kín. Sau lại bị gió thổi bung xuống, Phật bèn cho lấy Ni Sư đàn vắt lên (đây là lần dạy thứ hai). Sau, có Tỳ-kheo bị ngoại đạo hỏi vặn rằng: Ca-sa là áo pháp đáng tôn quý có uy linh lớn, thì đâu được dùng miếng vải lót ngồi dằn lên trên. Các Tỳ-kheo nghe qua không ai trả lời được, liền đem việc ấy bạch lên Đức Phật. Do đó nên Phật dạy: góc chéo y để trở lại ở tay trái, còn tọa cụ để ở dưới y (đây là lần dạy thứ ba).

Sau đó, có nhiều Tỳ-kheo mặc y không ngay thẳng bị ngoại đạo chê bai cho là giống như dâm nữ; cũng như vòi con voi. Do đây Phật mới dạy đặt móc buộc lên trên, khiến choàng đến góc chéo y cánh tay trái, kẹp ở dưới nách chứ không được để thòng xuống như trên là mắc lỗi.

Nay y cứ theo đây, vừa được mở mặc để trên vai trái. Nếu để thòng xuống cánh tay, dù chừng một gang tay thôi cũng bị xếp vào phi pháp, theo mỗi bước đi mà kết tội. Bản xưa chép: cuộn lại để trên cánh tay trái là đúng, nhưng không được để góc nhọn thòng xuống là sai.

Ý NGHĨA CHẾ RA BÌNH BÁT

Trong sự sao dẫn luật Tăng-kỳ chép: Bình bát là pháp khí của người xuất gia, người thế tục không nên dùng. Luật Thập Tụng chép: Bát là cờ nêu của Hằng sa chư Phật, không được dùng vào việc khác. Luật Thiện Kiến chép: bậc Thánh Ba thừa đều mang bát sành khất thực để nuôi mạng sống, lấy bốn bể làm nhà. Cho nên gọi là Tỳ-kheo. Kinh Trung A-hàm chép: Nói bình bát là sao? Đại Luật chép: Đại khái có hai loại bát là bát bằng sành và bằng thiếc. Luật Ngũ Phần chép: Thấy

có nơi dùng bát bằng đồng là sao? Phật dạy đó là pháp ngoại đạo, nếu Tỳ-kheo chứa để thì mắc tội. Đức Phật tự tay nhồi đất nặn thành cái bát để làm kiểu mẫu cho đời sau. Luật Thập Tụng chép: Nếu chứa các loại bát bằng vàng, bạc, gỗ, đá là phi pháp mắc tội. Nói về mầu sắc Bát thì sao? Luật Tứ Phần chép: nên xông thành mầu đen hoặc mầu đỏ. Trong văn luật có dạy rõ về cách thức xông màu. Nếu dùng loại đất sét trắng, sắt trắng thì dù có sơn phết cũng đều là phi pháp. Nói về lượng của bát thế nào? Luật Tứ Phần chép: bình bát lớn khoảng ba đấu, nhỏ một đấu rưỡi, còn bát cở vừa thì có thể biết. Luật này là bản dịch đời Dao Tần, mà nước Tần thì dùng đấu của nhà Cơ - Chu. Nếu theo cái đấu của đời Đường thì bát bậc thượng khoảng một đấu, bực hạ năm thăng, cho đến chép rằng mặc dù trong các bộ luật định về lượng của Bát thì không nhất định, nhưng nhiều thì ba đấu, đấu rưỡi làm hạn. Nhưng bình bát ở đây gọi là Ứng Khí, là phải y theo lời Phật dạy mà làm. Luật chép: cứ lường theo bụng của mình mà ăn, đo theo thân mà mặc, vừa đủ thì thôi.

Văn đây nói chung việc thêm hay bớt thì nhất định là phải y cứ theo Chánh giáo.

Ý NGHĨA LÀM RA TỌA CỤ

Trong sự sao dẫn luật Tứ Phần chép: vì để hộ thân; hộ y; hộ ngọa cụ nên Phật dạy chiều dài của tọa cụ bằng hai gang tay Phật, chiều rộng bằng một gang rưỡi. Chiều rộng, và dài nếu thêm thì một bề nửa gang tay nữa (nếu là người thân to lớn). Trong các bộ nói về gang tay của Phật đều nói không giống nhau. Nay y theo Luật Ngũ Phận chép: một gang tay Phật dài hai thước. Y cứ vào thước đời Đường là một thước sáu tấc bảy phân. Suy theo đây thì hai thước là một gang tay, là y cứ theo thước của nhà Cơ - Chu. Luật Thập Tụng chép: Tọa cụ mới thì may hai lớp, cũ thì bốn lớp. Trong Già Luận cũng cùng ý với đây. Bộ Tỳ-nại-da Tạp Sự chép: may Ni-sư-đàn mới phải lấy vải cũ viền ở bốn góc để hủy sắc mới kia. Nếu may nên đặt viền thành. Trong luật Ngũ Phần chép: phải may ghép bốn góc lại, bằng không ghép thì thôi. Luật Tứ Phần chép: nếu giảm lượng mà may thì gấp hai lớp lại cũng được. Luật Thập Tụng chép: không nên thọ Ni-sư-đàn một lớp. Nếu để cách đêm phạm tội Cát-la. Luận Ma-đắc-lặc-già chép: Nếu để tọa cụ cách đêm mặc dù không phạm xả đọa, nhưng như thế cũng là trái với Phật dạy. Cho nên không được để cách đêm. Lời Ký chép: vì hộ thân là sợ ngồi trên đất có thể tổn hại. Kế đến hộ y là vì sợ không có đồ lót đất để ngồi thì ba y dễ

bị rách. Vì hộ ngọa cụ là vì sợ thân không sạch làm bẩn giường chõng của chúng Tăng.

■

TRUY MÔN CẢNH HUẤN

QUYỂN 4

Ý NGHĨA VỀ ĐÃY LƯỢT NƯỚC

Bộ Hành Sự Sao chép: đãy lọc nước dù là nhỏ nhẹ, nhưng làm lợi ích rất lớn. Người xuất gia lòng từ cứu giúp, y đó ở đây. Đời này bậc Thượng phẩm Cao Hạnh còn uống nước có trùng huống chi là người chẳng ra gì, đâu đáng để nói! Cho nên trong luật vì tôn trọng mạng sống loài côn trùng, mới đây riêng hai giới nói về việc uống và dùng. Vì đây là việc hằng ngày, đa số mọi người phải dùng đến nước. Lời Ký chép: Người xuất gia tu tâm từ làm gốc. Từ là đem lại an vui cho nên lấy việc không giết hại làm trước. Loài trùng tuy nhỏ nhưng tinh thần hộ mệnh của người xuất gia thì xem nó với người không khác. Đây chính là dụng cụ hành từ, là nhân duyên cứu giúp chúng sinh. Đại hạnh từ đây mà sinh trưởng, chí đạo cũng do đây mà thành. Đồng là loài mang tình thức, nên đừng cho là nhỏ.

DẪN VIỆC THUYẾT TỊNH CỦA ĐẠI GIÁO ĐỂ BÁC BỎ VIỆC Ỷ LẠI

Bộ Tư Trì dẫn Luận Trì Địa chép: Bồ-tát trước phải đối với tất cả đồ vật chứa để vì là phi Tịnh, dùng tâm thanh tịnh thí xa cho chư Phật và Bồ-tát ở mười phương, như thầy Tỳ-kheo phải đem y vật hiện tiền xả cho Hòa thượng và A-xà-lê, v.v... Kinh Niết-bàn chép: Tuy Đức Phật cho phép Bồ-tát nhận chứa tài vật, nhưng phải làm pháp tịnh thí cho người Đàn-việt có lòng tin sâu chắc. Đời nay những vị dạy học, chuyên vì lợi danh, họ không hề biết hổ thẹn khi nhận cơm năm tà, mãi ham hố chứa tám thứ tài sản ô uế. Chỉ chạy theo trần tục nổi chìm, nào nghĩ đến lời vàng Phật dạy. Từ lúc thọ giới ở đàn tràng về sau, dù trải qua nhiều tuổi hạ, nhưng nếu có bàn đến pháp Tịnh thí thì một điều cũng chưa thấm vào thân. Họ đâu biết của dùng hằng ngày đâu không phải là uế vật, của chứa trong rương tráp đều là của trộm. Khinh pháp dối lòng, để lại lo buồn.

Ôi! Người học luật, biết mà cố phạm, thì những người ở các tông khác, thật chẳng đáng nói. Ai chịu biết sự báo ứng sẽ do tâm mà hình thành; nào chịu tin quả là do hột giống kết nên. Hiện đời nếu để Ca-sa lìa mình thì đời sau giáp sắt sẽ quấn thân. Làm người thì sinh nơi chỗ nghèo hèn đói thiếu, áo quần nhơ bẩn. Làm súc sinh thì đọa vào chỗ bất tịnh, lông tóc hôi tanh. Huống chi, Đại thừa, Tiểu thừa đều gọi chung là pháp tịnh thí, nếu người có lòng Tín sâu thì nào ngại ở việc vâng làm. Cho nên lời ký trong Bộ Phụ Hành của Thiền sư Kinh Khê chép: có người nói: Tất cả các tài vật nghĩ chẳng phải vật của mình hễ việc gì có ích liền dùng thì còn thuyết tịnh làm gì?

Người đã nói thế, giờ tôi xin hỏi lại: Nếu đã nói mọi vật đều chẳng phải là của mình, thế thì tại sao không đem thí cho bốn biển; và đã bảo là có ích liền dùng, thì sao không giao thẳng cho hai thứ ruộng bi và ruộng kính, mà lại cứ cất giấu trong trong phòng kín, chứa để ở túi rương.

Thật là trong lòng thì nghĩ là của người, cứ lấy để tiêu dùng thì chắc chắn sẽ chuốc vạ thôi (phạm tội trộm). Còn khinh bảo là của mình, thì vẫn trái với pháp thuyết tịnh. Đã quyết định rồi, lại còn đem bố thí, thì đối với lý nào ngăn ngại gì. Mặc cho mình chấp giữ trong lòng cũng được, chỉ lo sợ kẻ hậu sinh lại bắt chước mà thôi!

Nên biết người không làm pháp thuyết tịnh, là rất trái ý với Phật. Những người đó sẽ không thuộc hai thừa, ba căn chẳng thu. Than ôi! Người xuất gia mà như thế, đâu chẳng phải luống uổng.

TÁM THỨ TÀI SẢN BẤT TỊNH, NUÔI LỚN LÒNG THAM, TỔN HOẠI ĐẠO NGHIỆP.

Bộ sư sao chép: Tám thứ tài sản bất tịnh là:

1. Nhà cửa ruộng vườn.
2. Ươm trồng hột giống.
3. Chứa góp thóc lúa.
4. Nuôi dưỡng tôi tớ.
5. Giam nhốt cầm thú.
6. Tiền bạc, vật báu.
7. Chăn nệm đỉnh vạc.
8. Giường ghế chạm cẩn ngà vàng và các vật quý giá.

Tám thứ trên đây đều gọi là tài sản Bất tịnh. Trong kinh, luật, luận đều kể số chung và dạy rõ tám thứ tài sản này là nguyên nhân gây nên tội không được dùng. Lại nữa, trong các kinh luật đều nói, nếu người

xuất gia cất chứa, thì kẻ ấy chẳng phải là đệ tử ta. Luật Ngũ Phần cũng chép: người cất chứa, chắc chắn là kẻ không tin pháp luật của ta. Bởi tám thứ này đều nuôi lớn lòng tham, tổn hoại đạo nghiệp. Vì nó làm nhơ nhuốc phạm hạnh, mắc quả báo xấu, nên gọi là tài sản Bất tịnh, cho đến nói rằng: Trong luật là dạy về sự tướng, vì người tiểu cơ ý hẹp, nên phải nói nhiều về việc cất chứa. Lại trong kinh Niết-bàn chép: Nếu các đệ tử không có người chu cấp vật tiêu dùng, lại gặp lúc mất mùa đói kém, tìm thức uống ăn khó được, vì muốn giữ gìn Tăng bảo, gầy dựng chánh pháp, ta cho phép các đệ tử nhận chứa vàng bạc, xe cộ, ruộng nhà, thóc gạo trao đổi để tiêu dùng. Tuy là cho phép nhận chứa các vật như thế, nhưng phải làm pháp tịnh thí cho người đàn-việt có lòng tin sâu chắc. Lời ký chép: Văn trên là nói người Đại thừa về Cơ và Giáo đều gấp, còn văn dưới là nói hàng Tiểu thừa về Cơ và Giáo đều hoãn. Luật dạy về việc hành sự nếu trái với lý thì phạm tội, đương nhiên hàng tiểu cơ ý hẹp không làm nổi nên phương tiện khai ra, có khác với bậc thượng căn. Còn Đại thừa có thể gánh vác nổi. Cho nên dạy là trọng. Thế mà, người đời lại bảo rằng, Tiểu thừa thì phải giữ giới, còn Đại giáo thì thông phương, lời đó rất là sai lầm!

KHUYÊN NGƯỜI MỞ RỘNG LÒNG TÙY THUẬN LỢI GIÚP SÁU ĐƯỜNG

Thiên Tăng Cương chép: Người xuất gia chân thật phải biết nghĩ sợ bốn oán là nhiều khổ, nhàm chán ba cõi là vô thường, giã từ sáu thân thương mến, xả bỏ năm dục đắm ưa. Vì thế tục là luống dối nên phải bỏ, đạo lý là chân thật phải về nương. Cho nên phải mở rộng ý chí cho rộng lớn, từ bỏ những tâm tư thấp hèn. Không tiếc thân mạng của cải, phải thường nghĩ đến việc giữ gìn Chánh pháp. Huống chi, vật thực của chúng Tăng ở khắp cùng mười phương, người nhận thì lấy theo phần của mình, lẽ ra phải tùy hỷ. Thế mà tình người lại ganh ghét sự đầy đủ của người khác, dùng tâm không bình đẳng để đối xử. Có người lại đóng kín cửa nẻo, ngăn cản khách tăng du phương, việc làm này chẳng bị chê cười ư? Bản ý của việc đánh hiệu kiền-chùy báo giờ Ngọ trai há không đúng sao? Người xuất gia đã bỏ đi lòng tham đắm hưởng thụ, không nên hành động như thế mới phải! Nếu chỉ dùng tâm thân mỏng manh này thì không thể bền giữ chánh pháp được và mạng sống tạm này không nên lặn lội tìm tăng thực. Vì như thế sẽ trái với lời dạy của chư Phật và làm tổn hao ruộng phước của Đàn-na khiến đau xót chúng sinh một thuở làm ngăn lấp con đường của mười phương tăng. Để lại hành động sai lầm

làm bại hoại ý chí cao xa của người lớp sau. Hãy thay đổi quan niệm mê mờ từ trước, hầu trở lại đạo lý công bằng sáng tỏ muôn đời, được như thế chẳng phải là tốt sao? (tham ăn một mình là cái hạnh nghiệp của ngạ quỷ, gói đó là mê lầm lớn).

- Có người hỏi: Vật thực của chúng Tăng thì có giới hạn, còn khách vân thủy từ ngoài đến thì vô cùng. Nếu lấy vật thực có hạn để cung cấp chư Tăng không cùng thì e rằng việc này chắc chắn sẽ không đủ.

- Đáp rằng: Đó là sự tính toán nông cạn của kẻ tục hẹp hòi; là tâm niệm nhỏ mọn của người keo xẻn. Làm sao nói được với bậc Thánh trí có kiến thức sâu xa và nào lọt vào tai những bậc Đại sĩ có cái nhìn cao tột. Nói về việc cúng dường cho bốn chúng là ruộng phước của Tam bảo cũng ví như sự sinh ra và lớn lên của trời Đất, sự thọ dụng của núi biển, nào có cùng hết được đâu! Cho nên Kinh Phật Tạng chép: Phải một lòng hành đạo, thuận theo pháp mà làm, chứ đừng nghĩ đến áo cơm là cái tạm dùng qua buổi. Chỉ cần một tướng ánh sáng lông trắng của Như Lai, chu cấp cho tất cả đệ tử xuất gia cũng không thể nào hết được. Do đây mà nói, các thầy hãy siêng tu giới hạnh, chí thành hộ pháp, từ đạo mà được lợi, nhờ đạo mà dùng chung, cho đến nói. Người thế tục còn cho rằng: chỉ lo Đạo đức chứ không lo nghèo. Huống chi người xuất gia tâm hồn đã vượt ngoài cõi tục, chẳng lo giữ gìn Chánh pháp mà cứ mãi lo việc ăn uống, thật là rất sai lầm.

Giải thích đốt thân, đốt ngón tay, Đại thừa và Tiểu thừa có chủ trương khác nhau.

Bộ Tư Trì Ký chép: Trong Nghĩa Tịnh Tam Tạng Ký Quy Truyện có bác bỏ việc người đời đốt thân, đốt ngón tay, ý cho rằng hạnh của Bồ-tát Đại sĩ thì tỳ-kheo xuất gia không làm được. Xưa nay các chương ký truyền nhau răn nhắc, người giảng ít học dùng làm lời đầu môi, đó là do không biết căn cơ có sâu cạn, giáo chia ra Hóa và Chế, luật nói rõ tự giết, phương tiện thâu-lan, đốt ngón tay, tấn hương, trái với luật chế, phạm tội cát-la. Kinh Phạm Võng chép: Nếu không đốt thân, đốt cánh tay, ngón tay thì chẳng phải là Bồ-tát xuất gia, phạm tội khinh cấu. Đó là do Tiểu thừa gấp về tự hành, mong hết báo thân này được siêu sinh. Còn Đại sĩ thì chuyên lợi tha, trải qua nhiều kiếp cứu giúp chúng sinh, cho nên tiểu luật kết tội lớn, Đại giáo khen ngợi công đức ấy rất sâu, huống chi hai giáo Đại Tiểu đều là lời Phật, một đè một nâng, đâu cho phép trái khác. Vả lại, kinh nói Bồ-tát xuất gia chứ không cho phép Tỳ-kheo (Tiểu thừa cho rằng xả thân chẳng phải là việc làm của Sa-môn).

Việc khổ hạnh di thân đâu phải chỉ có thế tục. Ngài Kinh Khê cho rằng theo Tiểu thừa không đốt thì dễ, theo Đại thừa đốt thì khó; Bảo vệ thân mạng, tham sống, chúng sinh đều như thế, nay y cứ vào nghĩa chia ra ba trường hợp: 1. Nếu vốn là người tại gia thì không ở trong hạn này, hoặc hoàn toàn không thọ giới, y theo kinh này cúng dường ngón chân, ngón tay thì còn hơn bố thí quốc thành. Nếu theo kinh Phạm Võng, thì thọ Đại giới thuận theo thể mà vâng giữ, đốt thì càng tốt. 2. Nếu chỉ thọ Tiểu giới hạn cuộc ở Tỳ-kheo, không đốt thì thuận bổn thành trì, đốt thì y theo thiên mà kết phạm. 3. Nếu thọ cả đại giới gọi là Bồ-tát xuất gia, đốt thì thành trì, không đốt thì thành phạm. Nếu trước Tiểu sau Đại, hoặc trước Đại sau Tiểu, đồng thời từ Đại mà xếp vào không phạm luật nghi. Nếu ở đây dùng minh thô để phân ra tiến hay không thì đâu được cho đồng là một thứ mà bác bỏ là sai. Nhưng người có chí mạnh mẽ, tâm còn cuồng loạn, thích lợi dưỡng của người, tiếng tăm của thế gian, phá hoại pháp môn, đó là tên giặc nguy hiểm trong Phật giáo. Tự làm tàn phế thân thể, thật là người trái nghịch với Nho Tông, đó là nhân ác, không bao giờ có quả báo lành. Hiện thời rất thạnh hành các tập tục thế gian, đâu biết lời răn của ngài Nghĩa Tịnh, cũng có người chấp.

LUẬT DẠY VIỆC HỌC NGOẠI ĐIỂNVÌ CÓ PHƯƠNG HẠI ĐẾN CHÁNH NGHIỆP
(TU HỌC PHẬT)

Lời văn trong sự sao ghi: Luật Ngũ Phần chép rằng: vì trông coi việc sai tăng sứ và việc pháp thực, nhóm họp, v.v... và cho người xuất gia được nghiên cứu ngoại điển, nhưng không được vì ham thích mà phế bỏ chánh nghiệp. Luật dạy không cho xem bói tướng và (tìm) hỏi việc tốt xấu ở người. Luật Tứ phần có khai cho người xuất gia được học tụng văn sách và nghiên cứu các luận thuyết thế gian, vì để hàng phục ngoại đạo. Trong (tạp pháp) các môn học thế gian, (thì) đối với (vị) Tỳ-kheo mới học cũng có khai cho được học toán pháp (pháp làm tính). Luật Thập Tụng ghi: người ưa làm văn thơ kệ tụng trau dồi chương cú. Đó là việc sợ hãi, không được làm. Trong Luận Tỳ-ni Mẫu, Đức Phật dạy: Này các Tỳ-kheo! Ta dạy các ông một câu kinh, một bài kệ, cho đến đời sau này, những việc nên làm thì làm, còn những việc không nên làm thì đừng làm. Và các Tỳ-kheo ở đời sau ta cũng nói như thế. Lời Ký chép: vì sách truyện toán pháp, văn chương kệ tụng, bói thuật đều là các môn học của thế tục, chẳng phải chánh nghiệp của người xuất gia, vì nhân duyên (hàng chục kẻ ngoại đạo) nên mới cho học tập các môn học ấy.

Hàng Thích tử đời nay, danh và thật đều mất. Hễ người (nào) viết chữ đẹp thì xưng là Thảo - Thánh, người nào thông suốt sách vở thế tục thì xưng là (thầy) văn chương; người biết chọn đất tốt, xem địa lý giỏi thì gọi là (sư) Sơn thủy; người biết nghề bói toán thì gọi là Tam mạng.

Tại sao tâm đã bỏ nhà, theo Phật mà còn thuận theo danh của thế tục, vốn phải nhàm chán thế gian để cầu giải thoát, lại học tập theo nghiệp sinh tử làm chi? Cho nên Luận Trí Độ chép: người học tập ngoại điển cũng như kẻ lấy dao cắt bùn, không thành vật gì, mà dao tự tổn hại: lại cũng như người nhìn tia sáng Mặt trời, chỉ khiến cho người ấy (bị) chóa mắt. Các bậc cao tăng (thuở) xưa, có nhiều vị cũng nghiên cứu các môn ngoại dị học, có vị hành về lối thảo, lối lệ, có vị giỏi về văn chương, thơ phú; có vị nổi tiếng về phương pháp trị bệnh (y thuật), có vị giỏi việc âm dương đoán mạng, các vị này đều đã tinh thông nội điển, rộng ra đến các tông khác nhưng đều không để (tâm) chí hướng việc giữ gìn (chánh pháp) và giúp việc giáo hóa, truyền bá chánh pháp của Phật. Cho nên trong Thiên Giới chép: Nếu vì luận bàn để phá tà kiến thì cho hai phần học nội điển, một phần học sách ngoại mà không phạm. Luật Tứ Phần cho được học tập ngoại điển cũng là ý ấy. Đời nay có người cầu lợi mua danh, cậy thế khoe tài. Thân thì khoác Ca-sa mà tâm chí lại (đắm) nhiễm thói tục, để cho một đời luống qua, thật đáng thương thay.

GIẢI HẠNH KHÔNG THẬT LẠI XEM THƯỜNG GIỚI LUẬT

Bộ Tư Trì chép: Trong Luật Thập tụng, Phật dạy các (Thầy) Tỳ-kheo năm hạ trở xuống, phải chuyên học kỹ giới Luật. Nếu hiểu suốt phép trì phạm, làm xong phận sư (của) Tỳ-kheo thì mới nên học tập kinh luận. Đời này học vượt bực. Việc làm đã mất thứ lớp thì không do đâu mà vào được đạo. Cho nên bậc Đại Thánh quở trách các Tỳ-kheo đó, nhất quyết chẳng phải là đồ chúng của ta. Lại nữa, luật trên lại chép: Phật thấy các Tỳ-kheo không chịu học tập Tỳ-ni nên Ngài khen ngợi Tỳ-ni. Đồng thời ở trước mặt mọi người, Phật khen Tôn giả Ưu-ba-ly là người trì giới bậc nhất, nên sau đó các Thượng tọa, Trưởng Lão, Tỳ-kheo theo Tôn giả Ưu-ba-ly để học Luật. Thời nay vừa mới thấm nhuần giới phẩm liền nghe kinh và tham thiền, nào hạnh oai nghi làm ông tăng, đều không biết gì đến giới luật. Huống chi lại xem thường giới pháp, hủy báng Tỳ-ni, chê người học luật là Tiểu thừa, khinh người giữ giới là chấp tướng. Do đó mà đam mê theo trần tục, buông thả thói hung hăng, ham muốn rượu thịt mà tự cho mình là không chấp tướng,

làm việc dâm dục, giận dữ lại tự cho mình là thấy đạo lý. Thật chưa xét cùng được ý chỉ của Phật Tổ nên hiểu lầm nghĩa chân thừa, nếu giới luật là đáng xem thường, thì lên đàn thọ giới mà chi! Luật là đáng chê thì theo người cạo tóc, mặc áo làm gì! Như thế thì khinh giới chính là khinh mình chê luật lại thành chê mình.

Than ôi! Thói đời dễ tập, đạo chánh khó nghe; vượt hơn đời trong muôn người không được một. Vậy phải hiểu rõ lời Phật dạy, đâu dám không thuận theo.

KHỞI TÂM QUY KÍNH TAM BẢO

Trung Nghi Quy Kính chép: Cho nên tình đời huân tập đã lâu ngày, mà muốn nắm được chỗ tỏ ngộ thì không có lối. Cho nên đứng về sự tướng thì phải lập ra kính bày, mở ra pháp tín làm đầu và thuận theo tâm chúng sinh, y cứ vào tướng để chỉ rõ công thành hóa. Vậy sao người có lòng hy sinh cho Phật pháp đông nhiều mà không yêu tiếc thân mạng. Biết được đấng Cực Tôn trong vũ trụ nên càng kính hơn cha mẹ. Hiểu rõ giáo nghĩa là rộng lớn thì đạo lý mới vượt khỏi lối thường, cho đến nói: Luận Tiểu Thừa chép: Kinh là sao? Nghĩa là lấy sự hổ thẹn làm bản thể. Vì đức hạnh của ta cạn mỏng mà cảnh hiện tiền lại cao quý, cho nên phát khởi hành động cung kính. Người đời nay lại không biết hổ thẹn thật rất đáng chê cười. Luận Đại Thừa chép: Do chánh tín và trí tuệ nên cung kính ngôi Tam bảo. Vì tín nên khởi lòng cung kinh cho nên Khế kinh dạy, dìu dắt lòng thành, lấy trí tín và hổ thẹn làm cội gốc của sự quy kính. Lại dẫn luận chép: Quy y là gì? Nghĩa là lời phát nguyện xoay tâm mình trở về đường chánh. Vì xưa trái chánh theo tà, trôi dạt trong sáu đường, nay gặp Phật ra đời giảng nói chân lý cực tôn, xoay tâm tà vạy chuyển theo chánh đạo. Do đó mới lập ra pháp quy y, có chia thành năm bậc khác nhau. Trước từ chỗ lìa thế tục, sau đạt đến địa vị nhập đạo, tất cả đều phải nương tựa ngôi Tam bảo, lấy làm dấu vết đầu tiên. Vì bậc Thiên Nhân Sư là địa vị cực tôn, còn việc quy y là hành động cực đại. Cho nên Kinh Tăng Nhất A-hàm chép: Người không có tâm cung kính Phật, thì sẽ đọa làm rồng, rắn vì từ quá khứ cho đến nay vẫn không sinh tâm cung kính nên bị nhiều ngu si, tăm tối, v.v... trên đây là những bằng chứng tốt nhất. Kinh Đại Bi chép: Thuở quá khứ, khi Phật còn hành Đạo Bồ-tát, hễ khi Ngài nhìn thấy ngôi Tam bảo, chùa tháp, xá-lợi, tượng, sư tăng, cha mẹ, người tuổi cao, bạn lành tri thức, hàng ngoại đạo, các vị trời, Sa-môn, Bà-la-môn, Ngài đều cúi đầu thấp mình xuống đảnh lễ. Do quả báo tốt đẹp này nên từ khi thành Phật đến

nay khắp cả núi rừng, người thú không một ai không nghiêng mình kính lễ Đức Phật. Lại trong sách lễ tục chép: "Đâu không cung kính dáng dấp trang nghiêm như thờ cha mẹ." Sao lại định lời như thế? Vì không nên nuôi lớn tâm ngông nghênh, không được buông lung tham dục, không thể đầy dẫy tính khí hung hăng.

LỢI ÍCH CẦU QUY Y TAM BẢO

Trong Quy Kính Nghi chép: cho nên đàn hậu tiến sơ tâm phải nương tựa vào Sư Trưởng và bạn lành, nay phải về nương Tam bảo, thường thích gần gũi. Cho nên Luận Đại Trí Độ chép: Nếu hàng Bồ-tát chưa được vào pháp vị, còn xa lìa chư Phật, e sẽ bị hư hoại các gốc lành, đắm chìm trong phiền não. Không thể độ được mình thì đâu thể độ người. Vì thế không được lìa chư Phật, ví như con thơ không thể xa cha mẹ, như người đi đường không thể thiếu lương thực, như gặp trời nóng không thể thiếu gió mát, như lúc trời rét không thể thiếu lò sưởi, như qua sông không thể lìa thuyền, như bệnh nặng không thể lìa thuốc. Do đó, Bồ-tát thường không lìa chư Phật. Vì sao? Vì cha mẹ, bạn thân, người, trời, vua chúa, v.v... các người ấy không thể đem lại lợi ích cho ta, vượt khỏi biển khổ, chỉ có chư Phật, Thế Tôn mới có khả năng giúp ta ra khỏi biển khổ sinh tử. Vì thế thường nghĩ không nên lìa xa chư Phật. Lại như Kinh Thiện Sinh chép: Như có người ba lần nói tự nguyện quy y Tam bảo sẽ được quả báo không thể cùng tột, ví như Tạng báu trong bốn đại bộ châu, nhân dân khắp cả nước tiêu dùng trong bảy năm, vận chuyển ra cũng không thể hết được, phước báo của người thọ Tam quy hơn cả số trên kia gấp nhiều lần không thể kể xiết. Lại như Kinh Giảo Lượng Công Đức chép: Như trong bốn Đại Bộ châu, đầy dẫy những người chứng quả Nhị thừa, hoặc có người trọn đời cúng dường hầu hạ, xây dựng tháp miếu, v.v... nhưng công đức không bằng kẻ nam, người nữ nào tự nói lời rằng: "Con tên... xin nguyện quy y Phật, Pháp, Tăng", công đức của người ấy không thể nghĩ bàn. Vì trong các phước báo chỉ có ngôi Tam bảo là trên hết.

TRÌNH BÀY DANH TƯỚNG TAM BẢO.

Quy Kính Nghi chép: Tam bảo là đấng đáng kính. Thế nên phải hiểu rõ tướng trạng của Tam bảo. Trong bộ Hành Hộ chép: Đem thân mạng về nương với pháp thân thường trụ. Nghĩa là nói Đức Như Lai đã đầy đủ mười lực, bốn vô úy, năm nhãn, sáu thông, mười tám pháp bất cộng, đại từ đại bi, ba niệm xứ v.v... Tất cả chủng trí. Đấng Điều Ngự

Vô Thượng, công đức và trí tuệ, nhiệm mầu thanh tịnh rộng lớn như pháp giới, rốt ráo như hư không, an ủi thế gian, che trùm khắp cả không gian, không hề vướng mắc, không có phân biệt, không thể dùng trí tuệ mà biết được, không thể dùng tâm thức mà phân biệt được. Phật lại năng hiện ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, thường duỗi cánh tay phải để vỗ về dìu dắt chúng sinh. Ngài phát ra ánh sáng rực rỡ để đẩy lùi bóng tối vô minh. Trăm phước trang nghiêm, muôn đức tròn đầy, rưới nước cam lồ, xoay bánh xe chánh pháp, cứu vớt chúng sinh ra khỏi biển sinh tử. Cho nên Phật được gọi là bậc Pháp Vương vô thượng, tôn quý trong hàng Thánh.

* Mười hai bộ kinh: - *Tiếng Phạm:*

1- Tu-đa-la
2- Tỳ-dạ.
3- Hòa-già-na
4- Già-đà
5- Ưu-đà-na
6- Ni-đà-na
7- A-bà-đà-na
8- Y Đế-mục-đa-già
9- Xà-đà-già
10- Tỳ-phật-lược
11- A-phù-đạt-ma
12- Ưu-ba-đề-xá.

- *Đời Đường dịch:*

1- Khế Kinh
2- Trùng Tụng
3- Thọ Ký
4- Cô Khởi
5- Vô Vấn
6- Nhân Duyên
7- Thí Dụ,
8- Bổn Sự
9- Bổn Sinh
10- Phương Quảng
11- Vị Tằng Hữu
12- Luận Nghị.

Từ phần tựa, Chánh tông, Lưu thông đều tốt đẹp. Ý nghĩa thành tịnh, tự nhiên đầy đủ, mở bày phạm hạnh, tối thượng bậc nhất, vượt qua

bờ kia, sâu xa thật tướng, đại tuệ bình đẳng, tự tánh thanh tịnh, ngôn ngữ bặt dứt, tâm hành đều diệt, chánh pháp này cảnh giới vô ngại, vì chúng sinh mà giảng nói, nhưng vẫn không trái với nghĩa thật tướng. Do đó gọi là phương thuốc nhiệm mầu vô thượng xuất thế, phá diệt hết phiền não từ vô thỉ của chúng sinh.

Ba thừa tịnh tăng là những người thực hành Pháp Ba tuệ (Văn - Tư - Tu) bày đạo Bồ-tát, mặc giáp hoằng thệ, giục ngựa tinh tiến, cầm cung nhẫn nhục, phóng tên trí tuệ, giết giặc phiền não. Với trực tâm, thân tâm các Ngài quyết định thẳng đến chính đạo bình đẳng, vô thượng bậc nhất, Tâm không rời lìa Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. Phát nguyện làm theo những lời dạy của chư Phật, thường dùng sáu độ, độ các chúng sinh. Luôn dùng bốn pháp Nhiếp nhiếp, hóa hàm thức. Là ngôi tôn quý, là bậc Đạo sư, là chỗ dựa nương, là Thầy tế độ. Xem chúng sinh an ổn đến Phật đạo Bồ-đề. Cho nên gọi Tăng là bạn lành thiện pháp, vì các Ngài thường dùng phương tiện làm lợi ích thế gian, các Ngài là ruộng phước tốt đẹp, là bậc đáng được cúng dường.

TAM BẢO TRỤ TRÌ HOÀN TOÀN DO GIỚI PHÁP

Bộ Tư Trì Ký chép: Tam bảo có bốn nghĩa:

1- Lý Tam bảo.

2- Lý thể Tam bảo.

Hai loại này là nói ngay nơi lý.

3- Hóa tướng Tam bảo, loại thừa thứ ba này là y cứ vào thời Đức Phật còn tại thế.

4- Trụ trì Tam bảo: loại thừa thứ tư này trùm khắp cả ba thời.

Công năng từ năng lực của giới, vận chuyển không dứt, cho nên cũng ví như chiếc thuyền. Vì sao lại ví như chiếc thuyền? Vì Phật bảo và Pháp bảo đều nhờ Tăng bảo hoằng hóa, ngôi Tăng bảo được tồn tại. Nếu không có giới luật thì không thể đứng vững được. Như trong bộ Tiêu Tông chép: Thuận theo giới luật thì ngôi Tam bảo được lâu dài, nếu trái với giới luật thì chánh pháp sẽ bị diệt mất. Lại như Kinh Hoa Nghiêm chép: Nhận giữ đầy đủ oai nghi giáo pháp, khiến cho ngôi Tam bảo không bị dứt mất.

NÓI VỀ CÔNG ĐỨC CAO RỘNG CỦA TAM BẢO QUY Y SẼ ĐƯỢC LỢI ÍCH LỚN

Trong Quy Kính Nghi chép: Do ngôi Tam bảo này thường trụ thế gian, không bị thế pháp khinh dễ, nên gọi là Bảo. Ví như vật châu báu

ở đời, luôn được người đời quý trọng. Nay ngôi Tam bảo này là chỗ về nương của chúng sinh, của Thánh chúng Ba thừa, nên gọi là chánh quy. Nếu lòng tin không chuyên nhất, xen lẫn tà thần, thì dù có thọ quy giới cũng không đắc được Thánh Pháp. Cho nên khế kinh chép: Người quy y Phật đáng được gọi là Thanh Tín Sĩ, trọn đời không được lầm lạc quy theo các thiên thần khác. Sao nói lời như thế? Vì Ngôi Tam bảo chân thật tánh và tướng thường trụ thế gian, xứng đáng làm chỗ nương tựa cho muôn loài, ngoài ra cả vị thiên đế thân tâm vẫn bị các khổ não, pháp hữu vi hữu lậu chi phối, họ không có đủ năng lực giải thoát, tự cứu mình còn không rãnh thì đâu cứu được người khác. Chỉ có ngôi Tam bảo xuất thế gian mới có đủ năng lực cứu vớt mọi loài. Nói quy y là sao? Ví như nương vào sức mạnh của vua nên không bị kẻ khác làm hại. Nay về nương Tam bảo là địa vị oai thần phước đức cao tột, không bờ bến, nên khiến cho rồng thần khỏi được nạn chim cánh vàng ăn thịt, kẻ tín sĩ được khỏi nạn quỷ Dạ-xoa ăn thịt. Năm bậc đều thọ tam quy, đều về nương ngôi báu này. Có nơi gọi là đồng tướng Tam bảo, là vì lý thì chúng chung cho cả ba đời còn nghĩa thì suốt hết mười phương. Thường trụ Tam bảo chính là địa vị cao tột nhất, kinh chép: Nếu có người được nghe hai chữ Thường Trụ, thì người này đời đời không rơi vào đường ác, vì sao? Vì họ đã hiểu được bản tính của Phật pháp là Thường trụ. Một khi nghe hiểu xông ướp vào tâm thức thì hạt giống nghiệp đã thành, lòng tin trong sạch không mất. Huống chi lập nguyện quy y kính thờ làm bậc khuôn mẫu thì chắc chắn sẽ chiêu cảm nhiều kiếp được. Báo thân thanh tịnh tốt đẹp cao quý, nghĩa lý không mất. Như kinh chép: Nếu có người thọ Ba quy y, qua đến hội đầu của Đức Di-lặc sẽ được giải thoát sinh tử. Pháp quy y này là bến cầu để ra khỏi biển khổ, là thềm bực thẳng vào Phật pháp.

TRỤ TRÌ TAM BẢO

Trụ trì Tam bảo nghĩa là người có khả năng mở mang đạo pháp, muôn đời lưu thông lòng Từ, đạo nhờ người mở rộng, ba pháp do đây mà khai vị. Khiến cho đời đời hưng thịnh, chốn chốn truyền rộng. Nếu chẳng nhờ Tăng-già mở bày thì Phật pháp dần dần bị chìm mất. Còn nhà Hán Vũ Phật pháp rất hưng thịnh nhưng khi mới nghe được danh hiệu Phật thì đã dứt tăng truyền, vừa mở ra đầu mối thì đã bặt. Đến đời Hán Minh Đế vua Hiển Tông khai pháp xa rộng đến vua nước Thân-độc, cho đến có Ca-diếp Ma-đằng và Trúc Pháp Lan mang kinh tượng đến Lạc dương truyền bá Thánh giáo, mở rộng chí của muôn vật mà

trọn nên công việc trong thiên hạ, khiến cho mọi người phát tâm chánh Tín và nương ngôi Tam bảo. Thật là nhờ vào công nhọc của Tăng-già mở bày giảng nói, giúp nên năng lực hiểu biết nên gọi là ngôi Tăng bảo.

Giảng nói danh cú, đều nêu bày chân lý làm trước. Nếu chân lý không có văn ngôn thì không do đâu mà ngộ được, cho nên được gọi là Kinh giáo. Nhân duyên kẻ nói, người nghe gọi là Pháp bảo.

Chân lý ấy sâu xa nhiệm mầu, nếu không phải bậc Đại Thánh thì không ai hiểu được. Bậc Thánh tuy đã nhập diệt nhưng hình tượng Ngài vẫn còn nên gọi là Phật bảo.

Chỉ vì chúng sinh phước mỏng nghiệp dày nên không sinh nhằm Phật ra đời nhưng còn chút gốc lành nên vẫn được gặp chánh pháp để lại ở cõi trời. Ngôi Tam bảo này thể là hữu vi, là chỗ nương giữ của Lý Bảo, nếu người kính trọng vâng theo thì cũng được theo nhau mà ra khỏi ba cõi. Ví như vua ở đời sai sứ đi tuần du khắp mọi nơi, vì chẳng lấy hình tượng để tìm cầu nên được tôn kính như nhau. Kinh chép: Ví như vàng ngọc là vật quý báu nhất ở đời, nhưng gặp trường hợp không có bạc thì thau cũng được gọi là vô giá, cho nên ngôi Tam bảo hữu vi cũng được tôn kính bằng với ngôi Tam bảo vô vi. Người đời nay không có tâm cung kính, lại không có tâm tôn trọng thì sẽ gởi tâm nơi nào? Và dựa vào chỗ nào? Cho nên phải tôn kính Phật bảo bằng hình tượng để tỏ lòng đối với chân lý, dìu dắt theo duyên, bày phương giáo hóa, nghĩa lý cao tột là ở đây. Kinh chép: Tạo tượng Phật nhỏ như hạt lúa mì, cũng được phước báo vô lượng. Vì đó là hình tướng tiêu biểu cho Pháp thân.

Luận chép: vàng, gỗ, đất, đá, thể của nó tuy là vật phi tính nhưng đã nặn lên hình tượng, thì người sinh lòng tôn kính hay hủy hoại sẽ tự nhiên cảm lấy tội lỗi hay phước đức. Bởi tượng Phật là vật tiêu biểu cho pháp thân, nên khiến được công dụng vô cùng như thế. Vì thế người có tâm thành cung kính đối trước linh tượng khẩn cầu đâu chẳng tuôn rơi giọt lệ, bất giác sinh tâm tôn kính. Chỉ vì chân thân đã nhập diệt, giờ chỉ còn nhìn thấy dấu vết để lại mà thôi. Cũng ví như ta đến trước ngôi miếu uy nghiêm, tự nhiên khởi tâm thương kính, dõi mắt chiêm ngưỡng đến cảm xúc, tưởng như các Ngài vẫn còn tại thế chẳng khác. Nay ta cũng thế, Đức Thế Tôn nay đã viên tịch, chỉ còn lưu lại hình tượng ở đời, dìu dắt chúng ta bằng cờ phướn, cho nên phải cúi mình co chân, mà hành lễ cung kính như đối trước chân tướng, được Phật nói pháp cho ta nghe. Nay không còn nghe thấy Phật nói vì không tin thì làm sao mà biết được? Chỉ cần dùng tâm không phân biệt mà ba cõi còn hiện

Thánh, sá gì hình tượng trong ngôi điện báu an nhiên bất động ư?

Đại Luận chép: chư Phật thường phát ra ánh sáng nói pháp, chỉ vì chúng sinh tội chướng sâu nặng, nên dù có đối diện cũng không thấy được. Trước một tượng đã như vậy thì đối trước các tượng, lệ theo đây cũng thế. Cây đá, núi rừng, tùy theo hình tướng mà tạc nên Phật tượng, dẫn đường cho tâm ta, không gì vượt hơn tượng Phật.

HÓA TƯỚNG TAM BẢO

Hóa tướng Tam bảo nghĩa là Đức Thích-ca Như Lai là Phật bảo, Chân lý Tứ Đế khổ Tập, Diệt, Đạo là Pháp bảo. Năm vị giác ngộ đầu tiên, đã diệt hết nguồn khổ là Tăng bảo. Hóa Tướng Tam bảo này, có nơi gọi là Biệt Tướng Tam bảo. Vì thể là vô thường nên còn bị bốn tướng đổi dời. Ngôi Tam bảo này đã diệt độ qua một ngàn năm, chỉ có thể vói tưởng xa, để thêm sự cung kính. Vì trong kiếp hiền, ba Đức Phật đã qua, nếu không có Đức Phật Thích-ca thứ tư, thì chúng sinh biết nương tựa vào đâu, họ sẽ chìm mãi trong biển khổ, vì không có đường giải thoát. Cho nên đấng Năng Nhân thương xót, đúng thời tiết hiện ra đời, trải qua ba a-tăng-kỳ kiếp tu luyện, muôn hạnh tròn đầy. Trừ hết vết nhỏ nên pháp tánh được lặng trong, đủ chút duyên lành nên báo, hóa, càng thêm mầu nhiệm. Sau đó, Ngài lên cung trời Đâu-suất và giáng thần xuống cung vua. Ba mươi tuổi ngồi dưới cội Bồ-đề thành quả Phật, bốn mươi chín năm trụ thế, giáo hóa chúng sinh nói pháp hơn ba trăm năm mươi hội, giảng nói tám mươi bốn ngàn diệu môn. Vua, tôi ngoại hộ khắp chín châu bốn bể. Sư Tăng nội truyền, miền thiên thượng nhân gian. Lợi ích rộng lớn, truyền pháp khó nghĩ cho nên có bài kệ khen ngợi rằng:

Ví dầu đầu đội nhiều kiếp bụi
Thân làm giường ngồi khắp tam thiên
Nếu không truyền Pháp độ người mê
Rốt ráo ân sâu nào báo được.

- Truyền pháp có năm cách:

1- Thọ trì.
2- Xem đọc
3- Thuộc làu.
4- Hiểu nói.
5- Viết chép.

Ngoại hộ, nội hộ truyền bá thì Phật, Pháp, Tăng bảo không bị dứt mất.

VĂN KHEN NGỢI TAM BẢO CỦA HOÀNG ĐẾ NHÂN TÔNG

- Khen Phật:

Trên trời, nhân gian, Kim Tiên Thế Tôn
Một tâm mười hiệu, bốn trí ba thân
Độ thoát năm ấm, vượt ra sáu trần
Chúng sinh quy kính, tôn là Năng Nhân

- Khen Pháp:

Muôn pháp duy tâm, tâm phải chí tĩnh
Do nhất tâm ấy sinh ra muôn pháp
Bỏ giác là vọng, ngộ chân là Thánh
Cúi lạy pháp môn rõ ràng Phật tánh

- Khen Tăng:

Sáu độ không nhác, bốn ân chẳng thường
Làm mắt cho người, bến cầu giúp Phật
Thể nhuần như mưa, tâm xông các hương
Đạo khắp mọi nơi, phương này cõi khác.

VĂN HỒI HƯỚNG XEM KINH CỦA THIỀN SƯ ĐẠI TUỆ

Đệ tử vì nghiệp lực ma chướng nên thần thức và tâm trí bị lầm rối. Căn trí chậm lụt, tự nhiên dấy lên ý nghĩ tạp loạn, nên lúc xem bỏ xót, lẫn lộn, lặp lại lời kinh, vì thế đọc vào câu văn, thì quẩn ý, chữ lầm, câu lỡ, chánh âm lại biến trong thành đục, chấp chặt theo tà kiến mà giải hiểu lời văn. Hoặc bị ngoại cảnh làm ý chí đứt quãng nên tâm chẳng chuyên nhiếp ở văn kinh. Ngồi xuống đứng lên hỏi đáp làm dứt đoạn bỏ vượt. Tụng nhiều thì biếng nhác, do việc mà nóng giận. Nơi nghiêm khiết mà để bụi trần làm bẩn, chốn tôn kính lại sinh nhàm chán. Thân miệng mặc dùng chẳng sạch, áo mũ cách lạy chẳng cung. Dâng cúng chẳng đúng pháp, ở chỗ sai nơi chốn, kinh pháp thì mở gấp, vò rối làm sút rách tổn hại, các thứ chẳng chuyên nhất, chẳng thành kính. Ngày nay đệ tử hổ thẹn, sợ hãi lắm!

Kính nguyện chư Phật, Bồ-tát, tất cả Thánh chúng trong Pháp giới, hư không giới và các vị Hộ pháp thiện thần, tám bộ trời rồng v.v... dũ lòng từ bi thương xót cho đệ tử sám trừ tội lỗi, khiến công đức học kinh được tròn đầy tất cả.

Đệ tử hồi hướng tâm nguyện, bởi vì sợ người dịch thuật, người nhuận văn còn có chỗ lầm lẫn, người chú sớ, người giải thích còn có chỗ sai. Vì thế mà việc truyền thọ bị lệch lạc, phần âm thích bị lạc. Lúc so sánh đối chiếu bị thay đổi, sai sót, khi viết chép, in khắc chẳng đúng

pháp. Từ Thầy, hoặc từ người đều xin sám hối, nương nhờ năng lực thần thông của Phật, làm cho tội lỗi tiêu trừ. Đệ tử nguyện luôn vận chuyển bánh xe chánh pháp đến khắp mọi nơi, cứu giúp loài hàm thức.

PHÁP NGỮ CỦA HÒA THƯỢNG LẠI AM XU

Đức Phật răn La-hầu-la bằng bài kệ rằng: Mười phương thế giới chúng sinh, mỗi niệm đã chứng quả Thiện Thệ. Người đã là trượng phu thì ta cũng thế, đâu được xem thường mình mà lui sụt ư? Sáu phàm bốn Thánh cùng một tánh này, người đã như thế, ta sao chẳng vậy? Phải mau trong ngoài giúp đỡ, xông ướp một đời làm cho xong. Nếu cứ nhàn hạ qua buổi, thì lỗi ấy sẽ về ai? Người xưa có nói:

"Thân này chẳng độ ngay đời này
Lại đến đời nào độ thân này".

Đại sư Thiên Thai Trí Giả dạy: Sao còn chưa chịu dứt ngôn ngữ, bỏ văn tự. Chẻ hạt bụi nhỏ để lấy ra quyển kinh lớn bằng cõi đại thiên. Nói một hạt bụi là nói các vọng niệm của chúng sinh, còn quyển kinh bằng cõi đại thiên là nói về Phật tánh trong mỗi chúng sinh, Phật tánh trong mỗi chúng sinh lại bị vọng niệm che lấp. Nếu phá tan vọng niệm thì Phật tánh sẽ hiện tiền. Người già này vì những kẻ cố chấp vào văn tự, ngữ ngôn nên mới thốt ra lời than như thế! Đây chính là ý nghĩa của câu nói: Dùng cái thìa vàng để nạo màng che con mắt, một ngày mắt sáng rồi mới biết được sự đắc lực của nó.

Kinh Lăng-nghiêm chép: Thế nào là tên giặc. Những người mượn y phục của ta buôn bán Như Lai, gây ra các nghiệp chủng, gọi là tên giặc.

Vì thế, nếu chẳng dùng giới để thu nhiếp thân tâm, thì dù kiến giải có bằng với Phật Tổ đi nữa cũng chưa tránh khỏi tội gây ra các thứ nghiệp buôn bán Như Lai, huống gì là những kẻ bình thường ư? Quốc sư Thanh Lương lập mười điều nguyện để sửa mình, thật có như vậy. Vì giới lấy sự răn dè làm ý nghĩa kinh! Lại nói rằng: sửa lòng là trai, ngừa lỗi là giới. Nếu thấy ta bằng sắc tướng, nghe ta bằng âm thanh, người này đi đường tà, không thấy được Như Lai.

BÀI KỆ BỐN CÂU

Bài kệ bốn câu trong Kinh Kim Cương là không có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả. Nếu còn chấp tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả thì người ấy không thể thọ trì bốn câu kệ này. Nếu không chấp tướng ngã, tướng nhân, tướng

chúng sinh, tướng thọ giả thì mới thọ trì được bốn câu kệ này. Bốn câu kệ này dù là người ở chỗ núi non, đồng trồng ai ai cũng đều có khả năng thọ trì. Nhưng hiểu được nghĩa sâu kín của bài kệ thì trong muôn người chỉ có một. Vì sao? Chỉ vì người đọc kinh này còn bị các tiền trần che lấp, nên không thể tự biết rõ thể tánh viên dung của mình.

DẠY THẦY TỲ-KHEO HÃY XÉT ĐỨC HẠNH MÌNH MÀ THỌ THỰC

Xét kỹ đức hạnh mình hoàn toàn hay thiếu sót mà thọ cúng, nghĩa là nếu đức hạnh mình hoàn toàn thì mới nên thọ cúng. Nếu đức hạnh thiếu sót thì không nên thọ cúng. Các Tỳ-kheo đời nay, có người đã ba bốn mươi tuổi, hoặc năm mươi đến sáu mươi tuổi không hề có một ngày nào không thọ cúng. Các vị ấy đức hạnh đã hoàn toàn ư? Hay đức hạnh còn thiếu sót? Vì thế có câu nói rằng:

Học đạo chẳng thông lý nhiệm mầu
Đời sau phải trả nợ vay sâu
Trong vườn cây nấm không còn mọc
Trưởng giả tuổi đà tám mươi hơn.

Vì tuổi tác đã cao nên nấm trong vườn không còn mọc nữa. Trong kinh Đức Phật dạy rõ, người xuất gia chẳng thể không tin. Nếu một niệm biết xoay trở lại mình thì ngày ăn muôn lượng vàng cũng có thể tiêu được.

DẠY THẦY TỲ-KHEO HÃY CẨN THẬN CHỚ BUÔNG LUNG

Kinh Tăng Nhất A-hàm chép: Mắt lấy sắc làm món ăn, tai lấy âm thanh làm món ăn, mũi lấy hương thơm làm món ăn, lưỡi lấy mùi vị làm món ăn, thân lấy sự xúc chạm làm món ăn, ý lấy sự phân biệt các thức ăn làm món ăn, Niết-bàn lấy tâm không buông lung làm món ăn. Như trong chốn tùng lâm ngày nay, một tháng ba tuần có sáu ngày (03, 08, 13, 18, 23, 28) đều thỉnh chuông nhóm chúng niệm tụng, vị Duy Na bạch rằng, mọi người hãy siêng năng tinh tấn như việc cứu lửa cháy đầu, chỉ nhớ nghĩ đến sự vô thường mau chóng cẩn thận chớ buông lung. Lời cảnh sách này và lời văn trong kinh Tăng Nhất A-hàm có chỗ hơi giống nhau, cho là thường lệ. Ví như gió thổi qua tai nên coi thường không chịu xét lấy, vì thế ý của Phật Tổ trở thành luống lập bày.

BỒ-TÁT CÓ BA VIỆC KHÔNG NHÀM CHÁN

Luận Trí Độ chép: Bồ-tát có ba việc không nhàm chán:

1- Cúng dường chư Phật không nhàm chán.

2- Nghe pháp không nhàm chán.

3- Cung cấp vật dụng cho chúng Tăng không nhàm chán.

Người học đạo đời nay tuy chưa đến được địa vị Bồ-tát nhưng có người bác bỏ lý nhân quả, lại không nghiên cứu lời dạy nhiệm mầu của Tiên Thánh. Họ đâu biết ngay nơi lý là sự, ngay nơi sự là lý. Lý sự viên dung, pháp ấy là như thế. Cho nên Tổ Vĩnh Minh nói: Con ếch lại muốn ganh ghét sự rộng lớn của biển cả, con đom đóm lại muốn lướt ánh sáng của mặt trời.

GIỚI - ĐỊNH - TUỆ

Ba pháp học Giới - Định - Tuệ là cái sẵn có trong tự tánh của chúng sinh, chớ không phải nhờ tu chứng mà được, cũng chẳng phải chỉ có chư Phật, Bồ-tát mới đầy đủ Giới - Định - Tuệ này. Tự tánh không thiện, ác, không trì cũng không phạm, đó là tự tánh giới, tự tánh không tĩnh loạn không lấy cũng không bỏ, đó là tự tánh định. Tự tánh vốn vô tri mà vô sở bất trị, đó là tự tánh tuệ. Chư Phật, Bồ-tát biết có nên được thọ dụng, tất cả phàm phu không biết có cho nên không được thọ dụng. Biết có và không biết có dường như hơi khác, nhưng Giới - Định - Tuệ không hề khác nhau chút nào.

LỜI VĂN PHẢI XÉT PHÁP CÚNG DƯỜNG BỐN THỨ CẦN DÙNG CỦA ĐÀN-VIỆT TỪ KHỔ DUYÊN SINH RA

Do Luật sư Đạo Tuyên ở núi Chung nam vì đệ tử là Từ Nhẫn mà soạn

Tổn hại sinh mạng gọi là nghiệp khổ, gân xương khô cạn gọi là duyên khổ, kinh chép: ăn nghĩa là từ chỗ cày, bừa, cấy, nhổ cỏ, gặt, đập, giê, cất chứa, chuyên chở xay, vo gút, nhóm lửa, xôi nấu, sắp bày cúng dâng. Lại nữa, trồng rau đắp bờ, tưới bón ruộng vườn, pha chế tương giấm. Suy tính một bát cơm này có ra là phải đổ một bát mồ hôi, mà mồ hôi từ da thịt tức là máu trong thân. Công sức của người nông phu làm ra một bát cơm nặng bằng một bát máu. Huống chi suốt đời thọ hưởng! Hễ nhận vài bát cơm thì phải suy nghĩ bắt đầu từ chỗ cày, cấy, gieo trồng cho đến lúc đưa cơm vào miệng, phải giết hại biết bao các loài côn trùng nhỏ. Cho nên Đức Phật dạy ngày ăn một bữa là để giữ gìn tánh mạng chúng tạm qua một đời.

Về y phục thì phải nuôi tằm giết kén, rút sợi dệt tơ, nhuộm giặt cắt may, khâu viền sửa vá, không thể lường hết sự cực nhọc. Tính kể các áo quần mặc trên dưới, hễ giết mấy con tằm thì hao bất nhiêu khó

nhọc, tằm kén khi bỏ vào nước sôi phải chịu biết bao đau khổ. Cho nên Phật dạy mặc y phẩn tảo để tạm che đậy thân xác xấu xí này, chỉ mong có ngày đắc đạo mà thôi.

Về phòng nhà, từ khi bắt đầu xây tường thì đào hầm khoét đất, giết chết biết bao loài trùng dưới đất, khi chặt đốn cây cối làm tổn thương đến loài côn trùng trong rừng cây, khi làm gạch ngói thì giết hại loài côn trùng trong bùn nước. Đến chừng cho lửa vào lò nung lại phải giết hại các côn trùng trong cây cỏ. Người làm phải ra sức nhọc nhằn, còn thí chủ thì hao tốn tiền của, các duyên ăn uống phí tổn rất lớn mới xây dựng nên phòng ốc. Cho nên người tu thường nương ở nơi gò mả, cội cây, trong lùm bụi để tự an thân, tiến đạo. Nghĩ ăn là khổ nên lường phần của thân mà ăn. Nghĩ y phục mặc đây là từ việc giết hại sinh mạng mà có nên thích mặc y phẩn tảo. Nghĩ phòng nhà, đồ nằm là từ các duyên khổ mà sinh nên chí ưa hạnh đầu-đà, ba tháng một lần dời chỗ. Nghĩ bốn thứ cần dùng là khó tiêu nên ít muốn biết đủ. Kinh chép: Khi nhận thức ăn của đàn-việt phải tưởng như trong đời đói khát phải ăn thịt con mình. Nhận y phục của thí chủ phải nghĩ như sắt nóng quấn thân. Vào ở trong phòng nhà phải nghĩ như vào trong chảo sắt, khi nhận giường ghế phải nghĩ như ngồi trên giường sắt nóng. Thà đập nát thân này ra như bụi nhỏ, chứ không dám dùng thân phá giới mà nhận người cung cấp, khổ báo trong ba đường, đều do ưa thích y phục, ham hố ăn uống, chọn lựa phòng nhà đẹp đẽ mà chiêu cảm. Nếu vì nhân duyên phá giới thì phải đền trả cho người thí chủ. Hoặc làm tôi tớ bị người đánh đập, trói buộc, hoặc đọa làm thân súc sinh, mang lông đội sừng, lúc sống phải đem gân xương ra đền trả, khi chết phải dùng da thịt để bồi thường, chở nặng kiệt sức, dù có gắng gượng đứng dậy cũng bị ngã nhào. Luống thọ của tín thí, cái vui chẳng đáng nói, đến lúc đền trả cho thí chủ thì cái khổ lại hóa hơn muôn lần. Vì thế ta dạy các thầy phải biết sinh tâm hổ thẹn, dè dặt giữ gìn đến đời sau, chớ phá giới mà nhận của tín thí. Ấy gọi là giữ sạch tâm mình.

DẠY PHẢI QUÁN XÉT PHÁP SO LƯỜNG TÂM HẠNH TRONG THỜI MẠT PHÁP

Phàm phu hiểu được nghĩa lý đều cho nghe và học. Làm người hiểu biết giáo pháp mà thân thì phạm bốn tội trọng, chứa tám thứ tài sản bất tịnh, ăn uống cùng mâm cỗ với thế tục, không biết sinh tâm hổ thẹn. Biết mà cố phạm, không sợ quả báo ở đời sau. Cho nên những người (xuất gia) phải so lường tâm mình, trước phải giữ gìn giới cấm,

sau mới nghe kinh giáo. Các người phải làm theo năm điều răn này như thế mới được gọi là Tịnh tâm. Các Đại đức thuở xưa giảng kinh Hoa Nghiêm, chỉ sớ giải có một quyển, kế đến các Pháp sư đời sau soạn sớ đến ba quyển. Người giảng nói đời nay, chỉ một phẩm Thập Địa thôi mà chú sớ ra đến mười quyển. Mỗi người đều ưa thích phô bày công năng của mình, đua tỏ lời hay, văn chương chữ nghĩa xa rộng, nhưng xét cho kỹ thì thật không có chỗ để gởi lòng. Nhưng, đương thể của văn tự tức là nghĩa lý rồi, nào phải dùng đến lời nói của người mới giải thích được ư! Kẻ ngu đời nay chỉ giành nhau danh tiếng bên ngoài, chứ họ không chịu tìm lại giáo pháp nơi tâm mình. Phải biết rằng chánh pháp còn chẳng nên vướng mắc, huống chi là vương mắc văn tự. Hãy mau lìa bỏ văn tự, ngôn ngữ mới được. Cho nên kinh Đại Tập chép: Văn kinh thì chỉ có một lời mà người giảng bàn nói khác đi, họ đều cậy vào kiến thức của mình để nối khiến chánh pháp bị rối rắm. Vì làm cho thiên thần nổi giận nên ba tai do đó dấy lên. Bởi nhân duyên đó nên Phật pháp bị thưa thớt. Ví như một hộc nước mà pha chỉ có một thăng sữa, xem thì giống như mầu sữa mà uống thì chẳng có mùi vị gì. Các thầy hãy suy nghĩ cho chín chắn khi phải bàn nói, tánh người sao lường được tánh Phật. Cảnh giới của trí Phật, há con người có thể lường được sao, xét kỹ như thế, mới gọi là giữ sạch tâm mình.

RĂN CÁC QUÁN TĂNG NI PHÁ GIỚI KHÔNG TU PHÁP XUẤT THẾ

Nói Tăng Ni phá giới nghĩa là nói người xuất gia lại chứa nuôi tôi tớ, trâu lừa, xe cộ, ruộng nhà, trồng trọt, vườn rừng, hoa trái, vàng bạc, thóc lụa, bình phong, màn nhung, gối đẹp, chiếu bông, rương tủ chậu bình, đồ đồng, mâm bát, ba y sang trọng, giường cẩn, nệm ngồi, phòng xá, nhà riêng, kho bếp, cối xay, mỡ dầu thuốc rượu, nhiều loại tương giấm, vật lạ mùi ngon, gần gũi với giới vương công giàu sang, quen biết nhiều người, giao du với kẻ giàu có, cao quý, coi thường người quen cũ, biếu xén quà cáp, thăm viếng tới lui, tham dự việc nha phủ, thân đứng đầu trong Tăng chúng, thu nhận đệ tử đông nhiều, mà giảng nói thì vặn hỏi nhau, ưa thích âm nhạc, thường ở riêng một chùa mà bàn lường việc chúng Tăng, thay nhau đuổi phạt, hỏi đoán những việc nắng mưa, mùa màng được mất, giặc trộm, chiến tranh, nước lửa, thú dữ. Qua lại các tiệm rượu, chợ quán, giết mỗ, gần gũi kẻ săn bắn, gần gũi các phụ nữ, đàn hát thơ phú, cờ vây bài bạc, đọc sách thế gian, cười nói to tiếng, hiềm giận ganh đua, uống rượu ăn thịt, quần là áo lụa, năm mầu đẹp

sáng, siêng cạo râu tóc, để móng tay nhọn, chứa tám thứ tài sản bất tịnh, của báu dồi dào. Các việc trên đây tham cầu, ưa đắm chất chứa không lìa bỏ, thật gọi là hành động phá giới. Khế kinh chép: các Tỳ-kheo này gọi là cư sĩ trọc, gọi là tên giặc trộm ca-sa, gọi là bọn thợ săn trọc, gọi là người của chốn ba đường, gọi là kẻ không biết hổ thẹn, gọi là kẻ nhất-xiển-đề, gọi là kẻ hủy báng Tam bảo, gọi là kẻ làm hại tất cả con mắt của đàn-việt, gọi là hột giống sinh tử, gọi là kẻ làm chướng Thánh Đạo. Nếu lìa bỏ mười pháp ác này thì gọi là giữ sạch thân mình.

RĂN VỀ SÁU NẠN, TỰ MỪNG TU ĐẠO.

1/ Trong muôn loài, được thân người rất khó. Như kinh Đề-vị chép: Đời nay được thân người khó như rùa mà gặp bóng cây nổi.

2/ Tuy được thân người nhưng sinh ở giữa nước rất khó, cõi này là ở giữa chỗ biên địa, nhưng có đầy đủ kinh luật Đại Thừa chánh pháp.

3/ Tuy có chánh pháp nhưng sinh tâm tin ưa rất khó. Nay theo sức mình mà tin nhận không dám nghi báng.

4/ Thân người khó đầy đủ: nay làm thân nam, các căn không kém thiếu, tướng mạo tốt đẹp.

5/ Tuy đã có thân hình người nam, sáu căn không thiếu, nhưng bị năm dục ràng buộc, đắm nhiễm nên xuất gia rất khó, nay được cắt ái xuất gia học đạo, mặc áo Phật, thọ tịnh giới của Phật.

6/ Tuy đã thọ giới cấm mà làm theo lời răn rất khó, các thầy nên đối với giới luật, tôn trọng ưa mến, biết sinh tâm hổ thẹn, dè dặt giữ gìn.

Đối với sáu điều này, nếu không quán sát thì sẽ buông lung, sẽ chướng sâu Thánh Đạo, các người đã vượt khỏi sáu nạn, thường nên sinh tâm vui mừng, vì việc khó được nay đã được, đã được rồi thì giữ không cho mất, nghĩ lường như thế gọi là Tịnh tâm.

VĂN CẦU NGUYỆN BỒ-TÁT QUÁN THẾ ÂM CỦA LUẬN SƯ GIỚI HIỀN

Khi tánh nghe vắng lặng mầu nhiệm không thể so sánh, từ suy nghĩ, tu tập liền nhập vào tam-ma-địa. Năng lực từ vô duyên cảm đến mọi căn cơ, vầng trăng sáng soi bóng trong xuống ngàn lạch nước. Tỳ-kheo cúi đầu đem thân mạng về nương tựa với đấng cha lành Bồ-tát Đại Từ Bi Quán Thế Âm. Xin mong Ngài dùng mắt đạo tha tâm, thấy nghe không ngăn ngại động lòng từ thương xót thầm che chở.

Điều 1: Nguyện cho đệ tử sớm dứt hết các hữu lậu, kiết sử, mau

chứng quả Vô sinh, ba nghiệp tròn sáng, sáu căn trong sạch.

Điều 2: Nguyện cho đệ tử nghe một hiểu ngàn, được năng lực đại tổng trì, có đủ tài hùng biện, được bốn vô ngại giải, những điều Phật dạy đều xông ướp trong lòng, điều gì nghe qua tai không bao giờ quên mất, công đức trí tuệ, trau giồi nơi thân, căn căn trần trần cùng khắp pháp giới.

Điều 3: Nguyện cho đệ tử trên cầu quả Phật dưới độ chúng sinh, hạnh sạch sớm tròn, ba vầng luống vắng. Cho đến khi thành Phật, trong thời gian đó xả thân, thọ thân thường làm thân người nam, theo Phật xuất gia, phát tâm Bồ-đề lợi mình lợi người, hạnh nguyện không cùng tột. Sau nguyện cho con lúc sắp qua đời, dứt hết tất cả mọi chướng ngại, tận mặt thấy Phật A-di-đà liền được sinh về nước An Lạc. Khi đã sinh về nước Phật rồi hiện tiền đầy đủ các đại nguyên, tròn đầy công hạnh của Bồ-tát, cùng các chúng sinh đều thành Phật đạo.

VĂN PHÁT NGUYỆNCỦA THIỀN SƯ VĨNH GIA CHÂN GIÁC

Cúi đầu lạy đấng viên mãn Biến Tri Giác, bậc đã vắng lặng bình đẳng bản chân nguyên. Tướng tốt uy nghiêm đặc biệt chẳng có không, tuệ giác sáng ngời chiếu khắp các cõi nhiều như bụi. Cúi đầu lạy pháp trạm nhiên chân Diệu Giác. Mười hai bộ Tu-đa-la nghĩa sâu xa, không văn, không chữ, cũng không lời nói bày. Một âm phạm theo từng loài đều nhận hiểu. Cúi đầu lạy các Hiền Thánh, tâm thanh tịnh Tăng-già hòa hiệp ứng chân khắp mười phương. Giữ gìn giới cấm không bao giờ trái phạm. Chống tích ôm bát lợi ích các hàm thức, Noãn sinh thai sinh cùng thấp sinh hóa sinh. Loài có sắc, vô sắc, có tưởng phi tưởng. Chẳng có tưởng cùng với loại không tưởng. Nhiều chủng loại trong sáu đường ba nẻo luân hồi quanh quẩn không lúc nào tạm dừng. Nay con cúi đầu về nương ngôi Tam bảo, khắp vì chúng sinh phát đạo tâm, chúng sinh chìm đắm trong biển khổ, xin nhờ nguyện lực của chư Phật, Pháp, Tăng, tự biết phương tiện nhổ hết mọi khổ đau, không bỏ nguyện rộng lớn cứu vớt hàm linh, sức tự tại độ chúng vô cùng, hằng sa chúng sinh thành Chánh giác. Nói kệ này rồi con lại cúi đầu quy y trước tất cả chư Phật, Pháp, Tăng, mười phương ba đời nương nhờ sức từ Tam bảo, dốc lòng phát nguyện tu đạo Vô thượng Bồ-đề, hẹn từ đời này đến lúc thành Chánh giác, trong thời gian đó quyết định siêng cầu đạo pháp không dám lui sụt. Trước khi đắc đạo thân thể không bệnh ngang trái, tuổi thọ dài lâu không chết non. Khi tuổi thọ gần hết, không thấy những tướng ác, không có các lo sợ, không sinh tâm điên đảo. Thân không bệnh khổ,

tâm không tán loạn. Chánh tuệ rõ ràng, không trải qua thân trung ấm, không rơi vào địa ngục súc sinh, ngạ quỷ, thủy lục không hành, thiên ma ngoại đạo, quỷ thần ở chốn u minh. Tất cả tạp hình đều không thọ. Mãi mãi được thân người thông minh ngang trái, không sinh vào cõi nước hung ác, không gặp vua chúa bạo tàn, không sinh ổ biên địa, không gặp cảnh nghèo khổ, không làm tôi tớ và thân nữ, kẻ huỳnh môn, người hai căn, răng sún, tóc vàng hoe, dại khờ, tối dốt, lùn xấu, tật nguyền, đui điếc câm ngọng, tất cả những tướng đáng chê, rốt ráo không thọ. Nguyện được sinh ở giữa nước, chánh tín xuất gia, thường được thân nam, sáu căn đầy đủ, xinh đẹp, thơm sạch, không hề có các mùi hôi dơ. Ý chí hòa nhã, thân tâm vắng lặng, không tham, sân, si, dứt hẳn ba độc, không gây ra các điều dữ, thường nghĩ mọi điều lành. Nguyện không làm bậc vua chúa, thứ quan, không làm kẻ sứ mạng, không mong giàu sang lộng lẫy, chỉ nguyện an nghèo vui đạo để hóa độ thế gian, ít muốn, biết đủ, không tích lũy chứa góp, áo cơm đủ để nuôi thân mà thôi, không làm việc trộm cắp, không giết hại chúng sinh, không ăn thịt cá, thương mến loài hàm thức, xem như thân mình không khác. Tánh hạnh mềm mỏng, không tìm lỗi xấu của người, không khoe điều tốt của mình, không đua tranh với người. Xem kẻ oán người thân như nhau, không có ý tưởng phân biệt, không sinh tâm ưa ghét, vật của người không mong cầu, vật của mình không bỏn sẻn, không ưa xâm lấn, hằng giữ tâm ngay thẳng tâm không vụt bạo, thường ưa nhún nhường. Miệng không nói lời độc ác, thân không làm việc ác. Tâm không dua nịnh, ba nghiệp sạch trong. Chỗ ở luôn an ổn, không có các chướng nạn, giặc cướp, trộm cắp, phép vua tàn bạo, ngục tù trói buộc, gông gậy xiềng xích, gươm thương, tên giáo, thú dữ trùng độc, sa núi đắm nước, lửa cháy gió trốt, sấm sét kinh hãi, cây ngã đá rơi, nhà đòn sập mục, đánh đập sợ hãi, đuổi rượt vây nhốt, bắt bớ kềm kẹp, đổ oan chê dèm, chú càn bắt kéo. Tất cả những việc tai nạn đều không thọ lãnh, tai bay quỷ dữ, trời làm độc hại, tật dịch tà ma vọng lượng. Hoặc sông hoặc biển, núi non cao vút, thân cây nương ở, các đình miếu linh thiêng hễ nghe được danh hiệu con, thấy được hình tướng con đều phát tâm Bồ-đề, che chở, ủng hộ lẫn nhau, không xâm lấn lẫn nhau, ngày đêm được an ổn không có sự sợ hãi. Bốn đại mạnh khỏe, sáu căn trong sạch, không nhiễm sáu trần, tâm không loạn tưởng, không có hôn mê xao động, không sinh những đoạn kiến, chẳng chấp không hữu. Thường xa lìa các tướng chấp, kính tín theo đường lối của đấng Năng Nhân. Không chấp nệ vào kiến thức của mình, thông hiểu rõ ràng, đời đời tu tập. Chánh tuệ bền vững, không bị

ma chướng nhiếp phục, khi đại mạng sắp hết, an nhiên vui vẻ, xả thân thọ thân không có oan báo đối đầu. Làm bạn lành với tất cả chúng sinh, sinh ra nơi nào cũng được gặp Phật, nghe Pháp.

Đồng chân xuất gia, làm tăng hòa hợp. Áo mặc trên thân không lìa Ca-sa. Vật thực uống ăn không rời bình bát. Đạo tâm bền vững không sinh tâm kiêu mạn. Kính trọng Tam bảo thường tu phạm hạnh, gần gũi Minh sư, thuận theo bậc Thiện tri thức, tin sâu chánh pháp. Siêng tu pháp sáu độ, đọc tụng kinh điển Đại thừa, hành đạo lễ bái. Hoa thơm hương tốt, giọng tiếng ca ngâm, đèn đuốc đài quán, núi biển rừng suối, chốn hư không nơi đất bằng trong thế gian chỗ có từ hạt bụi nhỏ trở lên, con đều đem cúng dường, nhóm họp các công đức hồi hướng, trợ giúp đạo Bồ-đề. Suy nghĩ kinh liễu nghĩa, chí ưa thích yên tĩnh, tâm thật thà lặng lẽ, không ưa chỗ ồn ào, không thích chỗ đông người. Thường thích ở một mình, tất cả không tìm cầu, chuyên tâm tu Định tuệ. Sáu thần thông đầy đủ, để hóa độ chúng sinh theo thệ nguyện, được tự tại vô ngại, thành tựu muôn hạnh tinh diệu vô cùng. Ngay thẳng tròn sáng chí thành Phật đạo. Nguyện đem gốc lành này, khắp đến các cõi mười phương, trên cùng trời Hữu Đảnh, dưới tột chốn phong luân, nhân gian thiên thượng, các thân hình trong sáu đường, tất cả loài hàm thức, các công đức con có được đều ban cho chúng sinh chung hưởng, tột đến kiếp số như cát bụi, không chỉ một chúng sinh mà thôi, thuận theo gốc lành con có, khắp đều được thấm nhuần đầy đủ. Khổ não trong địa ngục, Nam-mô Phật pháp Tăng xưng danh Phật pháp Tăng nguyện đều được giải thoát. Khổ não trong ngạ quỷ, Nam-mô Phật pháp tăng, xưng danh Phật pháp Tăng nguyện đều được giải thoát, khổ não trong súc sinh, Nam-mô Phật pháp Tăng nguyện đều được giải thoát. Trời, người, A-tu-la, Hằng sa các hàm thức, tám khổ ép ngặt nhau, Nam-mô Phật pháp Tăng, nhờ gốc lành của con, khắp khởi các ràng buộc, Nam-mô Tam Thế Phật, nam-mô Tu-đa-la, Bồ-tát thanh văn Tăng, các Thánh chúng nhiều như bụi, xin các ngài không bỏ gốc từ bi, thu nhận các loài chúng sinh, các hàm thức tột cõi hư không, quy y Phật pháp Tăng, được xa lìa ba đường khổ, mau vượt khỏi ba cõi, đều phát tâm Bồ-đề, ngày đêm tu trí tuệ, đời đời siêng tinh tấn, thường như cứu lửa cháy đầu. Trước khi đắc quả Bồ-đề, thệ nguyện cùng nhau độ thoát. Con hành đạo lễ bái, tụng kinh niệm Phật, tu giới Định tuệ, Nam-mô Phật pháp Tăng, khắp nguyện các chúng sinh thảy đều thành Phật đạo. Con và các hàm thức bền vững cầu đạo Bồ-đề, đảnh lễ Phật pháp tăng, nguyện mau thành Chánh giác.

VĂN LẠY KINH HOA NGHIÊM CỦA THIỀN SƯ TOẠI Ở NÚI ĐẠI HỒNG, TÙY CHÂU

Cúi đầu về nương Đức Tỳ-lô giáo chủ Hoa tạng Từ Tôn, giảng kim văn kệ báu, bủa ngọc trục lang hàm. Các trần cùng vào, các cõi viên dung. Mười triệu chín muôn năm ngàn bốn mươi tám chữ. Kinh Nhất thừa Viên giáo Đại phương quảng Phật Hoa Nghiêm. Nếu người muốn biết rõ tất cả Phật ba đời nên quán tánh pháp giới, tất cả chỉ tâm đạo. Thường nguyện cúng dường, thường cung kính bảy chỗ chín hội Phật Bồ-tát. Thường nguyện chứng nhập, thường giảng nói năm châu bốn phần kinh Hoa Nghiêm. Thường nguyện cúng dường không ngơi nghỉ chúng Bồ-tát trong chín mươi cõi nước nhiều như bụi. Thường nguyện ngộ nhập, thường giảng nói Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm. Lại nguyện: Đệ tử đời đời kiếp kiếp, nơi nơi chốn chốn trong mắt thường thấy kinh điển như thế, trong tai thường nghe kinh điển như thế, trong miệng thường tụng kinh điển như thế, trong tay thường chép kinh điển như thế, trong lòng thường ngộ kinh điển như thế. Nguyện đời đời kiếp kiếp nơi nơi chốn chốn thường được gần gũi tất cả Hiền Thánh trong biển Hoa tạng. Thường được năng lực từ bi của tất cả Hiền Thánh trong biển Hoa tạng thu nhận. Như kinh đã nói nguyện đều chứng minh. Nguyện như Bồ-tát thiện tài, nguyện như Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, nguyện như Bồ-tát Di-lặc, nguyện như Bồ-tát Phổ Hiền, nguyện như Bồ-tát Quán Thế Âm, nguyện như Phật Tỳ-lô-giá-na, xin đem công đức khen ngợi kinh này, đem công đức phát nguyện này, nguyện cho tất cả chúng sinh trong bốn ân ba cõi tiêu trừ vô lượng tội cấu, tột pháp giới hư không giới từ vô thỉ đến nay. Nguyện cho tất cả chúng sinh trong bốn ân ba cõi mở vô lượng oan nghiệt, tột pháp giới hư không giới từ vô thỉ đến nay, nguyện cho tất cả chúng sinh trong bốn ân ba cõi nhóm họp vô lượng phước trí tột pháp giới hư không giới từ vô thỉ đến nay, cùng dạo chơi trong biển Hoa tạng trang nghiêm, cùng đi vào đại đạo tràng Bồ-đề.

Nam-mô Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh.

BÀI MINH QUÁN TÂM CỦA PHÁP SƯ TRẠCH ANH CHÙA ĐỒNG GIANG

Tâm này, tâm này vốn tự thiên nhiên, sừng sững riêng đứng, lẳng lặng cao bền. Mầu nhiệm trong mầu nhiệm, sâu xa trong sâu xa. Không đến cũng không đi, không dời cũng không đổi, chẳng mê cũng chẳng ngộ. Bậc Thánh lẫn bậc Hiền, nghĩ suy không thể hiện, gượng dùng lời nói bày. Bởi thể của tâm vốn sáng, nên sinh ra các duyên, như gương

bao trùm muôn tượng, như hiển dung nạp trăm sông, nếu thu lại thì thần ngầm trong gang tấc, còn duỗi ra thì sáng đầy cõi đại thiên. Biến hóa tự tại, tác dụng vô biên là chúng sinh, là chư Phật, là thật cũng là huyễn. Mê thì mênh mang không trở lại, ngộ thì rõ ràng truyền cho nhau. Tâm này linh thiêng, bảo người đừng quên mất, dặn người phải lắng nghe. Nơi người có đủ muôn pháp vốn tự viên thành, muôn pháp có đủ nơi ngươi, Thể ấy rỗng rang, cảnh chẳng thật cảnh, danh là giả danh, xưa ngươi chẳng ngộ nên luống chịu vất vả. Nay người đã tự giác, hãy cố giữ gìn, gặp việc chẳng ngăn trệ, niệm đấy liền tỉnh ra. Hễ sáu trần chẳng dính thì ba độc liền trong. Thôi lệnh canh cổ, đục mất gốc sáng. Nên tự giữ thiền định sạch chữ về nguồn chân.

■

TRUY MÔN CẢNH HUẤN

QUYỂN 5

BÀI TỰA NÓI VỀ CHỦ KHÁCH CỦA TUYÊN LUẬT SƯ- NÚI CHUNG NAM

Ôi! Tổn mình lợi người vốn là cái nghĩa của Tăng, còn hại vật an thân, thật chẳng phải lý của trang Thích tử. Có tài thưởng thiện phạt ác, phán đoán được việc phải quấy bất bình. Nếu trước người sau mình thì mới hợp lòng từ của chư Phật, còn người chết ta sống, thì rất trái ngược hạnh tốt. Người làm chủ phải biết chuộng gìn nhân nghĩa, mới cảm được các nột tử (tăng sĩ) ở mười phương nhóm họp, còn riêng nhận nhân tình thì sẽ chuốc lấy tiếng xấu, đồn xa ngàn dặm, là khách tăng vân thủy cũng phải giữ lòng kính lễ, hễ đạo tràng nào có đạo nghĩa thì nên tìm đến ở để tiến đạo an thân: Nếu chỉ là phường vô nghĩa cường đồ mà xu hướng theo thì chỉ chuốc lấy oán cừu lầm loạn. Nay chúng ta may mắn sinh ở giữa nước, được gởi thân chốn không môn. Thoát khỏi hầm lửa muôn trượng, tháo rã lưới xiềng nghìn lớp, như người tù được ra khỏi ngục, chim nhốt được xổ lồng, chân thì dạo chơi trên nhà lát vàng chứa thiện, thân thì nương ở trên đất bảy báu không có tai ương. Trời rồng cung kính, quỷ thần tôn trọng. Không trồng dâu, không nuôi tằm mà mặc áo tốt, không làm ruộng, không cấy cày mà ăn mâm cỗ ngon. Sao phải trói buộc oán cừu, ham hố lợi danh, toan tính tìm của tiền phi lý mà cầu hư danh nhỏ nhặt, làm ngăn lấp con đường bằng phẳng của trời người. Bám víu sợi lông rùa mà đào sâu hầm lửa địa ngục. Đời này nếu hết chứa oán hận thì đời sau sẽ nhận lấy cái khổ của Ba-tra. Dù cho vàng ngọc chất chứa đầy nhà, cũng chỉ là sự buộc ràng, kéo dắt thân mình vào chốn nguy hiểm. Dù cho lụa gấm chồng chất đầy rương, cũng chỉ là cái nghiệp chủng sâu nặng, khiến cháu con tranh giành dấy loạn. Ít tìm thì bớt dụng. Nhưng khỏi được sự ép ngặt ở ruộng tâm. Biết đủ thì dứt tham, tiếng thơm sẽ lan tỏa nơi ý địa. Hoặc ở nơi phạm sát, hoặc quải dép ở nhà mây, chớ nên bàn người quấy, chỉ xét lại lỗi mình. Nếu là người có tài cao học rộng thì hãy đem ba tạng ra mà nghiền ngẫm

cho tột cùng, còn người trí cạn biết nông, thì hãy đem năm thừa mà sớm hôm trì tụng. Đừng miệng thì nói lời tự thiện mà lòng dạ thì cất giấu gươm dao, ngoài mặt mủm mỉm nụ cười mà ruột gan thì ngầm chứa đao kiếm. Người nghèo chẳng thương, người già chẳng xót. Quên đi ân sâu dưỡng nuôi của cha mẹ, trái nghịch với đức dìu dắt của Thầy tổ. Người có tâm như thế, thật là làm mất lòng tin của đàn-việt ở mười phương. Kẻ chấp giả mê chân khiến cho các bậc anh hiền ở bốn biển chê bai. Cho nên tôi mới khuyên răn cặn kẽ các thầy hãy chính chắn chuyên ròng, người được nghe thì do đây mà phá nát núi cao ngã mạn, kẻ được đọc cũng nhờ đây mà lấp đầy biển cả mê mờ, đều mong đợi vâng theo tin tưởng, khắp nguyện trở lại tâm xưa. Chí nên đời sau tốt đẹp hơn đời này, chứ đừng để đời này tốt đẹp hơn đời sau. Kính khuyên đại chúng, phải mau hiểu rõ, đừng để cơn đại nạn đối đầu mà ăn năn chẳng kịp.

BÀI VĂN ĐƯA TIỄN ĐỒ ĐỆ ĐI HÀNH CƯỚC CỦA THIỀN SƯ DIỄN - CHÙA ĐÔNG SƠN

Các tăng sĩ đi hành cước phải lấy đạo tâm làm trọng, không nên nhận lãnh vật cúng dường sẵn có mà nhàn rỗi qua ngày một cách uổng phí. Phải dán hai chữ "Sinh tử" lên trên trán mình, mỗi ngày trong mười hai giờ phải vần xé da mặt ra mà tìm xét biết rõ từng phần mới được. Nếu chỉ theo bầy đuổi lũ, ầm ĩ suốt ngày, bất chợt tướng chết hiện ra, chừng ấy lão Diêm-la tính tiền cơm, thì đừng bảo sao ta chẳng nói với ngươi! Còn những người thực hành công phu thì phải xem xét từng giờ, cân nhắc từng khắc, nơi nào là chỗ dùng được và nơi nào là chỗ bị mất, nơi nào là chỗ không bị mất. Nếu công phu xem xét này được nối nhau thì chắc chắn sẽ có lúc đến nơi. Có một hạng người hành đạo, kinh lại chẳng xem, Phật cũng chẳng lạy, vừa ngồi trên bồ-đoàn là ngủ gà ngủ gật, đến lúc tỉnh dậy thì nghĩ tưởng lộn xộn, còn vừa xuống khỏi bồ-đoàn thì liền bàn nói nhiều chuyện với người. Nếu hành đạo như thế ấy thì dù cho đến lúc Phật Di-lặc ra đời cũng không có lúc để thực hành. Cho nên phải tinh tiến mạnh mẽ nắm lấy một chữ "Vô" rồi ngày đêm tham cứu, và phải mở to mắt ra mà nhìn thẳng vào công án đang tham cứu, chứ không nên ngồi khoác áo vô sự, cũng không nên ngồi mãi trên bồ-đoàn, mà phải hoạt động thật bình thường, mà còn e những tạp niệm lăng xăng khi dấy lên, không nên chấp chặt vào công án đang tham cứu, vì càng phấn đấu thì càng thêm rối loạn mà thôi. Có nhiều hành giả gặp trường hợp này vì không biết diệu dụng tiến thoái, cởi mở không suông, nên trở thành chứng bệnh phong cuồng, làm hư mất một đời hành đạo.

Nếu gặp trường hợp này, hành giả nên ngay chỗ khởi ra rối loạn ấy, nhè nhẹ buông xuống tất cả ý niệm, lay thân từ từ và đặt chân xuống đất đi dạo một vòng cho thư giãn tinh thần. Sau đó lại lên bồ-đoàn mở to hai mắt, nắm hai tay lại, dựng thẳng xương sống, rồi y như trước mà từ từ khởi quán. Đề khởi thoại đầu đang tham cứu, hành giả liền cảm thấy thân tâm mát mẻ, giống như một nồi nước sôi đang trào mà được dội vào một gáo nước lạnh. Nếu thực hành công phu như thế lâu ngày chầy tháng thì tự nó có lúc sẽ đến nơi. Nếu công phu chưa thực hành thì không nên sinh não, vì sợ bị ma phiền não nhập tâm, nếu cảm thấy có chỗ sở đắc, cũng không nên sinh vui mừng, vì sợ bị ma hoan hỷ dựa vào, các thứ thiền bệnh rất nhiều kể ra không hết. Nếu trong chúng ta có đạo bạn lão thành, thì hành giả phải luôn thưa hỏi, cầu xin chỉ bảo, nếu không có, thì hãy đem những lời nói của bậc Tiền bối Tổ sư dạy người làm công phu ra mà xem xét thật kỹ, phải khởi tưởng như được nhìn thấy các Ngài. Những người đời nay hướng về đạo thiền này, khó có người được chứng ngộ. Cho nên hành giả rất phải cố gắng hướng tới trước. Tôi mong người sớm đập thủng thùng sơn mà trở về, để cùng với lão tăng này ngồi gãi lưng.

Kệ rằng:

Xem luồng gạt cỏ lúc về nhà
Một niệm giữa đường khéo giữ mà!
Gần đây tùng lâm gió mùi khác
Bước đến một nơi rất tiện nghi.

THIỀN SƯ CỦNG Ở THẠCH THẤT TIỄN THỊ GIẢ KHÁNH VỀ QUÊ THĂM THẦY

Thầy ông tuổi đã già yếu, mà chùa lại ở sâu trong núi, hôm sớm không có người chăm nom hầu hạ, nếu ông không về giúp đỡ việc chùa thì lễ Pháp thầy trò cũng chưa trọn đạo, vả lại mẹ ông tuổi tác đã cao, ngoài ông ra không còn ai khác. Trông chừng gió Thu đến mà chưa thấy ông về, ngày ngày tựa cửa trông con mà lệ rơi. Thử hỏi, ông xa thầy bỏ mẹ vào núi tu hành rốt ráo định làm nên việc gì? Nếu bảo yên phận nghèo hèn vui với đạo lý thì thật khó lắm, vả lại ở chốn am thanh cũng đâu phải chuyện dễ, vì cũng phải ươm thông trồng trúc, phá núi đào đất, gánh nước bửa củi, bón tưới rau khoai, hành đạo tụng kinh, nhiếp tâm trừ ngữ cảnh, rau cơm hẩm lấp ghẻ đói, dưa nhạt cháo loãng nuôi bụng dạ. Người đời vất vả vì thân miệng, mà chúng ta cũng chưa khỏi

bận rộn vì hình hài. Tâm địa của mình nếu chưa tỏ thì nghiệp thức sẽ dẫy đầy, không có chỗ nương. Bên suối dưới rừng tạm qua ngày, ta với người đều chẳng tính ở lâu. Hòa thượng Nguyệt Giang gửi thư đến nhắc ông về thăm là có ẩn ý sâu xa. Mở thư ra chưa kịp đọc là đã rùng mình, thật chẳng luống uổng âm tin nhắc người giữ tròn hiếu nghĩa. Người xưa có nói: Hiếu thảo đứng đầu trong trăm hạnh, cho dù ở đời hay ở đạo, ai chẳng như thế. Hầu thầy thờ mẹ là ruộng kính, cần gì phải nhập chúng và tham thiền. Bất chợt cái tư duy vắng lặng và cái chán ghét ồn ào tự nhiên tan mất, gậy ngắn chẳng ngại nhàn qua lại.

BUỔI TIỂU THAM KẾT CHẾ

Môn phong của Phật Tổ sắp tàn lụn, nói đến việc đó khiến người có đạo tâm muốn tan nát ruột gan. Việc nâng giữ hoàn toàn chỉ trông cậy vào con cháu của ta, nếu không tính trước thì con cháu sẽ làm hư nát mất! Nếu các thầy cứ suốt ngày lăng xăng rong ruổi khắp nơi, lo kinh doanh theo thế sự, làm cho chánh nhân bị lu mờ, khiến bụi trần bám đầy mặt mũi, thì nghiệp thức sẽ mênh mang trôi giạt, tất không có chỗ để dựa nương. Dù có mang ý quải bát ở nhà tăng, nhưng phải đợi đánh bảng kiền chùy mới chịu về chỗ ngồi, suốt ngày cứ dụm đầu trong phòng liêu bàn cãi phải quấy, đến khi xếp chân ngồi thiền thì liền ngủ gục. Đành để cho mây Si giăng bủa mịt mù, làm mờ tối bản tánh thiên chân, lửa đá giao nấu hừng hực, khiến vạc lòng sôi sục vung trào. Tạm thời lặng lẽ được an nhàn, một mặt lờ mờ rơi vào chỗ vô ký. Thanh Quy Bá Trượng chẳng chịu thực hành, sách vở ngoại đạo lại siêng năng bàn bạc. Nhân quả rõ ràng thật đáng phần cho lúc nhàn rỗi, tội phước rõ ràng mà chẳng hề lo sợ. Hoặc được ở riêng một phòng thì tự do buông lung thân miệng, ý. Hãy xem kìa, ngói che trên đầu gạch lát dưới gót, áo mặc trên thân, vị ngon trong miệng, mỗi thứ đều có ra từ lòng tin của người đàn-việt cúng dường, thế mà đạo nghiệp của ta chưa thành thì làm sao tiêu được? Suy đi nghĩ lại thì đã có mấy người biết sinh tâm hổ thẹn! Ngày nay ba việc, ngày mai bốn việc. Chỗ nhàn hoàn toàn luống bỏ ngày đêm, một mai già bệnh lại tìm nhau, Diêm Vương giục mời tin chết đến, các nghiệp ác gây ra từ trước chẳng bao giờ quên sót, ba đường sáu nẻo từ đây mà đọa lạc. Một khi bỏ mất Ca-sa rồi thi khó mà tìm lại được, còn lông, sừng, mai, vẩy thì rất dễ khoát vào. Hãy xem các bậc học đạo thuở xưa, quên hẳn nhân thế, xem thường danh lợi. Nấu cỏ rau, nướng khoai củ, một vốc cơm, một bầu nước là để trị bệnh gầy, cầu nuôi mạng sống cho qua ngày. Đá mòn thông héo rốt cuộc chẳng biết

được cái gì, rửa lòng làm lụy nhiều đời. Ngoài vật thanh nhàn một vị cao, trên đời vàng ngọc đâu đáng quý, kiếp không tâm địa nở hoa Phật, gió thơm chạm vào mũi mẹ sinh. Trong trường chọn Phật thi đậu về, đất già-lam viên giác mặc tình dạo chơi. Nhân buổi tiểu tham kết chế này, bất chợt thốt ra thành lời kệ.

LỜI DẠY CỦA THIỀN SƯ CỦNG NHÂN BUỔI THƯỢNG ĐƯỜNG

Gặp năm hạn hán, tháng sáu, tháng bảy trời không đổ một giọt mưa, đất ruộng khô cằn nứt nẻ, những người nông phu phải vất vả sớm hôm, lo tát nước vào ruộng đến đỗi da lưng rám nắng, gót chân nứt nẻ đau buốt, hoa mắt đuối sức muốn ngất xỉu. Đã vậy mà thuế quan lại đến đòi đóng gấp, thuế vụ bè, thuế lụa đã đóng rồi, họ lại đòi thêm tiền lộ phí, lúc thóc nộp đã gần cạn, đến nỗi ngày ba bữa ăn cũng không đủ no!

Nghĩ lại chúng ta là người xuất gia thọ dụng của đàn-việt cúng dâng, thế mà không chịu xét nghĩ công lao khó nhọc của họ, còn nói đến việc tiến đạo tu thân cũng không có được một chút nào. Rong ruổi bên này, chơi giỡn bên kia, dăm ba người ngồi dụm đầu nói chuyện tạp, hễ mở miệng là chuyên bàn đến việc xấu dở của người, đến khi về thiền phòng vắng vẻ, thì đối với những việc trái lý dối lòng đâu không làm! Đừng nói chi đến đọa lạc vào những loài khác, đời sau này chắc chắn sẽ làm người nông phu cực khổ. Từ trước đã nói khổ như thế, đến lúc ấy khó đồng với lúc làm tăng như nay, người xưa có dạy chúng ta chỉ một câu này: Đối với chúng trời, người hãy cân nhắc lại: “Đối với ruộng Tam bảo không có đến một sọt công đức, trong núi Thiết Vi sâu thẳm đã có cái khổ trăm hình rồi”.

HÒA THƯỢNG TRUNG PHONG RĂN NHẮC HỌC TRÒ

Trong Phật pháp không có chỗ cho ông lãnh hội, trong đường sinh tử cũng không có chỗ cho ông giải thoát, nếu các ông cứ mãi rong ruổi theo trần cảnh thì báo thân này khác nào ngọn đèn trước gió, lửa chớp trên đá. Vì vậy, trong từng ý niệm phải gấp rút tu trì như việc cứu lửa cháy đầu. Tinh tấn như thế mà còn có chỗ chưa làm xong, bất chợt tin chết đã dắt đi, đành bỏ lại nhiều việc rối ren trên đời. Lúc mở mắt ra thì chóng đã bốn, năm mươi năm rồi, thế thì người bảo sẽ làm gì cho Phật pháp đây? Mặc cho người dùng trăm ngàn cái thông minh của mình, mỗi mỗi nắm lấy phép Ba Thừa, mười hai phần giáo cho đến một ngàn

bảy trăm phép công án xưa cũ, cùng với sách vở của trăm nhà hiền triết ra mà chú giải từ đầu đến cuối, dẫu cho ngươi có làu thông hết như bình đựng nước không rò rỉ cũng đều là ở ngoài cửa.

Nói ra thì dường như có chỗ chứng ngộ, mà đối cảnh thì vẫn còn mê lầm. Chính vì việc này nên tôi mới nói là: không có chỗ cho ông lãnh hội, lúc đó người càng muốn tìm hiểu lại càng không hợp nhau. Ông há không thấy ta đã nói với ông điều gì sao? Mà lại định sinh ra những hiểu biết riêng. Dù cho cả muôn ngàn người chen lấn cũng không có chỗ vào được. Chỉ có một pháp tham thiền, nhưng tóm lại cũng không ngoài cái vọng niệm muốn hiểu biết kia. Chỉ có bậc Đại Tín căn mới có thể ngay nơi thân mình mà chân tham thật ngộ, và gánh vác nổi. Nhưng nếu ngươi khởi lên ý tưởng muốn gánh vác ỷ vào thói cũ mà suy nghĩ thì sẽ không liên can gì với đạo. Cho nên trong kinh Pháp Hoa chép: vì dù như thế gian, đều như Xá-lợi-phất, cùng suy chung so lường, chẳng biết được trí Phật. Như đời nay có người nhặt được vỏ trái quýt lại nhận lầm là đốm lửa, rồi từ đó họ đi đến đâu cũng khoe khoang khoác lác, chủ trương theo một đường lối riêng, bảo là: Ta đã lãnh hội Phật pháp, muốn được người khác cung kính tôn sùng. Hành động như thế có chỗ nào là dễ dàng và thích hợp đâu? Phong, tôi đã suốt ba, bốn mươi năm, ngay trong vấn đề này lúc nào cũng xoay trở không yên đối với hai chữ "Phật pháp" mà chưa được hợp nhau. Cho nên cả ngày lẫn đêm thường có tâm hổ thẹn, đâu dám lạm dụng các ngôi vị thầy người. Chỉ là một kẻ tầm thường mà được những lời khen ngợi và được của cho lắm nhiều, chẳng khác nào như bị mũi tên độc bắn vào tim, nhiều lần chối từ mà không được. Đây cũng do nghiệp duyên nhiều đời nên khiến như thế! Chính là cái gốc luống dối, chứ chẳng phải do đạo lực tự nhiên sai sử. Mỗi lần thấy các bạn đạo vì không muốn người khác làm bận, khi gặp các học trò có việc không xuôi theo ý mình thì khởi lên một chút nóng giận vô minh buông thả nghiệp thức, là tâm hạnh điên rồ độc ác. Đè nén giam hãm người đời, lại cho mình là do công án này buộc ràng vô minh, nên không hề có một việc gì dùng công án mà lãnh hội đạo niệm cả. Vả lại, ngày nay ngươi còn nắm giữ công án này thì ông biết có bao nhiêu người ở sau lưng mình không rảnh mà bịt mũi chăng? Vì vậy nơi đường sinh tử sẽ không có chỗ cho ông giải thoát. Cho nên, ông phải đem vấn đề sinh tử là việc lớn của chính ông dán vào da, nhét vào xương mà tham cứu trong từng ý niệm không cho xen hở. Từ vô lượng kiếp đến nay, trăm ngàn trò hay khéo trong một chốc đều giải quyết xong. Kết quả đó cũng chỉ do một tâm này không dừng

nghỉ mà thôi. Chẳng những ngàn muôn Phật tổ đều phát lời thề trọng đại mà đến ngày nay những người đắp mặc ba y, gọi là hàng tăng sĩ thế mà vẫn ỷ vào kiến thức xưa cũ của mình! Trước mắt ông mà không phá, hễ vừa dấy động liền sinh tâm khởi niệm. Như thế đâu chẳng nuôi lớn nghiệp buộc sinh tử, đành quên mất bản chí của mình lúc mới phát tâm xuất gia. Dường như luống buông trôi cái tâm nhiệt loạn nào đó suốt muôn kiếp ngàn đời, theo bánh xe nghiệp thức, đối với lý tu như thế nào có ích gì? Ta khéo bảo cho các ông biết, chúng sinh bị buộc ràng nồng hậu, thật không có chỗ nào dành phần cho ông đâu! Nếu ông đối với mọi người không có công sức gì, chỉ khiến cho toàn thân buông xuôi tất cả ngay giữa gian nhà cỏ, lặng lẽ vắng tanh, cơm hẩm áo rách mà tự độ qua ngày, thì cũng khỏi phạm vào lúa mạ của người khác, làm kẻ không biết hổ thẹn. Cho nên nói: trong Phật pháp không có chỗ cho ông lãnh hội, đường sinh tử không có chỗ cho ông giải thoát. Lãnh hội cũng không được, giải thoát cũng không được thì nên ngay nơi các chỗ không được ấy mà chen chân vào, bất luận là hai mươi hoặc ba mươi năm, hốt nhiên ngay nơi chỗ không được ấy, chợt xuyên thấu qua, lúc đó mới chịu tin là lời nói của ta chẳng dối gạt các ngươi ông.

RĂN NHẮC SỰ NHÀN RỖI

Người đời không một ai chẳng cho sự thanh nhàn, rảnh rỗi là an vui. Vì thế, nên họ cùng nhau rảo bước mong đến mục đích ấy. Tôi đón họ lại, để hỏi về lý do đó. Họ đáp rằng: Người xưa từng cho sự vinh nhục, phải quấy là hệ lụy ở đời, vì suốt ngày phải cùng với sự vật xua đuổi nhau. Tâm chí đã mệt nhọc, thân thể lại hao mòn, cho đến bị trói buộc trong vòng tình tưởng mà không biết, ngay cả giấc ngủ cũng còn vẫn còn tiếp diễn mơ màng. Nếu họ biết lắng tâm suy nghĩ thì đời người nào có được bao lâu? Không có được một ngày an nhàn, thì dẫu giàu sang thế mấy đi nữa cũng nào có lợi ích gì!

Bởi thế, tôi buông bỏ tất cả sự đời, ý muốn vừa đi vừa ca khúc hát “tọa vong”, tự thân muốn thoát ra ngoài sự vật, hoặc có người muốn xa lánh lời dạy của cha, thầy, nhàm chán sự nhọc nhằn của thân thế. Nhìn những ước vọng nghề nghiệp mưu sinh của người đời thì nhàm chán, muốn lánh xa nó như lánh xa nước lửa. Hẳn là ý muốn vượt xa trần tục cho thỏa chí thanh nhàn, tôi bèn nói rằng: Sao ông lại vội chấp sự nhọc nhằn của hình hài mà phục dịch cho tâm lự như vậy? Nhàn rỗi thì ngồi qua ngày tháng, nào có ích chi cho lẽ sống. Vả lại, sự nhàn rỗi ấy cũng còn nằm trong vọng tình ưa chán mà thôi. Cho nên bậc Thánh có lập ra

tông chỉ “Hai tướng đồng, tĩnh rõ ràng chẳng sinh”. Chính là bảo không hẳn nhàm chán sự bận rộn này mà ưa thích sự nhàn rỗi kia. Nay tôi sẽ đem câu nói này để nói thẳng với ông rằng: Nói về việc người đời muốn học đạo lý để hòa nhập thế gian, nếu họ không chịu siêng năng vất vả vì công việc, thì bất luận là ở địa vị sang hay hèn nào cũng không nhờ đâu mà thành tựu được. Tuy nhiên người đã giác ngộ thế gian là luống dối, muốn tìm xét đạo lý xuất thế của Thánh hiền, nếu không quên bỏ ăn bỏ ngủ thì không phải căn cơ lợi độn thì do đâu mà chứng đắc. Cho nên Đại sĩ Tuyết Sơn đã vất bỏ thân mạng nhiều như cát sông Hằng trải qua nhiều kiếp đến nay từng chịu các chướng nạn thử thách, ấy cũng chỉ vì Ngài muốn dạy rõ cho kẻ hậu học hiểu rằng đạo lý nhiệm mầu chẳng phải dễ dàng mà nghe được! Cho nên muốn hòa nhập thế gian thì phải tận trung với vua, hiếu kính với cha mẹ. Muốn hiểu hết đạo nghĩa trung hiếu ấy thì chẳng thể không vội vã. Còn muốn siêu xuất thế gian thì phải biết gần thầy chọn bạn, sớm tham chiều hỏi mà muốn thấu suốt đạo lý thì cũng không thể không vội vã. Đã hiểu hết đạo nghĩa trung hiếu, lại thấu suốt đạo lý thân trạch, dùng kiến thức về thể tướng thì vững vàng như núi Thái bất động, còn về tâm thức thì rộng lớn như Thái Hư vô vi, thì há một chữ Nhàn này có thể sánh được với những lời nói hằng ngày hay sao? Hoặc muốn nhập thế mà không hiểu hết đạo nghĩa Trung Hiếu, xuất thế mà không thấu suốt đạo lý thân trạch thì chỉ có một cách là siêng năng đối với sự an nhàn không phiền nhiễu làm công việc, nên không chịu nhọc nhằn dù trong giây lát. Cho nên bậc Thánh chê trách họ là những kẻ vô tâm. Người có sự hiểu biết, đâu có ai chịu cõng lên mình hai chữ “Vô tâm” này, và lại ưa nhàn rỗi ở chỗ buông thả. Nên tôi viết ra lời văn này để răn nhắc những người thích nhàn rỗi.

LỜI DẠY CHÚNG CỦA THIỀN SƯ THIÊN NHAM TRƯỜNG

Tham thiền là việc thứ nhất, giữ giới là việc thứ hai, làm phước là việc thứ ba, lễ tụng là việc thứ tư. Đã là người xuất gia thì phải hành trì bốn việc này. Không được buông lung tâm thức, không được buông thả tình ý, không được biếng nhác xác thân, không được mê mờ lý trí, phải xét kỹ (nổi) khổ vui, phải xót nghĩ trong đường sinh tử, đừng lo việc áo cơm, chớ ham hố danh lợi. Trong mỗi giờ phải rành rành sáng tỏ, trong bụng dạ phải được làu làu sạch hơn, đi đứng hợp phép tắc, động tịnh đúng theo giới luật. Thường gần gũi thiện tri thức, luôn xa bè đảng xấu. Nếu tin lời ta nói, thì việc thành Phật rất dễ. Bằng không tin lời ta nói,

thì luống nhọc xuất gia mà thôi. Là kẻ trọc đầu trong bá tánh, là Tu-la nhóm họp, là mầm mống của địa ngục, là bầy đàn của loài súc sinh. Mau cởi ca-sa trả lại, mau ra khỏi cửa chùa. Hãy tự làm người tục, đừng ở chung với ta.

THIỀN SƯ THIÊN Y NGHĨA HOÀI Ở TRONG THẤT HỎI NGƯỜI HỌC ĐỀ "TỊNH ĐỘ"

Ngài nói: này các ngươi! Nếu nói bỏ cõi uế lấy cõi tịnh, chán cõi Ta-bà về cảnh Cực lạc, thì đó là sự thường tình của lấy bỏ, là vọng tưởng của chúng sinh. Còn nói không có tịnh độ thì trái lời Phật dạy. Vậy thì người tu tịnh độ phải như thế nào?

Lúc ấy, trong chúng không có một ai đáp cả. Thiền sư liền tự đáp: Sinh thì quyết định sinh, đi thì thật chẳng đi. Thiền sư lại nói: Ví như chim nhạn bay qua bầu trời, bóng nhạn in dưới đầm nước sâu. Nhạn vốn không có ý để lại dấu vết, nước chẳng có tâm lưu giữ hình bóng.

LUẬT SƯ ĐẠI TRÍ CẢNH TỈNH NHỮNG KẺ TỰ ĐÀNG CHỊU TRONG CẢNH LẦM THAN

Người có học Phật, lúc đầu họ đều nói vì vấn đề việc lớn sinh tử, nên phát tâm xuất gia. Nhưng đến khi bị thanh danh lợi dưỡng làm rung động, nghiệp duyên thế gian làm mê đắm thì việc lớn sinh tử ấy gần như bị gác lại mà không nói đến. Nếu bị người đến gõ cửa thưa hỏi về việc này, thì họ tìm lời thối thất bắt qua chuyện khác, chứ không thể tự giải quyết được. Hoặc nói việc này không nên hỏi, hoặc nói không cần biết. Hoặc nói chừng nào vua Diêm-la đến sẽ vâng giữ chứ bây giờ chẳng cần phải so tính làm chi. Hoặc nói: ta sẽ tùy chỗ mà thọ sinh, ra vào thường tự tại. Hoặc nói: với từng ấy gốc lành này ta sẽ được sinh vào nhà chẳng sang chẳng hèn, được làm thân nam là thích rồi. Hoặc nói: ta sẽ án định tinh thần để thấy rõ tướng thiện ác mà không đi theo. Hoặc nói sẽ biết trước thời gian để chuẩn bị cho cái chết. Hoặc nói lúc qua đời sẽ đoạt lấy thân trung ấm, hoặc bảo dù trăm xương có tan nát vẫn còn có một vật linh thiêng mãi. Hoặc bảo hình khí tiêu tan sẽ về nơi vắng lặng. Những lời lẽ phỏng đoán rắc rối như vậy đều không vượt qua hai thứ chấp đoạn và chấp thường của phàm phu, ngoại đạo. Đến lúc bốn đại phân tán, bệnh khổ ép ngặt, thần thức không có chủ hướng dẫn dắt sẽ theo nghiệp lực mà trôi lăn trong sáu đường, chắc chắn như thế, không còn nghi ngờ gì nữa! Dù cho họ có biết trước được ngày giờ, ngồi thoát hay đứng hóa, đạo đức ở đời có tột cùng đi nữa, cũng chưa

đáng lấy làm kỳ lạ! Những người này vì họ không xem kinh Thập Lục Quán, không biết tướng sinh của chính phẩm, không tin vào nguyện lực của Phật A-di-đà, cứ giữ chặt cái biến chấp của mình, nên tự đành chịu ở trong cảnh lầm than, ta há không vì họ mà thương xót hay sao?

THIỀN SƯ VĨNH MINH DIÊN THỌ RĂN NGƯỜI CHƯA CHỨNG NGỘ ĐỪNG KHINH TỊNH ĐỘ

- Có người hỏi: chỉ cần thấy tánh tỏ đạo thì thoát khỏi sinh tử, cần gì phải bận tâm niệm Phật A-di-đà cầu sinh về phương nào khác.

- Đáp: người chân thật tu hành phải tự xem xét cho kỹ lưỡng, như người uống nước nóng lạnh tự biết. Đời này gìn giữ phép tắc là để phá trừ những quan niệm mê lầm.

Này các nhân giả! Hãy nên xem lại công hạnh của mình, đã thấy tánh ngộ đạo, được Như Lai thọ ký nối tiếp ngôi vị Tổ sư và được như các Ngài Mã Minh, Long Thọ chưa? Được biện tài vô ngại, chứng tam-muội Pháp Hoa và được như Ngài Thiên Thai Trí giả chưa? Tông và thuyết đều thông, hạnh và giải gồm tu và được như Ngài Trung Quốc sư chưa? Các bậc Đại sĩ trên đây đều để lại lời dạy bảo rõ ràng, khuyên bảo kỹ càng mọi người nên cầu vãng sinh. Vì đó chính là pháp môn lợi mình lợi người, chứ đâu chịu để cho mình và người lầm lạc. Huống chi Đấng Đại Hùng luôn khen ngợi, chính lời vàng của Ngài cặn kẽ dặn dò, và mong chúng ta hãy noi theo các bậc Hiền thuở xưa, kính vâng lời Phật dạy, thì chắc chắn không có sai lầm. Theo luận Vãng Sinh chép về sự tích các bậc Cao sĩ xưa nay được vãng sinh rất nhiều, rõ ràng nhất là ta nên siêng xem để tự biết rõ. Lại cũng nên tự đo lường thời gian khi sắp qua đời, sinh tử đi hay ở, đã được tự tại chưa? Từ đời vô thỉ đến nay vì nghiệp ác chướng nặng, chắc chắn chưa được chánh niệm hiện tiền, hết một báo thân này, chắc chắn được thoát khỏi luân hồi chưa? Ba đường ác, đi trong loài khác, ra vào tự do, chắc không còn khổ não chưa? Cõi thiên thượng, chốn nhân gian, các thế giới mười phương, tùy ý nương gá, chắc không bị trệ ngại chưa? Nếu tỏ rõ tự tin sẽ đến được, thì còn điều tốt đẹp nào bằng, bằng chưa được như thế thì đừng có vội lấy một thuở cống cao tự thị mà phải chịu đắm chìm nhiều kiếp, tự mình mất lợi lành, lại toan trách ai. Than ôi! Thương thay! Than làm sao kịp.

BÀI GIẢI THÍCH VỀ BA Y CỦA TỪ VÂN TUÂN THỨC SÁM CHỦ.

Phật dạy: pháp y chỉ có ba:

1. An-đà-hội.
2. Uất-đa-la-tăng.
3. Tăng-già-lê.

Ba pháp y này chắc chắn là y phục của người xuất gia, chứ chẳng phải là y phục để người tại gia đắp mặc. Luật Tăng-kỳ chép: ba y là cờ nêu của sa-môn Hiền Thánh, chẳng phải là y phục mà người thế tục đắp mặc. Luận Trí độ chép: Các Thánh đệ tử Phật trụ trong Trung đạo nên mặc ba y. Kẻ ngoại đạo thì trần truồng không hổ thẹn, người tại gia thì tham nhiều áo mặc. Kinh Tạp A-hàm chép: Người tu pháp bốn tâm vô lượng, đều cạo râu tóc, mặc ba pháp y và ra khỏi nhà thế tục. Theo đây thì biết chắc chắn chẳng phải là y phục của thế tục. Người đời nói: Trong Kinh Phạm Võng có dạy cho phép người thế tục mặc là thế nào? Đó là họ thấy kinh đó có những lời rộng kể vua tôi đạo tục đều được thọ giới nên bảo là thân đắp mặc ca-sa, v.v... nên liền cho kẻ nam, người nữ thọ giới Bồ-tát mặc y bảy điều. Nhưng xem kỹ lời văn trong kinh ấy thì chưa hẳn hoàn toàn như thế, ca-sa dịch đúng phải là Nhiễm, hoặc dịch là ngọa cụ. Nếu y cứ vào thì dịch là Nhiễm thì chỉ là lời dạy chung, hễ Tăng tục có thọ giới thì phải mặc áo nhuộm hoặc hoại sắc, vì sợ họ nhuộm cùng mầu xinh đẹp của người đương thời, trái với phép Phật dạy nên mới nói, bảo phải thân mặc áo nhuộm, đều khiến cho hoại sắc. Hoặc có nơi vì phong tục nên không thể làm hết theo lời Phật dạy. Nhưng Bồ-tát xuất gia chắc chắn phải mặc áo nhuộm mầu hoại sắc, cho nên trong kinh lại nói: Y phục của Tỳ-kheo phải khác với y phục của người thế tục, chứ không hề cho người thế tục mặc y bảy điều. Hoặc dịch là ngọa cụ là thế nào? Tổ Nam Sơn nói: đó là tên gọi chung của ba y. Kinh Phạm Võng chép: mặc ca sa chín điều, bảy điều, năm điều là ý của câu văn ấy. Nếu vậy thì nào ngăn câu nói: Ca-sa chỉ riêng cho người xuất gia. Cũng ngay văn ấy lại chép: y phục của thầy Tỳ-kheo phải khác với y phục của người thế tục. Tìm xét trong chương sớ của Tổ Thiên Thai và Tạng Pháp sư đều thích nghĩa là nhuộm hoại sắc và nói đều không cho phép người thế tục mặc ba y. Dù trong kinh Phương Đẳng có chép: cho phép người thế tục tu sám khi vào đạo tràng được mặc ba y, nhưng chỉ là xếp điệp chứ không cho khâu đột (tướng ruộng phước) Phật dạy ba y này: 1- Đơn phùng (xếp điệp); 2- Tục phục. Đại sư Kinh Khê nói: nếu khâu đột thì là y của đại tăng thọ trì, cho nên y này phải sắm riêng. Thế mà ở thế gian có người lại mượn y của người xuất gia để đắp mặc, thật là không nên. Nên biết mặc dù ba y chẳng phải là y phục riêng của người xuất gia (xuất xứ từ bộ Phụ hành ký) nhưng tin

lời trong kinh Phạm Võng. Nếu nói đã cho mặc thì vì sao Kinh Phương Đẳng dạy phải may xếp điệp, cho đến trong Kinh A-hàm chép Phật bảo A-nan lấy y Uất-đa-la-tăng của Ngài cho nàng Ba-tư-tra mặc, v.v... đây là tự ý Phật tạm thời ứng cơ phó cảm vậy thôi. Chứ sau khi Phật nhập diệt những kẻ hạ phàm phải y theo lời dạy nhất định mà làm. Tất cả giới luật, lúc Phật sắp Niết-bàn, đã nói lại những lời sau cùng, đó mới chính là pháp tắc đã quyết định. Còn bảo ba y cho người thế tục mặc thì kinh kia không có văn nào chép cả.

Ngoài ra còn có: vì để qua khỏi tai ách nên cho giữ một mảnh nhỏ. Còn chuyện Liên Hoa Sắc khoác chơi, kẻ thợ săn mượn mặc, hoặc nói giữ khoảng bốn tấc thì đồ ăn thức uống được dư dật, khoác lên mình một mảnh nhỏ thì quỷ La-sát không dám ăn. Đây thật là chỉ rõ công dụng của ba y, chứ không phải cho kẻ thứ dân thọ trì đắp mặc. Người xuất gia mà còn mù mờ phép trì y, phương chi người đời bận rộn nhiều việc thì sao hiểu được nghi thức kính pháp! Tổ Nam Sơn nói: Nếu thọ dùng đúng pháp thì tội lỗi không sinh, bằng nhận lãnh trái pháp là tự chuốc họa sâu xa. Một đời không có áo che thân, khi chết tự chịu lời Thánh quở, lo gì chốn đường ác không có phần. Hãy xem kỹ văn này, thà mình tự chịu lợi sâu, đâu nỡ toan trái phép, làm lầm khổ người tại gia, làm mắc lỗi luống dối nên không thể im lặng được. Phần nhiều thấy những kẻ đạo người tục đua nhau khoái cái Lạc tử. Vì lạm dụng đã quá lâu nên mới lan tràn đến đời nay.

Vả lại, ba y ngũ nạp thì Đức Phật có dạy trong hai sách chế thính, còn (hình dáng) cái Lạc tử thì xuất xứ từ văn nào? Vì dù có lấy mảnh vải rách của ba y đem làm đi nữa, thì y của thầy Tỳ-kheo cũng bị tổn hại. Lẽ ra phải nên may vá lại, cho không mất phép thọ trì. Chứ đâu có pháp nào cho mặc mảnh vải rách kia, rồi lại đặt tên khác (Lạc tử), việc làm này khác gì việc thầy Tỳ-kheo bị giặc cướp y. Hoặc nói: khi làm lụng công việc trong chùa tạm mặc cũng không ngại gì, y An đà hội là y để mặc trong chùa, thì sao lại không mặc. Còn như hàng đệ tử tại gia, nếu muốn tránh khỏi tai ách cũng không nên thường mang mảnh vải ca-sa ấy. Vì nếu cho thường mang khoác, thì sao chẳng cho mang trọn ba y luôn mà chỉ cho một mảnh? Tổ Nam Sơn dẫn trong luật Tăng-kỳ nói: loài rồng được một mảnh ca sa mà thoát khỏi nạn chim cánh vàng ăn thịt, họ bèn nói hẳn là không thuận theo kinh giáo, thì mặc mảnh y ấy sẽ vô lực. Vì mặc ca-sa là trái với kinh giáo, còn bảo là vô lực. Huống chi đời nay sắm cái lạc tử, may nhuộm mới lạ, công nhiên làm ra. Nói về danh về thể thì hoàn toàn trái phép. Suy ra thì biết nếu đắp mặc thì

sẽ mắc tội chứ không có phước báo gì cả. Nay tôi tóm lược viết ra ba điều tội lỗi vì trái lời Phật dạy, ngõ hầu khiến người đọc hiểu rõ mà tha thứ điều lỗi nhỏ, chắc chắn sẽ đổi thành tốt.

1) Lạc Tử nói về danh và thể đều không thấy sách nào chép cả. Hai giáo chế (ngăn cấm) thính (khai cho) tất cả cũng không thấy nói. Đã thiếu năm công đức, lại lạm xen vào ba tiện. Tội lỗi trái lời Phật dạy thì họa báo chốn minh đồ chẳng phải không có.

2) Về hai giáo Chế và Thính, chỉ có Đức Phật mới được làm, từ các hàng Bồ-tát, Thanh Văn trở xuống chỉ biết noi theo mà không được làm. Thế mà đời nay đã tự chế ra cái lạc tử, ông là Phật hay sao?

3) Hành động này đã sa vào bọn ngoại đạo, không phải hàng ngũ của Phật, vậy Tổ Nam Sơn nói: Dùng chỉ tạp sắc mang trên y pháp làm điều bức, đó là pháp của ngoại đạo, đều phạm tội thâu-lan-già, huống chi là mang y trái phép, chẳng những trái lời Phật dạy mà cũng chẳng phải bọn ngoại đạo. Họ là người gì? Cúi xin những người học đạo ở bốn phương tu phép Đại thừa khi đọc văn phải tìm ý chứ đừng bảo thủ theo mình. Như kẻ gánh gai bỏ vàng, chẳng phải là người trí. Người biết đổi tà theo chánh đây mới chính thật là đạt chân. Nên biết Phật thừa vô thượng, hễ hiểu được thì không phân biệt là kẻ đạo người tục, phép tắc truyền trì Phật đã dạy rõ trong luật nghi. Trong hội Niết-bàn Đức Phật thường nói đến việc giữ gìn giới luật, chính là y ở văn này.

Nếu giới luật hư hoại thì chánh pháp nhờ vào ai mà truyền trì? Được sinh làm người há lại không giữ tròng con mắt của mình ư? Cắt đứt mạng mạch thường trụ, chẳng phải bọn Chiên-đà-la thì là ai? Thuở xưa, Pháp sư Tĩnh Ái gặp thời Chu Vũ Đế hành động bạo ngược với Phật pháp. Ngài tự hận mình không thể giữ gìn chánh pháp thì xuất gia làm gì, Ngài liền ngồi lên tảng đá, nhấc dao xả thịt khắp trên thân, móc ruột treo lên cây, dùng tay cầm trái tim mình mà chết.

Than ôi! Thánh hiền ngày xưa vì giữ gìn chánh pháp nên các Ngài làm như thế, chúng ta bắt chước chưa được, thì cũng phải giữ gìn giới pháp, đừng để hủy tổn gây tai họa cho mình và người.

■

TRUY MÔN CẢNH HUẤN

QUYỂN 6

VĂN QUY KÍNH CỦA THIỀN SƯ TỪ GIÁC TÔNG TRÁCH Ở CHÙA TRƯỜNG LƯ

Ôi! Đôi cành quế rũ che bóng mát, một đóa hoa nở tỏa hương thơm. Từ đó lập ra tùng lâm, chỗ quan trọng vốn vì Tăng chúng. Cho nên, vì chỉ bày cho Tăng chúng nên có Trưởng lão, vì tiêu biểu nghi tắc cho chúng Tăng nên đặt ra chức thủ tọa, vì gánh vác công việc cho Tăng chúng nên đặt ra chức Giám viện, vì điều hòa công việc của Tăng chúng nên đặt ra chức Duy-na, vì cúng dường vật dụng cho Tăng chúng nên đặt ra chức Điển tọa, vì chúng Tăng mà xuất ra nạp vào nên đặt ra chức Khố đầu, vì chúng Tăng mà làm công việc nên đặt ra chức Trực tuế, vì chúng Tăng mà coi giữ bút mực nên đặt ra chức Thư trạng, vì chúng Tăng mà giữ gìn chánh giáo nên đặt chức Tạng chủ, vì chúng Tăng mà tiếp rước đàn-việt nên đặt chức Tri khách, vì chúng Tăng mà thưa mời công việc nên đặt ra chức Thị giả, vì chúng Tăng mà coi giữ y bát nên đặt chức Liêu chủ, vì chúng Tăng mà cung cấp thuốc men nên đặt ra chức Đường chủ, vì chúng Tăng mà coi về nước nôi nên đặt ra chức Dục chủ Thủy đầu, vì chúng Tăng mà coi việc ngừa lạnh nên đặt ra chức Thán đầu Lô đầu, vì chúng Tăng mà coi về việc khất thực nên đặt ra chức Nhai phường Hóa chủ, vì chúng Tăng mà giữ làm việc nhọc nên đặt ra chức Viên đầu, vì chúng Tăng mà giúp đỡ sai bảo nên đặt ra chức Tịnh nhân. Nhờ vậy mà nhân duyên hành đạo mười phần trọn đủ, vật dụng nuôi thân trăm vẻ sẵn đủ, muôn việc không lo, một lòng vì đạo. Là địa vị tôn quý trong thế gian sống thanh nhàn vượt ngoài trần lụy, thật đáng vị vô vi thanh tịnh, chỉ có chúng Tăng mới là tối thắng. Nghĩ lại công Đức của nhiều người, đâu không biết ân, báo ân. Cho nên sớm tham chiều thỉnh chẳng bỏ phí tấc bóng là để báo ân bậc Trưởng lão. Tôn ti có thứ lớp đi đứng khoan thai, là để báo ân vị Thủ tọa. Ngoài noi pháp lệnh, trông giữ khuôn phép, là để báo ân vị Giám viện. Sáu hòa cùng nhóm, như nước sữa hòa nhau, là để báo ân vị Duy na. Vì

thành tựu đạo nghiệp mới nhận cơm này là để báo ân vị Điển tọa. Yên ở chốn tăng phòng, tiếc giữ đồ vật, là để báo ân vị Trực tuế. Vật dụng của Thường trụ mảy may không xâm phạm là để báo ân vị Khố dầu, tay không cầm bút mực, gấp rút tu trì như cứu lửa cháy đầu, là để báo ân vị Thư trạng. Sáng tỏ song cửa, sạch sẽ bàn đọc sách, đọc kinh xưa để soi rọi tâm mình, là để báo ân vị Tạng chủ. Ẩn che dấu vết không theo việc đã qua, là để báo ân vị Tri khách. Ở thì nhất định luôn có mặt, mời thì nhất định đến trước là để báo ân vị Thị giả. Một bình, một bát ở với đại chúng, tâm vững như tòa núi, là để báo ân vị Liêu chủ. Thà tâm chịu bệnh khổ, cháo thuốc tùy nghi, là để báo ân vị Đường chủ. Tắm gội giữ im lặng, không mê mờ nhân của nước là để báo ân vị Dục chủ, Thủy đầu. Nín lời khoanh tay, lui mình nhường người, là để báo ân vị Thán đầu, Lô đầu. Xét nghĩ đức hạnh mình đầy vơi mà nhận cúng, là để báo ân vị Nhai phường Hóa chủ. Tính công nhiều ít lường của thí chủ đem đến, là để báo ân vị Viên đầu - Ma đầu - Trang chủ. Rót nước, đem thẻ, nhận biết xấu hổ, là để báo ân vị Tịnh đầu, khoan dung là để dễ theo, giản dị để dễ việc, là để báo ân người Tịnh nhân. Vì thế chốn tùng lâm đạo nghiệp ngày càng đổi mới. Người căn khí bậc Thượng thì một đời làm xong, người căn cơ bậc Trung thì ngày càng nuôi lớn mầm Thánh, còn những người chưa tỏ được nguồn tâm thì trong từng giờ cũng chẳng luống bỏ, như thế mới thật là ngôi Tăng bảo, mới là ruộng phước tốt của thế gian. Gần thì là rường bến cho đời mạt pháp, rốt ráo được cực quả rốt ráo nhị nghiêm. Nếu tùng lâm bất trị, bánh xe pháp chẳng thường xoay đó là do vị Trưởng lão chẳng vì Tăng chúng. Độ lượng dung tích chẳng rộng, tấm lòng thương chúng chẳng đầy, là do vị Giám viện chẳng bảo hộ Tăng chúng. Người tu hành thì bất an, người làm rối thì chẳng đi, đó là vị Duy na không làm đẹp lòng chúng. Sáu vị chẳng tinh sạch, ba đức không giúp đủ, là do vị Điển tọa không có lòng phụng sự đại chúng. Phòng liêu chẳng sửa sang, đồ vật không đầy đủ là do vị Trực Tuế không có lòng làm an vui đại chúng. Chứa nhóm thường trụ, giảm khắc Tăng chúng là do vị Khố đầu chẳng có lòng săn sóc chúng. Thư trạng chẳng khéo léo, văn tự bị hư rách là do vị Thư trạng chẳng sửa sang cho chúng. Bàn ghế chẳng sạch, ồn ào chẳng dứt là do vị Tạng chủ không có lòng tiếp đãi chúng. Lễ mạc chẳng cung kính, tôn ti mất thứ tự là do vị Thị giả chẳng vâng mệnh đại chúng. Đập dũ (gấp xếp) chẳng siêng chăm, giữ gìn không cẩn thận là do vị Liêu chủ không biết cư xử với chúng. Không rảnh rỗi giúp hầu, làm não loạn người bệnh, là do vị Đường chủ không có lòng thương xót chúng. Nước nóng chẳng đủ

dùng, lạnh nóng mất oai nghi, là do vị Dục thủ - Thủy đầu không quan tâm đến việc tắm gội của chúng Tăng. Trước không dự bị, khiến mọi người bị động niệm, là do vị Lô đầu, Thán đầu không quan tâm đến việc hơ sưởi của đại chúng. Xét của chẳng công tâm, bày sức chẳng hết lòng là do vị Nhai phường hóa chủ không thật lòng cung cấp cho chúng. Đất có để nhiều hoa lợi, mà người không có trộm công lao là do vị Viên đầu, Ma đầu, Trang chủ không có lòng thay thế chúng. Lười biếng trừ bỏ, các duyên chẳng đủ là do vị Tịnh đầu không có lòng hầu hạ đại chúng. Điều ngăn cấm chẳng dừng, điều sai bảo chẳng đi là do Tịnh nhân không có tâm thuận theo đại chúng.

Còn như Tăng chúng mà coi thường sư trưởng, khinh mạn pháp môn, chấp chặt cá tính, chạy theo duyên trần, không phải là việc làm để báo ân vị Trưởng lão. Ngồi nằm lật đật, tới lui trái phép, chẳng phải là việc làm để báo ân vị Thủ tọa. Tâm ý khinh thường luật pháp của nhà vua, chẳng đoái hoài đến khuôn phép của tùng lâm, thì chẳng phải là việc làm để báo ân vị Giám viện. Trên dưới chẳng hòa thuận, công kích đấu tranh nhau, thì chẳng phải là việc làm để báo ân vị Duy na. Ham hố thức ăn ngon, chê bai thức ăn dở, thì chẳng phải là việc làm để báo ân vị Điển tọa. Cư xử và thọ dụng không biết nghĩ đến người dùng sau thì chẳng phải là việc làm để báo ân vị Trực tuế. Tham nhiều lợi dưỡng, không tiếc của thường trụ, thì chẳng phải là việc làm để báo ân vị Khố đầu. Chuộng giữ bút nghiên, rong ruổi văn chương, thì chẳng phải là việc làm để báo ân vị Thư trạng. Lười bỏ văn kinh, tìm xem ngoại điển, thì chẳng phải là việc làm để báo ân vị Tạng chủ. Với theo kẻ tục, giao kết người sang, chẳng phải là việc làm để báo ân vị Trí khách. Sót quên lời mời thỉnh khiến Tăng chúng chờ lâu, chẳng phải là việc làm để báo ân vị Thị giả. Vì lợi ích cho mình mà làm phương hại người khác, biếng nhác làm việc, che giấu lợi dưỡng, dối bảo là người khác trộm cắp, chẳng phải là việc làm để báo ân vị Liêu chủ. Nhiều hành động tức giận, thiếu cử chỉ hoan hỷ, không thuận theo với duyên bệnh, chẳng phải là việc làm để báo ân vị Đường chủ. Tắm gội khua bồn chậu có tiếng, dùng nước không dè xẻn, chẳng phải là việc làm để báo ân vị Dục chủ, Thủy đầu. Chỉ nghĩ lợi ích cho bản thân được ấm áp, làm trở ngại mọi người, chẳng phải là việc làm để báo ân vị Lô đầu, Ma đầu, Trang chủ. Khạc nhổ lên tường vách, bừa bãi khắp nơi, chẳng phải là việc làm để báo ân vị Tịnh đầu. Chuyên chuộng vẻ uy nghiêm bên ngoài, hoàn toàn không khéo dạy dỗ, chẳng phải là việc làm để báo ân vị Tịnh nhân.

Bởi do, gió cuốn ngàn vòng mà có chỗ chưa khắp hết. Vì vậy, chỉ cần biết bỏ điều dở, theo điều hay, cùng nhau làm tròn nhiệm vụ của người xuất gia là quý rồi! Điều mong mỏi là ở trong hang sư tử phải trở thành sư tử, nương trong vườn chiên-đàn phải trở nên chiên-đàn, khiến cho đời này dù cách sau năm trăm năm đi nữa cũng được thấy lại pháp hội Linh sơn như thuở nào. Thế thì, pháp môn hưng thịnh hay suy vong đều do ở tăng đồ. Tăng-già là ruộng phước quy kính nên phải tôn trọng. Hễ ngôi Tam bảo được tôn trọng thì Phật pháp cũng được tôn trọng, bằng ngược lại Tăng bảo bị khinh rẻ thì Phật pháp sẽ bị khinh rẻ. Cho nên trong thiền môn giữ gìn đã nghiêm túc, thì ngoài đàn tín lòng bảo hộ phải kính cẩn. Nếu vị chủ nhân do việc cơm cháo một khi cảm hóa được nhà vua cúng dường hay vị chấp sự trong tùng lâm tình cờ được đảm nhận quyền tước, thì vị ấy cũng thường phải đem lòng kính ngưỡng bạn cùng tu, chứ không nên càn quấy, tự cậy mình là cao quý rồi sinh tâm bắt nạt Tăng chúng. Nếu hống hách, ngạo mạn đem việc tư trả cho việc công, thì hãy nhớ cho rằng, trên đời này muôn việc đều vô thường, đâu thể còn mãi. Lỡ một mai sa cơ, thất thế, đành phải về nương với chúng Tăng thì chừng đó còn mặt mũi nào mà nhìn lại nhau. Nhân quả không bao giờ sai chạy, e khó mà quanh lánh được! Phải biết Tăng-già là hàng Phật tử, phải được ứng cúng bình đẳng, không có riêng khác. Vì địa vị của Tăng-già được cõi trời, cõi người thảy đều cung kính. Cho nên hai thời cơm cháo, lẽ ra phải tinh thành đầy đủ, bốn thứ cần dùng cúng dường đừng để thiếu hụt.

Hai ngàn năm di ấm của Đức Thế Tôn, vẫn còn che chở cho con cháu muôn đời, một phần nhỏ công đức của tướng ánh sáng sợi lông trắng, cũng đủ để thọ dụng không cùng. Vì vậy, chỉ cần phụng sự chúng Tăng chứ không nên lo lắng thiếu hụt. Tăng-già bất cứ là Phàm hay Thánh, đều chung nhóm họp mười phương. Đã nói là của Chiêu-Đề, thì mọi người đều có phần, đâu nên sinh tâm phân biệt, khinh chán khách tăng. Chỉ cần nghỉ qua liêu ba hôm trở lên thì có quyền trở lại, trụ xứ ấy phải đem hết lễ mà giúp đỡ vật cần dùng. Người ở tạm trước nhà tăng, nghỉ ngơi qua bữa thì trụ xứ cũng phải có tâm bình đẳng mà cúng dường vật dụng. Tục khách còn trông nom tiếp đãi, Tăng-già đâu nỡ chẳng biết rước mời. Nếu không có lòng nhỏ hẹp, thì tự có phước báo vô cùng. Trong chùa sống hòa hợp, trên dưới cùng một lòng, sinh hoạt qua lại với nhau lỡ có điều gì tốt đẹp hay xấu dở thì phải thay nhau mà che giấu để xây dựng. Điều dở xấu trong nhà, đừng để người ngoài nghe biết. Dù vậy, đối với vấn đề mặc dù không bị tổn thương đến danh dự nhưng

rốt ráo cũng sẽ giảm đi số đàn-việt chiêm ngưỡng! Ví như trùng trong thân sư tử, tự ăn thịt sư tử, chứ chẳng phải do ngoại đạo, thiên ma phá hoại được. Nếu muốn cho Tông phong đạo pháp không suy đồi, mặt trời Phật pháp thường sáng tỏ, hưng thịnh, chốn Tổ được rực rỡ, giúp đỡ Hoàng triều được Phật hóa, thì xin hãy lấy văn này làm gương soi rùa nghiệm!

BÀI CHÂM QUY DẠY CHÚNG CỦA THIỀN SƯ TỪ THỤ

(bản ở chùa Thọ vô lượng so với văn này có chỗ hơi khác, nhưng ý chính thì đồng)

Trong tùng lâm, những nghi thức hành trì như khi thăng đường, niệm tụng, đọc kinh, tiểu tham phải đánh hiệu kiền-chùy nhóm hợp, đại chúng đến trước. Dù là hàng Thượng sĩ du phương cũng phải giữ gìn phép tắc bên mình, đâu nên có những cử chỉ chống trái biếng lười đến đỗi phải bị người khác kiểm điểm. Lỡ một lần có thể thứ, chứ phạm nữa thì đâu được thông qua! Nếu người nào không nghĩ đến chân phong của Tổ Bách Trượng, thì chắc chắn sẽ được nếm sự quở trách của Ngài Đầu Tử. Khi bảng chỉ tịnh vừa treo, mọi người phải giữ yên lặng. Dù là lúc chưa treo bảng đi nữa, cũng đâu được phép cười nói tự do ồn ào. Đức Phật xưa có dạy: phải giữ cửa miệng như khéo giữ miệng mình. Trong mười hai giờ phải luôn luôn nín lặng, nếu không thu nhiếp ba nghiệp trong phạm vi giới luật thì muôn điều họa hại sẽ sinh ra lúc nào mà ta cũng không hay biết. Phải khéo làm quen với phong thái của ngài Lỗ tổ, im miệng treo trên vách. Trong thư phòng của mình, trên bàn phải thường giữ cho sạch sẽ, chỉ nên để tráp hương văn kinh, sách thiền cốt sắp đặt sao cho ngay thẳng. Không nên bày để những văn tự thế tục, còn các thứ cần dùng như thuốc men, lò hương, v.v... thì nên cất gọn dưới gầm bàn. Những việc như tụng kinh to át tiếng người khác, nhóm họp nhiều người nói cười ầm ỉ, đứng ngồi không nghiêm trang, dựa vào bàn vách khinh dễ đại chúng, luống chiếm phần bàn, phơi đồ che ánh sáng nơi song cửa, đều là những hành động trái với luật nghi, trong tùng lâm đâu có phép như thế. Lúc nào cũng phải đoan chính thân tâm, lặng lẽ mà mở tìm, xét kỹ lời Phật dạy, cho khế hợp nơi lòng dạ, mới không luống uổng thời gian lúc mở kinh xem và mới hiểu được Thánh ý khi xem kinh. Thường ngày các bạn đạo ngồi gần rất kỵ việc dụm đầu kề tai nói chuyện tạp. Khách khứa thăm nhau, theo lễ không tránh khỏi, thì khi trà nước vừa xong, câu chuyện cũng nên tạm dứt, đưa nhau rời khỏi phòng liêu, không nên ở lâu trong chúng. Nếu là bạn đạo quen

xưa, thì nên đưa nhau ra dưới rừng bên suối, đừng để mọi người bị dao động mất chánh niệm, đều là việc tăng sĩ không được làm, nên ngoặc xuôi nét bút bỏ đi. Trong giờ thọ trai phải tuyệt đối yên lặng, sau bữa cơm trở về liêu, mới được cùng nhau bày tỏ lời thăm hỏi, cho biết thứ bậc Thượng, Trung, Hạ tọa, phải giữ lễ cung kính làm đầu. Nếu không như thế chính là hành động khinh người mạn mình. Sau giờ tham học có mở lồng lấy thức ăn, phải thưa qua vị Tri liêu biết. Lúc ra mở sáo phải chú ý đỡ tay sau. Lên giường ngồi thiền không được để thòng áo xuống đất. Cử động, kinh hành phải cất bước từ từ, khiến người động niệm ma chướng dễ sinh, động miệng chảy vàng nhà mình có vui gì. Những việc giặt y, may vá phải để sau giờ thọ trai, việc không gấp rút thì đừng để cho đạo nghiệp bị quýnh quáng. Không nên dùng nước nóng giặt y, rửa mặt. Đứng trên cao mà sửa giầy, gấn đơn, lén nấu ăn riêng, cất giấu thức ăn. Trên ông trúc phải biết chỉ để vất đồ sạch mà thôi! Dùng bàn ủi phải xem lúc rảnh hay bận. Nếu để riêng một nơi, e cản trở lúc đại chúng cần dùng. Bậc Thánh xưa cũng có lúc vá áo ngăn lạnh nhưng may vá rồi thì thôi, chứ đâu suốt ngày cứ giữ việc may vá. Việc nấu nướng châm trà lúc tiểu tham cũng là thịnh lễ của tùng lâm, cho nên phải đợi đại chúng nhóm họp xong, mới được ngồi xuống. Muốn thu dọn bát đĩa phải đợi mọi người lui hết. Lén giấu trà vụn, sẽ bị kẻ bàng quan chê cười. Xá người một tay là phép tắc gì? Có lý do không đến họp phải bạch với vị Tri liêu. Dù là lúc Tiểu tham ngồi uống trà, cũng thường phải có mặt không được lẫn tránh. Người mới đến tùng lâm khi vào liêu, phải giữ tâm nhún nhường. Chưa am tường phép tắc, nên thưa hỏi bậc kỳ túc. Phép tắc mỗi địa phương đều vì người mà đặt ra. Những việc như để đồ chiếm chỗ, không cần phải làm vội, khoản đãi cho tử tế, tự nhiên được yên ổn dễ dàng. Vào liêu nấu thức ăn, vốn là vì mọi người, tâm ý phải chí thành và trà nước phải uống chung. Làm xong việc phải để lại chỗ cũ. Rót dùng hết nước nóng trong bình thì phải châm thêm. Lúc đi dạo ngoài sông núi, nếu có bàn luận điều gì thì thường giữ theo giới luật, mở miệng như giương cung, thốt lời như tên bắn. Việc phải quấy, phẩm chất của người khác bàn nói chuyện tiền bạc, cơm gạo, quở gió mắng mưa, thì hãy coi chừng tai vách mạch rừng, pháp luật chẳng có phân biệt thân sơ. Bỗng chốc miệng hố gặp hại, lúc đó mới thấy đầu nhọn nhô hẳn ra. Hễ gặp lúc Trà-tỳ các vong tăng, dù gặp trời nóng hay mưa đều nên đến dự. Phải sinh tâm thương xót, cùng vận tâm từ hộ niệm, vì sợ người sống kia suông chết uổng, miệng trì kinh chú, vai gánh củi khô chứ đâu nên điên rồ buông tiếng nói cười. Y

bát của người mất nếu có cổ xướng chia đều vốn vì dẹp bỏ lòng tham của mọi người. Thế mà người đời sau không hiểu lại sinh lòng tham tiếc trộm so đo tốt xấu lén chọn lựa mới cũ. Xấu thì xướng giá chia đều, tốt thì cất lại phần mình, như kẻ thường dân buôn bán, không biết trách lại mình, còn chê khen mắc rẻ, khiến kẻ thức giả bàng quan phải mắc cỡ đến hổ ngươi. Nếu là bậc Hảo môn Thượng sĩ hoặc Thiền viện cao tăng có nhận mua đi nữa cũng chỉ vì người mất mà kết duyên đó thôi. Như thế mới không bị người sống chê cười. Sinh hoạt trong tăng đoàn phải khéo mềm mỏng hòa thuận, trên dưới dễ xem. Còn ngã mạn cống cao thì Thánh hiền không giúp. Ba ngàn oai nghi, tám muôn tế hạnh trong mười hai thời mỗi hành động đều thấy rõ. Xuyên thẳng qua điện đường, đâu chẳng là kẻ dày mặt. Xông xáo trong điện thờ, e chuốc lấy phước mỏng. Áo vá để mặc vào nhà xí, dép cỏ đi dạo núi rừng đều không bước lên chốn pháp đường đi quanh chỗ bậc kỳ túc. Canh năm dậy rửa mặt là vốn vì việc tu hành. Khạc nhổ kéo bồn chậu ầm ỉ đại chúng. Trong nhà tối động niệm, tự mình mê muội mà không biết. Ngày qua tháng lại, mặt võ mình gầy. Tắm nước nóng phải biết tiết kiệm, thẻ dùng trong nhà xí cũng đừng lấy. Làm phước tuy nhiều, chẳng bằng lánh tội. Khạc nhổ nơi phòng nhà, gãi đầu trên bàn đọc sách, trái với Thánh hiền, tự ý làm theo ý mình. Hằng giờ luôn xem xét, mỗi bước phải đề phòng, mau phải quên bỏ thân tâm, liền đẹp tỏ lòng dạ. Mười ngày coi liêu thay nhau cung dưỡng (nuôi nấng). Thức khuya dậy sớm cốt phải tinh thành, khổ nhục, lao tâm, trước người sau mình. Y bát của đại chúng rất phải giữ gìn, một việc không chu toàn, mọi người sẽ động niệm. Nấu trà, quét đất, thay nước, đốt ngang, đừng bảo nước lạnh đổ vào bình nóng, khỏi thấy chúng Tăng phiền não. Thủ tọa trong liêu, công việc cốt phải nhu hòa. Trước phải làm theo khuôn phép, chừng mực tự mình ổn định. Đúng giờ lên lớp học (pháp tòa), lựa lời ngắn gọn mà thưa bàn. Nếu có một việc không chu toàn, thì mọi người sẽ chê bai. Dạo núi xem nước ra vào có lúc. Hễ gặp đạo nhân có tánh xấu thì phải khéo dùng lời khuyên dụ, nếu chẳng nghe theo thì nên thưa trình với thầy Trụ trì. Biết giữ điều lành ngăn điều dữ, gìn lòng tịnh tín của đàn na. Khi cạo tóc, lúc hơ lò, theo lẽ phải nhún nhường, khiêm tốn.

Những phép tắc trên đây đã trình bày rõ hết, phải vui lòng nghe theo. Hằng ngày, trong mỗi giờ đều nên lưu tâm để ý. Mỗi cử chỉ đều phải khéo léo, không thể hơn ba lần gọi không quay đầu thì nhóm họp có ích gì. Huống chi lòng trần khó quét, tánh nước dễ trôi. Người căn khí bậc trung phải được lòng người trên, kẻ dưới. Ngài Khắc Tân bút chiến

pháp Thiền không thắng, từng bị phạt phải đền cơm cho đại chúng. Ông Văn Viễn tranh thiền thắng bại phải nộp hai cái bánh bột báng đã treo trong tùng lâm, kẻ hậu học phải vâng theo. Tiên sư tôi chẳng nói hai thiền phái, chỉ muốn phạt mười sáu lạng dầu.

Bài tụng rằng:

Rùa đen rút cổ khi gặp đốt cỏ ngải
Ngàn xưa khiến người cười mãi không thôi
Kính khuyên đời sau phải mở rộng tầm mắt
Chớ để bị phạt một cân dầu.

LỜI GIA HUẤN CỦA HÒA THƯỢNG TIẾU ÔNG

Ngày cũng thế đêm thì cũng thế
Khi ngủ nên sau, dậy nên trước
Dọn giường gấp chăn lúc đánh thức
Đi đứng xoay trở phải khoan thai.
Cháo sáng ăn xong chớ đùa giỡn
Rửa mặt súc miệng dùng ít nước
Khi đầu ngứa gãi thì phải tắm
Khăn tay khô sạch chẳng hại nhau.
Vắng lặng thân tâm khi mở bát
Gắp trước bằng đũa, ăn bằng thìa
Khăn ăn thu dọn phải chờ sau
Hai bên kính lễ đừng cho thiếu
Cháo xong kính lễ uống trà sau cơm
Phóng tham, dược thạch chớ ồn ào
Ra nhà vào cửa hợp khuôn phép
Như thấy tùng lâm có vị tác giả
Tòa cao đầu cửa bảng đinh đang
Là Thiền hòa nào dám vào nhà
Với phạt trăm tiền có thể được
Treo cao trên bảng rất khó chịu
Khi vào nhà thăng đường niệm tụng
Làm theo khuôn phép, đủ oai nghi
Gần đây có bọn không hổ thẹn
Mặc áo dài cánh tay áo nhỏ.
Cởi áo mang giầy phải chỉnh tề
Đóng cửa phải chậm buông thẻ xuống
Thầm trì lời chú búng ngón tay

Thùng sạch phải dùng tay mặt xách.
Vào tắm mặc áo phải cung kính
Cần nước nóng, đánh bảng khoan thai
Đồ dơ không để bên chậu tắm
Hai chân sao lại để trong thùng
Lễ bái, trì kinh đuổi ma ngủ
Không nên lấy đây mà khoe khoang
Một mai lòi ra mắt mẹ sinh
Dùng thuốc mới biết bệnh càng nhiều
Nón đội khăn lưng khách Vân Thủy
Tìm thầy chớ sợ nhọc phải siêng
Pháp môn đạm bạc, phải giữ gìn
Chớ học thói thường quân chữa lửa.

LỜI TIỂU THAM CỦA THIỀN SƯ TỬ TÂM NGỘ TÂN Ở CHÙA HOÀNG LONG

Tiểu tham Nghĩa là lời dạy trong nhà. Sao gọi là lời dạy trong nhà? Ví như một gia đình có năm ba người con, đứa lớn hôm nay làm việc gì, đứa nhỏ hôm nay làm việc gì, đúng hay sai? Đến chiều trở về, cha mẹ sẽ xét đoán lại từng việc. Trong tùng lâm cũng giống như thế, hôm nay chúng Tăng làm việc gì, đúng hay sai? Vị trụ trì sẽ nhóm chúng lại xử đoán từng việc. Nhìn lại thời nay, tùng lâm ngày càng suy tàn, trình độ các tăng sĩ thua sút kém đến đỗi không thể nói được! Có một bọn người xưng là trụ trì mà học hành dốt nát. Viết thư từ, gởi tin tức, rong ruổi khắp nơi để tìm chùa ở. Khi tìm được chùa rồi thì họ lựa ngày lựa giờ để nhập tự. Lại tự xưng là Trưởng lão, trong phương trượng thì tự tại, thọ hưởng vui sướng, những bọn người này thật đáng gọi là cặn bã của địa ngục! Ngày nay trong tùng lâm nếu có bàn luận đến việc tham thiền thì thật khó mà tìm được người am hiểu. Ta nhìn thấy ngươi ví như thấy bọn họ ở trong đó, tâm thì sân hận, miệng thì lầm bầm, thế mà nói là hiểu thiền, hiểu đạo. Còn lúc vào trong phương trượng thì mồm miệng lẹ làng, có nắm được vài câu chuyển ngữ thì liền bung ra, đạo lý đâu phải như thế! Lại có một bọn người trình độ rất kém, vừa hiểu được ngoan không liền nói đạo chỉ là việc này. Lại có một bọn người nói là thấy được ánh sáng trong hư không. Lại có một bọn người nói có không đều sai. Thật quá sai lầm, dù có tìm cách cứu vớt họ, cũng không được. Những bọn người này chỉ biết lo cho bản thân họ được an vui mà thôi. Đừng bảo rằng một mai họ bị bệnh đưa vào nhà Diên Thọ mà họ không

như con cua bị bỏ vào nồi nước sôi, tay chân quờ quạng. Nói thấy thần thấy quỷ, rồi chạy rong khắp nơi để tìm thầy chạy thuốc, bói lành, bói dữ, hỏi tốt hỏi xấu. Ngươi há không biết Đức Phật Như Lai của chúng ta là bậc Y Vương trong ba cõi, là vị cha lành của bốn loài, có khả năng trị lành tất cả tâm bệnh của chúng sinh. Chỉ vì người không chịu tin, lại hướng ra bên ngoài mà tìm cầu, nên mới bị bọn tà ma yêu mị xâm nhập tâm người. Có được mớ kiến giải như thế, mà muốn biết được tâm người hay sao? Ví như vầng mặt trời giữa ban ngày, khắp thiên hạ đều sáng tỏ, mà trong kia lại có một chỗ bị tối tăm. Nếu đã đạt đến địa vị liễu ngộ, thì đâu còn có gì là quẻ lành quẻ dữ, điều phải điều quấy, chuyện tốt chuyện xấu, có khả năng vượt lên trên chuyện phải quấy mà ngồi nằm tự tại. Cho đến phòng dâm quán rượu, hang hổ cung ma đều là chỗ hành đạo tốt cho chúng ta an thân lập mạng. Chỉ vì từ vô lượng kiếp đến nay con người bị nghiệp thức ngăn che dầy đặc, trong tâm gàn gàn dở dở, rịt rịt ràng ràng, không có lòng tin nên bị vòng tình ái thế gian trói buộc. Được thân người thì điên đảo lộn xộn. Người Quảng Nam thì giúp đỡ người Quảng Nam, người Hoài Nam thì giúp đỡ người Hoài Nam, người Hà Bắc thì giúp đỡ người Hà Bắc, người Hồ Nam thì giúp đỡ người Hồ Nam, người Phúc Kiến thì giúp đỡ người Phúc Kiến, tăng Tứ Xuyên thì giúp đỡ tăng Tứ Xuyên, tăng Triết Giang thì giúp đỡ tăng Triết Giang. Họ nói vị trụ trì chùa là người cùng quê tôi thì tôi giúp đỡ ông ta. Nhưng lỡ một mai có một điều gì lo không làm tròn cho họ, thì họ lại sinh ra chuyện phải quấy. Nói về chỗ thân tình ấy thật là khổ lắm! Những kẻ đi vân du như thế là che giấu cái vẻ giết người, họ khác gì cái dao cùn để giết người! Nếu là bọn người ấy thì nên vạch một vạch cho đứt hẳn, ngõ hầu còn có được ít nhiều điều thong thả tự do. Còn nếu vạch không đứt thì e rằng chỗ chỗ sẽ bị tình thân ái trói buộc. Hễ thích mầu sắc thì bị mầu sắc trói buộc, thích chùa chiền thì bị chùa chiền trói buộc, thích tiếng tăm thì bị tiếng tăm trói buộc, thích lợi lộc thì bị lợi lộc trói buộc, thích thân xác thì bị thân xác trói buộc, sao người không lui lại một bước mà nghĩ lường xem. Cái đãy da hôi thối này của ngươi có chỗ nào là tốt đẹp đâu? Lúc đó chỉ vì người khởi ra một niệm tâm luyến ái, liền chui vào thai mẹ nhận lấy tinh huyết của cha mẹ lúc giao cấu mà thành ra một hòn máu đặc. Khi người mẹ ăn đồ nóng thì cảm giác như ở địa ngục vạc dầu sôi. Khi mẹ ăn đồ lạnh thì cảm giác như ở trong địa ngục băng giá. Đến khi từ trong thai mẹ trồi ra thì phải chịu bao sự lạnh, nóng, đói, no, bệnh khổ, nung nấu ép ngặt mãi đến ngày hôm nay. Chỉ vì ngươi không thể quán chiếu trở lại, nên mới có những chuyện phải quấy, sinh

diệt như thế. Hễ đây sống thì kia chết, kia chết thì đây sống. Sống sống chết chết, chết chết sống sống, trôi giạt theo nghiệp thức mà chịu quả báo không lúc nào thôi dứt. Gần đây, lại có một bọn chủ chùa gom được một số tiền liền mua độ điệp, cạo râu tóc, mặc ca sa y Phật. Tư cách của họ chủ tớ không phân, lúa đậu cũng không biệt, những kẻ này trà trộn trong giáo pháp, chỉ phá hoại giáo pháp của ta mà thôi. Một mặt họ chỉ lo trau chuốt tấm thân nhơ nhớp này, suốt ngày cứ thoa lưng vỗ đùi, càn huyền rồi nghĩa muốn làm ra vẻ người lớn, người lớn mà không làm được gì cả! Muốn làm được người lớn thì phải lùi lại, bước chẳng trước mặt hay sau lưng, môi chìu lưỡi nịnh, ghét tốt nói xấu. Nói chỗ này ăn uống đầy đủ, chỗ kia phòng liêu yên ổn, trong đạo pháp không dùng những người như thế.

Này các Thượng tọa, thân người khó được, Phật pháp khó nghe. Thân này chẳng ngay đời này độ, còn đợi đời nào mới độ thân này? Người và mọi người muốn tham thiền chăng? Nếu muốn thì phải mau buông xuống, buông xuống cái gì? Buông xuống bốn đại năm uẩn này, và buông hết những nghiệp thức từ vô thỉ đến nay. Ngay gót chân của mình mà suy cho cùng, xem cho kỹ, đó là đạo lý gì? Suy đi nghĩ lại đến một ngày nào đó mà bất chợt hoa lòng nở tỏ, soi sáng khắp các cõi mười phương, lúc đó mới đáng gọi là được ở trong lòng, nắm ở trong tay. Liền có thể biến mặt đất thành chất vàng ròng, khuấy sông dài thành vị tô lạc. Như thế há không vui xướng một đời sao? Đâu phải chỉ dòm trên sách mà đọc câu, đọc kệ, tìm đạo, tìm thiền. Vì đạo này thiền vốn ở trong sách, dù có học hết ba tạng kinh điển, cùng sách vở của trăm nhà, cũng chỉ ở trong phạm vi ngôn ngữ suông mà thôi. Đến lúc sắp chết đều không dùng được gì cả. Người xưa, khi tỏ ngộ rồi mới cầu vị minh sư xét năng lực mình, để gạn bỏ đi sỏi đá, cho rặt một thứ chân thật. Cầm cân định lạng, giống như việc mở cửa hàng tạp hóa, chẳng thứ nào không có. Người đến mua cam thảo thì lấy cam thảo cho người, người đến mua hoàng liên thì lấy hoàng liên cho người, chứ không nên mua hoàng liên lại đem cam thảo cho người. Lại như người có một khối vàng cho vào lửa để nung nấu, nung tới nung lui cho được thuần thục rồi mới để lên kềm chày mà chạm ra bình, trâm, mâm, vòng. Bình nặng mấy lạng, mâm nặng mấy lạng, mỗi thứ cân lượng rõ ràng. Sau đó mới đem bình, mâm, trâm, vòng này nhồi lại thành một khối vàng, như vậy mới gọi là pháp môn một vị bình đẳng. Nếu không như thế thì đều là chân như ngu ngơ, Phật tánh mơ hồ, thì ông là gì? Ông còn tin gì? Vừa rồi, Sơn tăng đáp lời vị tăng nọ về bốn đạo chuyển ngữ: Trong chết có sống, trong

sống có chết, trong chết sợ chết, trong sống sợ sống, dùng bốn chuyển ngữ này nghiệm xét hết các nạp tăng trong thiên hạ, hãy nói nạp tăng trong thiên hạ lấy gì để nghiệm xét. Giây lâu nói: Đại thể lại người gân xương tốt, chẳng phải hồng phấn cũng phong lưu (ngữ lục).

■

TRUY MÔN CẢNH HUẤN

QUYỂN 7

THIỀN SƯ PHÙ DUNG ĐẠO GIAI TIỂU THAM.

Xuất gia là nhàm chán trần lao, cầu thoát khỏi sinh tử; dứt các tâm niệm, dứt bặt phan duyên, nên gọi là xuất gia. Đâu thể ngồi không, lợi dưỡng chôn vùi cuộc đời; mà phải cởi mở tầm nhìn, đối diện thinh sắc như trồng cây trên đá, thấy lợi thấy danh như trong mắt dính phẩn tiểu. Huống chi từ vô thỉ đến nay, chẳng phải không từng trải qua, lại chẳng phải không biết thứ lớp, bất quá là lộn đầu làm đuôi, chỉ như thế, đâu cần khổ khổ tham luyến. Nếu ngày nay không dứt bỏ thì còn đợi đến bao giờ. Cho nên bậc tiên Thánh dạy người chỉ cần dứt tận bấy giờ, có thể tận thời nay, đâu còn có việc gì. Nếu được trong lòng vô sự, Phật Tổ giống như kẻ thù, tất cả việc trong thế gian tự nhiên lạnh nhạt, mới bắt đầu tương ưng.

Ông không thấy sao! Ẩn Sơn đến chết không chịu thấy người, Triệu Châu chết không chịu nói với người. Biển Diêm lấy võ cây làm thức ăn, Đại Mai lấy lá sen làm áo mặc, Đạo Giả Y mặc toàn giấy. Thượng tọa Huyền Thái chỉ mặc toàn vải. Thạch Lương làm nhà bằng cây khô cho người nghỉ ngơi. Chỉ có chết mới tỏ tâm ông. Đầu Tử sai người lấy gạo. Cùng nấu cùng ăn, muốn được xét lấy việc. Lại từ các Thánh trên có tấm gương như thế, nếu không có chỗ tốt thì làm sao cam được. Các bậc Nhân giả, nếu cũng đối thể này rốt ráo không thể thiếu người, hoặc cũng không chịu đảm đương; vì sao thần sợ phí lực; sơn Tăng hành nghiệp không chấp trước; nên làm người đứng đầu môn; Đâu thể làm tổn phí của thường trụ; bỗng quên bậc Tiên Thánh phó chúc. Ngày nay bèn học theo người xưa làm trụ trì, so sánh bàn luận với người, lại không xuống núi, không phó trai, không làm hóa chủ, chỉ trải qua một năm thời khóa của bổn viện bèn có sở đắc. Rồi chia thành ba trăm sáu mươi phần, một ngày lấy một phần mà dùng. Không chạy theo tiếng thêm bớt của người. Có cơm thì dùng cơm, không có cơm thì ăn cháo, cháo không có thì dùng chút ít hạt bắp. Khách đến chỉ có trà nước

mà thôi. Không có chút ít trái cây để dọn. Chỉ có một ấm trà, ở giảng đường, khách phải tự đi lấy dùng, việc trần gác qua, chỉ chuyên một bề đàm đạo. Lại so với cuộc sống, đầy đủ, phong cảnh nên thơ, hoa cười, chim hót, ngựa gỗ hý vang, ngựa đá chạy giỏi, ngoài trời núi xanh thật tuyệt, tai không nghe tiếng nước chảy bên bờ, nửa đêm vượn hú trên núi, sương phủ dày đặc, giữa rừng gà gáy gió thổi đưa cây thông xanh cao, gió xuân thổi mà cây khô rồng ngâm, gió thu thổi lá tàn rơi, rừng lạnh hoa nở, thêm ngọc đầy rêu xanh, mặt người mang màu sắc của khói sương, âm trần vắng lặng, im ắng, một bề tiêu điêu không chút sợ hãi. Sơn tăng ngày nay đến trước mọi người nói về gia môn. Đã là không gặp may mắn thì đâu thể thăng đường nhập thất, dơ chùy dựng phất, hét đông đánh tây, giương mày trợn mắt, giống như bệnh thần kinh, chẳng chỉ chịu khuất Thượng tọa, cũng là cô phụ Tiên Thánh. Ông không thấy Đạt-ma từ Tây-trúc đến núi Thiếu thất, xuống núi xoay mặt vào vách chín năm, Nhị Tổ đứng dưới tuyết chặt tay, có thể gọi là chịu gian khổ. Song Đạt-ma không hề đặt một lời, Nhị Tổ không hề hỏi một câu, lại nói Đạt-ma không vì người được chăng? Sơn Tăng mỗi ngày đến nói rõ về chỗ làm của bậc Thánh xưa, mới biết không có đất để dung thân, hổ thẹn người sau yếu mềm. Lại trăm món ngon lạ dâng lên cúng dường, nói ta bốn thứ cần dùng đầy đủ, mới có thể phát tâm. Chỉ sợ làm cho tay chân không đắp đổi, bèn cách đời cách thế. Thời gian giống như mũi tên bắn, thật là đáng tiếc. Tuy như thế (1075) lại từ mọi người độ nhau. Sơn Tăng cũng gượng dạy ông không được, các nhân giả có thấy kệ của người xưa không? Ruộng núi được gạo ăn, hoang dã muối dưa đạm bạc, ăn thì theo ông ăn, không ăn mặc Đông tây, chỉ mong đồng đạo mỗi người tự cố gắng, hãy trân trọng.

Thiền sư Hoàng Bá dạy chúng: Dự biết trước nếu đánh không thấu suốt, đêm 30 tháng chạp đến, giữ lấy sự nóng bức, có kẻ ngoại đạo mới thấy người nói làm công phu, ông ta bèn cười nhạt, giống như có kẻ ngăn lại, ta lại hỏi ông: Bỗng nhiên lúc sắp qua đời ông lấy gì chống lại sinh tử? Ông lại suy nghĩ xem, lại có cái đạo lý làm sao được Di-lặc sinh thiên và Thích-ca tự nhiên. Có một số loài quỷ ở khoáng dã và loài thần nhàn rồi mới thấy người bị bệnh nhẹ liền nói với người khác ông hãy buông bỏ hết và đến người bị bệnh kia có lý hội được không? Chân tay bối rối, thịt ông như dao bén làm sao cắt nát, làm chủ tể được không: Muôn việc phải là lúc nhàn thì làm được, lúc bận được dùng, nhiều ít lượng sức, định đợi đến lúc khát mới đào giếng, tay chân quờ quạng, thì làm gì được, che lấp đất trống ngổn ngang làm sao tránh. Đường trước

mờ tối, tin tưởng rối loạn, khổ thay! Khổ thay! Hằng ngày chỉ học thiền ở ngoài miệng, nói thiền nói đạo, mắng Phật, chửi Tổ, đến lúc này đều dùng không được. Thường ngày chỉ chăm lo người mù, đâu biết ngày nay tự mù. Địa ngục A-tỳ quyết định không thả ông được. Như thời Mạt pháp ngày nay Phật Pháp sắp chìm, hoàn toàn nhờ có năng lực anh em, gánh vác nối tiếp tuệ mạng của Phật; không để cho dứt mất. Thời nay mới có một nửa người đi bằng chân; chỉ đi xem núi ngắm cảnh; không biết thời gian có được bao lâu. Một hơi thở ra không thở vào đã thành đời khác, chưa biết đầu mặt thế nào. Than ôi! Khuyên nhà anh em ông. Lúc sức lực mạnh mẽ, tính toán lấy phần chỗ hữu, không bị người dối một đoạn đại sự, che lấp cái chốt cửa (chỉ cho chỗ vui mầu của Thiền cơ, thì rất dễ dàng; tự là ông không chịu bỏ đi. Chết chí thực hành công phu, mặc dù nói khó hiểu rõ lại khó, muốn dạy ông biết, làm sao được một cây tự sống trên cây, ông cũng phải tự tin làm một người chuyển biến mới được, nếu là người trượng phu thì xem công án: Có vị Tăng hỏi Triệu Châu: Con chó có Phật tánh không? Triệu Châu đáp: Không.

Chỉ trong mười hai thời khán chữ Không, ngày tham, đêm tham, đi đứng nằm ngồi, lúc mặc áo, ăn cơm, chỗ đại tiểu tiện, tâm tâm quay nhìn lại với tinh thái mạnh mẽ, giữ chặt một chữ "Không" ngày qua tháng lại nhồi thành một khối. Bỗng nhiên hoa tâm đốn nở, ngộ yếu cơ của Phật Tổ, là không bị câu thoại đầu của lão Hòa thượng trong thiên hạ dối lừa, lại mở miệng lớn, Đạt-ma từ phương Tây đến không gió mà nổi sóng. Thế Tôn niêm hoa một tràng thất bại. Đến đây nói gì Diêm-la Lão Tử, ngàn Thánh còn không biết làm sao. Không tin đạo, mặc dù có điều đặc biệt, thật là như thế, việc sợ người có lòng, tụng rằng:

Trần lao lại thoát việc phi thường
Chỉ đem đầu dây làm một trường
Nếu chẳng một phen xương lạnh buốt
Đâu được hoa mai ngửi mùi hương.

Văn Từ Học Lão khuyên các Tăng trẻ siêng năng học hành.

Ngọc không mài dũa thì không thành khí, người không học thì không biết lẽ phải. Tuổi trẻ xuất gia may được lìa lưới trần, ở trong nhà rộng lớn, trộm nghĩ không thể ấm no mà tự mãn chí mình. Lúc tuổi trẻ không siêng năng học hỏi, không nghiên cứu nghĩa lý, không hít thở cho đúng..., đối trước bậc Thánh làm sao tuyên bạch, trước bậc sĩ đại phu làm sao thổ lộ. Không học một nét chữ văn sơ thì làm sao viết sách của bậc sĩ đại phu? Làm sao đúng với người xuất gia? Trong lòng quán thông xưa nay mà hạ bút thì khởi khói mây. Mới hiểu thân rõ tánh, dẫn

đến rõ mạng. Nếu tự lười biếng nương vào lời, không thọ tư chất của đạo, ấy là tự mình liễu hoại một đời, lại như loài vượn thú, còn có dạy để hiểu đến cùng tột. Loài chim Cù dục có thể dạy nó hát ca. Con người là linh hồn của muôn vật. Nếu không học thì tầm nhìn chẳng khác cầm thú. Là bậc thầy của người tự phải nghiêm, sự nghiêm thì sau đó mới là bậc Tôn quý của đạo. Thà năm đầu mất đi sự khoan lượng, mà với cái oán lúc khác, không bằng quá nghiêm để chiêu cảm lúc khác. Đệ tử bỏ cha mẹ vào chùa thờ thầy thầy lại không nghiêm, rồi lại buông thả, lười biếng. Thì đệ tử thật mất mát với sự học. Tỏ lời lại chậm chạp, tuyên bạch lại ngu đần, các bỏ lại bày ra, sai việc lại vụng về. Khi biết mọi việc không thể được, mới tu hối và đổ lỗi về thầy mình, làm sao gọi là chí cảm. Năm đầu thoát tục theo thầy, sư trưởng dạy dỗ cho nghiêm, đối với việc công thì xong. Sau đó dám sửa việc riêng cấm vọng ra ngoài, đọc sách phải thuộc, viết chữ phải rõ ràng, nghĩa lý phải thông, đạo niệm phải chánh. Ngày qua tháng lại trở về với bầu trời có sẵn, tạo được sự mầu nhiệm rỗng rang. Nhờ đó, biển tánh xanh, tâm lắng, ngọc sáng trưng. Người học trên bước đến bồng lai, người học Phật thì an thân lạc quốc, đến lúc này lại cảm công sư trưởng dạy dỗ. Thiền sư Nguyệt Quật Thanh dạy các đồng hành:

Kế là các đồng hành nghe Tử Thành nói: Cao, do có thấp, rộng do có hẹp. Bậc Hiền Thánh xưa nay đều do đây mà thành. Nho tông rất nhiều, họ Thích cũng lắm. Đây không dẫn rườm rà, lược nêu hai, ba điều, Ngu Hạ chí Tôn còn từng trải qua sự thử thách. Có thể do Nhị Tổ mặc áo siêng năng, một niệm nhân chân ngàn đời quả thật. Nếu lạm mặc thì không thành tựu, dù là hủy hình chỉ thêm nghiệp xấu. Các ông già trẻ mỗi người phải chuyên lòng thực hành chân thật không theo dòng đời, ở đất thanh tịnh, sinh tâm, khó gặp, thấy Phật gặp tăng phải cung kính, nếu trách trở lại thì có thể gọi là Trượng phu. Hai vai thí chủ giống như mái chèo, đồng nương gặp nhau được người lễ bái. Tối lửa sang hương thường chở lười biếng, ăn cơm thay cháo niêm niệm khởi tâm hổ thẹn, oai nghi tới lui là bậc thượng lưu, im lặng không hỏi là thấp hèn; Bối Diệp vốn hợp tinh thông. Diệu Điển rất hợp với bác học. Hơi biết xưa nay mới giải cho người, giống như dê câm, thì xuất gia đâu ích lợi gì.

Khi Thế Tôn chưa thành quả Phật, Ngài là người văn võ song toàn. Ngài Vĩnh Gia tài năng mới làm thầy được người, là bậc tông thuyết đều đủ.

Hy Nhan, Hy Ký và Tử Vân có nói: tụng chửu tụng chiểu Thích

Tôn không lầm. Mỗi người phải cố gắng chớ ngã mạn. Phải lập chí vững chắc cao cả không rơi vào đất phàm. Cho nên kinh nói: Lập chí như núi cao, đức lớn như biển sâu. Như miệng mong cầu, ta trả lời cho người. Đức Phật và các Tổ đều có lòng từ lớn lao; đã cứu vớt chúng sinh thoát khỏi vô lượng khổ. Như thế ngày ngày các ông sao không thẹn với tâm mình.

Tụng rằng:

Giã gạo cắt cỏ bày gương tốt
Kế thừa phải mạnh mẽ vững chắc
Một niệm hoát nhiên ba đời dứt
Chỉ truyền thẳng xuống Lão Tao Hồ.
(Bồ-đề Đạt-ma)

Văn phát nguyện của Cư Sĩ Sơn Cốc Hoàng Thái Sử.

Xưa, Sư Tử Vương lấy pháp bạch tịnh làm thân, thắng nghĩa trong không cốc, hăng hái và gầm thét. Nghĩ cung sáng tên bén, và mặc áo từ bi, sức nhẫn không dao động, phá dẹp quân ma vương; tam-muội làm thú vui, cam lồ làm thức ăn ngon.

Vị giải thoát làm nước uống, dạo nơi ba thừa, an trú (1076) trong trí nhất thiết; xoay bánh xe pháp vô thượng. Nay tôi khen ngợi xưng tánh lời chân thật. Dùng thân miệng ý suy nghĩ quán sát; sám hối như thật. Tôi từ xưa đến nay nhân si mê mà có ái nhiễm, uống rượu ăn thịt làm tăng thêm dục ái. Vào rừng tà kiến không được giải thoát. Nay, đối trước Đức Phật phát thệ nguyện rộng lớn: Nguyện từ nay đến cùng tận đời vị lai không còn dâm dục nữa, nguyện từ ngay đến cùng tận đời vị lai không uống rượu, nguyện từ nay đến tận đời vị lai không ăn thịt. Nếu con còn dâm dục sẽ đọa vào địa ngục, ở trong hầm lửa trải qua vô lượng kiếp. Tất cả chúng sinh vì dâm loạn phải chịu khổ báo, con nguyện chịu khổ thay họ. Nếu con còn uống rượu thì sẽ đọa vào địa ngục, uống nước đồng sôi trải qua vô lượng kiếp. Tất cả chúng sinh vì uống rượu mà điên đảo, phải chịu khổ báo, con nguyện chịu khổ thay. Nếu con còn ăn thịt thì sẽ đọa địa ngục chịu nuốt sắt nóng, trải qua vô lượng kiếp, con nguyện từ đây đến cùng tận đời vị lai, nhẫn việc thệ nguyện, căn trần thanh tịnh, đầy đủ mười nhẫn không do người khác dạy, nhập vào trí nhất thiết, thuận theo Như Lai hiện làm Phật sự trong vô tận thế giới chúng sinh, mười phương rồng rang, muôn đức trang nghiêm, sát sát trần trần làm chứng cho con. Nếu trải qua thân Ca-la-la quên mất đi bổn nguyện, chỉ mong Ngài che chở vạch đám mây mờ cho con, con đánh lễ tất cả thống thiết như hư không.

Lời tiểu tham của Hòa thượng Vân Phong Duyệt: Sư nêu lời Hòa thượng Bách Trượng dạy chúng: ông ngăn một đội hậu sinh, kinh luật luận học bởi thế không biết, cũng vào chúng tham thiền, thiền lại không hội, ngày 30 tháng chạp kết quả thế nào?

Sư nói: rõ ràng thật sự, các Thượng tọa cách thời bậc Thánh rất xa; tâm người bạc bẽo, lại ra mắt tòng lâm ngày nay còn là không được.

Chỗ người nhóm họp năm trăm, ba trăm người, đất rộng mênh mông, chỉ dùng cơm, nước liêu xá nóng lạnh tiện làm nơi tốt đẹp. Lúc ấy người đau hết lòng vì đạo có được mấy người. Nếu có ba người, năm người đi lên đi xuống, nửa xanh nửa vàng. Đều nói ta hiểu rồi. Mỗi người tự cho là cấm của báu (rắn rít, linh xà) đâu chịu biết là sai, lần lượt xô đẩy, chỉ là trong muôn người không có một người. khổ thay, khổ thay! Cái gọi là tòng lâm Bát-nhã năm năm tiêu điều, cỏ hoang vô minh năm năm thêm lớn. Tóm lại, kẻ hậu sinh thời nay mới nhập chúng bèn chắp tay lãnh hội, nhận sự cúng dường của người, khắp nơi rau không lựa một cọng, củi không gánh một bó, mười ngón tay không đụng nước, trăm việc không lo, chỉ mong vui sướng. Lụy thân trong ba đường biết làm sao. Chẳng lẽ không thấy trong giáo nói: thà lấy sắt nóng quấn vào thân chứ không thọ nhận y phục của tín tâm đàn-việt, thà uống nước đồng sôi chứ không thọ nhận cơm nước của tín tâm đàn-việt. Thượng tọa cứ như thế, dù cho khắp mặt đất là vàng ròng, quậy sông dài làm đề hồ, cúng dường Thượng tọa không bị phần ngoại. Nếu cũng chưa phải đến giọt nước tấc vải bèn phải mang lông đội sừng kéo cày kéo bừa trả nợ người mới được. Lại không thấy Tổ sư nói: vào đạo không thông lý, thân thọ của tín thí, cây già tám mươi mốt, cây ấy không mọc nấm, rốt cuộc không thật. Các Thượng tọa! Thời gian đáng tiếc, thời gian không đợi người, chớ đợi một mai nhắm mắt xuôi tay, công ruộng phước không có một chút, Thiết vi đau thống khổ trăm cách hành hình, không nói không nói, trân trọng.

Bài minh thể đạo của Hòa thượng Nguyệt Lâm Quán: Thượng Sĩ tham huyền nhân! Thời gian chớ để luống qua, qua sông phải cần thuyền, làm người phải có chí. Danh tướng đều khác nhau, chẳng một cũng chẳng hai, Phật pháp khổ không nhiều. Trong không có khéo léo riêng, động dính cái chốt cửa, trí tự nhiên không thầy; triệt để tâm lão bà, xúc chạm người không kỵ húy. Cõi nước trên đầu lông, đến đây không tránh né, hát bài ca Đức Sơn. Người tu đạo được như thế, thì Phật Tổ ra đời. Nuốt tiếng phải uống hơi, lược làm kẻ như thế, xưa nay không thay đổi, lẫn lộn lúc chưa phân. Sớm có ruộng khế hợp, người người vốn

đầy đủ, không chịu quay đầu nhìn, người người đạt bổn hương, kiêng kỵ dính danh vị, các Như Lai quá khứ, không lìa mà nay bỏ. Các Bồ-tát hiện tại, theo thứ lớp thọ ký, người trí thầm gật đầu, tâm rỗng rang đỗ đạt, người ngu không tin nhận, bỏ nhà tự chạy trốn, buồn thay thình lình đến, hiện thành cuộc sống chân, ở đây dùng vô cùng, tông môn nghĩa bậc nhất, phải trái gặp cội nguồn, cũng không lìa đi chợ, kẻ đầu đồng trán sắt, cửa nẻo phải dính đất, nguyện đem công đức này, hướng về khắp tất cả.

Tiểu tham của Thiền sư Từ Thọ Trí Thâm: Tâm này thanh tịnh như hư không, không có một chút tướng mạo, khởi tâm động niệm hoàn toàn trái với pháp thể, vừa lui bước liền tương ưng, chỉ là không chịu lùi bước; mới buông bỏ liền an vui chỉ là không chịu buông hết. Đại khái là từ vô thỉ kiếp đến nay tập quán quen rồi. Người xưa học đạo trước phải đánh bạt tham, sân, si. Sau đó, giáo hóa khắp nơi, những niềm khát khao giáo pháp, giống như quạt trong tháng chạp, chính là không người mà trộm nhìn, đánh mất danh lợi, cam đạm bạc, tâm người thế gian nhỏ nhoi, đạo niệm tự nhiên sâu dày. Hòa thượng Biển Diêm Sơn một đời không ăn, thường vác cuốc trồng rau. Cao Tăng Tuệ Hữu ba mươi năm mang một đôi dép, trăm vá ngàn nối; gặp đất mềm thì đi, nơi đất đỏ thì xách dép đi chân, vì sợ tổn vật của tín thí đàn na khó tiêu thường từ bỏ vợ con, cúng dường tương lai. Nay ông liền rõ phải sám hối làm phước, trong mười hai thời ông thọ dụng các thứ đều là công sức của người khác đổ ra, chưa đói mà có cơm ăn, chưa lạnh đã có áo mặc, chưa dơ đã tắm, chưa mệt đã ngủ. Mắt đạo chưa sáng, lậu tâm chưa hết thì làm sao tiêu vật của tín thí. Cho nên người xưa nói: vì thành đạo nghiệp mà đem đến bố thí, đạo nghiệp chưa thành đâu tiêu được. Sơn Tăng ở đây không thể cùng các ông cháo cơm qua ngày. Nếu ngồi tiêu tín thì, các vị trời không vui, trà thô cơm đạm bạc, cũng khó tiêu của người, như ngay Tỳ-kheo mới học ăn no ngủ giường cao, giữ tánh qua ngày còn chê không vừa ý. Người xuất gia giống như cục đá mài dao, những người muốn dao bén thì đến mài. Trên cục đá, ông Ma Trương Tam cũng đến mài, Quý Tứ cũng đến mài, mài đi mài lại dao người khác thì bén, còn đá nhà mình thì bị mòn dần. Có lúc còn trách người khác không đến mài trên đá ta, có chỗ rất tiện nghi. Cho thức ăn như cho thuốc độc, nhận thí như nhận mũi tên, tệ dầy mà nói ngọt, làm đạo nhân sợ hãi. Ông thật vậy rõ ràng tương ưng với đạo, muôn lượng vàng ròng cũng tiêu được. Việc này không phải nói rồi lại thôi. Phải thật đến ruộng đất nơi này mới được. Lớn tiếng nói nhiều dối người dối mình. Phần nhiều không xong

việc. Như trong tòng lâm thời nay không có người nào nói lời này. Lễ nào Trưởng lão Tiêu Sơn nói Thiền, hoàn toàn không có lỗ hổng, nhớ lấy nhớ lấy, xin hãy trân trọng. Quốc sư Đại Đạt Vô Nghiệp ở Phần Châu Thượng đường: có Vị Tăng hỏi: mười hai phần giáo truyền khắp đất này, người đắc đạo quả không phải chỉ một, hai người, tại sao nói Tổ Sư từ Đông độ đến giáo hóa xướng huyền Tông riêng, chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật. Chẳng lẽ Đức Thế Tôn nói pháp chưa hết (1077) chỉ như các cao Tăng có đức độ, đời trước học hết chín phái học (Nho gia, Đạo gia, Âm dương gia, Pháp gia, Mặc gia, Tung hoành gia, Tạp gia, Nông gia) và suốt thông ba tạng giáo điển. Ngài Sinh Triệu Dung Duệ đều là vị thần dị trong nhân gian, chẳng lẽ không biết được Phật Pháp xa gần. Mỗ giáp mê muội xin sư chỉ dạy. Sư nói: chư Phật không hề ra đời, cũng không có một pháp nào bàn cho người, chỉ tùy bệnh cho thuốc, nên có mười hai phần giáo. Nếu lấy quả ngọt đổi lấy hồ lô đắng, gạn lọc nghiệp căn cho các ông đều không có sự thật. Thần thông biến hóa và trăm ngàn muôn tam-muội hóa phá thiên ma ngoại đạo, phước trí hai nghiệm là phá kiến chấp có không. Nếu không hội đạo và ý Tổ Sư Từ Tây-trúc đến thì luận bàn Sinh Triệu Dung Duệ làm gì. Như nay thiên hạ hiểu thiền hiểu đạo như hằng hà sa số, nói Phật nói tâm có trăm ngàn muôn ức người; bụi nhỏ không bỏ, chưa thoát khỏi luân hồi, tư niệm không mật đều rơi vào đấm chìm. Như loại này còn không thể tự biết nghiệp quả, vọng nói tư lợi lợi tha, mình cho là thượng lưu và người là tiến đức. Chỉ nói gặp việc gì đều là Phật sự, giở chân đều là đạo tràng. Nghiên học điều này không như một phàm phu thọ năm giới, mười điều lành, rồi phát ngôn chê bai Nhị thừa, Bồ-tát Thập địa. Đề hồ thượng vị là quý nhất ở đời nhưng gặp những người này trở thành thuốc độc. Nam Sơn còn tự không cho gọi là Đại thừa. Học theo dòng ngôn ngữ tranh nhau giữa miệng lưỡi, tranh luận việc vô hình và người là tiên đức, là thành thật, thật khổ thay! Chỉ như Cao Sĩ Dã Dật còn biết gối đá giặt sông, bỏ lợi lộc cũng có sự tính toán làm cho dân yên nước vui. Trưng cầu mà không đến, huống Thiền tông ta lại khác. Xem đạo nhân người xưa sau khi đắc ý, nhà đá chỉ có một cái chỏ gãy chân để nấu cơm, trải qua ba mươi hai năm danh lợi không màng đến, tài sản không đoái hoài. Quên người đời, ẩn tích núi sâu, vua chúa kêu gọi mà không đến, các quan thỉnh mời mà không đi, há đồng với bọn ta tham danh ưa lợi; sẽ chìm vào đường đời như người chết yểu. Có ít mong cầu mà quên quả lớn, các vị hiền bậc Thập địa há không thông lý của Phật có thể không giống như một phàm phu học rộng, thật không

biết lý này. Họ nói pháp như mây như mưa, còn bị Phật quở trách: Thấy tánh như cách lưới tơ, chỉ vì tình còn Thánh lượng thấy. Về nhân quả chưa vượt qua bậc Thánh, tình còn hơn các dấu vết. Tiên hiền, người xưa thạc học cao nhân hiểu thông xưa nay, rõ suốt cương giáo, vì biết học rõ văn nước sữa khó phân, không rõ lý mình niệm tĩnh cầu chân. Than ôi! Được làm thân người như cây sống trên đất, mất đi thân người nhiều như cát trên mặt đất, thật đáng thương thay! Nếu có người ngộ được lý có một biết một là hiểu, không biết trong ngộ này là môn nhập lý, bèn cho là ra khỏi danh lợi ở đời, dạo núi ngắm sông khinh rẽ thượng lưu, làm cho tâm lâu không tận đất lý, không rõ thì không đến, già chết không thành, kéo dài năm tháng, lại thông minh mà không thể chống chỏi được nghiệp, không có trí tuệ thì không thoát khỏi luân hồi. Dù cho tài bằng Mã Minh, cái biết bằng Long Thọ chỉ là một đời, hai đời không mất thân người. Suy nghĩ gốc, nghe tận nguồn tức là hiểu. Như Đạo Sinh kia đâu đáng là tốt đẹp, hoàn toàn xa với đạo. Cùng huynh đệ luận bàn thật, không bàn luận hư, chỉ ngăn miệng ăn cơm, thân mặc áo; đều là khinh hiền, chê Thánh, cầu được mắt tuệ tha tâm để xem xét. Giống như ăn máu mủ, đều phải bồi thường họ mới được, A-Na là người có đạo quả tự nhiên, vời được tín thí đến cúng mà không thọ, Bồ-tát học Bát-nhã không được tự mạn, như đi trên nước, giống đi trên đao kiếm. Khi qua đời, một mảy phàm Thánh tình lượng không hết, bụi nhỏ tư niệm chưa quên, theo niệm thọ sinh năm ấm nặng nhẹ mà gá vào bụng ngựa thai lừa, bị nấu trong vạc dầu sôi lửa bỏng, những đều nhớ tưởng thấy biết, trí tuệ từ trước một lúc mất đi tất cả, y đó lại làm loài kiến hôi, lại làm loài muỗi mòng. Tuy làm nhân lành mà gặp quả ác thì tính sao đây. Anh em chỉ là tham dục mà thành tánh, hai mươi lăm năm núp dưới gót chân, ràng buộc không có lúc nào thành tựu. Tổ Sư thấy chúng sinh ở đất này có căn tánh Đại thừa, chỉ truyền tâm ấn, tỏ bày tình mê. Người đắc quả thì không phân biệt phàm và Thánh, ngu và trí. Lại nhiều dối chi bằng ít mà thật. Bậc đại trượng phu như nay thẳng xuống bèn thôi dứt, đốn dứt muôn duyên, vượt qua dòng sinh tử, hướng đến điểm linh quang thường riêng chiếu, vật lụy không câu nệ, vòi vọi đường đường bước đi trong ba cõi, đâu cần thân vàng cao trượng sáu chói lọi, khâm phục tướng lưỡi rộng dài tròn sáng. Nếu lấy sắc thấy ngã là hành tà đạo, dù có thân quyến trang nghiêm không cầu mà tự được thì đất đai núi sông không ngại nhãn quang, được đại Tổng trì. Nghe một ngộ ngàn, đều không mong cầu giá trị một bữa ăn, các ông còn không như thế, Tổ Sư đến đất này chẳng thường có tổn có lợi. Có lợi là

trong trăm, ngàn người mà chọn được một người tài giỏi, xứng đáng là pháp khí.

Có tổn là: như trước đã rõ; theo họ nương vào ba thừa giác pháp để tu hành, không ngại lại được bốn quả ba hiền; có phần tiến tu. Cho nên bậc tiên đức nói: Liễu thì nghiệp chướng xưa nay không, chưa liễu thì phải trả nợ cũ.

Tiểu tham của Thiền sư Pháp Xướng Vận: Nói chung, tất cả huynh đệ ở đây mắt đạo chưa tỏ, tâm địa chưa an, vào chốn tòng lâm hay ra xã hội cần phải gần gũi bạn bè tốt. Trong mười hai thời phải dùng Phật pháp làm việc; phải quyết chọn để cho mắt tâm sáng suốt. Điều này chẳng phải là việc nhỏ, thời gian lặng lẽ trôi không đợi một ai, một khi mất thân người khó được sinh làm người trở lại, chớ để bỏ phế thời gian. Nay ba ngày rõ bốn ngày, ở đây qua đông, biên kia qua hạ, nhớ lấy một bụng sắn bìm, học hỏi đến chỗ nói suông, vạch miệng lời Hán lời Hồ, nói ta hiểu thiền hiểu đạo, xem thường người tốt, tạo nghiệp Vô gián, nên biết việc này to tát không dễ dàng, đại nhân đắm chìm rất nhiều, đến đây luận bàn đầu mũi không đến. Chớ đợi đến dịp mới mở miệng to. Lão già Pháp Xướng không có người tình, chẳng yêu người, lúc ông khen ngợi, đều chẳng phải là tâm tốt, một mai phong hỏa giải tán một khi chết đi, nghiệp duyên thiện ác chịu báo tốt xấu. Cảnh giới sinh tử một lúc hiện tiền. Lúc ấy, giống như con cua trong nồi nước sôi, chân càng quơ quào. Trước đây học được thần thông Phật pháp mà vô dụng. Nghiệp thức mênh mang không nơi nương tựa; hối hận thì không kịp nữa, phải theo duyên chịu báo, sửa đầu đổi mặt đều chưa thể định, há không thấy đời xưa, Bồ-tát học Bát-nhã lại không tự dối, cần phải cẩn thận, mảy lông chưa hết thì chưa thoát khỏi luân hồi, niệm nhỏ chưa quên đều theo đó mà đọa, các ông có hết mang lông đội sừng hay không. Chính là ông bình thường làm loạn chủ tể mà ra. Ông có biết địa ngục rút lưỡi hay không, chính là nguyên do cuồng hoặc đường mê.

Ông có biết địa ngục hàn băng không? Chính là ông lạm dụng vật của tín thí đàn na, ba đường tám nạn đều do tâm ông tự tạo tác, chỉ vì mắt đạo chưa sáng, mới làm như thế, nếu là người xác đáng thì đâu có tin tức này. Pháp Xướng nói như vậy đều hợp với các Thánh. Không chỉ là ba, bốn huynh đệ ông; nhưng Bồ-tát chưa đắc địa đều có lỗi này; huống chi (1078) tám Bộ trời rồng đã đến đây qua đông qua hạ, chớ cho là dể dàng. Lão tăng bên cái cuốc kiếm cơm cúng dường. Ông nói những lời về xuất gia chớ vì nhân ngã lại một đời luống qua, một mai bốn đại phân tán, lúc ấy nếu khéo léo cũng muộn rồi. Có một kẻ bình

thường nghe người kể việc gì là cứ ghìm trong bụng, rồi sinh tâm tức giận, bèn nói Phật Pháp sao có việc như vậy. Đại ngộ không câu nệ vào tiểu tiết, rồi hỏi A-nan! Con hỏi Ngài ngộ cái gì, mà thoát được tâm tưởng đầu lâu; trong mười hai thời chưa tương ứng với năm giới và mười điều lành. Trong hội Linh Sơn còn từng thấy, có Phật không hành nghiệp chăng? Còn có Tổ Sư nói dối chăng? Phần lớn giống như phân ngựa so với chiên đàn, có gì dính líu. Có thể cho là đề hồ thượng vị là món quý của thế gian, gặp những người này trở thành thuốc độc. Ông muốn tương ưng ngày khác, chỉ từ ngày nay tất cả chỗ phải phóng giáo khô nhạt.

Trong mười hai thời đối với năm dục tám gió như người mù thấy vật không bị các pháp chi phối, cũng không chi phối các pháp, đầu của sáu căn xem xét không có mảy may lỗi lầm, mới có một chút hy vọng hướng thượng. Pháp Xướng nói như vậy giống như uống thuốc nhức đầu, đắng miệng một lúc nhưng lúc khác có hiệu lực.

Cho nên nói: Dù cho trăm ngàn kiếp, nghiệp đã gây không mất, lúc nhân duyên hội ngộ, quả báo lại tự chịu, không có người thay thế, mỗi người tự cố gắng, trân trọng.

Hòa Thượng Cổ Kính trả lời cho Thái Thú ở Phần Dương: Quốc Sư Nam Dương Tuệ Trung ba lần mời cuối cùng không đi, bèn sai Đường Túc Tông phải trọng vọng Phật Tổ. Xong ta nhìn Nam Dương, mây bùn tuy khác đường, quay đầu suy nghĩ người xưa, hổ thẹn mà mồ hôi đổ như mưa. Vì sao Phần Dương Hầu thấy ta như bùn đất, cười vì chùa Ngọc Phong, trích câu thỉnh quyền trụ, đâu thể là một thân, pháp môn đồng chịu uế, nước Trường Giang ngàn xưa, tiếng xấu rửa không đi, cẩn thận nhận thiếp chung, xem sứ tự nhận lấy, ý ta như ngựa vượn, núi mây thích nơi tối tăm, năm khác không trả lời, sáng chiều một nén nhang.

Di văn khắc trên vách của Thiền sư Tuyết Đậu Minh Giác.

Phàm truyền giữ đèn tổ nối tuệ mạng của Phật, điều này không phải là trách nhiệm nhỏ, thích nghi cảnh trước phải tu sửa oai nghi, vâng theo lời dạy, săn dè sửa khí dưỡng tâm, không vì danh lợi mà động tình, không vì được mất mà lay ý; không theo bậc thượng hạ trong thế gian, không chạy theo phải quấy của người, dứt bỏ xấu tốt trong lòng, không hình mà có sắc, vui với niềm vui của người giống như niềm vui của mình, buồn với nổi buồn của người giống như nỗi buồn của chính mình, bao dung với mọi người, tôn trọng bậc hiền nhưng nghiêm khắc với mình về lễ nghĩa. Không vì việc nhỏ mà mất đi điều lành, không trái nghĩa công mà bỏ đi điều không thân, có tài năng không thể chạy kheo

thế lực, không thể cậy nhờ, không khen mình thấp, không chê người cao. Thấy người có đức không thể quên thân, giàu có không được quên lúc nghèo. Vả lại, học vốn là tu tánh, đâu giận người mà không biết. Quý là ở chỗ không sinh tâm giận, không cầu những thứ ở đời, người hoặc hâm mộ nghĩa lý cố suy ra cái khác thì cũng đốc thúc tâm ông, dùng khuôn phép để răn dạy, bác bỏ sách sai, chỉ bày diệu tông, ngồi nhà từ bi, áo nhẫn nhục không thể chốc lát mà lìa, muốn đến đảo châu báu thì phải vội vàng, động tĩnh có thường, hiềm nghi phải cẩn thận, không nên chê người khinh trời, người (chún) qua lại không đuổi không chống cự, người khen chê không giận không tham, bên trong không có hổ thẹn, bên ngoài không thương xót. Hoặc tiếng tăm đồn vang, lợi dưỡng tràn đầy dồi dào, sợ nhân quả bốn đường, cẩn thận gần gũi Tam bảo, sinh tử chưa thoát, nghiệp khổ khó trốn, mới được ý chí vội suy nghĩ lợi chánh, thân như đi nhà xí, được chút lợi xứng với giặc, trăm năm không lâu, ba cõi không an. Đáng tiếc thời gian, phải mau cầu giải thoát. Các Tổ, bậc tiên đức xưa có đức hạnh tốt, gậy tích một bề ăn đất. Đan Hà chỉ một cái đãy vãi, Triệu Châu thì tro xanh đầy đầu. Lãng Sư thì bện cỏ làm chăn. Có người tu lâu, thiền sâu, có người mới đến đại đô mà không đi, tiết kiệm thì ít lỗi, xã xỉ thì tự vời người chê, khiêm nhường thì có vẻ vang, thối lui thì không kiêng kỵ. Cách Phật càng xa thì hành đạo gian khó, xem thời tiến chỉ không tự lui sụt.

PHẠM THỤC CÔNG ĐƯA TIỄN THIỀN SƯ VIÊN NGỘ HÀNH CƯỚC

Xem sông chớ xem nước ở ao đục, nước ao đục là cá tôm sinh sống. Lên núi chớ leo núi quanh co, núi quanh co thì cỏ cây thưa thớt. Ngắm sông phải ngắm sự rộng lớn của nó. Lên núi phải lên trên núi Thái. Sở đắc không cạn, cái thấy cao xa, công phu dụng tận chẳng luống uổng. Phương Nam may thay có đất chọn Phật, phải đến đó nghiên tầm diệu chỉ. Lúc nào đó thành khí chỉnh đốn giềng mối thì không phụ chí xuất gia của đấng nam nhi, đại trượng phu thôi nghĩ bàn, há là hư danh diệt thân. Trăm năm tùy phần giác không nhiều, chớ bị thời gian làm tối thêm, thành đô luống là ràng buộc Trung hoa, trộm ở chỉ nhân rượu ngon mê hoặc. Thầy ta may là người xuất gia, chịu theo hẹp hòi đồng mai một, thầy ta may có chí cao vời, việc gì cũng dẫm đạp đi qua. Há không thấy cá nuốt thuyền không ấn dòng sâu, cây to một vùng không sinh nơi đất gò đỏ. Đại bàng một khi vỗ cánh là chín muôn dặm. Đâu đồng với bờ xuân cát bay đầy, đâu bằng ngựa chạy xa ngàn dặm; chớ học theo chim

lưu luyến một cành cây, dù giảng được ngàn kinh luận cũng rơi vào cơ thứ hai của nhà thiền. Mây trắng dài luyến đài cao không đậy lồng sớm thì không tạm mở ra. Vì sợ dân đen trông mưa dầm. Đợi rảnh thì vẫn như xưa là đi ra núi. Lại không thấy: Núi gai có loại ngọc tên là duật dao, thợ giỏi chưa gặp chỗ rối ren, lúc ấy nếu không lìa gai gốc thì đâu được giá bội cao ở thành thị.

Thiền sư Bảo Ninh dạy phải xem kinh: Phương pháp xem kinh sách hàng hậu học cần phải biết. Phải thanh tịnh ba nghiệp. Nếu ba nghiệp không thiếu thì trăm phước đều nhóm họp.

Ba nghiệp là thân, miệng, ý:

1. Thân ngồi ngay ngắn, như khi đối diện Tượng Phật thì thân nghiệp thanh tịnh.

2. Khi miệng không nói chuyện tạp, dứt các chuyện nói chơi thì khẩu nghiệp thanh tịnh.

3. Ý không tán loạn, dứt muôn duyên là ý thanh tịnh. Trong tâm đã thanh tịnh. Trong tâm đã vắng lặng, cảnh ngoài đều mất, lúc ấy mới khế ngộ với nguồn chân, ngõ hầu nghiên cứu cùng tột về lý của giáo pháp. Có thể gọi là nước lắng thì ngọc trai sáng, mây tan thì trăng tỏ. Biển nghĩa vọt lên trong lòng, núi trị biết động ở tai, mắt, không phải dễ dàng, thật chẳng phải là duyên nhỏ. Tâm pháp đều quên, mình người đều lợi, nếu được như thế mới thật là báo đáp ơn Phật.

Ngày tháng năm nọ, Tỳ-kheo Nguyên Chiếu cung kính mang thư đến Thiền sư Tịnh Từ Viên Chiếu. Nguyên Chiếu sớm có học luật biết đươc quy chế của Phật. Tỳ-kheo phải đủ ba y và một bát, tọa cụ, đãy lượt nước. Đó là sáu vật mà bậc thượng, trung, hạ căn phải vâng theo gìn giữ. Cho nên người nào theo con đường này thì không thể trái, nếu trái thì nghịch với lời dạy trên, không gọi là đạo thầy trò. Ba gồm:

1. Y Tăng-già-lê: Là đại y, y này đắp khi vào xóm làng phó trai, lên tòa nói pháp.

2. Y Uất-đa-la-tăng: Là y trung, y này đắp khi theo chúng lễ tụng, vào trai đường thọ thực.

3. Y an-đà-hội: Là hạ y, y này đắp khi đi đường, qua lại trong chùa làm việc. (1079) Ba loại y này dùng vải thô để may nhuộm thành ba mầu hoại sắc là xanh, đen và mộc lan, dài khoảng ba khủy tay hoặc năm khủy tay, phải cắt ra rồi may lại, cốt để dứt lòng tham; điều diệp rõ ràng để nói lên ruộng phước. Nói về tướng của nó là Thánh hiền ba thừa đồng một cách thức. Bàn về tên gọi của nó thì chín mươi loại ngoại đạo chưa nghe đến. Về công đức của nó thì người được thoác tránh khỏi

nỗi lo hung hiểm, và nạn rồng phải trốn chim cánh vàng. Những điều này vẫn còn trong đại tạng, chưa thể nêu hết.

- Bát: Bát nói đủ là bát-đa-la, Hán dịch là ứng khí. Bát làm bằng sắt hoặc bằng đất nung thể nó phải đúng pháp, nung thành mầu đúng như pháp. Lượng nó phải ba đấu hoặc ba đấu rưỡi đúng như pháp. Vì nó là cờ nêu của chư Phật, chẳng phải khí dùng trong triều đình.

Đức Phật Ca-diếp thuở xưa thọ ký cho Bổn Sư Thích-ca ta. Trí luận cho Tăng-già-lê là vải thô mười ba điều. Lúc Phật sắp nhập diệt trao cho Tôn giả ẩm quang đến núi Kê Túc đời Đức Di-lặc ra đời để trao lại. Điều này để thấy sự tôn quý của chư Phật, Tổ Sư từ Tây Trúc đến sáu đời truyền trao, nói lên có từ việc nối pháp, ở đây lại được các Tổ ưa chuộng. Nay có vị tăng giảng sư tên là Tại Nguyên, vâng giữ chế vật mấy năm rồi, Sư bệnh sắp qua đời, Ngài dạy đệ tử đem y bát, toạ Cụ Phụng thờ Thiền sư, thật để nương bóng từ bi, vì nương vào con đường sáng tỏ. Vâng lời Thiền sư cố gắng tu hành, đức quy về muôn vật, kẻ thiện ác kéo đên xa gần nhiều như mây, các tòng lâm trong nước không nơi nào thạnh bằng. Trộm cho là việc do nơi thời mà nêu, đạo do nơi người mà mở rộng. Quả là nhờ vào bậc cao minh, hạ ý cho là dung nạp thọ trì. Như thế thì nghiêm chế của Đại Thánh có thể thực hành, ngọn gió của các Tổ chưa đọa, kính cẩn sai Tăng đem cho y bát, cùng năm việc tu hành biết để nói về ý này, Thiền sư Khả Phủ Gián Duy ghi lại nhưng không giảng nói.

LỜI TỰA THÍCH MÔN ĐĂNG KHOA KÝ:

Tăng sử ba đời, chọn người mười khoa, đọc tụng một môn công nghiệp rất trọng. Hoàng Triều ra lệnh đến ngày sinh nhật đế Vương là trong nước độ tăng để kéo dài ngôi Thánh, tôn sùng giáo của ta, tuyên bố bậc thầy chân chánh, từ xưa đều vậy, đối với lợi ích này càng thạnh. Nay châu huyện Tịnh Thị rất đông, mỗi năm chọn lựa người phải xét kinh nghiệm nghề nghiệp, mở trường khảo thí, hợp cách tinh thông, sự cần khổ của Tinh La Tương lúc còn sống, mong hoàn tất việc đời để an nhàn. Bên ngoài bị ruộng y, bên trong giữ giới báu, làm đệ tử đấng pháp Vương, làm thầy trời người, không cày cuốc chỉ ngồi thọ của đàn na tín thí, dứt tâm không tham gia vào chuyện đời, đến cả việc nước. Sự vinh quang của Thích tử đâu gì hơn điều này. Thời nay tăng tục phần nhiều không có chánh nhân, lại muốn kinh doanh chuyện khắc, không Tôn sùng nghề của mình. Chỉ mưu tiến lạm dự vào dòng pháp; hoặc nương vào người thân, hoặc cây nhờ sư trưởng, cho đến có Tuần nhai đả hóa,

chạy theo cầu ân tuệ, mạnh dạn cho đến nhiều lần bị hủy nhục, trải qua sự gian nan, là trăm ngàn thành vô số mười, há tin có pháp môn an vui đốc thúc thân vinh hoa. Đây là do tâm xuất gia chưa tỏ gắng gượng cũng là người chẳng có trí trượng phu, huống là diệu điển liên hoa, núi Linh Thứu Cực Đàm, chỉ có nhân duyên lớn là khai tri kiến Phật. Bởi thế, chư Phật ra đời là đưa ra điều thật sự, chúng sinh ngộ nhập cũng vô số. Trong nước không biết, may mà nghe thấy. Sao không tụng trì, đâu chỉ có ân riêng, thật là quên gốc nên phải cố gắng. Người chưa độ phải tinh tấn để sớm mong biến thông. Người đã đạt chớ bỏ ôn tầm đều là nghiệp đạo. Trăm vàng cúng thí cũng có thể tiêu. Bốn chúng kính mong suy xét mà không thẹn với đức. Thân huyễn có cùng tận, thật hạnh không mất. Cho nên có tướng lưỡi đẹp mầu đỏ. Xương thân nát tan như viên ngọc. Viết đủ truyện lục, người biết thì nghe đủ, huống chi là Bát-nhã có duyên qua tai. Pháp Hoa so về phước tùy hỷ. May mắn y vào lời dạy của bậc Thánh chớ để thời gian luống trôi, gần thì mong cạo tóc làm tăng, xa thì mong phá ma thành Phật. Nếu được như thế thì đâu nói gì nữa, lo cho tăng không đáp ứng mười khoa sự, tín đồ Phật giáp tiêu diệt mất một trăm năm. Bậc cổ hiền răn dạy rất sâu xa, đâu không động tâm ư?

Thư Nhàn Thị Lang trả lời Vân hành nhân: Gần đây thẹn với lời dạy trong thư, lại đem các thuyết về Thiền giáo, đọc cảm thấy rõ điều an ủi, mà về sau cũng có điều chỉ dạy, vừa dùng nhiều việc nhưng không thể chu toàn với Sư. Nay lại có nói tự không thấy về sự sâu xa của ai có thể cho đây là răn bảo nhau. Nhìn lại tôi ngu muội làm sao biết được điều đó. Nhưng Lôi Sư nói: tôi trộm nghĩ, đối với con đường phương tiện của Đức Như Lai, giống như chấp một bên, giống như có cái thấy về nhân ngã, ngã là đúng, nhân là sai, đối với Phật pháp cho là căn bệnh lớn. Nhân ngã không dứt mà vọng luận bàn hơn kém chỉ là nói suông, tranh luận không dứt, trở thành báng pháp, chưa được quả mầu mà vời lấy ác báo trước, không thể không cẩn thận. Nhưng đối với pháp môn phương tiện của Phật mà tinh tấn tu hành, hạnh mãn công viên thì tự nhiên siêu thoát, không hẳn chấp ngã là đúng, cho điều khác là sai. Tu hành tịnh độ, thì Phật và Bồ-tát đều khen ngợi, người tại gia và xuất gia vãng sinh tịnh độ chẳng phải một người. Huống chi nay trong thời mạt pháp người tu pháp môn này có thể gọi là con đường tắt, nhưng trong đó trước phải gội sạch căn trần, bẽ gãy ngã mạn, đối với các pháp môn khác tuy chẳng phải con đường tu hành chân chánh nhưng tùy theo khả năng mình cũng làm cho khâm phục tin thêm. Đâu thể vọng bàn

hơn kém, tự cho là cao thấp. Đạt-ma từ Đông độ đến không lập văn tự, truyền thẳng tâm ấn. Một hoa năm cánh từ Tào khê đến, người ngộ pháp của ta nhiều như gai gốc cỏ lau.

Vào đời Lý, Đường, Thế chủ tôn sùng như thờ sư trưởng, cho đến nay các sư truyền trao không dứt, đặc biệt chưa thể bàn luận hơn kém. Nếu nhất định muốn trích dẫn giáo nghĩa, để làm chứng cho là người tu như thế mới nhập vào địa vị nào đó thực hành như thế mới bước lên địa vị nào đó, thật là cái gọi là họa vẽ huống uống, chỉ tự nhọc công, cho nên kinh nói: Như người đếm tiền cho kẻ khác, bản thân không có nửa đồng. Đối với pháp mà không tu hành, thì học rộng cũng như thế, mong sự bỏ đi tri kiến; chớ luận bàn việc của người, chuyên tâm tự tu tịnh nghiệp, tôi thường bàn bạc với sư, thấy sư lập ra thuyết không lập văn tự, đưa đến lời này không hay, thì Đạt-ma không từ Tây trúc đến, Nhị Tổ chắc chắn không chịu chặt tay cầu pháp. Nay văn tự nhà thiền lan khắp thiên hạ, đây chính là hạng người hèn mạt tự nhiên đến đây, đâu phải kỳ lạ ư? Chúng sinh ở thế giới Ta-bà thấy muôn thứ khác nhau, chẳng phải có thể một pháp mà được ra khỏi. Cho nên, Phật dùng phương tiện lập nhiều pháp môn, để cho Đông tây Nam bắc ngang dọc, lớn nhỏ đều được tu hành, đều có thể chứng nhập. Trong hội Hoa Nghiêm bởi Văn-thù-sư-lợi có hỏi về gốc tâm tánh là một, tại sao lại thấy có các thứ khác nhau. Hỏi ngài Đức Thủ rằng: sở ngộ của Như Lai chỉ là một pháp, vì sao nói vô lượng các pháp.

Hỏi ngài Trí Thủ rằng: Trong Phật pháp, trí tuệ là hơn hết. Tại sao Như Lai hoặc khen ngợi bố thí, hoặc khen ngợi trì giới, hoặc khen ngợi nhẫn nhục. Cho đến có khen ngợi từ bi hỷ xả. Cuối cùng, không có người nào dụng một pháp mà được ra khỏi, đều có tụng đáp. Việc sở tụng sáng chiều của vị Sư này có nghĩa lý rất sâu. Bị bệnh đã khác, nơi ở cũng khác, nay bệnh về tay chân uống thuốc mỗ mà không lành. Người bệnh ruột mà trách thuốc không bằng thuốc trị tay chân (1080), là dùng thuốc tể trị bệnh tim là chẳng thể ư? Hai mươi lăm hạnh trong hội Lăng-nghiêm, chỉ suy tôn Quán Âm, đâu phải Quán Âm là cao siêu mà các Bồ-tát thần tiên ngoại đạo là kém. Trong pháp ta đều là tà kiến. Nhưng tri thức của Hoa Nghiêm hoặc ở ngoại đạo, hoặc làm Nhân Vương, hoặc làm dâm nữ để dẫn dắt chúng sinh. Nếu người tu hành chân chánh là đúng thì Đồng Tử Thiện Tài tham học bới Thắng Nhiệt Bà, Tu Mật Nữ, Vô Yểm Túc Vương, v.v... đều có thể chỉ là sai lầm. Ngày kinh muôn luận chỉ là trừ bệnh cho chúng sinh, bệnh hết thuốc bỏ, đâu phải không bệnh mà tiêm chích. Vì tâm cấu này nặng cho nên phải

tu nhân thanh tịnh. Tịnh cấu đều mất, thì tu chứng cái gì, ba cõi không trụ thì chỗ nào mà tìm tâm. Bốn đại vốn không thì Phật trụ vào đâu. Của báu trong áo chỉ vì y áo ràng buộc, y áo nếu rách thì ngọc Châu tự hiện. Lại trình bày ý cạn để chỉ dạy, hoặc có người khác có thể chỉ dạy, lại buông một lời, rất là may mắn, cẩn thận chớ chi ly mà thành nói suông, gần đây bốn đại có nhẹ nhàng không? Có nhọc nhằn không? Nay có lui sụt không, mỗ tùy duyên qua ngày, chỉ cần vô sự, tai chưa nghe, ngàn muôn trân trọng.

TRẦN ĐỀ HÌNH QUÝ KHIÊM ĐÁP CHÂN THỊ LANG ĐỨC TÚ

Thưa hỏi việc thiền môn chỉ mong thấy được ý vui đẹp, nhìn lại mình thấp kém thì đâu thể đầy đủ điều này. Nhưng không ngại sư thấy nhỏ hẹp của mình để trình bày rõ. Nghĩa là thoại đầu xem có hợp không, vì mỗ trước thấy không có luận thuyết nhất định. Nếu có thể một niệm bất sinh thì toàn thân là Phật. Chỗ nào mà có thoại đầu khác, chỉ duyên tập khí nhiều đời, trái với giáo, hợp với trần cảnh. Trong sát-na niệm niệm sinh diệt, như khỉ vượn chuyền cành. Phật Tổ bất đắc dĩ mới chỉ bày phương tiện, làm cho ngậm nhai một cái mà không thấm vị thoại đầu. Ý thức có mà không thực hành, đem quả ngọt mà đổi thành quả mướp đắng, un đúc nghiệp thức của ông đều không thật nghĩ. Cũng như quốc gia, binh khí bất đắc dĩ mới dùng đến nó. Người học thời nay đối với thoại đầu sinh ra xuyên tạc, có tìm cầu giải thoát để gánh vác sự nghiệp thật là xa vời trong xa vời. Lăng Đạo Giả hai mươi năm ngồi rách bảy chiếc bồ-đoàn, chỉ cứ xem việc lừa chưa đi, việc ngựa đã đến, nhân cuộn rèm mà đại ngộ, nghĩa là tám vạn bốn ngàn thiền cơ. (mầu nhiệm). Chỉ tiêu mất một cái chìa mở, há là nhiều lời, lai giáo chưa tụng lời Phật, hướng về tâm Phật, thực hành hạnh Phật, lâu ngày phải có chỗ đắc. Hành lý như thế, cố nhiên không mất, là một bậc hiền của đời. Nhưng một việc lành của thiền môn lại phải thấy suốt bản địa phong quang của chính mình, mới là rốt ráo. Việc này người người vốn có, nhưng bị khách trần vọng tưởng che lấp, nếu không đau như nung nấu, cuối cũng không sáng suốt thanh tịnh. Kinh Viên giác nói: Thí như luyện vàng, vàng trong mỏ không luyện mà vốn có, tuy lại là vàng xưa nay, cuối cùng luyện cho thành tựu. Bởi cho là điều này, Lai giáo lại cho rằng đạo nếu không ở trong ngôn ngữ văn tự, chư Phật Tổ vì sao để lại nhiều kinh luận ở đời. Kinh là lời Phật, Thiền là tâm Phật, mới không trái, nhưng người thế gian tìm kiếm câu lời, chìm vào cương giáo, không biết chính mình có một việc quan trọng sáng suốt, cho nên Đạt-ma từ Tây Trúc đến không lập văn tự, chỉ thẳng tâm người thấy

tánh thành Phật. Gọi đó là truyền riêng ngoài giáo, chẳng phải là ngoài giáo, mà là một thứ đạo lý, chỉ cần hiểu rõ tâm này, không dính mắc vào tướng của giáo. Nay, nếu chỉ tụng lời của Phật nói mà không biết trở về với chính mình, thì giống như người đếm tiền cho kẻ khác, mà tự mình không có một đồng. Lại như trong áo rách có viên ngọc sáng, đi ra khỏi nhà bị rớt mất. Dù ở trong đó được chút ít vị ngon thì vẫn là cái thấy của pháp ái. Việc bổn phận gọi là mạt vàng tuy quý giá nhưng vào mắt thì thành bệnh. Cần phải làm cho thanh tịnh hết rồi mới có chút phần tương ưng. Tôi xưa nay tuy không đọc xem đại Tạng Kinh. Nhưng các kinh như: Hoa Nghiêm, Lăng-nghiêm, Viên giác, Duy-ma tụng đọc cùng hơi thuộc. Ngoài ra, như truyền đăng ngữ lục của các lão sư như tông cảnh lục cuả Thiền sư Diên Thọ v.v... điều nếm vị trong mấy mươi năm, mới đến được nhà. Lại Tôi không rảnh để xem Kinh Luận. Kinh Lăng già tuy là Tâm tông cuả Đạt-ma cũng dùng câu cú nhưng đọc khó hiểu. Chưa từng nghiên cứu sâu, muốn biết rõ chúng ta điều phải thành tâm, không phải như người thế tục kia tự dối chỉ nói suông mà thôi. Hãy dùng nhật dụng để nghiệm tuy không có lỗi thô trước ác. Nhưng đối với tất cả cảnh giới thiện ác thuận nghịch, quả có khả năng chiếu phá không bị người khác chuyển dời. Trong giấc ngủ đêm, có thức ngủ như một hay không? Nếu trước mắt còn có cảnh thì mộng mị chưa tránh khỏi điên đảo. Mộng mị đã điên đảo thì tật bệnh chắc chắn không thể làm chủ tể, tật bệnh đã không làm chủ tể được thì đầu bờ sinh tử sẽ không tự tại, cái gọi là như người uống nước nóng lạnh tự biết. Đợi lúc xá nhân công danh thành đạt, tu thanh tịnh, ít ham muốn lưu thần vào đạo này thì có thể gọi là hoa sen trong lửa.

Người xưa có nói: việc của đại trượng phu này, tướng văn, tướng võ không thể làm được. Lại nói: Muốn đứng trên đỉnh núi cao, muốn đi trong biển sâu, lại muốn đi cùng khắp tất cả, thẳng đến chỗ không còn nghi, lai giáo cho là không có chỗ thực hành, chỉ không có chỗ thực hành này chính là chỗ đắc lực. Như sách trước nói chỗ yên tĩnh, chỗ ồn náo đều mở mắt xem là đạo lý gì?

Lâu ngày thuần thục thì không có yên tĩnh và ồn náo khác nhau. Hoặc tạp loạn, sinh diệt không dừng thì nêu một công án để chống lại, ngay đó tâm sinh diệt tự nhiên dứt ngay, cái chiếu và người chiếu cùng một lúc vắng lặng, tức là đến nhà. Mỗ cũng học nhưng sao chưa đến, hãy thổ lộ hết như thế, không nhất định nhờ người khác chỉ bày, e có người không so sánh Nho Thích sẽ lấy làm lạ. Đợi chế xá nhân ngày nào đó mắt tâm mở sáng cũng sẽ cười lớn mà quở trách.

TRUY MÔN CẢNH HUẤN

QUYỂN 8

THIỀN SƯ TỪ THỌ RĂN DẠY NHỮNG NGƯỜI ĐỒNG HẠNH

Thế đế lăng xăng không thể hiểu rõ; được vào cửa "Không"là tiện nghi. Ngày đêm phải tinh tấn, chớ để thời gian luống qua vô ích. Đốt hương lễ bái chớ lơ là, mắt nhìn tâm đối trước Thánh dụng. Sám hối tội lỗi bụi nhơ nhiều đời, nguyện dùng nước pháp rửa sạch tâm nhơ.

Tâm vương dễ buông lung, đâu thể dạy phúng tụng.

Ý ngựa khó điều phục cũng phải điều phục.

Đến già tình trần không quét sạch, bốn thứ cần dùng xuất gia e khó tiêu.

Cũng cần đọc sách, tụng kinh, tâm địa xuất gia phải rõ ràng. Ngày nào đó tu hành nghiêm chỉnh, mọi việc tạm thời đều sẵn đủ.

Một là xuất gia làm đệ tử, thờ phụng thầy như cha mẹ, thêm hương, thay nước phải siêng năng, tự có trời rồng soi chiếu người.

Áo quần giày dép phải ngay ngắn, sắp xếp khăn đơn phải ngăn nắp. Thân bốn oai nghi thường đầy đủ, chớ theo kẻ ngu học thô sơ. Dưới hiên gặp tăng phải hỏi han, trước cửa gặp khách (1081) phải gọi người ra tiếp, xuất gia ý phải khiêm nhường, chớ học người ngu không lễ nghĩa.

Xuất gia không dứt năm thứ rau cay nồng và rượu, thật uổng ở trong đất già-lam, đến già ruộng tâm nếu chưa thanh tịnh, thì hạt giống Bồ-đề cũng khó sinh. Chớ nói chuyện hay, dở của người, nói đi nói lại tự vời lấy tai ương, nếu ngậm miệng dấu lưỡi chính là cách an thân bậc nhất.

Chớ học người ngu nói lung tung, nói lung tung thì đâu có cùng, trong chỗ tối chớ nói người không thấy, chỉ sợ khó lừa dối Mã tướng công.

Sắc thân mạnh mẽ chớ tham ngủ, làm việc siêng năng phải trước mặt, không thấy hành giả xác phường lô. Y bát Tổ sư là đó truyền.

Hai thời khắp thỉnh phải đến trước, nhiều tay có thể làm việc

không sai, phúng tụng một quyển kinh của Như Lai, hơn nhàn rồi miệng nói ba ba. Hương cất trong kho phải dụng tâm, rồng voi Ngũ hồ ở tòng lâm, liếc sao nhìn trăng tuy khổ nhọc, phải tin nhân sâu quả cũng sâu.

Không được trộm một phân hào thường trụ, ngày sau vạn lần e khó trả. Đầu lợn chân lừa hiện rõ ràng, đất Phật đời nay quét chưa thôi. Việc nhà tinh thô nên thương tiếc, khi sai mắt cần phải nhìn xem, chớ có tha hồ ném bỏ đi, người dùng phải biết thành công khó.

Các kiêu nhận lỗi phải siêng năng, quét sân nấu trà chớ chán vội, phụng sự chúng thường nên dè dặt, thân tâm như thế mới xuất gia. Có khi duyên cán ra đầu đường, chiếu cố con trâu đực quy sơn, ngoài cửa cỏ xanh thường mang theo. Sợ nhàn sẽ mất e khó thu.

Đứng mà khoanh tay không thể làm, ấy chẳng phải là người xuất gia, gặp người xụ mặt rồi bỏ đi, đáo để người no chẳng phải si.

Khi ba lần tắm gội vào đường, nhơ sạch phải phân y thương hạ, nói cười lớn tiếng đều không được, chớ có đi thô tháo phá oai nghi.

Xuất gia ngôn hạnh phải tương ưng, chú ý thường như đạp băng mỏng, tuy rằng chưa bỏ râu và tóc, phải dạy bỏ đi tiện như tăng.

Khuyên tăng chăm sóc bệnh: Tỳ-kheo bốn biển vô gia đình, bị bệnh, cô quạnh giường rách nát, tâm tịch cô liêu mình rên rỉ, cháo thuốc phải cần người trông coi.

Người bệnh dễ sinh tâm phiền não, người mạnh thường ôm lòng trắc ẩn, cả hai thân mộng đâu tồn tại, lão Tăng viết kệ dạy tòng lâm.

Khí ẩm gió lùa như bị bệnh, không biết bệnh thiền hay là thuốc, nạp Tăng lại suy nghĩ thuốc hay, rồi lại ôm đầu miệng la lớn. Văn Thiền sư Đại Tuệ lễ Quán Âm: Thanh Tịnh ba nghiệp, nhất tâm, năm vóc sát đất quy y. Nam-mô Thập phương từ phụ quảng đại linh cảm Quán Thế Âm Bồ-tát. Con nghe Bồ-tát từ văn tư tu mà vào Tam-ma-địa, được hai tùy thuận, bốn bất tư nghị, mười bốn vô úy, mười chín thuyết pháp, bảy nạn hai cầu, ba mươi hai ứng thân, vô lượng công đức, khởi oai lực lớn, phát thệ nguyện rộng, đồng vào chín cõi sáu đường bốn loài, trong đường sinh tử phát khởi trăm ngàn muôn ức vô lượng hằng hà sa số kiếp khéo hành phương tiện, cứu độ tất cả chúng sinh, không có dừng nghỉ. Nay con thành tâm cầu khẩn chắc chắn được che chở. Thầm nghĩ mỗ giáp (con) đời trước có được duyên lành nên đời nay sinh ra gặp Phật pháp, thân tuy xuất gia mà tâm chưa thấm mùi đạo. Ngu si tà kiến, các căn hôn mê, các kinh sách trong ngoài tuy có học mà chương cú diệu lý không hiểu được. Lại sợ, phước lực cạn mỏng, mạng sống không bao lâu, luống vào cửa không, sống say chết mộng vô ích. Nay con rửa sạch

tim gan khóc lóc thảm thiết, đầu thành đảnh lễ, suốt ngày thâu đêm nghĩ đến hình tượng Ngài, thọ trì danh hiệu Ngài, lễ bái Thánh tướng, chỉ mong Bồ-tát dùng mắt trời nghe tiếng, dùng lòng từ bi cứu khổ, thương xót che chở, phát ra ánh sáng đại thần chiếu soi thân tâm con. Chốc lát nước cam lồ rưới tiêu trừ. Suốt ngày đêm, lúc nằm ngồi quán thân Bồ-tát phát ra ánh sáng đại thần, khai tuệ tánh cho con, làm cho con tức thời thần thông phát sáng, trí tuệ thông minh, tất cả kinh sách tự nhiên thông hiểu, được đại biện tài, đắc đại trí tuệ, được đại thọ mạng, được đại an lạc; tham thiền học đạo không có các ma chướng, ngộ Vô sinh nhẫn, đời đời kiếp kiếp hành đạo Bồ-tát, bốn ơn đều báo, ba cõi đều vớt, pháp giới chúng sinh đồng viên chủng trí.

CÁCH TỤNG KINH QUÁN TÂM CỦA ĐẠI SƯ THIÊN THAI TRÍ GIẢ.

Muốn tụng kinh để diệt trừ tội lỗi. Thứ nhất phải tắm gội sạch sẽ, oai nghi nghiêm chỉnh, trải tòa ngồi kiết già. Thứ hai là nhập quán tòa ngồi cao rộng nghiêm đẹp. Kế phải vận tâm quán. Quán ta có khả năng làm Pháp sư truyền bá chánh pháp của Phật, nói pháp cho bốn chúng nghe và muốn tiếng nói pháp này vang xa, không chỉ một quần chúng ở đây mà khắp cả chúng sinh mười phương đều nghe nhận. Đây gọi là giả quán. Kế đến quán người năng thuyết, kinh sở niệm, cái nào là Kinh, là quyển kinh, cái nào là giấy mực.

Người tụng là tâm niệm, hay miệng niệm, hay răng lưỡi hợp lại mà thành tiếng tụng? Là có thân ta hay không có thân ta? Ai là người niệm Quan bốn chúng này là thật có hay do hậu tưởng sinh. Bốn chúng chẳng thật có, suy tìm rốt ráo không có ngã. Người sở niệm gọi là không quán. Tuy không có kinh năng niệm, mà có quyển kinh, giấy mực văn tự. Tuy không có người năng niệm mà có thân ta tuyên niệm cho bốn chúng nghe. Tuy không có trong ngoài mà lại không lìa trong ngoài. Tuy không có quyển kinh mà không lìa quyển kinh. Tuy không có tâm, miệng mà không ngoài tâm miệng. Từ đầu đến cuối chắc chắn không sai lầm gọi là không thể nghĩ bàn. Có thể hiểu, có thể quán gọi là Ba quán. Ngay trong một niệm đắc Ba quán không trước không sau, rõ ràng tuy không có người thì mà có pháp thí. Tuy không có người nhận mà có bốn chúng rõ ràng. Tuy không có một, hai, ba mà có một, hai, ba, đó gọi là pháp thí Đàn ba-la-mật. Chuyên tâm chấp trì không có các ngăn ngại, gọi là trì giới. Nhẫn nại, danh, văn tài lợi đều không thể làm não hại. Đó gọi là Nhẫn. Nhất tâm không tán loạn, từ đầu đến cuối không

có hổ thẹn gọi là tinh tấn. Chuyên niệm kinh này không có vị ái, đó gọi là Thiền. Phân biệt không sai tựa chánh lưu thông điều liễu rõ. Câu chữ rõ ràng gọi là Bát-nhã. Đây gọi là đầy đủ Ba-la-mật. Tự thực hành pháp này gọi là Thật. Truyền trao cho người ngoài gọi là Quyền. Nếu từ sinh đến già một đời đã xong thì thành tựu công đức này. Đối với tâm từ vô thỉ gọi là hạt giống chánh nhân. Nếu có tâm quán gọi là liễu nhân; trên tòa cao nói trao nhân duyên cho bốn chúng gọi là Nhân duyên. Ba nhân đầy đủ, nếu quán chưa rõ chỉ là tánh đức, thì phải nghiên tầm không thôi, quán tâm tương ưng gọi là gá vào Thánh thai, để nghiệp thai thành tựu gọi là Tu đức. Bốn mươi hai vị trung gian cũng gọi là Tánh tu. (1082), đạt đến quả cùng tột gọi là chủng trí. Ba điểm chữ Y không ngang không dọc gọi là Đại niết-bàn, gọi là Đáo bỉ ngạn, gọi là đại tuệ, đệ nhất nghĩa không bình đẳng. Đó gọi là Niệm kinh chánh quán. Chư Phật ba đời đều từ đây mà sinh. Người tin hãy thí, không hỏi chớ nói. Thứ ba là lưu thông: Nếu tự điều tự độ không gọi là Từ. Thấy khổ không cứu thì chẳng gọi là Bi. Đã tu chánh quán hiện tiền, lại phải trang nghiêm pháp giới sở niệm kinh xong. Sau khi xuất quán, nhờ công đức quán này mà bước lên Chánh giác; nguyện độ chúng sinh nhập các quả vị, đều lên Thượng địa, người chưa nhập quả vị thì vận dụng hai pháp từ bi nguyện tận đời vị lai thành Đẳng chánh giác.

PHÁP QUÁN TÂM THỰC.

Đã trải tòa ngồi xong, vị Duy-na tiến chỉ hô khánh, sau đó chính tay cúng dường, nhất thể Tam bảo, khắp mười phương thực hành Phật sự. Kế là xuất sinh cơm, xứng thí khắp sáu đường, tức là biểu thị sáu Ba-la-mật. Sau đó thọ thức ăn này. Phàm cơm là mạng sống của chúng sinh, nếu không nhập quán tức là làm tươi nhuần sinh tử. Nếu biết được nhập quán phân biệt sinh tử, hữu biện vô biên, thì bất luận khất thực và chúng sinh tịnh, cơm thanh tịnh đều phải thực hành quán. Người quán tự sợ cơm cũ trong thân này đều là vô minh phiền não làm tăng thêm sinh tử. Thức ăn này đều tưởng là Bát-nhã. Đối với thức ăn lâu từ nơi lỗ chân lông lần lượt phát sinh. Thức ăn phát sinh rồi thì đường tâm liền mở. Nay ăn cơm mới chiếu soi các tối tăm cho tiêu diệt, thành Bát-nhã. Cho nên ngài Tịnh Danh nói: Đối với thức ăn bình đẳng, với pháp cũng bình đẳng, đây là chứng minh rõ. Vì thức ăn này thành cơm Bát-nhã có công năng nuôi dưỡng pháp thân. Pháp thân được lập thì được giải thoát. Đây là ba đức chiếu soi thức ăn này không cũ không mới, mà có cũ của thức ăn cũ và có mới của thức ăn mới, đó gọi là Giả. Cầu cũ không được, cầu

mới không được, rốt ráo vắng lặng gọi là Không. Quán thức ăn từ đâu mà có. Là mới đã không có thức ăn mới, ở đâu có thức ăn mà không lìa thức ăn cũ. Nuôi dưỡng thân mà cơm mới thì thêm lợi ích. Nhân duyên hòa hợp không thể phân biệt trước sau, gọi là Trung, chỉ trung tức là giả không, chỉ không tức là trung giả, chỉ giả tức là không trung, không thể nghĩ bàn gọi là Trung đạo. Lại Ngài Tịnh Danh nói không có phiền não không lìa phiền não, không có Ý nhận định, đó gọi là Pháp thực. Bài văn nói về ba y của Luật Sư Đại Trí. Ta có ba y, các bậc Thánh xưa theo quy tắc chân chánh dùng vải thô để che thân. Nếu mặc áo lông thú, tơ tằm thì sẽ hại mạng chúng sinh, làm tổn lòng từ bi, ba màu xanh, đen và mộc làm nhuộm lại thành mầu hoại sắc, năm chánh năm gian sẽ bị người thế tục chê bai. Vâng giữ nó như chim hai cánh, che chở nó như lớp da mỏng ngoài thân, tin nó là cờ nêu của hằng sa chư Phật, là khuôn phép của các bậc Sa-môn Thánh hiền, là điều đầu tiên cho chín mươi sáu phái ngoại đạo khởi tín tâm, là nền tảng gieo trồng ruộng phước của hai mươi lăm cõi. Bởi thế Kiên Thệ Thú Vương chịu đựng cái chết mà Tần-già xưng tán. Nữ Liên Hoa Sắc làm trò cười mà dứt hết tham si. Hoằng thệ rất nặng, chí đức khó bàn, rồng thoát khỏi họa chim cánh vàng, người hèn nông nỗi, chánh giáo suy đồi, đua nhau mặc đồ sặc sỡ, cười giỡn nghênh ngang, cống cao ngã mạn, khinh chê bậc thạc đức, học theo thói thế tục, ngu si không biết sai quấy, ông phải cung kính bậc mô phạm, tôn trọng ân từ. Thường tự vui bước bước chớ lìa, gá thần vào lạc quốc, buộc châu trong áo, hiện thân trong cõi nhẫn, báo đáp thường theo. Kiếp đá có thể tiêu mòn, muốn lời nói này không mai một, hư không có cùng tận, giữ chí này không đổi dời.

BÀI PHÚ VỀ BÁT SẮT

Ta có cái bát sắt, chứa đựng nửa đấu, không lớn không nhỏ, khỏi trúc xông huân, sáng sạch như minh châu hai phần, giống như trăng tròn sáng, sáng sớm vào xóm làng, mọi người trông thấy điều ưa thích, Kê vàng rơi vãi như có cát vàng, đống cao rõ ràng như chứa tuyết, cùng với sự biến hiện của hương tích chẳng khác, so với cúng dường cõi trời tự nhiên đâu khác. Than ôi đồng chiếc thuyền nên tự uốn nắn. Không cày cấy, không bừa gặt, mạng có sống từ đầu mà sống. Miệng bụng không biết chán, nguồn tham không cạn dứt, chánh niệm hơi trái, la sát đã đoạt, ham thích ngon ngọt một thời mà chịu đói khát muôn kiếp, vạn vàng có thể nhận, bảo đảm với anh chưa thấu suốt. Chén nước khó kham Thánh giáo nói rõ, chính là không trái với năm quán ba đề có tiết,

cẩn thận chớ luống phí tín thí kia để nuôi dưỡng tấm thân ô uế, biết rằng cần phải có duyên giúp đỡ này sớm cầu tự giải thoát.

BÀI PHÚ NÓI VỀ TỌA CỤ

Ta có tọa cụ lượng đúng cỡ, mầu giống như Cà-sa; vật thể nó thì hai lớp vải thô, dài bốn tấc, rộng ba tấc, hoại cái mới chồng lên cái cũ, hình nó to, có thể tăng thêm thân nhỏ của ta. Bắt đầu từ lúc thích loại lớn, ghét loại nhỏ, chỉ trách người sai trái với quy chế mà khai cho. Đâu biết mình sai lầm, từng nghe thân tỳ-kheo là tháp năm phần. Ni-sư-đàn là nền của bốn phương, chính là bốn tướng của đạo giả, đâu thích hợp với thân mà giữ gìn. Ngồi thiền giảng pháp trải ra, chớ đánh mất oai nghi. Vào xóm làng, du phương chớ lìa nó một bước. Không như vậy thì trái với luật, chế, một đời chỗ ngồi không đúng như pháp.

ĐÃY LỌC NƯỚC.

Ta có đãy lọc nước dùng vải dầy làm đáy, sắt nóng làm khuôn, dùng nó phải nhìn kỹ, nếu thả nó ra thì dè dặt kẻo bị tổn thương. Nên biết Phật ta nhân từ còn không làm hại một vật nhỏ. Nếu ta uống thì may được tránh khỏi tai ương khác, trong một hóa cảnh thượng trung hạ đều chế, trong nửa do-tuần qua lại phải đem, đời thường xem thường cuối cùng ai không cất giữ, có người nghe mà không theo khuôn phép rồi chê bai là tiểu đạo. Hoặc theo khuôn phép mà không dùng, chỉ treo ở nơi nhà cỏ. Đây do bên trong không có thương xót, ngoài buông lung cuồng loạn, che lấp đường lối nương tựa, hại giềng mối giáo pháp của ta, ông phải hết sức giữ gìn, há chỉ bốn đời nương cậy, mà Tam bảo được thêm sáng.

BÀI PHÚ VỀ TÍCH TRƯỢNG

Ta có một tích trượng có cách thức sử dụng, trên dưới ba đình, cán cao sáu thước, mười hai vòng tròn không thiếu, biểu thị cho nhân duyên, là tử là sinh, hai cơ mở ra mà lại đồng, nói lên không hữu, chẳng lìa, chẳng tức. Không dùng để đánh đập, chỉ mang khi khuất thực. Cầm nó thì an nhiên vắng lặng, rung nó thì kêu lích tích, muốn làm cho cửa các cõi mở, ba đường khổ dứt, tùy thân thì vách phên dứt hẳn, trần cấu dễ sinh ra cần phải lau chùi, vất bỏ ngoài mây không cho là nạn, giải hổ mạnh hề chưa phải là nhọc sức. May thay phàm ngu, đạp dấu vết bậc Thánh, bên ngoài tỏ lộ thô bạo, bên trong ấp ủ gai gốc, dùng nó bỏ nó không hề sợ hãi.

VĂN RĂN VỀ VO GẠO CỦA THIỀN SƯ TÔNG TRÁCH.

(1083) Gạo đâu phải thiên nhiên. Gạo không phải từ đất vọt lên, đều do mồ hôi nước mắt của chúng sinh đổ ra mà có, chính là máu thịt của đàn-việt, vốn vì chữa bệnh hình khô, vì thành đạo nghiệp, bình thường thọ dụng còn sợ khó tiêu, huống chi rửa sạch tinh anh chỉ là gần gạn đục, hoàn toàn năm vị nhờ vào màu đẹp thơm ngon, khéo léo ngàn mối nghĩa là thân cá thịt, dù hình dạng lông ngỗng như tuyết trắng, theo dòng nước lìa nhà thường; miện ăn ba phần bỏ hai, như thế thật uổng phí, thật không hổ thẹn, mịt mù cày cấy gian nan, giảm bớt đi sự ủng hộ của rồng thần, dù cho đầy đủ phước báu của Luân vương, vẫn phải bình vỡ nước tiêu. Tuy chẳng phải hại mạng tổn sinh linh, đâu không chiêu nhân vời quả. Đức Đại giác Thế Tôn một hạt mè hạt thóc. Bậc Cao Sĩ xưa nay rau quả no đủ, uống ăn đổi dời chưa dứt, thì mong lúc giải thoát làm sao có? Chỉ nguyện tham thiền được tủy, đâu cần vo gạo tìm gân. Dù tiêu vạn lượng vàng ròng, chính là canh thô cơm nhạt. Đã tránh khỏi đa cầu ngại đạo, tự nhiên hướng đến chỗ thanh cao.

Tuy nói gia phong đạm bạc, chẳng phải là một thứ an vui, thống tưởng viên thông từ huấn, thật kham đổi xương tẩy ruột. (Thiền sư Pháp Vân Viên Thông thường dạy học trò không được vo gạo). Suy nghĩ sâu về khuôn phép của lão Thuấn, phải là chặt đinh cắt sắt. (Hòa thượng Vân Cư Thuấn chế định thường trụ và các nơi đều không được vo gạo. Đại chúng đồng suy đạo niệm, chớ chê bai cúng dường rau cỏ. Dù cho chặt đầu tăng xuống núi, cũng quyết định không vo gạo thường trụ. Ngày mùng 1 tháng 11 niên hiệu Nguyên Phù thứ 3, trụ trì Tông Trách bạch.

Tẩy tâm vẫn còn ở giữa đường, vo gạo không hề chấn cổ phong. Ngày ngay tòng lâm nghĩ lão Thuấn, thời xưa Tông tượng nhớ viên thông. Trồng lúa gạo cực nhọc, siêng năng gian khổ. Chớ đem vo gạo làm bàn cơm, là thương xót phí tình khác gì, giống như thịt của Sơn Tăng.

Mặc là năm được mùa còn tổn phước, dù cho năm xấu cũng tổn tài, ân cần vì báo các thiền giả, buộc giữ đầu dây lại không mở.

Cho dù có dư phải thương tiếc, không nên quá phần, không hổ thẹn, ông già Diêm la thật khó hiểu, chủ lúa rồng thần, ý chưa cam, cho nó phí này không tranh nhiều; muôn việc đều từ vo gạo sinh, vua Thuấn ngày xưa làm bình sơn, trăm quan còn ngăn không cần làm.

Trong gạo có gân phải có chân, bỗng nhiên bỏ gân chân đi khó, nhà mình mê ăn tình còn mệt, hơn cùng người khác ý chưa bình.

Điều hòa hương vị như thịt chân, tranh mùi béo tươi làm cá giả, vẽ Phật đã xong thành đạo quả, voi sinh đâu được chứng Vô dư.

Ba đông chỗ vo lạnh đến xương, chín hạ khi nấu mồ hôi chảy, phí nước phí dầu gồm phí lửa, nhọc người, ngọc vật cũng nhọc thần. Đạo giả ăn đơn sơ thích hữu dư, người tịnh lại không phí công phu, tầm thường thỉnh khắp cung thừa ngoại, được mất tham thiền tụng kinh Phật.

Không học năm vị thiền các phương, ở đây tin tức đổi thiên nhiên, Thành Thang chúc lưới theo ý anh. Là vọng thả câu tin duyên ta.

Ba thời thỉnh khắp về thiền thất, một niệm vô tâm qua khe hổ, trong bát cơm đầy gạo thóc thô, trong thùng, canh là rau vàng lạt. Ngọc thực tôn quan chớ động tình, theo đường trai phạn sinh thô lắm, cửa không bình đẳng không cao thấp, ngàn Thánh xưa nay một lối đi.

Đàn-việt tín tâm cũng trai duyên, chớ đem rau cải vung rãi khắp, đại để tinh thô cùng đồng no, luận công thô qua nhiều kiếp số. Người xưa tu hành lợi ích sâu, Tân-la chẳng phải trái tòng lâm. Tuy nhiên lạnh nhạt không mùi vị, tỏ rõ thiền gia một tấm lòng.

Quân thân nghĩa trong từng khinh bỏ, thủy lục bếp tinh còn xa xôi, ngày nay tình này vẫn chưa dứt, cúi đầu nghĩ lại lúc xuất gia.

Lau mâm chùi bàn gượng tiếp đãi, hổ thẹn bổn phận tăng thiền lâm, tâm đạo xuất thế giảm dần dần, thuận tình nhân sự tăng theo tuổi. Tòng lâm khô nhạt thành rừng củi, nhật dụng tiêu điều ý cằn khô; không vo gạo mười phương thường trụ, chỉ tham tâm Tổ Sư sáu đời.

Chớ cho người nay giống người xưa, suy lường đều là có thân sơ, đương thời dựng mài phân da tủy, con cháu đời sau vo gạo cơm. Lau trai dễ đủ an vui mãi, thức ngon khó tiêu tổn duyên đạo, lại thấy khách dưới rừng bên suối, một đời vô sự sống lâu. Đã học hoại y làm khất sĩ, nhẫn khoe buổi tiệc chống Vương Công, có người hiểu cười, theo người cười, cam đứng dưới gió giương cờ cao. Chẳng phải lo nghèo, chẳng phải keo, dứt buộc ăn nói hợp như nhiên, thượng sĩ rõ tâm đáng giao cho, nhiều miệng thiền hoa chớ loạn truyền. Sữa kiệu hành, tanh tổn giới hương, uống ăn xa xỉ phí của người, như nay nét bút đều xổ toẹt, chuyển bất cửa không, mùi khí sinh. Vo gạo cuối cùng ắt hóa khó, lần lữa nhiều bệnh chướng khinh an; phước đức phàm phu có nhiều ít, dù cho rét lạnh cũng biết nóng. Mặt mũi xưa nay rất rõ ràng, theo sóng gió héo hắt một đời, đáng bị Cao sĩ tòng lâm cười, thiên chân tán tận được phù danh. Cao Tăng tài giỏi không bè phái, mũi thấu trời xa khí tới mây, còn chê thiền duyệt vị quý lạ, không chịu bừa bãi thích gạo gân.

Sơn tăng lúc đầu chưa gian nan, chấn lệnh đề cương như đợi nhàn,

mười lăm vạn cân gạo thường trụ, đã theo dòng nước qua nhân gian.

Tuy nhiên chỉ việc ngựa khó rõ, đồng lối cùng công chưa thể nương, tiếc phước thời này nhân đại chúng, vô tàm lúc ấy là sơn tăng.

Chiêu đề uổng phí họa khó lường, thấy nói nê-lê năm tháng dài, lại sợ lúc nào ngăn đạo nghiệp, chẳng như ngày nay lại tầm thường. Chấp sự tòng lâm chớ ngu si. Quả khổ trả nhân đâu chịu nổi, lại nghĩ các nơi hỏi Vương lão; không biết đắng cay cái nào ngọt.

Nhà Tăng cơm một bữa nuôi thân, tiếc phước xưa nay răn gạo cơm, ăn của hàng thịt thật đáng thẹn, mua rượu một ngàn lại người nào.

Trời xanh ba Vũ họa Tông ta, Thích Tử về nhà chùa tháp không, đáng là ngày sùng phụng năm xưa, không thể thanh kiệm giữ chân phong. Sơn Tăng đất riêng đổi nhà thường, vẽ được môn ta lại lâu dài. Nếu hướng lúc này phụng dưỡng xa, khỏi dạy ngày khác lầm quân vương. Đường triều sắp tận việc rất nhiều, lửa binh thiêu hết muôn muôn nhà, ngày ấy thối binh nghĩ kiệm ước, có thể hoa trong ổ giặc loạn. Gió yên ngày tốt kiệu đi xa, tiến tới thái bình cắt cỏ họa, sở dĩ môn ta thềm đạm bạc, tính toán thiên hạ dứt rối ren. Nhiếp phục trời rộng động quỷ thần, bởi nhân hạnh cao vượt phàm luân, theo giáo xưa nhạt không người thích, chỉ thanh tu này là hóa môn. (1084) Tuy nhà giàu có việc khó đồng, thiền duyệt thích hợp trong đạm bạc, cuồng miệng nếu biết không mùi vị, giảng đầu mới thấy chẳng không không.

Người thọ phước thường tiếc phước ít, được tiện nghi rơi vào tiện nghi, bánh hồ vân môn cơm trâu vàng, hễ tâm no đầu quên trăm đói. Ca-sa trăm mảnh, bát năm nứt, hai thời há lại tính tinh thô, sa-môn rốt ráo nên thanh khổ, ấn dịu tu hành đạo nghiệp thông. Thái bình người vật đổi tâm khai, thọ dụng buộc ràng dưỡng thai họa, hổ thẹn chưa sinh si phước tận, tai ương mưa hạn thình lình đến. Thái bình sinh tuổi tăng gia dần. Ăn ngon mặc đẹp bình đựng hoa, địa phương có cùng tài có hạn, thời gian tiết kiệm không xa xỉ.

Bài minh về tâm thầy của Pháp Sư Biện Tài Tịnh chao ôi! Thân này, sinh ra làm chi? Dùng thức ăn để giúp, dùng áo che thân, dùng nhà để ở, bệnh thì có thầy thuốc, trăm việc một lúc phải đem cấp dưỡng không thiếu. Thật không biết ơn mà lại sinh oán, bốn đại chống nhau, năm tạng không hòa. Thân này vô thường, một khi dứt hơi thì sang đời khác. Thân này vô thường một khi dứt hơi thì sang đời khác. Thân này chín lỗ bài bất tịnh chảy đầy, trăm ngàn ung thư, ba loại tịnh quán, mười sáu tư duy, một bước không lùi, an dưỡng về Tây, thành trí vô thượng

đó là tâm thầy.

Bài minh dưới tòa của Đại Sư Thiền Nguyệt về lời tựa rằng: Tôi thường thấy Bạch Thái Bảo làm một bài Tử Ngọc Tòa Hữu Minh, Yếu chỉ ngôn từ ấy có văn chương và điển tích, lại tha thiết, thật có thể để cảnh sách người chưa ngộ dẫn dắt đời tương lai. Kế lại thấy Diêu Tông Khải Lan nói về Lý Ung đều có văn này rất sâu kín, chính là lời răn dạy xưa nay. Tôi rất thích văn này, chỉ tiếc người thế gian không thể thực hành, trong mười người chỉ có hai, ba người thực hành. Một ngày nhân Tụ Hào bèn làm thừa mệnh của họ Tục Bạch.

Bài minh dưới tòa của Diêu Lương Công, tuy văn ngang lý dọc không kịp các công mà cũng có thể ghi vào bức vách nhà. Khéo là thân ông, hạnh là tánh mạng ông, họa phước chắc chắn chuyển được, không gì đẹp bằng nói tiền định, thấy người được cũng như mình được, đẹp thì không thể không hay. Thấy người mất cũng như mình mất thì đây là hưởng điều tốt lành. Trái với những điều này thì quỷ trời sẽ giết hại, phước trước họa mới, thích xem xét giềng mối không được thì không thôi. Giữ khiêm cung ít muốn, tốt ra tốt, xấu ra xấu, không được thì không làm, không tỏ vẻ giàu sang mà chê bai người đi khiểng chân, không khinh bỉ người nghèo cùng, trên dưới nương nhau. Bậc Thánh xưa viết sách chăm lo đau đáu trung hiếu tín hạnh vượt qua ăn mặc, sống giữa trời đất chưa ai chẳng cậy nhờ, thân nguy cảnh vòng, cầu ngựa chạy nhanh, vì sao không tự cường, lên ngồi nhà ngọc, tự đọa lời dối hành ngụy, sắc đẹp dẫn đến ương lụy thế gian ông cần phải dạy, rượu thịt, ruột ông cần phải sợ, cố gắng vững chí, đổ ngả ắt sẽ vỡ. Cái sai không gì bằng vun bồi cho cái sai, các lỗi không gì bằng lỗi trang sức thêm cho cái lỗi, chính là con cháu vật âm công chắc chắn là phong, không nhớ văn học là quán ít có, hoạn theo bất nhẫn, hại theo không đủ. Một đây, một kia sở quan hợp nêu, xấu không phải là bóng nước, dòng suối trộm chẳng phải là nước. Đời tin có cỏ sinh ra các loài, phải như nước như ngọc. Trồng đào trồng mận, ghét cái ác của người, đền ơn đáp nghĩa, chợt sự khinh mạng của mình thành cái tốt của người, không lấy hư danh không trái chí lý, điềm hòa thông sướng, dung hội đầu cuối, cảnh trời người tận cùng ở đây mà thôi, dặn dò dặn dò, hãy ghi nhớ lấy.

Hòa thượng Hữu Vân Mâu ở núi Nang Tế, Cát Châu nói về Xà Uế: Trên thế gian này loài độc nhất không gì hơn loài rắn hổ mang. Thứ nhơ uế nhất không gì bằng tiện lợi. Bởi vì cái độc của rắn hổ mang có thể hại tánh mạng con người. Sự ô uế của tiện lợi sẽ làm ô uế thân

người. Cho nên muốn giữ gìn tánh mạng con người thì phải xa lìa sự độc hại. Muốn làm trong sạch thân hình thì phải trừ bỏ ô uế. Như người thế gian mộng thấy rắn thì vui mừng nghĩ có tiền bạc. Mộng thấy tiện lợi thì mừng mình được lợi. Tại sao thức ngủ, ái ố lại khác nhau? Nếu biết sợ hãi có sợ hãi, thức dậy có sợ sao lại nhất định thấy niềm vui này về của lại hơn cả tiện lợi. Lại nữa, người xưa vì tài của mà hại đến tính mạng, chẳng phải chỉ một người, vì lội làm ô nhiễm thân hình cũng do những thứ này, mà người không ngộ yêu thích nó không thôi. Tham nó không dừng, thật cũng có thể đáng thương. Lại nghèo giàu là sự phân định của con người, có thể an phận mình tuy nghèo cũng vui, không an phận mình dù giàu cũng thường lo âu, ta biết được phận có thể an, nghèo có thể vui, thì tánh mạng có thể giữ gìn mà sống, thân hình có thể thanh khiết mà tồn tại. Bởi thế người tham tài của là cấp dưỡng cho hổ mang; người ham lợi chắc chắn ô uế thân mình.

Ta không thích nghèo là xa độc hại, ta không ghét giàu là trừ ô uế. Như có người xa lìa của cải như xa lìa rắn độc, trừ bỏ lợi như bỏ đồ tiện lợi (dơ uế). Ta bảo hộ người này dần dần có thể làm con người thấu hiểu tất cả. Không như vậy thì đời đời tham ái không thôi, chắc chắn sẽ bị tổn hại tánh mạng và làm ô uế thân hình. Người thế gian cần phải thuận theo.

Thư Thiền sư Đại Tuệ, trả lời Tôn Tri Huyện: Người sở dĩ tu học kinh Kim Cương hiển bày tướng của nó may được tùy hỷ một lần. Gần đây, các Đại sĩ phu chịu như phải trái dồn tâm vào nội điển, thật là ít có, không được ý thú thì không thể tin được như thế. Xem kinh không tường tận thì không thể hiểu rõ nghĩa sâu mầu diệu trong kinh, thật giống như hoa sen mọc trong lửa. Nghiên cứu ý vị đã lâu không thể không nghi bọn tả hữu mắng chê các Thánh phiên dịch mất đi chân chánh mà dẫn đến loạn bổn chân. Văn cú thêm bớt trái với ý Phật.

Lại nói: Từ đầu trì tụng hiểu biết cái sai của mình, muốn tìm gốc định chính là sai lầm lẫn lộn, mà học theo sự tà ngụy đã lâu thì sấm tội đồng nhất loạt. Đã được Tạng Bổn của kinh đô mới có nơi y cứ. Lại khảo cứu tìm tòi các luận tùng của ngài Thế Thân và Vô Trước thì nghĩa ấy hợp bèn phân chia ra không nghi. Lại dựa theo hai sư Trường Thủy và Cô Sơn đều y vào câu cú mà trái nghĩa. Không biết mà những người chung quanh dám phê bình như thế, thì chắc chắn thường thấy bản phạm dịch vào thời Lục triều, đều được các sư phiên dịch sai lầm, mới phân chia không nghi. Đã không có bổn Phạm mà không theo rồi loại bỏ ý Thánh, thì lại chưa nói về vời nhân cảm quả, hủy báng lời dạy

của bậc Thánh thì đọa ngục vô gián. E rằng có người hiểu biết thấy điều đó lại như bọn tả hữu. Xem xét về lỗi của các sư còn đấm trước bổn nhân. Người xưa có nói giao cạn mà nói sâu thì vời lấy con đường tội lỗi. Mỗ và tả hữu không rõ bình sinh. Tả hữu lấy kinh này tìm cầu ấn chứng, muốn truyền bá muôn đời. Ở trong thế giới chúng sinh giới trồng hạt giống Phật. Thứ nhất đồng với hiếu sự mà lại cho mỗ là người ở đây, cho tin tức ở đây, trông mong vào bên ngoài của hình khí. Cho nên chẳng dám không kính bậc trên. Xưa Quốc sư Thanh Lương soạn Hoa Nghiêm sớ, muốn dịch đúng những chỗ sai lầm mà không được phạm bổn, nhưng chỉ viết ở cuối sách mà thôi.

(1086) Như trong phẩm Phật Bất Khả Tư Nghị Pháp cho là tất cả chư Phật có vô biên thân, sắc tướng thanh tịnh vào trong các đường mà không đấm nhiễm Thanh Lương chỉ nói quyển thượng phẩm Phật bất tư nghì pháp, trang ba, hàng mười. Tất cả chư Phật đã thoát ra ngoài chữ nghĩa. Đối với kinh này được giải thoát, đều chua ở sau kinh. Thanh lương là bậc Thánh Sư, không thể không thêm vào và bỏ bớt, chỉ dám viết ở sau kinh. Người biết pháp thì sợ. Lại trong kinh có nói báu lưu ly lớn. Ngài Thanh Lương nói: e là phệ-lưu-ly. Bổn cũ viết nhầm cũng không dám sửa, cũng chỉ như thế, chú ở sau kinh. Các Sư phiên dịch thời lục triều chẳng phải đều là người hiểu biết cạn, phiên dịch lại có người dịch ngữ, có người dịch nghĩa, có người nhuận văn, có người chứng phạn ngữ, có người chánh nghĩa, có người hiệu đính về bổn phạm đời Đường, mà những người cho ta dịch sai ý Thánh, tả hữu đã không có được bản Phạm, bèn vọng phê phán, lại muốn cho người đời sau tin chắc không phải là khó ư?

Như nói về Trường Thuỷ y vào câu cú mà trái nghĩa, không có bổn Phạm làm y cứ, như thế vì sao lại quyết định cho đó là sai? Công này tuy là người giảng nói, không giống với người giảng nói khác. Từng tham vấn sư Lang Da Quảng Chiếu Tường, nhân hỏi Lang Da: Trong kinh Thủ-lăng-nghiêm, Ngài Phú-lâu-na hỏi Đức Phật nghĩa Thanh tịnh bản nhiên vì sao bỗng sinh ra núi sông, đất đai. Lang Da bèn lớn tiếng nói: Thanh Tịnh bổn nhiên vì sao bổng sinh ra núi sông đất đai, Trường Thủy ngay lời nói ấy đại ngộ. Sau đó mới dũ tay áo tự xưng là Tọa chủ. Bởi vì Tọa chủ phần nhiều là tìm hàng đếm mực. Tả hữu cho là y vào câu cú mà không nương theo nghĩa. Trường Thủy chẳng phải không thấy biết cũng chẳng phải là người tìm hàng đếm mực, không vì đầy đủ tướng mà được Vô thượng Bồ-đề.

Đoạn lớn trong văn kinh rõ ràng, văn này ý rất cạn cợt, tự là tả

hữu cầu kỳ quá lắm, muốn lập sự hiểu biết riêng, tìm người theo mình. Tả hữu dẫn luận của ngài Vô Trước rằng: vì pháp thân lẽ ra thấy Như Lai, chẳng cho tướng mà đầy đủ. Nếu thế Như Lai tuy không nên dùng tướng đầy đủ để thấy, ứng tướng đầy đủ là nhân được Vô thượng Bồ-đề là xa lìa điều này. Kinh nói: Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào? Như Lai có dùng (?) tướng để thành tựu Vô thượng Bồ-đề không?

Tu-bồ-đề thưa: Con không nghĩ như thế. Nghĩa này nói rõ tướng đầy đủ, thể chẳng phải Bồ-đề, cũng không dùng tướng đầy đủ làm nhân. Vì tướng là tự tánh của sắc. Đoạn lớn luận này rõ ràng, tự do tả hữu thấy lầm hiểu sai. Sắc là duyên khởi của tướng. Tướng là duyên khởi của pháp giới. Thái tử Lương Chiêu Minh cho là: Đừng nghĩ như vầy: Như Lai không dùng tướng đầy đủ để được Vô thượng Bồ-đề. Trong ba mươi hai phần cho phần này là phần vô đoạn vô diệt. Sợ Tu-bồ-đề không dùng tướng đầy đủ thì duyên khởi diệt. Bởi vì Tu-bồ-đề lúc ở trong thai mẹ đã biết được về vắng lặng, thường chẳng trụ vào tướng duyên khởi. Sau đó dẫn luận của Bồ-tát Công Đức Thí: Đời mạt pháp sau này nếu dùng tướng thành tựu là chân thật có. Khi tướng này diệt thì gọi là đoạn. Vì sao? Vì sống cho nên có đoạn (chết). Lại sợ người không lãnh hội, lại nói: vì sao tất cả pháp là tánh Vô sinh. Cho nên xa lìa hai chấp thường và đoạn. Xa lìa hai chấp là tướng pháp giới không nói về tánh mà nói tướng, vì pháp giới là duyên khởi của tánh, vì tướng là duyên khởi của pháp giới. Không nói tánh mà nói tướng; Lương Chiêu Minh cho là vô đoạn vô diệt. Đoạn này lại càng rõ ràng, lại là Tả Hữu cầu kỳ quá lắm, gắng sinh ra tiết mục. Nếu kinh Kim Cương có thể tước bỏ thì một đại tạng giáo hễ có người xem thì mỗi người tùy ý hiểu; đều có thể loại bỏ. Như trong luận ngữ, Hàn Thối chỉ ra rằng: chữ họa mà viết thành chữ Trú tự rồi cho là bổn cũ sai. Vì Hàn Thối là người hiểu biết nên có thể sửa đổi, mà chỉ luận ở trong sách như thế, tại sao cũng là người biết pháp mà lại sợ.

Thiền sư Khuê Phong Tông Mật soạn viên giác sớ sao. Ngài có chứng ngộ trong kinh viên giác mới dám hạ bát. Vì trong kinh Viên Giác nói tất cả chúng sinh đều chứng Viên giác. Ngài Khuê Phong đổi chữ chứng thành chữ Cụ (sẵn có), cho là người dịch sai lầm mà không thấy bổn Phạm, cũng chỉ nói như thế, trong số không dám tự tiện sửa đổi chánh kinh.

Sau này Hòa thượng Lặc Đàm Chân Tịnh lựa chọn đều chứng luận, trong luận chửi mắng Ngài Khuê Phong, cho là phá phàm phu tanh hôi. Nếu tất cả chúng sinh đều sẵn có viên giác mà không chứng thì súc sinh

mãi mãi là súc sinh. Ngạ quỷ mãi mãi là ngạ quỷ, tất cả chúng sinh cùng tận mười phương thế giới đều là chùy sắt không lỗ (chỉ cho người tham học đần độn). Lại không có một người nào phát chân về nguồn, phàm phu cũng không cần cầu giải thoát. Vì sao? Vì tất cả chúng sinh đều sẵn có Viên giác, cũng không cần cầu chứng. Tả Hữu cho bổn kinh của tạng ở Kinh đô là đúng, rồi y cứ vào bổn ở Kinh đô.

Nếu Tạng Bổn ở Kinh đô từ ngoại phủ châu nhập vào, như hai tạng kinh ở Kính Sơn đều là lúc Triều đình rất thịnh vượng mới ban cho, cũng là kinh ngoài phủ châu được viết ra, muôn điều mới có một điều sai lầm, lại làm sao cải chánh. Tả Hữu nếu không có nhân ngã, thì chắc chắn cho lời Diệu Hỷ là chí thành, không hẳn chìm vào một sai lầm lớn của xưa nay. Nếu chấp cái thấy của mình là đúng, quyết định muốn sửa đổi, muốn tất cả mọi người chửi mắng một người tùy ý khắc bản lưu hành, Diệu Hỷ cũng chỉ được tùy hỷ khen ngợi mà thôi. Ông đã được, bèn sai người đem kinh đến xin ấn khả. Tuy không biết nhau mà lấy pháp làm thân quen. Bất giác lo cho việc không thuận theo, thấy ông đến thật là điều không để ý. Tả Hữu muốn nghiên cứu cùng tột về giáo thừa tạo nghĩa sâu kín phải tìm một giảng sư đức hạnh, danh tiếng, nhất tâm nhất ý tham cứu về giáo điển tường tận, thấu suốt tất cả, giống như dồn tâm vào cương giáo. Nếu chưa rõ việc lớn sinh tử vô thường mau chóng thì phải nhất tâm nhất ý tìm một bổn phận làm nhà thì có thê phá được hang ổ sinh tử của người và bờ mé công phu đấm chết kia. Bỗng nhiên đập vỡ thùng sơn chính là chỗ thấy suốt. Nếu chỉ cần bỏ ra cho đầu đề một cuộc nói chuyện, đạo ta thông suốt các sách chẳng điều gì không thông đạt, thiền ta cũng hội, giáo ta cũng hội. Lại có thể xem xét, cho là đạt đến chỗ các bậc tiền bối dịch chủ giảng sư không đạt tới, ra vẻ ta cũng hiểu được, thì bậc Thánh tam giáo đều có thể xem xét, cũng không nhất định lại tìm cầu người khác ấn khả, sau đó buông lung thì thế nào, thế nào?

Thư Hòa thượng Phật Giám Khắc Cần gởi cho Hòa thượng Phật Quả Cần: xưa phụng thừa Tổ Phong lão sư, có nghe lời này: Nay người học đạo chốn tòng lâm mà danh tiếng không vang, không làm thủ tín cho người bởi phạm hạnh không trong sạch, làm người không xác đáng, chỉ muốn tiếng tăm lợi dưỡng, mới khoa trương tô vẽ điều hay cho mình, bị người hiểu biết chê bai. Cho nên che lấp sự yếu đuối của các ông. Các ông sau này may mắn làm thầy khuôn mẫu của trời người, rồi thích hợp với việc này tự cố gắng, mỗ được nghe điều ấy, bèn ghi trong lòng những bậc tài giỏi, rốt cùng thân tụng không dám quên. Gần đây có một

thiền khách đến đây kể lại. Thiền sư Giáp Sơn gần đây thỉnh Tuyết Đậu cho huynh đệ, cơ lớn giải thích chỗ khác nhau về sự sâu kín của Ngài, vượt qua các vị khắp nơi, thật từ xưa đến nay chưa từng có. Mỗ nghe điều đó bất giác rơi lệ, tự cho Ngài là bậc sống ẩn sao lại đến đây; lão huynh sao không khen ngợi, khi Đạt-ma chưa đến, nhân duyên dẫn dắt người học để báo đáp ân đức của bậc tiên Thánh, chẳng phải là lôi kéo đến đây, thật là (1086) sai lầm lớn. Điều này do lão huynh xem rộng sự nhiệm mầu sâu kín xưa nay, mà không tức giận bọn tà dị thuyết thời nay, vì có mê mờ về yếu chỉ của nhân, đoạt phá đại dụng biển cỏ yếu của bậc tiên đức, để phá tan ý nghĩ mờ tối ấy. Song bậc cao minh biết xa, có người cho rằng cái thấy thanh cao ắt không ngoài đều này. Vì sợ làm mờ tối kẻ hậu sinh, nghi lời ấy câu ấy là tốt đẹp, cho là Phật pháp chỉ như thế, bèn ngồi trong hóa thành không thể tiến đến đảo châu báu, bị hại không ít. Tóm lại không chỉ tổn hại đến tông giáo cũng chính là không có ích đối với người học. Mỗ không sợ tội trách cứ. Dám đem lời của bậc tiên sư truyền trao để nói với tả hữu, để tự khuyên thì may mắn không gì lớn bằng. Nếu cho cái thấy này bỏ đối với tôi cũng không có tội đối với tả hữu, thì không nên. Thư Đáp Hòa thượng Đầu Tử Thông: Mỗ kính bạch! Nhiều lần nghe Bình Tích phó duyên với Đầu Tử, bốn phương quy về đức hợp với sự khâm phục thừa nhật, không có gián cách, thì đồng với gió khác với vui, lại có thể biết, nhân đem thư đến, dùng pháp dặn dò, than ôi thật khó được. Chưa rõ Thiền sư đắc pháp với vị nào. Nếu là phái chánh Tòng Lâm tế của Phần Dương đâu may như vậy. Từ trên các vị tiên tổ mỗi vị đều có Tông chỉ mật truyền, để biện rõ chánh tà, để xem xét người; sau đó mới ấn khả. Chư Phật ba đời, sáu đời Tổ sư, muôn tượng sum la hữu tình vô tình dùng tam-muội hải ấn, để ấn định, khắp trời đất không một mảy sót mất. Từ Thiền sư Bách Trượng Đại Trí trở xuống thay nhau nối tiếp cho đến câu Phần Dương có ba loại sư tử:

1/ Pháp nhàn phi thường (siêu Tông dị mục).

2/ Tề mi cọng trục (bằng mày cùng vết).

3/ Ảnh hưởng tiếng nghe.

Nếu Pháp nhãn phi thường vượt qua chủ vị Thiền sư các phương là trồng cỏ. Nếu bằng mày cùng vết là giảm làm thầy nửa đức, không xứng đáng truyền thọ. Nếu ảnh hưởng, không chân thì thể hổ lang dị loại làm sao phân? Từ Minh truyền dạy điều đó.

Bèn nói: Trời đất trên lòng bàn tay ngàn sai đều một chiếu, Dương kỳ truyền dạy điều đó, thì dùng vòng kim cương gai gốc, để nghiệm

chánh tà, núi Thiết Vi có thể suốt qua, vòng kim cương không thể suốt qua. Nước biển lớn có thể nuốt, lúa cỏ gai không thể nuốt.

Nếu nuốt được một cọng cỏ thì trăm ngàn muôn ức cỏ nuốt không ngại. Nếu suốt qua được một vòng thì trăm ngàn muôn ức vòng suốt qua vô ngại. Từ Dương Kỳ truyền đến Sư ông Bạch Vân Thủ Đoan, sư ông truyền đến tiên sư ngũ tổ, Tiên sư truyền đến Tân Giới, nhiều đời truyền nhau, nếu lãnh ngộ sâu, biện rõ chánh tá, dè dặt phải cẩn thận, sợ lạm tông thừa; có sự sai lầm cho kẻ hậu học. Mỗ tự đến Tiên Sư ấn khả, nắm chắc thái bình, hoàn toàn thấu suốt, sáng tối hợp nhau, cao thấp một loại, muôn loại đều rõ, chánh tà rỗng rang, không dám qua mặt. Bởi thế ngàn sai muôn khác biết công án ngoa ngụy, không ngoài vòng kim cương gai gốc, một lúc nhiếp hết. Nếu nuốt được cọng cỏ, suốt qua một vòng thì trăm ngàn muôn ức, cỏ, vòng đều vô ngại, vô ngại đợi dung, vạch sáng nghi ngờ quanh co, xem xét còn đồng phù hợp không sai, tức là may mắn lắm. Nếu chưa như vậy, thì không dám tuân mạng. Kính cẩn nghe theo ít thấy tường tận, không tuyên bày.

■

TRUY MÔN CẢNH HUẤN

QUYỂN 9

SẮC VĂN CỦA HOÀNG ĐẾ CAO TỔ ĐỜI TÙY.

Hoàng Đế kính hỏi Thiền sư Trí Nghi ở chùa Quang Trạch: Trẩm rất kính tin tôn trọng Phật giáo. Thuở xưa, lúc thời nhà Chu, hủy hoại Phật pháp. Nay trẫm phát tâm lập nguyện hộ trì Tam bảo, thọ mạng bằng trời, lại nương nhờ thần lực chư Phật để cho bánh xe chánh pháp xoay trở lại, chúng sinh mười phương đều được lợi ích để trình bày lại sự ngược loạn bạo tàn của chúng, phương Đông trăm họ làm việc nặng nhọc khổ không kể xiết. Cho nên vâng lệnh tướng ra trận để trừ hại cho dân. Đất Ngô Việt nay ra lệnh làm cho bình yên cho đạo tục được an ổn, thật mới vừa ý trẫm. Trẫm tôn sùng chánh pháp cứu giúp muôn dân, muốn làm cho ruộng phước còn mãi, rường cột vô cực. Sư đã rời mối ràng buộc ở đời, tu rồi giáo hóa người mong được tăng tiến. Hạnh của tăng giữ chặt giới cấm, làm cho người nhìn thấy đều khâm phục, nghe đến ắt sinh thiện, mới là tâm giúp đỡ cho đạo lớn. Ấy là nhiệm vụ của người xuất gia. Nếu thân vào đạo mà tâm nhiễm trần tục thì không phải là loại hàm sinh. Không nơi nương tựa, e rằng cửa diệu pháp sẽ bị phỉ báng trở lại, phải khuyên nhắc nhau để đồng với tâm của trẩm, ngày xuân sáng dần, đạo thể mới thích hợp. Ngày 16 tháng giêng niên hiệu Khai Hoàng năm thứ 10 nội lại lệnh an bình công thần Lý Đức Lâm, nội lại thị lang vũ an tử thần Lý Nguyên Tháo phụng, nội sử xá nhân Bùi Củ vâng hành. Tấn Vương Thọ Bồ-tát giới Sớ.

Sử trì tiết thương trụ Quốc Thái Úy Công Dương Châu Tổng Quảng Chư Quân Sư Dương Châu thích lại Phổ Hương. Đệ tử Dương Quảng cúi đầu đảnh lễ chư Phật ba đời bổn Sư Thích-ca Như Lai nên giáng xuống cõi này, bổ xứ Di-lặc, tất cả tôn kính vô lượng Pháp bảo, Sơ tâm trở lên Kim cương, trở xuống Chư Tôn, đại quyền ma-ha-tát-đỏa. Bích chi, Duyên giác, Độc giác minh ngộ, hai mươi bảy Hiền Thánh thà tâm đạo nhãn, cho đến ba cõi tối đỉnh, hai mươi tám Phạm Vương, thiên tử đế thích, thiên chủ, sáu tầng trời cõi Dục, bốn vị vua trời, trời tiên rồng

thần bay lên, hiện ẩn, giữ gìn thế giới làm lợi ích lớn, giữ pháp, vệ pháp, phòng thân hô mạng, hộ tịnh giới có vô lượng thiên thần điều nguyện trong khoảng một niệm nương oai thần Phật đều hội họp ở đạo tràng, chứng minh đệ tử thệ nguyện, nhiếp thọ công đức của đệ tử vì thức ám mà sinh khởi, tức là tánh Như Lai. Vô minh đọa xuống vốn chưa có ảnh. Lý số quy về, vật cùng cực thì trái ngược. Muốn hiển quả tương lai thì phải tích chứa nhân hiện tại. Là Điều ngự Thế hùng đầy đủ vượt qua sinh tử, cỏ cây làm thẻ không thể đếm xuể, hằng sa tập khởi vững chắc khó nghĩ bàn, nhiễm sâu trần lao mới có thể chán lìa, Pháp Vương khải vận vốn hóa Bồ-tát thì như mặt trời mọc trước hết chiếu lên núi cao, tùy theo căn cơ, nghi quyền làm phương tiện. Như các dòng kia đều chảy về biển lớn. Đệ tử gắng chứa nhóm điều lành để sinh vào hoàng gia, được sự dạy dỗ của gia đình, làm phước bỗng chốc chuông diệu cơ ngộ, thẹn núi cao lại đường nhỏ, ưa thích dạo nơi Đại thừa, cười nghỉ ngơi nơi hoá thành, thệ làm chiếc thuyền qua bờ kia. Nhưng bậc khai sĩ muôn hạnh giới thiện làm đầu, Bồ-tát thọ mười điều lành chuyên trì là trên hết, bảo xây dựng cung thất chắc chắn phải có nền móng, nếu không làm nền thì không thể thành lập được, phí công vô ích. Gượng lại nghe điều đó. Môn Khổng Lão thích điều là người được un đúc, nếu không có khuôn phép oai nghi thì ai sẽ kính ngưỡng, thật là Thích-ca Năng Nhân vốn là Hòa thượng, Văn-thù-sư-lợi vốn làm Xà-lê mà nhất định phải nương vào thầy người mà hiển lời truyền trao của bậc Thánh, từ gần đến xa cảm mà thông. Tát-đà-ba-luân đục tủy xương mà không kiệt sức, đồng tử Thiện Tài quên thân nơi pháp giới, Kinh có văn rõ ràng, dám nhớ nói, tin sâu lời Phật, vâng theo lời Phật dạy. Thiền sư Thiên Thai Trí Khải nghĩ là bậc tài giỏi trong Phật pháp, đồng chân xuất gia. (1087) giới châu tròn sạch, tuổi trẻ mà nước định lắng trong, nhân định mà phát tuệ, biện tài vô ngại, trước người, khiêm cung bậc trên, tiếng tăm vang khắp, mọi người đều biết. Đệ tử sở dĩ thành tâm kính cẩn, thường sợ duyên sai; gặp các lưu nạn, cũng đã đến đường dứt tâm hoát nhiên, và vạch đám mây mù, chỉ tiêu trừ phiền não. Kính cẩn nay ngày 23 tháng 11 niên hiệu Khai Hoàng năm thứ 11 Tổng Quản Kim Thành thiết đãi một ngàn vị Tăng dùng cơm đạm bạc, kính lễ Thiền sư trao giới Bồ-tát. Giới gọi là hiếu, cũng gọi là chế chỉ, phương tiện trí độ quay về phụng thờ ngôi vua. Lấy phước cao quý này phụng thờ Hoàng hậu chí tôn, làm đại trang nghiêm, đồng với lòng từ của Đức Như Lai, lòng yêu thương của chư Phật đều xem bốn loài sinh như con một. Đệ tử ngày nay gieo nghiệp La-hầu (gieo nhân lành), đời đời kiếp kiếp lại sinh vào nhà Phật,

như tám người con Vương tử vào thời Đức Phật nhật Nguyệt Đăng Minh, như mười sáu vị sa-di của Đức Phật Đại Thông Trí Thắng, quyến thuộc nhân duyên pháp thành bạn lữ, đều ra khỏi dòng hữu lậu đến đất vô tri. Bình quân sáu độ, điềm hòa bốn đẳng, chúng sinh vô tận, độ thoát khôn cùng, kết tăng-na ở thỉ tâm, dùng đại bi để cứu chỗ nạn, xa hơn nữa là như pháp giới, rốt ráo như hư không, thành tựu đầy đủ, đều mãn biển nguyện Dương Quảng kính lễ.

Thiền sư Sơn Lãng ở Tả Khê thuộc Vụ Châu với Đại Sư Vĩnh Gia ở núi. Từ lúc đến Linh Khê tâm ý khoan khoái, đỉnh núi cao thấp chống tích trượng du phương; thất đá, khám đá lau chùi an tọa, thông xanh nước biếc trăng sáng tự sinh, vượn hú ngâm dài xa gần đều nghe, đầu bừa làm gối cỏ khô làm nệm; trên đời cạnh tranh nhân ngã. Tâm địa chưa đạt mới ra như thế, còn có tấc bóng nguyện dũ lòng hỏi nhau.

Thư Vĩnh Gia Đáp: từ khi biết nhau đến nay đã mấy năm rồi, khi tâm xa mà muốn gần lại thành nhọc, bỗng nhiên nhận được thư gởi đến thật không lo nghĩ; không tín sau này đạo thể như thế nào, pháp vị giúp thần nên vui thanh tịnh, thô được kịp thời khâm phục âm đức, không nói có thể thuật, thừa tiết tháo ở một mình nơi u thâm, mất tích nhân gian ẩn hình khe núi, cắt đứt thân bằng đến nơi chỗ chim thú dạo chơi, suốt đêm miên miên, trọn ngày vắng lặng, thấy nghe đều dứt, tâm lụy rỗng rang, ở một mình nơi núi vắng, ngồi dưới gốc cây, dứt hết ràng buộc, đạo thành hợp như. Nhưng mà chánh đạo vắng lặng, tuy có tu mà khó hội; bọn tà quấy nhiễu, không quen mà dễ thân, nếu không biết khế hợp Tông huyền, thực hành hợp với đường chân, thì chưa thể câu thúc ở nơi u thâm, tự cho là một đời hay sao? Nên phải hỏi khắp bậc tiên tri, cúi mình thành khẩn, khoanh tay co gối, sửa ý nghiêm thân, ngày đêm quên mất, từ đầu đến cuối kính thành khát ngưỡng, chiết phục thân miệng, kiêu căng đãi mạn không quay lại nhìn hình hài, chuyên tinh chí đạo có thể gọi là lắng thần lực tấc vuông hay sao? Hễ muốn tìm diệu tìm huyền, thật không dễ dàng, quyết chọn thứ lớp lướt nhẹ trên nước, chắc chắn phải nghiêm tai mắt mà vâng theo huyền âm; nghiêm ngặt tình trần mà thưởng thức cái u huyền, quên lời, lặng yếu chỉ, rửa lụy ăn huyền, chiếu sợ ráng theo không lạm một sợi tóc. Như thế mới có thể ẩn hình nơi khe núi, vắng lặng hết các lụy.

Hoặc lối tâm chưa thông, nhìn vật thành vướng mắc, mà muốn tránh ồn náo, cầu tìm tĩnh lặng, trọn đời chưa có phương hướng, huống chi là rừng sâu thăm thẳm, núi cao vòi vọi, chim thú kêu la, tùng trúc um tùm, suối đá chanh vanh, gió heo hút thổi, bụi cây quấn quýt, mây

mù quyện nhau, tiết vật suy vinh, sáng tối qua nhanh. Những thứ ấy há chẳng phải là huyên tạp ư? Nên biết kiến hoặc còn vương, chạm việc không giải quyết được. Cho nên trước phải học đạo, sau đó mới ở núi. Nếu chưa biết đạo mà ở núi trước thì chỉ thấy núi mà quên đạo. Nếu chưa ở núi mà biết đạo trước thì chỉ thấy đạo mà quên núi. Quên núi thì tánh đạo tinh thần vui vẻ, quên đạo thì hình núi làm hoa mắt. Bởi vậy, thấy đạo quên núi, thì nhân gian cũng vắng lặng, người thấy núi quên đạo thì trong núi cũng là chỗ huyên náo. Nhất định có thể hiểu rõ ấm vô ngã, vô ngã thì ai là người trụ ở nhân gian. Nếu biết ấm nhập như hư không, hư không nhóm lại thì khác gì hang núi. Như ba độc ấy chưa dứt, sáu trần còn vướng, thân tâm tự mâu thuẫn nhau, đâu có liên quan đến huyên náo vắng lặng của người vào núi.

Tánh đạo rỗng rang, muôn vật vốn không lụy, chân từ bình đẳng, sắc thanh đâu có gì chẳng phải là Đạo?

Chỉ nhân cái thấy mà điên đảo mê hoặc sinh khởi, trở thành trôi lăn trong ba cõi. Nếu hiểu rõ cảnh không thật có, gặp việc gì cũng đều là đạo tràng. Rõ biết vốn không cho nên không duyên mà chiếu, viên dung pháp giới mê hoặc đâu khác, vì hàm linh mà phân biệt bi cảm, tức tưởng niệm mà rõ trí, trí sinh thì pháp phải viên chiếu. Lìa cảnh làm sao mà quán bi. Bi trí lý hợp thông, trái với lý sinh lấy gì để độ. Độ hết chúng sinh mà lòng bi lớn lao, chiếu cùng cảnh, dùng trí viên. Trí viên thì im lặng ồn náo đồng quán. Lòng bi lớn thì oán thân đều cứu. Như thế thì đâu nhờ vào ở lâu trong núi hang, tùy chỗ mặc duyên ư. Huống chi là pháp pháp viên dung, tâm tâm vắng lặng, vốn tự chẳng thật có thì ai gượng nói không, đâu ồn náo có thể ồn náo. Vắng lặng nào cũng có thể vắng lặng. Nếu biết vật ngã đều là một, tất cả đều là đạo tràng, thì đâu có theo ồn náo ở nhân gian, sống vắng lặng nơi núi hang. Bởi thế bỏ động, cầu tịch là ghét cùm mà ưa xích. Lìa oán cầu thân là chán cái chuồng mà thích cái lồng. Nếu thích vắng lặng ở nơi ồn náo thì chợ búa đều là chỗ an tọa. Thành ra trái với thu nhận, thuận với oán trách, là do bạn lành. Như thế thì cướp đoạt, hủy nhục đâu từng chẳng phải Bổn sư ta, kêu la ồn náo đều là vắng lặng. Nên biết, đạo nhiệm mầu vô hình, muôn tượng không trái với gốc ấy, chân như tịch diệt, các tiếng vang không khác nguồn ấy. Mê thì kiến đảo mê hoặc sinh khởi, ngộ thì nghịch thuận không khác. Xét kỹ thì vắng lặng chẳng thật có, do duyên hội họp mà sinh ra. Núi cao chẳng thể không hoại, duyên tán thì sẽ diệt. Diệt đã chẳng phải diệt thì lấy gì diệt diệt, sinh đã không sinh lấy gì sinh ra sinh. Sinh diệt đã dối, tướng thật thường trụ. Bởi thế

nước định cuồn cuộn, đâu có niệm trần mà không rửa. Đèn trí rõ ràng đâu có mây mê hoặc mà không trừ. Trái thì sáu đường tuần hoàn. Hội thì ba đường quay ra. Như thế thì đâu không trái với thuyền tuệ mà dạo trong biển pháp, muốn ngồi xe trục lại gãy trong hang núi ư? Nên biết vật loại lộn xộn mà tánh nó là một. Nguồn linh vắng lặng, không chiếu mà biết, thật tướng thiên chân trí linh chẳng tạo. Người mê gọi là mất, người ngộ gọi là được. Được mất ở người, đâu liên quan đến động tĩnh, thí như người chưa biết chèo thuyền mà muốn oán nước quanh co ư? Nếu khéo biết huyền Tông, hư tâm khế hợp, động tĩnh thường nhiên, nói lặng hằng theo khuôn phép. Vắng lặng có chỗ trở về, điềm nhiên không xen hở. Như thế thì mới có thể ngao du hang núi, thong dong nơi đồng nội, yên vui nơi uy nghi, vắng lặng đến tim gan. Điềm đạm dứt bên trong, tản mát khởi bên ngoài. Thân này dường như câu nệ, tâm này dường như thư thái, hiện hình dung nơi trời đất, ẩn u linh nơi pháp giới. Như thế thì ứng cỏ có cảm, đương nhiên không chuẩn định, nhân tin lược đều này ngoài ra thì do đâu. Nếu chẳng phải đồng chí hướng thì đâu dám khinh xúc. An tịnh lúc nhàn tạm suy nghĩ, tôi hẳn nói cuồng không đúng, xem xong nên đốt, không tuyên nói. Đồng là bạn Huyền Giác kính lễ. (1088)

Văn sám hối của Pháp sư Thiên Thai Viên: Tôi nghĩ rằng từ vô thỉ kiếp đến nay, mất đi tánh tròn sáng theo trần lao, ra sống vào chết chịu luân hồi, thay hình đổi dạng gặp nhiều khổ sở. Kiếp trước ít làm việc lành, sinh lên làm người, được gặp chánh pháp còn sót lại mà xuất gia, mặc áo nhuộm, cạo tóc làm sa-môn, hủy giới phá trai nhiều tội lỗi, hoại sinh hại vật không một niệm từ, ăn thịt cá để cấp dưỡng cho tấm thân ô uế này, tài sản thức ăn của mọi người tha hồ xâm đoạt, tự duyên của Tam bảo thường dùng lẫn lộn, tà mạng ác cầu không thỏa mãn, ham dâm, thích rượu càng hoang đãng mê muội. Khinh Phật chê Tăng, phỉ báng Đại thừa, trái nghĩa cô thân, hủy báng sư trưởng, văn trau chuốt quá đáng để phô dương đức của mình, vui mừng khi thấy người bị tai họa, che lấp tài năng của người, hư cuống (dối) khinh chê để cạnh tranh danh lợi. Đấu tranh phải quấy, tranh nhân ngã, niệm ác nghĩ tà không tạm dứt. Trạo cử tán loạn chẳng hề dừng, phan theo nhân sự càng tinh chuyên, trì tụng kinh Phật chỉ khốn khổ. Ngoài hiện oai nghi thêm dối trá, trong khởi ngã mạn lại sơ cuồng, lười biếng nhác tu tùy ý ngũ keo kiệt, ganh ghét tham lam không hổ thẹn, ruộng hoang gốc uế làm sao dùng, biển lớn xác nổi không ngừng lâu, đã không có một điều lành làm lư lương cho bản thân, chắc chắn đọa ba đường, chịu các khổ, kính mong

Bổn Sư Vô Lượng Thọ, Quán Âm Thế Chí Thánh hiền Tăng, đồng dùng oai quang khắp chiếu soi, cùng thầm gia hộ để cứu khổ, vô thỉ đến nay tạo tội chướng, các tội lỗi sáu căn ba nghiệp một niệm tròn sáng tội tánh không, đồng với pháp giới đều thanh tịnh.

Văn phát nguyện:

Con nguyện trọn đời không có niệm khác, Phật A-di-đà chỉ theo Ngài, tâm tâm thường niệm ánh ngọc sáng, niệm niệm không rời sắc tướng vàng. Nếu con còn ăn thịt chúng sinh, uống rượu hành dâm gây lỗi lầm, hiện đời đọa vào ngục a-tỳ, muôn kiếp đồng sôi nuốt sắt nóng, con nguyện qua đời không bệnh khổ, biết trước giờ giấc không hôn mê, gốc lành tuệ niệm thêm sáng suốt, nợ nghiệp ma oán đều vắng lặng, hương thơm nhạc trời khắp hư không, điện báu đài vàng nghĩ liền hiện, đích thân thấy Phật vô lượng Quang, tất cả Thánh hiền đồng tiếp dẫn, trong sát-na đã về Cực lạc, liền nghe pháp mầu ngộ Vô sinh, dạo chơi trong vô biên cõi Phật, cúng dường thờ phụng Phật thọ ký, phân thân đều khắp Hằng sa cõi, trải qua trần kiếp độ chúng sinh, thệ vào trong ta-bà năm trược, độ khắp quần mê thành Chánh giác, nghiếp chúng sinh hết hư không tận, nguyện con còn mãi không động lay, cho đến đời này và vị lai, niệm niệm viên tu không xen hở, dùng ba nghiệp tu làm điều lành, thì khắp hư không cùng pháp giới, bốn ân ba cõi, các oán thân, đồng thoát vòng khổ sinh tịnh độ. Văn Đại Sư Kinh Khê tụng kinh hồi hướng rộng khắp.

Một câu nhuộm tâm thần đều giúp đến bờ kia, nghĩ suy tu tập thường dùng thuyền bè, tùy hỷ thấy nghe thường làm chủ bạn. Hoặc lấy, hoặc bỏ qua tai thành duyên, hoặc thuận hoặc nghịch nhờ đây giải thoát, nguyện ngày giải thoát y báo và chánh báo thường giảng nói kinh mầu nhiệm, một cõi một bụi đều lợi vật. Chỉ nguyện chư Phật huân xông che chở, thầm nhờ oai linh của tất cả Bồ-tát, khắp nơi chưa nói đều khuyến thỉnh, nơi nào chưa nói đích thân thờ phụng cúng dường, một câu một kệ tăng tiến Bồ-đề, một sắc một hương không bao giờ lui sụt.

Thiền sư Ba Tiêu Tuyền dạy chúng. Người của mây nước không tạm dừng, hỏi anh chìm đắm thật khổ do đâu, quê người tôi anh đều là khách, vô sự liên can lại rút đầu, đi và đứng, ngồi và nằm hai mảnh da môi dù lay động, phải phải quấy quấy ai không có, cũng cần phải xem xét nhà mình. Người xuất gia đắm vào sự tiện nghị, ca-sa không phải đợi nhàn khoác, ruộng nương không cày, người thân không cúng dường, không tu đạo nghiệp biết làm sao, không hổ thẹn ông già Diêm-la, y cứ

vào đó mà gây nhân, lại y cứ đó mà gặt quả, trong nhà Niết-bàn gọi a phủ, muốn đi không được đi, muốn ngồi không được ngồi, chính ngay lúc ấy, là anh hay là ta.

Mười điều khả hành, mười bài tụng và lời tựa của Thiền sư Long Môn Phật Nhãn.

Kinh Hoa Nghiêm dùng mười pháp giới nhiếp chung nhiều môn, chỉ bày lý vô tận. Thiền môn có mười Huyền Đàm, để làm sáng tỏ đạo. Đổng Sơn có mười Bất quy để nói lên siêu chứng. Sơn Tăng có mười điều khả hành để chỉ dạy kẻ hậu sinh, ngõ hầu giúp cho đường đạo. Giống như cỏ mọc trong gai không đỡ mà thẳng. Lại như người dính hương cũng có mùi thơm, có chút lợi ích viết ở sau.

- An tọa:

Lý thanh hư rốt ráo chẳng thân.
Một niệm về gốc, muôn pháp bình.
Vật ngã bỗng quên toàn thể bày.
Nơi đây thật không nhớ công trình.

- Nhập thất:

Hỏi đạo đến Sư ấn tự tâm.
Vào cửa mục đích hỏi tri âm.
Đời nay không qua đường Tào khê.
Đến già lấy gì vượt xưa nay.

- Rộng khắp:

Lấy củi lựa sau sư tiên tượng
Tiến nghiệp tu thân thấy người xưa.
Đến các Thiền sư phải cẩn thận
Long môn pháp này là bến thông.

- Cháo cơm:

Ba hồi bảng đánh, dứt sinh tử
Mười câu Phật xướng thông xưa nay.
Khai đơn mở bát tự rõ lấy.
Không thể thô tâm mờ khổ không.

- Quét đất:

Đất đai sinh bụi, phải quét sạch.
Phòng hiên rưới nước cùng an cư
Đốt hương quét đất không việc khác.
Ánh sáng chiếu soi, tỏ trí châu.

- Giặt y:

Xuống sông giặt giũ chớ biếng lười

Vào chúng y xiêm bẩn không đúng,
Trên dưới bên vai xông ướp lâu
Thân tâm động niệm chịu tiêu tan.

- Kinh hành:

Trên đá giữa rừng đường chim bằng
Trai dư vô sự lược kinh hành
Trở về thử hỏi bạn đồng tâm
Ngày nay biết phải làm thế nào.

- Tụng kinh:

Đêm yên tĩnh một mình kinh kệ
Ý không phiền não, ma ngủ tỉnh
Tuy rằng thất tối không người thấy
Tự có trời rồng lắng tai nghe.

- Lễ bái:

Lễ Phật là trừ nhơ kiêu mạn
Nhờ đó thân nghiệp được mát mẻ.
Huyền sa có lời rất quy kính
Ông chẳng phải người lý sự suông.

- Nói chuyện:

Gặp nhau nói chuyện chớ vu vơ
Nói to lớn tiếng gọi thượng lưu
Hạ lời nếu tận cùng gốc ngọn
Chịu đem vô nghĩa kết bạn bè.

- Chỉ bày tâm yếu cho thiền nhân.

Thời gần đây dùng hỏi đáp làm gia thiền gia phong không rõ việc người xưa, một bề theo ngọn không tỉnh lại, thật đáng lấy làm lạ. Người xưa nhân mê mà hỏi lý do, hỏi chỗ cầu chứng nhập, được một nói nửa câu. Cho là việc rốt ráo rõ ràng khiến thấu suốt, không giống như người đời nay loạn hỏi theo miệng đáp:

- Thủ Tiếu Đạt giả.

Hỏi thật hỏi. Thời nay, lời hỏi phần nhiều vời lấy sự chê bai. Bởi duyên không biết, thưa hỏi điều nghim ý thưa hỏi đời sau nối tiếp. Phần nhiều chúc tán lời thuận thời, chẳng phải kiến lập trong tông thừa như người xưa hỏi, nếu được ra khỏi ba cõi, lại hỏi thanh sắc làm sao thấu đạt. Lại hỏi lúc này tông thừa Hòa thượng làm sao bàn luận, đều là xuất chúng đương tràng quyết chọn.

(1089) Gần đây, huynh đệ tiến lên mười chuyển năm chuyển, chìm vào lời cơ phong. Hoặc phụng sự tại tòa quan viên, hoặc trang nghiêm tu

sửa đàn tín, đều chẳng phải là khí vị của nhà nạp tăng, thoái lui ra khỏi chúng bèn nói mấy câu. Có khi nói: Tôi không biết nói gì.

Lại nói: Sao Hòa thượng không nói, v.v...

Phàm người hỏi kích phát thiền cơ; không phải hỏi hai, ba chuyển mà thôi. Tốt nhất là làm cho người sinh lòng tin, không đến mỗi lưu đãng bị tục chê cười.

Thiền sư Thân Chiến Chân đời Đại Tùy Thượng đường: Sư nói: Lão tăng đến đây chẳng phải vì danh lợi, cần phải được cái ấy, không thể trong núi xanh mây trắng đuổi theo phải quấy.

Đời tương lai khi xả báo thân này, cỏ cũng không ăn, bao nhiêu sư tử lông vàng gặp may làm con lừa kêu ngựa hý. Mọi người giống như khi lão tăng hành cước, đến các Thiền sư nhiều là một ngàn, ít là bảy trăm, năm trăm chúng. Hoặc ở trong đây qua đông qua hạ, khi chưa tỉnh thường không lỗi, đến hội Quy Sơn nấu cơm bảy năm, trong hội Đổng Sơn gánh củi ba năm. Ở nhiều thì đi trước, chỉ là liễu rõ thường xuyên chính mình, liên can việc gì đến người. Như chư Phật, Bồ-tát đều siêng năng khổ nhọc, trong vô số kiếp bỏ ngôi vị quý báu Kim Luân Vương và đầu mắt tủy não cho chúng sinh. Cần đến quốc thành, vợ con cũng không tính kể, cho nên mới thành Phật, như các Xà-lê từng bỏ được cái gì? Làm được việc siêng năng khổ nhọc gì, mà nói ta lãnh hội pháp xuất thế gian. Pháp thế gian còn không lãnh hội, một chút cảnh giới hiện tiền bèn tự nhướng mày trừng mắt, tiêu dùng không được nói pháp giải thoát nào. Ngồi mãi trên giường không lay mười ngón tay, ăn của tín thí rồi, nhắm mắt ngậm miệng, bèn nói ta tu hành tu đạo cảm quả, như thế phải tiêu được, chỉ là khinh mạn tự mình. Như Hòa thượng Bách Trượng ở nơi giảng đường chỉ cần người biện sự, các Xà-lê biện được việc gì? Trong đó có người không động thân tay, ngày tiêu được một vạn lượng vàng ròng. Nếu là người tiêu được thì há có kiến giải như thế. Không thể từ trong bụng mẹ đến như thế, chỉ lãnh hội được pháp thế gian, mà gọi là pháp xuất thế gian. Pháp thế gian còn chưa lãnh hội huống chi phật pháp. Chỉ như Đại tạng giáo đều là điều bí mật từ miệng vàng của Như Lai giảng nói. Trong miệng ông nghĩ tương lai đều thành lời ma, đâu được liễu, vì sao không liễu. Nếu khi liễu rõ Đạt-ma không từ Tây Trúc đến, chỉ như khi Đạt-ma chưa đến đất này, thì có Phật Pháp không? Lại tranh được đạo không? Thí như người có viên ngọc quý bị rơi xuống bùn, nhọc nhằn nhiều kiếp tìm kiếm không được, hoặc có người khéo biết của báu, đưa tay thẳng xuống bùn lấy ra của báu này, để chỉ bảo cho người mất vật báu nhìn thấy liền biết vật của mình, liễu rõ không có được mất. Đạt-ma từ Tây

Trúc đến cũng như thế, không thể chỉ là lão tăng hay là thiện tri thức. Chúng sinh khắp nơi đều là thiện tri thức, chỉ vì thấy biết chưa tỏ, không thể nói y không tỏ. Nếu khi nói có mọi người chịu lễ bái bọn ngu xuẩn thì có thành Phật không?

Thí như viên ngọc sáng rớt trong bùn, chưa gặp người ấy thì đâu có lúc lấy lên được. Có chúng sinh này so sánh với vô tình còn đồng với ngoan vật, (vật ngu), đã ở dưới ba y, cần phải gần gũi tri thức. Sớm đã bao đời đến nay mới được. Như thế không thể lại vào sáu đường luân hồi. Nếu là người được tự tại thì luận bàn cái gì. Vạc dầu lò lửa, núi đao cây Kiếm, bốn sinh sáu đường ở trong đó như ăn cơm ngon. Nếu chưa được như thế thì thật chịu báo này. Một khi mất thân người, lại tìm muốn như ngày nay thì muôn người không có một. Chưa được cho là được, chưa chứng cho là chứng, chưa nghe cho là nghe, tự mạn, tự cuồng, để thời gian trôi qua vô ích, xoay vần chỉ là gánh nặng vô minh. Vừa có thể làm thế tục tùy việc mặc cho xoay chuyển, thời giờ luống qua lại là vô nghiệp, như nay làm sa-môn mỗi ngày đều có nghiệp. Có nghiệp gì? Lối đi, là đất của vua, đồ mặc là y của tín thí, ăn thì cơm của đàn-việt, xương thịt là thể của cha mẹ. Nếu không hiểu rõ thì làm sao báo đáp. Cho nên nói có nghiệp chỉ như lão tăng không thể là người liễu rõ. Xả bỏ báo thân này theo nghiệp mà trôi lăn, ai nói nhất định được. Trừ Phật và Phật mới biết được. Bấy giờ, có vị tăng hỏi: không nhờ vào ngôn cú làm sao biết được. Sư nói: nhờ ngôn cú mà còn không biết. Vị tăng không nói, lễ bái.

THƯỢNG ĐƯỜNG

Sa-môn Thích tử thấy có cũng như không mới được hướng về tất cả thời, đồng với phàm Thánh hay đồng với giải thoát. Mới có chút ít xuất xứ, nếu không như thế thì rất khó, rất khó trân trọng.

Hòa Thượng Vân Phong Duyêt ở trong thất nêu lời người xưa.

Nếu lời người xưa nói: Cạo tóc đấp cà-sa là thích ứng thực hành của Thánh đạo. Còn việc nhàn tạp đều là nhân sinh tử. Sư nói:

Mọi người các ông vác ngang cây gậy, vạch cỏ tìm gió, hành cước khắp thiên hạ. Hãy nói: có vị tăng nào đi trên đất ruộng hay không?

Vị tăng không đáp. Sư nói kẻ sống say chết mộng. Thiền sư Bảo Minh Dũng ở Kim Lăng dạy chúng: áo trên thân không dễ khoác, cơm trong bát chớ đợi nhàn ăn. Đợi nhàn ăn, thường khó tiêu một giọt nước; dễ khoác, rốt ráo xuất gia là chỗ nào, thẳng tâm thực hành giềng mối, một hạt tròn sáng không trong ngoài, chớ học tầm thường dòng nhỏ

nhen. Bình sinh qua loa môi lưỡi khoa trương, mặc tham sân si không hổ thẹn, thiện ác rõ ràng khó tránh né, ba đường sáu nẻo mênh mang, cũng chính là quay đầu tự nhìn.

Hạnh khát nóng của người xưa.

Mặt trời giận dữ sáng rực như bay, lửa mây phát hoạ vùn vụt như bay, sông hồ đua nhau nung nấu, cỏ cây nửa úa vàng, vàng ròng chảy tan đá lớn, hổ dữ thở gấp giao lông ủ rũ, cửa có cỏ tranh nhà không mảnh ngói. Ngủ không màn khóc có nhiều con, làm cỏ không nhọc, múc nước quên một; mặt mày bôi sơn đen, lưng vai nứt da rùa, hỏi ông họ Thích, phải xem kỹ. Không cày có cơm ăn, không dệt có áo mặc, nhà cơ tranh thất trống không, tắm có dòng mát ao quanh co, trướng rũ màn che ngọc lưu ly, nhàn tìm suối đá tự do đi ngồi, tĩnh đối gió trăng tự ca tự vui, quay đầu nhìn lại việc nhân gian, uống nước phải biết lúc đáng độ, không còn thì hận chú gió, thôi chớ buồn sư mưa.

Lời tựa Thiền sư Giác Phạm Hồng tiễn vị Tăng đi khất thực. Lục Tổ Tào Khê mới đầu làm Cư sĩ theo đến Huỳnh Mai, ban đêm giã gạo lấy đá đeo hông, chúng Ngưu hầu thiếu lương thực, dung xin ở Đan Dương, tự gánh tám đấu gạo, đi tám mươi dặm, sáng đi chiều về, người cho là chuyện thường, ra sức bửa củi, Bách Trượng Niết-bàn khai ruộng nói nghĩa, đá đeo lưng còn ở núi đông, rìu bửa củi còn ở Nghiệp Trấn, phía Tây Giang Lăng có kẻ gánh gạo, dưới bánh xe có đá đại nghĩa. Nạp tử thường cho là đi chơi xem xét, không thể lừa dối. Đời xa đạo mất mà kẻ vọng thường khất thực trời hàn. Vào trong pháp ta, biết điều đó còn không đáng giúp, muốn cho có thể gánh đại pháp, mới gắn hoa mặc áo, cho sặc sỡ. Ông ta đem giã gạo ư: lụa là áo gấm hợp với tay áo nhỏ. Ông ta có thể bửa củi ư? Leo núi chín trượng, mồ hôi đẫm ướt không chịu ra xe. Ông ta có thể gánh gạo ư? Mới viết nơi cánh cửa lớn rằng: chùa này nay chỉ cho ở tạm. Ông ta chịu khai ruộng nói nghĩa ư? Ta từng đau lòng vỗ ngực mà than, nhiều lần hoằng pháp đưa đến họa cuối cùng bị người phế bỏ, may còn sống chạy trốn vào hang núi, mà nạp tử còn cho là từng gần gũi kính thờ Vân Am cho nên chạy theo. Ta vốn vô nghĩa, chống cự không thể được nên nhập thất ngồi yên. Có người gõ cửa: pháp thí của Vân Âm như trí giác, thương chúng như Tuyết Phong, ra khỏi cửa đều không như vậy. Đạo chưa đạt mà muốn người tôn quý, danh chưa rạng mà sợ người cướp đoạt. Nhìn xuống thiền giả như kẻ thù trăm đời, thao sự quyền quý như người thân nhiều kiếp. Sư đều gọi đẫm đạp lên ô uế này mà đi, chỉ mong móng vuốt của Vân Am. Bấy giờ, bỗng nhiên đứng dậy nói: thế thì không ăn sao được, nói

phải theo tịnh đàn khất thực, cũng là phép tắc để lại của Như Lai Đại Sư, thầy tôi chịu ra thì Thứ sử tòng lâm điển hình Vân Am vẫn còn. Ta mừng rỡ nói. Nhân trình bày việc người xưa để bày tỏ ý này, phải có người khen ngợi.

Làm tăng mà không dự mười khoa, tín đồ thờ Phật tiêu mòn trăm năm.

- Dịch kinh

Biến Phạm thành Hoa thông phàm nhập Thánh, pháp luân được xoay, chư Phật làm thầy.

- Hiểu nghĩa

Tìm văn thấy nghĩa, được ý quên lời, ba tuệ được toàn, hai y thường chuyển.

- Học thiền

Tu đến vô niệm, thiện ác đều mất, mất luôn cái mất, thường trú an vui.

- Rõ luật

nghiêm mà thiếu ân, chánh mà cấp hộ, giữ gìn ba nghiệp, đồng kim thang kia.

- Hộ pháp:

Nhà có quan giỏi, cất giữ lo gì. Pháp có minh sư, ngoài ngăn khinh lờn.

- Cảm thông:

Nghịch với lý thường, cảm mà lại thông, cảm hóa thế gian, thật khó suy lường.

- Bỏ thân:

Khó bỏ dễ bỏ, bậc nhất trong thí. Dùng thân uế trược, về thân Kim Cương.

- Đọc tụng:

Mười loại Pháp sư, đây là cao lớn, thù cẩn leo hoa, quả thời bông đỏ. Hưng phước: Vì mình vì người, phước sinh tội diệt. Việc lành hữu vi, lợi ích rộng lớn.

- Tạp khoa:

Nhiếp hết các khoa, về chỗ cao thượng, bậc xướng đạo giỏi, sáng chói Phật thừa.

Thiền sư Hoặc Am Thể thượng đường.

Hành lý nạp tăng đâu tầm thường, mở hợp thổi lông chẳng ẩn tàng, lấy cơm theo cày toàn chánh lệnh, đông Tây không còn quỷ phân tán. Dạy chúng: Tối rải ngọc trong thành ngói gạch, rảnh bày chim

độc hóa đề hồ. Oán lấy ân báo diệt giống hồ, giương mắt không thấy chân trượng phu. Đặt chân cô nguỵ cỏ không mọc, bổng ghé chỗ đậu đợi nhàn đi, gió đến cần khổ miệng nhai không, đoạn dứt cảnh nhà vào hầm lửa. Dứt học vô bi ám gọi thông, trước trời sau đất sống hư không, ngang dọc rơi rớt ý tổ sư, đâu được toàn nhà không chấm ngực, đánh đạp mẹ xương thịt nát tan, lồi cả ống xương không hổ thẹn. Hồ đến hán thấy không khó dễ, việc lớn dạy ai người gánh vác, sống hung hăng riêng biệt thôn xóm, phẩm tháo tiên hiền để hậu côn, lung lay cô phong đâu được giết, đầu gậy có mắt bởi trời đất. Thế giới thanh bình bãi đao binh, tiếc vì bọn trẻ bừa bãi làm sao, đầu sông nước xiết ném câu, cá tôm không dính uổng công vây lưới. Nam nhi chân đạp thấu Trường an, khoác y tự đắc chịu tự mạn, ba tấc lạnh ánh sáng trăng đêm, một dòng nước thu đến lạnh người.

Lửa mù trồng cỏ không mất nhờ, lớp của gác xưa dễ dàng qua, biển hồ yên lắng một mình bước, trở về tấc đao cá kình dài. Phân thân xả mạng bàn oán thù, máu nóng chúc nhau chịu liền thôi, trái lại nhà lớn không tấc đất, đi hai tay không đầu thấm mưa.

Toàn đề đại dụng chim sa lưới, bặt chiếu quên cơ rùa thua kế, đi vào cửa này đều chẳng phải, làm sao lên xuống lão hồ Tanh. Chính mình nhật dụng lệ toàn chân, tuyển chọn mây đưa cùng thần hang, chắp tay cúi đầu, khoanh tay ở, nói thô nói tế với đương nhân. Lìa tướng lìa danh không thật pháp, phi tâm phi Phật ai lại ngờ, rõ biết rốt ráo khó gửi gắm, không biết hòa tiếng tiễn ra đi. Chi Lãng vào làm sắn bìm nhiều, định kéo cổ họng không sao được, chuyển được thân đến thêm thở dồn, đáng thương chim cắt qua Tân-la.

Tiểu tham: Xương đỏ gồng sức gánh mảnh ván, si mê bệnh nặng chống hai mắt, bỗng sinh làm chỗ khó gọi tên, Phật Tổ đương đầu nghe chỉ huy.

Kết tọa: Nắm tay cũng là đánh cha già, chưa có hơn thua chẳng buông ra, đánh đập túi bụi Tánh mạng cùng, miệng nhai mũi thở thấy cả thôn.

Bài tụng của Thiền sư Chân Tịnh văn: Cạo tóc vì sợ tuyết đầy dao, mới biết năm tháng chẳng khác nhau, trốn sinh thoát tử siêng thành Phật; chớ đợi sáng mai và sáng mốt;

Bài tụng của Luật Sư Linh Chi Chiếu: Nghe giáo tham thiền chạy tìm ngoài, chưa từng quay đầu để trầm ngâm, ánh mắt muốn rơi trước đường tối, mới biết bình thường dụng tâm sai.

Lời Khuyên răn của người xưa, trong địa ngục chưa phải là khổ,

dưới cà sa khổ mà không nghe, sinh tử việc lớn có biết không, chớ đến núi xanh nằm mây trắng. Khuyên xem kinh: Đàn na quyển kinh sớm nên xem, thi lợi chớ nghĩ ta bất an.

KHUYÊN ỨNG DUYÊN

Sự nghiệp xuất gia thật hoang đường
Được mất thân tâm con kiến rộn
Kinh trên sách thường chứa thiếu
Nghiệp chướng trước mắt tự thân gánh
Môn đồ thí lợi nước, mang cá
Mua được dầu muối tuyết pha canh
Năm đi năm đến bao giờ hết
Không biết đem gì gặp Diêm Vương.

KHUYÊN TRỤ TRÌ

Than cho Phật pháp thật bi thương
Phật pháp không người làm chủ trương
Đọc văn chưa hiểu đã ngồi giảng
Chưa từng hành cước lại thăng đường
Đem tiền trao viện như chó dại
Ruột rỗng tâm cao tựa dê câm
Xin khuyên hiền sau thôi kế thừa
Thoát địa ngục ra, khỏi đoạn trường.

BÀI TỰ RĂN CỦA HÒA THƯỢNG ĐỖNG SƠN.

Chẳng cầu danh lợi, chẳng cầu vinh
Chỉ cần tùy duyên độ đời này
Ba tấc hơi dứt, ai là chủ
Sau thân trăm năm mạn hư danh
Chỗ y áo rách vá nhiều lớp
Lương thực lúc nào cũng thí đầy
Một tấm thân huyễn được bao lâu,
Làm việc nhàn sự mãi vô minh.

- Thiền sư Tuyết Phong Nghĩa Tồn đến đất Mân.

Thời gian bỗng nhiên chỉ giây lát
Phù thế đâu thể được dài lâu.
Xuống núi đã được lăm hai năm
Đến Mân sớm đã hơn bốn tuần

Họ đều sử dụng thường thường nêu.
Đã qua cần phải dần dứt trừ.
Vì báo đạo Chủ tử mãn triều.
Diêm Vương không sợ cá thếp vàng.

- ***Thiền sư Hoằng Trí dạy chúng:***

Mộ mới Hao Lý đều ít năm
Tu hành chớ đợi tóc hoa răm
Việc lớn tử sinh phải nên biết
Địa ngục lâu dài há dần dà.
Đạo nghiệp chưa thành đâu ỷ lại
Nếu mất thân người khó được lại
Đường trước đen tối rất nguy hiểm
Trong mười hai thời tự gian dối.

- ***Thức tỉnh vị tăng bị bệnh:***

Nhớ lại chuyện cũ thật đáng thương
Nhiều năm ở Niết-bàn đường
Cửa chẳng khách qua, sông chẳng giấy
Lò có tro lạnh, rèm có sương
Bệnh rồi mới biết thân tự khổ
Khi mạnh thường làm những việc riêng
Lão tăng tự có pháp an toàn
Tám khổ nung nấu đều không ngại.

- ***Hòa thượng Đại Tuệ dạy chúng:***

Xuất gia lập chí phải siêng năng
Cũng phải thường thường gần người tốt
Dè dặt đừng gần những người ngu.
Lần lựa lại sợ lạc phong trần
Bọn nhơ vô lương luôn luôn thoát
Dòng cao được nghĩa thường gần gũi
Nếu theo lời ta răn dạy này
Dường cột nhà Phật cũng đáng làm

BÀI TỤNG CỦA BÀNG CƯ SĨ

Chỉ tự vô tâm với muôn vật
Ngại gì muôn vật thường vây quanh
Trâu sắt không sợ sư tử hống

Như là người gỗ thấy chim vẽ
Bản thể người gỗ tự vô tình
Chim vẽ gặp người cũng không sợ
Tâm cảnh như như chỉ vật thôi
Lo gì đạo Bồ-đề không thành

BÀI MINH TỰ BẢO VỆ DO VÔ TÁC Ở CÔ TÔ SOẠN

Người cầu danh không dùng đức mà cầu thì gọi là Ác danh. Người cầu lợi không dùng đạo mà cầu gọi là ác lợi. Ác danh là điều bị người trí chê bai, ác lợi là điều sợ cho nghiệp sau này.

"Thượng đức bất đức": Lão tử răn rằng: bốn tà năm đạo Phật rất cấm kỵ, thà dùng Thật mà mất chớ không dùng đắc mà dối. Kẻ tiểu nhân chạy theo cái danh của ác danh, bậc quân tử giữ được cái lợi của đại lợi. Phước ít tài nhiều, tài thì thành tai ương. Đức mỏng chức lớn, chức mau thành hại. Người xưa chỉ cần tâm đạt, chứ không cần thân đạt, người hiền chớ che giấu, ta hiền chớ khoe khoang. Nếu được như vậy thì mệnh mình hợp với đạo, suốt cuột đời tự bảo vệ mình.

PHÁP SƯ PHẬT QUANG CHIẾU Ở THƯỢNG TRÚC DẠY TIỂU SƯ CHÁNH NGỘ

Làm người khó, làm thầy người cũng không dễ. Khó là thế nào? Đó là thiên phú, học vấn, kiến thức, khí tượng, không có thiên tư, không có học vấn, không có kiến thức, không có khí tượng, nếu như vậy mà thành người, là việc chưa từng có. Có thiên tư rồi sau mới có học vấn, có học vấn rồi mới có kiến thức, có kiến thức rồi mới có khí tượng. Nếu như vậy cũng chưa thể làm người được, vì sao? Vì thiên tư không cao, học vấn không rộng, kiến thức không rõ, khí tượng không nhã, vẫn chưa thể được. Không cao thì dung túng, không rộng thì trở ngại, không rõ thì tối tăm, không nhã thì quê mùa. Cao mà trí, rộng mà đạt, rõ mà đúng, nhã mà văn, đầy đủ bốn thứ đó thì có thể làm người, nếu muốn làm thầy người khác thì chưa thể được.

(Không dễ là sao? Đó là tông chỉ, giáo nghĩa pháp tướng, không được tông chỉ, không thông pháp tướng, không phân biệt giáo nghĩa, thì vẫn không thể được.

Tông chỉ có thể nêu ra rồi, giáo nghĩa có thể phân tích rồi, pháp tướng có thể hiểu, nhưng không có thầy nương nhờ thì không rõ được cảnh quán, mà làm thầy của người, là điều chưa từng có; Nương đúng thầy thì cảnh quán rõ, mà không siêu ngộ hiểu rõ ý Phật, vẫn không thể

làm Phật được. Dẫu đã siêu ngộ hiểu rõ, nhưng không thể quên cảnh, quán dứt tri kiến lìa pháp ái, mà làm thầy mọi người, là điều chưa từng có. Đầy đủ ba điều trên, mà không biết tiến lùi, được mất, vẫn không được làm thầy, cho nên nói làm người khó, làm thầy của người càng khó hơn.

THIỀN SƯ KHUÊ PHONG DẠY BẢO NHỮNG KHÚC MẮC CHO HỌC TRÒ

Sau khi chia tay nhau thương nhớ là chuyện thường, không xét kỹ sớm tối dụng tâm ở cảnh giới nào, đã trái với trần, hợp với giác chưa? Hiểu rõ nội tâm ngoại cảnh chẳng liên quan với nhau không? Định tuệ hay khinh an có vui thích không? Nếu tu hành mà quên mất tâm Bồ-đề thì biết đó là nghiệp ma hay không? Luôn luôn giác sát, siêng năng quán chiếu, nếu tập khí khởi lập tức dứt ngay, chớ nên theo nó, cũng chớ diệt nó, vì sao? Vì như dương diệm (sóng nắng) không nên đuổi theo, cũng không nên diệt, vì không nên đuổi theo để tránh rơi vào buông lung phàm phu. Vì không nên diệt, để khỏi rơi vào điều phục Nhị Thừa. Viên tông đốn giáo rốt ráo như vậy. Nhưng tương ưng với bản tánh, trí giác tự nhiên không đứt quãng, những việc lâu dài khó có thể ghi chép đầy đủ, chỉ nêu phần quan trọng, tự mình phải cố gắng không cần nói nhiều.

CÁCH THỨC KHI VÀO NHÀ XÍ

Phép vào nhà xí luật có chế định rõ, vì muốn làm cho thân tâm được sạch sẽ trang nghiêm để gần gũi với bậc Thánh hiền, tẩy tịnh (rửa sạch), rửa tay đều có quy tắc. Nếu chưa hiểu hết thì lại làm dơ tay mình, lễ tụng thắp hương chắp tay, hễ động liền phạm tội, há không nên thận trọng hay sao?

Nay đem quy tắc xưa thêm bớt chút ít, nhưng sự tế hạnh của nó vốn khó có thể đầy đủ hết. Đại để đến lúc dùng thì mỗi mỗi đều có chỗ phương tiện ủng hộ ý căn của mọi người, tự mình nên biết điều này mà vận dụng.

Kinh thư há chẳng có câu: Không giữ gìn tế hạnh nỏ cuối cùng hại đến đức lớn. Huống chi người xuất gia còn may mắn được những bậc cao minh khuyên bảo.

1029 ***Kinh nói:*** Nếu vào nhà xí mà không rửa sạch thì không được nhập vào số đại tăng, không được ngồi giường thiền, không được lên Điện báu phải biết thùng rửa sạch, trong sạch ngoài dơ, không thể đem

thùng sạch bỏ vào trong bể nước gìm xuống múc nước, phải dùng gáo múc nước đổ vào trong thùng, khỏi dơ một thùng nước, không thể thùng nước sạch, lên trên máng nước, lượt nước để đáy thùng đẫm nước cho vào trong bể, không được chà thùng chỗ dơ gần bên máng nước. Nước trong bể phải thay luôn, bởi nước chứa ba đêm sẽ sinh trùng nhỏ, tháng hè thì không đến ba đêm, cẩn thận chớ chứa nước lâu. Nếu không có chỗ tinh đầu (quét dọn) nên nhờ người có sức khỏe, kết duyên sắp đặt để khỏi làm tổn hại đến sinh mạng loài vật. Lúc vào nhà xí, trước phải búng ngón tay ba lần để báo cho quỷ trong chỗ bẩn biết, cũng không được khạc nhổ vào nhà xí, làm tổn hại quỷ trong đó. Âm đức của hai điều này có ghi đầy đủ trong kinh tạng, ở đây không dẫn nhiều.

Lúc mới ngồi chồm hổm, trước phải rót một ít nước vào máng. Một là để làm bay đi mùi hôi của phân cũ, hai là để phân mới dễ lọt xuống không ứ lại trong máng, đã ở trong nhà xí thì không được nói chuyện lớn tiếng.

Kinh Văn-thù nói: Khi đại tiểu, tiện thân miệng giống như gỗ đá, không được rặn ra tiếng.

Lúc ở trong nhà xí không được vẽ hay viết chữ trên vách, mỗi khi gặp vi tôn túc lão thành tự mình nên tránh. Trên đường đi gặp giấy có viết chữ, phải nhặt để ở chỗ sạch, hoặc ném xuống nước, thế mới tôn trọng chữ viết tranh vẽ, không nên để bừa bãi, huống chi lại còn viết chữ trong nhà xí, như thế há không giảm phước đức hay sao?

Nếu lúc tẩy tịnh thì tay phải cầm thùng sạch, rưới quanh hết, dùng tay trái đựng nước, dùng ngón tay thứ tư rưới thật kỹ, không được vốc nước trong thùng, như thế sẽ làm dơ nước trong thùng. Thường cắt móng tay trái của ngón thứ tư, chớ để thành chỗ chứa chất dơ bẩn.

Sách Thích Thị Yếu Lãm chép: Phật dạy các Tỳ-kheo móng tay chỉ để dài bằng hạt lúa mạch, nếu dài quá thì cắt đi. Nay có người xuất gia thích giữ móng tay dài hơn một tấc, cho đó là đẹp, còn dung túng cho thân dơ uế nên không có tịnh hạnh. Thường thấy người tiếc phước đức, dùng thẻ gạt trong nhà xí, xong đem rửa vào thùng sạch, như thế là làm bẩn nước trong thùng, hoặc thò tay vào thùng vốc nước hay rửa que gạt cũng không được. Rửa sạch phải dùng nước lạnh, sẽ có lợi cho người dùng, còn dùng nước nóng sẽ sinh ra các chứng bệnh như tràng phong. Nếu khi rửa tay trước dùng tro chà tay bảy lần để khử uế, mu bàn tay cũng như thế. Kế đó dùng bùn chà bảy lần cho sạch, mu bàn tay cũng như thế. Sau đó dùng bồ hòn hoặc bồ kết, hoặc mạt cưa, hoặc hai lá dâu đều được.

Sách Khê Đường Tạp Lục chép: Trong thời Nguyên Hựu có vị tăng ở đất Thục là pháp sư Trí Siêu từng tụng Kinh Hoa Nghiêm được ba mươi năm. Một hôm, Ngài bỗng thấy một đồng tử dung mạo tao nhã, sáng sủa chắp tay vái chào.

Trí Siêu hỏi: Từ đâu đến?

Đồng Tử đáp: Ở Ngũ Đài đến

Trí Siêu hỏi: Có việc gì mà từ xa xôi đến đây?

Đáp: Vì có chút việc muốn hướng dẫn cho thầy.

Siêu nói: Xin được nghe.

Đồng tử nói: Thầy tụng kinh thật đáng khen, nhưng có điều là khi vào nhà xí tẩy tịnh để nước bẩn dính vào mu bàn tay, mà không hề dùng tro bùn rửa, luật chế phải dùng tro bùn chà bảy lần, mà nay chỉ chà hai, ba lần, nên chất nhơ này vẫn còn, lễ Phật tụng kinh sẽ mang tội, nói xong liền biến mất, Trí Siêu xấu hổ rồi sửa lỗi.

Có người hiểu biết nói: Đây chắc là Ngài Văn-thù hóa hiện để nhắc nhở Trí Siêu, nên biết rửa tay phải đúng theo phép tắc.

Kinh Nhân Quả nói: Tay bẩn mà thỉnh kinh thì sẽ bị quả báo làm con giòi trong nhà xí. Khăn mặt trên giá phải để hai, ba cái, phải giặt luôn đừng dễ dơ nhớp làm bẩn tay sạch. Chỗ đông người năm ngày giặt một lần, chỗ ít người mười ngày giặt một lần. Khi lau tay, phải vo trò khăn lại mà lau, như thế dễ khô.

Vào nhà xí tẩy tịnh, v.v... trong kinh đều có thần chú, cần phải thọ trì.

Kinh nói: Nếu không trì tụng các thần chú này, dẫu có dùng nước nhiều bằng bảy Hằng hà sa nước để rửa, đến mé kim cương cũng không được thanh tịnh thân khí. Người thọ trì chú này phải tụng thầm bảy lần, thì sẽ được tất cả phước đức thanh tịnh, các quỷ thần ác đều phải khoanh tay (cung kính).

Vào nhà xí: án, ngận lộ đà da, sa ha.

Tẩy tịnh (rửa sạch): Án, hạ nẵng mật lật đế, sa ha.

Rửa tay: án, chủ ca la da, sa ha.

Khử uế: Án thất lợi duệ bà hê, sa ha.

Tịnh thân: Án, bạt chiết ra não ca sất, sa ha.

LỜI DẠY CỦA LUẬT SƯ ĐẠI TRÍ KHI VÀO NHÀ XÍ

Gấp gọn quần áo, sửa giày ngay ngắn
Dùng thẻ tiết kiệm, dùng nước nhỏ giọt
Không nói năng gì, đi đứng từ tốn,

Nên nhớ thân này, đựng đầy phẩn tiểu
Thối không thể ngửi, dơ không thể nhìn
Túi da nhà xí thật là bỉ ổi
Sao mà đắm mê không biết hổ thẹn
Vì sao thức ăn thích những đồ ngon
Kết tập thành nhân, quả báo phải chịu
Phải vào nê-lê suốt kiếp không thôi.
Khổ vui ở tâm, thăng trầm do mình
Đạo đâu xa gì? Chưa nghĩ đấy thôi.

■

TRUY MÔN CẢNH HUẤN

QUYỂN 10

KỆ KHEN NGỢI SỰ TRUYỀN PHÁP CỦA PHẬT

Cúi lạy trăm ngàn ức hóa thân Phật, ba A-tăng-kỳ kiếp tu luyện, muôn hạnh tròn đầy, bỏ vết nhơ mà pháp tánh trong suốt, với chút thiện mà báo hóa vi diệu. Nhưng sau đó sinh lên cõi trời Đâu-suất, giáng xuống cung vua, ba mươi tuổi ngồi dưới cây Đạo thành Phật, bốn mươi chín năm trụ thế giáo hóa, nói pháp ba trăm năm mươi lần, tuyên dương tám muôn bốn ngàn pháp môn. Ngoài vua quan ủng hộ ở nơi bốn biển chín châu, trong sư tăng truyền bá ở nơi nhân gian, thiên thượng còn trời cõi người, lợi ích rộng truyền pháp khôn lường, cho nên có kệ rằng:

Giả sử đầu đội vô số kiếp
Thân làm giường ngồi khắp Tam thiên
Nếu không truyền pháp độ chúng sinh
Rút cuộc không đáp được ân đức.

Truyền pháp có năm cách:

- Thọ trì.
- Xem sách.
- Đọc tụng.
- Giảng nói.
- Viết chép.

Ngoài hộ trong hộ lưu truyền tức là Phật, pháp, Tăng bảo không dứt.

BÀI TỰA TRƯỚC CỦA THIỀN LÂM DIỆU KÝ

Thích Huyền Tắc ở Chùa Tây Ninh, Kinh đô soạn. Tất cả chư Phật đều có ba thân:

1/ Pháp thân: do viên tâm chứng đắc.

2/ Báo thân: do muôn điều lành chiêu cảm.

3/ Hóa thân: do tùy duyên hiện.

Nay Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, pháp thân chứng đã lâu, báo thân

thành đã lâu, thân xuất hiện ngày nay bởi hóa thân. Nghĩa vào thời quá khứ ở chỗ Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, phát tâm Bồ-đề, nguyện đồng với danh hiệu này, cho nên ngày nay thành Phật cũng hiệu là Thích-ca, trải qua ba vô số kiếp tu tập hạnh Bồ-tát, trong mỗi kiếp thờ vô lượng Phật, trong thời gian đó tiếp tục gặp Định Quang Như Lai, dùng tóc có rải hoa Nê-Kim mà dâng lên, rồi được thọ ký và được Vô Sinh nhẫn, nhưng tất cả Đức Phật, lúc sắp thành Phật, đều phải trải qua trăm kiếp tu tập nghiệp tướng tốt. Đức Phật Thích-ca phát tâm sau Di-lặc, nhưng nhờ gặp được Phất-sa Như Lai, suốt bảy ngày kính ngưỡng, làm kệ khen ngợi, mới vượt qua chín kiếp thành đạo trước. Lúc sắp thành thì (1093) sinh lên cõi trời Đâu-suất, hiệu là Bồ-tát Phổ Minh, sau khi thọ mạng ở cõi trời hết thì sinh xuống cõi Diêm-phù-đề, hiện cưỡi con voi trăng nhập vào hông phải của mẹ. Mẹ chính là Ma-da nằm mộng thấy voi trắng nhập vào hông phải. Phạm Tiên đoán rằng: “Nếu mộng thấy nhật nguyệt sẽ sinh quốc vương, còn mộng thấy voi trắng sẽ sinh Thánh tử”.

Từ đó về sau, Ma-da bình tĩnh an nhiên, từ biện mỗi ngày một khác. Lúc Bồ-tát mới sinh rung chuyển cả mặt đất, thân sắc vàng tím có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, ánh sáng phát ra một tầm, sau khi sinh ra hướng về bốn phương, mỗi phương đều bước bảy bước, để hàng phục Ma Phạm. Ngài nói lời thành Phật: “Trên trời, dưới đất, chỉ có ta là tôn quý”. Khi bế Ngài vào đền thờ các vị trời, tất cả tượng các vị trời đều đứng dậy. Tiên A-tư-đà chấp tay khen rằng: Tướng tốt rõ ràng sẽ làm bậc Pháp Vương, chỉ tiếc là ta sắp chết không được thấy Phật, đó là Thái tử con vua Tịnh Phạn, nhũ danh là Tất-đạt-đa, ông nội là Sư Tử Giáp, Cha là Tịnh Phạn, mẹ là Ma-da, đời đời làm bậc Luân vương, thuộc dòng họ Cù-đàm, lại nhờ tài năng nên có họ riêng là Thích-ca. Ngài sinh ra tự nhiên sáng láng giỏi về nghệ thuật, dẫu sống trong năm dục nhưng chẳng thọ dục trần, dạo chơi ở bốn cửa thành thấy cảnh già, bệnh, chết và gặp một vị sa-môn. Khi trở về cung vua, trong lòng buồn chán, muốn xa lìa cảnh trần. Bỗng nửa đêm có vị Thiên Thần đỡ dậy, Ngài bèn phi ngựa báu vượt thành xuất gia, sáu năm tu tập khổ hạnh, biết con đường mình tu là sai, Thái tử liền nương vào phép chánh quán để được Bồ-đề.

Bấy giờ, có một cô gái chăn bò nấu sửa làm cháo, sữa sôi vọt lên, cô gái lấy làm kinh ngạc đem dâng Bồ-tát. Bồ-tát thọ dùng, khí lực trở nên mạnh mẽ, liền xuống sông tấm gội, lúc sắp lên bờ, cây tự hạ thấp cành xuống dẫn Bồ-tát lên, từ đó Bồ-tát nhận cỏ cát tường, ngồi dưới

cây Bồ-đề, ác ma thấy vậy, liền sinh tâm giận giữ nói: Người này muốn phá hoại cõi của ta, liền dẫn mười tám ức muôn quyết thuộc, cầm các khổ cụ đến doạ Bồ-tát, hối thúc Bồ-tát mau đứng dậy mà nhận năm dục lạc. Lại sai ba vị Diệu Ý Thiên Nữ đến mê hoặc Bồ-tát. Bấy giờ, Bồ-tát nhập định thắng ý từ khởi tâm thương xót, ma quân tự nhiên lui lần, ba Diệu Ý Thiên Nữ hoá thành loài ma gầy ốm. Sau khi Ngài hàng phục ma quân rồi, đến ngày mồng 8 tháng 2 lúc mặt trời mọc thì Ngài thành bậc Chánh đẳng Chánh giác. Sau khi thành Phật, Ngài quán sát căn cơ chúng sinh, biết rõ chúng sinh ưa thích Tiểu thừa chưa kham nổi pháp Đại thừa. Ngài đi đến nước Ba-la-nại, độ cho năm anh em Kiều-trần-như, xoay bánh xe pháp Tứ Đế. Từ đó, Tam bảo bắt đầu xuất hiện, sau đó Ngài nói pháp độ sinh, trong cuộc hội lớn Ngài nhóm các vị Bồ-tát, bàn luận rất kỹ về vô tướng, sức thần thông thị hiện, văn kinh nói đầy đủ. Có một thời gian Ngài lên tầng trời Đao-lợi, chín tuần an cư nói pháp cho mẹ nghe. Lúc ấy, quốc vương Ưu-điền và Vua Ba-tư-nặc nhớ ân đức của Phật bèn khắc hình tượng Phật bằng gỗ chiên đàn, sau đó, Phật từ cõi trời Đao-lợi xuống, những pho tượng khắc đó đều đứng dậy ra đón, Phật liền xoa đầu các pho tượng đó và nói: Các vị ở đời vị lai phải làm Phật sự cho tốt, tượng Phật bắt đầu thịnh hành từ đó. Sự nghiệp hoá duyên sắp xong, bấy giờ, môn đồ chán nản lười biếng, Phật liền bảo đại chúng rằng: Ba tháng sau ta sẽ nhập Niết-bàn, ghi lại việc sau này như trong kinh đã nói rõ, nhưng thật ra thân Như Lai còn mãi không diệt, cho nên kinh Pháp Hoa chép: Ngài thường ở núi Linh Thứu và các trụ xứ khác, nay sinh diệt là hoá thân của Phật, vì muốn dìu dắt chúng sinh, Ngài hiện thành đồng loại với họ, cho nên Ngài thọ sinh, lại muốn giúp cho họ biết rõ pháp hữu vi chắc sẽ biến đổi, cho nên Ngài thị hiện tịch diệt. Lại căn cơ của chúng sinh thuần thục nên thị hiện tàm chúng sinh, vì để chúng sinh cảm kích, cho nên Ngài thị hiện tịch diệt. Sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn, người trời cúng dường, xây tháp báu thờ.

Lại nữa, Đại Ca-diếp triệu tập một ngàn vị La-hán kết tập pháp tạng, còn A-nan nhớ rất cặn kẽ nên tụng kinh Phật, không sót một chữ, như bình nước này rót vào bình khác, khoảng một trăm năm sau, có vị vua Thiết Luân tự là A-thâu-kha cũng gọi là A-dục, cai quản quỷ thần, trong vòng một ngày ở trên cõi trời, ở dưới cõi người xây dựng tám muôn bốn ngàn tháp Xá-lợi, các di vật của Phật như y, bát, tích trượng v.v... cùng các Xá-lợi thần biến chẳng phải một. Đến đời Hán Minh nằm mộng thấy một người thân vàng, dung mạo cao tới trượng sáu như hình dáng Đức Phật Thích-ca.

Lại vào thời Ngô thì Tôn Quyền đập phá thiêu đốt tượng Phật, nhưng Xá-lợi vẫn không bị huỷ hoại, lại đến tượng Phật bằng đá nổi trên sông, dung mạo trang nghiêm của Phật lướt nhẹ trên mặt biển, sức Bát-nhã sâu xa, Quán Âm mật nghiêm, sách khác ghi chép dầy đủ, ở đây không ghi nhiều.

BÀI KỆ KHEN NGỢI ĐỨC PHẬT PHẤT SA.

Trên trời dưới trời không ai bằng Phật
Thế giới mười phương cũng không sánh bằng
Mọi người tôi thấy ở trên thế gian
Tất cả cũng không có ai như Phật.

TRUYỆN HÁN HIỂN TÔNG KHAI PHẬT HÓA PHÁP BỔN NỘI.

Truyện rằng: Vào niên hiệu Vĩnh Bình thứ 13 đời vua Minh Đế, vua nằm mộng thấy vị thần thân bằng vàng cao trượng sáu, trên đỉnh đầu có ánh sáng, lúc tỉnh dậy vua bèn hỏi các quan, quan Phó Nghị tâu rằng: Có Đức Phật ra đời ở Thiên-trúc, vua bèn sai sứ đến thỉnh cầu, thỉnh được kinh tượng hai vị tăng, vua liền xây chùa thờ Phật, vẽ tranh Phật trên vách tường có ngàn muôn xe ngựa nhiễu quanh tháp Phật ba vòng. Lại còn dựng tượng ở đài Thanh Lương, Nam Quan và trên cửa Cao Dương, tại Lăng Hiển Tiết xây chùa lập tượng Phật và chép kinh Tứ Thập Nhị Chương, hết sức cẩn thận ở thạch thất Lan Đài, rộng như trong tập mâu tử ở trước truyền rằng: Lúc đó, có các vị Sa-môn là Ca-diếp-ma-đằng, Trúc Pháp Lan, hạnh vị khó lường, có ý chí khai hóa, sai sứ đến thỉnh Ngài Ma-đằng đi về phía Đông, không giữ khu vực ấy, Ma-đằng theo đến Lạc Dương, hiểu rõ vật tình vua rất tôn sùng. Vua hỏi Ma-đằng rằng: Pháp Vương ra đời sao sự giáo hóa không đến được nơi này?

Ma-đằng đáp: Nước Ca-tỳ-la-vệ là trung tâm Tam thiên Đại thiên thế giới trăm ức mặt trời, mặt trăng chư Phật ba đời đều sinh ở đó, cho đến trời, rồng quỷ thần có tâm nguyện tu hành đều sinh ở đó, tiếp nhận sự giáo hóa đúng đắn của Phật đều được ngộ đạo, chúng sinh chỗ khác không có duyên cảm Phật thì Phật không đến.

Tuy Phật không đến nhưng ở đâu có ánh sáng của Phật soi đến, hoặc sau năm trăm năm, hoặc một ngàn năm, hoặc hai ngàn năm đều có bậc Thánh truyền bá giáo pháp của Phật, để dẫn dắt chúng sinh, giảng rõ về giáo nghĩa. Văn rất dài cho nên lược bớt, truyện chỉ nói:

Ngày 1 tháng giêng niên hiệu Vĩnh Bình thứ 14, đạo sĩ các núi như Ngũ Nhạc, v.v... có chư hầu yết kiến thiên tử, họ tự bảo nhau rằng: Thiên Tử bỏ đạo pháp của chúng ta đi tìm Hồ giáo ở nơi xa, nay nhân triều đình hội họp ta hãy dâng biểu phản kháng việc đó. Nội dung bài biểu lược rằng: Tất cả gồm sáu trăm chín mươi tử tội của Thái Thượng Quán ở mười tám núi như Ngũ Nhạc, v.v... đều tâu rằng:

Thái Thượng Vô Hình, vô danh vô cực, vô thượng, hư vô tự nhiên, đại giáo xuất hiện trước cả tạo hóa, thượng cổ cũng dẫn dắt trăm vua không đổi. Nay đạo của Bệ hạ vượt hơn nghĩa Hoàng, đức cao hơn Nghiêu Thuấn, thế mà bệ hạ bỏ gốc chạy theo ngọn, cầu giáo lý ở Tây Vức, tôn giáo đã thờ chính là tôn giáo của bọn rợ hồ.

Thuyết của họ không hợp Hoa hạ, xin bệ hạ tha tội chúng thần cho phép cùng thử nghiệm. Chúng thần đây là đạo sĩ ở các núi phần nhiều có tài thấy nghe xa rộng, thông hiểu kinh điển. Từ thời Nguyên Hoàng đến Thái Thượng quần lục, phù chú của Thái Hư chúng thần đều tu luyện đến mức cùng cực, hoặc đánh đập quỷ thần, nuốt mây uống khí, hoặc vào lửa không cháy, đi trên nước không chìm, hoặc ban ngày bay lên trời, hoặc ẩn hình không thấy, còn như phương thuật không ai hơn được, vậy thần xin được đọ sức với họ.

1/ Là để Thánh Thượng yên vui.

2/ Để được phân biệt chân ngụy.

3/ Để có đại đạo quy về

4/ Để không loạn phong tục nước Trung hoa.

Nếu chúng thần đọ sức thua thì xin chịu trọng tội, còn chúng thần thắng xin trừ khử bọn luống dối. Vua bèn ra lệnh cho quan Thượng thư lệnh là Tổng Tường dẫn họ vào cung Trường Lạc, đến ngày rằm tháng đó nhóm họp tại chùa Bạch mã, các đạo sĩ liền bày ba đàn, (1094) mỗi đàn mở hai mươi bốn cửa. Đạo sĩ Chữ thiện tín ở Nam Nhạc, đạo sĩ Lưu Chánh Niệm ở Hoa Nhạc, đạo sĩ Hoàn văn Độ ở Hằng Nhạc, Đạo sĩ Tiêu Đắc Tâm ở Đại Nhạc, Đạo Sĩ Lữ Tuệ Thông ở Tung Nhạc, Đạo sĩ Kỳ Văn Tín v.v... ở mười tám ngọn núi Hoắc Sơn, Thiên mục, Ngũ Đài, Bạch Lộc, v.v... đều mang sách linh bảo chân văn, Thái Thượng ngọc quyết, Tam Nguyên phụ lục gồm năm trăm chín mươi quyển, đặt ở đàn Tây, các sách của hai mươi bảy nhà như Mao Thành Tử, Hứa Thành Tử, Lão Tử v.v... gồm hai trăm ba mươi lăm quyển đặt ở đàn giữa, còn bồ tế lễ trăm thần đặt ở đàn phía Đông, vua ra ngự ở cửa phía Nam của chùa, kinh tượng, xá-lợi Phật đặt ở Tây Đường, mười lăm ngày chay xong, các đạo sĩ liền dùng củi, sậy trộn với đàn trầm hương làm đuốc, nhiễu

kinh rồi khóc rằng: chúng thần kính tâu Thái Cực Đại Đạo Nguyên Thể Thiên tôn chúng tiên bách linh, nay Hồ thần làm loạn Hoa nhân, nhà vua tin theo tà đạo, chánh giáo mất dấu, ngọn gió huyền diệu đọa rơi, chúng thần xin đặt kinh trên đàn dùng lửa để thử nghiệm, muốn chỉ bày cho những tâm hồn còn bị che lấp để họ phân biệt được chân ngụy. Khấn xong, họ liền châm lửa đốt kinh, kinh thấm lửa cháy rụi thành tro bụi, bọn đạo sĩ nhìn nhau mất hồn, vô cùng kinh sợ, kẻ muốn bay lên trời ẩn hình thì không đủ sức bay lên được, kẻ sai khiến quỷ thần thì hò hét không ứng, ai nấy đều hổ thẹn. Đạo sĩ Phó Thác Tài ở Nam Nhạc tự cảm mà chết, quan Thái phó Trương Diễn nói với Chữ Thiện Tín rằng: Các ông thử không ứng nghiệm, tức là luống dối, nên y cứ vào chân pháp từ Ấn-độ truyền sang. Chữ Thiện Tín nói: Mao Thành Tử nói rằng: Thái Thượng chính là Linh Bảo Thiên Tôn, do tạo hóa làm ra, gọi là Thái Tổ, đây há là luống dối hay sao?

Trương Diễn đáp: Thái Tổ chỉ là danh từ của đức quý, chứ không phải danh xưng của bậc có ngôn giáo. Nay ông lại bảo có ngôn giáo, tức là luống dối. Tín im lặng. Lúc đó, xá-lợi Phật tỏa ánh sáng năm màu lên thẳng hư không, xoay tròn như chiếc lọng, che quanh đại chúng, át cả ánh sáng mặt trời.

Pháp sư Ma-đằng vọt cao lên hư không, nằm ngồi trên hư không, hiện nhiều phép thần biến. Bấy giờ, trời mưa hoa báu lên mình Phật và tăng. Lại nghe tiếng nhạc trời cảm động nhân tình, đại chúng đều vui mừng khen là việc chưa từng có. Họ đều vây quanh Pháp Lan nghe nói về yếu nghĩa của Phật pháp và dùng âm phạm khen ngợi công đức của Phật, cũng làm cho mọi người mở mang Tam bảo, nói về nghiệp Thiện, ác đều có quả báo, sáu đường ba thừa các tướng khác nhau. Lại nói về công đức xuất gia, phước đó cao hơn hết, trước lập chùa, đồng với phước của Phật. Quan Tư Không là Dương Thành Hầu Lưu Tuấn cùng các quan nhân, sĩ thứ hơn một ngàn người xuất gia. Bọn đạo sĩ các núi Tứ nhạc là Lã Tuệ Thông v.v... tất cả gồm sáu trăm ba mươi người xuất gia. Âm phu nhân Vương Tiệp Hảo v.v... cùng các phụ nữ của quan nhân gồm hai trăm ba mươi vị xuất gia.

Lại xây dựng mười ngôi chùa, bảy ngôi ngoài thành cho tăng trụ trì, ba ngôi trong thành cho Ni trụ trì. Từ đó về sau Đạo Phật càng phát triển. Truyện có năm quyển sơ lược, không đầy đủ, có người nghi truyện này, sách xuất bản gần đây không có việc đọ sức. Theo sác nhà Ngô có núi rõ về việc Phí Thúc Tài cảm chết, cho nên truyện này là thật.

THƯỢNG THÁI TỂ HỎI KHỔNG TỬ VỀ BẬC THÁNH.

Thái Tể hỏi Khổng tử rằng: Ngài có phải là bậc Thánh hay chăng?

Đáp: Khâu cũng học rộng nhớ dai, nhưng chẳng phải là bậc Thánh.

Lại hỏi Tam Vương có phải là bậc Thánh chăng?

Đáp: Tam Vương khéo dùng trí dũng, còn phải là bậc Thánh hay không thì khâu tôi không biết.

Lại hỏi: Ngũ Đế có phải là bậc Thánh chăng?

Đáp: Ngũ Đế khéo dùng nhân nghĩa, còn phải là bậc Thánh hay không khâu này không rõ.

Lại hỏi: Tam Hoàng có phải là bậc Thánh chăng?

Đáp: Tam Hoàng khéo dùng thời chính, còn phải là bậc Thánh hay không thì khâu tôi không rõ.

Thái Tể rất kinh hãi hỏi tiếp: Thế thì ai là bậc Thánh? Khổng Tử nhíu mày rồi đáp: Khâu này nghe nói Phương Tây có bậc Thánh. Không trị mà chẳng loạn, không nói mà tự tin, chẳng hóa mà tự hành. Làm người rộng lớn, không thể dùng danh từ mà nói được, nói theo đây, thì khổng Tử biết rất rõ Phật là bậc Thánh. Nhưng thời chuyên chưa đến cho nên im lặng mà biết, có cơ duyên thì nêu ra, nhưng chưa nói đủ điều mình biết.

Thiền sư Thiết Ngưu Ấn ở Chung Sơn dạy các đồng hành. Ngày rằm tháng năm niên hiệu Diên Tải năm Thứ I, Hồ Tắc Thiên đời Đường, mới bắt đầu thâu tóm tất cả tăng ni trong nước bắt buộc phải phụ thuộc vào Tư Bộ. Niên hiệu Thiên Bảo năm thứ 6 đời vua Huyền Tông quy định Tăng Ni được độ, do Ty bộ cấp điệp. Nhiệu Chí Đức năm thứ 3 đời vua Túc Tông điệp của Ty bộ ban cho công Thần bán, để luận bàn việc này thì trước niên hiệu Diên Tải: Tăng theo pháp bên Thiện-trúc: Nếu có người hành nghiệp xứng đáng thọ đạo thì chỉ có thầy nhiếp thụ là được. Như Viên cung sứ, đời Đường là Hội Thông yết kiến Thiền sư Đạo Lâm ở thước sào, nói rằng: Đệ tử không muốn làm quan, chí muốn xuất gia, xin Hòa thượng nhiếp thọ. Đạo Lâm bảo: Thời này làm tăng, việc tu hành phần nhiều quá lạm dụng.

Thông thưa: Vốn đã Thanh tịnh thì chẳng cần mài dũa, vốn đã sáng thì không tùy theo sự chiếu soi.

Đạo Lâm nói: Nếu ông đã rõ định trí diệu viên thể tự vắng lặng, tức là chân xuất gia, cần gì mượn tướng bên ngoài.

Thông thưa: Xin Hòa thượng rủ lòng nhiếp thọ, con xin vâng theo

sự dạy bảo của thầy. Bấy giờ, Đạo Lâm mới cho cạo tóc, về sau do sự nghiệp tu hành bừa bãi, mới đặt ra chế độ kiểm soát, là lý tự nhiên.. Cho nên Đức Phật dạy phó chúc Phật pháp cho Quốc Vương, Đại Thần, là vì lẽ này. Nay Quốc Triều ơn Thánh tràn ngập, đặc biệt muôn đề cao giá trị của Đạo Phật, nên ban chính sách trọng giáo, tôn tăng, quý Hòa thượng chính là giáo pháp của Phật.

Ôi! Người làm tăng khó có ai biết được điều này. Nếu là bậc Đại Trượng phu phải có chí kiên quyết dẹp bỏ mọi hành vi quá lạm dụng, dứt khoát từ dưới gót chân mình hướng ra ngoài Phật Tổ, liếc nhìn một cái thì thấu rõ tất cả, thân tâm đều rõ thì không có gì là khó, cũng chẳng lo lá bùa hộ mạng không vào tay, cho nên nói:

Non cao nước chảy ý sâu sắc
Tự có tri ân cười gật đầu.

Pháp hối gửi thân vào chốn đạo tràng của Bảo Công đã nhiều năm, ông là người cẩn thận, thật thà chất phác, có ý chí kiên quyết, không có hành vi lạm dụng bừa bãi. Nay muốn tiến nạp làm tăng, cúi đầu kính tin đặc biệt lớn lao rõ ràng, đại Hiền bỏ ra giúp cho ông thành tựu chí nguyện đó, đem điều cốt yếu này đến để xin lời răn nhắc, do đây mà thường chỉ dạy, cũng muốn bậc hiền sĩ đại phu ở thế gian, khởi lên tâm trọng giáo tôn tăng, biết các bậc tiền bối tuy bị sự giàu có ràng buộc khốn đốn, nhưng cuối cùng cũng có sự hối hận.

Trung thu năm Kỷ mùi, trụ ở thiết Ngưu núi Chung Sơn.

BÀI KÝ VỀ VIỆC MỚI XÂY PHÁP ĐƯỜNG CỦA THIỀN VIỆN VĨNH AN Ở PHỦ CHÂU DO CƯ SĨ VÔ TẬN SOẠN.

Trần Tông Dũ người ở Lâm Xuyên được đại pháp Hỉ ở trong hội có Trưởng Lão Vĩnh An, bỏ nhà riêng của mình để xây trượng thất làm hành lang, vừa mới ghép gỗ lại để làm pháp đường mới thì Tông Dũ qua đời. Hai con của ông than khóc kể với Thường rằng: cha tôi khi xưa chưa thờ Phật thì bình yên mạnh khỏe, đến lúc thờ Phật thì lại bệnh hoạn mà chết.

(1095) Vì thế thuyết nhân quả của Phật có đáng tin hay không?

Thường đáp: Ta là ông lão quê mùa, không đủ khả năng dẫn dắt ông, ông cứ làm hoàn thành chí của cha mà xây xong pháp đường cho tôi, Tiên sư tôi có học trò tên cư sĩ vô tận, là bậc Thượng thủ đắc pháp, thâm nhập pháp môn không hai, biện tài vô ngại, tùy theo căn tính chúng sinh khéo giảng pháp âm, lúc nào pháp đường hoàn thành sẽ đem thư đến thỉnh ông ấy để ông ấy giải quyết mối nghi của ông. Mùa Xuân

niên hiệu Thiệu Thánh thứ nhất, Thường Lão sai Minh giáo đem thư đến Sơn dương nói: tôi mới bị triệu về kinh làm Gián quan chưa có lúc nào rảnh rỗi. Năm sau giám lại đến kinh, chờ thư trả lời ở thiền viện Trí Hải. Bấy giờ, cư sĩ im lặng ở trong một căn phòng, hiểu rõ hoàn cảnh, dẫu có vòng sắt xoay trên đầu, thân tâm vẫn yên định, Minh Giám khóc nước mắt như mưa, tha thiết thỉnh cầu, Cư sĩ đại bi, việc hộ trì Phật pháp ở bên ngoài đều trông cậy vào bậc vua quan. Nay chúng sinh bị trôi dạt trong biển khổ, tham sợ sinh tử, mê hoặc nhân quả, kính mong cư sĩ làm vị đại y vương để bố thí thuốc pháp cho họ, Cư sĩ nói: lành thay! Vì các con của họ Trần mà đến Thỉnh pháp yếu rất sâu xa vô thượng của Như Lai, ông hãy chú ý nghe ta nói, nhớ lấy để nói lại cho họ nghe.

Này người thiện nam! Trong khoảng vắng lặng vọng sinh bốn tướng, chứa dương thành lửa, chứa âm thành nước, lập thành ba tài, chia thành muôn phẩm, tất cả hữu tình nước lửa va chạm nhau, hình khí kết với nhau bằng bốn tướng nhỏ, đủ bốn đại giới, nhân sinh phải có dưỡng, nhân dưỡng phải có của, nhân của phải cần gom, nhân gom mà thành tham, nhân tham mà thành cạnh tranh, nhân cạnh tranh mà thành sân, nhân sân mà thành dung dữ, nhân hung giữ mà thành ngu, nhân ngu mà thành si. Tham, sân, si, này chư Phật nói trong ba A-tăng-kỳ kiếp, con người ta ở trong trăm ngàn kiếp, hoặc mười tuổi hai mươi tuổi, hoặc ba mươi tuổi, bốn mươi tuổi, hoặc năm, sáu mươi tuổi, hoặc bảy, tám mươi tuổi, đều đối với thọ lượng làm một tiểu kiếp. Đối với kiếp này muốn vượt ra ngoài số kiếp không thể kể xiết, thí như con giun đất muốn bay lên khói mây, thì không có việc đó. Chư Phật thương xót, khai thị môn Đại phương Tiện Đàn ba-la-mật, khuyên ông xả bỏ của cải, của cải ông có thể xả thì có thể xả ái, ái ông xả được tức cả thân được, thân ông xả được tức xã được ý, ý ông có thể xả, tức xả được pháp, pháp ông xả được tức xả được tâm, tâm ông xả được, thì hợp với đạo.

Xưa, Tôn giả Ca-diếp hoằng hóa có bà lão nghèo đem nước vo gạo để trong chiếc bình vỡ ra mà bố thí, Tôn giả uống xong vọt lên hư không, hiện mười tám pháp biến hóa, bã lão chiêm ngưỡng tâm rất vui vẻ, Tôn giả bảo rằng: Những thứ bà đem bố thí được phước vô lượng, hoặc người, hoặc trời, Luân Vương Đế-thích, là bậc Thánh Tứ quả hay Phật, Bồ-tát tùy theo ý nguyện của bà, muốn gì đều được.

Bà lão đáp: Chỉ cầu được sinh lên cõi trời.

Tôn giả nói: sẽ được như điều bà muốn, sau bảy ngày quả nhiên bà lão qua đời, được sinh lên tầng trời Đao-lợi cao quý diệu lạc.

Lại nữa, vua nước Kế-tân nghe pháp trong hội của Phật bước ra

khỏi chúng thưa rằng: Bậc đại Thánh xuất thế ngàn kiếp khó gặp, nay muốn phát tâm xây dựng tinh xá, cúi xin Phật khai cho.

Phật bảo! Tùy theo ý ông. Vua nước Kế-tân cầm một cành trúc cắm trước Phật bạch rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Xây dựng (tinh xá) (chùa chiền) đã xong. Phật dạy: Đúng thế, đúng thế! Dùng tinh xá này mà chứa đựng pháp giới, dùng nó mà cúng dường, phước còn hơn số cát sông Hằng. Giám lại vì tôi đem hai thuyết này về nói với đàn-việt, để họ tự lựa chọn, cha ông đã xây dựng pháp đường, thất, hành, lang, so với bình nước vo gạo được phước hơn nhiều, sẽ được sinh lên cõi trời hưởng thọ vui, chắc chắn không nghi ngờ. So với vua nước Kế-tân cắm một nhành trúc mà có thể chứa vô lượng pháp giới, ông muốn đến đây nghe một bài kệ của ta.

Một nhánh tre dài dựng Tinh xá.
Gió cuộn muỗi mòng xuống biển Nam
Nước bẩn hắt ra thành đệ nhị
Độn căn lỡ bước hỏi Tiền Tam.

Bấy giờ, Minh Giám vui vẽ tin nhận, trở về bảo với những người còn đó, dùng bút ghi những lời cư sĩ đã nói thành bài ký.

TỐNG VĂN ĐẾ TẬP HỌP CÁC QUAN TỂ PHỤ BÀN LUẬN VỀ PHẬT GIÁO

Văn Đế là con thứ ba của Tống Cao Tổ, thông minh học rộng, nổi tiếng thông đạt, lên ngôi năm ba mươi tuổi, có một lần rảnh rỗi ung dung mà hỏi quan Thị trung là Hà Thưởng Chi, nhân ngày quan lại bộ là Dương Huyền bảo rằng: lúc nhỏ Trẫm ít đọc kinh, gần đây lại càng không rảnh, nhân quả ba đời chưa rõ vẫn còn ấp ủ trong lòng, nhưng lại không dám đưa ra thuyết khác. Vì chính các khanh là bậc tài giỏi thời nay đều kính tín Phật giáo, Phạm Thái Tạ Linh Vận thường nói: văn kinh sáu kinh điển của nhà Nho, vốn giúp cho thế tục làm việc chính trị, muốn tìm hiểu về sự thật mầu nhiệm về tánh linh, há chẳng lấy giáo lý Phật làm kim chỉ nam hay sao? Gần đây, thấy Nhan Diên Chi phân tích “Đạt Tính Luận” Tống Bính bắt bẻ “Bạch Hắc Luận” mới hiểu sâu về Phật pháp, nhất là danh lý đều đầy đủ để mở mang tâm ý cho con người. Nếu làm cho cả nước, chuộng sự giáo hóa của Đạo Phật, thì Trẫm chỉ ngồi đợi đến cảnh bình, còn phải làm việc gì nữa?

Thượng Chi tâu: Những người sống lơ là phần nhiều không tin Phật pháp, hạ thần đây là kẻ tầm thường mà được bệ hạ quá khen hỏi tới, thật chẳng dám kham nổi được như các bậc tài giỏi đời trước, cho

nên không thể phụ minh chiếu của bệ hạ, trong triều đã xa khó biết hết được, tính từ lúc vượt sông Trường Giang đến đây thì vương đạo, Chu Khải Sưu lượng, Vương Mông, Tạ Thượng, Khích siêu, Vương Thản, Vương Cung, Vương mật, Quách Văn Cử, Tạ phụ, Đái Quỳ, Hứa Tuần và các vị anh em đã mất của Cao Tổ, và anh em Vương Nguyên Lâm, Phạm Chú, Tôn Xước, Trương Huyền, Ân Khải, v.v... bọn họ, thì bậc tài giỏi trong hàng tể phụ, có người thì tiêu biểu về nhân luân, có người thì gởi tâm vào cõi trời, có người thì ẩn dật ở nơi mây khỏi, tất cả đều quyết chí quy y, thành tâm quy tín, trong khoảng đó so họ với Lan hộ, Khai tiềm, Thậm độn, Sùng thúy, đều thua Hoàng Trung, hoặc là người không thể lường được.

Pháp sư Tuệ Viễn thường nói: Sự giáo hóa của họ Thích chẳng có gì không lường được, đạo ấy vốn tự nó là nguồn gốc của sự giáo hóa, giúp cho thế tục cũng là việc quan trọng. Thử tìm hiểu kỹ thuyết này có những điều quan trọng khế hợp với đạo lý, nếu làm ra cho mọi người đều giữ giới, tội ác bị diệt, hình phạt không dung, thì điều Bệ hạ nói ngồi đợi cảnh thái bình, quả đúng với Thánh chỉ.

Dương Huyền Bảo Tâu: Cuộc bàn luận này bởi thuộc cõi trời, người, đâu phải chuyện hạ thần được khen ngợi, trộm nghĩ Tần Sở bàn về chuyện binh mạnh, Tôn Ngô Trổ hết thuật, thôn tính cũng không dùng đạo Nghiêu Thuấn, đâu chỉ có đạo Phật thôi. Vua nói: cửa Phật có khanh cũng giống như cửa khổng có Quý lộ, cái gọi là lời ác thì không lọt được vào tai. Từ đó, Văn Đế dốc hết lòng nghiên cứu kinh Phật, và gặp các vị tăng Nghiêm Quán, Ngài bàn đạo nghĩa nhiều lần hội họp ở trong điện, đích thân trải chiếu ngồi dưới đất ăn cơm với chư Tăng. Bấy giờ, có sa-môn Trúc Đạo Sinh, và bậc xuất chúng anh nghĩa tài giỏi, được vua trọng vọng, vua thường nói lại nghĩa đốn ngộ của Trúc Đạo sinh, các vị Tăng đều đặt ra những vấn đề lớn để vặn vẹo. Vua bèn nói: nếu làm cho người đã chết sống lại, há đã bị khanh đào lên. Lúc ấy, Nhan Diên Chi soạn luận ly thức, vua sai Pháp sư Nghiêm phân biệt chỗ đồng khác của nó, hai bên tranh luận qua lại cả ngày. Vua cười nói: Ngày hôm nay các khanh không hổ thẹn với cuộc bàn luận của Chi Hứa.

GIAO TỰ CHÍ TRONG SÁCH HẬU HÁN

Chí chép rằng: Phật, tiếng Hán là giác ngộ, mục đích là để giác ngộ chúng sinh, tóm tắt giáo lý của đạo này lấy tu thiện từ tâm làm chính, không sát sinh, chỉ lo việc thanh tịnh, tinh tấn là sa-môn, tiếng

Hán có nghĩa là dứt tâm.

Cạo tóc là bỏ nhà dứt tình, rửa dục mà trở về vô vi, lại cho rằng người chết tinh thần bất diệt, rồi lại thọ thân, những điều thiện, ác mình gây ra kiếp sau sẽ có báo ứng, điều đáng quý là phải làm điều lành để luyện tinh thần mình. (10910) Luyện mãi không dừng đến lúc Vô sinh thì được thành Phật, thân cao một trượng sáu, mầu sắc vàng ròng, trên đỉnh có ánh như mặt trời mặt trăng, biến hóa vô thường, thường cứu giúp chúng sinh, có kinh sách hàng mấy ngàn quyển, lấy hư vô làm tông, bao la tinh túy không chỗ nào chẳng thâu tóm, khéo đặt ra những lời cao quý bao la, điều mong muốn ở trong nhất thể, điều nói ở trong sự thấy nghe, quy y đạo lý mầu nhiệm sâu xa khó mà lường được. Cho nên các bậc Vương công đại nhân xem lúc sinh tử báo ứng, đều y cứ vào sự mất mát của tự nhiên.

Ngụy Thư chép: Đại để kinh sách nói các loài chúng sinh, đều do hành nghiệp mà khởi, có ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai, các thứ lớp đẳng cấp trong việc tu đạo rất nhiều, đều từ cạn đến sâu, từ nhỏ đến lớn, đều nhờ chứa nhóm nhân thuận, bỏ ham muốn, tập vắng lặng mà thành chiếu suốt.

BÀI VĂN HỒI HƯỚNG KHI QUÉT ĐẤT CỦA THIỀN SƯ THỦ NHẤT PHÁP CHÂN CHÙA TỊNH TỪ Ở HÀNG CHÂU

Hồi hướng công đức quét chùa này cho chúng sinh trong pháp giới sắc trần thanh tịnh, trần thanh tịnh cho nên nhãn căn thanh tịnh, căn thanh tịnh cho nên nhãn thức thanh tịnh, thanh hương xúc pháp cũng giống như vậy. Lại nguyện một thế giới thanh tịnh, cho đến tận pháp giới, hư không giới đều thanh tịnh, giống như viên giác già lam, giác địa thanh tịnh, mà các Như Lai Quang Nghiêm trụ trì, dứt hẳn hai bên tập khí tịnh uế, phàm Thánh cấu bẩn, chẳng còn một hạt bụi, nguyện thanh tịnh như vậy, trí cũng giống như vậy.

BÀI KÝ VỀ THẬP PHƯƠNG THIỀN VIỆN CỦA CHÙA LINH PHONG NÚI ĐẠI HỒNG Ở TÙY CHÂU

Tháng 9 niên hiệu Nguyên Hiệu năm thứ 2, vua hạ chiếu cho chùa Linh Phong núi Đại Hồn ở Tùy Châu đổi Luật tông thành Thiền Tông. Niên hiệu Thiệu Thánh năm thứ nhất, Ngoại Đài mới thỉnh Trưởng lão Báo An trụ trì chùa Thiếu lâm ở Lạc Dương. Tháng giêng đổi thành niên hiệu Sùng Ninh, sai người đến xin bài ký về Thiền viện Thập Phương, mới viết rằng: Nút Đại Hồng ở phía Tây nam Tùy Châu, nền chiếm

hơn một trăm dặm, đỉnh núi nhìn xuống các vùng Hán Đông, rừng núi non một dãy phẳng lỳ như đất bằng, dựa vào điều mà các bậc kỳ cứu đã nghe truyền lại. Hồng có chỗ gọi là Hồ (Không có chấm thủy), hoặc gọi Hồ (có chấm thủy) chưa rõ ý nghĩa là gì. Nay y cứ vào địa lý mà xét, giữa bốn ngọn núi, xưa kia là hồ, là nơi thần rồng ở, sóng lớn mênh mông, không biết đâu là bờ bến. Sau đó hai rồng đấu nhau nứt thành bờ ao. Nước hồ chảy về phía Nam. Cho nên thôn xóm dựa vào núi gọi là lạc hồ, cai quản núi Đại Hồng này, nên mới được đặt tên như vậy.

Vào niên hiệu Nguyên Hòa đời Đường, Thiện tín là vị Tăng chùa Khai Nguyên ở Hồng châu, tức Đại sư Từ Nhẫn của núi này. Đại sư theo tâm yếu mật truyền của Mã Tổ, đi về phía Bắc đến núi Ngũ Đài, lễ Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, thấy sự cao đẹp tự mừng là có duyên với Bồ-tát, phát nguyện xin thổi nấu cho chúng Tăng ba năm, nhưng bị tăng trong chùa khước từ, đại sư than khóc, bèn có một ông lão bảo rằng: “Duyên của ông không phải ở đây, ông cứ đi đi, gặp Tùy thì dừng, gặp Hồ thì trụ, Đại Sư liền đi về phía Nam, tháng bảy mùa Thu niên hiệu Bảo Lịch năm thứ 2, tới Tùy Châu xa thấy ngọn núi cao, hỏi người trong làng rằng: Đó là núi gì?

Người trong làng đáp: Đây là Núi Đại Hồ, Đại Sư ngẫm biết là hợp với lời nói trước, bèn tìm đường tới chân núi đến bên hồ, đúng vào năm ở đó gặp hạn hán nặng. Người trong làng Tên Trương Vũ Lăng nói: chuẩn bị sẵn dê lợn, định dùng vào việc cầu nguyện rồng trong hồ, sư thấy vậy thương xót bèn bảo Vũ Lăng rằng: Mưa nắng bất thường, vốn cảm ứng do nghiệp xấu của con người, hại mệnh để cứu mệnh lại thêm tội, hãy chớ sát sinh, nán lại ba ngày ta sẽ cầu nguyện giúp các ông. Trương Vũ Lăng cũng là dị nhân, nghe lời Đại sư nói ông ta kính tin ngay: Đại Sư liền vạch cây men đá, tìm thấy hang động ở phía Bắc núi, Đại Sư điềm nhiên an tọa, thành tâm cầu nguyện, thế là sấm nổi mưa to, mấy ngày sau mưa mới tạnh. Vũ Lăng lần theo dấu vết thì thấy Đại Sư đang thiền định. Tơ Châu dăng kín mặt phải quát vào tai, đánh vào thân, hồi lâu mới tỉnh, Vũ Lăng bèn xây tịnh xá cúng dường Sư ở núi này và cho hai con theo hầu, thế là học trò đến theo và thành pháp tịch. Đến ngày 29 tháng 5 niên hiệu Thái Hòa năm thứ I, Đại Sư thầm nói với rồng Thần rằng: Trước đây ta đem thân thay cho vật hy sinh, làm mất huyết thực của ông. Nay xả thân cho ông, ông hãy ăn thịt ta, liền lấy dao chặt gối trái, lại chặt gối phải, môn đồ nháo nhác, nhưng gối của thầy Từ Nhẫn không đứt được, nước chảy ra, Đại sư nghiễm nhiên thị tịch. Hai đứa con của họ Trưởng đứng thấy bèn hóa. Đông

Đạo ở ngọn núi đem tâu chuyện với Vua. Vua Đường Văn Tông khen ngợi, ban cho tấm biển treo ở chỗ Đại sư ở, biển đề là Thiền Viện U Tế, trong niên hiệu Thiên Phúc đời Tấn đổi thành chùa Kỳ Phong đều vì cầu nguyện được Linh ứng. Từ lúc sư nhập diệt đến nay hơn ba trăm năm, mà dân mười mấy châu Vùng Nhữ Phần ở Hán Quảng, đều thờ cúng tôn nghiêm, như theo một sự ước thúc, vàng, lụa, lúa, thóc đầy ắp trên đường, của mạnh pháp yếu, tăng phạm mới đổi. Trước đây đỉnh núi này cao ngất, điện đường lầu gác làm theo thế núi, trước sau khác nhau, hướng nhà lộn xộn. Ân lão đến ở ngăm kỹ hình thắng, mở đường đi vào từ phía Nam để đúng nơi khách và chủ, đào núi lấp khe, san bằng chỗ cao, xây các bậc đá, khiến núi cao muôn nhẫn trở thành đỉnh núi bằng phẳng, Điện đường ba cửa mở canh thẳng băng, hành lang mái hiên của bốn phía thông đạt. Những người tu hành thanh tịnh đến họp như mây, nơi đây trở thành tòng lâm. Đèn báu tướng lành ở Nga Mi, cầu vồng ánh sáng mát mẻ, những cảnh kỳ lạ ở nơi khác cùng hiện ở đây. Phá cái cũ dựng cái mới, những vị theo luật tông, quyến luyến với cảnh cũ mà nhao nhao, gặp lúc ta bị đưa đến làm quận thứ ở đây, ta muốn thiền luật cùng tồn tại mà dặn! Luật lấy giáp Ất, Thiền lấy mười phương, mà gọi giáp Ất là giáp từ đâu đến, Ất từ đâu lập ra? Rồi đáp: Chúng tôi là con cháu Từ Nhẫn, nay lấy người ở mười phương, Ất ở Từ Nhẫn, Giáp ở Mã Tổ, Ất ở Mã Tổ, Giáp ở Nam Nhạc. Ất ở Nam Nhạc, Giáp ở Tào Khê. Suy tính kỹ trở lên thì Giáp Ất ở tại Bồ-đề Đạt-ma, hai mươi tám vị Tổ ở Tây Thiên, gọi là Giáp Ất, quả thật nó ở đâu?

Lại nói mười phương là: Mười từ đâu sinh, phương từ đâu khởi, pháp của thế gian từ một sinh ra hai, một với hai thành ba, hai với ba thành sáu, ba nhân ba thành chín, chín là tột cùng. Lại quay về một, một với chín là mười, nghĩa mười mới thành, chẳng phải tự nhiên, không có một mà lại có mười, gọi là phương. Trên là phương hay dưới là phương? Đông là phương hay Tây là phương? Nam là phương hay Bắc là phương? Lấy trên làm phương thì đó là chỗ của các vị trời, chẳng phải cảnh giới. Lấy dưới làm phương thì chỗ giữ gìn phong luân, chẳng thể ở được. Lấy Đông làm phương thì người ở Tỳ-đề-ha, mặt như hình bán nguyệt. Lấy Bắc làm phương thì người uất-đàn-việt tuổi thọ lâu dài. Lấy Tây làm phương thì cõi Cù-Da-Ni sóng biển mịt mờ. Lấy Nam làm phương thì cõi Diêm-phù-đề thì voi ngựa mỗi nước một khác, như thế Giáp Ất không nhất định, mười Phương không chỗ nương, cạnh tranh luật thiền ai đúng ai sai? Nhưng theo luật nói: Đức Thế Tôn từng ở trong tịnh xá Trúc lâm vườn cấp cô Độc như lời nói của Thái Thú thì Thế Tôn sai ư?

Tôi nói: Ông há không nghe, cho Đại Viên Giác là già-lam của ta, thân tâm yên ổn tánh trí bình đẳng, đây chẳng phải lời ta nói, chính là lời Phật nói. Lúc bấy giờ, người theo luật im lặng bỏ đi. Thiền giả nói kẽ phương sĩ ngoại một mình một bát, không cầu mong gì trong thế gian, như chim bay trên hư không gặp cành thì đậu, như rùa bơi dưới nước gặp cây là nổi, đến như bọt hợp, đi như bọt tan, không biết sứ quân coi họ là Giáp Ất hay mười phương.

Ta nói: Lành thay! Phật tử, không trụ ở trong, không trụ ở ngoài, (1907) không trụ ở giữa, không trụ bốn bên, trên, dưới, hư, không, nên không chỗ mà trụ trì, "còn nói gì nữa". Viết bài ký này vào lễ thượng Nguyên tháng giêng, niên hiệu Sùng Ninh năm thứ nhất.

BÀI CA VỀ NGHE TỤNG KINH PHÁP HOA CỦA PHÁP SƯ TU NHÃ ĐỜI ĐƯỜNG

Sắc núi trầm trầm
Khói thông mờ mịt
Ở dưới rừng vắng
Có đá bàn-đà
Trên đá có tăng
Kiết già gối ngang
Tụng kinh Bạch Liên
Từ sáng đến tối
Bên trái bên phải,
đầy dấu cọp sói
Mười mảnh năm mảnh
Hoa lạ ngỗn ngang
Tình cờ gặp nhau
Chưa quen biết sâu
Biết là người xưa,
Hay là người nay?
Chính là Đàm Ngạn?
Hay là Đàm Dực?
Ta nghe kinh này, có yếu chỉ sâu
Vua biết khen diệu nghĩa chân thật
Nhắm mắt lắng lòng ông nghe kỹ
Giọt đề hồ rót vào trong bụng
Ý của Phật là tủy của Tổ
Tâm ta là yếu chỉ của kinh

Thương thay búng ngón tay, đưa tay
Không đạt trước mắt nay chính là
Lớn lao thay thật rất tự đắc
Không sinh phải khiến chúng sinh được
Soi sáng một muôn tám ngàn ba cõi.
Mỗi cõi thảy đều bằng vàng ròng
Bốn sinh sáu đường trong ánh sáng
Người cuồng cần tự hỏi Di-lặc
Năm đó ta cũng học vắng lặng.
Vừa được vô tâm liền dứt bặt
Hiện nay được nghe tụng kinh này
Mới biết xe lửa không mục đích
Năm đó ta cũng không ra cửa
Không muốn bụi trần dính bước chân
Nay đích thân nghe tụng kinh này
Mới biết mỗi bước là chỗ báu
Năm đó ta cũng thích ca ngâm
Sẽ cho thầm tìm loạn thiền định
Nay đích thân nghe tụng kinh này
Ngại gì bút nghiên giúp chân tánh,
Năm đó ta cũng quen trò trẻ
Cho thời gian luống uổng một nửa
Nay đích thân nghe tụng kinh này
Mới biết nhóm cát việc không nhỏ.
Xưa ta từng dạo núi và sông
Cho là núi khác chẳng phải quê
Nay đích thân nghe tụng kinh này
Mới biết sông chẳng có tấc đất
Ta xưa tâm vượn chưa điều phục
Thường dùng khóa vàng câu thúc hờ
Nay đích thân nghe tụng kinh này
Mới biết vô vật là khư khư
Sư tụng kinh này qua một chữ
Mỗi chữ nhấm nháp vị đề hồ
Vị đề hồ kia quý lại ngon
Không ở môi cũng không ở răng
Chỉ ở nhọc nhằn trong tấc vuông.
Sư tụng kinh này qua một câu

Từng câu trâu trắng đều cất bước
Bước đi trâu trắng nhanh như gió
Không ở phía Tây, chẳng ở Đông
Chỉ trong hằng ngày kiếp phù sinh
Hằng ngày không biết đâu là khổ
Rượu trong ruột còn cơm trong bụng
Trưởng giả quát to gọi không về
Chẳng khác gì điếc, chẳng khác mù.
Tai của người đời đều tỏ rõ
Tai thông đặc biệt điếc với kinh
Mắt người thế gian đều sáng suốt
Mắt sáng đặc biệt, mù với kinh
Đáng nghe không rõ, đáng sáng không sáng
Ròng rọc lên xuống, sống luống chết uổng
Người đời dẫu biết tiếng của sư
Nào ai biết được tâm của sư
Người đời dẫu biết hình dáng sư
Nào ai biết được tên của sư
Sư tên Y Vương hành luật Phật
Đến điều tri bệnh tâm chúng sinh
Có thể làm cho người mê được tỉnh.

Người cuồng được định, người cấu thành tịnh, người tà thành chánh, người phàm Thánh Thánh. Như vậy thì chẳng những trời cung kính, người cung kính, còn được rồng tán vịnh, quỷ tán thành, Phật tán dương, thế thì những người bỏ giác theo trần không cúi đầu quy mệnh ư?

CHIẾU LƯƠNG HOÀNG BỎ ĐẠO GIÁO THỜ PHẬT

Lương cao Tổ Võ Hoàng Đế năm ba mươi bốn tuổi lên ngôi, làm vua được bốn mươi chín năm, tuy công việc triều chính bền bộn nhưng, tay vẫn không rời sách, nội kinh ngoại điển đều để tâm giải thoát, tất cả hơn mấy ngàn cuốn, lại còn tự mình tiết kiệm không dùng lụa, chỗ ngủ đơn sơ, đêm ngày siêng năng trong có đặt sẵn chăn vải, chiếu cói, giày cỏ, khăn gai lúc vừa lên ngôi đã chuẩn bị sẵn việc đó, hằng ngày chỉ ăn một bữa, bỏ hẳn đồ mặn. Từ lúc có vua, chúa ít có người được như thế. Trước kia vua thờ Lão Tử, tôn sùng bùa pháp, sau nghiên cứu kỹ cội nguồn thấy có điều luống dối, vua bèn dùng thần bút hạ chiếu bỏ Đạo giáo.

Văn ghi: Nay là ngày 8 tháng 4 niên hiệu Thiên Giám năm thứ ba, Hoàng Đế nước Lương là Tiêu Diễn ở Lam Lăng, cúi đầu kính lễ chư Phật mười phương, cũng thấy kinh ghi rằng: Phát tâm Bồ-đề tức tâm Phật, các điều lành khác không thể sánh bằng, có thể làm cho chúng sánh ra khỏi cửa khổ ba cõi, vào con đường thù thắng vô vi. Cho nên Như Lai trí lậu tận, thanh giác bất động, chí đạo thông cơ, hạnh viên mãn trở thành bậc Thánh, thắp đuốc trí tuệ để chiếu mê, soi dòng pháp để trừ cấu, mở dấu vết lành ở trong trời, soi sáng linh ghi ở ngoài tượng, độ chúng sinh mê hoặc trong biển dục, dẫn chúng sinh tới Niết-bàn, chứng thường lạc trên núi cao, ra khỏi vực sâu của sông ái, lời lẽ trái bốn câu, dứt trăm phi, ứng tích ở cõi Ta-bà, sinh vào cung vua Tịnh Phạn, lúc hạ sinh, bước ra ba cõi mà ra thành độc tôn, dưới cây đạo thành Phật ánh sáng tỏa khắp đại thiên, mà soi sáng, chỉ vì cơ tâm cạn cợt nhàm chán cuộc sống, tự hẹn hai tháng sẽ đến rừng sa-la, tôn sùng mới là nói pháp sâu sắc viên thường. Nên lại soi sáng ở Hạc Thụ, xà Vương diệt tội, Bà số trừ ương. Nếu gặp không được Đại Thánh Pháp Vương thì ai có thể cứu độ dắt dẫn được? Dấu vết ẩn đạo kia không thiếu. Trước đây đệ tử đã từng, chậm chạp, mê muội, hoang tưởng, mê thờ Lão tử, bao đời nối nhau nhiễm tà pháp này, tập nhân khéo phát, bỏ ngu mê biết quay về. Nay bỏ bạn đồng cốt cũ, nương nhờ Chánh giác, nguyện đời vị lai sẽ làm đồng nam xuất gia, mở mang Phật pháp hóa độ chúng sinh, cũng đồng thành Phật, thà ở trong chánh pháp mãi mãi luân hồi đường ác, chứ không thích theo Đạo giáo của Lão Tử, tạm được sinh lên cõi trời, tâm theo Đại thừa, lìa niệm là Nhị Thừa, kính nguyện chư Phật chứng minh, Bồ-tát nhiếp thọ, đệ tử Tiêu Diễn kính lễ.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 178

THIỀN QUAN SÁCH TẤN

SỐ 2024

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2024

THIỀN QUAN SÁCH TẤN

LỜI TỰA

Thiền làm sao có cửa, đạo không có trong ngoài, không ra vào mà làm con đường cho mọi người, cũng có mê ngộ, bởi thế quan giữ cửa đại tri thức, đóng cửa đúng giờ, cẩn thận khóa cửa, xem xét kẽ hở, để giúp cho người ngay lời nói quy phục siêu độ, không có điều buôn bán dối gian, mà cửa không dễ thấu qua cũng đã lâu rồi. Lúc mới xuất gia, tôi được một quyển nơi phòng gian tên là Thiền môn Phật Tổ Quang Mục, trong đó ghi lại rất nhiều bậc tiên túc thời xưa, tự trình bày việc mình lúc mới tham học khó thâm nhập, thời gian làm công việc, trải qua nhọc nhằn lao khổ thứ lớp, cuối cùng chợt được thần ngộ, tâm yêu thích kính mến, nguyện được học hỏi. Về sau, quyển sách này ở chỗ khác không còn thấy nữa, mới tiếp đọc ngũ Đăng, các ngữ lục, tạp truyện, bất luận tăng tục. Chỉ người thật tham thật ngộ đều ghi vào, sách rườm rà, chọn cốt yếu để biên thành tập, đổi tên là Thiền Quan Sách Tấn, ở thì để nó trên bàn, đi thì mong nơi đây hễ xem nó thì tâm ý gắng gõi, tinh thần phát sáng, tự thúc giục tiến về phía trước, có người nói tập sách này là chưa qua cửa, đâu cần dùng nó.

Tuy ngoài cửa có nhiều lớp, lếu láo nơi tiếng gà, tạm là miệng cọp, được ít cho là đủ, ấy là người tăng thượng mạn. Sông chưa cùng, núi chưa tận, nhanh chóng mà đuổi mãi phá cửa u huyền sau cùng, từ từ mà bãi tham trai cũng chưa muộn.

Vân Thê Châu Hoằng, Ngày Mạnh xuân Năm Canh Tý Niên Hiệu Vạn Lịch Năm Thứ 28

THIỀN QUAN SÁCH TẤN

Hậu học Sa-môn Châu Hoằng ở chùa Vân thê soạn
Trước soạn tập hai môn.

MÔN THỨ NHẤT:
CÁC PHÁP CỦA CHƯ TỔ LÀ ĐIỀU CỐT YẾU THỨ NHẤT

Pháp ngữ của Chư Tổ, nay không lấy việc bàn huyền hướng thượng mà chỉ lấy sự chịu đựng làm công phu, lại nêu ra điểm chính đó, thường tự xét lại mình, khích lệ thân tâm. Thứ hai là khổ công của Chư Tổ, sau đó soạn ra các kinh sách để dẫn chứng, đều mô phỏng theo đây.

THIỀN SƯ HOÀNG BÁ HY VẬN Ở QUÂN CHÂU DẠY CHÚNG

Dự trước nếu đủ không thấu suốt, ngày 30 tháng chạp sẽ đến, quản lý Sự lộn xộn của ông, như bọn ngoại đạo vừa thấy người thực hành công phu liền cười mỉa, còn có điều này cho nên ta hỏi ông.

Lúc sắp qua đời, ông lấy gì chống lại việc sinh tử? Mà phải là lúc nhàn rỗi mới làm được, lúc bận được dùng, ít nhiều đỡ tổn sức đừng đợi lúc khát nước mới đào giếng, thì tay chân không còn hoạt động được, đường trước mờ mịt, sao vẫn tìm tòi xông vào làm loạn? Khổ thay! Khổ thay! Khổ thay! Suốt ngày chỉ học tam-muội đầu môi, nói thiền nói đạo, trách Phật mắng tổ, đến lúc này đều không dùng được, chỉ biết dối người, đâu biết ngày nay tự dối mình. Biết rồi nên khuyên anh em nhà ông, nhân lúc còn mạnh khỏe, xin đem phần hiểu biết, những chỗ nhiệm mầu tận cùng của thiền cơ này, thì thật là dễ dàng, từ đây ông không chịu quyết chí thực hành công phu, do đó đã khó lại càng khó. Nếu là bậc trượng phu, thì hãy xem công án tăng hỏi Triệu Châu: con chó có Phật tánh không?

Triệu Châu đáp: không.

Trong mười hai thời chỉ khán xem chữ vô, nghiên cứu cả ngày lẫn đêm, lúc đi, đứng, nằm, ngồi, ăn cơm, lúc đại, tiểu tiện, tâm tâm bám chặt, sáng suốt giữ chặt chữ vô, lâu ngày chầy tháng, nhồi thành một khối, bỗng nhiên tâm đốn ngộ, giác ngộ được cơ yếu của Phật và Tổ, sẽ không bị lão Hòa thượng trong thiên hạ dối gạt, liền biết mở lớn miệng.

Đạt-ma từ Tây Trúc đến, không có gió mà biển nổi sóng. Đức Thế Tôn giơ cành hoa, một phen bại hoại đến trong đó, nói gì lão già Diêm-la, ngàn Thánh cũng không làm gì được ông, không tin nói thẳng có thứ đặc biệt này, thật như thế việc sợ có lòng người bình luận rằng: đời sau nêu ra công án là bắt đầu xem thoại đầu, nếu không hẳn chấp lấy chữ vô, hoặc chữ không, hoặc muôn pháp, hoặc núi Tu-di, hoặc chết rồi, thiêu rồi, v.v... Hoặc tham cứu niệm Phật, tùy giữ một pháp nào, lấy ngộ làm kỳ hạn, những điều nghi khác nhau, nhưng ngộ thì không hai.

THIỀN SƯ TRIỆU CHÂU TÙNG THẨM DẠY CHÚNG.

Ông chỉ nghiên cứu về lý, ngồi khán hai, ba mươi năm, nếu không hội thì hãy chặt đầu lão Tăng. Bốn mươi năm lão tăng không dụng tâm tạp loạn, trừ hai thời cơm cháo, là lúc chỗ dụng tâm tạp loạn.

THIỀN SƯ HUYỀN SA SƯ BỊ DẠY CHÚNG.

Bồ-tát học Bát-nhã, căn khí đầy đủ, có trí tuệ lớn mới học được. Nếu căn cơ đần độn, chỉ siêng năng nhẫn nại, ngày đêm không biết mệt mỏi, giống như đưa tang cha mẹ, việc gấp rút như thế được người giúp đỡ phải ghi nhớ trong lòng, không có sự cản trở, cũng không được bỏ qua.

LỜI RĂN CỦA THIỀN SƯ NGA HỒ ĐẠI NGHĨA

Không chỉ quên hình và mất tâm, đây là bệnh nan y rất nặng, cần phải để khởi câu thoại đầu, cốt mổ cho ra nghĩa bậc nhất của Tổ sư, mắt nhìn thẳng dương mày trở lại nhìn hắn, hắn là ai? Nếu người tĩnh tọa không dụng công, thì năm nào mới ngộ được tâm không.

LỜI RĂN CỦA THIỀN SƯ VĨNH MINH DIÊN THỌ.

Cửa học đạo, không có gì đặc biệt khác, chỉ cần rửa sạch căn trần, hạt giống nghiệp thức từ vô lượng kiếp đến nay, các ông hãy dứt bỏ tình niệm, đoạn dứt vọng duyên, đối với tất cả cảnh giới ái dục của thế gian, tâm như gỗ đá, cho dù mắt đạo chưa rõ, tự nhiên thành tựu thân thanh tịnh. Nếu gặp được bậc đạo Sư chân chánh, hãy dốc lòng gần gũi. Nếu như tham cứu mà chưa thấu suốt, học mà chưa thành tựu trải qua nhĩ căn, thì mãi mãi là hạt giống của đạo, đời đời không rơi vào đường ác, kiếp kiếp không mất thân người, vừa xuất đầu đã nghe một hiểu ngàn.

TIỂU THAM CỦA THIỀN SƯ HOÀNG LONG TỬ TÂM NGỘ TÂN

Các Thượng tọa: thân người khó được, Phật pháp khó nghe, thân này không độ ngay đời này, thì đợi đời nào mới độ. Các ông muốn tham thiền thì phải buông hết, buông hết cái gì? Chính là bốn đại năm uẩn, buông hết nhiều nghiệp thức trong vô lượng kiếp, nhìn dưới gót chân mình, suy nghỉ thật kỹ xem, đây là đạo lý gì? Suy đi nghĩ lại, bỗng nhiên tâm hoa sáng tỏ, chiếu sáng cả mười phương, có thể nói được nó ở nơi tâm, vì nó ở nơi tâm nên có thể biến khắp cả mặt đất thành vàng ròng, quấy sông dài thành đề hồ, há không thoải mái cho cuộc sống hay sao? Chẳng những nhớ lời nói trên sách vở, mà dẫu nhớ một đại tạng giáo, trăm nhà hiền triết cũng là lời nói suông, lúc sắp chết đều không dùng được.

Bình luận rằng: không thể thấy, nghe nói như thế liền chê kinh hủy pháp, do lời nói này bị dính mắc văn tự, mà không có giới luật của người tu hành, chẳng phải là không biết một chữ Đinh, đứng nơi ngọn cờ đỏ.

THIỀN SƯ ĐÔNG SƠN DIỄN TIỄN ĐỆ TỬ ĐI HÀNH CƯỚC

Phải dán hai chữ sinh tử vào trán rồi nghiên cứu cho rõ ràng. Nếu chỉ theo nhóm mà làm đội, lừa dối qua ngày, khi khác lão già Diêm-la tính tiền cơm, chớ nói ta chưa từng nói cho ông biết. Nếu thực hành công phu, thì phải xem xét khắc khắc gắng gỏi, đó là chỗ đắc lực, đó là chỗ không đắc lực, đó là chỗ đánh mất, đó là chỗ không đánh mất. Có một hạng người vừa ngồi trên Bồ-đoàn (niệm cỏ) liền ngủ gật, mãi cho đến lúc tỉnh dậy, thì suy nghĩ lung tung, vừa buông Bồ-đoàn lại nói tạp loạn bàn luận đạo như thế. Cho đến lúc Di-lặc hạ sinh, cũng chưa thực hành, cần phải sáng suốt, nêu ra câu thoại đầu, tham cứu cả ngày lẫn đêm, chống chỏi với nó, chẳng thể ngồi không. Lại không thể ngồi chết trên bồ đoàn. Nếu tạp niệm xen nhau khởi lên thì buông thả nhè nhẹ, bước xuống đất đi một vòng, lại lên bồ đoàn, mở hai mắt, xoa hai tay thẳng xuống sống lửng, nương vào câu thoại đầu nêu ra trước, lại có cảm giác mát mẻ, thực hành công phu như thế chắc chắn có lúc đến nhà.

THIỀN SƯ PHẬT TÍCH DI AM CHÂN GIẢNG RỘNG CHO ĐẠI CHÚNG.

Tin có mười phần, thì nghi có mười phần, nghi có mười phần thì ngộ có mười phần, hãy đem những cái đã thấy đã nghe lúc còn sống, biết sai hiểu sai, ỷ vào câu nói hay, thiền đạo Phật pháp, tâm cống cao ngã mạn, v.v... Nên triệt để vất bỏ, chỉ vì công án chưa hiểu chưa rõ mà thôi, đầu và chân có khoảng cách, lập định chí hướng, không phân biệt ngày đêm, cho đến Đông Tây không phân, Nam bắc không biện, giống

như người chết còn thở, tâm theo cảnh biến hóa, xúc chạm lại biết, bỗng nhiên đập vỡ đầu lâu, xưa nay không nhờ người khác mà được, lúc đó há không vui sướng hay sao?

HỎI ĐÁP CỦA THIỀN SƯ KÍNH SƠN ĐẠI HUỆ TÔNG CẢO

Thời nay có mắt như mù, chỉ biết dạy người chết như thú vật mà thôi, lại dại người theo quản lý nhân duyên, hãy quên tình im lặng chiếu soi, lại dạy người trăm việc chớ quản lo, các bệnh như vậy, công phu vô ích, không có kỳ hạn rõ ràng, chỉ dốc Tâm vào một chỗ, không có nào mà không có thời tiết nhân duyên đến, tự nhiên xúc chạm, phun lên đất liền tỉnh ngộ, trở về trong Bát-nhã. Dẫu cho đời nay chưa ngộ suốt, nhưng lúc sắp qua đời chắc chắn không bị nghiệp ác lôi kéo, đời sau sinh ra, chắc chắn ở trong Bát-nhã, thấy sự thọ dụng thành tựu. Đấy chính là việc đã được quyết định, không thể nghi ngờ, phải tự mình thường nêu lên. Lúc vọng niệm khởi, cũng không dứt bặt tâm, chỉ khán thoại đầu. Đi tham cứu, ngồi tham lưu, tham cứu qua, tham cứu lại không có mùi vị, lúc đó lại là chỗ tốt, không được buông bỏ, bỗng nhiên hoa tâm phát sáng, chiếu soi các cõi nước mười phương. Lại có thể ở trên đầu sợi lông, hiện cõi Bảo Vương, ngồi trong hạt bụi mà xoay bánh xe pháp.

Bình luận rằng: sư tự bảo: người khác chủ trương trước định sau tuệ, còn tôi chủ trương, trước tuệ sau định, bởi nghi phá câu thoại đều dứt bặt qua lại, không mong như vậy mà như vậy.

THIỀN SƯ MÔNG SƠN DI DẠY CHÚNG.

Năm tôi hai mươi tuổi, biết có việc này, đến năm ba mươi hai tuổi thỉnh vấn mười bảy, mười tám vị trưởng lão, hỏi về công phu tu tập của họ, đều không có đầu mối. Về tham cứu với trưởng lão Hoàn Sơn, Trưởng lão dạy khán chữ "Vô" trong mười hai thời, phải tỉnh táo như mèo rình bắt chuột, như gà ấp trứng. Không để cho xen hở, khi chưa thấu suốt, thì như chuột cắn quan tài, không thể thay đổi, làm như thế thôi, chắc chắn có lúc phát minh. Lúc bấy giờ, ngày đêm siêng năng nghiên cứu trải qua mười tám ngày, chỉ ăn uống một lần, bỗng lãnh hội được. Đức Thế Tôn niêm hoa, (Ngài) Ca-diếp mỉm cười thật là vui vẻ, cầu được ba, bốn vị Trưởng lão, điều không có một lời, có người dạy chỉ dùng tam-muội Hải Ấn, một lần ấn định, những thứ khác đều chẳng lo, lại tìm lời này, đã qua hai năm rồi, đến tháng 6 niên hiệu Cảnh Định năm thứ năm ở phủ Trọng khánh tại Tứ Xuyên, Sư bị bệnh kiết lỵ, ngày đêm đi cả trăm lần, nguy hiểm đến gần chết, sức lực không còn. Tam-muội Hải Ấn cũng dùng

không được, theo sự hiểu biết trước cũng dùng không được, có miệng mà nói không được, thân cử động cũng không được, chỉ có chết mà thôi, trong cảnh giới nghiệp duyên đều hiện ra trước mắt liền sinh tâm sợ hãi, các khổ ép ngặt bèn gượng ép làm chủ tể dặn dò việc sau, đặt bồ-đoàn trên cao, đốt một lư hương từ từ đứng dậy, im lặng khẩn cầu Tam bảo trời rồng sám hối các nghiệp bất thiện từ trước. Nếu đại hạn sắp hết, xin nương vào năng lực Bát-nhã chánh niệm gá sinh sớm được xuất gia, nếu bệnh được khỏi, liền bỏ thế tục xuất gia, sớm được giác ngộ. Độ khắp bậc hậu học, thực hành xong nguyện này rồi chỉ nêu chữ vô xoay chiếu lại mình, thời gian không lâu, tạng phủ chuyển động ba, bốn lần, chỉ mặc kệ người khác, da mặt từ lâu không hoạt động, lại từ lâu không thấy có thân thể, chỉ có thoại đầu không dứt, tối đến mới dậy, bệnh tật thuyên giảm được phân nửa, lại ngồi, cho đến canh 3, thì các bệnh tật dứt hết, thân tâm nhẹ nhàng, tháng 8 lại đến Giang Lăng xuất gia, một năm sau thì đi hành cước, nấu cơm giữa đường, giác ngộ được công phu phải làm một hơi mới thành, không thể đứt quãng, sau đến quy đường ở Hoàng Long. Lần thứ nhất khi ma ngủ đến, thì ngồi dậy hăng hái tinh thần, ma từ từ biến mất. Lần thứ hai ma cũng biến như vậy. Lần thứ ba khi ma Ngũ lại đến liền xuống đất lễ bái thì ma không còn. Lại lên bồ đoàn theo cách thức đã định. Nhân lúc này đánh với ma năm ấm, ban đầu kê gối ngủ, sau kê tay, sau nữa buông bỏ tất cả, nghiêng mình mà ngủ, qua hai, ba đêm, ngày đêm đều mệt, bước thấp bước cao bỗng thấy trước mắt như có một áng mây kéo đến, thân mình như vừa tắm xong, sạch sẽ khoan khoái, tâm nghi ngờ càng mạnh mẽ, không đắm vào sức lực miên mật trước mắt, tất cả thanh sắc năm dục tám gió đều không rơi vào được, thanh tịnh như vạc đựng đầy tuyết, mát mẻ như không khi ngày thu. Lại suy nghĩ về công phu tuy tốt, nhưng chưa thể lựa chọn, đi về tỉnh Tiết Giang, trên đường đi cực khổ, công phu bị lui sụt. Sau đến Quy Đường nương nhờ chỗ Hòa thượng Thiên Cô Thiềm, tự thệ nguyện rằng chưa được giác ngộ, thì không rời chỗ ngồi, hơn một tháng thì việc công phu trở lại như cũ. Lúc đó nhọt mọc đầy thân, nhưng Ngài cũng không để ý đến, xả bỏ thân mạng tiến tu, tự nhiên sẽ được sức lực, lại thực hành được công phu trong lúc bệnh hoạn, do phó trai nên ra khỏi cửa, nêu ra câu thoại đầu để thực hành nhưng chưa giác ngộ, đi qua trai chủ, lại thực tập công phu trong lúc động. Đến đây lại thấy rõ như trăng đáy nước, gần ở trên bờ lẫn lộn ở giữa sáng, xúc chạm không tan, linh động không mất, cơ phong bén nhạy. Khoảng mùng sáu tháng 3, Ngài đề khởi chữ Vô, chủ tọa vào giảng đường đốt hương, chạm hộp hương

phát ra tiếng, bỗng nhiên ồ lên một tiếng, thì biết được chính mình, sẽ đánh bại Triệu Châu, bèn làm bài tụng rằng:

Con đường suy thịnh trước kia
Dẫm đạp sóng là nước
Vượt hẳn lão Triệu Châu
Mặt mũi chỉ như thế.

Mùa Thu đến thì làm sao gặp được các Đại Lão như Tuyết Nham thối canh, Thạch Khanh, Hư chu. Hư chu khuyên Ngài đến Hoàn Sơn.

Hoàn Sơn hỏi: Quang minh, tịch chiếu khắp Hằng sa, há không phải lời của Tú Tài Trương Chuyết ư? Tôi mở miệng, Hoàn Sơn hết, đuổi ra. Từ đó, cách đi, đứng, nằm, ngồi, này đều không có ý tứ, trải qua sáu tháng đến mùa Xuân năm sau, nhân lúc ra khỏi thành trở về leo lên cái thang đá, bỗng nhiên nghi ngại vỡ tan, không biết mình đang đi trên đường, bèn gặp Hoàn Sơn. Hoàn Sơn lại hỏi lời trước đó, tôi bèn lật ngược giường thiền, lại theo mấy tấn trước kia, công án rất nhiều, tham thiền thì phải cẩn thận. Nếu Sơn tăng không mắc căn bệnh nặng, thì dường như hoang phí. Điều quan trọng là gặp người có chánh tri kiến. Cho nên người xưa sớm tham cứu, tối cầu thỉnh, gạn lọc thân tâm siêng năng, cuối cùng rõ việc này.

Bình luận rằng: Người khác do bệnh mà thối tình, còn lão đây là nhờ bệnh mà tu tập tinh tấn, cuối cùng thành tựu được đại khí, há là vô ích hay sao?

Căn bệnh của người tu thiền, nên dùng các đau đớn để khích lệ.

ĐẠI SĨ TỐ AM XUẤT Ở DƯƠNG CHÂU DẠY CHÚNG

Gần đây, người dốc lòng tham thiền ít, mới tham cứu câu thoại đầu, liền bị hai con ma (mê muội, phân tán) trói buộc, không biết hôn tán và nghi tình đang đối trị nhau (1100), tín tâm nặng thì nghi tình sẽ nặng, nghi tình nặng thì hôn tán tự không còn.

THIỀN SƯ BẠCH VÂN VÔ LƯỢNG THƯƠNG Ở XỬ CHÂU GIẢNG NÓI CHUNG CHO ĐẠI CHÚNG.

Trong mười hai thời, mang theo câu thoại đầu mà đi, mang theo câu thoại đầu mà ngồi, mang theo câu thoại đầu mà nằm, tâm như cây táo gai, cỏ bồng, không bị tất cả những thứ như nhân ngã, vô minh năm dục, ba độc tiêu diệt, đi, đứng, ngồi, nằm, toàn thân là khối nghi, nghi đi nghi lại, suốt ngày như thằng ngốc, nghe tiếng thấy sắc, chỉ giữ lấy một tiếng.

THƯ THIỀN SƯ DỤNG CƯƠNG NHUYỄN Ở TỨ MINH TRẢ LỜI CHO NGƯỜI HỌC THIỀN.

Thực hành công phu phải khởi nghi tình lớn, công phu của ông chưa đầy nửa tháng hay một tháng đã thành khối. Nếu chân nghi hiện tiền lay động, thì tự nhiên không sợ mê loạn, chỉ lo tâm giận dữ nổi lên, suốt ngày giống như một chàng ngốc, đến lúc ấy, không sợ như con cua chạy trong chum.

THIỀN SƯ TUYẾT NHAM KHÂM Ở VIÊN CHÂU GIẢNG NÓI CHUNG CHO ĐẠI CHÚNG.

Thời gian không đợi người, chớp mắt là sang kiếp khác, sao không nhân lúc này mạnh khoẻ, mà nghiên cứu giáo lý cho thấu suốt, rõ ràng?

Do sự may mắn nào mà được ở đây gọi là Sơn Đại Trạch Thần Long thế giới, pháp của Tổ sư quét sạch sẽ nhà cho tăng, cơm cháo thanh khiết, nước lửa càng êm đẹp. Nếu không theo trong đây nghiên cứu giáo lý cho rõ ràng thì đó là tự hủy hoại và ruồng bỏ mình, tự cam chịu làm kẻ thấp hèn ngu dốt. Nếu thật mịt mù không biết, sao không chịu học hỏi bậc tiên tri? Phàm gặp ngũ tham, thấy trên giường khúc lục có lão già ngồi nói ngang nói dọc, sao không nghe qua tai, trái lại tìm kiếm suy nghĩ, rốt ráo là đạo lý gì?

Năm lên năm tuổi, Sơn Tăng xuất gia, hầu hạ các bậc thượng nhân, thấy khách nói chuyện với nhau, mới biết có việc này, liền tin theo, bèn học ngồi thiền. Năm lên mười sáu tuổi làm tăng, năm lên mười tám tuổi đi hành cước, ở trong hội Hòa thượng Song Lâm Viễm, đủ mười phương từ sáng đến tối không ra khỏi sân, dẫu vào các liêu, đến hậu giá khoanh tay lên ngực, không nhìn hai bên, thấy những gì trước mắt không quá ba tấc, ban đầu khán chữ Vô, bỗng trong niệm khởi xứ. Quán xét trở lại, thì một niệm này sẽ lạnh như băng, chính là trong lắng không động không lay, quá một ngày như khoảng móng tay đều không nghe tiếng chuông trống. Năm lên mười chín tuổi, trụ chùa Linh Ẩn, ở Xử Châu gởi thư đến, nói công phu tu tập này là nước chết, không được việc gì. Hai tướng động tĩnh như chặt cây làm hai khúc, tham thiền thì phải khởi nghi tình, nghi nhỏ ngộ nhỏ, nghi lớn ngộ lớn, bị châu nói được, liền thay đổi câu thoại đầu, khán que chùi phân, một vị nghi đông nghi tây, xem ngang xem dọc, lại bị hôn tán công kích lẫn nhau, tinh khiết trong chốc lát cũng không thể được, sau dời đến Tịnh Từ, bấy giờ bảy anh em kết lại ngồi thiền, Phong Bị hông không dính chiếu, bên ngoài Thượng

tọa. Hữu Tu mỗi ngày ngồi trên Bồ-đoàn, giống như cái xẻng sắt, khi đi trên đất mở hai mắt, rũ hai tay, cũng giống như cái xẻng sắt, cần phải trò chuyện gần gũi với nhau, lại không thể được, nhờ hai năm không trở mình, chống cự được sự tối tăm khốn khổ, vừa buông thì buông rồi. Hai tháng sau theo trước mà chỉnh đốn lại được một cái phóng này mười phần tinh thần vốn phải nghiên cứu rõ việc này, không ngủ cũng không được, phải ngủ một giấc thật ngon mới có tinh thần. Một hôm, gặp Tu dưới mái hiên mới được gần gũi. Lại hỏi: có phải năm ngoái tôi trò chuyện với Ngài không? Sao Ngài cứ tránh tôi như thế?

Tu đáp: người biên đạo chân chánh, không có thợ cắt móng tay, lại nói chuyện với ông, do đây hỏi: Hôn trầm tán loạn nay đã từ bỏ được chưa? Ông tu đạo mà chính mình không cố gắng, phải ngồi trên Bồ-đoàn, sống lưng phải thẳng, toàn thân làm thành một câu thoại đầu, lại nghiên cứu nhiều về hôn trầm tán loạn, dựa vào Tu mà công phu, bất giác thân tâm đều quên, suốt ba ngày ba đêm, không hề chợp mắt, sau đến trưa ngày thứ ba, ở dưới tam môn, như ngồi mà đi, lại bỗng gặp Tu.

Tu hỏi: Ông ở đây làm gì?

Tôi đáp: Hành đạo.

Tu nói: ông nói thế nào là Đạo? Tôi không đáp được, càng mê muội thêm. Ngay lúc đó muốn trở về giảng đường ngồi thiền, lại gặp phải thụ tọa. Ngài nói chỉ cần ông mở con mắt to ra xem đạo lý thế nào, lại được nêu ra một câu này, chỉ muốn quy hướng vừa ngồi trên Bồ-đoàn, trước mắt khoát nhiên khai ngộ, như đất bị lún. Bấy giờ, hiện ra giống như người không được, chẳng phải tướng tất cả thế gian, có thể thí dụ tôi liền rời khỏi giường đi tìm ông Tu, Tu vừa thấy liền nói vui thật vui thật, nắm tay đi quanh trước cửa một vòng nhìn trời ngó đất, sum la muôn tượng, mắt thấy tai nghe, nhàm chán những nơi đã đến, vật đã bỏ cùng với vô minh, phiền nảo xưa nay đều là diệu minh của mình cả, từ trong chân tánh lưu xuất ra, hơn nửa tháng tướng động không sinh, đang tiếc là không gặp được bậc tân túc kỳ cựu, không nên ngồi đứng ở đây, nghĩa nó thấy đất không thoát khỏi, trở ngại chánh tri kiến, mỗi khi đang ngủ chặt cây làm hai mãnh, nghĩa là công án mạch lạc thì lãnh hội được, như núi bạc tường sắt lại không hội, dẫu không y theo sự lãnh hội của Tôn Sư, nhiều năm nhập thất thăng toà, nhưng không có một lời đá động đến những việc trong tâm. Về kinh giác ngữ lục cũng không có một lời để giải được bệnh này, trở ngại trong lòng mười năm như thế. Một hôm, đang đi trên Điện Phật ở Thiên Mục thì

nhìn thấy một cây bách cổ xưa, vừa thấy liền tỉnh, đạt đến cảnh giới sở đắc, cản trở vật đương lấy, xông vào thì tan ra, như trong thất tối tăm phát ra ánh sáng, từ đây không nghi sống, không nghi chết, không nghi Phật, không nghi Tổ, mới thấy được chỗ ở của Lão Nhân Kính Sơn, thật đáng ba mươi gậy.

THIỀN SƯ CAO PHONG NGUYÊN DIỆU Ở THIÊN MỤC DẠY CHÚNG

Việc này chỉ cần đương nhân có tâm tha thiết, vừa có tâm tha thiết thật nghi liền khởi, ghi đi ghi lại, không nghi tự nghi, từ sáng đến tối, dán đầu vào đuôi, nhồi thành một khối, kéo cũng không động, đẩy cũng không đi, sáng suốt thường hiện tiền. Đây chính là lúc đắc lực, phải xác định được chánh niệm, cẩn thận không có hai tâm, cho đến đi không biết đi, ngồi không biết ngồi, lạnh nóng, đói, khát tất cả đều không biết, cảnh giới này hiện tiền, chính là tín tức đến nhà, mong được chia sẽ, cũng toát được lời nói như thế, khởi một niệm tín tâm tìm cầu nó, nếu không được thì đem lòng đợi nó, lại không được buông bỏ, chỉ cần giữ vững chánh niệm, lấy giác ngộ làm khuôn phép. Lúc nay có tám muôn bốn ngàn ma quân, chầu chực ở cửa sáu căn của ông, tất cả sự việc nào thiện, ác, kỳ, dị, v.v... tuỳ theo tâm ông mà hiện ra. Nếu ông khởi một niệm nhỏ đắm trước trong lòng, liền bị rơi vào rối ren, bị người khác làm chủ, lại bị người khác chỉ huy, miệng nói lời ma, thân làm việc ma, nguồn gốc chân chánh của Bát-nhã, từ đây dứt hẳn, hạt giống Bồ-đề, không còn nẩy mầm, nhưng chẳng phải tâm khởi ngay như con quỷ giữ thây chết, ngữ lại, khối nghị bỗng nhiên vỡ toang. Năm mười lăm tuổi xuất gia, hai mươi tuổi làm tăng, vào chùa tịnh từ. Sư học thiền trong thời gian ba năm, ban đầu tham cứu với Hoà-thượng Đoạn Kiều, tham cứu “sống từ đâu đến và chết đi về đâu”, ý chia làm hai lối, tâm không quay về một mối, về sau gặp Hoà-thượng Tuyết Nham, (1101) Hoà-thượng dạy khán chữ Vô, lại bảo mỗi ngày phải chuyển một lần như người đi đường, ngày ngày phải thấy được công trình của mình, nhờ thấy mới nói có thứ lớp, sau không hề hỏi chỗ làm, vừa vào của liền hỏi: Ai kéo thây chết này đến đây cho ông? Nghe chưa dứt lời liền đuổi ra. Kế đến Kính Sơn quy đường, trong giấc mộng bỗng nhớ, muôn pháp quy về một mối, một quy về đâu?

Từ đây nghi tình bỗng phát, đặc biệt Đông Tây không phân, Nam bắc không biệt, đến ngày thứ sáu, theo chúng tụng kinh trên gác, ngẩng đầu lên bỗng thấy có bài thơ khen ngợi Hoà-thượng Ngũ Tổ Diễn, hai

câu cuối ghi

Trăm năm ba vạn sáu ngàn ngày.

Ngược lại vẫn còn là gã này.

Câu thây chết ngày trước, đánh phá lung tung, ngay lúc đó hồn bay phách tán, chết đi sống lại, vì sao bỏ đi gánh một trăm hai mươi cân, lúc ấy tôi được hai mươi bốn tuổi, đủ thời hạn ba năm. Kế đến bị hỏi hàng ngày lăng xăng làm chủ được không

Hoà-thượng đáp: Được

Lại hỏi: Trong giấc mộng có làm chủ được không?

Đáp: Được.

Lại hỏi: Trong lúc đang ngủ không có mộng thì chủ ở chỗ nào? Ngay đó không đáp được, không có lý lẽ để trình bày.

Hoà-thượng dạy rằng: Từ nay ông không cần học Phật học pháp nghiên cứu cùng tột xưa nay, chỉ cần đói thì ăn cơm, mệt thì đi ngủ, vừa ngủ thì hăng hái tinh thần, sự giác ngộ này của con, rốt cuộc ông chủ ở đâu?

An thân lập mạng, tự thệ nguyện vượt qua một đời, làm kẻ ngu ngốc, quyết định phải thấy việc này cho rõ ràng, trải qua năm năm, một hôm trong lúc đang ngủ thì nghi việc này, bỗng người bạn ngủ chung làm chiếc gối rơi xuống đất phát ra tiếng, chợt đanh phá mối nghi, như ở trong lưới nhảy ra, tất cả công án của Phật tổ, xưa nay nhân duyên sai biệt, đều rõ ràng từ đây an định nước nhà, thiên hạ thái bình một niệm vô vi, quét sạch mười phương.

Bình rằng: Trước dạy chúng, thực hành một việc công phu rất là thiết yếu. Người học thích hợp sách của các thân sĩ, trong đó tự thuật lại rằng: Đói đến thì ăn, mệt ngủ liền, đây là làm rõ việc sau, chớ có lãnh hội sai lầm.

THIỀN SƯ THIẾT SƠN ÁI GIẢNG CHUNG CHO ĐẠI CHÚNG.

Sơn tăng năm lên mười ba tuổi hiểu biết Phật pháp, năm lên mười tám tuổi xuất gia, hai mươi hai tuổi làm một vị tăng, trước đến Thạch Sương, nhớ rõ lời dạy của Tường An chủ là luôn quán thấy chóp mũi trắng, mới được thanh tịnh. Về sau có vị tăng từ Tuyết Nham đến, khắc một bài châm ngồi thiền trên núi, công phu tu tập của ta lại chưa từng theo lỗi này, lúc đến Tuyết Nham, dựa vào lời người kia nói về công phu tu tập chỉ nêu ra chữ Vô, đến đêm thứ tư toàn thân ướt đẫm mồ hôi, vô cùng nhẹ nhàng, được nối tiếp quy đường, không có lời nói cho người, chuyên nhất ngồi thiền, về sau yết kiến Cao Phong Nguyên

Diệu, Ngài dạy trong mười hai thời chớ để xen hở, nhưng đến canh tư trở dậy lại tìm ra câu thoại đầu, lập tức đốn ngộ, thức dậy khó ngủ, bước dậy xuống đất, cũng là câu thoại đầu, khi đi mỗi bước không lìa câu thoại đầu, mở đơn, mở bát, cầm muỗng bỏ đũa, tùy theo các việc, đểu không lìa câu thoại đầu, cả ngày lẫn đêm cũng giống như thế, nhồi thành một khối, chưa có người nào không tỏ rõ, nương vào sự chỉ dạy của Cao Phong, dụng công tu tập, quả thật đã thành một khối. Ngày 12 tháng 3 Tuyết Nham thượng đường nói: Các huynh đệ ngủ gật trên bồ-đoàn đã lâu, phải bước xuống đất đi một vòng, dùng nước súc miệng, rửa mặt, rồi trở lại bồ-đoàn, lập định chí hướng như vách cao muôn trượng. Chỉ nêu ra câu thoại đầu, dụng công như thế, chắc chắn bảy ngày sẽ ngộ. Đây là công phu bốn mươi năm trước Sơn Tăng đã dụng công, tôi liền nương vào những lời nói của người, liền biết được công phu tu tập thật khác thường. Đến ngày thứ hai, hai mắt muốn nhắm mà không thể nhắm. Đến ngày thứ ba thân này như đi trên hư không. Đến ngày thứ tư dường như không biết việc trên thế gian này. Đêm đó đứng tựa lan can một lát, mịt mờ không biết gì, xem xét câu thoại đầu lại không đánh mất, chuyển tư thế ngồi trên bồ đoàn, chợt từ đầu đến chân, dường như xương bị chẻ ra, như đáy giếng thăm thẳm bị lọt tỏm giữa hư không, thời gian này không vướng vào ưa thích, ngẩng lên nhìn ngài Tuyết Nham, Tuyết Nham nói chưa được, nên công phu tu tập cầu được pháp ngữ, cuối cùng Ngài nói: Ông nói muốn tu tập sự nghiệp cao cả của Phật Tổ, sau ót vẫn còn thiếu một dùi, tâm bỏ đạo, vì sao lại thiếu một dùi? Không tin lời này, lại còn nghi ngờ, cuối cùng không thể giải quyết, mỗi ngày ngồi bất động gần cả nửa năm. Một hôm, vì bị nhức đầu mà sắc thuốc có cảm giác lỗ mũi bị đỏ. Bèn hỏi câu Thái tử Na-tra, tháo xương trả cho mẹ, lấy thịt trả cho cha, vẫn còn được giác ngộ, Tri khách hỏi không thể đáp, bỗng phá tan mối nghi này. Sau đó, đến Mông Sơn, Sơn hỏi về tham thiền, đến chỗ nào là chỗ rốt ráo thì không biết rõ. Sơn mới dạy rõ về định lực tu tập tẩy rửa thói quen trần tục, mỗi lúc gặp buông lời nhập thất chỉ nói là thiếu. Một hôm, từ chiều ngồi đến hết canh cuối cùng, dùng định lực xô đẩy, thẳng đến chỗ u huyền, lúc xuất định thấy Sơn nói xong cảnh này.

Sơn hỏi: Thế nào là mặt mũi xưa nay của ông? Sắp nói, thì Sơn lại đóng cửa. Từ nơi công phu tu tập mầu nhiệm này, có chỗ cao siêu vì xa lìa Tuyết Nham quá sớm, chưa từng thực tập công phu kỹ càng, may nắm gặp phải Tôn Tượng chân chính mới được đến đây, thì ra nhờ tu hành, chặt chẽ nghiêm khắc sẽ có ngộ nhập, mỗi bước chân đều có

in dấu, một hôm thấy trên vách có khắc bài minh Tín tâm của Tam tổ rằng.

Về cội được chỉ.
Theo chiếu mất tông.

Lại lột đi một lớp, Sơn nói: Việc đó như giũa viên ngọc sáng, càng giũa càng sáng, càng sáng càng tịnh, giũa đi giũa lại, công phu tu tập hơn người khác biết bao nhiêu, nhưng hạ ngữ do nói thiếu. Một ngày kia trong lúc thiền định, bỗng xúc chạm chữ Thiếu, thân tâm hoát nhiên thấu suốt đến tận xương tủy, như chứa tuyết cuối cùng thành mưa, nhẫn không được, nhảy xuống đất, đem việc đó đến chỗ Sơn hỏi: Tôi thiếu cái gì? Sơn đánh ba bạt tai, sư lễ ba lễ, Sơn nói: một việc này Thiết Sơn đã bao nhiên năm, hôm nay mới rõ tạm thời câu thoại đầu không còn, giống như người chết, tất cả cảnh giới ép ngặt bên mình, chỉ đem câu thoại đầu chống cự với nó, phải thường xem xét câu thoại đầu trong động trong tĩnh, đắc lực hay không đắc lực. Lại trong định không thể quên mất câu thoại đầu. Nếu quên câu thoại đầu thì thành tà định, không được có tâm đợi ngộ, không được giải thích trên văn tự, không được có chút hiểu biết cho là rõ việc, nhưng dạy bảo như người si như người dại thôi. Phật pháp, thế pháp nhồi thành một khối thì đó là việc làm tầm thường thôi, chỉ lúc thay đổi cái cũ chỗ hành lý.

Người xưa nói: Đại đạo xưa nay không thuộc lời nói, bàn luận huyền diệu ngăn cách như trời với vực, phải năng sở đều quên, mới có thể đói đến thì ăn, mệt thì ngủ khì.

THIỀN SƯ ĐOẠN NHAI NGHĨA Ở THIÊN MỤC DẠY CHÚNG.

Nếu muốn vượt phàm lên Thánh, thoát hẳn trần lao, như tro lạnh bốc lửa, cây khô lại tốt tươi, há có thể là ý tưởng dễ dàng hay sao?

Tôi ở trong hội của Tiên sư nhiều năm, mỗi lần bị đánh một gậy, không có một niệm xa lìa tâm, cho đến ngày nay chạm vào chỗ đau, bất giác rơi lệ, đâu giống như các ông ngậm chút mùi cay đắng, liền quay đầu không nhìn lại.

THIỀN SƯ TRUNG PHONG MINH BỔN Ở THIÊN MỤC DẠY CHÚNG

Hoà-thượng tiên sư Cao Phong, dạy người chỉ tham cứu thoại đầu, chứa nhóm trong lòng, khi đi tham cứu như thế, khi ngồi cũng tham cứu như thế, tham cứu đến lúc dụng công không chỗ bì kịp thì để lại ý không được, (1102) bỗng nhiên được thoát, mới biết thành Phật, nói đến lâu

rồi, một việc này là theo sự xem xét tam-muội liễu sinh thoát tử của Phật Tổ, chỉ quý chữ Tín và từ lâu không lui sụt, lại không có người nào không được tương ưng, xem công phu tu tập của câu thoại đầu, nhất là dừng chân ở ẩn, chỗ giác ngộ gần nhất, dẫu đời này không ngộ, nhưng tín tâm không lui sụt, không ngăn cách một đời hai đời, không ai không được khai ngộ, có người ba mươi năm hai mươi năm vẫn chưa khai ngộ, không cần tìm phương tiện khác, tâm không có duyên khác, ý các vọng chăm chăm, không bỏ, chỉ tham cứu trên thoại đầu, đứng trên chân định. Trái lại lấy sinh cho đồng với sinh, tử cho đồng với tử, lo gì ba đời năm đời, mười đời trăm đời. Nếu không giác ngộ thấu suốt thì quyết định không thôi. Có chánh nhân này, chẳng lo việc lớn không rõ. Trong lúc bệnh công phu tu tập, cũng không cần ông tinh tấn mạnh mẽ, cũng không cần ông phải cố gắng, chỉ cần tâm ông như gỗ đá, ý như tro lạnh, bỏ thân huyễn bốn đại, ra ngoài thế giới khác, do đó bệnh cũng được, sống cũng được, chết cũng được, có người thăm cũng được, không có người thăm cũng được, thơm cũng được, thối cũng được. Chữa lành bệnh, sống đến một trăm hai mươi tuổi cũng được, nếu chết bị túc nghiệp lôi kéo, vào trong chảo nước sôi lò lửa cũng được, trong cảnh giới như thế đều không lay động, nhưng tất cả thoại đầu sẽ không có mùi vị gối đầu bên lò thuốc, im lặng tham cứu, không được buông bỏ.

Bình rằng: muôn nghìn lời nói của lão này, cũng chỉ dạy mọi người khán thoại đầu, là công phu chân thật, để mong sớm được giác ngộ, sư dạy bảo hết sức tha thiết, nghìn năm mới thôi, những lời tận tâm chỉ bảo như thế, đều đủ ở trong sách, phải tự xem tất cả.

THIỀN SƯ THIÊN NHƯ DUY TẮC Ở NÚI SƯ TỬ GIẢNG NÓI CHO ĐẠI CHÚNG.

Sống không biết từ đâu đến, gọi là sự lớn lao của cái sống, chết không biết đi về đâu, gọi là sự lớn lao của cái chết, ngày 30 tháng chạp đến chỉ biết tay chân quờ quạng, huống chi con đường phía trước mênh mang, theo nghiệp thọ báo, chính là việc rất quan trọng, đây là cảnh nghiệp báo sinh tử. Nếu nói về nghiệp căn của sinh tử, thì ngày nay một niệm chạy theo sắc trần, khiến cho con người bảy điên tám đảo, từ đó Phật Tổ, dùng lòng đại bi, hoặc dạy ông tham thiền, hoặc dạy ông niệm Phật để cho ông quét sạch vọng niệm, nhận ra mặt mũi xưa nay, làm người giải thoát giác ngộ, mà nay không được linh nghiệm, có ba thứ bệnh.

Bệnh thứ nhất: Không gặp được bậc thiện tri thức chân chánh dạy

bảo.

Bệnh thứ hai: Không thể đem sự đau khổ sinh tử việc lớn để niệm, chập chờn chập chờn, bất giác đụng vào vô sự.

Bệnh thứ ba: Hư danh phù lợi của thế gian, chiếu không vỡ, buông không xuống, vọng duyên ác tập Thượng toạ không dứt, gỡ không thoát. Chỗ gió cảnh phiến động, bất giác hoà thân vào trong biển nghiệp, đông nổi tây chìm. Đồng đạo chân chánh, há chịu như thế, nên tin vào lời Tổ sư, tạp niệm rối tung, làm sao thực hành? Một câu thoại đầu, như cây chổi sắt, càng quét càng nhiều, càng nhiều càng quét, quét không được, lại quét thân mạng, bỗng nhiên quét sách hư không một con đường thông cả, muôn ngàn sai khác.

Này các vị Thiền đức! Đời này cố gắng hiểu cho rõ ràng, không dạy dỗ người khác thì muôn kiếp chịu tai ương. Lại tự mình nghi niệm Phật và tham thiền khác nhau, không biết rằng tham thiền chỉ mưu cầu rõ tâm thấy tánh. Người niệm Phật, thì giác ngộ tự tánh Di-đà, duy tâm tịnh độ, đâu có hai lý?

Kinh nói: Nhớ Phật, niệm Phật, đời hiện tại tương lai, chắc chắn sẽ thấy Phật, đã nói hiện tiền thấy Phật, thì có gì khác với tham thiền ngộ đạo? Lại hỏi rằng: Nhưng đem bốn chữ A-di-đà Phật làm thoại đầu, trong mười hai thời, lập tức nêu ra cho đến một niệm không sinh, lập tức giác ngộ thẳng đến Địa vị Phật.

TỊNH ĐỘ HUYỀN MÔN CỦA THIỀN SƯ TRÍ TRIỆT.

Niệm Phật một câu, hoặc ba, năm hay bảy câu, im lặng hỏi lại: Một câu niệm Phật này, từ đâu khởi lên?

Lại hỏi: Người niệm Phật là ai? Có nghi chỉ biết nghi thôi, lại nêu ra rốt cuộc ai là người niệm Phật. Một câu hỏi ở trước ít hỏi ít nghi, chỉ hướng người niệm Phật là ai, xét cho kỹ rồi hỏi.

Bình rằng: Kính không hỏi trước, chỉ khán ai là người niệm Phật cũng được.

THIỀN SƯ VÔ VĂN THÔNG Ở HƯƠNG SƠN THUỘC NHỮ CHÂU GIẢNG CHUNG CHO ĐẠI CHÚNG.

Sơn Tăng lúc vừa gặp Hòa thượng Độc Ông, bảo tham cứu chẳng phải là tâm, chẳng phải là Phật, chẳng phải là vật. Về sau giống với sáu người như Vân Phong, Nguyên Sơn, v.v...

Lập nguyện ai giác ngộ thì giúp nhau, kế gặp Giáo Vô Năng ở Hoài Tây bảo nêu ra chữ Vô. Kế đến trường Lô, kết bạn với Luyện

Ma. Sau gặp Hoài Thượng Kính Huynh, Ngài hỏi rằng: Sáu, bảy năm nay ông đi những nơi nào? Người kia đáp: Mỗi ngày chỉ là tâm buông, không có một vật.

Kính nói: ông bị dây buộc, chỗ nào thoát ra?

Trong tâm dường biết mà không biết, không dám nói ra, kinh thấy việc làm của tôi không có phát huy bèn nói: ông trong lúc thiền định công phu tập không mất, hễ động liền mất, tôi bị nói như vậy, tâm sợ hãi liền hỏi: rốt ráo hiểu rõ việc lớn này, phải làm thế nào? Kính nói: Ông không nghe Xuyên lão tử nói ư? Phải biết ý chân thật, xoay mặt về Nam xem Bắc đẩu, sư nói xong liền bỏ đi. Tôi bị một câu hỏi thẳng thắn, đi không biết đi, ngồi không biết ngồi trong năm, bảy ngày không đề khởi chữ Vô. Ngược lại chỉ khán cần biết ý chân thật, xoay về Nam xem Bắc đẩu bỗng đến liêu tịnh đầu, ở trên một ngọn cây, cùng ngồi với chúng, chỉ vì đến giờ cơm mà nghi tình không giải, trong tâm đốn giác, trống rỗng nhẹ nhàng thanh tịnh, thấy tình tưởng tan vỡ như lột da, nhân vật trước mắt, tất cả đều không thấy, giống như hư không, vừa hôn mê tỉnh lại, toàn thân toát mồ hôi, liền ngộ được câu xoay về Nam xem Bắc đẩu, liền yết kiến Kính, buông lời làm bài tụng: Đều không trệ ngại còn có một con đường hướng thượng, không được chểnh mảng. Về sau vào trong núi Hương Nham ở ba tháng hạ, bị muỗi cắn hai tay. Nhân nhớ lại người xưa vì pháp quên thân, sao lại sợ muỗi? Thoa chích, nghiến răng, gắng gượng, đưa ra chữ Vô. Nhẫn rồi lại nhẫn, bất giác thân tâm quy tịch, như một ngôi nhà bốn vách sắp bị sập, thể như hư không, không có một vật nào đáng thương, đến giờ thìn ngồi thiền, giờ mùi xuất định, tự biết Phật pháp không người, mà chính vì công phu tu tập của mình chưa đạt đến, tuy kiến giải rõ ràng, nhưng vọng tưởng ẩn mật sâu kín vẫn còn. Sư lại vào núi Quang Châu, tu tập thiền định sáu năm, sau đến núi Long An ở thêm sáu năm nữa. Sau trở về núi Quang Châu trụ thêm ba năm, mới được liễu ngộ.

Bình rằng: Người xưa siêng năng khổ nhọc như thế, thời gian dài như thế mới được tương ưng. Người đời nay vi tình lượng thông minh, nên sát-na lãnh hội, nhưng do muốn mình thêm thắt nơi đốn ngộ, há không sai lầm sao?

HOÀ THƯỢNG ĐỘC PHONG DẠY CHÚNG.

Kẻ học đạo, chỗ nào là chỗ thực hành. Nêu ra thoại đầu là chỗ thực hành.

HÒA THƯỢNG BÁT NHÃ DẠY CHÚNG

(1103) Các huynh đệ, ba năm hay năm năm tu tập không có chỗ để vào, bỏ câu thoại trước kia đi, không biết đi đến nửa đường rồi bỏ, đáng tiếc nhiều tâm cơ trước đây. Người có chí, thấy trong chúng củi khô nước hết, tăng đường ấm áp mới phát nguyện ba năm không ra cửa, chắc chắn có cái thọ dụng, có thì mới thực hành công phu, tâm địa thanh tịnh, chỉ thấy cảnh vật hiện tiền, liền làm bốn câu kệ, sẽ gọi là:

Khéo ăn khéo nói
Lầm lẫn một đời
Ba tấc khi tiêu
Lấy gì bảo nhậm?

Phật tử! Nếu muốn thoát khỏi, tham phải trực tiếp tham, ngộ phải thật ngộ, hoặc thoại đầu miên mật không xen hở, không biết có thân thể, cho là quên người chưa quên pháp, có đến đây thì quên cả thân mình, bỗng nhiên nhớ được. Như trong giấc mộng thấy ngã vuống bên vực sâu muôn trượng, chỉ ngoái lại cứu mạng bèn thành gió độc, đến đây phải nêu kỹ thoại đầu, hốt nhiên ngay nơi thoại đầu, gọi là người, pháp đều quên. Đột nhiên tro lạnh đậu khô, mới biết trương công uống rựu, lý công say, chính là lúc đến cửa Bát-nhã ăn gậy, vì sao? Vì muốn đánh phá lớp cửa của Chư Tổ phải đi tham vấn các bậc thiện tri thức, để biết được chỗ cạn sâu rồi mới đến bên bờ suối dưới rường cây nuôi dưỡng mầm Thánh, đợi khi nào trời rồng mời ra, mới có thể ra mở mang chánh pháp, độ khắp chúng sinh.

HÒA THƯỢNG TUYẾT ĐÌNH DẠY CHÚNG

Trong mười hai thời, nghèo sạch sành sinh, hãy xem lúc cha mẹ chưa sinh ra, thế nào là mặt mũi xưa nay của ta, không lo có sức hay không có sức, hôn trầm tán loạn hay không hôn trầm tán loạn, chỉ lo nêu ra mà thôi.

THIỀN SƯ NGƯỠNG SƠN CỔ MAI HỮU DẠY CHÚNG

Phải phát tâm mạnh mẽ, lập chí vững vàng, đem cái mình học một đời ngộ được, tất cả Phật pháp hai mươi bốn văn chương ngôn ngữ tam-muội, quét sạch vào biển đại dương, lại không được nêu ra, đem tám vạn bốn ngàn tâm niệm sâu kín, vừa ngồi liền quét sạch, lại đem thoại đầu bản tham, để khởi nghi đi nghi lại, nghiền đi ngẫm lại, thân tâm đã định, nghiên cứu rõ ràng, lấy ngộ làm tắc, không thể tìm kiếm trên kinh thư, bốc độ trên công án, cần phải đoạn đường tách lối mới đến nhà.

Nếu thoại đầu nêu không ra, thì nêu lên ba lần, mới biết có sức lực, nếu thân thể mệt mỏi, tâm thức đầy đủ, lại nhẹ nhàng bước xuống đất, xoay một vòng rồi ngồi lên Bồ-đoàn, đem câu thoại đầu tham cứu cũ, khám nghiệm như trước. Nếu vừa ngồi lên Bồ-đoàn liền ngủ gật, mở mắt ra lại suy nghĩ lung tung, xoay mình bước xuống đất, họ tụm đôi, tụm ba, kề tai nói nhỏ, nói lời khoác lác, nhớ lấy một bụng kinh thư ngữ lục, trổ tài biện luận, dụng tâm như thế ngày 30 tháng chạp đến tất cả dụng không dính mắc.

THIỀN SƯ KIỆT PHONG NGỦ Ở CÙ CHÂU DẠY CHO THIỆN GIẢNG CHỦ Ở NGŨ ĐÀI.

Cho dù Văn-thù phát ra ánh sáng rực rỡ, xoa đầu cho ông, sự tử bị ông cưỡi, Quán Âm hiện nghìn tay nghìn mắt, anh ca bị ông bắt được, đều là đuổi theo sắc theo tiếng, có gì lợi ích cho bản thân ông đâu phải rõ Đại sư của mình, thoát ra cửa sinh tử, trước phải cắt đứt tất cả kiến giải luống dối Thánh phàm. Trong mười hai thời soi chiếu trở lại, chỉ xem cái chẳng phải tâm, chẳng phải vật, chẳng phải Phật, là cái gì? Chớ tìm cầu bên ngoài, giả sử thông suốt một chút thành thông Phật pháp, lớn bằng hạt lúa hạt gạo đều là tự khi, đều là phỉ báng Phật, phỉ báng pháp, cần phải tham cứu đến chỗ rốt ráo, không mê đắm mảy may nào, liền thấy bố thể ở Thanh châu, La Bặc ở Trấn châu, đều là vật sử dụng của nhà mình, không cần tìm cầu thân thông Thánh giải khác.

LỜI ĐÁP CỦA THIỀN SƯ LINH ẨN HẠT ĐƯỜNG.

Hoàng đế Tống Hiếu tông hỏi: Làm thế nào thoát được sinh tử?

Đáp: không giác ngộ đạo lý Đại thừa, thì không bao giờ thoát được.

Lại hỏi: Ngộ như thế nào? làm sao ngộ được?

Đáp: Bản tánh vốn có, mài dũa lâu năm đều là giác ngộ.

HÒA THƯỢNG PHỔ NHAM ĐOẠN NGẠN Ở NÚI ĐẠI THỪA DẠY CHÚNG

Muôn pháp quy về một, một quy về đâu? Phải xem thoại đầu, giữ gìn vắng lặng mà ngồi, không được niệm thoại đầu, chẳng được không nghi mà ngồi, nêu có hôn mê tán toạn, không cần khởi niệm để dứt bỏ, nhanh chóng nêu ra thoại đầu, thân tâm sảng khoái, nếu không như vậy thì đứng xuống đi kinh hành, biết hôn trầm tán loạn mất rồi, thì lại lên bồ-đoàn, bỗng nhiên không cử mà tự cử, không nghi mà tự nghi, đi mà

không biết đi, ngồi mà không biết ngồi, chỉ có tham cứu, tinh thần sáng suốt rõ ràng, ấy gọi là dứt phiền não, cũng gọi là chỗ ngã mất hết, tuy như vậy, nhưng chưa phải rốt ráo. Lại thúc giục xem cái một quy về chỗ nào? Đến đây thì nêu ra thoại đầu, không có thứ lớp rõ ràng, chỉ có nghi tình, quên thì phải nêu ra ngay, cho đến hết sức chiếu ngược lại, đó gọi là quên pháp mới đến chỗ vô tâm, chớ gọi vô tâm là đạo, vô tâm còn cách một lớp cửa, bỗng nhiên chạm sắc gặp thanh, chạm vào nhau phát ra một tiếng lớn, xoay mình nhìn lại, thì tốt, liền nói: Trâu ở Hoài châu ăn lúa, ngựa ở ích châu sình bụng.

THIỀN SƯ CỔ CHUYẾT DẠY CHÚNG.

Các Đại đức sao không khởi đại tinh tấn? Đối trước Tam bảo phát lời nguyện sâu xa. Nếu không rõ sinh tử, không thấu suốt cánh cửa Tổ, thì thệ không ra khỏi núi, đến trước giường cao bảy thước, treo cao túi đựng bát, vách đứng ngàn trượng, suốt cuộc đời này, dạy dỗ cho thấu đáo. Nếu phân biệt tâm này, quyết không dối gạt nhau, nếu người kia phát tâm không chân thật, chí nguyện không mạnh mẽ, bên này qua đông, bên kia qua hạ, ngày nay tiến lên, ngày mai thụt lùi, lâu ngày tìm tòi không được, liền nói Bát-nhã không linh nghiệm, hướng ra bên ngoài, nhớ một bụng, chép một bộ, như cái bình đựng gạo hôi thối người ngửi mùi ấy thì tránh xa, buồn nôn, làm mải miết, đến lúc Di-lặc hạ sinh thì có lợi ích gì? Thật khổ thay.

THIỀN SƯ THÁI HƯ DẠY CHÚNG.

Nếu chưa liễu ngộ thì phải ngồi yên trên bồ-đoàn, mười năm, hai mươi đến ba mươi năm, xem mặt mũi khi cha mẹ chưa sinh.

THIỀN SƯ SỞ THẠCH KỲ DẠY CHÚNG.

Chư huynh đệ, mở miệng liền nói, tôi là thiền tăng và hỏi người khác thế nào là Thiền? Lại nhìn đông nhìn tây, miệng như đòn xóc, khổ thay! Vụng thay! Ăn cơm của Phật Tổ, không để ý đến việc của mình, mà cứ giữ chặt những lời văn của thế tục, to tiếng lớn lời, thật không kiêng dè, hoàn toàn không biết thẹn, có người không rời khỏi bồ-đoàn. Biết rõ mặt mũi trước khi cha mẹ chưa sinh. Mà chỉ bắt chước theo người làm công quả, chỉ mong cầu được phước tuệ, tiêu trừ nghiệp chướng điều đó quá xa vời với Phật đạo, tâm dứt niệm ngưng, nhiếp sự về không, niệm tưởng vừa sinh, liền bị đè nén, kiến giải như thế, chính là rơi vào trạng thái Không. Ngoại đạo cho rằng người chết linh hồn

không trở lại. Lại có người vọng cho rằng có thể sân, có thể vui, có thể thấy, có thể nghe, nhận biết rõ ràng, thì một đời sẽ hoàn tất việc tham cứu.

Tôi lại hỏi ông: Lúc vô thường đến thân này thành tro bụi (1104) thì cái có thể sân, có thể vui, có thể thấy, có thể nghe này, nó ở đâu? Tham cứu thế ấy chính là thiền bắt chước, sự bắt chước chẳng phải là chân, vừa đốt liền chảy. Do đó ta hỏi ông, bình thường tham vấn cái gì?

Đáp: có Ngài dạy tham vấn muôn pháp quy về một, một quy về chỗ nào? Lại dạy con chỉ hội như thế, ngày nay mới biết không đúng, nay đến Hòa thượng thỉnh cầu thoại đầu, con nói công án của người xưa có gì không đúng, mắt ông vốn là chánh, mà sư cho là tà, thì cứ thỉnh hoài không thôi, về sau tham cứu câu thoại đầu con chó không có Phật tánh, bỗng nhiên đập vỡ thùng sơn, lại đến tay Sơn Tăng, sẽ bị đòn.

Bình rằng: Trời như là đất, đều là đầu và cuối, các bậc Tôn túc đầu tiên của đất nước, như Kiệt phong cổ Chuyết, sở thạch các ngài đã trải qua hai thời đại. Sở Thạch là cháu đời thứ năm của Diệu Hỷ, ông thấy đất sáng như mặt trời, mặt trăng, cơ biện như điện chớp sấm vang, chặt đứt gốc rễ thì cành lá rơi rụng thật không thẹn với lão già Diệu Hỷ. Trời nếu đến ngày nay không có bốn điều dừng dứt, chỉ có những lời nói kia đều nêu ra việc hướng thượng dạy công phu tu tập đến chỗ tuyệt diệu, chỉ được một hai lục, như ở dưới.

THƯ THIÊN SƯ PHỔ TẾ Ở CAO LY ĐÁP LỜI LÝ TƯỚNG QUỐC.

Đã từng đưa ra câu thoại đầu về chữ Vô, việc tham cứu không hẳn thay đổi, huống chi là khi nêu ra thoại đầu khác từng tham cứu chữ Vô, thì đối với chữ Vô có một chút nhân địa thuần thục, tất cả không dời đổi, tất cả không thay đổi sự tham cứu, nhưng trong mỗi giờ, mỗi khắc và trong bốn oai nghi, nêu ra câu thoại đầu, chớ đợi lúc nào ngộ hay không ngộ, cũng chẳng lo có mùi vị hay không có mùi vị, cũng chẳng lo đắc lực, hay không đắc lực, ép buộc tâm ý suy nghĩ không đến, ý nghĩ không thực hành chính là nơi xả bỏ thân mạng của chư Phật, Chư Tổ.

Bình rằng: Ngữ lục này đi đến Đinh Tây, Phúc kiến, Hứa Nguyên Chơn, đông chinh ở Triều-tiên thì được ngữ lục này, còn Trung quốc thì chưa có, do đây ghi lại yếu chỉ này để biết.

THIỀN SƯ SỞ SƠN KỲ GIẢI CHẾ

Các Đại đức! Trong chín mươi ngày, có chứng ngộ hay không? Nếu chưa chứng ngộ thì suốt mùa đông này lại luống uổng rồi. Nếu bản sắc của dòng đạo, lấy mười phương pháp giới làm kỳ hạn Viên giác, bất luận thời gian ít hay thời gian nhiều, trăm ngày ngàn ngày, kết chế giải chế, chỉ lấy thoại đầu nêu ra làm đầu mối. Nếu một năm không ngộ thì tham cứu một năm, mười năm không ngộ, hai mươi năm không ngộ thì tham cứu hai mươi năm không ngộ, suốt cuộc đời không ngộ thì quyết không thay đổi ý chí này, phải thấy chỗ chân thật rốt ráo, mới có ngày lìa bỏ sự tham cứu, lúc nghi tình khởi lên, ai là người niệm Phật, niệm niệm nối nhau, tâm tâm không xen hở, như người đi đường đến chỗ núi cùng sơn tận, tự nhiên có đạo lý chuyển thân, thì phát ra một tiếng ồ, khế nhập vào tâm thể.

Bình rằng: đề khởi câu thoại đầu là tiến kỳ, chân thật rốt ráo là xuất kỳ, sẽ nhớ lâu hơn.

THIỀN SƯ ĐỘC PHONG THIỆN Ở THIÊN CHÂN DẠY CHÚNG.

Quả thật muốn thoát khỏi sinh tử, trước phải phát đại tín tâm, lập chí nguyện bền vững, nếu không đả phá được công án tham cứu, thấy rõ mặt mũi khi cha mẹ chưa sinh, quét sạch sinh tử hiện hành sâu kín, thệ không xả bỏ tham cứu câu thoại trước kia, xa lìa chân thiện tri thức, bám theo danh lợi. Nếu cố ý trái với lời nguyền này sẽ đọa vào đường ác, phát đại nguyện này, để phòng hộ tâm mình, mới có khả năng lãnh thọ được công án, hoặc khán chữ Vô, phải bám chặt vào câu con chó không có Phật tánh, hoặc khán câu thoại đầu muôn pháp quay về một, điều quan trọng là một quay về nơi nào? Hoặc tham cứu niệm Phật, điều quan trọng phải biết người niệm Phật là ai? Chiếu soi trở lại, nhập sâu nghi tình. Nếu thoại đầu không đủ sức, thì lại nêu văn trước, cho đến câu cuối cùng, làm cho trước sau nhất quán mới có đầu mối, có thể dẫn đến sự nghi ngờ, nghi tình không dứt, tha thiết dụng tâm, bất giác cất bước chuyển thân, nhào lộn giữa hư không, rồi trở lại đây ăn gậy.

THIỀN SƯ KHÔNG CỐC LONG DẠY CHÚNG

Không thể niệm thoại đầu một cách ngu xuẩn ngốc nghếch, cũng không thể cân nhắc tìm tòi cho tường tận, nhưng lúc nào cũng phải biết rõ việc đó, bỗng trên bờ vực thẳm buông tay, trở mình một cái, mới thấy rõ ràng, đến đây không thể lơ đễnh. Lại bị một dùi sau ót, thật khó thấu suốt, ông cứ tham vấn như thế đi, không tham cứu mà tự ngộ, thời

thượng cổ đã có những người như thế, ngoài ra chưa có ai không dụng sức tham cứu mà được ngộ.

Hòa thượng Ưu-đàm khiến nêu ra ai là người niệm Phật. Nay ông không dùng các pháp này, chỉ niệm bình thường đi, nhưng phải niệm đừng quên, bỗng nhiên chạm cảnh gặp duyên, đả phá được câu chuyển mình, mới biết tịnh độ tịch quang không lìa nơi này, Đức Phật A-di-đà không vượt ngoài tự tâm.

Bình rằng: chỉ cần trong lúc tức giận phải biết rõ việc này, thì câu này rất cao sâu, cần phải thâu nhiếp cách khán thoại đầu, nên cẩn thận.

HÒA THƯỢNG THIÊN KỲ DẠY CHÚNG.

Các ông từ nay, phát tâm vững chắc, ba đêm ba ngày khởi định để tham cứu, xem đó là đạo lý gì? Phải nghiên cứu cho rõ ràng, lâu ngày chầy tháng, không bỏ hôn trầm, mà hôn trầm tự lui, không dứt tán loạn mà tán loạn tự mất, thuần nhất không tạp, tâm niệm bất sinh, bỗng nhiên lãnh hội được, như mộng mà tỉnh, lại xem từ trước đều là hỗn tạp, đương thể hư huyễn, hiện thành sum la muôn tượng, toàn cơ hiện bày, ở trong nước Đại Minh này, cũng không uổng làm người, hướng về pháp môn này, làm tăng cũng không uổng, lại tùy theo nhân duyên mà hóa độ, há không thỏa thích hay sao? Há không vui hay sao? Suốt ngày niệm Phật, không biết toàn là Phật niệm. Nếu không biết, cần phải khán câu thoại đầu người niệm Phật là ai, mắt thì thấy định, tâm thì khởi định, cốt phải nghiên cứu tường tận.

Bình rằng: Độc Phong và Thiên Kỳ đều dạy tham cứu niệm Phật, còn Ngài Không Cốc vì sao bảo không cần dùng các pháp này, bởi tùy theo căn cơ của chúng sinh không giống nhau, tùy tiện vô ngại.

THIỀN SƯ CỔ ÂM CẦM DẠY CHÚNG.

Thiện ác thấy trong lúc ngồi, đều do khi ngồi không khởi quán sát, không suy nghĩ cho đúng đắn, chỉ nhắm mắt tĩnh toạ, tâm không tinh thuần, ý thuận mà cảnh lưu chuyển, nửa mộng nửa tỉnh, hoặc tham đắm vào cảnh yên tĩnh, vì vui vẻ dẫn đến thấy các thứ cảnh giới, chính là nhờ công phu tu tập, lúc ngủ thì ngủ ngon giấc, tỉnh thì dậy, hăng hái tinh thần, con mắt láo liếc, cắn chặt răng, nắm chặt tay, phải khán thoại đầu rơi vào chỗ nào? Dè dặt chớ theo hôn trầm, mảy may ngoại cảnh cũng không mê hoặc được, trong lúc đi đứng ngồi nằm, một câu niệm Phật Di-đà không dứt, phải có lòng tin (1105) nhân quả sâu xa,

dạy thẳng không niệm tự niệm, nếu niệm niệm bất không, chỉ cần niệm thành một khối, nên niệm rõ ràng, người niệm Phật A-di-đà đồng hiện hành với tôi.

THÍCH NGHI TẬP CỦA THIỀN SƯ DỊ NHAM ĐĂNG.

Hỏi: người học tham cầu trí thức, hoặc khiến nêu ra thoại đầu, hoặc khiến nghi thoại đầu, có gì giống nhau, có gì khác nhau?

Đáp: Vừa khởi thoại đầu, ngay lúc đó liền nghi, đâu có hai lý, một niệm khởi lên, nghi tình lần hiển hiện, nhiều lần nghiên cứu kỹ càng, công sâu sức tột, tự được liễu ngộ.

Bình rằng: trong tập giải thích về nghi, đoạn văn này rất chính xác, có rất nhiều người vướng mắc vào hai đầu mối này mà chẳng giải quyết được, vì chưa từng thực hành công phu.

HÒA THƯỢNG NGUYỆT TÂM DẠY CHÚNG

Tức giận nỗi lên thì chí khí phải mạnh mẽ, khởi lên câu thoại đầu, chủ yếu kết thúc chữ cuối, nghi tình mãi mãi, nặng nề đau đớn vô cùng, có người thầm lặng tham cứu, có người nói ra tiếng tìm xét, như mất vật quý trọng, muốn gần được gần, thường ngày trong bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu, lại không có hai niệm.

SƠ LƯỢC VỀ KHỔ CÔNG CỦA CÁC VỊ TỔ THỨ HAI

MỘT MÌNH NGỒI TRONG TỊNH THẤT

Đại Sư Đạo An, một mình ngồi trong tịnh thất mười, hai mươi năm, hết lòng suy nghĩ, mới được thần ngộ.

Bình rằng: lão này hết lòng suy nghĩ, mới được thần ngộ, không phải một bề tĩnh tọa mà được.

NGỒI TRÊN CÀNH CÂY DƯỚI SƯỜN NÚI.

Thiền sư Tĩnh Lâm, bỏ giảng tu thiền, bị hôn trầm, trầm ngủ nghỉ mê hoặc tâm, có dốc núi ở dưới, nhìn lên cao muôn nhận, có một nhánh cây de ra, lấy cỏ lót ngồi bán già trên đó, nhất tâm buộc niệm, nửa đêm kinh động, sợ chết ập đến, chuyên tinh không hai, về sau được giác ngộ.

ĂN CỎ NGỦ DƯỚC GỐC CÂY

Thiền sư Thông Đạt, vào núi Thái Bạch, không có thức ăn, đói

thì ăn cỏ, nghỉ thì ở dưới gốc cây, ngồi yên suy nghĩ mối đạo, năm năm không dứt, nhân cục đá chọn gốc cây, đá vỡ liền rỗng rang khai ngộ.

Bình rằng: Biết ông ăn cỏ ngủ dưới gốc cây, nếu không suy nghĩ mối đạo, năm tháng vằng vặc có khác gì loài vượn người ở trong núi sâu ít thấy.

ÁO KHÔNG RỜI THÂN.

Thiền sư Kim Quang chiếu, năm mười ba tuổi xuất gia, năm mười chín vào núi Hồng Dương, nương theo Hoà-thượng Ca-diếp, hầu hạ ba năm, áo không rời thân, lưng không dính chiếu, lại ở trong núi cô xạ cũng như thế, hoát nhiên khai ngộ.

KÉO CHUỲ TỰ CHÍCH VÀO MÌNH.

Ba người: Từ minh, Cốc Tuyền và Lang-da, kết bạn với nhau cùng tham cứu Phần Dương. Lúc ấy, vùng Hà Đông rét căm căm, mọi người rất sợ, chí nguyện của Từ Minh đối với đạo pháp, sớm tối không lơ là, đêm ngồi buồn ngủ, sư kéo chùy chích vào mình. Về sau nối pháp ngài Phần Dương, đạo phong vang xa, hiệu là sư tử Hà Tây.

TRONG TỐI KHÔNG XAO LÃNG.

Thiền sư Hoằng Trí, ban đầu làm thị giả cho Ngài Đan Hà Tử Thuần, nhớ làm chứng công án cho tăng, bất giác Sư cười nhạo, Thuần trách rằng: Một tiếng cười của ông làm mất bao nhiêu việc tốt đẹp, không thấy đạo tạm thời không đến, giống như người chết. Hoằng Trí mới chịu bái phục, về sau tuy ở trong thất tối nhưng chưa hề dám xao lãng.

Bình rằng: Luận đạo mà cười, người xưa còn trách, nhìn kỹ cái khôi hài của người đời nay, tâng bốc hoài không biết chán, Đan Hà thấy vậy, sẽ như thế nào?

BAN ĐÊM RƠI LỆ.

Thiền sư Y Am Quyền, dụng công rất khéo, đến tối liền rơi lệ nói: Ngày nay chỉ uống phí như thế, chưa biết ngày mai sau tu hành như thế nào? Sư ở trong chúng không nói chuyện với người một lời.

BA NĂM RA SỨC TU HÀNH

Thiền sư Đối Đường Tâm, tự nhủ mình mới vào đạo tự mình giữ gìn rất dễ, đến gặp Tiên Sư Hoàng Long, lại nghĩ nhật dụng, hàng ngày

mâu thuần rất nhiều với lý, bèn ra sức tu hành, ba năm gian khổ, chí hướng không đổi, mới được sự sự như lý, mà nay tằng hắng vẫy tay, cũng là yếu chỉ của Thiền Tông.

DÙNG GỐI TRÒN ĐỂ TỈNH NGỦ.

Thị giả Khiết khi ngủ dùng khúc cây tròn làm gối, vừa ngủ thì gối lăn, biết mà tỉnh dậy, cho đó là bình thường, có người cho đó là dụng tâm thái qua.

Đáp rằng: Tôi có nhân duyên rất mỏng manh với Bát-nhã, nếu không làm như vậy, thì e bị vọng tập lôi kéo.

BẤT CHỢT GẶP MƯA.

Toàn chủ Am, vì đạo mãnh liệt, không ăn không nghỉ, một hôm sự tựa hành lang nhìn chó sủa, mưa đến không hay, áo ướt mới biết.

THỆ KHÔNG NGỦ.

Thiền sư Phật Đăng Tuần, nương ngài Phật Giám, theo chúng thưa hỏi, xa xôi không có nơi để vào, than rằng: Đời nay nếu không chứng ngộ, thệ không ngủ, suốt bốn mươi chín ngày như thế, chỉ đứng dựa vào cây cột, như cha mẹ mất, mới được đại ngộ.

NÉM SÁCH KHÔNG NHÌN LẠI.

Thiền sư Thiết Diện Bỉnh, lúc hành cước rời quê hương, không bao lâu, thì nghe sư thọ nghiệp, vào một đêm, lửa sót lại đều cháy thành đống tro, sư được sách ném xuống đất nói: luống làm loạn người mà thôi.

LỜI THỀ VỮNG CHẮC ĐỂ TỈNH PHÁT.

Thiền sư Linh Nguyên Thanh, ban đầu tham cứu ngài Hoàng Long Tử Tâm, theo chúng học hỏi, mờ mịt không biết đầu mối, một hôm thệ trước Phật rằng: Suốt đời sẽ lấy pháp làm đàn, nguyện sớm được khai ngộ. Về sau xem lời nói của ngài Huyền Sa, Ngài mệt bèn dựa vách, rồi dứng dậy kinh hành, bước đi rơi chiếc dép, cúi xuống nhặt lấy, bỗng nhiên đại ngộ.

DUYÊN KHÁC NHAU KHÔNG CÙNG MỘT LÚC.

Thiền sư Viên ngộ Khắc cần, lại tham cứu với sư Đông Sơn Diễn, lúc làm thị giả sư dốc lòng tham vấn, tự nói: Sơn tăng ở trong chúng, duyên khác nhau không cùng một lúc, mười năm mới thấu suốt được.

Bình rằng: Thời gian mười năm, các duyên khác nhau không cùng một lúc, thử hỏi trong một hôm này, có bao nhiêu duyên khác nhau, lúc nào thì bỏ đi được?

VỘI VÃ KHÔNG QUÊN

Thiền sư Mục Am Trung, ban đầu học tập về Thai giáo, sau có chí nguyện học Thiền tông, lại yết kiến Ngài Long Môn Nhãn, trong lúc vội vã không quên nêu ra, đến lúc rảnh sư đem ra thấy tấm bảng ghi; Pháp luân thường chuyển, bỗng đại ngộ.

QUÊN ĐẾN HÀ TÂN.

Thiền sư Khánh Thọ Hưởng, tham cứu ngài Trịnh Châu Phổ chiếu bảo, sớm tối siêng năng, một hôm Sư đem chuyện đến Tuy Dương, vượt qua Triệu Độ, nghi tình không tan, quên đến Hà Tân, (1106) các bạn đồng hành biết việc đó nói: Đây là Hà Tân, hoát nhiên buồn vui lẫn lộn, đến Ngài Bạch Bảo, Ngài nói: kẻ cùng đường này, chưa được tự tại, nhờ giáo mà thấy lời của Phật Nhật Diên. Một hôm Sư tĩnh toạ ở vân đường, nghe tiếng bảng mà tỉnh ngộ.

QUÊN ĂN BỎ NGỦ

Thiền sư Tùng Nguyên Nhạc, trước kia còn là Cư Sĩ thì tham vấn với ngài ưng Am Hoa, không được khế hợp, càng tự mình gắng gỏi yết kiến ngài Mật Am Hàm Kiệt, Kiệt hỏi đến đâu sư đều trả lời thông suốt đến đó. Kiệt than rằng: Thiền cây Hoàng Dương, sư càng cố tinh tấn hơn, cho đến quên ăn bỏ ngủ. Phật An vào thất hỏi tăng: chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật, sư đứng bên cạnh đại ngộ.

MIỆNG THÂN ĐỀU QUÊN.

Thiền sư Cao Phong Nguyên Diệu, lưng không dính chiếu, thân miệng đều quên. Bấy giờ một mình trong nhà xí đi ra, hoặc có khi mở hộp ra không đóng mà bỏ đi, sau trở về giảng đường Kính Sơn mà đại ngộ.

DỨT BỎ HẾT CÁC DUYÊN.

Thiền sư Kiệt Phong Ngu, ban đầu tham vấn Ngài Cổ Nhai Thạch môn, lãnh thọ pháp ngữ, đêm ngày ngồi yên, nhưng không khế hợp. sau tham vấn Ngài Chỉ Nghiêm, sư đưa ra chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật càng nghi ngờ và phế bỏ hết các duyên, ăn ngủ

đều không màng đến, như người chết. Một buổi chiều, sư ngồi cho đến tối, nghe vị tăng gần bên ngâm bài ca Chứng đạo rằng. Không trừ vọng tưởng, không cầu chân, hoát nhiên như trút gánh nặng, nửa đêm bỗng nhiên quên ngón tay chỉ mặt trăng, bỗng quên câu hư không sinh ra mặt trời.

ĐÓNG CỬA RA SỨC THAM CỨU.

Thừa tướng Di Thích Sở Tài, tham vấn ngài Vạn Tùng lão nhân, dứt bỏ việc nhà, ngăn dấu chân người, tuỳ chịu gian khổ nhưng ngày nào cũng tham vấn, quên ăn bỏ ngủ hai ba năm, thì được ấn chứng.

Bình rằng: Dụng tâm như thế, chứng đạo như thế đó gọi là Bồ-tát tại gia, ăn thịt đã no, đến tìm tăng hỏi thiền để làm gì?

HÚC ĐẦU VÀO CỘT.

Thiền sư Trung Phong Minh bổn làm thị giả hầu Ngài Cao Phong Tử Quan, đêm ngày siêng năng, mỗi lúc khó khăn thì sư lúc đầu vào cột. Một hôm, sư tụng kinh Kim Cương, đọc đến chỗ sứ mạng của Như Lai, bỗng nhiên hiểu rõ, từ những cái chưa thật chứng ngộ, sư càng cố gắng học hỏi, quyết không lười biếng, vừa thấy nước chảy, liền đại ngộ.

Bình rằng: Từ những cái chưa thật chứng cuối cùng đưa đến chỗ cùng cực, nay cho con đường đó là nhà là chúng sinh, thật đáng thương thay.

KHẮC KHỔ Ở QUAN TRUNG.

Thiền sư Độc Phong Thiện, ở Tiến Quan, sông Dục, không đặt giường nằm, chỉ đặt một chiếc ghế ngồi, lấy ngộ làm phép tắc, vào một đêm ngủ mê, bất giác nửa đêm bèn bỏ ghế, cả ngày đêm đi và đứng.

Lại dựa vách mà ngủ, thệ không dựa vách ngủ, bay vào hư không mà đi, thân thể mệt mỏi, ma ngủ càng mạnh, than khóc trước Phật, trăm kế ép ngặt, công phu ngày càng tinh tấn, khi nghe tiếng chuông, chợt không được tự do, mới làm kệ:

Vắng vắng lặng lặng, dứt mọi việc
Xúc không đầu mối, rống như sấm
Một tiếng động đất dứt tin tức.
Đầu lâu vỡ nát, mộng trở về.

LƯNG KHÔNG DÍNH CHIẾU

Thiền sư Bích Phong Kim, tham vấn ngài Phổ Vân Hải, Ngài dạy công án dùng vạn pháp, nghi ngờ ba năm, tình cờ lúc hái rau, bỗng bất

động thật lâu, Hải hỏi ông nhập định phải không?

Đáp: Dịch và động không liên quan nhau.

Hải hỏi: Dịch và động không liên quan nhau là người thế nào?

Kim dùng cái sọt trình bày điều đó, hải không chịu, kim đặt cái sọt xuống đất, Hải cũng không chịu. Công phu sau này của Kim càng cố gắng, lưng không dính chiếu, mỗi lần ngồi bảy ngày, một hôm nghe tiếng chặt cây, Sư đại ngộ.

GIỮ CHẶT CÔNG PHU ĐẦN ĐỘN

Thiền sư vô tế ở Tây Thục, ban đầu thực hành công phu, bộ sách tứ chỉ đại thư cũng không xem, chỉ là cái phách, mù mờ thực hành công phu đần độn, bèn được thấu suốt tỉnh ngộ.

Bình rằng: ý này cùng cực, nhưng người không rõ giáo lý thì chưa quyết nghi được.

THIỀN QUAN SÁCH TẤN

MỘT MÔN SAU: DẪN CHỨNG TIẾT LƯỢC CÁC KINH

KINH BÁT NHÃ

Trong hư không nghe có tiếng bảo Bồ-tát Thường Đề rằng: ông đi về hướng Đông cầu Bát-nhã, không từ bỏ sự mệt mỏi, không nhớ đến ngủ nghĩ, không nghĩ đến ăn uống, không nghĩ ngày đêm, chẳng sợ lạnh nóng, đối với pháp trong ngoài, tâm không tán loạn, lúc đi không được nhìn ngó hai bên, chớ nhìn trước sau, trên dưới, bốn duy, v.v...

KINH HOA NGHIÊM.

Bồ-tát Cần Thủ có bài kệ rằng:

Như dùi cây lấy lửa
Chưa có lửa mà ngưng
Thế lửa tùy đó diệt
Người biếng nhác cũng vậy.

Giải thích: Nên dùng trí tuệ hun đúc một cảnh, dùng dây phương tiện khéo léo xoay chuyển, tâm trí không trụ, mười bốn oai nghi không xen hở, thì Thánh đạo sẽ sinh, xem lướt qua sự khởi tâm của ông, tạm thời quên chiếu soi, đều gọi là dứt.

KINH ĐẠI TẬP NGUYỆT TẠNG

Nếu siêng năng buộc niệm không tán loạn, thì phiền não dứt, không bao lâu được chứng quả Vô thượng Bồ-đề.

KINH THẬP LỤC QUÁN

Phật bảo Vi-đề-hy nên chuyên tâm buộc niệm một chỗ.

KINH XUẤT DIỆU.

Người trí dùng tuệ luyện tâm, tìm nghiên cứu các cấu uế, giống như quặng vàng, đưa vào lò luyện cả trăm lần, thì thành vàng tinh, giống như biển lớn, đêm ngày sống vỗ, thì thành báu lớn, con người

cũng như vậy, ngày đêm luyện tâm không dứt, thì sẽ được chứng quả.

Bình rằng: người ngày nay chỉ biết dứt tâm mà nhập định, đâu biết chiến đấu với tâm để được chứng quả.

KINH ĐẠI QUÁN ĐẢNH.

Tỳ-kheo Thiền Tư, không có tưởng niệm khác, chỉ giữ một pháp, sau đó được thấy tâm.

(1107) **KINH DI GIÁO**

Dừng tâm một chỗ, chẳng việc gì không làm xong.

Bình rằng: giữ một pháp, dừng ở một chỗ, may mắn có được những lời này.

KINH LĂNG NGHIÊM.

Lại nghiên cứu tâm này, tinh thông trong ngoài, lại nghiên cứu tâm này đến chỗ cùng tột.

KINH DI-ĐÀ

Chấp trì danh hiệu, nhất tâm bất loạn.

Bình rằng: chỉ bốn chữ nhất tâm bất loạn, thì việc tham thiền đã xong, có nhiều người quên đi điều này.

KINH LĂNG GIÀ.

Nếu muốn rõ biết, năng thủ sở thủ, phân biệt cảnh giới, đều do tâm này hiện ra, phải xa lìa chốn ồn náo, dứt hôn mê, đầu hôm gần sáng, siêng năng tu tập.

KINH KIM CƯƠNG BÁT NHÃ

Phật bảo Xá-lợi-phất: hai Bồ-tát kia tinh tấn hành đạo, trong ngàn năm không hề bị hôn mê ép ngặt, trong ngàn năm mỗi khi đi khất thực, không hề thấy đưa thức ăn cho kẻ nam người nữ, ngàn năm ở dưới gốc cây không hề ngửa mặt nhìn hình tướng của cây. Trong ngàn năm không hề nghĩ đến bà con quyến thuộc. Trong ngàn năm không hề nghĩ rằng ta muốn cạo tóc, trong ngàn năm không hề nghĩ rằng từ nóng mà được mát mẻ, từ lạnh mà được ấm, trong ngàn năm không hề luận bàn một lời vô ích của thế gian.

Bình rằng: Đây là cảnh giới của Bồ-tát, phàm phu không thể suy lường được, nhưng không thể không biết.

KINH ĐẠI TẬP

Tỳ-kheo pháp ngộ, trong hai muôn năm thường tu niệm Phật không ngủ nghỉ không sinh tham sân si, không nghĩ đến thân thuộc, cơm áo, tài vật.

KINH NIỆM PHẬT TAM MUỘI

Ngài Xá-lợi-phất, trong hai mươi năm thường siêng năng, thường tu tập Tỳ-bà-xá-na đi, đứng, nằm, ngồi, chánh niệm quán sát, không hề loạn động.

KINH TỰ TẠI VƯƠNG BỒ-TÁT.

Tỳ-kheo Kim Cương Tề, tu tập chánh pháp, các ma ẩn thân rình dịp làm hại, trải qua ngàn năm không thấy Bồ-tát khởi một tâm tán loạn.

KINH NHƯ LAI TRÍ ẤN.

Luân vương Tuệ khởi bỏ nước xuất gia, suốt ba ngàn năm buộc niệm, không hề nằm nghỉ.

KINH TRUNG A HÀM

Tôn giả A-nan-luật-đà, tôn giả Nan-đề Tôn giả Kim-tỳ-la, cùng ở trong rừng lần lượt khất thực, mỗi vị đều trở về ngồi thiền, đến chiều xả thiền có vị múc nước, nhưng không đưa lên được, nếu múc không được liền vẫy tay gọi một tỳ-kheo, hai người cùng múc lên, họ không nói với nhau điều gì. Năm ngày nhóm họp một lần, hoặc là nói pháp, hoặc im lặng như bậc Thánh.

Bình rằng: Đây là pháp lành kết bạn tu hành của muôn đời.

KINH TẠP THÍ DỤ

Nước Ba-la-nại có một người xuất gia tự thệ nguyện nếu không được giác ngộ, thì không bao giờ nằm. Ngày đêm kinh hành, trải qua ba năm thì đắc đạo. Lại nước La-duyệt-kỳ có một vị Sa-môn lấy cỏ làm chăn, ngồi trên tấm chăn, lại tự thệ rằng: nếu không đắc đạo thì không rời khỏi chỗ, nếu buồn ngủ, thì chùy đâm vào chân, trải qua một năm đắc đạo Bồ-đề.

KINH TẠP A HÀM

Tỳ-kheo như thế, siêng năng phương tiện, xả bỏ thân mạng, không

bỏ pháp lành. Nếu không đắc đạo, thì không bỏ tinh tấn, thường thu nhiếp tâm mình, không buông lung.

Bình rằng: cái nên đắc phải biết, nên đắc cái gì? Y cứ vào kinh này thì nên đắc dứt hết các lậu, chứng ba minh sáu thông thành quả Thanh Văn. Điều mong muốn là nên đắc tâm tông viên ngộ, chứng trí nhất thiết, thành quả Phật vô thượng.

KINH A HÀM

Cho đến thành tựu ba minh, dứt trừ tối tăm, được đại trí minh, đều do siêng năng tu tập, thích ở một mình, chuyên niệm không thôi.

Bình rằng: chuyên niệm không thôi lâu ngày thì nhất tâm bất loạn.

KINH PHÁP TẬP YẾU LÃNH

Nếu người trăm năm biếng nhác không tinh tấn, chẳng bằng sống một ngày mà tinh tấn mạnh mẽ.

Bình rằng: biết nghĩa này, thì nói cho mọi người biết, lúc qua đời mười niệm vãng sinh, rõ ràng như vậy không nghi ngờ.

KINH VÔ LƯỢNG THỌ

Dốc lòng tinh tấn, cầu đạo không thôi, đâu không toại nguyện.

KINH NHẤT HƯỚNG XUẤT SINH BỒ-TÁT.

Phật A-di-đà xưa làm Thái tử nghe pháp môn mầu nhiệm này, tinh tấn vâng giữ, trải qua bảy ngàn năm, lưng không dính chiếu, ý không lay động.

KINH BẢO TÍCH CHÁNH PHÁP.

Ưa cầu Đại thừa, tâm kia mạnh mẽ, tuy xả bỏ thân mạng, mà không thương tiếc, tu hạnh Bồ-tát, siêng năng tinh tấn, không có biếng nhác.

KINH LỤC ĐỘ TẬP.

Tinh tấn độ vô cực, đến chỗ sâu xa của đạo, tiến không biếng nhác, nằm, ngồi, đi, đứng, điều nhiếp tâm nối nhau không buông lung.

KINH TU HÀNH ĐẠO ĐỊA.

Phật nói: Tự thấy túc mạng, từ vô lượng kiếp, sinh tử qua lại, xương ấy chất cao hơn núi Tu-di, còn tủy ngổn ngang có thể khắp cả

thế giới Đại thiên, và máu nhiều hơn cả, những trận mưa từ xưa đến nay, nhưng muốn thoát khỏi cái họa sinh tử này, phải ngày đêm tinh tấn, mong cầu vô vi.

Bình rằng: Nói cầu đạo, nói nghe pháp môn mầu nhiệm này, nói ưa cầu Đại thừa, nói siêng năng đối với đạo huyền diệu, nói cầu vô vi. Tinh tấn như thế gọi là chánh tinh tấn. Nếu không như thế, nhọc chí khổ thân, nhiều vô số kiếp, hoặc trôi lăn trong ngoại đạo, hoặc rơi vào thiên thừa, rốt cuộc vô ích.

KINH BỒ-TÁT BẢN HẠNH.

Thẳng đến thành Phật, đều do tinh tấn.

KINH DI LẶC SỞ VẤN

Phật bảo A-nan! Ngài Di-lặc phát nguyện trước ta bốn mươi hai kiếp, như ta phát tâm cầu đạo dùng đại tinh tấn vượt hơn chín kiếp, đắc đạo Vô thượng Chánh chân.

Bình rằng: Đức Thích-ca sau này tinh tấn vượt qua bậc tiền bối bốn mươi hai kiếp.

Kinh nói: Tham đắm danh lợi, đến nhà giàu có chính là Di-lặc, học trước mà thành tựu sau. Còn Đức Thích-ca bỏ danh lợi vào núi rừng, không gần gũi vua chúa Đại thần, có thể biết và nghi nhớ.

KINH VĂN THÙ BÁT NHÃ

Tam-muội Nhất hạnh phải ở chỗ vắng lặng, xả bỏ các loạn ý, buộc tâm vào lý chân thật, nghĩ nhớ một Đức Phật, niệm niệm nối nhau không biếng nhác, trong một niệm thấy được chư Phật mười phương, được đại biện tài.

KINH BÁT CHU TAM MUỘI

Trong chín mươi ngày, không ngồi, không nằm, dù cho xương tan thịt nát, tam muội không thành, thì không thôi nghỉ.

Bình rằng: hai đều trên chỉ cho niệm Phật và kiêm các pháp môn, người tu tịnh nghiệp chẳng thể không biết.

KINH TỨ THẬP NHỊ CHƯƠNG

Nói về người hành đạo, thì như một người chiến đấu với muôn người, mặc giáp ra khỏi cửa thành, ý hoặc yếu hèn, hoặc nửa đường muốn trở về, hoặc chiến đấu đến chết, hoặc đắc thắng mà trở về, Sa-

môn học đạo, cần phải giữ chặt tâm mình, tinh tấn mạnh mẽ, không sợ trần cảnh, phá diệt chúng ma, chứng đắc đạo quả.

Bình rằng: nửa đường trở về là tự cản trở mình không tiến. Nói chiến đấu mà chết là hơi tiến mà không có công sức. Nói đắc thắng trở về là phá mê hoặc mà thành đạo, nghiệp nhân được thắng là giữ vững tâm mình, tinh tấn mạnh mẽ, người học phải dốc chí tiến thẳng, chớ có sợ chết, ở trước không nói ư?

Ta cam đoan người này, chắc chắn đắc đạo. Kinh Pháp Hoa chép: nay ta bảo đảm việc này cho ông, hoàn toàn không luống dối, Phật đã bảo đảm như vậy, lo gì, sợ gì?

KINH QUÁN DƯỢC VƯƠNG DƯỢC THƯỢNG NHỊ BỒ-TÁT.

Thường nhớ nghĩ Đại thừa, tâm không quên mất, siêng tu tinh tấn như lửa cháy đầu.

Bình rằng: tinh tấn như lửa cháy đầu, nay các tùng lâm sớm tối trì tụng, nhưng đọc tụng văn này, mà không suy nghĩ ý nghĩa của nó. Rõ nghĩa của nó mà không xét lại việc thì cũng đâu có ích gì.

KINH BẢO VÂN

Dùng tâm buộc tâm, dùng tâm trụ tâm, vì tâm chuyên nhất thứ lớp không xen hở, vì tâm được định, nên tâm thường vắng lặng.

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM XỨ

Tinh tấn tu hành thì được thấy đế. Cho nên, hoang vắng lặng lẽ, nhất tâm chánh niệm, lìa tất cả nói năng, gần gũi tất cả tri thức, qua lại gặp nhau.

A TỲ ĐÀM TẬP DI MÔN TÚC LUẬN.

Dù cho thân ta máu thịt khô cạn, chỉ còn da bộc xương, ràng rịt với nhau mà tồn tại. Nếu cầu thắng pháp chưa được thì không dừng nghỉ, vì tinh tấn, mà phải chịu bao khổ cực, như lạnh nóng, đói khát, muỗi mòng rắn rít, gió mưa, v.v... phải nhẫn chịu ba điều do người khác gây ra, có thể gây ra sự khổ sở dữ dội trong thân, đoạt mạng khổ thọ, hủy nhục ngôn ngữ.

Bình rằng: cầu thắng pháp chưa được thì không dừng nghỉ, tức tông môn cho là thoại đầu bản tham, nếu không tỏ ngộ, thì thệ nguyện không dừng nghỉ.

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

Ba độ đầu trong sáu độ, là thuộc về giới học, tĩnh lự là thuộc về tâm học, Bát-nhã là thuộc về tuệ học, chỉ có tinh tấn là khắp tất cả các độ.

LUẬN ĐẠT THỪA TRANG NGHIÊM KINH

Dốc lòng học đạo, phát tâm tinh tấn mạnh mẽ, quyết đến Bồ-đề.

A TỲ ĐẠT MA LUẬN

Vào thời Phật Để-sa, Bồ-tát chắp mười ngón tay, đứng nhón một chân, dùng một bài kệ, bảy ngày bảy đêm, khen ngợi công đức của Phật, bèn vượt qua chín kiếp.

Bình rằng: xem đây thì pháp môn tu tập khen ngợi một ngày tinh tấn hơn một trăm năm biếng nhác, phải tin vào lời này.

TÂY VỰC KÝ

Hiếp Tôn giả tám mươi tuổi xuất gia, các tỳ-kheo thiếu niên chọc ghẹo rằng: việc xuất gia, một là học thiền, hai là tụng kinh, mà nay già yếu làm sao tiến thủ được. Tôn giả nghe rồi thệ nguyện rằng:

Nếu tôi không thông ba tạng kinh, không đoạn được dục ba cõi, được sáu thần thông, đủ tám giải thoát thì lưng không dính chiếu. Ngày thì nghiên cứu học giáo lý, đêm đêm thì tĩnh tọa thiền định, ba năm sau liền chứng đắc đúng lời nguyện. Người bấy giờ kính ngưỡng, gọi Ngài là Hiếp Tôn giả.

Bình rằng: Tuổi già mà mạnh khỏe đủ làm kích động các tỳ-kheo biếng nhác, nên biết người thời nay đâu chỉ tám mươi tuổi, dù trẻ tuổi cũng cần cố gắng tiến tu.

NAM HẢI KÝ QUY.

Pháp sư Thiện Ngộ, niệm Phật bốn oai nghi không xen hở, tấc thời gian không để luống uổng, tính hạt đậu nhỏ có thể đầy hai xe.

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

Sa-môn Tuệ Bố Chùa Thê Hà đời Trần ở phía tây tháp Xá-lợi của chùa, kinh hành ngồi thiền, thệ không ngồi nằm, đồ chúng tám mươi vị đều không ra khỏi viện.

QUÁN TÂM SỚ

Hễ muốn làm việc nhỏ, tâm không quyết chí thì không thành

công, huống chi là việc lớn, vượt biển sinh tử, mà không siêng nhọc thì đạo mầu do đâu mà được.

VĨNH GIA TẬP

Siêng cầu chí đạo, không để ý thân mạng, ngày đêm thực hành Bát-nhã, đời đời siêng tinh tấn, thương như lửa cháy đầu.

QUY SƠN CẢNH SÁCH.

Nghiên cứu cùng tột pháp lý, lấy ngộ làm phép tắc.

Bình rằng: Tắc là chuẩn mực, lấy ngộ làm tắc là đích, tức là Tông môn cho là tham thiền đến chỗ nào là dứt công phu. Nay nói đại ngộ mới thôi, không ngộ thì không thôi.

NGHI SÁM NGUYỆN TỊNH ĐỘ

Hoặc ngồi hoặc đi đều chớ tán loạn, không được nghĩ đến năm dục thế gian là trong khoảnh khắc, không được bàn luận cười giỡn với người, cũng không được mượn lời nói chơi, buông lung ngủ nghỉ, phải trong nháy mắt, cúi ngước buộc niệm không xen hở.

PHÁP GIỚI THỨ ĐỆ

Càng thêm tinh tấn, siêng cầu không dứt, đó gọi là Tinh tấn căn. Bài phú về Tâm:

Vững cầu chí đạo, ngày đêm quên mệt, không tìm bên ngoài.

Lắng đọng tâm tư, tĩnh tọa trong thất.

Tinh thần yên ổn

Bình rằng: đệ tử tĩnh nghiệp không tìm cầu bên ngoài, nói tĩnh tọa thất kín: bèn cho là không cần niệm Phật, phải biết niệm chữ theo tâm, Phật chính là mình dùng tâm mình niệm chính mình, đâu được tìm bên ngoài, huống chi là niệm mãi không thôi thì thành tam-muội, tỉnh mật ai dám thêm.

LỜI BẠT KHẮC LẠI THIỀN QUAN SÁCH TẤN

Người xưa nói: dưới cửa sáng lời dạy xưa chiếu soi tâm, trước Tăng đường ngồi thiền hành đạo. Giống như xe hai bánh mới tương ưng với ý tổ, đại khái không chiếu soi tâm hành đạo chắc chắn là cái thấy biết cạn hẹp. Ngoại đạo Nhị thừa kia giống như ác tri thức. Không hành đạo soi tâm đều rơi vào học giả. Nay giáo luật thần nho và Tổ sư thiền không phát xuất từ đây, cho nên, như đạo nhân chân chánh dùng chánh tọa thiền nghiên cứu căn trần, lấy chân giáo xưa tinh luyện định tuệ, huống là sách tiến người biếng nhác, kích phát người trung chánh. Phật tổ trước chứng giám đáng kính ngưỡng để nương tựa tu hành. Ta là lão ông xiển-đề, từ lúc nhỏ nghe cảnh khổ địa ngục nên thường cầu giải thoát. Cầu thần thệ Phật, nước lửa không sợ, trách thân khổ tâm.

Một sáng nọ, đọc được thuyết nhân duyên thí dụ của kinh Pháp Hoa, nhầm lẫn vì lấy không đủ, mất sức ba, bốn năm, năm mươi chín tuổi lại ở các liêu Thiền tông, nhân gặp Hòa thượng Nham Đầu, sau đó bị giặc hại, Ngài liền gọi một tiếng lớn vang xa ngoài mấy dặm. Lại mất chí lớn, cho là sự tai hại hiện tại không thể chuyển được, huống chi là khổ địa ngục ư? Người xưa đã như thế thì bọn ta làm sao thoát được?

Than ôi! Phật Pháp dối lừa, tham thiền không thật, tăng lại như tục, ta tiến thì không có hy vọng, lùi thì hổ thẹn. Bởi thế mà đổi chí buông ý, ác kiến ngày ngày càng thêm. Năm sau, đến Thụy Vân ở đất Nùng, thờ Mã ông làm thầy, và kết bạn với các ông Ôn Mã Sơn, cùng bàn luận thơ văn. Một hôm, trong lúc nhàn rỗi bèn nghĩ rằng: Thân tăng mà thích việc thế tục, chí tục mà dự vào tăng luân, bậc đại trượng phu mà như thế cũng không có chỗ giữ gìn. Trong lúc phơi, kinh sách trong ngoài đều để trên giảng đường. Mã ông đến thăm lễ bái và cầu khấn rằng: đạo các nhà Nho, Phật, Lão sao ta có thể làm thầy được. Nguyện hộ pháp trời rồng chỉ cho ta con đường chân chánh. Nhắm mắt hồi lâu, tiện tay lấy được một quyển sách nhỏ tên là Thiền Quan Sách Tiến, liền cung kính lật ra xem, có chương dùng chùy tự chích lại khảo cứu được rằng: xưa, Từ Minh ở Phần Dương và kết bạn với sáu, bảy người như: Đại Ngu, Lang Da để tham cứu. Ở Hà Đông khổ hạnh, mọi người rất sợ. Nhưng Từ Minh suốt đêm ngồi không ngủ, tự trách rằng: người xưa khắc khổ, ánh sáng rất thạnh. Ta là người sao sống vô ích với thời gian, chết không biết người, đối với lý đâu có ích gì. Liền dùng chùy chích vào đùi. Mã ông đến đây chí khí mạnh mẽ; như nuốt đề hồ, bèn xin Mã Ông quyển sách ấy, thường làm bạn chiếu tâm hành đạo; đi đứng theo nhau. Từ đó dẫm đạp, mở mặt mũi xấu của Nham Đầu, căn trần rơi

rụng, chạm vào gương đạo ác độc. Thấy biết tán tận, không bị mê hoặc; thấy triệt bí tàng ở núi Linh Thứu, đúng lúc hợp thời mở mang nhà riêng của long phong. Đạo ấy đi giết các nạp tăng trong thiên hạ, đức ấy làm kinh động vương hầu sĩ thứ, đều xuất phát từ sách tiến chứa đựng trong lòng ông ta ư. Bởi thế, Mã ông thường khen ngợi Từ Minh răn dạy người học rằng: lão tăng lúc còn trẻ, ba ngày lại nói điều này mà không kịp, nay đã già làm sao dừng ư?

Lại nói văn tự một đời của Vân Thê, nhưng sách này chỉ bổ sung vào tông ta. Các ông ngày sau công sức có thừa lại khắc bản lưu hành, để báo đền lời khấn nguyện. Nhưng trong sách này, lấy niệm Phật nghiên cứu cho chính mình. Ấy chính là đoạt khí của nạp tăng. Người rơi vào cửa vãng sinh không ít. Nếu y theo ý của Lão tăng giống như vứt bỏ đi. Vì sao? Vì Sư tử không ăn thịt thúi, Hổ dữ không ăn thịt lạnh hôi.

Nhất cơ vãng sinh trở về nhà thanh tịnh khác. Môn hạ nạp tăng thật trí còn không cần yếu, huống chi là giả danh, lấy trâu cày ruộng của người nhà nông chiếm đoạt, thức ăn của người đói, mới có thể tham cứu chân chánh rõ ràng mà thôi. Vào mùa đông năm Tân Tỵ, tham học với Thượng tọa Hổ và hai, ba người bạn, gắng sức muốn bổ sung chí của Mã ông, tiện có đàn tín họ Lâm, họ Độ v.v... bèn bỏ tịnh tài. Vua tán thành điều đó, bởi thế mới thỉnh tôi thêm thắt vài lời để nói rõ nguyên do.

Nhưng nhớ lại trước đó đích thân nghe việc sự thật; truyền xa bất hủ.

Tháng giêng năm Nhâm ngọ, niên hiệu Bảo Lịch năm thứ mười hai.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 178

SẮC TU BÁCH TRƯỢNG THANH QUY

SỐ 2025
(QUYỂN 1 → 8)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2025

SẮC TU BÁCH TRƯỢNG THANH QUY

Quan Lễ bộ thượng thư Hồ Oánh, v.v... kính đề là Trùng San Thanh quy Sự Lễ Khoa Sao Xuất.

Sa-môn Trung Trí trụ trì Đại trí thọ Thánh thiền tự ở núi Quy Sơn huyện Phụng Tân phủ Nam Xương ở Giang Tây tấu rằng:

Chùa này từ thời Tiền Đường, Thiền sư Phật tổ Đại Trí Hoài Hải dạy răn, gọi là "Bách Trượng Thanh quy". Khoảng niên hiệu Chí Nguyên[1]. Sa-môn Đức Huy lại san định lại, lưu hành khắp các Tòng lâm trong nước. Chúng Tăng vẫn giữ theo Thanh quy. Ngày 25 tháng 04 niên hiệu Hồng Võ thứ mười lăm (1382), Tiết Cai vâng phụng Bảng lệ Thánh chỉ của Thái Tổ Cao Hoàng Đế (Chu Nguyên Chương 1368-1399) Đời Minh, chư Tăng các chùa chẳng vào Thanh quy thì dùng đúng pháp trói buộc, chăm chú tôn kính. Ngày mồng 03 tháng 05 niên hiệu Vĩnh Lạc thứ mười (1412), Tiết Cai vâng phụng Bảng lệ Thánh chỉ của Thái Tông Văn Hoàng Đế (Thành Tổ (Chu Lệ 1403 - 1425) đời minh), chư Tăng chuyên vâng theo cựu chế, gọi là chuyên vụ Tổ phong kính giữ Thanh quy, nghiêm khiết thân tâm. Ngày 27 tháng 11 niên hiệu Vĩnh Lạc, năm thứ hai mươi hai (1424) đời Minh, Cai Tăng lục ty quan tâu: "Trong Tăng chúng có nhiều vị chẳng giữ quy củ, không y theo Thanh quy chỉnh trị". Tiết Cai vâng theo Thánh chỉ của Nhân Tông Chiêu Hoàng Đế (Chu Cao Chức 1425 - 1426 đời nhà Minh), Chiếu y Thanh quy liệu trị kẻ khác kính đây, ngoài kính vâng. Gần đây, nhân thư bản Thanh quy của chùa này bởi năm tháng lâu xa nên chẳng còn, kính mong Hoàng thượng ban Ân phổ độ Tăng hành trong Thiên hạ, vẫn trụ chùa viện nguyên ngạch huân tu hướng hỏa, cầu chúc Thánh thọ.

1 Phải biết niên đại của Ngài Đức Huy mới xác định rõ

Thần thật thấy Tăng đồ hậu học phần nhiều chưa thấy Thể lệ Thanh quy, không biết quỹ độ, chẳng am tường giới luật, rất nhục Tổ phong, rất là chưa tiện. Thần y theo nguyên thể thức Biên ghi lại khắc đã hoàn thành, tuy có văn Tựa của các triều đại, niên đại đã lâu xa, thật sợ Tăng đồ xem thấy cho là việc thường mà chẳng thực hành vâng giữ. Nay đem Trùng san Thanh quy in tập một bản, khai tọa đủ bản thân mang đến kính cẩn tấu. Cúi mong Thánh ân xót thương giáo môn, xin ban văn tựa Thanh quy, khắc sách viên thành, ban hành khắp tòng lâm chùa viện trong thiên hạ. Các vị Trụ trì, Thủ Tăng, đốc chúng, giảng tập, đều kính mến Tổ phong, nghiêm trì giới luật, ngõ hầu khiến Tăng đồ không tổn thương phong hóa.

Ngày 12 tháng 02 niên hiệu Chánh Thống năm thứ bảy (1442) đời Minh, gồm thông chính sứ ty, Hữu thông chính Lý Tích, v.v... các quan ở Phụng Thiên môn tấu vâng Thánh chỉ. Lễ bộ tri đạo Khâm, Khâm này vâng sao ra đến bộ tham chiếu. Sa-môn Trung Trí trụtrì tấu xưng Trùng san Bách trượng Thanh quy, xin ban Văn Tựa một tiết, hợp Vô Hành đời Hàn lâm viện soạn thuật. Lại chỉ nghe lệnh Bản Tăng tự hành xin người thuật làm duyên vâng kính y Lễ bộ nhận biết sự lý, chưa dám chuyên chiếm bèn kính cẩn đề thỉnh ý chỉ. Ngày 19 tháng 02 niên hiệu Chánh Thống năm thứ bảy (1442 đời Minh), Lễ bộ thượng thư Hồ Oánh, v.v... các quan ở Phụng Thiên môn đề tấu, kính dâng lời tựa Thánh chỉ soạn thuật, Hàn lâm viện soạn kính đây trừ ngoài vâng y thi hành.

Ngày 17 tháng 04 niên hiệu Chánh Thống năm thứ bảy (1442).

Trường sanh Thiên khí lực lý, Đại phước ấm hộ trợ lý. Thánh chỉ của Hoàng đế, Hành trung thư tỉnh hành Ngự sử đài hành tuyên chính viện quan nhân mỗi căn để, Tuyên úy ty liêm phỏng ty quan nhân mỗi căn để. Quân quan mỗi căn để, quân nhân mỗi căn để. Thành tử lý đạt lỗ hoa xích quan nhân mỗi căn để, Sứ thần qua lại mỗi căn để, Trăm họ mỗi căn để, các Hòa-thượng mỗi căn để.

Thánh chỉ của Tuyên dụ:

Thành Cát Tư Hoàng đế, Nguyệt Khoát Đài Hoàng đế, Tát Thiền Hoàng đế, Hoàn Giả Đốc Hoàng đế, Khúc Luật Hoàng đế, Phổ Nhan Đốc Hoàng đế, Cách Kiên Hoàng đế, Hốt Đô Đốc Hoàng đế, Trát Nha Đốc Hoàng đế, cùng Liễu Chân Ban Hoàng đế, Hòa-thượng trong Thánh chỉ. Lý có thể ôn Tiên sanh thường chẳng chọn gì? Sai phát Hưu đương (?) cáo trời chúc thọ, là đạo gì? Nói có Như lai, nay y trước thuật tại trong Thể lệ Thánh chỉ trước, chẳng chọn gì? Sai phát Hưu đương cáo trời cùng mình thường chúc thọ, là đạo gì? Trát Nha Đốc Hoàng đế

giáo khởi bởi thời phần của chùa Đại long Tường tập Khánh, y trước thuật Thể lệ Thanh quy mà hành, là đạo gì? Từng hành Thánh chỉ, có Thiền sư Đại Trí Chiếu Giác ở Bách Trượng đường thuộc Long Hưng, Giang Tây tại trước lập thể lệ Thanh quy lại, những năm gần đây, trong mỗi chùa dùng nhiều thể lệ Thanh quy, thêm bớt chẳng đồng nhất. Có như nay giáo Trưởng lão Đức Huy trụ trì Đại trí Thọ Thánh thiền tự tại núi Bách Trượng lại mới biên xong. Giáo trưởng lão Tiếu Ẩn ở chùa Đại Long tường Tập Khánh làm đầu, tuyển chọn các Hòa-thượng có Bản sự, khéo sanh Hiệu chính quy nhất là, đem nhiều Thanh quy thêm bớt chẳng đồng nhất trong các chùa, Hữu giáo hành, y soạn thuật thể lệ Thanh quy hiệu chính quy nhất đó định thể hành, là Đạo gì? Nắm giữ Thánh chỉ ban xong, Sứ thần trong mỗi chùa viện phòng xá thường nghỉ an dưới đó, bày ngựa cầu ứng thôi bắt, thuế lương thôi nạp, chỉ thuộc vườn rừng đất nước nhà chùa, nhân khẩu thứ lớp nghiền mài quán bày mở Điển khố nhà tắm, vườn trúc, sân núi, bến sông, thuyền bè v.v... chẳng chọn là ai? Thôi đoạt yếu, là thôi cậy khí lực, loại ấy tuyên dụ xong, mắng người rõ riêng, cốt yếu tội lỗi, lại thường có Thánh chỉ đó, Đạo gì làm mất Thể lệ câu đương mắng kẻ khác thường, lại chẳng sợ Thánh chỉ.

Ngày 18 tháng 07 niên hiệu Trư Nhi (Ất hợi) tức niên hiệu Nguyên Thống năm thứ ba (1335 đời Nguyên), Thượng Đô có thời phần biên chép đến, trong Thánh chỉ Hoàng đế, Đế sư Công Ca Nhi Lam tặng ban tạng bốc, Pháp Chỉ Hành trung thư Tỉnh hành Ngự sử Đài hành tuyên chính viện quan nhân mỗi căn để. Tuyên úy ty liêm phỏng ty quan nhân mỗi căn để, Quân quan mỗi căn để, Quân nhân mỗi căn để, Thành tử Lý đạt lỗ Hoa xích quan nhân mỗi căn để, Sư thần vãng lai mỗi căn để, Bản Địa diện quan nhân mỗi căn để, trăm họ mỗi căn để, các Hòa-thượng mỗi căn để, coi xét pháp chỉ của Dụ, Trác Nha Đốc Hoàng đế, bởi thời phần của chùa Đại Long tường tập Khánh, giáo y soạn thuật thể lệ Bách trượng Thanh quy hành xong. Thánh chỉ có lại Thanh quy, là Thiền sư Đại Trí Giác Chiếu ở núi Bách Trượng lập năm trăm năm trước nay, như nay, vị trên thêm sư hiệu là Hoằng Tông Diệu Hạnh. Lại vì trong các chùa những năm gần đây đem dung nhiều Thanh quy thêm bớt chẳng đồng nhất. Giáo trưởng lão Đức Huy ở núi Bách Trượng lại mới biên xong, Giáo trưởng lão Tiếu Ẩn ở chùa Long Tường hiệu Chính quy nhất, Định thể hành đó, cầm Thánh chỉ ban xong, Hoàng đế làm Thượng Đầu của giáo môn, giáo y soạn thuật thể lệ Thanh quy của Hiệu chính quy nhất đó định thể hành, là đạo gì? Là cần các Hòa-thượng

trong thiên hạ thường được một ban của tế. Các vị Hòa-thượng thường thể đắp mặc Thánh tâm Hoàng đế, làm rạng ngời Tam bảo, khéo sống vâng giữ Thanh quy, tu tập hành đạo, chuyên cùng vị trên cầu phước chúc thọ, báo đáp Thánh ân, mở mang Phật pháp, bất luận là ai. Thôi liễu biệt đó, thấy rõ pháp chỉ người thường rõ biệt, chẳng sợ pháp chỉ nào.

Ngày 11 tháng 04 niên hiệu Thử Nhi, trong Đại đô Đại tự có thời phần biên chép đến, trong Thánh chỉ của Hoàng đế, Hành tuyên chính viện, y cứ viện Tuyên chính thưa hỏi, y cứ trạng văng của Sa-môn Tử Trọng, cáo hệ Tri sự Tăng ở thiền tự Đại Trí Thọ Thánh núi Bách Trượng đường Hưng Long, Giang Tây. Ngày 18 tháng 07 niên hiệu Nguyên Thống thứ ba (1335 đời Nguyên), Trưởng lão Đức Huy Trụ trì chùa này khâm thọ ngự bảo Thánh chỉ tiết cai, thể lệ Thanh quy của Thiền sư Đại Trí Giác Chiếu ở Bách Trượng đường Hưng Long, Giang Tây lập trước, những năm gần đây, trong các chùa dùng nhiều thể lệ Thanh quy, thêm bớt chẳng đồng nhất. Có như nay giáo Trưởng lão Đức Huy Trụ trì thiền tự Đại Trí Thọ Thánh ở núi Bách Trượng mới biên lại xong, giáo Trưởng lão Tiếu Ẩn chùa Tường Tập Khánh ở Đại Long làm đầu, tuyển chọn các Hòa-thượng có bản sự, khéo sinh hiệu chính quy nhất, đem nhiều Thanh quy thêm bớt chẳng đồng nhất trong các chùa, thời giáo hành y soạn thuật thể lệ Thanh quy hiệu chính quy nhất ấy, định thể hành. Là đạo gì? Nắm giữ Thánh chỉ ban cho xong, kính đây trừ kính vâng. Ngoại duyên hệ đều tỉnh mở đọc sự lý, kính ghi toàn văn Thánh chỉ, liền cáo trước xin thi hành, được chiếu này thì được.

Ngày mùng 07 tháng 05 niên hiệu Nguyên Thống năm thứ ba (1335 đời Nguyên), A Sát Xích Khư tiết, ngày thứ hai, tam cát-đát-nạp-bát-lý có thời phần, đối thoát biệt đài Bình chương khoát chi cát tư, Bình chương A-lỗ-hôi, viện sứ cử lý học sĩ, v.v... Bất lan hề đại tư đồ căn để tát địch trung thừa, Truyền phụng Thánh chỉ, thể lệ Thanh quy do Thiền sư Đại Trí Giác Chiếu ở Bách Trượng, đường Long Hưng, Giang Tây lập trước nay, những năm gần đây trong các chùa dùng nhiều thể lệ Thanh quy, có thêm bớt. Có như nay giáo Trưởng lão Đức Huy Trụ trì chùa Bách Trượng, mới biên lại xong, giáo Trưởng lão Tiếu Ẩn chùa ở Tường Tập Khánh Đại Long làm đầu, tuyển chọn các Hòa-thượng có bản sự, khéo sinh hiệu chính quy nhất, cùng định thể nắm giữ thực hành Thánh chỉ. Lại, căn để Thiền sư Đại Trí Giác Chiếu ở Bách Trượng, ban thêm sư hiệu là Hoằng Tông Diệu Hạnh, viện Tuyên chính hành văn thư cùng từ đầu tuyên mạng, là đạo gì? Thánh chỉ xong vậy, kính

đây trừ Từ Đầu Tuyên mạng, trình đủ Trung thư coi xét rõ ngoài, y cứ Thánh chỉ, dời giao Mông Cổ phòng y cứ thực hành, Hàn lâm viện kính y ban giáng bên ngoài. Nay căn cứ thấy cáo đương viện, trừ ngoài kính ghi lục văn Thánh chỉ tại trước, hợp hành thưa hỏi, chiếu nghiệm khắp hành hợp thuộc, kính y thi hành theo đây. Trừ ngoài kính ghi lục đoàn văn ở trước. Sứ viện hợp cúi ngước chiếu nghiệm. Kính y thi hành, phải bàn nghị đáp giao cho.

Trên đây là đáp giao Trưởng lão Đức Huy ở chùa Thiền Đại Trí Thọ Thánh núi Bách Trượng, y theo đây.

Chữ Mông Cổ một hàng.

Ngày..... tháng.... năm niên hiệu Chí Nguyên thứ hai (1336 đời Nguyên).

MỤC LỤC SẮC TU BÁCH TRƯỢNG THANH QUY

- Thần Tăng Đức Huy Trụ trì chùa Thiền Đại Trí Thọ Thánh vâng sắc biên chép lại.

- Thần Tăng Đại Tố Trụ trì chùa Tường Tập Khánh ở Đại Long vâng sắc Hiệu Chính.

Đế sư Niết-bàn.

Chương thứ tư: Tôn tổ.

Đạt-ma kỵ

Bách Trượng kỵ

Khai sơn lịch đại tổ kỵ

Tự pháp sư kỵ.

Chương thứ năm: Trụ trì.

Trụ trì nhật dụng:

- Thượng đường
- Vãn tham
- Tiểu tham
- Cáo hương
- Phổ thuyết
- Nhập thất
- Niệm tụng
- Tuần liêu
- Túc chúng
- Huấn đồng hành
- Vì hành giả phổ thuyết
- Thọ pháp y
- Đón hầu tôn túc
- Thí chủ thỉnh thăng tòa trai Tăng
- Thọ tự pháp nhân tiễn điểm
- Tự Pháp sư gửi thư đến.

Thỉnh Tân Trụ trì:

- Phát chuyên sứ
- Đương đại Trụ trì thọ thỉnh.
- Thọ thỉnh thăng tòa.
- Chuyên sứ đặc làm tân mạng tiền điểm.
- Sơn môn quán đãi tân mạng và chuyên sứ, tân mạng từ chúng thượng đường trà thang, Tây đường.
- Đầu thủ thọ thỉnh.
- Người thọ thỉnh thăng tòa.
- Chuyên sứ đặt làm người thọ thỉnh tiễn điểm, Sơn môn quán đãi người thọ thỉnh và chuyên sứ.
- Người thọ thỉnh từ chúng thăng tòa trà thang.

Nhập viện:

- Sơn môn thỉnh tân mạng trai

- Khai đường chúc thọ
- Sơn môn đặc làm tân mạng trà thang
- Đương vãn tiểu tham
- Vì đàn việt xây chùa, thăng tòa
- Quán đãi chuyên sứ
- Lưu thỉnh lưỡng tự
- Báo tạ xuất nhập
- Giao cắt châm cơ các vật
- Thọ lưỡng tự cần cựu tiễn điểm.

Thối viện.

Thiên hóa (thị tịch).

- Nhập khám
- Thỉnh chủ tang.
- Thỉnh tang ty chấp sự
- Hiếu phục
- Phật sự
- Dời khám
- Quải chân cử ai điện trà thang
- Đối linh tiểu tham điện trà thang niệm tụng cúng tế
- Tế thứ
- Xuất tang quải chân điện trà thang.
- Trà-tỳ
- Toàn thân nhập tháp
- Xướng y
- Linh cốt nhập tháp
- Hạ di thư
- Quán đãi chủ tang và người chấp sự tang ty.

Đề nghị cử Trụ trì:

Quyển hạ.

Chương thứ sáu: Lưỡng tự

Tây tự đầu thủ

- Tiền Đường thủ tọa
- Hậu Đường thủ tọa
- Thư ký
- Tri tạng
- Tri khách
- Tri dục
- Tri điện

- Thị giả
- Thị giả Y bát
- Thị giả thang được
- Thị giả Thánh Tăng

Đông tự tri sự:
- Đô giám sự (tự)
- Duy-na
- Phó tự
- Điển tọa
- Trực tuế

Liệt chức tạp vụ:
- Liêu nguyên
- Liêu chủ phó liêu
- Diên thọ đường chủ
- Tịnh đầu
- Hóa chủ
- Viên chủ
- Ma chủ
- Thủy đầu.
- Thán đầu.
- Trang chủ.
- Các trang giám thâu

Thỉnh lập Tăng thủ tọa
Thỉnh danh đức thủ tọa
Lưỡng tự tấn thối
Lúc Quải bát, thỉnh tri sự
Thị giả tấn thối
Liêu xá giao cắt các vật
Phương trượng đặt làm tân cựu lưỡng tự thang
Đường ty đặt làm tân cựu thị giả thang trà
Khố ty đặt làm tân cựu lưỡng tự thang dược
Đường ty tống cựu thủ tọa đô tự bát vị.
Phương trượng quán đãi tân cựu lưỡng tự
Phương trượng đặc làm tân thủ tọa trà.
Tân thủ tọa đặt làm hậu đường đại chúng trà
Trụ trì thăm hỏi Đầu thủ điểm trà
Lưỡng tự giao đại trà
Nhập liêu xuất liêu trà

Đầu thủ đến Tăng đường châm trà
Lưỡng tự xuất ban dâng hương
Chương bảy: Đại chúng
Sa-di đắc độ.
Tân giới tham đường
Đăng đàn thọ giới.
Hộ giới
Nói về đạo cụ:
- Ba y
- Tọa cụ
- Thiên sam
- Quần
- Trực chuyết
- Bát
- Tích trượng
- Chủ trượng
- Phật tử
- Sổ châu
- Tịnh bình
- Đãy lọc nước
- Giới đạo.
Trang bao
Du phương tham thỉnh
Đại tương khán
Đại quải tháp quy đường
- Tiểu quải tháp quy đường
- Tây đường thủ tọa quải tháp
- Danh thắng các phương quải tháp
- Pháp quyến biện sự quải tháp
Phao hương tương khán
Tạ quải tháp
Phương trượng đặc vi tân quải tháp trà
- Khố ty đầu thủ, phụ xem
Ngồi thiền
Nghi thức ngồi thiền
Tọa tham
Đại tọa tham
Thỉnh ích

Phó trai chúc
Phó trà thang
Phổ thỉnh
Nhật dụng quỹ phạm
Văn Quy kính (cảnh)
Bệnh Tăng niệm tụng
Vong Tăng (Tăng viên tịch)
- Sao đáp y bát
- Thỉnh Phật sự.
- Cổ y
- Đại dạ niệm tụng
- Tống vong trà tỳ
- Xướng y
- Nhập tháp.
Nghi thức bản trướng
Chương tám: Tiết lạp
Trước hạ xuất thảo đơn
Người tân quải tháp châm trà nhập liêu
Xuất đồ trướng
Chúng Liêu kết giải đặc làm chúng thang
- Phụ: Lập tán Lăng Nghiêm
Hội Lăng Nghiêm
Bia giới lạp.
Phương trượng tiểu tọa thang
Tứ tiết Thổ Địa đường niệm tụng.
Khố ty tứ tiết đặc làm thủ tọa đại chúng thang
Kết chế lễ nghi
Tứ tiết bỉnh phất
Phương trượng tứ tiết đặt làm thủ tọa đại chúng trà.
Khố ty tứ tiết đặc làm thủ tọa đại chúng trà
Tiền Đường tứ tiết đặc làm Hậu Đường đại chúng trà
Đán vọng tuần Đường trà
Phương trượng châm trà hành đường
Khố ty đầu thủ châm trà hành đường
Nguyệt phân phải biết.
Chương thứ chín: Pháp khí
Chung (chuông)
- Chuông lớn

- Chuông Tăng đường.
- Chuông ở điện

Bảng

Mộc ngư (mõ)

Dùi

Khánh.

Nạo bạt

Cổ (trống)

- Trống pháp
- Trống trà
- Trống thọ trai
- Trống phổ thỉnh
- Trống tắm gội
- Trống sang canh.

Các tác phẩm phụ

Bàu Minh trên tháp Tổ sư Bách Trượng

Bách Trượng sơn thiên hạ sư biểu các ký

Bài tựa Thanh quy cổ

Bài tựa Thanh quy Sùng Ninh

Bài tựa Thanh quy Hàm Đôn

Bài tựa Thanh quy Chí Đại

Văn nhật dụng hàn huyên.

Mục lục sắc tu Bách Trượng Thanh quy - Hết.

SỐ 2025

SẮC TU BÁCH TRƯỢNG THANH QUY

- Thần Tăng Đức Huy Trụ trì Thiền tự
Đại Trí Thọ Thánh vâng sắc biên tập lại.
- Thần Tăng Đại Tố Trụ trì chùa
ở Tường Tập Khánh Đại Long vâng sắc hiệu chính.

QUYỂN 1

CHƯƠNG THỨ NHẤT: CHÚC LY

Điều con người quý trọng là ở Minh Đạo cho nên từ xưa các bậc Thánh quân sùng kính giáo của bậc Thánh phương Tây ta, chẳng dùng thế để tiếp đãi chúng tôi, là tôn đạo đó. Cung kính chỉ Quốc triều may gặp rất lớn, đặt bỏ thuế dịch khiến an ở điện, mà mong dốc hết lực ở đạo. Thánh ân rộng lớn, đất trời chẳng cùng, hẳn là ngộ rõ Phật tánh để về với chí thiện, phát huy diệu dụng để vượt nơi chí thần. Dẫn dân ở hóa của vô vi, lên đời ở vực của nhân thọ. Do đó, báo đáp quân vương, là nay chúng tôi phải tận tâm. Như thấy các nhật dụng thì sớm tối hẳn cầu chúc, một bữa cơm chẳng quên mà còn ở quỹ độ!

THÁNH TIẾT

Kính gặp Thánh tiết thì trước chẳng lập đạo tràng Kim Cương Vô Lượng Thọ, suốt một tháng Tăng hành không cấp giả bày kính. Trước một ngày lập, Đường ty chuẩn bị bảng bày bên phải tam quan, và kinh đón thượng điện (thể thức xem sau), đều dùng giấy màu vàng để viết, luân sai Tăng bộ y theo thứ tự giới lạp, đều viết tên hai chữ. Trước năm ngày, Duy-na đưa giấy, hành giả Đường ty mang đến thư ký (Liêu thông báo thư ký ra tiếp, Duy-na tiếp lễ) một lạy, thưa rằng: “Thiết lập Thánh tiết phiền chế lời sớ, nếu thư ký thiếu, thì thị giả thư trạng thay thế. Nếu cũng thiếu thì lời sớ hiện thành.” (Xem ở sau). Thư ký chế xong, đầy

đủ bản thảo trước trình Trụ trì, đích thân đưa đến Đường ty, tiếp lễ một lạy tiếp lễ trước, Duy-na dùng giấy màu vàng viết sớ, hành bộc mang, bưng mâm khăn lò đốt hương liên tiếp, lên phương trượng thỉnh Trụ trì kiểm sớ. Đốt hương tiếp lễ một lạy, thưa rằng: "Thiết lập Thánh tiết, xin Hòa-thượng kiểm sớ". Kiểm xong, hành giả đến lại Trụ trì, sáng sớm hôm sau, trên điện thiết lập tụng kinh, vẫn báo các liêu treo bảng tụng kinh. Thị giả đốt hương trở lại Trụ trì. Sáng sớm hôm sau, thượng đường đến canh năm, Trụ trì hành hương trở về. Lại đến lúc dùng cháo xong, thượng đường bảo khách đầu treo bảng thượng đường. Duy-na ở nơi Tăng đường, sau tiếng chùy dùng cháo sáng xong, lại đánh một tiếng chùy, thưa rằng: "Bạch đại chúng! Dùng cháo xong, nghe tiếng khánh, các vị đều đầy đủ oai nghi, đến điện Đại Phật, thiết lập Thiên thọ Thánh tiết, kính bạch". Lại đánh một tiếng chùy, đến trước Trụ trì thăm hỏi, theo bảng thủ tọa khởi tuần đường một vòng, ra ngoại đường từ gian dưới đến gian trên, trở về khoảng giữa nội đường, thăm hỏi mà ra. Sau dùng cháo dừng nghỉ chốc lát, đợi nơi Đại điện bày đủ hương đèn, trà nóng, nạo bạt, thủ lư, v.v... Hành giả Đường ty báo khách đầu phương trượng, trước đến Trụ trì, kế đến thị giả, đánh bảng ở phương trượng, đánh ba tiếng trống. Hành giả Đường ty dự đánh ba tiếng bảng trước liêu chúng, nhóm chúng ngồi tại Đường, như bình thường ngồi thiền ngồi hướng về bên trong, trống đánh thì xoay thân ngồi hướng về bên ngoài. Đầu thủ trước tập bên ngoài Đường đợi trống gióng thì vào Đường. Thủ tọa vào sau đến chỗ ngồi, Tây đường cần Cựu mông đường các liêu đều ngồi bên ngoài Đường. Lúc tiếng trống đầu mới gióng, Trụ trì ra ngồi ở nhà ngủ, thị già thăm hỏi đứng ở phía Đông, hành giả thăm hỏi đứng ở phía Tây. Trống chuyển, thị giả đến bên trái pháp tòa đứng đợi chúng nhóm họp. Đầu Thủ ở dưới giường, Thánh Tăng thăm hỏi trước, lãnh chúng ra đường đến trước pháp tòa, xếp một hàng thăm hỏi trở về Tây tự đứng, đại chúng bày xếp ở sau. Nếu chẳng đợi Đầu Thủ đến thì trước tự đứng, định phi pháp. Hành đường đó cũng lúc trống gióng, đánh ba tiếng bảng, Tham đầu lãnh chúng hành giả, xếp trước khố đường tương đối bày đứng, đợi trống chuyển. Tri sự ra thì chào hỏi theo sau đó. Đợi Tây tự trở về vị trí xong cũng xếp một hàng chào hỏi trước tòa. Thượng thủ ở sau. Đôi tự dẫn về dẫn về Đông tự lập định, chúng hành giả xếp sau tri sự, đứng cách hơi xa, đợi thị giả vào thỉnh Trụ trì ra, hành giả thăm hỏi, Trụ trì đến trước pháp tòa, hành giả đến gần đứng sau tri sự. Tháng mùa Đông thì chúng bỏ mũ khăn thưa hỏi. Trụ trì cung kính lên tòa, thị giả theo lên pháp tòa, dùng hạp hương

đựng đầy bưng lên. Trụ trì nguyện hương chúc thọ xong, Thị giả tiếp hương dùng tay trái cắm vào lò, tay phải nhón theo một nén hương, lược thưa hỏi xuống tòa trở về ban. Đợi Trụ trì thúc ý ngồi yên, Thị giả trước tại cuối ban dẫn qua dưới tòa xếp một hàng chào hỏi, đốt hương. Thị giả dẫn ban trở về vị trí. Kế là, thủ tọa lãnh ban ra xếp trước tòa chào hỏi, đại chúng đồng chào hỏi. Tri sự chuyển ban xếp trước tòa chào hỏi, hành giả theo chào hỏi. Tây đường, Đông đường ra dưới tòa chào hỏi. Thị giả lên tòa, tay trái dâng hương, xoay mình nâng tọa cụ thăm hỏi (đó gọi là thay thế chúng thỉnh pháp), thối lui đứng bên cạnh tòa, hỏi đáp xong, tỏ bày sự ý nói (ngày nào tháng nào), gặp ngày vía thiên thọ, chùa mỗ dự vào ngày nào tháng nào thiết lập đạo tràng Kim Cương Vô Lượng Thọ, trọn một tháng xoay vần chư Tăng lên điện mở xem kim văn, nay lúc khai mở, thần Tăng là mỗ Trụ trì lên đến tòa này, nâng đệ nhất nghĩa Thánh đế, góp nhặt nhân lớn, chánh vì cầu chúc Thánh thọ vạn an!). Nói pháp xong, bạch rằng: "Hạ tọa! Đều đầy đủ oai nghi đến Điện Đại Phật, thiết lập Thánh tiết Thiên thọ, kính bạch!" Ngày ấy, Hạ tọa tuy có Quan viên cũng chẳngđược từ chối, bởi tôn kính quân vương. Đánh chuông lớn và chuông trước Tăng đường, nhóm chúng xếp trên điện hướng về Phật bày đứng, Trụ trì dâng trà nóng, Thượng thủ tri sự thay nhau dâng. Thỉ giả đốt hương đến trước tòa Phật, Hạ trà nóng xong, Trụ trì trở về vị trí lập định, hành giả khua nạo bạt, Duy-na xoay mình trước lò, tiếp Trụ trì dâng hương, thị giả đốt hương bưng hương liên tiếp. Kế Đông đường, Tây đường ra ban dâng hương (nếu có Trụ trì các chùa khác tình cờ đến, thì bảo Thị giả thưa thỉnh dâng hương trước lưỡng tự). Kế, lưỡng tự đối ra, hướng về Phật chào hỏi, dâng hương xong, lưỡng tự cùng chầu, xoay mình trở về vị trí. Đại chúng đồng lạy ba lạy, lưỡng tự phân ban đối lập, Trụ trì đến quỳ, tri khách quỳ dâng thủ lư, thị giả quỳ dâng hộp hương. Duy-na bạch Phật tuyên sớ xong, Tri khách quy tiếp lò, Trụ trì thâu tọa cụ, Duy-na xướng tụng chú Lăng-nghiêm. Hồi hướng rằng (phúng tụng bí chương gom nhặt nhân lớn, chánh vì cầu chúc Hoàng đế hiện nay Thánh thọ vạn an, Kim Cương Vô Lượng Thọ Phật, v.v...). Xong, chúng giải tán, mỗi ngày hành giả Đường ty xoay vần sai Tăng bộ, phải dự trước một ngày thỉnh Trụ trì đầu thủ chúng Tăng, đều ghi tên hai chữ kiểm ký, lượng chúng ít nhiều, y theo giới lạp đầy đủ biên ghi sai đơn, bày định ngày phân, đến cùng rồi trở lại đầu, vẫn xếp kinh mục, niêm yết trên trụ trong điện. Đến ngày đều chuyên nghiêm túc, đánh chuông lớn lên điện, đáng thứ hạng Tăng viên phải đủ oai nghi, hộp hương lễ Phật, trở về vị trí xem kinh, khố ty nghiêm bày

lò hương, chuẩn bị điểm tâm, Duy-na đốt hương, châm nước nóng chiếu phất, đến chiều tối, đánh chuông lớn, xuống điện. Hành giả Đường ty và hành giả Trực điện thường xuyên dò xét không để biếng lười. Như quan viên vào chùa nguyện hương, đánh chuông nhóm chúng, tụng chú Vô Lượng Thọ, niệm hiệu Dược Sư, xong hồi hướng rằng: "Xứ nọ, quan nọ vào chùa lễ lạy niệm hương, Tăng chúng niệm tụng Bí chương, vun bồi nhân lớn, chánh vì cầu chúc Hoàng đế hiện nay Thánh thọ vạn an. Kim Cương Vô Lượng Thọ, v.v... Trong tiết gặp ngày mồng ba mồng tám, niệm tụng ở điện Phật, đến ngày trai hoàn tất, hành giả Đường ty đến Trụ trì Lưỡng tự và các liêu treo bảng niệm tụng, báo chúng tham tiền đi tuần hành lang đánh bảng, nhóm chúng hướng về Phật bày đứng. Trụ trì đến, đánh bảng lớn ba tiếng, kế đánh chuông lớn, đốt hương, trở về vị trí, Duy-na ra ban, niệm tụng rằng:

"Hoàng phong mãi thổi
Đế đạo vang va
Mặt trời Phật càng sáng
Pháp luân thường xoay.
Vì duyên như trên
Niệm pháp thân thanh tịnh
Tỳ-lô-giá-na
Phật mười lần xong,
Hồi hướng từ trước
Đến đây niệm tụng
Vun bồi nhân lớn
Chánh vì cầu chúc
Hoàng đế hiện nay
Thánh thọ vạn an
Kim Cương Vô Lượng Thọ, v.v..."

Đánh ba tiếng chuông trước Tăng đường, đại chúng hỏi thăm mà giải tán. Hoặc Trụ trì đến các đạo tràng quận huyện, v.v... lúc trở về, đánh chuông nhóm chúng trước cửa, nghinh đón phương trượng thưa hỏi.

Thiết lập hay giải tán Thánh tiết, theo Thanh quy xưa chép, Đường Tăng Đường ty cấp do, tạm đến khách ty cấp do tùy thân chiếu chứng. Bởi thời xưa, Tăng đạo hằng năm căng màn một lần nạp miễn tiền đinh. Quan cấp do làm Bằng, nên ngoài đạo cụ Du phương, Độ điệp, còn có Do miễn Đinh mỗi năm, có do tọa hạ xứ nào, có do thiết bày giải tán Thánh tiết để chuẩn bị cật hỏi, đều cũng lo sợ cẩn thận, nay tuy chẳng

dùng, nhưng vẫn còn việc đó để thấy thời xưa.

**** Thể thức bảng màu vàng.***

"Châu nọ, phủ nọ, chùa nọ, ngày nọ, tháng nọ, kính gặp Thánh tiết Thiên thọ, Bản tự dự ngày nào đó tháng nầy, cung kính đến Điện Đại Phật thiết lập đạo tràng Kim Cương Vô Lượng Thọ, suốt một tháng luân phiên chư tăng lên điện mở xem chân thuyên, tuyên trì mật hiệu, vun bồi nhân lớn, chánh vì cầu chúc Hoàng đế hiện nay Thánh thọ muôn năm, muôn năm, muôn muôn năm!

Như trên cung kính, chỉ mong! Mặt trời Phật ngời sáng, trời rồng chiêu cách.

Năm nọ tháng nọ ngày nọ. Đô giám tự thần Tăng mỗ kính lời,

Trụ trì thần tăng mỗ".

**** Nghi thức kinh Đơn.***

"Nay đủ phẩm mục văn kinh như sau:

- Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm
- Kinh Đại Phật Đảnh Vạn Hạnh Thủ-lăng-nghiêm
- Kinh Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa
- Kinh Đại Thừa Kim Quang Minh.
- Kinh Đại Phương Quảng Viên Giác Tu-đa-la Liễu nghĩa
- Kinh Đại Thừa Kim Cương Bát-nhã Ba-la-mật
- Kinh Đại Nhân Vương Hộ Quốc.

Trên đây, đầy đủ như trước. Tháng này, ngày Cương Duy thần tăng mỗ cụ.

**** Nghi thức sai Đơn***

"Nay đầy đủ theo ngày luân phiên chư tăng lên điện, tên từng vị như ở sau, dùng giấy trắng ghi: Ngày mỗ, Trụ trì Thần tăng. Thủ tọa mỗ, thư ký mỗ, tạng chủ mỗ, tri khách mỗ, Tây đường mỗ. Ngày mỗ: Xưng hô mỗ, Thượng tọa mỗ, Đô tự mỗ.

Trên đây, đầy đủ như trước.

Nay ngày .... tháng ...., Đường ty mỗ".

Lời sớ (thiết lập) như trên: "Cúi lấy chở che không riêng, đất trời ai lường cao dầy đó, chiếu soi có thịnh chẳng dụ sáng đẹp. Biết khổ nhọc của tán ngưỡng, muốn báo bổ mà không cùng, chỉ gá bên trong hun đúc nghĩa trọng bốn ân, nên dốc tấm lòng Trung ái, cung kính ba chúc. Đẩu xu tỏa rạng, Long tượng phô bày, lưới trời trăm ức, núi sông đều về Thánh lượng. Hoa tạng thế giới Tam thiên càng diễn chẳng Đồ, ít hết mảy trần, chẳng lưới sớm tối, kính nguyện Yến Long được dụng, muôn sao ngời sáng mà thềm thái bình. Lân phụng bày lành, bậc Thánh

tạo tác mà muôn vật thấy. Kính sớ (mãn tán), hoa Ưu-bát-la điềm lành ra đời, đồng Phật giáng sinh. Cây Diêm-phù-đề tỏa râm, cùng trời đồng thọ, nên nuôi Duệ chất của xưa thành, khắc tiếp Thánh mưu của lớn hiển. Lớn thay! Trời lớn thay! Trời rõ trời ở chánh, hội cực quy, về cực, dựng cực đứng giữa. Bên dùng Đại đồng của đạo tôi, có giúp chí trị của Thánh thời, núi rừng chuông trống vui tỏa ngời của Hóa nhật. Cỏ cây côn trùng thấm đượm nhuần ân đức. Lành bày khua trước, tụng chúc hoa phong, kính nguyện, khoanh tay vô vi, vị đất trời mà muôn vật dưỡng. Hun đúc hữu tượng, Lý âm dương mà bốn mùa bình. Thọ khảo muôn năm, gốc ngọn trăm đời".

CẢNH MẠNG BỐN NGÀY TRAI CHÚC TÁN

Cảnh mạng ngày tốt, mồng một, rằm, mồng tám và hăm ba, bốn ngày trai, cách đêm, hành giả Đường ty báo chúng, treo bảng tụng kinh, kế sáng hôm sau gióng chuông dứt, sau đó đánh chuông trước Tăng đường, nhóm chúng lên điện. Duy-na xướng tụng chú Lăng-nghiêm, xướng niệm hiệu Phật Dược Sư. Tán Phật xong, hồi hướng rằng: "Ngày mỗ giờ này, châu mỗ chùa mỗ, Trụ trì truyền pháp mỗ Tăng mỗ, kính cẩn nhóm họp chúng Tăng trong chùa cùng lên Bảo điện, phúng tụng thần chú Đại Phật Đảnh Vạn Hạnh Thủ-lăng-nghiêm, xưng niệm Thánh hiệu, vun bồi nhân lớn, cầu chúc Hoàng đế hiện nay, Thánh thọ vạn an, Kim Cương Vô Lượng Thọ Phật, Nhân Vương Bồ-tát v.v...).

ĐÁN VỌNG TẠNG ĐIỆN CHÚC TÁN

Đán (mồng một) vọng (rằm) xưa nay chuyển tạng chúc tán, nay thì hẳn trước lúc trời sáng lên điện trước ngự tòa chúc tán, ở lễ là cung, hoặc dùng cháo xong, thăng tòa xong, đánh chuông nhóm chúng đến tạng điện, Duy-na xướng rằng: (Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật). Chúng đang mặc niệm, Trụ trì lãnh chúng chắp tay nhiễu tạng, hành đạo ba vòng, chúng đông thì một vòng lập định. Duy-na xướng tụng chú Đại bi, hồi hướng rằng: "Trong đại viên chiếu có biển Hoa tạng, công vượt tạo hóa, đạo bặt sáng nói, ba sáng chớp cuộn mà trùm thật tướng, sáu hợp sấm buông mà lắng trạm nhiên. Biển chẳng nghĩ bàn, tán dương khó hết. Châu mỗ chùa mỗ, Trụ trì truyền pháp thần Tăng mỗ, tháng mỗ sáng sớm (mồng một) rằm, kính cẩn nhóm hợp chúng Tăng trong chùa, cùng lên tạng điện nhiễu quanh hành đạo, xưng niệm Thánh hiệu Ma-ha Phật mẫu, vận Chuyển luân tạng pháp bảo cung trời, phúng tụng thần chú Đại bi viên mãn, vun bồi nhân lớn, chánh vì cầu chúc. Hoàng đế hiện nay Thánh thọ vạn an, Kim Cương Vô Lượng Thọ Phật, Nhân vương Bồ-tát Ma-ha-

tát, Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật”.

CHÚC TÁN HẰNG NGÀY

Hai thời cháo cơm đến trai đường, tăng chúng phải lên điện, Duy-na xướng tụng chú Vô Lượng Thọ ba biến, Hồi hướng rằng: “Phúng tụng bí chương, vun bồi nhân lớn, chánh vì cầu chúc Hoàng đế hiện nay Thánh thọ vạn an, Kim Cương Vô Lượng Thọ Phật, v.v...”.

THIÊN THU TIẾT

Đến kỳ, hành giả Đường ty cách đêm báo chúng, treo bảng tụng kinh. Sáng hôm sau, đánh chuông ở Tăng đường, nhóm chúng lên điện, Duy-na xướng tụng chú Lăng-nghiêm xong, bạch Phật: “Đồng như bốn ngày trai”, Hồi hướng rằng: “Đường mỗ, hẻm mỗ, chùa mỗ, ngày mỗ, tháng mỗ, kính gặp Hoàng Thái tử thiên thu lịnh tiết, kính cẩn nhóm hợp chúng Tăng trong chùa, cùng lên Bảo điện, trì tụng thần chú Đại Phật Đảnh Vạn Hạnh Thủ-lăng-nghiêm, xưng niệm Thánh hiệu, vun bồi nhân tốt, kính chúc Hoàng Thái tử tài giỏi ngàn năm điện hạ. Cúi mong, mặt trời lại xoay, nguyệt lại tỏa chiếu khắp trời biển, núi như đá ráp sông như đeo mang, bao quanh nền nước, Kim Cương Vô Lượng Thọ Phật, v.v...”.

THIỆN NGUYỆT

Tháng giêng, tháng năm, tháng chín là Thiện Nguyệt (tháng an lành), dự trước một ngày, Duy-na bảo hành giả Đường ty đến chỉ thầy Trụ trì, báo khố ty treo bảng Thiện Nguyệt ở trước của điện, đầy đủ kinh đơn luân sai Tăng ba. Mỗi ngày đánh chuông lớn lên điện, xem kinh, chúc tán trọn tháng mới thôi.

Mới đầu, do từ niên hiệu Khai Hoàng thứ ba (583) đời Tùy, (vua Văn Đế - Dương Khiêm 581-605) ban chiếu trong thiên hạ là tháng giêng, tháng năm, tháng chín và sáu ngày trai, mỗi chùa đều lập đạo tràng cầu nguyện, chẳng được giết hại sinh mạng, lấy trong tạng kinh nói có Tỳ-sa-môn Thiên Vương mỗi năm đi tuần xem xét bốn đại bộ châu, tháng giêng, tháng năm tháng chín, chánh trị châu thiệm bộ ở phía Nam, nên cấm giết mổ, mà phước trấn ở đời Đường thường lên nhậm, hẳn thưởng công binh lính chẳng dưới mấy muôn người, phải giết hại nấu nướng rất nhiều. Nên lấy tháng giêng, tháng năm, tháng chín chẳng liên quan, vì cấm giết hại, mà tục cho rằng kỵ là chẳng đúng.

Chương Chúc Ly hết.

CHƯƠNG HAI: BÁO ÂN

Nước có Đế tế cấp bốn mùa, do đó ngời công đức lớn, bản thỉ lại tiếp nối. Thánh triều sùng Phật, từ Thế tổ mà xuống, đều xây dựng chùa, cho rằng: Do Phật ứng thân để ngự thiên hạ, hóa nghi đã trọn về lại Phật vị. Chùa quan ở kinh đô do đó thiết bày Thánh dung đủ đàn tràng Phật. Hằng tháng dùng năm tế, thiết cúng bày lễ như lúc còn sống, mà đặt suy tư của canh tường. Lớn thay! Chỉ Thánh hóa bao trùm cùng giáo của Phật lưu truyền không ngằn mé, mà chúng tôi gội ân ba đượm Thánh trạch, có thể chẳng biết chỗ tự mà tư duy chỗ báo hiệu hay sao!

QUỐC KỴ

Ngày thượng tân đến kỳ, cách đêm khố ty báo đường ty sai Hành giả đến Trụ trì Lưỡng tự, báo chúng treo bảng tụng kinh. Đến trên pháp tòa, an đặt ngự tòa, dùng giấy vàng viết bài vị Thánh hiệu, nghiêm bày hương hoa, đèn nến, bàn án cúng dường. Đến kỳ, đánh chuông ở Tăng đường, nhóm chúng đợi Trụ trì đến dâng hương, dâng trà nóng, Duy-na xướng tụng chú Lăng-nghiêm, phúng tụng xong, hồi hướng rằng: “Châu mỗ, chùa mỗ, Trụ trì truyền pháp thần Tăng mỗ, ngày mỗ tháng mỗ, kính gặp giờ Thánh kỵ Thánh mỗ, kính cẩn nhóm họp chúng Tăng trong chùa, phúng tụng thần chú Đại Phật đảnh vạn hạnh Thủ-lăng-nghiêm, xưng niệm Thánh hiệu, vun bồi thù lợi, giúp nghiêm Thánh giá, kính nguyện Thần dạo tám cực, tưởng xe mây ngựa gió đến. Lâm vị chứng giữa trời, thọ vui sướng điện ngọc lầu quỳnh, mười phương ba đời, v.v...”

CẦU NGUYỆN.

Hễ có cầu nguyện thì phải như pháp trang nghiêm đàn tràng, bày biện cúng dường, vị Trụ trì chuyên tâm kính cẩn, Tăng chúng đều có việc chỉnh túc, Tri sự trong ngoài Đề đốc ứng biện, phòng liêu lớn nhỏ tuần cảnh chỉnh tề, nghiêm khiết. Hoặc có quan viên đến đốt hương, phải cung cẩn đón đưa. Dự kỳ, khố ty thưa báo thầyTrụ trì, trước giao ý chỉ, Duy-na tri hội, hành giả đường ty báo chúng treo bảng cầu nguyện, cơm cháo hai bữa, đánh chuông nhóm chúng tụng kinh, hoặc xem kinh tạng, hoặc bốn Đại bộ kinh, hoặc ba ngày, năm ngày, bảy ngày, tùy thời mà hành, như cầu tạnh, cầu mưa thì luôn phiên chư tăng mười vị, hai mươi vị, hoặc ba mươi vị, năm mươi vị, chia làm mấy dẫn, tiếp tục tụng kinh, mỗi dẫn tụng chú Đại bi, chú Tiêu tai, chú Đại vân mỗi chú hai

mươi mốt biến, gọi đó là luân phiên chẳng đứt quãng suốt ngày phúng tụng, sẽ có lúc cảm ứng, mới có thể hoàn mãn giải tán sám tạ. Ý sớ đó đều nêu như sau:

*** Cầu tạnh:** Thật thấy mưa dầm là lệ, vật dụng chẳng thành, trăm sông tràn chảy, dân không có chỗ ở yên, bởi chúng sinh cộng nghiệp cảm nên, chỉ trên trời che chở không riêng. Do đó, kính phát tâm thành, thiết lập đạo tràng cầu tạnh, mỗi ngày bảo chư Tăng trì tụng kinh chú, lễ lạy các Thánh, chỉ mong mỏi cầu được tánh ráo, chóng ban cảm rõ. Cúi nguyện, quét mây đen khắp bốn phía, trủng đọng ngầm tiêu, vén mặt trời giữa hư không, ánh sáng sẽ chiếu, giúp năm hành đều thuận mùa, mà muôn loài đều toại sống.

*** Cầu mưa:** Thật thấy nắng hạn làm tai, trăm vật khô khan, chẳng phải giáng phạt của trời ở trên mà do lắm lỗi của dân ở dưới. Chỉ có chư Phật mở cửa từ bi, mà thần chú có ứng cầu nguyện. Do đó, kính phát tâm thành, thiết lập đạo tràng cầu mưa, mỗi ngày bảo chư Tăng phúng tụng kinh chú, lễ lạy Thánh hiệu, chỉ mong mỏi cầu được mưa đượm, chóng ban cảm thông. Cúi nguyện cứu vớt sinh linh ở đồ thán, lưới cửa khó thay, nổi mây rồng nơi sông núi, giúp mưa tuôn xuống, ngõ hầu nhiều mầm mạ cũng có được mùa.

*** Cầu tuyết:** Thật thấy mùa Đông luôn ấm, sợ dịch bệnh của sinh vật, lưới trời giáng tuyết, sạch khí xâm của dưới đất, thường khiến thật của nhụy hương, nguyện nhóm điềm lành của sáu hoa. Do đó, kính phát tâm thành, thiết lập đạo tràng cầu tuyết. Mỗi ngày bảo chư Tăng phúng tụng kinh chú, lễ lạy các Thánh, chỉ mong mỏi cầu được mưa tuyết, chóng ban cảm thông. Cúi nguyện mây đỏ ngàn dặm đượm nhuần, tám hoang sáu phủ, ba sự dùng tu, cỏ cây đều thuận, hai khí năm hành theo mùa, người thần am hòa.

*** Khiển Hoàng** (trừ châu chấu): Thật thấy sâu bay che trời, chỉ hung hoang đáng lo, trừ yêu vào đất, sợ tư man khó toan. Chẳng phải nhờ khu trừ của thần công, tuy dốc hết sức người mà không bỏ. Do đó, kính phát tâm thành, thiết lập đạo tràng trừ châu chấu. Mỗi ngày bảo chư tăng, phúng tụng kinh chú, lễ lạy các Thánh, chỉ mong đuổi trừ sâu trùng, châu chấu chóng ban tiêu hết. Cúi mong tẩy đến gió mưa, quét chủng loại không còn sót, ném xuống rạch sông, tùy nghiệp cảm mà tự hóa, dân an nghiệp họ, vật toại đời nó.

*** Nhật thực:** Ngày này mà thực, xem hoặc trái của năm kỷ, sợ uy của trời, lo tương tác của sáu lệ, nên theo dân tình mà cứu hộ, sao nương Phật lực để cầu nguyện. Do đó, kính phát tâm thành, bảo chư Tăng

phúng tụng kinh chú, dùng bày cứu hộ, chỉ mong mỏi mặt trời chóng trở lại sáng. Cúi nguyện, năm sắc mở mà đạo vàng sáng, chiếu rọi dưới đất, các am tiêu mà Dương đức thạnh rõ chiếu xoay trên trời.

*** Nguyệt thực:** Nguyệt diệu âm tinh mà chủ đêm, chỗ nhờ chiếu rọi, Thiên bày lỗi trừng ở dưới dân, ôi sao che lấp. Đã răn đã sợ dùng cầu dùng nguyện. Do đó, kính phát tâm thành, bảo chư Tăng phúng tụng kinh chú, dùng để cứu hộ. Chỉ mong mỏi mặt trăng chóng trở lại sáng. Cúi nguyện yêu mô diệt vết, trong sáng hiện núi sông đất liền, cố thổ trường sinh muôn tượng nạp cung điện rộng mát.

Chương Báo Ân hết.

Sắc Tu Bách Trượng Thanh quy quyển một hết.

■

SẮC TU BÁCH TRƯỢNG THANH QUY

QUYỂN 2

CHƯƠNG BA: BÁO BẢN

Tánh là gốc lớn của người, động trời đất mà chẳng biết thỉ, cùng muôn đời mà chẳng rõ chung. Phật và chúng sinh đều có tánh đó. Ngộ thì lên Diệu giác, mê thì trôi nổi tử sinh, từ kiếp này đến kiếp khác sáu đường khác nẻo, nghiệp báo xoay vần không có chỗ cùng. Chỗ nhờ Thánh huấn mênh mang. Xứng đáng làm nương cậy. Chúng tôi thẹn hình phục dự pháp hệ, vâng làm luật của hạnh, tuyên làm giáo của lời đó, truyền làm thiền của tâm, mà theo chỗ tôi gọi là Đại Bản là đồng toàn thể diệu dụng của Phật, mới được xưng là Phật tử mà tiếp nối tuệ mạng, nếu ở ngày húy kỵ truy điệu thì đâu phải thế lễ ư?

PHẬT GIÁNG ĐẢN

Trước kỳ, Đường ty dùng các tài vật đưa đến khố ty chuẩn bị cúng dường, thỉnh chế sớ kiểm sớ (đồng như lễ Thánh tiết). Đến ngày, khố ty nghiêm bày hoa giữa sân, tôn trí tượng Phật giáng sinh trong bồn nước thơm nóng, đặt hai cái thìa nhỏ trước Phật, kính bày cúng dường xong, vị Trụ trì thượng đường niệm hương rằng: "Giờ Phật đản sinh, chùa mỗ Trụ trì di giáo, Tỳ-kheo cháu xa mỗ, kính thành đốt hương báu, cúng dường Bổn sư Thích-ca Như lai Đại Hòa-thượng, đáp ân từ che chở, mong mỏi pháp giới chúng sinh niệm niệm Chư Phật xuất hiện ở đời", kế đó ngồi nghiêm trang bạch: "Ngày mồng 08 tháng 04, kính gặp Bổn sư Thích-ca Như lai Đại Hòa-thượng nhân lúc giáng đản, nhóm họp chúng Tỳ-kheo trang nghiêm hương hoa, đèn nến, trà quả trân tu để bày cúng dường, Trụ trì di giáo Tỳ-kheo cháu xa mỗ trước lên tòa này xướng lên tông thừa, nhóm họp thù động, trên báo từ âm che chở, dưới cùng chúng sinh trong pháp giới đồng tỏ bày mừng vui ít có". Kế, nói pháp xong, bạch rằng: (Hạ tọa mỗi vị đầy đủ oai nghi đến tấm Phật tụng kinh, kính bạch), rồi xuống tòa, lãnh chúng đồng đến trên điện, hướng về Phật bày lập định, Trụ trì dâng hương đảnh lạy ba lạy, chẳng thâu

tọa cụ, đến trước dâng nước nóng, dâng vật thực. Thị giả thỉnh khách tay nhau dâng. Thị giả đốt hương, bưng đặt trên án xong, trở lại vị trí lạy ba lạy, dâng hương, hạ phẩm vật, châm trà. Lại lạy ba lạy thâu tọa cụ. Duy-na tiếp ban dâng hương, đại chúng bày lạy, Trụ trì quỳ bưng lò, Duy-na bạch Phật: "Một vầng trăng giữa đời, ảnh hiện các sông. Một Đức Phật ra đời, đều ngồi trên một hoa, sợi lông trắng duỗi mà ba cõi sáng, cam lộ rưới mà bốn loài đượm" tuyên sớ xong, xướng kệ tắm Phật rằng: "Nay con tắm gội Đức Như lai, trí sạch trang nghiêm công đức nhóm, chúng sinh năm trược đều lìa cấu, thanh tịnh trang nghiêm pháp thân sạch". Hành đạo tắm Phật sắp xong, xướng tụng chú Lăng-nghiêm, hồi hướng rằng: "Trước nay công đức phụng tụng, hồi hướng chân như thật tế trang nghiêm vô thượng quả Phật Bồ-đề, bốn ân đều trả, ba cõi được nhờ, pháp giới hữu tình đồng viên chủng trí, tất cả Phật mười phương ba đời, v.v...".

Lời sớ: Biển lớn lắng yên, riêng nghe vỗ của tiếng sóng, thái hư, rỗng rang chỉ trông bày rộng của cảnh vi. Do gốc lớn mà dấu bày, ép thời đến mà cơ ứng, giúp quần linh đều thành Chánh giác, từ năm trược hiện bày giáng sinh, cởi y báu mặc áo dơ, uốn mình để theo, bỏ hóa thành lên đảo châu báu, dắt tay đồng về, mới độ lại đến, ân lớn chẳng báo. Cúi nguyện: Quạt gió thật nơi đời mạt, nâng mặt trời tuệ ở giữa trời, không Phật không ma, pháp pháp tuyên dương kệ ngọc, chẳng dơ chẳng sạch, trần trần rưới tắm thân vàng.

PHẬT THÀNH ĐẠO NIẾT-BÀN

Trước kỳ, Đường ty đem các tài vật đưa đến khố ty chuẩn bị cúng dường, thỉnh chế sớ kiểm sớ (đồng như lễ giáng đản). Vị Trụ trì thượng đường nguyện hương rằng: "Ngày Phật thành đạo, chùa mỗ, Trụ trì Di giáo Tỳ-kheo cháu xa mỗ, kính vì chúng sinh trong pháp giới, mừng đốt hương báu cúng dường Bổn sư Thích-ca Mâu-ni Như lai Đại Hòa-thượng, trên báo đáp ân từ che chở, kế mong chúng sinh trong pháp giới đồng thành Chánh giác". Kế là ngồi kiết già bạch: "Ngày mồng tám tháng chạp, kính gặp giờ Đức Bổn sư Thích-ca Mâu-ni Như lai Đại Hòa-thượng thành đạo, dẫn chúng Tỳ-kheo trang nghiêm hoa hương đèn nến, trà quả, trân tu, bày lên cúng dường, Trụ trì Di giáo Tỳ-kheo cháu xa mỗ lên đến tòa này xướng lên tông thừa, nhóm họp thù động, trên đáp ân từ che chở, nguyện khắp chúng sinh trong pháp giới phát minh trí tuệ chính mình vào cõi nhiều như bụi cát xoay bánh xe đại pháp. Kế nói pháp xong, bạch: "Hạ tọa mỗi vị đầy đủ oai nghi lên điện Đại Phật

tụng kinh, kính bạch”. Xong xuống tòa, lãnh chúng lên điện, lễ lạy quỳ bưng lò, Duy-na bạch Phật: “Trước núi Chánh giác thấy sao sáng mà ngộ đạo, trong cõi Đại thiên nâng mặt trời tuệ để sáng soi”. Đọc sớ xong, tụng kinh, hồi hướng. Ngày Niết-bàn, vị Trụ trì trước đến điện Phật nguyện hương, chúc Thánh xong, thứ lớp thượng đường, nguyện hương rằng: “Ngày Phật Niết-bàn, chùa mỗ, Trụ trì Di giáo Tỳ-kheo cháu xa mỗ, kính đốt hương báu cúng dường Bổn sư Thích-ca Mâu-ni Như lai Đại Hòa-thượng trên đáp ân từ che chở, dưới cùng chúng sinh trong pháp giới đồng tỏ kính mến, mong mỏi pháp thân thường trụ, bánh xe pháp xoay lại, tất cả hữu tình ngộ, vô sinh nhẫn”. Kế là ngồi nghiêm trang bạch: “Ngày rằm tháng hai, kính gặp lúc Đức Bổn sư Thích-ca Mâu-ni Như lai Đại Hòa-thượng nhập Niết-bàn, dẫn chúng Tỳ-kheo trang nghiêm hương hoa, đèn nến, trà quả, trân tu dâng bày cúng dường, vị Trụ trì Di giáo Tỳ-kheo cháu xa mỗ bước lên tòa này xướng Niết-bàn diệu tâm, nhóm họp thù động, trên báo ân từ che chở, nguyện chúng sinh trong khắp pháp giới đồng thành Chủng trí”. Nói pháp xong, bạch rằng: “Hạ tọa, đều đầy đủ oai nghi lên điện Đại Phật tụng kinh, kính bạch”. Xong, xuống tòa, lãnh chúng lên điện lễ lạy, quỳ bưng lò, Duy-na bạch Phật: “Thân tịnh pháp giới vốn không ẩn hiện, nguyện lực đại từ thị hiện có đến đi”, đọc sớ xong, tụng kinh, hồi hướng đều đồng như trước.

Lời Sớ Thành Đạo: Vô lượng kiếp đến nay đã thành Phật, đâu nhờ tấn tu, chúng sinh nhật dụng chẳng biết, thị hiện dùng tiên giác giác tự, giác tha mà thành giác đạo, thế gian, xuất thế gian mà xưng Thế Tôn, xiển hóa nghi của một đời, vâng khuôn phép của Phật trước, ngồi cội Bồ-đề, cung ma ẩn mà không sáng, hiện hoa Ưu-bát, bánh xe pháp tỏa ngời thường xoay. Nên đầu dụ ánh sáng ban mai chiếu, mà cuối bày chánh truyền niêm hoa. Tròn sáng chân thường thì không hữu đều mất, Thánh phàm mộng huyễn, nhón đất muôn hóa thì xưa nay một nháy mắt, đất trời ngẩn ngơ. Nhìn cháu con đó nào biết, tụng Di ngôn mà có sợ, cúi nguyện: Sắc không tối sáng, đều nói pháp âm mầu nhiệm, loài máy cựa hàm linh cùng chứng đức tướng trí tuệ. Niết-bàn đều ứng các cơ. Chúc lụy thọ ký của Pháp Hoa, lực chế hậu học, nâng luật bàn thường của Di giáo. Huống chi, niêm niên hoa đắc chỉ trao pháp chánh truyền, mà lá rụng về cội, rốt cùng tôi năng sự, vườn phóng hóa đó trọn ở cùng, thuận thế vô thường, nhờ các huyễn mà trở lại các chân, đó gọi là vắng lặng, nhưng Thần châu hằng chiếu nơi dơ bẩn, mà Bảo Nguyệt chẳng lánh ở dòng dơ. Đại định vô phương, thường trụ hằng sa

kiếp, viên cơ ứng khắp, bày biện trăm ngàn ức thân, trông tướng đời đó khó quên, đến ngày húy mà thêm mến. Cúi mong, mở tà kiến của cuối dòng, xoay bạc bẽo của cùng vận. Định lực gồm tu lớn như chánh pháp thường trụ, Thiên ma dẫn hóa đều ngoại hộ tông cương.

Phật sinh ở Trung Ấn-độ, chủng tộc Sát-đế-lợi, dòng họ Cù-đàm, tiếng Phạm là Cù-đàm, Hán dịch là Cam giá, Thỉ tổ là vị tiên bị thợ săn bắn chết, máu thấm vào đất mọc hai cây mía. Mặt trời nóng bày, một gốc sinh nam tên là Cam Giá Vương, một gốc sinh nữ là Thiện Giác Phi, sinh con làm vua Chuyển luân. Do mặt trời nóng lên nên còn gọi là Nhật chủng, truyền bảy trăm đời, đến vua Tịnh Phạn. Phật do nhiều kiếp công hạnh đầy đủ, từ tầng trời Đâu-suất giáng thần vào thai phu nhân Ma-da ở cung vua. Ngày mồng 08 tháng 04 năm Giáp dần, tức năm thứ hai mươi sáu đời vua Chiêu Vương nhà Chu thì đản sinh, tên là Tát-bà-tất-đạt, bảy ngày sau thì Thánh mẫu qua đời, nhờ Di mẫu là Maha Ba-xà-ba-đề nuôi dưỡng. Đến năm hai mươi lăm tuổi, vượt thành vào rừng Bạt-già-tiên, dùng kiếm cắt tóc, cởi bỏ áo báu, theo người thợ săn đổi lấy áo ca-sa mặc làm Tỳ-kheo. Lại theo hướng Bắc vượt qua sông Hằng, đến núi Già-xà ngồi tĩnh lặng, suốt sáu năm tu khổ hạnh, mỗi ngày ăn một hạt mè, hạt gạo để tiếp nối tinh khí. Lại tự nghĩ rằng: “Nếu do thân gầy ốm mà đắc đạo thì đó là các ngoại đạo kia nói là tự nhịn đói nhịn khát là nhân Niết-bàn”, nghĩ đoạn bèn tắm gội dưới sông Ni liên, thọ bát cháo sữa của cô gái chăn dê, Thích Đề Hoàn Nhân dùng cỏ cát tường trải tòa, (Đức Phật) ngồi trên. Ma Vương dẫn binh lính muốn lăm hại, bày đủ trăm kế mà chẳng thể quấy nhiễu chút nào, bèn lễ lạy sám tội mà đi. Sáng sớm mồng 08 tháng 02 lúc sao mai ló dạng, chợt nhiên đại ngộ, đắc đạo Vô thượng, thành Đẳng Chánh Giác (ở đời tương truyền là ngày mồng tám tháng chạp, có chỗ cho là Chu chánh kiến tý, có chỗ có chứng cứ riêng), lúc ấy là ba mươi tuổi. Đức Phật đến trong đạo Trường A-lan-nhã Bồ-đề ở nước Ma-kiệt-đề, giảng nói kinh Hoa Nghiêm, các hàng tiểu cơ chưa vào, nghe như câm như điếc. Đức Phật lại qua hai mươi mốt ngày quán cây nghĩ rằng, thà nhập Niết-bàn. Các vị Phạm thiên, Đế-thích ba lần ân cần cầu thỉnh, Đức Phật mới đến vườn nai, dùng giáo pháp ba thừa, xoay bánh xe pháp lớn. Trước vì năm người như Kiều-trần-như v.v..., nói pháp bốn Đế, Mười hai nhân duyên, sáu Độ, v.v... trải qua mười hai năm, khi ấy Đức Phật đã bốn mươi hai tuổi, đến hội Phương Đẳng, đào thải đệ tử, dần dần mở rộng, từ đó Đàn Biến kích tiểu, tán Đại khen viên, giảng các kinh Đại Thừa như Duy-ma, Lăng-già, Lăng-nghiêm, Bát-nhã, v.v... Lại trải qua ba mươi năm,

lúc Đức Phật bảy mươi hai tuổi, giảng nói kinh Pháp Hoa, vì các đệ tử đều có khả năng đảm nhậm trọng trách dự ghi thành Phật, mới thỏa bản hoài. Lại thêm tám năm, năm thứ năm mươi ba đời vua Mục Vương thời nhà Chu, tức năm Nhâm dần. Khi ấy, Đức Phật bảy mươi chín tuổi, Đức Phật trước đến cung trời Đao-lợi giảng pháp cho Thánh mẫu nghe. Vua Ưu-điền mến mộ nên đúc tượng Phật bằng vàng, nghe Đức Phật trở lại nhân gian, tượng vàng đến đón rước Phật. Di mẫu Ma-ha Ba-xà-ba-đề cùng năm trăm vị Tỳ-kheo-ni, Xá-lợi-phất, Mục Kiền Liên cùng bảy vạn vị A-la-hán, v.v... chẳng nở thấy Phật nhập Niết-bàn, nên đồng thời nhập diệt. Bồ-tát bốn chúng trời, người tám bộ chim thú các vua đều nhóm họp. Đức Phật riêng thọ sự cúng dường sau cùng của Thuần-đà, vì các Tỳ-kheo giảng nói vô thường, khổ, không. Lại nói: "Chánh pháp Vô thượng đều đã giao phó cho Ma-ha Ca-diếp, sẽ vì các ông làm nơi nương tựa vững chắc, giống như Như lai". Lại vì A-nan lúc ở rừng Sa-la bị ma quây nhiễu, Đức Phật bèn bảo Văn-thù: "A-nan là em ta, hầu gần ta đã hơn hai mươi năm, nghe pháp đầy đủ như nước rót từ chiếc bình này sang chiếc bình khác, muốn cho A-nan thọ trì kinh Đại Niết-bàn". Văn-thù vâng lời, gọi A-nan về. Phật dạy: "Có Phạm chí Tu-bạt-đà-la đã một trăm hai mươi tuổi, chưa bỏ kiêu mạn, ông nên báo cho ông ấy biết, trong đêm nay Như lai sẽ nhập Niết-bàn", tức cùng đồng đến, nghe Phật nói pháp đắc quả A-la-hán, Phật bèn bảo đại chúng: "Từ khi ta đắc đạo, độ Kiều-trần-như, sau cùng độ Tu-bạt-đà-la, việc ta đã hoàn tất". Vào giữa đêm rằm tháng hai, Đức Phật lại dạy: "Tỳ-kheo các thầy! Sau khi ta diệt độ, phải tôn trọng kính quý Ba-la-đề-mộc-xoa, đó là bậc Đại sư của các ông, như ta còn ở đời không khác!" nơi giường bảy báu, Đức Phật nằm nghiêng hông bên phải, vắng lặng không có tiếng động, bèn nhập Niết-bàn. A-na-luật lên cung trời Đao-lợi báo cho phu nhân Ma-da, từ cung trời mà xuống. Đức Thế Tôn lại dậy, vì nói pháp chỉ bày an ủi. Lại bảo A-nan, phải biết vì chúng sinh bất hiếu đời sau mà thật, từ trong kim quan ra và chào hỏi Thánh mẫu. Bấy giờ, Ca-diếp cùng năm trăm vị đệ tử từ núi Kỳ-xà-quật vội chạy đến buồn khóc nghẹn ngào đảnh lễ, Đức Phật lại duỗi bày hai chân có hình bánh xe ngàn năm. Trời, người đều đem hoa mới đến chỗ trà-tỳ, Đức Phật tự hóa lửa thiêu đốt suốt bảy ngày mới hết. Đại chúng gom thâu xá-lợi đựng đầy tám bát bằng vàng, vua A-xà-thế cùng vua tám nước và các trời Đế-thích vua rồng, v.v... tranh giành xá-lợi. Đại thần Ưu-bà-cát căn ngăn, nên cùng nhau chia, bèn chia làm ba: Một phần cho các vị trời, một phần cho vua rồng, một phần cho tám vua, mà vua A-xà-thế được

tám vạn bốn ngàn viên, bèn dùng hộp bằng vàng tía đựng, tôn trí trong năm xứ nơi sông Hằng, xây tháp phụng thờ.

ĐẾ SƯ NIẾT-BÀN

Đến ngày, trên pháp tòa kính an bài vị, đúng như pháp lập bày, nghiêm trang hương hoa, đèn nến, trà quả, trân tu cúng dường. Duy-na thỉnh chế sớ kiểm sớ (đồng như Phật Niết-bàn). Cách đêm, bảo hành giả Đường ty báo với chúng treo bảng tụng kinh. Ngày chánh, đánh chuông nhóm chúng, hướng về tòa đứng theo thứ tự, đợi Trụ trì đến dâng hương dâng nước nóng, dâng vật thực, hạ phẩm vật, dâng trà lễ lạy xong, nguyện hương có pháp ngữ, Duy-na tiếp ban dâng hương, đại chúng cùng đồng lễ lạy, Trụ trì quỳ bưng lò tuyên sớ, xướng tụng kinh chú, hồi hướng rằng: "Trước nay công đức tụng kinh, kính vì dưới của Hoàng thiên, trên của một người, mở giáo tuyên văn giúp trị, Đại Thánh chí đức Thiện giác Chân trí, giúp nước như ý Đại Bảo Pháp vương, Tây thiên Phật tử đại nguyện Đế sư, trên đáp ân từ che chở, tất cả chư Phật mười phương ba đời v.v..."

Lời sớ: Trời mở có mối, dốc sinh Đại Thánh giúp trị, đạo tôn không trên thật là pháp vương tuyên văn. Mật tán hóa có ngầm giúp vương độ, nhả lời hành kinh, nêu đủ là pháp, vị ở bên trong của ngàn Phật. Rộng dày phối đất, cao sáng phối trời, tôn cực ở trên một người, chỉ nay kỵ Thánh, càng ngưỡng ân sáng. Cúi nguyện, lại cưỡi xe nguyện giúp trị hóa của đồng văn bốn biển, cuộn lời tượng quý khua tông cương của chánh pháp xưa nay.

Đế sư Bạt-hợp-tư-bát, pháp hiệu là Tuệ Tràng Hiền Cát Tường, người nước Thổ-ba, sinh ngày 13 tháng 04 năm Kỷ hợi (1239). Thân phụ tên là Lăng-nam-cam-tạng. Mới đầu, tại Thổ-ba có Quốc sư tên Thiền-hằng-la-cát-đạt là bậc chánh tri kiến, có đại oai thần, nhiều đời tương truyền đạo hạnh rất thù thắng, thế sư, vua nước đó rất tôn quý, trải suốt mười bảy đời tức đến Tát-tư-gia-oa là Bá phụ của sư. Sư thiên tư cao khiết, lại lễ lạy Bá phụ làm thầy, kệ tụng Bí Mật, chương cú vi diệu có đến một, hai ngàn lời, qua mắt thành bài tụng, bảy tuổi, sư nói pháp biện bác dọc ngang, năm mười lăm tuổi, tức năm Quý sửu (1253), lúc ấy, Hoàng đế Thế Tổ (Mông Ca 1260-1280 đời Nguyên) long đức ẩm ngầm, Sư rõ biết chân mạng có chỗ về, bèn thẳng đến chỗ Vương phủ, Hoàng đế cùng Trung Vi Đông cung đều thọ trì giới pháp, đặc biệt tôn kính, trải qua sáu năm, tức năm Canh thân (1260) Thế Tổ lên ngôi, lấy niên hiệu Trung Thống năm thứ nhất (1260) bèn phong sư làm

Quốc sư, ban trao ấn ngọc, làm pháp chủ Trung nguyên, thống lãnh Thích giáo trong thiên hạ. Mới đầu, bảo Tăng tục phân ty, bốn năm sau, giả từ Hoàng đế mà về Tây, chưa tròn năm, bèn có chiếu mời trở lại. Niên hiệu Chí Nguyên thứ bảy tức năm Canh Ngọ (1270), có chiếu chỉ chế chữ nước Đại Nguyên, Sư riêng vận phỏng họa. Chẳng mấy ngày mà xong, rất hợp Thánh ý. Thế Tổ bèn ra chiếu chỉ ban hành, từ triều đình đến các tỉnh, quận, huyện đều vâng dùng, trọn làm Điển chương một đời, Phong hiệu là Đế Sư Đại Bảo Pháp Vương", lại ban ấn ngọc. Sư trở về Tây vào niên hiệu Chí Nguyên thứ mười một (1274), Thế Tổ lại sai sứ thỉnh đến. Sau đó, Sư hết lời từ tạ xin về núi, Thế Tổ cố giữ lại mà chẳng được. Đến ngày 22 tháng 11 niên hiệu Chí Nguyên thứ mười bảy(1280), Sư viên tịch, Thế Tổ nghe tin, chẳng dằn nổi sự thương tiếc, liền xây ngôi Tốt-đổ-ba lớn tại kinh đô, tôn trí toàn thân xá-lợi, vàng ngọc xưa nay không ai sánh bằng (xem văn bia do Hàn lâm học sĩ Vương Bàn, v.v... vâng sắc soạn bia. Sau phong thụy hiệu là "Hoàng thiên chi hạ, nhất nhân chi thượng, khai giáo tuyên văn phụ trị Đại Thánh chí Đức Phổ Giác Chân Trí Hộ Quốc như y Đại Bảo Pháp Vương Tây phương Phật tử Đại nguyên Đế sư".

Chương Báo Bản hết

CHƯƠNG THỨ TƯ: TÔN TỔ

Người đời mỗi kỵ Tổ đó trọng hình đó là đầu tiên của sinh. Hình sinh đầu tiên ở ái, nhưng hình có thời mà hóa, ái có thời mà hết. Chỉ Linh nhiên của tánh chẳng mờ tối là chẳng cậy sinh mà chọn, chẳng hợp chết mà mất, nên Phật dạy con người hẳn rõ tánh, nhưng về sau người học lại dính mắc ở văn ngôn chẳng được chỉ quy, giống như phương khéo của thầy thuốc viết, mà bỏ dược thạch thì đâu có ích gì? Đến lúc, Tổ Đạt-ma tôi đến, dùng đạo chỉ thẳng mở bày, mà người mới rỗng thoáng, thấy diệu của tự tánh, chẳng cầu văn tự, chẳng nhờ nói nín, mà được nói cười ngoài thanh sắc, thì truyền đạo Tổ, nối tiếp vị Tổ của chúng tôi, như củi của lửa, bình của nước, không khoảng giữa của xưa nay khác chừng lông tóc, chẳng còn trùng ở mới đầu của hình sinh ư? Sau, Thiền sư Đại Trí ở Bách Trượng soạn Thanh quy để chúng tôi thực hành theo khuôn phép, mà rừng thiền ở mới đầu đó ư? Đoan Công Hải Hội cho rằng nên kỵ Đạt-ma ở giữa, Bách Trượng thêm bên phải, và Tổ khai sơn của các chùa phối đó, xem ở lời tựa Tổ Đường cương kỷ nói.

ĐẠT-MA KỴ

Trước kỳ, Đường ty đem các tài vật chuẩn bị cúng dường, thỉnh chế sớ kiểm sớ (đồng như Phật Niết-bàn). Cách đêm đúng như pháp lập bày pháp đường, trước tòa treo chân dung, khoảng giữa đặt bàn cúng, bình, hương, viện hương, ở trên bày ghế thiền, Phất tử, giá móc pháp y (bày giường gối là chẳng đúng), khoảng dưới bày ghế nhỏ, án kinh, bình hương, đèn nến quyển kinh. Hành giả Đường ty báo chúng treo bảng tụng kinh, ngay chiều tụng kinh, và lại mỗi ngày hôm sau thiết trai, đều đủ oai nghi. Bãi kỵ tụng kinh, xem như trước đánh chuông ở Tăng đường nhóm chúng, đợi Trụ trì đến, đánh trống hiến đặc làm nước nóng, Trụ trì dâng hương ba lạy, chẳng thâu tọa cũ, dâng nước nóng, lùi thân ba lạy lại tiến tới trước chào hỏi nhận nước nóng, trở về vị trí lạy ba lạy thâu tọa cụ, đánh trống ba tiếng. Hành giả đánh khánh cầm tay, Duy-na ra ban niệm tụng rằng: “Trộm dùng: Tông truyền chỉ thẳng, nhục nhờ đượm nơi sóng khác, đạo lớn khó nói, thẹn sáng liền ở cháu con, kính nhờ đại chúng, niệm danh hiệu pháp thân Phật Tỳ-lô-giá-na mười biến, v.v...”. Hồi Hướng rằng: “Trước nay công đức niệm tụng, kính vì Sơ tổ Bồ-đề Đạt-ma Viên giác Đại sư Đại Hòa-thượng, trên đáp ân từ che chở, mười phương ba đời tất cả. Xong, đánh ba tiếng chuông trước Tăng đường, chúng giải tán, hoặc thỉnh đến ngồi dược thạch (ăn chiều), chuông tối đánh, lại đánh chuông ở Tăng đường nhóm

chúng, Trụ trì dâng hương, Duy-na xướng tụng chú Lăng-nghiêm xong, hồi hướng rằng: “Thân pháp giới thanh tịnh vốn không ẩn hiện, lực nguyện từ bi bày có đến đi. Ngưỡng mong từ bi nhủ lòng soi xét ngày mồng năm tháng này, cúi gặp giờ Sơ tổ Bồ-đề Đạt-ma Viên Giác Đại sư Đại Hòa-thượng viên tịch, dẫn chúng Tỳ-kheo sắm sinh hương hoa quả phẩm tỏ bày cúng dường, phúng tụng thần chú Đại Phật đảnh vạn hạnh Thủ-lăng-nghiêm, nhóm họp thù động trên báo ân từ che chở, cúi nguyện, các căn cơ có chỗ nương nhờ, lan tỏa gia phong Thiếu Thất, diệu trí không cùng, thành tựu căn khí Đại thừa, mười phương ba đời tất cả, v.v...”. Kế là Tham đầu lãnh chúng, hành giả bày xếp, khấn tham lễ lạy tụng kinh, Nhân bộc sắp bày tham lễ. Qua sáng sớm hôm sau, Trụ trì dâng hương lễ lạy, dâng nước nóng dâng cháo, ngồi bên cạnh dưới tòa thêm phẩm vật. Dâng cháo xong, Trụ trì dâng hương dâng trà, Duy-na xướng tụng chú Đại Bi xong, hồi hướng rằng: “ Từ trên đến đây công đức phúng tụng, kính vì Sơ tổ Bồ-đề Đạt-ma Viên giác Đại sư Đại Hòa-thượng, trên đáp ân từ che chở, mười phương ba đời, v.v...”. Giữa bữa, đánh chuông ở Tăng đường nhóm chúng, hướng về Tổ, bày đứng, Trụ trì dâng hương, lạy ba lạy, chẳng thâu tọa cụ, tiến tới trước lò, dâng nước nóng, dâng thực phẩm. Thị giả mời khách thay nhau dâng cúng, đợi thị giả dâng hương đến bên cạnh Tổ vị bưng đặt trên án, lui về vị trí lạy ba lạy, bên tiến tới trước đốt hương Hạ phẩm vật xong, lạy ba lạy, thâu tọa cụ, đánh trống giảng đặc làm trà (như lễ nước nóng) xong, Trụ trì nguyện hương, có pháp ngữ, hành giả đánh nạo bạt, Duy-na ra ban, tiếp Trụ trì dâng hương, thị giả bưng Hộp hương. Kế là Đông đường, Tây đường ra ban dâng hương, đại chúng đồng lạy ba lạy, Duy-na bạch rằng: “Thân pháp giới thanh tịnh vốn không ẩn hiện, nguyện lực từ bi thị hiện có đến đi). Đọc sớ, Trụ trì quỳ bưng lò, tiếp xướng tụng chú Lăng-nghiêm xong, hồi hướng rằng: “Trước nay công đức tụng kinh, kính vì Sơ Tổ Bồ-đề Đạt-ma Viên Giác Đại sư Đại Hòa-thượng, trên đáp từ ân che chở, mười phương ba đời v.v...” Kế là hành giả tụng kinh.

Lời sớ: Lớn thay chánh truyền, tiếp tông tuệ của Giác Hoàng, rỗng rang không Thánh, phá bệnh của nghĩa học, trăm sông đến biển chóng dứt khác dòng, mặt trời tỏa sáng hết không ảnh xế. Chỉ tâm người mà thành Phật, thành Phật đồng tâm, khế Diệu đạo thì quên lời, quên lời mới thấy đạo. Có công lớn ở thế giáo, nên rộng bày ở Tông phong. Hiện hoa Ưu-đàm ở đời trược, thật làm tỵ tổ. Lấy khí Đại thừa ở Thần châu vào hết trong vỏ. Vừa gặp giờ lành bèn sánh dâng thái phiền. Cúi nguyện: Tín y bày nặng của Phật tổ lực nhậm ngàn cân, một

hoa nở xuân của đất trời, hương thơm đời.

Tổ sư là con thứ ba của vua Hương chí nước Nam Thiên-trúc. Chủng tộc Sát-đế-lợi, vốn tên là Bồ-đề Đa-la, sau gặp Tổ thứ hai mươi bảy là Tôn giả Bát-nhã-đa-la, biết sư ẩn tích, nhân đó khiến cùng hai người anh biện chỗ thí châu báu, phát minh tâm yếu. Thế rồi, Tôn giả bảo: "Ông đối với các pháp, đã được thông lượng. Đạt-ma là nghĩa thông đại, nên gọi tên là Đạt-ma". Do đó, đổi tên là Bồ-đề Đạt-ma, sư bèn thưa cùng Tôn giả: "Con đã đắc pháp, nên đến nước nào để làm Phật sự? Nguyện xin chỉ dạy!" Tôn giả bảo: "Ông tuy đắc pháp mà chưa thể đi xa, hãy dừng ở Nam thiên, đợi sau khi ta diệt độ sáu mươi bảy năm, rồi đến nước Chấn Đán (Trung Hoa) bày thuốc pháp lớn, tiếp ngay hàng thượng căn, cẩn trọng chớ vội đi, sẽ suy hại ở ngày sau". Ngày 21 tháng 09 năm Đinh mùi (527) tức niên hiệu Phổ Thông thứ tám thời Nam Lương, sư đến Nam Hải, Quảng Châu Thứ sử Tiêu Ngang dâng biểu tâu vua Võ Đế (Tiêu diễn 502-550), vua sai sứ mong chiếu ra đón rước, ngày mồng 01 tháng 10, sư đến Kim Lăng, nói chuyện với vua, nhưng chẳng khế hợp, ngày 19 tháng đó, sư vượt qua Giang Bắc, ngày 23 tháng 11, đến Lạc Dương, khi ấy là niên hiệu Thái Hòa thứ mười, đời vua Hiếu Minh Đế (Nguyên Hủ 516-528) thời Bắc Ngụy, muôn duyên dứt bỏ, đến chùa Thiếu Lâm ở Tung Sơn, sư ngồi xoay mặt vào vách tường, suốt ngày im lặng mọi người chẳng lường biết thế nào, bèn gọi sư là Bích Quán Bà-la-môn. Đến ngày mồng năm tháng mười năm Bính Thìn[2] tức năm Thái Hòa thứ mười chín, sư ngồi thẳng thị tịch, qua ngày 28 tháng 12 năm đó, an táng sư tại núi Hùng Nhĩ, xây tháp tại chùa Định Lâm, đến thời Đường vua ban cho Sư thụy hiệu là "Viên Giác Đại Sư", tháp hiệu là Không quán.

BÁCH TRƯỢNG KỴ

Trước kỳ, Đường ty đem các tài vật, chuẩn bị cúng dường, đến ngày, cách đêm, đúng như pháp lập bày pháp đường, trên treo chân dung, trang trí bàn cúng khoảng giữa, khoảng trên dưới là các thứ ghế án, cúng cụ. Ngay chiều tụng kinh, ngày chánh tán kỵ, đặt làm trà nước nóng, nguyện hương đọc sớ. Ra ban dâng hương đại chúng lễ lạy (đồng như lễ kỹ Đạt-ma) chỉ không có niệm tụng. Đầu đêm Hồi hướng rằng: "Thân pháp giới thanh tịnh vốn không ẩn hiện, nguyện lực từ bi thị hiện có đến đi, ngưỡng mong từ bi, xót thương soi xét. Ngày 17 tháng giêng,

2 Năm Bính thìn tức năm 536. Lúc này nhà Bắc Ngụy không còn, mà là thời Đông Ngụy, năm Thiện Bình thứ ba của vua Hiếu Tỉnh Đế (Nguyên Thiện Hiện 534-550), nên hai niên hiệu Thái hòa trên sai

cúi gặp gỡ Đại Hòa-thượng Thiền sư Đại Trí Giác Chiếu Hoằng Tông Diệu Hạnh ở Bách Trượng viên tịch, dẫn chúng Tỳ-kheo sắm sửa hương hoa, quả phẩm để bày cúng dường. Phúng tụng thần chú Đại Phật Đảnh Vạn Hạnh Thủ-lăng-nghiêm, nhóm họp thù động, trên báo ân từ che chở. Cúi mong hoa đàm hiện lại mở mang xuân của vườn giác, mặt trời tuệ mãi sáng, soi chiếu đêm tối tăm, mười phương ba đời tất cả, v.v...".

Lời sớ: Một lời làm pháp cho thiên hạ, trúng cũ trúng quy, muôn đời biết Tôn sư đạo có giềng có mối. Do thịnh của lễ nhạc tòng lâm, thấy nhiều của Long tượng pháp diên. Hoa phạm đồng văn, giàu phòng đá lớn lộc trời, kinh luật giúp nhau, nghiêm như khoa vàng điều ngọc, có trải nghi của trên nhà võ, chẳng bày lễ ngoài đồng hoang, tức dụng này, lìa dụng này, lời thoát trùng huyền, ra nơi cơ vào nơi cơ, lý cùng chúng diệu. Nên phối Thiền tổ để bồi tế, sao vâng ngày húy mà bày trai. Cúi mong: Đế Thích tinh tấn thắng tràng, chế các ma ngoại, Tế Bắc râm mát Đại thọ, che khắp Diêm-phù.

Sư là con nhà họ Vương, người ở xứ Trường Lạc, thuộc Phước Châu, vừa tuổi búi tóc đã xuất trần, luyện thông ba học, gặp lúc Mã tổ mở mang giáo hóa tại Giang Tây, pháp tịch rất hưng thạnh, như Đại Châu Nam Tuyền Quy Tông gọi là Pháp Long tượng, mà sư là Thượng thủ. Đến lúc Mã tổ thị tịch ở Lặc-đàm, Sư kế thừa, vì chúng nhóm họp đông nhiều không có nơi dung chứa, sư muốn từ giả bỏ đi, trên đường qua Tân ngô, dừng nghỉ dưới núi xa luân, có Cam Trinh đi dạo chơi gặp, xin cúng đất mời ở, thế rồi chúng lại nhóm đến, bèn xây chùa làm Đại Chiêu-đề. Ngày 17 tháng giêng niên hiệu Nguyên Hòa năm thứ Ba (814 - thời Tiền Đường), Sư thị tịch. Rừng sam chẳng nóng mà cháy rụi, khe Linh đang xuân mà khô cạn, bốn chúng buồn thương an táng tại núi Đại Hùng. Nguyên trước có Dị nhân Tư Mã đầu đà vì chọn đất an táng mà nói là "Bên cạnh liền ba ngọn núi chưa tận cùng sự vi diệu đó. Pháp vương ở đó, bậc thầy tiêu biểu của thiên hạ", mà người đời lấy làm tin. Niên hiệu Trường Khánh thứ nhất (821 thời Tiền Đường) vua Mục Tông (Lý Hằng 821-827) sắc phong Sư thụy hiệu là "Đại Trí Thiền Sư", tháp hiệu là "Đại bảo thắng luân". Đến niên hiệu Đại Quán thứ nhất (1107) thời Bắc Tống, thêm thụy hiệu là "Giác Chiếu", tháp hiệu là "Tuệ tụ". Đến niên hiệu Nguyên Thống thứ ba (1335) thời Đại Nguyên, lại thêm thụy hiệu là "Hoằng Tông Diệu Hạnh Thiền Sư".

KHAI SƠN LỊCH ĐẠI TỔ KỴ

Kỵ Khai sơn và đạo hạnh sùng trọng, công tỏa cả sơn môn là, cách đêm lập bày trên pháp đường (đồng như kỵ Bách Trượng), hoặc không sớ, Đường ty chuẩn bị cúng dường. Nếu kỵ Lịch Đại chẳng đủ sớ chẳng hiến đặc làm trà nóng. Đến kỳ, Đường ty dự báo cho khố ty chuẩn bị cúng dường, thỉnh bài vị, đến đầu phía Tây lập bày. Dùng cháo xong, nhóm chúng, Trụ trì lưỡng tự đứng một hàng. Duy-na ra tiếp ban dâng hương xong trở về vị trí, đồng lạy ba lạy, thị giả lạy cuối ban (Chí Đại quy nói: Có kiền thành đến Tổ đường hạ thực một vị tụng kinh, chẳng phải lễ). Cử tụng chú đại bi, Hồi hướng rằng: "Biển trời sáng báu lắng sóng tử sinh dồn dập, môn tịch định lớn dung tướng xưa nay đi lại. Kính mong chân từ xót thương soi xét, nay ngày mỗ tháng mỗ, sơn môn kính gặp giờ Thiền sư hiệu mỗ, đời thứ trong sơn môn thị tịch, sắm sinh vật phẩm sắp bày cúng dường. Chúng Tỳ-kheo phúng tụng Thần chú Đại Bi, nhóm họp thù động, thêm sùng phẩm vị, kính nguyện mặt trời tuệ lại sáng, soi giống của ánh sáng thất tổ, Linh căn lại đâm chồi, xoay xuân của hoa cây Thiếu Lâm".v.v... Hoặc hương nhân, hoặc giang hồ cử chú, hồi hướng rằng: "Trước nay công đức tụng kinh, kính vì Đại Hòa-thượng hiệu mỗ thêm lớn phẩm vị, mười phương ba đời, v.v...". Hoặc có biếu tặng, thì nêu tụng chú Lăng-nghiêm, Hồi hướng như trước.

TỰ PHÁP SƯ KỴ

Các bậc tiên đức chỉ khơi bày tông thừa, phát minh chính mình, mở bày cho hàng hậu học biết có trao nhận, để báo ân, như ba chuyển ngữ của Ba-lăng là Vân Môn làm kỵ, các bậc tiền bối có ý sâu vậy, nhưng tôn thầy trọng đạo, lễ chẳng thể phế bỏ. Trước kỳ, Trụ trì xuất của mình giao đến khố ty chuẩn bị lễ cúng, cách đêm, đến pháp đường, như pháp thiết bày. Hành giả Đường ty báo chúng, treo bảng tụng kinh. Ngay chiều, đó tụng chú Lăng-nghiêm, Hương nhân pháp quyến xướng tụng chú Đại Bi, tiếp hành giả tụng kinh, hồi hướng đều đồng. Sáng sớm hôm sau, Trụ trì dâng cháo, cháo xong, đại chúng tụng chú Đại Bi, Hương nhân pháp quyến xướng tụng chú, giữa bữa trai tan kỵ, phung tụng, Trụ trì dâng phẩm thức, giảng đặc làm trà, nguyện hương (đồng như kỵ Đạt-ma), Lưỡng tự dâng hương, đại chúng đồng lạy (bởi trên dưới tòa đều gọi là tham học). Giờ thọ trai, Trụ trì vào đường đốt hương, lễ lạy rồi trở về vị trí. Thị giả y bát hành sấn (có lúc đến pháp đường tụng kinh, biếu tặng là chẳng phải lễ). Trai xong, đến tòa châm trà, thị giả đốt hương hành lễ. Nếu giảng đặc làm bạn chân nước nóng (trai xong,

phương trượng, khách đầu mời Tây đường Lưỡng tự, khoảng chiều đối chân tướng bạn uống nước nóng, bày chiếu bày vị sắp ở bên phải tòa. Trụ trì tiếp đến tòa, đốt hương dâng nước nóng, và hạ tướng bạn người nước nóng, lùi thân đốt hương lễ lạy, khởi thân chào hỏi tạ tướng bạn, đánh ba tiếng bảng lui khỏi tòa. Nếu có năm, ba người ở Tây đường thì chia làm hai tòa: Tòa thứ nhất Tây đường uống nước nóng, Trụ trì hành lễ; Tòa thứ hai Lưỡng tự uống nước nóng, Thị giả hành lễ. Nếu không có Tây đường thì thôi, đến tụng kinh xong, chuẩn bị nước nóng quả, dự thỉnh Lưỡng tự cần cựu. Nếu có pháp quyến, các vị tôn trưởng, huynh đệ đồng môn, đều phải thỉnh họ. Tiểu sư hoặc pháp tôn thì không được đồng chiếu. Ngồi đã định, Trụ trì đứng dậy dâng hương dâng nước nóng xong, Thị giả đốt hương, hành nước nóng quả),

Chương Tôn Tổ hết.

CHƯƠNG THỨ NĂM: TRỤ TRÌ

Phật giáo truyền vào Trung quốc khoảng bốn trăm năm thì Sơ Tổ Bồ-đề Đạt-ma đến. Lại truyền tám đời thì Bách Trượng, chỉ lấy đạo trao nhận cho nhau, hoặc yên ở nơi núi hang, hoặc nương tựa chùa luật, chưa có tên Trụ trì. Bách Trượng vì Thiền tông dần thạnh, trên thì các bậc quân tướng vương công, dưới thì Nho lão trăm họ thảy đều kính mến phong hóa mà hỏi đạo, có đồ chúng rất đông, nếu chẳng phải tôn quý vị đó thì pháp của thầy chẳng nghiêm, mới bắt đầu kính mời sư đó làm Trụ trì, mà tôn xưng gọi là Trưởng lão. Như ở Thiên-Trúc tôn xưng Xá-lợi-phất, Tu-bồ-đề, vì tuổi tác đức hạnh đều cao cả. Làm nhà rộng lớn để cho chúng đó ở, thiết bày Lưỡng tự để phân chức, mà chế độ rõ ràng, còn như lao tác thì vẫn cùng chúng chung khổ nhọc. Sư thường nói: “Một ngày không làm, một ngày chẳng ăn, sao có giàu của kho lẫm mà an của tớ xe ư!” Nên mới đầu do chúng suy tôn, do đó mà gọi đó là Quan, mà còn từ chối chẳng đến, sau thì quý bán Hào đoạt xem như vật lạ. Nhưng nếu chẳng phải người đó, thì một chùa hoang phế, để lại bè lũ ở sau, đến mấy mươi năm lan tràn, chẳng thể tính liệu, mà thường truyền sự thảm thiết về minh báo đó, có người nỡ nhẫn nghe, có thể chẳng răn sợ ư!

TRỤ TRÌ NHẬT DỤNG:

* Về Thượng đường. mồng một, rằm, lúc cách đêm thị giả bẩm báo Trụ trì là “sáng sớm mai thượng đường chúc Thánh”. Tới sáng mai lại bẩm báo, hành giả phân phó khách đầu treo bảng thượng đường báo chúng. Dùng cháo xong chẳng đánh chuông hạ đường ba tiếng, đợi bày pháp tòa xong, hành giả Đường ty lại báo thủ tọa, đánh bảng trước liêu chúng, đại chúng ngồi ở đường, hành giả phương trượng báo Trụ trì, kế báo Thị giả đánh bảng, Lưỡng tự Lãnh Tăng hành, đến trước tòa chào hỏi, phân ban đối lập. Thị giả thỉnh vị Trụ trì ra, lên tòa nguyện hương chúc thọ (rõ ràng đầy đủ như chương Chúc Ly), ngồi thẳng khai phát người học, khơi bày đạo này. Nếu có khách cùng tự tạ, nhiều thì đầy đủ từng mục nhỏ, sợ có quên sót, Thị giả xướng nhắc. Hoặc có Trụ trì các chùa, danh đức Tây đường, thì bày vị trí bên phải tòa, quan khách thì đối tòa bày vị trí, (biết lễ tôn pháp thì chẳng ngồi). Về Ngũ tham thượng đường, Lưỡng tự đến dưới tòa chẳng về ban đứng. Trụ trì lên tòa, chẳng nguyện hương (các việc khác như thể thức trước). Nếu có các vị tôn túc đến thăm hỏi, thì đặt biệt Thượng đường, hoặc dẫn tòa cử dương. Thí chủ thỉnh thăng tòa thì chẳng câu nệ thời gian.

Học giả thời xưa vì quyết nghi nên có hỏi đáp, lúc đầu chẳng dính mắc ngôn ngữ. Gần đây gọi là Thiền khách, phần nhiều mờ tịt nhân quả, thêm lớn thói xấu ác, lấy làm đùa bởn huyên hoa nói cười, rất mất quán chiêm, huống chi cử dương Tông thừa, đoan chúc Thánh thọ. Nếu có các bậc danh đức và quan khách cùng quả, ít khiến nêu bày, mà nay, chư Tăng vì trách lỗi khen thuật tạ, rất trái với pháp thức. Như nói việc thường của nhà chùa, thì phương trượng nhóm họp uống trà bàn luận, không nói việc tạp, khiến chúng chán nghe.

*** *Vãn tham:*** Nhóm chúng khai thị chỉ dạy, đều gọi là Tham, người xưa giúp học trò khiến sớm tối thưa hỏi, không lúc nào chẳng khơi bày đạo này, nên mỗi buổi chiều phải tham thì ở lúc xế bóng. Đến nay tòng lâm tọa tham, như mồng một, rằm, ngũ tham lên tòa, lúc sắp nghe pháp, đại chúng ngồi tại đường (rõ đủ như ở chương Chúc Ly). Nếu Trụ trì đến chiều chẳng tham, thì hành giả Đường ty bẩm báo vâng lệnh Trụ trì đến Thủ tọa, đánh chuông ở Tăng đường ba tiếng, gọi là chuông phóng tham. Nếu Trụ trì nhập viện, hoặc Quan viên, đàn việt vào chùa, hoặc nhận người đặt thỉnh, hoặc gọi là người mất khai thị, hoặc bốn tiết lạp thì dời đến chuông tối mà đánh, gọi là Tiểu tham, có thể thuật theo thế lễ, gọi là gia giáo, nhưng cũng chẳng đánh chuông phóng tham, nghĩa là còn có tham.

*** *Tiểu tham:*** Tiểu tham, mới đầu không định nơi chốn, xem chúng ít nhiều, hoặc đến Tẩm đường, hoặc đến pháp đường. Đến sau giờ ngọ, Thị giả báo Trụ trì (chiều nay Tiểu tham), khiến hành giả khách đầu báo với chúng, treo bảng tiểu tham, ngay chiều đó chẳng đánh chuông phóng tham. Lúc chuông tối đánh, hành giả báo với Trụ trì, đánh bảng một hồi, nhóm chúng. Lưỡng tự trở về vị trí, Trụ trì lên tòa (đồng như ngũ tham thượng đường), đề cương lần lượt tạ quanh co rõ ràng, nhưng sau nêu xưa, kết tòa như bốn tiết, thuyết mời đầu thủ, cầm phất và giảng khỏi lễ nghi, rõ lược khiến chúng đều biết, xuống tòa, hành giả khách đầu thỉnh rằng: “Hòa-thượng, phương trượng thỉnh Tây đường lưỡng ban đơn liêu v.v... hộ mông đường Thị giả Thiền khách ngay bây giờ đến tẩm đường dâng nước nóng”, khố ty dự bị nước nóng quả, đưa lên phương trượng.

Xưa, tại phần Dương có Thiền sư Chiêu trụ viện Thái tử ở Phần Châu, vì đều đất phần khổ lạnh nên bải bỏ dạ tham, có vị Tỳ-kheo khác lạ rung tích trượng mà đến, nói với Sư rằng: “Trong Hội có sáu vị Đại sĩ, vì sao chẳng nói pháp?” Nói xong, bèn vọt lên hư không mà đi. Sư thầm làm kệ tụng ghi nhớ rằng:

"Hồ Tăng gậy vàng sáng
Vì pháp đến Phần Dương
Sáu vị thành khí lớn
Khuyên mời vì phu dương".

Bấy giờ, Sở Viên Thủ Chi hiệu là Thượng thủ, Sở Viên tức Từ Minh, sau ở Thạch Bá, mỗi lúc trai Phạm xong thường đi dạo núi, khi ấy Hội Công Dương Kỳ làm giám tự, nhìn ra đó, bèn đánh trống nhóm chúng. Từ Minh vội trở về giận dữ nói: "Buổi chiều mà thăng tòa, từ đâu mà được thước dây này?" Hội Công từ từ đáp: "Phần châu vãn tham sao là chẳng phải thước dây ư?" Từ Minh gật đầu.

Trước mỗi hạ, Cáo hương mới quy Đường là nêu một người Tham đầu, Duy-na hòa hội định đồng chúng đến Thị Ty, thưa rằng: "Huynh đệ mới đăng ký muốn cầu Hòa-thượng Cáo Hương Phổ thuyết, cảm phiền Thị giả thưa hỏi: "Đáp rằng: "Chấp nhận làm sau báo, sẽ trà lời". Nếu Trụ trì chấp thuận, thì báo với Đường ty ra Biểu đồ Cáo hương (nghi thức xem ở sau), lược chúng ít nhiều xếp thành mấy hàng, phân ra hai bên Đông Tây, đứng mặt hướng về pháp tòa, y theo giới lạp bày xếp, dự nhóm chúng tập nghi, hành giả đường ty xuất tiền chúng mua hương lớn nhỏ ba mãnh và giấy, chi phí làm Biểu đồ, giao tham đầu thâu. Đến ngày, thị giả báo khách đầu đến tẩm đường hoặc pháp đường, bày bình phong, ghế dựa, phải dùng chiếc án hương ba cặp đài đèn, ngay trước ghế dựa, khoảng chữ xếp, bên ngoài bày một chiếc chiếu lạy nhỏ. Hành giả Đường ty dự theo một báo chúng, treo bảng Cáo hương, Thị giả dự ra bảng nhỏ, niêm yết trên cây cột ở pháp đường rằng: "Kinh vâng từ chỉ của Hòa-thượng Đường Đầu, danh đức thủ tọa Tây đường đều miễn Cáo hương. Thị ty mỗ kính bạch". Đến ngày, dùng cháo xong, các Liêu đều đánh ba tiếng bảng, chúng nhóm họp, y theo vị trí như biểu đồ mà đứng, đều phải có hộp hương nhỏ, ngồi kiêt già. Tham đầu đồng Duy-na, Thị giả vào thỉnh Trụ trì ra, Tham đầu trở về vị trí, đồng chúng chào hỏi, rồi tiến tới trước thưa: "Thỉnh Hòa-thượng an tọa". Trụ trì đến tòa, phó tham thay đổi một mảnh hương lớn, cùng Tham đầu đồng chúng đáp lễ cắm hương, đều lạy ba lạy, thâu tọa cụ, lại đồng đáp lễ, Tham đầu tới bên cạnh ghế dựa, đáp lễ, thưa rằng: "Chúng con vì sinh tử việc lớn vô thường nhanh chóng, cúi mong Hòa-thượng từ bi khai thị nhân duyên". Trụ trì nêu thoại ba tấc, tùy hạ ngữ, trở về vị trí đáp lễ, cắm một mảnh hương, lại đồng chứng trở về vị trí đứng khoanh tay. Đông Tây mỗi bên ba vị ra ban. Người thứ nhất, thứ hai bên Đông qua trước lò bên Đông, người thứ ba lò giữa, người thứ nhất thứ hai bên Tây qua

trước lò bên Tây, người thứ ba qua trước lò giữa, cả hai bên đốt hương thăm hỏi, sau đó ba người bên Đông qua bên Đông, ba người bên Tây qua bên Tây, kế là như trước mà tiến tới dần hành mỗi tuần tiếp cuối ban, ba ba khoanh tay ra ban, chắp tay trở về vị trí, đợi mỗi vị đốt hương xong, lần lượt đi đến nguyên vị. Đồng chúng lạy ba lạy chẳng thâu tọa cụ. Tham đầu tiến tới bạch: "Chúng con được Hòa-thượng từ bi chỉ bảo, hạ tình chẳng thắng rất cảm kích". Trở lại vị trí, đồng chúng lạy ba lạy, lại tiến tới bạch: "Ngay bây giờ khiến cẩn trọng giờ cùng chỉ, Hòa-thượng Đường đầu tôn hầu đi ở muôn phước". Rồi trở lại vị trí đồng chúng lạy ba lạy thâu tọa cụ. Hành giả đánh năm tiếng bảng, Lưỡng tự chuyển thân tuần tự đứng trước tòa, tham đầu đứng dưới Tây tự, người cáo hương Đông Tây chuyển thân, y theo cần cựu mông đường đã cáo hương là đứng ở sau, Phổ thuyết xong, đứng đều hướng về pháp tòa, Tham đầu cầm hương, đồng chúng lạy ba lạy, miễn thì xúc lễ tiến tới bạch: "Chúng con đời trước may mắn, được nhờ Hòa-thượng từ bi khai thị, hạ tình chẳng thắng rất cảm kích". Khắp đồng đáp lễ mà lui. Tham đầu lãnh chúng gian dưới pháp đường, tạ Duy-na, thị giả xúc lạy một lạy, tiếp đại chúng tạ Tham đầu, xúc lạy một lạy, thỉnh thị giả khách dự y thứ lớp giới lạp, đầy đủ trà trạng, ghế, khăn gói bút nghiên, cáo hương xong, xếp bày gian dưới pháp tòa, mời dùng trà mỗi mỗi kiểm danh, thỉnh thủ tọa quang bạn, thọ trai xong, chúng trở về đứng ở vị trí. Hai Thị giả hành lễ (đồng thường đặt làm trà). Đang chiều phương trượng mời Tham đầu, Duy-na, Thị giả dùng bữa chiều, Thủ tọa quang bạn. Kế sáng hôm sau, thỉnh Tham đầu dùng trà, giữa bữa trai, thỉnh Duy-na Tham đầu Thị giả điểm tâm. Nếu đại chúng đồng dự cáo hương, thì thủ tọa làm Tham đầu, đặt đó làm trà, thỉnh Tây đường quang bạn. Trụ trì nhập viện, người sau định việc, Khố ty chuẩn bị hương, thủ tọa lãnh chúng khẩn thỉnh, vì chúng cáo hương, sau đó khai đường, (pháp xưa chưa dự cáo hương chẳng cho phép nhập thất".

*** Phổ thuyết:** Có khi đại chúng cáo hương mà thỉnh, đến ngồi ở chỗ lập bày, có đàn việt đặc thỉnh, nếu có Trụ trì vì chúng khai thị, thì lên pháp tòa. Lúc Phổ thuyết Thị giả bảo hành giả khách đầu treo bảng Phổ thuyết báo chúng, thiết bày nói Tẩm đường hoặc pháp đường. Dùng cháo xong, hành giả lạy Trụ trì, đánh bảng năm tiếng thư thả, Thị giả ra đợi chúng nhóm, thỉnh Trụ trì ra, y cứ ngồi Phổ thuyết, đồng như lễ tiểu tham.

*** Nhập thất:** Nhập thất là, tức Sư gia khám biện học trò, khuyên răn điều chưa đạt đến, dẹp hư cao, phá nghiêng nặng, như lò nấu vàng

thì thủy ngân chẳng còn, thợ ngọc sửa ngọc vũ phu phế cả, chẳng nệ sớm hôm, chẳng chọn nơi chốn, không thời gian nào không thực hành. Nên thời xưa Thích tử có hộp hương nhỏ thường mang theo thân, chỉ nghe đánh ba tiếng trống, thì đến nhập thất (thời này dùng ba tám nhập thất là, đầy đủ cố sự), gặp lúc khai thất, trước khi dùng cháo, Thị giả khiến hành giả khách đầu, treo bảng nhập thất trước Tăng đường và các liêu. Trong Tẩm đường có treo tượng Đạt-ma, phía trước bày hương đèn và chiếu lạy, thiết bày cầm đèn treo hương trong thất, chiếu lạy bày cạnh bên trái. Dùng cháo xong xuống đường khách đầu đánh ba tiếng trống thư thả. Trụ trì đến trước tượng Đạt-ma đốt hương, đồng Thị giả lạy ba lạy vào y cứ thất ngồi, Thị giả đáp lễ đứng bên trái bạn. Hành giả đáp lễ đứng bên phải ban. Đầu thủ lãnh chúng đến trước tượng Đạt-ma, đều đốt hương lạy ba lạy liền tiếp mà đến trước thất. Người đến sau y thứ lớp đốt hương lạy bái mà đứng, thứ lớp cùng đến chẳng chấp thuận lẫn lộn trước loạn mất thứ lớp. Thị giả đốt hương đáp lễ, ra ngoài tiếp thủ tọa vào, vào trước bước chân trái, vẫn dùng tay trái dâng hương, tiến tới trước đáp lễ, đến cạnh bên phải ghế dựa thiền mà đứng nghe nêu thoại. Hoặc hạ ngữ, hoặc chẳng hạ ngữ, tùy ý qua bên trái ghế dựa thiền, đáp lễ rồi lùi bước, xúc lễ lạy một lạy giở chân trái, ra tiếp người kế vào, một ra một vào cùng hướng đáp lễ liên tiếp chẳng dứt. Nếu Thủ tọa là Đại phương Tây đường, hoặc danh đức vào đốt hương, Trụ trì đang dưới tòa tiếp nhường tiễn ra. Gặp thăng đường bạch chúng đặc miễn (đây cũng là nghi của thời cận đại tập theo. Nếu các bậc cổ đức Đương cơ, Phật tổ chẳng nhường, sao giảng thế lễ. Trông lại sư gia sao như vậy). Chỉ hậu đường lãnh chúng tạm đến đều phải nhập thất, Thị giả ở sau, chúng nhập thất xong, đốt hương, lạy ba lạy, hành giả cắm hương lạy ba lạy. Trụ trì lại ra trước tượng Đạt-ma đốt hương, lạy ba lạy mà lui.

*** Niệm tụng:** Theo Thanh quy cổ, thì ngày mồng ba, mười ba, mười tám, mồng tám, mười tám, hai mươi tám. Nay chỉ hành mồng tám, mười tám và hai mươi tám. Đường ty y theo giới lạp thứ lớp lập biểu đồ

(Nghi thức xem sau). Đến ngày, quét tước trước Tăng đường. Sau giờ ngọ, hành giả Đường ty báo chúng, treo bảng niệm tụng. Đến trước tham, xem xét Tăng đường và các điện đường hương đèn đầy đủ, báo lại Trụ trì, Lưỡng tự, trước đánh bảng ở phương trượng và bảng ở chiếu đường, kế đi tuần ở hành lang, đánh bảng, Trụ trì ra, thư thả đánh ba tiếng bảng lớn, chúng nhóm họp, y cứ biểu đồ lập định, tạm đến nơi dưới vai Thị giả đứng. Thị giả theo Trụ trì đến Tổ đường, Thổ địa đường

và đại điện đốt hương, lạy bái. Đánh chuông lớn, Lưỡng tự dự tập bên ngoài đường, bảng lớn đánh mới về vị trí theo biểu đồ. Trụ trì nhập đường, Cung đầu đánh chuông trước đường bảy tiếng, đốt hương trước Thánh Tăng, Thị giả bưng hộp hương. Thị giả thư trạng trở về vị trí. Thị giả thỉnh khách liền sang Tây tự chào hỏi, thỉnh nước nóng đi tuần qua, kế là thỉnh Đông tự trở về vị trí, Trụ trì ra khỏi đường, đứng ngay ở giữa. Thị giả đốt hương theo ra đến vị trí, Duy-na trước lìa vị trí đến đầu cửa, đứng hướng về Trụ trì, chắp tay niệm tụng tám thượng tám trung rằng: "Hoàng phong mãi tỏa, đế đạo vang xa, mặt trời Phật sáng thêm, bánh xe pháp thường chuyển, thổ địa già-lam hộ pháp hộ người, mười phương Đàn-na thêm phước thêm tuệ. Vì duyên như trên, niệm pháp thân thanh tịnh Phật Tỳ-lô-giá-na, v.v..." Đại chúng mặc niệm, mỗi hiệu, ở trước Đường khinh ứng, đánh một tiếng chuông, niệm xong điệp một tiếng. Tám tiếng thì bạch đại chúng! Như lai Đại sư nhập Đại Niết-bàn, đến niên hiệu Chí Nguyên năm thứ nhất (1335) đời Nguyên đã được hai ngàn hai trăm tám bốn (2284) năm. Ngày nay đã qua, mạng sống giảm dần, như cá cạn nước, đâu có gì vui, các vị phải siêng năng tinh tấn như cứu lửa cháy đầu, chỉ nghĩ sự vô thường. Cẩn trọng chớ buông lung. Thổ địa già-lam hộ pháp hộ người, mười phương Đàn-na thêm phước thêm tuệ, vì duyên như trên, niệm pháp thân thanh tịnh mười hiệu v.v... Xong trở về vị trí. Trụ trì nhập đường, thủ tọa tiền đường vào kế, Danh Đức Tây đường sáo nhập, trở về đầu bảng Thánh Tăng đứng. Đầu thủ lãnh chúng, ba người một dẫn, đến trước Thánh Tăng đáp lễ, chuyển thân đến trước Trụ trì đáp lễ, chắp tay đi tuần đường, thuận theo vai trái mà chuyển, y cứ vị trí trong biểu đồ mà đứng, dẫn đến Thị giả theo chúng nhập, chi đi tuần nửa đường đến sau Thánh Tăng, Thị giả hướng cửa sau đứng, tạm đến hướng thị giả đứng, kế là thày Tri sự nhập đường, đến trước Thánh Tăng thăm hỏi, chuyển thân đến trước Trụ trì thăm hỏi, chắp tay đi tuần đường ra, tạm đến tiếp thị giả sau theo ra, hành giả đường ty đến trước Thủ tọa báo rằng (phóng tham), theo sau Thánh chúng chuyển ra khỏi đường. Cúng đầu đánh chuông ở trước Đường ba tiếng. Chúng cùng chung kính lễ, đều ra toàn đơn mà giải tán (Trụ trì ra, Lưỡng tự theo ra đến trước đường tạ nước nóng. Trụ trì đừng đó, tám hạ đến nước nóng, tẩm đường đánh bảng, thị giả đốt hương hành lễ như thường thức, nước nóng xong thì dùng bữa chiều. Theo pháp xưa thì ba tám đều có nước nóng, tám thượng tám trung thì khỏi dùng bữa chiều. Ngày đó chẳng tọa tham, đến chiều ngồi thiền như thường thức).

* ***Tuần liêu:*** Theo Thanh quy xưa, Trụ trì tuần liêu, trước Tăng

đường treo bảng tuần liêu báo chúng, mỗi liêu bày vị trí, đầy đủ hương trà, nước nóng. Do xét đợi Trụ trì đến, đánh bảng nhóm chúng, ở ngoài của bày đứng chào hỏi, theo Trụ trì vào liêu. Liêu chủ đốt hương đồng chúng chào hỏi mà ngồi, Trụ trì thăm hỏi người già bệnh, xem xét liêu phòng khuyết thiếu, thuật thoại mà dậy, chúng đáng bày tọa cụ tạ đến thăm hỏi, miễn thì đáp lễ cùng tiễn đưa. Hoặc mồng một, rằm tuần hành (thì chẳng treo bảng), nay chỉ lấy bốn tiết báo lễ làm tuần liêu, ngày khác chẳng giảng, năng trở lại xưa là phải thực hành.

Luật Tăng-kỳ chép: Đức Thế tôn do năm việc mà cứ năm ngày đến Tăng phòng một lần: Một là sợ đệ tử mê đắm việc hữu vi; Hai là sợ đắm trước tục luận; Ba, sợ mê đắm ngủ nghỉ; Bốn là vì thăm vị Tăng nào bị bệnh; Năm là khiến Tỳ-kheo trẻ tuổi thấy oai nghi Phật mà sinh tâm vui mừng.

**** Túc chúng:*** Trong Đại Tạng Kinh chép: Hàn lâm học sĩ Dương Ức đời tống suy tìm ý của Bách Trượng lập Thanh quy, lược nói: Hoặc có người giả hiệu trộm hình lẫn lộn trong chúng thanh tịnh, làm cho xảy ra những việc huyên náo, Duy-na tức phải xem xét, rút xuống bản vị treo. Đuổi ra khỏi viện là quý an chúng thanh tịnh. Hoặc kia có điều phạm, thì dùng gậy đánh, nhóm chúng đốt hủy y bát đạo cụ, đuổi theo cửa hông mà ra là bày sĩ nhục. Rõ ràng điều chế này có bốn lợi ích: Một là chẳng làm ô nhiễm chúng thanh tịnh, khiến sinh cung kính; Hai là chẳng hủy Tăng hình, y theo Phật chế; Ba là chẳng nhiễu cửa công, xét ngục tụng; Bốn là chẳng rò rỉ bên ngoài, bảo hộ tông cương. Nhưng Bách Trượng sáng lập Thanh quy, chiết trung năm thiên bảy tụ của luật Phật, Hoằng Phạm ba cõi. Phạm đàn đuổi trị, tự tứ nêu lỗi để chỉnh túc chúng đó. Quốc triều nhiều vị Thánh răn gắng tăng đồ nghiêm vâng Phật chế, trừ hình danh tội trọng, vì thuộc ngoài Hữu ty. Nếu Tăng nhân tự cùng can phạm, phải dùng luật Thanh quy để trị. Nếu đấu tránh phạm phần, hoặc ô hạnh buông lung, hoặc xâm chiếm của thường trụ, hoặc lén trộm tiền vật thì nên theo gia huấn, không lan truyền xấu xa ra bên ngoài, bởi đều xưng là họ Thích, chuẩn cứ tục đồng thân, tiếc giữ Tổ quy, tùy sự răn trừng, nặng trọng thì nhóm chúng tẩn đuổi, khinh nhẹ thì phạt tiền, phạt hương, phạt dầu, mà niêm bảng công khai, như quan hệ tiền vật có văn trạng trách phạt đòi bồi, chỉ bình chỉ đáng, khiến tự hối cải cứu vãn, Quy Thằng xưa có bài kệ chép:

"Trộm của và đấu tránh
Sắc rượu dơ Tăng luân
Chóng đuổi lìa chúng tịnh

Dung giữ thì hại chúng.

Lại nói:

"Phạm trọng đốt y bát
Nên phải nhóm mọi người
Chùa treo bảng nêu xấu,
Đuổi bỏ ra cửa hông".

Thiền sư Đại Tuệ lúc ở Dục Vương, niêm bảng tại Đường ty: "Tăng tranh cãi là vô minh, quyết định chẳng phải vị Tăng tốt, có lý, không lý, đều đuổi ra khỏi viện, hoặc bàn nghị có lý mà cũng tẩn đuổi, nghi chưa xác đáng. Bởi Tăng phải nhẫn nhục, nếu chấp có lý mà tranh cãi, tức là vô minh. Tẩn đuổi đó để dứt sự tranh cãi khi chưa nẩy mầm".

*** *Huấn Đồng Hành:*** Sáng ngày rằm, ngũ tham thượng đường xong, hành giả Tham đầu bảo hành giả hát thực báo với các cục vụ, trước hành đường treo bảng báo chúng. Chuông tối đánh, trước hành đường đánh ba tiếng bảng, nhóm chúng hành giả, trước ở tại điện Phật, kế là ở Tổ đường, trước Tăng đường, liêu tiền đường (hét tham) mới lên Tẩm đường bày đứng. Tham đầu vào phương trượng thỉnh Trụ trì ra chỗ ngồi. Tham đầu tiến tới cắm hương, lùi thân trở về vị trí, thư thả hét tiếng rằng "Tham", chúng thấp tiếng đồng nói "chẳng xét" và đều lạy ba lạy, lắng yên khoanh nghe Thanh quy răn dạy xong, lại lạy ba lạy. Tham đầu hét (trân trọng), chúng đồng thấp tiếng hòa, thăm hỏi mà lui. Nếu vị Trụ trì có duyên sự khác thì hành giả hát thực hét rằng: "Vâng từ chỉ của phương trượng là vãn tham", chúng nói "chẳng xét". Kế tiếp kéo dài tiếng hét rằng: "Phóng tham", chúng đều nói "trân trọng", xong, đồng thăm hỏi mà lui.

*** *Vì hành giả phổ thuyết:*** Tham đầu dự đến thị ty, cắm hương lễ lạy, thưa Thị giả rằng: "Hỏi báo Trụ trì". Nếu chấp thuận sự cầu thỉnh thì Tham đầu liền đánh bảng trước hành đường nhóm chúng, bày đứng ở Tẩm đường. Tham đầu theo thị giả vào thỉnh Trụ trì ra y cứ chỗ ngồi. Tham đầu đồng chúng thăm hỏi, tiến tới trước cắm hương, lùi thân trở về vị trí, thư thả hét rằng: "Chẳng xét", chúng thấp tiếng hòa xong, đồng lạy chín lạy. Tham đầu tiến tới trước thưa (chúng con lâu nghĩ Hòa-thượng dạy răn, cúi mong từ bi khai thị nhân duyên). Xong, chuyển thân thăm hỏi mà lui. Ngày hôm sau, tại hành đường treo bảng Phổ thuyết báo chúng, thiết tòa bàn hương đài đèn. Tham đầu báo chúng thỉnh Lưỡng tự lập ban, phó tham lãnh chúng tại cửa thỉnh Lưỡng tự nhập đường. Tham đầu đường chủ đến Thị ty đồng thỉnh Trụ trì xuống hành đường, chúng nước vào y cứ mời ngồi, Thị giả thăm hỏi đứng bên

cạnh. Lưỡng tự thăm hỏi xong, Thị giả đốt hương thỉnh pháp. Tham đầu lãnh chúng tuần tự đứng cầm hương, hét tham, lạy ba lạy, lui về phần sau Đông Tự Tây Tự bày đứng, khoanh nghe khai thị xong, Tham đầu lãnh chúng như trước bày đứng lạy ba lạy, liền ra ngoài cửa đứng bên phải, kế đưa tiễn Trụ trì Lưỡng tự. Sau đó, theo đến Tẩm đường, cầm một mảnh hương lớn, lạy chín lạy mà lui, kế đến Thị ty, cầm hương lạy ba lạy. Tham đầu, Phó tham đồng đến trước Lưỡng tự, mỗi mỗi lạy tạ.

* ***Thọ pháp y:*** Chuyên sứ đưa pháp y đến, trước xem xét lẫn nhau ý chung của Tri khách, đồng dâng Thị ty phiền thông phúc phương trượng, hoặc tức cùng tiếp, hoặc ở hôm sau đến. Thị giả dự khiến khách đầu báo thỉnh Lưỡng tự đến. Chuyên sứ cầm hương như thường lễ cùng xem, tạ trà xong, lại cầm hương, cả hai lạy ba lễ, miễn thì xúc lễ bèn từ rằng (người mỗ, pháp y biểu tín của Hòa-thượng, chuyên dâng trên đây), đem mâm khăn gói bày trình pháp y tín vật, sau đó nhập tòa, Lưỡng tự quang bạn, dùng trà xong thì dâng nước nóng, nước nóng xong, Lưỡng tự đồng đưa đặt xuống, Thị giả dẫn tuần liêu. Ngày khác thượng đường, cạnh bên trái pháp tòa bày vị trí Trụ trì, chuyên sứ bày lạy ba lễ, bưng y thay nhau dâng, Trụ trì tiếp y, có pháp ngữ, đắp y thăng tòa, hoặc kế thừa Pháp sư đã thị tịch, gian bên phải pháp đường, thiết bày Linh, hạ tòa cúng tế, tụng kinh, như lễ gửi thứ đến, xem ở sau.

* ***Đón hầu tôn túc:*** Có các vị tôn túc đến thăm viếng, phải dự treo bảng tiếp tôn túc, đánh chuông nhóm chúng đón rước ở cửa. Kia nếu còn chọn lựa thì ngầm vào chùa, Trụ trì phải ở tẩm đường đầy đủ hương đèn đón rước, vẫn khiến đánh chuông ở Tăng đường, khách đầu báo với Thủ tọa, lãnh chúng cầm hương thăm hỏi xong, chúng lui, Lưỡng tự cần cựu đến bồi tòa, đốt hương uống trà xong, thị giả mới cầm hương lễ lạy. Thị giả mang hành lý, hành giả nhân lộc kiệu theo tham lễ, trương trượng chấp cục và tham đầu lãnh chúng, hành giả nhân bậc kiệu phướng lần lượt tham lễ. Thị giả lại đốt hương châm nước nóng, nước nóng xong, Lưỡng tự cần cựu đồng tiễn khách vị, khách đầu khiến chuẩn bị kiệu, Trụ trì đồng dẫn tuần liêu báo lễ, Thị giả theo hầu. Nếu các chùa trở xuống thì Thị giả dẫn tuần liêu, Thị giả thỉnh khách đầy đủ trạng văn, đến khách vị, cầm hương lạy thỉnh đặt làm nước nóng, bẩm rằng: "Phương trượng lạy thỉnh Hòa-thượng, chiều nay đến tẩm đường, đặt làm hiến dâng nước nóng, cúi mong từ bi giáng trọng". Bẩm xong, trình trạng văn (biểu thức xem sau). Xong, khách đầu lại thưa: (Thỉnh Hòa-thượng dùng nước nóng xong, đến tòa dùng bữa chiều. Tại tẩm đường, đinh treo màn trướng, treo bảng chiếu, thiết đặt làm vị trí Quang

bạn, đánh trống hành lễ, tiếp ngồi, tiếp hương, khuyên nước nóng, dùng nước nóng xong, dùng bữa chiều, đều đồng thường đac biệt làm lễ, khách đầu đến khách vị thỉnh rằng: “Phương trượng thỉnh Hòa-thượng chiều nay dùng nước nóng quả”. Vẫn thỉnh Lưỡng tự Quang bạn, thị giả báo lại. Sáng sớm hôm sau, thượng đường đáp tạ, sáng kế tiếp thỉnh dùng nước nóng, thị giả đốt hương, hành giả đáp lễ. Bộc theo tiếng dạ, Trụ trì cùng bồi dùng cháo, cháo xong Thị giả lại thưa bẩm Thượng đường, bày vị trí bên phải tòa, giữa bữa điểm tâm. Như Đại Tôn túc thì thủ tọa chúng Đầu thủ thưa bẩm Trụ trì, khuyên thỉnh vì chúng giảng dạy pháp yếu. Trụ trì trước đến khách vị trình bày ý, nếu chấp thuận thì thủ tọa đầy đủ trạng văn. Lượng tự đại chúng đồng đến khách vị, cắm hương lạy thỉnh, tiếp thỉnh Trụ trì dẫn tòa báo chúng treo bảng, hai bên trước pháp tòa bày đứng. Đến giờ đánh trống, Trụ trì đồng xuống đứng trước vị trí pháp đường, Trụ trì trước dẫn tòa, cùng đồng thường thượng đường, hạ tòa lưỡng tự đến trước tôn túc chào hỏi. Tôn túc đến trước Trụ trì chào hỏi, trở về giữa chào hỏi chung rồi lên tòa. Thị giả Lưỡng tự ra ban chào hỏi, Trụ trì chào hỏi. Nói pháp xong xuống tòa đến trước Trụ trì chào hỏi, cùng cả đại chúng chào hỏi. Trụ trì Lưỡng tự đại chúng theo đến khách vị, cắm hương lạy tạ. Thị giả thỉnh khách đầy đủ trạng văn, thỉnh đặt làm quản đãi. Sơn môn đặt vật thực chuẩn bị dâng cúng, phương trượng chuẩn bị thêm sấm. Hành lễ cùng thường đặc là đồng. Nếu các chùa bình giao lễ trong châm chước thì có thể. Nếu pháp quyến tôn trưởng đến, trước giảng các chùa cùng gặp lễ, tiễn đưa khách vị thỉnh ở tòa giữa, Trụ trì cắm hương lễ lạy, giảng pháp quyến lễ. Phương trượng ngồi trong phải nhường vị trí giữa, đón đưa như lễ trước, hiến dâng nước nóng đích thân hành lễ. Khách lực từ, Thị giả hành lễ. Nếu tự pháp biện sự thì pháp điệt thăm viếng, phải tự thân đến phương trượng Trụ trì liền bảo đánh chuông ở tiền đường, nhóm chúng nhân sự, trước thỉnh Trụ trì ngồi giữa, hàng đệ tử pháp quyến lễ, kế là giảng các chùa lễ, kế là tiễn đồng như trước. Chỉ đặt làm nước nóng quản đãi chẳng đủ trạng văn. Thị giả thỉnh khách đốt hương bày thỉnh, lại xem tuổi tác giới lạp cao thấp, đến lúc thông biến (thỉnh nước nóng, thỉnh quán đãi, thỉnh thăng tòa, mỗi việc đều có trạng thức xem ở sau).

Các lời trạng văn:

- Trụ trì chùa này Tỳ-kheo mỗ, như trên, mỗ liền chiều nay đến Tẩm đường, châm nước nóng đac làm, cúi mong tôn từ đặc biệt xót thương giáng trọng, kính trạng.

Ngày tháng năm, đầy đủ vị trạng:

- Trụ trì chùa này Tỳ-kheo mỗ, như trên, mỗ liền ngày mai đến tẩm đường, chuẩn bị đủ cơm nước. Cúi mong tôn từ xót thương giáng trọng, kính trạng.

Ngày tháng năm đầy đủ vị trạng.

- Thủ tọa chùa này Tỳ-kheo mỗ, như trên, mỗ liền lấy ngày mai lạy thỉnh cử dương tông chỉ, khai thị hậu học, cúi mong tôn từ xót thương cho phép, kính trạng.

Ngày tháng năm đầy đủ vị trạng.

- Khả lậu tử trạng văn cầu thỉnh, xứ mỗ Thiền sư Hòa-thượng đường đầu, đầy đủ vị, kính thư.

**** Thí chủ thỉnh thăng tòa trai Tăng:*** Thí chủ đến cửa, tri khách tiếp kiến dẫn lên Phương trượng, hiến dâng trà nước nóng, tiễn an ở dưới. Nếu quan quý đại thí chủ, phải đánh chuông nhóm chúng đón rước từ cửa, tiễn an ở dưới ổn định, thí chủ liền mời Tri sự bàn bạc, đồng lên phương trượng, đốt hương lạy thỉnh thăng tòa, đến ngày thiết bày pháp tòa, trước tòa bày vị trí của thí chủ, treo bảng thượng đường, báo chúng, đánh trống nhóm chúng, tri khách đồng thí chủ lên phương trượng thỉnh Trụ trì, phải chuẩn bị thủ lư, đèn, phướn, nạo bạt, như nghi thức đón rước đến trước tòa, lên tòa an tọa. Thí chủ đến trước tòa lạy bái. Tri khách vái dẫn vào vị trí nghe pháp (chỉ nhận lễ ngồi thì khinh mạn pháp). Xuống tòa lạy tạ. Nếu trai Tăng thì phải cùng tri sự bàn định trai liệu dụng phí, Duy-na đầy đủ số mục Tăng hành. Vật phẩm tùy số biếu đều, có nghi thức bên trong Tăng đường bày vị trí thí chủ cùng Trụ trì phân tay, trai xong, tri sự bồi thí chủ đến đứng giây lát trước Tăng đường, đợi thủ tọa lãnh chúng ra khỏi đường mà lạy tạ, tiếp Trụ trì tri sự đến khách vị tạ. Hoặc có giữ tiền trai Tăng, Trụ trì giao trách nhiệm cho tri sự, cần phải hết số sắm sinh vật cúng cẩn trọng chớ sử dụng lẫn lộn việc khác, phải nghĩ nhân quả rõ ràng.

Trong Nhân Thiên Bảo Giám chép: Thiền sư Trí trụ núi Vân Cái ở Hồ Nam, ban đêm ngồi nơi trượng thất, chợt nghe hơi khí đốt cháy và tiếng gông cùm, bèn nhìn, thì thấy có một người đội lửa mang gông, lửa tắt vẫn cháy chẳng thôi, đuôi gông tựa vào chốt cửa. Thiền sư Trí kinh sợ hỏi: “Ông là ai mà khổ sở thế ư?” Người mang gông ấy đáp: “Tôi trước là Thủ Ngung ở chùa này, chẳng được đem vật đàn việt cúng Tăng mà tạo Tăng đường,(nhưng tôi lại làm việc ấy) cho nên chịu khổ này”. Thiền sư Trí hỏi: “Phải làm cách nào để thoát khỏi?” Người ấy đáp: “Mong vì giúp đánh giá trị Tăng đường mà thay thiết cúng Tăng, nước có thể khỏi”. Thiền sư Trí bèn đem của cải riêng của mình như

lời nói đó mà đền bù, một đêm nọ mộng ấy người ấy đến cảm tạ rằng: "Nhờ lực sư ủng hộ mà được khỏi khổ địa ngục, sinh lên cõi trời, ba đời sau lại được làm Tăng". Nay vết chốt cửa cháy lẹm hiện vẫn còn. Nhưng Ngung Công đem vật cúng Tăng làm Tăng đường đều là Tăng thọ dụng, còn chịu quả báo của hỗ dụng. Nếu nay đây tòng lâm bác bỏ không nhân quả, chẳng phải chỉ hỗ dụng, mà còn trộm của thường trụ làm của mình, nên thế nào ư!

**** Người thọ tự pháp tiễn điểm:*** Nếu pháp tự đến chùa Tiễn Điểm khiến mang hành tri sự đến khố ty cùng bàn tính, sắm sinh hợp dụng, tiền vật đưa nhận, cách đêm trước đến thị ty hỏi bẩm thông báo, đến phương trượng cắm hương lễ lạy, miễn thì xúc lễ thỉnh rằng: "Sớm mai đến vân đường hãy đủ lễ cúng, cúi mong từ bi xót thương giáng trọng", khiến khách đầu thỉnh Lưỡng tự, Đơn liêu, các liêu, treo bảng tiễn điểm. Đến ngày, vị trí Trụ trì ở Tăng đường nghiêm trang thiết bày, và ghế khăn gói vật phẩm, v.v... đầy đủ. Hỏa bản đánh, đại chúng đến đường, người Tiễn Điểm theo Trụ trì vào đường tiếp ngồi, Thánh Tăng trước chuyển thân đốt hương, chắp tay, sang trước Trụ trì chào hỏi, chuyển sau Thánh Tăng mà ra, Trụ trì dẫn tay tiếp người điểm ngồi, vị trí ở đầu bản tri khách. Hành giả hét rằng: "Thỉnh đại chúng hạ bát", hành thực khắp xong, người Tiễn Điểm đứng dậy đốt hương, đặt vật phẩm đáp lễ Trụ trì và hành chúng vật phẩm, Trù ty mới đánh bản trai đến hành Phạn, Phạn xong, chúng thâu bát, lùi ghế Trụ trì, người Tiễn Điểm đốt hương đến trước Trụ trì thăm hỏi, theo sau Thánh Tăng ra trước lò đáp lễ. Đánh chuông, hành trà khắp, tiến đến trước Trụ trì khuyên dùng trà, lại theo sau Thánh Tăng ra, tiến tới trước Trụ trì, trải tọa cụ, bạch: "Ngày nay lạy bạc từng phiền đặc nhục giáng trọng, hạ tình chẳng thắng rất cảm kích". Hai bày ấm lạnh xúc lạy ba lạy, đưa tiễn Trụ trì ra. Người Tiễn Điểm lại trở về đường đốt hương gian trên dưới thăm hỏi để tạ quang bạn, lại trong lúc thăm hỏi, đánh chuông gom chén bát, kế đến phương trượng tạ giáng trọng, Trụ trì theo đến khách vị đặt tạ. Nếu các chùa Tiễn điểm hầu trai biện, thỉnh Trụ trì đồng đến đường, tiếp Trụ trì ngồi, Trụ trì ngay đó mẫu hành lễ, tiếp người tiễn điểm về vị trí, trì hành thực khắp, đứng dậy đốt hương đến trước Trụ trì đáp lễ hạ phẩm vật, biếu vật phẩm mọi người, đốt lửa bạn hương, về vị trí bạn thực, trà lễ giảng chăng tùy nghi châm chước.

**** Tự Pháp sư gởi thư đến:*** Chuyên sứ mang thư đến chùa (lễ nghi rõ xem thiên Di thư ở sau), phương trượng mở thư, Lưỡng tự trước hỏi thăm Trụ trì, gian giữa pháp đường bày cúng tế, nguyện hương trước

tòa, có pháp ngữ, cử ai, lạy ba lạy, dâng nước nóng, lại lạy ba lạy, dâng phẩm thực, hạ vật thực đánh chuông, giảng đặt làm lễ, lạy ba lạy, dâng trà, đánh ba tiếng trống, lui tòa thâu tọa cụ, Duy-na xướng tụng chú Lăng-nghiêm, hồi hướng (đồng như Tự Pháp sư), Lưỡng tự bốn liêu, giang hồ hương nhân pháp quyến, Tiểu sư biện sự đều có tế. Trụ trì ở bên trái của bàn linh (như có các chùa và Tây đường pháp quyến dưới tòa cùng sư làm bạn đồng hành dâng tế thì Trụ trì đồng chuyên sứ đáp lạy, trở xuống thì chẳng đáp lạy). Tế xong, tụng chú Đại Bi, hồi hướng rằng: "Trước nay công đức phúng tụng, kính vì chùa mỗ, Đại Hòa-thượng hiệu mỗ, thêm lớn phẩm vị, tất cả Phật mười phương ba đời, v.v...". Thủ tọa Lãnh chúng an ủi Trụ trì rằng: "Pháp môn bất hạnh, khiến Hòa-thượng thị tịch, hàng hậu học mất nơi nương tựa, buồn thương khôn xiết, còn mong kham nhẫn lực hành đạo này".

Sắc Tu Bách Trượng Thanh quy quyển hai hết.

■

SẮC TU BÁCH TRƯỢNG THANH QUY

QUYỂN 3

THỈNH TRỤ TRÌ MỚI

* ***Phát chuyên sứ:*** Chùa viện ở mười phương, Trụ trì trống vắng, thì tấu trình lên sở ty, xét người bạn xuống, khổ ty hội Lưỡng tự cần cựu dùng trà, bàn nghị phát chuyên sứ tu thư (Đầu thủ tri sự cần cựu trước mông đường, giúp tăng chúng) chế sớ (giang hồ các chùa sơn môn), bảng trà nước nóng (chuyên sứ ghi danh) thỉnh thư ký làm, nếu khuyết thư ký thì chọn người giỏi văn chữ tốt, phân làm, dùng lụa trắng viết bảng, chỗ thỉnh chuyên sứ hoặc thượng thủ tri sự, hoặc cần cựu, hoặc Thủ tọa Tây đường, hoặc sung thứ Đầu thủ vào đó, nếu chẳng phải Tri sự sung chuyên sứ cũng phải tri sự trở xuống một người đồng bỏ trông coi của cải nghị sự, đầy đủ phải biết một sách, gồm ghi chép Bản tự nên có ruộng đất sản vật cơ nghiệp, và đón rước nghi tùng, tất cả đều đầy đủ. Sơn môn quản đãi chuyên sứ một hành nhân tùng, đến ngày khởi trình, đến các liêu giã biệt nhau, đánh chuông ở tăng đường nhóm chúng ở cửa tiễn đưa, dưới ba cửa đóng treo trướng hướng vào bên trong thiết bày vị trí, giảng trà nước nóng lễ, thỉnh Lưỡng tự cần cựu quang bạn. Như Thượng thủ Tri sự đi thì Hạ thủ Tri sự hành lễ. Như Đầu thủ cần cựu đi thì Thượng thủ Tri sự hành lễ, tiếp ngồi đốt hương, tiếp hương trở về vị trí, cùng bạn uống trà, lại đứng dậy đốt hương, tiếp hương trở về vị trí, cùng bạn uống nước nóng, xong gom chén tách. Chuyên sứ đứng dậy tạ và lên kiệu.

* ***Đương Đại Trụ trì thọ thỉnh:*** chuyên sứ đến chùa kia, trước gặp tri khách, đồng đến khố ty tiếp đưa an ở, kế nữa ra mắt Đầu thủ và các liêu, đến Thị ty trình rõ lai lịch, Thị giả thông báo Trụ trì, đợi được chăng? Nếu chấp thuận, sau đó khiến thiết bày ghế, khăn gói, an đặt sớ điệp, báo cho Lưỡng tự đến, vào thỉnh Trụ trì ra, Chuyên sứ chào hỏi (mời ngồi). Trụ trì đứng giữa, Chuyên sứ cầm hương, lạy ba cái tiến tới trước thưa: “Mỗ được sơn môn sai khiến vin đến tôn nghiêm, được

kính thờ Từ nhan. Hạ tình chẳng ngăn nỗi cảm kích". Lại ba lạy từ tạ rằng: Ngay hôm nay khiến lúc cung kính cùng mong, Tân mạng Đường đầu Đại Hòa-thượng, tôn hầu đi đứng muôn phước. Lại ba lạy thâu tọa cụ, trụ trì đều đáp một lạy, tạ từ rằng: Lẽ ra thỉnh mạng có gió châm phong, hãy cẩn thận xa xưa đến nay không thắng nhiều họac Chuyên sứ trình sớ điệp thưa hỏi, Trụ trì tiếp đặt trên bàn, mở thư sớ xem qua, Thị giả mời ngồi (Chuyên sứ đối diện Trụ trì mà ngồi, Tây đường dời xuống một vị để nhường khách xa), uống trà xong, đồng Lưỡng tự tiễn đưa khách vị, hành giả Đường ty đánh chuông ở Tăng đường, đại chúng đến phương trượng làm giá, khố ty chuẩn bị hương. Thủ tọa Tri sự đều cầm hương bày đầu, ban từ rằng: "Pháp môn lắm may, mong xét vinh chuyển đổi mừng động tòng lâm. Hạ tình chẳng thắng chỉ của mừng vui". Lại trải thưa: "Ngay hôm nay khiến kính cẩn lúc cùng chỉ, Tân mạng xứ mỗ Đại Hòa-thượng đường đầu tôn hầu đi ở muôn phước". Xúc lễ lạy ba lạy, Trụ trì đáp một lạy, ban từ rằng: "Tự lường sơ lầm, chợt ứng chọn đây, qua cẩn xưng giá, chẳng thắng lắm thẹn". Chúng giải tán, Tri khách dẫn Chuyên sứ tuần liêu xong, lần lượt trình nạp bản tự phải biết nghi từ mọi vật đang chiều đặt làm nước nóng, phẩm vật dùng chiều, đến tối, dùng nước nóng quả, đều thỉnh Lưỡng tự cần cựu, quang bạn khố ty bày biện.

**** Thọ thỉnh thăng tòa:*** Thọ thỉnh rồi, ngày hôm sau thăng tòa, Thị giả phân giao hành giả, dự cạnh bên phải ở dưới pháp tòa, bày sắp sớ điệp xếp vị trí. Chuyên sứ dự thưa Duy-na thỉnh người đọc sớ điệp, Thị giả báo Trụ trì, đánh chuông, như nghi thức thường thượng đường. Trụ trì ra đến vị trí mà đứng, đưa hương lên ghế, chuyên sứ đốt hương trình sớ điệp, mỗi lần trình một sớ, thì chuyên sứ đốt hương thay đổi dâng. Trụ trì theo một niệm thường có pháp ngữ, đọc xong, Chuyên sứ vẫn đốt hương, cả hai lạy ba lạy, hoặc xúc lễ, hoặc miễn tại ý Trụ trì lùi ghế, Trụ trì lên tòa nêu giềng mối tuần tự tạ kết tòa.

**** Chuyên sứ đặc biệt làm Tân mạng tiễn điểm:*** Chuyên sứ trước cùng Tân mạng bàn định vật phẩm trai cúng, khinh trọng nên hợp nghi. Lưỡng tự cần cựu, hương nhân pháp quyến biện sự biếu cúng phẩm vật, phí tổn trai liệu, v.v... Chuyên sứ thân đưa nạp khố ty đặt làm. Đến ngày, Chuyên sứ đến phương trượng cầm hương lạy thỉnh. Mới đầu bày thưa: "Hôm nay giờ ngọ, đến Vân đường đặt làm Tiễn điểm, cúi mong Từ Bi giáng trọng. Hạ tình chẳng thắng chí của chiến hạn". Lại, bày thưa: "Ngay hôm nay khiến kính cẩn lúc cùng chỉ. Tân mạng Đại Hòa-thượng Đường hầu, tôn hầu đi ở muôn phước", xúc lạy ba lạy,

Trụ trì đáp một lạy, Lượng tự đơn liêu hệ thuộc phương trượng khách đầu, đồng hành giả Chuyên sứ, mỗi mỗi đến Liêu, thưa thỉnh theo bảng Tiễn điểm báo chúng, ở bên trong Tăng đường thiết bày chiếu chủ, bản ở Tây đường bày vị trí Chuyên sứ. Bảng trà nước nóng giăng hai bên ở ngoài Đường. Đến giờ thọ trai, Chuyên sứ đến trước Tăng đường đợi Trụ trì vào Đường, chào hỏi rồi trở về vị trí mời ngồi, trở về giữa chào hỏi, mời chúng ngồi, đốt hương trước Thánh Tăng, tiếp gian trên dưới, tiếp đốt hương bên ngoài Đường, vẫn trở về bên trong Đường, gian trên dưới trước Trụ trì và Đường bên ngoài chào hỏi, vẫn trở về giữa chào hỏi, hành thực khắp, đốt hương hạ phẩm vật Trụ trì, tiếp hành phẩm vật đại chúng xong, trở về vị trí bạn trai, đợi chiết nước ra, đánh trống. Chuyên sứ lại đứng dậy, đốt hương hành lễ đồng như trước, hành trà khắp bình ra như trước, đáp lễ thâu chén bát Trụ trì, chuyên sứ hành lễ, mới đầu bày thưa: "Mỗ cũng chuẩn bị cơm rau, cúi mong Từ Bi giáng trọng. Hạ tình chẳng ngăn mỗi cảm kích", thứ hai là bày thuật lạnh ấm, xúc lạy ba lạy, tiễn đưa Trụ trì ra, lại trở về Đường đốt hương lạy ba lạy, tuần Đường một vòng bên ngoài Đường, lại trở về khoảng giữa bên trong Đường thăm hỏi, thâu chén bát, đánh ba tiếng chuông xuống tòa, Chuyên sứ theo lên phương trượng đặt tạ, kế đến khố ty đặt trai, lại đến phương trượng, thỉnh Trụ trì đến chiều dùng bữa chiếu, đến tối dùng nước nóng quả, đều thỉnh Lưỡng tự cần cựu quang bạn.

**** Sơn môn quản đãi Tân mạng và Chuyên sứ:*** Khố ty cùng bàn quản đãi cúng phẩm vật đúng như nghi thức. Cách ngày, Thượng thủ tri sự đến trước Tân mạng, cầm hương lạy thỉnh, kế đến khách vị thưa thỉnh Chuyên sứ, khiến khổ ty khách đầu thỉnh Lưỡng tự cần cựu quang bạn, xếp đặt phẩm vật phải đúng như lễ, chẳng thể khinh miệt. Từ ngữ hành lễ đều đồng như lễ đặt làm. Bên trong Tẩm đường, thiết tòa cao của Trụ trì, Chuyên sứ phụ vị trí bên phải. Lưỡng tự như thường xếp hai bên, cần cựu đối diện vị trí, Thị giả tri sự vị trí dưới, xa tiếp Bộc tùng quản đãi bên ngoài, phải chi thưởng công khó nhọc, chỗ đến Trụ trì nhiều nhân trở về chùa khác. Tăng hành ôm hoài tức giận, động khiến môi mép, truyền đến quan viên sĩ thứ, nhân một người không biết mà khiến cả chùa mang tiếng xấu. Các bậc Lão thành kỳ túc ngoại hộ gần núi, phải răn dứt đó, nhưng làm Trụ trì là, phạm sự thiếu sót, thì mến đó có thể được.

**** Tân mạng từ chúng thượng đường trà thang:*** Đến ngày ra đi Chuyên sứ đến các liêu từ biệt, Tân mạng thượng đường đặt tạ Lưỡng tự cần cựu đại chúng, xuống tòa đánh tiếng ba trống, đứng hướng về

pháp tòa, khắp cùng đại chúng xúc lạy ba lạy, từ hàng hiên phía Tây ra, đánh chuông lớn và các pháp khí. Đại chúng đứng ở cửa đưa tiễn. Hành bộc bày đứng ngoài cửa. Đầu cửa chùa dự đóng treo trướng thiết bày, ở giữa lập tòa cao hướng vào trong, Thủ tọa hướng ra ngoài nhiếp ở chủ vị, Tây đường cần cựu phân tay quang bạn, Đông tự Tây tự hai bên chầu ngồi. Thượng thủ Tri sự hành lễ mời ngồi, vái hương trở về vị trí, chân trà thâu chén, lại đứng dậy đốt hương, vái hương trở về vị trí châm nước nóng, nước nóng xong đứng dậy tạ và lên kiệu. Lưỡng tự cần cựu chuẩn bị kiệu tiễn đưa xa, Trụ trì đang mạnh miễn đó, đánh chuông lớn, kiệu Trụ trì đi xa mới thôi.

*** Tây đường Thủ đầu thọ thỉnh:** Chuyên sứ đến chùa, trước gặp tri khách, đồng đến Thị ty, dẫn ra mắt phương trượng cầm hương lạy bái, cùng chào hỏi, dùng trà xong, tiễn đưa khách vị, kế đến các liêu nhân sự xong, thưa Thị giả đồng đến Phương trượng, thưa hỏi rằng: "Chùa mỗ thỉnh người mỗ Trụ trì". Trụ trì báo Lưỡng tự cần cựu đồng sang trong liêu người thọ thỉnh, trải bày sớ điệp thưa hỏi. Chuyên sứ cầm hương hành lễ, đồng như thỉnh Đương đại, nếu chẳng chấp thuận thì chúng vì khuyên thỉnh, thọ thỉnh sau, Trụ trì thỉnh Tân mạng và Lưỡng tự cần cựu dùng trà, tiễn đưa Tân mạng trở về khách vị, thứ lớp nhận thêm, tuần liêu nhân sự, chiều thỉnh Tân mạng Chuyên sứ đặt làm nước nóng, vật thực bữa chiều, nước nóng quả, Lưỡng tự quang bạn.

*** Người thọ thỉnh thăng tòa** (danh đức, Tây đường, Tiền đường thủ tọa mới nêu hành này): Chuyên sứ phải cách đêm ôm hương đến Phương trượng, xúc lạy ba lạy, bày từ rằng: "Lạy thỉnh Hòa-thượng ngày mai vì Tân mạng Hòa-thượng dẫn tòa". Đến ngày sau, dùng cháo xong, cạnh bên phải pháp tòa xếp bày ghế, ghế dựa, trên ghế an đặt sớ điệp, bên trái tòa cũng thiết bày ghế dựa của Trụ trì, đánh trống nhóm chúng, Trụ trì ra lên tòa, đồng như lễ ngũ tham, bảo thị giả thỉnh khách thỉnh mời Tân mạng ngồi kiết già khen tốt, Tân mạng vì pháp mà ra khuyên thỉnh cử dương, an ủi chúng khát ngưỡng, nêu thoại có không chẳng câu nệ (tùng nguyên vì am thất dẫn tòa, Tiếu am vì tùng nguyên dẫn tòa đều chẳng nêu thoại. Thạch kiều vì giản thường dẫn tòa, tức am vì phục am dẫn tòa đều nêu thoại). Xuống tòa, Trụ trì trở về bên trái tòa hướng ra ngoài mà đứng. Chuyên sứ đồng tri khách thị giả, đến trước Tân mạng thăm hỏi xong. Tân mạng ra trước Trụ trì thăm hỏi, kế cùng Lưỡng tự đại chúng thăm hỏi. Nếu Tân mạng là đệ tử Tự pháp, Trụ trì giao pháp y, có pháp ngữ, đắp y xong tiến tới trước, thỉnh Trụ trì ngồi, lạy ba lạy chẳng thâu tọa cụ. Tiến tới bày từ rằng: "Sớm

được đào luyện, ngưỡng thẹn tiên Tông, lại thỉnh đã cần khó trốn công mạng, hạ tình không nhậm chí của sợ lo". Lại lạy ba lạy, tiến tới bày từ rằng: (Ngay hôm nay khiến kính cẩn lúc cùng chỉ. Đường thượng bổn sư Đại Hòa-thượng tôn hầu đi ở lắm phước). Lại lạy ba lạy, thâu tọa cụ, tiến tới thăm hỏi, Trụ trì đáp rằng: "Chỗ đây nói gửi, một sợi chỉ chín đảnh, chẳng cung đang nhân, chỉ mong bảo nhậm". Tức trở về đứng ở bên phải tòa, Chuyên sứ độ sớ điệp đều có pháp ngữ. Nếu chẳng phải pháp tự, thì liền ra trước tòa chào hỏi Trụ trì, kế là chào hỏi đại chúng Lưỡng tự, xong thẳng về bên phải tòa niêm y, niêm sớ điệp, có pháp ngữ. Chuyên sứ trước thưa Duy-na thỉnh người tuyên sớ điệp, đọc xong chỉ tòa có pháp ngữ. Lên tòa, ban lời hỏi đáp đề cương thuật tạ, kết tòa, xuống tòa. Đến trước Trụ trì, hai lần lạy ba lễ. Lần đầu bày, từ rằng: "Chịu ứng thỉnh mạng, có vết Tông phong, ngưỡng mong ngọc thành, hạ tình chẳng ngăn nổi cảm kích". Trụ trì đáp rằng: "Mừng vui thỉnh của trời người, vinh thêm sáng của mặt trời Phật. Hạ tình chẳng ngăn nổi hân hoan". Kế là tỏ bày rằng: "Ngày hôm nay khiến cẩn trọng lúc cùng chỉ, Đường đầu Hòa-thượng tôn hầu đi ở lắm phước", xúc lạy ba lạy. Hoặc giảng hoặc miễn, tùy ý Trụ trì, kế là chào hỏi đại chúng Lưỡng tự, Tri khách Thị giả dẫn tuần tiêu đặt tạ. Như Tự pháp là xuống tòa trước đến trước Trụ trì lạy ba lạy, lui chào hỏi Đại chúng, sau đó đi tuần tạ, đồng như trước. Như dùng kế là Đầu Thủ Tây đường, đến giờ lại tại Trụ trì châm chước giảng hành.

**** Chuyên sứ đặc biệt làm người thọ thỉnh Tiễn điểm:*** Chuyên sứ đến trước Tân mạng bàn định phẩm vật phương trượng dẫn tòa, phẩm vật giúp chúng, người đọc sớ điệp, và Lưỡng tự cần cựu giang hồ hương nhân pháp quyến, v.v... biếu thêm phẩm vật. Đến ngày, dùng cháo xong, Chuyên sứ ôm hương đến phương trượng xúc lễ lạy thỉnh rằng: "Hôm nay giờ ngọ, đến Vân Đường chuẩn bị cơm rau, đặt biệt làm Tân mạng Hòa-thượng, cúi mong từ bi xót thương giáng trọng". Lại đến trước Tân mạng lạy thỉnh, đồng lễ trước, phương trượng khách đầu đồng Chuyên sứ hành giả, thỉnh các Liêu đều treo bảng Tiễn Điểm. Ở bên trong Tăng đường, Trụ trì đối điện thiết bày vị trí Tân mạng. Bên ngoài Đường, đầu bảng tri khách thiết bày vị trí Chuyên sứ, bảng trà thang đó giăng hai bên ở ngoài đường, đến giờ trai, báo Tân mạng đến trước Tăng đường, đợi Trụ trì đồng vào đường chào hỏi, Chuyên sứ theo vào đường, trước vái Trụ trì, trở về vị trí, kế vái Tân mạng trở về vị trí. Đốt hương hành lễ đều đồng như trước. Hạ vật thực, hành phẩm vật trà xong, trước thâu chén Tân mạng, Chuyên sứ tiến tới trước hai lần bày ba lễ, tiễn đưa Tân

mạng ra cửa sau. Chuyên sứ vào trước Trụ trì hai lần lạy ba lễ, tiễn đưa Trụ trì ra cửa trước, lại trở về Đường đốt hương, lạy ba lạy, tuần Đường một vòng và bên ngoài Đường trở về giữa chào hỏi. Thâu chén, đánh ba tiếng trống, lui tòa. Đang chiều, nước nóng quả, dùng bữa chiều, quang bạn đồng như trước.

**** Sơn môn quản đãi người thọ thỉnh và Chuyên sứ***: Đến Tẩm đường thiết bày vị trí chủ của Trụ trì. Tân mạng đối diện vị trí giữa, bên trái bày vị trí chuyên sứ. Lưỡng tự cần cựu quang bạn vị trí hai bên. Hạ phẩm vật, hành lễ đồng như trước.

**** Người thọ thỉnh từ chúng thăng tòa trà thang:*** Người thọ thỉnh bảo Thị giả đồng Chuyên sứ dự đến Phương trượng thưa mượn pháp tòa, Thượng đường từ chúng, tòa chẳng thiết bày, bên trái thiết bày vị trí của Trụ trì, đánh trống nhóm chúng. Trụ trì ra trở về vị trí, người thọ thỉnh thẳng đến trước Trụ trì chào hỏi, tiếp cùng đại chúng kính lễ, thăng tòa cử dương xong, xuống tòa, trước từ biệt Trụ trì xúc lạy ba lạy. Kế đừng hướng về pháp tòa, từ biệt chúng khắp đồng xúc lạy ba lạy. Đầu cửa hướng vào trong khoảng giữa thiết đặt vị trí giảng trà thang. Lưỡng tự cần cựu quang bạn. Thượng thủ tri sự hành lễ cùng đương đại đồng, đánh chuông lớn tiễn đưa. Kế là Tây đường đầu thủ, thì không từ biệt chúng thượng đường, lúc sắp đi, trước đồng Chuyên sứ lên phương trượng, cầm hương xúc lạy ba lạy bẩm thưa gĩa từ, kế là tuần liêu từ biệt. Đầu cửa chùa, lễ trà thang đồng như trước.

NHẬP VIỆN.

Người xưa, eo bao đầu nón, đến cửa chùa thì cởi nón, vào cửa đốt hương, có pháp ngữ, đến trước Tăng đường cởi bao, chỗ vắng rửa chân, lấy y đắp mặc, vào Đường đốt hương, trước Thánh Tăng, lạy ba lạy, người tham thì tùy người đồng bái. Treo móc xong, đến điện Phật nguyện hương, có pháp ngữ, vào phương trượng y cứ thất có pháp ngữ. Lần lượt khai Đường chúc Thánh. Thời nay, Tân mạng đi đến phải xét nơi an ở gần xa, gần thì thủ tọa lãnh chúng đến rước, xa thì Lưỡng tự cần cựu mà thôi. Chuyên sứ dự phải tính bẩm thưa Trụ trì, trước phải phát thệ khỏi chúng xa đón rước. Nếu nơi an ở gần phải làm nước nóng quả, Lưỡng tự cần cựu quang bạn chọn ngày nhập viện. Khố ty mỗi mỗi bày biện, cách đêm treo bảng tiếp Trụ trì, báo chúng. Đến giờ đánh chuông lớn và các pháp khí. Đại chúng đứng ở cửa đón rước từ xa đến gần, hai hàng bày đứng. Hành bộc đứng bên ngoài đại chúng, Tân mạng đến cửa, đốt hương nêu pháp ngữ. Đến điện Phật đốt hương nêu pháp

ngữ, lạy ba lạy, đánh chuông ở Tăng đường. Đại chúng trước trở về địa vị bình bát lập định. Tân mạng vào Đường đốt hương, người tham tùy người đồng lạy ba lạy. Duy-na ngay mặt chào hỏi, dần tuần Đường một vòng, người tham tùy trước ra. Lưỡng tự tiễn đưa Tân mạng trở về vị trí bình bát, xúc lạy ba lạy, kế đến Thổ địa đường, Tổ đường đốt hương, đều có pháp ngữ, vào phương trượng y cứ thất, Thị giả tiến tới trước đốt hương chào hỏi, đứng bên cạnh đợi cử pháp ngữ xong. Hành giả tiến tới ghế bút nghiên. Tri sự đầy đủ trạng văn (Biểu thức xem ở sau), đầy đủ mâm khăn gói bưng trình ấn chùa. Tân mạng xem thư, giao Tri sự mở thư. Tân mạng xem Triện, xong đến trên trạng văn kiểm ký trước, kế đề Nhật tử, sai in ở trên, Tri sự toàn ban tiến tới xếp bày, Thượng thủ cầm hương, cả hai lạy ba lễ. Mới đầu bày từ rằng: “Từ nhờ Hòa-thượng sáng rọi pháp diên, Hạ tình chẳng ngắn nối mừng vui”. Kế tiếp bày từ rằng: “Ngay hôm nay khiến kính cẩn lúc cùng chỉ, Tân mạng Đường Đầu Đại Hòa-thượng tôn hầu đi ở nhiều phước”. Xúc lạy ba lạy. Các chùa và Đầu thủ cần cựu tiến tới trước cầm hương (hương chẳng nhận), thảo giá xong. Hành giả khách Đầu hét rằng: “Thỉnh lưỡng ban cần cựu các chùa đến tòa dâng nước nóng”. Nước nóng xong, thỉnh quan khách các chùa điểm tâm. Nếu đời trước Trụ trì riêng chuyển dời chưa đến, hoặc thối ở Đông đường, chưa y cứ thất, trước giảng giao thay lễ. Tân mạng nhận Thảo giá rồi, đánh chuông ở Tăng đường, lãnh chúng đích thân tiễn đưa thay trước, trở về liêu đối xúc lạy một lạy, tiếp thủ tọa đại chúng là giá, Hành bộc đều phải tham lễ lạy.

- Trình chùa (Tỳ kheo khố ty của chùa này, chùa mỗ ấn một cái)
- Ấn trạng (như trên kính cẩn bày nạp, Tân mạng Đường Đầu Đại Hòa-thượng cúi hầu từ chỉ, Ngày tháng năm đủ vị trạng)

**** Sơn môn thỉnh Tân mạng trai:*** Thượng thủ tri sự đợi y cứ thất, sau đó nhân sự hơi xong, chuẩn bị mâm, khăn-gói, lò đèn, đầy đủ trạng văn (biểu thức xem ở sau), ôm hương đến phương trượng thỉnh trai, cả hai lạy ba lạy. Mới đầu bày rằng: “Giờ ngọ đến Vân đường chuẩn bị cơm rau cầu đón, cúi mong tôn từ xót thương giáng trọng. Hạ tình chẳng ngăn nổi chiến hạn”. Kế là bày tuần tự lạnh ấm, xúc lạy ba lạy. Trụ trì đáp một lạy, Tri sự trình trạng văn, phương trượng khách đầu thâu, khổ tu khách đầu thiết bày vị trí của Trụ trì bên trong Đường, hành lễ cùng đồng như đặt làm quản đãi.

- ***Trai:*** (Tỳ kheo khố ty chùa này là mỗ giáp, như trên, mỗ lấy giờ ngọ đến Vân đường, chuẩn bị cơm rau, cầu đón rước. Cúi mong tôn từ xót thương giáng trọng).

- ***Trạng:*** (Ngày tháng năm đầy đủ vị trạng, khả lậu tử trạng thỉnh Tân mạng, v.v... trước tên tòa. Đầy đủ vị, kính thư).

**** Khai đường chúc thọ:*** Xưa, khai đường chầu mạng hạ, hoặc sai quan dốc thỉnh, hoặc Bộ Sứ giả, hoặc quận huyện đưa tệ lễ thỉnh đến chùa mỗ, hoặc quan bản tự cấp tiền lo liệu thiết trai khai đường, đều quan tự có thỉnh sớ và bán trà thang, v.v.. xem văn tập của các danh công, gần lại khai đường phần nhiều chùa tự chuẩn bị. Đến giờ vào viện, Thị giả phân giao hành giả, thiết bày pháp tòa, báo chúng, treo bảng Thượng đường, ghi đủ quan viên, danh mục các chùa, dự trình Trụ trì, ở bên trái tòa bày vị trí, bày ghế, khăn gói, lò đèn, an đặt sớ điệp. Dự trước hòa hội Duy-na tuyên công văn, Thủ tọa đọc sớ sơn môn, và kế đầu thủ, hoặc giang hồ danh thắng các chùa đọc các sớ khác và dự mời các chùa một người bạch chùy. Đối diện trước tòa bày vị trí Quan viên, Thị giả báo phương trượng, đánh trống nhóm chúng. Thị giả đồng Chuyên sứ vào thỉnh Trụ trì ra nạo bạt phướn hoa, đốt đèn rước dẫn đến đứng trước vị trí Pháp đường. Như lúc thọ thỉnh chưa niêm y, phải nêu pháp ngữ. Đắp y xong, Chuyên sứ tiến tới trước cắm hương hành lễ. Mới đầu bày thưa: “Hôm nay cúi mong Hòa-thượng quang lâm pháp diên, Hạ tình chẳng ngăn nổi cảm kích”. Kế là bày tuần tự lạnh ấm xong, xúc lạy ba lạy, Trụ trì đáp một lạy, trước trình công văn, nêu pháp ngữ xong, kế là giao Duy-na tuyên bạch, kế nữa là sớ giang hồ các chùa sơn môn, mỗi mỗi thay nhau dâng. Có pháp ngữ phân tiễn tuyên đọc. Nếu thấy quan nhậm thỉnh khai đường có sớ, đích thân tự bưng thay nhau có pháp ngữ, đọc xong, chỉ pháp tòa có pháp ngữ, lên tòa nguyện hương chúc Thánh, kế là nguyện hương Đế sư tỉnh viện đài hiến quận huyện văn võ quan liêu. Thị giả theo một độ hương, chỉ hương pháp tự Trụ trì ân trong đó rút ra tự cắm vào lò, vén y ngồi kiết già. Thị giả đốt hương xuống tòa chào hỏi, Lưỡng tự ra bàn chào hỏi xong. Thị giả lại lên tòa đốt hương đáp lễ. Lễ đồng như mồng một rằm thượng đường, Trụ trì các chùa tiễn đưa người nhập viện cũng ra chào hỏi. Trụ trì phải sai Thị giả thỉnh quan viên ngồi, Thượng thủ các chùa ra bạch chùy, đánh chùy một tiếng, bạch: Pháp diên chúng Long tượng, đang quán nghĩa nghĩa bậc nhất”. Trụ trì nói lời hỏi đáp nên lên giềng mối, tuần tự tạ quan viên các chùa rằng: “Hôm nay khai đường, chánh vì chúc Thánh, chẳng dám nhiều từ thuật bày”. Chuyên sứ Lưỡng tự cần cựu lược đề qua, rõ tại lúc Tiểu tham thuật bày. Kết tòa, người bạch chùy lại đánh một tiếng chùy, bạch rằng: “Quán chắc pháp Pháp vương, pháp Pháp vương như vậy”, xuống tòa, trước nhận quan viên làm giá xong. Tri sự kế tiễn khách vị.

Hành giả khách đầu liền tiến chỗ lò đèn, một chữ bày xếp trước tòa, Chuyên sứ cắm hương, cả hai lạy ba lạy xong. Hành giả Đường ty hét rằng: “Nhân sự các chùa”, kế hét: “Nhân sự Tây đường”, bái lễ hét rằng: “tri sự nhân sự” cả hai lạy ba lạy. Lại hét rằng: “Nhân sự đại chúng Thủ tọa” cần cựu mông Đường tiền tư các liêu đều cắm hương, đồng đại chúng cả hai lạy ba lạy xong. Tháp Trang Khổ am pháp quyến hương nhân, tạm đến bày giá xong y cứ tòa, Thị giả tiểu sư cắm hương lạy ba lạy, kế là hành giả chấp cục cắm hương lễ lạy. Kế làTham đầu lãnh chúng hành giả cắm hương lễ lạy, tiếp trực sảnh kiệu phướn trang giáp làm đầu, Lão lang nhân bộc tham lễ xong, Trụ trì liền đến khách vị, đặt tạ Quan viên các chùa, lần lượt tuần liêu, các liêu phải bày chỗ để hương ghế, lò đèn, đều đầy đủ oai nghi. Ở bên ngoài liêu do xét Trụ trì đến, Liêu chủ trước đứng đầu phía dưới trước cửa đón vào, mời ngồi cắm hương. Trụ trì đáp hương, lược tuần tự lạnh ấm đặt tạ tiễn đưa ra. Mông đường tiền tư các Liêu đều xếp đầu dưới bên ngoài cửa, đồng đưa đồng tiễn.

**** Sơn môn đặc biệt làm Tân mạng trà thang:*** Bảng trà thang dự treo gian trên và dưới trước Tăng đường, khố ty vẫn đầy đủ trạng thỉnh (biểu thức xem ở sau), chuẩn bị mâm khăn gói lò đèn đến phương trượng cắm hương lạy thỉnh. Miễn thì xúc lễ thưa rằng: “Trai xong đến Vân đường châm trà đặc làm, cúi mong từ bi giáng trọng”. Thưa xong, trình trạng văn, tùy khiến Khách đầu thỉnh Lưỡng tự cần cựu đại chúng, quang bạn treo bảng châm (trà, nước nóng), báo với chúng. Bên trong Tăng đường bày vị trí Trụ trì (gần đây, lúc có trai nghe đánh bảng dài, Tri sự vào Đường đốt hương lạy bái, Tuần liêu một vòng, thỉnh trà, nhưng đặc làm Trụ trì bày giá. Thanh quy xưa cũng không tuần Đường, lễ thỉnh đại chúng, miễn đó là đúng). Trai xong lui, đánh bảng nhóm chúng, Tri sự tiếp Trụ trì vào Đường, trở về vị trí mới ngồi đốt một nén hương, Trụ trì trước vái hương, theo sau Thánh Tăng chuyển về giữa, chào hỏi mà đứng, hành trà khắp bình ra, đến trước Trụ trì tiếp trà, lùi thân, sau Thánh Tăng theo phía hữu ra đốt hương lạy ba lạy, khởi dẫn toàn ban, đến trước Trụ trì, cả hai bày ba lễ, tiễn đưa ra. Lại trở về đường đốt hương gian trên dưới, chào hỏi thâu chén lui tòa, nước nóng đồng như lễ trà. Chỉ không tiễn đưa Trụ trì ra khỏi đường. Nước nóng xong, đến tòa dùng bữa chiều.

- ***Trạng:*** (Tỳ-kheo khố ty chủa chùa này là mỗ, như trên mỗ khải thưa, lấy lúc này trai xong lui, chiều đến Vân đường châm trà nước nóng, dùng trọng nghi của bày giá. Cúi mong tôn từ xót thương giáng

trọng.)

- ***Biểu thức:*** (Ngày tháng năm đầy đủ vị trạng, Khả Lậu Tử đồng biểu thức trạng trai).

* ***Ngay chiều đó tiểu tham:*** Trai xong, Thị giả báo Trụ trì rằng: "Chiều nay tiểu tham", khiến khách đầu báo chúng treo bảng Tiểu tham, ghi đầy đủ Chuyên sứ Lưỡng tự cần cựu mông Đường, trước giúp các liêu, trang khố am tháp nghiệp, Thị giả tạm đến nhập viện, Thiền khách tham tùy, hoặc có quan khách các chùa cùng tiễn đưa nghỉ lại qua đêm, theo một điều lệ dự cùng trình thưa. Lúc đánh chuông tối, Thị giả đáp phương trượng, sau đánh bảng thì đánh một hồi trống, chúng nhóm ở Lưỡng tự về vị trí định đứng, Trụ trì ra lên tòa, ban lời hỏi đáp đề cương xong thì từ tạ. Hành giả bưng đèn, Thị giả trình từng mục nhỏ, cho được tường tận, xuống tòa hành giả khách đầu hét rằng: "Hòa-thượng phương trượng thỉnh Hòa-thượng các chùa, lưỡng ban Tây đường cần cựu mông Đường Thị giả thiền khách ngay hôm nay đến thỉnh đường dâng nước nóng". Tri sự tiễn đưa quan khách, trở về khách vị dùng nước nóng quả.

* ***Vì đàn việt xây chùa mà thăng tòa:*** Cách đêm, Tri sự phải báo Trụ trì, sáng sớm hôm sau, Thị giả khiến khách đầu treo bảng Thượng đường báo chúng, khố ty sai người trang nghiêm từ đường, cúng dường cháo xong, đặc biệt Thượng đường, trình bày ý sự việc xong, thì nói pháp, xuống tòa, nhóm chúng đến từ đường, đốt hương, châm trà nước nóng dâng cúng, Duy-na xướng tụng kinh, hồi hướng.

* ***Quản đãi Chuyên sứ:*** Tri sự dự thưa Trụ trì, bàn với Chuyên sứ người đọc sớ điệp phẩm vật biếu đáp ít nhiều, phương trượng chuẩn bị phẩm vật biếu tặng, phải cho hợp tiết. Đến ngày, ở Tẩm đường đóng treo bày thiết vị thứ, thỉnh Lưỡng tự cần cựu quang bạn, thiết vị trí đac biệt. Thị giả thỉnh khách đích thân thỉnh. Ngoài ra, các người khác thì phương trượng khách đầu thưa thỉnh, lễ đồng như lễ thường đặc biệt làm.

* ***Lưu thỉnh Lưỡng tự:*** Lưỡng tự dò xét quản đãi Chuyên sứ xong, liền đến phương trượng thưa bẩm báo lui, Trụ trì chưa thể vội theo. Thị giả khiến hành giả khách đầu chuẩn bị nước nóng đầy đủ mâm khăn, lò đèn. Trụ trì mang Thị giả đến khố ty các Liêu, khỏi bảng Lưu khách, trước báo rước Trụ trì vào phân tay ngồi. Thị giả đốt hương châm nước nóng, dốc lễ khuyên lưu lại, nếu chức quá đầy cũng phải khoan nhịn, đợi Trụ trì hơi rảnh lại bẩm thưa từ lui.

* ***Báo tạ xuất nhập:*** Phàm quan viên đàn việt các chùa cùng tiễn đưa vào viện, lễ nên báo tạ, quan phủ quận huyện cũng phải tham kiến,

như ở núi rừng ra xa, khiến hành giả chuyển lời khố ty thủ tọa Duy-na tri hội. Xuất nhập thì Tri sự thăm dò kỳ hạn trở về, khiến Đường ty treo bảng tiếp hộ chuông bài báo chúng, đánh chuông, đón rước từ cửa. Trụ trì trước khiến truyền lời miễn đó, tức đến điện Phật, thổ địa đường đốt hương. Thủ tọa lãnh chúng đến phương trượng chào hỏi, chúng lui lưu lại, Lưỡng tự cần cựu dâng nước nóng mà giải tán, thị giả phương trượng, hành giả chấp cục cắm hương lễ lạy, kế là tham đầu lãnh chúng hành giả lễ lạy xong, Trụ trì phải tuần liêu báo lễ. Nếu ở thành phủ quách triều chớ xuất nhập vô thời, chẳng hẳn giảng hành, hoặc kín đồng phương trượng, Lưỡng tự cần cựu đều phải đến phương trượng hỏi đi ở, không ycứ ngày Hòa-thượng ở núi. Hóa duyên nhiều ra vào, thường dòm ngó giờ trai cháo, thẳng về Tăng đường, bạn chúng thọ thực xong. Phương trượng khách đầu đợi Thị giả Thánh Tăng đánh chùy xuống đường. Đại chúng sắp xuống đất, hét rằng: "Đại chúng đứng chốc lát, Hòa-thượng phương trượng tuần đường". Trụ trì đốt hương tuần Đường một vòng, ra khỏi Đường. Lại hét rằng: "Hòa-thượng chuyển lời với đại chúng, chẳng phiền hỏi kịp". Lưỡng tự cần cựu cũng phải đến phương trượng chào hỏi.

**** Giao cát châm cơ thập vật:*** Sau nhập viện phải hội Lưỡng tự cần cựu dùng trà, cặn kẽ chào hỏi sơn môn chuyên vụ châm cơ khế thư các vật lặt vặt, theo một điểm đối, giao cắt tính toán của cải thóc gạo, bạ thư phân rõ quan phòng làm tệ, chuyên tại xét rõ.

**** Thọ Lưỡng tự cần cựu tiễn điểm:*** Đến ngày, Thủ tọa, Tri sự cần cựu đến phương trượng, cầm hương lạy thỉnh Trụ trì, tiếp đến Thị giả tiểu sư. Thiết bày vị trí của Trụ trì trong Tẩm đường, vị trí của Lưỡng tự cần cựu như thường ngồi, Thị giả mang hành lý Tiểu sư chào hỏi Trụ trì xong. Lưỡng tự cần cựu ngồi sau cùng. Đến giờ, Thủ tọa thỉnh Trụ trì ra, mời ngồi, hành lễ. Nếu miễn, chỉ đốt hương tiến tới trước chào hỏi, hạ phẩm vật. Thủ tọa tri sự cần cựu làm đầu, ba người chào hỏi trở về chỗ ngồi. Thọ thực xong, thủ tọa đứng dậy đốt hương. Nếu miễn lễ thì đến chỗ ngồi uống trà, đạo cựu các chùa và pháp quyến tiểu sư biện sự, v.v... đồng như lễ thỉnh Tẩm đường tiễn điểm. Chỉ người tiễn điểm thiết vị trí cao thấp, lúc ấy có châm chước.

THỐI VIỆN

Nếu vị Trụ trì tuổi già bị bệnh, hoặc tâm lực mệt nhọc, hoặc duyên chẳng thuận, nên biết tiền vật thối lại thường trụ phải có sổ ghi rõ ràng, mọi vật nơi phương trượng điểm đối giao cắt đầy đủ đơn mục một dạng

hai bản. Trụ trì, Lưỡng tự cần cựu kiểm ký, dùng ấn ký của chùa, Trụ trì, khố ty mỗi người giữ một bản để đối chiếu, công thỉnh một người coi giữ phương trượng. Đến ngày rút lui, thượng đường tuần tự tạ từ chúng rồi xuống tòa, đánh ba tiếng trống mà lui. Nếu lưu lại bản tự thỉ ở Đông đường. Người cùng dứt Trụ trì phải nên dốc lễ ôn tồn. Đời Tống, vua Lý Tông lấy vườn trà chùa Linh Ẩn vì Diêm Phi mà xây chùa. Xung Công - Si tuyệt trú núi, ngày lui khỏi viện, tự thân mang bao nón đi đến Lô Sơn, sai sứ lưu lại đó, chẳng trở lại. Cao phong ngàn xưa ai tiếp nối đó!

THIÊN HÓA (thị tịch)

Bệnh tật cảm thấy nặng nề, dự mời Lưỡng tự cần cựu châm đối, gom thâu y bát hành lý đưa đến nơi Phương trượng, sai công cẩn trọng hành bộc coi giữ, để đợi đánh giá xướng, hoặc có nêu rõ biếu rải mọi vật, nên vừa phải chớ để ân oán không đồng về sau đấu tránh. Nếu y bát ít ỏi, theo việc kiểm chọn, căn dặn tiểu sư chẳng được mặc áo gai khóc than, thỉnh Thủ tọa làm chủ tang, tất cả Phật sự đều miễn, chỉ xướng kệ vô thường đồng như vong Tăng tân tống, không tốn phí của thường trụ, không nhọc đại chúng, nếu Trụ trì có công với sơn môn, chúng chùa nhớ nghĩ mến thương lưu lại đó. Hoặc y bát hơi nhiều phải như nghi thức giảng hành tang lễ. Có quan viên đàn việt, pháp quyền các chùa gửi thư thì phải đáp lại.

- ***Di chúc:*** (Chùa mỗ, Trụ trì mỗ, duyên đời sắp hết, gió đèn chẳng dừng, bao vật tùy thân như y bát do đàn việt tín cúng, chẳng phải vật của thường trụ, phiền Lưỡng tự sao phân. Chánh thỉnh người mỗ chủ hành việc tang, ngoài ra chia cho chúng Tăng khán kinh hành tang, không để phiền nhiều xâm dùng của thường trú, mong xét ý này, cúi mong đều khắp!

Ngày tháng năm ở núi mỗ giáp).

- ***Hành thức gửi thư:*** Tôn túc (Hạn nhục dạo theo, sao có số của hợp lìa, kế thừa lôi kéo, bèn nêu duyên gấng gỏi. Điểm chớp ngã không, mây núi càng mờ, dám mong bảo hộ lấy thọ, văn này cầu nguyện chẳng đủ).

- ***Lân Phong:*** (Ở chùa không ích lợi, thường nương ánh sáng gần vách. Cảnh mộng vốn không, may rụng huyễn của duyên đời, chẳng hợp mặt riêng, chỉ thật tâm rong, mong mặt trời Phật tỏa sáng, giúp tông phong lan rộng, cúi mong trân trọng).

- ***Pháp Quyến:*** (Đội lạm ở chùa, có thẹn với bạn đồng môn, nhân theo ôm bệnh, sắp làm người hết đời, kính bày như tay, tạm tỏ mà giả

biệt. Sáng tỏ lịnh đức của Tiên sư, đạo còn lực hành của tôi thuộc, không nhậm khuynh động. Cúi mong trân trọng).

- ***Khả lậu tử:*** (Thư bái, người mỗ xưng hô chùa mỗ, Tỳ-kheo mỗ, kính thư).

Nhập khám: Vừa mới thị tịch, Thị giả liền sai hành giả khách đầu xuống Tăng đường báo chúng, đánh một tiếng chùy, bạch rằng: "Hòa-thượng Đường đầu chuyển lời với đại chúng gió lửa ép mặt chẳng kịp diện đạt", lại đánh một tiếng chùy, kế báo các liêu, hành giả Đường ty đánh chuông, Tăng đường nhóm chúng lên phương trượng viếng điếu an ủi xong. Thủ tọa đồng Lưỡng tự cần cựu thương lượng bàn nghị, phát thảo trạng văn (biểu thức xem ở sau), báo với các chùa, phát thư mời người chủ tang, phải là bậc danh đức các chùa, Lão thành lân phong, hoặc Tôn trưởng pháp quyến, hoặc chỉ Thủ tọa chùa này, như có Di mạng thì phải vâng hành cử thỉnh. Tiểu sư thị giả, người thân tùy an bài tắm rửa, đắp y cạo tóc để nhập khám. Di kệ dán yết bên trái khám, Duy-na lãnh Tiểu sư đốt hương thỉnh Thủ tọa hành Phật sự nhập khám, an bài ở tẩm đường, đặt khám lò đèn ghế bàn cúng dường. Đến giờ, đánh chuông ở Tăng đường báo với chúng, xướng Phật sự xong, Duy-na ra, niệm tụng rằng: "Thật dùng: minh quyền diệu mật, hiện hóa vết ở trời người, chí tánh tròn sáng, hợp huyền cơ ở Phật Tổ, kính mong Hòa-thượng Đường đầu, tỏa ngời trăng trí sáng lan muôn khoảnh, xứng hợp tâm bi, thức đáng cảm mười phương, trông nhau không chốn, vạch chí có về, là nhóm họp các học đồ chân chánh, tán dương Thánh hiệu, vì duyên như trên, niệm pháp thân thanh tịnh Phật Tỳ-lô-giá-na v.v..." xướng tụng chú đại bi, Hồi hướng rằng: "Trước nay, công đức niệm tụng phúng kinh, kính vì Hòa-thượng đất báu vô sinh, trang nghiêm diệu cực mười phương ba đời v.v..." lại xướng tụng chú Lăng-nghiêm, hồi hướng rằng: "Công đức tụng kinh, kính vì Hòa-thượng Đường đầu thêm cao phẩm vị, mười phương ba đời, v.v..." Đang đêm, nhóm chúng niệm tụng rằng: "Bạch Đại chúng! Hòa-thượng đường đầu đã về chân tịch, chúng mất chỗ nương, chỉ nghĩ nhớ vô thường, cẩn thận chớ buông lung, vì duyên như trên, niệm pháp thân thanh tịnh Tỳ-lô-giá-na v.v..." Hồi hướng đồng như trước. Hai bữa dâng cháo cơm, ba bữa dâng trà nước nóng. Đại chúng tụng kinh, xem chức Duy-na, hồi hướng đồng như trước. Ở thời gần đây, phong tục nhạt xấu, chư Tăng cầu sung trang khố, chấp sự chẳng được, hoặc lén trộm của thường trú, Trụ trì y công đuổi phạt, học trò xấu chẳng trách lỗi mình, chỉ ôm hoài tức hận, một khi nghe thị tịch thì khoái chí, lời ác mắng nục rất thô, dùi đánh quan khám,

chiếm đoạt y vật, vội bày hung ác ngang trái, chủ tang kỳ túc, Đàn việt các chùa quan quý sĩ thứ tham học giao du, phải làm ngoài hộ. Ai người không chết? Huống chi học trò dự tham dưới tòa trái phạm thì phải đuổi bỏ trừng trị, chủ tang chấp sự nếu có thể dự giáp giới sức, sớm khiến đổi cách hóa xấu chưa nẩy mầm, rất toàn vẹn vẻ đẹp bên xem.

- ***Trạng:*** (Chùa mỗ, tang ty Tỳ-kheo mỗ, như trên, sơn môn mỗ ở trên chẳng may Hòa-thượng Đường đầu, ngày mỗ tháng này vội đã về chân, kính cẩn dùng cáo phó báo tin, kính trạng. Ngày tháng năm chùa mỗ Tỳ-kheo tang ty mỗ trạng).

- ***Biểu thức*** (Khả lậu tử, kính cáo: Xứ mỗ, Thiền sư Hòa-thượng Đường đầu, đầy đủ vị, kính phong).

* ***Thỉnh chủ tang:*** Người chủ tang đến, đánh chuông lớn nhóm chúng đón từ cửa, đến trước khám, đốt hương, Thủ tọa, đại chúng chào hỏi, chúng giải tán, Lưỡng tự cần cựu tiễn đưa khách vị, cắm hương bày lễ, người chủ tang ở chủ vị, thủ tọa phân tay tòa định đích thân đứng dậy đốt hương, trở lại vị trí hiến dâng trà. Tiểu sư tức xếp trước cắm hương, bày ba lạy, phương trượng chấp tục và tham đầu lãnh chúng, hành giả lần lượt cắm hương lễ lạy. Sau, Phương trượng bộc tùng tham lễ xong, dâng nước nóng, tiễn đưa Lưỡng tự ra. Khố ty chuẩn bị điểm tâm, Lưỡng tự quang bạn lần lượt tuần liêu. Chủ tang phải là bậc danh đức lão thành. Như Viên Ngộ là khai phước, Hòa-thượng Ninh chủ tang, tiếp Quả Công - Nguyệt Am để nối pháp, có thể làm tiêu cách.

* ***Thỉnh tang ty chức sự:*** Người chủ tang tuần liêu xong, Lưỡng tự cần cựu Tiểu sư theo đến khách vị, trình các vậy như y bát ba di mặc, v.v..., mời dùng trà, bàn thỉnh tang ty chức sự (thư ký Duy-na Tri khách thị chân Thị giả) đều tất cả cùng Phật sự (thứ lớp xem ở sau) kế là bàn thỉnh, trừ hai Phật sự cử ai và Tiểu tham, điều thuộc người chủ tang làm, phân hiếu phục (khinh trọng xem ở sau). Nếu không có vải lụa, tùy nghi chiết tiền chia đó. Người chủ tang phải cùng Thủ tọa bàn tính chỗ để lại y bát ít nhiều, điểm làm ba phần: Một phần y cứ tang ty mọi chi phí như hiếu phục tụng kinh đốt đèn, v.v... một phần quy thường trụ bồi niêm cúng dường, một phần chia cho đại chúng khán kinh và dùng Phật sự bản trướng,v.v... Người chủ tang còn phải công chánh, không thể theo riêng. Mang hành Tăng hạnh chẳng được can dự các công việc nặng nhọc. Mỗi ngày tụng kinh, chia phẩm vật cúng trà nước nóng, chẳng câu nệ Lưỡng tự cần cựu, mỗi mỗi thỉnh một người trông coi tài vật, ngõ hầu dứt bàn phiếm. Thị giả Thánh Tăng cầm trướng tang ty công, sai khố tử khách đầu, trà đầu một hành nhân, quản biện sự, thỉnh kiến chức Duy-

na đồng bàn nghị, kiến chức tri khách tiếp khách bên ngoài, tang y hợp ngàn nhân bộc, bày đơn yết thị.

* ***Hiếu phục:*** Thị giả tiểu sư (ma bố chuyết). Lưỡng tự (trữ bố chuyết). Chủ tang và pháp quyến tôn trưởng (sinh bố chuyết) cần cựu Biện sự hương nhân pháp quyến các chùa (sinh quyên yêu bạch), đàn việt (sinh quyên cân yêu bạch), hành giả phương trượng (ma bố cân chuyết), chúng hành giả (Trữ bố cân), phương trượng nhân bộc làm đầu (ma bố cân sam), giáp cán trang khách các bộc (ma bố cân).

* ***Phật sự:*** Nhập khám, dời khám, khoát khám, pháp đường treo chân dung, cử ai, điện trà thang, Đối linh tiểu tham, điện trà thang, khởi khám. Sơn môn thủ chân đình treo chân dung, điện trà thang, cầm đuốc, an cốt để y, khởi cốt nhập tháp, nhập Tổ đường, toàn thân nhập tháp, rải đất như y bát quá nhiều, mỗi ngày điện trà thang, thêm các Phật sự như chuyển khám, chuyển cốt, v.v...

* ***Dời khám:*** Nhập khám ba ngày, che trùm khám, bày thiết gian trên pháp đường, treo màn vi, thiết sàn tòa giá móc, khí cụ động dụng thiết bày, như lễ của sự sinh, gian giữa, trên pháp tòa treo chân dung, đặt bài vị, bày rộng bàn tế cúng, dùng sinh quyên vi màn để chuẩn bị dâng tế, gian dưới đặt khám, dùng gai bố làm màn, phía trước bày ghế, án lò, bình hoa trắng, hương đèn chẳng dứt. Hai thời dâng trà, nước nóng, cháo cơm, cúng dường tụng kinh, vẫn chuẩn bị gánh đèn nạo bạt, phước đẹp. Đánh chuông ở Tăng đường, nhóm chúng, thỉnh Phật sự dời khám, xong dời khám, xuống pháp đường thỉnh Phật sự tiêu khám.

* ***Treo chân dung cử ai điện trà thang:*** Dời khám đến pháp đường tiêu khám xong, thỉnh Phật sự treo chân dung xong, như có thân thư di ngôn Thị giả bừng trình người chủ tang và Thủ tọa đại chúng rằng: “Di ngôn của Hòa-thượng Đường đầu lúc sắp qua đời, trình tợ Thủ tọa đại chúng”, người chủ tang đích thân tiếp chuyền cho Thủ tọa, đem thư xông trên lò hương, trao Duy-na đọc qua, hành giả tang ty dán màn tay trên gian giữa pháp đường, chủ tang bạch rằng: “Hòa-thượng đường đầu thị tịch, lý phải cử ai”, cử Phật sự xong, cử ai (khóc) ba tiếng, đại chúng đồng khóc, Tiểu sư xếp ai khóc dưới màn, cử Phật sự điện cúng trà nước nóng, Tiểu sư xếp lễ lạy trước chân dung trở về dưới màn. Chủ tang đốt hương lễ chân dung, Lưỡng tự cần cựu đại chúng lần lượt đốt hương lễ chân dung, Tiểu sư đứng bên trái chân dung đáp lạy, người chủ tang viếng điếu an ủi dưới màn, Tiểu sư theo lễ người chủ tang ba lạy, tiếp an ủi Lưỡng tự đại chúng rằng: “Pháp môn chẳng may, Hòa-thượng đường đầu vội dứt hóa quyền, cảm mong năng lực đại chúng vì

duy trì hậu sự”. Thủ tọa đáp rằng: “Còn nhờ lực Hòa-thượng ban chủ trương”. Lưỡng tự đại chúng an ủi Tiểu sư rằng: “Sơn môn chẳng may, Hòa-thượng quy chân, tạm mong tiết ai khốn để trọn đại sự”. Tiểu sư ban đêm trông coi khám vi, tang ty xếp bày tế thứ (xem ở sau), dán màn thượng ở gian dưới pháp đường. Phàm văn tế đều do thư ký Tang ty làm, mỗi ngày hoặc hai lần, ba lần dâng tế không câu nệ. Bởi đàn việt các chùa lại có trước sau tùy thời, nếu pháp quyến môn nhân dâng tế đến cửa, tri khách tiếp rồi thì báo tang ty, tùy tiễn đưa hiếu phục, nhưng sau dâng tế như có phúng nghi dùng thừa, phải đem về của thường trụ, bù đắp chi phi thưởng công cho nhân tùng của các chùa, Tang ty tập Lưỡng tự cần cựu, sắp bàn nghị sao phân y bát, theo Di chúc lưu lại hay tiễn đưa bên ngoài, định ra mới cũ ngắn dài, giá trị cao thấp, ngõ hầu khỏi xướng y đến lúc lăng xăng.

**** Đối linh tiểu tham điện trà thang niệm tụng đặt tế:*** Tang ty Duy-na đồng tiểu sư ôm hương đến khách vị, lạy thỉnh người chủ tang. Đêm dài đối linh, tiểu tham dự bày tòa, đợi chuông tối đánh thì đánh trống nhóm chúng, Lưỡng tự xuống tòa đáp lễ (như thường thức). Người chủ tang dùng Thị giả mang hành đốt hương, không thì Thị giả Thánh Tăng thay thế. Tiểu tham xuống tòa, Tiểu sư bày lạy lễ tạ, Thủ tọa lãnh chúng đến trước khám dâng hương lập định, thỉnh Phật sự điện trà thang xong. Sơn môn Duy-na niệm tụng rằng: “Bạch đại chúng! Hòa-thượng đường đầu nhập Bát Niết-bàn. Ngày nay đã qua, mạng sống giảm dần, như cá cạn nước, đâu có gì vui. Các vị cần phải tinh tấn như cứu lửa cháy đầu, chỉ nhớ nghĩ vô thường, cẩn thận chớ buông lung, kính mong đại chúng chỉnh túc đến khám vi, tụng trì hồng danh muôn đức, kính vì Tăng cao phẩm vị, cúi nhờ đại chúng niệm Pháp Thân Thanh Tịnh Phật Tỳ-lô-giá-na v.v...” xướng tụng chú đại bi xong, hồi hướng rằng: “Công đức niệm tụng phúng kinh trên đây kính vì Hòa-thượng Đường đầu vừa mới viên tịch. Cúi nguyện chẳng quên nguyện lực, hiện lại hoa đàm, chèo thuyền từ lướt qua sinh tử, tiếp quần mê đến bờ kia Bồ-đề. Lại nhọc đại chúng niệm Phật mười Phương ba đời v.v...”. xong, tri khách sơn môn xướng tụng chú Lăng-nghiêm (công đức phụng tụng, trên đây kính vì Hòa-thượng Đường đầu vừa mới viên tịch, tiếp của đêm dài thêm lớn phẩm vị, mười phương ba đời tất cả, v.v...) lần lượt mỗi vị dâng tế, cuối cùng xướng tụng chú Đại Bi (Hồi hướng đồng như trước), hành bộc tham lễ tụng kinh xong, hành giả tang ty hét rằng: “Thỉnh Thủ tọa đại chúng tòa dùng nước nóng quả”. Chúng giải tán, Tiểu sư, hành bộc, phương trượng trọn đêm giữ Linh.

**** Theo thứ lớp tế là:*** Tri sự, Đầu thủ, chủ tang, Tây đường, cần cựu, mông đường, giang hồ, Tiền tư, Lão túc, Chúng liêu, biện sự, cựu Thị giả, Hương nhân, pháp quyến, các am tháp, Tiểu sư, Sư tôn, Phương trượng, hành giả, Hành giả sáu cục, Hành đường, nhân bộc phương trượng, kiệu phướn, Lão lang, trang giáp, hỏa khách, cục tu tạo, các sắc làm đầu.

**** Xuất tang treo chân dung điện trà thang:*** Khố ty tang, ty liên quan, đề điều hương đình tang nghi, chân đình cờ phước bối nhạc, ghế lọng trước khám, nước nóng, lò, đèn, bè tre, chủ trượng, phất tử, hộp hương, pháp y, v.v... mọi vật. Tiểu sư theo sau khám, đánh chuông lớn và các pháp khí đưa tang, khởi khám tụng niệm rằng: "Kim quan tự dất nhiễu thành lớn của câu thi, phan thi lay trời đến thạnh lễ của trà tỳ, kính mong đại chúng xưng niệm hồng danh, tỏ bày lòng thàng, trên giúp đường giác, niệm Pháp Thân Thanh Tịnh Phật Tỳ-lô-giá-na v.v... nếu toàn thân nhập tháp thì xướng đến Thạnh lễ của Nan-đề". Tang ty Duy-na tiến tới đốt hương, dẫn Tiểu sư lạy thỉnh Phật sự khởi khám, khám đến đầu cửa núi, thỉnh điện đình, treo chân dung điện trà thang, đều có Phật sự, Lưỡng tự đại chúng xếp ở cửa, đợi ra khám rồi Duy-na sơn môn hướng vào bên trong chấp tay đứng giữa, nêu tụng chú vãng sinh, hoặc niệm danh hiệu bốn vị Thánh, đại chúng đều niệm, chủ tang lãnh chúng từng đôi phân ra, hai bên chia rải liễu tuyết, đều bước cùng hành, không được kề vai giao nói, mỗi mỗi ôm hoài buồn cảm. Đô tự ký tang, tang ty, Duy-na, tri khách, Thị giả Thánh Tăng chia phẩm vật hành tang.

**** Trà-tỳ:*** Tang đến Đài Niết-bàn, tang ty Duy-na đợi Đô tự dâng hương trà xong, tiến tới trước đốt hương, dẫn Tiểu sư lạy thỉnh Phật sự cầm đuốc, sơn môn Duy-na niệm tụng rằng: "Ngày ấy thì có vị mới viên tịch, Hòa-thượng Đường đầu, hóa duyên đã xong, trở về lại chân thường, v.v... quan chuyển nhiễu ở câu-thi, tánh lửa tự đốt ở ngày nay, kính mong đại chúng trợ giúp giác linh, Nam-mô Tây phương Cực lạc thế giới đại từ đại bi A-di-đà Phật, mười niệm chúng hòa xong. Trước nay xưng dương Thánh hiệu, kính tán hóa nghi, thể cách tông trước, cơ cao chẳng dung ở Phật Tổ, dụng mở hậu học, tâm bi vẫn nhiếp ở trời người, thâu trăm cốt của huyễn hóa, vào Tam-muội hỏa quang. Trà khoảnh ba điện, đốt một lò hương, đảnh hội vâng làm, hòa-nam Thánh chúng". Xướng tụng chú Đại Bi, Hồi hướng: "Trước nay công đức niệm tụng phúng kinh, kính vì Hòa-thượng đường đầu Tăng cao phẩm vị trà-tỳ, mười phương ba đời tất cả, v.v..." Tri khách sơn môn nêu tụng chú Lăng Nghiêm, Hồi hướng đồng như trước. Kế hương nhân tụng kinh, đại

chúng đồng tụng xong. Thủ tọa lãnh chúng trở về chùa thọ trai. Tiểu sư hương nhân pháp quyến giữ hóa thâu cốt. Trai xong, đánh chuông Tăng đường nhóm chúng, vẫn chuẩn bị nghi tùng, nghinh cốt trở về Tẩm đường tôn thờ, thỉnh Phật sự an cốt, treo chân dung cúng dường tụng kinh, hai thời dâng cháo cơm, ba thời dâng trà nước nóng, hoặc mười ngày nửa tháng, đại chúng tụng kinh linh cốt nhập tháp thì nghỉ.

*** *Toàn thân nhập tháp:*** Khám đến nơi tháp, đô tự dâng hương trà xong, tang ty Duy-na tiến tới đốt hương, dẫn Tiểu sư lạy thỉnh Phật sự nhập tháp xong, Duy-na sơn môn niệm tụng rằng: "Thật dùng: Hai gót chân hiện tướng, tiếp nối Di quy của Linh Thứu, hai chiếc giày hiện tông, tiêu biểu thùy phạm của Thiếu Lâm, toàn ở ẩn hiển, thạnh pháp thỉ chung. Ngưỡng nhờ đại chúng trợ giúp Giác linh, Nam-mô Tây phương Cực lạc thế giới đại từ đại bi A-di-đà Phật, mười niệm xong, trước nay xưng dương mười niệm trợ giúp vãng sinh, chỉ nguyện gương từ vô biên, mây bi rộng rãi, trong cõi bốn loài, bày nhân chẳng sinh chẳng diệt, trong sáu đường, nói pháp vô ngã vô nhân, trà khoảng ba điện, đốt một lò hương, đầu đội vâng làm, hòa-nam Thánh chúng?. Xướng kinh phúng tụng lần lượt, đều đồng như Đài Niết-bàn, chỉ hồi hướng thì đổi (lúc nhập tháp), đợi bít huyệt tất cả hoàn tất, sau đó thỉnh Phật sự rải đất, rước chân dung trở về Tẩm đường cúng dường, chủ tang đốt hương lễ chân dung, tiếp các chùa Lưỡng tự đại chúng Tiểu sư lễ chân dung xong, Tiểu sư cầm hương lạy ba lạy, tạ chủ tang, tiếp Lưỡng tự đại chúng tạ chủ tang bày từ nói: "Sơn môn chẳng may Hòa-thượng đường đầu trước thị tịch, gánh vác hậu sự của chủ minh". Chủ tang đáp rằng: "Kính nhờ đỡ giúp được không rỗng bại", chủ tang đồng tang ty một hành nhân tuần liêu cảm tạ, tiếp Tiểu sư tuần liêu lạy tạ, Duy-na sơn môn tiễn đưa kiến chức thị giả, thị chân thị giả, trở về các liêu, mỗi ngày ba thời dâng trà nước nóng nhóm chúng tụng kinh, đợi rước bài vị vào Tổ đường thì nghỉ, hoặc đợi tân Trụ trì đến mới vào Tổ đường có Phật sự.

*** *Xướng y:*** Đến kỳ, ở trước Tăng đường, hoặc gian trên dưới của pháp đường thiết vị trí chỗ ngồi của đại chúng. Gian giữa hướng vào bên trong an đặt ghế dài, đặt bút nghiên khánh lớn trên đó, đánh chuông Tăng đường nhóm chúng. Thủ tọa cùng chủ tang phân tay, Lưỡng tự đại chúng lần lượt ngồi, tang Duy-na tri khách Thị giả Thánh Tăng hướng về vị trí chủ tang mà ngồi, Duy-na niệm tụng rằng: "Lưu y bày tín là khuôn phép để lại của các tổ, dùng pháp phá san, bẩn di phạm của Tiên đạt. Nay xướng dùng để nói lên vô thường, kính nhờ đại chúng niệm

pháp thân thanh tịnh Phật Tỳ-lô-giá-na v.v...”. Xong, mở hòm đem y bát ra, y hiệu bày trên chiếu, thỉnh Phật sự đề y xong, Duy-na đánh khánh một tiếng, bạch rằng: “Pháp xướng y, bởi bẩm pháp thường, mới cũ ngắn dài tự nên chiếu hiển, sau tiếng khánh dứt, chẳng được đổi hối, kính bạch”. Nếu pháp y nhiều thêm lưu Di chúc, lần lượt trình y. Duy-na niêm xướng, tang y hợp can nhân quý tại công tâm chủ hành. Duy-na định giá đánh khánh, hành giả nhìn xem trước sau xướng định danh tự, Tri khách ghi danh trên đơn, Thị giả y danh phát nếu, xướng y xong, kết định sao số chủ tang kiểm đơn, giao sao lấy y chẳng được theo riêng giảm giá, chủ tang chỉ việc đó, nay phần nhiều làm rút thẻ niêm lấy rất dứt ồn náo, pháp đó dùng một mảnh giấy nhỏ, dùng ngàn văn tự lần lượt viết tự hiệu, mỗi hiệu làm ba đoạn, ghi ở trên, vẫn dùng ấn ký liên quan đề phòng. Lượng chúng ít nhiều cùng tang ty hợp can nhân đối định. Đến kỳ, trình qua chủ tang, Lưỡng tự thủ tọa mở niêm phong, Tri khách phân chia, hành giả Đường ty bưng mâm theo Thị giả. Thị giả cắt lấy một nửa đó đặt trong mâm xong, đem mâm đặt bên cạnh thủ tọa, đặt chậu nước ở dưới đẩu chước, Duy-na niêm y xướng giá xong. Thủ tọa lúc ấy gọi một đồng hành, thuận tay nhom lấy nửa thẻ trong mâm, vội trao Thủ tọa, mở xem tự hiệu phân rõ, nói với hành giả Đường ty, xướng tự hiệu mỗ, mọi người đều mở nửa thẻ đang cầm, tự hiệu đồng liền ứng. Nếu chẳng nguyện xướng hiệu y vật này thì chẳng ứng. Ba xướng chẳng ứng, Thủ tọa ném nửa thẻ đó vào chậu nước. Lại bảo rút ra nửa thẻ, lại xướng lên, ứng thì hành giả Đường ty sang thâu nửa hiệu đến thủ tọa xử đối đồng, báo cùng Duy-na xướng rằng: Vật mỗ xướng với người mỗ, đánh khánh một tiếng, Tri khách lên đơn, Thị giả phát nêu, hành giả Cung đầu thay cùng xướng được người. Y bất vẫn như cũ, nhập hòm lần lượt xướng xong, Duy-na đánh một tiếng khánh, hồi hướng rằng: “Trước nay, công đức xướng y niệm tụng, kính vì Hòa-thượng Đường đầu thị tịch thêm cao phẩm vị, mười phương ba đời”. Chúng giải tán, mỗi tự chiếu giá giữ nêu lấy y. Sau ba ngày, nếu chẳng lấy thì y như giá đưa ra ngoài bán, làm Đơn trướng, pháp xưa xướng y (xem ở chương Đại Chúng).

- Biểu thức đơn: Hòa-thượng Đường đầu thị tịch cận trọng đầy đủ y vật, giá xướng sao số, thâu chi như sau:
- Một thâu sao bao nhiêu (là kiện mỗ xướng đến)
- Một thâu sao bao nhiêu (là khoản mỗ thâu đến)
- Một chi sao bao nhiêu (là khoản mỗ dùng độ)
- Một chi sao bao nhiêu (là khoản mỗ chí sứ, theo một mà nêu

ghi)

Trên đây: Cộng thu sao bao nhiêu - Cộng chi sao bao nhiêu.

Trừ ngoài chi thấy quản sao bao nhiêu (chuẩn cứ giúp dùng cúng trai thất tu Tăng hành kinh).

Trên đây đầy đủ như trước.

Ngày tháng năm hành giả tang ty mỗ trình đầy đủ, người cầm trướng chấp sự, Lưỡng tự điển tang mỗi ghi tên kiểm ký.

**** Linh cốt nhập tháp:*** Đến kỳ, cách đêm chuẩn bị nghi tùng, ngày chánh, đánh chuông nhóm chúng. Đô tự dâng hương xong, thỉnh Phật sự khởi cốt, rước đến chỗ tháp, thỉnh Phật sự nhập tháp, xuống kinh phúng tụng hồi hướng đó, đều là ngôn ngữ toàn thân nhập tháp, rước chân dung về Tẩm đường cúng dường và tạ người chủ tang, v.v... lễ đều đồng.

**** Hạ Di thư:*** Tang sự xong, chủ tang thỉnh Thị giả, người biện sự sung Chuyên sứ phân đường đưa Di thư đến các chùa pháp quyến đàn việt quan viên, chỉ các bậc tôn túc thăm viếng ban lời, phải chọn người khéo việc sung làm Chuyên sứ. Đến chùa kia, trước là đến gặp khách ty, Tri khách dẫn gặp thị ty, dự bi mâm khăn gói đựng thư vật. Thị giả đến phương trượng thông báo, Trụ trì sẽ cùng tiếp, sai mời Lưỡng tự đồng mở thư, Chuyên sứ tiến tới trước chào hỏi, thưa rằng: “Thỉnh Hòa-thượng an tọa”. Nếu Trụ trì ban dạy, phải xuống lời cầm hương lạy bái, Trụ trì miễn thì xúc lễ như thường thăm viếng, đốt hương, uống trà xong, đợi Lưỡng tự đến, Chuyên sứ đứng dậy trước lò tạ trà, lại cầm một mảnh hương lớn, lễ lạy thưa rằng: “Ngày mỗ tháng mỗ, Hòa-thượng xứ mỗ viên tịch, Di thư Di vật khiến mỗ đưa đến”, tức trình thư vật, Trụ trì đáp: “Pháp môn suy lạc, chẳng giằng nỗi buồn đau”. Lưỡng tự tiến tới chào hỏi, Thủ tọa phân tay đến chỗ ngồi, Chuyên sứ đối diện Trụ trì lùi về ngồi một chỗ. Dùng trà xong, đứng dậy. Trụ trì bạch rằng: “Pháp môn chẳng may, ở xứ mỗ, Hòa-thượng viên tịch, chẳng dằn được buồn đau”, Thị giả chuẩn bị thư kéo gá thư vật, Thị giả độ thư cùng Trụ trì tiếp đến trên lò xông rồi giao lại Thị giả, tiễn đưa với Duy-na. Hành giả đột cắt mở bít tuyên đọc xong, Thị giả vái tiếp Chuyên sứ lên Trụ trì đối diện vị trí ngồi (Tây đường quyền hướng xuống vị trí ngồi nhường khách) Thị giả đốt hương, châm nước nóng, tiễn đưa Chuyên sứ về nơi an ở. Trước tiên Trụ trì chào hỏi, kế đến Thị giả Lưỡng tự chào hỏi, Tri khách dẫn tuần liêu, trước đến khố ty, kế đến liêu Thủ tọa, đơn liêu, mông đường bốn liêu, Thị giả thưa thỉnh đặc biệt làm nước nóng, nước nóng xong dùng bữa chiều. Đến chiều, nước nóng quả, di thư đại

phương đến, Lưỡng tự quang bạn kế tiếp, Lưỡng tự Duy-na Thị giả quang bạn, thỉnh thư ký làm văn tế, văn tế của phương trượng, hoặc Trụ trì tự làm, giang hồ pháp quyến Biện sự đều phải chuẩn bị hương đặt tế, Thị giả mỗi mỗi đề điểm. Sáng hôm sau, phương trượng mời trà, gian dưới pháp đường thiết ghế Linh bày tế, Thị giả lại thượng đường, hành giả báo chúng treo bảng thượng đường. Dưới toàn chuẩn bị ghế khan gói đựng thư vật, bên trái tòa bày vị trí Trụ trì, đánh trống nhóm chúng, Trụ trì ra đứng trước vị trí dưới pháp tòa, trống dứt tiến tới ghế hương. Tri khách dẫn Chuyên sứ đến trước Trụ trì hành lễ cắm hương. Mới đầu bày thưa: "Liền giữ Di mặc ngưỡng quấy tôn từ, Hạ tình chẳng thắng chí của kinh sợ". Lại, bày thưa: "Ngày giờ này khiến kính cẩn lúc cùng chỉ, Hòa-thượng Đường đầu tôn hầu đi ở nhiều phước". Xúc lạy ba lạy trình Di thư, Trụ trì tiếp thư xông trên lò rồi giao cho Thị giả, thay Duy-na tuyên đọc, Chuyên sứ thăm hỏi Trụ trì xong, trở về đứng sau ban Tri khách, Trụ trì lên tòa xuống tòa đến trước bàn linh đốt hương châm nước nóng, dâng tế, châm trà lạy bái, Chuyên sứ bên phải bái trở lại, Duy-na ra ban tiếp Trụ trì, Thị giả đốt hương bưng hộp hương, Lưỡng tự dâng hương xong, Lưỡng tự Trụ trì bày lạy, Duy-na đọc văn tế, Trụ trì lại lạy bái, Chuyên sứ đáp lạy, bái xướng chú Lăng-nghiêm, hồi hướng rằng: " Công đức tụng kinh trên đây, kính vì xứ mỗ, Hòa-thượng thêm cao phẩm vị, mười phương ba đời tất cả, v.v..." Lưỡng tự bốn liêu, giang hồ, Biện sự, Hương nhân đều đặt tế, Chuyên sứ đáp lạy, trở xuống pháp quyến Tiểu sư làm việc, Chuyên sứ chẳng đáp lạy, xong, xướng tụng chú Đại bi, hồi hướng, Chuyên sứ ra trước linh, cả hai bày ba lễ, tạ Trụ trì, miễn thì xúc lễ tiếp tuần liêu đặt tạ, sau đó, Sơn môn quản đãi Chuyên sứ thỉnh Lưỡng tự quang bạn, như trước Trụ trì bản tự đều vào Tổ đường, tụng kinh xong, bèn rước đến Tổ đường, Trụ trì nguyện hương an bài, có pháp ngữ, an xong, Chuyên sư liền lạy tạ Trụ trì. Nếu đương đại vào Tổ đường, Tẩm đường an cốt, tụng kinh ba ngày, đợi Tân Trụ trì vào Tổ đường, hoặc không có Di thư di vật cho đương đại Trụ trì, đồ chúng đó tự vào Tổ đường là, mới đầu đến chùa gặp Thị giả, dẫn ra mắt Trụ trì, cắm hương lạy bái, thăm viếng đốt hương uống trà, đứng dậy thưa bẩm tỏ ý xong, tiễn đưa đến nơi an ở. Kế đến đầu thủ khố ty đơn liêu mông đường các xứ cùng thăm viếng, định ngày cúng chia phẩm vật, pháp đường đặt tế, tụng kinh thỉnh kinh bài vào Tổ đường, Trụ trì có pháp ngữ, lễ đồng như trước.

**** Quản đãi chủ tang và người tang ty chấp sự:*** Sơn môn phải chuẩn bị cúng phẩm cao thấp đều đúng như nghi thức, vẫn thỉnh Lưỡng tự cần

cựu quang bạn thủ tọa nhiếp ở chủ tịch, đến phương trượng ngồi, bày chiếu bài, đô tự hành lễ, đồng với thường đặc biệt làm, dùng trà xong, đánh chuông nhóm chúng, tại cửa tiễn đưa người chủ tang.

BÀN LUẬN ĐỀ CỬ TRỤ TRÌ

Lưỡng tự cần cựu đến khố ty cùng dùng trà, bàn luận thỉnh mời Bổ xứ Trụ trì, vẫn thỉnh danh thắng giang hồ, đại chúng công đồng chọn cử, phải chọn bậc tông nhãn sáng sạch đức lớn tuổi cao, đi ở liêm khiết, có khả năng đáp ứng hoài mong của chúng, lại phải hợp các chùa nói cho biết, sau đó xếp danh kiểm trạng, bảo bày sở ty thỉnh, nếu Trụ trì được người, đạo pháp tôn trọng, cửa chùa tỏa rạng. Làm cần cựu Tri sự là chẳng thể dùng hương nhân pháp quyến bè đảng truyền hội, chẳng chọn tài đức, chỉ theo đút lót đến nỗi có lập đảng theo tư, cùng nhau chiếm đoạt, chùa viện hoang phế, nguyên do của chức này, thật nên cẩn trọng, thật nên cẩn trọng, thật nên cẩn trọng.

Đại sư Minh Giáo nói: Giáo tôi cho rằng Trụ trì, nghĩa là gì? Trụ trì nghĩa là nhờ người giữ pháp đó, khiến đó trụ mãi mà chẳng mất. Giới, định, tuệ là cụ của trì pháp. Vườn vật việc Tăng là tư của trì pháp. Pháp là đạo của Đại Thánh, tư và cụ đợi người đó mà sau khéo nêu cụ đó, chẳng khéo tư thì không được, khéo tư đó mà chẳng khéo cụ đó cũng chẳng được. Đều khéo thì có thể dùng trì mà trú đó. Xưa kia, Trụ trì Linh sơn là do Đại Ca-diếp thống lãnh, Trụ trì Trúc Lâm là Thân tử làm chủ, nên giáo của bậc Thánh hưng thạnh, pháp của bậc Thánh còn mãi, bậc Thánh đã ẩn, số đời đó cùng mất, mịt mờ lâu thay! Chúng ta kiêu hãnh mới lấy Trụ trì gọi đó, thế đó lợi đó, thiên hạ tập quen giẫm đạp rối ren, cơ hồ thành phong thành tục. Bậc Thánh chẳng xuất hiện lại, ai năng làm chánh. Ngoại vệ là chẳng thấy chẳng chọn, muốn phong của bậc Thánh ta chẳng suy, pháp của bậc Thánh càng thạnh thì chẳng thể được. Buồn thay? Tôi còn mong gì?

Chương Trụ trì hết.

Sắc Tu Bách Trượng Thanh quy quyển ba hết

■

SẮC TU BÁCH TRƯỢNG THANH QUY

QUYỂN 4

CHƯƠNG SÁU: LƯỠNG TỰ

Lập ra Lưỡng tự là vì chúng làm việc, mà nhân lấy đề cương để xướng đạo, phủ phất tông du, đến như ty nô canh lịch thứ vụ, pháp thế gian và xuất thế gian không gì chẳng nhàn tập. Sau đó, y cứ vị xưng Sư đến chúng ngự vật, thì toàn thể đầy đủ dùng, cái gọi là thành ở mình mà thành ở người. Xưa, còn Đông Tây đổi vị mà giao chức, chẳng lấy ban tư sùng ty làm hiềm, nay cao vợi mà chẳng phải của hai, rất là đảng đấu, mạnh yếu khác thế đến nỗi chẳng dung nhau mà có, chỉ chủ bày Tổ huấn để răn, muốn đó không tranh, hẳn thận trọng chọn chỗ nhậm, khiến đều đáng chức đó, người không ngừng nói có thể.

TÂY TỰ THỦ ĐẦU

* ***Tiền Đường Thủ tọa:*** Biểu suất tòng lâm, mắt của trời người, phân tòa nói pháp, mở xét hậu côn, ngồi thiền lãnh chúng, cẩn thận giữ gìn điều chương, trai cháo tinh thô, gắng luận chấp sự, Tăng hành mất nghi, nương Thanh quy bày phạt, già bệnh qua đời, xót thương lo hậu sự. Việc của chúng đều được cử hành, như áo có cổ, như lưới có giềng, tuy bậc tôn túc ở các nơi, nếu Trụ trì dùng lễ đặt đó, cũng thỉnh sung chức này, gọi là thối vị làm người, như văn thư là thầy của bảy Đức Phật, còn trợ giúp Đức Thích-ca xiển hóa làm Thượng thủ trong chúng. Tông ta có Mục Châu ở Hoàng Bá, Vân Môn ở Linh Thọ, sáng rỡ đời trước, răn bày về sau, trọng của danh vị, có thể khinh nhậm ư?

Trong Tổ Đình Sự Uyển nói: Thủ tọa tức xưa là Thượng tòa, tiếng Phạm là Tất-tán-na, Hán dịch là Thượng tọa; Một là tuổi già; Hai là quý tộc; Ba là thọ giới trước và chứng đạo quả. Nay cái mà thiền môn gọi là Thủ tọa là hẳn chọn việc mình đã xong, cái mà chúng phục tùng, đức nghiệp gồm tu thì được gọi là Thượng tọa.

* ***Hậu đường thủ tọa:*** Vị ở bản sau, giúp tán tông phong quỹ tắc

đoan chánh trang nghiêm làm khuôn phép của chúng. Vì chúng đông nhiều nên phân ra trước sau, hai bữa trai cháo quá đường và ngồi thiền thì ra vào cửa sau. Nếu thiếu Tiền đường, ngày khác Trụ trì thượng đường bạch chúng thỉnh chuyển bản trước, trồng đơn xướng thực, ngồi thiền ngồi tham, chỉ tiếng bản thứ ba đánh trước liêu chúng thì vào đường, chẳng hẳn đánh bản trước liêu Thủ tọa, ngoài ra mọi hành sự đều đồng như Tiền Đường.

*** Thư ký:** Tức thư trạng của Thanh quy xưa, chức trông coi văn kiện ghi chép. Phàm ở sơn môn các thứ bảng sớ thư vấn ngôn từ cầu nguyện đều thuộc về thư ký. Bởi các bậc danh tục thời xưa phần nhiều vâng theo triều đình mời thỉnh. Và các chùa chiền có tiếng tăm phàm vâng phụng Thánh chỉ sắc vàng. Trụ trì tức đầy đủ văn biểu dâng tạ, thị tịch có Di biểu, hoặc điều ban điều hỏi đều kính văn biểu dâng, mà Trụ trì nắm giữ đại pháp không việc văn tự. Lấy màn nguyên nhung phủ che danh của ký thất tham quân, ở rừng thiền đặc thỉnh thư ký giữ chức đó, vẫn còn thư trạng xếp vào Thị giả sứ ty mới văn riêng ban thư hỏi Nội ký chép: Mà hiển trước của danh đó là từ Nam Công ở Hoàng Long là đầu tiên, lại Diễn Tổ ở Đông Sơn gán chức đó cho Viễn Công - Phật Nhãn, muốn dùng danh khơi dậy đó khiến gồm thông ngoại điển giúp biển pháp đó dậy sóng, mà xưa Đại Tuệ cũng từng giữ chức đó, ở chức đó nên dùng ba Đại lão làm khuôn phép thì được.

*** Tri tạng:** Chức trông coi kinh tạng, thông cả nghĩa học. Người xem kinh, lúc đầu vào kinh đường, trước phải thưa với Đường chủ đồng đến Tạng Ty chào hỏi, tiễn đưa về án vị đối xúc lạy một lạy. Đây là Thanh quy xưa. Nay chư tăng xem kinh phần nhiều đến các liêu, mà Tạng điện không có đặt bạn ghế, nhưng sung danh đó, sẽ tận chức đó, hoàn pho mục lục, thường gia công điểm đối, nếu thiếu thì bù trả, bồi hoàn.

Ẩm ướt là hong phơi, rách rời là khâu vá. Nếu đại chúng mở đọc thì tạng chủ đặt sổ sách, chiếu chỗ bày kinh đơn nêu danh của Đường ty, theo hộp giao phó, xem xong, chiếu bộ giao thâu vào tạng, ngõ hầu không lạc mất. Suy nguyên tông tôi đã nói truyền riêng ngoài giáo, mà còn bảo tăng chuyên ty tạng đó là thế nào? Vì điều nói điều làm của Phật là giáo luật, mà Tăng có người chẳng vâng theo lời nói việc làm của Phật ư? Đặc vì chỗ chứng, chỗ đắc của tôi chẳng dính mắc ở văn tự, mà vượt ngoài lời nói việc làm, để thấy diệu của tự tánh. Lại, ý của Tổ là muốn chúng ta tham cứu khắp các bộ cùng với trăm họ bên ngoài, mong chiết xung bên ngoài xem thường, ứng biến vô cùng, chính cái

gọi là chẳng tức chẳng lìa. Sau vì chúng đông nhiều nên xếp vào Đông tạng Tây tạng.

* ***Tri khách:*** Chức coi về tân khách, phàm các vị quan viên, đàn việt, tôn túc danh đức các nơi cùng qua là, phải hương trà đón đợi, tùy khiến hành giả thông báo phương trượng, sau đó dẫn lên ra mắt, vẫn chiếu quản an đặt nơi đi ở, như người khách bình thường chỉ đến khách ty chào hỏi. Hoặc muốn đến phương trượng, khố ty các liêu thăm viếng thì bảo hành giả dẫn sang. Qua sáng sớm thì phòng liêu giường màn mọi vật đèn, dầu than củi, thường phải ngăn nắp, mới đến phải thêm ôn tồn. Duy-na tại giả thì nhiếp Hành sự đó, trước Tăng đường xem xét hành thêm cơm cháo cho khách tăng, gặp tăng viên tịch thì đồng Thị giả cầm trướng, tạm đến làm chủ tang đó. Tuyết Đậu ở Đại Dương, Thiền Nguyệt ở Thạch Sương đều làm chức đó không lơi lòng.

* ***Tri dục:*** Gặp khai dục (mở phòng tắm), trước trai treo bảng khai dục, tháng mùa lạnh năm ngày tắm một lần, về mùa nắng thường ngày đổ mồ hôi, nên lập phòng tắm, treo khăn tay, ra mặt bồn kéo vải chân hài. Tham đầu sai hành giả trực dục, trai xong, Dục Đầu báo Duy-na, Thủ tọa, Trụ trì xong, đánh ba tiếng trống. Trong thùng dục Thánh đều đặt ít nước nóng, đốt hương lễ lạy, tưởng các Thánh tắm, lần lượt tuần quách, đánh ba tiếng bản, khắp đánh trống hồi thứ nhất, Tăng chúng vào tắm. Hồi thứ hai xong, Đầu thủ vào tắm. Hồi thứ ba, hành giả vào tắm, lúc này Trụ trì mới vào, dùng bình phong ngăn cách mà tắm. Hồi thứ tư thông Nhân lực vào tắm, Hành giả trông làm, Tri sự tắm cuối cùng, đếm khảy yểm đó và điểm xem, khiến tắt lửa và than cháy trong bếp, nước rải khô sạch, nếu có củi thừa thì đem để chỗ xa, vào tắm đó thứ lớp phải niêm yết bên ngoài phòng tắm (thời nay cho rằng Trụ trì điện Đầu thủ tắm sau, Tri sự điện Hành giả tắm sau, là chẳng phải đúng. Như Trụ trì có nên muốn đồng Đầu thủ tắm trước, thì chẳng dùng bày ngăn chướng, chẳng vào trong gác nhỏ, chỉ Đầu thủ bảng đầu cởi y). Bên trong phòng treo bản nhỏ, bên cạnh đóng tấm bia nhỏ, ghi rằng: "Đánh bản một tiếng thêm nước nóng, hai tiếng thêm nước, ba tiếng thì dừng. Lấy đó làm tiết". Như thí chủ bày tắm thì khóa kinh Hồi Hướng Năng Diệu Xúc nói rõ, thành Phật tử trụ thì công chẳng lãng thí.

* ***Tri điện:*** Trông coi các điện đường thì hương đèn phải thường lau bụi, nghiêm khiết ghế bàn. Hoặc gặp gió thổi, phải tắt hương lửa trong lò, và buộc dậy chân phướn, chớ để gần đèn đuốc. Hương tiền thí chủ chẳng được dùng lẫn vào việc khác, ngày Phật đản tắm Phật, nấu nước nóng cúng dường đại chúng, bốn ngày trai mở cửa điện để tiện lui

tới chiêm lễ.

Thị giả: (Đốt hương thư trạng thỉnh khách). Chức của Thị giả rất là thân mật, trông đạo đức ở trước sau, nghe dạy răn sớm tối, đích thân tham học, mong pháp đạo được thành tựa lớn lao, mà lễ tiết thường nên cung kính cẩn mật. Khánh Hỷ hầu Cù-đàm, Hương Lâm hầu Vân Môn, Phật Tổ lại gửi đó có thể xao nhãng các thứ ư? Trụ trì thượng đường tiểu tham, Phổ thuyết, khai thất, niệm tụng, phóng tham, tiết lạp đặc biệt, thông báo qua lại, đăng ký đốt hương hành lễ, ghi chép pháp ngữ. Thị giả đốt hương giữ chức đó. Phàm Trụ trì có thư từ qua lại, chế tác văn tự, trước đủ thảo trình. Nếu thiếu thư ký thì văn từ bút mực của dơn môn, Thị giả thư trạng nên giữ chức đó. Trụ trì ứng tiếp tân khách quản đãi tôn túc, tiết lạp đặt làm đầy đủ văn trạng hành lễ, Thị giả thỉnh khách giữ chức đó. Hoặc Duy-na Tri khách đều chẳng đến chúng hành sự đó, ba Thị giả đều phải nhiếp cả (hoặc nói thư trạng chẳng đáng can thiệp các việc khác, là vô căn cứ). Nếu Trụ trì lâu ra thì trở về các hàng đứng, tạm ra thì chẳng lìa vị trí ban.

* ***Thị giả y bát*** (chẳng lập ban): Các bậc tiền bối phần nhiều dùng các bậc sị lão thành của tòng lâm cho làm chức đó, bởi năng thâu nạp người trung thành, cứu kẻ lỗi lầm, bủa khắp nhân tài, trong ngoài vô sự, thông biến viên dung, nguyện hạnh trên dưới nghiêm túc, như Thị giả Mật Am hữu như mà được tùng nguyên kế đời nhà đó. Đông Tẩu được lên Thủ tọa mà phép càng nghiêm, nay các nơi thường cho kẻ sinh sau tuổi trẻ giữ chức đó, rất khiến bại đức nhầm việc, có thể chẳng thận trọng hay sao?

* ***Thị giả thuốc thang*** (lập ban): Sớm tối cúng dường thuốc thang lên phương trượng, ứng tiếp hai bên, giúp đỡ Thị giả y bát, vỗ về hành bộc cận sự. Nếu tạm thiếu Thị giả, khách đến thông báo đốt hương, hoặc thiếu người hồi hướng, đều nên nhiếp hành, phải chọn người tuổi trẻ khỏe mạnh, nghiêm cẩn mà cho giữ chức đó.

* ***Thị giả Thánh Tăng*** (chẳng lập ban, hành đạo sau chúng, lo cháo cơm bên ngoài đường): Quý ở chỗ có đạo tâm, hai thời cơm cháo dâng cúng, đánh chùy xuống đường, sớm tối giao điểm đắp vị, giữa đêm gỡ đèn, đồng Duy-na giao thâu, Tăng thị tịch xướng tiền y. Trụ trì thị tịch thì cầm trướng. Đầu thủ cầm phất thì vì đốt hương, hoặc thay đánh chùy, chức niệm Phật mãn, tại chùa này phải dự danh Thị giả. Hai lão thôi cày dứt cầu lúc ở chúng thường giữ chức này. Vì năng kết các duyên mà gắng chí ở đạo.

ĐÔNG TỰ TRI SỰ:

*** Đô giám tự:** Theo Thanh quy xưa chỉ lập giám viện, sau nhân chùa rộng chúng đông, thêm đô tự để coi sóc mọi việc, sớm tối coi việc hương hỏa, ứng tiếp quan viên thí chủ. Bàn tính sổ sách, xuất nhận tiền thóc, thường khiến hằng năm tính có thừa. Kính chủ mến chúng. Mọi việc đều có họp bàn, thưa bẩm Trụ trì mới thi hành, dạy răn hành bộc chẳng vọng đánh đập. Giả sử đáng răn trừng phạt đuổi, cũng phải thưa bàn lượng trình bày răn, không buông oai bạo, khơi biến khởi tố, sai bày trang khố chức vụ phải công bình, không dùng bè đảng riêng khiến oán trên dưới. Xưa, tòng lâm lúc thạnh, phần nhiều thỉnh Tây đường Thủ tọa thư ký giữ chức này, mà Đô giám tự cũng làm chức Thủ tọa thư ký, không thì phải tuổi cao lịch sự, liêm năng công cẩn, vốn làm cho chúng phục thì cho giữ chức đó. Đã không lấy ở công, mà đạo phước thù thắng, trên dưới còn đẹp, tuy nhiều năm chẳng đổi, hoặc mấy lần thỉnh lại sung, lại đâu có thương tổn ư? Nên hiện chỗ đơn liêu cần cựu chẳng đầy năm sáu vị, phó tự trở xuống thì phải trải ba lần, chẳng trở về tiền tư, giám tự chẳng phải ba lần, chẳng trở về mông đường, đô tự chẳng phải ba lần, chẳng được ở đơn liêu, lại thỉnh ra sung đó, công giới bít khóa nguyên phòng để tránh hiềm nghi, hai thời cơm cháo phải đến đường, thì lợi ích hành bộc hạnh tự nhiên chỉnh túc. Như phụ từ minh của Dương kỳ, Phụ công trí của Thạch song, có thể làm phép tắc.

- Tăng sử chép: Tri sự ba cương là, như dây lớn của giềng lưới giăng thì trăm mắt chánh. Tiếng Phạm là Ma-ma-đế, Hán dịch là Tự chủ, tức Giám tự ngày nay. Lại, trong kinh Đại Tập chép: Vật chư Tăng khó trông giữ, ta cho phép hai hạng người trông giữ vật Tam bảo: Một là A-la-hán; Hai là Tu-đà-hoàn. Lại có hai hạng: Một là người năng trì tịnh giới, khéo biết nghiệp báo; Hai là người sợ tội đời sau, có các hổ thẹn.

*** Duy-na:** Là giềng mối của chúng Tăng, thảy đều điều nhiếp. Đường Tăng đăng ký, biện phân độ điệp chân ngụy, chúng có tranh giành sai mất, phải biện giải hòa hợp, giới lạp thứ lớp, sàng lịch đồ trướng. Việc tăng trong ngoài không gì chẳng trông coi, cử xướng hồi hướng dùng âm thanh làm Phật sự, tăng bệnh tăng tịch, rất phải dốc tâm, mỗi ngày hai thời đến Đường. Chuông trước đường đánh thì lìa vị trí, vào đường trước Thánh Tăng, tay trái dâng hương, lùi hai bước rưỡi, chào hỏi chấp tay, mà vào đứng cạnh chùy, trước xem theo ngày hồi hướng, thần bày danh vị. Trống chuông dứt thì đánh một tiếng chùy, chúng bày bát rồi, đánh một tiếng chùy, chấp tay im lặng, hồi hướng

đáng ngày thần bày. Tay trái đề chàm, cử xướng (kính mong đại chúng niệm pháp thân thanh tịnh Phật Tỳ-lô-giá-na, viên mãn báo thân, mười hiệu v.v...) tay phải đánh chùy, cao chẳng quá năm tấc, tiếng dứt mới hạ chùy, nhanh chậm vừa chừng. Đợi Thủ tọa xướng thực đến câu thứ ba sắp xong, chuyển thân lùi đến đứng ở đầu Tăng bảng, đợi hành thực khắp, tiến tới trước đánh một tiếng chùy, chấp tay đến trước Thánh Tăng chào hỏi, ra khỏi đường trở về vị trí bát, nếu thí chủ trai Tăng hành phẩm vật khắp thực, sau tiếng chùy, thì đi theo Thánh Tăng chuyển, cạnh bên trái chầu Thủ tọa thăm hỏi, lại đánh một tiếng chùy mà ra, là thỉnh thí tài. Hoặc có duyên sự khác hoặc tạm giả ra vào, đem sở giới lạp, sở giả để coi xét. Đường ty phải biết sổ, đích thân đưa sang khách ty để coi xét.

Ký Quy Truyện chép: Duy-na, là Hoa Phạm chép chung, Duy là Cương Duy, là tiếng Hán. Na là tiếng Phạm, nói Yết-ma-đà-na, lược bỏ ba chữ theo lược. Hán gọi là Duyệt chúng. Lại, Luật Thập Tụng chép: Vì trong Tăng phường không người biết thời đánh kiền-chùy, lại không người lau chùi quét tước giảng đường, nhà ăn, không người tương tục bày giường. Lúc chúng loạn, không người khảy bít, v.v... Phật bảo lập Duy-na. Lại, Thanh luận dịch là Thứ đệ, nghĩa là lần lượt coi sóc việc tăng.

* ***Phó tự:*** Theo Thanh quy xưa thì gọi là Khố đầu, nay các chùa gọi là Quỹ đầu, phương Bắc xưng là Tài bạch, thật ra đều một chức này. Bởi phó nhị Đô giám tự phân công nhọc, trông coi vàng thóc, tiền lụa, lúa gạo xuất nhập của thường trú, tùy thời lên lịch thâu quản chi dùng. Khiến khố tử mỗi ngày đầy đủ thâu chi bao nhiêu, kiểm định đem đơn trình Phương trượng, gọi là Nhật đơn. Mười ngày kết toán một lần, gọi là tuần đơn, một tháng kết toán một lần, một năm kết chung, có không xem quản, gọi là Nhật hoàng Tổng bạ, Bên ngoài có gạo bún năm vị, mỗi sở đều thường xét tính. Tài vật của thường trú tuy chỉ mảy may đều là chúng Tăng mười phương có phần. Như chẳng phải cửa chùa, quan viên đàn việt ngoại hộ tân khách đón đưa, vui buồn thăm viếng hợp hành nhân sự, đều chẳng thể giả danh chi phá xâm lạm. Trên dưới khố tử đó phải chọn có tâm lực khả năng ghi chép tính toán, giữ mình liêm cẩn thì làm chức đó. Tăng bệnh được dùng vật cung cấp, tức thời ứng phó, như kho lẫm thủng dột chim chuột xâm hại gạo thóc, ẩm ướt tất cả vật sắc, chóng buông gìn giữ có khi chẳng đúng pháp, đều phải kịp thời xem xét xử lý.

* ***Điển tòa:*** Chức trông coi cơm cháo của đại chúng, tất cả cúng

dường, phải cho tinh khiết, vật liệu điều hòa, kiểm buộc cục vụ, tiếc giữ thường trú, chẳng được tàn hại hết, răn chúng hành giả vâng giữ khuôn phép, hành ích Phổ thỉnh, chẳng được lười khinh, vỗ về người làm vườn, gieo trồng kịp vụ, chia lợi đồng đều, hai thời đến nhà bếp, cháo cơm ăn chẳng khác chúng, cháo cơm trên thùng trước đối Tăng đường đốt hương lễ lạy, sau đó mới bắt đầu quá đường.

* ***Trực tuế:*** Chức trông coi tất cả việc làm. Điện đường liêu phòng hư hại, thường phải gia tâm sửa chữa, động dụng mọi vật, thường xem số đó, nhân lực làm việc, xét công trình đó, gạt bỏ biếng lười, không dung ăn không tốn tài hại công, ruộng vườn phòng nhà, nghiền mài giả phường, xe thuyền số lượng, giặc trộm lửa đèn, tuần hộ phòng răn, sai bỏ sứ lệnh, thưởng phạt chánh đáng, đều nên công cần, nhọc khỏe chia đều, như tu tạo lớn thì thêm người trông coi.

LIỆT CHỨC TẠP VỤ

* ***Liêu nguyên:*** Trông coi văn kinh, mọi vật của các Liêu. Trà nước nóng củi than, xin cấp cần dùng, quét tước rải rưới cạo đầu, giá khăn các loại. Mỗi ngày, dùng cháo xong, khiến hành giả trà đầu đứng ngoài cửa đợi chúng đến. Đánh ba tiếng bảng, đại chúng về liêu, liêu trưởng phân tay.

* ***Liêu chủ phó liêu:*** Đối diện vị trí phải trái, phó liêu ra đốt hương trở về vị trí. Trà Đầu hét rằng: "Chẳng xét". Đại chúng kính lễ, gặp ngày mồng một, rằm, châm nước nóng, đánh bảng nhóm chúng, đốt hương hành nước nóng như lễ thường. Liêu chủ phó liêu, an chúng ở liêu nguyên chiếu thứ lớp giới lạp. Từ dưới mà lên thỉnh giữ chức đó, ghi định danh tự, dán trước trên bảng, mười ngày thay một lần, giúp Liêu nguyên việc. Sớm tối tăng chúng về Đường, tuần xem bàn kinh, hoặc có sót quên các vật lặt vặt thì mắt đồng gom nhặt giao trả, và giao điểm bàn liêu các vật lặt vặt đề điều hương đèn trà nước nóng, không cho người ngoài ở lại qua đêm và gởi bán các vật, do dự định trông liêu một tên, khiến dùng thứ lớp thay giúp phó Liêu. Nếu Liêu chủ gặp mãn theo Duy-na thỉnh giao thay thế, phó liêu gặp mãn theo Liêu nguyên thỉnh giao thay thế.

* ***Diên thọ Đường chủ:*** Trông nom Tăng bệnh, thuốc thang dầu đèn, than lửa cơm cháo năm vị, thường cung cấp đầy đủ. Công giới nếu thiếu, nếu tự mình đầy đủ kết duyên ứng phó, hoặc khuyên hóa thí chủ bày biện, giường chiếu áo chăn dơ bẩn lẫn lộn nên giặt giũ, không sinh hiềm oán, trong tám ruộng phước thì chăm sót người bệnh là bậc nhất.

*** *Tịnh Đầu:*** Quét đất nghiêm hương, rút thẻ tẩy xí, nấu nước nóng thêm nước, phải cho kịp thời, hơi có lẫn lộn tức thì rửa sạch, khăn tay thùng sạch, xem xét thêm thay. Người làm chức này đều là tự phát đạo tâm, lúc sắp giao đổi, Đường ty dự ra bảng nhỏ ghi (kế dưới tịnh đầu thiếu người, nếu có kết duyên xin để lại tên họ mời lưu phương danh), nguyện kết duyên là thâu bạch Đường ty, sau đó báo Trụ trì thỉnh sung đó.

*** *Hóa chủ:*** An chúng ở thường trụ, thuế nhập có hạn, phải nhờ hóa chủ khuyến hóa đàn việt, tùy khả năng cúng thí, giúp thêm cúng chúng. Đó hẳn là hằng sản đủ dùng, chẳng cần nhiều lần đến mong cầu khiến nhàm chán.

*** *Viên chủ:*** Chẳng sợ siêng năng khổ nhọc, đem thân dẫn trước, gieo trồng rau lá kịp thời tưới tẩm, cung cấp nhà bếp, không để thiếu sót.

*** *Ma chủ:*** Kiêm chủ giả phường gạo bún, cúng chúng rất có quan hệ, phải chọn người có đạo tâm, am hiểu việc cối xay v.v... thì sung đó.

*** *Thủy đầu:*** Canh năm nấu nước nóng, cúng bồn chậu cho đại chúng, khăn tay chậu rửa mặt đèn đuốc, nha dược, không để thiếu sót. Tháng mùa đông hong sấy khăn tay, phải dậy sớm thiết bày, chớ để đến lúc cần làm động niệm chúng.

*** *Than đầu:*** Dự bị than củi để ngăn việc lạnh, hoặc khuyến hóa thí chủ, hoặc xuất công giới, phải cho đủ dùng.

*** *Trang chủ:*** Coi về Điền giới cho đến sửa sang trang xá, Đề đốc nông vụ, vỗ yên trang điền. Chút ít việc nên tùy thời tiêu nghỉ, việc liên quan đại thể, trình bày chùa định đoạt. Gần đây, tòng lâm rách nát trăm xuất mà trong Trang rất lặm, lược nêu có ba. Các phương thông hại mới đầu tranh giành chức Trang, đâu năng khắp cùng, gây oán với Trụ trì trên dưới chẳng hòa mục là một. Một là sung chức đó, ở cách xa chùa, không việc gì chẳng làm, đến nỗi tranh giành khởi tố, cúng chúng tiền lương đều do phí tổn canh cày. Lại chứa trốn mắc nợ để lụy về sau, do đó mà giềng mối chẳng giữ, trang điền sinh lờn, thuế khóa chẳng trả, là tệ thứ hai. Giả sử khiến người lão thành khéo việc sung đó, mà châu huyện ứng đối. Lại lệnh cầm cán, hương đô chức sai, lân lý giàu có, đều được tìm bồi. Đã mở mối đó, hơi có chẳng kịp, khiến sinh kẽ hở, tuy chẳng rõ chi, mà khéo lập trừ phá công tư vô ích, nên phí của trong trang hoặc một nửa ở chùa, đó là tệ thứ ba. Chỉ như Đại gia sản nghiệp giàu lớn, chẳng nghe phân để con em, khắp ở trang sở, bởi canh cày

gieo tỉa có người làm mướn, Đề đốc thì có giáp cán, lúc thâu thuế thì tự có Tăng hành giám thâu, ngoài ra, giả sử có thâu nạp tu sửa bờ đập y cứ lương, v.v... các khoản chỉ đến lúc phân giao cần cựu Tri sự. Hạn kỳ sai làm, việc xong trở về, chẳng phải chỉ bớt phí, mà có bổ ích của thường trụ và tiêu họa chưa nảy mầm, công tư đều được lợi, nay phế bỏ của các nơi như trốn mất nhà. Trụ trì cần cựu năng nghĩ thương cửa chùa, muốn bớt phí cứu giúp, trừ bỏ lạm nhũng, xin từ đây làm đầu. Đó lúc đầu so sánh có đáng cật nạn lại chăng? Mà cho làm chức trang là, riêng bàn nghị thù đáp bổ sung.

**** Các trang giám thâu:*** Thanh quy xưa, lúc đầu không có trang chủ giám thâu, gần đây mới đặt ra tên gọi này. Khi đặt tên gọi này, mà tệ của nó có cả trăm thứ. Vì Trụ trì riêng nhậm, chẳng phải nhân giả có, nhân lợi quanh co là có theo, vì người cần cựu chấp sự nhiều năm đánh giá sung vào có đó, gá thế cầu sung là có, lập bè đảng phân sung là có, dốc sức tranh sung là có, tổn công hại tư chẳng thể nêu cử. Tuy muốn cứu giúp, cuối cùng thế nào. Nếu được liêm chánh cần cựu phụ giúp Trụ trì, công chọn chia dùng, hoặc đối chúng rút thể niêm sung đó, làm chức này là phải nghiêm mình làm niệm, kính chúng làm tâm, không tàn ác lấy điền hộ, không khuyết tổn của thường trụ, thì tự tha đều lợi.

THỈNH LẬP TĂNG THỦ TỌA

Việc đó quan trọng không thể xem thường, như Đại phương Tây đường danh đức Thủ tọa. Hạnh giải vốn là điều đại chúng tôn phục, cặn kẻ bày tình, như có xứng ý, đặt làm thượng đường nói là thời gian này chúng đông nhiều, nên được đáng người cùng vì dựng lập cờ pháp, mở lò bệ lớn. Trong chùa may có người mỗ, thấy biết cao sáng, chỗ tuệ mạng nương. Lát nữa xuống tòa, đồng Lưỡng tự đại chúng lạy thỉnh vì chúng khai thất, cúi mong từ bi thương xót hứa khả. Xuống tòa, hành giả phương trượng dùng mâm khăn gói dựng hai bìa nhập thất và Phổ thuyết, đến nơi dưới tòa đồng đại chúng lạy thỉnh, văn từ là (đại chúng dốc lòng từ lâu nghĩ suy chỉ dạy, cúi mong từ bi xót thương hứa khả), người thọ thỉnh theo đến phương trượng đốt hương xúc lễ lạy tạ, văn từ là (mỗ may được nương cậy Quý đồ tạng vụng về. Đã được bị cử chẳng dám có trái). Đáp rằng: “Phật pháp cậy trọng, kính mong thương tình. Tạ xong, hành giả Đường ty đánh chuông ở Tăng đường, đại chúng đồng đưa tiễn về Liêu. Trụ trì đối xúc lễ một lạy tiễn ra, kế là chào hỏi đại chúng, Duy-na đến liêu, bàn nghị thỉnh một người Thị giả, treo bảng Phổ thuyết, dự thiết bày chiếu đường ghế thiền, Phất tử, chủ trượng, lò

đèn, đánh một hồi trống, chúng nhóm lập định, lập tăng trở về vị trí. Duy-na ra ban đốt hương, đồng với đại chúng lại lạy xuống bày thỉnh. Lập tăng ngồi, kiết già, Lưỡng tự chào hỏi, Trụ trì chào hỏi. Lập tăng phổ thuyết xong. Duy-na đồng đại chúng lại lạy xuống bày tạ. Lập Tăng tức ôm hương đến chỗ Phương trượng, đặt tạ, cả hai lạy ba lạy, văn từ là (đã được sứ lệnh gắng nguyện gánh vác, từ bi gồm cả, chẳng ngăn được thẹn sợ). Bèn đến khố ty, các liêu phòng chào hỏi, phương trượng chuẩn bị cơm rau, thỉnh đặt làm nước nóng dùng bữa chiều. Đến chiều, nước nóng quả, Lưỡng tự quang bạn, lập tăng thị giả cùng dự. Ngày hôm sau, Trụ trì thỉnh Tăng đường đặc biệt làm trà Thị giả thỉnh khách đầy đủ bảng trà (nghi thức xem ở sau), đến Liêu cắm hương lạy thỉnh, lễ đồng như đặc biệt làm Tân thủ tọa. Lập tăng phải đặt làm thủ tọa đại chúng trà, đồng với lễ tiền Đường đặc biệt làm hậu Đường đại chúng. Ngày khác, phương trượng quản đãi thỉnh Lưỡng tự quang bạn.

THỈNH DANH ĐỨC THỦ TỌA

Trụ trì phải dự bẩm bày, như có xứng ý, phương trượng trước mời dùng trà, Lưỡng tự quang bạn liền đánh trống lên tòa. Lại chẳng báo chúng, Trụ trì cặn kẽ khẩn thiết, xuống tòa cùng đại chúng đồng bày lạy thỉnh, đánh chuông tiễn đưa về liêu, trà nước nóng quản đãi lễ đồng như trước, tiến thối chẳng lẫn lộn, Lưỡng tự không giao thay thế.

- Bảng: (Hòa-thượng Đường đầu sáng nay thọ trai xong, đến Vân đường châm trà, đặt làm Tân mạng Thủ tọa. Hãy dùng nghi của cờ bày giá, vẫn thỉnh các Tri sự, đại chúng đồng nhủ lòng, quang bạn.

Nay, ngày tháng , thị ty mỗ kính bạch.

LƯỠNG TỰ TIẾN LÙI

Đầu thủ chuyên chọn người tài đức tương đối cho giữ chức đó, gần đây những kẻ tầm thường trách vì ăn uống mà liên tiếp làm việc, khiến các kẻ sĩ giữ bần ôm đạo càng cam tâm lui tàng. Tòng lâm do đâu mà kính mến tốt lành, Trụ trì phải đổi thay tệ hại đó là đúng. Theo Thanh quy xưa, Tri sự chỉ xếp vào giám viện, Duy-na điển tọa, trị tuế, khổ đầu năm vị mà thôi, chức mãn thì đánh chùy bạch chúng cáo lui về Đường theo chúng. Lúc đầu, không đơn liêu giường vị, nên tòng lâm hưng thạnh, gần đây các phương lớn nhỏ cần cựu động đến trăm số, tôi tớ gấp bội, mà tăng đường vắng không một người. Khoảng niên hiệu Thái Định (1324-1328 đời Nguyên) Thừa tướng Thoát Hoan lành hành tuyên chính viện, chia chùa viện thành ba hạng thượng, trung, hạ v.v...

ngạch định hằng năm thỉnh tri sự số vị chánh là đây, nên vâng hành đó. Chức sự sắp mãn, dự đến Phương trượng thưa lui. Như chọn định ngày tấn thối, Trụ trì bảo hành giả báo cho Lưỡng tự biết, nên biết chiều, tối đánh chuông. Một ban cựu Tri sự đến Phương trượng cắm hương cáo thưa, xúc lạy một lạy, nạp sổ chìa khóa khố mà lui. Trong đây hoặc có lưu lại là Trụ trì theo đưa đến khố ty, Thị giả đốt hương châm nước nóng, khuyên gắng lưu. Đến canh năm hôm sau đánh chuông, một ban đầu thủ ôm hương đến chỗ Phương trượng, xúc lạy một lạy, cáo lui. Hoặc có lưu lại là, cũng đồng lễ trước, châm nước nóng lưu lại đó. Trụ trì đem danh mục người chọn định, cùng Tây đường cần cựu, khiến hành giả khách đầu, thỉnh dùng cháo xong thì dùng trà, một ban cựu tri sự đó đợi Tăng đường hành cháo khắp, từ cửa sau mà vào, Thượng thủ đánh chùy một tiếng, thưa: "Bạch đại chúng! Chúng tôi hôm qua được từ chỉ của Hòa-thượng đường đầu, khiến trở về khố ty, nay lại tâm lực khổ nhọc, xin lui về Đường theo chúng, kính bạch". Lại đánh một tiếng chùy, từ bên trái Thánh Tăng ra trước Trụ trì, cả hai lạy ba lạy. Mới đầu bày, thưa: "Chúng tôi hôm qua được chọn ghi, tự thẹn chẳng phải tài năng. Hạ tình không ngăn nổi thẹn sợ". Lại bày tuần tự lạnh ấm xong, xúc lạy ba lạy, lùi thân. Từ bên phải Thánh Tăng ra trước Thánh Tăng, lạy ba lạy, chuyển thân theo Thủ tọa bảng đứng dậy tuần Đường một vòng, khoảng giữa chào hỏi mà lui. Dùng cháo xong, hành giả giữ thỉnh người mới đến Tẩm đường, dâng trà xong, Trụ trì đích thân đứng dậy, đốt một nén hương, trở về vị trí, bạch rằng: "Lưỡng tự trước cáo lui, việc này không thể thiếu người. Lạy thỉnh người mỗ sung làm tri sự, người mỗ sung làm Đầu thủ, theo một nêu danh, bạch xong", Trụ trì ra đến trước lò, Thị giả vái thỉnh người mới đến trước Trụ trì, đối xúc lễ một lạy, Tân tri sự đồng tiến tới trước, cả hai lạy ba lạy, mới đầu bày, thưa: "Chúng tôi chợt vào tòng lâm, mọi sự sinh sơ quá nhờ sứ lệnh, Hạ tình chẳng thắng chí của lo sợ". Lại bày, thưa: "Ngày hôm nay khiến kính cẩn lúc cùng chỉ, Hòa-thượng đường đầu đi ở nhiều phước" xúc lạy ba lạy. Trụ trì đáp một lạy. Tân đầu thủ tiến tới trước, cả hai lạy ba lạy, đặt văn từ đồng như trước, chuyển vị trí dâng nước nóng (Hàm thuần quy nói: Vái tiếp ngồi, tiếp hương, tiếp nước nóng, đến nay các phương thực hành. Hoặc cho rằng đang chiều có đặc biệt vì đây có thể miễn, giảng hay chẳng giảng ở ý Trụ trì". Nước nóng xong, tạ lễ, hoặc bày hoặc miễn, Cung Đầu đánh chuông ở Tăng đường, đại chúng trở về vị trí Bát đứng định, Trụ trì vào đường, trước tiễn đưa tiền Đường Đầu thủ, vì thứ Đầu thủ theo về vị trí bát, mỗi xúc lạy một lạy, tiếp tiễn đưa hậu Đường đối

xúc lạy một lạy. Một ban Tân tri sự dự đứng ở Đầu bản Tây đường. Trụ trì trở về vị trí. Duy-na sang đến Trụ trì chào hỏi rồi đứng bên cạnh (nếu Duy-na đã lui, thì Thị giả tri khách thay thế hành lễ). Trụ trì giao danh mục cho, đối mặt chào hỏi, theo sau Thánh Tăng, chuyển đánh chùy một tiếng, thưa: "Bạch đại chúng! Tri sự trước cáo lui. Việc này không thể thiếu người. Vừa kính vâng từ chỉ của Hòa-thượng Đường đầu, thỉnh người mỗ sung chức mỗ, người mỗ sung chức mỗ, kính bạch". Lại đánh một tiếng chùy. Thị giả liền vái thỉnh một ban Tân tri sự, đến trước Trụ trì xúc lạy một lạy, Duy-na bạch rằng: "Thỉnh Tri sự xong", lại đánh một tiếng chùy, một ban Tri sự cả hai lạy ba lạy. (Đặt văn từ đều đồng như trước), Tri sự chuyển lui sau Thánh Tăng, theo bên phải ra trước Thánh Tăng bày đứng, lạy ba lạy. Duy-na dẫn tuần Đường một vòng, trở về giữa chào hỏi, lùi ngang qua đầu bảng Tây đường đứng. Hành giả Đường ty hét rằng: "Đại chúng lễ chúc mừng Tân tri sự", khắp đồng xúc lạy một lạy xong. Lại hét rằng: "Tân tri sự lễ tạ đại chúng", khắp đồng xúc lạy một lạy xong. Lại hét rằng: "Đại chúng tiễn đưa Tân tri sự về khố ty". Hành giả Cung đầu đánh chuông ở tăng đường, Trụ trì tiễn đưa vào đối xúc lạy một lạy tiễn đưa Trụ trì ra, cùng người cựu giao thay thế, cùng chuyển thân đối, xúc lạy một lạy, tiễn đưa người cựu ra. Thị giả trước chúc mừng, tiếp Đầu thủ lãnh chúng chúc mừng xong, hành giả hét rằng: "Đại chúng tiễn đưa Tân thủ tọa về Liêu". Lại đánh chuông tiễn đưa, chúc mừng xong, hét rằng: "Đại chúng tiễn đưa Tân Duy-na về Đường ty", lại đánh chuông tiễn đưa chúc mừng xong. Theo hét một tiếng rằng: "Hai ban cần cựu tiễn đưa Tân hậu đường Thủ tọa, Thư ký, Tạng chủ, Tri khách về liêu", tiễn đưa chúc mừng giao thay thế, lễ đồng như trước. Lại đều hét rằng: "Đại chúng tiễn đưa cựu thủ tọa, đô tự về liêu", cũng đánh chuông, chúc mừng xong, đều hét rằng: "Hai bạn cần cựu tiễn đưa dùng thứ cựu Đầu thủ Tri sự về Mông đường tiền tư". Lễ cũng như trước, tiễn vị Trụ trì ra, Liêu chủ trước tiếp đãi, chuyển thân lẫn nhau đối xúc lạy một lạy, chẳng tiễn ra, sau đó nhận chúc mừng đều xong, các vị Tân cựu đều ôm hương đến chỗ Phương trượng lạy tạ, hương người mới hệ thuộc khố ty chuẩn bị tạ xong, các vị Tân cựu đồng tuần liêu phương trượng thỉnh giữa trai điểm tâm. Đến giờ trai cơm rau, vẫn thỉnh Tây đường cần cựu quang bạn, Liệt chức tạp vụ đãi thỉnh Lưỡng tự xong, ngày khác đến Đường ty cáo lui, thứ lớp chọn người giao thay.

THỈNH TRI SỰ LÚC TREO BÁT

Có xứ Trụ trì chẳng trước hòa hội, im lặng chọn người định, dự phân trao hành giả Đường ty. Ở Tăng đường, dùng cháo sáng xong, lúc treo bát, hét rằng: "Đại chúng dừng chốc lát thỉnh Tân tri sự". Duy-na vào Tăng đường trước đốt hương, tuần đường một vòng, đến trước Trụ trì chào hỏi, đứng bên cạnh, Trụ trì ban giao danh mục thỉnh người, tiếp xong, đối mặt đáp lễ, theo sau Thánh Tăng chuyển, đánh một chùy tiếng, bạch rằng: "Bạch đại chúng! Vừa vâng phụng từ chỉ của Hòa-thượng Đường đầu, thỉnh người mỗ sung cho Tri sự mỗ". Theo một bạch xong, Thị giả vái thỉnh người mới đến trước Trụ trì nhận chức, cùng đồng như lễ trước, bạch Phương trượng họp dùng trà thỉnh Đầu thủ, lể đều đồng như trước.

THỊ GIẢ TIẾN LÙI.

Thỉnh Lương tự xong, cựu Thị giả theo Trụ trì lên phương trượng thưa bẩm rằng: "Chúng con từ lâu hầu Hòa-thượng, nay muốn cáo lui theo chúng hành đạo, cúi mong từ bi". Cầm hương, lạy ba lạy mà lui. Trụ trì phê xuống Đường ty, thỉnh Tân thị giả, Duy-na khiến hành giả y theo phê thỉnh, vẫn thỉnh liêu nguyên khuyên thỉnh, đồng đến Đường ty dùng trà tiếp mời vào, đốt hương châm trà xong, đứng dậy lại đốt hương bạch rằng: "Vừa vâng phụng từ chỉ của Hòa-thượng Đường đầu, bảo thỉnh Thượng tọa mỗ sung vào Thị giả mỗ", theo một bạch xong, vái người thọ thỉnh, tiến tới trước khắp đồng xúc lạy một lạy, chuyển vị trí, Duy-na hành lễ vái mời ngồi, tiếp hương, trở về vị trí ngồi, dâng nước nóng xong, dẫn lên phương trượng, Trụ trì ra, Duy-na tiến tới trước thưa: "Vừa vâng phụng từ chỉ, bảo thỉnh người mỗ sung cho Thị giả mỗ, nay dẫn đốt hương lễ lạy". Trụ trì cứ ngồi, Tân Thị giả cầm hương lạy ba lạy xong, Duy-na tiễn đưa về liêu, đối xúc lạy một lạy, Thị giả tiễn ra, tức cùng người cựu giao thay thế, đồng như lễ Đầu thủ (Hàm Thuần Quy ghi: Cũng có Trụ trì tự tiễn đưa Thị giả về liêu, Thị giả phải xúc lạy một lạy tiễn ra, Chí Đại Quy ghi: Nếu là người danh đức, Trụ trì đích thân tiễn đưa vào liêu, đối xúc lạy một lạy, Duy-na chỉ chúc mừng mà thôi, chớ xem thường). Hành giả phương trượng trực sảnh kiệu phướn lạy chúc mừng. Hành giả Đường ty dẫn Tân cựu Thị giả đồng tuần liêu xong, Tân thị giả lại lên phương trượng đốt hương lạy tạ, cựu Thị giả sớm tối dò xét đồng Tân Thị giả, hhương trượng chào hỏi, ba ngày sau, Trụ trì phê xuống Đường ty tiễn đưa về Liêu chúng, cùng Duy-na Liêu nguyên chào hỏi xong, vẫn lên Phương trượng đốt hương lạy tạ. Thị giả

Thánh Tăng hệ thuộc Duy-na, chọn người hòa hội sung chức, sau dẫn Phương trượng lễ tạ, tùy lệ trà nước nóng điểm tâm quản đãi.

LIÊU PHÒNG GIAO CẮT CÁC VẬT LẶT LẶT.

Liêu phòng mọi vật do thường trú đặt làm chẳng dễ, thường có người chức sự trông coi làm truyền xá, đến lúc tiến lùi hương nhân đều tự chuyển dời, tự nhiên rỗng không, khiến người mới vào Liêu không sao toan liệu, chưa khỏi đủ số, đến khố ty yêu cầu vật cần chẳng được, nhân đó trên dưới lời tiếng chẳng an. Giả sử nếu ứng phó trọng phí của thường trú, khố ty phải đặt tổng ba, ghi chép đầy đủ mọi vật trong các liêu. Trụ trì Tri sự kiểm định bèn phân đặt quyển sổ nhỏ giao cho các liêu, hai bên đối chiếu tương đồng. Tân cựu cùng nhau giao cắt, hư tổn thì công giới tu bổ, thiếu mất thì tự liêu đó đền bù. Sắp tiến lùi, trước vài ngày, phó tự sai hành giả ban sở đến các liêu, dự trước điểm đối rõ ràng, trách nhiệm tại nhân bộc trong liêu, không được làm mất, trái phạm thì phải bồi thường. Hoặc có Tăng thêm số mục tùy thì niêm phong đồng phụ ba, ngõ hầu có thể khảo xét.

PHƯƠNG TRƯỢNG ĐẶC BIỆT LÀM TÂN CỰU LƯỠNG TỰ THANG

Thị giả thỉnh khách khiến hành giả khách đầu chuẩn bị mâm khăn lò đèn, đến nơi Tân cựu Tiền đường Thủ tọa, đốt hương xúc lạy một lạy, thưa rằng: "Hòa-thượng Đường đầu thỉnh tham tiền đến Tẩm đường đặc biệt dâng nước nóng", kế là ở trước tân cựu Đô tự, đốt hương không lạy, từ ngữ đồng như trước, kế tiếp là tân cựu Lưỡng tự khiến khách đầu thỉnh, và thỉnh cần cựu quang bạn đóng treo ở Tẩm đường, thiết bày vị trí ngồi quang bạn phân tay, Tân đầu thủ một ra, Tân tri sự hai ra, Cựu đầu thủ ba ra, Cựu tri sự bốn ra. Ngoài ra, cần cựu dự quang bạn là sắp xếp chủ bạn hai bên. Tây tự bên trái, Đông tự bên phải, Thị giả đốt hương, dự bày chiếu bài. Đến giờ đánh trống, khách nhóm đồng với Thị giả thỉnh khách hành lễ (đồng như lễ tiểu tọa nước nóng), đến chiều nước nóng quả. Sáng sớm hôm sau dùng cháo xong, thỉnh người tân cựu dùng trà, khố ty cũng thỉnh trà, nhưng chẳng kịp đến. Đến phương trượng dùng trà xong, liền đến đặc tạ, giữa trai, khố ty điểm tâm, vẫn đề điều tiễn đưa người cựu, cháo cơm ba ngày.

ĐƯỜNG TY ĐẶC BIỆT LÀM TÂN CỰU THỊ GIẢ TRÀ THANG

Cơm rau xong, Duy-na khiến hành giả đường ty thỉnh Thị giả tân cựu, và Thị giả Thánh Tăng cùng tham tiền đến Liêu dâng nước nóng, Đường ty thiết vị trí, bày chiếu bài, thỉnh Liêu nguyên, quang bạn đánh bảng trước liêu, tiếp vào mời ngồi (lễ đồng như khố ty), ngay tại phương trượng trước đặt biệt làm nước nóng, ngõ hầu chẳng phòng ngại hành lễ, đợi phương trượng riêng làm Tân thủ tọa trà xong, thì Đường ty cũng thỉnh Thị giả tân cựu riêng làm trà, ngày hôm sau phải chuyên cảm tạ.

KHỐ TY RIÊNG LÀM TÂN CỰU LƯỠNG TỰ THANG DƯỢC THẠCH

Cơm rau xong, khiến hành giả khách đầu chuẩn bị mâm khăn, lò đèn, Thượng thủ Tri sự đến chỗ Tân cựu thủ tọa và Cựu đô tự, đốt hương, văn từ là (chiều nay Phương trượng dùng nước nóng xong, đến khố ty làm nước nóng, cúi mong giáng trọng). Khách đầu theo sau thỉnh rằng: "Nước nóng xong, đến tòa dùng bữa chiều", và thỉnh Tân cựu, chức sự lớn nhỏ, vẫn thỉnh Tây đường cần cựu, quang bạn thiết vị trí bày chiếu bài, vị trí phân bốn ra. Tân đầu thủ một ra, Cựu đầu thủ hai ra, Cựu tri sự ba ra, Trang khố bốn ra, Tân tri sự cũng y ban bày vị trí, riêng Duy-na đến tòa, quang bạn cần cựu như phương trượng bày vị trí, đợi phương trượng dùng nước nóng xong, khố ty đánh bảng, đều y theo bài lập định, Đô tự tuần tòa mời ngồi xong, đốt hương vái hương, y ngồi vị trí ra đầu đi tuần chào hỏi, trở về giữa, đốt hương quang bạn trở về vị trí ngồi dâng nước nóng, nước nóng xong đứng dậy ra, đến trước, là tạ nước nóng xong, vén y đến tòa dùng bữa chiều.

ĐƯỜNG TY TIỄN ĐƯA CỰU THỦ TỌA ĐÔ TỰ BÁT VỊ

Duy-na ở sau ba ngày Lưỡng tự tiến lùi, lúc chưa khai tĩnh, phân giao cho hành giả Đường ty, dẫn người gánh đèn, thỉnh cựu thủ tọa đô tự đến Đường ty dâng nước nóng, Duy-na tiếp vào, đốt hương uống nước nóng xong, bạch rằng: "Thanh chức đã mãn, sơn môn lễ hợp, mời đưa bát vị", dẫn đến Tăng đường, theo cửa sau vào. Trước tiễn đưa thủ tọa, kế tiễn Đô tự về mỗi đầu bản, mỗi xúc lạy một lạy, ngay ngày đó treo bát ở đường.

PHƯƠNG TRƯỢNG QUẢN ĐÃI TÂN CỰU LƯỠNG TỰ

Trụ trì riêng làm thượng đường mỗi mỗi nêu danh, tuần tự tạ xong, người tân cựu đến dưới tòa lạy tạ. Thị giả thỉnh khách khiến hành giả khách đầu chuẩn bị mâm khăn, lò đèn, hộp hương đến trước Tân cựu thủ tọa, đốt hương bày thỉnh rằng: "Hòa-thượng phương trượng giờ ngọ thỉnh đến Tẩm đường quản đãi". Khách đầu thỉnh người thứ Tân cựu và cần cựu, quang bạn ở Tẩm đường thiết vị trí bày chiếu bài, khách nhóm, báo Trụ trì ra tiếp, mỗi tòa y chiếu bài lập định, Thị giả đốt hương cùng Thị giả thỉnh khách đi tuần mời ngồi xong, đốt hương đưa đến ghế. Thị giả một ban xếp trước Trụ trì chào hỏi vào vị trí, hành nước nóng hạ vật thực xong, đến lúc hành phạn đốt hương, Thị giả lìa vị trí đốt hương, hạ phẩm vật cơm xong lùi ghế, đánh trống lễ giảng trà (cùng đồng lễ đặt làm nước nóng). Đánh ba tiếng trống lui tòa, người tân cựu cả hai ba lạy bái tạ.

PHƯƠNG TRƯỢNG RIÊNG LÀM TÂN THỦ TỌA TRÀ

Quản đãi xong, sáng hôm sau Thị giả đốt hương đến Trụ trì, khiến hành giả khách đầu chuẩn bị mâm khăn, lò đèn, hộp hương, Thị giả thỉnh khách viết bảng trà. (Biểu thức xem ở trước) danh đức thủ tọa đồng đến liêu Thủ tọa, đốt hương xúc lạy một lạy, thưa rằng: "Hòa-thượng Đường đầu thọ trai xong, đến Vân đường riêng làm điểm trà, cúi mong giáng trọng). Khách đầu báo với chúng, treo bảng điểm trà, vẫn thỉnh tri sự đại chúng, quang bạn bày chiếu bài, Thị giả hành lễ (đồng như lễ bốn tiết riêng làm, nhưng bốn đầu bản chẳng đặt ghế, không tuần đường thỉnh trà). Lễ xong, trước thâu chén Thủ tọa, Trụ trì, Thủ tọa thẳng đến trước Trụ trì hành lễ, mới đầu bày thưa: "Ngày nay riêng nhờ tiễn điểm lễ ý quá cần, Hạ tình chẳng ngăn nổi thẹn sợ". Kế là nêu bày lạnh ấm xong, xúc lạy ba lạy, thủ tọa theo sau Thánh Tăng từ phía phải ra trước Đường, Trụ trì cùng tiễn lại vị trí cầm chén, Thị giả đốt hương quang bạn xong thâu chén, ba tiếng đánh trống, lui tòa. Thủ tọa vẫn ở gian dưới pháp đường đợi Trụ trì tạ trà.

TÂN THỦ TỌA RIÊNG LÀM HẬU ĐƯỜNG ĐẠI CHÚNG TRÀ

(Không hậu Đường thì dùng thứ Đầu thủ)

Phương trượng riêng làm trà xong, ngày hôm sau, Tân thủ tọa ôm hương đến chỗ Phương trượng, lạy thỉnh rằng: "Trai xong, riêng làm hậu Đường thủ tọa đại chúng, đến Vân đường châm trà, cúi mong từ bi giáng trọng". Đầy đủ trạng văn (biểu thức xem ở sau), chuẩn bị mâm khăn,

lò đèn, đến liêu hậu Đường thủ tọa, đốt hương lạy thỉnh rằng: "Nay, giờ thọ trai xong, đến Vân đường châm trà riêng làm, cúi mong giáng trọng". Trình nạp trạng văn xong, người nhận làm khiến trà đầu của bản liêu thay nhau giao Cung đầu dán ở gian dưới trước Tăng đường. Phong bao niệm trạng trước, kế khiến Hành giả Đường ty báo chúng, treo bảng điểm trà, đánh bảng lớn, bên trong Tăng đường đi tuần thỉnh trà. (Đánh trống nhóm chúng hành lễ đều đồng như lễ thường riêng làm).

- Trạng văn: (Tiền đường thủ tọa Tỳ-kheo mỗ, như trên mỗ, nay giờ thọ trai xong, đến Vân Đường châm trà, một tiếng chuông riêng làm, hậu Đường thủ tọa đại chúng, vẫn thỉnh các Tri sự đồng xót thương quang giáng.

Nay, ngày tháng , đầy đủ vị mỗ trạng văn).

- Biểu thức: (Khả lậu tử, trạng văn thỉnh hậu Đường thủ tọa đại chúng, đầy đủ vị mỗ, kính thư).

TRỤ TRÌ THĂM VIẾNG ĐẦU THỦ CHÂM TRÀ

Trà nước nóng lễ xong, Trụ trì thọ trai xong đến các Liêu Đầu thủ châm trà thong dong ôn tồn, xem xét thiếu xót, tùy khiến khố ty làm xong.

LƯỠNG TỰ GIAO THAY THẾ TRÀ

Xét đợi phương trượng riêng làm Tân thủ tọa trà xong, lần lượt tân chức sự đầy đủ oai nghi, ôm hương đích thân đến chỗ các người nhận thay thế, cắm hương đối xúc lạy một lạy, thỉnh rằng: "Trai xong, xin lạy thỉnh tôn trọng đến liêu dâng trà", tùy khiến trà đầu thỉnh Lưỡng tự đều một vị, Đông tự Tây tự cần cựu đều một vị, quang bạn. (Tây tự thỉnh trà, thì Tây tự phân tay ngồi, ở trong đồng xếp Đầu thủ, thỉnh dưới vai một vị Quang bạn, như người trên vai đến vị trí ngồi ngăn ngại nhau. Đông tự thỉnh trà, thì Đầu thủ phân tay ngồi, như vị trí Duy-na ở Đông tự, lúc thỉnh trà dưới vai phó tự một người đến). Trong liêu hướng vào trong lập vị trí riêng làm, chủ tịch phân tay vị trí, hai bên vị trí người quang bạn. Trai xong, đánh bảng trước liêu, tiếp người nhận riêng làm, kế người quang bạn vào vị trí mời ngồi, đốt hương vái hương, đốt hương Quang bạn, vào tòa hạ trà, trà xong, người nhận thay thế đứng dậy làm đầu thỉnh hương căm trong lò, xúc lạy bái tạ mà lui. Ngày hôm sau, khiến hành giả Đường ty thỉnh giao thay thế điểm tâm, danh thắng một người, Quang bạn tiền Đường thủ tọa, thì thỉnh Tây đường cần cựu đều một người Quang bạn. Nếu một ban khố ty, thỉnh Tây đường cần cựu Đầu

thủ Quang bạn, khố ty đóng treo, hướng bên trong thiết vị trí riêng làm, hai bên bày vị trí Quang bạn. Thủ đầu cùng chủ tịch phân tay, đồng tự tùy vị trí ban. Kế ngày sau nữa, điểm tâm vị trí ngồi đồng như trước. Tây tự dừng ở Tri khách, Đông tự dừng ở Duy-na, phàm Thị giả giao thay thế trà cùng điểm tâm, phải thỉnh Duy-na Quang bạn (lập vị trí hành lễ đều đồng). Gần đây, điểm tâm nhân mà thỉnh khách, thỉnh hương khúc là chẳng phải lễ.

VÀO LIÊU RA LIÊU TRÀ

Vào Mông đường thì bạch Liêu chủ, treo bảng điểm trà, bên trái bản, dán mảnh giấy nhỏ ghi: "Mỗ lạy thỉnh tôn chúng cả liêu trai xong đến liêu trên". Trai xong, chuẩn bị hương đèn khắp đồng chào hỏi, vái mời Liêu chủ ở chủ vị, người châm trà ở khách vị, lược ngồi, đứng dậy đốt hương chào hỏi, lại ngồi, châm trà, thâu chén, Liêu chủ đứng dậy trước lò từ tạ nhau, từ Mông đường ra sung làm Đầu thủ là điểm giao thay trà xong, ngày khác khiến trà đầu báo Liêu chủ treo bảng châm trà, trai xong, đánh bảng nhỏ trong liêu, người châm trà đứng bên phải ngoài cửa tiếp mời chúng vào, đến trước lò chào hỏi, Liêu chủ ở chủ vị, người châm trà phân tay vị trí. Lược ngồi, đứng dậy đốt hương chào hỏi, lại ngồi dâng trà xong, Liêu chủ cùng chúng đứng dậy đến trước lò từ tạ, tiễn người châm trà. Tự chúng liêu ra sung làm Đầu thủ là, khiến trà đầu dự báo Liêu chủ treo bảng châm trà, trai xong đánh bảng, trước đến đứng bên phải ngoài cửa chúng liêu, mời chúng vào vị trí lập định, chào hỏi mời ngồi. Đến gian giữa và gian trên dưới đốt hương, trở lại gian giữa và gian trên dưới chào hỏi, vẫn ở giữa chào hỏi, Liêu nguyên tiếp người châm trà, đối diện vị trí ngồi, hành trà xong, Liêu nguyên ra trước lò tạ lễ, tiễn đưa ra. Người vào Liêu chúng châm trà (lễ đồng như ra trà Liêu), nhưng Liêu nguyên Liêu trưởng phân vị trí khách chủ, Tự chẳng thể vào vị trí ngồi.

ĐẦU THỦ ĐẾN TĂNG ĐƯỜNG CHÂM TRÀ

Xem xét châm trà ra liêu xong, đầy đủ bản trà (nghi thức xem ở sau), khiến Trà đầu dán ở gian dưới trước Tăng đường, đầy đủ oai nghiu đến Phương trượng thỉnh trà. Các liêu treo bảng châm trà báo thỉnh, dự khiến Cung đầu nấu nước nóng rót ra chén, khố ty chuẩn bị trà đèn. Trai xong đến chỗ ngồi châm trà, Đầu thủ vào Đường đốt hương hành trà (đồng như lễ mồng một, rằm).

- Bảng: (Liêu phòng mỗ thấp hẹp chẳng dám ngồi chơi, nay giờ

thọ trai xong đến Vân đường châm trà một. Cúi mong chúng từ bi đồng hứa giáng trọng.

Nay, ngày tháng , đầy đủ vị mỗ lạy thỉnh).

- Nghi thức: (Thiền sư làm việc trong chùa, Thiền sư danh thắng trong giang hồ, Thiền sư Hương khúc đạo cựu, Thiền sư Tôn chúng hợp đường).

LƯỠNG TỰ RA BAN DÂNG HƯƠNG

Ra ban dâng hương, hành hương, đánh nạo bạt, Duy-na ra trước lò hướng bên ngoài đứng một mình, vái Trụ trì dâng hương (Thị giả bưng hộp), kế mời Lưỡng tự, cùng chầu mà ra, chuyển thân chào hỏi Trụ trì (gọi là tá hương), sau đó dâng hương. (Nếu Thánh tiết, Phật tổ tự Pháp sư kỵ, không tá hương chào hỏi, có lập ban Tây đường, trước phải dâng hương. Hoặc cho rằng thủ tọa đã ra đời trước phải dâng hương, là không đúng, vì phải cùng Đô tự đồng ra ban).

Chương Lưỡng Tự hết.

****

CHƯƠNG THỨ BẢY: ĐẠI CHÚNG

Nước của Quy hư, cây của Đặng lâm, vì Tụ nghĩa là Đôn đảo. Nay, phương lớn ở chúng có cả trăm ngàn, trút kho mà nấu, đỏ núi mà thổi, cũng là chỗ tụ. Mà đến của bốn phương như về, nếu đã là chỗ vốn có thì nên làm sao ư? Bởi Phật lấy sự trôi lăng ba cõi vào ra sinh tử của người, chỉ rõ đạo ngộ tánh để vượt đến Diệu giác, thì chúng sinh khác loại đều nhờ điều thiện mà răn đồ chúng, lấy mất mình làm vậy, nên mỗi người đãi học trò như đãi bậc thầy, tuy kề vai nối gót mà đến, chỉ sợ kính phụng đó chẳng kịp, chẳng vì chúng đó mà ít biếng lười. Nếu chẳng vậy thì có lấy thước đất đấu lật mà cùng tố tụng là nhiều, đâu riêng ngu khờ, cam chịu phạt để rộng tôi ở, thôi bữa cơm chiều để cho học trò tôi, ăn ở đây ở tại đây của học trò tôi, thật làm sao ư? Thật làm sao ư!

Sắc Tu Bách Trượng Thanh quy quyển bốn hết.

■

SẮC TU BÁCH TRƯỢNG THANH QUY

QUYỂN 5

SA DI ĐẮC ĐỘ

Hành giả mới nhận độ điệp, dùng khăn gói đến trình Bổn sư, Lưỡng tự v.v... các xứ, cầm hương lạy ba lạy, chọn ngày thiết cúng cạo tóc (theo luật, chọn nơi lập tòa, là nơi đất trống rưới nước thơm, chu vi bảy thước, bốn góc treo cờ. Thời nay phần nhiều ở tại đại điện phải hướng về Phật, hoặc đối nhau lập tòa, nếu trong pháp đường phải lập tượng, hoa hương đèn đuốc đúng như nghi thức, nay trong Tăng đường vì chúng nhiều tiện giường ngồi). Trước thưa bẩm Duy-na hòa hợp, giới sư và Xà-lê tác Phạm, Xà-lê dẫn thỉnh, chọn ngày đã định, thì cách đêm cạo tóc, ngay giữa đảnh để dành tóc (gọi là Chu-la, tiếng Phạm là Chu-la, Hán dịch là Tiểu kết), lập tòa ghế giới sư, cùng Trụ trì phân tay, trên ghế đặt hương đèn, thủ lư, giới xích, thiết tòa ghế Xà-lê tác phạm bên phải Thánh Tăng, cùng đối giới sư, trên ghế đặt khánh, trước án Thánh Tăng đặt ca-sa, đặt chuyết độ điệp ở trên, tự hành đường đánh nạo bạt dẫn người cạo tóc ra các nơi Thổ địa đường, Tổ đường, điện Phật đốt hương lạy ba lạy, tuần tự đứng trước Tăng đường, đánh chuông nhóm chúng. Đầu thủ Trụ trì cùng vào Đường xong, giới sư hai Xà-lê mới vào Đường, lạy ba lạy, đều trở về vị trí. Đại chúng đều ngồi định. Xà-lê dẫn thỉnh đến trước giới sư lạy ba lạy quỳ thẳng chấp tay, giới sư hỏi: "Tăng nhóm chưa?" Đáp: "Tăng đã nhóm". Hỏi: "Hòa hợp chăng?" Đáp: "Hòa hợp". Giới sư hỏi: "Nay Tăng hòa hợp để làm gì?" Đáp: "Vì hành giả cạo tóc thọ giới". Giới sư bảo: "Được". Dẫn thỉnh thâu tọa cụ, đứng dậy đánh khánh tay, dẫn người cạo tóc vào đường, đến trước Thánh Tăng lạy ba lạy, kế đến trước giới sư lạy ba lạy xong, quỳ thẳng, Xà-lê tác phạm đánh khánh lớn. Tác phạm bạch: "Bậc Thần tiên năm thông, tác giả ở chú thuật, vì kẻ hổ thẹn kia, nhiếp các chẳng hổ thẹn. Như lai lập giới cấm, nửa tháng tụng một lần, vì lợi ích nói giới, cúi đầu lễ Chư Phật". Thế nào là phạm (tại sao ở kinh này, rốt ráo đến bờ

kia, nguyện Phật mở sâu kín, rộng vì chúng sinh nói). Tác phạm xong, lại bạch rằng: Vì người cạo tóc thọ giới mà nói, giới sư đứng dậy, đại chúng đồng đứng, giới sư bưng lư, bạch rằng: Hương Giới, hương Định, hương Tuệ, hương giải thoát, giải thoát tri kiến, đài mây ánh sáng trùm pháp giới, cúng dường vô lượng Phật mười phương, vô lượng pháp mười phương, vô lượng Tăng mười phương, người thấy nghe huân chứng tịch diệt, tất cả chúng sinh cũng như vậy, tức đem công đức giờ này cạo tóc thọ giới mở phát, trên nguyện, Hoàng đế muôn năm, thần thống ngàn thu, thiên hạ thái bình, bánh xe pháp thường xoay, già-lam thổ địa thêm lớn oai quang, hộ pháp hộ người không các việc khó, thí chủ mười phương phước tuệ trang nghiêm, người cả đạo tràng thân tâm an vui, sư trưởng cha mẹ đạo nghiệp vượt cao, cạo tóc Sa-di tu hành không chướng, ba đường tám nạn đều thoát vòng khổ, chín cõi bốn loài đều lên bờ giác, kính mong đại chúng niệm (pháp thân thanh tịnh Phật Tỳ-lô-giá-na v.v... mười hiệu xong). Đại chúng lại ngồi, dẫn thỉnh bưng lư, dạy Sa-di rằng: “Lời thỉnh Sư, đáng lẽ ngươi tự nói, nếu người chẳng thể nói được thì nói nên theo tôi, phàm xưng xứ mỗ, phải xưng tên mình”. Lại xướng niệm rằng: “Đại đức một lòng nghe, con là mỗ, nay thỉnh Đại đức làm A-xà-lê cạo tóc thọ giới, xin Đại đức vì con làm A-xà-lê cạo tóc thọ giới, xin thương xót cho”. Người cạo tóc lễ một lạy. Lại xưng: “Xin thương xót cho”, lạy hai lạy. Lại xưng: “Xin thương xót cho” lạy ba lạy. Lại quỳ thẳng chắp tay, Giới Sư bảo: “Này người thiện nam!” Sa-di đáp “dạ”, Giới Sư bảo: “Nguồn tâm vắng lặng, biển pháp lắng sâu, mê thì trọn kiếp đắm chìm, ngộ thì liền giải thoát, muốn truyền đạo mầu không gì hơn xuất gia, rộng dụ lớn hư không, thanh tịnh đồng trăng sáng, tu hành đủ duyên, đạo quả chẳng xa, mới đầu từ công phu khắc niệm, rốt cùng chứng địa vô vi. Do đó, đấng Đại Giác Thế Tôn bỏ vị báu kim luân, nửa đêm vượt thành, cởi áo rồng quý báu, núi xanh cắt tóc, để chim làm ổ trên đầu, nhện giăng màn trước mắt, tu tịch diệt mà chứng chân thường, dứt trần lao mà thành Chánh giác. Chư Phật ba đời chẳng nói tại gia thành đạo, Tổ sư nhiều đời ai là người hành nhiễm mà độ người? Do đó, Phật Phật trao tay, tổ tổ truyền nhau, chẳng nhiễm duyên đời mới thành pháp khí, nên được Thiên ma khoanh tay, ngoại đạo quy tâm. Trên đáp ân bốn trọng, dưới cứu khổ của chúng sinh. Vì vậy nói: Trôi lăn trong ba cõi, ân ái chẳng thể bỏ, xả ân vào vô vi, đó thật là báo ân. Sau khi xuất gia lễ vượt thường tình, chẳng lạy quân vương chẳng lạy cha mẹ. Nay ngươi hãy lìa tòa này, tưởng niệm ân trên nước của Quốc vương, đức cha mẹ sinh thành. Chuyên tinh lạy từ, sau

chẳng bái nữa. Sa-di bước đến lạy một lạy. Dẫn thỉnh đánh khánh tay dẫn ra phía ngoài thiền đường, trông về hướng Bắc lạy tạ ba lạy, lại ba lạy tạ ân cha mẹ, tức thay Tăng y (y phục người xuất gia), dẫn vào trước Thánh Tăng lạy ba lạy, đến trước giới sư lạy một lạy, quỳ thẳng chấp tay. Giới sư dùng tịnh bình rưới đảnh, dùng tay rưới nước trên đảnh, dùng dao cạo tóc, dẫn nêu kệ, đại chúng đồng tụng (Lành thay! Đại trượng phu, hiểu đời là vô thường, xuất gia hướng Niết-bàn, ít có, khó nghĩ bàn). Tụng ba biến xong, Sa-di lui lạy một lạy, dẫn thỉnh đưa Sa-di đến trước bổn sư, quỳ thẳng chấp tay, Bổn sư cầm dao, bảo: "Một kết cuối cùng, gọi là Chu-la, chỉ có thầy mới dứt được, nay ta vì ngươi trừ bỏ, nay ngươi có bằng lòng?" Đáp: Xin vâng! Có bảo ban pháp ngữ, vẫn nêu kệ cạo tóc rằng:

"Phá dáng, giữ chí tiết
Dứt ái, trừ chỗ thân
Xuất gia nở Thánh đạo
Thề độ tất cả người".

Xướng ba lần, đại chúng đồng thanh hòa, Sa-di kính lạy ba lạy, vẫn quỳ thẳng chấp tay. Bổn sư bưng ca sa, cũng có bảo ban pháp ngữ, trao ca sa dặt trên đầu Sa-di, lại xướng kệ tụng rằng:

"Lớn thay áo giải thoát
Y ruộng phước vô tướng
Đắp giữ giới Như lai
Rộng độ các chúng sinh".

Xướng ba lần, chúng Cũng đồng thanh hòa xong.

- Sa-di đắp ca-sa
- Lạy bổn sư ba lạy
- Lạy Thánh Tăng ba lạy
- Lạy giới sư ba lạy
- Quỳ thẳng chấp tay.

Giới sư bảo: "Này người thiện nam! Pháp như biển lớn càng tiến ra càng sâu, ngươi đã xuất gia, phải trước thọ ba quy y, năm giới cấm, mới được gần thờ đại Tăng, tiếp thọ Sa-di mười giới, mới được đồng tăng lợi dưỡng, việc ở chuyên chân thật, chẳng được khinh dễ. Nay ta vì ngươi mà triệu thỉnh Tam bảo chứng minh Phật sự". Bèn bưng lư, bạch: "Nhất tâm kính thỉnh vô biên Phật bảo, hải tạng kinh văn, mười địa ba hiền, năm quả bốn hướng, đồng nhủ lòng xót thương, đồng làm minh chứng". Ba lần thỉnh xong, lại bảo: "Này người thiện nam! Muốn cầu quy giới, trước phải sám trừ tội lỗi, như người giặt áo sau đó mới thêm

sắc, nay ngươi chí thành theo ta sám hối". Xướng rằng: "Xưa con vốn gây bao vọng nghiệp, đều do vô thỉ tham sân si, từ thân miệng ý phát sinh ra, tất cả nay con xin sám hối", ba lần nêu, chúng ba lần hòa. Sa-di lạy ba lạy, quỳ thẳng chấp tay, Giới sư bảo: "Này người thiện nam! Pháp đã trị sạch nghiệp thân, miệng, ý, nay phải quy y Phật, Pháp, Tăng Bảo". Bèn xướng kệ rằng: "Quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, quy y Phật là đấng Vô thượng, quy y Pháp là pháp lìa dục, quy y Tăng là người cao quý trong chúng. Quy y Phật rồi, quy y Pháp rồi, quy y Tăng rồi. Như lai là bậc Chí chân Đẳng chánh giác, là thầy lớn của ta, nay ta quy y, từ nay trở đi, gọi Phật là thầy, chẳng còn quy y tà ma ngoại đạo, xin thương xót cho". Sa-di theo tiếng niệm, chúng đều hòa (tự quy y Phật, cho đến xin thương xót cho, tụng chung ba biến, cho đến xin thương xót cho, kế tiếp lại lặp lại, và lần thứ ba cũng lặp lại). Mỗi lần tụng một biến, Sa-di lạy theo một lạy, hai biến hai lạy, ba biến ba lạy, lại quỳ thẳng chấp tay. Giới sư bảo: "Này người thiện nam! Ngươi đã bỏ tà về chánh, giới đã tròn đầy, nếu muốn biết tướng để hộ trì, thì nên thọ năm giới: Suốt đời: chẳng giết hại, chẳng trộm cắp, chẳng dâm dục, chẳng nói dối, chẳng uống rượu, là tướng năm giới, ngươi có giữ được chăng?" Đáp: "Dạ Được". "Trên đây, năm chi tịnh giới, đều chẳng được Phạm, ngươi có giữ được chăng?" Đáp: "Dạ Được". "Việc ấy cứ thế mà giữ gìn". Sa-di lạy ba lạy, quỳ thẳng chấp tay, Giới Sư bảo: "Này người thiện nam! Năm giới là nhân đầu của tiên để đạo, cội gốc để ra khỏi ba đường, kế là thọ mười giới Sa-di, hình đủ pháp nghi, đây gọi là cần sách, nương thầy mà ở, hưởng lợi đồng Tăng, đó là Sa-di ứng pháp, nên phải kính thọ! Chẳng giết hại, chẳng trộm cướp, chẳng dâm dục, chẳng nói dối, chẳng uống rượu, chẳng ngồi nằm giường cao rộng lớn, chẳng đeo tràng hoa chuỗi anh lạc dầu thơm xoa mình, chẳng làm trò ca múa và cố đi xem nghe, chẳng cầm giữ vàng bạc, tiền, vật báu, chẳng ăn phi thời, là tướng giới Sa-di, người có giữ được chăng?" Đáp: "Dạ Được". "Trên đây mười chi tịnh giới, đều chẳng được phạm, ngươi giữ được chăng?" Đáp: "Dạ Được". "Việc ấy cứ thế mà giữ gìn". Sa-di lạy ba lạy, quỳ thẳng chấp tay. "Này người thiện nam! Nay ngươi sau khi thọ giới phải nên kính trọng vâng giữ, chẳng được trái phạm giới luật nguyện giữ, cúng dường Tam bảo, siêng năng gieo ruộng phước, đối với Hòa-thượng, A-xà-lê đều phải đúng như pháp với các bậc thượng, trung, hạ tọa, tâm thường cung kính, tinh tấn hành đạo, báo ân cha mẹ, áo mặc che thân, chẳng dùng văn vẻ, ăn nuôi thân mạng, chẳng được đắm vị, hoa hương phấn sáp không để gần mình, sắp đẹp tiếng tà, không gần xem nghe,

nói năng chân chánh, chớ nêu lỗi người, nếu có người tranh cãi thì khéo dùng lời hòa hợp. Nam nữ riêng biệt, cây cỏ không tổn thương, chẳng phải hiền không kết bạn, chẳng phải Thánh không kính thờ, pháp phục ứng khí thường mang theo bên mình, phi thời chẳng ăn, phi pháp chẳng nói, siêng năng suy nghĩ chánh nghĩa, ôn cũ biết mới, ngồi thì Thiền tư, dậy thì tụng niệm, đóng ba đường ác, mở cửa Niết-bàn, đối với pháp Tỳ-kheo, Tăng trưởng chánh nghiệp, tâm Bồ-đề chẳng thối, trí Bát-nhã luôn tỏa sáng, rộng độ chúng sinh, cầu thành Chánh giác. Dụng tâm như vậy, mới thật là đệ tử Phật” Sa-di đảnh lạy ba lạy, quỳ thẳng chấp tay, giới sư đứng dậy bưng lư, Hồi hướng rằng: “Trước nay, công đức cạo tóc thọ giới, kính chúc trời rồng hộ pháp, chân tể già-lam, đều bày oai linh an Tăng hộ pháp. Hòa-thượng đường đầu thường làm bến bờ của biển khổ, cao nhân chấp sự, mãi làm trụ đá của pháp môn, chúng thanh tịnh cả pháp đường đồng ngồi thuyền Bát-nhã, Sa-di cạo tóc cùng đến bờ Bồ-đề, bốn ân đều đáp, ba cõi đều giúp, pháp giới hữu tình đồng viên chủng trí. Tất cả chư Phật mười phương ba đời, chư tôn Bồ-tát Ma-ha-tát, Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật”. Giới sư trở lại ngồi. A-xà-lê tác phạm đánh khánh, xướng: “Ở thế giới như hư không, như Hoa sen chẳng dính nước, tâm thanh tịnh vượt hơn kia, cúi đầu lễ Đấng Vô thượng.

- Phật, đắc Bồ-đề, tâm đạo thường chẳng lui sụt.
- Quy y Pháp, Tát-bà-nhã, đắc môn Đại tổng trì.
- Tăng, dứt tranh luận, đồng vào biển hòa hợp.

Từ trên đến đây, công đức cạo tóc thọ giới, nhân lành cao quý vô hạn lượng, rải khắp pháp giới, kính lễ Thánh chúng”. Xà-lê dẫn thỉnh đợi lúc Xà-lê tác phạm xướng: Ở thế giới như hư không, liền đánh khánh tay, dẫn Sa-di đảnh lễ giới sư ba lạy, xoay chân đảnh lễ Thánh Tăng ba lạy xong thì thăm hỏi, ra khỏi đường, xuống đứng cách tay trước giới sư và hai Xà-lê Thánh Tăng, lạy ba lạy mà lui ra. Hành giả Đường ty đánh chuông ở tiền đường ba tiếng, Trụ trì ra khỏi Đường, đại chúng xuống giường, Thủ tọa lãnh chúng theo đến phương trượng đảnh lễ chúc mừng. Nếu chúng đông thì Trụ trì sẽ đến trên pháp đường nhận chúc mừng, hành giả khách đầu vẫn dự xếp bày hương đèn lò bình, bình phong giá móc ghế nhỏ, chờ đợi giới sư hai Xà-lê trước hành lễ, lúc đầu, thưa rằng (được sai trao giới, gắng gỏi kính vâng, nhân sự sơ sài, có lạm tôn trọng, Hạ tình chẳng ngăn nổi kinh sợ). Trụ trì đáp (Sa-di cạo tóc, có thần dụng mệt nhọc), kế là bày tuần tự lạnh ấm xong, xúc lạy ba lạy, Trụ trì đáp một lạy. Kế tiếp Thủ tọa đại chúng tiến tới trước cắm hương, hoặc bày, hoặc xúc lễ, hoặc miễn. Kế là, Thị giả tiểu sư cắm hương, kính lạy

ba lạy, chẳng thâu tọa cụ, tiến tới, thưa rằng: "Sa-di được độ, cả chúng đồng mừng, ngưỡng phong tôn nghiêm, Hạ tình chẳng ngan nổi mừng vui". Lại, lạy ba lạy, tiến tới hỏi thăm sức khỏe, lùi ba lạy, thâu tọa cụ. Kế là Sa-di cắm hương, kính lạy ba lạy, chẳng thâu tọa cụ, tiến tới thưa: "Chúng con được tướng đầu tròn, may đắp áo ruộng, chẳng nhận bụi dơ, trọn lìa hẳn lưới ái, Hạ tình chẳng ngăn nổi mừng vui." Lại, lạy ba lạy, tiến tới thưa: "Ngay hôm nay, kính cẩn lúc cùng chỉ, Đại Hòa-thượng bổn sư Đường đầu, tôn hầu đi ở nhiều phước", lui lạy ba lạy thâu tọa cụ. Trụ trì tuần liêu báo lễ, các Sa-di đều đến liêu lễ tạ, chỉ đến liêu Sa-di nghỉ ngơi, đợi lúc khác đăng đàn thọ giới. Văn từ tạ giới là: Chúng con được lên giới phẩm, lạm vào Tăng luân, xin được chở che, riêng bái tạ đây". Đáp rằng: "Xưa vâng Phật ký, tăng giới viên thành, kiên nhẫn thọ trì, lực hộ Tông giáo".

TÂN GIỚI THAM ĐƯỜNG

Được độ thọ giới Sa-di rồi, báo lại Trụ trì vào ngày nào tham đường, kế thưa Thủ tọa Duy-na. Đến kỳ, sau tiếng chùy dùng cháo sáng xong rồi, Tân giới tham đầu lãnh chúng vào Đường, đối trước Thánh Tăng chào hỏi, cắm hương, kính lạy ba lạy, chẳng thâu tọa cụ, tiến tới thưa: "Chúng con được dự tăng luân, nương chúng thanh tịnh, ngày nay tham đường, Hạ tình chẳng ngăn nổi đổ mồ hôi". Lại lạy ba lạy, tiến tới thưa: "Ngay hôm nay, cung kính lúc cùng chỉ, Đại Hòa-thượng bổn sư Đường đầu, Đại thiền sư Thủ tọa tôn chúng, tôn hầu đi ở nhiều phước", lùi lạy ba lạy thâu tọa cụ, chuyển thân đối trước Trụ trì xếp bày chào hỏi. Theo Thủ tọa bản, đứng dậy tuần Đường, đến bên ngoài đường, trở lại gian giữa bên trong đường, chào hỏi mà ra, sau đó trở về đường, an đơn theo chúng thiền tụng.

ĐĂNG ĐÀN THỌ GIỚI

Chư Phật ba đời đều nói xuất gia thành đạo, Tổ sư nhiều đời truyền tâm ấn Phật đều là Sa-môn, bởi do nghiêm tịnh giới luật mới mở rộng được khuôn phép ba cõi. Nhưng tham thiền hỏi đạo, giới luật làm đầu, nếu chẳng lìa lỗi ngừa quấy, lấy gì thành Phật làm Tổ, pháp thọ giới, phải đầy đủ ba y bình bát tọa cụ, đều là y vật mới sạch, nếu không mới thì phải tẩy giặt sạch sẽ, vào đàn thọ giới, nhất tâm chuyên chú, thận trọng chớ duyên gì khác, ngoài hình nghi tượng Phật, đủ giới luật Phật, được Phật nhận dùng, đây chẳng phải việc nhỏ, đâu thể khinh tâm. Nếu nhờ mượn y bát, dù đăng đàn thọ giới cũng đều chẳng đắc giới. Nếu

chưa từng thọ, một đời làm người vô giới, lạm ở cửa không, rỗng tiêu tín thí. Đã thọ giới Thanh văn, nên thọ giới Bồ-tát, đây là dần dần vào pháp.

HỘ GIỚI

Sau khi thọ giới thường phải giữ gìn, thà có pháp mà chết, chớ nên không pháp mà sống. Như luật Tứ Phần của Tiểu thừa chép: Bốn Ba-la-di, mười ba Tăng-già-bà-thi-sa, hai bất định, ba mươi Ni-tát-kỳ, chín mươi Ba-dật-đề, bốn Ba-la-đề Đề-xá-ni, một trăm pháp chúng học, bảy pháp diệt tránh. Kinh Phạm Võng của Đại thừa nói mười giới trọng, bốn mươi tám giới khinh, đều phải đọc tụng thông thuộc, khéo biết trì phạm khai già, chỉ nương lời bậc Thánh nói ra từ miệng này, chớ duyên theo hạng tầm thường. Như chẳng nên ăn (đó là rượu, tân (cay nồng) tinh (huyết tanh), hành hẹ tỏi ném gọi là Tân, mùi vị máu thịt gọi là Tinh, đều chẳng nên ăn), chẳng ăn phi thời (như chẳng phải hai bữa cháo cơm đều là ăn phi thời), đều nên vâng cấm, họa tài sắc, hơn cả rắn độc, rất nên phải xa lìa, thương nghĩ chúng sinh giống như con đỏ, nói năng chân thật, tâm miệng tương ưng, đọc tụng Đại thừa, giúp phát hạnh nguyện, giới luật thanh tịnh, Phật pháp hiện tiền, da chẳng còn, thì lông sao an được, nên trong kinh nói: Tinh tấn trì tịnh giới, giống như giữ ngọc sáng".

NÓI VỀ ĐẠO CỤ.

Sắp vào tòng lâm, trước phải sắm sửa đạo cu, kinh Trung A-hàm chép: "Vật chứa để có thể giúp thân, tức là dụng cụ Tăng trưởng thiện pháp". Kinh Bồ-tát giới chép: "Giúp sinh thuận đạo, đó là Cụ".

**** Ba y:*** Bởi pháp y có ba: Một là Tăng-già-lê (tức đại y); Hai là Uất-đa-la-Tăng (tức y bảy điều); Ba là An-đà-hội (tức y năm điều. Đó là ba y, nếu gọi y bảy điều, thiên sam và quần là y thì chẳng đúng). Lại, ba phẩm đại y (Thượng phẩm gồm hai mươi lăm điều, hai mươi ba điều hai mươi mốt điều, Trung phẩm mười chín điều, mười bảy điều, mười lăm điều, Hạ phẩm gồm mười ba điều, mười một điều và chín điều). Về Duyên khởi điền y (áo ruộng), luật Tăng-kỳ chép: "Phật trú ở trước hang đá Đế-thích, trông thấy ruộng lúa bờ thửa rõ ràng, bảo A-nan rằng: Tướng y của Chư Phật ở quá khứ như vậy, từ nay y theo đây làm tướng y". Tăng Huy Ký chép: "Bờ ruộng chứa nước sinh trưởng, mầm mạ tốt tươi để nuôi dưỡng hình mạng. Ruộng của pháp y, thấm nước của bốn lợi, thêm lớn mầm mạ ba thiện, để nuôi dưỡng pháp thân tuệ mạng.

*** *Tọa cụ:*** Tiếng Phạm là Ni-sư-đàn, Hán dịch là Tùy tọa y, Căn Bản Tỳ-nại-da chép: "Ni-sư-đản-na, đời Đường dịch là Tọa cụ". Luật Ngũ Phần nói là "Hộ thân hộ y hỗ giường chăn của Tăng. Về chứa tọa cụ". Luật Tăng-kỳ chép: "Luật ứng lượng là dài hai gang tay Phật, rộng một gang rưỡi tay Phật (một gang tay Phật dài hai thước bốn tấc, đây phải dài bốn thước tám tấc, rộng ba thước sáu tấc).

*** *Thiên sam:*** Xưa, Tăng y theo luật chế chỉ có Tăng-kỳ-chi, (dịch là áo che đùi, cũng gọi là áo bịt nách). Đây dài che đùi chân trái và nách phải, bởi cúng thí ba y, tức là nghi của Thiên-trúc. Trúc Đạo Tổ Ngụy Lục nói: "Đời Ngụy, người trong cung thấy chư tăng để bày một khuỷu tay, chẳng lấy làm đẹp, bèn làm Thiên Đản đắp vá trên Tăng-kỳ-chi cùng theo, do đó gọi là Thiên sam (nay mở xương sống tiếp cổ ấy, bởi ngụy chế lưu lại).

*** *Quần:*** Tây Vực ký chép: Nê-phược-ta-la, đời Đường dịch là quần, các luật Cựu dịch hoặc gọi là Niết-bàn Tăng, hoặc gọi là Nê-hoàn Tăng, hoặc dịch là nội y, hoặc gọi là thùy y (thùy đọc âm thuyền, tức đồ vật hình tròn chứa gạo, tợ thùy mà không nắp đậy, lấy thùy nghi nên nói như vậy).

*** *Trực chuyết:*** Tương truyền các bậc tiền bối thấy chư Tăng có Thiên sam mà không quần, hoặc có quần mà không Thiên sam, bên hợp cả hai y làm trực chuyết. Nhưng Phổ hóa đòi gỗ trực chuyết, đại dương truyền cách lý bố chuyết, xưa cũng có.

*** *Bát:*** Tiếng Phạm là Bát-đà-la, Hán dịch là Ứng lượng khí, nay gọi lược là Bát, lại gọi là Bát-vu, tức Hoa Phạm gọi chung. Trong kinh Phật Bản Hạnh Tập chép: Ở Bắc Thiên-trúc có hai vị Thượng thủ: Vị thứ hai tên Đế-lợi-phú-la, một vị tên là Bạt-lợi-ca đem bột gạo sữa đường mật đến cúng dường Đức Thế Tôn, Đức Thế Tôn tư duy xưa Chư Phật đều thọ trì Bát khí. Nay ta phải dùng khí (vật) gì để nhận thức ăn của Thượng chủ? Bấy giờ, bốn vị Thiên vương vội cùng nhau đem bốn bát vàng đến dâng cúng Phật, Đức Phật chẳng nhận, vì người xuất gia chẳng được chứa giữ, bốn Thiên vương kia lại đem bốn bát bạc, bát pha-lê, bát lưu-ly, bát xích châu, bát mã não, bát xà cừ dâng cúng, đúc Phật đều chẳng nhận, bấy giờ ở phương Bắc, vua trời Tỳ-sa-môn bảo ba vị Thiên vương kia rằng: Ta nhớ thuở xưa các trời sắc xanh đem bốn bát đá đến hiến dâng ta, có thể dùng để nhận thức ăn. Khi ấy, riêng có một vị Thiên tử tên là Tỳ-lô-giá-na thưa rằng: Thưa các nhân giả! Hãy cẩn thận chớ dùng bát đá đó nhận thức ăn, chỉ nên cúng dường Như lai, đang có Đức Như lai hiệu là Thích-ca Mâu-ni ra đời, chúng ta nên đem bốn

bát đá này dâng cúng Đức Như lai ấy. Khi đó, bốn vị Thiên vương đồng đem bốn bát đá dâng cúng Đức Phật. Đức Phật nghĩ bốn vị Thiên vương dùng tâm tịnh tín dâng cúng ta bốn bình bát, nếu ta chỉ nhận riêng một người, thì các vị khác có giận, nay ta nhận cả bốn bát, trì làm một bát, lần lượt cùng đặt trên tay trái và dùng tay phải đè xuống hợp thành một bát, bên ngoài có bốn môi, mà nói kệ tụng rằng: "Công đức ta xưa các quả mãn, vì phát tâm thương xót thanh tịnh, cho nên nay bốn Đại thiên vương, thanh tịnh bền chắc cúng bát ta".

* ***Tích trượng:*** Tiếng Phạm là Khích-khí-la, Hán dịch tích trượng. Kinh Tích Trượng chép: Phật bảo Tỳ-kheo nên thọ trì tích trượng, Phật quá khứ vị lai hiện tại đều sử dụng. Lại gọi là tích trượng, lại gọi là Đức trượng, rõ bày trí hạnh công đức bản. Ca-diếp bạch Phật: Sao gọi là Tích trượng? Phật dạy: Tích là khinh, nương tựa là trượng, trừ phiền não ra ba cõi. Tích là minh, vì được trí minh. Tích là tỉnh, vì tỉnh ngộ khổ không ba cõi kết cứu. Tích sơ, vì người thọ trì đối với năm dục mới đoạn. Hai vế sáu vòng là Phật Ca-diếp chế, bốn vế mười hai vòng là Phật Thích-ca chế.

* ***Chủ trượng:*** Luật Thập Tụng chép: Phật cho chứa giữ trượng, đó dùng sắt làm bền chắc, đây bởi khéo giúp của hành lý. Lại, Tỳ-nại-da chép: Phật cho giữ Chủ trượng, có hai nhân duyên: Một, vì già yếu không có sức khỏe; Hai, vì bệnh khổ thân yếu ớt.

* ***Phật tử:*** Luật chép: Tỳ-kheo bị trùng cơ nên cho làm Phất tử. Luật Tăng-kỳ chép: Phật cho làm Phất bằng cước, phất xếp bông, phất cỏ gai, phất da cây. Nếu dùng đuôi trâu, đuôi ngựa và vàng bạc trang sức cán thì không được cầm.

* ***Sổ châu*** (xâu chuỗi): Kinh Mâu-ni Mạn-đà-la nói: Tiếng Phạm nói Bát-tắc-mạc, đời Lương dịch là Sổ châu, là pháp cụ của người Buộc niệm tu nghiệp. Kinh Mộc Hoạn Tử chép: Xưa kia có vị Quốc vương tên là Ba-lưu-lê, bạch Phật rằng: "Nước con biên giới nhỏ, con thường chẳng an, pháp tạng sâu rộng, chẳng được hành khắp, cúi xin Phật chỉ bày pháp yếu". Phật dạy: "Nếu muốn dứt trừ phiền não, phải xâu một trăm lẻ tám hạt Mộc Hoạn Tử, thường tự mang theo, dốc lòng xưng niệm Nam mô Phật-đà, Nam mô Đạt-ma, Nam mô Tăng-già, mới qua một hạt, như vậy dần đến qua cả ngàn muôn, đầy đủ hai mươi muốn biến, thân tâm chẳng loạn, xả bỏ thân mạng được sinh về cõi trời Diệm-ma, nếu đủ trăm muôn biến, sẽ dứt một trăm lẻ tám kết nghiệp được quả thường lạc". Vua thưa: "Con sẽ vâng thực hành".

* ***Tịnh bình:*** Tiếng Phạm là Quấn-trĩ-ca, Hán dịch là Bình, thường

chứa nước mang theo để rửa tay, Ký Quy Truyện chép: Quân Trì có hai: Nếu gốm sứ thì là Tịnh dụng, nếu đồng sắt thì là xúc dụng.

* ***Lự thủy nang*** (đãy lọc nước): Tăng Huy Ký nói: Là đồ vật tuy nhỏ mà công nó rất lớn, vì bảo hộ sinh mạng, ở Trung Hoa, tăng ít có thọ trì, y theo luật nêu bày, Căn Bản Bách Nhất Yết-ma nói: Thủy la có năm thứ: Một là Phương la (dùng lụa ba thước hoặc hai thước, tùy thời lớn nhỏ, làm lụa phải dầy kín chẳng lọt trùng qua, nếu dùng lụa thưa mỏng Sa trữ bố là không ý hộ sinh); Hai là Pháp bình (bình âm dương); Ba là Quân trì (dùng lụa buộc miệng, dùng dây treo chìm trong nước, đợi đầy kéo ra); Bốn là Chước thủy la; Năm là Y giác la (nói y giác là chẳng phải góc ca sa, chỉ lấy một góc phẩy tay lụa kín, hoặc buộc miệng bình, hoặc đặt trong Bát vu, rưới nước mà dùng). Đại sư Từ Giác và Trách Công gom tập kinh luật có ba mươi mốt bài kệ tụng, văn nhiều ở đây chẳng ghi, cuối cùng cho rằng người đời nói: Lự la khó an chúng nhiều. Niên hiệu Sùng Ninh thứ nhất Tông trách ở viện Hồng Tế bên cạnh giếng trước nhà trù, đặt củi nước lớn, phía trên gần môi củi, riêng đặt củi nhỏ xuyên góc bên cạnh ra, phía dưới đặt Lự la, lúc dốc đổ nước toàn không chảy tràn, cũng đủ năm chúng lớn dùng. Giá sau ở nhà tắm cũng bắt chước đây, Tăng hành Đông ty cũng đều lọc nước, gốc đạo của xuất gia. Sau trụ ở Trường Lô, các giếng lọc nước có hơn hai mươi chỗ. Thường trú nếu chẳng lọc nước thì tội quy người chủ chấp. Đều mong cố gắng thực hành.

* ***Giới đao:*** Tăng Sử Lược nói: Giới đao đều là đạo cụ, tiêu biểu dứt trừ tất cả ác.

TRANG BAO

Người xưa đội nón, trong nón đặt các loại văn kinh đạo cụ, áo trùm bó bao trước sau, găm ống giới đao của từ bộ, nay thì đảnh bao pháp của trang bao, dùng vải xanh gói hai dãi, trước dùng một dãi thâu thập thuộc của áo chăn, vẫn dùng đầu đơn lót ở ngoài, lại dùng một dãi trùng bao ở ngoài, bốn góc buộc định dùng xích nhỏ xích lại, vẫn buộc bao móc ở trên, Độ Điệp có đãy treo trước ngực, ca-sa dùng khăn buộc định vào eo bao, treo ở trước. Dưới xiêm giày tất có đãy buộc ở sau. Tay phải cầm chủ trượng, giữa đường mây nước gặp nhau. Kia đây chấp tay vái chào mà qua. Như dạo núi đến nơi sắp vào cửa, hạ bao bưng vào đán quá, nơi an nghỉ cởi bao lấy giày tất, rửa chân, thay áo, đắp ca-sa cùng tri khách chào hỏi.

DU PHƯƠNG THAM THỈNH

Thưa bẩm giả từ sư trưởng, kính mến chữ tôn túc có đạo, nương tựa cầu xin đăng ký (theo luật nói: Tỳ-kheo nơi có pháp có cơm thì nên ở, nơi có pháp không cơm cũng nên ở, nơi không pháp có cơm chẳng nên ở). Theo Thanh quy xưa, đầu tiên đến khách ty chào hỏi, kế đến Đường ty đăng ký, đưa đơn vị trí kinh án định, sau đó đến Thị ty thông báo, đến Phương trượng lễ lạy. Thời nay Du phương đăng ký mới đầu đến Đán Quá, tìm ai nơi tòng lâm một người hay khéo việc làm tham đầu, lãnh chúng đến khách ty đầy đủ oai nghi xếp bày bên phải đầu cửa, bạch rằng: “Tạm đến chào hỏi”. Tri khách liền tiếp vào, bày từ rằng: “Ngày nay cung kính chỉ, Thiền sư Tôn trưởng tri khách tôn hầu đi ở nhiều phước, từ lâu khâm kính tiếng tăm này, lại vâng phụng chiêm ngưỡng, Hạ tình ngăn nổi cảm kích”. Đáp rằng: Sơn môn may mắn đặt mang xa đến”, mời ngồi đốt hương uống trà, lược hỏi lai lịch, xong tức đứng dậy tạ trà trở về Đán Quá. Sau đó, tri khách đến hồi lễ, tham đầu tiếp vào, khắp đồng chào hỏi, Tri khách bày tỏ từ rằng: “Dời khắc cung kính chỉ, các vị Thiền sư Tôn trưởng tôn hầu đi ở lắm phước, vừa nương giáng trọng, riêng bái tạ này, hạ tình chẳng ngăn nổi cảm kích”. Đáp rằng: “Lễ phải lạy thăm, đâu cần giáng trọng”. Tham đầu tự tiễn ra cửa, nếu muốn lễ lạy Trụ trì, thì sau phóng tham, đến thị ty chào hỏi, như lễ trước. Đứng dậy bẩm thưa rằng: “Chúng tôi riêng đều lễ lạy Hòa-thượng, xin nhọc Thị giả thông báo”. Thị giả kế mời ngồi lại, hỏi rõ nguyên do. Hoặc hương nhân pháp quyến biện sự rõ ràng. Thị giả thưa: “Tạm trở lại nơi an ở, xin sẽ thông báo”. Bèn lên Phương trượng hỏi báo. Nếu chấp thuận thì sáng sớm hôm sau đánh chuông, Thị giả khiến khách đầu báo đến chào thăm, nếu chưa rảnh, thì Thị giả gánh đèn đến nơi an ở báo lễ, khéo nói an ủi. Lễ chào thăm là dùng cháo xong, Tham đầu lãnh chúng đến tẩm đường, đợi Trụ trì ra, Thị giả mời vào, Tham đầu tiến tới thưa: “Thỉnh Hòa-thượng ngồi kiết già”, chuyển thân tay trái cầm hương, lùi thân đồng chúng, mới đầu bày thưa: “Chúng con lâu đã được nghe đạo phong, ngày nay được chiêm hầu tôn nhan, Hạ tình chẳng ngăn nỗi mừng sợ”. Kế tiếp bày thưa: “Ngay hôm nay kính cẩn lúc chỉ, Đại Hòa-thượng Đường đầu tôn hầu đi ở nhiều phước”, xúc lạy một lạy. Như đệ tử pháp quyến nhập thất thì thưa: “Từ lâu vâng thưa từ âm”, riêng cầm hương hành lễ đến tòa, Thị giả đốt hương uống trà. Trụ trì hỏi họ tên quê hương xứ sở và nhập hạ ở xứ nào, đều phải thật đáp, chẳng được nói nhiều, đứng dậy trước lò tạ rằng: “Lại vâng được giáng tiếp, riêng lạy tạ đây”, Trụ trì tiễn ra, Tham đầu thưa: “Hòa-

thượng tôn trọng", theo đến Thị giả đặt tạ rằng: "Có phiền thần dụng, đac bái tạ này", trở về ngoài Đán quá xuống tay bày đứng, đợi Trụ trì trở lại, lễ đồng chào hỏi tiếp vào, tỏ từ rằng: "Dời khắc cung kính chỉ, Đại Hòa-thượng Đường đầu, tôn hầu đi ở nhiều phước. Chúng tôi vừa đến phân hợp lễ lạy quá được giáng trọng, Hạ tình chẳng ngăn nổi cảm kính). Trụ trì bảo: "An ở chẳng tiện, nay mong vui vẻ lưu lại". Chúng tiễn ra, Tham đầu chuyển tay trên tiếp Thị giả vào, đồng chúng chào hỏi rằng: "Dời khắc cung kính chỉ, Thiền sư cao thị đạo thể khởi đến nhiều phước. Lễ phải đến Liêu lạy thăm, trái lại nhục giáng trọng, Hạ tình chẳng ngăn nổi cảm kích". Thị giả thưa: "Sơn môn lắm may riêng gánh vác từ xa đến, báo tạ bày chậm, Hạ tình lắm thẹn". Thời nay, du phương phần nhiều chẳng vào Đán quá. Đến nơi liền tìm hương khúc Đầu thủ liêu phòng an ghé vào. Theo lễ xưa tạm đến không cho, Trụ trì gặp danh thắng đến thăm viếng thì đến tiễn đưa khách vị hồi lễ. Thượng tọa thăm viếng, thì đến gian dưới pháp đường, nghinh đợi Trụ trì hồi lễ, miễn phiền giáng trọng. Mà năm núi phương lớn thì chẳng hồi lễ, giữa trai mời điểm tâm. Đang chiếu đặt làm nước nóng, đặp y đến, trụ trì tiếp vào. Trước lò thông lạnh ấm, đến ngồi. Thị giả đốt hương vái tiếp nước nóng, nước nóng xong, đứng dậy đến trước lò tạ nước nóng, phải cả hai lạy ba lạy, vén y đến ngồi dùng bữa chiều. Nếu Trụ trì chẳng rảnh, thì thỉnh Đầu thủ thay thế cùng tiếp. Lúc đang tự đứng dậy đốt hương, Trụ trì tự bạn nước nóng mới tận lễ. Hôm sau, dùng cháo xong mời trà, Tham đầu lãnh chúng, bày đứng trước Tẩm đường, đợi Trụ trì đến, tức đến trước chào hỏi rằng: "Qua đêm cung kính chí, Hòa-thượng Đường đầu tôn hầu đi ở nhiều phước, chúng con vâng thưa ân gọi, Hạ tình chẳng ngă nổi cảm kích". Vào tòa, Thị giả đốt hương uống trà, đứng dậy đến trước lò, cả hai lạy ba lạy tạ trà. Mới đầu bày, thưa: Chúng tôi vâng thừa tiễn điểm, riêng bái tạ đây, Hạ tình chẳng ngăn nổi cảm kích". Kế là bày thưa: "Ngay hôm nay, cung kính chỉ, Hòa-thượng đường đầu, tôn hầu đi ở lắm phước". Lùi thân, xúc lạy ba lạy, Trụ trì tiễn ra vài ba bước. Nếu cầu xin đăng ký, Tham đầu lãnh chúng xoay thân, tiến tới trước Trụ trì bẩm thưa rằng: "Chúng tôi vì sinh tử việc lớn, vô thường nhanh chóng, từ lâu được nghe đạo phong, riêng đến nương hầu, cúi mong từ bi thâu nhận", bẩm thưa xong, có đợi chấp thuận chăng? Tức khắp đồng xúc lạy một lạy, thưa: "Tạ Hòa-thượng đăng ký". Phải trước đăng ký Tham đầu, ngoài ra, chẳng câu nệ sớm chiều, chẳng chọn nơi chốn, đều biết tiến lùi, dò đợi Trụ trì cầu xin ở, phương trượng, người cận sự không được trách cấm, nếu hứa khả thì vẫn

xúc lạy một lạy, đến cầu xin tấm điệp, đến Thị ty, phụ danh rằng: "Vừa vâng phụng từ chỉ của Phương trượng, khiến đến Thượng liêu ghi tên". Thị giả lần lượt phát bảng đầu xuống Đường ty, Duy-na khiến hành giả thỉnh mới đến uống trà xong ra. Độ Điệp trên sàng lịch (rõ đủ Đại đăng ký quy Đường), đợi tiễn đưa về Đường. Hoặc có cớ ra vào, phải giữ đường nghi, nửa tháng mới có thể thỉnh giả, xưa nói: Thỉnh giả dạo núi là thường lấy kỳ hạn nửa tháng, qua kỳ hạn lại đăng ký, y như cũ giữ Đường nghi, như bức gấp Sư trưởng cha mẹ tật bệnh tang chết, thì chẳng thuộc hạn này.

Trong Tẩm đường, hẳn thiết ghế tham bày đạo tôn sư, mới đến thăm viếng, Trụ trì đáng ở vị trí giữa, khiến đó cắm hương bày lễ, ngồi bên cạnh nhận trà, đối với lễ không tổn. Nay, phương Bắc còn thực hành đó. Thời gần đây, Sa-di tân học vừa mới vào chúng, bèn cùng tôn túc phương lớn phân ngồi kháng lễ, coi là việc thường, theo thói thành tệ. Còn về Lạp Đẳng phạm phần đem bày bên ngoài xem thường, đạo thầy mỏng nhạt. Năng Tôn sư thì tôn pháp, Tôn pháp thì giềng mối tòng lâm hưng thịnh. Như các sư Tây Vực, học trò rất kính phụng, giống như bậc vua cha, chỉ sợ chẳng kịp có thể làm pháp.

ĐẠI TƯƠNG KHÁN

Phương lớn chúng đông, lại tôn túc nghiêm trọng, không có lễ của thường thấy. Mới đến hải đợi người nhiều, đều dự đến Thị ty, ghi tên thành một đến chào hỏi, Thị giả thưa định, hoặc đầu tháng chín, hoặc tiết năm trước Đông. Chúng suy Biện sự danh thắng, hoặc ai ở tòng lâm là làm Tham đầu. Đến ngày, lãnh chúng đến Tẩm đường bày đứng, Thị giả thỉnh Trụ trì ra, Tham đầu tiến tới thưa: "Thỉnh Hòa-thượng ngồi kiết già". Trụ trì ban lời dạy bảo, Tham đầu ban nói rồi, lùi bước đồng chúng chào hỏi, cắm hương bày lễ, kế là của tạ Thị giả. Sáng hôm sau đến Phương trượng mời trà cầu xin đăng ký, đợi phát bảng (nghi thức xem ở sau) xuống Đường ty, tiễn đưa về đường, đều đồng với lễ trước. Trụ trì đều ở lúc tạ đăng ký hồi lễ.

- Bảng thức: (Vâng phụng từ chỉ của Phương trượng, đăng ký một vị Tăng, Thượng tọa mỗ, Thượng tọa mỗ.

Nay, ngày tháng , Thị ty mỗ báo).

ĐẠI ĐĂNG KÝ QUY ĐƯỜNG

Đường ty nhân Thị ty báo bảng, tức khiến hành giả thỉnh mời đến dùng trà, đều ôm Độ Điệp. Tham đầu chuẩn bị hộp hương nhỏ, y cứ

giờ trở về Đường dùng. Lãnh chúng đến Đường ty đối, xúc lạy một lạy, hỏi thăm sức khỏe. Vào tòa, nhận trà xong, đứng dậy thưa bẩm rằng: “Chúng tôi vừa vâng phụng từ chỉ của Phương trượng, bảo nương tựa tả hữu, cúi mong ghi nhận”. Duy-na đáp rằng: “Rất may, mừng được đồng giữ vắng lặng”. Tham đầu và chúng đều lấy Độ Điệp thay nhau giao Duy-na, vẫn đối xúc lạy một lạy, theo một lên giường lịch xong giao lại, chỉ lưu giữ Độ Điệp Tham đầu. Hành giả hét rằng: “Thỉnh chúng Thủ tọa về Đường đăng ký”, Tham đầu lãnh chúng theo tay phải cửa trước vào Đường, đến trước Thánh Tăng bày đứng, Tham đầu đốt hương đồng chúng kính lạy ba lạy, tuần Đường một vòng, từ Thượng đường đến Hạ đường, vẫn như trước bày đứng chào hỏi, theo cuối ban trước đời bước, lùi đầu bảng Thánh Tăng đứng, Duy-na vào Đường đốt hương đứng gian trên, hành giả Đường ty dùng mâm khăn gói Độ Điệp, Duy-na giao trả lại, Tham đầu đồng chúng đối, xúc lạy một lạy. Tham đầu tiễn đưa Duy-na ra (trước thọ trai thì cửa sau, sau thọ trai thì cửa trước). Tham đầu chẳng ra hạn cửa, Duy-na phát bảng các liêu báo (biểu thức xem ở sau). Hành giả dẫn đến Liêu chúng, đánh bảng bên trong ba tiếng, Liêu chủ cùng tiếp vào cửa đối, xúc lạy một lạy, hỏi thăm sức khỏe xong, phân tay ngồi dâng chén không, bèn đứng dậy đến trước lò hương, chào hỏi tạ xong, thưa: “Chúng tôi vừa vâng phụng từ chỉ của Duy-na, khiến về liêu trên nương tựa tả hữu. Cúi mong từ bi”. Liêu chủ nói: “Nay lại lắm phước, tạm mừng đồng giữ vắng lặng”, tức mỗi xúc lạy một lạy, người mới đăng ký chuyển bốn phía Đông, liêu chủ chuyển bên phía Tây. Lại xúc lạy một lạy, liêu chủ dẫn người đăng ký bày đứng, chầu hầu Quán Âm chào hỏi, dẫn tuần án một vòng, sau chầu hầu Quán Âm chào hỏi mà lui, chẳng phải tiễn ra. Hành giả dẫn gặp Liêu nguyên, đối xúc lạy một lạy, thưa: “Ngày hôm nay, cung kính chỉ có Thiền sư Tọa Nguyên tôn hầu đi ở lắm phước, nay được từ chỉ của Phương Trượng, khiến chúng tôi nương tựa tả hữu, Hạ tình chẳng ngăn nổi cảm kích”, kế đến các liêu Đầu thủ khố ty, mỗi xúc lạy một lạy, hỏi thăm sức khỏe xong tiễn ra. Nay, phần nhiều chẳng tiếp, chỉ truyền lời, hoặc cho rằng chỉ đối với Thủ tọa có lạy, đều là phi pháp, bởi lúc tạ đăng ký, Lưỡng tự hồi lễ thông có đáp lạy.

- Bảng: (Đăng ký, một vị Tăng, Thượng tọa mỗ, xứ mỗ, người dòng họ, giới mỗ, thượng tọa mỗ. Nay, ngày tháng , đường ty mỗ báo. Thức: Báo Thị ty rằng thân tôn Trụ trì, Tiền đường Thủ tọa Thị ty liêu chúng, hẳn đủ giới thứ tên châu, ngoài ra đều chẳng đủ).

*** Tiểu Đăng Ký Quy Đường:*** Phương trượng cho phép đăng ký,

thị ty phát bảng xuống đường ty, thỉnh trà thượng giường lịch xong, tiễn đưa vào liêu chúng, Duy-na ở gian trên đối, xúc lạy một lạy, chuyển gian dưới, lại đối xúc lạy một lạy, người đăng ký tỏ từ rằng: "Nay nhiều may, nhục nặng ôn tồn, Hạ tình chẳng ngăn nổi cảm kích". Đáp rằng: "Liêu phòng chẳng tiện, may xin chỗ rộng". Tham đầu tiễn đưa Duy-na ra bên phải ngoài liêu chúng đứng. Hành giả đường ty đánh bảng nhỏ trong liêu ba tiếng, Liêu chủ cùng tiếp,Lễ đồng như trước.

**** Tây đường Thủ tọa đăng ký:*** Như danh đức phương lớn muốn làm trú kế, nói tiếp bày ý. Trụ trì độ có đơn liêu để ở, và vị trí đi ngồi, tiếp trên dưới an thuận thì lưu lại đó. Ngày hôm sau, dùng trà xong, thưa rằng: "Tôi vì sinh tử việc lớn, riêng lại nương tựa", tức xúc lạy một lạy, hoặc ngày khác, hoặc tức thời, hội hợp Lưỡng tự cần cựu dùng trà, Trụ trì đích thân đứng dậy đốt hương, trở lại vị trí đứng, thưa rằng: "Xứ mỗ, Thủ tọa Tây đường chẳng bỏ, lại đây đồng giữ vắng lặng, phiền Lưỡng tự cần cựu đồng tiễn đưa về liêu". Người nhận tiễn đưa liền bước tới trước thưa: Đặt lại nương tựa, lại đội ghi nhận". Trụ trì đồng Lưỡng tự cần cựu tiễn đưa về liêu, đối xúc lạy một lạy, tiễn đưa Trụ trì ra, người nhận tiễn đưa ở chủ vị, vái mới Thị giả vào chào hỏi tiễn đưa ra, vái mời Lưỡng tự cần cựu vào chào hỏi xong thì ôm hương đến chỗ Phương trượng bái tạ. Hành giả Đường ty dẫn đến nơi cần cựu Lưỡng tự, hồi lễ Phương trượng. Ngày khác đặt làm lễ quản đãi giảng trà. Mồng một rằm thỉnh trà, đều cần cựu riêng.

**** Danh đức các nơi đăng ký:*** Muốn xin đăng ký, ngày hôm sau dùng trà xong, thưa rằng: "Chúng tôi vì sinh tử việc lớn, riêng lại nương tựa, cúi mong ghi nhận". Khắp đồng xúc lạy một lạy. Nếu Trụ trì chấp thuận thì hội họp Thủ tọa Tri sự, Duy-na dùng trà xong, Trụ trì đích thân đứng dậy đốt hương bạch, tiễn đưa, ý như trước, người nhận tiễn đưa bước tới thưa: "Chúng tôi lại được ghi nhận, chỉ về Tăng đường tùy chúng". Đáp rằng: "Sơn môn lễ hợp bày tiễn đưa", tùy chức danh cao thấp, tiễn đưa mông đường tiền tư. Đối xúc lạy một lạy, tiễn đưa Trụ trì ra, chào hỏi liêu chủ, tỏ từ là: Đời trước lắm may, được nương tả hữu". Đáp rằng: "Nhiều đời duyên thuần thục, tạm mừng đồng ở". Người nhận tiễn đưa chuyển chủ vị tiếp mời Thị giả vào, chào hỏi tiễn ra, chào hỏi Lưỡng tự xong, thì ôm hương đến chỗ phương trượng, lạy tạ giường vị. Hành giả Đường ty dẫn đến khố ty các thủ đầu liêu, đồng lễ. Hoặc Phương trượng phát bảng đầu phiền Thủ tọa thỉnh đưa thì Thủ tọa khiến hành giả đường ty, thỉnh một vị Tri sự, Thị giả Duy-na và người nhận tiễn đưa đồng đến liêu Thủ tọa đốt hương dâng trà, thưa Trụ trì

phát bày ý của Sơn môn cùng tiễn đưa. Lúc tiễn vào cửa. Thủ tọa ở chủ vị thay thế Trụ trì xúc lạy một lạy, người nhận tiễn đưa về chủ vị, Thủ tọa chuyển ở khách vị cùng đồng Tri sự Duy-na chảo hỏi. Ngoài ra các lễ khác đều đồng như trước.

*** Pháp quyến làm việc đăng ký**: Chẳng câu nệ lúc nào thưa hỏi, Thị giả nói lai lịch, thông báo Trụ trì, cắm hương lễ bái, nếu dùng pháp quyến dưới từng làm thị giả, Trụ trì đều phải nhận lễ, tùy chức danh cao thấp mà bày tiễn đưa, đồng như trước.

NÉM HƯƠNG TƯƠNG KHÁN

Mới đến hoặc vì duyên gấp nên đến chẳng kịp giờ, hoặc dừng đăng ký chẳng được thông báo, chẳng câu nệ nơi chốn, mới đón gặp Trụ trì tức liền ném hương, bước tới trước thưa: "Tạm đến lễ bái Hòa-thượng", xúc lạy một lạy, tùy tự thâu hương dò đợi xin đăng ký. Nếu Trụ trì chấp thuận thì Thị ty phát bảng xuống Đường ty, lễ đồng như trước. Nếu đồ trướng đã định, thì đến Đường ty thưa thêm tên vào đồ, hoặc người nhiều liệt giới thứ ở sau.

TẠ ĐĂNG KÝ

Theo Thanh quy xưa, người đăng ký trở về đường, liền tạ đăng ký. Sau lấy tiết đông tiết năm và trước hạ ba lần tạ đăng ký. Từ khi Hòa-thượng Phật chiếu từ A-dục đến Kính Sơn, quyền Cô vân làm Thị giả vào viện. Bấy giờ, Phật Chiếu vì lễ nhiều nên đều ở trước hạ. Thời gần đây, Nạp Tử đến nơi, ngồi chiếu chưa ấm đã dời chuyển đơn Đông tây, phần nhiều khiến chẳng tạ đăng ký. Đã nói là trải Đông qua Hạ. Chiết trung phải ở trước Đông trước Hạ, hai kỳ báo tạ. Trước kỳ, Thị giả lấy sổ giới lạp ở Đường ty xem xét mới Đăng ký ở trên là một người làm Tham đầu, một người làm Phó tham. (Xưa thì lấy Thị giả các nơi làm Tham đầu, thường vì sơn môn cao thấp cạnh tranh chẳng an, nguyên vì Thị giả đều đăng ký tại Liêu chúng. Đã nói là tùy chúng, phải y cứ giới lạp, y theo Phật chế. Huống chi các Đồ trướng và bảng giới lạp ở Liêu chúng, chẳng lấy danh tự phân cao thấp, một là vâng theo Phật chế, hai là khỏi sự cạnh tranh, ba là được chúng hòa đồng ở, chỉ lực của Trụ trì chủ hành đó). Tham đầu phải có bản đồ nhỏ có nghi thức tu tập, ba người một dẫn, mỗi dẫn một người làm Tiểu tham đầu, phải ghi rõ từ ngữ tiến lùi bẻ xoay hợp độ, miễn khiến đến lúc so le. Hành giả Đường ty danh số, suất lấy tiền lương, ghi bảng nhỏ là: Mới về Đường, Thủ tọa mỗi suất tiền bao nhiêu để mua hương tạ đăng ký. Hành giả

Đường ty mỗ lấy báo, dán trước liêu chúng, thâu tiền hương đủ giao Thị giả nạp Phương trượng, đến thưa hỏi định ngày nào tạ đăng ký, ra bảng báo chúng rằng: “Huynh đệ mới về đường, ngày mai dùng cháo xong, đến chỗ phương trượng tạ đăng ký. Nay, ngày tháng, Thị ty mỗ báo”. Đến ngày, đến Tẩm đường hoặc pháp đường thiết bày vị trí Trụ trì, bày sắp hương ghế, bình, đèn đài. Thị giả giao một mảnh hương lớn cho Tham đầu. Giao cho phó tham thâu lãnh chúng y cứ vị trí trên đồ bày đứng. Tham đầu tùy đồng Thị giả thỉnh Trụ trì ra, trở về vị trí đứng. Tham đầu đồng chúng đều chào hỏi xong. Tham đầu bước tới trước Trụ trì thưa rằng: “Thỉnh Hòa-thượng an tọa” lùi chân trái nghiêng chuyển thân, nơi ghế hương, tay phải nơi không đi ra qua lại, vị trí đều chào hỏi xong. Phó tham lấy hương trong tay áo thay nhau bưng, Tham đầu tiếp giấu nhỏ trong lòng chào hỏi xoa tay. Vốn dẫn ba người trải một tọa cụ, Trụ trì đưa tay ước miễn đó, liền thâu và đứng dậy. Tham đầu tiến tới trước thưa: “Chúng tôi đời trước mừng may được toại nương tựa, hạ tình chẳng ngăn nổi mừng vui”. Vẫn như trước lùi thân, theo tuy phải ghế hương chuyển về vị trí chào hỏi. Lại, trải tọa cụ, Trụ trì lại như trước ước miễn, thâu tọa cụ lại tiến tới trước thưa: “Ngay hôm nay kính cẩn chỉ, Hòa-thượng Đường đầu, tôn hầu đi ở lắm phước”. Vẫn như trước chuyển về vị trí chào hỏi, xúc lạy ba lạy. Trụ trì đáp một lạy. Thứ nhất dẫn chào hỏi, qua cạnh bên trái tiếp nối cuối ban. Tiếp người thứ ba tiến lên, tỏ từ lễ đều đồng. Tham đầu đứng ở dưới vai Thị giả, dò xét mỗi mỗi lễ xong. Phó tham bước đến nơi mới đầu đứng. Tham đầu về vị trí đầu. Lãnh chúng đều chào hỏi mà lui. Phó tham lãnh chúng hành trước. Tham đầu ở cuối, đến ngoài cửa liêu chúng dưới tay đứng. Phó tham dẫn chúng theo cạnh bên phải vào gian dưới trong liêu, xoay chuyển lường chúng ít nhiều, chẳng câu nệ số hàng. Phó tham bước hướng tới trước tiếp liên kề vai Tham đầu, dò đợi Trụ trì đến, cùng chúng đồng đón rước, chào hỏi chuyển vào trong liêu. Chúng đáng trước sau trông nhau thành hàng tiến lùi bước rảo. Tham đầu chuyển thân đến trước lò đối, xúc lạy một lạy, tỏ từ nói: “Dời khắc cung kính chỉ, Hòa-thượng đường đầu, tôn hầu đi ở lắm phước. Chúng tôi lại được ghi nhận. Lễ phải lạy tạ, nay được giáng tôn. Hạ tình chẳng ngăn nổi cảm kích”. Chúng đồng tiễn ra. Tham đầu bên ngoài cửa chuyển tay trên đứng, Phó tham vẫn dẫn chúng xoay chuyển ở gian trên, ra liền kề vai Tham đầu, tiếp mời Thị giả vào, tỏ từ rằng: “Chúng tôi may mắn được nương tả hữu, nay gội giáng trọng, chẳng ngăn nổi cảm kích”. Tham đầu một người tiễn Thị giả ra, kế mời Lương tự vào đối xúc lạy một lạy, tỏ từ

rằng: "Tức khắc cung kính chỉ, Tọa nguyên đô tổng các vị Thiền sư, tôn hầu lắm phước. Chúng tôi được toại nương tựa mới thừa giáng trọng. Hạ tình chẳng ngăn nổi cảm kích". Tham đầu tiễn Lưỡng tự ra, trở về vị trí gian trên đứng. Phó tham dẫn chúng từ sau Quán Âm chuyển ra trước là vẫn trông lại cuối ban, đều đứng định đối Tham đầu, xúc lạy một lạy, tỏ từ rằng: "Chúng tôi vừa rồi rất nhọc thần dụng, đặt lạy tạ này". Nghi thức đó cũng đáng dự định tu tập, ngay ngày đó vào sớm, phương trượng khách đầu hành giả Đường ty mỗi ghi hồi lễ, bảng dán trước tiên chúng. Phương trượng bản dán gian trên, Lưỡng tự bảng dán gian dưới (nghi thức xem ở sau).

(Hòa-thượng Đường đầu dùng cháo xong hồi lễ). Bảng: Thủ tọa mới về Đường. Nay, ngày tháng , hành giả khách đầu mỗ thừa y cứ Đầu thủ Tri sự dùng cháo xong hồi lễ, Thức: Thủ tọa mới về Đường. Nay, ngày tháng, hành giả Đường ty mỗ lạy báo).

PHƯƠNG TRƯỢNG RIÊNG LÀM MỚI ĐĂNG KÝ TRÀ

(Khố ty Đầu thủ phụ xem).

Thị giả thỉnh khách chiếu giới lạp song danh tự ghi tạng trà (nghi thức xem ở sau). Đến ngày, lúc gần sáng rửa mặt chuẩn bị ghế bút nghiên bày ở chiếu đường, thỉnh khách ở dưới tên ghi rằng: (Chúng tôi kính cẩn lạy tôn mạng). Nếu đăng ký là danh thắng các phương cũng y theo giới mà ghi. Nhập vào trà trạng, cách ngày, Phương trượng, Khách đầu phải trước đem trạng thỉnh kiểm tên, Thị giả khiến Liêu đầu y giới sắp tên, ghi bảng đặt làm, hoặc làm bốn ra sáu ra, Thủ tọa quang bạn, danh thắng các nơi hẳn cùng Trụ trì đối diện vị trí, nếu có dị nghị thì ở trong danh thắng suy cử người giới cao nhất ngồi đó. Tham đầu cùng Quang bạn đối diện vị trí, bởi người nhận tiễn thì trước tạ giường vị trí, đây đồng đến trà. Đến ngày, dùng trai xong, đánh trống nhóm chúng, Thị giả tiếp mời vào, Trụ trì cùng tiếp chào hỏi, tiếp cùng người quang bạn chào hỏi, mỗi y chiếu bảng về vị trí lập định, Thị giả đốt hương, thỉnh khách phân đầu vị trí tả hữu, hành lễ tuần mời ngồi, vái hương, mời trà, đốt hương Quang bạn, đánh trống lui tòa, đồng lễ bốn tiết tiểu tòa thang, người nhận đặt làm dẫn chúng bày đứng tạ trà, mới đầu bày, thưa "Ngày nay chúng tôi lại được tiễn điểm, đặt lạy tạ này, Hạ tình chẳng ngăn nổi cảm kích". Kế bày, thưa: "Ngay hôm nay, kính cẩn chỉ, Hòa-thượng Đường đầu tôn hầu đi ở lắm phước", lùi thân xúc lạy ba lạy mà lui. Hôm sau, khố ty, khách đầu, hành giả y theo tên họ trong giới đơn mà cụ trà trạng, sắp trước liêu chúng thỉnh kiểm tên. Thư ghi:

"Chúng tôi kính y lai mạng", khố ty bày vị trí. Thủ tọa quang bạn đánh bản ở khố đường. Thượng thủ Tri sự cùng Duy-na hành lễ. Lại, ngày hôm sau, Thủ tọa chúng đầu thủ đầy đủ trạng văn thỉnh kiểm đồng trước. Chiếu đường bày vị trí. Đô tự quang bạn đánh bản ở chiếu đường, toàn ban hành lễ, hoặc bốn người, sáu người phân tuần chào hỏi. Như ba người, năm người, Thủ tọa đốt hương chỉ đứng ở giữa. Theo pháp xưa thì, ba ngày giảng hành, nay các nơi phần nhiều đều làm một ngày. Đến phương trượng mượn tòa và trống, Đầu thủ Tri sự không Trụ trì một vị trí, làm vị thứ chủ bạn lẫn nhau, hành lễ đều đồng (chỉ tạ trà, phải đều lìa vị trí chuyển thân chào hỏi đặt tạ, gần đây quen thói chỉ vị trí đầu đứng dậy tạ, là chẳng đúng lễ).

- Nghi thức trạng trà: (Mới đăng ký, Thượng tọa mỗ nêu tên. Hòa-thượng Đường đầu sáng nay dùng trai xong trở về Tẩm đường châm trà riêng làm, cúi mong nhóm họp. Nay, ngày tháng, thị ty mỗ bái thỉnh. Khố ty Đầu thủ thì nói: Mới đăng ký, Thượng tọa mỗ nêu tên. Như trên, chúng tôi sáng nay thọ trai xong đến khố ty châm trà một trúng, đặt làm cúi mong, chúng xót thương đồng giáng trọng. Nay, ngày tháng, khố ty Tỳ-kheo mỗ lạy thỉnh. Đầu thủ phải nêu tên chỉ ở tri khách đến chiếu đường, ngoài ra đồng như trước).

NGỒI THIỀN

Mỗi ngày, dùng cháo xong, hành giả Đường ty trước báo Thủ tọa, trước Tăng đường, trước liêu chúng đều treo bảng ngồi thiền báo chúng. Sai Cung đầu bên trong Tăng đường, bày hương châm đèn, trước đánh một tiếng bản ở trước liêu chúng. Đại chúng về đường, hướng vào bên trong ngồi, lần lượt đều nhóm họp, báo chúng Thủ đầu đánh bản tiếng thứ hai, đợi vào Đường thư thả, đánh bản tiếng thứ ba. Phó liêu đóng cửa liêu chúng, đánh ba tiếng bản trước liêu Thủ tọa, tiếng thứ nhất ra cửa, tiếng thứ hai đến khoảng nửa đường, tiếng thứ ba vào Đường, trước Thủ tọa Thánh Tăng đốt hương tuần đường, từ gian dưới đến gian trên một vòng, trở lại khắp vị trí ngồi, kế báo Trụ trì, đánh ba tiếng bản ở phương trượng, Trụ trì vào Đường đốt hương trở lại đường, từ gian trên đến gian dưới một vòng, trở về vị trí ngồi định, thời gian lâu, Tăng chúng mới có thể lần lượt đứng dậy rút mở. Lại phải xem trên dưới vai dậy dừng nhanh chậm, khỏi thấy thành liền đơn vị trí trống thiếu. Hoặc có để chăn lại tại Đường, chẳng theo chúng. Hoặc có tạm lại tùy chúng lưu lại ca-sa ở vị trí chăn ở bên ngoài buông lung, đều phải kiểm nêu trách phạt. Đầu thủ đại chúng đều theo bản qua lại, chỉ có tiền Đường

Thủ tọa chấp thuận theo trước Trụ trì ra vào. Hành giả Đường ty hầu trai lần lượt báo Thủ tọa phóng thiền chuyển theo bên phải sau Thánh Tăng ra, chống giữ bảng dưới rèm nhẹ lay phát tiếng. Trụ trì đầu thủ ra Đường. Hành giả Đường ty theo cạnh bên phải nghiêng đứng, dò xét chào hỏi. Hoặc sơn môn có đón rước cầu nguyện Phổ thỉnh xem đọc đưa tang, và liêu chúng cạo tóc giặt y, thì chẳng ngồi thiền, cũng chẳng tọa tham, sau tham ngồi thiền như thường. Trụ trì Thủ tọa vân tuần đường, trong Đường có bảng trực Đường, khắc ghi (xoay lần trực Đường đến cuối thì trở lại đầu. Ở chùa ký, khắc hai mặt). Chiếu y vị trí chăn giúp lần, mỗi ngày vào canh năm sau thỉnh chuông xong, giao xuống người kế tiếp, suốt ngày trông giữ. Hoặc có mở hòm cắm đơn hạ bát rút chăn đều phải thưa người trực Đường biết. Đến lúc đánh chuông phóng tham, giao phó Thị giả Thánh Tăng trông coi quản lý. Đến chiều thì Thánh Tăng đều giao phó vị trí chăn. Bảng thì ở sáng sớm hôm sau giao qua. Gần đây, trực Đường thành đoàn gấp bội, phân chia trái quả nhóm họp đùa giỡn quen lấy làm thường. Não loạn thiền tịch, Trụ trì Thủ tọa cố gắng răn bảo, trái phạm thì nên phạt.

NGHI THỨC NGỒI THIỀN

Bồ-tát học Bát-nhã, khởi tâm đại bi, phát thệ nguyện rộng, tinh tu tam-muội, thề độ chúng sinh, chẳng vì một thân riêng cầu giải thoát, buông bỏ các duyên, ngừng dứt muôn niệm thân tâm như một, động tĩnh không liên can, tất lượng sư ăn uống, hạn chế ngủ nghỉ, ở nơi nhàn tĩnh trải dày vật ngồi, hoặc ngồi kết già hoặc ngồi bán già, đặt tay trái lên tay phải, hai ngón tay cái đụng đầu nhau, thẳng mình ngồi ngay, khiến tai và vai cân đối, mũi thẳng với rốn, lưỡi cuốn lên hàm trên, môi răng chạm nhau, mắt phải mở nhỏ, để khỏi khiến ngủ gật. Nếu đắc thiền định, thì năng lực đó rất ưu thắng. Xưa, các bậc cao tăng tu định ngồi thường mở mắt. Thiền sư Viên Thông ở Pháp Vân quở trách người nhắm mắt ngồi thiền, cho đó là núi đen hang quỷ. Có ý chỉ sâu sắc, tất cả thiện ác đều chẳng nghĩ, niệm khởi liền giác, thường giác chẳng mê, chẳng hôn trầm, chẳng tán loạn. Muôn năm một niệm, chẳng phải đoạn, chẳng phải thường, yếu thuật của ngồi thiền là ở đây. Ngồi thiền là pháp môn an lạc, mà người phần nhiều đến mỗi bệnh là bởi chẳng được yếu thuật đó. Được yếu thuật đó thì tự nhiên bốn đại nhẹ an, tinh thần sảng khoái, chỉ cần tâm chịu, hẳn chẳng hiềm nhau. Nhưng sợ đạo cao ma thạnh, nghịch thuận muôn mối. Nếu năng chánh niệm hiện tiền, thì tất cả chẳng thể làm trở ngại, như kinh Lăng-nghiêm, Thiên Thai

Chỉ Quán, Nghi Tu Chứng của Khuê Phong, có nói rõ ma sự đều từ tự tâm sinh, chẳng phải do bên ngoài mà có. Định tuệ có năng lực ưu thắng thì ma chướng tự tiêu, nếu muốn xuất định nên từ từ động thân, khoang thai mà dậy, chẳng được vội vã. Sau khi xuất định thường làm phương tiện hộ trì định lực, trong các môn tu hành, thiền định là trên hết, nếu chẳng an thiền tĩnh lự, thì ba cõi trôi lăn, xúc cảnh mênh mang. Do đó, đạo dò tìm châu nên tĩnh sóng, nước động lấy hẳn khó, nước định lắng trong, tâm châu tự hiện. Nên trong kinh Viên Giác chép: "Tuệ thanh tịnh vô ngại, đều nương thiền định sinh". Kinh Pháp Hoa chép: "Ở chỗ nhàn xứ tu nhiếp tâm, an trú chẳng động như núi Tu-di". Cho nên, biết siêu phàm vượt Thánh phải nhờ tĩnh duyên, ngồi đứng xả mạng toàn nhờ định lực. Một đời lấy làm xong còn sợ dần dà, huống chi chuyển đổi, lấy gì địch nghiệp. Mong các bạn thiền ba lần xem lại văn này, tự lợi lợi tha đồng thành Chánh giác.

Sắc Tu Bách Trượng Thanh quy quyển năm hết.

■

SẮC TU BÁCH TRƯỢNG THANH QUY

QUYỂN 6

Tọa tham: Thọ trai xong, hành giả Đường ty cùng Thủ tọa đến Tăng đường

Trước chúng liêu đều có treo biển tọa tham. Lúc gần xế chiều thì vào trong Tăng đường thắp hương đốt đèn. Đánh bản trước chúng liêu một tiếng lớn rồi chúng vào thiền đường. Tiếng thứ hai thì vị Thủ đầu vào, tiếng thứ ba thì vị Thủ tọa vào.

(Không đánh bản trước liêu vị Thủ tọa. Nếu lúc đại tham, lại đánh ba tiếng sau) trụ trì lại đánh bản ở phương trượng để cùng ngồi thiền. Có nơi không đắp ca-sa là phi pháp. Hành giả Đường ty dọn nấu cháo buổi chiều, vị Thủ tọa lại nói: (phóng tham) sau Thánh Tăng thì hạ tấm biển sang phải. Đánh ba tiếng chuông ở trước thiền đường, đại chúng cùng kính lễ theo. Vị trụ trì lần lượt ra khỏi thiền đường. Chúng rời tòa và về đơn của mình. Vị Thủ đầu cũng quay về chúng liêu dùng bữa chiều. Bởi ngày xưa mỗi buổi chiều đến đều tham yết vị Trụ trì để cầu khai thị, cho nên nhóm họp chúng lại ngồi đợi trống đánh thì cùng đến tham yết Trụ trì, nên gọi là tọa tham. Vì ở phần châu quá lạnh nên ngài Chiêu công bỏ điều này, cho nên có thuyết phóng tham.

Đại tọa tham: Ngày nay ở chốn tòng lâm có nhiều nơi vẫn còn giảng về vãn tham để giữ gìn ý xưa, gọi là đại tọa tham, cũng đồng như thường tọa tham. Nhưng Thủ tọa vào thiền đường không đốt hương, mà đợi vị Trụ trì vào thiền đường ngồi thiền. Hành giả đường ty đánh ba tiếng bản ở liêu Thủ tọa, đại chúng liền ngồi dậy hướng ra ngoài. Vị Thủ tọa liền bước xuống đất, đi ra cửa sau, sau lại vào cửa trước. Vẫn đốt hương trước Thánh Tăng như thường. Vị tuần đường quay về ngồi thiền giây lát, như Trụ trì khi vãn tham thì không đánh chuông trước thiền đường. Khách đầu Phương trượng đánh ba tiếng pháp cổ, Trụ trì ra khỏi thiền đường. Vị Thủ toạ lãnh chúng đến pháp đường, hoặc vào tẩm đường của Trụ trì ngồi xuống. Thị giả theo lưỡng tự đông tây cùng xuất ban. Thưa hỏi khai thị xong. Chúng quay về liêu dùng bữa chiều.

Nếu không vãn tham thì hành giả Đường tư đến trước vị Thủ tọa thưa hỏi rằng: Hòa-thượng đường đầu tối nay phóng tham. Sau đó chuyển lên, Thánh Tăng. Đi ra bên phải và khiến hành giả khất thực đang đứng trong đó: “phóng tham”. Rồi đánh ba tiếng chuông trước thiền đường. Đại chúng trước xuống đất, đồng xướng” kính lễ”. Vị Thủ tọa ra khỏi thiền đường, sáu đó vị trụ trì cũng ra, vị Thủ đầu ra khỏi, đều ra khỏi toàn đơn, về các liêu dùng bữa chiều. Nếu lúc giảng hành thì phải giảng một lần tham, một lần miễn để cho người hậu học biết qua. Thường ngày nếu có duyên nên không ngồi tham thì hành giả Cung đầu thay thế vị Thủ tọa xuất bán đơn và đồng với đại chúng. Đến chiều, ở trước các liêu đánh ba tiếng bản, chúng ra khỏi liêu, trở về thiền đường, đánh chuông tối (nếu ở thành thị thì đợi đánh trống). Vị Đầu thủ vào thiền đường, Đầu thủ đợi đánh chuông, vào đốt hương tuần đường. Kế là vị trụ trì cũng vào đốt hương trầm đường, đợi đánh chuông, vị trụ trì ra khỏi thiền đường, kế là vị Thủ đầu ra khỏi thiền đường.

Nếu ngồi lại thỉnh thiền thì vị Trụ trì đi cửa sau vào, quay về chỗ không đi tuần đường. Vị Thủ đầu thì tùy theo chúng, hoặc đưa chúng đến rồi trở về ra sau vị Trụ trì. Nghe vị Thủ tọa khai kệ âm hưởng thâm trầm chúng mới yên lặng. Theo đạo huynh dệ thì không dùng câu này.

Sáu đó, sáng sớm đánh ba tiếng bảng thức chúng, vị Thị giả của Thánh Tăng thì vào thiền đường kéo khăn tay để cho các vị thức giấc. Sau khi thức dậy rửa mặt thì chúng quay về thiền đường. Vị Thủ tọa đi vào đốt hương tuần đường. Kế là vị Trụ trì vào đốt hương tuần đường. Khi tiếng trống thứ tư vang lên thì Trụ trì đi ra, khi chuông đánh thì Thủ tọa đi ra, rồi vị Thủ tọa và đại chúng từ từ đi ra cửa sau, cởi y ra treo lên trở về chỗ. Hoặc vị Thủ tọa lại vào thiền đường tọa vị. khi tiếng chuông dứt, đánh bảng thì chúng mới xếp mền lại. Mền vị Thủ tọa được xếp trước, đại chúng tùy ý ra khỏi thiền đường, lễ niệm cũng gồm tu tập.

Thưa hỏi: Muốn thưa hỏi thì trước phải nói với vị thị giả để thưa lại với Trụ trì: Kính bạch Thượng tọa tối nay chúng con muốn đến Phương trượng để thưa hỏi.

Nếu vị Trụ trì chấp nhận thì sau khi định chuông đến nói với thị giả. Đợi cho Phương trượng đốt nhang xong, thị giả dẫn vào thưa hỏi vị Trụ trì, cầm hương. Lớn thì gồm chín lạy. Thâu tọa đầy đủ rồi tiến đến thưa rằng:” chúng vì sanh tử việc lớn, vô thường mau chóng, kính mong Hòa-thượng từ bi khai thị”.

Phải cúng kính đứng một bên lắng nghe lời dạy bảo xong thì tiến lên trước cầm hương lạy chín lạy. Đó là lạy tạ nhân duyên miễn thi xúc

lễ. Sau đó lạy thị ty.

Đến nhà dùng cháo: Sáng sớm nghe khai tĩnh bản. Sau khi dùng cháo xong thì đợi vị tuần hỏa đánh bản. Trước đem bát về chỗ. Rồi vào thiền đường thăm hỏi Thánh Tăng. Xong chấp tay lui về. Trước khi lên giường cũng thăm hỏi vị kế bên. Trước khi dùng tay mặt sửa tay áo bên trái xuống nách. Tay trái cũng kiểm tay áo bên mặt. Sau đó đặt hai tay xuống giường, hai chân mang dép rồi bước xuống giường. Đầu tiên co chân trái lại, rồi thâu chân mặt, thân ngồi thẳng trên giường, ca-sa phủ trên gối, không nên để lộ y trong, không được để y rớt xuống giường. (thấy rõ việc khuôn phép hằng ngày).

Đô giám Tự duy-na đến gặp thị giả ở ngoài giảng đường. Theo thanh quy xưa thì mỗi ngày vị Trụ trì đến giảng đường, trước giờ dùng cháo sáng thì ở bên ngoài nhà, đợi khi chuông đánh thì bước vào. Đại chúng đến nhà thọ trai cùng niệm Phật và ngồi xuống. Khi gần đến giờ thì vị Trụ trì đánh một tiếng chuông lớn. Trước khi vào giảng đường ngồi, vào đường thì đánh chuông, mới bước xuống đất thì cùng hỏi thăm. Chỉ gặp lúc năm giờ sáng cùng giảng hành một lần. Người mới nhập chúng không biết điều này, nên phải bàn bạc trước.

Khi bước xuống giường thăm hỏi, nghĩa là đại chúng các liêu thăm hỏi nhau. Lấy đây mà nói thì hễ nơi nào có chúng thì mỗi sáng khi bước xuống đều thăm hỏi nhau là được.

Đến uống trà: Phàm trụ trì lưỡng tự đặc biệt là dùng trà lễ, số thật là quan trọng, không nên xem thường. Đã thọ thỉnh rồi thì y theo thời mà đến. Trước nên xem rõ vị thứ ghi ở trên bảng, để tránh sự luống cuống khi đến giờ. Nếu có vị bệnh hoạn ép ngặt không kịp đến thì nhờ người đến bạch lại. Chỉ có vị Trụ trì thì việc uống trà không được miễn nếu xem thường không đến thì không được ở chung.

Phổ thỉnh: Pháp phổ thỉnh là trên dưới đều cố gắng. Chỗ an chúng đều phải hợp sức chúng mà làm việc. Trước tiên, khố ty bẩm với trụ trì, kế là khiến hành giả truyền nói cho vị Duy-na, Thủ tọa hành giả đường ty phân phó báo cho chúng biết đến cùng nhau thỉnh bia, vẫn dùng tấm giấy nhỏ ghi trên bia là “thời gian, địa điểm”. Hoặc nghe tiếng mõ hay tiếng trống đánh thì đều đánh tay trái, trên vai cùng cố gắng đi đến chỗ thỉnh. Trừ vị thủ liêu trực đường già bệnh ra, tất cả đều phải đi làm công tác. Thường nghĩ đến người xưa có răn là một ngày không làm thì một ngày không ăn.

Khuôn phép thực hành hằng ngày.

Thiền sư Vô Lượng Thọ có viết lời tựa rằng: Đầu tròn áo vuông

thoát trần lìa tục phần lớn đều trải qua chốn tòng lâm, thiết yếu phải có khuôn phép rõ ràng. Mọi oai nghi cử chỉ chưa rõ pháp độc, mọi việc làm không hợp với luật nghi, dù có bạn lành bạn tốt mà chẳng chịu biên chép cực dùi mài, huân tập thì cũng thành cái tệ cải cách nạn cũ dẫn đến sự nghiệp sơ bạc khiến cho nhân tâm biếng nhác. Nhiều lần tìm đến vua thấy cái hoạ trước mắt, bàn sưu tập ra" Bách Trượng Thanh quy" để làm khuôn phép. Từ đầu đến cuối, từ sáng đến tối, cần tránh những điều bại khuyết, vâng hành theo từng pháp. Sau cùng mới dám nói mình đã thấy rõ việc sánh già bệnh chết. Pháp thế gian cũng tức là pháp xuất thế gian. Người hành trì sẽ để lại cho người chưa hành. Như vậy ngõ hầu mới không cô phụ tâm xuất gia ban đầu, và báo được ân đức của Phật tổ.

Pháp nhập chúng thì ngủ không được trước người, dậy không được sau người, lúc năm giờ, chuông chưa đóng thì nhẹ nhàng thức dậy, bỏ chân xuống từ từ, sợ làm kinh động đơn bên cạnh. Khi tinh thần khoan khoái thì thân mới ngồi thẳng không được dùng quạt làm kinh động người ngồi bên. Khi mỏi mệt thì đổi chân sau, lấy khăn tay chuyển thân bước xuống đất. Khăn phủ lên tay trái rồi nói kệ rằng:

Từ giờ dần cho đến tối,
Tất cả chúng sanh tự giữ mình.
Nếu ở dưới chân có các thân mạng.
Nguyện cho tức thời sanh về tịnh độ.

Sau đó tay nhẹ nhàng vén màn đi ra phía sau, không được kéo lê dép hay ho ra tiếng.

Người xưa có nói: Vén nên bỏ tay sau rồi ra khỏi giảng đường, tối kỵ việc kéo lê dép.

Nhẹ tay khi lấy chậu rửa mặt, không nên lấy nhiều nước nóng. Tay phải nặn kem đánh răng xoa chà bên trái, tay trái chà bên mặt, không nên chà lại sợ văng qua người. Xúc miệng thì nhổ thấp xuống, nhổ nước cũng lấy tay bũ muống thấp mà nhổ, không được gội đầu.

Có bốn điều mình và mọi người đều bất lợi.

1. Văng nước dơ.
2. Khăn dơ.
3. Tóc khô.
4. Tổn mắt.

Không được hỷ mũi ra tiếng, không được phun nước rửa mặt, không được khạt nhổ to tiếng, không vẩy nước dơ lên mặt, người xưa nói: Canh năm rửa mặt vốn vì tu hành, khạc nhổ, kéo lê dép làm ồn

náo chúng. Không được xé khăn tay lau mặt, không được dùng khăn lau đầu, dùng xong thì treo lên hoặc hơ trên lửa.

Vào giảng đường thì bước chân trái trước khi ra thì chân phải trước, mặc áo trên khi ngủ thì thâu một nửa để ngồi thiền. Nếu bị rách thì lấy vải mới vá lại, chớ để gió thổi vào. Nếu muốn đốt hương lễ lạy, thì vào lúc hô chuông ra cửa sau đắp ca-sa. Bình thường cũng cởi mền ra để đắp ca-sa. Chấp tay đảnh lễ tưởng niệm lạy kệ:

Lành thay áo giải thoát
Y ruộng phước vô tướng
Nay con cung kính thọ
Đời đời thường đắp mặc
Án tất đà da sa ha.

Xếp ca-sa trước vắt trên tay, sau đó mưới cởi ra, không được dùng miệng ngậm ca-sa, không được dùng cầm mốc ca-sa. Đắp xong nên thưa hỏi rồi đi. Nếu lên chánh điện, đắp xong cũng phải thưa hỏi rồi mới đi. Nếu lên điện đường lễ bái không được đứng ở vị trí giữa chùa vì ngăn ngừa vị trụ trì sẽ đến, niệm Phật không được ra tiếng, không được đi qua đầu người đang lễ bái, phải đi vòng chỗ trống ở phía sau. Canh năm khi nghe chuông đóng, nên quán tưởng niệm kê.

Nguyện tiếng chuông này khắp pháp giới.
Chốn địa ngục tối tăm dều nghe,
Ba đường lìa khổ hết binh đạo.
Tất cả chúng sanh thành Chánh Giác.

Khi vị Trụ trì và Thủ tọa ngồi ở giảng đường không được ra vào cửa trước. Lúc khai tiểu tịnh thì mặc áo ngăn, pháp đắp y trước là hai góc lấy tay kéo thẳng ra trước. Đắp một nửa trước, sau đó đắp ra thân trước một nửa. Không được lấn sang đơn gần mình, không được lấy mền quạt, hoặc trở về các liêu gọi thuốc uống nước nóng. Hoặc đi kinh hành trên trà đường, lần lượt đem bát trở về chỗ cũ, lấy từ trên vai mà thuận chuyển (nghĩa là vai trái). Như cửa trước thì từ hướng nam mà vào, không được đi hướng Bắc hay chính giữa, vì tôn trọng trụ trì. Khi nghe tiếng mõ không được vào giảng đường, hoặc sai hành giả lấy bát, còn mình ngồi ngoài, hoặc trở về chúng liêu nhờ người đến lấy bát về, cần phải cúi đầu hỏi các bậc thượng trung hạ tòa. Nếu các bậc thượng trung hạ tọa đã đến trước ngồi rồi thì phải chấp tay. Người xưa nói: “Không kính bậc thượng trung hạ tọa thì có khác gì Bà-la-môn nhóm họp.

Sau khi nghe tiếng mõ, rồi tiếng bảng dài thì để bát xuống, thân chánh khởi lập định sau đó chuyển thân, cũng nên thuận từ trên vai

chắp tay rồi mới lấy bát. Một tay cởi móc, tay trái cầm bát. Chuyển thân để cho thân ngồi xổm phóng bát, tránh đừng để lưng đụng người. Nghe tiếng chuông đánh trước giảng đường, liền bước xuống đơn đón rước trụ trì vào thiền đường. Đại chúng đồng đến thừa hỏi. Không được giơ một tay trái hay phải. Khi bước xuống đơn phải thưa hỏi người gần đơn, nếu để ca-sa ở tiền đơn thì phải để nhẹ nhàng. Trên đơn không được cúi mình lấy bát để trước an tọa. Nghe tiếng liền chùy liên tưởng niệm bài kệ.

Phật sanh Ca-tỳ-la
Thành đạo Ma-kiệt-đà
Nói pháp Ba-la-nại
Nhập diệt Câu-thi-na.

Pháp mở bát trước nên chắp tay tưởng niệm bài kệ:

Ứng lượng khí Như lai
Nay con được mở ra
Nguyện cùng tất cả chúng
Đồng vắng lặng ba luân.

Sau đó cởi khăn ra, để khăn sạch che gối, cột khăn thành ba góc, chớ để rớt ra ngoài tay trái giữ bát, rồi đặt trên đơn. Dùng hai ngón tay cái giữ bát, không được gây ra tiếng, các ngón tay thứ tư, thứ năm là các ngón tay dơ nên không được dùng. Cầm bát rửa cũng phải nhẹ nhàng, múc vào dùng muỗng, xúc ra thì phải dùng đũa. Tay cầm đầu sạch hướng lên vai, không được dùng đũa muỗng xuất sanh cơm, không được quá bảy hột, ít qúa thì thành bỏn sẻn. Thọ thực gì thì dùng đó để xuất sanh, Hoặc không thọ thực, không được lấy thìa múc, từ sô ra xuất sanh. Duy-na chắp tay niệm Phật, ngón tay không được so le, phải giơ cao lên khỏi ngực, không được dùng tay gá bên miệng bát. Người xưa nói:

Chấp tay so le không ngang ngực
Hai tay đan nhau cắm vào mũi
Kéo lê giầy dép không oai nghi
Ho khạc, hạ phong chẳng anh hùng.

Khi hai tay cầm bát thọ thực nên tưởng kệ rằng!

Như lúc thọ thực
Xin nguyện chúng sanh
Vui Thiền là ăn
Pháp hỷ đầy đủ.

Hoặc nhiều hoặc ít, thì dùng tay mặt ngăn lại, khi nghe biến thực chỉ nhìn ngang vai, mắt nhìn vào bát mà ăn, không được dùng tay khua

hai bên. Tụng xong tương năm pháp quán.

1. Tính công nhiều ít so chỗ kia đem tới.
2. Xét đức hạnh mình thiếu đủ mà thọ thực
3. Phòng tâm lìa lỗi, tham sân si là cội gốc.
4. Xem như men thuốc hay để trị bệnh khô gầy.
5. Vì thành Phật đạo nên thọ cơm này.

Kế đến xuất sanh tưởng niệm bài kệ

Các người quỷ thần chúng
Nay Ta cúng cho người
Thức này khắp mười phương
Cúng tất cả quỷ thần.

Pháp ăn cơm không được đưa miệng đến thức ăn, không được đưa thức ăn đến miệng.

Giứ bát, đặt bát, và dùng muỗng đưa không được có tiếng. Không được khạc nhổ. Không được hỷ mũi hắt hơi. Nếu bị hắt hơi thì dùng khăn tay bịt mũi lại, không được gãi đầu, sợ gió rơi gàu vào bát người bên cạnh. Không được dùng tay xỉa răng, không được nhai thức ăn và húp canh có tiếng. Không được ăn cơm giữa bát mà ăn. Không được moi cơm lớn miếng, không được há miệng lớn đợi cơm đến ăn. Không được ăn cơm để rơi rớt. Không được tay lượm cơm đổ ăn. Nếu có thức ăn cặn đem đổ sau khi đặt bát. Không được lấy quạt ở đơn bên cạnh. Nếu sợ gió thì bạch xin Duy-na ngồi ngoài giảng đường, không được lấy tay để lên ngồi, tùy lượng mà thọ thức ăn, không được xin thần, không được để thức ăn quá ướt trong bát, không được đổ canh vào bát rồi mới ăn cơm, không được trộn rau vào cơm ăn. Khi ăn phải nhìn xem trên dưới, không được quá chậm, không được rửa chậu bát. Không được rửa bát có tiếng. Chưa tới giơ ăn không được ngồi buồn phiền. Người xưa nói:

Ngoái nhìn bốn phía khởi buồn giận
Nghĩ ăn nước miếng chảy ở miệng
Lùa cháo húp canh đầy cả miệng
Khai đơn mở bát phiền người gần.

Rửa bát thì dùng bát đựng nước, thứ lớp rửa bát, không được rửa muỗng, đưa trong bát chỉ co ngón thứ tư, thứ năm. Không được xúc miệng có tiếng. Không được nhổ nước vào bát. Không được trước dùng nước chín rửa bát, chưa chiết nước vào bát không được trước thâu khăn gối lau mồ hôi. Không được lấy nước rưới trên đất, khi chiết nước tưởng niệm bài kệ.

Nay con tẩy rửa bát

Như nước cam vị lộ
Thí cho các quỷ thần
Khiến đều được no đủ.
Ám ma hưu la tế sa bà ha.

Thâu bát thì dùng hai ngón tay cái, theo thứ lớp đi hàng đôi vào xong, chắp tay tưởng niệm kệ khi ăn xong, kệ rằng:

Ăn cơm xong rồi sắc sung mãn
Uy linh mười phương ba đời hùng
Hồi nhân chuyển quả không ở niệm
Tất cả chúng sanh đạt thần thông.

Trước liệu có treo bảng, đánh bảng quy về liệu. Thưa hỏi xong không quay về vị trí là khinh thường đại chúng. Vào cửa quy vị như pháp của Tăng đường. Lập định hầu liêu chủ và đốt hương xong, thưa hỏi trên dưới. Nếu có trà để ở chỗ ngồi không được để rũ y, không được tụ đầu nói, không được một tay tiếp người, không được che giấu mạt trà. Người xưa nói: Lên giường ngồi không được dũ y, một tay tiếp người là đạo lý gì, giấu riêng mạt trà bị người chung quanh chê cười, đạo nhân ở gần bàn, đè dặt không được dụm đầu kề tai.

Dùng trà xong, hoặc xem kinh, không được mở kính để dài, (nghĩa là hai mặt) không được cầm kinh đi vào liêu, không được làm rớt kinh. Không được phát ra tiếng, không được xoay lưng dựa vào đầu bảng xem kinh người xưa nói: Trì tụng ra tiếng làm ồn chỗ đông người, lưng tựa vào bản là khinh thường đại chúng, phải ra liêu trước, chớ đợi đảnh bảng ngồi thiền. Nếu muốn cởi bỏ năm điều theo cổ, (tức mang quãi), lấy khăn sạch đấp lên tay trái, cởi điều ra buộc lên sào. Cởi y năm điều ngay máng lên cho ngay thẳng, dùng khăn tay buộc để nhận biết. Không được cười nói. Không được ở ngoài hối thúc. Tay phải xách nước vào nhà xí, giày dép không được so le. Thùng tẩy tịnh đặt ở phía trước, búng ngòn tay ba tiếng, làm kinh động loài quỷ ăn phân. Ngồi xổm thân ngay ngắn. Không được rặn ra tiếng, không được khạc nhổ, không được cách vách nói chuyện với người. Không được rẩy nước hai bên, tay trái tẩy tịnh dùng ngón thứ hai, thứ ba.

Không được dùng nhiều que chùi phân. Có đi xong dùng nước ở chỗ trống bên nhà xí. Chỗ đông thì làm phương hại chúng, không nên ở mãi trong nhà xí, nước tẩy tịnh để vào chỗ cũ. Dùng tay khô mở cửa, tay trái gõ cửa bước ra. Tay ướt không được cầm cánh cửa và ngạch cửa. Tay phải gạt tro, không được dùng tay ướt nắm tro rải trên đất.

Không được khạc nhổ trên bùn. Rửa tay xong mới dùng bồ kết.

Rửa đến khủy tay, mỗi động tác phải niệm chú.

Xét kinh Anh lạc trong Đại tạng có nói: Khi vào nhà xí mà không niệm chú này thì dù cho dùng hằng hà sa nước rửa đến mé Kim Cương cũng không thể sạch, như vậy dù khi lên chánh điện làm lễ cũng không lợi ích. Vâng khuyên thọ trì thường tụng bảy biến. Do đó mà quỷ thần thường ủng hộ.

Chú khi vào nhà xí: Án căn đà da sa ha.

Chú tẩy tịnh: Ám hạ nẳng mật túc để sa bà ha.

Chú rửa tay: yêm chủ dà da sa ha.

Chú tịnh thân: Am thất lợi duệ bà ế sa ha.

Chú khử uế: Am sất chiết nẳng già sất sa ha.

Sau đó mới dùng chậu rửa mặt súc miệng, theo trong luật một ít chừa lại cũng tẩy tịnh, xỉa răng xong thì quay về thiền đường ngồi thiền. Chưa nghe kiểng không được trở về liệu trước. Trước khi thọ trai không được rửa bát. Trước khi dùng cháo thọ trai, sau khi phóng tham không được mở đơn. Nếu có việc gấp thì bạch với thủ liêu. Ở Tăng đường thì bạch với Thánh Tăng ở chùa. Thọ trai xong không được nhóm họp nói chuyện trong Tăng đường. Không được xem kinh trong Tăng đường, xem sạch, không được không được trên dưới, chính giữa đi xuyên qua thiền đường. Không được xâu tiền trên đơn, không được ngồi duỗi chân trên đơn.

Trước đơn một thước là ba tịnh đầu.

1. Giở bát.

2. Đặt ca-sa.

3. Đầu hướng về.

Không được đi trên đơn.

Không được quỳ gối mở rương hòm, không được chân từ trên đơn đưa xuống đất đạp vào giày cỏ năm điều, khi lên núi không được đi kinh hành trước điện Phật pháp đường. Người xưa nói: Cởi trần vào nhà xí, giày cỏ dạo núi thì không dẫm chân lên pháp đường, qua lại với bậc kỳ cựu.

Không được chân không mà mang giày Tăng, không được nắm tay cùng đi nói chuyện phải trái thế gian. Người xưa nói: Riêng mình lìa cha mẹ, bổn sự, hỏi tìm tri thức định làm gì? Không hiểu việc tông môn đã nói, bạc đầu không thành lỗi ở ai?

Không được dựa lan can ở điện đường, không được chạy nhanh gấp rút. Người xưa nói: Đi phải bước chậm, tu tập theo oai nghi của Mã Thắng nói: Phải nhỏ tiếng, học theo khuôn phép của Ba-ly.

Không được đi dạo chơi trên điện Phật, thọ trai xong giặt giũ y phục không được cởi trần. Không được nghiêng bình chế nước nóng vào áo. Ủi thẳng mặc lại nơi giá áo. Khi rửa chân có tiếng bảng đánh không được tranh nhau. Nếu chân có ghẻ thì rửa sau, hoặc rửa ở chỗ khuất. Các việc đều tùy phương tiện để tránh làm động chúng. Chớ đợi đánh bảng mới thứ lớp quay về thiền đường ngồi tham. Mỗi người đều ra khỏi nửa đơn, bỏ chân xuống đất.

Khi giảng đại chúng phóng tham, Thủ tọa đến trước liêu hô kiểng. Lúc này, chúng chuyển mình hướng ra ngoài, phải kịp thời đến thiền đường. Không được đứng bên ngoài thiền đường. Trụ trì, Thủ tọa ra khỏi thiền đường, khai đơn xuống giường thăm hỏi rồi trở về liêu. Các loại dược thạch mỗi thứ để trên bàn, không được trước bỏ vào bát mà ăn, không được lớn tiếng kêu đem các thứ như cháo, cơm, muối ăn, xong ra khỏi liêu, không được đi ra ba cửa. Không được vào trong tiểu liêu. Không được cởi trần quay về Tăng đường và đi vào thôn xóm. Không được đợi đánh bản ra khỏi liêu.

Nghe chuông khuya liền chắp tay thầm, tụng kệ:

Nghe tiếng chuông phiền não nhẹ
Trí tuệ lớn Bồ-đề sanh,
Lìa địa ngục ra khỏi hầm lửa
Nguyện thành Phật độ chúng sanh.

Trước quay về vị trí đơn ngồi thiền. Không đơn gãi đầu trên đơn. Không được trên đơn lần chuỗi ra tiếng. Không được nói chuyện với người gần bên. Người gần đơn phân tán, lơ là thì nên dùng lời khuyến dụ, không được có tâm hiềm trách chê bai.

Sau khi đánh định chuông không được ra vào cửa trước.

Khi hầu Thủ tọa sau khi để gối, cẩn thận rồi mới ngủ. Khi ngủ nằm bên phải không được nằm ngửa. Nằm ngửa là thây chết, ngũ dao đông thường hay bị ác mộng, lấy khăn mền bọc ca-sa đặt trước gối. Nay phần nhiều đêm đặt dưới chân là không đúng.

Như mở vòi tấm thì nắm tay mặt đi vào cửa sau thăm hỏi rồi quay về chỗ không xá mọi người xong. Trước dùng khăn tay năm điều phơi lên sào trúc, khi tắm thì mở gói đồ ra, lấy đồ tắm để một bên và treo áo lên.

Chưa cởi trực chuyết, trước cởi quần, lấy khăn bao lấy thân, kế đến cởi trực chuyết và ngũ điều để một chỗ, lấy khăn tay buộc lại, không được đi chân không vào nhà tắm. Ở chỗ trống đợi theo thứ lớp vào nhà tắm.

Không chiếm chỗ ngồi của vị lão túc đầu thủ (nghĩa là gian trên) không được lấy nước nóng rưới tung tóe trên thân. Không được xối nước vào chân, không được tiểu tiện trong phòng tắm.

Không được gác chân trên thùng.

Không được cười nói, không được gác chân trên máng nước, không được tát nước, không được khởi thân xối nước lên mình. Trước sau có người phải che chắn kín đáo. Cước bố không được rời thân, vì có thì nước không văng vào thân. Không được dùng nhiều nước nóng. Nếu có ghẻ thì hơ ghẻ lên lửa, hoặc xức thuốc, sau đó mới vào tắm. Không được tắm trước, không được dùng khăn tay công giới lau mặt, khăn công giới dùng buộc vào sau y để chùi tay sạch rồi đắp y năm điều, ra khỏi nhà tắm thì chào tả hữu. Lên ngồi dựa vách một chút, trước đắp thượng y và trực chuyết, xong rồi mới bước xuống đất.

Tay trái cầm khăn tay đưa hai bên rồi đi ra, xem tên của thí chủ cúng nước tắm, rồi thùy theo thời khóa tụng kinh chú hồi hướng. Tháng lạnh đốt lửa sưởi ấm trước, sau đó mới chuyển thân chánh tọa, không được lấy lửa hương đốt chơi. Không được thổi lửa làm cho bay tro, không được dụm đầu nói chuyện, không được nướng vật để điểm tâm.v.v... Không được hơ giày dép y phục trên lửa, không được để trực chuyết lộ ra khỏi quần. Không được khạc nhổ và quăng đồ dơ vào lửa.

Một ngày giữ oai nghi trong chúng chẳng dám nghe lão chân thành nói để dẫn dụ kẻ sơ học, những việc thăng đường, vào thất, Tiểu tham, phúng kinh niệm tụng, tuần liêu, giải kết nhân sự, trang phục cùng các quy tác Thanh quy nhỏ nhiệm đã trình bày đầy đủ, các vị tôn túc đều có văn nói về việc này. Đây không dám lạm ngôn trình bày đầy đủ ra.

VĂN QUY CẢNH

Đại sư Từ Giác Tránh công soạn.

Hai quế rã bóng, một hoa hiện điềm lành, tới đây những điều thiết yếu của chốn tòng Lâm vốn là của tăng chúng. Vì để khai thị chúng Tăng nên có Trưởng lão, tiêu biểu cho chúng Tăng cho nên có Thủ tọa, đảm trách việc chúng Tăng thì có Giám viện. Điều hòa chúng Tăng thì có Duy-na, cúng dường chúng Tăng thì có Khúc tọa. Vì chúng Tăng làm việc thì có Trực Tuế. Vì chúng Tăng xuất nạp thì có Khố đầu. Vì chúng Tăng ghi chép thì có Thủ Trạng. Vì chúng Tăng giữ giàn Thánh giáo thì có Tạng chủ. Vì chúng Tăng tiếp đãi tiếp đàn việt thì có Tri khách. Vì chúng Tăng thỉnh mời thì có Thị gia, vì chúng Tăng giữ gìn y bát thì có Liêu chủ, vì chúng Tăng cung cấp thuốc men nước nóng thì có

Đường chủ, vì chúng Tăng giặt gũi thì có Dục chủ Thủy Đầu. Vì chúng Tăng chống lạnh thì có Thán đầu, Lư đầu. Vì chúng Tăng khất thực thì có Nhai phường Hóa chủ. Vì chúng Tăng làm việc thì có Viên đầu, Ma đầu, Trang chủ. Vì chúng Tăng lau chùi nên có Tịnh Đầu, vì chúng Tăng hầu hạ thì có Tịnh nhân.

Thế nên, duyên hành đạo mười phương đều đầy đủ. Dụng cụ giúp thân thì có sẵn trăm thứ, muôn việc không lo, nhất tâm hành đạo. Vật tôn quý ở thế gian không ngoài sự ưu nhàn, sự thanh tịnh vô vị là điều cần thiết nhất của chúng Tăng. Hồi niệm lực của nhiều người nên không biết ân và báo ân, khi thạm tụng chẳng cầu thỉnh, không bỏ chút thì giờ, do đó phải báo trưởng lão.

Giữ tôn ty thứ lớp dừng động rõ ràng đó là báo ân Thủ tọa.

Ngoài Tôn pháp để giữ gìn quy phạm là bấo ân Giám viện, sáu hòa cùng nhóm, thủy nhũ cùng tham, là báo ân Duy-na. Vì nghiệp thành đạo nên thọ thức ăn nầy, nên báo Khúc tọa. An xử tăng phòng, giữ gìn các vật nên báo ân Trực Tuế, vật của thường trụ thì mảy may cũng không phạm, tới nên báo, ân Khố Đầu. Tay không cầm bút như cứu lửa cháy đầu, cho nên báo ân Thư Trạng, bên cửa sạch xét giáo xưa chiếu tâm, nên báo ân Tạng chủ.

Mai danh, ẩn tích không việc truy bồi nên báo ân Tri khách. Một bình một bát xử chúng như múi, cho nên báo ân Thủ liêu. Tâm thăm hỏi bệnh khổ, cháo thuốc tùy nghi, nên báo ơn Đường chủ. Khinh từ tĩnh mặc không mê muội thủy nhân, nên báo ơn Dục chủ Thủy đầu. Ít nói cung thủ giữ mình nhượng người nên báo ân Thán đầu Lô đầu. Suy xét đức hạnh đủ hay thiếu của mình mà ứng cúng nên báo ân Hóa chủ Nhai phường (láng giềng).

Tính công nhiều ít so với kia đem đến, nên báo ân Trạng chủ Viên Đầu Ma Nhai. Châm nước, vận trù biết tàm biết quý, cho nên báo ơn Tịnh đầu. Khoan mà dễ, từ đơn giản mà việc dễ dàng, cho nên báo ơn Tịnh nhân. Phần dưới là đạo nghiệp duy tân của chốn tòng lâm. Căn cơ thượng thượng thì một đời làm xong. Kẻ sĩ trung lưu thì nuôi dưỡng mần Thánh, còn như chưa ngộ được tâm nguyện, thì trong thời đó cũng không luống uổng. Thế nên chân Tăng Bảo là ruộng phước thế gian. Gần thì làm bến cầu cho đời mạt, rốt ráo. Chứng cực quả hai nghiêm. Như chốn tòng lâm không trị, pháp luân không xoay thì chẳng phải nơi trưỡng lão nên làm chúng.

Ba nghiệp không điều hòa, bốn nghi không cung kính thì chẳng phải Thủ tọa nên nắm chúng. Không khoạn lượng dung chúng, tâm yêu

chúng không dầy, thì chẳng phải Giám viện cho nên hộ chúng. Người tu hành không an, bại quần không đi thì chẳng phải Duy-na, nên làm duyệt chúng. Sáu vị không tinh, ba đức không đủ, chẳng phải Điển tọa cho nên phụng chúng, liêu xả không tu, các vật không đủ thì chẳng phải Trực Tuế cho nên an chúng. Chứa nhóm thường trụ, giảm khắc chúng Tăng, chẳng phải Khố đầu, thì làm Chiem chúng. Thư trạng không công khéo, văn tự chia chẻ chẳng phải thư trạng, cho nên Sức (trang sức) chúng. Bàn ghế không nghiêm, phiền não không dứt, thì chẳng phải Tạng chủ nên làm đãi chúng.

Ghét nghèo yêu giàu trọng tục khinh Tăng, chẳng phải Tri khách làm Tán chúng. Lễ mạo không cung kinh tôn ty trật tự, chẳng phải thị giả nên làm Mạng chúng. Đả điệp không siêng năng, thủ hộ không cẩn thận, chẳng phải Liêu chủ nên làm Cư chúng. Không rảnh để cung đãi làm não loạn người bệnh thì chẳng phải Đường chủ, nên làm Tuất chúng. Nước nóng không đủ, nóng lạnh thất thường, chẳng phải Dục chủ Thủy đầu nên làm hoán chúng (giặt giũ).

Dự bị không trước, làm động niệm chúng, chẳng phải Lư Đầu Thán đầu, nên làm Hướng chúng, lâm tài không công, tuyên lực không tận, chẳng phải Hóa chủ Nhai phường, nên làm Cung chúng. Đất có di lợi, người không toàn công, thì chẳng phải Trang chủ Viên Đầu Ma, cho nên thay chúng. Biếng nhác đều dát, các duyên khong đủ, chẳng phải Tịnh Đầu thì làm Sự chúng. Cấm không dừng mạng không hành, chẳng phải Tịnh nhân, nên làm Thuận chúng. Như có chung tăng khinh thầy, man pháp tùy duyên giữ tánh, nên chẳng báo ân trưởng lão. Nằm ngồi lật đật, đi đứng trái pháp, nên chẳng báo ân Thủ tọa, ý kinh pháp vua, không nhìn lại chốn tòng lâm, nên chẳng báo ơn Giám viện. Trên dưới không hòa, đấu tranh bền chắc thì chẳng báo ơn Duy-na. tham lam ăn ngon, ghét sự đói lạnh chẳng phải báo ân Điển tọa. Cư xử thọ dụng không nghĩ đến người sau, nên chẳng báo ân Trực tuế. Đa tham lợi dưỡng, không thương xót thường trụ, nên chẳng báo ân Khố đầu. Sự giữ theo bút nghiên, rong ruổi theo văn chương nghiên nân chẳng báo ân Thư Trạng, khinh mạn văn kinh, xem thường ngoại điển, cho nên chẳng báo ơn Tạng chủ. Truy bồi theo tục sĩ, giáo kết với quý nhân, thì chẳng báo ân Tri khách. Quên việc triệu thỉnh ngồi lâu trong chúng Tăng thì chẳng báo ân Thị giả. Vì khinh mạn người che dấu tội trộm, nên chẳng báo ân Thủ liêu.

Đa sân ít hoan hỷ, không thuận theo bệnh duyên, do đó mà không bao ân Đường chủ. Dao nĩa ra tiếng, dùng nước không tiết độ, nên chẳng

báo ân Dục chủ Thủy đầu. Thân lợi sự ấm mát nên làm chướng ngại cho người, nên chẳng báo ân Lô Đầu, Thán Đầu. Không nghĩ tu hành, an nhiên thọ cúng nên chẳng báo ân Hóa chủ Nhai phường. Ăn no cả ngày không có dụng tâm. Cho nên chẳng báo ân Trang chủ Ma đầu Viên đầu. Khạc nhổ vào tường vách, bừa bãi Đông từ, cho nên không báo ân Tịnh Đầu. Chuyên chuộng oai nghị xưa không khéo dạy, nên không báo ân Tịnh nhân. Bởi vì gió xoay ngàn vòng còn không xoay vần, chỉ biết bỏ ngắn theo dài, cùng làm việc xuất gia, mong ở háng sử tử đều thành Sư tử. Rừng chiên đàn thuần là Chiên Đàn, khiến cho năm trăm năm sau lại thấy một hội Linh Sơn. Nhưng pháp môn hưng hay phế là ở Tăng đồ, Tặng là ruộng phước, đáng được kính trọng, Tăng trọng thì pháp trọng, tăng khinh thì pháp khinh. Trong đã nghiêm thì ngoài phải cẩn trọng. Dù cho chủ nhân cúng cơm cháo một kỳ, vị chấp sự ở tùng lâm nên quyền biến, nên tùy nghi cung kính đãi như đồng bào, không được tự tôn tự đại. Như thế, người cống cao ngã nạn việc riêng đáp công vạn sự vô thường, há bảo tồn lâu dài. Rồi một sáng cùng chúng quy tụ làm sao đối mặt. Nhân quả không sai, sợ khó tránh được. Tăng vì Phật tử ứng cúng không khác, nhân gian cõi trời đều cúng kính. Hai thời cơm cháo lý hợp tình đầu. Bốn thứ cúng dường, chớ để thiếu sót. Di âm của Đức Thế tôn còn che con cháu suốt hai ngàn năm nay. Một phần ánh sáng của sợi lông trắng thọ dụng không hết, chỉ biết phụng chúng thì không thể lo nghèo.

Tang không có phàm Thánh, chung hội cả mười phương. Đã gọi là chiêu-đề, thảy đều có phần, há lại vọng sanh phân biệt khinh chán khách Tăng. Sáng sớm qua liêu, ba triều quyền trụ tận lễ cung thừa. Trước Tăng đường tạm cầu trai lễ Tâm bình đẳng cúng dường, khách tục còn như chiêu quản. Tăng gia nỡ không đón rước nếu không có tâm giới hạn thì tự có phước vô cùng, tăng chúng hòa hợp trên dưới đồng lòng. Có chuyện dài ngắn thì che giấu lẫn nhau, chuyện xấu ác trong nhà chớ để ngoài nghe. Tuy nhiên đới với sự không thương xót cuối cùng cũng giảm sự cung kính của người. Cũng như trùng trong thân sư tử tự ăn thịt Sư tư, chẳng phải Thiên ma ngoại đạo làm hoại được, nếu muốn đạo phong không mất, mặt trời thật sáng mãi, Trang Tổ soi sáng ở Tây Vực, lo giúp Thánh hóa Hoàng Triều, nguyện lấy văn này làm quy cảnh.

Niệm tụng cho vị Tăng bị bịnh.

Có vị Tăng bị bệnh, người cùng quê hương đạo cựu đối với người bệnh phải lo trước tiên.

Bày hương đèn, tượng Phật, niệm tụng tán Phật rằng.

Nước lắng, trăng thu hiện
Khẩn thỉnh ruộng phước sanh
Duy có Phật Bồ-đề
Là chỗ thật Quy y
Nay chính ở tại đây
Tỳ-kheo bịnh mỗ giáp
Cởi oán đối nhiều đời
Sám tội lỗi nhiều kiếp
Riêng vận chí thành kính
Cúi đầu thanh chúng.
Xưng dương Thánh hiệu,
Sửa sạch oán sâu
Kính nương tôn chúng niệm
pháp thân Thanh tịnh
Mười hiệu Tỳ-lô v.v...

Hồi hướng rằng: Phục nguyện, nhất tâm thanh tịnh bốn đại khinh an, thọ mạng cùng tuệ mạng dài lâu. Sắc thân cùng pháp thân bền chắc.

Lại thỉnh tôn chúng niệm Phật mười phương ba đời.

Như người bệnh nặng thì mười niệm A-di-đà Phật, lúc niệm trước bạch khen ngợi.

Phật A-di-đà chân sắc vàng.
Tướng tốt đoan nghiêm không ai bằng,
Lông trắng uốn lượn năm Tu di.
Mắt xanh lóng lặng như bốn biển
Hóa Phật trong ánh sáng vô số
Các hóa bồ-tát cũng vô biên
Bốn mươi tám nguyện độ chúng sanh
Chín phẩm hàm linh lên bờ kia.

Sáng nay vì Tỳ-kheo bệnh mỗ giáp, cởi mở oán đối nhiều đời, sám tội lỗi nhiều kiếp, cung kính cúi đầu thỉnh chúng, xưng dương Thánh hiệu rửa sạch ương sâu. Kính nương tôn chúng niệm. Nam-mô A-di-đà Phật (trăm câu) Nam-mô Đại Thế Chí Bồ-tát.

Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát, Nam-mô Thanh tịnh đại hải chúng Bồ-tát. (Đều mười câu)

Hồi hướng rằng: Phục nguyện, Tỳ-kheo bệnh là mỗ giáp các duyên chưa hết sớm được khinh an, mạng lớn khó tránh, sanh về an Dưỡng mười phương ba đời v.v...

Lúc niệm Phật chúng nên nhiếp tâm thanh tịnh, không được phan duyên tạp niệm. Khẩu từ:

Đưa bệnh Tăng đến, xưng tên hộ tuổi tác quê quán. Nơi cấp độ điệp làm Tăng, năm nào đến chùa.

Nay bị bệnh sợ là phong hỏa không định, sở hữu tùy thân, hành lý hợp phiền, công giới sao hợp, sau khi mất mong được đưa tiễn theo luật Thanh quy của chốn tòng lâm.

Ngày tháng năm tăng bị bịnh, mỗ giáp khẩu từ.

Vị tăng qua đời, lục lại y bát.

Hễ có người bệnh mất, người chăm sóc bệnh liền bạch cới Đường chủ Diên Thọ. Thưa Duy-na xin gói gém hành lý, Hành giả Đường ty đáp Lại Thủ tọa, Đầu thủ, Trị sự thị giả cùng đến chỗ người bệnh, ghi lại khẩu từ. Người nuôi bệnh đồng như người chấp sự, thu thập rương kinh, y vật, lục xét đơn giường, mỗi thứ gọi kín khoá ngoài, phải giữ lại y phục của người mất, các vật cấp dụng, gọi lại để một chỗ, vị đường chủ Diên Thọ cùng người nuôi bịnh đích thân giữ. Hoặc người bệnh khong thể phân phó, vị Duy-na Thủ tọa nên ra sức chủ hành. Không có hành lý cũng phải đừa tống tân lễ. Đơn màn gói lại đừa vào chỗ Thủ tọa gói kín hành lý. Các vị Thủ tọa, Duy-na, Tri khách, thị giả cùng người bốn liêu ra sức khiêng về đường ty. Nếu đơn và hành lý nhiều thì chúng liêu gói lại mang đi, chỉ lưu lại phòng, khố ty sai người trông giữ. Vị Tăng mất trước đã dự nghe vị Trụ trì nói hai chữ cần cựu và không có thư để lại di chúc y vật khi Hòa thượng Đại Xuyên trụ ở Tịnh Từ thì Đầu thủ, Duy-na ngụy làm vị tăng qua đời để lại y vật, từng bị đuổi ra khỏi chùa. Nếu Tăng bệnh nhắm mắt, vị chủ Diêu Thọ đường liền báo với Duy Na, khiến hành giả Đường Ty báo người nấu nước nóng, báo với các vị thủ tọa, tri khách, Thị giả, khố ty sai người đem thau tấm ra tấm cho người chết xong, lấy rượu tắm rửa, lấy khăn tay lau sạch tóc, vị Duy-na đôn đốc người mặc áo và đừa vào quan tài đưa vào nhà Diên Thọ, bày ra bàn ghế và lập bài vị. trên bài vị ghi.

Tân viên tịch Thượng Tọa mỗ giáp giác linh hoặc tây đường thì ghi trước trụ chùa mỗ, hiệu thiền sư mỗ chi linh, còn lại tùy chức hiệu xưng hô.

Bày đủ hương hoa cúng dường. Đại chúng hiện tiền xướng tụng chú Đại bi, hồi hướng an vị. Ban đêm thì đốt đèn lớn. Hành giả Đường ty dự bị làm phướn hoa liễu tuyết, hành giả trực linh mỗi ngày cúng cơm cháo. Vi tri sự ba thời dâng trà nóng. Ở Điện Đường đốt hương cúng cơm cháo và tụng kinh xong, bãi việc phóng tham, Hành giả Đường ty

liền kêu dẫn khách đi trước, vị Thủ tọa dẫn chúng đến trước quan tài. Vị trụ trì đốt hương xong, Duy-na xướng tụng chú Đại bi, hồi hướng rằng:

"Thượng lai, phúng kinh công đức, phục vì tân viên tịch, Mô giáp Thượng tọa, trang nghiêm báo địa mười phương ba đời..."

Kế là hương nhân xướng chú, Hương trưởng đốt hương. Mỗi ngày cúng lạy ba thời. Trừ hồi hướng công giới xưng hai chữ danh tự, còn lúc, khác chỉ xưng tên một chữ. Hối hướng cũng đồng như trước. Nếu gặp ngày mùng một, rằm và ngày cảnh mạng thì miễn tụng kinh, chưa thể đưa đi chôn.

Thỉnh Phật sự: Cầm đèn thì thỉnh vị Trụ trì xướng Phật sư, các việc tiêu khám, khởi khám, khởi cốt nhập tháp, vị Duy-na bẩm với Thủ tọa, bàn bạc y theo thứ lớp thay phiên thỉnh Thủ tọa làm. Chỉ dùng một từ giấy trắng, viết lên đó: Tân viên tịch Thượng Tọa Mỗ giáp người ở Châu mỗ

Cầm đuốc, Phật sự... Đương đầu Hòa-thượng Đường Tỳ Tỳ-kheo tên là ... Bái thỉnh... cùng các Phật sự khác y theo đây mà viết.

Nếu người mất đơn liệu cần cựu y bát ở Tây Đường hơi nhiều thì thêm các Phật sự như tuần trà nóng, chuyển khám, chuyển cốt v.v...

Chuyển thỉnh Chủ tọa đơn liêu ở Tây Đường... và các danh thắng sông, núi hồ ao. Duy-na chuẩn bị một bát hương mang đến Phương trượng. Thấp hương lạy một lạy, thừa rằng: Thượng Tọa Mỗ giáp viện tịch, vào ngày này trà-tỳ, thỉnh Hòa-thượng cầm đuốc. Trình nạp thiệp mời rồi thoái lui. Lễ thỉnh Đều Thủ cũng đồng. Đường ty đặt sổ, Phật sự để tra cứu luân thỉnh cho đầy đủ.

Cổ y (bán y áo cũ)

Vị Duy-na giao cho hành giả Đường Ty thỉnh Trụ trì Lưỡng Tự và Thị giả đến Đường Ty, hoặc đến Chiếu đường đối chúng trình qua về bao đồ vật mở lấy y vật ra, bày trên đất trong phòng. Sau đó sai người trình qua Duy-na. Các vị Thủ tọa chiết ra cho trị Khách thị giả ở đơn trên, bày tự hiệu chính là ghi giá trị, ở dưới y phục ghi là tả tiêu. Đưa y vật trên cho vào giỏ, Tùy theo giá trị hiệu y, sai người ghi là Trường tiêu, để lúc dùng xướng y đầy đủ.

Phương trượng lập hai hàng thứ lớp ở liêu xá, không cho dùng công dụng làm danh phận mà bỏ các kiện. Thường trụ nếu có sẽ được đắc dụng. Giá trị y phục lấy tiền làm chuẩn, như người mất y bát hơi nhiều. Nên phóng theo giá trị lợi chúng để cầu tiến phước thầm.

Đại dạ niệm tụng

Đến sớm đưa đám.

Cách ngày sau giờ ngọ, hành giả Đường ty thỉnh trụ trì báo với chúng treo bài bị tung niệm. Dự báo với khố Ty sai người cúng thực, phô bày tế diên (trải chiếu để tế lễ). Hương nhân pháp quyến làm văn tế, nạp tiền cho khố ty để hồi tế. Chuẩn bị ba cây hương, dùng để tế trên. Nếu vị Tăng mất là danh đức Đại phương, cần cựu đơn liêu ở Tây Đường, có công với Sơn môn, Trụ trì Lưỡng Tự có tế. Duy-na đọc văn tế, phóng tham xong, đánh chuông nhóm chúng ở Tăng Đường, đến trước quan tài tụng kinh niệm Phật. Vị Tri sự đốt hương và dâng trà nóng. Vị trụ trì đến đốt hương và thỉnh mọi người cùng xuất ban lui thân đốt hương thăm hỏi.

Theo thứ tự, trụ trì thưa hỏi trước chuyển qua hàng phía đông thưa hỏi tuần tự đến cuối hàng y theo bổn vị, qua chỗ trống đứng bến phải quan tài.

Hành giả Đường ty cầm khóa gỗ đứng dội, xướng Phật sự xong, dùng khoá khoá khám lại. Trụ trì đứng lại vị trí. Duy-na đứng bên trái vái trụ trì Lưỡng Tự.

Dâng hương xong, Duy-na hướng về khám niệm tụn. Thiết vì sanh tử giao nhua, lạnh nóng thay đổi là đến, Điện chớp trên không là đi, sóng gió biển lớn. Hôm nay có tân viên tịch thượng tọa mỗ giáp, là đi, sanh duyên đã hết, đại mộng đã dời, rõ các hạnh là vô thường, đó là vắng lặng là vui, kính mong đại chúng trang nghiêm đến trước khám tụng hống danh các Thánh, đưa thanh hồn về tịnh độ, nương nhờ đại chúng niệm pháp thân thanh tịnh Tỳ-lô. v.v... xướng chú Đại bi, hồi hướng rằng: Công đức niệm tụng phúng kinh từ trên đến đây xin kính vì tâm viên tịch thượng tọa mỗ giá, phục nguyện thần về tịnh ước, nghiệp ở lại trần lao, sen nở hoa thượngphẩm, Phật thọ ký một đời, lại nhọc đại chúng niệm tất cả Phật mười phương ba đời. Vị trí khách xướng tụng chú Lăng-nghiêm, hồi hướng: “Thương lại phú tụng kinh công đức, phụng vì tân viên tịch. Thượng tọa trang nghiêm báo địa. Mười phương tam thế v.v... trụ trì liền quay về đứng hàng đầu phía đông. Bạn đạo sông hồ pháp quyến cùng tự đến tế. Sau cùng tụng chú Đại bi hồi hướng đồng với Tri khách.

Đưa người mất (Tống vọng)

Phàm khi xuất táng, vị khố Ty dự bị phân bố công việc cho hành giả, dùng củi hỏa thiêu. Sau người chuẩn bị nạo bạt phướn lọng hoa hương, trống nhạc, đèn đuốc. Hành giả Đường Ty đêm trước báo với Trụ trì Lưỡng tự treo bài vị đưa vong.

Sáng sớm hôm sau dùng cháo, lại đánh một tiếng kiền chùy nữa

thưa rằng: : Bạch đại chúng thọ cháo xong thỉnh quý vị cùng đưa vong". Ngoài thủ liêu trực đường ra thì tất cả cùng đến, kính bạch.

Lại đánh một tiếng kiền-chùy nửa, ra trước chúng Tăng thưa hỏi, kế là thăm hỏi Trụ trì xong, thì theo Thủ tọa di tuần trai đường một vòng, đến ngoại đường quay về nội đường thưa hỏi rồi đi ra. Nếu gặp ngày vía Thánh, không thể bạch chùy, hành giả Đường ty thưa với trụ trì lưỡng tự. Dùng cháo xong thì báo với trai đường. Thỉnh Thủ tọa cùng đại chúng, khi nghe tiếng chuông ở Diên thọ đường tụng kinh.

Đánh chuông ở Tăng Đường nhóm họp chúng, Duy-na tụng niệm nên lược niệm khấn rằng: Muốn cử linh khám đến thành lễ trà-tỳ, kính mong đại chúng tụng hồng danh các Thánh. Niệm pháp thân Thanh tịnh Phật Tỳ-lô-giá-na.

Xong thì trụ trì chuyển lên đứng đầu hàng phía Đông. Duy-na bước ra đốt hương thỉnh quan tài đi Phật sự xướng xong, hành giả gọi người khiêng quan tài ra khỏi đầu núi. Như cúng trà nóng chuyển vào Am, thì hướng về khám phải bày ghế hương. Thủ tọa lãnh chúng đứng hai hàng. Duy-na đốt hương thỉnh đợi xướng Phật sự xong thì đi. Nếu không chuyển khám ra tất ngoài cửa thì Duy-na đứng chấp tay, rồi đọc chú vãng sanh, đại chúng đồng niệm hàng hàng theo thứ lớp chấp tay đi ra. Mỗi người cầm một nhành liễu tuyết. Hành giả đứng sắp hàng ngoài cửa, cúi đầu chấp tay. Đợi Tăng chúng hành lễ xong cũng đi đưa phía sau. Duy-na tùy đi theo khám cùng đưa tống táng.

Trà-tỳ: Táng đến đài Niết bàn.

Trì sự đốt hương dâng trà, kế đến trụ trì thượng hương trở về vị trí. Duy-na bước ra đốt hương thỉnh trụ trì cầm đuốc Phật sự. Xong thì Duy-na hướng về khám tụng rằng: Hôm nay có Thượng tọa. Tân viên tịch, đã tùy chuyển thuận thân hoằng pháp trăm năm, cũng như con đường tất về cõi Niết-bàn. Kính mong tôn chúng giúp cho giác Kinh. Nam-mô Tây phương cực lạc thế giới Đại từ Đại bi A-di-đà Phật, mười niệm xong thì thượng lai xưng dương mười niệm giúp cho vãng sanh. Cúi mong Tuệ cảnh phân huy chân phong tán thái. Khai mở Bồ-đề, hóa giác ý. Trong biển pháp tánh gột rửa tâm trần cấu. Dâng trà ba chén hướng nóng một lò, phụng tống vân trình Hòa-thượng Thánh chúng.

Lúc Trị sự niệm dâng trà đốt hương xong, thân xuất ra hơi nóng, biểu thị lễ sơn môn. Duy-na đều hành phi lễ, đọc chú đại bi, Hồi hướng rằng: Công đức niệm tụng phúng kinh trên đây, kính vì tân viên tịch Thượng tọa mỗ giáp, kế đến trang nghiêm báo địa mười phương ba đời tất cả , v.v...

Tri khách xướng tụng chú Lăng-nghiêm, hồi hướng đồng như trước. (Nhưng không có hai chữ niệm tụng).

Hương nhân pháp quyến phúng kinh hồi hướng. (cũng đồng)

Xướng y: Sau khi trà-tỳ, hành giả Đường ty báo với Trụ trì lưỡng tự, thị giả, thọ trai xong đến trước Tăng đường xướng y, báo với chúng treo bài vị xướng y, bày biện mọi thứ trước Tăng đường. Trụ trì Thủ tọa phân ra hai hang đối tọa. Vào cửa mọi người hương về bức hoành đặt trên bàn cao. Trên bàn vẫn để bút nghiên, khánh tên, treo các đồ vật, trên đất bày các đồ vật đầy đơn. Hành giả đường ty báo với Trụ trì lưỡng tự đánh chuông nhóm chúng, Duy-na Tri khách thị giả, cùng vào giảng đường ngồi hướng về bên trong. Hành giả Đường Ty, các hành giả Cung Đầu, khất thực đứng thành một hàng, hướng về Trụ trì lưỡng tự thưa hỏi, lại hướng về Duy-na Tri khách thị giả thừa hỏi xong thì mang gói đồ đặt trước Trụ trì lưỡng tự, ở chỗ vị thủ tọa thỉnh mở gói và trình qua, mở lấy y vật, chiếu tử hiệu sau đó bày ra trên bàn, cái giỏ không để một góc bên trong, vị Duy-na đứng dậy đanh một tiếng khánh niệm tụng rằng:

Mây nổi tan mà ảnh không lưu lại
Đuốc tàn hết mà ánh sáng tự tắt.

Nay đây cổ xướng là dụng nói lên vô thường, kính mong đại chúng phụng vì thượng tọa mỗ giáp giúp cho giác linh vãng sanh Tịnh độ. Niệm pháp thân thanh tịnh Phật Tỳ-lô-giá-na ....

Niệm mười hiệu xong thì đánh một tiếng khánh, pháp xướng y vì bẩm theo khuôn phép thường hằng, tân cựu, ngắn dài tự nên chiếu cố, sau khi tiếng khánh dứt thì không cho phép lại hối hận. Kính bạch. Lại đánh một tiếng khánh giơ độ tiệp lên, đối với danh tự vong Tăng, cắt phá ngang rằng: Vong Tăng bổn danh độ điệp nay đối với chúng xin cắt bỏ.

Đánh một tiếng khánh, rồi giao cho hành giả, trình cho Lưỡng Ty, Duy-na cởi ca-sa đặt lên khánh, rồi bảo treo lên. Hành giả đường Ty vào thứ lớp mà niêm y vật, trình qua cho mọi người. Duy-na đề khởi rằng: Hiệu này vật này... một xướng bao nhiêu, nhe niêm một xâu thì tự một trăm mà xướng. Hành giả đường ty tiếp lời xướng, trong chúng cũng ứng thanh đồng tụng. Thứ lớp xướng đến nhất quán. Duy-na đánh một tiếng chuông và xướng các hiệu khác đều đồng. Hoặc đồng thanh lẽ ra đồng giá. Hành giả xướng khởi lấy khánh làm độ. Hành giả Đường Ty hỏi danh tự người này. Tri khách viết tên lên đơn (giường) Thị giả y theo tên mà phát phiếu, giao cho hành giả Niêm cung, thay nhau xướng

được người, hành gia Cung đầu vẫn thâu y vật để vào giỏ, mỗi thứ xướng xong thì đánh một tiếng khánh.

Hồi hướng rằng: Công đức xướng y niệm tụng trên đây, phụng vì tân viên tịch Thượng tọa mỗ giáp tang nghiêm báo địa, lại lao nhọc tôn chúng, niệm mười phương ba đời, v.v...

Gần đầy vì dứt huyên náo, phần nhiều là làm thiếp pháp (Thấy chương Trụ trì) y vật quá ba ngày không lấy là chiếu theo giá, đưa ra bán tạo bản trướng. Trong Tăng Huy ký nói rằng:

Ý Phật chế phân y, để cho người còn thấy vật người mất đem phân cho chúng Tăng. Từ đó suy nghĩ kia đã như thế, ta lại như thế, do đó để đối trị dứt bỏ tham cầu. Nay không tỉnh xét, khi lúc xướng y lại tranh giá um sùm, thật là ngu muội.

Nhập tháp: Sau khi trà-tỳ người chấp sự hương khúc, pháp quyến cùng thu cốt lại dùng vải bọc lại để vào hũ đậy kín. Rồi đem về Diên Thọ đường (Trên bài vị bỏ chữ tân). Ngày tụng kinh ba thời. Sau ngọ ngày thứ ba, đem bản trương ra trước Tăng đường, để đại chúng biết (Nếu không hợp thành theo quy thức, là có sự xem thường, phải kính lễ trên dưới và thật hối cải. Làm trái phải chịu đuổi phạt chịu khiển phạt. Trụ trì và chấp sự, phải làm gương để phục chúng, phải bình đẳng trước xong. Hành giả Đường ty báo cho chúng mang tâm bài vị cho vào tro. Sau đó đánh tiếng chuông nhóm chúng mang cốt thỉnh nhập tháp. Nhập xong thì trị sự đóng kín tháp lại. Duy-na tụng chú Đại bi, rồi hồi hướng. Ttrên đây phụng kinh công đức. Phung vì thượng tọa mỗ viên tịch trang nghiệp nhập tháp báo địa, mười phương, Tri khách xướng tụng chú Lăng-nghiêm, Hương nhân tụng kinh hồi hướng đều đồng.

Sắc tu bách trượng Thanh quy quyển sáu hết.

■

SẮC TU BÁCH TRƯỢNG THANH QUY

QUYỂN 7

Nghi thức bản trướng (Báng tỉnh sở).

Nay đầy đủ là xướng giá vật quả vong tăng Mỗ giáp. Xưng hô y bát, số tiền chi thu dưới hạng (khoản tiền). Thu số tiền một ngàn quan tiền là xướng y sao thâu đến, hoặc có riêng danh mục thâu sao, nêu chép từng thứ một.

Chi số tiền là chín mươi mốt quán, là chi hành của bản trướng khai đầy đủ mười lăm quan tiền.

Hồi khám, văn ba quan (hồi tế).

Văn ba quan (nấu cháo).

Một quan đèn dầu trước khám, mười quan giấy bút tạo đơn, phiếm hoa tuyết liễu.

Một quan tịnh phát (cạo tóc), hai quan, năm trăm văn, dời khám khiêng vong.

Năm trăm quan: Nấu nước nóng. Hai quan: Tắm người chết.

Một quan tiền: Trực linh dâng cơm cháo, Năm trăm quan: Khố ty khách đầu báo việc tạo cúng tế.

Năm trăm quan tiền. (Đinh treo chiếu cúng tế), năm trăm quan: Quán kế xuất oan diệp.

Năm trăm quan. (Kho xuất ra cung cấp để tạo cúng tế), năm trăm quan: Giám trù làm thức ăn.

Năm trăm quan. (Khố ty trà đầu dâng trà nước nóng), năm trăm quan: Tham đầu sai hành giả.

Hai quan (Hành giả đường ty báo chúng), năm trăm quan: Giám tác sai nhân lực.

Năm trăm quan: Phương trượng kêu gọi bưng hộp hương, mười quan: Hành đường tụng kinh.

Một quan tiền: Thiếp đường ty hành giả đánh bảng ngoài hành lang, hai quan: Bốn xét Trà đầu cung ứng.

Mười lăm quan: Hủy khám, một quan: Đánh bạt.

Ba quan trống nhạc, ba quan: Sáu người: Giang, hương, trác, khiêu, phan, đăng.

Năm trăm quan: Biểu tuyết liễu sài chi, một quan: Hóa vong.

Ba quan: Một hàng người của Phương Trượng theo đưa tang, một quan: Bốn xét nhân lực, giang đăng, trác.

Năm trăm quan: Hành giả thiếp đường ty trình y, năm trăm quan: Hánh giả Dường ty xướng y.

Năm trăm quan: Niêm Cung Đầu thay nhau xướng giá y

Năm trăm quan: Thiếp cung Đầu xướng y.

Năm trăm quan: Cung đầu thâu y.

Năm trăm quan: Hành giả xướng thực.

Năm trăm quan: Thâu cốt.

Một quan: Bỏ tro vào hũ.

Một quan trực Tháp.

Cộng lại số tiền chi, hai trăm bảy mươi quan: Là bản chi phí, rút ra ba bảy quy về thường trụ. Chi một trăm ba mươi lăm quan (là tiền Phật sự).

Khai đủ trong hai mươi quan: Cầm đèn.

Mười quan: Cầm đuốc Phật sự.

Bốn mươi quan: Trấn khám khởi khám, lấy cốt, nhập tháp.

Hai mươi quan: Bốn thứ Phật sự niêm yết trên.

Ba mươi quan: Duy-na Phật sự sơn đầu.

Tri khách thị giả cầm trướng.

Mươi lăm quan: Ba thứ Phật sự niêm yết trên.

Cộng chi hành.

Chi mười lăm quan: Thủ tọa chủ táng, Đô tự áp táng. Duy-na chủ khánh, đều năm quan, cộng chung các chi hành trên.

Chi chín quan: Tri khách khai kinh, Thị giả cầm hương, mỗi vị ba quan. Thị giả Thánh tăng tăng thâu xương y bát hai quan. Trực tế giữ lửa một quan, cộng chung các chi hành trên.

Chi mười lăm quan: Lưỡng tự phương trượng thị giả Đường ty, sao đáp cổ y tạo đơn, ba lần điểm tâm, hai phần phương trượng. Tính chi phần của kiện trên. Chi hai mươi quan: Phương trượng Lưỡng tự liễm đơn, phương trượng hai phần, cộng chung các chi hành trên.

Chi bốn trăm bốn mươi bốn quan, năm trăm xu: Chi cho tiền các kinh, Quán âm đại sĩ, Thánh Tăng phương trượng hai phần. Tăng chúng bốn trăm quan. Mỗi vị một quan. Hành giả Đường ty tùy theo Tăng sấn ở giả và tạm đếnước có bảy mươi chín người, mỗi vị nửa phần, đều năm

trăm quan cộng chi hành.

Trừ các chi phí quản kiến năm trăm quan. (Thâu công dụng Đường Ty)

Trên đấy đầy đủ như trước.

Ngày, Tháng, năm.

Hành giả Đường ty.... Đầy đủ.

Cầm trướng.

Thị giả.

Mỗ giáp

Tri khách.

Mỗ giáp.

Trực tuế.

Tri tiện.

Điển tọa.

Tri dục.

Phó tự.

Tạng chủ.

Duy-na.

Tạng chủ.

Phó tự.

Thư ký.

Giám tự.

Thủ tọa.

Đô tự.

Thủ tọa.

Mỗ giáp (Lưỡng tự đều đồng)

Trụ trì, giáp. Lập bản sổ bộ, bởi xưa lập thành quy thức tức phải viết trên bản, là để biểu thị không thể dời đổi. Cho nên Tăng mất ở tòng lâm đều có bản trướng (Bản hộ tịch)

Khi Tăng mất, lấy tất cả y vật của vị này, đối trước chúng xướng giá để răn chứa tham. Xướng giá được tiền, tức chiếu theo bản chi thu. Ngoài việc chi dụng số tiền đó làm hai mươi mốt ngày, một phần chia quy về thường trụ (một trăm quan) thì lấy ba mươi quán, không đủ một trăm thì không rút phần, còn lại chia đều cho tăng chúng, tiền kinh một trăm thì Phật sự một quan, Phương trượng gấp đôi. Dùng một ngàn quan làm suất thì cứ nêu ra như trước, y theo đó thành cách thức nhiều thì Tăng lên, ít thì hạ xuống, lại lượng theo số chúng tùy nghi mà châm chước (Hoặc cần cựu có ruộng vườn, gạo lúa, phòng xá, giường ghế,

nên quy hết về thường trụ, nhưng lượng theo sự xướng y về số tiền bao nhiêu mà bày ra biểu sấn hằng ngày, tụng kinh, xem kinh, thêm tôn trà, nước nóng, các Phật sự chuyển khám cốt, v.v...

Chương đại chúng hết

CHƯƠNG THỨ TÁM: TIẾT LẠP

Tăng không dùng tuổi đời mà dùng tuổi hạ lạp để phân biệt khác thế tục. Bên Tây vực có ba thời, lấy một thời làm an cư, ra vào đều có cấm ngăn. Phàm khí thiền tụng, đi ngồi đều lấy việc thọ giới trước sau làm thứ lớp. Mà chế ra chín tuần bó buộc trong đạo, lấy ba tuần để doanh tạo các dụng cụ giúp thân, khiến cho trong ngoài đều nuôi dưỡng thân tâm an ổn. Phải khắc kỳ tiến tu, không xả bỏ chút thì giờ nào. Hộ tiếc thân mạng lại kiêm hạnh tu từ nhẫn, tôn chỉ vủa Thánh huấn muôn đời mãi tôn sùng. Mà đất đai bên năm xứ Thiên trúc rộng lớn, nóng lạnh mưa gió, khí hậu không đều. Cho nên kiết chế có khi lấy tháng tư, tháng năm, tháng mười hai, nhưng đều bắt đầu vào ngày mười sáu. Cái gọi là vũ an cư (an cư mà mưa). Nhân địa thì tùy thời, chỉ thích hợp an ổn là được, hoặc gọi là tọa hạ, hoặc gọi tọa lập. Nghĩa là giới lạp bắt đầu từ đây. Như nói nghiệm lạp người ngồi thiền trên băng. Nghiệm xét hạnh của người đó giống như băng trong sạch. Hoặc nói chôm người sáp dưới đất để nghiệm xem sự tu của họ thành khuyết ra sao? Loại dâm vu lời nói dùng thường chẳng phải là tương truyền dối trá sao? Vả lại, chỗ tu chứng Thánh của ta không thể thiếu sót há ngoại vật có thể đo lường sự tiến lùi được sao? Nay thiền lâm kiết chế là ngày rằm tháng tư, giải hạ là ngày rằm tháng bảy, nếu trước một ngày giảng về nghi thức hành lễ mà kỳ hạn trong đó được chuyên chí ở nơi đạo nên văn này chỉ nói lược. Cũng tùy theo phương tỳ-ni hoặc nghị tuân không đúng pháp mà không biết là đắc pháp ngoài ý.

Ở Trung Thổ lấy mùa đông là bắt đầu ngày một dương. Tuổi (năm) thì bắt đầu tháng tư âm. Sự vật lúc duy tâm thì nhân tình cũng vui theo. Lễ quý ở nơi sự đồng tục, hóa duyên cũng tùy nghi. Lấy kết giải mùa Đông thì năm làm bốn đại tiết. Xoay vần theo quy cách. Chỗ quán chiếu long tượng cao ngất, chủ khách xướng qua lại, lại nghe tiếng rống Sư tử. Lễ văn trật trật chẳng hưng thạnh hay sao?

Trước hạ xuất thảo đơn

Tòng lâm lấy ngày mùng một tháng ba làm xuất thảo đơn. Thấy

ở sau phương trượng có treo bảng, Đường ty y vào giới lạp mà viết số Tăng vào trước là để cho hành giả trình với Thủ tọa, kế đến trình với trụ trì treo hai hàng trước Tăng đường, bày đầy đủ bút nghiên trên bàn. Trong ba ngày, sau khi thọ trai đều đem ra, hoặc có sai lầm thì xin sửa đổi. Bởi phòng lúc đầu thượng sàng, nhất thời sợ có sai lầm, lại chúng phần nhiều có sự rời lạc, đem viết vào sổ bộ này trước phải thảo đơn đầy đủ. Mỗi người phải tự xem bổn danh giới phẩm cao thấp. Gần đây, người ưa thích sự đấu tranh ồn náo, thường cậy mạnh hiếp yếu, tranh hơn danh tự, thị phi đồ mạt lẫn nhau, huyên hoa làm nhiễu chúng, phạm thì bị đuổi, quả là có mạo danh vượt giới, chỉ nên bẩm thọ rõ ràng. Thủ tọa, Duy-na đều đặt ở chỗ trụ trì.

Nghị thức thảo đơn
Giới phẩm ghi mực đỏ.
Tên học ghi mực đen.
Giới lạp thanh chúng.
Giới Oai Âm Vương.
Tôn giả Trần-như.
Hòa-thượng đường đầu.
Chí nguyên mấy giới.
Nguyên Trịnh mấy giới.
Thượng tọa mỗ giáp.
Thượng tọa mỗ giáp.
Đại đức mấy giới.
Chí đại mấy giới.
Thượng tọa mỗ giáp,
Thượng tọa mỗ giáp.

Ở trên đầy đủ như trước, nếu có sai xót xin tự sửa cho đúng. Thật may mắn cho đại chúng. Nay là ngày ... tháng... Đường ty mỗ cụ. Người mới đến ghi tên điểm nhập vào liêu trà.

Người mới đến sau khi nhập liêu, y theo đó mà nạp vào liêu một số tiền bao nhiêu, hầu luân bài ở liêu nguyên, nên ở lại mấy ngày ghi tên lên thẻ bài điểm trà để báo cho chúng biết.

Sách chép: Hôm nay, Tỳ kheo mỗ giáp thoái liêu ghi chép ba người, sau người chín người làm đỏ.

Đều phải chuẩn bị đầy đủ hộp hương nhỏ, đầy đủ oai nghi, dự bị nêu chúng đứng hầu dưới giảng đường. Tuần trà đầu là đánh bản trước liêu chúng.

Chúng đến chào hỏi đón rước quay về vị trí đứng yên. Người châm

trà đi từng hàng thăm hỏi, chào xong, phân lò hương trên dưới, người đốt hương nhiều không quá chín người, đi từng ba người tiến đến trước rồi lui một bước. Khi chuyển thân phải nhìn rõ lò lửa phía sau. Từng hàng thưa hỏi tiến đến trước lò lửa xong thì bước lui đứng lại theo hàng. Đó chính là vái hương, đánh hai tiếng bản nhỏ trong liêu, hành trà đi khắp. Bình phải đi xuyên qua giảng đường. Vẫn như trước tiến lại thưa rồi lùi lại đứng vào hàng, thăm hỏi gọi là vái trà. Đánh một tiếng bảng nhỏ thâu ly, Đại chúng đứng dậy, liêu nguyên bưng là hương ra đốt tước người điểm trà, thay đại chúng nói lời cảm tạ trà. Mọi người đến chỗ đồng thời chấp tay cảm tạ. Liêu nguyên về lại vị trí, người châm trà lại đi từng hàng thưa hỏi.

Đánh ba tiếng bảng trước liêu, đại chúng cùng hòa-nam rồi giải tán.

Liêu nguyên theo lệnh của trà đầu mà thỉnh người châm trà đến dâng trà, đem trà đưa vào kết các liêu.

(Nguyên trong ngày, nương vào giới đầy đủ gọi là điểm giới lạp trà. Hành lễ đều đồng như trước).

Xuất đồ trướng.

(Biểu đồ hộ tịch)

Thảo đơn đã định. Đường ty y theo giới lạp mà viết biểu đồ Lăng-nghiêm, biểu đồ tuần đường niệm tụng, biểu đồ Bi vị, biểu đồ bát vị. (Nghi thức trước sau đều thấy) bia ghi giới lạp chỉ có biểu đồ bát vị, nên phân ra mười sáu bản (còn lại tùy theo Tăng đường lớn nhỏ, không câu nệ).

Trừ cần cựu thủ tọa đơn liêu ở Tây đường, ngoài đầu bản nêu ra, các việc khác đều y theo giới lạp. Người cũ thì y vào Mông đường mà sắp xếp phó bát. Sau nhân vì cạnh tranh nên không xếp nữa. Rồi y vào giới luật thứ lớp thảo bổn đầy đủ trình lên Thủ tọa, sau đó trình qua trụ trì xem xét định ra phương thức viết đồ biểu. Lại trình lên chánh bổn, chỉ có biểu đồ bát vị.

Tấm biểu đem dán sau cửa trước giảng đường.

CHÚNG LIÊU KẾT GIẢI RIÊNG VÌ CHÚNG ĐÃI NƯỚC SÔI.

(Phụ kiến tán Lăng-nghiêm)

Đầu tháng tư đợi chúng đến Phương trượng từ tạ việc đăng ký xong. Đồ trướng của Đường ty đã xong, Liêu nguyên y theo giới mà bày kinh vào hợp, biểu đồ. Trà nóng thăm hỏi, bia ghi giới lạp thanh

chúng.

Khi nhập liêu theo thứ lớp ghi thẻ bài để cạo tóc, trong hạ đem bình trà nóng rót ra chén mời (Huynh đệ hết duyên tùy ý ghi tên)

Bản đồ về đại chúng khi thành thì kính lễ, cùng ra khỏi giảng đường.

Sau ngọ ngày mười hai, hành giả Đường ty cùng trụ trì lưỡng tự báo cho chúng các liêu treo bảng tụng kinh. Liêu nguyên quét dọn, chúng liêu dự bị đầy đủ sau khi trạng kiến, dán ở gian dưới trước liêu, thỉnh tôn chúng cả liêu, đặc biệt đem trà nóng bày ra chiếu, đặt trước Quán âm thiết lễ cúng dường. Khoảng giữa trên dưới lập đài đốt hương, thắp đuốc. Liêu nguyên dự bị nấu nước đưa đến Phương trương, và bảo trà đầu phân đến các liêu, cùng đánh bản nhỏ trong liêu. Trước giảng, tiểu tọa thang cũng lập chiếu bài. Đặc biệt vì liêu chủ phó liêu tụng Lăng-nghiêm, người ở hàng đầu đem bình trà đi mời thỉnh trưởng liêu quang bạn vác rồi ngồi, cùng đốt hương vái hương, quay về chỗ ngồi dùng nước nóng xong, mời đánh bản mời Thủ liêu và đại chúng vào ngồi. Thỉnh Duy-na, Thị giả, Quang bạn cùng liêu nguyên phân ra thứ vị, liêu Trưởng đứng đối diện, đại chúng y vào giới chia làm bốn bàn vị, liêu chủ, liêu phó chia bán hành lễ, đều đi tuần thăm hỏi. Khi nhập tọa vái tọa, đốt hương vái hương, đánh hai tiếng bảng trong nội liêu, rót nước nóng mời mọi người, lại đánh một tiếng bản thâu ly tách. Xong liêu trưởng đưa lò hương ra trước, tạ ơn nước nóng. Đánh ba tiếng bản trước rồi trở về chỗ ngồi. Lưỡng tự đi vào liêu, các vị thủ tọa cùng đốt hương rồi quay về vị trí. Liêu nguyên đứng lên phải ngoài cửa, đón rước Trụ trì vào đốt hương, liêu nguyên đứng ở cuối bạn Tây tự, bước ra đốt hương lễ lạy và tụng chú Lăng-nghiêm, hồi hướng xong, liêu nguyên đưa Trụ trì trở ra, ngày mười hai tháng bảy cũng lễ đồng như vậy.

Trạng thức

Tỳ-kheo thủ liêu là mỗ giáp, bên phải mỗ khải lấy, chiều nay đến liêu nấu nước xong, một trung đặc biệt, tôn chúng cả liêu liêu tinh, nghi thức mỗ chế kính mong, đại chúng từ bi đồng dũ lòng:

Quang giáng kính trạng. nay ngày... tháng... Tỳ kheo giữ liêu là mỗ trạng, khả lậu

Tử trạng thỉnh, tôn chúng cả liêu, Thiền sư Tỳ kheo giữ liêu mỗ, kính trạng.

(Hình vẽ)

<table>
<tr><td>Bản đầu bất phân</td><td colspan="2">Mười sáu bản đầu bát vị</td><td rowspan="10">Thất đa địa chúng Thất đại chúng Thất đại chúng</td></tr>
<tr><td rowspan="7">Đại chúng
Đại chúng
Đại chúng</td><td>Đại chúng lập tăng</td><td>Hậu đường Đại chúng</td></tr>
<tr><td>Đại chúng mười hai</td><td>Đại chúng mười một</td></tr>
<tr><td>Đại chúng mười sáu</td><td>Đại chúng mười lăm</td></tr>
<tr><td>Đại chúng mười bốn</td><td>Đại chúng mười ba</td></tr>
<tr><td>Đại chúng mười</td><td>Đại chúng chín</td></tr>
<tr><td>Minh đường</td><td>Minh đường</td></tr>
<tr><td>Tạm các các liêu tri tri tri đến tháp am Nguyên điệu dục khách</td><td>Tri Duy Thị Thị Thị Thị Thị sự na giã giã giã giã giã</td></tr>
<tr><td></td><td>Đài</td><td>Đài</td></tr>
<tr><td></td><td>Tạm Tạm
đến đến</td><td>Tạm Tạm
đến đến</td></tr>
</table>

Hội Lăng-nghiêm

Ngày 13 tháng tư bắt đầu khải kiến, sau khi Đường ty dự chiếu viết biểu đồ giới lạp cho đại chúng vào ngày tắm Phật, các đồ trướng này đều được bày trước điện, thỉnh thư ký viết lời sớ. Duy-na trước lựa người có âm thanh đứng đầu xướng Lăng-nghiêm, dẫn đến phương trượng khố ty thưa hỏi.

Đều thỉnh điểm tâm. Duy-na Quang bạn đến viết kệ hồi hướng: (sau khi thấy kệ, thật hiểu rõ quy chế của Thiền sư).

Thiếp treo trên trụ hai bên trái hữu của điện. Có chỗ thấy khắc bia thì treo bia hành giả Đường ty đêm trước đã báo với chúng rằng: Sáng sớm sau khi dùng cháo xong, các vị oai nghi đến đại điện khải kiến phúng kinh hội Lăng-nghiêm.

Rồi đi đến các liêu trao bản tụng kinh. Hôm sau khi dùng cháo xong lên điện bày biện các thư xong. Báo với lưỡng tự, kế báo với trụ trì, tự đánh bản trước liêu chúng. Tuần tự đi khắp nơi kêu.

Phương trượng đánh bản, Trụ trì bước ra đánh ba tiếng bản lớn tại khố đường (nhà kho), đánh chuông lớn tại chánh điện và Tăng đường. Trụ trì đến trước Phật đốt hương cúng trà nóng xong quay về Duy-na chào trụ trì lưỡng tự xuất ban đốt hương. (đại chúng không lạy theo quy cách cũ mà theo cận thời). Nghĩa là đại chúng đồng lạy ba lạy trụ trì quỳ trước lò hương. Ngày vía Thánh Phật đản sanh cũng lạy như vậy, không biết noi theo là gì. Vốn chỉ có đại chúng lạy và trụ trì quỳ lò hương, đọc sớ chúc Thánh thọ và báo ân Phật. Do đó phải nghiêm lễ để biểu thị đắc trọng. Hội Lăng-nghiêm được an cư. Đối với lễ có thể sát, nếu không thì từ cựu được chấp nhận.

Bạch Phật tuyên sớ xong bắt đầu xướng Lăng-nghiêm, chúng tụng hòa theo, vẫn xướng tiếng Phạm xướng niệm kinh xong thì tụng chú. Chú xong tụng Ma-ha, chúng hòa theo. Duy-na hồi hướng rằng: Công đức phúng kinh, trên đây hồi hươmg thật tế chân như trang nghiêm vô thượngPhật quả Bồ-đề, bốn ân đều báo, ba cõi đều giúp, pháp giới hữu tình, đồng viên chủng chí tất cả mười phương ba đời, v.v...

Sau khi tiểu thức xong, đơi chúng đắp y. Hành giả Đường ty thưa lưỡng tự, kế đến thưa trụ trì, sau đó đi tuần hành lang đánh ba tiếng bản. Trụ trì bước ra thì đánh ba tiếng bản không ra thì không đánh, Đánh chuông ở Tăng đường bảo điện, không đánh đại chung, nhóm chúng tụng chú Lăng-nghiêm đầu xướng kệ hồi hướng khắp. Đại chúng đồng thanh niệm. Nếu gặp mùng một, ngày rằm thì chúc lễ Thánh thọ, Duy-na hồi hương đến bảy ngày.

(Ngày 13 cùng tán lễ, chỉ có vị Lăng-nghiêm đầu, xướng niệm chú ở phần cuối. Duy-na hồi hướng rồi giải tán.

Kệ hồi hướng khắp:

Tạm dịch:

Chúng Tỳ-kheo hiện tiền trên đây
Phúng tụng chú bí mật Lăng-nghiêm
Hồi hướng chúng trời rồng hộ pháp
Thổ địa già-lam và các Thánh
Ba đường tám nạn đều lìa khổ
Bốn ân ba cõi đều đượm ân.
Quốc gia an ổn tan chiến tranh
Gió mưa hòa thuận dân an vui
Đại chúng huân tu mong thăng tiến
Vượt lên Thập địa không nạn sự
Sơn môn yên tịnh, không kẻ ngu
Đăn tìn quy y thêm phước tuệ
Tất cả Phật mười phương ba đời.
Tất cả Bồ-tát Ma-ha tát
Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật.

Lời Sớ (khải kiến): Vàng do tinh luyện nhọn mà chẳng bén. Gương được lau chùi thì toả sáng không mờ. Bậc tiên Thánh biết cản cơ cao thấp, vì chúng sanh mà phá hoặc nhơ nhiểm. Ma-đăng-già vui mừng, diệu hiệp ninh quyền. Thế tôn, Văn-thù đặc biệt làm sáng tỏ khuôn phép hóa độ, mở rộng giáo quán một đời thì hữu quán giáo hữu, bày mật nhân tu chứng mà vô tu vô chứng. Thấy rõ chân kiến mà dứt các trần, Hoa đốm không có đài.

Ở chỗ chánh định để chế ngăn quần động.

Ngăn nước không sóng, nhìn lại làm sao biết dòng dõi cuối,

Tụng vi ngôn mà tự răn nhắc.

Phục nguyện rút ngắn hằng hà sa kiếp thành một niệm, trường kỳ vô gián, hội mười phương cõi nước để đồng cư, đều thành Chánh giác.

Nhìn vườn rừng này còn rõ ràng, kỳ hoàn tịnh xá hiện tiền hải chúng nghiễn nhiên, một hội Linh sơn, bao gồm Đại Thiên trong hạt bụi.

Dung ba đời trong đương niệm
Thuộc tự tứ vào lúc thôi hạ
Vô phạm thì không trì
Gồm muôn tượng để giáo tham

Ai phàm ai Thánh
Người người Diệu giác
Cõi cõi Tỳ-lô
Thị hiện trăm ngàn ức thân,
Siêu vượt năm mươi bảy vị
Dùng chỉ dụ chỉ mà không chỉ
Chỉ cũng đều mất.
Tợ không, chứa không mà hợp không
Không có thể hướng
Vì thương xót kẻ ấu trĩ,
Đặc biệt khích lệ, người ngu muội
Niêm vâng theo di giáo để thọ trì,
Nhờ an cư vô chướng
Phục nguyện, xa-ma vắng lặng,
Đầy đủ các cửa trần lao
Đại dụng phồn hưng,
Đều nhập định Thủ-lăng-nghiêm.

Bia giới lạp

Đường ty, Thị ty chúng liêu dự bị y vào giới lạp để viết ra. Đến sau ngọ ngày 14. bia Đường ty bày ở gian trên của Tăng đường. Bia Thị ty bảy gian dưới của pháp đường. Bia chúng liêu nêu ở trong liệu, đều chuẩn bị bàn hương đèn đuốc cúng dường, đại chúng thấp hương lễ lạy, sau đó các nơi gỡ bia đem đi.

Tiểu tọa nước nóng ở Phương trượng. Bốn tiết giảng hành xét cổ thì có ba tọa thang (ngồi uống nước nóng).

Tọa thứ nhất chia làm hai xuất, đặc biệt là ở Đông đường, Tây đường thinh Thủ tọa. Quang bạn tòa thứ hai chia làm bốn xuất, đầu thủ một xuất, Tri sự hai xuất, Tây tự cần cựu ba xuất, Đông tự cần cựu bốn xuất, Tây Đường Quang Bạn là tọa vị thứ ba, phần nhiều là sáu xuất. Bổn sơn làm việc các nơi làm việc, tùy chức cao thấp phân tọa, chức đồng là kế đó. Thủ tọa quang bạn Thị ty chuẩn bị đầy đủ thảo đồ.

Trình cho Phương trượng bàn định, đến ngày thì y theo danh thư mà chiếu bia. Sau giờ ngọ bày đủ bàn khăn, làm một, hai, ba tòa, để ở gian dưới của Tâm đường (nhà nghỉ) ở trước Đông tây đường, Thủ tọa đường, Đô tự đều thỉnh khách thị giả. Các nơi đều đến các liêu lễ lạy thỉnh mời. Thỉnh Hòa-thượng Đường đầu chiều nay đến Tâm Đường, đặc biệt dâng nước nóng. Vị Đầu thủ khác thì biện sự về danh thắng, Phương trượng khách đầu hành giả thỉnh mời v.v... Hòa-thượng phương

trượng tham thỉnh trước đến tẩm đường, đặc biệt dâng trà nóng. Nơi tẩm đường có treo bài vị, đốt đèn thắp hương xong. Hành giả khách đầu mời thị giả, kế báo với Phương trượng đánh trống, khách nhóm trung ở tòa đầu, được thị giả tiếp rước đến trước Trụ trì thưa hỏi, y theo chiếu bài mà lập định nhập vị, thị giả đốt hương thỉnh thị giả khách, đặc biệt vì người trước. Tuần tự thăm hỏi mời ngồi rồi trở về chỗ. Thị giả đốt hương thì tiến về trước đốt hương, rồi quay về vị trí và mời thị giả khách tuần tựu thăm hỏi thắp hương. Khi nghe tiếng bản thì tuần tự đi khắp mời nước nóng, thị giả thắp hương tiến lên đốt hương cho Quang Bạn, nghe một tiếng bản thì thâu ly tách, năm tiếng bản thì lui về chỗ ngồi. Tam tọa hành lễ cũng đồng như vậy.

Chốn tòng lâm lấy việc dang trà nóng làm lễ lớn. Gần đây phần nhiều vì tranh chấp vị trí cao thấp mà không còn thỉnh nữa. Trụ trì ra sức thực hành, lão thành giang hồ cũng ra sức làm theo, để cho người sao biết mà cẩn trọng. Tiểu đệ chủ, một đệ chủ, ba một đệ chủ, ba năm một tọa, một hai ba Đồ tọa bạn, hai tọa bạn, bốn hai tọa bạn, bốn sáu hai.

Bốn Tiết Niệm Tụng Ở Thổ Địa Đường (Nhà Thổ Địa)

Hễ gặp ngày vía, thì sau giờ ngọ vào ngày mồng một nên trang nghiêm thiết lễ cúng dường ở Thổ địa đường. Bày bàn hương án đèn nhang, lò hương. Hành giả đường ty báo cho chúng treo bản niệm tụng. Đánh bản tuần tự theo hành lang, chúng nhóm chung đứng đối diện trụ trì đến trước tổ đường, kế đến đốt hương ba lạy ở đại diện. Đánh ba tiếng bảng rồi đóng hồng chung, Trụ trì đốt hương rồi quay về vị trí.

(Đại chúng quay đầu về phía Trụ trì chắp tay tiếp rước, thị giả theo sau, nên chắp tay mà đi qua.

Đốt hương trở về chỗ, Hành giả đánh bạt, Duy-na xuất ban thượng hương xong, niệm tụng hồi hương. (Xem ở sau).

Bốn tiết niệm tụng hồi hương.

Thiết vì, gió huân thổi đến thôn dã, lửa đốt đến ty phường này, nên Pháp Vương cấm túc hộ sanh cho Thích tử. Cung thỉnh đại chúng đến chỗ linh từ, tụng trì hồng danh muôn đức. Hồi hướng cho hiệp đường Chân tể, cầu nguyện che chở an cư, kính mong đại chúng đồng niệm...

Thiết vì, gió kim thổi thôn dã bạch đế ty phương, nên Giác hoàng giải chế, pháp tuế chu viên. chín tuần vô nạn, cả chúng đều an. Tụng trì hồng danh muôn đức, nghinh đáp hợp đường Chân tể, kính mong đại chúng niệm, v.v...

Thiết vì, thời gặp năm xấu mưa gió thất thường, nên khi ánh dương đến thì muôn loài phát sanh. Cung nghinh đại chúng tề tựu đến linh từ,

tụng trì hồng danh muôn đức, hồi hộp hương đường Chân tể. Ngưỡng mong đại chúng niệm, v.v...

Thiết vì, hòa công ngầm xoay vần tuế lịch gọi là khắp, cùng vui an bốn chữ, sẽ khải mừng ba dương. Cung nghinh đại chúng đến linh từ túng tri hồng danh muôn đức hồi hướng hợp đường Chân tể. Kính mong đại chúng niệm , v.v...

Công đức niệm tụng trên đây hồi hương đương sơn thổ địa, các vi hộ thần già-lam, hợp đường Chân tể.

Kính mong thần lực hiệp tán, phát huy lợi lạc.

Phạm uyển siêu tát, mãi vui vô tư, lại lao nhọc tôn chúng niệm tất cả mười phương ba đời,v.v... bốn tiết đều đồng.

Tứ tiết khố ty đặc biệt vì thủ tọa đại chúng đâng nước nóng.

Niệm tụng xong thì đến Tăng đường giảng lễ, Đô tự chuẩn bị thọ trai xong thì có bản nước nóng, thấy ở sau. Tức khiến cho hành giả Khách đầu chuẩn bị khăn gói, lò hương, mọi người đến trước, Thủ tọa niệm hương lạy một lạy, thưa rằng: Tối nay đến Vân đường, đắc biệt vì Thủ tọa đại chúng dâng trà nóng, kính mong các vị từ bi đặc biệt quang giáng.

Rồi trình lên với Thủ tọa tùy theo bổn liêu, Trà đầu thứ lớp giáo cho Cung đầu. Dán ở gian dưới trước Tăng đường. Khố ty, Khánh đầu báo theo rằng: Bái thỉnh nước nóng xong đến chỗ dùng bữa chiếu.

Đô tự mang hương đến chỗ phương trượng lạy một lạy và thỉnh: Tối nay đến vân đường, đặc biệt châm trà nóng cho Thủ tọa đại chúng, kính mong Hòa-thượng từ bi nạp thọ.

Khi phân phó cho khách đầu, thỉnh các liêu cần cựu Mông đường đều mang bản châm nước nóng. Thỉnh rồi bày chiếu bài ở trước Tăng đường, mời Thủ tọa và các trụ trì ngồi đối diện đại, chúng ngồi ở khoảng trên dưới. Sai hành giả chuyên trực để tiếp đãi người.

Niệm tụng xong, liền đánh một hồi trống thọ trai, đại chúng trở về chỗ bát. Một ban Đầu thủ đến trước bản. Đô tự đi vào vái thủ tọa trở lui, Thủ tọa theo đưa rồi quay trở lại. Sau đó theo sau Thánh Tăng, ra ngoài giảng đường rước trụ trì vào tăng đường. Cung đầu đánh bảy tiếng trước giảng đường, đưa trụ trì nhập vị, đến ngồi trước chỗ tọa vị, vẫn như trước xuất từ bản Thủ tọa. Đứng dậy đi tuần theo giảng đường một vòng. Khoảng trên dưới ngoài giảng đường, trở về đứng trong giảng đường thăm hỏi chúng tọa, tiến tới trước thấp hương. Kế từ đường bên ngoài của hai gian trên dưới trở về chỗ hương hộp an nguyên. Trụ trì liền thăm hỏi các vị ấy. Ở trên nói thăm hỏi trước Trụ trì, vẫn đi tuần

thăm hỏi một vòng, và từ bên ngoài đường trở vào trong đường thăm hỏi rồi đứng một bên, đánh hai tiếng chuông trước giảng đường lại mời trà nóng cho Trụ trì và mọi người. Kế là hành đại chúng nước nóng khắp từ trong bình ra, Trụ trì đặc biệt thăm hỏi mọi người. Trên là nêu trước Thánh tăng, lạy ba lạy, vẫn đi quanh thiền đường một vòng, ra ngoài đường đi tuần xong. Dẫn mọi người vào trước mặt trụ trì hành lạy ba lạy, ban đầu bày rằng, hôm nay nước nóng thô, đặc biệt tắm gội, từ bi giáng trọng. Hạ tình không ngăn nổi cảm kích. Lại bày rằng: Ngay hôm nay là lúc khiến cẩn trọng, cúi mong Hòa-thượng đường đầu tôn hầu đi ở nhiều phước. Lùi lại xúc lạy ba lạy xong, chuyển thân dẫn từ sau Thánh tăng mà chuyển, bên phải ra khỏi đứng trước giảng đường, vị Thủ tọa tùy theo sự tiếp xúc mà lạy một lạy để tạ ơn dùng nước nóng, lại từ gian trên nhập vào vị đặc biệt Đô tự lại trở vào trong thắp hương (là cơm chiều), và thoái lui.

Hành giả Đường Ty nói rằng: Thỉnh đại chúng hạ bát. Hành giả tiến chỗ Trụ trì, đặc biệt vì người, đại chúng mở bát (Đầu thủ không hạ bát, Khố ty chuẩn bị đưa bát. Hành thực cơm chiều xong, đánh ba tiếng bản thoái tọa, Phương trượng dự bị treo bảng miễn nhân sự nói rằng: Vào ngày vía mỗ cùng ngày nhân sự lên pháp đường, miễn dến phương trượng, cúi mong chúng đều trụ núi mỗ, kính bạch gian trên Tăng đường, không đánh chuông phóng tham,đều xuất cứ từ thương khúc y, đến bản đều lễ bái, bốn tiết đều đồng, chỉ có mùa Đông dùng nước nóng xong mới dùng cơm chiều.

Bảng nước nóng.

Khố ty tối nay đến Vân đường dùng nước nóng đặc biệt vì đại chúng Thủ tọa. Đây là nghi thời tiết liêu tộc. Phục vọng cúi mong đại chúng từ bi đồng thùy từ quang giáng, hôm nay Tỳ-kheo khô ty là mỗ, v.v... kính bạch

Kết chế lễ nghi (phần kết nói về chế lễ nghi).

Đến năm ngày cùng lưỡng tự đại tiểu cần cựu, làm việc giang hồ, hương khúc pháp quyến tiểu sư cùng đến phương trượng niệm hương tiến lễ, nếu thấy trước Tăng đường có bảng miễn nhân sự thì không cần đến. Thị giả đến Phương trượng sai hành giả báo chúng treo bia ở thượng đường.

Tiểu thực xong, trụ trì nói pháp, sau nói rõ hành lễ trước sau như sau: Hạ tọa trước cùng nhân sự Tây đường lạy một lạy. Kế là cùng nhân sự đại chúng Thủ tọa cả hai cùng lạy ba lạy. Tri sự trước quay về khố ty, thủ tọa dẫn đại chúng đến khố ty. Nhân sự cùng lạy ba lạy. Thủ tọa

quay về Tăng đường ở gian phía trước. Ở hậu đường thông lãnh đại chúng quay về gian dưới ở Tăng đường cùng nhân sự thủ tọa xúc lạy tam lạy xong, y vào niêm lập biểu đồ phúng tụng. Thủ tọa lãnh chúng, tuần tự đi vào giảng đường đứng yên. Thủ tọa rời chỗ đến trước Thánh Tăng thấp hương lạy ba lạy, đi tuần đường một vòng rồi trở lại, hành giả thưa rằng: Thủ tọa lễ tạ đại chúng, cùng xúc lạy ba lạy, tuần đường một vòng, cho đến bài vị bản đầu của Thánh Tăng. Hành giả nói rằng: Tri sự lễ tạ đại chúng, xúc lạy tam lạy không ra ngoài giảng đường. Trụ trì đi vào thiền đường đốt hương đại lễ ba lạy tuần đường một vòng rồi quay về; Hành giả nói rằng: Hòa-thượng đường đầu cùng nhân sự đại chúng cùng xúc lạy ba lạy. Lại nói rằng: Đại chúng phổ đồng tác lễ xúc ba lạy, thứ lớp đi tuần liêu.

Hành giả hạ tọa tức lập bàn đốt hương án viết một chữ bài lên đó.

Xong đến Tây Dương tiến lại nhân sự, kế Tri sự đến cắm hương. Đầu tiên nói rằng: Lần an cư này được phụng khăn bình chỉ nương pháp lực giúp giữ nguyện không nạn sự.

Lại bày rằng: Vào ngày đầu hạ chỉ thời cung duy Hòa-thượng đường đầu tôn hầu đi ở nhiều phước.

Thoái lui cùng lễ ba lạy Trụ trì đáp một lạy. Kế là Thủ tọa lãnh chúng cùng đến nguyện hương. Cần cựu các liêu đều theo sau lần lượt niệm hương, đại chúng trở về, trụ trì ngồi xếp bằng. Thị giả tiểu sư nguyện hương lễ lạy. Kế là hành giả cùng cắm hương lễ lạy. Tiếp theo Tác đầu đưa các vị lão lang thẳng đến sảnh đường tham lạy. Thủ tọa lãnh chúng đến chỗ nhân sự khốty xúc lạy ba lạy. Thủ tọa hậu đường lãnh chúng quay về gian dưới tiền đường lập định. Thủ tọa tiền đường ở gian trên, hành giả Đường ty nói rằng: (Đại chúng cùng thủ tọa nhân sự) cùng đối xúc ba lạy.

Y vào biểu đồ mà lập tụng niệm, thủ tọa lãnh chúng đi tuần khắp nội đường rồi quay về. Thị giả tạm đi tuần nữa giảng đường. Thị giả đứng sau khám của Thánh Tăng. Thủ tọa rời chỗ đến chỗ Thánh Tăng đốt hương, lạy ba lạy rồi đi tuần một vòng. Lại vị nói rằng: Thủ tọa lễ tạ đại chúng, cùng đối xúc lạy ba lạy. Tri sự đi vào đốt hương lễ lạy tuần đường, xong bày bảng đầu ở chỗ Thánh Tăng nói rằng:

Tri sự lạy ba lạy xong không ra khỏi giảng đường, Trụ trì đi vào đốt hương lễ lạy tuần đưởng rồi quay về chỗ.

(Tiểu sư nên tránh, bước ra phía sau cửa giảng lễ xong trở lại vị trí rót trà).

Yết rằng: (Hòa thượng đường đầu cùng nhân sự đại chúng)

Cùng xúc lạy ba lạy, nói rằng:

Đại chúng cùng chung làm lễ.

Rồi xúc lạy ba lạy.

(Theo quy tắc cũ, tri sự sau khi ra khỏi giảng đường thì trụ trì bước vào, chưa hề đáp lễ được tri sự, vì lễ không đâu không đáp lại.

Gần đây Hòa-thượng Hy Tẩu, Hòa-thượng Nhất Sơn đều giảng hành như thế.

Tri sự thoái lui ra ngoài thiền đường, thị giả đi theo sau. Đại chúng cùng ngồi, thị giả bước vào thưa hỏi chào ngồi. Tiến vào bên trong lò hương. Mùi hộp hương với chỗ an nguyên. Khi trở lại bước vào trong thưa hỏi, xong quay về vị trí. Đánh hai tiếng chuông. Người hành trà đi châm các bình trà và thưa hỏi như trước. Đánh ba tiếng chuông giải tán bước ra. Trụ trì theo thứ lớp tuần liêu. Các liêu nghiêm lập bàn hương ghế ngồi, đứng ngoài cửa hầu vị trụ trì. Đi tuần từ đông lang của liêu thứ nhất, đi qua bàn hương trước các liêu. Thủ liêu đồng niệm hương với chúng rằng: Hôm nay lễ lạy chúc mừng lại tấm gội giáng trọng.

Niêm hương rằng: Hôm nay lễ hạ, chuyên tâm chí tạ. Tất cả đưa trụ trì đi vài bước lại đứng bên phải bàn hương, chắp tay thưa hỏi đợi chúng đi hết, rồi đi vào hàng cuối cùng. Chúng các liêu đi tuần phía sau, đến trên pháp đường trụ trì đứng trong bàn hương. Đại chúng ba người dẫn một, thưa hỏi bước qua. Đi tuần đến đứng bên bàn hương của bổn liêu, các vị y vào thứ lớp chắp tay đứng yên. Đi tuần xong các nơi thì giải tán, Bốn mùa đều như vậy.

Bốn mùa cầm phất

Lúc Trụ trì tiểu tham thì bạch: Đến sáng khi thọ trai xong thì thoái lui, phiền các vị Duy-na, thị giả đô tự, cùng đến chỗ Thủ tọa lau quét bia, mỗi nơi đều lạy thỉnh, đến tối thì vì đại chúng cầm phất quét dọn.

Hôm sau khi thọ trai xong thì trở ra thắp hương, thị giả dẫn các vị khách đầu, Hành giả, Độ Tự, Duy-na... cùng đến các liêu, thắp hương lạy một lạy, thưa rằng: Hòa-thượng phương trượng có từ chỉ, khiến các nơi đến lau chùi bia, chuyên lạy thỉnh này, tối nay vì đại chúng cầm phất. Mỗi mỗi thỉnh xong, Thủ tọa y cứ đồng thọ thỉnh. Đầu thủ đưa cho hành giả chủ trượng việc quét bia. Mọi người theo đến phương trượng bẩm từ. Trụ trì hết lời khuyến thỉnh rồi tiễn ra. Thủ tọa xoay mình nói rằng: Tôn mạng đã nghiêm thì không được từ khước, xin mượn pháp tòa cúi mong từ bi, xưa nay cầm phất trần nhiều lập tòa riêng. Nay tu tập là thường, hậu côn không hiểu biết. Kế đến chỗ thị giả đốt hương, mượn

trống pháp người cầm phất khiến hành giả trà đầu, thỉnh thị giả thiền khách Thánh Tăng, đốt hương dâng trà xong rồi bạch rằng:

Tối nay bỉnh phất xin phiền thị giả thắp hương thăm hỏi thiền khách.

Lại bảo hành giả treo bảng bỉnh phất trước Tăng đường. Phương trượng thỉnh người bỉnh Phất dược thạch, miễn đến đưa tiễn hành giả Đường ty bày biện pháp tòa, bên tay trái bày lưới võng.

Lập chỗ cho trụ trì. Lúc chuông chiều thì hành giả mời người bỉnh pháp, kế đến mời người bỉnh pháp, kế là mời trụ trì đánh một hồi trống nhóm chúng. Đồng với lễ tiểu tham, Trụ trì trở về đứng yên. Đô tự, Duy-na, Thị giả cùng qua trước người bỉnh phất thưa hỏi. Người cầm phất thường đến trước Trụ trì thăm hỏi, kế là thăm hỏi Tri sự đi đến cuối hàng rồi đến đồng ban, thăm hỏi, cũng đi tuần đến cuối ban, liền giơ tay, thăm hỏi khắp đại chúng, xong lên tòa ngồi yên.

Thị giả cầm phất và thị giả phương trượng cùng bước xuống tòa thăm hỏi lưỡng tự Tây đường thứ lớp thăm hỏi. Trụ trì hỏi thăm người cầm phất rồi trở lại tòa và nói - thị giả đến thỉnh Hòa-thượng đường đầu ngồi kiết già.

Thị giả cầm đuốc đến trước vị Trụ trì thưa hỏi, rồi lên tòa thắp hương, xong lui về chỗ. Người cầm đuốc thưa hỏi giải đáp trình bày giềng mối và từ tạ phương trượng cùng lưỡng tự cần cựu, đại chúng các liêu xong thì nêu công án tiểu tham của Phương trượng, hoặc niêm hoặc Tụng, xong thì bước xuống tòa. Trụ trì tiến đến thăm hỏi rồi trở về chỗ cũ, kế đó người cầm phất lễ đồng như trước. Bỉnh phất xong, khách đầu phương trượng xướng thỉnh dùng trà như lúc tiểu tham. Người bỉnh phất liền ôm hương đồng đến chỗ phương trượng bái tạ và cùng ngồi dùng trà nóng trái cây.

Hôm sau, phương trượng thỉnh dùng trà như Đô Tự sắm sửa trai diêm cùng thỉnh trà, điểm tâm nửa thời. Ngày khác lại thượng đường từ tạ quan đãi. Hoặc thỉnh lập bản ở Tây đường, bỉnh phất vào đêm thứ hai, lúc trụ trì tiểu tham có vài lời khuyến thỉnh nêu lên, tùy ý niệm tụng công án lần lượt kích dương con đường này, gần đây lại noi theo tập tục rườm rà làm cho người chán nghe, thủ tiêu sự hiểu biết. Bởi bỉnh phất là dùng pháp để thí, nếu vâng theo nghi này chỉ là nêu danh chung, hoặc lược qua là đủ.

Phượng trượng vì Thủ tọa đại chúng mời trà trong tứ tiết.

Sau khi dùng tiểu thực, thị giả thỉnh khách sau khi nhìn thấy bản tả trà thì bày đủ đèn đuốc nhang dầu và đến liêu đốt nhang, đảnh lễ thỉnh

rằng: Thỉnh Hòa-thượng đường đầu sau khi dùng cháo sáng nay, đến điểm trà ở Vân đường, kính mong Hòa-thượng từ bi hứa khả.

Dán bản trình nạp ở gian trên của tăng đường, hành giả khách đầu thỉnh các vị thủ liêu và Tri sự, Quang Ban mang bia điển trà. Đánh bảng lớn thị giả thỉnh khách vào Tăng đường, thắp một nén hương cho Thánh Tăng, lạy ba lạy, rồi tuần đường một vòng, thăm hỏi rồi trở về. Nghĩa là đi tuần đường thỉnh trà trước Tăng đường bầy ra chiếu bài. Thủ tọa cùng Trụ trì đối diện. Thượng thủ Tri sự cùng trụ trì tạo vị duy- na kế đó. Tri sự được mọi người phân thứ ngôi vị rồi đánh chuông nhóm chúng. Thị giả đốt hương hành lễ, thủ tọa thì tạ ơn Trụ trì mời trà. Cả hai bên cùng lạy ba lạy. Đầu tiên nói: Đây là bữa tiệc trà đặc biệt, hạ tình không ngăn nổi cảm kính.

Lại bày rằng: Hôm nay là cung duy, Hòa-thượng đường đầu đi ở nhiều phước.

Thoái lui đảnh lễ ba lạy, Trụ trì đều một lạy, y cứ đó mà dừng, đến khi xúc lễ thì đáp một lạy. Thủ tọa đi từ phía sau bên phải Thánh Tăng mà ra. Trụ trì đưa rồi trở về. Thị giả thắp hương, đánh chuông, thâu bát, đánh trống rồi trở về chỗ ngồi cũng đồng như thế. Thủ tọa trước đến Pháp đường, đợi Trụ trì lạy ta, miễn thì thăm hỏi.

Bảng thức

Sáng nay Hòa-thượng đường đầu sáng khi tiểu thực liền đến vân đường uống trà. Thủ tọa đặc biệt vì đại chúng liêu tộc mà cung thỉnh theo nghi thức, các vị Tri sự đồng thùy quang giáng hạ.

Khố ty đặc biệt vì thủ tọa, đại chúng mời trà trong tứ tiết

Hôm sau gặp ngày vía, sau khi dùng cháo, khố ty có bảng trà. (đồng với nước nóng), thỉnh trà báo cho chúng treo bảng.

Đánh hồi bảng dài, đi vào Tăng đường thỉnh trà đồng với thi giả, thọ trai xong thì bày chiếu bài, đánh trống nhóm chúng.

Vái tọa vái hương vái trà, đi tuần đường thăm hỏi, Trụ trì đến trước từ đường làm lễ, đồng với lễ nước nóng.

Tiền đường tứ tiết đặc biệt vì đại chúng hậu ở đường mời trà.

Ngày thứ ba gặp ngày vía Thủ tọa bày đầy đủ tiệc trà đến hậu đường thủ tọa các liêu và đến phương trượng thỉnh trà giảng hành, lễ nghi, ngày thứ tư cùng khố ty thỉnh trà, chỉ thiết lập thêm vị thứ Tri sự.

Trà trạng

Thủ tọa tiền đường là Tỳ-kheo mỗ sáng nay dùng cơm xong đến Vân đường dùng điểm tâm trà. Thủ tọa hậu đường đại chúng theo nghi tiết liêu tộc mời thỉnh các Tri sự cùng đến ngày... tháng... này đủ vị mỗ

trạng, khả lậu tử, trạng thỉnh, Hậu đường thủ tọa đại chúng, đủ vị, kính phong.

Tuần đường trà vào mùng một, ngày rằm.

Trụ trì lên giảng đường nói pháp xong, bạch rằng xuống tòa tuần đường dùng trà: Đại chúng đến Tăng đường trước, nương vào đồ biểu lập ra mà niệm tụng.

Kế đến tuần nhập vào nội đường, tạm cùng thị giả tùy chúng đi tuần. Sau khi đến khám Thánh Tăng hướng về ngồi đối diện với thị giả. Đại chúng đi tuần xong về ngồi yên, đánh bảy tiếng chuông trước giảng đường, Trụ trì đi vào thắp hương, tuần đường một vòng rồi về vị trí. Tri sự vào giảng đường cũng thăm hỏi Thánh tăng chuyển thân Trụ trì tiến đến thăm hỏi. Theo tiến bản của Thủ tọa đi tuần một vòng. Thị giả cũng theo sau tri sự mà ra. Thị giả thắp hương cúng vái thưa hỏi: Đợi chúng ngồi yên. Rồi tiến đến trước thắp hương và cả thượng hạ ngoài giảng đường.

Trước ở gian dưới, sau lên gian trên hộp hương d8ạt ở chỗ cũ. Đốt lò thăm hỏi vái hương xong, trở về nguyên vị, đánh hai tiếng chuông, hành trà trình đi ra, lại thăm hỏi như trước, vái trà rồi lui. Đánh một yiếng chuông thâu ly tách. Đánh ba tiếng chuông, trụ trì bước ra khỏi giảng đường. Thủ tọa, đại chúng thứ lớp bước ra. Hoặc bức bách tha duyên, hoặc trụ trì tam không đến, chúng dùng cháo xong đến ngồi dùng trà, thị giả hành lễ đồng như trước.

Phương trượng điểm hành đường trà.

Ngày tiết lạp ở Tăng đường dùng trà xong, Thị giả cùng khách đầu đến hành đường châm trà. Khách đầu dự báo với Tham đầu treo bảng điểm trà để báo chúng. Rót nước ra tách thỉnh Điển tọa, Quang bạn, Phương trượng dự tống trà. Thị giả đến khố ty, Điển tọa tiếp vào. Đường chủ, Tham đầu lãnh chúng hành giả ra cửa đón rước. Thị giả ở ngôi chủ vị thay thế trụ trì, điển tọa ở bên phải, thị giả bước ra thắp hương, Đường chủ Tham đầu đưa ra cửa, liền đến phượng trượng tạ lễ tiệc trà.

Đầu thủ, Khố ty điển hành đường trà.

Khố ty hầu Phương trượng châm trà xong, Tri sự đến hành đường, châm trà cho Tri sự ở chủ vị. Điển tọa phân tay hành lễ đồng với thị giả của Phương trượng, đưa ra cửa và nói. Tham đầu đại chúng đến Khố ty tạ lễ trà.

Khách đầu khố ty báo rằng: Tri sự truyền ngữ miễn tạ trà.

Đầu thủ hầu châm trà ở Tăng đường xong, bảo hành giả đường ty

báo cho Tham đầu treo bia báo chúng. Thỉnh Điển tọa, Quang ban hành lễ (cùng ra cửa với khố ty, tạ lễ hay miễm cũng đồng).

Nên biết về nguyệt phân (Phân về tháng).

Tháng giêng, có chỗ nói vào ngày mùng một.

Mùng 4: Đại chúng hành đạo phúng kinh cầu nguyện, kế là đầy đủ môn trạng. Đàn việt quan viên đến các chùa chúc năm mới. Ngày 17 giỗ ngài Bá Trượng.

Tháng 2: Mùng một trong tăng đường bế lò, hoặc chùa núi cao lạnh thường câu, ngày 15 Phật Niết-bàn.

Tháng 3: Đường ty xuất thảo đơn, ngày thanh minh đàn việt cúng lễ tháp các tổ ở Tổ đường, dự báo quét dọn cúng dường đầy đủ, nhóm họp chúng lại tụng kinh. Tháng này treo bảng cấm lên núi rừng hai trà non.

Tháng 4: Mùng một, ngày Phật đản sanh khố ty chuẩn bị nấu cơm đen, Phương trượng thỉnh đại chúng, Điểm tâm trước hạ, ngày mười ba lập hiệu Lăng-nghiêm. Ngày mười lăm kết chế.

Tháng 5: Sáng sớm ngày đoan ngọ, Tri sự đốt hương, châm trà xương bồ trong Tăng đường. Tri sự thứ lớp lập hội Thanh miên. Đường ty chuẩn bị đến các liêu xem kinh tụng kinh đơn, Trực Tuế xem xét lại các nơi cho ngay ngắn.

Nạo vét kênh rạch sông ngòi. Phương trượng đi đến các liêu, các am tháp, các nơi đều châm trà nóng. Trong Tăng đường treo trướng.

Tháng 6: Mùng một ngày rất nóng bức, thủ tọa miễn đánh bản ngồi thiền. Đường ty nhập phục, quét dọn đê điêu, khôi đầu hoặc Đường ty đập than đá.

Tháng 7: Tuần đầu Đương ty chuẩn bị mở hội Vu-lan-bồn, các liêu xem tụng kinh đơn. Dự xuất tiền bạc nấu cơm cúng dường. Ngày giải 13 tán hội Lăng-nghiêm ngày mười lăm giải chế, nên miễn lập hội Vu-lan-bồn, tụng kinh thí thực.

Tháng 8: Mùng một khai lễ sớm, Tri khách dị bị giặt giũ giường chiếu trong liêu. Tháng này tu bổ bồn sắc nạp y chưa y cứ khởi đơn, Tăng đường thâu trướng.

Tháng 9: Mùng một Thủ tọa lại đánh bản ngồi thiền. Đường ty sửa chữa cửa sổ Tăng đường, hạ màn lạnh, treo màn ấm lên. Sáng sớm ngày trùng dương, Tri sự đốt hương châm trà thù du. Trụ trì thượng đường, cho phép các nơi đến tham kiến.

Tháng 10: Mùng một khai lò ở Phương trượng, giỗ tổ Đạt-ma

Tháng 11: Ngày 22 giỗ Đế sư, mùa Đông đến Khố ty dự bị hoa

quả.

Tháng này ban chức sự hoặc tiến lùi, hoặc tại tuế tiết (năm mới) phương trượng thỉnh đại chúng đến điểm tâm trước mùa Đông.

Tháng 12: Mùng 8, ngày Phật thành đạo Khố ty chuẩn bị làm hồng tao, cuối năm kết trình sổ sách các mẫu.

Chương lạp tiết. Hết

Sắc tu bách trượng Thanh quy.

■

SẮC TU BÁCH TRƯỢNG THANH QUY

QUYỂN 8

CHƯƠNG CHÍN: PHÁP KHÍ

Đời thượng cổ có hóa mà không có giáo, hóa không đủ mà lễ lạc làm gì? Việc ca kích nhưỡng, không bằng tấu cửu thành, việc uống oa gôn không bằng thưởng thức rượu mờ tối biếng nhác. Nhưng văn sanh ở chất quý ở gốc. Bậc Thánh ở Thiên-trúc đầu tiên khai thị giáo hóa, cho rằng tánh diệu giác nơi mỗi người vốn không có phàm Thánh, vật toàn chân đâu có tịnh uế. Không nhờ tu chứng, cũng không dính dáng tới công dụng. Nhưng kẻ mê mờ hoang mang tự đánh mất, như người đui điếc. Thế rồi Ngài tùy cơ lập ra giáo pháp đánh Kiền-chùy, để nhóm hội chúng giảng nói Ba Tạng. Tụ tập thiền định cho đến bốn mươi chín năm hóa nghi mới hết. Chử kiền chùy là tiếng Phạm, là tất cả những vật phát ra âm thanh như ngói, gỗ, đồng, sắt. Như chuông, khánh, linh trống, chùy bản, loa bối. Chốn tùng lâm đến nay vẫn bắt chước theo chế ấy mà ứng dụng, để cảnh tỉnh người mờ tối biếng nhác. Thành kính dẫn dắt chốn u trệ để hòa cùng thần nhân. Còn như đại định thường ứng đại dụng thường tịch, nghe chẳng hề nghe, giác cũng chẳng giác, để khảo để kích phát huyền phong thối nát, không tư lự, không tạo tác, giáo hóa ngày càng vững chắc. Ung dung nơi cõi nhân thọ, là đô thành thanh thoát.

Chuông

Chuông lớn trong tùng lâm là hiệu lệnh giúp bắt đầu. Sáng sớm đánh chuông thì phá tan đêm dài, cảnh tỉnh sự ngủ mê. Tối đánh chuông thì thức tỉnh sự mịt mờ, tăm tối. Gióng phải khoan thai thì âm thanh mới du dương (ngâm dài). Gồm ba hồi, mỗi hồi có ba mươi sáu tiếng, tổng cộng một trăm lẻ tám tiếng, khi bắt đầu ngưng thì ba tiếng hơi tiếng, Hành giả hô chuông phải tưởng niệm kệ rằng:

Nguyện tiếng chuông này khắp pháp giới
Thiết vi tăm tối thảy đều nghe
Văn trần thanh tịnh, chứng viên thông

Hết thảy chúng sinh thành Chánh giác.

Vẫn xưng danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, dù niệm dù gióng thì lợi ích rất lớn.

Gặp ngày vía xem kinh, lên chánh điện xuống chánh điện. Ba tám niệm tụng Phật Đản, thành Đạo, Niết-bàn. Kiến lớp, giải tán hội Lăng nghiên, tụng linh, trai phạn, quá đường do người định thời, mỗi thời mười tám tiếng. Còn nếu tiếp rước quan chức bậc Trụ trì tôn túc, thì không nhất định số hạn, việc này do Khố Ty phụ trách. Chuông Tăng đường hễ nhóm chúng thì đánh, gặp lúc trụ trì quang lâm Tăng phòng thì hộ bảy tiếng. Lúc cơm cháo xong xuống phòng, lúc xả tham. Buổi chiều đi tuần phòng uống trà, xuống đơn mỗi việc đều gióng ba tiếng. Có khi trụ trì không vào thiền đường, hoặc nghỉ ngơi thì không đánh, niệm Phật một tiếng lúc trước thiền đường tụng niệm. Hò nhẹ một tiếng, cuối cùng gióng một tiếng. Việc này do Đương ty phụ trách. Chuông trên Chánh điện gióng bảy tiếng lúc trụ trì đi nhiễu hương vào buổi sáng chiều. Hễ nhóm chúng trên chánh điện trì phải phối hợp với chuông ở thiền đường đánh với nhau. Việc này do Tri điện đảm trách.

Cảm Thông Truyện chép: Lúc Phật Câu-lưu-tôn trụ viện Tu-đa-la ở Thiên-trúc có tạo một quả chuông đá xanh. Khi mặt trời mọc thì các vị hóa Phật xuất hiện theo ánh mặt trời, thầm nói mười hai bộ kinh. Người nghe pháp chứng Thánh nhiều không thể tính kể.

Kinh Tăng Nhất A-hàm chép: Như lúc đóng chuông tất cả các khổ trong đường ác đều dừng.

Lại Kim Lăng chí nói: Có một người dân chết giấc xuống âm ty, thấy có người cột người ở củi gỗ, bảo rằng ta là Tiên chủ của Nam đường, vào đời Tống Tề có giết nhầm một kẻ ở châu Hòa mà đến nỗi này. Mỗi khi nghe tiếng chuông thì khổ của ta tạm ngưng. Nhớ ông về báo lại với đức vua kế vị hãy đúc chuông cầu nguyện cho ta. Người dân trở về tâu đủ việc ấy với vua sau. Nhân đó mà vua cho đúc quả chuông ở chùa Thanh Lương, khắc rằng: Tiên liệt tổ hiếu cao hoàng Đế thoát u đồ, ra khỏi nguy ách.

Bản: Bản lớn dùng để gõ ba hồi dài và hai thời ăn cháo sáng và quá đường trưa, sau khi gõ vào bảng ba tiếng nhập hai tiếng. Đó gọi là trường bản, niệm tụng Lăng-nghiêm, răn nhắc đèn thuốc mỗi thứ đánh ba hồi. Báo canh thì tùy theo thứ lớp canh mà đánh. Phương trượng, Khố ty, Thủ tọa liêu và cái liêu đều có treo một cái bản nhỏ. Giờ chỉ tịnh đánh một hồi dài. Lúc thức gõ ba tiếng, trong ngoài liêu chúng đều có bản. Bản ở bên ngoài mỗi ngày lúc đại chúng nhóm họp thăm hỏi thì

đánh ba tiếng. Lúc Ngồi thiền, ngồi tham đều đánh ba tiếng. Đợi chúng trở về Tăng đường thì lần lượt đánh. Lúc châm trà thì đánh một hồi dài. Bảng bên trong khi chúng về liêu phòng thì đánh ba hồi. Lúc đêm trà đổ ra chén thì đánh hai hồi, dọn chén trà thì đánh một tiếng. Khi xuống tòa đánh ba hồi. Khi ngồi xuống trà đánh một hồi dài.

Mõ: Hai thời cơm cháo đánh hai hồi dài, phổ thỉnh chúng Tăng đánh một hồi dài, phổ thỉnh hành giả hai hồi.

Tương truyền rằng: Con cá đêm ngày thường tỉnh, nên khắc hình tượng cá vào gỗ để đánh, là vì thức tỉnh sự mê muội.

Chùy: Hai thời cơm cháo mở bát trong Tăng đường. Niệm Phật xướng thực biến thực, thí tòi bạch chúng đều ho, việc này do duy-na đảm trách. Lúc xuống khỏi trai đường do thị giả của Thánh Tăng ho, Tri sự lúc báo lui, lúc thỉnh Tri sự cũng hô. Khi trụ trì vào viện khai đường sắp nói pháp. Bậc Thượng thủ ở các núi hô, gọi là Bạch chùy. Một hôm, đức Thế tôn thăng tòa đại chúng nhóm tập ổn định, Văn-thù bạch kiền-chùy rằng: Lắng nghe, pháp của Pháp vương, pháp của Pháp vương như vậy, Thế tôn bèn xuống tòa.

Khánh: Lúc ở đại điện thì sớm chiều Trụ trì, Tri sự hành hương. Lúc đại chúng xem kinh, tụng kinh trì chú, thì ở ngang trên chánh điện mà đánh, xướng theo lời khoá lễ. Việc này do Duy-na đảm trách. Lúc hành giả phủi tóc thì do tác phạm xà-lê đánh, cây khánh cầm tay nhỏ lúc hành giả đi đâu thường mang theo, gặp chúng Tăng tụng linh thì đánh. Là phép tắc khởi dừng.

Nạo bạt: Duy-na tiếp đãi Trụ trì, lưỡng tự lúc xuất ban dâng hương. Lúc ở chánh điện chúc tán chuyển luân thì hành giả đánh, gặp lúc đưa tiễn người mất, hành giả cạo tóc, đại chúng hành đạo, lúc tiếp đãi Tân trì vào viện đều hô.

Trống: Trống Pháp hễ khi Trụ trì thượng đường, tiểu tham, phổ thuyết, nhập thất đều đánh, phương pháp đánh trống lúc thượng đường là ba hồi. Trước tiên nhịp hai tiếng nhẹ tồi mới đánh mạnh tay một hồi dài khoan thai khiến cho tiếng trống khẩn hoàn luyến nhau, nặng nhẹ tương ứng nhau. Âm thanh du dương, như tiếng sấm mùa xuân. Hồi thứ hai kéo tay trống dài rồi lơi ra chuyển hồi thứ hai, lúc hồi trống dài ra không để ngớt tiếng bèn chuyển qua hồi thứ ba. Một mặt chuyển liên tục đến khi trụ trì thăng tòa mới dứt trống. Hai dùi đánh liên tục ba hồi.

Lúc tiểu tham đánh một hồi phổ thuyết năm tiếng, vào thất ba tiếng, đều phải đánh chầm chậm. Tống trà đánh một hồi dài do thị ty

đảm trách. Trống ăn quá đường ba hồi. Còn lúc thượng đường chỉ nhấp vài cái hơi gấp mà thôi. Trống phổ thỉnh đánh một hồi dài, trống chuyển canh sáng tối đều đánh ba hồi bình thường. Còn những canh khác tùy theo thứ lớp mà đánh. Do Khố Ty đảm trách, đánh trống bốn hồi lần lượt đợi chúng mà đánh, do Tri dục đảm trách. Các pháp trên phải theo thường lệ mà làm, đừng để mất pháp độ. Nếu Trụ trì mới vào viện thì các pháp khí đều đánh lên một loạt. Kinh Kim Quang Minh chép: Bồ-tát tin tưởng đêm mộng thấy trống vàng dáng nó rất lớn, chiếu sáng rực rỡ, giống như ánh sáng mặt trời. Trong ánh sáng ấy, Ngài thấy Chư Phật mười phương ngồi tòa lưu ly dưới các cây báu. Nói pháp cho trăm ngàn quyển thuộc vây quanh các Ngài. Có một người giống như Bà-la-môn lấy chày gióng trống phát ra âm thanh lớn. Âm thanh ấy là tiếng nói pháp, sám hối kệ tụng. Khi Bồ-tát giật mình tỉnh dậy đến chỗ Phật, thưa lại với Phật những điều ngài thấy trong mộng, như trống vàng và kệ sám hối.

Lại, Kinh Lăng-nghiêm chép: Này A-nan! Ông lại nghe trong vườn Kỳ-hoàn này thọ thực xong thì đánh trống, nhóm chúng thì đánh trống, âm thanh chuông trống lần lượt tấu lên liên tục. Ý ông nghĩ sao? Những điều này là do âm thanh vang đến bên tai, hay do tai đến chỗ âm thanh?

Hết chương Pháp Khí

BÀI MINH VÀ LỜI TỰA

Về Thiền sư Hoài Hải ở núi Bách trượng xứ Hồng châu đời Đường.

Tướng sĩ Lang Thú Điên Trung Thị ngự sử Trần Tường soạn.

Thư tín châu Ty hộ tham quân viên ngoại.

Trí đồng chánh Viên Vũ Đực hoàng chép.

Tinh sao giăng bủa, dáng núi sừng sững, tang môn thượng thủ là Thiền sư Hoàn Hải, thất ở đây, tháp ở đây. Môn đệ của ngài sợ núi lở hang sụp thời gian sẽ làm phai kỷ niệm. Nên nhờ các nhà nho khắc bia để ghi nhớ. Chánh giáo ở phương Tây truyền vào Trung quốc, dùng sáu độ của Ngài để xét năm thường của Trung quốc. Chuyển ác về thiện khác nẻo mà cùng mục đích. Chỉ có một tông thiền-na mà vượt qua sanh tử. Bậc đại trí tuệ mới đạt được pháp này. Từ Kê Túc đến Tào khê đã ghi rõ rằng: Tào khê truyền cho Hoài Hành Nhạc Quán Âm đài Hoài Nhượng. Hòa-thượng Quán Âm truyền cho Hòa-thượng Đạo Nhất ở Giang tây. Tịch truyền cho Đại sư. Việc truyền thừa ở Trung Quốc

trải qua chín đời. Đại sư Thái Nguyên họ vương, người ở truyện Trường Lạc, Phúc Châu Viển Tổ vì vào niên hiệu Vĩnh Gia có loạn nên dời đến mân ngung, đại sư vì nhân duyên lớn sanh ra thời tượng quý. Gá bào thai mà mùi tanh hôi tự mất. Lúc sắp sanh nhiều điềm thần dị xuất hiện, khi thành niên thì linh Thánh biểu hiện. Chẳng phải đã gieo trồng cội đức từ xưa thì đâu có được như vậy. Thế phát với Hòa-thượng Tuệ Chiếu ở Tây Sơn, đến lúc thọ giới cụ túc với Luật sư Pháp Triều ở Hành Sơn bèn than rằng: Muốn gột tẩy nguồn vọng phải vân du nơi biển pháp, dù duy tâm chứng cũng phải nhờ ngôn thuyên. Thế là ngài đến Lê giang xem đọc kinh tạng, nhiều năm không để mắt tới đình vũ đã được Đại Tịch tâm đắc tâm ấn, lời lẽ sâu mầu phong thái điềm đạm thầm tú. Người thấy liền sanh lòng kiính ngưỡng, luôn hạ thấp nhúnnhường. Không gần gũi danh lợi nên trong văn bia của tiên sư đac biệt nêu rõ đức hiệu, hòa mình với chúng cho nên ôn nhân bổ lực phục vụ đòng với sự gian khổ của Ngài. Vì oán thân đều quên hết, vứt bỏ những thói quen cũ, hiền ngu tóm thâu nên truyền khắp cho người đến học. Thường lấy ba thân vô trụ, muôn hạnh đều không, tà chánh đều bỏ, nguồn dòng đều sạch. Dùng giáo chỉ này để làm khuôn phép cho người. Lời Phật nói đây là đốn môn, môn đồ của đại tịch rất nhiều bậc tài giỏi xuất chúng. Có vị tiếng tăm vang lừng, thấy cả linh kỳ. Có vị hóa đô cả một phương, đều làm an định quận nước. Chỉ có Đại sư ưa chuộng nơi thanh vắng, ẩn cư chốn núi non, bỏ danh lợi mà đức hạnh cao hơn. Vân du một mình mà học đồ vô số. Ngài có tài nghiên cứu giảng dạy rất tuyệt về môn Thiền học. Dính mắc chưa dứt bỏ, không hữu còn ngăn ngại, chứa đựng tất cả muôn dặm giữ chắc một lời lưới nghi bủa giăng, gươm trì dứt sạch. Từ đời Tè Lỗ yến, vùng Kinh Ngộ Mân Thục ngưỡng vọng lúc về truyền nhau, đưa đến no đủ. Siêu nhiên huyền giả thời chính người này. Đại sư lúc đầu ở thạch môn, bên tháp đại tịch. Lúc đó nối địa vị thầy, trùng tuyên thượng pháp, sau đó do chúng quy tập ý ở nơi xa xăm núi Bách trượng sừng sững mọc lên một vùng. Người, mây bốn dứt. Nếu muốn xây dựng phải đợi đàn na. Y Bồ Tắc Du sướng cam trịnh thỉnh cúng nhà trên núi nguyện làm hương đạo, bao bọc xung quanh cúng thí vô số, chúng lại vượt vào sơn môn. Nhưng vì đất linh thiêng xa xăm mà chí thì có hạn. Vào ngày 17 tháng giêng niên hiệu Nguyên Hòa thứ chín chứng diệt trên giường thiền, thọ 66 tuổi hạ lạp 47 năm. Vào ngày 22 tháng tư năm ấy phụng di hài của sư về nhập tại Tây Phong. Theo văn luận Tỳ-bà-sa vâng đi chúc chúng cách côn cất của Bà-la-môn tịnh hạnh, lúc đầu bạch quang cách thất kim tích minh không. Linh khê mới vào

xuân mà dòng đã cạn, đèn thông thắp trọn đêm để chiếu sáng. Diệu đức thầm cảm ở đâu không có. Môn nhân Pháp Chánh v.v... từng bẩm phụng đều được điều nhu. Thay nhau phát huy không làm sai lời phó chúc, nhiều năm phát triển tự sẽ truyền khắp. Môn nhân kể lại nhớ hoài ân sư để khắc vào tháp miếu, dọn đất chất đá hết sức khổ nhọc. Môn nhân thần hành, phạm vân kết tập lời mầu của thầy thành ngữ bản. Học giả đời nay ai không bước vào đây phụng thờ Pháp sư. Lúc đầu, luật sư Linh Ái ở Môn Việt, giáo tông một xuyên, ba học quy ngưỡng, có lần hỏi về Phật tánh có hay không. Đại sư dụng ngụ ngôn để giải thích. Nay cùng với ngữ lục ấy cùng lưu lại cho hậu học vang khắp phủ Giang Châu, họ nếm trọn pháp vị của Đại sư nên không nhượng số đông. Văn ấy chép: Bậc đại hùng thiết lập giáo pháp có quyền có thật chưa đắc đốn môn đều là thất tối. Tổ sư dừng lại mới truyền bí mật, nếu kể kia nhiều hôn ám thì tạm bày (là một). Nhưng bậc Đại sĩ này mở rộng Chánh tông, tuy tu chiếu hạnh nhưng không trụ chân không. Không nhờ phương tiện, đâu đợi mài giũa. Điềm nhiên quay về cội muôn cảnh viên thông (là hai).Trăm nghìn người hết bệnh khổ, kia đều có đắc, ta thật không nói, tâm vốn bất sanh, hình đồng bày diệt, cõi này tro tàn, phương kia trăng nước (là ba).

Pháp truyền người nối, tháp đóng sơn nguyên, sáp tùng dù tất, chùa tháp vẫn còn học đồ đông đúc ai cũng vào cửa. Chỉ có năng giác chiếu là báo ân thầy, vào ngày mồng ba tháng mười niên hiệu nguyên hòa thứ mười ba lập bia đại chúng đồng ghi năm việc, đến nay vẫn còn. Có thể làm tấm gương giới, đều chếp bên trái, Đại sư đã thị tịch, nhưng chưa thỉnh Viện chủ, ngày càng đông, đề nghị cải cách sơn môn. Thời hian lâu mới quyết định và đặt năm điều.

1. Tháp viện thường thỉnh một đại Tăng và sai một sa đi quét dọn.

2. Trong địa giới không được có đài ni, tháp ni và người thế tục ở chung.

3. Phải có y chỉ và đông hành xuất gia phải bảo chúng nương theo vị Viện chủ. Tàng chúng không được thọ lãnh riêng.

4. Ngoài đài và các nơi không bố trí trang viên ruộng vườn.

5. Đại chúng ở trên núi không được chứa riêng tiền tài trong ngoài. Muốn thanh lọc nguồn tâm thì phải lắng nơi gốc. Thì kẻ hậu lai nối tiếp từng nguyện tôn sùng. Ngày dựng bia đại chúng đồng ghi Bách Thượng Sơn Đại Trí Thọ Thánh Thiền tự Thiên hạ sư biểu Các Ký. Đời thứ tám sau Bồ-đề Đạt ma có đại Tỳ-kheo ở núi Bách Trượng, người ta gọi là

Thiền sư Bách Trượng.

Nay thiên tử mới truyền mệnh vì thuỵ cũ là Đại Tri Giác Chiếu thêm vào hiệu Hoằng Tông Diệu Hạnh, tên chùa Thọ Thánh là ngạch cũ. Núi cách quận trị 300 dặm, lúc ngài chưa cất chùa núi non hang hóc hiểm trở đường xá tắc nghẽn, vách núi cheo leo, ở đây có vị là Tư Mã đầu-đà, rất giỏi thuật xem địa hình, cất nhà cửa. Ông thấy thế núi cao ngút và từng dãy nối liền nhấp nhô uốn lượn, biết đây là vùng đất tốt, nêu trong kiềm ký chép. Đó là nơi cho bậc Pháp vương ở, hoặc là thầy khuôn mẫu cho thiên hạ trụ. Khi Thiền sư đến đây chính là phù hợp với lời ông nói, Đức Huy ở Đông Dương là cháu đời thứ mười tám của Thiền sư kế vị trụ trì núi này, xây lại một giảng đường nói pháp mới. Còn xây thêm một căn thất lên trên để an trí di tượng của Thiền Sư treo tấm biển trên gian phòng ấy là: Thiên hạ sư biểu chi các"

Khi văn Tông Hoàng Đế mới đăng quang, liền vào Tiềm Để ở Kim lăng xây chùa, tên là Long Tường Tập khánh, Ban chiếu cho Đại Tố là khai sơn hướng dẫn đồ chúng thực hiện Thanh quy mà Thiền sư đã chế để tiết chế từng oai nghi động tác hằng ngày. Nhưng sách ấy lưu hành ở đời đã lâu mà người sau quan niệm về nó đều cơ sự tổn ích, tự sanh mâu thuẫn, chứ không thẻ phán đoán rạch ròi, Huy cùng học một thầy với Tố mà cũng hoằng pháp ở tổ đình rất sợ người sau truyền bá nghi ngờ chẳng biết đâu thích hợp mà theo. Không thể y cứ vào sự thấy nghe của nhiều người. Ngài bèn lên kinh đô xin chiếu dụ để chỉnh sửa lại. Nay ngự sử Đại phu Tán Địch chấp pháp, ở trung đại tâu trình ý của Ngài lên vua, vua cho diện kiến, có chỉ bảo rằng Đức Huy tuyển chọn những văn cũ để đưa cho Đại Tố biên tập lại những lời sư dạy, rồi cùng khảo định mà ban hành làm phép tắc trong chốn tùng lâm.

Vẫn như Thiền sư Tích lấy hiệu như ngày nay, khen hiển mà phong cách nghiêm khắc, Đức Huy mang chiếu thư về nam. Khi các xây xong mà chưa kịp thấy những ký thuật, Niệm Vu phổ nói: xin thuật lại ngọn nguồn những gì ngài thiết lập, để trở về khắc vi, Phổ trộm nghe các Thánh hiền xưa nương thời chóng tri hoăn đắp đổi qua lại không cùng, cho nên thông được sự biến ấy. Giáo pháp của Phật lấy giới luật làm đầu, nghĩa của các bộ đại tiểu trình bày, xong các loại khai giàchỉ lấy một việc, cách Thánh càng xa phải hạn cuộc vào chuyên môn, danh mục càng nhiều, mặt trời đạo phải ẩn. Thế nên Đạt-ma không dung phương tiện mà chỉ thẳng nguồn tâm. Tướng luật rõ ràng không thể ngăn ngại. Đời dần lui về thời mạt pháp, tà thắng mà chân thua. Rong ruổi theo trầm duyên thành suy nghĩ tà vọng. Thế nên Bách trượng

hoằng truyền khuôn phép để hành trì theo luật, ủng hộ nhiếp trì ở nơi sự mà đều là lý. Bởi vì đạo của Phật do Đạt ma hiển sáng. Sự của Phật do Bách Trượng mà đầy đủ, diệu thông biến tồn tại ở người này. Song, sự truyền thừa của Đại-ma chi thần năm phái mà đều xuất phát từ hai Thiền sư này. Thầy của Ngài khởi xướng những tông chỉ đặc thù. Tuy nỗi vị thành lập gia phái nhưng đều an định đồ chúng, chưa ai không áp dụng pháp của Thiên sư, cho nên câu nói Thiên hạ Sư biểu là xứng đáng chứ không ngoa. Từ đó vua quan ở Trung quốc biết tôn trọng Phật pháp, chiếu sáng tông cực, chẳng gì hơn đây. Đức Huy sanh ra gặp thời có bậc Thánh, nhờ sức ủng hộ của vua nở lực phát huy lời thầy dạy, làm rạng rỡ tông phong, ngỡ hầu sánh cùng với nhịp bước phát triển của đất nước mà thôi. Không chỉ làm sư biểu cho thiên hạ ở hôm nay mà tận đời vị lai cũng đều có chỗ nương tựa. Vu phổ cẩn thận ghi lại mà đối với công phu trong suốt quá trình ngài biên soạn chỉ tóm thâu những pháp yếu, có những điều không rảnh nói thì gồm có năm gian phòng. Cái cao nhất là 120 thước, một trong ba tông ấy đó là tu, ba cái tu ấy cho là rộng. Bất đầu khởi công vào tháng sáu mùa hạ niêm hiệu Chí Thuận đầu tiên đến tháng mười mùa Đông thì xong việc, thật ra vào năm sau Đức Huy trụ trì ở núi nhưng Đức Huy đến đó vào tháng 5 mùa hạ, năm thứ ba tháng hai mùa xuân năm sau, Thừa trực Lang Quốc Tử bác sĩ hoàng phổ ký. Hàn Lâm thị chế phụng nghị đại phu kiêm quốc sử viện tu quán trình bày sách này.

Hàn Lâm thị giảng học sĩ thông phụng đại phu tri chế đồng tu quốc sử tri kinh diên sự trương khởi nghiễm in chữ triệu.

Nên Vinh Lộc Đại Phu ngư sử Trung thừa Triệu Thế An, quang lộc đại phu giang nam chư đạo hanh ngự sử đại phu dịch, Thích Đổng A đồng lập bài tựa cổ thanh quy.

Hàn Lâm học sĩ Triều tán đại phu hành tả ty gián tri chế các đồng tu quốc sử phán sử quán sự thượng thụ quốc nam Dương quận khai quốc hầu hưởng lộc 1100 hộ dân, đựoc ban áo kim ngư tím, thay Dương Ức thuật.

Thiền sư Bách trượng Đại Trí, Thiền Tông xuất phát từ thiếu thất đến Tào khê. Phần nhiều ở luật tự, tuy xếp vào viện riêng nhưng đối với việc nói pháp trụ dtrì chưa hợp quy tắc. Cho nên tôi thường lo lắng bèn nói: Đạo của Phật Tổ muốn hoằng bá rộng rãi cho đến đời vị lai không đoạn diệt đâu thể thực hành theo các bộ A-cấp-ma giáo.

Có người nói: Luận Du-già, Kinh Anh Lạc là giới luật Đại thừa, sao không thực hành theo ư?

Sư nói: Tông phái của ta chẳng hạn cuộc ở đại tiểu, cũng chẳng khác đại Tiểu thừa. Mà phải uyển chuyển phán đoán, lập ra quy tắc là việc phải làm, thế nên khởi ý lập riêng thiền cư. Tất cả những bậc đầy đủ đạo nhãn có đức đáng tôn kính, gọi là Trưởng lão, như xứ Tây Vực bậc đạo cao lạp trưởng thì được xưng hô như Tu-bồ-đề.v.v... tức là Hóa chủ tức là ở nơi Phương Trượng, đồng với thất của Tịnh Danh, chẳng có phòng ngủ riêng, không lập điện Phật, chỉ xây pháp đường biểu thị cho Phật Tổ thân thuộc được sự tôn trọng của đương đại môn đồ theo học, không kể nhiều ít, không phân cao thấp, khi vào Tăng đường rồi thì sắp xếp theo hạ lạp, đặt giường nối liền, gắn giá treo y bát, đồ dùng khi nằm phải gối đầu và nghiêng hông bên phải, ngủ theo kiểu cát tường. Khi ngồi thiền lâu thì xả thiền an nghỉ mà thôi, phải đủ bốn oai nghi. Trừ lúc vào phòng thưa hỏi người học siêng năng, biếng nhác, hoặc xuống không câu nệ lệ thường. Đại chúng trong viện sáng tham tối nhóm trưởng lão thượng đường thăng tòa chủ sự, đồ chúng phải đứng một bên nghe khách chủ thăm hỏi nhau, trao đời để mở mang tông yếu, dạy họ nương pháp mà trụ. Cơm cháo tùy nghi, hai thời phải có mặt đông đủ. Phải giữ tiết kiệm, biểu hiện pháp thực song vận. Hành pháp khắp tỉnh trên dưới đồng lòng, dật xá thường dùng một người lãnh đạo số đông. Làm việc khiến cho mỗi ban đều có tổ chức. Hoặc có kẻ giả danh trá hình lẫn vào trong chúng thanh tịnh để gây ra nhiều chuyện rắc rối. Thì Duy-na phải xem xét, nêu tên họ rồi đuổi ra khỏi viện, để giữ sự thanh tịnh cho chúng. Nếu có người phạm tội thì dùng gậy đánh, họp chúng thâu y bát đạo cụ rồi đuổi khỏi thiền môn, để họ tự hổ thẹn, rõ ràng điều này chế ra có bốn lợi ích.

1. Không làm mhiễm ô sanh thanh tịnh, sanh tâm kính tin cho mọi người.

2. Không hủy tướng Tăng, vâng theo lời Phật dạy.

3. Không quấy nhiễu cửa công và bớt đi sự kiện tụng ở trong ngục.

4. Không tiết lộ tông cương của ngoại hộ.

Bốn loại này ở chung thì Thánh phàm làm sao phân biệt. Hơn nữa, lúc Như lai tại thế còn có Lục quần huống chi ngày nay là mạt pháp, đâu được hoàn hảo. Nhưng thấy một vị Tăng có lỗi bèn phơi bày chê trách, thật không biết khinh chúng hoại pháp tổn hại rất lớn, nay trong thiền môn nếu có kẻ làm tổn hại thì phải y theo quy thức thiền lâm của Bách Trượng mà lường xét phân biệt, lập pháp phòng kẻ gian không phải là hiền sĩ nhưng đâu thể có cách mà không phạm. Không thể phạm

mà không dạy chỉ có Thiền sư Đại Trí lợi ích hộ pháp rất lớn, thiền môn độc hành từ đó trở đi. Đại yếu của Thanh quy tỏ khắp kể hậu học, khiến họ không mất gốc. Các phép tắc khuôn mẫu của ngài trình bày đầy đủ rõ ràng, chỉ mong xét duyệt san định truyền đó mà soạn lời tựa. Ngày lành tháng tốt năm giáp dần đối niên hiệu cảnh Đức năm thứ hai.

Lời tựa Sùng Ninh Thanh quy:

Luận sư lệ của thiền môn không có hai dạng tỳ-ni, gia phong nạp tử chỉ một khuôn phép. Nếu thọ dụng trong đường thì tự nhiên phong cách thanh cao, nếu xúc chuyên quay mặt vào tường thật gọi là ít người cung kính chiêm ngưỡng. Thế nên cùng mưu cầu khai sĩ, tham bài khắp các nơi, tất cả đều giúp cho việc thấy nghe, thảy đều trình bày đủ trong cương mục. Tham ôi tin tức đã khoét thịt thành vết thương, khuôn phép của Bách Thượng có thể gọi điều mới đặc biệt. Huống chi Tùng lâm đầy khắp, chuyển kiến không kham, thêm vào đó pháp lệnh càng tỏ thì chuyện xảy ra càng nhiều. Nhưng vì trang nghiêm bảo xã, kiến lập cờ pháp, trong môn Phật sự không thể thiếu một, cũng giống như Bồ-tát có ba tụ, Thanh Văn có bảy thiên đâu phải việc lập pháp quý ở chỗ rườm rà, vì tùy cơ mà lập giáo, kẻ sơ cơ hậu học mong theo thiện, tham cho rõ ràng, bậc thượng đức cao lưu mong rũ lòng chứng giám.

Ngày 15 tháng tám niên hiệu Sùng sinh năm thứ hai.

Truyền pháp Từ giác Đại sư Tông Ai trụ Thiền viện Thập Phương Hồng Tế phủ Chân Định viết lời tựa.

Lời tựa hàm thuần Thanh quy:

Khuôn phép trong tùng lâm đã tỏ nơi Thiền sư Đại Trí Bách Trượng. Nhưng thời đại đã dần xa. Tùy theo người mà có sự giản tiện, rồi đến sự vâng theo tu tập. Tuy các nơi có khi khác nhau, nhưng cũng chưa hề trái với khuôn phép lớn nầy. Lúc tôi ở trong chúng, thường thấy bạn bè sao chép Tùng lâm nhật dụng thanh quy, đều có sự thiếu sót. Sau đó, nhân lúc rảnh rỗi xem các bổn, xét các chỗ khác nhau để tập hợp lại, đích thân biên soạn lại cho đầy đủ.

Mục đề là tùng lâm hiệu định Thanh quy tổng yếu. Sửa thành quyển thượng hạ để tiện xem xét. Đạo ta có Thanh quy giống như nhà Nho có kinh lễ. Lễ là tùy nghi nhân theo thời mà có tổn ích. Bởi sách này viết tiếp ngài Đại Trí. Đây đều do việc túc dức tiền bối lần lượt giảng cứu kỷ lục kẻ ngu không dám nêu riêng chỗ thấy nghe mà thêm hay bớt. Như trước gọi là tham cứu chỗ đồng mà gom lại. Để người xem

không phải khó xử. Kết chế hai ngày trước năm Giáp Tuất niêm hiệu Hàm Thuần năm thứ mười Tỳ-kheo Hậu Tố duy miễn thư ở hiên ký ngoan.

Lời tựa Chì Đại Thanh quy:

Lễ là Đại kinh ở đầu, mà tiết văn của tình người. Duyên cách tổn ích vì chạy theo thời, cho nên tình người xưa nay nhờ phép tắc của luân lý làm quỹ đạo cho nên mới tồn tại Đại kinh của trời đất. Hơn nữa, bậc Thánh ta lấy Ba-la-đề-mộc-xoa làm thọ mệnh và Bách Trượng Thanh quy cũng xuất phát từ đây. Đây chính là Đại kinh của lễ pháp tòng lâm. Nhưng từ cuối đời Đường đến nay khoảng năm trăm năm. Phong tục thay đổi nhiều, nhân tình cũng biến khác thì thuyết duyên cách tổn ích quá đúng rồi. Gần đây, hai tổ Đại Xuyên và Tiếu ông xướng đạo ở núi Nam Bắc. Thanh quy Nhật dụng hưng thịnh ở đương đời. Năm Mậu Dần niên hiệu chí Nguyên, nương Hòa-thượng Thạch Lâm ở Nam Bình. Còn được thấy di phong để lại, và được bạn Vân Minh ở Tây Đường lấy ra bản sao trong tạng, nghiên cứu tâm thưa hỏi biên tập thành bản. Sách này bắt đầu viết ra thì có vị cho rằng việc thọ giới của tăng làm đầu. Có vị cho rằng trụ trì nhập viện là trên hết, đến năm Nhâm Ngọ theo Tiên sư Giác Am ở thừa thiên, sớm tối thưa hỏi. Vì được hai nghi giáng đản, chúc Thánh Như lai làm đầu. Các môn còn lại phân loại rồi sửa thành mười quyển nhưng vẫn chưa dám truyền cho người học. Vào năm Bính Tuất, Hạ Lưu Tuyết Bảo, Thiên phong uyển ở Tây đường nói rõ thêm sách này. Vào mùa xuân năm Đinh Hợi Hòa-thượng Khê Tây Trạch đính chính lại chổ lẫn lộn được tỏ tường sự thấy nghe mà còn lấy việc chưa đích thân thực hành làm hổ thẹn. Mùa Hạ năm Nhâm Thìn thủ chúng Song Kinh, trong buổi tiểu tham có sự cạnh tranh về ngôi vị cao thấp, các nơi thường bỏ qua không nêu lên. Ngu từ Tây đường hễ ra thì Thủ tọa lại ra, đô tự ra thứ ba, hậu đường ra thứ tư. Tạng chủ, Duy-na, Tri khách, Thị giả tùy theo chức mà ngồi, xin người bác là Vân phong cố gắng thực hành. Xong việc không dám ồn ào. Năm Ất mùi niên hiệu nguyên trinh làm bị viên vĩnh gia thiên ninh. Đại đức năm Canh Tý bổ nhiệm ở Vĩnh Phúc phan Dương. Năm Ất tỵ làm chủ đông lâm ở lô sơn. Đều thực hành không dễ ngõ hầu nhân tình được chiết trung. Nhưng xem Thanh quy thời xưa không mấy rườm rà, bởi do phù thể cổ không thể làm được chuông lớn để đoán được tuổi tác. Uống ly rượu dở không thể thí ngày cho biền la hy tượng.

Gọi là Thiền Lâm Bị dụng Thanh quy, nghĩa là đầy đủ mà không

dùng, biết lỗi của tôi thì biết tuổi tôi. Mùa Thu năm Tân Hợi niên hiệu Chí Đại. Đông Lâm ở Lô Sơn, Nhất Hàm kính ghi.

Lời tựa sắc tu bách trượng Thanh quy:

Khoảng niên hiệu Thiên Lịch, Chí Thuận, Văn Tông hoàng đế xây chùa Đại Long Tường Tập Khánh ở Kim Lăng. Chùa xây xong thì để cho mười phương Tăng ở, có điếu chỉ phải thực hành Bách Trượng Thanh quy. Tháng bảy mùa Thu năm Ất Hợi, niên hiệu nguyên thống thứ ba. Kim thượng hoàng đế đích thân thượng triều ra chỉ lệnh. Mấy năm gần đây Thanh quy tòng lâm thêm bớt không thống nhất. Cho nên đặc biệt ban sắc cho trụ trì Đức Huy ở chùa Thiền Thọ Khánh Đại Trí núi Bách Trượng biên tập lại. Sách ấy giao cho Đại Tố trụ trì chùa Đại Long Tường Tập Khánh chọn vị Sa-môn nào có học thức cùng hiệu đính lại. Mong được quy nhất khiến vâng hành làm thường pháp. Đức Huy kính cẩn phụng mệnh. Lúc sách sắp xong, chúc huyền soạn lời tựa. Huyền có nghe các sư nói: Trong khoảng trời đất không có việc nào không có lễ nhạc, An định chổ ở là lễ, ưa thích chỗ thường dùng hằng ngày là Nhạc. Tiên sinh Tình Minh Đạo một hôm qua chùa Định Lâm, tình cờ nhìn thấy nghi thức trai đường. Hốt nhiên khen rằng: Ba đời lễ nhạc ở hết đây rồi, há chẳng phải uy lực của giềng mối Thanh quy hay sao? Cho rằng phụng hành thuần phục nên có thể như vậy, vâng hành theo pháp ấy là lẽ đường nhiên. Nhưng diệu hạnh tự nhiên ở trong đây mà người không biết lại cho rằng nó là chướng lý sự. Nhưng người biết thì cho rằng pháp môn an vui chính là ở đây. Nhưng khiến cho sách này đồ sộ mà không hỗn tạp, thì có tựa và ý hài hòa. Lâu dần sẽ sâu kín, cho nên công lao hiệu đích có ích rất lớn đối với sách này. Mà ý chí của người học ở hai triều Gia Huệ hợp nhau vô cùng. Hạnh Thanh quy đời Tống, Dương Văn Công ức viết trọn đầu đuôi, điều mục rõ ràng, ở đây không nêu ra lại, thượng tuần tháng ba mùa xuân năm Bính Tý niên hiệu Chí nguyên thứ hai.

Hàn lâm trực học sĩ trung đại phu Tri chế cáo đồng Tu quốc sử quốc tử Tế Tửu Lô Lăng Âu Dương Huyền thuật Bách Trượng Thanh quy vẫn còn lưu hành ở đời.

Từ đời Đường đến nay nhiều đời phong tục đổi thay nên lễ cũng theo đó mà không tránh khỏi sự tổn ích. Thường thường các bộ được trích dẫn lẫn lộn chẳng biết đâu mà theo, học giả hoang mang. Một ngày nọ, Thiền sư nhất sơn vạn dẫn lời đầu sách của tiên sư Vân ông cùng nhau san định hiệu đính lập thành điển chương một thời. Không

biết sao ba Ngài lần lượt qua đời. Với sức mọn thầm muốn kế tiếp ý nguyện của Ngài nhưng chưa thể thực hiện được. Sau này tình cờ nhận được Thanh quy Bách Trượng. Hội hành xin thêm tên thuỵ của Tổ sư, chưa báo được nên đến cung điện trình lên vua ngự sử Trung Thừa Tán Địch dẫn lên tiếp kiến vua. Khi gặp vua, Ngài đem lý do muốn chỉnh sửa Thanh quy trình lên vua. Nhân đó được sắc chỉ biên tập lại. Sai tấu ẩn hiệu đính rồi ban cho ngọc tỷ (ấn vua) để ban hành. Khi thọ nhận sau vẫn không tìm thấy bản đầu. Chỉ có Chân định tích công ở niên hiệu Sùng Ninh đời Tống và Kim Hoa Miễn công ở niên hiệu Hàm thuần Hàm Công ở Đông Lâm sưu tập lại để chọn. Thế là cùng hội họp lại những bản dị đồng để lần lượt giải thích, chỗ rườm rà thì cắt gọt bớt, chỗ lầm lẫn thì sửa lại, chỗ thiếu thì thêm vào. Đều có sự được mất song song. Trong đó trích chú sớ để tiện tham cứu. Hoàn toàn không lấy vọng kiến riêng của mình để định lấy, sưu tập lại của Tẩu ẩn, kỷ định thành chín chương.

Đầu chương có lời tựa ngắn, nói về đại ý của chương, chia làm hai quyển để tiện cho người xem được mạch lạc rõ ràng. Ngõ đầu làm sáng tỏ ý nguyện truyền pháp của Tổ sư ta, để vâng hành theo và làm cho hưng thịnh. Nói về kẻ học thức cạn cợt đâu đủ khả năng để phán xét. Soạn lại bộ Thanh quy mới chẳng qua nhờ người thành sự. May thay đã hoàn tất, chỉ mong người học không hoang mang mà thôi. Nếu nói lập điển chương một đời thì người ngu chẳng thể biết được. Có người nói ông miệt mài với sách mày chắc có tâm đối với tôn giáo, mới chế chung chiếu cáo rộng rãi trong quốc gia ngày nay luật pháp còn chưa thực hành được mà hành Thanh quy ư lắm. Vì thế nói như vậy nhưng cũng không hề phế bỏ sách này. Còn người nắm giữ luật pháp cố gắng thi hành thì thế nào. Phật Tổ chế giới luật, lập Thanh quy dùng lẫn nhau, khiến cho Tỳ-kheo v.v.. ngoại cách chẳng hoằng đạo bên trong, tuy trăm ngàn nhóm họp lại ở chung một đường ngồi cùng pháp tịch ăn ngủ chung một nhà. Nhưng hiển nhiên thành nề nếp không lẫn lộn như thói đời, không trái hiến pháp quốc gia, bỏ bê luật vua. Chế chung phép tắc ni hành ở đó mà đạt được đây, thì sao gạo là quanh co, có người cảm tạ rồi lui, cho nên cùng thức tỉnh ở đây để báo cho chúng ta biết phải cố gắng thêm. Tống Dương Văn Công soạn lời tựa Thanh quy cổ cùng ba ngài soạn tập từ lời tựa đều là phụ soạn.

Tháng ba mùa Xuân năm Mậu Dần niên hiệu Chí Nguyên, Tỳ-kheo Đức Huy ở Đông Dương kính ghi.

Sắc tu bách trượng Thanh quy

LỜI BẠT THÊM VÀO HIỆU TỔ

Thiền sư Bách Trượng Đại Trí Chiếu Giác phong thêm hiệu của ngài là Hoằng Tông Diệu Hạnh. Ngọc tỷ vừa thông cáo niên hiệu Chí Nguyên thứ hai năm bính tý, nay là ngày tiếp nhận đặc ân của Hoàng đế. Trước là có chỉ ban xuống bảo hành theo Bách Trượng Thanh quy rồi ban thêm hiệu cho Thiền sư, nên có cáo lệnh này, Triều đình bàn bạc vừa mới giáng chế từ. Lúc ấy huyền bị nêu từ lâm làm Trực học sĩ, chính thức phụng hành điển thư. Một hôm, Trụ trì Đức Huy ở núi này được quốc tử Tiến sĩ Hoằng phổ đến thăm. Xin viết lời mở đầu cho bộ Thanh quy, y theo sự tích của Bách Thượn, Đức Huy kể lại đầy đủ, do đó ngài có lời đề nghị khen ngợi sách này, ý muốn đích thân thấy thuộc Huyền đáp rằng: Muôn một phải viết đúng như lời sư đã nói ngày xưa, mới được vựng thành. Sau cách sử văn không như thế thì trải qua 12 năm. Huyền cáo lão về ở nhà. Đức Huy từ Bách trượng thăm dò khắp trong núi dấu ngọc tỷ vua ban, xem quyển lục chữ Hán, nhờ người biết việc này khắc vào bia đá. Hồng duy thiên triều tôn tả họ thích thầy trò nhiều đời, ban Hiệu không đồng nhất. Như bốn chữ Hoằng Tông Diệu Hạnh chỉ có Thiền sư không hổ danh xưng, kẻ Thích tử mới vào môn thiết yếu. Ở môn giới, định, tuệ đó là cương lĩnh. Thiền sư nghiên tầm tâm pháp của bậc Thánh xưa, rõ ràng lấy một chữ kính dạy cho học trò mình, vận trí rộng lớn đối với công phu sâu kín. Tri hành đều tiến thể dụng gồm đủ thấm khắp muôn loài. Thầy khuôn mẫu cho thiên hạ. Thanh quy trong ngoài truyền khắp vô phương, gọi là mở tông diệu hạnh, quả thật khắng khít nhau, đức huy vốn xuất thân từ tông Lâm Tế nhưng lấy việc gánh vác làm chí nguyện, lấy việc hiển dương làm sự nghiệp, từ đầu tới cuối là việc này. Trên biển ơn vua, dưới biển dương tông phong là bậc hiếu tử trung thần của thiền môn. Có người nói nếu vậy đâu còn lo gì nữa. Đầu tháng sáu năm Đinh Hợi niên hiệu Chí Chánh thứ bảy Tiền hàn lâm Học sĩ thừa chỉ Vinh Lộc Đại phu tri chế cáo gồm du quốc sử Âu Dương huyền chắp tay cúi đầu kính ghi.

Thư của Thiền sư Nhất Sơn:

Phương lễ chín lạy, rồi tiến về trước Trí giả đường thượng, Hòa-thượng Vân ông lão sư huynh. Phương từ sau khi cởi áo từ quan, phúc nham lục ông quá bận rộn, chẳng thể sắp xếp thời gian để đến lễ bái, rất mong nhớ ở nơi có rượu quý, văn hay và quả ngon, nỗi lòng đầy băn khoăn khắc khoải. Khi nhận thức đã là tổn hại đến sự chế tác của Tề tướng công. Cùng với nhai tác và hùng tác, tròn trĩnh như viên ngọc

châu lấp lánh. Tầm thương mà như núi cao sông sâu, kẻ suy đốn không mong tìm tới được. Vén vạt áo danh tiếng ở đời, ôm khí vật bình hồ. Tinh nghiêm mật luyện ở trong đạo này. Thốt ra lời nói không hề mang vế gọt giũa, dong xe về phương Nam, chu du khắp nơi mà tỏ rõ, xem xét muôn vật mà chẳng mê việc giữ nhà, tu thân, trị quốc, bình thiên hạ, đều thành thạo mọi việc một ngày chín dặm, cỡi ngựa để đợi, tùng dưỡng có thể rút ra để xin dùm cho lệnh trọng. Phương ở đây hơn một năm, mọi việc khó khăn đều nhẫn chịu, gặp năm hạn mất mùa. Ở trong này còn đỡ hơn chốn kia, chỉ xin được một vài tấc đất và gỗ, như trung lưu mất tay chèo, canh cảnh không an lòng, ốm yếu từ cuối hạ đầu thu, đến nay vẫn chưa khỏe hẳn. Pháp huynh tôi tuổi cao về tĩnh dưỡng đủ để chiêm ngưỡng di tích cao khiết của hiện nay, đáng hổ thẹn. Hai năm trước, Bách trượng hối cơ có lần gởi đến bản Thanh quy cũ trong đó. Xem xét kỹ phát hiện có nhiều chỗ sai lầm rất lớn. Việc rút gọn cùng tu chỉnh trái nhau, so với lời này lại không bình nhan tuyển soạn, rộng hẹp nhiều chỗ chưa thích hợp, kẻ ngu sơ cơ lập luận, lấy chúc thọ làm đầu. Như giám Tự thư trạng v.v... đặt ra chức vị, nhuận sắc nguyên văn của Đại Trí, dùng chữ nhỏ chú giải Thạch song Nam thư ký bản mạt ở phía sau. Như đây đêm trách công việc trong tùng lâm đã có từ trước. Đại khái trong quy cổ, Văn đời Đường phần nhiều là đối ngẫu nên phải dich rõ hết, tấu lên vua để in ấn làm điển chương cho cả thời đại, hối cơ hội ước sẽ ngăn tôi khóc huynh đến kháng tướng và liệu ký, nay thời thế như vậy, từ đâu gắng chí. Bậc cao kiến cho là thế nào. Viết hai câu kệ trong sách không dám đối đáp, dường như hay lắm nhưng trí hiểu biết còn thấp kém. Mong rằng thọ hộ thức nhanh chóng xét soi, cầu nguyện không ngừng phương lễ chín lạy, lại gian của cảm thuần. Nam bình nhất thời thắng tập, huynh nhất sơn và tiểu đệ đâu có hai người, cùng huynh Vân ốc tham ngữ, không thấy ba hình, là chuyện xưa. Một hôm, rút ngắn năm mươi năm thành một nháy mắt. Mộng ư? Chẳng phải mộng, lúc này ngọc dựng lên các đỉnh sau hận tuyết ở Tây hồ. Cảnh xưa rõ ràng, hai huynh sáng suốt bay động, chỗ ánh sáng mặt trời kích tạ, là cảnh chăng? Chẳng phải cảnh đứng đợi hồi lâu chỉ có người sau chết, khiến lòng u buồn không dứt, muốn đem Thanh quy cũ san định lại, đặt thành điển chương, nay ai đồng tâm? Ngày mồng mười tháng 12, niên hiệu Diên Hựu năm đầu.

Đong song tuyết tề, nam bình tiểu đệ.

Nguyên Hi kính ghi.

Ba vị tôn túc ở niên hiệu hàm thuần thì nhất sơn, Hối cơ đều là

bậc thầy đáng kính của tôi. Nhưng không biết về Vân Thất Ông, đến khi đọc quyển Cảnh Lục đường thi của Ngài mới hiểu được nét thâm thúy của Vân Thất. Ba lão túc đều muốn tu Thanh quy lập thành điển chương cho cả thời đại. Mà môn đồ của các ngài phải kế thừa để hoàn thành, thì thấy quyền thao thế của ngài mà biết được công cụ duy thế, là không sánh bằng, há không hổ thẹn ư? Mùa Đông năm bính thìn nhân chuyến tham quan chùa cổ của trí giả nhìn thấy như vậy mà lòng cảm động nên đề ở sau.

Xả bổn.

■